

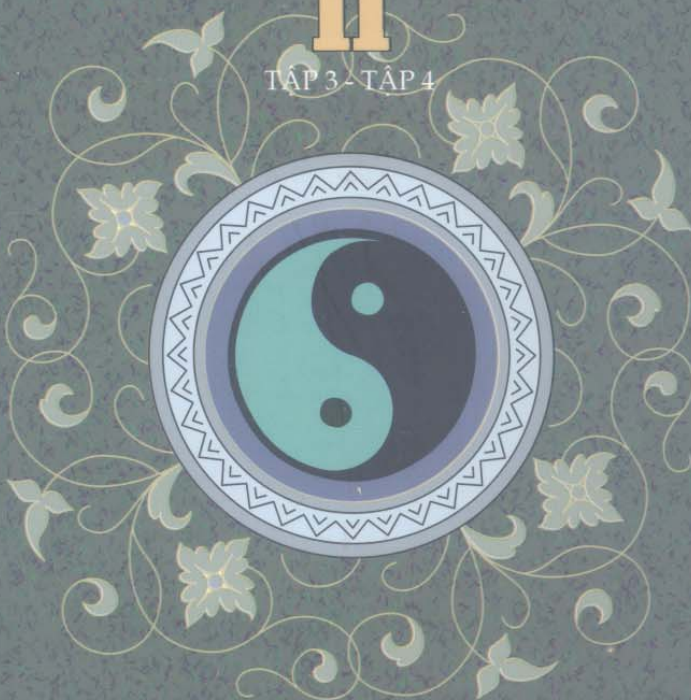


HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG
LÊ HỮU TRÁC

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LINH

II

TẬP 3 - TẬP 4



NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC



HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG
LÊ HỮU TRÁC

HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG Y TÔNG TÂM LĨNH

* * *

(Tái bản nguyên bản)

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong lịch sử y học dân tộc cổ truyền của nước Việt Nam, Hải Thượng Lãn Ông chiếm một vị trí khá quan trọng, thật sự là một danh y của đất nước ta. Tên thật là Lê Hữu Trác, sinh ngày 12 tháng 11 năm Canh Tý. Nguyên quán ở thôn Văn Xá, làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng (nay là xã Liêu Xá, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng), mất ngày rằm tháng giêng năm Tân Hợi (1791) ở quê mẹ, xứ Bầu Thượng, xã Tĩnh Diệm, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Nghệ Tĩnh) thọ 71 tuổi.

Hải Thượng Lãn Ông xứng đáng là danh y Việt nam vì ông đã hết lòng vì sự nghiệp y học nước nhà. Ông đã biết thừa kế học thuật của những bậc danh y đời trước và nêu cao tinh thần độc lập sáng tạo, tiếp thu học thuật nước ngoài có phê phán, có phát triển. Ông luôn luôn độc lập suy nghĩ, vận dụng linh hoạt vào thực tế lâm sàng, đúc rút kinh nghiệm làm sáng tỏ nhiều điều ngờ vực, bổ sung những chỗ người xưa chưa nói tới. Ông đã coi nghề y là một nghề cao quý, coi việc bảo vệ sinh mệnh con người là nhiệm vụ hàng đầu; ông rất thận trọng trong khi khám bệnh chữa bệnh.

Nhận rõ trách nhiệm đối với tương lai y học nước nhà, đối với việc bảo vệ sức khỏe nhân dân, từ năm 1760 Lãn Ông mở lớp huấn luyện y học. Ông trao đổi kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh với bạn đồng nghiệp tập hợp kinh nghiệm dân gian; ông tìm hiểu quan hệ giữa khí hậu, thời tiết với bệnh tật ở nước ta. Ông ghi chép bệnh án để rút kinh nghiệm những bệnh chữa khỏi và những bệnh chữa không khỏi. Qua gần 30 năm, ông tổng kết tinh hoa của trung y và y học dân tộc cổ truyền, biên soạn bộ "Hải thượng y tông tâm lĩnh" gồm 28 tập, 66 quyển bao gồm lý, pháp, phương, dược và biện chứng luận trị về nội khoa, phụ khoa, sản khoa, nhi khoa, đậu sởi, nhãn khoa, thương khoa, cấp cứu, v.v... đạo đức y học, vệ sinh phòng bệnh. Bộ "Y tông tâm lĩnh" của ông được đánh giá cao trong nước và ngoài nước. Bộ sách này đánh dấu một bước tiến mới của sự nghiệp y học cổ truyền Việt nam, góp phần xây dựng, phát triển nền y học đất nước ta.

Tập đầu tựa đề năm 1770 gồm mục lục bộ sách, tập thơ Y lý thâu nhân, ngâm vịnh ngẫu hứng trong khi làm nghề làm y, một thiên y huấn cách ngôn nói về đạo đức của người thầy thuốc và một thiên y nghiệp thần chương khái quát nội dung của bộ sách.

- Quyển 1: Nội kinh chỉ, trích những điểm thiết yếu của kinh điển đông y.
- Quyển 2: Y gia quan miện phân tích và tổng hợp lý luận cơ bản về âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc, khí huyết, chẩn đoán, mạch học, bệnh lý, trị pháp.
- Quyển 3, 4, 5: Y hải cầu nguyên nêu lên những qui luật chung về sinh lý và nguyên tác trị liệu.
- Quyển 6: Huyền tân vi nói về tiên thiên thủy hỏa - "Mệnh môn", cơ năng sinh lý, và bệnh lý của chân thủy, chân hỏa, cùng phép chữa.
- Quyển 7: Khôn hóa thái chân bản về hậu thiên tỳ vị, cơ năng tiêu hóa và tác dụng của khí huyết, bệnh lý và phép chữa.
- Quyển 8: Đạo lưu dư vận biện luận bổ sung những điểm y lý chưa rõ hay còn

thiếu ở các sách xưa.

- Quyển 10 và 11: Dược phẩm vị yếu nói về dược tính 150 vị thuốc Bắc, Nam phân loại theo ngũ hành.

- Quyển 12 và 13: Lĩnh nam bản thảo; quyển thượng chép 496 vị thuốc nam thừa kế của Tuệ Tĩnh, quyển hạ chép 305 vị bổ sung về công dụng hoặc mới phát hiện thêm.

- Quyển 14: Ngoại cảm thống trị nói về đặc tính bệnh ngoại cảm ở nước ta và các phương thuốc sáng chế để điều trị theo các thể bệnh.

- Quyển 15 đến 24: Bách bệnh cơ yếu; bệnh học nội khoa 10 quyển, mới sưu tầm và khác in 2 quyển Bính, Đinh, còn thiếu 8 quyển: Giáp, Ất, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

- Quyển 25: Y trung quan kiện tóm tắt phương pháp điều trị các bệnh.

- Quyển 26, 27: Phụ đạo xán nhiên chuyên về phụ khoa.

- Quyển 28: Tọa thảo lương mô chuyên về sản khoa.

- Quyển 29 đến 33: Ấu ấu tu trị chuyên về nhi khoa.

- Quyển 34 đến 43: Mộng trung giác đậu chuyên về bệnh đậu mùa (10 quyển).

- Quyển 44: Ma chẩn chuẩn thắng chuyên về bệnh sởi.

- Quyển 45: Tâm đắc thần phương gồm 70 phương thuốc chọn lọc trong sách Cẩm nang của Phùng Triệu Trương.

- Quyển 46: Hiệu phòng tân phương chép 29 phương thuốc hiệu nghiệm do Lãn Ông sáng chế.

- Quyển 47, 48, 49: Bách gia trân tàng ghi trên 600 phương thuốc kinh nghiệm thu lượm trong nhân dân và thừa kế của ngoại tổ ông là Bùi Diễm Đăng.

- Quyển 50 đến 57: Hành giản trân nhu (8 quyển) chép trên 2000 phương thuốc chọn lọc trong các bản thảo đời trước, như Namn dược thần hiệu của Tuệ Tĩnh hay thu nhập trong dân gian.

- Quyển 58: Y phương hải hội gồm 200 cổ phương đông y.

- Quyển 59-60: Y dương án chép 17 bệnh án chữa khỏi, và Y âm án chép 12 bệnh án tử vong.

- Quyển 61: Truyền Tân bố chỉ được gọi là Châu ngọc cách ngôn thấu tóm các điều cốt yếu nhất về quy tắc chẩn đoán, biện chứng, dùng thuốc trị bệnh.

- Vệ sinh yếu quyết: chuyên về dưỡng sinh, vệ sinh phòng bệnh (2 quyển).

- Bảo thai thần hiệu toàn thư giải âm (1 quyển).

- Nữ công thắng lâm nói về cách nấu nướng.

- Quyển Thượng kinh ký sự kể lại hành trình của Lãn Ông lên kinh đô chữa bệnh cho Thế tử Trịnh Cán năm 1782.

Bộ sách Hải thượng y tông tâm lĩnh đã được dịch ra và xuất bản ở miền Bắc trước năm 1970 (trừ các tập Mộng trung giác đậu, Vận khí bí điển và Bảo thai thần hiệu chưa in). Nay Viện Y học dân tộc đã dành nhiều năm hiệu đính lại bản dịch lần trước, nâng cao chất lượng dịch thuật. Lần này Nhà xuất bản Y học chủ trương lần lượt xuất bản lại toàn bộ sách Hải Thượng y tông tâm lĩnh nhằm góp phần thực hiện chủ trương thừa kế y học dân tộc cổ truyền của Đảng và Nhà nước ta.

Nhà xuất bản Y học

**BAN DỊCH DUYỆT
BỘ “HAI THUẬN Y TÔNG TÂM LINH”**

1. Lương y trong lớp “Giảng viên Y học Cổ truyền”

Nguyễn Văn Bách	Nguyễn Minh Cầu	Lê Bá Cơ
Nguyễn Khắc Du	Nguyễn Thành Giàn	Nguyễn Hữu Hách
Nguyễn Văn Hạp	Phạm Văn Liên	Chu Văn Liên
Lê Đức Long	Đinh Văn Mông	Nguyễn Ngọc Oanh
Nhữ Hồng Phan	Vũ Xuân Sung	Phó Đức Thảo
Nguyễn Đăng Thập	Tô Văn Thiện	Nguyễn Đình Tích
Ngô Quý Tiếp	Nguyễn Văn Tố	Nguyễn Hữu Triệu

2. Lương y của phòng Huấn luyện Viện Y học Dân tộc Hà Nội.

Lê Trần Đức	Nguyễn Trung Hoà	Phạm Văn Lâm
Nguyễn Quang Quỳnh	Nguyễn Duy Tấn	

3. Lương y của Hội Y học Cổ truyền Việt Nam

Nguyễn Tử Siêu

CHỊU TRÁCH NHIỆM KHẢO LẠI LẦN CUỐI:

Lương y Nguyễn Văn Bách

Lương y Bác sĩ Phó Đức Thảo

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH
(QUYỂN THỨ 45)

TÂM ĐẮC THẦN PHƯƠNG

(NHỮNG PHƯƠNG THUỐC HAY TÂM ĐẮC)

TỰA

Những dược phẩm mà thầy thuốc dùng để chữa bệnh, gọi chung là phương, phương nghĩa là phòng theo, người xưa phòng theo bệnh mà lập phương, vì rằng làm thuốc có phương, cũng như đánh cờ có thế. Phương có bốn phép là **phản** (1), **chính** (2), **ngịch** (3), **tòng** (4), **sát** (5), **doạt** (6), **kích** (7), **chiết** (8), cho nên người xưa sắp xếp cơ học để mở đường tiến sâu, vào lĩnh vực y học. Tôi lúc đương tuổi trung niên, vì bị bệnh mà học thuốc, thường theo người kèm, chỉ dùng một bộ sách Y học nhập môn, đào sâu nghiên cứu khoảng 4,5 năm, nhưng thủ thực không nhận ra, âm dương chưa biện rõ và bổ tả cũng không định đoạt được, phép một đường và phương một ngả. Mỗi khi lâm sàng định bệnh dùng phương, khó tránh được cái sai lầm mong mệnh không đường hướng. Sau đọc toàn bộ sách Cẩm nang mới biết được ý nghĩa của tiên thiên thái cực và công năng kỳ diệu của thủy hỏa vô hình, cho nên phần lớn là trọng dụng hai bài Lục vị và Bát vị, cũng nhờ đó mà hiểu được tiêu bản của bệnh mà chữa, không bị chê cười là người không biết chữa bệnh. Tiếp đó con gái thứ hai tôi là An và con gái thứ ba là Hoàn bị bệnh nặng quá, tôi hết sức cứu chữa may được sống lại, chính là nhờ sự hiểu được cái hay của chân thủy chân hỏa và chỗ bí ẩn của nguyên âm nguyên dương. Do đó tôi vô cùng cảm kích, cho là trong sách có sẵn thầy, lúc đó mới vẽ tượng Phùng Triệu Trương để kỷ niệm để báo đền cái ân đức của người, và đem những bài luận cùng dược phẩm dùng theo chứng bệnh, xếp loại thành một tập, để làm tấm gương sáng trong việc bảo vệ sức khỏe nhân dân, nhan đề là "Tâm Đắc Thần Phương".

LÊ HỮU TRÁC

Biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông

-
- 1) *Phản*: cũng gọi là tòng trị, là dùng thuốc hàn chữa bệnh hàn, thuốc nhiệt chữa bệnh nhiệt.
 - 2) *Chính*: cũng gọi là nghịch trị, bệnh nhiệt chữa bằng thuốc hàn, bệnh hàn chữa bằng thuốc nhiệt.
 - 3) *Ngịch*: Bệnh ở gốc chữa ở ngọn, bệnh ở ngọn chữa ở gốc.
 - 4) *Tòng*: bệnh ở gốc chữa gốc, bệnh ở ngọn chữa ngọn.
 - 5) *Sát*: bắt quân chiếu tướng.
 - 6) *Doạt*: chiếm giữ lấy nước thắng.
 - 7) *Kích*: Chống lại phe địch.
 - 8) *Chiết*: phá vỡ thế của địch.

1- TOÀN CHÂN NHẤT KHÍ THANG

(tức Cửu âm thang)

Thực địa: 8 đồng cân (đại tiện lỏng thì sao khô rồi hãm dùng, âm hư nhiều dùng gấp đôi).

Bạch truật: (sao vàng hạ thổ để trừ độc), âm hư tẩm sữa sao 3 đ/c, tý hư 5 đ/c.

Nhân sâm: 2 đ/c (hư lắm thì 1,2 lạng tùy nghi sử dụng, nếu mạch hồng thì không dùng).

Mạch môn: 3 đ/c (vị hàn thì sao với gạo nếp, tỳ yếu, phế hư thì giảm ít đi).

Ngũ vị 5 phân, *Ngưu tất* 2 đ/c, *Phụ tử chế* 1,2 đ/c, Các vị sắc với nước uống khi còn ấm.

Chủ trị:

Trúng phong bệnh nặng, âm hư phát nhiệt, thổ huyết, ho, tất cả các chứng hư lao rất nặng, cùng chứng ban chẩn trầm trọng trên sườn dưới tả, trên thực dưới hư, trên nhiệt dưới hàn, uống vào liền khỏi.

Phương pháp này là một phương thuốc tư âm đáng hỏa rất hay sau khi chứng giả nhiệt đã lui, chứng chân hàn xuất hiện, thì chớ uống quá nhiều lại gây thêm chứng hư hàn ỉa chảy.

- Người háo, bội *Thực địa*.
- Phế nhiệt, tăng *Mạch môn*.
- Tý hư, tăng *Bạch truật*.
- Dương hư, bội *Phụ tử*.
- Khi phù, khi tán, thì tăng *Ngũ vị*, *Ngưu tất*.
- Nguyên khí hư nhiều, thì bội *Nhân sâm*.
- Trên có chứng giả dương, thì bỏ *Nhân sâm*.
- Gân cốt yếu, thì gia *Đỗ trọng* sống 3 đ/c (xưa gọi là Tư tiêu mộc).

Nhận xét:

Bổ thủy, bổ hỏa, bổ khí, bổ huyết, đều có thuốc riêng, chỉ có phần âm của tỳ thận hư yếu, lại kiêm có hỏa ở tâm phế, cần phải ức chế, hoặc phần dương của can thận kém phải cần ôn bổ, thực ra không có thuốc cho nên Phùng Triệu Trương nghiên cứu tìm tòi, mới định ra phương này. Cách gia giảm trong đó cũng là làm cái ý bổ hỏa ở trong thủy, tăng dương ở trong thổ, là phương thuốc theo lý luận Thổ, Kim, Thủy đều dùng một khí hóa sinh ra.

Xét phương này là chữa chứng hư nhiệt rất hay người già người hư rất thích hợp, nhất là trẻ con ban chẩn nặng lại là cần thiết, còn gia giảm chỉ có một vị *Đỗ trọng* mà thôi.

Cho nên theo phương hướng này mà gia giảm, không giám thay đổi, áp dụng đã từ lâu, hề dùng đến là kiến hiệu, thường lui gặp chủ chứng của bài này thì dùng thuốc phối hợp củ tỳ, phế, thận phần nhiều thu được công hiệu. Như Phùng Triệu Trương bỏ *Nhân sâm* để chữa chứng ban chẩn; là để tránh hỏa độc trong chứng đó. Tôi gia thêm *Nhục quế* để chữa chứng hư phong, là muốn làm cho hỏa mạnh lên, vẫn dùng nguyên phương này là để cứu phần âm của tỳ và thận, bỏ *Thục địa*, *mạch môn*, *Ngưu tất*, gia *Bào khương*, *Chích thảo*, là để cứu phần dương của tỳ và thận.

Phương này có 2 vị *Thục địa* và *Bạch truật* là chủ dược, một vị chủ về tiên thiên và một vị chủ về hậu thiên, muốn giữ gìn tiên thiên nên để ý đến *Thục địa*; muốn giữ gìn hậu thiên nên để ý đến *Bạch truật*. Còn *Nhân sâm* là phần tham tá, *Mạch môn*, *Ngũ vị*, *Ngưu tất*, *Phụ tử* là phần quân lính chỉ nghe vào hiệu lệnh. Cho nên chữa bệnh đều có chủ dược, phép dùng thuốc của người xưa rất là cẩn thận. Người học thuốc cần biết có *Nhân sâm*, *Bạch truật* thì phải có *Thăng sài* mới có thể đưa dương khí lên được; Có *Thục địa* thì phải có *Quế*, *Phụ tử*, mới có thể bổ hỏa được. Chứng của bài này là suy kém. Cần phải hiểu rằng chỉ có *Thục địa* và *Bạch truật* làm chủ yếu mà thôi.

2.- DƯỠNG VINH QUY TỶ THANG

<i>Thục địa</i>	8 đồng cân	<i>Bạch truật</i>	3 đồng
<i>Táo nhân</i>	1 đồng cân	<i>Bạch thược</i>	1-2 đồng
<i>Phục linh</i>	1,5 đồng cân	<i>Ngũ vị</i>	6 đồng
<i>Ngưu tất</i>	2 đồng cân	<i>Nhục quế</i>	8 phân
<i>Mạch môn</i>	2 đồng cân (sao với gạo)		

Gia Dãng tâm, *Liên tử*, sắc với nước mà uống.

Chủ trị:

Tất cả các chứng ngũ lao thất thương, phát sốt, ho, thổ huyết, hãm hấp sốt, biếng ăn mỗi mệ, mạch thốn hồng, xích nhược.

Nhận xét:

Đây là phối hợp dùng cả thuốc chữa khí huyết cả hai phương Dưỡng vinh và Quy tỳ, gia *Mạch môn*, *Ngũ vị* là để liễm nạp phế khí; Vì bị lao mà ho nên gia *Ngưu tất* để trục âm đi xuống và để chữa chứng phát nhiệt mà thổ huyết. Nhưng hai phương cổ đều dùng *Nhân sâm* làm quân nay lại bỏ đi là vì sao ? Vì rằng chứng này là do âm hư hỏa động, mà khí tất nhiên làm cho hỏa mạnh, thế thì dùng *Nhân sâm* chẳng phải làm cho khí thịnh mà âm bị tiêu hao hay sao ? âm càng hư thì hỏa càng mạnh, phế khí càng bị tổn thương, thì ho và thổ huyết bao giờ khỏi được, cho nên mới bỏ *Nhân sâm* đi.

3- THẬP TOÀN BỔ CHÍNH THANG

<i>Nhân sâm</i>	1,5 đ/c	<i>Bạch phục linh</i>	2 đ/c 2·phân
-----------------	---------	-----------------------	--------------

<i>Chích hoàng kỳ</i>	2 nt	<i>Đổ trọng (sống)</i>	1 nt
<i>Táo nhân</i>	2 nt	<i>Tục đoạn</i>	2 nt
<i>Dương quy</i>	1-2 nt	<i>Ngưu tất</i>	2nt
<i>Bạch thược</i>	2 nt	<i>Nhục quế</i>	8 phân
<i>Bạch truật</i>	2 nt	<i>Dại táo</i>	2 quả

Sắc uống.

Chủ trị:

Các chứng tâm dương tỳ dương không đủ, khí huyết của 5 tạng đều tổn thương, tự đổ mồ hôi, sợ lạnh, mình nóng, lưng đau, tứ thời cảm mạo, hâm hấp sốt, lao thương phát sốt.

Gia Giảm:

- Tâm có nhiệt bốc lên thêm *Dương tâm*.
- Âm hư nhiều thêm *Thục địa*.
- Ngoai cảm, bỏ sâm thêm *Sài hồ, Gừng sống*.
- Khí trệ, thêm một ít *Mộc hương*.
- Mạch phế hồng đại, bỏ *Hoàng kỳ*.
- Họ, bỏ *Sâm kỳ*, thêm *Mạch môn*.
- Mạch xích bên hữu có lực, bỏ *Quế*.

Nhận xét:

Phương này gọi là Thập toàn bổ chính, nghĩa là điều hòa 5 tạng, kiêm bổ huyết. Nếu có tà nhân hư mà lấn vào, thì chính khí sẽ nhờ sự hỗ trợ của nó, tăng thêm sức chống đỡ mà tà khí không có chỗ nào để ẩn nấp nữa. Sách cổ nói: "Bổ chính mà tà tự trừ".

Phương này tức là thang Thập toàn trong cổ phương, bỏ *Xuyên khung, Thục địa, Cam thảo*; gia *Táo nhân, Đổ trọng, Ngưu tất, Tục đoạn*. Cổ phương dùng *khí được, huyết được*, ngang nhau làm quân thần, dùng *Hoàng kỳ, Quế* để cố vũ, chỉ sợ người học thuộc chưa phân biệt được chỗ nặng nhẹ của khí huyết thì khó mà tùy chứng xử phương vận dụng linh hoạt. Nay dùng *Táo nhân* để bổ phần âm của tâm, *Đổ trọng, Tục đoạn, Ngưu tất*, lại được *Quế* và *Hoàng kỳ* điều hòa thông đạt ra gân và đường lạc khắp thân thể, thì công năng bổ chính khu tà càng thêm mạnh.

4- TỔ NGUYÊN CỨU THẬN TRẠNG

<i>Thục địa</i>	5 d/c (sấy khô)	<i>Phục linh</i>	1 d/c 5 phân
<i>Mạch môn</i>	3 nt (sao)	<i>Đổ trọng (sống)</i>	2 nt
<i>Bạch truật</i>	3 nt (tẩm sữa sao)	<i>Tục đoạn</i>	2 nt 5 phân

Bạch thược

1 nt 2 phân

Ngưu tất

2 nt

Hắc khuông

6 phân

Gia Đẳng tâm, Liên tử sắc uống.

Chủ trị:

Chứng sản hậu khí huyết hư quá mà sinh ra các chứng âm hư phát sốt, đau mình tự ra mồ hôi, sợ lạnh, chán ăn, đầu nhức miệng khô, sợ nóng, gây thành chứng hư lao đều có công hiệu.

Gia giảm:

Như huyết hơi chưa ra được bụng hơi đau, thì gia ích mẫu một đồng cân.

- Cảm mạo, thì gia Sài hồ 8 phân.

- Người hư quá, pha với nước Nhân sâm mà uống.

- Huyết hơi vẫn còn chưa thông, uống Bảo sản vạn toàn thang càng hay.

Nhận xét:

Phương này dùng Thực địa Bạch thược thuần tĩnh, không dùng Xuyên khung Dương quy cay thơm, vì sau khi đẻ thận âm hư lắm, dùng Phục linh Bạch truật để bổ dương, không dùng Nhân sâm là do sợ rằng huyết hư phát sốt, bổ khí tức là làm tăng thêm cho hỏa, không dùng Chích thảo vì nó ngừng động ở trung cung, không mau đạt tới chỗ Chí âm, gia Mạch môn để hòa âm, còn Đỗ trọng Tục đoạn là vị thuốc rất cần cho các chứng sản hậu mà hư; dùng hoắc hương là tá dược, dùng cho chứng huyết hư phát sốt; dùng Ngưu tất dẫn trục âm đi xuống. Lại thêm Đẳng tâm để dẫn thuốc đi xuống âm phận; Liên nhục là sứ dẫn đường cho các vị thuốc, công sức đều vạn toàn, thực là một phương thuốc thần hiệu về môn sản hậu, tôi rất coi trọng.

5- BẢO SẢN VẠN TOÀN THANG

Nhân sâm: 5 đ/c (bổ nguyên khí làm quân).

Dương quy: 3 đ/c (bổ vinh huyết làm thâu).

Xuyên khung: 2 đ/c (vào can sơ uất, ngụ ý thăng lên, làm cho thuốc đi xuống được mạnh thêm).

Đào nhân: 13 hột (để vỏ là lấy vị đắng, có thể tiêu huyết cũ sinh huyết mới làm cho nhuận hoạt).

Can khuông: 1 đ/c (sao cháy tính ấm, vận hành phần huyết, đen thì đi xuống, có thể ngăn được khí đi lên).

Chích thảo: 6 phân (làm cho hòa hoãn lại chút ít, thì trung cung được giúp ích, không cho trụt xuống).

Ngưu tất: 2 đ/c (vừa đi xuống các kinh lạc, lại có thể làm sứ dẫn cho khí huyết vận hành).

Hồng hoa: 3 phân (tắm rượu sao, dùng nhiều thì phá huyết, ít thì hoạt huyết, sinh

huyết mới).

Nhục quế: 6 phân (mùa đông 8 phân) (mượn vị này dẫn kinh đưa các vị thuốc đi mau vào huyết phận làm cho tán và thấm thì dễ đẻ).

Dại táo: 2 quả, sắc uống khi còn ấm.

Thuốc ngọt ấm điều bổ khí huyết, khí huyết mạnh thì tự nhiên chuyển vận mà dễ đẻ, đó là cách không cần thúc đẻ mà tự đẻ. *Sâm*, *Quy* làm quân, là làm cho mạnh phần chủ gia ít *Đào nhân*, *Hồng hoa*, *Xuyên khung*, *Cam thảo*, *Hoắc hương* là để làm ấm bên trong tan ứ trệ, *Ngưu tất*, và *Quế* tính ấm dần trở xuống, làm cho không có cái vạ xung ngược lên tâm, không những thúc đẻ rất hay, mà sau khi đẻ rồi, cũng không có các chứng ứ huyết. Bỏ mà kiêm ôn thì huyết không trệ, ôn mà kiêm bổ thì huyết không băng. Thăng ít giáng nhiều thì khí được nâng lên mà huyết dễ hạ; giáng mà kiêm băng thì huyết ứ hết, huyết mới sinh ra, bỏ nhiều tả ít thì tả bớt mà nguyên khí không tổn thương; vị đắng ít, vị ngọt nhiều thì ứ tiêu mà khí trung hòa tự vững.

Nhận xét:

Phương này gốc ở bài Sinh hóa thang gia *Nhân sâm*, *Quế*, *Ngưu tất*, *Hồng hoa*, vì lúc đẻ phải rặn. Có sâm làm cho mẹ lẫn con có đủ tinh lực, có Hồng hoa thông huyết, Ngưu tất hạ giáng, Quế khai thông thì sức khỏe mạnh không cần phải nói nữa. Vậy phương này trước khi đẻ có thể thúc đẻ, sau khi đẻ có thể tiêu huyết ứ. So với bài Sinh hóa thang thì công hiệu hơn nhiều.

6- TRÁNG THỦY PHƯƠNG

<i>Thục địa</i>	1 lạng
<i>Mạch môn</i>	3 đồng cân
<i>Phục linh</i>	1 đồng cân 5 phân
<i>Viễn chí</i>	1 đồng cân 2 phân
<i>Ngũ vị</i>	6 phân
<i>Dan sâm</i>	1 đồng cân 5 phân
<i>Bạch thược</i> (dùng sống)	3 đồng cân
<i>Mẫu đơn bì</i>	1 đồng cân 5 phân
<i>Ngưu tất</i>	3 đồng cân
<i>Liên tử</i>	10 hạt
<i>Đương tâm</i>	10 con

Sắc uống khi còn ấm ấm (phạm thuốc tư âm kiêng uống nóng) nóng thì không tư âm, lạnh thì không hành kinh lạc.

Chủ trị:

Phần âm với kém, Cố dương không *liễm* được, tính hỏa hay bốc lên, làm thành chứng ngả lẫn ra, nên uống Bát vị hoàng cho chân dương tàng nạp. Nhưng dương không có *âm liễm* thì không tàng được lâu, hỏa không thủy chế, thì tránh sao khỏi bốc. Vì thế

phải dùng nhiều thuốc trọng trọc làm cho trắng thủy, để giúp sức tàng nạp, thì thủy hòa mới được yên chỗ.

Nhận xét:

Phương này gọi là trọc trắng thủy, sao không dùng cả bài Lục vị để làm mạnh phần chủ yếu của thủy, mà chỉ dùng hục địa bổ thủy, Phục linh giáng trong dương, Mấu đơn thanh can hỏa, là vì Sơn thù bổ can thì can khí quá gân; Sơn được bổ thổ, thì tất làm cho đình trệ lại ở trung tiêu, Trạch tả thẩm lợi, thì làm hại đến âm. Cho nên bỏ những vị ấy đi là đúng lắm. Lại thêm Ngưu tất giáng âm, Ngũ vị liễm khí để giúp sự tàng nạp; Mạch môn bổ kim thủy; Bạch thược phát can hỏa, liễm can huyết, làm cho hỏa không mạnh quá; Đan sâm bổ mạnh vào hậu thiên của âm huyết, làm cho hỏa không mạnh quá. Viễn chí bổ âm trong tâm, để cứu chứng hôn mê, ngã lẫn ra.

7- ĐẠI BỔ TÂM TÌ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG (1)

<i>Táo nhân</i>	<i>Viễn chí</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Nhân sâm</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Nhục quế</i>
<i>Bạch thược</i>	<i>Ngũ vị</i>
<i>Phục thần</i>	

Các vị sắc uống khi còn ấm.

Chủ trị:

Nguyên khí đại hư, bỗng nhiên ngã lẫn ra, chứng thoát dần dần hình thành nên uống phương này, cùng uống xen với Bát vị hoàn.

Nhận xét:

Tâm thống huyết tỳ sinh huyết. Phàm chứng bỗng nhiên ngã lẫn ra không chứng nào là không do ở khí huyết đại hư, nên đã dùng Bát vị hoàn bổ thủy hòa để sinh khí, lại uống xem âm được về tâm tỳ để bổ phần âm của hậu thiên. Lại cùng chú trọng vào hai vị Nhục quế, Ngũ vị, một vị để giúp sức khai thông, một để thu liễm tàng nạp, rất đúng với lẽ âm dương mở đóng.

8- BỔ ÂM LIỄM DƯƠNG PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch thược</i>
<i>Thục địa</i>	<i>Phục thần</i>
<i>Mạch môn</i>	<i>Viễn chí</i>
<i>Ngưu tất</i>	<i>Thán hương</i>
<i>Dan sâm</i>	

Các vị sắc uống.

(1) Bài thuốc này và một số bài thuốc khác trong quyển sách này tác giả không ghi liều lượng.

Chủ trị:

Chứng mặt đỏ như son mê mẩn không biết gì, miệng hay nói nhảm, tay chân vật vờ, mạch hồng đại, đó là chân âm không giữ được, hư dương bốc lên thần khí sắp thoát.

Nhận xét:

Chứng này do âm vong bên trong dương thoát bên ngoài. Nhưng còn mặt đỏ, nói nhảm, vật vờ, mạch hồng, cho nên chỉ dùng âm dược để cứu phần âm, như dùng Nhân sâm làm quân để kéo lại cố dương, đó là vị thuốc khí dược mà kiêm bổ huyết, mới có thể cùng với âm dược giúp công cho nhau. Không dùng Bạch truật, Phụ tử là những vị mạnh giữ không hợp với âm phạm. Như trong thang Tứ vật, chỉ dùng Thục địa, Bạch thược không dùng Xuyên khung, Dương quy, vì tuy là huyết dược, nhưng tính thơm cay tán khí, không thích hợp được, lúc đó chỉ cần yên tĩnh để tạng tâm, liễm dương.

9- CỬU LY PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch truật</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Nhục quế</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Ngũ vị</i>
<i>Bạch thược</i>	

Sắc uống.

Chủ trị:

Chứng ly đã lâu và nguy, một ngày hôn mê mấy lần, sáu bộ mạch đều vị, chớ nên câu nệ rằng: "Tích khí chưa hết, sợ bỏ thì ngừng tích khí". Sách nói: "*Người khỏe không có tích, chưa nghe thấy người khỏe mà lại tích trệ*". Nếu để chậm trễ rồi sau mới bỏ thì e rằng không kịp nữa.

Nhận xét:

Phương này dùng Nhân sâm, Phục linh, Bạch truật để bổ khí, Dương quy, Bạch thược để hòa huyết, Nhục quế để cố vũ, lại cùng với Ngũ vị thì công hiệu tuyên thông càng chóng, đó là dùng để hành khí, không phải dùng Ngũ vị có vị chua, tính thu liễm mà khỏi được chứng ly đầu. Đó cũng là ý nghĩa "Người khỏe dùng Bình lang, Chỉ thực để hành khí". Sách nói: "Hòa huyết hành khí là điểm chủ yếu để chữa bệnh ly".

10- BỔ HUYẾT, ĐIỀU KHÍ, THU CÂN HOẠT LẠC PHƯƠNG

<i>Dương quy</i>	<i>Phục linh</i>
<i>Bạch thược</i>	<i>Ngưu tất</i>

<i>Bạch truật</i>	<i>Kim ngân</i>
<i>Thiên ma (lùi)</i>	<i>Tần giao</i>
<i>Thục địa</i>	<i>Phụ tử chế</i>

Sắc uống, nếu bệnh thể hơi hoãn, thì hòa với Nhân sâm mà uống.

Chủ trị:

Chứng trẻ con sau khi lên đậu, khí huyết rất hư, phát ra chứng động kinh hoặc dùng nhầm phải thuốc thanh lương, thấm lợi, làm cho hư, hỏa bốc lên, bỗng nhiên ngã lăn ra, cũng như trúng phong của người lớn, chỉ có cách bổ mạnh khí huyết và thêm những vị thuốc thư cân hoạt lạc.

Nhận xét:

Phạm chứng bỗng nhiên ngã lăn ra, không cứ là trúng phong, hay loại trúng phong, đều do âm hư khí yếu mà sinh ra, cho nên cách chữa phải lấy khí huyết làm chủ yếu, thêm các vị thuốc phong vào làm tá như: Kim ngân, Thiên ma, Tần giao đều là những thứ nhu nhuận ở trong loại phong được.

Nếu không biết mà dùng lầm các vị Khương hoạt, Độc hoạt, Độc hoạt, Tế tân cay rào hao âm, thì càng làm cho rối loạn thêm.

11- DƯỠNG HUYẾT KHIU PHONG PHƯƠNG

Thục địa

Dương quy

Bạch thược

Ba vị này dưỡng huyết dùng làm quân

Hai vị này là thuốc nhu nhũn trong phong được

Kim ngân

Tần giao

làm thần mượn sức của phong được

để dẫn thuốc đạt tới gân xương.

Ngưu tất

Đỗ trọng

Tục đoạn

Ba vị này là tá và sử, để điều hòa

chỗ gân xương đau nhức.

Quế chi

Tùng tiết

2 vị này để dẫn thuốc ra 2 cánh tay.

Chủ trị:

Các chứng đột nhiên tay chân bên trái đau nhức, dần dần đau kịch liệt như dao cắt, suốt ngày kêu rên, dần dần đau ra đến cả tay chân bên phải, 6 bộ mạch huyền hồng. Nếu chứng đau bớt dần mà tinh thần ngày càng suy, thì gia thêm Nhân sâm, Bạch truật để củng cố trung tiêu, bồi dưỡng nguyên khí. Sau các chứng yên dần dùng bài Sinh mạch làm thang mà uống Bát vị hoàn, gia thêm Ngưu tất, Lộc nhung, Đỗ trọng.

Nhận xét:

Trong bụng người ta ấm áp thì đồ ăn tiêu ngay, thanh khí thăng lên, trọc khí giáng xuống, khí huyết điều hòa, thân thể thư thái có thể sống lâu, là đều nhờ vào sự vận hóa của một điểm nguyên dương ở đan điền (1). Nếu nguyên dương đó, thì trong bụng lạnh thì không sống được. Cho nên, phạm chứng cảm hàn, trúng hàn đi thẳng vào phần lý là do trong không có hỏa, hỏa tức là nguyên dương. Sách nói: "*Lập tức phải ôn bổ không thể chậm được*" Vì nguyên dương đã suy thì ngoại tà càng lấn vào, chút hỏa gần tàn, không ôn bổ ngay để giữ lại, thì sẽ bị âm hàn làm tắt đi rất chóng. Cớ sao người ta lại gọi liền hai tiếng "phong hàn" với nhau, vì rằng chứng ngoại cảm hữu dư ban đầu thì phải dùng thuốc tân ôn để phát tán, tiếp đến thuốc xơ lợi khai khiếu, sau dùng thuốc hàn lương để thanh bên trong, không phân biệt thương phong hay thương hàn, chẳng xét đến chính hay tà, hư hay thực, chẳng rõ hỏa thực hay giả, cách chữa như thế đã thành thói quen, không biết rằng người xưa dùng thuốc, để giữ gìn sự sống mà người này dùng thuốc để làm hại sự sống, rất đáng phân nân. Cần phải biết trong gân xương được bồi dưỡng đầy đủ, thì huyết tự khắc được vinh dưỡng ở trong mạch, khí tự khắc bảo vệ ở ngoài mạch, nếu có tà mạnh cũng không thể vào sâu được. Nay chất mỡ màng không đủ, thì gân xương không có gì nuôi dưỡng, khí huyết hư suy đã lâu, thì vinh hệ không làm tròn nhiệm vụ. Sao không nhớ rằng: "*mắt có huyết mới trông được, tay có huyết mới cầm được, chân có huyết mới đi được*", trong người ta từ trên đến dưới, từ lớn đến nhỏ, không chỗ nào là không phải nhờ huyết mà làm tròn chức vụ của nó được. Nếu không có huyết thì các bộ phận trong cơ thể không làm việc được, để mặc cho hư hỏa bốc lên thiêu đốt, càng đau hỏa càng bốc, hỏa càng bốc thì càng đau gấp, kêu rên hại khí, nhịn đau hại huyết, khí huyết ngày càng tổn thương, tất sinh ra chứng tê bại.

Sách nói: "*Trị phong trước tiên phải trị huyết, huyết lưu thông thì phong tự hết*". Cho nên phương thuốc này trọng dụng huyết được lại nói: "*Trừ phong chớ làm quá táo*" cho nên dùng thứ thuốc nhu nhuận. như phương thuốc xưa dùng các vị mạnh dữ như Xạ hương, Toàn thiết, Bạch phụ tử, Cương tâm làm đối dược, tất phải người thân thể khỏe mạnh và bệnh tà thực, còn có thể tạm dùng, nếu không phân biệt hư thực, mà dùng bừa bãi, bệnh nhẹ thì tổn thọ bệnh nặng thì chết.

12- BỔ TRUNG DƯỠNG HUYẾT THƯ CÂN PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i> (lâm quân)	<i>Dương quy</i>	<i>Đỗ trọng</i>
<i>Bạch truật</i> (lâm quân)	<i>Bạch thược</i>	<i>Tục đoạn</i>
<i>Ngưu tất</i>	<i>Tần giao</i>	<i>Quế chi</i> (thư cân hoạt lạc làm sứ)

Sắc uống.

Chủ trị:

Tay chân đau nhức, ngực bụng đau thắt, nguyên là bị trực chứng hàn tà.

1) *Dan điền*: Đạo gia cho Đan điền là chỗ dưới rốn 3 tấc, đó là nơi chứa tinh của nam giới, chỗ sở tại của dạ con nữ giới, nữa là thư hai đấng danh từ chỉ chỗ tập trung ý tứ của các nhà luyện khí công. Bộ vị có 3: dưới rốn 3 tấc

Xét trong cổ phương, bệnh Thống phong chỉ có 5 chứng tề: da tề, mạch tề, xương tề, gân tề và cơ nhục tề, chưa nghe có tạng phủ tề. Nhưng không biết Kinh có nói: "*hàn khí thắng sinh đau nhức*". Lại nói: "*Hàn lưu lại ở gân xương thì đau, lưu ở khoảng bì phu thì dễ chữa, nếu vào tạng thì chết*", điều đó chẳng nên cẩn thận ấy sao.

Nhận xét:

Phẩm chữa chứng hư phong phát từ trong ra thì lấy huyết được làm dầu vị, và dùng thuốc nhu nhuận trong phong được để giúp thêm vào là đủ rồi. Nhưng nay thì do hàn tà trực trúng, chẳng những chân tay đau nhức, cả ngực bụng đau thối cho nên trọng dụng thuốc khí phạm là Nhân sâm, Bạch truật để cứu dương. Sách nói: "*kíp dùng thuốc ôn để bảo vệ*" là sợ bị tổn hại vì hàn tà.

13- ĐIỀU BỔ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Dương quy</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Bạch thược</i>	<i>Ngưu tất</i>
<i>Hoắc hương</i>	<i>Nhục quế</i>	

Chủ trị:

Dàn bà đẻ khó, tinh huyết đã kiệt, hôn mê không biết gì, 6 bộ mạch trầm vi, thở thoi thóp, trong bụng không thấy máy động chút nào đã là tinh lực của mẹ và con đều kiệt, không thể chuyển vận mạnh được nữa.

Người thầy thuốc không phải chỉ chú trọng ở chỗ biết bệnh mà chú ở chỗ biết được nguồn gốc sinh ra bệnh, biết lý do khí huyết tiêu hao phát triển, biết hư thực biến hóa và mạch âm dương thịnh suy như thế nào rồi cho uống thuốc, thì thật là dễ dàng. Nếu ham muốn cầu kỳ thì người một đường thuốc lại một nẻo, vì ngoài mặt thì muôn người chẳng ai giống ai, nhưng trong tạng phủ âm dương thì muôn người như một, trăm bệnh tuy gọi khác nhau, nhưng tóm lại không ngoài khí huyết, không vượt khỏi lẽ thực hư. Cho nên xét được đúng tình hình khí huyết hư thực, căn cứ vào mạch dùng thuốc, thì có thể đem cách chữa trăm bệnh, mà xét cho cùng thì căn bản cũng vẫn như cách chữa một bệnh.

Nhận xét:

Phương này chỉ dùng khí huyết được, thêm vào đó những vị như ngưu tất đi xuống, Hoắc hương ấm phần huyết, Nhục quế khai thông huyết mạch, làm cho mẹ con tinh lực đều mạnh, thì khí huyết tự nhiên vận dụng, không thúc dè mà tự dè được.

14- BỔ KHÍ HUYẾT TRANG GÂN CỐT PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Táo nhân</i>	<i>Đỏ trọng</i>
<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Phục linh</i>	<i>Ngưu tất</i>

<i>Dương quy</i>	<i>Bạch thược</i>	<i>Bạch quế</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Tục đoạn</i>	<i>Đại táo.</i>

Chủ trị:

Khí huyết hư chân bại liệt, nên cho uống xen với bài Bát vị hoàn gia Lộc nhung, Đỗ trọng, Ngưu tất.

Nhận xét:

Phương này về khí được dùng Nhân sâm, Phục linh, Bạch truật mà bỏ Cam thảo là vì chữa ở hạ bộ, về huyết được dùng Dương quy, Bạch thược mà không dùng Thục địa là vì cùng uống xen với Bát vị đã được nhiều sức thấm nhuần của Thục địa, bỏ Xuyên khung là vì nó hay bốc lên; thêm Hoàng kỳ và Quế là theo bài Thập Toàn; thêm Táo nhân và Đại táo là theo bài Quy tỳ thêm Ngưu tất, Đỗ trọng, Tục đoạn để làm lạnh mạnh gân xương.

15- BỔ HUYẾT THANH NHIỆT TIÊU ĐỘC PHƯƠNG

<i>Sinh địa</i>	<i>Tý giải</i>	<i>Hồ ma tử</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Hà thủ ô</i>	<i>Thổ bối mẫu</i>
<i>Xích thược</i>	<i>Kim ngân</i>	<i>Mộc thông tiết</i>
<i>Mẫu đơn bì</i>	<i>Liên kiều</i>	<i>Thổ phục linh</i>
<i>Miết sắt</i>	<i>Cam thảo</i>	

Các vị sắc uống.

Chủ trị:

Các chứng người lớn trẻ em, lở loét khắp mình đau ngứa kết khốc, nên dùng đại tể cho người vú nuôi uống.

Nhận xét:

Tiết lập Trai nói: "*Khí huyết suy thì biểu hiện ra nhiều chứng không kể hết được.*" Cho nên người biết chữa bệnh, hiểu rõ được tình trạng khí huyết hư thực, tác dụng âm dương biến hóa, cơ chế của mạch thực hay giả, thì chứng bệnh dù biểu hiện nhiều cách cũng ngoài phạm vi của âm dương khí huyết. Còn như các chứng sang lở, thũng độc cảm ở trong lục phủ, thì phát ra ngoài da, bấp thịt, cảm ở trong ngũ tạng, thì phát ra ở kinh lạc, xương tủy, không một chứng nào mà không do âm dương khí huyết ngưng trệ mà sinh ra. Khí huyết có thừa thì sưng đỏ cao lên là dương độc, khí huyết không đủ, thì sâu, thấp phẳng lõm, là âm độc. Chu Đan Khê cho là: "Dương trệ ở âm, âm trệ ở dương trăm bệnh đều sinh ra bởi đó, không những chứng ung thư mà thôi". Nội kinh nói: "*Tà sở dĩ tấu tập vào được nhất định là do chính khí hư, tà lui lại mà không lui là bệnh thực*" tức là ý nghĩa đó.

Âm dương không hòa, khí huyết ngưng trệ, dương hư thì hàn thấp ngưng đọng, âm

hư thì hỏa bốc lên, do đó huyết sinh ra vẩn đục, khí sinh ra rối loạn, đường kinh toại (1) vít lấp cũng như dòng nước không thông. Nay khí huyết đã ngưng trệ và uất kết, không theo kinh lạc thấm vào trong mạch, tràn ra ngoài mạch thành ra thối rửa đi. Gọi là độc nghĩa là khí huyết không điều hòa, không phải là trong khí huyết có độc. Nhưng chứng thũng nặng phát ra từ xương tủy, kinh lạc, nếu không theo vào thủy, hỏa, chân âm, chân dương của tiên thiên mà tìm thì không thể chữa được. Còn chứng mụn lở nhỏ nếu không theo khí huyết của hậu thiên mà tìm, thì cũng không có ích gì. Tại sao những thầy thuốc gần đây, hề thấy sưng lở, thì cho ngay là do tà bên ngoài nhiễm vào, và nói là chứng độc hữu dư, dùng những phương thuốc khắc phạt, hàn lương, sơ giải, thanh lợi, chứng nhẹ thì nhiệt tà tán ra ngoài, cũng có thể điều hòa được, còn chứng nặng thì huyết khí càng tổn thương, khó vỡ, khó lớn, phần nhiều gây lên công phạt vào trong không thể cứu chữa được.

Phương này, Dương quy, Thục địa, Hà thủ ô bổ huyết, Mẫu đơn, Xích thược lương huyết, Cam thảo, Tỳ giải, Kim ngân, Liên kiều, Bối mẫu, Miết sắt, Hồ ma, Phục linh, Thông thảo đều là chủ được tiêu độc chữa người bị nhọt lở. Dùng Mộc thông làm sứ, một phần đồ tả tâm hỏa, vì các chứng nhọt đều thuộc tâm hỏa, một phần để chuyển vận các vị thuốc theo sữa mà ra,

16- TƯ BỔ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG

<i>Thục địa</i>	4 đồng cân	<i>Mạch môn</i>	3 đồng cân
<i>Táo nhân</i>	4 đồng cân	<i>Dương quy</i>	1 đồng 5 phân
<i>Nhân sâm</i>	3 đồng cân	<i>Nhục quế</i>	8 phân
<i>Ngưu tất</i>	3 đồng cân	<i>Ngũ vị</i>	6 phân
<i>Gừng sống</i>	3 lát	<i>Dại táo</i>	2 quả
Sắc uống.			

Chủ trị:

Khí huyết hư, cổ họng lở loét thành lỗ, không thấy đau nhức. Ví như vật gì không được ánh sáng mặt trời soi tới thì dễ bị thối rửa, gọi là âm lạnh, ví như chỗ băng giá trên mặt đất, hề mặt trời mọc lên thì băng giá tiêu tan, nên trước dùng Cửu Dương thang bỏ Nhân sâm, kế đến dùng phương này, rồi sau dùng Bát vị gia Ngưu tất, Ngũ vị, hoặc dùng thứ thuốc thổi vào.

Nhận xét:

Nhân sâm bổ khí, Dương quy bổ huyết, Thục địa chủ về bổ căn bản cho huyết. Táo bổ tâm tỳ để dinh huyết, Mạch môn Ngũ vị bổ phế, Ngưu tất giáng độc của tịc âm,

1) *Kinh toại*: chỉ đường lối lưu hành của kinh mạch là đại danh từ chỉ Kinh mạch. Toại có 2 nghĩa một là chỉ toại đạo đi ngầm trong thân thể. Tổ vấn/Điều kinh luận chép: Đường đi của 5 tạng đều xuất phát từ kinh toại để vận hành khí huyết. Hai là chỉ đại lạc liên hệ với 5 tạng 6 phủ. Sách Linh Khu Ngọc bản thiên chép: chỗ dạ dày phát ra khí huyết là kinh toại, kinh toại là đại lạc của 5 tạng 6 phủ vậy.

Nhục quế làm mạnh khí dương hòa (1); gừng và Đại táo hòa tỳ vị làm cho vận hành, thực là phương thuốc hay.

17- TƯ ÂM GIẢI THÁC PHƯƠNG

<i>Thục địa</i>	<i>Kim ngân</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Liên kiều</i>
<i>Tạo giác thích</i>	<i>Thiên trùng</i>
<i>Sơn dược (dùng sống)</i>	<i>Thổ bối mẫu</i>
<i>Xuyên sơn giáp</i>	

Sắc với nước mà uống.

Chủ trị: Ung độc.

Nhận xét:

Phương này chỉ có một vị Thục địa là tư âm, còn các vị khác đều là vị giải độc chữa lở. Chỉ khác là vị Sơn dược là vị thuốc dùng chữa chứng khí của tỳ vị không đủ mà lại cho lẫn thuốc chữa sang lở, thì công dụng ở chỗ nào? Đan Khê nói: "*Sơn dược có thể điều hòa khí huyết thì sự ngưng trệ tự khắc lưu thông, cho nên chứng sang thũng lập tức tiêu tan, nhưng gặp chứng ung thũng nên dùng sống, vì sao chín thì bỏ, mà để sống thì lưu hành*" Tôi vẫn thường dùng để đắp các chứng vô danh thũng độc rất có hiệu quả.

18- BÀI NỪNG THIÁC, LÝ TRỊ KHÍ HUYẾT PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Xuyên sơn giáp</i>
<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Kim ngân</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Cam thảo tiết</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Bạch chỉ</i>
<i>Thiên trùng</i>	<i>Tạo giác thích</i>

Bạch thược

Các vị sắc uống.

Chủ trị:

Các chứng ung thư nhọt độc.

Nhận xét:

Phương này dùng Hoàng kỳ sống, Tạo giác thích, Xuyên sơn giáp, Thiên trùng đều

(1) *Khí dương hòa*: Tức cái khí ấm áp của tạng phủ thể hiện là vận khí vận hành ngoài phần biểu nó đi hướng

là vị thuốc chủ yếu để chữa lở; Kim ngân, Cam thảo tiết, Bạch chỉ là những vị thúc mủ rất hay, hợp lại có thể chữa chứng ung độc. Nhưng làm vỡ mủ ở trong, không dùng khí huyết được thì không thể được, cho nên dùng Hoàng kỳ, Bạch truật bổ khí; Dương quy, Bạch thược bổ huyết. Sách nói: "*Khí huyết không điều hòa, ngưng kết thành ung, nếu khí huyết vinh vệ lưu thông khắp người thì làm gì sinh ra thũng nữa*".

Cho nên phàm chữa chứng nhọt lở, nên lấy khí huyết làm chủ. Nếu gặp chứng đại độc, càng nên chú ý đến khí huyết là căn bản thì mới có thể thành công được.

19- KHÍ HUYẾT XUNG HÒA TRỰC ĐỘC PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Phục linh</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Kim ngân</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Bạch quế</i>
<i>Bạch thược</i>	<i>Tạo giác thích</i>
<i>Hoàng kỳ</i>	

Sắc uống.

Chủ trị:

Người già má bên phải sưng rần, lan đến cả cằm, gáy, sau tai, thành một vùng rần chắc, không nóng, không đau, dần dần trong miệng cháy mủ, răng cắn chặt, miệng không há được, ăn uống kém, tinh thần ngày càng suy, mạch hồng mà trống rỗng, đó là khí huyết rất suy, âm hàn tụ lại, không được khí dương hòa thì làm sao mà giải ra ngoài được, cho nên vỡ vào trong, uống Bát vị hoàn dùng bài Xung hòa làm thuốc dẫn, làm cho chân dương được vững, thì âm hàn tự tiêu, khí huyết điều hòa tự có thể trực độc được. Cho hay, các bệnh sang độc, hoàn toàn lấy thuyề hòa làm căn bản, khí huyết làm tác dụng mà ung gây nên, bỏ không dùng thuốc chữa thủy hỏa khí huyết, thì còn lấy gì làm công cụ trừ độc gom mủ, thực là phép công bổ rất hay.

Nhận xét:

Nhân sâm, Hoàng kỳ, Phục linh, Bạch truật bổ khí; Dương quy, Bạch thược bổ huyết; dùng Bạch quế để cố vũ, thêm các vị Kim ngân, Tạo giác thích làm tá, để tiêu ung trực độc. Như vậy đủ rõ độc ấy là do khí huyết làm chủ, thì khí huyết càng tổn thương, độc sẽ càng mạnh.

20- BỔ KHÍ HUYẾT TRỰC ĐÀM PHƯƠNG

Nhân sâm (bổ nguyên khí, bền vững trung tiêu làm quân)

Hoàng kỳ (giúp đỡ đạt ra biểu làm thần).

Dương quy (điều hòa nuôi dưỡng khí huyết).

Bạch truật (bổ tỳ táo thấp).

Mạch môn (giữ gìn phế khí).

Ngũ vị (liễm phế khí).

Chích thảo (bổ tỳ) các vị này đều làm tá.

Quế chi (điều hòa vinh vệ làm ấm cơ nhục).

Ma hoàng (sức mạnh đem các vị thuốc thấm ra lông da, trừ âm hàn, tụ đờm, kích thích phần dương, điều hòa tân dịch).

Bạch thược (sợ các vị quế mà cay nóng làm tổn thương phần âm của dinh, nên dùng nó để hòa can ức chế hai vị đó).

Gừng 3 lát.

Dại táo 3 quả.

Sắc với nước uống.

Rồi sau dùng các bài Bát vị, Thập toàn và Quy tỳ mà uống xen vào.

Chủ trị:

Bệnh của người bị bất đắc dĩ, uất ức thành đờm, 6 bộ mạch huyền tế mà sắc, ăn uống vào dạ dày đều hóa thành đờm, phải ho nhổ hết đờm dài mới nằm yên được, chưa hết thì khó chịu.

Nhận xét:

Nội kinh có nói: "Trước sang sau hèn gọi là thoát dinh, trước giàu sau nghèo gọi là thất tinh". Đến nỗi khí huyết ngày một hao, tinh thần không phát dương ra ngoài được. Nhổ đờm không ngừng vì thể tân dịch hao ở trong, không thấm nhuần ra ngoài, cho nên bắp thịt ngày càng gầy róc, sợ lạnh, biếng ăn, vì vệ khí làm đầy đặn lông da ấm phần thịt, chủ việc mở đóng, giữ vững lý để hộ vệ da thịt. Nhưng dinh khí thường theo vệ khí mà vận hành cho nên làm nhuận lông da và tươi tốt mạch lạc. Nay trung khí đã yếu, lại bị mất khí kết tụ không thông, còn lấy gì làm đầy đặn lông da, ấm phần thịt và khai thông tấu lý được. Khi mất sự hộ vệ ở biểu phần thì sợ lạnh, huyết không có khí vận ở lý phần thì da khô. Trong khi đã khô thì tỳ không vận hóa mạnh được, đồ ăn uống đã uất thì kết thành đờm. Tỳ vị đã tổn thương thì không tạo thành tân dịch mà làm huyết, cho nên không những tấu lý ngoài cơ biểu đã khô khan bế tắc thời tấu lý ở trường vị cũng không có huyết để nuôi dưỡng. Ấy là do bế tắc không thông cho nên tân dịch không thể lưu hành ra ngoài mạch lạc cơ biểu được. Và lại tân dịch đã ngừng trệ mà thành đờm, thì đờm càng nhiều, tân dịch càng kiệt.

Nhận xét:

Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Cam thảo bổ khí. Mạch môn, Ngũ vị bổ liễm phế khí. Dương quy, Bạch thược bổ huyết. Ma hoàng, Quế chi thông hành phần biểu. Can khương, Đại táo điều hòa vị khí, khí thông đạt thì không có đờm. Cho nên có thể thành công được.

21.- THANH HỎA TÀ CHỈ ẦU NGHỊCH PHƯƠNG

<i>Sinh địa</i>	2 đồng cân	<i>Mạch môn</i>	2 đồng cân.
<i>Điều cầm</i>	2 đ/c 2 phân	<i>Phục linh</i>	1 đ/c 5 phân
<i>Cam thảo</i>	3 phân	<i>Tri mẫu</i>	1 đ/c 2 phân
<i>Quất vị</i>	lấm nước muối sao 7 phân.		
<i>Bạch thược</i> (dùng sống)	1 đồng 2 phân.		
<i>Cát cân</i>	1 đồng cân (đưa chân khí trong vị lên).		
<i>Dăng tâm</i>	1 bó		

Trúc nhự 2 đồng cân (dùng đậm trúc tươi (tre mờ) sau khi cạo bỏ vỏ xanh cạo lấy cật vàng bên trong).

Các vị sắc uống ấm.

Chủ trị:

Dàn bà có mang, bị chứng nôn lâu ngày không khỏi, thuốc nào cũng không kiến hiệu. Kinh nói: "*Các chứng nôn chưa đều thuộc hỏa*" là thế. Phương này là cách cấp cứu chữa nôn, sau khi khỏi nôn, lại dùng bài Lục vị gia; *Mạch môn*, *A giao* làm thuốc hoàn, trường phục để bồi bổ phần gốc.

Nhận xét:

Sinh địa Bạch thược tư âm lương huyết, Điều cầm thanh hỏa, Tri mẫu phạt hỏa; Mạch môn nhuận táo, Cát cân khai vị thanh khí, Trần bì hành trệ, Trúc nhự chỉ nôn, Dăng tâm hạ khí mà chứng nôn nghịch tự khỏi.

22.- TAM NGƯỢC THẦN PHƯƠNG

<i>Bạch truật</i>	3 đồng cân	<i>Nhân sâm</i>	8 phân
<i>Phục linh</i>	8 phân	<i>Bán hạ</i>	8 phân
<i>Trần bì</i>	6 phân	<i>Sài hồ</i>	6 phân
<i>Thảo quả</i>	6 phân	<i>Trạch tả</i>	4 phân
<i>Thanh bì</i>	4 phân	<i>Cam thảo</i>	3 phân
<i>Thường sơn</i>	6 phân (tẩm rượu sao)	<i>Dại táo</i>	1 quả

Sắc uống để chặn cử lúc sáng sớm ngày làm cử.

Chủ trị:

Chứng sốt rét lâu năm không khỏi, rất hay.

Nhận xét:

Trong Phương thư nói "*không có đờm không thành sốt rét*". Nghĩa là có đờm mới sốt rét. Nhưng theo tôi nhận xét thì không có sốt rét không thành đờm. Vì tỳ hư sinh ra

sốt rét, nghĩa là sốt rét gốc ở tỳ, vả lại tỳ chủ tin (đúng hện) mà khi làm cử là đúng kỳ hện. Dờm là trọc khí của 5 vị, ăn uống ngừng kết mà thành ra. Tỳ hư thì 5 vị ăn uống không tiêu hóa, thì không sinh tân dịch mà sinh dờm càng thịnh. Cho nên cách chữa sốt rét chủ yếu làm cho tỳ mạnh, để thấm thấp vận hành tân dịch, tiêu hóa dờm dãi. Phương này dùng bài Tứ quân để làm mạnh tỳ, Trần bì, Bán hạ để tiêu dờm; Phục linh, Bạch tả để thấm thấp; Thanh bì bình can để cứu tỳ. Sài hồ chữa nóng rét qua lại; Thường sơn, Tháo quả trị thẳng vào sốt rét; Gừng, Đại táo bổ vị, để vận hành sức thuốc, uống vào rất hay.

23- MỘC HƯƠNG TÁN BÍ PHƯƠNG

<i>Mộc hương</i> (phơi)	5 đồng cân	<i>Chích thảo</i>	5 đồng cân
<i>Thương truật</i> (sao)	1 lạng	<i>Trạch tả</i> (sao)	1 lạng
<i>Mộc thông</i>	1 lạng	<i>Can khương</i> (sao)	1 lạng
<i>Xa tiền</i> (sấy)	1 lạng	<i>Trần bì</i> (sao)	1 lạng
<i>Bạch truật</i> (sao)	1 lạng	<i>Trư linh</i> (sao)	2 lạng.
<i>Nhục quế</i> (kỵ lửa)	3 đồng cân		
<i>Nhục quả</i> (sao với bột bì để thấm hết dầu)			5 đồng cân
<i>Kha tử</i> (bỏ vỏ sao)			5 đồng cân
<i>Hậu phác</i> (tẩm nước gừng sao)			1 lạng
Các vị tán bột, Sa nhân sao, và Gừng sống sắc làm thang, hòa nước uống.			

Chủ trị:

Chứng ỉa chảy lâu ngày, tỳ hư và biến ra chứng mạn tỳ phong rất công hiệu, tùy người lớn trẻ con mà cho uống.

Nhận xét:

Các vị trên có tác dụng ôn ấm trung tiêu, mạnh tỳ và thấm thấp, ỉa chảy là do tiêu trường không thể thấm ra, bàng quang không thể thấm vào, đồ ăn uống vào cả đại tràng, mà sinh ỉa chảy. Cho nên các phương chữa ỉa chảy chỉ lấy thấm lợi làm chủ yếu, đây dùng bài: Ngũ linh còn sợ không đủ sức, lại thêm Xa tiền, Mộc thông là đúng lắm. Chỉ khác là trong bài Ngũ linh không dùng Phục linh là vì sao? Sách bản thảo nói: "*Dương hư thì kiêng dùng*", Phùng Triệt Trương lập phương rõ ràng chu đáo, người làm thuốc không nên dùng bừa bãi.

24- GIA VỊ BÌNH VỊ TÁN BÍ PHƯƠNG

<i>Trần bì</i> (để cùi trắng sao)	2 lạng 4 đồng cân
<i>Biến đậu</i> (sao)	2 lạng 4 đồng cân.

<i>Thương truật</i> (sao)	2 lạng 2 đồng cân
<i>Hậu phác</i> (tầm gừng sao)	2 lạng 2 đồng cân
<i>Mộc hương</i> (sao)	8 đồng cân

Các vị tán bột uống với nước gừng tùy lớn bé cho uống vừa phải.

Chủ trị:

Chữa xướng ỉa chảy.

Nhận xét:

Sách nói: "Dất chông chất lên thì thành gò đống, gò đống thì san phẳng đi" mà phương này là chữa thể thái quá, cho nên dùng các vị mạnh dữ, gia thêm Mộc thông để thông lợi đường thủy, Biển đậu để chữa ỉa chảy, phạm chứng tả thực đều nên dùng.

25- GIA GIẢM NGŨ LINH TÁN

<i>Trần bì</i> (để xơ trắng sao)	3 lạng
<i>Thương truật</i> (sao)	3 lạng
<i>Bạch truật</i> (sao)	5 lạng
<i>Bạch phục linh</i> (sấy)	2 lạng
<i>Chích thảo</i>	2 lạng
<i>Biển đậu</i> (sao)	6 lạng
<i>Trạch tả</i> (sao)	2 lạng

Tán bột dùng đường cát hòa với nước gừng nướng ấm thang, tùy theo người lớn bé cho uống.

Chủ trị:

Chứng tỳ hư thấp nhiệt gây thành ỉa chảy rất công hiệu.

Nhận xét:

Phương này là phối hợp dùng 2 bài Tứ linh và Bình vị. Tứ linh bỏ Trư linh là không cần thẩm thấu lấm, Bình vị bỏ Hậu phác là không cần công phạt quá. Vì trẻ con non yếu, không thể dùng cầu thả, chủ yếu là ở đường cát, vị ngọt vào tỳ vị làm cho tỳ vị khỏe thì mộc không thể nào khắc hại được.

26- HẮC LINH ĐƠN

<i>Quảng trần bì</i> (sao đen)	2 lạng
<i>Tam lăng</i> (sao)	2 lạng
<i>Nga truật</i> (sao)	2 lạng

<i>Thanh bì</i> (sao đen)	2 lạng.
<i>Liên kiều</i> (sấy)	3 đồng cân
<i>Sa nhân</i> (sấy)	3 đồng cân.
<i>Hắc sừu</i> (sao lấy thứ bột rây lần đầu)	7 đồng cân 5 phân.
<i>Cần khương</i> (sao đen)	7 đồng cân 5 phân
<i>Bình lang</i> (sấy)	7 đồng cân 5 phân.
<i>Bạch thảo sương</i> (Lọ nổi)	1 lạng
<i>Nhục quế</i> (ky lửa)	5 đồng cân.
<i>Nhục đậu khấu</i> (nấm bột nướng)	5 đồng cân.

Các vị dùng tán bột dùng đường cát hòa lẫn, đi ly ra mủ (bạch ly) dùng thang gừng sống, đi ly ra máu (xích ly) dùng thang cam thảo. Người lớn uống 3 đồng cân, trẻ em từ 8 phân đến 1 đồng cân.

Chủ trị:

Bệnh ly rất hay.

Nhận xét:

Trần bì, Thanh bì, Tam lang, Nga truật, Bình lang, Hắc sừu, đều có sức hành trệ phá tích; các vị Cần khương, Sa nhân, Đậu khấu, Nhục quế, đều có công ôn tỳ bổ thổ, Liên kiều thanh nhiệt độc, Bạch thảo sương chỉ hạ huyết, nhưng hay nhất là màu đen, thì các chứng có máu mủ, không chứng nào là không khỏi ngay, thực sức tả hỏa của Hoàng liên không có thể sánh được kịp.

27- CỨU DƯƠNG THANG

Bạch truật (củng cố trung khí làm quân)

Nhân sâm (bảo vệ nguyên khí và làm cho âm dương nối tiếp nhau làm thần).

Bào khương (làm ấm dương khí ở trung tiêu, đẩy mạnh sự vận hành làm tá).

Ngũ vị (thu liễm bế tàng làm tá).

Phụ tử (khí mạnh đưa xuống làm sứ).

Chích thảo (hòa hoãn trung cung làm sứ).

Sắc uống.

Phương này bồi bổ ích hỏa, cứu tỳ vị dương hư 6 mạch trầm vi, mình nóng, chân tay lạnh ngắt, nói nhảm không ngủ, miệng khát, uống nước nhiều, đi ỉa chảy không ngừng.

Cứu âm phương kiêm bổ âm của tỳ thận. Có 1 chứng 6 mạch trầm vi, mình nóng chân tay quyết lạnh phất cường nói nhảm, nhiều đêm không ngủ, miệng khát uống nhiều, đại tiểu tiện đều bí, hình như thực nhiệt, nhưng không biết đây là âm phục ở trong, bức dương ở ngoài, vì tán dịch không lưu hành nên tiểu tiện bí mà miệng khô, không phải là thực nhiệt, vì cơm và thức ăn không có đã lâu, nên đại tiện bí mà không thông, chứ không

phải là táo kết. Nếu không kịp liễm nạp thì chân âm chân dương đều kiệt hết, mới dùng cứu âm phương, thật là đúng với chứng bệnh. Còn có chứng trạng, xét mạch cũng như trên, chỉ khác thêm chứng đi là chảy không ngừng, đó là tỳ thận đều hư, hỏa không có chỗ tàng nạp, mới dùng đến Cứu dương phương. Nhưng cứu dương phương không dùng Thục địa, Mạch môn, Ngưu tất vì có chứng là chảy làm thoát tiết dương khí, vì những vị ghe có âm hàn thì làm cho sức mạnh của Bào khương, Bạch truật, Phụ tử bị chậm lại. Còn như Cứu âm phương không dùng Bào phương, Chích thảo là thuốc chữa trung cung, thì không thể đưa xuống dưới được. Và lại Thục địa là vị cam ôn nhu nhuận, lẫn vào với những vị Bào khương càng nóng. Chích thảo là thuốc ôn trung thì không những mất hết tính nhu nhuận, mà Thục địa không ăn khớp vào đâu cả. Cho nên dùng Địa hoàng xưa nay không gia thêm loại Xuyên khung, Dương quy, Bào khương, Chích thảo bao giờ.

Nhận xét:

Phương này một phần dùng Nhân sâm, Phụ tử để bồi dương; một phần dùng Bạch truật, Phụ tử để củng cố trung khí, hợp lại làm bài Nhân sâm lý trung và Phụ tử lý trung, gia Ngũ vị làm cho liễm nạp, để kéo lại chứng hư dương vượt ra ngoài, và xướng tỳ hư đi tả, sự thần diệu là ở chỗ ấy.

28- TRỢ DƯƠNG PHƯƠNG

<i>Bạch truật (sao)</i>	8 đồng cân
<i>Mạch môn (sao)</i>	3 -
<i>Bào khương</i>	3 -
<i>Ngưu tất</i>	2 -
<i>Phụ tử</i>	1 -
<i>Ngũ vị</i>	1 -

Sắc uống ấm:

Chủ trị:

Chứng bệnh vốn bị đờm suyễn ngày đêm không ngủ, hai mạch thốn hơi hồng, các mạch khác đều trầm nhược mạch quan và xích bên hữu càng vi tế hơn, ấy là mệnh môn hỏa suy quá, hư dương vô can bốc lên, và lại uống nhiều vị thuốc khắc phạt, làm cho tỳ nguyên hư tổn quá, không thể thấm thấp tiêu đờm, đến nỗi đờm dai càng thịnh, lại không biết tàng liễm nguyên khí, đến nỗi khí hư càng nghịch lên.

lại chữa chứng phát nóng lên răng đau, sưng loét lưỡi mọc nốt không đỏ, rêu trắng rất dày, đau không chịu được, chứng này uống nhằm phải thuốc thanh giải, sưng loét càng dữ tinh thần càng hoảng hốt, mà bồn chồn không chịu được. Như mạch quan và xích bên trái vi, chỉ có hai mạch thốn hơi hồng, như thế thì long lôi hỏa cũng có thể đốt cháy được cây cỏ, cứ gì thực nhiệt mới làm cho miệng lưỡi bị lở được. Vì trung khí của tỳ nguyên hư tổn, không thể tiếp nạp được vốn hạ tiêu, âm hỏa lẩn lên làm cho sưng loét. Nếu chỉ chuyên về thanh vị, thì trung khí càng suy, hỏa càng bốc lên, phải kịp thời

ôn bổ hạ tiêu, làm cho hỏa có nơi tiếp dẫn mà lui về nguyên chỗ.

Nhận xét:

Phương này cũng là ở trong cửu dương phương mà ra, bỏ Nhân sâm Cam thảo, gia Mạch môn, Ngũ vị, vì có dương hư bốc lên, lillong lõi hỏa bùng cháy, mà bỏ Nhân sâm là vì bổ khí lại muốn nạp khí tiêu đờm, dẫn hỏa về nguyên chỗ, bỏ Chích thảo là vì ngưng đọng ở trung tiêu, cho nên tôi đề tên bài này là "Trợ dương" vì không dùng Nhân sâm bổ dương.

29- TRẦN NẠP CHÂN ĐƯƠNG PHƯƠNG

<i>Bạch truật</i>	3 lạng
<i>Nhân sâm</i>	2 lạng
<i>Bào khương</i>	3 đồng cân
<i>Ngũ vị</i>	1 đồng cân 5 phân
<i>Phụ tử chế</i>	3 đồng cân

Sắc uống.

Chủ trị:

Chứng trẻ con bị ho nhiều quá, mình béo trắng má thường đỏ, phần biểu có thừa, phần lý không đủ, trên giả nhiệt dưới thực hàn, uống nhầm phải thuốc hàn lương, vật vã lại càng quá lắm, khát uống nhiều, khó thở càng mạnh, khắp mình tê dại mồ hôi ra như mưa tinh thần hôn mê, mắt trợn ngược hàm răng cắn chặt, hai mạch xích vô căn chỉ có hai mạch thốn, mạch quan bên hữu hầy còn mà thôi.

Nhận xét:

Phương này Bạch truật nhiều mà Nhân sâm ít, bởi trung cung bị thương vì dùng thuốc hàn lương đã lâu nếu không chữa trung cung trước thì dương khí khó đạt xuống được bỏ Chích thảo đi là vì thấy hai mạch xích vô căn, công việc chữa phải lấy hồi dương nạp khí làm cần kíp. Chích thảo vốn là vị thuốc cần thiết cho trung cung nhưng sợ nó hòa hoãn không thích hợp với phương pháp cấp cứu. Đây là phương kế cần kíp.

30- BỔ HÒA SINH THẢO NẠP KHÍ TÀNG NGUYÊN PHƯƠNG

<i>Thục địa (sao khô)</i>	8 đồng cân
<i>Bạch truật</i>	6 đồng cân
<i>Báo khương</i>	2 đồng cân
<i>Phụ tử chế</i>	2 đồng cân
<i>Ngũ vị</i>	14 hột

Sắc uống.

Chủ trị:

Chứng trong bụng có hòn, đau xóc lên tìm gần chết, trên thì ăn uống không được, dưới thì đi tả không chừng, 6 bộ mạch trầm vi nhiều, mạch quan và xích bên hữu như có như không, đó là hỏa suy và thổ hư lắm, thận khí hư làm cho nước tràn lên tâm, tỳ thổ suy yếu, không thể tiếp nạp được khi bốn đồn.

Nhận xét:

Thực địa bổ thận thủy để nhuận thổ, Bạch truật bổ tỳ thổ để củng cố trung cung, Bào khương, Phụ tử bổ hỏa để sinh thổ. Nhưng tỳ đã có khí dương hòa, mà là nơi nạp khí lại thêm Ngũ vị để thu liễm, thì gốc của khí được vững chắc, nguyên khí được tàng nạp sâu không sai với nghĩa chữ tạng là tạng, nhất là thận lại giữ cái trách nhiệm nạp mà không xuất cho nên người dùng thuốc bổ, mà không biết bổ thận, thì thuốc đã chậm lại tán mạn không quy nạp được. Trong năm tạng thì tám chủ về thần minh, Phế chủ về vận chuyển hạ giáng,, Can chủ về sơ thông bài tiết, Tỳ chủ về kiện vận, chức vụ của các tạng đó, đều không phải nơi khác phục tàng nạp, cho nên 5 tạng được điều hòa thì khí huyết tinh hoa của các tạng đều được chuyển vận về thận. Nếu thận không được điều hòa, muốn điều dưỡng nguyên khí và nạp khí về nguyên chỗ mà lại bỏ thận đi thì còn biết chữa tạng nào. Đại khái người bình thường mà bị bệnh tất do thủy và hỏa bị bệnh trước, bệnh đã đến hư quá, tất do thủy và hỏa cũng hư lắm, bệnh đã đến nguy kịch tất do hai khí thủy và hỏa sắp thoát. Cho nên bệnh nhẹ tất do ở khí huyết làm tổn thương, bệnh nặng tất do ở thủy hỏa làm hại. Người thầy thuốc chữa bệnh nhẹ mà bỏ khí huyết, bệnh nặng mà bỏ thủy hỏa, không khác gì treo cây tìm cá, đâu có thể được?

Tỳ ghét thấp, thận ghét táo, phương này dùng thuốc nhuận và táo vào cùng một thang để kíp bổ tỳ thận, là rất kỳ diệu. Vì Bạch truật, Bào khương là thuốc chữa tỳ, Thực địa là thuốc chữa thận, Phụ tử đi theo bạch truật thì vào tỳ, đi theo Thực địa thì vào thận, lại được Ngũ vị liễm nạp càng chóng. Thực địa tuy nhu nhuận, sao khô thì rất thơm, và các thơm trước hết đi vào tỳ, cho nên có thể bổ phần âm của tỳ, đó là táo với nhuận trái nhau đâu thật là phương thuốc rất hay.

31- HỒI DƯƠNG KHU PHONG PHƯƠNG

(Cũng gọi là cứu thoát phương)

<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân
<i>Bạch truật</i>	1 đồng cân
<i>Phụ tử chó</i>	4 phân

Sắc uống.

Chủ trị:

Trẻ em thỉnh linh bị chứng co giật, trợn mắt uốn ván, vãi cả cứt dãi, mồ hôi trán tuôn ra như mưa, tình thế vong dương rất nguy, đó là phần dương của tỳ vị hãm xuống dưới và hư lắm. Can mộc không được nuôi dưỡng, hợp với hỏa bốc lên tỳ thổ càng bị tổn

thương, hư phong mới phát ra, chớ nên cho rằng trẻ con thuần dương mà dùng thuốc khổ hàn.

Nhận xét:

Đây là Hồi dương phương gia Bạch truật để bền vững trung khí. Tuy có chứng rút gân co giật, mà không dám dùng âm được nhu hoãn là vì dương thoát. Cho nên khi có chứng vong dương, một tí âm được cũng không thể dùng được, huống chi là hàn lương.

32- TRÁNG THỦY ÍCH HÒA PHƯƠNG

(Công năng như bài Bát vị)

<i>Nhân sâm</i>	5 đồng cân
<i>Thục địa</i>	1 lạng
<i>Phụ tử chế</i>	1 đồng cân

Sắc uống.

Chủ trị:

Bệnh nhiệt hình thể khô gầy, răng nhiều cái bản, miệng môi nứt nẻ, tai điếc mất mờ, khắp mình đau nhức nơi nhâm, vật vã, mạch trầm vì muốn thoát như "đáy nồi không lửa" vì hiện tượng khô ráo thì trên có giả nhiệt là do dưới có thực hàn.

Nhận xét:

Thục địa là đầu vị bổ chân thủy, được Phụ tử là vị dẫn tới phần âm rất chóng. Nhân sâm với Phụ tử là vị hồi dương bổ hỏa, mà có chất nhu nhuận, cùng với Thục địa lại càng bổ ích phần âm, nên mới có thể hợp sức được như thế. Và lại chứng này đáng lẽ nên dùng bài Bát vị lấy thủy dẫn hỏa, tại sao không dùng? Vì mạch trầm vì muốn thoát, nên không rời được sức hồi dương của Nhân sâm, Phụ tử, đó thật là bí quyết trong việc lập phương. Nhưng so với bài Bát vị có Thục địa làm mạnh thủy đã hẳn rồi, lại có Quế, Phụ tử mới có thể nói là ích hỏa. Nhưng Quế là vị thơm bốc, không thể dùng vào chứng cô dương được, cho nên dùng Nhân sâm thay vào (Quế) để đốc thúc Phụ tử là vị không có tính ngọt cay, mà có công năng ích hỏa cũng không kém gì. Đó là trong 3 vị mà có công dụng như Bát vị. Sách nói: "Phương nhỏ mà công hiệu to" là ở chỗ đó.

33- DƯƠNG HƯ ÍCH HÒA PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	5 đồng cân
<i>Bạch truật</i>	4 đồng cân
<i>Phụ tử chế</i>	1 đồng cân 5 phân
<i>Bào khương</i>	2 đồng 5 phân
<i>Chích thảo</i>	1 đồng cân

Sắc uống.

Chủ trị:

Chứng đàn bà có thai ba tháng nôn nhiều, thuốc và đồ ăn vào là mửa ra ngay, 6 mạch trầm vi quá. Nếu câu nệ vào thuyết: "*Phụ tử truy thai*" cố chấp không dùng, lại cho uống thuốc khổ hàn, thì sẽ nhầm to. Cứ dùng cho hợp lý, thuốc không câu chấp vào phương, câu nói đó đã trở thành cách ngôn. Hướng cho bổ dương dùng Nhân sâm, Bạch truật làm chủ thì có sức nâng đỡ lên, vị Phụ tử chế, chỉ có thể phục tùng các vị quân dược mà ôn bổ nguyên khí của tỳ, chứ không đủ sức làm truy thai được. Và lại tỳ thích ẩm mà sợ lạnh, nếu bị âm hàn hại lâu thì cái thai cũng không còn sinh khí. Nay đem thuốc ấm để cứu viện, thì tỳ được giải thoát mà mạnh mẽ, thai cũng nhờ đó mà có cơ sống.

Nói chung bệnh đều thế, có riêng gì thai nghén đại khái các vị thuốc cực hàn, cực nhiệt, cực công, cực bổ nếu dùng được đúng bệnh cũng đều có ích, nếu một khi dùng sai đều có hại.

Nhận xét:

Kinh nói: "*nên phạm mà phạm, tựa hồ như không phạm*". Vì có bệnh đó thì bệnh phải tiếp thu, thai nhân tỳ hàn mà vị hư thì sinh nôn, cho nên dùng sâm Phụ lý trung thang để ôn tỳ vị.

34- BỔ HUYẾT SINH TÂN TIANG

<i>Thục địa</i>	3 lạng
<i>Mạch môn</i>	5 đồng cân
<i>Phụ tử</i>	2 đồng cân
<i>Ngũ vị</i>	1 đồng cân

Sắc uống thay nước trà.

Chủ trị:

Sau khi thổ huyết, khát lắm không thôi, 2 mạch thốn hồng, quan và xích đều nhược, đó là âm huyết nát nhiều tạng phủ mất sự nuôi dưỡng cho nên tân dịch tạo kết, âm hòa lán lên gọi là "huyết kiệt" cho nên Dự gia Ngôn nói: "*Người ta sở dĩ sống được, là chỉ nhờ vào đồ ăn uống của hậu thiên, vì nó sinh ra tân dịch, tân dịch kết lại thì sinh bệnh, kiệt hết thì chết*". Cho nên chữa bệnh mà không biết chữa ở tân dịch thực là thầy thuốc kém.

Nhận xét:

Huyết ra tân dịch đều là loại nước, thường thấy người âm hư thì ít huyết, hình thể đen gầy và khát nhiều, uống luôn. Sách nói: "*Bệnh khác thường sinh ra ở huyết hư*".

Phương này dùng bài Sinh mạch ẩm bỏ Nhân Sâm, gia Thục địa, Phụ tử. Nhưng Nhân sâm là chủ dược để sinh tân chỉ khát, mà lại bỏ đi vì sao? Nguyên là vì hai mạch thốn hồng, âm hòa bốc lên, cho nên phải tránh vị thuốc bổ khí mạnh, dùng Thục địa là vì

sau khi mất huyết các chất dịch khô ráo, nên dùng thực địa làm quân để cứu hỏa, thì kim sinh thủy, thủy sinh huyết, huyết đủ thì tân dịch đầy, còn đâu có chứng hỏa quá thịnh bốc lên nữa.

35- KHU HÀN PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	5 đồng cân
<i>Bạch truật</i>	4 đồng cân
<i>Nhục quế</i>	2 đồng cân
<i>Phụ tử</i>	2 đồng cân

Sắc uống.

Chủ trị:

Chứng hư lao, chân tay đau nhức đầy hơi, tức ngực, lợm giọng, đau đốn sắp nguy, 6 mạch trầm vi, đó là bệnh nội thương lâu ngày hàn tà không đạt ra ngoài được mà trùng thẳng vào âm phạm, phải kịp thời dùng thuốc ôn để giữ lại.

Nhận xét:

Chứng này là hàn tà trùng thẳng vào âm kinh, trong không có dương không có hỏa, không cần phải nói gì nữa. Cho nên dùng Nhân sâm, Phụ tử để hồi hương, Bạch truật để bền vững trung khí, giữ vững được gốc, kiêm dùng quế để làm cho tuyên thông và đuổi hàn tà đạt ra ngoài.

36- SÂM QUẾ PHỤ PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	5 đồng cân
<i>Nhục quế</i>	2 đồng cân
<i>Phụ tử chế</i>	2 đồng cân

Sắc uống.

Chủ trị:

Dàn bà có thai, vì lao thương lâu ngày, kém ăn rồi bị cảm hàn, chân tay quyết lạnh, khó thở, nhiều mồ hôi trán ra như mưa, hai mạch xích trần vì muốn thoát, lúc ấy cần chú trọng vào mẹ không coi trọng con, chưa bao giờ con mệ chết mà con sống, tức như câu: "Nên phạm mà phạm lựa như không phạm". Chỉ cần xét kỹ được bệnh tình, cho thuốc tự khắc dùng. Nếu dương khí nguy cấp mà câu nệ với lệ thường, phương xưa mà không biết quyền biến thì thế nào cũng hỏng việc.

Nhận xét:

Chứng này bị trùng hàn mà khó thở tà khí dương ở trong hư nhược, hàn tà mới

nhân hư mà vào, cách chữa nên ôn bổ cho nên dùng Nhân sâm, Phụ tử để cấp cứu nguyên dương, nhưng trực hàn mà không dùng tán là không được, cho nên dùng Nhục quế để làm cho chóng đạt ra ngoài.

37- NGŨ VỊ LÝ TRUNG THANG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch truật</i>
<i>Phụ tử</i>	<i>Cần khương</i>
<i>Chích thảo</i>	<i>Ngũ vị</i>

Sắc uống tùy theo chứng nặng nhẹ mà dùng.

Chủ trị:

Dàn bà có thai 3 tháng, nôn nhiều, cơm nước thuốc thang ăn uống vào đều không chịu, 6 mạch trầm vi, nên uống bài này. Khởi nôn thì lại dùng theo phương thuốc chính ở mục thai nghén.

Nhận xét:

Kinh nói: "*Các chứng nôn nghịch xung lên đều thuộc về hỏa*". Nhưng phải phân biệt thực hỏa hư hỏa. Thực hỏa tức là tráng hỏa, hiệp với hỏa tam tiêu và hỏa Ngũ tạng, có thể thanh giáng và công phạt, hư hỏa là hỏa vô hình, tức là âm hỏa, thì hoặc bổ thổ để tàng dương, hoặc âm tư để lui hỏa, hoặc dẫn hỏa về nguyên chỗ, chứng đó là do thể hư không tàng nạp được nguyên dương, cho nên dùng bài lý trung để điều hòa trung châu và gia Ngũ vị làm tá dược để liễm nạp.

38- CỨU THOÁT PHƯƠNG

<i>Nhân sâm</i>	1 lượng
<i>Bạch truật</i>	5 đồng cân
<i>Phụ tử</i>	3 đồng cân

Sắc uống.

Chủ trị:

Các chứng tay chân lạnh ngắt, mồ hôi trán nhỏ giọt, nguyên dương muốn thoát.

Nhận xét:

Chứng thoát là thuộc nhóm chứng hậu vong dương, tuy chân tay lạnh ngắt mà mình còn nóng, hoặc vật vã, đó là dương bốc ra ngoài, một tí âm dược nào cũng không thể dùng được. Vì phần dương chưa hết thì không chết, và lại dương chủ sinh âm chủ sát, cho nên dùng Nhân sâm, Phụ tử để cứu vãn nguyên khí trong khi bị tán mạn không chỗ nương tựa. Nhưng còn sợ tính Nhân sâm hòa bình, lại dùng Bạch truật cứu giữ vị

khí, vì vị là con của nguyên dương, làm cho nguồn gốc của khí được yên. Sách nói: "*Bát vị tuy có Quế phụ, nhưng chỉ là công dụng là sư*". Còn trường hợp này thì bổ thận không bằng bổ tỳ.

39- BỔ CHÂN ÂM THANH GIẢI NHIỆT PHƯƠNG

<i>Thục địa</i>	6 đồng cân
<i>Mạch môn</i> (sống)	3 đồng cân
<i>Phụ tử</i>	6 phân
<i>Dan bì</i>	3 đồng cân
<i>Ngưu tất</i>	2 đồng cân

Sắc uống.

Chủ trị:

Bệnh sởi phát sốt mới một ngày mà trên mặt đã lặn hết, thần khí mới mệt quá, daï trào ra đằng miệng, mấy ngày không ăn, trên sườn dưới tả, miệng môi khô nẻ, ngũ tâm phiền nhiệt (1) đầu ngón chân tay lạnh, mạch tế sắc không có thứ tự, hai mạch xích nhược.

Nhận xét:

Chứng này tục thường cho là độc sởi vào tạng, dạ dày nóng quá, cho nên lái trào ra đằng miệng. Nhưng không biết rằng thần khí của bệnh nhân muốn thoát, 5 tạng đều khốn đốn, tỳ hư không vận hóa được mạnh, cơm nước làm sao mà tiêu hóa được, cơm và đồ ăn không có đã lâu lại kiềm tân dịch khô ráo, hư hỏa hun đốt, tạng phủ táo nhiệt, lái không có gì ăn không thể nằm yên được mà phải chồi lên. Hướng chỉ các chứng ban sởi, đều do bên trong mất sự điều hòa, tỳ hư vị lại bất túc, cho nên vinh huyết đi ngược lên, âm bức ra ngoài. Phạm huyết thịnh khí mạnh thì sắc đỏ tấy dần lên, huyết hư khí yếu, thì sắc trắng mà lặn vào, có gì là độc nặng với nhẹ. Những nốt trên mặt lặn đi là do dương hư không thể mọc lên được, nào có gì là độc công ở trong ? Thở gấp là hơi nóng khó tiếp tục được, mỗi độp là tân dịch ở thời kỳ khô kiệt, ngũ tâm phiền nhiệt là âm hư hỏa bốc, ỉa lỏng không ăn được là chân hỏa suy mà tỳ không vận hóa được, mạch thốn và quan thế sắc, mạch xích nhược, là vì khí huyết hư mà hư hỏa bốc lên không thể tàng nạp về nguyên chỗ. Nếu không bổ hỏa trong phần âm, làm cho lờn lỏi hỏa liễm nạp, còn một điểm nguyên dương, thì lấy gì làm căn bản để cứu sống. Hướng chỉ bệnh gốc trị ngọn, bệnh hoãn thì trị gốc, việc cần kíp lúc này là bản khí muốn thoát, nếu không biết chữa gấp, vẫn còn bảo là dư độc của chứng sởi, mà chăm chú vào giải độc, thông lợi thông nhiệt thúc đẩy thì sợ rằng thần khí sẽ thoát hết trước khi sởi bay. Hơn nữa chứng ung thư thũng độc, đều do khí huyết ngưng kết mà thành ra, rồi nhân tạng nào hư mà phát hiện ra ở bộ vị tạng ấy, đều là do khí huyết gây ra bệnh, thực ra có độc nào vào trong khí huyết mà làm thành bệnh được. Không thể dùng phương giải độc theo thói quen, mà làm hại đến tính mệnh của con người.

(1) *Ngũ tâm*: 2 lòng bàn tay. 2 lòng bàn chân và dưới chón thùỵ, phiền nhiệt này là nóng này bứt rứt. thể trạng của chứng Âm thư hỏa bốc.

40- TỬ KIM TRẮNG THỦY PHƯƠNG

<i>Thục địa</i>	2 lạng
<i>Mạch môn</i> (dùng sống)	5 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	8 đồng cân

Sắc uống thay nước trà.

Chủ trị:

Chứng phế thận khô, thận hỏa bốc lên, táo khát nhiều.

Nhận xét:

Chứng này dùng Nhân sâm, Mạch môn trị khát, dùng Thục địa trị táo, thực là vị thuốc kỳ diệu đúng với chứng bệnh. Nhưng dùng Mạch môn sống mà bỏ Ngũ vị là tại sao ? Vì Ngũ vị đi cùng với Ngưu tất thì liễm nạp ở dưới, cùng với Nhân sâm, Mạch môn thì liễm phế khí ở trên. Nay thận hỏa bốc lên, thì phế khí bị hại. Nếu dùng Ngũ vị lại càng đưa hỏa vào phế, chẳng phải đón giặc vào nhà hay sao ?

41- BỔ TINH PHƯƠNG

<i>Thịt dê</i>	4 lạng (nấu lấy nước)
<i>Hoàng kỳ</i> sống	4 lạng
<i>Dương quy</i> thân	2 đồng cân
<i>Kim ngân</i>	2 đồng cân
<i>Thăng ma</i> (tẩm rượu mật sao)	4 phân

Dem thịt dê nấu trước rồi cho các vị kia vào sau, cho thêm gừng đại táo sắc uống.

Chủ trị:

Ung nhọt khi đã vỡ rồi, khí huyết tân dịch suy kiệt. Kinh nói: "*Tinh thông đủ thì bổ bằng mùi vị*".

Nhận xét:

Dùng nước thịt dê để sắc thuốc làm chủ được, còn Hoàng kỳ tên da non; Dương quy bổ huyết, Kim ngân và Thăng ma chữa sang độc. Gừng và Táo để điều hòa cho nên hợp làm một tễ mà thành được công hiệu.

42- NGŨ TẠNG KIÊM TỬ CAO

<i>Hoàng kỳ</i> non (sao với mật)	4 lạng
<i>Quy thân</i> (tẩm rượu sao)	4 lạng

<i>Thục địa</i>	6 lạng
<i>Bạch truật</i> (tẩm sữa sao)	4 lạng
<i>Táo nhân</i> (sao)	5 lạng
<i>Viễn chí</i> (nấu với nước cam thảo)	2 lạng
<i>Mạch môn</i> (sao gạo)	2 lạng
<i>Bạch thược</i> (tẩm rượu sao)	2 lạng 4 đồng
<i>Đỗ trọng</i> (tẩm rượu sao)	3 lạng
<i>Ngưu tất</i> (chưng với rượu sao khô)	3 lạng
<i>Nhân sâm</i>	5 lạng
<i>Phục thần</i>	3 lạng
<i>Phục linh</i>	3 lạng

Hạt sen 3 cân, bỏ lõi, vỏ cho vào 20 bát nước lã nấu, rồi bỏ hạt sen, cho các vị thuốc vào, sắc lấy nước đầu, nấu cao rồi cho bột Nhân sâm, Phục linh, Phục thần vào làm hoàn, khi đi ngủ dùng với 4 đồng cân thuốc, hoặc nhai nhỏ nuốt xuống cũng được.

Chủ trị:

Nuôi dưỡng tâm tỳ, hòa can tư thận, thanh vế bổ vinh điều vệ, là bài thuốc cầu tự rất hay, chữa các chứng hư đều có công hiệu, có ban rõ trong sách Cẩm nang.

Nhận xét:

Phương này cốt yếu làm cho tinh ba 5 lạng liễm nạp về thân, cho nên hợp với các vị thuốc khí huyết làm thành đội, tôi đã từng dùng chữa các chứng hư về hậu thiên thu được công hiệu rất nhiều.

43- DƯỠNG TÂM THANH PHÍẾ HÒA CAN CAO

<i>Táo nhân</i>	4 lạng
<i>Quy thân</i>	3 lạng
<i>Thục địa</i>	8 lạng
<i>Kim thoa thạch hộc</i>	2 lạng (bỏ cuống)
<i>Bạch thược</i>	2 lạng (tẩm mật sao)
<i>Mạch môn</i>	3 lạng
<i>Viễn chí</i>	3 lạng
<i>Ngưu tất</i>	3 lạng
<i>Hạt sen</i>	1 cân

Lấy nước 30 bát cho các vị thuốc trên vào, nấu lấy nước đầu và nước thứ hai, rồi bỏ bã đi, nấu thành cao đặc, chọn các vị thuốc kể sau đây vào.

<i>Nhân sâm</i>	3 lạng
<i>Phục linh</i>	3 lạng
<i>Phục thần</i>	3 lạng

Ba vị cùng tán bột cho vào cao nói trên, viên thành viên to, mỗi viên 4 đồng cân sau bữa cơm trưa uống một viên với nước sôi.

Chủ trị:

Chứng phong xù. (giản chứng)

Nhận xét:

Chứng phong xù phát ra bởi vì khí do hỏa bốc lên dờm do hỏa bốc vọt lên. Cho nên chữa chứng dờm dài vết lồi nếu thực thì chỉ cho thổ hạ, nếu hư thì bổ thủy để trừ dờm, do thủy sinh ra, thủy vượng thì mộc sinh, làm yên được vị trí của tương hòa, cho chân âm tiến lên để nuôi dưỡng tâm, nguồn gốc đầy đủ bổ phế. Cho nên tác dụng của phương này là hoàn toàn chữa vào căn và phế.

44- TUẤN BỔ NGŨ TẠNG VINH VỆ CAO

<i>Nhân sâm</i>	3 lạng (để cách giấy mà sấy)
<i>Bạch truật</i>	4 lạng (tẩm sữa sao)
<i>Thục địa</i>	8 lạng (sấy thơm)
<i>Táo nhân</i>	3 lạng (sao)
<i>Quy thân</i>	3 lạng (tẩm rượu sao)
<i>Bạch thược</i>	2 lạng (tẩm rượu sao)
<i>Viễn chí</i>	1 lạng 5
<i>Ngưu tất</i>	2 lạng (tẩm rượu)
<i>Mạch môn</i>	2 lạng (sao với gạo)
<i>Ngũ vị</i>	2 lạng 2 (tẩm mật sao)
<i>Phục thần</i>	2 lạng 4 (sấy)
<i>Nhục quế</i>	8 đồng cân

Các vị trên cùng tán bột rồi cho vào cao sau này luyện làm hoàn:

BÀI THUỐC CAO

<i>Thục địa</i>	6 lạng (giã nát)
<i>Táo nhân</i>	2 lạng (nghiên)
<i>Bạch truật</i>	4 lạng (tẩm sữa sao)
<i>Quy thân</i>	1 lạng
<i>Bạch thược</i>	1 lạng rưỡi
<i>Viễn chí</i>	1 lạng rưỡi

<i>Ngũ vị</i>	2 lạng
<i>Nhục quế</i>	8 đồng cân (bỏ vỏ)
<i>Phục thần</i>	1 lạng 4
<i>Ngưu tất</i>	1 lạng tám rượu (phơi khô)
<i>Mạch môn</i>	2 lạng (sao với gạo)

Hạt sen 2 cân (bỏ tim và vỏ) cho nước lã vào; sắc lấy nước nhất và nước nhì lọc bỏ bã đi rồi cho thuốc trên vào, lại sắc lấy nước nhất và nước nhì, lọc bỏ bã cô thành cao, cho thuốc bột của bài trên vào, luyện làm hoàn mỗi buổi sớm và chiều sau khi ăn một lúc, dùng Long nhãn nấu nước làm thang tống.

Chủ trị:

Các chứng hư tổn, cho uống với bài Thập toàn càng tốt.

Nhận xét:

Phương này tuy bổ mạnh 5 tạng, nhưng chuyên chủ nhất ở tỳ, tỳ là nguồn gốc hóa sinh của hậu thiên, nếu không có đồ ăn uống, thì không lấy gì làm cho hình thể mạnh lên được, cho nên coi trọng đầu tiên.

45- BỒI DƯỠNG VINH VỆ CAO

<i>Thục địa</i>	12 lạng
<i>Sinh địa</i>	6 lạng
<i>Mạch môn</i>	5 lạng
<i>Mẫu đơn bì</i>	4 lạng (vị hư bột 1 lạng)
<i>Bạch thược</i> (dùng sống)	2 lạng (mạch can mà đại thì thêm một lạng nữa)
<i>Ý dĩ</i>	5 lạng
<i>Địa cốt bì</i>	2 lạng
<i>Ngưu tất</i>	3 lạng (nếu mạch xích thược, mạch thốn hồng thì thêm 1 lạng nữa). Nấu lấy 3 nước lọc bỏ bã rồi nấu thành cao, rồi cho thuốc sau này vào viên thành viên lớn).
<i>Nhân sâm</i> (sao qua)	2 lạng 6 đồng cân
<i>Phục linh</i>	3 lạng
<i>Phục thần</i>	2 lạng
<i>Mật ong</i>	3 lạng
<i>Mình A giao</i> (sao với Cáp phần cho phồng lên)	3 lạng

Cho vào cao luyện làm hoàn, mỗi viên nặng 4-5 đồng cân, khi bụng đói uống một viên. Sau khi uống Bát vị hoàn nếu mạch Xích huyền sắc; miệng khô họng ráo, đó là thủy hỏa chưa phối hợp với nhau, vậy mỗi ngày nên dùng Thục địa từ 2-3 lạng. Mạch môn 4-5 đồng cân sắc đặc lấy vài bát uống thay nước trà.

Chủ trị:

Lao phổi.

Nhận xét:

Tác dụng của phương này, là lấy nhuận phế, bổ thận thoát dương, liễm hỏa. Chúng lao là do tinh khô huyết kiệt, cho nên dùng thay nước trà mà uống, cũng như nắng lâu gặp được mưa rào.

46- CAM LỘ THIÊN CAO

Cam lộ: (giọt sương đọng, dùng cách căng vải lên trên cỏ xanh, hứng lấy một chén).

Nhân sâm, từ 1- đồng cân (sắc lấy bốn nước hợp làm một, rồi nấu sôi lên uống ấm).

Sữa người, 1 chén, *Mật ong* 1 chén rưỡi.

Chủ trị:

Các chứng ho lao, thổ huyết, rất hay.

Nhận xét:

Chứng này 5 dịch tảo kiệt, tinh huyết bị tiêu khô, mình như củi khô, da như tróc vẩy thần sắc không tươi nhuận chút nào, cho nên dùng Cam lộ, Mật ong, Sữa người, đều là chất nước ngọt và nhuận để tưới vào. Nhưng thủy thuộc về âm loại, thuần âm thì tất nhiên dương không lấy gì mà sinh tồn được, cho nên dùng Nhân sâm bổ khí để tiếp dẫn. Và lại Nhân sâm tuy là khí được, mà kiêm có công năng bổ âm, mới có thể nhuận với tính âm nhu nhuận.

47- LAO KHẮT CAO TỨ PHƯƠNG

(Cao ho lao)

<i>Thục địa</i>	10 lạng
<i>Ý dĩ</i>	6 lạng
<i>Ngũ tĩ</i>	3 lạng
<i>Địa cốt bì</i>	2 lạng
<i>Khoản đông hoa</i>	2 lạng
<i>Mật ong</i>	6 lạng (nấu riêng)
<i>Sinh địa</i>	5 lạng
<i>Dan sâm</i>	3 lạng
<i>Mạch môn</i>	4 lạng
<i>Tử uyển</i>	2 lạng
<i>Thân khương</i>	6 đồng cân

Dùng nước lã sắc lấy nước nhất và nước nhì lọc bỏ bã cô thành cao, cho các vị thuốc dưới đây vào, cùng luyện với mật và cất đi.

Phục linh (nghiên nhỏ) 2 lạng

Xuyên bối mẫu (nghiên nhỏ) 2 lạng 4

Cùng hòa vào cao trên, sau khi ăn một lúc lâu, uống 5 đồng cân với nước sôi mỗi ngày 3 lần.

Chủ trị:

Lao phổi.

Nhận xét:

Thực địa bổ sâm, Sinh địa lương huyết, Đan sâm có công năng như bài Tử vật, Mẫu đơn bì thanh lõi hỏa, Ý dĩ, Ngưu tất liễm giáng, Địa cốt bì chữa chứng nóng hầm trong xương, Tử uyển và Khoản đông hoa chữa can nhiệt, Mạch môn bổ phế, Phục linh và bối mẫu thanh đờm, các vị hợp lại cho nên có thể chữa ho lao.

48- CHẨN KHỞI NGUYÊN KHÍ HƯ HÂM CAO

Hoàng kỳ 1 cân (dùng phòng phong 3 lạng, nấu với rượu, lấy nước tắm Hoàng kỳ, phơi khô sao)

Bạch truật (sao) 20 lạng

Phụ tử chế 4 lạng

3 vị trên sắc lấy nước, nấu cơm, dùng Nhân sâm 6 lạng tán bột, viên thành viên nhỏ, sau bữa ăn một lúc lâu dùng nước sôi uống 4 đồng cân.

Chủ trị:

Chứng khí nghịch xông lên, hoặc có lúc khí hãm xuống làm bức bách tiền âm và hậu âm thấy tức nặng, trung tiện luôn, đại tiện lỏng mà không khoan khoái, mạch tế sắc vô lực, đó là trung khí hư quá, dương khí không thể đạt được ra ngoài, ẩn nấp ở trong mà hãm xuống dưới, nên trước hết cho uống Bát vị hoàn, thêm Lộc nhung, Cốt chí, Ngũ vị, rồi sau dùng cao này uống xen vào, vì Hoàng kỳ có thể đẩy lên, Bạch truật bền vững trung tiêu, Nhân sâm bổ hư phụ tử chế thống suốt, 4 vị hợp lại làm tế thì chứng hư hãm nào mà không tăng lên được.

Nhận xét:

Phàm chứng dương khí hạ hãm, không gì bằng bài Bổ trung Thăng ma, Sài hồ, nâng khí hư dương ở dưới cùng lên chỗ cao nhất; bỏ hai vị ấy đi mà dùng Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bạch truật, Phụ tử thì công năng xoay trở của nó còn dựa chỗ nào? Ý nghĩa thay! Phùng triệu Trương xứ chứng lập phương thần hiệu vô cùng. Vì chứng hư quá, thì không làm được cho thăng đề, nếu làm cho thăng đề thì sức sẽ suy kiệt, khó mà giữ được sự thoát tiết. Và lại Hoàng kỳ, Phụ tử, Nhân sâm đều là dương dược, dương tính, vốn thăng, dùng để bổ khí, khí mạnh có thể thăng, cái thăng đó là tự nó thăng lên, cần gì

phải lôi kéo mới có thể thăng lên được. Và lại phương này, nào Sâm phụ, nào Truật phụ, nào Kỳ phụ đều luôn luôn lấy củng cố trung tiêu, hồi dương khí, giữ thoát tiết, hợp lại mà dùng, hễ phải Thăng ma, Sài hồ có chút hiệu lực thăng đề mà sánh kịp được sao.

49- TIÊU TRỆ BÍ PHƯƠNG

<i>Xuyên hoàng liên</i>	1 đồng 2
<i>Điều cầm</i>	1 đồng 2
<i>Bạch thược</i> (sống)	1 đồng 2
<i>Sơn tra</i>	1 đồng 2
<i>Chỉ xác</i> (sao cấm)	2 phân
<i>Hậu phác</i> (tẩm gừng sao)	2 phân
<i>Bình lang</i>	2 phân
<i>Dương quy</i>	5 phân
<i>Cam thảo</i>	5 phân
<i>Địa du</i>	5 phân
<i>Thanh bì</i>	2 phân
<i>Hồng hoa</i>	2 phân
<i>Đào nhân</i> (sao nghiền)	10 hột
<i>Nam mộc hương</i>	2 phân

Sắc uống

Chủ trị:

Kiết lý, hoặc đi ra máu, hoặc mũi, hoặc máu mũi lẫn lộn, mót rặn, mình nóng bụng đau đều dùng được cả, hoặc chỉ ra mũi không có máu thì bỏ Địa du, Đào nhân gia Trần bì (bỏ xơ trắng) 4 phân, Mộc hương 2 phân. Nếu khó đi lắm gia Đại hoàng (tẩm rượu sao) 2 đồng cân uống 1-2 thang thì bỏ Đại hoàng. Phương này chữa kiết lý mới phát trong 3-5 ngày rất hay, hoặc trong 10 ngày cũng dùng được. Nếu ngoài 10 ngày hoặc nửa tháng trở lên thì gia giảm như sau:

<i>Xuyên hoàng liên</i>	
<i>Điều cầm</i>	(tẩm rượu sao 6 phân, dùng sống 4 phân)
<i>Bạch thược</i>	
<i>Sơn tra</i>	1 đồng cân
<i>Trần bì</i>	4 phân
<i>Bình lang</i>	4 phân
<i>Sinh thảo</i>	2 phân
<i>Đào nhân</i> (nghiên)	6 phân
<i>Nam mộc hương</i>	8 phân

<i>Hậu phác chế</i>	4 phân
<i>Thanh bì</i>	4 phân
<i>Chích thảo</i>	3 phân
<i>Dương quy</i>	5 phân
<i>Hồng hoa</i>	3 phân

Sắc nước uống

Nếu dùng dai thấy hơn một tháng mà thấy tỳ hoạt mà hư nhược thì dùng:

<i>Điều cầm</i>	6 đồng cân
<i>Bạch thược</i>	nt
<i>Hậu phác</i>	3 đồng cân
<i>Địa dư (tầm dấm sao)</i>	4 đồng cân
<i>Dương quy</i>	5 đồng cân
<i>Bạch truật</i>	- nt
<i>Hoàng liên</i>	6 đồng cân
<i>Trần bì chế</i>	3 đồng cân
<i>Nam mộc hương</i>	nt
<i>Hồng hoa</i>	2 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	5 đồng cân
<i>Chích thảo</i>	5 đồng cân

3 phương trên này dân bà có thai uống thì bỏ Hồng hoa, Đào nhân, Bình lang.

Các phương pháp trên tùy chứng mà dùng thường khỏi, cũng có khi không khỏi, là vì lúc đầu uống Nhân sâm Bạch truật bổ sớm quá, bổ làm tà khí bế tắc ở trong, lâu ngày thì chính khí đã hư, tà khí còn thịnh, dây dưa mãi không dứt, muốn thu sáp lại thì lại là giúp thêm cho tà, muốn thanh mà sơ đi thì càng thông hoạt, đến nỗi không thể nào cứu chữa được, dầu có phương pháp hay cũng đành phải chịu. Cho nên lúc mới bị bệnh lý mà cho uống thuốc ôn bổ là hại người, cần phải thận trọng.

Xưa nay các thầy thuốc chữa bệnh lý đều nói: "*Nhiệt thì thanh, hàn thì ôn, khu mới bị bệnh, nhiệt thịnh thì hạ, có chứng biểu thì phát hãn, tiểu tiện đỏ gắt thì thông lợi*" 5 cách này ai ai cũng tin dùng, coi là mực thước không thay đổi. Riêng tôi nhận thấy rằng 5 cách ấy chỉ có cách thanh nhiệt là không kiêng, còn 4 cách kia thì phạm 4 điều rất kiêng kỵ, tất không thể dùng được.

a) *Kiêng ôn bổ*: Vì lý mà chứng thấp nhiệt tích trệ ở trong tràng vị, phải thanh nhiệt tả, khơi dẫn trệ khí, vận hành trệ huyết, thì bệnh chóng khỏi. Nếu dùng Nhân sâm, Bạch truật ôn bổ thì nhiệt càng thịnh, khí càng trệ, lâu thì chính khí hư, tà khí thịnh, đến nỗi không thể cứu được. Đó là cái vạ khi mới bị bệnh đã dùng thuốc ôn bổ ngay.

b) *Kiêng hạ mạnh*: Lý là do nhiệt tà ngưng trệ, tích lại mà không bệnh tương tự như ngòi lạch bị bế tắc, chỉ có thể dùng thuốc tiêu hóa sơ thông thì khỏi, Nếu dùng bài Thừa khí mà hạ mạnh giống như dùng nước gội rửa cái ngòi đang bế tắc, thì sự bế tắc tất không thông, chỉ làm thương tổn đến vị khí và nguyên khí mà thôi chính khí hạ tổn

mà tà khí không trừ được, người khỏe còn khá, người yếu thì tất bị nguy.

c) *Kiênng phát hãn*: Đau lăm mà mình bị nóng rét, đau nhức mắt hoa, đó không phải là ngoại cảm, mà là độc ở bên trong hun bốc ra ngoài, là chứng suy quá rồi chớ không phải là biểu tà, ngoài thì biểu hư, trong thì tà thịnh, ít có người sống được.

d) *Kiênng lợi tiểu tiện*: Làm cho lợi tiểu tiện là cách chữa chứng ỉa chảy rất hay, nhưng dùng cách đó để chữa chứng kiết lỵ do thì là trái. Vì chứng lỵ nhiệt là ngừng trệ, tân dịch khô ráo mà thành, nếu dùng những thang Ngũ linh làm cho thông lợi phần thủy thì tân dịch càng khô, sáp trệ càng nặng, rồi đến chỗ dây dưa không khỏi, đó là vì thông lợi tiểu tiện mà gây ra tai hại. Nếu thanh nhiệt đạo trệ thì tự khỏi, mà tiểu tiện tự nhiên thông lợi, cần gì phải lợi tiểu tiện.

Kiết lỵ là chứng nguy hiểm, có quan hệ đến sự sống chết, không những các thầy thuốc gia truyền chữa nhầm, mà cả một số lớn thầy thuốc xưa nay cũng chưa nắm được điểm chủ yếu, vì thế không thể thu được công hiệu mau chóng. Nay lập phương lấy làm lạ đó là không cầu nệ ở thành phương? lấy gì làm hay đó là không mê tín ở thành huyết. Cho nên có thể dùng vài thang mà sau vài ngày thu được công hiệu. Chứng mới phát thì hoặc chỉ dùng 1-2 thang mà trong một hai ngày có thể kiến hiệu, cho nên kỳ diệu ở chỗ đó. Nhưng vị thuốc cũng không ngoài các vị bình thường, người hiểu biết nên cẩn thận đừng khinh thường. Tôi đối với chứng bệnh này sợ nó nguy hiểm, đã dụng tâm điều trị hơn 20 năm, rất là hiệu nghiệm, có tiếng là hay, bỗng đâu chính bản thân cũng bị kiết lỵ thí nghiệm càng tinh, rồi mới phá được cái sai lầm mù quáng của các nhà làm thuốc, mà lập ra phương thuốc và lý luận kỳ diệu này đem trình bày ra, để giúp vào việc chữa bệnh nguy hiểm và làm tăng tuổi thọ cho nhân dân.

50- TRƯ CHỈ CAO

(Cao mỡ heo)

Mỡ heo giã như hòa với bột Nhục quế

Củ hành

Muối ăn, giã trộn đều, bôi dày vào chỗ đau.

Chủ trị:

Chứng nhọt cứng rắn chắc không sưng không đau.

Nhận xét:

Chữa chứng vô danh thũng độc, dùng mỡ heo để chữa huyết nhục, là đồng khí tương cầu và dễ tương ứng với nhau, củ hành thông khiếu, muối làm mềm chất rắn, Quế để cố vũ phần huyết, dầu để thấm nhuần ngoài lông da, cho nên có thể dùng chung với nhau được.

51- GIA VỊ THÁI ẤT CAO

<i>Dầu mè</i>	24 lạng
<i>Tóc rối</i> (thứ đen nhánh là tốt)	một mớ
<i>Hột thầu dầu</i> (bỏ vỏ, giã nát)	200 hạt

Dầu mè nấu sôi lên rồi cho tóc rối vào, dùng canh đào hoặc canh liêu quấy luôn tay cho tóc rối tan ra, rồi cho hạt thầu dầu đã giã nát vào mà nấu đến khô thì cho các vị sau đây vào:

<i>Sinh địa</i> (thái nhỏ)	4 lạng
<i>Huyền sâm</i>	3 lạng
<i>Đại hoàng</i>	nt
<i>Dương quy</i>	nt
<i>Xích thược</i>	2 lạng
<i>Bạch chỉ</i>	nt
<i>Nhục quế</i>	nt

Nấu đến khi màu thuốc đen khô, nhỏ lửa nấu đặc, rồi cho bốn vị sau này vào, cô lại vừa, chúng không mềm không rắn, tới độ nhỏ vào nước không tan là vừa (mùa hè nên hơi già một tý, mùa đông nên hơi non một tý).

Trích nhũ hương 2 lạng, để trên miếng ngói, sấy lên bỏ dầu nghiền nhỏ.

Một dược 2 lạng sấy, nghiền nhỏ.

Minh tòng hương một cân, giã nát cho vào trong cọng sành, lấy chỉ buộc lại, để vào trong bát, đun cách thủy cho tan, lấy ra để nguội bỏ hành đi, nghiền nhỏ còn độ 8 lạng cho vào trước rồi cho Hoàng đơn vào sau.

Hoàng đơn 20 lạng, sắc vàng là thật, thủy phi phơi khô, sao đen 10 lạng, nếu sắc đỏ là Đông đơn thì đừng dùng.

4 vị trên có thành cao đựng vào cái hũ sành, khi dùng thì trát mỏng ra mà dán, rất hay.

Chủ trị:

Hết thầy các chứng tưng độc đã vỡ loét hay chưa vỡ, bị vấp hay đánh bị thương và đau phong thấp khí thống.

Nhận xét:

Phương này người ta đều dùng vừa uống vừa dán ngoài thì công dụng không được tập trung. Phùng Triệu Trương lập ra phương trên đây, chuyên dùng để dán ngoài, có thể trừ độc lại mạnh hơn.

52- PHONG KHÍ DIỆT PHÍÁT CAO DƯỢC THIAN PHƯƠNG

<i>Tóc đen</i>	1 mớ
<i>Mỡ heo</i> (rán lấy mỡ nước)	2 cân 8 lạng

<i>Dầu mè</i>	8 lạng
<i>Hạt thầu dầu</i>	200 hạt

Các vị trên, trước hết nấu cho tới khi tóc tan dầu khô, rồi cho các vị thuốc sau đây vào:

<i>Uy linh tiên</i>	3 lạng
<i>Thục địa</i>	3 lạng
<i>Quy thân</i>	1,5 lạng
<i>Độc hoạt</i>	1 lạng
<i>Kim ngân</i>	2 lạng 5
<i>Bạch chỉ</i>	1 lạng
<i>Xuyên ô</i>	6 đồng cân
<i>Thảo ô</i>	6 đồng cân

Các vị trên nấu cho toisa khi khô cháy đen lấy lụa dày bọc bỏ bã, đun nhỏ lửa nấu lại, quấy luôn tay, rồi lại cho thuốc dưới đây vào, cô lại:

Minh tung hương 6 lạng (nấu với nước 3 lần, bỏ cặn đi hòa tan dùng vải mỏng lọc qua).

<i>Nhũ hương</i> (sấy nghiền)	1 lạng
<i>Mộc dược</i> (nghiên bột)	1 lạng
<i>Hoàng đơn</i> (sao khô)	8 lạng
<i>Xạ hương</i>	2 phân

Trước hết cho Hoàng đơn, Tùng hương vào, rồi sau luyện cho đến khi mềm cứng vừa chừng, tới độ nhỏ vào nước không tan là được, bắc ra khỏi lửa, lại cho 3 vị Nhũ hương, một dược, Xạ hương vào quấy đều, khi dùng trát mỏng ra mà dán.

53- BẢO ANH CHÍ BẢO ĐÍNH TỬ

<i>Trần bì</i> (để sơ trắng)	1 lạng
<i>La bặc tử</i> (hột cải củ, dùng hột đỏ và mượt rửa sạch phơi khô)	1 lạng
<i>Hậu phác</i> (tấm gừng sao)	nt
<i>Mạch nha</i> (sao)	nt
<i>Thương truật</i> (sao)	nt
<i>Hương phụ</i> (sao)	nt
<i>Thảo đậu khấu</i> (sao)	nt
<i>Chỉ thực</i> (sao)	nt
<i>Sơn tra</i>	nt
<i>Thần khúc</i>	1 lạng 5

Các vị trên tán bột, dùng hồ Thần khúc làm thành thời, mỗi thời ước 3-4 phân, trẻ con mỗi tuổi mài cho uống nửa thời, không có bệnh gì, đều dùng gừng sống nấu nước mà uống với thuốc.

Phương này là phương bí truyền của Phùng Triệu Trương truyền lại. Chứa trẻ em bị các chứng phong đờm, phát sốt, sinh cam, thổ tả, tích trệ rất hay.

54- BẢO THAI THẦN HIỆU HOÀN

<i>Bạch truật</i> (tẩm nước gạo sao với đất thố)	1 lạng
<i>Bạch phục linh</i>	2 lạng
<i>Điêu cầm</i> (tẩm rượu sao)	1 lạng
<i>Hương phụ</i> (tẩm nước tiểu trẻ con sao)	1 lạng
<i>Huyền hồ</i> (sao)	1 lạng
<i>Hồng hoa</i> (tẩm rượu sao)	1 lạng
<i>Ích mẫu</i> (sao)	1 lạng
<i>Một dược</i> (sao bỏ đầu)	3 đồng cân

Các vị trên tán bột dùng 1 viên to bằng hạt ngô đồng, mỗi ngày khi đói bụng uống 7 viên. Không nên vì viên nhỏ mà uống quá 7 viên. Phàm chứng thai động không yên, một ngày uống có thể 4-5 lần, nếu uống vào mà yên thì cứ theo lệ thường mà uống. Nếu gặp chứng đau bụng, đau lưng hoặc gây nên bụng trướng thai sa xuống, phải lập tức uống ngay. Nếu thụ thai từ 3-5 tháng mà thường hay sẩy thai thì nên uống đón trước một tháng, có thể giữ được vô sự. Nếu nặng quá mà ra huyết muốn sẩy thai, thì uống ngay viên này cũng có thể giữ yên được, cần thận kiêng những điều giận dữ, lao碌, kiêng ăn thức chiên xào, hạt tiêu các thứ cay, các thứ động khí, các thứ lạnh và nhất là kiêng giao hợp, uống mỗi một liều thuốc là có thể giữ được thai, những bệnh trên mà uống thuốc này, đều thu được hiệu quả.

55- QUAN ÂM CỨU KHỔ ĐƠN

<i>Xạ hương</i>	1 đồng cân
<i>Châu sa</i>	2 đồng cân đều tán bột
<i>Lưu hoàng</i>	3 đồng cân

Trước hết đun Lưu hoàng cho chảy ra, sau cho Châu sa, Xạ hương vào cùng đun cho chảy ra, rồi đổ vào một cái khay men, đợi cho khô lại nghiền thành bột và để khay trên lửa hơ cho chảy ra chờ khô dần rồi mới cất thành miếng nhỏ bằng hạt gạo cho vào hũ dầy kỹ, giữ kín hơi, để dành dùng.

Phương bí truyền này rất hay, chữa tất cả các chứng do tà khí phong, hàn, thấp ngừng động làm đau nhức, tay chân co rút; trẻ con co rút một bên miệng mắt méo lệch;

dân bà trong bụng có hòn tích đau nhức, không cử bệnh đã lâu ngày. Phàm khi dùng thuốc này, chứng nặng thì dùng hột to, nhẹ thì dùng hột nhỏ, đem thuốc đặt vào chỗ đau, dùng bấc đèn đốt lửa, đợi khi lửa cháy vừa hết, đem cứu lên trên thịt thì lập tức khỏi ngay. Chứng nhẹ chỉ nên cứu một mồi, không cần cứu thêm lần khác nữa, chỗ đau to rộng thì cứu luôn vài tháng, cùng trong một lần. và lại lúc cứu không bị nóng lắm. Sau khi cứu rồi cũng không nung vỡ mủ, chỉ trong khoảng chốc lát, coi như bệnh khỏi. Tôi nhân nghĩ rằng chữa bệnh trong một đời, không bằng để ơn tới đời sau, người kiến thức nên coi trọng nó.

56- XUY HẦU DUỘC PHƯƠNG (thuốc thối)

<i>Thanh đồng</i> (giỏ xanh đồng)	3 đồng cân
<i>Nhân trung Bạch</i> (sao)	1 đồng cân
<i>Tây ngưu hoàng</i>	1 đồng cân
<i>Dại băng phiến</i>	2 đồng cân
<i>Xạ hương</i>	1 đồng cân

Các vị trên tán bột, thổi vào trong họng.

Chủ trị:

Chứng cuồng họng thối loét thành lỗ rất hay

57- VI ĐỘC PHƯƠNG (thuốc bao vây độc)

<i>Dại hoàng</i>	2 lạng
<i>Xích thực</i>	1 lạng
<i>Bạch liễm</i>	5 đồng cân
<i>Lá phù dung</i>	1 lạng
<i>Bạch cập</i>	5 đồng cân

Tán bột dùng lòng trắng trứng gà hòa với thuốc bôi vây xung quanh chỗ độc, trong uống thuốc giải độc.

Chủ trị:

Các chứng ung độc, thu liễm khí độc lại không cho chảy tràn mạn ra

58- TÂY NHÂN THẦN PHƯƠNG (thuốc rửa mắt)

<i>Hoàng liên</i>	3 đồng cân
<i>Phấn thảo</i>	6 phân

<i>Thanh đồng</i>	3 đồng cân
<i>Hạnh nhân</i>	8 hột
<i>Dấm phân</i>	1 đồng cân
<i>Dại táo</i>	1 đồng cân

Các vị trên đúng liều lượng, không nên sai một ly nào, sắc hai lần cùng hòa đều, dùng bông thấm nước, nhân lúc nóng đem xát vào mắt, khi nào trong họng thấy mùi thuốc thì thôi, còn thừa thì phơi khô có thể cất để vài mươi năm. Liều thuốc này có thể chữa vài mươi người, không cú là đau mắt gió hay đau mắt hỏa, rửa luôn là khỏi. Người già mắt mờ, mắt hoa chảy nước, rửa bằng nước này thì mắt lại trong sáng như thường.

59- GIÁP THƯỜNG CHỈ THƯỜNG THẦN PHƯƠNG

<i>Thạch cao (nung)</i>	3 đồng cân
<i>Phụ tử chế</i>	1 đồng cân
<i>Khuong hoạt</i>	2 đồng cân
<i>Tế tân</i>	8 phân

Sắc với nước uống trước khi ăn.

Chủ trị:

Các chứng mạch xích không có lực, hư hỏa bốc lên, hàn khí bó lại, làm cho bên trong nóng má sưng răng đau.

60- TÂM THƯỜNG THẦN PHƯƠNG

Dùng bột trắng nổi lên trên miếng sắt nung (giống như phèn phơi khô) nghiền rất nhỏ hòa với nước nóng và uống mỗi lần 2 phân, chưa khỏi thì lại uống cho khỏi hẳn, không bao giờ bệnh tái phát.

61- KÊ CAN TÁN BÍ PHƯƠNG

<i>Minh hùng hoàng (nghiên)</i>	1 đồng 5
<i>Tang bạch bì (sấy già nhỏ)</i>	5 đồng

Kê nội kim (lựa mề gà để trên miếng ngói nung già nhỏ) 1 cái

Ba vị cùng tán bột, đem thuốc tẩm vào trên gan gà, dùng rượu tốt nấu cho chín, rồi bỏ thuốc đi, chỉ ăn gan gà, không dùng đồ sát.

Chủ trị:

Chứng cam tích mắt bị hồng, kéo màng trắng, uống một lần thì đỡ, uống hai lần thì bệnh lui ngay, thực là phương thuốc rất hay.

62- KÊ CAN TÁN

<i>Hùng hoàng</i>	1 đồng cân
<i>Thạch cao (nung)</i>	1 đồng cân

Chủ trị:

Chữa chứng cam tích mới nổi màng đỏ.

63- TAM KHÍ ẤM

<i>Dương quy</i>	<i>Thục địa</i>
<i>Bạch thược</i>	<i>Nhân sâm</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Câu kỳ tử</i>
<i>Ngưu tất</i>	<i>Đỗ trọng</i>
<i>Tục đoạn</i>	<i>Phụ tử</i>

Sắc uống.

Chủ trị:

Chứng bạch hổ lịch tiết phong (đau các khớp xương) tay chân đau nhức, nếu đầu mặt choáng váng thì gia thêm một ít tế tân. Nếu hư hàn thì gia thêm Nhục quế mài ngoài.

64- LÂM TÂY NANG THƯỞNG THẦN PHƯƠNG

(rửa dái sung)

<i>Hành tām (cà rốt)</i>	20 củ
<i>Xuyên tiêu</i>	1 lạng
<i>Mạch nha</i>	1 lạng
<i>Địa phu tử (hột chối xể)</i>	1 lạng

4 vị trên nấu nước thấm rửa trên âm nang (búi dái) hồi lâu. Ngày hôm sau lại rửa, tiêu hết chỗ sưng thì thôi.

65- BÍ THỤ TÂY DƯƠNG TỬ DƯỢC PHƯƠNG

Hồng đậu khấu
Nhục đậu khấu (bỏ dầu vỏ)
Nhục quế

Bạch đậu khấu

Cao lương khương (sấy) 7 miếng

Công đình hương

Các vị trên đều tán bột nhỏ, trước hết dùng đường phèn 4 lạng, nước một bát ăn cơm cùng cho vào trong nồi đồng nấu tan ra, lại cho vào hai cái lòng trắng trứng gà, đun sôi hơn một dạo cho một cân rượu cất vào, rồi nhấc ra khỏi lửa đem để vào một chỗ ổn định rồi cho thuốc vào trong nồi dần ra cho đều, lấy lửa soi vào rượu cất mà hỏa thăng lên, một lát dậy vung nồi lại, lửa tắt, dùng vải the lọc bỏ bã, rồi cho vào hũ sành, ngâm vào nước để trừ hỏa độc, tùy sức mà uống.

Chủ trị:

Chữa chứng ăn vào lại thổ ra, và tất cả các chứng kiết lý không ăn uống được rất hay.

66- TRỊ NHŨ UNG THẦN PHƯƠNG

<i>Kim ngân hoa</i>	2 lạng
<i>Cam thảo tiết</i>	1 phân
<i>Qũy vĩ</i>	5 đồng cân
<i>Bồ công anh</i>	5 lạng
<i>Một dược</i>	2 đồng cân

Cho ba bát nước sắc lấy một bát, uống vào sau bữa ăn.

67- KHẨU CAM SUY DƯỢC THẦN PHƯƠNG

<i>Bàng phiến</i>	2 đồng cân
<i>Xạ hương</i>	1 phân
<i>Nhân trung bạch</i>	2 đồng cân
<i>Thanh đồng</i>	3,5 đồng cân

Nếu bệnh nặng thì gia Ngưu hoàng 1 phân

Các vị đều tán bột, dùng nước chè nguội súc miệng cho sạch; thổi ít thuốc vào, đợi đờm rãi chảy hết, lại thổi, thổi ba lần là khỏi.

68- TRƯ CÁN TÁN

<i>Cốc tinh thảo</i>	4 phân
<i>Nghêu (vop) (nung)</i>	1 đồng cân
<i>Thạch cao (tấm dấm nung)</i>	6 phân.

Các vị trên đều tán bột, dùng gan heo không dính nước, lấy dao tre mổ đôi ra, đem thuốc cho vào trong, lấy chỉ buộc lại, nấu chín bỏ thuốc đi, ăn gan.

69- TRỊ NGƯỢC THẦN PHƯƠNG

Phương này tức là bài Nhị trần gia Vân khương, Phụ tử, Thảo quả, Thường sơn; nóng nhiều gia Sai hồ, Hoàng cầm.

- 2 bài Tứ quân và nhị Trần hợp lại làm một, gia Bình lang, Thảo quả, Thường sơn.

Lại một phương: Dùng Nhục quế (thứ tốt nhất bỏ vỏ) độ hơn 1 đồng cân. Khi sắp làm cũ, cho thuốc vào trong miệng ngâm lại, thì rút lui sốt nhẹ, tinh thần thanh sáng là khỏi bệnh, thật là một phương rất hay.

70- XÁT NHA CHÍ BẢO TÁN

Xương chuột cống 1 con (chùng 8 lạng rất tốt, để cả lông) lất hiết bọc 7 lần, lại dùng rơm nhồi với đất sét đắp kín lấy trấu hầm cho chín rồi bỏ thịt đi, lấy xương dùng củi dầu đốt cháy nghiền nhỏ, rồi cho thuốc dưới đây vào.

Một thạch tử (cho rượu vào nấu hồi lâu sấy khô).

Trầm hương 1,5 đồng cân.

Cốt toái bổ 5 đồng cân (bỏ lông tắm mật sao).

Các vị tán bột cùng cho vào với xương chuột hợp lại làm một, trộn đều trộn vào chậu bạc hoặc chậu chì, mỗi buổi sáng sớm bôi vào răng, súc miệng nuốt xuống hồi lâu. Nếu răng lung lay có thể bền chặt lại, răng không lung lay thì giữ được vĩnh viễn. Trẻ con trong ngoài 3 tuổi, cam sún rụng mất 1-2 chiếc răng dùng thuốc này lại có thể mọc lên được, và răng nhỏ màu trắng, lâu thì răng lại như cũ, rất hay.

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH

(Quyển thứ 52)

Y PHƯƠNG HẢI HỘI

(TẬP HỢP PHƯƠNG THUỐC CỦA MỌI NGƯỜI)

LỜI NÓI ĐẦU

Nhà y có phương cũng như nhà binh có trận, bởi thế nghịch tòng phản chính (1) là các cách vận dụng phương, kỳ chính phân hợp là các hình thái của trận (2), dùng thuốc mà không hiểu được vị âm dương mà chỉ dùng bùa bài thì khó mà đạt mục đích, dùng binh nếu không có sự tiết chế, cứ mỗi người mỗi ý thì không dùng được một ai. Như thế thì phương của nhà y cũng như trận của nhà binh quyết không thể thiếu sót.

Dẫn chứng, sách Tố vấn của cổ nhân không có phương. Y Doãn mới bày ra thang dịch (3), đến đời Hán, các bậc danh hiền đua nhau đề xuất rất nhiều phương pháp, nhưng tựu chung chỉ là nhân chứng xử phương, nhân bệnh này lập ra phương này mà không chỉ định dứt khoát, đó là tại sao?

Phương là phỏng theo, là bắt chước. Hướng chỉ xưa nay khác nhau, địa phương khác nhau, già trẻ sang hèn, bẩm thụ yếu khỏe khác nhau, đâu có thể đem thành phương cố định, gán ghép vào bệnh trạng vô cùng phức tạp được. Vì thế nhân chứng xử phương, không cầu chấp phương, nhưng trong trị liệu biến hóa vô cùng, nếu không đạt được cái nhỏ có thể làm thất bại cái to.

Tôi trong chữa bệnh, việc dùng thuốc là phối hợp các vị mà có thể hợp tác để thu hiệu quả (tương tu) được lực tập trung, nhiều mà không rối ren lung tung, hoặc chuyên dùng âm được dương được, khí được, huyết được... về tá sử phải đúng lý thì mới dùng. Nay gộp nhặt phương thuốc của các nhà, chép thành một tập nhan đề là "Y phương hải hội" muốn cho người học biết phương để bắt chước, chứ không nên ấn định mà không thay đổi, khi chẩn mạch kẻ đơn phải lấy trạng thái hư thực, chủ trương bổ tả làm đề cương, lập ra phương chỉ là xây dựng cái sườn mà thôi, như thế mới đạt cái ý: "nhân chứng xử phương" vậy.

LÊ HỮU TRÁC

Biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông

1) *Nghịch tòng, phản chính*: Đây là những bản lĩnh trong điều trị, như nói "vì giả nghịch trị, tàm tắc tòng công" (bệnh ít, bệnh nhẹ thì trị trực tiếp vào, trị thẳng vào, ví dụ bệnh nhiệt thì dùng thuốc hàn, bệnh hàn thì dùng thuốc nhiệt, bệnh nhiều, bệnh nặng thì phải dựa theo tính chất bệnh, dùng thuốc hợp với tính chất bệnh có lan vào những thuốc chữa. Nghịch trị cũng là phản trị, chính trị; tòng trị thì ngược lại.

2) *Kỳ, chính, phân, hợp*: Phép hành binh có kỳ binh, chính binh, kỳ binh là thừa lúc quân địch không phòng mà đánh úp, chính binh là trái ngược lại. Phân, hợp là phép hành binh, có khi phân ra để đánh lẻ, có lúc phải hợp lại để tấn công. Tôn tử nói: "Kỳ chính tương sinh như cái vòng không đứt".

3) *Thang dịch*: Dạng thuốc chén do Y Doãn phát minh, dùng các vị thuốc cho nước vào sắc uống. Tố vấn/Di tinh biến khí luận có nói: "Người đời Trung cổ trị bệnh bằng thuốc thang, không phải di tinh biến khí như người thượng cổ".

1- SÂM PHỤ LÝ TRUNG THANG

Nhân sâm *Bạch truật* (đều 2 đồng cân)
Can khương *Phụ tử* 1 đồng cân
Cam thảo 1,5 đồng cân sắc uống.

2- NHỊ THUẬT THANG

<i>Bạch truật</i>	2 lạng	<i>Thương truật</i>	2 lạng
<i>Thạch cao</i>	1 lạng	<i>Bạch thược</i>	1 lạng
<i>Hoàng cầm</i>	nt	<i>Nam tinh</i>	nt
<i>Trần bì</i>	nt	<i>Bạc hà</i>	7 lạng

Các vị sắc uống, nếu làm hoàn thì tán nhỏ, Thần khúc, nấu hồ luyện làm viên, cho uống với nước đường.

3- THANH TÂM LIÊN TỬ ẤM

<i>Liên nhục</i>	0,75 đồng cân	<i>Xích linh</i>	0,75 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	nt	<i>Hoàng kỳ</i>	nt
<i>Hoàng cầm</i>	nt	<i>Cam thảo</i>	nt
<i>Xa tiền</i>	nt	<i>Mạch môn</i>	nt
<i>Địa cốt bì</i>	nt		

Nếu phát sốt thì sắc cho uống ấm.

4- THU HẮN SINH DƯƠNG THANG

<i>Dương sâm</i>	3 đồng cân	<i>Hoàng kỳ</i>	3 đồng cân
<i>Dương quy</i>	2 đ/c	<i>Can khương</i>	1 đ/c
<i>Ngũ vị tử</i>	2 đ/c	<i>Tào nhân</i>	2 đ/c
<i>Bạch truật</i>	2 đ/c	<i>Bạch linh</i>	1,5 đ/c
<i>Phụ tử chế</i>	1 đ/c	<i>Chích thảo</i>	0,5 đ/c

Các vị sắc cho uống ấm.

5- SÂM PHỤ THANG

Nhân sâm 5 đồng cân *Phụ tử* 3 đồng cân
Thêm vài nhát gừng sắc mà uống.

6- HƯƠNG KHUNG THANG

<i>Xuyên khung</i>	2 đồng cân	<i>Bạch truật</i>	2 đồng cân
<i>Hung phu</i>	0,5 đ/c	<i>Cam thảo</i>	0,3 đ/c
<i>Sinh khương</i>	5 nhất	<i>Chè bôm</i>	một tích.

7- ĐƯƠNG QUI THUỘC DƯỢC THANG

<i>Dương quy</i>	1 lạng	<i>Thuộc dược</i>	1 lạng
<i>Cam thảo</i>	5 phân		

Sắc cho uống ấm.

8- MẠCH VỊ ĐỊA HOÀNG THANG

<i>Thục địa</i>	3 đồng dân	<i>Hoài sơn</i>	3 đồng cân
<i>Sơn thù</i>	3 đ/c	<i>Mẫu đơn bì</i>	2 đ/c
<i>Bạch linh</i>	2 đ/c	<i>Trạch tả</i>	1 đ/c
<i>Mạch môn</i>	1 đ/c	<i>Ngũ vị tử</i>	1,5 đ/c

9- PHỤC LONG CAN TÁN

<i>Dắt lòng bép</i>	6 phân	<i>Lá ngải cứu</i>	1,2 đồng cân
<i>Xuyên khung</i>	1,2 đ/c	<i>Xích thạch chỉ</i>	5 phân
<i>Mạch môn</i>	5 phân	<i>Cân khương</i>	3 phân
<i>Dương quy</i>	3 phân	<i>Nhục quế</i>	2 phân
<i>Cam thảo</i>	2 phân	<i>Thục địa</i>	2 phân

10- NHÂN SÂM LÝ TRUNG THANG

Tức Lý trung thang bội dụng Nhân sâm

11- BÁT VỊ TIÊU DAO TÁN

<i>Dương quy</i>	<i>Bạch thược</i>
<i>Bạch linh</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Bạch truật</i> (đều dùng 1 đồng cân)
<i>Mẫu đơn bì</i>	<i>Sơn chi tử</i> (đều dùng 7 phân)

Sắc uống.

12- ĐÌNH TÂM THANG

<i>Thạch xương bồ</i>	5 đồng cân	<i>Cam cúc hoa</i>	5 đồng cân
<i>Câu kỳ tử</i>	5 -	<i>Thần sa</i>	-
<i>Viễn chí</i>	1 -	<i>Mạch môn</i>	1 lạng

Các vị tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng (1) liều uống 30 viên, uống với nước chín.

13- CHỈ TRUẬT THANG

<i>Chỉ thực</i>	<i>Thương truật</i> đều bằng nhau
<i>Lá sen</i> chút ít	Sắc cho uống

14- TRƯ THIẤP THANG

<i>Hoắc hương</i>	<i>Thương truật</i>
<i>Hậu phác</i>	<i>Bán hạ</i> đều 6 phân
<i>Trần bì</i>	<i>Bạch truật</i>
<i>Bạch linh</i> , đều dùng 4 phân	<i>Cam thảo</i> 2 phân

Thêm gừng, táo sắc uống.

15- QUẾ CHI GIA PHỤ TỬ THANG

<i>Quế chi</i>	<i>Phụ tử</i> đều 2 đồng cân
<i>Bạch thược</i>	<i>Cam thảo</i> đều 1 đồng cân

Thêm gừng, táo sắc uống.

16- TRÂM HƯƠNG HOÀN

<i>Trâm hương</i>	<i>Thạch vĩ</i>
<i>Hoạt thạch</i>	<i>Vương bất lưu hành</i>
<i>Dương qui</i> đều 5 đồng cân	<i>Bạch thược</i> đều 3 đồng cân
<i>Hạt qùy</i>	<i>Trần bì</i> 1 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	

Các vị tán nhỏ liều uống 2 đồng cân, sắc nước Đại mạch làm thang mà uống với thuốc.

1) *Bằng hạt ngô đồng*: Lấy làm thuốc xưa kia, hay lấy một vật A B nào đó để làm cỡ, ví dụ: Bằng hạt đậu xanh, hạt mè, quả táo, hạt Ngô đồng. Liên hệ chế độ cân đo ngày nay, vỏ hạt Ngô đồng tương đương 0g.03.

17- THIÊN TỶ ÂM

Sai hồ

Bán hạ

Hoàng cầm

Bạch quả (tức ngân hạnh)

Bạch truật

Bạch linh

Hầu phác

Thanh bì đều bằng nhau

Thêm gừng, táo sắc uống.

18- THIÊN TÂM LƯƠNG HUYẾT THANG

Sinh địa

Liên nhục

Hoàng kỳ

đều 2 đồng cân

Dương quy 3 đồng cân

Hoàng cầm 1,5 đồng cân

Hoàng liên 1 đồng cân

Địa cốt bì 1 đồng

Sắc cho uống ấm.

19- TRUẬT PHỤ THANG

Bạch truật 3 đồng cân

Phụ tử 2 đồng cân

Cam thảo 1 đồng cân

Địa cốt bì 1 đồng cân

Gừng 3 nhát, táo 2 quả, sắc cho uống ấm.

20- HOÀNG LIÊN TÁ TÂM THANG

Dùng độc vị *Hoàng liên* tán nhỏ, tùy bệnh nhân lớn bé mà quý định liều dùng 1,2 đồng cân, hòa với nước cho uống.

21- THUỘC DƯỢC THANG

Bạch thược 3 đồng cân

Chích cam thảo 1,5 đồng cân

Sắc cho uống ấm.

22- QUẾ CHI THUỘC DƯỢC THANG

Quế chi

Bạch thược

đều 3 đồng cân

Nhân sâm

Cam thảo

đều 1 đồng cân

Thêm gừng, táo sắc uống.

23- ĐỊA CỐT BÌ THANG

<i>Địa cốt bì</i>	<i>Trư mẫu</i>
<i>Nhân sâm</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Bạch linh</i>	<i>Bán hạ</i>
<i>Cam thảo</i>	đều bằng nhau.

Thêm gừng sắc uống. Có đông kinh thêm *Thuyền thoái*, *Thiên ma*, *Hoàng cầm*.

24- SÀI VẬT THANG

<i>Thục địa</i>	3 đồng	<i>Dương quy</i>	2 đồng
<i>Xuyên khung</i>	1 đồng	<i>Bạch thược</i>	2 đồng
<i>Sài hồ</i>	3 đồng	<i>Hoàng cầm</i>	1 đồng
<i>Cam thảo</i>	4 phân	<i>Bán hạ</i>	1 đồng
<i>Nhân sâm</i>	2 đồng		

Gừng 3 nhát, táo 2 quả, sắc lọc bỏ bã để lắng trong, uống ấm.

25- BỔ PHẾ TÁN

<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoàng kỳ</i>
<i>Ngũ vị</i>	<i>Tổ tử đều</i> 1 đồng cân
<i>Tang bạch bì</i> 1 đồng cân	<i>Thục địa</i> 3 đồng cân

Các vị tán nhỏ trộn với mật ong cho nuốt.

26- QUÂN KHÍ TÁN

<i>Thảo địa khấu</i>	<i>Trần bì</i>
<i>Trầm hương</i>	<i>Nhân sâm</i> đều 5 đồng cân
<i>Ích trí nhân</i>	<i>Dan hương</i>
<i>Dại phúc bì</i>	đều 1 lạng

Các vị tán nhỏ sắc với nước gừng nhạt

27- TỬ LINH TÁN

<i>Trư linh</i>	2 đồng cân	<i>Trạch tả</i>	1 đồng cân
<i>Phục linh</i>	3 đồng cân	<i>Bạch truật</i>	3 đồng cân

Các vị sắc cho uống ấm.

28- SINH KHƯƠNG BÁN HẠ THANG

Bán hạ 5 đồng cân, nước 1 chén sắc còn nửa chén.

Gừng già vắt nước cốt nửa chén. Hai vị trộn thật đều cho uống.

29- NGŨ LINH TÁN

Tứ linh già tán *Nhục quế* 5 phân, liêu uống 2 đồng hòa với nước sôi mà uống.

30- BÁN HẠ HOÀN

Bán hạ, tẩm dầu mè, sao tán nhỏ, luyện với cháo làm viên bằng hạt ngô đồng, liêu 3-5 viên, uống với nước sôi khi đói lòng.

31- CHI THÔNG HOÀN

<i>Khương hoạt</i>	1 lạng	<i>Úc lý nhân</i>	1,5 lạng
<i>Đại hoàng</i>	8 đồng cân	<i>Bình lang</i>	5 đồng cân
<i>Mộc hương</i>	5 đồng cân	<i>Quế tâm</i>	5 đồng cân
<i>Xuyên khung</i>	5 đồng cân		

Các vị tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liêu uống 30 viên, chiều với nước sôi khi đói lòng.

32- QUÍT BÌ BÁN HẠ THANG

<i>Nhân sâm</i>	3 đồng cân	<i>Trần bì</i>	5 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	1,5 đồng cân	<i>Bán hạ</i>	2 đồng cân
<i>Trúc nhự</i>			

Sắc cho uống ấm.

33- ĐẠO XÍCH TÁN

<i>Sinh địa</i>		<i>Mộc thông</i>	
<i>Cam thảo</i>			
<i>Lá tre</i>	1 lá		

Đều bằng nhau sắc cho uống ấm.

34- BÌNH VỊ TÁN

<i>Thương truật</i>	4 đồng cân	<i>Trần bì</i>	3 đồng cân
---------------------	------------	----------------	------------

<i>Hậu phác</i>	3 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân
-----------------	------------	-----------------	------------

Các vị sắc cho uống ấm.

35- PHỤ TỬ TỬ NGHỊCH THANG

<i>Can khương</i>	5 đồng cân	<i>Phụ tử</i>	1,5 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	1 lạng	Sắc cho uống ấm.	

36- LUƠNG CÁCH TÁN

<i>Liên kiều</i>	3 đồng cân	<i>Dại hoàng</i>	
<i>Hoàng cầm</i>		<i>Lá tre</i>	
<i>Bạc hà</i>	đều 5 phân	<i>Phác tiêu</i>	2,5 phân
<i>Cam thảo</i>	1,5 đồng cân		

Các vị sắc xong chế vào chút ít mật ong, hòa đều mà uống.

37- TIỂU SÀI HỒ THANG

<i>Sài hồ</i>	3 đồng cân	<i>Hoàng cầm</i>	2 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân	<i>Bán hạ</i>	1 đ/c
<i>Cam thảo</i>	4 phân	<i>Gừng</i>	3 nhát
<i>Táo</i>	2 quả		

Các vị sắc xong, lọc bỏ bã, để lắng trong cho uống ấm.

38- ĐẠI SÀI HỒ THANG

<i>Sài hồ</i>	3 đồng cân	<i>Hoàng cầm</i>	1 đồng cân
<i>Bạch thược</i>	1 đồng cân	<i>Chỉ xác</i>	1 đ/c
<i>Bán hạ</i>	1,5 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	1 đ/c

Dại hoàng 3 đ/c, người khỏe thì thêm vào, người yếu thì giảm bớt, gừng 3 nhát, táo 2 quả.

Sắc xong đến lúc uống mới cho *Dại hoàng* vào sắc sôi hai dạo mà uống.

39- QUÍT BÌ THANG

<i>Trần bì</i> 15 lạng	<i>Dương quy</i>
<i>Tỳ giải</i>	<i>Nhục thung dung</i>
<i>Ngô thù</i>	<i>Hậu phác</i>

Nhục quế

Dương khởi thạch

Ba kích

Thạch học

Phụ tử

Thổ tư tử

Ngưu tất

Lộc nhung

Đỗ trọng

Can khương đều 3 lạng

Các vị tán nhỏ, dùng 5 cân rượu nấu với bột Trần bì, cô đặc rồi cho bột các vị kia vào khuấy đều rồi cho vào cối đá nà quết, luyện thành viên bằng hạt ngô đồng.

Liều uống 30 viên, uống với rượu nóng và một ít muối lúc đói lòng.

40- LÝ TRUNG THANG

Nhân sâm

3 đồng cân

Bạch truật thổ sao 2 đồng cân

Bào khương

1 đ/c

Chích thảo 5 phân

Các vị sắc cho uống ấm.

41- PHỤ TỬ LÝ TRUNG THANG

Tức Lý trung thang trên, thêm 1 đồng cân Phụ tử.

42- TIỂU KIẾN TRUNG THANG

Bạch thược

5 đồng cân

Cam thảo

2 đồng cân

Nhục quế

3 đ/c

Kẹo mạch nha

nửa chén

Các vị sắc xong, lọc bỏ bã rồi cho kẹo mạch nha vào khuấy tan mà uống.

43- KIẾN TRUNG THANG

Gọi là Nhân sâm kiến trung khi có thêm Nhân sâm, còn gọi là Hoàng kỳ kiến trung thang đều chữa hư lao.

44- NGŨ CÁCH KHOAN TRUNG THANG

Thanh bì

4 phân

Trần bì

4 phân

Đinh hương

4 phân

Sa nhân

4 phân

Hậu phác

1,5 đồng cân

Hương phụ

1,5 đồng cân

Cam thảo

5 đồng cân

Mộc hương

3 phân

Bạch đậu khấu

2 phân thêm

Nam tinh

Bán hạ

Các vị tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân, dùng gừng muối nấu sôi lấy nước làm thang uống.

45- SÂM TÔ ẨM

<i>Nhân sâm</i>	7 phân	<i>Tía tô</i>	7 phân
<i>Tiên hồ</i>	7 phân	<i>Bán hạ</i>	7 phân
<i>Phục linh</i>	7 phân	<i>Cát cánh</i>	7 phân
<i>Mộc hương</i>	5 phân	<i>Cần cát</i>	7 phân
<i>Trần bì</i>		<i>Chỉ xác</i>	

Gừng 3 nhát, Táo 2 quả sắc uống.

46- ĐỘC SÂM THANG

Dùng độc vị *Nhân sâm* 2 lạng, sắc chung với vài quả táo cho uống.

47- SINH MẠCH TÁN

<i>Nhân sâm</i>	3 đ/c	<i>Ngũ vị</i>	3 đ/c
<i>Mạch môn</i>	2 đ/c		

Sắc uống.

48- TẢ PHẾ ẨM

<i>Tang bạch bì</i>	<i>Địa cốt bì</i>		
<i>Cam thảo</i>	đều bằng nhau	<i>Lá tre</i>	30 lá

Thêm *Đang tâm* sắc uống.

49- BỔ TÂM THANG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch linh</i>
<i>Tiên hồ</i>	<i>Bán hạ</i> đều 3 phân
<i>Cuyền khung</i>	<i>Chỉ xác</i>
<i>Trần bì</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Từ tô</i>	<i>Cam thảo</i> đều 5 đồng cân
<i>Can khương</i>	<i>Bạch thược</i> đều 1 lạng
<i>Dương quy</i>	<i>Thục địa</i> đều 1,5 lạng

Các vị tán giập, liều dùng 4 đồng cân cùng gừng táo sắc uống.

50- ÔN TÂM THANG (*Khuyết 1*)

51- ÔN CAN THANG

<i>Thục địa</i>	<i>Bạch linh</i>
-----------------	------------------

<i>Cúc hoa</i>	<i>Tế tân</i> đều 1,8 đồng cân
<i>Bạch thược</i> 2,7 đồng cân	<i>Bá tử nhân</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Cam thảo</i> đều 9 phân
<i>Sài hồ</i> 3-6 đồng cân.	

Các vị sắc cho uống

52- NOÃN CAN THANG

<i>Dương quy</i>	3 đồng cân	<i>Kỳ tử</i>	3 đồng
<i>Bạch linh</i>	2 đồng cân	<i>Tiểu hồi</i>	
<i>Nhục quế</i>	2 đồng cân	<i>Ô dước</i>	2 đồng cân
<i>Trâm hương</i>	2 đồng cân	(Hoặc dùng <i>Mộc hương</i>)	

Các vị có thể cho vào hai chén nước con, gừng 5 nhất sắc còn 7 phần, uống ấm cách xa bữa ăn.

53- THANH TÂM HOÀN

<i>Hoàng liên</i>	1 lạng	<i>Phục thần</i>	5 phân
<i>Xích phục linh</i>	5 phân		

Các vị tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hột ngô đông, liều uống 100 hoàn, uống với nước cơm.

54- NHÂN SÂM HOÀNG KỲ THANG

<i>Nhân sâm</i>	5 phân	<i>Bạch truật</i>	5 phân
<i>Thương truật</i>	5 phân	<i>Mạch môn</i>	5 phân
<i>Dương quy</i>	5 phân	<i>Hoàng kỳ</i>	4 phân
<i>Thăng ma</i>	6 phân	<i>Hoàng bá</i>	4 phân
<i>Thần khúc</i>	3 phân		

Các vị sắc uống.

55- ÍCH HOÀNG TÁN

<i>Trần bì</i>	5 phân	<i>Thanh bì</i>	5 phân
<i>Cam thảo</i>	5 phân	<i>Kha tử</i>	5 phân
<i>Đinh hương</i>	2 phân		

Các vị sắc uống, liều trẻ lớn nhỏ liệu gia giảm cho vừa.

56- NGŨ BỔ HOÀN (Khuyết 2)

57- HÓA ĐỒM NGỌC HỒ HOÀN

<i>Nam tinh</i>	2 đồng cân	<i>Bán hạ</i>	2 đồng cân
<i>Bạch truật</i>	2 đồng cân	<i>Hùng hoàng</i>	1 đồng cân

Các vị tán nhỏ, nước cốt gừng nấu hồ làm viên cho uống.

58- TỨ THUẬN THANH LƯƠNG ẨM

<i>Dương quy</i>	<i>Bạch thược</i>
<i>Dại hoàng</i>	<i>Cam thảo</i> đều bằng nhau

Các vị sắc uống.

59- ĐIỀU TRUNG THANG

<i>Cát căn</i>	5 phân	<i>Hoàng cầm</i>	5 phân
<i>Bạch thược</i>	5 phân	<i>Cáo bản</i>	5 phân
<i>Bạch truật</i>	5 phân	<i>Cát cánh</i>	5 phân
<i>Bạch linh</i>	5 phân	<i>Cam thảo</i>	5 phân

Các vị sắc uống ấm.

60- BÁT CHÁNH TÁN

<i>Xa tiền</i>	<i>Cù mạch</i>
<i>Biển sát</i>	<i>Hoạt thạch</i>
<i>Sơn chi tử</i>	<i>Dại hoàng</i>

Một thống đều bằng nhau gia *Cam thảo* *Dương tâm* sắc uống.

61- Ô DƯỢC TRẦM HƯƠNG HOÀN

<i>Ô dược</i>	1 lạng	<i>Trầm hương</i>	5 phân
<i>Nhân sâm</i>	3 phân	<i>Cam thảo</i>	4 phân

Các vị tán nhỏ, liều uống 5 phân, cho vào ít muối gừng sắc uống.

62- LONG ĐỒM TẢ CAN THANG

<i>Long đóm thảo</i>	1 đồng	<i>Trạch tả</i>	1 đồng
----------------------	--------	-----------------	--------

<i>Xa tiền</i>	5 phần	<i>Mộc thông</i>	5 phần
<i>Sinh địa</i>	5 phần	<i>Quy vĩ</i>	5 phần
<i>Sơn chi tử</i>	5 phần	<i>Hoàng cầm</i>	5 phần

Các vị sắc uống.

63- QUẾ PHỤ LÝ TRUNG THANG

Túc Lý trung thang gia *Nhục quế Phụ tử*.

64- CAM CÁT THANG

<i>Cam thảo</i>	1 đồng	<i>Cát cánh</i>	5 phần
-----------------	--------	-----------------	--------

Nước 1 chén rưỡi sắc còn 1 chén, chia uống 3 lần trong ngày.

65- TRẠCH TẢ TÁN

<i>Trạch tả</i>	<i>Xích linh</i>
<i>Trư linh</i>	<i>Chỉ xác</i>
<i>Mộc thông</i>	<i>Binh lang</i>

Hắc sủu, đều bằng nhau

Các vị tán nhỏ, liều uống 2 đồng, hành gừng nấu sôi lấy nước hòa vào uống.

66- CÁCH KHÍ TÁN (Khuyết 3)

67- Ô BẠCH HOÀN

<i>Tạo giác</i>	<i>Ba đậu sượng</i>
<i>Hậu phác</i>	<i>Ngô thù du</i>
<i>Tử uyển</i>	<i>Hoàng liên</i> đều 5 đồng cân
<i>Xích phục linh</i>	<i>Nhân sâm</i>
<i>Thục liêu</i>	<i>Nhục quế</i>
<i>Can khương</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Xương bồ</i> đều 1 lạng
<i>Xuyên ô</i> 1,5 lạng	

Các vị tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều uống 5 viên dùng gừng nấu lấy nước làm thang.

68- NGŨ QUÂN TỬ THANG

<i>Nhân sâm</i>	4	<i>Bạch truật</i>	3 đ/c
<i>Bạch linh</i>	2	<i>Cam thảo</i>	5 phần

Trần bì 1 đồng (tức Tứ quân tử thang gia Trần bì)
 Các vị sắc uống.

69- TỬ VẬT THANG

Thục địa 2,5 đồng *Dương quy* 2 đồng
Bạch thược 2,5 đồng *Xuyên khung* 2 đồng
 Các vị sắc uống.

70- LONG CỐT HOÀN (khuyết 4)

71- TỬ BẠCH THANG

Bạch truật *Bạch thược*
Bạch linh *Bạch biển đậu*
Nhân sâm *Hoàng kỳ* đều 1 đồng cân
Cam thảo 5 phân

72 TỬ NGHỊCH THANG

Can khương 5 đồng cân *Phụ tử* 2,5 đồng cân
Cam thảo 1 đồng cân
 Các vị sắc uống.

73- ĐIỀU VỊ THỪA KHÍ THANG

Dại hoàng 4 *Mang tiêu* 3
Cam thảo 1
 Các vị sắc uống.

74- TIỂU THỪA KHÍ THANG

Dại hoàng 5 *Hậu phác* 2
Chỉ thực 2
 Các vị sắc uống.

75- ĐẠI THỪA KHÍ THANG

Dại hoàng *Hậu phác*
Mang tiêu *Chỉ thực* đều 2,5 đồng cân

Nước 1 bát, trước sắc Hậu phác. Chỉ thực đến còn 7 phần, cho Đại hoàng vào, sắc sôi vài ba dạo lọc bỏ bã, lại cho Mang tiêu vào đun sôi vài dạo cho hòa tan mà uống ấm.

76- ĐÀO NHÂN THỪA KHÍ THANG

Dại hoàng

Đào nhân

3

Quế chi

Mang tiêu đều 2 đồng cân

Cam thảo 1 đồng cân

77- MẬT ĐẠO PHÁP

Dùng nửa chén mật ong, cho vào nồi đồng đun nhỏ lửa thẳng đến lúc nhỏ nước vào không tan là được, cho bột Tạo giác vào 2 đồng cân quét đều, dùng tay bắt lên, vè thành thoi dạng quả táo chua dài hơn 1 tấc, hai đầu hơi nhọn, chấm vào dầu em đem nhét vào hậu môn, khi đi ngoài được thì bỏ đi. Nếu chưa thông thì thay lần khác mà ngoài dùng vài nhét hậu môn, cố nhịn chờ đến khi phân ra.

78- LƯƠNG NGHI CAO

Nhân sâm 4 lạng, Thục địa 1 cân, dùng nước ngọt hoặc nước dòng sông 15 bát, ngâm 1 đêm rồi đem ra nấu; dùng củi dầu lửa to rồi lửa nhỏ sắc lấy nước đậm, nếu còn vị chưa hết thì dùng vài ba bát nấu đặc rồi lọc bỏ bã, cô cách thủy cho thành cao, cho thêm mật ong 4 lạng quấy đều rồi rót vào hũ để dành. Thường pha với nước sôi để uống.

79- KIM LỘ CAO

Trước đem mật ong 6 lạng, đun cho tan ra rồi cho vào 1 lạng Hoàng đơn, nước dòng sông 4 chén, dùng cành mai cánh liễu non (6-7 cành) quấy đều, cho vào 1 lạng bột Ngọc trúc (tức Nhụy nhân) chờ sôi mười mấy dạo, lại cho 5 đồng cân bột Hoàng liên vào, quấy luôn tay; đến khi còn được 1 chén 7-8 phần, dùng lụa bọc qua cốt để dành dùng.

80- VỊ QUAN TIÊN

Thục địa 5

Hoài sơn

2

Biến đậu 2

Chích thảo

1

Can khương

Ngô thù chế

7 phần

Bạch truật 3

Nước 2 chén, sắc còn 7 phần cho uống ấm lúc xa bữa ăn.

81- GIA VỊ TIÊU GIAO ẨM

Bạch truật 1 đồng

Bạch thược

1 đồng

Bạch linh 6 phần

Mạch môn

6 phần

<i>Sinh địa</i>	6 phân	<i>Địa cốt bì</i>	8 phân
<i>Dương quí</i>	8 phân	<i>Sơn chi tử</i>	3 phân
<i>Hoàng bá</i>	3 phân		

Các vị sắc cho uống ấm.

82- PHỤ TỬ LÝ ÂM THANG

<i>Thục địa</i>	3 đồng	<i>Dương quy</i>	1 đồng
<i>Chích thảo</i>	1 đồng	<i>Can khương</i>	2 đồng
Hoặc gia <i>Nhục quế</i>	1 đồng	<i>Phụ tử</i>	1 đồng

Nước 2 chén sắc còn 7 phân cho uống nóng.

83- LỤC VỊ HỒI DƯƠNG ÂM

<i>Nhân sâm</i>	2-3 lạng	<i>Phụ tử</i>	2-3 đồng cân
<i>Bào khương</i>	3 đồng cân	<i>Thục địa</i>	5 đồng cân
<i>Dương quy</i>	3 đồng cân		hoặc 1 lạng

Như có ỉa chảy hoặc có huyết động dùng Mạch môn, Bạch truật. Nước 2 chén, lửa to sắc còn 7 phân cho uống ấm.

84- TAM HOÀNG THẠCH CAO THANG

<i>Hoàng cầm</i>	2 đồng cân	<i>Hoàng liên</i>	2 đồng cân
<i>Hoàng bá</i>	2 đồng cân	<i>Sơn chi tử</i>	2 đồng cân
<i>Thạch cao</i>	5 đồng cân	<i>Ma hoàng</i>	1,5 đồng cân
<i>Hương sì</i>	2 đồng cân (nếu có mồ hôi thì bỏ đi)		

Các vị sắc cho uống ấm.

85- BẠCH HỒ THANG

<i>Tri mẫu</i>	2 đồng cân	<i>Thạch cao</i>	5 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	6 đồng cân	<i>Gạo tẻ</i>	nửa vốc

Sắc cho uống ấm.

86- ĐƠN HƯƠNG PHỤ HOÀN

Dùng dọc vị *Hương phụ* 1 cân, ngâm với nước vo gạo 1 đêm khi *Hương phụ* nát bấy là được, lấy ra hong sấy khô tán nhỏ, dấm quấy hồ làm hoàn bằng hạt ngô đồng, liều

uống 50 hoàn, thang tổng bằng nước cơm và dấm nhạt đun sôi qua.

87- HOÀNG CẦM THUỘC ĐƯỢC THƯƠNG

<i>Hoàng cầm</i>	3 đồng cân	<i>Bạch thuộc</i>	2 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	5 phân	<i>Táo</i>	2 quả

Các vị sắc uống.

88- NGŨ TÍCH TÁN

<i>Bạch chỉ</i>	3 đồng cân	<i>Xuyên khung</i>	3 đồng cân
<i>Bạch thuộc</i>	3 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	3 đồng cân
<i>Bạch linh</i>	3 đồng cân	<i>Dương quy</i>	3 đồng cân
<i>Nhục quế</i>	3 đồng cân	<i>Trần bì</i>	6 phân
<i>Ma hoàng</i>	6 phân	<i>Hậu phác</i>	4 phân
<i>Can khương</i>	4 phân	<i>Cát cánh</i>	1,5 phân
<i>Chỉ xác</i>	5 phân	<i>Bán hạ</i>	2 đồng cân
<i>Thương truật</i>	7,5 phân		

Gia khương, táo sắc uống.

89- PHÂN TÂM KHÍ ẨM

<i>Mộc thông</i>	6 phân	<i>Quan quế</i>	6 phân
<i>Xích thuộc</i>	6 phân	<i>Phục linh</i>	6 phân
<i>Bán hạ</i>	6 phân	<i>Cam thảo</i>	6 phân
<i>Khương hoạt</i>	6 phân	<i>Tang bạch bì</i>	6 phân
<i>Đại phúc bì</i>		<i>Tứ tử</i>	2 phân
<i>Thanh bì</i>	5 phân		

Các vị thêm gừng, hành, Dạng tâm sắc uống.

90- TIÊU ĐIỀU KINH THƯƠNG

<i>Dương quy</i>	1 lạng	<i>Xích thuộc</i>	1 lạng
<i>Quế tâm</i>	1 đồng cân	<i>Hổ phách</i>	1 đồng cân
<i>Một dược</i>	5 phân	<i>Xạ hương</i>	5 phân
<i>Cam thảo Tế tân</i>			

Các vị tán nhỏ, liều uống 5 phân, rượu với nước gừng mà uống.

91- ĐÓN ĐẠI HOÀNG CAO

Dùng độc vị Cẩm vân Đại hoàng 4 lạng, tẩm rượu sậy khô, tán nhỏ, dấm chua 1 chén cô đặc lại luyện làm viên bằng quả trứng gà, liều dùng 1 viên, khi đi ngủ hòa tan trong rượu nóng mà uống.

92- ĐÓN THƯƠNG TRUẬT CAO

Thương truật dùng 2-3 cân, thái nhỏ, mỗi lần nấu 4-5 lạng, đổ nước gấp 8 lần; nấu lấy nước đậm, lọc bỏ bã rồi cho thêm *Thương truật* mà nấu nữa, cạn nước thì cứ thêm nước sôi, lúc nào cũng vừa 1 tắc, mẻ cuối cùng thì không thêm nước sôi mà lọc bỏ bã, cô lại thành cao, hoặc thêm 4 cân mật ong, thường uống lúc đói lòng.

93- NHỊ TRẦN THƯƠNG

<i>Trần bì</i>	2	<i>Bán hạ</i>	1 đồng cân
<i>Bạch linh</i>	8 phân	<i>Cam thảo</i>	4 phân

Các vị sắc cho uống ấm.

94- ĐẠO ĐỒM THƯƠNG

<i>Bạch linh</i>	2 phân	<i>Nam tinh</i>	2 phân
<i>Chỉ thực</i>	2 phân	<i>Bán hạ</i>	1 đồng
<i>Trần bì</i>	5 phân	<i>Hoàng cầm</i>	5 phân
<i>Thương truật</i>	5 phân	<i>Hoàng kiên</i>	5 phân
<i>Quạ lâu</i>	5 phân	<i>Cát cánh</i>	4 phân
<i>Nhân sâm</i>	3 phân	<i>Cam thảo</i>	2 phân
<i>Gừng</i>	3 nhát	<i>Táo</i>	2 quả

Các vị sắp xong khi uống chế Trúc lịch, Khương tráp vào khuấy đều mà uống.

95- GIA VỊ DƯỠNG VINH THƯƠNG

<i>Dương quy</i>	2 lạng	<i>Thục địa</i>	2 lạng
<i>Bạch truật</i>	2 lạng	<i>Bạch thược</i>	1,5 lạng
<i>Xuyên khung</i>	1,5 lạng	<i>Hoàng cầm</i>	1,5 lạng
<i>Hương phụ</i>	1,5 lạng	<i>Trần bì</i>	1 lạng
<i>Bối mẫu</i>		<i>Mạch môn</i>	
<i>Bạch linh</i>	đều 1 lạng	<i>A dao</i>	7 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	5 đồng	<i>Cam thảo</i>	5 đồng cân

Hắc sừu (sao bỏ vỏ 49 hạt

Các vị tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng liều uống 70-90 viên, thang bằng rượu nóng có chút muối.

96- ĐƯƠNG QUY THANG

<i>Bạch truật</i>	5 đồng cân	<i>Hoàng cầm</i>
<i>Son thù du</i>		<i>Dương quy</i>
<i>Xuyên khung</i>		<i>Bạch thược</i> đều 1 lạng

Các vị tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân, uống với rượu lúc đói lòng.

97- ĐIỀU KINH TÁN

<i>Dương quy</i>	2,5 đồng cân	<i>Mạch môn</i>	2 đồng cân
<i>Ngô thù du</i>		<i>Nhục quế</i>	đều 5 phân
<i>Nhân sâm</i>		<i>Bán hạ</i>	
<i>Bạch thược X</i>		<i>uyên khung</i>	
<i>Mẫu đơn bì</i>	đều 1 đồng cân		
<i>A đao Cam thảo</i>	đều 7,5 phân		

Thêm gừng sắc uống.

98- ĐƠN ĐƠN SÂM TÁN

Dùng độc vị Đơn sâm tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân, uống với rượu.

99- ĐÀO NHÂN TÁN

<i>Đào nhân</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Bán hạ</i>	<i>Trạch lan</i>
<i>Ngưu tất</i>	<i>Dương quy</i>
<i>Quế tâm</i>	<i>Mẫu đơn bì</i>
<i>Nhân sâm</i>	<i>Bồ hoàng</i>
<i>Xuyên khung</i> đều 5 đồng cân	<i>Xích thược</i>

Thêm gừng sắc uống.

100- NGƯU TẤT TÁN

<i>Ngưu tất</i>	1 lạng	<i>Tỳ giải</i>	1 lạng
-----------------	--------	----------------	--------

<i>Đỗ trọng</i>	1 lạng	<i>Nhục dong</i>	1 lạng
<i>Thỏ ty tử</i>	1 lạng	<i>Phòng phong</i>	1 lạng
<i>Hồ lô ba</i>	1 lạng	<i>Bổ cốt chỉ</i>	1 lạng
<i>Tật lê</i>	1 lạng	<i>Nhục quế</i>	5 đồng cân

Dùng cất lợn nấu với rượu, giã nát bột, luyện với thuốc làm hoàn bằng hạt ngô đồng, liều uống 50 viên, uống với rượu khi đói lòng.

101- THẤT TIỂU TÁN

Bồ hoàng

Ngũ linh chi đều bằng nhau

Các vị tán nhỏ liều dùng 2 đồng cân, trước lấy dấm, trộn đều thành cao rồi chế vào 1 chén nước nóng, cho uống lúc đói lòng.

102- CỔ KIM HOÀN

<i>Hoàng cầm</i>	1 lạng	<i>Bạch thược</i>	1 lạng
<i>Quy bản</i>	1 lạng	<i>Xuân căn bì</i>	7 đồng cân
<i>Hoàng bá</i>	3 đồng cân	<i>Hương phụ</i>	2 đồng

Các vị tán nhỏ, dấm quấy hồ làm bằng hạt ngô đồng, liều dùng 50 viên uống với rượu.

103- CỔ KHUNG QUY THANG

<i>Xuyên khung</i>	2 đ/c	<i>Dương quy</i>	2 đ/c
--------------------	-------	------------------	-------

Các vị sắc xong chế rượu vào hâm nóng lên mà uống.

104- ĐẠI ÔN KINH THANG

<i>A dao</i>	2 phân rưỡi	<i>Bạch thược</i>	2 phân rưỡi
<i>Xuyên khung</i>	2 phân rưỡi	<i>Dương quy</i>	2 phân rưỡi
<i>Nhân sâm</i>	2 phân rưỡi	<i>Nhục quế</i>	2 phân rưỡi
<i>Cam thảo</i>	2 phân rưỡi	<i>Mạch môn</i>	5 phân

Thêm gừng sắc uống ấm.

105- VẠN ỨNG HOÀN

<i>Binh lang</i>	5 đồng cân	<i>Đại hoàng</i>	8 lạng
<i>Hắc đậu</i>	4 lạng		

Các vị tán nhỏ, dùng bồ kết 10 quả, vỏ rễ xoan một nắm, sắc lấy nước cô thành cao luyện làm viên bằng hạt ngô đồng, trước áo bằng bột trầm hương, sau áo bằng bột lõi hoàn, Mộc hương. Liều uống 3 viên với nước đường cát lúc kinh tư.

106- TIỂU Ô KÊ HOÀN

<i>Ngô thù</i>	1 lạng	<i>Lương khương</i>	1 lạng
<i>Bạch khương</i>	1 lạng	<i>Dương quy</i>	1 lạng
<i>Bạch thược</i>	1 lạng	<i>Huyền hồ</i>	1 lạng
<i>Phác cố chỉ</i>	1 lạng	<i>Xuyên tiêu</i>	1 lạng
<i>Trần bì</i>	1 lạng	<i>Thanh bì</i>	1 lạng
<i>Lưu ký nô</i>	1 lạng	<i>Sinh địa</i>	1 lạng
<i>Nga truật.</i>	1 lạng	<i>Xuyên khung</i>	1 lạng
<i>Tro lá sen</i>	4 lạng	<i>Ngải cứu</i>	2 lạng

Các vị tán nhỏ, dùng thịt gà ác ninh nhừ, giã nát luyện với thuốc làm viên mà uống.

107- HOA HỒNG ĐƯƠNG QUY TÁN

<i>Hồng hoa</i>	1,5 phân	<i>Bạch chỉ</i>	1,5 phân
<i>Nhục quế</i>	1,5 phân	<i>Dương quy</i>	2 phân
<i>Ngưu tất</i>	2 phân	<i>Tử uy</i>	2 phân
<i>Tô mộc</i>	2 phân	<i>Cam thảo</i>	2 phân
<i>Lưu ký nô</i>	2 phân	<i>Xích thược</i>	9 phân

Các vị tán nhỏ, liều dùng 2 đồng, uống với rượu nóng.

108- TỬ UY TÁN

<i>Tử uy</i>	<i>Nhục quế</i>
<i>Xích thược</i>	<i>Huyền hồ</i>
<i>Bạch chỉ</i>	<i>Mẫu đơn</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Lưu ký nô</i>

Các vị đều bằng nhau. Nước 2 rượu 1, cho chút ít hồng hoa vào sắc uống.

109- SÀI HỒ ÚC CAN TÁN

<i>Sài hồ</i>	1,5 đồng cân	<i>Xích thược</i>	1,5 đồng cân
<i>Mẫu đơn</i>	1,5 đồng cân	<i>Thanh bì</i>	2 đồng cân

<i>Liên kiều</i>	5 phân	<i>Sinh địa</i>	5 phân
<i>Địa cốt bì</i>	1 đồng cân	<i>Hương phụ</i>	1 đồng cân
<i>Thương truật</i>	1 đồng cân	<i>Sơn chi tử</i>	1 đồng cân
<i>Xuyên khung</i>	7 phân	<i>Cam thảo</i>	2 phân
<i>Thần khúc</i>	8 phân		

Sắc xong chờ khi đi ngủ (đổi lòng) cho uống.

110- VIỆT CÚC HOÀN

<i>Hương phụ</i> (sao dấm)	<i>Thương truật</i> (tắm nước cơm sao)
<i>Xuyên khung</i>	
<i>Chi tử</i> (sao hắc)	<i>Thần khúc</i> (sao)

Các vị đều bằng nhau, tán nhỏ, lạng hoàn hạt đậu xanh uống với nước chín.

111- TẾ SINH QUY TỶ HOÀN

<i>Nhân sâm</i>	3 đồng cân	<i>Bạch truật</i>	2 đồng cân
<i>Phục thần</i>	2 đồng cân	<i>Long nhãn</i>	2 đồng cân
<i>Táo nhân</i>	2 đồng cân	<i>Dương quy</i>	2 đồng cân
<i>Hoàng kỳ</i>	2 đồng cân	<i>Viễn chí</i>	1 đồng cân
<i>Mộc hương</i>	chút ít	<i>Chích thảo</i>	1 phân

Các vị thêm gừng táo sắc uống.

112- Ô TẶC HOÀN

<i>Ô tặc cốt</i>	4 lạng
------------------	--------

Cùng tán nhỏ luyện với lòng trắng trứng chim sẻ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều uống 10 viên 50 viên, dùng nước mắm cá sấu sôi làm thang tống.

113- BÁ TỬ NHÂN THANG

<i>Bá tử nhân</i>	2 lạng	<i>Nhân sâm</i>	1 lạng
<i>Bạch truật</i>	1 lạng	<i>Bán hạ</i>	1 lạng
<i>Mẫu lệ</i>	1 lạng	<i>Ngũ vị tử</i>	1 lạng
<i>Ma hoàng căn</i>	1 lạng	<i>Cam thảo</i>	5 đồng cân

Các vị tán nhỏ, luyện với táo nhục làm viên mà uống với nước cơm.

114- Ô KÊ CỐT HOÀN

<i>Nhân sâm</i>	1 lạng	<i>Cam thảo</i>	1 lạng
<i>Nhục dong</i>	1 lạng	<i>Phá cố chỉ</i>	1 lạng
<i>Tiểu hồi</i>	1 lạng	<i>Bạch truật</i>	1 lạng

<i>Dương quy</i>	1 lạng	<i>Đơn sâm</i>	1 lạng
<i>Xuyên khung</i>	1 lạng	<i>Bạch linh</i>	1 lạng
<i>Hương phụ</i>	1 lạng	<i>Sa nhân</i>	4 đồng

Các vị tán nhỏ. Dùng thần khúc với rượu khuấy hồ luyện làm viên bằng hạt ngô đồng, liều uống 50 viên, thang với rượu.

115- CẦM TÂM HOÀN

Điều cầm 2 lạng, ngâm dấm một ngày nướng khô, lại ngâm lại nướng được 7 lần rồi tán nhỏ, dấm quấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, nên uống 70 viên thang bằng rượu ấm.

116- THẬP KHÔI TÁN

<i>Dại kế</i>	<i>Tiểu kế</i>
<i>Trắc bách diệp</i>	<i>Bạc hà</i>
<i>Rễ tranh</i>	<i>Rễ thì là</i>
<i>Dại hoàng</i>	<i>Sơn chi tử</i>
<i>Mẫu đơn bì</i>	<i>Tông bì</i> mười vị đều bằng nhau

Đều đốt tồn tính, tán nhỏ, dùng nước ngó sen hoặc nước củ cải, mài mực Tàu hòa vào mà uống.

117- BỊ KIM TÁN

<i>Hương phụ</i>	4 lạng	<i>Dương quy</i>	1,3 lạng
<i>Ngũ linh chi</i>	1 lạng		

Các vị đều tán nhỏ, liều uống 5 đồng cân, dấm nhạt đun sôi hòa lại mà uống.

118- LIÊN BỒNG TÁN

Guang sen đốt nghiền nhỏ hòa với rượu mà uống.

119- BÁ TỬ QUY PHỤ HOÀN

<i>Hương phụ từ chế</i> 12 lạng	<i>Bột tử vật tyang</i>	2 lạng
<i>A dao N</i>	<i>gỏi cứu</i>	một ít

Các món tán nhỏ, dùng Thạch lưu 1 quả giã nát, sắc lấy nước quấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều uống 100 viên, dấm nhạt đun sôi hòa lại mà uống.

120- NHỤC CHÍCH HOÀN

<i>Hoắc hương</i>	1 lạng rưỡi	<i>Dinh hương</i>	1 lạng rưỡi
<i>Hồi hương</i>	1 lạng rưỡi	<i>Nhục quế</i>	1 lạng rưỡi
<i>Thục địa</i>	1 lạng rưỡi	<i>Cam thảo</i>	8 lạng
<i>Bạch truật</i>	8 lạng	<i>Đương quy</i>	8 lạng
<i>Sơn dược</i>	8 lạng	<i>Bạch chỉ</i>	8 lạng
<i>Cảo bản</i>	1 lạng	<i>Can khương</i>	1 lạng
<i>Xuyên khung</i>	1 lạng	<i>Hoàng kỳ</i>	1 lạng
<i>Bạch thược</i>	1 lạng	<i>Mộc hương</i>	1 lạng
<i>Trần bì</i>	4 lạng		

Các vị tán dập, liều dùng 3 đồng cân, sắc với gừng và ngải cứu mà uống.

121- GIẢI ĐỘC TỬ VẬT THANG

<i>Đương quy</i>	4 phân	<i>Xuyên khung</i>	5 phân
<i>Bạch thược</i>	1 đồng cân	<i>Sinh địa</i>	2 đồng cân
<i>Hoàng liên</i>	2 đồng cân	<i>Địa du</i>	8 phân
<i>A đao</i>	6 phân	<i>Trắc bá diệp</i>	6 phân

Các vị sắc cho uống ấm.

122- ÍCH NGUYÊN TÁN

<i>Hoạt thạch</i>	6 lạng	<i>Cam thảo</i>	1 lạng
-------------------	--------	-----------------	--------

Tán nhỏ liều uống 2 đồng cân, hòa với tí mật và nước sôi mà uống.

123- NGŨ VỊ TỬ THANG (xem sau)

124- LỤC LONG CỔ BẢN HOÀN (khuyết 6)

125- LỤC VỊ BẢO NGUYÊN THANG (Khuyết 7)

126- ĐƯƠNG QUY TIỀN

<i>Đương quy</i>	1,5 lạng	<i>Bạch truật</i>	1,5 lạng
<i>Từu cầm</i>	5 phân	<i>Từu thược</i>	5 phân
<i>Xuyên khung</i>	5 phân	<i>Trần bì</i>	5 phân

<i>Từ thiên ma</i>	7,5 phân	<i>Thương truật</i>	7,5 phân
<i>Thương nhĩ</i>	7,5 phân.	<i>Từ cam thảo</i>	4 phân
<i>Hòa bá</i>	4 phân	<i>Phòng phong</i>	3 phân

Các vị sắc, chia uống bốn năm lần trong ngày.

127 UY HÍ HOÀN

Bạch linh thái nhỏ dùng *trư linh* 1 phân cùng cho vào chậu sành đổ nước nấu sôi nửa đạo, rồi lấy ra hong khô tán nhỏ, cân lấy 4 lạng.

Sáp ong 4 lạng, nấu chảy ra luyện với bột *Bạch linh* làm viên bằng hòn đạn, lúc đói lòng lấy ra nhai nhỏ, hòa với nước bọt từ từ nuốt xuống.

128- ĐẠI HIỆU CÙNG THẦN HOÀN (khuyết 8)

129- CẦM BÁ SƯ BÌ HOÀN

<i>Hoàng cầm</i>	<i>Hoàng bá</i>
<i>Sư bì</i>	<i>Hoạt thạch</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Hải phù thạch</i>
<i>Thanh đại</i>	<i>Dương quy</i>
<i>Bạch thược</i> đều bằng nhau.	

Dùng dấm quấy hồ làm viên mà uống.

130- HOÀNG KỲ KIẾN TRUNG THANG

Túc Tiểu kiến trung thang, gia Hoàng kỳ 1 lạng rưỡi.

131- KHỔ LUYỆN HOÀN

<i>Khổ luyện nhục</i>	<i>Tiểu hồi</i>
<i>Dương quy</i> đều 1 lạng	

Các vị tán nhỏ, rượu khuấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều uống 10 viên, uống với nước sôi.

132- ĐÔNG VIÊN CỐ CHÂN HOÀN

<i>Hoàng bá</i>	<i>Bạch thược</i> đều 5 đồng cân
<i>Sài hồ</i>	<i>Bạch thạch chi</i> đều 1 lạng

Long cốt

Dương quy

2 lạng

Can khương

4 lạng

Tán nhỏ, dùng Thần khúc tán hồ làm hoàn bằng hạt Ngô đồng, liều uống 10 viên, uống với nước sôi.

133- BỔ KINH CỐ CHÂN HOÀN

Sài hồ

Hoàng cầm

Úc lý nhân

Nhân sâm

Can khương

Cam thảo đều 1 đồng cân

Trần bì 5 phân *H*

oa quỳ trắng 1 đóa

(Nếu bệnh xích đới đổi quỳ đỏ)

Các vị sắc cho uống ấm.

134- ĐẠI Ô KÊ HOÀN

Tử kê Hương phụ 1 cân

Thục địa 4 lạng

Sinh địa Dương quy

Bạch thược Nhân sâm đều 3 lạng

Xuyên khung

Miết giáp đều 3 lạng rưỡi

Bạch truật

Hoàng kỳ

Ngưu tất

Sài hồ

Mẫu đơn bì

Tri mẫu

Bối mẫu đều 2 lạng

Hoàng liên

Địa cốt bì

Can khương

Huyền hồ đều 1 lạng

Phục linh 2,5 lạng

Tân giao 1 lạng

Các vị tán nhỏ, dùng 1 con gà ác trống, bóp cổ cho chết, vặt lông moi bỏ ruột, rửa sạch, dòn Ngải cứu Thanh cao (đều 4 lạng) vào bụng, phần còn thừa cũng cho hết vào nôi, đổ nước tiểu trẻ em vào ngập gà 1 tắc làm chùng, nấu chín rồi lấy ra, rút bỏ hết xương, nướng cháy nhỏ, trộn với thuốc trên và nước luộc gà ấy, quết nhuyễn làm hoàn bằng hạt ngô đồng, liều uống 10 viên, uống với rượu ấm và nước cơm.

135- HỒ PHÁCH CHU SA HOÀN

Hồ phách

4 đồng cân

Mộc hương

4 đồng cân

Dương quy

4 đồng cân

Một dược

4 đ/c

Nhũ hương

1 đồng cân

Xạ hương

1 đồng cân

Chu sa 2,5

Các vị tán nhỏ, luyện nước làm viên bằng hạt nhân, liều uống chỉ 1 viên, mài với rượu hân nóng mà uống.

136- CẦM TRUẬT SƯ BÌ HOÀN

<i>Hoàng cầm</i>	3 đồng cân	<i>Bạch truật</i>	3 đồng cân
<i>Sư bì</i>	2,5 đồng cân	<i>Bạch thược</i>	2,5 đ/c
<i>Sơn thù</i>	2,5 đ/c	<i>Bạch chỉ</i>	1,5 đ/c
<i>Hoàng liên</i>	1,5 đ/c	<i>Hoàng bá</i>	1,5 đ/c

Các vị tán nhỏ, dùng rượu quấy hồ làm viên uống với rượu ấm.

137- ĐÀO NHÂN TÁN

<i>Đào nhân</i>	2,5 đồng cân	<i>Hoa hòe</i>	2,5 đồng cân
<i>Ngải cứu</i>	2,5 đồng cân	<i>Táo</i>	7 quả

Tán nhỏ, trộn với nước cốt ngải cứu mà đắp.

138- GIA VỊ TUY QÙY THANG

<i>Nhân sâm</i>	4 đồng cân	<i>Hoàng kỳ</i>	4 đồng cân
<i>Dương quy</i>	4 đồng cân	<i>Bạch truật</i>	3 đồng cân
<i>Điền cầm</i>	1 đồng	<i>Long nhân</i>	2 đ/c
<i>Phục thần</i>	2 đ/c	<i>Viễn chí</i>	1 đ/c
<i>Tán nhân</i>	2 đ/c	<i>Mẫu đơn bì</i>	1 đ/c
<i>Thục địa</i>	nướng thơm 3 đồng.		

Các vị thêm gừng sắc uống.

139- NHÂN SÂM BẠI ĐỘC THANG

<i>Khương hoạt</i>	3 lạng	<i>Độc hoạt</i>	3 lạng
<i>Sài hồ</i>	3 lạng	<i>Tiền hồ</i>	3 lạng
<i>Chỉ xác</i>	3 lạng	<i>Cát cánh</i>	3 lạng
<i>Xuyên khung</i>	3 lạng	<i>Nhân sâm</i>	3 lạng
<i>Cam thảo</i>	1,5 phân		

Thêm 3 nhát gừng. Sắc cho uống ấm.

140- NHÂN SÂM CAO

Nhân sâm 1 cân, thái mỏng cho vào nồi đất mà sắc, lửa to, lửa nhỏ riu riu có đặc được 1 bát mà uống.

141- TỬ VẬT ĐỊA HOÀNG HOÀN

<i>Dương quy</i>	3 đồng	<i>Bạch thược</i>	3 đồng
<i>Xuyên khung</i>	2 đồng	<i>Sinh địa</i>	5 đồng

Rửa rượu già nát bột khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều uống 30 viên uống với rượu ấm.

142- QUẾ CHI THANG

<i>Quế chi</i>	3 đồng cân	<i>Bạch thược</i>	3 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân	<i>Gừng</i>	3 nhát sắc uống

143- HƯƠNG TÔ TÁN

<i>Hương phụ</i>	2 đồng cân	<i>Tía tô</i>	2 đồng cân
<i>Trần bì</i>	1 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	5 phân

Thêm gừng hành vào uống.

144- THÔNG BẠCH HƯƠNG SỊ THANG

<i>Hành</i>	7 nhánh	<i>Dậu sị</i>	1 cặp
<i>Ma hoàng</i>	3 đồng cân	<i>Cát cân</i>	1 đồng cân

Gừng 5 nhát sắc uống.

145- ĐẠI TOÀN THANG (khuyết 9)

146- CỎ ĐỔ TỤC HOÀN

<i>Đỗ trọng</i>	2 lạng	<i>Tục đoạn</i>	2 lạng
-----------------	--------	-----------------	--------

Các vị tán nhỏ quét với thịt quả táo làm viên bằng hạt ngô đồng, liều uống 30 viên thang bằng nước cơm.

147- SONG GIẢI TÁN

<i>Phòng phong</i>	2,5 đồng cân	<i>Xuyên khung</i>	2,5 đồng cân
<i>Dương quy</i>	2,5 đ/c	<i>Xích thược</i>	2,5 đ/c
<i>Đại hoàng</i>	2,5 đ/c	<i>Ma hoàng*</i>	3,5 đồng cân
<i>Bạc hà</i>	2,5 đ/c	<i>Liên kiều</i>	2,5 đồng cân

<i>Mang tiêu</i>	2,5 đ/c	<i>Thạch cao</i>	5 phân
<i>Cát cánh</i>	5 phân	<i>Hoàng cầm</i>	5 phân
<i>Hoạt thạch</i>	1,5 đồng cân	<i>Kinh giới</i>	1,5 phân
<i>Sơn chi tử</i>	1,5 phân	<i>Bạch thược</i>	

Các vị giã ba nhất gừng sắc uống.

148- ĐẠI CHÍNH KHÍ TÁN

<i>Hoắc hương</i>	6 phân	<i>Tía tô</i>	6 phân
<i>Bạch chỉ</i>	6 phân	<i>Đại phúc bì</i>	6 phân
<i>Bạch linh</i>	6 phân	<i>Hậu phác</i>	4 phân
<i>Bạch truật</i>	4 phân	<i>Trần bì</i>	4 phân
<i>Cát cánh</i>	4 phân	<i>Ban hạ</i>	4 phân
<i>Cam thảo</i>	2 phân		

Các vị thêm gừng sắc uống.

149- HƯƠNG NHIỆ TÁN

<i>Hương nhu</i>	1,5 đồng cân	<i>Hậu phác</i>	
<i>Biển đậu</i>		<i>Hoàng liên</i>	

Các vị đều trộn với nước gừng sao thơm, sắc xong chế vào tí rượu cho uống nguội.

150- LINH TRUẬT THANG

151- THẬP VỊ HƯƠNG NHIỆ TÁN

<i>Hương nhu</i>	1,5 đồng cân	<i>Hậu phác</i>	7 phân
<i>Biển đậu</i>	7 phân	<i>Hoàng liên</i>	7 phân

Hợp với Tứ quân tử thang gia Hoàng kỳ Mộc qua hai vị bằng nhau, tán nhỏ, cho uống với nước nửa sôi nửa nguội hòa chung.

152- TIÊU PHONG TÁN (khuyết 10)

<i>Kinh giới</i>	2 lạng	<i>Cam thảo</i>	2 lạng
<i>Nhân sâm</i>	1 lạng	<i>Bạch linh</i>	1 lạng
<i>Cương tâm</i>	1 lạng	<i>Xuyên khung</i>	1 lạng
<i>Phòng phong</i>	1 lạng	<i>Hoắc hương</i>	1 lạng
<i>Thuyền khoái</i>	1 lạng	<i>Khuong hoạt</i>	1 lạng

Trần bì 5 đồng cân *Hậu phác* 5 đồng cân
 Các vị tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân. Kinh giới nấu lấy nước làm thang mà uống.

153- BÁN HẠ PHỤC LINH THANG

Bán hạ ngâm nướng vàng *Trần bì* 1 đồng cân
Sa nhân 1 đồng cân *Bạch linh* 2 đồng cân
Cam thảo sao 5 phân
 Dùng gừng, Táo, Ô mai, cùng sắc uống 1-2 thang rồi mới cho dùng Phục linh hoàn.

154- PHỤC LINH HOÀN

Phục linh 1 lạng *Hoàng liên* 1 lạng
Thiên hoa phấn 1 lạng *Tỳ giải* 1 lạng
Thục địa 1 lạng *Phúc bồn tử* 1 lạng
Nhân sâm 1 lạng *Huyền sâm* 1 lạng
Thạch giải 5 đồng cân *Xà sàng tử* 5 đồng cân
Lòng gà 1 bộ
 Các vị tán nhỏ, luyện mật hoàn, dùng đá nam châm nấu sôi lấy nước làm thang mà uống với thuốc.

155- NHÂN SÂM BÁN HẠ HOÀN

Nhân sâm *Bán hạ*
Can khương *Bạch phục linh*
Trần bì *Cam thảo chích*
Bạch truật
 Các vị bằng nhau, gừng ba nhát sắc uống.

156- CHU SA AN THẦN HOÀN

Hoàng liên 1,5 đồng cân *Cam thảo* 1,5 đồng cân
Sinh địa 1,5 đồng cân *Dương quy* 1 đồng cân
 Các vị tán nhỏ, luyện với bánh chưng làm hoàn bằng hạt thóc. Chu sa làm áo, liều uống 10 hoàn, uống với nước nóng sau bữa ăn.

157- TRÁO THAI TÁN

Nôn lá sen 3 lạng *Cáp phẩn sấy khô* 5 đồng cân.
 Các vị tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân hòa tan với mật và nước mà uống.

158- BỐI MẪU HOÀN

Bối mẫu ngâm với nước tiểu trẻ con, mùa xuân hạ ngâm 1 ngày, thu đông ngâm 3 ngày, rửa sạch phơi khô tán nhỏ trộn với đường cát trắng hòa với nước sôi mà uống bất cứ lúc nào.

159- GIA VỊ ĐỊA HOÀNG HOÀN

<i>Thục địa</i>	4 đồng cân	<i>Hoài sơn</i>	3 đồng cân
<i>Bạch linh</i>	3 đồng cân	<i>Trạch tả</i>	1 đồng cân
<i>Sơn thù</i>	3 đồng cân	<i>Mẫu đơn bì</i>	2 đồng cân

Bài này làm căn bản, tùy theo chứng mà gia vị.

160- TIÊU SÀI HỒ GIA SINH ĐỊA HOÀNG THANG

<i>Sài hồ</i>	3 đồng cân	<i>Hoàng cầm</i>	3 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	3 đồng cân	<i>Bán hạ</i>	2 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	5 phân	<i>Sinh địa</i>	1 đồng cân
<i>Sinh khương</i>	3 nhất		

Các vị sắc uống ấm.

161- CỔ CẦM TRUẬT THANG

Tử cầm 1 lạng *Bạch truật* 5 đồng cân

Hai vị sắc cho uống ấm.

162- THIÊN KIM LÝ NGU THANG

Dùng 1 con cá chép vừa đủ dồn vào bụng 14 quả táo, muối rang 1 lạng, rượu chút ít, nấu lấy nước cho uống. Nếu không uống được rượu thì dùng cá chép nấu cháo với gạo tẻ, thêm hành gừng mà ăn. Bài này giới về hộ thai.

163- TÒA SINH BẠCH TRUẬT TÁN

<i>Bạch truật</i>	1 lạng	<i>Sinh khương bì</i>	1/2 lạng
<i>Đại phúc bì</i>	1/2 lạng	<i>Trần bì</i>	1/2 lạng
<i>Phục linh bì</i>	1/2 lạng		

Các vị tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân, uống với nước cơm. Nếu chưa ứng nghiệm thêm Nhân sâm, Cam thảo.

164- TIÊN THIÊN ĐĂNG TÁN

Dây Thanh mộc hương (1) 6 phân *Hương phụ* 6 phân

Ô dược 6 phân *Trần bì* 6 phân

Cam thảo 6 phân

Thêm gừng, Tía tô, Mộc qua mỗi thứ ba nhát, sắc cho uống ba lần.

165- PHỤ TỬ THANG

Phụ tử 2 đồng cân *Nhân sâm* 2 đồng cân

Bạch linh 3 đồng cân *Bạch truật* 3 đồng cân

Các vị sắc uống ấm.

166- ĐỊA HOÀNG ĐƯƠNG QUY THANG

Dương quy 1 đồng *Xuyên khung* 1 đồng

Sinh địa 1 đồng *Bạch thược* 1 đồng

Cảo bản 1 đồng *Phòng phong* 1 đồng

Bạch chỉ 1 đồng *Tế tân* chút ít

Các vị sắc uống.

167- THIÊN KIM PHƯƠNG

Quán chung 3 lạng *Can tât* 2 lạng

Vu di 1 lạng *Hồ phấn* 1 lạng

Hòe bạch bì 1 lạng *Ngô thù* 50 hạt

Hạn nhân 40 hạt

Các vị tán nhỏ, mỗi sáng sớm uống với nước giếng ban mai.

168- KIM QUỲ ĐƯƠNG QUY TÁN (khuyết 11)

169- TAM BỔ HOÀN

Tứ Tam hoàng hoàn, bổ Đại hoàng, thêm Hoàng bá, các vị bằng nhau, tán nhỏ

(1) *Dây Thanh mộc hương*: *Aristolochia debilis* Seib et Zucc. Cùng một cây mà có ba bộ phận dùng làm thuốc và có ba tên gọi khác nhau.

- *Rễ* gọi là *Thanh mộc hương*: có tác dụng giải độc lợi tiểu, lý khí chỉ thống.

- *Dây* gọi là *Thiên tiên đằng*, có tác dụng sơ phong hoạt huyết, dùng chữa tê thấp.

- *Quả* gọi là *Mã đầu linh*, có tác dụng thanh phế chỉ khát, hóa đờm trừ ho.

luyện với bánh chưng làm hoàn mà uống.

170- CỔ GIAO NGẢI THANG

<i>A dao</i>	1 lạng	<i>Ngải cứu</i>	2 lạng, sắc uống.
--------------	--------	-----------------	-------------------

171- TRƯỜNG THAI BẠCH TRUẬT HOÀN

<i>Bạch truật</i>	4 phân	<i>Xuyên khung</i>	4 phân
<i>Dương quy</i>	4 phân	<i>Xích thược</i>	4 phân
<i>Hoàng kỳ</i>	4 phân	<i>A dao</i>	4 phân
<i>Ngũ vị tử</i>	4 phân	<i>Can khương</i>	4 phân
<i>Nhân sâm</i>	3 phân	<i>Đỗ trọng</i>	3 phân
<i>Cam thảo</i>	3 phân	<i>Mộc hương</i>	3 phân

Các vị sắc uống.

172- KHUNG QUY BỔ TRUNG THANG

<i>Xuyên khung</i>	1 đồng cân	<i>Dương quy</i>	1 đồng cân
<i>Chích hoàng kỳ</i>	1 đồng cân	<i>Bạch truật sao</i>	1 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân	<i>Bạch thược sao</i>	1 đồng cân
<i>Ngải cứu</i>	1 đồng cân	<i>A dao sao</i>	1 đồng cân
<i>Ngũ vị tử sao</i>	1 đồng cân	<i>Chích thảo</i>	5 phân

Các vị trộn đều, liều dùng 5 đồng cân, sắc uống (Cảnh nhạc).

173- HIAO NGAI TỬ VẬT THANG

Tức Tử vật thang gia A dao, Ngải cứu

174- NGŨ LÂM TÁN

<i>Dương quy</i>	5 phân	<i>Cam thảo</i>	5 phân
<i>Bạch thược</i>	1 đồng cân	<i>Sơn chi tử</i>	1 đồng cân
<i>Xích linh</i>	6 phân		

Các vị sắc uống.

175- Ô HÍNH TÁN

(Cổ tên Kê bệ chi tán, nam dùng của gà mái, nữ dùng của gà trống).

(Lòng gà 1 cổ, đốt thành tro, tán nhỏ, liều uống 1 đồng cân thang với rượu hâm nóng).

176- CÂU ĐĂNG THANG

<i>Nhũ hương</i>	3 đồng cân	<i>Một dược</i>	3 đồng cân
<i>Mộc hương</i>	4 đồng cân	<i>Gừng</i>	4 đồng cân

Hạt gấc 1 hạt, các vị tán nhỏ, trộn với mật ong, để trong cái hũ sành. Tùy trẻ lớn bé mà gia câu đăng vào cho vừa mà sắc uống.

177- TIỂU TỤC MỆNH THANG

<i>Phòng kỷ</i>	1 đồng cân	<i>Nhục quế</i>	1 đồng cân
<i>Hạnh nhân</i>	1 đồng cân	<i>Hoàng cầm</i>	1 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân
<i>Xuyên khung</i>	1 đồng cân	<i>Ma hoàng</i>	1 đồng cân
<i>Phụ tử</i>	5 phân.		

Các vị thêm gừng, táo, sắc uống.

178- HẮC DƯƠNG GIÁC THANG

<i>Linh dương giác</i>	<i>Bạch linh</i>
<i>Hpở hỉnh cốt</i>	<i>Toan táo</i>
<i>Quế tâm</i>	<i>Thục địa</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Cam thảo đều bằng nhau</i>

Các vị sắc xong, chế vào chút rượu mà uống.

179- KHUNG HOẠT TÁN

Xuyên khung Khương hoạt đều bằng nhau.

Hai vị sắc xong, chế vào chút rượu mà uống.

180- KHƯƠNG HOẠT XUNG HÒA THANG

(Tức Cửu vị khương hoạt thang).

<i>Khương hoạt</i>	1,5 đồng cân	<i>Phòng phong</i>	1,5 đồng cân
<i>Thương truật</i>	1,2 đồng cân	<i>Bạch chỉ</i>	1,2 đồng cân
<i>Xuyên khung</i>	3 đồng cân	<i>Tề tân</i>	3 đồng cân
<i>Hoàng cầm</i>	1 đồng cân	<i>Sinh địa</i>	1 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	5 phân	<i>Gừng</i>	ba nhát

Táo 2 quả sắc uống.

181- NHÂN SÂM DUƠNG VỊ THANG

<i>Thương truật</i>	1 đồng cân	<i>Trần bì</i>	7 phân
<i>Hậu phác</i>	7 phân	<i>Bán hạ</i>	7 phân
<i>Phục linh</i>	5 phân	<i>Hoắc hương</i>	5 phân
<i>Cam thảo</i>	1 phân	<i>Ô mai</i>	1 quả
<i>Nhân sâm</i>	5 phân	<i>Thảo quả</i>	5 phân

Thêm gừng 1 nhát, táo 1 quả sắc uống.

182- THẮNG KIM ĐƠN

Thường sơn 4 lạng, nấu với rượu phơi khô, *Bình lang* 1 lạng.

Hai vị tán nhỏ, dùng dấm nấu hồ viên bằng hạt đậu xanh, liều dùng 30 viên, mỗi khi đi ngủ, uống với rượu 2 đêm uống 1 lần.

183- TÍNH TỶ ÂM

<i>Hậu phác</i>	5 đồng cân	<i>Thảo đậu khấu</i>	5 đồng cân
<i>Cam khương</i>	4 phân	<i>Cam thảo</i>	1 phân

Sắc uống.

184- CAM THẢO TIỂU MẠCH ĐẠI MẠCH THANG (khuyết 12)

185- ĐẠM TRÚC NHỰ THANG

<i>Quít bì</i>	3 đồng cân	<i>Nhân sâm</i>	1 lạng
<i>Trúc nhự</i>	1 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân

Các vị thêm gừng, táo sắc uống.

186- ĐỔ TRỌNG HOÀN

<i>Đổ trọng</i>	1 lạng	<i>Quy bản</i>	1 lạng
<i>Hoàng bá</i>	1 lạng	<i>Tri mẫu</i>	1 lạng
<i>Câu kỳ tử</i>	1 lạng	<i>Ngũ vị tử</i>	1 lạng
<i>Dương qui</i>	1 lạng	<i>Bạch thược</i>	1 lạng
<i>Hoàng kỳ</i>	1 lạng	<i>Phá cố chỉ</i>	1 lạng

Các vị tán nhỏ, luyện mật với tủy heo làm hoàn, liều uống 18 viên, uống với muối nhạt lúc đói lòng.

187-TIÊN KIM BẢO THAI HOÀN

Dương quy

Xuyên khung

Bạch thược

Thục địa đều làm quân

Hoàng kỳ

A dao

Ngải cứu, đều làm tá sắc cho uống ấm.

188- MỘC HƯƠNG THÔNG KHÍ TÁN (khuyết 13).

189- NHẤT TỰ PHÒNG PHONG TÁN

(Tức gia vị Phòng phong án).

Xuyên ô

5 đồng

Xuyên khung

3 đồng

Kinh giới

3 đồng

Khương hoạt

2,5 đồng cân

Phòng phong

2,5 đồng cân

Các vị tán nhỏ, liều uống 2 đồng, sắc nước Bạc hà làm thang.

190- TỬ VỊ TÁN (khuyết 14)

191- ĐƯƠNG QUY TU HOÀN

Quy vĩ

1,5 đồng cân

Hồng hoa

8 phân

Đào nhân

7 phân

Cam thảo

5 phân

Xích thược

1 đồng cân

Ô dước

1 đồng cân

Hương phụ

1 đồng cân

Tô mộc

1 đồng cân

Quan quế

6 phân

Các vị dùng nửa nước nửa rượu sắc uống khi đói lòng.

192- QUẾ TÂM THANG

Quế tâm

1 đồng cân

Tiểu thảo

1 đồng cân

Ngô thù

1 đồng cân

Can khương

1 đồng cân

Độc hoạt

1 đồng cân

Thục địa

1 đồng cân

Dương quy

1 đồng cân

Bạch thược

1 đồng cân

Cam thảo

3 đồng cân

Tế tân

3 đồng cân

Các vị sắc uống

193- TRỌNG CẨM DUƠNG NHỤC THANG

<i>Thịt dê</i>	2 lạng	<i>Dương quy</i>	5 đồng cân
<i>Trần bì</i>	5 đồng cân	<i>Sinh khương</i>	5 đồng cân

Sắc xong, chế rượu vào cho uống.

194- ĐƯƠNG QUY KIẾN TRUNG THANG

<i>Bạch thược</i>	2 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân
<i>Nhục quế</i>	1,2 đồng cân	<i>Xuyên quy</i>	3 đồng cân
<i>Mạch nha</i>		<i>(Đi đường)</i>	chút tí

Sắc cho uống ấm.

195- TỬ THUẬN LÝ TRUNG HOÀN (khuyết 15)

196- TỬ THẦN TÁN

<i>Phá cố chỉ</i>	4 lạng	<i>Ngũ vị</i>	3 lạng
<i>Nhục đậu khấu</i>	2 lạng	<i>Ngô thù du</i>	2 lạng

Các vị tán nhỏ, dùng Đại táo, Sinh khương sắc lấy nước cho vào ít muối đến khi đi ngủ uống với thuốc.

197- TỬ THẦN HOÀN

<i>Thiên ma</i>	1 lạng	<i>Nam tinh</i>	1 lạng
<i>Phòng phong</i>	1 lạng	<i>Bạc hà</i>	5 đồng cân

Các vị tán nhỏ, dùng rượu nấu hồ làm viên bằng hạt đậu xanh. Liều uống 20 viên, sắc nước Kinh giới và gừng làm thang tổng.

198- THỰC ĐỊA NGŨ TÍCH TÁN (TÚC NGŨ TÍCH ẨM)

<i>Bạch chỉ</i>	<i>Nhục quế</i>
<i>Chỉ xác</i>	<i>Trần bì để riêng</i>

Các vị khác trộn dấm, lửa nhỏ sao cho biến sắc, tán nhỏ, trộn đều lại mà dùng.

199- LẬP PHÂN HOÀN

<i>Sáp ong</i>	2 lạng	<i>Minh phân</i> tán nhỏ 4 lạng
----------------	--------	---------------------------------

Trước nấu sấp cho chảy ra, bắc xuống chờ nguội bớt, cho phèn vào trộn đều tay xúm lại và viên bằng hạt ngô đồng. Liều dùng 30 viên, uống với rượu trước bữa ăn.

200- THAI ÁT CAO

<i>Huyền sâm</i>	1 lạng	<i>Sinh địa</i>	1 lạng
<i>Bạch chỉ</i>	1 lạng	<i>Xuyên quy</i>	1 lạng
<i>Nhục quế</i>	1 lạng	<i>Đại hoàng</i>	1 lạng
<i>Xích thược</i>	1 lạng		

Dầu mè 2 cân, dùng để ngâm với thuốc. Mùa hè ngâm 3 ngày, mùa đông 10 ngày, xuân thu 7 ngày, rồi cho tắt vào nồi đồng, lửa to nhỏ mà đun đến thuốc cháy đen thì lọc bỏ bã, cho Hoàng đơn 12 lạng vào, dùng cành đào quấy liên tay, đến khi nhỏ vào nước không tan là được.

201- NỮ KIM ĐƠN

<i>Dương quy</i>	1 lạng	<i>Bạch thược</i>	5 đồng cân
<i>Xuyên khung</i>	5 đồng cân	<i>Nhân sâm</i>	5 đồng cân
<i>Bạch thược</i>	5 đồng cân	<i>Bạch linh</i>	5 đồng cân
<i>Cam thảo</i>	5 đồng cân	<i>Cáo bân</i>	5 đồng cân
<i>Bạch chỉ</i>	1 lạng	<i>Bạch vị</i>	1 lạng
<i>Quế tâm</i>	1 lạng	<i>Huyền hồ</i>	1 lạng
<i>Mẫu đơn</i>	1 lạng	<i>Xích thạch</i>	1 lạng
Đều ngâm 3 ngày phơi khô			
<i>Một dược</i>	5 đồng cân	<i>Hương phụ</i>	1 cân ngâm dấm

Các vị tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 50 hoàn, uống với nước rượu.

202- GIA VỊ ÍCH MẪU HOÀN

<i>Ích mẫu thảo</i>	nửa cân	<i>Xích thược</i>	2 lạng
<i>Dương quy</i>	2 lạng		

Các vị tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, liều dùng 50 hoàn, uống với nước sôi.

203- ĐÀO NHÂN THƯƠNG

<i>Đào nhân</i>	5 phân	<i>Cam thảo</i>	5 phân
<i>Bán hạ</i>	5 phân	<i>Trạch lan</i>	5 phân

<i>Ngưu tất</i>	5 phân	<i>Dương quy</i>	5 phân
<i>Quế tâm</i>	5 phân	<i>Mẫu đơn bì</i>	5 phân
<i>Bồ hoàng</i>	5 phân	<i>Xuyên khung</i>	5 phân
<i>Nhân sâm</i>	5 phân	<i>Xích thược</i>	5 phân
<i>Sinh địa</i>	1 đồng		

Các vị thêm gừng sắc uống.

204- NGŨ HƯƠNG LIÊN KIỀU THANG

<i>Nhũ hương</i>		<i>Dinh hương</i>	
<i>Trâm hương</i>		<i>Mộc hương</i>	
<i>Hương nhu</i>		<i>Hoàng kỳ</i>	
<i>Xạ can</i>		<i>Liên kiều</i>	
<i>Thăng ma</i>		<i>Mộc thông</i>	
<i>Độc hoạt</i>		<i>Tang ký sinh</i>	
Cam thảo, đều bằng nhau, bốc làm thang sắc uống.			

205- HUYỀN HỒ SÁCH TÂN

<i>Huyền hồ sách</i>	1,5 lạng	<i>Quế tâm</i>	5 đồng cân
<i>Hồng hoa</i>	5 đồng cân	<i>Hoạt thạch</i>	5 đồng cân
<i>Hồng khúc</i>	5 đồng cân	<i>Đào nhân</i>	13 hạt

Các vị tán nhỏ, luyện với bánh trung làm hoàn cho uống.

206- TẢ TÂM TÁN

<i>Hoàng liên</i>	<i>Hoàng cầm</i>
Hoàng bá, đều bằng nhau. Tán nhỏ, uống với nước sôi.	

207- LÝ TRUNG HOÀN

(Tức Lý trung thang chế thành dạng thuốc hoàn)

208- NHÂN SÂM SINH HÓA THANG

<i>Dương quy</i>	3 đồng cân	<i>Xích thược</i>	2 đồng cân
<i>Xuyên khung</i>	3 đồng cân	<i>Nhân sâm</i>	2 đồng cân
<i>Hồng hoa</i>	1 đồng cân	<i>Đào nhân</i>	1 đồng cân
<i>Chỉ xác</i>	1 đồng cân		

Các vị dùng nửa nước nửa rượu sắc uống.

209- ĐẠO THỦY HOÀN

<i>Khiến ngư</i>	4 lạng	<i>Hoạt thạch</i>	4 lạng
<i>Dại hoàng</i>	2 lạng	<i>Khổ cầm</i>	2 lạng

Các vị tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt ngô đồng, liều uống 30 hoàn, uống với nước nóng, đi đại được thì thôi uống.

210- BỔ HUY THANG

<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân	<i>Bạch truật</i>	1 đồng cân
<i>Dương quy</i>	5 phân	<i>Xuyên khung</i>	5 phân
<i>Hoàng kỳ</i>	5 phân	<i>Trần bì</i>	5 phân
<i>Cam thảo</i>	2 phân		

Các vị sắc uống.

211- ĐƯƠNG QUY BỔ HUYẾT THANG

<i>Hoàng kỳ</i>	1 lạng	<i>Dương quy</i>	1 đồng cân
-----------------	--------	------------------	------------

Sắc uống.

212- HOÀNG LONG THANG

<i>Đại hoàng</i>	1 đồng cân	<i>Mang tiêu</i>	1 đồng cân
<i>Chỉ thực</i>	1 đồng cân	<i>Hậu phác</i>	1 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân	<i>Dương quy</i>	5 phân

Gừng 3 nhát sắc uống.

213- CỔ QUY KỲ THANG

<i>Dương quy</i>	1 lạng	<i>Hoàng kỳ</i>	1 lạng
------------------	--------	-----------------	--------

Sắc uống ấm.

214- ĐẠI ÔN KINH THANG

<i>Dậu đen</i>	1 chén rượu sao bỏ vỏ.		
<i>Phục linh</i>	1 lạng	<i>Hồ phách</i>	1 đồng cân

Các vị tán nhỏ, liều uống 1 đồng cân, đậu đen, Tía tô sắc ra nước đậm làm thang mà uống.

215- ĐƯƠNG QUY DUƠNG NHIỆC THANG

<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân <i>Đương quy</i>	1 đồng cân
<i>Hoàng kỳ</i>	1 lạng	

Dùng 1 cân thịt dê (hoặc thay bằng quả cật heo) luộc với 5 chén nước rồi bỏ thịt lấy nước ấy mà sắc với thuốc trên 6 lần mà uống.

216- ĐƠN KINH GIỚI TÁN

Dùng độc vị Kinh giới sấy khô tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân, dùng đậu đen sao cháy chế rượu vào mà uống (rượu đậu lăm).

217- CỔ KINH QUY THANG

Kinh giới, *Dương quy*, 2 vị bằng nhau, tán nhỏ, uống với rượu đậu lăm như trên.

218- YÊU TỬ THANG

Cật heo 1 đôi (lấy ở heo đực mà đen) không cho dính nước, dùng bột đại hồi (đều 1 lạng) đen trộn với cật heo rồi dồn tất cả vào cái bong bóng heo, ngoài buộc kỹ, cho vào nồi đất nấu với 3 chén rượu, nấu đến khi còn nửa chén thì lấy ra phơi khô tán nhỏ, dùng nước còn lại quấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng, liều uống 50 viên, uống với rượu ấm.

219- SÂM TRUẬT CAO

<i>Nhân sâm</i>	1 lạng	<i>Cống truật</i>	1 cân
-----------------	--------	-------------------	-------

Hai thứ cho vào nồi đất, đổ nước nấu lấy ba lần nước, lọc bỏ bã rồi dùng lửa to, lửa nhỏ, riu riu cô thành cao, đến còn ba bát là được. Rót vào hũ sành, đậy nắp dán kín chôn xuống đất 7 ngày cho tiết bớt hỏa độc, liều uống 4-5 muỗng hòa với nước cơm, mà uống.

220- TRƯ ĐƯƠNG CAO (khuyết 16)

221- NGŨ VỊ TỬ HOÀN

<i>Ngũ vị</i>	1 đồng cân	<i>Mạch môn</i>	1 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân	<i>Hạnh nhân</i>	1 đồng cân

Gừng 3 nhát, Táo 2 quả sắc uống.

222- ĐƯƠNG QUY DƯỠNG TÂM THANG

<i>Hoàng kỳ</i>	1 lạng	<i>Dương quy</i>	1 lạng
<i>Bạch linh</i>	1 lạng	<i>Xuyên khung</i>	1 lạng
<i>Bân hạ</i>	1 lạng	<i>Cam thảo</i>	1 đồng cân
<i>Nhân sâm</i>	2 đồng cân	<i>Bá tử nhân</i>	2 đồng cân
<i>Nhục quế</i>	2 đồng cân	<i>Viễn chí</i>	2 đồng cân
<i>Ngũ vị</i>	2 đồng cân		

Các vị sắc uống.

223- THÔNG KHÍ TÁN

<i>Khuong hoạt</i>	6 phân	<i>Độc hoạt</i>	6 phân
<i>Thương truật</i>	6 phân	<i>Thăng ma</i>	6 phân
<i>Phòng phong</i>	6 phân	<i>Cát cân</i>	2 phân
<i>Bạch chỉ</i>	2 phân	<i>Cam thảo</i>	2 phân
<i>Xuyên luyện</i>	2 phân		

Mùa đông gia Ma hoàng 2 phân, thêm Gừng, Hành và Táo sắc uống.

224- ÍCH KHÍ DƯỠNG VINH THANG

<i>Nhân sâm</i>	1 đồng cân	<i>Hoàng kỳ</i>	đều sao với muối
<i>Dương quy</i>	1 đồng cân	<i>Xuyên khung</i>	1 đồng cân
<i>Thục địa</i>	1 đồng cân	<i>Bạch thược</i>	1 đồng cân
<i>Bối mẫu</i>	1 đồng cân	<i>Hương phụ</i>	1 đồng cân
<i>Phục linh</i>	1 đồng cân	<i>Trần bì</i>	1 đồng cân
<i>Bạch truật</i>	2 đồng cân	<i>Sài hồ</i>	6 phân
<i>Cam thảo</i>	6 phân		

Thêm gừng sắc uống.

225- BỔ HUYẾT THÔI SINH THANG

<i>Xuyên khung</i>	3 đồng cân	<i>Quy thân</i>	3 đồng cân
<i>Quy vị</i>	3 đồng cân	<i>Bạch thược</i>	3 đồng cân
<i>Huyền hồ</i>	1 đồng cân	<i>Hương phụ</i>	1,5 đồng cân
<i>Bình lang</i>	1,5 đồng cân		

Các vị dùng nửa nước nửa rượu.

226- HOẠT HUYẾT THANG

<i>Quy vị</i>	1 đồng cân	<i>Xích thước</i>	1 đồng cân
<i>Đào nhôn</i>	1 đồng cân	<i>Mẫu đơn</i>	1 đồng cân
<i>Huyền hồ</i>	1 đồng cân	<i>Ô dước</i>	1 đồng cân
<i>Hương phụ</i>	1 đồng cân	<i>Chỉ xác</i>	1 đồng cân
<i>Quan quế</i>	3 phân	<i>Hồng hoa</i>	3 phân
<i>Mộc hương</i>	3 phân	<i>Xuyên khung</i>	3 phân
<i>Cam thảo</i>	3 phân		

Thêm gừng sắc uống.

227- HOÀN THIẾU ĐƠN

<i>Xương bồ</i>	nấu chung với	<i>Tang bạch bì</i>	
<i>Ngưu tất</i>	ngâm với nước	<i>Hoàng tinh</i>	ba ngày

Ba kích ngâm với nước Kỳ tử ba ngày, ngâm mềm rồi lại ngâm rượu một ngày thì lấy ra sấy chung với Hoa cúc cho biến sắc vàng.

Ngũ vị tử xẻ đôi, ngâm với nước Mật 1 ngày đêm.

Phục thần, đổ vào nước nhặt bỏ cái nổi, cái bẩn.

Chỉ thực, ngâm nước bỏ cái nổi, nấu với rượu 1 ngày.

Thực địa Kỳ tử

Thung dung Tiểu hồi

Sơn dước Viễn chí

Đỗ trọng Sơn thù đều bằng nhau

Các vị bào chế riêng trên đều tán nhỏ, luyện Một với Táo nhục, làm viên bằng hạt ngô đồng, liêu uống 50 viên, uống với rượu và nước.

228- NGŨ PHÚC ẨM

<i>Nhân sâm</i>	3 đồng cân	<i>Thực địa</i>	3 đồng cân
<i>Dương quy</i>	3 đồng cân	<i>Bạch truật</i>	1 đồng cân
<i>Chích thảo</i>	1 đồng cân		

Nước 2 bát sắc còn 8 phân uống cách xa bữa ăn.

229- TIỂU DOANH TIỀN

<i>Thực địa</i>	3 đồng cân	<i>Bạch thước</i>	2 đồng cân
<i>Kỳ tử</i>	2 đồng cân	<i>Dương quy</i>	1 đồng cân
<i>Sơn dước</i>	1 đồng cân	<i>Chích thảo</i>	1 đồng cân

Nước 2 bát sắc còn 7 phân, uống cách xa bữa ăn.

230- BẢO SINH VÔ ƯU TIỀN

<i>Xuyên khung</i>	1 đồng cân	<i>Dương quy</i>	1 đồng cân
<i>Bạch thược</i>	1 đồng cân	<i>Chỉ xác</i>	5 phân
<i>Nhũ hương</i>	3 phân	<i>Tro tóc rối</i>	3 phân
<i>Mộc hương</i>	1,5 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	1,5 đồng cân

Các vị sắc uống.

231- NGŨ VẬT TIỀN

<i>Dương quy</i>	4 đồng cân	<i>Thục địa</i>	4 đồng cân
<i>Bạch thược</i>	2 đồng cân	<i>Xuyên khung</i>	1 đồng cân
<i>Nhục quế</i>	3 đồng cân		

Các vị sắc uống.

232- GIA VỊ KHUNG QUY THANG

<i>Dương quy</i>	5 đồng cân	<i>Xuyên khung</i>	5 đồng cân
<i>Xích thược</i>	3 đồng cân	<i>Đào nhân</i>	3 đồng cân

Các vị dùng nửa nước nửa rượu sắc uống.

233- BẤT HOÁN KIM CHÍNH KHÍ TÁN

<i>Hậu phác</i>	5 phân	<i>Trần bì</i>	5 phân
<i>Hoắc hương</i>	1 đồng cân	<i>Bán hạ</i>	1 đồng cân
<i>Thương truật</i>	1 đồng cân	<i>Cam thảo</i>	5 phân

Gừng 3 nhát, Táo 2 quả sắc uống ấm.

234- GIA VỊ TỨ VẬT THANG

<i>Quy thân</i>	1 lạng	<i>Xuyên khung</i>	1 lạng nếu nóng giảm 5 phân.
<i>Sinh địa</i>	5 phân	<i>Chỉ xác</i>	1 đồng cân

Gừng 3 nhát, Táo 2 quả, sắc uống ấm.

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH

Quyển thứ 34

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU/GIÁP

TIÊU DẪN

Về bệnh đậu (trái giống) sách Nội kinh chẳng có một lời nào bàn đến, chỉ có đề cập hai chữ "dương" và "chấn" ⁽¹⁾, sao mà giản dị như thế? Ý là đời thái cổ, con người thuần phác thật thà, chẳng lo nghĩ đắc thất gì, nhất định cũng không có rượu chè ăn uống quá độ, cho nên dù có mắc bệnh cũng nhẹ. Sang đến đời trung cổ, khí hòa trở nên yếu đuối, cảm phải bệnh thì nặng hơn, và bệnh đậu này quả là một tai nạn lớn có quan hệ đến tính mạng của trẻ con.

Bệnh đậu hay phát sinh trong những năm Thiếu dương tư thiên ⁽²⁾ rõ ràng là khí do gặp hỏa mà phát ra, tương truyền có năm tốt nhiều, có năm xấu nhiều, về địa phương phát bệnh cũng thế. Mới biết, bệnh dịch lệ nhẹ, tùy cùng một địa phương, người lớn trẻ con phát bệnh như nhau, mà cách chữa còn phải phân biệt hàn nhiệt hư thực khác nhau, hướng hồ bệnh đậu vốn đã do tiên thiên bị độc có nặng có nhẹ, bẩm thụ có khỏe có yếu khác nhau lại còn có quan hệ với tình trạng khí huyết đầy đủ hay suy kém của hậu thiên, do đó đâu có thể lấy năm, lấy địa phương mà gộp chung hết được.

Phàm bệnh đậu, phần nhiều là do khí hư, huyết nhiệt và độc thịnh mà thôi. Người thầy thuốc nhằm vào khí huyết để trị bệnh đậu, đó là lấy đức thắng người, chứ như dùng độc được để chữa là lấy lực để áp chế người ⁽³⁾.

Dại để, hình vóc và triệu chứng đều thực thì trước sau đều có thể chữa ngọn (tiêu), hình vóc và triệu chứng đều hư thì đầu đuôi đều phải nhằm vào chữa gốc (bản). Chữa theo phương pháp như thế là thấu tóm cả cái hay giỏi của nhà chữa đậu.

Nếu học không đến nơi, chỉ biết nhìn lệch về một phía, không thấu suốt lẽ âm dương tiêu trưởng, sự thích nghi giữa con người và khí hậu tự nhiên, trong hư có thực, trong thực có hư, cố chấp vào thành phương có sẵn mà muốn bỏ được chỗ hư hỏng, cứu được chỗ nghiêng lệch thì thật là khó! Nếu không giỏi mà miễn cưỡng làm giỏi gây chết người thì kẻ chết hàm oan không nhắm mắt, người còn sống bị đau khổ dày vò. Tôi có đứa con 5 tuổi, bị lên đậu mùa, gặp thầy thuốc chữa sai, không khỏi khóc lóc buồn rầu mở sách đọc trong cơn đau sót.

(1) *Dương và Chấn*: Dương là tổng danh các bệnh ngoài da như ung nhọt lở độc, Chấn là chỉ các bệnh phong chấn tức ngày nay gọi mảy đay, dị ứng. (*Nội kinh*: Khí giao biến đại luận, Chí chân yếu đại luận).

(2) *Thiếu dương tư thiên*: (Vận khí) ở những 5 năm Dần, 5 năm Thân, là những năm của Thiếu dương tước hòa tư thiên. Quyết âm phong mộc tại tuyền. Tư thiên là chủ về 6 tháng đầu năm. Tại tuyền là chủ về 6 tháng cuối năm, theo cơ chế bệnh Ngũ vận thì Hòa vận thuộc tâm, các chứng đau ngứa lở nhọt đều thuộc tâm, ý Lân Ông muốn nói lên bệnh đậu là hay phát về những năm thuộc Hòa vận.

(3) *Lấy đức thắng người, lấy lực áp chế người*: Hai phương pháp cai trị của người xưa, lấy đức thắng người là dùng nhân chính để giáo dục thuyết phục, cảm hóa được lòng người, làm cho thiên hạ cuối cùng đi theo mình, phục tùng đường lối chính trị của mình. Lấy lực áp chế người thường thể hiện ở những bạo chúa, phát xít, Đế quốc, lúc nào cũng dùng sức mạnh quân sự để bẹp ý muốn của dân, cho nên luôn luôn thất bại. Áp dụng các phương pháp vào y học, người ta chia ra hai trường phái Vương đạo và Bá đạo, Vương đạo là cách dùng đức để thu phục người, như dùng khí huyết vốn có của bệnh nhân để điều hòa, chữa được bệnh, Bá đạo thì đi độc khử độc, dùng thuốc giải độc tấn công, thường để lại hậu quả hao mòn sức khỏe sau khi giải quyết được bệnh. Những thầy thuốc giỏi của Đông y hầu hết ai cũng đi về phía Vương đạo.

(Con 5 tuổi của tôi ở huyện Hoài an, xã nguyên Xá, ngày 9 tháng ba năm Mậu Dần bị lên đậu có triệu chứng huyết hư huyết nhiệt kiêm khí hư. Nghe nhầm một thầy thuốc (gọi là Bác Đình, người xã Cam tuyền, Huyện Thanh oai) ông ta suốt đời tính hay khôi hài, nói năng biện luận như nước cháy, cho nên làm chết người mà không tính ngộ. Khi đó ông ta cho uống thuốc thanh nhiệt giải độc, uống liền 6, 7 thang thì sốt lui, tinh thần tỉnh táo, đại tiểu bình thường. Đến 6, 7 ngày, nốt đậu mọc mủ đầy đủ, đầu nốt đậu sưng huyết nổi cao, quanh chân nốt đậu rõ ràng, cho là kết quả mỹ mãn, đến 8,9 ngày bỗng sốt cao, mê man, nói sảng, ông ta cho rằng dư độc chưa hết, cho uống thêm mấy thang thanh giải nữa, chưa kiến hiệu bèn dùng ngay Đại hoàng để công hạ, mới uống xong 2 thang thì sốt lui mà hàn chứng sinh ra ngay, ngoài thì nốt đậu lõm xuống màu xám tro, trong thì rét run, nghiến răng, ỉa tháo ra lãi, ông ta thấy thế bệnh chuyển biến xấu bèn kiểm cố rút lui, tôi cấp tốc đi mời mấy thầy thuốc khác, nhưng cũng đều là hạng tầm thường không giải quyết nổi bệnh này, lại đi mời 1 danh y ở xa nữa, nhưng cách chữa và dùng thuốc thì chỉ theo cách chữa bệnh thông thường không phải là tay giỏi, đến ngày 25 thì con tôi mất!

Mới biết, bệnh đậu này thuộc huyết hư huyết nhiệt kiêm khí hư, phép chữa là sau khi đậu mọc đều, tuy phải thanh giải phần độc lại phải lương huyết bổ huyết, khi sốt giảm được một nửa nên cho ghi dùng thuốc bổ khí đôi phần phong khí hư đưa đến nguy cơ ỉa chảy, chờ đến nốt đậu ngả sắc vàng là độc đã tiêu hết thì phải dùng Sâm Kỳ ôn bổ mệnh thì mới thành công. Nếu nước mủ tẹt xuống mà sau phát sốt, đấy là dấu hiệu (phát sốt do đậu mọc lại, cứ dễ tự nhiên, nếu sốt dữ thì bổ trung kiêm thanh giải, khiến cho dù sốt cao cũng không làm hao tổn phần âm, hư hàn cũng không làm hại dương, đó là yếu lĩnh của việc điều trị. Bệnh thế trước đây đã do ông ta làm hỏng. Nếu trong số thầy thuốc sau đó có một người biết được sức lực của bài Mộc hương Di công mà cho uống, nếu thể hư thoát đã nặng thì dùng ngay đại tể Sâm Phụ để cứu vãn thì chắc không đến nỗi giết người một cách khốc hại.

Than ôi! bọn diếc dui giết con tôi không đáng nói nữa, trời đất quỷ thần ôi! sao mà oan uổng thế! Đáng tiếc là số mệnh tôi rất gian truân, mới được đưa con quý hiếm, mất đẹp mây xanh, trong việc chơi đùa chỉ lấy sách vở bút nghiên làm thích, viết chữ thành giòng, các ca dao, ngôn ngữ, chuyện kể, nhiều câu dài nghe qua 1 lần là đã nhớ, nói năng cười đùa đều có nghĩa lý, có văn vẻ, có dạng thơ, câu đối... làng xóm cho là lạ. Tôi đau xót như xé gan đứt ruột, đi đứng nằm ngồi mất cả thăng bằng, như ngầy như đại gần nửa năm mới hơi nguôi tỉnh. Tuy lúc trẻ bị bệnh đã có chí theo nghề y nhưng chưa quả quyết, đến nay gặp họa lớn một cách vô cớ, than rằng: người xưa nói: *"Làm người không biết thuốc thì chỉ là một cái hồn vất vương mà thôi, vua cha nguy khốn, con đó làm than, tuy có lòng từ hiếu, cuối cùng không cứu được"*. Từ đó, tôi quyết tâm học thuốc, tìm khắp các thầy thuốc ở kinh thành, ở vùng nông thôn có ít nhiều tiếng tăm giỏi về môn đậu, đều không tiếc công tìm học đến vài mươi nhà, nhưng cuối cùng sở đắc đều chỉ là một số khuôn sáo cũ, thì tôi quay về Hương sơn nuôi mẹ đọc sách, đóng cửa không tiếp khách, dốc lòng học Hiên Kỳ Hoàng Tố đến nay mười lăm năm, về môn chữa đậu lại càng gia công nghiên cứu và sự thoát của tập sách này chính là ở chỗ đó.

Nhưng xét trong khoa chữa đậu đều có chuyên môn, diễn tả lảm lỏi chỉ gây thêm sự ngờ vực, thiên về bổ thì không đẹp được chứng thực, quá về công thì làm sao cứu được

hư thoát, hoặc xem hình, xem kinh huyết, chia ra thuận chứng, hiểm chứng, nghịch chứng v.v... phần nhiều chỉ làm cho người ta bó tay, sao mà tấm lòng cứu người bị hẹp hòi như vậy. Với khả năng nhìn tận bệnh để chuyển biến được thực hư, tự mình công hay bỏ thích đáng có đầy đủ kinh quyền ⁽¹⁾, thật là rất khó. Và từ đó về sau mỗi khi tôi gặp bệnh đậu như vậy may mà chuyển nguy thành yên, từ đó suy ra mà phát minh thêm hiểu biết, càng nhớ lại tình huống xưa của mình mà rơi nước mắt, nghĩ mình đã bị đau khổ như thế, chỉ sợ người ta lại đau khổ như mình sau này chưa có thể biết được. Bèn hăng say chọn đọc hết lời dạy các tiên hiền để lại, khảo cứu hết sách các nhà về lập luận, về phép tắc chữa, về phân biệt chứng hậu, về xử phương, thu nhật hết phần tinh ba, phân chia môn mục, lại thêm ý cả nhân mình để bổ phần thiếu sót, biện bác cái nghi ngờ, thật là sách Đậu khoa rất rộng, rất gọn, tinh thô đầy đủ, không gì hơn nữa.

Tiên hiền Trọng Cảnh vì đau khổ thấy người trong họ chết nhiều do bị bệnh thương hàn uống nhầm thuốc mà có 7 tập sách, tôi tuy không dám sánh với bậc tiền bối, nhưng cũng vì đau khổ mà có sách thì cũng một hoàn cảnh vậy, bèn đặt tên quyển sách là "Mộng trung giác đậu" ý là trong giấc mộng mà hiểu biết được bệnh đậu vậy.

LÊ HỮU TRÁC

Biệt hiệu HÁI THƯỢNG LÂN ÔNG

(1) *Kinh quyền*: quyền giả nhất thời chỉ dung, kinh giả thiên niên chỉ thường kinh nghĩa sư quyền biến chỉ áp dụng tam thời 1 lúc nào đó, còn kinh là cú theo cương kỷ phép tắc chung có giá trị lâu dài (ND).

THỂ LỆ BIÊN TẬP

1. Sách này lấy bộ *Cẩm nang làm đề cương*, *Cảnh Nhạc làm thực tiễn cụ thể*, nhưng sách *Cẩm nang* thì rất rộng mà không gọn, sách *Cảnh Nhạc* thì rất gọn mà kém rộng, bên tham khảo thêm các nhà để bổ sung cho các sách *Cứu thiên tào ngôn của Đậu Thái sư*, *Bảo xính toàn thư*, *Bảo xích đệ nhất thư*, *Vạn thi gia tàng đậu sang tâm pháp*, *Đậu chẩn kim đỉnh lục*, *Đậu chẩn ngọc tùy*, *Thọ thế bảo nguyên*, *Y học nhập môn*, nhưng sách các nhà tuy có rất nhiều hiểu biết mà những điều chỉ dẫn chủ yếu không ngoài hai bộ trên, cho nên những lời thừa tôi bỏ đi, chỗ hơi khác thì tóm tắt giữ lại để có một lối nhìn toàn diện về môn đậu.

2. Có chỗ nghi ngờ với thiếu đầy đủ thì thêm ý của mình viết thành 1 khoản, phần thì căn cứ nguyên ý của sách theo tôi hiểu, phần thì thêm cách chữa linh hoạt thêm tâm đắc của mình, thống kê từ thời kỳ phát sốt đến thời kỳ bong vẩy, có nhiều ý kiến phụ lục vào cuối tập *Đinh*, để làm lời tổng yếu của các nhà chữa đậu.

3. Sách chia làm 10 quyển, xếp theo thứ tự 10 thiên can, chia từng môn mục để tiện tra cứu.

4. **Quyển Giáp:** Tức quyển đầu, ghi các điều tổng luận làm phần chủ chốt cho các nhà chữa đậu, kể đó các điều nói về cách xem bệnh, cách nghiệm thực tế bệnh để làm chuẩn.

5. **Quyển Ất:** Mở đầu là "*Mạch pháp*" để xác định hư thực, thứ đến "*Trị pháp*" để sẵn sàng ứng phó, lại chia biểu khí, ý huyết, cách điều trị và cấm kỵ của các chứng, làm quy tắc lớn cho khoa chữa đậu.

6. **Quyển Bính:** Từ phát sốt đến đậu mọc, **quyển Đinh** từ đậu cương đến bong vẩy, mỗi thời kỳ đều chia ra thuận chứng, hiểm chứng cùng nghịch chứng. Về tổng luận, phép chữa, xử phương, dụng dược đều có mạch lạc không lộn xộn chút nào.

7. **Quyển Mậu:** có 19 điều, **quyển Kỷ** có 22 điều, **quyển Canh** có 30 điều, gồm tất cả 71 điều.

8. **Quyển Tân:** 27 điều, không có điều phụ, đều nói về các chứng sau đậu, khí huyết hư suy, dư độc, biến chứng, so sánh càng nghiêm ngặt càng đầy đủ để đi đến thành công, không giống kiểu cần thận lúc đầu mà lo là về cuối như các sách khác.

9. **Quyển Nhâm:** Bài thuốc chữa các chứng gộp lại vào một khuôn sáo, trên ghi tiêu chí để tiện kiểm duyệt các bài thuốc, chủ yếu của *Cảnh Nhạc* kiêm dùng rộng rãi.

10. **Quyển Quý:** Phần đầu ghi các bài thuốc của sách *Cẩm Nang* làm tư liệu dùng ngoài, phần giữa kê vị thuốc hay dùng của các nhà chữa đậu để rõ mà lựa chọn, phần cuối thuật lại bệnh án của sách *Cẩm nang* làm những điều chỉ dẫn tâm đắc cho người hậu học.

11. Phần tôi đi tìm học riêng của từng nhà, có thu nhập được nhiều phương bí truyền, phạm các điều có ý lý không mâu thuẫn với lý luận khí huyết ở trên đều có ghi lại trong tập *Bách gia trân tàng* (quyển trung) nên tham khảo. Nếu những phương dùng thuốc có độc để chữa đậu tuy có công hiệu trong chốc lát, cùng phép đậu, phép cấm, phép phòng trong bệnh đậu xa rời với lý luận khí huyết, thầy đều là những lời thiếu nghiên cứu, gây thêm ngờ vực cho người sau nhất thiết đều bỏ, vì đậu thuận là khí huyết sung túc, đậu nguy là khí huyết hư, đậu độc là khí huyết bất hòa, Tổng dược độc nhất định phải nhờ vào sức của khí huyết, đậu mọc và khỏi là nhờ vào công của khí huyết, cho nên chữa đậu thủy chung phải lấy khí huyết làm chủ; còn những phương thuật xa lạ nào khác đều không dùng tới.

TỔNG LUẬN

(Gồm 8 điều)

1. Bệnh đậu là do ăn uống thái quá: Bệnh đậu tục gọi "Thiên sang", "Bách tuế sang", "Thiên hoa", nguyên nhân do thai độc gặp thời khí ở ngoài xâm phạm mà phát ra, cho nên về cách truyền nhiễm thì giống nhau. Khảo cứu sách Nội kinh chỉ thấy nói Dương chẩn tức nay thuộc loại ban chẩn. Cho nên các tiên hiền Biển Thước, Trọng Cảnh, Hoa Đà, Vương Thúc Hòa đều không có một lời nào bàn đến bệnh đậu. Ta thấy rằng đời thượng cổ vốn không có bệnh này mà tại sao bây giờ có! Tôi cho rằng, những độc hại thời nay nhất định là do rượu chè ăn uống thái quá, so với cổ nhân điềm đạm khác xa. Nhưng mà giàu sang nghèo đói khác nhau, nay ở Bắc quốc (Trung Quốc) cũng không xảy ra bệnh đậu, nguyên nhân là như vậy, há phải là ở nước này không có thai độc hay sao?

2. Bệnh đậu vốn do dâm hỏa: Phạm nam nữ giao cấu là hiện tượng hòa hợp âm dương một cách kỳ diệu, con người sinh ra là gốc ở đó, nguồn gốc đậu cũng bắt rễ từ đó. Người ta chỉ biết dâm hỏa mà không biết do cái mầm mống từ khi giao cấu. Cái chất dẻo dính như mỡ đó là chất tinh chân nguyên vậy, phần trong loãng như nước là chất dịch của dâm hỏa cho nên người bẩm thụ được khí trong sách thì chất tinh chân nguyên đặc, chất dịch của dâm hỏa ít đi, đậu cũng ít thừa mà mọc thuận tốt; người bẩm thụ khí hỗn trọc thì chất tinh chân nguyên đục, chất dịch của dâm hỏa tăng lên, đậu ắt dày mà nghịch ác hơn, há lại chờ có thai ở bụng mẹ nhân có ăn uống gây thành thai độc hay sao? Lý Hoàn Đơn nói: Lòng đục không có hòa thì không động, thái quá là nước dâm vậy. Còn như thai độc chẳng qua phát ra các chứng sang chẩn đơn lưu⁽¹⁾ mà thôi, há lại như chứng đậu dương độc ác liệt không chế ngự nổi như vậy. Có người bảo vệ trẻ ngậm thai huyết mà có độc, lại càng là luận điểm không kinh nghiệm.

3. Bệnh đậu quý hồ được kiện vận: Phạm vận vật hễ nhẹ trong thì bốc lên cao, kiện vận thì tròn, đó là hiện tượng của trời, công dụng của khí. Tuy nhiên ví như cách làm thuốc hoàn bằng nước, nếu không kiện vận luôn thì không thể có hình tròn, không ôn nhuận thu liễm chặt lại thì không thể tròn trĩnh, cho nên khí hư thì quá là khó mọc cao lên mà hoá ra tròn trặn được, huyết hư thì phần nhiều táo sấp khó lưu thông.

4. Về sự sai lầm của thầy thuốc kém. Phạm bệnh đậu biến hoá trăm cách, trong hư có thực, trong thực có hư, không phải kẻ học tất, nhìn lệch, thì có thể thấy được toàn diện: nếu mắt trông tâm nghĩ có chỗ không đến nơi thì gây hại lớn. Giả thiết hoặc

(1) *Sang, chẩn, đơn, lưu:* a) *Sang:* Bệnh ngoài khoa thường thấy trên lâm sàng, bao gồm ung nhọt, đinh độc lở sưng, trạn nhac...

b) *Chẩn:* Tức bệnh sởi (trái đỏ), hình bễ cổ bị thóc hạt vừng, sắc đỏ hoặc tím, nổi cao trên làn da, sờ thấy gợn tay. Đồng ý hay gọi Ban chẩn đi đôi nên nói luôn về Ban, Ban là điểm to thành phiên, sắc đỏ hoặc tím, sờ không gợn tay. Miền nam có nhiều danh từ Ban như Ban của lưỡi trắng, Ban rắn, Ban lươn... đều là tượng hình mà đặt tên, đều thuộc bệnh ôn nhiệt cả.

c) *Đơn, đơn độc:* Bệnh ngoài da cấp tính do nhiệt độc, hay mọc ở háng hoặc mắt.

d) *Lưu:* Một sinh vật thừa sinh trưởng ngoài da do khí huyết ngưng trệ kết thành.

biến chứng không biết hình thì không rõ được bên ngoài, biết hình mà không biết mạch thì không dò được bên trong, biết mạch mà không biết gốc thì không tìm biết nguyên nhân, biết gốc mà không tìm nguyên nhân thì không thể thấu suốt được những sự biến đổi, biết nguyên nhân mà không biết thuốc thì không thể chữa bệnh giỏi được, chỉ mấy điểm ấy, thầy thuốc ngày nay đã thực có đầy đủ chưa? Nếu không giỏi mà gượng làm như giỏi thì gây tai hại cho người ta, mắc tội với trời, có thể không sợ hay sao?

5. Đậu mọc tốt hay xấu không câu nệ ở hình chất. Có cháu bé sinh ra thể chất béo đầy tựa như khí huyết đầy đủ mà đậu mọc rất khô sập khó mọc, có cháu bé sinh ra hình thể gầy đen tựa như nguyên khí bạc nhược mà đậu mọc suôn sẻ. Cho nên chữa đậu chỉ lấy nguyên khí làm chủ, không thể căn cứ vào hình thể, hướng chỉ đen giòn là xương rắn thịt chắc, và khí bên trong vững, đó là xương thắng hơn thịt, đậu mọc phần nhiều là tốt. Béo bệu là xương yếu xốp, thịt nhão, và lại khí thuộc biểu, thịt thắng xương, đậu mọc phần nhiều xấu. Vì thân chủ xương, đậu là độc ở thận.

6. Đậu nhẹ chuyển nặng, đậu nặng chuyển nhẹ. Nhẹ chuyển thành nặng không phải là đậu nặng nhẹ. Như đậu độc sơ phát, viêm nóng đốt dữ, lở chân lông đều mở, biểu lý đều hư, ngoại cảm nội thương dễ xâm nhập, đậu tuy thuận tốt, nếu coi thường không kiêng cử thì nhẹ biến thành nặng.

Nặng biến thành nhẹ không phải là đậu nặng hay nhẹ, nếu thể đậu mọc dày đặc, điều lý cần thận, tiết chế lòng ham muốn, biết kiêng kỵ, điều hòa tỳ vị, âm dương đúng mức khí huyết cùng hòa hợp thì nặng trở thành nhẹ.

7. Về sự uẩn súc của đậu. Về hình tượng đậu cũng giống như thuốc súng, lửa chưa cháy thì tịt ngòi không nổ, lửa đã cháy thì tiếng nổ chuyển động vũ trụ, cho nên đậu chần cũng do cảm phải thời khí mà phát ra, về dịch lệ thì từ trong ra ngoài, về đậu chần thì từ ngoài vào trong, cho nên năm ba năm mới có 1 lần hỏa vượng thì có phát bệnh đậu. Nhưng có trường hợp cả nhà bị đậu mà chỉ 1, 2 người không phát là sao? Tất nhiên đó là do 1, 2 người biết điều dưỡng hoặc nhờ nguyên khí đầy đủ mà đậu không cảm xúc nổi. Cho nên nói trẻ con bấm khí kém thì lên đậu sớm, khí thực thì lên đậu muộn, lý do là như thế. Phạm gặp những năm mùa đông ẩm thì sang xuân ắt phát đậu, cần dự phòng. Khi bấm kém và vốn có tật bệnh cũng nên điều trị dự phòng.

8. Về lệ không lên đậu. Có người tuổi trên 60, trên 80 mà không lên đậu là lẽ gì? Chỉ vì không quan sát các vật: Con hạt nếu không mọc lông trắng trên đầu thì tiếng kêu không to lên được, con tầm không lột xác thì ức không rộng được, con hổ không thay móng vuốt thì không tăng uy, người lên đậu cũng thế, nhưng lấy độc đậu ít và tươi sáng hoặc ngẫu nhiên bị ngứa lở, có mấy nốt đậu xen vào trong đó, không hiểu đó là đậu, nếu căn cứ thuyết không đậu đó thực là không kể gì đến nguồn gốc con người vậy.

CÁCH XEM ĐẬU

(gồm 12 điều)

XEM VÙNG MẶT THẤY ĐIỂM BÁO BIẾT TỐT XẤU.

Sau ba ngày phát sốt đậu mọc ở phần dưới mặt, ở hai góc cằm là tốt, ở hai bên má là trung bình, nếu mọc ở trước trán là độc tại vị trí dương đó là xấu. Phạm ở bộ vị Hiếu tinh có điểm đậu báo dày đặc, tuy ở các bộ vị khác chưa ít, đó là khó chữa, nếu ở bộ vị Hiếu tinh điểm đậu báo ít thưa sáng sủa tuy ở các bộ vị khác dày đặc ắt có cơ chữa được. Đại để tinh ba của ngũ tạng đều tập trung ở đầu mặt; Tinh ba sung túc, điều đậu tuy nhiều mà nốt đậu mọc phân minh, cao nhọn, tươi sáng thì tuy nhiều nhưng vẫn vô hại. Tinh ba kém thì độc tà gây vỡ thành phiến như tằm như cám là chứng không chữa được.

XEM MẶT, HẦU HONG, GÁY, NGỰC

Chữa đậu cần phải xem bộ vị đậu bắt đầu mọc thì có thể biết được nhẹ nặng tốt xấu. *Má trái thuộc can mộc, mà phải thuộc phế kim*, (hai bên má không kê trước sau chỉ cần đỏ, trơn, thưa, sáng sủa, chắc đặc là tốt, nếu đóng cục lở mồm, non bệu dễ vỡ, sưng là xấu; đen hãm khô lạnh, cũng như gỗ là không chữa được, đó là do hôn phách đều lìa nhau).

- *Giữa trán thuộc tâm hỏa* (Tinh cấp không thể xúc phạm), nếu xuất hiện nốt đậu mũ khô thu áp bắt đầu từ trên trán là xấu, đó là theo ý nghĩa quán chủ (tâm) nguy thời 12 quan (tạng phủ) đều nguy.

- *Dưới quai hàm thuộc thận thủy*. Mưng trước, thu áp trước là tốt.

- *Mũi thuộc tỳ thổ*. Chính giữa trán là nơi tụ hội của kinh mạch Thái dương, mỗi má là chỗ ở của kinh Dương minh, trước sau hai tai là hai đường đi qua của kinh Thiếu dương. Đậu là loại dương độc, cho nên theo dương mà xuất hiện ra mặt. Nhưng Dương minh vị và Đại trường là nơi tích trữ chất bẩn chất mục nát, khí huyết đều nhiều cho nên trước tiên ở hai bên miệng mũi, trên dưới nhân trung, hai mang tai má, khoảng vùng niên thọ... đậu mọc trước, mưng mũ trước và thu áp trước là tốt. Và lại miệng là "thủy tinh" dưới cằm thuộc thận thủy, hỏa bị thủy hòa giao chế nhau, nếu Thiếu dương thì là chỗ mọc và hòa cùng lẫn ắt, nếu như đậu ở đó mọc trước, mưng mũ trước và thu áp trước là xấu. (trông mắt sáng sủa, miệng, lưỡi, môi đỏ trơn bình thường không có sắc khô trắng là dấu hiệu tốt không phải lo ngại).

- *Lại như đầu là nơi các kinh dương thu hội*. (đầu mũi mọc trước, tét trước thì xấu, vì đầu mũi ứng với tỳ, độc phải ở tỳ, tỳ bệnh thì 4 tạng đều bệnh); hai bên cằm, hai chỗ má là phủ của tinh ba năm tạng, huyệt ấn (yết) là đường ra vào của cơ nước, huyệt thờ (hầu) là cửa của bộ hô hấp thuộc phế, ngực là nơi các phân dương thụ khí, là vùng chứa tâm phế; lưng, xương sống là nơi thống hội của các kinh dương có dính liú với tạng khí của 12 kinh. Năm chỗ ấy đậu mọc cần thưa, ít, nếu trên đầu trán mọc nhiều, gọi là "móng đầu" thì thị giác bị mất tác dụng, sự vận hóa ở trên bị tuyệt.

Vùng môi thấy mọc trước là tý thổ bị thương tổn, hai bên má, hai bên cằm đậu mọc dày đặc thành từng mảng hoặc như bôi son là can thịnh khác tý, 8,9 ngày thì sinh là tháo ra nước trong không ăn được là thành chứng nguy, cho nên đều không nên mọc nhiều. Chỉ ở chân tay như binh lính thấp hèn, không kể nặng nhẹ, tuy mọc nhiều nhưng cũng không hại (các chứng trên đều nên thanh nhiệt giải độc, huyết được lưu thông, khí được điều hòa thì không có biến chứng khô, hăm đen. Nếu mọc trước, mưng mủ trước, và thu áp trước dương quá vượng phải dùng thuốc giải độc, nếu mọc chậm, thu áp chậm là vừa mức, nếu quá chậm là tý vị hư, khí huyết không vận chuyển cần phải bổ tý nguyên ngay để phòng chứng nổi bọ nước, ngứa tét. Nhưng xem trên có thể biết dưới, như dưới ấn đường ứng với ngực, dưới mũi ứng với bộ phận lưng, hai gò má ứng với hai bên eo lưng, hai bên má ứng với hai gót chân, xem trên dày đặc là có thể biết ở dưới vậy.



*XEM ĐẬU MỘC Ở CÁC BỘ VỊ CỦA KINH HUYỆT
ĐỂ BIẾT TỐT XẤU (gồm 75 huyết)*

Thiên đình: là bộ vị của phế, mọc trước mà nhiều nốt, đó là độc lẩn vào bộ vị dương: *Tốt*.

Phương quang: Bộ vị của phế, đậu mọc ít: *Tốt*.

Tín hội: Thổ tinh, ở trên gáy, nơi xuất phát mạch Đốc, đậu mà mọc tại đó: *Rất xấu*.

Thần đình: Bộ vị của phế, trên chân tóc 5 phân, đậu không nên mọc nhiều.

Phong phủ: tại phía sau ót, (não) không nên mọc đậu đình.

Khung long: chỗ cao của ngũ nhạc, đậu mọc trước nhiều mà bé là xấu.

Ấn đường: bộ vị của phế, một mảng như mây che: *Xấu lắm*.

Ty trúc: Khu vực của can, nơi xuất phát kinh Thái dương, ứng với Thương khâu, *tối kỵ* đậu mọc dày mọc nhiều.

Thiên thương: bộ vị của phế, đầy đầy thời 5 kinh không biến chứng.

Thái hà: bộ vị của phế, ở trên hai lông mày, sáng sủa, *Tốt*.

Phồn hà: Phiên hà, bộ vị của phế, sáng sủa, là *tốt*.

Huyền vũ: Bộ vị của thân, bên trên tai.

Huyền bích: cũng gọi Thụy bích, bộ vị của thận, không nên kết độc tại đó.

Sơn lâm: Không nên có kết độc

Bách hôi: Độc đầu không được mọc tại đây.

Phát tế: chân tóc, kết độc thời mất đỏ, lưỡi thò ra, miệng khô, *xấu*.

Tinh minh: bộ vị của can, tại khoeo trong mắt chỗ túi lệ, là nơi hội của kinh Thủ thái dương, dương minh.

Thái dương/tả: Sắc môn ⁽¹⁾ của can, *tối kỵ* đậu mọc dày đặc.

Thái dương/hữu: Sắc môn của phế, trước thấy đậu mọc dày đặc, *xấu* *Lê dương*: Xác môn của can, đậu mọc như hạt tiêu, *rất xấu*.

Dương trì: chỗ của hai kinh dương, *tối kỵ* đậu mọc trước, dày đặc và nốt đậu bé.,

Ngũ vĩ: Bộ vị của phế, tại trên đuôi mắt, đậu mọc dày đặc ở đây là *rất xấu*.

Giao cốt: bộ vị của thận, ở trước tai 1 tấc, đậu mọc như mây bay, như con tằm, *rất xấu*.

Thỉnh hội: Bộ vị của thân, chỗ lõm trước nhĩ châu, không nên có đậu mọc tại đó.

Nhi khổng: Then máy của thận, lên đình tại đây gọi Hoan hồ, kíp lễ ngay để chữa

Tinh cốc: tại 7 khiếu (hai mắt, hai mũi, hai tai và miệng) lên đậu trước tại các chỗ ấy, *xấu*.

Ngũ nhạc: tại lưỡng quyền, mũi trán, cằm đậu mọc thưa, sáng sủa, *tốt*.

Quyền phu: (tác gò má) bộ vị của tâm, bé như sợi tơ, *tốt*, như béo tía, như con tằm, *xấu*.

(1) *Sắc môn*: như dân gian ta nơi chỗ chết, của tử, đầu mọc mọc tại đó thì coi như xấu, rất xấu! (NĐ)

Quyền thạch: bộ vị của tâm, trên suốt xuống dưới, đậu mọc lung tung là có thể chữa.

Tỳ chuẩn: (tức chót mũi) bộ vị của vị, không nên có đậu mọc tại đó.

Tung nhạc: (trên chót mũi) Bộ vị của vy, đậu mọc như hạt lưu, thời chân tay như đào nom, *dấu hiệu tốt.*

Niên tho: Bộ vị của vy, đậu mọc 7 hôm nốt tía, cứng như gỗ, hoặc như mảng thiếc, *xấu.*

Dia các: (trên cằm) bộ vị của thận, không nên thấy đậu mọc trước tại đây.

Tỳ tru (sống mũi) bộ vị của vy, màu đẹp như hoa đào, *tốt*, màu xám tro, *xấu.*

Nghinh hương: Bên cạnh lỗ mũi 5 phân, không nên có độc đậu ở đây.

Thục thương: bộ vị của tỳ, tại hai bên lỗ mũi như tổ nhện, chủ nôn nửa, *xấu.*

Nhân trung: Bộ vị của tỳ, nơi quan hệ đến tính mạng, không được lên đậu hình như bánh xe, *xấu.*

Tai tỉnh: Bộ vị của tỳ, không nên có đậu mọc.

Tai điền: Bộ vị của đờm, đậu không nên mọc đây.

Di trì: Bộ vị của tỳ, đậu mọc như hoa mai thời tổn thương tỳ mà ỉa chảy, *xấu.*

Thừa tương: chỗ lõm dưới môi 5 phân, đậu mọc tại đây là *xấu.*

Khí xu: Then máy của phế, tại dưới má, gần họng thở, đậu mọc nhiều là *xấu.*

Hậu đột: Bộ vị của phế, chỗ lõm, cách chỗ kết hầu (cục A-đam) 1 thốn, giữ chức năng sinh sát, đậu mọc đây nhiều, *xấu.*

Khí oa: Sác môn của phế, đậu mọc tại đó là rất *xấu*, nếu tam tinh chiếu ắt chết.

Bôi tòa: Trên dưới mọc khắp mọc lung tung, thấy thế là khó chữa.

Hạng tòa: Bộ vị của phế, như rắn nằm khoanh (bàn xà) là độc thịnh khó khỏi.

Nhũ bàn: Then máy của tâm, như giao chéo thì buồn bực vật vờ.

Chiên trung: (Dần trung) tại giữa hai vú, nơi then máy của tâm, đậu mọc ở đây thì buồn bực vật vờ, *xấu.*

Trung quân: Cửa ải của tỳ, vị quân cách trên rốn 4 thốn, đậu lên như ong đánh, *xấu.*

Tề phong: Then máy của tỳ, đậu mọc nhiều thì ỉa tháo, *xấu.*

Tề lộc: Cửa ải của tỳ, đậu mọc tròn như hạt chuối thì có chứng tả nghịch, *xấu.*

Phế du: Tại lưng, dưới đốt sống thứ ba ngang ra 1 thốn rưỡi hai bên đậu mọc tại đó gọi là Huyền kính, *xấu.*

Tâm du: Dưới đốt sống lưng thứ năm ngang ra 1 thốn rưỡi hai bên hoặc có kết độc cũng chữa được.

Con du: Tại lưng, dưới đốt sống lưng thứ 9 ngang ra 1 thốn rưỡi hai bên.

Vị du: Tại lưng dưới đốt sống 11 ngang ra 1 thốn rưỡi hai bên.

Tỳ du: Ở lưng, dưới đốt sống thứ 14 ngang ra 1 thốn rưỡi hai bên.

Kiên du: Các huyết trên nếu độc kết nơi đó, có thể chữa.

Thương môn: Ngũ quan là huyết này, đậu mọc nhiều thì buồn bực vất vả.

Đon diên: Dưới rốn, độc kết tụ thời có táo kết ở đường ruột, đại tiện khó đi.

Huyền môn: Nam tại quy đầu, nữ tại vũ, thuộc thủy mà đinh thuộc hỏa không mọc, mọc tại đây là xấu.

Phong khâu: Chỗ cao cầu năm kinh, đậu mọc ít là thuận.

Khúc trì: Chỗ lõm tại khuỷu tay, không nên có đậu mọc tại đó, nếu có phải chữa gấp.

Tam lý: Ở bên cạnh gối, đậu mọc tại đó cần đề phòng loét ở gân.

Đôn phụ: (tức mông dít) trực của can, lên đậu đinh tại đây có thể chữa.

Dương cầu: Cửa ái của thận, có đậu mọc là xấu.

Thương khâu: chỗ hơi lõm trên mắt cá ngoài chân, từ đó trở xuống, có đậu đinh quyết không thể chữa.

Công tôn: Ở chân, thuộc can kinh.

Dũng tuyền: Giữa chỗ lõm gan bàn chân.

Thái xung: Chỗ lõm, cách 2 thốn sau chòm lông giữa ngón chân cái.

Thái Khê: Giữa chỗ lõm động mạch mắt cá trong chân.

Thái bạch: Ở chỗ lõm mé trong sau lóng gốc ngón chân cái.

Âm lăng: Ở chân.

Ủy trung: Ở chỗ giữa khoeo (nhuận) chân, chập gập lại.

Lậu cốc: Ở gót chân trở lên, đinh độc mọc tại đó đều không chữa được.

XEM HÌNH CHỨNG LOẠI QUÁI ĐẬU

(Gồm 66 điều)

Phạm quái đậu tức là loại nghịch đậu nặng, hình chứng không giống nhau, không thể không bàn đến được.

Nội hãm: Đậu lúc mới mọc mà mặt ngực, tay chân đã thấy điểm đỏ không mọc ra được, không làm mủ, thu liểu ngay, nếu lại thêm khí xúc tiếng nói ngọng ngịu, buồn bã khó chịu, đây là chứng chết. Chúng gọi đậu nội hãm (lâm vào trong).

Thí đậu: Có chứng ấy mà không có bứt rứt, không có suyễn, không có buồn bã gọi là "thí đậu" quá 5 ngày ắt phát sốt mà đậu mọc thì nặng.

Phản quan: Đậu mới phát như muối cần, sau ba ngày lặn hết không thấy nữa, gọi là "đậu phản quan". Năm ngày chết.

Mẫu đậu: Đậu mọc hai ba đốt thành cụm dày đặc, chân nốt đậu cứng chắc thành cục, gọi "đậu mẫu", 6, 7 ngày chết.

Một loại nốt đậu sấp mọc, trên mình có những chỗ sưng đỏ, cứng, giống như bướu mà không phải bướu, giống nhọt mà không phải nhọt, cũng gọi là "đậu mẫu", 3, 5 ngày chết.

Lạn đậu: Đậu mới mọc đã như bóc máu hoặc bóc nước, vỡ ngay. Loại đó gọi là "lạn đậu", 2, 3 ngày chết.

Không đậu: Đậu sau khi mọc khắp mình đều chỉ là nốt rỗng, không làm mủ gọi là "không đậu", 8, 9 ngày chết.

Quý đậu: Đậu khi mọc lên ở trong khô đen gọi là "quý đậu", nên lấy yên chỉ bôi vào, không cho nó lây lan ra, nếu không chữa gấp, lúc cương lúc tệt, đáng lý thu áp mà không thu áp, hoặc mọc đi mọc lại nhiều lần, liên miên lâu ngày rồi chết.

Dinh đậu: Đậu lúc mọc, bên trong đau như dao cắt, kêu khóc không ngớt, đó gọi là "dinh đậu", 5, 6 ngày chết. *Can đậu:* Đậu lúc mọc khô ráo không thuần, tẹt lặn không cương lên, da nhăn, gọi là "can đậu", 5, 6 ngày sionh thêm chứng phiền đầy thổ gấp rồi chết.

Ôn đậu: Đậu lúc mới mọc da non dễ vỡ, sờ vào thấy ấm gọi là "ôn đậu", 6,7 ngày ngứa tẹt xuống mà chết.

Nộn đậu: Đậu mới mọc, nốt đậu sắc non bệu, da mỏng sáng mượt, đỏ tươi dễ ưa, gọi là "nộn đậu", 8, 9 ngày không đóng vảy, ắt ngứa tẹt xuống mà chết.

Lậu đậu: Đậu lúc mới mọc lúc làm mủ, đầu mụn đậu có lỗ nước mủ gọi là "lậu sang", 5, 6 ngày sau ắt ngứa tẹt xuống mà chết; nếu mủ ra đóng làm vảy được cũng là loại đậu tốt.

Tặc đậu: Một loại đậu mọc trong khi các nốt khác chưa làm mủ mà nốt này lại mọc trước, còn có tên là "giả vân phiếm" phần nhiều ở các chỗ Thái dương, huyệt, miêng, ngực; ba ngày thấy thì 6 ngày chết 4 ngày thấy thì 7 ngày chết; 5, 6 ngày thấy thì 11, 12 ngày chết.

Tặc đậu (bis): Đậu mọc tuy ít, chân nốt đậu toàn màu trắng không có màu sắc khác, sau ba bốn ngày tuy có nổi phồng lên nhưng ấn vào trống rỗng, cũng gọi là "Tặc đậu", đó là khí huyết rất hư yếu, đến lúc mọc mủ thì biến thành bọc nước to bằng quả nho, da mỏng như giấy, gãi vỡ ra thì chết.

Đào hãm: Đậu khi sắp làm mủ, nốt đậu tự vỡ phá, có lỗ lõm sâu, gọi là "đào hãm" không chữa được.

Đào hãm (bis): Đậu lúc sắp thu áp, không làm vảy được mà da tróc xương đen cũng gọi là đào hãm, đều không chữa được.

Lại đậu: Đậu lúc sắp thu áp không làm vảy, da thịt vỡ nát, mủ ra dầm dìa, gọi là "đậu lại" ăn được thì sống, không ăn được thì chết.

(Từ đây trở lên là chép theo Cảnh nhac)

Thiên không: Đậu các chỗ đều mọc khỏe mà vùng Thiên đình, Hiếu tinh mọc không khỏe, đó là huyết không đưa lên dinh đầu, gọi là "Thiên không đậu", 10 người không sống 1.

Thủy thực: Đậu các chỗ đều mọc khỏe mà vùng Thái âm, Thái dương không mọc, gọi là "Thủy thực đậu", như mặt trời mặt trăng bị che mà thành xấu.

Hải khô: Đậu các chỗ đều mọc mà sau tai vương vức 1 thốn không mọc, gọi là "Tinh tú Hải khô đậu", đó là thận bại, không chữa được.

Vô căn: Đậu mọc các chỗ đều tốt mà vùng Địa các hãm ở trong, khô hoặc trắng màu gio không nổi lên, gọi là "vô căn đậu" đó là thận thủy tuyệt, không chữa được.

Đơn tòa khẩu: Ở mặt đều ít, ở khoe môi có 1 nốt đen to gọi là "Đơn tòa khẩu", nếu trên dưới môi đậu mọc 1 vòng thành chuỗi gọi là "Dằng xà tòa khẩu", đều là các ác chứng không chữa được.

Song tòa khẩu: hai bên mép đều có 1 nốt gọi là *Song tòa khẩu* còn gọi "*Bạch hổ tu sang*" cũng là ác chứng không chữa được.

Chuân đậu: Loại đậu khoảng trung gian nhiều mà hai lần ít thậm chí không có, đó là thuộc chứng rất xấu, gọi là "chuân đậu", độc xúc phạm vào tâm phế, mà chết.

Nghịch đậu: Độc mọc nửa người trên ít nửa dưới người nhiều cũng không có hại lớn. Nếu dưới thấy mọc trước mà sau trên mới thấy là nghịch đậu không chữa được.

Quý niết: Loại đậu khắp mình hoàn toàn không có nốt, chỉ mọc thành mảng ban, như vết bị thương, gọi là "quý niết đậu", không chữa được.,

Xà bì: Đậu mặt khắp mình mọc không sót chỗ nào, mụn bằng mà sắc trắng gọi là "xà bì", ắt sẽ khô không làm mủ, đến 11, 12 ngày chết.

Cửu tiêu: Đậu mọc ở các nơi giữa trán vùng Địa các, gò má, ngực lưng, sau tai, chân tay đều có 1, 2 mảng hắc hãm gọi là "Cửu tiêu đậu" cũng không chữa được.

Bán biên: Đậu mọc hoặc bên trái hoặc bên phải mụn đậu nghiêng vòng quanh nốt đậu tán mạn, gọi là "bán biên đậu", tuy ăn uống, tiếng nói, ỉa đái bình thường cũng không quá 7 ngày chết.

Thạch đậu: Nốt đậu chính giữa lõm xuống bốn phía dô lên, sáng bóng trông đẹp, mủ bên trong đặc không hóa, tay sờ vào cứng như đá hình như cối đá, đó là chứng chết.

Bồ đào: Vùng xương cụt ở đít có một phiến tín hồng như quả nho không chữa được.,

Huyết đậu: Mọc nốt tím đỏ như dùng bút son điểm khắp người gọi là "Huyết đậu" đó là rễ ben trong đã thối thì đầu ngon ắt héo, 6 ngày chết.

Huyền khảnh: Vùng xương chũm đậu mọc nhóm lại thành khối, nếu đỏ tím hãm màu xám tro gọi là "Huyền khảnh đậu" rất nguy hiểm vì đó là chỗ huyết Não hộ, nơi tụ hội của các công tông mạch cho nên không chữa được.

Nga khẩu: Nga khẩu đậu là loại đậu lúc phát đậu mọc ở môi miệng lúc đầu đã vàng mà đôi có mủ. Đó là độc phát ở tý ắt đến lúc nôn mửa không chữa được.

Bạch trưng: Đậu lúc mới phát đầu mụn đậu đã có nước mủ trắng đó là dịch lệ, đến 7 ngày chết.

Độc đại: Đậu mọc ở Nhân trung có 1 nốt so với các nốt khác thì to hơn, đậu tuy ít sáng, đến 6, 7 ngày hoặc 12 ngày sẽ truyền kinh phát bệnh đi tả không chữa được.

Tứ vi: Đậu lúc mới phát, chân nốt đậu 4 bên mọc những nốt nhỏ bao quanh nốt đậu này hoặc phát ra như hạt gạo gọi là "Tứ vi đậu" ắt không đợi làm mủ mà phát ngứa rồi chết.

Hà cảm xuyên hung: Đậu như ráng nhiều màu xuyên qua ngực đó là hỏa độc đốt mạnh, không chữa được.

Phan kiên: Đậu mọc từ vai, gáy trở lên dày đặc, sắc lại không tốt, chết.

Ấn ban: Hình nốt đậu như vỏ đậu mà sắc trắng màu tro, không có sắc huyết, đến khi gãi sứt ra máu mà cũng không có mủ, gọi là "ấn ban" không chữa được.

Luồng bại: Đậu mọc xem gần như hoa nghệ, trông xa như màu yên chỉ, ắt là không làm mủ, đó là khí huyết đều bại, không chữa được.

Tử bạch phù bình: Đậu mọc đều màu tím không nổi kiềng không làm mủ như bèo tía đắp trên xa, gọi là "tử bình", không chữa được, sắc trắng không nổi kiềng không làm mủ như bèo trắng đắp trên da gọi là "bạch bình sang", không chữa được.

Yến oa: Đậu mọc sau cổ, giữa huyết phong môn và Đại chùy, nốt đậu dày đặc gọi là "Yến oa đậu", nếu sắc lại tím khô thì nguy.

Quản châu: Hai tai thuộc thận, không nên có đậu mọc, nếu độc mọc trên vành tai liền miền như chuỗi ngọc, đó là độc làm thương tổn đến thận, muôn người không sống được một.

Mộc đậu: Giữa nốt đậu hơi lõm xuống, rần như cùi khô, không mủ không máu gọi là "mộc đậu" do trẻ con da dẻ nhiều dờm kết tụ thành độc, 9 ngày thì chết.

Tử vân quán đỉnh: Đậu mọc khắp mình đều tốt, nhưng ở đầu gây khô hăm không nổi gọi là "tử vân quán đỉnh", không chữa được.

Ô sa phúc đỉnh: Lên đậu thấy cổ hồng tât nghệt, sưng thờ mạnh, đó là khí huyết suy lại, nguyên dương ly thoát gọi là "ô sa phúc đỉnh", không chữa được.

Ô sa lạc ngạch: Lên đậu trên trán có 1 mảng khí đen chụp xuống đó là khí nguyên dương đều tuyệt gọi là "ô sa lạc ngạch" không chữa được.

Ô phạm niêm thần: Đậu mọc như cơm đen dán vào môi, chứng này ắt tiếng ngọng tinh thần mê man, tròng mắt không chuyển, tay chân quyết lạnh, gọi là "ô phạm niêm thần", 3 - 7 ngày chết.

Tử vân bố hung: Đậu mọc như mây tím phân bố trên ngực, đó là huyết ngưng khí trệ, độc xâm phạm vào ngực, ắt có chứng nghiêng răng, run rẩy, miệng môi khô nẻ không chữa được.

Hắc kỳ bài hung: Đậu mọc như quân cờ màu đen bày ra trên ngực đây là tâm hỏa rất mạnh, sắc chan tạng xuất hiện 3 ngày chết, đó là hỏa tính rất nhanh.

Nạn hung: Đậu mọc từng mảng trước ngực, vùng đó là chỗ quan hệ tới 5 tạng nhóm về, khí hội ở đó, tâm bào lạc tụ ở đó gọi là Mạn hung, nhất định chết.

Khí viêm tế thính: Đậu mọc riêng ở tai nhiều, tai là khiếu của thần, kiềng đậu mọc trước và thu áp trước ở đó, nếu tai nóng sắc đen cần phòng biến sắc đen quy về thận sẽ xấu.

Tam âm tấu độc: Tại ngón chân cái có huyết Thái xung thuộc kinh Quyết âm, lòng bàn chân có huyết Dũng truyền thuộc kinh Thiếu âm, cạnh bàn chân có huyết Thương khâu thuộc kinh Thái âm, độc đến đó là xấu.

Bạch lê: Đậu như quả lê trắng đặt trên bụng, đó là khí huyết đều bại trong nửa tháng sẽ phát kinh mà chết.

Hà tiền thấu thủy: Đậu chỉ mọc dày đặc hai bên má, nếu đến lúc khô tím tinh thần mê mết gọi là "Hà tiền thấu thủy", rất xấu.

Vị cấm: Loại đậu hỏa độc đốt ở vị không phát ra ngoài được, làm tỳ vị lở loét, đậu xuất hiện ra ngoài, ở khoảng môi miệng có 4, 5 điểm liền nhau, các nốt đậu khác chưa làm mù đậu ấy đã vàng chín trước. Đó là nhiệt độc công phá ở trong vị đã mục nát mà đậu không làm mù, phàm môi miệng thấy đậu mọc nhiều mà đỏ, thờ mạnh, nóng dữ, miệng hơi thối khác thường, đó là đúng bệnh đậu vậy, không chữa được.

Huyền kinh: Đậu mọc từ lưng đến khắp tâm âm, thấu đến ngũ du, hình giống như nhọt ở lưng (bối thư). Chứng này ắt có buồn phiền vật vả nói nhảm, nôn mửa, không chữa được.

Thanh phù: Đậu đi khắp đường đi của kinh can, tụ lại ở sườn bên trái, to như hạt đậu, bốn phía nhỏ như hạt châu, họng khô, khát, buồn phiền vật vả, nôn xốc không yên, không chữa được.

Phúc nhũ: Đậu mọc nhóm hết vào các kinh mạch dương, liên tiếp với nhau mà ở hạ bộ thì không có triệu chứng có nôn mửa, đau đầu, hình tựa nhọt mà rụng tóc, không chữa được.

Tòa tỉnh: Độc đậu vào đến tỳ, mọc tập trung quanh miệng rất nhiều, triệu chứng ắt có lưỡi khó nuốt, nằm ngồi chẳng yên, không chữa được.

Bàn xử: Đậu độc uất ở phế, mọc bao quanh cổ gáy như tràng nhạc, triệu chứng có đờm dãi gấp, mắt đỏ, khát dữ, không chữa được.

Hoạn hổ: Độc đậu thấu đến tỳ vị, hai bên rốn khí kết đóng lại, triệu chứng bụng quặn thắt, ỉa chảy, mửa xốc, chân tay lạnh, sợ rét, không chữa được.

Huyền khẩu: Đậu mọc qua tâm, đến thận, độc đến chỗ dương vật, giống như bệnh giang mai, triệu chứng ắt có bụng dưới trường khó chịu, đại tiện phân chặt, mặt đỏ, khát, sốt, không chữa được.

Yểm nguyệt: Đậu qua Dương minh mọc trong 2 hố nách 15, 16 nốt, thông tay xuống thì đau, triệu chứng miệng nôn nước dãi, sợ nóng má đỏ, không chữa được.

Quyển a: Đậu qua tỳ, thấu đến Dương minh, lòng bàn tay mọc 4, 5 nốt tụ lại liền nhau, triệu chứng ắt có thổ tả, buồn phiền vật vả không chữa được.

XEM HÌNH CHỨNG ĐẬU TỐT (gồm 13 điều, đều là trong xấu có tốt)

Thiên căn: Đậu mọc không mạnh nhưng vùng Thiên đình hoặc Hiểm tinh mọc đều khắp, đó là tinh khí phát tiết ra ngoài, cho nên gọi "Thiên căn", trong 10 người có 9 người sống tốt.

Minh lăng: Các chỗ không mọc, chỉ mọc ở Thái âm. Thái dương, đó là như mặt trời mặt trăng, là dấu hiệu tốt.

Hải dật: các chỗ không mọc mà chỉ mọc 1 khoảng chừng 1 thốn sau tai, gọi là "tinh tú hải dật" đó là thận kính vượng, tốt.

Hữu căn: Đậu mọc dày ở đầu, mặt, khắp mình mấy thập phần nguy hiểm, nếu ở vùng Địa cát mọc mấy nốt tròn như hạt ngọc châu, 10 người thì 9 người sống, vì thận là gốc của con người, loại đậu này là thận vượng cho nên gọi "hữu căn" hoặc dưới chân có

đậu là hữu căn, tốt.

Nha linh: Đậu mọc lúc thiên nguyên đầy đủ mà Nhâm Quý đầy đủ, đậu chỉ phát ở thận kinh gọi là "kinh trạo vân cù". Ở đầu nổi phồng lên đen, nốt tròn, sáng bóng, vòng tròn, đầu nốt đậu cao, nước vàng có thân, đó chủ về chứng đậu hậu thiên phú quý, trong Trạng nguyên đồ có ghi chép.

Lý ngư: đậu từ lúc mới phát đến khi đóng vảy, phát sốt không lui cương và mừng mù đúng kỳ, đến khi bong vảy thì mát, cho nên tốt.

Huyết áp: Đậu mọc ít, thưa mà 4-5 ngày to bằng hạt đậu vàng, 6-7 ngày se mặt vảy khô sần đỏ như Chu sa, 9 ngày thì bong vảy đó là độc ít mà khí huyết sung túc, vừa phát vừa làm vảy không kịp mừng mù, rất tốt.

Phật đỉnh: Đậu mọc ở khoảng cách thiên đình ít mà bình sắc tươi đẹp, đó là dấu hiệu tốt.

Báo đậu: Sở dĩ gọi Báo đậu là loại đậu khi phát đều thấy sốt nhẹ, khí sáng khoái, tinh vượng, thần khỏe, đậu mọc từ 1 điểm đến ngoài 10 điểm xung quanh và đỉnh đậu rất tốt, mặt nước cũng đầy đủ người đời gọi là "thượng thừa", Hoặc sau khi đóng vảy, phát sốt, khắp mình dày đặc; hoặc sắp đóng vảy mà lại vỡ loét sần mới có thể mọc lại rồi đây được những ẩn độc ở trong ra ngoài người không biết xem trước, may mà nó tự cương, thì sống. Cho nên gặp loại đậu này cần phải xem đường đỏ sau tai rồi lại xem các đường lạc khắp mình và khí sắc ở mặt, nếu không phải báo đậu, thì có mấy điểm đó có thể nói tốt hoàn toàn, nếu điểm không phải như vậy thì dùng kim bạc khều cho vỡ dùng yén chỉ khê chấm vẩy lại thì độc không công phá vào trong, những nốt đậu đậm phát ra cũng sẽ tươi ít.

Cửu tiên: Sở dĩ Cửu tiên là loại đậu lúc phát tròn nhon, dễ sưng lớn, dễ mừng mù, chân nốt đậu rất đỏ tựa như huyết nhiệt, nhưng trước sau không đều nhau, ba ngày làm mmù, cho nên gọi là "cửu tiên", đây là bệnh ở phủ, cũng là dấu hiệu tốt.

Thủy đậu: Phát sốt, đậu cương, mừng mù hình sắc bình đáng như nhau, chỗ cồi khác là lúc phát đầu mụn đậu sắc trắng bóng, chân nốt đậu tan rộng, sắc mù trắng, đỉnh nốt đậu không có mắt, cũng là chứng thuộc phủ không phải lo gì khác, chỉ không thăng phát thái quá làm hao nguyên khí.

Thạch đậu: Nốt đậu ẩn vào vật rắn như đá, dễ cương, dễ mừng mù, dễ thụ áp, cười nói ăn uống bình thường, 7 ngày ráo mù, 10 ngày là xong hết, gặp đậu này là **may bạc nhất**.

Mộc đậu: Phát sốt thấy đường chỉ nổi lên giống như đậu, nhưng khi đậu mọc bỗng nhiên thấy có nốt không đều nhau đến 1, 2 ngày thấy to dần lên, đến 2, 3 ngày thì bé lại và lặn đi, có hình mà không làm mù, đó cũng thuộc về chứng bệnh ở phủ, **không phải lo ngại**.

XEM DẤU HÌNH VÀ TÊN GỌI

(Gồm 15 điều)

Phạm đậu mọc dày bé đầy chắc gọi là "trần châu đậu" thời dễ cương dễ xẹp: Hình nốt đậu cao to no đầy gọi là "Đại đậu" thời mừng mù sớm mà thụ áp chậm.

Đậu mọc mọc xung quanh cao lên mà chính mà chính giữa lõm xuống gọi là "thù du đậu". Bề mặt không nhô lên gọi là "chung bình đậu" thời có chia ra tốt xấu khác nhau, thưa thì nhẹ, dày đặc là nặng.

Sách Ngọc Tuyền nói: "Thứ nhất là "Diệp chân hình", được hưởng cái chính đáng của máy tạo hóa, vinh vệ cùng giao hòa nuôi dưỡng nhau; có loại "Bàn châu hình" thể sắc tươi nhuận, có cái thể như sấm dậy mạnh mẽ sáng sủa; có loại "Lưu châu hình" quả đậu tuy bé nhỏ mà khí huyết nương tựa với nhau, khí chân nguyên được tăng thêm và nhóm lại với nhau.

Ba loại hình ấy là những đặc biệt trong bệnh đậu.

Thứ đến, có Du tám hình, có Phúc phủ hình, có Hỷ khoa hình, có Trảo tử hình, có Tiên đầu hình, có Diệp tiên hình.

Sau cùng, có loại "Xà bì đoạn" là đậu rất xấu, chết trong ngày, có loại đậu gọi là "Tam trùng bố" đây gọi là khí đậu, 10 người chết 9. Nhưng bao bọc huyết thành hình là do khí, cho nên hình không tròn nhọn no đầy đó là do khí, dựa vào khí mà thành chân là huyết, cho nên sắc không sáng sủa trơn mượt đó là do huyết.

+ *Diệp châu hình*: (Hình như hạt châu chồng chất lên) Quyết nói: nói Thiên nguyên không bị tán, âm dương không bị ngưng tụ, không lệch, là loại đậu đẹp vượt mức.

+ *Bàn châu hình*: (Hình như hạt châu xếp thành mâm) Quyết nói: Vệ khí đình huyết hợp với tượng của căn nguyên tròn to, sáng sủa, thông suốt, quy luật tự nhiên.

+ *Lưu châu hình*: (Hình hạt châu trời) Quyết nói: như điểm sao đẹp mọc giữa cõi hồn nhiên suốt đường kinh nối liền nhau không to không nhỏ.

+ *Du tám hình*: (Hình con tám bờ) Quyết rằng: khí đã rời, độc dữ tung hoành dữ dội, dồn tụ thanh đạm không có hàng lối.

+ *Diện phủ* (Hình cái chảo úp) Quyết nói: tà đưa bốc lên trên cao, liên lạc với nhau hình chuỗi móc tan tác.

+ *Hỷ khoa hình*: (Hình tổ nhện) Quyết nói: Chân nguyên đã sát hại, tà độc mãnh liệt đã kết vào chân quả đậu (trưởng to màu xám tro nguy hiểm).

+ *Trảo tử hình*: (Hình cái móng vuốt). Quyết nói: Khí không đầy đủ, huyết không tập hợp, hình quả đậu méo mó rỗng không.

+ *Tiên đầu hình*: (Hình mũi tên) Quyết nói: Hóa cơ đảo lộn rỗng cao dày đặc, bọc nước liền nhau, sắc khô xám xịt.

+ *Diệp tiên hình*: (Hình đồng tiền chồng chất lên nhau) Quyết nói: Ba bốn đồng tiền, 6,7 con tám bờ, nếu da không nhăn có thể yên ổn.

+ *Xà bì đoạn hình*: (Hình da rắn đứt đoạn) Xà bì đoạn hình, trạng như sỏi mọc không nhọn đầu, chân nguyên đã tan, 9 ngày chết.

+ *Tam trùng bố hình*: Quyết nói: Như tám ngón ngang lơ lơ lớp dưới da, 6, 7 ngày chết.

Đậu loại Xà bì, Tam trùng vốn không có phép chữa, chỉ khi thấy điểm không thành nốt, kịp dùng thuốc thanh giải để tháo độc, làm cho khí bị che lấp ấy được thư thái, đó là phép phân tiêu (1) ngõ hầu sự dày đặc có thể sơ thông, sự bé nhỏ có thể khuếch tán đặt ra nên chữa sớm, nếu để chậm thì độc sẽ cố định khó chữa.

(1) Phép phân tiêu: phân chia nó ra rồi tiêu diệt từng phần. để đi đến kết quả đạt được yêu cầu điều trị. có thể giống với phép chia để trị của các nhà chính trị.

XEM HÌNH SẮC ĐẬU (Gồm ba điều)

Hình tức là biểu hiện sự đầy đủ của khí, sắc là tinh hoa của huyết, cho nên trong việc chữa đậu phải xem hình sắc của nó.

Hình là lúc mới mọc tròn nhon, chắc đầy, lúc cương tươi đầy, lúc mừng mũ nốt đậu căng to đầy đủ, lúc thu áp xẹp lại, tròn trĩnh sáng bóng như viên ngọc, đều là chính hình; hoặc bằng hoặc lõm là sự biến đổi của hình. Đó là lấy thời gian khi đậu mới mọc, ẩn như dấu muối đốt, rỗng như xác con tằm, mỏng như vỏ trấu, dày đặc như đầu kim, như nước sôi tim, như nổi gai ốc, trường hợp này ắt là đậu không cương lên mà chất. Nếu quả đậu mọc tùm lại nhóm không rõ rệt, bấp thịch sưng vù, mềm mỏng, da dễ rủa nát ắt sẽ không thu áp mà chết.

Sắc, nên tươi sáng không nên mờ tối, nên trơn mượt không nên khô khan, nên chắc sung không nên non nớt. Đỏ mà không đẹp dễ, đẹp dễ thì dễ vỡ, trắng mà không nên xám tro, xám tro thì khó đóng vảy. Từ đỏ ngã sang trắng, từ trắng sang vàng, từ vàng ngã sang đen đó là chính sắc đổi dần theo thứ tự trước sau. Nếu lúc mới lộ hình mà đổi màu tím, mới mọc mà trắng màu tro, là sự biến đổi của sắc. Còn có 4 loại căn, khoa, cước, địa, tuy tên gọi và bộ vị có khác nhưng thấy đều không ngoài hai chữ hình và sắc, đó là một yếu pháp không thay đổi.

Khoa là thế nào? đậu quả đậu nổi nhô lên nhon.

Căn là thế nào? có thành vòng khuyên mà đỏ hồng, nhưng vòng khuyên đỏ hay không và từ đó mà thấy được là chứng hư hay thực đậu nông hay sâu. Khoa nổi lên hay không, thì có thể khẳng định được căn nông hay sâu khí huyết đầy đủ hay thiếu thốn.

Cước, *Địa* là thế nào? cũng căn cứ vào sự tròn trĩnh của căn và quả, sự thừa đầy của nốt đậu, phạm chỗ tấy đỏ là "cước" chỗ từng quả đậu mọc có giới hạn rõ ràng, không lẫn lộn giữa quả này với quả kia, như vậy là đậu cước rành rõ, nếu chỗ trống hở gọi là "địa", nốt đậu đây đó không tiếp nối nhau đây là địa diện rõ rệt. Tóm lại căn thì cần được rộng, khoa thì cần nhô lên, cước thì cần chắc, địa thì cần được thưa thoáng. Bốn điểm ấy đều thuận thì đậu tuy nặng cũng không lo. Nhưng tròn trĩnh là hình của của khí, khí thịnh thì quả đậu tròn, đầy, đều. Nhóm tụ là hình của huyết, huyết thịnh thì quả đậu trong sáng, đỏ, trơn, cho nên khí hư thì dính hãm, khí tan thì quả xẹp, nhưng có trường hợp khí rất hư mà quả không xẹp đó là hỏa đẩy nó lên, tuy đầy đặn mà kỳ thực trống rỗng như bóng nước. Hay là huyết hư thì nhóm tụ mờ nhạt, huyết kém thì nhóm tụ khô, nhưng có trường hợp huyết rất hư mà mặt ngoài còn đỏ, đó là hỏa phủ viêt bên trên bởi trên bởi thế tuy thấy quầng tròn trĩnh mà kỳ thực khô ráo không có trơn mượt. Cho nên hình sắc là ngọn của huyết khí là gốc của hình sắc.

Cho nên lời quyết có nói: "có chân, có đầu là quý" có đầu không có chân là điều không nên, "xem hai câu ấy thì đầu và chân đều phải có, là điểm khẩn yếu trong chứng đậu, nhưng chân phải vững chắc là quan trọng hơn đầu, chân là căn cước vậy. đầu là hình tượng cho sự sung túc. Tóm lại bệnh đậu trước sau là dựa vào khí huyết, tức căn cước cũng nhờ vào khí huyết mà sung túc và cũng phải dựa vào khí huyết để vận hành.

Dem hình sắc để so sánh thì thà rằng hình bằng lõm mà đỏ trơn, còn hơn trong

nhọn mà đen tối. Đó là nơi có sắc mà không có hình, còn hơn có hình mà không có sắc, vì sự sung túc là do khí, khí có thể vượng 1 thời gian rất ngắn; căn cước là dựa vào huyết, lại nhờ khí giữ gìn, khí huyết hợp sức với nhau mới thành; và lại bổ huyết thì khó có kết quả nhanh, cho nên càng phải chú trọng.

Hình đậu có khi đầy quả, mà hoặc cũng có khi biến đổi, do sắc không sáng mượt, căn không đỏ trơn; nếu sắc đậu sáng mượt, căn và qua đỏ trơn tuy đậu có bằng tẹt xuống cũng chưa được.

Nhưng sắc thì lấy đỏ trơn làm tốt; song còn có quyền hồng, tổn hồng, và phò hồng khác nhau:

- Quyền hồng: là một vùng đỏ nhạt sát với căn, không có xu thế tóe tán, đó là dấu hiệu tốt.

- Tổn hồng; là huyết tuy đã tụ mà sắc huyết ở chân gốc còn lơ mờ không nhóm đỏ, đó là dấu hiệu nặng.

- Phò hồng: là sắc của nốt đậu không phân biệt với sắc của da thịt, bằng tán mạn, dấu hiệu xấu.

Lấy đó mà quan sát thì dự kiến được sống chết. Vì căn quả là cơ sở của huyết, mà nước là sản phẩm của huyết, cho nên 6 ngày về trước thì chuyên xem căn, nếu không có căn quả thì không làm mũ được, sáu ngày về sau thì chuyên xem sắc mũ, nếu không có sắc mũ thì không đóng vảy, đó là cái thể tất nhiên.

Phàm sắc đậu sáng mượt đỏ trơn, là khí huyết hòa mà vượng, sắc âm đạm là khí huyết suy, khí vượng mà huyết cũng được hợp, khí suy mà huyết bị hãm giữ, huyết không có khí thì độc không thu, khí không có huyết thì độc không hóa. Rõ ràng là đậu độc phải nhờ vào khí huyết rồi sau đó mới thu được kết quả. Nhưng sắc hồng là độc bắt đầu xuất, sắc trắng là độc chưa giải, sắc vàng là độc sắp giải, sắc vàng ứ là độc sắp hết... Sắc trắng màu tro là huyết suy khí trệ, khô màu nâu là huyết khí khô, sắc hồng biến ra sắc trắng, trắng biến ra sắc vàng, là sống, hồng biến ra tím, tím biến ra đen là chết.

Lại có trường hợp huyết và độc cùng giống nhau chuyển thành trống rỗng, tuy thấy đều đặn, nhưng thực ra chỉ là bong bóng, trống rỗng, sắc khô trắng.

Lại có trường hợp hí và huyết lìa nhau mà tả hỏa tán mạn bốc lên, tuy thấy có đám tụ đỏ, nhưng khí hư không tiếp nối, huyết hư không hóa như vậy dần dà sẽ bị khô rồi héo lả, đều phải phân biệt cho rõ, không nên xem thường.

Phàm hình của đậu thuộc khí, sắc của đậu thuộc huyết, nếu lúc mới mọc như muỗi cắn mà không nổi, tuy mọc rồi mà khô tẹt da mỏng mà mềm, trông nghiêng như không có, môi mặt sưng trước quả nhỏ thì dày đặc quả lớn thì bằng hăm, đó là khí hư hình trọng; Nếu nhỏ mà nhọn cao, gốc và đầu nốt đậu tròn trong, mọc trước lớn trước, ngày càng thấy sáng mượt không khô, sờ thấy rắn chắc, ở đầu mặt thưa ít, ăn uống không giảm sút, đó là khí vượng hình nhẹ. Nếu mới mọc, giống như gai nhọn, đỏ mà khô, tím mà mờ tối, ghé ban ghé sởi, trắng mà khô sấp, đen như bụi phủ, đó là độc trệ sắc trọng.

Nếu mới phát đỏ nhợt, dần dần thấy sáng sủa, trong khoảng 4-5 ngày, đầu mụn đậu như nước trắng, gốc quả đỏ mượt, đầy đều là huyết hoạt sắc nhẹ. Cũng có đậu sắc đỏ tím gần đen, đen như lông quạ, mà có lõm nhỏ sờ qua chuyển trở màu trắng vì còn

xu thể huyết hoại, nếu không có tạp chứng thì có thể cứu, nếu đen như màu tro là huyết đã chết không chữa được.

XEM KHÍ SẮC

(Phụ: Tính tình và dự đoán, gồm 4 điều)

1. Sắc đỏ vàng hiện ra ở mặt là tốt, vì đỏ là tâm có gốc, vàng là tỳ có rễ, đó là khí huyết thịnh mà đậu mọc tốt. Nếu thấy kèm sắc xanh, sắc trắng và có sắc đen nhưng trệ không tan, đó là ba kinh phế can thận lại thắng mà tâm tỳ mất vai trò làm chủ, lại kèm có hoại chứng thì đó là chác chắn chết. Nếu môi răng sáng nhuận mất không có huyết đỏ đó là khí huyết kém, phải cho uống đại bổ, khéo điều nhiếp thì cũng có thể thành công.

2. Thời gian phát sốt sắc mặt sáng sủa thì tốt, đỏ như bôi son là nặng, đó là tà khí phát uất ở dương minh, nên dùng thuốc thanh lương giải nhiệt để thông lợi ít nhiều, nếu mặt cấu bẩn sạm đen là xấu, thấy dấu hiệu chứng Thiếu dương, chưa cần giải cả biểu lẫn lý.

3. Gặp lúc có dịch đậu sởi, trước khi đậu sởi chưa mọc xét phần khí sắc và tính tình thì có thể biết trước được tốt hay xấu, như sắc mặt phớt đỏ sáng mượt so với ngày thường không có thay đổi là tốt. Nếu bỗng nhiên thấy đỏ mà rất mềm non hoặc trắng bệch mà không có màu, đột xuất thay đổi khác ngày thường là xấu. Nếu trán có đường chỉ đỏ, mắt có đường máu đỏ, miệng có khí đen, tai có vết bụi bẩn, đều là dấu hiệu xấu. Tiếp đến là tinh thần tỉnh táo hoạt động bình thường, nói năng rành rõ, đó là vô bệnh, tốt. Nếu tinh thần yếu ớt, động tác chậm chạp tiếng nói yếu khác ngày thường, đó là xấu. lại vốn có tướng thọ là tốt, có yếu tướng như mỏ ác hở, cổ nhằng, chân bè, tiếng yếu, mắt không tinh anh, hoặc ánh mắt bực lộ ra ngoài, tiếng khóc đứt quãng, không có vui buồn tình cảm, tự nói tự cười một mình, thông minh sớm quá, da thịt béo búng, xương yếu, đều là dấu hiệu không tốt.

4. Lúc chưa phát sốt, thốt nhiên sinh vui cười, nếu thấy quuyến luyến với cha mẹ không chịu rời, và nghe thấy nói những câu quái dị đều là dấu hiệu xấu. Yêu nghiệt là mầm mống của tai họa, phạm nhà có đậu rất cần trong ngoài yên tĩnh, đó là dấu hiệu tốt. Nếu có quạ chuột kêu nhộn, tiếng kêu vọng, lửa sáng, chó sủa luôn miệng, rắn bò ra là không đúng thời tiết, đêm chiêm bao chuyện kỳ quái thấy người chết, đó là dấu hiệu không lành. Nếu trong nhà giữ gìn cẩn thận cũng có thể chuyển họa thành phúc được.

XEM THƯA DÂY

Đậu mọc thưa là độc nhẹ, mọc dày là độc nặng, như các chỗ đầu đầu, mặt, cổ gáy, ngực, bụng, lưng, nên thưa, chỉ chân tay thì không kiêng dày. Nói thưa không phải là chỉ nói tới mụn đậu thưa ít, tức là nói nốt đậu phò bày rành rõ, lớn bé đều đặn, nốt đậu phân minh, đầu nhọn tròn chắc, cũng gọi là đậu mọc thưa, tuy có dày cũng không ngại.

Nói mọc dày, không phải là chỉ nói vào mụn đậu mọc nhiều quá mức, tức là nói mụn đậu mọc tùm lại mảng này liền mảng kia mô hồ làm thành một khối không phân biệt rành rõ từng nốt dù chỉ một vài nơi cũng nói là dày. Lại kiểm lúc mới mọc điểm đỏ

mới nổi lên một số nơi mà chứng sốt ở biểu lý đã rút, đó có thể nói là thua. Nếu thấy điểm đậu tuy ít mà sốt cao không lui, môi miệng khô nẻ, đại tiểu tiện bí, phiền táo chẳng yên, các chứng hậu không giảm, đó là độc mạnh uất át ở trong chưa phát ra được, cho nên đậu sẽ càng ngày càng dày, đó là khí mới phát tuy ít chưa thể nói là thua vậy.

XEM TƯƠI KHÔ

Đậu mọc tươi hay khô là do huyết làm chủ. Huyết có thể dinh dưỡng cho âm dương, làm mềm mại da lông làm thông lợi các khớp xương. Nếu đậu mọc vốn thưa thì dễ sung túc, nếu vốn dày đặc thì cần nhất là huyết dồi dào, mới có thể tươi khắp và làm tư nhuận, hình sắc mới phân minh, gốc ổ nốt đậu mới đỏ trơn. Nếu huyết kém thì kinh mạch ủng tắc, quả đậu trống rỗng rồi tối đen khô mà không tươi sáng, khô héo mà không nhuận mượt, vì người vốn huyết kém lại thêm độc hỏa nung đốt cho nên tinh huyết càng kiệt. Phép chữa nên lương huyết, hoạt huyết, tán nhiệt giả độc, tư bổ phế kim, nhuận táo, thì tình trạng khô ráo có thể cứu vãn được.

XEM GIA NON

Loài cỏ thì sớm tươi chiều lụi, cây tùng cây bá xanh tốt thì dày dặn mùa đông. Cho nên đậu độc thích già mà ghét non, như vàng ong màu sáp hay đỏ non bầy, đó là sự già non của sắc; dày chắc hay trống rỗng, là sự già non của hình. Đặc đục hay là trong nhạt đó là sự già non của nước mủ. Chắc dày hay là mềm mỏng đó là sự già non của vảy đậu. Nhưng nguyên nhân của sự già non là do vệ khí làm chủ, cho nên vệ khí mạnh thì thịt chắc, da dày, tấu lý kín đáo mà đóng vảy được, vì vậy ức chế được độc mà sắc xanh, hình chắc, nước mủ đặc mà vảy dày, tự nhiên dễ thu áp. Nếu vệ khí xanh thì thịt nhão da mỏng, tấu lý thưa hở mà không đóng mở được, vì vậy mà không thắng được độc cho nên sắc non, hình hư, nước trong, vảy mỏng, dễ vỡ, dễ tẹt cho nên sự già non của đậu là do khí gây nên.

Còn như sắc đỏ hồng tuy đó là thể hiện của huyết, nhưng huyết vì hòa động mà hiện ra, không có hòa thì dù hồng sẽ nhạt, khi chỉ định màu hồng là huyết nhiệt, đó là nói về màu đỏ thắm, còn như màu đỏ non là khí vốn kém mà huyết cũng hư, huyết vốn đã không được đủ lại nhân cái hòa vô căn tận ra bì phu, đáng quả đậu không dày, nên tuy đỏ mà non bệu không bằng trắng mà già.

CÁCH XEM XÉT ĐẬU

(gồm 20 điều)

1. Xem xét đầu mặt.

Đầu là nơi tụ hội các kinh dương, tinh ba của tâm biểu hiện ở mặt. Đậu là dương độc và do tâm làm chủ, vì vậy đầu mặt mọc ít là nhẹ, mọc dày đặc là nặng. Đầu sưng là bệnh nguy, phá vỡ lở loét là xấu. Phàm xem xét đậu nặng nhẹ không gì bằng ở đầu mặt,

vì thân thể người ta bên trong tâm làm quân chủ, bên ngoài đều là nguyên thủ, không thể xúc phạm đến. Cho nên đậu khi mới phát ban đầu thấy ở những nơi khác rồi dần dần mới đến đầu. Việc bắt đầu mọc, mừng mù, thu áp cũng như thế là dấu hiệu tốt. Nếu ở đầu trán mọc trước, thu áp trước, hoặc phá vỡ trước, gọi là độc nhập đến dương vị. Nếu nốt đậu khắp người thu áp mà đầu chân hai nơi chậm thu áp hoặc mù tự phá vỡ. Tích kết tụ lại thì cũng không ngại. Vì trong sự biến hóa của trời đất, âm lẻ loi thì không sinh, dương cô độc thì không trưởng, dương biến đổi, âm hòa hợp, hai bên cùng tác thành cho nhau. Đầu là nơi tụ hội các kinh dương, vì không được âm giúp đỡ cho nên không thành. Phép chữa nên dưỡng âm tể dương thì đậu tự thu. Nếu nhắm mắt, đầu lắc lư, vẩy rụng hôi thối là tâm mạch đã tuyệt, cũng như đậu sừng mà đậu không mừng mù đều là chứng không chữa được.

2. Xem xét môi miệng.

Môi miệng là gốc của cơ thịt, cùng thông với năm tạng ở trong, cho nên xem xét môi miệng là có thể biết được nội chứng tốt hay xấu.

Phàm môi miệng và lưỡi hoặc tím hoặc đen cùng với lưỡi sừng to đỏ là chứng thực nhiệt độc thịnh. Nếu sắc hồng hoạt mà không khô nề đỏ, đó là nhiệt nhẹ độc ít. Vàng trắng đỏ tím mà không mượt là xấu. Còn như, thờ mạnh, nóng dữ, lưỡi trắng, môi ướt đó là dạ dày bị lở loét. Lại như trên môi đậu mọc liên nhau, các nốt đậu khác chưa mừng mà những mụn đậu ở đây đã vàng chín trước, thì đó là sự hình thành sự tan vỡ ở trong thì đậu ở ngoài cũng khó mừng. Lại có chứng khí huyết hạ hãm, độc công ở môi miệng thành nhọt, trong miệng hôi thối, chân răng thối nát, trên lưỡi có khối cấu vàng, một ngày thối vỡ 1 phân, hai ngày thối vỡ 1 thốn gọi là "tẩu mã cam" đều không chữa được.

Nếu đậu chưa hết mà môi miệng khô đỏ, má đỏ, môi tím, đó là cổ triệu chứng "phế ung", chưa nên giải độc thanh nhiệt, nếu có đờm suyễn gây ho thì dùng bài Sâm tở lâm chủ. Nếu chữa khéo léo thì chứng đậu này có thể sống.

Khiếu của tỳ là ở miệng, tinh ba biểu hiện ở môi; nếu đậu ở mặt sừng mà nốt đậu ở môi nứt thành khối khô xếp là nặng. Nếu đậu mọc dày đặc quá, trong miệng thối đó là tạng phủ đã bại hoại cho nên khi mũi hôi xuất ra ở miệng. Nếu đậu chuyển biến xấu mà trên môi co rút lại đó là tỳ tuyệt. Nếu dưới môi há ngáp gọi là "ngư khẩu", trong miệng có nước dãi như keo dính là tân dịch của tỳ tuyệt, đều là chứng không chữa được.

Lại có chứng môi miệng sinh lở, tiêngsng nói khàn đặc, gọi là chứng "Hỗ hoặc", nếu không chữa gấp thường gây chết người. Nhưng trong lúc lên đậu vì sao lại kỵ môi sừng? vì sừng quá không giảm thì phải đề phòng môi trắng mà dạ dày bị loét, đậu phá vỡ ở trong mà không mọc ra ngoài. Vì sao lại sợ miệng há? vì miệng há là tỳ bại, cần đề phòng khí lọt ra mà sinh chứng kinh quyết. Nhưng nếu vì mũi nghẹt khó thở mà miệng há để dễ thở thì không phải trường hợp này. Nếu sau 10 ngày mà miệng há răng khô đó là tỳ tuyệt thậm bại, không chữa được.

3. Xem xét răng nướu (lợi).

Hàm răng trên thuộc về kinh Túc Dương minh vị, thổ, quẻ Khôn, hàm răng dưới thuộc kinh Thủ dương minh Đại trường, kim, quẻ Càn. Phàm đầu sởi mới phát há miệng xem răng khô là lý nhiệt, nên dùng thuốc thanh lương để giải nhẹ. Nếu phát sốt, nghiêng

răng, mà ngáp là can nhiệt, mắt trợn đưa lên là tâm nhiệt, đó là muốn sinh chứng giạt. Nhưng thận chủ xương, răng là chất thừa của xương, cho nên rét rung, nghiền răng là độc quy về thận, đều là triệu chứng xấu. Càng cần phải xem kiêm chứng, tham khảo thêm thì xấu tốt sẽ rõ. Còn như thu áp mà nướu (lợi) vỡ nát, đó là nội sang chưa bình phục, nếu chữa sai thì chân răng sẽ xuất huyết, thịt đen, mùi hôi đó là chứng "tẩu mã cam" vậy. Phàm răng khô mà có rêu đen là xấu, sau khi thu áp mà răng rụng là thận sắp tuyệt, không chữa được.

4. Xem xét lưỡi:

Lưỡi là cái mầm biểu hiện của tâm, kinh mạch Tỳ cũng có đường lạc vào lưỡi. Cho nên lưỡi đón đưa thu nạp thức ăn uống phát ra tiếng nói, công dụng của lưỡi rất lớn. Phàm đậu phát sốt lưỡi đỏ nhuận thì tốt, khô như gai góc là nóng ở trong, cần phải giải gấp. Nếu nốt đậu mọc ra, trên lưỡi dày đặc như đóng lúa, phá như tổ ong là nguy, lại thêm uống nước vào thì sặc, ăn vào thì nôn, tiếng nói khàn đặc, cùng nốt đậu mọc rất nhiều mà lưỡi lo le (lộng thiệt), bệnh nhiệt, miệng khô mà lưỡi đen đều là không chữa được.

Lại có chứng lưỡi thè ra đó là tân dịch của tỳ kém mà có sốt nhẹ, cho nên đường lạc của lưỡi hơi căng, thường thường chứng lưỡi thè chờ cho dùng thuốc mát càng làm thương tổn đến vị khí. Nếu thích uống nước dữ, không nên làm cho hạ càng làm hao tân dịch.

5. Xem xét mũi:

Kinh nói: Phế thông khiếu ra mũi, cho nên đậu lúc mới phát sốt thì nhảy mũi. Núi khô đen là hỏa làm hại phế kim, thể của phế vốn táo gấp hỏa càng táo thêm. Chảy máu mũi là dương minh rất nhiệt, huyết gặp nhiệt thì chạy cần đưa lên tràn vào não cho nên chảy ra mũi. Mũi chảy nước trong là (sởi) vậy. Vì sởi phát từ tâm, tâm phế có liên quan đến nhau, hỏa đốt phế kim, nhiệt đến cực độ thì hóa thủy, mũi tắc không thông đó không phải là phong hàn làm tắc nghẹt mà do hỏa lẩn chiếm thành khí không đưa lên. Nếu xuất hiện một số điểm đỏ thành khối ở vùng Sơn căn là độc thịnh khí hư xúc phạm lên trên, đó là xấu. Thường đường lạc của tỳ thông với mũi là vị trí của khôn thổ, cho nên không cứ trước sau, chỉ kiêng mọc mô hồ thành mảng mà khô sớm, nếu trong lúc làm mủ mà trên mũi lại vàng trước, đó là tỳ thổ sắp bại, sắc chân tạng xuất hiện. Các nốt đậu chưa mọc mà đầu mũi khô trước là xấu. Kinh nói: "Tạng cao là phế để làm thông hanh vinh vệ âm dương, nếu tà hỏa xâm phạm phế thì phế bại không vận chuyển tinh ba đến bì mao, cho nên bì mao khô cháy biểu lộ đầu tiên ở mũi dần dần vinh vệ không vận hành, âm dương không nối tiếp với nhau, khắp mình bị khô mà chết. Cũng như đậu biến thành hoại chứng, xuất huyết, chảy nước mũi mà suyễn thổ là phế tuyệt không chữa được.

6. Xem xét tai (gồm 2 điều)

a) Thận thông khiếu ra tai, tai là nơi biểu hiện ra ngoài của thận, thận là thủy tạng (thiên nhất sinh thủy), khi con người được thụ khí để sinh ra là bắt đầu sinh ra hai quả thận mà trong đó có bao tạng một phần dương. Lại có tướng hỏa ở trong mệnh môn cho nên phát sốt mà riêng tai mát là thuận. Vì đậu thuộc hỏa, thận không bị độc tà xúc phạm, coi giữ được tính chất của thủy để chế ước sự chói sáng. Nếu tai lại nóng là hỏa

bốc đốt, thủy khô cạn, chân âm bại tuyệt, thủy không thắng hỏa đưa lại sự biến đổi ở thận, nhưng đậu sau khi mọc ắt phải xét xem sau tai có đường chỉ đỏ. Vì kinh mạch Thủ thiếu dương tam tiêu từ Đán trung lên huất hờn, chằng ra sau tai rồi đi lên cạnh tai, đỏ là sắc của hỏa. Đó là hỏa phát ở Thiếu dương mà thấy hiện ra ở đường kinh. Nếu nốt đậu mọc ra ở trước tai chưa mọc mủ mà ở góc tai lại tẹt trước là độc tà có dấu hiệu vào thận, quân hỏa và tướng hỏa hoành hoành, có xu thế bốc đốt mạnh, khó đẹp, ắt sẽ dẫn đến bỏ tay.

Đậu bắt đầu ở tướng hỏa, tai là khiếu của thận, cho nên có đường chỉ báo hiệu ở sau tai, thẳng mà bé, đỏ mà nhuận là tốt nhất, to mà đi xiên, tím mà sáng là vừa, cong mà quanh co, tím mà tối là kém. Nếu đem thời gian mà nói thời đường chỉ thẳng lên mà không sáng sủa là dấu hiệu 1 năm, đường chỉ đỏ, đi xiên, ẩn sâu dưới da là dấu hiệu 8-9 tháng, đường chỉ đỏ đi ngang mà rõ sáng dưới phần thịt đó là dấu hiệu nửa năm, đường chỉ xanh tím thẳng lên, như xương cá là dấu hiệu 2 tháng, đường chỉ tím lướt xiên là dấu hiệu 4 tuần, đường chỉ tím cắt ngang là dấu hiệu 1 tháng, đường chỉ tím quấn quanh lại là dấu hiệu của ngày giờ. Nhưng trong khoảng ngày giờ cũng có 10 cách xét xem: Một là dái tai hai bên lạnh, hai là xương cùng lạnh, ba là đầu ngón tay ngón chân lạnh, bốn là mắt mờ mịt, nhìn trắng đen không rõ ràng, năm là lông mày cau lại không sáng sủa, sáu là phát sốt, má đỏ, môi hồng, bảy là mình mẩy và đầu đau lúc nóng lạnh, tám là ngáp dài không thông lợi, chín là trong khi ngủ có lúc nổi lên tiếng, mười là trong khi mơ ngủ có lúc cào cấu trên người.

Trong 10 điều xét xem ấy mà có 4-5 điểm ắt là có đậu.

b) *Xem chỉ máu kết tụ ở tai để biết tốt xấu.* Gồm 10 điều.

1. *Xem gai tráp:* to thì tím, bé thì đỏ, cho biết nhiệt đốt 1 ngày, đậu mọc ở vùng Địa giác bên phải sau 2 tai tất nhiên dày đặc rồi biến chứng ngứa tẹt hoặc hắc hăm rồi chết.

2. *Hình lá trác bá:* đường chỉ gọi là "bá điệp", sắc hơi đỏ là nhẹ, nếu sắc tím là nặng. Đó là chứng bệnh về tâm, sốt nhiều, 4, 5 ngày rồi đậu mọc ở trên lông mày 2 bên, ắt là ít, đó là dấu hiệu tốt.

3. *Hình sợi tơ rối:* nhỏ mà rối, sắc đỏ là chứng của tâm, xanh là chứng của can, hai điều này đều tốt, về đậu mọc ắt sốt dữ 4-5 ngày đậu mới mọc trên lông mày và vùng ấn đường, đầu mũi đậu sẽ thưa mà không xảy ra nốt ban hoặc bọc nước.

4. *Hình cung:* sắc xanh là chứng của can, chứng nhẹ, sắc hồng rất nhẹ, phát sốt ban ngày thì đậu mọc ở vùng Địa các và má, đậu mọc ít.

5. *Hình tóc vuốt:* hơi đỏ là nhẹ, đường chỉ nhỏ khó trông thấy, ắt xem kỹ màu sắc cùng da thịt không khác nhau, đó là chứng hậu về can, về đậu mọc thì phát sốt 4 ngày mà chỉ mọc trên vùng ấn đường, không quá 100 nốt.

6. *Hình càn mai:* đường chỉ to màu tím, đường chỉ bé màu đỏ và có những điểm nhỏ cũng đỏ. Đó là chứng của hai kinh tâm thận. Còn như khi đậu mọc sẽ mọc ngay sau khi sốt nóng mà mọc ở sau hai tai, sắc da đầu màu tím, hắc hăm lên đậu đỉnh rồi chết.

7. *Hình nhân tự:* sắc tím đen là chứng hậu của thận, còn đậu mọc thì phát sốt 1 ngày, đậu mọc ở khoảng má, dày đặc không có đường tiếp giáp, đó là dấu hiệu sẽ biến

thành tạp chứng mà chết.

8. *Hình chữ thập*: sắc xanh đen, xanh thuộc can, đen thuộc thận. Đậu mọc thì phát sốt 3 ngày rồi mọc ở khoảng giữa hai bên tóc mai, mọc tuy ít, nhưng đi đến khát uống nước rồi chết.

9. *Hình kim lẫn cát*: sắc tím đen là chứng của thận, về đậu mọc thì phát sốt 1 ngày rồi mọc ở khoảng cánh tay, dày đặc mà đỏ thẫm thoảng có nốt bông trắng sê lên đậu dính mà chết.

Phạm đường chỉ sau tai giống như nước sắc đỏ là tốt, sắc đỏ màu hoạt hạnh là thứ hai, to mà sắc hồng thì cần làm hạ sốt; các sắc tím, đen, xanh, đều không chữa được. Lại cần phải đi thẳng đều lên trên mà không có nhánh là tốt, nếu chia nhánh quăn quít tuy đỏ nhạt cũng xấu. Hoặc đi ngang qua mi tóc, phần nhiều không chữa được.

7. Xem xét mắt.

Mắt là nơi sai sử của tâm, là chỗ trú ngụ của thần, phạm mới phát sốt mà mắt riu riu không mở là dấu hiệu báo sắp có đau. Trong mắt rưng rưng như nước đó là sôi, sắc đỏ là rất nóng, nhấp nháy luôn là can phong, trực thị là can nhiệt, co giật trợn mắt đỏ là phong và hỏa cùng xô đẩy nhau. Đậu chưa làm mù mà sưng hết mắt mở là độc công phá ở trong. Sau khi thu áp mà mắt nhắm không mở là độc trệ ở tâm thận. Thu áp không đều mà mắt sinh màng mỏng là độc vào mắt, sau thu áp mà mắt trực thị không chuyển là thận tuyệt, mắt trợn ngược là tâm tuyệt, không khó mà nước mắt tự chảy ra là can tuyệt, mắt hơi mờ là khí thoát, huyết bực con người là hỏa thắng thủy kiệt. Lại các bệnh mắt nhắm, dầu lúc lác là tam tuyệt, đều là bệnh không chữa được.

8. Xem xét cổ gáy.

Cổ gáy là gốc của sinh khí. Kinh nói: thiên khí thông với phế, địa khí thông với cuồng huyệt, huyệt thở là chỗ ra vào của khí cho nên huyệt thở chủ thiên khí, huyệt ân là chỗ ra vào của vị cho nên huyệt ân chủ địa khí. Cho nên gáy cổ là nơi vận chuyển của can, lại là chỗ giằng buộc của hầu huyệt, đường đi của âm dương. Ba kinh mạch dương từ cổ đi lên, ba kinh mạch âm từ cổ đi trở xuống, cho nên đậu mọc ở gáy cổ phải thưa, nếu quanh gáy mọc quá dày đặc gọi là "Tòa hạn" (tức là khóa gáy cổ).

Sự giằng buộc bị mất, đường đi bị trở ngại, trên không xuống, dưới không lên, trong không ra, ngoài không vào. Sự xuất nhập bế thì sự biến hóa bị hỏng, sự thăng giáng ngừng thì khí sẽ có lập nguy hại, bệnh nặng mà gáy mềm là xương cốt bại, về chất không chữa được.

9. Xem xét ngực bụng.

Kinh nói: khi châm ngực bụng thì phải tránh ngũ tạng, ngực bụng là lớp thành ngoài của tạng phủ. lại nói: ngực chèn dừng ở trên ở trong có cha mẹ tức là nối tâm và phế, tục gọi là tam thương. Cho nên đậu nghe thì trước ngực đều không có, nếu ở ngực có rất nhiều là xấu. Bệnh nặng mà thở gấp, xương ngực động là phổi sưng. Dưới vú bên trái động mạch đột xuất là chủ mạch bị diệt, bệnh không chữa được.

10. Xem xét chân tay.

Chân tay thuộc tỳ là gốc của các kinh dương, lúc mới phát sốt tay nóng chân lạnh đó là triệu chứng chính. Vì thận chủ ở dưới chân, chân không bị tà xâm lấn cho nên chân mát. Tỳ chủ ở tay, tỳ vượng theo kinh thì tay ấm. Nếu lúc mới phát sốt tay về áo sờ soạng bắt chìm chìm đó là can nhiệt. Tay cấu lông mày mắt miệng mũi là phế nhiệt, tay chân run giắt là phong hỏa của tâm can cùng xô đẩy nhau; tay chân lạnh là tỳ vị bị khốn đốn. Vì tứ chi đều thụ khí do vị, hơi xa với đường đi của tạng phủ. Nếu tỳ khốn đốn không làm cho vị vận hành được tân dịch thì không đi đến kinh cho nên lạnh. Nếu đậu đã xuất hiện mà tay chân nổi nhiều nốt bóng nước đó là can thắng tỳ suy, quỷ tác đến khác phạt cần phải chữa gấp, phải tả can bổ tỳ để đề phòng tình trạng ngũ tạng mà chết. Nhưng lúc mới có điểm báo đậu hai tay chạm hơn cổ là tốt, chỉ sợ tay chân mọc trước mà rồi rít thời vùng đầu càng mọc chậm thêm. Như tới khi đáng mọc mà không mọc thì tỳ vị khí hư không đạt đến chân tay, khắp người đều có mà chân tay không có hoặc trống không là tỳ vị hư yếu, tân dịch hao kiệt, vinh vệ ngưng trệ, không lưu thông đến chân tay cho nên độc uất lại không phát ra, nếu ăn không được thì chết, ăn được thì sẽ biến sinh ung nhọt. Lại có trường hợp vừa mới tới kỳ dậy mủ, các chỗ khác đậu chưa thu, chỉ lòng bàn tay bàn chân thu áp trước, ắt sau sẽ sinh quái tật. Nếu đậu sau khi thu áp mà các đốt chân tay sưng đau là độc chưa phát tán, phải đề phòng phát nhọt. Còn như đậu chưa mưng mủ mà chân tay lở da thì chết. Thế đậu lên dữ dội mà chân tay lạnh thì không chữa được, cùng với đậu phát ngứa mà chân tay gãi lung tung là xấu, mọc rồi lặn đi, nhô lên rồi lại tụt xuống, sắc tím đen là thận lấn át (thừa, vũ) tỳ, cũng không chữa được.

11. Xem xét thức ngủ.

Vệ khí ban ngày đi về phần dương, đêm đi về phần âm, đi về âm thì ngủ, về dương thì thức, đó là việc thường của người ta.

Phạm chứng đậu sôi phát sốt rồi muốn ngủ li bì, vì tâm chủ nhiệt mà tỳ chủ khốn, tâm thụ khí của tỳ, cho nên phát sốt ngủ li bì đó là chứng hậu bình thường. Nhưng khi dậy khi ngủ không đúng lúc là bên trong có nhiệt, ắt phần nhiều có biến chứng hãm phục (nấp nấu ở trong), như che mặt nằm là lý nhiệt. Nói tóm lại chứng đậu mà trước sau ngủ được yên giấc là tốt, vì đó là khí huyết mạnh, vinh vệ điều hòa, thông suốt thì ta xuất ta biến không ở lý cho nên thần yên, thần yên thì ý chí bình tĩnh vì vậy mà ngủ được yên. Nếu khí huyết suy nhược, vinh vệ sắp trệ là tà ở lý không có biểu cho nên nóng ở trong. Vì tâm ghét nhiệt, nhiệt thì thần không yên, thần không yên thì ý chí không bình tĩnh sẽ sinh ra buồn phiền vật vã khó chịu, nói nhảm nhí không ngủ được. Lại có trường hợp sau khi lên đậu, độc ẩn nấp ở trong sinh ra thần tan khí thoát, nằm dờ như xác chết, gọi không thưa ăn uống không biết gì, đó là chứng chết, không thể nói là ngủ yên giấc được.

12. Xem xét động tĩnh.

Một vật gì thăng bằng thì được yên, mất thăng bằng thì động. Kinh nói: Về dương khí, yên tĩnh nuôi dưỡng thần, mềm mại thì nuôi dưỡng gân. Lại nói: Về âm khí, hễ yên tĩnh thì thần được giữ gìn, nhộn thì thần tiêu vong, cho nên hơi thở cần được điều hòa, nói cần phải ít, ngủ cần được yên giấc, thức cần được lặng lẽ, đói thì đòi ăn, khát thì

uống ít, chạm đến nốt đậu thì rên, trái ý muốn thì kêu, đó là khí đầy đủ, tinh thần tỉnh táo gần như tỉnh tỉnh người thường đó gọi là yên tĩnh và tốt. Như rên là thân thể có khó chịu, tự nói một mình là tinh thần không thanh sáng, thờ to là trong có nhiệt, bụng sôi là có đi ỉa chảy, nằm ngồi không yên là tâm bất rứt kêu là không thôi là có đau đớn, đầu lúc lắc là phong, ngón tay muốn gãi là ngứa, nuốt khó là họng đau, nghiêng răng là nóng ở tâm can, nặng thì bất rứt hết hoảng nói nhảm nhí, đầu lắc lư, cổ vẹo, khoa chân múa tay, mắt trợn ngược lên... rét run nghiêng răng đều là chứng chết. Nhưng trước đây vốn yên tĩnh mà bỗng nhiên nhiều động, sắc đậu thay đổi lại không có chứng gì khác, đó là bị cảm phải lệ khí. Còn như mắt mờ, thờ yếu, chân tay thẳng đờ, cấm khẩu, mụn đậu bị vỡ, ngủ mê man không tỉnh đó là dấu hiệu chân khí sắp thoát, hồn phách muốn lìa, không thể nói đó là tỉnh được.

13. Xem xét về thuyết "tứ quan".

Cùi 2 tay, gối 2 chân gọi là "tứ quan". Vì tạng phủ có 12 huyết nguyên bắt nguồn từ tứ quan, cho nên đậu mọc ở tứ quan là rất quan trọng. Đậu mọc ở mình mấy tuy tốt mà chỗ cùi tay và gối hoặc có biến đổi khác thường thì đậu ở khắp mình mấy cũng biến đổi mà không mừng mù. Sao vậy? Vì cơ quan tác trở khí không lưu hành thì 365 huyết đều bế, cho nên ở chỗ tứ quan hoặc có tắc đậu, hoặc đậu tìm những hoặc có đậu đỉnh sưng, cần phải khâu lể cho ra máu độc dùng thuốc dán vào, nếu không, đậu ở các nơi khác cũng biến đổi. Hoặc cho là ở chân tay là những bộ phận phụ thuộc mà xem thường, nếu không phải là đã kinh nghiệm thì sao bệnh tật yên hay nguy hại lấy ba bộ ở tay với mạch Xung dương, mạch Thái khê ở chân mà quyết đoán?

14. Xem xét về phong, cáp. (Ty phong, nhán cáp, gồm 2 điều)

Bên trong, tâm, can, tỳ, phế, thận ứng với các bộ phận bên ngoài là tai, mắt, miệng, mũi, là chỗ dựa cho đậu mọc vậy. Huyết là để nuôi khí, là làm mừng lên, mới có thể làm cho đậu mừng thực được.

- *Mũi*: là khiếu của phế, là nơi dung nạp vệ khí, đậu nhờ vào phế khí để được trọn vẹn, mũi được giữ phần kín đáo gọi là "phong" thì khí không bị xua ra ngoài mà khí có chỗ về.

- *Mắt*: là khiếu của can, là nơi dung nạp dinh huyết, đậu nhờ vào can huyết mà đầy đủ, tươi nhuận, mắt nhắm lại gọi là "cáp" thì khí không chạy ra ngoài mà huyết có chỗ nuôi dưỡng, cho nên đậu cần được phong, được cáp.

Nếu đậu mọc ở Dương minh và tỳ thì đó đúng với kinh mà âm dương cùng dựa được vào nhau, tuy mũi không phong, nhưng khí tự đến, mắt không cáp nhưng khí tự đầy đủ, nếu ở tâm phế mà đậu không phong cáp thì nếu ở tâm là sẽ nhân như vỏ hạt tiêu, như tấm sắt; nếu ở phế khí thì sinh ra như tiền rác chiếu rải liên nhau đó là cái thế phải đi như vậy. Ba bốn ngày mà phong cáp thì dễ mừng mù, dễ thu áp, 6, 7 ngày mà phong cáp thì khó mừng mù, khó làm vậy. Phong mà không cáp là âm không đủ sức để trợ sức cho dương cáp, mà không phong là dương không có khả năng bảo vệ được âm, nhưng phong thì trong 10 có 4, 5; cáp thì trong 10 có 7, 8. Nhưng trong đó lại có dấu hiệu riêng: Mũi phong mà ngoài khô đen là chết, nếu phong mà chảy nước mũi là dấu hiệu tốt. Mắt cáp mà vành khuôn như bôi than là chết, nếu cáp mà chảy nước mắt là

dấu hiệu tốt. Còn nước trong mắt lại như mù đục chảy tràn đó là hiện tượng có hỏa độc đốt ở trong, tân dịch thoát ra ngoài, là dấu hiệu rất xấu, không thể nói đó là tốt được.

Đậu đến lúc mưng mù thì độc ẩn nấu ở trong cùng chất tinh ba đều bị bức bách nung đốt ra ngoài, vì vậy tân dịch ở các khiếu như mắt mũi tụ đọng lại mà gây tình trạng bít lấp. Nhưng phải chờ sưng to nung mù mới là chứng bâu chính, cho nên ba bốn ngày không nên bít lấp, là nói độc chưa đạt ra ngoài, tà hỏa bốc đưa lên trên. sau 5 ngày thì lại nên bít lấp, là nói khí huyết đầy đủ, tinh ba không chạy ra ngoài mà 6, 7 ngày thì khai. Cần đề phòng độc chưa hết mà có nội công thì xấu và nguy hiểm càng trầm trọng. Riêng chứng đậu mọc ít thì không phải thuộc trường hợp này.

15. Xem xét hiện chứng của 5 tạng khí lên đậu. (gồm 5 điều)

Đậu do phế, lúc mọc thì phổi ắt bị sưng gây suyễn, khí xốc lên gây ho, tâm bất rút gây chảy máu cam, ngực đầy khó thở, chảy nước mũi, đau họng, đậu sắc trắng, hình bé mà tròn, da lông xơ xác, trong họng có tiếng rín rít, gáy nổi bông có nước trắng. Phế có nốt bông mù dính đặc mù dính đặc, sắc trắng mà to, lúc mới phát sốt, nhầy mũi: nếu chưa thấy nổi nốt mà sắc long khô héo là ta không chữa được.

Đậu do tỳ, lúc mọc thì cuống lưỡi cứng, bụng đầy, nôn mửa ra thức ăn, dạ dày đau nhức, mình mẩy khó quay trở, đi ngoài phân sệt, hoặc táo bón, đùi gối sưng đau, hoặc cuống lưỡi đau, thổ tả bụng đầy, nốt đậu đã vàng mà hôi (tỳ gây sắc vàng nhạt nhẹ hơn bay lúc mới phát sốt hay ngáp) sắc đậu ghé vàng to và mềm, phát sốt rét. Nếu sắp thấy nốt đậu mọc, mà môi đã loét trước, miệng có nhiều mùi hôi thối thì không chữa được.

Đậu do tâm, lúc mọc thì cuống họng khô mà đau, có lúc sợ sệt, lòng bàn tay nóng gập bội, mắt vàng, tai điếc, vùng tim đau, khát uống nước, cảm sưng, không quay ngoắt sang vai được, sườn đau, má sưng. Nốt đậu sắc hồng ghé đỏ, hình nhọn mà đỏ, nhìn nóng như than hoặc nghiêng răng trơn mắt. (Nên dùng Xích đạo tán, tâm hư dùng Nhân sâm Dương quy, Mạch môn; khát bất rút dùng Cát căn thăng làm chu) nếu có sinh bông cũng nhọn màu tím. Tâm gây chứng ban, chủ huyết, sắc đỏ mà bé hơn, bông nước, nếu sắp thấy điểm báo đậu mà sốt mê man nổi ban đỏ là không chữa được.

Đậu do can, lúc mọc thời đắng miệng, ngáp và hay thở dài, eo lưng đau không cúi ngửa được, sườn hông đau không quay ngoảnh được, buồn bực khó chịu, tức ngực, sồn đái hoặc bí tiểu tiện, đầu đau, cảm đau, mắt đau. Đậu sắc xanh hình nhọn mà tròn. Lại lúc mới phát sốt phần nhiều có chứng kinh giật, vì nhiệt sinh phong. Nếu đậu sinh bông thì màu trắng xanh mà nhiều mù. Những mụn đậu ở cằm mọc ngầm mà không nổi rõ lên được. Nếu sắp lên đậu mà mắt sưng, tinh thần mệt mỏi là không chữa được.

Đậu do thận, lúc phát thì đói không muốn ăn, lưỡi khô, họng sưng, hoặc kho hạc ra máu, đau vùng tim, hoặc eo lưng xương sống đều đau hoặc hay sợ sệt và cói cảm giác bồn chồn trống rỗng trong lòng. Đậu mọc sắc đen. Và lúc mới phát sốt đã có cảm giác đau eo lưng (đó là độc hãm ở phần âm, không phải là dấu hiệu tốt). Nếu có nổi bông nước sẫm to mà tím. Nếu sắp nổi nốt đậu mà nổi ban xanh tím sưng mà miệng hôi, eo lưng đau, khó đứng là không chữa được.

16. Xem xét hiện chứng của độc tà quy về 5 tạng. (gồm 7 điều)

a) *Độc quy về phế*: gây ho suyễn, gây ngứa, gây chảy máu, sinh nhọt khố táo nhân nheo, gây đau vai, cánh tay.

b) *Độc quy về tỳ*: gây thổ tả, phù nề to, đau bụng, môi lở nẻ, cuống lưỡi cứng, chân tay đau, không ăn.

c) *Độc quy về tâm*: gây ban chẩn, kinh sợ, sốt cao, họng khô, đau khát, ra mồ hôi, đơn, lựu, ung nhọt vỡ mủ lở loét.

d) *Độc quy về can*: gây bức bối khó chịu, nổi bông nước, đau mắt, dải sưng gân co rút, nôn khan, mửa ra lãi, rét run, nghiến răng.

đ) *Độc quy về thận*: eo lưng đau, da đen sạm, tiếng nói không rõ, chân lạnh ngắt, họng khô đau, đói không muốn ăn, ngủ nhiều.

e) *Độc quy về vị*: tiết tả, kiết lỵ, ra mủ máu, sôi bụng, đại tiện không thông.

f) *Độc quy về bàng quang*: bụng dưới tức đầy, dải ra máu, són dải, dải không thông, đầu gáy sưng đau.

17. Xem xét về chứng tốt (gồm 9 điều).

1. Miệng môi đầu lưỡi đỏ trơn không có sắc trắng khô là tốt.
2. Chân và quả đậu đỏ mượt tròn trơn, ranh giới rõ ràng là tốt.
3. Vùng ngực sườn, trên trán ít, đó là chứng hậu rất thuận.
4. Sắc nhuận, đỏ trơn là tốt.
5. Đỉnh quả đậu không khô không tím là tốt.
6. Âm uống bình thường, đại tiểu tiện điều hoà là tốt.
7. Mạch tĩnh, mình mát, tay chân hòa hoãn là tốt.
8. Tiếng nói trong trẻo, động tác yên ổn là tốt.
9. Sắc đậu không hắc hãm, đầu nốt đậu trong tối mà vàng như màu sáp ong, ngoài tươi nhuận mà vàng như dầu là tốt.

18. Xem xét về chứng xấu. (gồm 31 điều)

1. Đậu chưa mọc mà đã mất tiếng họng nghẹt tắc là không chữa được.
2. Dờm dải nghẹt tắc, thờ xốc, không chữa được.
3. Đậu chưa mọc mà đã phá vỡ là không có khí huyết, không chữa được.
4. Nghiến răng thờ thờ xốc ỉa chảy, khát nước bứt rứt, không chữa được.
5. Đậu đã mọc hoặc chưa mọc mà tinh thần mê man, khí xốc, rối loạn, không chữa được.
6. Đau bụng mà đi ngoài ra máu mủ, sắc như gan gà chết là không chữa được.
7. Da thịt đen như dầu bị đánh tím bầm, không chữa được.
8. Đậu mọc sắc đen tím mà suyễn khát không yên, không chữa được.
9. Không nuốt được cơm nước, hoặc ăn uống vào nghẹt ở hầu là không chữa được.
10. Trong mắt lòng đen như vầng dầu tràn khắp, không chữa được.
11. Trong mắt tinh thần không sáng sủa, sắc trong mắt chuyển màu lục, mà đỏ,

không chữa được.

12. Nhắm mắt ngủ mê man, lưỡi rụt, dài co, không chữa được.

13. Dầu nóng chân lạnh, buồn bực rối loạn, uống nước nhiều là không chữa được.

14. Thở tả không cầm, thuốc uống, thức ăn vào chày thẳng ra hậu môn như tháo cống, không chữa được.

15. Vị nhiệt phát vàng da, mình vàng như quả quít, đại tiểu tiện không lợi, không chữa được.

16. Đậu mới mọc mà xanh tốt, khô đen, không chữa được.

17. Đậu mọc dày đặc như tầm ở trong nong không giương được kết thành từng mảng phẳng không chữa được.

18. Nốt đậu ngứa tet, rét run, nghiêng rãng, khát không chỉ, không chữa được.

19. Trước có nhọt lở, khí huyết đã rỉ ra ngoài, đắp thuốc vô hiệu không chữa được. Cho nên nói: "Không sợ ngũ tâm có đậu, chỉ sợ trước có nhọt lở, khí huyết đã chạy ra ngoài", vì ngũ tâm đậu mọc ít, ăn uống bình thường cũng không lo.

20. Sau khi lên đậu bị thương phong thương thực, bấp thịt gầy róc không chữa được.

Các chứng kể trên, tuy có nguy hiểm và đậu mọc dày đặc, song nếu có vẻ nhuận mượt và có xu thế mọc được cần phải nhờ vào thầy giỏi, nhà bệnh đốc lòng ý thác, điều lý cẩn thận, tự sẽ có thể thành công.

21. Năm nơi đầu, mặt, yết hầu, ngực bụng, eo lưng và lưng, chân tay, khắp mình mẩy đều mọc dày đặc, tuy nốt đậu mọc phân minh, sợ khí huyết không thể chu cấp đầy đủ, ắt khó mừng mủ đều hết, hoặc mừng mủ hết mà không thu áp hết, thu áp mà không bong vẩy hết, khách mạnh chủ yếu, ngoài thịnh trong hư, thuyền nhỏ chở nặng, sức không đương nổi.

22. Dầu mặt sưng, mũi nghẹt mắt nhắm, môi khô nẻ, tiếng nói ngong, sắc tối xám, không chữa được.

23. Sắc trắng màu tro mà đầu nốt đậu hăm, bụng trướng, suyễn, khát, không chữa được.

24. Bụng đầy suyễn gấp chân tay lạnh, không chữa được.

25. Khắp mình nốt bông máu, ngực bụng đau nhói, ban và đinh lăm trở ngại ở trong, đại tiện ra máu, mẩn áo sờ giường bất chuồn chuồn, không chữa được.

26. Ở những nơi xung yếu của cơ thể thốt nhiên có những nơi sưng như trứng gà, sắc đen tím, phát suyễn, không chữa được.

27. Trúng phong chân tay co giật, miệng nôn ra nước dãi, mắt trực thị không tỉnh, sắc xanh đen, tiếng khản đặc, không chữa được.

28. Sau khi đậu mọc, khắp mình bông sưng như quả dưa, thờ xốc là chết.

29. Mặt, tai, mắt mũi đều đen, chân tay nghịch, lạnh, ngon quả đậu mềm, thốt nhiên ra mồ hôi nhiều thời chết.

30. Sốt dữ dội, bứt rứt vật vờ, suyễn cấp, cho uống thuốc vào không giảm, ngược

lại thấy mặt đen là không chữa được.

31. Người lạnh như nước, dái co, mửa ra chất tanh hôi, không chữa được.

Tiên sư nói: Phâm bệnh đậu loại hiểm nghèo, cho uống thuốc vào thấy kiến hiệu ngay tức thì, cần đề phòng có biến cố; vì uống thuốc vào không chuyển thì không chữa đó là tất nhiên. Nhưng uống thuốc mà thấy công hiệu quá nhanh là vì căn bản héo rũ hết, được lực dễ cảm động, nếu thế thuốc hơi chậm hoặc chân khí của tạng phủ không phát sinh, thì uống vào ban đầu có công hiệu, uống tiếp thì không có công hiệu nữa. Phâm vật sinh sớm thời héo cũng sớm, thành được nhanh thì bại cũng chóng, như bát nước để hết để đầy, sông lớn khô cạn khó đầy, cho nên chữa bệnh cần có hiệu quả dần dần, rễ sâu thì cội vững, giữ được lâu dài không lo ngại, không chỉ trong việc chữa đậu mà trong việc chữa bệnh khác cũng thế. Trong lâm sàng tôi đã kinh nghiệm nhiều, cho nên ghi chép thêm vào sau.

19. Xem xét số ngày chứng chết (Gồm 2 điều)

Phâm đậu mọc lấy ngày thứ nhất là ngày bắt đầu, 6 ngày, 9 ngày thì biến đổi, lại có 12 ngày, 14 ngày thì biến đổi, đó là định kỳ quyết định sống chết.

Chứng có hàn nhiệt cho nên chết có chậm chóng.

Độc thịnh là thuộc thực nhiệt, hỏa thể nhanh chóng thì cũng chỉ 6, 7 ngày mà thôi. Vì đậu độc từ trong đạt ra ngoài, ba ngày thì đều khắp, nếu độc còn ở trong cũng 6 ngày là phát ra hết, nếu độc thịnh không thể ra hết thì khoảng đến 6, 7 ngày độc trở lại công phá hỏa trong lần tổn thương đến tạng phủ mà chết. Nếu nốt đậu không xuất hiện thì kỳ hạn chết không đợi đến 6 ngày. Người nhỏ yếu thì ba ngày, người khỏe mạnh thì chỉ 5 ngày. Đó là độc khí không phát tiết, âm dương đều tuyệt, cho nên chết càng nhanh. Nếu độc ít mà thuộc hư hành là khí huyết kém không thể mưng mủ đầy, cho nên chờ sau 9 ngày biến chứng khí thoát rồi chết. Hoặc kéo dài 10 ngày cũng có, đó là do đậu có hư thực hàn nhiệt khác nhau, và người thì có lớn bé khỏe yếu vậy.

BÀI CA

Mới mọc đình hăm nhọc màu hồng,
Hạn đến chín ngày việc chẳng xong,
Lại như huyết nhiệt kiêu ban tím,
Chúng ấy sáu ngày cũng khó mong,

*
* * *

Hắc ban chết chỉ trong ngày ấy,
Gặp phải ban xanh lại chóng hơn,
Không ngủ giữa thời hai buổi hẹn,
Lưng đau ngực nhói khó qua cơn,

Báo vết như sỏi tựa giống làn,
Dái co lười rứt mệnh bao lân,
Sung phòng chích máu đen đen ấy,
Ăn uống nghiền hầu chừng tối tâm.

*
* *

Mặt sung mà đau lại không sung,
Xanh đen hắc hăm mù không mừng,
Hai đường đại tiểu đều lưu lợi,
Nón mưa lại thêm có gió trùng.

*
* *

Đầu ẩm chân lạnh, hay đòi uống,
Đau trước kinh sau thuốc khó lành,
Thở gấp ỉa luôn thêm khát nước,
Không thần mắt ấy số mong manh,

*
* *

Mất tiếng á thanh van với khóc,
Chứng này, sắc tốt cũng lo thay,
Có sung thờ gấp càng thêm khó,
nếu phải thương phong sẽ được may,
Gặp các chứng trên cần cấp cứu,
Sâm tở phương ấy uống vào ngay!

HẾT QUYỀN GLÁP

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LĨNH

Quyển thứ 35

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU/ẤT

I- MẠCH PHÁP (gồm 3 điều)

1. Tất cả 6 bộ mạch không vượt khỏi biểu lý Âm Dương. Mạch to mạch nhỏ ở tay trái là để phân biệt sự thịnh suy của huyết. Mạch to hay nhỏ ở tay phải, là để phân biệt sự thịnh suy của Khí.

Bảy tuổi trở lên mạch đập 5 chỉ là thường. Dưới 7 tuổi mạch đập 6 chỉ là thường, quá là mạch Sắc, đó là khí thực. Dưới 6 chỉ là mạch Trì, là chính khí hư. Mạch Nhân nghinh ⁽¹⁾ Khẩn là ngoại cảm. Mạch Khí khẩu ⁽²⁾ sắc là bệnh nội thương. Mạch Phù là Sắc là biểu nhiệt. Mạch Phù mà Trì là dương khí suy. Mạch Trầm mà Khẩn là lý nhiệt. Mạch Trầm mà Tế là nguyên khí thoát.

Nhưng đậu sời là dương bệnh, cho nên mạch Phù hay Trầm đều nên ghé Hồng Thực. Nếu Nhược mà vô lực là dương bệnh mà thấy âm mạch, nhất định là dấu hiệu xấu.

Nếu Phù mà vô căn, Sắc như chim sẻ mổ, Tế mà muốn Tán quần quít như mạng nhện, Trì mà muốn tuyệt, nhỏ giọt như dột. Trầm mà thỉnh thoảng hiện ra như cá chảy, đó là mạch chết.

Mạch quyết nói:

*"A a Hôa nhược Xuân dương liễu,
Thủ thị Tỳ gia cư tứ quý."*

nghĩa là: mạch Hoàn như cây dương liễu mùa Xuân là mạch của Tỳ ở cả bốn mùa (mạch có vị khí).

Vì 6 bộ mạch đều cần có vị khí. Vị là con của khí nguyên dương, là gốc của 5 tạng 6 phủ. Cho nên mạch tĩnh, người mát, tinh thần yên ổn thì sống. Mạch Táo, mình nóng, lòng bứt rứt thì chết.

Nhưng ngoài 6 bộ mạch ở tay ra, còn có mạch Xung dương là mạch của Vị (Mạch đập ở kẽ ngón chân cái và ngón chân thứ hai lên 3 thốn); có mạch Thái khê là mạch của Thận (mạch đập ở sau mắt cá trong chân). Vị làm chủ, Thận làm gốc, hai mạch ấy rất quan trọng. Nếu 6 bộ mạch ở tay không rõ, khó biện được sống chết, thì cần phải xem gấp hai mạch ấy. Nếu thấy mạch điều hòa, không đứt quãng, không di gấp là nguyên khí còn, có cơ sống và có thể cứu được. Nếu hai mạch ấy tuyệt trước mà 6 bộ mạch ở tay còn cũng là dấu hiệu xấu. Giữa hai mạch ấy thì mạch Thái khê quan trọng hơn mạch Xung dương. Tuy trong chứng đậu lấy xem hình sắc làm chủ, nhưng không xem mạch thì làm sao quyết đoán tình hình hàn nhiệt của tạng để chữa cho khỏi nhầm.

2- Phàm thấy chứng phát sốt, trước tiên nên xem mạch. Đã phát sốt thì nhất định Hoạt Sắc. Chỉ thấy hơi Hoạt Sắc tăng lên gấp bội mà còn có ghé hòa hoãn tất đậu lên nhiều mà nặng nhưng cũng không hại lắm. Nếu mạch rất Trầm Sắc kèm theo Huyền mà nhợt, hoặc mạch Khẩu Cấp không có thần lại hoàn toàn không có khí hòa hoãn thì đậu

(1) Nhân nghinh: chỉ vào 3 bộ mạch bên tay trái.

(2) Khí khẩu: chỉ vào ba bộ mạch bên tay phải.

ất nặng và chứng rất nguy. Cho nên khi mới phát sốt cũng đã dự đoán được bệnh tốt hay xấu rồi.

3. Phâm đậu từ khi phát sốt tới khi cương, độc từ trong xuất ra ngoài, đó là thuộc dương, mạch nên Phù Đại mà Sác, không nên Trầm Tế mà Trĩ. Từ mừng mủ đến khi thu áp, độc đã giải ra ngoài, đó là thuộc âm, mạch nên hòa hoãn, không nên Hồng Sác. Cũng nên hòa bình có thần, rất kỵ mạch Hư Đại vô lực.

Lại nói: Về mạch của bệnh đậu, trung hòa thì tốt, không nên nhanh gấp Vi Tiểu (Vi Hoạt Sác Phù Hồng là thái quá, là thực, tà khí thực vậy. Huyền Trĩ Vi Nhược là bất cập, là hư, chính khí hư vậy. Mạch thái quá, bất cập mà bên trong không có khí hòa hoãn là mạch chết. Cho nên nói: Người không có Vị khí thì chết).

Tiên sư ⁽¹⁾ nói: Mạch làm căn cứ cho sự hư thực của tạng phủ, dấu hiệu cho sự mạch yếu của khí huyết, xét nghiệm sự thịnh suy của thủy hỏa. Cho nên, bệnh Đậu càng cần phải căn cứ vào mạch mà chữa. Vì bệnh Đậu sở dĩ phát ra, phần nhiều do té ngã, sợ hãi, thương phong, thương thực, cảm xúc phải độc khí ẩn nấu sẵn bên trong. Một khi phát bệnh, nguyên khí đã thương tổn, rất cần lấy mạch để thăm dò.

Nếu 6 bộ mạch Hồng Đại có lực thì dùng phép xưa để giải cơ. Nếu mạch Trầm vô lực thì nếu không phải là độc tà ẩn núp ở trong thì cũng do khí hư không thể khu trục độc tà ra ngoài được, chỉ có phép Ôn trung thác lý (làm ấm Trung tiêu để đẩy độc tà ra ngoài), dùng loại Kỳ, Truật, Qui, Linh, Thiên trùng, Thiên thoái, Chích thảo, Cát cánh, Ôi khương, Giao, Táo làm cho khí Trung tiêu mạch lên, khí huyết được cổ vũ thì việc trục độc sẽ có kết quả và việc đậu cương, đậu mừng mủ không cầu cũng tự đến.

Nếu mạch Huyền Sác vô lực, nếu không phải hòa độc có dư, thì cũng là chân thủy kém, chỉ có cách là trong việc bổ Thủy ghé thuốc bổ Hỏa. Hỏa thịnh thì dùng Thực địa, giúp thêm cho Ngưu bàng, Tú thảo, Thăng ma, Cát căn. Hòa hư thì dùng Địa, Thù, Đơn, Phục, mượn thêm Quế ngọt cổ vũ cho đậu dễ mọc, vì thêm các vị cay ấm kích thích để giúp sức cho đậu dễ xuất dễ hóa vậy.

II- TỔNG LUẬN VỀ PHÉP CHỮA (GỒM 22 ĐIỀU)

1. Tiên sư nói: Đậu sở dĩ mọc được là nhờ chính khí đầy đủ mới có sức đẩy độc tà ra ngoài. Mủ của đậu toàn nhờ khí để làm cho ấm, nhờ huyết để làm cho êm dịu. Làm cho ấm, cho êm dịu không phải riêng công dụng của khí huyết, mà còn có chân thủy, chân hỏa làm gốc cho khí huyết, rồi sau đó khí huyết mới có thể làm ấm nóng làm êm dịu được.

Sự thu áp Đậu là nhờ công hóa độc của Tỳ, trong đó có ngụ ý lé qui tàng của vạn vật ⁽²⁾. Cho nên khí huyết là ngọn là Thủy Hỏa thổ là gốc vậy. Và lại, tất cả các chứng mụn nhọt sưng độc nếu không phải là do khí huyết không điều hòa thì cũng là do bị nhiệt

(1) Tiên sư: tức Phùng Triều Trương, tác giả Bộ Phùng thi cầm nang. Lần ông tiếp thu các luận điểm y học của người, tôn người là tiên sư.

(2) Lé qui tàng của vạn vật: Muôn loài vạn vật từ đất sinh ra và rồi cục đều về lòng đất, không ai thoát cái định lệ ấy.

tà xúc phạm mạnh mà gây ra, không có truyền kinh định hạn⁽¹⁾, cho nên có thể kéo dài tháng này qua năm khác. Hoặc điều hào khí huyết ở trong mà sưng sẽ tiêu, hoặc giải độc thanh lương mà không làm mù. Còn như đầu là nguyên do trước khi sinh, gốc rễ ở Tâm, truyền qua Can Tỳ Phế, có kỳ hạn nhất định, khoảng trong 14 ngày, từ đầu mặt đi xuống dần; từ đầu mọc đến cương, mừng mù đến thu áp xong mới thôi, làm gì có chuyện tiêu ở trong hoặc không làm mù? Cho nên cần phải điều hòa khí huyết, tống độc ra ngoài biểu, thúc đầu làm cho mừng mù thì độc sẽ xuất ra ngoài, giữ trọn vẹn cho bên trong, tuy có hàn tà xúc phạm ở ngoài cũng không lo ngại.

Vì thế, chữa đậu trong 7 ngày đầu, như hoa lúc mới nhú, cái thể đang mạnh, khí ứng ở phía trên, cần phải giúp cho khí huyết để đậu ở đầu và mặt mừng mù. Khi khí giao vào giữa thì giúp cho khí huyết để đậu ở ngực lưng mừng mù. Khi khí giao xuống dưới thì giúp khí huyết để đậu ở đùi và chân mừng mù. Đó là giúp cho hòa độc vận hành mà việc nung mù được dễ dàng. Có sức thuốc thay cho tác dụng mừng mù của khí huyết, thì sau khi mừng mù rồi, khí huyết không bị tổn thương, tinh thần trở lại như cũ. Nếu không điều thì từ 1 đến 7 ngày sau, như hoa lúc khí liễm mà sắp tàn, khí huyết ngày càng suy, xu thế đi xuống. Lúc đó nếu 1 lại muốn (dùng thuốc) tháng để khí huyết để làm cho đậu ở đầu mặt mừng mù thì cũng muộn rồi. Hướng nữa khí huyết ngày càng suy thì việc mừng mù gặp khó khăn, độc hòa không biết tiêu hóa đi đâu được, nặng thì công phá tạng phủ, nhẹ thì biến sinh các chứng.

Dời thượng cổ, trẻ em bẩm thụ có thừa, cho nên cổ phương chỉ dùng phép sơ biểu⁽²⁾ thanh lý⁽³⁾ để làm cho đậu dễ mọc dễ giải, vì khí huyết đầy đủ nên không phải lưu ý lắm. Dời nay trẻ em bẩm thụ kém, thể chất không vững chắc, tuy nói trẻ em thuần dương, không biết rằng phần âm đã kém thì phần dương cũng hư. Vì vậy, bệnh này phần nhiều là do tiên thiên, lại phát ra thì âm dương bị suy thiếu khó phát, khó mừng mù. Nếu lúc đầu cũng làm theo phương pháp sơ biểu⁽²⁾ thì biểu hư không thể kìm giữ được, khiến cho đậu mọc ào ra cùng một lúc thì khí huyết không tươi được đều khắp, cho nên nhất định sẽ khó cho việc mừng mù và thu áp. Lý đã hư thì khí ở trung tiêu càng kém, không có sức để đưa độc kí thành hình. Thầy thuốc kém trọng dụng độc được để tấn công, thật đúng như hình tượng không có gạo mà muốn thổi cơm, nếu không chuyển hư mà độc chạy vào trong, thì cũng tạo thành hình xác tằm ở ngoài. Đến như việc làm mù, nếu chỉ toàn dùng phép thanh giải thì dương hư sẽ đóng băng ở trong, âm hư sẽ khô héo ở ngoài, thủy hỏa không xúc tiến được sự biến hóa vô hình, khí huyết không thành được công

Có ích. Hướng trẻ em bẩm khí còn yếu, không chịu được bệnh tật, một khi phát sốt, chỉ mấy ngày là nguyên khí ở trong đã bị thương tổn, lại thêm uống thuốc sơ biểu công tháo⁽⁵⁾, khí huyết hao mòn, nếu đậu mọc ít thì tuy có bị hư cũng chưa đến thương tổn đến tính mệnh, nếu đậu mọc dày đặc càng thương tổn dẫn đến tuyệt sinh cơ, há lại không đáng xót ư!

(1) *Truyền kinh định hạn*: Thuyết truyền kinh của Thượng hàn luận cho rằng bệnh mới phát là Thái dương chứng, qua bao nhiêu ngày truyền sang Thiếu dương chứng, bao nhiêu ngày nữa là Dương minh chứng... khi truyền hết sáu kinh lại trở về từ đầu, ở đây Phùng Trĩu Trướng không công nhận thuyết ấy.

(2) *Sơ biểu*: sơ giải phần biểu.

(3) *Thanh lý*: thanh giải lý nhiệt.

(5) *Công tháo*: túc công vào độc, thúc độc cho ra

2. Điều nguy hiểm nhất trong chứng đậu là hai vấn đề chính khí và tà khí. Tà khí tuy mạnh mà chính khí cũng mạnh thì không hại lắm. Chỉ sợ một khi chính khí đã kém thì tà khí tuy nhẹ cũng nguy. Cho nên, trước phải biện biệt sống chết, phân rõ hư thực, xét kỹ hàn nhiệt, nắm rõ được 6 điều ấy là được.

Dưới đây là lấy ở sách Cảnh Nhạc:

3. Điều cốt yếu trong việc chữa Đậu chỉ có hai điểm là tà và chính. Phàm tà khí thịnh mà không chế ngự nó đi là giết người. Chính khí hư mà không nâng đỡ nó lên cũng giết người. Cho nên chữa đậu cần biết hai chữ bổ tả mà sử dụng cho đúng là tốt nhất. Không được dùng thuốc thái quá hay bất cập đối với bệnh. Dùng phép công giải là không làm hại đến chính khí; bổ giải là không giúp thêm cho tà khí. Cốt làm sao cho chính khí không bị thương tổn mà tà khí giải được. Biết nắm được lẽ trung hòa thì đó là người cao tay. Nhưng cái kỳ diệu của lẽ chấp trung⁽¹⁾ là phải biết được cách tùy người tùy chứng, vì người là gốc mà chứng là ngọn. Chứng tùy người mà xuất hiện, thành bại là ở đó, cho nên phải tùy theo người làm chính, và tùy theo chứng là thứ.

Nếu hình khí vốn thực thì trước sau đều có thể chữa ngọn. Nếu hình chất vốn hư thì khi bắt đầu dùng thuốc đã phải chiếu cố đến gốc. Nếu bảo rằng dùng bổ sớm quá là giúp sức cho tà khí động lại thì đó là cách nhìn thiên cận ngu dốt. Không biết rằng trong việc bổ có thể đẩy được độc ra, tưới gốc là làm cho nảy mầm. Hoàn toàn không có lý bổ lại làm cho tà khí lưu trú lại. Đó là lấy lẽ "Lúc mới bắt đầu cần phải cố sức". Nếu không có lúc đầu thì làm sao có lúc cuối được.

4. Trong phép chữa đậu, không được quá dùng thuốc ôn nhiệt bởi vì như thế không khác gì lấy lửa để chữa lửa, sẽ làm cho nốt đậu biến thành tím đen, hăm xuống, sinh nhọt độc, thổ huyết, chảy máu mũi.

Không thể dùng bữa bái Cầm, Liên, Tri, Bá là thuốc hàn lương làm thương tổn đến Tỳ Vị gây ra nôn, ỉa, rét run, đậu hăm vào trong. Cho nên trước 6 ngày không nên dùng ôn bổ, cũng không nên dùng bữa thuốc hàn lương. Tiên sư nói: Trong giải độc gia thêm một ít vị ôn bổ; trong ôn bổ gia thêm ít thuốc giải độc. Đó là bí quyết rất hay.

Nếu sau 6 ngày, độc đã xất hết ra ngoài, nên ôn bổ mà không dùng ôn bổ thì mù không mừng được mà ngứa lết, không tránh khỏi cái nguy hại rét run. Tiên sư nói: Sách Ngoại khoa bảo: mụn nhọt là bệnh phá miệng rất có thể làm cho chân khí tẩu tiết, hướng nữa là bệnh đậu thì phá miệng khắp chốn. Sách Tâm giám căn dặn phải chiếu cố nguyên khí làm chủ. Thấy thuốc đốt, sơ suất dùng Kinh, Phòng, Khương, Độc để sơ tán, biểu đã hư thì khí trung tiêu càng bị thương tổn. Lúc đầu thì không có sức đẩy độc ra ngoài, kế tiếp thì không thể mừng mủ. Khinh xuất dùng Tề giác địa hoàn để thanh lương, biểu hư thì huyết trệ Tỳ hàn. Lúc đầu thì ngăn trở độc khí ở trong, tiếp theo thì làm lạnh giá không sưởi ấm được. Khinh suất dùng Xuyên sơn giáp, Ngưu sát⁽²⁾ lấy độc để công độc làm đậu, thì chính khí hư không có sức để đầm đàng mà đậu vỡ chảy nước ra, làm cho khí trung tiêu càng hư, lúc đầu thì như xác tằm, tổ nhện, tiếp theo thì bong rỗng nước trong, thế tất phải như vậy.

5. Bệnh Đậu, trước sau đều có nguy chứng, chớ dùng các thứ như Thiên linh cái

(1) *Chấp trung*: Nắm cả hai đầu mà sử dụng khoảng giữa (đạo trung dung).

(2) *Ngưu sát*: *Hocmatopimus vitulis*.

(cái đầu lâu), Não sa, Xạ hương để công trực. Vì độc xuất ra một bước thì ở trong bị hư tổn một bước. Khí huyết vận chuyển một này thì ở trong cũng bị hao một ngày. Há lại dùng thuốc cay mát làm hao khí, tuy may mà đỡ nhưng sau sẽ có hại. Như thế đủ biết sự khác nhau giữa Vương đạo và Bá đạo là thế nào.

(Trích từ sách Cảnh Nhạc)

6. Chữa đậu phải biện chứng, đại thể là do thấp thì nhiều nốt bông, huyết nhiệt thì phát ban, khí kém thì đầu mụn đậu lõm, huyết kém thì mụn đậu không đầy nước, lý thực mà đại bổ thì sinh nhọt độc, biểu thực mà đại bổ thì không đóng vảy. Lý hư không bổ thì độc tà công bên trong mà đậu hãm không mọc, biểu hư không bổ thì ngoài róc mà khô. Chỉ làm sao cho khí huyết toàn thân hoạt động điều hòa không bị trở ngại thì tuy đậu mọc dày đặc cũng không khó chữa. Cho nên giữ được trung hòa là quý nhất, không cho nghiêng lệch thì hàn nhiệt, hư thực không bị cai hại thái quá hay bất cập. (Trích từ sách Cảnh Nhạc).

7. Lúc mới phát sốt, nên có tình trạng biểu hư thì đậu dễ mọc, mà thưa sáng đều đặn, cho nên dùng loại Tử tô, Cát căn để khai thông tấu lý. Sau khi đậu mọc rồi, lại nên có tình trạng biểu thực thì đậu dễ cương dễ mưng mủ, không có biến chứng ngứa tẹt đảo hãm. Cho nên dùng Sâm Kỳ để làm thực cơ biểu, nhưng khi mới cương mủ thì Lý nên nhiều mà Sâm nên ít, bởi lẽ là bổ biểu năng hơn bổ khí trung tiêu. Nếu dùng vào thời kỳ thu áp thì Sâm nên nhiều hơn Kỳ, bởi lẽ lúc này cần bổ khí trung tiêu là chính mà bổ ở biểu là thứ.

Nhưng, đậu thì ở đầu mặt làm chủ, cho nên dùng Sâm Kỳ lại phải dùng Khung, Phòng làm tá, đó là lấy lẽ muốn dẫn thuốc đi lên. Họ Trình nói: Điều cốt yếu trong việc chữa đậu là lúc mới mọc thì nên mở cái cửa hòa giải; sau khi mọc thì nên lấp con đường rò rỉ; sau khi bông vảy thì cho uống thuốc thanh lương dần dần; độc xuất đã hết thì ôn bổ nên dùng rất ít.

8. Đậu lúc mới phát sốt và sắp mọc, nhất thiết không được kinh suất dùng thuốc hàn lương giải độc để trừ độc, như thế, không những là việc vô ích, ngược lại còn có hại. Há phải như các chứng nhọt lở lúc mới phát, lấy giải độc và tiêu ở trong mà khỏi được đâu! Vì đậu vốn là thai độc, ẩn nấu ở tạng Thận rất sâu. Chỉ nhờ vào khí huyết để tống độc ra ngoài bị phụ, có sự vận hóa ở trong nốt đậu, mưng mủ, thu áp rồi hết. Huống nữa, phần nhiều thuốc giải độc làm tổn vị khí, hao khí huyết; và lại, độc có loại không cần phải giải, có loại không giải được. Nếu gặp bệnh nhi bẩm th vốn khỏe, vị khí mạnh, ăn uống bình thường, đó là khí huyết thịnh vượng, tự có khả năng tống độc ra là bệnh khỏi. Chứng đậu nào từ đầu đến cuối có nhiều chứng thuận, như vậy không cần phải giải. Nếu gặp bệnh nhi bẩm thụ vốn yếu, Tỳ Vị lại kém, khi bị bệnh đậu ăn uống lại kém nữa, hoặc khát, hoặc ỉa chảy, hoặc bụng trướng chân tay lạnh, hơi thở đoản, mất tiếng, đậu mọc chậm, hoặc bụng trướng chân tay lạnh, hơi thở đoản, mất tiếng, đậu mọc chậm, sắc trắng bệnh, đầu nốt đậu lõm, không mưng mủ, không kết vảy, đều do

Khí huyết không đủ khả năng tống độc ra. Đó là trường hợp không thể giải độc vậy. Phải kịp thời dùng thuốc ôn bổ để giúp Vị khí, thêm sức cho khí huyết. Nếu dùng các loại Sâm, Kỳ, Qui, Truật mà không đủ sức thì phải thêm các vị Dinh hương, Mộc hương, Quế, Phụ để làm tá cũng không phải là quá. Há lại dùng thêm thuốc hàn lương

để làm tổn hại đến khí huyết nữa sao? Chỉ sau khi kết vảy, còn có dư độc chưa hết, mượn sức thuốc để giải tán đi, tránh để cho phát ngứa, phát nhọt thì cũng có thể được.

9. Giải độc nên biết biểu lý. Nói độc tức là hỏa vảy. Nói giải độc là xem độc ở đâu để mà trục nó đi. Vì đậu sở dĩ phát ra bên trong là gốc ở âm hỏa (hỏa dục), bên ngoài hình thành bởi phong tà. Hai nhân tố bên trong và bên ngoài hợp nhau thì bệnh phát ra, bệnh không nặng ở trong thì nặng ở ngoài. Nặng ở trong là hỏa tà thịnh nung đốt thấu ra ngoài; nặng ở ngoài là hàn tà bế vía làm cho hỏa uất ở trong. Cho nên chỉ cần xem không có mồ hôi, ngoài da nóng là biết tà ở biểu thì nên phát tán ngoại tà, làm cho nhiệt tà theo ra, độc khí cũng theo đó mà thoát giải vảy. Nếu xem thấy mồ hôi nhiều bà bên trong nóng lắm là tà ở lý, thì nên thanh lợi làm nh nhiệt tà từ trong tiết đi, độc cũng theo đó mà giải.

Có trường hợp nhiệt ở bên trong đã nặng, mà lại thêm biểu tà ở ngoài, thì nên xét mức độ nặng nhẹ của cả trong và ngoài cùng giải đi hết. Nếu tà không biểu thì không nên phát tán để dẫn tới biểu khí càng hư, cuối cùng đậu mọc rất khó, chứng này thì mình có mồ hôi mà ngoài da không nóng lắm.

Nếu độc không ở lý thì không thể kiêm dùng thuốc hàn lương để gây lạnh ở trong. Tỳ bị bị, độc càng bị hãm. Chứng này thì miệng không khát, đại tiểu tiện không bị bí là đúng. Biết được nằm điểm trên đây thì phép giải độc thật không có điều gì không rõ nữa.

Ngoài ra, còn có các chứng hư hỏa, thì trước nên xét nguyên khí, tiếp đến xem tà khí, không làm tổn hại khí trung tiêu, chiều cổ đến can bản suy thiếu. Đó là điều cần chú ý.

(Dưới đây trích ở sách Cảnh Nhạc)

10. Nói độc đâu phải từ trong ra ngoài. Đậu mọc hết là bên trong hết độc, đậu hóa mù được hết là bên ngoài hết độc. Đã mọc hết, đã hóa hết mà không bị hãm vào trong tức là độc tà thật hết rồi. Cho nên hoặc dùng Phát tán, hoặc nên Thác tống (đẩy độc từ trong ra) hoặc nên Thanh giải, hoặc nên củng cố bên trong. Phép chữa như vậy là đủ.

Họ Vạn nói: "Giải hỏa độc là sợ hỏa uất nghẹt sinh khô ráo, nói dưỡng khí huyết là muốn khí huyết lưu hành được thông suốt. "Nói như vậy là đúng. Nhưng nói hỏa độc tức là chỉ vào thực nhiệt. Phàm hỏa có hư thực, chân giả, không thể thấu tóm cho là hỏa độc cả như vậy mới mới là chính xác.

11. Bệnh đậu, nếu ở biểu nhiệt thịnh thì nốt đậu ắt khô ráo, nếu ở biểu mát quá thì độc sẽ bị lạnh mà nấp lại bên trong. Ở lý nhiệt thịnh thì sinh phân táo kết, ở lý mát quá tất sinh ỉa lỏng. Khí bế tắc thì bụng trướng đầy mà suyễn, nếu nhiệt độc bị che vít không thoát ra được thì bụng đau buồn bực. Nếu độc ở cả biểu và lý đều nặng thì sức trẻ em không sao chịu đựng nổi, cho nên phép chữa đại chỉ có 5 điều: *Phát tán biểu tà; Điều hòa trung tiêu; Điều hòa khí cơ; Thấu đạt tà khí từ trong ra và giải độc.*

Phát tán biểu tà tốt thì không lo cái nạn khô ráo, băng phục. *Điều hòa trung tiêu* thì không lo bị táo kết hoặc ỉa chảy; làm cho khí ở lý được vững chắc, khí huyết mạnh ở trong, Tỳ Vị mạnh lên giúp cho đậu mọc thoát, sẽ không bị ngứa tẹt, đảo hãm. *Điều hòa* được khí thì không có cái tẻ bụng đầy suyễn thở; *Thấu đạt* cho nhiệt độc thoát ra ngoài, không để cho nhiệt độc ẩn nấp lại bên trong; *Giải độc* là làm cho trong ngoài có

chỗ phân tiêu không để cho độc tà gây hại. Làm tốt 5 điều đó thì không lo có chứng nhiệt độc uất tắc lại. Nhưng tính của hỏa là rất gấp cần phải giải tỏa nhanh, không thể để chậm trễ.

12. Chữa đậu cần phải biết nhiệt nhẹ hay nặng và có nhiệt độ hay không có nhiệt độc thì mới khỏi nhầm. Vì đậu chẩn thuộc dương cần phải phát sốt. Nếu ngoài tuy phát sốt mà trong không khát, hoặc ăn uống, đại, tiểu tiện bình thường, đó là sốt để lên đậu. Nhiệt tuy ở bên ngoài mà ở lý không có hiện tượng bệnh thì nhất thiết không được chữa cần. Nếu sốt rất nặng, nhất định đậu độc cũng rất nặng thì không thể không điều lý. Nếu lúc đầu phát sốt nặng tất phải tán biểu. Nếu sốt nặng khi đậu đã mọc thì phải thanh giải. Họ Vạn nói: "Nếu sốt nặng mà đại tiểu tiện bế thì không lợi. Nếu quả có nhiệt độc thực ta thì không được vội dùng các bài thuốc bổ dương sẽ làm cho độc khí đã mạnh lại bế tắc thì sốt cuối cùng không lui mà gây hại vậy".

13. Trong phép chữa cần phải phân biệt gốc ngọn, trước sau, hoãn cấp và kiêm trị. Nói về thân thể thì khí huyết là gốc, đậu là ngọn. Nói về mụn đậu lở thì mụn đậu là gốc mà các chứng khác là ngọn. Như nốt đậu dày đặc là ngọn, khí huyết lại hư là gốc thì nên điều khí hoạt huyết kiêm giải độc.

Lại như thể đậu dày đặc chẳng chịt là gốc, lại ỉa chảy lâu không chỉ là ngọn thì chỉ nên lấy giải độc đẩy từ trong ra là chủ. Nếu thể đậu rất nặng mà là gốc yết hầu sưng đau là ngọn thì chỉ nên thanh lợi yếu hầu làm chủ. Nếu thể đau rất nặng là gốc mà ỉa chảy đi luôn không chỉ là ngọn thì chỉ nên chữa ỉa chảy làm chủ. Nếu đậu lở dày đặc là gốc đại tiểu tiện bế tắc suyễn thở là ngọn thì chỉ nên lợi hạ làm chủ. *Bốn điều trên là bệnh gấp thì chữa ngọn vậy.*

Nếu đậu đã mọc là ngọn xét xem, khí hư thì bổ khí, huyết hư thì bổ huyết là gốc. Đó là bệnh hoãn thì chữa gốc vậy.

Nếu thể đậu rất nặng là gốc, phiền khát không thôi là ngọn thì dùng giải độc làm chủ mà kiêm chữa khát. Đó là trước chữa gốc mà sau chữa ngọn vậy.

Nếu đậu hăm là gốc, ỉa chảy là ngọn thì trước phải cứu lý, sau mới công biểu. Đó là trước chữa gốc sau chữa ngọn vậy.

14. Bệnh đậu vốn thuộc khí hư có khi do ăn uống đồ sống lạnh, điều trị không đúng, làm thương tổn Tỳ Vị dẫn đến ỉa chảy. Đó là do tân dịch bị hãm ở dưới, hư hỏa thịnh ở trên, tất phát sinh ra khát nước và suyễn vậy. Bản tạng vốn là thực, nhưng đậu mọc khi ỉa chảy vừa hết, đó là tân dịch bị mất nhiều gây khát nước, khí bị hư mà suyễn. Dầu có phải là thực nhiệt mà khát, khí bế tắc mà suyễn sau khi bị ỉa chảy? Cho nên chữa khát ở đây nên dùng Sâm linh bạch truật tán, Mộc hương tán. Nếu khát mà ỉa không chỉ thì cho uống Dịch công tán. Chữa suyễn nên dùng Nhân sâm định suyễn thang. Nếu suyễn khát không chỉ thì cho uống Mộc hương dịch công tán. Nếu bản thân khó chịu, đau bụng, là độc công phá ở trong, nhắm mắt nổi một mình thì phần nhiều là thất chí. Thế mà còn là thực thì thật là ngu dốt lắm vậy.

15. Đậu thuộc hư chứng thì trước sau phải lấy nguyên khí làm chủ. Duy chỉ nên làm cho tấu lý mạnh mà giữ vững làn da thổ thịt thì không phải lo cái tai họa ngoại hãm (đậu hăm ở ngoài), tiết chế việc ăn uống mà bảo tồn cho Tỳ thổ thì không còn phải lo cái nguy hại hãm (hãm xuống dưới). Lại thêm Sâm Kỳ để bổ ích thì nguyên khí tự nhiên

sẽ đầy đủ, các mặt đậu mọc, mừng mủ, thì áp sẽ thuận một hướng. Cho nên rất kỵ các loại Đại hoàng, Hoạt thạch, Xa tiền, Sinh địa, Thử niêm, Tử thảo, Chỉ xác, sợ tính hàn lương của các vị thuốc ấy làm cho Tỳ Vị bị yếu đi. Một khi Tỳ Vị bị thương tổn thì nguyên khí do đó mà hãm xuống dưới, khí thoát gây công phá ở trong mà chết. Lại cũng rất kỵ các loại thuốc như: răng người, Thiêu thoái, Ma hoàng, Cát căn, Phòng phong, Kinh giới, Khương hoạt, sợ khát tán thái quá, khí của biểu một khi đã hư thì nguyên khí cũng từ đó mà hao, gây ngứa tet phá ở ngoài mà chết. Lỗi tại ai vậy?

16. Đậu mọc đã hết, không có trường hợp nào là nguyên khí ở trong không bị hư, bởi cái thứ dùng theo với độc của đậu mà xuất tiết đó là nguyên khí. Lúc đó, nếu không biết bồi dưỡng nguyên khí thì đậu làm sao mà mọc nước, mừng mủ, kết vảy, thu áp được. Nếu nguyên khí ở trong hư thì sợ độc khí hãm vào trong mà biến sinh nguy chứng vậy. Nếu đậu mọc thưa ít thì sợ hao hụt của khí huyết còn có mức độ; nếu đậu mọc dày kín thì tất nhiên khí huyết hư hao nhiều lắm. Đó là điều không thể không đề phòng trước.

17. Đậu vốn là nhiệt độc, điều cần nhất là làm cho âm dương đúng mực, khí huyết hòa bình, độc sẽ hóa mà nhiệt cũng giải. Nếu quá cố chứng thực nhiệt ngán cách thì chỉ có thể dùng phép thanh lương thang để phát tán, không nên dùng thuốc đắng lạnh quá mạnh. Dùng thanh lương thì nhiệt sẽ tự giải; dùng phát tán thì nốt đậu sẽ tự bộc lộ ra; tahung đề thì sự ngán cách sẽ được giải. Nhưng khi đã đạt mức bình hòa thì ngừng lại. Nếu dùng nhiều hàn lương sẽ làm thương tổn Tỳ Vị ở trong và làm lạnh cơ nhục ở ngoài. Nếu phát tán quá thì chân lông thở thịt thưa hở nguyên khí hao tán. Nếu chứng biến thành băng lạnh cứng rắn thì thuốc nên ôn hòa, không kiêng ngại cái nóng của Khương, Quế. Nếu chứng thấy có ỉa chảy là nhiệt khí đã tự tán, chân khí đã he thì cần tăng thêm thuốc ôn. Huống nữa khí đã hư tất nhiên là hàn rồi, phải dùng ôn bổ là điều không còn ngờ gì nữa.

Nhưng có trường hợp chưa đi đến ỉa chảy mà sau 3-4 ngày mình vẫn không thấy phát sốt, đậu không thấy lớn, thì vẫn phải dùng gấp thuốc ôn bổ như loại Quan quế, Xuyên khung, Can khương làm cho khí trung tiêu ấm lên, ngoài phần da lông được mạnh, cơ thịt được nóng ấm. Nếu sau khi bị ỉa chảy thì ở trong tất phải hư, tuy có các chứng bụng trướng, phiền khát, thờ gập, nhưng đó không phải là thực nhiệt, mà là hư ở trong, độc ẩn núp và hãm ở trong công phá mới có tình trạng ấy. Nếu như có chứng thực nhiệt, ở khoảng 7, 8, 9 ngày đã qua ỉa chảy, đều phải chữa theo hư chứng; nếu chưa đáng là chứng của Mộc hương dị công, mà cho uống Mộc hương dị công, đó không phải là cách chữa bình thường mà bất đắc dĩ phải quyền biến để ngăn chặn bệnh.

Đại phẩm đậu không băng cứng rắn thì không cho uống ôn bổ; không có ỉa chảy thì chớ dùng Dị công, tức là có ỉa chảy mà không phải là chứng của Mộc hương dị công thì chớ dùng nó, vì đậu phần nhiều gốc ở nhiệt độc. Còn như bị đậu hãm tet đao áp, không mà không có băng lạnh cứng rắn, ỉa chảy thì phần lớn là do nhiệt độc công phá ở trong thì lại nên dùng các bài Bạch tường tru vi để chữa. Tại sao Hậu y tôn Trần văn Trung thì dùng thiên về Mộc hương dị công là thuốc tuần nhiệt; tôn Lưu Hả Gian Trương Tử Hòa thì lại chuyên dùng Hoàng liên giải độc là bài thuốc hàn lương. Đó là do không hiểu người xưa tùy thời mà xử phương. Người thầy thuốc giỏi phải biết dự tính mức độ hàn nhiệt, suy rõ mạch chứng để tùy theo sự biến đổi cả bệnh tật mà dùng công hay bổ cho thích đáng.

18. Trong khi bị bệnh đậu lại kèm có các tạp chứng khác thì không nên chữa mạnh, bởi vì tạp chứng thì ngay khỏi vô định, những bệnh đậu thì ngày thu áp có kỳ hạn. Nếu chữa tạp chứng một lần thì chữa đậu bị chậm gấp 100 lần. Chữa đậu không thể sai thời hạn, nếu đậu độc không giải thì tạp chứng cũng không khỏi. Một khi đậu độc giải được thì trăm bệnh kèm theo cũng giải nốt. Tuy nhiên, cũng có nặng nhẹ, gốc ngọn. Nếu chứng đậu nặng mà tạp chứng nhẹ thì trong thuốc chữa đậu gia thêm thuốc chữa tạp bệnh. Đó là bệnh hoãn thì chữa gốc. Nếu tạp chứng nặng thì trước chữa tạp chứng sau đó điều trị đậu. Đó là bệnh gấp thì chữa ngọn. Cho nên, nóng nực thì thêm thuốc mát; mùa Đông lạnh thì dùng thuốc nóng. Đó là thuận theo với thời tiết khí hậu vậy. Mưa lâu thì dương mạch ⁽¹⁾, nắng hạn lâu thì âm mạch ⁽²⁾ mà khí huyết bị ảnh hưởng tự sinh bệnh, cần phải theo thời mà điều trị.

19. Phép Hãn, phép Hạ là 2 phép bất đắc dĩ mà phải dùng. Cho nên nói: "Bệnh đậu từ trước đến đều kiêng dùng phép Hãn, phép Hạ". Đó là những lời chỉ dẫn rất quan trọng trong việc chữa đậu.

Như chứng đậu, nguyên không có chứng biểu nhiệt bế tắc không thông nếu dùng bữa phép Hãn tất làm thương tổn đến dương phận, về sau tất sinh ra vết loét, mất tiếng, da mỏng ngứa tet, sức mừng mù, thu áp sẽ mất. Đó là biểu hư mà gây hại. Nếu vốn không có chứng đại tiện bế, nhiệt độc tím đen mà dùng bữa phép Hạ tất là làm thương tổn đến âm phận, về sau tất đậu hăm phục không mọc. Vì khí suy yếu nốt đậu trắng màu tro, chức năng của tạng phủ đề hư hỏng. Đó là lý hư gây hại vậy. Nhưng biểu hư mà nhờ khí ở lý còn đầy đủ thì còn có thể bù đắp. Nếu như lý hư thì căn bản ở trong tan nát nên Vệ khí cũng theo đó mà hăm không thuốc gì chữa được nữa. Cho nên người xưa lấy đó làm điều răn rất sâu sắc, không thể cần thận.

20. Chữa đậu cũng có phép phát tán nhẹ (vị hãn), tẩy xổ nhẹ (vị hạ). Đó là phép bất đắc dĩ phải dùng quyền để trừ bệnh. Nếu gặp ngoại cảm hàn tà, tẩu lý bế tắc lại, đậu mọc không thoát, và biểu nhiệt nung đốt mạnh, điểm hồng chưa hiện, hình sắc chưa rõ, vật vã, má đỏ, nếu không dùng thuốc cay ngọt để phát tán nhằm không đạt cơ biểu để phòng khả năng bế tắc thì cũng chưa thoát khỏi cái hại đóng cửa giữa giấc trọng nhà. Hướng nữa, hòa thì uất phải thăng phát nó như các bài Thăng mà cát căn thang, Sâm tô ẩm để giảm cái thể mạnh của bệnh. Nếu đã thấy điểm đỏ thì kiêng dùng Cát căn sơ lại sợ biểu thái quá, nhưng nếu biểu thực thì cũng cứ dùng không ngại.

Nếu đậu chưa mọc, mạch Sắc, Hồng, Đại, thở to, bụng trướng, đại tiểu tiện bế kết mà độc tà lưu lại lâu không thông đạt ra được, bệnh biến ra phiền khát, nổi nhọt, hôn mê nặng hơn là độc ta kết tụ ở khoảng trường vị. Nếu không cho uống thuốc khổ hàn tiết lợi để sơ thông tạng phủ thì sẽ biến sinh các chứng trướng đầy vật vã, khô tím đen hăm, há lại không lo cái họa nuôi hổ để hại về sau sau? Vì vậy, nên xem hư thực, xét thường biến, nên Hãn thì

Hãn, nên Hạ thì Hạ, trúng bệnh thì thôi. Nếu không có chứng cần phải Hãn hạ thì nhất thiết không được dùng bữa bãi vì có hại cho người. Cứ để tự nhiên, chỉ nên tăng thêm phần an dưỡng để thu được kết quả hoàn toàn.

21. Bệnh đậu chứng thuận vốn không cần phải chữa. Tại sao những người làm cha

(1) Mưa lâu dương mạch (2) Nắng lâu âm mạch là nơi trong cơ thể tự nhiên của người.

mẹ lại cứ mời thầy thuốc tới khám, đã khám thì không thầy nào là không cho thuốc, đã dùng thuốc thì không ai không dùng hàn lương, bởi vì theo ý các thầy thuốc là chẳng qua giải độc đi thôi, chẳng có phương hại gì. Không biết rằng không có nhiệt thì thuốc hàn tiêu thụ vào đầu. Một khi khí sinh dương hao tổn thì Vị khí cũng bị thương, phần nhiều dẫn tới lạnh ở trong sinh ỉa chảy, đã đến thế còn cho là *Chứng hiệp nhiệt hạ lợi*, lại dùng thêm Cầm, Liên, tạt càng giận quá!

Lại như chứng đậu lúc mới phát sốt, phần lớn thầy thuốc đều không xét hư thực, chỉ nói cần giải độc ngay. Cho nên những trường hợp đậu sau 10 ngày phần nhiều sinh ỉa chảy rồi chết, đều do bột thầy lang dôm ấy giết cả.

22. Có trẻ em không chịu uống thuốc, mà bệnh thế lại rất mạnh không dùng thuốc không khu trục được. Đậu thuốc hư hàn còn có thể chậm vài ngày. Nếu đậu thuộc thực nhiệt thì không chậm trễ. Nên dùng thang thuốc to sắc đặc, chỉ thấy một nước đầu cho uống thì sức thuốc mới có thể thắng được bệnh. Còn như người cho trẻ bú cũng nên uống thang thuốc to để cho trong sữa cũng có sức thuốc.

III- VỀ KHÍ HUYẾT

Hiện chứng hư thực và cách chữa, gồm 12 điều

1. Khí bản chất thuộc thiên mà gần gũi với trên; huyết bản chất thuộc địa mà gần gũi với dưới. Bệnh đậu trước và sau đều phải nhờ vào khí huyết. Chỉ khi khí huyết đầy đủ thông suốt thì đậu dễ phát, dễ thu. Khí huyết kém thì biến chứng trăm vẻ.

Cho nên chữa đậu, đầu tiên phải chiếu cố khí huyết. Nhưng khí thuộc dương vô hình huyết thuộc âm hữu hình. Đó là khí chủ ngọn huyết chủ gốc. Khí chủ phát huyết chủ thu. Khí chủ hình huyết chủ sắc. Khí chủ then hóa huyết chủ gốc rễ. Cho nên, khí chủ về cang mụn, huyết chủ về mọng nước. Nhưng huyết không có khí thì không lưu thông, khí không có huyết thì không đến được. Khí đến mà huyết không đến theo thì tuy có mọc mụn cũng không mọng nước mưng mủ khắp hết được. Huyết đến mà khí không đến thì tuy có nhận mướt nhưng cuối cùng độc vẫn không thoát ra hết. Cho nên, lúc làm chứng không thể không chiếu cố cả hai mặt.

2. Hòa độc cũng từ trong khí huyết mà phát, mà giải. Cho nên đậu nhờ ở khí huyết mà hình thành, mà nguyên khí lại là chủ của khí huyết. Nguyên khí thịnh thì khí huyết vận hành, tuy đậu độc phát ra nhưng khí có đủ khả năng thúc đẩy, huyết có sức tải đi, khí huyết gắn bó với nhau cùng đồn đuổi đậu độc, mụn đậu sẽ đúng kỳ hạn mà mọc, mà rụng. Đó là do phần da lông được vững chắc, phần cơ thịt được ấm áp, nên độc dậ tự vận hành dễ dàng vậy. Nếu một khi nguyên khí bị hư suy thì sự hòa hợp của khí huyết sẽ kém. Khí ở trong nhà ngoài không vững thì huyết sẽ đưa đậu độc ra ngoài mà bị tàn phá, khí ở ngoài mà ở trong không tiếp tục thì huyết sẽ đưa đậu độc vào công phá bên trong. Đó là theo lẽ "Dương hư thì âm hư theo; Âm hư thì dương cũng hư theo". Ví như nguyên khí là chủ soái mà khí huyết là quân lính, đậu độc là kẻ địch vậy. Chủ tướng giỏi thì quân lính tuân hành mệnh lệnh mà quân địch tự tan. Không như thế thì ít khi không gây hại cho cơ thể con người. Cho nên người thầy thuốc giỏi chữa đậu đều lấy bổ ích chân

nguyên điều lý khí huyết làm chủ.

3. Chứng đậu, từ đầu đến cuối đều nhờ vào khí huyết sự công phá của khí âm độc, nếu không nhờ vào khí huyết để làm cho hình sắc biểu lộ được ra ngoài. Không có khí huyết thì không có gì để giữ vững cho những mụn đậu mọc đều khắp; không có khí huyết thì đậu không mong nước mưng mủ đầy đủ được... Đó là nói khí huyết không thể lìa nhau, âm dương không thể xúc phạm vào được.

Tuy đậu ẩn náu ở Thận, phát ở Tỳ, nhưng đậu mọc được đầy đủ là nhờ ở khí huyết vậy. Khí làm cho đậu thành hình. Khí đầy đủ thì mụn đậu nhọn và chân tròn. Huyết làm cho sắc đậu tươi tốt, huyết thịnh thì mụn đậu hồng tươi. Nhưng khí là chủ huyết là phụ, tất khí huyết phải hòa hợp với nhau bên trong thì đậu độc phát dương ra ngoài, đó là khí huyết giao hòa vậy. Nguyên khí vững thì âm dương giao hòa với nhau không gián đoạn, tự có thể dẫn huyết làm đúng chức trách mà thành công. Đó là nói dinh vệ là cái đức của khí huyết vật. Khí huyết là nhà của độc đậu, mà độc đậu là giặc của khí huyết. Dinh vệ đều khỏe thì sức có thể phá giặc, giữ cho nhà cửa được an toàn. Dinh vệ suy yếu thì giặc sẽ mạnh như hổ mà nhà cửa bị tàn phá. Huyết kém thì đậu tẹt, khí kém thì đậu hăm không mọc được.

4. Tỳ vị là cha của khí huyết; Tâm Thận là mẹ của khí huyết, Can Phế là nhà của khí huyết. Tỳ nạp cơm nước, cái khí bốc mạnh tập trung ở Thận mà tạo thành khí; tập trung ở Phế tạo thành Vệ khí, làm ấm lòng phần cơ thịt, sung túc cho phần da thịt thì tấu lý vững vàng, việc mở đóng sẽ tốt hơn.

Tỳ nạp cơm nước, tinh ba tấu trung và Tâm mà sinh ra huyết chứa lại ở Can mà tạo thành Vinh khí để đưa ra 9 khiếu; đưa vào 6 kinh làm nơi tập trung cho các mạch. nếu khí hư thì sắc trắng hăm màu tro, không mưng mủ, đầu mụn đậu lõm thành lỗ, không rắn chắc, đỉnh mụn lõm sờ vào không chắc, chảy nước, ngứa tẹt, rét run, nghiêng răng, phù sưng, đậu không thu áp, không bong vảy. Phần cơ biểu không vững, tấu lý mở đóng không thông, da mỏng mà mềm, thổ tả, tự ra mồ hôi chân tay lạnh. Khí thịnh quá thì phát thành bọng; khí hư thì đầu mụn hăm không nổi, đó là Vệ khí hư mà đậu không mọc, độc thừa hư ma vào Phế, Phế cảm phải thì đậu hăm phục mà quý cho Thận. Nếu âm xúc phạm dương thì khí mất thăng bằng mà sinh ra tím khô, phát dinh, phát ban. Huyết hư thì sinh ra đậu tím đen, khô, không làm mủ, đen hăm, sưng đau, nha cam, dinh nhọt, ban chẩn, tân dịch không thông đạt. Dư độc sau đậu, huyết không làm được chức năng của nó thì gây ra trệ, đảo áp hoặc tím đỏ, nổi ra ngoài ở mà không tăng nhập vào trong mụn đậu. Huyết hư thì mụn đậu trắng nhọt, gốc nốt đậu không tròn, hoặc mủ hồng tán mạn, lấy tay sờ vào mà sắc hồng không suốt hiện lại thấy trắng nhọt. Huyết nhiệt thì gốc khô tím đen. Huyết nhiệt khí trệ thì đầu mụn đậu hăm mà tím đen, đó không phải là khí hư chờ dùng nhằm thuốc bổ, chỉ nên hoạt huyết, lương huyết giải độc làm ch. Huyết hoạt thì khí hành vậy.

Huyết quá thịnh thì sinh ban, sinh đơn. Huyết hư thì nước mủ của đậu không đi với huyết Huyết hư thì nốt đậu không bóng nhuận. Độc thừa hư mà vào Can, Can bị độc xúc phạm thì gây ngứa tẹt mà quý vào Tâm vậy. Nếu dương lấn âm thì huyết theo với tà độc thì gây nên cái nguy hại tẹt lõm, màu gio mà hăm.

5. Khi phát sốt, màu sắc đã có vẻ sắp mọc mà sốt không cao lắm khí hòa bình, đậu

tiểu tiện bình thường, hai má không đỏ lắm, sau bộ mạch không Hồng lắm, nốt đậu mọc đầy mà chân tròn đầu nhọn, sắc đỏ tươi. Đó là biểu hiện khí huyết điều hòa.

Từ 1 đến 2, 3 ngày miệng không hôi, sắc đậu sáng sủa, lấy tay ấn vào thì chắc rõ, mỗi ngày đậu mới lớn lên mình không nốt ban, chân nốt đậu không lặn mạn thì tuy có ho, hắt hơi, ngáp, kinh sợ cũng là dấu hiệu của khí huyết điều hòa.

Từ ngày thứ tư đến ngày thứ 6, nhìn thế như nhụy hoa đào đọng sương móc rất dễ thương, cơ nhục không sưng lắm, ăn uống như thường, đó là dấu hiệu khí huyết đầy đủ.

Từ ngày thứ 7 đến ngày thứ 6, nhìn thế như nhụy hoa đào đọng sương móc rất dễ thương, cơ nhục không sưng lắm, ăn uống như thường, đó là dấu hiệu khí huyết đầy đủ.

Từ ngày thứ 7 đến ngày thứ 9, 10 mụn đậu sáng tươi như ngọc, nước mủ đầy đủ, tinh thần tốt, đầu mụn cao, chân đậu tròn đỏ, mình tuy nóng nhưng không bứt rứt, miệng tuy khát nước mà không đi là chảy. Đó là dấu hiệu của khí huyết còn yên lành.

Từ ngày thứ 10 đến ngày thứ 12, lấm vảy, màu vàng có thần, đại tiểu tiện bình thường, đó là dấu hiệu khí huyết đã trở lại điều hòa.

Trên đây là những dấu hiệu khí huyết đầy đủ tốt.

6. Đến ngày đậu cương (khởi trướng) mà thấy đỉnh nốt đậu bằng, màu non bệu mà mỏng, khô, tím, đen, thổ tả thất thường, kinh giật bứt rứt, hoặc nổi ban, hoặc nổi bông. Đến ngày mưng mủ mà nước mủ trong, đầu mụn lõm, chân nốt đậu tản mạn, ăn uống kém, sốt cao, tinh thần mê mẫn, nốt đậu, trắng màu tro, không có mủ, hoặc khô sém thịt sưng. Đến ngày thu áp mà không lấm vảy được, sinh tà ly, tiếng nói khản đặc, thở gấp, ho suyễn không ăn được. Đó đều là bệnh của khí huyết hư, Dinh Vệ không điều hòa, âm dương lộn xộn, bệnh sẽ dẫn tới cái họa bị công phá từ trong.

7. Khí không thể bị suy tổn, nếu suy tổn thì dương không tụ hội kịp mà vành nốt đậu không thành hình. Huyết không thể quá đầy, đầy thì âm sẽ lấn sang bộ vị của dương mà tai họa đậu bị đảo áp ngay. Nhưng huyết mà đầy là khí sẽ kém vậy. Đại để, hàn là hư, hư tà chính khí hư. Chứng ở ngoài tất nặng. Khí hư hàn thì nên ôn bổ; khí thực nhiệt thì nên thanh lương. Huyết hư thì nên bổ huyết; huyết nhiệt thì nên giải độc. Làm sao cho khí huyết điều hòa, không thái quá cũng không để cho bất cập.

Chứng đậu cốt dựa vào khí huyết. Phép chữa cần phải điều bổ. Huyết sinh thì bên trong vững chắc; khí đầy đủ thì bên ngoài thịnh vượng. Dinh huyết được thuận theo với khí để bồi bổ bên trong. Vệ khí được thuận theo với huyết để bảo vệ bên ngoài. Nếu dựa vào câu "Tất cả mụn lở đều thuộc Tam hòa" mà dùng thuốc hàn lương tả Tâm để điều trị thì huyết sẽ ngưng, độc sẽ trể. Tâm là Quân chủ làm sao có thể vận hành được huyết đi khắp thân thể được. Cho nên, khí bị bệnh thì chữa khí, huyết bị bệnh thì chữa huyết, hàn thì dùng phép ôn, nhiệt thì dùng phép thanh, hư thì bổ, thực thì tả, vẫn phải lấy Tỳ Vị làm chủ không được xúc phạm tới nó. Phàm thuốc hàn lương giải độc đều tổn thương vị khí, thuốc tả Tâm hòa dùng phải cẩn thận.

8. Có bệnh thuộc về loại khí huyết đề hư. Khí hư thì tinh thần mệt mỏi đó là khí không đầy đủ. Huyết hư thì mặt trắng bệch, đó là huyết không đầy đủ. Chữa nên bổ khí mà không bổ huyết. Vì khí có thần mà không có hình, bổ cho nó dễ đẩy; huyết có hình

mà không có thần khó thu hiệu quả nhanh. Huống nữa, âm theo dương mà lớn, khí thịnh thì huyết cũng vượng. Và lại, chứng khí hư rất dễ bị phát ra ỉa chảy, mà thuốc bổ huyết tĩn hay nhuận táo, hoạt lợi dùng nhiều sợ gây ỉa chảy, thì bổ huyết chưa được mà khí đã hư lại hư thêm. Nhưng chứng đậu trắng hãm không tươi, bất đắc dĩ phải dùng Quy. Thuộc, cũng như chứng nốt đậu dày mà đỏ bất đắc dĩ phải dùng Hồng hoa, Tử thảo, Sinh địa thì nên sao rượu để ức chế tính nhuận hạ và nhờ sức của rượu để thông đạt tà khí ra biểu, thì trong việc lương huyết còn có cái ý thăng phát đạt biểu không lo hoạt tả. Nếu chữa huyết nhiệt thì không cần phải sao rượu. Gặp người âm huyết hư lắm cũng không không phải cố chấp theo lẽ "âm theo dương mà lớn" rồi chỉ riêng bổ khí thì sợ Vệ khí một mình mạnh lên sẽ tự ý chuyên chế dẫn tới cái hại nốt đậu chỉ có xác không thôi Huống nữa, dương được vốn trở ngại cho huyết và làm khô kiệt thêm vậy.

9. Chứng huyết nhiệt cần phân biệt hư thực. Có chứng huyết hư mà nhiệt thì nên lương nên bổ. Có chứng huyết thịnh mà nhiệt thì nên lương huyết hoạt huyết. Người xưa lại chưa biết hết cả sao? Phàm chứng đậu mới mọc bên trong nóng nhiều, mạch thấy Hồng Sác mà sắc đậu thì trắng, người không biết cho đó là chứng khí hư. Như thế là nhầm! Đó là chứng khí thịnh huyết nhiệt của huyết hư cho nên không làm cho sắc tươi lên được. cùng một thứ tà độc xuất ra ngoài, nhưng khí có thừa mà huyết không đủ, cho nên về hình thì đậu mọc được mà sắc thì trắng vậy.

Nhưng, huyết hư thì nhiệt, cho nên đậu phát đến lúc huyết vào nốt đậu 3-4 ngày đều biến thành tím đen, hoặc thấy nốt ban đen mới biết là huyết nhiệt thì chữa làm sao cho kịp. Cho nên không thể không biết đến điều đó và không thể không đề phòng trước. Vì vậy, chữa đậu trường hợp huyết hư mà lại thuộc chứng huyết nhiệt, cần phải lương huyết kiêm bổ huyết, vì chứng này phần nhiều khi thể nhiệt tuy đã thanh rồi nhưng thiếu huyết để giúp cho đậu mưng mủ mà thành khô hãm vậy. Chỉ có trường hợp huyết thịnh mà lại thuộc chứng huyết nhiệt thì khi lên đậu đã tím rồi, chứng nhiệt đã rõ thì phép chữa chỉ đơn thuần dùng thuốc lương huyết, nhưng trong thuốc lương huyết lại nên thêm thuốc có tác dụng thăng thác.⁽¹⁾ nếu không thì huyết sẽ ngưng mà độc cũn sẽ trệ lại

10. Khí hư kiêm huyết nhiệt, thì huyết nhiệt đậu dễ khô tím, cho nên dùng phép công thác lại càng cần thiết gấp bội. Nhưng 6 ngày trở về trước chỉ có chứng trạng huyết nhiệt, còn có cái thể của hòa tà, phép chữa giống như chữa chứng thực. Đến khi huyết nhiệt đã thanh thì mỗi ngày san chứng hư càng thêm, mà cũng ngày càng chuyển sang thể hàn, ỉa chảy, rét run

Tất nhiên phải đến. Cho nên, lúc đầu chỉ nên thanh thác, đợi khi cái thể của huyết nhiệt lui phần nào thì nghĩ tới chứng khí hư phần ấy. Phàm những vị thuốc động khí, thương Tỳ không nên nhìn vào chứng trước mắt mà dùng bừa bãi. Trường hợp huyết nhiệt sắp thanh, khí hư đã quá nặng. Chỉ nên trong thuốc lương huyết nên gia Nhân sâm để vừa bổ vừa thác, cần phải phối hợp thuốc mà điều trị mới tốt. Nên gấp thì gấp, nên hoãn thì hoãn, nhờ ở sự thông minh khéo léo của thầy thuốc hiểu từ trong tâm mà ứng ra ở tay, sớm quá thì giúp cho nhiệt khí làm hại, hơi chậm thì bổ hư lại không kịp. Thường thấy có những trường hợp đã đến khi rét run, ỉa chảy cũng xuất hiện, lúc đó mới dùng thuốc bổ, thì không có trường hợp nào là không ỉa ra mất, uống vào ỉa ra, ỉa ra lại cho

(1) *Thăng thác*: Thăng đề và thác độc.

uống thuốc, được lực không thể ngừng lại ở trung tiêu, khó có công hiệu ngay được. Đó là cái tội chậm trễ.

Lại có trường hợp huyết nhiệt đã giảm, khí hư chưa nhiều, vinh vệ còn điều hòa, mới chớm có biểu hiện sắc trắng, cái thể của đậu sắp mọc nước, thì thầy thuốc đã vội dùng Sâm, Kỳ bổ mạnh vào đến nổi sinh ra nhiệt kế, trong thì họng đau, khản tiếng; ngoài thì khô đỏ mà tệt. Đó là cái tội bổ sớm quá. Cho nên phàm chữa chứng khí hư kèm huyết nhiệt thì dùng thuốc thanh thác nên kèm thuốc bổ thác. Lúc dùng thuốc cần phải xét kỹ, sự thái quá hay bất cập sẽ là chỗ rẽ của hai đường sống và chết.

Còn như người bệnh khí rất hư, đậu mọc dày, độc nhiều, lúc huyết nhiệt thanh thì khí hư đã nặng. Nếu muốn dùng Sâm, Kỳ mỗi ngày dùng Nhân sâm hàng lạng cũng là thường, nhưng nên kèm dùng thuốc thác lý như Thiên truông, Tạo giác thích, hoặc dùng thêm Khương, Quế để cố vũ thì mới có thể đẩy độc chạy ra ngoài, đậu mới mọc mù tốt được. Nếu không thế, bổ ở trong thì được mà đạt ra ngoài thì chậm. Nếu như đáng dùng nhiều Sâm, Kỳ mà lại nghỉ ngại giảm bớt dùng ít đi thì chính khí không chống được độc tà, sau khi uống thuốc tuy thấy có hiệu quả tạm thui, nhưng sức thuốc kém, tốt không được lâu, chốc lát đậu sẽ lại bằng tệt như trước, chẳng qua kéo dài ngày mà thôi, chứ việc hóa độc không thành công được. Cho nên, nguyên khí hư ít thì Sâm Kỳ tuy ít, chính khí cũng tự có thể vận dụng được lực đi khắp mà lập công. Nếu nguyên khí hư nhiều, không có sức nào giúp đỡ, toàn nhờ vào sức mạnh của Sâm, Kỳ, lại được Khương, Quế cố vũ thì mới cơ thể vận hành mà thu được kết quả, vì vậy mới có câu, nói: "Ít (Sâm Kỳ) thì ủng trệ". Nếu khí hư mà phế hòa vượng thì chỉ dùng Sâm, không dùng Kỳ cũng có thể được.

11. Điều cốt yếu trong việc chữa đậu là chỉ có hai chứng khí hư và huyết nhiệt. Huyết nhiệt thì lương huyết, khí hư thì bổ khí, người ta vốn đã biết. Nào có ai ngờ rằng chứng đậu sơ dĩ sinh ra trước từ âm kinh mà san truyền ra dương phận, vì vậy chứng huyết nhiệt, lúc mới phát tuy nên lương huyết, nhưng lại dùng ngay thuốc hàn lương uống thì đậu sẽ bằng phục ở Thận mà khó xuất ra vậy. Cho nên, trước phải nên dùng thanh lương, thăng đế, phát tán làm cho độc xuất khỏi âm kinh ra dương phận, rồi sau đó mới dùng thuốc lương huyết thanh nhiệt để chữa. còn như chứng khí hư đã xuất hiện, tuy nên bổ khí cũng phải chờ lúc độc sắp giải mà bổ chính khí để khống chế, tuy có biến đổi ra sắc trắng chút ít cũng chớ vội dng, vì sắc trắng là độc chưa giải vậy. Nếu cho thuốc bổ ngay thì, được bổ độc sẽ mạnh thêm, lại giúp cho cái thể khô táo trở ngại cho việc làm mù. Dợi khi khí sắc hơi vàng thì dùng đại tể Sâm Kỳ mới có hiệu quả tốt.

Chỉ có chứng khí kém mà đậu không mọc ra được thì nên bổ khí nhẹ, khí di hòa thì đậu dễ mọc, tức là trong thuốc bổ khí kèm dùng thuốc thác biểu. Bởi vì đó là khí kém không đủ sức đưa độc ra thì chỉ là do khí yếu không có đủ sức đẩy, chớ không phải vì độc mạnh quá mà không chịu xuất ra vậy. Cho nên chỉ cần giúp thêm cho nó một ít, thì nó như mầm lúa bị hạn hán lâu ngày gặp mưa rào thì tự nảy nở lớn lên vậy.

Nếu do Thận thủy kém, Phế kim ráo không mưng mù được thì càng nên dưỡng huyết điều vinh trước, vì động hóa được là nhờ vào mù, mù thanh được là nhờ vào huyết, huyết không thể thịnh trong dây lát. Nếu không xét khí hư hay huyết hư mà chỉ dùng Sâm Kỳ thì đã khô ráo lại thêm khô ráo. Phải đợi đến khi huyết đã được đầy đủ, tức là

sau khi đậu đã cương rồi, mù và nước đang thời kỳ chuyển tiếp thì khi đó loại thuốc Sâm Kỳ bổ thác lại cần cho uống tiếp tục dùng để gián đoạn. Nội kinh nói: "Vừa mới thịnh lên tất phải hủy bỏ cái nguyên nhân gây ra suy đi" đó là việc rất tốt.

Chỉ khi nào thấy mạch vô lực và đậu mọc nhiều mà khí huyết đều kém thì cần phải cho thuốc ôn bổ mới có sức phát sốt và làm mù. Nếu đợi đến lúc rất hư yếu đã biến sinh các chứng rồi mới bổ thì sẽ không kịp nữa. Họ Trình nói: đậu từ lục phủ xuất ra, trước ở dương phận sau mới qui về âm kinh, gốc của nó thuộc dương. Cho nên phần nhiều phát sốt mà âm huyết mà hư hao trước sau đều nên bổ huyết từ âm làm chủ, không được mấy may làm động khí, tốt nhất là chữa từ từ. Vì vậy, Bạch truật, Ban hạ là những thuốc mạnh róa Thảng mà là thuốc thảng đề đều không thể dùng một cách khinh suất. Và lại, mụn đậu phần nhiều có huyết nhiệt, nên dùng Tứ vật gia vị Cầm, Liên để dưỡng âm và lui dương vậy.

12. Bổ hư nên phân biệt âm dương. Vì trong chứng đậu đều có thuốc khí, thuốc huyết khác nhau. Nhưng, sinh ra đậu trọng yếu là phần âm, vì sao? - Vì đậu theo hình hoa mà gốc ở tinh huyết. Phàm đậu từ nổi mụn, mọng nước, mưng mủ, đóng vảy đều là nhờ tinh huyết cả. Tuy nói khí làm tướng soái mà thực ra huyết làm chủ. Đậu vốn là dương tà, dương thịnh thì làm tướng soái mà thực ra huyết làm chủ. Đậu vốn là dương tà, dương thịnh thì làm thương tổn đến âm. Vì vậy, chữa đậu cần phải chú ý đến phần âm, nên dùng thuốc tư nhuận, không nên dùng thuốc cương táo, vì thế nói: "Bổ tỳ không bằng bổ thận" dưỡng âm là để giúp cho dương. Đó là phép bí truyền vậy. Nhưng khí huyết vốn có tương quan chặt chẽ với nhau, không thể tách rời. Như loại Sâm, Kỳ Bạch truật tuy nói thuốc về phần khí, nhưng nếu dùng theo huyết được thì lo gì không bổ huyết. Các loại Quí, Khung, Địa hoàng tuy nói thuốc của phần huyết, nhưng nếu dùng theo khí được thì lo gì không bổ khí.

Cho nên, phàm thấy chứng khí hư thì dùng bài Bảo nguyên thang làm chủ, dùng thêm Quí, Địa làm tá. Huyết hư dùng bài Tứ vật thang làm chủ, dùng thêm Sâm, Kỳ làm tá. Vì khí huyết vốn không lìa nhau, chỉ tùy theo phủ, phụ, khinh trọng, tùy theo sự cần thiết mà dùng cho đúng, nếu không, sự sáng suốt và vụng về sẽ khác nhau xa.

VI- VỀ BIỂU LÝ

Hiện chứng hư thực và cách chữa, gồm 13 điều

1. Điều cốt yếu trong việc xem đậu, chỉ có hai chữ "Hư và Thực". Có khi lấy béo gầy để phân biệt hư thực, lấy mạch mạnh yếu để phân biệt hư thực, lấy huyết nhiều ít để phân biệt hư thực.

Lại như các chứng đau là thuộc thực, nhưng các chứng mụn lở mà đau là tà khí thực, nên hoại huyết để khai uất. Các chứng ngứa là hư, nhưng lở ngứa (sang dương) là chính khí hư, nên bổ khí để ráo thấp. Vì thực là tà khí thực, tà khí thực nên thanh, nên tả. Hư là huyết khí hư, huyết khí hư nên ôn, nên bổ. Và lại, đậu vốn là do thai độc, nếu không nhờ vào nguyên khí thì không đạt, không thu được, cho nên muốn giải độc thanh hỏa cũng phải dựa vào nguyên khí. Nếu làm cho nguyên khí mất năng lực thì không thanh

được mà cũng không giải được. Nếu không có đủ sức chống đỡ thì chịu đựng sao nổi sự thanh giải. Do đó, chứng đậu trước sau đều phải chăm chú lấy nguyên khí làm chủ.

2. Trong chứng đậu, nếu biểu thực lý hư thì mọc dễ mà thu áp khó; biểu hư lý thực thì khó mọc nhưng lại dễ thu áp. Nếu khí ở cả biểu và lý đều thực thì đậu dễ mọc mà cũng dễ thu áp. Cho nên từ bắt đầu đậu mọc đến sau 10 ngày, ngoài thì mình sốt cao, trong thì ăn uống, ỉa đại như thường. Đó là biểu lý để thực, mụn đậu tất sáng sủa, đầy đặn, dễ mọc. Dễ thu áp.

Phân chứng đậu đều có hư thực ở biểu và ở lý. hư thì hàn, thực thì nhiệt. Hàn là âm chứng, nhiệt là dương chứng. Hàn thì khí ngưng huyết trệ mà không tươi bóng, nhiệt thì khí huyết khô cạn mà không thu liễm. Nhưng chứng nhiệt phần nhiều thực, rất kỵ Kỳ, Truật, Quế, Phục cùng các thứ nóng ráo. Nếu nguyên khí hư nhược mà có nhiệt chứng thì không thể cho tất cả là thực nhiệt. Hàn chứng phần nhiều hư rất kỵ Cầm, Liên, Tri, Bá cùng các thứ đáng lạnh khác. Tuy hình thể cường thịnh, nhưng thấy mạch hư, chứng hư thì không thể cho tất cả là chứng hữu dư được.

3. *Biểu hư* thì chứng thể hiện là sợ lạnh, tinh thần khiếp nhược, hoặc mình không sốt cao, hoặc nóng rét qua lại, chân tay quyết lạnh, hoặc mình rét có tình trạng như băng giá, hoặc mặt xanh mét, ra mồ hôi nhiều, sợ gió, hoặc mỗi mội thích nằm, hoặc sắc đậu trắng mà tro, đầu nốt đậu lõm không căng phồng, đậu mọc không thông suốt, hoặc đảo hăm, màu sắc khô không tươi nhuận, hoặc sắc non, da móng tet xuống hoặc như bong nước, sờ vào không vướng tay, hoặc chân nốt đậu không hồng, hoặc tet không làm vấy được, mạch Phù Tế mà Nhược.

4. *Biểu thực* thì mình nóng dữ, không có mồ hôi, hoặc hăm hấp sốt cơn không nhất định, mặt đỏ, môi tím, đầu nhức, mình đau mắt đỏ, mũi tắc, da khô đỏ, tay chân rất nóng, sắc đậu đỏ tía, sưng đầu nhức, đầu mặt sưng đỏ, tim đen khô trệ, da dày mà cứng, nổi nhọt ban dinh rất đau, mạch Phù, Hồng, Hoạt, Đại.

5. *Lý hư* thì trong khoảng thời gian giữa kỳ đậu đã mọc và chỗ đậu chưa mọc, xuất hiện những chứng như thổ tả, bợn dạ, hoặc ưa ăn uống nóng, bụng đau, rét run, nghiêng răng, ăn ít, hoặc không muốn ăn uống, hoặc muốn uống mà không uống, hoặc ăn vào không tiêu, nước đại trong, ỉa lỏng hoặc ỉa chảy ra thức ăn không tiêu, không khát, thở xốc, tiếng nói nhỏ, tinh thần hôn mê, ngủ nhiều, mình mát, tay chân và hơi thở ở miệng đều lạnh, môi trắng nhợt, nước mũi trong, bụng trương to, ợ chua, da xanh nhợt màu gio, rút run, mạch Trầm, Tế mà Trì.

6. *Lý thực* thì chứng thấy sắc mụn đậu khô tím, thích chỗ mát lạnh, sốt nóng hừng hực, tay chân nhỏ hơn lửa, ỉa đại bí kết hoặc không thông, ngực vùng chèn dưng trướng đầy, môi khô, họng khô đau, mũi khô miệng lở, lưỡi đen khát nhiệt, ho có đờm dãi, thở to vật vã co giật, phát cuồng, tiếng nói to, nói nhảm, nóng ở trong, tự ra mồ hôi, chảy máu mũi, đại ra máu, mạch Trầm, Sác, Hồng, Hoạt.

7. Nếu hình thể gầy yếu, vốn có nhiều bệnh, ăn uống kém, sáu bộ mạch đều Vị Nhược, ỉa ỉa luôn luôn, sắc mụn đậu nhợt non bệu. Đó là chính khí ở biểu lý đều hư, chữa phải ôn bổ.

8. Nếu thể đậu rất mạnh, sưng đau nóng dữ không lui, phiền khát, ngủ mê man, bí ỉa bí đại Đó là tà khí thịnh ở cả biểu và lý, chữa nên lương tả.

9. Nếu đậu mọc dày đặc, đỏ tươi mà nôn mửa, không ăn được. Đó là biểu thực lý hư, chữa nên gia thêm thuốc giải độc vào trong thuốc bổ độc.

10. Nếu sắc da trắng nhợt, đậu mọc không thoát, đại ỉa bí kết, khát uống nhiều. Đó là lý thực biểu hư, chữa nên trong thuốc giải lợi thêm thuốc thăng thác.

11. Phàm các chứng hàn nhiệt hư thực, tuy có chia ra biểu lý như thế, nhưng hàn nhiệt, hư thực của biểu đều do khí trung tiêu để làm chủ. Cho nên chỉ khéo chữa vào trung khí thì chưa có khi nào phân biểu lại không điều hòa. Đó là lẽ chữa bệnh theo gốc. Phàm chứng biểu hư thì chữa nên ôn bổ phần dương; biểu hàn thì chữa nên bổ dương, ôn biểu; lý hư chữa nên ôn phần âm; lý hàn chữa nên ôn trung bổ dương; biểu thực chữa nên thanh giải biểu tà, rất kỵ Hoàng kỳ là thuốc làm ỉn tấu lý; biểu nhiệt chữa nên tán tà giải độc; lý thực chưa nên thanh giải lý tà; lý nhiệt chữa nên thanh nhiệt giải độc; lý nhiệt tất dẫn đến âm huyết ráo chữa nên hoạt huyết, lương huyết, rất kỵ Sâm, Truật trợ Tỳ bổ khí.

12. Chứng biểu lý hư hàn, phải gấp ôn Tỳ Vị, bổ khí huyết nên dùng loại Sâm, Kỳ, Tứ vậy, Mộc hương, Nhục quế để giúp cho việc mừng mù thu áp. Nhưng biểu hư lấy bổ khí làm chủ, bổ huyết làm thứ, vì huyết đưa độc ra ngoài tất phải nhờ vào khí để dắt dẫn. Nếu không nhờ khí để chế huyết đưa độc ra ngoài tất phải nhờ vào khí để dắt dẫn. Nếu không nhờ khí để chế huyết thì huyết sẽ chạy tràn không dẫn được độc ra, cái nguy hại hạ hãm công phá bên trong tất sẽ đến. Lý hư thì trong thuốc bổ huyết kèm thêm thuốc bổ khí, nếu bổ được khí thì

Tỳ Vị sẽ mạnh, vệ khí thống suốt, tự nhiên không còn phải lo sau khi đậu mọc bị hãm phục. Khi đã bổ được cho huyết, thì khí huyết lưu thông tống độc hết ra ngoài không bị ngưng trệ, về sau tất không có cái nguy hại ngứa tẹt. Nhưng trong bổ huyết nên kèm hoạt huyết thì huyết mới không bị ứ đọng. Vì muốn huyết lưu thông tất phải nhờ vào khí để chuyển vận.

13. Chứng biểu lý thực nhiệt cần phải gấp lương huyết giải độc, nên dùng Hóa độc thang như các loại Hồng hoa, Tử thảo, Sinh địa, Hoàng Liên, Kinh giới. Nhưng biểu nhiệt thì nên thanh lương giải biểu mà phân lợi là phụ. Lý nhiệt thì nặng về giải độc mà kèm thanh lương. Nếu trong thời gian 2-3 ngày đầu nhiệt độc nặng thì hạ nhẹ cũng được. Vì lương huyết thì không bị đỏ tím, giải độc thì không bị đen hãm. Biểu hư không bổ thì thành ra róc tuột ngoài da. Lý hư không bổ thì thành phá hoại bên trong. Biểu thực mà bổ quá sẽ không thu áp. Lý thực mà bổ quá thì thành nhọt độc. Nhưng có trường hợp giống như hư mà lại thực, hoặc giống như thực mà lại hư. Nhưng chứng đậu không chịu mọc, sắc không đỏ tươi, vốn giống dấu hiệu cả hư, nếu ráo khát nóng ở trong, đại ỉa đều khó, đó lại phải chữa theo thực. Vì chứng đậu biến thiên không nhất định, mỗi khi sắc biến đổi thì phải biến thông, không thể cố chấp phiến diện được.

Trương Dục bàn về thổ tả ăn út là lý hư; hãm phục lõm xuống, sắc trắng màu trò là biểu hư. Cả hai đều xuất hiện là biểu lý đề hư, dùng Di công tán để cứu, thậm chí Quế, Phụ, Linh, Sa cng có thể dùng. Nếu ăn được, đại tiện bí mà hãm phục tẹt xuống là lý thực, nhẹ thì dùng bài Xạ can thử niêm tử thang (41), nặng thì dùng bài Tiên hồ chỉ xác thang (30). Ỉa ra huyết nhiều, ăn được là lý thực, nếu thực ở lý tất sinh nhọt độc đỏ tươi, đầu nhọn cao là biểu thực, nếu lại bổ cho biểu thì sẽ vỡ loét không lành vậy.

V- CÁCH XỬ TRÍ CÁC BIẾN CHỨNG

Gồm 7 điều

1. Chứng đậu do biến chứng mà sắc mụn đậu khô tím, đột nhiên sưng thở gấp, dùng vỏ bưởi nghiền nhỏ hòa với mật cho vào Cam thảo hoàng thang ống một lần. Đậu đột nhiên có nốt nhâm thì mai sừng Tè cho uống (Vỏ bưởi phải sấy khô, khi dùng lấy chỗ vỏ gần cuống quả, tán nhỏ).

2. Đậu biến chứng sắc trắng màu tro, ngứa dữ khó chịu, dùng Phụ tử củ tử, Hoàng kỳ để chữa. Nếu chân nốt đậu đỏ và nhóm tròn thì sống.

3. Đậu lúc mừng mủ gặp thì hành kinh mà sinh biến chứng thì dùng Hồng hoa (cả cánh và lá) sắc lên chế thêm rượu vào uống, ngoài dùng cánh và rễ sắc lên lấy nước rửa tắm.

4. Đậu do tiếp xúc phải mùi Xa hương phát ngứa lở, đầu mụn khô đen thì bên ngoài dùng Thang ma, Kế đầu ngựa sắc lấy nước mà rửa; trong cho uống thuốc thác lý phù nguyên như loại Sinh địa, Phòng phong, Thiên thoái, Dương quy, Bạch thược, Nhân sâm, Hoàng kỳ, đậu đỏ, Hồng hoa, Trần bì, Cam thảo.

5. Chứng đậu do tiếp xúc phải hơi lạnh người chết, sinh biến chứng mất xéch, miệng méo, mửa ra nước dãi, cần kịp thời dùng hột ngô ri, Đại táo, lá thuốc cứu, lấy giấy cuộn thành ống đốt xông khói; lại lấy hột ngô ri, gừng, với rượu và nghiền thêm Thần sa vào sắc uống.

6. Do chạm vĩa mà sợ khốc thét không thôi, sắc mặt tái xanh, phải dùng gấp quả bưởi non còn dính hóa, sấy khô sắc uống.

*"Lúc này xin chớ coi thường mụn,
Tắc bưởi xem ra đáng tất vàng".*

7. Đậu, năm sáu ngày là lúc đang mừng mủ, gặp phải hơi mèo, chó, và các trùng thú khác mà phát kinh, dùng Ô long tán, Viễn chí, Xương bồ liều lượng bằng nhau, thêm Thiên thoái, tất cả cho vào rượu sắc kỹ, bỏ Xương bồ Viễn chí, lấy Thiên thoái tán nhỏ hòa với đường cát cho uống.

VI- CÁCH CHỮA CÁC CHỨNG ĐÃ MẮC TRƯỚC KHI LÊN ĐẬU

Gồm 18 điều

1. Trước khi lên đậu bị cảm mạo phong tả, mình nóng như đốt đầu đau tự đổ mồ hôi, ho mãi không thôi, lại vừa lúc đậu mọc. Đó là nguyên khí bị xao động, phải kịp thời sơ phong giải độc, bổ huyết tư âm, điều hòa nguyên khí và củng cố phần biểu. Cách gọi đó là "*Viên hầu khiên thóa*".

2. Ăn uống không chừng mực, Tỳ Vị hư sinh ỉa chảy, hình thể gầy ốm mà lên đậu thì Tỳ hư tân dịch bị hao tổn, phép chữa nên ôn dưỡng tỳ nguyên, bổ ích trung khí. Đó là "*Qan âm Phát tóa*".

3. Trước khi lên đậu, vốn đã bị sốt rét liên miên, cơ thịt theo gầy lại lên đậu, thì Thường sơn, Thao quả dứt khoát không được dùng, chỉ nên dùng Sâm Linh, Bạch truật để giúp cho chính khí. Đó là "*Mã trì kiểm đạo*".

4. Trẻ vốn gầy da dẻ thường nóng, khát, ho, lên Sởi rồi tiếp theo đó lên đậu. Tuy sách nói: "Trước lên Đậu sau lên Sởi là nghịch, trước lên Sởi sau lên Đậu là thuận", nhưng vì vốn hư không thể dễ dàng cho là tốt được, cần phải gấp rút bổ âm, thanh Phế, dưỡng Vị, phù Tỳ, như vị Hoàng kỳ bổ Phế thì nhất thiết nên kiêng. Đó gọi là "*Nhất vị hàng hải*".

5. Bệnh ni vốn bị cam tích gây yếu, lại bị lên đậu thì chỉ chữa đau là chủ yếu, các loại Bình lang, Hậu phác, Xuyên liên đều cấm dùng. Đó là "*Tam tiên nhập động*".

6. Do bị phong mà sốt cao, nổi đơn ban lựu khắp người đã khỏi lại bị lên đậu thì dùng loại Tê giác, Sinh địa, Đơn bì để thanh Tâm Can. Đó gọi là "*Đào quải ngân bình*".

7. Trẻ em bị cơn kinh nặng, mình nóng miệng ráo, nói nhảm mới khỏi, lại bị lên đậu. Trường hợp này khác với trường hợp tâm thương là trước lên kinh sau lên đậu. Vì nhân đậu mà lên kinh là đậu từ Tâm kinh, chẳng qua chỉ nhẹ nhẹ mà thôi. Đây là chứng lên kinh nặng. Chỉ nên chữa đậu làm chủ, phàm các thứ trấn Tâm lương tạng đều không thể dùng. Đó gọi là "*Sương khiếu ấn tích*".

8. Trước bị chứng mình nóng, tự ra mồ hôi, hoặc khạc ra máu, chảy máu mũi, đái ra máu mới khỏi được vài ngày thì bị lên đậu, đó là do tâm thần suy yếu nên huyết chạy căn, chứa nên thanh Tâm, ức chế hòa không dùng được bữa bãi thuốc hàn lương. Đó gọi là "*Ngẫu tri thẩm thủy*".

9. Phát sốt cao, bụng trướng, mất sung, nằm ngủ không yên chưa được mấy ngày mà đậu lại mọc, chữa nên bỏ tỳ lý khí. Đó gọi là "*Trạch cổ âm minh*".

10. Sợ nóng, tự ra mồ hôi không chỉ, mất mồ, ngáp luôn, kêu rên vừa mới khỏi, lại bị lên đậu, chữa nên liêm mồ hôi, dùng Hoàng kỳ tẩm sữa người sao sắc uống liên tục, lại dùng thêm bài Điều vinh ích vệ. Đó gọi là "*Xích trạch tái liên*".

11. Do té ngã bị tổn thương, rồi bị lên đậu, chữa nên bổ huyết, hoạt huyết, kiêm phù trợ Tỳ mới tốt. Đó gọi là "*Nham đầu tẩu mã*".

12. Vốn bị tích khối, sốt cơn, da vàng, mình gầy, lại lên đậu thì không nên chữa tích khối, chỉ nên bổ nguyên khí, phù trợ Tỳ Vị. Đó gọi là "*Trục lộc vong dương*".

13. Trẻ bẩm thụ thai độc dương mai, vốn đã có sốt rét bất thường lại bị lên đậu chữa nên dùng Thăng ma, dùng dùng Liên kiều bại độc. Đó gọi là "*Thôi xa ??? tuyết*".

14. Trẻ phát cáo, nôn mửa không ăn uống được lại bị lên đậu, chữa nên yên vị kiêm thăng biểu. Đó gọi là "*Sương trục ngô đồng*".

15. Vì ăn uống không điều độ làm tổn thương Tỳ Vị, phát sốt sợ lạnh rồi lên đậu, chỉ nên cho tiêu ở trong và bổ Vị đồng thời thăng tán ở biểu, vì đó là tà từ Dương minh đến gọi là "*Qyen long hành vũ*".

16. Do thấp nhiệt mà bị kiệt lý trắng đỏ chưa khỏi lại bị lên đậu, chữa nên trừ thấp kiếm bồi thổ (Bổ Tỳ Vị), hòa khí huyết gọi là "*Thủ thiên khắp lộ*".

17. Bị thương do đâm chém, phát nóng rét qua lại, rồi lên đậu, chữa nên hoạt huyết, khai ứ, thăng biểu gọi là "*Đổng lân xuất cốc*".

18. Vốn vị chứng Kinh quyết hoặc Phong giản chưa lâu, mà lại lên đậu, chỉ nên chữa đậu là chủ yếu gọi là "Lãng lý ngư châu"

Tất cả 18 trường hợp có bệnh trước khi lên đậu, đều chú ý bồi bổ làm chủ yếu. Nếu sau khi bị đậu mà bị mắc vào 18 điều nói trên, thì phải lấy bổ nguyên khí làm chủ yếu.

VII- CÁCH CHỮA CÁC CHỨNG KHÁC LÚC LÊN ĐẬU

Gồm 39 điều

1. Đậu mọc khắp mình đều tốt, duy chỉ ở đầu gáy có một mảng đỏ, gọi là "Đơn vân nhiều đỉnh" đó là nhiệt độc tụ ở Bàng quang, nên thanh lợi đi.

2. Ở khoảng đầu gối bánh chè là nơi tùy hội, thuộc về Thận, nếu sắc đậu hồng tươi, mụn nước đầy đủ là tốt. Nếu sắc khô tím thì đề phòng phát đỉnh gọi là "Nhiều tất đậu".

3. Khí huyết hội ở chỗ lòng bàn chân, chỗ huyết Dũng truyền, nếu ở đó có đậu mọc là thể đậu mọc đã khắp và tốt. Có thuyết nói: ở đó (huyết Dũng truyền) đỏ trước, mừng mù trước là không phải dấu hiệu tốt, cần phải bảo vệ nguyên khí gấp gọi là "Độc nguyên chí lan".

4. Lúc đầu đậu hồng nhuận, bỗng nhiên biến ra hãm phục không mọc nữa, sắp dẫn đến chứng lý hư, đó gọi là chứng Dược hoãn đậu, chữa nên gấp rút phù trợ biểu lý.

5. Do khí huyết hư hàn, đậu không phát ra một cách sáng nhuận được, gọi là "Lợi hòa mạn đỉnh" nên kịp dùng Bảo nguyên thang (63) gia thiên hùng còn có thể còn có thể cử được.

6. Đậu mọc khắp mình sáng nhuận, đều khắp, duy trỉ ở trán có một mảng bong huyết như mây, gọi là "Vân yểm thiên đỉnh", còn gọi là "Phúc phủ", là "Mông đầu" đó là nóng đốt mạnh ở Tâm, nên dùng loại Tế giác chữa gấp, nếu đều chậm sẽ sinh biến chứng.

7. Bệnh đậu nhiệt phát sốt, học đau, vật vã, phát cuồng, gọi là "Từ bình phổ nghịch" phải gấp thanh lợi giải độc làm chủ.

8. Đậu mọc ở vùng cổ mụn to mà nhiều, gọi là "Trư cánh đậu" phải gấp cho uống lại Huyền sâm, Cát cánh, Sinh địa, Cam thảo, Ngư bàng, Sơn đậu căn, nếu chậm thì đậu không mọc được.

9. Bệnh đậm do Tâm huyết thiếu, lại kiêm thấy bụng trướng đầy, họng khô, gọi là "Khô phốc ấn đường", chữa nên bổ khí huyết kiêm thác lý, dùng bài Bảo nguyên thang (63) gia Hồng hoa, Khung, Quế. Nếu mọc đến mũi thì gọi trung lưu chỉ trụ, lại gọi là Độc trệ Nghinh hương, thuộc về Phế.

10. Đậu như tấm the hồng phát trước mặt, gọi là "Hồng sa phát diện" chữa nên lương huyết giải độc làm chủ. Nếu đậu mọc nhiều mà da thịt đỏ là không được chữa.

11. Đậu như hoa dương liễu rắc vào mặt, gọi là "Dương hoa phốc diện" chữa nên dùng nội thác tán (16) gia Thiên hùng làm chủ.

12. Đậu mọc thành chuỗi đỏ quanh môi, gọi là "Xích châu nhiều thần" đó là Tỳ kinh cực nhiệt, nên kịp thời thanh hòa giải độc.

13. Đậu mới mọc, từ ngực trở lên và từ rốn trở xuống đều thấy nổi mụn mà khoảng giữa bụng không thấy mụn nào gọi là "Xuân thủy đoạn kiều". Đó là khí bế tắc, khí huyết lìa nhau không giao hội, cho nên dương ở trên mà đậu mọc ở phần trên nhiều; âm trệ ở dưới mà đùi về mọc nhiều, ngực bụng rất ít. Nếu thấy đậu mọc sắc hồng tươi, chân tròn, thì phải kịp thời đại bổ khí huyết, trong 7 ngày đầu phải cứu gấp là tốt, để chậm thì khó cứu được. Trường hợp chính khí sung túc thì không lo, không được như thế thì nguy. Há có thể thấy đậu mọc ở vùng ngực sườn ít mà coi thường được đâu.

14. Đậu mọc, suốt này bệnh nhi âm thầm không nói, không nghĩ đến ăn uống hoặc phát ban, tay chân kéo rút, sáng sớm thì thấy đậu lộ ra, về chiều lại lặn mất, đó là ôn đậu cần phải chữa gấp.

15. Đậu mọc giống như lá liễu rũ trên ngực, gọi là "Liễu nhự phi hung" đó là huyết khô, khí nhược, nên dùng Bảo nguyên thang gia Khung, Quí, Quế, Phụ làm chủ.

16. Đậu mọc khắp mình, sắc hồng tươi sáng tròn đầy, nhưng ở vùng lưng thì đỏ thẫm mà dày đặc, gọi là "Đào hoa ánh bối" chữa nên thanh hòa lương Tâm giải độc.

17. Ở mặt và các chỗ khác đậu mọc thưa thớt, chỉ hai bên sống mũi dày kín, gọi là "Bảo ty chứng" đó là độc tụ ở Tỳ Vị, chứng ấy là nguy, nếu hình sắc không trái ngược, các chỗ khác đều thuận, chữa cần thận cũng không việc gì.

18. Đậu mọc, nếu hai bên tóc mai màu tím đỏ gọi là "Hoa diên tà đôi" thì phải thanh nhiệt hóa độc làm chủ.

19. Lúc đậu mới cương trên nốt đậu có một lỗ nhỏ không đen không trắng, gọi là "chú đậu" (chú là con mọt), đó là biểu lý hư mà tấu lý không kín đáo, để tiết nguyên khí ra ngoài mạnh, nên kịp thời dùng Bảo nguyên thang (63) gia Đinh (hương), Quế (nhục) mà uống thì lỗ tự kín mà đậu tự mọc vậy. Nếu có một số lỗ sắc rất đen thì đó là Đinh đậu.

20. Đậu mọc, dạ dày rất nóng, đại tiện bí, tiểu tiện nhỏ giọt, gọi là "Xích lan xuyên phúc" chữa nên hòa giải làm chủ.

21. Đậu không mọc, trong mụn chỉ toàn máu đặc, gọi là chứng phục âm, phải kịp thời ôn lý.

22. Sắc đậu như hoa lan là khí huyết đều hư, nên đại bổ gấp, nhưng nếu da mỏng quá gọi là "Thủy tinh đậu" thì chữa cũng vô ích.

23. Đậu mọc mụn không cao, mà giữa mụn cũng lõm, và xung quanh mụn có nếp nhăn như hoa Thù du lên cũng có tên. "Thù du đậu". Nếu chân mụn đậu hồng tươi thì dùng bài Nội thác tán (16) gia giảm mà uống.

24. Đậu mọc khắp mình đều tốt, duy chỉ ở chỗ móng út có một mảng như vỏ trấu, gọi là "Lan mệ cư đồn" nên kịp thời bổ thác chân nguyên may ra có thể cứu sống được.

25. Đậu mọc ở các chỗ đều tốt, duy chỉ ở tay chân thì đỏ, môi miệng lở loét, đó là ba kinh Tam Tỳ Phế nhiệt, gọi là "Lựu hoa tán Đà" chữa nên lương huyết thanh hòa, giải độc làm chủ.

26. Đậu mọc ở tay chân trắng màu tro, gọi là "Dương hoa trụ chi" đó là khí ngưng huyết trệ, nên dùng bài Bát trản thang (126) gia Phụ tử làm chủ.

27. Đậu mọc hai má đỏ tím và chỉ ở đó nhiều hơn gọi là "Quất xác kiềm" là "Kiêu

tụ lương di" là "Yên chi phốc diện" là do Can, Phế rất nhiệt, nên kịp thời thanh nhiệt giải độc.

28. Đậu mọc như bèo cái đỏ, hơi nhô cao lên vừa, nếu gãi vỡ thì có máu gọi là "Xích bình sang" nên kịp thời dùng thuốc giải độc thăng phát để cứu, nếu đậu vỡ loét thì không ngại.

29. Đậu mọc khắp mình đều hăm, chỉ riêng ở vùng xương cụt có một chuỗi bông nước như hạt châu, gọi là "Thảo vĩ châu" chứng này nếu chữa gấp dùng thuốc bổ thác thúc mủ hoặc còn có thể cứu được.

30. Sau khi báo hiệu đậu mọc khắp toàn thân, riêng ở đầu và mặt hoàn toàn không có một mụn nào, gọi là "Quý đậu" thì trong vòng năm ngày còn có thể cứu chữa, ngoài năm này thì khó cứu. Đó là khí huyết không lưu thông, không đưa được lên trên, nên dùng Xuyên khung, Thăng ma, Cam thảo, Cát cánh, Phòng phong, Đương qui, Khương tằm. Nếu không chữa gấp thì chỗ huyết Khúc tri sẽ sinh mụn vỡ một tháng rồi xương mà chết.

31. Nói "Hỏa cấm sáng" là nhân khí mới phát, mình phát nóng rét, đó là hỏa của ôn nhiệt thái quá làm cho da dẻ khô ráo, lại thêm khí hư không thúc đẩy ra được độc ngưng trệ ở trong da thịt không phát tiết. Xem kỹ thấy trong da có điểm đen không đầu không chân nhưng có hình có sắc, chỉ ở tay chân hoặc vùng mặt có rải rác một vài điểm thì các mụn đều theo đó mà phát tiết ra gây nên nguy hại, còn đậu lở mủ ấy cuối cùng vẫn không mọc được thoát. Chữa nên bên ngoài dùng Thủy dương, Kinh giới, sắc lấy nước rửa; bên trong dùng loại Thăng mà Hòa giải tán làm chủ thì đậu tự mọc.

32. Nói "Thủy cấm" là nhân khí mới phát sốt, độc khí mới nung đốt, ăn nhấm thức sống lạnh, độc ẩn nấu ở khoảng da thịt, lở mủ da thấy có điểm nhỏ, hoặc ở hai bên hông, đầu mặt, chân tay có nổi bông nước là đúng. Nhưng có lạnh khí ở trong, tất có đau bụng, trướng bụng, ngoài tất phát sốt sợ lạnh. Chữa nên dùng các loại Đinh hương, Nhục quế, Bạch linh, Thăng ma, Đại phúc bì để trừ đi.

33. Nói "Phong cấm" là nhân lúc mới phát sốt, vì không tránh gió, đó là cơ biểu bị vít kín đậu không mọc được, da thịt tê dại không biết đau ngứa, hoặc da khô, da ngứa muốn gãi nhiều, nặng thì phát cuồng táo nổi nhám, đó là Phong và Hòa cùng cố kết với nhau chữa nên dùng loại Cát căn, Khương hoạt, Thiết thoái để trừ đi,

34. Nói "Hàn cấm" là nhân lúc mới phát sốt, nhấm tắm nước lạnh, hoặc nằm ngủ chỗ lạnh, hoặc chân áo mỏng manh cảm phát khí lạnh, đó là do hàn khí ngưng trệ ở cơ biểu làm cho đậu không mọc ra được. Chân tay tê dại không biết đau ngứa, hoặc mình mẩy, chân tay lạnh đau không cử động được. Những chỗ bị tê lạnh đậu không mọc, chỉ những nơi khúc khuỷu không bị gió, hoặc ở đầu mặt từ chỗ chân tóc trở lên mọc như nốt sởi, như vậy là đúng, bên trong dùng Quế chi, Xuyên khung, Khương hoạt để trừ độc tà ra, bên ngoài mặc áo cho ấm.

35. Đậu mới mọc mụn to bằng hột dẻ xanh màu đỏ, quá một ngày thì như hột đậu vàng, càng ngày càng to. Nốt mọc trước thì nung được, về sau biến ra chân trắng, nốt đậu và đầu không có sắc máu, hoặc màu vàng, hình thì như có mưng mủ nhưng ấn vào thì bên trong trống rỗng, nên kịp thời lễ cho nó vỡ ra, nếu không thì khoảng 4 - 5 ngày sẽ bị thổ huyết mà chết.

Lại có trường hợp nốt đậu đỏ thắm, hoặc đỏ tươi, ấn sâu không thấy vương dấu ngón tay, loại này cũng là do đoạt khí huyết của toàn thân mà dồn vào đó, cho nên dễ mọc, dễ mưng mủ, gọi là "Tắc đậu", nhưng so với lợi Đậu độc thì to nhanh hơn. Nếu quá 3 ngày thì sẽ biến thành bông nước, hoặc bông tím, bông đen. Nếu hình to mà đen, sờ vào chắc cứng, hoặc như vòng cứng gọi là Đậu đình, nên kịp thời dùng kim bạc lẻ cho vỡ miệng, ngâm nước lọc rồi hút cho máu xấu ra, lại dùng Tử thảo cao hoặc dầu yên chi (son đỏ) gia than tóe đốt, trần châu nghiền nhỏ rịt vào miệng nhọt thì đậu tự nhiên mọc hết.

36. Chứng đậu này phần nhiều về nhiệt độc hãm, lại thuộc chân thủy suy hao (Thiên quý đoạt quyền), gọi là "Hắc đậu" vốn là chứng ác. Nhưng hình trạng đa đoan, có loại huyết hoạt mà còn có thể cứu, có loại sức khác thường mà sau lại tốt (chủ quý) nên phân biệt rõ. Chỉ có trường hợp huyết không hoạt thì khôn chữa được.

37. Mùa hè lên đậu thường hay sinh trùng, vì nhiệt mạnh thì thịt vừa mà sinh trùng. Mụn đậu rất ngứa. Nhưng cũng không chỉ mùa hè độc lưu lại ở da thịt vừa nát hóa thành độc, độc ấy cũng có thể (nhờ đó mà) xuất ra ngoài, không lo độc ẩn nấp bên trong, cho nên nói là dấu hiệu tốt. Lại nói vật vừa nát sinh trùng là dấu hiệu xấu, nên xét hình chứng như thế nào để xác định tốt hay xấu. Chữa nên dùng kim bằng bạc lẻ cho xuất độc, hoặc dùng cành liễu dãi ra giường nằm thì giới bọ sẽ tự ra.

38. Gọi "Tàng xuất" Tức là từ đậu mọc, mưng mủ, kết vảy đều có

Phạm đậu ở đầu mặt đã vỡ lại phát mưng mủ, ở những nơi không có đậu lại lên một tầng nữa là đúng. Còn gọi là "Bổ không đậu". Đó là chính khí được bổ thêm mà tà độc bị đuổi ra ngoài, cho nên đậu dễ mọc, dễ mưng mủ. Nếu sau khi uống thuốc bổ thác mà đậu không mọc, chỗ vỡ không sưng lại làm mủ thì không chữa được.

39. Trước tiên thấy một vài điểm ở vùng mặt, hoặc ở trên dưới môi miệng đã tháp như thường lệ. Nhưng soi đèn vào thấy có điểm hồng lờ mờ trong da. Chữa nên kịp thời dùng thuốc nội thác thì đậu sẽ mọc lại. Nếu không thì dưới má sẽ phát một nhọt độc, phát nhọt độc thì phải làm tan nhọt mà ấy ngay, nếu nhọt độc không tan đậu lại mọc nữa thì nhất định sẽ biến thành chứng chết, không chữa được.

VIII- CÁC ĐIỀU CẤM KỴ

(gồm 3 điều)

1. Người vốn bẩm thụ khỏe, mùa hè không sợ nóng, mùa đông không sợ lạnh. Người vốn bẩm thụ yếu cảm phải khí trời rét, mưa dầm cũng bị ỉa lỏng; trời nóng nực thì bị nhiệt phục ở trong mà khát. Người dương thịnh chịu được khí hậu mùa đông mà khó chịu về mùa hè; người âm thịnh, chịu được mùa hè mà không chịu đựng được mùa lạnh màu đông. Đó là do bẩm thụ không giống nhau. Cho nên thầy thuốc chữa bệnh, về mùa hè đáng dùng thuốc nhiệt cũng nên dùng ít, về mùa đông đáng dùng thuốc hàn cũng nên dùng ít. Như gặp trời lạnh thì phải mặc ấm, đắp ấm thêm, chỗ để cho độc khí lạnh mà không xuất ra được. Gặp khi trời nóng nực thì nên cởi bỏ bớt chăn áo cho mát mẻ, dùng để cho khí nóng bên ngoài hợp với nhiệt khí bên trong dẫn tới phiền táo vật vã rồi mụn

đậu sinh vỡ loét.

Còn như gặp khi sấm sét, gió mạnh, mưa lớn thì lên đóng cửa, buông màn đắp kín, đốt lửa để tránh khí độc trong một thời gian, còn như lúc thường thì chỗ nằm cần phải để cho kín gió, cần sáng sủa kỳ bóng tối. Thường xuyên có người chăm sóc, ban đêm phải có đèn sáng để tiện cho việc cho ăn uống, phòng ngừa gai vỡ nốt đậu, lại phải kỳ khí bẩn độc. Không thể thì đậu chưa mọc sẽ không mọc đậu đã mọc sẽ vỡ loét, hoặc mụn đậu sẽ đen hăm, thối ngăm lở loét, đa dữ dội như dao cắt, vật vả mà chết. Lại cũng không thể để cho bị đói rét, đó là bốn phận đương nhiên của người mẹ, bởi vì, đậu nhờ vào khí của cơm nước và sữa để giúp phần trong, tránh gió lạnh để giữ phần ngoài. Nếu khí cơm nước kém, khí gió lạnh dễ xâm hại. Nhưng cũng không nên cho ăn no quá, hoặc ăn các thứ xào rán cay nóng. Nếu không thể thì nhiệt độc sẽ nung đốt vùng chèn dưng, mắt sẽ bị thương tổn.

Khi đậu đã bong hết vảy là khi da thịt mới được thay đổi việc tắm rửa vốn đã phải kiêng tắm rửa quá sớm, mà gió lạnh lại càng phải đề phòng tốt, chớ coi đó là điều nông cạn mà đó là điều cốt yếu trong việc vệ sinh. Đến thức ăn thức uống cũng cần phải điều hòa, không được thái quá hoặc bất cập. Những thức ăn không phù hợp thì dầu muốn ăn cũng chỉ nên cho ăn rất ít để chiều theo ý muốn thôi, nếu cấm ngặt quá sợ làm cho bệnh nhân giận dữ giúp cho tà hỏa, nhưng không thể tùy theo mà cho ăn uống bữa bãi được. Nếu là những thức trợ tả hỏa sinh phong thì đều nên kiêng.

2. Đậu mới phát nên ăn các thức như măng tre, đậu dê, óc gà, mào gà, bù xè cây dâu, thịt hấp cơm rượu nếp, khi mừng mù thì nên ăn các thức như phao câu ngỗng, đậu gà trống, hầm với hạt sen đại táo cho nhừ, thịt muốn lâu năm, Long nhãn, lòng trắng trứng gà rán, cháo gạo nếp, nước ép thịt dê non, bù xè cây dâu. Đến khi thu áp nên dùng nhữn thức mát lạnh, kiêng hẳn những thức ăn uống có độc.

3. Không tổng được độc đậu ra ngoài là do khí huyết hư nhược. Người không hiểu lẽ đó, miễn cưỡng dùng thuốc có chất độc như Thiên trùng. Ngưu sắt, rằng người làm thương tổn nguyên khí. Nguyên khí đã bị tổn thương thì độc khí càng đốt mạnh. Khí không có khả năng trục độc, huyết không còn khả năng vận chuyển vận độc. Nhân khí tấu lý trống trải, lại bị độc được công kích bức độc tuôn ra một mụn thành mười, mười mụn hợp thành một mụn. Trong chốc lát, khi ở trung tiêu không kịp làm mạnh ở bên ngoài được, độc thể sẽ chuyển thành mạnh mà công phá vào trong. Duy chỉ lúc mới phát muốn cho phần biểu mạnh thì dùng máu mào gà, đậu gà, óc gà, đậu dê, óc dê. Lúc mừng mù muốn bổ thác thì dùng nước ép thịt dê non, lòng trắng trứng gà rán, cũng đủ cần thiết cho bệnh lại bổ cho khí huyết, hà tất phải uống các thứ thuốc mãnh liệt.

DANH MỤC CÁC ĐIỀU CẤM KỶ (Gồm 40 điều)

1. Kỳ thấy người chải đầu.
2. Kỳ người lạ qua lại.
3. Kỳ khí lục dâm.
4. Kỳ sư sãi và người tu hành vào phòng.

5. Kỵ quá đói, quá no.
6. Kỵ tiệc tùng, ca nhạc.
7. Kỵ đàn bà chùa.
8. Kỵ khí dâm dịch trong phòng.
9. Kỵ Xạ hương, khí mùi hôi gây.
10. Kỵ hơi thuốc xông ghê lở.
11. Kỵ gãi ngứa trước mặt bệnh nhân.
12. Kỵ quét nhà trước mặt.
13. Kỵ gây kinh sợ.
14. Kỵ nói những chuyện hoang đường.
15. Kỵ khóc trước người bệnh.
16. Kỵ phụ nữ có kinh vào phòng bệnh.
17. Kỵ mùi hôi nách.
18. Kỵ hơi khói tắt đèn đuốc.
19. Kỵ hơi chó, gà, dê.
20. Kỵ quá lạnh, quá nóng
21. Kỵ uống lạnh.
22. Kỵ chửi mắng nạt nộ.
23. Kỵ mùi dầu chiên cá.
24. Kỵ mùi mồ hôi người đi xa về và của người làm việc mệt mỏi.
25. Kỵ mùi hôi thối của phân.
26. Kỵ mùi Lưu hỳnh xông muối.
27. Kỵ các mùi cay.
28. Kỵ khí đốt củi, xương, lông.
29. Kỵ mùi hành tỏi hẹ lá tía tô.
30. Kỵ ăn cua cá thịt heo.
31. Kỵ làm kinh động trong lúc ngủ, hoặc đậu đang mừng mù nếu bị kinh động sẽ ngừng không mừng mù tiếp.
32. Kỵ uống các thứ dưa, hồng, các thứ nước ngọt và mát.
33. Kỵ hơi tóc đốt.
34. Kỵ hơi người chết.
35. Kỵ mùi hôi, tanh, khét.
36. Kỵ mùi tanh hôi của ghê lở.
37. Kỵ hơi khói thuốc lá, thuốc Lào, than.
38. Kỵ mùi tanh của người say rượu.
39. Kỵ sau khi bình phục ăn thịt gà vịt nhiều làm thương tổn thần khí.
40. Kỵ ăn vại, ăn quýt.

Đậu ở phần cơ thịt, do kinh Dương minh làm chủ. Cho nên sau khi đậu mọc xong rất kỵ thổ tả, và sau khi đã chữa qua được sự đảo hãm thì không có gì quý bằng giữ vững

cho Tỳ thổ lúc chưa bị phá hoại là việc cần lo trước nhất. Các loại quả sống, nước trà đều nên dùng cẩn thận, nhất là thuốc hàn lương lại càng phải cẩn thận lắm.

IX - CÁC PHÉP TRỪ Ế KHÍ (KHÍ DO BẮN)

Gồm 11 điều

1. Theo tính của tạng phủ thì gặp mùi thơm vinh vệ sẽ lưu thông. Gặp hơi thối vinh vệ sẽ ngưng tắc. Bệnh đậu nhờ vinh vệ lưu thông mà mọc được tốt. Cho nên những thứ ô uế hơi thối phải tránh xa. Nhưng các mùi thơm như mùi hoa lán, mùi Xạ hương làm cho nguyên khí tẩu tiết cũng phải kiêng kỵ. Chỗ người bị bệnh đậu nằm nên đốt quả táo đỏ khô, để tránh mùi không tốt, lại thêm sức cho vinh vệ, đồng thời có thể khai vị cho bệnh nhân dễ ăn ngon. Nếu bị khí hôi của người có kinh nguyệt, hoặc người đẻ thì lấy Đại táo đốt xông để giải độc.

2. Để đề phòng mụn đậu ngứa lết dùng vỏ Hoa bì ⁽¹⁾ và Đại táo đốt khói xông để giải.

3. Bị các thứ cay thì dùng gừng tươi đốt khói để giải.

4. Bị rượu mà đậu tẹt không mọc mụn thì dùng Cát căn, Nhân trần đốt khói để giải.

5. Bị hơi hôi nách, hơi chớ, dề mà không mọc mụn thì đốt quả táo héo để giải.

6. Bị hơi xác chết, và khí dịch lệ thì dùng Đại hoàng, Thương truật đốt khói để giải.

7. Gặp khi mưa gió đốt Thương truật và quả táo héo để giải.

8. Bệnh đậu do huyết khí khó mọc mụn thì kiêng dùng Thương truật vì sợ khí táo khó làm mụn.

9. Các mùi hơi thối dùng Thiệu tịch đơn để giải.

10. Gặp phải ác khí (khí độc) dùng Nhũ hương đốt xông, hoặc dùng rượu ngâm hột ngô rí mà phun. Tục dùng dấm để nấu là sai.

11. Thỉnh thoảng nên đốt loại Nhũ hương, vì cái mùi thơm ngọt làm cho vinh vệ điều hòa lưu thông, có thể tránh được mối lo đậu hăm phục.

HẾT QUYỂN ẤT

(1) Hoa bì: Vỏ cây cây lờ - *Benula Platyphylla*.

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LINH

Quyển thứ 36

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU BÌNH

I VỀ CHỨNG SỐT

a) Cách phân biệt:

Bệnh đậu phát sốt rồi đậu mọc ra, nhanh nhất là một ngày, trung bình là ba ngày, chậm nữa là 5-6 ngày mà thôi. Vì trong vòng 7 ngày thì truyền khắp 5 kinh. Kéo dài hơn nữa là thuộc tạp chứng khác.

Triều chứng: mặt và vùng sau má dưới tai đỏ ráo, hay nhảy mũi sổ mũi, hoặc trong mũi lạnh, mắt đóng lệ, mình mẩy, ngón tay đều nóng, trừ ngón tay giữa lạnh (nam tay trái, gái tay phải); chân tay khi nóng khi mát, mu mắt sưng đỏ, ngón chân hơi lạnh, vùng xương cụt (đi) lạnh, dưới da ở vùng tím có nổi những tia máu đỏ (vùng tím là phủ của thần minh, thấy ở đó có nhiều tia máu đỏ là nặng, ít là nhẹ). Bỗng nhiên lại thấy nhiều tia máu đỏ ở chỗ sau tai nam bên trái, gái bên phải), hoặc toàn thân sốt cao, nơi lâm nhâm, thấy ma quỷ, miệng mũi ra máu, kinh giật không ngừng, tưởng như chết đi sống lại (đó là chứng thực nhiệt của bệnh đậu, chỉ cần làm cho đậu mọc là chính).

Trên đây là các triệu chứng của bệnh đậu, ngoài ra các chứng khác là tạp chứng của bệnh Thương hàn.

Có thuyết nói: Hễ thấy mạch Hồng Đại mà Huyền Sắc, có hoa văn hiện ở hai gò má, mình mẩy hơi run rẩy, thường kinh sợ, hồi hộp thì biết đậu sắp mọc.

b) Cách soi đèn:

Lấy giấy bản cuộn lại thành điều (thoi dài), tẩm dầu vừng cho thấm hết rồi hong khô, đến khi dùng lại tẩm thêm dầu mè rồi hơ quan lại trên ngọn đèn khiến cho dầu không xui giọt để khỏi gây phồng. Khi soi, phải đóng kín các cửa sổ, cửa ra vào, cho trong nhà thật tối. Muốn soi ở bên trái thì đưa ngọn đèn sang bên phải, muốn xem bên phải thì đưa ngọn đèn sang bên trái. Muốn xem chỗ trên hay chỗ dưới cũng theo cách soi ấy. Đậu nhiều hay ít, màu sắc ra sao đều có thể thấy được. Lại dùng tay mà sờ, nếu thấy làn sờ theo tay màu hồng đổi sang màu trắng, hoặc màu trắng đổi sang màu hồng, chứng tỏ huyết hoạt thì có cơ sống được. Nếu sờ vào không trắng, nhấc tay không thấy hồng chứng tỏ huyết khô thì tuy đậu mọc thưa cũng là chứng nguy.

Vì mụn sỏi mọc nông ở ngoài da mà phía trong không có gốc. Mụn đậu có gốc ở tầng thịt, gốc rất sâu, cho nên lấy tay sờ có thể thấy hạch gốc của mụn đậu mà nghiệm biết. Quan sát dưới ánh sáng mặt trời không thể thấy được. Lấy lửa soi mà trẻ lên kinh cơ giật, gào khóc cũng là chứng hậu của đậu. Vì hỏa của Tâm mạnh quá, lại gặp hỏa (lửa) ở ngoài mà gây nên chứng như vậy. Cách chữa nên lợi tiểu nhẹ để dẫn hỏa ở Tâm đi xuống, nếu không thì kinh giật lại nặng hơn lên.

Tôi có một phép quan trọng có thể xem biết được đậu lành dữ, càng làm càng thấy đúng. Lúc soi, đưa đèn trên mụn đậu, nếu thấy sắc của mụn đậu và ánh sáng của đèn phản xạ lại nhau, theo ánh sáng đèn qua lại, mụn đậu lấp lánh như có vẻ chuyển động,

đó là dấu hiệu khí huyết đầy đủ, nhất định không lo đậu bị hãm phục xam đen.

c) Lời bàn về các triệu chứng lên đậu:

Triệu chứng ban đầu của bệnh đậu gần xuống như triệu chứng của bệnh Thương hàn. Nhưng bệnh lý của Thương hàn thường truyền từ biểu vào lý, chỉ thấy hình chứng của một kinh. Còn bệnh lý của đậu thường truyền biến từ lý ra biểu, hay thấy triệu chứng của năm tạng. Cho nên cứ nhắm vào độc nặng ở tạng nào đó mà chữa. Chứng phát sốt buồn bực vật vã, má đỏ, môi hồng, mặt đỏ mà rảo là do có hỏa bốc lên vậy. Mình nóng, đầu nhức, sống lưng cứng đau là chứng thuộc kinh Thái dương.

Khi nóng khi rét là do âm dương va chạm nhau. Nhảy mũi là chứng của Phế.

Ngáp là chứng của Tỳ.

Ho khạc đờm rãi, hoặc buồn bực khát nước kinh sợ hồi hộp, mũi thở phì phò có nhiệt ở Tâm Phế.

Tròng mắt trợn lên là có nhiệt ở Bàng quang.

Lên kinh giật vì Can chủ gân do nhiệt của Tâm thừa chế lại.

Miệng lưỡi đau là nhiệt ở Tâm Tỳ.

Hầu họng đau là Phế nhiệt.

Bụng đau là do nhiệt của can Tỳ. Diên cuồng, bực dọc là nhiệt của Tỳ Vị.

Ngủ li bì là nhiệt thịnh mà tinh thần mệt mỏi.

Thấp nhiệt hun nấu mà ỉa lỏng là nhiệt dồn xuống dưới, hoặc do bị thương vì ăn uống.

Nôn mửa là độc hỏa dần lên trên.

Sốt là nhiệt thịnh ở phần ngoài.

Không sốt là ngờ nguyên khí mạnh.

Cho nên tôi nói: Mình ấm đều mà không sốt cao không buồn bực khát nước tức là nguyên khí còn mạnh. Nếu mìn khát là nguyên khí đã hư, thuộc loại chứng hiểm.

d) Các chứng tốt xấu suốt thời kỳ lên đậu:

- Mới sốt đã thấy mắt nhắm nghiền là chứng không chữa được; xuất hiện chứng này vào ngày thứ 8 - 9 không can gì; xuất hiện chứng này vào ngày thứ 13 - 14 là chứng rất xấu.

- Ho là chứng thường, nhưng không nên có chứng ho nhiều quá, kiêng cả chứng mất tiếng, thì sinh ra sặc.

- Mới sốt mà đã thấy chứng thở dồn (khí cấp) là chứng xấu. Suyễn thở nhẹ vào ngày thứ 8 - 9 là không can gì. Nếu suyễn thở dồn gấp vào ngày thứ 13 là chứng chết.

- Đậu mới mọc mà đã khản tiếng là chứng không chữa được. Riêng trường hợp trong họng có đậu mọc, mà thấy đậu ở ngoài to, đậu ở trong cũng mập như vậy, kiểm cả đậu ở ngoài hồng hoạt nhuận bóng không khô xam là chứng tốt. Khản tiếng vào thời kỳ bong vẩy là xấu, nếu kiểm thờ gấp thì trước hay sau lúc nào cũng đều là chứng không chữa được.

- Mối đầu đã thấy chứng đau họng là chứng khó chữa. Xuất hiện vào ngày thứ 8 - 9 là chứng không chữa được. Xuất hiện vào sau ngày bong vảy là còn dư độc.
- Mối đầu mà đã thấy nổi lung tung là chứng nặng. Xuất hiện vào sau ngày đúng vảy là chứng xấu. Nếu kiêng cả mất tiếng là chứng không chữa được.
- Rên rỉ là chứng xấu. Khi mừng mù vì đau nhức mà thấy rên rỉ không can gì.
- Có tiếng ọc là chứng xấu, xuất hiện vào hồi đầu là độc hỏa xông lên, còn chữa được. Xuất hiện vào sau khi mừng mù là do Vị nhược. Xuất hiện vào sau khi đóng vảy là còn dư độc. Lại kèm chứng mất tiếng, không ăn được Vị khí đã bại tuyệt, không chữa được.
- Mối sốt mà thấy đau bụng là chứng thường. Nếu bụng đau không dứt, lưng không thẳng ra được, đau không mọc mà sắc xám là chứng xấu. Nếu sau khi đóng vảy, bụng hết sức đau không chịu được là chứng rất xấu.
- Mối đầu mà thấy lưng hơi đau là chuyện thường. Nếu lưng đau quá mà không đứng lên được, đau liên miên là chứng không chữa được, là điềm không tốt do nguyên nhân thận khí suy.
- Chân tay đau vào lúc đậu mới mọc là chứng xấu; vào ngày thứ 8-9 là không can gì. Chân tay đau nhức là chứng nhiệt.
- Chân run là chứng xấu, nhưng trong thời kỳ mừng mù mà thấy chân hơi run động thì không ngại.
- Chảy máu mũi là chứng không có hại, nhưng không nên ra máu mũi nhiều quá.
- Chứng nôn ra máu lại gặp lúc bị vết thương, hoặc bị tổn thương ở vị quản, nếu nôn ra máu ít còn chữa được, nếu nôn ra máu nhiều mà đen là không chữa được.
- Ỉa ra máu tươi một ít rồi hết ngay, hoặc ỉa ra máu tươi sau khi bị đầu đã thu áp, trong lúc da vảy có máu mù đều có thể chữa được. Nếu ỉa ra máu nhiều mà đen thì không chữa được.
- Chứng rét run nếu xuất hiện trong 7 ngày đầu là chứng do nhiệt; xuất hiện trong 7 ngày sau là do hàn. Tham khảo các chứng kèm theo mà tiên lượng tốt xấu.
- Chứng nghiêng răng vào lúc đậu cương là xấu.
- Lãi đưa ra 1-2 con lúc đậu mới mọc là không can gì. Nếu ra nhiều là chứng xấu. Nôn ra lãi vào ngày thứ 13-14 thì bệnh nguy. Lãi theo phân ra nhiều cũng là xấu.
- Nôn ra đờm vào lúc đậu mới cương là không can gì. Nếu có mùi tanh hôi thì cần phải đề phòng bệnh Phế ung (sưng phổi mù), nếu đúng là chứng Phế ung thì ngực tất đau nhói, môi trắng nhợt, vẻ mặt thê thảm.
- Kinh giạt lúc đậu mới cương là không can gì, vì bệnh đậu từ kinh Tâm mà ra, đó là triệu chứng tốt. Nếu kinh giạt xuất hiện sau khi mừng mù, sau khi thu áp thì lại là khí huyết đã kiệt, thần không còn chỗ nương tựa nữa, nên là chứng rất xấu.
- Ỉa chảy phân trắng là hàn, phân xanh cũng là hàn, phân hồng là nhiệt.
- Chứng không ăn được khi đậu mới cương là không can gì. Không ăn được lúc mừng mù, hoặc sau khi đóng vảy là chứng xấu.
- Từ đầu đến cuối ăn được là chứng tốt. Chứng ăn nhiều gấp bội sau khi bong vảy

là có dư độc.

- Nôn ra nước vàng bụng không đau thì không can gì, có đau bụng là chứng xấu.
- Vùng tim ngực đau tức, có khi dội lên là do hỏa vô căn ở Đan điền. Cùng với các chứng ngón tay lạnh, tay run, mắt ra máu, hoặc chân lạnh lên tới quá đầu gối, cùng với chứng nhở ra đờm hôi và nôn ra vật bẩn mùi hôi, cùng với chứng tai ra máu, là ra phân đen... đều là chứng do tạng phủ bại tuyệt. Các chứng như 10 ngón tay lạnh đầu trán lạnh, môi răng khô nứt nẻ, ngực dô như cái bát úp... đều là những chứng không chữa được.

II - THỜI KỲ PHÁT SỐT

a) Chứng thuận (không phải chữa).

- Minh sốt nhưng ẩm đều dịu dịu, có khi sốt khi không sốt, tinh thần tỉnh táo khí lực thoải mái ăn uống là đại bình thường, không đem theo các tạp chứng khác thì chỉ nên để nghe ngóng xem sao, không nên vội dùng thuốc bừa bãi.
- Sốt ba ngày mà không có các chứng sốt cao, đau lưng, đau bụng, rồi mọc mụn mà rần sờ vào gợn tay là tốt.
- Khi sốt, mồ hôi và ra nhiều rồi toàn thân không ra mồ hôi nữa, lại thấy mạch hơi bình hòa là tốt.
- Khi mới phát sốt có kinh giật (vì từ kinh Tâm mà ra) nhưng chỉ một vài lần rồi thôi là tốt.
- Khi mới phát sốt mà thấy mưa hoặc là, đến khi đậu mọc thì thôi không mưa là nữa là tốt, đó là do nhiệt độc ở trong được giải tả khí trên dưới đều thông tiết, nhưng không nên mưa là nữa thì chính khí không bị hao, cho nên nói là dấu hiệu tốt. Tuy mưa ít mà tinh thần không suy giảm, khí hư không bị hao, miệng không hôi bẩn, đậu tự mọc ra thì tuy mưa là có nhiều hơn một chút cũng kể vào loại chứng thuận.
- Da dẻ dày chắc, đen gầy nhưng có vẻ láng bóng là thuộc thể cách "Cốt thắng nhục" (xương mạnh hơn da thịt), mắt trong sáng như nước hồ thu, môi lưỡi tươi nhuận là tốt. Đó là khí huyết đều mạnh, đậu nhất định là nhẹ.
- Mới sốt một ngày đã thấy mọc đậu khắp mình, phải hỏi kỹ trước đó, chắc có triệu chứng cảm thì mới là chứng thuận. Nếu không là do độc đậu mạnh mà mọc tràn ra vậy.

b) Chứng hiểm (phải chữa).

Phong hàn ứ đọng nhiều, đến nổi nốt bóng hồng tía không nổi lên được, phải mau mau dùng phép thấu cơ tán biểu cho cả người toát ra mồ hôi khai thối thì khí độc tự tán ra hết.

- Sốt, có đờm nhiều, nổi sáng, hôn mê, kinh giật, đó là ngoài có ngoại cảm phong hàn, bên trong động tới tâm nhiệt phải mau mau tán phong, trừ đờm, lợi tiểu, thì nhiệt ở Tâm sẽ giải mà chứng ra máu gì cũng đều nên lương huyết giải độc mà chuyên giải biểu để thúc ra. Nói chung, đậu mới phát có tạp chứng phân nhiều là do độc khí chưa xuất ra, vì thế nên dùng thuốc giải biểu, không thế thì độc đậu không có đường xuất tiết

ra, độc nhỏ tích lại thành độc to.

- Mới sốt mà tiếng nói đã đổi khác là chứng nặng, phải mau mau thanh phế lợi yết (hầu) làm chủ.

- Sốt mà bụng đau quả đậu báo lại khô khan nên dùng thuốc trợ huyết để cứu chữa.

- Trong thời gian có bệnh đậu lan tràn, tuy chưa phát sốt nhưng hễ thấy có đau lưng hoặc đau má thì cũng là dấu hiệu đậu sắp mọc mà độc nặng nên đậu sẽ lên mạnh, nên đề phòng bằng cách chữa thanh giải.

- Người thịt bệu mà da trắng thuộc thể "Nhục thắng cốt" (Phần thịt mạnh hơn phần xương), lại thấy trông mắt lấp lánh mà không sáng, kèm theo nhiều đờm, nhiều hỏa là chứng xấu, đó là do khí huyết đều hư, đậu sẽ nặng.

- Mưa nhiều thì đậu mọc ở đầu mặt sẽ nhiều, đã kinh nghiệm.

c) Chứng nghịch (khó chữa).

- Khi sốt, ở đầu mặt có từng đám đỏ như son, sáu ngày chết.

- Khi sốt, dùng đèn soi vào vùng tím, hoặc toàn thân thấy da thịt như có cục màu hồng là chứng không chữa được.

- Khi sốt, mình không sốt cao, riêng bụng trướng, mắt nhắm, phát cuồng, vật vờ, khát nhiều, môi lưỡi ráo nứt, đó là do độc có gốc từ bên trong, cho nên là chứng xấu.

- Mình nóng như lửa, mắt đỏ, môi miệng tím đen, nứt nẻ, lưỡi ráo có gai là chứng không chữa được.

- Khi sốt, dùng tay sờ vào mặt má gãi vào không thấy trắng ra, nhấc tay không thấy hồng lên, thì thấy hiện chứng tuy nhẹ bệnh cũng sẽ nguy, vì huyết đã bị khô rồi.

- Khi sốt, trong bụng đau nhiều, hoặc lưng đau như bị đòn là chứng không chữa được.

- Khi sốt mà hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng và đái ỉa ra máu thì bất kể là trước hay sau, đều là chứng chết.

- Khi sốt, bỗng thấy nổi ban đen bầm là chứng không chữa được.

- Khi mới sốt, thấy đầu lưỡi hơi đen, hoặc mất tiếng, hôn mê là chứng không chữa được.

- Khi mới sốt mà đã nhìn nhăm nói bậy, mê man không biết gì là chứng không chữa được.

- Chứng Tâm thần mê loạn, vật vờ thờ gắp, sốt liên miên, sắc không tươi nhuận, mụn phỏng bầm tím, đen bầm là chứng không chữa được.

- Khi mới sốt thấy bụng đau ỉa ra máu mủ là chứng chết.

- Khi đậu chưa mọc mà quanh mắt thấy thấp thoáng có sắc đen là chứng chết.

- Mới sốt mà thấy mưa ỉa ra lã là chứng không chữa được.

- Khi sốt thấy có ngay những điểm hồng chi chít như tằm là nặng, màu tím, sém khô đen, sờ không gợn tay là chứng chết.

- Khi mới sốt, bụng trướng đau, kêu gào không dứt là chứng chết.

- Đậu muốn mọc mà không được là chứng khó sống quá 6 ngày.
- Đang sốt cao bỗng lui hẳn, người bứt rứt vật vã, bần thần khó chịu, nằm ngồi không yên, đó tuy là bên ngoài mát nhưng có nhiệt. Lại thấy chân tay lạnh, bụng trương sườn thờ là chứng chết ngay.
- Đậu mới mọc trên lưỡi thấy màu trắng là chứng xấu, bởi vì đó là khí nguyên dương ở Đan điền⁽¹⁾ bị hao tổn, khí không còn gốc để phát sinh nữa. Đã kinh nghiệm.
- Các chứng đậu xấu hiểm bỗng lại thấy cương lên, nếu thấy cương sau 6-7 ngày thì mới không lo, vì qua 7 ngày thì bệnh đã truyền biến qua 5 tạng rồi. Mới cương một hai ngày bỗng biến chứng mà chết là do cái lẽ thắng phục của 5 tạng. Nếu chính khí của một tạng bị suy thì tà khí ở tạng đó sẽ thắng mạnh vượt hẳn lên, thắng hết mức thì suy dần, cuối cùng đi đến hết, như đèn hết dầu lại bùng lên một lúc, đều là thứ lửa không có gốc cho nên sống không được bao lâu. Đã kinh nghiệm.
- Khi sốt bị sảy thai, máu ra không dứt là chứng xấu. Hoặc không bị sảy thai nhưng sốt cao không dứt và kinh nguyệt ra không dứt cũng là chứng xấu.

d) Lời bàn chung về thời kỳ phải sốt:

Chữa đậu khi mới sốt chỉ có hai việc là hư tà và phù chính mà thôi. Tà nhiệt thì khứ tà để chính khí tự mạnh lên. Chính khí suy thì phải phù chính khí thì tà khí sẽ tự phải lui. Chính khí thịnh thì bệnh đậu tự phát sốt, cái sốt đó có lợi chứ không hại gì, tà khí lui mà chính khí không bị tổn thương. Huyết mạch đầy đủ thì đậu sẽ lên được tốt. Nhưng trong lúc này phải xem xét cho rõ, nếu tiến hành chậm chạp thì không giúp đỡ được gì cho việc chữa bệnh.

- Độc của đậu không có sốt thì không sao phát ra được. Việc lên đậu không có sốt thì không sao tránh khỏi hao tổn, ví như lớp tuyết dày 3 thước đậu có phải do cái lạnh của một ngày cái nhiệt hun nấu của bệnh đậu nào có phải là do cái nhiệt của một hôm. Đó là do sự cảm thụ rất sâu. Không có cái sốt cao nung nấu thì làm sao kích động được để đẩy được cái độc của đậu ra ngoài, phát tiết được cái khí uất tích làm hai đến Thận ấy? - Nhưng sốt quá mức thì lại làm hao tổn khí huyết mà đậu mọc càng khó.

Có trường hợp nên có sốt: như trước khi đậu mọc thì cái sốt cao đó là để đuổi độc. Trái lại, đầu ấm chân lạnh thì đậu không thể phát vượt ra được, tất quay vào phá rối bên trong.

Có trường hợp không nên sốt: như độc đã ra hết rồi thì biểu lý cần được bình hòa, nuôi dưỡng khí huyết giúp cho độc hóa thành mủ. Trái lại, có sốt cao thì khí huyết bị nung nấu, không thể gìn giữ được độc đậu, làm cho độc không có đường ra, biến thành các chứng đen bầm, khô héo, mất máu, vật vã điên cuồng, bụng đầy mà chết.

- Sốt nhẹ thì độc ít đậu mọc thưa. Sốt cao thì độc nhiều đậu mọc dày, đó là triệu chứng thường xảy ra. Còn như sốt nhẹ đậu lại mọc dày thì miệng sẽ ráo khô, môi se răng rạn nứt, nước tiểu đỏ, táo bón. Đó là độc sâu mà nhiệt cũng rất sâu, ngoài biểu tuy không có sốt cao nhưng nhiệt ở lý lại mạnh.

(1) *Đan điền*: Theo Đạo gia gọi Đôn điền ở dưới rốn ba tấc, cho cổ ấy đối với người Nam là tinh thất, với người nữ là bào cung.

Danh từ chỉ chỗ tập trung ý tứ của các nhà luyện Khí công, có ba nơi:

Đan điền hạ: tại phía dưới rốn, *Đan điền trung*: tại vùng tim, *Đan điền thượng*: chỗ giữa hai lông mày.

Cũng có chứng sốt tuy cao nhưng đậu lại mọc thưa, chứng này miệng không khát, sắc môi nhuận, đại tiểu tiện bình hòa. Đó là tuy có sốt cao nhưng độc đã nồng mà nhiệt cũng nhẹ, ngoài biểu có sốt cao mà khí ở lý lại bình hòa.

- Đậu đã mọc mà sốt không giảm, tất đậu sẽ ngày ngày một tăng. Sau khi thấy điểm đậu mọc, sốt lui dần thì đậu sẽ mọc thưa.

Tất cả mọi biến chứng trong thời kỳ lên đậu đều không phải là không do độc khí, độc muốn tiết ra mà không làm sao được. Cho nên khi có các biến chứng đó chỉ nên chữa đậu làm chính.

- Chứng đậu phải hết sức kiêng phạm phải khí hàn từ ngoài vào hoặc từ trong ra. Cần phải làm sao cho biểu lý đều được âm áp, giữ cho các lỗ chân lông thường có tan dịch. Sự có tan dịch nhuận trơn ấy cũng có khi nhờ ở phép xông hơi để làm cho chân lông mở ra, da dễ thông suốt thì còn chỗ nào khí không thấm đến, đậu tất dễ mọc, dễ thu.

đ) Phép chữa trong thời kỳ phát sốt.

(xem thêm phần chứng hiểm trên)

Tiên sư nói: "Sự phát sinh của trăm bệnh, không thể nào không nhân chỗ hư mà phát ra. Bệnh đậu cũng nhân chỗ hư mà tác động tới càng làm cho chỗ ấy càng thêm hư. Cần phải xét các mặt âm dương, biểu lý của bệnh, can cứ vào nguyên nhân của nó mà điều trị, làm cho khí huyết điều hòa thoải mái, tác dụng lẫn nhau thì cái độc âm u tự nó phát ra, tự nó chuyển hóa ra ngoài biểu nơi phần cơ nhục, khó còn ẩn nấp ở trong kinh lạc nữa". Chỉ có trường hợp cảm nhiễm thêm phong hàn làm bế tắc làn da thổ thịt thì mới dùng tới Kinh, Phòng, Khương Cát để đẩy độc cho thấu ra ngoài. Nếu cứ theo cách chữa chung chung thì mầm non dễ gãy, cứ cho thuốc mạnh thì độc đậu sẽ mọc ủa một loạt, hình dạng như trấu như mụn. Đó là do khí không đủ, bị thúc ép mà thành như vậy. Thầy giỏi chữa bệnh thì ngay lúc độc tà đang có xu hướng ra biểu, khí độc đang có xu hướng tiết ra ngoài, khi cái thể của nhiệt tà đang hơi hoãn, lại chữa dẫn lên, người bệnh có hỏa thịnh thì dùng tư âm để hóa dương, vẫn nên cổ vũ mà không nên để ứ trệ lại. Người bệnh có hỏa suy thì phải bồi bổ khí trung tiêu để củng cố gốc, vẫn kèm theo thuốc nhuận mà không nên dùng thuốc ráo. Trong thuốc thác độc vẫn còn có thuốc bồi bổ cái gốc, lần hồi từng bước cho đến thời kỳ mừng mưa lâm mức, để có khí huyết ấy làm vật giúp cho sự mừng mưa. Nếu đến thời kỳ mừng mưa mà khí huyết không thể tiếp sức được, sức của dinh vệ đi đến chỗ đuối kém thì khí độc còn nhờ cậy vào đâu để mà hóa ra được, đến nỗi nhân chỗ hư ấy mà hãm vào trong, lúc đó còn có cách gì để cứu vãn nữa!

Có người nói: Khí độc đang thịnh thì khó bỏ được sớm. Nếu như vậy thì khí độc đang thịnh mà không có khí huyết thì lấy gì mà đuổi độc hóa độc đi được. Sự chuyển hóa của độc phải từ mưa mà có, muốn mừng mưa phải nhờ đến khí huyết, sự chuyển hóa của khí huyết lại phải nhờ có hỏa. Người ngu muội chỉ biết cho độc là hỏa, rồi thanh hỏa để giải độc, đâu có biết tư thủy mới có thể hóa hỏa được, nhờ đó lại có thể bồi dưỡng cái gốc của huyết và gốc cho việc mừng mưa. Như thế, sao lại hàn lương để thanh giải? - Vì sao vậy? - Vì đậu thuộc loại tạng độc, thuộc âm, ở rất sâu, tất phải nhờ khí huyết để tổng ra phần da để, vận hóa ở ổ mưa, làm thu áp đóng vậy, có hơn là để tiêu theo đường trong không mừng mưa thành mưa không?

Đậu thành hình sắc tươi đẹp là nhờ vào tác dụng của khí huyết hữu hình của hậu thiên. Hóa thành mù, đóng thành vảy được là nhờ vào thủy hỏa vô hình của tiên thiên. Cho nên những bệnh tật hữu hình khó trừ tất phải nhờ đến thuốc chữa thủy hỏa vô hình mới có thể chuyển hóa được. Phải căn cứ vào biểu hiện của mạch, phân biệt chỗ thiên thắng của âm dương để điều hòa, đem chỗ thực hữu hình hóa thành cái hư vô hình, mượn cái thủy hỏa vô hình tạo thành tác dụng hay cho cái hữu hình. Từ chỗ không hóa thành có, từ chỗ có hóa thành không, lấy lại được cái công trạng kỳ diệu của tạo hóa, thâm lặng vận hóa ở trong, mà không lường trước được cái vi diệu của nó.

Khi sốt nên tán biểu. Sau khi kiến điểm nên thanh giải, nhưng không nên lạm dụng thuốc hàn lương làm tổn thương dương khí. Nếu sốt cao mà táo bón có thể thông lợi nhẹ. Nếu sốt ít chỉ nên giải độc, phát tán quá mức thì biểu sẽ hư. Dùng thuốc hàn lương thì gây ngừng trệ. Vội bồi bổ thì giúp thêm cho tà hỏa. Sau khi thấu hiểu rồi mới nên bổ, trong thuốc bổ có kèm thêm thuốc tán biểu, đó là cái thuật biến thông.

Gặp lúc trời lạnh nên đề phòng đậu mọc chậm làm cho độc bị ứ tắc thì dùng thuốc cay nóng để chữa.

Gặp khi trời nóng, nên đề phòng sự phát tiết mạnh gây lở loét thì dùng thuốc cay mát mà chữa.

Gặp ngày thời tiết bình thường thì chỉ nên thì chỉ nên dùng thuốc ôn hòa.

Bệnh đậu do thai độc ẩn náu ở Mệnh môn, gặp hỏa lệnh thì phát ra. Loại độc đó vốn là thượng dương. Nhưng dương độc âm tà không có nhiệt thì không thành, không có nhiệt thì không tiêu tán được. Khi chữa, không được trừ hết thứ nhiệt đó, nếu trừ hết đi sẽ chuyển thành âm chứng mà sinh nguy.

Tôi xét trong sách Cẩm nang nói: "Đậu là tạng độc thuộc âm", Cảnh Nhạc nói: "Đậu là dương tà, dương độc", sách xưa nói: "Âm tàn hại dương thì tàn lui; Dương tàn hại âm thì héo khô". Như vậy thì thuốc dùng để cứu âm cứu dương giống như hai đường trái ngược nhau. Nhưng theo ý tôi thì độc của đậu khi mới thành hình chỉ là tạng độc thuộc âm, quả đúng như vậy. Đến khi bị kích động mà phát thì từ âm chuyển ra dương, thế như lửa mạnh thì nói là dương tà dương độc cũng có thể được. Hai vị tiên triết, mọi người bàn về gốc, một người bàn về ngọn. Người học thuốc cần phải biết đầu tiêu (ngọn), đầu bản (gốc) mới thật là giỏi.

Có chứng vì bị phong hàn làm bế tắc, độc không tiết ra được, mình mẩy đau, số mũi, nóng rét qua lại, họng khô mũi ráo, sinh cuồng, co giật, thậm chí toàn thân có những khối màu xanh thì chỉ nên phát hãn. Nếu có tím đen mà sốt lại cao thì nên châm chước dùng thuốc hạ. Chữa màu đen không hết là chết.

Có chứng do khí nóng làm bế tắc, vì thế độc không trục ra được, lại gây nên bức dọc cuồng loạn, quấy phá vào bên trong mà sinh ra bứt rứt khát nước, sưng đầy, mê hoảng như cuồng. Phép chữa nên thanh thử khí thác độc, ích khí, vì nhiệt làm tổn thương đến khí. Nếu có kèm ngoại cảm thì cũng nên dùng thuốc tân lương giải biểu mà chữa.

Khi mới phát sốt chỉ nên dùng những loại thuốc thanh phát nhẹ để phát hãn tán tà, làm cho tà khí cảm ở ngoài và độc khí ở tạng phủ cùng theo với mồ hôi mà ra đường lỗ chân lông thì độc khí đã giảm được một nửa, bệnh nặng có thể trở thành nhẹ, bệnh

chết có thể cứu được sống.

Phép tán biểu cần phải biết tà khí ở nông hay sâu, độc hay ít. Nếu tà nặng mà chỉ phát tán nhẹ thì vô ích; nếu tà nhẹ lại phát hãn sai thì khí ở biểu sẽ hư, cho nên cốt cho vừa mức là tốt, cũng lấy việc phát hãn nhẹ là quý, không nên làm quá gây tổn thương đến Vệ khí. Có trường hợp sốt cao không lui do da dẻ kín chặt, hoặc do lạnh bế tắc, phát tán một lần chưa ăn thua thì có thể phát tán lần nữa thì độc khí tự giải, không phải lo ngại nữa.

Mới sốt mà không thấy có chứng hư hàn thì nhất thiết không được dùng thuốc ôn bổ. Thuốc ôn bổ có thể giúp cho hỏa tà bùng bốc độc đậu ra thì lại nuôi cái hại đó. Nếu không có các chứng thực hỏa, sốt cao thì nhất thiết không nên căn cứ vào chứng phát sốt mà cứ dùng bữa thuốc hàn lương khiến cho Tỳ bại sinh ỉa chảy, cái hại càng nặng thêm.

Chứng giả nhiệt thì có các chứng như: miệng không khát nhiều, ỉa đại thông lợi, hoặc thấy hơi khát, hoặc bản chất người bệnh vốn suy nhược, hoặc mạch yếu, hoặc tiếng nói không có âm vang, hoặc ăn vào không tiêu hóa, hoặc bụng trướng đầy nôn mửa, hoặc nôn ra lá, hoặc lúc ngủ nằm co, hoặc sợ lạnh, hoặc thấy ngứa, hoặc hay lên kinh, hoặc máy giật gân thịt, tuy có thấy sốt thì đó cũng là nhiệt ở biểu mà không phải nhiệt ở lý, đều thuộc thứ hỏa vô căn, không là chứng có độc hỏa nung đốt bên trong, nên dùng phép chữa thực nhiệt.

Khi mới sốt sợ lạnh run lấy bầy như kiểu bị sốt rét, run rẩy đó là hiện tượng hỏa không được nhả là rét run do hàn mà dùng bầy thuốc tán nhiệt. Bởi vì, tà độc ở biểu nung nấu khí huyết, hun xông tạng phủ mà gây nên như vậy. Như thế, nhất định là do dinh vệ hư nhược, không thể tự thác độc mà tống ra ngoài được, độc cứ lưu mãi ở kinh lạc, cùng tranh chấp với chính khí, tà hỏa từ trong ra ngoài, đó là hỏa gây ra hiện tượng lạnh.

Mình nóng, trước sau không lui, phần nhiều do khí độc rất nặng. Mới đầu nên kiên thanh giải, nếu chứng bên trong không lui thì nên xét thêm tình hình ỉa đại ra sao mà liệu cách chữa.

Khi đậu mọc mạnh mà thấy có điểm hồng, không thể dùng bài Thăng ma cát căn thang, sợ phát tán quá thành chứng biểu hư (Lời bàn của Trương Dục). Chữa đậu không nên dùng bữa Thăng ma, sợ đưa khí độc bốc lên trên gây động Phế khí (dẫn lời của Trình Đông Phong). Tuy hai thuyết đó đều có lý, nhưng phải phân biệt chỗ đúng chỗ sai. Nếu dương khí hãm xuống dưới, không thể thấu đạt cho tới ngoài cơ biểu được, thì tạm dùng Thăng ma để củng cố nơi nên củng cố, hoặc có điểm hồng mà có biểu tà chưa giải được thì vẫn nên giải độc tán tà, không nên chần chừ. Hai thuyết này tuy không nên cố chấp, nhưng cũng không thể không biết.

Chữa đậu, trước hay sau đều nên gia Mộc thông để tả nhiệt tà, khiến cho tà nhiệt theo theo tiểu tiện mà ra ngoài, không để cho nó làm hại đến Vị Thì đậu khỏi biến thành chứng đen xạm. Bảy ngày sau nốt sốt lui rồi thì nên giảm dùng ít đi.

Ăn được mà bệnh tình yên tĩnh, trong bụng không có trướng bí là dấu hiệu tốt, đừng cho là chứng đại tiện thực mà hạ bậy.

Da xanh, mặt trắng bệch, tinh thần hơi mệt là chứng hư, nhất định đậu sẽ mọc

không mạnh. Nếu kèm ỉa lỏng, nôn mửa thì chỉ lấy ôn bổ làm chính.

Chưa thấy đậu hình mà có ỉa chảy, nếu có chứng nhiệt thì không phải là dấu hiệu hư, chưa nên thanh lương kèm thêm thuốc phát tán. Nếu nhầm mà bồi bổ sẽ làm cho bệnh nặng thêm. Không có chứng nhiệt là diêm hư, chưa nên dùng ôn bổ kèm thêm thuốc thanh đề. Nếu nhầm mà công tả sẽ sinh biến chứng nguy. Nhưng chứng ỉa chảy tất làm cho mất tân dịch ở bên trong, dễ xuất hiện chứng vật vã mà khát, trường hợp này chớ có cho là chứng thực nhiệt rồi dùng thuốc hàn lương đến nỗi biến sinh ra lâm chứng khác.

Vừa thấy điểm đậu xuất hiện mờ mờ đã lặn ngay, kèm thêm các chứng như nôn mửa, nhắm mắt, mặt xanh, đầu lắc, cuồng hoảng là dấu hiệu lên kinh, nên dùng phép nội thác để đề phòng lên kinh eo giật.

Bụng đau, miệng há, thở gấp, hờn khóc không dứt, năm khiếu không thông, nên phòng chứng ra máu.

Sốt cao, bứt rứt, khát nước, táo bón, lưng đau, mũi khô, môi rão, nổi sảng, khí trung tiêu không mạnh lên được thì dẫn đến tình trạng đảo hãm, cho nên phải chữa cho calm mửa đi.

Sau khi đã tán biểu rồi thì độc đã theo mồ hôi ra ngoài, lúc này lại phải xét xem mức độ của chứng biểu, chứng lý để phía nào nặng, phía nào nhẹ để mà hoặc nên giải biểu, hoặc nên thanh lý hoặc nên thác độc, hỗ trợ nguyên khí, cái nào nên chữa gấp, cái nào nên chữa từ từ, không nên câu chấp. Nhưng nếu nhiệt tà ở đông nhiều ở biểu mà không phát hãn nhẹ thì không thể giải được. Nhiệt ở lý mạnh mà không hạ nhẹ thì không thanh được. Lỗ không chứa đúng thì độc khí sẽ mạnh dần lên từ đó mà xuất hiện chứng nghịch.

Sau khi đã tán biểu rồi, cần cẩn thận tránh gió lạnh, nếu để cảm phải ngoại tà, da lông bế tắc, độc nhiệt lại bùng lên, đã phát hãn rồi lại phát hãn lần nữa thì không được phát hãn mạnh, đồng thời phải kiêng kỵ các thức sống lạnh, phạm phải các thứ đó thì hàn thấp sẽ gây hại cho Tỳ, sinh ỉa chảy, không nạp được, dần tới gây hại không nhỏ.

e) Xử phương trong thời kỳ phát sốt.

Mới đầu phát sốt tựa như bệnh Thương hàn, chưa biết rõ là bệnh Đậu hay không, chưa trước hết nên phát tán biểu tà. Lúc này muốn tán biểu tà nên kiêm điều hòa vinh khí, dùng Sài qui ẩm (21) là phương đầu tiên, chỉ trong trường hợp ỉa phân nát mới không dùng phương này vì tính của nó nhuận quá. Thứ hai là bài Tô cát thang (2), thứ nữa là bài Thăng ma cát căn thang (1), hoặc dùng Sâm tô ẩm (45) cũng tốt.

Sốt cao chỉ nên thanh lương phát tán, không nên dùng mạnh thuốc đắng lạnh. Phát tán thì độc có thể thấu ra ngoài mà nhiệt khí tự tiêu. Dùng thuốc đắng lạnh thì trái lại, độc bị lạnh sẽ ẩn nấu bên trong đậu khó mọc ra. Sốt nhẹ dùng Thăng ma cát căn thang (1) để so tán nhiệt tà đó, không thể thì sinh ra bứt rứt, sốt cao, lấy gì mà ổn định được chứng ngọn? Nếu sốt nặng thì dùng ma hoàng thang (2), hoặc Quế chi thang (3) để mở cái chỗ ngưng tắc, không thể thì sẽ sinh suyễn thở gấp, bụng trướng, làm sao mà cứu được cái nguy.

Cả người nóng như lửa cả ngày đêm không dứt, miệng khát, mặt đỏ, môi khô, ỉa đại không thông lợi, bứt rứt vật vã, hong đau, đó là chứng biểu lý đều nhiệt, nên dùng

Hoàng liên giải độc thang (4) để tiêu tán nhiệt tà ngay trong 6 ngày đầu. Nếu không, nhiệt ủng trệ lại không được thanh trừ sau sẽ biến thành "Hoại chứng". Nếu sốt mà mắt xanh, mắt không đỏ, là không táo bón, nước đái trong, đó là trong lý không có nhiệt nung nấu, cho nên không dùng, hoặc cấm hẳn Hoàng liên; ngay Sinh địa, Đan bì, Thang ma, Tử thảo cũng không được dùng nhiều, dùng nhiều sẽ hại đến dương khí, dẫn đến trong lý bị hàn.

Chứng tà khí ở biểu và ở lý đều nhiệt, dùng Sài cát tiễn (17) hoặc Liên kiều thang ma thang (18). Nếu biểu lý đều nhiệt mà tà thực thì nên dùng Song giải tán (22).

Thuốc thanh để chữa cả biểu và lý mà kiêm thanh kiêm tán, vì nhiệt nặng thì độc cũng nặng. Nếu người luôn có mồ hôi mà sốt cao vẫn không lui, hoặc kiêm vật và mà khát nhiều, đó là trong có hỏa nung nấu, biểu lý đều nhiệt, nên giải cả hai mặt dùng bài Liên kiều thang ma thang (18), hoặc Như thánh thang (43).

Mình sốt cao, người ngoài sờ vào da cũng thấy nóng rất, hai mắt đỏ, miệng khô, nhiệt tà làm bế tắc cả là đái, vật và không yên, đó là biểu lý đều thực, nên dùng Sài hồ ẩm tử (44), nặng thì dùng Đại liên kiều ẩm (25), hoặc Song giải tán (23), hoặc cho uống bộtlech nguyên tán (34) để thông lợi.

Biểu nhiệt chưa giải mà lý không có nhiệt, nên dùng Sơ tà ẩm (19), hoặc Tô cát thang (20), hoặc Sài qui thang (21). Nếu mồ hôi ở ngoài biểu đã ra khắp rồi không được phát hãn nữa, sợ dẫn tới tình trạng ngoài thì vong dương, trong thì tổn thương khí.

Bệnh đậu, sốt cao mấy ngày rồi không lui, mà không có các chứng khác thì chỉ dùng Lục vị mạch đông thang (39), nếu chưa thấy biểu quá thì dùng thất vị bạch truật tán (40).

Bệnh đậu, trước sau sốt cao không lui đều thuộc huyết hư và huyết nhiệt, chỉ nên dùng Tứ vật thang (27) tùy chứng mà gia giảm.

Có khát gia Mạch môn, nước mài Tề giac

Ho thì gia Qua lâu sương.

Có đờm gia bối mẫu, Quất hồng. Nhất thiết kiêng dùng các vị Sâm, Truật, Bán hạ. nếu lâm mà dùng sẽ gây hại không nhỏ, vì đậu là bệnh thuộc dương, huyết hay bị hư hao, nay được tư âm bổ huyết thì nhiệt tà sẽ giảm. Đó là y nghĩa dưỡng âm để thoái dương.

Độc nhiệt thịnh ở trong nên dùng Đông Viên Lương cách tán (23), hoặc Giải độc phóng phong thang (152) mà chữa.

Độc nhiệt đốt mạnh nổi đầu tím đỏ, người bất rút, nên dùng Sơu độc tiễn (24), hoặc Đại liên kiều ẩm (25), hoặc Tề giac địa hoàng thang (31).

Đại tiện không thông, thực nhiệt ứ trệ ở trong, mà gây ra ngực sườn tức khó chịu, nên dùng Tiên hồ chỉ xác thang (30), hoặc Tam hoàng hoàn (31).

Tiểu tiện gút đỏ, tà nhiệt dồn ở trong, nên dùng Đạo xích tán (33), hoặc Lục nhất tán (34).

Isa đái đều không thông lợi mà có thực nhiệt ứ trệ ở trong, nên dùng Thông quan tán (32).

Tâm hỏa thịnh mà có kinh giật, nhiều đờm, nên dùng Vạn thị Ngưu hoàng thanh tâm hoàn (35), hoặc Sài hồ mạch đông thang (38).

Mình sốt cao, ỉa phân rắn, hoặc miệng lưỡi mọc mụn lở, hầu họng sưng đau đều do độc của đậu chưa hết, nên dùng Xạ can thử niêm tử thang (41), không kiến hiệu thì dùng Thất vị bạch truật tán (40).

Sốt mà có sợ rét, mình run rẩy như lên cơn sốt rét là do dương khí hư, nên dùng Sài cát quế chi thang (239) gia Hoàng kỳ.

Chứng sốt có độc thịnh ứ đọng thì mới đầu thế nào cũng có sốt cao, hoặc có phong hàn bao bọc ở ngoài, hoặc người to béo thịt dầy, làn da thớ thịt không thông, má đỏ, da lòng khô, hơi thở to, sưng đầy, bụng trướng, bứt rứt vật vã, nói cuồng nói sảng, nằm ngồi không yên, ỉa táo bón, đái gắt đỏ, mặt phù, mắt sưng, hay giận dữ, kinh giật, xuất huyết. Đó đều là những chứng có nhiệt độc ứ đọng, không còn nghi ngờ gì nữa.

Về phép chữa, như khi chưa thấy điểm báo thì trước nên dùng Thăng ma cát cho đến cân thang (1), uống một thang rồi cho uống tiếp Khương hoạt tán mất uất thang (15), khi thấy có điểm báo thì các chứng sẽ bình ổn, sẽ tiến tới mọng nước thì chẳng qua cách chữa cũng chiếu theo cách chữa huyết nhiệt mà thôi. Nhưng, chứng nhiệt hay dẫn đến tình trạng tinh thần mệt mỏi, lúc này nếu dùng lầm loại Sâm Kỳ bổ ích thì nhiệt càng thêm mạnh. Lại như nhiệt độc thường hay gây nên nôn mửa, ỉa chảy thì không được dùng nhầm loại Kha tử, Nhục khấu sát chặt lại thì độc nhiệt cũng sẽ càng mạnh. Cho đến chứng đã có mụn mào, khi huyết đã định rõ vị trí và hình thể, đỉnh mụn đậu trắng láng, đó là cái thể sắp mưng mủ, khi đã mưng mủ thì cái thể huyết nhiệt sẽ mất dần đi, sự uất trệ của độc hòa cũng đã giải được. Lại cũng không nên cố chấp phép Thanh lương mà có thể chậm chước, vì khi mưng mủ thì dùng Ôn bổ lâm chính, như thế mới được.

Mới sốt mà đã sốt cao, đầu toát mồ hôi, lưng bụng đều đau, kèm thêm mửa ỉa, ho khạc, đó là chứng ngoại cảm cùng độc ở trong đều nặng, nên dùng mau bài Kinh phòng bại độc tán (tức là bài Nhân sâm bại độc tán - (197), để sơ giải.

Sốt mà mửa ỉa không dứt, mình nóng miệng khát thì không dùng được các thứ thuốc ôn nhiệt chỉ sấp vì nó sẽ làm ứ đọng nhiệt độc chẳng khác gì lấy hỏa giúp thêm cho hỏa. Nên dùng bài Tứ linh tán (110) gia giảm mà chữa. Nếu sốt cao thêm nữa, đầu nhức, ho, sổ mũi nước thì dùng Gia cát vị, Cát cân thang (138) để phát hãn. Cơ thể của bệnh nhi yếu thì dùng gia vị Sâm tố ẩm (206) để phát hãn, và cũng không được dùng nhiều sợ dẫn tới biểu hư. Nếu đã phát hãn rồi lại thấy bứt rứt, bực dọc, khát, nói nhảm thì nhất thiết không được dùng bừa thốc thanh giải, chỉ nên dùng Bại độc hòa trung tán (212) mà chữa.

Nếu có đau lưng, đau bụng mà bứt rứt bực dọc thì đó là khí độc đã nặng lắm, dùng Bại độc hòa trung tán (212) mà chữa, nếu có táo bón gia Đại hoàng sao rượu mà chữa, đậu mọc thì hết đau, nhất thiết không được dùng toàn thuốc hàn lương để đến nỗi ngăn trở cái thể đậu mọc dẫn tới hiểm tượng độc đậu công phá bên trong ngay.

Nếu mình sốt một hai ngày rồi đậu mọc ở những chỗ như Thiên đình, Tư không, Ấn đường v.v.. trước, hoặc mọc ủa cả một loạt dãy chỉ chít, hoặc khô mà tím đen, hoặc liền thành mảng không tách bạch mụn nọ với mụn kia, đều là do khí huyết ngưng trệ mà khí độc tha hồ tung hoành, rất đáng lo ngại, nên mau mau hoạt huyết dưỡng khí, giải

độc dùng Điều nguyên hóa độc thang (77).

Chứng thuần âm vô dương. Phàm chứng đậu phát sốt thì tay chân phải ấm áp. Nếu thấy (tay chân) lạnh ngắt thì người đó tất thường có bị mùa ỉa, là Tỳ khí hư nhiều. Tỳ chủ chân tay, cho nên thấy chân tay lạnh là chứng xấu, tức là có kèm thêm chứng ngoài khác nữa, không thể chỉ dùng đơn thuần thuốc phát tán, bệnh đã hư lại làm cho hư thêm. Phép chữa nên ôn trung tán biểu dùng Hoàng kỳ kiến trung thang (117), hoặc Lục khí tiên (72) gia các loại Khương, Phòng, gừng tươi, Kinh giới để bổ dưỡng Tỳ Vị khí huyết đồng thời giúp cho đậu mọc tốt.

Âm hư huyết kém, sốt vật vã, tinh thần mê man, nên dùng Tứ vật thang (27), hoặc Nhị âm tiên (28). Âm hư huyết nhiệt mà đại tiện không thông nên dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29) mà chữa.

KHÍHƯ: Chứng khí hư, lúc mới mắc bệnh nhất định là mình nóng, chân tay lạnh, khi nóng khi mát, tinh thần mỏi mệt, da trắng bệch, ăn uống kém sút, chân tay rũ rời, nằm ngủ yên tĩnh nước tiểu trong và điều độ hoặc nôn mửa, ỉa lỏng, điểm báo đã thấy có nhưng lỗ mũi không đập mạnh được, sắc hồng nhạt, da mỏng, đó là thuộc chứng hư thì rất rõ.

Về phép chữa cho chứng này khi chưa thấy điểm báo cũng không nên dùng loại Thăng ma cát căn thang (1) và Tam đậu thang (76) mà dùng Sâm kỳ ẩm (5) gia các vị phát tán nhẹ như Tử tô, Phòng phong. Nếu thấy thở to, da khô không có sắc nhuận thì chỉ dùng Tứ quân thang (90) gia một ít các vị Cát cánh, Xuyên khung, Phức bì để thêm một tí thăng thì rất hay. Sau khi đã thấy điểm lại dùng Sâm kỳ ẩm (5) gia thêm một ít vị có tính vừa thăng vừa thác như loại Xuyên khung, Cát cánh. Ba bốn ngày sau khi thấy điểm thì trọng dụng Sâm kỳ tùy chứng mà gia giảm. Như thấy mụn đậu lõm sắc xám nhợt không mong nước, hoặc nước trong, tự đổ mồ hôi, hơi khát thì dùng Đại bổ nguyên tiên (254) gia Khương Quế mà chữa. Đến ngày thứ 7 - 8 khi nốt đậu mong nước đủ mức thì dùng Bảo anh bách bổ thang (6) để điều dưỡng khí huyết là được. Nếu đậu tẹt lõm, sắc xám màu tro, bụng trướng, ỉa chảy thì dùng Mộc hương tán (129). Nếu ngứa tẹt, bần thần khó chịu, bụng trướng, khát, ỉa chảy, suyễn thờ gấp, đầu nóng, chân lạnh rết run, nghiêng rãng thì phải dùng mau Dịch công tán (115) để cứu chữa. Đến như chứng hăm đen, tẹt mà đen thì phần nhiều dùng Mộc hương dịch công tán (7) thường có hiệu quả.

HUYẾTNHIỆT: Chứng Huyết nhiệt khi mới mắc bệnh thì thấy mình nóng sốt cao là độc khí quá mạnh, mang tai hồng, má đỏ, da lông khô se, vật vã, khát đòi uống nước, ngày đêm kêu khóc, nằm ngủ không yên, thích nằm vào chỗ mát lạnh, dãi gât, chắc chắn đó là chứng nhiệt.

Về phép chữa nên trọng dụng thuốc thăng để phát tán, khiến cho độc thấu đạt ra ngoài biểu, dùng phép thẩm tiết so lợi để giải độc dẫn nhiệt tả xuống hạ tiêu ra ngoài, lại phụ thêm thuốc thanh lương giải độc, hành huyết, lương huyết, thì đậu tuy dày đặc cũng có thể tiêu tán, cho nên gọi cách đó làm nhẹ ở phần biểu, làm mát ở phía trong, dẹp yên chứng thực, làm mát chứng nhiệt. Cho nên chữa đậu có ba phép: An biểu. Hòa trung và Giải độc. Trước khi đậu mọc dùng Thăng Ma cát căn thang (1), hoặc Thăng ma lưu khí ẩm (8), tuy hai bài này đều có thể dùng được cả, nhưng chẳng thà dùng bài Thấp thần giải độc thang (9). Đến khi thấy điểm báo được 3 - 4 ngày, thể nhiệt bình ổn rồi,

sắp mưng nước đậu thì dùng Thái ẩm bảo hòa thang (10) gia giảm. Đến ngày thứ 8 - 9 sau khi nước đậu mọng đủ mức thì dùng Bảo anh bách bộ thang (6) để điều dưỡng. Nếu đến ngày 7 - 8 đậu bị bầm đen, khô và xanh màu tro, khô hãm thì các bài Doạt mệnh đơn (11) Trư vĩ cao (14), Bách tướng hoàn (12) đều có thể chọn dùng. Chỉ có trường hợp sau khi bị ỉa chảy mà đậu bị đen hãm khô hồng thì dùng Mộc hương di công tán (7) để cứu.

Nhiệt độc muốn phát mà không phát ra được cho nên thấy nóng rét qua lại, đó là chứng biểu lý đều xuất hiện, trước sau đều nên dùng sài hồ, Cam thảo, lại tùy chứng mà chọn những vị thuốc thích hợp mà chữa. Bởi vì, hàn là do biểu hư mà xâm nhập, nhiệt là do bên trong thực mà có. Mới bị bệnh là có độc thịnh công phá. Khi mưng mủ là nhờ ở khí huyết. Sau khi khỏi thì hai mặt vinh về đều hư, cho nên trước sau khoảng 7 ngày mà chỉ có nhiệt là đầu đang nung nấu, khí huyết và độc đều thịnh. Sau 14 ngày mà chỉ có nhiệt cũng là có dư độc, chứng này dễ chữa

Trước sau khoảng 7 ngày mà chỉ có hàn là khí huyết đã hư tổn lại bị độc tà bế uất bên trong, chứng khó chữa, nên gấp dùng phép ôn bổ làm chủ yếu. Nhưng trong khoảng 7 - 8 ngày mà có nóng rét thì còn sợ có sự hãm phục, cho nên cho uống Nội thác tán (16) để đề phòng.

g) Dùng được trong thời kỳ phát sốt.

Trong khi còn nghi ngờ chưa rõ, chứng thấy kiêm cảm phong hàn, nên tùy chứng mà chọn dùng các vị Khương hoạt, Độc hoạt, Ma hoàng, Tế tân, Quế chi, Phòng phong, Cát căn, Tiên hồ, Cương tâm, Chỉ xác, Quất hồng, Tử tô, Xuyên khung, Bạch chi, Thiên thoai, Kinh giới, Thông bạch, Sinh khương

Trong khi còn nghi ngờ chưa rõ, chứng thấy cảm phong nhiệt nhẹ thì nên tùy chứng mà chọn dùng các vị Phòng phong, Kinh giới, Tiên hồ, Trần bì, Xuyên khung, Thiên ma, Ngưu bàng, Cát cánh, Hạt nhân, Cam thảo, Thiên thoai, Liên kiều, Huyền sâm, Mộc thông, Sơn tra, Nguyên tụy.

Mụn đậu đã rõ mà chứng thấy phần khí hư thì tùy chứng chọn dùng loại Phòng phong, Kinh giới, Xuyên khung, Cát cánh, Phục linh, Tử tô, Thiên thoai, Khương tâm X. Sơn giáp, Hồ tụy, Búp măng, bú xộc cây dâu, men rượu, máu mào gà. Hoặc khí suy nhược quá mà đầu không mọc được thì trong thuốc phát biểu gia thêm một ít Sâm, Quế.

Mụn đậu đã rõ mà thấy chứng huyết nhiệt, thì tùy chứng chọn dùng các vị như Thang nhạ, Cát căn, Phòng phong, Kinh giới, Thiên thoai, Thiên trùng, Xuyên khung, Máu đơn, Hồng hoa, Xích thược, Sinh địa, Tử thảo, Linh dương, Tề giác, Sơn giáp, máu mào gà, Ngưu bàng, Huyền sâm, Liên kiều, Cát cánh, Cam thảo, Sơn tra, Trần bì, Phục bì, Mộc thông, búp măng, rễ lau, Đại hoàng, Thạch cao.

Chứng đầu có huyết nhiệt dùng Linh dương giác hay hơn Tề giác, vì Tề giác làm mát Tâm thì độc lại trệ. Linh giác làm mát Can mà trị huyết nhiệt, lại thanh Phế thoáng lợi vùng thượng tiêu, lại an tâm trừ nhiệt, bổ âm, đồng thời tán kết mà không trệ nên càng hay

III - THỜI KỲ CÓ ĐIỂM BÁO

a) Chứng thuận.

Bệnh đậu thấy sốt cơn 3-4 ngày rồi mọc là khí huyết đầy đủ mà độc lại ít, khó cảm động, đầu mọc phải thưa mà thuận, thấy mọc rải rác từng nốt một mà mặt mấp mạp là sẽ mọc thưa nếu mọc với 3 - 5 nốt liền nhau là nhất định mọc đầy.

Sốt vài ngày mà thấy điểm báo, quảng mắt không sưng, ỉa đái như thường, cổ không mềm, môi không phù, hai má không có dấu hiệu gì khác, thịt không thũng là chứng lành.

Đậu mọc thưa, trong ngoài đều mát, độc đậu tất nhẹ, lại nốt đậu to nhỏ tách bạch rõ ràng, không dính liền nhau thì nên dùng một ít thuốc tháo lý giải độc để giúp cho đậu đủ mọc và mưng mủ mà thôi.

Đậu thấy đều một màu là chứng lành, nếu xen lẫn 2 - 3 màu là chứng xấu.

Trước thì có mưa, nhưng khi đậu mọc thì hết mưa là chứng lành. Nếu mưa nhiều mà biến chứng là chứng xấu, vì Vị khí đã bại không đủ sức đuổi độc.

Đậu mọc làm 3 - 4 lần, đến ngày thứ 3 thì đậu mọc thấu khắp lòng bàn chân bàn tay. Nốt đậu ở đầu, mặt, ngực, lưng thưa ít, sờ thấy gợn tay, vàng hồng ở gốc mụn đậu to nhỏ không đều, căng mấp, sáng nhuận, chỗ mụn đầu và chỗ thịt màu hồng màu trắng phân minh, như măng vừa nhú khỏi đất, từ sáng đến chiều đã khác là chứng lành.

Mát sáng, tinh thần tỉnh táo, môi hồng hoạt mà không ráo, nhợt là chứng lành.

Thấy điểm đầu tiên ở chỗ xương mà thưa là chứng lành. Thấy điểm ở chỗ thịt mềm không có xương mà lại mọc dày đặc là chứng xấu.

Mát rồi lại sốt, sốt rồi lại mát kéo dài mấy ngày mới thấy điểm báo bắt đầu từ chỗ xương gò má và bên mép từng 2 - 3 mụn một cách đối xứng, đến 3 - 4 - 5 ngày thì mọc đều là chứng thuận.

Mụn đậu mọc nhiều ở phần trên người, mọc ít ở phần dưới người là chứng thuận. Trái lại là chứng hiểm.

MẠO ĐẬU:

Phát sốt đến 5 - 6 ngày, đáng lẽ đậu mọc mà không mọc được, soi đèn chỉ thấy những điểm hồng ở trong da, nhưng sắc và mạch đều bình hòa, hoàn toàn không có chứng chích. Bỗng thấy xây xẩm và mồ hôi rồi đậu mọc, khi độc cùng mụn đậu mọc ủa ra cả một lượt theo mồ hôi mà ra gọi là "Mạo đậu", đó là điểm lành, không có cái lo ngẹt lấp.

7 chỗ cần xem:

1 - Thiên đình (trước trán), Thái dương (góc trán), Phương quảng (trên gò xương lông mày).

2 - Chỗ địa các (góc hàm).

3 - Chỗ cổ, gáy.

4 - Chỗ ngực, lưng

5 - Chỗ bụng, rốn.

6 - Chỗ hậu môn (lỗ đít)

7 - Chỗ bắt mạch ở hai tay

Nếu thấy được vài ba chỗ đậu mọc thưa ít là dấu hiệu lành.

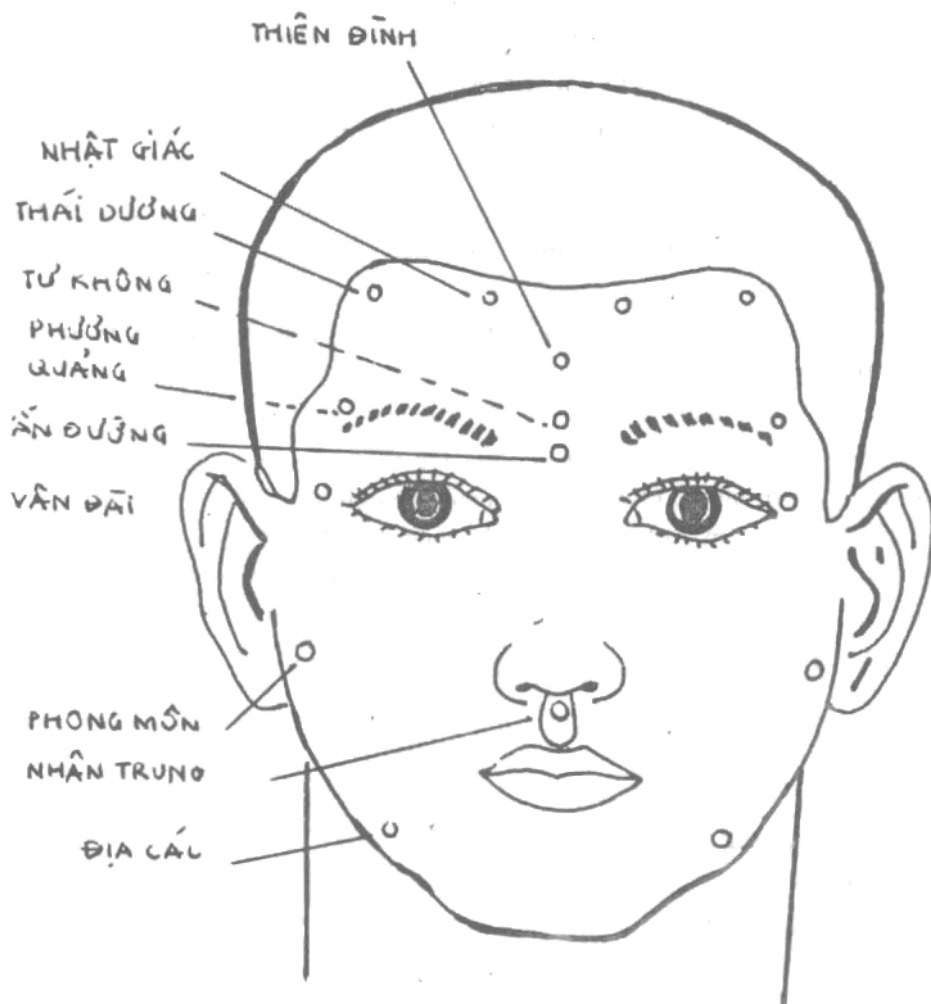
b) Chứng hiểm (phải chữa):

Trong thời kỳ báo điềm.

Sốt mới được nửa ngày hoặc một ngày đậu đã mọc là do khí huyết sút kém quá, độc lại nhiều cho nên dễ xúc động, loại này đậu mọc dày mà khó cương. Tuy mọc dày nhưng chân gốc ở mụn đậu tách bạch, ở vùng Thái dương đậu mọc ít, khắp người đậu không mọc thành hình từng đám, sắc không khô hồng là chứng còn có thể chữa được.

Nếu đan mọc dày chi chít và dính liền với nhau, thì tuy đậu đã mọc nhưng độc vẫn còn mạnh, nên uống thuốc thắc lý giải độc để phòng biến chứng hãm phục, ngứa tẹt, hãm đen. Nếu thấy chi chít dính liền khắp người, còn các nơi như mặt, họng, cổ, ngực, lưng lại mọc thưa thì còn có thể chữa được.

LỘNG TIÊU: Có sốt mà chưa thấu (đến tận biểu) đã thấy mọc một số mụn bào rồi lặn mất, lại mọc lại lặn, như thế gọi là "lộng tiêu". Vì đậu phải nhờ vào sức nhiệt đủ mức da thịt mới thông thoáng, tự nhiên đậu dễ mọc. Nay sốt chưa đủ mức thì phần da chưa đủ "chín" nên có hiện tượng mọc rồi lặn ngay như vậy. Đó là do khí huyết suy nhược quá không đủ sức phát tiết ra được.



Chỗ trước ngực, đầu mặt, hầu họng đậu nên mọc thưa, còn ở chân tay tuy mọc nhiều cũng không đáng sợ. Nếu thấy chứng đau họng thì phải chữa gấp.

Ở các huyết thiên đình, Bách hội, Cự khuyết, Nhân nhinh nếu ở dưới da các nơi đó có vết ban đỏ, thì khi đậu mọc nhất định là sẽ nặng.

Đậu mọc đến ngày thứ ba, tư, chân ề nhùn không đứng được là điềm nguy.

Đậu mọc ở ngón tay gọi là "Can Đốm đậu", đậu mọc ở lỗ đít gọi là "Lan môn đậu", đậu mọc 3 - 4 quanh mặt gọi là "tòan nhân đậu", đậu mọc ở hai bên lỗ đái gọi là "Nang nhân đậu" đậu mọc ở hai bên góc trán gọi là "Nhật nguyệt đậu". Thấy đậu bắt đầu mọc ở những chỗ ấy là chứng có thể chữa được.

Nền gốc mụn đậu đã đầy đủ mà đỉnh mụn chưa cương, thịt chưa phòng nên mau thối biểu thác lý là cần thiết.

Thấy dấu hiệu đã 2 - 3 ngày mà họng đau, mắt đỏ, môi sưng thũng đều do hỏa ở Can Phế Vị mạnh, nếu thấy sắc đậu đã có khí huyết hội tụ thì nên mau giải độc, thanh nhiệt thì có thể chữa khỏi được. Nếu sắc của đậu ảm đạm, khô, đỏ là khí huyết đã li tán, chỉ trong vòng 7 - 8 ngày nữa mũi đỏ ra máu thì không được chữa được nữa.

Đậu ở cả người thì mọc thưa, riêng ở hầu họng đậu lại mọc dày gọi là "Triền hầu", cần phải mau thanh phế lợi yết làm chủ. Nên đề phòng đến ngày thứ 8 thứ 9 khi uống nước sẽ sặc và không ăn được rất nguy.

Thấy đi ỉa lỏng nhiều lần phải đề phòng mất tiếng, họng đau.

Đậu mới mọc mà sắc tươi đẹp thì da non dễ vỡ, nên đề phòng chứng xấu là ngứa tẹt.

Đậu mọc xúm lại thành từng đám, không thể gọi là mọc thưa được, cần phòng độc đậu nấu ở trong.

Thấy đầu mặt sưng thũng phải đề phòng đậu dễ tiêu mà thành đào áp.

BẮTCẤP: Như đậu đáng lý mọc mà không mọc được. Đáng lý cương mà không cương lên được. Đó là khí huyết suy nhược, cần đề phòng các chứng không mọc, không cương, không có nước, vỡ loét. Phải gấp dùng thuốc thấu biểu mạnh cho đậu mọc ủa ra, đồng thời điều hòa khí hoạt huyết giúp cho việc mọc mụn giải độc.

THÁIQUÁ: Đậu mới mọc đã có nước, mụn chưa mọc đúng mức đã chuyển sang thu áp ngay là những chứng chưa đến lúc được như thế mà đã như thế gọi là "Thái quá", phải đề phòng đậu hãm phục, đào áp, nên mau phát biểu, thác lý, giải độc là chính.

Đậu có màu hồng như quả đào xạm, mập to, sờ thấy gợn tay, ấn xuống còn thấy vé hồng hoạt chứng còn có thể cứu được.

THÍĐẬU (đậu mọc thử): Chứng đậu biến hóa khó lường, có khi cả người không sốt cao, cũng thấy có mọc điểm báo, nhưng không có mụn mọc đóng vảy, hoặc mọc rồi lại lặn, đó gọi là "Thí đậu", không nên coi thường, sau đó vài ngày bỗng thấy sốt cao tất đậu sẽ lại mọc, cần phải xem xét kỹ.

TIỀNĐẬU (Đậu mọc xía tiền): Sốt cao chưa lui, lại thấy đậu mọc, trước tiên mọc ở những chỗ Thái dương, góc trán, chân tóc, Thiên đình, góc mũi, đó là độc của đậu lặn vào những vị trí thuộc dương, phần lớn không phải là điềm lành. Lại thấy mắt đỏ, môi

sốt, đờm suyễn, sắc tím hoặc trắng thì đậu mọc càng nhanh, hoặc mọc thành từng đám 3 - 5 mụn gọi là "Tiền đậu", đều là điềm không lành, nên mau lương huyết giải độc để phòng cái nguy hại đó.

c) Chứng nghịch.

Mới sốt một ngày, bỗng thấy đậu mọc lấm tấm nhưng trứng tằm lá chứng nặng. Màu trắng tro, dây chỉ chít, mình nóng bụng trướng, ỉa chảy, khát không dứt, đầu âm, chân lạnh mà sắc tím đen, khô rang là chứng chết.

Thấy có đậu ở trên môi và trên nướu răng là chứng không chữa được.

ĐOẠNKIỀU: Chỉ thấy mọc từ ngang lưng trở xuống, còn phía trên không có. Đó gọi là "Đoạn kiều đậu" (Đậu câu gãy) chứng không chữa được.

Đậu mới mọc mà toàn bộ không cương, đỉnh mụn đầu giống như mụn bông nước sôi là cả hai mặt khí và huyết đều bại, chỉ khoảng 9 ngày nữa đậu sẽ ngứa tẹt mà chết.

Đậu đã mọc rồi lại sốt một đợt lại mọc thêm đợt khác chứng không chữa được.

Thịt đỏ tím từng mảng, má như vỏ quít, không phân rõ chỗ thịt và chỗ mọc mụn đậu là chứng chết.

Sắc đậu trắng mà da mỏng, sáng nhuận, dễ vỡ, gốc của ổ mụn, hoàn toàn không có màu hồng, sau 3 - 5 ngày sẽ lớn như hạt đậu xanh, loại này không mưng mủ được, sau thành mụn phỏng có nước trong rồi bị xát vỡ mà chết, đừng vì thấy đậu có vẻ tươi tắn dễ coi mà cho thuốc bừa bãi.

Đậu mới mọc, đỉnh lõm xuống, chính giữa đỉnh có lỗ đen như kim châm là chứng không chữa được.

TỎAKHẨU (Khóa mồm): Khắp người đậu mọc thưa ít, riêng ở môi miệng đậu mọc chỉ chít gọi là "Tỏa khẩu đậu" (Đậu khóa mồm). Nên đề phòng khoảng 9 - 10 ngày nữa thì không ăn được, phát sốt mà chết.

MANHUNG (đậu đầy ngực): Đậu chỉ mọc ở vùng trước ngực gọi là "Mạn hung", phải đề phòng khoảng 9 - 10 ngày nữa sẽ mất tiếng, bụng đau, nghiến rang mà chết.

PHÂNKIÊN (Đậu vịn vai): Chỉ thấy đậu mọc nhiều ở vai và lưng gọi là "Phân kiên", nên đề phòng phát sốt, không nổi được, ráo khát mà chết.

Chú thích: Huyết Dũng tuyến ở dưới chân và huyết Kiên tinh ở vai là đường đi ngấm của thủy, tân dịch tỏa ra dưới lớp da những nơi đó. Thủy ở Dũng tuyến và Kiên tinh bắt nguồn từ thận. Độc thịnh ở những đó làm cho thủy ở nơi đó bị cắt đứt. Và lại khí huyết của năm tạng đều rải ra vùng sống lưng, nếu ở lưng đậu mọc chỉ chít tức là tạng khí đã bị tổn thương.

PHÂNCUỐC (trái chân): Thề đậu khởi phát không mạnh, chân và gốc mụn đậu mập, nhuận, sắc, đậu xanh và trắng, sốt cao, mê man gọi là "Phân cước" (đậu trái chân). Chỉ 3 ngày sau sẽ chết.

TẶCTIÊU (dấu hiệu độc ác): Đậu mới đầu mọc ở những chỗ như Thiên đình, Phương quang, Thái dương, thấy một mụn làm tiền tiêu (dấu hiệu báo trước) sáng lóng đẹp, dễ coi được một lúc rồi lặn ngay, đó gọi là "Tặc tiêu" cũng giống như giặc muốn hãm thành mà cho kẻ gian vào thám dò trước. Bệnh này chắc chắn chết.

Mới sốt mà lưng đau, mãi khi có điểm báo mà lưng đau vẫn không dứt, mụn báo như con tôm, mặt đỏ, hơi thở to, bú rứt vật vã, mê loạn thì trong khoảng 5 - 6 ngày nữa trong miệng có mùi hôi, ở người mọc mụn ban đen tím, hoặc môi miệng xanh đen, trên lưỡi mọc mụn mà chết.

Có chứng Vị nhiệt, da vàng như vỏ quýt là chứng chết.

Trong cơ thịt bị đau như như bị đòn là chứng không chữa được.

Đậu mọc bắt đầu ở hai bên và phía trên bìu dái thì đậu sẽ bị hắc hãm. (Tôi xét trước đây nói: chứng thấy đậu bắt đầu mọc ở hai bên lỗ dái còn chữa được. Ở đây thì nói trên cái bìu dái để phân biệt).

THỦ ĐẬU (Đậu sần): Mụn đậu và mụn Sởi cùng mọc dày chỉ chít mà sởi lại không chịu giải trước gọi là "Thủ đậu", là chứng không chữa được.

Đậu chưa mọc mà có ban màu hồng tía, hoặc một vài ban đen, chảy máu mũi, mê man li bì, mình nóng vật vã thì từ 3 - 5 ngày chết.

Lưỡi rút, dái co là chứng chết.

Các chỗ chân tay và mặt nếu có đậu mọc mà mình sốt bú rứt vật vã không lui, riêng ở vành tai và sau tai lại mọc nhiều là chứng xấu. Chỉ có trường hợp khắp người đậu mọc thưa ít, hồng hoạt, sáng nhuận các mụn điểm báo mọc rõ ràng, trên tai không có đậu mọc là chứng không có hại gì.

Trong thời kỳ đậu mọc, có các chứng điên cuồng, nói sáng, thấy ma quỷ, hay uống nước lạnh, nốt ban bắt đầu mọc từ lưng đùi trở lên là chứng không chữa được.

Mọc ban xanh đen từ nốt ruồi và thịt có những khối xanh đen thì có thể chết ngay.

Đậu mới mọc mà trên mình có ban, môi mép nứt nẻ hoặc sưng, ở miệng thở ra mùi hôi thối, đó là da dày bị loét mà phát ban nữa, là chứng không chữa được.

Trước mọc những nhọt độc (vô danh thũng độc), rồi sau mới mọc đậu thì trong 10 bệnh chết tới 9.

Đậu mới mọc mà mùa là không dứt, lở theo mồm mũi, hậu môn mà ra, không ăn uống được, là chứng chết.

Cả người có những mụn phỏng tím bầm, khô thì bật màu đen ra là chứng chết.

Đậu mọc mà mặt xanh xao, không sốt là chứng chết.

Đậu mọc dày, hãm phực, bú rứt vật vã điên cuồng, kêu gào, từ trong miệng phả ra mùi hôi thối, đó là tòa nung nấu làm cho Phế ngầu nát. Vị bị bại, tất sẽ biến chứng ra mất tiếng, nôn khan, suyễn thở, chỉ trong 7 ngày thì chết. Nội kinh nói: "Bệnh nhân phế tuyệt bảy ngày chết".

Đầu mụn đậu lõm, mà mọc cả ở chỗ rốn thì trăm bệnh không sống một bệnh nào. Đó là chứng "Thận đậu", ắt rét run, nghiêng răng mà chết.

Đậu mọc, nơi sáng không dứt, ngủ mê man, không ăn được, chân tay lạnh là chứng chết.

Mụn đậu mới mọc mà có đỉnh đỏ, chỉ 6 - 7 ngày thì chết, vì mụn đậu chỉ nên hồng nhạt ở chân mụn mà không nên có đỉnh đỏ.

Mụn đậu có màu hồng hơi tươi mà da thịt lại đỏ hết cả thì đậu sẽ không mưng mủ,

sẽ ngứa tẹt mà chết.

Khi đậu có điểm báo, mũi miệng, tay có màu hồng tím, hoặc ra máu không dứt thì nhất định chết.

Đậu báo lúc mọc mà không mọc được, hoặc nổi ban hồng như vết muỗi cắn thì 6 ngày chết.

Đậu mọc đều (mọc đến lòng bàn chân gọi là đều), độc đã thấu ra ngoài, đáng lẽ bên trong phải được yên tĩnh, nhưng lại thấy sốt không lui, mề sảng không dứt, đó là độc tà rất mạnh, thần không chỗ dựa nữa, tất nhiên là chết.

Thấy đậu mọc nhiều ở trong vành tai là đậu thuộc Thân, chứng rất xấu. Nếu kèm thêm chứng đau lưng nữa thì nhất định chết. Đã kinh nghiệm.

Độc đậu mọc ở mắt cá trong chân nhất định là chứng chết. Đó là độc phát trên kinh Thận, cho nên thấy đậu mọc ở huyệt Thái khê. Đã kinh nghiệm.

d) Lời bàn chung về thời kỳ báo điểm.

Nên xem xét màu sắc của điểm báo khi mới có đậu tươi hay khô thì có thể biết được đậu sẽ mọc thổ mập hay thưa. Có thể mới đầu đậu mọc như cái vòng, mụn lùn mùn, chỉ chít dày đặc thì biết là kèm có nhiệt. Mụn rải đều, mọc lần lượt tuy rất dày nhưng còn có thể cứu được. Mọc ủa ra hàng loạt, màu đỏ ửng, da mỏng dù mọc thưa chưa chắc là bệnh sống cả. Mụn đậu nhỏ lặn tán, đầu trắng như mụn Bạch bôi⁽¹⁾, tất đậu mọc khô khốc, sau sẽ công phá vào trong.

Hình mụn đậu lặn tán, điểm đỏ như son, tất sẽ trở thành tiêu tụy. Thế đậu thô mập, sưng, điểm đỉnh mụn không hồng, sau sẽ trở thành trắng hăm. Đầu nhọn da mỏng, có vết nhân như quả thù du sẽ không mọc nước. Do cơ nhục trẻ em có khác nhau cho nên không thể quyết đoán như nhau cả.

Những trường hợp cơ thịt béo bệu thì da mỏng, non má hồng; vàng vọt gầy gò thì đậu sẽ màu cánh dán; người đen da thô thì sắc đậu sẽ âm đạm. Điều đáng mừng là những mụn nổi cao, có thần, thấy điểm như hạt ngọc, như hạt lúa mà sắc có thần, nhuận mịn là chứng yên ổn. Điều đáng kỵ là những mụn mọc dày, đỏ, khô ráo, các quả đậu hoặc tía, hoặc sém mà da lông khô héo, chứng đó tuy có đới nhiệt, mọc đều, chỉ sợ mọc dày như kim châm, tiếp tục mọc ra. Lại càng kỵ đậu hình như con tằm, như trấu, như mụn rộp, mụn sởi, mụn ghẻ, gốc mụn và chân mụn không rõ. Hễ phạm phải một vài loại trong đó đều không chữa được.

Mới đầu thấy đậu mọc dày, sau thấy thưa, đó là có kèm Sởi, kèm Ban. Mới đầu thấy mọc thành mảng có điểm hồng, giống như khó lòng tách bạch ra được, cho đến khi cương thì chỉ còn lại các mụn đậu thôi, cho nên lúc đầu giống như dày má sau lại thưa.

Lại có trường hợp lúc đầu thì thưa sau lại dày thì có thể là chứng thuận mà cũng có thể là chứng nghịch. Sách nói: "Chứng nhẹ là đậu mọc làm 3, 4 lượt, mụn đậu to nhỏ không đều, cho nên lúc đầu như thưa mà sau dày dần, đó là chứng thuận, chứng lạnh. Nếu xem lần đầu chỉ thấy 3-5 cổ trên mặt, trước ngực có mụn lở mồm, gốc mụn sưng cứng, đợi khi mọc thì mọc ủa nổi lên, cho nên trước thấy thưa mà sau thấy dày, đó là chứng

(1) Bạch bôi: Trong quá trình bệnh Thấp ôn ngoài da các nơi cổ gáy, ngực, bụng mọc ra một số mụn nước nhỏ giống như thủy tinh, khuỷu vẩy có chảy ra nhựa vàng nhạt, (trái trắng). Đây là do thấp nhiệt uất ất ở khí phân mà phát ra.

ngịch, chứng xấu.

Đậu mọc lần lượt là chính khí sung túc, độc khí nhẹ, đậu mọc thưa (do độc khí nhẹ nên chính khí còn có thể kìm giữ được). Đậu mọc đều một loạt là biểu hư, độc thịnh, chính khí không kìm giữ được, cho nên độc khí tự do hoành hành vậy.

Nhưng, sự bao che bảo vệ ở ngoài là nhờ ở Tỳ, Tỳ hư thì mụn dễ vỡ. Có sức đẩy độc từ trong ra ngoài là nhờ ở Khí. Phế chủ khí, Phế hư thì mụn đậu không cương được. Có sức nuôi dưỡng cho tốt chân mụn đậu là nhờ ở huyết. Can chủ huyết, Can hư thì huyết không thể nuôi dưỡng tốt được. Nguồn của huyết là thủy, Thận chủ thủy, Thận hư thì mụn đậu khô khốc, hãm đen. Ngứa và đau là do Tâm, Tâm chủ hỏa, hỏa thực thì có chứng đau, hỏa hư thì có chứng ngứa.

Mới vài ngày thấy to mập có vẻ hồng hoạt là chứng lành. Nếu thấy có chỗ thịt hơi sưng cao như một nhóm hạt lúa, không tách bạch được mụn đậu, đó là do khí trệ huyết ngưng, khí độc uất kết lại. Nếu khí mới mọc còn sưng hồng, sau dần dần đổi sang đen mà cứng như sỏi, đó là cơ nhục đã bại, khí huyết đã hư, ở trong không thể chuyển đưa độc ra ngoài được đến nỗi hãm phục. Nếu đỉnh mụn lõm đen, xung quanh nổi cao, đỏ, mọng nước là huyết theo độc mà chạy ra ngoài, khí không có tác dụng vào đó. Nếu ngay chính giữa mụn hơi mọng lên, còn xung quanh khô lõm, sém đen, đó là khí kèm với độc theo nhau ra, huyết không giúp thêm gì vào đó. Nếu hình hơi trắng, nước mũ tự vỡ loét là do khí huyết đều không đủ, da dễ đã bị bại hoại rồi. Nếu có nốt phỏng nước phập phều dễ vỡ là do hòa với thấp cùng vận hành, khí huyết không thể thu liễm lại được. Nếu có mụn phỏng máu, sắc tía dễ vỡ là do huyết nhiệt chạy càn, không thể tự nó cùng đi kèm với khí được. Nếu đầu mụn có lỗ chấm, nước mũ tự rịn ra là do vệ khí đã bị bại cho nên chất dịch thoát ra ngoài.

Trên đây là những chứng nguy.

Bàn về sự giao hội của khí huyết: Một điểm huyết mới sinh ra, hình và sắc chưa phân rõ, là là hình tượng của thần âm, vì huyết mới đầu chưa độc phạm lên phía trên theo các khiếu mà ra, chưa chịu sự kìm chế của khí dương, nhưng hình thể đã được tạo nên, sau đó do biến diễn mà dương bắt đầu hội lại, khí âm có thể ổn định để chế ước, là khí đã hình thành ở trong, huyết tuần hoàn ở ngoài, do đó, ngay giữa mụn đậu hơi có màu trắng, mà phía ngoài có màu hồng nhạt. Nếu như cái thể của huyết thịnh chưa giảm xuống là thuộc hình tượng của "Vi dương", càng biến diễn mà khí đi vào phía trong bắt buộc huyết hóa độc. Khí và huyết nếu tuần theo được sự đúng đắn tuần tự thì gốc mụn đậu trong trắn, phần trắng ở giữa rộng thêm dần, màu hồng nhạt ở ngoài thu hẹp dần mà thuộc hình tượng của "Vi âm". Tình hình lại diễn biến mà huyết thu liễm, khí đầy đủ, độc hóa thành mũ, phần trắng ở giữa đã đủ sức căng tròn, chắc nịch, từ màu trắng chuyển thành màu vàng, vòng hồng cũng biến hóa, cả hai mặt huyết và độc đều chuyển thành hình tượng "thuần dương". Những mụn độc đó, tuy có khác nhau về to nhỏ, thưa dày, trăm nghìn hình dáng cũng quy về một đó là tính (tính chất), chỉ có biến thái không nhất định là "tinh (tinh huống)". Tính là do trời đất. Tinh là do tự âm dương. "Tinh" có thể biến hóa, còn "tính có phải tự sức người bồi đắp được đâu. Cho nên khi chữa đậu có cái lo là gặp hình tượng chưa tách bạch rõ, ranh giới lúc âm mới bắt đầu giao nối với dương, buổi đầu của sự dương giao âm hội, nếu không phải là thầy thuốc thật giỏi để biết hư

thực hàn nhiệt thì không dễ dàng gì mà cho thuốc, bởi sự tính thuốc sai trái với bệnh. Cơ chế giao hội của khí huyết, nếu khi bắt đầu ổn định vị trí, huyết bắt đầu phụ trợ vào, mỗi thứ đều được tiến hành thuận lợi thì còn phải dùng thuốc làm gì. Chỉ trong trường hợp mất bình thường mới phải điều trị, điều hòa khí huyết cho được giao hội thì độc sẽ được trục ra mà không lo ngại gì nữa.

Ở những chỗ như nhân trung và khoảng mũi, má, mang tai, sống mũi, bắt đầu mọc vài ba điểm màu hồng nhạt, sắc tươi nhuận, dần dần mọc thêm từng điểm khác, gốc mụn tròn, khí đến đầy đủ, huyết phụ trợ sung túc, đó là chứng thuận.

Nếu ở những chỗ như Thiên đình, Tư không, Thái dương, Ấn đường, Phương quang bắt đầu có điểm gốc, mụn không tròn là do khí rời huyết tán, khô tím không tươi, là chứng nghịch.

Nếu gốc mụn tuy tròn và sắc tươi nhuận, có thần, mịn màng, rành rẽ từng cái một, nhưng đỉnh bị lõm xuống, là cái thế khí huyết khó tụ mà tạo thành chứng hiểm. Tuy chân mụn tròn thành hình hân hoi, nhưng khô hồng không nhuận cũng là chứng hiểm.

Chứng thuận thì không phải chữa, tự nhiên cũng khỏi, đạt sự đúng mức của nó, huyết tạo được hình thể tốt đẹp khí vận hành trong huyết mà độc tự nó không thể chạy bậy để tung hoành, phá phách được.

Chứng nghịch thì tuy chữa cũng không khỏi vì khí sáp huyết trệ, sự giao hội không đầy đủ, làm cho độc nhân cơ hội ấy mà xâm phạm vào bên trong.

Chứng hiểm là chứng có thể chữa khỏi được, vì độc tuy có hại tới phần trên, nhưng khí huyết chưa rời nhau, còn có khả năng giúp đỡ cho nhau. Còn hiện tượng đáng lo là chưa phân rõ thế nào cả, chưa có thể chữa gì được thì phải đợi cho khí huyết giao hội rồi mới tùy chứng mà chữa.

d) Phép chữa trong thời kỳ báo điểm.

(xem thêm phần chứng hiểm trên)

Kỳ hạn của bệnh đậu chỉ có 14 ngày. Từ khi thấy báo điểm cho

đến trong khoảng 7 ngày là thời kỳ như bông búp, khí ngày càng thịnh, đến 7 ngày sau nữa thì khí thu lại, hòa tan. Cho nên dùng thuốc thì nên cho vào 7 ngày đó thì chữa mất công, ngày đêm cho uống liên tiếp không ngắt quãng, mượn sức vận hành của hỏa độc để đủ sức mang mụn nử một cách tự nhiên dễ dàng. Để chậm sau 7 ngày đó thì chữa mất công vì độc đậu phải dựa vào khí huyết, cũng như tấm cám phải ở lộn trong mè gạo. Chỉ khi nào khí huyết đầy đủ thì sự vận chuyển mới nhanh chóng, cũng như sàng gạo phải liên tiếp thì tấm cám mới tách khỏi hạt gạo, tấm cám tự chuyển động tự lại, quây thành một đám. Cho nên khí huyết có đầy đủ thì mới chạy khắp, độc cũng không ứ trệ trong vinh vệ mà kịp thời mừng mủ thu áp. Cho nên thầy thuốc chữa bệnh sáng suốt thì sau khi thấy có điểm báo, tức khắc bồi bổ khí huyết để giúp thêm cái thế vận hành đẩy độc ra. Tại sao người ta không biết lẽ đó lại chỉ thấy thứ có độc để mong làm cho đậu mọc. Lấy độc để công độc, thế khó mà toàn thắng, đậu ép phải mọc, nhưng còn cái công làm cho nước mủ thu áp đậu phải là khả năng của thứ thuốc có độc. Vinh vệ đã hư mà dùng thứ có độc để làm hại ở trong lý, tuy độc có bốc nổi ra ngoài, nhưng trong lý trống rỗng suy yếu, một khi sức thuốc chậm tác dụng thì độc tà quay trong, còn mong

gì mà cứu chữa được.

Trong thời kỳ có báo điểm, thấy có chứng hư thì phải tức tốc cho ôn bổ ngay không thể thì bệnh không chữa được. Bởi vì chứng đậu thực nhiệt rõ ràng ai cũng dễ thấy, còn chứng hư hàn thì kín đáo người ta hay nhận nhầm cho nên tác hại rất lớn.

Hơn nữa, chỗ dựa của bệnh đậu là nhờ vào sự ăn uống và khí huyết, gốc của ăn uống là Tỳ Vị, gốc của khí huyết là Can thận. Làm cho khí của Tỳ Vị mạnh thì giúp sức mừng mọng, không còn lo suy yếu bên trong gây nên hãm phục. Khí huyết đầy đủ thông suốt thì độc được biến hóa hết, chẳng còn ngại biểu dư đậu sinh ngứa tẹt. Tại khí hay tại huyết, độc ít hay độc nhiều là những điểm cần biện chứng cho sớm để chữa.

Nếu có kèm theo những nốt ban như muỗi đốt là chứng trạng ác liệt hơn bị rần cắn, hoặc như xoắn ốc, như mây bay, như bóng chớp những dấu hiệu đó còn có chút hy vọng chữa được, những vấn không thể nói là không can ngại gì. Khi chưa sốt, một số điểm mọc ra trước gọi là "điểm báo", sau khi có điểm báo, sốt lâu mà đậu không mọc thêm nữa thì nên coi mụn đậu đó là đậu đích. Lúc đầu thấy nổi u lên sau mọc đậu gọi là "Sì độc" là bệnh sống được. Còn như lúc đầu thấy mọc đậu, sau mới nổi u lên thì u đó gọi là "Quý thũng" là bệnh khó chữa.

"Tỵ đậu" là thứ đậu mọc dấu ở chỗ kín như ở mi mắt, ở mạn sườn phần nhiều là chứng xấu.

"Muộn đậu" là loại đậu mọc dày, ở những nơi trọng yếu như lưỡi, họng, ngực, lưng .v.v. đó là chứng không lành. Đậu thuận dù mọc dày không đáng ngại, đậu nghịch dù một điểm cũng nên lo. Mụn đậu đỉnh mọc trước thì các mụn khác sẽ không dương lên được. Nếu "tặc đậu" sinh ra, thì các đậu khác sẽ không nung được. Khi đã nhận rõ đúng là "đỉnh đậu" "tặc đậu" thì phải kêu ngay cho vỡ.

Chứng lý chưa yên, tuy đậu đã mọc nhưng độc vẫn còn ở trong. Đại tiểu tiện điều hòa người yên tĩnh, người tuy sốt mà độc đã xuất ra biểu. Độc còn ở trong thì thấu cơ phát tán và nên giải độc mới tốt. Ở biểu thì bổ kiêu phát tán, lấy yên biểu làm chủ. Nếu chứng trong ngoài đều bình yên thì lúc đó không cần phải chữa nữa.

Sốt được hơn một ngày đậu đã mọc ủa cả một loạt thì cần hỏi xem trước đó mấy ngày đã có sốt chưa. Nếu có khi nóng khi mát tức là bệnh đã kéo dài quá thời kỳ. Nếu không có sốt mà thấy có chứng như vậy tức là biểu khí đã hư, độc khí còn mạnh, phần dinh bị nhiệt, phần vệ bị suy, làn da thổ thịt (tấu lý) không kín chặt cho nên khí độc tấn công ào ạt, vệ khí không kìm giữ được ở phía ngoài mà để cho độc tràn ra quá mạnh. Phép chữa trước nên thác lý giải độc, sau dùng thuốc làm cho biểu vững mạnh mới không lo đậu sẽ ngứa tẹt vỡ loét.

Sốt được 5-6 ngày rồi mới thất bát đầu mọc đậu, cần phải xét xem trước đó có bệnh nội thương ngoại cảm gì không. Bởi vì sốt của bệnh nội thương ngoại cảm kéo dài không hết thì sẽ bị hãm xuống, kết hợp với sự cảm kích bởi cái độc của đậu chứa chất ở trong Thận, cũng có thể theo đó mà mọc lên, không thể cho là đậu sai kỳ được. Nếu không có hai điều như vậy mà sốt lâu không dứt thì đó là khí ở lý hư không thể đuổi độc ra, đến nỗi độc tà nấn ná, trốn đọng lại ở trong tạng phủ, hoặc mới đầu đậu mọc ít, sau nhiều dần đều do đậu độc ẩn phục ở lý, khí hư nhược không đủ sức đẩy độc ra ngay đều nên dùng thuốc thác lý làm cho đậu chóng mọc, sau đó nên bổ trung ngay kiêm giải độc. Như

thể mới không lo đậu hãm phục đảo áp.

Có người bẩm thụ khỏe, da dày thịt chắc, khí độc khó bốc vượt ra ngoài; cũng có người do thể chất yếu đuối dễ cảm phải phong hàn, đến nổi làn da thô thịt bị vít chặt lại, khí huyết bị ngưng trệ, cho nên đáng lúc mọc lại không mọc được, cần phải phân biệt mà chữa. Nếu đã chữa mà đậu vẫn không mọc được là do độc còn náu ở tam tiêu, không bao lâu nữa sẽ biến sinh biến chứng. Nếu bụng trướng, táo bón, vật vã không yên, sốt cao, mạch Sác thì nên hạ nhẹ. Nếu đã thấy điểm lở mờ ở dưới da thì biết độc đã bốc vượt ra biểu rồi thì không thể hạ được nữa.

Khí điều hòa thì đậu mọc nhanh, vì biểu khí bình hòa thì vệ khí không bị trệ; lý khí hòa thì dinh huyết không bị ứ đọng. Cho nên, thuốc phát biểu hay dùng để vận hành, phát tán khí ở biểu, ở lý. Và thời gian mụn mọc cần được hòa hoãn như khí của 3 tháng mùa Xuân phát sinh, thì khí huyết sẽ điều hòa thông suốt, tự nhiên đậu sẽ dễ mọc, dễ cương, dễ mừng mủ, dễ thu áp. Nếu thiên về thuốc nhiệt cao quá thì tráng hỏa hại đến khí, khí càng bị hư mà không vận hành được, nếu thiên về thuốc hàn quá thì khí bị ngưng trệ cũng không vận hành được.

Muốn xem xét đậu phải biết rõ bộ vị: trán chủ Tâm, mặt chủ Vị, bụng và chân tay chủ Tỳ, mạng sườn chủ Can, hai nách chủ Phế, bẹn đùi chủ Thận, vai lưng chủ Bàng quang, đều tùy từng chỗ mà biết đường xử lý kịp thời khiến cho trong lý không còn chỗ ứ trệ, để tiện bồi bổ về sau này. Đậu có nhiều loại độc thì cũng có nhiều phép chữa, căn bản là nên giải độc, nhưng dùng nhiều thì khí huyết không kịp, tưới nhuận cho nên phải lựa dùng thuốc đại bổ để giúp cho việc mừng mủ. Khí huyết đầy đủ thì đủ sức hóa độc và kìm chế độc. Tuy đậu có mọc dày, cũng không đáng sợ nhưng không nên có tình trạng đậu mọc dày trên những đoạn đường quan trọng của kinh lạc.

Sau khi thấy điểm báo mà sốt không lui là do khí độc đang rất mạnh, trước sau nên dùng thanh giải. Đậu mới mọc màu trắng tro đỉnh lõm xuống, hoặc đỉnh có nổi mà sờ không gợn tay, gốc mụn không hồng hoạt, mình mát mà yên tĩnh là chứng hư hàn. Nếu mình mát mà đậu trắng gio, ăn uống kém hoặc nôn mửa, bụng trướng có khí lạnh chạy ngược lên, hoặc ỉa chảy ra nước trong mà chân tay lạnh ngắt, đó là chứng thuần âm, phép chữa phải dùng ôn bổ thật mạnh.

Các loại đậu trắng, màu như phấn, có chân tròn, có đỉnh, nhưng mập mà nhão, chữa nên đại bổ khí huyết.

Các loại đậu trắng mà thịt hồng là do khí hư, không kìm được huyết, cũng nhân hỏa nhiệt mà chuyển ra ngoài biểu, vì vậy, chữa nên lương huyết để thanh nhiệt ở cơ biểu, nhất thiết kỵ các thuốc có tính thăng tán như Khung, Quy.

Đậu đã mọc hết một lượt mà vẫn sốt cao, khí trệ da thịt sưng láng là do khí độc ở trong, nên mau dùng thuốc nội thác (đẩy từ trong ra), nếu để chậm thì độc lại công phá bên trong mà chết.

Táo bón, miệng khát mà đậu mọc không dễ dàng là do trong có thực nhiệt. Nếu đại tiện lỏng, miệng khát mà đậu mọc không dễ dàng là trong có hư nhiệt. Nếu đại tiện lỏng mà miệng không khát, đậu mọc không dễ dàng là trong có hư hàn. Nên phân biệt tỉ mỉ.

Đậu phải nhân có nhiệt mới mọc, nhân có nhiệt mới cương. Nếu nhiệt quá cao thì

lại làm cho huyết ráo, huyết khô càng làm cho đậu khó mọc. Cho nên trước khi thấy có điểm báo phải quan sát tình hình hàn nhiệt để liệu mà xử trí. Nếu có nhiệt thì không dùng nhiều các thuốc có tính cay nóng vào phần khí, sợ sẽ giúp thêm cho tà hỏa đến nổi sinh biến chứng. Trong thời kỳ này hết sức kỵ chứng là chảy, cần xét điều này mà chữa mau đi để tránh nguy hiểm.

Hình sắc của đậu mới đầu đã giúp ta nhận rõ lành dữ, mà cũng có thể phân biệt được hàn hay nhiệt hư hay thực. Trong thời kỳ này việc điều trị để phục hồi là hết sức cần thiết. Và lại, đậu mọc trong 3 ngày thì độc ở khoảng bán biểu bán lý rất là quan trọng, cho nên, phát hàn lâm thì làm cho đậu mọc ban loét, hạ nhâm thì làm cho đậu hãm phục. Thiên về mặt hàn lương thì thương tổn đến chính khí; dùng thuốc tảo nhiệt nhiều thì giúp cho tà khí. Có hư hàn mà không bổ thì đậu sẽ hãm phục, ngứa tet. Có thực nhiệt mà không tả thì đậu sẽ biến thành đen mà dòn về Thận. Nếu có chỗ sai lầm thì sự sống chết sẽ quyết định ngay. Người thầy thuốc không thể không thận trọng.

e) Xử phương trong thời kỳ báo điểm.

Khi đậu mới mọc chỉ có hai chứng khí hư và huyết nhiệt mà thôi, trong thời kỳ này nên mau điều trị. Đậu sắc trắng thì khiến cho trở thành hồng hoạt, đậu sắc đen thì khiến cho trở thành hồng nhạt thì đậu sẽ cương, mưng mủ, thu áp thuận một đường, không còn lo gì nữa.

Chứng khí hư thì sắc đậu trắng nhạt, không cương, sờ không gợn tay, không chắc cứng mà ngứa tet, mứa ít, gáy rét run, nghiêng răng, chân tay mát lạnh, tự đổ mồ hôi, dính mụn lốm (như có lỗ) ra nước, da mỏng mà mụn mềm, màu tro. Nếu không mau điều bổ thì sẽ ngứa tet mà chết. Cách chữa nên dùng Bảo nguyên thang (61) gia Hoàng kỳ sao rượu, Nhục quế, Xuyên khung, Đinh hương, sữa người (nếu có là chảy thì không dùng), rượu ngon sắc uống.

Chứng huyết nhiệt thì hơi đen hoặc sắc hồng tía, xạm tối không sáng, nổi sảng, cuồng loạn, sốt cao không lui, bứt rứt, khát đòi uống, mụn đậu khô hồng, sưng đau, cam răng, ban sởi, thịt ở ngoài phần biểu tía đỏ, nên mau lương huyết giải độc, phát biểu, thác lý là chính. Tảo bón thì nên hạ nhẹ. Nếu không thanh giải mau thì độc sẽ hãm đen không cứu được. Nên dùng Hoàng liên giải độc thang (4), hoặc Lục vị tiêu độc ẩm (99).

Lại có *chứng huyết hư* gốc mụn không hồng, hoặc có hồng nhưng tán loạn, sờ tay vào thì sắc chuyển thành trắng, trên mụn đậu như ớn lạnh, nổi gai ốc, khô nhám không trơn, mụn khô không có mủ, không có máu, tân dịch không thấu ra ngoài, nên mau dùng Bảo nguyên thang (61) gia Xuyên khung, Dương qui, Hồng hoa, và Sơn tra để tiêu cái trệ của Sâm, Kỳ, lại thêm mấy phần Mộc hương mà huyết tự lưu thông được. Sách nói: Trắng màu tro là do khí hư thì công của Sâm, Kỳ là lớn; khô ráo là do huyết hư thì sức của Khung, Qui là nhiều. Lại nói: Sâm Kỳ nên dùng sau khi điểm đậu đã mọc hết; cho thuốc nhiệt nên xem chừng khi khí độc đã được giải hết. Dùng Địa hoàng nên dùng thêm gừng để phòng gây huyết trệ. Dùng Bạch thực nên sao rượu để khỏi lo tính toán hàn của nó.

Sau khi thấy điểm báo, sốt hơi lui thì không còn có những chứng nóng bên trong. Hoặc sắc không hồng lắm, dính mụn không nhọt lắm là có hiện tượng hư, tuy mới trong 5,3 ngày cũng nhất định mụn không dùng thuốc hàn lương, sợ tổn thương Tỳ, Vị gây hại

không ít, nên dùng các bài Bảo nguyên thang (61), hoặc Lục vật tiến (63) là chính, tùy chứng gia giảm mà chữa.

Đậu mọc 2-3 ngày, mình nóng không lui là do huyết hao mà gốc nện không rục hồng, nên dùng Dương qui hoạt huyết tán (47) thêm Cầm, Liên sao rượu.

Thấy điểm mới quá cũng phải biện xem lành dữ hư thực. Như sốt mới một ngày, hoặc vừa mới sốt thì đã thấy điểm là do huyết nhiệt độc mạnh gây nên, thường là chứng xấu. Nhưng thấy đậu mọc thưa mà ăn uống như thường, hoàn toàn không kèm thêm chứng khác là không có hại gì.

Hình khí vốn suy nhược mà đậu lại mọc nhanh là do dinh nhiệt vệ hư không thể chủ trì được ở bên ngoài, cho nên đậu mọc ra rất nhanh, chữa nên dưỡng vinh kiêm thực biểu thì mới không lo ngứa tẹt vỡ loét, dùng Thực biểu giải độc thang (64) mà chữa.

Sốt được một ngày đậu đã mọc rất dày là chứng rất xấu, độc của bệnh rất mạnh, chứng này rất kỵ ôn bổ, nên dùng Sơ độc tiến (24) gia Sài hồ mà chữa, hoặc Khương hoạt tán (65) gia Ngưu bàng, Tử thảo, Thiên thoái, hoặc Điều nguyên bảo anh đơn (66), sốt cao thì dùng Thoái hỏa đơn (68), hoặc Song giải tán (22) chữa gấp thì may ra cứu sống được 1, 2 trường hợp.

Đậu tuy mọc sớm mà sắc không hồng tía, sốt không cao, toàn thuộc chứng biểu hư thì dùng Bảo nguyên thang (61), hoặc Lục Vật tiến (63) cũng dùng được.

Đậu mọc không dễ dàng thì cần phải xem có hay không một số chứng nội thương hoặc ngoại cảm mà biện chứng luận trị bệnh đó.

Về mùa Đông rét cứng, hoặc không phải mùa Đông mà có hàn tà vít lấp ngoài cơ biểu có các chứng ngạt mũi, nặng tiếng, ho khạc, đậu mọc chậm, nên dùng Ngũ vật tiến (94) gia các lựa như Sinh khương, Ma hoàng, Tế tân, hoặc Ngũ tích tán (69) cũng tốt, hoặc Sâm tở ẩm (54) gia giảm mà chữa.

Về mùa hè, độc hỏa nung nấu đến nổi huyết nhiệt khí hư, phiền khát sinh ráo mà đậu mọc chậm, nên dùng Nhân Sâm bạch hổ thang (53) gia Mộc thông, Cát căn mà chữa.

Nhân thời tiết không tốt không tốt lành, bị cảm nhiễm ngoại tà phong hàn làm cho da thưa bế tắc mà phát sốt không ra mồ hôi, đậu mọc chậm, nhất định có chứng đau đầu, ngạt mũi, chân tay co quắp đau nhức, tê, dùng các bài Sơ tà ẩm (19), hoặc Sâm tở ẩm (54). Tinh tinh tán (70) mà chữa.

Nhân bị tà khí xúc phạm mà đậu mọc không dễ dàng, nên dùng Thập tuyên tán (50) gia giảm cho uống, bên ngoài dùng Ngũ hương, nguyên tuy (tức rau ngò rí) để phòng các khí đó.

Nhân trước đó bị lao lực, nguyên khí hư nhược mà đậu mọc không dễ dàng, nên dùng Lý trung thang (59) mà chữa.

Vốn không có ngoại tà mà đậu mọc không dễ dàng, đó là do khí huyết ở trong bị hư không đuổi được độc, độc nấn ná ở trong, nên dùng Thập tuyên tán (57), hoặc Thác lý tiêu độc tán (71).

Phần khí hư tổn nhiều mà đậu mọc không dễ dàng, nên dùng Bảo nguyên thang (61), hoặc Lục khí tiến (72) cũng được. Phần huyết hư tổn nhiều mà đậu mọc không dễ dàng, nên dùng Ngũ vật tiến (94), hoặc Lục vật tiến (63) gia giảm mà chữa.

Bên trong có chỗ bị tổn thương, khí trệ mà đậu mọc không dễ dàng, nên dùng Quân khí tán (73), hoặc Quất bì thang (74) gia giảm mà chữa.

Đậu ở đầu mặt mọc không dễ dàng nên kết hợp dùng các loại như Khung, Qui, Kinh giới, Khương hoạt, Phòng phong, Thiên ma để làm tá sứ dắt dẫn.

Đậu ở ngực bụng mọc không dễ dàng, nên kết hợp dùng các loại như Cáo bản, Thăng ma, Tử tô và Tử thảo mọc thông thang (78).

Đậu ở chân tay mọc không dễ dàng, nên kết hợp dùng Quế chi, Cát căn, Cam thảo, Liên tu, Tử thảo, Thông bạch, đều có gia thêm gừng để làm tá, uống luôn vài thang thì đậu sẽ mọc dễ dàng.

Đậu mọc không cương, tuy có nhiều chứng khác nhau, nhưng chung qui do khí huyết ở trong hư, không thể đẩy độc ở trong ra, cách chữa phần nhiều là phải thác lý, hoặc kiêm giải độc tán tà, hoặc chuyển bổ nguyên khí, cần phát xét biện chứng mà chữa.

Sau khi đậu mọc đều, hoặc bị phong hàn làm bế tắc lại mà phát sốt, đầu đau, đậu hăm phục không cương, nên dùng Khương hoạt tán (65), hoặc Sâm tô ẩm (54) kèm thêm các thuốc nội thác mà chữa.

Điểm hồng mới mọc mà đã chuyển sang xám xịt ngay, khô ráo, không cương là chứng xấu, nên dùng Tứ vật thang (27) gia Tử thảo, Hồng hoa, Đinh hương, Thiên thoái, Quan quế, hoặc dùng chữa bằng Vô gia tán (79) liều lượng tùy bệnh nhân lớn bé mà cho.

Các mụn mọc nhiều dần kèm các ban hồng mà đậu khó tía không cương, sờ không gợn tay, mình nóng, hơi thở to mà mau, dùng Thanh vị hóa ban tiến (50) để đẩy độc ra biểu.

Dại tiên phân chặt, nóng bên trong, đậu mọc lơ lơ ở khoảng cơ thịt, không cương lên được, nên dùng Tử thảo ẩm tử (84).

Có nhiệt ít ở phần huyết mà đậu không cương, nên dùng Bảo nguyên thang (61), hoặc Thiên thoái cao (88) gia Hoàng kỳ.

Vì huyết hư mà đậu không cương, nên dùng Khung qui thang (75) hoặc Tứ vật thang (27). Phần huyết bị hư hàn mà đậu không cương, nên dùng Ngũ vật tiến (94). Phần khí bị hư hàn mà đậu không cương, nên dùng Bảo nguyên thang (61), Lục khí tiến (72) mà chữa. Nếu khí huyết đều hư mà đậu không cương, nên dùng Lục vật tiến (63), hoặc Thác lý tán (89) làm cho đậu phát.

Các bài thuốc bổ khí huyết trên đây nên cho gia rượu ngon, sữa người gạo nếp càng hay.

Lấy độc để công độc làm cho đậu phát như các vị Xuyên sơn giáp, răng người, Thiên thoái.

Lấy độc để công độc làm cho đậu phát như các vị Tử thảo, Hồng hoa, Ngưu bàng, Tê giác, Mộc thông, Liên kiều, Kim ngân.

Lấy tính thang để làm cho đậu mọc như các vị Xuyên khung, Bạch chỉ, kinh giới,..., Mạn kinh.

Giải tán hàn tà để làm cho đậu mọc như những vị Ma hoàng, Quế chi, Sài hồ, Cát căn, Phòng phong, Tử tô, Thông bạch.

Hành khí, khử trệ, sơ thông ứ đọng làm cho đậu mọc như những vị Đinh hương, Mộc hương, Trần bì, Hậu phác, Sơn tra, Đại hoàng.

Ích hòa hồi dương, kiện Tỳ, chỉ khát làm cho đậu mọc như những vị Phục tử, Nhục quế, Can khương, Nhục khấu.

Trên đây chưa hẳn là thác lý làm cho đậu mọc, nhưng có thể dùng các thứ đó làm tà, mà phải lấy các thứ thuốc chữa khí huyết làm chính, nhờ ở các bài như Tứ quân, Tứ vật, Thập toàn đại bổ thì mới ứng nghiệm liền tay, không còn bị hại nữa.

Mụn đậu màu trắng tro, không hồng cang hoặc đen tro, dính lõm, hoặc mình không sốt cao, da nhão, sắc trắng, ướt át như bị ẩm ướt, hoặc miệng không khát, ăn uống ít, bụng trướng ỉa lỏng, ỉa dài ra nước trong lạnh đều là chứng biểu lý đều hư hàn.

Khí hư nên dùng Điều nguyên thang (61), hoặc Tứ quân tử thang (90). Khí hư mà hơi trệ nên dùng Ngũ vị di công tán (91), khí hư nên ôn thì dùng Bảo nguyên thang (61), lại cũng nên dùng Lục khí tiễn (72) Tỳ khí hư hàn nên dùng Dưỡng trung tiễn (92), hoặc Ôn vị ẩm (93). Lý trung thang (59) để ôn Tỳ.

Huyết hư nên dùng Tứ vật thang (27), huyết hư nên ôn thì dùng Ngũ vật tiễn (94).

Khí huyết đều hư nên dùng Lục vật tiễn (63), hoặc Ngũ phúc ẩm (95), hoặc Bát trân thang (126).

Khí huyết đều hư mà hàn nên dùng Bảo nguyên thang (61) gia Quế, Thục, Nhục quế, Tỳ Vị hư hàn mà khí trệ nên dùng Thập nhị vị di công tán của họ Trần (97).

Sắc đậu trắng tro không cương là do khí hư, đợi khi đậu mọc đều rồi dùng Bảo nguyên thang (61) gia Mộc thông. Xuyên khung rất ổn.

Tỳ Vị khí huyết hư nhiều, hàn nhiều nên dùng Cửu vị di công tán (96), hoặc Lục vị hồi dương ẩm (98).

Sau khi thấy điểm báo mà thấy có chứng hỏa, nhiệt độc thì mau mau thanh giải, nếu không chữa sớm thì sẽ không cứu được.

Điểm to, đỏ sắc da nơi gốc mụn hồng khắp, đó là huyết nhiệt, khí không đủ sức kìm giữ, sau này nhất định đậu mọc rất nhanh, da nhão dễ vỡ, hoặc đầu ngứa tẹt không cứu được, nên mau mau thanh nhiệt, ở trong phần huyết dùng Lương huyết dưỡng dinh tiễn (119), hoặc Thử niêm tử thang (37), hoặc Lục vị tiêu độc ẩm (9) gia Bạch thực mà chữa, hoặc Tứ vị tiêu độc ẩm (100), hoặc Ích hoàng tán (101) đều tốt.

Đậu đã mọc tức là đậu độc đã tiết ra được, đáng lẽ nhiệt đã tự giải, nếu đậu đã mọc mà sốt vẫn cao, đó là độc hun nấu ở trong, thổ bệnh đang khẩn trương, đậu sẽ mọc rất dày, nên giải độc đó bằng Sài cát tiễn (17), hoặc Thử niêm tử thang (37) chọn mà dùng.

Sau khi đã có điểm báo mà sốt cao vẫn không lui, hoặc 3-4 điểm nổi liền nhau sắc hồng hơi tía, hoặc ở gốc mụn có sắc cháy sém và màu hồng tía thanh đám, hoặc môi miệng nóng ráo, phiền khát, thích uống lạnh, lưỡi có rêu, hoặc ỉa táo dài sền, đó là biểu lý đều nhiệt, là chứng nặng có độc mạnh, cần mau mau thanh nhiệt giải độc. Nếu biểu nhiệt nên dùng Sài cát tiễn (17); lý nhiệt quá nên dùng Sơ độc tiễn (24) gia Sài Iđô, hoặc Lục vị tiêu độc ẩm gia các loại Hoàng cầm sao rượu, mộc thông, Chi tử, Hoàng liên, Sơn tra, Thiên thoái, Quế, Thục, Hồng hoa, hoặc Thoái hỏa đơn (68) gia giám mà chữa.

Bên trong mụn đậu thì đen, phần ngoài thì trắng là độc ở lý nên dùng Giải độc thang (51) để thanh lý. Giữa mụn đậu thì trắng, phần ngoài thì đen là độc ở biểu nên dùng Thăng ma thang (158) để tán biểu.

Độc nhiệt ở trong nặng, gây nên kinh cuồng, nổi sáng nên dùng Tử thảo tiên (130), mài Tê giác hòa với Chu sa ích nguyên tán (34), hoặc Thoái hỏa đơn (68).

Sau khi dùng thuốc giải độc như trên mà thấy màu hồng tím giảm, là dấu hiệu hòa, ăn uống được, không khát nữa, đó là biểu lý đều đã mát, nhất thiết đừng dùng thêm thuốc giải độc nữa, mà phải dùng mau các bài như Bảo nguyên thang (61), Tử vật thang (27) Lục vật tiên (63) điều bổ ích khí để giúp cho việc mừng mù thu áp. Nếu không, đậu sẽ biến chứng ngứa tet mà tiến triển không tốt sau này.

Đầu có nhiệt ở trong mạnh, đại tiện táo bón, phiền khát, bụng trướng đầy mạch Hồng sắc mà đầu mọc không dễ dàng, đó là do nhiệt độc ứ đọng ở trong cần thông lợi để trừ nhiệt độc ấy nên dùng Sài hồ ẩm tử (44), hoặc Tam hoàng hoàn (31), nặng thì dùng Thừa khí thang (103), hoặc Trư dâm đạo pháp (104). Nhưng đây chỉ là trường hợp có nhiệt độc ở lý mà chưa thấy hình đầu cực chẳng đã phải hạ nhẹ thì mới được. Nếu thấy điểm lở mờ ở dưới da tức là đầu phát ra tới biểu, cũng chính là thứ đầu phát đúng thời kỳ của nó thì nhất định không được dùng bữa thuốc hạ.

Đầu mới mọc đã thấy điểm hồng chỉ chút phải mau mau dùng Triền đậu dăng (?) đốt tồn tính gia chế Chu sa uống luôn 2-3 lần, hoặc lấy Bạc hà, Ngưu bàng sắc lấy nước hòa với Thoái hỏa đơn (68) uống, lại lấy Ngô thù du tán bột hòa với nước đắp vào dưới lòng bàn chân để dẫn nhiệt độc đi xuống, cũng có thể giải được cái thể độc nguy hiểm.

Đầu mới mọc mà vùng trước ngực đầu mọc dày chỉ chút phải mau mau dùng Tiêu độc thanh hỏa thang (49).

Đầu biến ra sắc đen là chứng nguy, bởi vì đầu nhờ ở huyết nuôi dưỡng, khí huyết đầy đủ thì đầu có màu hồng tươi. Nếu nhiệt độ hun nóng, ứ đọng thì đầu biến thành màu đen xám. Nếu dương khí thiếu thì đầu biến màu thành đen tro, đen mà màu của thủy, tức là Thận đã thiếu kém, là chứng âm phạm vào dương, chứng rất xấu, nên biện chứng mà chữa.

Độc nhiệt ngưng tụ, đại tiện bí kết, vật vã phiền khát làm cho đầu xám tía hàm đen, cần thông lợi đại tiện để giải nhiệt ở lý trước, phải mau dùng Sài hồ ẩm tử (44), hoặc dùng Dương qui hoàn (105), sau khi đại tiện đã thông lợi rồi thì dùng ngay Tử thảo ẩm (85), hoặc gia vị Tử thánh tán (106) để hóa độc ở biểu, lại vẫn dùng phép đồ bằng nước Yên chí (109) mà bồi.

Đại tiện không táo thì không có chứng hỏa nhiệt khác mà sắc đầu lại thấy xám đen là do Tỳ hư không chế ước được thủy cho nên thấy sắc đen phải mau dùng Ngũ sắc tiên (94), hoặc Bảo nguyên thang (61), gia Tử thảo, Hồng hoa; ngoài dùng Tử thánh đơn (108) nước Yên chí mà bồi, nếu thấy dần dần có màu hồng hoạt là lành, nếu thấy càng khô đen là xấu. Sách "Tâm giám" nói: "Chữa đầu màu đen dùng Bảo nguyên thang (61) gia Khung, Quế để nâng khí lên, khí mạnh thì các thứ độc tự tiêu tán, màu đen chuyển thành màu vàng", (Xem thêm quyển Tập chứng càng rõ).

Loại "toác đậu", sau khi đậu mọc đều, trong đó có số mụn thật hồng, thật đỏ, thật to, sờ không gợn tay, đó là "tặc đậu". Quá 3 ngày, Tặc đậu sẽ biến thành mụn phỏng

nước, thậm chí mụn phỏng đen tía đều là chứng nguy, mau dùng bảo nguyên thang (61), hoặc Lục khí tiến (72) gia Tử thảo, Hồng hoa, Thiên thoái để giải, hoặc dùng Đãng tâm (tâm bức), Mộc thông sắc lấy nước hòa uống với Ích nguyên tán (34) để thông lợi trừ nhiệt tại kinh Tâm mà màu hồng của đậu sẽ hết. Nếu đậu đã thành mụn phỏng nước thì nên dùng Bảo nguyên thang (61) gia nhiều tứ linh tán (110) để thông lợi. Nếu không thế thì đậu cả người sẽ bị xát vỡ, lở loét hôi thối mà chết.

Trước khi đậu mọc nếu có thấp sang (mụn lở chảy nước) nước mù chảy dầm dề thì dùng bột Hoạt thạch mà rắc vào để dễ phòng phần khí bị tiết ra mất, hoặc dùng bột đậu xanh rắc vào cũng được.

f) Những vị thuốc cần dùng trong thời kỳ báo điểm.

Chứng khí hư nên dùng các vị Xuyên khung, Cương tâm, Cát cánh, Cam thảo, Trần bì, Thiên thoái, Xuyên sơn giáp, Men rượ, Hồ Tuy, búp măng, bù xè dâu, máu mồng gà,, đầu dê... tùy chứng chọn dùng.

Chứng huyết nhiệt nên dùng các vị: Thăng mã, Xuyên khung, Cương tâm, cát cánh, Cam thảo, Liên kiều, Trần bì, Sơn tra, Thiên thoái, Xuyên sơn giáp, Ngưu bàng, Huyền sâm, Đan bì, Sinh địa, Linh dương giác; Quí vĩ, Cầm, Liên sao rượ, Mộc thông, Hồng hoa, Xích thực, trùn đất, tâng ngo, Tử thảo, Đãng tâm, (tâm bức), búp măng, bù xè dâu, máu mồng gà... tùy chứng chọn dùng.

HẾT QUYỀN BÍN

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH

Quyển thứ 37

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU ĐÌNH

IV - THỜI KỲ ĐẬU CƯƠNG

a) Chứng thuận (không phải chữa).

Đậu báo được 3 ngày thì càng ngày càng mưng to dần, chỗ nào mọc trước thì cương trước, chỗ nào mọc sau thì cương sau. Mụn đậu mập thêm một phần thì độc ra được một phần, đến khi đậu mập hết mức thì độc cũng ra hết ở gốc đậu màu hồng, đỉnh đậu phải mập và sờ gợn tay mặt mắt sưng dần, ăn uống, ỉa đái như thường mà không có chứng gì khác là chứng lành. Đó là nhờ khí mạnh huyết tốt ở trong phát tiết ra ngoài, độc đã chịu sự tiết chế, tự xuất ra mà mưng nước đậu, không cần chữa cũng tự khỏi.

Độc của đậu nhờ khí làm cho ấm, nhờ huyết làm cho nhu nhuận thì mới có thể tiến triển chắc được. Cho nên, khi đậu phát hình to, màu sáng là khi có thừa, hình mập nhuận là huyết có thừa. Khí và huyết có thừa thì biểu và lý đều điều hòa, không cần phải dùng thuốc.

Khi đậu cương, đậu mọc rải rác là biểu lý đều được sơ thông trên dưới mọc đều, khi được giải tán là chứng đậu thuận.

Đến khi đậu cương mà đỉnh mụn lõm xuống một tí gọi là "Mắt đậu" là triệu chứng bình thường. Nếu chân gốc đậu bè rộng ra sắc nước đậu trắng nhạt, đỉnh không có "Mắt đậu" thì đó là "Thùỵ đậu" (trái rạ).

b) Chứng hiểm.

Hình đậu to, sắc khô ráo, đó là khí đã đến mà huyết chưa đến để làm cho tươi nhuận, nên bổ huyết thì sự khô ráo đó mới chuyển thành tươi nhuận được.

Sắc thì hồng nhuận, nhưng hình lại bằng tet, đó là khí huyết đã đến nhưng khí không đầy đủ, phép chữa nên bổ khí thì sự bằng tet đó mới phồng lên và sáng láng được.

Hình bằng tet mà sắc khô héo, đó là khí huyết không đều không đủ, phép chữa nên đại bổ khí huyết thì sắc đậu mới sáng nhuận mà hình mới căng mập được.

Sắc đậu trắng màu tro là bởi khí hư, hồng tím mà cương lên là bởi huyết nhiệt, hồng tía mà tạo lại là bởi huyết trệ.

Xung quanh nổi đùn lên mà già lại lõm xuống, đó là do Vị khí hư không đủ sức phát cho thấu tới ngoài được. Phần ngoài thấy trắng, ở giữa lại có một điểm đen gọi là "Quĩ đậu" chữa nên dùng phép công độc.

Thấy có nhiều mụn bông nước thì phải đề phòng chứng ỉa chảy.

Chính giữa nổi gồ lên, xung quanh lại bằng, ngoài đen giữa hồng, đó là do biểu tà ứ đọng, nên mau giải biểu.

Dầu mặt sưng nhanh mà đậu lại bằng phẳng thì phải đề phòng.

Thấy mắt có ghèn (dử) và chảy nước mắt nên đề phòng bị màng mòng.

Lúc đầu mọc chưa cương đã thấy đậu ở môi miệng sém vàng là chứng xấu nên mau đề phòng.

Đỉnh mụn đậu lõm không nổi cao, nếu mụn đậu ở trên chỗ Niên thọ (sống mũi) nổi cao thì không phải lo. Nếu chỗ Niên thọ mụn đậu cũng không nổi cao, chữa nên dùng

nội thác (đẩy từ trong ra). Đậu đang cương mà mụn đậu ở chỗ giữa trán (Thiên đình), chỗ giữa hai lông mày giáp nhau (Ấn đường) không nhọn cao lên thì cũng lấy một thác làm chính. Nếu không sẽ dần dần biến thành chứng không chữa được.

Đậu tuy có màu hồng tươi nhưng vẫn khô ráo, không căng mập, đó là do hỏa thịnh mà huyết không đủ, phép chữa nên thoái hỏa lương huyết là chính.

Đậu căng mập mà hơi ẩm ướt là do trong Tý có thấp mà khí không đủ,

phép chữa nên trừ thấp bổ khí, kèm thêm thuốc phong để

thắng thấp, nhưng không được dùng quá mức và quá sớm để tổn hại tới cái khí giúp cho sự cương nước của mụn đậu.

Chứng nghiêng răng và hàm răng cắn chặt là do thận khí vượng mà thận âm thiếu, chủ về việc đậu hãm phục, nên bổ thận âm để đuổi đậu ra.

Đậu đang cương mà xung quanh nổi cao, ở giữa lại bằng hoặc lõm xuống, do hai lẽ:

1) Có huyết hóa thành nước làm cho xung quanh

nổi cao, nhưng ở giữa hơi lõm xuống thường được gọi là "Đậu thù du" do khí ở trung tiêu thiếu, phát ra chưa đến mức mà thôi, phép chữa nên bổ thác.

2) Xung quanh xù cao lên, còn ở giữa lõm tụt xuống, không có nước bởi cơ thịt chết, hình dáng giống như trên cũng gọi là "Quĩ đậu" nên mau công thác. Nếu không sẽ biến thành điểm đen không sao chữa được.

Khi cương to đậu có vẻ sáng nhuận như ánh sáng nước mà gốc mụn chỉ có một đường viền màu hồng, soi đèn thấy lấp lánh như thủy tinh, đó là chứng cương giả, chữa phải ôn bổ mạnh khí huyết kiêm thác lý, phát biểu. Nếu không thì trong vòng 7-8 ngày sẽ phát ngứa tẹt mà chết.

Khi cương to, mụn này nối liền với mụn kia, da sưng thịt phù hoặc xung quanh gốc mụn đậu lại mọc nhiều mụn lấm tấm sau lớn dần lên thành từng đám, đó là bệnh đậu rất nặng, trong phép chữa nên thêm tiêu độc, nhất thiết phải giữ gìn để phòng tai biến do ngứa gãi mà vỡ loét.

Đậu hồng hoặc căng mập nhưng sờ tay vào là vỡ, đó là do huyết có thừa mà khí không đủ, chữa nên lương huyết bổ khí, nếu không thì sau sẽ bị ngứa tẹt.

Đậu kéo dài, gặp ngày mưa dầm mà không cương lên được, chữa nên phát biểu kiêm ráo thấp.

Bệnh đậu, nhân lúc bị nội thương vì ăn uống mà bụng thấy no đầy, bực dọc đến nổi khí trung tiêu bị uất lại mà đậu không cương lên được, chữa nên phát tán biểu tả kiêm tiêu độc.

Bệnh đậu đã lâu, có ghẻ lở không khỏi là chứng xấu, chữa nên bồi bổ khí huyết kèm công thác đậu độc.

Hình mụn đậu chắc hết lại nom không nở nang là do huyết trệ mà đậu bố lại, mụn đậu bằng tẹt, không căng đầy là do khí huyết không thể chế ước được đậu, chữa nên bồi bổ thác lý mạng mới có thể cứu được.

c) Chứng nghịch.

Các mụn đậu mọc xúm với nhau, gốc mụn cứng có màu hồng như cái nhọt mà

không vỡ, đó là do khí huyết ngưng trệ, không lưu thông, da thịt bị hư hoại không chuyển hóa, khí độc tích uất lại không giải, là chứng đậu nghịch, không quá 4-5 ngày nữa sẽ ngứa tet, sinh buồn bực mà chết.

Đậu mới mọc mà đã dày chỉ chít, lộn xộn không thành ổ hạt phân minh, đến khi đậu cương hết thì thành mụn bọc nước trong, ngứa nhiều là do vệ khí không thu liễm, thành chứng đậu nghịch, không quá 2-3 ngày nữa sẽ bị da róc thịt khô, buồn bực mà chết.

Dầu mặt phù lên là tinh ba của 5 tạng đã hao tán, là dấu hiệu hôn phách đã xa lìa, không chữa được.

Đậu ở khắp người đều to mà đậu ở mặt lại không cương là chứng chết.

Lưng bụng đau mà cả người có nốt bầm như muỗi cắn, tất cả các mụn đều không cương, hoặc có mọc thì cũng là những mụn bọc có màu tím, cũng là chứng chết.

Đậu ở cả người đều hăm đen, buồn bực không yên, tinh thần hôn mê là chứng chết.

Dính mụn đậu lõm, máu trắng tro, đường vân vượt ra ngoài bộ vị của mụn, ở góc mụn có biểu hiện huyết tán, lại thêm ỉa chảy, phiền khát, môi trắng nhợt, đờm suyễn, không muốn ăn uống, là chứng khí huyết đều bại, không chữa được.

Khi đậu cương, bệnh nhân kêu khóc mãi không thôi, ngày đêm rên rỉ, bứt rứt vật vờ, như thấy quỷ thần là chứng không chữa được.

Nôn ỉa không dứt, ăn bú sữa không tiêu hóa, hoặc cả ỉa đái đều có ra máu là chứng không chữa được.

Thời kỳ đậu cương có 6, 7 hạt nhỏ mọc sát nhau thành đám, ở giữa có một mụn to khô dẹp méo mó là chứng không chữa được. Nếu ở chỗ đùi chân có một đôi chỗ như vậy thì nên dùng kim bạc mà khâu cho vỡ rồi lấy dầu trộn Yên chi mà bôi.

Đậu ở chỗ chân tay vừa mọc lại lặn ngay, vừa cương lại tet ngay, đó là hiện tượng ngọn lá héo trước vì gốc đã thối chứng chết.

Lúc đậu cương mà có dáng như mây khói che lấp là chứng chết.

Toàn bộ đậu không cương lại biến hăm màu tro, hăm màu tím mà không cương, hoặc hăm phục khô khốc, hoặc mọc mụn mọng nước ngứa tet đều là do khí huyết không điều hòa khiến độc hăm vào trong, ngoài bị hư hại nên là chứng không chữa được.

Sắc đậu trắng như cơm bằng tet không cương là chứng chết. Đó là do độc thịnh mà khí trệ, không thể cho là chứng hư hàn được.

Đậu mới cương mà trong đó có mụn mọng máu là do độc ẩn phục ở Tâm, là chứng không chữa được.

Phát mụn mọng nước là có độc ẩn phục ở Can, tất sẽ ngứa tet mà chết.

Đậu mọc mà gốc nạm đỏ lấm, dầu mặt, da thịt đỏ mà sưng to như quả bầu thì khoảng 7 ngày nữa sẽ chết.

Nếu khắp người dính mụn đậu đều đen, ở giữa mụn lại có mắt như lỗ kim châm màu tím đen thì khoảng 3 ngày nữa sẽ chết.

Nếu ở hai mang tai đậu mọc lưng bùng thành đám, còn ở các nơi như vai, cánh tay, lưng, mông đậu mọc thành đám cứng chắc thì 5 ngày nữa sẽ chết.

Mới đậu đậu mọc thành hình ngay, sau đó lặn dần dần không thấy nữa thì sẽ chết trong vòng 3 ngày.

Khi đậu mới mọc, một nửa số là mụn mọng nước, hoặc về sau cương lên nhưng chỉ thấy nước trắng hoặc chưa thành mụn đã thấy rút khô ngay đều là do hỏa - tính hỏa gấp rút - chưa đúng lúc như thế mà đã xảy ra như thế, phát sớm rồi tàn lụi trước. Tất cả đều tại độc hỏa gây nên, bùng lên trong giây lát rồi tắt khí tuyết mà chết.

Trong thời kỳ đậu cương, mụn đậu mọc chỉ chút, lại thấy đậu hãm phục, bứt rút vật vã, gào thét điên cuồng, hoặc miệng phả ra mùi hôi, đều là do độc hỏa hun đốt làm cho Phế bại Vị nát, hoặc không ăn được, mất tiếng là do hầu họng lở loét, rét run nghiêng răng là do tà truyền vào Thận, bực dọc là thần khí đã suy, mình lạnh là dương thoát, hoặc nôn hoặc ỉa tháo dạ là trảng vị đều bại. Nội kinh nói: "Khí của 5 tạng ở trong bị tuyết thì ỉa chảy không dứt; khí của 6 tạng phủ ở ngoài bị tuyết thì chana tay lạnh giá, cho nên hề thấy những chứng trên đều không chữa được.

Đậu cương được một phần tức là độc ra được một phần, đến ngày thứ 5 thứ 6 rồi mà đậu vẫn chưa cương hết, sắc không hoạt thì chắc chắn là khó sống.

Khoảng 3 ngày đậu đã cương no đủ, đỉnh hồng tía là chứng xấu. Mặt, mắt sưng phù cũng là chứng xấu.

Lúc đậu cương, lưng bụng dưới đau trướng nhiều, không ăn được, hoặc thở gấp khó thở, tinh thần mê man, hoặc bực dọc không yên, hoặc ỉa chảy phiền khát, hoặc môi trắng nhợt, đờm suyễn, hoặc nói cuồng nói sảng, kêu khóc rên rỉ đều là chứng chết.

Khi đậu cương, đầu mụn đậu thấy có nước trắng thì bất cứ là ở chỗ nào cũng đều là điềm không tốt.

Đậu cương có màu tím, chích ra thấy có nước trắng thì bất cứ là ở chỗ nào cũng đều là điềm không tốt.

Đậu cương có màu tím, chích ra thấy máu đen như nước nhà dột là chứng chết.

Đậu mọc thành đám trên chỗ gồ xương mào màu trắng tro mà dày đặc, không ăn được, tiếng khản đặc thì 9-10 ngày nữa chết. Đã nghiệm.

Mắt nhắm nghiêng, nước mắt chảy ra như mù dầm dề không dứt thì nhất định sẽ biến thành hoại chứng. Đã nghiệm.

d) Lời bàn chung.

Việc đậu mọc, lấy khí huyết bình hòa làm lạnh. Nhọn tròn, cứng chắc nhờ khí; đỏ trơn sáng nhuận là nhờ huyết. Đậu hồng trơn mà bằng lôm là huyết đủ mà khí không đủ. Đậu tròn chắc mà sắc nhạt là khí đủ mà huyết không đủ. Bằng tẹt màu trắng tro là khí huyết đều không đủ. Sưng mọng, hồng rực là khí huyết đều có nhiệt. Đậu đến lúc cương tức là đậu phát muốn tới ra ngoài, mà mọc rải rác, mụn đậu nhọn, tròn, sáng, mấp, tươi nhuận là tốt. Nếu chân gốc bè rộng ngang ra, da nổi mọng nước là tốt vừa.

Ngày thứ 3-4 đậu mọc đều đặn tới lòng bàn chân mới là thế ổn định. Nếu còn thấy có vẻ muốn tiếp tục mọc mà không mọc ra được, hoặc chỉ lờ mờ ở dưới da không chịu nổi lên thì nếu không phải do phong hàn làm bế tắc, tất có chứng hư ở trong làm cho đậu không phấn chấn lên được. Vì vậy từ 4 ngày trở về trước đậu độc vừa mọc hết ngoài

biểu nên mát, nếu vào 4 ngày sau đó thì trong thân mình nên ấm; mát thì khí huyết hòa bình, tất đậu phải trơn láng ấm thì tấu lý đều mở thông, đậu độc dễ ra tạo thành nước đậu. Đến lúc đó nếu mình không ấm, tuy chưa đến nổi giá lạnh làm cho đậu ỉn phục, nhưng dự đoán đậu sẽ khó tiến triển.

Đến ngày thứ 4, 5 quan sát hình và sắc của đậu thì có thể biết sự mạnh yếu của khí huyết, mức nông sâu của độc. Hình nhọn tròn, sáng láng, sắc đỏ trơn tươi là biểu hiện khí hội tụ được huyết phụ trợ được cho nên là chứng thuận. Nếu đậu mọc dày đặc dính liền nhau như tằm, nặng thì hãm đen, khô khốc, mụn mọng nước, ngứa tẹt là biểu hiện khí trái ngược huyết li cách, cho nên là chứng nghịch. Nếu gốc mụn đã nổi nhưng sắc không sạch bóng thì khí tuy mạnh mà huyết không phụ trợ, cũng là chứng hiểm.

Chứng thuận bệnh tự khỏi là nhờ khí đủ sức khống chế độc lại được huyết phụ trợ, khí huyết đầy đủ mà độc tự hóa. Chứng nghịch thì không chữa được, do khí huyết xa rời nhau, mặc sức cho độc phá phách ở bên trong. Chứng hiểm còn có thể chữa được là vì khí huyết chỉ hơi yếu kém, những nếu được dao hội tốt thì dù độc có phạm lên trên, cũng có thể (dùng thuốc) giúp đỡ vị khí, điều hòa dinh khí mà độc tự hóa được.

Đậu sau khi mọc những điểm báo, dần dần cương to một phần thì thai độc cũng phát ra được một phần, nếu cương mập đến mức thì độc cũng được hóa hết. Trường hợp đậu không cương là do sự yếu kém của nguyên khí bên trong, không đủ sức tống độc ra ngoài, hoặc có tạp chứng ngăn trở làm cho đậu không thể thăng phát ra được, đều do trước đó không được điều lý. Lúc này nên lo liệu sớm, nếu không sau sẽ khó chữa.

d) Phép chữa.

(xem thêm phần chứng hiểm)

Đậu cương không thể cầu nệ vào số ngày. Đậu mọc dần dần, đậu cương cũng lần dần là vừa phải. Nếu mọc ủa một loạt tức là da thịt đã yếu sinh hư thũng. Đậu cương cả một loạt là do khí ở biểu hư mà độc khí chạy tràn ra. Biểu hư thì không thể thu liễm, tất sinh ngứa đau, lở loét. Cách chữa nên mau cứu biểu làm chính.

Đậu đã ra hết, đáng cương mà không cương là do khí ở lý hư, độc khí lưu lại ỉn náu, ứ trệ không phát ra tất sinh phiền táo trướng đầy, sưng thờ gập, nên mau cứu lý là cần.

Mụn đậu mọc được là nhờ kinh Dương minh Vị chủ quán, một khi khí của Tỳ ấm lên thì khí của Vị cũng phấn chấn, quyết không còn cái lo đậu bị hãm phục.

Đến khoảng 4, 5 ngày, mụn mọng máu đã hình thành, đáng lẽ phải cương mập thành quả mà to, gốc hồng mà đỉnh sáng trắng, đã đủ cái thể mừng nước đậu. Nếu lại còn sắc đỏ chum qua đầu quả đậu, nhìn qua thấy đẹp tươi dễ coi, nhưng kéo dài đến ngày thứ 6 vẫn y nguyên cái vỏ không rỗng phỏ màu mè giả dối, da mỏng mà sáng chói như đèn ngậm nước, đỉnh nhọn mà chân gốc không hồng, nung nước đậu không chực, độc nhiệt mạnh không giải được sẽ biến thành tím, thành đen. Ủng trệ mà không cương thì sẽ bị lõm, bị tẹt.

Trệ mà không tươi nhuận thì đậu sẽ bị khô khan, bị xanh, bị màu tro. Suy yếu không phấn chấn lên được thì đậu mọc không dễ dàng, hoặc bị ngưng mừng nước, thịt bị sưng trướng mà đậu không tiếp tục mừng nước bởi ngưng trệ không vận hành được.

Mặt đã bị hơi nặng mà đậu lại co rút, độc bị uất át không tiến triển được.

Mình không nóng mà đậu không cương là bởi đậu đã thành hình bị lạnh cứng, sắc đỏ, nếu không có biến chứng gì khác thì dùng phép ôn có thể đậu lên được. Khí huyết suy nhược không phản chấn lên được thì sẽ dẫn đến tình trạng đậu khó mọc, về hồng nhuận vẫn y nguyên thì bỏ vào có thể sống được. Sắc tá khô khốc chỉ nên hoạt huyết, dân cơ, kiêng hàn trong phép ôn có ghé bổ sợ gây ứ đọng, gây ứ trệ. Các vị thuốc mạnh tuy có thể làm cho đậu phát nhưng dùng loại thuốc để thấu đạt cơ biểu mới là phương pháp tốt.

Chứng ỉa lỏng chỉ nên lấy ôn bổ trước hết. Ỉa chảy lâu ngày phải thăng đề là cần.

Trên đây là đại các kinh nghiệm dùng thuốc chữa đậu thông thường.

Nếu như da ở đỉnh mụn không nổi, chân gốc không nở rộng, đó là hình xuất trước không thấy nước xuất sau, tức là đậu cương chưa thấu; như người vốn khí thực, thể là ất có chứng ngoại cảm phong hàn, nên phát biểu; người vốn khí hư ất không ăn uống được, hoặc ghé có mưa ít, nên bỏ trung khí mà ghé có thác biểu. Nếu số ngày đã nhiều mà đậu mọc chưa thấu hết, làm cho phiền táo không yên, kêu khóc, sợ nóng, đó là do nhiệt độc ở lý, nên mau giải cơ, thác biểu, tán nhiệt, dẫn hòa thì mới chữa được.

Nói sáng, nghe, nhìn lầm lẫn, thỉnh thoảng phát cuồng kêu khóc, đó là do nhiệt độc chất chứa huyệt ở 5 tạng, dương độc thịnh, không có âm khí để điều hòa lại, tất sinh đại tiện không thông lợi, chữa nên thông lợi nhẹ, khiến cho trong lý không có gì ứ trệ mà ngoài được thông lợi dễ dàng. Nếu nặng thì dẫn đến hôn mê không biết gì, bụng trướng khốc la, là chứng không chữa được.

Đậu cương, cốt nhất là không nên quá nhanh hoặc quá chậm, mụn lớn dần dần, đầu nhọn, chân tròn, mọc rành rõ, màu sáng, chắc to, chân gốc đỏ trơn, đó là nhờ khí đầy đủ đưa huyết đi thấu triệt nên các mụn tự nhiên được nhọn, tròn, sáng khỏe, không cần uống thuốc. Nếu chỉ đỏ trơn mà đỉnh lại bằng, lõm ở giữa, không nhọn tròn lên được; sắc non da mỏng không chắc dày lên được, tất sẽ biến chứng thành ngứa tẹt, độc ứ đọng lại ẩn nấu bên trong, đó là do khí hư, nên bổ khí gấp. Nếu da của mụn mỏng, sắc non, dầm dấp như bị ướt là do khí không thắng được huyết, nên bổ khí lương huyết.

Nếu phỏng như cái túi rỗng không có nước ở trong, là do khí không dựa vào huyết, huyết không phụ trợ cho khí, tất biến chứng thành ngứa tẹt, mụn nhọt, chữa nên bổ mạnh khí huyết như loại bài Thập toàn đại bổ thang.

e) Xử phương.

Đậu tuy có cương, nhưng da mỏng sờ không gợn tay, ẩn xuống có nước trong chảy ra, sắc đậu không xạm, đó là sự cương giả, nên mau dùng các loại như Sâm, Truật, Kỳ, Thảo, Khương, Quế để thăng đề khí lực mừng mù, không thể thì không làm cho mừng mù đóng vảy mà dẫn đến chết.

Đậu bị chột mà đến nổi lõm sâu như cối đá mà cứng thì dùng Khung, Qui Khương tằm, Sâm, Kỳ, Khương, Quế mà chữa.

Do các loài thú gây kinh sợ đậu ẩn nấu mà đôi sắc là tâm bị mất chức trách "Quân chủ" mà huyết không phụ trợ, khí không đủ sức thác lý, phải gấp dùng thuốc thác lý gia các vị Nhân sâm, Viễn chí.

Đậu bằng tẹt dần, đầu mặt sưng dần nên mau dùng các loại như Tào giác thính, Xuyên sơn giáp, Cường tâm để đẩy thấu độc ra, nếu không thì sẽ bị tàn mác không gom lại được, thịt sẽ sưng thũng mà không gom lại được.

Đậu tím hãm không cương, hoặc đen như cái nhọt dính là có đại nhiệt ở trong phần huyết, mau dùng các loại như Đan bì, Hồng hoa, Tử thảo, Dương qui, Thảng mà, Thiên nhân phần, ngoài thì kêu cho bật máu xấu ra thì mới được.

Đậu gần cương, chính giữa nổi cao hẳn lên, xung quanh khô bằng không có nước, hoặc trong thì đỏ, ngoài thì đen, đó là do da dễ bị vít chặt, độc bị trở trệ không vận hành được, bị uất lại không tán ra được, phép chữa nên dùng Tân lương giải cơ, bên ngoài dùng Thủy dương thang (192) nấu tắm để giải sự uất trệ đó.

Đậu ở cả người đều cương, riêng ở chân tay không mọc thấu là do Tỳ Vị hư mau dùng Sâm, Kỳ, Truật gia Quế chi, lấy bồ để đẩy độc ra.

Mình sốt không lui, hoặc đau liên miên, hoặc bị phong hàn bức bách, hoặc nhiễm thêm khí nắng mà không có chứng ỉa đại bị tắc, bứt rứt suyễn thở, thứ tà khí đó ở biểu chứ không ở lý, nên dùng Sài hồ quế chi thang (42) để phát tán, biểu được bình hòa thì đậu sẽ mọc thuận lợi, nhưng không nên phát hãn mạnh quá sẽ làm hao tổn tân dịch.

Đậu nên phát dần dần là tốt, nếu mọc ủa cả loạt, da thịt hư thũng là do biểu hư không thể thu nhóm được cho nên đậu mới mọc ào ào, sau tất ngứa tẹt lở loét, nên dùng Gấp Nhâm sâm cố cơ thang (113), hoặc Khung qui thang (75). Có huyết nhiệt mà đậu mọc nhanh nên dùng Dưỡng vinh thang (118).

Cơ thể suy nhược quá mà đậu cương nhanh nên dùng Lục vật tiến (63). Độc mạnh đậu mọc nhanh nên dùng Lục vị tiêu độc ẩm (99), hoặc Tứ vị tiêu độc ẩm (100), tùy chứng liệu dùng.

Đậu không cương hoặc đã cương mà không thấu hết, phần nhiều do nguyên khí ở trong hư không thể tống độc ra được, vì thế khí độc đọng ứ lại, ẩn nấu không xuất ra được, độc không xuất ra hết thì sinh biến chứng khó lường, thấy chứng ấy nên mau cứu lý để tháo độc. Nên cần phải xét phân biệt bệnh ở phần khí hay phần huyết mới chữa được. Mụn đậu to chắc là nhờ ở khí, mấp mạp là nhờ ở huyết, khí sôi cho âm, huyết tẩm cho nhuận. Nếu hình tuy to mà sắc lại khô là do khí đã đến lúc mà huyết không làm cho tươi nhuận, nên dùng tứ vật thang (27) gia các loại Nhân sâm, Mạch đông, Sắc hồng nhuận mà hình bằng tẹt là do huyết đã đến mức mà khí không đẩy đủ nên dùng Bảo nguyên thang (71), hoặc Lục khí tiến (72) gia Xuyên khung mà chữa.

Hình và sắc đều non yếu mà đậu không cương là do khí huyết đều không đủ, nên dùng Lục vật tiến (63) gia giảm mà chữa, hoặc cho uống Bảo nguyên thang (61), hoặc Thập toàn đại bổ thang (111), hòa với bài Vô giá tán (79), hoặc dùng Độc thánh tán (114).

Gặp mùa đông Xuân thời tiết lạnh, bị khí lạnh đó làm uất lại đậu không cương được, nên dùng Ma hoàng cam thảo thang (116) gia Qui, Kỳ, hoặc Thập tuyên tán (57) mà chữa.

Gặp mùa Hè Thu có hỏa mạnh mà đậu không cương, sinh ra phiền khát, táo bón là nhiệt ở trong, nên dùng Nhân sâm bạch hổ thang (53).

Thời gian đậu cương kéo dài, mụn không đỏ trơn nên dùng bảo nguyên thang (61),

hoặc Lục vật tiễn (63) gia Đinh hương, Sơn tra, gạo nếp, Sữa người, rượu ngon mà chữa, hoặc dùng Vô giá tán (79), tùy trẻ lớn bé mà liệu thêm rượu ngon để chữa.

Đậu ở cả người đều muốn cương hết, nhưng chân tay là nơi hơi xa thì đậu mọc khá đều, nếu Tỳ Vị vốn mạnh, ăn uống được thì không lo. Chỉ khi Tỳ Vị yếu sẵn, ăn kém thì phần nhiều đậu không mọc đến chân tay - vì Tỳ chủ về chân tay - tân dịch không tưới khắp được, vì vậy nên bổ Tỳ là chính, nên dùng Khoái ban việt tỳ thang (123) gia Dương qui, hoặc dùng Hoàng ký kiên trung thang (117) gia Nhân sâm, Phòng phong mà chữa.

Do uống nhầm nước mát mà đậu tẹt trắng không cương nên dùng Lý trọng thang (59), hoặc Vị ái tán (120).

Đậu tuy cương nhưng màu trắng to hoặc dính lõm là do khí hư, nhất định không được dùng thuốc hàn lương, mà dùng Lục khí tiễn (72) gia Đinh hương, sữa người, rượu ngon mà chữa, hoặc Bảo nguyên thang (61) gia nhiều Hoàng kỳ, Dương qui sao rượu cũng tốt.

Đậu cương, sắc hồng hoạt, nếu dính bằng, sắc non, da mỏng không dày chắc là do khí hư, sợ sẽ biến thành ngứa tẹt, nên dùng Lục khí tiễn (72), hoặc Lục vật tiễn (63) gia giảm mà chữa, hoặc Thập toàn đại bổ thang (111), hoặc Thập tuyền tán (57) đều có thể chọn dùng.

Nếu chân hồng mà huyết tán không gọn thì nên dùng Bảo nguyên thang (61) gia Bạch thược, Dương qui để thu liễm nhẹ cho huyết trở lại phụ trợ với khí. Ở góc có chỉ máu hồng nhạt, khô ráo là do huyết hư, nên dùng Bảo nguyên thang (61) gia Khung, Qui, Hồng hoa (rửa rượu), lại gia Sơn tra để vận hành, giảm sự trì trệ của sâm Kỳ, thêm tí Mộc hương để hành khí mà huyết tự hoạt.

Đậu tuy cương mà khô khốc không có nước, hoặc sắc xám xanh tía thì không bao lâu nữa sẽ bị hăm đen, là do huyết hư nặng, nên dùng Tứ vật thang (27) gia Nhân sâm, Mạch môn, Hồng hoa, Tử thảo, hoặc uống với Vô giá tán (79), ngoài dùng Thủy dương thang mà tắm rửa, đồng thời dùng phép đồ Yên chi (109).

Đậu tuy cương mà khô khốc không có nước gọi là đậu không mập nhuận; sắc xám tía trệ gọi là đậu không hồng hoạt mà biến thành hăm đen là do huyết hư, trong nên dùng Tứ vật thang (27) gia giảm, ngoài dùng nước Yên chi (109) mà bôi.

Mụn đậu rất hồng mà khác uống với nước mãi không thôi gọi là "Táo đậu" nên dùng Tế giác địa hoàng thang (26) mà chữa.

Sắc đậu hồng tía, dính đậu căng hoặc sưng tấy là do huyết nhiệt độc mạnh nên dùng Lương huyết dưỡng dinh tiễn (119) gia các loại Đan bì, Mộc thông, Ngưu hoàng mà chữa. Nhưng đậu mọc quá 6 ngày mà có chứng ấy là chứng xấu.

Đậu đã mọc đều mà sột vẫn chưa lui, hoặc phiên táo, khát đòi uống nước, hoặc gặp khi thời tiết nóng quá thì cũng có thể cho uống vài ngụm nước nguội cũng không ngại gì, bởi vì tính của nước là đi xuống, không ứ trệ lại ở thượng tiêu, cho nên cũng có thể làm cho độc theo đường tiểu tiện mà ra ngoài. Nhưng không được dùng các loại hoa quả tươi sợ làm tổn thương tới Tỳ khí.

Bệnh đậu, quí ở chỗ mụn mọc phân minh, nếu mụn này nối liền với mụn khác, da sưng thịt phù, hoặc xung quanh gốc mụn lớn lại có những mụn nhỏ mọc kèm rồi dần dần

ra thành từng đám, chứng này rất nguy hiểm, nên dùng Khoái ban thang (122) hợp với Lục vị tiêu độc ẩm (9) để giải cái độc đó.

Sau khi đậu mọc đều, chính giữa mụn đậu có một lỗ thủng xuyên từ trên xuống tới chân mụn, màu không trắng đen, cùng màu với sắc đậu gọi là "Chú đậu", đó là do biểu hư, da thưa không kín mới đến nổi thế, nếu chữa không đúng, để tiết nhiều nguyên khí mà đậu không thể cương lên được, thành cái vạ giết người mau chóng nên dùng bảo nguyên thang (61), hoặc Lục khí tiễn (72) thêm nhiều gạo nếp, Xuyên khung, Đinh hương để thăng đề khí lực mừng mủ để làm cho đùn cái lỗ ấy lên, đó là cách chữa tắt mau chóng, uống liền 2-3 thang thì lỗ thủng sẽ đẩy lên, đậu cương, nếu đến lúc đậu có sắc đen thì sẽ mọc thành đinh nhọt.

Môi miệng là chỗ bên ngoài để xem xét tình hình của Tỳ, người ta lấy Tỳ Vị làm gốc, không được để cho Tỳ Vị tổn thương. Nếu như khi mới sốt thấy môi miệng khô se, nứt nẻ tức là khí độc công phá ở Tỳ thành chứng xấu, nên dùng loại bài Tả hoàng tán để giải độc cho mau. Nếu không sớm chữa đi thì độc sẽ tụ ở môi, các mụn đậu đều cương như mụn ở môi sẽ chín trước, ở trong chứa nước vàng. Khi các mụn đậu khác mừng nước, khi các mụn đó đã thu áp, thì da ở môi sẽ vỡ ra, dẫn đến biến chứng nôn ọe, uống sặc, hôn mê, bệnh không chữa được.

g) Dụng được.

Chứng khí hư nên dùng các loại: Xuyên khung, Thiên thoái, Trần bì, Cam thảo, Cát cánh, Xuyên sơn giáp, Tạo giác thích, Hoàng kỳ, Sơn dược, Dương qui sao rượu tùy chứng dùng.

Chứng huyết nhiệt nên dùng các loại: Xuyên khung, Thiên thoái, Cam thảo, Cát cánh, Sơn tra, Liên kiều, Linh dương giác, Huyền sâm, Đan bì, Hồng hoa, Sinh địa, Dương qui, Bạch thược, Thử niêm tử, Hoàng cầm, Hoàng liên sao rượu, Thạch cao, Đoàn kim trấp (nước tôi vàng), trùn đất, Tử thảo, Xuyên sơn giáp, Thiêu nhân phần, Đương tâm, búp măng, gạo nếp, bù xè cây dâu, tùy chứng chọn dùng.

V - THỜI KỲ MỪNG MỦ

a) Chứng thuận (không phải chữa).

Độc của đậu phải theo đường mủ mà hóa đi, cho nên nói: "Có mủ thì sống, không mủ thì chết". Mủ hình thành được là nhờ công dụng của khí huyết. Thấy đỉnh đậu mập, sáng nhuận, chân quả đậu có huyết tụ thì sẽ tự có mủ, cho nên là dấu hiệu lành.

Khoảng 4, 5 ngày mình có sốt cơn, đỉnh trắng gốc hồng, ăn uống ỉa đái như thường, tinh thần yên tĩnh là dấu hiệu lành.

Đậu mọc 5, 6 ngày, độc đã hóa thành nước đậu, lúc đầu có sắc trắng, sau có sắc xanh, sau nữa có màu vàng như sáp ong, mập đầy, sáng nhuận, ở gốc đỏ trơn, ấn vào thấy da chắc nịch, nước mủ mềm, không có thêm chứng khác là dấu hiệu lành.

Ở gốc đỏ trơn coi như âm huyết đã được đúng mức. Đỉnh mụn có màu trắng coi

như dương khí đã được đúng mức, khí và huyết đã giao hội, nước mù hình thành đầy đủ, như thế sự biến hóa của huyết làm chỗ dựa cho độc, tức là có âm ở trong dương đã có sự trao đổi hòa hợp giữa âm và dương cho nên hiện tượng tốt.

Đậu mọc có lần lượt thứ tự, không có sự lẫn lộn chỗ trước mọc sau, chỗ sau mọc trước. Qua phần đầu, gáy đậu mừng nước rồi lần lượt đến mụn đầu ở trước ngực mù có màu vàng, đó là loại nước đậu đúng đắn là của nó. Mụn đậu ở trên đầu dương vật mù căng đầy trước cũng là dấu hiệu tốt.

Sau khi đậu tự cương lên, mụn từ nhỏ to dần lên, mụn từ bằng cao dần lên, mụn lõm dần lên, phía ngoài thì hơi hồng, phía trong chứa nước trong, đến khi mừng mù thì từng cái nung thành mù, chân gốc hồng hoạt, hình thể tròn căng, sáng nhuận, lúc đó độc hóa thành nước đậu đều là triệu chứng rất tốt.

Đậu mọc dày, nước đậu lại to mạnh, chưa có bao giờ lại thông tiếp với nhau, tuy có mụn gần sát nhau, chỉ cần chân gốc rành rẽ, các mụn hăm đều mừng lên được đậu cương đều tất cả mọi nơi tức là độc đã hóa theo nước đậu, cho nên là chứng lành.

Đậu mới mọc mà đỉnh bằng hoặc chính giữa lõm xuống, hoặc sắc trắng, chỉ cần bệnh nhân ăn được, tiêu tiểu bình thường, chưa không sai lắm, cho đến thời kỳ mừng mù, mụn lõm thì hơi nổi cao, mụn bằng hơi nhọn, màu đỏ nhạt thì sẽ đỏ trơn hơn, nước máu trong ổ hóa hết thành mù, được như vậy là độc tà giải được. Lại như ở biểu không có chứng đau ngứa, ở lý không có chứng mưa ỉa, tức là cả trong ngoài đều vô bệnh. Được như trên thì chỉ có đợi đậu thu áp, không được cho bữa thuốc thêm nữa.

b) Chứng hiểm (phải chữa):

Dánh rám, ruột sôi réo là bệnh của Dương minh, cơ chế giống như các chứng ỉa chảy là điểm cốt khí tiêu vong, không thể coi thường được.

Các mụn đậu ở mọc ngay giữa mặt phải giữ gìn không để cho phá vỡ, nếu một chỗ bị vỡ tất sẽ sinh ngứa tet.

Nước đậu trong các mụn ở mu bàn chân tay phải được căng đầy, vì ở đó thuộc về Tỳ Vị, nếu không thế thì đến thời kỳ thu áp sẽ không ăn được và sinh biến chứng.

Xem đậu phải quan sát thật rõ "mụn đậu cái" có màu sáng nhuận, nước đậu hoặc mù phải căng đầy, còn các mụn khác tuy có kém ít nhiều cũng không ngại, nếu thấy chưa căng đầy thì nên dùng thuốc bổ thác là chính.

Đậu toàn thân đang mừng mù, bỗng biến thành màu trắng xám là chứng hư hàn, chưa nên ôn bổ thác lý. Nếu biến thành màu đỏ tím là chứng thực nhiệt, nên lương huyết thanh biểu. Nhưng cũng có khi nhiễm phải ngoại tà thì các chứng sẽ dữ dội không thể phân biệt rõ.

Đậu mừng mù mà đau không dứt, chứng đi có hai nguyên nhân:

- Có khí trệ sinh đau thì đậu sẽ không nhuận, phép chữa nên hành trệ;
- Do huyết nhiệt sinh đau thì đậu sẽ đỏ tím, phép chữa nên lương huyết, nhưng không mát quá để làm cho huyết trệ mà ngưng việc mừng nước đậu lại.

Quầng mắt tím đen là độc ác liệt công phá làm cho Can bị tổn thương, hoặc bị ho lâu ngày cũng thấy như vậy.

Các mụn đậu ở đầu, mặt đã mưng nước, còn các mụn ở phần dưới thì rỗng không tức là độc báo hiệu ở trên, sự nguy hại còn có thể cứu vãn được. Nếu các mụn đậu ở chân tay mưng nước mà các mụn ở trên lại rỗng không thì độc khí đã hãm sâu vào trong, đó là cái nguy hại khó cứu vãn được.

c) Chứng nghịch (không chữa được):

Đỉnh lôm, trắng tro, gốc mụn đỏ khuyếch tán là dấu hiệu không mưng mủ mà chết, vì độc có mưng thì mới thành mủ được, độc theo mủ mà hóa.

+ *Thiết giáp* (đậu giáp sắt): Hình và sắc của đậu hồng tía sém khô dính, thịt không nổi cao mà da dày đen như sắt, khều không vỡ, không có máu, nước gọi là "đậu giáp sắt", đó là do khí bị chẹt không nuôi dưỡng, huyết bị khô không tư nhuận, chỉ 8, 9 ngày nữa thì chết.

+ *Sinh đậu* (đậu không chín): đậu mọc khoảng sau 10 ngày đáng lẽ phải mưng mủ, đóng vảy, nhưng lại bằng tet, sắc lại đỏ tím, bên ngoài thì không to mập, bên trong thì không có nước, mủ gọi là "Sinh đậu", do huyết đã đến mà khí chưa đến không quá 13 ngày sẽ sinh trướng bụng, sưng đầy mà chết.

Trong thời kỳ mưng mủ mà nghe có mùi hôi thối là điềm xấu, nên mau chóng thanh nhiệt giải biểu, may ra còn cứu được trong muôn một.

Trong thời kỳ mưng mủ, bóng thấy mắt mờ, hoặc ánh mắt không sáng, trông mắt từ trong chuyển dần sang màu hồng đỏ, không chữa được.

Nốt đậu thấy toàn nước trong, da trắng mà mỏng, y hệt như mụn mọng nước thì 3-4 ngày nữa đậu sẽ vỡ ra mà chết. Nhưng có khi trong mụn chứa nước trong mà bên ngoài lại có màu vàng đất thì không thể nhận nhầm là nước đậu đã già đến nỗi không cứu kịp, phải gấp dùng thuốc bố may ra còn mười cứu được một, hai.

+ *Không thương* (kho rỗng không): Sắc đậu khô khốc không có màu gọi là Kho rỗng không, nhất định chết, không chữa được.

Mụn đậu ở chỗ Thiên đình (giữa trán), gốc mũi bị gãi vỡ bật máu tươi là chứng không chữa được.

Hai má bóng láng mà cứng như vỏ quýt, ỉa đái đều bí, mắt nhắm, mất tiếng, bụng trướng, da thịt đen là chứng chết.

Mửa ỉa không dứt, hoặc ỉa đái ra máu, ăn bú không tiêu, uống thuốc hoặc uống nước vào thì như xuống thẳng hậu môn, ruột như cái ống, đầu loét không có mủ là chứng chết.

Mụn đậu ở các nơi thì có nước có mủ, riêng ở Thiên đình lại không cương là chứng không chữa được.

Đậu mà sưng đỏ sớm lui, mụn lôm không có nước, trông mắt trắng như mắt cá là chứng không chữa được.

+ *Đào hãm*: Trong thời kỳ mưng mủ, các mụn đậu ở chỗ giữa hai lông mày, chóp mũi, vành tai, môi miệng, hai má thấy đậu kho se trước, teo đen gọi là "Đậu đào áp" là chứng không chữa được.

Rét run, bứt rứt, bụng trướng, phiền khát, thở gấp, nghiêng răng, đầu ẩm chân lạnh

là chứng xấu.

Từng lúc há hộc mồm như muốn mưa mà không phải mưa, có tiếng mà không có vật, có tiếng khô khè, như là trong dạ dày có mụn đã vỡ nát là dấu hiệu rất xấu, phải mau chữa ngay, chậm thì họng sẽ nát mà chết.

Chính giữa đen hăm, bốn bên nhô lên đầy nước, đó là huyết theo độc chạy ra, phần khí không còn tác dụng nữa. Nếu chính giữa chứa nước, bốn bên khô đốt cháy đen, đó là khí theo độc ra mà huyết không giúp thêm vào. Nếu là bọc máu sắc tím dễ vỡ, đó là huyết nhiệt chạy cần không thể phụ trợ cho khí. Tóm lại là chứng không chữa được.

Dậu đang mọc rõ, hoặc sau khi đậu mọc mà bị cầm, nghẹn hơi, và khi uống thuốc, khi ăn nuốt xuống nghe trong bụng róc sõi là chết.

Nốt đậu như có lỗ kim, nước mủ tự rỉ ra, đó là vệ khí đã bại, chất dịch thoát ra ngoài, là chứng nhất định chết.

+ *Dậu cối đá* (Thạch cự): Bốn bên mụn đậu nhô lên, chính giữa lõm xuống tuy bóng bẩy, nhưng trong kỹ bên trong thì thực là nước đậu không hoa, đó gọi là "Dậu cối đá", sẽ không mọc nước, nhất định chết.

Trong miệng không có gì mà thỉnh thoảng nhai là chứng chết.

Khí mưng mủ, sắc đỏ tím, bên ngoài bị lột, lại cầm là chết. Dầu mặt muốn sưng to, nốt đậu gãi vỡ hết, hôi hám không gần được mà chân lạnh là nhất định chết.

Bỗng nhiên sinh ngứa, mụn đậu lại ở giữa mặt bị ngứa tuột da lõi thịt khô là chứng chết.

Mụn đậu toàn là nước trong, da mỏng mà trắng như bóng nước, 3-4 ngày tất bị gãi vỡ ra mà chết.

Ía dái không thông, bụng trướng, thịt đen, phát ban, nổi sảng, sưng thờ hoặc rút run, nghiêng răng mà chết.

Nốt đậu ở các nơi khác thì có nước, còn đậu ở chỗ Thiên đình thì không cương, đậu ở trán xù như nước sôi, vỡ ra nước có mùi hôi chảy lấy xuống hai má, mụn khôn giống như đậu thu áp mà không phải là thu áp thật, cho nên là chứng chết.

Mưng mủ chưa hoàn thành bỗng thấy khô teo hoặc có màu xanh tím, đen xám là chứng chết.

d) Lời bàn chung.

Đậu đến lúc phải nuôi dưỡng cho mưng mủ thì càng cần phải giữ gìn, tránh những điều cấm kỵ, vì trong thời kỳ đậu cương, bệnh mắc chưa lâu, khí huyết còn mạnh, còn sức để chế ngự được khí dịch lệ, đến thời kỳ mưng mủ này thì đã khí huyết hư kém, không còn đủ sức chế ngự khí dịch lệ nữa, huống hồ khi đậu đã tới kỳ đầy quả.

Khoảng 5-6 ngày, nếu là chứng đậu thuận nước tương đã có được nửa quả đậu phần còn trống thì thấy có vẻ xong. Độ năng uất át làm cho mụn đậu khô khốc teo rút lại. Khi thỉnh thì đậu phát mạnh, mụn đậu phải no đầy, sang nhàn, đậu ở dầu mặt mọc nước trước, còn đậu ở chân tay chưa thấy cương thì đừng hoang mang gì; nếu đậu ở đùi về mọc những mụn phồng, mà thấy ở má và trán mụn xém khô thì cũng đừng vội mừng, như vậy e sơ sẽ sinh ra sặc rồi sẽ bị mất tiếng, càng lo thêm về sự sưng thờ gấp. Sưng

thở gấp sẽ làm cho bụng trướng, ăn uống không được nhiều, hoặc dẫn đến tạng hư mà độc dẫn vào trong uống nước nhiều và sợ sẽ gây ra ỉa chảy, nếu chữa không đúng, mắc sai lầm sẽ gây hậu quả tai hại. Nhiệt thịnh phiền khát vào lúc này thì đừng bàn rằng đây là chứng thực, lại ỉa chảy nhiều hơn vào lúc này thì chỉ là chứng hư; thấy sắc đen tím khô khốc phải công trực mau hoặc có thể sống khí hư, lôm tẹt, phải trọng ôn bổ mới may ra sống được. Hoặc đậu sắc trắng mà tinh thần kém yếu thì gốc tuy hồng cũng không chữa được. Da không nổi cao khỏi gốc thì chân mụn hơi hồng cũng khó sống. Đậu trắng nhạt, tẹt khô thì bên trong không có nước đậu. Da mỏng non hồng thì có nước cũng trong mà ít. Xuất hiện 4 điều như thế thì 8-9 ngày nữa sẽ sinh ngứa.

Nếu vẫn còn nhiệt mạnh đốt người nếu không ngứa thì cũng gây khô ráo. Còn như sắc tím khô khốc, không phải chú ý nhiều cũng biết là chứng đậu dữ, nếu có huyết tích đọng lại ở đậu. Hoặc may mắn mà mừng mù được. Ba ngày mà xem tím lại còn có thể chuyển thành tốt được; bảy ngày rồi mà đậu xem tím thì khó có sức để cứu vãn được; Mừng mù được nửa chừng vẫn chưa nên thu liễm, bỗng nhiên cả loạt đậu bầm đen lại, xưa gọi là đảo áp. xin đừng vội cho là đóng vẩy. nếu công trực phát tán được đúng mức thì chứng đó còn mong cứu sông được.

Bên cạnh mụn đậu có mọc thêm những điểm máu, lại mừng được thì thứ độc ẩn nấu sẽ nhờ mà giải tán. Nếu hơi thở dốc mà bụng trướng thì nguy; mất tiếng mà nôn ọe cũng khó sống.

Đậu mọc 3 ngày rồi cương dần, nuôi dưỡng cho mừng mù và sau đó thì đậu đóng vẩy. Khi đậu mới mọc thì hình nhỏ, sắc hồng nhưng mới chỉ là một điểm huyết, đến khi mừng mù mà hình đậu tròn, sắc trắng hồng là huyết đã hóa thành nước, nuôi dưỡng cho mừng mù thì hình đậu chắc mà to, sắc hồng mà vàng là nước đã hóa thành mù.

Đến khi đậu đóng vẩy thì hình đậu to mà mềm, sắc hồng mà đen gọi là "Sáp xanh" (Thương lạp), đó là mù đã chín muốn có dạng mừng mọng như quả đến khi chín thì tự nhiên ngoài da mềm, thịt bên trong đã chín tới mà quả đã đủ chắc.

Thứ hỏi mù, nước đậu từ đường nào tới, sẽ thu về đường nào? - Ánh sáng có nguồn từ sự sáng láng của mặt trăng, mặt trời; ngôi lạch là nguồn sâu của sông, bể. Đậu cương là nhờ ở Thận, ẩn nấu ở Thận.

Thiên nhất sinh Thủy, Thận ở đó, Thận chủ về xương tủy, mà xương tủy là nơi độc đậu ẩn nấu. Như vậy, mù, nước đậu bắt đầu sinh ra từ thủy của "Thiên nhất", nhưng do "Ất Quý đông nguyên" (ý nơi Can và Thận cùng chung một gốc) mà Can nuôi dưỡng giúp sức thêm vào, cho nên nguồn gốc vốn là ở Thận mà nơi làm chủ cao hơn lại ở Tâm, sự điều tiết là do ở Can, bảo vệ nuôi dưỡng do ở Phế, thu cất ở Tỳ. Thủy và Hỏa giúp đỡ nhau mà thành, công đó mà hoàn thành được là nhờ Thổ chắc khỏe. Cho nên cuối cùng đậu đổi sang màu vàng, màu vàng là chính sắc của Thổ (Dương minh). Như vậy, độc của đậu nấu ở Thận, hoạt động ở Dương minh, cuối cùng nhờ Thổ sinh hóa lại trở về tạng, cho nên đậu mà không có nước đậu thì độc không hóa được, nước đậu không đủ thì độc không hóa hết được. Độc nấu ở Thận tức là nhờ ở Thận, mượn Thổ để hoàn thành. Việc hóa độc phải nhờ ở Tỳ để thu, cho nên nguồn gốc tạo nên mù, nước đậu tuy từ Can huyết, thực ra phải nhờ ở chân thủy mà chân thủy tức là chân âm. Sự thu góp của mù, nước đậu tuy cậy ở Tỳ thổ, thực ra phải dựa vào chân hỏa, mà chân hỏa tức là chân dương.

Lý luận về mù và nước đậu như vậy đã rõ ràng.

d) Phép chữa: (xem thêm phần chứng hiểm nói trên)

Phùng tiên sư nói: "Xem lời bàn của người xưa, có thể gọi là đầy đủ". Nhưng trong huyết đại bổ khí huyết, các vị được trọng dụng như Thiên thoái, Xuyên sơn giáp lại chỉ là nhờ cậy vào tính mạnh dữ của sức thuốc hữu hình để chữa chứng hư biến hiện vô hình. Nếu gặp bệnh đại hư, gốc không vững, chính khí không có sức để chủ trị, cứ mặc cho cái tính mạnh dữ của độc được tàn phá không nơi nương tựa, rồi ra không tránh khỏi tai nạn gây ra phù nề. Tôi luôn luôn suy nghĩ tìm tòi, mới đạt được lẽ đó. Phát sốt trong thời kỳ thấy điểm báo xem mạch âm hay dương mà chữa, nếu mạch Hồng mà chứng thuộc dương hư thì trong thuốc bổ dưỡng phải thêm thuốc cổ vũ. Âm dương đã điều hòa thì điểm đậu sẽ rải ra đều đặn, rời rạc, mập to, hoàn toàn không tụ thành đám, không mọc chi chít, thiên lệch, sau này đậu có xảy ra cái nạn tản mạn ở ngoài da. Đến lúc đậu sắp cương, sắp mừng mù cũng phải xem mạch âm dương, hư thực ra sao để lo mà điều lý theo âm hay dương, vẫn phải thêm thuốc cổ vũ, nhờ vậy, chính khí mới đủ sức để chế ngự được tà khí không còn chỗ hư mà vào được, nhờ đó, đậu tiến triển được xuôi thuận.

Đậu phải nhờ vào khí huyết. Muốn bổ khí phải chú trọng ở Tỳ, Thổ (Tỳ) có khả năng hóa được độc. Muốn bổ huyết phải tư thủy, vì tư thủy tức là gồm bổ huyết. Việc bổ Tỳ thổ lại nhờ vào chân hỏa để nuôi dưỡng. Sự trưởng thành của chân âm lại nhờ vào chân dương để sưởi ấm. Tôi đã lĩnh hội sâu sắc về ý này. Phàm khi gặp chứng đậu khí hư, người xưa dùng Sâm, Kỳ ẩm gia nhục quế gọi là bảo nguyên thang, Sách Bác ái tâm giám đã nói đầy đủ công dụng của bài đó. Nếu Chứng dương hư Tỳ nguyên không đủ đáng nên dùng các vị Sâm, Kỳ, Khương, Quế, nhưng sợ tình khô ráo nên thêm một ít Dương qui sao đậu thì đậu chóng cương mau lành mù.

Đến như chứng âm hư, thận thủy thiếu, Phế kim ráo người xưa chưa có bài chuyên trị, tôi dùng Thục địa làm quân, Hoài sơn làm thần, thêm ít Nhục quế, ba vị sắc nước đặc, mặt khác sắc Nhân sâm thêm vào mà uống. Chỉ nên dùng Nhân sâm chỉ nên dùng Hoàng kỳ, làm cho mừng mù già đầy mau thu được công hiệu lớn. Cần phải biết chân âm là thủy của Thận mà không phải là huyết của Tâm Can chân dương là hỏa của Mệnh môn, không phải là khí của Tỳ Phế. Biết như thế để khi bổ Thận thủy thì cần dùng Thục địa mà không dùng Khung Qui; bổ Mệnh hỏa thì dùng Nhục quế mà không dùng Kỳ Truật. Cho nên, đậu nặng vào dịp mừng mù tôi chỉ dùng mấy vị Địa, Hoài, Sâm, Quế tác dụng tới Thủy Hòa được tính nhuần mà sức lại mạnh, không dùng kèm Thiên thoái, Xuyên sơn giáp là vị không tác dụng vào khí huyết, có thể giúp chính để trừ tà khí. Trong mấy vị trên đã có thục địa bổ thủy để có công dụng chính, lại có Nhục quế chạy mau có sức mạnh hóa độc mừng mù, Hoài sơn nuôi dưỡng Vị, Nhân sâm thêm sức chế ngự được tà khí, khí huyết có sức rồi thì tự nhiên việc hóa độc thành công, mù chín đều theo tay mà no đầy. Bởi nguồn gốc của mù và nước đậu tuy từ Can huyết, nhưng thật là nhờ từ Thận thủy. Sự mừng mọng của mù và nước đậu tuy nhờ ở Tỳ thổ nhưng phải cậy ở chân hỏa. Khi phát biểu mà dùng Quế thì có thể chạy vào phần huyết không một góc ngách nào mà không chạy đến. Khi mừng mù mà dùng Quế, khiến co dúc được hóa hết ra biểu mà không còn lo ngại độc đậu ẩn nấu lại bên trong. Đợi đến khi biến thành thuần dương, nước mù đã chín tới mới cho thanh lương giải độc. Như đang nắng to nung nấu,

bồng gặp luồng gió mát, nên dùng Quế lại càng thấy hay. Ở đây dùng Quế mà không dùng Phụ Quế là tại làm sao? - Phụ có thể vào thẳng phần âm, không giống như Quế chạy thấu ra ngoài biểu, lại có thể chạy lên trên lai thấu vào phần huyết, linh động mà nhanh chóng.

Dùng thuốc công thác là cách lấy sức mà ứ chế độc. Dùng sức ấm để vỗ về là cách lấy đức mà hóa độc. "Ứ chế" là cách đàn áp trong đó hay bị quật đánh trả lại. "Hóa" là cách tự nhiên, trước không đối đời vì lòng tìm kiếm lẽ phải, xin mạnh dạn bổ sung chỗ còn thiếu sót.

Đến ngày thứ 6, thứ 7 khí đầy đủ, huyết phụ trợ mà đậu có vẻ sáng sủa, no đầy, độc tự hóa thành nước mũ, đó là chứng thuận. Nếu khí hãm, huyết suy thì đậu không mọc thành mũ được, độc ẩn nấu ở trong, tinh thần kém, sắc khô, đó là chứng nghịch. Nếu đậu sáng nhuận có thần, nhưng do khí huyết không đủ, vinh vệ thiếu kém mà chưa mọc thành mũ, đó là chứng hiểm. Chứng thuận có thể tự khỏi, nhờ khí huyết đã đúng mức đậu có thể tự giải. Chứng nghịch không thể chữa được là do khí huyết xả rời nhau, không ứ chế được độc để giải ra ngoài, nhưng nếu có mọc đinh nhọt thì còn có thể sống được; ngoài bị phá trong bị công thì bệnh phải chết. Chứng hiểm còn có thể chữa được vinh vệ thiếu kém, khí huyết hơi bị hàn không có thể phát động lên được, nếu dùng Tứ quân, Tứ vật, Bảo nguyên gia các vị Quế, gạo nếp để giúp sức mọc thành mũ thì còn phải lo gì nữa.

Mủ là từ huyết biến đổi mà thành. Mới đầu, đậu mọc một điểm máu mà thôi, sau lớn dần từ máu mà thành nước đậu, rồi thành mũ mới thành chấy được. Cho nên có máu thì có mũ, không có máu thì không có mũ. Khi đậu đã thành cái thể mọc thành mũ mạnh, phải lấy có việc có mũ thì sống, không mũ thì chết, đó là lý tất nhiên như vậy. Cho nên, 6 ngày về trước, có nhiệt thì giải độc, không nhiệt thì điều dưỡng khí huyết, đến mức thì tự nhiên mọc thành mũ. Nếu 7 ngày về sau, đinh mụn lồi không mọc thành mũ được, đó là do trước đó không được chữa. Cho nên chữa bệnh không được để chậm, phải đợi nước mũ đầy đủ mới có thể sống được. Nếu đinh lồi, sắc trắng tro, mũ nước đậu không đến, đó là do khí huyết đều rời nhau, không còn mong sống.

c) Xử phương.

Sắc đậu đỏ tím nước đậu không đầy đủ, muốn thành khốc khô, hãm đen nên mau dùng các loại như Qui, Khung, Sinh địa làm cho hoạt huyết, lương huyết, thác Lý, mọc mũ.

Đậu đã mọc thành mũ 7-8 ngày, có táo bón, mau dùng các loại như Qui vĩ, Chỉ xác, Sinh địa, Hoàng cầm, nếu không đến thời kỳ đậu thu áp sẽ phát thành đại nhiệt mà chết.

Thời kỳ mọc thành mũ, mụn đậu giống như đầy phỏng, những thọt ra trong rỗng mềm, gọi là "Đậu không thương" (Đậu khô rỗng), là chứng hết sức xấu. Nếu trong mụn đậu có ít nước trong, ổ gốc cương, huyết phụ trợ được dò trơn, mau dùng các loại như Sâm Kỳ, Khung, Qui, sữa người để cứu chữa.

Đậu mũ cốt lấy Tỷ vị làm chủ, Tỷ Vị mạnh thì khí huyết đầy đủ, mũ nước đậu hình thành làm cho mụn đậu đầy chắc, không phải uống thuốc. Tỷ Vị yếu thì khí huyết suy nên không tươi đẹp khắp nơi được, cho nên tuy thấy có nước đậu cũng không đầy, hoặc máu trong nhợt, trắng màu tro không làm thành mũ được, rút nhỏ lại, nước đậu vẫn như

nước máu ở thời kỳ đầu, nước đậu ít không lấy gì để hóa thành mù được.

Nói chung, chứng khí huyết đại hư nếu không mau chữa chạy, tất thành chứng bên trong bị công phá, bên ngoài bị bong lột, nên mau mau dùng Lục vật tiên (63), hoặc vật tiên (72) gia giảm mà chữa, hoặc Bảo nguyên thang (61), hoặc Thập toàn đại bổ thang (111) thêm sữa người, rượu ngon mà dùng thì tốt.

Lúc đậu đang mưng mủ, nhưng chỉ có cái vỏ không, đó là do huyết không phù trợ cho khí, huyết đã không đến thì độc lấy gì mà hóa, nên dùng Ngũ vật tiên (94), hoặc Tứ vật thang (27) hoặc Tứ thảo ẩm (85) thêm Thiên thoái mà chữa.

Đậu cương sáng nhận để coi, nhưng lấy tay sờ thì lại mềm, da nhân dùm lại, là do nước đậu chưa đủ mà khí còn thiếu, nên dùng Bảo Nguyên thang (61) để thác lý, nếu không sẽ khó thu áp, thậm chí bị ngứa tet.

Đậu màu trắng tro, nước đậu không đầy đủ, da mỏng dễ vỡ muốn thành đảo áp, nên mau mau dùng Bảo nguyên thang (61) gia Quế và gạo nếp.

Đỉnh lôm không có nước đậu là chứng nghịch, nhưng ở gốc đỏ trơn huyết chưa bị tàn, mau dùng Bảo nguyên thang (61) gia Khung, Qui, Bạch thược, Đinh hương, gạo nếp, sắc được rồi hòa thêm sữa người, rượu ngon uống nóng. Nếu nền da hồng, có nhiệt thì bớt Đinh hương, bớt Bạch thược gia Đại cốt bì để thu liễm.

Sắc đậu trắng như nước trong, bên trong không có mủ, nhưng xen kẽ vẫn có những mụn có mủ thì còn có thể chữa được. Nếu toàn bộ đều trắng như nước trong thì nhất định chết. Mới đầu mà thấy như vậy thì nên mau mau dùng Nội thác tán (16) gia Đinh hương, Can khương, hoặc dùng Mộc hương tán (129) gia gạo nếp, rượu ngon, sữa người thì còn mong sống trong muôn một.

Vào thời kỳ đậu đang lớn, tuy có cương nhưng da bên ấn vào thì nước đậu rịn ra, tuy sắc thịt không xạm, gọi là "Đậu già trắng" (lớn già), đến ngày thứ 11-12 thì nhất định không mưng mủ, nhưng mọng lại, độc công phá bên trong mà chết, nên dùng Bảo nguyên thang (61) gia Đinh hương, Xuyên khung cũng được, không cần phải dùng Thiên kim nội thác, nhưng xét bài này chỉ là dùng kèm thêm vào.

Mụn đậu ở chân tay nung nước đậu đầy no đầy là nhờ Tỳ Vị mạnh, khí huyết đủ, nếu thấy sắc trắng màu tro, nước đậu trong ít, hoặc lôm tet không nổi cap là do Tỳ Vị yếu.

Hoặc nước đậu đã đủ mà chân tay còn có chỗ mụn không có nước dùng Khoái ban việt tỳ thang (323), hoặc Lục khí tiên (72) gia Phòng phong, Bạch chỉ để cho thông đạt, ngõ hầu không bị cái họa hãm phục. Nếu độc chưa thấu suốt thì cũng sợ sẽ sinh ung nhọt sau khi thu áp.

Có ngoại cảm phong hàn đóng ở ngoài cơ biểu mà đậu không làm mủ, phải dùng thuốc ôn tán, dùng Sài cát quế chi thang (239) gia Hoàng kỳ, Bạch chỉ.

Có nhiệt độc đốt mạnh, mình sốt cao, tán dịch khô, tiểu tiện đỏ nóng mà đậu không làm mủ, phải dùng phép Thác lý giải độc lợi tiểu tiện, dùng bài Tứ thảo ẩm tử (84), hoặc dùng Thần sa lục nhất tán (123) để giải, đợt sốt lui rồi dùng Bảo nguyên thang (61), nếu nhiệt quá nên dùng Liên kiều ẩm (25).

Đại liên rắn chặt mấy ngày không thông mà đậu không làm mủ nên dùng mật heo

mà thông khoan (104) làm cho khí thông được, vinh vệ điều hòa thông suốt, không thể thì sợ gây nên tình trạng đen hãm.

Có trường hợp gặp phải tà khí mà không mừng mù thì, bên ngoài nên xông để giải dùng rượu Hồ tuy (123) hoặc Tịch tà đơn (134), bên trong uống Tử thảo mộc thang (78)m, hoặc Tử thảo khoái ban thang thang (136).

Muốn biện bạch Tỳ Vị khỏe hay yếu cứ dựa vào sự ăn uống ỉa đái mà xét. Ăn uống tuy ít mà đại tiện rắn là Tỳ Vị còn khỏe, chỉ nên dùng thêm ít thuốc điều bổ để ăn uống được là tốt. Nếu đại tiện không chặt hoặc phân sệt thì rất đáng sợ, bởi vì, hễ ỉa chảy thì nước đầu ngừng lại, khi hết ỉa chảy thì nước đầu lại mừng lên, nên mau dùng Ôn vị ẩm (93), hoặc nặng lắm dùng Trần thị thập nhị vị công tán (97) mà chữa. Trong ba buổi mừng mù nếu mình mát mà sắc đầu màu trắng tro, hoặc ăn uống không được, hoặc hơi lạnh đưa bốc lên sinh nôn mửa, hoặc trướng bụng, hoặc ỉa chảy mà chân tay lạnh ngắt là chứng thần âm, phải mau dùng Bảo nguyên thang (61) gia Nhị tiên tán (131) cho uống liên tiếp vài thang. Bệnh nặng lắm thì phải dùng Cửu vị dị công tiễn (96), hoặc Trần Thị thập nhị vị dị công tán (97) đều có thể chọn dùng. Nếu rét run, nghiêng răng, ỉa chảy đều chữa như thế.

Trong 7-8 ngày, nước đầu đã hình thành mà rét run, nghiêng răng tức là chứng lý hư, mau dùng Bảo nguyên thang (61) gia Đinh hương, Nhục quế mà chữa, nét hết run, đóng vảy là tốt.

Ngứa tet không dứt, tuy do khí huyết đều hư, còn là do sức của hỏa, không gây đau mà gây ngứa, nên dùng Lục khí tiên (72), hoặc ngũ vật tiễn (27) gia Phòng phong, Bạch chỉ, Mộc hương, Thiến thoái mà chữa. Sách Tâm giám viết: "Khí hư thì càng ngứa", nên dùng Bảo nguyên thang (61) hội Hoàng kỳ để giúp cho biểu, gia ít Bạch thực để ức chế huyết thì ngứa tet tự hết.

Đậu bi vỡ thành ngứa là do hãm vào trong, dùng Bạch long tán (127) để bôi rắc ở ngoài, còn ở trong thì nên dùng bồ thắc. Nếu mụn đậu mọc liền thành đám khắp cả hoặc từng chỗ một có hai ba đám như thế là chứng xấu.

Đậu mọc dày ở những chỗ cao gồ như ở chóp mũi, hai gò má, hai góc trán là khí độc ở năm tạng tụ lại ở đó, rất dễ bị xát vỡ, mụn đậu ở những chỗ đó bị tổn thương, thì các mụn ở các nơi khác sẽ lặn hết, độc của đậu sẽ vậy vào trong công phá, cho nên cần phải giữ cho không bong vỡ, nên bao bọc lại trong vẩn uống Nội thác tán (16), hoặc thuốc bổ. Nếu lại cương lên được, mừng mù được, các mụn đậu khác như thường, hoặc chỗ chưa từng mọc thì nay cũng mọc thêm, số mụn ấy tuy nhỏ, dễ mừng mù, dễ thu áp, nhưng đó là dư độc lại được mọc thêm, cho nên là dấu hiệu lành. Nếu như sau khi uống thuốc đau vẫn không cương, không mọc thêm thì đó là độc đậu đã sâu, bệnh rất xấu.

Đậu mừng mù gây đau nhức mãi là do khí trệ, cho uống ít Bảo nguyên thang (61) gia Sơn tra, Mộc hương để vận hành khí trệ. Nếu sắc mù đầy đặn thì nên cho uống nhiều Tứ linh tán (110) để thông lợi thì đau tự hết.

Trong thời kỳ mừng mù, tiếng nói thấp nhỏ thì không ngại gì, nhưng nếu đột ngột bị mất tiếng, bụng trướng, hơi thở to đó là xung quanh những chỗ quan trọng tất có đình nhọt, hoặc có "Tạc đậu" (xem trên) nên khêu vỡ gấp rồi hòa nước Yên chi (109) trộn với bột Trần châu bôi vào má băng lại.

Dinh cốt đậu lồi xuống, mụn ít, hoặc do uống thuốc nội thác mà cương dần lên rồi lại tụt xuống, đó là khí huyết đại hư, nên dùng Thập toàn đại bổ thang (111) hòa sữa người, rượu ngon vào cho uống. Gia gấp đôi Sâm, Kỳ, Qui, gao nếp, đó là phép hay để giúp cho mừng mụn.

Lúc mừng mụn có nổi bóng trắng như xác ve, dùng gai lể bỏ nước, bên ngoài rắc bột Hoạt thạch, bên trong cho uống Bảo nguyên thang (61) hoặc gia Thạch lưu, Phúc bì, Bạch linh để lợi thủy ở bì phu, hoặc dùng Bạch truật, Bạch linh để làm mạnh Tỳ lợi thủy. Nếu nổi mụn mọng tím là chứng không chữa được.

Đậu vừa mới mừng mụn, đã có vẻ muốn quay quả sớm phải đề phòng nguyên khí không đủ, nên dùng Bảo nguyên thang (61) mà kiêm thác lý. Hoặc đậu khô, đó là huyết hư càng phải dưỡng huyết.

Đậu mừng mụn đã đầy đủ, nhiệt độc đã giải hết, đến thời kỳ thu áp mà đã vài ngày không se lại, nếu sắc đậu như lúc ban đầu cũng không hại gì, không phải chứng khí hư thì không nên dùng thuốc thu liễm, cũng như Tỳ hư thì không nên dùng thuốc thẩm thấp. Chỉ dùng Bát trân thang (126) gia loại thuốc bổ Tỳ lợi thủy thì đậu tự rút.

Lúc mừng mụn, đậu loét từng đám, nước mụn không khô, nên dùng thuốc đại bổ khí huyết kèm với thuốc thẩm thấp lợi thủy, ngoài dùng bột Hoạt thạch, hoặc Bại thảo tán (128) mà rắc gia bột Trần châu càng hay.

Đậu sắp mừng mụn, bóng nốt đậu ở mặt khô tẹt, đó là chứng "đào hãm" mau dùng Bát trân thang (126),

hoặc Lục vật tiễn (63) gia loại Kim ngân, Ngưu bàng, Liễn kiều, Ma hoàng sắc lấy nước với Độc thánh tán (114) cho uống Sau khi uống thuốc nếu thấy mụn đậu khô, cương lên mụn, mụn chưa khô thì mụn to mà mụn no đầy, hoặc chỗ trước không có đậu nay lại mọc thêm nốt nhỏ nữa là tốt. Nếu đậu không làm mụn, hoặc ở chỗ không có đậu phát nhọt độc là tốt vừa. Nếu cho uống liền ba thang mà chỗ khô không mừng mụn, chỗ chưa khô không đầy nước, đậu mọc không nhiều là chứng hiểm lẩn nên dùng Thập toàn thang (111) gia Kim ngân để điều trị.

Đậu đã mọc rồi, lại mọc nữa (Đậu dậm), nếu chỗ đậu bị dập nát, lở loét nhưng được mừng nước mừng mụn trở lại, không đến nổi khô, hoặc chỗ vốn không có nốt đậu, lại mọc một lớp như lúc mới mọc và cũng cương dần lên, mừng mụn, đó là dư độc chưa hết, nhờ khí bên trong đầu đủ độc không thể lộn vào trong được, cho nên mới lại mọc ra ngoài mà không thành trạng thái đào hãm. Đó là chứng thuận ở trong chứng nghịch. Nhưng đậu đã mọc rồi lại mọc nữa tất bệnh nhân ăn được, đại tiện rần tức là đủ sức thắng được cái độc lần sau, cho nên không cần phải lo ngại. Nếu ăn ít mà đại tiện nhuận thì nên dùng Thập toàn đại bổ thang (111) để điều trị. Nếu đại tiện lỏng thì nên dùng Trần thị thập nhị vị dị công tán (97) và Nhục đậu khấu hoàn (123) mà chữa. Bởi vì, bệnh lâu ngày thì khí hư, chỉ nên dùng ôn bổ mới có lợi, không nên giải độc nữa. Nếu ăn càng ngày càng nhiều dần lên, đó là Vị khí hồi phục, là tốt. Nếu vốn không ăn được, mà bỗng nhiên ăn nhiều khác thường là triệu chứng vị khí đã bại, tà hỏa sát hại cốc khí, là dấu hiệu xấu.

g) Dùng được

Chứng khí hư nên dùng các vị Nhân sâm, Chích thảo, Nhục quế, Dương qui, Lộc

nhung, Thục địa, Dâm dương hoắc, Cát cánh, Hoài sơn, sấu dẫu, Xuyên sơn giáp, Tào giác thích, Hà xa, Bào khương, Xuyên khung, Phụ tử, Mộc hương, Đinh hương, Nhục quả, gạo nếp, Long nhãn, gà trống, Liên nhục, Thịt dê non, sữa người, trứng gà, Đại táo... tùy chứng chọn dùng. Trước khi mưng mủ nếu dùng Sâm Kỳ thì nên dùng Kỳ nhiều mà Sâm ít là bởi bổ cả biểu và lý nhưng bổ lý nhẹ hơn. Nếu khí trũng tiêu hư nhiều thì không nằm trong thông lệ đó.

Chứng huyết nhiệt nên dùng các vị Tử thảo nhung, Hoàng cầm, Hoàng liên, Xuyên khung, Thiên thoái, Cát cánh, Mạch môn, Huyền sâm, Thạch cao (nung), Trần bì, Đơn bì, Sinh địa, Hồng hoa, Xích thược, Dương qui, Ngưu bàng tử, Xuyên giáp, sấu dẫu, lô phòng phong (tang ong), Tào giác thích, Thiêu nhân phần, Kinh trấp, rang người, trùn đất, mang tre... tùy chứng chọn dùng.

VI- THỜI KỲ THU ÁP

túc đậu rập, rút xẹp

a) Chứng thuận (không phải chữa)

Đậu thu áp từ trên xuống dưới là thuận. Chỉ có đậu ở trên đầu âm hành thu áp trước cũng là dấu hiệu tốt.

Nhân trung là chỗ gặp giới của hai mạch Nhâm và đốc, đậu ở chỗ đó thu áp trước là dấu hiệu âm dương giúp đỡ nhau, rất tốt.

Thời kỳ thu áp mà có mùi thối (mùi thối ghé có tanh là khí đã thành thực chín mùi, tà khí từ trong đã đạt ra ngoài) là tốt.

Đậu đến tình trạng huyết hóa, độc giải, mủ giống như màu sấp xanh, từ miệng mũi, hai bên mép, nhân trung, trên dưới của bộ mặt thu áp dần đến ngực bụng trở xuống đến hai đùi. Đậu từ trán, chân, lưng đều áp cả loạt, hoàn toàn không có triệu chứng gì bên trong, ăn uống bình thường, tinh thần thoải mái, người nhẹ nhàng, với đậu ở lòng bàn tay bàn chân và trên bộ phận sinh dục thu áp trước là ốt.

Khi đậu sắp thu áp mà người có sốt nhẹ là chứng thiên ban, nhưng ăn uống bình thường cũng không phải chữa.

b) Chứng hiểm (phải chữa)

Thu áp từ chân trở lên là nghịch, về đến vùng tim là chết, phải mau nâng đỡ nguyên khí, làm cho nước đậu mưng lại từ trên thu áp dần xuống dưới là tốt.

Đậu ở sống mũi khô se trước thì tuy chứng dữ cũng không chết.

Đậu thu áp không nên quá nhanh, quá chậm, nhanh thì dư độc núp lại, chậm thì vỡ loét không thành vẩy.

Dầu với chân bị dương cô độc, âm lẻ loi cho nên là lý do khó thu áp.

Cách thu áp cân được đều đặn, nếu tanh thối, vỡ loét mà quá kỳ là thuận, chưa đến kịp kỳ là nghịch.

Có trường hợp thấp khí thái quá, nốt đậu vỡ chảy nước dầm dề cho nên phạm phải mà loét nát khó thu áp, hễ Tỳ khỏe thì sống, Tỳ yếu thì chết. Nhưng có trường hợp trước khi đó mủ chưa được nung đều khắp, sắc trắng màu tro, đến 13-14 buổi sau mới mưng lại, tuy bị dây dưa nhưng phép chữa nên chữa chung với triệu chứng chính. Chỉ có trường hợp do ăn uống bữa bãi thức độc, hoặc thấu thác thái quá, bởi vậy nhiệt uất bên trong mà loét rất đau, cách chữa phải thanh hỏa giải độc.

Khoảng 13-14 ngày, khi đậu thu áp có trạng thái nóng bốc lửa đốt. Lúc bấy giờ muốn muốn biết sống hay chết thì cần xem lưỡi đỏ, họng trong trẻo, ngôn ngữ không biến đổi, ăn uống bình thường là tốt. Ngược lại là xấu, là nghịch.

Đậu đang lý thu áp mà không thu áp, phát sốt, nổi nhâm, đại tiện bí, buồn phiền vật vã, suyễn thở nhẹ là nhiệt độc tràn lấn đến kinh Phế, không có âm khí để thu liễm, phải mau dùng phép Thanh Kim giải độc, nặng thì cho hạ.

Mủ nước không khô mà ăn được, nên thỉnh thoảng cho ăn quả nhỏ để có thể lợi tiểu tiện.

Thu áp giả: Nốt đậu trên mặt đầy đặc mà bóng chốc xạm đen cả lại, đó là trạng thái thu áp giả, nếu chữa theo cách chữa như thu áp thật thì không bao lâu nhất định sẽ chết.

Đậu sống: Lúc thu áp hoàn toàn không có mùi hôi tanh thối gọi là "Đậu sống" còn có dư độc chưa phát ra, nếu có mùi hôi như thịt ôi không gần được, đó là hỏa độc, khí bạt hại, tuy đã đóng vẩy rồi cũng chưa phải cho là lành, nên mau mau thanh lợi giải độc, để chậm trễ thì dễ biến chứng không cứu được.

Đậu sắp thu áp mà môi miệng khô tím, câu bản bám chặt, má đỏ, đó là dấu hiệu sắp thành bệnh sưng phổi mủ (phế ung), chữa nên thanh Phế giải độc.

Đậu thu áp đến cổ, đến eo lưng, rồi ngưng mấy ngày không thu áp nữa, có sốt thì thanh lợi đại tiểu tiện, không sốt thì bổ nguyên khí, trợ Tỳ thẩm thấp.

Trong họng sít chặt, đậu khó thu áp, ăn uống khó nuốt xuống, buồn phiền vật vã, khát nước, đó là nhiệt lan đến Phế, Vị, phải mau thanh lợi, chờ xem thương. Nếu chân lạnh, là cháy, đó là nóng ở trên lạnh ở dưới, nên dùng cách "tòng trị" để dẫn hỏa về nguồn nhất thiết kiêng dùng thuốc mát.

Sau khi thu áp, kiêng ăn cay vì sợ nhiệt độc xông lên Phế, chèn dừng mắt sinh màng mọng. Lúc này càng phải đề phòng cấm kỵ, không thế thì hoài công chữa chạy vô ích mà thôi.

c) Chứng nghịch (khó chữa).

Đậu đáng lẽ thu áp mà khắp mình chưa thấy mủ đặc. Duy chỉ nốt đậu ở trên dưới môi miệng chín tới, có mủ nang đặc, đó là độc khí công phá ở Tỳ. Các nốt đậu chưa thu áp mà môi miệng đã lở loét trước và môi trắng nhợt, lưỡi co rút đều là chứng không chữa được.

Đậu đến thời kỳ thu áp, trong miệng không có gì mà miệng cứ nhai mãi không thôi là chứng chết.

Phát ngứa gãi vỡ mà không thấy máu mủ, chỉ thấy da nốt đậu cọ xát khô lại cũng

là cũng không chữa được.

Đậu ở vùng mặt, vùng bụng chưa thu áp mà đậu ở vùng chân thu áp trước là chứng bất trị (chứng âm thắng dương).

Đậu toàn thân loét thối không gần được, đờm nghẹt tắc hơi thở dồn gấp, mắt nhắm không có thần là chứng chết.

Đậu sắp thu áp mà rét run, nghiêng răng, chân rung động, cấm khẩu, mắt nhắm, bụng trướng, chân lạnh quá đầu gối là chứng bất trị.

Kháp mình tuy thu áp mà vẫn còn vài mụn chưa thu áp thì vẫn còn có thể làm chết người.

Sau đậu mà thất chứng lưỡi to lo le (lộng thiệt) là chứng xấu.

Chỗ da nơi các khớp trước vốn bị vết thương, nay đậu đã lui rồi mà vết thương không liền lại được là chứng chết.

Đậu từ gáy hoặc đến trước ngực đều không thu áp, uống thuốc cũng không thấy công hiệu là chứng chết. Bởi khí huyết đều đã kiệt.

Đang lúc nước đậu quay quả, đáng lẽ sắc xanh đen, thu liễm dần. Ngược lại sắc sáng non không thu liễm, đó là khí huyết đều hư, nước đậu không thể khô được, tất sinh ngứa tẹt mà chết.

Da nốt đậu mỏng mà mềm, sắc nhợt như cánh hoa mai, từng mảnh xẹp mỏng dễ bong, se trắng, huyết khô là chứng thu áp già, nhất định trong khoảng 11-12 ngày độc khí sẽ công phá bên trong mà chết. Phải mau ôn bổ khí huyết, nếu có triệu chứng ỉa chảy, suyễn khát, bụng trướng, rét run, nghiêng răng là chết.

Hai má khô rần, ấn vào cảm thấy như đá và có chứng ỉa chảy không cầm, lở loét khắp mình, cấm, chân lạnh là chết.

Uống nước bị sặc, mất tiếng, hoặc nôn khan không dứt, vảy không bong, không thiết ăn uống, hôn mê bứt rứt, vật vã là chết.

Chân răng rữa nát thối không chịu được là da dày đã loét nát đó là chứng chết.

Nốt đậu chưa thu áp mà bỗng nhiên se bầm lại là chứng chết.

Trước hoặc sau thời kỳ thu áp mà có nổi mụn phỏng màu hồng tím là chứng chết.

Phạm Đậu có mủ mà đóng vảy là tốt, nếu không có mủ mà đóng vảy là chứng nguy hiện ra ngay.

d) Lời bàn chung.

Đậu đã đóng vảy, tuy đã có cơ sống đến 8-9/10, nhưng tính của dư độc hay biến đổi. Thấy đậu đóng vảy vẫn chưa có thể vội mừng, nếu có những hiện tượng như:

- Mất nhắm, bụng trướng là còn mắc tình trạng nguy hiểm.

- Phù nề chưa hết là còn ở trong vòng đáng sợ. Hoặc vảy đóng rồi nhưng lại mẩy tiếng, sợ sốt mụn đậu trước thu áp xạm đen lại. Phù thũng chưa tiêu mà mắt tự mở ra trước có thể ngờ là có sự công phá bên trong, dương khí thì cùng cực mà kêu là cuồng suyễn. Trường vị tổn thương mà có tình trạng mê mẩn không yên. Phong hàn phạm vào Vị thì đi ỉa ra máu mũi. Nhiệt ngấm vào bàng quang thì đái ra máu. Nhiệt độc tích đọng

không hóa được thì không đóng vảy mà sốt cao, sợ lạnh. Trong kinh lạc còn dư độc thì có sốt cơn về chiều; phát vào buổi sáng là chứng thực. Phiên khát, má đỏ, phát sốt lúc sắp tối là âm hư. Ỉa lỏng, ăn kém, chùn môi, le lưỡi là có nhiệt nặng ở kinh Tâm. Đờ bụng ồm ngực biết chắc là độc xông lên Phế Vị. Minh nóng như đốt, bí đại tiện phải phòng chứng kinh phong đột biến.

Hâm hấp sốt cơn, ỉa lỏng lâu ngày sẽ biến thành Mạn tỳ phong, nghiệm thấy chứng mù triệu chứng mất nhám sợ ánh sáng.

Biện được chứng Cam răng⁽¹⁾ là ở triệu chứng môi se, nướu răng đen, thực nhiệt đồn rút xuống Đại trường, nhất định sẽ bị cái nạn táo bón.

Hư hàn chứa chất ở nội tạng sẽ hình thành bệnh ỉa chảy, suyễn khát, phải phân rõ hư thực để nghiệm chứng, nhất thiết chớ sai lầm.

Muốn quan sát dư độc của vảy đã bong thì sét màu sắc của vết sẹo.

- Sắc hồng hào sáng trơn là vinh vệ đều yên.

- Sắc đen bầm khô khan là phong nhiệt còn ở bên trong.

- Sắc trắng như màu phấn là khí huyết đều hư, quá tuần rồi sẽ tiến sâu đến tình trạng Tẩu mã nha cam, hơn một tháng cũng có thể ở vùng rộng hoặc toàn thân nổi ban, đó là do không được giải lợi sớm. Khắp mình xanh tím sợ do phong hàn gây nên, dư độc chưa tiêu hết lại kết thành mụn nhọt. Ra gió sớm quá dễ phòng sẽ phát lở nhọt.

Đậu mưng mủ màu tươi sáng, nhuận, dày dặn rắn chắc, lấy tay quẹt qua mà thấy đầu nốt đậu hơi cứng là đậu muốn thu áp. Nhưng rất nên theo thứ tự lớn nhỏ mà thu áp, không gấp vội quá, cũng không chậm trễ quá. Phần đã thu áp rồi, chung quanh chỗ vảy bong không lồi lõm, khô sạch, vàng nhuận không thấm ướt vỡ dập, đó là thu áp tốt. Đó là độc tiêu thiên đã tiết hết ra, nguyên khí của tiêu thiên vẫn giữ được ở trong, đó là biểu hiện của sự hết cơn bí cực tới hồi thái lai.

Thế tục cho rằng bệnh đậu mấy ngày phát sốt, rồi mấy ngày đậu mọc, mấy ngày đậu cương, mấy ngày đậu mưng mủ, mấy ngày đậu thu áp. Điều đó chỉ là nói đại khái mà thôi. Thực tế thì đậu đã mọc thưa, có mọc dày; độc có nông có sâu; cơ thể có người hư người thực khác nhau. Nếu đậu mọc thưa, độc ít mà cơ thể còn khỏe, còn ăn được thì đậu tự nhiên dễ mọc dễ thu; cũng như đậu mọc dày, độc nhiều mà người còn ăn được, Vị khí còn khỏe, khí huyết điều hòa, không bị các sai phạm gì khác cũng có thể tiến triển theo thời hạn. Nếu như người vị khí đã hư, ăn uống đã kém, bên trong đã bị tổn thương, bên ngoài còn bị cảm nhiễm khí hậu biến hóa trái thường mà đậu khó thu áp thì có thể theo trình tự số ngày như trên được không?

Huyệt Nhân trung là chỗ giao hội xung yếu của 2 mạch Nhâm và Đốc. Mạch Đốc là mạch thuộc dương từ Nhân trung đổ lên. Mạch Nhâm là mạch âm từ Nhân trung đổ xuống, cho nên lấy quẻ "Thái" làm biểu tượng. Từ Nhân trung đổ lên phân làm 3 bộ phận, từ Nhân trung đổ xuống cũng phân làm 3 bộ phận. Trên chân tóc là bộ trên mạch dương, đến chính giữa 2 lông mày là bộ giữa mạch dương; từ gốc mũi trở xuống là bộ dưới của mạch dương. Từ miệng đến giữa hai vú là phần trên của mạch âm; từ Dán trung đến âm

(1) Cam răng: tức Tẩu mã nha cam chày máu rỏ rỏ, nguy hiểm nhanh như ngựa chạy cho nên mệnh danh Tẩu mã.

môn là phần giữa của mạch âm; từ âm môn trở xuống là phần dưới của mạch âm.

Từ chót mũi đến huyết Ấn đường tương ứng với đoạn từ hàm đến huyết Cưu vĩ. Từ Ấn đường đến chân tóc tương ứng với đoạn từ huyết Cưu vĩ đến đầu gối. Từ chân tóc trở lên tương ứng với đoạn từ đầu gối trở xuống. Cho nên quan sát đậu thu áp đóng vảy ở vùng mặt cũng đoán được ở phần dưới cơ thể thu áp đóng vảy đến đâu rồi. Nếu không như thế là thu áp không hợp cách (không thuận). Cho nên, tốt nhất là ở vùng quanh Nhân trung và xung quanh môi miệng trước và thu áp trước, đó là biểu hiện của hai khí âm dương cùng giúp đỡ hài hòa vậy.

Đậu mọc từ đầu mặt đến tay chân là thuận; mọc từ tay chân rồi mới mọc ở đầu mặt là nghịch. Ở góc trán thu áp trước gọi là "Cổ dương không sinh", đậu ở chân thu áp trước gọi là "Độc âm không trưởng", đều là dấu hiệu xấu. Bởi vì, theo quy luật của tạo hóa. Cái sinh ở dương phải nhờ âm mới hình thành được; cái sinh ở âm phải nhờ dương mới hình thành được. Nói về đầu, từ chân tóc trở lên chỉ có dương khí thịnh gọi là "cổ dương" (dương cổ độc). Nói về chân thì từ đầu gối ống chân trở xuống là nơi âm khí tụ tập gọi là "quả âm" (âm lẻ loi). Sau khi thu áp, chỉ có mụn đậu ở hai nơi ấy là khó thu áp hơn cả. Đó là lẽ tự nhiên của tạo hóa, không thể đem việc "Đào áp" mà bịt vào đây được.

Đậu mưng mủ đầy đà đến lúc quay quả (se đậu) nên giữ cho tròn vẹn. Nhưng có khi chỉ quay đến chỗ cổ gáy, có khi chỉ quay tới trước ngực, có khi quay tới quầng mắt, có khi quay tới chỗ trên rốn, có khi tới chỗ bụng dưới mà chết là vì sao? - Vì nguyên khí đã yếu hèn, đậu mọc dày, đậu nặng, lại dùng nhiều những vị thuốc có độc để thúc đậu mọc, những vị thuốc thẳng tắn để át vôi độc tà, dẫn tới tình trạng đưa hết nguyên khí lên trên và ra ngoài, tuy đậu mọc khắp mà không biết rằng bề ngoài có vẻ là thực nhưng chính khí bên trong đã hư kiệt, cho nên Phế khí sắp tuyệt thì đậu chỉ quay quả tới cổ (chỗ yết hầu là cửa ngõ của Phế) mà chết. Tâm khí bị tuyệt trước mà đậu chỉ quay quả tới phía trước ngực (cửa ngõ của Tâm) mà chết. Can khí tuyệt trước mà đậu mới quay quả tới quầng mắt (cửa ngõ của Can) mà chết. Tỳ khí tuyệt trước thì đậu mới quay quả tới phía bụng dưới là đến cửa ngõ của Thận mà chết vì gối đã bại thì ngọn tắt khô héo; nguồn đã tắc tất giếng nước phải kiệt, lý tự nhiên là như vậy.

Nếu biết điều hòa khí huyết từ sớm, làm cho độc của đậu vận hóa một cách tự nhiên, nguyên khí không bị tổn thương thì có lo gì việc tốt cây là không chắc quả.

Đậu mới mọc từng cái một rời rạc, sau to lên mưng mủ, bắt đầu nối liền nhau; bên ngoài tuy thấy như có thông nhau, nhưng ở dưới da vẫn riêng biệt từng cái một rành rẽ cho đến khi đóng thành vảy hết mọng mà mủ khô, xuất hiện một số mụn đậu hoàn toàn chắc nịch là hiện tượng tốt nhất. Nếu chân gối mụn thông nhau mà dưới da thịt cũng thông với nhau, đến khi đóng vảy cũng khô khén, không ướt dầm dấp mà vỡ ra là hiện tượng tốt vừa.

Nếu chưa đóng vảy mà đã lở loét, hoặc đã đóng vảy mà chỉ có da non cũng đều là đào áp. Hễ có đào áp mà mụn đậu sưng nhô lên, tuy ở thân mình đậu thu áp được một nửa, nhưng mủ mưng vẫn còn, đó là đậu đã chín, là chúng có thể chữa được. Nếu đậu còn tiếp tục mọc, chưa đến lúc mưng mủ lại thấy có những chứng mưng mọng, mủ mưng, mặt bằng, thịt khô và mất tiếng, suyễn thở phì phò, đều là những chứng quyết không

thể chữa được.

Sự chín mùi của đậu ví như sự thu thành⁽¹⁾ của ngũ cốc. Vì ngũ cốc nhờ có dương khí mà được thành thực, không có gió mát thì ngũ cốc không thể chắc mấy được. Khí se sắt của trời đất làm cho muôn vật tươi tốt rồi chín chắc. Cho nên không có sự điều hòa của khí dương thì lúa không tốt, không khí se sắt thì dù có tốt cũng không chắc quả. Mủ của đậu không héo xám không có khác gì lúa mầm tốt mà không chắc quả. Cho nên thầy thuốc hoặc dùng phép công hạ mà thành ra thời lệnh khác nghiệt. Đó là phép chung. Song cũng có khi sau lúc làm mủ khí huyết đã bị hư hao rồi thì không thể theo thường lệ đó được.

d) Phép chữa.

Đậu mọc đã tới 8-9 ngày, đã đóng thành vảy đỏ khô; Nếu hoặc còn lại số ít mụn chưa thuận tới khi đó mới làm ổ mủ hãy đợi cho nó đầy quả rồi sẽ lần lượt thu áp. Nếu gặp chứng mình nóng sốt cao, nước tương còn ngừng đọng không dễ đọng vảy, đó là chứng dương lẫn âm hư, nên cho thêm ít thuốc thanh lương để thu liễm. Nước tương đầy đủ mà có hiện tượng thờ gấp, e rằng do đàm úng trệ mà sinh ra như vậy. Bỗng nhiên phát cơn kinh, có thể do tiểu tiện bí kết kết gây nên. Lại còn thấy chứng do khí mà lõm tẹt và chứng đảo áp đen xỉ; trong hai chứng đó, một đằng thì dùng ôn bổ đậu sẽ mừng lên được một đằng thì phải dùng phép công phát sẽ có thể cứu sống.

Nếu có ỉa chảy rồi yên là có hư nhiều mà độc ít. Phế hàn thì ỉa ra chất nhầy mủ. Tạng độc thì nhất định ỉa ra máu. Nghệt họng khản tiếng nước đậu căng đầy cũng không đáng lo sợ. Nghiến răng, ỉa phân chặt tiếng nói rõ ràng thì còn có thể chữa được, khi thu áp, có vảy cứng, dù có biến chứng không lo. Vảy bong như vỏ trấu, còn phải lo dư độc (nọc độc) chưng bốc. Nếu lở loét quá thì mụn đậu khó thu kín miệng, người nóng như đốt, e rằng sẽ phát mụn phỏng, mọng nước. Đậu chỉ có vỏ rỗng không thành vảy được, chỉ vì nước đậu trong mà nhiệt nặng. Bụng trướng, suyễn thở, đậu tẹt... đều do độc vào bên trong công phá ra. Đậu mọc ra không mừng mủ vàng đặc cho nên khi vảy đóng còn như máu đỏ; nếu có thể giải độc được từ trước thì sẽ không có chứng đó. Lại có chứng môi miệng sưng cứng là vị khí đã bại tuyệt, mắt nhắm, tròng trắng đảo ngược (lộn thịnh) là can nhiệt gấp bội. Sau khi ỉa chảy mà suyễn thở là có khí hư, không ỉa chảy lại có khát phiền đau có phải là thực nhiệt gây nên. Ỉa chảy mà khiên khát không dứt đáng lý phải thăng đề. Hay uống mà vẫn khát dữ là khó cứu chữa.

Khí hư hãm mà mụn đậu không bị tổn thương thì phải ôn kinh, nước tương đầy đủ mà khó thu áp đại tiện thực nhiệt còn chưng bốc nên phải giải độc, thông lợi rồi cho thanh lương để giúp cho việc đóng vảy và gia thêm thuốc bổ đề phòng sự quá đáng. Cho nên khi bong vảy còn ít thì thêm dần ít thuốc thanh lương độc đã hết thì nên bớt thuốc bồi bổ vì vậy vị Thăng ma dùng vào lúc chưa mọc đậu các phương giải độc nên dùng vào khi sắp thu áp.

Qua 8-9 ngày, nếu nước đậu đầy đủ thì có thể thấy biểu hiện của khí mạch huyết hóa mà có sự thành công của việc giải độc, nếu không có chứng khác kèm theo là chứng thuận, nếu nước đậu không đầy đủ, khí hãm không tươi, độc đậu hình thành phá ra ngoài, biểu hiện khí huyết đã hư tức là chứng nghịch. Nếu khí bình thường không đầy đủ lắm,

(1) Thu thành: Mùa lúa chín mùa gặt hái, lúa chín vào mùa thu.

sắc nhuận, vàng hồng, nước đậu không đầy, có đường chỉ máu đỏ phụ theo. Nếu tiếng nói rõ ràng, ăn được, quả đậu vẫn còn là khí nhược mà thuộc chứng hiểm, nên dùng Bảo nguyên thang (61) gia Khương, Quế để giúp khí kèm giữ huyết thì nước đậu tự thành ra, hoặc gia Bạch truật, Phục linh để giúp sự thu liễm, đóng vảy, hoặc gia Khung, Quy, Thục địa để giúp cho nước đậu hình thành mà có thể thu áp được.

Phạm chứng đậu thuộc loại hư cả, khí huyết hư nhiều đã uống thuốc bổ dần dần làm cho mủ có màu sắc mà sẽ thu áp, dù có nhiệt chỉ nên gia vị thuốc mát vào bài thuốc bổ, nếu nói là sắp thu áp mà bỏ không dùng thuốc bổ chỉ dùng thuốc thanh lương, thuốc hạ để mau thu áp thì chỉ làm cho chóng chết; vì người đã hư lại càng hư độc công phá vào trong mà chết, đó là lẽ tất nhiên, và là những điều đã kinh nghiệm.

Dang lúc thu áp mà nước đậu rỉ chảy không dứt, hoặc do phát biểu quá mức, gây ra nổi ban loét, hoặc do uống nhiều nước mà nước tràn ngoài bị phụ, nên dùng các loại Bạch truật, Phục linh, Bạch chỉ, Phòng phong cho vào bài thuốc để thấm thấp lợi thủy.

Nước đậu chưa dính quánh, dính đậu chưa no căng lên, mặt đang sưng bỗng nhiên rút, mắt đang nhắm bỗng nhiên mở, chân mủn bẹ rộng ra, sắc trắng, da rạn mà ráo khô, tựa thu áp mà không phải thu áp, hoặc như vỏ đậu, đó là do khí huyết hư kém nhiều, tân dịch khô kiệt không tiếp tục đưa ra ngoài được, độc đậu nhân sự hư ấy mà lộn vào trong, mệnh danh là "đảo áp", chứng đó cực kỳ nguy hiểm, hãy kịp sử dụng Sâm Kỳ để bổ thắc, nếu cương sưng trở lại còn có thể chữa được, cho nên người có đậu nhiều, độc mạnh rất cần phải dự phòng giải độc, và tùy từng chứng mà bồi bổ khí huyết để giúp cho mưng nước đậu, nếu không thì khí huyết không đủ sức tưới nhuận khắp mà sinh ra chứng đó.

Dáng lúc phải thu áp mà không thu áp được, có chứng ỉa chảy, không khát, rét run, nghiêng răng, là chứng hư hàn, nên dùng các vị Sâm, Truật, Bào khương cho vào trong bài thuốc, mủn đậu trên má chưa thu mà đậu ở tai thu trước, chữa có hai cách: Tai lạnh thì dùng các vị Câu kỷ, Cố chỉ, Dương quy, Xuyên khung, Bạch thược, tai nóng dùng các vị Cầm, Liên, Quy, Thược và các vị giải độc vào trong bài thuốc.

Sau khi mưng mủ thì đóng vảy là lẽ thường, nhưng có người quá thời kỳ của nó mà vẫn chưa thu áp, lở loét cả người, khác với người bị ban loét có 6 nguyên nhân:

1. Đại tiện táo bón, trong ngoài đều nóng cực, biểu lý đều thực, nhiệt khí chưng uất, độc khí lan tràn, mà dương khí thịnh quá, không có âm khí để thu liễm lại mà không thu áp được, chữa nên thanh lương hoặc tả hạ.

2. Ỉa chảy do lý hư tỳ vị hư nhược, tân dịch hao tổn, bấp thịt teo róc, nguyên khí tán ra ngoài, biểu lý đều không vững là do âm khí thịnh quá không có dương khí để liễm lại mà không thu áp được, chữa nên ôn bổ.

3. Khát uống nước lạnh quá nhiều, khiến cho nước đầy trong tỳ, thấm ra bấp thịt mà đậu không thu áp được, chữa phải thấm thấp.

4. Trời rét, sự đắp đấm không đủ ấm, để cho đậu bị lạnh, huyết ngưng, độc ứ trệ, không thu áp được, chữa nên ôn bổ, điều hòa.

5. Trời nóng bức mà giữ nóng ấm quá làm cho đậu bị nhiệt chứng mà không thu áp được, chữa phải thanh lương.

6. Do ít ăn mà khí hư đậu không thu áp được, phải bỏ tỳ, nếu chưa khi chưa vỡ thì sẽ đóng vảy, nếu vỡ rồi thì sẽ dần dần thành vảy, đều là dấu hiệu tốt. Nếu vảy da chưa đóng thì thành tình trạng đào áp, sẽ nguy.

Lúc thu áp, đậu khô sạch không lõi lõm, ẩm ướt, vỡ lở, sắc như sáp ong da chắc nịch, ngoài sáng trong tối, đỉnh nhọn, sờ gọn tay là hiện tượng thu áp bình thường. Nếu đậu giống như khô mà vảy mỏng như giấy, hoặc có chứng ở bên trong chưa trừ là lúc rất nguy hiểm, nên mau mau điều bổ mới khỏi bị hại.

Không cứ là đậu đã bị vỡ hay chưa vỡ sau 12 ngày vẫn thu áp được là điềm tốt. Nếu da vảy không đóng nhất định trở thành đào áp, có khi do chưa quay quá chưa hết, hoặc khắp người đã thu áp chỉ còn một số ổ đậu chưa thu áp, cuối cùng gây ngứa vỡ cũng đều là chứng khó sống, phải liệu chữa chạy cho mau.

e) Xử phương.

Sau khi mưng mủ, khí huyết hư hao không thu áp được, tuy chứng tựa như chứng thực nhiệt, nhưng thực ra đó chỉ là chứng giả nhiệt do khí huyết hư kém quá, không thể cho dùng thuốc thanh lương để mau thu áp mà nên dùng bài thanh Thập toàn đại bổ (111) về sau lại có một mối sợ rét là tà khí lui mà chính khí sắp phục hồi cho nên thấy có hiện tượng hư, như Nội kinh có chép: "chính khí bị đoạt thì hư", vẫn dùng thuốc trên thì khỏi.

Đáng lúc thu áp mà không thu áp, người nóng, bứt rứt không yên hễ, nằm thì ách hơi trướng bụng, ỉa chảy, nghiêng răng, rét run, chân tay đều lạnh, đó là do tỳ vị hư hàn, mau dùng Dị công tán (115) để cứu âm dương giúp cho việc thu áp.

Dại tiện táo bón, chân tay đều nóng, là tỳ vị có thực nhiệt, nên dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29) để phù âm ích dương. Lại ợ hơi, ho hen, bụng trướng, đánh rầm chân tay kém ấm là do tỳ hư không thu nhiếp được mà gây nên bụng trướng và đánh rầm, phế khí hư không thể dẫn truyền khắp nơi mà sinh ợ hơi, ho khạc.

Dang lúc lúc thu áp mà không thu áp được, có chứng sốt nhẹ, mạch hồng đại, không kém chứng nào khác là do phần âm không đủ nên dùng Tứ vật thang (27) bồi Bạch thực, gia Hà thủ ô.

Huyết hư nhiệt độc chưa hết mà không thu áp được bỗng thấy đầu mặt nóng ngấn chân lạnh mình không nóng, hoặc ỉa chảy bụng trướng, hơi thở rục lên, phiền khát, mau dùng Dị công tán (115) hoặc Cửu vị Dị công tiến (96), để chậm thì không cứu được.

Do nhiệt độc chưa lui, bì phu tấu lý bị nung nấu kết, âm khí không thu liễm lại được mà không thu áp, nếu không giải cho mau thì độc sẽ công phá vào trong mà gây hại nhiều, phải dùng Tê giác tán (146) gia Bạch thực, Ngưu bàng.

Trong ngoài đều nóng, dương độc lan tràn đến nổi đại tiện táo bón, âm khí không vận hành nên không thu áp được, phải dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29) hoặc Tam hoàng hoàn (31) để thông đại tiện, ngoài dùng Bại tương tán (128) phép thông khoan bằng Mật heo (104).

Đến thời kỳ thu áp tà độc đã giải, nhưng cần phải có thứ tự trước sau, nhanh chậm vừa phải, nếu thu áp quá nhanh sợ nước đậu còn ít, huyết thiếu, khí độc chưa hết, nấu nung tân dịch chống bị khô, nhẹ thì có dư độc, nặng thì gây diên cuồng, cần thông lợi

nhẹ để triệt hết cái độc đó; nếu thu áp quá chậm thì trung khí đã hư, tỳ vị đã yếu, không thể thu thẩm được ẩm ướt, trong nên uống Sâm Linh để bổ tỳ, ngoài dùng Bại tương tán (128) để rắc.

Ăn kém do tỳ vị khí hư mà không thu áp được, nên dùng Lục Khí tiến (72) hoặc Lục vật tiến (62) gia giảm mà chữa.

Ỉa chảy nhiều lần tỳ vị yếu, bắp thịt teo róc, hoặc bụng trướng phình khát mà đậu không thu áp được, dùng Trần thị thập nhị vị Dĩ công tán (97) hoặc Mộc hương tán (129) ngoài dùng Bại tương tán (128) mà rắc.

Do uống nhiều nước, hoặc do tiếp xúc với khí thấp đến nỗi tỳ vị và cơ nhục (bắp thịt) đều bị thấp khí ngấm vào, đậu không thu áp được, phải dùng Ngũ linh tán (145) hoặc Tử linh (110) gia Sơn tra để lợi.

Trời rét không đắp đủ ấm, đậu bị lạnh làm ngưng đọng mà không thu áp được, phải dùng Ngũ tích tán (69), ngoài dùng Nhũ hương hoặc Vầu hương⁽¹⁾ đốt xông chỗ bị lở.

Trời nóng bức vì giữ ấm quá làm cho nhiệt chứng bốc mà đậu không thu áp được, phải dùng Nhân sâm Bạch hổ thang (53) hoặc Ngũ linh tán (145), Tử linh tán để uống cho lợi thấp, dùng Thiên thủy tán (34) để rắc ngoài cho khô.

Do ứ khí hôi thối, âm hàn xúc phạm, gây tổn thương nguyên khí mà đậu không thu áp được, phải dùng Bảo nguyên thang {{(61)}} hoặc Trần thị thập nhị vị Dĩ công tán (97), ngoài dùng Tỳ tà đơn (134) để xông, Trư tùy cao (147) mà bôi.

Dáng thu áp mà không thu áp được phần nhiều chỉ do tỳ vị trung khí yếu. Bởi trung khí hư không nuôi dưỡng được cơ nhục cho chắc đến nỗi lở loét. Nhưng nên xét không còn có chứng nào khác nữa mà hình sắc khí huyết đều hư, thì nên dùng Thập toàn đại bổ thang (111) ngoài dùng Bại tương tán (128) mà rắc.

Đậu mưng mủ rồi thu áp là tốt, không có mủ mà cũng thu áp là xấu, cách chữa không thể tri hoãn được. Nếu đậu đã có mưng mủ mà không thu áp được lại lở loét hoặc bong da tức là đào áp, vẫn là do khí độc lẫn vào trong, phải mau mau đại bổ trung khí để thác biểu, nên dùng Lục khí tiến (72) bội Bạch thực, Tử thảo, Phòng phong Bạch chỉ mà chữa. Nếu kiêm có thấp nhiệt dùng Lục khí tiến hợp với Tử linh tán (110) mà chữa.

Đậu không phải lúc thu áp mà bỗng thấy bầm đen cả loạt gọi là "đào áp" thuộc chứng nguy. Dáng lúc thu áp mà không thu áp được, mà tà độc lẫn vào trong cũng gọi đào áp, càng là chứng chết.

Nếu nguyên khí vốn suy yếu, lại không ăn được, thường ỉa chảy thì dùng Trần thị Mộc hương tán (129) thật là thánh dược để tìm cái sống trong cái chết. Nếu vốn không có ỉa chảy mà táo bón đã lâu, bụng trướng, sườn thở, đó là do độc mạnh hại nguyên khí lại quay vào trong, phải cho hạ ngay lập tức, nếu không thì trường vị sẽ không thông, vinh vệ không vận hành, càng làm cho phền muộn, sườn đầy mà chết. Nếu độc vào trong, bỗng đi ỉa chảy, da vảy có mủ máu là do người đó vốn khỏe, độc khí khó lưu lại, cho nên hạ được thì độc theo phân ra ngoài, ra được là chứng thuận, đừng cố cầm lại, đợi khi hết mủ thì độc cũng hết. Nếu ỉa ra nước và cái (thức ăn chưa tiêu) là do tỳ khí yếu không

(1) Vầu hương: tức Xú thảo, Cẩu lý hương, Ruta Graveolens L.

thắng được tà, vì vậy độc khí lại xua đuổi thức ăn uống, nên là chứng không chữa được.

Đậu đã mưng mủ mà không thu áp được đến nổi lở loét, nước mủ đầm đìa quanh dính đau nhức không sao nằm được, dùng Bại thảo tán (102) hoặc Cảo mạch tán (148) cho vào túi lụa mà chườm vào chỗ tổn thương, hoặc rắc ra chiếu cho nằm cũng được, hoặc dùng Bí truyền Trà diệp phương cũng tốt (149).

Mụn đậu bị gãi toạc da, nước máu lẫn lộn, mau dùng Lục khí tiên (72) mà chữa, ngoài dùng Bạch long tán mà rắc (127).

Đậu thu áp rồi lại sinh mụn vỡ loét thành hố, nên dùng Thác lý tiêu độc tán (71) hoặc giải độc Nội thác tán (151). Nếu khí huyết hư mà không thu liễm lại được, dùng Thập toàn đại bổ (111) ngoài dùng Sinh cơ tán (14) mà rắc.

Khắp người nhiều mụn lở loét sâu mà không có khí huyết là chứng chết. Đậu lở loét không thu áp mà hơi thối khó ngửi gọi là

Lạn đậu (đậu thối), trong số đó cũng có trường hợp có thể giữ được yên lành, chỉ cần vị khí không bị suy, ăn uống như cũ, không có buồn phiền vật vã, thì có thể chữa được, trong dùng bát trân thang (126) hoặc Tứ vị Tiêu độc ẩm (100), ngoài dùng Bại thảo tán (128) để rắc.

Đậu như bị ôi, bắn xấu không thể sờ tới được, tuy giống như đóng vảy chưa phải vảy thật, phải mau mau thanh nhiệt tư huyết, dùng Lương huyết dương vinh thang (119) hoặc giải độc Phòng phong thanh (152).

Mụn đậu có chiều hướng ảm nóng lên, đến lúc thu áp bỗng thấy sốt cao, thường gọi Can tương (tức nước đậu khô) cũng là chứng thường thấy, chỉ sợ có nội thương ảm thực hoặc ngoại cảm phong hàn mà có như vậy, bệnh lâu ngày khí hư không thể dùng bữa thuốc hãn hạ, như có ngoại cảm thì dùng Sâm tở ẩm (54) nội thương thì dùng Mộc hương đại an hoàn (143) để trợ vị tiêu hóa thức ăn, tăng mạnh cốc khí.

Độc đậu thịnh, nhiệt ở trong, mặt lở, nên dùng Giải độc thang (152) gia Dương quy, Thuyền thoát, ngoài dùng Cửu khổ tuyệt ban tán (150) rắc vào chỗ tổn thương để gom miệng lên da non.

Muốn trên mặt không thành mặt rỗ dùng Tuyệt ban tán (168) trộn với nước mặt mà bôi, hoặc dùng Cửu khổ tuyệt ban tán (150) cũng được.

Trước khi đậu mọc khắp hoặc từng bị chạm thương gây vỡ loét thành mụn lở và các mụn thu áp bị như vậy lại không thu áp được nước mủ không khô, càng làm cho đau nhức khổ sở, nếu không chữa ngay thì dần dần thành cam loét, tổn hại đến gân xương, bị tai nạn mà chết, nên dùng Thập toàn đại bổ thang (111) gia Kim ngân hoa, Liên kiều, ngoài dùng Cửu khổ tuyệt ban tán (150) trộn mật heo mà bôi, hoặc Bạch long tán (127) mà chữa. Nhưng cũng có trường hợp do khí huyết hư nhược, nhiệt độc chưa hết, ngoài bị phong hàn phạm tới, đến nổi tấu lý bị uất bế lại tân dịch bị sáp trệ mà thành, nên chú ý đến màu sắc và chỗ đau, nếu đau ở các khớp chân tay và ở bộ phận sinh dục có màu xanh tím mà lở loét đen lan rộng ra máu là khó chữa. Nếu đau ở bộ phận thuộc dương không đau không lở, sắc đỏ tươi nhuận, dùng Miên kiến tán (135) mà chữa.

Khi đậu thu áp, màu trắng như cánh hoa mai là đậu giả hồi{(1)} là chứng chết không chữa được, sau 12 ngày nếu không có ỉa chảy thì mau dùng Lục khí tiên (72) Lục

vật tiền (63) hợp với Nhị tiêu tán (131) để cấp cứu nhanh.

Thế của nước mù đang căng đầy bóng đi ngoài ra máu là độc về đại tràng, đại tràng có tương quan biểu lý với phế ất nguy vào buổi thứ 15. Nếu sắp đến lúc thu áp bóng thấy kinh sợ là độc ứ trệ tại tam, mài mòn chân nguyên, ất nguy vào buổi thứ 14, nếu vừa đúng thời kỳ thu áp mà bóng nên nhọt sưng khối cứng bầm đen ất nguy vào buổi thứ 16. Nếu đúng thu áp mà không thu áp được, ỉa chảy, không khát, rét run, nghiêng răng đó là thuộc hư hàn, mau dùng Dĩ công tán mà cứu. Nhưng các chứng nguy cũng có khi tựa như chứng thực, mà không phải thực, nên tham khảo các chứng kèm theo. Bệnh đầu có độc tà nội nhiệt chưa hóa, mà thu áp khô (can áp) quá nhanh thì sau ất có bệnh mất hoặc có ung độc, và các hoại chứng, nên mau dùng phương thanh hóa nhẹ như Lương huyết dưỡng vinh thang (119). Nếu đại tiện khô quá thì nên thông lợi nhẹ, để giải độc đó, dùng Dương quy hoàn (152) mà chữa.

g) Dụng dược.

- Khí hư không thu áp, tùy chứng chọn dùng các vị Sâm, Kỳ, Quy, Thược, Thục địa, Thương truật, Đinh hương, Phụ tử, Nhục quế, Chích theo, Bạch chỉ, Trần bì, Tỳ giải, Sơn dược, Thủ ô, Ý dĩ, Mộc hương, Nhục quả, Bào khương, Liên nhục, Trần mễ, Long nhân, Mộc thông. Khi mù mưng khắp rồi nên dùng Sâm nhiều Kỳ ít, chú trọng ở lý mà nhẹ phần biểu vì tính của Kỳ là thăng, thác, nếu muốn quay lại mà lại thác thì độc sẽ quay vào công phá bên trong.

- Chứng đảo áp có huyết nhiệt, nên tùy chứng chọn dùng các vị như Đại táo, Xuyên sơn giáp, Cầm, Liên, Sinh địa, Dương quy, Xích thược, Hồng hoa, Liên kiều, Ngưu bàng, Huyền sâm, Cát cánh, Cam thảo, Tào giác thích Tử thảo, Niêm mễ, Lộc nhung, Long não, Sâu dẫu (bù xè), Răng người, máu đuôi heo, bù chết chó.

- Từ khi thấy điểm đến khi mưng mù, đều cần được khí huyết nuôi lớn và độc bốc ra, cho nên dùng Sâm, Kỳ, Nhung, Quế.

- Từ khi nước đậu đầy đủ đến khi bong vảy, cần được khí huyết thu liễm, nên dùng các vị như Ý dĩ, Liên kiều, Phục linh, Thủ ô, Bạch thược, Phục linh, Mộc thông, đã lợi cho việc nước mù đi xuống, còn phù hợp với thời lệnh "thu thâu đông tàng" ⁽²⁾, còn như đảo áp tuy đang thời kỳ thu áp mà độc chưa được nước đậu biến hóa tức muốn thu áp mà lại công phá vào trong, cho nên cách chữa đảo áp nên chọn vị thuốc bước đầu công thác huyết nhiệt.

VII - THỜI KỲ BONG VẢY

a) Chứng thận (không phải chữa).

Sau khi thu áp, vảy đậu đầy lên chậm bong không dính, bong rời khỏi thịt là tốt.

(1) Giả hờ: Hiện tượng hơi tương giả tạo: Từ chuyên môn của nhà chữa đậu gọi thời kỳ hơi tương là "quay quả" đó là chỉ vào lúc quả đậu se mặt chuẩn bị bước vào giai đoạn khô dần để đông vảy.

(2) Thu thâu đông tàng: Theo quy luật tự nhiên, xuân sinh, hạ trưởng, thu thâu đông tàng.

Sau khi bong vảy nốt đậu đỏ nhuận không lồi lõm, ăn uống bài tiết bình thường là tốt. Người bệnh tục bốc vảy để ăn dù có biểu hiện chứng gì khác cũng không chết.

b) Chứng hiểm (phải chữa).

Sau khi thu áp, màu nốt đậu đỏ tím là huyết nhiệt, độc thịnh, dùng lương huyết giải độc làm chính.

Đậu đã đóng mà môi không che kín răng, mau dùng lương huyết giải độc, nếu không sẽ sinh cam tẩu mà mà chết. Nếu vì khí huyết khô khan không nhu nhuận nuôi dưỡng hai kinh Nhâm Đốc, co rút thì nên dùng thuốc bổ dưỡng.

c) Chứng nghịch (không thể chữa).

Sau khi bong vảy:

- Ía chảy không ngừng, mắt không có thần, sắc mặt xanh xao là chứng chết.
- Bọng sườn nhiều, mặt mày khô ráo, môi nhợt nhạt, là chứng chết.
- Sắc nốt đậu trắng bệch là khí huyết đã hết, nếu không đại bổ khí huyết ắt chết không cứu được.
- Mắt mở màu đỏ là rất xấu (đã kinh nghiệm).
- Lên kinh làm tâm khí đã tuyệt, thần không chỗ dựa, không chữa được.
- Hễ nuốt vật gì thì nghẹn, trong họng có tiếng khò khè như kéo cưa, bụng trướng sôi, đầu ra mồ hôi, là chứng chết.
- Bệnh này chưa khỏi, mắc thêm bệnh khác có tính chất thắng phục⁽¹⁾ tương thừa theo ngũ hành là chứng chết.
- Chân tay run rẩy, nghiêng răng cắn khẩu, mắt nhắm, bụng trướng, chân lạnh quá gối là chứng chết.
- Mụn đậu khô ráo, ít mũ không mọc được, tuy vẫn thu áp đóng vảy nhưng trắng bệch, hoặc cố dư nhiệt chưa hết dù đã qua một tháng cũng sẽ chết.

Sau khi đóng vảy, bị thương phong thương thực mà hầy róc là không chữa được, vì tỳ chủ cơ nhục, đây là chứng thổ băng (đất lở) tỳ bại.

d) Lời bàn chung.

Sau khi thu áp, vảy bong dần hết cái này đến cái khác, sắc nốt đậu tươi sáng nhuận không có đen đỏ lồi lõm, vé mặt như xưa là chứng rất thuận lợi; Nếu ngũ quan có hư hỏng, chân tay bị tổn thương quặt queo, lông tóc rụng, hình dung thay đổi nhiều đó là chứng sống sót trong tình trạng nguy hiểm.

(1) *Thắng phục*: Chỉ sự trội hơn nhau chế ước nhau của ngũ vị vận lục khí trong chu kỳ 1 năm, quan hệ hỗ tương của việc trước giành được phần trội hơn rồi sau đó khôi phục tư thế của bản thân. Thắng tức là thắng khí, phục tức là phục khí. Thắng là chủ động có ý nghĩa thắng lợi mạnh mẽ, phục là bị động có ý nghĩa trở về tư thế cũ. Khí của thắng phục tức là nửa năm đầu nếu có thắng khí thì quá, nửa năm sau đương nhiên có phục khí của sự tương phản với trước đó, như nửa năm sau nhiệt khí quá thịnh, nửa năm sau đương nhiên có hàn khí báo phục trở lại như: một khí vận hành không kịp, kim khí thắng mộc, mộc uất ức cho nene sinh hỏa, hỏa hay khắc kim thể đồ gọi là phục. Quy luật chung của thắng phục là để có thắng trước rồi sau đó có báo phục, nghĩa là sự báo thù phục hận của sự thắng thế của đôi phương trước kia (để giành lại tư thế) cái khí của thắng phục không phần năm nào cũng có.

Cả người, đầu mặt đen sạm là chứng chưa có thể nổi vô sự được, sợ trước đó mù mưng chưa tốt mà bị đảo áp dồn về thận, nên phân biệt kỹ:

- Nếu sốt cao, ăn kém, khát nhiều, phiền muộn, ngủ mê, đại tiện dễ đi hoặc táo bón thì đúng là đảo áp thật dồn về thận, không thể bỏ qua xem nhẹ.

- Nếu mình mẩy ẩm áp, thoải mái, ăn uống ỉa đái đều bình thường nốt đậu có sắc chính của nó là không phải lo.

Da vậy mới bong, màu thịt nõn nà không nên rửa ráy, thêm bột quần áo, vì biểu khí hư lục đâm sể xâm phạm, độc đậu gây hại lâu ngày, lý cũng hư nốt, trường vị suy yếu, không nên uống lạnh, tổn thương về no đói, bệnh mác khi lên đậu sinh chạy sẽ chữa; để khổ cả đời không bằng nên giữ cẩn thận trăm ngày.

d) Phép chữa.

Sau 13, 14 ngày thì khí huyết trở về gốc của nó, độc đã tàn lụi, nước đậu già, đóng vảy... là chứng thuận; Nếu đậu không thu áp, bong vảy lại bị thêm tà khí tác động tới là chứng nghịch. Tuy độc đã giải hết sắp đến lúc đóng vảy hoặc còn kèm tạp chứng khác là chứng hiểm, nên dùng phép ôn bổ và tùy chứng gia giảm, không được dùng bảy những thuốc đại hàn tẩy rửa, đến nỗi gây tổn thương bên trong; nếu có dư độc thì nên thanh lương giải độc; nếu không có dư độc thì nên thêm thuốc bồi bổ, dầu là người có dư độc, nhưng sau một thời gian ốm lâu khí huyết đều hư thì không được chữa quá mạnh tay.

Seo⁽¹⁾ trắng là khí hư mà huyết suy, nên củng cố nguyên khí làm gốc. Nếu se trắng mà có ngứa và khát là khí huyết đều hư càng nên đại bổ khí huyết.

Sốt mà đại tiện điều hòa là tỳ vị có hư nhiệt, sốt mà có táo bón là trường vị có thực nhiệt, ăn kém chân tay bủn rủn là trung khí hư, chữa thì khỏi ngay, kèm có se đậu chuyển dần thành màu đỏ trơn là tốt. Nếu màu sắc không chuyển tuy đã lâu ngày vẫn có thể có biến chứng tả lỵ mà chết.

Đã bổ khí huyết lâu ngày vẫn chưa kiến hiệu thì không gì bằng bổ ngay vào gốc của khí huyết, gốc của khí là thận dương, gốc của huyết là thận âm, bổ ngay vào gốc như vậy thì chưa hề không thấy kiến hiệu.

Vảy đóng lâu ngày không bong là do huyết hư sinh nhiệt ở hai kinh phế và tỳ, phế chủ da lông, tỳ chủ cơ nhục, bên trong dùng thuốc lương huyết bổ huyết, bên ngoài dùng dầu vừng với mật mà xoa, vảy gặp dầu thì mềm lại rồi tự bong, chỗ gượng bóc ra làm tổn thương đến phần da lành mà sinh lở loét hoặc biến thành đậu nát.

Nốt đậu sắc trắng là khí huyết hư mau mau đại bổ khí huyết.

Thu áp đã chậm, vảy lại khó bong, bệnh nhân ngủ mê man, ngoài ra không có chứng gì khác, lìa do tà khí tuy đã lui nhưng chính khí còn suy tỳ vị hư yếu, nên dùng Bảo nguyên an thần để điều lý từ từ khiến cho khí huyết bình phục trở lại thì sẽ được thoải mái không phải lo gì.

Ồ đậu tại các chỗ cổ tay, đầu gối, thông với nhau thành đám lớn mù hóa thành nước ứ lại trong mụn giống như cái túi, nước không thoát lâu ngày cứ như vậy, đó là do thịt phía trong đã tốt chỉ có da phồng ở ngoài, nên châm cho chảy nước thì mụn tự khô.

(1) Seo, tức rổ mứt

e) Xử phương.

Vảy đã đóng, đến kỳ của nó thì nó tự bong ra, có trường hợp đáng bong lại không bong, kéo dài lâu ngày không thể chủ ý mà chữa để phòng biến chứng, như từ nửa tháng đến 1 tháng, vảy cứ dính sát vào thịt không bong, hoặc ngứa ngáy, là do tán biểu quá mức, tổn thương tân dịch, làm cho tân dịch hư sáp, không đủ sức làm bong vảy nên dùng Nhân sâm cố cơ thang (113) hoặc đậu Chân tô, dầu vừng bôi cho mềm thì vảy sẽ bong.

Vảy lâu ngày không bong, dùng Bách hoa cao (142) bôi cho nhuận mềm thì vảy bong, để chậm thì độc ăn sâu vào thịt thành ban lở.

Ban đậu phát ngứa, tuột da, ra máu, hoặc làm mủ lại, đó là huyết nhiệt khí hư, dùng Tứ quân tử thang (90) hoặc Tứ vật thang (27) gia Hồng hoa, Tử thảo, Ngưu bàng, để thanh cái nhiệt đó.

Nguyên đậu không mưng mủ, bị khô, nếu vỏ đậu tuy có bong vảy mà sắc trắng bệnh hoặc dư nhiệt không lui, tuy đã quá 1 thang vẫn chết nên mau dùng loại Bát trân, Thập toàn (126 và 111) để điều bổ. Nếu độc còn thịnh, trước hết vẫn phải dùng Tiêu độc ẩm (216) mà chữa.

Sẹo đậu đỏ mà ngứa là huyết hư có nhiệt nên dùng các loại Đơn bì, Địa cốt bì, nếu đỏ mà đau, nên dùng các loại Thử niêm tử, Liên kiều để thanh nhiệt khí.

Sẹo ở mặt đen bẩn, dùng Diệt ban tán (150) trước khi đi ngủ trộn với mật mà bôi, sáng sớm hôm sau dùng nước rửa sạch, tự nhiên sẽ bóng bảy nhuận mịn, lại nên giữ gìn chỗ nên ra nắng sớm.

Nốt đậu lồi cao mà ngứa mãi là nhiệt độc chưa hết, dùng Giải độc Phòng phong thang (152) mà chữa. Nốt đậu lõm xuống thành hố là tỳ vị không nuôi dưỡng được cơ nhục, dùng Nhân sâm Bạch truật tán (196) gia Hoàng kỳ mà chữa.

Vảy đã bong, vết sẹo lại phồng lên, ổ mủ mưng như trước đóng thành 1 lớp vảy, ắt sẽ thu áp nhanh là khí độc chưa hết, hoặc do uống nhầm thuốc ôn bổ, ăn thứ ngọt béo, uống rượu, ăn cay, không kiêng cử đồ xào rán, hoặc do ra gió sớm quá, vinh vệ bị uất không thông thông... đều có thể lại thành chứng này, nhưng độc tà đó đã tán ra ngoài nên không hại gì đáng kể, chỉ lo cơ nhục trống rỗng lâu mà sinh mụn lở.

Lại có vảy tuy bong được mà trên mặt hoặc ở chân tay thành đám đóng cứng, đầu mụn tuy se lại nhưng trong có nước mủ, đó là do đậu khi mới mọc chỗ đó quá dày, lở mở thành đám không tách bạch từng ổ mụn, cho nên độc ứ ở trong không tiết mạnh ra ngoài khiến cho thu áp chậm, lúc bấy giờ khí huyết thiếu, lại hóa độc thành nước đậu, nên dùng Diệt ban tán (150) trộn mật mà bôi, chờ mưng mủ, đóng vảy... thì tự khỏi.

Tuy khắp người đều đã đóng vảy khắp nhưng dư nhiệt chưa lui, còn dôn tại cơ biểu, hoặc người sốt, phiền khát mà không bong vảy, nên dùng Dương vinh tiễn (119) hoặc Giải độc Phòng phong thang (152) châm chước sử dụng.

Nhiệt nặng, nên dùng Đại Liên kiều ẩm (25) gia Đại cốt bì mà chữa, ngoài dùng bột Hoạt thạch trộn mật ong dùng lông gà chấm phết trên vảy cho nó mềm nhuận thì vảy sẽ bong, nhiệt sẽ tự khỏi.

Thu áp chậm, vảy không bong, lơ mơ muốn ngủ là tà khí đã lui, nhưng chính khí chưa hồi phục, tỳ vị hư yếu, dùng Ngũ phúc ẩm (95) hoặc Điều nguyên thang (61) điều

trị từ từ. Nếu dư hỏa còn chưa hết dùng Toan táo nhân thang (170).

Sau khi thu áp bong vảy, nếu dư nhiệt chưa lui, hôn mê nói sảng dùng Thần sa Lục nhất tán (123) lấy thang Tiểu sài hồ (172) hòa vào thuốc mà uống. Nếu đại tiện bí, trưởng lên, dùng Dương quy hoàn (152) để thông lợi. Như nóng dữ dùng Đại Liên kiều ẩm (25) rất hay.

Vảy đã bong, trung khí hư nhiều, không thể ăn được, dùng Ngục vị Dị công tán (1), hoặc Dưỡng trung tiền (92) mà chữa.

Trời nóng bức vì giữ ẩm quá làm cho nhiệt chứng bốc mà đậu

g) Dụng được.

Chính khí hư, tùy chứng chọn dùng các Sâm, Kỳ, Quy, Truật Thực địa, Phục linh, Bạch thực, Cam thảo, Nhục quế, Phụ tử, Táo nhân, Phục thần, Mạch đông, Ngũ vị, Viễn chí, Cát cánh, Ý dĩ, Hoài sơn, Trần mễ, Đại táo, Long nhãn, Liên nhục, Trần bì, Kha tử, Mộc hương, Nhục quả, Bào khương...

Chứng tà thực, tùy chứng chọn dùng các vị như Cầm, Liên, Quy, Thược, Cam thảo, Liên kiều, Sinh địa, Huyền sâm, Kim ngân hoa, Thổ bối mẫu, Thủy niêm tử, Mẫu đơn bì, Cát cánh, Chi tử, Long đởm thảo, Tứ hoa địa đinh, Thiên hoa phấn, Đảng sâm, Nhũ hương, Mộc dược, Táo giác thích, Huyết kiệt, Cương tâm, Bạch chỉ, Ngưu hoàng, Trân châu...

Từ thu áp đến bong vảy, cần phù chính khu tà, làm cho vinh vệ điều hòa, khí huyết được nuôi dưỡng, thu liễm, được thành công, nên dùng các vị chữa suy nhược sau khi ốm như Nhân sâm, Thực địa, Hoài sơn, Hoàng kỳ; các vị thanh nhiệt giải trừ uất kết của dư độc của phục nhiệt như Liên kiều, Bạch thực, Dương quy, Mộc thông...

Trên đây trình bày đại khái, người học phải cân nhắc, linh hoạt vận dụng theo từng trường hợp chứ nên cố chấp theo một lối nhất định.

NHỮNG PHƯƠNG PHÁP TÂM ĐẮC LINH HOẠT

Tôi xét thấy về bệnh đậu, từ xưa đã hình thành một chuyên khoa riêng biệt. Người xưa từ bí tế độ, đã hết lòng hết sức đặt ra phép, lập ra phương, phân tích không còn chỗ nào khúc mắc nữa. Đại khái, gây thành bệnh đậu chỉ có ba điều: *KHÍ HƯ*, *HUYẾT NHIỆT*, và *ĐỘC THỊNH* mà thôi. Khí huyết là chính khí, độc thịnh là tà khí, dùng thuốc chữa chữa khí huyết để chữa đậu là phép chữa theo trường phái Vương đạo, dùng thuốc giải độc để chữa đậu là phép chữa của trường phái Bá đạo. Vương đạo là cách dùng đức để phục lòng người, Bá đạo là cách dùng lực để khuất phục người. Sách nói: Chữa đậu chỉ nhờ vào sức của khí huyết, từ khởi đầu đến kết thúc đều nhờ vào công sức đó. Tuy nhiên sức của khí huyết lại phải nhờ vào nguyên khí làm chủ tể. Vị khí là con đẻ của nguyên dương, cho nên có ăn được mới điều trị được, dù gặp trăm điều nguy hiểm vẫn có thể vượt qua, khi vị khí đã bại thì dù trăm thuốc hay vẫn khó lòng thì thố.

Bổ ích nguyên khí, điều lý khí huyết là sách lược an toàn nhất để chữa đậu, tự tôi tâm đắc đã có hàng loạt phép chữa, chép vào phần cuối để mọi người tham khảo.

1. Phép chữa khi phát sốt.

Phép chữa nên sơ biểu là chính, làm cho chân lông thở thật sơ thông thì độc đậu dễ thoát ra mà đậu sẽ mọc thưa, mọc đều và sáng sạch. Bởi vì giải biểu thì ngoại tà lẫn nội độc đều quyền thành mồ hôi nhớp mà ra ngoài, chứng nặng có thể trở thành nhẹ;

Nếu không có mồ hôi thì ngoại nhiệt để phòng độc ung trệ lại. Nếu cảm phong hàn, tấu lý bế tắc lại thì dùng Kinh giới, Cát căn, Gừng để sơ tán phong hàn. Hoặc bị lạnh mà phát, chưa bị cảm lại thì không ngại gì, nếu nhiệt nặng, táo bón, thời cơ thể cho hạ nhẹ; Nếu sốt nhẹ thì chỉ nên giải độc mà thôi; Nếu có mồ hôi mà ngoài cơ sốt nhẹ thì không nên phát biểu, e rằng vệ khí hư thì đậu sẽ khó mọc, song phép tán biểu phải dùng đúng mức hết bệnh thì thôi, nếu chỉ lấy việc sơ tán làm chính, bên ngoài hư thì bên trong cũng hao, thoát đầu thì không có sức thúc lý tổng độc, kế tiếp đó sẽ không tạo thành nước mù, cho nên dùng phép vi hãn (tức phát hãn vừa vừa) là quý rồi.

Khi đậu mới sốt và khi đậu sắp mọc, tuy có chứng nhiệt nhất thiết không thể dùng bữa thuốc hàn lương để giải độc, đậu đã không thưa ít mà độc lại đóng chặt lại. Dù có chứng huyết nhiệt thật sự, từ khi mới phát cũng không nên dùng ngay thuốc hàn lương, chỉ nên dùng thuốc thanh lương, ghé có thuốc thăng để phát tán, chờ khi đậu mọc đều rồi mới có thể dùng thuốc lương huyết thanh nhiệt để chữa thì đậu dễ lớn mà độc không bị trở ngại nhưng, đậu vốn là loại dương độc, không có nóng thì không đẩy nó ra được, nếu bên ngoài có sốt mà trong không khát tình thần thanh thản, ăn ngủ ỉa đái bình thường, đó là chứng thứ nhiệt, để chứng hấp cho đậu nguyên khí gây nhiệt cao để làm tác dụng tốt cho đậu, nên thuận theo quy luật tự nhiên, nhất thiết không được chữa bữa. Sách nói: Trước khi đậu chưa mọc ra ngoài, nên làm cho tăng nhiệt để xua đuổi độc đậu. Đại khái nếu không có thực hỏa thì nhất thiết không dùng thuốc ôn bổ để khởi giúp cho độc. Người thầy thuốc giỏi không ngoài cách chữa nào hơn cách khu tà phù chính mà thôi.

2. Phép chữa đậu khi thấy điểm báo.

Phép chữa, nên lấy thác lý giải biểu làm chính, làm cho đậu dễ ra. Sách nói: "Tuyên khai là cổng trước của việc hòa giải". Lại nói:

"Sau khi thấy điểm báo nên thanh giải, thấy màu khô, đỏ, tím, phải mau mau sơ lợi" nếu không sẽ thành đen hãm; có táo bón thì cho hạ nhẹ không nên dùng nhâm dương để cho độc ung trệ gây hại, thấy có chứng nhiệt ung át thì lấy thủy chế hòa nhưng không dùng mạnh thuốc khổ hàn. Chỉ nên thanh lương thăng đề, phát tán; thanh lương thì giải nhiệt, đậu được hình tròn; thăng đề thì không bị ung át mà độc có đường ra, nếu gặp hàn lương thì bại thật lạnh; phát tán quá mức thì biểu hư mà tan rã phía trong. Như thế đậu nhẹ ít thì không nên tán biểu quá mức, sau dễ thành vết loét. Nếu chỉ chú ý vào việc sơ biểu và dùng bữa các loại thuốc có độc như Xuyên sơn mạch trùng để dồn đuổi khí độc, thì vệ khí không thể giữ gìn được mà mọc cả ra dày đặc như hình trứng tằm, trứng nhện và tất yếu sẽ gây ra chứng đậu thủy bào mọng nước trong veo khó làm nửa khó thu áp. Nếu phòng có gặp chứng rất nguy chẳng nữa thì các loại thuốc như thiên linh cái, nã xạ cũng tuyệt đối không nên dùng, độc có đẩy ra được một phần thì thể lực bên trong cũng bị hụt hao một phần.

Nếu thấy đúng có chứng khí hư, mà đậu không mọc được thì nên bổ khí nhẹ, khí điều hòa thì đậu mọc ra nhanh chóng, nhưng mới đầu cấm dùng Hoàng kỳ vì tấu lý chặt lại thì độc khó ra. Sau khi mụn đậu đã nổi lên, khí hư thì bổ khí, huyết hư thì bổ huyết, nếu khí huyết lưỡng hư thì chỉ thiên về phía bổ khí hơn, vì khí hư thì ỉa chảy mà thuốc bổ huyết đều nhuận, sợ bổ âm chưa vững đã thấy cái họa vong dương đến sớm. Nếu âm huyết đại hư hơn khí, lại không được bổ thiên về khí, sợ thuốc có tính ráo làm hao âm, càng gây khô khan. Nếu khí hư thấy hãm trắng không tươi và điểm đậu đỏ nhạt thì dùng gương các vị Hồng hoa, Tử thảo, Sinh địa,

Xuyên quy, Bạch thược, nhưng các vị đó cần sao rượu để giúp sức thấu đạt tới biểu, kìm sức nhuận hạ, trong tính lương huyết vẫn đảm bảo có cái hay của tính thăng phát.

Nếu hoàn toàn huyết nhiệt chỉ nên lương huyết. Nếu khí hư kiêm huyết nhiệt, chỉ nên lương huyết kiêm thăng thác, đợi mụn ngà màu hơi vàng (triệu chứng độc đã giải hết) mới được bổ khí. Đại khái sau khi đậu đã mọc ra, bên trong ắt trống rỗng vì sự vận chuyển đều nhờ vào sức của khí huyết phải nhanh tay bồi bổ nguồn sinh hóa (hóa nguyên). Sách nói: sau khi thấy điểm báo, nên bổ dưỡng khí huyết để giúp cho thể vận hành để đẩy ra, vừa dự bị cho giai đoạn mừng mụn nếu không biết thừa cơ cho bồi bổ gấp độc sẽ nhân chỗ hư hèn sẽ quay vào trong mà phá phách.

3. Phép chữa khi đậu cương.

Phép chữa, nên thanh lương giải độc làm chính cho đậu để lớn; thanh lương thì không có cái hại huyết nhiệt khô ráo, giải độc thì không lo cái họa hãm đen, đảo áp. Đậu mọc đến dưới chân mới được thanh giải, nếu đậu chưa ra hết mà vội dùng thuốc thanh giải thì đậu gặp hàn trở lại sinh trệ, cho nên trong phép giải độc phải thêm phép phát biểu, trong giải độc có ghé thêm ôn bổ một ít, trong ôn bổ thì có ghé thêm giải độc một ít thì được cả hai mặt. Nếu chỉ thiên về hàn lương, giải độc thì đã trở ngại đường ra của độc còn gây khó khăn cho việc hóa độc, vận hành nước đậu: Còn như vị thuốc thanh lương như Tê giác, Địa hoàng cũng không được dùng bừa. Lại có sai lầm muốn công độc cho mau cũng giống như không có gạo để thổi cơm. Nếu thấy chứng kiêm có khí hư thì cấm tuyệt không được dùng phép thanh lương giải độc, vì thanh lương thì gây đi ỉa chảy, ỉa chảy thì độc ỉn nấu, sách nói: Sau khi đậu đã ra thì phải chặn đường tấu tiết, chỉ thực biểu thì đậu dễ cương để thu áp mà không cái nạn đảo áp, ngứa tẹt. Cho nên phép chữa nói: Nên dùng Hoàng kỳ sau khi đậu đã ra hết, điều rất quan trọng là khi đậu cương nên dùng nhiều Hoàng kỳ mà dùng ít Nhân sâm, nặng về bổ biểu mà nhẹ về phần bổ trung, lại phải kèm thêm Xuyên khung, Phòng phong dẫn đậu đi lên trên, vì đậu lấy đầu mặt làm chính.

4. Phép chữa khi mụn mủ.

Phép chữa, nên ôn bổ khí huyết làm chính. Khí huyết lưu hành thì dễ thành nước đậu; nếu khí nhược huyết khô, thì không thể thành nước mụn được. Sách nói: sau 6 ngày, độc đã ra hết ở ngoài biểu, trung khí nhất định bị hư, nếu không ôn bổ thêm thì nước đậu không vận hành, ắt sẽ có ngứa tẹt và rét run.

Cũng có trường hợp tình huyết tuy vượng mà không vận hành được nước đậu, là do tấu lý vít chặt khí huyết trệ bên trong, nên uống thuốc tuyên dương khí huyết, ngoài

cho tắm Thủy dương thang thì sẽ được lưu thông dễ dàng.

Sau khi thấy nước đậu đã căng đủ mà vẫn còn dùng Sâm Kỳ thì lại gây nên cái hại suyền thờ trương bụng. Đại khái, trong thời kỳ mưng mủ rất nên dùng phép ôn bổ, nếu chứng đau vốn do huyết nhiệt, đã mọc đến dưới chân, tuy được mát đi chút ít, nếu dùng Sâm Kỳ sợ cái thể huyết nhiệt trở lại như cũ, hướng hổ độc chưa được giải hết, bỏ vào lại làm cho độc dồn góp lại mà không hoá được nước đậu, chỉ nên dùng cách trong thuốc thúc sinh nước mủ, thêm ít vị thanh lương giải độc, thì huyết nhiệt sẽ mát đi, nước mủ đầy lên, hai mặt đều được mà không ngại gì nữa. Nhưng trúng bệnh bênh thì thôi, nếu mất quá thì độc lại trở trệ, đó là chứng có huyết nhiệt hoàn toàn. Nếu khí hư kiêm có huyết nhiệt ắt phải chờ khi sắc đậu ngả màu vàng mới có thể dùng Sâm Kỳ để bổ khí, không thế thì lại giúp cho độc mà hại to.

5. Phép chữa khí thu áp.

Lấy thu liễm làm chính, điều hoà khí huyết, bố tỷ, lợi thủ tự nhiên sẽ thu áp. Lúc này nên dùng nhiều Sâm, ít Kỳ, nặng về bổ trung mà nhẹ về bổ biểu, nếu đau chưa căng đủ thì trong thu đại bổ khí huyết nên gia thêm ít thuốc giải âm độc, nếu không sẽ có cái hại là sinh ung độc, sọc sần, và sau khi đóng vảy vẫn còn là độc không hết hẳn, cũng nên giải độc để phòng có ung độc.

6. Phép chữa khí bong vảy.

Nên thanh lương dần dần là chính, vì sự thành của vạn vật đều nhờ vào khí se sát, bế tàng. Sách nói : Sau khi bong vảy, thanh lương dần dần để độc ra hết, nên xa thuốc bồi bổ, ý nghĩa là như vậy.

Trên đây là phép chữa theo từng thời kỳ một, đều là những kinh nghiệm tâm đắc mà tôi đã từng trải, nhưng khi gặp những biểu hiện gần giống nhau ngoài các phép đã nói cũng như trong những điều khó nói rõ, còn cần phải dựa vào sự khéo linh hoạt mới có thể hiểu hết và chữa bệnh một cách thấu đáo được.

HẾT QUYỀN DINH

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH

Quyển thứ 38

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU MẬU

I - BÀN VỀ KHÔNG ĂN ĐƯỢC (17 điểm)

1. Lên đậu mà ăn được thì không phải hỏi đậu lên dày lên thưa, mà đều là tốt cả, nếu không ăn được thì đậu tuy lên thưa vẫn là không tốt. Nhưng lúc ban đầu mà không ăn được là lúc đậu sắp hiện ra hể đậu mọc lên là ăn được ngay. Hoặc có trường hợp muốn ăn mà không ăn được thì nhất định là trong họng có lên đậu, gây nên họng đau không nhai nuốt được, phải cho húp cháo đặc dần dần, để trợ giúp vị khí, lại dùng Cam thảo, Cát cánh, Ngưu bàng tử để giải mà làm lợi hầu họng.

Còn phải phân biệt hư thực, hàn nhiệt:

- Người yếu đuối, tinh thần uể oải, ỉa són, không ăn... là thuộc *hư*.
- Minh nóng, bụng đầy không ăn được là thuộc *thực*.
- Do ăn đồ sống lạnh, đại tiểu tiện đều trong lợi, trướng bụng sôi ruột, không ăn được, là thuộc *hàn*.
- Da dẻ dày kín, độc khí bốc ra, buồn bực vật vã không ăn được là thuộc *nhiệt*.

Như đậu mới mọc dày ở trước ngực mà giảm ăn, đó là độc thịnh tỳ yếu, ỉa ra nhân có mùi chua khảm, sợ ăn hoặc nôn, đây là có chất ăn cũ không tiêu vậy.

Về cách chữa, do đậu mà không ăn thì chữa đậu, do tạp chứng mà không ăn thì chữa tạp chứng thời khí sẽ hòa, tự nhiên sẽ ăn được.

Như tất thấy đều thấy chứng nghịch, bỗng nhiên ăn nhiều gấp bội phải phòng đó là tà hỏa làm cho đôi khí, chưa có thể cho là tốt được đâu.

2. Đậu sở dĩ mọc, tuy là nhờ nguyên khí mới mọc lên, nhưng sở dĩ nguyên khí có khỏe là nhờ vào sự ăn bú mà sản sinh ra, đậu từ lúc mới mọc đến lúc đóng vẩy, bong vẩy sự ăn uống không giảm sút, đại tiểu tiện bình thường, tuy đậu không cương không đỏ, đầy, dùng thuốc đúng phép thì không lo gì, nếu ăn bú giảm sút còn kiêm ỉa chảy thì nguyên khí vì đó mà suy dần, tuy không có chứng như trước, nhưng sau dần dần sẽ trở thành nguy. Cho nên trước 4-5 ngày mà không ăn được là độc thịnh ở trong, còn có thể chữa được. Đến 5-6 ngày mà không ăn được, ắt là tạp chất sẽ sản sinh dồn dập, làm mù không chắc, tuy dùng thuốc cũng vô ích.

Nếu đậu cương mà ăn gấp bội, phát sốt, buồn bực vật vã, tinh thần uể oải đây là có tích nhiệt trong dạ dày, tiêu cơm nước⁽¹⁾, đại tiện bí, nên dùng loại tứ thuận ẩm (29) để giải, sợ chứng vị nhiệt ấy không lui thời sinh ra biến chứng lở loét miệng.

Nếu tỳ vị vốn khỏe, độc đậu bay hết, trong không có uất nhiệt, vì vậy mà trong lòng khoan khoái, ăn được nhiều, đậu lên tốt, đại tiểu tiện bình thường thì chớ nên kinh suất cho uống thuốc giải lợi.

(1) Tiêu cơm nước: Nguyên chữ là tiêu cốc, tiêu cốc chỉ tiêu hóa đồ ăn danh từ này hay đi đôi với chúng hay đôi (thiên cơ) là chứng trạng chủ yếu của bệnh đái đường (tiêu khát) hình dung trạng thái ăn uống quá thịnh, ăn vào chẳng bao lâu thì cảm thấy đói là, người càng gầy róc, đây là vị hỏa quá thịnh, vị âm tổn gây nên.

3. Con người lấy thủy cốc⁽¹⁾ làm căn bản, hễ thấy thủy cốc thời chết. Sách nói : Thủy vào kinh thì thành huyết, cốc vào vị thời mạch đạo được lưu hành, phần hơi bốc của thủy cốc là vệ, phần tinh ba của thủy cốc là đĩnh, hễ thấy thủy tiêu thì đĩnh khí tan, cốc tiêu hết thì vệ khí mất, cho nên lên đậu mà ăn uống được là chứng rất lành. Nhưng cũng có trường hợp ăn được mà chết, không ăn được lại sống, là vì sao ? Vì không ăn uống được ấy là do tạng phụ thực bên trong không đi ngoài được, vẫn có cốc khí cũ nuôi dưỡng đến khi thành mụn đậu rồi tự sẽ tiêu đói muốn ăn. Chứng ăn uống được mà chết là do nhiệt tà làm hao hư không bao lâu sẽ biến sinh chứng xấu.

4. Khi đậu mưng mủ thì chuyên chữa tỳ vị làm chủ, bởi vì tỳ vị khoẻ thời khí huyết đầy đủ, tự nhiên nước và mủ đầy no không cần phải cho uống thuốc, nhưng sự yếu khoẻ của tỳ vị là trông vào tình trạng ăn nhiều ăn ít mà biết, cũng dựa vào tình trạng đi ngoài phân rắn hay không rắn để nghiệm xét.

Ăn ít mà đi ngoài chân rắn là tỳ vị vốn khoẻ, ăn ít mà đi ngoài phân lỏng hoặc ỉa chảy là tỳ vị càng hư, nếu đại tiện bí, phân rắn lâu ngày mà có chứng cuồng táo thì phải dùng mật heo (10) để thông khoan làm cho đường khí được sơ thông, đĩnh khí vệ đều hoà sướng, ngõ hầu không sinh biến chứng vết loét.

5. Bệnh vốn không ăn được, sau khi đậu bong vẩy rồi thì ăn nhiều, đó là do tân dịch bị hao mất đột ngột, hoá tà làm hao thủy cốc, người ấy có triệu chứng đại tiện khó đi, miệng khát, buồn bực vật vã chẳng yên, về cách chữa, phải thông lợi, nếu không thì chứng vị nhiệt không lui, uất lại sinh ra thối mồm, lở chân răng, hoặc tán ra tứ chi mà sinh nhọt lở, thũng độc. Riêng trường hợp tỳ vị vốn khoẻ, ăn uống được thì dù có chứng đại tiện khó đi, cũng không thể ghép chung vào với chứng này, hễ thấy tình thần yên tĩnh an khoẻ không có hiện tượng gì khoẻ thì dùng dùng thuốc hạ lợi.

6. Lúc đậu đang mọc tuy không ăn uống, nhưng sắc của đậu tốt thì không hại gì, bởi vì trong lúc đầu chưa mọc, đầu sắp mọc, nhiệt độc chưa giải toả, phần nhiều có chứng không muốn ăn, hãy chờ độc khí giải toả hết thì tự nhiên ăn được.

Nếu đậu đã mọc hết mà vẫn không ăn được thì dần dần cho uống 1-2 thang Tứ vật (27) gia Thần khúc, Sa nhân, Trần bì, thì nhất định ăn được.

7. Đậu mà thấy có sắc trắng màu tro, hoàn toàn không có các chứng đại nhiệt, đĩnh trệ mà ăn kém hoặc không ăn thì nhất định là tỳ hư vị hư, nên dùng Ngũ vị Di công tán (91) hoặc tứ quân tử thang (90).

8. Phần dương trong dạ dày kém không vận hoá được mà ăn kém đấy là hư mà còn hàn nữa, phải dùng Ôn vị ẩm (78) hoặc Dưỡng trung tiền (92) hoặc Lục khí tiền (72).

9. Khí nguyên dương ở mệnh môn kém, thời vị khí trung tiêu không ấm, cho nên phần nhiều là bi đậy, không ăn, hạ tiêu thận khí không hoá, cho nên phần nhiều đại tiểu tiện không điều, trường hợp ấy cần cho dùng Lý ẩm tiền (179) gia giám mà chữa, dùng bảo tré con không có chứng âm hư.

10. Phàm không ăn mà đi ỉa lỏng, bọt dạ nôn mửa, đấy là vị khí hư hàn, nhẹ thì nên

(1) Thủy cốc : Chỉ cơm nước

dùng Lý trung thang (59), Lục khí tiền (72) nặng thì dùng Trấn thị thập nhị vị Dĩ công tán (97), hoặc Lục khí tiền hợp với Nhị tiêu tán (131).

11. Tỳ khí không hư mà chỉ lạnh trệ ở vị khẩu, hoặc đau hoặc nôn mà không ăn, nên dùng Ích hoàng tán (101).

12. Do ăn nhiều, ăn không tiêu mà không ăn, nên dùng Đại hoàng trung ẩm (110) làm cho tiêu thức ăn cũ hoặc dùng Ngũ vị Dĩ công tán (91) gia Sơn tra, Mạch nha, Thần khúc, Sa nhân, hoặc hợp với Quân khí tán (73).

13. Ho Trình nói : Do cơm nước không tiêu mà không ăn được, chỉ dùng Bảo nguyên thang (61) gia Trấn bì, Mạch nha, Thần khúc, Sa nhân, Biện đậu, Sinh khương có nôn gia hoắc hương.

14. Do loét miệng mà không ăn được, hoặc cổ họng đau nhức mà không ăn được, chỉ làm thanh giải hết cái đau họng thì tức khắc ăn được, nên dùng Cam Cát thang (226).

15. Do bị ngoại cảm phong hàn, tà nhập vị khẩu thì không thể ăn được, nên giải tán hàn tà, hễ tà tan thì tự khắc ăn được, dùng Gia giảm Sâm tở ẩm (55) hoặc Sài trần tiền (238) hoặc Ngũ vị Dĩ công tán (91) gia Sài hồ.

16. Khí bông vẩy rồi, do trung khí hư đột ngột mà không ăn được, nên dùng Nhân sâm Bạch truật tán (196) để điều dưỡng.

17. Sau khi hết đậu rồi, chính khí sắp khôi phục thì ăn uống phải tăng tiến, bằng vốn không ăn được, gần đó do ham ăn nhiều quá mà không ăn được hoặc vốn ăn được rồi, gần đó do ăn uống quá nhiều mà không ăn được, đây là chứng nội thương có có dư, đều nên dùng Mộc hương Đại yên hoàn (143) mà chữa.

Nếu trước đây chưa ăn, nay còn không ham ăn là trung khí tỳ vị không đủ, nên dùng Nhân sâm Bạch truật tán (196) mà chữa.

II - Ợ OỆ, BUỒN MÙA

Về chứng ợ oệ, phần nhiều là do vị hư, tác nghệt, hơi không thăng được, không giáng được, cực quá phải ợ những trọc khí từ trong dạ dày ra. Có trường hợp do đồ ăn đình trệ tại dạ dày cho nên ợ ra có mùi chua khắm, chữa nên tiêu thực, khơi đẩy cốc khí.

Có trường hợp do hơi trệ ở trong dạ dày, khiến không thư thái mà không có mùi chua thối, chữa nên hành khí, điều vị, hoà trung.

Có trường hợp do độc đậu chưa ra mà hoá tà quấy động bên trong gây nên hồi hơi lộn giọng, chữa nên phát đậu (làm đậu mọc ra).

Có trường hợp do sau khi đậu mọc mà nhiệt đậu còn uất ở trong muốn phát ra mà không phát được, do đó sinh ra hồi hơi lộn giọng, chữa trường hợp này phải thanh vị.

Nếu như buồn mùa mà nôn khan, triệu chứng coi như tâm thường mà hại thật là sâu vì hư hoá của mạch xung mạch nhâm bốc lên làm phạm đến thanh quản, đó là nội tạng đã hư hỏng mà độc công phá nguy lắm vậy.

III - TRUNG TIỆN, SÔI RUỘT

Xét: Kinh mạch Túc Thái âm tỳ chủ về trung tiện, kinh mạch Túc dương minh vị chủ về trường bọng, sôi bọng.

Trung tiện là tỳ khí hư mà cốc khí thoát ra đằng dưới.

Sôi ruột là vị khí hư mà trung khí hãm.

Bởi thế, người lên đậu không nên có chứng này và chứng ỉa chảy vì nó là chứng chết.

Cho nên nói: "Sôi ruột trung tiện là khí dưỡng sinh từ trong trường vị tiết ra, cần dùng Bổ trung ích khí để thăng đề.

IV - KHÁT NƯỚC (14 ĐIỀU)

Lẽ thường thì nước phải nhuận xuống, lửa phải bốc lên.

Tam tiêu là đường lối của thủy cốc, tân dịch là khí tinh hóa ra lưu thông trong tam tiêu để chế bớt hỏa nóng. Nay miệng khô mà khát nước là trạng thái khí hư hỏa thịnh, tân dịch khô kiệt hết.

Kinh nói: Can nhiệt thì miệng chua, tâm nhiệt thì miệng đắng, tỳ nhiệt thì miệng ngọt, phế nhiệt thì miệng cay, thận nhiệt thì miệng mặn. Hoặc có trường hợp nhát miệng là vị nhiệt.

Nếu như khác là do ngũ tạng có nhiệt mà hỏa gây nên, nhưng hỏa chỉ là tác dụng, nếu không hư thì không phát ra được, phát ra mà không giải được thì tân dịch không ứa ra để chế hỏa, hỏa sẽ lừng lên hun đốt tâm tỳ, do đó tân dịch bị hạ hãm, nước bọt vì đó mà khô hết rồi khát nước.

Khát nước là do tinh ba của tạng phủ khô ráo, chưa nên trừ nhiệt nhuận táo, hễ khí hóa được thì tân dịch tự sinh ra, nhiệt hết thì chứng phiền khát cũng tự khỏi.

2. Lên đậu, sôi mà khát nước, là có nhiệt ở trong, do hỏa khởi động bên trong đốt hết chân âm, cho nên phát sinh khát. Lại do tân dịch tiết ra ngoài hóa thành nước, mồ, thì dính hư hao, cho nên sinh khát, đây là triệu chứng bình thường đối với bệnh đậu.

Nếu khát ít không nặng lắm thì không phải chữa, chỉ trừ trường hợp khát nặng lắm là do hỏa thịnh, nhưng cũng phải xét mặt hư thực để điều lý, nhất thiết không nên cho là khát rồi cho dùng vỡ vẩn những dưa hấu, quả lê, quả thị, sợ tỳ phế bị hàn rồi sinh nhiều biến chứng khác. (Ngoài ra, có bàn riêng về chứng cần (khô) chứng khát ở điều tiết tả, hãy tham khảo).

3. Họ Trình nói: "Đậu mới mọc, nguồn của nó là Nhâm Quý thủy, hễ nước (thủy) đã chảy thì nguồn sẽ cạn, làm sao mà không khát do đó nhìn vào là có thể rõ, chữa khát phải tư dưỡng thận thủy mà thôi.

4. Đang lên đậu mà khát là chứng thường thấy, nhưng giai đoạn có ứng hay không ứng là ở khoản 2-3 buổi, mình nóng, miệng khát đây là độc uất ở trong, nhiệt tà đốt cháy,

chứa nên thấu thác làm cho độc xuất ra. Khoảng 4 buổi về sau: có chứng mình nóng miệng khát là tân dịch tiết ra ngoài hóa thành nước, thành mồ. Chữa phải dùng Sâm Kỳ, đây là giai đoạn có ứng.

Chỉ sau lúc đóng vẩy thì độc tà hóa hết, bên trong không có tà động lại mà ngược lại khát dữ là chana khí hao dần, độc hỏa bốc lên, đây là giai đoạn không ứng, phải kíp giải độc, tư âm, sinh tân, lợi hầu họng, như bệnh bớt dần là tốt, nếu không bớt thì nhất định sẽ biến thành suyễn trưởng mà nguy.

5. Chứng khát, phần nhiều thuộc nhiệt, nhưng đều là do tạng phủ tân dịch khô ráo, chứ thật ra không phải là chứng hữu dư, còn như trưởng bụng mà khát, ỉa chảy mà khát, chân tay lạnh mà khát, kinh sợ mà khát, mình nóng mà mặt sáng bóng sắc trắng mà khát, lạnh run mà khát không dứt, thở gấp, nghiêng răng mà khát, uống nước mà trở thành khát không dứt.

Chín chứng kể trên, càng không phải là chứng thực nhiệt, cần ôn bổ gấp để cứu bên trong, tư dưỡng tân dịch để phòng biến chứng suyễn khát, ngứa, tet xuống là cơ hội chết. Nếu nhận nhầm là chứng nhiệt để chữa là nguy vậy.

6. Lên đậu mà khát thì không được cho uống nước, vì uống vào là tân dịch không vận hành mà táo khát càng nặng thêm, hơn nữa sau khi đậu thu áp sẽ bong vẩy, hoặc trên mình sinh nhọt sưng, bởi vì tỳ vị thuộc thổ mà sợ thấp, ưa ẩm mà sợ lạnh, ngoài chủ cơ nhục, nếu uống nước lạnh thì tỳ vị bên trong hư có như trệ, bên ngoài tân dịch ngưng kết, vẩy vẩy không chu lưu, vì thế chậm bong vẩy hoặc sinh nhọt lở.

Nhưng trong việc uống nước ấy cũng có âm dương khác nhau ví dụ:

- Dương thịnh âm hư: Giá lạnh mà không biết lạnh
- Âm thịnh dương hư: Nước sôi mà không biết nóng.

Cho nên phát sốt khát nước chân tay móp lạnh, đại tiện lợi, ưa uống nóng, đây là chứng âm thịnh dương hư, chữa nên bổ dương. Nếu phát sốt khát nước, chân tay đều nóng, đại tiện bí kết, ưa uống nước lạnh là chứng dương thịnh âm hư, chữa phải bổ âm.

Nếu phiền khát, mặt đỏ, mắt trắng là thận hư yếu, chữa phải bổ thận.

Nếu đang lúc thu áp mà bỗng ngừng không thu áp, chân lạnh, đầu ẩm bụng trướng, ỉa chảy, hơi thở rộn lên, phiền khát, là hư hàn quá lắm, phải kíp cho uống loại Sâm Truật Quế Phụ, tối kỵ thuốc hàn lương với các loại mật, nước, dưa, quả, nếu phạm vào thì tân dịch thu liễm, chuyển sinh bệnh tiêu khát, khí lạnh công bên trong, làm bức khí dương ở trên, càng tăng thêm chứng trưởng bụng suyễn, khát, ỉa chảy mà vong mạng.

7. Trước khi lên đậu mà khát nên sơ giải, thanh, thác, hễ đậu mọc ra thì chứng nóng trong tự khỏi, nên dùng Sài linh thang (240) gia Cát căn, Kinh giới. Nếu sau lúc lên đậu mà khát thì bổ dưỡng khí huyết, dùng bảo nguyên thang (61) gia loại Mạch môn, Ngũ vị.

Nếu ỉa chảy mà khát, dùng Sâm Linh Bạch truật tán (196).

Nếu âm hư hỏa bốc mà khát thì rất khó chữa, vì âm hư tức là huyết hư, huyết hư thì không thụ bổ được, bởi vì huyết với khí là khác nhau rất lớn, khí là vật vô hình, huyết là vật hữu hình, vô hình thì có thần, rút cục có thể vờn trong giây phút, hữu hình thì vô thần, cần bảo dưỡng từ lúc bình thời. Cho nên chữa phải dùng Lục vị hoàn (230) gia

Nhục quế, Ngũ vị, đã bỏ thận âm còn làm cho dưới đáy nổi có lửa thì tự nhiên trên nắp vùng không khô ráo mồ hôi, thành ra Lục vị chính là thánh dược chữa hư khát vậy.

8 *Hay ăn mà khát là phế nhiệt*. Kinh nói :Tâm di nhiệt ở phế, truyền ra thượng tiêu, đây là do tâm hoá bốc lên, lấn phế kim cho nên đốt cháy vùng ngực, làm hao tân dịch, chữa trên thượng tiêu nên dùng Nhân sâm Bạch hổ thang (53) gia Hoàng liên mà chữa.

Không ăn được mà khát, là tỳ hư. Vì tỳ nguyên yếu không vận hành được tân dịch cho vị, chữa ở trung tiêu phải đề phòng phát sinh chứng ỉa chảy, nên dùng Sâm Linh bạch truật tán (196) mà chữa.

Ỉa chảy mà khát, là tả truyền vào thận, vì ỉa chảy mà khát thuộc Túc thiếu âm hư, cho nên phải dẫn thủy vào để tự cứu.

Vì, thận chủ ngũ dịch, mạch của nó có dính lưu với phế, tiêu hệ ở góc lưỡi, nếu tả truyền đến thận thì thận không làm trong nhiệm vụ đóng mở, cho nên sinh ỉa chảy, ỉa chảy thì tân dịch tẩu tán, thận thủy khô cạn, không luân lên đến lưỡi, cho nên khát chữa hạ tiêu phải dùng Di công tán (115) để làm ấm.

9. Khi lên đậu, khi huyết hao bên trong, hơi nóng khát mà ưa uống nước nóng dùng Thất vị bạch truật tán (40) hoặc Ngũ phúc ẩm (95) gia Mạch môn. Ngũ vị .

10. Tỳ phế nóng nhiều, khát mà ưa lạnh, nên dùng Nhân sâm mạch đông tán (203) hoặc Sinh mạch tán (256) mà chữa.

11. Lên đậu, nóng nhiều, ráo nhiều, miệng khô họng ráo, khát dữ đòi uống ưa ăn đồ lạnh, ăn được hoặc đại tiện khô táo, đây là nhiệt tại hai kinh phế vị, nên dùng Nhân sâm Bạch hổ thang (53), nặng hơn thì gia Hoàng liên.

Nếu sau khi lên đậu mà phát sốt và khát, đây là dư hoá chưa thanh, cách chữa cũng như trên.

12. Lên đậu mà ỉa chảy không cầm, thận âm hao tổn mà khát là bệnh ở kinh thiếu âm, phải nhanh chóng dùng Trần thị thập nhị vị Di công tán (97) hoặc Cửu vị Di công tán (96).

13. Đại tiện táo bón, bụng đầy, nóng khó chịu, hoá bên trong không thanh nên sinh khát nước, dùng tử thuận thanh lương ẩm (29) mà chữa.

14. Lên đậu khi phát sốt bên thấy khát dữ, môi khô lưỡi ráo, đây là tâm hoá bốc nóng dữ, thận thủy không dâng lên được cho nên huyết dịch khô cạn mà sinh khát, nên dùng Cát căn giải độc thang (217) mà chữa.

Họ Tiết nói : Khát mà muốn uống nước, phải xét mặt hư thực của nhiệt. Nếu nhiệt thuộc hư thì tuy muốn có nước nhưng cũng không muốn được nhiều, nên dùng Thất vị bạch truật tán (40). Nếu nhiệt thuộc thực đòi nước ham uống, phải dùng sừng Tê mài cho uống thì sau sẽ không có hậu hoạn bởi dư độc.

V - ĐẠI TIỆN TÁO BÓN (8 điều)

Lên đậu phát sốt, về mặt đại tiện cần được nhuận, nếu 2, 3 ngày không đi ngoài được thì phải cho thông lợi nhanh, sợ trường vị không thông, dinh vệ không vận hành thì đậu sẽ mọc dày đặc. Chỉ sau thời kỳ đầu cương đại tiện cần nên táo nên chặt, vì tạng phụ trẻ con non nớt, đại tiện không đi được thì dễ chặt, dễ đi thì dễ hư. Cho nên khi đậu

cương, đậu mưng mủ, tuy có vài ba ngày không đi đống cũng không sao, lại không có chứng bên trong, không nên dùng thuốc, thông lợi nhờ nháng mà làm hao tán khí huyết. (lên đậu 4, 5 ngày mà không đi ngoài được, đó là khí huyết thành mủ, nếu không có chứng trướng đầy khó chịu thì chờ chữa theo cách chữa đại tiện táo bón, vì lúc đậu mưng mủ, nguyên khí đều tập trung cho công việc bên ngoài, nếu được vài ngày không đi ngoài thì càng giúp sử dụng khí bên trong, nếu có đi lỏng thì dùng Sâm, Truật, Linh, Kỳ, Khương, Quế, Chích thảo ... lấy các thuốc thang để giúp vào làm cho trung khí không bị hư, độc đậu sẽ thoát ra ngoài, nếu chỉ dùng thuốc chữa là chạy thì đậu ắt tẹt xuống hết vậy). Người đời nhân cho rằng đại tiện bí là quý, thậm chí có chứng nhiệt uất chẳng những không dám sử dụng thuốc thông lợi, mà còn dùng thuốc bổ thuốc thác âm áp, kìm giữ quá mức khiến cho nhiệt tắc càng tang thêm, độc đậu sẽ không tiết ra được, chính khí không thư, sưng được, nhiệt độc tắc lấp đờ xuống hạ tiêu, bồng là xôi, nguyên khí vội thoát không thể cứu được. Đấy đều là nhiệt tắc nghẹt, lỗi là do chữa nháng mà ra. Phải hạ nhẹ, để làm tiết các nhiệt tắc nghẹt ấy, nhưng phải xét nguyên nhân táo bón để chữa, không chỉ trọng dụng Phác tiêu, Đại hoàng làm tổn nguyên khí, nhưng trong phương thuốc hạ của cổ phương phải cho thêm phong được giúp vào, đây là kiêm có ý nghĩa thăng phát.

Đến như chứng không ăn được, càng phải nhờ vào cốc khí nuôi dưỡng chờ đến khi đậu làm mủ, độc đã hoá, thì mới dùng phép thông lợi để giải táo hết. Nếu sau đó đã ăn được thời đại tiện lại hay nhuận, đây là nhờ cốc khí mới nuôi dưỡng, cho nên muốn cái cũ cái bán không đọng lại thì tạng phủ phải lưu lợi, khí huyết phải hoà bình, nhất thiết không thể nhân chỗ đi ngoài dễ mà dùng thuốc ôn bổ để trái lại làm tăng nhiệt bên trong.

Nếu ăn được mà hai ba ngày không đi đống, bên trong không có điều gì quan ngại thì cũng không nên công hạ, cực chẳng đã mới dùng mật lợn thông khoan lặn cho khí đạo lên xuống không tắc nghẹt. Chỉ khi đậu thu áp mà 4, 5 ngày không đi đống gây nóng nhiều sinh thấp đầu sẽ khó thu áp; Huống hồ tam tiêu bị cản trở, nhiệt độc đóng bên trong thời sẽ có nhiều biến chứng thì phải thông lợi.

Nếu phân táo ở trực tràng mà không thể hạ được thời dùng mật lợn để thông khoan, nhưng dạ dày chủ việc làm ngậy như cơm nước, đại tràng chủ việc truyền đẩy những chất đã biến hoá, cho nên ăn nhiều ăn ít cũng đủ biết cốc khí thực hay hư, đại tiện ra phân chạt hay nhuận hoạt để đi cũng đủ biết tạng phủ thực hay hư, do đó, đại tiện bình thường là dấu hiệu rất tốt đối với bệnh đậu.

Còn như, sau khi đậu đã mọc mà trong ngoài không có việc gì, đi ngoài phân vàng đen, đây là độc theo phân mà ra, không cần phải chữa, chỉ cho uống Hoá độc thang (215) mà thôi.

2. Khi lên đậu, về nước tiểu cần được trong mà dài, đại tiện phân cần nhuận mà chạt, tuy có hai ba ngày không đi ngoài được cũng không sao, chỉ khi mới phát sốt thì đại tiện không nên rắn lắm, nếu hai ba ngày mà không đi ngoài được thì nên nhuận hạ một ít để sơ thông, không thể thủ đậu sẽ mọc đầy đặc; chỉ sau khi đậu giương thì đại tiện phân cần rắn, chạt, nếu phân chạt quá mà 4, 5 ngày không đi ngoài được sơ nóng dữ khó thu áp, nên cho thông lợi một ít.

3. Khi phát sốt, đại tiện táo bón mà trong ngoài đều nóng, phải thông lợi để sơ thông cái nhiệt ấy, nhẹ thì dùng Sài hồ ẩm (227), nặng thì dùng Tam hoàng hoàn (31).

nặng hơn nữa thì dùng Thừa khí thang (130).

4. Từ sau lúc đậu cương đến lúc đậu thu áp mà không đi đồng, hòa không tỉnh, hoặc hư yếu thì chờ nên thông lợi, chỉ nên dùng ít mật lợn làm thông khoan (104), hoặc dùng 1 cọng dưa muối bằng ngón tay vót nhọn dùi lỗ dít để thông khoan thì phân sẽ ra được, không nên dùng thuốc thông lợi.

5. Khi đại tiểu tiện đều thông mà bên trong nóng dữ, nên dùng Bút chính tán (228) hoặc Thông quan tán (32).

6. Khi bên trong nhiệt độc nóng dữ mà nốt đậu khô đen, tẹt xuống, người buồn bực vật vã, đại tiện táo bón, nên dùng bách tường hoàn (12), hoặc Thừa khí thang (103), nhưng đừng coi thường, phải thận trọng khi sử dụng.

7. Họ Trần nói: Lên đậu bốn năm ngày không đi đồng được, dùng một cục mỡ lợn, luộc chín, xắt ra bằng hạt đậu cho ăn để nhuận tạng phủ cùng làm cho đậu dễ bong vẩy, nhất thiết không cho uống những thuốc thông lợi mà làm hao tổn nguyên khí bên trong phần nhiều có hại cho trẻ.

8. Họ Đàm nói: "Chứng nổi trên, nếu do nhiệt độc uất bên trong, nên dùng Xa can Thử niêm tử thang (41) để giải, hoặc phát sốt sinh khát, hoặc miệng lưỡi lở loét, đau cổ họng thì đều nên dùng.

VI - TIỂU TIỆN BÍ GẮT (2 điều)

Các bệnh, hễ:

- Nước tiểu ít thì bệnh càng tăng.
- Tiểu tiện bí, thì bệnh càng nặng.

duyên do hỏa thịnh!

Còn đối với bệnh đậu chính là quân hòa tập trung tác dụng vào, vì thế, tâm di nhiệt đến tiểu trường, tiểu trường di nhiệt tới bàng quang, bàng quang tuy là nơi tập trung của thủy dịch, nhất định là do sự chuyển hóa của phế khí mà làm nên, nếu khí ấy bị hỏa làm hại thì mất chức năng giáng xuống cho nên tiểu tiện bí, sén, thì nhiệt độc không lấy đâu để tẩu tiết, nhất định là sẽ phát ra chứng kính giết.

Về cách chữa, mới vào là không nên dùng thuốc mát mà phải lợi tiểu tiện để dẫn nó đi, tiểu nhiệt mà không lui thì đại nhiệt nhất định sẽ phát sinh.

Nếu đậu mọc dày đặc mà tiểu tiện đỏ, ít, đấy là do tân dịch hao tổn, hạ tiêu ít huyết, không được thông lợi nháng mà làm tổn chân âm, rồi tăng thêm chứng suyễn, chứng khát.

Lại có chứng khí kết bên dưới mà tiểu tiện không thông, chữa phải thăng, vì hễ khí thăng hành thì thủy tự nhiên giáng, nhưng ba phép hãn, hạ, lợi, cổ nhân đều trọng dụng, một trong ba phép đó bị sai lầm đều có thể tổn hại người.

Tôi xét: Nước tiểu ít, chưa hẳn là do hỏa thịnh, cho nên phế chủ về việc tiết chế sự mở đóng, thận chủ ngũ dịch, bài Ngũ linh tán dùng vị Nhục quế không chú ý vào khí

hòa hay sao? Khi lên đậu nước tiểu không lợi mà nóng ít, nên dùng Đạo xích tán (33), nóng nhiều nước tiểu không lợi nên dùng Bát chính tán (228).

VII - ỈA CHẢY (28 điều)

Bệnh đậu, trước sau đều kỵ ỉa chảy mà sau lại càng kỵ hơn, chỉ có lúc mới lên sốt có kèm chứng ỉa chảy mà hết ngay là tốt, bằng sau khi đậu mọc lên cho đến lúc đậu thu áp, độc khí đều ở phần biểu, chỉ muốn nguyên khí đầy đủ ở trong, đại tiện rắn chặt, ngõ hầu có thể thác độc, tái độc, thu độc và hoàn thành, nếu ỉa chảy thì trung khí hư yếu, nhiều biến chứng nổi vậy. Sau khi mới mọc mà ỉa chảy thì đậu ắt khó cương, khó làm mũ; sau khi đậu đã cương mà ỉa chảy, ỉa 1 lần thì mũ ngưng lại, hết ỉa thì mừng mũ. Sau khi đã làm mũ mà ỉa chảy thì đảo áp, nội hội, nội bại sẽ thể hiện đủ, vấn đề ấy thật quan hệ với tính mạng đáng sợ, nay phần nhiều thấy dùng thuốc lung tung, điều trị bậy bạ, làm hại tỳ khí của người ta, dẫn đến nguy không thể cứu được. Như nói: "Muốn khử độc thì dùng thuốc công thuốc tả không hại gì, lừa dối chăng?, mù quáng chăng?, đau đớn gì bằng vậy".

1. Họ Vạn nói: "Đậu chưa mọc mà ỉa lỏng là tà còn động ở trong, là lý thực, chữa nên theo hướng thanh độc. Đậu đã mọc mà ỉa lỏng là tà đạt ra ngoài, là lý hư, phải chữa hư.

Tôi kỵ là chỉ hư bên trong mà ỉa chảy, nếu dùng thốc ôn, thuốc cố sáp mà bệnh không khỏi đó là chứng bất trị.

2. Kinh nói: "Dương khí ở dưới thì ỉa chảy, cho nên trong thuốc chữa ỉa chảy phần nhiều có gia thuốc thăng đề, đó là sợ khí hư hạ hãm. Lại nói: "Thấp thấp thời ỉa chảy, tổng quát về cách chữa là:

- Mới phát bệnh mà ỉa chảy là bệnh thuộc nhiệt.
- Bệnh đã lâu mà ỉa chảy là bệnh thuộc hàn.
- Chất nước lỏng trong lạnh mà sắc trắng, đều thuộc hàn.
- Xanh vàng đỏ đen mà tạo sáp, đều thuộc nhiệt.

- Ỉa chảy sống phần, ỉa ra nguyên cơm nước không tiêu hóa, mình mát không khát, mạch trì mà hơi vị, tiểu tiện trong mà không sền là thuộc hư hàn. Phải dùng loại Sâm, Truật, Bào khương, Chích thảo để chữa.

- Tiểu tiện sền đỏ, cơm nước tiêu hóa, mình nóng, khát nước, mạch hồng sắc, đều là thực nhiệt, phải dùng loại Mộc thông, Trư linh, Xích linh để chữa.

- Lúc đậu mới mọc đến lúc đậu thu áp tuy dù có ỉa lỏng ít cũng không sao, chỉ lúc đậu cương, lúc đậu làm mũ mà ỉa chảy là phải chữa gấp, hay tìm nguyên nhân gây ra ỉa chảy mà chữa, không phải chữa những bệnh do ỉa chảy gây ra.

Nếu mỗi ngày chỉ ỉa một vài lần thì dùng khinh suất mà dùng thuốc cố sáp để cầm vì nó sẽ gây tình trạng độc khí không tẩu tán ra ngoài, mà tích lại bên trong biến sinh các chứng, chỉ nên điều hòa củng cố khí theo quy luật tự nhiên. Bởi vì trăm thứ bệnh mà cương chữa theo cách cầm ngăn đều là không phải phép chữa tốt, khác nào dùng vũ lực

để áp chế người, sao cho bằng dùng đạo đức để chinh phục lòng người là hơn.

3. Như tỷ vị yếu kém, tinh thần uể oải mà không ăn được là chứng hư, cần phải ôn dưỡng. Như mình nóng, bên trong đầy đầy, khát mà chẳng ăn là chứng thực, phải thanh lợi.

- Uống nước lạnh mà ỉa chảy, gọi “thấp thảng thì ỉa chảy” phải ôn trung lợi thủy.

- Do thương thực mà ỉa chảy, ỉa ra mùi chua, đôi, gọi là “Bội thực”, trường vị bị tổn thương phải chữa theo cách trước tiên sau bổ.

- Nếu như tình trạng khí thoát hoặc cho uống đồ hàn lương gây ra, đậu độc hàm bên trong, ỉa ra phân như nước đậu, hoặc máu mủ trào ra dâng mồm mũi hôi thối, môi đỏ, mắt nhắm kiềm có trướng bụng là chứng chết. Với khí đậu cương, đậu mưng mủ ỉa chảy liên miên, dùng thuốc cầm không khỏi là chết.

Sách nói : “Khí 6 phủ tuyệt bên ngoài thì chân tay lạnh, khí 5 tạng tuyệt bên trong thì ỉa chảy liên miên. Chính khí thoát hết thời sẽ lại lui mà chết. Tà khí hãm bên trong thì buồn bực vật vã mà chết.

- Nói đậu chưa mọc mà ỉa chảy là khí tà đồn ở trong trường vị, nóng quá mà sự truyền hoá mất bình thường, nên theo lý do nhiệt độc mà chữa.

- Đậu đã mọc mà ỉa chảy là tà khí đồn dập bên ngoài, chính khí đang đuổi tà, cho nên chữa ở biểu mà không nên chữa ở lý.

- Khí bên trong hư rỗng không vấp nạp được cơm nước cho nên cũng ỉa chảy, nên theo chứng khí hư mà chữa.

- Như ỉa chảy mà không khát nước thì ỉa chảy đây là do tạng hàn, phải ôn bổ để chữa.

- Còn có tình trạng lên đậu mình nóng dữ do ăn đồ lạnh hoặc uống nhiều thuốc hàn lương, vì thế mà ỉa chảy trướng bụng.

Còn như mụn đậu đã mọc, rồi thành ra vết trắng bệch mà không sắc màu là do lý hàn mà có lạnh ẩn trong tỷ vị, do đó dinh vệ không vận hành làm độc khí phục ở trong không ra được, phải kíp ôn tỷ, thấu, thác thì khí hành huyết hoạt rồi vết trắng chuyển thành đỏ, ỉa chảy đều khỏi cả.

Chữa ỉa chảy khi lên đậu thì chỉ cần phân biệt hàn nhiệt, nhiệt thì nhất định thấp trệ có dư, hàn thì nhất định nguyên dương không đủ, nhưng mười bệnh ỉa chảy thì hư đã chiếm đến 9, mà chứng thực nhiệt thì rất hiếm có. Cho nên khi gặp bệnh ỉa chảy, bệnh nôn mửa, bệnh đau bụng mà không có các chứng thực nhiệt thì bất luận là trước hay sau đậu mọc, đều phải ôn cứu tỷ vị ngay. Đây là tóm tắt lớn cần xét rõ nếu làm sai chữa lầm thì chết.

4. Chứng sốt nhiệt ỉa chảy (1) vốn ít thấy nhưng đôi lúc cũng có, nhưng nhất định cổ họng có là nhiệt thì mới được dùng thuốc thanh lợi, như mạch hồng sắc, mình nóng dữ, miệng khát dữ, ưa lạnh ghét nóng, buồn bực vật vã, nhiều mũi hơi, hoặc bên trong đầy, thờ to, hoặc sắc đậu sưng tấy, đỏ tím, hoặc miệng mũi nóng đỏ, nước tiểu sền buốt, đều là chứng nhiệt; Và lại, chứng nhiệt tả thì đột ngột mà năng, hàn tả thì từ từ mà hoãn, đều có thể phân biệt.

(1) Sốt nhiệt ỉa chảy – Tiết tả thuộc nhiệt độc tích đọng

Về pháp chữa. Nhiệt ta thì phải xét nhiều hay ít, không được dùng thuốc nhiều hơn bệnh e làm tổn tý rồi trở lại gây hại. Kinh nói : “Ghê cổ nhiệt mà ỉa chảy, về đường ruột ắt có bản, ghê cổ hàn mà ỉa chảy thì ỉa cửu cò, thuốc hàn phải ôn, phào cổ sáp, thuốc nhiệt phải thanh, phải thông lợi” đây là phép chữa của người xưa.

Còn như lén đậu lúc mưng mủ có đi ỉa chảy là tối kỵ, bởi vì sợ trung khí hư mà độc hại lại hãm, cho nên chuyên dùng thuốc ôn bổ cơ sáp để chữa.

Lại còn một thứ ỉa ra nước trong, ỉa ra máu mu thì chớ nên bàn chung với chứng hàn lương mà dùng thuốc sáp trường chỉ tả.

Giả như từng có chứng đại khát, uống nước quá nhiều tích đọng ở trong ruột ào vào dạ ruột, nay dùng phép thông lợi, thanh thủy, đây là làm cho nước đọng tiết ra, nước tiết ra hết thì bệnh cũng khỏi. Còn như trường hợp do đậu không thu áp trở lại đảo áp, may mà trung khí còn đầy đủ, độc không đọng lại, bèn theo đường đại tiện mà ỉa ra máu mu đây là đảo áp tiết ra, tiết được hết máu mủ thì độc ra hết mà tự khỏi. Nếu không lần được hai đầu mỗi ấy mà cho uống những thuốc sáp trường chỉ tả thời gốc rễ chưa trừ, canh cuốn canh sinh ra, nguồn suối muốn lấp, thì sự tan vỡ càng sâu.

5. Khát nước, là chứng hậu bình thường khi ỉa chảy, vì thủy dịch tiết ra bên dưới thì tân dịch cạn ở bên trên, cho nên khi bị ỉa chảy thì phần nhiên là miệng khô khát nước, nhưng khô với khát khác nhau, khát thì muốn uống, khô thì không muốn uống, khát thuộc dương, khô thuộc âm, đây là cách phân biệt.

Nhưng có chứng khát muốn uống nước đây là hoá chứng, có chứng khát muốn uống nước nóng đây là không phải hoá, có chứng khát tuy muốn uống nước mà không uống được nhiều, có chứng khát miệng tuy muốn uống mát mà hông ngực sợ lạnh ... đều là không phải hoá chứng. Nhưng bệnh khát còn có phần ra âm dương, Phương chỉ, chỉ khô mà không khát đây là thủy dịch với kém cho nên sinh thế, nếu chữa theo lối chữa bệnh do hoá thì hại người. Cho nên khi có chứng ỉa chảy kéo dài tân dịch mất mà sinh khát, nên xét phương diện không phải nhiệt mà không tráng thủy vậy.

6. Nếu tý khí hư yếu, ăn uống không tiêu hoá, ỉa ra phân loãng xoet mà sắc kém màu trắng, phải dùng Sâm linh điều tỷ tán (210).

7. Ỉa chảy, do hư hàn không sốt dữ, miệng không ưa lạnh, mạch hồng Sác, bụng không nóng trướng, ngực không bức rứt khó chịu, ăn uống giảm sút mà bỗng nhiên ỉa chảy, nhất định là thuộc hàn, nhất thiết không nên cho dùng những thuốc hàn lương làm tổn tý nữa rồi không thể cứu được, nên dùng bài Ôn vị ẩm (93) Dương Trung tiền (92), ngũ quân tử tiền (184) Lý Trung thang (59) Tứ quân tử thang (90), tùy nghi chọn dùng.

8. Lạnh mà bụng hơi trệ gây ỉa chảy, nên dùng Lục vị Di công tiền (173), hoặc Ngũ vị Di công tiền (91) gia Sa nhân.

9. Ỉa chảy kiết nôn, kiết đau bụng mà khí không thuận, nên dùng Dưỡng trung tiền gia Đinh hương, mộc hương, hoặc Tứ quân tử thang hợp với Nhị tiền tán (131).

10. Ỉa chảy mà chỗ gốc mũi, môi, miệng, hơi thấy có sắc xanh, hoặc miệng mũi hơi lạnh, ỉa ra phân màu vàng nhạt hoặc lẫn có xanh trắng khi ngủ mắt nhắm không kín đây là chứng tý thận đều hư hàn, nếu không cứu gấp vào mệnh môn, rút cục không kiến

hiệu, nên dùng Vị quan tiễn (178), Lý âm tiễn (179), hoặc Trần thị Thập nhị Dị công tán (97) cũng được.

11. Ỉa chảy nặng, dùng thuốc ôn tỳ mà không kiến hiệu thời dùng Vị quan tiễn (178), Lý âm tiễn (179).

12. Ỉa chảy kéo dài, trơn tuột không cầm được, nên dùng Vị quan tiễn, Ôn vị ẩm (93) hoặc Thập nhị vị Dị công tán của họ Trần để tống Ngũ đức hoàn (185) hoặc Nhục đậu khấu hoàn (137).

13. Vì vốn không hư chỉ bởi thấp nại tỳ, hoặc uống nước nhiều mà ỉa chảy, nên dùng Tá quan tiễn (186) hoặc Ưc phù tiễn (187) hoặc Ích hoàng tán (101) gia Trư linh Trạch tả hoặc Ngũ linh tán (145).

14. Thấp nhiệt đọng bên trong, nước tiểu không lợi, hơi sốt không nặng mà làm ỉa chảy, nên dùng Ngũ linh tán (145) Tứ linh tán (110), Tiểu phân thanh ẩm (190) gia Mộc thông mà chữa.

15. Thấp nhiệt hơi nặng, chất trong chất đục không phân mà ỉa chảy, nên dùng Tứ linh tán (110) gia Hoàng liên sao gừng, hoặc hợp với Hoàng cầm thang (193) mà chữa.

16. Ăn nhiều, mạch thịnh, hơi thở khỏe mà ỉa chảy, nên chữa theo cách chữa nhiệt, dùng Hoàng cầm thang (193) gia Hoàng liên mà chữa.

17. Nhiệt ở hạ tiêu, tiểu tiện sền dờ mà ỉa chảy, dùng Đại phân thanh ẩm (191) hoặc hợp với Ích nguyên tán (34) mà chữa.

18. Thấp nhiệt ở tỳ gây ỉa chảy, nóng bên trong mà có đau bụng, dùng Hương liên hoàn (188).

19. Má đỏ, mình nóng, đầu đau, họng đau, loét mồm, buồn bực vật vã mà ỉa chảy là chứng dương minh thuộc hỏa, nên dùng Tả hoàng tán (124).

20. Ỉa chảy nóng bên trong mà kèm có khí hư, nên dùng Tứ quân tử thang (90) gia Thược dược, Hoàng liên, Mộc hương.

21. Thấp nhiệt ở tỳ mà ỉa chảy kèm có nôn mửa, dùng Hoàng cầm thang (193), gia bán hạ, Sinh khương, hoặc Ngũ dược Đại bán hạ thang (189) gia Hoàng cầm.

22. Họ Trình nói: "Về bệnh ỉa chảy, phải phân biệt hàn nhiệt, hàn thì đái nước trong, dùng Lý trung thang (5) hoặc Sâm linh Bạch truật tán (196) nhưng nếu ỉa chảy mà không có bọt thì không nên dùng Sâm linh vì nó có tính thẩm lợi.

Nhận thấy lời nói này về việc chữa đau cũng còn phải kiêng kỵ dùng thuốc thẩm lợi, hướng hồ tiêu phạt nhưng mà làm hại khí huyết hay sao?

23. Họ Trần nói: ỉa chảy đi lắt nhắt hao tân dịch thì huyết không tốt tươi, nốt đậu tuy mọc khó thu áp, như mình ẩm bụng trướng, hơi thở gấp, nghiêng răng, buồn bực vật vã, nói nhảm nhí... đều là chứng khó chữa, duyên do là cơm nước đi hết nhiều, tân dịch khô kiệt cho nên phần nhiều là chết, kíp nên dùng Thập nhất vị Mộc hương tán (221) hoặc Thập nhị vị Dị công tán (97).

24. Lúc đậu cương bóng ỉa chảy, nên cho cầm ngay, sợ dễ trường vị hư, chân khí thoát, độc hãm vào trong. Lại phải chia ra hàn nhiệt, hư, thực, như ỉa chảy mà chân tay lạnh, mặt xanh mét, đậu không ứng đỏ là chứng hàn, nên dùng Lý trung thang (59); như

ĩa ra phân vàng lại chua thối, lòng bàn tay bàn chân nóng, mặt đỏ, miệng khát mà nốt đậu đỏ tấy lên là chứng nhiệt nên dùng Ngũ linh tán (145).

25. Đậu mọc có dạng nhô lên đều không nên có chứng ĩa chảy sọ khi bên trong hư yếu, độc tà không ra trở lại hãm vào trong vậy. Nhưng đến lúc mừng mù mà ĩa chảy thì còn nặng hơn, vì lúc trước bệnh còn mới, tỳ vị còn khỏe, còn có thể chịu đựng được, nay thời bệnh đã lâu, tân dịch đã suy, tỳ vị đã yếu, nếu lại ĩa chảy nữa thời bệnh nặng thêm, độc ở trong, mà bên ngoài đậu đang cương không kết quả, bởi vậy hoặc phát ngứa rồi tẹt xuống hoặc là đảo áp, hoặc lạnh run, nghiêng rãng, mệt là người mà chết, chữa phải:

- Nhẹ thì dùng Sâm, Kỳ, Quế, Thảo quả.

- Nặng thời dùng Mộc hương Dĩ công tán (7)

Nhưng chờ đến lúc mừng mù thời nguyên khí hao hết bên ngoài trung khí ất hư, hư thời hạ hãm mà sôi ruột, đánh rãng, đi ngoài phân sệt, rất dễ sinh chứng ĩa chảy, dùng thuốc điều lý nên cẩn thận.

26. Khi thu áp mà ĩa chảy, phạm đậu từ khi mới mọc đến lúc biểu lý đều bệnh, sợ đến ngày thu áp thời biểu tà giải, lý khí đáng lý hòa, đại tiện đáng lý nhuận, tiểu tiện đáng lý thanh, như ngược lại bỗng ĩa xối ra toàn cơm với nước, đây là trung khí đột nhiên mà không thể cầm chặt lại, độc khí thừa hư nhập lý, muốn đảo áp, lại đẩy chất cơm nước ra. Nên dùng Dĩ công tán (115), như ĩa cầm rồi là tốt, không thời dương thoát mà chết vậy.

VIII - NÔN MỬA, ỢE (16 ĐIỀU)

Phạm tiếng và vật điều có gọi là mưa (ấu), chỉ ỏi ra vật gọi là nôn (thổ), là tiếng không có vật gọi là "nôn khan" (càn ấu). Nôn khan với ợe đều là chỉ phát ra tiếng, nhưng tiếng của nôn khan thì bé mà ngắn, ợe thời tiếng nặng mà dài. Nếu lúc sơ khởi là đậu hiệu hòa hừng lên, còn như mưa, ợe, là dấu hiệu độc công bên trong, nhưng có trường hợp bỗng nhiên mưa dữ dội không thôi, thần vong, muốn tuyết, mặt xanh, quyết lạnh, thể hiện đủ các chứng hiểm nghèo mà ngược lại ngực cảm thấy dễ chịu, tinh thần khỏe khoắn, đây là chính khí muốn thoát, nhiệt bên trong đi hết, nhiệt thì thần mờ tối, hàn thì thần tỉnh táo, bởi thế dần dần cảm thấy khoan khoái dễ chịu, nhưng chính khí đại hư, tà khí ất đoạt, cho nên chẳng bao lâu sẽ phát ra suyễn, đổ mồ hôi, mê, man mà chết, giống như ngọn đèn sắp tàn chỉ cháy lỏe lên một cái mà thôi.

Lại như chứng mưa, ợe ở bệnh nặng lại càng nặng thêm, bởi vì con người lấy vị làm gốc, vị là thổ, thổ bại thì mộc đến khinh nhờn⁽¹⁾, cho nên mộc dựa thổ của tướng hỏa mà lẩn lên vị khí, từ dưới rốn phạm thẳng lên thanh đạo, ra khỏi bí môn⁽²⁾ nhẹ thời nôn khan, nặng thời phát ợe, tórt lại đều là dấu hiệu thổ bại.

Kinh nói: "Cây khô là ất rụng, dây đứt tiếng ất rề, bệnh nặng thì sẽ thành tiếng ợe".

(1) Theo quy luật ngũ hành, có tương sinh, tương khắc, tương thừa, tương vũ, khinh nhờn là thuộc về luật tương thừa.

1. Lên đầu nôn mửa, đại thể hư hàn nhiều mà thực nhiệt thì ít chữa nên ôn dưỡng tỳ vị làm chủ, như hoặc kiêm có tạp chứng át cũng có thực tà, có thể dựa vào phương vào bệnh mà chữa gộp. Cho nên kinh suất mà dùng thuốc hàn lượng với thuốc tiêu hoá thì không được.

Lại, nôn mửa là bệnh trên thượng tiêu, nhất thiết không được dùng nhưng những thuốc tả hạ, làm tổn hại nguyên khí ở hạ tiêu vì sẽ trở nên nặng mà nguy vậy.

Hoặc có trường hợp đại tiện không thông cũng phải điều bổ vị khí theo cách lợi đạo từ từ, chỉ tỳ vị được hoà thì khí thăng giáng điều mà đại tiện được thông, điều này phải rõ.

2. Như vị khí yếu, có hàn mà không nôn mửa không ăn uống được, hoặc ăn xong thì mửa hết. Lỗi mửa phần nhiều là mửa thốc ra mà không có âm tiếng gì, mặt xanh, môi nhợt, tinh thần uể oải, dùng Sa sâm hoà vị tán (208) mà chữa.

3. Lên đầu mửa không thời, tiếng đục mà dài hoặc ọc khan, chắc chắn là chứng hiểm ác trong bệnh sang độc không được xem thường, như đầu lúc mưng mủ mà đầu rất nặng, trong họng cũng có mụn nhọt trong họng muối sớm thì hư nát, da mong dễ vỡ nát, vết lở mới dập, chạm vào thì đau, da vậy dính với dờm dài kết chặt lại cho nên nghẹt cả họng, ăn uống khó vào gồng nhau nuốt thì đau đớn, cho nên nước vào là sặc, cơm vào thì mửa ra, như tiếng nói trong trẻo thì có thể chữa, nếu khàn đặc nói không ra tiếng, cổ họng vỡ loét thì không thể chữa được, chỉ với chứng đầu vốn nhẹ, thừa, do thương thực đau bụng mà sinh mửa thì dùng Bình vị tán (154) gia giảm mà chữa.

4. Do an đồ sống lạnh, lạnh làm hại tỳ vị, cho nên nổi đầu biến sắc màu tro trắng mà mửa, dùng Di công tán (115) gia giảm mà chữa.

5. Đầu mọc quá đầy, trong họng trong lưỡi đều có, cho nên lúc thu áp hay sặc ra nước, nôn ra đồ ăn, có lẫn mủ, vẩy và dờm, nên dùng Cam cat thang (155) gia giảm thỉnh thoảng cho uống.

6. Đầu mọc không thấu suốt, mủ không đầy, khi trên chóp bỗng nhiên muốn tụt xuống, lúc bấy giờ tuy không an uống được, thường nôn ọc, đây là chứng nghịch, trạng thái ấy như cây khô dây đứt, nhất định sẽ mất tiếng, bức dọc rồi chết.

7. Lên đầu không có các chứng phong hàn, thực trệ, trướng đầy, đau nhức mà nôn mửa hoặc nôn khan, lợm giọng, nhất định là do tỳ vị hư hàn, dùng Lục vị Di công tiền (173), Ngũ quân tử tiền (184), Sâm khương ẩm (174) hoặc Ôn vị ẩm (93), Lý trung thang (59) ... đều có thể chọn dùng.

8. Tỳ khí hơi hàn, nôn mà trung tiêu không có hàn, dùng Ngũ vị Di công tán (91).

9. Vị khẩu hư hàn, nôn mửa ghê có chứng đau ứ trệ, nên dùng Lục vị Di công tiền làm thang để trừ với Thần hương tán (177) hoặc Điều trung thang (176) cũng tốt.

10. Do hàn khí phạm vào dạ dày, đau bụng, bụng đầy, nôn mửa nên dùng Thần hương tán (177) hoặc ích hoàng tán (101) gia Bào khương.

11. Do uống nước hoặc ăn dưa quả sống lạnh mà sinh nôn mửa, nên dùng Ngũ linh tán (145) gia Bào khương.

12. Do ăn uống quá nhiều, đồ ăn còn đầy trên vị khàn chưa xuống sinh hồng ngực trướng đầy mà nôn mửa, nên dùng Hoa vị ẩm (154), Đại hoà trung ẩm (180), Thần hương tán (177).

13. Do đờm đình trệ ở hông ngực đầy trướng, nôn mửa, nên dùng Nhị trần thang (181) hoặc Quất bì thang (74) gia Bào khương.

14. Do hỏa tam tiêu bế lại, phiền nóng, tắc nghẽn ở vị khẩu mà nôn mửa, nhất định là chứng do hỏa dương minh, nên dùng Quất bì thang gia Hoàng liên, nặng lắm gia Thạch cao hoặc dùng trúc diệp Thạch cao thang (182) nhưng chứng này rất ít thấy, đừng nhầm hư hỏa mà gán cho là thực hỏa.

15. Họ Trịnh nói: Chứng nôn mửa trong lúc lên đậu, cần phân biệt hàn nhiệt, do nhiệt thì dùng Lục quân tử thang (183) gia Hoàng liên sao với nước gừng, do hàn thì cũng dùng Lục quân tử thang mà gia Đinh hương, Hoắc hương, Nhục đậu khấu.

IX - THỔ TÁ (10 điều)

Lên đậu mà bị thổ tả, có chứng không cần chữa, có chứng phải chữa ngay, như khi mới lên sốt đã thấy thổ tả nhưng không nặng lắm rồi sẽ khỏi liền tay, vì trong khi thổ tả ấy đã ngụ có cái ý sơ thông, tả khí sẽ nhờ vào sự sơ thông ấy mà bài tiết, không cần phải chữa. Còn những chứng thổ tả nặng thì không thể không chữa được; lại có trường hợp nguyên khí vốn yếu mà thổ tả, nếu không có điều bổ, ngay thì nhất định tỳ khí sẽ mệt là rồi sau đậu mọc ra, hư lại gặp hư cho nên cứu không kịp. Đây là chứng thổ tả lúc lên đậu cần chữa hay không cần chữa là tự có sự phân biệt nặng nhẹ rồi. Nếu sau khi đậu đã mọc mà xảy ra thổ tả thì càng không tốt phải xét các mặt hàn nhiệt hư thực để điều trị.

1. Nếu thổ tả vì khí độc thì vật thổ ra nhất định có vị chua mà thổ ra có tiếng ọ ọ lung tung, thần khí không mệt nhọc lắm, vật ỉa ra ắt có sắc vàng, hơi thối, tuy có thổ tả lung tung, nhưng hông bụng phần nhiều không đau, đây là độc khí được bài tiết ra khi đi ngoài, là chứng thuận, không cần phải cầm. Chỉ có 1 chứng thổ tả do hàn thì phải chữa gấp.

2. Thổ tả khi lên đậu, tuy phần nhiều là thuộc tỳ, nhưng cũng có phân biệt tam tiêu, ngũ tạng, vì:

- Bệnh ở thượng tiêu thì chỉ thổ mà không tả.
- Bệnh ở hạ tiêu thì chỉ tả mà không thổ.
- Bệnh ở trung tiêu thì thượng thổ hạ tả.

Cho nên, bệnh ở thượng tiêu phải biện tỳ khí của tâm phế, bệnh ở hạ tiêu phải biện tỳ khí của can thận, đây là khí của 5 tạng đều có cái cơ tư nhuận nhau, chế ước nhau, đặt vấn đề mà không rõ như thế thì hay nhầm vậy.

3. Thổ tả khi lên đậu trong 10 bệnh bệnh thì có tới 8-9 bệnh do trung khí hư hàn, nhưng cũng có trường hợp do tà thực, độc thịnh, ăn uống quá bị tổn thương mà sinh thổ tả phải xét rõ mạch với chứng thì tự có thể biện nhân, nếu quả có tà thực nhiệt độc thì không có thể ngộ nhận là hư hàn, để rồi dùng bữa bãi những thuốc ôn bổ, sợ trở lại giúp tà mà gây ra dư độc nhọt sưng hoặc lở loét khó thu miệng...

4. Khi mới lên đậu mà thổ tả, có trường hợp không nên cầm ngay, bởi vì có ý nghĩa

thở là nhiệt bốc ra, tả là độc tiết ra, vì độc đậu ở trong, càng cầm giữ lại thì độc càng nhiều, khi nhiệt độc tắc lấp ở vị khẩu, dấu hiệu hòa khí bốc lên, không chừa vào đậu mà hết thở thì chưa hề có, phải giải biểu để làm cho đậu ra thì hết thở. Nếu chừa thở bằng cách tầm thường thì đấy là đầu mối làm tăng thể thổ nghịch phiền táo, càng không nên dùng thuốc cay ráo để làm cho huyết không sắc đẹp tươi, tuy giống vị hàn mà lại đem dùng thuốc nóng, vì "bệnh đột ngột là không phải âm chứng", hướng chỉ lên đậu vốn do nhiệt độc vậy thay.

5. Thời kỳ phát sốt, mình nóng dữ nổi da gà (sồn ốc), da khô, nằm ngủ không yên, má đỏ, môi đỏ, hơi thở ồ ồ, khát nước khó chịu, bụng trướng đại tiện bí mà lên cơn suyễn... là thực chứng, nếu kiêm có chứng nôn mửa tuy tựa như hư chứng mà kỳ thực là nhiệt độc nặng lắm, ngăn tắc ở trong không bốc được ra ngoài, cho nên nghịch lên mà sinh thổ. Kinh nói: "Các chứng nôn ới xông lên... đều thuộc hỏa" làm thế đó, hoặc cũng có do hàn lạnh công kích hoặc do ăn bú không điều độ, hoặc do phong hàn lấn vào gây nên nóng bên trong không bốc được ra ngoài, lạnh với nóng chống chế nhau nên sinh thổ, nhưng độc không bốc lên được thì phải theo đường mà phát tán ở ngoài, bằng do sự chống báng nhau mà thổ thì phải dẫn đi đằng dưới. Lại kiêm thấy chứng ỉa chảy nữa, ỉa chảy tựa như hư chứng mà đấy là chứng nhiệt độc thịt xông đốt tỳ vị không thông ra ngoài thời độc hãm xuống dưới, tìm lỗ mà chui ra cho nên nhiệt độc dồn xuống bên dưới. Xưa có người nói đậu chưa mọc mà tả thì sống, đã mọc mà tả thì chết. Chừa phải thăng để phát tán, dẫn độc ra ngoài, không được dùng nhằm vị Chỉ xác vì độc giải ra ngoài thì chứng nội tả tự khỏi, nếu thương thực mà tả, nhẹ thì gia thuốc tiêu hóa, nặng thời chừa theo lối "tùng trị"⁽¹⁾

Lại có chứng không thiết ăn uống, sách nói: Không thiết ăn uống đều thuộc chứng hư bên trong", nhưng không biết chứng uất nhiệt là do độc khí bên trong không đạt ra ngoài cơ biểu, do đó mà đại tiểu tiện, bí kết, tẩu lý tác trở, nhiệt độc tắc lấp trướng bụng, căng bụng, không thiết ăn uống là cái thể tự nhiên. Chừa cũng phải thăng để, phát tán, dẫn độc đạt ra bên ngoài cơ biểu thời nhiệt có chỗ thoát, tạng phủ sẽ bình hòa, ăn uống tự nhiên sẽ tăng tiến vậy. Nếu nhằm dùng thuốc nhiệt như Đinh hương. Quế chỉ đem chừa thổ tả đấy là đem thuốc nóng công vào bệnh nhiệt mà chuyển thành chứng bản thân khó chịu nếu cho uống thuốc bổ như Sâm, Truật thì chứng trướng bụng không thiết ăn uống thời tả được bỏ mà càng nặng thêm.

6. Thổ tả khi mới phát sốt thì chớ nên cầm ngay, vì hiện tượng đó là độc theo bên trên bề dưới mà bài xuất, nên chuyên vào thác đậu làm chủ, hễ đậu mọc được thì hết thổ tả, nhưng thổ tả lâu mà không cầm thì trung khí cũng hư, độc không thể ra, cái họa nội công sẽ đến lập tức. Phải phân ra hàn nhiệt mà chừa, nếu mình nóng, khát nước, buồn phiền vật vã, mặt đỏ, bú vào thì mửa vọt, ỉa chảy té re, tiểu tiện đỏ sẫm, mắt vàng, họng ráo, thích nằm chỗ lạnh đấy là chứng nhiệt vậy, nên dùng Trạch tả, Trư linh, Xích Phục,

(1) Tùng trị: Chính danh là phản trị, là một phép chữa bọc xuôi theo giả tượng của bệnh tật để giải quyết bệnh tật. Ví dụ: Bệnh thuộc chứng chân hàn giả nhiệt, nếu chữa theo lối chính trị (chữa trực tiếp vào thì phải dùng thuốc ôn nhiệt để đánh vào bệnh chân hàn, nhưng làm như vậy thì thường xuất hiện hiện tượng đối kháng, uống thuốc vào lập tức mửa ra hết ngay, thuốc ấy không đưa lại kết quả, tình hình buộc lòng thầy phải sản sinh ra phương pháp phản trị (cũng gọi là tùng trị) nói dùng cũng dùng thuốc ôn nhiệt nguyên thủy nhưng sắc thuốc xong thì để nguội rồi mới cho uống, hoặc thuốc hàn lương nguyên thủy sắc xong cho uống nóng. Riêng 1 kiểu khác là trong thuốc ôn nhiệt nguyên thủy, gia vào ít thuốc hàn lương, hoặc ngược lại, kiểu ấy gọi là phản tả.

Mộc thông, Thăng ma mà chữa.

Nếu mình mát miệng hơi lạnh, người yên tĩnh, nên dùng loại Sa nhân, Nhục quả, Sâm, Linh mà chữa.

Nếu thổ mà không cảm được là khí bên trong nghịch lên, phải dẫn cho nó đi xuống.

Nếu tả mà không cảm được là khí bên trong chạy xuống, phải thăng đề.

Nhưng qua cơn đại thổ đại tả rồi thì bên trên bên dưới đều thoát hết, phải đại bổ mới được, tuy có chứng khác cũng đều là hư cả thôi.

Đại để chứng thổ phần nhiều là do hỏa, do đờm, do thương thực, tả thì phần nhiều do hỏa, do thương thực, do thấp, do khí hư. Ban đầu về nguyên nhân thì không nhất định, nhưng lâu rồi thì tóm lại chỉ hư mà thôi. Nếu khi thổ tả dữ dội mà có ra cả lãi dưa nữa là chứng bất trị.

7. Thổ tả cùng phát 1 lúc, đó là do cảm hàn mà có chứng ăn không tiêu, nên dùng Thăng tiêu Bình vị tán (209).

8. Thổ tả cùng phát ra 1 lúc do tỳ vị hư hàn, dùng Ôn vị ẩm (93), nặng hơn thì dùng Trần thị Thập nhị vị Dị công tán (97).

9. Thổ tả do tỳ vị hư hàn mệnh môn không ấm ăn uống không tiêu, cơm nước không phân hóa, phần nhiều thấy đau bụng dưới, nếu không dùng Vị quân tiến (178) hoặc Lý âm tiến (179) là không được.

X - KIẾT LY

Kiết ly là do thấp nhiệt uất trong trường vị có tổn thương khí huyết mà gây nên, đầu lấy khí huyết làm chủ, hai mặt ấy đều tổn thương đầu làm sao mà nhờ được?

Về cách chữa, nếu xích ly thì dùng Tứ vật thang (27), bạch ly thì dùng Tứ quân (90), xích bạch lẫn lộn dùng Bát trăn, đau bụng gia Dương quy, Bạch thược, mót rặn do nội thương gia Mộc hương để lý khí, xích ly lâu ngày không khỏi A dao, Hắc khương; Bạch ly lâu ngày không khỏi gia Chích kỳ, Can khương, ngoại cảm gia Tiểu sài (172), tiểu tiện sền gia Mộc thông, Trạch tả, đây là cách chữa chung trong lúc lên đậu. Nhưng kiết ly rất khó có công hiệu mau không phải như đậu có định kỳ, và lại ngoài mưng mủ, trong kiết ly, biểu lý đều hư, nguyên khí càng sa sút, cho nên phải chữa đậu là cơ bản, dùng nhiều Sâm, Kỳ để bổ thác, dùng với thuốc thăng đề để nâng lên, những tình trạng nguyên khí bị hạ hãm độc công bên trong, nếu chỉ chữa theo lối chữa ly thông thường như hành khí, hòa nhiệt thì độc lại mượn thế của thuốc mà sa vào âm phận làm gì để đưa ra ngoài biểu để lập công, hướng chỉ bệnh tật có dấu tích chưa trừ mà nguyên khí vô hình đã hết sạch từ trước thì đậu không chờ khỏi kiết ly mà đã chết rồi, và lại, người đời phần nhiều gặp chứng tựa như kiết ly mà không phải kiết ly dùng Thanh bì Bình lang để gây tử vong rất là nhiều vậy.

XI - PHÙ THŨNG

Về chứng phù thũng cả người, ví như hạt thóc, chồng chất lên nhau ắt nở lên mà nguyên khí nhú mầm, khi ấy lúa mới sinh rồi nở hoa, hoa rồi thành hạt vậy. Hướng chỉ độc phát ở tỳ thổ, thổ ất hư thì có cây tươi tốt, cho nên lên đậu nhất định là muốn phù thũng, phù thũng là hỏa độc lan ra khoảng gò rỗng, âm dương giao tranh với nhau, bởi vì tỳ chủ cơ nhục, cho nên cơ nhục bị phù thũng là do khí độc tràn ra, nếu khí huyết sung thịnh thì tự nó có thể xua đuổi độc ra ngoài, vào đến ổ hang thì làm nước làm mù, nên đậu sung thì cũng sung, đó là thuận. Khí huyết không đủ thì tuy độc đã đưa ra ngoài biểu, vì không sức để đẩy thẳng đến hang ổ, ẩn phục tản mạn ở bì phu cho nên thịt sưng mà đậu không sung, là nghịch. Thấy thuốc chợt thấy dấu hiệu liền trọng dụng ngay các loại tạo giác thích thiên trùng đưa vào với thuốc đại bổ, thì độc có chỗ về, tự nhiên không có cái lo vì sưng bấy bọ vậy.

+ Đậu sau khi thu áp, nếu không được điều lý, hoặc tổn thương do ăn uống, hoặc cảm phong thấp mà hại tỳ, tỳ hư thì không chế ước thủy, thủy tràn đi lên, cho nên gây thành trạng thái phù thũng.

+ Nếu vì ăn uống mà tổn thương thì dùng phép kiện tỳ lợi thủy, nếu do phong thấp làm tổn thương thì phát hãn để giải. Nhưng sau cơn bệnh lâu ngày ngũ tạng đều hư, tỳ không kiện vận mà khí phần nhiều bị trệ, phế không chuyển thấu nên khí không giáng, thận không nạp nên khí không tàng, cho nên cái khí thất thủ không can cước ấy tự tiệt mà thẳng giáng lung tung, hễ nằm thì sưng mặt, hễ đứng dậy thì sưng chân, luôn luôn như thế. Chỉ điều hòa ngũ tạng thì chứng phù thũng ấy tự khỏi, nếu bỏ cái căn bản (bản) mà chữa vào hiện tượng phù thũng (tiêu = ngọn) thì rút cục là vô ích.

XII - SƯNG BÌU DÁI

Lên đậu, có chứng sưng đau bìu dái, sưng to như quả bầu, quả dưa, đấy là do bàng quang nóng dữ lắm, khí độc chảy sang tiểu trường, chữa nên giải độc, thanh nhiệt, lợi thủy làm chủ.

Nếu bệnh này phát hiện sau bệnh đậu là do dư độc, dư nhiệt, thấp nhiệt dồn xuống mà sinh ra. Chữa phải giải độc, thanh thấp nhiệt ngoài dùng Thạch yển (én đá) mài dấm cho đặc mà bôi.

XIII - TRƯỚNG BỤNG (10 điều)

Lúc mới lên đậu, trong bụng thường nên khoan khoái, đấy là bên trong không có tà, nếu có trướng bụng là do khí độc tụ ở trường vị không phát tiết được ra ngoài mà lại nhập vào trong, nặng thì suyễn thở mà nốt đậu không có sắc đỏ hoặc biến thành bầm tím, phần nhiều là không cứu được.

Về phép chữa, nên thăng phát, giải, lợi, làm cho khí độc bất buộc phải phân tán ra bên trên, ở giữa và bên dưới để tiêu tan. Đại tiện bí mà tỳ nhiệt sinh trưởng thì tả, tiểu tiện mà vị nhiệt sinh trưởng thì lợi, nếu thỉnh bụng, ỉa chảy, khát nước, thờ gấp, mình mẩy mỗi một chân tay đều lạnh, phát ọc đi ngoài mà trương bụng là tỳ vị hư hàn, nên ôn bổ; mình nóng, mạch sắc, đại tiện không thông, buồn bực vật vã, suyễn thở, khát dữ, mặt đỏ, nổi sảng không yên mà trương bụng là nhiệt độc tác lấp, phải kíp cho hạ kèm giải biểu để giải tỏa nó đi. Nếu đang lúc nhiệt độc phát ra mà bị lạnh làm ngăn tắc ấy là âm dương bất hòa, lạnh nóng va chạm nhau không phát tiết ra, khiến trong ruột sôi lọc ọc, đại tiện lợi, mạch vi, chân tay đều lạnh, ăn uống không tiến bộ, nên thêm thuốc ấm để công thác.

Nếu do ăn bú đình trệ mà trương bụng thì trong khi dùng thuốc thăng phát giải lợi cần gia tăng thêm thuốc tiêu thực, xét phần hàn nhiệt trong nhân tố gây bệnh mà chữa.

Nếu đậu mọc rất nhiều mà mặt vàng, đại tiện ra phân đen, buồn bực vật vã, suyễn khát mà trương bụng là bên trong có máu ứ, nên dùng thuốc thanh nhiệt lương huyết gia loại Đào nhân Hồng hoa để tiêu đi.

Còn như mất nhâm, mê mẫn, thối miệng, nặng thời khí huyết đã ly tán, độc đã chạy vào bên trong, không thể cứu được.

Lên đậu mà cơ chứng trương bụng chủ yếu có hai mặt, một là do tỳ vị bị thương, hai là do tà khí hãm phục, vì nốt đậu sắp mọc, độc sinh ra từ bên trong, chứng bao giờ cũng phát sốt, có thấy hơi khát nước, đó là việc thường, lúc bấy giờ chỉ nên ôn bình hòa giải, hoặc kèm có thác độc tán biểu, không làm ngăn tắc, không đuổi đến cùng, không hại đến nguyên khí, chỉ cốt nâng đẩy nhẹ nhàng, chỉ làm cho độc thấu suốt cơ biểu thì mầm tốt mà quả cũng tốt, giá như không biết thế, hễ thấy nhiệt thì bèn cho thuốc thoái nhiệt, thấy độc bèn cho thuốc công độc, thời chưa có trường hợp nào dùng những thuốc hàn lương mà không công phạt vị khí, chưa có trường hợp chỉ biết công độc mà không làm tổn thương nguyên khí. Vị khí tổn thương thì sự vận hành kém sức, độc lưu trệ lại cho nên gây thành trương bụng, tuy không phải trương bụng nào cũng đều do nguyên nhân đó, nhưng là đa số, các trường hợp chưa hết thì xem rõ và đầy đủ sau đây:

- Do ăn đồ lạnh, hoặc uống thuốc mát mà sinh trương bụng, người ắt không ăn được hoặc đi tiểu tiện lợi, hoặc bụng sôi như sam, đây là chứng tỳ vị lạnh, phải kíp ôn trung để xua tan khí lạnh, khí lạnh tan được thì chứng trương bụng cũng tiêu mất, dùng Ích hoàng tán (101) gia hậu phác chế gừng, hoặc Nhân sâm vị ái tán (121) gia Bào khương.

- Dạ dày hư lạnh, nốt đậu trắng, tinh thần mỗi một, hoặc hơi thờ gấp, phát chứng lạnh toát, nên dùng Ôn vị ẩm (93) với Thập nhất vị Mộc hương tán (Trần thị) (221), đều là những bài thuốc quan trọng.

- Hàn lạnh ở tỳ vị, hạ tiêu không khí hóa nên trương bụng, nếu không dùng Lý âm tiến là không được.

- Trung khí vốn hư, hoặc do dùng quá nhiều thuốc tiêu thuốc hạ khiến nguyên khí kiệt quệ, không còn khả năng đẩy độc đậu ra ngoài, cho nên nó hãm vào trong mà trương bụng, nên dùng Thập tuyên tán (57) hoặc hợp với Nhị diệu tán (265) hoặc Thần dương tán (177).

- Độc đậu hãm phục bên trong thì nhất định có chứng nhiệt tụ tập như buồn bực vật vã, khô khát, đại tiểu tiện bí mà sinh trướng bụng, chửa nên bình khoái khí ghè có thác độc, dùng Tử thảo ẩm tử (84).

- Hàn tà bố bên ngoài chân lông thô thịt, mình nóng không mồ hôi hoặc khó thở, ngạt mũi, thời độc đậu không thể đạt ra ngoài mà hãm lại bên trong sinh trướng bụng, nên dùng Ngũ linh tán (69) hoặc Gia giảm Sâm tố ẩm (55).

- Ăn uống quá tổn thương bị đình trệ mà trướng bụng, đấy chẳng qua là sự đình trệ nhất thời, chỉ chờ hết đồ ăn thì chứng trướng bụng hết, nên dùng Đại hóa trung ẩm (180) hoặc hợp với Nhị diệu tán (265) Thần hương tán (177).

- Trướng bụng mà nhảm mắt, trong miệng như lở loét, có mùi thối, ỉa chảy hoặc ỉa ra máu mủ, đều là chứng bất trị.

XIV - ĐAU BỤNG

Lên đậu mà đau bụng là do nhiệt độc uất ở ba kinh âm, về cách phân biệt là:

- Đau từ rốn trở lên thuộc Thái âm tỳ.
- Đau ngay rốn thuộc Thiếu âm thận.
- Đau ở bụng dưới thuộc Quyết âm can.

Về cách chữa đều phải thăng, phát, giải, lợi đối với độc của đậu và kiêm phải phân lợi tiểu tiện, khiến cho độc khí bị chia ra trên dưới để bị tiêu tan, làm thế thì cơn đau tự nhiên tiêu hết.

Cho nên, Nội kinh nói: Các chứng đau bụng đều thuộc về hàn", chỉ có các chứng đậu sởi phát sốt mà đau bụng mới là thuộc nhiệt độc ở bên trong, nó công phá, nó quấy lên đều thuộc nhiệt độc, nhưng cũng có chia ra hư thực như sau:

- Sợ bụng đi ngoài mà đau bụng là hư, hư tức là hàn.
- Phát buồn bực vật vã, khát nước, uống lạnh, bụng đầy không đi ngoài được mà đau bụng là thực, mà thực tức là nhiệt.

Chỉ có trường hợp mình mấy lạnh toát mà đau bụng gọi là "nhiệt thâm quyết thâm"⁽¹⁾ phải kịp dùng phép thác lý, làm cho độc khí đạt ra ngoài phần biểu thì khí của tạng phủ sẽ hòa, chân tay ấm áp thì chứng đau bụng tự khỏi.

Nếu lúc phát sốt do ngoại cảm phong hàn hoặc ăn uống đình trệ mà đau bụng thì nên dùng Thăng tiêu Bình vị tán (209), uống 1 thang thì khỏi ngay. Nhưng mà, đau do ăn uống đình trệ thì dấu hiệu là đau quặn thắt, kêu la dữ, và phần nhiều thì đau trên rốn, mặt xanh, môi nhợt, tay chân lạnh; đau do khí độc thì cách đau từ từ, lúc đau lúc khỏi và phần nhiều đau phía dưới rốn, hoặc đau vát đến sau lưng, mặt đỏ môi tím, chân tay đều ấm, phải phân biệt để chữa.

(1) Nhiệt thâm quyết thâm: Một hiện tượng bệnh lý về nhiệt quyết. Phàm bệnh ôn nhiệt kéo dài không khỏi, đột nhiên xuất hiện tình trạng chân tay lạnh toát, hôn mê bất tỉnh, đấy chính là do nhiệt phục bên trong, dương khí bị nhiệt là tắc trở không đạt ra đến chân tay gọi là "nhiệt quyết". Nhiệt tà càng phục sâu thì mức độ chân tay lạnh toát càng nặng hơn, cho nên nói nhiệt thâm (sâu) quyết cũng thâm (sâu).

Nếu mình không nóng lắm, miệng khô khát, có lúc lạnh, có lúc nôn mửa, sôi bụng đi ngoài, lục mạch hư tế, mặt xanh, chân tay lạnh, đây là đau bụng do tỳ hư hàn, phải ôn bổ.

Nếu mặt đỏ, khát nước, buồn bực vật vã, chân tay nóng, là đau bụng do tỳ vị thực nhiệt, phải công phát nhẹ.

Nếu không thiết ăn uống, ợ hăng, nuốt chua mà có liên quan đến thương thực cho nên đau bụng, chữa nên dùng phép tiêu đạo bên trong.

Nếu đau mọc không sưng mà có hãm phục thành đau bụng, buồn bực vật vã, kêu la, nên kíp giải biểu cho nó mọc.

Nếu đại tiện táo bón mà nổi sảng, nổi nhâm nhĩ lung tung, có phản táo mà đau bụng, nên cho xổ nhẹ.

Nếu vì ăn uống sống lạnh mà đau bụng thì cho uống thuốc gây ấm để tiêu đi.

Nếu do ngoại cảm phong hàn kết hợp với độc gây nên đau mọc chưa hết mà mình mẩy run động, đau bụng, phải phát tán.

Nếu đau bụng do nhiệt độc ở dạ dày, đôi lúc có nôn mửa, phải thanh giải.

Nếu đau mọc rồi đột nhiên bay mất, chân tay phát giá lạnh, có mạch phục mà đau bụng, chữa nên dùng phép đại thác, nếu đau không mọc thì chờ chữa.

Sau khi đau thu áp, sốt nhiều, đại tiện phân rắn sặc, đen, đau bụng, đây là chứng súc huyết, chữa phải thanh lợi.

Còn như hơi thở to, miệng hôi, môi lưỡi có rêu trắng, mình run rẩy cơn đau không dứt, đây là do phong hàn làm tắc trở, âm dương không thông nhau, độc quy về tạng phủ đã tàn phá bên trong, dạ dày loét nát, còn có độc khí lan tràn, dương độc vào dạ dày cho nên ỉa ra máu không chùng mực, đau bụng kêu la phát sốt, đôi lúc đau quặn thắt trong bụng dạ, buồn bực kêu rên, đau hãm phục mà trường đầy đau nhức, khó thở, đây là khí độc công phá trong trường vị, hun đốt tạng phủ là chứng rất nguy hiểm không thể chữa được, nhưng nếu cơn đau liên miên không dứt là hàn, lúc đau lúc hết là nhiệt vậy.

Khi chữa đau bụng cần dựa vào hiện tượng ưa nắn hay chối nắn với ưa no ưa đói để phân biệt hư thực, không nên cho rằng "đau không phép bổ" mà chỉ cho dùng thuốc công phát. Lại cần dựa theo mạch theo chứng để phân biệt hàn nhiệt, chờ nên dùng những thuốc hàn lương Đại để, đau bụng do trệ do hàn thì 10 phần chiến 8-9, đau bụng do nhiệt uất đôi lúc cũng có, nếu bệnh hư mà không dùng thuốc bổ lại dùng thuốc hàn đem chữa bệnh hàn thì gây hại nào hơn? Không thể cầu thả được.

Đậu mới mọc mà đau bụng đây là độc ở bên trong, như mới mọc lên không thấu suốt mà đau bụng, đây là có chứng hãm phục, nhưng lúc mừng mù thời độc đã ra lại không hãm phục mà bỗng đau bụng, người không đi ngoài ắt có phản táo, nên thông lợi, nếu ỉa ra phân xanh là bị lạnh nên ôn sáp, nếu đậu mọc đã hết mà mọc ra đã thấu suốt, đã làm mù là phần biểu không có tà, ăn được, đi tiểu nước trong là phần lý không có tà, mà bỗng nhiên trường bụng đau bụng, buồn bực vật vã, thờ rệu lên nốt đậu biến sắc như màu tro cây, đây nhất định là bị thương thực, chữa phải tiêu thực trước, sau cho thuốc dưỡng tỳ.

Mới phát sốt, nốt đậu chưa mọc không hàn trệ mà đau bụng trường đầy, nhất định

là do đậu mọc không thấu suốt, độc đậu công bên trong mà gây nên thế, phải giải biểu sơ lý, dùng Hóa độc thang (215) gia Tía tô, Hậu phác hoặc Ngũ tích tán (69) gia Mộc hương.

Dại tiện không thông mà trướng bụng, đau bụng, dùng Quế chi Đại hoàng thang (234).

Hàn khí phạm vào vị, hoặc ăn đồ sống lạnh mà mưa, nôn lợm, bụng không trướng đầy mà chỉ có đau, nên dùng Ôn vị ẩm (93) hoặc Lý trung thang (59) gia Nhục quế, Mộc hương, hoặc Tiểu kiến trung thang (117).

Vị khí hư hàn mà sinh đau bụng ưa nắn, dùng Hoàng kỳ kiến trung thang (117).

Lạnh phạm trung tiêu, khí trệ sinh trướng mà đau bụng hoặc ỉa chảy, dùng Hòa vị ẩm (154) hoặc Ưc phù tiễn (187) gia Đinh hương, Mộc hương, hoặc Trần thị Thập nhất vị Mộc hương tán (121).

Tỳ vị hư hàn, đau phía bụng dưới, ỉa chảy không cầm được dùng Vị quan tiễn (178).

Nhầm uống nước chè mát, hàn thấp đọng ở trong, nước tiểu không lợi mà đau bụng, dùng Ngũ linh tán (145) gia Mộc hương hoặc Kiên trung thang (117).

Ăn uống đình trệ đầy bên trong mà đau bụng dùng Đại hòa trung ẩm (180) hoặc Bảo hòa hoàn (252) gia Mộc hương, Sa nhân.

Nếu đại tiểu tiện không thông mà đau dữ, dùng Xích kim đậu (258) hoặc Thừa khí thang (103) để lợi.

Phát sốt, sau 2-3 ngày, đại tiện không thông, phân táo lưu trệ mà đau bụng, dùng Đại tiểu phân thanh ẩm (192) hoặc Hoàng cầm thang (193) gia Mộc hương, Thanh bì, Sa nhân.

Hỏa độc công ở trong, nói sảng cuồng loạn mà buồn phiền, nóng, đau bụng, dùng Thoái hỏa đơn (68) hoặc Chu sa ích nguyên tán (34).

XV - ĐAU THẮT LƯNG

Lên đậu phát sốt mà đau thắt lưng là chứng tối kỵ, thắt lưng là nơi do thận chủ quản, là khớp xương lớn nhất của thân người, hễ khí huyết lưu thông thì bình thường, khí huyết ngưng trệ thì đau, thận khí sung túc thì sự co duỗi khỏe tốt, thận khí hư thì lưng khó co duỗi. Cho nên đau thắt lưng là chứng tối kỵ trong bệnh đậu mùa.

Sách Nội kinh nói: "Lưng là phủ của thận", lại nói "Kinh mạch Túc thái dương có bệnh thì người đau lưng", bởi vì kinh Túc thái dương bàng quang là đầu tàu của 12 kinh mạch, cập theo sống lưng mà vào thân, liên lạc tới thận. Phạm độc của đậu khởi từ dưới quả thận bên phải men theo kinh mạch Túc Thái dương bàng quang, tán ra các kinh, từ lý truyền ra biểu; độc của đậu từ âm phận truyền ra dương phận, từ trong truyền ra ngoài đó là thuận, từ dưới truyền lên trên, từ ngoài hãm vào trong là nghịch; nếu độc đậu từ Thái dương truyền vào Thiếu âm thì độc hãm xuống mà không thăng lên, phục trong xương tủy mà không đạt ra ngoài cho nên sinh đau thắt lưng.

Mới phát sốt mà đau lưng là tà từ bàng quang vào thẳng đến thận, cho nên khớp lưng cứng ngắt không xoay được đấy là đau thất lưng vậy.

Về cách chữa phải giải độc ngay để tà tà ở Thiếu âm, phải phát biểu ngay để thông kinh mạch ở Thái dương, khiến tà khí không thâm nhập được thì tuy đậu mọc có đầy đặc cũng có thể khỏi.

Nếu chậm chữa thì tà của kinh Thái dương từ biểu truyền ra dương phần, tà của kinh Thiếu âm từ lý truyền vào âm phần, bệnh lý đều thụ bệnh, âm dương đều tổn thương mà Dinh vệ không vận hành, khí của tạng phủ đều tuyệt hết. Bởi vậy, hoặc là không mọc, hoặc ngứa tẹt hoặc hăm đen, khó mà cứu cho được.

Có người do thận kinh hư khiếp, tướng hỏa đốt bên trong. Bởi thế chân âm không thắng nổi tà cho nên đau lưng, thoát kỳ thủy, chữa nên thăng phát, đạt biểu, ejhờ đậu mọc rồi mới cho dùng Đại hoàng hoàn để phòng biến chứng hắc hãm quy về thận bên khác hại chỗ giúp nhau này phần nhiều do bấm phủ tinh khí nhà thần không đủ gọi là chiết yếu đậu (đậu đau đến gãy thất lưng), cho nên những người lúc bình thời mặt vốn trắng, hoặc có lúc mặt đỏ, mắt có nhiều lòng trắng, chậm đi chậm nói hay đau vùng cổ, mạch bộ xích thay hồng sắc, chân lạnh, đau eo lưng, hoặc chân nóng phát khát... đều là chứng thận hư, chữa nên điều bổ, bồi gia thuốc Tư âm bổ thận.

Như chữa không khỏi, ngược lại ngực giò lên, chân lạnh, là chứng thân hư, độc lậm sâu ất khó mà cứu. Nhưng con trai cưới vợ sau dịp hành phòng rồi lên đậu mà đau lưng thì có thể chữa, vì đấy chỉ hư về phần hậu thiên. Nếu ở trẻ con mà đau lưng là khó chữa, vì đó là đau lưng do tiên thiên chân thủy không đủ, chân âm hư vậy.

Lên đậu, độc quy về thận thì chết, cho nên hề thấy đau thất lưng là phải lo chạy chữa ngay, nếu để độc lậm vào không mọc thì phải phát tán giải độc, khiến cho đậu mọc lại ở kinh thái dương mà đạt ở dương phần thì vô hại, nên dùng Nhân sâm bại độc tán (197) hoặc Ngũ tích tán (69) mà chữa. Nếu thận khí hư, đậu lậm vào trong, không tống đạt ra ngoài, phải dùng Lý âm tiên (179) gia Tế tân, Quan quế, Đỗ trọng Độc hoạt mà chữa.

Mới phát sốt đã thấy đau thất lưng, dùng dầu mè nấu nóng đem bóp chỗ đau liên tay, vẫn cũng phải uống thuốc nói trên, nếu tiểu tiện không lợi thì dùng Ngũ linh tán (145), nếu hỏa độc bên trong thịnh quá, tiểu tiện không lợi, dùng Tứ linh tán (110) gia Sơn chi tử, Mộc thông.

XVI - ĐAU YẾT HẦU

Phụ: Đau miệng, lưỡi

Họng ăn (yết) là bộ phận của dạ dày, chủ việc nuốt vào, chức năng ăn uống. Họng thở (hầu) là bộ phận của phổi, chủ việc thở ra, chức năng hô hấp. Phổi không có lỗ phía dưới, cho nên có thể nhận thấy phần khí trong, rỗng, vô hình mà không thể chịu đựng vật hữu hình.

Trên họng thở có một vật tròn ten như cái vú gọi là lưỡi gà khi vật chất vào miệng

thì lưỡi gà ấy ắt dầy lại kín họng thở, vì thế mà cơm nước mới vào được họng ăn.

Nếu đậu mọc ở lưỡi gà thì gốc lưỡi nên cứng, mở đóng khó khăn, cho nên hễ ăn có cần bã vào thì nó tự vào họng ăn, uống nước vào thì nó lọt vào họng thở cho nên sặc. Còn nôn ra thức ăn nữa là khác.

Nội kinh nói: Dạ dày gọi là bí môn⁽¹⁾ nếu hỏa độc hun đốt ở dạ dày thì bí môn mọc mụn mà tổn thương, bí môn bị tổn thương thì cửa ngõ bị tắc nghẽn, do đó vật chất không thể vào thẳng dạ dày được, tình trạng ấy nên hoãn thì vật chất nhỏ giọt xuống dần dần, cấp thì tắc mà nôn ra cơm nước, đã không thông được, thuốc men không chữa được, cho nên đau yết hầu là bệnh nguy hiểm. Nhưng mạch khí của Thủ Thiếu âm tâm là quân hỏa, của Thủ thiếu dương tam tiêu là tướng hỏa, đều liên lạc vào yết hầu, khi yết hầu mọc mụn độc là thuộc hai quân tướng hỏa chủ trị, vì hỏa bốc lên nên yết hầu chịu đựng trước. Do đó, khi mới phát sốt, thấy lên vai nốt đậu thì không cần hỏi là yết hầu có đau hay không, phải cho phát tán, cho giải lợi cái đã.

Nếu hơi trì hoãn thì độc đọng lại sưng tấy, ăn uống không vào, hô hấp khó khăn mà sinh nguy, cho nên nếu bên ngoài thấy đậu mọc dầy đặc mà trong họng chỉ thấy đau ít hoặc không đau, đây là độc đã ra hết, không phải lo lắm.

Nếu bên trong mọc nhiều mụn mà đau là phải phòng biến khi nó mưng mủ, uống nước sẽ sặc, ăn vào sẽ nôn mất tiếng... phải chữa dự phòng làm cho đậu bay bốc trước, khi mưng mủ thành nước thì nhiệt độc tan hết bên ngoài mà chứng bên trong nhẹ bớt, mụn còn trong họng cũng không phải lo gì, nhưng từ thời gian này đến khi thu áp, tiếng nói thấy thanh dần, một ngày là lành.

Nếu bệnh nặng thêm mà trong họng có tiếng lao xao như nước chảy là chết, khi nốt đậu trong họng vỡ nát, tiếng cảm, nôn ra thức ăn mà chết.

Bệnh sưng đau yết hầu hay thấy khi lên đậu, nhưng trước 7 ngày mà thấy là nghịch, thấy sau 7 ngày là không sao, bởi vì lúc đậu cương đậu làm mủ, bên trong bên ngoài nốt đậu đều to, gây nên tình trạng sưng nghẹt họng thở cho nên thế, thứ đậu này không phải như độc đau họng, chờ đậu thu áp bên ngoài thì chứng bên trong tự khỏi, không phải chữa.

Họ Từ nói: Đau yết hầu, sưng, ăn uống không được, trong cho uống Gia vị Cam cát thang (236), ngoài xem trên mình có nốt đậu nào to nhất có dính liú với độc đậu, hãy dùng tăm bông nhúng dầu mè thấp lên mà đốt, chỉ đốt 1 lần là khỏi ngay, hoặc lấy ngón tay cấu phá cho gặp đi, dùng Đinh đậu tán rắc vào.

Đậu Thái sư nói: Cổ họng giữ việc thăng giáng của bộ máy hô hấp là cái ống dẫn trong con người, độc khí không tan thì tự đọng, tại đó mà sinh sưng đau tắc nghẹt, nước nổi khó uống vào, chết dễ như chơi, rất đáng sợ. Trước sau chỉ dùng Cam cát thang (155) gia Mạch môn, Ngưu bàng, Huyền sâm, Hạnh nhân, hoặc gia vị Cam cát thang (236) với Bạt tụy Cam cát thang (156) đều có thể chọn dùng được.

Nếu nóng dữ đau dữ, nên dùng Đông Viên Lương cách tán (23) gia Ngưu bàng hoặc Cam cát thang (155), hợp với Hoàng liên giải độc thang (4) gia Trạch cao, Mộc thông, Ngưu bàng tử, Sơn đậu căn, Xạ can, ngoài dùng Ngọc thực chủy (291) mà tra vào.

(1) Bí môn: Miệng trên dạ dày.

Dau bụng, bí đại tiện, dùng tứ thuận thanh lương ẩm (29) cho hạ.

Trên đây, về chứng trị nhất định là nóng bên trong, về phương là có thể dùng những bài thuốc hàn lương, nếu thượng tiện tuy có nóng mà hạ tiêu không nóng hoặc không thiết ăn uống, chỉ dùng Gia vị Cam cát thang, cho hợp ngâm dần dần không cần phải dùng Ngưu bàng vì sợ tính mát dễ hại tỳ.

Họ Trần nói: Mình nóng dữ, đại tiện rắn chắc, hoặc miệng lưỡi mọc mụn lở, cổ họng sưng đau, đề là độc đậu chưa hết, nên dùng Tứ vị Xạ can Thử niêm tử thang (221) nếu không dùng Thất vị Bạch truật tán (196).

Môi và lưỡi tương thông với ngũ tạng bên trong, cho nên nhiệt độc phá bên trong thì bên ngoài nhất định là miệng bị tổn thương, nếu độc dữ thì miệng lưỡi hoặc tím hoặc trắng, hoặc lưỡi đen hoặc sưng to, đều là chứng thực nhiệt, chữa nên trong cho uống Hoàng liên Giải độc thang (4), gia Thạch cao, Ngưu bàng, Mộc thông, Sinh địa, hoặc Đông viên Lương cách tán.

Nếu đại tiện khô táo, nên dùng Cục phương Lương cách tán (292) hoặc Âm dương tán (295) mà rắc vào.

Chân răng sưng loét thành cam tẩu mã, đây là nhiệt độc của kinh Dương minh công bên trong, giết người rất mau, nên dùng Cam lộ ẩm (296) ngoài dùng lá trà già, rễ họ, sắc đặc dùng rửa, dùng lông cánh chim quét bỏ thịt nát rồi rửa, rửa đến thấy thịt máu tươi, dùng Thần thọ đơn (292) hoặc Đồ nhạn tán (294) ngày bôi ba lần, hoặc Miên kiên tân (135) cũng có thể dùng.

Từ chân răng lở đến trong họng thở, dùng cái ống trúc nhỏ vót nhọn, xúc Miên kiên tán thổi vào, tuy khắp răng, miệng lở loét, thịt rơi, sứt môi, thủng má, đều có thể dùng thuốc này sát vào má khô, nhưng phải là có nước mù màu ngà ngà, đặc quánh mới chữa được, chứ sắc nước mù như khô, thịt lở thối, mỗi ngày lở thêm 1 phần, là bất trị.

Cam răng lở loét, thờ to, nóng dữ, lưỡi trắng đến môi miệng đều thối như thịt nát, ỉa ra máu mù, bụng dạ trường đau, đây là vị hư độc công bên trong khiến cho dạ dày nhùn nát, nếu ở gốc mũi có nổi điểm đỏ là độc cam công vào bên trong, cho nên biểu hiện ở gốc mũi, cũng là chứng nhùn nát dạ dày, đều không chữa được.

XVII - MÁT TIẾNG

Phạm hơi ra ở khí quản của phổi mà thành tiếng, phổi mát thì tiếng trong, phổi nóng thì tiếng khản, bởi vì phế thuộc kim, mà kim loại hễ rỗng thì kêu, chỉ khi phát sốt lên đậu, nhiệt bốc lên hay sinh đờm hoặc do phong hàn làm tắc trở chân lông thở thịt, khắc ra đờm dính đặc trở ngại khí đạo, cho nên tiếng khản đặc. Đây là trạng thái phế kim bị hỏa tà khắc hại.

Phạm khi lên đậu, thấy sắc đỏ tím, sặc mà khản tiếng, đây là khí nóng bùng lên, nhiệt độc tắc lấp, như đậu mà tro trắng không cương, sặc mà khản tiếng, đây là khí huyết hư yếu, phế vị bị tổn thương. Tóm lại, trước bảy ngày phát sặc khản tiếng, là độc khí hun nấu không điều giải được, làm lỗ khiêu của phổi không thông, phế quản bị bế tắc nặng,

độc không lối thoát bên trong mọc mọt, gốc lưỡi lở loét thành hang lỗ, cửa họng vỡ lở, không thở ra hít vào được, biến thành chứng bất trị, bên ngoài đầu ất không sáng trơn, chỉ sau 1 tuần lễ nấu nung sáng trơn mà có như thế, đó là đầu bên trong cũng lớn khiến nên như thế, đầu bên ngoài đồng vậy thời chứng bên trong tự khỏi, bất tất phải lo. Cho nên người chữa bệnh giỏi là hề thấy chứng nhiệt ủng độc thịnh thì cứ dùng Cam cát, Ngưu bàng, Huyền sâm, Kinh giới để thanh khí đạo, không làm cho độc phạm vào đầu thì có thể khỏi lo đó, không làm thế thì nhiệt độc càng lên, hoặc phát làm sưng đau làm mù, ăn uống khó vào, nói năng không được, chết trong nháy mắt.

Dại thế bệnh đẳng họng là ngoại chứng rất nguy phải nên hạ lợi, nhưng có chứng bên trong vốn không có đầu mà do nhiệt độc hun nấu, hoặc do ăn đồ cay nóng mà gây nên, phải kịp dùng Cam cát gia Ngưu bàng, Huyền sâm để chữa.

Nếu nói được những tiếng không thanh, là do hỏa lẫn đẳng phổi, nên dùng loại Thiên hoa phấn, Huyền sâm, Mạch môn để chữa.

Nếu do cảm phong hàn làm bế tắc mà tiếng không thanh thời phải dùng Sâm tô ẩm (54) gia giảm cho uống. Chữa kiến hiệu ngay là tốt, không kiến hiệu là nguy.

Phàm kêu khóc không ra tiếng mà chỉ thấy chảy nước mắt, nói không ra tiếng mà chỉ động đậy cái miệng để làm dấu, đều là chứng do độc khí chạy vào thận mà hư hổng tử bên trong, hoặc tiếng cảm như vỡ, như cứng là cổ họng đã vỡ loét, đều là chứng khó chữa.

Bệnh lên đầu, cần thiết là thanh âm trong trẻo, nếu đột nhiên khản tiếng là dấu hiệu chẳng lành, vì âm thanh tuy phát ra đẳng phổi mà nguyên động lực của nó là gốc ở Đơn điền ⁽¹⁾.

Các bậc tiên triết có nói: Đầu đã mọc mà âm thanh không biến đổi là chỉ bệnh về thể xác, còn nhẹ; đầu chưa mọc mà âm thanh đã biến đổi trước là bệnh về khí; bệnh nặng thì đầu mọc mà tiếng đã mất là thể xác với khí đều bị bệnh. Về chứng tất tiếng như thế này là điều tối kỵ trong bệnh đầu, nhưng cũng có loại tốt loại không tốt cần phân biệt rõ.

Tiên Sư nói: "Nhận thấy bệnh đẳng họng thì không ca nào là không do hỏa độc gây hại, hỏa vô hình đốt cháy rất nhanh, há dễ cho thuốc nhâm nữa hay sao!"

Cho nên xem thấy:

- Mạch thực, hồng, sắc, là thực nhiệt, nên dùng phép chữa thanh lương chữa thẳng vào.

- Mạch hư, tế, sắc, là âm hư, nên mượn thuốc lạnh để tòng trị ⁽²⁾, làm sai một tí sẽ gây hại lớn, há không cần thận ru!

Phong hàn xâm nhập ngoài bì phu, làm tắc lấp lỗ thở (phế khiếu), hoặc ho mà tắt tiếng, đó là ngoại cảm, nên giải tán, dùng Gia giảm Sâm tô ẩm (55) hoặc Lục an tiền (229) gia Bạc hà, Cát cánh, hoặc giải tỏa được phong hàn thì tiếng nói tự có lại không

(1) Đơn điền: Theo đạo gia cho rằng phía dưới rốn ba thôn gọi là Đơn điền, ở nam giới thì đó là nơi chứa tinh, với nữ giới thì đó là chỗ đẻ con. Theo các nhà luyện Khí công thì Đơn điền là danh từ chỉ bộ vị tập trung ý vào đó, có ba bộ vị phía dưới rốn gọi Đơn điền/hạ, chỗ quả tim gọi Đơn điền/trung và chỗ ấn đường giữa hai đầu lông mày gọi là Đơn điền/thượng.

(2) Tòng trị: Xem trang 195

đáng lo.

Hỏa tà nóng hùng lên, phế kim bị khắc lại, khí đạo bị bế tắc mà khản tiếng, nên dùng Đạo xích tán (33) hợp Cam cát thang (155) gia Ngưu bàng sao, hoặc dùng Cam cát thanh kim tán (241).

Do phần dương của thượng tiêu hư, tiếng nói bé nhỏ, nói không ra tiếng, đây là tâm phế bất túc. Tâm huyết, phế chủ khí, nốt đậu lên dày đặc thì khí huyết bị tổn thương cho nên nói không ra tiếng, nên dùng Lục vật tiền (63) gia mạch môn, hoặc Đạo xích tán (33), Thông khí tán (279).

Do phần âm của hạ tiêu hư mà nói không ra tiếng là bệnh ở can thận, bởi vì thận là nguồn gốc phát âm thanh, nếu chứng do can thận mà nốt đậu lên dày đặc thời tính huyết đều bị hao tổn cả, phần nước bị vơi thì phế khí bị cạn cho nên nói không ra tiếng, phải căn từ âm bổ thủy để cứu vào nguồn gốc, dùng Đại bổ nguyên tiền (254), Ngũ phúc âm (59), Thập toàn đại bổ thang (111) chọn dùng.

XVIII - SUYỄN

Suyễn mà thở gấp thì không cần hỏi thời kỳ hay chứng hậu, thấy nó đều là ác chứng, nhưng có chia ra hư thực khác nhau:

- Hư thì hơi ít, huyệt hơi, không có sức.
- Thực thì tiếng thở to, hơi thở to lại hơi dài.

Bởi vì phổi ở vào vị trí cao nhất trong các tạng khí, thích sự trống rỗng mà không chịu sự chướng ngại, nếu tà khí can phạm vào thì phế khiếu nghẹt tắc mà phát suyễn, nhưng có chứng do trung khí bất túc, có chứng do phế khí sắp tuyệt, có chứng do độc đậu chưa ra độc khí bốc lên, có chứng do đờm dãi quyện kết nhau, có chứng bóng phạm phong hàn từ ngoài đến, có chứng do đại tiện bí lâu ngày nghịch bên trong có chứng do sau cơn đi tả nguyên khí hạ hãm hư hỏa lấp bên trên, có chứng do sau cơn nôn mửa dương hư không thể tiếp nạp âm hỏa, hỏa nghịch bốc lên, có chứng do bổ quá, bổ nhầm, hư khí không chỗ dựa... Các nguyên nhân kể trên đều phải phân ra đầu mối mà chữa khác nhau vậy.

Suyễn với thở gấp khác nhau:

Suyễn thì thở to mà nghẹt, nghẹt mà gấp rút, suyễn là do phế tà có dư.

Thở gấp là hơi thở gấp rút mà huyệt hơi, trên dưới không tiếp nối nhau, đó là phế khí vị khí không đủ.

Hai phương diện ấy một đằng thực một đằng hư, khác nhau như băng giá với lửa than, nếu chữa nhầm thì khó thoát chết.

Ỉa chảy không dứt, bụng trướng, buồn bực vật vã đổ mồ hôi như dầu tóc mượt mà lên cơn suyễn là không chữa được, tóm lại phần nhiều do mồm độc hực nóng lên, làm cho bề thận tiêu hao cháy sém hết nước phế khí mất hết chức năng dụ mát lắng xuống, hỏa

sẽ tự bốc lên là gây nên thể phát cơn suyễn khi lên đầu là chứng hiểm ác, nếu chứng ỉa chảy cầm được, chứng suyễn yên thì sống. Có chứng ỉa chảy không ngừng hoặc thêm có chứng trướng đầy hoặc sinh cuồng táo, hoặc độc đầu vào phổi mà miệng sưng vều lên, mắt nhăm), chân lạnh mà suyễn nặng, đều là chứng bất trị.

Do hàn tà ở phổi mà sinh cơn suyễn, đây là chứng ngoại cảm, ắt ho hắng có nhiều đờm, hoặc ngạt mũi, hoặc mình có nóng ít, hoặc ngực sườn khó chịu, chưa nên sơ giải phế tà, dùng Lục an tiền (229) hoặc Nhị trần thang (181) gia Tô điệp, nếu hàn tà làm bí bên ngoài nặng lắm vẫn có thể gia Ma hoàng, Tế tân; kiêm có chứng khí huyết không đủ mà phong hàn ở phế gây thành suyễn, chỉ dùng bào Kim thủy lục quân tiên (233) là hay hơn cả.

Đờm do hỏa động mà gây thành suyễn, phải thanh đờm giáng hỏa làm chủ, nếu đờm dài nghệt lấp bên trên thì phải chữa đờm trước, nên dùng loại Bảo long hoàn (259), Thanh cách tiên (257).

Hỏa bốc lên làm hại phổi, phổi nóng, thủy phổi giương lên, nóng dữ suyễn dữ, nên dùng Nhân sâm Thạch cao thang (199).

Hơi nóng, khát nước, phổi ráo, chất dịch suy mà suyễn, nên dùng Nhân sâm Mạch môn tán (203).

Mùa hè nóng dữ, hỏa phạm vào phổi mà suyễn, nên dùng Trúc điệp Thạch cao thanh của Trọng cảnh (182), hoặc Lục vị Trúc điệp Thạch cao thang (182).

Hỏa phục ở tam tiêu, phế, vị, đại trường đều nóng, hông ngực trướng to, đại tiện bí kết mà suyễn, nên dùng Tiền hồ Chỉ xác thang (30).

Khí hư mà suyễn, người phần nhiều không biết, như bên dưới đi tả mà bên trên suyễn thì nhất định là hư suyễn.

Phàm trẻ con suyễn thở thấy hơi ở chót mũi mà không dài đầy là chứng khí suyễn, đầy thực là chứng khó thở chứ không phải khí suyễn, nếu thấy chứng này phải kíp bổ tỳ, phế, hoặc cứu thận âm, nhẹ thì dùng Sinh khương ẩm (174) hoặc Lục khí tiên (72), nặng lắm thì dùng Lục vị hồi dương ẩm (98).

Dương minh nhiệt thịnh, hỏa tà hun đốt cơ nhục, hoặc thấy mình nóng phiền khát, hoặc đại tiểu tiện nóng sền mà mồ hôi không rút, nên dùng Nhân sâm bạch hử thang (53) gia Hoàng liên.

Bên dưới ỉa chảy, bên trên suyễn thở gấp, kíp dùng Lục vị Hồi dương ẩm hoặc Cửu vị Di công tán (96) mà không phải e ngại.

Đại tiện không lỏng nhưng hoặc nhiều mồ hôi, hoặc bụng trướng, hoặc thấy có đờm ẩm buồn bực vất vả, những chỉ nên lấy âm hư thủy kém, hút hơi tựa thở gấp rút mạnh khí không thần, nên dùng ngay Trình nguyên ẩm (255) gia Sâm, gừng lùi.

Phàm chữa bệnh suyễn thở, dùng các bài thanh tâm giáng hỏa, mà ngày càng nặng thêm thì nhất định đây là chứng hư, phải thay đổi ngay dùng thuốc ôn bổ như các phép trước còn có thể cứu, nếu để chậm thì e cứu không được.

XIX - HO (3 điều)

Bệnh ho sở dĩ làm lụy người bởi chỗ khó chữa khỏi được ngay. Nhưng muốn chữa phổi mà chỉ khái thì càng hại phổi mà ho càng nặng thêm, bởi vì phổi bị bệnh mà thành ho ắt có nguyên nhân làm bức, chữa vào nguyên nhân thời ho tự khỏi, nếu chỉ lo chữa phổi thời khí không chỗ về hoặc là không chỗ tán, phổi càng khổ mà ho càng nhiều.

Như mới lên đầu mà ho là do nốt đậu hòa với quân tướng nhị hỏa xông đốt lên phổi, lá phổi khô héo giương lên, cho nên khí nghịch mà ho, có tiếng không đờm.

Về cách chữa, hễ không đờm thì phải làm cho có đờm, có đờm thì phải làm cho hết đờm, phải biết chữa "khái" khó hơn chữa "thấu". Còn như ho có tiếng như tiếng ếch kêu, như kéo cưa, đờm dài dính tất trong miệng đều là không chữa được.

Như lúc phát sốt, trước có chứng ho hắng, đầu là ho do ngoại cảm phong tà, cho nên phép chữa phải sơ tán phong tà, ho lúc sắp lên đậu, đầu là cái cơ hỏa tà muốn đạt, chữa nên thác đậu. Đã có ho hắng còn tăng hơn là trong cổ họng có đậu, cho nên ngâm ngâm như ngựa, vương vương như mắc xương (hóc) chữa nên lợi yết.

Như mừng mù mà ho, là phế khí suy yếu, chữa nên dùng loại Sâm, Kỳ, Cát cánh, Cam thảo.

Ho sau lúc thu áp, là phế nghịch không thu, chữa nên nhuận phế thanh độc.

Ho sau lúc bong vẩy mà ho nhiều, chữa phải tư phế hóa đờm.

Còn như mình nóng mà ho liên thanh, mũi có dính máu, đây là dư độc ở phổi, chữa phải thanh nhiệt giải độc.

Ho lâu ngày chân âm suy kém, đờm hỏa dính trệ, khí không thăng giáng, đau hai bên sườn, chữa nên dưỡng âm thanh phế, làm cho đờm khí sơ thông mà đau và ho đều khỏi.

Lên đậu đến lúc mừng mù, khắc nhớ đờm dài có dây dù máu mù, cổ họng vương không lợi, ăn uống ít, đây là phế thụ hỏa tà tân dịch không đủ, cho nên nhiều đờm đặc, trong họng, trong lưỡi, răng, còn kèm có đậu vỡ ở trong cổ dây có máu mù. Chữa phải thanh phế hóa đờm lợi yết làm chủ, chờ sau thu áp thì tự nhiên hòa bình, nhất thiết không dùng những thuốc hàn lương.

HẾT QUYỂN MẬU

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LINH

Quyển thứ 39

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU/KỶ

I - SUNG ĐẦU MẶT

Trong cơ thể, các mạch dương đi lên đầu mặt, các mạch âm từ cổ ngực trở về, cho nên đầu mặt thuộc dương mà các nốt đậu cũng thuộc dương vì cùng loại thì nó theo nhau, bởi thế từ khi đậu mọc đến khi thu áp đều lấy đầu mặt làm chủ, vì tính của dương là sinh ra, thăng lên, nổi lên, lớn lên, cho nên nốt đậu mới mọc thì đầu mặt dần dần sưng to, hợp với ý nghĩa thăng lên, sinh ra, nổi lên, lớn lên, không phải lo sợ gì, chỉ cần nốt đậu sáng tỏ, đỏ trơn, sáng khỏe, béo, mượt, thời sau khi làm mủ, độc hòa, kết vẩy là chứng sưng ấy cũng xẹp dần.

Nếu mủ trong nốt đậu thông suốt, mơ hồ kế dính với nhau như cái bánh, chỉ cần đỏ trơn, nhuận mượt, cổ họng thông lợi, ngực bụng khoan khoái, ăn uống bình thường cũng không biến chứng.

Nội kinh nói: "Nhiệt thắng thời sung", đại để nhiệt độc thịnh thì sung, nhiệt độc ít thì không sung, phạm các nốt đậu mọc tất hòa độc bốc ra, tụ ở ba phần dương để sung đầu, phải là sung ít, nếu sung nhiều lại là không tốt.

Nốt đậu tròn, sáng láng, đỏ trơn đấy là đúng chứng, nếu nốt đậu vốn sáng láng là độc khí nhẹ, nông, cho nên khi nó cương thì không sưng tấy, đấy là độc khí nhẹ, là chứng thuận. Có trường hợp đậu mọc dày đặc không phân biệt chân quả đậu, rộp lên thành mảng da đỏ tươi, gốc nốt đậu thành chuỗi mà dính trết, bằng tẹt, sắc đậu màu tro trắng hoặc xanh vàng khô ráo, sưng thành bánh như mặt sắn, hoặc nốt đậu cháy đen không nước mủ, không phân biệt thịt và đậu, thầy đều sung tấy, hoặc có độc phục mà không sung, đều là dấu hiệu xấu.

Có trường hợp đầu mặt sung mà mắt không nhảm, đấy là độc còn nhẹ, ít, nếu mắt nhảm là độc đã sâu, nặng, đậu chín mùi mà hết sung mắt mờ là tốt, chưa mừng mủ mà hết sung, mắt mờ, đấy là đậu hãm không chữa được.

Có trường hợp đậu chưa thấy mọc mà đầu đã sưng trước, da sắc nhuận mượt như quả dưa, quả bầu, nốt đậu chỉ ẩn trong da, thịt, ngày càng sưng mà đậu không mọc, đấy là độc khí xâm phạm đến chỗ đầu não.

Tinh ba của ngũ tạng đều tụ tại đầu mặt mà cung Nô hoàn {(1)} lại là chỗ xuất nhập của nguyên thần, chân khí, khí độc tà xâm phạm đến thời tinh ba ngũ tạng đều tan hết, nguyên thần cũng không còn, sau đó nhất định là đậu tẹt xuống rồi chết.

Đậu mọc 5-6 ngày, có trường hợp mặt mắt sưng bóng lọng trước, đấy là tình trạng âm lấn dương phạm, độc không phát ra, sao vậy? Vì huyết là căn nguyên của khí, khí là tiêu biểu của huyết khí không đủ tức cái căn nguyên đã suy cho nên gây ra tình trạng hư dương tác động phần khí chạy bậy ở chân lông thổ thịt (phần nhục), một tí huyết không đủ ấy lấy gì đủ chịu đựng độc để đưa ra. Sau 7 ngày vòng truyền kinh đã đủ, thời khí lui, độc hãm, âm dương đều mất bình thường, làm sao mà chữa cho được?

Chữa trường hợp nên biết điều hòa khí huyết từ trước, nếu đợi đến tới kỳ thì không khả năng vậy.

Phạm khi có khí dịch độc mà đầu, gáy, mà hàm lượng đều sung, gọi là "Đại đầu ôn" "Hòa đầu phong" với "Hà mô ôn", lúc sơ phát nên chữa theo kiểu chữa dịch khí, dùng

ngay Khương hoạt cứu khổ thang (161) cho uống, hoặc Đại liên kiều ẩm (24) với Phổ tế tiêu độc ẩm (218).

Nếu hàm mà sưng gọi là Hà mô ôn, cũng chữa theo cách chữa dịch khí, dùng Khương hoạt cứu khổ thang (161), Nhưng cũng là lành ít dữ nhiều, tức trong lúc mừng mù đến lúc khô mù bong vẩy cần được hóa xẹp sưng là tốt, nếu lúc sưng trường, tối kỵ ngứa gãi, vì giữa chính diện không nên có toạc vỡ ít nào, nếu có ngứa với thời sẽ như cái thố cái lỗ, không thể cứu, nhất định tà khí làm hại bên trong chân khí tiết ra, bên ngoài sưng xẹp, độc hãm mà chết, chỉ có mụn vỡ lại được mừng, xẹp lại được sưng, đại tiểu tiện điều hòa, ngũ hầu biết dữ trở nên lành, nhưng càng phải dùng Thập toàn đại bổ thang (111) hoặc hợp với Khổ sâm hoàn (288) để giúp vào. Nếu không ăn uống được, nôn mửa là chảy đều phát, hoặc sinh ngứa gãi là nhất định chết.

Dầu mặt sưng húp, đau mắt, đau cổ họng, phải giải độc gấp, dùng Tiêu độc hóa ban thang (219) khứ Thăng ma, hoặc Đại Liên kiều ẩm (25) mà chữa.

II - ĐẦU ẤM CHÂN LẠNH

Dầu là nơi các kinh dương tụ hội, do độc khí nung nấu cho nên ấm. Chân là Thủy, Mộc trong lục kinh, vì ba kinh dương chân là Thái dương Bàng quang (thủy) Dương minh vị (thổ) Thiếu dương Đờm (Mộc) ba kinh âm chân là Thái âm Tỳ (thổ), Thiếu âm Thận (Thủy) và Quyết âm Can (mộc).

Thủy hàn thời thang băng

Thổ hàn thời nức nê,

Mộc hàn thời cành lá khô rụng.

Chân lạnh là dương khí tuyệt, cho nên chân lạnh quá gối là không chữa được, nhưng có trường hợp chân lạnh do hỏa uất bên trên (thượng thực), cứ thanh hỏa bên trên thời hỏa tự giáng xuống mà chân sẽ ấm, chớ nên theo dịch lệ chung như trước đã nói mà không chữa được.

Khi lên đậu, đầu mặt nên mát, chân tay nên ấm, nếu đầu ấm chân tay lạnh là nghịch, khí âm dương đã tuyệt bên dưới, mỗi khi gặp trường hợp như vậy là phải chữa gấp.

III - CHÂN TAY QUYẾT NGHỊCH

Khi lên đậu chân tay ấm áp là quý, còn "quyết" thời càng nặng hơn "nghịch" tức là lạnh giá nghịch thời dương khí suy, quyết thời âm khí dương, như đầu ngón tay hơi lạnh thời dương khí suy.

Về dương khí khởi từ đầu ngón tay, nếu lòng bàn chân lạnh thời âm khí thắng âm mạch xâm lấn dưới chân mà chạy về gan bàn chân nhưng:

- Có tình trạng đen sém, phiền khát khó chịu, khó thở mà quyết nghịch thì đây là tình trạng "nhiệt thâm quyết cũng thâm", hỏa cực độ tựa như thủy dương độc hãm vào trong vậy.

Có nốt đậu màu tro, chột đậu hãm, thổ tả phát ra mà quyết nghịch thì đây là nguyên khí hư, âm dương không tiếp nối nhau, đều là chứng ác.

- Nếu chân tay lạnh mà từng bị thổ tả nhiều, đây là chứng tỳ hư yếu, chân tay đều tiếp nhận khí do vị cung cấp, tỳ vị hư yếu không chu cấp đến kinh vậy.

Nếu khi đậu chưa mọc thì trong thuốc phát biểu nên ghé có thuốc hòa trung, không nên chỉ dùng một thứ phát biểu mà trở lại hai vị khí. Còn như dương khí hư hãm mà uống nước sôi cũng không biết nóng, kíp cho dùng Sâm phụ thang và đắp ủ cho kín dày để cho âm được trở lại, dương được hồi phục mà trở nên yên ổn.

Nếu dương khí hư thoát dữ, chân tay lạnh quá đầu gối là không chữa được.

Trong lúc lên đậu mà móp lạnh (quyết nghịch) là chứng rất nguy, phải kíp chữa ngay, đây phần nhiều là khí độc uất át ở trong mà nguyên dương không vận hành được cả trong lẫn ngoài, bởi vậy gây tình trạng lạnh bên ngoài, dùng Lý trung thanh (59) gia giảm cho uống.

Nhưng có hai chứng âm quyết dương quyết khác nhau:

- Đại tiểu tiện đều bí, buồn bực vật vã, phát cuồng chạy bậy, bụng trướng, suyễn khát là chứng "dương quyết", chữa nên sơ lợi làm cho dương khí được cõi mở.

- Nếu nôn mửa là chảy dương khí muốn thoát là chứng "âm quyết", chữa phải ôn bổ để hồi phục nguyên dương. Đại để "*Bệnh đột ngột thì chẳng bao giờ thuộc âm, bệnh lâu ngày không bao giờ thuộc dương*" bởi vì vấp bị tổn thương thì sinh phong, nôn mửa tổn thương tỳ thời sinh phong, chứng quyết nghịch này phần nhiều là do tỳ không còn dương khí, chân tay không thu nhận được sự chu cấp cho nên lạnh toát (quyết), như trong lúc đậu mọc mà chân tay phát nóng mà còn có mồ hôi đây là nhiệt độc khí uất ở bên trong át đại tiểu tiện không thông mà mạch hồng, hoạt, sắc, chữa nên sơ lợi.

Nếu chân tay quyết nghịch đó là dương khí chưa thoát mà tỳ vị hư yếu, át mửa ít không dứt, mạch trầm tế, vị nhược, phải kíp dùng thuốc ôn, sau khi uống thuốc, chân tay ấm áp thì sống mà móp lạnh (quyết nghịch) là chết.

Đại tiểu tiện bí, buồn bực vật vã, phát cuồng chạy bậy, trướng bụng, thờ rợn mà khát, mạch trầm, hoạt, sắc, nốt đậu không cương, đó là chứng dương quyết hãm phục, chữa phải xổ mạnh cho độc bài xuất ra.

Khi lên đậu, 10 ngón tay hơi lạnh, nên dùng Ngũ quân tử tiễn (184) Lục khí tiễn (72), Lục vật tiễn (63), gia gừng, quế để gây sự ấm áp, để phòng ngừa biến chứng hư hàn.

Khi lên đậu mà ỉa chảy kiết lý, khí hư sinh móp lạnh (quyết nghịch), phải dùng Vị quan tiễn (178), Trần thị Thập nhị vị Di công tán (97).

Khi đậu mới mọc, chân tay bên lạnh, hoặc người bệnh trước đã bị nôn mửa, ỉa chảy, gây tổn thương tỳ vị khí hư thời sinh quyết nghịch, phải dùng Lục khí tiễn, Lục vật tiễn (63) gia nhiều gừng, quế, dùng Nhân sâm Phụ tử Lý âm tiễn (201).

Đậu lúc cương mà chân tay quyết nghịch, đây là dương khí muốn hãm, người bệnh

nhất định là có nôn mửa ỉa chảy mạch trầm tế vị nhược, hoặc phù đại mà hư, phải kịp bổ nguyên dương ngay, nhẹ thì dùng Lục khí tiễn (72) gia Nhục quế, nặng thì Lục vị Hồi dương ẩm (98) hoặc Cửu vị Di công tán (96), sau khi uống, chân tay ấm áp là sống, nếu lạnh toát mãi không dứt là chết.

Độc đậu bên trong nhiều lắm mà quyết, nhất định là có chứng trạng phiền nóng, đại tiện bí, trướng đầy. Nên dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29).

IV - MẮT ĐỨNG TRÒNG (1)

Phụ: 4 điều đau mắt và chăm sóc

Mắt là sử giả của tâm, là nơi thần trú ngụ, nhưng mắt phải nhờ có huyết mới trông được, với nữa các lạc mạch của huyết và tinh khí của ngũ tạng lục phủ đều hướng lên, đổ dồn vào mắt, cho nên khí âm dương hợp đức⁽²⁾ mà làm nên tinh. Độc đậu phát ở tạng phủ, nhiệt độc nặng lắm, hỏa chạy vào khiếu, can thận hư thì mắt phải chịu vậy.

Khi phát sốt xem thần ở hai mắt thấy mỗi không buồn nhướng lên đấy là *đậu*, tròng mắt trong ngần như nước là *sởi*, bởi vì các thứ lỗ đều thuộc tâm cho nên biểu hiện là thấy ở mắt.

Khi đậu mưng mủ, thấy mắt đứng tròng, hoặc sau cơn ra mồ hôi quá nhiều, ỉa chảy tháo dạ, phần nhiều thấy mắt xéch lên, trợn mắt, gọi là Đới nhãn (đứng tròng), đấy là tinh khí do máu mủ mồ hôi làm bao, là chứng Thái dương - Thiếu âm chân âm hao tổn, đại hư vậy. Bởi vì thái dương là vành mắt trên, hể huyết khô thời gân rút, cho nên có hiện tượng mắt xéch lên như thế, phải kịp đại bổ khí huyết dùng Lục vật tiễn (63) Lục khí tiễn (72) hoặc Thập toàn đại bổ thang (111). Ai cho thế là phong nhiệt rồi dùng thuốc giải biểu, phát tán, đều đến chỗ chết vậy. Bằng trước bảy ngày mà thấy chứng này thì phần nhiều không chữa được, hoặc không hẳn mất chí, bất tỉnh nhân sự là không chữa được.

Khi lên đậu, mắt ứa lệ đỏ đau hoặc nhiều dử (ghèn) đầy là can hỏa thịnh, nên thanh giải, dùng Long đởm tả can thang (267) gia vị, hoặc Trừu tân ẩm (280) gia Mộc tặc, Thuyền thoát. Nếu đại tiểu tiện táo bón, gia chút Đại hoàng.

CÁCH BẢO VỆ MẮT: khi lên đậu, dùng Tiền thị Hoàng bá cao (287), ngày đắp ba bốn lần ở trên và dưới mắt phía trước tai, giữa dưới má, có tác dụng bảo vệ mắt, sẽ ít lên đậu.

V - MẮT TRẮNG ĐỒ

Trong con người, hể nguyên khí cùng cố thì tinh huyết nhờ đó mà ngưng tụ, trông

(1) Mắt đứng trong, mắt xéch lên, trợn trắng, lộn thính trái phải, là dịch tử nguyên âm Đới nhãn, có cụ gọi mắt trướng đỏ, không chuyển bệnh ở giai đoạn nguy hiểm.

(2) Âm dương hợp đức...

nhìn nhờ đó mà bình thường. Chứng mất trắng, mờ này hay thấy sau lúc đậu bong vẩy, nguyên khí hư tổn dính huyết khô hao không nhuận dưỡng kinh mạch như vậy không phải như thói quen hay gọi đó là chứng phong. Nếu do sự thất chí, phát ý mà bất tỉnh nhân sự là không chữa được.

Nếu như chỉ thấy mất trắng mờ mà không có chứng khác, nên dùng Thập toàn đại bổ thang (111) mà chữa. Chỉ chứng này có trước bảy ngày là độc còn chưa giải, chân nguyên đã rời rã, khó chữa lắm.

VI - KHẮP MÌNH XANH TÍM

Khi đậu mọc, nhiệt tà bên ngoài bên trong nung nấu phát ra, nếu nhiệt độc đang dà chuyển vận mà đột nhiên bị lạnh cắt ngang thời hàn bên ngoài với nhiệt bên trong đối kháng nhau trong không ra được, ngoài không vào được, khí độc tác nghẽn ở cơ phu, nốt đậu nhô lên hoặc xanh hoặc tím, tục gọi là quý năm thanh chưa nên phát tán hàn tà, làm ấm cơ phu, điều hòa khí cơ, độc khí sẽ được vận hành mà đậu mọc vậy.

*
* *

VII - MẶT XANH LÀ NGHỊCH

Mặt là nơi hội hợp của các mạch dương, sắc mặt trắng kiêm đỏ vàng, đều là do một khí nguyên dương hóa sinh, hướng gì đậu sởi thuộc hỏa cho nên sắc mặt đỏ, đỏ là thuận, ngược là thấy sắc mặt xanh đây là bệnh và sắc không tương ứng, là cái khí âm u thâm đậm héo hắt đó là chứng nghịch, nhưng có do can mộc khắc chế tỳ thổ, có do thổ tả tỳ vị bị thương, có do đậu mọc gặp lạnh kết hợp với nhau, ngưng trệ khắp mình sắc xanh, còn có do mình nóng buồn bực vật vã mà chức sinh phong, vì nhiệt thời sinh phong, hư thời tháo dạ, tùy theo nguyên nhân mà chữa đại để không vượt ngoài tiên thiên dương khí không đủ, hậu thiên tỳ nguyên với kém cho nên tiên lượng là lạnh ít dữ nhiều.

VIII - RÉT RUN, NGHIẾN RĂNG

Lên đậu có chứng rét run, nghiến răng, có kẻ cho rằng do âm hòa nóng dữ gắng quá mà phát run. Quan sát sắc đậu đỏ hay trắng, đại tiểu tiện bí hay lợi, ưa uống hay lạnh, mạch di trì hay sắc, mọc lên khó hay dễ... thời hàn nhiệt thấy rõ vậy. Đại để phát rét run khi đậu mới mọc, phần nhiều là do tán can vị hỏa, vì nhiệt độc không ra hết, nội nhiệt kết hợp với chính khí, gân mạch bị khốn mà run động, là chứng thực nhiệt vậy.

Nếu phát run khi đậu thì phần nhiều do can thận lưỡng hư cho nên có chứng nhiệt, đây là giả nhiệt.

Như nghiến răng mà mặt đỏ, khát nước, đêm đến thì nặng hơn đây là chứng âm

hư, nên dùng Địa hoàng hoàn (230) tùy ý mà uống. Cho nên nói: nghiêng răng khô, còn như sắc nốt đậu cháy đen, bất tỉnh nhân sự, nhảm mắt mê man nói sảng, phát cuồng bứt rứt, mẩn áo sờ giường, nghiêng răng không ngớt, đây là khí huyết đều hết, độc công bên trong vậy.

Lạnh run là khí dương trung hư, dương khí hư thời âm lấn lên, dương không thắng âm cho nên lạnh dữ mà run.

Nghiến răng là khí âm trung hư, âm khí hư thời thận nguyên mệt mỏi, cốt khí cháy khô cho nên nghiêng răng ken kết, tóm lại hư ở phần khí thời không phải âm thịnh dương hư, nếu không dùng nhiều thuốc ôn bổ là không được.

Họ Trần bảo: Nghiến răng là khí huyết khô, cho nên chữa bằng theo chứng nhiệt. Lạnh run, nghiêng mà suyễn thở, nói nhảm, bực dọc, chân lạnh, chẳng phải đảo hãm cũng là đảo áp, không chữa được.

Sách Tâm giám chép: Trước bảy ngày thấy lạnh run là biểu hư, nghiêng răng là nội (lý) hư, sau 7 ngày thấy lạnh run là khí hư lắm, thấy nghiêng răng là huyết hư lắm, khí hư thì dùng bảo nguyên thang (61) gia Nhục quế để làm ấm phần dương, huyết hư dùng Bảo nguyên thang gia Khung Quy để bổ ích phần âm. Cảnh Nhạc dùng Lục khí tiến (72) hoặc Lục vật tiến (63) gia Quế Phụ để chữa đều kiến hiệu liền tay.

Có trường hợp chỉ run hoặc chỉ nghiêng răng cũng chữa như vậy hoặc hợp với Nhị tiên tán (131) mà dùng cũng hay.

Có trường hợp hàn tà ở phần biểu, mình nóng dữ, mạch khẩn sắc, không mồ hôi, vì tà với chính khí giằng giữ nhau mà sinh rét run đây là giống như sốt rét, chỉ tán tà thì chứng rét run sẽ hết, dùng Sài cát quế chi thang (239) mà chữa.

Đậu có màu tro bệnh lở loét, ỉa chảy mà rét run, nghiêng răng, đây là chứng thuần âm vô dương, dùng Cửu vị địa công tán (96), hoặc Trần thị Thập nhị vị Địa công tán (97) cũng được.

Đậu có màu khô tím đen hãm, đại tiểu không thông, buồn bực vật vã, khát nước dữ mà rét run nghiêng răng, đây là chứng thuần dương vô âm, trạng thái hòa cực tựa thủy vậy, nên dùng Song giải tán (22).

Thời gian mừng mù, kết vẩy, thu áp, có màu đỏ tím, sưng tấy đại tiểu tiện bí, phiền khát, thích uống, đây là chứng biểu lý đều có nhiệt, bởi lở đau mà rung lắc, nhin đau mà nghiêng răng, đây không phải là loại rét run nghiêng răng, nên nóng dữ mà đại tiện bí, nên dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29) gia Liên kiều, Mộc thông, Kim ngân.

Gân giật thịt co, tựa như run, do kinh lạc khí vì mụn lở mà hao hút không đủ dinh dưỡng cơ nhục, không chủ trị được gân mạch, cho nên bóp thịt tự nhảy thấp thóp nảy động, vốn không phải chứng rét run, nên dùng Thập toàn đại bổ (111).

IX - MỎI MỆT

Đậu sau thu áp mà mỗi mệt là hiện tượng bí cực thái lai, chỉ nên điều dưỡng chân nguyên khí huyết, nhưng cũng có trường hợp thân khí vốn suy yếu sẵn, còn bị khản

nhật làm khốn, do đó mà tinh thần không thể thư sướng, chớ nên chữa theo cách chữa hư, phải thanh nhiệt ghé bổ khí làm chủ, nêu chỉ bảo nguyên thang (61) thời tà được bổ mà càng thịnh vậy.

X - NẪM MỘNG NÓI LÍU RÍU

Về vệ khí, ban ngày vận hành ở dương phân, ban đêm vận hành ở âm phân, vận hành ở dương phân thời thức, ở âm phân thời ngủ, đó là sự thường. Phàm đậu sởi phát ban sốt bèn mê ngủ đấy là thói thường, chỉ có ngủ thức không đúng lúc là bên trong có nhiệt, nhất định sẽ có biến chứng hãm phục, như nằm úp mặt là có nhiệt ở trong. Tóm lại lên đậu trước như sau mà ngủ được yên giấc là tốt, vì khí huyết cường thịnh, vinh vệ lưu hành, thời tà ra ở biểu mà không ở lý cho nên thần an, thần an thời chí định, cho nên ngủ yên giấc.

Nếu khí huyết suy yếu, vinh vệ sắp trệ (vít chặt) thời tà ở lý mà không ở biểu cho nên nóng trong. Bởi tâm ghét nóng, nóng thờ thần bất an, thần bất an thời chí không định, bởi vậy mà buồn bực vật vã, quấy rút khó chịu, nói càn nhảm mà không ngủ được.

Còn có trường hợp sau trận lên đậu, độc náu ở trong cho nên thần tán khí thoát, nằm ngay đơ như xác chết, gọi không thưa, ăn uống không biết, đấy là chứng chết, không được cho là ngủ yên mà lầm.

Mủ trong đậu là máu huyết trong nhân thể hun bốc mà nên, cho nên nốt đậu đầy đặc mà máu mủ khắp nơi thời tân dịch tiêu hao. Vì tâm chủ huyết, huyết hư thời nhà trống bởi thế tâm huyết mà bực bội không ngủ được, nên dùng Táo nhân thang (170) mà chữa. Nếu tâm hư lắm mà hay ngủ, nằm mơ nói líu ríu như nói chuyện với ai, lời nói phần nhiều quái lạ, gọi không tỉnh dùng An thần hoàn mà chữa (165). Còn như bực dọc, mất thần mất chí nói nhảm nhí không thôi thì đấy là hoại chứng vậy.

Khí đậu sắp mọc mà thốt nhiên ngủ li bì, nhất định là đậu sẽ nặng, nên xét hư thực để chữa phòng trước, nếu sau khi đậu mọc mà hay ngủ là độc khí đã giải nguyên khí sắp khôi phục, cho nên tà lui mà thần an, đấy là dấu hiệu bị cực thái lại, chớ nên uống thuốc chữa nháng, như thấy chỉ là chứng khí hư, chỉ dùng loại Bảo nguyên thang (61) Lục vật tiễn (63) xét hàn nhiệt như thế nào mà tạm dùng để điều hòa, tự nhiên sẽ bình phục, chớ nên làm tiêu hao bậy bạ, tổn thần, làm hại vậy.

XI - NGÀY ĐÊM KÊU KHỐC

Trẻ con lên đậu, ngày đêm kêu khóc, phải phân biệt lý hư thực mà chữa, có trường hợp ở trong chưa ra được hoặc ở ngoài chưa tan được mà kêu khóc, đấy là độc khí chưa giải tỏa được mà gây nên.

Có trường hợp tam thân vốn hư, tà nhiệt lẩn âm mà kêu khóc hoặc cho là thần chí không thu nhiệt, hoặc do phiền nóng không yên, mà gây nên.

Có trường hợp do ăn uống không điều độ, có trường hợp xảy đình trệ mà kêu khóc, đấy là vị khí bất hòa, bụng đau trướng mà gây nên.

Biết rõ từng nhân do phân biệt được dùng, nếu bên trong chưa ra thì giải biểu, thì thác độc, nếu bên ngoài chưa tan thì cho giải tỏa hỏa độc, hòa thịnh thì thanh nhiệt, thần hư thì dưỡng âm, nếu độc đậu vốn ít ỏi mà vô cớ kêu khóc thì phần nhiều là do nội thương ăn uống, hoặc đại tiểu tiện táo kết, trường hợp như thế thì nên khử cái đình trệ, thông cái tắc nghệt, nhằm làm cho biểu lý hòa sương, vinh vệ được thông hành, thời thần hồn an thịnh mà đậu sẽ tốt vậy. Hoặc cho rằng chứng kêu khóc không phải đờm thì là nhiệt mà không xét tận gốc thì rất sai vậy.

XII - NÓI CÀN NÓI NHẢM

(Thiền vọng)

Đều là do tà khí đang thịnh, chính khí hư yếu, thần chí trong sáng mà gây nên.

Nói là tiếng của tâm, hễ tâm nhiệt thì nói nhiều, cho nên trong giấc ngủ mà nói làm nhảm là có nhiệt ít, thức mà nói bậy bạ là nhiệt nhiều lắm, có trường hợp do vị nhiệt, đại tiện rắn, có trường hợp độc đậu chưa xuất hiện, có trường hợp do tâm tỳ có nhiệt, đậu nứt chảy máu, ỉa ra máu, chảy máu cam, nhưng khi nghe thấy bậy bạ như thấy quỷ là rất nguy hiểm, vì độc công lên, tâm chí hỗn loạn, thần chí mất hết chỉ còn cái xác đó thôi. Kinh nói: áo chăn không thu vén lại, nói năng không kiêng nể kẻ thân người sơ là thần minh đã loạn, cho nên không chữa được. Lại phải xét coi phát ở tạng nào, như:

- Mất trực thị, tay lờn cổ áo, hoặc bất chuẩn chuẩn, là bệnh phát ở can, đấy là mất hồn rời.

- Mất trợn trông, nghiêng răng, kêu khóc, kinh sợ hồi hợp hoặc không nói được, đấy là bệnh phát tâm, đấy là mất thần.

- Như bực dọc, thở gấp, tay cấu mày mặt, mắt mũi, là bệnh phát ở phế, đấy là phách đã mất rời.

- Khó ngủ, chân tay co quắp luôn, không thiết ăn uống là bệnh phát ở tỳ, đấy là mất ý.

- Mất không tinh quang, mình co lại tụt xuống dưới là bệnh phát ở thận đấy là mất chí.

Nhưng do tâm nhiệt thời tựa ngủ mà không ngủ, nói làm nhảm, làm thảm, do vị nhiệt thời đại tiện rắn, bón, bụng đau không chừng đối, do can nhiệt thời hay nổi giận bất bình hoảng hốt không định, do thận nhiệt thời sợ sệt thấy quỷ, thần chí đều mất hết, ban ngày mà nói nhảm bậy nhiều là dương hư, ban đêm là âm hư, nhưng thể hiện khí mới phát sốt là hỏa uất, hễ đậu mọc hết, thể hiện khi mừng mù thì đau dữ, nhưng hễ khí mừng mù đầy đủ thì hết. Nếu chỉ nói bậy bạ lung tung mà không kèm có chứng khác thì dùng phép chữa đậu làm chủ.

Nếu có kèm chứng khác lại phải tùy chứng ấy để xét mà chữa.

Lại có, nốt đậu vốn đầy đặc, cho nên sau khi đậu cương, đậu mừng mù xong, tình

huyết hao hốt bên trong không hàm dưỡng được thần, bỗng thấy thâm mờ tối, nói nhảm nhí thời chữa bằng phép dưỡng huyết an thần. Chữa như vậy mà hết ngày là tốt, không hết là chết.

XIII - BUỒN BỰC VẬT VÃ (phiền táo)

Lên đầu lấy sự yên tĩnh làm tốt, nếu bỗng thấy buồn bực vật vã, hay khóc lóc, cần xét rõ nguyên do, nếu có chứng nghịch nào khác mà bỗng ở chung như thế, nhất định là do nốt đầu có đau mà ra, chỉ chờ mừng mù xong thời đau hết, chứng buồn bực vật vã ấy cũng hết không cần chữa.

Hoặc có do ăn uống không điều độ, ẩm lạnh không thích nghi xảy có nguyên do mà gây nên thế, chỉ cần tùy chứng mà điều trị thì sẽ khỏi ngay.

Phạm tất cháy các thứ bệnh đều cần được an thần chí thanh sáng là tốt nhất, hai chứng buồn bực vật vã tuy như nhẹ, kỳ thực đó là cơ chế tinh thần hao kiệt, đều là hiện tượng không nên có ở bệnh đầu sởi, nhưng tổng hợp mà nói, buồn bực (phiền), vật vã (táo) đều là chứng nhiệt, phân tách mà nói triệu chứng buồn bực thuộc dương là hiện tượng nhiệt còn nhẹ, triệu chứng vật vã thuộc âm là hiện tượng nhiệt đã nặng lắm, cho nên nói hòa nhập vào phế thời sinh buồn bực (phiền), hòa nhập vào thận thời sinh vật vã (táo), tóm lại đều do tâm hỏa gây nên, vì do hỏa vượng thời kim cháy sém, thủy vơi cạn, phế ỉa lỏng nhưng nên xét nó thể hiện ở lúc nào? như mới phát sốt mà buồn bực là hỏa độc uất bên trong, đầu đã mọc mà còn buồn bực là chân âm vơi kém, hay hoa tay múa chân tung chân ném áo là nhiệt chỉ ở phần biểu, tinh thần hôn mê điên đảo đấy là nhiệt nặng ở phần lý. Mưa ỉa không ăn được mà buồn bực vật vã là chính khí hư, tân dịch khô, miệng khát, bần thần da dợt (hư phiền) không nằm yên là tân dịch không đủ. Cả tuần không đi đông được mà buồn bực vật vã đấy là chứng thực ở lý, có phân táo.

Ban ngày thì buồn bực vật vã, tối đến thì yên tĩnh, đấy là do phần dương thịnh cả ngày, đêm đến dương lui mà yên tĩnh, đấy là dương tà thịnh ở phần dương vậy. Nên dùng thuốc ở khí phạm như Nhâm sâm Bạch hổ thang (53) hoặc gia Chi tử.

Ban ngày thì yên tĩnh, cứ tối đến thì buồn bực vật vã, đấy là dương bị hãm vào âm, đêm đến âm khí thịnh, âm dương tranh nhau mà sinh buồn bực vật vã, chữa dùng thuốc chữa huyết phạm như Tam âm tiền (225), có hỏa tà gia Chi tử, đi đông ra phân đen, mặt vàng, cuồng quấy, buồn bực vật vã, suyễn khát, trướng bụng hoặc đau là có ứ máu ở trong, nặng thì dùng Đào nhân thừa khí thang (157) để chữa. Đến như chứng ỉa mưa mớp lạnh, thờ gấp mà buồn bực vật vã, mê mẩn không biết người, nghe thấy bầy bọ, nói năng lung tung cuồng loạn mà buồn bực vật vã như thế gọi là chứng muộn loạn (bực dục) đều là chứng không chữa được.

Chứng bực vật vã (phiền táo) mà hay khóc với chứng bực dục không ngủ được, nói mê, phát cuồng, phát kinh, đều là chứng trạng thông thường của người có bệnh đầu. Kinh nói: Các chứng lở ngứa, đều thuộc tâm hỏa. Vì do nhiệt độc uất ở tâm mà không tiết ra ngoài, chữa phải phát đầu mạnh, đầu ra được mà kiêm có giải độc lương huyết, như nóng

dữ mà muốn phát kinh giặt chữa phải lợi tiểu tiện để dẫn.

Sau lúc mừng mù mà buồn bực vật vã, nếu không do dư độc thì cũng do âm hư, chữa trị không vượt ngoài hai phép giải độc và tư âm mà thôi.

Lên đậu trước như sau quý hồ yên tĩnh, nhưng nguyên nhân sinh ra chứng buồn bực vật vã trước và sau cũng khác nhau lắm như lúc đầu mà có chứng này là do nhiệt độc hun đốt, công kích từ trong mà gây nên, trường hợp như vậy, cứ hễ đậu mọc được, sốt lui, thì buồn bực vật vã cũng tự khỏi. Như đang lúc đậu cương, đậu mừng mù, mình phát sốt mà có chứng buồn bực vật vã, đó là do nó mừng mù mà sinh ra, nhất định là hễ mừng mù đã đủ, đậu đã dứt, sốt đã lui thì hết chứng buồn bực vật vã liền tay. Còn như sau khi mừng mù rồi, độc đáng lý giải hết, tạng phủ hóa bình, tinh thần sáng khoái, càng phải được yên tĩnh, nếu đột nhiên xuất hiện chứng buồn bực vật vã, không ngủ được, thì phải theo đậu mà biện chứng:

- Nếu như nước mù sắc trong nhạt chưa đầy đủ, đây là độc còn ở lý chưa ra được, chữa phải thác lý, giúp cho mù.

- Như mù no đầy, bỗng do phát sốt nước mù khô sinh buồn bực vật vã, đây là vết đốt mà muốn thành chứng thực, cũng là chứng ứng hợp, chữa nên thanh nhiệt tư âm.

- Như đậu mọc đầy đặc, đây là tâm huyết vơi kém do đậu sau khi làm mù, cho nên khiến bản thân không thể ngủ được, đây là âm không liễm được dương, chữa nên thanh tâm bổ huyết. Nhưng chứng này tựa như nhẹ mà thật là nặng, dầu uống thuốc mà lâu ngày không khỏi thời hại kinh tâm và tỷ đều tổn thương do nhiệt độc, hễ phiên thời nhất định là khát, khát thì nhất định đi tả, tả thời nhất định có nghiêng răng, rét run mà thành cái họa ngựa tet công bên trong sẽ đến liền tay vậy.

- Lên đậu, buồn bực vật vã mà ghé có suyễn là trong phế có hỏa độc, chữa nên dùng Nhân sâm Bạch hổ thang (53) gia Chi tử.

- Lên đậu, buồn bực vật vã mà hay kinh sợ là hỏa ở tâm, chữa dùng Đào xích tán (33) gia Chi tử, Mạch môn, hoặc dùng Thất vị An thần hoàn (36).

- Độc đậu chưa thấu suốt nhiệt máu ở bên trong mà sinh buồn bực vật vã, chữa dùng Lục vị Tiêu độc ẩm (99) hoặc ghè dùng Vân thị Đoạt mệnh đơn (11).

- Trong nóng dữ mà phiền khát nóng ráo, chữa dùng Đào xích tán (33) Hoặc Huyền sâm Địa hoàng thang (195) gia Mộc thông, Mạch môn hoặc Vân thị Ngưu hoàng thanh tâm hoàn (35) hoặc Tứ vị tiêu độc ẩm (100).

- Độc tả chưa giải, bên trong nóng dữ mà buồn bực vật vã, chữa dùng Thoái hỏa đơn (68) hoặc Vân thị Nghêu hoàn thanh tâm hoàn (35) hoặc Lương phương Tế giác địa hoàng thang (26).

- Âm hư giả nhiệt ỉa chảy mà buồn bực vật vã, đó là can thận thủy suy, nhẹ thì dùng ngũ âm tiền (226), nặng thì dùng Cửu vị Di công tán (96) hoặc Trần thị Thập nhị vị Di công tán (97).

- Đậu mọc đầy, mừng mù, dinh huyết suy hao, tâm phiền không ngủ, chữa dùng Tam vật tiền (225) gia Mạch môn, có ít hỏa thì dùng Táo nhân thang (170).

- Đại tiện táo bón khó đi mà buồn bực vật vã, bụng trướng chữa dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29) hoặc Đương quy hoàn (105) nặng thì dùng Thừa khí thang (103),

nếu đại tiện táo bón, đầu hăm phọc bên trong mà buồn bực vật vã, dùng bách tường hoàn (12) hoặc Thừa khí thang (103).

XIV - KINH GIẬT

Lên đậu, trong giai đoạn phát sốt chính là lúc tâm hỏa quấy động, tối kỵ tiếng khuỷa động, gây kinh sợ, và nghe những tiếng đột ngột nếu không giữ gìn được thì đều có thể phát kinh giật, với lúc đang mừng mủ nguyên khí bốc lên đỉnh âm hao tán, càng cần được yên tĩnh, không thời thần không giữ được ở tâm, huyết không lưu hành theo kinh, nhẹ thì mủ đình lại, nặng sẽ thành hoại chứng, đến như sau khi thu áp hư lấm, phát kinh khó khỏi càng phải cẩn thận hơn.

Nếu có người nói lên đậu phát kinh là tốt, rằng đậu phát ra từ tâm cho nên hồi hộp kinh giật, đều là thể hiện chứng Thiệu dương từ trong đạt ra ngoài vậy, há đem chuyện kinh sợ bại tâm khí từ ngoài vào để gọi ngược lại là tốt hay sao? Nếu phát sốt 2-3 ngày, đậu muốn mọc mà không mọc đều do độc khí ở trong không giải tỏa mà gây nên, phải quan hình sắc sác, xét âm thanh, hồi chứng trạng, lại thăm xét bộ mạch để mà phân biệt, như sắc đậu đỏ tím, mặt đỏ môi tím, tiếng trong, thở to, chân tay nóng, mạch hồng sác, đây là độc khí nghệt tác.

Như hình và sắc như trên mà có các chứng nghệt mũi, sổ mũi, tiếng nặng, mạch đi phù sác, đây là độc khí thịnh còn bị phong hàn bế lại, như bóng đậu nhọt nhọt ở dưới da không thấy đỏ trơn môi nhợt, mặt xanh mét, mạch lại hoãn, đây là khí huyết hư không tổng nổi độc ra phải phân biệt, đừng cho rằng đậu có kinh giật thuận, rồi đến nói rằng không phải chữa.

Thở tả có nhiệt, không nên dùng thuốc khô ráo.

Thương hàn mình nóng, không nên cho dùng thuốc mát.

Đậu sởi co giật, chớ nên dùng thuốc chữa co giật.

Tuy Nội kinh nói các chứng phong đầu lác mắt hoa đều thuộc can mộc, nhưng nguồn gốc chứng giật trong bệnh đậu tuy có 4 tạng mà do tâm là trên hết, hỏa nhiệt thịnh thời phế kim bị khắc, không ức chế được can mộc cho nên nhiệt thời sinh phong, phong và hỏa va chạm nhau mà thân khí chẳng an cho nên phát ra chứng kinh giật, nhưng lấy gì để phân biệt cơn giật của bệnh đậu.

Về chứng giật do đậu phát ra ấy nhất định là miệng không có dờm, không sợ gió mà sợ nóng, kèm có các chứng đau bụng, mắt trệt, tim hồi hộp, buồn bực vật vã, nôn mửa, môi má đều đỏ, khát nước tay lạnh, chân lạnh, mạch sác, lưỡi trắng, bởi vì đậu khi nó chưa mọc thì hỏa bốc lên, thân vì đó mà chẳng yên không tự chủ được bèn bỗng nhiên kinh giật, mắt trợn, miệng mất méo xếch, chân tay co quắp, kêu rú lên, bóng lạnh toát, lúc phát lúc thôi, có trạng thái kinh phong, đây là dấu hiệu đậu muốn mọc ra, về chứng phần nhiều do phong nhiệt bởi tâm chủ hỏa mà ghé có nhiệt, can chủ phong mà hay động kinh, hỏa của đậu bên trong sinh ở tâm, tâm di nhiệt sang can, phong và hỏa va chạm nhau cho nên phát kinh giật, khi gặp các chứng kể trên, nhất thiết không được dùng

nhàng những thuốc trấn kinh, mát tim, không thì hễ một khi tâm mát thì đậu không từ đâu để mọc ra vậy, dùng nhiều thuốc hàn lương quá thì khí liễm vào rêu độc bị hãm lại, đậu mọc sẽ không thấu suốt cho nên phép chữa phải chuyển lấy việc phát đậu làm chủ, gia chút ít thuốc lợi thủy bình can làm cốt yếu, hễ can bình được thì phong cũng được dẹp tắt, thủy lợi được thì tâm cũng sẽ thanh, phong hỏa đã yên thì đậu sẽ mọc ra, chứng kinh giât sẽ tự hết.

Trước khi đậu chưa mọc mà phát kinh giât phần nhiều là tốt, sau khi đậu đã mọc mà lại thấy kinh giât phần nhiều là không tốt, bởi vì độc đậu sắp tan mà các khiếu đều mở toang ra hết do đó dẫn đến tình trạng teo co. Nếu được cái khí tán đạt sơ giải, đậu mọc ra rồi chứng kinh tự hết, độc không đọng lại bên trong, trường hợp ấy có thể thấy tục thường gọi chứng kinh trong đậu, rất là tốt vậy. Nếu khi đậu đã mọc thời hòa phục ở trong cũng nên giải tán. Nếu vẫn thấy kinh giât là độc bên ngoài đã ra mà độc đậu bên trong còn chưa hết, đấy là độc thịnh không lường được rất đáng sợ vậy. Cho nên phát kinh giât lúc phát lúc thôi là tốt, nếu phát mãi không thôi là độc phục trong tim gan, phải mau mau tùy chứng mà chữa, không được nhận làm cho là tốt.

Nếu đậu đã thấy mọc có chứng thế ấy cũng là tình trạng nhiệt độc chưa giải, chữa phải sơ thông huyết mạch, làm cho bài tiết hết độc ra ngoài rồi kinh giât sẽ tự khỏi.

Nếu không được chữa đúng, để kinh giât lây lất lâu ngày không khỏi, bên trong hư, độc ẩn phục biến thành hoại chứng, cần yếu là xét mặt khí hư huyết hư đều điều lý, huyết hư thì hòa huyết, khí hư thì bổ trung, mượn gừng quế làm thuốc cổ vũ giúp vào thời khí huyết đủ sức, tự có thể xua đuổi độc ra ngoài, nếu cứ khu khu dùng thuốc độc để công kích thời sức của thuốc không được trung khí vận dụng, rồi cũng sắp vận hành mà dừng lại, muốn phát tiết ra ngoài mà cố vào vậy. Nhưng về phép chữa tại sao mà cứ chuyên vào tỳ thổ? Bởi vì tỳ thổ hư yếu không chịu nổi sự khác chế của can mộc, đấy không phải là gốc bệnh ở can mộc, ví như đất mỏng mà bên trong có cây to thì không chịu đựng nổi, cho nên không có phong (gió) mà tự động vun trồng thì phải đắp đê, khiến rễ bám cho sâu gốc cho vững thời không sợ gió (phong) làm hại vậy.

Nhưng có tình trạng tỳ thổ thực, hòa vượng lắm mà lẫn ngược lại (tương thừa) có chứng can kinh huyết hư bởi thế hòa động sinh phong, đều nên dưỡng huyết thì phong tự khỏi.

Còn như vị yếu gây nên ăn uống không tiêu, đi ngoài ra phân chua khắm, chạt lỏng không đều, sốt cơn qua lại, đau bụng ỉa mửa, mặt vàng, phát chứng co giât gọi là chứng "thực quyết", ỉa lỏng thì chữa theo phép tiêu đạo, phân chạt thì cho xổ nhẹ, còn như kinh giât mà thể hiện sau khi lên đậu là ác chứng vậy, vì sau lúc đậu thu áp nhiệt độc phân giải, các bệnh tự tan, ngược lại nếu phát ra chứng kinh giât là tâm khí đã tuyệt, thần không còn chỗ dựa, phần nhiều không chữa được.

Về phép chữa kinh giât, phải xét hư thực, châm chước nặng nhẹ, nếu có phong nhiệt thực tà mới nên thanh hỏa giải độc, nhưng khi bốc hơi được thoải mái thì phải chuyển sang bồi dưỡng tâm tỳ, đề phòng cái họa hoạn hư hồng, nếu chỉ thấy tà ít thì cần nên điều hòa khí huyết làm chủ.

Trường hợp tâm kinh có nhiệt dây dưa không giải, nhiệt cực độ thì sinh phong bên có chứng kinh giât này, nhưng kinh giât khi đậu chưa mọc là nhiệt tại nốt đậu chứ không

phải tại tâm, đây là chứng nhẹ, kinh giạt khi đậu đã mọc là nguy vì nhiệt ấy là tại tâm chứ không tại nốt đậu, cho nên nói: "trước phát kinh giạt sau lên đậu là sống, trước lên đậu sau phát kinh giạt là chết.

Về phép chữa, nếu như trước phát kinh giạt sau lên đậu thì dùng Thăng ma thang (158) để tuyên phát cho đậu mọc ra, rồi chứng kinh giạt sẽ hết, kinh giạt nặng lắm tuy Toàn yết, Thăng ma cũng phải dùng; đậu đã thấy mọc mà kinh giạt không hết, dùng Ngũ linh tán (145) để dẫn tâm hòa thời kinh giạt tự hết, không làm thế thời nóng dữ lắm, thế của đậu ắt khô, nước mủ không lại, khó lòng thu áp. Còn như đậu chưa mọc mà co giạt là nhiệt độc uất ở trong, đậu đã mọc ra đỏ no đầy mà co giạt mà nhiệt độc gây ra đau, khi mưng mủ mà co giạt là khí huyết hư; sau thu áp mà co giạt là khí huyết càng hư nặng; mất giạt hoặc trực thị mà co giạt là phong hỏa kết hợp nhau, khô miệng chảy nước dãi mà co giạt là trạng thái mọc đến khác chế thổ; mặt đỏ, nước mắt đóng ghèn mà co giạt là can huyết hư sinh phong: uốn ra xương sống uốn ván là tình trạng thủy không sinh mộc... đều là bệnh khí huyết phát sinh từ trong, nhất thiết không được làm đúng phong được.

Hơi của đậu tác nghẹt ở trong không phát ra ngoài mà kinh giạt cuồng loạn vật vã, dùng Thanh giải tán (213) để chữa. Nếu độc bên trong vốn thịnh, bên ngoài hàn tà bó lại không tiết ra được mà dinh co giạt, cuồng loạn vật vã, dùng Tô giải tán (214) mà chữa.

Nếu do khí huyết hư yếu, không dồn đẩy độc ra mà kinh giạt, cuồng loạn vật vã, dùng Ôn trung ích khí thang (211) để đẩy độc ra.

Chứng kinh giạt phần nhiều do phong và nhiệt va chạm nhau cho nên cách chữa là phải bình can lợi tiểu, vì bình can thì phong hết, lợi tiểu thì nhiệt trừ, phong đã bình, nhiệt đã lợi thì bệnh tự khỏi thôi, nếu quá dùng thuốc hàn lương thì khí liễm vào mà lại hãm phục, đậu mọc ra không thấu suốt, phần nhiều không cứu được.

Do tâm lý dương hư lạnh, thần sẽ khiếp, dễ bị kinh giạt, nên dùng Lục khí tiễn (72) gia Chu sa, Táo nhân để chữa.

Do tâm tỳ huyết hư mà kinh giạt, dùng Thất phúc ẩm (227) hoặc Tiền thị Dưỡng tâm thang (247) mà chữa.

Do can đờm khí hư, hay sợ sệt mà kinh giạt, dùng Phục thần thang (245) mà chữa.

Do tâm huyết hư, trong giấc ngủ mà kinh giạt, hoặc ghé có ít đờm, dùng Bí chỉ an thần hoàn (250) mà chữa.

Tâm hư hỏa thịnh hay buồn bực vật vã, mà kinh giạt, dùng Ninh thần thang (249) Táo nhân thang (170), đậu đã mọc, sắc đỏ tím mà khát nước khó chịu sinh kinh giạt, dùng Lương phương Tê giác địa hoàng hoàn (26).

Phiền nóng dữ mà đại tiện khô sít, phần nhiều là do dương minh hỏa, dùng Nhân sâm Thạch cao thang (199) gia Chu sa.

Tâm hư hỏa thịnh quá mà phiền nóng kinh giạt, dùng Chu sa an thần hoàn (251), hoặc Thất vị an thần hoàn (36).

Tâm hỏa thịnh tiểu tiện không lợi mà kinh giạt, dùng Đạo xích tán (33) gia Hoàng liên, Chu sa, hoặc hợp dụng với Chu sa ích nguyên tán (34).

Dờm sôi chận nghệt, thở gấp, tức ngực mà kinh giật, dùng Bảo long hoàn (259) hoặc Thanh cách tiễn (257), hoặc Mai hoa ẩm (260), Hổ phách tán (261). Đây là cách dùng tạm để mở lối cho dờm ra, nhưng khi dờm khí được chút thanh thân thời phải chăm chú theo tình trạng hư thực để điều lý khí huyết.

Phong hàn ngoại cảm mình nóng không mồ hôi, chỉ có biểu tà không có triệu chứng hư nào khác mà kinh giật, dùng Bại độc tán (304) hoặc Tô cát thang (20), hàn tà làm bí lại, nên dùng Hồng miên tán (264). Nhưng đây đều là những bài phát tán giải biểu, nếu bệnh có kèm chứng hư tà thì không nên đơn thuần dùng loại thuốc ấy.

Can dờm thực nhiệt, đại tiện táo bón, mà buồn bực vật vã, kinh giật, dùng tá thanh hoàn (262) hoặc Thất vị Long dờm tá can thang (266).

Huyết nhiệt chảy máu cam mà kinh giật, nên dùng Tê giác Địa hoàng thang của Cục phương (308). Nếu nóng dữ, dùng Lương phương Tê giác địa hoàng thang (315).

Ngoại cảm phong hàn, tâm tý dương hư mà nóng ít không lui hoặc ho sợ lạnh mà kinh giật, dùng Tinh tinh tán (70).

Nếu dương hư, mồ hôi không ra được, mình nóng không lui mà kinh giật, dùng Sài quy ẩm (21).

Ngoài có phong tà, trong có nhiệt tà, biểu lý đều nóng mà kinh giật, dùng Sinh tề tán (236).

XV - ĐỔ MỒ HÔI

Phụ: Tự đổ mồ hôi, Đổ mồ hôi trộm (3 điều)

Mồ hôi là chất dịch của tâm, bên trong do nhiệt khí hun bốc, chân lông thở thịt mở ra, cho nên chất dịch ấy theo khí mà tiết ra, tuy có chia ra tự hãn, đạo hãn khác nhau, tóm lại đều chớp thể làm hư người, những khi chưa mừng mù mà ra mồ hôi thời không có thể làm mù, mừng mù mà đổ mồ hôi thời không thể thu áp, thu áp mà đổ mồ hôi thì nhất định huyết thoát, dương hư, biến thành các chứng khác, cho nên kíp phải điều lý. Nhưng có khác nhau ở chỗ nặng với không nặng, ông Đơn Khê cho rằng: chứng tự hãn không hại gì, vì đó là do thấp nhiệt hun bốc mà nên, đây là nói khi chưa nặng, chưa nặng thì chẳng những không hại, đây cũng là chứng tốt trong bệnh đậu, nặng hơn thì đó là sự tẩu tiết của khí huyết, cho nên kíp phải dùng loại Sâm Kỳ, trong gia Phù Tiểu mạch đã thu liễm, có nhiệt thì lại gia Tửu Cầm. Nếu mồ hôi trộm thì dùng loại Cầm, Liên, Quy, Kỳ, Bạch thực, Sinh địa; như mình lạnh sợ lạnh mà lại đổ mồ hôi, phải mau mau cho uống loại Sâm, Phụ, Quế, Linh Cam thảo, Hoàng kỳ... như lạnh mà không hết, đổ mồ hôi ướt tóc, suyễn thở không dứt, mồ hôi đọng như giọt châu, đổ mồ hôi mà mê mẩn, đổ mồ hôi mà phiền khát, phế tuyệt mà đổ mồ hôi như dầu, đều là chứng bất trị.

Đổ mồ hôi không nguyên nhân gọi là *tự hãn*, đổ mồ hôi trong lúc ngủ gọi là *đạo hãn*, từ eo lưng trở lên phiền nóng mà nhiều mồ hôi gọi là *uy thực hãn*, nếu nóng nhiều mồ hôi, ra được mồ hôi thì nóng hết gọi là *tà nhiệt hãn*, như chảy mồ hôi không ngừng mà nóng lại dừ gọi là *Dương hư hãn*, nhưng ở bệnh đậu lấy việc đổ mồ hôi là tốt, khi

mới lên đầu mà có chút ít mồ hôi thời âm dương điều hòa, vinh vệ thông sướng, tà khí không đọng lại, dễ giải tỏa vậy, khi đầu làm mù mà có chút ít mồ hôi, đấy cũng là dấu hiệu khí huyết sung túc, nhưng cũng có trường hợp do giải biểu nhiều quá tẩu lý hư mà đổ nhiều mồ hôi, có trường hợp do tâm nhiệt mà khi ngủ ra nhiều mồ hôi, có trường hợp 6 kinh dương hư mà đầu thóp hoặc cổ ra nhiều mồ hôi, không quá khỏi ngực, có trường hợp do vỹ hư mà ra nhiều mồ hôi ở khoảng cổ, ngực, rốn, có trường hợp do can mộc khinh nhơn thổ mà đổ mồ hôi không nguyên nhân phát giật, chảy dãi, có trường hợp do vị thực mà đổ mồ hôi chân tay, mặt đỏ, khát nước có khi do bong vẩy biểu hư nhiều mồ hôi, hãy tùy nguyên nhân bệnh mà chữa.

Tóm lại, mồ hôi là huyết hóa ra, là âm khí không thể tàng trữ bên trong nữa. Nếu do dương hư mà tự hãn thì đại bộ phận khí để liễm rút nó vào, nếu do ngũ mà đổ mồ hôi phải dùng thuốc bổ huyết làm chủ ghé có thuốc bổ khí, nếu trong dịch huyết có phục nhiệt ẩn dịch chảy tràn ra mồ hôi thì trong thuốc bổ dương phải ghé có thuốc lương huyết.

Đổ mồ hôi sau khi đầu đã mọc là cơ nhục hư, vệ khí yếu, vinh huyết nóng, chữa nên thanh tâm điều nguyên làm chủ, đổ mồ hôi trộm thời thiên về mặt dưỡng âm, tự đổ mồ hôi phải chuyển về bổ dương đấy là những phép chữa.

Nếu khắp người đầm mồ hôi như nước mà tóc ướt, hoặc đổ mồ hôi như hột là chứng vong dương, chữa vô ích.

Đổ mồ hôi trong đầu sôi là do hòa trong âm, từ lý (trong) ra biểu (ngoài) đạt ra vệ khí, cho nên da dẻ nhờ đó mà ấm, tẩu lý nhờ đó mà sơ thông, tân dịch lưu hành được cũng nhờ đó, cho nên bệnh đầu sôi mà ra được nhiều mồ hôi, người thường nhuần thấm, thật là chứng tốt. Đấy là dấu hiệu khí âm dương điều hòa, huyết mạch thông sướng bởi vì nhiệt sẽ theo mồ hôi mang giảm, độc sẽ theo mồ hôi mà tan, không đọng lại được thời dễ mọc dễ giải, tuy thấy nóng dữ mà sau khi ra được mồ hôi thì người thấy mát mẻ, đấy là độc tiêu tan không cần chữa. Nhưng chỉ làm cho ra ít mồ hôi mà chớ nên cho ra nhiều quá, nếu mồ hôi ra nhiều quá thì dương khí tiết lậu ra, vệ khí yếu, e khó làm mù, khó thu áp, hoặc ngứa tẹt, lạnh run. Trường hợp như vậy là phải cố biểu, phải liễm rút mồ hôi.

Lại có trường hợp ra mồ hôi không ngừng, nóng lại dữ, đấy là tà nhiệt ở phần biểu, âm bị dương quấy rút, phải mau mau thanh hỏa giải độc, dương tà thoái lui thì mồ hôi ra như đầu tóc ướt như gội mà phát suyển không thôi, đấy là chứng phế thoát không chữa được.

Không có nhiệt tà nào khác, chỉ do vệ khí hư, cơ biểu không củng cố mà đổ nhiều mồ hôi, nên dùng Điều nguyên thang (61) bội gia Khương hoàng, hoặc dùng Bạch truật tán (160). Tỳ hư bên trong, vệ hư bên ngoài, cơ nhục không được sư chu cấp của tỳ (tỳ chủ cơ nhục), không có chứng nào khác mà đổ mồ hôi không liễm được, nên dùng Nhân sâm kiến trung thang (204).

Tâm khí hư, thần khiếp, hay kinh giật mà đổ mồ hôi không củng cố, dùng Đoàn sâm tán (207).

Hoặc mưa hoặc ỉa, khí thoát bên trong, dương thoát bên ngoài mà đổ mồ hôi không thu liễm được, dùng Ngũ phúc ẩm (95), gia Bào khương, Táo nhân. Thậm chí chân tay móp lạnh hoặc ứa ỏi không ngừng mà đổ mồ hôi không liễm được, dùng mau sâm lý âm

tiền (205) hoặc Lục vị Hồi dương ẩm (98), nếu để dây dưa e không cứu nổi.

Hỏa thịnh ở phạm âm, hoặc có chứng nóng dữ mà nhiều mồ hôi không thu liễm, dùng Dương quy Lục hoàng thang (232).

Đổ mồ hôi khi ngủ không cầm được, do dương vào âm phận mà âm không yên tĩnh, cũng dùng Dương quy Lục hoàng thang (232).

Nhiệt thịnh ở dương minh, hỏa tà đốt cháy cơ nhục, hoặc mình nóng phiền khát, hoặc đại tiểu tiện nóng gắt mà đổ mồ hôi không cầm, dùng Nhân sâm Bạch hổ thang (53) hoặc gia Hoàng liên.

Sau khi thu áp, bong vẩy mà đổ mồ hôi không cầm, đây là tà đã lui mà khí bị hư, dùng Thập toàn đại bổ thang (111) hoặc dùng Chỉ hân tán (282) hoặc dùng bột hoạt thạch để xoa ngoài.

XVI - THẤT HUYẾT

Nguyên do của đậu là do hỏa mà đến, bởi vậy nó thường hay bức huyết chạy bậy, huyết cũng theo hỏa mà động, nếu tổn thương dương lạc thời máu theo thượng tiêu mà xuất như mục huyết, thổ huyết, nếu tổn thương âm lạc thì máu ra theo đường hạ tiêu như là đại tiểu tiện nếu tổn thương cả âm lạc dương lạc thì máu ra cả bên trên lẫn bên dưới, hoặc có khi theo nốt đậu mà ra.

Nhưng sau khi thất huyết mà ngủ nhiều không tỉnh là vì sao? Vì tâm chủ huyết, huyết mất thì thần của tâm tối đi, mất cái tỉnh tỉnh khôn. Các chứng thất huyết chỉ có chứng nục huyết có thể chữa, còn lại đều là chứng chết.

Lên đậu mà thất huyết là khí thanh công kích với độc, làm tắc tà tác trở thanh đạo (thanh quản), nhiệt thịnh hỏa bốc lên, khí với độc giao tranh với nhau, huyết không thắng được cho nên chạy bậy không theo đường kinh, tán mạn không có sự cai quản, đây đều là bệnh khí thịnh hơn huyết vậy. Độc thịnh thời huyết nhiệt thời chạy bậy, chữa nên dùng loại Tê giác, địa hoàng, nhưng có thứ ra máu đẳng mồm, có thứ ra máu đẳng đại tiểu tiện, có thứ ra máu theo mụn lở như vậy đều là phạm bên trong đều khó chữa vậy. Duy ra máu đẳng mũi (nục huyết) thì sống là tại sao? bởi vì khí thịnh đuổi huyết, huyết chở độc chạy đi khắp chu thân, truyền rót theo mạch Đốc, thoát ải mà ra, không phạm bên trong không có hại lớn, cho nên lên đậu tuy rằng khí không nên yếu nhưng cũng không nên thịnh lắm, thịnh lắm thời tổn huyết, chữa phải yên khí, bổ huyết, như thế mới không lầm, nếu là ra máu đặc như gan chết, như nước đậu, đây là dạ dày nhùn nát, không chữa được.

Còn như đàn bà thấy kinh trước kỳ là nhiệt, sau kỳ là hàn, đây là bình thường, nhưng thấy kinh kéo dài đều chữa theo hư, dùng loại bổ thác như Sâm, Kỳ, Quy, Thục, rất cần thiết, nếu mạch hư, thần mỏi mệt, càng phải hội gia thuốc ôn bổ, ngũ hầu không lo các họa đậu có màu trắng tro.

Kinh nói: Dương lạc tổn thương thời huyết tràn ra ngoài, huyết tràn ra ngoài thời chảy máu mũi. Âm lạc tổn thương thời huyết tràn vào trong, huyết tràn vào trong thời là ra máu.

Đậu sởi mà thất huyết là do hỏa của sởi của đậu hun đốt bên trong, bức huyết chạy bậy, huyết cũng theo hỏa mà động, nếu khát uống lạnh, chân tay đều nóng, là độc khí hưng thịnh mà tràn ra bên trên. Nếu khát uống nóng, chân tay không ấm đấy là tỳ phế khí hư không nắm được huyết cho nên huyết chạy bậy, nếu chạy máu mũi mà mạch hữu thốn thấy sắc, đấy là phế kim bị tổn mà có hỏa, nếu thổ huyết mà đậu đỏ, khát nước, phát sốt, đấy là nhiệt độc ở vỹ kinh, chữa đều phải thấu, thác, lương huyết làm chủ.

Trường hợp đại tiện khô rắn, táo bón, có chút ít máu ra theo phân, đấy là tổn thương lại giang môn.

Nếu nốt đậu đã htu áp, mà đi ngoài ra máu đặc, bề ngoài không có biến chứng, đấy là độc tà đảo áp, chính khí không thụ tà mà độc theo đại tiện mà ra, đều là vô hại. Nếu không phải thế mà ỉa ra máu đậm đĩa, ngũ li bì không ăn, đấy là tạng phủ bại hoại, âm huyết chạy bậy, nhất định sẽ phải chết.

Tâm chủ huyết, nhờ huyết mà tới, khí lên đậu, độc khí thịnh dữ thời kinh lạc tắc nghẹt, hỏa độc dầm ngấm, uất thành máu ứ ở khoảng ngực sườn, cho nên hoặc đau vùng tim, đau hạ sườn, nặng thời nốt đậu có sắc tro đen mà buồn bực vật vã, suyễn khát, trướng bụng, hoặc tà nhiệt bức phía dưới, huyết theo nhiệt rút xuống mà đi ngoài ra máu, đi ngoài ra máu được thời sốt lui, tinh thần tỉnh táo, đậu chuyển, đấy là nhiệt theo huyết mà giải tỏa, dùng Tề giác địa hoang thang (26) mà chữa.

Như sau khi đã đi ngoài mà các chứng nặng thêm, đấy là tà lấn hơn chính, là chứng bất trị.

Ỉa ra máu mà máu ra trước phân đấy là cận huyết, do đại trường tích nhiệt mà gây nên, máu ra sau phân là viễn huyết, do dạ dày tích nhiệt mà gây nên, chữa đều phải thanh nhiệt cố định làm chủ.

Nếu sau ỉa chảy kéo dài hoặc kiết lỵ mãn tính mà ỉa ra máu thì đấy là do tỳ vị hư hàn không nhiếp được huyết mà gây nên, phải ôn bổ kiêm thăng đề thì mới chữa nổi.

Sau khi lên đậu mà thất huyết, phần nhiều là do dư độc nhiệt tà bức huyết chạy bậy, nhưng do tỳ vị hư không thống nhiếp huyết cũng có, nếu ra huyết đẳng mũi, cho uống Huyền sâm Đại hoàng thang (195) đại ra máu thời dùng Bát chính tán (228), ra huyết theo đường đại tiện, dùng Đào nhân thừa khí thang (157), trước hãy hạ cái uy thế của nhiệt tà, sau sẽ dẫn huyết về kinh mà thôi. Như đại tiện bí đều dùng Tứ nhuận thanh lương ẩm (29) mà chữa.

Nhưng chảy máu mũi là nhiệt ở vệ, mà không động gì đến bên trong, ỉa ra máu, đại ra máu, là nhiệt ở dinh mà có tổn thương bên trong, cho nên đổ máu mũi là nhẹ mà ỉa ra máu, đại ra máu là nặng. Nhưng âm hư hỏa động bức huyết chạy bậy thì phải dưỡng âm để thu liễm, nếu dương hư không nắm được huyết (thống nhiếp huyết) mà huyết chạy bậy thì phải bổ tỳ để thống nhiếp nó, chớ không nên dùng chung một loại thuốc thanh lương.

XVII - TRÚNG PHONG GIÁ

Lên đậu, nóng dữ sinh phong cũng có trạng thái như trúng phong hoặc chân tay, co lưng, gây đau rút, hoặc trực thị, co kéo, há miệng cứng lưỡi, chữa đều nên dùng loại Sâm tô ẩm (54) làm cho đậu mọc ra, sốt lui mà chứng phóng ấy cũng tự hết.

Nếu sau lúc đậu cương, đậu mừng mù mà có chứng này là do khí huyết lưỡng hư, hư phong dấy lên bên trong là chứng nguy, chỉ phải bổ mạnh vào khí huyết mới có thể cứu.

XVIII - NÓNG LẠNH

Tấu lý (chân lông thớ thịt) là cửa ngõ của phế khí, nếu bị phong hàn làm bế tắc thì thanh đạo không thể lưu thông để thực hành bốn phân. Bởi thế, hòa động thời nhiệt, hòa uất thời hàn, hàn cực độ thời trở thành nhiệt, nhiệt cực độ thời trở thành hàn, nhưng đậu chưa mọc mà đã nóng lạnh là thực chứng, đấy là khí huyết vượng mà không thụ tà, chạm đến thời cùng độc hỏa giao tranh nhau. Nếu đậu đã mọc mà phát nóng lạnh thì đấy là hư chứng, phát vào khí độc thịnh là tà thắng, phát lúc độc ít thời là hư nhiều, phát sau khi đóng vẩy là hư độc, phát ra là vì dùng quá nhiều thuốc độc nguyên khí hư trở là chứng đại nghịch.

Trước sáu bảy ngày, chỉ thấy nóng là đậu nung nấu, khí huyết và đậu đều thịnh, chỉ thấy lạnh là khí huyết hư tổn, độc hỏa uất bên trong, khó chữa. Thực thời hãy phát tán làm thanh khí đạo (hồ hấp), hư thời bổ ích để củng cố chân khí, nhưng bổ ích cũng phải xem rõ, phát tán chớ dùng quá nhiều, nếu một khi chân nguyên hư tổn thời khó hồi phục.

Hòa động thời nhiệt, hòa uất thời hàn, vì nhiệt độc muốn phát mà không ra, cho nên hoặc nóng rét qua lại, đấy là chứng biểu chứng lý đều thể hiện, trước sau đều phải dùng Sài hồ, Cam thảo và gia những vị thuốc tùy chứng để chữa.

Lấy nóng lạnh phân tách để nói thời lạnh do biểu hư, nóng nội thực, lấy đầu đuôi phân tích mà nói thoát đầu đuôi thời độc thịnh, lúc công mừng mù thời do khí huyết làm mù, sau khi đậu khỏi thời vinh vệ đều hư, cho nên trước sau 7 ngày mà chỉ thấy nóng là đậu nung nấu, khí huyết với đậu đều thịnh, sau 14 ngày mà chỉ nóng là dư độc, cũng dễ chữa. Trước sau 7 ngày mà chỉ thấy lạnh là khí huyết hư tổn, mà độc hỏa uất ở trong, khó chữa, phải ôn bổ gấp làm chủ yếu. Nhưng nóng lạnh phát trong khoảng 7-8 ngày sợ có cái họa, nốt đậu tẹt xuống, chữa phải cho uống nhiều thuốc Nội thác tán (16) để phòng ngừa.

XIX - TỔNG LUẬN VỀ ĐAU, NGŨA

Các chứng đau là thực, các chứng ngứa là hư, thực là tà khí thực, hư là chính khí hư. Bởi vì đậu sởi là hỏa, hỏa thịnh thời đau hỏa ít thời ngứa. Cho nên thường hay đau thì biết là tà khí thực độc đậu phát ở khoảng cơ nhục bì, mao, có khí để thu bó lại, có huyết để nhuận, hun đúc độc cho đến khi biến hóa đều là do chức năng của chính khí đảm nhận, độc khí biến hóa chưa thành thời uất mà đau đấy là lẽ thường, độc hóa mù xong thì chứng đau tự khác hết; còn như thịt đau như dao cắt, da đau như có giòi dăm đau dữ kêu la khốc rống, đấy là do tổn thương, thịt hồng không chịu nổi cái độc, lại biến

chứng của đau mà thành hoại chứng vậy.

Thường phát ngứa là chính khí hư, Kinh nói: Dạ dày là cái bể chứa cơm nước, là nguồn lonu của 6 phủ, ngũ vị qua mồm đều được chứa được ở dạ dày để nuôi dưỡng ngũ tạng. Nếu vị khí đã hư thời cơm nước không hóa, tân dịch kiệt bên trong, không thể chuyển vật chất tinh ba ra lông da, khí mất tác dụng hộ vệ (bảo vệ), huyết mất tác dụng dinh dưỡng (tư nhuận) không hun đúc được độc khí để làm mù, khiến độc khí chìm nổi, ẩn phục, tu tan bồng hun đốt ở lông da cho nên phát ngứa, chữa phải bổ khí, hòa trung, thác lý, thì sẽ hết ngứa.

Nếu ngứa gãi không ngừng, quào xước cả da, lông thịt đỏ lồi, đây là độc khí hãm bên trong chính khí thoát bên ngoài, biến chứng như trở bàn tay. Nhưng trước đau sau ngứa đây là sự thường, vì trước thời độc chưa giải, đang lúc hòa hóa thịnh được đau, sau khi mù đã thành, độc đã giải, hòa khí bớt dần, cần được ngứa, nhưng đau và ngứa đều không nên giữ quá vậy.

Kinh nói: Các chứng đau, lở, ngứa, đều thuộc hỏa, hòa hừng lên thì huyết nhiệt, nhiệt thời cạn, khô cạn thời khí trệ mà sinh đau, nhưng khi đậu mới mọc mà đã đau, đây là phát chưa hết mà nhiệt độc đốt cháy ở bì phu, đậu đã mọc đầy đặc mà đau đây là độc thịnh huyết ứ trệ, trước sáu ngày phần nhiều dùng thuốc phát tán, sau sáu ngày phần nhiều dùng thuốc hoạt huyết.

Đau do sự khô trệ dùng Thủy dương thang (120) để rửa, tắm.

Còn như đậu phát ngứa thì nếu ăn được, đại tiện bốn, là tà khí thực ở trong chính khí hư ở ngoài, lưỡi ăn mà ỉa chảy là chính khí hư ở trong tà khí thực ở ngoài, lại có trường hợp hòa tà lan truyền ở khoảng da thịt đậu không mọc được ngay gây nóng đốt chân lông tơ thịt mà phát ngứa. Cũng có trường hợp đang lưu hành mà bị phong hàn làm bí bên ngoài cho nên uất trệ mà sinh ngứa.

Tóm lại, đậu sắc tím đỏ, ăn uống được, khí huyết sung túc, có ngứa là thuộc huyết nhiệt, chữa phải dùng phép thanh lương, giải độc. Như sắc đậu không đỏ trơn, ăn bú không được mà khí huyết không đủ, thì ngứa ấy là thuộc hư hàn, nhưng vị chủ cơ nhục lại là nguồn của khí huyết, cho nên cách chữa đều phải điều tỳ, tiến thực, hại huyết, điều khí thời miễn trừ cái họa ngứa tet vậy.

Nói tóm lại: Đau là thực, Ngứa là hư,

Nhiệt ít thời ngứa.

Nhiệt nhiều thời đau.

Đau và ngứa đều thuộc hỏa, mà hư với thực đại để có khác nhau Hư thời ngứa, Thực thời đau, đó là nói đại khái, rộng thời ngứa, ngứa thời tet đây là lẽ tất nhiên, nhưng chứng mà nốt đậu cháy tím với nốt đậu màu tro trắng, thế sắp ngu, nhất định đều có thể thấy chứng ngứa, khí hư sinh ngứa, huyết nhiệt cũng sinh ngứa, cho nên cốt phải chữa sớm từ khi ngày đậu cương, nếu là huyết nhiệt thì thanh nhiệt, lương huyết trước, khí hư thì bổ trung ích khí, tự nhiên sẽ không thấy đau ngứa nữa, Nếu chờ chứng đã hình thành rồi mới chữa, nhất định khó khỏi vậy, nhưng người ăn được hoặc đại tiện rắn, gãi xước da lại làm mù, chỗ không có nốt đậu lại mọc một dải lớn nhỏ không đều, tuy vỡ phá hết vẫn còn có thể cứu chữa.

- Nếu lúc ngứa gãi, người bệnh trần trở bực dọc, chỗ quào rách da không làm mù nước, hoặc thành hang hốc, hoặc khô đen hoặc da tự bong, lại kèm có các chứng sắc khi uống, nôn khi ăn, nước nổi không vào, ỉa chảy mất tiếng, lạnh run, nghiêng răng, chân tay móp lạnh, bụng trướng kêu la,... đều là chứng chết cả.

Nhưng mới thấy lên đậu mà khắp người ngứa, đây là chứng tà khí muốn tiết ra do bì phu đóng kín, hỏa di động qua lại cho nên mụn ngứa, chứng này chữa chung như chứng ngứa trong Thái dương chứng không có mồ hôi của bệnh Thương hàn, làm cho chân lông thô thịt sơ thông, tà khí tiết lọt được ra ngoài, đậu cương mà ngứa tẹt tự hết, cho nên ý nghĩa nó hóa uất thời phải phát. Nếu làm mù đã xong thế sắp thu liễm mà ngứa, đây là tà khí sắp tan, chính khí muốn phục hồi, dinh vệ điều hòa, cho nên biết ngứa, đây cũng giống như chứng ngứa ở loại lở nhọt sắp lành không phải lo, chỉ cần thận đừng cho gãi sứt vỡ da, như lúc đậu cương làm mù, đang lúc huyết hao làm nước, lúc nước chưa thành mù, độc chưa hóa mà ngứa khắp người, gãi quào rách da không yên, đây là chứng xấu, chứng này cũng xem như chứng trong da lần nữa như có sâu bọ của chứng Dương minh trong bệnh Thương hàn, đây gọi là chứng hư phong kích bác bên ngoài, tà khí mạnh ở bên trong. Có khi bong vẩy rồi để sẹo mà ngứa, là do dinh huyết hao tổn, da dễ khô ráo, cho nên phủ hòa nổ du hành, hòa nhiều thời đau, hòa ít thời ngứa, chữa phải thanh hòa tư âm làm chủ.

Dại để khi đậu mới lộ hình mà da thịt đỏ tươi, khi đậu dương lên mà da nỏn, nhiều nước, nhất định sau sẽ ngứa ngáy không thể không điều lý dự phòng, nhưng hai chứng ngứa tẹt nó nguyên nhân lẫn nhau, cho nên tẹt chưa hẳn không ngứa, ngứa chưa hẳn không tẹt, không tẹt mà ngứa có thể chữa, không ngứa mà tẹt có thể chữa, tẹt ngứa đều phát lên nhất định là khô chữa; còn như gãi toát da như bóng nước sôi bóng lửa, là không chữa được, với tình trạng khí huyết tan lìa, hãm tẹt phát ngứa mà không mù là không chữa được.

XX - BÀN VỀ CÁC CHỨNG ĐAU

Về đau sởi, sốt ít, hơi thở bình thường, tinh thần yên ổn, thoải mái đây là dấu hiệu tốt, nếu như đau nhức ghê sợ, buồn bực vật vã không thôi tóm lại là dấu hiệu xấu, nhưng còn chia ra bộ vị khác nhau, ngày giờ khác nhau nữa:

- Đau tại đầu, trán, mặt, lúc mới phát sốt, là hòa muốn thăng lên, chữa nên phát biểu nhẹ.

- Lúc mừng mù, lúc ấy thóp sưng, đậu mặt là đúng lúc.

- Khi thu áp là do không giữ gìn phong hàn, hoặc huyết khí mỗi một thì hòa bốc lên, phải nhận rõ để chữa.

- Đau ở cổ họng vào lúc mới sốt là thuộc hỏa, không còn ngữ vực.

- Lúc đậu cương đau dữ mà ho thời đậu ở trong họng đầy đặc.

- Lúc thu áp thì hòa độc gom lại, phải phòng khô thở mà biến chứng nguy.

- Đau tại da dễ vào lúc mới bắt đầu là hòa độc muốn tiết ra mà cơ phu vít chặt.

- Lúc sưng, mưng mủ là độc hóa mủ, cũng là hiện tượng bình thường. Đau lúc sau khi bong vẩy là huyết khô không thể dinh dưỡng bị phụ, kèm có hỏa đốt bên ngoài.

- Đau ngực đau bụng vào lúc mới phát sốt, là do ăn uống quá bội bị hại, hoặc có độc đậu ẩn phục, hoặc vốn có bệnh ấy, phải phân tích kỹ để chữa.

- Đau lưng mỏi gối lúc mới phát sốt, tuy là bệnh thận khó chữa, nhưng nếu khám thấy mồi không sưng, miệng không hôi, không thấy có phát ban, sốt không dữ, đây là thân hư, không đuổi độc thì phải nên thăng đề, đạt biểu, không được coi là chứng bỏ đi thuốc không nên mát mà gây nên tình trạng đậu lặn vào sâu mọc ra.

- Đau chân đau tay hoặc do đứa trẻ tính nghịch khiến cho khí không thuận hoặc đã bị té ngã ứ máu ngưng trệ, hoặc tý âm không đủ tưới bón chân tay, đây đều là tóm lược cách nghiệm xét về chứng ĐAU vậy.

Đậu sôi mà phát đau, về chứng có mấy điều:

- Một là do độc tà muốn ra, khí huyết theo ra cho nên bấp thịt căng thẳng mà đau, chữa phải dùng Hoạt huyết tán (141).

- Một là do da thịt dày chặt, còn bị hàn tà bên ngoài kích bác mà đau, phải dùng Cát căn thang (138), nếu nhiệt độc nặng lắm, phải dùng Tiêu độc tán (99).

- Nếu vì ăn gà, cá, uống rượu mà đau, phải dùng Thanh vị tán (159).

- Nếu phát sốt uống nước lạnh, đại tiện điều hòa, dùng loại bài Tứ vật (27) gia Liên kiều.

- Phát sốt uống nước lạnh, đại tiện táo bón mà tý vị thực nhiệt, phải thanh vị nhuận táo.

- Phát sốt khát nước uống nóng thuộc tý vị hư nhiệt, lại phải dùng Bạch truật tán (160) mà chữa. Trước 6 ngày, phần nhiều dùng thuốc phát tán, sau 6 ngày phần nhiều dùng thuốc hoạt huyết, do khô sít mà đau, dùng Thủy dương thang (112) để nấu tắm.

- Khi thu áp mà đau chữa không khỏi là khó, nhưng đại để đau phía trước người là thuộc phế, đau phía sau người là thuộc bàng quang, đau 1 phía người là thuộc đờm, đau hết tứ chi là thuộc vị, tóm lại phải mau dùng thuốc chỉ thống, không thời kêu la tổn khí, bỗng đau hại huyết mà nhiều biến chứng, cho nên bệnh là đậu không thể ăn quá nhiều đồ độc là như thế.

- Đến khi hết vẩy khô hàn mà đau thì ngoài phải bôi thuốc mỡ cho nó nhuận, trong cho uống thuốc thanh lương giải độc vậy.

XXI - ĐẬU MỌC KHÔNG THOẢI MÁI

Họ Trần nói: "đậu mọc không thoải mái phần nhiều thuộc hư, nếu nhận lầm rằng thực nhiệt tác ghệt rồi dùng những thuốc tuyên lợi, gây cho tạng phủ bị lạnh, làm cho dinh vệ vít chặt mà không vận đạt được ở cơ phủ thời đậu khó cương được đầy đủ, cũng không thể rắn chắc, khi đã đóng thành vẩy, rồi nhất định bị ngứa tẹt xuống, buồn bực vật vã suyễn khát mà chết".

Họ Tiết nói: "Các chứng kể trên nếu có các kinh nóng dữ tác ghệt mà mọc không thoải mái, cũng có trường hợp độc thịnh đình đậu mà không thể phát khởi được, cũng có trường hợp do hư độc mà võ ngựa phải xét kỹ nguyên nhân mà cho thuốc".

Cảnh Nhạc nói: "Xét thuyết của hai thầy nói trên đều là có lý, nhưng đây là chứng đậu mọc chậm, tổng quát là do khí huyết hư bên trong không thể chống thông được là rất nhiều; nếu phong hàn làm bí bên ngoài và đậu đình giữa độc mà không ra không trôi dậy, tuy cũng có nhưng không nhiều lắm, và nếu kinh nhiệt lắm mà tác trở không ra thì rất ít là sao vậy? Vì nhiệt thịnh độc ất thịnh, độc thịnh thì thế ất nhanh nhưng hoặc dầy, hoặc sớm chứ không thể hoãn được, cho nên khi chữa đậu phải xét coi thế nóng ít hay nhiều để biện hư hay thực, còn xét có ngoại tà hay không để biện biểu hay lý, nếu không có ngoại tà, cũng không có đậu đình mà hỏa tà cũng không nặng lắm, tất cả đều là thuộc hư chứng phải chữa theo hướng ôn bổ, không được làm lầm lẫn mà để tai biến hậu hoạn, các phép chữa đã chỉ rõ trong khoản chữa đậu ba buổi.

Đậu mọc không thoải mái, có vài chứng, phải xét coi có ngoại cảm hay nội thương, để biện chứng chữa đúng chỗ có bệnh.

Như mùa đông rét dữ, hoặc âm tà trái làm bế tắc bên ngoài hàn thắng mà đậu mọc chậm, nên dùng Ngũ vật tiến (94), gia Sinh khương, Ma hoàng, Tế tân để chữa, hoặc dùng Ngũ tích tán cũng được (69).

Như mùa hè oi ả nóng đốt gây cho huyết nhiệt khí hư, phiền khát sinh vật vả mà đậu mọc chậm, nên dùng Nhân sâm bạch hổ thang (53) gia Mộc thông, Càn cát để chữa.

Có trường hợp vì trái gió trở trời, bị phong hàn ngoại tà xâm nhập, gây nên tình trạng vít chặt chân lông lỗ thịt, phát sốt, không mồ hôi mà đậu mọc chậm, triệu chứng ất có đau đầu ghệt mũi chân tay co gập, đau môi, nên dùng loại Sơ tà ẩm (19) Sâm tồ ẩm (54) Tinh tinh tán (70) mà chữa.

Nếu vốn không có các ngoại tà khác mà đậu mọc không thoải mái thì đây là khí huyết hư bên trong không đẩy được độc ra ngoài mà cứ triển miên ở trong, nên dùng Thập tuyên tán (57) hoặc Thác lý tiêu độc tán (71).

Nếu khí phạm đại hư mà đậu mọc không thoải mái, nên dùng Bảo nguyên thang (61) Lục khí tiến (72) huyết phạm đại hư dùng Ngũ vật tiến (94) hoặc Lục vật tiến (63) để chữa.

Nếu vì bên trong có tổn thương khí trệ mà độc mọc không thoải mái, nên dùng Quán khí tán (73) Quất bì thang (74) gia giấm mà chữa.

Vùng đầu mặt đậu mọc không thoải mái, nên dùng loại Xuyên khung, Kinh giới, Khương hoạt, Phòng phong, Thiên ma để dẫn lâm sử.

Vùng ngực bụng đậu mọc không thoải mái, nên dùng loại Cảo bản Thăng ma, Tía tồ, Tử thảo, Thông bạch, đều gia gừng sống làm tá, cho uống liên tục hai thang thì đầu mọc sẽ thoải mái vậy.

(HẾT QUYỂN KỶ)

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LINH

Quyển thứ 40

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU/CANH

I- NĂM LOẠI ĐẬU HẨM

Phạm khí là dương huyết là âm, về bệnh đậu, nếu không có dương là không thể khởi phát được độc, không có âm là không hóa được độc, cho nên cần phải được âm dương giao hội, khí hòa huyết thuận, có chứng dương mới hội với âm, khí đã đến huyết đã phụ, ở đậu đang hình thành mà bỗng nhiên chính giữa lõm xuống đây là nguyên khí không đủ không thể tiếp nối những việc tiếp sau của đậu, mặc dầu âm huyết tuy có phụ giúp cho dương khí, nhưng dương khí không đủ sức chế độc, gây tình trạng đậu lõm xuống (hãm) mà không đầy, con đường sinh lộ đã đứt, vậy, cho nên bệnh đậu hãm có 5 loại, đó là:

1. 'Hắc hãm'. Lúc đầu đậu mọc rất ít, sau lại mọc nhiều, đây là dương đến sau âm do dương khí yếu không thể tiếp nối công việc lúc đậu mới mọc, do huyết không được khí nuôi dưỡng lại còn bị độc làm trệ cho nên huyết khô, vì sự khô héo ấy mà đậu trở thành hắc hãm.

2. 'Huyết hãm': Huyết thịnh hơn khí, khí không thể bắt buộc độc hóa nước mà ngưng đọng bên trong, lâu thời biến thành chứng huyết hãm.

3. 'Tử hãm' Chứng này khí càng hư suy, huyết không có chứa đựng khí thời độc càng thịnh, không nhờ khí mang chở tới nơi ổ đậu, vì vậy huyết cũng bị ly tán.

4. 'Bạch hãm.' Bởi khí không đủ mà huyết cũng yếu, độc không nhờ vào đâu để giải mà trở lại màu trắng, để lâu thời biến thành chứng Khôi hãm (màu tro).

5. 'Khôi hãm'. Khí huyết suy bại, trong ngoài đều hư, đầu đậu giống như xác con tằm trống rỗng không có nước, hoặc rỗng mà cũng có gốc, bên trong chứa đầy nước trong là chứng bất trị.

Về chứng Khôi hãm, ông Chu Đơn Khê nói: sắc trắng màu tro ai cũng biết là hư hàn, lại cần xem có đáng yên tĩnh, yếu đuối thì mới thật là hàn, nếu thể lực mạnh, tình tình nhộn nống mà bốc tẩy trường hợp đó nên coi là nhiệt không thể gọi chung là hãm được.

Đậu gặp độc hãm là huyết với đậu mùa đuối như, khí yếu không bắt buộc hòa nước được trở lại ngưng kết mà không tươi, khô khan mà không nhuận

Đậu gặp lúc đào hãm là thời gian tuần lễ trở lên, gốc ổ đậu đầy nước sáng tươi, hoặc do phong hàn ngoài thừa hư xâm lấn, khí huyết ngưng trệ, độc dồn vào trong, ối mùa phiến khát, khí huyết khô khan, nước mù rút xuống độc đậu do đó mà hãm vào tới lại đều do hư mà ra cả, tình trạng như vậy nên xét nếu da đậu mỏng, sắc đậu nhợt nhạt thì mới thật là chứng hư, còn như túi đậu đầy, sắc đậu xanh già thì đó là độc khí ngán lấp không thể phát ra ngoài, gốc đậu không nổi cao là độc ngưng kết, nếu đem phương pháp chữa hư mà xử lý thì càng tăng thêm sự lõm tẹt.

Năm loại đậu hãm trên đều là do phần khí suy kém gây ra, vì như bài hoa, phút chốc cành hoa thiếu sinh khí mà héo hơn, hoa mất vẻ đẹp tươi, vậy nên dự phòng chữa

sớm, khi thấy nốt đậu bằng tét không cương sờ không gợn tay, da nhẵn, đầu lôm, kèm có hiện chứng ỉa mửa, không ăn, khan tiếng, tắc tiếng, đó đều là khí hư cả, dùng Bảo nguyên thang mà chữa (61)

Như hình đậu no đầy, da đậu đầy đặn, mụn đậu cứng cấp, hoặc phát sốt ho suyễn đờm ngắn, đó là chứng khí thực, chữa nên thanh phế hòa giải.

Như sổ mũi ra nước trong, ghét gió, mình mẩy run rẩy, đổ mồ hôi, sắc xanh mắt trắng nhợt, đó là chứng khí hàn, chữa nên trung hòa, còn như lỗ mũi khô ráo, lông da khô rạn, hoặc trong mũi ra máu, sắc đậu chấy sém, đó là chứng khí nhiệt, chữa nên dùng thuốc tả phế, nếu sắc đậu không đỏ trơn, trắng nhợt phát ngứa, không thể mừng mù, lấy tay sờ qua thì sắc trở nên trắng thì đây là chứng huyết hư, như trong mình nóng không hết hoặc nóng rét qua lại, sắc đậu sém bầm, miệng đắng lưỡi khô, môi xanh, mắt đỏ, bụng sườn nổi cơn đau, đó là chứng huyết thực.

Như nốt đậu mùa xám tro, huyết ngưng không đạt, mặt xanh mét, hay rút gân, ỉa ra nước trong, hoặc ỉa chảy ra màu xanh lợn cợn, đây là huyết hàn, hoặc màu đầu mờ tối phát ngứa, trông mắt đỏ au, đại tiện táo rần, mình nóng dễ nổi giận, đây là huyết nhiệt.

Hư phải bổ, nhiệt phải thanh bản phải gây ẩm, thực thì phải ức chế làm ho khí huyết không thái quá không bất cấp. Mấy trường hợp trên đây chỉ dùng Bảo nguyên thang (61) để điều hòa, khí sẽ tự có cái công năng mừng mủ, hóa độc, lo gì mà phải gặp phải năm chứng hãm nói trên

II- ĐẬU HẮC HẨM

Phụ: *Đậu hãm, biến sắc đen, (16 điều)*

Thủy hỏa là dấu vết của âm dương, Khảm Ly là vị trí của thủy hỏa, Tâm thận là đôi bạn của khảm ly, cùng phối hợp với nhau, dương bám víu với âm, âm bám víu với dương, khi biến khi hợp mà sinh ra vạn vật. Cho nên tâm phối quẻ Ly mà sinh nguyệt, là trong dương có âm tức chân âm vậy, thận phối quẻ Khảm mà sinh khí là trong âm có dương tức chân dương vậy.

Huyết ở tâm tức chân thủy ở thận, công năng của thủy là tưới nhuần dưỡng khắp, khi ở thận tức chân hỏa của tâm, dấu hiệu của hỏa là sưởi ấm cố đông, nhưng tính của nước thì hiển lạnh mà tính của lửa thì hung hăng, hướng chỉ trong cơ thể lại có hai quả thận, thận bên trái thuộc thủy, bên phải thuộc hỏa, sách Nội kinh nói: bên đốt sống lưng thứ 7 trong đó có 1 vật hình tựa như quả tim bé (tiểu tâm) đây là mệnh môn tướng hảo, bởi chỗ làm tướng giúp nhà vua cho nên nói tướng hỏa để thi hành mệnh lệnh của quân hỏa, mệnh môn này dùng 1 thủy đứng chặn giữa hai hỏa, rõ là không hơn vậy, nó vận động bên trong hiểm hỏa không chói sáng, thủy không chảy cạn vì có thần chủ trì gọi là thần là vật gì? Trong chỗ thái hư (1) là chỗ ngụ của thần, nhưng thủy hỏa không đứng riêng, nếu có sự nghiêng lệch thì tức khác có sự biến đổi, hơn thua suy thịnh. Hướng gì đậu và sôi, hỏa khởi từ mệnh môn hai hỏa hợp nhau tán trợ nhau rất khỏe, và vì tướng hỏa lại hợp với quân hỏa, thế dữ như điên cuồng, đốt cháy khắp nơi khí dương thường có

dư, khí âm thường bất túc, vì hỏa hể cháy sáng thời thủy cũng hao hụt đi, thủy hao hụt thời nước tân dịch bốc kiệt đi, khí cũng bị trệ, phát tảo, bệnh trở nên nóng hừng hực, lông tóc không mượt, tấu lý không nhuận, huyết trong đầu cũng khô mà biến sắc đen, sắc của huyết vốn đỏ mà hể khô thời đen, gọi là quy về thận, vì huyết đó là âm huyết trong thận, nó khô thời thận thủy cũng khô, (sắc đen là tự khí của hỏa, cho nên sắc của đậu đỏ nhiều sém đen đều do hỏa gây nên, xong sức của hỏa hể cùng tột thời tắt, cho nên nóng thời đỏ, trệ thời khô, cùng một thời đem giống như lửa còn hoạt động thời đỏ, hết hoạt động thời đen, cho nên gọi là đậu biến sắc đen là độ quay về thận).

Phàm những vật mới sinh, còn dưới đất thì đỏ, hơi lớn lên thời trắng, héo rụng thời vàng, không khan thời đen, ở con người cũng thế trẻ con sơ sinh thời đỏ, lớn lên thời trắng, héo rụng thời vàng, già chết thời đen, là vì vạn vật đều nhờ một khí dương để sinh, song bốn màu sắc ấy là do một khí dương diễn biến, bệnh đậu từ khi xuất hiện, (mọc) rồi cương, từ đậu cương rồi mừng mù, từ mừng mù rồi bong vẩy, cùng đều do một khí dương lưu hành trong nhân thể.

Lại đem bốn mùa để nói:

- Đậu mọc mà đỏ là hợp với khí mùa xuân, thời phát sinh.
- Đậu cương, hơi biến sắc trắng là hợp với khí mùa hè, bệnh thời trưởng dưỡng.
- Đậu mừng mù màu vàng là hợp với khí mùa thu, thời lệnh thành thực.
- Đến giai đoạn đóng vẩy thì màu đen, hợp khí mùa đông thời lạnh bế tàng

Nếu đậu mới mọc mà màu đen là tình trạng mùa xuân thực hành lệnh mùa đông, đậu cương mà màu đen là mùa hè lại thực hành lệnh mùa đông, đậu mừng mù mà màu đen là mùa thu mà thì hành lệnh mùa đông, đậu đóng vẩy mà vẩy không rõ, nước mù ướt đầm, đây là đông mà trái lại thì hành mùa xuân, hạ, đều là những đối thay không thứ tự, là nghịch vậy

Đầu sắc đen là chứng thận hư, có lẽ nào thận thực lại thành tả, mà sao người đời dùng thuốc tả thận? (đầu sắc đen gọi là hắc hãm mà hắc hãm thì quy về thận bởi vì thân thuộc thủy mà sức đen là chân tạng hiện ra vậy cho nên gọi là bất tri, nhưng thận đầu có thể vượng một mình một đoạn quyền được, vốn do khí huyết hao kém, không đuổi được độc ra ngoài mà đậu trở nên khô héo, sao người đời nói những là thận thực để dùng thuốc tả thận, làm cho hư thêm, họ không biết trong con người, lớn hơn nói âm với dương, bé thì nói tâm tới thận, tức cái gọi là chân thủy chân hỏa đấy.

Bệnh lên đầu là do hỏa uất bên trong, phải nhờ một điểm chân thủy để ức chế, bằng như tả nó thời hỏa không bị ức chế, thì gốc sẽ bị nhỏ huống chi huyết khô thì sắc đen, nên đậu mọc ra màu cũng đen, Nội kinh có nói: hể lửa cháy lên thời bóng tối bị đẩy lui, thủy vốn đã kém thời hỏa dễ gây hại, chớ nên nói thận thực để mà tả thủy.

Huống chi thận chủ hư tả, Tiên Trọng Dương ông Tổ thầy thuốc Nghị khoa chế ra bài bách tường hoàn (12) để tả thủy của bàng quang, khiến tỳ vị vượng lại được, người sau ngược lại làm không đúng với tiên hợp lập phương của ông, có hiểu đầu vị Đại kích lại là thuốc tả tiểu trường, tâm với tiểu trường có tương quan biểu lý, nay không tả trực tiếp vào tâm mà tả vào hợp tạng của nó, khiến tâm hỏa đạt xuống được, thận thủy đưa lên được mà chân khí thì không tuyệt, cứu sống được rất nhiều. Huống chi Đạo sách tán

(33) cũng là do Tiên Trọng Dương sáng chế cũng là thuốc tả tiểu trường vậy sao? chỉ khác với Bạch tường hoàn (12) là có hơi rộng mạnh hơn, nếu đem bạch tường hoàn làm thuốc tả bằng quang theo định luận MỆ THỰC TẢ CON thời chứng hắc hăm giống i như chứng thận thực, và lại mất tính chất của bản thảo mà có cái lâm to.

Nhưng chứng tử hăm hắc là do huyết nhiệt khô trệ, khí không vận hành được, nếu bàn đến chứng trong hư có thừa mà chữa ngay còn có thể sống, bằng để hăm để tình trạng sắc trắng màu tro tức là nguyên khí suy bại mà đậu không thể cương được, huyết cũng ly tán mà không thông suốt được đây là chứng không đủ nặng nằm trong chứng không đủ nên phần nhiều là khó chữa, bằng đào áp mà đậu chảy máu không thôi gọi là chứng 'hồi dương tuyến', nếu phạm đến vùng hồng sườn thì 10 bệnh không cứu được 1, như bị ở các chỗ khác, phải cấp tốc tìm Yên chỉ non thêm 1 đực Huyết kiệt, đều đốt tồn tính, đem điểm chỗ nốt đậu đào áp cho chảy máu ấy, máu sẽ gom lại, khô rồi lành.

Độc của đậu sờ là từ trong ra, xung đột với khí huyết, phát ra chân lông thô thịt, một điểm máu mới mọc ra cũng là khí huyết trong người bị độc xua đuổi mọc ra bên ngoài da, cho nên cái để thành hình là khí, cái để thành màu sắc là huyết, nếu hóa độc thịnh quá nung nấu khí huyết, bên thấy bị khô, màu sắc nốt đậu sẽ đen, chân lông thô thịt vít lại, độc không ra được lộn trở vào trong thành hăm phục, đây là khí độc uất lại không thể so sánh với chứng ngoại cảm phong hàn, nội hư ỉa mửa, do tạp khí xúc phạm, cho nên về cách chữa, cân hạ thì cứ cho hạ, đáng lợi tiểu cứ cho lợi tiểu, đáng phát tán cứ cho phát tán hoặc giải tỏa bên trong, hoặc giải tán bên ngoài, xuất kỳ ứng biến, chớ nên câu nệ theo phép đã định sẵn là được, người đương thời rất ghét và cũng rất sợ đậu hắc hăm cho rằng quý đậu, đậu đình, phải chữa ngay, nếu để diễn tri thì nó sẽ lan tràn ra vậy.

Đậu hắc hăm có hai thứ:

- Một thứ khô mà biến sắc đen gọi đào hăm, đó là tả hỏa thịnh quá, chân thủy khô kiệt, chứng quy về thận, không chữa được

- Thứ khác, sắc đậu biến đen chưa đến tình trạng khô, tẹt, đây là khí dịch độc, gọi là hỏa phát mà xông mờ, có thể dùng Quy vận, Sinh địa, Xích thực, Tửu Hồng hoa để lương quyết, dùng Hoàng kỳ, Nhân sâm, Cam thảo để tóa hòa, bổ nguyên khí, Tửu sao Hoàng cầm, Hoàng liên, Ngưu tất bằm, Liên kiều, Thang ma, Xích thực, để giải độc, Phòng phong, Kinh giới để giải biểu, lại thêm chút người đốt 1 đồng cân cho uống mười mấy chén thường có thể sống được.

Sắc đậu sau khô đỏ ắt biến ra tím, tím biến ra đen, đen thời khô hăm đó là huyết nhiệt độc trệ mà sinh ra, đó là nóng bên trong biến dần, cơ chế nhất định như vậy, về cách chữa, đối với lúc đó nó khô phải giải tán, lương huyết thoái nhiệt, thanh lợi, đình nốt đậu tuy có bằng có lớn, chớ nên cho rằng khí hư rồi dùng Sâm Kỳ thuốc bổ, không thì khí thịnh là huyết càng khô can, Đơn Khê nói: Nốt đậu khô tị phải thoái hỏa, chỉ dùng thuốc nhẹ như Kinh giới, Thang ma, Cát can là được rồi.

Đậu thấy có nốt đen đây là độc không tuyên phát được, vì huyết chờ độc lên để tham hợp với địa vị của dương, dương bất túc, âm sẽ lấn khí không chứa huyết cũng không tươi rồi khô đen dần, nên dùng Bảo nguyên thang (51) gia Khung, Quy, Nhục quế bổ khí thì nhục phát mà biến sắc đen, nếu không khuê đông tuyên phát thì hỏa uất bên

trong, ví như rang đậu, lửa ít thì vàng mà chín, vì còn cái thể nhuần, lửa nhiều thì đột nhiên có sắc đen mà tính của lửa thì mạnh giữ, khó ngữa, lửa cháy lâu thì cháy khô, thể nhuần ứt khó trở lại vậy.

Đậu biến sắc đen có chứng còn có thể chữa, có chứng không thể chữa là tại sao? Bởi vì chứng này vốn là chứng nghịch, cần chữa sớm, nếu chậm thì biến sinh tình trạng bồng mọc bồng lân, trái nghịch mà chết.

Phầm đậu xung quanh nốt có nước chính nốt đen hãm chỉ dùng nước yên chi (109) mà bôi, chỉ chờ cho nó chuyển sắc đỏ cương mập mà thôi, nếu đậu cương có nước, đỉnh nốt đậu bằng mà đen trong, nên lương huyết giải độc gia phân người đã đốt cháy, ngoài dùng Yên chi mà đồ, nếu đại tiện không thông là do nóng bên trong xông bốc gây ra, trong dùng thuốc thanh lương giải độc sơ lợi, ngoài dùng mật heo mà thông khoan (104).

lã chảy là độc tính hư hàn, phải dùng thuốc bổ thác, ấm dư, nốt đậu như khô đen, chân gốc cứng rắn, có thể dùng cái kim bằng bạc mà khêu cho chảy máu độc, rồi dùng dầu Yên chi trộn với Tứ thánh tán (107) trét vào.

Nếu da thịt lại không trơn, chân gốc đậu không có mủ, buồn bực vật vã, bực dọc khó chịu không ăn, quyết là không có thể sống.

Đậu vốn có chứng phong sang chưa khỏi hoặc sang mới khỏi mà vết còn non, cho nên khi đậu mọc, nốt đậu tập hợp càng nhiều thành đồ (mảng) hình sắc đen lờ, kíp lấy kim khêu ra hút bỏ máu độc, dùng Tứ thánh tán (107) mà rắc.

Nốt đậu cháy đen khắp cả người đều thế, xem di đồng thể nào, như táo bón thì dùng Thừa khí thang (103) để thông tiện rồi dùng Thập toàn đại bổ thang (111) ngoài dùng Thủy dương thang (112) để nấu tắm. Nhưng có trường hợp gọi thận hư, có trường hợp gọi thận thực, tóm lại hư là chính khí hư, thực là tà khí thực.

Đậu hắc hãm nhất định là khí không đủ, huyết không hoạt động, nên kíp dùng Thác lý tán, (89) hoặc Lục vật tiến (63) gia Xuyên khung, Nhục quế, Hồng hoa, Thuyền thoái trộn với Vô giá tán (79) hoặc Độc thánh tán (114) nặng thì dùng Cửu vị Di công tán (96) hoặc Thập toàn đại bổ thang (111) trộn với Vô giá tán (79) để khơi lấy bên trong, cũng có hy vọng sống.

Lúc đậu cương, chỉ thấy khô táo cháy đen, phải kíp chữa ngay, nếu chứng không nóng dữ, hỏa tà không năng, chỉ dùng Ngũ vật tiến (94) hoặc Lục vật tiến (63) là rất cần, nếu có chứng hỏa, mạch hỏa, huyết nhiệt, độc dữ mà khô đen, nhẹ thì dùng Lương huyết dưỡng vinh thang (119) hoặc Thử niêm tử thang (37) nặng thì dùng Vạn thị Doat mệnh đơn (11) hợp lại mà dùng.

Nhiệt độc ngưng trệ, đại tiện táo bón, hoặc buồn bực vật vã nóng khát mà nốt đậu khô tím, đen hãm, phải thông tiện, trước phải giải lý gấp dùng Sài hồ ẩm tử (44) hoặc Dương quy hoàn (105) sau khi thông lợi sẽ dùng Tử thảo ẩm (85) hoặc gia vị Tứ thánh tán (106) để hóa độc, ngoài vẫn dùng nước Yên chi (109) mà bôi.

Đại tiện không táo, không có các chứng nóng dữ, mà sắc đậu mờ, đều do tỳ hư không chế được thủy cho nên sắc đen, phải kíp dùng Ngũ vật tiến hoặc Bảo nguyên thang (61) gia Tử thảo (94) Hồng hoa cho uống, ngoài dùng Tứ thánh đơn, Yên chi chấp (109) nếu thấy sắc đỏ trơn dần là tốt, nếu lại khô đen thì không tốt.

Sách Tâm giám chép: **đậu đen** nam (thắc hãm) phải dùng Bảo nguyên thang (61) gia Tử thảo (94) Hồng hoa cho uống, ngoài dùng Tử thành đơn, Yên chi trấp (109) nếu thấy sắc đỏ trơn dần là tốt, nếu lại khô đen thời không tốt.

Phụ: Biến sắc đen, đau lưng.

Thận thủy tạng, thủy phương bắc, trời lại sinh ra nước trước hết, cho nên thụ khí ban sơ sinh ra hai quả thận trước, thận bên trái thuộc thủy, bên phải là lệnh môn thuộc hỏa cho nên nói "không có thủy là không sinh, không có hỏa là không thành, thủy hỏa hỗ trợ cho nhau đó là dấu hiệu âm dương, nhưng thận ở phía dưới, đậu sởi lúc ban đầu chỉ có mắt tại hai tai, đó là ý nghĩa bàng quang là phủ của thận, thận là không thụ tà, hai tai mất là cái mất là còn giữ cái đức của thủy để chế ngự khí dương quang, nếu tai lại nóng thời thủy không chế hỏa, như thế mới lo lắng độc đậu sẽ qui tạng, chữa phải dần nén cái nóng dữ, tư trợ thận thủy, hướng gì khí dương thường có dư, khí âm thường bất túc, cho nên mỗi khi chân thủy hơi kém, tân dịch bốc kiệt hết, thời đậu sẽ vì khí trệ mà phát tảo mà nóng hực hực, nơi lông da và tấu lý không thể nhuận được, thì huyết trong mụn đậu cũng khô và biến màu đen, đen là màu sắc của tình trạng hỏa tảo nước cạn huyết khô.

'Chứng biến sắc đen, đau lưng'. Vốn thuộc hỏa thịnh nóng dữ, kinh nói: cang (găng) thời hại vậy, hỏa bên ngoài hun đốt ở khoảng cơ phủ cho nên sắc đen hỏa độc gân hai cho nhau mà lỗ mồ hôi khô kiệt cho nên eo lưng đau vậy, nhất định đậu sẽ khô hoặc nhiều ban điểm không đỏ thời tím, không tím thời đen, đều thuộc hỏa chứng cá, Về cách chữa thì khi chữa thì điểm nên thăng để tán biểu kiêm thanh lương giải độc, làm cho nhiệt độc được giải ban tím được đậu chính được xuất hiện, sau rồi mới điều lý khí huyết ngõ hầu kéo trở lại. Nếu ban không lui, sắc tím không thành thời đậu lặn vào không mọc ra được, như thế mới gây đau lưng từng chập khó chịu, đậu mặt sưng lên, hông bụng thẳng dậy, hơi thở to lên, rút cục đậu không mọc mà khó mong sống vậy. Còn như đậu sắp thành tụy mà bỗng biến đen, đảo áp, cũng do huyết nhiệt hỏa gân lên, độc trệ, huyết khô, mà ra, biến thành nội công là chứng nghịch, cho nên Trang thị có nói: ban đậu đảo áp mà sắc đen, gọi là loại quý sang, lời nói này thật là quá ác, như người đời cho rằng mùa đông giá rét, đậu biến sắc đen, độc quy về thận, hà đúng lý hay sao?

III- ĐẬU ĐỈNH HÂM

Bệnh đậu sinh chứng đỉnh hãm là dấu hiệu dương hư âm thực, bởi vậy tính của nó là ưa lồm xuống, (dương hư hạ hãm) tóm lại trước sau 7 ngày có 5 chứng hãm là khí bất túc, không thể điều khiển được huyết để đưa được độc trở thành nước mù, nên dùng Bảo nguyên thang (61) gia Khung, Quy, gạo nếp, làm ấm dạ dày, trợ chính khí, lại dùng Thủy dương thang (112) nấu nước để rửa ráy, đến 11, 12 ngày thời có đủ nước mù, nếu khí huyết tươi sáng, có cái thể mọc lên cũng đứng lên dùng quá, rất sợ tình trạng đây mà thịnh quá trở lại làm tổn hại cơ thể, bằng huyết có màu tro sẫm, mù không mọc đầy đủ, hoặc huyết Phụ căn không tươi tốt mà khiêm có nội chứng thí sinh mạng khó bảo toàn.

IV- ĐẬU ĐẢO HÂM

Chứng Đảo hãm, là đậu đã có vẻ no tròn đầy đủ, đang lúc mừng mủ bỗng bị ỉa chảy như khi hãm xuống, bên trong, vì thế độc cũng theo khí huyết mà hãm trở lại, nếu như huyết không bị tẩu tán có đủ sức bảo vệ vừa giúp sự tươi sáng thời sức hộ vệ vẫn còn, nhất định còn có thể cứu, nếu trái lại huyết không đầy đủ để bảo vệ đậu đuôi độc, mà ghé có độc công bên trong thời tai họa thấy ngay tới nơi làm sao cứu được, còn có trường hợp vì dùng thuốc phát tán, giải độc mạnh gây tổn thương nguyên khí, bởi vậy được lực chậm đi một ít thì khí huyết cùng thể độc sẽ hãm phục.

V- ĐẬU HÂM PHỤC (13 ĐIỀU)

Phạm độc chứa bên trong mà không xuất hiện, hoặc ra muốn hết mà chưa hết, gọi là hãm phục, chứng đó chỉ thấy 1 lần, khi mới hiện hình trước khi chưa lớn, người bệnh đó sau khi đậu mọc mà nóng không bớt phiền khát vật và hãm vào gọi là đậu hãm. Về triệu chứng có 4 thể hiện sau khi lộ hình trước khi nó phát triển lớn:

- *Một là do cảm thu phong hàn lỗ chân lông vít kín, máu ngưng không lưu thông mà gây thành hắc hãm, làm cho mình mẩy ê đau, chân hơi mộp lạnh, nốt đậu không lớn hoặc huyết dần dần khô mà biến sắc đen hoặc xanh bầm lẫn mẩn đây là chứng đậu đảo hãm phục, chữa phải phát tán ấm cơ nhục thời hàn tà tự lui, ấm áp trở lại nốt đậu mới lớn lên được.*

- *Hai là do độc khí dữ quá nung nấu trong ngoài, bởi tế độ lại nhập vào trong mà hắc hãm, nhất định cơ nhục chứng tâm phiền cuồng táo, hơi thở gấp, nói sảng, như thấy quỷ thần, đại tiểu tiện bí bấn, khoát nước mà bụng phình to, đây là chứng đảo hãm phục, cách chữa phải lợi tiểu mạnh để tẩy độc ở bàng quang làm cho dương khí của tỳ vị ấm lại nhưng sau chứng bụng thình to mà mình nóng khí ấm, ăn uống được, đây là tỳ khỏe hơn thận, độc tùy dữ mà khí bên trong không đủ sức nổi tiếp đuổi độc ra ngoài, dù có tình trạng hãm ấy cũng có thể cương trở lại, là dấu hiệu có thể chữa được, nếu thêm chứng lạnh run nghiến răng, trong mình lạnh mà đổ mồ hôi, tai và xương cụt nóng và chết.*

- *Ba là do nội tạng suy yếu dương khí không hỗ trợ dịch vệ, cho nên đậu mọc rồi lại lặn, nốt đậu trắng hoặc đen, nhất định cơn bệnh này không ăn bú gì được, đại tiện loét xọt hoặc ứa mửa, mộp lạnh chân tay đây là vi hư bên trong yếu không thể mọc ra được, tức là hãm phục, cách chữa phải ôn trung làm ấm áp vị khí rồi dinh vệ vận hành trở lại, đậu cũng sẽ mọc ra; còn có trường hợp cho uống thuốc tả hạ rồi độc khí đó vì mà nhập và trong, hãm đen, chữa cũng phải mau mau ôn dưỡng phân lý, rồi mới dùng Cát căn Quế chi để sơ giải phần biểu thời nó tự ra vậy.*

- *Bốn là do các vật hơi hãm trong buồng xung đột mà huyết khô dần, biến sắc đen gọi là hắc hãm, mau dùng các loại tử thảo, Cương tằm, Dương quy, Hồng hoa, Xuyên sơn giáp, Thuyền thoái, cam thảo, Sinh địa, ngoài dùng thuốc xông để giải cũng tốt, nhưng xét cổ phương khi chữa chứng hắc hãm đều dùng Xuyên sơn giáp là dùng vải tác dụng*

chạy thấu suốt vào đường ruột, thấu qua màng mỡ, dùng răng người tức phần dư của xương có thể phát ra cái độc tận ở trong thân, nhưng hai vật này khi dùng có vật dẫn đường thì được nếu dùng một mình nó thì vô ích; Có khi dùng phân người đốt ra mà dùng vì nó rất giải độc, bệnh đậu là do cảm phải khí thời dịch, cho nên dùng nó vào các phương pháp tán hoa trung giải độc thì rất hay.

Trong danh từ đậu có chữ *tet*, vẽ hình thức thì nó bằng mà không nhọn, do khi huyết không giao lưu, cái công lao lớn đầy tràn và kém, chân nguyên không được gom tụ, mà cái thể đầy tràn không đến cho nên bằng *tet* (xẹp, rạp) mà không no đầy, còn có danh từ 'lôm' (hăm) là cái thể nó sâu mà nguy, do nguyên khí suy tổn, mà độc tà xâm lấn ở trong học đậu dập lờ mà mù không thể chứa chứa mừng bén trong cho nên đậu thấp lôm mà không thể cao lên được, tóm lại vì nguyên khí hư yếu không thể ràng buộc phân huyết, huyết không chịu sự ràng buộc mà không chờ độc ra ngoài, khi phân huyết kém lia không giúp được phân khí, tan mà không tụ, tuy đậu cương mà không no đầy, cho nên gọi là lôm (hăm), khí hư quá không thể gom góp được huyết mà không gom góp được huyết thì lấy gì đưa độc ra ngoài, nên gọi là đậu *tet* (xẹp, rạp), *tet* với lôm (hăm) tựa như giống nhau mà thực là khác, lôm là lôm ngay chính giữa không cương thành góc thành ổ, 'tet' là bằng phẳng mà không có vết sẹo, hoặc có vết sẹo, mà không có góc, có thứ lôm tet có cương chưa đầy mà đã tet, có thứ ngã tet yếu không thể tiếp nối cái khí của ngày sắp tới vì thể đầu mút đậu không cao nhọn, bị nhụt, bị méo, cho nên cách xem đầu, đầu đã mọc ra mà ra không hết là đậu ẩn phục, đậu cương mà cương không thấu suốt là đậu Đào hăm (ngã tet) đậu thu áp mà phải thu áp thật sạch nếu không sạch là đào áp, đậu ẩn phục chỉ một chứng mà đậu hăm thì có mấy thứ, phạm độc đậu ẩn phục là trước khi đậu lớn, nốt đậu tuy xuất hiện mà sốt không giảm, hoặc phiền khát vật vã khó chịu thể là có đậu ẩn phục chưa ra hết, đậu hăm thời sau khi nốt đậu đã lớn huyết khô dần, biến sắc đen, gọi là hắc hăm... nước mù chưa thành mả sinh ra ngứa tet, hoặc vỡ nát mà phát ra không thấu suốt gọi là đào hăm, nước mù đã thành mả lại lở ướt vỡ ra không không kết lại, thu áp không sạch gọi là đào áp, cũng đều là loại hăm cả, đều là những triệu chứng hiểm ác.

Về cách chữa những chứng trên, nếu không phải những phương thang mạnh dữ làm sao mà cứu sống được, bọn thầy dõm muốn dùng những thuốc tâm thường đem cứu những bệnh nguy thế này, khác nào thả con sủ để bắt con chiên, xua dê ra chống với cọp, cho nên chúng nhẹ thời dùng Đạt mệnh lớn (11) nặng phải dùng 'Thân ứng hoạt mệnh đơn' (285) mới có thể hy vọng được, nếu uống thuốc rồi mà sắc đen tăng thêm thì nhất định là những bất trị vậy.

Chứng hăm phục có trường hợp do vị khí vốn yếu, không khiến nổi dương khí giúp dinh vệ, cho nên lúc đậu mọc ra, không có khí huyết tiếp ứng, vì vậy muốn mọc lại lặn, nốt đậu sắc trắng hoặc đen, đại tiện tự chảy ra, tiểu tiện không đỏ mà không ăn được, hoặc mỗi một, hoặc mưa, chân tay hơi giá lạnh, do hư bên trong mà không mọc ra được, đây là chứng 'hăm phục', nên dùng loại thuốc cay ấm gây ấm cho da dày, làm cho dinh vệ không trệ thì tự nhiên nó mọc ra vậy. Những bài Lý trung thang (59), Hoạt huyết tán (141) đều có thể xét dùng,

Chứng lưu phụ là độc ra không hết, về triệu chứng có khác nhau phải phân biệt để chữa, nhưng nguyên khí không đủ sức đun đẩy, nhất định là do bẩm thụ yếu đuối, ăn

uống vốn kém, mình không nóng dữ mà mọc ra không thấu suốt tức là chứng bất túc, nên dùng loại Thập tuyến tán (57), Thuyền thoái cao (88), thêm Độc thánh tán (9114) mà chữa nếu như hư mà có sốt, phải dùng Nhân sâm thâu cơ tán (202).

Độc thịnh khí trệ lưu phục ở kinh lạc mà mọc ra không thấu suốt, nhất định về thể chất về khí của người bệnh là đậm đà, trong trọc, mình nóng dữ và mồ hôi khở ra, đều là chứng hữu dư nên dùng Kính phóng đại độc tán (198).

Biểu lý đều thực, ngoài có sốt dữ, trong có bốn uất, phiền đầy, nà lưu phục không mọc ra được, nên dùng Song giải tán (22).

Đậu khô đen không cương mà *đảo hãm* phải chia ra 5 chứng mà chữa: một là do hư bên trong, nguyên khí không thể tự đạo đạt được, cho nên mọc rồi lại lặn, hoặc nốt đậu sắc trắng hoặc thấy màu xám tro, *đảo hãm*, nhất định là con bệnh này không ăn bú gì được, hoặc thỉnh bụng, lạnh trọng, hoặc chân tay lạnh, hoặc lạnh run, nghiêng rằng, đều là bên trong cả, mau mau lên gây ảm bên trong nhẹ thì dùng Tập tuyến tán (57) Lục khí tiên (72), nặng thời dùng Thập Nhị vị Di công tán của họ Trần (97) hoặc Cựu vị Di công tán (96), ngoài dùng rượu mùi (123) mà phun, hoặc lại dùng Thập toàn đại bổ thang (11) nhưng lạnh mà ảm lại được, hãm mà cương lên được, đem mà trở lại đỏ trơn, đều là dấu hiệu tốt, nên uống thuốc rồi mà lại buồn bực vật vờ, mê man bất tỉnh là chết.

- Hai là độc khí dữ quá, hun đốt trong ngoài, độc khí không thể ra hết bên ngoài, do đó lại hãm vào trong, gây nên các chứng phiền nóng vật vờ, quấy rút, suyễn thở, nói sáng, hoặc đại tiểu tiện không lợi, khát nước mà trương bụng, đó là độc khí *đảo hãm*, nhẹ thời phải lợi tiểu tiện, dùng Đại liên kiều ảm (25), Thông quan tán (32), Tứ thuận thanh lương ảm (29), nặng thì phải thông đại tiện, nên dùng thừa khí thang (130) với dùng Thủy dương thang (112) nấu cho tắm, đại tiện thông rồi đậu ra được thời tốt, lại dùng Gia vị Tứ thành tán (117) để điều trị. Phạm trong lúc chữa chứng này chỉ được dương khí không hư, tỳ vị ấm áp, mình ảm muốn gầu nước là là sống, nhước bằng thêm chứng lạnh run, mình lạnh đổ mồ hôi, tai và xương cụt lại nóng là chết.

- Ba là ngoại cảm phong hàn đau đầu nghẹt mũi, huyết mạch không thông, hay đau mình, chân tay hơi lạnh, mụn đậu không to, hoặc biến sắc bầm đen như mây dày, đây là chứng 'đảo phục', chữa phải ôn cơ tán biểu dùng Quế chi cát căn thang (42) gia Ma hoàng, Thuyền thoái, hoặc dùng Tử thảo ảm (85) ngoài dùng rượu mùi (133) mà phun, chỉ làm cho hàn tà được giải tán, bởi nóng được vận hành thời đậu tự lớn lên vậy.

- Bốn là do dùng nhầm thuốc hạ, khí nhập vào trong mà đem hãm nên dùng Lục khí tiên hoặc ôn vị ảm (92) trước để bồi dưỡng vĩ khí như biểu tà chưa giải sau dùng Sài cát quế chi thang (239) để sơ tán ra ngoài, nặng thì lại gia Ma hoàng.

- Năm là bởi buồng the không sạch sẽ, cảm xúc ứ vật mà hắc hãm, trong nên cho dùng Tử thảo ảm (84) ngoài dùng rượu mùi (133) mà phun, hoặc dùng Nhân trần nấu cho xông (289) với dùng Tỳ tà đơn (124).

- Đậu sắp cương, tuy có nước mủ mà sắc thấy tối đen, rất đáng sợ mau cho dùng Lục khí tiên (72) gia Xuyên khung để dưỡng khí huyết hệ khí huyết vượng thời độc tự tan mà sắc đậu cũng tự trơn mượt, hoặc dùng Thập toàn đại bổ thang (11) hiệp với Vô giá tán (79) mà chữa.

- Về chứng đậu hãm phục có ba cách thử nghiệm:

Một là sau khi uống thuốc, đậu hãm lại cương dần dần cho mù đó là 1 cách.

Hai là đậu mọc trước đã xuống khô, có dư lại mấy chỗ chống lại mọc thêm, rồi cương, rồi mừng mù, dần dần đến thu áp.

Ba là có khi đậu không cương, không mọc hết rồi biến sinh chứng đi tiêu mà ra mù máu, mà ăn uống sinh hoạt bình thường ,

Nếu như có diễn biến hợp với ba phép nghiệm này là tốt, không thời xấu

VI- ĐẬU ĐẢO ÁP (2 điều)

Về chứng đảo áp là đậu đã mọc ra ngoài, bị cảm phải phòng hàn là vết lếp chân lông thớ thịt, khí huyết bị ngưng trệ, mình mẩy đau nhức hơi giá lạnh, đại tiểu tiện bí, mụn đậu không phát triển lớn, hoặc bầm đen, hoặc đầu bằng chân rộng, đều gọi là chứng đảo áp, phải ôn cơ tán phong hàn ngay, như Sâm tồ ẩm (54) Tiểu Sài hồ thang (172) hoặc giả Tử thảo, Thuyền thoái, Cương tằm... Ôn tán phong hàn thời nhiệt khí tự nhiên lưu hành mà đậu lại lớn: còn như có nhiệt tà đường đại tiểu tiện khô trệ, bụng đầy, thờ gấp, nhiệt dữ thì nói sáng hắc hãm bầm đen, chữa phải thông hạ, hạ rồi mà khí lạnh run là sấu âm bình là tốt, nặng thời hắc hãm khô khan lưỡi đen là bất trị.

Chứng đảo áp phải quan sát đường đại tiểu tiện coi thế nào? Nếu đại tiểu tiện bốn uất mà lại nóng trong thì phải lợi, dùng Tử thuận thanh lương ẩm (29) hoặc Tam hoàng hoàn (31) mà chữa, còn như đại diện khô chặt, mà trong không nóng thì phải dùng thuốc bổ như Lục khí tiến hoặc Thập toàn đại bổ thang (111) gia Phòng phong, Bạch chỉ, nặng mà ỉa chảy dùng Thập nhị Di công tán họ Trần (97), có trường hợp tuy không ỉa chảy mà hư hán quá, dùng Cửu vị Di công tán (96) và ngoài dùng Bạch thảo tán (128).

VII- ĐẬU CÓ MẠCH LƯƠN CHẢY NƯỚC MỦ

Ca rằng: *Thử xem trong bọc mù chưa đầy,
Nơi mụn trên đầu có lỗ đây,
Bịt lỗ mau mau cho thắc độc,
Chảy đi hết mù, độc thêm gây.*

Bệnh đậu đến ngày mừng mù, điều quan trọng là da phải dày, bọc phải chắc, như mù chưa thành mà trên đầu mụn có lỗ, nước mủ thấm ra kết tụ thành vòng đóng ngoài miệng lỗ, hoặc nước chảy hết còn bọc trống mà khô đen, đấy gọi là lâu sang, chứng này nhất định chết. Nếu như sau khi đậu đã chín mười vỏ quả đậu cũng chín, cho nên nước mủ xì ra mà kết áp, (se mặt quả), nơi đầu trán hoặc... trên mặt thường có hiện tượng đó, tục gọi là đóng mảy, không được xếp vào loại Lậu sang, vì lậu sang là lúc chưa có mù; Còn chứng đóng mảy, là do mù quá chín vậy.

VIII- BỘC ĐẬU RỒNG (2 điều)

Đậu có thứ boc trống không nước, bởi vì trong giai đoạn 3 - 5 ngày trong mình nóng dữ, khí huyết nấu khô, cho nên không thể lưu thông làm nước mù có thể gần ngày đậu cương, gặp thầy dùng thuốc công mạnh, tuy đã cướp thời gian để làm nước mù, nhưng khí huyết đã cạn, không đủ nối tiếp công việc, cho nên nước mù không sinh, nhưng đầu là nơi hội hợp các kinh dương, cho nên việc mừng mù thời đầy đủ tại đó trước, rồi đến vai, sườn, eo lưng, gối, có khi đã tới 3 - 9 ngày, trên đầu mới có chút ít nước mù màu sấp xanh mà muốn thu áp, trên mình có chút ít nước mù, từ lưng gối trở xuống đều không, đều là tình trạng khí huyết đã kiệt, lẽ sống đã dứt.

Lại có trường hợp trên mặt có chút ít nước mù mà sưng rút boc xẹp, hai mắt nhắm mở không yên, đầu lưỡi lì thụt vô chứng, đây là tình trạng độc khí nhập nội, chứng trạng đột biến như trở bàn tay.

Một trường hợp đậu nuôi nước mù gần no, mù đã hoàn thành, màu vẫn đục là hình của mù, vàng trắng là sắc của mù, bằng đến thời kỳ mà còn như boc đậu rồng, đây là khi trở độc ra ngoài mà huyết không hỗ trợ khí, thật ra do khí yếu huyết suy không hề hỗ trợ cùng nhau hóa độc, nhưng độc vốn vô hình mượn nơi huyết, huyết không đến thì độc còn phục nơi trong mà chẳng ra. Chứa phải hổ huyết, thác nùng, như đã thành nước mà trong nhạt xám tro, mù không được đặc, đây là khí huyết đều hư mà cố, vì đậu lúc ban đầu mọc ra 1 điểm là máu, nay độc giải ra là nước, không phải là nước từ trong trào ra vậy. Chứa nên đại bổ khí huyết, nếu đến lúc sắp làm mù mà cảm phải phong hàn bèn ngưng làm mù, mắc phải trường hợp này, chỉ nên ôn tán kiên thác lý; nếu do xúc phạm uế khí mà ngưng làm mù thì ngoài nên xông để giải, trong dùng thuốc công tác; nếu do đại tiện bốn uất mà không làm mù, nên dùng thuốc xổ nhẹ, nếu màu đậu xám tro hoặc ngựa mà không làm mù, nên ôn bổ phần khí, nếu đỏ bầm mà nửa mà mù không đầy đủ, nên lương bổ phần huyết, chẳng vậy thời chứng biến ra nặng, phát ngứa tẹt mà không cứu được, chứng nhẹ thời gây thành ung độc, thật là tai hại lắm vậy.

IX- THỦY BÀO (3 điều)

Nước không có đất thời vỡ, đất chắc thời nước thuận xuôi đó là thể tất yếu, đất là mẹ của vạn vật, hạt đậu đến lúc cương, mừng mù đều nhờ vào tỳ vị là nguồn xuất phát để mà sinh hóa, nếu như người tiên thiên yếu kém, tỳ thổ tổn thương thời bộ máy truyền tống đối với guồng máy sinh hóa nó không làm tròn nhiệm vụ, tác rời giữa khí và huyết, không đủ để tưới nhuần, do đó mới có tình trạng đất vỡ nước tràn mà phát ra chứng thủy hòa những một khi sinh ra chứng thủy bào này vì boc đậu trống rỗng không no đầy, có trường hợp do khí thái quá mà sinh ra thủy bào, nên nói tà khí thái quá độc xung kích mà làm ra thủy bào, đầu thế có trường hợp chính khí đầy đủ mà lại không đuổi được độc hao được mù để làm ra thủy bào, như thế khó tránh khỏi cái họa ngựa dữ; lại có người đem bộ vị sở thuộc của ngũ hành mà xét đoán tựa hồ như lý lẽ rườm rà không cần thiết. 'Về phương pháp chữa tổng quát' là: Đầu là vị trí cao nhất (nguyên thủ), hông là nơi thụ khí, cổ là nơi xuất nhập, lưng thuộc về ngũ du, đậu chính mà mọc đầy cũng còn đáng ngại, hống hồ, là thủy bào! còn như chân tay thời như sĩ tốt ti tiện ít thấy mà không

hại gì, song cũng là dấu hiệu ty hư, nếu đậu mọc đầy kín xít nhào cũng là chứng ác sẽ làm ngứa dữ, dần dần, như trước kia đã có mụn ghẻ, hoặc bị thương chưa lành, hoặc mới lành, vết đậu nổi quy tụ nhiều mà sinh thủy bào, mấy trường hợp ấy là do nguyên nhân ngoài không phải nguyên nhân trong, thời không hại gì.

Đậu mọc thủy bào giống với đậu hắc hăm, hoặc mọc thủy bào, hoặc huyết bào, hoặc đỏ, hoặc tím, hoặc đen, nếu thấy mấy chứng trên thời 10 bệnh không sống một. Nhưng cũng có giống như thủy bào mà kỳ thực là không phải, phải phân biệt, là vì bệnh nhân vốn có thương tích hoặc ghẻ chốc chưa lành hoặc tuy lành mà vết sẹo còn non, một khi lên đậu thì mụn đậu sẽ đơn bon phía, mà mụn đậu sẽ quy tụ ra nhiều bởi mụn đậu với mụn ghẻ lý cũng tương tự, do ghẻ làm mụn thời da thịt hư nát, khí sắc có khác, trên da lành rồi cũng dễ phân biệt, không được nhận ngay là thủy bào sắc tím sắc đen vậy.

Nhận thấy sách xưa có nói ác chứng thủy bào giống như hắc hăm độc xuất ra ngoài hay độc vào trong thể tuy khác nhau, mà nói độc trệ làm hại thời chỉ có một, bởi chỗ độc khí dữ quá trở thành uất át nặng lắm thời xung đột những chỗ bằng chỗ lõm, nhưng chỗ uất át, mấy chỗ có thủy bào là những chỗ bị độc khí xung đột vậy, nhiệt độc phục ở trong xua đuổi tản dịch đi trước phải trực độc làm thư dân bấp thịt, ngoài dùng kim bằng bạc chích lẻ cho ra máu bầm, rồi dùng rượu ngâm hạt mùi trộn với quan phần mà xoa. Phép khác là dùng kim châm rồi hút bỏ máu độc, rồi dùng Yên chi bôi lên, lại dùng Bách hoa cao (142) mà bôi. Những thứ đậu này hay phát ngứa sau ngày cương, phải thường dùng Nhân trần nấu xông (289), không nên kiêng lễ phải cẩn thận, không thì nó gặp vỡ rồi kéo dài không lành, biến sinh chứng cam thực. Hoài sang gây bất trị rất nhiều (1)

X- ĐẬU RÁO NƯỚC MỦ (hắc tương)

Đậu ráo mủ tức là loại đậu rỗng nhưng khác tên, bên ngoài hình thể đậu tròn trịa mà bên trong thì rỗng không, gây lát đã ráo mủ, cuối cùng sắc cũng biến đổi, đó là khí huyết lưỡng hư, dứt khát là do tâm hỏa đốt mà phế kim khô cạn (ráo) bởi hỏa hừng lên mà dư độc lại tấn công, vì huyết nhiệt không thể hóa thành nước mủ (tương), phế kim ráo cho nên thận thủy cũng khô cạn, khí sẽ hãm mà trở thành nội, một khi thấy đậu có chiều ráo mủ, phải mau dùng Hoàng liên, Sinh địa, Tế giác, tử thảo để thanh hỏa độc rồi tiếp đến dùng Sâm, Kỳ, Quy, Địa để bồi bổ âm dương, giữa cái thế tác khí chưa mạnh nhan khí chân nguyên khi chưa dứt, là có thể giúp đỡ phần nào, nếu để trí hơn thì khó chữa lành, như ăn uống được khá, thời nguồn sinh hóa chưa dứt, lại thêm có thuốc tư bổ thì 10 bệnh có thể cứu một.

XI- ĐẬU LOÉT TRONG

Phạm đậu 7 ngày về trước có chứng loét trong tức loét dạ dày, bởi vì do bị trúng phong hàn, chân lông thời thịt vít chặt hai phần âm dương ngăn ăn lấp chẳng thông, cho nên khí không thể càng thuộc huyết, huyết không thể tải độc ra ngoài, độc trở vào trong tấn công tạng phủ, hỏa độc đốt cháy loét mà thành mủ, triệu chứng là môi miệng lưỡi

đều đóng trắng, đây là phép chứng nghiệm, người có hiểu biết, trước khi đậu chưa mọc hoặc có phong hàn ngăn trở, hơi thở to, nóng dữ đau bụng mà thân thể lại run bần bật, phải mau mau phòng bệnh này, dùng Thàng ma thang (15)0 đuổi tan hàn tà, khai thông tấu lý, đuổi thẳng độc ra ngoài, hà có chứng này vậy thay.

XII- ĐẬP VỠ (9 điều)

Cái quý của đậu là bọc đậu bền chắc không vỡ, no tròn đến lúc đóng vẩy, trường hợp bị đập vỡ là hòa hơn nhiều vậy. Nội kinh nói: nóng hơn nhiều thì thịt bầy, tác dụng của hòa giống như con hổ, đậu gặp hỏa tảo thời ngứa không yên, bức bách thời khô nám mà đau khó chịu, độc đốt thời nhùn nát thành mụn, cho nên làm hư các loại vật không gì bằng hỏa, song hỏa sinh nơi chỗ trống không, nếu không trống không thì không cháy, lửa cháy gặp gió (phong) thì lửa hừng càng dữ, cho nên đậu đập vỡ là do cơ nhục vốn hư gặp phong tà xâm nhiễm, về phong thì hay vận hành, thường biến đổi, bởi thế độc nó vận hành ở các mạch du mà tán trong phần đi về, một khi độc phát từ trong thời phong hướng ứng nơi biểu, phong nơi hóa cùng đẩy động, bắp thịt căng thẳng, bị phù nứt nở mà đậu hư hoại, như khi cương mủ rồi lại vỡ, thời độc đã hóa tiêu, chỉ lo là dinh diệu không thể thu công, ngoài dùng Bại thảo (128) rắc lên chỗ lở. Ông Đơn khê nói: Mụn ứ (thấp sang) phải trừ thấp, trong dùng những phong dược như Phòng phong, Bạch chỉ hoặc lợi tiểu tiện. Như chưa làm mủ, độc chưa hóa, phát ngứa đập vỡ, thời vệ khí bốc tiết ra tán dịch không vinh nhuận, ví như cò, cây bị bốc vỡ thời khô, héo mà chết, Nội kinh nói: Căn ở trong gọi là thần cơ, thần đi thời cơ nghỉ, căn ở ngoài gọi là khí lập, khí ngưng thời hóa tuyết, đây là ý ấy vậy.

Như sau thu áp, mà lại đập vỡ thì đây là dư độc lưu trệ ở khoảng cơ nhục do không được chữa chép giải lợi, phải dùng thuốc giải độc thâm thấp nếu đậu lở đập không có mủ mùa la không ngừng, hoặc đại tiểu tiện đều ra máu, ăn bú không tiêu, đều là chứng bất trị.

Đậu mung mủ đã đầy đủ, hoặc có đập vỡ chút ít đây là chuyện thường chỉ có đập vỡ trước khi mưng mủ gọi là vết loét, đang lúc thu áp mà không thu áp, khắp người vỡ loét (lở loét) không thu gọi là đập vỡ. Phần nhiều do trước khi đậu sắp mọc đáng lẽ phát tán mà không phát tán, nhiệt độc chứa ở bên trong ngăn lấp nơi hông ngực, độc khí chạy ra da dễ, đậu ất đập vỡ mà kiềm cố chứng khó thở, bứt rứt khó chịu, hoặc chức không nên phát tán mà phát nhầm, dương khí sẽ lọt ra ngoài, chân lòng thổ thịt thừa hờ, biểu hư, độc tràn lam cũng gây nên khắp mình đập vỡ, đây đều là do nơi không thạo dùng phép giải biểu là gây nên.

Lại có trường hợp dương độc dùng bên trong, hỏa thịnh mạch thực, đại tiện bốn, ưa lạnh, đây là lỗi do dùng thuốc thanh lợi, gây nên chứng dương minh tích nhiệt da thịt đập vỡ, đây là do không rành thuốc giải độc, phương pháp chữa chứng này hễ biểu nhiệt phải thanh hao tả, biểu hư thì dùng thuốc bổ dinh vệ, và lại tỳ chủ cơ nhục, tất phải điều tỳ tiến thực, khiến cho đường đại tiện được thông để sinh cơ giải độc, nhưng giải độc, nhưng giải độc không thể dùng thuốc quá mát, điều dưỡng không thể dùng thuốc quá nóng chỉ vừa mức trung hòa là tốt.

Lại có trường hợp trẻ con chưa giáp tuổi tới, đậu tuy đỏ trơn mà dày đặc, không hờ, khí huyết không được đầy đủ, cũng dễ thành chứng ban lan (vết loét) như vậy gọi là thuyên bé không xiết chờ nặng, át gây sự chìm đắm vậy, nếu ăn bú biết ngon, các chỗ cấm hoàn toàn nan sắc không tư nhuận, cổ họng trong đắng mà không sưng đau, với không có chứng các công hại, xem có vẻ bảo toàn.

Lại có trường hợp do dùng thuốc phát biểu quá lắm mà gây ra bên ngoài thì vết bớt, bên trong thì hư, dương khí không gìn giữ tạng phủ mới sinh chứng ỉa chảy, phải cấp bách dùng Mộc hương tàn (129) để chữa, nếu nặng lắm có thể lạnh ngắt, phải dùng Dị công tán (115).

Bệnh đậu khí thu áp, sắc mủ trắng đục mà hơi xanh, mụn đậu no tròn bên chắc, như hình vẩy con ốc, vẩy đậu nhô cao như hạt chân, đây là chính thời kỳ đậu thu áp, còn như mủ đầy mà sắc xám đen lại kèm có hiện tượng xẹp bằng, trên da, hoặc trên đầu có lỗ mủ đóng cục thành vẩy máu như cứt gà sấp đây là bậc thứ, bằng như vỡ da chảy mủ, da mỏng như giấy lại cũng là bậc thứ, nhược bằng rách ra dập mủ không đóng vẩy mà nước mủ hôi tanh, đây là chứng ngoại áp, ấy là bậc chết.

Như đậu quá kỳ mà thu áp, ví như dưa quả hễ chín lâu thời nát vỡ, đây cũng là lẽ thường của tự nhiên, nên coi là chứng thuận, nếu chưa tới kỳ mà thu áp hay là dập vỡ thời là chứng nghịch ắt biến thành chứng đảo áp mà chết. Nhưng cũng có lý do vì quá dùng Sâm, Kỳ, và những thuốc thác lý mà khiến cho tà ở trong đã ra hết mà độc ngoài biểu không tự giải được, cho nên đậu quá kỳ mà vỡ bấy không thu áp, chữa nên giải biểu để thắng cái thấp đầm ngấm, giải lý để bớt hỏa độc uất nấu, thời tự nhiên dễ đóng vẩy.

Còn có trường hợp trong ngoài nóng nhiều, độc khí tản mạn không âm khí để thu liễm, chỉ cho dùng thuốc thanh lương giải độc mà thôi.

Đậu bị dập vỡ trước ở trên mặt, vì đầu là nơi hội hợp của các kinh mạch dương, đậu cũng là dương độc, bởi cùng loại cho nên nó theo nhau như nước thì chảy về chỗ ướt, hỏa thì chảy tới chỗ khô, hướng chỉ tinh ba của tâm thể hiện ở mặt, các chứng mụn lở đều thuộc tâm, nếu thụ có tâm hảo thịnh là dấu hiệu nó hùng lên, nếu như đậu trên mặt đã vỡ tới xưng xộp, mất mủ, đậu không đón vẩy, trước đã khô ráo, là triệu chứng đảo áp, trường hợp này chết trong sớm tối. Như đậu đã vỡ lại chảy nước đầy mặt đóng thành dề khô nứt trần trệ mủ màu dầm dề. Ăn cơm thời mửa, uống nước thời sặc, khạt nhổ ra nhớt đặc, tiếng nói tắc khản, trong mồm nghe hôi thối đây là tạng phủ đã bại hoại cho nên các chứng đều thấy hết, thời trầm ngấm ẻo dãi mòn mòi mà chết; còn như đậu sưng dập mà sự uống ăn không trở ngại, đại tiểu điều hòa, nhất là không có triệu chứng khổ sở như trên thời có thể chữa được, dùng Thập toàn đại bổ thang (111) Thang dương giải độc thang (166), thay đổi mà uống, ngoài dùng Tuyết ban tán (168) hợp với Bách hoa cao (142) mà xoa.

Vì biểu hư mà đậu không thu áp, nhất định l vệ khí bất túc nên không thấy triệu chứng sốt, nên dùng Thập toàn đại bổ thang (111) hoặc bỏ Nhục quế gia Phòng phong, kinh giới tuệ, uống nhiều thời khỏi.

Đậu dập vỡ do hỏa thịnh vị nhiệt, dùng Đại liên kiều âm (24) nêu đại tiện bốn uất thời thông khoan bằng mật heo (Trừ dầm đạo pháp) (104).

Đậu nhiều dùng thuốc phát biểu thái quá, hoặc thanh giải quá nhiều vì thế mà biểu

lý đều hư, dương khí không giữ lại được, bên trong sinh ỉa chảy, ngoài sinh dập vờ, phải cấp bách dùng thuốc cứu lý, nên dùng Trần Thị Thập nhị vị Di công tán (97) hoặc vị Di công tán (99)

Đậu dập vờ, nước mủ dầm dề, dùng Bạch thảo tán (128) hoặc Kiều mạch tán (148) mà rắc, như vết vỡ, làm mủ đau dữ, dùng Thiên thủy tán (34) trộn với bạch hoa (142) mà bôi.

Trường hợp lên đậu do mặc áo hoặc đắp mền quá dày, hoặc thường hay hơi lửa, hoặc thích uống rượu, chưa đến bảy ngày đã thu áp chưa đủ kỳ hạn của nó, mà đậu thu áp rất gấp mới sinh ra từ mặt đến lưng, dập lờ, bằng tẹt chẳng đóng vảy, đây không phải thu áp chính mà là đảo áp, kịp nên cởi bỏ áo mền, chớ co gàn lửa, chớ cho uống rượu nhân lập 1 phương, dùng Hoàng kỳ bạch chỉ để bài nùng, Phòng phong, Thuyền thái để sơ biểu, thanh bì, Cát cánh để hòa trung, Ngưu bàng cam thảo để giải độc, sau khi uống thuốc rồi các mụn dập lại cương lên, thời độc khí trong ngoài đều không được lưu lại mà lần lần thu áp.

XIII - ĐÌNH ĐẬU

Phụ: *Mẫu đậu, Tặc đậu, 15 điều*

Trong bệnh đậu, chỉ thấy riêng vài mụn to hoặc đen hoặc trắng chân sâu gốc cứng, đó là đình đậu, như loài đình độc tới tận gân xương, với trong chỗ đen lõm đậu hơi nhon, dạng như quả dương, hoặc có nhiều mụn đậu khác quy tụ vào chỗ hình như hắc lao, (lác, hoặc như sợi chỉ đen dất ngang nhau, hoặc trong đó 1 mụn rất hôi, rất đau nhức, đều là Đình đậu cả, nếu không có trạng thái trên đây thì đây là chứng hắc hăm, nhưng hắc hăm thì kết cứng lây ngày tụ mà không tan thì thành đình đậu, tóm lại do khí huyết ngáu nát, nhiệt độc xúc tích, kết tụ 1 nơi, gồm với tiết thời hanh, hơi độc của dịch khí rất là các chứng, cho nên gọi đậu 'Đình cấm' nếu người lên đậu mà có một hạt đình thời các độc không thể tuyên phát được, bao nhiêu mụn đậu đều không thể mưng mủ được.

Cái hại của đình đậu là do huyết nhiệt dữ, khí ngưng nhiệt trệ, mà sinh ra, về màu sắc thì trước tím sau đen, cũng có khi mới đầu sắc trắng rồi lõm rồi đau, đậu đình cùng các thứ đậu mới mọc ở đầu mặt có đình là nhiều hơn giai đoạn giữa thì ở bụng lưng có đình nhiều hơn, đậu thu áp rồi thời chân và bắp vè có đình nhiều hơn, chạy chữa hơi chậm thời khắp người đều có đình cả.

Phạm chứng 'mẫu đậu' tức Tặc đậu tràn nước mủ, thứ đậu này nhiều khi mọc ở trong đậu tốt, nó liềm phục chứng vài mụn bên đậu tốt, hình nó to lớn nước nó như màu sấp vàng, về sự nguy hại của nó gần giống Đình đậu, nên phương pháp chữa không khác với Đình đậu.

Thấy đậu có sắc bầm đen khô cứng to lớn riêng biệt, kim châm không biết đau, dùng tay nắm có hạt cứng tức là đình đậu, nên không dùng kim lẻ đi thời toàn thể các mụn trong cả người không cương được, hoặc đều biến sắc đen rồi chết, nặng hơn có thứ đen hơn mà mềm dầy gọi là đậu đen, trong khi đều trị chớ nên làm với đậu đình, vì đậu đình do nhiệt độc xúc tích khí huyết ngưng bại mà sinh ra, nhưng chỗ giống nhau cũng

có mấy thứ, đều là chứng ác, nên cần thận dò xét.

- Có thứ đậu mới mọc ra nốt đỏ lần lần biến đen mà mụn cứng như đá đó là cơ nhục đã bại hoại, khí huyết bên trong hư không thể hóa được độc trở thành hãm phục.

- Có trường hợp bấp thịt hơi sưng, nốt đậu nổi cao như hạt thóc chụm lại, không phân chân hần, đó là khí trệ huyết ngưng, độc khí kết trệ chẳng tan.

- Có trường hợp trung tâm nốt đậu đen lõm, bốn phía thì nhô lên có mù, đó là huyết chạy theo độc, khí không đẩy đủ.

- Có trường hợp trung tâm nốt đậu có nước mù rồi tự nhiên dập vỡ đó là khí huyết đều hư, bị phủ bại hoại.

- Có trường hợp nốt đậu như bóng nước (thủy bào) mỏng mỏng dễ vỡ, đó là tùy hư không thể chế thấp, khí hư không thể bắt buộc làm mù mà ra nước.

- Có trường hợp nốt đậu như bọc máu, sắc bầm dễ vỡ, đó là huyết thiệt chạy bậy mà khí hư không đẩy đủ nên da đậu không biến cố.

- Có trường hợp trên đầu nốt đậu có lỗ, nước mù chảy ra, đó là vệ khí đã hư, nước mù lọt ra ngoài.

Bây chứng kể trên, so với đinh đậu thì khác nhau mà nguy hiểm thì cũng là một, lên đậu được 5 - 6 ngày mà thấy một trong bảy trường hợp trên thì không thể chữa được.

Đinh đậu là những cây đinh, một khi đinh đã đóng xuống thì không thể xoay trở, trong lúc đậu mới mọc mà cơ đinh đậu, đại tiện hơn uất lưỡng theo sức mạnh yếu, già Đại hoàng để sơ thông, bên ngoài dùng khi bằng bạc khêu nhẹ cho rách da, hút máu độc trong đậu nhỏ vào ly nước, thấy máu đỏ là còn có thể chữa. Nếu thấy máu đen thì khó khó lành, m kế đó dùng bột Trần châu trộn với sữa người cho uống hoặc dùng Tử thánh tán (170) mà xoa, còn có phép dùng sơn từ cỏ trộn với thịt Bù hung giã nhuyễn mà xoa. Mấy phương trên đây dùng hút lấy gốc đinh đậu rất nhanh, hoặc dùng phép cứu cách tôi, nếu độc dữ quá mà không biết đau thời xem trên nốt đinh đậu chỗ đã đốt ngải cứu rồi, đầu nó đỏ sưng tấy lên thời lại dùng ngải cứu đốt thêm, phải làm khẩn cấp nếu không có sắc tái dần tím thâm, gây nên đau nhức chẳng yên, các chứng rõ lên, không thể mừng mù được, nặng là không thể cứu.

Lại có trường hợp sau thu áp mà sinh đậu đinh, dập vỡ thành hang hốc, thấy gân xương là chứng nguy, trong phải cho uống Nhân sâm, Cát cánh, Cam thảo ngon, Sinh địa, Hồng hoa, Liên kiều, Kim ngân hoa, Bối mẫu, Cương tâm, Dương quy, Xích thực, Xích linh. Mộc hương, Sài hồ ... ngoài dùng thuốc xoa, nếu độc công trong tạng phủ gọi âm sang không chữa được.

Nhưng cũng có chứng độc nhiều nước mù ở trong, nửa tốt nửa xấu, hoặc có đinh sang thì phải dùng thuốc bổ thác làm cho khí huyết vượng lại, thời độc đậu cùng đinh sang đều cương mù, độc tiết ra ngoài, như thế có thể chuyển họa vi phúc, trong phải dùng thuốc thác lý, ngoài dùng kim bằng bạc để chích nhẹ bốn phía, dùng gạo bột trần châu, đậu Hà lan, tro tóc sữa, rắc lên, lại dùng dầu Yên chi để bấp bôi làm cho nó bật cồi xa thời độc sẽ hết.

- Có trường hợp đinh đậu quá to, phải dùng kim bạc chích nhẹ cho nó phá miệng, hút bỏ máu độc, rồi rắc thuốc vào cho đậu trở lên hồng hoạt mới có thể sống, đại để đậu

hắc hãm mà nhiều đĩnh hoặc nhiều dư độc khoiông cương mù, phần nhiều là chết, nếu chính đã chích lễ, rắc thuốc mà không trở lại màu hồng hoạt, vẫn còn sắc đen thì nhất đĩnh chết.

Sách tâm giám có chép: Đĩnh đậu mọc ở chân tay không gần tạng phủ thời dễ chữa, như nó mọc qua gân xương thì khó chữa, thấy mọc khắp đầu mặt, bụng, lưng, gần tận nơi trong, thế độc sẽ công thấu tạng phủ, như chưa thấu phải cấp bách chữa cháy, dùng hùng hoàng (phi qua) trộn đều với Thiểm tó (thứ thiết) làm viên bằng bat mè, lễ trên đầu đĩnh chấm thuốc vào thì kiến hiệu ngay, hoặc dùng ba đậu 1 hạt bỏ vỏ bỏ màng, trộn với Chu sa 1 phần, nghiền nát chấm vào 1 giờ là kiến hiệu, trong cho uống Vô giá tán (79) mức nước giếng hòa 3-5 giọt máu đuôi heo cho uống.

- Đậu đĩnh với chứng hắc hãm lên cho uống lục khí 'tiển' (72) gia thêm những loại như Xuyên khung, Tử thỏ, Hồng hoa, Mộc thông để bổ huyết, lương huyết thì đậu đĩnh sẽ lui, khi đậu đĩnh lui rồi thì bội dụng lục khí 'tiển' (72) hoặc 'lục vật tiễn' (63) ngoài dùng tứ thánh đơn (180) trộn với nước Yên chi trấp (190) mà điểm.

Trước có nốt sởi chưa lành, nay lại lên đậu, những chỗ lở của mụn sởi thời đậu sẽ gom tụ mọc ở mấy chỗ dấu vết rất nhiều mà hình sắc đen lỗ, phải mau dùng kim bọ chích để cho vỡ, hút hết máu độc, nhỏ vào ly nước nếu máu đỏ thì chữa được, máu đen là khó chữa, trong phải uống 'Gia vị Tứ Thánh đơn tán' (160) Vạn thị đoạt mệnh đơn (11), ngoài dùng Vạn thị Tứ Thánh tán (217) mà xoa.

Khi đậu thu áp rồi có đậu đĩnh đập lở thành hang lỗ, nhìn thấy gân xương, nên dùng 'thác lý tiêu độc tán' (71) hoặc kinh phòng Bại độc (198) gia Xuyên sơn giáp, Thuyền thoái, Cương tâm, ngoài dùng thần hiệu Dương quy cao (291) hoặc Thai ất cao (286) hoặc dùng Bạch long tán (172) xoa vào chỗ lở.

XIV- ĐẬU LỖ

Đậu lở vốn lành nhiệt độc ngân uất, khí huyết hư ngược, sinh ra da thịt bại hoại. Sách nội kinh nói: Nhiệt độc thắng thời thịt hư thối, sách Chính lý luận nói: Mạch phù mà đại là khí khỏe, phù là khí hư phong và khí va chạm nhau ắt thành chứng ẩn chấn (mày đay), mình mẩy ngứa ngáy. Chứng ngứa này gọi là tiết phong, lâu ngày biến thành chứng đại lại. Phàm khí huyết được đầy đủ, bên ngoài không có hư phong bên trong không có cường tà, thời không bệnh ấy, duy có khí huyết sẵn hư không thể cấp dưỡng bảo vệ toàn thân mà dễ cảm khí khắc nghiệt của trời đất cho nên trong khoảng da thịt hư phong ở đó cùng kích bác với đậu sởi, uế độc, dịch lệ cháy khí đốt cháy tứ phía lung tung, tùy chỗ chưa hở mà mọc ra cho nên những nơi có đậu mọc dày đặc trên mình không chỗ hở, ngứa gãi không chịu được da thịt lở lảy mà thành chu đậu lở, phải mau mau trọng dụng thuốc đậu bổ khí huyết thanh nhiệt giải độc, ngoài dùng cứu khổ diệt ban tán (150) mà bôi, chân n tay hư hại, dù chữa được cũng thành tàn phế trọn đời.

có mấy thứ, đều là chứng ác, nên cẩn thận dò xét.

- Có thứ đậu mới mọc ra nốt dò lần lần biến đen mà mụn cứng như đá đó là cơ nhục đã bại hoại, khí huyết bên trong hư không thể hóa được độc trở thành hãm phục.

- Có trường hợp bấp thịt hơi sưng, nốt đậu nổi cao như hạt thóc chụm lại, không phân chân hần, đó là khí trệ huyết ngưng, độc khí kết trệ chẳng tan.

- Có trường hợp trung tâm nốt đậu đen lõm, bốn phía thì nhô lên có mũ, đó là huyết chạy theo độc, khí không đẩy đủ.

- Có trường hợp trung tâm nốt đậu có nước mũ rồi tự nhiên dập vỡ đó là khí huyết đều hư, bị phủ bại hoại.

- Có trường hợp nốt đậu như bóng nước (thủy bào) mòng mòng dễ vỡ, đó là tùy hư không thể chế thấp, khí hư không thể bắt buộc làm mũ mà ra nước.

- Có trường hợp nốt đậu như bọc máu, sắc bầm dễ vỡ, đó là huyết thiết chạy bậy mà khí hư không dạng đầy đủ nên đa đậu không biến cố.

- Có trường hợp trên đầu nốt đậu có lỗ, nước mũ chảy ra, đó là vệ khí đã hư, nước mũ lọt ra ngoài.

Bảy chứng kể trên, so với đinh đậu thì khác nhau mà nguy hiểm thì cũng là một, lên đầu được 5 - 6 ngày mà thấy một trong bảy trường hợp trên thì không thể chữa được.

Đinh đậu là những cây đinh, một khi đinh đã đóng xuống thì không thể xoay trở, trong lúc đậu mới mọc mà có đinh đậu, đại tiện bốn uất lưỡng theo sức mạnh yếu, già Đại hoàng để sơ thông, bên ngoài dùng khi bằng bạc khêu lể cho rách da, hút máu độc trong đậu nhỏ vào ly nước, thấy máu đỏ là còn có thể chữa. Nếu thấy máu đen thì khó khó lành, m. kể đó dùng bột Trần châu trộn với sữa người cho uống hoặc dùng Tứ thánh tán (170) mà xoa, còn có phép dùng sơn từ cò trộn với thịt Bù hung giã nhuyễn mà xoa. Mấy phương trên đây dùng hút lấy gốc đinh đậu rất nhanh, hoặc dùng phép cứu cách tôi, nếu độc dữ quá mà không biết đau thời xem trên nốt đinh đậu chỗ đã đốt ngải cứu rồi, đầu nó đỏ sưng tấy lên thời lại dùng ngải cứu đốt thêm, phải làm khẩn cấp nếu không có sắc tái dần tìm thâm, gây nên đau nhức chẳng yên, các chứng rõ lên, không thể mưng mũ được, nặng là không thể cứu.

Lại có trường hợp sau thu áp mà sinh đậu đinh, dập vỡ thành hang hốc, thấy gân xương là chứng nguy, trong phải cho uống Nhân sâm, Cát cánh, Cam thảo ngon, Sinh địa, Hồng hoa, Liên kiều, Kim ngân hoa, Bối mẫu, Cương tâm, Dương quy, Xích thực, Xích linh, Mộc hương, Sài hồ ... ngoài dùng thuốc xoa, nếu độc công trong tạng phủ gọi âm sang không chữa được.

Nhưng cũng có chứng độc nhiều nước mũ ở trong, nửa tốt nửa xấu, hoặc có đinh sang thì phải dùng thuốc bổ thác làm cho khí huyết vượng lại, thời độc đậu cùng đinh sang đều cương mũ, độc tiết ra ngoài, như thế có thể chuyển hóa vi phúc, trong phải dùng thuốc thác lý, ngoài dùng kim bằng bạc để chích lể bốn phía, dùng lạo bột trần châu, đầu Hà lân, tro tóc sứa, rắc lên, lại dùng dầu Yên chi để bấp bôi làm cho nó bật cồi xa thời độc sẽ hết.

- Có trường hợp đinh đậu quá to, phải dùng kim bạc chích lể cho nó phá miệng, hút bỏ máu độc, rồi rắc thuốc vào cho đậu trở lên hồng hoạt mới có thể sống, đại để đậu

XV- ĐẬU THỐI (2 ĐIỀU)

Sách nội kinh nói: Nhiệt độc thắng thời thịt hư thối, cho nên chứng đậu thối do hỏa bức mà sinh ra, nhưng phần nhiều không chết vì nó bài tiết được khí độc ở dương minh, nếu thối mà đen, lở thành hang hốc, và thấy mắt, không thần, là nguyên khí với cạn hết cũng là chứng chết, cho nên đậu thối mà hồng hoạt máu mủ tràn đầy, đầu thối mà không ráo không ngứa, thối mà không kéo dài độc làm đau nhức, thối mà bùi dài không lòi ra hết, thối mà da thịt không đen lở, thối mà trong miệng không hôi dữ, thối mà ngón tay không lở tới móng, thối mà mình nóng khí bùng, tiếng trong, hay ăn được,... đều là đậu sống, song phải dùng ngải cứu, rau mùi đốt xông để tránh hơi ô uế, và dùng Thăng ma, Tía tô nấu nước xoa rưới chỗ thối, càng phải vệ sinh sạch sẽ giường nằm chân đắp, trong cho uống thuốc thăng thác bổ dưỡng, là cần yếu.

Mùi tâm là khét, của can là ráo, của tỳ là thơm, của phế là tanh, của thận là mùi củi mục song năm mùi ấy (ngũ xú) đều thuộc tâm, cho nên nói mùi hóa theo hỏa, đậu tới lúc thu áp, tại cánh chỗ xảy ra mùi hôi, đó là khí của mụn đậu chín mủ, từ từ trong ra là tốt, nếu lúc đương tương (lâm mủ) mà có mùi thối, đây là hơi hỏa độc bại hoại tích ở bên trong mà thấy bên ngoài là xấu, nếu tới lúc mưng mủ mà ngứa gãi, cào cho dập lở, mùi nó ráo là can hỏa thịnh, mùi nó khé là tâm hỏa thịnh, mùi tanh là phế hỏa thịnh, đều là chứng nguy mùi bấy là thận hỏa thịnh, hoặc là mùi của đậu bầy, đều là chứng chết không chữa được, duy có mùi thơm là của tỳ, phủ của cơ nước, (thủy cốc) chỗ nào cũng nhờ nó chu cấp cho nên là tốt, nên lay ăn được không ăn được cùng với các chứng hậu để xét, như mấy chỗ trên đầu, hồng sườn cổ, khí oa, nó lõm, loét, thối, đen, sáu thấy gân xương thì nhất định là chứng chết, cũng như lúc lâm mủ chữa rồi là lúc độc chưa hóa mà nảy sinh mùi thối, đó là lúc tà hỏa làm phạm sự, về khí nóng cạn, cho đến dương tuyệt âm kiệt mà sau này cũng chết.

XVI- ĐẬU CÓ GIÒI

Đậu có giới là vì độc khí thấp nhiệt sinh ra, do máu mủ mà hình thành, mùa hè bị lên đậu, thành tụ chậm trễ, thường có nhiều chứng đó, nhưng đậu mà có cái này, dù cho đậu tốt cũng sẽ làm ngứa dữ dội, bên ngoài nên dùng kim bạc lẻ bỏ đi, hoặc dùng lá dâu già (kinh dương tang diệp) với Bạc hà đại nấu nước để rửa thì giới tự ra mà ngứa cũng hết, tại sao đậu có giới mà không chết? là vì độc dữ đã tiết hết ra ngoài, cũng có trường hợp đậu có giới mà chết đây cũng là ý nghĩa vật mục sinh trùng, phải xem chứng hậu tốt xấu để nghiệm.

XVII- ĐẬU GHÉ CÓ BAN (18 ĐIỀU)

- Phát ban là kinh dương minh cảm thụ độc nóng dữ gây ra, song chứng trạng có hai loại: cảm thụ dương độc mà phát ban, triệu chứng là sốt cao, tỏa khát, ngũ tâm phiền nóng, mạch hồng hữu lực, sắc đỏ hồng là vị nhiệt, có thể chữa, sắc màu đen là dạ dày

đã loét, không chữa được, sắc thuận đen là nhiệt độc nhập vào thận sâu lắm rồi, càng không chữa được, nếu nhiệt độc ủng thịnh mà đại tiện bốn uất, thì phải cấp bách công hạ, không thời chứng vì nhiệt không thể bài tiết, chứng ban càng đốt cháy, chỉ không nên hạ sớm vì hạ sớm thời trung khí bị hư yếu, độc khó mọc ra sẽ hãm phục trở vào, và lại nhiệt độc thừa hư vào vậy, thì ban độc càng khó chữa. Đây cũng giống lý lẽ với hạ pháp trong Thương hàn luận.

- Còn như âm chứng phát ban, trên mình không nóng nhiều, móng tay móng chân đều xanh, mạch trầm tế, sắc hơi hồng, đây là hỏa thất thủ ô can tích tụ ở vậy phủ, xông lên phế, truyền ra bì phu, mà làm ra chứng ban, cho uống thuốc mát không được, phải ôn vị điều trung làm chủ, khí hòa thời hỏa tự giáng, ban cũng tự lui, mà đậu cũng tự mọc ra vậy.

- Thán hư đau lưng khó đứng yên mà lại có ban là tại sao? vì thận là cửa ải của dạ dày, như nhiệt độc sắc tích không bài tiết ra được, cho nên nói truyền vào vậy kinh, vậy chủ cơ nhục cho nên mới sinh ban, nên dùng loài Thử niêm, Thang ma, trong thuốc thanh lương giả độc kiêm thăng đề xuất biểu làm chủ yếu, nếu lúc ban đầu vội dùng thuốc hàn lương thanh vị thời huyết không lưu hành, cơ nhục lạnh ngắt, làm sao mà đưa độc ra ngoài được, nó mới tiềm phục tại thân để làm ra hoại chứng.

- Nếu thấy trong người nổi ban có sắc tím, đỏ, đen, mà giữa tròng trắng con mắt màu sắc như hoa đào, nước đỏ, bởi vì lòng trắng thuộc phế, như thế là đã lở bên trong, phế vậy bại hoại, nhất định không thể chữa được, vì màu sắc này từ trong lờn lọt một thứ nước màu đỏ, không phải như màng mỏng gân máu đỏ nổi ở bên ngoài tròng mắt.

- Sởi do tâm nhiệt, ban do vị nhiệt, ban là phần dư của huyết nó có màu sắc, có điểm mà không có hạt, không đau, còn đậu là xuất phát từ nơi tạng ta, thế rất nhanh chóng, đậu thuộc huyết nhiệt độc dư, nếu huyết thái quá mà khí lại bất cập, vệ khí thừa thốt, không thể giữ kín mạch lạc, mà huyết thái quá mặc tình cho tam tiêu bị hỏa phủ du mà phát ra chứng ban, cho nên cùng với hỏa bùng lên, nhưng đến khi độc đậu ra đều thời trong nơi tạng sẽ hư, nơi tạng hư thời ban theo mà giải, nếu không giải được thời dùng những thuốc nhẹ để tán hóa tà cùng với thuốc hoạt huyết giải độc mà điều trị.

- Lúc ban đầu phần nhiều dùng thuốc giải biểu tán tà, sau rồi dùng thuốc vừa giải biểu vừa sơ lợi, nếu thấy ban hết thì dùng thuốc bổ để giúp huyết, đề phòng đậu gây sự tổn hao, hãm xuống, có trường hợp đậu đỏ như lửa, đây là độc trệ không tuyên phát hoặc đến lúc đóng vẩy mà phát sinh mau đỏ, đây là dư độc nóng dư nung nấu phần thịt, như vậy nhất định đậu sẽ hết, phải dùng thuốc giải độc mấy chỗ loét dùng Sinh cơ tán (140) mà bôi rắc

- Phàm ban đỏ dễ lui, ban tím rất khó chữa, ban xanh, ban đen là nhiệt độc cương hai quá không thể chữa được. Đậu mọc mà ban lui là tốt, hoặc ban lui mà đậu mọc ra có vẻ rắn chắc cũng tốt, chẳng vậy thời ngoài da thành vết loét mụn đậu dễ sinh ngứa gãi, thời ban đỏ, khô lại thành cục, thịt sưng cứng lên gọi là cục u (đơn lỵ), độc nó rất dư, mỗi khi đậu chưa thành tựu mà trước nó đã dập loét phần nhiều không chữa được.

Tóm lại, ban sởi phải rút lui trước, để cho đậu hình thành một mình là tốt, không thời khí huyết bị hao nặng, tạng phủ đều bị bệnh cả.

- Đậu có ghé ban sởi không giống nhau, bởi vì sởi thì lần lần mà có hình, còn ban

thì có dề (có mắg) mà không hình, phàm đậu lúc mới mọc ra có dề, dề dờ, nổi cao như vân gấm, hoặc có vầng đỏ bằng ở trong da, toàn không có cái thể nổi lên, đều là chứng đậu có ghé ban, ban là do nhiệt độc uất lại huyết phân, mà nổi ra ở khoảng cơ nhục đây là chỗ do dương minh vị kinh chủ quản, hoặc do hàn tà sa vào dương minh uất mà trở thành nhiệt cũng đều gây nên phát ban chưa đều phải lương huyết giải độc, chỉ thấy ban mà đậu mọc là tốt, không thể thời ngoài bì phu ban lở loét ra để ngứa gãi mà da non dễ phá vỡ.

Về phương pháp chữa ban, đại để lúc ban mới phát thì phần nhiều dùng thuốc giải biểu tán tà, sau lúc mưng mủ phần nhiều dùng thuốc giải lợi, như khắp người đỏ suốt thì cách chữa cũng giống nhau.

- Đậu mọc ra ghé cao ban bệnh nhẹ chỉ dùng Thăng ma cát căn thang (1) gia Thạch cao, Huyền sâm, bệnh nặng lâm dùng Nhân sâm Bạch hổ thang (200) hợp với Lục vị Tiêu độc ẩm (99)

- Ngoai cảm phong hàn biểu tà chưa giải mà ghé có ban, nên dùng kinh phòng ba độc tán (198) hoặc gia Thạch ao, Huyền sâm, - Ban có sắc tím mà dai tiện bốn uất, dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29) làm cho lợi, khi ban đã lui thì dùng Tứ quân thang (90) để củng cố tỳ vị, ngô hầu tránh cái họa nội hàm.

- Phàm trị đậu có ghé ban lên lương huyết giải độc dùng khương hoạt tán (65) gia Xích thượng sao rượu, Tử thảo, Hồng hoa, Thuyền thoái, Mộc thông, Quan quế, Nhu mễ (nếp) cho uống vài thang liền, sau khi ban lui thì dùng Bảo nguyên thang (61) gia Mộc hương, Đậu khấu sắc cho uống để giải cái hàn lạnh của Tử thảo để phòng là chầy. Trong đậu ghé có sởi thì cách chữa cũng giống như thế, nếu để chậm một tí thời cơ nó biến thành ban đen là khó chữa.

- Đậu sau khi đóng vẩy mà thấy ban, trường hợp này là còn do dư độc nố nung nấu huyết phân, sẽ gây trạng thái dập vỡ, nên dùng Hoàng liên giải độc thang (4) gia Dương quy, Xích thước, Hoàng cầm, Thạch cao, nặng thời dùng Đại liên kiều ẩm (25).

- Nhiệt độc xông ở trong, đi ngoài ra mủ máu hôi tanh mà lại thấy ban nữa, đây là chứng loét vỡ dạ dày, không chữa nổi. Phát ban rồi đậu dập vỡ thì dùng Cửu khổ diết ban tán (150).

Đậu mà có ghé ban ghé sởi vốn không phải là diêm lạnh, song cũng tùy theo nhẹ nặng, nên châm chước phân biệt mà chữa.

- Phát sốt trong thời gian hai ba ngày chưa thấy lên đậu, bỗng nhiên khắp mình thấy xuất hiện diêm đỏ một lớp dày như hình muối cá, quyết không phải là đậu, đây đều thuộc loại ban sởi, phần nhiều do phong hàn ngân lấp, đậu không thể xuất hiện mà thấy ban trước, chữa dùng Sơ tà ẩm (19) hoặc Sài cát tiễn (17) hoặc Bai độc tán (304) để giải tán nhẹ bề mình mát được thì ban sẽ lui, lại qua được 1 ngày thời đậu mọc ra sẽ nhẹ.

- Một trường hợp khác, đậu ghé ban ghé sởi đều lộ ra một lúc, cũng phải phân biệt hàn nhiệt, nếu biểu lý đều nhiệt mà tà không giải, nên dùng Sài cát tiễn (170) gia giảm mà chữa, phàm tà ở lý ít mà ở ngoài nhiều, nên dùng Sơ tà ẩm (19), hoặc sài quy ẩm (21) gia những loại như Phòng phong, Khương hoạt để chữa, hoặc Bai độc tán (04) cũng được.

- Đậu có ghé ban đỏ, mọc ra như vân gấm, phải dùng lương huyết hóa độc thang (350) gia những loại như Sài hồ, Huyền sâm, Tề giác mà chữa, còn như đậu mọc có ghé ban sởi mà mất đỏ, môi nứt, là biểu nhiệt, phiền táo, khát nước dữ, nói xầm, thấy bầy bọ là lý nhiệt, nếu không dùng phép biểu lý song giải thì làm sao mà chữa được? nên dùng phong giải tán (22) mà chữa, nếu bệnh có thêm chứng ngầy ngật thờ nhật là bất trị.

XVIII - ĐẬU CÓ GHÉ SỞI, GHÉ ĐƠN (12 điều)

Đậu và sởi đồng thời mọc ra, bậc tiên triết mệnh danh cho nó là hai con hổ ngồi rình ngoài hiên, Bởi vì đậu nên bố không nên tả, nếu tả là gây tai hại lớn, sởi thì nên tả không nên bố, nếu bố thời phát sinh khó thờ, song đậu cần thấu nung thác độc ra ngoài, còn đậu kiêm có sởi, hễ sởi mọc được thời giải ra hết cho nên cả hai đều yên không phải lo, đậu kiêm ghé sởi ở thời kỳ cương mủ thời không được dùng thuốc phát khởi thái quá, chỉ nên trong thuốc trợ tương bỏ sâm, Kỳ mà gia Ngưu bàng, Cát cánh, Thuyền thoái, Cương tâm... một mặt giúp cho làm mủ vừa thanh phế khí, phế khí thanh được mà dương độc được dứt điểm tại thượng tiêu, còn như sau khi lên đậu mới lên sởi thì chỉ chữa sởi là được, nhưng trước thấy nốt sởi mà có mọc ghé như thủy đậu, đây chính thực là đậu, do bị nốt sởi làm hao mất phẩm dinh huyết, cho nên màu nó trắng như thủy đậu, phải dùng thuốc phát tán thời sởi tan mà đậu sẽ tự hình thành, gặp trường hợp này không nên nhận là thủy đậu, bởi vì vốn không có ghé thủy đậu.

- Bệnh sởi mọc ở da (phu chẩn) là khí nhiệt độc vượt ra ngoài da, lúc bồng mọc ra, nốt sởi như hột mè (vừng) nhưng sắc đỏ tươi thành phiến, chữa nhanh thanh lương bại độc, nếu sởi tan vài ngày mà đậu mọc theo ra, thể đậu ít sáng mà tối, có nổi mảy đay (ẩn chẩn) phần nhiều thuộc tý, vì tình trạng của nó ẩn trong da cho nên mệnh danh ẩn chẩn, trong lúc nó phát ra phần nhiều là ngứa hoặc tê dại cấu không biết đau, đây là kiêm có thấp đờm khác, nếu sắc đỏ lại kiêm hòa hóa, chữa nên giải độc làm chủ. Lại còn có chứng SA, hình nó nhọn, tròn bé như hột thóc, sờ vào gợn tay, bên trong có ngâm nước trong lá đúng nó, tổng quát do nhiệt độc phát ra, khác tên mà chung nguồn.

Đậu có ghé đơn là huyết nhiệt, khi đậu chưa mọc mà đã thấy đơn chỉ nên thăng đề phát tán như những loại Tử thảo, Thang ma, Thử niêm, Thuyền thoái, Xuyên khung, Kinh giới, Phòng phong, Cát cánh, Càn cát, uống rồi đậu mọc ra sẽ bề phục, trong ba bốn ngày thấy đậu mọc ra được thì nên lương huyết giải độc, dùng loại Sinh địa, Ngưu bàng, Mộc thông, Kinh giới, Tề giác, Tử thảo, nhưng cần xem phải nhan sắc người bệnh thế nào, như đỏ bầm là nóng lắm trắng là đờm thấp, còn như gáp sắc xanh đen là không chữa được.

- Độc đậu và sởi nguyên nhân khác nhau vì độc đậu ra từ trong tạng, còn độc sởi ra từ trong phủ, từ lúc hình thành trước có tạng mà sau có phủ, bởi tạng là nơi tiếp thụ chứa chấp, còn phủ là nơi đùn đẩy truyền tống, tạng thuộc âm, độc ở trong sâu, phủ thuộc dương, độc ở ngoài nông, phát ra đậu là do cảm nhiễm dịch khí của trời đất, phát ra sởi là do trúng phải phong hàn thời khí, vốn không phải lúc bình thường mà phát ra chứng

bệnh này, khi đậu mọc, độc vào khắp các khiếu trong toàn thân, bị phong hàn làm bế tắc ngoài chân lông thở thịt, cho nên huyết nhiệt ngân nghệt, kích động độc ở trong phủ, nhân đó bèn cùng mọc ra, đây đều là chứng không thuận, nếu như đậu thưa ít còn có thể dùng Thăng ma thang (158) ma giải, sởi tan, đậu mọc, như thế sẽ thuận; còn như đậu rất nhiều thời độc đậu rất khó giải vì khí huyết đã bị với kém từ trước, rồi những e khí huyết suy, không thể hóa độc đúng kỳ trước sau của nó, thực còn chưa có thể quyết định có sống hay không, nhưng đậu phải giải ra ngoài, sởi phải giải ở trong, sởi khi phát nhẹ và dễ giải, nếu có không giải thời sinh nóng trong mà ngoài lại cảm nhiễm phong hàn rất nhiều, cách chữa nên làm nhẹ phần biểu, làm mát bên trong, nhất thiết đừng cho hãn hạm tầm bậy, làm nhẹ phần biểu thời cơ phụ thư dần mà tả tan, làm mát trong thời chân huyết điều hòa mà độc tan, vội phát hãn thời khí lọt ra mà vong dương, hạ nhanh thời lý hư mà độc hãm, nhưng bệnh sởi phần nhiều thuộc phế, cho nên nếu thấy xuất hiện có mụn thời sinh ho, có đờm mà hạt bé, theo dương khí lên trên cho nên vùng đầu mặt mọc nhiều là tốt, nên dùng Thăng ma cát căn thang (1) hay Tiểu sài hồ (172), như bệnh nặng thời Ma hoàng thang (2) dùng thuốc tán biểu làm chủ, nếu sởi tan mà chỉ còn đậu mọc lên là tốt, nếu như sởi không tan thời phế khí đã tổn thương, can định lại hao tổn là chứng xấu.

- Chứng đơn chẩn (sởi có nổi đơn) phần nhiều thuộc tý âm, âm nơi trong da, hoặc thành cục mà đỏ, hoặc như vàng mây và đột xuất ra nhiều mọc ở chân, tay, lưng cùng trong mình, ngứa nhiều, hoặc có tề đại đây là kiềm thấp đờm khác biệt, sắc đỏ là kiềm có hóa hỏa, tốm lại, chứng này là do hỏa phù du ỉ gần trở huyết, tán mát ở bì phủ, chữa trước nên tán hòa nhẹ, kiềm dùng thuốc lương huyết giải độc, song đậu sơ phát mà có ghé đơn ghé sởi thì không cần chữa, chỉ cần dùng thuốc thác độc đậu làm chủ, nếu đậu mọc được thì các chứng kia sẽ bớt vấy.

- Đậu chỉ cần mọc một mình nó thôi, nếu cùng mọc với sởi ra gọi là đậu có ghé sởi, bởi vì lý do phát ra đậu sởi đều có dịch khí và thời khí hai thứ đó cùng thấy, độc nó rất nặng, sách Tâm giám có nói: ghé có sởi là đậu có chứng lưỡng cảm, phần nhiều là chứng không thuận, nếu đậu ít mà có ghé sởi gọi là sởi có ghé đậu, chứng này thời nhẹ, còn như đậu mọc dày đặc mà lại có thêm sởi đậu sởi lẫn lộn nhau, lẫn lộn khó phân biệt, chứng này rất xấu, phải mau dùng thuốc tân lương giải biểu trước, sau mới dùng thuốc thác lý nếu được độc sởi tiêu dần, đậu thấy lờm chờm giương lên thời có thể chữa, còn như đậu và sởi xen lẫn, sau dùng thuốc mà độc không giảm bớt thời là bệnh nguy không nghi ngờ gì nữa.

Về cách chữa đậu có ghé sởi, trước phải xét coi đậu thưa hay dày, sởi nhiều hay ít, như sởi nhẹ sốt ít phải chú trọng lấy đậu làm chủ, đậu cương được tốt thì sởi không đáng lo, còn như sởi nhiều mà sốt cao, nên cấp bách giải độc sởi, để cho sởi tan mà đậu sau này có thể giữ được.

- Lúc đậu mới mọc ra, có mụn bé mà đầy như trứng tằm, tức là trứng ghé sởi vậy, như đậu ít mà sởi nhiều phải nên giả độc sởi làm chủ, nếu biểu tà không giải được, trong nóng ít ngoài nóng nhiều là do nơi ghé sởi vậy, dùng sơ tả ẩm (19), Thăng ma cát căn thang (1) hay Kinh phòng bại độc tán (198) hoặc Thập vị Khương hoạt tán (222).

- Trong ngoài đều nóng, độc nhiều mà ghé có sởi, dùng Sài cát tiến (17) hoặc Giải

độc Phòng phong thang (152) hoặc thập tam vị khương hoạt tán (223).

- Trong nóng, độc thịnh mà ghé có sởi, dùng Lục vị tiêu độc ẩm (99) hoặc hợp với Hoàng liên giải độc thang(4).

- Như dương minh hỏa thịnh, sốt nhiều khát nhiều, hoặc buồn bực vật vã mà ghé có sởi, nên dùng Bạch hử thang (52) hoặc Hóa ban thang (219) hoặc Cát căn Mạch đông thang (235).

Những phương pháp thí trị như trên mà sởi tan đậu mọc thì có thể chữa được, sau mới tùy chứng diều lý, nếu sởi không tan đậu không giải là khó chữa.

- Đậu sởi đều nhiều, nhất định đậu nhiều hơn, tuy chữa đúng phép, độc sởi đã giải, nhất định khí huyết cũng đã trọng thương, sức lực suy yếu, gặp trường hợp này phải bảo dưỡng tỳ vị, điều hòa khí huyết làm chủ, ngũ hầu có thể giúp đỡ được, khi đậu đã thu áp rồi mà lên sởi, đây là dấu hiệu nọc độc được giải tán, không cần phải chữa.

XIX - ĐẬU GHÉ CÓ MỤN LỖ (2 điều)

Đậu ghé có ghé mụn lở, vì khí huyết bị mụn lở nó tước đoạt nên đậu phần nhiều không cương, không mừng mủ, huống chi mụn lở là loaid âm độc, đậu là loài dương độc, dương tiếp nối theo âm, gặp kẻ hở cho nên phát, cho nên đậu càng dày đặc, độc đốt cháy dữ, thân thủy không thể tư nhuận, phần nhiều biến sinh xam tía, vệ khí dễ tiết lậu tự phát ra phong ngứa, dùng thuốc thăng phát thời lỗ chân lông càng hở, dùng thuốc han lương thời độc khí càng bị ngăn nghẹt. Về cách chữa, trước phải xem bị lở từ lâu hay mới, thể chất người bệnh khỏe hay yếu, độc đã phát khởi hay còn ẩn phục? Như bị lở đã lâu mà muốn lành, hoặc ở đầu, ở chân thời dùng thuốc đóng kín mụn lở lại, chớ cho nó chảy lọt ra ngoài thời đậu tự cương, tự mừng mủ, nếu do mụn lở cương lên khắp mình dày đặc, thời nên giải độc lương huyết mà kiêm có thác đậu thời đau sẽ lớn mạnh, hễ nó nóng cháy thì sẽ hòa, nó hãm phục thì công, lấy đại bổ khí huyết làm chủ, làm cho nó tiếp tục mừng mủ mà khô khan, khỏi lo cái họa nội công.

Lại có trường hợp như lửa đốt mà không vỏ không nước, như thế gọi là Hòa chúc sang, càng phải lương huyết hóa độc làm chủ.

Đậu có ghé mụn lở (phong sang) mà mọc, ngoài phần thịt trống không, đậu tập hợp chỗ có mụn lở rất dày, và lại về khí huyết đã bị mụn lở cướp đoạt, cho nên đậu sẽ khô khan hắc hăm, không cương được mừng mủ được, hoặc nhiệt độc ngưng tụ mà lan ra đau đỉnh. Nếu có phải cấp bách và liên tục uống thuốc nội thác, phần lớn là lương huyết bổ huyết để giúp, ngoài dùng bột Trần châu nghiền nhỏ trộn với Yên chi mà xoa mấy chỗ mụn lở, sợ e mụn biến đen lan tràn tới đậu cũng đen.

XX - ĐẬU GHÉ CÓ BƯỚU

Chứng bấu (anh) tức là Di độc, mỗi khi trước lúc chưa lên đậu, nó phát ra một cục nhỏ, sắc nó đồng với da thịt, không đỏ, không sưng, không đau, phải chữa gấp, bằng không đến khi có lên đậu gặp lúc mừng mủ, thời mụn đậu trước đã dập vỡ, độc đậu sẽ tiềm phục mà không cương lên, nặng lắm đậu đến 8-9 ngày thời bấu ấy tróc ra, bên

trong không có nước mù, chứng này thật là nguy ngập, nguyên do hư hỏa ghé dờm mà gây ra, nên dùng những loại Bôi mẫu, Hoa phấn, Cam thảo, Cát can dự bị dùng thuốc thanh lợi để giải tán.

XXI- ĐẬU GHÉ CÓ NHỌT ĐỘC.

Nhọt độc là dương độc, song nhọt độc hợp với đậu độc không thể khái quát suy luận theo kiểu nhọt độc, vì nó phát trước bảy ngày đều là lở nhọt cả thôi. Nhân vì nhiệt độc tiềm thực bên trong nay gặp hỏa độc của độc cảm kích mà phát ra, lại cũng có sẵn bệnh lở chưa lành, hoặc lúc đầu mấy chỗ lở nổi quầng ngoài nơi thịt còn trống lại gặp nhiệt độc, khí huyết công kích xúc phạm những chỗ trống mà phát ra, bởi thế dương sang dương độc hỗn tạp làm một phe, nếu xem độc nó ướt nhuận, là khí huyết đều thịnh mà đậu với mụn độc đều dễ cương làm mù, nếu độc khô ráo, đỏ, thời khí huyết đều suy yếu, đậu và mụn nhọt chống chọi lẫn nhau, không thể cương mù, về cách chữa phải gia nhiều thuốc bổ thác, như đậu khô chuyển lại nhuận, đậu đỏ trở thành trắng, nước mù đầy tràn thời có thể lành, chỉ có trường hợp sau 7 ngày mà phát hiện nhọt là chứng dương độc vậy, đây là độc của đậu đều quy tụ về 1 chỗ, mượn danh là nhọt độc, bởi vì khí huyết không thể bị câu thúc mang chỗ độc, gây nên tình trạng khí huyết mà huyết sưng thịnh, dương phân trống rỗng mà huyết bên chất chứa độc, nó rút tới chân tay mấy nơi gân cốt tụ hợp, chữ hợp có nghĩa như cái biển, như ở huyết Khúc tri, Ủy trung v.v... Tóm lại trước sau 7 ngày mà thấy xuất hiện ở mấy nơi đường thẳng dọc theo tứ chi thô độc đậu cũng xuất phát theo các nơi ấy, đều dùng thuốc tiêu độc thời đậu cũng sẽ theo độc mà tan ra, không lên được rồi nó công vào tạng phủ bên trong thì khó cứu, chỉ có trường hợp độc đậu đã giải, khí huyết dồi dào, mới nên giải tán những dư độc còn lại, nhưng nhọt đã thành phần nhiều do khí huyết không hòa, kết đọng lại mà nên, huống chi bệnh lâu nhất định đã hư, cho nên trong thuốc giải độc, rất cần điều hòa vinh vệ, bổ thêm khí huyết làm chủ, lúc ban đầu đậu hợp với nhọt độc cũng phải dùng những loại đại bổ khí huyết, thác độc như Khung, Quy, Hoàng kỳ, Sinh địa, Cương tằm, không thể thời khí huyết hao tổn vì độc, đậu ắt khó thành công

XXII- ĐẬU GHÉ CÓ THƯƠNG HÀN

Vì chứng thương hàn từ biểu và lý, sỏi đậu thì từ lý đạt ra biểu, về dấu hiệu tuy giống nhau mà về chứng trạng thì một trời một vực, như đậu đang lúc mới phát mà ghé có thương hàn đó là tà ở biểu, có thể dùng phép phát tán để làm ra ít mồ hôi tẩu lý sơ thông, đậu sẽ dễ mọc, nếu lên đậu ba bốn hôm mà mắc bệnh thương hàn, có chứng buồn phiền vật vã, nổi sảng, trướng bụng, sợ lạnh, bứt rứt khát nước, nằm ngủ không yên, đại tiện bí, đó là tà ở lý, có thể dùng phép hạ nhẹ (ví hạ) kể đó dùng thuốc thang đề thời biểu lý được hòa bình, hàn tà tự giải, kinh lác không trệ, vinh vệ được thông, độc hóa thành nước mù rất dễ, đây gọi là khi cần phạm thì cứ phạm, tựa như không phạm (1)

còn như trường hợp có thể không nên cho hàn hạ càng tốt song nếu cầm hàn ngay lại phải được yên cả hai mắt quý là ở chỗ bệnh gấp phải chữa ngọn, bệnh hoãn phải chữa gốc, là vì bệnh đậu có hạn kỳ gồm chứng hậu của đậu cùng thương hàn đều xen nhau mà chữa, song chính bệnh thương hàn là ít mà giống như bệnh thương hàn là rất nhiều, huống gì trẻ con 8-9 tuổi trở xuống không có bệnh thương hàn, dùng cho nhức đầu phát sốt rồi đem lập luận theo thương hàn là không đúng.

XXIII- ĐẬU GIẾ CÓ SỐT RÉT

Bệnh đậu với bệnh sốt rét cùng đến song song, thật khó bảo toàn bởi vì sốt rét (nước) có tên tỳ hàn thời kỳ bị thương mà hư, còn hậu như hột đậu, nhờ đất mà sinh trưởng, như thổ trước đã chịu công phạt thời đậu có thể tư dưỡng hóa dục được, hướng gì cái chứng tựa sốt rét mà không phải sốt rét, phần nhiều dương hư thời lạnh, âm dư thời sợ nóng, âm dương đều hư thời lạnh nóng đua nhau, bằng không dùng thuốc bổ ích cho nhiều, để dùng những thuốc Thăng Sài gòn rất ngặt vậy.

XXIV- ĐẬU GIẾ CÓ CAM TÍCH.

Trẻ con mắc chứng sốt hăm hấp, khát nước, mình gầy da vàng, mà còn lên đậu nữa, sao vậy? Vì nói về nguyên khí không thể lấy da thịt mập ốm (héo gầy) nói khí huyết không thể lấy hình hài mà định hư thực, hướng gì độc từ bệnh lâu ngày mà hóa sinh, da thịt do sốt cơn mà nhão, và lại trẻ con mập mập trắng trẻo, thịt bệu xương dòn là thận khí hư nhiều, có thể quen chịu các chứng, mà riêng bệnh đậu hỉ khó, còn như trẻ con vàng gầy, xương cứng gân săn, thận nguyên phần nhiều là thức tuy hay có nhiều bệnh hoạn khác nhưng riêng về bệnh đậu thời không hay bị nặng.

XXV- ĐẬU GIẾ CÓ TỔN THƯƠNG.

Trường hợp bị vấp té có tổn thương, khí huyết bị hư tổn, không nên dùng Đào nhân, Quy vĩ vì lúc tổn thương vinh huyết đã hao, sao lại cho thuốc làm hao thêm. Phàm bệnh đậu có thể phá hoại chân huyết nó để chữa được thành công? cho nên phải dùng những loại sâm, Kỳ, Khung, Quy, Hồng hoa, Thục địa, Thuyền thoái để vừa làm trôi chảy các độc trệ, vừa tuyên bố bên trong, còn phải da Phục thần, Viễn chí để an tâm thần, ngoài dùng bột vỏ sò (vân cập) tro bẹ móc (tung khô) rắc tại mấy chỗ tổn thương để cho nó thu liễm phần ngoài, đau lấm thì gia Nhũ hương, nếu vết thương lở to phải tức khắc làm cho nó gom lại, dùng Bạch cập liễm, Da voi (tượng bì) tán nhỏ mà rắc, nếu vết thương không phá vỡ dùng cóc đốt lấy tro rắc vào, lấy tay chà xát cho tan máu ứ mới được.

Còn như phỏng lửa, phỏng nước sôi thì dùng thuốc thanh lương mát mẻ, dùng thoa những thuốc hàn lạnh vì sợ độc ngưng trệ, mà còn bị nhiệt khí cộng bên trong.

XXVI- ĐÀN BÀ LÊN ĐẬU LÚC CÓ KINH.

Nam nữ mắc bệnh đậu không có gì khác nhau, nhưng bệnh đậu lấy khí làm chủ, huyết là phụ, khí lấy sự ấm áp, huyết lấy sự rười rượi, trong hai phần việc ấy nếu có phần nào bất túc thời ắt biến sinh nhiều bệnh khác. Ở người phụ nữ, thể chất thuộc âm, 14 tuổi về sau mà lên đậu, rất e ngại có thấy kinh, vì vinh huyết vận hành, về khí hư theo, thời đậu trở lên bâm phục, chỉ điều đó mới khác thôi. Nhưng đậu sởi trong lúc phát sốt, chẳng phải lúc hành kinh mà bỗng thấy kinh đấy là hỏa độc nội động, quấy loạn huyết hải, bức kinh ra bậy chưa tới kỳ mà đã thấy, đậu tất nhiên nhiều, độc tất nhiên lắm, nên dùng Huyền sâm Địa hoàng thang (195) để lương huyết giải độc mà chữa, làm cho nhiệt thanh được, độc giải được, đậu mọc ra được, kinh huyết không thấy nữa, như thế mới không biến sinh bệnh khác, nếu lâu ngày mà không dứt

thời trung khí suy yếu, đậu dễ hãm phục, nên dùng thập toàn đại bổ thang (111) để bổ hư mà thác độc. Còn như những ngày phát sốt, lại gặp thời kỳ thấy kinh, đấy là vật như uế được ra, độc đậu cũng giải tỏa bớt, sốt cũng mát dần đậu bèn mọc ra, chẳng cần chữa, cũng chẳng nên chỉ huyết, chỉ qua 4 ngày mà huyết không chỉ, đấy là tà thừa lúc huyết thất đang hư bức huyết chạy bậy, là chứng nội động trung hư vậy, nên trước cho uống Tiểu Sài hồ thang (112) gia Sinh địa để làm mát chứng nóng trong huyết thất, sau cùng Thập toàn đại bổ thang (111) để bổ khí huyết đã hư, làm cho đậu dễ mọc, dễ cương, dễ thu áp, Lại sợ nên dùng rau mùi (ngò rí) nấu nước rửa sạch bên ngoài, bên trong dùng ngải cứu, rọc bỏ cọng, vò nhuyễn, trùm vải sạch nút vào cửa mình, ngày thay 1 lần, lại cho uống thuốc Sâm, Kỳ, Quy, Địa, Thăng ma, Cương tâm, Thuyền thoái... hư hàn thì gia thêm Can khương sao cháy đen.

XXVII- CHỨNG TRẠNG VÀ CÁCH CHỮA SAU THẤY KINH VỚI CHỨNG KINH BẾ (3 điều)

Bệnh đậu khí phát sốt nhằm lúc vừa thấy kinh, bởi vậy huyết phạm trống rỗng, phải sớm cho uống Sài hồ Tứ vật thang (302) để ngừa độc tà thừa hư mà xâm nhập, nếu như đã có sợ lạnh nóng dữ, thần chí không thanh thản, nghe thấy bậy bạ, nói năng lộn xộn, sờ áo, bắt chim chim, đấy là do huyết thất trống rỗng mà nhiệt tà đã nhập vào, huyết thất là mạch xung, do can chủ tri, chữa nên dùng Tứ vật thang (27) hợp với đạo xích tán (33) gia mạch môn cùng uống xen với An thần hoàn (1).

Dàn bà kinh bế gọi Cư kinh, nghĩa là đầy mà chẳng ra, bệnh do tâm lý, độc của đậu sởi vốn thuộc tâm mà tỳ là chủ, nếu tâm và tỳ bị bệnh trước thời huyết không lưu hành, trong mạch xung mạch nhâm đã nhiều như uế, thế ắt gặp hỏa độc của đậu sởi, uất kết ở mạch môn bào hộ đáng lý ra mà không ra, độc tà lưu phục lại làm sai trái, cho nên lúc ban đầu mới phát sốt phải gột rửa những vết như uế dính trệ, nên dùng Đào nhân thừa khí thang (157) mà chữa sau dùng Tứ vật thang (27), hợp với quân khí tán (73) gia Hồng hoa, Mộc thông mà chữa. Thực ra, không thể làm cho đường kinh đầy, càng không thể làm cho đường kinh thiếu, nếu bế kinh mà đậu cương được như thường, ăn uống bình

thường mà không có đau bụng khổ sở, như thế cũng không cần phải chữa quá vậy.

Có trường hợp huyết hải khô cạn, kinh nguyệt không thông mà lại gặp lúc nên đậu, phép chữa cũng phải điều hòa tâm tỳ, làm cho khí bên trong tạng phủ đã hòa, độc tà không chỗ lưu phục mà phải xuất hiện ra ngoài, chẳng vậy thời độc lẫn khuất ở trong khoảng mạch xung nhâm, hai thứ nhiệt cùng phát ra, thay nhau mà công kích, thời huyết chạy bầy không ngừng, hoặc độc không lộ ra mà làm thờ gấp làm bụng to, làm hàm phục vậy.

XXVIII- SAU THẤY KINH TẮC TIẾNG, HÂM PHỤC

Dàn bà con gái lên đậu bỗng thấy kinh, rồi cảm không nói được. Bởi vì tâm chú huyết, mà lưỡi là cái mầm của tâm, cho nên ra thời tâm hư, tâm hư thời mạch Thiếu âm không thể vinh nhuận lên đến lưỡi, cho nên bỗng tắc tiếng không nói được, trước nên dùng Dương quy dưỡng tâm thang (69) để nuôi dưỡng tâm huyết, thông tâm khiếu chờ người bệnh nói được thì dùng Thập toàn đại bổ thang (11) mà điều dưỡng.

Lại có trường hợp hành kinh ra quá nhiều cho nên đậu không cương, trông không sáng sủa, không no đầy, không hồng hoạt, đậu nốt đậu bằng lôm, ác trắng xám, hoặc xanh khô hắc hãm, đấy là chứng lý hư, nên đậu hãm vào,. Chữa nên dùng Thập toàn đại bổ thang (111), Doat mệnh đơn (11) cho uống xen.

Như đậu no thẳng dưới chân viền đỏ, hoặc đậu lại mọc thêm ở chỗ trống đều là dấu hiệu rất tốt, nếu thêm chứng bụng trướng, thờ nhạt, nói xàm, bứt rứt khó chịu, lạnh run nghiêng răng, chân tay móp lạnh, ắt là chứng chết.

XXIX- ĐÀN RONG HUYẾT, RONG KINH, LÊN ĐẬU

Dàn bà bị băng huyết rong huyết chưa dứt khí huyết đã kém, lại cảm nhiễm lên đậu, thì không thể dùng thuốc đuổi độc, phải dùng Thập toàn đại bổ thang bổ khí huyết làm chủ, còn như đậu màu xám tro bằng, lôm, khó ương, khó mừng mù, thời gia Thụ, Phụ tử 1 vài miếng làm cho khí bên trong sung túc, độc không đọng lại, như thế ăn uống được, đậu cương được, thì có thể bảo toàn, không thời nó ngã tệt không chữa được.

Đậu đang lúc cương, lúc mừng mù, rất cần là biểu lý đều vô bệnh ăn uống được như thường, nếu gặp phải tình trạng hành kinh quá ba ngày không sạch, người ta chỉ biết lo như uest xúc phạm, đậu có biết huyết trong con người một khi hao bớt thì phần khí trong bách mạch đều hư, độc tà sẽ thừa hư lên vào gây tình trạng khó mừng mù, đầu bằng, hình nốt đậu tệt, hoặc sinh hắc hãm, màu sắc xám tro, chỉ người nguyên khí sẵn mạnh, lại ăn uống được, thời không biến chứng, còn như người vốn khí hư, ăn ít thì không được như thế, nên dùng Thập toàn đại bổ thang mà chữa, như hư quá thời gia một ít Thục Phụ tử là được, uống như thế mà đậu lại cương lên là tốt, nếu lạnh run nghiêng răng, thờ gấp, bụng trướng đầy, chân tay móp lạnh, đấy là chứng nội thoát sẽ chết.

XXX- DÀN BÀ CÓ THAI LÊN ĐẬU

Phụ: *Lúc làm sản và sản hậu (3 điều)*

Dàn bà có thai lên đậu, chứng nóng hay làm động thai, nếu thai hồng thời khí huyết suy hư. Đậu cũng không thể cương, không mừng mủ được, vì thế đã có thai thì trước sau phải lấy an thai làm chủ, ngoài dùng lựa mềm dịch chắt trên bụng, nhất thiết không được dùng Đinh hương, quế, đồ tảo nhiệt, với ăn những vật có độc dễ gây xúc phạm, chọn dùng những loại thuốc hợp với bệnh như Điều cầm, Bạch truật, Ngải cứu Sa nhân.

Lúc mới phát sốt, dùng Sâm tở ẩm (54) cho đậu dễ mọc ra, nếu thấy báo điểm rồi sẽ thường uống Anm thai ẩm (330) để dưỡng thai, như khát nước dùng Nhân sâm Bạch truật tán (196) tùy chứng gia giảm. Còn như tiêu chảy dùng Hoàng cầm thang (193) hợp với tứ quân tử thang (90) gia thêm Kha tử. Huyết hư dùng Tứ vật thang (27) thêm thuốc thác độc.

Sắc của đậu màu tro mà chậm cương, dùng Thập toàn đại bổ thang (111) khử quế mà cho uống.

Tóm lại, không cần hỏi nhẹ nặng, đều cứ dùng thuốc an thai thanh nhiệt mà chữa. Họ Trình có nói: Dàn bà có thai mà lên đậu, phải dùng thuốc an thai mà chữa, như khí hư dùng Bảo nguyên thang, huyết hư dùng Tứ vật thang hoặc gia Bạch truật, Hoàng cầm, Sa nhân, Trần bì để cho thai khí không tổn hao làm chủ.

Có trường hợp dàn bà có thai lên đậu, đang lúc đậu cương, đậu mừng mủ mà lâm bồn, (đây là chính sản) khí huyết ất đều hư, cũng cho dùng Thập toàn đại bổ thang (111) đại bổ khí huyết mà chữa, hư hàn thì thêm chút ít Thục Phụ tử, nếu trong bụng hơi đau ngầm, đây là máu hồi chưa ra hết, dùng tứ vật thang (27) gia Can khương, Quế tâm, Mộc hương, đậu đen, dùng Thục địa bỏ Bạch thược, vì sợ hàn lương có hại cho phần khí, nếu có dùng phải sao rượu.

Nếu lạnh run ghiền rã, bụng trướng, không khát nước mà chân lạnh, mình nóng, đây là tỳ vị hư bên trong, bên ngoài thể hiện giả nhiệt, nên dùng loại Sâm, Kỳ, Quy, Phụ, Mộc hương uống 1-2 thang thì khỏi là tốt, không khỏi là xấu, còn như dàn bà có thai người mập mập thời khí ở nơi ngoài mà thiếu ở trong, nên dùng nhiều Sâm, ít Kỳ lại thêm Sa nhân để nguyên vỏ, tối kỵ những loại trái cây chín rụng.

Có trường hợp đậu gần thu ập, bỗng đi tiêu chảy, khát nước, ít đại, mủ đậu no đủ, hồng nhuận, đây là nóng bên trong, nên dùng ngũ linh tán (145) trong thêm những loại như Hoàng cầm, Bạch thược, hoặc đi tiêu như rớt không cầm, ăn kém, bụng no mà chân lạnh, sắc của đậu màu xám tro, mạch tế không có lực, đây là phạm vào 5 chứng hư, bệnh ất chết.

Dàn bà mới sinh hoặc được nửa tháng hơn kém vừa gặp lên đậu, trường hợp này không quan hệ gì đến thai nghén, vì khí huyết còn hư chưa đến đại bổ vinh vệ làm chủ, như đậu mọc nhiều thì gia những lợi Liên kiều, Ngưu bàng tử, đại tiện đi nhiều thì dùng Nhục quả, Bào khương, ngoài ra cứ chữa theo lệ thường, không nên đa nghi mà trở lại lầm lẫn khác.

Phạm đàn chưa mà lên đậu, trong lúc đậu mới mọc mà hư thai thời khí huyết tuy

đã rất hư nhưng nhiệt độc cũng nhân đà tẩu tiết đó mà tẩu tiết theo, vì đậu chưa cương chưa mừng mủ, chưa từng hao hốt bên ngoài, nếu đậu không phải hiểm nghịch, thêm dùng thuốc đại bổ thác lý, phần nhiều là sống được. Đến thời kỳ thu áp mà hư thai, độc đậu đã ra ngoài, tiêu tan, phần nhiều cũng là vô sự, chỉ có trường hợp bệnh hư nặng nguyên khí dễ thoát mất, chữa phải bồi dùng thuốc bổ ích, nếu đậu đang thời kỳ cương, mừng mủ mà hồng thai thời nguyên khí suy yếu trong ngoài đều hư, không thể đuổi độc ra ngoài thời độc sẽ thừa lúc yếu mà công phá bên trong, phần nhiều không cứu được.

XXXI - BỆNH THỦY ĐẬU (trái rạ)

Bệnh Thủy đậu nặng cũng giống trạng thái bệnh thương hàn, mình nóng 2-3 ngày rồi mọc ra, về hình thái không giống bệnh đậu, đậu thấy da không mông, dưới chân nổi lên vòng tròn, đầu nó dần dần sưng đỏ biến nước trắng ra vàng, có mủ mà chậm lành, gọi tên là đại đậu, đây là lý chứng, phát từ trong nội tạng ra; còn như da mông như bọc nước, chóp nó ngời như hạt châu, hoặc vỡ ra rồi khô mặt ngay, mọc ra không thứ tự, dưới chân không có quầng đỏ, sắc trắng hoặc nhạt, long lạnh có nước tương gọi là chứng Phu sang, còn có tên là Thủy đậu, đây là biểu chứng phát ra từ ở phủ, về chứng loại thì nó như sởi nhưng so với sởi thì càng nhẹ hơn, cho nên nó có sốt thì mọc ngay, mọc ra rồi tiêu ngay, dễ ra mà dễ ráp (thu áp), mới đầu không nên cho phát biểu quá, phát quá thì nó trở thành mụn lở, sau rồi không nên táo thấp, táo thấp lại gây khó xuống, chỉ nên dùng loại khinh tể mà giải ra, nếu không có gì đáng kể thì không dùng thuốc cũng vô hại, nhưng sách thuốc cũng có nói phạm lên rạ có ghé sắc đen hoặc đen hoàn toàn thì 10 người chết hết chín, tuy sách có ghi điều này song thực tế chưa thấy chứng này, đại để đậu thì dữ vì nó hay hại người, bởi thế người ta lầm là thủy đậu bệnh.

HẾT QUYỀN CANH

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LINH

Quyển thứ 41

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU/TÂN

I- VỀ DƯ ĐỘC CÁC TẠNG

Phạm đậu mà mọc dày, nước mù trong, hậu đậu hoặc có lên nhọt sưng người ta biết đấy là dư độc, ai lại không biết rằng:

- Hơi to, thở khô khè, căng ngực, thót bụng đó là dư độc ở phế,
- Đờm dãi dính đặc, nghiêng răng khua hàm, ỉa chảy, hôi miệng là độc ở tỳ vị,
- Đỗ mồ hôi trộm mà phát sốt, phiền khát, ngủ hay mơ hoảng là dư độc ở tâm,
- Đau mắt, hay nổi giận là dư độc ở can, tai và xương cùng còn nóng là dư độc ở thận,
- Cả người sưng lên, ngây ngất chẳng vui là các kinh có dư độc.

II- DƯ ĐỘC KHÔNG NHỨNG SINH RA GIỀ NHỊT, MÁT ĐỎ

Sách Đậu khoa nói: Về dư độc hậu đậu một là ghẻ, hai là nhọt, ba là mắt đỏ, ghẻ là bệnh ở tâm, nhọt là bệnh ở tỳ, mắt đỏ là bệnh ở can, nhưng thái độc phát ra mỗi tạng đều có một tên, như tâm là ban, tỳ là chẩn, phế là bọc mù, can là bọc nước, thận thì hắc hãm, tức là khi mới phát sốt, đều có hiện chứng của ngũ tạng, như hay ngáp, kinh sợ, thuộc tâm; rút gáy, phiền muộn thuộc can, hắt hơi hơi nhảy mũi ho hen thuộc phế, thổ tả ngủ mê tai nóng chân lạnh thuộc thận, làm gì mà nói dư độc chỉ ở ba tạng, huống gì chứng của ba tạng cũng không dừng lại ở đây, hoặc là nếu cái quan trọng để nói muốn cho người suy rộng mà thôi, như độc quy về tâm thời chứng về huyết là ban chẩn, kinh sợ, sốt cao, nổi đơn, nổi cục u.

- Độc quy về ở can thời bực dọc, sưng dái, nôn khan, các bệnh về mắt, chân tay co quắp,
- Độc quy về phế thời ho suyễn, chảy máu cam, đau vai, sưng, trướng không ăn được, và bệnh về chân tay.
- Độc quy về thận thời đậu hắc hãm, ngủ nhiều, đau lưng, mất tiếng, nặng thời lở loét, đau đến xương mà chết,
- Độc quy về đường ruột thời gây nên ỉa chảy ra máu mù, sôi ruột, đánh rắm, đại tiện bất thông,
- Độc quy về bàng quang thời tiểu trường đầy đau, dái ra máu, dái sỏi, đầu sưng đau, mắt nhìn lên.

Chỉ có tạng phủ khí huyết chưa đến mức hư lắm thời dư độc không thể ẩn nấu bên trong.

Về cách chữa, không được thanh giải thời độc khí nó lưu cữu trong kinh lạc, bên ngoài không tiết ra đến cơ biểu, bên trong không nhập được tới tạng phủ, tụ mà không tan thời trở thành nhọt, nặng thời sưng đau khắp đầu gáy, vùng sườn, các khớp tay chân, gốc có nóng thời dễ chữa, nếu gốc nó sâu, tràn lan khắp không khu trú 1-2 chỗ thời sẽ lở loét gân, tổn hại xương mà trở thành phế tật hoặc dầy da lâu ngày rồi chết.

Còn như mất đỏ là do can huyết đã hư, hòa lẫn vào không khiếu, lỗ, phong là huyết hư, phục nhiệt, độc rất nhẹ vậy.

III- ĐẬU MỘC THUẬN LỢI VỐN KHÔNG CÓ DƯ ĐỘC

Đậu mộc thuận lợi, gốc nó thưa, độc nó ít, tự nhiên dễ mọc, dễ thu áp mà không có độc hiểm, gốc nó dày đặc, độc có nhiều thì tự nhiên khó mọc, khó thu áp, mà có dư độc.

Đậu mộc không thuận lợi, hoặc hãm phục, hoặc đào áp, may mà được tỳ vị vốn khỏe, đều trị được sớm, bởi vậy chứng tuy được khỏi mà dư độc chưa hết do đó nên khi phát bệnh phần nhiều phạm vào ghê nhọt, mất đỏ, độc đậu nhờ đó mà tiêu trừ, cho nên hễ bong vảy mà miệng không khát, tình mấy không sốt, đại tiểu tiện đi đều, bụng không đau, tinh thần khỏe dần lên, ăn uống tăng tiến, vẩy đỏ nhuận, đây là không có dư độc. Nếu mình nóng mà khát, nổi sảng, kinh giạt, 6 mạch phù hồng, đau bụng ỉa chảy, hoặc tiểu tiện đỏ gắt, đại tiện bón uất, tinh thần mờ tối, vẩy đỏ tím, chân tay mủ rữa, ăn uống giảm sút, đó là dư độc núp trong nội tạng. Cần phải thẩm xét các mặt biểu lý hư thực, dương hư âm hư mà chữa. Nhưng đến lúc hậu đậu thời trong ngoài đều hư, tối kỵ lạnh nóng, không được tắm sớm để dưỡng nuôi phần biểu, kiêng dè sự ăn uống, xa lánh việc bồng the để dưỡng phần lý, nếu như biểu lý không điều hòa, vinh vệ khí nghịch đều có thể hóa nhọt lở, nếu như biểu kiêng dè sự ăn uống, tối kỵ lạnh nóng, không được tắm sớm để dưỡng nuôi phần biểu, kiêng dè sự ăn uống, vinh vệ khí nghịch đều có thể hóa nhọt lở, đâu phải đợi chờ độc ở đâu, cho nên độc là do sự nghiêng lệch âm dương mà gây nên, chứ không phải độc hữu bình hơn kém như có người nói. Lại nữa, không thể nhân nói hư đó rồi dùng thuốc ôn bổ chung, bởi vì sau khi đậu thu áp, đúng lý là phải thanh giải dư độc, nhưng không thể quá dùng thuốc thanh lương, vì sau khi khí huyết hư nhiều, hễ hàn thì phần nhiều hàn thực sự, nhiệt thì phần nhiệt là nhiệt giả tạo, nhiệt lui rồi thì hàn dễ nổi lên. Còn như đậu lúc chưa thu áp chưa bong vẩy chưa bong vảy, càng không nên quá dùng thuốc hàn lương để đẩy lùi nhanh cái nhiệt, không thì đậu chưa thu áp ấy không nhờ sự đốt nóng (thiếu ban) làm sao mà thu áp được, vẩy chưa bong ấy không nhờ sự ấm áp ấy thì làm sao mà bong được, thì ra cái hại do dùng thuốc hàn lương rất nặng vậy.

IV - CÁCH CHỮA NHỌT, LỖ, HẮC LÀO, GHÊ BAN, ĐƠN TRONG BỆNH ĐẬU (15 ĐIỀU)

1. Khi lên đậu, do độc nó uất ở cơ phu, uất nhiệt không tan thời vinh vệ không thể vận hành được, do đó nó kết lại mà trở thành lỗ ghê, nặng thời sưng đỏ mà nhọt độc, nếu chưa làm mủ thì cho giả biểu thanh độc ngay, khiến nó dễ tan, khi đã làm mủ thì nên lương huyết hoạt huyết giải độc thác lý, làm nó dễ lành, nếu mủ đã chín mủ rồi, nhất định phải dùng đến kim châm cho tháo mủ máu ra, ngoài dùng thuốc dán cao bôi,

không chích thì nó làm hại gân cốt, không dùng thuốc dán thì độc trở lại công bên trong. Nhưng bệnh thũng độc mới phát tán mà biết đau, sắc nó trơn, dễ làm mù, dễ sưng, dễ gom miệng, thì đó là nguyên khí mà độc ít, dấu hiệu tốt. Cùng phát với đậu trong 12 ngày trở lại phần nhiều ở đùi, chân, vì khí của độc đậu nó truyền rớt xuống bên dưới, nếu mọc ở huyết Dũng tuyến, huyết Xung dương là dấu hiệu không tốt, nếu mọc ở huyết Thái khê mắt cá trong là chết, bởi vậy độc ấy phát ra từ thận. nếu ngoài 16 ngày, khí đã thăng lên, độc cũng theo lên trên cho nên phần nhiều thấy ở vùng trên đầu, đỉnh đầu thường là vô sự.

2. Cách chữa đậu có ghé nhọt: Trong phải xét mặt khí huyết, luận hư thực, xét bộ vị để thêm những thuốc dẫn kinh mà chữa, như:

- Ở đầu, gia Bạch chỉ, Xuyên khung, Thăng ma.
- Ở thượng bán thân, gia Cát cánh
- Ở tay, gia Bạc hà, Quế,
- Ở lưng, gia đỗ trọng,
- Ở chân, gối, gia Ngưu tất, Mộc qua đẩy nói là đại khái.

Nếu khí còn chắc tốt (thực), thể hiện ăn uống được, đại tiện rần, thời dùng Bại độc tán (12) để sơ lợi, nếu ăn ít (khí hư) dùng loại Thập tuyên tán (57) để thác lý. Độc ít mà nóng, dùng Tiểu Sài hồ thang (159) gia giảm cho dùng. Bên ngoài dán Bạt độc cao (167) đây là đại pháp chữa nhọt sưng vậy.

Nếu đã thành sưng thời phải xét độc nặng hay nhẹ, hoặc khí huyết hư yếu phải giải độc mà bổ thác, (vừa bổ vừa thúc đẩy từ trong ra), gom thành mù mà chưa dập đã vỡ mù, dùng Thập toàn đại bổ thang (111) để chữa, ghé ít thuốc giải dư độc, đây là cách chữa nhọt đã làm mù. Nhưng vì khí huyết hay ngưng trệ ở trong kheo chân thuộc Thái âm tỳ, đều nên dùng Giải độc, nội thác tán (151) mà chữa. Nhưng nhọt ấy do đậu mà đầu là dương độc, cho nên đậu có ghé nhọt là thực độc, là huyết nhiệt, cho nên phần nhiều dùng thuốc thanh nhiệt lương huyết mà chữa, nhưng cũng có tình trạng khí huyết hư hàn, nguyên thần yếu kém, dùng thuốc lương huyết bại độc ắt sẽ thành hư mà không vỡ được, vỡ cũng không thu miệng được, cho nên cốt ở chỗ phải nơi thì dùng, thuốc thì không câu nệ phương.

3. Đậu hậu có trường hợp khắp người nổi ghẻ lở hắc lao như ghẻ ngứa, như phong máu mù dầm dìa ngoài da dẻ, lở loét lâu ngày không khỏi, đây là độc khí tràn lan ra bì phu, nên dùng loại Thăng ma cát căn thang (1) mà chữa. Nếu vốn do cào cắn mà sinh lở chỉ dùng Bách hoa cao mà bôi. Lại có chứng cả người nổi nốt đỏ không sưng không đau, đây là ban, nên cho dùng Hóa ban thang (301) gia loại Huyền sâm, Địa hoàng, Lại có trường hợp phát ra đơn, cục u nóng đỏ (xích hỏa đơn lỵ) đây là thứ dữ, độc do sưng, đau, tay không gãi được, di chuyển trên dưới, trong nên dùng Tiểu sài hồ thang (172) gia Sinh địa hoàng thang (309) Huyền sâm hóa độc thang (194), ngoài dùng phép chích lễ, để khử hết máu độc, không thời nếu phát độc ở trên đầu, nổi lên đến vùng tim lỗ chết.

4. Đậu lên nhọt độc cũng gọi là đậu mấu, sách nói đậu phát ra trước đó là dạ mấu, xấu, đậu phát ra sau nửa tốt nửa xấu, đại để đậu phát ra không thấu suốt ắt lên nhọt độc, cho nên nó uất kết ở khoảng kinh lạc, nhưng cái uất kết ấy cũng chưa đáng lo, chỉ

lo là nó không tiêu tan với chạy chữa không đúng cách, có loại độc dữ thì không thể không giải độc, có loại nóng dữ không thể không thanh nhiệt, chờ hòa độc mát bớt mới nên điều lý tỳ khí, có trường hợp bên ngoài thấy sốt mà bên trong vốn không đủ, thời nên dùng phép thúc độc ra (thác), nhằm làm cho nguyên khí củng cố, ăn uống không giảm sút thời độc sẽ tan, nào có ngại gì, nếu không xét tân can bản khỏe yếu mà chỉ biết công độc thanh hòa, thời làm sao mà không phạt tỳ, phân nhiều gây nên tình trạng ăn uống giảm sút dần, dinh khí ngày càng hao mòn, máu mù không hóa được, độc ngày càng hãm mà đậu sẽ biến chứng lung tung, cho nên chữa đậu trước sau đều lấy tỳ khí làm chủ, nếu không biết thể này thời chưa có tình trạng trung khí hư bại mà dẫu có thể bảo toàn được.

5. Đậu ghé nhọt mới ban đầu, nghet lấp, đau dớn, nguyên khí không hư hao, ăn uống bình thường, trước nên dùng Liên kiều Quy vị tiến (245) hoặc Tiên phương hoạt mệnh ẩm (284) để giải độc, chờ độc khí hơi bình ổn, sẽ dùng loại Tứ quân, Quy, Kỳ, để bổ thác nguyên khí.

6. Phàm dùng thuốc thác lý, như ung độc trong không sốt dữ cũng không có chứng đại tiện táo bón, phiền khát v.v... hoặc người vốn có thể chất cường kiện, hoặc do âm độc hãm sâu, hình thái đậu không tẩy lên, không đỏ sưng, không hóa mù, đau thấy không dữ lắm đây là độc đều ở trong, phải nên mau dùng thuốc thác lý, dùng Lục khí tiến (72) gia loại Kim ngân hoa, Cam thảo tiết, Phòng phong, kinh giới, Bạch chỉ, Xuyên sơn giáp, Ngưu bàng... nếu dương khí không đủ, vẫn có thể gia Nhục quế, Phụ tử, dùng nửa nước nửa rượu sắc cho uống, hoặc dùng cả rượu cả để sắc cho uống cũng được, hoặc bài Thác lý tiêu độc tán (71) đều có thể châm chước mà dùng.

7. Bệnh nóng trong, sốt chiều, mà ăn uống không kích thích phân nhiều thuộc tỳ vị bất túc, huyết khí hư yếu, nên dùng Lục khí (72) hoặc Ôn vị ẩm (93) gia Kim ngân, Bạch chỉ.

8. Phàm độc đậu sắc trắng mà ngứa là khí hư, cách chữa như trên.

9. Như chân đậu đỏ mà phát ngứa là huyết hư huyết nhiệt, nên dùng Tứ vật thang (27) gia Đơn bì, Bạch chỉ.

10. Nếu đậu dập mà không thu lại là tỳ khí hư, dùng Lục khí (72) hoặc Lục vật tiến (63) gia Nhục quế.

12. nếu ăn uống như thường mà trong ngoài đều nóng, nhọt độc sưng đau, hoặc đại tiểu tiện đều nóng gắt, hoặc khát nước khó chịu, nên dùng Đại Liên kiều ẩm (25) hoặc Tiên phương hoạt mệnh ẩm (284) có thể cho uống xen nhau.

13. Nếu ăn uống như thường, nóng trong phát đau hoặc kèm có miệng lưỡi mọc mụn, nên xen cho dùng Xạ can thử niêm thang (41).

14. Đau mọc lên nhọt có kết mut rắn, thực nhiệt khó giải, nên dùng Bài độc tán (13).

15. Hậu đậu lên nhọt, lên rôm sảy, đó là độc trong đậu chưa dứt hết, còn độc ở chân tay kinh lạc mà lên nhọt sưng, hoặc giả độc hoặc thanh hòa đều có thích nghi của nó, phàm dùng phép biểu lý kiêm giải thì nên dùng Sài hồ mạch đông tán (310), muốn nhuận trường giải độc, nên dùng Tiêu độc tán (311). Tứ thuận thanh lương ẩm (29) muốn lương huyết giải độc, nên dùng Tê giác địa hoàng thang (26) muốn thanh hóa lợi tiểu giải độc dùng Đại Liên kiều ẩm (25).

V- ĐẬU CHẠY NỌC VÀO MẮT (16 ĐIỀU)

Đậu chạy nọc vào mắt không phải ở lúc đầu, phần nhiều ở lúc đậu thu áp, cả mặt lở nát hết, dòn dập sưng mù, mầu kết chặt, do đó nhiệt độc xông bốc công bên trong mắt, hoặc có độc đậu dữ quá, thành tựu chậm trễ, quá dùng thuốc tán nhiệt mà gây nên tai trông trắng, như thế không cần chữa, lâu rồi nó tự lui, nếu nó ở trên trông đen thời phải kịp chữa ngay, phép chữa chỉ nên thanh can hòa, hoạt huyết, giải độc mà thôi, hoạt huyết không sử dụng ở bệnh nhiệt, giải độc không dùng ở bệnh hàn, hễ dùng thuốc phải lẽ thì chứng nó lui dần, còn như hư huyết thì càng kỵ thuốc mát, sợ gây nên biến chứng lung tung chứ không phải vô ích, chỉ khi tạng phủ điều hòa mà lại không lành thì có thể chuyên chữa nó. Nếu đến sau lúc thu áp, mà trết không mở được, sáng tối đều như vậy, đây là can nhiệt, nếu thấy chỗ sáng thời nhắm, chỗ tối thời mở, gọi là sợ ánh sáng, đây là dư nhiệt ở tâm can hoặc thận hư gây nên, nếu khi mắt mở tôi có nhiều nước mắt đây là can tạng có thực nhiệt, còn có phong nhiệt công lên trên mà sưng đỏ chảy máu, còn có lở độc chạy vào mắt huyết nhiệt không tan, hai khế mắt đều bốn bề đỏ đau, khó chịu lắm. Còn có màng mỏng ở trong, như màng mắt sinh tân mạn là dễ chữa, như bóng có màng che tối đen, phần nhiều hết thấy được, còn như con người vỡ nát, trông mắt lồi ra và trũng xuống đây đều là chứng không chữa được, nhưng không nên dùng thuốc tra thuốc rửa mà trở lại tổn hại, cho nên rất cần điều lý khi bệnh chưa nhô lên, có khi sắp lên đậu, dùng Yên chi tắm nước bồi quanh trên bên phía mắt, với các phép bảo hộ mắt đều là phép hay.

2. Mắt là tụ điểm của tinh ba, là nơi khí thanh dương đi qua, sở dĩ bị bệnh có hai lý do: Như đỏ sưng, bóng đau, màng đau, màng đỏ che lấp trông, đó là do chân âm bất túc, phong nhiệt lẫn bên ngoài, bệnh có hòa vậy. Chữa nên trước tán biểu tà để chữa hiện tượng (ngọn), sau mới dùng thuốc trọng trục tư thủy để chữa bản chất (gốc) thời chất trục âm sẽ tự tan, khí thanh dương tự sinh ra, mắt được huyết cung cấp thời tự nhiên trông thấy được. Như mắt không có màng che hoặc sinh màng trắng mắt mở như người thường mà trông vật thời không thấy, đây là chân dương không đủ, bên trong mắt hết tinh quang, bệnh sinh ra bởi không có hỏa, chữa phải đại bổ ích chân dương, chuyên chữa vào bản chất, nguyên dương bên trong sinh được thì tinh quang nó tự phô ra bên ngoài, nếu chỉ lo dưỡng huyết thời làm sao được, ví như quả đất nhờ ánh sáng mặt trời chiếu sáng, nếu gia nhảm những thuốc thanh lương phát tán thời chỉ hại mắt mà thôi, đây là kiến thức què mùa của tôi

3. Mắt tuy là khiếu của can, kỳ thực là tinh khí ngũ tạng lục phủ đều rót lên mắt, cho nên mạch máu đỏ thuộc tâm, con người thuộc thận, trông trắng thuộc phế, trông đen thuộc can,... vòng mạc thuộc tỳ, lại nữa Thái dương là màng trên, dương minh là màng dưới, Thiếu dương dọc theo khế ngoài, Thái dương ra ngoài khế, đây là các bộ phận đều có sở chủ của nó, cho nên có thể nhân bệnh chứng để xét phần gốc, nhưng bệnh đau mùa mắt bị kéo mấy phần nhiều do hỏa bốc bên trong mà nhiệt thì sinh phong, phong và nhiệt tán ở các kinh, do nhiều chứng đỏ sưng đau, cho nên cách chữa cũng cần phải xét phần sở thuộc của nó nhân tùy chứng để điều hòa. Cho nên cần phải dựa theo chứng trạng để xét ra nguồn gốc của nó mà điều tiết nó vậy.

4. Độc khí của đậu từ trong dạt ra ngoài cho nên đau mắt, chữa nên hoạt huyết giải độc mà thôi, hoạt huyết thì không gây ra nóng, giải độc không gây lạnh, chỉ cần huyết

được hoạt, độc được tan thời đau mắt tự khỏi.

5. Bệnh đậu có các chứng đau mắt đỏ sưng đau, màng che chướng ngại không chứng nào thoát khỏi lý do phong nhiệt, cho nên cổ phương cũng dùng nhiều những thuốc thanh hỏa tán phong. Phàm hỏa của bệnh đậu là sinh ra từ bên trong, can chủ phong mộc mà bệnh ở mắt cho nên gọi là phong nhiệt, thật ra là bởi phong sinh ra từ hỏa, (nhiệt sinh phong) do nội nhiệt vậy, cho nên chữa đỏ mắt đau mắt, không phải chữa phong, chỉ nên chữa hỏa, hễ hỏa lui thì phong tự nhiên dứt, sao vậy? Bởi vì nội phong với ngoại phong khác nhau, ngoại phong thì thăng, tán, giải tan sẽ hết, nội phong mà dùng thăng tán thì hỏa càng thịnh mà sốt càng cao, thường thấy chữa mắt phần nhiều khó cứu, mà thuốc hàn lương lại tổn hại vị khí, đúng là thuốc thăng giáng hỗn tạp, dùng thuốc không tính vậy? Nay theo như cổ phương chữa mắt nóng, phàm dùng Tẩy can tán với Tẩy can minh mục tán, Thuốc được than can tán. . đều không bằng lương phương Long đờm tả can thang (268) mà phương này không bằng Gia vị Long đờm tả can thang (267), là đặc nghị nhất.

6. Đậu độc gây nên mắt mờ là bệnh từ nội tạng đạt ra ngoài, chữa chỉ nên giải độc hoạt huyết mà thôi, bởi vì hoạt huyết là không gây nhiệt, giải độc thì không gây hàn, ngũ tạng được bình hòa thì mắt sẽ mờ, nhất thiết không nên dùng thuốc tra mắt mà trở lại làm hại mắt, nếu nhắm mắt chảy nước mắt không dám thấy ánh sáng chỉ dám mở mắt nơi tối tăm, đây là chứng sợ ánh sáng trong mắt đỏ đều nên dùng Tẩy can minh mục tán (312) mà chữa, nếu nơi tối tăm cũng không dám mở, đó là trong mắt có mủ, dùng Vọng nguyệt sa tán (274) mà chữa. Nếu hay mở mắt chỉ thấy vật không rõ đây là do huyết bất túc, nên dùng Tứ vật thang (27) gia giảm mà chữa, nhưng phần nhiều do can thận kém, nên dùng Địa hoàng thang liệu (230), được lực hơn Tứ vật nhiều, nếu mí mắt sưng cao mà không chảy nước mắt đây là tý kinh có thấp nhiệt, nên theo cách thăng dương tán thấp mà chữa.

7. Trong mắt chảy nước đỏ đau hoặc ngứa ghèn, đó là can hỏa thịnh, nên thanh giải, dùng Gia vị Long đờm tả can thang (267) hoặc Trừu tân ẩm (280) gia Mộc tặc, Thuyền thoái, nếu đại tiện bốn uất không thông, cũng có thể gia Đại hoàng chút ít.

8. Đậu mọc vào mắt, sưng đau, hoặc đau hậu sinh màng che, nên dùng Tật lệ tán (271) Thuyền cúc tán (270) hoặc Thông thân tán (206) ngoài dùng Tân bì tán (272) để rửa.

9. Lên đậu, mắt bị bệnh, nhiệt ít, phong nhiều mà mờ tối sít đau, đỏ ghèn chấy, sợ ánh sáng, che mờ... nên dùng Mật mông hoa tán (275) ngoài cũng dùng Tân bì tán (272) mà rửa.

10. Đậu hậu nhắm mắt chảy nước mắt sợ ánh sáng, đó là nội hỏa không thanh, khí dương quang (?) đốt cho nên sợ ánh sáng, nên dùng Tẩy can minh mục tán (312).

11. Đậu hậu nhắm mắt bị phong độc đỏ loét, hoặc đau hoặc ngứa khô sít, nhiều ghèn, chảy nước Tân bì tán mà rửa (272).

12. Bệnh đậu sau thu áp tinh huyết hao tán mà mắt sít, sợ ánh sáng chói, mờ hé hoặc sinh che mờ, nên dùng Tứ vật thang (27) năng dùng Lục vật tiên (63) gia Mộc tặc, Thuyền thoái, Bạch tật lệ.

13. Về thuốc tra mắt, phàm trong mắt có sinh đậu, hoặc ăn phải đồ kích thích hoặc

nhật độc dữ lắm, bốc lên khiêu mắt gây nóng đau, hoặc sinh che mờ, nhất thiết không được dùng thuốc tra mắt, bởi vì không phải độc tức là hàn lạnh, nhất định sẽ gây trạng hàn nhiệt chống báng nhau mà sinh hại, chỉ dùng Kim lộ tán (273) của tởi chế biến là hợp nhất, dùng xen để giải tỏa đầu nóng đang bức thiết,

14. Bệnh mắt nóng rất kỵ rượu và những vật ứng với nhiệt như tiêu, gừng, thịt bò, thịt dê, thịt gà, ngỗng, vịt... đều không nên dùng cũng như trứng gà, trứng vịt, trứng ngan, để phòng ngừa bệnh kéo dài không khỏi.

15. Đầu hậu kỵ ăn trứng gà, vịt, ngan, bởi vì trứng có tính hàn nhiều nề trệ, hễ nề trệ thì độc không hóa, lưu nhập đến can bèn sinh đau mắt vậy.

16. Bệnh đầu vì nhiệt độc tổn thương mắt, những thuốc cần dùng như Sinh địa, Thược dược, Mạch môn, Sơn chi, Huyền sâm, Quyết minh, Liên kiều, Hoàng cầm, Hoàng liên, can nhiệt dùng Long đóm thảo, Dương minh thực nhiệt dùng Thạch cao, Thạch học, thận hỏa thịnh dùng Hoàng bá, Tri mẫu, tam âm đều nhiệt dùng Địa cốt bì, hòa bốc không giáng, dùng Mộc thông, Trạch tả, màng che không hết dùng Mộc tặc, Thuyền thoái, tạt lê, khí hư dùng Nhân sâm, Hoàng kỳ, huyết hư dùng Dương quy, Thục địa, nhưng chỉ khi hỏa bốc lên trên thì không nên thăng, âm hư nơi dưới thì chớ nên công hạ, đó đều là đại pháp chữa bệnh mắt.

VI- ĐAU HỌNG (3 điều)

1. Đau họng tuy là do dư độc, nhưng về chứng cũng có mấy mối:

- Có trường hợp phong nhiệt ho hen rồi cổ họng không thông lợi, dùng Cam cát Phòng phòng thang (243).

Như đau họng, sốt cao, nổi đậu sắc đỏ, chân tay đều nóng, đó là fur độc chưa giải, dùng Sài hồ Mạch đông thang (310), nếu mà đại tiện phân không chặt, khát uống nước nóng, tay chân không nóng, đó là tý vị hư hàn, nên dùng Ngũ vị dị công tán (91), có trường hợp ngón tay ngón chân mới bấm thấy tựa như nóng, bấm lâu thì lạnh, đó cũng là tý vị hư nhiệt, nên dùng Nhân sâm bạch truật tán (40).

2. Đau họng mà đại tiện phân sắc vàng, ngón tay ngón chân nóng, phát sốt khát nước, mặt đỏ, uống lạnh, đó là trong vị có thực nhiệt, nên dùng Tả hoàng tán (124) hoặc xạ can thủ niêm tử thang (41).

3. Như lúc bình thời vẫn bị đau họng sắc mặt vốn trắng, hai tay thường lạnh mà hậu đậu phát sốt, mặt đỏ, khát nước uống nước nóng, trên nóng hai chân lạnh, họng đau, đây là ba kinh mạch dương ở chân bị hư mà hỏa vô can nó bốc lên, nếu có chứng: chân nóng tạm thời cũng thuộc về hệ âm hư hỏa động, phạm gặp lúc bấy giờ nếu là lúc chưa lên đậu, thì nên dùng thuốc trắng thủy để phòng khi lên đậu có các chứng đau lưng, càm, biến sắc đen, quy cho chứng thuộc thận, với khí đã mọc, đã thu áp mà có các triệu chứng nói trên, đều dùng Bát vị hoàn tiền, (52) với chứng uống nhiều, lại dùng Ích khí thang (111) giúp tý phế để tu dưỡng hóa nguyên thời hòa sẽ thối lui mà bệnh tự hết.

VII- ĐẠI, TIỂU TIỆN, BÍ, LỢI (2 điều)

1. Sau lúc lên đậu có trường hợp do nhiệt độc chưa giải nhiệt dần tới tiểu trường mà tiểu tiện không thông, nên lợi, lợi mà nó không thông thời phải thăng dề, thanh giải, khiến bên trên thông thì khiếu bên dưới tự nhiên lợi, còn không bằng thanh phế, vì phế khí thanh thì nó chuyển vận xuống bàng quang vậy, cũng không bằng đường âm, thận âm vượng được thì tự nhiên thủy được hành, nếu nó kết hợp với đại trường mà đại tiện không thông thì phải công hạ vậy, nhưng đậu hậu nhất định hư, thì cũng bằng dưỡng huyết, đại trường có được huyết thì tự nhiên giải tỏa táo bón, còn có chứng tiết tả, quan hệ sở thuộc có hai đường: Tiết tả mà ăn được là tà nhiệt tiêu cơm nước, khát nước là đốt tân dịch, mạch thịnh là nóng bên trong, mạch thịnh mà sắc là tà nhiệt bốc, đây là do nhiệt nhập đại trường mà sinh ỉa chảy, chữa nên thanh lợi, như ăn ít, mạch vi tiểu, không khát, đây là khí bên trong hư không đóng chặt được cơm nước, tuy có chút khát cũng do tân dịch hao tổn gây nên, chữa thì nên dùng Lý trung thang (59) gia giảm, nhưng đến đậu hậu thời khí huyết đại hư, như gặp tả lợi phần nhiều dùng ôn bổ mà chữa, thả lỏng cách chữa bất tức mà chữa chứng hữu dư thời hơn, chỉ có khi ỉa ra những chất như vậy, da, máu, mũi, đây là nhiệt độc vào ở đại trường mà đẩy được ra nên dùng Tứ vật thang (27) gia loại Cầm liên, chờ ỉa hết độc sẽ tự hồi, không nên lạm dùng thuốc cố sáp cầm ỉa.

2. Đậu hậu dư nhiệt không hết, bên trong hãm xuống bàng quang mà gây nên tiểu tiện không lợi, dùng Đạo xích tán (33) Ngũ linh tán (145), đại tiện chẳng thông dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29).

VIII- SƯNG BÌU DÁI

Phụ: mặt mắt nặng phù, sưng bụng, (3 điều)

1. Sau khi thu áp, bìu dái sưng đau, bong bóng căng như quả dưa đây là chứng nhiệt kết bàng quang (1) chữa có ba cách: hoặc sơ can để triệt khai sức sơ tiết, hoặc thanh phế để làm được chức năng chuyển vận xuống phía dưới, hoặc trực tiếp thanh lợi nhiệt ở bàng quang, làm tan khí kết mà thêm lợi thủy, nên phân ra hư với thực để cho thuốc thích hợp, thực thì chữa ngay vào tạng ấy, hư thời chữa cách gián tiếp tạng, ngoài dùng tiêu, muối, củ hành. Địa phu tử nấu để xông rửa hầu làm cách dẫn đường cho khí kết nó có thể tan đi.

2. Đậu hậu có mặt mắt phù nề, dần dần toàn thân đều sưng, đây là do biểu khí không đủ, ra gió sớm quá, vì thể phong tà thừa hư mà vào, nên dùng Ngũ bì tán (162) gia quế chỉ làm cho ra ít mồ hôi, nếu khắp người đều sưng thời dùng Vị linh thang (163) mà chữa.

(1) Nhiệt kết bàng quang: Vị trí của bàng quang ở hạ tiêu, là phủ của Túc thất dương kinh, như thường hạn thái dương chứng không giải, hóa nhiệt nhập lý, tà nhiệt theo kinh mạch cùng kết hợp với huyết khí, kết ở bàng quang, xuất hiện các chứng vùng bụng rắn đầy, cơ rút khó chịu, phát sốt mà không sợ lạnh, thần chí như cuồng, gọi là Nhiệt kết bàng quang.

3. Nếu bụng sưng trướng đầy, hơi thở thô, mạch thực, đây là có thức ăn cũ bấn bên trong, không cần biết là dư độc, thực tích hay súc thủy đều nên dùng Thái khí hoàn (164) để thông lợi trước, thứ đến dùng Vị linh thang (163) bỏ Cam thảo, gia Phúc bì, Sâm, Kỳ để điều trị, nếu do mới ăn phát trướng nên không sưng, chỉ dùng Mộc hương thái an hoàn (143) để tiêu trừ nó, nhưng hậu đậu khi, huyết, tỳ nguyên, cái nào cũng hư nhiều, nếu hơi có hư chứng thời cứ theo hư mà chữa, thà có thể đem phép chữa, thà có thể đem phép chữa hư kém mà chữa bệnh hữu dư, không thể đem phép chữa hữu dư mà chữa bệnh bất túc.

IX- ĐẬU HẬU NÔN MỬA

Hậu đậu nôn mửa, tuy phần nhiều do dư độc ở dạ dày, nhưng có hai chứng hàn nhiệt khác nhau, như:

a) Do nhiệt độc, biểu hiện là lòng buồn bực khát nước, ăn bú rất vội nhanh, đầy trướng bụng rồi sau nôn bắn ra, người sắc mặt ghê đỏ, lòng bàn tay bàn chân nóng, ưa ở chỗ mát, hoặc nôn mà khát nước, mà ỉa chảy.

b) Nôn do hàn, biểu hiện ăn bú vào thì ra ngay, người sắc mặt xanh xao, chân tay đều lạnh, đại tiểu tiện trong mà thông suốt với mửa mà không khát, ỉa chảy mà lòng bàn tay bàn chân lạnh.

Do dư độc nhiệt tà, 10 người chiếm đến 7-8, vị hư ghê lạnh 10 người có 2-3, còn có chứng do thương thực mà nôn mửa, chỉ nghe mùi cơm là bắt mửa mà không ăn được, dùng Mộc hương đại an toàn (143) khát muốn uống nước, uống nước vào thì mửa đây gọi là thủy nghịch là ta nhiệt fghé tích âm nghịch lên, nên dùng Ngũ linh tán (145) mà chữa.

X- MÀY ĐAY, NỔI MẶN (ấn chẩn, tử điểm phong)

Đậu hậu có dư độc không tan phát ra mày day có vẻ có mảng, quào suốt ngứa gãi thật nhiều, chữa nên dùng giải độc phòng phong thang (152), ngoài dùng nước sô hến sông mà rửa, như sắc đỏ ngứa dữ, gãi toạc ra máu mà vẫn còn ngứa, gọi là nổi mận, nên dùng những loại như Kinh giới, Phòng phong, Cam thảo, Hồ, Ma (mè), Sinh địa, Ngưu hoàng tử, Xích thực, Đơn bì, Liên kiều... Hồ Ma chữa 36 thứ phong mà chứng ngứa gãi không nó thì không chữa được, chẩn là có nốt trong da như vết muỗi cắn, bé như hạt cải, nên cho uống Thăng ma cát căn thang (1), chẳng qua tùy mức nặng nhẹ sơ giải mà thôi.

XI- TRÚNG PHONG

Bệnh đậu mới khỏi, vinh vệ đang hư, không biết kiêng khem giữ gìn, xảy gặp thời tiết thay đổi, khí bất chính của tám phương thừa hư xâm nhập gây bệnh gọi là trúng phong, khắp người bầm tím, cắn răng sùi bọt mép, chân tay co quắp, lưng ẽnh ngược,

chữa bệnh nên dùng Tiêu phong tán (139), uống hai ba lần hoặc nổi mề đay rồi khỏi, còn có trường hợp sau thu áp do mất điều lý đúng mức, gây nên âm dương nghiêng lệch, hoặc xông pha gió lạnh, lạnh uất lại mà sinh nhiệt, nhiệt thịnh thì sinh đờm, phong đờm công kích tâm hoặc vượng, dữ, đờm bèn vọt lên làm tắc nghẽn tâm khiếu, do đó bỗng mê man ngã vát ra như điên như động kinh vậy, luận chứng để chữa không ngoài các phép hóa đờm, trấn tâm, thanh nhiệt, nhưng sau khi khí huyết cả hư thì phong với hòa phần nhiều do hiện tượng giả tạo, nên dựa theo căn bản mà chữa, tiên thiên can thận bất túc, dùng Địa hoàng hoàn (230) mà chữa, hậu thiên tâm tỳ tỳ bất túc Thập toàn thang (111) mà chữa.

XII- ĐẬU HẬU DƯ ĐỘC PHÁT SỐT, (7 ĐIỀU)

1. Bệnh đậu bất luận mọc thưa dày, chỉ yêu cầu mọc được hết mà không lưu lại, nấp lại, khi phát cần dần dần mà thấu suốt, thu áp đúng kỳ mà sạch ráo thì làm gì còn có dư độc; Nếu khát mà đau bụng ỉa mửa, nước tiểu đỏ gắt, đại tiện bón uất, tinh thần mờ tối, chân tay bại hoại, ăn uống giảm sút nằm ngổ chẳng an, đây là triệu chứng dư độc chưa sạch, phàm đậu mọc ra sạch là nó phát ra 3-4 lần to nhỏ không đều, khi nó mừng mù, thu áp, ở giữa chỗ trống của nốt đậu còn có bổ sung thêm, đây nhất định còn có chỗ ẩn nấp, có trường hợp mọc ra thấu suốt, nếu đậu chỉ bằng, rạp xuống, không thành mù đây là độc tuy mọc ra mà chưa có thể đạt đến chân tay, ắt có tình trạng đọng lại, nấp lại, còn thu áp đều từ mặt đổ xuống, gọi là đều trong da vậy sạch sẽ, không dập lở; nếu thuáp quá sớm hoặc chóng đông vậy, đây ắt có độc nội hãm, những tình trạng kể trên đều có dư độc, phải xét bộ vị, kinh lạc, hàn nhiệt, hư thực, hoặc bổ hoặc tả, hoặc giải hoặc tán, lấy thăng bằng làm mức, nếu không ứng không thôi đây là hoại chứng không thể công kích nhằm.

2. Đậu hậu phát sốt không giảm, đây là có hai chứng hư thực, như ăn được mà phiền khát, tiểu tiện đỏ, đại tiện bón, đó là chứng thực, dùng Từ thuận thanh lương ẩm (29) Tam hoàng hoàn (31) mà chữa.

3. Đậu hậu nọc độc chưa sạch hết có các chứng sốt, chỉ dùng Đại liên kiều ẩm (25) là rất tốt, phàm chứng đại tiện không bón, tiểu tiện không đỏ, nằm ngổ run rẩy, ăn uống kém đó là chứng hư, dùng Điều nguyên thang (176) hoặc Ngũ phúc ẩm (96) gia loại Thược dược mà chữa.

4. Sách Tâm giám chép: nọc độc của đậu hậu chính là hư nhiệt, hư nhiệt phần nhiều phát về xế chiều, má đỏ, môi đỏ hoặc nổi bầy bọ lung tung, nhất thiết không thể cho là thực nhiệt, chữa nên dùng Điều nguyên thang (176) hoặc Bảo nguyên thang (61) gia Hoàng liên, nóng giữ dùng Đại Liên kiều ẩm (25) nếu công hạ bầy làm hư vị khí thời biến sinh bệnh khác trở nên hoại chứng thì không chữa được.

5. Họ Từ nói: Đậu hậu dư nhiệt không hết, phải liệu coi nặng nhẹ mà chữa, nhiệt dư lắm thời phải lợi tiểu tiện, nhiệt ít thời nên giải độc, bởi vì lợi nước tiểu thì tâm hỏa có chỗ dẫn đạo, tuy không dùng thuốc mát mà nhiệt không có chỗ dung thân, nhiệt ít nên giải độc bởi vì nhiệt ít không giải sợ nhiệt nhiều đến dần, lợi tiểu nên dùng Đạo xích tán (33) giải độc thì nên dùng Tê giác địa hoàng thang (26) nếu chỉ phát sốt ở phần biểu

hậu như hậu sản vậy, gọi là lửa bốc chỗ trống, sốt phần nhiều phát lúc xế chiều, chỉ xem hai má có sắc đỏ là **Thống** chứng, hư lắm thời phải sốt, nhiệt lắm thời nói sảng phát cuồng, phát triển là lẽ dĩ nhiên, nhất thiết chờ nhằm chữa sốt, đây là động tác của hư dương gọi là cường dương, trước sau đều nên dùng bảo nguyên thang (61) hiệp với Tứ vật thang (27) gia giảm, rất cần thiết để điều lý, không thời lâu ngày sẽ thành chứng cam, các chứng đau hầu họng, cảm, đau mắt, cam còm, kinh phong gân rút, tẩu ma nha cam... đều từ đó mà ra, nếu cam miệng không ăn được, thời thức không kết quả, là dạ dày đã loét nát, bất trị.

7. Lên đậu từ đầu đến cuối cứ một chiều hướng phát sốt, đến khi khỏi rồi cũng không giảm bớt, đó là độc ở tâm, nhưng cũng có 2 chứng hư và thực, như đại tiện khó đi, tiểu tiện đỏ, ăn được mà khát nước khó chịu, đó là chứng thực nhiệt, nên giải lý nhiệt trước rồi biểu nhiệt tự giải, nếu đại tiện không bón, tiểu tiện không đỏ, đứng ngồi run rẩy, ăn uống không kích thích lắm, đó là chứng hư nhiệt, dùng Bảo nguyên thang (61) gia Mạch đông, Tri mẫu, hư lắm gia Can khương sao đen, hoặc Phụ tử nấu dùng chút ít để dẫn hỏa về nguyên chỗ.

XIII- ĐẬU HẬU, MẤT TIẾNG (2 điều)

1. Chứng đậu hậu mất tiếng có 2 đường: Một là do đau họng rồi không nói được, đó là do độc khí kết tại hầu họng, dờm nghẹt gây đau mà không nói được, là bởi tà nhiệt ở trong tâm chưa dứt, thận hư không thể giao tiếp với bên trên, phần thanh dương tuy c thanh mà không nói được, chữa nên thanh nhiệt, dưỡng tâm, tư âm, ích thận, khiến cho thủy hỏa hòa kỳ tế.

2. Do đậu hậu dư độc mà mất tiếng có hai nguyên nhân, một là do đau họng mà không nói được, đó là độc khí không sạch, nên dùng Cam cát thanh kim tán (241) gia Thiên hoa phấn. hai là do thận khí hư không tỏa được lên trên mà nói không ra tiếng, chữa nên theo cách trước hoặc dùng Tứ vật thang (27) gia Mạch môn, Bạch linh.

XIV- ĐẬU HẬU NÓNG LẠNH NHƯ SỐT RẾT

Chứng đậu hậu bỗng nóng lạnh như lên cơn sốt rét cứ đến hẹn lại lên, đó là do tỳ hư, khí yếu, ăn uống làm lụng nghĩ ngợi không kiêng cử, trúng cảm phong hàn, bởi vì tỳ chủ tín cho cứ đến đúng hẹn vậy, nên dùng Sài hồ Quế chi thang (42) trước hết phát hết cái biểu tà tân cảm, sau dùng Điều nguyên thang (176) gia giảm mà chữa, còn như hậu đậu khí huyết đều hư, bởi thế nên khí hư sinh ngoại hàn, huyết hư sinh nội nhiệt mà nóng lạnh như sốt rét tối kỵ thuốc phát tán, chỉ nên đại bổ khí huyết rồi chứng nóng lạnh đó tự khỏi.

XV- CHỨNG ĐAU CÁC LÓNG XƯƠNG

Dau các đốt xương tục gọi là đau phong, phân ra khí huyết, hư thực, độc hay không độc, phong hay không phải phong, hư thời dùng thuốc bổ khí huyết có gia ít thuốc phong, thực thời dùng thuốc thanh lương, cũng ghé dùng ít thuốc phong, phong thì chữa phong, độc thời giải độc, vẫn phải dưỡng huyết làm chủ, rồi phong với độc nó tự hóa ở trong. Nếu chữa không khỏi, thời tư dưỡng mạnh vào can thận, vì phần chủ quản của đốt cương nó thuộc can thận nên dùng Địa hoàng mà chữa.

XVI- CÁC CHỨNG CO GIẬT NHƯ ĐỘNG KINH

Phụ: *Chứng quyết nghịch, 2 điều*

1. Đau hậu có chứng co giật bất thường cũng có 2 loại: Một là do dư độc ở tâm, nó động lại không dờn đổi, nhiệt dữ lắm sẽ sinh phong và hỏa va chạm nhau, thể hiện người bệnh đó sục đờm, mắt trợn thị, mặt đỏ, đòi uống luôn, ưa ở chỗ lạnh, chữa phải thanh tâm tả can là chính. Lại có loại sau cơn bệnh ăn nhiều mà tỳ vị yếu không tiêu nổi cơm nước, bởi vậy đồ ăn nó nung bốc lên, mà phát ra co giật, triệu trứng sốt cơn mà bụng đầy, buồn bực lắm, đại tiện ra phân thối khắm, đại tiện không đều hoặc nôn mửa đau bụng, chữa bệnh nên dùng phép tiêu thực, ghé có thuốc dưỡng vị, kích thích tiêu hóa mà thôi, còn có chứng chân tay co quắp, khó co duỗi đó là huyết hao khí hư không dinh dưỡng được đến gân, nên dùng Thập toàn đại bổ thang (111) rất kỵ dùng thuốc phong vì nó lại làm hao âm huyết, còn có hậu đậu mê muội, không giải, mắt không trông ra người, miệng thường nói bậy bạ như có tà ma, đó là nhiệt độc nó xâm nhập tâm bào lạc, chữa phải thanh tâm điều nguyên, còn như trường hợp người không sốt, miệng không nói bậy, bỗng nhiên làm như ưa ngủ, trạng như chóng mặt, đó là do người vốn ăn ít mà chính khí vốn yếu, đậu mọc lại nặng, may mà điều lý thỏa đáng, giải độc được yên, như tà khí đã giải thời chính khí sắp sinh, đây là hiện tượng bất cực thái lai, chữa bệnh nên dùng Điều nguyên thang (176) khẽ cho nhấp nuốt, chờ nó tỉnh dậy, không được quấy nhiễu, người không biết thế ấy, hễ thấy bực dọc bèn xúm bằng xóc dậy, hô hoán, kêu khóc, hễ thần khí mà tan mất thì không thể cứu được, đó là phần nhiều, còn có trường hợp chân tay lạnh như giá, gọi là chứng quyết nghịch, nếu phát về lúc đậu mọc đang thịnh, thời 10 bệnh không sống một, nếu phát ở lúc bệnh khởi khí huyết hư lắm, tỳ vị yếu lắm, thì nên dùng Điều nguyên thang (176) gia giảm mà chữa.

2. Hậu đậu phát ra chứng quyết nghịch, đó là khí huyết đã hư tỳ vị đã khốn, không còn nghi ngờ gì nữa nên dùng Bảo nguyên thang (61) hoặc Lục Khí tiến (72) hoặc Lục vật tiến (63) gia loại Quế Phụ mà chữa.

XVII- HO, ĐAU SUỒN

Ho, đó là chứng bình thường khi có đậu, chia ra có do hàn, nhiệt, hư, thực, như từ lúc ban đầu mới mọc mà ho đến nay chưa khỏi đó là phế khí không liễm, nên liễm nên

nhuận, như ho mà nóng, tiêu ra nước tiểu đỏ, đại tiện khó đi, hoặc ho ra máu, phổi khô héo, đó là nhiệt độc, chữa nên thanh lợi, như ho mà đại tiện phân sệt, nước tiểu trong, mình không nóng dữ, không khát, đó là chứng hư, chưa nên bổ ích, như trước không ho mà nay bắt đầu ho kèm có chứng sổ mũi chảy nước trong, đó là ho do ngoại cảm phong hàn, chữa nên sơ tán, còn có ho mà đau bên sườn, đó là dư độc ở trong, khí âm khí dương không thăng giáng được bình thường, sách Nội kinh chép: bên tả bên hữu là đường sá của âm dương, tức nói hai bên sườn đấy, chữa bệnh chỉ nên giải độc thuận khí, nhưng cũng có tình trạng khí huyết lưỡng hư âm dương không thu sướng, chữa bệnh nên điều dưỡng khí huyết thời cái đau khổ đó tự khỏi.

XVIII- ĐAU BỤNG

Đậu sởi chưa mọc ra mà đau bụng đó là bạn độc công bên trong, còn như đậu hậu thời độc xuất ra, cần nên giải độc, không được làm ngăn lấp mà đau bụng, về chứng có ba loại: có trường hợp do đại tiện không thông, phân táo gây ra đau, có trường hợp do vị hư không tiêu được cơm nước mà đau bụng, do phân táo mà đau là bệnh ở hạ tiêu, do thương thực mà đau là bệnh ở thượng tiêu, đầy đều là hiện tượng chối nắn (tay không thể sờ vào được), nhưng vốn ăn ít, đại tiện thường nhuận, bỗng nhiên phát đau thì đó là chứng hư hàn, bệnh tại trung tiêu, thời thích xoa nắn (chịu nắn) với bàn tay ấm áp, bệnh ở trên thì tiêu, bệnh ở dưới thì lợi, bệnh ở giữa (trung thì ôn).

XIX - KHÁT NƯỚC

Lên đậu mà khát nước đó là chứng bình thường, chỉ có độc giả hậu đậu thời chứng khát cũng nên khỏi, nếu bỗng khát muốn uống nước, là hai kinh tâm và vị bị nhiệt tà thời cổ khô ngực nóng mà khát, nhất định là ăn được mà đại tiện bí tiểu tiện đỏ, lưỡi ráo cổ khô, nên dùng Nhân sâm Bạch hổ thang (52) gia Hoàng liên mà chữa, nếu ăn ít mà đại tiểu tiện đều, tuy ưa uống mà uống nóng, cổ và lưỡi không ráo, đó là tỳ vị hư mà tân dịch không đủ, nên dùng Nhân sâm Mạch đông thang (203) gia gừng mà chữa. Như người nóng phát khát chân tay hơi lạnh đó là tỳ vị khí hư không thể vận hành tân dịch, nên dùng Nhân sâm Bạch truật tán (40) mà chữa, như bụng trướng ỉa chảy, hoặc lạnh run nghiêng răng, đó là tỳ vị hư hàn, nên dùng Thập nhất vị Mộc khí thoát hãm, nên dùng Thập nhị vị Di công tán (97) mà chữa.

XX- NÔN ỈA RA LÃI, VỚI CHỨNG HỒI QUYẾT, HỒ HOẶC CAM THỰC TÀU MÁ NHA CAM, XÍCH BẠCH KHẨU SANG

Đậu hậu mà nôn ỉa ra lã, đó là nhiệt độc nhập lý, lã bị nhiệt nung nấu mà bật ra, nhiệt tại dạ dày thì nôn ra lã, nhiệt ở đường ruột thì ỉa ra lã, nôn dùng Hoàng cầm Bán hạ thang (244) gia Ô mai, xuyên tiêu, ỉa thì dùng Hoàng cầm thang (193) gia Đào

nhân, Ngải cứu còn như vốn không nôn không ỉa, hễ nghe mùi đồ ăn thì nôn, mà ăn rồi thì mau chóng đói, như nôn ra ỉa mà chân tay quyết lạnh đây là chứng hời quyết, đều nên dùng Lý trung thang (59) gia Ô mai, Xuyên tiêu mà chữa, nhất thiết không nên cho dùng loại Sứ quân tử, Bình lang, vì làm như vậy, ỉa chưa bị tổn thương mà người đã bị mệt rồi. Còn có trường hợp tuy không nôn không ỉa mà nó ăn mòn tạng phủ bên trong, thời đó là chứng Hồ hoặc, (1) người ưa ngủ, lim dim không muốn ăn, như trên mỗi có lỗ trùng ăn ở lỗ đít "cô cầm" mỗi dưới có mụn lở là trùng ăn trong tạng tiếng nói cầm đó, trên dưới chẳng yên cho nên gọi "Hồ hoặc", cũng có do chất cơm nước bị hư từ lâu trùng không có vật để ăn nên ăn vào tạng phủ với lỗ đít mà thể hiện bên ngoài mỗi miệng, chứng này, rất hiếm ác, đậu hậu, sỏi hậu có rất nhiều chứng này, chữa bệnh nên dùng Hóa nặc hoàn (313) như đại tiện bốn uất thời dùng Đào nhân thừa khí thang (157) gia Hòe tử để lợi, nếu đến tình trạng rút môi, sút mũi, rụng răng, mất tiếng là không chữa được, còn có trường hợp chỉ lở loét răng lợi, đây là do vẩy đậu bong rời, dờm nước dầm ngấm gì là Cam thực sang, nên dùng Miên kiềng tán (135) mà rắc, bằng hơi thổi mà chảy máu đây lại gọi là Tấn mã nha cam, đây là do nhiệt ở dương minh, trong nên dùng Hoàng liên giải độc thang (4), ngoài đắp Mã minh tán (281) nếu đến tình trạng môi sưng, mặt phù, thủng cả mũi, vỡ cả má, lở cả họng, thịt nát bấy ăn uống không được, là không chữa được.

Phàm mỗi miệng sinh lở mà đỏ gọi là Xích khẩu sang, nhiệt ở hai kinh tâm tỳ, trắng gọi là Bạch khẩu sang, lại gọi Nga khẩu sang (tưa, đen) nhiệt ở hai kinh tâm phế, đều dùng Tẩy tâm tán (269) cho uống Đại tiện bốn uất dùng Tứ thuận ẩm (29) để lợi, nhưng có tình trạng mạch vi không có lực là tỳ nguyên trung khí hư hàn không thể nén đè âm hỏa từ hạ tiêu bốc lên mà gây thành tưa đen vậy, nên dùng Phụ tử Lý trung thang (60) thời khỏi ngay.

XXI- CHỨNG ĐỔ MỒ HÔI

Đậu hậu có chứng tự đổ mồ hôi, đổ mồ hôi trộm đó là cơ nhục hư vệ khí yếu, vinh huyết nóng mà ra, chữa nên thanh tâm điều nguyên làm chủ, đổ mồ hôi trộm thời thiên về mặt dưỡng âm tự đổ mồ hôi thời chuyên bổ dương đây là phép chữa chung, nếu cả người đổ mồ hôi như nước mà tốc nhuận, hoặc đổ mồ hôi như hạt châu đây là chứng vong dương, chữa có ích gì? Phàm đậu sau khi thu áp, bong vẩy hơi không ngừng, đây là tà lui mà khí hư, nên dùng Thập toàn đại bổ (111) để chữa, hoặc Điều chỉ hãn tán (287), hoặc dùng bột Hoạt thạch để xoa ngoài.

XXII- CHỨNG THẤT HUYẾT

Đậu hậu mà thất huyết là do dư độc, nhiệt tà bức huyết chạy bay, nhưng do tỳ hư không tyể thống huyết cũng có, như chảy máu cam dùng Huyền sâm Địa hoàng thang (193), đái ra máu thì dùng Bát chính tán (228), ỉa ra máu dùng Đào nhân thừa khí thang (157) tước bỏ cái thể của nhiệt tà đã, sau rồi hãy dẫn huyết chạy về kinh là được, như

đại tiện bí thời dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29) mấrchưa, nhưng đổ máu cam là nhiệt ở vệ mà không động tới trong, đái ra máu ỉa ra máu là nhiệt ở vinh mà nó tự làm hại bên trong, cho nên chứng đổ máu camla nhẹ mà đái ỉa ra máu là nặng, nhưng do âm hư bức huyết cay bậy thì dưỡng âm để thu liễm nó, nếu dương hư không có thể nắm giữ được huyết để cho nó chạy bậy thì phải bổ tỳ để cho nó thống nhiếp được, chớ nên dùng thuốc thanh lương chung chung.

XXIII- CHỨNG KÉM TÂN DỊCH

Người mà có tân dịch có thể ví như trời đất có mưa móc, biển có nước lớn nước ròng, trời không có mưa thì hạn hán, biển không có nước lớn nước ròng thời khô cạn, người mà không có tân dịch thời kiệt, thậm chí hậu đậu biến chứng mà chết mất, nhưng nếu trong khoảng tâm vị có nhiệt mà hỏa hừng lên làm hao tổn tân dịch, thời có các chứng buồn bực vật vã, ho suyễn, nếu tạng phủ có nhiệt mà hỏa uất bên dưới làm hao tổn tân dịch thời có các chứng bế tắc phát cuồng kêu rú, nếu tỳ nhiệt mà hao tổn tân dịch thời khát nước ỉa chảy, phế nhiệt mà hao tổn tân dịch thời ho, can nhiệt mà hao tổn tân dịch thời mất sợ ánh sáng, nếu phong nhiệt công phát yết hầu mà hao tổn tân dịch thời câm, tắc tiếng. Nếu dùng thuốc do mạnh tay phát biểu thái quá mà hao tổn tân dịch thời da bị xây xát nếu cốt nhục hư mà ít tân dịch thời thịt gân co, các đốt xương đau nhức, cách chữa quý ở chỗ phân được hư thực mà đại loại không ngoài hai phép trừ nhiệt sinh tân, nhưng còn có trường hợp dưới chảo không lửa mà đáy nồi khô ran thì phải dùng phép bổ hỏa trong thủy, mới là cội nguồn sinh ra tân dịch vậy.

XXIV- PHÁT CUỒNG KÊU RÚ SUYỄN THỞ

Các chứng vật vã phát cuồng, vut chạy, đều thuộc tâm hỏa, nhưng hậu đậu mà suyễn thở phát cuồng kêu rú có hai chứng: hoặc do nhiệt độc tồn trữ không phát được ra ngoài, chữa bệnh nên thanh lương giải độc, hoặc dựa theo thể mà phát nó, hoặc do tạng phủ nóng ráo mà không tân dịch thì chữa phải gia ít thuốc lợi thủy để dẫn tâm nhiệt, bởi vì tâm hỏa giáng thì thận thủy sinh, mà các chứng nhiệt đều tự rút lui, lại nên kiêm dùng thuốc thanh nhiệt tư âm nếu thuần dùng thuốc lợi thủy thời thủy sẽ hết đi, mà táo nhiệt lại càng tăng.

XXV- CAM THỰC SANG (7 điều)

Họ Trần nói: Đậu khí đã thu áp chưa khỏi, ngũ tạng chưa chặt chẽ lắm, cơ nhục còn sơ hờ, khí huyết chưa hồi phục, bị phong tà chạm vào thời tân dịch bị sáp trệ mà trở thành chứng cam thực sang, nên dùng Hùng hoàng tán (102) Miên kiểng tán (135) để chữa, nếu không khô phần nhiều sẽ dậy không nổi.

Họ Tiết nói: Phương trước đây là thuốc giải độc sát trùng, nếu độc phát ra ngoài, nguyên khí chưa tổn hại, dùng nó phần nhiều có hiệu quả, nếu nguyên khí đã tổn thương, hòa tà bốc lên, dùng Đại Vu di thang (298) Lục vị hoàn (230). Nếu đau dùng Tiểu sài hồ thang (172) gia Sinh địa.

4. Nếu chứng cam do cam tỳ, dùng Tứ vị Phỉ nhi hoàn (299) với Nhân sâm Bạch truật tán (40) lại lấy Cửu vị lô hội hoàn (300) giúp vào.

5. Họ Vạn nói: Cam thực sang do hậu đậu, đến như độc nó ngấm ở trong cơ nhục thấu đến gân xương, ra tới ngoài da, mỗi khi đau có chảy máu lâu ngày không khỏi, đó là độc ở kinh tỳ, nặng và nguy hiểm là chứng bất túc, trong cho uống Thập toàn đại bổ thang (111) ngoài dùng Miên kiến tán (135) mà rắc.

6. Cam thực sang mà chảy máu là khó chữa

7. Đậu sôi lui rồi, nếu có chứng chân răng mọc nát, mũi chảy máu... đều là chứng thất huyết, nên dùng Tê giác địa hoàng thang (26) gia Sơn chi tử, Mộc thông, Huyền sâm, Hoàng cầm... để lợi tiểu tiện, khiến nhiệt độc đi xuống phía dưới. Ngoài dùng Thần thọ đơn (293) mà chữa, không thể chậm trễ, nếu cam sắc trắng là dạ dày đã loét, đây là chứng không chữa được.

XXVI- ĐẬU HẬU KHÔNG ĂN ĐƯỢC

Đậu hậu riêng không có chứng khác mà lại ăn uống không kích thích, đây là chỉ do tỳ vị kém, Dùng Ngũ vị Di công tán (91) Ôn vị ẩm (93) Dưỡng trung tiền (92) mà chữa.

XXVII- VỀ CÁCH ĐIỀU DƯỠNG

Dang lúc đậu hậu, bọc đậu còn mềm non chưa cương chắc, khí của đường ruột còn yếu chưa khỏe, thì bên ngoài phải kiêng gió lạnh, bên trong phải điều lý chuyện ăn uống, phạm chỉ một tí như mây lông mà khi nó thành bệnh thì nặng như núi, tắm rửa cũng chớ nên quá sớm, quá muộn, quá sớm thời nốt đậu còn non dễ nhiễm gió, quá muộn thời da khô sinh lở, cho nên phải chậm hơn tháng mới nấu Kinh giới với canh Du, Hòe, Liễu và Ngải cứu lấy nước để tắm, kiêng không cho uống Thảng ma Ma hoàng Đại hoàng Phác tiêu... với nước mật, dưa quả thị, quả lê, hạt giẻ, cam quýt, bạch quả, bã rượu, rau thơm, hành, hẹ, củ kiệu, củ tỏi, thịt mềnh, thịt thỏ, thịt gà, vịt xiêm, trấu, dẻ, cá tươi, những vật tươi sống trên, nên ăn thịt thăn heo. Long nhãn, Hồ đào, hạt sen, hồng táo, loại cải và rau khô... những vật ngon ngọt cũng không nên ăn quá nhiều, sợ thành bệnh cam miêng.

HẾT QUYỀN TÁN

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM TÍNH

Quyển thứ 42

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU/ NHÂM

1. Thăng ma cát cần thang.

Dây là phương thuốc giải độc hàng đầu dùng trước, bệnh mới phát nhiệt thịnh sốt cao, nghi ngờ chưa rõ hoặc đậu đã mọc mà vẫn còn sốt cao.

Thăng ma

Cát cần

Bạch thược

Cam thảo

Các vị liều lượng bằng nhau, sắc uống,

Một phương gia Sơn tra, Ngưu bàng tử.

Tiên sư nói: phương này tính vị thanh lương, công chuyên sơ tiết, nên phải là chứng dương minh thực nhiệt nhiều mới nên dùng.

Gia giảm:

- Chứng biểu nhiệt nặng, hoặc còn nghi ngờ, hoặc đậu đã mọc gia Sơn tra, Ngưu bàng, Tía tô, Mãng vôi trúc, mùa đông thêm Ma hoàng.

- Bệnh mới ban đầu cần giải biểu, gia Sài hồ, Bạch chỉ, Cát bính, Phòng phong.

- Khô miệng khát nước, nóng trong, gia Cát cần, Mạch môn, Hoa phấn.

- Đại tiện bí, gia Đại hoàng.

- Nhức đầu, gia Khương hoạt, Cảo bản, Mạn kinh tử...

- Ỉa chảy gia Diêu cầm,

Nôn mửa gia bán hạ, Sinh khương.

- Đau lưng, gia Độc hoạt, Tế tân.

Đau bụng, gia Mộc hương, Thanh bì, Chỉ xác, Sơn tra.

- Kinh sợ run giật, gia Mộc thông, Sinh địa, Dãng tâm,

- Tiểu tiện bí gia Mộc thông, Xa tiền, Cù mạch,

- Chảy máu mũi gia Huyền Sâm, Sơn chi, Sinh địa.

- Đau họng gia Cát cần, Liên kiều

- Sốt cao 3-4 ngày không giảm, chữa nên giải độc gia Đại lực tử, Liên kiều, Tử thảo.

- Đậu không mọc gia Phòng phong, Kinh giới, Hồng hoa,

- Mát đau gia Long đôn thảo, Mật mông hoa, Sài hồ,

- Đậu mọc nhiều quá dày đặc gia Sâm, Quy, Mộc hương, Tử thảo Đại lực tử, Phòng phong, Cát cánh,

- Mụn đậu khô hoặc hơi màu tím hoặc đỏ sậm là huyết nhiệt gia Dương quy, Sinh địa, Hồng hoa, Địa cốt bì, Đan bì.

- Đậu bể hãm không mọc, hoặc mụn đậu màu trắng xám là khí hư gia Sâm, Truật, Phòng phong, Mộc hương, Quan quế.

- Ỉa chảy là lý hư gia Sâm, Truật, Kha tử, Phục linh

- Ở chân tay nốt đậu không mọc được là tỳ khí hư, gia Sâm, Kỳ, Phòng phong, Quan quế.

- Nốt đậu không đóng vẩy là do thấp gia Kỳ, Quế, Phòng phong, Bạch chỉ.

2. Ma hoàng thang.

Chữa bàn khí làm thương tổn phần dinh

<i>Ma hoàng</i>	3 đ/c	<i>Quế chi</i>	3 đ/c
<i>Hạnh nhân</i>	10 hạt	<i>Cam thảo</i>	6 phân
<i>Sinh khương</i>	3 nhát	Sắc uống nóng	

3. Quế chi thang.

Chữa phong khí làm tổn thương phần vệ.

<i>Quế chi</i>	3 đ/c,	<i>Bạch thược</i>	2 đ/c
<i>Cam thảo</i>	1 đ/c,	<i>Sinh khương</i>	3 nhát
<i>Dại táo</i>	2 quả,	Sắc uống	

Nhận xét: Tôi thấy hai phương trên chỉ có thể dùng cho người phương Bắc, bầm phủ khỏe mạnh, còn ta ở miền Lĩnh Nam bầm phủ bạc nhược, các bệnh khác còn không dùng được, huống chi ở bệnh đậu, dùng sao được?

4. Hoàng liên giải độc thang.

Có tên Lương huyết giải độc thang, chữa đậu đã mọc mà sốt không lui, sắc đỏ của nốt đậu không phân rõ giới hạn, hoặc nốt đậu khô ráp đen sạm, dùng gấp phương này thời có thể làm cho đậu mừng mù.

<i>Tử thảo</i>	1 đ/c	<i>Sinh địa</i>	8 phân,
<i>Xích thược</i>		<i>Tô mộc</i>	
<i>Phòng phong</i>		<i>Kinh giới</i>	
<i>Hoàng liên</i>		<i>Mộc thông</i>	đều 3 phân,
<i>Hồng hoa,</i>		<i>Thiên ma,</i>	
<i>Cam thảo</i>	đều hai phân,	<i>Sài hồ</i>	8 phân,
<i>Ngưu bàng</i>	4 phân		
<i>Đơn bì</i>	7 phân, gia Đẳng tâm, Gạo nếp sắc uống nóng.		

Cảnh nhạc cũng có Hoàng liên giải độc thang, nội dung Hoàng liên, Hoàng bá, Hoàng cầm, Chỉ tử liều lượng bằng nhau, dùng chữa hỏa nhiệt cuồng táo, tâm phiền, miệng khát lưỡi khô, suyễn thở gấp.

5. Sâm kỳ ẩm.

Lại có tên Nhân Sâm Hoàng kỳ thang, phương này tính vị hào bình phạm chứng đậu nước trong hoặc nước không đầy hoặc lại rạp đi (đảo áp) hoặc mình mát mà nốt đậu không mọc được đều có thể dùng.

<i>Nhân sâm</i>	1 đ/c	<i>Xuyên khung</i>	1 đ/c
<i>Hoàng kỳ</i>	5 phân	<i>Quan quế</i>	3 phân
<i>Cam thảo</i>	8 phân	<i>Sơn tra</i>	8 phân
<i>Dương quy</i>	1 đ/c	<i>Bạch truật</i>	8 phân
<i>Hồng hoa</i>	5 phân	<i>Sinh khương</i>	1 nhát

Sắc uống ấm

Nhận xét: Sâm, Kỳ, Truật, Thảo là thuốc bổ khí, Khung, Quy bổ cố nhân còn gọi

bài này là Hoạt huyết thang, hướng nữa còn thêm Hồng hoa, Quan quế còn làm cho huyết lưu thông không ủng trệ, lại khai khiếu được lưu lợi, thật là thánh được đuổi độc khí, làm cho nốt đậu mọc mủ mau chóng vậy.

6. Bảo anh bách bổ thang.

Phẩm chứng đậu do huyết nhiệt độc thịnh, má đỏ sắc khô, nốt đậu bé mà đỏ, sau 8-9 ngày đầy mọng nước, uống bài này.

Sơn dược

Dương quy

Thược dược

Địa hoàng sắc uống ấm

7. Mộc hương dị công tán.

Phẩm đậu màu tro xám, ngứa, đỉnh lõm, nghiêng rãnh, rết run, ỉa chảy bụng đầy trướng đều dùng bài này.

Dương quy

Mộc hương

Phục linh đều 3,5 đồng cân

Nhân sâm

Nhục quế 2 d/c

Trần bì

Nhục khấu

Đinh hương

Bán hạ

Hậu phác

Bạch truật

Phụ tử đều 1,5 d/c, bỏ Phụ tử cũng được.

Các vị tán bột, liều uống 2 d/c, gừng tươi 2 nhát, táo 2 quả sắc lấy nước làm thang uống. Nếu có chứng ỉa mót rặn thì không thể thiếu Phụ tử, nhưng tùy chứng liệu dùng nhiều hoặc ít.

Nhận xét: Bài này chuyên chữa chứng thuần âm vô dương, Sâm, Quy, Linh, Truật để bổ vị, Quế, Phụ, Linh, Khẩu để ấm vị, Hạ Hương, Phác, Trần để điều hòa vị khí, bởi vì dương minh củ bấp thịt, vị khí đầy đủ thì bấp thịt ấm áp, tự nhiên sẽ tươi nhuận mà nốt đậu đầy đặn không có cái tẻ ngứa và đỉnh đậu lõm sâu nữa, nhưng nếu không phải là chứng hư hàn thì chớ có dùng vội.

8. Thăng ma lưu khí ẩm (khuyết).

9. Thập thần giải độc thang.

Chuyên chữa chứng thuộc huyết nhiệt rất hiệu quả.

Đơn bì

Hồng hoa

Cát cánh

Sinh địa

Dương quy

Xích thược

Xuyên khung

Dại phúc bì

Liên kiều

Mộc thông gia Đãng tâm sắc uống.

10. Thái ất bảo hòa thang.

Chủ trị chứng đậu thuộc huyết nhiệt đã 3-4 ngày sắp mọc mủ.

Sinh địa

Nhân sâm

Hồng hoa

Tử thảo

Cát cánh

Sơn tra

<i>Xuyên khung</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Mộc thông</i>	<i>gạo nếp</i>
<i>Đảng tâm</i>	1 con, gừng 3 nhát sắc uống.

11. Đoạt mệnh đơn (cũng như bài của Vạn thị)

Chủ trị chứng đậu hắc hãm, nguy kịch.

<i>Ma hoàng tử sao</i>	<i>Thang ma</i>	đều 5 đ/c.
<i>Sơn đậu cân sao</i>	<i>Hồng hoa</i>	
<i>Ngưu bàng tử</i>	<i>Liên kiều</i>	đều 2,5 đ/c.
<i>Thuyền thoái</i>	<i>Tử thảo</i>	
<i>Nhân trung hoàng</i>	đều 3 đ/c.	

Nghiên bột nhỏ, mật rượu làm viên, Thần sa làm áo, thang với nước sắc Bạc hà.

12. Bạch tường hoan: Chuyên chữa chứng đậu hắc hãm, nặng Hồng nha Đại kích, nấu với nước cho đến mềm nhũn, bỏ ít lõi sấy khô, lại tẩm với nước nấu lúc trước một lần nữa, sấy khô tán nhỏ, làm viên to bằng hạt gạo, liều dung 10-20 viên, thang uống với nước sắc Thang ma.

13. Bài độc ẩm.

<i>Đại hoàng</i>	<i>Quy vị</i>	đều 1 lạng
<i>Bạch chỉ</i>	<i>Mộc hương</i>	đều 5 đ/c
<i>Xuyên sơn</i>	giấp 7 cái tẩm với nước đất sét sao sém.	

Các vị tán bột nhỏ, xét xem hư thực ít nhiều mà cho uống nhiều hay ít, dùng nước dòng sông đun sôi vài dạo mà uống với thuốc.

14. Trư vĩ cao.

Chữa chứng đậu mới mọc mà đã tệt ngay (đảo áp) tâm thần cuồng loạn chẳng yên, dùng cái đuôi heo dụng ý đuôi thường cừ động luôn ý muốn làm cho đậu chóng mọc.

Phiến nảo 1 phân, nghiền nhỏ, cắt lấy đầu mõm đuôi heo con cho máu chảy vào nước sôi, hòa bột Phiến nảo vào uống. Một phương dùng Ma hoàng sắc nước dùng làm thang uống, một phương lại cho thần sa 1 đồng cùng nghiền với Phiến nảo rồi sắc với nước Mộc hương làm thang uống.

15. Khương hoạt tán uất thang.

Chuyên trị đậu làm cho đậu chóng phát tán mạnh, nốt đậu mọc nhanh.

<i>Xuyên khung</i>	<i>Khương hoạt</i>
<i>Bạch chỉ</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Kinh giới</i>
<i>Ngưu bàng tử</i>	<i>Liên kiều</i>
<i>Địa cốt bì,</i>	<i>Tử thảo</i>
<i>Đại phúc bì</i>	<i>Cam thảo</i>

gĩa Đảng tâm sắc uống.

Nhận xét: khung, Khương, Phòng, Chỉ có tác dụng thăng đề phát tán, Cánh có công năng khai thông khí, Kinh, Kiều, Bang giải uất nhiệt, Cốt bì tiêu nhiệt ung trệ ở gân cốt, đồng thời thanh nhiệt ở tạng phủ., Tử thảo thông khiếu, hoạt lợi cơ nhục, Phúc bì dẫn

nhật tà đi xuống, Cam thảo điều hòa giải độc, Tổng hợp lại, bài này có tác dụng phát tán thăng đề, lại thông đạt cơ biểu, hòa giải, làm cho độc khí không ngưng tắc lại mà dễ phát tiết ra, nếu vội dùng thuốc hàn lương như Cầm, Liên, Thăng ma thì nhiệt tà bị hàn khí của thuốc làm uất lại không phát tiết ra được, nhất định sẽ uẩn náu vào khoản kinh lạc, gần thì làm hại trước mắt, xa thì nọc độc về sau sẽ sinh mụn nhọt.

16. Nội thác tán.

Có tên Sâm Kỳ Nội thác tán, chữa chứng đậu biểu hư lý thực, khó thở, thở to, khí huyết đều suy kém, nốt đậu lốm màu xám tối, đều có thể dùng thuốc này.

<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Nhân sâm</i>	<i>Dương quy</i> , đều 2 đ/c
<i>Xuyên khung</i>	<i>Hậu phác</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Bạch chỉ</i>	<i>Cam thảo</i> đều 1 đ/c,	<i>Táo</i> 1 quả sắc uống.
<i>Mộc hương</i> ,	<i>Nhục quế</i> đều 3 phân,	
<i>Phòng phong</i> 1 đ/c	<i>Gừng</i> 3 nhát	

Gia giảm:

- Đậu sắc trắng nhợt, xám, lốm là hư hàn, gia Đinh hương để ôn lý,
- Sắc đậu nhợt nhạt, bỏ Phòng phong, Bạch chỉ, gia nhiều gạo nếp
- Sắc đậu đỏ tím, đen tối, thuộc nhiệt, bỏ Nhục quế, Mộc hương, gia Tử thảo, Hoàng cầm.
- Dang độ mưng mủ mà không làm mủ được, nội Sâm, Kỳ, Quy, gạo nếp, sắc xong thuốc đang nóng đổ thêm sữa và rượu ngon vào uống.

Nhận xét: Chữa đậu trước au vẫn phải lấy khí huyết làm gốc hể khí huyết mạnh thì tự nó có thể tổng độc ra ngoài, khí huyết hư thì ngược lại, độc khí ẩn phục bên trong làm cho khó thở, thở to, tạo thành chứng lý thực. Lúc đó nếu đơn thuần dùng thuốc khai khiếu sơ thông như Phòng phong, Mộc hương thì khí huyết hư không thể tổng độc ra ngoài, độc không ra hết mà khí huyết lại hư kém, không thể hỗ trợ với thuốc để tổng độc ra hết, nhất định độc sẽ quay trở lại, lúc này nếu chỉ dùng thuốc bổ huyết khí hư Sâm, Kỳ Quy, Thược, thì như sách xưa nói: Trong chứng hư mà có tà thực, đã vội dùng thuốc bổ vào ngay để giúp thêm cho nhiệt tà, nguyên khí chưa thụ hưởng cái bổ mà tà khí đã hững lẩy trước.

Bài này dùng thuốc bổ khí huyết giúp cho cái gốc không đến nỗi hư thêm, lại dùng cả thuốc sơ thông để khai bế tắc trừ thực tà, để chữa ngọn. Gốc ngọn đều được chữa làm cho đậu độc đã xuất ra không quay trở lại nữa, từ trong tổng ra ngoài mà bệnh khỏi, vì thế mà đặt tên là Nội thác (đẩy từ trong ra).

17. Sài Cát tiễn.

Chữa đậu trong ngoài đều nhiệt, có tác dụng tán độc dưỡng âm

<i>Sài hồ</i>	<i>Cát căn</i> ,	<i>Bạch thược</i>
<i>Hoàng cầm</i>	<i>Liên kiều</i>	<i>Cam thảo</i>

sắc uống

18. Liên kiều Thăng ma thang.

Có tác dụng tán độc thanh hỏa.

<i>Liên kiều</i>	1 đ/c	<i>Thăng ma</i>	<i>Cát căn</i>
<i>Cát cánh, đều</i>	7 phân	<i>Bạch chỉ</i>	5 phân, <i>Trúc diệp</i>
<i>Cam thảo</i>	7 phân,	<i>Gia bạc hà,</i>	<i>Dã tràng</i>

sắc uống.

19. Sơ tà âm.

Chữa đậu mới phát, khí huyết còn mạnh, không cần phải bổ, chỉ đơn thuần giải tà thì dùng bài này.

Sài hồ dùng nhiều, *Thuộc dược*, nhiều, sao rượu,
Tô diệp *Kinh giới*.
Chích thảo bằng nửa các vị kia, sắc uống.

Gia giảm:

- Hỏa thịnh nóng bên trong gia Hoàng cầm,
- Không có hỏa gia gừng tươi ba nhất
- Khát gia Cát căn,

20. Tô cát thang.

Mới phát đậu chưa thấy mọc thì tạm dùng bài này

<i>Tô diệp</i>		<i>Cát căn</i>	đều 2 đ/c
<i>Bạch thược</i>	1,5 đ/c	<i>cam thảo</i>	1 đ/c
<i>Hành cã rẽ</i>	3 tép,	<i>Gừng tươi</i>	ba nhất

Sắc uống nóng

Nguyên phương có Trần bì, Sa nhân mỗi vị 5 phân, đó là có chứng đau bụng do khí trệ mới dùng, không thì thôi.

21. Sài Quy ẩm.

<i>Dương quy</i>	2-3 đ/c,	<i>Bạch thược</i>	1,5 đ/c (sống hoặc sao)
<i>Chích thảo</i>	0,7 đến 1 đ/c	<i>Gừng tươi</i>	ba nhất

Sắc uống,

Gia giảm:

- Huyết huyết gia Sinh địa
- Âm hư gia Thục địa,
- Hỏa thịnh gia Hoàng cầm,
- Khí hư mạch nhược gia Nhân sâm,
- Hư hàn gia Bào khương, Nhục quế,
- Nôn mửa gia Bào khương, Trần bì,
- Âm hàn thịnh tà không giải được gia Ma hoàng, Quế chi.
- Nhiệt khát gia Cát căn,
- Đau bụng gia Mộc hương, Sa nhân,
- Dùng chữa sởi gia Kinh giới, Cát căn.

Bài này về tính vị thì hòa bình, có tác dụng dưỡng dinh huyết hãy sử dụng trước, có độc thì tẩy độc, có tà sẽ tán tà, tà thực thì nó không giúp gì cho ta, khí hư thì cũng không làm tổn nguyên khí, Phàm chứng dương minh thực nhiệt thì dùng Thang ma cát cân thang, không có thực tà thì dùng bài này.

22. Song giải tán.

Phàm bệnh đậu, biểu lý đều thực, không dùng bài này thì không giải nổi.

<i>Phòng phong</i>		<i>Thạch cao</i>	
<i>Liên kiều</i>		<i>Kinh giới</i>	
<i>Dại hoàng đều</i>	5 phân,	<i>Hoạt thạch</i>	đều 4 phân,
<i>Xuyên khung</i>		<i>Cát cánh</i>	
<i>Thuộc dược</i>		<i>Bạch truật</i>	
<i>Quy xuyên</i>		<i>Hoàng cầm</i>	đều 8 phân
<i>Bạc hà</i>		<i>Quế chỉ</i>	
<i>Cam thảo,</i>	2 phân,		
<i>Gừng tươi</i>	ba nhát, sắc uống ấm bất cứ lúc nào.		

23. Lương cách tán.

Cũng giống như Lương cách tán của Lý Đông Viên.

Đây là bài thuốc chữa đậu lý nhiệt rất tốt.

<i>Hoàng cầm</i>	<i>Liên kiều</i> đều vị quân
<i>Cam thảo</i>	<i>Chi tử</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Bạc hà</i>

Gia trúc điệp sắc uống.

24. Sơu độc tiến.

Bài này dùng để giải độc đậu nhiệt thịnh sắc tím đen khô nám phiền táo, đại tiện táo, chứng thuộc thuần dương.

<i>Tử thảo</i>	<i>Mộc thông,</i>
<i>Hoàng cầm</i>	<i>Ngưu bàng</i> giả nát
<i>Thuyền thoái</i>	<i>Liên kiều</i>
<i>Dị cốt bì,</i>	
<i>Thuộc dược,</i>	các vị bằng nhau sắc uống.

Gia giảm.

- Đại tiện táo kết, vùng rốn bụng đầy cứng, gia Đại hoàng, Mang tiêu.
- Khát nước gia Mạch môn, Thiên hoa phân,
- Huyết nhiệt vọng hành (xuất huyết) gia Tế giác, Đồng tiện.
- Dương minh nhiệt thịnh, đầu mặt răng lợi sưng đau, gia Thạch cao, Tri mẫu.
- Tiểu tiện nóng không thông, gia Sơn chi, Xa tiền,
- Kiêm chứng biểu nhiệt, gia Sài hồ

25. Đại Liên kiều ẩm.

Chủ trị sau bệnh đậu có nọc độc cộng với độc phong nhiệt sinh mụn sưng đau. Chữa

mọi chứng phát sốt sau bệnh đậu.

<i>Liên kiều</i>	<i>Chi tử</i>	<i>Hoàng cầm</i>
<i>Hoạt thạch</i>	<i>Sài hồ</i>	<i>Kinh giới</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Đương quy</i>
<i>Xích thược</i>	<i>Mộc thông</i>	<i>Cù mạch</i>
<i>Thuyền thảo</i>		

Các vị bằng nhau, tùy người lớn trẻ em cho uống,

Một phương không có Cù mạch mà có Tử thảo,

Một phương không có Nưu bàng, Xa tiền, mà không có Cù mạch.

26. Tê giác Địa hoàng thang.

Chữa đậu huết nhiệt nhưng cần thận trọng khi dùng bài này vì một khi tâm chủ đã mát thì đậu sẽ lặn hẳn.

Sing địa 4 đ/c *Thuộc dược* *Đơn bì*
Tê giác đều 1,5/đ. Ba vị trước sắc xong, lấy nước thuốc mài Tê giác hòa vào uống.
Lương phương có Hoàng cầm, Hoàng liên,
Bạt tuy phương có Cầm, Liên, Đại hoàng,
Cục phương gia Đào nhân để trị huyết nhiệt.

27. Tứ vật thang.

Chữa sinh huyết thiếu, tất cả các chứng về huyết.

<i>Thục địa</i>		<i>Đương quy</i>	đều 3 đ/c
<i>Bạch thược</i>	2 đ/c	<i>Xuyên khug</i>	1 đ/c sắc uống

28. Nhị âm tiến.

Chữa tâm kinh có nhiệt, thủy không chế được hỏa và các chứng phiền nhiệt xuất huyết.

<i>Sinh địa</i>	2-3 đ/c	<i>Mạch môn</i>	2-3 đ/c
<i>Táo nhân</i>	2 đ/c	<i>Cam thảo</i>	1 đ/c
<i>Huyền sâm</i>	1,5 đ/c	<i>Hoàng liên</i>	1-2 đ/c
<i>Phục linh</i>	1,5 đ/c	<i>Mộc thông</i>	1,4 đ/c

Gia Đàng tâm 20 con, hoặc Trúc điệp sắc uống.

29. Tứ thuận thang lương ẩm.

Chữa chứng huyết mạch bế tắc tạng phủ sinh nhiệt, mặt đỏ, phiền khát, nằm ngủ không yên, đại tiện bí kết.

<i>Đại hoàng</i>	<i>Đương quy</i>	<i>Xích thược</i>	<i>Cam thảo</i>
------------------	------------------	-------------------	-----------------

Các vị bằng nhau bốc thành thang sắc uống, nếu tiểu tiện ít gia mộc thông.

30. Tiền hồ chỉ xác thang.

Chữa chứng sốt cao do đờm thực ngực phiền đầy, đại tiện bốn uất, nằm thì suyễn thở. Nếu thấy mình ẩm, mạch vi, lại ỉa lỏng thì chớ dùng.

Tiền hồ 1 lạng

Chỉ xác

Xích linh

Đại hoàng

Chích thảo

đều 5 đ/c

Hoặc tán hoặc sắc uống bất cứ lúc nào, mỗi lần uống 5 đ/c

31. Tam hoàng hoàn.

Có tên Tả tâm thang, chữa tam tiêu tích nhiệt, cổ họng sưng ngẹt tắc, ngực phình đầy khó chịu, tiểu tiện đỏ gắt, đại tiện bí kết.

Hoàng liên

Hoàng cầm

Đại hoàng

Các vị bằng nhau, tán bột luyện mật làm hoàn, liều uống 40, 50 hoàn với nước nóng hoặc nước muối nhạt.

32. Thông quan tán.

Bài thuốc thông tâm kinh giáng tâm hỏa, lợi tiểu tiện rất hay.

Đại hoàng (sao)

Chỉ tử đều 1 đ/c

Mộc thông

Chích thảo

Xa tiền

Xích linh

Cù mạch

Hoạt thạch

Nhân sâm

Biến súc (sao) đều 5 phân, gia Đẳng tâm sắc uống.

33. Đạo xích tán.

Chữa tâm hỏa và tiểu trường nhiệt, tiểu tiện sền đỏ mà khát.

Sinh địa

Mộc tóng

Cam thảo

Các vị bằng nhau, Trúc diệp 20 lá sắc uống.

Một phương gia Nhân sâm, Mạch môn, trong Phùng thị Cẩm nang hay dùng chữa chứng phát kinh.

34. Lưu nhất tán.

Có các tên khác: Ích nguyên tán, Thiên thủy tán, chữa trúng thủy mình nóng khát nước, tiểu tiện không thông, tác dụng phân âm dương trừ thấp nhiệt, thánh dược để chữa kiệt lý.

Hoạt thạch

6 lạng

Phấn thảo 1 lạng

Tán nhỏ, nước giếng mới mức hòa làm thuốc uống.

Một hương gia Ngưu bàng chữa vật vã khó ngủ,

Một tên Chu sa Ích nguyên tán tức phương này gia Chu sa 3 đ/c, một tên nữa gọi Chu sa Ích hoàng tán tức phương này gia Thần sa 3 đ/c.

35. Ngưu hoàng thanh tâm hoàn.

Cũng giống như phương của họ Vạn, chữa chứng tâm nhiệt, tinh thần hỗn loạn.

Hoàng liên dùng sống nửa lạng, Hoàng cầm, Chỉ tử đều 3 đ/c Uất kim 2, Thần sa 1,5 đ/c, Ngưu hoàng 2,5 phân.

Tán nhỏ dùng tuyết tháng chạp quấy hồ gạo làm viên bằng hạt gạo, liều uống 7 - 8 viên, sắc nước Đẳng tâm làm thang tống.

36. Thất vị an thần hoàn.

Chữa chứng tâm kinh có nhiệt uất, chứng thấy run sợ.

<i>Hoàng liên</i>	<i>Quy thân</i>	<i>Mạc đông</i>
<i>Bạch linh</i>	<i>Cam thảo</i>	đều một đồng cân rưỡi.
<i>Chu sa</i> 1 lạng	<i>Bang phiến</i>	đều 2,5 phân.

Tán bột, hòa nước sôi nặn thành bánh, chứng kín hòa với huyết hậu (heo) làm viên, liều uống 10 viên, sắc Đẳng tâm làm thang uống.

37. Thử niêm tử thang.

Chữa đậu toàn thân nhiệt độc thịnh, uống bài này để phòng đậu hãm xanh sậm khô đen.

<i>Ngưu bàng</i>	<i>Quy thân</i>	<i>Hoàng kỳ</i>
<i>Chích thảo</i>	<i>Sài hồ</i>	<i>Hoàng cầm</i> (sao rượu)
<i>Liên kiều</i>	<i>Địa cốt bì</i>	

Các vị bằng nhau sắc uống, sốt lui thì thôi không uống nữa.

38. Sài hồ mạch đông thang.

Chữa chứng đậu sốt cao nhiều ngày không lui, không có chứng gì khác nữa.

<i>Sài hồ</i>	2,5 đ/c	<i>Long đóm thảo</i>	1 đ/c
<i>Mạch đông</i>	3 đ/c	<i>Chích thảo</i>	
<i>Nhân sâm</i>		<i>Huyền sâm</i>	đều 1,5 đ/c.

Tùy người lớn trẻ con mà gia giảm, cho uống ấm từ từ, bất kỳ lúc nào.

Nhận xét: Phương này giải biểu 6 phần, thanh tóa 4 phần, dùng dưỡng dinh thoái nhiệt rất tốt.

39. Lục vị mạch đông tán.

Tức bài Sài hồ mạch đông thang ở trên, chỉ dung 6 vị ấy mà không cần tăng giảm.

40. Thất vị bạch truật tán.

Có tên Nhân sâm Bạch truật tán, chữa chứng hư nhiệt uống nước nhiều, dùng phương này rất tốt.

<i>Bạch truật</i>	<i>Bạch linh</i>	<i>Chích thảo</i>
<i>Hoắc hương</i>	<i>Mộc hương</i>	đều 1 đ/c
<i>Cát căn</i> 2 đ/c, tán nhỏ liều dùng 2 đ/c với nước sôi.		

Nếu không có các xướng khí trệ thổ tả thì bỏ hai vị Hoắc hương, Mộc hương để tránh khô táo hao khí.

41. Xạ can Thử niêm thang:

Chữa đậu sốt cao, đại tiện kết rắn, hoặc miệng lưỡi lở loét, họng sưng đau đều do nọc độc của đậu gây nên.

<i>Ngưu bàng</i>	sao giả nhỏ 4 lạng	
<i>Thăng ma</i>	<i>Xạ can</i>	đều 1 lạng, sắc uống ấm từ từ.

Họ Tiết nói: bài này nếu đậu mới mọc sốt cao, sưng đỏ, hoặc cổ họng miệng lưỡi đau, khát uống nhiều thì nên dùng. nếu là do vị khí hư nhược mà phát sốt dẫn đến các chứng kể trên thì nên dùng bài Nhân sâm mạch đông tán (tức bài 40 trên).

42. Sài hồ Quế chi thang.

Bài chủ yếu phát tán tà nhiệt độc đậu.

Sài hồ	Cát căn	Quế chi
Nhân sâm	Bạch thược	Cam thảo
Hoàng kỳ	Gừng tươi	3 nhất sắc uống.

Đậu mọc được rồi thì ngừng uống.

43. Như thanh tán.

Chủ trị đậu độc nặng mà không mọc ra được.

Thuộc dược	Thăng ma	Cát căn	đều 1 đ/c
cam thảo	Tu thảo	Mộc thông	đều 3-4 phân

Gừng 1 nhất sắc uống ấm bất kỳ lúc nào.

44. Sài hồ ẩm tử.

Chủ trị đậu biểu lý đều thực.

Sài hồ	Cát căn	Nhân sâm
Khuong hoạt	Phòng phong	Kinh giới
Cát cánh	Tô diệp	cam thảo

Gừng ba nhất sắc uống.

45. Sài cát bại độc tán.

Chữa đậu mới phát sốt càng nghi là bị thương hàn, dùng bài này để giải.

Sài hồ	Phòng phong	Nhân sâm
Dương quy	Bạch thược	Cam thảo
Hoàng cầm	Hoạt thạch	Dại bàng

Các vị bằng nhau, gia gừng sống ba nhất sắc uống.

46. Tam tô tỉnh.

Bài này dùng lúc mới phát sốt để phát hãn giải độc, cho nốt đậu mọc thưa hơn.

Thần sa, dùng thứ tốt, trong sạch, không lẫn đất đá, lấy vải lụa bọc kín, cho vào nấu chung với Ma hoàng, Thăng ma, Tử thảo, vỏ quả vải, nấu kỹ 1 đêm, vớt ra lấy Thần sa tán bột, lại tẩm vào thuốc sắc cũ 1 lần nữa rồi phơi khô tán bột để dùng.

Chân Thiềm tô, đúng phép là ngày 5 tháng 5 âm lịch, bắt cóc chích lấy Thiềm tô (mù tại mí trên con cóc) nặn thành ba bánh, thường có gia ít xạ hương, sao qua rồi mới nặn thành bánh.

Ma hoàng, bỏ rễ, bỏ đốt, rửa nước sôi, phơi khô tán bột thật mịn, trộn với mù cóc: nặn thành bánh để riêng.

Tử thảo, nghiền cực nhỏ trộn với Thiềm tô nặn thành bánh để riêng.

Bài thuốc cổ xưa này, nếu gặp lúc có dịch đậu, lúc trẻ em mới phát sốt, thường trẻ

3 tuổi dùng thuốc nói trên mỗi thứ nửa phân, uống với rượu nóng, đắp người kín cho ra mồ hôi, không uống được rượu thì sắc bại độc tán làm thang tống càng tốt. Nếu đậu đã mọc đỉnh nốt đậu đều đỏ tía là nhiệt độc mạnh thì sắc Tử thảo Hồng hoa làm thang, hoặc dùng Hóa độc thang và lấy hai loại bánh Thần sa và Tử thảo uống mỗi thứ 1 tí để giải đi. Nếu đậu đã mọc rồi thì không dùng được bánh Ma hoàng nữa.

Bởi vì Trần sa giải độc, Tử thảo thanh tâm hòa, thêm tác dụng giải độc đậu, ma hoàng phát biểu giải độc đậu, Thiêm tô xua đuổi độc khí ở tạng phủ tho mờ hôi qua lỗ chân lông ra ngoài. Bốn vị hợp lại thành bài thuốc có tác dụng tốt để giải độc làm cho đậu mọc thưa hơn.

47. Dương quy hoạt xuyên tán.

Chữa đậu thuộc huyết nhiệt, sắc đỏ tía như sém cháy.

<i>Dương quy</i>	<i>Xuyên khung</i>	<i>Xích thược</i>
<i>Sinh địa</i>	<i>Hồng hoa</i>	<i>Tử thảo</i>

sắc nước uống.

48. Bài khác: Dươn quy, Xích thược, Tử thảo, Xuyên khung, Hồng hoa, đều 5 đ/c, Huyết kiệt 1 đ/c, Mộc hương 1 đ/c.

Tán bột mịn, liều dùng trên 5 tuổi 1 đ/c, trên 10 tuổi 2 đ/c uống với rượu. Nếu nhiệt mạnh lắm sắc tím cháy sém không tươi nhuận, thì lấy rượu sắc với Tử thảo lấy nước làm thang.

49. Tiêu độc thanh hòa (mất).

50. Thanh vị hóa ban (mất).

51. Giải độc thang.

Bài này Phùng thị gọi giải độc tán, chủ trị đậu trước phát sưng thũng gọi là đậu mẩu, mười người chín 9.

<i>Kim ngân hoa</i>	5 lạng	<i>Liên kiều</i>
<i>Ngưu bàng</i>	3 đ/c	<i>Mộc thông</i>
<i>Cam thảo</i>	1 lạng	<i>Phòng phong</i>
<i>Kinh giới</i>	đều 3 lạng	

Sắc nước uống, một bài khác có tên giải độc thang, chứa phong nhiệt độc sưng đau ngứa gãi, chỉ dùng 3 vị Hoàng liên, Liên kiều, Kim ngân hoa.

52. Nhân sâm bạch hổ thang.

Lại có tên Bạch hổ thang, bỏ Nhân sâm, chủ trị cảm nắng nặng, phiền khát, đậu mọc chậm và các chứng sôi đậu ban độc nói chung.

<i>Nhân sâm</i>	5 phân	<i>Gạo tẻ</i>	
<i>Thạch cao</i>	4 phân	<i>Chích thảo</i>	3 phân
<i>Tri mẫu</i>	5 phân		

sắc uống.

53. Bát vị hoàn liệu.

Bổ mạnh vào chân âm chân dương,

Thục địa 8 lạng, *Sơn thù* 4 lạng, *Sơn dược* 4 lạng, *Mẫu đơn* 3 lạng,

Phục linh 3 lạng, *Trạch tả* 3 lạng, *Phụ tử*, *Nhục quế* đều 1 đ/c.

Luyện mật lâm hoàn, uống với nước muối nhạt.

54. Sâm tô ẩm.

Chữa nhiệt thịnh phong đờm, sốt rét đau khắp người, ho.

Nhân sâm *Tía tô* *Tiền hồ* *Bán hạ*

Trần bì *cát cánh* *Cam thảo* *Phục linh*

Cát căn, gia gừng hành sắc uống nóng.

Một phương khác gia Sơn tra, mùa đông gia Ma hoàng.

55. Gia giảm Sâm tô ẩm.

Tía tô *Cát căn* *Tiền hồ* *Trần bì*

Chỉ xác *Cát cánh* *Cam thảo* *Gừng tươi* 3 nhất

sắc uống.

56. Cảnh nhạc phương.

Chữa từ thời cảm mạo, đau đầu phát sốt ớn lạnh, thương phong ho hen, sốt cơn.

Có tác dụng giải cơ khoan khoái trung tiêu, phụ nữ có thai cảm thương hàn và các chứng đậu sởi.

Nhân sâm *Tía tô* *Cát căn* *Tiền hồ*

Trần bì *Bán hạ* *Phục linh* đều 8 phần

Cát cánh *Cam thảo* đều 5 phần, *Mộc hương* 5 phần

gia gừng táo sắc uống.

57. Thập tuyên tán.

Nhân sâm *Cát cánh*

Dương quy đều 2 đ/c *Chích thảo*

Xuyên khung *Hệ phác* đều 1 đ/c

Phòng phong *Quế chi* 2 đ/c

Tán bột, liều uống 1-2 đ/c, sắc Mộc hương làm thang.

58. Bổ trung ích khí thang.

Chữa đậu lại thêm hư nhiệt.

Hoàng kỳ *Bạch truật*

Nhân sâm *Trần bì* (để nguyên xơ)

Chích thảo đều 5 đ/c *Dương quy* đều 5 đ/c

Thăng ma tẩm mật rượu sao, *Sài hồ* đều 3 đ/c, thêm gừng táo sắc uống.

59. Lý trung thang.

Chữa chứng hàn tả, tả chảy ra nước trong, không khát nước, nôn mửa, tỳ vị hư hàn.

Nhân sâm *Bạch truật* *Can khương*
Chích thảo gia gừng táo sắc uống.

60. Phụ tử Lý trung thang.

Chữa cách chứng âm hàn, quyết lạnh, đau bụng ỉa chảy, nguy cấp

Tức Lý trung thang gia phụ tử.

61. Bảo nguyên thang. Có tên Điều nguyên thang bỏ Nhục quế, chữa đậu bị khí hư mà lợm, mọc không tốt.

<i>Nhân sâm</i>	2,3 đ/c	<i>Chích thảo</i>	1 đ/c
<i>Hoàng kỳ</i>	2-3 đ/c	<i>Nhục quế</i>	5-7 phân

Hoàng kỳ tẩm rượu sao rồi tẩm mật sao, gia gạo nếp sắc xong thêm sữa người, hòa vào uống.

Gia giảm.

- Dầu trăn không mọc, gia Xuyên khung,
- Mật không mọc gia Thăng ma,
- Chân tay không mọc gia Quế chi,
- Nôn mửa lợm giọng gia Đinh hương,
- Nguyên khí hư hàn gia Phụ tử.

62. Bài khác.

Chủ trị thái âm hư, đậu không mọc

<i>Phục linh</i>	<i>Bạch truật</i>	<i>Xuyên khung</i>	<i>Dương quy</i>
<i>Thục địa</i>	<i>Bạch thược</i>	<i>Can khương</i>	sắc uống

63. Lục vật tiền.

<i>Chích thảo</i>	<i>Dương quy</i>	<i>Thục địa</i>	(hoặc Sinh địa)
<i>Xuyên khung</i>	<i>Thược dược</i>	<i>Nhân sâm</i>	(Khí không hư thì dùng dùng, sắc uống nóng).

Gia giảm.

- Trước khi đậu mọc gia Sài hồ để sơ biểu, hoặc gia Phòng phong để giúp đậu chóng mọc.

- Tỳ khí trệ gia Trần bì, Sơn tra,
- Đau bụng trăn xuống gia Mộc thông, Trần bì.
- Đậu mọc vài nốt rồi không mọc nữa, hoặc mọc được mà không mọc nước, hoặc có nước nhưng loãng, đều nên dùng bài này hoặc gia gạo nếp, sữa người, rượu ngon, Nhục quế, Xuyên khung để giúp cho dinh khí.
- Khí hư, chỉ ngứa bong da mà đậu không mọc, gia Xuyên sơn giáp (sao)
- Gia mật đỏ tím là huyết nhiệt nặng mà đậu không mọc, gia Tử thảo hoặc tê giác.
- Vị khí hư hàn, nôn mửa nhiều gia Can khương, Đinh hương,
- Biểu hư khí hãm đậu không mọc hoặc ra nhiều mồ hôi, gia Hoàng kỳ.

- Khí huyết đều hư, đậu chưa mọc hoặc mọc mà chưa mọc nước mà đã ngứa, gia Đình hương, Quế.

- Nguyên khí hư kiệt, rét run, nghiêng răng, bỏ thuốc được, gia Kỳ, Phụ, Quế, Khương.

64. Thực biểu giải độc thang.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Dương quy</i>	<i>Sinh địa</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Bạch thược</i>	<i>Sài hồ</i>	<i>Thăng ma</i>
<i>Hoàng cầm</i>	<i>Huyền sâm</i>	<i>Địa cốt bì</i>	<i>Bạc hà (ít)</i>
<i>Đạm trúc điệp</i> 10 lá sắc uống.			

65. **Khương hoạt tán.** Là bài thuốc dùng lúc bắt đầu phát sốt, đậu chớm mọc.

<i>Khương hoạt</i>	<i>Độc hoạt</i>	đều 8 phân,
<i>Kinh giới</i>	<i>Bạch chỉ</i>	đều 3 phân,
<i>Tế tân</i>	<i>Chích thảo</i>	
<i>Sài hồ</i>	<i>Phòng phong</i>	đều 1/đc
<i>Tiền hồ</i>	<i>Thuyền thoái</i>	đều 4 phân,
<i>Bạc hà</i> 3 lá sắc uống.		

Nếu thấy run giật mà sốt cao không lui thì Chú a tán bột vào uống rất hay.

Nhận xét. bài này là thuốc giải lợi, nếu trẻ em cơ thể vốn khỏe thì có thể dùng Tô điệp, Cát căn để thông lợi biểu khí, sau đó tiếp dùng thuốc hóa giải sơ lợi, nếu hư cân bổ thì thêm thuốc bổ nguyên khí, không nên đơn thuần dùng loại này.

66. Điều nguyên bảo anh đơn.

Chuyên chữa chứng đậu mọc thưa, rất hay.

Dây đậu ván non 2 lạng, hoặc dùng ngọn đậu nành, đậu xanh hái vào ngày Ngọ tháng 8 (?) phơi râm để cất dùng.

<i>Phòng phong</i>	<i>Hoa Kinh giới</i>
<i>Ngưu bàng</i> (sao)	<i>Tử thảo nhung</i> (rửa rượu) đều 1 lạng
<i>Thăng ma</i> (sao rượu)	<i>Cam thảo</i> (bỏ vỏ) đều 5 đ/c,
<i>Thiên trúc hoàng</i> 2 đ/c,	<i>Thiêm tô</i> 1 đ/c,
<i>Ngưu hoàng</i> 1 đ/c	<i>Xích tiểu đậu</i>
<i>Đậu đen</i>	<i>Đậu xanh</i> đều 30 hạt, sao qua

Chu sa 3 đ/c, nấu chung với Ma hoàng, Tử thảo, vỏ quả vải Thăng ma, lấy nước tắm bột Chu sa.

Lại lấy 2 lạng Tử thảo sắc đặc thành cao, cho thêm 1 chén con đường làm hồ, các vị trên đã tán bột mịn trộn với cao Tử thảo làm hoàn bằng hạt mận, chu sa làm áo. Khi đậu sắp mọc, sắc Cam thảo lấy nước mài một hoàn, người lớn thì 2 hoàn. Nếu có sốt, dùng gừng sắc lấy nước mài thuốc cho uống, đắp chăn cho ra mồ hôi, nhiều thì sẽ bớt ít đi, ít thì không có nữa. Rất hay!

67. bài khác.

Nếu không có Tử thảo thì dùng 1 khúc dây mướp gài kèm cả quả khô chưng 5 tấc, đốt tồn tính mà dùng.

68. Thoái hòa đơn.

Bài thuốc chữa đau phát cuồng rất hay. Sau khi uống thuốc nằm ngủ một lúc, ngủ được thần sẽ yên tĩnh, khí bình hòa mà đau cũng nên tốt.

Hoạt thạch

Chu sang hiền đều 1 đ/c

Băng phiến 3 ly, tán mịn, liều uống 1 phân với nước nguội

69. Ngũ tích tán.

Bạch chỉ

Can khương

Ma hoàng đều 4 phân,

Dương quy

Trần bì

Nhục quế

Phục linh

Xuyên khung

Hậu phác đều 6 phân

Thương truật

Cát cánh đều 8 phân *Thược dược*

Bán hạ

Chỉ xác đều 7 phân, *Cam thảo* đều 3 phân

Tán bột uống.

70. Tinh tinh tán.

Chủ trị cảm mạo phát sốt.

Nhân sâm

Bạch truật *Phục linh*

Cam thảo

Tế tân

Xuyên khung

Cát cánh

Các vị bằng nhau, gia Bạc ha 5 lá, liều uống 2 đ/c, một phương khác gia Phòng phong, Thiên hoa phấn.

71. Thác lý tiêu độc tán.

Chủ trị đau khí huyết đều hư, không đủ sức đẩy độc ra ngoài.

Nhân sâm

Cam thảo 5 phân

Xuyên khung

Dương quy

Hoàng quỳ

Bạch linh

Bạch truật

Bạch thược

Kim ngân

Trần bì đều 1 đ/c

Bạch chỉ

Liên kiều đều 7 phân, hoặc tán hoặc sắc, liều uống 5 đ/c

72. Lục khí tiễn.

Chữa đau do khí hư chỉ ngứa hoặc đau hăm rét run nguyền rã, và chữa các chứng dương khí hư hàn của nam nữ.

Hoàng kỳ

Nhân sâm

Bạch truật

Phục linh

Dương quy

Chích thảo

Sắc uống.

Gia gôm theo như bài Lục vật tiễn (63) trên.

73. Quân khí tán.

Mộc thông *Thanh bì* đều 5 đ/c

Sơn tra

2,5 đ/c

Tán bột, sắc nước cam thảo làm thang, liều uống 1 đ/c

74. Quất bì thang.

Quất bi (bỏ cùi trắng) sao 2 đ/c *Bán hạ* 1 đ/c

Phục linh 5 phân, gia gừng sống 3 nhất, sắc uống.

75. Khung quy thang.

Dương quy dùng nhiều, Xuyên khung giảm bớt, tán bột, dùng Hồng hoa sắc lấy nước làm thang uống.

76. Tam đậu thang.

Đậu đen *Đậu đỏ* *Đậu xanh*, liều dùng bằng nhau

Cam thảo ngâm lấy nước mà nấu đậu, chưng đậu chín là vừa dùng nước uống tùy thích nhiều hoặc ít, bất cứ lúc nào.

77. Điều nguyên hóa độc thang.

Sinh hoàng ky 8 phân

Nhân sâm 4 phân

Bạch thược

Dương quy đều 6 phân

Ngưu bàng

Liên kiều sao rượu đều 6-7 phân

Hoàng cầm

Hoàng liên đều 8 phân

Phòng phong

Kinh giới

Cát cánh

Tiền hồ

Mộc thông đều 5 phân

Tứ thảo nhung 6 phân,

Hồng hoa

Sinh địa đều 3 phân

Cam thảo

Thuyền thoái đều 4 phân

Sơn tra 8 phân *G*

ùng tươi 1 lát.

Gia giảm:

- Đau bụng bỏ Sâm Kỳ, gia Chỉ xác,
- Đại tiện bí bỏ Sâm Kỳ gia Đại hoàng,
- huyết khí, độc tà cùng mạnh, giảm Quy thược một phần ba, bỏ cả Sâm Kỳ.

78. Tử thảo mộc thông thang.

Tử thảo

Nhân sâm

Mộc thông

Gạo nếp đều bằng nhau

Cam thảo dùng nửa đ/c

Phục linh

Sắc uống.

79. Vô giá tán.

Chú công trực mạnh cho đậu phát ra và chữa các chứng vết lở không có sắc máu.

Răng người, răng heo, Răng chó, Răng mèo, đều cho vào than hồng đốt tồn tính, các vị lấy bằng nhau, tán nhỏ, liều uống 2 phân, uống với rượu nóng.

Nếu có ngứa gãi rét run ỉa chảy thì sắc nước Dị công tán làm thang tống.

80. Nhất danh nhân nha tán.

CXhỉ dùng răng người đốt tồn tính, tán nhỏ, uống với rượu.

81. Phương khác. Dùng phân trẻ con để khô trong bóng râm, cho vào cái chén bằng bạc, lại dùng cái chén bằng bạc khác úp lên trên, trộn muối với bùn trát ngoài cho thật kín, cho vào than hồng đốt cho đến khi chén bạc đỏ suốt, lấy phân ra tán bột, hòa vào mật trộn nước chín mà uống.

82. Phương khác. Y bài trên, gia 1 tý xú xạ hương và phiến não.

83. Phương khác. Dùng răng người đã rụng, đốt tồn tính tẩm vào nước lá hẹ, răng to thì tẩm ba lần, bé thì hai lần, tán bột gia xạ hương 1 phân hoặc gia Hồng khúc 2 phân, trộn với máu mào gà thành cao, sữa người nửa chén, rượu nửa chén cùng sắc với hành làm thang, mỗi lần chỉ uống 2 3 phân không được uống nhiều hơn, uống nhiều thì dương khí xuất hết ra ngoài mà âm khí thịnh ở trong tạo thành chứng lý hàn ỉa rớt, gặp trường hợp đó phải dùng ngay Tứ quân tử thang gia Khung Quy sắc uống.

84. Tứ thảo ẩm tử.

<i>Tứ thảo</i>	<i>Nhân sâm</i>	<i>Chỉ xác</i>
<i>Mộc thông</i>	<i>Sơn tra</i>	<i>Sơn giáp</i>

Thuyền thoái các vị bằng nhau sắc uống nóng.

85. Tử thảo ẩm.

Chữa đậu, đại tiện đi bình thường, bên trong có nhiệt, đậu chỉ mọc lơ lơ không mọc hẳn lên được.

<i>Tử thảo</i>	<i>Dương quy</i>	<i>Thược dược</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Ma hoàng</i> sắc cho uống bất cứ lúc nào.	

86. Phương khác.

Chủ trị đậu nhiệt, mọc nhiều cùng một lúc,

Tử thảo 2 lạng, giã nhỏ, nước đun sôi 100 đạo (chín kỹ) cho vào 1 bát, dậy kín, dùng để tiết khí, tùy người lớn trẻ con cho uống từ 0,5 đến 1 cáp. Tuy đậu mọc cũng giảm bớt được.

87. Phương khác (gọi rượu tử thảo)

Chữa đậu có mọc những nốt đen, dùng *Tử thảo* 5 đ/c, rượu nửa bát, sắc uống.

88. Thuyền thoái cao.

Chủ trị đậu khí hư hoặc khí hãm không được.

<i>Thuyền thoái</i>	<i>Dương quy</i>	<i>Xung khung</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Thăng ma</i>	<i>Phòng phong</i>

Kinh giới

Các vị bằng nhau, Nhân sâm, gia Bạch thược tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt củ sừng, liều dùng 1 hoàn, sắc lấy nước Bạc hà làm thang uống.

89. Thác lý tán.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoàng kỳ</i>	đều 2 đ/c
<i>Dương quy</i>	<i>Bạch truật</i>	<i>Thục địa</i>
<i>Bạch thược</i>	<i>Bạch linh</i>	đều 0,5 đ/c
<i>Chích thảo</i>	0,5 đ/c tán nhỏ uống.	

90. Tứ quân tử thang.

Tac dụng bổ khí, điều trị hòa vị.

Nhân sâm *Bạch truật* *Bạch linh*

Cam thảo thêm gừng táo sắc uống.

91. Ngũ vị Di công tán (hoặc tiễn)

Nhân sâm *Bạch truật* *Bạch linh*

Cam thảo Trần bì già Gừng táo sắc uống ấm hoặc tán

92. Dưỡng trung tiễn.

Chữa khí trung tiêu hư hàn, nôn mửa ỉa chảy.

Nhân sâm *Sơn dược* *Biểu đậu*

Phục linh *Chích thảo* *Can khương*

sắc uống ấm xa bữa ăn.

Có khí trệ gia Trần bì hoặc Sa sâm.

Trong dạ dày trống rỗng có cảm giác đói gia Thục linh.

93. Ôn vị ẩm.

Nhân sâm 2 -3 đ/c *Bạch truật* 2-3 đ/c

Biểu đậu 2 đ/c *Trần bì* 1 đ/c hoặc không dùng

Can khương sao cháy đ/c *Chích thảo* 1 đ/c,

Dương quy 2 đ/c (ỉa chảy chớ dùng)

Sắc uống ấm xa bữa ăn.

Gia giảm:

- Khí trệ đau ngực đau bụng gia Hoắc hương, Mộc hương, Đậu khấu, Sa nhân, Giới tử.
- Kiềm cố ngại tả và có bệnh can thận, gia Quế chi, Nhục quế năng nũa gia Sài hồ.
- Hạ tiêu hàn trệ gia Phá cố chỉ
- Tỳ khí hạ hãm mình nóng gia Thăng ma.
- Thủy khí nhon lên thành đờm bụng đau đầy tức gia Phục linh.
- Tỳ vị hư hàn, nôn mửa nặng khó cầm bội dụng Hồ tiêu.

94. Ngũ vật tiễn.

Chữa đau huyết hư hàn trệ và các chứng phụ nữ huyết hư ngưng trệ không hành kinh bụng dưới đau, hoặc sau đẻ kinh huyết ngưng trệ

Dương quy 3-5 đ/c *Thục địa* 3-4 đ/c

Thược dược 2 đ/c *Xuyên khung* 1 đ/c

Nhục quế 3 đ/c sắc uống.

Gia giảm:

- Vị hàn nôn mửa lợm giọng gia Bào khương.
- Tiểu không thông gia Trạch tả Trư linh,
- Huyết ứ không thông từ gối trở xuống dần dần nổi lên những cục như chén úp, gia Đào nhân hoặc Hồng hoa sao rượu.

- Chứng đậu thuộc hư hàn, hàn tà còn ở biểu, gia Tế tân, Tử tô, Ma hoàng, Sài hồ.
- Khí trệ gia Hương phụ, hoặc Đinh hương, Mộc hương, Sa nhân, Ô dước
- Âm hư, sán khí gia Tiểu hồi.

95. Ngũ phúc ẩm.

Chữa cả ngũ tạng khí huyết hư tổn.

Nhân sâm (tân) *Thục địa* (thận) *Dương quy* (can) đều 3 đ/c

Bạch truật (phế) 5 phân *Cam thảo* (tỳ) 1 đ/c

Sắc uống ấm xa bữa ăn.

Gia giảm:

- Muốn ôn trung gia Cán khương,
- Muốn tán tà gia Sài hồ, Cát căn, Thăng ma.

96. Cửu vị Di công tán.

Chữa đậu rét rung, nghiêng răng, đão hãm, nôn mửa, ỉa chảy, bụng đau, các chứng thuộc hư hàn.

Nhân sâm *Hoàng kỳ*

Chích thảo 7 phân *Dương quy*, *Thục địa* đều 2-3 đ/c

Nhục quế 1 đ/c *Đinh hương* 3-5 phân

Phụ chế 1-2 đ/c, sắc uống ấm. *Bào khương* 2 đ/c

Gia giảm: Đau bụng ỉa chảy, gia Nhục khấu tẩm bột sao 1 đ/c, hoặc Bạch truật 1-2 đ/c.

97. Thập nhị vị Di công tán.

Có tên Trần thị Thập nhị vị công tán, chữa nguyên khí hư hàn, sắc đậu trắng nhợt, rét rung nghiêng răng, ỉa chảy, ho suyễn.

Nhân sâm *Đinh hương* *Mộc hương*

Nhục khấu *Hậu phác* đều 2,5 đ/c

Bạch truật *Phục linh* *Quan quế* đều 1 đ/c

Dương quy 2,5 đ/c *Phụ tử* *Bán hạ* đều 5 phân

Tán bột, liều uống 1-2 đ/c, hoặc gia gừng tươi, Đại táo sắc làm thang tống.

Nhận xét: Bài này có tính ôn thừa mà bổ thì chưa đủ, chữa hàn chứng thì được, chữa hư chứng thì không đủ sức, cần biết rõ điều đó.

98. Lục vị hồi dương ẩm.

Chữa các chứng âm dương đều cực thoát.

Nhân sâm 2-3 lạng *Phụ tử* 2-3 lạng *Bào khương* 2-3 đ/c

Chích thảo 1 đ/c *Thục địa* 5-10 đ/c *Quy thân* 3 đ/c sắc uống ấm.

Gia giảm:

- Nếu ỉa chảy hoặc có xuất huyết thì bỏ Dương quy, dùng Đông Bạch truật càng nhiều càng tốt.
- Nếu thịt run giật, mồ hôi thoát ra nhiều, gia Chích kỳ hoặc Bạch truật

- Chứng âm hư phù vết lên trên, gia Phục linh.
- Can kinh uất trệ gia Nhục quế.
- Ía nhiều, gia Ô mai hoặc Ngũ vị tử.

99. Lục vị tiêu độc ẩm. Có tên Tiêu độc tán.

<i>Ngưu bàng</i>	<i>Liên kiều</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Tháng ma</i>	<i>Tử thảo</i>	<i>Sơn đậu căn</i>

Các vị bằng nhau sắc uống.

100. Tứ vị tiêu độc ẩm.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Chích thảo</i>	<i>Hoàng liên</i>	<i>Ngưu bàng</i>
-----------------	-------------------	-------------------	------------------

đều 1 đ/c sắc ẩm.

101. Ích hoàng tán.

Chữa tý thổ hư, hàn thủy trở lại kinh nhơn thổ hoặc nôn mửa không an được, đau bụng la chầy, hoặc đại tiện không tốt, chân tay giá lạnh.

<i>Trần bì</i>	<i>Thanh bì</i>	<i>Kha tử</i> (nướng bỏ vỏ)
<i>Chích thảo</i> đều 5 đ/c	<i>Đinh hương</i> 2 đ/c, tán bột.	

hoặc gia Nhục khấu, Đinh hương, Gừng tào sắc uống.

102. Hùng hoàng tán.

Chữa sau khi lê đậu rồi bị cam răng lở loét.

<i>Hùng hoàng</i>	1 đ/c	<i>Đông lục</i>	2 đ/c
-------------------	-------	-----------------	-------

Tán bột, xát xoa vào chỗ đau.

103. Thừa khí thang.

Chữa đại tiện bí, bụng đầy cứng đau. Đại hoàng 4 đ/c, Hậu phác (sao gừng) 2 đ/c, Chỉ thực 3 đ/c, sắc uống.

104. Trư dầm đạo pháp (Cách thông khoan bằng mật heo)

Chữa chứng đại tiện bí, dùng mật heo 1 cái. chích lấy nước mật cho vào tí dấm thanh, dùng cái ấm trúc dài 4-5 tấc, đút vào lỗ đít sâu độ 1 tấc rót nước Mật vào ống cho chảy vào ruột, một lúc sẽ đi ỉa được.

105. Dương quy hoàn. Chứa đại tiện bí.

<i>Dương quy</i> 5 đ/c	<i>Tử thảo</i> 2 đ/c	<i>Hoàng liên</i> 5 phân
<i>Chích thảo</i> 1 đ/c	<i>Đại hoàng</i> 2,5 đ/c	

Dương quy, *Tử thảo* nấu thành cao, các vị kia tán bột, trộn với cao lỏng trên làm viên bằng hạt viên, tùy trẻ lớn nhỏ mà cho uống từ ít đến nhiều với nước cơm, chừng đi ngoài được thì tốt thôi.

106. Gia vị tứ thánh tán.

Chữa đậu mọc chậm hoặc mọc lặn không tốt (đào áp), tiểu tiện đỏ gắt, dư nhiệt không trừ hết, hoặc bị gió mà đậu mọc không rõ được.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Xuyên khung</i>	<i>Chích thảo</i>
<i>Tử thảo</i>	<i>Mộc thông</i>	<i>Mộc hương</i> các vị bằng nhau	

Thuyền thoái 10 cái, *Gạo nếp* 100 hạt, sắc uống.

Đại tiện bí gia *Chỉ xác*, đại tiện bình thường gia *gạo nếp* (thêm nữa)

107. Tứ thánh tán. Chứa đậu mọc không tốt đảo áp, hãm phục (mọc rồi lặn, lặn rồi mọc lung tung), độc khí chạy vào trong bụng đầy trướng, nước giải đỏ.

Từ thảo *Mộc thông* đều 1 đ/c, *Chỉ xác* *Cam thảo*
đều 5 phân, sắc uống ấm.

Khí hư nhược bỏ *Chỉ xác* gia *Hoàng kỳ*.

108. Tứ thánh đơn. Chủ trị đậu dinh.

Ngưu hoàng 12 phân, *Nhũ trã* 18 phân, *Thần sa* 8 phân

Trân châu 2 phân Tán bột mịn, trộn dầu *Yên chi*, dùng kim khâu dính nốt đậu, dính rồi gió thuốc vào chỗ đã khâu.

109. Phép đồ nước Yên chi. Chứa đậu hắc hãm.

Trước dùng *Thăng ma* nấu lấy nước bỏ bã, dùng *Miên yên chi* tắm vào nước đó, bóp nặn cho ra nước đỏ rồi dùng bông thấm nước tắm vào nước đó mà lau sát lên nốt đậu.

110. Tứ linh tán. Chủ lợi thông tiểu tiện.

Bạch truật *Trư linh* *Phục linh* *Trạch tả* đều 1 lạng
Tán nhỏ, liêu uống 6 đ/c uống với nước sôi.

111. Thập toàn đại bổ thang.

Nhân sâm *Bạch truật* *Bạch linh* *Chích thảo*
Xuyên khung *Dương quy* *Bạch thược* *Sinh địa*
Hoàng kỳ *Nhục quế* tùy chứng gia giảm mà dùng.

112. Thủy dương thang.

Chủ trị đậu đảo hãm (không mọc tốt).

Thủy dương tục gọi cây *Bà ếch*, thường mọc ven bờ nước, lá bé rẽ đỏ, trên cành có quả tròn, quả có nhiều tua râu là đúng.

Vụ đông xuân dùng cành, hè thu dùng cả cành và lá, cắt khúc ngắn, dùng nước giữa dòng 1 bát, sắc sôi 6 - 7 dạo, rót ra, lấy một phần ba đổ vào chậu chờ nguội bớt vừa ấm tay, trước dùng thuốc sắc uống rồi tắm rửa bằng nước cây *Thủy dương*, cứ thêm vào cho ấm mà tắm rửa, chừng đậu mọc tươi tốt là đạt, không cứ tắm rửa mấy lần, hễ soi đèn thấy có từng vầng trùng điệp nổi lên tức là nốt đậu đã bắt đầu mọc nước, nếu nước mọc chưa đầy nốt đậu lại tắm rửa nữa, người suy yếu thì gội đầu rửa mặt và tay chân cũng được, không sợ tắm rửa nhiều. Tắm rửa đã nhiều mà đậu vẫn không thấy mọc lên được thì đó là khí huyết đã bại, tàn dịch đã khô, phần nhiều không chữa được.

113. Nhân sâm cố cơ thang.

Nhân sâm *Hoàng kỳ* *Dương quy* *Cam thảo*
Thuyền thoái cá vị bằng nhau, gia *gạo nếp* 1 cặp sắc uống.

114. Độc thanh tán. Chủ trị đậu do khí huyết đều hư, hình sắc đều yếu, đậu không mọc.

Xuyên sơn giáp lấy móng chân trước, đốt tồn tính tán nhỏ, liều uống 5 phân, dùng Mộc hương sắc lấy nước cho vào ít rượu làm thang, hoặc sắc lấy nước Tử thảo làm thang cũng được.

115. Dịch công tán.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch truật</i>	<i>Bạch linh</i>		
<i>Dương quy</i>	<i>Trần bì</i>	<i>Bán hạ</i>	<i>Hậu phác</i>	<i>Mộc hương</i>
<i>Đinh hương</i>	<i>Nhục quả</i>	<i>Phụ tử</i>	<i>Quế tốt' gia gừng táo sắc uống.</i>	

116. Ma hoàng cam thảo thang. Chủ trị hàn khí bế uất đậu mọc không được.
Ma hoàng 2-3 đ/c, Cam thảo 1,5 đ/c sắc uống.

117. Hoàng kỳ kiến trung thang.

Có tên Tiểu kiến trung thang, tức là bài này bỏ Hoàng kỳ mà gia kẹo mạch nha 1 bát.

<i>Quế chi</i>	3	<i>Sinh khương</i>	3	<i>Thược dược</i>	6	<i>chích thảo</i>	1
<i>Hoàng kỳ</i>	1,5	<i>Dại táo</i>	2 quả,	sắc lấy nước, thêm kẹo mạch nha hòa tan mà uống.			

118. Dinh dưỡng thang.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Dương quy</i>	<i>Hồng hoa</i>	<i>Xích thược</i>	(tắm nước quế sao)
<i>Cam thảo</i>	sắc uống.			

119. Lương huyết dưỡng vinh tiên.

<i>Sinh địa</i>	<i>Dương quy</i>	<i>Thược dược</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Cốt bì</i>	<i>Tử thảo</i>	<i>Hoàng cầm</i>	<i>Hồng hoa</i>

Nước 1,5 bát sắc uống.

Gia giảm:

- Khát nước gia Thiên hoa phấn.
- Da nóng không mồ hôi gia Sài hồ.
- Huyết nhiệt độc không thấu phát ra được gia tề giác.
- Nhiệt độc nặng gia Ngưu bàng, Liên kiều, mộc thông.

120. Vị ái tán.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Phục linh</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Đinh hương</i>
<i>Hoắc hương</i>	<i>Tía tô</i>	<i>Mộc qua</i>	<i>Gạo nếp</i>

Tán bột uống, dùng Gừng Táo nấu lấy nước làm thang uống.

121. Nhân sâm vị ái tán.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Phục linh</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Đinh hương</i>
<i>Hoắc hương</i>	<i>Tía tô</i>	<i>Mộc qua</i>	<i>Gạo nếp</i>

Hoạt thạch đều 2 lạng *Bạch chỉ* 5 đ/c, tán bột uống, dùng gừng táo nấu lấy nước làm thang uống, liều cố 3 đ/c.

122. Khoái ban thang.

Chủ trị đậu mọc chậm.

<i>Nhân sâm</i>	5 phân	<i>Dương quy</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Mộc thông</i>	đều 1 đ/c	<i>Cam thảo</i>	3 phân
<i>Tử thảo</i>		<i>Thuyền thoái</i>	đều 2 phân, sắc uống ấm.

123. Khoái ban Việt tỷ thang.

Chủ trị đậu mọc mọc mưng mủ không đầy đủ, ngứa, trước hãy dùng gan trâu cò (trắng) sa sâm, Tử thảo sắc lên, trong uống ngoài xông, sau đó dùng bài này.

<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Bạch thược</i>	<i>Quế chi</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Chích thảo</i>	<i>Gừng 1 lát, táo 2 quả sắc cho uống.</i>		

124. Tả hoàng tán.

<i>Sơn chi</i>	1 lạng	<i>Thạch cao</i>	5 đ/c	<i>Hoắc hương</i>	7 đ/c
<i>Phòng phong</i>	4 đ/c	<i>Cam thảo</i>	1 đ/c. Tán bột		
uống 4-5 đ/c mỗi lần, hoặc sắc uống.					

125. Lương can minh mục tỉnh.

<i>Dương quy</i> (rửa rượu)	<i>Lonh đóm thảo</i> (rửa rượu)
<i>Mật môn hoa</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Hoàng liên</i> (sao rượu).

các vị bằng nhau, lấy gan dê hoặc gan heo cho vào sắc uống.

126. Bát thân thang.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch truật</i>	<i>Bạch linh</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Xuyên khung</i>	<i>Chích thảo</i>
<i>Bạch thược</i>	<i>Thục địa</i>	

Tùy chứng gia giảm mà dung.

127. Bạch long tán. Chứa đậu lở loét.

Lấy phân trâu đốt, lấy cái lõi bên trong chưa cháy nghiền ra, mà bôi.

128. Bại thảo tán. Chứa đậu lở loét không khỏi, lấy tranh mục lợp trên mái nhà lâu ngày cảm thụ nhiều khi mưa gió tinh ba của trời đất, hoặc phơi, hoặc lấy khô, hoặc tán nhỏ bôi hoặc rải ra chiếu cho bệnh nhi nằm lên trên, có tác dụng chữa đậu lở loét, công hiệu rất nhiều. Có người cho rằng dùng cỏ tranh mục ngoài đồng càng tốt.

129. Mộc hương tán.

Mộc hương tan dung Quế, Sâm, linh, Phúc bì, Thanh, Tiễn, Thảo, bán, Đinh. Thêm mấy lát gừng sắc uống ấm, trong độc khí thấy đều thanh.

130. Tử thảo tán.

<i>Tử thảo</i>	<i>Chích kỳ</i>	<i>Chích thảo</i>	<i>Gạo nếp</i>
----------------	-----------------	-------------------	----------------

đều dùng 5 phân, sắc uống.

131. Nhị tiêu tán.

Chữa mình rét chân tay lạnh, bụng đau, hơi thở lạnh, các chứng âm thịnh dương suy nôn mửa ỉa chảy, đậu không mọc được.

Đinh hương 7 nũ *Can khương* 1 đ/c.

Tán nhỏ uống với nước sôi mỗi lần 5-7 phân, rồi đắp mền nằm 1 lúc cho tỳ vị ấm lên, âm dương khí hồi phục rồi đậu cũng mọc thuận lại.

132. Thần sa lục nhất tán.

Hoạt thạch 6, *Cam thảo* 1, *Thần sa* 3, tán bột uống với nước sôi.

133. Hồ tụy tửu. (cũng gọi Nguyên tụy tửu - Ma chẩn chuẩn thang/Phụ phương 23)

Làm cho đậu chóng mọc. Dùng hạt rau ngò rí 1 nắm rượu đế 2 bát, nấu sôi hai đạo. Bào người mẹ của bệnh nhi ngậm phun khắp người đầu mặt nó, trong buồng thì đốt hương bằng nguyên liệu ngò rí để trừ độc, làm cho đậu mọc nhanh, hoặc lấy đại táo nướng thơm cho bệnh nhi ngửi mùi thơm ấy càng có tác dụng khai vị khí, ăn uống sẽ khá lên mà độc khí cũng dễ trừ.

Nhận xét: Rượu này chỉ có thể dùng khi đậu chưa mọc hoặc mới có dấu hiệu sắp mọc, nếu đậu đã cương rồi thì phải tránh hơi rượu, kiêng thuốc phát tán, cho nên không dùng được.

134. Tịch tà đơn.

Dùng đốt trong buồng bệnh để trừ khí độc.

Thương truật (hay dùng Hoàng liên cũng tốt)

Nhũ hương *Chân giàng hương* *Cam tông* *Tế tân*

các vị bằng nhau, tán nhỏ làm viên bằng hạt tiêu, liều dùng 1 viên để đốt là vừa, không nên đốt nhiều, chỉ đủ duy trì mùi hương liên tục là được.

135. Miêng kiềng tán.

Chữa dư độc của đậu, mình mẩy lở loét khắp, mủ rỉ rỉ không dứt.

Kén tầm (dùng cái mà ngài tầm đã cắn chui ra rồi)

Phèn chua cho phèn chua vào trong cái kén đốt đến khi phèn khô, nghiền bột bôi vào chỗ lở. Đây là thuốc chữa tất cả các loại lở độc nước mủ chảy đầm đìa không dứt.

136. Tử thảo khoái ban thang.

Tử thảo *Nhân sâm* *Bạch truật*

Dương quy *Xuyên khung* *Bạch thược*

Phục linh *Mộc thông* *Cam thảo*

Gạo nếp sắc uống.

137. Nhục đậu khấu toàn.

Thuốc chữa ỉa chảy là chủ yếu, chứng thấy ỉa ra phân lỏng màu nhợt hoặc trắng như cứt cò.

Nhục đậu khấu *Kha tử* *Long cốt* đều 5 đ/c

Sa nhân *Xích thạch chi* *Khô phần* đều 7,5 đ/c
Tán bột luyện hồ làm viên, uống với nước cơm.

Gia giảm:

- Ỉa chảy mạnh, sắc nước Mộc hương làm thang tống hoặc dùng Dịch công tán sắc lấy nước làm thang, không cầm được thì uống gấp bội.

Ca rằng:

Dịch công tán dùng Quế, Sâm, Linh,
Phác, Thảo, Quy, Trần, Mộc, Đinh,
Phụ tử nửa phần, gừng thêm táo,
Ấm đầu chân lạnh, uống vào lạnh.

Nếu không phải là chứng hư hàn thì dùng phải cẩn thận,

Nhận xét: Đây là bài thuốc cổ sấp chữa chứng đi tháo do dương khí hư hàn, vì thận chủ nhị tiện, vì vị khí không kiên cố nên dùng Mộc hương tãn mà uống, nếu không khỏi phải dùng ngay Lục quân thang mà bổ vào.

138. Cát căn thang.

Cát căn 4 lạng *Ma hoàng* *Gừng* đều 3 đ/c
Quế chi *Bạch thược* *Chích thảo* đều 2 đ/c
Táo 2 quả, sắc uống.

139. Tiêu phong tán.

Nhân sâm *Kinh giới tuệ* *Chích thảo*
Phòng phong *Khuông hoạt* *Bạc hà* *Thuyền thoái* (sao)
Cương tằm(sao) *Phục linh* đều 2 đ/c *Trần bì* *Hậu phác* đều 1 đ/c

Tất cả tán bột, liều uống 2-3 đ/c, uống với nước trà, nếu ghé lở hắc lào thì uống với rượu.

140. Sinh cơ tán.

Cốt bì *Hoàng liên* (sao) *Hoàng bá* (sao)
Ngũ bội tử *Sinh cam thảo*. các vị bằng nhau, tán bột mịn
xoa vào da thì lui sốt, kết vẩy mà khỏi.

141. Hoạt huyết tán.

Bạch thược *Huyền hồ* *Dương quy* *Xuyên khung*
đều 4 lạng, *Nhục quế* 1 lạng. Tán nhỏ, liều uống 4 đ/c, hoặc sắc uống ấm sau bữa ăn.

142. Bách hoa cao.

Mật ong tốt không kể ít nhiều, hòa với nước sôi, lấy lông ngỗng chấm phết vào chỗ lở, sẽ dễ bong vẩy mà không để lại sẹo.

143. Mộc hương đại an hoàn.

Chữa chứng bụng đầy cứng, ăn uống tích trệ.
Bạch truật 2 lạng *Phục linh* đều 1 lạng

Thần khúc (sao) *Sơn tra* 3 lạng (chung)

Trần bì *Liên kiều*

Bán hạ *La bặc tử* (sao) đều 5 đ/c

Mộc hương 1 lạng, tất cả tán bột, khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều uống 20 viên.

144. bài khác.

Mạch nha 1 lạng *Hoàng liên* 5 đ/c

145. Ngũ linh tán.

Chữa hoặc loạn thổ tả, mùa nắng buồn phiền vật vã, tiểu tiện không thông mà khát, hoặc đái gắt buốt, chữa bệnh thấp nhiệt, chủ yếu là thông lợi tiểu tiện.

Bạch truật *Trư linh* *Phục linh* đều 5 đ/c

Nhục quế 5 đ/c *Trạch tả* 1,25 lạng

Tán bột, liều uống 2 đ/c, hoặc sắc cho uống ấm.

146. Tê giác tán.

Tê giác - *Chích thảo*: 1/2 lạng. *Phòng phong* - *Hoàng cầm*: 1 lạng. Tán bột, liều uống 2 đ/c hoặc sắc cho uống ấm.

147. Trư tủy cao,

Chủ trị đậu mọc không thành vẩy và vẩy không bong.

Tủy heo *Mật ong*

Cho vào nồi đun sôi 1-2 dạo, bắc ra để nguội, dùng lông ngỗng chấm thuốc phết trên nốt đậu, sẽ bong ngay.

148. Kiều mạch tán.

Kiều mạch (tức là mạch ba góc) xay bột mịn, đốt đậu vỡ thì trát vào, lở loét thì đắp vào, hoặc rải ra cho nằm lên trên thì càng tốt.

149. Trà diệp phương.

Chữa đậu toàn thân lột da, mủ nước không khô, rười rượi,

Lá chè tươi dùng nhiều (chọn bỏ lá già, cọng cứng) cho nước vào nấu, lựa kỹ bỏ cọng cứng, khi còn ướt dài ra cho nằm lên trên một đêm thì đậu sẽ khô hết sạch mủ.

150. Cứu khổ diệt ban tán.

Mật đà tăng *Hoạt thạch* đều 2 lạng, tán bột mịn xoa bột khô vào (đối mụn ướt) hoặc trộn mật ong mà phết lên mụn lở.

151. Giải độc nội thác tán.

Kim ngân *Hoàng qùy* *Đương quy* *Xích thước*

Phòng phong *Cam thảo thiết* *Kinh giới* *Liên kiều*

Mộc thông, cho thêm ít rượu để sắc uống.

152. Giải độc phòng phong thang.

Chữa đang lúc đậu mọc giữ cho ấm và dùng thuốc này tính vị cay mát để giải độc ra.

<i>Phòng phong</i>	<i>Bạc hà</i>	<i>Kinh giới</i>
<i>Thạch cao</i>	<i>Tri mẫu</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Ngưu bàng</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Liên kiều</i>
<i>Mộc thông</i>	<i>Xác chỉ</i>	<i>gia Đông tâm, trúc điệp sắc uống.</i>

153. Một phương trong Cảnh Nhạc.

Chữa đau mọc nung đốt mạnh.

<i>Phòng phong</i>	<i>Hoàng cầm</i>	<i>Địa cốt bì</i>	
<i>Bạch thược</i>	<i>Kinh giới</i>	<i>Ngưu bàng</i>	đều 4-5 đ/c.

Tán bột uống với nước sôi, hoặc sắc uống.

154. bình vị tán.

Một tên hòa vị ẩm tức là bài này gia Đào khương bỏ Thương truật.

<i>Thương truật</i>	<i>Hậu phác</i>	<i>Trần bì</i>
<i>Cam thảo</i>	thêm gừng tươi ba nhát sắc uống.	

155. Cam cát thang.

Cam thảo 3 đ/c *Cát cánh* 4 đ/c
gia *Kinh giới* 2 đ/c càng tốt, sắc uống sau bữa ăn.

156. Bạt tụy Cam cát thang.

Bài trên mà gia *Liên kiều* và *Bạc hà*.

157. Đào nhân thừa khí thang.

Đào nhân 50 hạt, Đại hoàng 4 đ/c, Mang tiêu, Cam thảo, Quế chi đều 2 đ/c, sắc uống.

158. **Thăng ma thang.** Có tên Thăng ma giải độc thang chữa đậu đang phát, lúc ấm lúc lạnh, dùng thuốc cay bình để giải.

<i>Cát căn</i>	<i>Khương hoạt</i>	<i>Nhân sâm</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Tiền hồ</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Cát cánh</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Kinh giới</i>	<i>Ngưu bàng</i>	<i>Xích thược</i>	<i>Liên kiều</i>

Dạm trúc điệp sắc uống.

159. Thanh vị tán. Chữa răng đau phát nóng lạnh.

Quy nhân *Liên kiều* (mùa hè dùng nhiều)
Sinh địa (chế rượu) đều 2 phân, *Đôn bì* 5 phân, *Thăng ma* 1 phân, sắc uống nguội.

160. **Bạch truật tán.** Chữa trúng phong nhiều mồ hôi. bài của y học chính truyền.

Mẫu lệ (sao) 3 đ/c *Bạch truật* 1 lạng 6,5 đ/c.
Phòng phong 2,5 lạng, Tán bột uống với nước ấm.

161. Khương hoạt cứu khổ thang.

<i>Mạn kinh tử</i>	<i>Khương hoạt</i>	<i>Ngưu bàng</i>
<i>Thăng ma</i>	<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Xuyên khung</i>

<i>Liên kiều</i>	<i>Cát cánh</i>	<i>Bạch chỉ</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Bạc hà</i>	<i>Nhân trung hoàng</i> ⁽¹⁾

sắc uống.

162. Ngũ bì tán. Chứa tỳ khi phế khí không vận hóa tốt, thủy khí ngưng trệ không thông mặt mắt phù nề, chân tay ngực bụng thụng đầy.

<i>Tang bạch bì</i>	<i>Sinh khương bì</i>	<i>Dại phúc bì</i>
<i>Phục linh bì</i>	<i>Trần bì.</i> Sắc uống, kiêng ăn các thứ sống lạnh.	

163. Vị linh thang.

<i>Cam thảo</i>	<i>Hậu phác</i>	<i>Thương truật</i>
<i>Trần bì</i>	<i>Trư linh</i>	<i>Trạch tả</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Bạch linh</i>	<i>Nhục quế</i>

thêm gừng táo sắc uống.

164. Thấp khí hoàn. Chứa chứng bụng đầy hơi thuốc hư.

Hồ tiêu 1 lạng, *Duối con bò cạp* (yết kỹ) bỏ độc 5 đ/c, tán nhỏ, khuấy hồ làm hoàn bằng hạt gạo, liều uống 10-20 viên, chiêu với nước sắc *Trần mễ*,

165. An thần hoàn.

<i>Hoàng liên</i> (rửa rượu) 1,5 đ/c	<i>Chu sa</i> 1 đ/c
<i>Sinh địa</i> (rửa rượu)	<i>Quy thân</i>

Chính thảo đều 5 phân, Tán bột làm viên, sau bữa ăn ngâm nuốt.

166. Thăng dương giải độc thang.

<i>Từ thảo</i>	<i>Cát căn</i>	<i>Bạch thược</i>	<i>Mộc thông</i>
----------------	----------------	-------------------	------------------

Hầu lê ⁽²⁾ gia gừng hành làm thuốc dẫn.
Gia giảm:

- Phiên gia Mạch môn, Xích thược.
- Khất gia Nhân sâm, Mạch môn, Ngũ vị tử,
- 7-8 ngày sốt vẫn y nguyên không đỡ, gia Hoàng cầm, Địa cốt bì.

167. Bạt độc cao. Cao hút độc, chứa đậu, dính nhọt.

Hùng hoàng 1 đ/c, nghiền nhỏ dùng Yên chỉ cho vào bát khuấy tan đặc rồi cho bột Hùng hoàng vào khuấy đều đem trét trên nốt đậu, dính nhọt sẽ xuất hiện màu đỏ tươi ngay, thật là hiệu nghiệm.

168. Tuyệt ban tán.

<i>Mật đa tăng</i>	<i>Hoạt thạch</i> đều 2 lạng
<i>Bạch chỉ</i> nửa lạng	

Tán bột mịn, trộn với mật ong thứ tốt bôi chỗ lở, sẽ không có sẹo.

(1) *Nhân trung hoàng* Cách làm: Dùng cam thảo tăn nhỏ, dón vào ống tre, nhét kín hai đầu, đem về đồ trong thùng phân tử vụ đông đến mùa xuân lấy ra rửa sạch treo chỗ thoáng gió cho khô, chế ra lấy cam thảo mà dùng.

(2) *Hầu lê*, tức Sơn tra.

169. Ma nhân hoàn.

<i>Đại hoàng</i>	4 đ/c	<i>Hậu phác</i>	8 đ/c	<i>Chỉ thực</i>	3 đ/c
------------------	-------	-----------------	-------	-----------------	-------

<i>Mè</i>	1 lạng	<i>Hạnh nhân</i>	5 đ/c	<i>Bạch thược</i>	3 đ/c
-----------	--------	------------------	-------	-------------------	-------

Tất cả tán bột, luyện mật làm hoàn.

170. Toan táo nhân thang.

<i>Táo nhân</i>		<i>Mạch môn</i>	3 đ/c
-----------------	--	-----------------	-------

<i>Nhân sâm</i>	đều 1 đ/c	<i>Trúc nhựt</i>	2 đ/c
-----------------	-----------	------------------	-------

<i>Lonh nhữn</i>	5 quả sắc uống.
------------------	-----------------

171. Phương khác. (của Tiền thị)

<i>Chích thảo</i>	<i>Nhân sâm</i> (một phương dùng Táo nhân)
-------------------	--

<i>Sinh địa</i>	<i>Mạch môn</i>	<i>Quy thân</i>	<i>Chỉ từ</i>
-----------------	-----------------	-----------------	---------------

Các vị đều bằng nhau, sắc uống.

172. Tiểu sài hồ thang.

<i>Sài hồ</i>	8 đ/c	<i>Hoàng cầm</i>	3 đ/c	<i>Nhân sâm</i>	3 đ/c
---------------	-------	------------------	-------	-----------------	-------

<i>Bán hạ</i>	8 đ/c	<i>Cam thảo</i>	2 đ/c	gĩa	<i>Giưng táo</i>	sắc uống.
---------------	-------	-----------------	-------	-----	------------------	-----------

173. Lục vị Di công tiến.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch truật</i>	đều 3 đ/c	<i>Bạch linh</i>	2 đ/c
-----------------	-------------------	-----------	------------------	-------

<i>Cam thảo</i>	<i>Trần bì</i>	đều 1 đ/c	<i>Can khương</i>	1-2 đ/c
-----------------	----------------	-----------	-------------------	---------

sắc uống ấm.

174. Sâm Khương ẩm.

<i>Nhân sâm</i>	3-5 đ/c (hoặc nhiều hơn nữa)
-----------------	------------------------------

<i>Chích thảo</i>	3-5 phân
-------------------	----------

<i>Bào khương</i>	5 phân
-------------------	--------

<i>Giưng tươi</i>	4-5 nhát sắc uống.
-------------------	--------------------

175. Trí trung thang.**176. Điều trung thang. Tên khác: Điều nguyên thang.**

<i>Nhân sâm</i>	<i>Phục linh</i>	<i>Can khương</i>
-----------------	------------------	-------------------

<i>Hoắc hương</i>	<i>Bạch truật</i>	<i>Chích thảo</i>
-------------------	-------------------	-------------------

<i>Mộc hương</i>	<i>Đinh hương</i>	<i>Hương phụ</i>
------------------	-------------------	------------------

Sa nhân các vị bằng nhau, sắc uống.

177. Thần hương tán.

Đinh hương, *Bạch đậu khấu* (hoặc *Sa nhân* cũng được). Hai vị bằng nhau, tán nhỏ uống với nước nóng.

178. Vị quan tiến.

<i>Thục địa</i>	1 lạng	<i>Hoài sơn</i>	2 đ/c	<i>Biến đậu</i>	2 đ/c
-----------------	--------	-----------------	-------	-----------------	-------

<i>Chích thảo</i>	2 đ/c	<i>Tiêu khương</i>	3 đ/c	<i>Ngô thù</i>	
-------------------	-------	--------------------	-------	----------------	--

<i>Bạch truật</i>	đều 3 đ/c, sắc uống ấm xa bữa ăn.
-------------------	-----------------------------------

Gia giảm

- Ía lỏng nhiều, gia Nhục khấu hoặc Cố chỉ
- Hương hư hạ tiêu không vững chắc, gia Phụ tử.
- Khí hư, gia Nhân sâm.
- Đau bụng nhiều, gia Mộc hương, Hậu phác.
- Khí trệ, không thông, gia Dương quy.
- Hoạt thoát không kềm hãm được (lã chảy re) gia Ô mai, Ngũ vị.

179. Lý âm tiễn.

Thục địa 3-5-7 đ/c Chích thảo 1-2 đ/c Dương quy 2-3 đ/c
Can khương 2-3 đ/c Nhục quế 2-3 đ/c, sắc uống ấm.

180. Đại hòa trung ẩm.

Chữa các chứng ăn uống không tiêu, ngưng tụ kết trệ.

Trần bì Sơn tra Mạch nha đều 2 đ/c
Chỉ thực 1 đ/c Sa nhân 5 phân Hậu phác
Trạch tả đều 5 phân sắc uống ấm xa bữa ăn.

Gia giảm

- Dầy trướng nhiều, gia Bạch giới tử.
- lạnh bao tử hoặc buồn nôn, gia Bào khương.
- Đau bụng, gia Mộc hương, Ô dước, Hương phụ.

181. Nhị trần thang.

Trần bì Bán hạ đều 3 đ/c Bạch linh
Cam thảo đều 1 đ/c, gia gừng táo sắc uống xa bữa ăn.

182. Trúc diệp thạch cao thang. Tên khác: Lục vị Thạch cao thang.

Thạch cao nung Dạng trúc diệp Cát cánh Bạc hà
Mộc thông Cam thảo đều 1 đ/c sắc uống.

183. Lục quân tử thang.

Nhân sâm 3 đ/c Bạch truật 2 đ/c Phục linh 1,5 đ/c
Chích thảo 1 đ/c Trần bì, Bán hạ đều 1 đ/c, gia gừng tươi sắc uống.

184. Ngũ quân tử tiễn.

Nhân sâm Bạch truật Phục linh đều 2 đ/c Chích thảo 1 đ/c
Can khương 1-2 đ/c, sắc uống ấm.

185. Ngũ dức hoàn.

Bổ cốt chi (sao rượu) 4 lạng Ngó thù (chết) 2 lạng Mộc Hương 2 lạng
Can khương 3 lạng Ngũ vị tử 2 lạng (hoặc thay bằng Nhục khấu
bọc bột gạo sao, hoặc tẩm nước Ô dước).
Nhân sâm sắc làm thang, hoặc uống với nước cơm.

186. Tá quan tiễn.

Hậu phác, *Trần bì* đều 1 đ/c *Sơn dược* *Biển đậu*
Trư linh *Trạch tả* *Can khương*
Nhục quế đều 2 đ/c *Chích thảo* 7 phân sắc uống.
Gia giảm:

- Đau bụng nhiều, gia Mộc hương hoặc Ngô thù.
- Ía chảy không cầm, gia Phá cố chỉ hoặc Nhục khấu.

187. Úc phù tiễn.

Hậu phác *Trần bì* *Ô dược* đều 5 phân.
Trư linh, *Trạch tả* đều 2 đ/c *Chích thảo* 1 đ/c
Can khương 1-2 đ/c *Ngô thù* 7 phân sắc uống.

188. Hương liên hoàn.

Hoàng liên 20 lạng (Ngô thù 10 lạng, sao chung rồi nhặt bỏ Ngô thù đi), *Mộc hương* 4,8 lạng (kiêng lửa). Tán bột dùng dấm quấy hồ làm viên, liều uống 30-50 viên với nước cơm.

189. Ngư dược Đại bán hạ thang.

Bàn hạ, *Trần bì,* *Phục linh* đều 2 đ/c *Gừng* 5 nhát, sắc uống.

190. Tiểu phân thanh ẩm.

Phục linh, Trạch tả, Trư linh đều 2 đ/c, *Ý dĩ, Chỉ xác, Hậu phác* đều 1 đ/c, sắc uống ấm trước bữa ăn.

191. Đại phân thanh ẩm.

Phục linh, Trạch tả, Mộc thông đều 2 đ/c, *Trư linh, Chỉ từ, Chỉ xác, Xa tiền* đều 1 đ/c, sắc uống ấm, xa bữa ăn.

192. Đại tiểu phân thanh ẩm.

193. Hoàng cầm thang.

Hoàng cầm 3 đ/c, *Bạch thược,* *Cam thảo* 2 đ/c. *Tro* 2 quả. sắc uống

194. Huyền sâm hóa độc thang.

Chữa chứng sưng cổ họng, đỏ đau sau khi bị lên đậu.

Huyền sâm, Quy vĩ, Liên kiều, Thạch cao, Cốt cốt bì, Xích thược, Phòng phong, Kinh giới, Mộc thông, Hồng hoa(rửa rượu), *Dạm trúc điệp* sắc uống.

195. Huyền sâm Địa hoàng thang.

<i>Huyền sâm</i>	<i>Chỉ từ</i>	
<i>Sinh địa</i>	<i>Thăng ma</i>	đều 5 phân
<i>Cam thảo</i>	<i>Bạch thược</i>	1 đ/c
<i>Đơn bì</i>	<i>Bồ hoàng</i>	5 phân sắc uống ấm.

Nhận xét: Bài này nên bỏ Thăng ma để trừ bỏ cái thể xông lên, làm ngán tắc thượng tiêu đừng cho rằng bệnh thuộc dương minh nên dùng Thăng ma.

196. Sâm linh Bạch truật tán.

(Cũng giống như bài Thất vị Bạch truật tán và bài Nhân sâm Bạch truật tán)

Nhân sâm Bạch truật Bạch linh Trích thảo Mộc hương
Hoặc hương Cát cánh đều 2 đ/c sắc uống.

- Một phương gia Mạch môn chữa đau đã thành vẩy hoặc chữa đóng vẩy mà sốt không lui, phiền khát không hết, bài này có khả năng thanh thần khí, sinh tân chỉ khát.

- Một phương bỏ Cát, Truật, gia Sơn dược, Liên nhục, Cát cánh, Ý dĩ, Sa nhân, chữa đau mọc sinh ỉa chảy, ăn kém, tiểu tiện nước trong, thần khí mệt mỏi, đau không mừng mủ.

197. Nhân sâm Bại độc tán.

Chứa nọc độc của đậu phát thành mụn sưng to.

Nhân sâm Xích linh Khương hoạt Tiền hồ
Độc hoạt Bạc hà Xuyên khung Sài hồ

Chỉ xác Cát cánh đều bằng nhau, Cam thảo giảm nửa, Ngưu bàng 5 phần, thêm củ hành sắc uống.

198. Một phương khác gọi Kinh phòng bại độc tán tức bài trên gia Kinh giới, Phòng phong, Liên kiều, Kim ngân hoa.

199. Nhân sâm Thạch cao thang.

200. Nhân sâm Bạch hồ thang.

201. Nhân sâm Phụ tử lý âm tiến.

Thục địa 3,5,7 đ/c Dương quy 2-3 đ/c Trích thảo 1,2 đ/c
Can hương sao vàng 1-2 đ/c *Phụ tử* 3 đ/c sắc uống.

202. Nhân sâm thẩu cơ tán.

Nhân sâm Tử thảo (không có thì dùng Hồng hoa)
Bạch truật, Dương quy Bạch thược Phục linh Cam thảo
Mộc thông Thuyền thoái Gạo nếp các vị bằng nhau, sắc uống.

203. Nhân sâm Mạch đông tán.

Mạch đông 1 lạng *Nhân sâm Trích thảo Bạch truật*
Trần bì Hậu phác đều 5 đ/c hoặc tán bột, hoặc đem nấu uống ấm.

204. Nhân sâm kiến trung thang.

Chích thảo Quế chi gừng tươi đều 3 lạng, Đại táo 12 quả.
Kẹo mạch nha 1 cân, gia *Nhân sâm* 2 lạng *Bạch thược* 3 lạng
(sao qua), sắc uống.

205. Nhân sâm Lý âm tiến.

206. Gia vị sâm tô ẩm.

Nhân sâm 2 đ/c Lá tía tô 1 đ/c Sơn tra 6 phần
Xuyên khung 4 phần Phục linh 5 phần Bán hạ 3 phần

<i>Ngưu bàng</i>	4 phân	<i>Cát căn</i>	5 phân	<i>Tiền hồ</i>	8 phân
<i>Trần bì</i>	7 phân	<i>Chỉ xác</i>	6 phân	<i>Cát cánh</i>	
		<i>Cam thảo</i>	đều 4 phân, thêm gừng sắc uống.		

207. Đoàn sâm tán.

Nhân sâm *Dương quy* hai vị bằng nhau tán nhỏ.

Tim heo đực một quả, thái lát nấu lấy nước mà uống với thuốc mỗi lần 2 đ/c, hoặc sắc uống.

208. Sâm sa hòa vị tán.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Sa nhân</i>	<i>Bán hạ</i>	đều 4 phân
<i>Bạch truật</i>	<i>Phục linh</i>	đều 5 phân	<i>Hắc hương</i>
<i>Trần bì</i>	đều 3 phân,	<i>Chích thảo</i>	2 phân, thêm gừng nướng sắc uống.

209. Thăng tiêu Bình vị tán.

Xuyên khung, *Hương phụ*, *Thương truật*, *Từ tó*, *Hậu phác* đều 5 đ/c, *Sa nhân*, *Hoắc hương*, *Bạch chỉ*, *Trần bì* đều 3 đ/c, *Mạch nha* 6 phân, *Sơn tra* 1 đ/c. Thêm gừng, táo sắc uống.

210. Truật linh điều tỳ tán.

Bạch truật, *Bạch linh* đều 7 phân, *Bạch thược*, *Chích thảo*, *Thần khúc* đều 5 phân, *Biểu đậu* 8 phân, *Hương phụ*, *Sa nhân*, *Hậu phác* đều 3 phân, thêm sâm 3 phân, gừng táo sắc uống.

211. Ôn trung ích khí thang.

Nhân sâm, *Bạch truật* đều 5 phân, *Sinh hoàng kỳ* 8 phân,
Quy thân, *Phục linh* đều 6 phân, *Chích thảo*, *Xuyên khung* đều 4 phân, *Bạch chỉ*,
Phòng phong đều 3 phân, *Mộc hương*, *Quan quế*, *Sơn tra* đều 2 phân, *Gừng* tươi ba nhát,
Táo 2 quả sắc uống.

212. Bại độc hòa trung tán.

Liên kiều, *Ngưu bàng* đều 6 phân, *Hoàng liên*(sao)*Chỉ xác*, *Phòng phong* đều 7 phân,
Kinh giới 5 phân, *Từ thảo*, *Thuyền thoái*, *Xuyên khung* đều 4 phân, *Tiền hồ*, *Mộc thông*
đều 5 phân, *Thăng ma*, *Cam thảo* đều 4 phân, *Mạch môn* 8 phân, sắc uống, nếu đại tiện
bí gia *Đại hoàng*.

213. Thanh giải tán.

<i>Phòng phong</i>	<i>Kinh giới</i>	<i>Thuyền thoái</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Xuyên khung</i> đều 4 phân,	<i>Tiền hồ</i>	<i>Thăng ma</i>	<i>Cát căn</i> đều 5 phân
<i>Hoàng cầm</i>	<i>Hoàng liên</i>	<i>Mộc thông</i>	<i>từ thảo</i> đều 6 phân,
<i>Ngưu bàng</i>	<i>Liên kiều</i> đều 7 phân,	<i>Sơn tra</i>	8 phân
<i>Chích thảo</i> 3 phân,	<i>Gừng</i> tươi 3 nhát	sắc uống.	

214. Tô giải tán.

Tức là Thanh giải tán bỏ *Cầm liên* gia *Tô diệp* *Bạch chỉ* đều 5 phân, *Khương hoạt* 4 phân, *Gừng* 3 lát, sắc uống.

215. Hóa độc thang

Chứa đậu độc đã mọc, hoặc mọc chớm, hoặc muốn mọc mà sốt cao, ăn kém, uống 1 thang thì đỡ, trường hợp có 1-2 mụn đã mọc hoặc mọc toàn bộ mà đỉnh nốt đậu không tươi có dáng khô héo thì uống 3 thang này là tốt.

Tử thảo nhung 5 đ/c *Thăng ma* 1,5 đ/c *Chích thảo* 2,5 đ/c
thêm 50 hạt nếp sắc uống.

216. Tiêu độc ẩm.

Chứa đậu mới mọc, vùng ngực mọc dày kín, kíp cho uống 3-4 thang để tiêu độc rất tốt.

Ngưu bàng 4 đ/c *Kinh giới* 2 đ/c *Cam thảo* 1 đ/c
Phòng phong 5 phân, gia Sơn tra, Hoàng cầm, Tử thảo (rửa rượu) sắc uống hoặc gia Tế giác càng hay. Ăn ít gia Nhân sâm.

217. Cát căn giải độc thang.

Cát căn *Thăng ma* *Sinh địa* *Mạch môn* *Hoa phân* đều bằng nhau, *Cam thảo* giảm nửa, sắc uống.

218. Phả tế tiêu độc ẩm.

Hoàng cầm, *Hoàng liên* đều 5 đ/c, *Nhân sâm* 3 đ/c, *Quý hồng*, *Huyền sâm*, *Cam thảo*, *Cát cánh*, *Sài hồ* đều 2 đ/c, *Liên kiều*, *Ngưu bàng* *Bán lam căn*, *Mã bôt* đều 1 đ/c, *Cương tâm*, *Thăng ma* đều 7 phân sắc uống.

219. Tiêu độc hóa ban thang.

Thăng ma, *Sài hồ*, *Liên kiều*, *Ngưu bàng*, *Long đóm thảo*, *Cam thảo*, *Phòng phong*, *Thuyền thoái*, *Mật mông*, *Trúc diệp* sắc uống.

220. Tiên phong hóa độc thang.

Phòng phong, *Hoàng kỳ*, *Quế chi*, *Kinh giới*, *Thăng ma*. *Bạch thược*, *Ngưu bàng* đều bằng nhau, *Cam thảo* giảm nửa gia Bạc hà sắc uống ấm.

221. Thập nhất vị mộc hương tán.

Một bài của họ Trần cũng như bài này, chứa đậu thuộc hư hàn là chảy bụng trướng, sắc nhợt nhạt, phần nhiều thuộc trẻ.

Mộc thông mài riêng, *Phục bì* rửa nước đậu đen, *Nhân sâm* đều 2 đ/c, *Xích linh*, *Tiền hồ*, *Thanh bài*, *Bán hạ* rửa nước sôi 7 lần, *Đinh hương*, *Kha tử*, *Cam thảo* đều 2,5 đ/c, *Quế tâm* giảm nửa. Tán bột uống, hoặc gia *Gừng táo* sắc uống.

222. Thập vị khương hoạt tán.

Khương hoạt, *Tiền hồ*, *Phòng phong* đều 1 đ/c, *Kinh giới*, *Độc hoạt* đều 8 phân, *Tế tán*, *Bạch chỉ* đều 3 phân, *Sài hồ*, *Chích thảo* đều phân, *Thuyền thoái* 4 phân, *Bạc hà* 3 lá sắc uống.

Phát run giật, sốt không lui uống thêm *Chu sa* tán bột.

223. Thập tam vị Khương hoạt tán.

Khương hoạt, Độc hoạt, Phòng phong, Cát cánh, Kinh giới, Sài hồ, Tiền hồ, Địa cốt bài, Chích thảo, Thuyền thoát, Xuyên khung Thiên hoa phấn, Thiên ma, các vị bằng nhau, Bạc hà ba lá sắc uống.

224. Khương hoạt thang.

Khương hoạt, Long đóm thảo, Phòng phong, Xuyên khung, Sơn chỉ tử, Dương quy đều bằng nhau, Cam thảo giã nửa, Dạm trúc điệp, Bạc hà sắc uống.

225. Tam âm tiến.

Dương quy 2-3 đ/c, Thục địa 3-5 đ/c, Chích thảo 1-2 đ/c, Bạch thược 2 đ/c, Táo nhân 2 đ/c, Nhân sâm 1 đ/c, sắc uống.

Gia giảm:

- Nôn lợm mửa gia gừng tươi 3 lát,
- Nhiều mồ hôi, vật vã, gia Ngũ vị tử 15 hạt,
- Lưng gối gân xương mỗi mét, gia Đỗ trọng, Ngưu tất, - Bụng dưới đau gia Câu kỷ tử 3 đ/c,
- Bụng có đầy trướng, gia Trần bì 3 đ/c
- Nhiều mồ hôi do khí hư gia Hoàng kỳ 2-3 đ/c.

226. Ngục âm tiến.

Chữa chân âm hư, tỳ hư mất máu và ỉa chảy, trọng về tỳ nên gọi Ngũ âm.

<i>Ngũ vị</i>	20 hạt,	<i>Nhân sâm</i>	2 đ/c,	<i>Liên nhục</i>	20 hạt,
<i>Thục địa</i>	5-7 đ/c,	<i>Sơn đươc</i>	2 đ/c,	<i>Biển đậu</i>	2-3 đ/c,
<i>Chích thảo</i>	2 đ/c,	<i>Phục linh</i>	5 phân,	<i>Bạch thược</i>	2 đ/c,

sắc uống.

227. Thất phúc ẩm.

<i>Nhân sâm</i>	3 đ/c	<i>Bạch truật</i>	1 đ/c	<i>Dương quy</i>	3 đ/c
<i>Thục địa</i>	3 đ/c	<i>Chích thảo</i>	1 đ/c	<i>Táo nhân</i>	2 đ/c
<i>Viễn chí</i>	3-5 phân	<i>Gừng tươi</i>	5 lát sắc uống.		

228. Bát chính tán.

<i>Xa tiền</i>	<i>Mộc thông</i>	<i>Củ mạch</i>	<i>Biển đậu</i>
<i>Hoạt thạch</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Chỉ tử</i>	<i>Dại hoàng</i>

Đang tâm 10 con sắc uống. Một phương gia Mộc hương.

229. Lục an tiến.

<i>Trần bì</i>	5 phân	<i>Bán hạ</i>	2 đ/c	<i>Cam thảo</i>	1 đ/c
<i>Hạnh nhân</i>	1 đ/c	<i>Bạch linh</i>	2 đ/c	<i>Gừng tươi</i>	ba lát

Bạch giới tử 7 phân (khí hư yếu không dùng) sắc uống ần.

230. Lục vị địa hoàng thang.

<i>Thục địa</i>	4 lạng	<i>Son thù</i>	2 lạng	<i>Son được</i>	2 lạng
<i>Đơn bì</i>	1 lạng	<i>Phục linh</i>	1 lạng	<i>Trạch tả</i>	1 lạng

sắc uống.

231. Tứ vị xạ can niêm tử thang.

<i>Ngưu bàng</i>	4 lạng	<i>Chích thảo,</i>	<i>Ma hoàng,</i>	<i>Xạ can</i>	đều 1 lạng
------------------	--------	--------------------	------------------	---------------	------------

sắc uống ấm.

232. Dương quy Lục hoàng thang.

<i>Dương quy</i>	1 đ/c	<i>Hoàng kỳ</i>	1 đ/c	<i>Thục địa</i>	7 phân
<i>Sinh địa</i>	7 phân	<i>Hoàng cầm</i>	7 phân	<i>Hoàng liên</i>	7 phân

sắc uống.

233. Kim thủy Lục quân tiễn.

<i>Dương quy</i>	2 đ/c	<i>Thục địa</i>	3 đ/c	<i>Trần bì</i>	5 phân
<i>Bán hạ</i>	2 đ/c	<i>Bạch linh</i>	2 đ/c	<i>Cam thảo</i>	1 đ/c

Gừng tươi 5 lát sắc uống.

234. Quế chi Đại hoàng thang.

<i>Quế chi</i>		<i>Cam thảo</i>	
<i>Bạch thược</i>	đều 2,5 đ/c	<i>Đại hoàng</i>	đều 5 phân

Gừng tươi 1 lát, sắc uống.

235. Cát căn mạch đông thang.

<i>Cát căn</i>	3 đ/c	<i>Nhân sâm</i>	
<i>Mạch đông</i>	4 đ/c	<i>Thăng ma</i>	đều 3 đ/c
<i>Thạch cao</i>	5 đ/c	<i>Phục linh</i>	
<i>Xích thược</i>	1 đ/c	<i>Cam thảo</i>	

Sắc uống, cứ 3 đ/c thuốc thì dùng 1 bát nước sắc cạn còn 6 phân, uống ấm từ từ. Tùy trẻ lớn bé mà uống nhiều hoặc ít.

236. Gia vị Cam cát thang.

<i>Cát cánh</i>	8 phân	<i>Ngưu bàng</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Cam thảo</i>	1 đ/c	<i>Xạ can</i>	đều 6 phân

Huyền sâm đều 4 phân
Gừng tươi 1 lát, sắc uống. Sốt nhiều gia *Hoàng cầm* bỏ *hồng phong*.

237. Sài hồ ẩm.

Sài hồ, Phòng phong, Dương quy, Nhân sâm, Bạch thược, Cam thảo, Hoàng cầm, Hoạt thạch, Đại hoàng đều bằng nhau, sắc uống.

238. Sài trần tiễn.

Chữa ho, đầy trướng, nhiều đờm do phong hàn.

<i>Sài hồ</i>	3 đ/c	<i>Trần bì</i>	5 phân	<i>Bán hạ</i>	2 đ/c
<i>Bạch linh</i>	2 đ/c	<i>Cam thảo</i>	1 đ/c	<i>Gừng tươi</i>	5 nhát.

Sắc uống xa bữa ăn.

Gia giảm:

- Hàn thảng gia Tế tân,
- Phong thảng khí trệ gia Tử tô
- Mùa đông rét nhiều gia Ma hoàng
- Khí nghịch nhiều đờm gia Hạnh nhân,
- Trưởng đầy khí trệ gia Bạch giới tử.

239. Sài cát Quế chi thang.

Sài hồ, Cát căn, Quế chi, Phòng phong, Cam thảo, Nhân sâm, Bạch thược, Gừng
3 lát sắc uống.

240. Sài linh thang.

<i>Sài hồ,</i>	<i>Nhân sâm,</i>	<i>Hoàng cầm,</i>	<i>Bán hạ</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Tru linh</i>	<i>Trạch tả</i>	<i>Bạch truật</i>
<i>Bạch linh</i>	<i>Nhục quế sắc uống.</i>		

241. Cam cát thanh kim tán.

<i>Cát cánh</i>	1 lượng	<i>Cam thảo,</i>	<i>Liên kiều</i> đều 5 phân,
<i>Kha tử</i>	3 đ/c	<i>Ngưu bàng</i>	7 đ/c gia
		<i>Bạc hà</i>	sắc uống, hoặc tán bột uống.

242. Cam quế thang.

Quế chi 4 lượng, (bỏ vỏ) *Cam thảo* 2 lượng, sắc bỏ bã uống dần dần nhiều lần.

243. Cam cát Phòng phong thang.

Chữa sởi, thủy đậu ...

<i>Cát cánh</i>	8 phân,	<i>Cam thảo</i>	1-2 phân,	<i>Ngưu bàng,</i>	<i>Xạ can</i> đều 6 phân,
<i>Phòng phong,</i>		<i>Huyền sâm</i>	đều 4 lượng,	gia <i>Gừng</i> làm thuốc dẫn,	
				sốt nhiều gia <i>Hoàng cầm</i> bỏ <i>Phòng phong</i> .	

244. Hoàng cầm Bán hạ thang.

<i>Hoàng cầm,</i>	<i>Bán hạ,</i>	<i>Ma hoàng,</i>	<i>Tử tô,</i>	<i>Chỉ xác,</i>
<i>Hạnh nhân,</i>	<i>Cam thảo</i>	đều bằng nhau, <i>gừng</i> 3 lát, táo 2 quả, nước 2 bát		
		sắc còn 8 phần, uống xa bữa ăn, trời lạnh gia <i>Quế chi</i> .		

245. Liên kiều quy vĩ tiến.

<i>Liên kiều</i>	7-8 đ/c,	<i>Quy vĩ</i>	3 đ/c,	<i>Cam thảo</i>	1 đ/c,	<i>Kim ngân hoa</i>
<i>Hồng đằng</i> đều 4 đ/c, dùng rượu thay nước sắc uống						

246. Gia vị Thảng ma cát căn thang.

<i>Cát căn</i>	1 đ/c	<i>Thảng ma</i>	8 phân,	<i>Xích thược</i>	6 phân
<i>Cam thảo</i>	2 phân,	<i>Cát cánh</i>	2 phân,	<i>Phòng phong</i>	3 phân
<i>Tô diệp</i>	5 phân,	<i>Xuyên khung</i>	4 phân,	<i>Sơn tra</i>	8 phân
<i>Ngưu bàng</i>	5 phân,	<i>Gừng</i> 3 lát, sắc uống nóng cho ra mồ hôi			

247. Tiền thị Dương tâm thang.

Nhân sâm, Hoàng kỳ, Viễn chí, Dương quy, Xuyên khung
Táo nhân, Ngũ vị, Bá tử nhân, Nhục quế, Bạch linh
Phục thần, Bán hạ đều 3 đ/c, Chích thảo 1 đ/c, giả Gừng táo sắc uống.

248. Phục thần thang.

Nhân sâm, Hoàng kỳ (sao) Táo nhân, (sao) Bá tử nhân, (sao)
Thục địa, Bạch thược, (sao) Ngũ vị tử (sao) Phục thần đều 1 lượng
Quế tâm, Cam thảo, đều 5 đ/c, sắc uống.

249. Ninh thần thang.

Nhân sâm, Dương quy, Sinh địa, Bán hạ đều 1 đ/c
Sơn chi, Hoàng liên, Cam thảo đều 2 đ/c, Xương bồ 2 phân
Đang tâm 5 phân, Thần sa 2 phân sắc uống.

250. Bí chỉ an thần hoàn.

Nhân sâm, Táo nhân, Phục hoàn, Bán hạ đều 1 đ/c.
Dương quy, Bạch thược, Quất hồng đều 7 phân, Ngũ vị 5 hạt,
Chích thảo 3 phân, giả Gừng lấy nước khuấy hồ gạo làm viên bằng hạt củ sừng
liều uống 1 viên chiêu với nước gừng.

251. Chu san an thần hoàn.

Hoàng liên 1,5 đ/c, Chu sa 1 đ/c, Sinh cam thảo 5 phân, hồ gạo làm viên, ngâm
nuốt.

252. Bảo hòa hoàn.

Thần khúc, Trần bì, Bán hạ, Phục linh đều 1 lượng, Sơn tra 3 lượng, Liên kiều, La
bạc tử đều 5 đ/c, hồ gạo làm viên uống.

253. Bài khác.

Bài trên giả Mạch nha 1 lượng, Hoàng liên 5 đ/c.

254. Đại bổ nguyên tiến.

Nhân sâm 1-2 đ/c, Sơn dược 2 đ/c, Thục địa 2-3 đ/c,
Đỗ trọng 2 đ/c, Dương quy 2-3 đ/c (lúa lòng không dùng),
Sơn thù 1 đ/c, (ợ chua không dùng) Câu kỷ 2-3 đ/c,
Chích thảo 1-2 đ/c sắc uống xa bữa ăn.

255. Trình nguyên tiến.

Thục địa 7-8 đ/c, Chích thảo 2-3 đ/c, Dương quy 2-3 đ/c, sắc uống ấm.

256. Sinh mạch tán.

Thông dụng chữa phiền khát thuộc hư.

Nhân sâm 1 đ/c, Mạch môn 5 phân, Ngũ vị 7 hạt, sắc uống.

257. Thanh cách tán.

Chủ trị chứng phế có thực hỏa.

Trần bì 0,5 đ/c, Bối mẫu 2 đ/c (giã dập), Đóm tinh ⁽¹⁾ 3 đ/c
Hải phù thạch 2 đ/c Bạch giới 5 phân Mộc thông, 2 đ/c, sắc uống.

258. Xích kim đậu.

Ba đậu sương (bỏ dầu, vỏ) nửa đ/c, Sinh phụ tử (sao qua) 2 đ/c,

Tạo giác (sao cháy) 2 đ/c, Kinh phấn 2 đ/c

Dinh hương, Mộc hương, Thiên trúc hoàng đều 2 đ/c.

Tán bột, tẩm dấm đất thành bánh, chưng chín làm viên, Chu sa 2 đ/c làm áo, dùng dấm, gừng, chè, mật, Hồi hương, Sứ quân tử sắc làm thang uống 5-7 viên.

259. Bảo long hoàn.

Chữa phong đờm nghẹt tắc, hoặc ho sốt, hoặc co giật.

Đóm tinh 4 lạng (chế kỹ 9 lần) ⁽¹⁾ Thiên trúc hoàng 1 lạng Hùng hoàng, Chu sa đều 5 đ/c Xạ hương 5 phân, nghiền riêng (giảm nửa cũng được) tán bột dùng Cam thảo thô 1 cân, sắc đặc quấy hồ làm viên, mỗi tẻ làm 20 viên, để khô trong bóng râm, liều uống 1-2 viên, chiêu với nước sắc Bạc hà.

- Một phương gia Ngưu hoàng 4 đ/c, gọi là Ngưu hoàng Bảo long hoàn.

- Một phương gia Hồ phách gọi là Hồ phách Bảo long hoàn.

260. Mai hoa tán.

Bàng sa, Mã nha tiêu ⁽²⁾ Mang tiêu thần sa đều 1 đ/c Nhân sâm 2 đ/c, Cam thảo 5 phân, Phấn nã nửa phân, Xạ hương 1 phân. Tán bột cho vào lọ sành cất kín, liều dùng nửa muống cà phê, dùng Mạch môn hoặc Bạc hà sắc làm thang mà uống.

261. Hồ phách tán.

Hồ phách	Ngưu bàng	Đóm tinh (bội)	Bạch phụ tử
Thiên ma	Cương tằm (sao đứt tơ)		Thanh phân,
Toàn yết	Thuyền thoái	Nhũ hương	đều 1 đ/c,
Chu sa 5 phân, tán bột, liều uống 1-2 phân, chiêu với nước sôi.			

262. Tả thanh hoàn.

Long đờm thảo	Dương quy	Xuyên khung	Phòng phong
Khương hoạt	Sơn chi	Dại hoàng,	
các vị bằng nhau, tán bột luyện với hồ gạo làm viên uống.			

263. Sinh tê tán.

Tê giác	3 đ/c,	Sài hồ,	Cát căn,	Xích thược
Địa cốt bì đều 1 lạng, Cam thảo đều 5 đ/c sắc uống.				

(1) Cách chế Đóm tinh: Dùng cái mặt bò, chích cho chảy bớt 1 nửa rồi dồn bột Nam tinh vào, treo chỗ râm mát ngày càng lâu càng quy.

(2) Mã nha tiêu: Cung 1 vị Phác tiêu chế luyện khi đổ vào chậu, phần ngưng kết bên dưới gọi là Phác tiêu, phần nổi bên trên cái cò gai gọi là Mang tiêu cái cò nanh như răng ngựa gọi Mã nha tiêu.

264. Hồng miên tán.

Ma hoàng (bò đốt), *Thiên ma*, *Kinh giới*, *Chích thảo* đều 2 đ/c, *Toàn yết* 7 con, *Tán bột* liêu uống 1 đ/c, dùng *Bạc hà* 2 lá, rượu 4-5 giọt, đổ nước vào sắc sôi hai ba dạo làm thang mà uống lúc còn nóng.

Nếu đậu chưa mọc thì uống thêm vài lần nữa.

265. Nhị diệu tán.

Hoàng bá (bỏ vỏ sao) *Thương truật* (tẩm nước gạo sao) hai vị bằng nhau tán bột uống.

266. Thất vị Long đờm tả can thang.

Sài hồ, *Trạch tả*, *Xa tiền* *Mộc hương*, *Long đờm thảo*
Quy thân, *Sinh địa* các vị bằng nhau sắc uống.

267. Gia vị Long đờm tả can thang.

Sài hồ 1 đ/c, *Nhân sâm*, *Hoàng liên*, *Thiên môn*
Mạch môn, *Long đờm thảo* (sao rượu) đều 5 phân.
Cam thảo, *Hoàng cầm* đều 7 phân, *Sơn chi tử*
Tri mẫu đều 5 phân, *Ngũ vị tử* 7 hạt, sắc uống.

268. Long đờm tả can thang.

Long đờm thảo, *Xa tiền* *Quy vị* *Mộc thông*, *Trạch tả*
Cam thảo, *Hoàng cầm*, *Sinh địa*, *Sơn chu*, các vị bằng nhau, sắc uống.

269. Tẩy tâm tán.

Chữa mắt sưng đau, nhiều nước mắt, sợ ánh sáng.
Ma hoàng (bò đốt), *Đại hoàng*, *Dương quy*
Bạch thược, *Kinh giới*, *Cam thảo* đều 8 phân.
Bạch truật 1,5 gia gừng tươi *Bạc hà* sắc uống.

270. Thuyền cúc tán.

Chữa đậu vào mắt hoặc sau đậu mắt có màng.

Thuyền thoái (bỏ bụng, sạch) *Bạch cúc hoa* hai vị bằng nhau gia tí mật sắc uống
ấm sau bữa ăn.

271. Tật lê tán.

Bạch truật lè 1 lạng, *Nam tinh* 1 lạng, dùng *Đậu đen* 2 vốc.
Thanh diêm 2 đ/c, đổ nước vào nấu kỹ, bỏ đậu phơi khô dùng
Cúc hoa 1 lạng, 5 đồng, *Phòng phong*, *Cương tàm*
Cam thảo đều 1 lạng, tán bột, liêu uống 2 đ/c với nước muối.

272. Tân bì tán.

Chữa đậu, sưng đau lở ngứa, mắt mờ, sợ ánh sáng.
Hoạt thạch, *Hoàng liên*, hai vị bằng nhau nấu lấy nước rửa mắt lúc thuốc còn nóng.

273. Kim lộ tán.

Chữa các chứng mắt đỏ sưng đau, màng mòng.

Thiên trúc hoàng, Hải phiêu tiêu (không phải ngâm rửa) *Nguyệt thạch* đều 1 lạng, *Chu sa* (thủy phi) *Lô cam thạch* loại có từng mảnh càng tốt, nung vào lửa than, tãi vào đồng tiện (lần 7 lần) thủy phi mỗi thứ 8 lạng. Tất cả tán bột mịn, cất kín vào lọ sành, mỗi lần dùng vài phân, cho thêm ít Băng phiến, chữa tất cả các bệnh về mắt đều được.

- Nếu chữa mắt có màng mòng thì cứ 1 đ/c thuốc gia Trần châu 8 ly, Đờm phân 3 ly, (cho Trần châu vào đậu phụ nấu chín)

- Nếu chữa mắt toét thì cứ 1 đ/c thuốc lại gia Đồng lục (ten đồng), Hồng đơn mỗi thứ 8 ly.

- Nếu chữa mắt sưng đỏ đau, cứ 1 đ/c thuốc gia Nhũ hương, Một dược mỗi thứ nửa phân.

274. Vọng nguyệt sa tán.

Chữa đậu, hai mắt mờ không được.

Cốc tinh thảo 5 đ/c, *Mật mông hoa* (rửa rượu) 5 đ/c,

Thuyền thoái 5 đ/c, *Vọng nguyệt sa* (tức phân thô) 1 lạng

Tất cả tán bột dùng gan heo đực 1 buồng, từng thủy gan heo dùng dao tre mổ ra độn thuốc vào chưng chín cho ăn cả nước lẫn cái, rất hay.

275. Mật mông tán.

Chữa sau đậu, nọc đậu chạy vào làm đau mắt.

Mật mông hoa 1,5 đ/c, *Hột hoa mào gà* 1 đ/c.

Hạt nuồng 1 đ/c, *Hột mã đề* 5 phân

Tán bột, dùng gan dê 1 miếng, mổ ra, độn thuốc vào gói kín, ngoài dùng giấy ướt bọc kỹ nướng chín cho ăn.

276. Thông thần tán.

Chữa nọc độc chạy vào mắt, sưng màng mòng.

Hoa cúc trắng 1 lạng, *Vỏ đậu xanh* 1 lạng

Cỏ diu trắng 1 lạng, Tán bột, cứ mỗi tuổi dùng 1 đ/c, Hồng khô 1 quả, nước vo gạo 1 bát cho vào sắc cạn, bỏ thuốc dùng Hồng mà ăn bất cứ lúc nào, mỗi ngày ăn hai quả,

Nhanh thì 5-7 ngày, chậm thì nửa tháng là khỏi.

277. Vạn thị Tứ thánh tán.

Đậu xanh *Đậu Hà lan* (đậu uẩn) đều 49 hột, đốt tồn tính

Trần châu, *Du đầu phát* (tóc người) 1 phân đốt tồn tính.

278. Tẩy can tán.

Xuyên khung, *Dương quy*, *Phòng phong*, *Khương hoạt*

Bạc hà, *Chi tử*, *Cam thảo* đều bằng nhau.

sắc uống xa bữa ăn.

279. Đạo xích thông khí tán.

Mộc thông Sinh địa Nhân sâm Mạch môn
Quy thân Xương hồ Cam thảo gia Đương sâm sắc uống.

280. Trừu tân ẩm.

Hoàng cầm, Trạc tả đều 5 phân, *Hoàng bá* đều 1-2 đ/c.
Chỉ xác, Mộc thông, Chỉ từ
Thạch hộc, Tế tân ba phân, sắc uống, người nóng bên trong thì nên uống nguội.

281. Mã minh tán.

Nhân trung bạch nướng 3 phân, *Mã minh thoái* (tục gọi giấy trứng tằm) đốt tồn tính 2 phân.

Ngũ bô từ 1 phân, *Phèn phi* một tí xiu, tán bột mịn, lấy nước vo gạo rửa sạch chỗ đau rồi rắc thuốc vào, rất hay.

282. Chỉ hán tán.

Nhân sâm, Bạch linh, Hoàng kỳ (sao mật)
Đương quy, Bạch truật, Chích thảo đều 1 đ/c.
thêm *Gừng, LDa mạch* sắc uống.

283. Lương cách tán. (Cúc phương)

Tả hòa của tam tiêu và 6 kinh.
Dại hoàng Phác tiêu Cam thảo đều 1 đ/c
Chỉ từ Hoàng cầm Bạc hà đều 5 phân
Liên kiều 1,5 đ/c *Trúc diệp* 7 lá, mật 1 thìa sắc uống.

284. Tiên phương hoạt mệnh ẩm.

Tức vài Thập tam vị Bại độc tán bỏ Bạc hà, Liên kiều chữa đau và mụn nhọt.
Bạch chỉ Hoàng phong Nhũ hương
Cam thảo Liên kiều Xích thược
Quy vĩ Hoa phấn Bạc hà
Tạo giác thích Bối mẫu đều 1 đ/c *Kim ngân hoa* 3 đ/c
Mộc đưộc Xuyên sơn (nướng cháy)
Trần bì 1 đ/c, rượu và nước sắc uống.

285. Thần ứng đoạt mệnh đơn.

Chữa phong tà làm cho đầu đã mọc ra lại hăm vào trong, công hiệu giống như bài Tam tô tinh, chọn ngày thiên y phương sinh khí à chế thuốc.

Thần sa, (loại có mặt bóng sáng) cho vào túi, cho *ma hoàng, Thông ma, Tử thảo, Liên kiều* cùng vào nồi, cho nước vào, dùng củi dâu nấu 1 ngày đêm, lấy *Thần sa* ra tán bột, lại lấy nước thuốc ấy (bỏ bã) cho bột *Thần sa* vào lại nấu cạn lấy 2 đ/c.

Ma hoàng dùng cả cành và đốt, tẩm mật và rượu sao sém 8 phân,
Thuyền thoái 3 phân *Tử thảo* 5 phân

Hồng hoa 5 phân *Son giáp* (sao rượu) 5 phân

Thiêm tử 3 phân

Tất cả tán bột, dùng dấm với rượu giã thuốc bột cho nhuyễn, chia làm 10 viên, trẻ đầy 5 dùng nửa viên, 2 tuổi dùng 1 viên, trẻ lớn cũng uống không quá 3 viên, uống với rượu đun nóng. Uống xong đắp chăn cho ra mồ hôi, mồ hôi ra được thì đậu khỏi.

286. Thái ấn cao.

Huyền sâm *Bạch chỉ* *Dương quy* *Nhục quế*

Dại hoàng *Xích thực* *Sinh địa* đều 1 lạng

Hoàng đơn 2 lạng *Dầu mè* 2 cân (32 lạng)

Trừ Hoàng đơn và dầu mè, các vị thái nhỏ, cho vào dầu mè ngâm, hè 3 ngày, đông 10 ngày, xuân thu 7 ngày, sau đó đun lửa vừa phải cho thuốc ngả màu đen (lọc bỏ bã) rồi cho Hoàng đơn vào, dùng cành liễu quấy cho đến khi nhỏ một giọt vào nước không tan là được, cho vào lọ cất dùng.

287. Tiền Thị Hoàng bá cao.

Hoàng bá 1 lạng *Đậu xanh* 2 lạng *Cam thảo* 3 lạng

dùng Yên chi hòa thành nước đặc đổ lên mí trên và mí dưới mắt.

288. Khổ sâm hoàn.

Khổ sâm 1 lạng *Bạch tật lê* *Hà thủ ô* *Ngưu bàng tử*

Kinh giới tuệ đều nửa lạng, tán bột, rượu khuấy hồ gạo làm viên nấu nước Trúc điệp làm thang tống.

289. Phép xông Nhân trần.

Nhân trần khô tán nhỏ, giã Táo cho nhuyễn làm chất dính luyện làm viên phơi khô, đốt cháy lấy khói mà xông.

290. Thần hiệu Dương quy cao.

Dương quy, *Sáp ong vàng* 1-2 lạng (sáp trắng giã nửa) *dầu mè* 6 lạng.

Sinh địa

Trước hết cho Quy, Địa mỗi thứ vào trong dầu nấu đến khi ngả màu đen thì vớt bỏ cái thô đi lại cho Dương quy, Sinh địa mỗi thứ 1 lạng vào nữa, đun đến khi xác thuốc cháy đen lọc bỏ bã, bấy giờ mới cho sáp ong vào hòa tan ngào đặc thành cao, dặt lên giấy mà giã vào chỗ đau, nếu chỗ đau có thịt thối thì cạo bỏ thịt thối, rửa sạch rồi dán thuốc vào càng chóng lên da non.

291. Ngọc thực chủ.

Chữa họng đau do phong nhiệt và chứng Triền hầu phong ⁽¹⁾

Nguyệt thạch ⁽²⁾ 5 đ/c *Nha tiêu* nửa lạng

Cương tàm 1 đ/c *Băng phiến* 1 đ/c.

Tán bột, mỗi lần dùng 5 phân, ống trúc xúc thổi vào họng.

(1) *Triền hầu phong*: phong quai nón.

(2) *Nguyệt thạch*: tức Băng sa (hàn thạch)

292. Xuy khẩu đơn.

Thuốc thổi chữa cam lở miệng.

Hoàng liên Thanh đại Nhi trà Phiến não
các vị bằng nhau, tán bột thổi vào miệng.

293. Thần thụ đơn.

Thuốc thổi chữa cam răng.

Khô phần 7 phần Xạ hương 1 phần.
Tán bột, dùng ống trúc thổi vào chỗ đau, rất hay.

294. Xát nha tán.

Thuốc xúc răng, chữa sau đậu do nọc độc chạy vào sinh cam răng.

Dồng lục⁽¹⁾ Hùng hoàng Ngũ bột từ
Khô hàn Hoàng liên Tế tân

Ô mai, dùng Toàn yết bọc kín lại đốt tồn tính.

Các vị bằng nhau, tán bột dùng xát vào răng.

295. Âm dương tán.

Từ kinh bì sao: 5 lạng. Độc hoạt bỏ đốt sao: 1 lạng. Xích thược - Bạch chỉ -
Xương bồ: đều 2 lạng. Sắc uống.

296. Cam lộ ẩm.

Tỳ bà diệp Sinh địa Thục địa Thiên môn
Mạch môn Hoàng cầm Thạch斛 Nhân trần
Chỉ xác đều 1 lạng, *Chích thảo* 5 phân sắc uống.

297. Hóa nặc thang.

Lô hội Thanh đại Xuyên khung Bạch chỉ
Vu di Hồ hoàng liên Xuyên hoàng liên Cóc đốt cháy

Các vị bằng nhau tán bột, nước mật heo khuấy hồ làm viên bằng hạt me, liều uống 20 viên, thang tổng bằng nước sắc Hạnh nhân.

298. Đại vi di thang.

Chữa cam tý⁽²⁾ phát sốt, khát nước, ăn kém, ỉa thất thường, bú nhiều, ham ăn đất.

Vu di Dương quy
Sơn chi đều 5 phần Bạch truật đều 4 phần
Sài hồ Phòng phong
Ma hoàng Hoàng liên đều 2 phần
Kương hoạt đều 3 phần Hoàng bá sắc chia 2 lần uống

(1) *Dồng lục*: tức oxyt đồng. Lấy cái mâm đồng đánh sạch, vắt chanh vào để ráo, úp xuống đất mấy hôm đem cao cái ten xanh ấy là dung đồng lục.

(2) Cam tý: Một trong năm chứng cam còn trẻ em (tâm, can, tý, phế, thận) do ăn bú không điều độ tý vị tổn thương mà sinh ra).

Chích thảo

299. Tứ vị Phỉ nhi toàn.

Chữa thực tích năm chứng can, mắt nhĩ mây màng, lở loét lợi răng, lở miệng, phát sốt, người gầy, bụng nổi gân xanh, nước đái trong.

Vu di sao Thần khúc sao Mạch nha sao

Hoàng liên các vị bằng nhau. Tán bột nước mật heo làm hồ viên bằng hạt gạo, liều uống 20-30 viên, sắc nước Mộc thông làm thang.

300. Cửu vị Lô hội hoàn.

Tác dụng tiêu cam sát trùng, hòa vị chỉ tả.

Hồ hoàng liên Lô hội hoàn Lô hội

Mộc hương Thanh đại Hạt sắt

Xuyên hoàng liên đều 1 lạng.

Thuyền thoái 20 con *Xạ hương* 1 đ/c

Nước mật heo khuấy hồ làm viên bằng hạt gạo, liều uống 20 viên, nước cơm làm thang.

301. Hóa ban thang.

Một tên Nhân sâm Bạch hổ thang, chữa ban đỏ miệng khô vật vã, cảm nắng và chứng do uống nhầm Quế chi thang ra nhiều mồ hôi mà phát phiền khát.

Nhân sâm 2 đ/c *Thạch cao* 5 đ/c *Tri mẫu* 2 đ/c

Cam thảo 1 đ/c *Gạo nếp* 1 vốc, sắc uống.

302. Sài hồ tứ vật thang.

Chữa chứng sốt đau bệnh sởi.

Sài hồ Dương quy Xuyên khung Sinh địa

Tri mẫu Bạch thược Nhân sâm Mạch môn

Địa cốt bì Hoàng cầm Dạm trúc diệp sắc uống.

303. An thai ẩm.

Nhân sâm Bạch truật Dương quy Thục địa

Trần bì Bạch thược Xuyên khung Cam thảo

Tử tô Hoàng cầm

Đều dùng 1 đ/c, thêm gừng sắc uống.

304. Bại độc tán.

Chữa đậu mới phát, sốt cao, độc nặng, đầu đau.

Thăng ma Cát căn Xuyên khung Phòng phong

Kinh giới Tía tô Khương hoạt Tiền hồ

Bạc hà Chỉ giới Cát cánh Thuyền thoái

Cam thảo Sơn tra Địa cốt bì Ngưu bàng tử

Thêm gừng sắc tới, cho vào 5 thìa nước chanh, uống nóng.

305. Lương huyết hóa độc thang.

Tử thảo 1 đ/c *Xích thước* *Hồng hoa*
Sinh địa 8 phần *Tô mộc* *Thiên ma* đều 2 phần
Ngưu bàng 4 phần *Phòng phong* *Cam thảo*
Sài hồ 8 phần *Kinh giới* đều 3 phần
Đơn bì 7 phần *Hoàng liên* thêm *Đảng sâm* và *Gạo nếp* sắc uống
Mộc thông.

306. Thược dược thanh can tán.

Chữa chứng mắt nhiều ghèn mí mắt khô khép kín, chói sợ ánh sáng, tia máu đỏ suốt trông mắt, tạng phủ bí kết.

Bạch truật *Xuyên khung* *Phòng phong* *Khương hoạt*
Cát cánh *Hoạt thạch* *Thạch cao* *Mang tiêu*
đều 3 phần

Hoàng cầm

Bạc hà

Kinh giới

Sài hồ

Tiền hồ đều 2,5 phần

Chi tử đều 2 phần

Cam thảo

Tri mẫu

Bạch thược

Dại hoàng 4 phần, sắc uống nóng sau bữa ăn.

307. Hóa thần hoàn.

Chữa ban sởi trắng đỏ, miệng lở.

Hoàng liên 5 đ/c *Thực tiêu* (bỏ những hạt ngậm miệng sao qua)

Khổ luyện căn bạch bì đều 3 đ/c, tán bột, dùng *Ô mai* to 7 quả, bỏ hạt sắc nước ngâm tẩm ô mai, giã ô mai cho nhuyễn làm hồ viên thuốc bột, lại dùng ngâm làm nước thang tùy trẻ lớn bé mà cho uống.

308. Sinh địa hoàng thang.

Sinh địa 5 đ/c, *Địa du* 7,5 đ/c, *Chích thảo* 2,5 đ/c sắc uống lúc đói
ngày 2 lần sáng và chiều.

309. Sài hồ mạch đông tán.

Sài hồ 2,5 đ/c *Dâm thảo* 1 đ/c *Mạch môn* 3 đ/c

Cam thảo, *Nhân sâm*, *Huyền sâm* đều 5 đ/c

Giã nát, liêu dùng 3 đ/c, nước một bát to sắc cạn còn 6 phần cho uống từ từ bất cứ lúc nào.

310. Tiêu độc tán.

Hoa kinh giới, *Chích thảo* đều 1 lạng, *Ngưu bàng* 4 lạng giã sao.

Tất cả tán đập, liêu dùng 3 đ/c, nước 1 bát sắc còn 7 phần, uống từ từ bất cứ lúc nào.

311. Tẩy can minh mục tán.

Chữa đau mắt sau đậu.

Dương quy Khương hoạt Sài hồ Sơn chi Móc tặc
Long đởm Xuyên khung Mật mông hoa Phòng phong
tán bột, lần uống 1 đ/c, chiều với nước đường nhạt.

312. Hóa nặc hoàn.

313. Quế chi cát căn thang.

Giải tán hàn tà.

Quế chi Cát căn Thăng ma Xích thược
Phòng phong Cam thảo đều 1 đ/c, gia gừng 3 lát
Dạ mị 1 đ/c, nước 1 bát sắc còn 7 phần, uống ấm bất cứ lúc nào.

314. Tử thảo cam.

Chữa đau đầu, tím, đen, hăm, tạm dùng bài này.

Tử thảo nhưng, *Bạch phụ tử*, *Ma hoàng* (bỏ đốt, đổ nước sôi vào vớt bỏ bọt phơi khô dùng)

Chích thảo đều nửa lạng, *Cương tâm* sao, *Toàn yết* đều 7 con. Tất cả tán nhỏ, dùng mật ong 1 lạng. Rượu tốt nửa bát. Trước hết nấu riêng *Tử thảo* cô thành cao rồi cho bột thuốc kia làm viên to bằng hạt bồ kết, liêu dùng 1 viên, nấu nước tử thảo làm thang, sau đó dùng thuốc điều bổ.

Nếu chữa kinh giật thì dùng vàng thép làm áo bao viên thuốc và dùng nước bạc hà làm thang.

315. Nhân sâm Định suyễn thang.

Chữa phế khí xung lên thành suyễn, trong họng nghe có tiếng dờm, nằm ngồi không yên, ngực tức cứng và chứng phế cảm thụ hàn tà sinh ho nặng tiếng.

Nhân sâm Ma hoàng A đao
Ngũ vị tử Túc xác Cam thảo đều 8 phần
Tang bạch bì nửa đ/c *Nước* 1 bát *Bán hạ* khưc
Gừng ba lát sắc còn 8 phân, cho uống sau bữa ăn.

*
* *

NHỮNG PHƯƠNG THUỐC CHỦ YẾU CHỮA ĐẬU DƯỚI ĐÂY

Có 51 phương của Cảnh Nhạc

1. Giải thuốc biểu. 9 phương.

- Lúc mới phát sốt, các nhà đều dùng bài *Thăng ma cát căn thang* {(1)}, họ Trình thì dùng *Tô cát căn thang* (20) tựa như đã thỏa đáng. Tôi lại dùng *Sài quy ẩm* (21) để

chiếu cố cả dinh vệ mới thỏa đáng hơn, tùy chứng chọn dùng.

- Phàm chứng dinh huyết hư biểu tà không giải, nên dùng *Sài hồ ẩm*

Sài hồ 3 đ/c *Dương quy* 2 *Thục địa* 3

Bạch truật 3 *Chích thảo* 1 *Trần bì* (hoặc không dùng)

Bạch thược nửa (sao) sắc uống. (xem thêm *Sài hồ ẩm*/237 trước).

Gia giảm

Có rét, hàn gia Quế

Khí hư gia Sâm

Dau đầu gia Xuyên khung,

- Chứng dương khí hư hàn, biểu tà không giải, dùng *Sài cát quế chi thang* (239).

- Nguyên khí vốn khỏe mà tà không giải, nên dùng *Sơ tà ẩm* (19) hoặc *gia giảm Sâm tô ẩm* (55).

- Hàn khí thắng mà biểu không giải dùng *Ngũ tích tán* (69) hoặc *ma hoàng Cam thảo thang* (116).

2. Thuốc thanh hòa giải độc. 20 phương.

- Phàm dùng thuốc giải thực nhiệt nếu muốn giải độc thanh hòa lại kiểm dưỡng dinh huyết thì dùng *Tứ vị Tiêu độc ẩm* (100) là tốt nhất hoặc dùng *Thử niêm tử thang* (37) cũng tốt.

- Nhiệt độc thịnh bên trong không hóa độc được, dùng *Sưu độc tiễn* (24)

- Sốt vật vã khát, tiểu tiện không thông lợi, dùng *Đạo xích tán* (33) hoặc *Lục nhất tán* (34).

- Huyết nhiệt nổi ban đỏ vật vã khát nhiều, dùng *Tê giác tán* (146).

- Nhiệt tai âm phận mà xuất huyết, dùng *Huyền sâm Địa hoàng thang* (195).

- Nóng trong không thanh giải được, dùng *Lương cách tán* (23) của Lý Đông Viên.

- Đại tiểu tiện đều bí mà hòa lại thịnh bên trong, dùng *Thông quan tán* (32).

- Nhiệt độc kết tụ bên trong, tiểu tiện bế tắc, nổi ban đỏ hoặc nổi mụn nhọt, dùng *Dại Liên kiều ẩm* (25).

- Sốt vật vã, dễ kinh sợ, tinh thần không yên tĩnh, dùng *Thất vị an thần hoàn* (36).

- Nhiệt độc bên trong nặng muốn phát cường, dùng *Thoái hỏa đơn* (68).

3. Thuốc kiềm giải biểu lý. 5 phương.

- Trong ngoài đều có nhiệt tà, dùng *Sài cát tiễn* (17) hoặc *Sài hồ mạch đông thang* (38).

- tà ở lý nặng, ở biểu nhẹ, dùng giải độc *Phòng phong thang* (152).

- Biểu lý đều có tà kiềm nguyên khí hư, dùng *Thực biểu giải độc thang* (64).

- Biểu lý thực nhiệt dùng bài *Song giải tán*.

4. Thuốc thác lý giải biểu. 6 phương.

- Phàm chứng nên bổ nguyên khí lại kiềm giải độc, nếu khí huyết đều hư mà tà

không giải, dùng Lục vật tiễn (63) hoặc Thác lý tán (89).

- Nếu hư hàn không thông đạt được ra biểu, lại muốn kiêm thác lý nữa, nên dùng bài Sâm Kỳ nội thác tán (16) hoặc bài Thập tuyên tán (57)

- Khí bị hư hàn mà tà không thấu phát ra được, dùng bài Lục khí tiễn (72). - Khí huyết lưỡng hư, không phát sốt lên được dùng bài Tử thảo khoái ban thang (136)

5. Thuốc điều bổ. 16 phương.

Phạm thuốc bổ, đều là những bài thuốc mà trong môn chữa đậu dùng bởi bổ nguyên khí, trừ tà, thác độc. Để thấy chứng thuộc hư, là ắt phải dùng những bài này làm chủ.

- Khí không đủ, dùng bài Điều nguyên thang (176).

- Khí hư chữa nên ôn khí, dùng Bảo nguyên thang, (61) hoặc Lục khí tiễn (72).

- Khí hư sốt nhẹ, nên kiêm lương giải, dùng Sâm Kỳ Tứ thánh tán (Nhân sâm, Hoàng kỳ, bạch truật, Dương quy, Xuyên khung, Bạch thược, Bạch linh đều 5 phân, Tử thảo, Phòng phong, Mộc thông đều 3 phân sắc uống).

- Huyết hư dùng tứ vật thang (27) hoặc Khung quy thang (65).

- Huyết phận hư hàn cần phải ôn tán, dùng Ngũ vật tiễn (94).

- Huyết hư huyết trệ, dùng Dưỡng huyết hóa ban thang chuyên chữa bạch chẩn bạch đậu: (Dương quy, Nhân sâm, Sinh địa, Hồng hoa, Thuyền thoái) các vị bằng nhau, thêm gừng 1 lát, nước 1 bát sắc còn 6 phân, uống ấm bất cứ lúc nào.

- Khí hư huyết nhiệt nên kiêm giải độc, dùng Lương huyết dưỡng vinh thang (119).

- Khí huyết đều hư, dùng Lục vật tiễn (63) hoặc bát trân thang (111)

- Khí huyết hư hàn cần đại ôn bổ, không có bài nào hơn bài Cửu vị Dị công tiễn (96) Lục vị Hồi dương ẩm (98).

- Chỉ hư hàn kiêm khí trệ, nên dùng bài Trần thị Thập nhất vị Mộc hương tán (121), Thập nhị vị Dị công tán (97), nếu lưỡi dùng thuốc bột thì nhiều khi không cứu kịp.

6. Thuốc công hạ. 4 phương.

Phép công hạ không phải là phép chữa đậu không dùng đến, nhưng trường hợp bất đắc dĩ mới dùng chứ không phải là phép thường

dùng, không không nên coi thường.

- Nếu huyết hư bí kết đại tiện không thông, dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (29).

- Lý thực trệ nhiều bí kết, dùng Tiên hồ chỉ xác thang (30).

- Biện lý đều thực, đại tiện không thông, dùng Sài hồ ẩm tử (14).

- Huyết nhiệt độc thịnh đại tiện bí, dùng Dương quy hoan (106).

HẾT QUYỂN NHÂM

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LINH

Quyển thứ 43

MỘNG TRUNG GIÁC ĐẬU/ QUÝ

CÁC PHƯƠNG PHÁP CHẾ SẴN DÙNG NGOÀI

Gồm 74 phương

1. Hii đậu thân phương. Phương thuốc gia truyền phòng bệnh đậu 16 đời không bị bệnh đậu,

Chu sa (chọn thứ sáng, bóng, sạch) 1 đ/c

Xạ hương (thứ thiệt) 5 ly

Hạt thầu dầu tía (chọn hạt trắng, mập, bóc bỏ vỏ,
dùng giấy bản gói lại, ấn bỏ đầu) 36 hạt.

Tất cả nghiền nát như bùn, dùng cây bút lông mới, quét thuốc trét lên trước sau mỏ ác lòng bàn tay, lòng bàn chân, hai khủy tay, hai khoeo chân, mỗi chỗ trét rộng bằng quân cơ, cứ để tự nhiên nó khô nó bong mà không rửa, chỉ trét thuốc vào giữa trưa ngày 5 tháng 5 âm lịch mới có hiệu quả

Trét thuốc này được 1 năm thì nếu bị lên đậu chỉ lên vai mười mụn, trét được hai năm thì nếu có lên chỉ vài ba mụn, làm được ba năm liền thì tuyệt không phát.

Tiên sư bởi lòng từ tâm không nỡ để làm của riêng, muốn đưa ra cứu giúp người đời. Người dùng cần phải biết trân trọng làm gia bảo và đem cứu giúp mọi người.

2. Thân công tiêu độc bảo anh đơn. Bài này tiêu độc đậu, nếu uống được 6 lần trong ba năm, độc sẽ tiêu diệt hết, quyết không phải lo nữa.

Triền đậu dướng 1 lạng, nam đ/c, thứ đây này khoảng tháng 8, bằm ở cánh đậu lông, đầu xây xoắn lại như dây tơ hồng đỏ là đúng, chọn cát lấy đem về phơi râm, thuốc hay ở vị này.

<i>Thang ma</i>	7,5 đ/c	<i>Sơn tra nhue</i>	1 lạng
<i>Sinh địa</i>	1 lạng	<i>Xuyên Độc hoạt</i>	2 đ/c
<i>Ngưu bàng (sao)</i>	1 lạng	<i>Cam thảo</i>	5 đ/c
<i>Đậu đen</i>	30 hạt	<i>Đậu đỏ</i>	70 hạt
<i>Dương quy</i>	5 đ/c	<i>Xích thược</i>	5 đ/c
<i>Cát cánh</i>	5 đ/c	<i>Liên kiều</i>	7 đ/c
<i>Thần sa (phì)</i>	5 đ/c	<i>Hoàng liên</i>	5 đ/c
<i>Phòng phong</i>	5 đ/c	<i>Kinh giới</i>	5 đ/c

Dây mướp đắng 1 khúc dài 5 tấc, thứ đã trồng được 1 năm, qua mùa sương giăng, đốt tồn tính.

Các vị trên tán nhỏ, trộn đường cát làm viên bằng hạt mận, liền uống 1 viên, sắc lấy nước Cam thảo làm thang.

Trẻ em 1 tuổi, cứ ngày xuân phân cho uống 1 viên.

3. Mai anh hi đậu hoàn

Hoa mơ 7 đóa, nghiền nát

Chu sa (thủy phi) 1 đ/c

Ngày trừ tịch (tức đêm cuối năm) hòa uống với đường cát, năm sau nếu có đậu cũng mọc thưa. Nếu uống được hai lần (2 năm thì có thể miễn bị bệnh đậu).

4. Hỷ đậu long phương cao.

Dia long (tức trùn đất) 1 con, loại bé, sắc đỏ hồng, có khoan cổ là tốt *Trứng gà qua* (gà đen) 1 quả.

Cách làm. Lấy que chọc 1 lỗ trên trứng gà, cho trùn vào trong, giấy bần trét hồ dán kín miệng, hấp trên nồi cơm chín đen ra bỏ trùn lấy trứng cho trẻ ăn.

Mỗi tuổi cho ăn 1 quả vào ngày Lập xuân (tức 4 hoặc 5 tháng 2 dương lịch) thì suốt đời không bị lên đậu. Nếu gặp mùa lên đậu thì làm cho trẻ ăn vài quả, rất hay, hoặc cho ăn vào ngày xuân phân (21 hoặc 22 tháng 3 dương lịch) cũng được.

5. Hỷ đậu thử nhục thang. Bắt chuột dực to béo, lột bỏ da lông, moi bỏ hết ruột gan rửa sạch, nấu với sa-nhân cho chín như nêm muối mà ăn. Đậu sẽ mọc ít, khi đậu chưa mọc thành vầng cho ăn thử này càng hay.

6. Hỷ đậu tức ngư phương. Mua cá diếc, không cứ to nhỏ, đánh vẩy mổ bỏ ruột, để y không rửa nước, rau mĩ (ngô ta, ngô ri) thái nhỏ, trộn tí muối đồn vào bụng cá, lấy dây cột lại, nướng chín cho trẻ ăn dần dần.

Có tác dụng giải độc đậu rất tốt.

Chú ý, cần chôn kỹ vẩy, ruột và xương cá.

7. Hỷ đậu hà môn phương. Vào tháng 8 âm lịch, bắt cóc to con, cắt đầu lột da, bỏ xương, lấy thịt, nấu với dầu mè cho chín nêm muối vào mà ăn. Ăn được 10 con thì đảm bảo không sợ lên đậu.

8. Tứ thoát tiễn. Xào ve sầu, vỏ trứng gà đập đã nở, móng tay chân cha và mẹ bệnh nhi (thuyền thoái, Phương hoàng y, Thân tiên thoát).

Bốn thứ trên liều lượng bằng nhau, sấy khô tán nhỏ, luyện mật làm viên. Hằng năm cứ đến 30 tết thì cho trẻ ăn 1 viên, uống được ba năm thì vĩnh viễn không bị lên đậu.

9. Hỷ đậu kê dẫn phương. Nuôi 1 con gà mái vàng, không cho gần gà trống, đến khi nó đẻ trứng thì đánh số thứ tự từ 1 đến 7 (không được viết chữ vào trứng) cất kỹ, không cho ruồi muỗi sáu bọ bầu vào, mùa 7 cái giỏ con mà đựng, dùng dây buộc thẻ tre nhỏ làm dấu hiệu, cất ở góc nhà phía đông không cho nữ giới lại gần. Đến ngày 1 tháng chạp thì bắt đầu ngâm và hồ xí phía đông, mồng 1 ngâm trứng thứ nhất, mồng 2 ngâm trứng thứ hai... mồng 7 ngâm trứng thứ 7, sáng ngày mồng 8 bắt đầu lấy trứng thứ nhất (theo dấu hiệu thẻ tre), cho vào nồi đất, đổ nước luộc trứng cho chín, cho trẻ ăn lúc đói. Ăn bảy ngày hết 7 trứng ấy thì suốt đời không lên đậu mà người lại khỏe. Công hiệu không tả xiết.

10. Huyền thổ đơn. *Huyền sâm* 5 lạng, dùng chày gỗ, giã nhừ, phơi khô tán nhỏ. Thổ ty từ 10 lạng, rửa sạch, phơi khô tán nhỏ. Hai vị đều khiêng đồ sắt, đường đen luyện hoàn bằng hạt nhãn, ngày uống ba viên với nước đường cát.

11. Hỷ đậu Ô ngư thang. Ngày 30 tháng chạp lúc sắp tối, bắt một con cá lóc (bé thì hai con) nấu lấy nước mà rửa cho trẻ từ đầu đến chân, không nên vì nước cá tanh mà dùng nước trong rửa lại, nếu không tin thì để lại một bên không rửa, khi lên đầu, những chỗ rửa sẽ mọc đậu nhiều hơn.

12. Ma du xát pháp. Gặp khi có dịch đậu nghiêm trọng thì cứ mỗi tối trước khi đi ngủ, cha mẹ lấy ngón tay giữa nhúng dầu mè mà xoa xát vào đầu, trán, gáy, lưng, eo lưng, hai cổ tay chân của trẻ rồi cho trẻ đi ngủ.

Đó là ý nghĩa thang thoát ngứa trẻ.

13. Hỷ đậu bảo anh đơn.

<i>Triều đậu dăng</i>	4 lạng (xem chú thích bài số 2)		
<i>Tử thảo nhung</i>	4 lạng (rửa rượu, kỵ sắt)		
<i>Phòng phong</i>	2 lạng	<i>Thăng ma</i>	4 lạng
<i>Kính giới tuế</i>	2 lạng	<i>Ngưu bàng tử</i>	2 lạng (sao)
<i>Thảo tiêu</i> (ngọn cam thảo)	2 lạng	<i>Chu sa</i>	3 đ/c
<i>Thiêm trúc hoàng</i>	1,2 đ/c	<i>Thiêm tô</i>	1,2 đ/c

Đậu đỏ, đậu đen, đậu xanh mỗi thứ 50 hạt. Các vị trên (trừ Chu sa) tán nhỏ, dùng Tử thảo ba lạng, cho bát nước sắc đặc còn nửa bát, cho vào nửa chén đường cát trộn đều làm chất dính mà luyện hoàn bằng hạt đậu đỏ, Chu sa thủy phi làm áo.

Đậu chưa mọc sắc nước Cam thảo làm thang, mỗi 1 viên thuốc cho uống, người lớn mỗi hai viên, như đã phát sốt dùng gừng nấu nước làm thang mà mỗi thuốc cho uống, uống xong đắp mền nằm 1 lúc cho ra mồ hôi thì đậu sẽ mọc thưa hơn, nếu đậu nhẹ có thể tan mà không mọc nữa.

Nếu đã kiến điểm mọc rất dày thì nấu nước Cam thảo mỗi 1 viên cho uống cũng nhẹ bớt đi, nhưng không nên cho uống nhiều quá.

14. Khinh ban tán. Chứa đậu chưa kiến điểm, uống nó đậu nhiều sẽ ít, đậu ít sẽ không còn.

Quả mướp, lấy chỗ gần cuống 3 tấc, để vỏ, hạt, đốt tồn tính tán nhỏ, Chu sa thủy phi 5 phần, tán mịn, dùng đường cát hòa nước sôi làm thang mà uống với thuốc.

15. Bại độc tán. Chứa đậu mới phát, sốt dữ dội.

<i>Thang ma</i>	<i>Cần cát</i>	<i>Tia tô</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Khương hoạt</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Kính giới</i>	<i>Tiên hồ</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Bạc hà</i>	<i>Chỉ xác</i>	<i>Sơn trà</i>
<i>Thuyền thoát</i>	<i>Ngưu bàng tử</i>	<i>Địa cốt bì</i>
<i>Cam thảo</i>		

Thêm gừng sắc xong chế vào 5 thìa nước bành, cho uống lúc đang còn ấm.

16. Tô giải can. Chứa đậu mới phát sốt, độc nhiều, có các chức đau đầu, đau lưng, đau bụng.

<i>Tia tô</i>	<i>Cần cát</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Kính giới</i>	<i>Bạch chỉ</i>	<i>Tử thảo</i>

<i>Thuyền thoái</i>	<i>Thăng ma</i>	<i>Ngưu bàng</i>
<i>Mộc thông</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Dãng tâm</i>

Thông bạch (tức hành bóc trắng)
sắc cho uống

17. Gia vị Cát cân thang. Chứa đậu mới phát, phát sốt, nói nhảm.

<i>Thăng ma</i>	<i>Cát cân</i>	<i>Xích thược</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Cát cánh</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Ngưu bàng</i>	<i>Mộc thông</i>
<i>Kinh giới,</i>	<i>Liên kiều</i>	

sắc uống.

18. Độc thảng tán. Còn có tên Doạt mệnh đơn, chứa đậu không cương, hoặc tím đen, hoặc đào hãm, đào áp.

Xuyên sơn giáp tẩm rượu sao phòng 3 đ/c, chọn vẩy mà tím mà ở hai chân trước là tốt.

Xạ hương 1 phân.

Tất cả tán nhỏ, liều dùng 4 - 5 phân, trẻ em thì 1 - 2 phân.

Sắc mộc hương làm thang, chế thêm rượu mà uống,

Sốt cao thì sắc *Từ thảo* làm thang.

19. Thang hoa tán. Phương bí truyền trong Phùng thị cấm nang chứa đậu mới phát, dày độc ra rất hay.

Xuyên sơn giáp tẩm nước đất sét sao vàng 1 lạng, dùng vẩy ở đầu và chân trước là tốt.

Hồng khúc 1 đ/c sao qua,

Tán mịn, dùng máu mào gà trống, trộn với rượu làm thang mà uống với thuốc, người lớn mỗi lần uống hơn đ/c, trẻ con thì một nửa,

Bài này hay hơn bài trên, bởi vì bệnh đậu, dùng *Xạ hương* phải thận trọng.

20. Ô kim cao. Chứa đậu do phong hàn mà không mọc, hoặc đỏ tím, hoặc kinh giạt.

Cương tâm (rửa rượu) *Toàn yết* (rửa rượu, bỏ chân và đuôi)

Cam thảo

Từ thảo đều 5 phân,

Ma hoàng...

Bạch phụ (vị đắng, bên trong màu trắng là đúng)

Xuyên Sơn giáp (sao) 2,5 đ/c,

Thuyền thoái 2 đ/c, bỏ đầu, chân,

Các vị tn nhỏ, lấy *Hồng hoa*, *Từ thảo* mỗi thứ 1 lạng, rượu ngon một bát sắc còn một nửa, lọc bỏ bã, chế thêm 5 lạng mật ong vào bắc lên lửa mà cô đến độ thủy thành châu hoàn với thuốc liều dùng 1 viên, sắc cỏ bắc làm thang tống.

21. Thất chân thang. Chứa đậu không cương, không mủm.

Dâm dương hoặc 3 phân, (dùng nhiều sẽ ngứa).

Nhân sâm 8 phân,
Xuyên sơn giáp (thổ sao) 3 phân, *Hoàng kỳ* 1,5 đ/c
Xuyên khung 5 phân (rửa rượu) *Cam thảo* 5 phân.
Xuyên quy 8 phân, gia *Gừng*, táo, gạo nếp sắc uống.
 Một phương gia *Mộc hương* 2 phân.

22. Trợ dương đơn. Chứa đậu bằng tẹt không nổi mụn, gốc nốt đậu không đỏ.

<i>Hoàng kỳ</i> (sao rượu)	1 đ/c	<i>Nhân sâm</i> (sao rượu)	1 đ/c
<i>Xuyên khung</i>	1 đ/c	<i>Bạch thược</i>	1 đ/c
<i>Dương quy</i>	1 đ/c	<i>Hồng hoa</i>	5 phân
<i>Trần bì</i>	8 phân	<i>Quế tốt</i>	7 phân.

Gia gừng táo sắc uống, một phương gia *Bồ kết* gai 7 phân.

23. Thiêm tô hoàn. Chứa đậu không mọc, hoặc đỉnh nốt đậu lõm sâu xuống, cũng chứa cả kinh phong,

<i>Thiêm tô</i>	1 phân	<i>Ngưu hoàng</i>	3 phân
<i>Hùng hoàng</i>	3 phân	<i>Trần châu</i>	3 phân
<i>Chu sa</i>	5 phân	<i>Răng người</i>	1 cái

Tán bột, dùng sữa người làm hồ luyện viên bằng hạt gạo, *Nhân sâm* nấu lấy nước làm thang tống.

Chứa kinh phong thì gia *Toàn kết*, *Cương tâm*.

24. Bồ tỳ khoải ban thang. Chứa đậu không mọc ở tay chân.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoàng kỳ</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Phòng kỷ</i>	<i>Nhục quế</i> (bỏ vỏ ngoài) sắc uống.

25. Nhân nha tán. Chứa đậu hắc hăm hoặc đỏ tía ban đen, nghiêng răng, rét run.

Răng người, đốt tồn tính, tời vào nước lá he ba lần, tán bột.

Xạ hương 1 phân, hoặc gia *Hồng khuse* 2 phân, dùng máu mào gà vào sữa, rượu, mỗi thứ nửa chén, cho thêm hành vào sắc lấy nước làm thang, liều uống 2 phân thuốc, không được uống nhiều uống nhiều thì dương khí sẽ xuất ra hết ở biểu, chứa đậu ngoài vỡ loét không có sắc máu, trang thì hàn khí gây ỉa chảy phải gấp dùng *Tứ quân tử* thang gia *khung Quy* sắc uống.

26. Tử thảo cam. Chứa đậu, đỉnh nốt đậu đỏ tím hoặc hắc hăm.

<i>Cương tâm</i> rửa rượu	5 đ/c	<i>Toàn yết</i> rửa rượu, bỏ đầu đuôi,
<i>Ma hoàng</i> , không bỏ đốt, đều 1 lạng,		
<i>Bạch phủ tử</i> (sao qua)	5 đ/c	<i>Tử thảo</i> 1 lạng
<i>Xuyên sơn giáp</i>	3 đ/c	<i>Thuyền thoái</i> 3 đ/c rửa rượu,
<i>Thiêm tô</i>	1 đ/c	bỏ đầu đuôi.

Tất cả tán bột, để riêng 1 lạng *Tử thảo*, sắc đặc lọc bỏ bã, cô thành cao, lại cho mật ong vào 2 lạng rượu nửa chén, luyện với thuốc trên làm viên bằng hạt đậu xanh, tẻ 3 - 4 tuổi uống 1 viên, như đậu sắc hồng tím hắc hăm thì nấu nước *Tử thảo* làm thang mà uống, nếu sắc hạt nhạt trắng màu tro, hăm xuống thì dùng rượu làm thang.

27. Lương huy hóa độc âm. Chữa đậu mới mọc mà đỉnh đậu đen sém

Quy vĩ *Xích thước* *Sinh địa*

Mộc thông *Liễn kiều* *Cát căn*

Hồng hoa *Từ thảo* *Ngưu bàng*

Sơn đậu cân sắc nước, đốt phân người thành than lấy 1 đ/c uống với thuốc.

28. Đoạn mệnh ngũ độc đơn. Chữa đậu hắc hãm, đào áp, khô khan không cương lên được, thần hiệu.

Thiêm tô tí chút *Ngưu bàng* 2 phân

Chu sa 3 phân *Hùng hoàng* 3 phân

Băng phiến 2 phân.

Tất cả tán mịn, dùng mẩu đuôi heo con luyện làm viên bằng hạt mè, liều uống 1 viên, chiêu với nước sắc Bạc hà. Đậu sẽ chuyển sang màu đỏ tươi.

29. Hà Hiệu Chu thiên tán. Chữa đậu hắc hãm, đỉnh đậu cứng, mắt trực thị, bụng trướng, suyền thờ gập, phát co giật.

Thuyền thoái 5 đ/c, rửa rượu,

Địa long (tức trùn đất) 1 lạng (bỏ đốt)

Tán nhỏ, liều trẻ em lớn nhỏ sắc nhũ hương làm thang tống.

30. Đại Bảo nguyên thang. Chữa đậu, đỉnh lồi xuống, gốc ổ tuy đỏ mà da mềm lại mỏng, đây là huyết cố dư mà khí bất túc.

Hoàng kỳ 3 đ/c *Nhân sâm* 1 đ/c *Cam thảo* 1 đ/c

Quan quế 1 phân *Bạch truật* 1 đ/c *Xuyên khung* 1 đ/c

31. Nhân sâm Quy kỳ thang. Chữa đậu, đỉnh nó không nhỏ, huyết không đỏ, trơn, hoặc thành nước mù mà da mềm sắc trắng, đây là chứng khí huyết bất túc.

Hoàng kỳ 1,5 *Nhân sâm* 1 đ/c *Dương quy*

Xuyên khung đều 1 đ/c *Cam thảo* 8 phân *Quan quế* 3 phân

Sơn tra ngâm với nước gạo nếp 8 phân, *Hồng hoa* tẩy rượu 3 phân.

Thêm gừng, sắc uống.

32. Sinh mạch kiện kỳ thang. chữa đậu, nước mù đã thành, da mềm sắc trắng đỏ là khí bất túc phải bổ khí, huyết bất túc, khí bất túc phải bổ khí, huyết bất túc phải bổ tỳ, hễ tỳ vượng lên thì huyết sinh, đây là củng cố phần bản.

Dương quy

Xuyên khung

Bạch thước ngâm nước gạo nếp sao đều 8 phân,

Bạch truật

Phục linh 5 phân *Từ thảo* 4 phân (rửa rượu) hoặc giá

Hồng hoa 3 phân *Gừng* 1 lát, *Táo* 1 quả

Gạo nếp 50 hạt *Nhân sâm* 1 đ/c

Sắc uống.

33. Quế chi giải độc thang. Chữa đậu, gập lúc trời lạnh dữ, dùng thuốc này để phát tán.

<i>Quế chi</i>	<i>Xích thước</i>	<i>Kinh giới</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Nhân sâm</i>	<i>Ngưu bàng</i>
<i>Ma hoàng (rửa rượu sao)</i>	<i>Phòng phong</i>	<i>Khuông hoạt</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Xuyên khung</i>	<i>Gừng tươi.</i>

Sắc uống.

34. Dương quy thang. Chữa đở mồ hôi trộm

<i>Dương quy</i>	<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Sinh địa</i>
<i>Mạch môn</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Hoàng liên</i>
<i>Bạch thược</i>	<i>Phù tiểu mạch</i>	

Dùng tim heo nấu lấy nước đó mà sắc uống.

35. Bạch truật cao. Bổ khí trung tiêu tỳ vị, chữa chứng đở mồ hôi. Dùng Bạch truật, ngâm nước gạo nếp 1 đêm rồi đem hấp trên nồi cơm, rồi đem phơi khô, củ ngâm, hấp, phơi khô như vậy 3-4 lần, đem sao rồi cho nước vào, sắc lấy hai nước đầu, lọc bỏ bã, cô thành cao, uống với nước sôi, hư nhiều thì nấu Nhân sâm lấy nước làm thang.

36. Trị trung tán. Chữa tả lỵ hư hàn, ăn uống không được.

<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Nhân sâm</i>	<i>Dương quy</i>	<i>Bạch truật</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Xuyên khung</i>	<i>Nhục quế</i>	<i>Nhục quả</i>

bọc bột gạo, nướng chín, thái lát mỏng, lấy giấy bản gói lại, ép bỏ dầu, đều 5 đ/c.

Dinh hương 1,5 đ/c *Mộc hương* 3 đ/c

Tán nhỏ, liều uống 1 phân/mỗi tuổi, thang tổng bằng rượu ngon.

37. Bạch truật điều nguyên tán. Túc Sâm linh Bạch truật tán gia giảm, chữa vị, ăn ít, kiềm có ỉa chảy.

Nhân sâm

Bạch truật

Phục linh *Cát cánh* 8 phân

Cam thảo (sao, đều 1,5 đ/c) *Ý dĩ* 8 phân

Biến đậu *Sa nhân* 7 phân

Liên nhục (bỏ tim)

Sơn duộc

Tán nhỏ, liều uống 1 đ/c, hoặc 5-6 phân, dùng táo hoặc gừng nấu nước làm thang tổng.

38. Kiên cường thang. Chữa đậu, ỉa chảy không cầm.

Hoàng kỳ 1 đ/c *Bạch truật* 1 đ/c *Sơn tra* 7 phân

Xuyên khung, Trần bì đều 5 phân *Thăng ma* 2 phân

Nhục quả 1 đ/c *Táo* 3 quả

sắc uống

39. A giao trú xa hoàn.

Dương quy 2 lạng *Hoàng liên* 4 lạng, *Can khương* 1 lạng.

Ba vị tán nhỏ, A giao sao phồng, chế dấm vào đun quấy hồ, luyện hoàn bằng hạt Ngô đồng, liều uống hai chục viên, uống với nước cơm trước bữa ăn. Trẻ em thì nghiền nát cho uống ngày hai lần.

Bài này chữa sau đậu sinh chứng đi lỵ ra máu mủ và chất như bã đậu.

40. Vị phong tán.

Chữa đậu, đi lỵ ra máu mũi.

Nhân sâm Bạch truật Phục linh Quế tốt

Xuyên khung Dương quy Bạch thực Gạo nếp 100 h
sắc uống.

41. Trần thị Mộc hương tán. Chữa tỳ vị hư hàn, ỉa chảy đầy bụng, đậu sắc trắng, nhọt nhọt.

Xích phục linh

Mộc hương khi uống mài hòa vào *Tiền hồ*

Dại phúc bì dùng nước đậu đen rửa sạch *Thanh bì*

Nhân sâm đều 3 phân *Kha tử* đều 2,5 phân

Quế tâm 1,5 đ/c *Đinh hương*

Cam thảo

Tán nhỏ, liều uống 3 đ/c, nấu nước gừng tảo làm thang tống. Trẻ em tùy nghi gia giảm.

42. Giải độc tán. Chữa bệnh đậu mới đầu đã sưng tấy, 10 ca chết đến 9.

Kim ngân 5 lạng *Ngưu bàng tử* *Kinh giới*

Cam thảo lạng *Phòng phong* *Mộc thông* đều 3 đ/c

Liên kiều nửa rượu nửa nước sắc uống.

43. Tứ thánh cao. Chữa chứng đậu đỉnh, dùng thuốc này phết vào

Trần châu 7 hạt, hơ trên lửa *Đậu Hà Lan* 77 hạt (sao)

Tóc đàn ông không cứ nhiều ít, đốt cháy, trộn với son tàu thứ thiệt.

44. Nhị thánh cao. Chữa như trên

Hùng hoàng 3 đ/c *Tử thảo* 3 đ/c tán nhỏ mịn, trộn với son tàu mà dùng.

45. Thần hiệu cách toán cứu pháp. (cứu cách tôi rất hay).

Chữa chứng đậu đỉnh, do độc khí nung đốt dữ, làm nốt đậu không mọc được, nếu mọc được cũng không mưng mủ, mưng mủ được cũng không thu áp, hoặc đau nhiều, hoặc vừa tê vừa đau, đau thì cứu riết đến hết đau, không đau thì cứu cho đến khi đau, độc sẽ tán theo hỏa khí. Phầm đỉnh hể lẽ ra thấy có chảy máu độc, thì chữa được, nếu không thấy đau không chảy máu là khó chữa, cứu vào thấy đau thì lấy kim bạc khêu cho ra máu bầm, độc khí cũng theo đó mà tiết ra thì còn có thể cứu sống.

Cách cứu: Dùng tôi một, thái lát dày 3 phân, đặt trên mụn đậu, vẽ mỗi ngải nhỏ đặt lên trên miếng tôi mà đốt, đốt 5 mỗi thì thay miếng tôi khác, sau khi máu bầm đã ra mà sưng đau vẫn chưa hết thì thường phải cứu nữa.

46. Bạc đậu cao. Chữa chứng đậu đỉnh.

Hùng hoàng 1 đ/c nghiền dùng *Yến chi* cho nước vào quấy thành hồ đặc trộn bột *Hùng hoàng* vào quấy đều, đem chấm trên nốt đậu, đậu sẽ biến ra tươi đẹp ngay. Bởi vì

Hùng hoàng có khả năng hút độc, Yên chi thì hoạt huyết cho nên thế.

47. Lương huyết giải độc thang. Chứa đàn bà lên đậu chưa đến kỳ hành kinh, nhưng khi phát sốt lại thấy kinh.

<i>Dương quy</i>	1,2 đ/c	<i>Bạch chỉ</i>	5 phân
<i>Thăng ma</i>	4 phân	<i>Tử thảo</i>	1,5 đ/c
<i>Xích thược</i>	1 đ/c	<i>Hồng hoa</i>	1 đ/c
<i>Liên kiều</i>	1 đ/c	<i>Cát cánh</i>	8 phân

Gia Đàng tâm sắc uống.

48. Lương huyết giải độc thang. Chứa đậu đã mọc mà sốt vẫn không lui, sắc đỏ không phân rõ, hoặc nốt đậu khô, hắc hăm, kíp cho dùng bài này có thể làm cho cương, mừng mù.

<i>Tử thảo</i>	1 đ/c	<i>Xích thược</i>	
<i>Sinh địa</i>	đều 8 phân	<i>Phòng phong</i>	
<i>Sài hồ</i>		<i>Tô mộc</i>	
<i>Thiên ma</i>		<i>Kinh giới</i>	đều 3 phân
<i>Cam thảo</i>	đều 2 phân	<i>Hoàng liên</i>	
<i>Ngưu bàng</i>	4 phân	<i>Mộc thông</i>	
<i>Đơn bì</i>	7 phân, Gia Đàng tâm, gạo, nếp sắc uống.		

49. Bảo sinh tán. Chứa khí huyết lưỡng hư, sắc đậu trắng màu tro không mừng mù.

Rau thai nhi 1 cái, rửa rượu hết nước đỏ, nấu với rượu cho chín, sấy khô tán nhỏ.
Bại quy bản 5 đ/c tẩm sữa nướng
Lộc nhung 5 đ/c tẩm sữa nướng

Tán nhỏ, liều uống 1 đ/c, nếu khí hư dùng Bảo nguyên thang nấu lấy nước làm thang tổng, nếu huyết hư dùng Khung Quy Tử thảo làm như trên.

50. Lợi yết giải độc thang. Chứa đậu, yết hầu đau nhức, trước sau đậu đều dùng được.

<i>Sơn đậu cân</i>	đều 1 đ/c	<i>Cát cánh</i>	7 phân
<i>Mạch môn</i>		<i>Phòng phong</i>	5 phân
<i>Ngưu bàng sao</i>	7 phân	<i>Cam thảo</i>	2 phân
<i>Huyền sâm</i>	7 phân	<i>Đậu xanh</i>	49 hạt

sắc uống

51. Hồi hương tán. Chứa đậu không khô nước đóng vẩy.

Hà thủ ô *Chích kỳ*
Bạch thược sao rượu *Nhân sâm* (sao vàng)
Phục linh thêm gừng sắc uống *Chích thảo*
Bạch truật

52. Tượng nha tán. Chứa như trên.

Nhân sâm *Cam thảo* 7 phân
Hoàng kỳ *Phục linh* 1,5 đ/c
Bạch truật *Hà thủ ô* 1 củ.

Thêm một nắm gạo nếp, hai quả táo nấu lấy nước làm thang để uống với bột Ngà voi 1 đ/c.

53. Giải độc thác lý tán. Chữa đậu mọc dày đặc.

<i>Cát cánh</i>	<i>Ngưu bàng</i>	<i>Nhân trung hoàng</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Xích thược</i>	<i>Kinh giới tuệ</i>
<i>Quy vĩ</i>	<i>Thuyền thoái</i>	<i>Thăng ma</i>
<i>Cát căn</i>	<i>Hồng hoa Liên kiều</i>	(bỏ cành, hạt)

Dùng phân người đốt thành than, thuốc sắc xong hòa vào uống.

54. Tứ vật khoái ban thang. Chữa đậu, hòa thịnh khô ráo.

<i>Dương quy</i>	<i>Xích thược</i>	<i>Sinh địa</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Kinh giới</i>	<i>Ngưu bàng</i>
<i>Thăng ma</i>	<i>Cát căn</i>	<i>Liên kiều</i>

Từ thảo Địa cốt bì các vị bằng nhau, sắc xong cho phân người đã đốt thành than hòa vào uống.

55. Đại bổ bảo mệnh thang. Chữa đậu da non dễ vỡ nước.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoàng kỳ</i>	<i>Dương quy</i>	<i>Sinh địa</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Xích thược</i>	<i>Cam thảo</i>	<i>Ngưu bàng</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Kinh giới</i>	<i>Liên kiều</i>	<i>Quế tốt</i>

Sắc xong, hòa than phân người vào uống.

56. Lương huyết Thược dược thang. Chữa đậu, phát đau.

<i>Bạch thược</i> (sao rượu)	<i>Dương quy</i> (rửa rượu)
<i>Sinh địa</i> (rửa rượu)	<i>Hồng hoa Địa cốt bì</i>

Các vị bằng nhau sắc uống.

57. Bạch ưng phần thang. Chữa đậu không bong vẩy thành sẹo.

Phân chim Bù cốt thứ màu trắng, đốt thành tro,

Rau sam không cứ nhiều ít, phơi khô đốt ra tro, trộn với mật ong và nước lã đem trét trên chỗ thu áp.

Phương khác dùng Rau sam giã vát lấy nước cốt trộn với mỡ heo và mật ong đắp chỗ sẹo (rỗ mặt).

58. Dương đồng cốt tủy phương. Chữa đậu muốn bong vẩy mà không bong thành sẹo.

<i>Tủy xương dê</i>	1 lạng	<i>Khinh phấn</i>	1 đ/c
---------------------	--------	-------------------	-------

Nghiền nát tành cao màu trắng, bôi lên nốt đậu.

59. Nhuận tràng thang. Chữa bí đại tiện, thuộc hư.

<i>Quy vĩ cam thảo</i>	<i>Sinh địa vùng</i>
------------------------	----------------------

Dào nhân nghiền nát, sắc cho uống.

60. Trị đậu thấp lạn phương.

Kén tằm đốt tồn tính, thêm tí Khô phân.

Phương khác, dùng đất vách lâu năm, ốc sên trắng đốt tồn tính tán nhỏ.

Phương khác, dùng hoa cây thông, nghiền nát thành bột, rắc lên chỗ vỡ loét.

Phương khác, dùng củ trâu đốt tồn tính, cho vào tí Xạ hương mà dùng.

Phương khác, dùng củ khô trên vách tường lâu năm, phơi hoặc sấy khô tán bột dùng.

61. Tam đậu tán. Chữa ung độc sau đậu mới phát, sưng đỏ.

Dùng đậu xanh, đậu đen, đậu đỏ nghiền với dấm ra nước, sệt, dùng lông ngỗng chấm thuốc, chấm vào chỗ sưng đau, hiệu quả rất nhanh.

62. Tẩy can tán. Chữa độc đậu công lên mắt, sinh màng, sưng, nhiều tia máu che trông trắng.

Xuyên khung *Quy vĩ* *Phòng phong*

Khuong hoạt *Bạc hà* *Chi tử*

Cam thảo các vị bằng nhau, sắc uống.

63. Thỏ phấn hoàn. Chữa đậu nhập vào mắt, sinh màng mọng.

Phân thỏ sao 4 lạng

Thảo quyết minh 1 lạng (dùng vỏ ốc cừu khổng nung)

Bạch thuộc 1 lạng *Mộc tặc* 1 lạng

Dương quy 5 đ/c *Phòng phong* 1 lạng.

Cốc tinh thảo 2 đ/c *Thạch quyết minh* 1 lạng,

Tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, liều uống 20-30 viên, uống với rượu.

64. Xát mục phương. Chữa độc đậu chạy vào mắt.

Dùng răng voi, mà lấy nước giò vào mắt, rất hay.

65. Xuy nhĩ đơn.

Khinh phấn *Hoàng doan* *Trân châu*

Tán nhỏ, mắt trái có mây màng thì thổi thuốc vào tai bên phải và ngược lại.

Phương khác thêm *Hùng hoàng*, *Xạ hương* mỗi thứ 1 tí.

66. Tráo thai tán. Chữa đàn bà có thai bị lên đậu.

Xuyên khung *Dương quy* *Bạch thuộc*

Nhân sâm *Bạch truật* *Cát cánh*

Cam thảo *Sài hồ* *Điều cầm*

Phòng phong *Kinh giới* *Bạch chỉ*

Cát căn *Sa nhân* *Tử thảo*

A giao *Xích linh*

Thêm gạo sắc uống.

67. An thai độc thánh tán. Động thai uống thuốc này cảm thấy nóng là yên.

Sa nhân để cả vỏ, sao xong bỏ vỏ, tán nhỏ, uống với rượu nóng mỗi lần uống 1 muỗng canh.

Phương khác dùng củ gai (gai làm bánh) giã nát đắp rốn.

Phương khác đất lòng bếp, hòa với nước giếng đắp rốn cũng tốt.

68. Liễu hoa tán. Chữa phụ nữ chưa chồng, phát sốt lúc hành kinh.

Hoa liễu 5-7 đ/c *Tử thảo* 1,21 lạng

Thăng ma 9 đ/c *Quy thân* 7,5 đ/c

Tán nhỏ, liều uống 7 đ/c, (?) nấu quả nho lấy nước làm thang.

69. Dương quy dưỡng tâm thang. Chứa đàn bà lên đậu, cảm không nổi.

Nhân sâm

Cam thảo

Dương quy

Thăng ma đều bằng nhau, gia *Dương tâm* sắc uống.

Mạch môn

Sinh địa

70. Gia vị Quy tỳ thang. Chứa đàn bà kinh bế không thông, nguồn huyết khô cạn, gặp hồi lên đậu, dùng thuốc này để điều hòa tâm tỳ, làm cho huyết không chạy bậ.

Nhân sâm

Viễn chí

Bạch truật

Địa cốt bì đều 1 đ/c *Mộc hương* 5 phân

Hoàng kỳ

đều 1 đ/c

Sài hồ

Chính thảo

Chi tử

đều 1 đ/c, gia gừng táo sắc uống.

Phục thần

Táo nhân

71. Gia vị Tiêu dao tán. Chứa như trên.

Bạch truật

Bạch linh

Bạch thược

Dương quy

Sài hồ

Cam thảo

Các vị bằng nhau, gia *Son chi*, *Đơn bì*, *Táo* 2 quả sắc uống.

72. Hắc thần tán. Chứa đàn bà lên đậu đã mọc rồi, ứ huyết sinh ra.

Xuyên khung

Dương quy

Thục địa

Bồ hoàng sao

Quế tâm

Can khương sao đen

Mộc hương

Hương phụ

Thanh bì

Đậu đen nửa rượu, nửa nước sắc uống.

73. Chứa đậu hậu sinh lở. Chứng thể hiện hàng năm da phát như cùi hủi mọi thuốc đều vô hiệu, dùng thuốc này chỉ ba ngày là khỏi.

Nước mỡ ngỗng 4 lạng

Sáp ong

5 phân

La bặc tử sấy khô nghiền bột 3 phân

Thổ chu

4 phân

Xuyên tiêu

Bốn vị trên cho vào mỡ ngỗng, trộn đều mà bôi.

74. Kỳ châm phát. Chứa đậu, ung độc.

Bắt 1 con đĩa to, đặt nó lên chỗ sưng đỏ cho nó hút máu độc ra thì khỏi.

*

* *

CÁC PHƯƠNG CA THƯỜNG DÙNG

(Gồm 20 bài)

1. Khương hoạt tán uất.

Chỉ, Kinh, Khung, Tử, Cát

Kiêu, Cam, Địa, Cốt, đồng

Đại phúc, Thử niêm, phòng

Dương, Thảo thờ to, sốt

Hiệu quả rõ thần thông.

2. Bảo hòa thang.

Bảo hòa thang có Địa, Sâm, Hồng
Tử, Cát, Tra, Khung, Thảo, Mộc thông
Gạo nếp, Đãng tam, gừng sắc uống.

3. Thập thần.

Thập thần uống sẽ chóng thành nùng (mù)
Thấu cơ tẩn với Bảo hòa đồng
Tử, Cát, Tra, Khung, Tử thảo, Mộc thông
Thuyền, Thử, Sâm, Trần, Đãng, Táo nữa
Khương Phòng sắc uống sẽ nên công.

4. Bảo yển bách bổ Tứ quân thang.

Sơn dược, Dương quy, Thược, Địa hoàng
8-9 ngày qua, nước mọng đủ
Điều hòa khí huyết, thật lương phương.

5. Bảo nguyên thang.

Bảo nguyên thang dùng Thảo, sâm, Kỳ
Bạch truật, Linh, Quy, Thục địa tuyền
Thược dược, Xuyên khung, Can khương, Quế.
Thái âm không mọc, uống rất hay.

6. Thập thần giải độc.

Thập thần giải độc Mẫu đơn, Hồng
Cát cánh, Sinh, Quy, Xích thược, Khung
Đại phúc, Kiêu, Thông, Bắc cở nữa
Sốt cơn, huyết nhiệt, rõ kỳ công.

7. Đại liên kiêu ẩm.

Đại Liên kiêu ẩm, Giới, Phòng phong
Xích thược, Quy, Sài, Thảo, Mộc thông
Hoạt, Thoái, Hoàng cầm, Chi tử nữa
Lại thêm Tử thảo, rõ nên công.

8. Tứ thuận Thanh lương ẩm.

Tứ thuận Thanh lương Thảo, Đại hoàng
Dương quy, Xích thược ấy lương phương
Thở to, nhiệt bí nên sắc uống
Nhiệt tả, thêm vào tí Mộc hương.

9. Mộc hương tán.

Mộc hương tán có Quế, Sâm, Linh
Phúc, Lạc, Thanh, Tiễn, Thảo, Bán, Linh
Gừng nước sắc lên rồi uống ấm

Biểu tiêu nội tiết, hiệu thần linh.

10. Dị công tán.

Dị công tán có Quế, Sâm, linh
Phác, Quả, Quy, Trần, Truật, Mộc, Đinh
Phụ, Bán vi thần, gừng với Táo
Nóng dần, chân lạnh sẽ yên lành.

11. Lý trung thang.

Tiết tả thì có Lý trung
Nhân sâm, Bạch truật, Thảo với Gừng
Tay chân lạnh giá thêm co cứng
Phụ tử gia vào mới có công.

12. Ích hoàng tán.

Tiết tả còn nên dụng Ích hoàng
Thanh bì, Kha, Lạc, Thảo, Đinh hương
Hoặc gia Nhục khấu, Mộc hương nữa
Gừng, Táo cho vào thật thánh phương.

NHỮNG VỊ THUỐC CHÍNH DÙNG CHỮA ĐẬU.

Gồm 95 vị, là những vị chủ yếu chữa đậu, nếu muốn linh hoạt sử dụng, nên tham khảo thêm sách Phùng thị cấm nang, trong sách ấy chép rất rõ.

1. Nhân sâm. Là vị thuốc chữa đậu rất hay, bổ nguyên khí, sinh tinh huyết, chỉ khát, sinh tân dịch, an thần, sinh mạch, thác lý thức mù, đã có thể bổ khí ở trung tiêu mà trừ nội hãm, còn có thể làm bền vững phần biểu, tránh mọi xâm hại từ bên ngoài giúp chính thắng tà khí, đẩy độc tả ra, tạo cho độc thành mọng nước, độc hóa nước, bởi nguyên khí vô hình có sinh phát bên trong thì bệnh tật hữu hình sẽ dần dần tiêu hết.

Nếu gặp chứng nhiệt thịnh, huyết nhiệt nhiều, đậu mới phát với chứng dờm ngán bế tắc, phế nhiệt sinh ho, đều có thể dùng được.

2. Hoàng kỳ. Chủ ích tỳ khí, bổ thác thức mù, kiên cố làn da thổ thịt, bổ khí hư, ích tỳ vị, nên dùng vào lúc huyết mạch không lưu hành, âm độc không phát ra, ỉa chảy khát nước uống nhiều, đau bụng toát mồ hôi, lúc đậu mưng mủ. Nếu gặp chứng đậu có huyết nhiệt, ngoài thấy nốt đậu đỏ tím, phế nhiệt họng đau mà ho suyễn huyết nhiệt, huyết khô, sắc nốt đậu khô ráo không nhuận, đều cấm dùng.

Trường hợp đậu đã mưng mủ đầy đủ thì không được dùng nhiều để sau khó thu áp làm vấy, bổ nhiều sẽ thành mụn độc, hơn nữa Sâm Kỳ đều là thuốc bổ khí trợ hỏa, cho nên hễ thấy sắc đậu trắng hãm thì nên dùng, nếu thấy sắc đỏ tím thì chớ vội dùng, vội dùng thì huyết càng thêm nhiệt, độc càng thêm nặng, đậu từ đỏ chuyển thành đen khô là chứng nguy.

3. Bạch truật. Kiện tỳ, lợi thủy, ẩm trung tiêu. Vì có tác dụng bổ khí cho nên có

thể giúp đậu chín mọc, vì có tác dụng kiện tỳ cho nên cũng góp phần chỉ tả, vì có tác dụng bổ khí và thu liễm mồ hôi cho nên cũng góp phần nhiều cho nốt đậu mọc mà phàm gặp những chứng trên là phải dùng nhiều.

Người béo quá, đậu không đóng vẩy được, người âm hư khát nhiều, người trung khí hư quá nên dùng Bạch truật.

Nếu đang thời kỳ mọc mụn mà dùng Bạch truật thời làm cho khí thấp nhuần không lưu hành mà nốt đậu khó mọc mụn hoàn toàn.

Bởi vì, Bạch truật bổ khí, dùng nhiều thì ráo, lại còn thêm trợ hỏa mà nốt đậu sẽ khô thu liễm, cũng như các chứng nhiệt thịnh, ho suyễn, mất tiếng mà khát, nhiệt độc gây phiền táo thì cấm dùng.

4. Cam thảo. Dùng sống thì tả hỏa, giải nhiệt, tiêu độc, sao dùng thì bổ nguyên khí tam tiêu, kiện tỳ, điều hòa khí ở trung tiêu giải mọi độc của các thuốc kác, điều hòa âm dương, vị ngọt, tính hòa mà nhuần, vì thế nó giải được các thứ độc dữ.

Muốn tả hỏa độc đốt khô tân dịch thì dùng thứ nhỏ và dùng sống dùng vào thuốc bổ thì dùng thứ to và phải chích, muốn giải khí độc dịch lệ, thì chế thành Nhân trung hoàng⁽¹⁾ là rất tốt, thảo tiết dùng sống thì tiêu sưng giải độc.

5. Phục linh. Lợi thủy, thẩm thấp, ích khí, hòa trung, phù tỳ, dưỡng vị, trừ phiền thông tân dịch, bệnh tiết tả, chứng thủy bào, với đậu lúc thu áp đều cần nên dùng nó, nhưng nó có nhiều công dụng thẩm thấp lợi thủy, cho nên đậu đang thời kỳ mọc mụn dùng nó sợ dẫn thủy khí đi xuống sinh ra tình trạng ngoài đậu không mọc mụn được, trong tân dịch thiếu rồi sinh khát, cũng như người âm hư ở dưới, tinh huyết đều hư, những chứng ấy thì không nên dùng.

Xích phục linh chỉ có tác dụng lợi thủy tả nhiệt, không có tác dụng bổ, cho nên người đi tiểu nhiều, người đổ nhiều mồ hôi thì không nên dùng.

6. Sinh địa. Có tác dụng lương huyết, hành huyết, dưỡng huyết, chuyên chữa chứng đậu đỏ tím mà khô ráo do huyết nhiệt huyết táo. Phàm trong thuốc chữa thổ huyết, nục huyết, giải độc...đều nên dùng nó nhưng chỉ nên dùng trong 4 trường hợp:

- Mát tâm hỏa do huyết nhiệt,
- Tả thấp nhiệt của tỳ thổ,
- Khử nhiệt độc trong máu mũi,
- Trừ chứng phiền nóng ở hai lòng bàn tay, bàn chân và dưới vùng tim khi dùng phải tắm rượu, rửa rượu kỹ.

Phàm chứng đậu do huyết nhiệt, nốt đậu sặc khô đều nên dùng, nhưng tính nó hàn lương, tính nó lương huyết, nhuần trường, cho nên người tỳ vị hư yếu thì cấm dùng.

7. Thục địa. Có tác dụng tư thận thủy, bổ huyết, bổ âm mà chân âm là nguồn sinh ra thủy (thiên nhất sinh thủy) phàm đậu đang mọc, đã mọc vì huyết hư không mọc mụn được đều nên dùng. Đậu sởi là bệnh thuộc hình chất mà gốc gác là tinh huyết. Thục địa có tính rất thuần, rất tĩnh, vị rất ngọt, rất hậu, thật là vị thuốc đệ nhất trong loại thuốc cho tinh huyết hình chất, vì thế nên dùng nó trong cả quá trình đậu mọc, mọc

(1) Cách chế Nhân trung hoàng. Cắt ông tre, đón bột Cam thảo vào trong lấy gỗ vót nút hai đầu, mùa đông đem để trong thùng phân, mùa xuân lấy ra, treo chỗ thoáng mát âm can, rồi chế tre lấy Cam thảo phơi khô dùng.

mủ cho đến thu áp, cùng phối với Sâm Kỳ thì tác dụng càng to lớn, dùng với Thăng ma thì hay phát tán, dùng với Quế Phụ thì hay bồi dương, với Sâm Kỳ thì vào phần khí, Với Quy thuộc thì vào phần huyết. Ngày nay thấy các nhà chữa đậu, chữa thương hàn phần nhiều không dùng Thục địa, phải chăng đó là điều mà người xưa chưa biết tới, sao không biết Tứ vật thang thì Thục địa là gì? Nhưng do tính Thục địa nề trệ không tẩu tán, nếu người tỳ hư thì phải tẩm rượu sao kỹ mới dùng.

8. Dương quy. Có tác dụng sinh huyết, dưỡng huyết, hành huyết, chỉ huyết gặp đậu do huyết hư sắc không đỏ tươi mà nhuận thì nên dùng, hư thì bổ, trệ thì hành, muốn thăng tán dùng Xuyên khung làm tá, muốn thu liễm dùng Thục địa làm tá, chứng huyết nhiệt huyết hư thì dùng với Sinh địa sao rượu, dùng nó nên sao với rượu, người đại tiện đi lỏng thì cấm không được dùng.

9. Bạch thược. Có tác dụng dẫn âm thoái dương, kiện tỳ, cô biểu, dưỡng huyết, hòa huyết, thăng được, giáng được, thanh nhiệt được, thu liễm được, chữa đậu huyết tán không tự nhờ nó mà đậu tự lại, thu ' ' , cũng giúp cho phân khí, tả hỏa ở can tỳ, chữa đau bụng do nhiệt, chỉ hàn.

10. Xuyên khung. Có tác dụng thăng tán, dẫn thanh khí lên góc đầu, thúc mủ, làm đậu mọc ở đầu mặt, giúp Sâm Kỳ thông ra phân dương mà ôn bổ để giải tà khí ở cơ biểu.

Giải mọi thứ uất, thông đạt tam tiêu, là vị thuốc đi khắp âm dương khí huyết, cho nên trước khi đậu mọc 7 ngày, có thể tạm dùng nó để dẫn đạo thang để, nếu đầu mặt không thấy đậu mọc hoặc phát ngứa càng tốt, sau bảy ngày thì nên dùng ít, bởi vì giai đoạn ấy cần thu liễm mà không nên phát tiết nữa, nhưng tính nó cay tán, chạy lên, cho nên tác dụng nhiều ở đầu mặt, gặp chứng hỏa ở trên mà khí hư thì chớ dùng với tất thấy các chứng xuất huyết thì kiêng dùng, sợ nó dẫn hỏa đi lên càng làm hao tổn âm dịch.

11. Nhục quế. Có tác dụng điều hòa vinh vệ, vững chắc phần cơ biểu, đuổi phong tà, làm chặt chẽ tấu lý, đậu bị khí hư nhờ nó cố vũ, mà mọc được, tính nó đi lên thông suốt các mạch, dẫn Sâm Kỳ ra phần cơ biểu, đẩy độc tà của đậu của mụn nhọt từ trong ra ngoài, dẫn huyết làm mủ, ức chế can khí, bố lợi tỳ khí, điều khí huyết.

Phàm chứng ỉa chảy rét run và nốt đậu trắng nhọt thì nên dùng trái lại, chứng nhiệt đậu và đậu hậu sinh ngứa đều không dùng được.

12. Quan quế. Có tác dụng dưỡng dinh giải biểu, ôn kinh thông huyết. Phàm chứng đậu dinh vệ đều hư, biểu hiện hàn trệ đều nên dùng, để dao đạt khí huyết giúp cho Sâm Kỳ Thục địa, nếu như phiền nóng đậu tím đen, đại tiện bốn uất, độc tà dữ lắm thì chớ vội dùng.

13. Phụ tử. Chữa tỳ vị hư hàn khí nguyên dương kém lắm ỉa chảy nôn mửa không cầm, rét run chân tay lạnh móp, với các chứng đậu hàn không mọc, sắc trắng nhọt mà ngứa, nói chung tất cả các chứng hàn đều dùng nó làm vị chủ yếu bởi bổ chân hỏa. Nếu chứng đậu trong phiền nóng, ngoài tím đen mà dùng Phụ tử thì tai hại không thể tả.

Dùng Phụ tử thì phải thái phiến dày, nấu với Phòng phong và đậu đen cho thật chín mới dùng.

14. Mộc hương. Có tác dụng hòa vị kiện tỳ, trừ kết lý, chỉ tà, có tài giải tán mọi thứ khí trệ bất thông, ẩm trung tiêu, trừ đau bụng cũng giỏi, phàm chứng đậu mọc chậm

dùng nó để thuận khí thông độc thì đậu mọc tốt, rốn đậu lồi sẽ đầy, nếu bệnh khí hư phiền nóng thì không dùng bữa, vì dùng lâu sợ làm tẩu tiết chân khí chứng táo chứng nhiệt càng không nên dùng.

15. Đinh hương. Có tác dụng làm ấm dạ dày, trừ chứng sinh bụng lạnh bụng ỉa chảy, nếu chứng hư trệ thì không nên dùng, chứng hơi móp lạnh sắc đậu trắng nhợt thì nên dùng. Tính ấm của nó có thể cứu được chứng lý hàn, tính ấm của Quế thì phát tán hàn tà ở biểu, cho nên hai vị dùng chung để chữa chứng trong ngoài đều có hàn khí xâm phạm.

16. Trần bì. Có tác dụng hòa tỳ, đạt âm dương, thông đờm hành khí, hòa vị tiêu trướng, tính không thăng cũng không giáng, dùng chung với Sâm Kỳ thì tán khí trệ, bệnh đậu trước sau đều cần dùng nó, nếu người bệnh khí hư lại gặp hồi đậu đang mưng mủ thì không nên dùng nhiều, nếu người có chứng đở mủ hôi, có chứng nôn ói, huyết khí suy yếu đều cấm dùng, vì tính của nó cay tán, tẩu tiết khí. Nên sao hãy dùng.

17. Chỉ xác. Có tác dụng hạ khí thông nở ruột, phạm đậu mới phát sốt có chứng tức ngực, có chứng thức ăn cũ không tiêu, khí trệ bế tắc với chứng nóng dữ, thờ to...đều có thể tạm dùng, nếu dùng nhiều lần sẽ tổn hao trung khí, nên sao với men rượu hãy dùng.

18. Sơn trà. Có tác dụng giải độc làm độc đậu phát ra, tiêu thực, kiện tỳ, hóa đờm, hành khí, giải lở độc, tiêu huyết trệ, vì nó không cay thơm hao tán phần khí, cho nên nó có thể dẫn đạo Sâm Kỳ. Trong chứng đậu dùng nó là vì độc đậu do huyết nhiệt khí trệ nhờ vị chua của nó vào can, hòa tan với huyết độc làm thành nước mủ, nhưng tính nó chuyên về tán huyết giải khí kết nếu dùng nhiều sẽ gây hư bên trong. Phạm chứng khí hư ỉa chảy thì cấm dùng.

Khi dùng phải bỏ hạt, để hạt dùng sẽ sinh khát nước.

19. Gạo nếp. Có tác dụng làm ấm trung khí của tỳ vị, chế bớt tính hàn của Tử thảo, giúp huyết dễ chống mưng mủ, chế bớt độc đậu không để chạy vào làm hại bên trong. Phạm chứng khí hư, đi ỉa lỏng hoặc đậu 5-6 ngày không cương không mưng mủ dùng nó thì rất tốt, nên nấu cháo cho ăn.

20. Tử thảo. Chưa chứng đậu vì nhiệt độc dữ quá sắc đậu tím đỏ, mắt đỏ, dùng nó để mát tâm khai khiếu làm cho nhiệt độc bốc ra mà đậu dễ mọc, dùng Tử thảo đến 5-6 ngày thì phải cho thêm 50 hạt nếp để chế bớt tính hàn của nó làm tổn vị khí sinh ỉa chảy, nếu đại tiện bốn uất có hỏa nhiệt thì không dùng.

Vì tính của nó hàn lương hoạt lợi cho nên không được dùng lâu, sợ ỉa chảy mà gây chứng hư. Nếu không phải là chứng huyết nhiệt mà thấy đại tiện lỏng thì cấm dùng.

21. Hồng hoa. Có tác dụng thông hành huyết trệ, trừ huyết xấu, sinh huyết tốt, chữa đậu nhiệt huyết ngưng không thông huyết xấu hóa thành ban, dùng nhiều thì hành huyết phá huyết, dùng ít thì thông huyết hoạt huyết đưa huyết chạy theo kinh, quy kinh nhập tâm dưỡng huyết hòa huyết, công dụng y như Dương quy mà hoạt huyết nhiều hơn dưỡng huyết.

22. Hạt Hồng hoa. cho nuốt vài hạt sẽ không nhiễm phải dịch đậu, phạm chứng đầu sắc đỏ tím là huyết nhiệt nên tắm với rượu Hồng hoa phơi khô để dùng, nếu nốt đậu đen hăm thì tắm rượu phơi khô sao qua mà dùng.

23. Yên chi. tức từ nước cốt Hồng hoa chế thành, khi đậu sắp mọc dùng món này để bôi quanh mí mắt, đậu sẽ không vào mắt, đồng thời nó kiềm hoạt huyết, dùng giải đậu đình rất tốt.

24. Ngưu hoàng. tên khác gọi Thử niêm tử, có tác dụng nhuận phế trừ phong nhiệt, thông lợi họng và ngực, mà tan các chứng sưng, thành được thông lợi hầu họng, thuốc tốt yếu giải nhiệt độc của đậu, còn có thể phát độc đậu, lương huyết, giúp các thuốc khác làm đậu chóng mọc nước. Phàm chứng đậu nóng dữ, sắc đỏ tím, đại tiện bí dùng rất tốt, nhưng tính nó vừa thông vừa hoạt, uống nhiều sẽ không tốt bên trong động đến khí trung tiêu, ngoài thì làm cho biểu hư, vì thế sau khi bệnh khỏi khí huyết hư yếu hoặc đậu mọc không tốt lại sinh ra chảy và mụn nhọt đã vỡ mũ đều cấm dùng.

25. Liên kiều. Có tác dụng thanh hòa phù du của tam tiêu, tán nhiệt độc của tân kinh sinh đậu, tán tất cả dư độc của đầu hậu, của mụn nhọt do phong nhiệt, tán uất trừ thấp, nếu không phải chứng nhiệt độc thực hỏa thì chớ dùng bừa.

26. Huyền sâm. Chưa đậu mới phát nhiệt độc còn nhiều, dùng để thanh lợi cổ họng, với chưa dư độc sau đậu, chữa mụn sưng do nhiệt độc, trong cổ họng đau, có tiếng đờm. Nếu đậu thuộc thận kinh thì cấm dùng Tỷ hư cũng không nên dùng

27. Hoàng liên. Giải mọi chứng nhiệt độc, tả ở tâm, can và đại trường. Phàm chứng đậu thuộc huyết nhiệt mà nhiệt độc dữ lắm với chứng lên đậu trong tiết năng dữ lại là huyết nhiệt đều nên sao rượu mà dùng. Nếu đậu chưa mọc thì chớ dùng vì đậu gặp lạnh sẽ ẩn nấp lại không chịu phát ra ngoài, cũng không nên dùng lâu, uống lâu thì độc khí lại theo hỏa mà trở lại.

28. Hoàng cầm. Tả hỏa ở phế vị, dưỡng âm, thông dương, chứng nhiệt thịnh ở thượng tiêu thì nên dùng, thứ nhẹ xếp tả can hỏa. thứ bé chắc tả đại trường hỏa, nhưng đậu mới mọc cho đến lúc mọc mũ đều cấm dùng, chỉ trừ khi thu áp về sau, dư nhiệt độc thịnh mới nên dùng, thuốc an thai càng không thể thiếu, như tỷ vị hư mạch trầm tế thì chớ có lạm dùng đến nỗi.

29. Tề giác. Giải hỏa độc ở tâm, can, tỷ, phàm trong khi lên đậu vì huyết nhiệt mà thổ huyết mục huyết khô với đậu khô sém đen, co giắt phiền táo chẳng yên, ... đều có thể dùng để giải nhiệt độc. Chu Đơn Khê nói Tề giác thuộc dương được có thể tán nọc độc sau đậu nếu là chứng thuộc huyết hư thì kiêng dùng. Thế nhưng, mọi chứng đau nhức lở nhọt đều thuộc tâm hỏa, nếu dùng ở thời kỳ đầu sẽ làm cho độc tà ẩn nấp lại bên trong, dùng ở thời kỳ cuối thì nó dẫn độc nhập tâm, dùng Linh dương giác thay thế thì càng hay hơn Tề giác.

30. Thạch cao. Có tác dụng thanh hòa nhiệt, tính nó hàn, giáng hỏa của dương minh (vị) là hay nhất, phàm các chứng thuộc dương minh thực nhiệt sinh nhức đầu, sưng mắt, lở miệng, đau họng, nóng trong mình, phiền khát, cuồng táo vật vã, đại tiện táo bón, nếu không dùng Thạch cao thì không thể giải được, cho nên chữa chứng đậu nhiệt độc quá dữ loét dạ dày phát ban, dùng nó thì có thể thanh vị, làm đậu mọc ra, hết khát nước, sinh tân dịch, nên bệnh sởi hay dùng mà lên đậu thì ít dùng, nếu vị hư hàn thì nhất thiết phải cấm dùng.

31. Đại hoàng. Chưa đậu mới phát sốt độc dữ, tả tất cả các chứng thực nhiệt, đại trường có phân táo, bụng đầy trướng khổ chịu, người lớn khỏe chắc, nhiệt độc nhiều thì

cần nó, nhưng nó dễ làm tổn hại tỳ khí, không nên dùng ấu, muốn dẫn xuống thì dùng sống, nếu tà khí ở trên thì tắm rượu mới dùng, nếu không phải chứng đại thực nhiệt thì không nên dùng.

32. Long đởm thảo. Chùyene chưa đậu sởi, mắt đỏ sưng đau, thực nhiệt ở can đởm, ở trung tỳru dạ dày, nếu người khí hư ỉa chảy thì kiêng dùngđ. nên rửa sạch phổi khô hây dùng.

33. Chi tử. Lợi tiểu, giải hỏa của tỳ phế và bàng quang, làm hòa tà theo đường tiểu tiện mà giải ra.

34. Thăng ma. Giải mọi thứ độc, thăng đề dương khí, tán phong hàn, vì thế, dùng để thăng phát độc đậu, là thành được chữa đậu, nhưng dùng quá sợ đậu không thu áp được cho nên không được dùng nhiều, đậu hậu nguyên khí hạ hãm cũng cứ dùng.

35. Cát căn. Phát tán phong hàn, hay nhất là giải nhiệt tà tại cơ biểu làm hết khát nước bởi vì hư, lúc đó mới phát sốt dùng nó để giải cơ, đã thúc đậu mọc, khí của nó nhẹ nhàng, cổ vũ vị khí đi lên để sinh tân dịch mà giải nhiệt cơ biểu, công hiệu thật là tài, Cát căn với Thăng ma hai vị này nếu thấy chứng có mồ hôi phát co giật, môi trắng nhợt, mắt hơi đỏ, đậu mới kiến điểm, mùa hè biểu hư, nhiều mồ hôi...đều cấm dùng.

36. Ma hoàng. Tiết nhiệt ở phần vệ, trừ hàn ở phần dinh, điều hòa huyết mạch thông chín khiếu, mở lỗ chân lông cho ra mồ hôi giải nhiệt cơ biểu, tiêu ban độc đỏ đen, mụn đậu đao áp, hắc hãm, phàm chứng âm hàn nặng không vị này thì không giải tán nổi, cũng là vị chủ yếu chữa đậu, đậu đao áp, hắc hãm, dùng Ma hoàng nửa lượng bỏ gốc đốt rửa qua nước sôi phơi khô thái nhỏ, lại tắm rượu 1 hồi lâu sao sém đen, đổ nước cho uông nóng, uống xong nằm nơi kín gió, đậu sẽ mọc lại đều, nếu sắc với rượu thì công hiệu càng nhanh, đậu mọc chậm cũng dùng được

Mùa đông cảm mạo rét dữ mà đậu khó mọc, chứng thấy phát ban sốt sợ lạnh, dùng nó để tán hàn tà, sau khi kiến điểm thì kiêng dùng. Lại có thứ đậu nặng nốt đậu rất cứng không chịu mọc mụn gọi là Thiệt giáp đậu, dùng Ma hoàng làm cho đậu vỡ loét ra may mới cứu sống được, nhưng khi đã khai khiếu khí bị tẩu tiết quá nhiều mà còn dùng nữa thì biểu sẽ hư, khí sẽ thoát mà chết

37. Bạch chỉ. Chuyền chữa đậu mới phát sốt đau đầu, không mọc mụn lại ngứa, hoặc hư hàn không mọc được hoặc không thu áp đóng vẩy được, vì tính nó cay ráo, không nên dùng ở trường hợp huyết hư, lúc mọc mụn, chỉ tam dùng với trường hợp ngứa gãi lăm, đậu hậu chân tay nổi mụn độc cũng dùng được, người âm hư hỏa thịnh thì kiêng dùng.

38. Phòng phong. Muốn phát biểu phong nhiệt khi mới lên đậu không thể thiếu vị này, nếu đậu ngứa nhiều thì dùng chung với Hoàng kỳ, đậu ở chân tay không mọc ra được thì dùng chung với Bạch thược. Quế chi, sao rượu mà dùng, mụn lở nhiều ướt dùng nó là ý nghĩa phong thăng được thấp, mụn lở khô rồi vẫn cứ dùng là vì nó có tính nhuận, cho nên nói nó có tác dụng lợi nhiệt giải độc hòa huyết, chấm dứt cơn ngứa, nhưng không được dùng lâu, vì vị cay, tính thuần dương, rốt cục vẫn có cái hại làm tẩu khí, hại huyết.

39. Bạc hà. Tiêu phong nhiệt, tiêu sưng vùng đầu mắt, dẫn các vị khác vào dinh vệ để phát hàn cho ra mồ hôi, thông lợi cổ họng, giải nhiệt độc. Phàm chứng đậu sốt cao động kinh co giật đều có thể tam dùng, nếu uống lâu uống nhiều sẽ làm tẩu tiết tâm khí, hao âm tổn dương.

40. Sài hồ. Giải nhiệt cơ biểu, phạm đậu mới phát sốt nhiệt độc nặng cũng dùng để đẩy độc ra, chủ chứng là nóng rét qua lại, hàn chứng đậu hậu thì không được dùng.

41. Kinh giới. Chữa nóng lạnh mụn lở, ngứa ngoài da, có tác dụng sơ phong giải cơ, thông lợi huyết mạch, dùng chung với thuốc phát tán thì giải phong nhiệt cơ biểu, lên đậu, đậu hậu dùng nó để giải nhiệt độc, đẩy lùi ung độc, có khả năng trừ phong tà tán huyết ứ, phá khí, tiêu độc lở, là yếu được chữa các chứng bệnh phong huyết mụn lở.

42. Cát cánh. Tính nhẹ bốc, dẫn các vị thuốc đi lên, cho nên có thể chữa đậu nhiệt độc làm họng sưng đau, làm khoan khoái trong ngực, khai thông khí huyết, đẩy độc thúc mù, lợi hầu họng, làm đậu dễ mọc ra.

43. Mộc thông. Lợi tiểu khá, giải tiết nhiệt tại tâm tiểu trường, làm cho độc đậu thuộc thấp nhiệt theo nước tiểu mà bài xuất. Phàm chứng nhiệt độc nặng bên trong thì nên dùng, tâm kinh có nhiệt uất tụ lại sinh chứng kinh hải càng nên dùng. Nếu mới phát sốt nhiệt độc dồn xuống sinh ỉa chảy tiểu tiện không thông dùng nó để thông tiểu tiện mà giải tà, nếu mụn đậu khó thu áp dùng nó để dẫn khí đi xuống cho nước và mù khô dần, nếu uống thuốc thông sữa thì dùng nó để dẫn kinh, còn như đậu hậu lên nhọt thì dùng đốt Mộc thông rửa rượu phơi khô để dùng cũng có khả năng thông lợi khớp xương, lưu thông huyết mạch.

Nếu sốt đã lui, khí trung tiêu hư thì không nên dùng.

44. Trạch tả. Dẫn thủy tà đi xuống, trừ thấp nhiệt, phạm đậu mà tiểu tiện đỏ gắt thì nên dùng, nhưng dùng nhiều thì tân dịch hao tán, phạm chứng hạ tiêu âm hư, tinh huyết lại thiếu thì tránh không dùng.

45. Đại phúc bì. Tiêu chứng thành bụng, trừ chứng phù thũng, tán khí độc, nếu tỳ hư mà thủy tà nhọt lên thời cấm dùng.

46. Tạo giác. Giải nhiệt độc, chuyên chữa nốt đậu bằng tệt, dùng nó để dẫn các vị thác lý đạt thẳng tới đẩy độc ra mà đậu có thể mừng mù, đậu hậu sinh nhọt cũng dùng nó để dẫn các vị thuốc khác.

47. Ý dĩ. Có tác dụng ích khí trợ vị, trừ phong thấp, chữa cước khí, dẫn nước mù đi xuống, chữa tỳ hư ỉa ra bọt nước, tỳ yếu mụn đậu ướt át khó thu áp cũng dùng nó.

48. Mạch môn. Yên ngũ tạng, nhuận kinh, ích huyết, thanh nhiệt bổ tâm, nhuận phế, nên dùng trong trường hợp đậu đã 5-6 ngày phế khí hư yếu phát suyễn mà khát và chứng đậu không mừng mù, đậu hậu càng nên dùng, nhưng không nên dùng sớm quá sợ dẫn độc vào trong nếu bị ỉa chảy lại càng nên kiêng.

49. Khương hoạt, Độc hoạt. Đậu mới phát sốt nóng mình đau đầu đau bắt đầu mọc thì hai vị này không thể thiếu, bị vấp ngã bị đánh đập càng phải trọng dụng, giữa mùa hè với ra nhiều mồ hôi biểu hư thì kiêng dùng.

50. Sơn dược. Ích khí kiện tỳ, tư âm, trừ thấp, chỉ tà, kích thích ăn uống, phạm đậu hậu sắp mừng mù với đậu hậu bố hư đều phải dùng, chứng khí hư càng trọng dụng.

51. Thiêm ma. Chữa phong nhiệt choáng đầu, thông huyết khai khiếu chữa tê dai động kinh, phạm khi mới phát sốt thấy có các chứng kể trên đều có thể dùng.

52. Xích thược. Có tả mà không bỏ, chuyên giải quyết nhiệt chữa chứng huyết tỳ đau ít, đều dùng chữa độc đậu hóa ban tiêu sưng, tả nhiệt trong huyết, hành trệ trong huyết.

53. Tía tô. Phát biểu giải cơ, chữa đau đầu mình nóng ho có đờm dãi, phàm trước khi lên đậu nóng khan không có mồ hôi thì tạm dùng tía tô lá để phát tán, tía tô cành lại hành khí là thuốc giải cả biểu lý, tùy chứng chọn đúng đều có hiệu quả.

54. Tế tân. Tán tất cả các thứ phong, chuyên chữa đau họng, phàm đậu mới phát biểu với ngứa tet cũng có thể xen dùng, không nên dùng luôn, dùng nhiều.

55. Đơn bì. Chữa đậu, mát chứng huyết nhiệt, hỏa ban, trong trường vị có tích huyết sinh nôn ra máu, chảy máu mũi, tả hỏa ở phần âm, công hiệu phần nhiều là ở chỗ thanh nhiệt mà sở trường là hành huyết.

56. Hà thủ ô. Chữa đậu vịnh huyết không đủ, quá kỳ mà không thu áp, với bệnh kiết lý sốt rét lâu ngày, dùng nó rất tốt.

57. Nhục đậu khấu. (nhục quả) chữa đậu, vị hàn ía chảy nôn ỏi, yếu được chữa rét run nghiến răng, có tác dụng ôn trung khai vị, tiêu thực hạ khí, tỷ được bổ sẽ làm vận hóa tốt, trường hợp tả lý mới phát mà có hỏa tả thì chớ nên dùng sớm quá.

58. Cốc tinh thảo. Chủ làm cho sáng mắt, mắt có mây màng càng phải dùng nó, có khi dùng phân thổ bởi vì thổ hay ăn loại cỏ này, nếu ăn khi cỏ này chưa trở quả, thì phân thổ đó không dùng được.

59. Xạ can. Chữa đậu đau họng, không thể nuốt, khó thở, đậu hậu có kết hạch, tác dụng tá kết tiêu sưng, khi dùng bỏ cây lấy củ thái mỏng ngâm với nước Cam thảo phơi khô để dùng.

60. Sơn đậu căn. Chuyên giải độc đậu, chỉ thống, tiêu tất cả các chứng lở sưng, đậu hậu, cổ họng đau nhức, càng cần dùng nó, nếu là bệnh nhân ăn ít ía chảy hoặc hư hỏa bốc lên mà họng sưng đau thì kiêng dùng.

61. Dâm dương hoắc. Chữa đậu do dương kiệt mà không mọc được, hoặc mọc mà không mọc mũ được càng cần dùng nó.

62. Tiền hồ. Phàm đậu mới phát sốt còn ngờ chưa chắc, chứng phong hàn, ho có đờm cũng dùng.

63. Tỷ giải. Chữa đậu rất nhiều bọc nước không khô không thu áp được dùng nó để thấm khô thấp khí.

64. Lô căn. (tức rễ cau) chữa đậu mới phát, vị nhiệt thối mồm mũi hôi ra cả quanh miệng, đậu mọc đầy đặc rất nên dùng, tỷ vị hư hàn thì cấm dùng.

65. Đẳng tâm. (tức cỏ bắc) lợi tiểu, thanh tâm, giải nhiệt, công dụng như Mộc thông.

66. Kha tử. Chủ khai vị, sáp trường (chặt ruột) cầm ía chảy kiết lý, chữa ho, phàm người lên đậu mà tỷ vị hư hàn, ía chảy không cầm thì tạm dùng, nhưng do tính nó có sáp dễ làm ngăn trở sự thông khí ở cơ biểu, chứng khí hư mà dùng nó thì độc không phát ra được, cho nên tuy có tác dụng cố sáp cũng chớ coi thường.

67. Bào khương. (gừng chế, can khương) Ấm tỷ vị, điều hòa trung tiêu, các chứng tỷ vị hư hàn mùa ía lạnh ngất mình mát sắc đậu trắng nhợt thì nên dùng, nếu bên trong có chứng thực nhiệt nặng thì cấm dùng.

68. Ới khương. (gừng lùi) chữa đậu, mùa ía, da màu xám tro đậu không mọc được thì dùng để giúp sức với Sâm Kỳ chỉ ấu hòa trung, trợ dương phát biểu.

69. Sinh khương. (gừng sống) là yếu được chữa đau đầu nghẹt mũi ho hen có đờm do ngoại cảm hàn tà, cùng giải uất, khai vị, chỉ ẩu thổ. Chữa đậu thì tạm dùng nó khi ban đầu có cảm mạo phong hàn.

70. Thông bạch. (hành bóc trắng) chữa đậu lúc ban đầu, dùng nó để giải cơ, mùa hè thì cấm dùng.

71. Hồ tụy. (tức mùi ta, ngò rí). Khi đậu hoặc sởi khó mọc thì dùng hạt mùi 1-2 lạng, giã nát, nấu với rượu đem phun khắp cả người trừ đầu mặt nhớ tránh gió, đậu sởi sẽ mọc tốt, cũng có thể phun nước ấy vào giường màn áo chân của người bệnh để trừ uế tẩy độc.

72. Hạnh nhân. Tác dụng tán phong hàn đờm kết, đậu mới phát sốt có thể tạm dùng.

73. Đại táo. Yên trung khí, dưỡng tỳ vị, bổ khí sinh tân dịch, điều hòa dinh vệ, điều hòa các vị thuốc, nên dùng chữa đậu trong thời kỳ mưng mủ.

74. Long nhãn. Đậu thời kỳ mưng mủ, có thể dùng vị này vào thuốc bổ để góp phần thúc độc ra, nếu người bệnh có ỉa chảy, trợn ruột thì dùng ít.

75. Liên nhục. Thanh tâm, chỉ chứng phiền, kiện tỳ, khai vị, chỉ tả, đậu trong thời kỳ mưng mủ, thu áp đều nên dùng luôn, là vị thuốc chữa tâm , tỳ, vị.

76. Mật ong. hòa với dầu mè bôi cho vẩy khô đã thu áp, đậu sẽ dính chặt, vẩy sẽ bong.

77. Lộc nhung. (nhung hươu). Bổ mạnh vào tinh huyết, là vật hữu tình từ động vật khác mà ra, vị thuốc chủ yếu làm nốt đậu có đầy đủ nước và mưng mủ.

78. Linh dương giác. (sừng con dê rừng) thanh can phế, giải nhiệt độc, chứng đậu do huyết nhiệt nên dùng nó, so với Tế giác thì nó hay hơn về phần thanh tâm mà không lo cái hại làm cho độc ẩn nấp bên trong, cho nên dùng nó rất ổn đáng.

79. Xuyên sơn giáp (vẩy con tróc) rất tốt giải độc làm đậu mọc ra. Khi đậu hăm không mọc tất phải dùng tới nó, nếu không thế thì không cần dùng nhiều sợ lại hao khí huyết. Khi dùng nên đề phòng khô cổ họng, nên dùng vẩy ở chân trước, sao với đất vách dềng đồng cho vàng sẫm bỏ đất mà dùng, hoặc tắm sữa người sao dùng càng tốt.

80. Đầu náo gà sống.(công kê) làm đậu mọc rất tốt, phạm chứng đậu hăm không mọc, hoặc đậu ở đầu mặt không mưng mủ, cho ăn đầu gà thì rất hay, đang mưng mủ thì không cần phải ăn đầu gà mà ăn thịt gà cũng tốt.

81. Máu mào gà hòa với vô khôi tửu cho uống lúc đậu mới phát rất tốt. Bởi vì gà thuộc dương tính mà thuộc quẻ tổn, (phong) trong bát quái máu tại chỗ mào gà là nơi cao nhất tốt nhất, dùng nó rất hay.

82. Lộ phong phòng. (tổ ong, tàng ong). Trừ phong giải độc, trừ nhiệt, làm đậu mọc thưa nốt mụn, có tác dụng làm nốt đậu mọc phân minh, nếu đậu mọc dầy đặc thì 2-3-4 ngày dùng nó sẽ phân rành rõ rất tốt.

83. Thuyền thoái (xác ve sầu) chữa đậu sởi mọc chậm, tác dụng giải độc mà thoái phong nhiệt, làm sáng mắt, lại chữa ngứa ngoài da do phong ở bì phu. Phạm nhiệt nặng sắc đỏ tím thì dùng, hàn chứng thì kiêng. Lại có thuyết nói không cử hàn nhiệt hư thực, hễ thấy đầu mặt đậu không mọc thì dùng phần đầu, chân đậu không mọc thì dùng phần

chân, mình đậu không mọc thì dùng thân (con ve), bởi nó là thuốc giải nhiệt chữa ngứa rất hay, đậu bị đào hãm, hắc hãm đều có thể dùng nó rửa rượu sấy khô tán nhỏ cho uống với nước sôi, dùng chung với Sâm Kỳ thì chứng ngứa thuộc hư sẽ khỏi, nhưng bản tính nó là khai thông cơ biểu, thông lợi khiếu, cho nên dùng nhiều sợ lại tẩu tiết bớt nguyên khí mà dẫn tới tình trạng biểu hư.

84. Bạch cương tâm (tầm voi, tầm chết gió) chữa kinh phong đờm nhiệt tay chân run giật, trừ phong giải độc, phát cho đậu mọc, mưng mủ, khỏi ngứa, chữa đinh độc rất hay.

85. Đại long. (trùn đất) chữa sắc cao, bí tiểu tiện, đậu ban đỏ tím rất hay.

86. Tử hà xa (rau thai nhi) đại bổ huyết, phạm chứng đậu mà khí huyết đều hư thì dùng rất tốt.

87. Răng người (nhân nha) trừ tà khí ở thận kinh, phạm đậu bị hắc hãm, nghiêng răng thì nên dùng, hoặc nốt đậu màu tro hãm cũng dùng được. Nung vào lửa rồi đem tãi vào rượu, hoặc dùng độc vị, hoặc thêm ít chút xạ hương.

Nhưng tính của nó vốn mạnh dữ, phát biểu thái quá sẽ dẫn tới tai biến, trong thì động đến khí trung tiêu, ngoài thì đậu càng vỡ loét, cho nên cực chẳng đã mới dùng.

88. Phân người. Giải mọi thứ độc, chữa đậu đen hãm và chứng gập lúc thời tiết nóng quá mà phát cuồng chạy rông, dùng phân người đã khô vào thẳng chập ta, đi về phía đông chọn thứ khô cho vào lửa đốt cháy đến hết khói nghiền nhỏ mà dùng.

89. Sữa người. (Nhân nhũ) Bổ tinh huyết ngũ tạng, đậu không mưng mủ dùng nó để giúp sức, nhưng trẻ dứt sữa đã lâu mới uống dễ gây đi chảy.

90. Óc dê. Có tác dụng thanh nhiệt lương huyết, giúp cho đậu mọc.

91. Thịt dê non. Có thể giúp huyết làm mưng mủ.

92. Sâu dâu. (tức bù xè dâu- Tang trùng) Khi đậu mới phát dùng nó thì đậu mọc rất khỏe, hoặc đậu mọc rồi lặn ngay, dùng nó cũng rất tốt. Nếu người khí hư mà đậu hãm khó mưng mủ cũng dùng được, loại sâu dâu to con có tác dụng mạnh như Nhân sâm nếu lấy nước nó hòa với nước sắc Nhân sâm cho uống thì càng bổ và thúc đậu phát ra mạnh hòa với nước sắc Tử thảo lại có khả năng thanh nhiệt, thúc độc ra và thanh huyết nhiệt. Nếu đậu đã mọc hết mưng mủ đầy đủ lại bị ỉa chảy nữa thì chớ nên dùng quá.

Cảnh Nhạc nói: Sâu dâu không biết ai đã sáng kiến dùng nó chữa đậu từ dâu, ngày nay nhiều người cho là vị thuốc rất hay mà phổ biến cho nhau dùng, tôi thường đọc nhiều sách Bản thảo để tìm hiểu những vị thuốc chữa đậu sỏi đều không thấy sách nào nói tới bù xè cây dâu, xét về tính chất của nó chẳng qua là loài sâu bọ thuộc loạn âm hàn thấp độc mà thôi, chỉ vì nó có độc cho nên có thể làm đậu mọc, vì hàn thấp cho nên rất dễ hại tỳ, và chẳng muốn cho đậu mọc mà không nghĩ tới khí huyết lại dùng độc dược thì đậu tuy có mọc mà khí huyết bên trong đã hư rồi, huống hồ thấp độc xâm phạm vào hại tỳ thì trẻ con chịu sao cho nổi. Cho nên tôi thường thấy người uống nhiều bù xè cây dâu mỗi khi đậu mọc rồi thì môi và da đều nứt nẻ, vì tỳ hư cho nên ỉa chảy mãi không cầm, xe trước đổ xe sau phải tránh, tại sao cứ mê muội như đêm dài không tỉnh, vì họ chỉ thấy người ta chết bởi bệnh đậu mà họ không biết tai hại bởi bù xè cây dâu, tôi muốn kêu to

lên để cho người dùng biết phân tích hay đỡ mà quy tội cho người đầu tiên đã đề xướng cái sự đáng tiếc đó vậy.

93. Trần thương mễ (gạo để lâu năm) khi ẩm, có ích cho chân khí, điều hòa vị khí, trừ phiền khát mà cầm ỉa chảy, khi vị khiến ăn nhiều lên phạm chứng đậu mà ỉa chảy lại khát nước thì dùng gạo này rang vàng nếu lấy xông thì rất tốt.

94. Biễn đậu (đậu ván) dùng sống thì thanh thử dưỡng vị sao chín thì kiện tỳ chỉ tả.

BỆNH ÁN ĐIỀU TRỊ TRONG SÁCH CẨM NANG

Những điều linh hội nhiều nhất ở đoạn này Khí của trời đất ngày càng loãng (bạc) mà con người hấp thụ khí ấy, nên chính khí ngày càng hư hơn, chứng đậu có khí vì làm giải biểu dùng độc được quá nhiều chính khí không đủ để chống đỡ, phải chịu đựng sức thuốc mạnh dữ, thế độc vọt mạnh ra mà đậu mọc, nhưng lúc đó chân lông thớ thịt chưa mở, khí huyết đều hư làm sao điều hòa được chân tay và toàn cơ thể, cho nên nốt đậu cao sốt mà to, sắc đỏ tươi mà đẹp và chỉ mọc nhiều ở đầu mặt thôi đó là do hỏa tốc bốc lên vậy, có khi đậu mọc như hạt tằm, như mụn trái trứng (bach hời) phát sốt chưa lâu, chân lông thớ thịt còn kín đáo, tục gọi nền da chưa chuẩn bị mà khí hư không chủ trị được nên độc đậu đã tự ý phát ra, đó là hiện tượng do độc được mạnh đuổi độc tà ra ngoài, sắc như đơn như sỏi là do nhiệt độc nung đốt mà sinh khí xuất phát ra ở cơ biểu.

Nhưng hình nốt đậu như hạt tằm, như mụn trái trứng là thuộc khí, như đơn như sỏi là thuộc huyết. Đã đuổi khí huyết ra cơ thể biểu rồi sao lại bảo vì hỏa độc đốt mạnh? Thuốc hàn lương giả độc, thanh vị hóa ban thì trong không có khí huyết vận chuyển, khí hàn lương của thuốc lại làm tổn thương vị khí bên trong, muốn cho độc đậu không thừa hư hãm vào trong sao được.

Cũng có trường hợp khí huyết vốn hư, điều trị không đúng, đến nỗi độc hóa chưa hết, khí huyết đã kiệt trước mà chết, phạm chứng nói trên đều do hấp phụ vốn không đầy đủ, cho nên nói hòa với nguyên khí thế không song song tồn tại, nguyên khí đã hư thì độc càng mạnh và lại chứng đậu mới phát hể là chứng thuộc thận suy thì nên xét mạch ở bộ xích phù hay trầm, có lực hay không lực để mà dùng thuốc củng cố nguyên khí giúp thận nguyên tống độc ra ngoài, chớ có làm thuốc mát lạnh bức nhiệt độc bên trong, tạo thành chứng nguy không cứu được, còn như chứng đậu bên ngoài không có phong hàn bế tắc và những em nhỏ da trắng người mập, da mịn thịt nhũn và những con nhà được nuôi dưỡng đầy đủ thì chớ dùng nhiều thuốc sơ giải biểu làm chính khí không tự chủ trị độc đậu sẽ thừa hư mà chạy bậy ra ngoài. Nếu làn da thớ thịt thưa hờ biểu hư mà tà nhiệt đốt mạnh thì không đợi sức thuốc, đậu cũng mọc tất cả một lúc, nên nhân lúc đậu đã xuất hết ra, thế nhiệt tà hòa hoãn nhất thời, ngũ tạng lục phủ đang lúc được tạm yên ổn, lúc này chỉ có chính khí bên trong hư thì kịp thời cứu lấy phần âm hoặc dương đã suy kém, chiếu theo mạch mà bồi bổ, nên phạm thì cứ phạm, coi như không phạm, chỉ 5 - 6 ngày sau, mụn đậu sẽ mừng mù đầy đủ. Nếu đã đến thời kỳ mừng mù mà thế của hỏa độc đốt mạnh thì thuốc hư bổ cũng ngại không muốn dùng và công tư

bổ cũng khó mà hiệu nghiệm, tôi đã nghiên cứu và ban kỹ nghĩa lý ở trong môn phát sốt, như thế may ra 10 người còn có thể cứu được một.

Còn như đậu không chịu thu áp hoàn toàn thì nếu không phải là khí huyết hư, cũng là tỳ vị đã mất cái gốc hóa nguyên vậy. Phép chữa là điều hòa tỳ vị, bổ ích chân nguyên, nuôi dưỡng khí huyết. Nguyên khí thắng thì độc sẽ tự tiêu, đó là lẽ tất nhiên vậy.

Bệnh án 1 Cháu gái ông Tống Hiếu họ Tường, 8 tuổi, vốn bẩm thụ rất kém, bỗng thấy sốt nhẹ mặt tái xanh, chân tay lạnh, bụng đau, nôn ra nước, cổ nghèn, tinh thần mệt mỏi, sau bộ mạch rất nhỏ, trọng án như không có mạch.

Tôi nói: Đây là chứng nguyên khí vốn hư lại bị trúng hàn, tuy phải đề phòng đậu mọc nhưng rất khó dùng thuốc giải cơ, chỉ có thể dựa vào mạch mà dùng thuốc ô tán để vừa chữa chứng trúng hàn, lại vừa chịu được nếu có đậu.

Sách xưa nói: Nội thương nhiều chỉ nên ôn bổ, chính khí khỏe mới đuổi được hàn tà, tôi liền dùng:

Chích kỳ 2 đ/c

Bạch truật 3 đ/c

Dương quy 1,5 đ/c

Chích thảo 0,5 đ/c

Quế mỏng 0,8 đ/c

Gừng nướng, Đại táo làm thuốc dẫn sắc uống.

Sang ngày thứ hai, thần khí tỉnh táo hơn, mặt đỏ tái xanh, chân tay ấm đều, mạch đã khá, cổ đã vững hơn, mình sốt cao mà chứng đậu xuất hiện.

Chiều bài thuốc trên, bỏ *Hoàng kỳ* cho uống 1 thang, sốt cao hơn lên, ngày hôm sau đậu mọc và thần khí đã mạnh hơn, riêng mạch vẫn yếu không thấy hồng, tình hình tôi biết đậu sẽ mọc dày đặc, không dám vội tấn công, lại chiếu bài thuốc trên để ôn bổ khí huyết, để cho đậu lần lượt mọc. Quả thật, 3 - 4 ngày sau, đậu mọc dày đặc, may là không có tình trạng như xác rắn. Đó là cái hay ở chỗ ôn bổ khí huyết để khí huyết tự đẩy độc ra ngoài, nếu dùng độc được để công kích thì độc đã chạy tán loạn, mà xuất ra không sao tránh khỏi như hạt tằm, như mụn trái trứng, cứ theo bài cũ gia *Sâm Kỳ*, đậu và tinh thần ăn uống ngày càng tiến bộ, sau đó bệnh khỏi.

Bệnh án 2. Con ông Tống Hiến, 10 tuổi, nửa đêm phát sốt, sáng hôm sau đã thấy nổi nốt thành mảng sắc không hồng, lưng đau, mệt mỏi, sâu bộ mạch không có căn. Tôi biết bệnh nhi này về tiên thiên âm dương đều kém, tỳ nguyên khí yếu lắm, không có sức chống đỡ, độc thể được dịp lấn át phần dương nhưng tỳ thận đều hư thì không đủ sức đẩy độc ra ngoài, thế nhất định ẩn bên trong mà gây rối loạn, tôi liền dùng:

Thục địa 8 đ/c

Dương quy 3 đ/c

Bạch Truật 4 đ/c

Phục linh 3 đ/c

Chích thảo 0,8 đ/c

Thăng ma 0,6

Nhục quế 1,5- gia gừng tươi, Đại táo làm thuốc dẫn sắc uống.

Sáng hôm sau, hai má lên 1 loạt như tằm, như trái trứng, đầy kín không rõ nốt, sâu bộ mạch trầm vi, mệt lả, may mà hết chứng đau lưng, tôi biết khí trung tiêu đã hồi phục, như độc đậu không còn khu trú ở bán nguyên nữa đã có khả năng mọc ra cùng một lúc, lại không có khả năng nhập vào cùng 1 lúc hay sao? bởi chính khí hư quá đối, không còn sức chủ trì, mặc kệ cho độc khí tung hoành, nếu không thừa độc khí xuất hết ra ngoài mà bồi bổ chân khí điều hòa dinh vệ gấp thì làm sao thu được hiệu quả đẩy độc ra để nốt đậu mừng mù được, mới theo hai bước bỏ *Thăng ma*, *Nhân sâm* 3 đ/c sắc riêng

hòa vào uống, uống vào rất ổn.

Hôm sau, lại theo hai trước mà dùng *Nhân sâm* 5 đ/c sắc đặc riêng hòa vào uống nữa.

Hôm sau nữa, thần khí đã mạnh lên một ít, đã ăn được, mụn đậu ở má đã bắt đầu mọc nước, nốt đậu ở vùng trán đã hồng nhuận, chứ không còn thuần màu trắng như trước nữa, tôi nói: Lúc trước *Nhân sâm* chỉ dùng có 3 đ/c, chẳng qua là giúp sức cho *Bạch Truật* để củng cố trung khí ý muốn cho huyết được phát huy công hiệu trước vậy, cho nên nói: Dùng thuốc bổ huyết nhiều thì thuốc bổ khí ít cũng theo về bổ huyết tuy sắc đã chuyển biến nhưng chưa phải là hiện tượng vững chắc mà các chứng mụn nước trong suốt, ngứa tet, thế tất sẽ đến, không thể không bổ gấp về khí để giữ cho vững liền dùng:

<i>Nhân sâm</i>	6 đ/c	<i>Sinh Hoàng kỳ</i>	4 đ/c,
<i>Thục địa sao khô</i>	5 đ/c	<i>Bạch Truật</i>	3 đ/c
<i>Quy thân sao rượu</i>	2 đ/c	<i>Phục linh</i>	3 đ/c
<i>Chích thảo</i>	0,8 đ/c	<i>Nhục quế</i>	1,2 đ/c

Gia gừng lùi, Đại táo làm thuốc dẫn sắc uống sáng 1 thang chiều 1 thang sau mỗi lần đi đồng lại sắc *Nhân sâm* cho uống.

Điều trị như vậy ăn uống thấy tăng dần, tinh thần tươi tỉnh dần mụn nước mừng mủ dần, bảy ngày sau bỗng nhiên ngứa dữ, rồi đầu các mụn đậu gãi vỡ mất một nửa, may mà các mụn đậu đã đủ nước sau mới bị gãi vỡ độc đậu đã xuất hết ra ngoài, sức thuốc bên trong đã đầy đủ, độc không tác hại được, cứ theo phương trên gia giảm điều trị hơn 10 ngày nữa, đậu chín đều mà hơi có mùi hôi. Tôi bảo: đậu đã hóa hết ra ngoài rồi, dùng bài thuốc trên giảm *Nhân sâm* một ít, gia thêm ít vị dưỡng âm thoái nhiệt, giải độc, đậu bong vẩy để lại sẹo hồng tươi nhuận, tinh thần tươi tỉnh ăn uống tốt hơn lúc thường.

Người xưa có nói: Trước đậu mọc ba ngày cấm dùng *Nhân sâm*, nay cục chẳng đã mới dùng Kỳ, Truật, Quế, hai ngày rồi mới dùng *Nhân sâm* 3 ngày, lại tiến dùng Sâm Kỳ bổ mạnh, thật là bệnh tình, mạch lý nguy bức quá cho nên xử phương không thể không như thế được.

Bệnh án 3. Cháu bé ở Vương điểm trấn, tuổi lên 7, lúc bình thời hay uống rượu (?) ít ăn, người nghiện rượu thì chân âm bị tiêu hao, ít ăn thì nguyên khí suy kém, bỗng bị lên đậu phát sốt mê man bất tỉnh, ngày hôm sau tỉnh lại nhưng miệng không nói được, mắt mờ không trông rõ, thấy thuốc khác cho dùng thuốc sơ biểu công thức, đậu không mọc nhiều mà chứng kinh chứng quyết lại tăng thêm, mời tôi đến chữa, xem thấy sáu bộ mạch hồng sắc, mà to rỗng, nhịp mạch nhanh mà không đều, mình nóng như lửa, hai lòng bàn tay bàn chân và vùng tim càng nóng hơn, tôi nói: đây là chứng chân âm hư lắm, không tăng liễm được dương khí, thần khí không có chỗ nương tựa, phải bốc ra tán loạn, lại thêm dùng thuốc sơ giải càng lao chân âm, công biểu càng loạn thần chí, không nói được là do tâm không làm chức năng của nó, mắt không trông rõ là do âm không tự ánh sáng lại mờ mắt, ngũ tâm phiền nóng là tạng phủ đã khô ráo quá mức rồi, còn mong gì cơ khiến được trơn tru, khí được lưu thông để thành hình, huyết làm tươi sắc của đậu để đậu có thể mọc tầng tầng lớp lớp trên da thịt được nữa, huống nữa mỗi lần phát kinh quyết là một lần thần khí tán loạn, càng quyết càng tán loạn hơn, chưa nguy đến tính

mạng do đậu mà trước phải giữ lấy thần khí do kinh quyết vậy, tất phải tìm cứu đến nguồn gốc để không chữa bệnh mà đã chữa bệnh, liều dùng:

<i>Thục địa</i>	1 lạng	<i>Mạch môn</i>	3 đ/c
<i>Sinh đại</i>	6 đ/c	<i>Ngũ vị tử</i>	0,6 đ/c
<i>Nhục quế</i>	1,2 đ/c	sắc uống ấm	

Có người ngại dùng Ngũ vị có tính chua mà thu liễm, tôi nói, nếu dùng độc vị thì có khả năng ấy, nay dùng với Nhục quế làm chủ lực thì một vị tu liễm thêm vào càng tăng cái thể tán mạnh hơn, chính là ý tôi muốn mượn cái tính liễm nạp của Ngũ vị để thu hồi cái khí nguyên dương đã bốc ra tán loạn, theo với tính cay ấm của Nhục quế mà trở về đúng vị trí của Mệnh môn, chân hỏa đã quy về nguyên chỗ thì cái độc hại mây mù sẽ tự hiện rõ ra ngoài, thần chí sẽ hồi phục, tỉnh táo, mắt sẽ tự sáng ra, không cần phải nói nữa. Liễn cho uống 1 - 2 thang, quả nhiên bệnh khỏi.

Bệnh án 4. Cháu gái quan Tướng quốc bị lên đậu nặng và phát kinh quyết vài lần rồi mất mồi, thần chí loạn mà đậu khó nhọc, mình hơi sốt mà sáu mạch trầm tế, ấn nặng tay thì mất. Đó là do chính khí hư quá không thể chịu đựng được công kích của hỏa độc, càng kinh quyết thì chính khí càng hư. Bệnh án trên nói trên mạch hồng sắc to rỗng là trách bởi chân âm không đủ, không liễm nạp được dương khí, để cho dương khí không nơi nương tựa mà tán loạn ở trong, hồi còn sức đâu nữa để trục độc ra ngoài. Bệnh án này sáu mạch trầm tế mà vô căn là trách bởi chân dương chính khí suy kém không đủ sức đưa độc khí ra ngoài liền dùng:

<i>Bạch truật</i> (sao rượu)	3 đ/c	<i>Quy thân</i>	1,2 đ/c
<i>Phục linh</i>	1,5 đ/c	<i>Chích thảo</i>	4 phân
<i>Nhục quế</i>	0,6	<i>Giàng lùi</i>	

A giao, Đại táo làm thuốc dẫn, sắc uống, một thang thì đầu mọc, hai thang thì tinh thần tươi tỉnh, ba thang mắt sáng ra, nốt đậu sáng đẹp, mà tinh thần và ăn uống tiến bộ gấp mấy.

Hai án trên về chứng kinh quyết mất mồi là giống nhau còn khác nhau là mạch hồng sắc với trầm vi, dùng được cứu âm cứu dương cũng khác hướng cho nên mới phát sốt hơi nhẹ, đến ba bốn ngày đậu vẫn chưa mọc thì chờ nên vội cho là độc nhẹ độc ít, như tinh thần tỉnh táo, ăn được, kiến điểm nhọn trong, hồng nhuận, sớm tối dễ thấy đây mới thật là đậu nhẹ đậu ít, nếu mình nóng tuy nhẹ, đến ba bốn ngày mà mỗi một không, ăn uống, nốt đậu trắng không sáng, không dễ mọc lên, đây là khí huyết hư yếu khôn, thể đẩy độc ra ngoài, kịp dùng thuốc ôn trung ích khí, cố vũ dinh vệ, để đẩy độc ra, nặng thời uống liên tục ba bốn thang, trung khí mới vươn lên được để tống độc ra, đậu nhất định sẽ mọc nhiều, nếu không hiểu như thế rồi coi thường, làm qua loa, để năm sáu ngày sau độc khí công bên trong thì khó cứu vậy, nếu thấy chứng miệng khô lưỡi ráo mà dùng thuốc độc thanh lương sẽ càng tăng thêm cái hỏa lạnh giá công ngầm bên trong, cố nhân có nói sốt nhẹ thời độc nhẹ có thể đủ tin hay sao? đến như thuyết nói trước sáu ngày dùng dùng ôn bổ, có thể đủ câu nệ hay sao? Cho nên thoát đầu phải phân ra hư thực hàn nhiệt, thực nhiệt, phải phát cái ung trệ, hư hàn thì bổ khí huyết để đẩy độc ra, và lại về đậu trước sau có hai cái hiểm khó lường, một là độc thịnh hai là thể thể hư, khi chưa mọc ra ba bốn ngày mà chết đều do độc thịnh, chữa phải thuận theo thể của nó để khơi cho nó mọc ra, đừng dùng thuốc hàn lương giải độc làm cản trở nó thời độc tuy

thình chưa ắt chết vậy, khí đến lúc bong vẩy hoặc do ăn uống nhầm hoặc do uống thuốc nhầm mà chết đều do thể hư cả, chữa phải xét cái hư mà bổ dưỡng nó, càng phải phòng hư mà dùng thanh giải, thời tuy hư cũng chưa ắt chết.

Bệnh án 5. Thực đáng tin rằng thuyết nói chân âm dương vô hình mà nó lại là gốc của sinh mệnh con người? Hơn nữa, chữa đậu cần phải xét đến nguyên khí của người chứ không chỉ dựa vào hình chất mà thôi.

Con trai thứ sáu của tôi bẩm thụ khí huyết của mẹ vốn yếu, thân thể béo bệu, da trắng nhợt, phần thịt thắng phần xương, đại tiện táo bón, mỗi lần đi ngoài rất khổ sở, người không hiểu biết cho là tỳ vị khỏe, thật ra đó là do tán dịch trong ruột vốn ít cho nên phân mới táo, phần khí trong ruột thiếu cho nên đi ngoài mới khó khăn hơn nữa lúc chưa giáp tuổi tôi, cháu bị chứng khí từ dưới rốn đưa ngược lên, ho mãi không thôi, có lần Nhân sâm 1 đ/c, Hồ đào 2 quả sắc cho uống thì khỏi, sau đó bị lại, dùng thuốc trên không hiệu quả nữa, đổi dùng Bát vị gia Ngưu tất Ngũ vị sắc uống rất tốt, tôi bèn cho làm thành viên, cứ mỗi sáng sớm cho uống hơn 1 đ/c, với nước sôi. Nhưng vì cháu vốn yếu không có sức chống đỡ thường ốm quật quẹo luôn, mười bữa nửa tháng lại 1 lần ốm thì buồn rầu bứt rứt không chịu nổi. Tôi xét các hiện tượng cảm lạnh phát sốt biết là dương khí không đủ, liền cho dùng loại thuốc cay ấm bổ khí để phát tán như loại gừng tươi, Linh sâm, Truật, Tía tô, Bạc hà, Quế, như cảm nóng phát lạnh biết là âm không đủ, dùng các vị cay nhuận dinh khí để giải đi, như loại Dương vinh thang, Đại hoàng thang. Nếu dinh trệ phát sốt biết là tỳ khí không đủ thì trong thuốc phủ tỳ, gia thêm các vị kích thích tiêu hóa, nếu có dương vượt lên mà phát sốt không lui nhất định phải xét nguyên nhân, trường hợp tỳ hư thì dùng thuốc ngọt ấm để bổ, thủy ở trong phần âm hư, dùng thuốc bổ thủy để chế, hòa trong âm hư thì dùng tước bổ vào gốc của hỏa mà tiêu phần âm ế, cốt sao cho tráng hỏa vì thiếu hỏa mà quy về mệnh môn, chớ có để tráng hỏa tự ý thoát hết ra ngoài, bởi vì bệnh phát ra chứng trạng hữu dư hôm nay chính cũng là lúc chính khí đã hư, nếu theo cách chữa ngọn mà công trực thì chính khí không đủ mà sức thuốc càng không đủ đuổi được tà, hư ngày càng thêm, tinh thần lầy đầu mà khỏe lên được, cho nên tôi cứ điều trị như thế từ trước đến nay bệnh tật ngày một ít đi, tinh thần ngày một khá hơn, nhưng người béo bệu, phần thịt thắng phần xương, da nhợt nhạt, vốn là bẩm thụ tiền thiên bất lực, bởi vậy khi lên đậu nhất định không sao tránh khỏi cái nạn thận hư độc tà hoành hành bên trong, tôi lo lắm, không ngờ mồng 5 tháng 5 phát sốt đỏ nhiều mồ hôi, phiền nóng càng nặng, phát sốt chưa được 1 ngày kiến điểm ở góc trán gần thái dương bên phải màu trắng hơi tối, sờ không gợn tay, muốn dùng thuốc công kích thì sợ đậu sẽ mọc ủa ra 1 loạt, muốn dùng thuốc đẩy ra lại sợ mồ hôi ra nhiều rồi, sốt đã cao, lo hơn nữa là trước nay thận âm vốn hư nay lại khô kiệt thêm. Một khi thận âm đã kiệt thì âm hòa càng nhanh, phiền táo càng tăng, hỏa tà đốt mạnh thì nguyên khí càng cao, thể nguy khốn càng nặng, đậu sẽ dựa vào đầu mà mọc ra, tươi sắc mà tốt đẹp được, tôi đoán rằng, không thể dùng phép chữa đậu thông thường mà có thể giải quyết nổi, vì vậy suốt 1 ngày chỉ dùng đại lễ Lục vị địa hoàng thang gia Thăng ma, cho nhũ mẫu uống liền hai thang để cho thận âm không đến nỗi kiệt mà nốt đậu tươi tốt, đậu độc không ẩn nấp ở thận được, hai ngày sau đậu đã dần dần mọc lên không sợ tán loạn bên trong nữa nhưng sắc đậu vẫn không khác sắc da thường mình thấy chân tay bệu nhão, trên mặt lờ mờ như mụn trái trắng, đó là âm hư sắc không tươi được hưởng nữa

mình nóng ra nhiều mồ hôi phiền táo vẫn như cũ mà thần khí càng nhọc mệt hơn thời âm tân dương khí đều hao ở ngoài lại không thể dựa vào trung khí, điều bổ chân âm, tư bổ nguồn gốc, nên sự buồn phiền vật vã, thu liễm dương khí tán mạn, trục cái độc mây mù, thanh cái trọc khí, để cho khí thanh dương có thể đưa lên sao? Cho nên mới dùng:

<i>Thục địa</i>	6 đ/c	<i>Bạch truật</i>	2 đ/c
<i>Ngưu tất</i>	2 đ/c	<i>Mạch môn</i> sao khô	2,5 đ/c
<i>Ngũ vị tử</i>	0,4	<i>Nhục quế</i> (thứ ngọt nhiều)	0,5 đ/c

Sau khi uống thuốc, sốt cao có giảm, mồ hôi ra có giảm ít, chứng buồn phiền vật vã có đỡ, nốt đậu lục tục mọc dần lên.

Ngày thứ ba, ở chân tay đậu mọc rất nhiều và khắp, ở đầu mặt tuy có mà không lớn lên được, sắc nốt đậu vẫn trắng như mặt da thường. Tôi hiểu là khí huyết đại suy không cần phải nói nữa, và chẳng ở đâu đậu mọc chưa khắp mà ở chân tay đã mọc nước cương lên, đó là tỳ nguyên bất túc can đã tự ý đưa dương khí ra, chân tay một khi đã mọc nước cương lên trước thì ở đầu sự kiến điểm và cương lên càng khó, huống nữa tương lai thủy bao phát ngứa sẽ đến vậy, bèn dùng:

<i>Khung</i>	<i>Quy</i>	<i>Kỳ</i>	<i>Truật</i>
<i>Chích thảo</i>	<i>Quế tâm</i>	<i>Thiên trùng</i>	<i>Giác thích</i>

Thêm gừng nướng, đại tá làm thuốc dẫn, sáng uống 1 thang không dùng Nhân sâm, chiều uống 1 thang có Nhân sâm hơn 1 đ/c, như đã nói "nên phạm thì cứ phạm, coi như không phạm", há câu chấp theo định luận của người xưa cấm dùng Nhân sâm trước ba ngày hay sao?

Ngày thứ tư. Đậu tuy mọc mà không có thần, sắc vẫn không tốt, màu trắng như cũ, chỉ có thể đại bổ nguyên khí kiêm bổ tỳ nguyên làm chủ liệu dùng:

<i>Sâm,</i>	<i>Kỳ,</i>	<i>Khung,</i>	<i>Quy,</i>
<i>Linh,</i>	<i>Truật,</i>	<i>Quế tâm,</i>	<i>Chích thảo</i>
<i>Thiên trùng,</i>	<i>Giáp Phấn,</i>	<i>Giác thích</i>	gĩa gừng nướng, Đại táo

làm thuốc dẫn sắc uống.

Ngày thứ năm, đậu tuy đã mọc hơi cao mà chưa có thần, sắc tuy hơi đỏ mà rất nhạt, thuốc chỉ dùng các loại bổ khác như Sâm, Kỳ, Quy, Quế, Chích thảo, Thiên trùng, Giác thích, Giáp phấn, Khương, táo mà thôi.

Ngày thứ sáu. Nốt đậu tuy hơi lớn nhưng vẫn trệ, sắc tuy hồng nhạt những mà khô, tôi nghĩ có thể do chân âm chân dương tiên thiên, vốn không đủ, tuy đã dùng thuốc đại bổ khí huyết, nhưng vẫn còn chưa đủ sức tông độc ra hết, bởi dùng thuốc tự hủy thì có thể dưỡng huyết nhưng trong thuốc dưỡng huyết không tự hủy vậy, liền dùng:

<i>Thục địa</i>	5 đ/c (để tự hủy)
<i>Nhục quế</i>	0,8 đ/c (để bổ hỏa).
<i>Nhân sâm</i>	3 đ/c làm chủ lực bổ khí chân nguyên

Ngày thứ bảy. Thủy bào ở hai chân tay đã nhiều mà ở vùng mặt vẫn khô ráo không tươi, đại tiến trước cứ hai ngày/lần, mà phân rất táo, nay bỗng đi ỉa lỏng hai lần mà đánh đấm luôn, vì vậy, thực địa tuy có công bổ âm nhưng vì trung khí đã hư quá, tuy có Sâm Quế cũng không đủ sức vận chuyển tân dịch thông đạt ngoài để đậu được mọc nước mà vẫn phải chịu cái thế khí hãm xuống dưới sinh đánh đấm, sinh ỉa lỏng, cách hư thì lấy

dương khí đầu để giữ cho không ỉa lỏng, cho đầu được mừng mù, cho không đảo hãm được Liên dùng:

<i>Nhân sâm</i>	5 d/c để bảo vệ nguyên khí
<i>Bạch truật</i>	2 d/c củng cố trung tiêu
<i>Chế phụ tử,</i>	0,6 d/c để thông kinh lạc.

Lại sợ độc đầu tà tán loạn bên trong chạy xuống nhanh quá, nên lại dùng: Chích thảo 6 phân để hòa hoãn bớt, bốn vị này sức lớn, công dụng chuyên bổ khí trung tiêu nhờ đó mà đầy đủ, tân dịch nhờ đó mà thông đạt hết ra ngoài, nhưng muốn cho tân dịch thông đạt hết ra ngoài lại không dùng Quế chỉ được sao? liên dùng 3 phân làm sứ, uống như thế mỗi ngày 1 thang, thực hiện được vài ngày thì qua 1 đêm, đầu mặt và toàn thân tất cả, mụn đầu đều hóa mù, đều chín, từ mọng nước trong hóa thành mù đặc, nhưng đau đớn, kêu khóc khó chịu, bèn sắc Sinh mạch tán cho uống để tiếp bổ nguyên khí, nuôi dưỡng cho mù đầu chín tới, nếu không sợ vì đau quá không chịu nổi sẽ tổn thương thần khí, dẫn tới thể đầu chín sẽ bị ngừng trệ.

Tám, chín, mười ngày sau cứ sáng chiều cho uống bài Sinh mạch kèm theo hơn 1 d/c Bát vị hoàn, dần dần đóng vẩy, tinh thần ngày càng tươi tỉnh, ăn uống ngày càng tăng tiến các chứng phiền, khát táo cấp trước đây đều được khỏi cả như thế là nhờ điều nhiếp tốt. Sau đầu bỗng lại thấy mu bàn chân phù nề, hai bàn chân càng phù hơn. Tôi nghĩ đó là do vị khí quá hư, chân tay thiếu sự nuôi dưỡng, hai chân phù nặng hơn là do khí hư không đưa lên được, liên dùng:

<i>Nhân sâm</i>	1,5 d/c	<i>Chích thảo</i>	0,6 d/c
<i>Chích kỳ</i>	1,3 d/c	<i>Bạch truật</i>	2 d/c
<i>Phục linh</i>	1,5 d/c	<i>Quy (sao rượu)</i>	1 d/c
<i>Thăng ma</i> (mật, rượu sao)	0,3	<i>Sài hồ</i>	0,3 d/c

Gia gừng lùi, đại táo làm thuốc dẫn, sắc uống, vài thang thì chứng phù nề hết, nhưng móng tay, móng chân đều vàng mà khô đó là can huyết thiếu, chân yếu không đứng vững đó là thận khí đại hư, liên dùng Lục vị gia Đại cốt bì, Liên nhục làm viên, mỗi sáng sớm cho uống 2 d/c để tu bổ can thận nuôi dưỡng gân cốt, trưa cho uống Bát trân để dưỡng tỳ vị, giúp cho công năng hóa nguyên được tốt.

Bệnh án 6 Cháu đầu lòng con của anh cả tôi, vốn bẩm thụ tiên thiên chân âm không đủ, bình thời hay ăn của ngọt như hoa quả bánh trái mà cơm cháo lại ăn rất ít, đến nổi tỳ hư thấp nhiệt sinh ỉa chảy bên ngoài thì lở loét khắp người, trong bụng nhiều lãi, lúc lên 5 tuổi khoảng tháng năm, thấy phát sốt rồi lên đầu màu đỏ tím mà không nhuận, từ sáng tới chiều không thay đổi đó là do vốn bị lở huyết thiếu huyết nhiệt mà trệ vậy, bởi vị khí hư đã lâu thấp nhiệt lại nặng, 1,2, ngày không được dùng thuốc thăng thác thanh giải lương huyết như loại Thăng ma, Cát căn, Thuyền thoái, Thiên trùng, Cam, Cát, Ngưu bàng, Sinh đại, Mộc thông, Tử thảo, đợt tre, hơn nữa cốt khí suy kém lâu ngày, lãi nhiều sinh quyết lạnh tay chân, bụng đau, nôn mửa. càng rất khó cho uống thuốc, mỗi lần mửa ra vài con lãi dài cả thước, càng mửa càng hư càng hư càng mửa, cơm cháo không ăn được tí gì, thể rất nguy ngập. 5 - 6 ngày liên chỉ dùng thuốc ôn bổ để công thác, vừa giữ vững trung khí, không cho đầu đảo hãm, thuốc dùng như Sâm, Kỳ, Nhục quế, gia gừng nướng, đại táo, lam thuốc dẫn uống và được 1 lúc lại mửa ra ngay, đã 7 - 8 ngày rồi, đầu tuy mọng nước, nhưng vì thượng thổ hạ tả nên tân dịch không đạt ra

ngoài thì đậu làm sao có thể mọc nước đầy đủ được, lại dùng:

Sâm	5 đ/c	Truật	3 đ/c	Bào khương	1,5
Chích thảo	0,6 đ/c	Phụ tử	0,8		

Thuốc uống vào lại mưa ra liền, tôi nghĩ: Sức thuốc tuy mạnh mà uống vào lại mưa mất rồi chưa có thể thông kinh hoạt lạc được cho nên vẫn cứ mưa, lại dùng thuốc trên gia thêm rượu mạnh 3 đ/c, uống vào mới đỡ và chỉ mưa mất một nửa nhưng ỉa chảy vẫn không cầm, đậu vẫn khô không mọc nước, tất cả đều do tỳ nguyên trung khí vốn hư không thể vận hành tán dịch để thu nhuận khắp cơ thể, mà tấu lý của tam tiêu trường vị lại uất kết, cho nên uống nhiều cũng chỉ nằm lại ở trung tiêu mà không thể thẩm nhuận ra ngoài được đến nỗi trong ướt ngoài khô, lại dùng:

Nhân sâm 3 đ/c, bổ nguyên khí làm quân

Bạch truật 2 đ/c, củng cố trung tiêu làm thần

Chích thảo 0,4, để hoãn cái thế đi chảy làm tá

Ma hoàng 0,8, bỏ đốt, tẩm rượu sao vàng sém, lấy cái khí nhẹ bốc mà đưa cái thuốc không đạt ra ngoài da.

Sinh phụ, 0,6 thông kinh, hoạt lạc, mềm chất rắn thúc mù, trợ dương, đạt biếu làm thuốc dẫn.

Uống như vậy được 1 thang mới đổi cái khí thấp nhiệt trong trường vị ra ngoài da hóa hết thành mù, cái độc ngưng trệ lâu ngày cũng nhờ thuốc đó mà giải. Thấp nhiệt đã hết thời lâu tích trong bụng cũng khô mà yên ổn, trước sau ra được 26 con, từ đó về sau cho uống Độc sâm thang, điều lý ăn uống, cấm ngặt không cho ăn các của ngọt, béo, sau khi đậu bong vẩy, thì hàng ngày cho uống Lục vị hàn 2 đ/c, nhờ đó mà ăn uống, tinh thần đều tiến bộ rất nhanh.

Bệnh án 7. Cháu gái ông họ Tường, lên 6 tháng, mới sốt nửa

ngày đã thấy lên đậu, sắc mặt xanh nhợt, tôi đoán trước là đậu sẽ mọc rất dày và nước mọc sẽ rất trong, quả thật khi đậu mọc đã dày kín không có tầng lớp, ở lưng ngực hay chân đậu mọc hình như tổ nhện, như da rần, mà từ chân và mặt đã ba ngày mà đậu vẫn khô và trắng nhợt, đậu ở lưng và cổ lại tím hãm không tươi, cần phải biết nguyên khí đã lại trệ, dính huyết không thể theo khí mà vận nánh, cho nên ở mặt giống như hiện tượng khí hư, ở mình thì giống như hiện tượng huyết nhiệt, thật là vì khí huyết hư không đủ sức lưu thông cho nên ngưng trệ mà sắc đậu trở nên tím, gốc đậu không nổi lên khỏi mặt da được còn tản mạn, thật ra là đều do khí hư cho nên mới thế, lập tức cho dùng thuốc ôn bổ đầy độc, sáng sớm uống 1 thang, trưa uống 1 thang, thêm Nhân sâm 4 đ/c sắc riêng hòa vào uống tối đến lại dùng Nhân sâm 3 đ/c sắc đặc cho uống nữa, thuốc dùng các loại như Khung, Quy, Kỳ, Quế, Thiệu trùng, Giác thích, Sơn dược, Chích thảo.

Từ ngày thứ tư đến ngày thứ bảy thứ tám đều dùng thuốc bổ mạnh không lúc nào ngơi, gốc đậu dần dần nổi cao khỏi mặt da, sắc đậu khô hãm được nhuận mượt dần lên, nước đậu trong suốt thành mù đặc dán, những chỗ như tổ nhện, như da rần, dần dần biến thành mọc nước, rồi vỡ loét mà khỏi.

Bệnh án 8 Một cháu trai 5 tuổi, thường ỉa lỏng, ăn ít, hơn nữa vốn bị nội nhiệt sinh lở lảy, một hôm ốm phát sốt, nôn mưa nhiều, mời tôi đến khám, tôi thấy ở góc trán bên phải có dấu hiệu lên đậu, sau 2 ngày nốt đậu vỡ, dùng dầu Yên chỉ tô vào, hiểm vì

ho sặc nhiều trong thuốc phát biểu thêm nhiều thuốc thanh lợi hầu hòng.

Ngày hôm sau. Thấy sắc điểm rất đỏ tím, vẫn dùng thuốc lợi yết hầu, thác biểu, lương huyết.

Hôm sau nữa. Sắc đỏ tím không giảm, đầu mặt, toàn thân đậu mọc kín mít, chột nốt đậu lại bằng, dùng phương trước gia thuốc thấu biểu thác lý.

Ngày thứ tư. Sắc đỏ tím tươi hơi giảm nhưng đậu vẫn chưa chịu nổi lên mặt da, may là tiếng nói vẫn trong trẻo, không đau đớn lắm, đó là nhờ cái hay của sự thanh lợi vậy.

Ngày thứ năm. Đỉnh nốt đậu chưa nổi cao lên, sắc tím vẫn không thay đổi, muốn thúc cho thanh huyết nhiệt, mong nước mà lại ngại, muốn lương huyết nữa lại sợ khí hư dễ sinh ỉa chảy đành phải trong thuốc thấu thác dùng nửa thanh nửa bổ thúc cho mong nước.

Ngày thứ sáu. Hình sắc đậu vẫn thế, dùng phương trước, nhưng sắc riêng Nhân sâm hòa vào uống, ngày hôm sau, những chỗ đậu chưa mọc lại thấy mọc lên vô số, lớp mọc trước đỉnh vẫn trắng mà gò vẩn tím, dùng phương trước gia nhiều Nhân sâm vào, đậu mới dần dần mong nước được 1 - 2 phần.

Ngày thứ 8, 9. Phát sinh ỉa chảy, nghiêng răng, sắc đầu màu tro đó là huyết nhiệt đã hơi thanh mà chứng hư thể hiện rõ, liều dùng Bảo nguyên thang gia Khương, Quế rồi chứng ỉa chảy nghiêng răng tự hết mà sắc mong nước vẫn nguyên như cũ, ngày hôm sau mới thấy hơi mừng mủ, đó là vì khí đã hư huyết cũng hư cộng thêm huyết nhiệt, hơn nữa mụn mọc lại nhiều lắm sao mà mong nước cho đủ, may mà khi đậu mọc độc khí tiết ra còn ít, và lại lên đậu song song với ỉa chảy cho nên thoát đầu tuy có ho sặc mắt tiếng nhưng đậu vẫn mong nước được, may mà không gặp cái nạn đau họng an khó, hơn nữa thường khi thấy khí hư huyết nhiệt thì trong khoảng 5 - 6 ngày huyết nhiệt giải được ít, khi càng hư nhiều thì cái thể ỉa chảy, sắc đầu trắng nhợt, đào hãm, tất nhiên phải đến, lúc này mà dùng Sâm thì lại đi ỉa chảy mất, thành ra Sâm cũng vô tác dụng, cho nên không dùng đến những vị động khí hại tỳ mà chỉ dùng những vị thấu thác trợ lý, còn như huyết nhiệt chưa thanh, khí hư phải cứu gấp thì Nhân sâm vẫn phải dùng. Tử thảo cũng cho những sợ Tử thảo tính nóng hàn nên phải bội gia gạo nếp để chế bớt, phù chính khu tả điều lý cẩn thận như vậy nay đậu nước trong mà mọc khắp cả người, hơn nữa vốn bọ lở ghẻ huyết kém khô mong nước, nhưng độc đã xuất được ra ngoài cho nên an được mà bụng không đầy không bị sưng thờ, sau 12 ngày khí huyết bắt phải hết sức điều bổ cho trung khí không bị hư suy, sau 12 ngày khí huyết bắt đầu hồi phục, tự nó có thể đẩy độc thành mụn, độc khí không còn chỗ dung thân, sẽ phải tìm lấy một chỗ ở bên ngoài để xuất mà thôi, quả thật như vậy, sau 12 ngày phát mụn to trên đỉnh đầu, thế là độc đã khu trú tại 1 chỗ, có thể dùng thuốc bổ thác vậy, cho nên ngoài dùng thuốc cao hút độc làm cho mụn đậu von cao lên và để làm mủ, quanh mụn dùng thuốc hấp, không cho độc khí tán man rộng ra tổn thương da thịt, trong cho uống thuốc bổ thác giải độc.

Bệnh án 9. Em bé họ Vương, mới hơn 1 tuổi bị lên đậu đã 4 ngày, mới tôi chữa. Thấy đậu tuy đã 4 ngày mà mụn độc chưa rõ, vùng trán đậu hình như đám mây như bánh gối màu xám tro, lưỡi có rêu trắng. Tôi nói: Đây là độc đầu chưa xuất, còn ẩn nấp ở vùng đơn điền, phải dùng thuốc thang để thấu thác mạnh cho uống 1 thang thì đậu

mọc, hai thang thì sắc đậu chuyển đỏ tươi nhuận, ba thang thì hai bên má và toàn thân đều mọng nước, chỉ riêng vùng trán thì y như cũ, bèn dùng Sâm, Kỳ, Chích thảo, Quan quế, nó mới chịu mọng nước mừng mù, thu áp mà khỏi, như vậy thì "mấy che thiên đình là triệu chứng chết" cũng không phải là chết cả.

Bệnh án 10. Cháu 1 ông họ Từ, chưa giáp tuổi tôi, bị lên đậu, đậu mọc rất dày, hai gò má như có trắng tằm bám vào, sắc đỏ như son, ho hắng, ỉa chảy, tinh thần rất kém, lại còn bị ỉa chảy nữa, khí huyết đều hư, bệnh tình thêm nặng, chủ nhà khẩn khoản nhờ cứu chữa cho, tôi dùng các vị lương huyết dưỡng huyết thấu thác độc là, 3 - 4 ngày sau sắc đỏ tím có giảm một ít mà hai gò má lại khô ráo, tôi nói: đó là do đậu mọc quá nhiều, huyết thời thiếu quá không lấy gì để mọng nước, độc không mọng nước mừng mù được thì độc tà biết giải vào đâu? Cái tai hại độc tà công phá bên trong rất khó tránh khỏi, chỉ còn có 1 cách là hết sức mình cùng chống chọi với độc, độc khi muốn tàn hại bên trong mình thì hết sức đẩy nó ra, khí huyết muốn kiệt thì mình hết sức bổ tiếp vào, khí huyết hồi phục thì đậu sẽ không đen hăm ở ngoài, khí của tạng phủ được sinh phát ở trong thì hóa độc có thể tiêu giải ra ngoài, chớ có đại khờ để cho độc khí hăm vào làm hại bên trong, bèn trọng dụng thuốc bổ thác ngày cho uống hai thang mỗi thang dùng Nhân sâm 5 đ/c, sau mỗi lần đi ỉa lại sắc Nhân sâm cho uống, thuốc dùng những vị như *Thục địa* sao khô, *Sơn dược*, *Giác thối*, *Thiên trùng*, *Nhân sâm*, *Hoàng kỳ*, *Chích thảo*, sau dùng thêm cả *Nhục quế* nữa.

Sáu bảy ngày sau, màu trắng như thiếc đã ngả sang màu vàng và hơi nhuận, nốt đậu mọng dính vào da thịt đã đổi cao hơn, thành vảy dày hơn, chỗ hai gò má và dưới cằm đậu chưa mọng nước.

Đến 8 - 8 ngày những chỗ hòm đã đầy cao lên, đầy lên, màu sắc tươi nhuận lên, phải chăng đó là công lao từ vô hình sinh ra hữu hình của Nhân sâm?

Sau 12 ngày, nguyên khí được hồi phục 1 ít, độc khí được độc ra ngoài thành lở lảy, thành mụn nhọt, thành lở miệng... thì tùy chứng mà chữa, sau hai tháng bệnh khỏi hoàn toàn.

Ông Bành là người hiểu sâu y lý, cùng chuẩn bị với tôi thường nói cách chữa đó không phải chữa đậu mà là chữa đậu vậy.

Bệnh án 11 Em bé họ Chu, 9 tuổi, sốt cao như lửa đốt, thối mồm, mình nổi ban tím, đau lưng, đầu mọc đầy kín, chột đậu lốm mà màu tím, đó là chứng huyết nhiệt kiêm khí hư, tôi dùng đại tể thuốc thấu thác, thanh lương, hòa ban, như *Thiên trùng*, *Sơn giáp*, *Đơn bì*, *Sinh địa*, *Hồng hoa*, *Huyền sâm*, *Ngưu bàng*, *Xuyên khung*, *Linh dương giác*, *Cát cánh*, *Trần bì*, *Cam thảo* cùng với *Địa long* sắc lấy nước già thêm mang tre ba cái, *Tử thảo* 5 đ/c, uống vào đậu mọc đều, vẫn dùng nguyên phương gia giảm, thêm *Hoàng liên* sao rượu 5 phân, để thanh nhiệt lương huyết đẩy độc.

4 - 5 ngày sau, sốt đã bớt, thì bỏ *Hoàng liên* chỉ dùng bài trước gia giảm.

6 ngày, chứng huyết nhiệt đã đỡ mà lại sinh ỉa chảy, nhưng cũng may là nhờ dùng thuốc đẩy ra mạnh đó, độc khí không đến nổi hăm vào trong tôi nghĩ, nếu không tận lực thì cũng khó cứu sống, bởi vì trường hợp bệnh này tuy khí đã hư thật kiêm huyết lại nhiệt quá, huống nữa một ngày mà sốt cao chưa hết thì dùng thuốc bổ cũng khó lòng, thật là khó xử, khó dùng thuốc bổ thời trường hợp khí hư quá ấy lấy gì mà đắp vào? nay

còn thêm là chảy, hư chứng đã xuất hiện trọn vẹn thì phải dùng thuốc bổ chứ không còn nghi ngờ gì nữa nhưng còn các chứng phế nhiệt, đau họng, mất tiếng, ho sặc, cho nên *Hoàng kỳ* không thể dùng nhiều, dùng *Nhân sâm* và các vị phù tỳ, thanh phế đẩy độc hòa nước, mỗi thang dùng *Nhân sâm* 5 đ. c, sáng uống 1 thang, chiều uống 1 thang.

Sang ngày thứ 9. Đậu đã mọc nước được 1 nửa, mà phần nhiều như nốt bông, nguyên do là đậu mọc dày kín trông như xác rắn, bầm thụ vón kén, khí huyết đều hư, không đủ sức cho nên mới có tình trạng da phồng lên như vết bông, lại dùng thuốc bổ tác kiềm thực tỳ, làm cho khí huyết sinh dần mà độc khí tự tiêu hóa xuất ra.

Quả thật, *đến ngày thứ 13*, đậu vỡ loét ra, mùi rất hôi thối, bèn cho dùng hoa thông chấm thuốc bên ngoài, trong cho uống thuốc bổ thác, giải độc, kiện tỳ, rút chất nước đậu khô dần, thu áp, thật giống như kiểu lột da.

Thật là chứng đại nguy, mà dùng thuốc đại công đại bổ để cứu vãn lại vậy.

Bệnh án 12. Con trai thứ của ông Thiếu Tư Mã họ Hồ, bị đậu mới phát rất nguy, ở kinh đô có 1 lão y chữa đậu đoán rằng sẽ chết, gia chủ mời tôi đến chữa chung, tôi thấy bài thuốc của lão y ấy dùng quá nhiều hàn lương cho nên đậu vì lạnh mà không mọc, xuất hiện các chứng trạng trướng đầy, khó thở, trước hết tôi dùng rượu hòa với máu mào gà cho uống với *Độc thánh tán* mới uống 1 lần mà giải được cái thế băng giá mà chứng suyễn nóng cũng giảm, đậu đã mọc được, vị lão y thấy tình hình như vậy tranh luận với tôi cho là bệnh không cứu được, tôi hỏi: không cần phải thế, vì trong sự lo âu của chủ nhân, tôi mong vì đồng nghiệp mà làm được tốt thời công của ông, nếu tình thế trở nên xấu thì đó là tội của tôi, vị lão y tỏ sắc giận, nói lung tung không kiêng nể còn Hồ tiên sinh thì ngày đêm khóc lóc đau khổ và miễn cưỡng lưu tôi ở lại chữa, bệnh đỡ đã 8 - 9 phần rồi mà chủ nhân vẫn không vui, tôi không hiểu vì sao? ngờ đâu hằng này vị lão y ấy đều đến xem và một mực đoán chắc là nguy hiểm. Đến khi đậu kết vẩy và khỏi hoàn toàn ông Hồ mới vui mừng tỏ ý hối hận là đã mù quáng, lầm lẫn đến mức mơ hồ hòng việc. Từ đó về sau mỗi lần vào kinh đô tôi ghé thăm, tình cảm giữa ông và tôi rất thân thiết.

Bệnh án 13. Sách xưa nói, phạm người thân khí hư thì tỳ khí tất nhiên cũng yếu, bởi vì thân là thủy tổ của khí tiên thiên, tỳ là sinh khí của hậu thiên, mà sinh khí phải tôn trọng tổ khí.

Con trai thứ năm của tôi, từ khi sinh ra đến nay vẫn bầm thụ tỳ thận lưỡng hư, người béo bệu, bên ngoài tựa như hữu dư, nhưng thực trong là bất túc, nam Nhâm Thân cháu lên 4 tuổi, theo tôi vào kinh, tháng 5 bị lên đậu phát sốt 1 - 2 ngày, tình thân đã thấy mỏi mệt, mồ hôi ra như tắm, sốt ba bốn ngày thì đậu mọc, vì mồ hôi ra nhiều dương hư, cho nên 1 tí thuốc sơ giản tôi cũng không cho uống, không ngờ 3 ngày sau mồ hôi vẫn cứ ra nhiều, lại thêm đi chảy nước trong nhiều lần, đậu đã mọc trước nay lại lặn xuống mờ mờ không chịu mọc ra nữa, khí càng hư nên không đủ sức đẩy đậu mọc ra vậy, tôi nghĩ: sách xưa dạy rằng: Bệnh đậu vì khí hư yếu không mọc được thì nên bổ khí chú ít, khí hòa thì đậu có thể mọc ra được, huống chứa bệnh như thế thì phải dùng thuốc như thế, không ngại gì cả.

Ba ngày, tôi cho uống:

Nhân sâm đều 3 đ. c

Thiên hùng

3 đ. c

<i>Bạch truật</i>	đều 3 đ/c	Giác thích (sao hoàng thổ) 1 đ/c
<i>Chích thảo</i>	8 phân, để củng trung khí, làm quân,	
<i>Giáp phích</i>	6 phân, để công thác, làm thần,	
<i>Xuyên khung</i>	8 phân, để thăng đề kiêm tấn tán,	
<i>Nhục quế</i>	6 phân, ôn kinh kiêm thông đạt ra ngoài, làm tá.	

Bốn ngày. Mồ hôi và ỉa có đỡ, những nốt đã mọc thì to lên, chỗ chưa mọc thì thấy mọc, vẫn dùng: Khung, Truật, Sâm, Quy, Chích thảo, Thiên truân, Giác thích, Giáp phích, Nhục quế, gia Đại táo sắc uống.

Năm ngày, lớp mọc trước đã hơi mưng mủ, lớp mọc sau đã có thể mọc nước, nhưng đậu ở mặt sắc hồng nhạt không tươi nhuận đậu ở mình, và ở lưng tím bầm không nhuận tôi nghĩ mẩn hồng nhạt không tươi nhuận là biểu hiện khí huyết đều hư, đem hãm không nhuận, mượt, không phải huyết nhiệt mà là huyết trệ không thông, nhưng huyết trệ là do khí hư không chuyển vận được, chỉ nên ôn bổ khí huyết làm chủ, vẫn dùng Sâm, Kỳ, Khung, Quy, Sơn dược, Nhục quế, Thiên truân, Giác thích, Giáp phích, thêm gạo nếp vào sắc uống.

Sáu ngày: sắc đậu hồng tươi, hiếm là da mỏng mà bóng, mọc nước trong ít, hay chân hư bị bông nước, tôi biết khí huyết suy nhược, tỳ thổ càng hư, muốn dùng Bạch truật lại sợ thấm khô mất nước không mưng mủ được, muốn dùng Quy, Kỳ bổ cả khí huyết sợ lại mở mồm cho ỉa chảy tẩu tiết, chỉ còn cách bổ khí để cho âm theo dương mà mạnh lên, liều dùng Bao nguyên thang gia Sâm Quế mỗi vị 5 đ/c, tư bổ nguyên khí làm quân, Sinh Hoàng kỳ bổ sung vệ khí làm thần, Chích thảo 6 phân bổ trung tiêu tỳ vị, thêm gạo nếp 1 chén con để trong tỳ làm mạnh vị khí, ngoài thì giúp mưng mủ, làm tá, Nhục quế lưu thông huyết mạch cố vụ bổ thác, làm sử.

Ngày hôm sau tức là ngày thứ bảy, đậu mưng mủ rất tốt, dùng thuốc là đậu mọc không dày lắm, vì là bẩm thu tiên thiên hậu thiên đều quá kém, tỳ thân phế khí đều hư, cho nên mới sớm dùng Ôn bổ, riêng đậu ở hai tay chân mọc nước trông giống như mụn bông nhiều ngày mới thu áp. Sau đậu, chứng đi ỉa lúc sáng sớm càng nặng, dùng thuốc ôn bổ mới khỏi.

Bệnh án 14. Cháu thứ tám ông Thọ Tường, đang tháng 5 mà lên đậu, mọc không dày lắm, nhưng vốn bẩm thụ chân âm chân dương đều hư da thịt bèo bệu trắng bệch, thời tiết lúc đang nóng nực, dương khí trong người bốc ra ngoài, mồ hôi toát ra mãi không ngừng.

Bốn năm ngày, đậu bông lặn mất, tinh thần mê mẩn run giật, tôi nói, nốt sốt dù là dương ở biểu, mồ hôi toát ra nhiều là dương khí tiết ra ngoài thì âm dịch bên trong càng khô kiệt, nếu không thu liễm chân âm chân dương lại thì làm sao đậu có thể mọc dính cao lên được, mà thành hình để sau có thể mọc nước đầy đủ, huống nữa đã có dương mà không biết trong tư âm thì lấy gì để thu liễm dương khí bốc ra ấy, hư âm mà không kiêm bổ dương thì lấy gì để dẫn về vị trí cũ, hơn nữa, chân âm chân dương đã hư thì trung khí hư từ lâu không nói cũng rõ, nếu không... trung khí thì được lực cũng khó vận hành, tinh thần làm sao mà hồi phục, hư dương bốc ra (phù viêm) thì phải dùng thuốc toan liễm để thu lại, chân hỏa trong người - cũng như mặt trời trong tự nhiên - càng

mạnh lên thì đậu cũng như mây mù - kia không phát mà tự mọc, không đánh mà tự tan, hoặc có người ngại dùng thuốc, toan liễm, tôi giải thích rõ như vậy và cho uống thuốc, một lúc bệnh nhân ngủ ngon, tinh thần tốt, mồ hôi không ra nữa, đậu mọc đều khắp, đổi ăn, sau đó bệnh khỏi. phương thuốc như sau:

<i>Thục địa</i>	8 đ/c	<i>Bạch truật</i> (tẩm sữa sao)	2 đ/c
<i>Ngưu tất</i>	2 đ/c	<i>Mạch môn</i>	3 đ/c
<i>Ngũ vị tử</i>	4 phân	<i>Quế tột</i>	6 đ/c
Sắc uống trước bữa ăn			

Nhục quế dùng trong bài thu liễm thì sức đạt biểu tẩu huyết càng mạnh lo gì cái âm độc không phát ra được nữa.

HẾT TẬP QUY

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LĨNH

(Quyển bổ sung)

VỆ SINH YẾU QUYẾT

GIỚI THIỆU VÀ KHẢO CHỨNG

TẬP VỀ SINH YẾU QUYẾT

Vệ sinh yếu quyết là một phần của bộ Hải thượng y tông tâm lĩnh của Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720 - 1791). Bộ sách này gồm 28 tập (tên sách) 66 quyển, chưa được khắc in trong sinh thời của tác giả.

Đến năm 1865, Nhà y học Vũ Xuân Hiên mới sưu tầm được 51 quyển đưa cho hòa thượng Thanh Cao ở chùa Đồng Nhân, Bắc Ninh để quyền tiền khắc in Hòa thượng lại tìm thêm được 4 quyển, cộng 55 quyển. Lúc ấy chưa tìm được đủ nên mục lục đã phải để trống 3 dòng bởi đen một nửa phía dưới ở trang 31b nhằm lưu ý việc sưu tầm bổ sung, và in tập Thượng kinh ký sự (Ký sự đi Thăng Long) là quyển cuối phụ thêm vào đầu trang 32.

Dầu thế kỷ này mới sưu tầm thêm được 3 tập:

1. *Vệ sinh yếu quyết (2 quyển)* theo bản sao của các cụ Nguyễn Tảo và Đỗ Xuân Súc, mà cổ Hội trường Hội Đông y Việt Nam Nguyễn Trung Khiêm đã giới thiệu trong bài "Thân thể và sự nghiệp của Lãn Ông" đăng ở tạp chí Đông y số 1 - 2 tháng 9 năm 1958.

2. *Nữ công thắng lâm (2 quyển)*, mất quyển sau) do cụ Nguyễn Hiệt Chi đã sưu tầm được và giao cho cụ Phó Đức Thành nguyên quản lý Hội Y học Trung Kỳ hồi 1936, sau chuyển cho Hội Đông Y Việt Nam.

3. *Bao thai chủng sử quốc âm toàn yếu* đã được khắc in năm 1854 theo "nguyên bản của hải Thượng", sách của thư viện Khoa học xã hội ký hiệu số AB 429. (1 quyển).

Như vậy hiện nay bộ sách đã có đủ 28 tập về nội dung chuyên môn y được, ngoài quyển đầu chép thơ Y lý thâm nhân, Y huấn cách ngôn và giới thiệu đặc điểm nội dung bộ sách, cùng tập cuối (không phải là quyển thứ 66 Thượng kinh ký sự nói trên; nhưng còn thiếu 8 quyển trong tập bách bệnh cơ yếu chưa tìm được.

- Khảo chứng

Qua việc đối chiếu nội dung, chúng tôi thấy 3 tác phẩm sưu tầm được trên đây đều có một vị trí trọng đại trong y học dân tộc có liên quan mật thiết với nhau.

- *Vệ sinh yếu quyết* ngoài phương pháp dưỡng sinh. Vệ sinh phòng bệnh chống dịch, có phần nói về các thức ăn uống, gồm các loại cháo nuôi dưỡng người ốm và các loại rượu thuốc dùng chữa bệnh. Tập nữ công thắng lâm nói về các thứ làm bún, bánh xôi, cốm, tương, mắm, mứt kẹo... cũng nhằm phục vụ tiết chế dinh dưỡng, nhưng không cùng với nội dung sách trên.

- Những thức ăn trong *Nữ công thắng lâm* vừa thường dùng trong đời sống hàng ngày và khi tết lễ, vừa để bồi dưỡng cho người ốm, đòi hỏi một số kỹ thuật chế biến khéo léo của bàn tay người nội trợ đảm đang cho nên tác giả đã dành riêng một tập với tên sách nếu lên ý nghĩa đó, mà không chép chung vào *Vệ sinh yếu quyết*.

- Về bảo vệ sức khỏe các bà mẹ, tuy *Vệ sinh yếu quyết* đã có một mục nói qua về cách giữ vệ sinh của các mặt phụ nữ, nhưng chưa đầy đủ và không có phương thuốc kèm theo để tiện dùng, nên tập *Bao thai chủng tử quốc âm toàn yếu* đã có tác dụng bổ sung về việc phổ cập vấn đề thai sản.

Y học của Lân Ông chú trọng việc giữ vệ sinh phòng bệnh và việc ăn uống bồi dưỡng để tăng cường sức chống bệnh và đặc biệt coi trọng việc giữ gìn sức khỏe để giống nòi được khỏe mạnh. Vì vậy ba tác phẩm trên đều được viết bằng quốc âm để phổ biến rộng rãi cho nhân dân, mặc dù một số phương pháp và phương thuốc trong các tài liệu này đã được thấy trong các tập sách khác của ông soạn bằng chữ Hán cho đối tượng thầy thuốc. Tuy nhiên, nội dung của ba tác phẩm nói trên cũng đều phù hợp và nhất quán với quan điểm và đường hướng y học của toàn bộ Y tông tâm lĩnh.

+ NỘI DUNG TẬP VỆ SINH YẾU QUYẾT:

Vệ sinh yếu quyết: đã thừa kế và phát huy truyền thống để giữ vững sức khỏe của dân tộc ta theo phong tục tập quán của ông ta từ ngàn xưa, kết hợp với phép khí công đạo dẫn, luyện tập vận động, trong sách Bảo sinh diên thọ toàn yếu của Đào Công Chính ở Vĩnh Lai, Hải Dương (nay là Vĩnh Bảo, Hải Phòng) biên soạn năm 1676, theo kinh nghiệm của các tác giả Trung Quốc thời cổ.

Phương pháp vệ sinh của ta quán triệt các mặt, giữ gìn từ khi bẩm sinh trong thai mẹ cho đến các quá trình sinh trưởng, lúc già yếu, hay bệnh tật nguy cấp, gồm: tu dưỡng tinh thần, giữ vệ sinh cá nhân, vệ sinh hoàn cảnh, đề phòng bệnh tật, thời khí dịch lệ, tránh tai nạn thương tật, và cách thức điều dưỡng khi đau ốm. Đặc điểm của vệ sinh Lân Ông lấy việc lao động làm một yếu tố căn bản của phép dưỡng sinh và chống nhàn rỗi có hại cho sức khỏe. Về bảo vệ sức khỏe bà mẹ và trẻ em. Lân Ông chống tảo hôn và khuyến thưa đẻ ít đẻ cho dân tộc được cường thịnh, đồng thời để tránh bệnh tật ốm yếu cho các bà mẹ.

+ VIỆC DỊCH THUẬT VÀ THỬA KẾ:

Các tập sách khác của bộ Y tông tâm lĩnh đã đều được khắc in cách đây 100 năm nhưng tập Vệ sinh yếu quyết đã lưu truyền gần 2 thế kỷ nay. Việc sao đi chép lại, và bổ sung nhuận sắc của người đời đã không khỏi thay đổi ít nhiều lần bản sắc của nguyên tác, như bản sao của Đỗ Xuân Sức đã ghi "hậu học Lê sung sao đính" lại được Đỗ Xuân Sức bổ sung hiệu chỉnh thêm những chỗ rách nát sai sót nữa.

Ở đây việc dịch thuật đã dựa theo bản của Đỗ Xuân Sức có đối chiếu với bản sao của Nguyễn Tảo, chỉ lược bỏ một số điểm huyền bí ở quyển thượng và một số mục phụ ở phần cuối về cách kiêng kỵ và thuốc giải độc theo sách cổ của Trung y hoặc đã có trong các tập Hành giản trần nhu, Bách gia trần tàng của bộ tâm lĩnh. Về phần "Vệ sinh yếu quyết diễn ca" chúng tôi đã phiên âm theo nguyên văn bản sao và giải nghĩa những chữ Hán hay từ khó hiểu để trong vòng đơn hoặc chú thích ở dưới trang. Để giúp việc lĩnh hội dễ dàng, chúng tôi đã thu tóm nội dung, xây dựng bản mục lục chi tiết, và trình bày một số hình vẽ họa các động tác luyện tập được hướng dẫn ở nội dung quyển thượng.

Tập Vệ sinh yếu quyết đã được biên tập một phần theo các kinh điển đông y cổ truyền, và phần lớn đã đúc kết những kinh nghiệm về bảo vệ cuộc sống của nhân dân ta thời xưa, do đó nội dung gồm cả một số điểm hạn chế mà lịch sử đương thời chưa cho phép nắm được như quy luật truyền nhiễm của vi trùng, ký sinh trùng, nguyên nhân bệnh uốn ván trẻ sơ sinh, đường lây truyền của bệnh dại, các bệnh dịch. Cho nên trong việc nghiên cứu, chúng ta sẽ chọn lọc những tinh hoa để thừa kế, phát huy, và loại bỏ những nhược điểm không hợp thời hoặc trái với quan điểm ngày nay theo khoa học hiện đại và đạo đức xã hội chủ nghĩa.

LÊ TRẦN DỨC

CHUYÊN VIÊN VIỆN Y HỌC DÂN TỘC HÀ NỘI

QUYỀN THUỘNG

A- THUẬT LẠI NHỮNG THUYẾT CỔ

Sách Nội Kinh nói: "Thánh nhân trị khi chưa có bệnh, không để bệnh phát ra mới chữa, trị khi chưa có loạn, không đợi có loạn rồi mới dẹp. Phàm sau khi bệnh đã thành rồi mới dùng thuốc, loạn đã thành rồi mới lo dẹp, cũng ví như khi khát mới đào giếng, khi chiến đấu mới đúc binh khí, thì chẳng muộn lắm ru!"

Đây là nói đường lối dự phòng của những thánh nhân, khi trị bệnh chưa hình thành, cho nên dùng sức ít mà thành công nhiều, để thấy rằng ở trong lúc yên ổn mà vẫn không quên đề phòng sự nguy biến. Nếu đến khi khát mới đào giếng thì không kịp có nước uống, khi chiến đấu mới đúc binh khí thì không đủ để đánh giặc, thật là quá muộn! bệnh mà không có phương kế chữa sớm thì cũng như vậy.

"Người đời thượng cổ biết phép dưỡng sinh, thuận theo quy luật âm dương (điều hòa Âm dương, thích ứng với thời tiết bốn mùa), biết phép tu nhân dưỡng sinh, ăn uống có chừng mực, làm lụng nghỉ ngơi có kỷ luật không vô có làm hao bớt tinh lực, cho nên thân thể họ rất khỏe khoắn, tinh thần họ rất phấn chấn, sống mãi đến trọn tuổi trời cho đến trăm tuổi mới chết.

Người đời nay thì không như thế, họ uống rượu không tiết chế, họ sinh hoạt trái với thói thường, như say sưa rồi nhập phòng, họ tham dục quá mức làm cho tinh khí khô kiệt mà chân nguyên thất thoát hết, họ không biết bảo trì tinh khí cho sung túc, họ không biết sai sử thần khí đúng lúc, chỉ đua đòi trên sung sướng nhất thời mà thực chất là trái với lạc thú sinh hoạt bình thường. Làm lụng nghỉ ngơi cũng không theo thói nhất định cho nên mới 50 tuổi thì già cõi đã thấy rõ.

Các thánh nhân thời thượng cổ dạy bảo mọi người: Khi có trái gió giở trời phải trốn lánh kịp thời và chú ý bảo dưỡng mặt tinh thần làm cho tinh tự yên ổn, như thế chân khí được sung túc tinh thần được vững chãi bên trong, làm sao mà bệnh tật len vào được.

Làm được thế thì ý chí được thành thoi, ít có dục vọng thì trong lòng yên tĩnh, không có sợ hãi gì, hình thể tuy làm lụng mà không mệt nhọc, cho nên khí được điều hòa. Chỉ không tham lam cái gì cũng dễ thuận, lòng tự cho đầy đủ nên dễ được mãn nguyện, không đòi hỏi nhiều cho nên dễ đạt (1). Do đó, ăn thường mà vẫn thấy ngon, mặc thường cũng vừa ý, lạc quan với tập tục, không kỳ thị địa vị cao thấp, mọi người đều thật thà chất phác. Cho nên mọi sự ham thích không thể làm họ lưu ý mà mệt mỏi, những điều không chính đáng cũng không thể mê hoặc lòng họ. Bất luận người thông minh không khéo hay ngu dốt vụng về, đối với sự vật mà không có gì phải lo sợ là phù

1) Dịch theo lời chú giải của Lân Ông (Nội kinh yếu chỉ trang 75).

hợp với đạo dưỡng sinh, cho nên họ đều có thể sống đến trăm tuổi mà động tác vẫn không suy yếu, là vì họ giữ vẹn đạo đức nên không có bệnh tật nguy hại".

B- BÀI CA CỦA CHÂN NHÂN ĐÀO HOÀNG CẢNH

- Sau bữa ăn, từ từ đi bách bộ, hai tay xoa vào sườn và bụng, rồi dần dần chuyển sang vùng thận, thế gọi là phép vận hành tạng thủy (thận) và tạng thổ (tỳ).

- Ngửa mặt lên, hà hơi 3, 4 lần, tự nhiên hơi độc của đồ ăn sẽ tiêu tan. - Khi say rượu mà đi ngủ, vừa ăn no mà nằm ngay đều không có lợi. - Khát thì uống, đói thì ăn, nhưng chớ ham nhiều, chớ nên ăn cố mà chớ ăn vội, thà ăn ít rồi sau tiếp tục ăn thì hơn. Nếu được ăn một bữa thật no cho căng bụng thì tổn hại tỳ, không phải là tốt. - Những món chiên nướng thì nên ăn nguội, nếu không thì hại đến răng và thương tổn mạch máu. - Không nên ăn quả dưa xanh, cà sống, rau sống, để tránh sốt cơn và đi lỵ trong mùa thu tới. - Bữa cơm chiều thường nên ăn vào trước giờ thán và giờ dậu (3); ăn về đêm thì ngưng trệ ở ngực bụng.

- Dù có uống thuốc cả nghìn ngày, cũng không hay bằng ngủ một mình (lược 2 câu).

- Tắm gội súc miệng đều nên dùng nước ấm. - Nằm chỗ lạnh và gối đầu vào chỗ mát đều không nên.

- Khi tỉnh giấc sau giờ tỵ (3), trước giờ dần (3) nhắm mắt, gõ răng vào nhau 14 lượt. Súc miệng và nuốt nước miếng. Hít vào khí mới, thở ra khí cũ, phải thở đều như thai nhi thở trong bụng mẹ.

- Xát nóng lòng bàn tay, chườm lên 2 mắt, lại xoa lên trán và lên mặt, xát vào 2 bên mang tai và úp bàn tay ấn vào xoa tai (vừa gấp về phía trước) nhiều lần. Lấy 2 ngón tay cái (đặt ngửa dụi trên 2 mí mắt) rồi xát cạnh sống mũi, tám khò khắp mình.

Tắm khô: 1. Chải đầu với mười ngón tay. 2. Hai tay xát từ trán xuống má, ngón cái miết quanh sau tai xuống sát xương góc hàm đến dưới cằm. 3. Tay phải xát từ dưới xương quai xanh ra trong cánh tay, cẳng tay, xuống bóp bàn tay ngón tay, quanh lên cổ tay, phía ngoài cẳng tay, cánh tay, nắn quanh xương vai, lên giữa vai, về xương quai xanh. 4. Đổi tay xát bên tay phải như trên. 5. Một tay xoa vòng lòng ngực, một tay xoa bụng, lần nắn quanh ổ bụng. 6. Hai tay xoa bụng ngực lên xuống. 7. Hai tay quạt ra sau lưng, ngửa bàn tay cọ xát ngang eo lưng. Lại úp tay xát lên xát xuống 2 bên hông. 8. Hai tay xát từ hông qua mông xuống ngoài đùi xuống cẳng chân bàn chân, bẻ gấp vận động các ngón, rồi vận động cổ chân, xát lên bụng chân, lên vế, đến háng. Hoặc ngồi để xoa bóp chân, thì cả 2 tay cũng làm, trình tự như trên).

- Tiếng hát, sắc đẹp, tuổi trẻ, ai mà chẳng thích, nhưng phải biết dè dặt mới khỏi vướng mắc.

- Trong bài ca này, ví dụ không thể làm được hết, song cứ làm việc đi bách bộ, thì trong người cũng ít bệnh.

3) Đối chiếu giờ khắc xưa với giờ đồng hồ: Tỵ 24-1 giờ, Sửu: 2-3 giờ, Dần: 4-5 giờ, Mão: 6-7 giờ, Thìn: 8-9 giờ, Tỵ 10-11 giờ, Ngọ: 12-13 giờ, Mùi (vi): 14-15 giờ, Thân: 16-17 giờ, Dậu: 18-19 giờ, Tuất: 20-21 giờ, Hợi: 22-23 giờ.

C. BÀI CA VỆ SINH CỦA CHÂN NHÂN TÔN TƯ MẠO

(dịch văn xuôi)

- Trông trời đất, con người là quý, đầu đội trời chân đạp đất, thân thể do cha mẹ để lại nên phải quý.

- Trong năm thứ hạnh phúc, thọ là hơn hết.

- Có 3 điều răn thiết yếu trong phép dưỡng sinh cần phải biết để tránh: sự cố giận, lòng dục lớn và say rượu nhiều. Nếu mắc phải một điều trong ba điều này, thì ắt thương tổn ít nhiều đến sức khỏe (chân, nguyên khí) (4)

- Muốn sống lâu thì phải răn tính mình trước hết: Hòa không bốc (không nóng nảy) thì tinh thần tự nhiên ổn định, gỗ không bén lửa thì không thành than, người tự răn được tính mình thì có thể sống lâu.

- Người đời muốn hiểu phép dưỡng sinh: khi vui mừng phải điều độ và nên bớt tức giận. - Ý thành thực, lòng ngay thẳng thì khỏi phải lo âu; thuận lẽ phải, sửa thân mình thì tránh được phiền não.

- Tóc phải chải luôn, khí nên luyện; răng phải gõ luôn vào nhau, và nước miếng cần nên nuốt.

- Muốn sống lâu, cần tu luyện bộ não, và 2 tay thường xoa xát vào mặt.

- Mùa xuân ít ăn chua và nên ăn ngọt, mùa đông nên ăn đắng không nên ăn mặn, mùa hè cần thêm cay, dùng gừng cay và đắng, mùa thu bớt dùng cay và thêm chua, tháng cuối mỗi quý có thể ăn mặn, ít ăn ngọt (5). Như thế thì giữ 5 tạng được an toàn. Duy có tháng hè khó giữ được an toàn. Duy có tháng hè khó giữ được điều hòa, vì có khí âm nấp máu ở trong "phục âm", nên kỵ dùng nước lạnh (6). Quả dưa và quả đào chất sống và lạnh, nên ít ăn thì khỏi sinh ra bệnh sốt rét và đi lỵ vào mùa thu, mùa đông.

- Uống rượu có thể làm cho tính tình vui vẻ, nhưng uống nhiều thì sinh bệnh.

- Dùng nên cho muối vào trà, khác gì rước giặc vào nhà (?)

- Chím nhận có trật tự anh em, con chó có nghĩa với chủ, cá lóc (chuối) có lẽ hướng đầu về phương Bắc, người không biết lẽ nghĩa lại ăn thịt những loài vật ấy thì trái với đạo lý của trời đất (7).

- Muốn dưỡng tính và khỏi tổn thương thân thể thì nên bớt ăn 5 thứ cay (ngũ tân) (8).

- Dẻo bòng tính ái mất tự do, theo đuổi lợi danh thêm bận bịu. Trong lòng thoải mái ấy là hơn, sẽ khỏi nửa chừng đầu bạc sớm.

- Đội trời đạp đất há dễ đâu, ẩm áo cơm no sao khỏi thẹn. Lo lường chi để báo ơn đây, sớm tối lòng thành ơn trời đất.

- Làm thế nào cho sức khỏe sống lâu? - Trong lòng thanh thản và nghĩ làm việc thiện. Nên tiết tính mệnh, thân thể và khí lực mình, xin người đọc kỹ bài ca vệ sinh này.

(4) Chân khí, nguyên khí, chính khí, bằm thu từ không khí của thiên nhiên cộng với cốc khí dinh dưỡng mà thể hiện - Đó là cơ năng hoạt động, tập trung sức sống của con người.

5) Theo sự vận dụng học thuyết ngũ hành.

6) ý nói các chất lạnh quá ảnh hưởng đến tiêu hóa.

7) Theo quan điểm của các đạo gia.

D- BÀI GỐI ĐẦU GIƯỜNG CỦA CHÂN NHÂN TÔN TƯ MẠO

(Dịch văn xuôi)

- Sáng sớm ăn một tô cháo: sau bữa cơm chiều chớ ngủ ngay.
- Khi nghe thấy tiếng chuông lầu Cảnh Dương (9) thì gõ răng vào nhau 36 lượt.
- Khi trời nóng, rét dữ, chớ nên tham sắc dục; lúc no say chớ hành phòng: ngũ tạng sẽ bị xáo trộn. Dùng Ngải cấp cứu hoài, sao bằng ngũ riêng và tốt nhất.
- Nằm ngồi tránh chỗ có gió lùa, thường nên tắm luôn và tắm nơi kín gió.
- Ăn no xong nên du bách bộ, thường thường xát xoa tay vào bụng, chớ ham ăn những loài cá không vẩy và thịt các loài cầm thú (10).
- Thân ta là tinh huyết của cha mẹ sinh ra, cần phải giữ gìn cho trọn vẹn. Làm được như vậy thì giữ được sức khỏe, sống lâu, hình thể thêm tươi đẹp.

D- BÀI KHÁC VỀ PHÉP DƯỠNG SINH CỦA CHÂN NHÂN TÔN TƯ MẠO

(Dịch văn xuôi)

- Cả giận rất hại khí, nghĩ nhiều rất tổn thương tinh thần. Tinh thần mỏi mệt, tâm dễ bị suy yếu. Khí yếu là nguyên nhân sinh ra bệnh. Chớ để sự thương xót và vui mừng đến cực độ.
- Việc ăn uống phải điều hòa, nhất thiết không say rượu về ban đêm, nhất là phải răn mình không giận dữ vào buổi sáng.
- Khi đi ngủ, vào giờ Hợi, lấy 2 bàn tay úp vào tai, dùng hai ngón giữa 2 trỏ đập vào sau gáy cho tiếng kêu tức là phép đánh trống trời (minh thiên cổ). Sáng sớm dậy, phải đưa lưỡi lên vòm mềm cho chảy nước miếng ra rồi súc miệng và nuốt đi. Như vậy tinh khí của mình được dồi dào mà ngoại tà khó xâm phạm.
- Nếu muốn không có bệnh, thường kiêng ăn các thứ cay. Yên tinh thần thì vui vẻ, giữ tinh khí thì được ôn hòa. Thọ hay yếu dừng đổ cho "số mệnh", tu dưỡng được vốn do ở mình. Nếu theo được phương pháp này, thì có thể thành bậc chân nhân ở trần gian.

E- NHỮNG LỜI DẠY GIỮ GÌN SỨC KHỎE

- Phép dưỡng sinh: Bỏ giận giữ để nuôi dưỡng tính, ít lo nghĩ để nuôi dưỡng thần, bớt nơi năng để nuôi dưỡng khí, chận ham muốn để nuôi dưỡng tâm. Nhìn lâu thì hại mắt tổn huyết, ngồi lâu thì hại tỳ tổn thịt, đứng lâu thì hại thận tổn xương, nằm lâu thì hại phế tổn khí. Lòng yêu thương gì cũng đừng nên quá yêu, lòng căm ghét bỏ thì cũng

(9) Chuông báo sớm (trên lầu Cảnh Dương của Vũ Đế nước Tề (Trung Quốc), thường kéo vào canh ba và canh năm.

(10) Theo quan niệm của các đạo gia.

dùng nên quá ghét. Mùa xuân hạ, nên dậy sớm, mùa thu đông nên ngủ sớm. Ngủ muộn dùng quá lúc rạng đông, dậy sớm dùng trước khi gà gáy.

- Muốn nuôi dưỡng thân thể thì nên nuôi dưỡng tỳ vị trước. Muốn nuôi dưỡng tỳ vị thì phải nuôi dưỡng tâm trước. Muốn nuôi dưỡng tâm thì phải nuôi dưỡng thần trước. Muốn nuôi dưỡng thần thì phải nuôi dưỡng khí trước. Muốn nuôi dưỡng khí thì phải nuôi dưỡng tinh rước. Muốn nuôi dưỡng tinh thì phải nuôi dưỡng trí trước. Muốn nuôi dưỡng trí thì phải biết quý thân mình.

- Tinh, khí, thần là ba của quý ở trong: tai, mắt, miệng là ba của quý ở ngoài. Làm thế nào cho ba của quý ở trong thường không đuổi theo vật chất ở ngoài mà trôi mất, và ba của quý ở ngoài thường không dụ dỗ cái ở trong mà quấy nhiễu. Đêm ngủ không trằn trọc thì việc hít thở đều đặn khí được nối tiếp nhau mà thần tự nhiên được yên ổn. Bữa cơm chiều bớt ăn đi vài miếng thì cốc khí dễ tiêu, tỳ vị được khoan khoái, khí tự nhiên được điều hòa. Trong phòng nếu có người vợ xấu xí thì ít tình dục, thận thủy dồi dào, tinh tự nhiên được ngưng tụ. Thần yên ổn, khí điều hòa, tinh ngưng tụ, 3 của quý trong thân mình đều đầy đủ, thế là giữ trọn đạo dưỡng sinh.

Cổ ngữ có câu: cái kiềng trong một ngày là không ăn no bữa tối, cái kiềng trong một tháng là không say quá buổi tối, cái kiềng trong một năm là không đi đâu xa vào buổi chiều, cái nên trong một đời là buổi chiều phải dưỡng khí. Không tắm gội trong luồng gió, rất cần kiềng phong tà. Ăn no chớ gội đầu, sợ sinh chứng phong, mồ hôi đương ra nhiều thì chớ vội cởi áo; đương say rượu, đừng bảo quạt. Chớ nhìn mãi vào ánh mặt trời tối đi ngủ cần rửa chân, đêm ngủ không nên để đèn sáng. Dã sáng ngày thì không nên ngủ được.

Nước bọt không nên nhổ đi (vì nước miếng dư dật là lễ tuyên (11), tụ lại là hoa tri (12) tan ra là tân dịch, đi xuống là cam lộ (sương giọt) tưới các tạng nhuần thân thể, khai thông các mạch máu, biến hóa nuôi dưỡng thần sắc làm cho thân thể tay chân, lông tóc bóng mượt vững chắc).

- Sáng sớm dùng nước ấm rửa mặt, lấy muối trắng xát răng sẽ không bệnh đau răng.

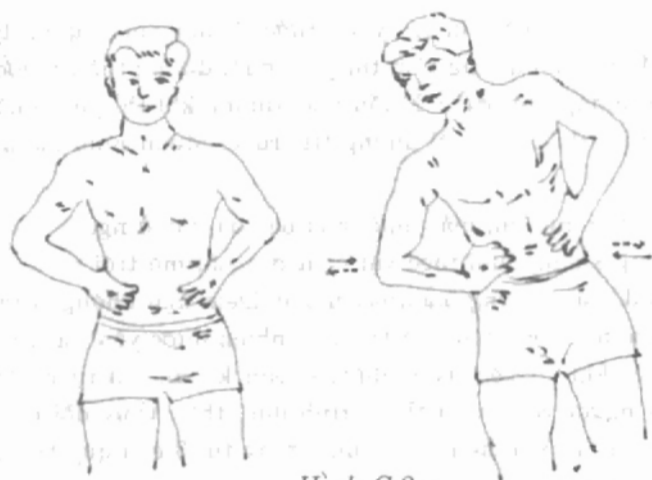
G- PHÉP ĐẠO DẪN PHÒNG BỆNH

Phàm muốn tu luyện dưỡng sinh, nên ở trong một căn buồng yên tĩnh, sạch sẽ, đốt nhang thơm. Cần thuận theo khí hậu ấm hay lạnh, nên biết thời tiết khô hay ẩm. Mỗi ngày quá nửa đêm hoặc canh năm, vào lúc giờ ngọ (giữa trưa), trước hết hà trọc khí ra, định tâm, nhắm mắt củng cố tinh thần, gõ răng vào nhau 36 lượt, rồi lấy hai tay ôm sau gáy, nhẹ nhàng thở ra hít vào, dùng tai nghe tiếng, lại lấy lòng bàn tay bịt hai tai (gấp loa tai về phía trước) gõ ngón tay vào sau gáy như tiếng trống 24 lượt (Hình G. 1)



Hình G.1

11) lễ tuyên: là nuốt ngọt. 12) Hoa tri: là chỗ tiết ra nước bọt tròn vòm miệng.



Hình G.2

luyện cho tinh khí củng cố gọi là "Cố tinh môn". Sau cùng yên định tâm thần bỏ hết mọi mối lo nghĩ, nín hơi lại hồi lâu, rồi nhẹ nhẹ thở ra, tưởng tượng như luồng khí nóng ở Đan Điền (12) phát đi từ dưới đưa lên chạy quanh khắp thân thể thì độc tà không dám gần, mộng寐 không mê muội, lạnh nắng không nhiễm vào, tật bệnh không xâm phạm được.



Hình G.3

12) Hạ Đan Điền ở dưới rốn 3 thốn (mỗi thốn dọc bằng 1 phần 5 khoảng từ giữa rốn đến bờ trên xương mu).

H- SÁU PHÉP TRỪ BỆNH ĐỂ SỐNG LÂU

1. Chữa tâm khí.

Ngồi ngay ngắn, 2 tay nắm lại, dùng sức dấm mạnh vào khoảng không, bên trái bên phải, mỗi bên 6 lượt. Rồi gài chéo 2 bàn tay vào nhau, lấy chân đạp vào trong bàn tay, mỗi bên 3-5 lượt (Hình H.1). Như thế trừ được mọi chứng ở tà tâm. sau đó nhẹ nhàng thở ra, thì các chứng buồn bực, vật vã lở miệng đều khỏi.



Hình 1

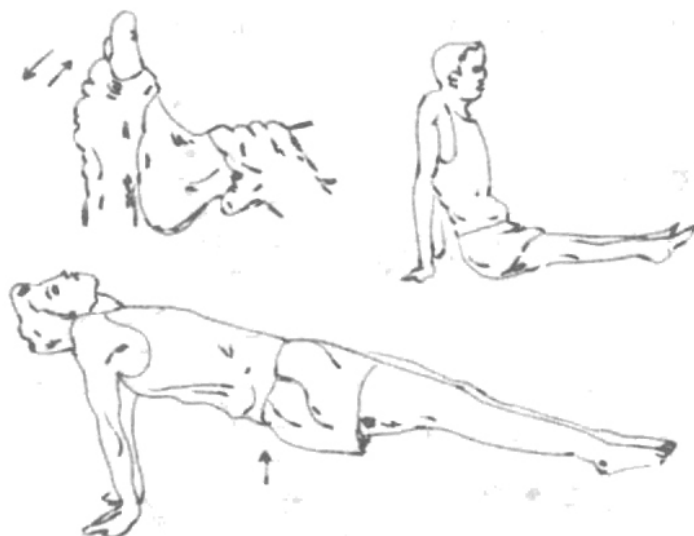
2. Chữa can khí.

Ngồi ngay ngắn, 2 tay gài chéo vào nhau, rấn dẩy ra phía trước và nghiêng ngửa bàn tay co hướng vào ngực 3-5 lượt (Hình H.2). Như thế thì trừ được phong tà tích tụ ở can. Sau đó mở to 2 mắt, thở ra nhẹ nhẹ, thì chứng độ mắt tự nhiên khỏi.



3. Chứa đờm khí.

Ngồi ngay ngắn, 2 tay nắm kéo cổ chân lên mà lắc chuyển mỗi bên 3-5 lượt (Hình H3), rồi lấy 2 tay chống xuống đất rón sức nâng mình ngửa lên và uốn sống lưng 3-5 lượt (Hình H3). Như thế thì đờm được phong độc tà khí ở thận. Rồi sau hà hơi ra thì khí ở đờm được khoan khoái dễ chịu, mọi tật ở đờm tự nhiên hết.



Hình H.3

4. CHứa tỳ khí.

Ngồi ngay ngắn, duỗi một chân, co một chân, lấy 2 tay quạt ra phía sau (siết trái lại bàn tay ngửa lên) 3-5 lượt (Hình H4). Như vậy thì trừ được phong tà và thường trực thức ăn tích trệ ở tỳ vị. Rồi sau thổi phào hơi ra thì mọi tật tả, lý, nôn, đờm sẽ khỏi.



Hình. H4

5. Chứa phế khí

Ngồi ngay ngắn, 2 tay bám xuống đất, cơ mình cong lưng, ngẩng lên phía trên 3 lượt (Hình H5). sau đó nhẹ thở ra thì bệnh đờm ở thượng tiêu làm cho buồn bực tức đầy sẽ khỏi. Như vậy thì trừ được phong tà tích lao ở phế.



Hình H.5

6. Chứa thận khí.

Ngồi ngay ngắn lấy ngón tay vuốt từ tay đến sườn 3-5 lượt, cả bên trái, bên phải. Rồi quạt tay ra sau ôm vào eo lưng. đứn nhảy một chân ra phía trước, giật lùi ra phía sau và nhảy sang bên trái, rồi sang bên phải độ 10 lượt (Hình H6). Như vậy thì sẽ tiêu tà ở thận và bàng quang. Sau cùng nhẹ nhàng thổi phù ra, thì các chứng hoa mắt, ù tai và liệt dương sẽ trừ được.



Hình H.6

I- PHƯƠNG PHÁP LUYỆN KHÍ CỦA THÁI THƯỢNG LÃO TỬ

Ngũ vị (13) lục dục (14), thất tình (15) làm thương tổn 5 tạng (16) ở trong làm hại 9 khiếu (17) ở ngoài, do đó mà sinh ra mọi bệnh tật. Cho nên Thái thượng dùng phương pháp luyện khí để chữa, bệnh ở tạng phủ (18). Phép lấy dùng cách thở ra cốt để tiết khí độc ở tạng phủ ra, dùng cách hít vào để thu lấy tinh khí của trời đất bù vào, có thể sau một ngày đã thấy hiệu nghiệm nhỏ, sau một tuần đã thấy hiệu nghiệm lớn và sau một năm thì mọi bệnh đều hết mà càng tăng tuổi thọ.

Thở ra có 6 lối: "hà" là hà hơi ra, "hu" là thở phào ra, "xư" là thở ngắn, "hư" là thổi ra từ từ, "xuy" là thổi phù ra, "hy" là thở rền ra điều hòa, "hấp" là hít vào chỉ có một lối mà thôi. Tất cả những lối này cần phải nhẹ nhẹ đưa ra, hít vào, đừng để tai nghe tiếng, vì hơi thở mạnh thì tổn tâm khí, chỉ thở không thì vô ích.

Từ giờ tý đến giờ tỵ là dương, từ giờ ngọ đến giờ hợi là âm. vào giờ dương thì hướng về phía đông, ngồi ngay ngắn, nuốt nước miếng, sau mới hà hơi độc ở trong tâm ra, ngừng đầu hít khí trong để bù vào, làm như thế 6 lượt, Rồi hu thở phào hơi độc ở trong tỵ ra, lại hít khí trong để bù vào, làm 6 lượt. Lại hít thở nhẹ hơi độc trong phế ra, hít khí trong để bù vào 5 lượt. Đến hư thổi từ từ khí độc ở trong can ra, lại hít khí trong để bù vào 6 lượt. Kế đến xuy thổi phù để khí độc ở trong thận ra mà hít khí trong bù vào, cũng làm 6 lượt. Thế gọi là 36 vòng "tiểu chu thiên địa". Lại xem chứng trạng ở tạng nào, ví dụ như bệnh ở mắt, thì phải nhắm lại 2 chữ "hu" "hy" mỗi chữ 18 lượt, đều hít để bù vào. Thế gọi là "trung chu thiên địa". Xong, lại theo như phương pháp trước, dùng chữ "hà" "hu", thở ra hít vào. Thế gọi là vòng "Đại chu thiên địa".

Sau giờ ngọ thuộc âm, phải hướng về phía nam mà làm. Nam phương hỏa tức là tiêu âm rồi. Sáng sớm dậy ngồi ngoảnh mặt về hướng đông, dùng 6 chữ trên này, mỗi chữ cũng làm 6 lượt như thế chữa cũng được đau mắt. Phàm mọi chứng đau mắt, duy có phương pháp này có thể chữa được. Thật là thành diệu, không nên khinh thường.

1. Nước miếng trào ra trừ được lo về sau

Sáng sớm khi thức dậy, dẹp hết suy nghĩ. Cong lưỡi đưa lên trên vòm, ngậm miệng, thở nhịp nhàng, nước miếng tự nhiên chảy ra, dần dần đầy mồm chia làm 3 phần cố ý nuốt xuống. Làm như thế được lâu mãi thì tả hỏa ở 5 tạng không bốc nóng, khí huyết ở tứ chi được lưu thông, mọi bệnh tật không sinh ra, khỏi lo về sau, già mà không yếu.

Thơ rằng:

Ngạc thương sinh tân vị ngọc tuyến,
Thời thường yển thấu hạ Đan Điền,
Tạng trung sương mỹ vô ngưng trệ,
Bách nhật công hoàn mệnh thọ diên.

13) 5 vị: chua, đắng, ngọt, cay, mặn

14) 6 ý muốn của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân thể, ý nghĩ.

15) 7 mối tình chi: mừng, giận, lo, nghĩ, buồn, sợ, kinh.

16) 5 tạng: can, tâm, tỳ, phế, thận.

17) 9 khiếu: miệng, 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, 2 mắt, tiền âm, hậu môn.

18) 6 phủ: Đờm (mắt), Vĩ (da dày), Đại tràng (Ruột già), Tiểu tràng (ruột non), bàng quang (bong bóng), Tâm

Tạm dịch:

Nước miếng trên hàm gọi ngọc tuyến,
Thường nên ngậm nuốt xuống Đan Điền,
Suốt thông năm tạng không ngưng trệ,
Công luyện trăm ngày tuổi thọ bền.

2. Vỗ bụng, hà hơi tiêu tích tụ

Có khi vì ăn mà sinh ra tích trệ, cũng có khi vì khí (hơi) mà sinh tích trệ, dần dần tỳ vị bị thương tổn, thuốc chữa khó lành. Chỉ bằng tiết chế ăn uống, răn ngừa tức giận, chớ để cho tích tụ là hơn. Ai mắc phải bệnh này, nên nín hơi, tự điều khiển cho ngực bụng chuyển động, đợi đến lúc khí đầy rồi sẽ từ từ hà ra. làm như thế 5-7 lượt sẽ được thông lợi khoan khoái.

Thơ rằng:

Khí trệ tỳ hư thực tích nhiều,
Hùng trung cổ muộn tối nan điều,
Từ từ hà, cổ, tiềm thông sướng,
Tâm thái, thần yên, tất đốn tiêu.

Tạm dịch:

Khí trệ, tỳ hư, thực tích đầy,
Trong lòng buồn bức, chữa sao đây,
Dần dần hà, chuyển, ngầm thông lợi,
Tâm nhẹ, thần yên, bệnh đỡ ngay.

3. Phép cúi đầu chữa bệnh ngoại cảm (thương hàn)

Do nguyên khí suy yếu, nên chân lông thở thịt sơ hở mà dễ cảm nhiễm phong hàn. Người mắc bệnh này, ngồi ngay ngắn, xếp chân bàn tròn, lấy 2 tay ồm chặt vào bộ phận sinh dục, ngậm miệng nín thở, tưởng tượng đến chân khí, ngầm điều khiển luồng khí chạy từ đốt xương cùng lên qua xương sống thấu lên tới bộ "nê hoàn" (19), để đuổi tà khí, rồi cúi đầu, uốn lưng ngửa mặt lên, như động tác làm lễ (lạy) (H I.3) không kể bao nhiêu lượt, cho đến khi mồ hôi toát ra thì thôi, sẽ khỏi bệnh.



Hình I3

19) Nê hoàn là Đan điền thượng ở chỗ giữa hai lông mày.

Thơ rằng:

Gia phụ doan tọa hướng bồ đoàn
Thủ ốc, âm nang khí sử hoàn
Khuất ức để đầu tam thất biến
Đốn linh hàn tật lập thời an.

Tạm dịch:

Bàn tròn xếp về, cách ngồi ngay;
tay áp âm nang luyện khí này,
Cúi đầu, ngẩng đầu ba bảy lượt,
Tức thời hàn tật được yên ngay,

4. Phép gõ răng trừ bệnh đau răng.

Bệnh đau răng là do hỏa ở tỳ vị bốc lên. Mỗi sáng khi ngủ dậy, gõ răng vào nhau 36 lượt, lấy lưỡi đá vào chân răng, không kể bao nhiêu lần, đến khi nước miếng trào ra đầy mồm sẽ nuốt xuống, làm như vậy 3 lượt thì thôi. Khi đi tiểu, nên mím miệng cắn răng cho đến lúc dái xong, thì sẽ không đau răng.

Thơ rằng:

Phong nhiệt huân chung xỉ bất ninh
Xâm thân khẩu thấu Ngọc tuyết sinh
Nhược giao vật dụng thường vô cách
Hoàn hứa tha niên lão phục đình

Tạm dịch:

Phong nhiệt làm răng nhức nhối quanh,
Ban mai, gõ nuốt Ngọc tuyết sinh,
Ví bằng vận động thường liên tục,
Già đến, hàm răng vẫn tốt lành,

5. Phép vận chuyển con mắt chữa màng mòng

Vì thương nhiệt, thương khí, can thận hư tổn thì con mắt sinh mờ tối hoặc có màng che. Lâu ngày không chữa được thì dễ sinh thong manh hay mù. Phép chữa cứ mỗi sáng sớm, dậy ngồi xếp bàn, nín thở, buông mí mắt, vận chuyển 2 con mắt 14 lần, nhắm kín ít lâu rồi bỗng mở to ra. Chịu khó làm như vậy, thì nội chứng màn mòng tự nhiên tiêu tan. Kiêng nhất là sắc dục và viết chữ nhỏ.

Thơ rằng:

Hỷ nộ tha nhân hôn ế sinh
Liêm thù sung túc vận song tinh
Tĩnh ngưng, khí hóa, thần lại phục
Can thận hòa bình nhãn tự minh

Tạm dịch:

Mắt kém còn do sự giận vui
Buông mí, nín thở, vận con ngươi
Ngưng tĩnh, hóa khí, thần hồi lại
Can thận hòa bình lại sáng ngời.

6. Phép bịt tai chứa chóng mặt

Phong tà nhiễm vào não mà hư hỏa bốc lên, cho nên mắt tối xầm mà đầu choáng váng đau nửa đầu hoặc cả đầu. Lâu ngày thì biến thành chứng trúng phong, không nói được bại liệt nửa người. Phép chữa phải ngồi yên lặng, thân thể ngay ngắn, nín hơi, lấy 2 ngón tay bịt tai, lắc đầu 5-7 lượt, tưởng tượng đến nguyên thần (20), rồi khiến đưa ngược lên chỗ giữa 2 lông mi (nê hoàn) để đuổi tà ra, phong tà sẽ tự nhiên tiêu tan.

Thơ rằng:

Hư hỏa hôn phong tính phát vẩn
Tu tồn thần dĩ trực tà phân
cánh vô tình tán, vô thư tán
Khả bọc Bồng lai cảnh thượng nhân

Tạm dịch:

Hư hỏa làm cho choáng mặt mày
Thần kia luyện được đuổi tà ngay
Tinh không tán rã, hư liền hết
Nên học Bồng lai (cối tiên) những bậc thầy

7. Phép giơ đạp cho nhẹ xương

Chân tay cũng cần được lao động nhẹ, ví như cái then cửa đẩy ra đẩy vào luôn, nên không bị mỗi một như phép diễn tập theo thể gấu, thể chim (21) và phép hít thở đạo dẫn, đều là thuật dưỡng sinh cả. Ngày thường nên giơ 2 tay, lên như vể nhấc hòn đá to, 2 chân đạp lên phía trước như bước lên mặt đất (H. I.7). Khi đó tưởng tượng đến thần khí, dựa theo bốn mùa mà dùng cách thở "hư", "hà"... 14 lượt, thì thân thể nhẹ nhàng khỏe mạnh, đủ sức chịu đựng với nóng lạnh.

Thơ rằng:

Ngũ tạng hòa bình tinh khí tồn
Tứ chi hoàn cố cốt cường kiên
Tuy nhiên vị đắc đao khuê nhị
Thả trú nhân gian tác địa tiên

Tạm dịch:

Năm tạng hòa bình tạng khí cường
Tứ chi vững chắc rắn gân xương
Dù chưa lượm được liều tiên được
Thì cũng địa tiên ở thế gian



Hình. 17

20) Theo các nhà chuyên hành Nguyên thần là thần hồn của người ta. Theo Lân Ông, nguyên thần là do tính khí ngưng tụ lại mà có. Huyết sinh ra tinh, tinh sinh ra khí, khí sinh ra thần. Khí chủ việc xuất nhập trao đổi vật chất với ngoài, thần chủ việc biến hóa và chỉ đạo mọi cơ năng hoạt động của toàn thân.

21) Phép rèn luyện thân thể "Ngũ cầm hi" của Hoa Đà (thế kỷ II).

8. Phép vuốt xoa mặt cho tươi đẹp

Nhan sắc tiêu tụy là do nghĩ suy quá độ và lao lực quá mức, không biết giữ sức. Mỗi buổi sớm ngồi yên tĩnh nhắm mắt, tập trung tinh thần, nuôi dưỡng thần khí cho đầy đủ để cung ứng từ trong tới ngoài. Xát 2 tay vào nhau cho nóng vuốt lên mặt 7 lượt. Cứ làm như vậy trong nửa tháng thì da dẻ bóng nhuận dung nhan tươi đẹp, khác hẳn mọi khi.



Hình 1



Hình 2

Thơ rằng:

Quả dục, tâm hư, khí huyết dinh
Tự nhiên ngũ tạng đắc hòa bình
Dung nhan trương thử tàng quang trạch
Bất tiền nhân gian ngũ đẳng vinh

Tạm dịch:

Ít dục, tâm nhân, khí huyết thêm
Tự nhiên năm tạng được êm êm
Dung nhan nhờ thế thêm tươi đẹp
Ngũ phúc trần gian khang thọ kiem

9. Phép nín thở xoa vuốt để thông khí trệ

Khí ngưng trệ thì đau, huyết ứ trệ thì sưng, phải nên cẩn thận mới được. Muốn chữa những chứng này, phải lặn tâm nín thở, dùng tay trái xoa xát vào chỗ ngưng trệ 49 lượt, tay phải cũng làm như vậy, rồi súc lấy nước miếng mà bôi vào, làm như thế liên tục trong 7 ngày thì khí huyết thông lợi, sẽ không phải lo đến chứng ngưng trệ nữa, Nhà tu dưỡng vẫn gọi cách này là "tắm khô" cũng trọng ý nghĩa đó.

Thơ rằng:

Vinh vệ lưu hành bất tạm hư
Nhất tài ngưng trệ tiện kham ư
Thùy tri bế tức năng thống sướng
Thử ngoại hà tu bất thảo cầu

Tạm dịch:

Khí huyết chu lưu nghỉ phút nào?
Một khi ngưng lại đáng lo sao!
Ai hay nín thở mà không được,
Ngoài cách ấy ra lọ phải cầu,

10. Phép "Vô tâm" được tự nhiên

Đạo tự nhiên là đạo thánh, vô tâm là trong lòng thanh tĩnh. Người thường giữ được thanh tĩnh thì thông cảm với tự nhiên, lẽ nào đạo thánh lại không truyền, đạo tự nhiên lại không hợp sách Thanh tĩnh kinh đã nói đầy đủ rồi. Những người chân tu thể theo đó mà làm thì muốn dựng ra một cảnh tiên cũng dễ dàng thôi.

Thơ rằng:

Hữu ác, hữu vi, vân chí yếu
Vô thanh, vô xú, ngữ phương kỳ
Trung thu ngộ dạ thông tiêu tức
Mình nguyệt đương không tạo hóa kỳ (cơ)

Tạm dịch:

Thế vận động luôn, lời rất đúng
Tâm thường thanh tĩnh, nói hay sao!
Thiên nhân thông cảm cơ mầu nhiệm,
Đúng giữa đêm thu nguyệt sáng lâu

11. Phép phong bế khối di mộng tinh.

Lòng dục động thì hỏa bốc lên. Hỏa bốc lên thì tinh thần mỗi mệt, thần mỗi mệt thì tinh hoạt mà hóa thành di mộng tinh. vậy khi đi ngủ, phải dẹp lo nghĩ để an thần, lấy tay trái xoa vào rốn 14 lượt, tay phải cũng làm thế, rồi cả hai tay xoa vào sườn, xoa đi xoa lại 7 lượt, nuốt hơi đưa xuống Đan điền, nắm chặt bàn tay khá lâu rồi sẽ buông, cơ chân nằm nghiêng, sẽ không di tinh nữa.

Thơ rằng:

Tinh hoạt thần bì dục hỏa mạnh
Mộng trung di thất trí thương sinh
Sai ma hữu quyết quân tu ký
Tuyệt dục trừ tham thị bảo kinh

Tạm dịch:

Thần mỏi, tinh di, bốc lửa tình
Trong mơ tinh xuất hại cho mình
Phép xoa sườn rốn, ta nên nhớ
Trừ bỏ tham dâm dạng tốt lành

K- LỜI DẠY SÂU SẮC VỀ TIẾT DỤC

Lã Thuần Dung có câu thơ:

Nhị bát giai nhân thể tự tô
Yêu gian phụ kiểm trăm ngu phu
Phân minh bất kiến vi nhân hại
Âm địa giao tha cốt tùy khô

Tạm dịch:

Hai tám xuân xanh á gái màu
Khác gì gương sắc hại gần nhau
Bề ngoài nào thấy chi nguy hiểm
Tùy kiệt xương khô ai biết đau

Người xưa nói: Người ta có 3 cái quý là tinh khí thần: Nếu giữ được thần, vững được khí, ven được tinh, thì mọi tật không sinh ra được. Sau khi giao hợp, nên nằm ngửa, duỗi thẳng chân, buông thẳng tay, đầu cong lên, cổ sức nín thở, lắc thân mình 3-5 lượt. Như thế là cách làm cho thận thủy hoàn lại chỗ. Nếu tấy mặt nóng bừng là tinh khí đã lên chỗ Đan điền trên (Nê hoàn) thì lập tức dùng 2 tay xoa vuốt lên da mặt, như thế là lối tám khô, để cho nhiệt khí đi qua. Kế tiếp, mím môi, nín thở, đá lưỡi vào vòm mềm (hoa trì) cho tiết ra nước miếng rồi nuốt xuống Đan điền (dưới rốn 3 thốn) để cho tinh khí chu lưu. Đó là một cách (Bổ tinh hoàn tùy).

Đông Châu tiên sinh nói: "Dầu hết thì đèn tắt, thêm dầu thì đèn sáng. Tùy kiệt thì người yếu, tùy đầy thì người mạnh".

Những trường hợp kiêng giao hợp:

Trong những khi trời đất chấn động, mưa gió sấm chớp, nắng nóng, giá rét (....), hoặc khi nằm giữa trời, trong đền miếu, trước tượng vị thánh hiền, trước bếp sau giếng; - trong lúc tinh thần hay sức khỏe mỗi mệt hoặc tức giận sợ hãi, - trong khi yếu đau, đi đường di chuyển, say rượu, ăn no, bệnh vừa mới khỏi, hoặc khi phụ nữ đang hành kinh, - những hôm thức khuya hay sáng sớm sẽ phải đi xa, lúc vừa mới đi xa về đương mệt, đều nhất thiết phải kiêng, chớ nên giao cấu, giữ gìn được thì tốt.

L- LỜI DẠY SÂU SẮC VỀ ĂN UỐNG

Doãn Chân Nhân nói: Người ta có 3 thứ dục: ham ăn, ham ngủ và sắc dục. Trong ba thứ này, ăn uống là căn bản. Người biết dưỡng sinh, thì uống trước khi khát, nhưng không uống quá nhiều. Nên ăn ít mà ăn nhiều lần, không nên ham ăn nhiều mà khó chịu. Thường nên để trong cái no có một chút đói, chớ không nên để trong cái đói có một chút no. Ăn uống nên dùng thức ấm (vì tỳ vị ưa ấm, đừng để cho lạnh hay nóng phạm vào). Nên ăn cơm nhiều hơn thịt, không nên ăn thịt nhiều hơn cơm. Thà để đói còn hơn ăn no sinh thương tổn. sáng bụng đói chớ uống chè đặc; nên dè uống rượu sau bữa ăn. Đói quá chớ nên ăn thật no, khát lắm chớ uống nhiều quá. Sau cơn giận không nên ăn ngay, sau bữa ăn chớ nên nổi giận. Rất nên cẩn thận để cho chân khí điều hòa.

Xưa có câu: Ăn nhiều thường sinh 5 trở ngại: một là đại tiện luôn, hai là tiểu tiện luôn, ba là ngăn trở giấc ngủ, bốn là không tu luyện được, năm là khó tiêu hóa. Cần nên rán ngừa để nuôi dưỡng trung khí được điều hòa.

Ứng Cừ nói rằng: Xưa có vị đạo nhân, khi đi đường thấy 3 cụ già đều ngoài trăm tuổi đang làm cỏ lúa với nhau. Vị đạo nhân đến hỏi 3 cụ: Tại sao các cụ được thọ như vậy? thì cụ thứ nhất nói: vợ tôi ở nhà xấu xí lắm; cụ thứ hai nói: tôi liệu chừng theo bụng

tôi mà vừa ăn thôi: cụ thứ ba nói: tôi không bao giờ trùm đầu lúc ngủ. Lời nói của ba cụ già trọng yếu thay! Nhờ đó mà được trường thọ.

Thiên dương sinh đại yếu có câu rằng: người khéo dưỡng sinh bồi dưỡng ở trong, người không khéo dưỡng sinh thì bồi dưỡng ở ngoài. ở ngoài tham tình dục khoái lạc, chuộng ngoài thì thương tổn ở trong. Còn như bồi dưỡng ở trong thì làm ngũ tạng yên hòa, tam tiêu không rối loạn, ăn uống vừa phải, không can thiệp đến việc lỗi thời, thì có thể sống lâu.

M- BÀI LUẬN NHIẾP SINH CỦA CÁC NHÀ TU DƯỠNG

Phép dưỡng thọ của người già là đừng nằm ngay khi ăn no, chớ dùng ngũ vị thái quá: chua để hại tỳ, đắng nhiều hại phế, cay nhiều hại can, mặn nhiều hại tâm, ngọt nhiều hại thận. Người già nên lưu ý.

Bảo Phác Tử nói: việc nhập phòng là quan trọng, người trọng phu phải biết mà giữ gìn thì có thể kéo dài tuổi thọ mà tránh được bệnh tật.

Nếu tài kém mà cố suy nghĩ để làm là một điều thương tổn.

Lực không kham nổi mà cố gắng sức vươn lên là hai điều thương tổn

Lo âu oán nặng là ba điều thương tổn.

Lòng ham muốn nôn nóng là sáu điều thương tổn.

Lo lắng áy náy là bảy điều thương tổn.

Bàn chuyện, cười nói lâu là tám điều thương tổn.

Ngủ ngày, nghỉ ngơi thất thường là chín điều thương tổn.

Ráng sức giường cung kéo nã là mười điều thương tổn.

Say rượu mê man nôn mửa là mười một điều thương tổn.

Ăn no rồi nằm ngay là mười hai điều thương tổn.

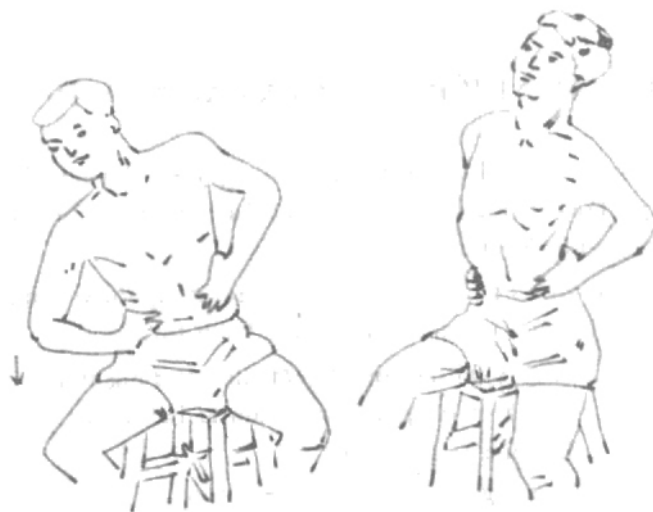
Nhảy chạy thở dốc là mười ba điều thương tổn.

Reo cười khóc lóc quá là mười bốn điều thương tổn.

Tích lũy những thương tổn mãi thì còn gì là khí, cho nên người biết dưỡng sinh không nhở nước miếng tung tóe, không đi vội vã, tai không nghe mãi đến chán, mắt không nhìn mãi đến mỏi, ngồi không ngồi lâu, đứng không đứng đến chồn chân mỏi gối. Sắp lạnh đã mặc thêm áo, sắp nực đã cởi bớt áo ra không muốn làm việc gì đến cực nhọc, cũng không muốn ngồi dưng nhàn rỗi. Không muốn đồ đầm dề và nhò nước miếng tung tóe. Không muốn nhìn xa hết tầm mắt, không muốn uống rượu trước luồng gió, không muốn tắm gội nhiều quá, không muốn bài vế lập vị. Mùa đông không muốn quá ấm, mùa hè không muốn quá mát, mùa xuân không muốn xông pha gió bụi, mùa thu không muốn dãi dầu ẩm thấp. Không muốn nằm trơ dưới trăng sao, không muốn dùng quạt trong giấc ngủ. Kiêng xông pha khí lạnh nhiều nóng dữ, mưa to gió lớn. Cho nên người biết phép dưỡng sinh phải tùy theo thời tiết bốn mùa mà ngủ dậy sớm hay muộn. Làm việc nghỉ ngơi có mức độ bình thường. Điều hòa gân xương có phương pháp nghiêng ngửa, ngẩng lên; đuổi bệnh xua tà có phương thuật thở ra hít vào. Lễ dưỡng sinh ở cả trong bài này.

N- PHÉP TU DƯỠNG CỦA TUÂN SINH

1. Mỗi ngày vào giờ Tý giờ Sửu, 2 tay chống nạnh, chuyển mình ngoẹo cổ uốn thẳng lên, ngoi sang bên trái và bên phải (Hình N1) mỗi bên 3-5 lượt.



Hình N.1

Rồi gõ răng thở hít vào, ngậm nước miếng súc miệng và nuốt xuống 3b lần. Làm như vậy để trị các chứng phong khí, tích trệ sinh đau gáy, sau phía sau tai, bả vai lưng cánh tay và khuỷu tay.



Hình N.2

2. Mỗi ngày vào giờ ty, giờ sửu, 2 tay chống nạnh ngoẹo cổ, nghiêng cúi sang bên trái và bên phải, mỗi bên 3-5 lượt. (Hình N. 2), rồi gõ răng... Để trị khô cổ, lợm ọe, họng sưng, ra mồ hôi, nhức ở đuôi mắt, quầng mắt và góc hàm.

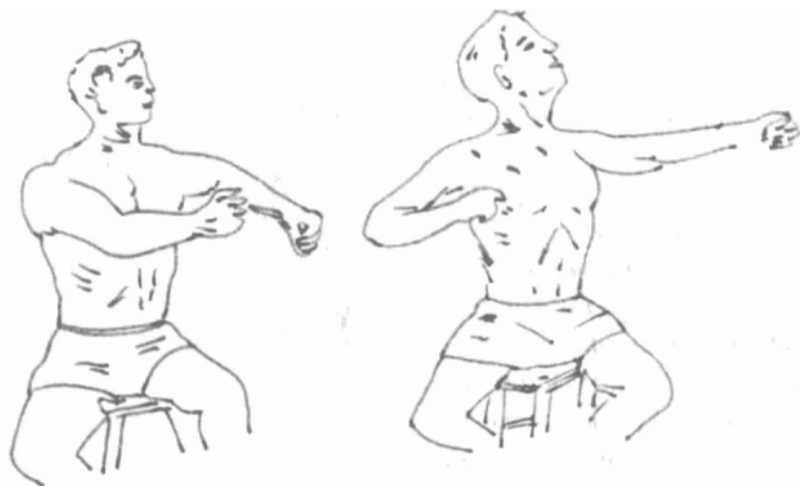
3. Mỗi ngày vào giờ sửu, giờ dần nắm chặt 2 tay, ngẩng cao cổ, rồi rút xuống đưa cùi chỏ ra đằng sau, kéo xiết 3-5 lượt (Hình N.3). Rồi gõ răng 36 lượt và thở ra, hít vào, ngậm nước miếng và nuốt xuống 9 lần để trị các chứng đau eo lưng thân thịt, tà độc tích ở phế vị, mắt vàng, miệng khô, ra mủ cam, đau răng, mờ mắt sợ sáng, mũi tắc không ngửi được, lở ngứa khắp mình.

4. Mỗi ngày vào giờ sửu giờ dần, giơ đưa thẳng ngang 2 tay ra phía trước, rồi vận mình ngoảnh đầu đưa tay sang bên trái và bên phải mỗi bên 5-6 lượt (H N.4). Gõ răng 36 lượt, thở ra hít vào, ngậm nước miếng và nuốt xuống 9 lần. Để chữa các chứng hư lao, tà độc hoặc nóng sưng, ù tai điếc tai, đau nhức sau tai, nơi bắp vai, khuỷu tay, thất lực ngoài thận, đầy hơi, da thịt ngứa ngáy.



Hình N4.

5. Mỗi ngày vào giờ sửu, giờ dần, ngồi ngay ngắn thay đổi tay bên trái và bên phải, giơ lên như kéo cái cung cứng, mỗi bên làm 8 lượt (H. N.5). Gõ răng, hít thanh khí, nhả trọc khí, nuốt nước miếng 3 lần. Để chữa những chứng hư tà tích trệ ở lưng thận, tràng vị, trước tai nóng lạnh, tai điếc, đau ở cổ họng, lưng mềm yếu, nhức ở khuỷu tay và cánh tay.



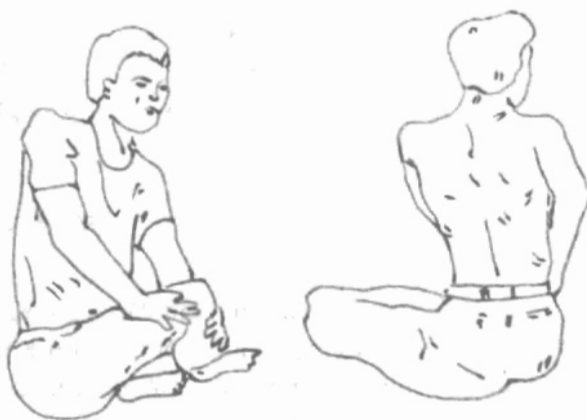
Hình N.5

6. Mỗi ngày vào giờ sữa, giờ dần, ngồi xếp bằng, thay đổi 2 tay, cánh tay bên nọ đưa ra thúi bàn tay kia áp vào vú, làm mỗi bên 5-7 lượt. (H N.6). Gõ răng, thở ra hít vào, ngậm nước miếng, súc miệng và nuốt... Để trị các chứng kết hòn ứ huyết ở tỳ, vị, mắt vàng, mũi lác, ra máu cam, sưng hàm má, sưng đau phía ngoài khuỷu tay và cánh tay, nóng lòng bàn tay.



Hình N.6

7. Mỗi ngày vào giờ dần, giờ mao, nín thở, nhắm mắt, thay đổi 2 tay kéo đầu gối chéo nhau bên này và bên kia, mỗi bên 3-5 lượt (2 tay ôm lấy đầu gối bên phải làm chỗ tựa, tay phải đẩy



Hình N.7



Hình N.8



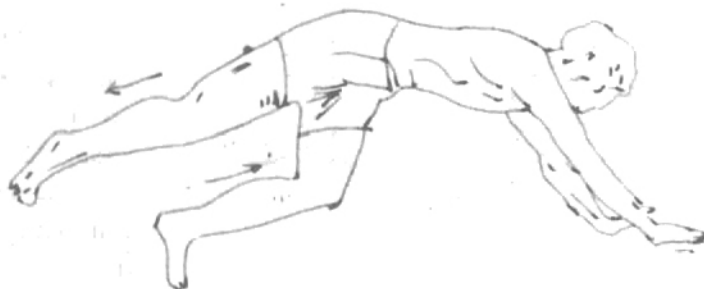
Hình N.9

10. Mỗi ngày vào giờ Sửu, giờ dần, 2 tay chống xuống đất, một chân co tỳ xuống đất chân khác dùng sức đạp ra, co vào, xiết 5-7 lượt (Hình N. 10). Gõ răng thở ra hít vào, nuốt nước miếng. để trị chứng phong thấp lưu trệ ở kinh lạc làm cho sưng đau gan bàn tay nóng, mưng khốc bất thường.

ra, tay trái kéo vào, để vận sống lưng. Rồi đổi thế sang đầu gối bên trái (H. N7). Gõ răng, thở, hít, nuốt nước miếng. Để trị các chứng phong thấp lưu trệ ở kinh lạc làm cho sưng đau gan bàn tay nóng, mưng khốc bất thường.

8. Mỗi ngày vào giờ dần, giờ mao, ngồi ngay ngắn, một tay ráng giơ lên, một tay tỳ xuống đất, làm thay đổi bên nọ, bên kia, mỗi bên 3-5 lượt cho giãn hông (H N.8). Gõ răng, hít thở, nuốt nước miếng. để trị chứng tà độc tích trệ ở phế, hông ngực trướng đầy, trong tâm nơm nớp sợ sệt, hồi hộp, mặt mũi đỏ, mắt vàng, tâm buồn bực sinh đau, nóng lòng bàn tay.

9. Mỗi ngày vào khoảng giờ dần, giờ mao, ngồi ngay ngắn, ngửa mình, 2 tay đẩy lên, ráng sức uốn ngực sang bên trái và bên phải, mỗi bên 5-7 lượt (H N.9). Nín thở, gõ răng, rồi thở ra, hít vào, nuốt nước miếng. để trị các chứng hư lao tích trệ ở eo lưng, ở thận, họng khô, tâm đau, mắt vàng, sườn nhức, tiêu khát (đái tháo, khô khát), hay kinh sợ, dễ quên, khí toát ra mình nóng, đau ở vết, tâm, đầu, cổ, mắt đỏ.



Hình N.10

11. Mỗi ngày vào khoảng giờ sừ, giờ dần, ngồi hai tay nắm lại chống xuống đất, ngoảnh đầu cúi nhìn vào vai trái, ngẩng đầu lên rồi đổi sang phải, ngẩng mặt lên, mỗi bên 3-5 lượt (H N.11). Gõ răng, thở ra hít vào, nuốt nước miếng. để trị chứng phong độc ở đầu, gáy lưng ngực, ho hắng, suyễn thở, phiền khát, hồng ngực tức đầy, bắp tay đau, lòng bàn tay nóng, đau ở trên rốn, ở lưng vai, cảm phong hàn, trúng phong, ra mồ hôi, tiểu tiện luôn, da thịt đau tê, buồn rầu muốn khóc, nóng rét run rẩy.



Hình N.11



Hình N.12

12. Mỗi ngày vào giờ dần, giờ mao, ngồi chồm hổm, duỗi thẳng 2 tay, ngón tay gài chéo vào nhau và cong lại, lấy bàn chân đạp vào, thay đổi chân bên nọ và bên kia, mỗi bên 5 lượt (H N.12). Gõ răng, hít thanh khí vào, thở trọc khí ra, nuốt nước miếng. để trị các chứng phong thấp tích trệ ở đầu gối, cổ chân, phía trước cẳng tay, cánh tay, đau trong thân, đau lưng và eo lưng, mình mẩy nặng nề.

QUYỀN HẠ

VỆ SINH YẾU QUYẾT DIỄN CA

1. Tiểu dẫn

Vệ sinh yếu quyết diễn ca
Để cho nam nữ trẻ già đều hay:
'Tắc lòng tâm niệm bấy nay,
Mong đời hết bệnh kéo dài ngày xuân.
Dưỡng sinh theo phép Chân nhân(1)
Sách trên đã chép nguyên văn mấy bài.
Để tùy hoàn cảnh tùy thời,
Tùy nghi lĩnh hội những lời tinh ba.
Quyển này đúc lại thành ca,
Mấy lời thiết yếu để ta ghi lòng.
Bao gồm phương pháp dự phòng
Cổ kim dung hợp quán thông dung hòa.

2. Thuật cổ

Nội kinh thiên một, hai, ba(2)
Nhiếp sinh di dưỡng(3) để ra hàng đầu.
Cổ nhân dạy nhủ đời sau,
Biết gìn giữ trước khỏi sâu bệnh nguy
Đời xưa các bậc thánh tri,
Chữa khi chưa bệnh có gì khó khăn.
Dau rồi tiếc của thương thân,
Khác gì khi loạn thấy cần đúc gương.
Để phòng bệnh hoạn đau thương,
Là điều thiết yếu ngày thường phải lo.
Nhiếp sinh phép cổ từ xưa:
Âm dương thời tiết bốn mùa thuận theo.
Tu thân dưỡng tính đôi chiều,
Điều hòa thuật số(4) bấy nhiêu phép mà.
Nói xưa ăn ở thật thà,
Chẳng vì danh lợi bốn ba nhọc lòng,

1) *Chân Nhân* người nắm vững huyền cơ tạo hóa, quy luật biến hóa âm dương.

2) Thiên thương cổ thiên chân luận, Tứ khí điều thần luận và Sinh khí thông thiên luận.

3) *Nhiếp sinh* là chăm giữ sức khỏe. Di dưỡng là nuôi nấng. Dưỡng sinh bao gồm cách nuôi nấng, ra dưỡng, giữ gìn sức khỏe để sống lâu.

Lao tâm chẳng phải đề phòng,
 Sáng làm tối nghỉ thông dong khỏe người.
 Khởi cư gìn giữ theo thời,
 Uống ăn điều độ đua chơi chẳng cần.
 Cho nên hình thể, tinh thần,
 Trong ngoài đều mạnh, bình an thọ trường.
 Tuổi trời hưởng hết là thường,
 Chẳng lo chết yếu, vì chưng biết phòng.
 Đời nay trái người cổ phong:
 Rượu chè trác táng làm xằng kể chi
 No say phòng dục đôi khi,
 Chân nguyên(1) hao tán chỉ vì kiệt tinh.
 Tinh vơi nghiêng động thần minh,
 Thỏa lòng, trái đạo dưỡng sinh còn gì!
 Năm mươi tuổi đã thấy suy,
 Vì chưng tửu sắc, khởi cư không chừng.
 Người xưa dạy cách đề phòng:
 Tùy thời mà tránh *tặc phong hu tà*(2)
 Muốn cho chân khí điều hòa,
 Sửa mình trong sạch(3) hư vô trong lòng.
 Tinh thần giữ vững ở trong,
 Bệnh nào xâm được chẳng phòng cũng an.
 Chí nhân, lòng chẳng muốn tham,
 Có gì lo sợ *tà*(4) xâm hại mình.
 Chớ nên quá nhọc thân mình,
 Làm mà chẳng mệt thì mình vẫn vui.
 Mọi điều vừa phải thì thôi,
 Muốn gì cũng được chẳng đòi hỏi hơn(5)
 Ăn thường mà vẫn thấy ngon,
 Mặc gì cũng đẹp vui quen với đời,
 Chẳng hề tranh cạnh đua đòi,
 Mọi người chất phác (thật thà) chẳng nài dưới trên.
 Mất trông chẳng muốn chẳng thêm,
 Dâm tà(6) đâu dễ quấy phiền lòng ta.

1) *C'han khí* cũng gọi là nguyên khí, chính khí, đó là tinh khí tiên thiên hợp cùng cốc khí hậu thiên mà thành, vật chất chủ yếu duy trì sự sống.

2) Gió độc thừa cơ người yếu xâm vào nhà mà gây bệnh

3) Không có tham vọng bậy bạ, coi có cũng như không.

4) Tác nhân gây bệnh.

5) Tâm di tức cố sở nguyên tấi tông, bất di cần cố vô nan đắc dã (*Nội kinh yếu chỉ* trang 78).

6) Những điều không chính đáng, tà dâm. Thị dục bất năng lao kỳ mục, dâm tà bất năng hoặc kỳ tâm (*Nội kinh yếu chỉ* trang 78).

Bất kỳ kẻ khéo người ngu,
Ai mà biết giữ, chẳng lo sợ gì.
Trăm năm động tác chẳng suy,
Dương sinh trọn đạo chẳng nguy chút nào.

3. Khi cư (sinh hoạt)

Khởi cư: xuất nhập(1) hàng đầu,
Thuận theo động tĩnh của bầu thiên nhiên.
Âm dương(2) vận chuyển ngày đêm,
Bốn mùa thời tiết luân phiên chẳng nhằm:
Xưa rằng: "*Sáng dậy đêm nằm*"
Ngày làm tối nghỉ là mệnh trời
Cũng là cương kỷ (nề nếp) của người
"Khuyến ai dậy sớm, chớ ngồi canh thâu"(4)
Cần lao cung ứng nhu cầu,
Ở đời muốn sống dễ hầu ngồi dung.
Cần lao thân thể khang cường,
Tinh thần vui vẻ gân xương chuyển đều.
Nhân cư bất thiện mọi điều,
Nghĩ thâm làm bấy, đói nghèo theo thân.
Nhân cư ử rữ tinh thần,
Nản nhiều khí huyết kém phần lưu thông.
Còn như làm việc không chừng,
Cũng là trái với lẽ thường chẳng nên,
Ham mê, mưu lự (lo tính) thâu đêm
Lao tâm, lao lực, không quên phòng ngừa,
Thuận theo thời tiết bốn mùa,
Xuân sinh, Hạ trưởng, Thu thâu, Đông tàng(4)
Mùa Xuân khai thái dương thăng(5)
Giữ mình khoan khoái chí càng phát sinh,
Mùa hè muôn vật trưởng thành,
Chẳng lười hoạt động thân mình mạnh thêm,
Mùa thu khe khát im lìm,
Khởi cư thận trọng, chớ nên xuê xòa.

1) Xuất tác nhập tức: mặt trời mọc thì đi làm, mặt trời lặn thì về nghỉ.

2) Khi dương *nóng* tính *đông*, Khi âm *lạnh* tính *tinh*, làm ngưng lại. Âm dương là 2 hiện tượng mâu thuẫn và thống nhất của một sự vật trong vũ trụ cũng như trong sinh lý và bệnh lý. Danh từ *âm dương* còn dùng để chỉ trời đất: dương là trời, âm là đất.

3) 4 câu này lại được chú thêm hàng chữ Hán ở nguyên bản để lưu ý người đọc

4) Mùa xuân thì sinh ra, mùa hạ thì lớn lên, mùa thu thì thu về, mùa đông thì cất giấu.

5) Mùa xuân mở đầu âm áp (khí dương mạnh lên) xem (*Nội kinh chi yếu* trang 78 - 80).

Mùa đông nấp nấu¹ trong nhà,
 Đừng quên tiết lậu⁽¹⁾ xông pha quá chừng.
 Tiết trời biến đổi là thường,
 Nhưng ta phải biết đề phòng mới yên:
 Mùa xuân kiêng gió trước tiên,
 Mùa hè nắng nóng lại xen mưa rào.
 Mùa thu sương xuống hanh hao,
 Mùa đông gió rét khi nào khỏi mưa.
 Chớ quên ẩm thấp bốn mùa,
 Hư tà rất dễ thừa cơ lấn vào.
Luc dâm⁽²⁾ tuy gió dẫn đầu,
 Ai ngờ hàn thấp theo sau hại mình,
 Nắng thì hao khí rành rành
 Hàn thấp lưu lại thương hình⁽³⁾ chẳng sai.
 Vì bằng bệnh chữa phát ngay,
 Đến khi tiết đổi, lúc rày bệnh sinh,
 Mùa đông chẳng biết giữ tinh,
 Sang xuân cảm gió biến thành bệnh ôn.
 Mùa hè *hạ chí âm sinh*⁽⁴⁾
 Không kiêng sống lạnh, thu thành rét cơn.
 Mùa thu phong thấp không kiêng,
 Sang hè sinh bệnh sống phân ỉa phòng.
 Mùa thu khí táo chẳng ròng,
 Mùa đông ho hắng vì chưng phục tà⁽⁵⁾
 Muốn cho Chân khí điều hòa,
 Ta nên kiêng cử xông pha lỗi thời.
 Thích nghi khí hậu của trời,
 Âm dương hòa hợp trong ngoài mới yên.

4. Ăn uống:

Vệ sinh ăn uống trước tiên,
 Khuyến ăn thanh đạm, khuyến kiêng đậm nồng.
 Ngũ tâm (5 vị cay) dùng phải có chừng.
 Ăn nhiều tán khí, biết phòng mới hay,

1) Sơ hở, tiết mất tinh khí (*Nội kinh yếu chí* tr 80 và 23).

2) Gió (phong), lạnh (hàn), nắng (thử), ẩm ướt (thấp), khô hanh (táo), nóng (hào).

3) Thương tổn đến hình thể: cảm khí thấp vào nơi đến da thịt gân mạch, lạnh nhiều thì nhức xương rút gân (*Nội kinh yếu chí* tr 24 - 25).

4) Tiết hạ chí vào giữa mùa hè (22 tháng 6 dương lịch) thì khí âm bắt đầu sinh (*Hạ chí nhất âm sinh*) bởi nóng dần.

5) Tà khí đã xâm vào người nhưng chưa phát bệnh ngay, mà còn nấp nấu ở trong, đợi khi người yếu hoặc cảm thêm mới phát bệnh. Xem bệnh nắng ở *Nội kinh yếu chí* tr 22b - 23.

Các mùi mặn, đắng, chua, cay,
 Ăn nhiều sinh bệnh chẳng sai đâu mà:
 Đắng nhiều hại *phế* (phổi) khô da
 Mặn nhiều *tâm* (tim) lạnh, máu tà phải ngưng,
 Quá chua *cán* (gan) động rút gân,
 Quá cay, chai thịt, môi quăn, hại *tỳ*
 Ngọt nhiều cũng chẳng ít gì,
 Tỳ chen *thận* yếu, xương tễ, tóc cần(1)
 Đến như gừng, tỏi, kiệu, hành.
 Từng dùng phòng bệnh đã thành thói quen.
 Vừa chừng gia vị thì nên,
 Hễ người táo nhiệt, chớ quên kiêng dùng
 Cao lương tích trệ sinh ung,
 Rau tương thanh đạm đối lòng cũng ngon
 Ăn nhiều ngũ cốc(2) tốt hơn,
 Thịt thà tanh béo sinh dờm, sinh giun (lãi).
 Có câu: *Tham thực cực thân*,
Bệnh tông khẩu nhập(3) ta cần phải kiêng.
 Muốn cho ngũ tạng được yên,
 Bớt ăn mấy miếng, nhịn thềm sinh đau
 Ăn no thì chớ gọi đầu(4)
 Nên đi bách bộ, cho tiêu kiêng nằm.
 Tháng ba đói kém thiếu ăn,
 Đến mùa cơm mới ăn dần mới tiêu.
 Chết vì bội thực cũng nhiều
 Ngờ đâu lại có người nghèo chết no!
 Còn người phú quý nhân cư,
 Ngày đêm yến tiệc ăn no lại nằm.
 Rượu say rồi lại nhập phòng,
 Khỏi sao tích trệ, phạm phòng chết non!
 Nhà nghèo củ chuối cũng ngon,
 Ăn nhiều sinh thũng con hơn đói lòng.
 Bệnh can no đói bất đồng,
 Tài y khôn dễ dư phòng được ư!
 Mấy điều cần phải phòng ngừa,
 Kiêng ăn sống sít bẩn dơ, làm nhàm:

1) Theo Thiên ngũ tạng sinh thành của *Nội kinh Tố vấn* (chú thích của tác giả)

2) Gạo tẻ, gạo nếp, bắp, đậu, mì

3) Tham ăn thì dễ bị đau, bệnh thường do ăn uống sinh ra (bệnh thao thức ăn vào qua miệng).

4) Người đói xưa để tóc dài, khi vừa ăn no mà gọi đầu phải cúi xuống thì dễ sinh tức bụng và nhức đầu.

Thức ăn phải dầy để phòng,
 Thần lẩn, nhện, kiến, nhặng (lăng xanh) ông rơi vào.
 Kiêng ăn rau sống tương meo (mốc)
 Qua đen chó trắng(1) cùng loài tanh hôi.
 Chẳng ăn thịt thối thịt toi,
 Nem thiêu lươn chết tanh hôi ích gì!
 Quả xanh, nước lã độc ghê,
 Ăn vào là mửa thường khi bất ngờ,
 Lại còn độc sắn(2) chẳng ngờ,
 Cũng nên biết cách phòng ngừa mới yên.
 Phải đem bóc vỏ trước tiên,
 Cát ra ngâm nước một đêm, trắng ròng,
 Nấu kỹ thì tốt hơn hồng (đỏ)
 Trước, sau, ăn mía, mật, đường dã say.
 Từng dùng rau muống xưa nay,
 Tuy rằng giải độc chưa hay đâu mà.
 Ai hay ăn nấm cần ngừa,
 Nấm lim rất độc(3) vì chưng rắn, trùng.
 Vậy nên biết cách đề phòng,
 Cho vào đồ bạc nấu cùng thử xem:
 Thấy đồ sặc biếc xám đen,
 Biết rằng nấm độc ta bèn bỏ đi.
 Nhược bằng ngộ độc đôi khi,
 Uống ngay nước phẩn(4) tức thì giải luôn.
 Hoạc dùng nước xáo đất tường(5)
 Lóng trong mà uống cũng thường được an,
 Luận về phòng độc thức ăn,
 Biết bao nhiêu thứ khó khăn kể cùng.
 Chỉ bằng kiêng kỵ là xong,
 Dùng ăn thức lạ mới hòng khỏi nguy.
 Bất kỳ ngộ độc thứ gì,
 Rễ sòi, củ chuối uống thì trực ra.
 Đậu đen, cam thảo trung hòa,
 Hoàng đằng, Quán chúng, Từ cô giải liền;

1) Qua đen hay con kênh kênh thường ăn xác chết: thịt chó co ăn thì dễ sinh đau bụng đi ngoài (tiểu).

2) Đây là nôi cây khoai mì (sắn) lương thực phụ trồng để lấy củ ăn (*Manihot esculenta* Crantz) không phải là đã cất co độc theo sách xưa, cũng có tên là Cầu vắn tức lá ngón (*Doan* trường thảo).

3) Chất độc ở trong nấm không phải do rắn trùng nhả ra, chính tùy theo loại cây sinh nấm. Quan niệm về nguyên nhân trúng độc rắn và việc dùng nước phẩn giải độc là theo *Bản thảo cương mục*.

4) Theo *Linh nam bản thảo*: phẩn người dột thanh tro, để lâu, khi dùng hòa với nước và lắng lấy nước trong

5) Đất vách hoa với nước, lóng lấy trong để uống.

Dộc cá thỉ dùng *Mã tiên* (cỏ roi ngựa)
Thịt toi: *Hoàng bá*; trùng: *Phèn*, *chè khô*
Dộc cua, sò ốc: *Tía tó*,
Trứng rau ngổ độc: *giấm chua* tiêu liền.

5. Nước uống:

Một điều trọng yếu không quên,
Vấn đề nước uống phải nên thế nào?
- Chớ dùng nước ruộng, nước ao,
Nước hồ, nước vũng, nước nào cũng dơ,
Chỉ bằng nước giếng nước mưa,
Nước sông, nước suối cũng chưa an toàn.
Cần nên ngâm thuốc sát trùng:
Chanh châu, *Quán chúng*, *Hùng hoàng*, *Nghê râm*
Phèn chua lọc nước thêm trong,
Ao tù, nước bẩn cũng khộng nên dùng.
Nước ăn chứa đựng trong thùng,
Cũng nên đậy kín để phòng bụi rơi.
Nước mưa nên hứng giữa trời,
Mái nhà thường có sáu trời lẫn vào.
Bể xây thành đày mọc meo.
Nên dùng vôi bột cọ thao cho liền.
Cá vàng nuôi cảnh càng nên,
Phòng khi có độc, cá liền chết ngay.
Cá ăn bọ gậy(2) hàng ngày,
Vừa là trừ muỗi, lợi thay mọi bề.

6. Trầu, thuốc, rượu, trà:

Luận về trầu, thuốc, rượu, chè,
Tùng dùng thết đãi bạn bè vui thay.
Vừa là phòng bệnh hàng ngày,
Nhưng dùng quá mức hại này cũng sâu
Nước ta có tục ăn trầu,
Để cho thơ miệng, hồng hào đỏ môi.
Bạt trừ khí độc tanh hôi,
Sơn, lam chướng ngược(3) thiên thời, thấp ôn(4)
Trầu cau ngừa bệnh rét cơn
Từ xưa đã rõ chẳng còn hoài nghi

1) Châu thành: Canh châu. Tuốc mai đẳng. *Sagcteria theejane* Brongn. Họ Táo ta, mọc hoang bờ rào đất Bắc, có tác dụng tiêu độc.

2) Còn lẫn quặng hóa sinh muối.

3) Sốt rét chối nước do khí độc của rừng núi (rét rừng).

Lại dùng thết khách đôi khi
Mở đầu câu chuyện có gì quý hơn
Nào là tang, tể, quan, hôn(1)
Tân lang(2) quốc túy quốc hồn(3) xưa nay
Coi trầu tục lệ chẳng phai
Cho nên có kẻ trầu nhai luôn mồm
Ăn nhiều tán khí gây mòn
Phổi khô môi rộp rõ ràng chẳng sai
Tuy dùng phòng bệnh rất hay
Nhưng khi nóng nực người gây dùng ăn.

X

Hàng ngày nước uống rất cần
Chè xanh giải khát sinh tân hóa đàm
Giải độc lợi tiểu tiêu cơ
Váng dầu chóng mặt lại càng được thanh
Uống vừa khoan khoái thần minh
Uống nhiều khô ngủ thân hình gầy xanh
Uống nhiều lúc đói chẳng lành
Hòa tiêu thận bại, tỳ sinh hư hàn (lạnh dạ)
Nước chè uống lạnh tích đờm
Chi bằng uống nóng khi còn bốc hơi
Tùng dùng chè với lâu đời
Để ngừa sốt rét ở nơi núi rừng
Tiêu đờm hạ khí ngừng nôn
Trướng đầy, thấp trệ, tích hờn đều tan
Đói lòng chè đặt bụng cồn (trà quau)
Người gầy thì chớ uống cần khí hao
Nhiệt dùng chè Bạng(4) tốt nhiều
Hàn thì chè Vôi dễ tiêu tích đầy

X

Thuốc lão tính nó nóng cay
Hút vào khí độc chạy ngay khắp mình
Làm cho rung động thần minh
Bổn dưỡng khoan khoái tâm tình tiêu dao
Nhớ ai như nhớ thuốc lão
Đã chôn điếu xuống lại đào điếu lên(5)

1) Ma chay, cúng lễ, lễ qua quan cho đôi mỗ của con trai lên 20 tuổi (thời xưa), lễ cưới.

2) Cau, nói chung là trầu cau.

3) Cái tính túy đặc biệt của dân tộc

4) Chè tước loại già.

5) Năm 1665, vua Lê Huyền Tông đã hai lần hạ lệnh cấm hút thuốc lão, nhưng không thực hiện được (Văn dài)

Bảy lâu ta đã dùng quen
 Tương tư yên thảo(1) tương truyền chẳng sai
 Bài trừ khí độc tanh hôi
 Tán hàn trừ thấp tạm thời thấy mau
 Ở nơi nước độc rừng sâu
 Dự phòng sốt rét, đau đầu cũng dùng
 Hút vào, uất hỏa hơi mồm
 Họng khô, phổi ráo, tích đờm sinh ho
 Khí hao, huyết tụ chẳng ngờ
 Ung thư(2) kết hạch(3) nguy cơ có ngày
 Hại nhiều lợi ít rõ thay
 Khuyên ai quyết chí bỏ ngay thuốc Lào
 Lá tươi thì độc làm sao
 Ăn vào tẻ dại nôn nao mê trầm (lịm đi)
 Tốt thay trừ một sát trùng
 Dùng vào trừ rệp trái giường hoặc xông
 Rễ khô uống nó thì công
 Tiêu trừ tích tụ vô cùng là hay(4)
 X
 Rượu nồng tính nóng, hơi cay
 Dở chua dở ngọt, vị hay lạ thường
 Uống vào tai mắt đỏ bừng
 Tâm thần rung động bàng quang nói năng
 Cường dương, tráng đờm(5) chi bằng
 Bổng nhiên sức mạnh hung hăng lạ đời
 Cười xin, yến tiệc vui chơi
 Dăng quan, tế lễ, rượu đòi trước tiên
 Có người say rượu liên miên
 Người thì đói khát, không cơm, ăn mỳ
 Rượu dùng tổn gạo nguy thay
 Một người uống rượu mấy người nhịn ăn
 Rượu say mê muội tỉnh thần
 Khiến người làm bậy, làm cần hại thay
 Rượu dùng làm thuốc thì hay
 Tan hàn, hành huyết thật tài thật nhanh

1) Cây thuốc lao có tên riêng là *Tương tư yên thảo* có nghĩa là nhớ nhung khôn cỏi, tên khoa học là *Nicotiana rustica* Lm.

2) Mun nổi phát nhanh là ung, nhọt chìm phát chậm là thư, nói chung là mun nhọt.

3) Tu lai thành hòn hay nổi hạch như trắng nhac kết hạch

4) Lá thuốc Lào tươi hay khô chữa rắn sâu cắn, rễ sao chữa tích băng. Những cơ chất nicotin rất độc.

5) Mạnh dương kích dục và gây thêm can đảm hùng mạnh.

Thuốc sao tâm rượu thi hành
 Thuốc cao pha rượu để dành được lâu
 Thuốc mà ngâm rượu chạy mau
 Ngoài xoa trong uống nhu cầu nhiều ghê
 Tay chân đau nhức thấp tê
 Người già rũ mồi thuốc gì tốt hơn
 Xưa dùng ngựa trị phong hàn
 Rượu đầu vị thuốc, rõ ràng chữ: Y(1)
 Song le nạn rượu cũng nguy
 Đến khi quá chén biết gì đại khôn
 Ngà ngà mượn dịp hành hung
 Say nhiều nôn mửa, bỗng nhiên mê trầm
 Hơi men nung nấu Can Tâm
 Dầu đầu, thổ huyết, họng sưng, mất mù
 Biến sinh cước khí(2) ung thư
 Phế nuy(3) tâm hoãn(4), khô gan, da vàng
 Lâu ngày thấp nhiệt huân chứng(5)
 Biến nên vị thống(6), trang phóng(7), gân mềm
 Rượu làm khí lực hao mòn
 Chi bằng nhịn rượu để cùn gạo awn
 Chẳng những phòng bệnh phải răn
 Cũng là giáo phú hưng dân đông thời(8)
 Nên dùng làm thuốc mà thôi
 Già thì uống ít trẻ thì cấm ngăn
 Uống ăn là việc rất cần
 Nhưng mà kiêng kỵ lại càng cần thay
 Cứ trong ăn uống thường ngày
 Phải cần biết chọn thức này, thức kia
 Lại nên phối hợp thích nghi
 Ăn nhầm sinh bệnh chẳng gì ích đâu
 Nuôi người già yếu ốm đau
 Càng nên tiết chế mới hầu khỏi nguy
 Nên ăn, nên kỵ thức gì
 Ở trong Bản thảo(9) đã ghi rõ ràng

1) Chữ "Y" gồm chữ "dậu" ở dưới. Dấu có nghĩa là rượu (đậu thánh).

2) Chân đau sưng tê lạnh.

3) Phổi hẻo khô (lao phổi)

4) Tim đập chậm hay cơ tim dần ra (suy tim)

5) Khí âm chứng bốc nóng.

6) Đau da dầy. 7) Trang phóng ha huyết (ỉa ra máu)

8) Vừa là dạy cho dân giàu mạnh.

Khuyên người phụ nữ nên tường
Để giúp y thuật ngày càng tiến hơn

7. Thất tình

Nội thương bệnh chứng phát sinh
Thường do xúc động thất tình gây nên
Quá mừng khí hoãn như điên
Chợt kinh khí loạn *tâm* phiền ngất đi
Nghĩ nhiều khí kết thương *tỳ*
Thao thức không ngủ, ăn thì chẳng ngon
Lo sầu *phế* khí tiêu mòn
Hụt hơi heo hắt nói không ra lời
Xung *can* sùng sục như sôi
Giận thì khí thượng tựa trời sấm vang
Sợ thì khí xuống tận cùng
Thân hư run rẩy, *dái* thun, gối mềm
Tinh thần rối loạn chẳng yên
Vì chưng khí kết biến thiên thất thường
Ngấm ngấm *Nguyên khí* tổn thương
Thừa hư, tà lẫn vào trong bệnh thành
Lợi dục đầu mối thất tình
Chặn lòng ham muốn thì mình được an
Cần nện tiết dục thanh tâm
Giữ lòng liêm chính chẳng ham tiền tài
Chẳng vì danh vị đua đòi
Chẳng vì sắc đẹp đắm người, hại *thân*(2)
Giữ *tinh*, dưỡng *khí*, tồn *thần*
Tinh không hai tán thì *thần* được yên
Hàng ngày luyện *khí* chớ quên
Hít vào thanh khí (khí trong) độc liền thái ra
Làm cho khí huyết điều hòa
Tinh thần giữ vững bệnh tà khó xâm
Lại cần tiết chế nói năng
Tránh làm quá sức dự phòng *khí* hao
Thức đêm lo nghĩ quá nhiều
Say mê sắc dục cũng đều hại *tâm*
Biến sinh *lao* trái bệnh *thâm*(3)
Chân nguyên suy tổn ngấm ngấm chết non

1) Xem Bệnh năng Ở *Nội minh yếu chỉ* trang 36 - 37.

2) Sắc đẹp làm cho người ta mê đắm và có thể hại đến tinh mệnh.

Có người phú quý luyện đan(1)
 Tưởng rằng tăng thọ nhờ hoàn tráng dương(2)
 Ngờ đâu thận đã tổn thương
 Còn dùng dược thạch(3) lại càng chóng nguy
 Hốt nhiên (bỗng dưng) *tử đại*(4) phân ly
 Dinh chung mỹ sắc(5) mặc my (mày) với đời
 Nhìn xem thôn dã bao người
 Làm ăn chất phác, chơi bời chẳng hay
 Ngò khoai ra cháo hàng ngày
 Ấy mà khỏe mạnh hơn người cao lương
 Vì quen cuộc sống bình thường
 Ít lo xúc phạm nội thương *thất tình*
 Rạng động cày cuốc luyện mình
 Đồng không hít thở, thân hình nở nang
 Lo sâu vì bệnh giàu sang
 Vui nghèo khỏe mạnh hiển ngang trong lòng
 Thành thời ở chốn núi rừng
 Cuộc đời thanh bạch mà thường sống lâu
 Hơn người quyền quý công hầu
 Nhân cư tửu sắc phần nhiều chết non
 Mặc dù đạo dẫn, tiên đan(6)
 Đâu bằng hai chữ *Thanh tâm* là cùng

8. Phụ nữ

Bệnh căn nữ có khác nhau
 Về phương kinh nguyệt, có mang, lâm bồn
 Sinh rồi, con mẹ vuông tròn
 Nhưng mà sản hậu lại còn phải kiêng
 Mấy điều ghi nhớ trước tiên
 Nhập phòng vô độ chớ nên chiều chồng
 Lửa dục nung nấu trong lòng
 Âm tinh hao kiệt, máu hồng cũng khô
 Để nhiều huyết bại khí hư
 Dần dần thủy kiệt, từ từ sinh lao
 Dâm phòng quá độ khí hao
 Thường khi không chữa quy vào hiểm hoi

1) Chế và dùng thuốc trường sanh.

2) Thuốc cường dương.

3) Thuốc bằng kim thạch, như *Lưu hoàng, Dương khởi thạch*.

4) *Tử đại*: 4 yếu tố lớn trong cơ thể là máu, thịt, gân, xương. Ý câu này nói bỗng dưng thân thể lìa rời.

5) Dinh chung mỹ sắc là danh vọng và sắc đẹp.

Hoạc là để nhật sinh đôi
 Con bầy ốm yếu, giống nòi mạnh sao
 Để hùn con lại bú nhiều
 Đêm hôm mất ngủ *âm tiêu*(1) gầy mòn
 Ốm đau lại phải nuôi con
 Thêm phần lao lực chóng tàn ngày xuân,
 Thương người phụ nữ tảo tần(2)
 Sinh ra gánh vác mọi phần cho nam
 Thương người ca xướng phần son
 Ăn không ngồi rồi hiến thân cho người
 Biết bao bệnh tật trong đời
 Nguyên do sắc dục chơi bởi gây nên
 Biết bao lao khổ ưu phiền(3)
 Vì chưng. *một của một con*, ại từ(4)
 Song le dâm dục thận hư
 Biên sinh kinh bế, huyết khô gầy mòn
 Mất con thường lại chết non
 Há không tiết dục lại còn đa dâm
 Lại còn uất giận xung tâm
 Vì chưng tình dục ghen tuông chẳng ngu
Can uất kinh bế huyết hư
Âm tiêu hóa tốc từ từ bệnh sinh
 Vậy nên thư thái tính tình
 Bớt lòng ham muốn thì mình sống lâu.

X

Một điều trong yếu hàng đầu
 Khuyên người chớ vội nhận trâu vắn danh(5)
 Dời khi nam nữ trưởng thành
 Để cho *thiên quý*(6) *âm tinh*(7) vẹn toàn
 Đến kỳ rồi mới kết hôn
 Nữ nam sung sức, cháu con sum vầy
 Chớ theo cổ tục hại thay
 Đưa con gà bán từ ngày còn thơ

1) Tinh huyết bị hao kiệt. Xem *Phụ đạo xác nhiên*.

2) Tảo tần nghĩa bưng là đảm đang.

3) Vất vả lo phiền.

4) Tục ngữ ý nói: lòng ham muốn về của và con thì bao nhiêu cũng vừa, không ai từ chối.

5) Lễ dạm vợ đầu tiên bên nam đến hỏi tên tuổi người con gái (bò trâu cau).

6) Thời kỳ thân khí đầy đủ (tuổi đầy thì): nữ 14 tuổi, nam 16 tuổi, đến lúc đó nữ thì có kinh nguyệt, nam thì tinh khí đầy đủ

7) Tinh khí của thận. (Xem *Phụ đạo xác nhiên* trang 1 - 8).

Tào hôn chết yếu cần ngừa
 Há sao luật cấm mà chưa tuân hành(1)
 X
 Dân bà nên giữ vệ sinh
 Để cho nguyệt tín kỳ kinh được đều
 Chớ nên làm lụng quá nhiều
 Khi kinh chưa sạch chớ liều ngủ chung
 Nhập phòng, uất giận *can xung*
 Để sinh băng lậu(2) khó lòng cầm ngay
 Kiêng ăn sống lạnh, tích đầy
 Dầm mưa, rửa sớm, sau này trệ kinh
 Liền khi vừa mới sạch mình
 Kiêng ăn táo nhiệt, thất tình, phòng trung
 Gây nên động hỏa khí xung
 Huyết khô, thủy kiệt, dự phòng hư lao
 Giữ gìn thai nghén thế nào
 Để cho con cái về sao yên lành(3)
 Chặn ngăn xúc động thất tình
 Dự phòng điên giảo sài kinh sau này
 Dục phòng thương thận nguy thay
Tiên thiên(4) không đủ thóp(5) đầy được ư
 Cứng đầu, ngoẻo cổ, lưng gù
 Chậm đi, chậm nói, gầy gò, những xương
 Ăn nhiều các thứ cay nồng
 Sinh con thai nhiệt, lở sưng, da vàng
 Ăn nhiều các thứ khổ hàn (đáng lạnh)
 Sinh con tỳ tiết(6), sống phân, thũng nề
 Hàn thấp nhiễm đến thai nhi
 Hàn thì đau bụng, thấp thì bào sang(7)
 Lại kiêng lội nước leo thang
 Van la, trật đá(8) dễ dàng sẩy thai
 Hoặc con tàn tật đòi nơi
 Bẩm sinh mang bệnh, sau này khó nuôi
 Chớ nên sầu não bi ai (buồn khóc)
 Tìm nơi thanh thú xa nơi hải hùng
 Lại còn nò dói thất thường
 Cũng đều ảnh hưởng đến lòng thai nhi

1) Năm 1489, luật Hồng Đức ấn định tuổi thành hôn sớm nhất: nam 18, nữ 16 tuổi, nhằm hạn chế tục tào hôn.
 2) Băng huyết, rong huyết. 3) Xem *Phụ đạo sản nhân* quyển hậu trang 9 - 10.
 4) Sự bầm sinh hay chỉ cơ năng của thân. 5) Thóp, Nam gọi là mỏ ác.
 6) Sự bầm sinh hay chỉ cơ năng của thân. 7) Thóp, Nam gọi là mỏ ác.

Có mang khuyên chớ nằm l
 Thường nên xay lúa thể chi(1) vận đều
 Để cho sinh đẻ thuận chiều
 Lại nên nằm thẳng chớ queo chân vào
 Trong buồng lửa đốt khí hao
 Lại kiêng tiếng động ồn ào sợ kinh
 Lâm bồn đến lúc gần sinh
 Khuyên người vững dạ tính tình thành thơi
 Chớ nên rặn sớm hết hơi
 Chớ nên bóp bụng theo lời người ta
 Ổn bà(2) cấm kẻ vào ra
 Đến khi hoa nở(3) chớ cho nước vào
 Trục thai hoặc thuốc hạ bào (nhau)
 Không nên mảnh liệt, khí hao hại người
 Dự phòng sau lúc đẻ rồi(4)
 Nằm yên một chỗ chớ ngồi chớ đi
 Trong phòng kín đáo tứ vi (4 bề)
 Chớ cho gió lọt vào khe lạnh lưng
 Sưởi hơ, chớ để than hồng
 Chỉ nên sưởi ấm vào vùng bụng, chân
 Cần kiêng xúc động tinh thần
 Không nên gội tắm, rửa chân, chải đầu
 Vá may, làm lụng chưa cần
 Dự phòng băng huyết, đau đầu khí xung
 Muốn cho khí xấu khỏi ngưng
 Cần nên ăn *Nghệ*, kiêng dùng đồ tanh
 Các thức mát lạnh chẳng lành
 Cần nên ấm bụng, ấm mình mới an
 Muốn cho da bụng khỏi nhăn
 Thì nên bôi *Nghệ* thất khăn mấy vòng
 Tiêu cơm thì uống chè *Vàng*
 Vừa phòng tích tụ hà trung(5) trước phù
 Phòng dục là việc cần giữa
 Trăm ngày kiêng cử cũng chưa an toàn
 Vừa cho khỏe mẹ mạnh con
 Khuyên người phụ nữ quyết tâm giữ gìn.

1) Thân mình và tay chân.

2) Bà mẹ xem (*Toạ thảo lương mô*). 3) Khi mở tử cung và con chui ra (nghĩa bóng).

4) Xem *Phụ đạo sản nhân* quyển IIâu. 5) Hòn băng do khí huyết ngưng tụ.

9. Dưỡng nhi

Nuôi con là việc rất cần
Mọi người ai cũng quan tâm hàng ngày
Tiên thiên bầm thụ chẳng dầy
Là vì thiếu phép dưỡng thai trong lộn
Hậu thiên(1) nuôi dưỡng chẳng phong
Thì con ốm yếu gầy còm chết non
Anh nhi như cái nầm non
Cần nên vun tưới, chăm nom, giữ gìn

X

Dự phòng ngay lúc mới sinh
Trước tiên cắt rốn, *gừng*, *hành* sát dao
Vải mềm nước muối tắm vào
Quấn tay móc miệng độc trào hết ra
Lại dùng nước nấu *Ngân hoa*
Tắm ngay cho trẻ, ngoài da mát lạnh
Dự phòng đậu sởi phát sinh
Lá xoan, *lách mấu* rửa mình cũng hay
Dự phòng thai nhiệt kinh sai
Lúc khi mới đẻ uống ngay *Ngưu hoàng*
Phòng ngừa kiết lý tiện đường(2)
Uống ngay *Cam thảo*, *Mật ong* mạnh tỳ
Phòng ngừa kinh giản, đậu mùa
Cho uống sữa lợn(3) tháng đầu cũng nên.
Buộc bụng cho kẻ không quên
Chặn tà hàn thấp nhiễm truyền tề phong(4)

X

Khi tắm cho trẻ phải phòng
Gió lùa, nước lạnh, trẻ run rẩy mình
Chớ nên để trẻ sợ kinh
Tắm lâu nên kỵ, lau mình nhẹ tay
Giữ lưng cho trẻ cần thay
Hàn thấp xâm nhập, kinh sài phát ra
Phong trì(5) say gáy thường xoa
Đề phòng ngoại cảm phong tà *Lục dân*(6)

1) Chỉ vật chất dinh dưỡng sau khi sinh hay chỉ về cư năng của ty vị hệ tiêu hóa

2) Là lòng ỉa chảy, kiết lý.

3) Sữa heo mát lạnh xưa đáng đề phòng bệnh đậu mùa, kinh giản (*Ấu đầu tư trị* quyển Kim tr 39).

4) Uống cần đường rốn (*Ấu đầu tư trị* quyển Kim).

5) Huyệt ở 2 bên gáy từ chân tóc lên nửa đốt ngón tay.

6) *Phong, hàn, thấp, thử, táo, nóng hỏa*

Khi cảm chỗ đó nên chườm
 Mồ hôi ra được, trở thường lại chơi.
 Hết tóc chỗ ẩm nên ngồi
 Làn đào, bột mịn, cạo rồi liền xoa
 Để phòng lở ngứa ngoài da
 Dùng nước *Kinh giới*, *Hồ hoa* tắm thường
 Cho mặc ấm bụng ấm lưng
 Ấm chân, kín rốn còn hơn bịt đầu
 Áo quần thích ứng theo mùa
 Bịt hơi nóng quá phải ngứa ngứa sang (lờ)
 Trên đầu dương khí bốc lên
 Dội mao hơi bức hóa sinh chốc đầu
 Dưới chân chẳng thiết ấm nhiều
 Từ khi trẻ đã bắt đầu biết đi
 Để cho cơ biểu (cơ thể) thích nghi
 Khi trời ẩm lạnh cho đi ra ngoài
 Trong phòng ủ ấm là sai
 Đến khi thay đổi tiết trời cảm ngay
 Cho nằm ở chỗ thoáng hơi
 Nhưng cần phải tránh những nơi gió lùa
 Để phòng hàn thấp rần ngứa
 Lăn mình dưới đất, nằm bò ngoài sương
 Nằm nơi mát lạnh nên kiêng
 Mặc dù tiết nóng chớ nên ở trần
 Khi ngủ bụng ngực đắp chăn
 Còn kiêng tiếng động giật mình hoảng kinh
 Gối đầu *Hoa cúc* nhẹ thanh
 Phòng ngứa phong nhiệt xông lên mắt đầu
 Tịch (tránh) tà cho đeo bao trù
Đĩa liền, *Long não*, *A ngùy*, *Chân hương*
 Gặp khi sấm sét tiếng vang
 Nhét tai cho trẻ để phòng diếc tại
 Lại cần biết cách cho chơi
 Cấm ôm súc vật, tránh nơi la thường
 Đồ chơi thanh nhã nên dùng,
 Chớ cho bốc đất, bắt trùng mà ăn
 Ngồi lê dưới đất rên ngán
 Trùng xâm, kiến đốt, bắt thần bệnh sinh

1) Bao đựng thuốc đeo cho trẻ để cản khi độc, phòng bệnh rổng gọi là "đeo hươu" (*Ấu ấu tu vi quyển Kim*).

Chơi-đạo, chơi lửa đáng kinh
 Đề phong tai nạn, thân hình đao thương
 Nuôi trẻ tuần tiết phải tường
 Vỡ da sốt lớn(1) là thường, đừng lo
 Vội dùng thuốc mạnh hồ đồ
 Hải nhi non nớt, nguy cơ tới liền
 Mộc răng đi tụt suốt đêm
 Vội vàng cần ỉa (chỉ tá), sẽ thêm nóng nhiều
 Tập ngồi chớ để ngồi lâu
 Tùy non xương yếu, về sau lưng gù
 Tập đi sớm quá cũng ngứa
 Làm trẻ rần sức, gân mềm nhõn chân
 Luận đề (bàn về) cho bú cho ăn
 Là phần trọng yếu ta cần quan tâm
 Những điều nhũ mẫu(2) phải làm
 Giữ sao cho sữa tốt lành luôn luôn
 Phòng dục, uống rượu phải kiêng
 Nhất là ăn thức nướng rang, cay nồng
 Cùng thức sống lạnh cay nhơn
 Mặn chua thái quá cũng không nên dùng
 Uống ăn hỗn tạp không chừng,
 Làm cho chất sữa thất thường, loãng, chua
 Lạnh thì nôn, tháo đầy, ho,
 Nóng thì lở, kiết, bất ngờ lòi dom (trôn tré)
 Sau khi mưa nắng giải dầm,
 Hoặc khi mẹ mới tắm xong uống liền
 Sữa này truyền bệnh tất nhiên
 Cần nên vắt bỏ trước tiên nước đầu
 Sau khi tích sữa đã lâu
 Cũng nên vắt bỏ lớp đầu mới an
 Bú ăn cần cách thời gian
 Ăn liền lại bú hoàn toàn không tiêu
 Đang no hoặc giả bú nhiều
 Nôn ói ọc sữa là điều đáng lo
 Sau khi trẻ đã biết bò
 Ăn nhiều bột gạo để cho cứng mình
 Muốn cho bụng dạ yên lành
 Sớm ăn ngũ cốc cho thành thói quen

1) Biến chứng (sốt ở da) xem *Ấu ấu tu mi* quyển Mộc.

2) Bà vú nuôi, vú em. Xem *Ấu ấu tu mi* quyển Kim tr. 33

Kể từ ba tháng trở lên
 Cho ăn cháo loãng thì yên vị trường⁽¹⁾
 Dự phòng tích trệ giun trùng
 Ít ăn béo ngọt, uống phòng *Sứ quân* (quả giun)
Hạt sen, đậu ván nên ăn
 Chua cay đáng chất, ta cần phải kiêng
 Bột ăn mấy miếng cho thêm
 Còn hơn bội thực gây nên tích đầy
 Uống ăn điều độ cần thay
 Thức ăn thanh đạm là bài thuốc tiên
 Tôm cua sò ốc nên kiêng
 Ăn vào lạnh dạ, ỉa liên phân tanh
 Đến như kiệu, tỏi, họ, hành
 Để dinh hư nhiệt, tính tình mất mẻ
 Chim sẻ, chim ngói bổ ghê
 Ăn vào trần trọc khó bề ngủ yên
 Lại sinh lở ngứa liên miên
 Thịt gà, cá chép cũng nên ăn vừa
 Nuôi con biết cách phòng ngừa
 Thì con khỏe mạnh, mẹ đã khỏi lo
 Nhà nghèo khi đói, khi no
 Không mền không áo, cần ngừa gió sương
 May thay tạo hóa đoái thương
 Lưng cơm mảnh chiếu, con thường vui chơi
 Vì chúng quen với tiết trời
 Lại không tích trệ như người cao lương
 Muốn cho con cái khang cường
 Khuyến người phụ nữ nên tường cách nuôi

10. Ăn ở

Ăn ở cần phải chọn nơi
 Chọn làng mà ở, chọn người mà giao
 Làm nhà chỗ thoáng, chỗ cao
 Tránh nơi dơ bẩn, ồn ào, âm u
 Xa phường trộm cắp hung đồ
 Gần người chất phác, cần cù làm ăn
 Để cùng giúp đỡ đồng lân
 Để cùng gìn giữ an ninh xóm làng

1) Ở *Ấu ấu tư mi* quyển Kim tr. 35, thì nói ngoài 6 tháng mới cho trẻ ăn cháo loãng và ngoài 3 tuổi mới có

Thường khi đào giếng khai mương
Phát hoang bụi rậm, dọn đường cùng đi
Nhà giàu ích kỷ chi li
Nhìn xa đô thị phố phường
Dám ô trụy lạc, chợ đường hơi tanh(1)
Mấy ai biết giữ thân mình(2)
Hương là trát tự vệ sinh xóm phường
Nhưng nơi thắng cảnh niếu đường
Cần nên gìn giữ phong quang vẹn toàn

Những nơi mờ má chợ đường
Chớ nên phóng uế, đào mương, đắp bùn
Đừng nên phát hỏa đốt lùm
Đề phòng gió bốc, lửa um cháy nhà
Nhà ở thì phải làm xa
Bếp xây tường đất trái lờ lửa om
Gân bếp chớ chất củi rơm
Nên đào ao giếng sẵn luôn trong vườn
Phòng hỏa quan trọng vô cùng
Giữ gìn cuộc sống, đề phòng hỏa thương (phòng)
Thủy tai nguy hiểm phi thường
Đề điều cần phải chăm thường đắp luôn
Cấm người đào đất xê mương
Lợi niệmng thì ít, hại chung thì nhiều
Ở nơi nước lũ hiểm nghèo
Trồng cây cô thụ để neo chằng (buộc) nhà
Phong khí lụt lội nước sa
Thuyền bè sấm để trong nhà gì hơn
Trước lo việc ở chợ yên
Sau gìn (giữ) sạch sẽ không quên ghi lòng
Chớ nên ỉa bên ỉa sông
Chỉ bằng ỉa ruộng, ỉa đồng tốt cây
Quanh nhà chớ dúi mà khai
Ấm thấp sinh muỗi, tanh hơi sinh ruồi
Trong nhà cửa mở thoáng hơi
Để cho dương khí mặt trời lọt qua
Siêng năng quét cửa quét nhà
Xoi giường, giặt chiếu; mới là vệ sinh

1) Nói về xã hội thời Lê An Ông

2) Xem *Thượng kinh ký sự* trang 56 và 29.

Khác nhau thôn dã thị thành
Nhà nông cần phải lấy phân bón mầu
Gốc vườn đào hố ủ sâu
Nên làm chuồng lợn, ràn trâu xa nhà
Phòng bệnh, phòng rắn cho gà
Chuồng đàn phân kín, chớ là dưới sân
Dọn chuồng là việc rất cần
Vừa tránh ruồi nhặng, thêm phân lợi nhiều
Bất kỳ kẻ có người nghèo
An mặc sạch sẽ chẳng tiêu tốn tiền
Ao quần giặt giũ cho liên
Vò *Găng Bô kết*, *Chu biên*, *Bồ hòn*(1)
Lai nên tắm gội luôn luôn
Có câu: *Đời sạch rách thơm*, sá gì
Giàu sang mãn trướng chu vi (vây quanh)
Ở trong u ám (đen tối) thương khi bẩn nhiều.
Nước chảy, không thối, không rêu
Lòng sạch, người sạch là liều thuốc tiên

11 Tránh tai nạn

Muôn cho thôn xóm được yên
Mỗi người đều phải giữ gìn cùng nhau(2)
Đề phòng trộm cướp binh đao
Là điều khó tránh người nào chẳng lo
Ấy là những việc bất ngờ
Thất ra vốn có duyên do rõ ràng
Khó nghèo ghét kẻ giàu sang
Kẻ ăn không hết, người làm chẳng ra
Kẻ thi gác tía xương xa
Người thì dối ret kêu la khắp đường
Thả rang bao động bất lượng
Con hơn chết dối nằm đương thôi thấy
Bệnh đời sâu sắc lắm thay
Tay y khôn dễ với tay ngăn ngừa
Sửa mình lương thiện cần cù
Không trèo chằng ngã, không giàu chằng nguy
Mặc đời những truyền thi phi
Bỏ lòng lợi dục sợ gì tai ương

1) Quả găng trâu, bồ hòn, bồ kết và vỏ chu vò ra tẩy sạch vết bẩn (có chất saponin) dùng như xà phòng

2) Hai câu này nguyên bản chép vào cuối mục "Ăn ở" nghi nhảm, nên chúng tôi chuyển sang mục này có nghĩa

Chỉ như đầu đá đao thương
 Giết nhau, đầu độc vẫn thường xảy ra
 Lòng tham không đáy khôn dò
 Chỉ vì danh lợi, dâm tà xui nên
 Lại còn gieo họa vu oan
 Dốt nhà hại của đã man vô cùng
 Chỉ vì nông nổi ác tâm
 Làm người đau khổ, họa thâm về mình
 Tội chi thất cổ trầm mình
 Dù người ức hiếp, quyền sinh thiết đời
 Chi bằng nhẫn nhục cho rồi
 Lòng mình ngay thẳng, có thời giải oan
 Ở đời tai họa đa đoan (nhiều mối)
 Biết đường tiến thoái biết dừng khỏi nguy
 Can qua thăm khốc(1) thường khi
 Tranh quyền cướp nước, chỉ vì mộng tham
 Mưu thâm thì họa cũng thâm
 Hại nhân, nhân hại, tất nhiên, khôn ngu
 Anh hùng lỡ bước sa cơ
 Hùm thiêng mắc bẫy, nào ngờ chết toi
 Chớ nên tàn bạo ở đời
 Lòng mình không muốn thì người nào dung
 Chớ nên cậy thế oai hùng,
 Lòng người không phục, đến cùng vẫn nguy(3)
 X
 Chớ nên tham hiểm hiểm kỳ
 Đứng di cần thận sợ gì chiết thương (què gãy xương)
 Chớ nên lặn vực chui hang
 Nhờ khi chuột rút xà lang hại mình
 Chớ vì quyền lợi tranh giành
 Hại nhân ích kỷ mà thành oan gia
 Chớ nên đấu sức ganh đua
 Ngoài phòng tai nạn, trong ngừa tổn thương

1) Chiến tranh tàn hại.

2) Dưới thời Lê - Trịnh, xã hội Việt Nam rơi vào cực độ. Các tập đoàn phong kiến xâu xé nhau về quyền lợi, địa vị, nhà Trịnh, chúa Nguyễn đánh nhau chia cắt đất nước để cai trị. Nhân dân cực khổ nhiều mặt. Ở miền Bắc, từ năm 1737 phong trào nông dân liên tiếp nổi dậy khắp nơi chống chính quyền Lê - Trịnh, đều lần lượt bị đàn áp. Ở miền Nam dưới sự lãnh đạo của Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, nông dân Tây Sơn khởi nghĩa năm 1771 đánh đuổi chúa Nguyễn lần lượt giải phóng miền Nam và đánh bại quân can thiệp Xiêm năm 1785. Rồi Nguyễn Huệ tiến quân ra Bắc diệt chúa Trịnh năm 1786 và tiêu trừ quân phong kiến Mãn Thanh dưới chiêu bài giúp đỡ nhà Lê sang xâm lược nước ta, đầu năm 1789. Chính nghĩa đã thắng hung tàn.

3) Rắn và chớ soi.

Lưới chài săn bắn phải phong
Biển khơi, rừng rậm, rổ đồng lạc đường
Dừng nên táo bạo không chừng
Sóng sâu chớ lội, dò dầy khoan sang

X

Thú trùng tác hại cũng thường
Há không nghĩ đến những phương thuốc phòng
Chớ dại thì nó chạy rong
Ăn nhấm nọc độc ngoài đồng phát điên
Thường nên nhốt lại đừng quên
Hết đường tiếp xúc nhiễm truyền được sao
Dề phong chảy rận thế nào
Cần nên tắm gội chài đầu luôn luôn
Rận thì nên giặt áo quần
Hột na(1) trừ chấy vài lần hết ngay
Vôi đá sát trùng xưa nay
Trừ giũ, diệt đĩa ta hay thường dùng
Trục đĩa thì dùng *Mật ong*
Nó còn dùng để trục trùng vào tai
Thuốc chuột dùng rễ *Hương bài*
Trừ sâu: *Thuốc lá*(2), trừ ruồi: *Nghê*, *Vôi*
Trừ rệp: *Bồ kết*, *Hoa hồi*
Hun nhà trừ muỗi, dùng *Bèo*, *lá Xoan*
Dề phòng rết cắn không quên
Giường nằm phải có che phen làm trần
Nhà giàu đã có mùng màn
Sợ gì rết muỗi, mà bàn, mà lo
Mắm tương trong vại trong vò
Tự sinh giòi bọ, lò mò bọ lên
Dùng lá *Bọ mẫm*(3) bọ trên
Bọ bâu lên lá, ta bèn vắt đi
Lá này già bỏ trước khi
Phòng ngừa sinh bọ có bề tốt hơn
Miếng vò bịt vải luôn luôn
Ruồi lùn không đậu lại càng tốt thay
Ong bu chớ đập mà nguy

1) *Nà*: tức Măng cầu ta, măng cầu dai *Annoma Squamosa* L. lá rất đắng, chứa sốt rét, ruột trừ chấy rận (rang già nhỏ trộn dầu dừa mà xúc).

2) Theo *Hành gấm trần* như quyền Ly, trang 27 là Măng thảo tức cây Hồi núi, không phải là Tủy ngu thảo.

3) Cây thuốc giời (*Pouzolzia indica* Gaud) tác dụng lương huyết chỉ thấp hải nung giải độc (chữa ho), trừ giòi trong mắt

Một con bị chết cả bầy đót luôn
Đề phòng xà (rắn) thú vào vườn
Trồng cây *Ruốc cá* xung quanh hàng rào
Lại còn trừ đĩa dưới ao
Thường lấy xương ngựa bỏ vào cúng hay

12. Phòng bệnh truyền nhiễm

Thiên thời dịch lệ nguy thay
Lâm sao trừ được bệnh này mới an
Từ xưa luống những lo toan
Thế mà chướng lệ (sốt rét ác tính) vẫn còn xảy ra
Núi rừng râm rạp bao lao
Lá lim phân thú, trùng xà ủ men
Suốt đời khí thấp lưu liên
Đèn khi nắng nóng chứng lên bệnh thành
Theo đường mũi miệng vào mình
Khí độc lam chướng (rừng núi) hoành hành ác ghê
Bệnh này chứng trạng bất tề
Tựa như sốt rét mà nguy chẳng chầy
Hoắc hương bách giải(1) uống ngay
Trước khi chưa phát họa may được lành
Gặp khi chướng khí lưu hành
Ban ngày nắng bốc hơi thành mùi thom
Kíp luôn bịt kín mũi mồm
Nói nang phải tránh mối hồng khô qua
Ở nơi lam chướng phải ngừa
Tuyệt không phòng sự, ăn no, nhọc nhằn
Ngày uống vài chén rượu *tâm*(2)
Để cho khí huyết ôn thông rất cần
Dự phòng nước độc sơn lam(3)
Nên uống *Cam thảo* với *phèn* luôn luôn
Phòng ngừa ngã nước rét cơn
Ăn nên ngớt bụng, ngủ trùm kín chân
Nằm cùng người bệnh nên răn

1) *Hoắc hương Bách giải hoàn*: Hương phụ 2 lạng 5 đồng cân, Lá lim, Ngũ gia bì đều 2 lạng; Lá sung, Nam mộc hương đều 3 lạng, Hạt cau, Muối nôi, Long đàm thảo, Thương truật đều 1 lạng; Gừng khô một ít, tán nhỏ, lấy hột đậu xanh quấy hồ làm viên bằng đầu ngón tay út, uống mỗi lần 3 - 5 viên với nước thang như sau:

- Sốt rét ngã nước, ác tính, uống với nước gừng. - Ỉa chảy, uống nước cơm; đau bụng và thổ tả, uống với nước muối sắc. - Kiệt lý, uống với Chỉ xác sắc. Cảm nóng rét, uống với nước Gừng, Hành sắc.

3) *Rượu tâm*: tức rượu đế nấu bằng nếp, lấy cao chữ từ 40 độ.

2) Sơn lam chướng khí hay lam chướng là khí độc của rừng núi

Ngủ ngày phải kỹ nên ăn cau trầu
 Nước *Riềng*, chè *Vối*, đều tiêu
 Lại ăn *Ý dĩ* uống liều *Thiên kim*(1)
 Tuy rằng ở chốn núi rừng
 Biết phòng cũng được bình thường chẳng lo
 X
 Bệnh nguy hoặc loạn(2) từ xưa
 Nhiều năm 'quý' (cuối) hạ đầu thu thịnh hành
Thái âm(3) thấp khí phát sinh
 Nhàn ăn sống lạnh trong mình tổn thương
 Vì chưng no đói thất thương
 Lại ăn (uống) nước độc từ rừng chảy xuôi
 Sau khi mưa lụt nước trôi
 Biết bao uế tạp theo ngòi chảy đi
 Uống vào nôn tháo đôi khi
 Nên dùng nước giếng khơi nguy phần nào
Địa liên, *quán chúng* ngâm vào
Hoắc hương nấu uống, tà liêu khí hòa
 Kiêng ăn rau sống, sinh già (cà sống)
 Thức ăn nấu chín bệnh tà lánh xa
 Liền sau nạn đói can qua
 Thường có dịch lớn phát ra kéo dài
 Cho rằng dịch lệ thiên thời
 Thực ra uế tạp do người gây nên
 Dưới đất xác chết lưu niên
 Nắng mưa chung nấu bốc lên hại người
 Trẻ già cảm nhiễm động thời
 Biết phòng, biết lánh, nhiều người cũng qua
 Hễ khi ôn dịch phát ra
 Dự phòng uống *Tỏi*, *Bạc hà*, *Lá thông*
Nữ thanh(4), *Bục dục*(5) nên dùng
 Lại hun *Bồ kết*, *Dàn hương* trong nhà
 Có dịch thì chó lẩn la
 Cần nên nút mũi khi ra ngoài đường

1) *Thiên kim bất hoản hoản*: Hậu phác, Thương truật, Hoắc hương, Hương phụ, Thanh bì, Trần bì, Bán hạ chế, Tần lang, Thảo quả, Cam thảo, bằng nhau tán bột, viên với hồ bằng đầu ngón tay út, uống mỗi lần 1 - 3 với nước gừng.

2) *Hoặc loạn*: Dịch tả.

3) Khi đất làm tổn thương tỷ vị.

4) Rau mành bết (*Coeninia cordifolia* Cogn) hái đợt non luộc ăn.

5) Thái học căn Bùng bục: (*Mallotus barbatus* Muell et Arg).

Dùng bông bọc *Tỏi, Hùng hoàng*
 Khi thăm người bệnh lại càng không quên
 Chuyện trò đối diện chớ nên
 Về nhà tẩy uế mới yên trong lòng
 Trong nhà người bệnh ở cùng
 Chớ nên chung chạ đồ dùng phòng lây
 Nhất là lao trái truyền thi(1)
 Đề phòng truyền nhiễm trường kỳ mới yên
 Ngăn ngừa cha mẹ di truyền
 Hao tinh, lao lực, bệnh nguyên khơi mào
 Ở gần dễ nhiễm trùng lao
 Nên dùng vôi bột rắc vào đờm phân
 Ống nhổ, nên chứa vôi, mun
 Dự phòng *Bách bộ* uống ngăn cũng mau
 Chỉ như mai độc(2) hại sâu
 Phòng ngừa bệnh nhiễm lúc đầu khó thay
 Đến khi bệnh đã phát rồi
 Chữa không tiết nọc, suốt đời truyền đi
 Dương mai truyền nhiễm thật nguy
 Khuyên người nam nữ chớ đi chơi liễu
Cu vê(3), *Khúc khác* uống nhiều
Rau sam ăn mãi, độc tiêu hết truyền
 Lệ phong(4) gốc tự cao nguyên
 Trùng độc, xà độc gây nên bệnh này
 Dễ lây, khó khỏi người hay
 Ai mà mắc phải lánh ngay (cách ly) vào rừng
 Chớ nên lưu luyến gia đình
 Bền lòng điều dưỡng một mình mới an
Mật ong, Rau má thường ăn
Móng tay(5) *thịt rắn* rất cần khu phong
 Khỏi rồi còn cấm tửu phòng (rượu, phòng dục)
 Mặn, cay phải kỵ, mới hòng hồi cư (về nhà ở)
 Dự phòng truyền nhiễm đậu mùa
 Từ xưa có phép nhưng chưa an toàn
 Nên xa người bệnh thì hơn

1) Lao trùng (truyền nhiễm (kể cả lao phổi).

2) Độc của bệnh giang mai (xem *Bách gia trân tàng* quyển Quý tr. 24).

3) Bồ cu vê (*Breynia fruticosa* Hook).

4) Phong cùi ở *Hành giã* trên như quyển Doãn tr. 19 cũng dùng mật ong nhưng không kiêng cay.

5) Lá móng tay tức thuốc mọi lá lựu (*Lawsonia inermis* L.) Xem *Bách gia trân tàng* quyển Trọng tr.25.

Áo quần nên nấu, chiếu giường phải xống
 Người bệnh nên ở trong phòng
 Đến khi bay kết hoàn toàn phải ra
 Lên sởi cũng như lên hoa (đậu)
 Cần kiêng gió nước mới là bình an
 Dự phòng đậu, sởi, đầu ôn(1)
Chanh châu,(2) Rau mác uống đơn (ngăn) cũng lành
 Dự phòng đơn độc phát sinh
 Gỗ vang sắc uống thì mình cũng an
 Ngăn ngừa ôn độc phát ban
Thạch cao, Núc áo, lá Chàm uống ngay.
 Thấp ôn (cảm cúm) tê mỏi chân tay
 Đau lưng nghệt mũi bệnh này ít lo
 Cần nên mặc ấm ăn no
 Uống đơn: *Hương phụ, Tử tô, Trần bì*
 Phong ôn phát sốt li bì
Cát căn Kinh giới uống thì cũng qua

13. Phòng bệnh gia súc

Phòng dịch gà heo trâu bò
 Dọn chuồng là việc phải lo hàng ngày
 Độn ròi lại vẩy rắc vôi
 Nên đốt *Thuong truật* xông hơi vào mồm
 Gà thì phải để cao chuồng
 Gà lảng cách biệt gió sương cần phòng
 Ăn gạo tắm nước vôi trong
 Rượu ngâm *hột Giỏi(3)* uống thường được qua
 Đau sang: *Cóc mẩn(4)* uống xoa
Diêm sinh chặn dịch ngập rù, ỉa vôi
 Đến khi đã chớm có toi
 Chớ mua gà chợ về nuôi thêm phiền
 Phải đem gà chết chôn liền
 Chớ nên vất xác nhiễm truyền sao đang
 Phòng ngừa dịch lợn phát ban
Chanh châu, Đơn đỏ(5) uống đơn cũng lành

1) Sừng đầu mặt, quai bị.

2) Canh châu (Xích chu đẳng: *Sageretia theezans* Br.) Iasnon hãm nước sôi uống thay nước trà, chữa sởi đậu tặc dụng tiêu độc.

3) Cây gỗ cao ở rừng, đặc sản VN (*Talauma gioi* A Ilhev) hạt có mùi thơm dùng làm gia vị vừa làm thuốc chữa đau bụng, hay ngâm rượu xoa bóp.

4) Cóc mẩn (*Centipeda minima* L) Nga bắt thực thảo.

5) Đơn mắt trời Cây liễu. *Excoecaria cochinchinensis* Lour, ôn phế thông khí, giáng suyễn chữa mảy đay mụn

Đến khi dịch đã phát sinh
 Rau sam nấu với Phũ bình cho ăn
 Bò kết, Củ ráng uống luôn (Quán chúng)
 Sát trùng, bài độc, khí ôn thanh trừ
 Ngăn ngừa dịch lợn bò trâu
 Hùng hoàng, Bò kết, Ô dầu đốt than
 Tán ra thổi mũi thông quan
 Lại cho uống Tỏi dân gian thường làm
 Tiến đưa dịch lệ ôn hoàng (tống ôn)
 Trước tiên tẩy uế, khai quang gia đường(1)
 Cầu mong vật phụ nhân khang(2)
 Kinh này, nên đọc thuộc lòng chớ quên

14. Điều dưỡng bệnh nhân

Chăm nuôi người bệnh rất cần
 Cũng nên biết cách giữ gìn thì hơn
 Khi đau nằm ở trên giường
 Mọi điều lo nghĩ thường thường hiện ra
 Nào lo việc cửa việc nhà
 Mong sao chóng khỏi để mà làm ăn
 Đau lâu sợ chết đến gần
 Bỏ con, bỏ vợ, thương thân tiếc đời
 Ấu sầu bệnh nặng chẳng sai
 Cần khuyên người bệnh thành thoi trong lòng
 Tinh thần giữ vững ở trong
 Yên tâm điều trị mới mong chóng lành
 Nhược bằng xúc động thất tình
 Kém ăn kém ngủ, bệnh tình sẽ tăng
 Ví bằng lo chết quá chừng
 Dễ sinh sợ hãi, mê trầm ngất đi
 Dù khi gặp bệnh chí nguy
 Ta đừng thổ lộ chớ hề xôn xao
 Cấm người khóc lóc ồn ào
 Cần nên vững dạ tin vào thuốc thang
 Khi đau tuyệt chớ nhập phòng
 Uống ăn tiết độ, cấm dùng rượu nem
 Dương sốt, sau hạ (xổ) kiêng cơm

1) Rửa sạch vỏ mở sáng nhà cửa. Nghĩa bóng là phép "tẩy uế" "khai quang" của thầy cúng khi làm lễ tống ôn theo duy tâm.

2) Người khỏe mạnh yên vui, sức vật của cải phồn thịnh.

Nên ăn cháo loãng, chớ ham bánh quà
 Oe nơn tả lự cần ngừa
 Ăn chất khô nóng, thịt thà khó tiêu
 Kiêng ăn bệnh chóng khỏi nhiều
 Uống ăn hỗn tạp, bệnh đều nặng thêm
 Áo quần nên giặt cho liền
 Lại năng thay chiếu, lau giường đỡ hôi
 Trừ rận xông củ *Ba mươi* (Bách bộ)
 Chăm người bệnh nặng, tiện (đái ỉa) rồi lại lau
 Xương khô gió thờ nằm lâu,
 Trầy da loét thịt, bôi dầu *Mộc qua*
 Dầu giường chớ để than lò
 Muốn đêm ngon giấc, chớ cho ngủ nhiều
 Để đèn chói mắt muối vào
 Thức khuya uống nước, đái nhiều canh thâu
 Không ngủ sức khỏe sụt mau
Ăn được ngủ được là liều thuốc tiên
 Giữ gìn nguyên khí trước tiên
 Làm cho cơ thể khỏe lên, bệnh lùi
 Vững lòng uống thuốc tin thầy
 Dừng tin phù phép theo lời thế gian
 Chớ nên cất má, làm đàn(1)
 Rồi ra: *tiền mất, tật mang*, được gì
 Phải đầu sinh ký tử quy(2)
 Phải đầu số mệnh mà quy cho trời
 Dở hay: vốn tự ở người
 Bệnh mà thất trị(3): quá thời, chết oan
 Chữa sao cho được vẹn toàn
 Khuyên người thầy thuốc chớ toan *công*(4) liều
 Theo gốc mà chữa mới hèo (hiệu)
 Bệnh không biến chứng, tà tiêu tan dần
 Ngô (gặp) khí thế bệnh tiến lên
 Kịp thời ngăn chặn biến thuyền, khỏi nguy
 Công liên, tiếp bổ tùy nghi
 Giữ cho *Chính khí* khỏi suy vì tà

1) Bóc mộ tử tiên đem chôn nơi khác và cúng lễ để cầu giải hạn thay số cho khỏi bệnh theo quan niệm duy tâm.

2) Sống là ở giữ, chết là về quê, theo thuyết luân hồi duy tâm của đạo Phật.

3) Không được chữa đúng phép và kịp thời (thiếu sót về điều trị).

4) Phép chữa đuổi bệnh tà: hán, thổ, hạ.

Chữa gần mà phải phòng xa
 Chặn đường bệnh tiến từ da vào lòng(1)
 Chữa ngay khi bệnh còn nông
 Chần chờ bệnh nặng khó lòng khỏi ngay
 Có câu: *Đau chóng đỡ chầy*
 Là vì không biết chữa ngay kịp thời
 Thuốc thang sẵn có khắp nơi,
 Trong vườn, ngoài ruộng, trên đồi, dưới sông
 Hàng ngàn thảo mộc thú trùng
 Thiếu gì thuốc bổ, thuốc công quanh mình
 Cứ gì phải đợi *Sâm, Linh*
Hạt sen, Ý dĩ tính bình, sẵn ngay
Dại hoàng công hạ tốt đây
Chu biên, Lô hội, dùng thay kém gì
 Chớ nên chuộng lạ cầu kỳ
 Chỉ bằng chữa được kịp thì là hơn.
 Nên dùng các thứ thức ăn
 Thay vào thuốc bổ có phần lợi hơn
Đậu đen trồng được trong vườn
 Hà tất phải đợi *Địa hoàng* từ xa
 Ong rưng lại có hươu nhà(2)
 Thiếu gì thuốc bổ mà lo gầy mòn
 Bình thường rau đậu bổ hơn
 Đến khi liệt nhược *Sâm, Nhung* chẳng vào
 Dù cho *Sâm Phu*(3) nhiệm màu
 Âm dương ly thoát thuốc nào cứu đang

X

Ngoài cách điều trị bệnh thường
 Cũng nên biết cách đề phòng lúc nguy
Cứu người bổ ngã tường dè
 Bổng dưng chết ngất, cần dè chuyển lay
 Động di khí loạn nguy ngay
 Dần dà khí huyết phục hồi thì hơn
Cứu người bị bỏng lửa hun
 Chớ nên ngâm lạnh đắp bùn mà nguy

1) Bệnh tả lúc đầu ở ngoài da thối (biểu), nếu không chữa đúng phép và kịp thời, thì tả khí tiến dần vào trong (lý).

2) Ý nói ngoài việc nuôi ong lấy mật và săn hươu lấy gạc để dùng, còn nên đi kiếm thêm mật ong rừng và nuôi thêm hươu nai ở vườn nhà để lấy nhung, gạc làm thuốc bổ.

3) *Sâm phu thang*: Nhân sâm 5 đồng cân, Phu tử chế 2 đồng cân 5 phần, là phương thuốc hồi dương.

Trong uống thanh bổ tâm tỳ
Mật ong, Thuốc bóng(1) bôi thì đỡ ngay
Phạm phòng ngừng thờ đôi khi
 Khuyên người phụ nữ để y trên mình
 Chớ vì xấu hổ mà kinh
 Lan xuống thì chết vô tình sát phu (giết chồng)
Cứu người chết đuối bến dò
 Chớ nên dốc thẳng chống giò lên trên
 Nước dề thì khí tuyết liền
 Chỉ còn nằm chếch nước bèn chảy ra
Cứu người trúng nắng đường xa
 Chớ nên uống lạnh mới là được yên
 Cho nằm chỗ ướt không nên
 Chườm nóng vào rốn dần dần tỉnh ra
 Gọi là mấy phép phòng ngừa
 Ta nên hiểu biết để cho đỡ lầm
 Chẳng qua mấy việc thường làm
 Sách này hợp lại thành bài "*Vệ sinh*".

15. Tóm tắt

Vệ sinh phép giữ thân mình
 Sao cho khỏe mạnh an ninh mới là
 Mười điều cơ bản đề ra
Thứ nhất: làm lưng, *hai* là nghỉ ngơi
Ba là đừng trái tiết trời
 Xông pha mưa gió nắng nôi lạnh lùng
 Còn khi dịch lệ cuồng phong
 Biết chừng mà tránh, mà phòng mới yên
Thứ tư thị hiếu chớ nên
 Mát trông ham muốn, lòng quên cương thường
 Sinh ra làm bậy làm xằng
 Chữ "*tham*" sánh với chữ "*thâm*" một vắn
Năm là cần phải thủ chân
 Giữ lòng trong sạch cho thần được yên
 Định tâm như kẻ tham thiền
 Bỏ lòng lợi dục đua chen đường đời
Sáu là ngủ dậy theo thời
 Luyện thân, luyện khí đứng ngồi thông dong
 Làm cho khí huyết lưu thông

1) *Lá thuốc bóng*, nay gọi là cây Sòng dơi (*Bryophyllum calycinum* Silisb) dùng chữa bị bỏng và lở ngứa.

Chân tay cứng cáp trong lòng thành thơi
Bảy: rần rửu sắc chơi bởi
Thỏa lòng chốc lát, cuộc đời ngắn đi
Tình hao, chân khí phải suy
Nguyên thần ly tán, bệnh gì chẳng sâu
Tám: cần ăn uống hàng đầu
Nhưng đừng quá bội mà đau dạ dày
Kiêng ăn các thứ đắng cay
Các thứ sống lạnh, tích đều khó tiêu
Chín là nằm ngủ thuận chiều
Hương phương sinh khí (về đông) đầu cao hơn mình
Vòng tay lên ngực: mộng kinh
Vào giường không nghĩ, thẳng mình ngủ yên
Mười nên tắm giặt cho liền
Ra ngoài dù, nón không quên trên đầu
Dễ phòng hàn thấp nhiễm vào
Áo quần ấm áp, tà nào dám xâm
Mấy điều nên nhớ nhập tâm
Tháng ngày giữ trọn, trăm năm thọ trường.

PHỤ LỤC

I.- THUỐC PHÒNG BỆNH

a) Thuốc sát trùng lọc nước.

1. Lấy củ *Ráng* tươi, (*Quán chúng*) 5, 6 củ giã dập bỏ vào trong thùng nước ngâm 2 - 3 ngày để sát trùng, phòng bệnh sốt rét ngã trừ nước độc, dịch nước, phát sốt, phát rét, thổ tả (hoác loạn). Nên ngâm luôn trong thùng nước đến khi bấy nát thì thay thứ mới.

- Dùng *Quán chúng* 5 đồng cân sắc uống để dự phòng bệnh dịch truyền nhiễm và giải các loại trúng độc, ban sởi. Tán nhỏ hòa với dầu bôi ngoài chữa sơn ăn, sắc cho heo uống để trừ bệnh của nó. Uống nhiều thì tốt.

2. Dùng một nắm lá *Chanh châu* (chành châu) hay một nắm lá *Nghé răm* (thủy liễu) vò dập ngâm vào thùng nước, hoặc thêm vào 1 đ/c *Hùng hoàng* bỏ vào thùng nước, đều có thể sát trùng và khử độc, phòng dịch.

- Sắc lá *Chành châu* uống thì tiêu độc, phòng bệnh, trị đơn độc, mụn sởi, và dùng chữa bệnh heo phát ban đóng dấu.

- *Nghé răm* uống thì trừ được các loại ngộ độc do ăn uống, trọc lồi đầu; nấu xông và rửa ghẻ lở ngứa ngứa.

3. Lấy một cục *Phèn chua* cặp vào đầu dũa, đem quấy vào thùng nước đục mấy lượt thì bùn đất lắng xuống, lắng nước trong mà dùng. Phèn chua cũng có thể sát trùng và giải độc.

b) Thuốc diệt trùng trừ sâu.

- Dùng *Bách bộ* (củ ba mươi) nấu lên giặt quần áo, gội đầu trừ chấy rận và cũng trừ các loại bù xè. Dốt lên xông quần áo hay đồ mọt, thì trừ được chất rận, mối mọt. Tán bột rắc hay nấu nước rưới chỗ ẩm thấp hôi tanh thì trừ được ruồi lằng. Sắc uống trừ trùng lao, trọc sên lồi.

2. Trừ chấy:

- Hạt *mãng cầu ta* tán bột hòa với rượu xát lên đầu, tràm khăn lại một lát rồi rửa đi;

- Quả *cà chua* xát vào chân tóc một chốc rồi gội đầu thì có thể diệt được chấy cả trứng.

3. Trừ ruồi lằng:

Vòi tạn bột rắc lên chỗ hôi tanh ẩm thấp có thể trừ ruồi lằng không cho nó sinh sản.

Nghé răm giã nát ngâm 3 ngày lấy nước, hòa với *vôi* mới nung vào mà vẩy càng tốt.

4. Trừ muỗi:

- Tối đến không thắp đèn trong nhà hãy để đèn sáng ở ngoài sân thì muỗi theo chỗ sáng mà bay ra.

- Lấy lá *Sầu đâu* hoặc *Bèo cái* hun cho tỏa khói ra thì muỗi bay đi.

- *Yếm của đình* giã nát bỏ vào lò than để hun.

5. Diệt chuột:

- Với chưa tới, trộn với bột gạo cho nó ăn, (nên dùng với mới nung tán nhỏ), để sau khi chuột ăn phải uống nước vào sinh nóng ruột mà chết.

- Bột *Hồi hương* với *Tôi* giã đều, làm viên, ngoài dùng bột gạo nếp sủ nước bột lại thành bánh, để cho chuột ăn cũng chết.

- Rễ cây *Hương bài*(1), giã nát, ngâm nước, cho gạo vào cùng ngâm, ngày đem ra phơi, tối lại ngâm 3 đêm, dùng gạo ấy rang thơm cho chuột ăn thì chuột chết.

6. Trừ rệp:

- Bỏ kết 2 phần, *Hoa hồi* 1 phần, 2 vị tán nhỏ, hòa với nước điều, nhỏ vào chỗ khe giường.

- Lá cây *Thuốc lào*, dùng lá tươi trải khắp lên trên giường rồi trải chiếu lên trên như nệm, hoặc dùng lá khô (cá cây khô) đốt xông khói.

7. Trừ đĩa:

- Lấy xương ngựa bỏ xuống ao thì không sinh đĩa (truyền Phương).

- Trục đĩa vào bụng: *Nghê bà* hay *Hương nhu* sắc đặc cho uống nửa bát, *Mật ong* càng tốt. Chưa ra thì uống nữa. Hoặc dùng *bùn ao* 1 lạng, *Hùng hoàng* tán bột 2 đ/c làm thành viên, nuốt với nước. Nếu không có *Hùng hoàng*, thì chỉ nuốt *bùn đất sét* cũng được, đĩa sẽ theo *bùn* mà ra. Nếu đĩa vào còn bám ở trong cổ hay ở âm đạo, thì dùng mấy con cá mái, cá rôi, giã nát luyện với một cục *bùn ao*, đem ngâm ở miệng hay để vào cửa mình thì đĩa sẽ bỏ ra mà bắt.

c) Thuốc phòng trừ bệnh dịch

1. Dự phòng và thông trị sốt rét ác tính nước độc, đau bụng thổ tả, sốt rét cơn và cảm nóng rét: dùng *Hoắc hương bách giải hoàn*;

Hương phụ (củ gấu) 2 lạng 5 đồng, *Ngũ gia bì* 2 lạng, *Hoắc hương* 3 lạng, lá dây *Gắm*(2) hay dây *Lim*(3) 2 lạng, lá *Sung* 3 lạng, *Vỏ dọt* (4) 3 lạng, *Thương truật* 1 lạng, *Lọ nôi*, *Hạt cau*, *Long đâm thảo* đều 1 lạng. *Gừng khô* một ít. Các vị tán nhỏ, dùng nước đậu xanh quấy hồ làm viên bằng viên đạn, mỗi lần uống từ 3 đến 5 viên, với thang như sau:

Các vị tán nhỏ, dùng nước đậu xanh quấy hồ làm bằng viên đạn, mỗi lần uống từ 3 đến 5 viên, thang như sau:

- Dịch sốt rét, nước độc thì dùng *gừng sống* sắc làm thang.

1) *Hương bài*: *Vetiveria zizanioides* Nask.

2) *Dây gắm*: *Gnetum montanum* Mgf khu phong trừ thấp hoạt huyết tán ú, bỏ hư.

3) *Dây lim*: *Pongamia glabra* Vent.

4) *Vỏ dọt*: Nam mộc hương, Bưởi tía. *Aristollicia balansae* Franch, chữa đau bụng, đầy bụng khó tiêu, ỉa chảy kiết lỵ, trúng độc thức ăn và sốt rét cơn.

- Đau bụng thổ tả thì sắc nước muối làm thang.
- Di lý lâu ngày thì sắc *Chỉ xác* làm thang.
- Sốt rét cơn và cảm nóng thì sắc *gừng, hành* làm thang.

2. Phòng và trị bệnh sốt rét ngã nước, cảm nóng rét, thấp ôn (cúm) và cảm ẩm ướt sợ lạnh, mình nặng, tức đầy, nôn mửa đi ngoài, dùng hoàn sau đây:

THIÊN KIM BẮT HOÁN HOÀN

Vỏ vối tẩm nước gừng 1 đêm, sao *Thương truật*, tẩm nước gạo một đêm sao, *Củ củ* tẩm muối, rượu, giấm, đông tiện sao. *Củ chóc* ngâm nước gừng 1 đêm sao, *Trần bì*, *Thanh bì* đều bỏ xơ trắng ở trong, sao. *Thảo quả* nướng bỏ vỏ, *Hoắc hương* cả cành lá, *Hạt cau*, *Cam thảo*. Các vị đều bằng nhau tán nhỏ, luyện với hồ, viên bằng viên đạn (ngón tay út) mỗi lần nhau 2, 3 viên uống với thang nước gừng.

3. Dự phòng bệnh sốt rét

- *Củ riềng ấm*, thường sắc uống.
- *Chè vối*, nấu uống hàng ngày.
- *Hột ý dĩ*, thường nấu ăn.

4. Phòng ngừa hoặc loạn (thổ tả)

- *Quan chúng*, *Địa liên* ngâm vào thùng nước uống.
- Tỏi 1 cân giã vắt lấy nước, uống dần.
- *Củ riềng ấm* hoặc thêm *Hoắc hương* sắc uống.

5. Phòng bệnh ôn dịch:

- *Lá thông* tán nhỏ, hòa với nước mưa mà uống.
- Tỏi 1 cân giã vắt lấy nước cốt cho uống dần, và tẩm bông nhét lỗ mũi.
- *Rau mần bát* (nữ thanh) lá thì ăn để trừ dịch, phòng độc: rễ sắc uống trực cổ độc (thuốc độc), trị trúng khí độc chết ngất.
- *Rau mắc dùm* rễ giã lấy nước uống, hoặc thường nhai để trừ các loại độc và phòng dịch (phụ nữ có mang kiêng ăn).

6. Dự phòng và kinh trị mọi chứng dịch:

- *Vỏ cây Đào* bỏ lớp ngoài, cạo lấy 2 nắm giã nhỏ, nước 2 bát sắc còn 1 bát chia uống làm 3 lần, uống liền 3 ngày.
- *Vỏ cây Búp búp* (bùng bực) tán nhỏ, uống mỗi ngày 1 -2 đ/c, có thể bổ chính khí, trừ các loại tà dịch, ngừng các bệnh tả lý. Rễ có độc sát trùng, tán nhỏ rắc vết thương đứt, lá sắc rửa vết cắt chóng lành.

7. Phòng dịch sốt rét ác tính và ôn dịch:

- *Chu sa* 5 phân (mài với nước bồ canh) hòa với *mật ong* mà uống.

8. Phòng và trị bệnh phong ôn, phát nóng, nhức đầu đau mình:

- *Sắn dây* 5 đồng cân, *Kinh giới* 3 đồng cân sắc uống.
- *Khoai lang* khô (sao) 1 chén, *lá tre* 1 nắm *Cành dâu* 1 nắm cả lá (sao) sắc uống. Lưỡi vàng thì dùng quả khế hay quả *Chanh* mà xát vào.

9. Phòng bệnh đơn độc, đậu, sởi:

- Lá Chanh châu sắc uống. - Lá Đơn đỏ (lá liễu) sắc uống.
- Lá Rau má thường ăn. - Tô mộc 4 đồng cân sắc uống.

10. Phòng chứng ôn độc phát ban:

- Thạch cao 5 đồng cân - Núc nác 5 đồng cân - Lá chàm 5 đồng cân - Hoàng đằng 5 đồng cân sắc uống. Hoặc chỉ dùng 1 - 2 vị gấp bội cũng được,

11. Phòng và trị bệnh thấp ôn nóng rét, nhức đầu cứng gáy, nhầy mũi, sổ mũi, đau lưng, mình mảy nặng nề:

Tía tô, 5 đồng cân, củ cỏ cú, Vỏ quít đều 3 đồng cân, Gừng tươi và Hành trắng sắc uống nóng và đắp mền cho ra mồ hôi.

12. Phòng độc:

- Lá cây đuôi công (Xích hoa xà) nấu ăn giải cổ độc, thuốc độc. Ăn nhiều thì hạ lợi (xổ) bài độc và khỏi cả lờ ngứa.

- Bạch bỏ sắc uống, trừ bệnh ăn nhầm phải chất độc, uống nhiều thì xổ độc ra, thường uống trừ bệnh lao trùng.

- Phòng và giải các loại độc:

- Hoàng đằng sắc uống - Quán chung⁽¹⁾ sắc uống - Rể đậu chiều (Sơn đầu cân) sắc uống.

- Hoặc dùng Đại hoàng 1 lạng (một nửa để sống, một nửa tẩm rượu nướng), Mộc hương 1 lạng, đều tán nhỏ, lấy mù xươg rỗng làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 1 viên.

- Dự phòng di xa ở nơi nước độc, và đề phòng bị đầu độc:

- Phèn chua, Cam thảo mỗi thứ 1 lạng, tán nhỏ, mỗi sáng uống một đồng cân, thì không sợ các loại độc.

D) THUỐC TRỊ BỆNH GIA SÚC

1. Phòng và trị bệnh cho gà:

- Cho gà ăn gạo tẩm nước vôi trong và uống nước ngâm Cứt sắt. Hoặc lát cứt sắt ngâm với nước vôi 5 ngày, gạn lấy nước trong để ngâm gạo 1 đêm, đem gạo phơi khô cho gà ăn.

- Gà ho: trường điều: cho ăn củ Nghệ hoặc uống Phèn phi hòa với nước.

- Gà ngáp, ỉa phân trắng như cứt cò, đứng rù nhăm nhăm: mài Diêm sinh cho uống hoặc cho uống Hạt gổi ngâm rượu. Cho ăn cơm nóng tránh gió lạnh và chỗ ẩm ướt, chân gà cần được giữ ấm.

- Gà nổi mụn như đậu, sởi: lá Cóc mần giã vắt lấy nước cho uống, bã thì xoa khắp mình.

2. Phòng và trị heo phát ban đóng dấu:

- Lá Chanh châu, lá Đơn đỏ hay Đơn tướng quân,⁽²⁾ sắc cho uống.

⁽¹⁾ Quán chung: Răng bay (Cytomium flealum Prest)

⁽²⁾ Đơn tướng quân: Thuốc độc thảo chữa đơn dị ứng, giải độc, chỉ thấy trồng ở vườn thuốc làng Ngọc Hà Hà Nội.

- Nấu *Rau sam*, *Bèo tía* với cám cho ăn.
- Trừ dịch đối với heo: *Quản chúng* 3 lạng, *Bồ kết* 1 lạng 5 đồng cân, sắc cho uống khi còn ấm thì tẩy độc ra và tiêu ban.

- Cho ăn lá *Cải củ*.

- Thông trị các bệnh của heo: chặt đuôi nó cho chảy máu ra.

3. Thông trị dịch heo và trâu bò:

Hùng hoàng, *Bồ kết*, *Thảo ô đầu* đốt thành than, tán bột thổi vào mũi nửa đồng cân.

- Lại dùng *Tỏi* giã nát vắt nước cho uống, bã thì xoe xát vào mũi (cũng dùng chữa cho gà).

4. Trị dịch trâu bò:

- *Tỏi trời*, hoặc *Giếng gió* 1, 2 lạng giã vắt lấy nước cho uống, và đổ vào mũi.

PHIẾP HUN TRỪ DỊCH

- Dùng *Bồ kết*, *Dàn hương*, *Thiên niên kiện*, *Giáng chân hương*, *Thương truật* đốt khói để trực uest, tẩy khí độc.

- Dùng lá *Ngải cứu*, *Chối sẻ* hun giường người bệnh hoặc chuồng trâu để trừ tà dịch.

II.- CẤP CỨU

1. Cấp cứu bị phỏng:

Nhất thiết không dùng nước lạnh, bùn lạnh hay thuốc lạnh vì hơi nóng bị lạnh bỏ lại ở ngoài thì càng vào sâu làm thối nát gân xương và hóa độc sẽ công vào nội tạng, nguy hiểm.

- Chữa bị phỏng nguy cấp, cho uống nhiều nước tiểu của trẻ em để hòa độc khỏi chạy vào tâm. Trước tiên dội rượu hay dấm vào mà rửa, hoặc ăn trầu thật nhiều (nhai trầu, cau, vôi) nhổ nước cổ trầu vào chỗ phỏng thì không phỏng da. Dùng muối đắp hay sắc nước *muối* gội vào cho khỏi loét thịt, rồi sau mới bôi thuốc.

- Giã *Lá trầu* già thật mịn hòa với rượu, dùng lông gà phết vào.

- Bị phỏng đau rát, lấy *Bồ kết* nấu nước rửa thì ngừng đau.

Dùng nước tương hay giấm gạo (hoặc mẻ) mà rửa, cặn bã thì đắp.

- *Mè sòng* nghiền nhỏ mà bôi, hoặc bột *đậu xanh* đắp.

- *Cây Cù niềng* (giao cô) đốt ra than, tán bột hòa với lòng trắng trứng gà mà xức.

- Lá *Trắc bá* hay lá *Phù dung* giã nhỏ đắp vào.

- Hột *Dành dành* hoặc lá *Dâu* hay lá *Thông* đốt và tán nhỏ hòa với dầu dừa mà xức.

- *Củ cải* tươi giã nhỏ mà đắp thì không thành sẹo.

- Bột Thạch cao sống hay cây Kiêu giã nát hòa với Mật ong mà xúc.
- Lá Sóng đời giã nát mà đắp hay hòa với Mật ong càng tốt.
- Bạch cập thái miếng tán nhỏ hòa với Mật ong mà xúc vết loét thì chóng lên da kéo miệng.

- Mọc qua sắc với dầu mè, chế thành dầu bôi. Hoặc dùng bột Nghệ hòa với dầu cam(1) hoặc dầu trứng gà(2) mà bôi thì chóng ra ữa. Bệnh lâu năm hiều loét da cũng dùng các dầu này bôi đến lành.

- Trị phỏng nước sôi hay phỏng lửa, nêa độc chạy vào bụng nóng dữ, bôn chồn, dùng lá Liễu sắc uống, và vỏ Liễu đốt ra than tán nhỏ trộn với dầu mà xúc.

- Trị khối hun ngạt hơi gần chết, giã lá và củ cải củ lấy nước cốt rót vào họng thì tỉnh, và nhai lá Ngải cứu thật nhỏ đắp vào vết phỏng.

2. Cứu trúng nắng:

Phạm cứu bệnh say nắng ngã ngất, cấm cho nằm nơi đất lạnh và uống nước lạnh, đồ lạnh: ngộ lạnh thì chết ngay.

Mùa hè đi đường say nắng, kip diu nạn nhân vào chỗ mát, bốc đất nóng trên đường đắp quanh rốn như cái nôi, hoặc lấy khăn vải vòng quanh vùng rốn, bấu nhau xúm dái vào rôn cho ngập để hơi nóng thấm thấu vào thì sống. Hoặc dùng đồ nóng chườm vào vùng chấn thủy và dưới rốn. Tiếp sau cho uống nước Tỏi sắc, hoặc lấy Bạc hà tươi giã vắt nước cốt cho uống. Sau khi tỉnh thì có thể dùng các loại thuốc giải nắng, như Sắn dây, Đậu ván, nước Mía, nước Dứa.

3. Cứu chứng thoát dương:

Hễ trong khi giao hợp, người đàn ông bỗng đứng nín thở, bất tỉnh thì nên để nằm sấp y nguyên trên bụng người phụ nữ mà cứu, không nên lật đổ xuống giường mà nguy.

Người phụ nữ kip lấy kim hay cái trâm gài đầu châm vào huyết Hội âm (ở khoảng giữa bìu dái và lỗ đít) hoặc lấy móng ngón tay cái bấm mạnh vào chỗ ấy thì khí cơ hồi phục mà tỉnh ra. Nếu gọi người ngoài đến cứu, thì cứu ở huyết ấy càng tốt.

Hễ khi giao hợp, người nam tự thấy bụng dưới và eo lưng đau rút, hoặc hờn dái co vào, toát mồ hôi lạnh, quyết nghịch thì dùng Hành bóc trắng giã nát chưng nóng chườm vào sau rốn vùng quả cật, và lấy 14 tép hành giã nát vắt lấy nước cốt hoặc thêm rượu vào cho uống thì dương khí hồi phục.

Trường hợp sau khi bị thổ tả dữ dội, chân tay lạnh toát hôn mê, thoát dương nguy cấp cùng dùng Hành bóc trắng chườm và uống như trên.

4. Cứu chết rét:

Mùa đông chết rét còn thở thoi thóp thì lấy tro bếp sao nóng, gói lại, chườm vào vùng tim, người thì thay thứ nóng; đợi đến khi khí hồi lại rồi mới cho uống một ít rượu ấm hay nước cháo nóng. Nếu hơ lửa thì chết ngay, nên kiêng.

(1) Lấy một cái bát to, lau sạch, dùng giấy bản bịt kín miệng, buộc dây chắt như bịt trống, đổ cam dầy lên trên mặt giấy, để cục than hồng lên trên cam cho nó cháy, dầu cam thấm qua giấy mà rĩ xuống đất. Đến chừng nào sắp cháy gần mặt giấy, thì gạt bỏ lớp cam đã tàn phía trên, gỡ giấy ra lấy dầu mà dùng.

(2) Trứng gà luộc chín, lấy lòng đỏ cho vào chảo, đun cháy cho ra dầu.

5. Cứu chết đuối:

Trước tiên lấy dao cạy miệng, để một chiếc đĩa bếp ngang cho nước chảy ra, nhất thiết không dốc ngược lên, dốc ngược thì khí tuyệt ngay. Có hai cách làm:

- Chọn một người khỏe mạnh vác 2 chân người chết đuối lên vai, kê sát lưng nhau (vác ngựa), cúi lom khom mà đi từ từ, nước sẽ chảy ra qua mồm và lỗ dít, lỗ dái.

Sau lấy gừng xát vào chân răng, lại dùng *Bán hạ* tán bột thổi vào lỗ mũi, lấy bột *Bồ kết* thổi vào tai và để trong ống thổi vào lỗ dít.

Dùng muối đổ vào lỗ rốn, đốt *Ngải* lêm cứu 3 mồi.

Lấy mùn bếp (không lẫn rơm cỏ) hoặc đập lấy đất vách trải lên trên đất, đặt người chết đuối nằm ngửa lên trên. Lấy tro hoặc đất vách phủ lên người chết đuối (trừ mặt miệng), tự nhiên hơi nước được hút thấm vào đất, tro. Kịp lấy ống trúc dút vào miệng, tai, mũi, lỗ dít, đều cùng thay đổi nhau mà thổi hơi vào cho khí thông nhau từ trên xuống dưới lên.

Lấy một cái nồi đồng đốt nóng để lên trên bụng mà đi là lại cho nước chảy ra. Lấy bột *Bồ kết* hoặc *Vôi* gói giấy lại dút vào lỗ dít, nước sẽ từ từ chảy ra.

6. Cứu người chết dề:

Cứu người bị té ngã, bị tường đổ hay vật gì bất ngờ đè chết, thì kịp đưa tới chỗ bằng phẳng ổn định. Dùng bột *Củ chóe* thổi vào mũi cho nháy mũi, lấy nước *Gừng* hòa với *dầu mè* cho uống. Lấy *Đồng tiện* cho uống, hoặc sắc nước *Đậu sị*, cho uống; ngoài ra thì theo phép chữa bị thương gãy xương.

Ngã từ cao hay bị cây, đá đè, huyết ứ, khí trệ gần chết, thì lấy đất sét 5 cân chưng nóng, chứa vào trong 2 cái bao, thay đổi chưng rang nóng mà chườm, nhưng không nên quá nóng, khỏi đau thì thôi.

Bị té ngã từ cao xuống mà da thịt không tổn thương thì ắt có ứ huyết ở trong mà hôn mê bất tỉnh, nên dùng thuốc thông lợi đại tiểu tiện và tán ứ hoạt huyết, như *Dại hoàng*, *Chỉ xác*, *Phác tiêu*, *Đương quy*, *Hồng hoa*, *Tô mộc*, *Cam thảo*, sắc lên và hòa thêm *Mật ong* vào cho uống. Nếu đi cầu được rồi mà vẫn không tỉnh thì nên dùng *Độc sâm thang* sắc cho uống mà cứu. Không hôn mê thì có thể dùng con *Cua đồng* sống già vắt lấy nước chế *rượu nóng* vào cho uống, hoặc dùng lá *Mần tươi* già nhừ, chế *đồng tiện* vào vắt lấy nước cho uống.

Bị té ngã huyết nghịch xông lên tím đầu như sắp chết, dùng lá *Tía tô* sắc với *đồng tiện* cho uống.

Té ngã ứ huyết không nói được hoặc nói mê sảng, thì dùng *Dại hoàng*, *Đào nhân*, *Hồng hoa*, *Tô mộc* sắc với *rượu* cho uống (nếu có xuất thì không dùng *rượu*)(1).

Trường hợp có tổn thương đến xương, như sai khớp xương, xương gãy vụn, thì trước tiên nên dùng *Thảo ô đầu* tán bột 5 phân, hoặc rễ cây *bông Móng tay* (*Phượng tiên hoa*) 1 tấc mài với *rượu* cho uống rồi sau mới dùng thủ thuật cho khỏi biết đau.

Xương tay chân bị gãy hay sai khớp thì trước nắn sửa chỗ gãy, sai trở lại như cũ

1) Liều lượng các phương thuốc hoạt huyết nói trên có thể dùng mỗi vị 1 - 3 đồng cân tùy theo từng trường hợp cơ thể bệnh nhân và mức độ thương tổn. Đối với các loại thuốc tươi sống trong hay đắp ngay thì có thể dùng nhiều cũng không hại.

xương gãy vụn ra thì phải cắt bỏ chỗ xương nhọn đi cho khỏi đâm vào da thịt và tìm nhặt bỏ hết những mảnh vụn để khỏi tụ máu sinh mủ. Trước dùng *Gừng sống* giã nhỏ bôi thấu vào vết thương, nắn sữa cho khớp lại như cũ, rồi sau dùng *vỏ cây gạo* giã nát trộn với *Lòng trắng trứng gà*, chế giấm tốt vào chung nóng lên mà đắp rồi bó lại, đến khi khô thuốc thì thay thứ khác, cho đến khi nào hết đau và liền vết thương thì thôi.

Một phương dùng lá *Trắc bá* tươi, lá *Sen tươi*, bột *Bồ kết*, cây *Tổ phương* (Cốt toái bồ) cạo sạch lông, các vị đều nhau, và thêm *Gừng tươi*, giã vắt lấy nước chế vào, bệnh nặng bó ở ngoài, không cho chuyển động, 3 ngày mở xem một lần, lấy *Hành củ* đun nước nóng mà rửa và thay thuốc mới, bó chặt như trước. Nếu sau 7 ngày còn đau thì gia thêm *Một duc*.

Vỡ xương đầu lồi óc và sưng dai, thì dùng *Hành bóc trắng* giã như trộn đều với *Mật ong*, đắp dày mà bó.

Gãy xương đứt gân, dùng *Hẹ* giã nhỏ hòa với *đồng tiện* cho uống, và *Bách hợp* tán bột hòa với rượu uống 2 đồng cân. Tồn thương đến gân, thì dùng *hẹ* giã nhỏ mà đắp.

Da thịt tổn thương sưng tím thì dùng quả *Cà già* (thứ vàng đều và thật to) thái ra để lên miếng ngói sấy khô tán nhỏ hòa với rượu uống 2 đồng cân.

Vết thương gươm dao hay bị ngã tổn thương ra máu, thì đắp *Vôi* mà bó lại sẽ cầm máu và ngừng đau. Vết thương sâu thì không nên sớm cho liền miệng, dùng ít bột (Hoạt thạch, rắc vào. Dùng lá *Tía tô* hay *Rau hao* (Thanh cao) giã nát mà đắp, cầm máu thì khỏi. Hoặc dùng lá *Tâm song* nhai mà đắp thì cầm máu ngay. Lại có phương: *Bạch cập*, *Thạch cao* nung, đều bằng nhau, tán bột nhỏ mà rắc vào thì có thể kéo liền miệng.

Máu ra không dứt thì dùng *Bạch thuộc* 1 lạng sao vàng tán bột uống với nước cơm.

Thổ huyết không ngừng, thì dùng *Hoa sen* sấy khô tán nhỏ, uống 3 đồng cân; hoặc nhai *Hoa sen* tươi.

Hạ huyết như băng huyết, dùng *Cỏ mực* giã vắt lấy nước uống nhiều thì cầm ngay.

Bị thương cắt vỡ chảy máu, lòi ruột, kíp lấy dầu mè xoa ấn vào, sặc. *Nhân sâm*, *Kỳ tử* lấy nước gội vào, trong thì ăn cháo cắt dẻ 10 ngày. Một phương dùng *Từ thạch*, *Hoạt thạch* bằng nhau tán nhỏ, uống mỗi lần một muống với nước cơm.

7. Cấp trị xuất huyết:

Chữa các loại hạ huyết: *Quán chúng* cạo sạch lông, thái miếng sấy khô tán nhỏ, uống mỗi lần 1 muống với nước cơm (hoặc sắc uống).

Chảy máu, băng huyết dùng lá *Huyết du* sao vàng sắc uống, hoặc *Cỏ mực* hay lá dâu ta tươi vò nát mà uống.

Băng huyết hôn mê, dùng *Bẹ mót* đốt ra tro hoặc *Tóc rối* đốt tán nhỏ, uống 3 đồng cân với nước cơm. Thêm *Củ ráng* hay *Rễ tranh* 5 đồng cân, sắc uống với thuốc bột trên càng tốt.

Dái ra máu và nôn ra máu, dùng củ *Sinh địa* tươi giã vắt lấy nước uống, hoặc *rễ tranh* cây *Mã đề* sắc uống.

Hạ huyết, đi tiêu ra máu không ngừng: *Hoa hòe* sao tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đồng cân với nước cơm.

Sẩy thai ra máu không dứt: *Mực tàu* làm bằng khói nhựa thông (*Tùng yên mực*) đốt tán nhỏ, hoặc *lọ nôi* 5 đồng cân, *A giao* hay *cao da trâu* sắc nước hòa vào mà uống.

Xuất huyết nguy cấp: lá *Ngải cứu* sắc uống, hòa *A giao* hay *cao da trâu* vào mà uống. Mất máu một lã: uống *Độc sâm* thang hoặc thêm *Cao da trâu* hòa vào. Không có *Nhân sâm* thì dùng *Tam thất* với *A giao* cũng được.

8. Cứu người chết ngất:

Cứu người bị chết đột ngột, dùng *rau Mảnh bát* giã nát bỏ xơ, lấy một đồng cân cho vào họng, đổ rượu hoặc nước cho trôi xuống.

- Trúng khí độc bất tỉnh, bào người đái vào mặt thì tỉnh.

- Chết ngất đột ngột thì đổ ít *giấm* vào mũi.

- Kinh sợ chết ngất, cho uống rượu ấm thì tỉnh.

- Nằm ngủ bỗngưng bất tỉnh, thì chớ lấy lửa chiếu vào, nên cắn móng tay của người cái cho thật đau, phun nước miếng vào mặt, và lấy *cây kiệu* giã vắt nước thổi vào mũi thì sống.

- Sau khi mới khỏi bệnh hoặc trong giấc ngủ, bỗngưng ngừng thở, thì dùng *Ngải cứu* đốt cứu chỗ dưới vú 3 thốn (huyết Trùng ác), lấy *Bồ kết* hay *Củ chóc* tươi tán nhỏ thổi vào 2 lỗ mũi, và lấy lõi *cây Hẹ* chọc vào trong lỗ mũi vài tắc cho máu chảy ra thì sống. Lại xem trong mép môi trên có hạt như hạt thóc, gạo, thì lấy kim khêu cho vỡ ra.

- Chết ngất, mạch còn động mà không thở là khí bế không thông, im lặng mà chết thì dùng *Xương bồ* tán nhỏ thổi vào trong lỗ mũi, lấy *Quế* tán nhỏ để vào dưới lưỡi. Lại nhổ mấy sợi tóc ở góc đầu bên trái đốt tán nhỏ hòa với rượu rót vào họng thì tỉnh dậy, và sắc *Xương bồ* cho uống thì khỏi.

- Chết ngất mà há mồm, uốn ván thì cứu ở sau móng tay cái 14 mồi.

- Chết ngất mà chân tay duỗi ra, sồn cứt sồn đái thì cứu ở (huyết Hư lý *Quan nguyên*), *Trung cực*; lại lấy cứt trâu lông 1 thang (011) sắc với rượu, lỏng đổ vào mồm lúc còn ấm, hoặc cho uống *đồng tiện*.

- Trúng các loại khí độc, hôn mê bất tỉnh, không chữa thì chết: lấy một cái mề than để vào trong, rưới *giấm* vào rồi ghé mũi người bệnh vào mà xông cho hơi giấm thông vào thì tỉnh lại.

- Trúng khí độc, bỗngưng ngã nhào sắp chết, thì lấy *Ba đậu* bỏ vỏ, gói nhiều lớp giấy, rồi đập nát cho dầu thấm vào giấy; dùng giấy dầu ấy cuộn lại thành mồi đốt cháy rồi thổi tắt lấy khói xông vào lỗ mũi thì tỉnh ngay.

- Trúng khí độc hôn mê bất tỉnh, thì dùng một mề than có miệng nhỏ đốt than đỏ hồng, rưới *giấm* vào cho khói hơi giấm xông vào mũi người bệnh thì tỉnh.

- Trẻ con tự nhiên chết ngất thì nhét *Hành* vào dít và lỗ mũi, khí thông thì sống.

9. Cứu người thất cố:

Trước hết, từ từ cởi dây ra, (Cấm không được cắt). Hạ xuống, đặt nằm yên trên mền, đầu hơi chếch xuống, nhẹ nhàng để cổ họng cho ngay, tay bịt miệng mũi chớ cho hở hơi. Một người lấy chân đạp vào hai vai, lấy tay kéo tóc giữa đỉnh đầu mà giật luôn cho gấp. Một người lấy tay xoa xát vào hông ngực, co duỗi tay chân, nếu tay chân đã

cứng thẳng, cũng nên dần dần cố gập co lại và duỗi ra. Một người lấy áo bọc chân, bịt chặt tay vào lỗ đít không cho khí tiết ra, lại lấy ống trúc thổi vào 2 lỗ tai cho hơi ra qua miệng mà thở ra hút vào. Mắt nhắm thì lấy tay day ấn ở mi luôn luôn. Chốc lát lại lấy một ít nước gừng sắc, hoặc nước cháo đổ vào cho nhuận cổ họng. Cứ làm mãi dần dần đến khi đông đầy được mới thôi.

Lại lấy *Bồ kết* tán bột thổi vào lỗ mũi, lấy *tiết gà* đổ vào trong họng hoặc sắc nước *Chàm* cho uống từ từ.

Cứu thêm ở huyết *Dũng tuyến* 3 mồi, trai chân trái, gái chân phải.

10. Cấp cứu trùng thú cắn:

Hễ bị hổ cắn, chó dại, rắn cắn, nên kịp dùng thuốc chữa ngay, phòng độc chạy vào tạng phủ mà nguy.

a) Rắn cắn hay các loại sâu cắn:

Trước lấy tóc xát vào chỗ vết cắn để tẩy nọc độc đi, sau lấy *Phèn chua*, *Cam thảo*, mỗi thứ một đồng cân, tán bột uống với nước lạnh; để độc khỏi chạy vào bụng. Không sẵn thuốc thì kịp lấy *thuốc lào* làm thuốc: nhai một cục thuốc lào bằng ngón tay, nuốt nước, lấy bã sát vào vết thương, hoặc uống nước và lấy cao trong xe điều mà nôi. Có lá *thuốc lào* tươi thì giã nát mà đắp, hoặc nhai hột *cây thuốc lào* mà đắp.

- Lấy lá *Ngải cứu* khô đốt cứu chỗ bị cắn mấy mồi để hút độc rất hay, hoặc dí ngọn đèn vào vết thương mà hơ đốt, lại dùng rượu ấm rửa mỗi ngày 3 lần.

- Uống *Dầu mè* hoặc *Giấm* mỗi ngày 2 chén. Sắc tỏi một thang hòa với sữa mà uống, lại lấy Tỏi thái miếng để trên vết thương, đốt *Ngải* lên trên mà cứu; đun nước nóng mà rửa.

- Lại có các phương sau đây để chọn mà dùng: *Rau sam*, lá *Tía tô*, *rau Rền đỏ* hoặc lá cây *Phèn đen* 1 nắm, nhai nuốt nước, bã thì đắp. *Rễ Muớp* tươi giã nhỏ hòa với rượu uống cho say.

- Đắp ngoài dùng: *Rau mác*, *cỏ lười rắn*(1), lá *sống dơi*, *Bèo tía*, *Hy thiêm*, *Ích mẫu*, lá *Khoai môn*, *Gừng*, *Tỏi*, *Hẹ*, *Kiêu*, *Củ Chóc chuột*, lá *Ngải cứu*, lá *Đậu ván*...

b) Chó dại cắn:

Hễ bị chó cắn, nên phòng chó dại, kịp dùng thuốc ngừa. Trước nấu nước muối rửa vết cắn, đốt lá *Ngải cứu* chỗ bị thương 7 mồi, lấy nhân hột *đu đủ tía* nghiền như thành cao mà dán vào. Lấy nước cốt *Gừng*, nước cốt *Hẹ*, mài

Ràng cạp, *xương cạp* mà uống. Sắc vỏ trứng của {đào hoặc lá *Ké đầu ngựa*, hay lá *Sả* mà uống.

Chó dại cắn đã phát thì dùng:

- Nước *sét sắt* 3 tháng, mỗi ngày uống 1 thang.

- Hột *Cà diên* mỗi ngày nuốt 3 lần, mỗi lần 7 hột lấy rễ cây *Cà diên* giã đắp vết rắn cắn.

- *Hùng hoàng* 5 đồng cân, *Xạ can* 1 đồng cân, tán nhỏ hòa đều vào rượu, uống mỗi ngày 2 đồng cân.

(1) *Cỏ lười rắn*: *Oldenlandia corymbosa* L.

- Quả Bò hòn tươi, bỏ hạt, giã nhỏ trộn *Mật ong* làm viên, lấy giấy bọc ngoài mà nuốt mỗi ngày 7 quả; hoặc dùng quả Bò hòn, quả Bò kết đốt thành than tán nhỏ hòa với nước uống. Nếu đã phát cuồng thì dùng lá *Ba gác* giã vắt lấy nước cốt nửa chén hòa với *Mật ong* mà uống, bã thì đắp vết cắn.

Dùng bôi ngoài: *gan cóc*, *óc chó* đã cắn hay cắn đứt chó, *mỡ cạp* hoặc *răng cạp* mài mà bôi, hay tán bột mà bắc. *Con rắn chết* đốt thành than tán nhỏ mà bôi. *Lá Nghê rằm*, *Nghê bà*, *Lá tía tô* giã mà đắp.

c) Hổ cắn cùng các thú dữ cắn:

Lấy một cục sắt đổ nước vào nấu cho thật sôi, dùng rửa vết thương khi nước còn ấm, và thổi cho tan hơi độc đi để độc khỏi chạy mà trong. Giội nước cốt *gừng* rửa và rắc bột *Phèn chua* vào vết thương mà bó lại.

Uống trong, dùng cây *Lách*, *Sắn dây* giã vắt lấy nước hoặc sắc uống. *Dầu mè*, *nước cốt Gừng*, hoặc hòa *Dường cát* vào uống. Dọt cây *Long não* nhai nuốt và nhai nhỏ dần ra mà đắp. Cây *Kiêu* giã vắt lấy nước uống, bã thì đắp. Lá *Ba gác* giã vắt lấy nước uống một chén, bã thì đắp.

Bôi ngoài, dùng *răng trâu* đốt thành than tán nhỏ rắc vào, cũng dùng chữa hổ cào. Dùng thịt heo mà đắp và thay thứ mới luôn. Lấy dọt lá *thông* giã nát như bùn dần ra mà đắp vết thương. Dùng *nhựa Sơn* hay *Mỡ nhím* mà bôi.

Dùng *Địa du* 1 cân tán nhỏ, trộn với bột *Tam thất* 3 lạng, và bột *Khố sâm* 4 lạng hòa đều mà rắc và uống mỗi lần 3 đồng cân với nước cơm, thì có thể cầm máu ngừng đau. Cũng dùng chữa rắn cắn.

III.- BẢO DƯỠNG

1. Các thức ăn bổ:

- Bột đao của cây *Báng* hay cây *Giộc*, cây *Búa* (Quang lang)(1) cây giống như Dừa, bẹ lá có lông như đuôi ngựa, trong thân cây có bột trắng, giã nhỏ làm bánh ăn thì bổ hư tổn gây yếu, không đói và sống lâu. Thời nguyên thủy, người sống ở trong rừng ăn để thay cơm.

- Quả *Báng* (cũng gọi là *Doác*) và quả *Tro* (*Móc*) đều bổ ích, nấu ăn thì không đói, béo người.

- *Khoai lang* xôi cho chín, thái miếng phơi khô, cất để ăn thay cơm, nên gọi là *Thự lương*. Đời xưa, người ở miền bể phần nhiều không ăn ngũ cốc, chỉ ăn *khoai lang* mà được sống lâu.

- *Củ mài* ăn nhiều thì ích khí bổ âm, uống lâu thì tỏ tai, sáng mắt, cứng gân, nhẹ mình, không đói, sống lâu.

- *Hoàng tinh*: rễ tựa như củ gừng non, tước vỏ, cho vào xừng mà xôi cho chín, lấy nước của nó chảy ra mà tắm vào, đem phơi khô, xôi tắm và phơi 9 lần có thể ăn thay

(1) *Arenga pinnata* Merr hay *Arenga Saccharifera* Lab.

cơm, ăn lâu béo khỏe, nhẹ mình sống lâu, không đói; cho nên có tên là *Tiên nhân du lương* (lương thực của người tu tiên) hay *Cửu cùng thảo* (cỏ chống đói).

- *Hột dẻ* loại dẹt mà tròn ăn thì bổ ích cho khí lực, chặt ruột, không đói, đi khỏe, có thể thay quân lương (theo bản thảo thực vật).

- *Hột dẻ* các loại (Lật tử) phơi gió khô làm bột nấu ăn thì bổ thận khí, khôi mồi lưng yếu gối, có thể đứng lâu đi khỏe, ích vị khí, không đói, có thể nhịn cơm qua lúc mất mùa.

- *Quả Dương* (Chử thực tử), mạnh gân xương, tăng khí lực, ăn đỡ đói, sáng mắt, sống lâu thì nhẹ mình, lâu già.

- Nhân hột *Dẻ gai* hay *Cà ổi* (chử tử nhân) ăn thì không đói, đi khỏe, khôi khát.

- Mè đen, đãi sạch chứa vào hũ sành, xối cho lên hơi, phơi nắng cho khô, lấy nước đãi cho sạch bột, lại xối lại phơi như thế 9 lần, xát vỏ sây sạch, sao thơm tán bột, luyện mật làm viên to bằng viên đạn, uống mỗi lần 1 viên với rượu ấm, ngày uống 3 lần. Uống lâu thì nhịn được đói khát, điền tinh bổ tủy, nhẹ mình lâu già.

- Hột Ý dĩ, thổi cơm hay làm bột ăn thì không đói, ấm hơi, sắc uống thì trừ phong tê thấp, sốt rét rừng; uống lâu thì nhẹ mình, tăng khí lực. Đời xưa Mã Viện đến Giao chỉ đã từng theo nhân dân ta ăn Ý dĩ mà chống được khí độc của rừng núi(1).

- *Củ Ấu* già, phơi gió khô, nấu ăn thay cơm thì mau no, già lỏng lất bột dùng giã nắng giải độc, mạnh sức, chịu đói được; xối kỹ trộn với *mật ong* làm bánh ăn thì có thể nhịn ăn và sống lâu.

- *Rễ tranh*, hể đi lánh nạn, đến nơi hẻo lánh không có người ở, lấy *rễ tranh* rửa sạch nhai ăn, hoặc phơi khô giã nhỏ uống với nước cũng có thể tạm nhịn đói được.

2. Các loại cháo.

- Nước cơm, ăn khi còn nóng thì giải khát trừ phiền.

- Cháo trắng nấu với gạo tẻ, vị ngọt tính ấm, bình, có tác dụng lợi tiểu tiện, ngừng phiền khát, dưỡng tỳ vị. Người có bệnh lậu đái không thông, chỉ ăn cháo trắng mà không ăn uống thứ gì khác, ngoài một tuần thì đỡ, ngoài một tháng thì khỏi, mỗi buổi sáng ăn một tô rất bổ.

- Cháo nếp, ngọt ấm, bổ phế khí, trị tỳ vị hư hàn, ỉa chảy, kiết lỵ, nôn ọí, trẻ em lên đậu sắc trắng (khí hư),

- Cháo kê vị mặn hơi lạnh, dưỡng thận khí giải nhiệt ở tỳ vị, ngừng đi lỵ, bớt bệnh tiêu khát. Lạnh dạ không nên ăn, ăn kê với *Hạnh nhân* thì thổ tả.

- Cháo đậu đỏ, lợi tiểu tiện, xẹp phù thũng, cước khí, trừ tà dịch.

- Cháo đậu xanh, giải nhiệt độc, khôi phiền khát.

- Cháo ý dĩ, trừ thấp nhiệt, lợi trường vị. Phụ nữ có bệnh bạch đới nên ăn, ăn nhiều thì cạn sữa; người có mụn lở ăn thì khô mủ.

- Cháo bột hạt sen, mạnh tỳ vị, ngừng tả lỵ, an thần, dễ ngủ.

1) Mã Viện tướng giặc Trung Quốc sang xâm lược nước ta năm 44, quân của y chết mất 4, 5/10 vì dịch sốt rét và thổ tả, nhưng bản thân y đã thoát khỏi là nhờ ăn Ý dĩ để phòng bệnh theo nhân dân ta. Về sau y đã lấy giống Ý dĩ của ta đưa về trồng ở Trung Quốc.

- Cháo bột củ sừng, giữ vững tinh khí, làm sáng tai mắt. Người có bệnh di tinh, đái đục, đau lưng thì nên ăn.

- Cháo hạt dẻ, bổ thận khí, đỡ đau lưng, mỏi gối.

- Cháo khoai mài, mạnh tràng vị, bổ thận tinh, chữa bệnh tiêu khát. Người thận yếu nên ăn.

- Cháo khoai môn, làm cho tràng vị khoan khoái, ăn thì không đói.

- Cháo bột củ ấu, giải nhiệt ở nội tạng và bổ ích khí cho tràng vị.

- Cháo hành: trộn hành tươi vào cháo trắng trước khi bắc xuống bếp, ăn lúc cháo dương nóng để phát tán, cho ra mồ hôi, chữa bệnh ngoại cảm, nóng lạnh, đau đầu nghẹt mũi.

- Cháo gừng làm ấm bụng, trừ ác tà, tan hàn thấp.

- Cháo hành và đậu sị, phát hãn giải cơ, cho ra mồ hôi để giải nhiệt, dùng trị ngoại cảm ôn bệnh.

- Cháo tía tô: cháo nóng trộn lá tía tô tươi vào trước khi bắc xuống bếp, ăn lúc dương nóng để cho ra mồ hôi, giải cảm hàn thấp, hồng ngực tức đầy.

- Cháo hạt từ tở, hạ khí tiêu đờm, lợi ngực, bớt tức ngực. Người có bệnh hen suyễn nên ăn.

- Cháo củ kiệu chữa người già lạnh bụng đi ngoài (tiêu).

- Cháo hẹ, làm ấm bụng và sẽ tiêu.

- Cháo rau cải, tiêu đờm, trừ khí độc (ác khí)

- Cháo củ cải, hóa đờm, làm lỏng ngực khoan khoái, tiêu thức ăn, lợi tràng

- Cháo củ cà rốt, hạ khí, làm cho trung tiêu khoan khoái.

- Cháo mồng tơi, nhuận táo hoạt tràng.

- Cháo rau sam, tiêu sưng, trừ đau, chữa lỵ.

- Cháo mè hay cháo nấu với nhân hạt mận, đều nhuận tràng và chữa tê thấp.

- Cháo hạt tràng, (hoa tiêu) chống lạnh, trừ sốt rét rừng.

- Cháo hạt tiêu, chữa đau bụng lạnh.

- Cháo nấu với nước sắc lá tre, thanh tâm, khỏi khát, trừ phiền nhiệt.

- Cháo cật heo, cật dê, cật hươu đều bổ thận khí và chữa các chứng do thận hư.

- Cháo nấu với nước ép thịt dê hay thịt gà, đều trị hao tổn suy nhược.

- Cháo nấu với nước ép thịt vịt hay cá chép, đều tiêu thủy thũng.

- Cháo sữa bò, bổ hư nhược suy yếu.

- Cháo hòa mật ong, dưỡng tâm phế, chữa ho lao.

- Cao gạc hươu, hòa vào cháo ăn thì bổ thận cường dương, chữa các chứng hư nhược.

- Bột mì rang hòa vào cháo ăn thì ngừng được chứng đi lỵ ra phân như mũi (bạch lỵ). Muối rang hòa với cháo ăn thì ngừng được chứng đi lỵ ra máu (xích lỵ)

3. Các loại rượu:

- Rượu gạo, vị cay đắng ngọt, tính rất nóng có độc; thông huyết mạch, tán thấp khu

phong, dương tỳ hạ khí, trừ tà ác khí độc, giải độc do thịt ngựa, đơn sa, dầu trầu - dẫn thuốc chạy khắp mình. - *Rượu Hoàng tinh* mạnh gân xương, ích tinh tủy, làm đen tóc, chữa các bệnh. Dùng *Hoàng tinh*, *Thương truật* đều 1 cân, rễ *Câu kỷ*, lá *Trắc bá* đều 5 cân, *Thiên môn* 3 cân, sắc lấy nước thạch (10 đấu), men 1 cân, gạo nếp 1 thạch, cất rượu uống. - *Rượu Ngũ gia bì* chữa phong thấp tê liệt, làm mạnh gân xương, điều bù tinh tủy. Dùng vỏ cây *Chân chim* rửa sạch, bỏ lõi, sắc lấy nước hòa với men gạo cất rượu uống. Hoặc ngâm rượu thì thêm *Đương quy*, *Ngưu tất*, *Dị du*.

- *Rượu Bồ cu vẽ* chữa phong độc cước khí, trong bụng tích đờm. Lấy bồ cu vẽ thái miếng ngâm rượu uống.

- *Rượu ngưi tất* (cỏ xước) chữa sốt rét lâu ngày, tê liệt; bổ hư tổn, mạnh gân xương. Dùng *Ngưu tất* sắc lấy nước cất rượu, hoặc cắt nhỏ chứa vào túi ngâm rượu, rồi bịt kín bình sắc qua cho uống.

- *Rượu rung rúc* (Nam đằng)(1) trị hư phong, trệ khí lạnh, trừ đau tê, cứng lưng gối. Dùng dây *Rung rúc* nấu nước cất rượu, hoặc ngâm rượu uống.

- *Rượu Xương bồ* chữa 36 chứng phong, 12 chứng tê, thông

huyết mạch, khôi yếu xương, uống lâu thì tỏ tai sáng mắt. Dùng *Thạch xương bồ* sắc lấy nước cất rượu, hoặc ngâm rượu uống. - *Rượu Vô đào lợi* tiểu tiện, chữa phù thũng. Dùng vỏ cây *Đào* sắc lấy nước, với men, gạo nếp, cất rượu uống. - *Rượu quả Dâu* (Tang thầm) bổ ngũ tạng, tỏ tai sáng mắt chữa chứng thủy thũng nếu không hạ khí thì đầy, hạ khí thì thũng qui vào bụng, 10 người không có 1 người sống. Dùng quả *dâu già* ra lấy nước, sắc qua lên rồi cho men và gạo vào cất rượu uống. - *Rượu gừng* chữa trúng phải gió độc, ngã ngất bất tỉnh, bại liệt nửa người, bụng tim đau lạnh. Dùng gừng ngâm rượu đun nóng lên uống, hoặc dùng nước gừng cất rượu như thường cũng được. - *Rượu Hoa hồi* chữa đau về thận khí, sa đĩ (viêm tinh hoàn) đau dãi xiên lên bụng, và đau bụng lạnh dạ. Dùng *Hồi hương* ngâm rượu uống. - *Rượu hoa cúc* chữa phong ở đầu, tê liệt, sáng tai mắt, tiêu bách bệnh. Dùng *hoa cúc* ngâm rượu, cùng với *Dị hoàng*, *Đương quy*, *Kỳ tử* càng tốt. - *Rượu Bách bộ* có thể chữa được các loại bệnh ho, bất kỳ mới hay đã lâu. Dùng củ *Ba mươi* ngâm rượu uống.

- *Rượu kỷ tử* bổ hư nhược, ích tinh khí, cường dương, mạnh lưng gối, trừ gió lạnh, khôi chày nước mắt. Dùng quả *Câu kỷ* và *Thục địa* ngâm rượu uống.

- *Rượu Nhung hươu* chữa dương hư yếu liệt, đi tiểu luôn và các chứng lao tổn. Dùng *gạc hương* và củ *mài* ngâm rượu uống. - *Rượu hổ cốt* chữa chân tay đau nhức, đau khớp xương, thận hư, bàng quang lạnh đau buốt. Dùng *xương ống chân hổ* một bộ, nướng vàng, nghiền nhỏ ngâm rượu uống.

- *Rượu rần* (Bạch hoa xà tửu) chữa các chứng phong tê kinh niên, bại liệt co quắp đau nhức, lở ngứa phong cùi. Dùng 1 con *rần hổ* đốt chứa vào túi cùng với men rượu để vào đáy bình, đổ cơm nếp lên trên, bịt kín, sau 21 ngày lấy rượu ra uống. Hoặc dùng một con *rần hổ* đất cùng với thuốc: *Khuông hoạt*, *Đương quy*, *Thiên ma*, *Tần giao*, *Ngũ gia bì*

(1) Dây rung rúc hay Rút rễ; *Berthemia lincate* D.C, cây cỏ ngoài Bắc.

dầu 2 lạng, *Phòng phong* 1 lạng, thái nhỏ ngâm rượu 21 ngày lấy ra uống. - *Rượu thịt chó* (Mậu tuất tửu) đại bổ nguyên dương, thích dùng cho người già yếu. Lấy thịt mồi con chó vàng ninh nhừ, cho men, gạo vào nấu rượu như thường. Người âm hư không có bệnh lạnh thì không nên uống. - *Rượu thịt dê* đại bổ nguyên khí, mạnh tỳ vị, bổ ích cho người thận hư đau lưng. Dùng thịt dê 5 cân ninh nhừ, ngâm rượu 1 đêm, cho vào 7 quả Lê già nát hòa với men, gạo cất rượu uống.

4. Phòng bệnh rượu:

Cai rượu: Lấy 7 quả *Ké đầu ngựa* đốt thành than cho vào rượu uống.

Cai nghiện rượu: Dùng củ heo nái phơi khô tán nhỏ và gạo nếp bằng nhau, cất thành rượu ngon, giấu kín không cho người ghiền biết, đem cho uống đến say. Hoặc lấy một tỷ củ ráy tai, đợi khi thật say lên cho thêm vào chén rượu cho uống thì tự nhiên sợ rượu.

Một phương: *Rượu* 7 cân, *Chu sa* 5 đồng cân, cho vào bình bịt kín vùi trong chuồng heo để cho heo nó giày xéo lên trên, 7 ngày lấy rượu ra uống.

5. Các thức ăn uống nên dùng hay nên kiêng trong khi ốm:

Hễ dương nằm bệnh, nhất thiết phải rắn uống rượu, phòng dục, và nên tiết chế ăn uống, đó là đường lối chính của việc chữa bệnh.

Bệnh sốt chưa lui, chớ nên cho ăn cơm: bệnh sốt mới khỏi, mà ăn thịt, hoặc ăn nhiều quả nhãn, mít, đào, dưa hấu... thì tái phát. Bệnh có chứng sợ rét thì kiêng uống thức lạnh. Bệnh nóng rét thì kiêng ăn các quả chua chát, như quả nhót, mận, xoài..,

Bệnh sốt rét cơn phải kiêng ăn no uống lạnh, cùng các loại khó tiêu, như măng tre, thịt heo mỡ, hến, ốc, cua, tôm...

Bệnh lỵ kiêng ăn các loại quả, các thức rang nướng, cùng cá thịt; lỵ mới phát nên ăn khoai lang (nướng), hạt mè đen; lỵ thoát giang (lòi trôn trê) nên ăn rau diếp cá; đi lỵ đã lâu thì ăn lá *Mơ lông* với trứng gà là khỏi.

Bệnh ỉa chảy và sau khi uống thuốc sổ, nên ăn cháo loãng, kiêng thịt, đường và các chất cứng.

Nôn mửa thì nhịn ăn mà khỏi. Tự dưng nấc cụt thì nín hơi, uống liền vào bát nước trong mà lành.

Bệnh thời khí thổ tả (hoác loạn) đòi ăn cháo gạo, chỉ mới nuốt khỏi họng vài muỗng mà chết.

Các bệnh sản hậu, đờm suyễn, phù thũng, trướng đầy đều kiêng các chất mặn lạnh.

Chóng mặt xây xẩm và đau mắt đều kiêng các thứ thơm cay động hỏa, như gừng, hành...

Bệnh ngoài da và bệnh trĩ đều kiêng các thứ thơm cay động hỏa, như gừng, hành...

Bệnh ngoài da và bệnh trĩ đều kiêng ăn các thức khô nóng, như gừng, ớt, hạt tiêu, thịt dê, thịt chó...

Dưỡng bệnh cần kiêng ăn các thứ khí trệ, như củ riềng, quả cà, quả bầu nậm, dưa chuột, khoai sọ, củ ấu v.v...

6. Các thức ăn phải kiêng trong khi uống thuốc trị bệnh

Uống thuốc có vị	Kiêng ăn
Bạch tiền	Thịt heo
Bán hạ (củ chóc)	Đường, kẹo mạch nha, thịt dê
Cam thảo	Cải bẹ
Cát cánh	Thịt heo
Dương khởi thạch	Thịt dê
Dại táo	Hành, cá
Dậu đen	Thịt heo, chè vối (Hậu phác)
Địa hoàng (sinh, thực địa)	Hành
Đơn sa, Chu sa	Các thứ tiết (huyết súc vật)
	Cá chép
Đơn sâm	Giấm
Gừng khô (can khương)	Thịt chó
Hành	Mật, táo
Hành nhân	Lừa kẻ
Hậu phác (vỏ vối)	Đậu
Hoàng liên, Hồ hoàng liên	Thịt heo
Hoàng tinh	Ô mai, mơ
Long cốt	Cá
Lỗ sa	Tiết dê
Mạch môn	Cá diếc
Mật ong	Mắm, hành tươi, rau diếp
Mẫu đơn bì	Tỏi, rau mùi
Ngưu tất	Thịt dê
Ô mai (mơ muối)	Thịt heo
Phục linh	Giấm
Quế nhục	Hành sống
Rau sam	Cua đinh
Sử quân tử (quả giun)	Chè nóng (uống thì xối)
Tê giác	Muối
Thạch chung nhũ	Tiết dê, hành, tỏi, rau ngò rí
Thạch xương bồ	Kéo mạch nha, tiết dê
Thiên môn	Cá chép
Thiên niên kiện	Cải củ
Thương nhĩ (ké đầu ngựa)	Thịt heo
Thường sơn	Hành, hẹ
Thổ phục linh (khúc khác)	Chè
Tỏi	Mật, thịt chó
Tỳ giải (Kim cang)	Giấm
Tử tô (tía tô)	Cá chép
Xạ hương	Tỏi

HẢI THUỘC Y TÔNG TÂM LĨNH
(QUYỂN THỨ 12 - 13)

LĨNH NAM BẢN THẢO

(QUYỂN THƯỢNG)

BÀI CA VỀ

Tên gọi: KHÍ VỊ, VÀ CHỦ TRỊ CỦA CÁC VỊ THUỐC NAM

Phụ: Cách bào chế

1. LOẠI CỎ HOANG

(Gồm 60 loại)

QUAN CHUNG là củ cây rau Ráng
Hơi lạnh ít độc, công thông sướng
Chữa thất huyết(1), thanh nhiệt, sát trùng
Trừ tà khí, báng tích các chứng

Lấy về gọt bỏ vỏ phơi khô dùng. Có tên gọi là Quán trọng, lại một tên nữa gọi là Quán trọng.

HOÀNH TINH thường gọi củ Hoàng tinh
Khí vị cam lương, tính hoãn bình
Ích khí bổ trung thêm dịch tùy
Luôn luôn dùng uống sẽ trường sinh

Gọt bỏ vỏ xoi 9 lần, phơi khô 9 lần dùng.

SÀI HỒ gọi là rễ cây Lúc
Dắng lạnh không độc hay giải uất,
Trừ nhiệt, thanh can giải cốt chùng
Bốn mùa triều nhiệt gân co rút

Nghệ An gọi là cây sơn, mọc ở vùng nước mặn.

- Triều nhiệt là sốt cơn, tương tự như cơn nước, hàng ngày có lúc lớn lúc ròng. Nếu mỗi ngày lên cơn sốt hai ba lần thì lại gọi là phát sốt, không gọi là triều nhiệt được.

TIỀN HỒ là rễ cay Chi thiên
Khí vị hơi đắng, lạnh hiển nhiên
Bỉ muộn, Thương hàn cùng thực nhiệt
Phong hàn ho cảm chữa đều yên

Một tên nữa là Thiếp địa phi, tục gọi là cây lười chó.

LONG ĐỒM THẢO là cỏ thanh ngâm
Vị đắng, khí lạnh phơi trong râm
Yên tạng sát trùng trừ nhiệt độc
Mất đau Can hòa phải nên tâm

Lấy dao tre cạo lông trên đầu, phơi râm cho khô mà dùng.

SƠN TAM NẠI là cu địa liên
Bụng đau vì lạnh uống đều yên

1) Thất huyết: Các chứng xuất huyết như thổ huyết, nục huyết, tiện huyết, v.v.

Tính khí tân ôn mà vị đắng
Hoặc loạn, đau răng gió khởi liên
CAO LUƠNG KHUƠNG là củ Riềng ẩm,
Khí vị cay lành không độc lắm,
Phong tê, khí khối, Tẩu ly lâu,
Vị lạnh, khí tích chớ để chậm.

Tẩu ly là kiệt ly do độc rượu gây nên.

ÍCH TRÍ TỬ gọi là quả Ré,
Ấm cay, không độc, hòa tỳ vị.
Yên tâm dưỡng thận, lợi tam tiêu,
Bổ tủy, điền tinh và ích khí.

Bỏ hết vỏ dùng.

TẮT BÁT tục gọi là lá Lốt,
Hàn ly, đau lưng uống rất tốt.
Khí vị của nó cay ấm nhiều.
Hoặc loạn, chướng khí, đau xương cốt.

KHIUƠNG HOÀNG: tục gọi ấy nghệ vàng,
Cay đắng, lạnh, bình, tính mạnh hăng.
Phá huyết, tiêu ung (nhọt), thông huyết ứ,

Hạ khí, đau tim được nhẹ nhàng.
UẤT KIM tục gọi dải củ Nghệ,
Cay, đắng, bình hàn, thuần hậu vị.
Khai kết, thông kinh, chữa bụng đau,
Lên da, hành huyết và thông khí,

Thái lát mỏng, tẩm dấm thanh sấy khô dùng.

Lên da tức là lên da non.

HƯƠNG PHỤ tục gọi củ Cỏ gấu, (cỏ cú)
Hơi hàn không độc, vị cam hậu.
Khoan trung, khai uất lợi Tam tiêu,
Chữa bệnh đàn bà thuốc rất báu.

*Sao rượu, trộn với trấu cho vào cối giã tróc hết lớp vỏ đen, còn lại như hạt gạo cội.
Khi dùng hoặc tẩm rượu, dấm, nước muối, hay nước dãi trẻ con rồi sao kỹ, tùy bệnh mà
dùng. Một tên nữa gọi là Sa thảo cân.*

MẬT LY HÒA tên gọi hoa Nhài, (Lài)
Uớp với trà ngon uống tức dài,
Nóng cay không độc, hương thơm mát.
Nhuận táo, trơn da công kém ai.

MAO HUƠNG tục gọi là cây Sả,
Tính đắng, ôn dùng cả hoa lá.
Phiên vị nôn mửa, đau bụng hàn,
Khí ứ (trọc), trừ tà dùng được cả.

BẠCH MAO HƯƠNG là rễ Bài trắng,
Hương thơm, vị ngọt mà không đắng.
Chuyên trừ khí ứ đại bụng hàn,
Trẻ con sắc uống sang chấn lạng.

HOẮC HƯƠNG thường gọi cây hoắc hương,
Dắng cay, hơi lạnh, tính lành thường,
Giúp chính trừ tà khai vị khí,
Phiên vi Hoắc loạn thật thần phương

Cây và lá đều phơi khô để dùng

LAN DIỆP thường gọi là lá Lan,
Vị cay tính bình không có độc,
Trừ độc, tiêu ung (nhọt), lại sát trùng,
Lợi thủy, sinh tân (dịch), mặt như ngọc.

TRACH LAN gọi là cây mần tưới,
Vị đắng, hơi ôn, tính hoạt lợi
Phá khối trừ ung, thông Tiểu trường,
Dàn bà huyết vậng, ho lao khỏi.

HƯƠNG NHU thường gọi cây Hương nhu,
Cay nồng hơi ấm để được lâu,
Hoắc loạn chuyển gân và thổ tả,
Trừ phiền giải nắng chiếm công đầu.

Tháng 8, tháng 9 có hoa hái về phơi khô cất để dùng, để càng lâu càng tốt.

BAC HÀ thường gọi lá Bạc hà,
Khí ấm, vị cay sức có thừa.
Thanh nhiệt hóa đờm, tiêu thực tích,
Trừ nóng xương, nhức đầu phong tà.

Một tên là Kê tô, một tên là Thủy tô,

NGÀI DIỆP thường gọi là lá Ngải,
Hơi ôn vị đắng, công ghi mải,
Huyết ly mọi bệnh đều chữa lành,
Có thai đau bụng dùng chớ ngải.

Ngày 5 tháng 5 Âm lịch, hái về phơi râm 100 ngày cho khô, rồi vò nhỏ cất kín, để càng lâu càng tốt. Cũng có khi dùng tươi.

THANH CAO thường gọi cỏ Thanh hao,
Lạnh đắng tính bình chữa tổn lao.
Mồ hôi trộm, nóng xương, ngược ly,
Quý thi đau bụng, vết gươm đao.

Quý thi: có nghĩa là bệnh tà xâm phạm vào làm cho thần không giữ vững.

SUNG UY cùng tên với ích mẫu,
Cay, ngọt, ấm, trừ đau, băng, lậu
Yên thần, sáng mắt, khỏi tim đau,
Sản hậu, thai tiền thuốc quý báu.

NHÂN TRẦN thường gọi là Nhân trần.
Đắng lạnh hơi cay, uống nhẹ thân.
Khu phong, trừ thấp thanh nhiệt khí,
Đầu đau, hoàng đản, bệnh rất cần.

THANH SUƠNG TỬ gọi hột đuôi mangm
Rất lành, vị đắng, khí hơi hàn,
Thanh nhiệt bổ trung, yên ngũ tạng,
Tê thấp, thông manh, chữa mụn sang.

Đuôi mang có nơi gọi là mồng gà đuôi chồn.

KÊ QUAN HOA là bông mồng gà,
Khí vị ngọt lành, tính êm hòa.
Chữa chứng Trảng phong và trĩ lậu,
Huyết bằng, Kiết lý phải nên gia.

Thanh sương tử, Kê quan hoa hai thứ đều là một giống.

TRÚ MA CĂN: gọi rễ cây gai,
Vị ngọt, khí hàn chữa lậu thai.
Thời khí phát nóng, tiểu tiện bế,
Trùng can, tên độc chữa rất tài.

THƯƠNG NHỈ tục gọi là cây ké,
Ngọt, ấm hơi độc, trừ phong khí.
Lở da, tê thấp, quắp tay chân.
Sáng mắt, mát gan, bổ rương tùy.

Thương nhĩ tức Ké đầu ngựa. Uống vị này thì kiêng ăn thịt heo.

ĐÀNG TÂM THẢO tục gọi cỏ Bắc (tim bức)
Vị ngọt, khí hàn, thanh hỏa uất,
Tả phế, mát tim, chữa họng đau,
Tiêu thũng, thông lâm, khỏi bế tắc.

HY THIÊM tục gọi cỏ Bà a,
Vị đắng, hơi hàn, ít độc mà.
Giải nhiệt, sốt rét lâu, mụn lở,
Thùng phù, tê thấp, khỏi ngoan ma (chân tay tê dại).

*Khi dùng lấy một phần mật, một phần rượu, trộn đều xối 9 lần, phơi khô 9 lần.
Cũng có khi dùng tươi.*

Một tên khác là Xích hồi thảo.

LÔ CĂN tục gọi rễ cây lau,
Vị ngọt, khí hàn giải nhiệt mau.
Chỉ tả, cổ trường, trừ nôn ọe,
Thời khí trúng độc kíp nên cầu.

MỘC TẠC tục gọi cỏ Tháp bút,
Ngọt bình, không độc, chữa trường hoạt

Bổ gan, tan màng, chữa huyết băng,
Dồi sán(1), thấp phong và giang thoát(2).

NGUU TẤT tục gọi rẽ cỏ Xước,
Tĩnh bình, chua đắng, mạnh gân cốt,
Chữa bại, tê liệt, bổ dương tính,
Diễn huyết, thông lâm trừ cữu ngược (sốt rét kinh niên).

Kiêng đồ sát, tắm rượu gừng.

HUYỀN THẢO thường gọi là ray Huyền, (Kim châm)
Ngọt mát, lợi tiểu tính lại hèn.
Quên lo, thấp nhiệt, và tiêu thực.
An thai, khỏe sức, thọ càng thêm.

HOÀNG QUY TỬ là hột Vồng vang,
Vị ngọt, khí hàn, rất hoạt tràng.
Tiêu thũng lợi lâm, thông tia sữa,
Chữa người dễ khó, chữa ung sang.

QUYẾT MINH TỬ là hột Đậu muồng,
Mặn, bình, sáng mắt tốt như thường.
Bổ thận, mát gan, nhuận ngũ tạng,
Ung thư, đầu nhức, hay khôn lường.

Đậu muồng, có tên là Thảo quyết minh.

ĐIÀ PHU TỬ gọi hột Hào hao.
Lạnh, đắng lợi tiểu hay biết bao.
Bổ tích tinh thần, sáng tai mắt.
Liệt dương, Sán khí chữa lạnh mau.

DỊNH LỊCH tên nôm gọi hột Đay,
Lạnh, cay, không độc, vị lành thay.
Hóa đờm, trừ tích, tiêu phù thũng,
Định suyễn, thông kinh uống cũng hay.

Cho vào nồi đất, cách giấy sao qua hầy dùng.

XA TIỀN TỬ gọi hột Mã đề,
Thông, hai đường tiện, ngọt lành ghê.
Chỉ tả, thông Lâm(3) trừ tê thấp,
Thêm tinh, thúc đẻ tốt không chê.

Khi dùng nên sát bỏ lớp vỏ ngoài.

MÃ TIỀN THẢO gọi cỏ Mã tiên (roi ngựa)
Vị đắng hơn hàn, bế thông liên.
Tích tụ, Trĩ trùng, kinh nguyệt bế,

(1) Dồi sán: Đau sưng to mà đau trần bụng dưới

(2) Giang thoát: Thoát giang tức lõi trơn tré

(3) Lâm: Bệnh đau rất nhỏ từng giọt mà buốt trong lỗ đại.

Vết thương sưng nhọt chữa đều yên.
ĐẠI LAM tục gọi lá cây Chàm,
Tính vốn hàn hòa, vị khổ cam.
Thanh nhiệt tiêu sang, cầm máu mũi,
Giải trừ thuốc độc, sát trùng Cam.

LAM ĐIỂN tục gọi là Chàm bột,
Lạnh, hòa, cay đắng, tan trong nước.
Giải các thuốc độc, khỏi đơn sang,
Cầm máu, sát trùng, yên hoảng hốt.

Chàm bột là Chàm chế với vôi đá, cặn đứng dưới là nó.

THANH ĐẠI vốn tên gọi bột Chàm,
Không độc, chất trong, tính mặn hàn,
Sát trùng, giải độc, bình Can hòa,
Chữa trẻ Sài kinh và nhiệt Cam.

Bột Chàm là thứ nổi bột lên trên mặt nước có màu xanh biếc.

THỦY LIỄU tên gọi là rau Râm,
Khí vị ấm cay, trừ độc xâm.
Ghê lở, rần cần, tim đau lạnh,
Trĩ, mụn, cước khí nấu xông ngâm.

MÃ LIỄU tên gọi cây cỏ Nghể,
Đắng ôn, không độc, vị hơi cay,
Chữa vị ăn nhâm địa vào bụng,
Mụn lở, nhọt độc xông khỏi ngay.

BIỂN SÚC tên gọi cỏ Thái lái,
Khí bình, vị ngọt lành không độc,
Trừ trùng, Hoắc loạn, lở ghê lây,
Hoàng đàn, chứng Lâm và nóng bốc.

TẬT LÊ TỬ gọi Quý kiến sầy,
Vị đắng ôn bình, chữa mắt đau,
Tích khối, phế nuy và hầu tý,
Lại tinh, mụn nhọt chữa lành mau.

Sao cháy hết gai dùng.

TỠ MA TỬ gọi hột Thầu dầu,
Vị ngọt, khí bình, chẳng độc đau.
Tích hờn, kinh thét và tai điếc,
Phù thũng, dề khó phía dùng mau.

Khi dùng bóc bỏ vỏ đã uống nó là phải kiêng ăn đậu rang một năm, nếu phạm thì phát đầy trướng.

THƯỜNG SƠN thường gọi lá Thường sơn,
Độc, đắng, hơi cay, khí lại hàn,
Trừ ngược, thổ đờm, tiêu thủy trướng,

Người hư, già yếu chớ dùng cần.

Khi dùng róc bỏ gân là xắt nhỏ chung rượu mới được mềm nó gọi là Thực tất.

NAM TINH tục gọi củ Dải chuột,
Tính ấm, đắng độc mạnh số một,
Chữa Trúng phong và chứng Quyết
Tiêu ung, phá khối, thư gân cốt.

Giữa gừng sống lấy nước cùng nấu chín, thái lát từng miếng mỏng phơi khô mà dùng.

QUỖI CẬU tên là củ khoai Nưa,
Ấm cay, không độc, công hiệu là:
Sát trùng, trừ ác khí, thi chú,
Hạ tử thai, lại chữa ngược tà.

XẠ CAN tục gọi củ Rẻ quạt,
Đắng hàn, hơi độc, hay phát đạt.
Hầu tê, khí kết, báng ngược, đờn,
Ngoan đờm(1) kinh bế đều thông đạt.

PHƯƠNG TIỀN HOA gọi Móng tay nước,
Rễ, hột ngọt ôn đều làm thuocs
Bị đòn, kinh bế lấy mà nhai,
Mắc xương, thúc đẻ dùng hột nuốt.

TUÔNG VI CĂN gọi rễ tầm xuân,
Vị thì đắng chát, khí hơi hàn,
Cầm ly sát trùng, trừ thấp nhiệt,
Chữa các mụn độc, lại thư cân (thư giãn gân).

NGUYỆT QUỖI HOA tên gọi hoa Hồng,
Ngọt mà không độc, lại ôn trung,
Sinh cơ, hoạt huyết, tiêu ung nhọt,
Lở và Tràn nhạc chóng thu công.

MẠCH MÓN ĐÔNG gọi củ Tóc tiên (hẹ diềng, lan tiên).
Vị ngọt, khí bình, giải nhiệt phiền.
Tả phế, mát tim, yên tạng phủ,
Bổ lao, chỉ thẩu, chữa cuồng điên.

Khi dùng bỏ lõi.

CỐT TOÁI BỔ gọi cây Tổ rồng,
Đắng ấm, không độc, tính hay thông.
Bổ lao thương nặng, lành xương gãy,
Chữa huyết phong đau buốt, sát trùng.

TOAN TƯƠNG THẢO là củ Chua me,

(1) Ngoan đờm: Đờm đặc tính khó khạc ra.

Không độc, lạnh chua, hay dẫn đi.
Hành huyết, thông lâm kiềm chỉ tả,
Trùng, sang, Trĩ, Lậu hiệu khôn bì.

NGUỒN THIÊN BÌ là đất rêu xanh,
Vị đắng hơi hàn nhưng độc khinh,
Trùng náng, đau tim và trúng ác.
Mát đau, Phiên vị lở mau lành.

ỐC VU tục gọi rêu nóc nhà,
Ngọt lạnh, tính hàn chữa nhiệt tà.
Thông nước, trừ Lâm kiềm chỉ tả,
Chữa trẻ đau răng, cơn nóng quá.

2. LOẠI DÂY LEO

(Gồm 17 loại)

CẨM ĐỊA LA thường gọi củ RAM, (cỏ tỳ gà)
Tính bình không độc, khổ và cam.
Tiêu trừ trúng độc và sang mụn,
Chữa được chướng khí với sơn lam.

THỎ TY TỬ gọi hột Tơ hồng
Vị cay, khí bình rất bổ trung
Thêm tinh, thêm tủy, mạnh gân cốt
Nhẹ mình, sáng mắt, khỏi đau lưng

NGŨ VỊ TỬ là hột Nấm cơ
Mặn, chua, cay, đắng, ngọt mà ôn
Thanh kim, bổ thủy, sinh tân dịch
Khởi khát, hư lao, ho lâu khan

PHÚC BỒN TỬ gọi quả Chúc xôi
Vị ngọt, khí bình, khéo dưỡng bồi
Ích khí, tư âm, hòa ngũ tạng
Hư lao uống mãi khỏe vui tươi.

SỨ QUẢN TỬ tục gọi quả Giun
Ngọt mà không độc lại vừa ôn.
Năm chứng trẻ Cam đều chữa khỏi
Sát trùng, chỉ lỵ, mạnh tỳ luôn

MỘC MIẾT TỬ là hột quả Gấc
Không độc, ngọt, ôn thông bí tắc.
Trừ ung, tiêu thũng, khỏi lưng đau

Sưng vú lồi dom đều chữa được.

KHIÊU NGUU TỬ là hột Bìm bìm,
Đáng cay, tính ấm, có độc kèm
Lợi tiểu, thông qua, tiêu huyền tích(1)
Sát trùng, trừ bí, lại long đờm

Khi dùng sao tán lấy bột nhỏ rây lần đầu, còn thủ to cứng không dùng. Thủ đen gọi là Hắc khiên ngưi thuộc hành thủy, công hiệu mau chóng; thủ trắng gọi là Bạch khiên ngưi thuộc hành Kim công hiệu chậm. Người khỏe thuộc thực thì uống được, người già thuộc hư và phụ nữ có thai thì chớ dùng. Một tên là Hắc sừu (hoặc Bạch sừu).

THIÊN HOA PHẤN gọi củ Dưa dây(2)
Lạnh đắng, ngọt vừa, lành tốt thay
Chỉ tả, bổ hư, thanh nhiệt táo
Ung thư, hoàng đản kíp dùng ngay.

THIÊN MÔN ĐÔNG gọi Tóc tiên leo
Ngọt, đắng, lạnh, hòa có bổ nhiều
Giáng hỏa, thanh kim trừ quỷ chú
Ho lao, héo phổi, nhuận Tam tiêu

Khi dùng gõ bỏ lõi phơi khô.

QUA LẬU NHẬN gọi hột Dưa dây
Lạnh, đắng, ngọt, nhuận hoạt thay
Nhuận phế, bổ lao, chữa thất huyết
Hòa đờm tác cổ, khỏi liên tay.

Khi dùng bóc vỏ lát nhân, bóc giấy già cho ra hết dầu hãy dùng.

CÁT CẦN tục gọi rễ cây Sắn
Khí vị ngọt hàn hay phát tán
Trừ phần cơ biểu khỏi nóng phiền
Thông quan, giải độc và phát hãn.

BÁCH BỘ gọi là củ Bách bộ
Ngọt, đắng, hơi ôn, độc không có
Thanh phế kim, trừ được hơi lâu
Ho lao truyền thì cùng độc cổ(3)

HÀ THỪ Ô rễ dây Sưa bò
Vị ngọt, đắng chát, tính ôn nhu
Mạnh gân bổ tủy, trừ mụn độc
Uống lâu thì sẽ sống càng lâu,

Khi lấy, kiêng dùng đồ sắc, dùng que tre đào lên, cạo vỏ ngoài dùng dùi gỗ đập dập, ngâm nước vo gạo một đêm, phơi khô hãy dùng.

1) Huyền tích là hai bên rốn có gân lồi lên đau nhức, to bằng bắp tay, giống như dây cung thì gọi là Huyền; nổi lên ở hai bên kẽ sườn gọi là Tích. Thương là do hàn đờm kết tục khí trở không thông mà sinh ra.

2) Túc Qua lâu cần. Triahosanthe Kirilewii Maxim

3) Độc cổ: Bí người đánh thuốc độc.

Khi uống vị này kiêng ăn các thứ huyết, cá không vảy, cải củ (lú bú) Hành, Tỏi.

TỠ GIẢI gọi là củ Kim xương
Tính bình, ngọt, chất, tốt lành thường
Chữa đau eo lưng và mụn lở
Chữa tê, Lâm, Lậu, mạnh gân xương

Giống nào sắc trắng thì mạnh hơn. Tẩm rượu, thái mỏng phơi khô hoặc nước qua, cạo bỏ vỏ sắc uống.

THỔ PHỤC LINH là củ Khúc khác
Ngọt nhạt, tính bình, chữa đác lực
Mạnh gân, khỏe vị, thu miệng ghẻ
Đuối thấp trừ phong rất có sức

Một tên nữa là Sơn ngạnh phạn.

GIÁ KHÔI tục gọi củ Bồ nẫu
Hơi chất, ngọt bình chẳng độc dài
Tích tụ ở trong đều chữa cả
Sát trùng, chỉ tả phải tìm mau

Một tên nữa là Vũ dư lương.

MỘC THÔNG tục gọi cây ruột gà
Vị cay, khí bình, tính lợi hòa
Thông trệ, Lậu, Lâm, tiêu thấp thũng
Trừ nhiệt, chữa mụn khỏi Hầu nga(1)

3. LOẠI CỎ MỘC Ở NƯỚC

(Gồm có 6 loại)

XUONG BỒ thường gọi rễ Xương bồ
Khí ấm, vị cay tính rất lạnh
Trừ thấp, yên thần, sáng tai mắt,
Diễn cuồng, trúng ác chữa càng nhanh.

Loại mọc ở đá, cao khoảng 1 tấc mà có 9 đốt thì tốt. Khi lấy kiêng dùng đồ sát, dùng dao tre cạo lớp vỏ ngoài, đập dập, sao hoặc tẩm nước vo gạo rồi phơi khô để dùng.

BỒ HOÀNG tục gọi bông cây Náng,
Không độc, ngọt, ôn thật có công.
Phá khối, điều kinh, băng huyết khỏi,
Chỉ thống, an thai, đại, tiểu thông (Đại tiểu tiện).

Sao đen thì chỉ huyết, dùng sống thì phá huyết.

GIAO HỒ tục gọi cây Niễng niễng (củ Niễng)
Không độc, vị ngọt mà tính lạnh.
Khai trung tiêu, thanh vị giải phiền,
Bụng đau, rượu độc đều yên tĩnh.

1) Hầu nga: Viêm hạnh nhân (a my đản).

PHÚ BÌNH tục gọi là Bèo ván,
Vị cay, không độc, tính lại lạnh.
Trừ phong, lợi thủy, khỏi kinh cuồng,
Thấp tê, mụn nhọt đều tiêu tán.

Giống Bèo mặt dưới lá sắc tím thì tốt.

Rằm tháng 7 lấy về cắt bỏ rễ phơi khô cất dùng. Muốn phơi khô thì bỏ nó vào cái rổ, gác rổ lên trên một chậu nước, không làm như vậy thì khó khô. Cũng có khi dùng tươi.

THỦY TÀN tục gọi cây rau Bợ.
Tính hoạt, cam hàn thường chữa lở.
Lợi tiểu, thoát nhiệt và mát da,
Bệnh mà tiêu khát đều dùng chữa.

THỦY TẢO tục gọi ngọn rau Rong;
Ngọt hàn lạnh tính hoạt thanh trung.
Trừ khỏi nhiệt ly và tiêu khát,
Chữa chứng trẻ em Xích chẩn phon_g.

4. LOẠI NGŨ CỐC

(Gồm có 19 loại)

NGANH MỄ tục gọi là Gạo tẻ,
Tính bình, mát, ăn rất ngon khỏe.
Dưỡng Vệ, điều Vinh, đại bổ Tỳ,
Nuôi người là một thứ rất quý.

Một tên gọi là Nguyên mễ. Giống nào sạch trắng trong là tốt. Thứ vua chúa dùng gọi là Ngự mễ.

ĐẠO MỄ gọi là gạo Nếp đây,
Ngọt ngon, tính ấm, dẻo mềm thay,
Bổ trung ích thận, cao lâm lợi,
Chữa nôn, đau bụng tỳ yếu hay.

Một tên gọi là Nhu mễ, một tên gọi là Từ mễ.

LANG VĨ tên nôm gọi hạt Kê,
Vị ngọt, tính lạnh ăn đỡ đói.
Yên ruột, khỏe Vị, khỏi cơn nguy,
Phép chữa, phương thuốc không thấy nói.

HỒ MA TỬ gọi hột Lòng vừng (Mè đen)
Ngọt trơn, không độc, tính bình thường.
Ích khí, bổ trung hòa ngũ tạng,
Chữa thấp, trừ phong với Cốt chưng⁽¹⁾

¹⁾ Cốt chưng xem chú thích trang 197 tập III.

MA DU tục gọi là đậu Vừng, (mè)
Ngọt, trơn, hơi lạnh, nhiều công năng
Giải độc, nhuận tràng, tiêu nóng kết,
Thúc đẻ, chữa trùn, mụn nhọt sưng.

(Một tên khác là *Hương du*).

Ý DỄ thường gọi hột Ý dĩ,
Ít lạnh, hơi ngọt, lại lành ngon.
Trừ phong thấp nhiệt, chữa co rút,
Uống lâu nhẹ mình, thêm trí khôn.

HẮC ĐẬU gọi là hột đậu Đen,
Ngọt lành, không độc, vẫn dùng quen.
Khởi phong thấp nhiệt lại trừ độc,
Công hiệu trong phượng chẳng xiết biên.

XÍCH TIỂU ĐẬU là hột đậu Đỏ,
Ngọt, chua không độc, kiêm công bổ.
Chữa đái buốt, thủy thũng, ung sang,
Bỉ trường tiêu khát cùng nôn mửa

LỤC ĐẬU tên gọi hột đậu Xanh
Ngọt lành, không độc, vị hơi tanh.
Trừ nhiệt bổ hư kiêm giải độc,
Lợi thủy, tiêu sang, mát sáng tinh

BẠCH ĐẬU gọi là hột đậu Trắng,
Vị ngọt, không độc, hay điều dưỡng.
Ấm tràng, mạnh thủy, chữa Lao truyền,
(truyền thi)

Giúp mười hai kinh, hòa năm tạng.

BẠCH BIẾN ĐẬU là Đậu ván trắng,
Ngọt mát lành, điều hòa các tạng.
Thuận phong, giải nắng, mạnh Tỳ kinh,
Hoắc loạn, thổ phỉ, tiêu độc chướng.

ĐẬU ĐẬU tục gọi quả đậu Rựa
Ngọt bình không độc bổ chân nguyên.
Ôn trung, thông cách, tâm, trường lợi.
Chữa khỏi ách nghịch khí xông lên.

ĐẬU SỊ chế từ hột đậu Đen,
Đắng lạnh, không độc, bổ hoàn toàn
Trong sáu chứng Lâm thường vẫn chữa
Hơn bốn mươi phương chẳng xiết bàn.

CÁCH CHẾ ĐẬU SỊ:

Về tiết tháng 5 tháng 6, chọn giống đậu đen xanh lòng, tùy chứng bệnh mà liệu dùng nhiều hay ít. Cho đậu Đen vào nước rửa sạch, hột nào nổi thì bỏ đi. Rửa xong ngâm rượu một đêm, vớt ra để khô cho vào trong xúng mà sôi cho chín, rồi đem rải mỏng trên chiếu, dương lúc còn hơi ẩm ồm thì phủ lên một lớp Thanh hao dày. Ba bốn ngày sau sẽ thấy lên meo vàng, chớ cho mọc dày quá, lấy ra phơi khô và vẩy sạch meo vàng ấy đi, lại lấy nước lạnh tưới khắp và trộn đều, thấy ướt tay thì thôi, lại cho vào trong cái hũ thật sạch, lá dâu phủ lên trên dày ba tấc, trét bùn thật kín, rồi đem phơi nắng. Cứ 7 ngày lại bỏ lá dâu cũ đi, đem phơi nắng một buổi cho khô, rồi trộn gạo trắng vào, mỗi hũ trộn 3 vốc gạo, trộn xong lại cho vào hũ, cuối cùng trát bùn thật kỹ, làm như vậy 7 lần, công tất cả là 49 ngày. Sau đó bỏ vào xúng mà sôi cho qua, phơi khô cất đi mà dùng.

TRẦN THUÔNG MỄ là thóc để lâu,
Ấm chua, hơi mặn, không độc đâu
Kiện tỳ, ích khí, thông kinh mạch,
Chữa phiền, chữa ly, chữa tim đau.
TỬU KHÚC tên gọi là bánh men, (men làm rượu)
Ngọt ôn, không độc, tính thông tuyên.
Khoan trung, khai vị trừ đờm tích,
Khí nghịch, trướng hà, hoắc loạn yên,
MỄ THỐ tên gọi là Dấm thanh,
Đắng chua, không độc, tính ôn hành,
Làm mềm chất rắn, lành thương tích,
Trừ hột xoài, ung nhọt, ihung đỉnh.

(Còn gọi là Khổ sừu hay Toan thố).

HẢO TỬU tên gọi là rượu tằm (rượu đế)
Đắng chua cay nóng độc càng thâm.
Giúp sức thuốc trừ phong, khai uất.
Hạ khí, thông huyết phải nên tằm
TỬU TÀO tục gọi là bã rượu, (hèm)
Không độc, ngọt cay hay dẫn đạo.
Tiêu thực, ôn trung, huyết ứ trừ,
Đống sang, vấp ngã và trùng giải(1)
KHANG TỖ thường vẫn gọi là Cám.
Tính nớ bình hòa. vị cam đậm.
Mắc nghẹn dùng ăn chữa khỏi ngay.
Hạ khí, thông trường, phá khối báng.

1) Đống sang: Mụn lở nổi lên ở ngoài da sưng cứng, do khí lạnh bế tắc khu huyết ở phần biểu.
Trùng giảo: Sâu bọ độc cắn.

5. LOẠI RAU

(Gồm 46 loại)

CÚU THÁI tục gọi là rau Hẹ
Ấm cay đáng chất, hơi chua tí,
Trợ dương, ích khí chữa đau tim.
Cầm máu, sát tinh, trừ nhiệt ly.

CÚU TỬ tục gọi là hột Hẹ,
Ngọt, cau, không độc làm ấm khí,
Thường chữa niệu huyết(1) mộng, di tinh
Bạch đới, gối lưng đau, tả tý (tê)

THÔNG CĂN tục gọi là củ Hành,
Khí ấm, vị cay, tính lại bình,
Phát biểu, chữa thương hàn, phong nhiệt
Dầu nhức, tê thấp, thai yên lành

GIỚI TÍNH tục gọi là củ Kiệu,
Cay, đắng, ôn hòa, tính nên hiệu.
Bổ trung, hành khí lại nhẹ mình,
Lợi thủy cổ tràng, Lâm, Trọc(2) hiệu

ĐẠI TOÁN tục gọi là củ Tỏi
Tính ôn, ít độc, hơi cay trối
Trừ tà, giải độc, chữa ung thư
Tiêu thực, thông quan và cục khối.

(Ăn nhiều thì tán khí, tổn hại khí).

GIỚI THÁI tục gọi là rau Cải,
Ấm cay không độc, hay thông lợi.
Trung tiêu khoan khoái, các khiếu thông,
Thận yên, đờm long, ho nghịch khối.

GIỚI TỬ tục gọi là hột Cải,
Nóng cay không độc, làm khoan khoái.
Giới lạnh, ho đờm, cổ họng đau
Tê dại, ung thư uống đều khối.

BACH GIỚI TỬ là hột Cải bẹ (trắng)
Ấm cay, thông lợi mà không độc,
Thanh đờm thuận khí, trừ Phi thi(3),
Cước khí, phong đau đều uống được.

1) Niệu huyết: đái ra máu mà đau trong lỗ đái.

2) Trọc: là đái ra nước đục như nước vo gạo.

3) Phi thi: là bệnh lao truyền từ dơi này qua dơi khác.

LA BẮC CẦN tức củ Lú bú (củ củ)
Ấm cay, hơi đắng, độc không có,
Long đờm, tiêu sưng, tán phong tà,
Phá ứ thông tê, trừ lỵ khở.

LA BẮC TỬ là hột Lú bú,
Cay ngọt, tính bình, độc không có,
Phong đờm, đầy suyễn, lỵ, ung sang,
Đại, Tiểu không thông đều chữa cả.

SINH KHƯƠNG tên gọi củ cây Gừng,
Vị cay, khí ấm, nhiều công năng,
Lợi khí, thông thần, khai chín khiếu,
Trừ tà, giúp chính chẳng chi bằng.

CAN KHƯƠNG chế tự củ gừng già
Vị cay, không độc, tính ôn mà,
Đau bụng phong hàn, hư nhiệt khỏi,
Thất huyết yên lành, bệnh nặng qua.

Cách chế: Về mùa đông đào củ gừng già đã có xơ, ngâm xuống dòng nước chảy về hướng đông 7 ngày, lấy lên thái mỏng, cho vào cái xùng mà sôi chín, phơi khô cất dùng.

HỒ TUY thường vẫn gọi rau Mùi, (ngò ri)
Không độc, ấm cay thông lợi thôi.
Tiêu thực, bổ trung, thông nhị tiện.
Chữa phong, đậu quyết, kéo dương hồi

HỒ TUY TỬ tức hột rau Mùi (ngò ri)
Không độc, cay bình, thúc độc thôi
Chữa mụn, sát trùng, tiêu thực tích
Trường phong, Trĩ lậu với nang đồi (Sưng dai)

KHỐ CẦN tên tục gọi rau Cần
Tính bình, không độc ngọt thơm ngon
Dưỡng huyết, lợi trường, thanh nhiệt độc
Chỉ băng, giải khát, ích tâm thần

TIỂU HỒI HUƠNG gọi hột Thìa là
Tru đầy, bổ thận, mạnh Tỳ gia
Cay ấm, lạnh, làm đồ gia vị
Chữa đau răng, bụng với trướng hà

ỨNG THÁI tên tục là rau muống
Giải độc, lên da, dùng để uống
Thuộc loại rau nước ngọt mà lạnh
Để để, tiêu phù đều phải chuộng

QUÂN DẠT cũng tên là Quân đạt(1)
Đắng lạnh, ngọt lành, tính thông hoạt
Chữa thời khí, nhiệt độc, đầu phong
Khai vị lên da non, khô khát

HIỆN THÀI tên gọi rau Rền trắng
Lạnh ngọt, không độc, hoạt thai, tạng
Sát trùng, lợi khiếu chữa lở mòi
Nga độc(2) trùng sang và bổ dưỡng

MÃ XỈ HIỆN tục gọi rau Sam
Chua lạnh, không độc, chữa lở ghẻ
Tiêu thũng, thông lâm bế, sát trùng
Chữa màng mắt, trung hà, Cam trẻ

HÀNH KHỔ CỰ tục danh là rau diếp
Đắng lạnh, lành, điều hòa, bổ tiếp
Khai vị, thanh tâm sức mạnh thay
Chữa khối mụn độc, sưng hung hiếp (mạn sườn)

BẠCH CỰ thường gọi cây rau Miệt
Đắng lạnh không độc, hạ tiêu nhiệt
Làm mạnh gân xương, yên tĩnh thần
Giải rượu, hòa trung, thông mạch huyết

LẠC QUỲ tên gọi là Mồng tơi
Không độc, lạnh chua, rất hoạt thai
Thanh nhiệt, lợi trường, thông đại, tiểu
Hột tán hòa mỡ ghẻ dùng bôi

NGƯ TINH THÁI gọi cây rau Giấp (cá)
Ấm cay, hơi độc, mùi hôi tanh
Ung thũng, thoát giang với dầu chóc
Dau rã, ly ngược chữa mau lành

QUYẾT THÁI thường gọi là rau Nhút
Ngọt bình không độc, tính rất hoạt
Bổ trung ích khí, ngũ ngon lành
Thanh nhiệt, mạnh gân bổ xương cốt

DÃ VĨ tên gọi ấy rau Vĩ
Cam hàn, không độc, tính thích nghi
Ăn nhiều càng tốt, hòa tạng phủ
Lợi tràng, tiêu thũng mấy ai bì

1) Quân đạt thái dúc củ cải đường. Beta vulgaris L.

2) Nga độc: là hai bên mép mọc mụn nhỏ trắng lở đau (N.D)

VU TỬ giống môn vẫn gọi khoai (khoai môn)
Tinh bình, không độc, hoạt và cay
Khoan trường, khai vị, trừ phiền nhiệt
Giải khát chữa Lâm lâu, động thai

(Một tên gọi là Điền vu)

THỔ NOÃN vốn tên thực Củ Từ
Ngọt cay tính lạnh mà hơi độc
Giải các thứ độc, bổ vị trường
Hạ nhiệt họng khô nên dùng gấp

SÓN DƯỢC là tên chữ Củ Mài
Ngọt bình không độc tính lạnh thay
Bổ tâm dưỡng thận, bồi tỳ vị
Nhuận gân, thêm khí, khỏe hình hài

Một tên gọi Thủ dự. Cao bỏ vỏ vàng ngoài, phơi khô cất dùng.

LINH DƯ TỬ tức dái củ Mài
Ấm ngọt, không độc, hoạt nhuận tài
Bổ mạnh vệ, vinh bồi hư tổn
Sánh củ Mài, cộng hiệu gấp hai

CAM CHU tục gọi là củ Tía (khoai lang tím)
Ngọt bình, không độc tính hài hòa
Bồi bổ lao thương, tỳ thận khỏe
Tác dụng so ra giống củ Mài

TRÚC DUẨN gọi chung các măng trúc, (măng tre)
Ngọt, lạnh, hơi đắng, tính không độc
Bổ trung, yên vị lại thanh tâm
Uống lâu tiêu đờm giảm hòa bực

GIÀ TỬ thực tên gọi quả Cà
Lợi thông, ít độc, ngọt lạnh mà
Chữa ho lao truyền cùng ôn bệnh
Khởi cơ thông độc, với trưng hà

*Làm thuốc dùng thứ màu vàng tốt hơn, vì tính nó lạnh và thông lợi nên ăn nhiều
để sinh dau bụng và động khí phát sinh tật bẹn, phụ nữ ăn nó hay bị tổn hại tử cung.*

KHỔ GIÀ tục gọi quả cà Quánh (tức cà gai)
Đắng độc, hơi hàn mà tính lạnh
Trừ chướng khí, nhọt lở, ngoan sang (viêm bì thần kinh)
Các bệnh đau răng, chó dại cắn

Một tên nữa gọi là Thủy già.

HỒ LÒ TỬ thường gọi quả Bầu
Tính hoạt, cam hàn, có độc đau
Giải nhiệt, trừ sang cùng trúng độc
Thông lãn tiêu thũng phải trừ mau

Phàm người mắc bệnh Cước khí và chứng hư trưởng có tính lạnh, nếu ăn bầu thì bệnh sẽ kéo dài không khỏi, ăn nhiều sẽ sinh thổ tả.

KHỔ BIỂU tên gọi là Bầu đắng
Vị đắng, khí hàn không độc lắm
Lợi tiểu tiện, tiêu thũng, thông lâm
Ty uyên, ung sàng hoàng đản chứng

TÂY QUA tục gọi quả Dưa Hấu
Ngọt nhạt, lạnh mát ăn rất ngon
Giải khát tiêu phiền trừ trướng nóng
Hồng ly, lâm, tả hệnh chẳng còn

DIÊM QUA tên gọi quả Dưa Dá
Ngọt lạnh, ít độc, giải nắng hạ
Khởi khát, lợi tiểu và tiêu phiền
Tam tiêu khí bế lâu thông cả

QUA ĐỂ tục gọi cuống dưa Đa
Ngọt lạnh, có độc, hay làm mủ
Dầu phong, thũng nước với da vàng
Cổ độc, ngoan đờm trừ được cả

Lấy cuống khi dưa chưa chín, dài độ nửa tấc, phần sát ngay quả dưa, đem treo ẩm can để dùng.

Còn gọi là Đinh qua hoặc Diêm qua.

DÔNG QUA tục gọi là quả bí (tức bí đao)
Tính vị cam hàn, không độc khi
Giải khát, thanh tâm lui nhiệt phiền
Tiêu ung thũng trướng và lợi thủy

VIỆT QUA tục gọi quả Dưa Gang
Không độc, ngọt lạnh lại lợi tràng
Chỉ khát, trừ phiền, tiêu độc rượu.
Lại yên nhiệt tiết, hạ cam sang⁽¹⁾

Ăn sống nhiều thì làm cho đông khí, đau tim, kết hờn, yếu gân, tổn hại tai mắt.

HỒ QUA tục gọi là dưa Bở⁽²⁾
Khí vị ngọt lạnh, độc ít có
Lợi thủy, mát da, chữa ắt đau
Bị đòn, bỏng lửa và trướng cổ

Ăn nhiều sinh ra nóng lạnh, sốt rét cơn, tích ứ hư nhiệt, kèm khí, tổn thương phần âm, sinh mụn lở, chân nóng, trẻ con càng nên kiêng.

TY QUA tục gọi là quả Mướp
Vị ngọt ấm lạnh trừ nhiệt thấp

1) Nhiệt tiết: đi là chảy giống như đi tả do nhiệt quá sinh ra. Hạ cam sang: Là loét ngọc hành do độc Gang mai sinh ra

2) Hồ qua: tức Hoàng hoa Cucumis Sativus L. tức Dưa Leo dưa chuột không phải dưa bở (NĐ)

Lợi tiện, tiêu đờm, khỏi thũng ung

Dầu sang dễ mọc, sữa thông gấp

Lấy quả già sau tiết Sương giáng, bỏ vỏ gọt xơ ướp dùng làm thuốc. Tiết Sương giáng sau tiết Hàn lộ, theo dương lịch là 23 - 10.

KHỔ QUA tục gọi quả Mướp đắng(1)

Hột nó ích khó làm dương tráng (tráng dương)

Bổ hư lao, mát tim rất hay

Khổ hàn chữa tạng nhiệt, mát sáng

MỘC NHỈ là tên Nấm tai mèo

Mọc từ gỗ mục khỏi cần gieo

Nhẹ mình, mạnh chí và ích khí

Ly, vàng, nước mắt hiệu công nhiều

Tốt nhất là mọc ở 5 thứ cây: Dâu - Du - Dó - Liễu - Hòe, ngòi ra đều tùy theo tính độc hay lành của cây gỗ mục mà biết.

KHỔ THUẦN tục gọi là nấm đất

Vị ngọt, khí hàn, có chất độc

Chuyên chữa đinh sần, thụng độc, ban

Lành, độc tùy theo chỗ nó mọc

Nấm mọc trên đất gọi là Khuẩn. Mọc trên gỗ gọi là Dầm.

6. LOẠI QUẢ

(Gồm 49 loại)

MAI TỬ tên gọi là quả Mơ(2)

Vị ngọt, không độc, tính bình hòa

Làm thuốc làm Sương Ô mai chế

Chớ nên ăn sống hại răng mà

Ô MAI CHẾ là quả Mơ đen

Chua, chát, ấm hòa, giải nhiệt phiền

Liễm phế, an tâm, trừ tả lý

Ngược tả, đờm dãi, khát đều yên

Cách chế: Lấy quả Mơ vàng xanh, nghĩa là chín hươm hươm dùng rom dốt ra tro hòa với nước bỏ mơ vào ngâm nửa ngày, rồi cho vào cái xùng lót lá chuối tiêu xối qua phơi trên bếp xông khói cho khô đen sẽ dùng.

BẠCH MAI CHẾ là quả Mơ muối

Lạnh chua, không độc, trừ đờm giới

Cầm huyết, sinh tân, lợi yếu hầu

Đờm huyết trúng phong, kiết lý khỏi

(1) Khổ qua, mướp đắng: *Acomordica charantia* L.

(2) Mơ: Mai, *Prunus mume* (Sieb) Sieb và zucc

Cách chế: Dùng một phần muối, một phần nước hòa lẫn, đem quả mơ chín ngâm vào. Ngày phơi đêm ngâm như thế 10 ngày sẽ lên sắc trắng như sương, cho nên có tên là Sương mai, phơi khô cất dùng.

LÝ TỬ tục gọi là quả Mận(1)
Đắng chua, hơi độc, tính thì ấm
Điều trung chữa cổ tật nóng xương
Hột nó làm huyết thông, thủy nhuận

Ăn nhiều dễ phát sinh hư nhiệt. Quả Mận nào thả xuống nước thấy nổi thì không nên ăn.

DÀO TỬ ấy tên gọi quả Đào
Cay, chua, ngọt nóng, độc xen vào
Ăn vừa thêm khô, tươi nhan sắc
Ăn lắm thì sinh phát sốt cao

DÀO NHÂN tục gọi nhân hột Đào
Lành, ngọt, bình, hơi đắng, có dầu
Hạ khí, nhuận tràng, thông máu cục
Điều kinh, trừ tý (tà) nóng xương lao

DÀO NÔ là quả héo trên cành
Vị đắng, hơi ôn, tính cũng lành
Phá kết, trừ tà và Trúng ác
Thai tổn thương, sốt rét cũng lành

DÀO GIAO tục gọi nhựa cây Đào
Vị đắng hòa bình, tính mạnh sao
Thông huyết trừ tà, giương Đậu hãm
Chữa lâm, giải khát, nóng hư lao

TÁO TỬ thường gọi là quả Táo
Ngọt bình, không độc, tính hòa êm
Điều Vinh, Dưỡng vệ, tính thần khỏe
Ngũ tạng, Tam tiêu bảo dưỡng thêm

DUÔNG LÊ tục gọi quả Đào rày
Vị gồm chua, ngọt, chất lành thay
Chữa được lý lậu do tích nhiệt,
Đốt tro hòa nước uống lành ngay

HỒNG THỊ là tên thực quả Hồng
Tính hàn, hơi chất, ngọt đậm nồng
Thông kinh mạch khí và Thanh vị
Nhuần miệng, hòa trương, tai mũi thông

Đã uống rượu không nên ăn Hồng ngay, nếu ăn ngau sẽ bị say, hoặc đau tim muốn chết

(1) Mận, miền Bắc gọi Lý, khác mận trong Nam mà tiếng Bắc gọi quả giỏi, chữ Hán gọi Bồ đào. Egenis jambos Lin.

THỊ SUÔNG tục gọi quả Hồng khô
Vị ngọt, khí bình, độc chẳng lo
Nhuận phế, thanh tâm, hòa vị khí
Tiêu đờm, giáng hỏa, huyết liền thu

Còn gọi là Thị bình, hoặc là Bạch thị.

Cách làm quả Hồng khô: *Khi quả Hồng lớn và chín, lấy về gọt vỏ đi, dùng tay nắn cho bẹp lại, ngày phơi nắng, đêm phơi sương, khô rồi cắt vào lọ sạch nút kỹ, để lâu sẽ tự sinh một lớp mốc trắng như sương; vì thế gọi là Thị sương.*

TY THI tục gọi là quả Cây
Tính hàn, ngọt chát, vốn lành thay
Nhuận tâm, thanh phế, an chác ruột
Độc rượ, Thạch đan trừ tẩy ngay
THIÊN QUÂN TỬ gọi quả cây Bâm
Không độc, hòa bình, ngọt chát kèm
Giải khát yên tâm trừ nóng nực
Ăn nhiều tươi đẹp, sức tăng thêm

THẠCH TỰU thường gọi là quả Lựu
Ấm chát, ngọt chua, độc ít thay
Chữa chứng truyền thu, họng ráo kết
Trữ trùng, huyết lậu rẽ dùng hay

Ăn nhiều hại phổi tổn răng.

LỔ CỔ tên thực là quả Na (mãng cầu ta)
Tiêu đờm, thông bí, mạnh Tỳ gia
Lâm vững chân nguyên giúp chân khí
Ăn nhiều khí huyết cũng thêm ra
KIM QUẤT tục gọi là Kim quít
Ngọt chua, không độc thơm mát thật
Khai vị, hạ khí, hay sinh tân
Khởi tanh, trừ hôi nố hay nhát
LỄ CHI tục gọi là quả Vải
Vị ngọt, khí hàn, không độc hại
Điều khí, thông thân, khởi nặng đầu
Chữa lạnh Sỏi, Đậu, làm thông khoái

LONG NIÊN tục gọi là quả Nhãn
Ngọt bình, không độc, tính ôn hòa
Trấn áp lên kinh, trùng lao hết
Bổ ích tâm tỳ, thêm tuổi già

CẨM LÂM tục gọi là quả Trám, (cà na)
Không độc, ấm chua lại ngọt thanh (mát)
Sinh tân, khai vị và tiêu tích
Trúng độc Ba ba ăn sẽ lành

Trám có hai giống đen và trắng. Làm thuốc thì dùng giống trắng. Người có chứng phong và đờm hỏa thì không nên ăn, nếu ăn sẽ sinh ung tác ở thượng tiêu.

QUẤT THỰC tục gọi là quả Quýt
Khí ấm, không độc, ngọt, chua gắt
Khoan trung khô khát, lại thanh Kim
Thông uất kiêm trừ đờm khí kết

TRẦN BÌ tục gọi là vỏ Quýt, (để lâu năm)
Đắng cay, không độc, tính khai việt (khai thông)
Khoan trung, khoái cách đờm dài trừ
Bổ vị, mạnh tỳ sở uất nhiệt

Để lâu năm thì tốt nên gọi là Trần bì. Dùng cả lớp xơ trắng thì có tác dụng làm cho ăn ngon dễ tiêu: bỏ lớp trắng thì bổ khí ở trung tiêu. Một tên gọi là Quất hồng tiêu, tỳm khô trệ.

THANH BÌ tục gọi vỏ Quýt xanh
Khí thơm cay đắng, tính hòa bình
Thông phế khai uất và trừ thấp
Khởi đau, hành hống, tả Can kinh

Bỏ ruột, cuốnng sao qua dùng.

CAM THỰC là tên gọi quả Cam
Khí hàn không độc, vị chua ngọt
Lợi trường, thanh vị, trừ Thạch đản
Giải khát sanh tân, trục sản tốt.

CHANH THỰC là tên gọi quả Chanh
Lạnh, chua, không độc tính thông hành
Trừ vị phong, tiêu đờm, cầm mửa
Giải khát ung sang, khởi lỵu anh (bướu)

DU THỰC tục gọi là quả Bưởi
Lạnh chua, không độc tính thông hành
Cố thai kinh cơm và tim đau
Độc rượu, thực tích uống liền giải

CAM PHAO tục gọi là vỏ Bưởi
Đắng cay, không độc, hay thông lợi
Trừ đờm, ráo thấp, chữa trường phong
Tiêu thũng, khởi đau, điều huyết hải

Bỏ lớp xơ trắng, lấy vỏ vàng sao qua dùng.

CÁU DUYÊN tục gọi quả Thanh yên
Vị chua, khí bình, không có độc
Trong tâm đờm kết uống liền thông
Trừ đau bụng, ho và khí xốc

NGŨ LIÊM TỬ tên gọi quả Khế

Không độc, tính bình, chua chát thế
Trừ phong thành nhiệt lại sinh tân
Chứa đao thương, hoắc loạn, khí uế

(Một tên là Dương Đào)

ĐẠI PHÚC BÌ gọi là quả Cau
Không độc, ấm cay khéo đưa đẩy
Trừ đờm giáng hỏa, thông tiêu tan
Hoắc loạn, đờm ngưng chết hết thầy

TÀN LANG TỬ gọi là quả Cau
Không độc, ấm cay, đắng lẫn chát
Hạ khí thông quan, thủy đạo tiêu
Sát trùng, trừ ly, chữa đờm kết

(Một tên là Bình lang)

DA TỬ tên gọi là quả Dừa
Ngọt cay, không độc, mất thịt da
Trừ phong, ích khí, tiêu phù thũng
Hoắc loạn buồn phiền nhiệt độc trừ

BÀ LA MẬT gọi là quả Mít,
Khô khát, không độc; ngọt và thơm
Giã rượu say, trừ phiền, ích khí,
Ăn vào bổ vị nhẹ mình hơn

VỎ HOA QUẢ tên là quả Vả
Không độc, ngọt bình, ăn khá ngon.
Khai vị, hòa trường, thông cổ họng.
Thoát giang, trĩ, tiết, ly không còn.

THỰC TIÊU tục gọi hột Đắng cay,
Khí ấm vị cay, tính lạnh thay
Hạ khí, ôn trung bồi thận hòa,
Phong hàn, đau mắt, mụn sưng hay

Một tên là Xuyên tiêu.

HỒ TIÊU thường gọi hột Hồ tiêu,
Làm gia vị tốt, nóng cay nhiều
Hạ khí lại hay tiêu thực tích
Đau eo lưng, bụng, cảm hàn tiêu.

TẮT TRÙNG GIÀ gọi hột Màng tang,
Ấm cay không độc, mùi cay sục
Đờm lạnh, bụng đau kết bàng quang
Chữa thổ tả, trừ phong, tiêu thực.

MÍNH TRÀ tục gọi là Chè bạng (chè tươi, chè xanh)
Ngọt đắng hơi hàn, rất lợi tạng.

Trừ nhiệt, thanh phong, tỉnh mát đầu,
Tiêu đờm, chướng lý uống thông sượng.

BỒ ĐÀO tục gọi ấy quả Nho,
Vị ngọt, khí bình không độc, trệ
Thông thủy đạo, trừ phong, hàn, tê,
Nhẹ mình mạnh chí, thông Dinh Vệ

CAM GIÁ tục gọi là cây Mía,
Lành, ngọt bình, ăn ngon, mát khỏe.
Giáng hỏa, trừ phiền, khỏi đờm nôn,
Điều trung tả phế, hòa Tỳ vị

LIÊN TỬ tên thường gọi hột sen
Ngọt bình không độc, sống thêm lên.
Bổ trung ích khí yên tâm vị,
Cầm lý, sáp tinh khỏi nhiệt phiền
LIÊN NGÃU tục gọi là Sen ngố,
Ngọt mát, tính lành kiêm tả bổ,
Thanh nhiệt trừ phiền, già rượu say
Chỉ chứng lỵan huyết phá ngưng chứ.

LIÊN TU tên gọi nhị tua Sem
Dắng hàn, không độc, chữa tâm phiền.
Sán hậu huyết kiệt và thổ huyết,
Hoác loạn, di tinh với nhiệt phiền.

LIÊN PHÒNG tục gọi thực gương Sen,
Không độc, hơi ôn, chất lại xen.
Bụng trướng nhức đau, cùng thổ tả,
Bạo băng, thất huyết thấy đều yên

HÀ DIỆP tên gọi là lá Sen,
Dắng bình không độc, chữa tâm phiền
Thai tiền, sán hậu, cùng sang đậu
Cầm huyết, cố tinh, bổ vị nguyên.

LĂNG GIÁC tục gọi là Cù Ấu,
Ngọt bình, không độc, tính sung hậu
Bổ tạng, yên trung chữa nhiệt tà,
Trúng nắng, thương hàn giải được ráo.

Một tên là Kỳ thực.

KHIẾM THỰC tục gọi là củ Súng,
Tính lành, chất ngọt vốn hòa bình.
Bổ trung, thêm tinh, giúp tỳ thận,
Tê thấp, đau lưng, gối chữa lành.

Một tên là Kê đầu thực.

Ô VU tục gọi củ Nân,
Không độc, ngọt lành, tính hòa hoạt
Cầm huyết, khoan tràng, khối thấp tê,
Giải độc, trừ Hoàng đàn hay nhất.

BÁCH TỬ gọi tên hột Trắc bách,
Lạnh ngọt, không độc hay điều tiếp,
Bổ tâm, mạnh vị, ích nguyên dương,
Mô hôi, mụn lở chữa mau đẹp.
Lấy về bỏ vỏ dùng hạt nhân.

7. LOẠI CÂY

Gồm 42 loại

QUANG LANG tục gọi là cây Báng (Đoác)
Ngọt bình không độc, hòa năm tạng
Làm bột bổ hư, sinh da non
Lưng đau, chân yếu, làm cường tráng

TÙNG CHI tục gọi nhựa cây thông,
Ngọt ôn, rút mủ, độc thì không,
Lở ngứa, ung thư phong độc tỵ,
Ích phế, nhuận tâm. mờ, điếc thông

Còn ba tên nữa là: Tùng giao, Tung hương, Lich hương.

SAM MỘC tức là gỗ the móc,
Cay ấm, mùi thơm, tính không độc.
Chữa đau tim bụng, khí bồn độn,
Cước khí, mụn sưng công hiệu tốt

QUẾ BÌ thường gọi vỏ cây Quế.
Nóng nhiều, cay ngọt, ít độc thay
Ôn bổ hu hàn, trừ đau nhức,
Huyết chú, mụn phong tê dại hay

Một tên là Mẩu quế; giống nhỏ mà non gọi là Liễu quế, khi dùng cạo bỏ vỏ mỏng.

QUẾ CHI tục gọi là cành Quế,
Không độc, ấm cay, hay hạ khí.
Phát hãn, lợi phế và khai tâm,
Chữa phong, đau sườn, tay, hầu tỵ (đau họng)

Bỏ lõi dùng thủ dày là tốt, gọi là Nhục quế. Cạo vỏ dùng lớp trong gọi là Quế tâm.

MỘC TÊ thường gọi hoa Mộc tây
Âm cay, không độc, khí khoan khoái.
Nhuận tân dịch, trừ uế, tiêu đờm,

Là dùng chữa Đậu mau nhẹ khỏi.

TRÀM HƯƠNG thường cũng gọi Trầm hương,
Không độc, ấm cay mùi thơm nước,
Phong thủy, hạ khí, khiêu quan thông.
Ấm vị, bổ dưỡng tinh đặc lực.

Giống nào sắc đen thả xuống nước thấy chìm gọi là Trầm hương. Thử sắc tím gọi là Mật hương, thử có lốm đốm trắng mà nhẹ gọi là Tóc hương.

GIÀNG CHÀN HƯƠNG tên gọi Hương giàng,
Tính khoan khoái, không độc, cay bình.
Bị gãy, bị đâm đau, chỉ huyết,
Khử trùng, trừ độc, Ôn chương(1) lành.

Ô DƯỢC thường tên gọi Ô dược,
Ấm cay, không độc, thúc đẩy được.
Tim đau, bụng trướng, với ung thư,
Cước khí xông lên và chương ngược.

BẠCH GIAO HƯƠNG là nhựa cây Sau,
Đáng lạnh, bình hòa không độc đau.
Tài chữa vết đâm cùng loạn huyết,
Mụn phong, ung thũng cũng đều tiêu.

TÔ HỢP HƯƠNG là nhựa Tô hợp,
Tính lành, ngọt, mùi thơm ấm áp.
Trừ tà, ôn ngược, ba loại trùng
Kinh giản mê man, bệnh phong cấp.

HẬU PHÁC tục gọi vỏ cây Vối,
Đáng ôn, không độc, ruột yên khỏi,
Trừ phong, chương nhược, bụng tim dai,
Thổ tả, đờm kinh, viêm phá khối.

Cạo bỏ lớp vỏ dày ở ngoài, thái lát, tắm nước gừng sao qua dùng.

CAN TẮT tục gọi là cây Sơn,
Ấm cay, không độc, chưa phong hàn,
Nổi gân, trừ tý, lao trùng cổ,
Phá khối thông kinh, đau bụng an.
Lao trùng cổ là bệnh truyền thi có trùng.

DỒNG DIỆP là tên gọi lá Vông,
Tính lành, đáng lạnh chữa sang trùng.
Lợi thủy, chữa lòi dom, tiêu thũng,
Làm cho tóc mọc, lại trơn lông.

KHỐ LUYỆN TỬ là quả Sầu đâu, (xoan đầu)

1) Ôn chương: Ôn dịch chương khí.

Đắng lạnh có độc, giết rần, sâu.
Sán khí, tiểu trường, bàng quang nóng,
Lở lẩy, cuồng táo chữa lành mau.

Thủ cây trắng dùng tốt, thủ cây đỏ có nhiều độc.

HÒE TỬ thường tên gọi quả Hòe,
Lạnh đắng không độc cần phải biết.
Chữa nhiệt phong, đầu choáng, mắt màng,
Trĩ lậu, âm thư vị ráo kết.

HÒE HOA thường gọi lát hoa Hòe,
Không độc, bình hòa, đắng rõ rệt.
Chữa Trĩ, sát trùng, trừ mắt đau,
Huyết loạn, trường phong, đau họng kết.
TAO GIÁC tục gọi quả Bồ kết,

Mặn, lạnh hơi độc, vị tân nhiệt (cay nóng)
Trừ phong, lợi khiếu, trục Ôn tà,
Phá khối, tiêu đờm, khai hầu yết.

TAO GIÁC THÍCH là gai Bồ kết,
Ấm cay không độc, hay tán kết.
Trừ phong, xuống sữa, chữa thai y,
Lở ghẻ, ung nhọt phá ra hết,

VÒ HOẠN TỬ là hạt Bồ hòn,
Vị đắng, tính bình, độc còn con.
Trừ bệnh Phi thi đau răng nhức,
Họng đau chảy nước tống ra luôn.

Một tên nữa là Cẩm lâu. "Phi thi" là một loại bệnh truyền thi.

LIỄU CHI thường gọi là cành Liễu,
Khí hàn vị đắng, tính lạnh thay.
Mụn nhọt đau co phong tê thấp,
Phá mù, thấm nước công đều hay.

TÔ MỘC tên gọi là gỗ Vang,
Ngọt mặn, không độc tính bình thường
Hay trừ huyết xấu sinh huyết mới,
Trường phong, đau bụng với ung sang.

Một tên nữa là Phương mộc

Ô MỘC tục gọi là gỗ Mun,
Mặn cay không độc, tính tốt lạ
Giải nhiệt độc, di tả, vị phiền,
Hoặc loạn, trường phong hay khôn tả.

*"Vị phiền" tức phiền vị là chứng ăn vào lại mửa ra luôn. Làm thuốc dùng thủ toàn
đen mới tốt.*

TÔNG BÌ tên gọi là bẹ Móc (dùng đình),
Dáng chát, tính bình không có độc.
Chứa băng, Nục (chảy máu mũi) tấp ly, trường phong,
Vết đâm, ghê lở lạnh tức tức.

BA DẬU tục gọi hột Mần đế,
Nóng nhiều, có độc hay thông trệ.
Trừ dờm trứng ác, băng, trưng hà,
Thủy thũng, trúng phong mọi chứng tê (tê đau).

Bóc vài lần giấy bản lấy dầu đập cho ra hết dầu mới dùng. Một tên nữa là Giang tử.

TANG BÌ tục gọi rễ cây Dầu,
Không độc, ngọt hàn, tả phế hầu.
Tiêu dờm, trừ ho và lợi thủy,
Khoan tràng, giáng khí, phong ở đầu.

Lấy rễ ở dưới đất, kiêng đồ sát, dùng dao tre cạo bỏ vỏ đỏ ở ngoài, lấy vỏ trắng tẩm mật nướng khô dùng. Thử rễ nổi trên mặt đất, mặt trời dọi vào chỗ dùng vì có độc.

TANG THÂM tục gọi quả cây Dầu,
Cam hàn, không độc, tả phế hầu.
Lợi thủy, yên thần hòa ngũ tạng,
Xuyên đau, thông khớp, khát dùng mau.

CHỦ THỰC tục gọi là quả Dương,
Ngọt hàn không độc hay tiêu trướng.
Đổ dương, sáng mắt, khởi âm nuy,
Cứng xương, mạnh gân, lưng gối vững.

CHỈ THỰC tên là quả Trấp non,
Dắng hàn, không độc mở môn quan.
Phá cứng, tiêu tích trừ dờm tích,
Sườn đau, tiêu nước, chữa phong sang.

Thử quả nhỏ như mắt ngỗng mà để lâu thì tốt. Bỏ xơ thái mỏng sao qua để dùng.

CHỈ XÁC tục gọi vỏ quả Trấp,
Tính mạnh, không độc, dắng, chẳng ngọt.
Tiêu dờm, hạ khí, ruột, ngực thông,
Khởi đau phá trướng, trừ ly hoạt.

Vỏ ruột thái phiến mỏng sao qua dùng.

CHI TỬ tên là quả Dành dành,
Không độc, dắng hàn, chữa bệnh nhanh
Bổ âm, giáng hỏa, mát tâm thận.
Huyết nhiệt trong ngoài chữa được lành.

Thử mọc ở núi cao thì tốt, thử mọc ở đồng bằng sức kém hơn.

TOAN TÁO NHÂN là hột Táo chua,
Chua bình không độc, bổ tâm ưa
Nóng không ngủ tay chân tê nhức

Tà khôi, phiên tiêu, liễm hân vừa.

Bỏ hột và vỏ chỉ lấy nhân. Muốn cho ngủ được thì sao lên, không muốn chi ngủ thì dùng sống.

MAN KINH TỬ là hạt Quan âm,
Không độc, hơi hàn, đáng ngâm ngâm
Lợi khiếu, thông quan, trừ tê thấp.
Phong tà đầu nhức, mất tối xâm

MỘC CẢN tục gọi cây Bông bụt (Dâm bụt)
Ngọt lành, không độc, tính thông hoạt,
Chữa đau sưng mụn khỏi trường phong,
Bạch đới, không ngủ, hay giải khát.

PHÙ DUNG thường gọi là Phù dung,
Không độc, cay bình, hoa, nhị dùng.
Thanh phế, điều kinh, làm mát huyết,
Ung thư, sang hũng chữa thành công.
MỘC MIỀN: tục gọi là cây Gạo
Ngọt bình không độc, tính thuần thay,
Huyết lậu, mìn đờm, bị thương gầy.
Hoặc vỏ, hoặc hột dùng đều hay.

TANG KÝ SINH tầm gửi cây Dâu,
Đáng bình không độc, chữa cổ đau.
Mạnh gân, thêm huyết, trừ tê liệt,
Sản hậu, thai tiền chữa khá mau.

Khi lấy kiêng dùng đồ sát.

DÀO KÝ SINH tầm gửi cây Đào,
Đáng cay, lành, chữa trẻ em lao.
Đái vàng, xương lộ, mặt xanh thũng,
Bệnh cổ, tim đau chữa khỏi mau.

LIỄU KÝ SINH tầm gửi cây Liễn,
Đáng bình, không độc, ít khi dùng.
Tim đau, khí cách, phong đờm lợi,
Nên uống vài lần hân thấy công.

DẠM TRÚC DIỆP là lá Trúc nhỏ, (cỏ lá tre)
Vị nó ấm cay chữa nhức đầu.
Tính thì không độc, tiêu đờm nhiệt,
Bệnh Quỷ chú, mất ngủ khỏi mau.

Giống trúc có rất nhiều làm thuốc dùng giống Dạm trúc, cây nhỏ, mắt (dốt) lồi ra, trong dốt có khía lõm dọc là đúng.

TRÚC NHỰ thường gọi tinh cây trúc, (tinh tre)
Vị hơi ngọt nhạt, tính không độc.

Không ngủ, động thai, chỉ huyết băng,
Chữa thương hàn, phế nuy, mùa xốc.

Không có Dạm trúc thì dùng mầm non tre cũng được, lột vỏ lấy lớp da trắng dùng.

TRÚC LỊCH tục gọi nước măng trúc,
Chữa nhanh chóng ngọt hàn không độc.
Thanh đờm, giáng hỏa, khỏi phong cuồng,
Giải nhiệt phiền, trừ bệnh Dịch phục(1).

TRÚC HOÀNG là phần trong cây Nứa,
Ngọt hàn không độc, công hiệu nhiều.
Trừ phong, trấn tâm lại hòa tạng,
Trẻ kinh giản uống đờm sẽ tiêu.

Một tên là Thiên trúc hoàng. Người ta chế cây Nứa ra thường thất trong ruột có bột, bột đỏ hoặc trắng như phấn, hoặc vàng như đất.

8. LOẠI CÔN TRÙNG

(Gồm 32 loại)

PHONG MẬT tên gọi là mật Ong,
Ngọt bình không độc, bổ hòa trung
Nhẹ mình, mạnh chỉ trừ phong giản,
Giúp các thuốc chữa đau, sát trùng.

Một tên là Bách hoa cao, một tên là Bạch mật, một tên là Thạch mật.

PHONG LẠP tên gọi là Sáp ong,
Hơi ấm, không độc, thúc mù dùng.
Thêm trí, nhẹ mình, gân cốt khỏe,
An thai, chỉ ly, khỏi ung sang.

Gọi là Bạch lap hoặc Hoàng lap, tùy sắc trắng hay vàng mà gọi.

PHONG PHÒNG tục gọi ấy Tổ ong (tàng ong)
Khí vị mạn bình, độc ở trong,
Kinh giản, co giật, phong trí lậu,
Âm nuy, sưng nhọt hay vô cùng

TỬ KHOANG tục gọi là Cánh kiến,
Tĩnh bình, không độc, vị ngọt, mạn.
Thêm tinh, chỉ thống, sinh da non,
Đời hạ, báng, trứng, sang, thấp tiểu (lác ứ).

(1) "Dịch phục" là bệnh nặng mới khỏi, do phạm phong mà bệnh phát lại.

Cách lấy trúc lịch: dùng cây xanh non có phần trắng, chặt ra từng đoạn, kể lên gạch, dưới đốt lửa, vụn lấy nước hứng vào đồ sành (hoặc nồi bát). Có khi dùng gừng sống (sinh khương) giã lấy nước hòa một ít vào nước Trúc lịch để chống dẫn tới kinh. Nếu không có trúc thì dùng mầm tre non cũng được.

TANG PHIÊU TIẾT là tổ Bọ ngựa (ổ cào cào đeo râu)
Không độc, ngọt bình, hay bổ trợ.
Sán, khối, âm nuy, lưng nhức đau.
Năm chứng Lâm, mộng, tiết, kinh ú(1)

DƯỜNG LANG tục gọi con Bọ ngựa, (cào cào)
Cùng Phiêu tiêu khí vị giống nhau.
Trẻ em kinh giệt rút đau,
Mũi tên vào thịt hút mau vô cùng.

BẠCH CUONG TÂM là tâm chết gió.
Không độc, mạn bình trừ độc tụ
Phong cầm khẩu, huyệt kết hạch dờm,
Đối hạ, huyết băng, sang chữa đủ.

Dem ngâm nước vo gạo nếp một ngày, rửa sạch ra ngoài, bỏ đầu chân sao qua dùng.

TÂM KIẾN tục gọi là Kén xác
Ngọt ẩm, lành, thúc độc có công
Băng, lậu, huyết lâm, cam, mụn lở,
Nhọt sưng không đầu hay phá thông.

Chính là tổ kén sau khi con Ngải đã cắn chui ra.

SÀO TY THANH tức nước ương tở,
Vị mạn, khí nồng, không có độc.
Chuyên chữa chứng tiêu khát(2), nhiệt nhiều,
Uống luôn hàng ngày công hiệu tốt,

TÂM SA tục gọi phân con Tầm
Tính vị ngọt cay, chẳng độc ngâm.
Phong thấp thịt da tê, mụn chần,
Kết trung(3) lậu huyết phải nên tầm.

Lấy phân Tầm khô rửa qua, phơi khô dùng.

Một tên là Tâm phấn, hoặc Đại Tâm phấn.

THANH LINH ta vẫn gọi Chuồn chuồn,
Vốn thực loài sâu sinh ở nước.
Không độc, hơi lạnh, mạnh chân dương,
Sáp tinh, ẩm thủy, thông lợi được.

BAN MIÊU tục gọi con sâu đậu (Địt lửa),

(1) "Sán": chỉ bệnh Sán khí (đau hòn dái)

"Khối": kết thành hòn thành cục.

"Năm chứng lâm": là Thạch lâm, Huyết lâm, Khí lâm, Cao lâm, Lao lâm

Sách y học tâm ngộ thêm một chứng Lâm nữa là Lạnh lâm. Sách Sao Nguyên thêm một chứng lâm nữa là Nhiệt lâm.

"Mộng tiết": là mộng tinh và tiết tinh.

(2) Bệnh "Tiêu khát": khát nước uống bao nhiêu cũng không hết khát, da thịt róc, người gầy dần hay gọi dai dướng.

(3) "Kết trung": băng kết có hình ngược lại với "Hả" là vô hình.

Khí lạnh, vị cay, có độc nhiều.
Phá khối, thông lâm, chữa chó dại (cẩn)
Hạ thai, quý chú, mụn bấu tiêu.

TRI THÙ tục gọi là con Nhện,
Ít độc, hơi nản nên phân biện.
Chữa Ôn ngược, đình, mụn, trứng phong,
Trẻ em bụng to, lợi tiểu tiện.

BÍCH TIỀN tên gọi bao trứng Nhện,
Tính mát, không độc, thường dùng đến.
Trẻ Cam máu mũi vết dao thương,
Ung thư, đau bụng chữa rất nghiệm.

Con nhện to nắp ở tường vách, nhả ra rất dính, để bọc lấy trứng bọc trứng ấu sặc trắng to bằng đồng tiền là đúng.

THỦY DIỆT tục gọi là con Dĩa,
Vị mặn, tính bình, lại độc thay
Phá trùng, tiêu tích, nguyệt kinh bế,
Nhọt độc, phong lở lợi thủy hay.

Bắt về phơi khô thái cực nhỏ, sao cho thật vàng rồi hãy dùng. Một tên nữa là Mã hoàng kỳ.

CẦU DĂNG tục gọi con bọ chó (Bọ chết),
Dầu mỏ bén nhọn, xác kiên cố.
Dậu mà ngược hãm uống mọc liền,
Dờm ngược lâu năm chữa không khó.

TÈ TÀO tục gọi con Sùng đất,
Hơi ẩm, vị mặn tính độc thật.
Phá huyết, thông kinh, chữa nhọt sườn,
Chữa xương gãy, mụn phong, màn mắt.

THIÊN THOẠI gọi là cái xác Ve
Ngọt mặn, hơi lạnh chẳng độc chi,
Mụn độc, phong đầu choáng, màng mắt
Ngứa ghê, Sởi, Đậu, hăm hay ghê.

Rửa nước nóng cho sạch bỏ đầu chân cánh dùng.

KHUÔNG LANG tục gọi cái Bọ hung
Mặn bình, có độc, mạnh vô cùng,
Chữa giã, điên cuồng, tên thuốc độc,
Ung thư tiện bế với trường phong.

Một tên là Thôi xa khách.

THIÊN NGƯU thường gọi con Xén tóc
Vị mặn, khí bình hơi có độc.
Trừ ngược phong, thấp kinh trẻ con,
Đình mụn hút tên công hiệu tốc

LẬU CỐ tục gọi là con Đế (Đế nhũ),
Mặn hàn, không độc, hay thông trệ,
Tiểu tiện bế, đau họng, đau Lâm.
Nhọt độc, thũng nước, thúc đẻ dễ.

Một tên nữa gọi là Thổ cầu.

HUYỀN HÒA tục gọi con Đom đóm,
Không độc, ấm cay tính sáng nhanh
Thông thần, trừ cổ, trệ mụn lở,
Quý chú, mắt mờ chữa sáng tinh.

Y NGU là con Rệp trong sách (con hai đuôi)
Hơi lạnh không độc phần trắng bạch.
Chữa trệ đầu gáy, lưng cứng đờ,
Giãn kinh, bế lâm và Trung, tích.

*Giống trùng này hay ở trong rừng sách, tử áo nhỏ như con Tằm con, đuôi có hai
chìa, khắp mình có phần trắng, đụng vào thì phần rơi ra là đúng nó.*

THIỆM THỦ tục gọi là con Cóc,
Có độc, vị ngọt, khí mát bình.
Chuyên chữa nhọt đinh và chó dại (cắn)
Bệnh trẻ cam tích, lở mau lành

Khi dùng thì bỏ ruột da.

THIỆM TÔ tục gọi mù con Cóc,
Khí ấm, vị cay, ngọt có độc.
Chuyên chữa đinh sang, giúp thêm dương
Thận lạnh, lưng đau công hiệu tốt

*Chích chỗ nổi cao ở hai bên mũi mắt cho chảy ra mù trắng, dùng lá Dâu hừng lấy
phơi râm, đợi khô thì cạo lấy, bỏ vào ống tre, khi dùng phải cẩn thận chớ để mù cóc
vướng phải mắt, nếu vướng vào thì bị mù hoặc nhẹ thì sưng đỏ.*

HÀ MÔ tục gọi là con Nhái
Khí lạnh, vị cay, có độc rành.
Tà tý, trưng hà và cuồng nhiệt (nóng phát điên cuồng)
Mụn nhọt, thũng độc chữa dễ lành.

DIỄN OA tục gọi con Ếch
Không độc, ngọt hàn rất bổ ích.
Trừ lao nhiệt, hư phiền, trùng chú,
Yên thai, lợi thủy mụn trẻ sạch.

*Một tên là Diễn kê, một tên là Thanh kê, một tên là Tràng cổ (dùi dái). "Trùng
chú": tức chú trùng là chứng lao truyền thừ.*

KHOA ĐẦU tục gọi con Nòng nọc,
Vị mặn, tính hoạt, lạnh, hơi độc.
Mụn nhiệt, phỏng lửa, phong đỏ sưng,
Tính nhuận, hay nhuộm đen râu tóc.

Làm thuốc dùng nòng nọc của loài Ếch, loài Nhái mới tốt.

NGÔ CÔNG tục gọi là con Rể, (rít)
 Vị ngọt, khí ôn, có độc kết.
 Trừ quỷ, tinh, có độc, lao truyền,
 Bệnh lở mụn, trúng phong, ứ huyết.
Bỏ đầu, đuôi, chân, bọc lá Bạc hà mà nướng cho vàng dùng.
 KHÀU DẪN gọi tên thực con GIUN (trùn hổ)
 Mặn hàn, không độc chữa nhiều môn,
 Thương hàn nóng giữ, và trùn cổ,
 Kinh giản, phong cuồng với Ngược, ôn (sốt rét và Ôn bệnh)
Dùng thứ giun ro, đầu có khoang trắng thì tốt (giun khoang cổ). Một tên là Thổ long; một tên là Địa long.
 OA NGUU tục gọi là con Sên,
 Mặn, lạnh, hơi độc, tính trơn mềm.
 Phong tà méo lệch, kinh co rút,
 Rết cắn độc sưng đều chữa yên.
 PHI LIÊM tục gọi cái Mòng mòng (mòng trâu)
 Vị mặn, khí hàn có độc trong
 Cổ tắc, khí mé, kinh nguyệt bế
 Trưng hà, tích tụ uống liền thông.
Giống như con Lồng to hay con trâu ngựa là đúng. Một tên là Manh trùng. Chú
"Phi thêm: theo các sách Trung Quốc cho là con Dán.

9. LOÀI CÓ VÂY

(Gồm 8 loài)

XUYỀN SƠN GIAP là vẩy Tê tê (có nơi gọi vẩy con Trúc)
 Vị ngọt chua, hơi có chất độc
 Giương Đậu hăm, trục ứ, trừ tà
 Trúng phong, chống ngược (trẻ con khóc.
Thái nhỏ sao vàng dùng
 NHIÊM XÀ ĐOM là mặt con TRẦN
 Ngọt, đáng mặn hơi độc, tính hơi hàn
 Chữa bụng, tim đau, phong, dịch tả
 Báng, trúng, hầu tý thầy đều an
 BACH HOA XA tức rắn Hồ mang (Hồ đất)
 Dắng, ngọt, mặn, độc, tính hung hăng
 Tê thấp, trúng phong, đau co rút
 Mụn độc, dịch lệ chữa dễ dàng
Bỏ đầu đuôi mỗi bên 3 tấc, bỏ cả da, xương; lấy thịt tẩm rượu, mùa Xuân. Hạ tẩm một ngày; Mùa Thu, Đông tẩm 3 ngày rồi lấy ra phơi khô dùng.
 HOÀNG HÀM XÀ là rắn Mai gầm

Ngọt, ẩm, ít độc, sắc vàng thâm
Dùi vế, tay đau, chớ diên cần
Phong cùi, các mụn độc đều cần.

Một tên nữa gọi là Kim xà.

XÀ THOÁT tục gọi là xác rắn
Ngọt mặn, không độc chữa mau mẩn
Trẻ con cấp kinh tà độc, trùng
Thúc đẻ, họng đau, lở lành hẳn

THỦY XÀ tục gọi rắn Liu diu (rắn nước)
Không độc, ngọt lành, tính lành nhiều
Phiền khát, nóng xương và Ly độc
Rắn cắn đem dùng chữa cũng tiêu

CÁP GIỚI tục gọi con Tắc kè
Thông phế, tính mặn và hơi độc
Bị thương, gãy, lợi thủy, thông kinh
Chữa phế ung hư lao, suyễn xúc

*Độc của nó ở mắt dùng đuôi hay nhất. Bắt về bỏ mắt và xương sống, tắm rượu
nướng khô dùng. Nếu thiếu mắt đuôi thì được lực kém hẳn.*

THÙ CUNG tục gọi là rắn Mối (Trung, Nam bộ gọi Thần lằn)
Khí lạnh, vị mặn, độc không nhiều
Trẻ em Cam ly và tích khối
Khớp xương đau nhức, trúng phong tiêu.

*Một tên là Bích hổ, dài 3 - 4 tấc, có 4 chân, sắc trắng bạc, hay ở vách nhà, trần
nhà là dùng. Tên gọi chung là Thạch sùng.*

10. LOẠI CÁ

(gồm 35 loại)

LÝ NGƯ tục gọi là cá Chép (cá Gáy)
Không độc, vị ngọt, khí lại bình
Hạ khí, Iloàng dân, bụng báng dẹp
Yên thai, tiêu thũng bo đờm lành

DU NGƯ tên gọi con cá Vền
Vị ngọt, khí ẩm, không độc mạnh
Tuy vẫn bổ trung và ích khí
Ăn nhiều sinh nhiệt cũng nên tránh

TÒN NGƯ ta vẫn gọi cá Chày
Ôn vị, tiêu tích thực là hay
Không độc, cam ôn, ăn ngon lắm

Nhưng ăn nhiều quá động phong ngay

HOÀN NGƯ tên tục gọi cá Trôi
Không độc, ngọt bình, hay dưỡng bồi
Ấm vị, hòa trung và ích khí
Mắc xương, đau họng phải dùng rồi

THANH NGƯ tục gọi là cá Trầm
Vị ngọt, khí bình, không độc lắm
Ích khí chữa luôn đau cước khí
Dầm đau mắt mờ, tiểu tiện cấm

THOAN NGƯ tên tục gọi cá Ròng
Vị ngọt, khí bình độc vốn không
Bổ tạng, khỏe tỳ, bồi huyết mạch
Gỗn xương đã mạnh, lại liền trung

CẨM NGƯ thường gọi là cá Măng
Không độc, ngọt bình, tính hung hăng
Ăn nhiều trừ được Phiến Thở Nghịch(1)
Mạnh tỳ ấm vị, lại khoan tràng

THỜI NGƯ tục gọi là cá Cháy
Có chất độc, vị ngọt, khí bình
Thịt chữa hư lao, bổ trung khí
Mỡ bôi phỏng nước, lửa mau lành

PHUÔNG NGƯ tên tục gọi cá Mè
Ngọt ôn không độc béo nhờn ghê
Giúp tỳ thanh phế điều vị khí
Bổ lao so cá Diếc một bề

LỄ NGƯ tục gọi là cá Chuối (cá quả, cá lóc)
Khí vị ngọt bình có chút độc
Trừ phong thấp, khai thông phù thũng
Có thai cân tốt, trị mau lành
Người có nhọt lở không nên ăn, nếu ăn thì hay sinh ra vết theo.

SA NGƯ tục gọi là cá Bống
Không độc vị ngọt và khí bình
Tiêu cơ, ấm vị, khoan hung cách
Ăn nhiều rất tốt, chớ coi khi

DIỀU NGƯ tục gọi cá Dầu dẫu (lòng tong)
Vị ngọt khí ôn, chẳng độc đâu

1) "Phiến", "Thở", "Nghịch" tức là chứng Vị phiên, Vị Thở, Vị nghịch, bệnh ăn vào mửa ra ngay hoặc lâu lâu rồi mửa ra.

Rất ẩm tỳ, trừ chứng lạnh tả
Ăn nhiều quên cả những lo sầu

KHOAI TÀN NGƯ tục gọi cá Ngán
Không độc, khí bình vị lại cam
Khoan vị, khỏe tỳ ngon miệng lảng
Uớp lâu, phơi kỹ vẫn còn ngon

THẠCH THỦ NGƯ tên gọi cá Giống
Không độc, ngọt bình, món quý ngon
Khỏe tỳ kinh rất là bổ khí,
Chứa đi ly, ruột bụng đau luôn

LÃC NGƯ thường vẫn gọi cá Mối
Không độc, ngọt bình, vị ngọt thôi
Hòa tạng, ôn trung, khoan vị khí
Ăn nhiều hiệu lực mạnh gấp đôi

TỀ NGƯ tục gọi cá Lành canh
Vị ngọt, khí ôn, chất vốn tanh
Mụn lở, trĩ đang dùng chóng khỏi
Ăn nhiều sẽ hóa đờm đình.

XUONG NGƯ tục gọi cá Chim giang
Vị ngọt, khí bình, lạnh lạ đường
Ăn thịt khỏe tỳ, thêm khí lực
Trứng thời có độc chớ coi thường

LÔ NGƯ tục gọi là cá Vược
Hơi độc, ngọt lạnh, ăn cũng được
Lợi thủy, yên thai, nếm tạng hòa
Manh gân, cứng xương, trừ lao ngược

Gan cá này có độc, không nên ăn.

TUẾ NGƯ tục gọi là cá Diếc
Ngọt ẩm, không độc bổ ích nhiều
Phiến vị trắng phong, đau mắt đỏ
Trừ luôn trĩ, lở, vị tỳ điều

MAN LỄ NGƯ gọi là cá Lạc
Không độc, ngọt bình, trừ tật ác
Chữa thuốc độc, mụn lở, trùng lao
Lưng đau tê thấp, chân yếu ớt

HẢI MẠN LỄ tục gọi cá Dưa
Ngọt bình, không độc, bổ lao hư
Sát trùng giải độc, trừ tê thấp
Công hiệu to bằng Mạn lệ ngư

HOÀNG THIÊN tên thường gọi con Lươn
Ấm nhiều không độc, vị tươi ngọt
Bổ trung lớn khí, chỉ lâu băng
Duối hấp trừ phong, bụng lạnh tốt

Phàm giống Lươn góc đầu lên trước mà đi, hoặc dưới cổ có điểm trắng tức là giống Hoàng xà, rất độc, nếu ăn nhầm phải chết người(?)

DU NGƯ tục gọi là con Chạch
Không độc, ngọt bình, ở đầm lạch
Cường dương, bổ huyết, khí tăng thêm
Nóng mê, trị, khát chữa khô sạch

DI NGƯ thường vẫn gọi cá Nheo (leo)
Vị ngọt, khí ôn không có độc
Miệng mất méo, nam chứng trĩ tiêu
Lòi dom, thùy chùng công hiệu tốc

HOÀNG TÁNG NGƯ tên gọi cá Bò
Không độc, ngọt bình, nhiều bọt dãi
Trừ phong lợi thủy tiêu thũng phù
Tràng nhạc chảy nước vàng thu lại

HÀ DÒN tục gọi là cá Nóc
Vị ngọt, khí ôn, gan có độc
Bổ ích, khỏi thấp lở, trừ trùng
Lung nhức, đau chân lạnh tức tốc

HÁI DÒN tục gọi cá Nớ bễ (cá heo)
Có chất độc, vị mặn, mùi tanh
Phi thí, cổ ngược tiêu trừ hết
Ghẻ, lở, trĩ, thủy đều chữa lành

TỶ MỤC NGƯ là cá Thơm bơn (cá lười trâu)
Bổ hư ích khí tốt gỏi hươu
Ngọt bình không độc người thêm mạnh
Ăn quá sinh động khí ở gan

SA NGƯ tục gọi là cá Nhám
Không độc, ngọt bình, tính bạo dạn
Cùng cá Diếc bổ tạng, điều trung
Phơi khô ăn gỏi tốt vô hạn

Con nào có điểm lốm đốm là độc.

Ồ TẶC tục gọi là cá Mực
Ngọt mặn, tính bình, không độc thật
Bổ trung ích khí lại điều kinh
Phơi khô nướng vàng ăn ngon thật

HÁI PHIẾU TIÊU là mai cá Mực, (mực nang)

Ngọt mặn, hơi ôn, tính hòa bình

Vỡ mủ, cầm máu, trừ mụn nhọt

Bạch đới, bụng đau, trùng lỵ lạnh

HÁI GIAO NGƯ tên là cá Dúi

Hơi độc, vị ngọt, mặn, khí bình

Thịt chữa âm đau, bạch trọc khô

Lâm lâu chướng ngược cũng mau lành

"Âm đau" là đau ở bộ sinh dục

HÀ là Tôm, Tép gọi MẼ HÀ

Khí vị ngọt ôn, hơi độc mà

Thổ hết phong đờm, phát mụn đậu

Trừ Xích du phong(1) và miết hà(2)

HÁI HÀ tục gọi là Tôm bể

Bình ngọt không độc, lại ăn ngon

Trừ được Phi thi, mụn, lở ghẻ

Chữa Cam răng, giết loại rắn giun

THÙY GIẢI MẪU là tên con Sứa

Mặn, lạnh, không độc, hay tiêu ứ

Chữa trẻ đơn độc, bị phỏng đau,

Dàn bà hư lao và Đới hạ

11. LOẠI CỐ MAI

(Gồm có 6 loại)

QUY BÁN là tên yếm con Rùa,

Tính lưu thông, ngọt lạnh, không độc

Trưng hà, bại liệt ngược, nôn, ho

Giúp huyết, bổ tâm thận, hiệu tốt

ĐẠI MAO tên thực ấy Đồi mồi

Ngọt lạnh, không độc, tốt lành thôi.

Định phách, yên thần, giải các độc,

Trừ nọc Đậu, giải nhiệt cừ khôi.

MIẾT GIÁP là mau của Ba ba (cua đinh)

Mặn bình, không độc, tính thông hòa.

(1) "Xích du phong": bệnh ngoài da nóng đỏ và sưng nổi lên như vết đơn độc, chạy khắp mình không nhất định.

(2) Miết hà": bệnh báng, trong bụng nổi cục như cái chén, hay chạy, nặn thấy nháy đông, nguyên nhân vì chưa

Bổ dương, ích khí, trừ âm nhiệt
Lao khái, điều kinh, phá huyết hà

NGOAN là con Giải, to hơn Miết (Giải to hơn của đình)
Không độc, ngọt bình, trừ huyết nhiệt
Giải phong, cổ độc nổi gân xương,
Chữa mụn, tràng nhạc và bệnh huyết,

DIỄN GIẢI là tên gọi Cua đồng,
Ngọt lạnh, ít độc, hay sinh phong.
Nổi gân, tiếp xương chữa phong nhiệt,
Trừ mụn độc lở, huyết kết thông.

Phàm giống cua mà có 9 chân hoặc 4 chân, mắt đỏ dưới bụng có lông, trong bụng có xương, đầu lưng có điểm như sao, chân có vết lõm dóm, thì không nên ăn, ăn vào có thể hại người.

HẬU GIAP gọi là mai con Sam,
Ít độc, cay bình lại hơi mặn.
Chữa trĩ, trừ lở ghẻ, sát trùng,
Tà khí, huyết độc, sưng khối hần.

12. LOÀI CỎ VỎ

(Gồm 13 loại)

MẤU LỆ NHỤC là ruột con Hàu,
Ngọt ấm, không độc chữa hư lao.
Hòa trung lợi thủy, thêm nhan sắc,
Trừ nóng khát chứng nhiệt tâm đau.

MẤU LỆ tên thực là vỏ Hàu,
Lạnh vừa vị mặn, độc không đau
Sáp tinh, thu hần, trừ tà nhiệt.
Bạch đới, trung hà, thấp lý mau.

BẠN PHẤN gọi là hột vỏ Trai,
Không độc, mặn lành, hay thông lợi,
Thủy thũng, phiên vị và đờm nhiều
Chữa đau nhức, mắt đau, bạch đới

Dem nung vào than lửa cho đỏ lên, lấy ra để nguội tán bột dùng.

MÃ DAO tục gọi là con Vẹm,
Khí lạnh vị cay có độc hiểm.
Chữa nuy, lợi thủy lại tiêu đờm,
Bạch đới, Thạch lăm⁽¹⁾ da nóng liễm.

(1) "Thạch lăm" bênh đi dái đau buốt, trong ngọc hành có cục sỏi rắn như đá (ngày nay gọi là sỏi thận hoặc sỏi bàng quang. N.D)

NGHIÊN NHỤC tức là ruột con Hến,
Ngọt lạnh, không độc, phải phân biệt
Thanh can, lợi khí lại thông tràng.
Chữa mụn thấp lành thông tiểu tiện.

NGHIÊN XÁC tục gọi là vỏ Hến,
Ngọt mặn không độc chữa sang tiền (ghẻ lở)
Sáp tinh, khô lỵ chữa nuốt chua,
Trừ nôn, thông đờm, trị ho suyễn.

TRẦN CHÁU tên tục gọi hạt trai (ngọc trai)
Vị ngọt tính lạnh tốt lành thay.
Giải nhiệt yên tâm trừ huyết trọc.
Chữa hỏa đờm, đau mắt diếp tai.

THẠCH QUYẾT MINH vỏ ốc Cửu khổng,
Không độc, mặn lạnh chữa Lân thống (đái rắt)
Phong nhiệt, di tinh, lao nóng xương,
Màng mắt thanh minh⁽²⁾ mau tìm dụng.

XÀ NGAO tên tục gọi con Ngao (Nghieu)
Lạnh, ngọt, mặn mà chẳng độc nào
Dở khát, tiền kiên⁽³⁾, trừ độc rêu,
Ung thư phát bối khỏi liền mau.

XÀ CỬ thường gọi Ốc Xà cừ,
Độc được, trùng cổ, thảy đều khử.
Vị lạnh, ngọt bình, không có độc.
An thần, sâu đốt rọc, tiêu trừ.

BỐI TỬ: tục gọi là Ốc Bẹn,
Không độc, mặn bình, tỷ vị kiên (mạnh tỷ vị).
Sát trùng, trục huyết và nát da.
Ấc sảng, mắt vàng, tên độc biến.

DIỄN LOA tên tục gọi Ốc Nhồi (ốc Bươu)
Không độc, ngọt mà lạnh tí thôi.
Tiêu thũng, thông lâm trừ thấp nhiệt,
Mắt đau, tràng nhạc, lỵ đều thôi.

LOA SƯ tên gọi con Ốc vằn,
Vị ngọt, khí hàn, không độc mà
Sáng mắt, trừ Hoàng đản, Phiên vị,
Lời dom, trĩ lậu, nhuận ruột gà.

(2) "Thanh minh" bành mắt không bị màng mỏng che mà vẫn không trông thấy gì (thông minh)

(3) "Tiền kiên" lam tiểu lan chỗ rắn kết lại

13. LOÀI CHIM

(Gồm 39 loại)

HÙNG KÊ NHỤC là thịt gà Trống,
Không độc, ngọt ôn, động khí phong.
Bổ trung, điều Vinh cùng dương Vệ.
Yên thai nối xương, tế đại thông,
THU KÊ NHỤC là thịt gà Mái,
Vị chua, khí bình không độc mấy.
Trừ thấp, phong hàn bổ ngũ lao⁽¹⁾
Bị thương, gãy, tích khối, băng đới.

Ô KÊ CỐT là con gà Ấc⁽²⁾
Ngọt bình không độc, bổ lao kèm
Dần bà huyết trệ, tim đau nhức,
Chữa lỵ cấm khẩu của trẻ em.

KÊ QUAN HUYẾT là máu mồng gà
Không độc, mặn bình, khí vị hòa.
Giã độc, chữa mụn, chết thối cổ.
Mất đồ, méo lệch trứng phong tà.

KÊ CAN chính nó gọi Gan gà,
Ngọt đắng, hơi ôn, chẳng độc mà.
Bổ thận, bổ gan, làm tim khỏe.
Bụng đau, thai lậu, mất mồi hoa.

KÊ VŨ tục gọi cái lông gà,
Hạ huyết, mạnh âm, chữa Sán, Ma⁽³⁾
Khóc đen, hóc xương và ung nhọt,
Bào nhiệt đới rất bệnh dân bà.

KÊ PHÂN BẠCH là phân trắng gà,
Hơi lạnh không độc, công chẳng vừa.
Trứng phong, dầm huyết, thương hàn nóng,
Phong tý, sa lâm, bụng, báng, hà.

Một tên là Kê thủ, lấy phân gà trống cạo lấy phần trắng ở rìa bãi phân, rồi đem sao lên mà dùng.

KÊ TỬ THỰC gọi quả trứng gà,
Ngọt mà không độc, tính điều hòa.

(1) "Ngũ lao": là năm chứng lao của năm tạng. Tâm lao, Can lao, Tỳ lao, Phế lao, Thận lao.

(2) Gà ấc: Bạch kê ô cốt, gà xương đen lông trắng. Miền Nam hay dùng nấu cháo cho lá dâu tằm ăn trị ban trái.

(3) "Sán": tức bệnh Sán khí (đau hần đới) thuộc thận.

"Ma": bệnh tê dại ngoài da

"Bào nhiệt": bệnh dân bà nóng trong dạ con.

Giã độc, bổ trung, tiêu chữa ly,
Yên thai, tê đại, mụn ngoài da.

TRĨ ĐIỀU thường gọi con chim trĩ
Chua lạnh, không độc đẹp nhiều về
Điền trung ích khí làm nhẹ mình,
Cầm tiết ly, chữa bệnh Dò, Trĩ.

CẨM KÊ tục gọi con gà Lôi,
Vị ngọt, khí bình, tính lạnh tối.
Ăn thịt khiến người thêm trí tuệ.

GIA CỎ tục gọi cái Đa đa,
Không độc, ngọt ẩm thật chẳng ngoa.
Lợi tạng, bổ tâm, thêm trí lực,
Trừ mọi cổ độc, ngược, ôn tà.

THUẦN ĐIỀU tức gọi con Cùn cút,
Ngọt bình, không độc, bổ gân cốt.
Trừ hàn thử nhiệt, nóng buồn phiền
Mọi bệnh dạ dày, chữa ly tốt.

DUẬT ĐIỀU tục gọi con Cò mun,
Không độc, tính hòa, vị ngọt ôn,
Bổ trung, ích khí, trừ hư tổn,
Ấm vị, hòa tỳ, bổ Mệnh môn.

CÁP ĐIỀU tục gọi chim bồ câu;
Mặn bình, không độc, tính ôn nhu.
Giã thuốc độc, mụn phong; trừ Điển.
Dùng phân ích tinh khá nhiệm màu.

Một tên là Gia cưu; một tên là Phi nó

TUỐC ĐIỀU tục gọi con chim Sẻ,
Ngọt ẩm, không độc, bồi tinh tủy.
Cường dương, bổ khó, khỏe gối lưng,
Trừ đới, khô hăng, khiến hay đẻ.

BẠCH ĐÌNH HUƠNG là cút chim Sẻ,
Vị đắng hơi âm khí độc thay
Đau mắt, ung thư, bụng báng, sản,
Hầu phong, bạch đới chữa đều hay.

Một tên là Hàng tước phần (phân con chim Sẻ dục).

XÁO PHỤ gọi con chim Chiền chiện,
Ngọt ẩm không độc, tính lạnh lện.
Thịt ăn thêm đẹp, tai sáng thông,
Tổ chữa trong ngực hay thở nghẹn.

Một tên là con Tiêu tiểu.

YÊN NHỤC thường gọi thịt chim Yến.
Ngọt, bình, ấm, độc phải cho rãnh.
Chỉ chữa được trùng và mụn trĩ,
Ăn nhiều tổn trí mệt thần linh.

Một tên là Huyền diệu.

BIÊN BỨC tên thực là con Dơi,
Ngọt bình không độc, khéo thông khai
Thông lâm, tiêu thũng, làm sáng mắt
Băng đới, vết dâm, suyễn ngược thôi.

Một tên là Phu đực, một tên là Phi thủ (chuột biết bay)

ĐẠ MINH SA là cắt con Dơi,
Lạnh cay, không độc thấy không sai.
Mất màng, mắt nhọt và tràng nhạc,
Hồi hộp, tích, dề ngang, chết thai.

Lấy về bỏ vào nước rửa, để cho lãng sạch bụi bẩn, phơi khô sao dùng

BAN CƯU tục gọi là con cu Ngồi,
Không độc, ngọt bình, thôi khỏi nói
Giúp hư bổ tổn, chữa âm dương,
Cổ độc, mắt đau, thờ nghệt khỏi.

Một tên là Thuần Cưu, loại nhỏ không có cườm, khí vị công dụng như nhau, nhưng giống có cườm thì hơi độc.

THANH GIAI tên tục gọi Cu kỳ,
Không độc, lạnh chua lại bổ hư.
Giúp khí, thông huyết yên nam tạng.
Trĩ, nhọt, vỡ mủ công ai bì.

BỐ CỐC là con chim Chèo bẻo,
Ngọt ấm, không độc, thịt ngon ghê,
Yên thần định trí, lòng trong trẻo.
Chớ có ăn nhiều ngủ kém đi.

BÁ LAO tục gọi chim Tu hú,
Lông nó tính bình, chẳng độc xen.
Chữa trẻ con cam gầy, yếu đuối,
Deo bên mình, bệnh khỏi tự nhiên.

CÙ DỤC là tên con Sáo sậu,
Ngọt bình, tính hòa, chẳng độc nao,
Thông tâm, hạ khí ho và Trĩ,
Thở ghen, huyết băng hay biết bao.

BÁCH THIẾT DIẾU là con chim Khướu,
Ngọt bình không độc tính trừ táo.
Trẻ em nhiều tuổi chậm nói năng,

Lấy thịt nướng ăn sẽ nổi thạo.

GIÂN THUỐC tục gọi là chim Khách,
Không độc, ngọt bình, tính sáng thật,
Ích khí, điều trung, chữa bệnh phong,
Báo trước tin mừng kêu réo rất.

HOÀNG OANH tục gọi chim Hoàng oanh,
Ngọt âm không độc, giọng uốn xinh
Ăn nhiều khiến người tính thuần tĩnh,
Giúp tỳ bổ tổn, thêm dương tính

Một tên là Hoàng Cù, một tên là Hoàng diều.

TRÁC MỘC ĐIỀU là chim Gõ kiến,
Không độc, ngọt bình tính lạnh thay,
Giảm phong, trị lâu, cam răng nhức.
Tim sát trùng lao công thực hay.

Ô NHA tục gọi chim Ác (qua),
Chua sấp mà bình, độc thời không
Chữa khỏi lao thương, ho, xương nóng.
Thở huyết, giảm phong, các bệnh trùng.

Ô THUỐC là tên gọi Ác là,
Cam bình, không độc dưới Ôn tà.
Trừ phong khát nóng, ngực dờn kết,
Đái rắt, bế tiểu cũng thông mà.

SƠN TRƯỚC gọi con chim Giải phước,
Ngọt âm, không độc, đuôi thật dài,
Ăn làm quạ độc lòng ngày ngật,
Nướng thịt nó ăn liền già ngay

Tục gọi là con Giải chi.

ĐỔ QUYÊN tục gọi là con Quốc,
Khí ~~ở~~ ngọt lành, tính vốn bình,
Chuyên chữa dẹt, sang và trĩ loét,
Lấy thịt đặt vào khỏi rất nhanh.
Một tên là Đỗ vũ, một tên là Tử quy.

ANH VŨ tục gọi chim Ác mớ (Vet, kết),
Cay bình không độc, hay thông tỏ.
Chịu người nuôi dạy biết nói hay,
Thịt trừ được chứng hư, ho khở

KHÔNG TUỐC tục gọi là con Công (có nơi gọi là Cuông)
Mặn mát hơi độc, mình hoa ánh,
Giã các thứ độc và Cổ trùng

Uống thuốc ăn nó già mất tính.
Mật nó có nhiều độc chó ăn, không nên để lông nó vương vào mắt vì dễ làm cho mắt mờ.

UNG ĐIỀU tục gọi là chim Cát
Tính hùng, cánh mạnh, giết chim thường
Thịt trừ tà, dầu chữa đau choáng,
Mật chữa thông manh, xương nổi xương.
Một tên là Tráp điều

XY ĐIỀU tên thực gọi con Diều
Mạn bình, không độc, tính hùng liều,
Chữa kinh giãn đau phong choáng váng,
Dải dầm, máu mũi chảy đều tiêu.

XY HỮU tục gọi là con Cú,
Tính thích tối tăm, hình rất xấu
Chữa phong, đau choáng, sốt rét lây,
Muốn khỏi bệnh nên ăn thịt này.

HỮU LƯU tục gọi chim Dù di (chim út)
Tính giống cú vọ có khác chi
Mắt tai như mèo sinh ngang ngược
Hứng lên vòng lượng chẳng bay đi.

14. LOẠI CHIM NƯỚC

(Gồm 10 loại)

QUAN ĐIỀU tên thường gọi con Giang
Ngọt lạnh mà mát, độc không có.
Xương trừ quý chú, độc trùng lao,
Mỏ chữa họng, trứng nuốt chữa lở.

DÔI THU tên gọi là con Sếu,
Khí vị ngọt ôn, độc thì không.
Phong tý, ung thư dùng mỡ chữa.
Mỏ trừ tạp lỵ với cam trùng
Một tên là Đào hà.

BACH NGIA: Ngỗng trắng gọi xưa nay,
Vị ngọt, khí bình, tính lạnh thay.
Mỡ trừ mụn lở và tai điếc,
Thịt chữa nóng khát hòa tang hay.
Giông nào sắc xanh là có độc không dùng làm thuốc, giông sắc trắng dùng làm thuốc mới tốt.

GIA AP tục gọi là con vịt.

Lạnh ngọt, hơi độc, động phong huyết.
Thêm khí bổ hơn chữa sài kinh,
Giải độc mìn sung và ly nhiệt,

Một tên là Vụ, một tên là Gia phù. Giống mào gà, sắc vàng trắng thì bổ trung ích khí rất tốt. Non mà sắc đen thì độc.

TRÀM PHÙ tên tục gọi con Mông (vịt trời)
Khí vị ngọt mát, độc thì không,
Têm khí bổ trung, tiêu thực tích,
Trừ mụn, nhiệt phong, giết các trùng.

QUẠT HỒNG thường gọi là con Két,
Khí vị ngọt bình, không độc kết.
Chữa tai điếc, ích khí hòa trung,
Nấu canh nướng chả béo thơm thiệt.

GIAO TINH tục gọi là chim Trích,
Khí vị ngọt ngon, tính lạnh thay,
Giã độc cá, tôm khi trùng phải
... (lược)...

LỘ TRANG tên tục gọi Bồ cu,
Khí vị mặn, lạnh không có độc.
Chữa miệng nhọt lở và đầu phong,
Mạnh tỳ, hư dật khỏi tức tốc.

LÔ TỬ tục gọi con chim Cộc (Cồng cộc)
Khí vị lạnh, chua không có độc.
Lợi thủy thông tiêu bụng trướng phình,
Mỏ trừ chướng nghẹn và xương hóc.

NGƯ CẦU tục gọi chim Chải cá (thần chải),
Mặn bình, lạnh, sắc xanh màu lá:
Ăn cá trong họng bị hóc xương
Đốt hòa với nước uống liền hạ.

15. LOẠI GIA SÚC

(Gồm 26 loại)

HÀ là heo đực lạnh, chua, lạnh,
DỒN gọi là heo con, ít độc ranh
Heo cái, chua bình, tên gọi PHỄ,
PHẦN là heo nái (sê), tốt thơm bình.

TRƯ NHỤC gọi tên là thịt lợn,
Tính xét theo: đực, cái, nhỏ, lớn.

Chữa cuồng, giả nhiệt, độc dân sa,
Bổ thận, bị thương sưng đau dớn.

TRƯ CAO tục gọi là mỡ lợn,
Hơi độc, không lạnh ngọt trơn thông.
Trừ phong, thông huyết nhuận kinh phế,
Giã mọi thuốc độc, đánh tan trùng.

TRƯ NÃO tục gọi là óc heo,
Ngọt lạnh, có độc chớ ăn nhiều.
Chữa âm sang, chữa phong đầu choáng,
Nhọt sưng đau ngâm rịt tức tiêu

TRƯ TỤY tục gọi là óc heo,
Ngọt mặn, thông suốt không độc rãnh.
Rất là bổ ích, chữa lao tổn,
Ngã bị thương loét sưng đều lành.

TRƯ HUYẾT tục gọi là tiết heo,
Mặn bình, không độc, trừ đầu choáng.
Trúng phong, chương khí và dịch giao(1)
Cồn cào, huyết băng, đơn độc, chấn(2)

TRƯ TÂM tục gọi là tim heo,
Không độc mặn bình, không ngọt nhiều.
Bổ tâm huyết, trừ kinh hồi hộp,
Thương phong, sản hậu. khí đều tiêu.

TRƯ CAN tục gọi gan heo,
Vị đắng hơi ôn, tính vốn lành.
Bình can sáng mắt trừ đôi hạ,
Lao lạnh, đi lỏng lâu, sỏi kinh (kinh phong trẻ em)

TRƯ TỠY tục gọi lá lách heo,
Khí vị chất, bình chẳng độc chi,
Chữa sốt rét dịch, bụng báng bí(3)
Giải nhiệt, trừ hư, bổ ích tỳ.

TRƯ PHẾ tục gọi là Phổi heo,
Vị ngọt, không độc, khí hơi hàn.
Thanh phế, ho, hư lao chữa giới
Hóa đờm hạ xuống, hư nhiệt an.

TRƯ DI cái lồi trong bồ dục (heo)

(1) "Dịch giao" bệnh nặng mới khỏi vì hành phòng mà tái phát.

(2) "Chấn": là bệnh sỏi.

Khí vị ngọt bình rất ít độc
Bệnh phổi suyễn, ho, dột hư lao
Chữa được lý lạnh, băng, tích cục.

TRU THÂN tục gọi quả cật heo,
Vị mặn, khí lạnh lành chi bằng
Lợi bàng quang, hư lao, bổ khí.
Chữa gù lưng tai ù, tai ù lậu băng.

TRU VỊ là cái da dây heo
Không độc, hơi ôn, bổ trợ thêm.
Chữa lao, nóng xương, bổ trung khí,
Tả lý, hoáng đản, trung tích, cam.

Một tên là trư đở.

TRƯ ĐẠI TRĂNG là ruột già heo,
Hơi lạnh, ngọt nhạt, vị hòa điều.
Chữa ruột ráo đi ngoài lật vại,
Bổ hạ tiêu hư, huyết lý nhiều.

TRƯ BÀNG QUANG là bong bóng heo,
Ngọt, mặn lạnh, không độc rõ ràng.
Hay chữa mộng, di tinh, đái rất,
Khởi chứng đồi sán, lở âm hành (ngọc hành)

Một tên là Phu một tên là Bào.

TRƯ DÒM tức là cái mật heo
Dắng lạnh không độc, thông lợi nhanh
Lao nóng xương, thương hàn, nóng khát,
Mất sáng khiếu thông, lở ghé lành.

TRƯ TIỂU TRUÔNG là ruột non heo,
Dắng bình không độc, tính bình hòa.
Bổ tâm thanh nhiệt, điều hòa tạng.
Hiệu nhiệm công năng xiết kể mà

TRƯ NOÃN tục gọi hòn dái lợn.
Tính lạnh, ngọt ấm có công lớn.
Chữa bệnh kinh giản, trùng cổ lao
Làm khỏe âm hành trừ khí sán.

CÁU NHỤC tục gọi là thịt chó,
Không độc, ấm nhiều vị chua mặn,
Tráng dương bổ thận, thương hàn bổ,
Ấm vị, khỏe lưng, tinh tủy mạnh.

DƯƠNG NHỤC tục gọi là thịt Dê,
Nóng nhiều ngọt dắng, ích tâm tỳ

Bổ hư lao lạnh, trừ kinh gián
Phong, đầu, choáng, lưng đau, đường nuy (liệt dương)

THỦY NGƯU NHỤC tức là thịt Trâu,
Vị ngọt, khí ấm có độc đầu,
Hòa tỳ giúp thân, bổ gân cốt,
Chữa phong, thủy thũng phải nên cầu.

HOÀNG NGƯU NHỤC tức là thịt bò,
Vị ngọt, khí ôn, độc chẳng lo,
Ấm tỳ, thêm khí, lưng, chân mạnh,
Giải khát sinh tân, cổ hết khô.

NGƯU GIÁC tên gọi cái sừng trâu.
Tĩnh lạnh đáng lạnh chữa phong đầu
Thương hàn, nhiệt độc, sa lâm huyết (lâm)
Khởi phong, đờm thũng, họng tê đau.

NGƯU GIÁC TAI cái nõ sừng trâu.
Không độc, đáng ấm, chữa cũng màu.
Khởi băng, lậu trường phong đới hạ
Các chứng trung hạ, lý bụng đau.

HOÀNG MINH GIAO là Keo da trâu,
Vị ngọt khí bình, không độc đầu.
Chữa mụn nhọt, các bệnh xuất huyết,
Đau phong, đờm kết với hư lao.

Một tên là Ngưu giao.

MÃ NHỤC tục gọi là thịt ngựa,
Không độc, đáng cay, chữa Ôn thử.
Lớn mạnh gân xương, xương sống lưng.
Khí nóng tỳ liệt, tốc hơi đỡ.

16. LOẠI THÚ RỪNG

(gồm 36 loại)

HỒ HĨNH tục gọi ống chân Hùm,
Vị cay khí ấm độc chẳng xâm.
Chữa đau phong tà với thí chú,
Chớ đại lên cơn, lở nước dầm (nước vàng dầm dề)

Đập vỡ bỏ tùy, tẩm với sữa, hoặc Dấm, hoặc rượu mà nướng, tùy theo phương thuốc cần dùng.

HỔ NHỤC tức là thịt con Hùm,
Chua bình, không độc, đuổi tà âm.

Ba mươi sáu giống. Tinh, Ly, Vị...
Ích khí trừ ngược, lợm giọng cầm.

BÁO NHỤC tên thường thịt con Beo,
Chua bình không độc, tính mạnh nhiều
Chống cùng nóng lạnh, trừ tà vị (xem chú thích trên),
Khỏe mạnh gân xương, nằm tạng điều.

TUÔNG NHỤC là tên thịt con Voi,
Ngọt bình, không độc, sức rất khỏe.
Ăn nhiều thân thể sinh nặng nề.
Chứa mủn, chốc đầu, thông tiện bế

TUÔNG NHA tức là cái Ngà voi,
Cảm hàn không độc, đẹp ghê người
Chứa nóng trong xương và kinh giản.
Mắc xương, bụi vào mắt đều thôi.

TÊ GIÁC tục gọi cái sừng Tê,
Lạnh, mặn, đắng chua, tính lạnh thả
Giải nhiệt độc, trùng cổ, mụn ung,
Mọi xuất huyết, cuồng phong chướng tật.

LÊ NGƯU GIÁC là sừng Bò tốt (bò rừng),
Mát lạnh, không độc, vị chẳng ngọt.
Giải nhiệt, thanh tâm, chữa kinh giản,
Bệnh huyết nhiệt trầm mê, hoảng hốt.

DÃ TRƯ NHỤC là thịt lợn lòi (beo rừng)
Ngọt bình không độc, nếm mà coi.
Bổ tạng nhuần da trừ kinh giản,
Bảng lý huyết nhiệt, phong đều thôi.

HÀO TRƯ tục gọi là con Dím (Nhím)
Khí vị ngọt, lạnh độc, hay liễm
Thịt rất béo nhờn, lợi đại tràng.
Bụng tiêu cổ trướng, trừ phong nhiễm.

HÙNG DỒM tục gọi cái mật Gấu,
Đắng lạnh, tính bình hay khai tấu (tẩu)
Sáng mắt, thanh tâm, trừ mụn trùng,
Thanh nhiệt trừ phong và trĩ lậu.

LINH DƯƠNG GIÁC là sừng dê trắng,
Mặn lạnh, tính bình chữa cổ trùng.
Chứa cả mụn thấp và phong nhiệt,
Loạn huyết, giãn kinh, với liệt dương.

Nguyên chú là Dê trắng, thực ra con Linh dương không nhất thiết có màu trắng
(N.D)

SƠN DƯƠNG NHỤC là thịt Dê rừng,
Ngọt nóng lạnh, lành, m hay bổ dương,
Chữa khô hư lao, phong chướng, lý,
Đàn hà bạch đới, nóng trong xương,

LỘC NHỤC là tên gọi thịt Hươu.
Ngọt ôn, không độc, tính khá mạnh,
Bổ trung, ích khí, khỏe gân xương,
Chữa huyết băng, phong tà các bệnh.

Một bên là Tây vương mẫu.

LỘC GIÁC tục gọi các sừng Hươu,
Tính lành, mặn, lạnh, bổ dương nhiều
Nhẹ mình, khô đau trừ sang huyết.
Bạch đới, di tinh, mộng quý giao.

"Sang huyết": mơn lở ra máu

"Quý giao": nằm chiêm bao thấy giao hợp với ma quỷ.

LỘC NHUNG chính là sừng non Hươu,
Hơi ngọt, khí ôn, không có độc.
Bổ xương tủy, dưỡng vệ điều vinh,
Chữa bệnh tổn hư lao tốt bực.

LỘC HUYẾT chính tên gọi huyết Hươu,
Mặn ôn, không độc bổ hư lao.
Mạnh dương, khô đau, lưng đau khô.
Phế nuy, khí hư, ngứa gãi tiêu.

MÊ NHỤC là tên gọi thịt Nai,
Ngọt bình không độc thực không sai.
Bổ trung ích khí và mát huyết,
Điều hòa năm tạng, lưng đau tài.

MÊ GIÁC tục gọi cái sừng Nai,
Nóng ngọt, tính lành, bổ rất tài,
Bổ dương ích khí, thêm tinh tủy
Trừ phong tê, khí thống không sai.
KỶ NHỤC là tên gọi thịt Cheo,
Ngọt bình không độc, tính hòa điều.
Chữa 5 chứng trĩ, kiềm trừ thấp,
Trộn dấm, gừng ăn bệnh tự tiêu.

CHƯƠNG NHỤC gọi tên là thịt Hoẵng, (mếnh)
Ngọt ấm, tính lành bổ các tạng
Trừ phong, thông sữa, khô dết, tê,

Nướng ăn mình khỏe và thư sướng.

XẠ HUƠNG thường gọi dái con Xạ (Cây hương).

Thơm nức, ẩm cay, phong độc hóa
Tâm phiền, khai khiếu sát là trùng,
Khí huyết khỏi đau, đờm ly hạ.

MIÊU NHỤC thường gọi là thịt Mèo,
Ngọt chua, không độc, ôn hòa điều.
Hay trừ cổ độc, ho lao nặng,
Mụn trĩ lâu năm uống cũng tiêu.

LY NHỤC gọi tên là thịt Cáo,
Ngọt bình, tư âm, không độc đau.
Bổ trung ích khí, du phong khỏi.
Quý chú, mụn trĩ, chữa lành mau.

PHONG LY tên tục gọi Cu li⁽¹⁾
Thấy người giấu mặt vì sợ hãi.
Nước tiểu chữa phong hiệu mới kỳ,
Ôc trừ Lệ phong, thêm thọ mãi.

HỔ NHỤC gọi tên là thịt Cầy,
Tĩnh lạnh, ngọt ẩm bồi bổ tốt.
Bổ hư ích tạng phong độc trừ,
Cổ độc, ghẻ lở hay có một.

Xét các sách Bản thảo giống Cầy ở hang đầu nhọn, đuôi như đuôi rắn, mình tròn, chân ngắn, lông có ba màu: đen, trắng và nâu. Tục hay gọi lầm con Hồ là Ly mà con Ly lại gọi là Hồ.

LẠC NHỤC là tên gọi thịt Chồn,
Ấm ngọt tính lạnh, khôn xiết kể
Điều bổ năm tạng, chữa gãy còm,
Bệnh đàn bà hư lao kinh bế.

SUYỀN NHỤC là tên gọi thịt Đông (cây đông)
Chua ngọt, hòa bình, độc vốn không.
Hư, lao, ho nhiệt, các bệnh ly,
Thủy trướng sắp nguy thực có công.

HOAN NIUC gọi tên thịt Cầy Báng,
Chua ngọt, hòa độc cũng không.
Bổ trung ích khí, đẩy da dẻ,
Chữa trẻ cam còm, giết hết trùng.

SÀI NHỤC gọi là thịt chó Sói,

(1) Phong ly, cu ly, con xâu hổ, con cú lẩn, hằng con mèo con ước vài lạng, hễ thấy người nó giấu mặt như xâu hổ, lông nó cầm máu hay tuyết với.

Có độc, nóng chua, ăn tổn hao,
Mụn lở, tê lạnh cũng tiêu trừ,
Chữa năm chứng cam, lý hư hại.

THÒ NHỤC gọi tên là thịt Thỏ,
Cây bình không độc, hay bồi bổ,
Điều trung, ích vị tỳ hòa,
Tê đại các độc đều trừ bỏ.

SƠN THẤT tục gọi là con Sóc(1)
Tính nhanh nhẹn, ẩm, ngọt, không độc.
Ổng chân chữa liệt dương rất hay.
Xương trừ khỏi mụn lở, tên độc.

THỦY THẤT gọi là con Rái cá,
Ngọt, hơi lạnh dùng thấy hay lạ.
Thông huyết hải, tiêu thũng, nhuận tràng,
Phong, ôn nhiệt, nóng xương, chữa cá.

LÃO THỨ kà tên gọi chuột đực,
Ngọt, chất, hơi ẩm, tính lành thực.
Vết thương, gãy, vấp ngã, dao đâm.
Bệnh trẻ phong xù chữa đắc lực.

Phân nó hai đầu nhọn, cho nên có tên gọi là lưỡng đầu tiêm.

VỊ BỈ tục gọi da con Dím (nhím),
Vị đắng hơi cay, không có độc,
Lưng ruột đau, sán khí bồn đôn
Trĩ trùng, hạ huyết khỏi tức tốc.

DI HẦU tục gọi là con Khỉ,
Thịt chua ninh ăn chẳng độc nào.
Ly lâu, bệnh thời hanh ôn ngược,
Lại kiêm chữa các chứng phong lao.

VIÊN NHỤC tức là thịt con Vượn,
Thịt, mỡ và huyết chất nhẹ nhàng.
Trĩ lậu lâu năm đều chữa khỏi,
Trong ăn ngoài bôi sạch ghẻ sang.

17. CÁC THÚ NƯỚC

(gồm 10 loại)

VŨ THỦY là tên gọi nước mưa,

(1) "Sơn thất": theo các sách của Trung Quốc thì Sơn thất là một loài rái núi, tính rất đa dâm.

Mặn lạnh không mùi, sắc xanh lơ.
Bổ trung ích khí, mát năm tạng,
Pha trà, hoà thuốc uống bệnh trừ.
LÔ THỦY gọi là nước hạt Móc (sương móc)
Trong suốt ngọt lành, không có độc.

Phong hủi, trùng ty (1), mụn, hư lao,
Dùng mà sắc, uống công hiệu tốc (chóng).

Về tiết Thu nắng hạn, hạt móc dong lại trên lá cây, thành từng giọt hứng lấy mà dùng.

DÔNG SƯƠNG tục gọi hạt sương sa,
Vị ngọt khí hàn không có độc.
Giải độc rượu, sốt rét, thương hàn,
Nhọt lung, nghệt mũi, hòa với thuốc.

Cách lấy cũng như lấy nước hạt móc.

BÁN THIÊN HÀ là nước cộc rào
Ngọt lạnh tính lành chữa mau lẹ
Yên hoảng hốt, trừ tà, sát trùng
Trừ mụn độc, thời dịch, ngứa ghé.

TRƯỞNG LƯU THỦY là nước dòng sông
Vị ngọt khí bình, độc vốn không
Ích tỳ, Can, Thận, bổ lao tổn
Dẫn thuốc tới kinh, hay khai thông

Một phần nước lạnh, một phần nước sôi, hai thứ hòa lẫn với nhau gọi là Âm dương thủy, một tên là Vô căn thủy.

TÌNH HOA THỦY nước giếng ban mai
Khí bình vị ngọt, tính lành thay
Tư âm giảng hòa, tâm yên ổn
Chỉ băng, sáng mắt, ly căng hay

Cứ giờ Dần khi mặt trời chưa mọc mới múc nước, cho nên gọi tên ấy.

TÂN THỦY CẤP là nước mới gánh
Tính hay hoạt lợi, thông tiểu tiện
Trừ ung thũng, thanh nhiệt, điều trung
Giải mọi nhiệt độc, tiêu khát biến.

BÍCH HẢI THỦY gọi là nước mặn
Ít độc, hơi ôn, vị mặn nhuận
Phong ngứa, ghé lở tẩm sạch trơn
Túc thực đầy trướng đều xuôi thuận

"Túc thực": thức ăn ăn vào da một vài đêm trở lên mà không tiêu hóa được.

ĐỊA TƯỚNG THỦY là nước mới xào
Vị ngọt khí hàn không độc nào

(1) "Ty". Bệnh quái gở.

Chữa trùng náng, trừ phiền, hoắc loạn
Giải mọi trúng độc hay xiết bao.

Đào một hố đất sâu độ ba thước, đến chỗ có nước vàng vàng rỉ ra - làm chùng, lấy nước mới mức về (Tân hấp thủy) đổ vào hố khuấy lẫn, để một lúc lắng xuống cho thất trong, rồi chắt lấy nước trong đó mà dùng.

18. CÁC LOẠI ĐẤT

. (Gồm 14 loại)

HOÀNG THỔ gọi là đất Thố vàng (đất sét)
Tĩnh bình, không độc, vị cam, lương
Trừ mọi trúng độc và cầm máu
Chữa các bệnh lý đay đại trường

DÔNG BÍCH THỔ đất vách đằng Đông
Tĩnh lạnh, ngọt ấm, rất ôn trung
Hay trừ hoắc loạn và ôn ngược
Khỏi bệnh lý, trừ thấp lở, phong

THIÊN BÒ PHONG là đất bậc cửa
Mát bình, không độc hay thông ứ
Tiện độc, mụn sưng, dễ khó khan
Tùy nguyên nhân dùng uống rất đỡ.

THỔ PHONG SÀO là tổ Tò vò
Không độc, khí bình mà vị ngọt
Dễ khó, hoắc loạn, tả khỏi ngay
Chữa phong đầu choáng, tiêu mụn nhọt

LANG CHUYỂN là đất Bọ hung đùn
Khí lạnh, tính lạnh, chữa nhọt ung
Thương hàn thời khí và Hoàng đàn
Hoắc loạn hư phiền rất có công

THỦ NHƯỠNG THỔ là đất chuột đùn
Khí vị đều lạnh, tính mạnh mẽ
Trừ gân cơ rút, mọi phong tê
Vô danh thũng độc cũng tiêu khô

NGHỊ PHONG THỔ là đất Kiến đùn
Không độc mát bình tính chạy dòn
Chuyên chữa thai chết, rau không xuống
Huyết xấu, thũng độc lại tiêu luôn

BẠCH NGHỊ NÊ là đất gò mối

Mát bình, tính lạnh, mạnh gấp bội
Chuyên chữa ung nhọt độc ứ ngưng
Huyết thũng tiêu lạnh, vỡ mủ khỏi

KHẬU DẪN NÊ là đất giun đùn (cứt trùn)
Không độc, lạnh chua, tính mạnh mẽ
Trừ bệnh lý cùng các mụn sưng
Cầm huyết, nôn phiền, thông úng trệ.

TÌNH ĐỀ NÊ là đất lòng giếng
Vị ngọt tính lạnh, khí lạnh đầy
Chữa bệnh trẻ em nóng mụn độc
Động thai, hoắc loạn, uống yên ngay

PHỤC LONG CAN là đất lòng bếp
Khí ấm vị cay, độc vốn không
Cầm máu trừ mụn độc, phiền vị
Trúng ác, điên cuồng và trúng phong

Một tên là Nguyệt hạ thổ.

THỔ CHUYỀN tục gọi là hòn gạch
Khí ấm vị cay lạnh có ích
Chữa lý hư hàn, chân thấp đau
* Bệnh mạch đối, ứ khí ở cách (cách mạc)

XANH MẶC gọi tên muối trôn nôi (nhọ nôi)
Vị cay, khí êm, vốn lạnh rồi
Đau bụng, cổ độc, các bệnh huyết
Lưỡi sưng hoắc loạn, điên cuồng thôi

Một tên là Bách thảo sương.

Ô LONG VĨ là cái Mò hống
Dắng, cay, nóng, ấm tính lạnh thường
Trừ vị phiền, an thai, thổ huyết
Chữa đau bụng, ế cách, lở sưng.

Dùng thú trên minhà thông xuống, thú trắng không dùng. Chỗ khói lửa xông lên có độc. Một tên nữa là Lương thượng trần.

19. LOẠI NGŨ KIM

(Gồm 11 loại)

TINH KIM tục gọi ấy vàng ròng
Vị cay, khí bình ít độc xung
Hòa huyết, trấn tâm, yên năm tạng
Trừ mọi nóng xương và chứa phong

Dùng sống có độc, luyện chín không độc.

TINH NGÂN tục gọi là bạc chảy
Có độc vị cay mà khí bình

Nhẹ thân thể, yên hồn, định phách
Phong nhiệt, kinh cuồng, rửa mắt lạnh
XÍCH ĐỒNG TIẾT là vẩy đồng đỏ
Vị ngọt, khí bình, độc vẫn có
Chữa mắt màng, đàn bà đau tim,
Khởi uốn ván, hồi nách, thật rõ.

*Đốt niềng đồng đỏ cho nhúng vào bát nước, thấy từng vẩy con con rời ra, lại đốt
nữa lại nhúng như thế, rồi lấy nước ấy mà dùng.*

DỒNG THANH tục gọi là đồng xanh,
Chua bình hơi độc, có mùi tanh
Khởi mụn, cầm máu, chữa ứ huyết,
Lại trừ đau mắt với nhọt đình.

Một tên là đồng lục.

*Lấy đồ đồng đánh cho thật sáng, bôi dấm vào, úp trên mặt đất độ 3, 4 ngày thì
nổi lên gỉ xanh biếc, cạo lấy mà dùng.*

Ồ DUYÊN tên thường gọi là Chì,
Vị ngọt, khí bình, không độc gì.
An thần, trấn tâm, trừ đá độc,
Bền răng, sáng mắt, lở lành đi.

HOÀNG ĐON tên vốn gọi là Đơn,
Không độc, hơi cay, lại ít hàn.
Yên vị, trấn kinh, trừ sốt rét,
Cầm máu, sát trùng, mụn độc an.

MẬT ĐÀ TĂNG là cặn nồi nấu Bạc,
Mặn, cay, hơi độc, khí lại bình.
Vững tâm, yên tạng, trừ mưa ly,
Khởi trùng, cầm máu, mụn trĩ lành.

HUYỀN TÍCH gọi là thuốc trắng gương,
Vị ngọt, khí hàn có chút độc.
Trừ Thạch tín, chuyên chữa phong sang,
Giang mai, ghẻ lở tìm cấp tốc.

KHỔNG PHƯƠNG HUYNH gọi đồng tiền, (kẽm)
Vị cay có độc, khí hòa hiền,
Trừ năm chứng lâm, và đau bụng,
Đẻ khó, mắt đau đều chữa yên.

THIỆT THẠCH là sắt, chất cứng bền,
Vị ngọt, không độc, tính bình yên.
Khéo chữa đao thương, đầy trong ngực.
Làm cho trong mát, tiêu thực liền.

THIỆT Y tục gọi là gỉ sắt (sét sắt)
Ghẻ, lở, đình, nhọt chữa được tất.

Ngựa phong, dễ khờ và di tinh,

20. LOẠI ĐÁ

(Gồm 7 loại)

THẠCH NHŨ gọi tên đá Thạch nhũ (Thạch chung nhũ)

Vị ngọt, khí ấm, không độc tỵ,

Thêm tinh, an tạng, ho, lậu trừ,

Lợi khiếu, cường dương, lao tổn bổ.

Sinh ở trong hang đá, là chất nước đá chảy ra gặp lạnh mà ngưng tụ lại, màu trắng bóng như lụa.

THẠCH KHÔI thường gọi ấy là Vôi,

Khí vị cay nồng, có chất độc

Thúc đẻ, chữa bạch đới, trĩ trùng,

Cầm máu trừ các mụn lở chốc.

PHŨ THẠCH thường gọi là đá bột, (đá nổi)

Không độc, khí bình mà vị ngọt.

Giáng hỏa, trừ đờm khỏi mắt mờ,

Sán, lâm, ho, thũng uống đều bột.

ĐẠI GIÁ THẠCH là đá hòn Sơn,

Đáng lạnh, không độc, làm yên hờn.

Đẹp tà phong cấp, trừ băng lậu,

Liệt dương, đau bụng tiếng hay đồn.

THẠCH YÊN tục gọi là Yến đá,

Tính lạnh, ngọt mát, chữa trường tả (ỉa chảy)

Các bệnh trọc⁽¹⁾, lâm, đới, mắt mờ,

Dễ khó cầm nó thai liền hạ.

THẠCH GIẢI tục gọi là Cua đá,

Sinh ở đá, mặn, lạnh mà lành.

Chữa được bệnh dịch và khó đẻ,

Giải thuốc độc, ung thư, thanh mạnh.

TÍCH LỊCH TRÂM là lưỡi tầm sét,

Vị bình không độc, tính cương liệt.

Yên được kinh hoàng, giết trùng lao,

Chữa khỏi thạch lâm và tả tiết.

Một tên là tích lịch thiết.

(1) "Trọc": nước đại vẫn đục như nước vo gạo

"Lâm": đại rất, đau buốt trong lỗ đại.

"Đới": ở âm hộ ra chất lầy nhầy như nhua chuối, thường gọi là chứng huyết bạch. Bệnh này phụ nữ thường hay

21. LOẠI MUỐI

(Gồm 4 loại)

THỰC DIÊM thường vẫn gọi là Muối,
Không độc, ngọt mặn, lạnh, thành khối.
Khí nghịch, dờm ngoan, tim, bụng đau,
Trung cổ, mụn sưng, đều chữa khỏi.

Một tên là Tuyết diêm, một tên là Bạch diêm.

TIÊU THẠCH thường gọi ấy muối Diêm.
Tính lạnh, đáng lạnh, hay xông lên,
Hay trừ cổ tắc và vị trướng,
Tích tụ, lâm ly, đau bụng yên

Một tên là Diêm tiêu; một tên là Đinh tiêu.

BÀNG SA tên tục gọi Hàn the,
Hơi ẩm không độc, cùng đem phi.
Vị cay đắng, chữa tích, đau họng,
Dờm, mắt màng, mụn độc tiêu đi.

LƯU HOÀNG tục gọi ấy Diêm sinh,
Tính lạnh, chữa ẩm mùi hôi tanh,
Chính thuốc trừ trùng, sang, thận lạnh
Bổ dương hư, chữa trẻ Sài kinh.

22. THUỘC VỀ NGƯỜI

(Gồm 6 loại)

LOAN PHÁT tục thường gọi là tóc,
Vị đắng, hơi ôn, không có độc.
Thông quan, cầm máu, trấn Sài kinh,
Chữa ly, dân, sang công hiệu tóc,

Đốt ra rồi hay dùng, nếu để sống thì rất độc, vì tóc vào bụng có thể sinh ra trùng.

Một tên là Huyết hư; một tên là Dầu phát.

TRÁO GIÁP gọi tên là móng tay,
Ngọt, mặn, không độc, mở thông thay.
Thúc đẻ, chữa huyết lâm, nục huyết,
Dịch phục, thương phong uống khỏi ngay.

Đốt tồn tinh nghiền nhỏ dùng.

"Huyết tâm": dái ra máu, "Nục huyết": mũi chảy máu, "Dịch phục" trai hay gái bị bệnh nặng mới khỏi đã vội hành phòng làm cho bệnh tái phát.

NHÂN NHA tục gọi cái răng người,
Ngọt, mặn có độc nóng hơi hơi
Chữa được nhũ ung và Đậu hăm,

Trùng lao, cổ độc khỏi tức thời.

NHÂN PHẤN là tên gọi phân người,
Hơi lạnh không độc, hay thông khởi,
Thương hàn, nóng cuồng, trừ mụn độc,
Đậu hãm, lao xương, thấp đều thôi.

DÒNG TIỂU TIỆN là nước đái trẻ,
Tĩnh lành, hơi mát, nhuận tâm phế.
Trừ lao, hạ suyễn, khỏi trung hà,
Cầm máu sát trùng, thanh nhiệt khí.

Chọn con trai dưới 6, 7 tuổi mạnh khỏe mới tốt. Khi lấy nước đái thì bỏ đợt đầu và đợt cuối; chỉ lấy đợt giữa mới tốt. Nước đái mà sắc đỏ, đục không nên dùng.

NHŨ TRẮP tục gọi là nước sữa
Ngọt, mặn, không độc, còn mát nữa
Bổ nhuận dinh vệ khỏi hư lao
Cầm khẩu, mắt đau, thấy đều chữa.

(HẾT QUYỂN THUỘC)

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH

LĨNH NAM BẢN THẢO

(QUYỂN HẠ)

HOÀNG BÁ

Hoàng Bá tính đáng hàn
Sáng mắt lại mát gan
Chữa thấp chân đau khớp
Giải nhiệt, bằng quang an
Tưới âm bằng hạ hỏa
Đảm bảo lại an toàn
Cạo vò rửa cho sạch
Thuốc thang hoặc thuốc hoàn
Tùy chứng nhiệt hay hàn

HOÀNG TINH

Hoàng tinh tốt như Sâm
Bỏ vỏ bổ trung châu
Thái mỏng phơi cho ráo
Khi mệt dùng dưỡng tâm
Bổ nhiều tốt tạng phủ
Chống mọi ngoại tà xâm

Xem vị 2 Loại cỏ hoang tập Thượng.

HOÀNG LỰC

Hoàng lực gọi cây Trung
Chữa nhiệt và cốt chưng
Ngâm nước cho hết đắng
Trị sán khí ai bằng

BỒ HOÀNG (*Bóng náng*)

Bồ hoàng thì lấy những bông hoa
Vào tháng 3, 4, cắt để nhà
Bọc giấy ba lần phơi thật kỹ
Hoặc sao hoặc sống, tùy ý ta
Sao thì bỏ huyết, sinh phá huyết
Trục huyết trừ phong cứu muôn nhà

(Xem vị 79 tập Thượng)

HOÀNG LẠP

Hoàng lap gọi sáp ong
Nấu cao tiêu nhọt ung
Chữa lỵ hơ cho chảy
Luyện vào thuốc uống cùng

HOÀNG OANH

Hoàng oanh tính mát có phương lành
Cây duối hàng rào là dịch danh
Bỏ đen dùng vàng, ngâm rửa sạch

Phơi khô sao chín, chớ dùng sinh
Tiêu sang thũng trướng rất công hiệu
Rắn rết, chớ diên thấy khiếp kinh

BẠCH TÔ

Bạch tô là Kinh giới
Làm thuốc không dùng mới
Lấy về để thật lâu
Có bệnh mới dùng tới
Giải biểu với tiêu sưng
Ngứa lở dùng tới tới

BẠCH LỰC

Bạch lực vị nó thơm,
Cay nóng và hơi ẩm,
Thấp trùng trị rất hay.
Lấy về đem tẩm tẩm.
Rối lại cho phơi khô,
Thuốc tẩy hay như sấm.

BẠCH CHỈ

Sạch chỉ vị ẩm cay,
Chữa ung nhọt rất hay,
Ngứa ngứa và lở ghẻ,
Ta vẫn dùng xưa nay,
Thứ nam tính nó mát (*Thu Bắc ấn*)
Sạch mù phải dùng ngay.

BẠCH ĐỒNG NỮ

Bạch đồng nữ và Xích đồng nam,
Phụ nữ khí hư thấy đều làm,
Huyết bạch Bạch đồng gia Bạch căn,
Huyết hồng Hồng căn + Xích đồng nam,
Dau mắt trắng vốn tên là nó,
Tính vị ôn bình, cứ việc làm.

BẠCH CĂN (*Dâm bụt*)

Bạch căn thường trồng ở cạnh nhà.
Nấu canh dùng nó mát thay là,
Rễ thời làm thuốc an thai tốt,
Ngâm rượu thường xuyên để uống hòa,
Người thể đòn rỗng bông bụt trắng,
Hợp cùng Đinh lịch bổ lao gia (*Người ho lao*)

BẠCH PHÀN

Bạch phàn chọn lấy những hoa tinh (*tinh hoa*)

Làm thuốc phi qua vị mới thanh,
Phong đờm đau mắt dùng càng tốt,
Giải độc tiêu sang, chữa rất nhanh.
Vị nớ nớ rất chua, hạ đờm chóng,
Tắm vào Ngũ vị được an lành.

BẠCH BIẾN ĐẬU (*DẬU VÁN TRẮNG*)

Đậu ván hơi ôn tính vốn hiền,
Sao rang cho chín phép gia truyền,
Đã trừ thổ tả chuyển căn tốt
Lại chữa xà thương tửu độc yên,
Hại khí trung hòa đã có sức,
Nấu đường ăn uống lại có duyên.

(Không có dùng Ở mai)

BẠCH TẬT LÊ

Bạch tật lê gọi Quý kiến sâu,
Chữa ngứa chữa mắt công đứng đầu.
Sao cháy giả gai cho nhẵn nhụi,
Tiêu tan màng mộng ở nông sâu.

(Không có dùng Trường sinh thảo)

BẠCH CƯƠNG TÂM (*Tầm chết gió = Tầm vôi*)

Bạch cương tâm gọi Tầm trắng,
Vị ngọt, tính mát lành,
Kinh giản, hầu tỵ bệnh,
Dùng tốt lại khỏi nhanh,
Sang độc cùng ngứa lở
Uống vào lại thêm lành,
Phơi dâm ở trong mát,
Chữa lao, công đàn anh.

(Ghét Cát cánh, Phục linh)

BẠCH DỰ

Củ từ là hiệu thuở xưa phân,
Bạch dự vì chưng trắng tợ ngàn,
Tính nớ chẳng hàn, ăn rất mát,
Đồ xôi cho chín mới sào xông,
Bao nhiêu chứng nhiệt trừ bằng hết,
Hễ kẻ phiền lao lại khỏe xuân.
Bỏ vỏ bỏ lông cho thật hết,
Lông ho, vỏ lạnh, độc mười phân.

BẠCH ĐỊA DƯƠNG (*Bồ cu vè*)

Bạch địa dương gọi vè bồ câu,

Tiểu mọi thũng độc công hăng đầu,
Rễ dùng ngâm rượu tiêu ử huyết,
Lá nó phơi khô nấu nước dần,
Vị nó hơi ôn, tính lại mát,
Phụ nữ khí hư rất nhiệm màu.

THÔNG BẠCH

Thông bạch gọi củ hành,
Phán hãn công rất nhanh,
Nhức đầu và đau bụng,
Dùng nó chữa yên lành,
Vào thuốc nên nướng chín,
Gia vị giải hết tanh,
Vị cay tính lại mát
Thường dùng để nấu canh.

XÍCH HOA XÀ

Xích bạch đều cùng tính độc ôn,
Tắm sao với rượu cho đàn ông hoàng,
Oa tà, nan(1) hoá, trừ cho hết
Giới lại, phong cuồng, thầy đều buông.
Độc được đã an, thời đã vậy
Khí ôn nhân vật lại hay dùng.

XÍCH ĐỒNG NAM

Xích đồng nam là cây vậy đỏ,
Phụ nữ xích dải ghi đã rõ,
Cùng nên tham khảo với Bạch đồng,
Chủ trị phụ khoa những bệnh khó.

XÍCH CẦN

Xích cần cây gạo(2) tính ôn hòa,
Chơi chơi lỏng lên đỏ trót hoa.
Vỏ nó lấy về ngoài cạo sạch,
Huyết hư đau vú chữa muôn nhà.

(xem vị 231 nt)

XÍCH ĐỒNG

Xích đồng tính mát gọi cây vông,
Rở rở đỏ hoa tốt lạ lung,
Lá chữa phong hòa, cây chữa huyết.

(1) Oa tà, nan hoá: Bán thân, bất toại, bại liệt nửa người, miêng mắt méo lènh. Lại tức bệnh phong, nút nỏ da. Giới tức bệnh ngứa, mua hè có bệnh ngứa, tháng 4 thuần dương, cái gì cũng thuộc dương, tháng 5 dương khí mới trời đầy, đây là tháng hau có bệnh thủy chân, cho nên mới có lỗ ngứa.

(2) Xích cần nguyên thủy nơi cây gạo. Song sách cần là Dâm bụt đỏ (N.D).

Hễ là phụ nữ phải nên trồng.

TỬ NIỆM (Có tên là *Thu toán diệp*)

Tử niệm cây sán mọc trên rừng
Nhuôm lưới nhuộm chài đen tựa sừng,
Rễ chữa đau lưng công hiệu nghiệm,
Chân sâu dùng lá bút mù sừng.

TỬ KHOANG

Tử khoáng cũng là cánh kiến dày.
Gắn gương gắn giáo vững như cây.
"Ngọt mận tính bình, hơi có độc,
Thêm tinh, chỉ thống kéo da non,
Bách đới, trưng hà đều chữa khỏi,
Còn như ghẻ lở cũng hay hay".

TỬ HÀ XA (*Nhau thai nhĩ*)

Bao bọc con so gói Tử hà,
Áy bào y để dưỡng con ta,
Trước dùng rượu đốt ngâm chi chín (cồn = hỏa iểu)
Chữa nữ, dùng nam ngược lại mà.
Dem treo trên vách cho khô ráo,
Gây còm hư nhược chữa muôn nhà.

HỒNG CẦN

Hồng cần có bóng hồng,
Rở ràng đẹp mắt trông,
Rễ sao thông khí huyết,
Hoa nãusmat canh lòng,
Tính mát vị lại nhạt,
Giải nhiệt rất có công

HẮC ĐẬU (*Đậu đen*)

Hắc đậu sinh về tiết tháng 3,
Dem về sao chín mát thay là,
Có phương giảm rượu trừ phong độc (Rượu đậu lăm)
Có cách đắp lưng chữa đậu khoa,
Tê thấp chà tay ngâm rượu uống,
Dùng trong rất tốt mắt ngoài da,
Đậu chọn lấy đậu hồ tiêu nhất,
Cắt để nâng phơi kéo một mà.

HẮC MẠCH

Goi là thốc nếp tính ôn lành
Ngũ cốc khen người thuộc ngũ hành,

(1) "Ngọt mận . . . hay hay" phần này do người dịch thêm vào

Có cách thổi cơm viên với thuốc,
Có phương nấu rượu dẫn mọi kinh,
Chính tên nếp cẩm, nếp đen gọi
Dùng thuở Hùng vương, vật quý tình.

THANH ĐẬU

Đậu xanh chẳng những để ngon canh,
Lâm thuốc càng hay bệnh chóng lành,
Đậu chần, ung thư, đồ rất hiệu,
Ruột gan cồn cào, uống càng nhanh,
Ỉa chảy ăn vào mau khỏi bệnh,
Bột tiêu trướng khí vẫn hồi sinh
Đau nhức uống vào ầu cũng tốt,
(Đậu) đậu sị là đây, thật đích danh(1)

(Xem vị 92 nt)

- 96 -

THANH ĐẠI

Thanh đại lá chàm để nhuộm xanh
Tính nó toan hàn chất lại thanh.
Dùng để tẩy giun, hay đào để,
Lam xuân tục gọi đã thành danh.

THANH TÁO

Kìa xem Thanh táo gọi Trường sinh,
Mọc ở vườn đông chốn cảnh thanh,
Đau mắt chân thương cùng thống trướng,
Tiêu đan tán ử được công danh.

THANH CAO

Thanh cao tính ôn nhuận,
Chữa gái thông, nam nuy, (liệt dương)
Lấy rễ đem rửa sạch,
Sao rượu cho chín đi.
Đánh mắt, tra dừng uống,
Uống vào hại, ích gì.

CAO LĂNG

Cao lăng cay đắng gọi Xà sàng,
Hạ khí ôn trung, lại trắng dương,
TRục ử trừ phong tiêu bí khối,
Tắm bệnh ngoài da, hiệu phi thường.

THANH DƯƠNG TỬ

Thanh dương tử gọi quả Găng xanh,

(1) Đậu xanh, đậu sị. Tài liệu ngày nay nói Đậu sị là gốc từ đậu đen chế thành (ND),

Phá hết côn trùng, bệnh lại lành.
Chớ lấy lá to mà có độc,
Phải tìm lá nhỏ hiệu công nhanh,

THANH NGƯ ĐỒM

Thanh ngư mặt cá Trám giang hồ,
Mua lấy đem về và để khô,
Chữa kẻ té cây (ngã cây) cùng nhiệt độc,
Vị chứng tinh phở thủy ngao du.

Ô DƯỠX (Không có dùng Hà thủ ô)

Phép dạy xưa kia nhớ kỹ này,
Trước chữa vỏ rễ mới là hay,
Làm quân, thuận khí, tiểu tiện hoạt,
Phúc thông, toan đông, cây có mây,
Bãi biển là xanh là cỏ tốt,
Trên rừng tạm vụ có đậu tày,
Phong tê, tê thấp phá tan hết,
Có nó ta đừng Bán hạ rày,
Huyết lạnh phụ nhân nên tắm rượu,
Tinh ôn kỵ sát, đựng đôi ngày

(Xem bài 286 nt)

Ô CƯU

Cây sồi tính nhiệt, độc thay là,
Tắm rượu sao qua, tẩy hạ đa.

Ô TẠC CỐT (Không có dùng Mẫu lệ)

Ô Tắc gọi Mai mực,
Còn gọi Hải phiêu tiêu,
Thông kinh và phá huyết,
Cách dùng phải đem thiểu,
Chữa mắt có màng mống,
Để lâu kiến hiệu nhiều.

Ô LONG VĨ

Tân nhiệt Ô long hui trên rừng
Lấy hòa, lọc, tán để trong rương,
Hay tiêu thũng thống, đắp ngoài mụn,
Trùng thiệt(1) hầu kho nó kiên cường.

Ô MAI (Không có dùng Tang bạch bì)

Ô mai nên lấy lúc còn non,
Xông khói trên giàn (bếp) cho héo đòn.

(1) Trùng thiệt. Lưỡi sưng nề, nề như hai cái lưỡi nhập một.

Vùng với Ô long dùng lẫn lộn,
Tính hay giải khát, thế gian đồn,
Liếm thu phế khí hay điều độ,
Tứ tích tiêu trừ bốn chẳng còn,
Tên nó mơ sương ta vẫn gọi,
Quá mơ là nó, tính toán ôn.

Ô PHIẾN (*Rẻ quạt*)

Tính ôn lấy nó Hải tràng sa,
Gọt củ, xói, phơi, cất để nhà,
Chứa yết hầu cùng đơn cái độc,
Có phương tắm rượu, có phương để,
Dùng để lâu dùng, có hại mà,
Tiên nhân chường cùng Diên vĩ thảo(1)
Xạ can, Quỷ tiễn, cũng một nhà,
Đặt tên Rẻ quạt cũng là nó,
Dù 6 tên tròn, ai biết ta.

HÀ THỦ Ô

Hà thủ ô nấu chín đã an,
Bỏ vỏ cho hết lại âm can,
Hơi ấm vị đắng, kiêng dao sdsát,
Dường lão khu phong gọi Hợp hoan,
Tóc đen da đẹp, tăng tuổi thọ,
Sáng mắt thêm tinh, sức khỏe toàn.

HỒNG HOA

Hồng hoa tính vị thật ôn tân,
Dời gọi "đào lâm", tốt thập phần,
Chẳng những nhuộm điều cùng nhuộm thắm,
Và hay thanh nhiệt lại hồi xuân,
Dưỡng huyết uống vừa, công hiệu mạnh,
Thông kinh thì phải nó vì quân,
Ủ huyết cũng tiêu, phòng cũng chữa.
Bỏ vàng cho hết mới lương chân,

CÚC HOA

Cúc hoa vị ngọt đắng,
Hái về xói cho kỹ,
Chứa nhức đầu mờ mắt,
Giải nhiệt cầm nước mắt,
Chứa nọc độc vào mắt,
Còn các loại đau mắt,

(1) Tiên nhân chường là xương rồng bà, *Opuntia dillenoc ker Gawl.* . Haw Diên vĩ thảo. Lay ơn *gladiolus hyleridus* Hort. Xa xan, Củ rẻ quạt. *Belauncanda chinensis* DC.

Chồn chồn thấy đều lên,
Nửa khô nửa y nguyên,
Dùng nó thấy được yên,
Mắt đỏ đều khỏi liền,
Dùng Bạch cúc chớ quên,
Hoàng cúc xưa đã truyền.

(Hoa ngọc gọi "Áo đầu canh cúc hoa", tên khác là "Tiết cúc", có 2 loại: Một loại cong tía, hương vị thơm thì tốt, một loại cong xanh vị đắng, lại có thứ gọi là "Quyên trần", hoa xanh lẫn vàng, duy có thứ vàng là quý nhất, hoa nó gọi là "Đế nữ học").

HÒE HOA

Hoa hòe vị đắng, lạnh, chua,
Vừa sao vừa chích lại vừa thiếu khô,
Tràng phong, Trĩ lại, chữa tài,
Tùy cơ ứng biến liệu bài mà gia,
Lại chữa đại tràng nhiệt tả,
Công năng giải nhiệt người ta vẫn dùng.

(Xem vị 214 nt)

KIM NGÂN HOA

Kim ngân hoa tục gọi Nhãn đồng,
Vị ngọt không độc, lại tiêu ung,
Uống vào tiêu độc hay vô kể,
Mới tụ thì tan, lâu phá thông.

MẬT MÔNG HOA

Thực dóa hoa kia gọi Mật mông,
Ngọt và mát mẽ tính nên dùng,
Kiềm trị thông manh và chữa mắt.
Uống vào hiệu nghiệm gọi bóng lòng,

NGUYÊN HOA

Bóng hoàn hai chữ gọi Lan hoa,
Thuốc gọi Đăng tâm thảo ấy là(1)

LANG HOA

Lang hoa thực nó gọi tua cau
Tính độc hàn hay để giết sâu,

DIÊN HOA

Diên hoa vốn nó gọi hoa đơn,
Chưng nấu cho hồng, bớt tính hàn.
Chẳng những vẽ tranh xanh với biếc,
Bao nhiêu nhiệt độc ấy đều tan.

(1) Nguyên hoa không phải Đăng tâm thảo. Nguyên hoa là vị thuốc trừ thủy mạnh.

KÊ QUAN HOA

Thanh tương tử gọi là kê quan,
Thực ấy đuôi mang vắn đã bàn.

HỒ LỒ QUA

Hồ lô tục gọi quả bầu khô,
Thấy nó ai ai cũng muốn mua,
Qua lửa tán rây cho nhỏ mịn,
Trúng hàn trúng thử cũng nên đồ,
Vì chưng tính lợi như mà mát.
Qua lửa cho nên mát chẳng có.

(cô đơn, nghĩa là nhờ qua lửa mà trở nên ấm. N.D)

CẦU NOÃN HOA

Cầu noãn gọi quả chay,
Chứa giun sán rất tài,
Đau bụng cùng thanh á (cám),
Dùng nó đều khỏi ngay,
Hạt trần châu là nó,
Chứa bệnh ho lâu ngày,

SỨ QUÂN TỬ *(Không quả dùng dây, rễ)*

Tính nó cam ôn gọi quả giun,
Sao rồi bỏ vỏ lại phơi dòn,
Tẩy trùng dùng nó liền yên da,
Cam tích cho vào lại khỏi luôn,
Ly trọc hay thanh đều dẹp hết,
Dùng cho con trẻ chẳng ngoa ngôn.

CÁM LÂM (CA NA)

Quả này trám trắng gọi cam đường,
Mỹ tính toan ôn, khác vị thường,
Tiến thực, ngon cơm, trừ chứng khí
Tiêu đờm, phá lạnh chứa hàng phương

TÁT TRÚNG GIÀ

Mang tang là "ớt", tính tân ôn,
Tắm rượu đem sao để tính tồn,
Chứa sán, chứa giun đều dẹp hết,
Nào chướng nào đau thấy khỏi luôn,
Xuyên tiêu tiếng vậy sao bằng nó,
Ăn lắm thời tiêu, giải độc môn.

(Xem vi 185 nt)

HẠNH NHÂN (*Không có dùng Đào nhân: ghét Hoàng cầm có tên Lão âm nhân*).

Hạnh nhân tính đắng ấm,
Bỏ vỏ, đầu nhọn, tẩm,
Tán bột để cho khô,
Thông kinh uống hay lắm,
Chữa ho, tiểu tiện nan,
Dùng vào thanh phế ẩm,

SA NHÂN (*Không có dùng Xà sàng*)
Ấy nghĩa Sa nhân, hột súc sa,
Dùng Long can tẩm mới sao qua,
Có phương tẩm rượu có phương để,
Phương tẩm đồng tiện, phương mẽ hòa.
Để chữa an thai, con mới mát,
Cũng hay dưỡng vị dưỡng tỳ gia,
Chữa sang chữa thống đều tiêu diệt,
Phá ứ thông kinh, tức cũng hòa,
Tính nó thật ôn lương phải tẩm,
Quảng Tây sinh sản kể hàng hà.

TOAN TÁO NHÂN (*Không có dùng Nhãn đông đằng cũng hay*)
Toan tảo nhân là giống thị thường,
Bệnh lao chữa được lại nên hương,
Điều hòa ngũ tạng an phong thấp,
Trừ khử tâm phiền, trị thất thương,
Tính vị ấm chua, tên "tiểu tảo".
Lâm thời bỏ vỏ bạch tinh thang.
Chữa bệnh ngủ nhiều nên để sống,
Không ngủ đem sao hiệu mới cường.

(*Xem vị 229 nt*)

HÀ NHÂN. SEN

Can hà vị ngọt mát, Ngó sen trắng như ngân,
Liên phòng khác liên nhục. Thanh âm lại dưỡng thần
Chỉ tả kiện tỳ vị, Tăng sức khỏe lên dần,
Liên phòng phơi khô ráo, Tiêu phù thũng toàn thân.
Ngó sen lạnh chữa nhiệt, An tâm dùng làm quân.

QUÍT HỒNG

Hồng quất nhân là hột quít hơi,
Trong vòng trời đất khéo tài bồi,
Sao khô bỏ vỏ tán cho mịn,
Đau bụng hòa vào bệnh chóng lui.

ÍCH TRÍ NHÂN

Kìa xem ích trí tính ôn tân.
Hột Ré trên rừng bóc lấy nhân,
Mế tằm sao khô đem tán hỏ,
Trúng hàn trúng thấp hợp làm quân,
Định khí an thần, kinh sợ dẹp
Di tinh són đái (*cả đái đầm*) bớt dần dần.

DÀO NHÂN

Đào nhân tính nớ vốn cam hàn,
Thông kinh nhuận hoạt, đại tràng an,
Ủ huyết thổ đờm đều chữa được,
Đào nhân làm chủ giải thiên nan,
Cách dùng bỏ vỏ sao cho kỹ,
Huyết hà huyết khối thầy tiêu tan.

(Xem vị 154)

QUA LÂU

Qua lâu tính ôn nhuận,
Chữa ho dùng làm quân,
Suyễn đờm, gan lạnh thấp.
Tiêu thực hay như thần.

LÊ CHI

Răng hay quá vài mọc vườn đông,
Hột nó là nhân bỏ vỏ hồng,
Đồ chín đem phơi cho khô chất,
Chữa con đậu sởi ất thành công.
Vỏ điều tả lý thông đường ruột,
Tính nó toan ôn cũng phá thông.

LÃO LANG NHÂN

Bình lang là hột quả cau ăn,
Lấy để phơi khô dụng mới thần
Sao lửa chẳng hay vì sợ lửa,
Sát trùng hạ khí dụng làm quân,
Sơn lam tả lý dùng lang lão,
Có lão bình lang mới phải tuần,
Sốt rét rừng thì dùng để chữa,
Rễ dùng để sát hết trùng mân (*muỗi*)
Quả thì tính nớ lại cay mát,
Phá khí trục đờm thủy tiêu dần.

LONG NHỊ

Long nhị là nhân mướp đắng (*khổ qua*) này

Kẻ nào chốc lở nó đổ hay,

MAO CĂN

Mao căn thực nó rễ cỏ tranh,
Thay được Hoàng liên, ai biết chẳng.
Tính mát mà lành, lông bỏ sạch.
Dun sao cho nở, cát cho từng,
Nó chữa nọc huyết cùng lao nhiệt,
Trúng nhiệt công hay, danh lấy lừng.

THÁI BỘC CĂN

Bộc bộc tên là Thái bộc căn,
Tính nó ôn ôn chẳng kém phần,
Người lớn trẻ em tả cùng lý,
Uống vào bệnh khỏi lại lên căn,
Lấy rễ phơi khô, sao cát để,
Bốn mùa ôn dịch hiệu như thần.

HỒ DIỆP CĂN

Bươm bướm cây kia mọc cạnh đường,
Trông xa xanh trắng chọn hoa vàng,
Phụ nhân huyết hạch tìm cho được,
Cơ thể hao mòn cấm dụng phương,
Tẩm rượu sao ngay phơi cát để,
Chân tay đau chấn được an cường.

BÁCH GIẢI CĂN

Bách giải, nhìn xem vị khổ ôn,
Một là bãi biển mọc trên cồn,
Hoặc cây hoặc rễ hoặc là lá,
Trừ tức trừ đau trừ tả ôn.
Trúng thử trúng hàn cùng Quỷ xạ,
Cùng ai độc được giết trùng côn.

(có tên Dã Khố luyện)

CÀN CÁT CĂN

Bã sẵn ai ngờ Càn cát căn,
Vị ngọt mà mát rất nên cần,
Thương hàn phát biểu lý ôn khỏi,
Chỉ tả mà hay giải tửu thần,
Chấn đầu trước sau đều thể tướng,
Bột thời lao nhiệt bổ lên căn.

TRỪ MA CĂN

Trừ ma căn là rễ cây gaim
Lá dùng làm bánh, chỉ làm chài,

Củ để chữa ung cùng chữa cái,
Đại hàn tính ấy chữa lao tã.
Củ mang nấu gạo hay điều tã
Hỏa nhiệt điều hòa, trúng thử giải.

DẰNG CĂN

Vốn gọi Dạng căn ấy rễ chanh
Tính lạnh chua đáng để dùng sinh,
Chữa ho chữa thổ, chữa hầu thông,
Trừ tức trừ phòng, trừ thất thanh.

(Tục truyền: Từ thời khái thất bất quá rễ tranh, khản cổ thất thanh quá ngưu tất, lỗ mũi chốc sách, ngưu tất lá tranh).

BÁCH BỘ CĂN

Bách bộ căn đào thuở tháng ba,
Khử tâm ngấm rượu phéy y gia,
Hễ là đờm thẩu trừ cho hết,
Lâm bế đều thông hiệu chẳng xa.

THUYỀN CĂN

Thuyền căn vốn nó gọi Kim lương,
Yính nó ôn hòa chữa huyết hồng,
Trừ nhiệt độc cùng, trừ thổ huyết,
Đào thương cầm máu đã nên công.

TÍCH LỊCH CĂN

Tích lịch căn là củ tầm sét,
Lấy về rửa sạch cát cho nhỏ,
Phơi khô mà cất để trong rương,
Quý xạ khí ôn đều chữa đủ.

CỬU LIỆU CĂN (có tên Hoàng chi căn)

Bổ đở căn là Cửu liệu căn.
Lấy về tẩm rượu sao cho dòn,
Có ai phù thũng thời cho uống,
Vì nó ôn bình, tiêu thũng luôn,

XU CĂN

Tựa xuân căn cả gọi xu căn,
Vị đắng nhưng mà mát thập phần,
Táo thấp trệ băng cùng hoạt dạ,
Trường phong hạ huyết sáp tinh cần.

MỘC THÔNG (Không có dùng Cam phao bì)

Gọi nó là dây ruột gà,
Mà Lê trường thảo cũng là một tên

Thông kinh bế khiếu khai liên,
Không nên để nó lâu niên mới dùng.
Nhiệt, thấp, nhức đầu chữa yên,
Tiểu tiện ra máu uống liền khỏi ngay.

MỘC QUA (*Không có dùng Tang ký sinh*)
Mộc qua mọc ở non cao,
Chuyển cân hoắc loạn uống vào khỏi ngay.
Bổ ruột tẩm rượu mới hay,
Chân sưng cước khí, đêm ngày khóc than.
Khỏe thân mà tính không hàn,
Lại hay bởi nó vị toan mới hào.

MỘC TẠC (*Không có dùng Hòe hoa*)
Vị này thời lấy tháng ba tư,
Phơi ráo nắng xem, chớ để mưa,
Nó để lâu năm dùng mới hiệu,
Ích can sáng mắt, mộng tiêu trừ,
Vị ngọt lại càng tiêu tích tụ.
Gái dùng nên tẩm rượu bổ hư.

MỘC MIẾT (*Hạt gấc*)
Kìa xem Mộc miết tính cam ôn
Bỏ vỏ ta làm thuốc mới ngon,
Sang độc nhủ ung mài những hột,
Lưng đau chân sưng dụng cân tồn(1)
Hạt thì đồ chín, phơi mà để,
Rể nó sao qua cho héo dòn,
Phòng kỷ hay tên cùng hạt Gấc.
Thường đồ xôi đỏ để ăn luôn.

ĐÀO MỘC
Bác quốc đào viên kết bạn hiền,
Hồng hoa lá biếc thực đào tiên,
Lá kia sắc uống máu thẳng thượng,
Cành nó đen đau nhức yên.

MỘC MIÊN
Mộc miêng gọi cây gạo,
Phụ nữ dùng gói đầu
Chữa huyết bạch, huyết trệ
Thanh nhiệt phải nên cầu.
Bạch ty mộc, cây gạo,
Tơ chung quanh trước sau.

(1) Cân tồn: dùng rễ sao tồn tính.

MỘC NGUU

Mộc ngưu đời gọi ấy hoa Ngâu,
Độc được trừ tiêu, nó ở đầu,
Muốn đỏ má thời bao chín chấn,
An lòng chẳng ác kéo còn âu.

TÔ MỘC

Tô mộc cây vang vốn gọi là
Chứa tiêu ác lộ (máu hôi) trưng hà,
Lại trừ tích huyết, kinh nguyệt, sản.
Tính nó cam hàn, trật đá già,
Lấy những lõi vàng mang tắm rượu,
Tốt cho trai gái phạm phòng hoa.

TÔNG LƯ

Tông lư gọi Bẹ móc (*dùng đình*)
Dùng chữa bệnh hiểm nghèo,
Phụ nữ đại băng huyết,
Ngâm rượu uống kèm theo.

(Xem vị 211 nt)

LÃO MAI MỘC

Lão mai mộc gọi nó cây Mơ,
Tích nhiệt song le thấp thũng trừ,
Dùng nó pha trà hay nấu nước,
Uống quá lâu ngày khí cũng ru

TRÚC MỘC

Cầm dao cạo lấy vỏ xanh dùng,
Trúc như, Tinh tre, cất để dùng,
Nó chữa ho đờm cùng nôn mửa,
Kiên trì vị nhiệt bởi hàn xung,
Nhức đầu mất ngủ dùng mau khứ.
Biết cạo tinh tre non hòa giọt nước,
Ấy là Trúc lịch để cho trong.
Âm hư cừ hạn, nhiệt phiền khát,
Trừ nhiệt, tiêu đờm, ấy có công.

THANH BÌ

Thanh bì ta lấy thuở tư ba,
Nước nóng ta dùng ngâm rửa qua,
Bỏ nuốm đã rồi lại bỏ ruột,
Tiêu kiên thanh độc tốt thay là,
Nó định can tỳ tiêu ứ trệ
Tính nó vị chưng đáng lành mà.

TRẦN BÌ

Trần bì phép khác tính Thanh bì.
Dun nước hầm hãm bỏ trắng đi.
Dùng lấy nồi rang sao nấu quá,
Thanh đàm chữa khí chớ hồ nghi
Để trắng thuận khí và khoan cách,
Bỏ trắng hòa tỳ tẩy dờm đi,
Hồng quất lấy bì gần khới bếp,
Cam ôn tính vốn gọi trần bì

QUÍT BÌ

Quít bì vỏ quít hôi,
Dùng nó bóc lấy vỏ
Dau vú và tức ngực,
Tẩm rượu sao lại phơi,
Chữa đau bụng đi ngoài,
Uống vào chóng phục hồi.

TÙNG BÌ

Tùng bì vỏ cây thông,
Lõi thông gọi Tùng tiết,
Nhựa thông tiêu khí thũng.
Tiêu dờm thũng có công,
Thấp thũng, Đơn thũng thông,
Ngàn năm Hồ phách hồng.

ĐỊA CỐT BÌ

Địa cốt bì là vỏ Câu kỷ,
Kìa xem trong sách thực hàn vị
Giải cơ thoát nhiệt tính bình thường,
Cốt chưng hãn xuất hay không tỳ,
Lại có mạnh âm bồi bồi dương.
Hồi xuân muốn bệnh yên thần chí.

CAM PHAO BÌ

Quả bưởi ai hay vỏ cũng hào,
Chữa phương phù thũng lại nên tiêu,
Tính ôn phá khí tiêu trừ dịch.
Đơn thũng đều tan, huyết cùng điều.

ĐẠI PHÚC BÌ

Chàng trẻ chẳng già Đại phúc bì,
Bỏ tâm ngâm rượu 1 đêm kỳ
Ngâm với đậu xanh, đem rửa sạch,
Kéo cơ phân chim cứu cơ độc,

Vị nó hơi ôn, tiêu phù thũng,
Cách tiêu⁽¹⁾ vị mạnh, lại điều tỳ,
Tính thời hủ hỏa, chờ cho phạm,
Dùng thứ lấy ngày mới thích nghi.

(Hay Nhân sâm, Mạch môn đông).

PHỤC LINH BÌ

Phục linh bì là vỏ Phục linh,
Mua về gọt lấy củ để dành,
Có ai bệnh tật ta làm thuốc
Vừa mát vừa ôn, chướng khí thanh,

SÚC SA BÌ

Súc sa bì là vỏ Súc xa (*Súc sa nhân*)
Chữa bệnh phù thũng thật hay là
Gạo ngâm lấy nước để ta tắm,
Tán lại sao khô kéo nát ra,
Tắm rượu tắm gừng không nhiệt chứng,
Chướng, bành, thũng, tức, phá hết tà.

LÊ CHI BÌ (*vỏ quả vải*) (2)

Một là bỏ cây bỏ hạt xong.
Gọi Lê chi bì, tính nhiệt nồng,
Dem tiến quan Lang ăn để vỏ,
Chữa phùng đau dạ nó thành công,
Dù ai phù thũng không ngon miệng
Nấu uống cũng tiêu khí được thông
Gốc ở Thúc xuyên nơi đất Thục,
Đời Đường mang nó cấy vườn Đông.

TOAN GIỐC BÌ

Giốc bì vốn gọi vỏ lõi Me,
Nấu nước mà dùng chẳng kém chè (trà)
Nó chữa chướng đơn cùng tiêu khát,
Tiêu trừ phù thũng chẳng còn e,
Tính ôn chữa được sơn lam khí,
Bác phạt nam chinh ai dám bì.

NGŨ GIA BÌ

Tính hàn là nó vỏ chân chim,
Mọc ở khắp nơi lọ phải tìm,
Phép khiến âm dương và chữa thũng,
Trừ sang độc khí có công thêm,

(1) Cách tiêu: tiêu các bệnh ở vùng ngực

(2) Quả vải. Bắt đầu thấy ở đời Hán, xuất xứ khu vực Lĩnh Nam sau thấy ở đất Thục.

Ích tinh, cổ sáp, mạnh gân cốt,
Phong thấp đau tê uống cũng êm.
Lại có 1 loài gọi cây xiêm,
Một cuống năm lá ai nhận xem,
Cũng gọi gia bì, bảo cho biết,
Dùng nó thì hơn vỏ chân chim.

Phản Huyền sâm, gọi là cây Xiêm hương, không phải loài dây, cũng không phải loài
cây, có gai nhỏ, làm bờ giậu, chế theo thất chế để dùng:

1. Ngâm nước gạo 1 đêm,
2. Ngâm rượu ngon 1 đêm,
3. Ngâm nước gừng 1 đêm,
4. Ngâm nước tiểu trẻ em 1 đêm,
6. Ngâm nước phèn 1 đêm,
7. Ngâm nước bồ kết 1 đêm.

Sau cùng dùng nước Bạch diêm rửa qua phơi khô để dùng.

TANG BẠCH BÌ

Tang Bạch bì là vỏ rễ dâu,
Cạo hết vỏ trong mang tẩm rượu,
Chứ dùng dao sắt kỵ hiểm nhau,
Tính nó ngọt cay, nên dùng mới (thứ mới)
Chữa huyễn trừ ho hiệu rất mau,
Tả phế hỏa tả công chẳng kém.
Tên khen Đế nữ tượng phu cầu.

MẪU ĐƠN BÌ

Mẫu đơn bóc hết bỏ xương trong,
Rửa rượu sao khô cắt để dùng,
Tán mịn để phòng tiêu huyết ú,
Vị thường chẳng độc, nguyệt kinh không,
Cốt chưng có nhiệt cùng vô hãn,
Nó phải sao qua mới để dùng.
Đơn đế sao rồi, đơn khác đế,
Hồ tụy phản kỵ chớ tranh hùng.
Lại hủ Thỏ ty, không có dùng Quan quế.

DUNG THỤ BÌ

Dung thụ bì gọi vỏ cây da,
Da lòng thứ nhất, tốt thay là,
Chữa phùng phù thũng cùng đau dạ,
Chướng ngược sơn lam uống hiệu mà
Sân hậu thũng phù tiêu cũng khỏi,
Vu di tên đặt phép Y gia,

BẠCH LONG BÌ

Bạch long bì gọi nó Vô Chu biên,
Phá khí tiêu bành tức lại yên,
Đại tiện không thông dùng lấy nó,
Làm viên thuốc tẩy, hiệu thấy liền.

PHÁT MAO BÌ

Xem phát mao bì gọi Tóc ngôi,
Huyết dư cũng vậy chẳng đòi hỏi,
Chữa phũng Nục huyết ai hơn nó,
Đốt tán ra tro uống mới trôi.

TẦN BÌ

Tần bì gọi nó vỏ cây da(1)
Vị nóng hàn mọc khắp xứ ta,
Lấy để âm can và tẩm dấm,
Dau mắt thông manh chỗ bỏ qua,

KHA TỬ

Kha tử nguyên lại vị đắng thay,
Sáp trường chỉ lý nó đều hay,
Lại trừ đờm khái cùng suyễn cổ,
Giáng hỏa hòa can liễm phế nay,
Luôi chín rồi đấm cho nhỏ mịn,
Gia vào thang thuốc lệ xưa nay,
Không có dùng quả Trám thay.

BÁ TỬ NHAN(2)

Bá tử Thiên triều, vị no cam (ngọt)
Bổ tâm ích khí nữ cùng nam,
Bổ hư liễm hãn, trừ kinh sợ,
Ngũ tạng đều yên dễ tiểu đàm.
Bá tử nhân rày mọc khắp chốn,
Vốn xưa dấu tích ở Hà Nam.

QUỲ TỬ

Ngoài cửa Đông hiên mọi cảnh nổ,
Hoa vàng trong tím, thái hong khô,
Phá tan mọc thiệt, thôi nan sán,
Hột nó sơ thông, lá lại đồ (xôi)
Tục gọi bông vang là chính nó,
Công tiêu huyết thũng chẳng còn thua,
Vị nó không cay, nên dùng mới,
Hễ có Phù bình thì chờ cho.

(1) Tần bì. Vỏ cây Trăn. *Fraxinus chinensis* Roxb.

(2) Thiên triều, chỉ Trung Quốc thời phong kiến đất đai rộng uy quyền khắp gọi là vua Thượng vị

PHONG TỬ

Có tên Đại phong tử.
Phong tử hột Lưu hoàn(1)
Sao chín dùng mới an,
Tính ấm dùng bỏ vỏ,
Ghê lở hay vện toàn.

LA BẮC TỬ

La bắc yếu thay giống nước người.
Củ thời nó mát, cắt ăn tươi,
Hột nó sao qua để làm thuốc,
Đờm dãi cạnh sườn nó chữa lui.
Phá khí tiêu bành công có nó,
Ngược chưng, đờm cục phải dùng người,
Tính ôn tên gọi là "Khổ trúc"
"Lú bú", hương thôn để tiếng đời,
Củ nó "hồ lô ba" khác tiếng,
Cùng tên La bắc khá suy chơi(2).

MAN KINH TỬ

Man kinh ấy thực hột Quan âm.
Hái lấy đem về phun rượu ngâm.
Phơi ráo nửa ngày đem cắt để,
Bạch trùng, tê thấp, chẳng còn xâm,
Hay chữa nhức đầu, co giật bệnh,
Với người nước mắt cộng đau tâm,
Tính nó bình thường, vị nó đắng,
Mọc nơi bãi biển cổ sưa tằm.

(Húy Ó đầu, Thạch cao)

NGŨ VỊ TỬ

Quê gọi Thù cơ hoặc Nấm cơ,
Hột vỏ thịt có tính toan cam.
Dây mạn, cay, đắng kiêm 5 vị,
Phơi ráo tằm hong, thay Hắc nam
Ho lâu lao tổn, điều mọi bệnh,
Sinh tân chỉ khát lại tiêu đờm,
Có uống xin đừng tham uống quá,
Uống nhiều nhiệt bế, tả bị giam.

(Phân Ó đầu)

THƯƠNG NHĨ TỬ

Thương nhĩ cây này muốn nấu cao,

(1) Đại phong tử, ngày nay gọi là Hột Chum bao.

(2) Hồ lô ba, ngày nay là củ cá-rốt.

Dâm ra lấy nước nấu sôi trào,
Thấy đông trước phải che cho kín,
Nhất thiết phong co công rất cao,
Lá chữa phong sang xông, tắm, uống.
Ngoài da phong thấp, liệu cho vào
Hột sao tán mịn, ta dành để.
Ngâm rượu tiêu phong khỏi hắc lao (lác).

QUYẾT MINH TỬ

Ấy hột muồng là Thảo quyết minh,
Uống vào sáng mắt khỏi thông manh,
Nó chữa can nhiệt, cầm nước mắt,
Tỳ nục, tài kiêm chỉ huyết hành.

(Ngày 10 tháng 10, hái về phơi râm, kỵ Thiên ma)

KHIÊN NGƯU TỬ

Hột bìm bìm gọi Khiên ngư,
Thuốc dùng sống hoặc sao,
Đều bỏ vỏ tán mịn,
Trùng cổ phù thũng tiêu,
Chữa khí tích, thông tiêu,
Hòa cục, ủng trệ điều,
Thứ trắng (*Bạch sừ*) hiệu nghiệm ít,
Thứ đen (*Hắc sừ*) tác dụng cao,
Có thai đừng cho uống,
Vị nó đắng lạnh nhiều.

CẦU KỶ TỬ

Cầu kỷ tính lành, chữa liệt dương,
Uống vào tác dụng mạnh ai đương,
Lấy quả đem về chưng 9 bận,
Chưng chưng sái sái *phơi*) chớ coi thường,
Vị nó cam ôn, nên rửa rượu,
Ích tủy thêm tinh, dương chống cường,
Dùng nó ta thường ngâm rượu uống,
Nam nhi chùng tử thật lương phương.

(Không có dùng Thò ty tử tức hạt Tơ hồng xanh thay thế).

TÔ TỬ (*hột Tía tô*)

Tô tử hạt nó thường cay,
Tiêu đờm chỉ khái công hay vô cùng,
Sao khô khỏi một ta dùng,
Hòa là tâm phế ung dung hạ liên.

XA TIỀN TỬ

Kìa vị Xa tiền hạt Mã đề,
Tính hàn thường mọc khắp thôn quê,
Uống vào đại tiểu đều thông lợi,
Mất đau tâm nhiệt chữa hay ghê,
Lá nó chữa người khi phải dẫu,
Hột sao lá để việc thường lề.

NGƯU BÀNG TỬ

Một vị ba tên ấy hữu tình,
Ngưu bàng, Đại lực, Thử niêm đang,
Vị cay có độc chữa sang độc,
Ban chẩn, yết hầu chữa rất nhanh,
Sao chín cất đi cho khỏi kiến,
Năng phối kéo mọt mới nên lành.

LUYỆN TỬ

Sâu dẫu, Khổ luyện với Xoan dẫu,
Tính độc nhưng mà tác dụng mảy,
Rễ nó tính hàn trừ tích tụ,
Sát trùng chỉ thống hiệu càng mau,
Hột thì vị đắng, công tiêu thủy,
Trúng thấp trúng hàn ai kịp dẫu.

PHUỘC TIỀN TỬ

Tiên tử tên là hạt móng tay,
Có tên Dương thị chỉ ai hay,
Xuân hoa đào Lý đua tươi tốt,
Lấy hạt đem về cho tán ngay,
Đau bụng thời dùng gừng nấu uống,
Chữa phùng rắn cắn phải đắp ngay.

DƯƠNG GIÀ TỬ

Già tử hột hột cà đại,
Lang beng đắp rất hay,
Tính nó nhiệt và độc,
Vấn thường dùng xưa nay.

HỖ GIÀ TỬ

Hỷ già tử gọi hột cà quánh,
Dùng chữa sán khí làm người tỉnh,
Hoặc hỏa tửu ngâm ta để dùng,
Hoặc đem bào chế tùy ý định.

ĐỘC DƯỢC TỬ (có tên Tiên dược tử)

Gọi cà độc dược, độc thay là,
Dùng độc mà ăn độc lại qua,

Chứa phùng chó đại hay vô kế,
Độc hay giải độc há rằng ngoa.

HÒA MA

Hòa ma vốn gọi hột cây gai, (dầu)(1)
Vị cam thông kết, nhuận trường tái,
Thôi sinh xuống sữa hay vô kế.
Tiểu thủy năng hành, công kém ai,
Nó với rau lam ăn tiện lợi,
Thơm ngon mà lại nhuận trường hay.

NGÔ ĐỒNG TỬ

Hột tròn vền vền tựa bồ hòn.
Dong dong mọc lên thế đã tròn,
Giống nó trừ ôn phá khí,
Lại còn chứa được phạm phòng môn,
Bạch ngô là loài không có hạt,
Có hạt Ngô đồng sao mới ngon.

VÔ HOẠN TỬ(2) (Nguyên văn Vô thực tử)

Bồ hòn quả nó chẳng nên ăn,
Vị đắng, ăn thì hại đến thân,
Rán cần, thuốc ăn còn nọc độc,
Hột mài thấm giấy dịt lên cần,
Ai mà đau sán dùng làm thuốc,
Hơn vô sấu đầu dùng hại người.

DINH LỊCH TỬ

Dinh lịch gọi rằng ấy bột đay
Nấu canh bổ tạng nó ngon thay,
Hột thì cay đắng, thông lợi thủy,
Tiêu thũng trừ đờm chỉ khái hay
Suyễn thở phế ung dùng cũng được,
Biến chứng mọi chứng nó ai tày. (Ghét Đỗ trọng)

DIỆP PHU TỬ

Diệp phu tử tính nó hàn thay,
Tả nhiệt bằng quang dùng rất hay,
Ghế lở ngoài da trừ hết sạch.
Bao nhiêu ngứa ngứa chẳng còn rày.
Gọi hột hao hao là tên nó,
Thêm bổ tinh thân cũng có mảy.

CẨM ĐỊA LA

Cẩm địa la tên gọi củ Ram (Cỏ tỷ gà)

(1) Gai dầu, Hòa xa, Cần xa cũng là một.

Củ gà cũng nó cả ba kiem,
Nào ai xương cốt tên đau buốt,
Thuận khí chân đi khắp Bắc Nam.

DINH LĂNG TỬ

Goi nó Trần sa lực đáng hăng,
Vuốt hung cũng nó hột Đinh lăng,
Thương hàn dai bụng thì trừ hết,
Đơn ngược đau lưng chữa đã từng.

TRÚC DIỆP *(lá tre)*

Trúc điệp vị nó cam
Dạm trúc tiêu phong đàm.
Tiêu phiền trừ khát, suyễn.
Đậu chấn ta đều làm.
An thai thoái nhiệt tốt,
Xưa nay vẫn luận đàm.

TỬ TÔ DIỆP

Tử tô tính vị nó tân ôn,
Cảm mạo phong hàn uống khỏi luôn,
Tiêu thũng tiết mẩn nó đều tốt,
Công chuyên giải biểu thế gian đồn.

KÊ TÔ DIỆP

Kê tô điệp cũng gọi Bạc hà,
Vị ôn lại chữa được lâm gia⁽¹⁾
Nhức đầu choáng váng nên dùng nó,
Tiêu phong hóa đàm nói chẳng ngoa,

TOAN TÁO DIỆP *(Thường gọi là táo chua)*

Kìa xem toan táo tính ôn tân,
Ngò Hạnh xem xa tự tán vắn
Lá nõ đồ vào hat hút mủ,
Ngọn kia làm thuốc tốt mười phân.

THƯỜNG SƠN DIỆP

Thường sơn tia trắng có hai bề,
Thứ tia ta dùng, hái lấy về,
Tắm rượu sao khô và tán để,
Chữa người sốt rét hiệu hơn Phê *(Thạch tín)*
Bời chưng dùng sống cho nên thổ,
Thổ quá làm thương đến Thận, tỳ *(Phân bạch thông)*

(1) Lâm gia: người bị Đau lâu, bệnh tiết niệu.

TRƯỜNG MỆNH ĐÀNG *(Có tên Tục cốt diệp)*

Kìa xem trường mệnh dây đau xương
Xương cốt đau buồn nữa lại lương,
Nát thịt lìa xương, gân phải nổi
Phép đồ cùng yống kẻ đòn thương.

BA TIÊU DIỆP

Ba tiêu là lá chuối Thanh tiêu,
Quả tựa ngà voi, nhỏ thấy yêu,
Lá để dây cồm cho khỏi sống (kín hơi)
Củ trừ đau dạ, nước thì tiêu,

PHÙ DAO DIỆP

Tục gọi Phù dao tựa cỏ môi,
Chứa phương rắn cắn chẳng thông đôi,
Ai mà phải dấu thì dùng nó.
Mất máu đàn bà huyết lại hồi *(phục hồi)*

HY THIÊM DIỆP

Hy thiêm diệp gọi là cỏ Bà a.
Mọc ở bên đường ai biết là.
Kẻ bị đòn cùng vết tích
Uống đồ thì khỏi, há rằng ngoa,
Nữ nhân huyết vận, máu thăng thương,
Uống vào thì lại được bình hòa.

THIỆU DÀNG

Tên Thiệu đằng ấy cây chạc chiều, (dây chiều)
Lá mài gươm giáo, thế nhân yêu.
Dây nó buộc lâu, bền biết mấy,
Rễ nó lương y chữa bệnh nghèo *(hiếm nghèo)*
Đơn độc trúng vào cùng Quỷ xa
Cầm tay một nắm chữa công nhiều.

HOÀNG DÀNG *(Nguyên chữ Hoàng đằng)*

Hoàng đằng dây nó gọi vàng de,
Gỗ ở trên cây, nhặt lấy về,
Chữa chứng ăn tai đã kiến hiệu,
Giúp phương đau mắt lại càng xuê

CHẤP MIỀN DÀNG

Xanh trắng hai bề gọi Bạc sau,
Chấp miền sau trắng có ba đầu,
Chữa ung chữa thũng tiêu nhanh chạy,
Trừ nhiệt trừ phòng hiệu rất mau,
Tính nó ôn hòa trừ rắn cắn,

Chứa người thương tích phải nên cầu.

XÍCH CHU ĐĂNG(1)

Giống gọi Canh châu ở bụi hoang,
Lấy bề hạc nướng hoặc sao hương
Nên hoa nên nhố, nấu nước uống,
Sưng mặt sưng mình thật nghiệm phương.
Tính nó ôn hòa không có độc,
Dùng khi khát nước lúc đi đường.

HOÀNG LONG ĐĂNG

Hoàng long đăng là dây Rung rúc(2)
Già uống vào sức khỏe thấy tăng,
Lưng vận đau xoa vào lại khỏi,
Gối mỏi chồn uống nó bớt căng,
Lấy về tắm rượu sao khô để,
Nam nữ đều dùng cứ lão chăng?
Tính nó ôn hòa không có độc.
Uống vào gân cốt mạnh ai bằng.

NHẪN ĐÔNG ĐĂNG

Bạch thu thời khác Nhẫn đông đăng,
Hoa gọi Kim ngân, Hoàng sáng trưng,
Nội ngoại cái ung thư phát bối,
Dùng cây để sống chẳng cần chưng (bào chế)

Y THẢO

Ngải cứu mọc lên khắp thế gian,
Tháng ba thấy nó để ngâm can,
Phục linh mẽ tắm cùng sao chín,
Chữa tả, an thai, gọi Bạch ban,
Lậu huyết đau tím mọi chứng khỏi,
Trừ tà trục quỷ thấy đều an,
Dùng thứ để lâu và tính ấm,
Còn gọi Thủy đài, Tra ngải bàn.

ÍCH MẪU THẢO

Gọi Sung úy là Ích mẫu thảo,
Cây lá âm can dùng mới lành,
Cấm mưa cấm nắng, treo trong bếp,
Lá hoa lay giữa tiết thanh minh
Sán hậu thai tiền nên Ích mẫu,
Sinh tân khử cựu, được trường sinh,
Vị ngọt, phụ khoa hay chữa nó,

(1) Xích chu đăng: Canh châu, còn có tên Tước mai đăng. *Sageretia theezane* Brongn họ Táo ta.

(2) Rung rúc: Đồng bía, Thiết bào kim *Berchennia lincata* (L.) DC.

Uống vào mát huyết lại điều kinh,
Tốt nhất hoa trắng mà sau tím,
Cách làm bỏ cọng bỏ hoa xanh,
Khô rồi tán nhỏ, kiêng đồ sát,
Hoặc nấu thành cao dùng mới tinh.

TIỀN HỒ

Gọi nó tên là cỏ chỉ thiên,
Còn gọi lưỡi trâu miệng đã truyền,
Lá vò, củ sặc, lông bò sạch,
Sao tẩm hay dùng sẽ tùy duyên.
Để phơi trong mát trừ hỏa nhiệt,
Tẩm sao phụ nữ, thuốc như tiên.
Đồng hồ tùy dụng Nam như Bắc,
Tính vị hay hơn Sài với Tiền.

DẮNG TÂM THẢO

Gọi bắc thấp đèn như lông,
Vị nó ngọt hay thế phải dùng
Nó chữa bàng quang, thông tiểu tiện.
Chân tay thấp thũng uống tiêu thông

NGUY TẤT

Ngưu tất xưa nay gọi cỏ xước
Hong kho chữa bệnh tê thấp nhanh,
Vị đắng uống vào ấm lại bổ,
Lưng đau gối mỏi, chữa yên lành,
Tính hay kỵ sát bầm cho nhỏ,
Tẩm rượu đem sao ấy mới tinh.

XÀ SÀNG THẢO (*Không có dùng dấm bự đỏ*)

Xà sàng lấy hột để sao qua,
Tính nó tân ôn chẳng độc mà,
Thận thấp, âm nuy, tiêu lở ghê;
Khu phong, trục ứ, chữa muôn nhà,

HẠ KHÔ THẢO

Khô thảo gọi tên nó Cải rừng,
Đắng cay tính nó có hay chăng?
Ai xuôi về ngược chân đau mỏi,
Áp lửa mà hơ lại khỏi sưng (*có tên là Mỵ thảo*)

NGOẠN NGUYỆT THẢO

Má tía là tên, khí vị thơm,
Trên xanh dưới tía, đổi thay cơm,
Ai mà rắn cắn, tra cũng uống.

Lại nấu canh ăn tiêu khí đờm,

XÍCH DIỆN THẢO

Xích diện gọi Bà-a
Cũng tức Hy thiêm mà,
Chứa thương tích đòn đánh,
Và chóng mặt đàn bà,

NHẬP NHỈ THẢO

Mát thay nhỉ thảo cỏ Màn châu,
Trúng thử kiềm trừ, hạ huyết lâu,
Cùng chữa chỉ khôn vò uống khỏi,
Bốn mùa nhiệt độc đã (lạnh) lần lần.

(CÓ TÊN THANH BÌNH THẢO, CHÍNH LÀ THANH TÂN THẢO)

ÁP CHÍCH THẢO

Chân vịt là tên, thế đã bàn,
Bao nhều khái thấu chữa đều an,

KIM PHÍ THẢO

Kim phí phơi khô cát để làm,
Có tên Toàn phúc, báu An-nam
Tính lạnh chuyên trừ ho với suyễn.
Chứa phong chóng mặt với tiêu đờm.

THẢO DAN

Lác cối ai ngờ ấy thảo dan,
Thường thường dẹt chiếu nộ nhà quan,
Rễ thời vị lạnh dùng chữa trúng,
Tắm rượu đem sao để bớt hàn.

NGUYỄN CỘNG THẢO

Kìa xem Mảnh cộng mập lại cong
Chứa kẻ dao đâm với bị chông,
Cùng chữa gái trai huyết tháng thượng,
Làm cho hạ khí mát thay lòng.

TAM LĂNG THẢO(1)

Kinh Tam lăng cũng cỏ Tam lăng,
Gia nước là người vị đắng từng,
Tắm dấm đem chưng, sao để ráo,
Hòa tiêu huyết lợi, ứ thông phăng,
Lại tiêu khí trệ cùng đau bụng,
Lấy là trà lau, chớ đại đẳng,

(1) Tam lăng: củ u du, họ cối Scirpus Dhuci phá ứ thông kinh, hành huyết chỉ thống.

TỖ MA THẢO

Tỳ ma tên nó chính Thầu dầu,
Lá trừ chóng mặt, tía càng mau,
Hột để thời sinh càng tốc hiệu,
Xem cho mình bạch kéo nhâm nhau.

HẠC SẮT THẢO

Hạc sắt tên gọi cục áo này (có nư áo)(2)
Bạn cùng Khổ luyện chữa ung hay,
Yết hầu cấp thống nên dùng nó,
Độc đậu dán vào mấy vị tày,
Chữa phong quỷ xạ càng hay nữa,
Nhân vật đều dùng đã biết tay.

LONG ĐỒM THẢO

Long đóm thảo là cỏ Thanh ngâm,
Vị khổ hàn, có bệnh phải tìm,
Mát đỏ sưng đau đều chữa khỏi,
Can kinh thấp thũng chẳng còn xâm,
Phụ nhân sản hậu kinh huyết ứ,
Sắc uống thông ngay thật chẳng nhầm.

QUẾ HƯƠNG

Nhục quế tính ngọt cay,
Chữa nục huyết rất hiệu,
Quế tâm tính hơi ấm,
Lại hay tán huyết ứ,
Quế chi thư cân cốt
Quan quế kiêm chữa cả,
Tính nó khác hành trắng,
Thai nghén sao qua uống,
Mọc ở Quế lâm tốt,
Chẳng những nơi đó tốt,
Bỏ vỏ dùng xưa nay,
Đau bụng lạnh càng hay
Chữa đau tức khỏi ngay,
Hàn tà dùng chỉ hay,
Chỉ hãn tránh vị này,
Sẽ không hại mây may,
Nam châu gần Quảng Tây,
Thanh hóa quế ai tày.

HƯƠNG PHỤ (cỏ cú)

Gọi tên Hương phụ hương,

(2) Cục áo: Thiên văn chướng *Spilanthes paniculata* Wall ex DC giải độc tiêu viêm, trừ thấp chỉ thống khu

Có tên Thanh sa thảo,
Cũng là Hương phụ hương,
Hoặc gọi Thôi đầu hương,
Hay gọi Càn sa thảo,
Nên phải cho tổ tường,
Dùng bỏ lông mới lương,
Vị ngọt gọi cỏ gấu,
Nước gạo ngâm hết độc,
Phòng thất ngâm đồng tiện,
Nhưng phải đem tử chế,
Đồng tiện, muối, dấm tẩm,
Sao khô cho thật kỹ,
Điều kinh khử đau bụng,
Sán hậu đau hòn cục,
Kỵ sắt và dao thương,
Phụ nữ hay khôn lường,
Thì dùng mới đúng phương,
Cuối cùng sao rượu đường,
Tán nhỏ để trong rương,
Uất kết phải khai trương,
Là môn thuốc thông thường.
(Không có dùng Trạch lan, ghét Hoàng kỳ hủy Ngô công).

HƯƠNG NHU

Kia vị Hương nhu tính nó tân (cay)
Điều hòa phiên nhiệt, chữa lương dân,
Lợi tiểu lại hay chữa cảm nắng,
Chuyển cân, hoắc loạn, thũng tiêu dần.

TRẦM HƯƠNG

Vị trầm hương Nam tính nó ôn,
Thông thiên triệt địa, thế gian đồn,
Truy tà ẩm dạ trừ đau bụng,
Giáng khí đồng thời trợ khí luôn,
Khí tụ tiêu trừ đã có tiếng,
Phép dùng kỵ lửa phải nên tuân,
Quỳnh châu phủ ấy Quỳnh sơn sản,
Di tích trời Nam núi Ngọc còn.

TRẦM LONG CỐT

Trầm long cốt là Lõi xương rồng,
Đau bụng thì mài kỵ lửa nung.

TRẦM Ô CỤU

Trầm sồi tính nó đắng cay,
Trừ đông phá khối lửa rày phải kiêng.

TRÀM SÚ

Tràm sú là cây dưới biển Nam,
Trừ đông phá khối lửa kiêng làm,

HỒI HUƠNG

Tiểu tính ôn mà đại tính cay,
Nhất thì 8 cạnh (*bát giác*), nhì 6 may,
Đại hồi khác vị, cầm nôn mửa,
Cùng với ôn trung ấm vị ngay,
Sưng buốt bành quang Đại (*Đại hồi*) rất mạnh,
Bung đau lưng mõi tiểu (*Tiểu hồi*) ại tày,
Khi dùng nên nhớ sao với muối, (*Tiểu hồi*)
Còn Đạo đừng sao mà mất hay,
Sán khí đều dùng cả Đại Tiểu,
Muốn bình Cước khí, Đại hồi xoay.

SƠN TAM NAI (*Thiên liên*)

Sơn Tam nại gọi Địa liên hương,
Lấy củ phơi khô cắt để rương,
Truyền nhiễm khí ôn dùng nó phá,
Huyết lên choáng mắt hiệu phi thường,
Phụ nhân dành để dùng khi gấp,
Phá khí vì chưng ôn vị cường,
Dùng nó chớ sao vì sợ lửa,
Tán rời vào thuốc giúp nhiều phương.

HOÁC HUƠNG

Hoác hương tính nó thật tân ôn,
Phát tán phong hàn hoác hoác môn,
Chữa nôn mửa sao hương mới hiệu, (hay)
Nên dùng thứ mới, bệnh tiêu luôn.

Ô CỰU HUƠNG

Ngọn tía sòi kìa lá nó trường (*dài*)
Kẻ rằng sòi tía, kẻ sòi hương,
Chữa mọi thứ đơn, hay nhất thũng,
Giáng khí tiêu phù, hiệu rõ ràng,

TRẠCH LAN

Trạch lan gọi Mần tưới,
Vị ngọt đáng trước tiên,
Ung nhọt cùng vấp ngã,
Uống vào thấy đều yên,
Phụ nhân tiêu huyết ứ,
Sán hậu phù khối liên,

Khó đế vò cho uống,
Còn bã đắp lên trên.

XƯƠNG BỒ

Kìa Thạch xương bồ tính nó ôn,
Leo quanh hòn đá ở trên non,
Cầm mạo tiếng khàn và tất tiếng,
Thông tâm khai khiếu thấp thông luôn,
Khi dùng nên bỏ lông rửa sạch,
Sợ lửa sợ sắt vốn xưa đồn,

(1 tác 9 đốt là thú tốt, gọi là xương dương, Ngày 7 tuần thứ 5 tiết Đông chí là Xương bồ mọc, nó mọc trước các thú cỏ).

DÃ XƯƠNG BỒ (Thủy bồ)

Kìa Dã xương bồ tính cũng ôn,
Lá hình ré quạt mọc thuận thuận,
Nhức đầu uống lá khí liền giáng,
Ôn dịch dùng Xương, bệnh chẳng còn,
Dùng củ cắt phơi khô để tích,
Phòng khi ngạt mũi tiếng ồ luôn.

THẢO QUẢ HƯƠNG

Dò ho là nó gọi Hoàng dương,
Sốt rét trừ đờm hay khôn lường,
Phá trướng tiêu thực cùng giải thấp,
Vỏ tiêu phù thũng, thịt trừ thương,
Mục ở Quảng Tây vùng Khánh đạt,
Thiên Triều(1) yêu nó tựa ngọc vàng,
Chẳng những Bắc Triều nơi sinh sản,
Mà ở trời Nam cũng mọc thường.

(Không có dùng Thường sơn)

DUƠNG QUY

Quy bắc Quy Nam có khác phương,
Quy Nam ôn tính, Bắc ôn lương,
Sơn tất là tên, Xương đồ phân,
Bỏ đất rửa ruột chế thông thường,
Dùng chữa phụ nhân sao tẩm rượu,
Ho đờm người béo tẩm Sinh khương,
Bốn mùa trúng nhiệt chế Đồng tiện,
Với bỏ nấu dầu kéo có thương,
Ngăn huyết thượng hành dùng đều tốt,
Đuối dùng phá huyết hạ lưu cường,

(1) Thiên triều, tức là Trung Quốc đời Phong kiến tầm cỡ đất nước to lớn, oai quyền nhà vua của họ rồng khắp gọi là thượng vi, Thiên triều.

Thân thỉ dưỡng huyết trung hành tốt,
 Uống tiêu mà, yếu uống lương,
 Ác huyết sinh tẩm tâm định bổ,
 Trúng phong bắt toại hết tai ương,
 Quy nam nó táo, già nên bớt,
 Quy bắc tăng thêm tuổi thọ trường,
 (Không có dùng Hoàng khương, phân Hải tào, Mẫu lệ)

BÔNG TRUẬT

Một máu sinh thành lại tia da,
 Con là Bông truật, mẹ là Nga,
 Vị ấm mà đắng tiêu huyền tịch,
 Thông ứ điều kinh, chỉ thống mà,
 Hoặc tẩm Đồng tiện hay dấm rượu,
 Mặc ta liệu chứng phụ nhân khoa.

NAM MỘC HƯƠNG

Khổ long cũng gọi Nam Mộc lương,
 Lấy để âm can, phép ấy thường,
 Lại bỏ thổ vị, sao chỉ tá,
 Gọi là vô Dục công sáp trường (chặt ruột)
 Nấu cao chữa nhiều phương khối,
 Thông ứ càng hay, học phải trường.

TÙNG CHI

Tùng chi vị ấy rất thơm tho,
 Ôn dịch tanh hôi chẳng dám ho.
 Thơm dính ngoài da trừ ác khí,
 Đau tim đau bụng đã vào đồ,
 Nấu cao tiêu cục tiêu sài chốc,
 Gọi nhựa thông Cam tùng đất cho.

LAN THẢO

Cây son ngọc tía bách hoa ban,
 Cán một hoa thơm nên gọi Lan
 Một chỉ ba hoa thơm chẳng có,
 Nó tên là Huệ gọi Sơn lan,
 Lan cao che Huệ bạn Mai trúc,
 Anh cả yêu em nhiều huệ lan,
 Vị ấy phải thơm, trừ độc khí,
 Tức tiêu, thông giải, bởi hương lan,
 Vốn huệ Cô trúc(1) vốn hiền lành,
 Để dấu Di Tề mắc huệ lan.

(1) Cô Trúc: Tên 1 tiểu quốc đời Chu, chuyện Bá Di Thúc tề là con vua nước Cô Trúc. Khi cha chết hai anh em nhường nhau không người nào chịu làm vua.

XẠ HƯƠNG

Sơn tây ẩn vắng có Xạ hương,
Cát dái đem về chớ có thương,
Biết tán để ngoài vì thuốc hiệu,
Thông kinh khai khiếu chữa hàn thương,
Tính cay trừ quỷ yếu kinh sợ,
Sợ lửa nhưng mà giải độc phương,
Hóa lý vị khôi càng phải kỹ,
Để lâu không tốt biết cho tường,

(Không có, dùng Hương phụ)

NHÂN TRẦN

Hành trần mới cái gọi Nhân trần,
Vì để cho lâu mới cứu trần,
Tên muối nổi mai vì vị đắng,
Cùng tên Hương thái cũng Nhân trần,
Phát hoàng phát dân người làm chủ,
Sinh sản Thiên triều nhất nước Trần.

HOẠT LỘC THẢO

Thuốc tên Nghiêu cửu gọi Xương sông,
Vị đắng cay thơm, mũi được thông,
Tiêu trừ huyết ứ và xú khí,
Nhức đầu dùng nó tắm tiện đồng *(dùng tiện)*

CỬU THÁI

Cửu thái là Hẹ chữa dương thông,
Phân chuột thêm vào chữa động phòng,
Ruột lá đều bỏ, rễ sắc uống,
Âm thanh dương tốt sức khỏe sung,
Nước tiêu huyết ứ hay vô kế
Hột chữa mộng di, vị nhiệt xông *(có công)*
Tính vốn ôn hòa thư thái khí,
Xạ hương, A ngù chớ dùng chung,

BẠCH ĐÀN HUƠNG

Bạch đàn cùng giống Giáng chân hương,
Dùng nó làm lâu gác Đế vương,
Trừ thấp, trừ phù, trừ huyết khối,
Phá đông phá trướng phá thông trường,
Tính nghe ôn khí mà hay thuận,
Mọc ở non tây nam thổ cường,

HỒ TUY

Hồ tuy tục gọi hạt mùi tui *(Hạt mùi, ngò ri)*

Gỏi cá, thơm ngon nó dẫn mùi,
Đơn cái đơn sung đơn tức chường,
Hoặc trừ hoặc sống hoặc phương rồi.

THẠCH MẬT

Kìa xem Thạch mật vị cam bình,
Luyện thuốc dùng người để dưỡng sinh,
Nhuận táo an thần, an phế tạng,
Bổ trung ích khí, ích tâm kinh,
Thiếu nhi khuyên bảo dành cho uống.
Tiêu đờm trừ cổ hiệu càng linh,
Bạch mật mật ong nên thuốc chế.
Tùy mùa mát ruột lại yên kinh,
Ràng xích mật cũng là mật me,
Bạch mật thay hoàng lễ tiến lên,

THẠCH CAO

Xem Thạch cao kia tính vốn hàn,
Tổn hư làm chủ hiệu chư ban.
Dầu đông vị nhiệt tiêu trừ hết,
Khát nước nóng da giải dạng an.
Nên tán để ngoài vì sợ lửa,

Khi mà đây buốt uống liều an (Không có dùng Thạch lãnh, sợ Ba đầu, Sinh ngạn).

THẠCH NHŨ

Thạch nhũ sinh ra ngọc một bấu,
Tính hàn mà mát giải phiền âu,
Để mài chữa cả 4 mùa nóng
Tán nhỏ xoa vào hai vú đau.
Vác nặng đi đường lao nhiệt khát,
Mài ra hòa uống khỏi đau đầu,
Tính hay sợ lửa, tán không sắc,
Bổ trung thấp tạng chữa càng mau.

THẠCH GIẢI

Gọi là cua đá tính lạnh hàn,
Lại có tiên doanh lá cấm sinh,
Mài chữa tiểu nhi sài nhiệt độc,
Tán xoa phụ lão thấp tê bình,
Dù ai trúng thử cùng đờm khái,
Được nó thời yên, bổ thất tình,
Sợ lửa, tán rồi ăn sẽ uống,
Bổ vào thân thể lại phân minh (*Sợ Ba đầu*)

THẠCH LÃNH

Lạnh thay Thạch lãnh cũng nên dùng,
Chướng ngược (*rét rừng*) sơn lam (*chối nước*) đá nhiệt hồng,
Vị nó đại hàn thai phụ lãnh.
Cũng vì sợ lửa tán ngoài không,

THẠCH HỌC

Thạch học xưa nay vốn vị cam,
Bỏ rễ tẩm rượu phép hay làm,
Khu hàn bế tắc, hư thời bổ,
Định chỉ trừ kinh khỏe xương kham,
Thạch học rây sinh cùng khắp chốn,
Nhữ ninh tốt nhất đất Hà-nam.

THẠCH BỒ TÁT

Thạch bồ tát vốn gọi rằng trâu.
Mài chữa sưng hàm ấy rất mau,
Ngâm rượu cũng nên lưng cũng đỡ,
Bao nhiêu cốt tiết chẳng còn đau.

CAM LỘ THẠCH

Cam lộ, Lộ cam cũng gọi làm
Chế sao nhiều cách, trước đem hã (*nung*)
Lòng can ngoài bọc Hoàng oanh (*củi cây duối*) đôi.
Lấy ra đồng tiện tẩm sao quăm
Có cách tra vào trong bát dấm,
Chứa mắt thông manh cùng màng mộng,
Tiếng đồn tuyệt diệu khắp gần xa.

CỬU KHỔNG (*ốc cừu khổng*)

Cừu khổng sinh ra chốn hải tề, (*bờ biển*)
Nhất là chín lỗ chọn đem về,
Tính lương ôn mát bình không độc,
Lấy Phục long can nung lửa phi,
Ngâm vào đồng tiện rây cho nhỏ,
Mắt tối uống vào lại sáng ghê.

PHỤC LONG CAN

Đất lòng bếp gọi Phục long can,
Lửa nấu đêm ngày hết khí hàn,
Dùng nước phi qua, rây nhỏ mịn,
Tiểu nhi đồ uống dạ đề (*chúng khóc đêm*) an,
Kìa ai phụ nữ sinh đẻ khó,
Uống được liền ra chữa sản nan,
Chính Phục long can thời mới dụng,

Dùng dùng Long niệu bếp lò than.

MẤU LỄ

Nước biển sinh ra gọi cái hàu,
Nung qua hàn tính, trắng phao phao,
Lão đàm hiệp thống đều trừ hết,
Sên lãi uống vào lại khỏi đau,
Chỉ hân sáp tinh càng chữa tốt,
Phụ nhân băng đới uống liền mau (*Kỳ Ma hoàng*)

DAI GIÁ THẠCH (*đá hòn son*)

Dại giá là son, điểm sách Ngô,
Mùi đào tươi tốt bạn nhà Nho,
Tính hàn vị mát, trừ tà nhiệt,
Nứt lưỡi, viêm hầu, uống với đồ,
Ai mà phòng nước (sôi) tìm cho được,
Hợp với mực Tàu công mới mau

LỖ SA (*Sal ammoniacum*)

Nghĩ tới Lỗ sa vốn ở đời,
Tính tuy có độc dễ thương mùi,
Phá trung cùng với tiêu ung độc,
Tiêu màng trừ loét da chóng hồi.

BÀNG SA (*Hàn the*)

Bàng sa vị nó tân, Chữa đau họng rất cần,
Trị nhiệt thu công chóng, Đờm hỏa hay như thần.

VŨ BÁT (*Hột mướp đắng*)

Hột mướp đắng có thuở mùa xuân,
Lấy lá ủ dầm tắm mề trần,
Ai có nhiệt lao cùng nhiệt độc,
Hoặc là nấp hấp, hoặc thang phân,
Trẻ em, thai phụ dùng dùng tới,
Nó thời hàn lạnh tổn mười phân.

TUYẾT DIÊM (*Có tên là Bạch diêm, tức muối ăn*)

Nước bể đun lên thành muối mặn,
Chế vào thực phẩm, ngọc nước nam
Tắm vào Tứ vật máu nên tốt,
Dồ tan trong bụng huyết tụ đàm,
Đau bụng thường dùng nó để chữa,
Tâm an tạng khỏe độc tiêu tan,
Song hễ ăn nhiều tổn nhan sắc,
Vừa miệng thời thôi, chớ có tham.

HẢI CÁP PHẤN

Bãi biển thường hay có vỏ ngao,
Cho vào đồng tiền để chưng bèo (bèo ché)
Tán cho thật nhỏ trừ đờm hỏa,
Giáng hỏa cũng hay trị nhiệt cao.

TRẦN BÍCH THỎ (Đất vách tường lâu năm)

Đất vách thường dùng vách hương đông,
Thử lâu làm thuốc mới nên công.
Tả can hỏa nhiệt, đồ cùng uống.
Bọc đá khi nung thật đỏ hồng.

TRẦN THỔ LONG

Thổ long gọi nó cắt trùn khô.
Tính mát phù sưng dùng nó đồ
Bệnh sôi sần lao làm thuốc giải
Khi nung cát đá buộc bao to.

BÁCH THẢO SƯƠNG

Bách thảo sương gọi nó Lọ nổi,
Dưới đáy xanh nổi cạo lấy thôi.
Giã rây thật nhỏ, viên làm thuốc,
Sưng lưỡi sưng hầu chưa huyết thôi.

THẠCH LẠNH

Có tên Thạch lãnh tính trầm hàn,
Sắc trắng mới dùng, bỏ tạp nham.
Thấp nhiệt tiêu trừ cũng lợi khiêu,
Khát phiền ỉa chảy uống liền an,
Mọc ở non bông ngoài biển cả,
Ấy ngọc nuôi dân, chữa nhiệt can.

SƠN TRƯỜNG (Có tên gọi Sơn 4)

Đại điều một lá lại có ba tên.
Một chính ba tùy ba lá chen.
Rắn cần cũng hay sưng cũng khỏi,
Nhọt cái, đơn sưng, thấy được yên,
Tính nó ôn lương, không có độc,
Sao hay để sống tùy phương nên.

SƠN DƯỢC

Gọi tên thụ dự, tính cam bình,
Tìm chốn sơn lâm ẩn một mình,
Chỉ tả mỗi điều, công rất bổ,
Bổ trung vào thuốc, giúp công thành,
Gọi nó củ màu ích tỳ thận,

Còn gọi "can sơn dược" tinh danh, (*Kỳ cam loại*)

SƠN CHI TỬ

Vị khổ hàn, chi tử gọi tên,
Bỏ râu cùng vỏ, chế cho nên,
Đồ xôi vẩy ráo, bọc ch,
Gọi nó Dành dành ở chốn tiên.

SƠN CHI

Chi tử núi tính lương,
Dã chí⁽¹⁾ tính đáng lạnh,
Sống, thanh hòa khuất khúc.
Rễ dùng Cam thảo tẩm,
Đại tiện bí, mê nhâm,
Tác dụng chữa rất tốt,
Thổ nục cùng vị thống,
Mọc ở rãnh khe đường,
Cây cao, mọc núi vườn,
Sao tạt tiêu hỏa thương,
Đồng tiện sao có phương,
Tiểu tiện sấp gây ương,
Nó cải họa vi phúc,
Trừ phiền giải uất lương.

SƠN BẤT XÁ (*Có tên Dã sy*)

Nhót rừng là nó, gọi Man man
Vỏ nó tên là tất bất khan,
Tả lý chữa hay, cùng ngã nước
Tiêu phù tiêu cả mọi sưng đau

SƠN ĐẬU CẦN

Sơn đậu cần là củ đậu mèo,
Có tên Kim tảo, ngọc đề tiêu,
Tuy rằng vị đắng, chữa các bệnh,
Rán cần, gối đau, chữa cũng hiệu.

SƠN QUẾ (*Có tên là Đại tử khương*)

Thơm cay Sơn quế gọi cây Riềng,
Tính hay trừ khí lạnh riêng,
Tâm thống khí ôn cùng thổ tả,
Thấp tê dùng nó, chớ nên kiêng.

THIÊN MÔN ĐÔNG

Thiên môn đông là dây Tóc tiên (*leo*)

(1) Dã chí: Dành dành hoang dại.

Cam hàn hay chữa chứng lao phiền,
Nhiệt lui, phế nuy, phế ung đỡ,
Nấu nước, trừ tâm trừ phúc yên.
Ho xốc từng cơn cùng suyễn nhiệt,
Đại tràng đã nhuận, nhuận đàm diên (dãi)
Sâm sơn căn cũng gọi, lương y đặt,
Tĩnh sợ sát, dùng thứ lâu niên,
Nó sợ Vị bì (da nhiễm) nên phải tránh,
Nấu cao uống bệnh rất chóng thuyên.

(Thiên môn gọi Tóc tiên leo, Mạch môn gọi tóc tiên trồng núi, Nó kỵ Bạch dự, phản Huyền sâm ghét Mộc nhĩ).

NAM TINH NGƯU TẮT

Cũng một Nam tinh, dạy cách làm
Trước sinh sau nấu một ngày cam
Cắt ra lấy nước gừng sao tẩm
Tháng chạp sao thành Ngưu tất nam
Trộn vào Nam tinh phơi để ráo
Tĩnh ôn vừa mát, chữa phùng đàm
Thấp tê mốt rặn, đau lưng khỏi
Mới gọi Nam tinh Ngưu tất Nam

THIÊN NAM TINH BÀN HẠ

Chức thuộc Nam tinh tính nhiệt huân
Gọi củ Ban hạ, vị nó tân (cay)
Lát vè bỏ vỏ cắt thành miếng
Dun với Gừng tươi nhị nhật thần (hai ngày đêm)
Sau nấu Bạch phân cùng Tạo giác
Dem ngâm với nó để cho thuần
Chứa phong co giắt đều yên ổn
Cùng với phong đàm trị khỏi dần
Bán hạ kiện tỳ cùng táo thấp
Nhức đầu ho hấn nó vi quân
Dờm nhiều nên dùng cả Nam Bán
Riêng trúng thương hàn, Bán rất thần

(Không Nam dùng Bán không Bán dùng Sinh khương)

THIÊN HOA PHẤN

Qua lâu căn cũng Quát lâu căn
Tục gọi Đỗ rày, mát thập phần
Chỉ khát trừ phiền tiêu hết độc
Tiêm dờm sạch mù, nó trừ căn

THIÊN LINH CÁI

Sợ người trời đánh khô

Dùng rượu tốt để đồ
Nướng vàng vị bột mịn
Chứa phường lao trái mớ

HỒ TÔN

Chính thực Hồ tôn, cây tổ ong
Ai mà dính nỏ với lao phòng
Mới sinh huyết ứ mau chưng uống
Dù tức dù sưng, khí cũng thông.

HỒ PHẤN

Hồ phấn luận xem ấy phần chỉ
Điểm trang tranh vẽ, vật phương phi
Và viên Bách giải sơn lam cảm
Chứa nhiệt trúng phượng trúng thử kỳ
Tĩnh mát và lương hòa tạng khát
Vị chưng làm nó lấy dung chỉ

TỶ GIẢI

Kim cang gọi cốt ngành nguyên quân
Tìm chốn trên rừng lánh ẩn thân
Thái mỏng để sống cho nó mát
Bỏ trung đơn cái chứa tiêu dần
Tiêu nhi chuẩn đậu dùng không nóng
Chướng ngược sơn lam, uống mát gân

(Sơ Đại hoàng, Mẩu lệ, rế Quy)

NAM NHÂN SÂM

Nam nhân sâm có vị cam trung
Bỏ sạch nóm đầu ta mới dùng
Bán lạnh bán ôn, không có độc
Bao nhiêu mạch tắc chứa liền thông
Điều vinh dưỡng vệ bổ nguyên khí
Chỉ tả sinh tân phế nhiệt công
Khí hư khí đoản uống liền phục *(hồi)*
Âm hư hỏa động, nhiệt phiền xông
Chứa chứng trúng phong liệt bên phải*
Thổ huyết dùng người vện công

KHỔ SÂM

Nước vo gạo tắm suốt thâu đêm
Đồ chín phơi khô tỉnh mới êm
Tháng tháng lại phơi kéo có mọt
Phơi cho hóa đỏ mới yên lòng
Thũng ung sang giới tróc vảy dùng

Hạ huyết tràng phong xích lý kiềm
Phòng lý Lã lô hai kẻ nghịch
Bấy nhiêu sâm phân lại thù tiêm (*tiêm tàng*)
Khổ sâm thêm phân Thỏ ty tử
Vi đáng hay trừ khí thống nghiêm

HẬU PHÁC

Hậu phác tên là vô với kẻ
Sa đường cũng nó sao ôn về
Thương sơn quê ấy có nhiều lăm
KHương trấp tẩm sao bỏ hắc bì
Tẩm rượu với cùng đồng tiện tấn
Khuê phòng phụ nữ đó tùy nghi
Tiêu đờm chỉ tả lý trưởng giảm
Triệt ngược trừ phong ai dám bì

(*Không có dùng Mạch môn*)

CÁT BỐI

Cát bối xưa truyền cây Bưởi bung
Chứa đơn chứa cái nó anh hùng
Dem về cát sông phơi cho ráo
Quý xạ thiên thời, tức lại thông

CAN KHƯƠNG

Cũng gọi Quán khương lại Can khương
Trước tiên dùng lấy Lão can khương
Tẩm trường lưu thủy 7 ngày nấu
Thái mỏng sao phơi cho nó nang
Tán bột đậu xanh mang trộn lẫn
Vị cay tính nhuận lại, ôn lương
Phong hàn giải biểu trừ hư nhiệt
Đáng lạnh ngâm làm gân cốt cường

(*Ghê Hoàng cầm, Hoàng liên*)

PHONG KHƯƠNG (*Gừng gió*)

Một là Gừng phạt hay Gừng gió
Ba gọi Phong khương cũng là nó
Thiên địa khí ôn, vật cùng người
Cái sừng, quý xạ đều phải có

SINH KHƯƠNG (*Gừng sống*)

Gừng sống tính ấm cay,
Có đủ 6 tính hay,
Thứ nhất trừ độc khí
Thứ nhì giải tà lây

Thứ ba trừ xú khí
Bốn phá hàn khí đầy
Thứ năm trừ tinh vị (*mùi tanh*)
Thứ sáu chỉ nhiệt ngay
Ho đờm cùng nôn mửa
Khai vị chẳng ai tày
Đau tim cùng tức ngực
Thông sượng thần minh này
Phù thũng chữa cũng giỏi
Thương tích đồ cũng hay
Thịt nóng nhưng vô mát
Thuốc thông dụng hàng ngày
Ăn nhiều tổn tinh khí
Chớ có lầm mảy may

CAO LUONG KHUONG

Ấy cây riềng ấm gọi Lương khương
Tinh nhiệt nhưng mà hạ khí phương
Hồng đầu khấu mệnh danh quá nó
Chuyển cân hoắc hoạn chữa an cường
Ôn trung nó đã đón tên trước
Tứ thực công nhau uống nó lương (*hay*)

HOÀNG KHƯƠNG

Hoàng khương tên gọi củ nghệ vàng
Chốn chốn mọc lên khắp xóm làng
Ngâm suốt đêm ngày cùng nước gạo
Phơi khô dùng để chữa gân cường
Tiêu ung phá huyết chữa tâm thống
Hạ khí thông lâm nó sở trường
Rượu tốt tẩm sao bổ huyết tốt
Đồng tiện sao qua chữa khí tương

UẤT KIM

Uất kim củ nghệ vốn trong vàng
Cay đắng lạnh bình thuận hậu lương
Chẳng nên ăn sống, sao qua rượu
Phá huyết lên da nó sở trường
Niệu huyết, lâm huyết dùng rất tốt
Tiêu trừ uất kết chữa người khương (*lành*)

MẠCH MÔN ĐÔNG

Tinh vốn cam hàn gọi tóc tiên
Rửa nước hâm hâm bỏ lõi liền
Bỏ lõi nó thời bay tiêu phế

Giải khát kèm theo lại khử phiền
Chuyên trừ hư nhiệt tăng sức khỏe
Chẳng dung lâu năm sách đã truyền
(Phán Huyền sâm, không có dùng rễ cũng được)

Ý DĨ

Ý dĩ nhân vị ngọt ít hàn,
Trộn cùng gạo nếp lại sao can *(khô)*
Quê nhấm không biết gọi cườm gạo
Bỏ vỏ dùng nhân dụng mới an
Phong tê chân nhức thấp nhiệt tố
Xưa kia Mã Viện thưng phù ta
Phế ung, nuy, yếu gân chữa được
Thường hay sinh nở Bắc Nam mau
Bổ tạng an thần ta nấu cháo
Lại còn chữa được chứng câu loan *(co rút)*

TRẦN MỄ

Trần mễ tên là Thương mễ đây
Hai tên cùng một gạo xưa nay
Nó phía để lâu, mười năm lẻ
Vị mát và ôn lao tích hay

CÁT CĂN PHẤN *(bột sắn)*

Cát căn rễ sắn mát thay là
Bỏ vỏ rồi tẩm cho nhỏ ra
Lọc nước bảy lần sau để ráo
Làm như bọc lọc mới phơi mà
Ai có nhiệt lao hòa cho uống
Nấu cháo hoặc chè tùy ý ta

TINH KIM

Vàng mười đồ chói gọi tinh kim
Phải gió méo mồm dùng nó ngâm
(Không có dùng ngà voi)

NGÂN TINH

Nước Nam bạc chảy gọi ngân tinh
Hỏa chứng tiêu trừ mát lại thanh

TÍCH LỊCH

Lười tắm sệt thực giống thiên uy
Trừ khí mai đồ uống tứ thì *(4 mùa)*

ĐẠO MẠO

Quảng đông sản vật bể Nam nhiều

Dại mạo - đòi mồi, ấy bấu yêu

MẬT ĐÀ TĂNG

Cốt sao đổ bạc đúc sinh lên
Gọi Mật bà tăng chữa nhân tiên,

HUYỀN MINH PHÁ

Cay bình tính khí gọi Huyền minh,
Ghét bẩn lâu ngày làm trắng tinh,
Chữa nhiệt rất hay vì tính mát,
Tiêu đờm phá tích đã nên danh,
Luyện kim nước thiết làm nên phần,
Phác tiêu cùng La bạc nấu thành,
Bọc giấy sao qua đem cất để,
Phơi sương trời rét một đêm thành,
Thủy dung(1) phần ấy tính cũng mát,
Để phần người bôi mặt trắng tinh,
Khinh phần xem ra còn mát nữa,
Thủy ngân luyện lấy phần tên khinh.

KIM SINH

Vàng sống nước Nam khí tốt sinh,
Ngọc lành trong đá ẩn rừng xanh,
Tính ôn lương mát không ưa hỏa,
Mắt sáng nên luôn giữ ở mình,

HÙNG ĐỒM

Thái nguyên rừng ấy ở Sơn tây,
Gấu heo nào hơn gấu ngựa này,
Tính nó vốn lương vì mát mặt,
Té ngã đau tức chữa rất hay

(Ghét Phòng phong Đại hoàng)

HỔ CỐT

Phong tê thấp hay dùng Hổ cốt,
Dau xương tắm rượu nướng cho vàng,
Cho cần bôi tan, kinh giãn khỏi,
Uống hết đau lưng hết nhức xương
Chân gối vững vàng gân cốt khỏe,
Tuy phong định ấn vị tân cường.

(Tên là Sơn trưởng, Sơn quán, Đại trùng, không có dùng Lộc giác).

LONG CỐT

Sơn tây ngàn cả Thái nguyên rừng,
Sân vật xương rồng lâu đã từng(2)

(1) Thủy dung: Hòa tan trong nước.

(2) Xương động vật vùi lấp dưới đất lâu đời hóa đá như voi, ma mút, tê giác... (Os deaconis).

Vị cam nung lửa tán nhỏ để,
Ngưu hoàng đem bỏ nõ gần chưng (nấu)
Tràng ung kính giàn trừ phong nhiệt,
Băng dới mọng di tiếng đã lừng.

TÊ GIÁC (*U láy*)

Đạo Quảng tây rừng phủ Quế châu,
Có nhiều tê giác gọi tây ngu,
Mũi mọc một sừng gọi voi diệt
Sừng sinh trên trán cũng một lò,
Sừng chứa uế tà cùng giải nhiệt,
Tính hay hóa độc với tiêu phù,
Sách nói cầm huyết, chữa rắn cắn.
Cùng với giải xuyên thảo nhị ô.

LỘC GIÁC

Sừng hươu uống rất bổ,
Lộc nhung sừng hươu non,
Dùng tía tô đồ nướng,
Chủ âm dương nhưng độc,
Tiểu đục trong nhưng tốt,
Ngâm rượu một hai ngày,
Tính nó ngọt mát thay,
Uống vào bổ tinh ngay,
Trị băng đới nhưng hay,
Nhưng chữa bệnh ai tày.

(Sừng gọi Tây vương mẫu, Nhung gọi Đông vương mẫu, không có thì dùng da)

LINH DUƠNG GIÁC

Dê rừng ẩn non tây,
Ăn lá, đi từng bầy
Sừng tính mát lạnh thay,
Sáng mát thanh can hay,
Thần chí được yên ngay.
Ở cùng với loài thú,
Phân nó chế thuốc tốt,
Khi dùng mài, cấm lửa,
Trấn kinh và giải độc,

HÀU CỐT

Núi rừng bát ngát ấy quê ta
Xương khỉ dùng để chữa muôn nhà,
Có phương ngâm rượu, có phương để,
Hoặc tán hoặc dầm tùy ý mà,
Sống để thuốc mài vì giải độc,

Độc nhiệt gây tê giải chẳng ngoa.

VỊ BÌ

Da nhím ai hay ấy vị bì,
Chữa phùng đau trĩ có nhiều bề,

TRI PHÙ

Cái nhện thời dùng nhện ở nhà,
Nhện vàng ngoài núi độc thay là,
Đốt cứng đồ uống trừ sài trẻ,
Nắng tán mà ăn thông tiện ta,
Chữa trĩ đã yên xưa có tiếng,
Thoát giang dùng nó hiệu càng đa,

TOÀN YẾT

Vị tán cái Dẫn(1) gọi Hoàng y,
Khẩu nhân oa tàn phải dụng mi,
Chân tay co giắt phong đàm hết,
Đốt cho nhỏ uống tiểu thông thì,

THIỆM THỪ

Thiêm thù là con Cóc,
Ruột da bỏ khỏi độc
Lại chữa cả rắn cắn,
Chữa trẻ em cam sài,
Chữa chó dại (cắn) rất tài,
Tán hay nướng tùy bài.

TIỂU HIỆU XÀ

Chuột xạ Tiểu hiệu tính lương hòa,
Đốt tán rồi đem gói kín mà,
Nhiệt độc giảm kinh, già trẻ chữa,
Chữa sài, đậu, sởi... Tiểu nhi khoa.

LOA SƯ

Bỏ thay cái ốc ở ngoài đồng,
Cho lửa thiêu khô tán để dùng,
Chữa trúng phong cùng là trúng thử,
Sao tẩm gì hơn tiểu tiện đồng,
Muốn chữa đờm táo, cùng đờm hỏa,
Rễ cau làm nước tẩm cho nùng (đặc)
Tiểu nhi chốc đầu thêm thanh táo,
Sắc uống hay ngâm đó mặc lòng.

(1) Toàn yết: thực là con bọ cạp - Scopio

DIỀN LOA

Diền loa giống ấy có nhiều danh,
Tĩnh mát lương hàn chữa nhiệt thanh,
Ốc đá ốc bươu thời lấy vỏ,
Ốc nhồi dùng nước chữa đồng minh (*sáng mắt*)
Di đường cảm nắng trong ngoài nóng,
Nước uống thời yên kéo nặng mình,

KHOA DẦU

Nòng nọc dứt đuôi sau,
Chính thuở thanh minh tiết,
Diền kê là cái ếch
Có gọi Đại lương đầu
Hay chữa trẻ chốc đầu,
Dẻ rồi biết mẹ đầu.

XÀ THOÁT

Xà thoát cũng là xà thoái,
Dùng làm thuốc thôi sinh, (*thuốc giục*)
Phải chọn mới yên lành
Rắn táo thời tốt nhất,
Ấy là xác rắn lột,
Thiêu tán cho thành bột,

THUYỀN THOẠI

Thuyền thoái gọi xác ve,
Chân đầu đều bỏ hết,
Chữa cam ai cũng mê
Lột xác ở vụ hè
Chữa mọi phong hay ghê,
Sao qua trừ nhiệt độc,
Trị đau mắt màng mọng,
Khỏi đau không chỗ chê.

KHƯƠNG LANG

Khương lang gọi bù hung,
Điều cánh chân bỏ hết,
Sức mũi hơi vô cùng,
Nướng chữa trĩ, tràng phòng.

(Có tên là Chấp quân khách, lại có tên là Thiết giáp tướng. Diêm phản trùng và Thổ tru).

PHONG SÀO

Phong sào gọi tổ ong,
Đau răng và Tràng nhạc,

Kính gián hay vô vùng,
Trĩ lậu với Trầg phong.

MINH LINH

Minh linh tên gọi Tổ tò vò,
Qua lửa nên hồng tán mịn chom
Nhiệt độc hay trừ cùng trúng thử,
Tiểu hàn là tính, uống hay đồ.

BAN MIÊU *Mylabris*

Tính độ vị tân hàn,
Chân cánh bỏ cho hết,
Gạo nếp sao cho vàng,
Thông lâm, trưng hà tán
Kính thông huyết phá tan
Độc vật mà nên thuốc.
Lưu thông thủy đạo an (*So ba đậu*)

NGÔ CÔNG

Vốn nó vị tân ôn,
Nắng cháy kéo buồn tạng,
Ngô công là cái rết,
Nanh chân bố chớ còn,
Độc trị độc mới khôn,
Suyễn cấp chữa khỏi luôn,

(*Có tên là Thiên long, sợ Kê giáp*)

THỔ LONG (*Có tên Khâu dẫn Địa long*)

Thổ long vốn thật nó là giun, (*trùn*)
Bỏ đất sao qua khỏi độc môn,
Hoặc giả sao qua tán để uống,
Sơn lam chướng khí lại ăn ngon.

KIM QUY GIÁP

Quy bối, Kim quy lẫn Thổ quy,
Một loại ba tên, vị cam thì.
Thương sơn ắn sĩ thông thiên địa
Lạc thủy tường trình thực có y,
Mai nó tư âm cùng bổ thận,
Trẻ em hờ mỗ ác (thóp thờ) phải dùng mi,
Lại hay trực ứ phép đã dạy,
Vào lửa mà nghiền cho nhỏ đi (*Ghét sa sâm*)

MIẾT GIÁP

Miết giáp là mu giải, (*Cua đinh - Ba ba*)
Tính chua chữa lao khái,

Tán ứ khỏi nóng xương,
Trừ bỉ, huyết băng giải,
Bao nhều chứng thũng phù,
Đốt ứống không còn hại,
Tiểu miết ấy Ba ba,
Thuốc cái cùng đơn cái,
Chữa trẻ em chốc đầu,
Mài nước nhiệt mới giải.

(Sợ Xương bồ, Tạo giác không có dùng Xuyên sơn giáp)

NHÂN PHẦN

Gọi là nhân phần cắt người ta
Tính nó lương mà được hòa
Trẻ con ần chẩn làm chủ trị
Ai ăn thuốc độc ứống liền ra
Qua lửa để lâu làm cho kỹ
Vì lửa nên thơm chẳng thối tha

NHÂN TRUNG HOÀNG

Nhân trung hoàng gọi cắt đồng nhi
Tính mát thay là bổ chớ chi
Phơi khô sao qua để lâu tốt
Đậu sồi đem dùng cho kịp thì
Dưỡng lão nhiệt hư cùng thuốc bổ
Chữa già dùng trẻ phép lương y

TRƯ PHẦN *(cắt heo)*

Lợn đen dùng lấy phân khi tươi
Cách chữa cũng làm như phân người

DUỐNG PHẦN *(cắt dê)*

Phân dê phân lợn làm như nhau
Cách chữa xem ra cũng một màu

CÁU PHẦN *(cắt chó)*

Chó mực đen tuyến ấy mới xuê
Phương chữa cách làm như cắt dê

MIÊU PHẦN *(Cắt mèo)*

Cắt mèo cách làm như cắt chó
Còn gọi là cắt ngũ tướng quân
Dùng nó để chữa bệnh hiểm nghèo
Hoặc chữa trẻ con đậu mọc khó

HÙNG THỦ PHẦN *(Cắt chuột đực)*

Phân tích thành hoa đã trắng bông

Dem về qua lửa tiểu tiện nùng (ngâm)
Tán cho thật nhỏ dùng làm thuốc
Trúng thử phòng hoa nó có công
Sáng lại bỏ lông cho sạch hết
Kéo còn ho háng mới rằng công
Lam sơn phá độc chữa chư trúng
Phá chứng cuồng phong chọn thử hùng (chuột dục)

DU LONG THÁI

Du long vĩ thảo gọi rau dừa
Đau dạ thời ăn có kẻ ưa,
Thịt cầm mọi gai cũng hút mù
Nấu mà dầm tẩm rút khỏi da
Sâu ăn có cái, thuốc chẳng đỡ
Dùng bó rau cùng ruột cá mai
Trộn lẫn điều tra điều cách bức
Ba tiêu trong sẩy giữa rây thưa
Khi ra thì dễ vào lại khó
Vì bởi thêm ăn đã chết chưa

Chú thích của người dịch: Theo tinh thần bài ca này thì cây rau dừa có tác dụng hút mù, phàm người bị gai xóc vào thịt dùng nó đắp thì hút mù, nếu nấu lấy nước để dầm thì gai sẽ trôi ra phàm các thứ sâu ăn có cái chữa dù thử thuốc đều không khỏi thì dùng nó giã lẫn với ruột cá mai, lấy lá chuối hơ lửa, chọc thủng ở giữa đặt vào chỗ có sâu ăn rồi đắp thuốc này vào, nó có tác dụng dụ sâu ra để chữa khỏi bệnh).

ỪNG THÁI

Rau muống vua Nghiêu canh bữa thường
Lá xanh lá đỏ diện tà dương
Giải ngộ độc cà dùng lấy ngọn
Chớ có tham ăn hại vị trường (dường ruột)

HẢI TẢO (Có tên Hải thủy tảo)

Cỏ sinh mặt biển gọi rau rong
Giống cỏ hai cùng Hải tảo đồng
Lá tựa Bông cao gọi Tụ hải
Tính kiêm Cam thảo lạnh hàm xung
Phá ung âm trướng tiện phương lợi
Tán chứng tiêu nuy bế cách thông

(Chú thích của người bệnh: Dùng Dạng Hải tảo. Mã vị tảo, vị đắng, mặn, tính hàn, không độc, công năng tả nhiệt tán kết, hóa đờm dãi, tiêu trướng nhọc, dùng làm thuốc mềm chất rắn, lợi tiểu).

NGƯ TINH THÁI (Có tên Thiên lý diện)

Ngư tinh rau giấp, gọi Vân đài
Phụ nữ nên trồng dưỡng dục mai

Huyết-bế uống thông, trừ ủng khí
Ăn nhiều có tổn thật chẳng sai

THỦY CANH THÁI

Rau vậy ai nghĩ ấy thủy canh
Nổi chìm mặt nước lá xanh xanh
Chứa được thương hàn vì tính mát
Trúng thử sơn lam nhiệt phải thanh
Đặc biệt thủy canh dùng đến nó
Ai mà lao nhiệt vị nên thành

DẠI TOÁN

Dại toán gọi củ Tỏi, Tính vị nó ôn tân
Lấy về treo giàn bếp, Tiêu thực lại rất cần
Lại có công giải độc, Tiêu ung hay như thần

BẠCH CỰ

Diếp đáng là người gọi Cự số
Đô thành trồng nó ở vườn hoa
Giải cơn đau bụng nên ăn nó
Tiêu trừ huyết cục có công to

HƯƠNG DƯƠNG QUỲ (Có tên là Thủy tần)

Rau bọ là tên Quỳ hương dương
Mọc trên mặt nước bạng như trang
Nó như rau vậy tính đều mát
Trúng thử lâm phiên cổ tạng lương (tốt)
Ai mà tính nóng dùng rau ấy,
Mát lại thông tiện lợi đại trường.

CỬU BẠCH

Rau kiệu là người khác giống hành,
Tính hay tẩy uế khử mùi tanh,
Nhức đầu ngạt mũi dùng nó chữa,
Phá khí ăn canh nên dùng sinh

HIỆN THÁI

Dền trắng không cần, dụng dền cơm,
Nhuận đại trường hay, vị thuốc Nam,
Tùy ý ăn canh hay ăn luộc,
Lợi rồi thì giảm chớ nên tham.

TRÚC THÁI

Nức tên Biển súc gọi Thái lái,
Tính mát hay thông lá bế khai,
Thuốc dẫu cũng hay cầm máu nữa,

Bổ trung ích tạng gọi canh trai.

ĐỘC CUỐC THÁI

Má họ Liên tiên, Má dất tên,
Có nhiều thứ má, phải phân minh⁽¹⁾
Bị thương vết tích thời dùng nố,
Phá độc đồ sang, độc chẳng sanh,
Nấu cá chích liền sinh vị độc,
Ai mà bị liệt chớ ăn canh.

PHÙ BÌNH

Nổi trên mặt nước gọi Phù bình,
Dịch thị là bèo xuân mới sinh,
Phong độc phá thương, xông lại tắm,
Vị chứng tính mát nói phát kinh.
Không được để lâu lời thầy dạy,
Lâm, đậu đêm hòa luyện mật thành,

ĐÔNG QUA BÍ ĐÀO

Kìa xem quả bí gọi Đông qua,
Thứ mọc trên rừng hơn bí ta,
Tính mát chữa đơn cùng chữa cái,
Lâm viên Bách giải tốt thay là.

(Goi tên là Bạch qua, thứ nhỏ quả, ngoài vỏ có phấn)

KHỔ QUA

Mướp đắng gia truyền gọi Khổ qua,
Quả dùng ăn sống mát thay là,
Tính hay giải độc trừ phong nhiệt,
Dây nó phơi khô nấu uống hòa.

TÂY QUA

Dưa hấu là tên gọi Tây qua
Giống ở Xiêm thôn sinh sản đa
Ruột đỏ chớ ăn mà nhiệt độc
Da xanh nên mát, dưỡng dân ta

KIM HOA

Mát thay dưa đá gọi Kim hoa
Kẻ lạnh đừng ăn mà hóa ho

HOÀNG QUA

Hoàng qua dưa chuột nhiệt thay là
Dù khỏe ăn vừa chớ quá đa

(1) Rau má có nhiều thứ: rau má thìa, má mọt, má nui, má nước, má ngo, má tía, má thiêng...

KÊ KHANG

Mình xanh có dọc gọi dưa gan
Cùng mát ăn chơi, chẳng phải thương

DÃ THỦ HOA

Ây dây dưa chuột mọc ngoài hiên
Trúng thử phong hoa uống lại yên.

THỦY NGÂN

Gọi là nước thủy tính hàn thay
Giết hết côn trùng chữa ghê hay
Doan tuyết thay bào, phụ nữ cấm
Thối sinh lập hiệu có ai tày

PHU NHỮ

Tinh huyết sinh con mẹ thập ân
Sân sinh lứa huyết sữa nên ngon
Nuôi dưỡng trẻ em, ngọt lại mát
Thuốc phù lão mạo bổ dương tồn
Diêm phươg lưỡng nhũ thông phong khối
Bổ chứng hư lao tiếng đã đồn
Ích dương hẹp lão, yên nằm tạng
Chứa hết độc sang bìa hầy còn

HỒNG THAI

Thái điệp đôi phương có Bắc Nam
Thánh đỉnh thái, đắng ấm thương đàm
Cây hình Chi tử gọi Sinh điệp
Lá gọi rau Tần, uống hạ đà,
Sáng sớm nên dùng, uống ba chén
Nhẹ mình tiêu độc chứng Sơn lam
Nam thái tính lương vị lại mát
Ăn vào tiêu thực lại ngon cơm
Điều hòa tạng phủ, ngủ ngon giấc
Béo thời nên giảm gây nên ham

THANH TỬU

Bắc thời ôn nhiệt, hỏa ôn thuận
Uống ít khôe ra, nhiều tổn thần
Huyết mạch lưu thông ưu đại hỉ
Tắm điều mọi thuốc đại vị chân
Ràng cây "vô tu bất thành dược"
Cổ thuốc trường sinh lão lại xuân

THANH THỐ (*Dấm thanh*)

Thơm ngon ấy dấm, tính toan lương

Một thấy mình ta lại trắng cường
Thùng độc cũng tiêu và huyết vãng,
Tiêu trừ hòn cục, khử đờm lương (tốt)
Phục linh chẳng khá tẩm thanh thổ,
Phụ tử Dương quym Nga truyệt thương,
Đã gọi là đấm, đừng bỏ cái
Rượu thanh cùng nước mới lên lương,
Một phần hỏa tẩu ba phần nước,
Để lâu vị chua thuốc mới cường.

TIỂU ĐỒNG TIÊN (nước tiểu trẻ em)
Đồng tiện nước tiểu lấy đầu dòng,
Chưa có âm dương nên gọi đồng,
Để lấy âm dương bào chế thuốc,
Cùng đồ thương tích huyết liên thông,
Khí mát cốt chưng ho nhiệt khôe,
Ứ huyết, hư lao, ngộ độc xông,
Đã chữa sơn lam cùng sản hậu,
Lại trừ phòng thất với kinh phong.

HƯƠNG DU (dầu mè)
Bản đến Hương du cùng Bạch du,
Du thái là nỏ, nhạt chẳng mua,
Thùng sang thi thử, cùng trừ bọ,
Thầy thuốc hay tra lại được đồ.

ĐÀ TỬ (Dừa)
Nước tự nhiên là nước quả dừa,
Nước không có cá, nước người ưa,
Bổ lao trung nhiệt, chữa răng cấu,
Thấm dếp đi đường, tảo sưng nhờ,
Lại phá nhiệt phong cùng bạch diện,
Nước hàn mọi độc bệnh nên trừ.

PHONG CHƯƠNG
Phong chương gọi cây sau,
Thu phân tiết Bạc đầu,
Chớ để cho khô quá,
Ấm can mới cất thâu,
{hong ngứa cùng ỉn chẩn,
Nấu xông, tẩm, kéo âu

ÂM MAO ĐÀN ÔNG
Âm mao lông dái của đàn ông,
Đến tuổi trung niên chẳng phải trồng,

Tá sử dương cân cho ích khí,
Rào đạo ngọc hành đế ngừa phong,
Nhờ ơn nam tử âm mao thịnh,
Chứa được phụ âm thạch nhũ ung.

LẬU LỒ

Vốn lậu hoa là tích cực hàn,
Ác sang ghê độc chữa thiên ban,
Sinh cơ trường nhục ai hơn nó,
Cùng thuốc bài núng độc phải tan.

VƯƠNG TÁI TÔ

Tấn vương lên cái thuốc khôn đồ,
Chứa khỏi phong cho Vương tái tô,
Vốn nó gọi là cây nọc rắn,
Tiểu xà thiết tự ấy tên cho,

LÔ HỘI

Kính giật khá an, điên giản an,
Luật xem Lô hội, khí chưng hàn,
Thuốc dùng được đỡ, tiêu cơm được,
Trẻ già dùng nó bệnh tiêu tan.

RĂNG NGƯỜI

Nhân xỉ là răng của mọi người,
Vị bình chẳng độc lấy mà chơi,
Hoặc đốt hoặc nướng tiêu ung ngược,
Có phép đồ tồ chế các loài

CÀN TẮT (*Sơn khô*)

Càn tất tân ôn, độc bỏ liễu,
Độc hay giải độc lại nên yêu,
Dánh tan tích tụ cùng âm độc,
Sao chín cháy qua tạng lại hài,
Thông kinh sát trùng đều có sức,
Giấy che cơn cữu tất cần bào.

BA DẦU

Ba đậu ôn độc thay,
Nghiền tán cho thành bột,
Dời thường gọi giang tử,
Vị hàn, trưng tính khô,
Dùng sống hoặc dùng chín,

(Ghet Lưu hoàng, Đơn sâm)

Bì dầu bỏ hết này,
Ngược trừ mọi tích hay,

Thông lợi phá đờm ngay,
Thân nhiệt lại hòa rây,
Tùy thầy thuốc ra tay.

QUA ĐẾ (*Cuống đũa đá*)

Qua đế nhận xem tính khổ hàn,
Hay tiêu phù thũng trị da vàng (*hoàng đản*)
Thanh đờm lại chữa bệnh nôn mửa,
Nhất là khái thấu thấy đều an.

THỊ ĐẾ (*Tai hồng*)

Hồng châu phủ ấu sản tai hồng,
Chứa nấc xem ra nó lắm công,

CHỈ THỰC

Chỉ thực ta dùng quả tráp non,
Bỏ xơ cho hết mới bồi can (*hong khô*)
Hoặc sao hoặc nấu tùy căn bệnh,
Tả độc thương hàn lại được an,
Tiêu thực hóa đờm cùng phá tích,
Tường nghiêng vách đổ chẳng ngoa ngôn.

(Chỉ thực là quả tráp, tháng 3 hái về, thái mỏng, bỏ ruột sao với bột mì, không có dùng Thanh bì thay thế).

CHỈ XÁC (*vỏ quả tráp*)

Chỉ xác làm nên phơi mới bằng
Bỏ ruột sao qua phép đã từng,
Khoan tràng hoạt cách an thai khí,
Có phương sao cảm, có phương dừng,
Thực xác đôi bề sao mới tốt,
Dùng thứ lâu năm hiệu mới hưng,

(Tháng 5 lấy Chỉ xác, vị hơi ấm, dùng đất vách hòa với nước trong ngâm mềm bỏ ruột rồi sao với bột mì, người yếu thì chớ dùng).

ĐỘC LỰC

Nức danh Độc lực ấy là tên,
Lá xanh quả tím có cây chen,
Phụ nhân huyết lạnh nên dùng nó,
Phù thũng liên tiêu mạng được yên.
Tê thấp nhức chân ngâm rượu uống
Hoặc ai ra máu giảm ngay nên (*Có tên Hắc lực*)

LƯU KỶ NÔ

Rễ giáng trong rừng Lưu kỷ nô,
Chứa phừng độc được chẳng còn lo,

Phụ nhân dùng rượu đem ngâm uống,
Điều huyết tiêu đờm, khỏi thũng phù,
Sắc cùng Bạch mật phòng ho hấn,
Vị mát mà ôn huyết hoạt thu.

CAM TOAI

Cam toai tuy dùng có Bắc Nam
Ai dùng Toại bắc vẫn dùng Nam.
Tính nó đáng lạnh phản Cam thảo.
Dem tán nó ra lại hạ đờm.
Mật phù, cổ trướng, trưng hà phá,
Lợi thủy, thông lâm lại được an,
Bóc lấy vỏ ngoài đem ngâm rượu,
Sao làm thuốc tẩy vẫn thường làm.

(Có tên Thương lục)

NGŨ LIÊM

Ngũ liêm là khế chữa ghê răng
Lại chữa vôi nung với miệng sưng,
Làm thuốc thôi sinh ta nấu sẵn,
Cùng ai kiệt lý uống an bình.

TẠO GIÁC

Muốn tắm cho nên các vị thô,
Bỏ vỏ bỏ hạt, Từ tồ đồ;
Nước vàng tán nhỏ thông khai bí,
Chỉ thổ hàn đờm lại chữa ho,
Chủ được trúng phòn ngã vật xuống,
Phá tan thũng thưng chẳng còn phù,
Thầy cho Quý mộc, vị cay đắng,
Bồ kết là danh, nha tạo hồ.

(Không có dùng Thăng ma)

HUYẾT GIÁC

Huyết giác gọi là giác máu ny,
Thuốc đỏ thuốc thử nó thời hay,
Cái đơn cái hạch cái ung thũng,
Hợp Đại hoàng Long vĩ mới bày,
Phòng thất cùng trừ tiêu huyết ứ,
Uống thời nên phép chẳng còn chầy.

KỶ SINH *(Tầm gởi)*

Ngọt đắng mà hay gọi Kỷ sinh,
Tính tùy các giống chẳng theo mình,
Gỏi dẫu hạng nhất làm đầu được,

Yêu thống chân tay phong thấp thành,
Trắng cốt ngoan đàm càng lấm lấm,
Tục cân khoan tiết nhẹ thênh thênh,
Gỏi khế trừ ngược trừ đơn thùng,
Nấu chữa thôi sinh nhẹ tính tình,
Gỏi quít hay chữa đau tim lạnh,
Lại còn tiêu thủng, được thân khinh,
Gỏi xoan thì gỏi khu trừ sán,
Lại giết côn trùng lỵ được bình,
Gỏi cây Dung thu trừ tiết tả,
Lại hay chữa thũng hiệu công thành,
Muốn gỏi cây nào thì cứ gỏi,
Nhưng gỏi cây dâu vẫn đàn anh,
Sân hậu thai tiền đều chữa cá,
Huyết băng huyết cục chữa càng nhanh.

(Ký sinh gọi là ô phần, ô phần bám cây để mọc lên gọi là ô thảo, là ô thảo, lá nó giống Dương lô tử, như Phúc bồn đỏ đen, đều nấu canh ăn, còn gọi là Ngụ mộc, không có rễ, sống gỏi trên cành cây cho nên mệnh danh như vậy, ô là vật phương bắc, cảm thụ khí trời đất mà mọc, mọc trên cây dâu gọi là Tang ký sinh, mọc trên cây dương liễu gọi là Liễu ký sinh v.v...)

TÂN DI (Nguyên bản nói Vu di là sai?)
Tân di nồn đa vị tân bình,
Hái lấy sao nghiền uống mới thanh,
Tiêu trị diệt trùng trừ thũng thống,
Địa hoàng thấy nó phách hồn kinh.

(Tục gọi nồn đa lông)

(HẾT QUYỂN HẠ)

MỤC LỤC

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH LÊ HỮU TRÁC

* * *

	<i>Trang</i>
Lời nhà xuất bản	3
Ban dịch duyệt (Bộ Hải Thượng y Tông Tâm Lĩnh)	5
* Tâm Đắc thần phương	6
Toàn chân nhất khí thang	8-51
* Y Phương Hải Hội	52
Lời nói đầu	53
Sâm phụ lý Trung thang	54-96
* Mộng Trung giác đậu (quyển 34)	97
<i>Giáp</i>	
Tiểu dẫn	98
Thể lệ biên tập	101
Tổng luận	102
Cách xem đậu	105
Xem đậu mọc ở các bộ bị của kinh huyết để biết tốt xấu	107-130
Mộng trung giác đậu (quyển 35)	
<i>Ất</i>	131
Mạch pháp	132-157
Mộng trung giác đậu (quyển 36)	
<i>Bính</i>	158
Về chứng sốt	159-188
Mộng trung giác đậu (quyển 37)	
<i>Dinh</i>	
Thời kỳ đậu cương	190-225
Mộng trung giác đậu (quyển 38)	
<i>Mậu</i>	226
Bàn về không ăn được	227-255
Mộng trung giác đậu (quyển 39)	
<i>Kỷ</i>	256
Sưng đầu mặt	257-278
Mộng Trung giác đậu (quyển 40)	
<i>Canh</i>	279
Năm loại đậu hãm	280-308
Mộng Trung giác đậu (quyển 41)	
<i>Tân</i>	309
Về dư độc các tạng	310-325

Mộng Trung giác đạo (quyển 42)	
<i>Nhâm</i>	326
Thắng ma cát căn thang	327 - 376
Mộng Trung giác đạo (quyển 43)	
<i>Quý</i>	377
Các phương pháp chế sẵn dùng ngoài	378
Những vị thuốc chinh dùng chữa đau	391
Bệnh án điều trị trong sách cấm nang	401
* Vệ sinh yếu quyết	414
Giới thiệu và khảo chứng	
Tập vệ sinh yếu quyết	
<i>Quyển thượng</i>	415
Thuật lại những thuyết cổ	417
<i>Quyển hạ</i>	
Vệ sinh yếu quyết diễn ca	439
Phụ lục	
Thuốc phòng bệnh	471
Cấp cứu	475
Bảo dưỡng	481
* Lĩnh nam bản thảo	
<i>Quyển thượng</i>	487
Bài ca về: Khí vị, và chủ trị của các vị thuốc nam	
Loại cỏ hoang	488
Loại cây bo	495
Loại cỏ mọc ở nước	497
Loại ngũ cốc	498
Loại rau	501
Loại quả	506
Loại cây	512
Loại côn trùng	517
Loại có vẩy	521
Loại cá	522
Loại có mai	
Loại có vỏ	527
Loài chim	529
Loại chim nước	533
Loại gia súc	534
Loại thú trùng	537
Các thứ nước	541
Các loại đất	543
Loại ngũ kim	544
Loại đá	546
Thuộc về người	547
Lĩnh Nam bản thảo	
<i>Quyển hạ</i>	549 - 609

HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG
LÊ HỮU TRÁC

HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG Y TÔNG TÂM LĨNH

Tái bản nguyên bản

* * * *

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong lịch sử y học dân tộc cổ truyền của nước Việt Nam, **Hải Thượng Lãn Ông** chiếm một vị trí khá quan trọng, thật sự là một danh y của đất nước ta. Tên thật là Lê Hữu Trác, sinh ngày 12 tháng 11 năm Canh Tý. Nguyên quán ở thôn Văn Xá, làng Liêu Xá, huyện Đường Hào, phủ Thượng Hồng (nay là xã Liêu Xá, huyện Mỹ Văn, tỉnh Hải Hưng), mất ngày rằm tháng giêng năm Tân Hợi (1791) ở quê mẹ, xứ Bầu Thượng, xã Tĩnh Diệm, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh (nay là Nghệ Tĩnh) thọ 71 tuổi.

Hải Thượng Lãn Ông xứng đáng là danh y Việt nam vì ông đã hết lòng vì sự nghiệp y học nước nhà. Ông đã biết thừa kế học thuật của những bậc danh y đời trước và nêu cao tinh thần độc lập sáng tạo, tiếp thu học thuật nước ngoài có phê phán, có phát triển. Ông luôn luôn độc lập suy nghĩ, vận dụng linh hoạt vào thực tế lâm sàng, đúc rút kinh nghiệm làm sáng tỏ nhiều điều ngờ vực, bổ sung những chỗ người xưa chưa nói tới. Ông đã coi nghề y là một nghề cao quý, coi việc bảo vệ sinh mệnh con người là nhiệm vụ hàng đầu; ông rất thận trọng trong khi khám bệnh chữa bệnh.

Nhận rõ trách nhiệm đối với tương lai y học nước nhà, đối với việc bảo vệ sức khỏe nhân dân, từ năm 1760 Lãn Ông mở lớp huấn luyện y học. Ông trao đổi kinh nghiệm phòng bệnh, chữa bệnh với bạn đồng nghiệp tập hợp kinh nghiệm dân gian; ông tìm hiểu quan hệ giữa khí hậu, thời tiết với bệnh tật ở nước ta. Ông ghi chép bệnh án để rút kinh nghiệm những bệnh chữa khỏi và những bệnh chữa không khỏi. Qua gần 30 năm, ông tổng kết tinh hoa của trung y và y học dân tộc cổ truyền, biên soạn bộ "**Hải thượng y tông tâm lĩnh**" gồm 28 tập, 66 quyển bao gồm lý, pháp, phương, dược và biện chứng luận trị về nội khoa, phụ khoa, sản khoa, nhi khoa, đậu sởi, nhãn khoa, thương khoa, cấp cứu, v.v... đạo đức y học, vệ sinh phòng bệnh. Bộ "**Y tông tâm lĩnh**" của ông được đánh giá cao trong nước và ngoài nước. Bộ sách này đánh dấu một bước tiến mới của sự nghiệp y học cổ truyền Việt nam, góp phần xây dựng, phát triển nền y học đất nước ta.

Tập đầu tựa đề năm 1770 gồm mục lục bộ sách, tập thơ Y lý thâm nhân, ngâm vịnh ngẫu hứng trong khi làm nghề làm y, một thiên y huấn cách ngôn nói về đạo đức của người thầy thuốc và một thiên y nghiệp thần chương khái quát nội dung của bộ sách.

- *Quyển 1*: Nội kinh chỉ, trích những điểm thiết yếu của kinh điển đông y.
- *Quyển 2*: Y gia quan miện phân tích và tổng hợp lý luận cơ bản về âm dương, ngũ hành, tạng phủ, kinh lạc, khí huyết, chẩn đoán, mạch học, bệnh lý, trị pháp.
- *Quyển 3, 4, 5*: Y hải cầu nguyên nêu lên những qui luật chung về sinh lý và nguyên tác trị liệu.
- *Quyển 6*: Huyền tân vi nói về tiên thiên thủy hỏa - "Mệnh môn", cơ năng sinh lý, và bệnh lý của chân thủy, chân hỏa, cùng phép chữa.
- *Quyển 7*: Khôn hóa thái chân bản về hậu thiên tỳ vị, cơ năng tiêu hóa và tác dụng của khí huyết, bệnh lý và phép chữa.
- *Quyển 8*: Đạo lưu dư vận biện luận bổ sung những điểm y lý chưa rõ hay còn

thiếu ở các sách xưa.

- *Quyển 10 và 11*: Dược phẩm vị yếu nói về dược tính 150 vị thuốc Bắc, Nam phân loại theo ngũ hành.

- *Quyển 12 và 13*: Lĩnh nam bản thảo; quyển thượng chép 496 vị thuốc nam thừa kế của Tuệ Tĩnh, quyển hạ chép 305 vị bổ sung về công dụng hoặc mới phát hiện thêm.

- *Quyển 14*: Ngoại cảm thống trị nói về đặc tính bệnh ngoại cảm ở nước ta và các phương thuốc sáng chế để điều trị theo các thể bệnh.

- *Quyển 15 đến 24*: Bách bệnh cơ yếu; bệnh học nội khoa 10 quyển, mới sưu tầm và khắc in 2 quyển Bính, Đinh, còn thiếu 8 quyển: Giáp, Ất, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý.

- *Quyển 25*: Y trung quan kiện tóm tắt phương pháp điều trị các bệnh.

- *Quyển 26, 27*: Phụ đạo xán nhiên chuyên về phụ khoa.

- *Quyển 28*: Tọa thảo lương mô chuyên về sản khoa.

- *Quyển 29 đến 33*: Ấu ấu tu trị chuyên về nhi khoa.

- *Quyển 34 đến 43*: Mộng trung giác đậu chuyên về bệnh đậu mùa (10 quyển).

- *Quyển 44*: Ma chẩn chuẩn thăng chuyên về bệnh sởi.

- *Quyển 45*: Tâm đắc thần phương gồm 70 phương thuốc chọn lọc trong sách Cẩm nang của Phùng Triệu Trương.

- *Quyển 46*: Hiệu phỏng tân phương chép 29 phương thuốc hiệu nghiệm do Lân Ông sáng chế.

- *Quyển 47, 48, 49*: Bách gia trân tàng ghi trên 600 phương thuốc kinh nghiệm thu lượm trong nhân dân và thừa kế của ngoại tổ ông là Bùi Diễm Đăng.

- *Quyển 50 đến 57*: Hành giản trân nhu (8 quyển) chép trên 2000 phương thuốc chọn lọc trong các bản thảo đời trước, như Namn dược thần hiệu của Tuệ Tĩnh hay thu nhập trong dân gian.

- *Quyển 58*: Y phương hải hội gồm 200 cổ phương đông y.

- *Quyển 59-60*: Y dương án chép 17 bệnh án chữa khỏi, và Y âm án chép 12 bệnh án tử vong.

- *Quyển 61*: Truyền Tân bố chỉ được gọi là Châu ngọc cách ngôn tóm các điều cốt yếu nhất về quy tắc chẩn đoán, biện chứng, dùng thuốc trị bệnh.

- Vệ sinh yếu quyết: chuyên về dưỡng sinh, vệ sinh phòng bệnh (2 quyển).

- Bảo thai thần hiệu toàn thư giải âm (1 quyển).

- Nữ công thảng lăm nói về cách nấu nướng.

- Quyển Thượng kinh ký sự kể lại hành trình của Lân Ông lên kinh đô chữa bệnh cho Thế tử Trịnh Cán năm 1782.

Bộ sách **Hải thượng y tông tâm lĩnh** đã được dịch ra và xuất bản ở miền Bắc trước năm 1970 (trừ các tập Mộng trung giác đậu, Vạn khí bí điển và Bảo thai thần hiệu chưa in). Nay Viện Y học dân tộc đã dành nhiều năm hiệu đính lại bản dịch lần trước, nâng cao chất lượng dịch thuật. Lần này Nhà xuất bản Y học chủ trương lần lượt xuất bản lại toàn bộ sách **Hải Thượng y tông tâm lĩnh** nhằm góp phần thực hiện chủ trương thừa kế y học dân tộc cổ truyền của Đảng và Nhà nước ta.

Nhà xuất bản Y học

BAN DỊCH DUYỆT
BỘ “HẢI THUƠNG Y TÔNG TÂM LINH”

1. Lương y trong lớp “Giảng viên Y học Cổ truyền”

Nguyễn Ban Bách	Nguyễn Minh Căn	Lê Ba Cơ
Nguyễn Khắc Dụ	Nguyễn Thành Gian	Nguyễn Hữu Hách
Nguyễn Văn Hạp	Phạm Văn Liên	Chu Văn Liên
Lê Đức Long	Đinh Văn Mong	Nguyễn Ngọc Oanh
Nhũ Hồng Phấn	Vũ Xuân Sung	Phó Đức Thảo
Nguyễn Đăng Thập	Tô Văn Thiên	Nguyễn Đình Tích
Ngô Quý Tiệp	Nguyễn Văn Tô	Nguyễn Hữu Triện

2. Lương y của phòng Huan luyện Viện Y học Dân tộc Hà Nội.

Lê Tân Đức	Nguyễn Trung Hoà	Phạm Văn Lâm
Nguyễn Quang Quỳnh	Nguyễn Duy Tân	

3. Lương y của Hội Y học Cổ truyền Việt Nam

Nguyễn Tú Siêu

CHỦ TRÁCH NHIỆM KHAO LẠI LẦN CUỐI:

Lương y Nguyễn Văn Bách

Lương y Bác sĩ Phó Đức Thảo

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LĨNH

HÀNH GIẢN
TRÂN NHU

NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

TIỂU DẪN

Xem những đoạn hỏi đáp của Hoàng đế Kỳ Bá thì biết được nghề làm thuốc là khó, và nghiền ngẫm những luận thuyết về lập phương trong các sách thuốc thì thấy rằng việc dùng phương thuốc lại càng khó hơn, cho nên người xưa đặt ra cơ phương, hợp phương, phúc phương và có quân thần tá sử, góp nhiều sức thuốc lại được mới công hiệu. Còn như Chu đơn Khê hay dùng nhiều vị, Lý Đông Viên hay dùng ít vị, tuy rằng đường lối dụng dược của các vị tiền hiền ấy đều đúng cả, nhưng với người cố chấp thì không phải hoài nghi và cho rằng hai nhà đó nếu không mâu thuẫn với nhau thì cũng là thiên về cầu kỳ hoặc đơn giản, nhưng cho rằng một vài vị thuốc có thể chữa khỏi bệnh cũng chưa chắc là đúng, nếu gặp những chứng quá hư yếu, bệnh tình phức tạp, thì ngoài việc chữa gốc ra còn phải khéo léo dùng kèm vị nữa, chứ 1, 2 vị làm gì chữa nổi; Lại như nói đem một vị thuốc chữa cho một chứng thì được khí toàn vẹn, được lục đơn thuần, chẳng khác gì đem một cánh quân mạnh để giết giặc bất giặc thì rất dễ dàng, như thế thì dùng ít vị sao lại không khỏi?

Tôi nghe vậy chưa rõ ý nào là đúng, nhưng tự nghĩ rằng nhà làm thuốc lấy sự giúp người lợi vật làm nhiệm vụ, nếu nhờ gặp nơi hẻo lánh vội vàng không kịp chuẩn bị, hoặc gặp nhà nghèo khó không đủ khả năng uống thuốc thì lấy gì giải quyết? Cho nên tôi mới soạn các phương thuốc ở sách Bàn thảo và các đơn phương của các y gia, gồm những thuốc sẵn có ở nước ta, soạn thành một tập mệnh danh là HÀNH GIẢM TRÁM NHU (những đơn thuốc giản dị mà cần thiết).

Sách chia làm 8 danh mục lấy theo bát quái, thật là giản dị tiện lợi cho mỗi trường hợp khi đi xa, cũng như lúc ở nhà tựa hồ như lúc nào cũng có viên ngọc quý trong tay, rất là bổ ích

LÊ HỮU TRÁC

Biệt hiệu Hải Thượng Lãn Ông

HÀNH GIẢN TRẦN NHU

Quyển Càn (50)

I. TRÚNG PHONG

1) Chứa trúng phong hàm răng cắn chặt không há ra được.

Phèn chua, muối rang, hai vị bằng nhau cà nhỏ đem xát vào hàm răng thì chảy nước giả ra, răng tự nhiên há ra được.

2) Chứa trúng phong bế chứng: đờm sôi, chân tay không co lại được.

Phèn chua một lạng, *bồ kết* 5 đồng cân, với nước ấm, mùa được đờm ra thì thôi.

3) Chứa trúng phong không nói được, mình lạnh, bất tỉnh.

Độc hoạt 1 lạng, *rượu* 2 thăng, sắc lấy một thăng, dùng 5 vốc đậu nành sao vàng đổ vào rượu, đun kín một lúc, cho uống 3 vốc còn ấm, chưa đỡ lại uống.

4) Chứa ám phong, thỉnh thoảng ngá nhào ra bất tỉnh nhân sự.

Dùng tế tân, khế tán nhỏ, dùng ống sậy vạt nhọn xúc thuốc mà thổi vào mũi.

5) Trúng phong sôi đờm, nghẹt thở, mê man bất tỉnh, 6 bỏ mạch trầm phục.

Phụ tử, nam linh, mộc hương mỗi vị nửa lạng, dẻ gừng sống 9 lát sắc cho uống.

6) Trúng phong bất tỉnh nhân sự, cấm khẩu, nước giải trào ra, chân tay co kéo.

Trắc bách diệp, hành củ mỗi thứ dùng một nắm, nghiền nát ra cho rượu một thăng vào, nấu sôi cho uống ấm, chia làm 5 lần rồi mới cho uống đến thuốc khác.

7) Trúng phong mình nặng, không thể quay trở eo duỗi được.

Vỏ cây hòe, sắc vàng nhạt, cát ra từng miếng, dùng rượu hoặc nước sắc cho uống ấm.

8) Người già bị trúng phong phiền nóng, nói năng ú ớ (liú lười).

Gà trống đen, 1 con mổ thịt, rửa sạch, hành một nắm giã vắt lấy nước cốt, cho vào nấu với gà, cho ăn lúc đói.

9) Trúng phong đá 3 năm.

Lá thông 1 cân, thái nhỏ, nấu với một đấu rượu, uống cho ra mồ hôi, sẽ khỏi ngay.

10) Trúng phong chân tay lạnh ngược, (toát) mồ hôi ra nước trong, quần quai, kêu khóc

Quế 1 lạng, sắc cho uống người.

11) Trúng phong cấm khẩu, sôi dờm, bất tỉnh nhân sự.

Dờm phân, tán nhỏ, dùng một phán, hòa với rượu ấm cho uống để mưa ra dờm thì thôi.

12) Trúng phong cấm khẩu lòng buồn phiền, hoảng hốt, vừa đau, vừa đầy.

Đất lòng bếp, tán ra bột dùng 5 cân, nước 8 cân, quấy đều để lắng lấy nước trong rửa ráy cho bệnh nhân.

13) Trúng phong cứng lưỡi.

Hung hoàng, bạch chi, hai vị đều bằng nhau, tán bột, sắc với rượu, đổ cho uống.

Lại một phương gia truyền: Hùng hoàng kinh giới, hai vị đều bằng nhau, tán bột đều đen sao rồi ngâm với rượu, liều dùng hai đồng cân, pha vào cho uống.

14) Trúng phong cấm khẩu bất tỉnh nhân sự.

Bạch truật, 4 lạng, nấu với 3 cân rượu cho uống

15) Trúng phong cấm khẩu.

Ngoài dùng ngải cứu tại huyết Thừa tướng, huyết Giáp xa, mỗi huyết cứu 5 trảng.

Tăng cho uống *Kinh giới tuệ, Trục lich, khương trap* nấu với rượu và nước cho uống

Lại một phương: la phù dung già vắt nước cốt, trộn dầu mè cho uống.

16. Trúng phong cấm khẩu, dờm rãi trào ra.

Bù kết bỏ vỏ, bôi mỡ heo đem nướng vàng, tán bột, hòa với rượu ấm cho uống mỗi liều một đồng cân

17) Trúng phong méo mồm.

Vôi sống, sao với dấm, trộn dẻo như bùn, hễ méo bên này đắp bên kia, nó sẽ thang bằng trở lại, trong sắc hạt thông với rượu cho uống.

Lại một phương: Lấy bảy hạt Ba đầu nạnh nghiền nát nhừ, đem đắp lòng bàn tay, hễ méo bên này thì đắp bên kia, rồi đem chén nước nóng để lên chỗ đắp thuốc sắp khô.

Phương nữa, lấy lá mít hòa với 1 tí vôi, nghiền nát đem rít ở lòng bàn tay, hễ méo bên này thì rít bên kia.

Phương nữa, cao lấy tinh da cây lông trộn đều với máu lợn đen dán, hễ méo bên này thì rít bên kia, hễ thang bằng lại thì rửa chùi sạch ngay

18) Trúng phong méo mồm, mặt, mắt đều méo sặc, co giật 1 bên lưỡi không thể chuyển động được.

Quế tâm, nấu với rượu, tẩm vào mảnh vải cũ mà đắp lên má người bệnh, méo bên này thì đắp bên kia, thường dùng rất hay

19) Trúng phong lạnh tê, co quắp, bán thân bất toại.

Lấy củt trùn sao nóng cho vào túi vải, thay đổi mà chườm.

20) Trúng phong tê dại, cử động khó khăn.

Tùy bò nấu chín 1 chén, *Mật ong* đã luyện một cân, lượt sạch, cho bột mì rang 1 cân, gạo rang 3 lạng, quét làm viên bằng viên đạn, ngày uống 3-4 viên với rượu.

Phương khác, ngũ linh chi (tức là củt con Hàn hào) để với nước lóng trong gạn bỏ nước lấy bột đó hòa với rượu cho uống trước rồi kế tiếp cho uống bài tục mệnh thang.

21) Trung phong tê dệt nửa người, cử động khó khăn, chân tay không nhấc lên được.

Xuyên sơn giáp sao, (nếu tê dệt bên trái thì dùng vẩy bên phải) *Xuyên ô đầu* nướng chín con sò lóng

Mỗi vị dùng hai lạng, tán nhỏ, liều dùng nửa lạng, giã hành lấy nước, trộn nhào thành bánh, hễ bại bên nào thì đắp lòng bàn tay bên chân bên ấy, ngồi yên trong nhà kín, ngâm chân nước nóng, hễ thấy mình tê, đồ mồ hôi thì bỏ thuốc ấy đi, cẩn thận tránh gió, tay chân có thể cử động được, cách nửa tháng lại làm nữa.

22) Trúng phong bại liệt nửa người.

Sinh phụ tử 1 cân

Khương hoạt

mỗi vị dùng một lạng, tán bột.

Ô dước

Liều dùng hai ba đồng cân cho vào với ba lát gừng, sắc lấy nước cho uống.

Phương khác: Rễ và lá cây Bù cu vể, cho vào nồi đất, nấu cho xông, bại bên này thì xông bên kia, nước đó cho uống thay trà.

23) Trúng phong miệng mắt méo xéo.

Thương truật, *Phóng phong*, *Xuyên khung*, *Tế tân*, *Nhũ hương* mỗi vị dùng 1 lạng. *Quả sấu dâu* 5-6 quả, *xương bồ* 2 lạng, *củ tỏi* 1 lạng, *kính giới tuệ*, *khương hoạt*, *Đậu hoạt*, *Độc hoạt*, *Tạo giác*, mỗi vị 5 đồng cân, cho thêm một hạt cây Gió càng hay, luyện hồ làm viên, hùng hoàng làm áo, mài với dầu mè mà uống.

24) Trúng phong không nói được.

Tê dệt nửa người, miệng mắt méo xéo.

Bạch phụ tử; *Cương tâm*, toàn yết các vị bằng nhau, nghiền cho uống với rượu ấm. *Nghiệm phương*: *Thương truật* 1 lạng, *Xuyên tiêu* 4 lạng nấu với rượu để cho uống thì người khỏe mạnh nhẹ nhàng, nếu miệng mắt méo xéo thì dùng thuốc đó bôi vào.

25) Trung phong tê dệt nửa người, đến nổi lệch người và cứng đờ.

Phụ tử 1 lạng, dùng rượu để ngâm 7 ngày, cách một ngày cho uống 1 chén chung.

26) Trị các chứng phong, bại liệt.

Thảo ô đầu, *Thuyền thoái*, *Cương tâm* đều năng nhau tán nhỏ, *Trùn đất* 1 con giã

nát cho vào dấm trộn với thuốc luyện hoan bằng hạt đậu, liều dùng 4-5 viên, cho uống với nước nóng. *Nghiệm phương Cây Ba gạc*, cát ra từng miếng, sao vàng, *Lá tầm gửi* dâu hoặc lá tầm gửi khác cũng được, hai vị bằng nhau, sắc cho uống.

27) Đau nhức các khớp xương (lịch tiết phong).

Độc hoạt, Khương hoạt, Tòng tiết, các vị bằng nhau, sắc với rượu, mỗi ngày cho uống một chén lúc đói.

28) Phong ngứa như có sâu bò

Hùng hoàng, Tòng chỉ đều bằng nhau, nghiền ra, viên với mật bằng hạt đậu, liều uống 10 viên, ngày ba lần, liệu trình 100 ngày, kiêng rượu thịt.

29) Tiêu phong thuận khí cùng chữa người già đại trường táo bón.

Phòng phong, Chỉ xác, sao với cám, mỗi vị dùng một lạng, *Cam thảo*, nửa lạng tán bột liều uống 1 đồng cân.

30) Truyền phương trị phong độc ở trong xương tủy.

Hổ cốt 1 lạng, *Bạch thược* 2 đồng cân, cho vào túi lụa, ngâm với ba lít rượu, năm ngày thì cho uống được.

31) Bệnh thương phong hàm răng cắn chặt.

Thiên nam tinh, Phòng phong, đều bằng nhau, tán nhỏ, sắc với nước tiểu tiện, liều uống 2 đồng cân.

Phương khác, *Trúc lịch* 2-3 cân, đồ cho uống liên tiếp để gây nôn, kiêng uống lạnh, kiêng rượu.

32) Thần ứng cứu khổ hoàn, chữa mọi thứ thống phong.

Xuyên ô, Thảo ô đều sao lên

Thanh bì, Chỉ xác, Thương truật, Sinh địa, Bạch truật, Bạch thược, Xuyên khung đều dùng 5 đồng cân, *Ngũ linh chi* 2 lạng tán nhỏ, rượu khuấy hồ luyện hoàn, liều uống 1 hoàn, mài với rượu cho uống.

33) Định phong bách giải đơn. (Giáo sĩ Hoa Lang (1) truyền)

Xuyên khung tẩy rượu, *khương hoạt* dùng sống *tạo giác* bỏ hạt, *thương truật*, bỏ vỏ mỗi vị dùng một đồng cân *chu sa, thần sa* đều thùy phi, *hùng hoàng, vàng sống*, mỗi vị 5 phân, với nước long não 3 phân, *xạ hương* một phân. Các vị tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen, *hùng hoàng* làm áo, liều dùng một viên. Tùy bệnh mà dùng thang tống như sau: - Mính nóng, thang bằng nước dấm, mính lạnh thang với rượu.

- Nóng rét, thang bằng nước sắc cảnh đào.
- Bất tỉnh nhân sự, thang bằng dầu mè.
- Ho, thang bằng nước sắc Cát cánh.
- Nhiều đờm, thang bằng nước lá xương sông, (Hoạt độc được thảo

(1) *Hoa lang* Tức Hoa lan (holland) sau vì kiêng húy mẹ vua Thiệu trị mà đọc chệch ra Huê lang.

Elumeamiriocephata DC, họ cúc)

- Khản tiếng, thang bằng nước sắc Kha tử
- Nôn mửa, thang bằng nước gừng sống
- Các chứng ôn dịch, thang bằng nước sắc Hoắc hương
- Di lý ra máu, thang bằng nước sắc Cam thảo
- Nhức đầu, thang bằng nước sắc hành sống
- Thổ huyết, thang bằng nước sắc Thạch liên nhục
- Đau răng, ngâm với rượu
- Đau lưng, đau bụng thang với rượu
- Tỳ hư ỉa chảy, thang bằng rượu hâm nóng
- Ỉa chảy, thang với nước Hoắc hương
- Di lý ra mũi, thang bằng Can khương
- Suyễn kéo dờm, thang bằng gừng sống
- Tiểu tiện thông lợi, thang bằng mộc thông
- Trẻ em sài kính, thang bằng nước Bạc hà

34) Định phong hoạt mệnh đơn. Bài thuốc bí truyền rất hay, chữa mọi chứng thống phong, phong độc.

Xương dầu hổ 2 lạng, tẩm dấm nướng 9 lần. Phòng phong, xuyên khung, thương truật, mỗi vị dùng 2 lạng, vàng song, đất sét trắng, mỗi vị dùng 2 lạng, Thiên linh cái, lá dứa đốt than, chu sa, thần sa, mỗi vị 1 lạng, nhũ hương, một đượ, bồ kết, thạch xương bồ, mỗi vị 7 đồng cân, hạt cải be trắng, hạt tía tô, đều sao qua củ tỏi, củ địa liên, mỗi vị 5 đồng cân. a ngày 3 đồng cân, đại phong tử 3 hột bỏ vỏ hạt khổ đậu (1) 3 hạt. Các vị trên, nghiền nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen, hùng hoàng làm áo (1 đồng cân rưỡi), mỗi liều uống 2 viên, trẻ con một viên, thang bằng rượu. nếu có chỗ nào thì dùng một viên mài với dấm hoặc dầu mè mà xức, rất hay.

35) Định phong bảo sinh đơn, do người ngoại quốc truyền, chữa các chứng trúng phong.

Gừng giò, riềng ấm, tẩm dấm một đêm, sao Bắc Uất kim tẩm dấm một buổi, sao. thương truật sao, thiên liên, diêm tiêu, qủy kiến sấu sao bỏ gai Bắc tạo giác bỏ hột sao, thạch xương bồ (tỳ sa) tẩm dấm 1 buổi sao, lá thuốc lao (tương tư thảo) (2) Khương hoạt, độc hoạt, bắc xạ can sao, mỗi vị dùng một lạng, A ngày 2 đực, tóc rối đốt ra than 1 đực, Xương dầu hổ, 5 đực Chu sa, 1 đực, xạ hương 1 phân.

Các vị trên nghiền nhỏ, ngày Doan ngọc, lúc đứng bóng, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu đen, hùng hoàng làm áo, liều một uống viên, thang tẩm bằng rượu với nước dấm nóng.

Chủ trị các bệnh động kinh của trẻ em (phong xù) hoặc nội thương, hoặc ngoại

(1) Khổ đậu. *Trigonella foenum graecum* họ đậu.

(2) Lá thuốc lao *Nacotiana rusticum*, họ cà.

cảm sinh ra sồn sác, trợn mắt méo mồm, co quắp chân tay, giật mình cong lưng, cắn răng, đầy bụng, lạnh chân tay.

Nếu xem thấy bệnh chưa nặng lắm dùng nửa viên mài với nước sôi cho uống, nếu bệnh quá nặng, dùng lá khế (nam 7, nữ 9) nhai với nửa viên thuốc mà phun vào bệnh nhi, nếu còn cử động thì chữa, không cử động thì hết phương.

36) Chữa bệnh phong tê liệt, tay chân co quắp. Miệng mắt méo xéo, bước đi không chỉnh, uống 8-9 viên thì kín hiệu, hay như thần.

Xuyên ô bỏ vỏ và nôm, *Ngũ linh chi* mỗi vị 5 lạng, *long não*, *xạ hương* mỗi vị 5 phân

Các vị trên tán nhỏ, viên với nước mỗi viên to bằng viên đạn liêu uống một viên, thang với nước gừng và rượu ngày uống 2 lần.

37) Chữa tê dại chân tay, tê liệt, tác dụng trừ phong thấp, thông kinh lạc, mạnh tỳ vị, mạnh gân xương rất hay.

Hy thiêm, dùng thứ cánh đỏ thì tốt, trộn đều với rượu và mật ong cho vào cái chõ mà đồ 9 lần đồ 9 lần phơi rồi tán thành bột luyện mật làm viên thành bằng hạt bắp, liêu uống 3 đ/c, ngày uống 2 lần, thang tổng bằng nước sôi để nguội, uống đến 20 viên thì cảm thấy khác thường, đó là thuốc dấm.

38) Chữa phong hàn thấp hàn, chạm đến chân xương khiến co rút, đau nhức đi lại khó khăn.

Bạch truật 1 lạng, *Nhũ hương* 1 đ/c, tán bột liêu uống 2 đ/c, thang tổng với nước Mộc qua dấm rượu.

39) chữa khí huyết đều hư bên trái bên phải đều tê liệt. Dùng bát trân thang, gia Câu đằng, Trúc lịch, Khương tráp, hoặc dùng nước Thượng tri (1) làm thang, thật là thần phương.

40) Chữa nửa người bên trái tê liệt, lấy bổ huyết làm chủ yếu.

Dùng *tứ vật thang* (Thục địa, Xuyên khung, Dương quy đều 4,5 đ/c, riêng bạch thược thì 1 đ/c) gia câu đằng 3đ/c, sắc xong pha với trúc lịch, Khương tráp cho uống.

Phương khác: Gia tần Giao, Hương phụ, Sa sâm, Bạch linh, Quế chí, nam tính, chân tay lạnh thì gia nhiều Phụ tử.

41) chữa tê liệt nửa người bên phải, lấy bổ khí làm chủ.

Dùng *tứ quân thang* (sâm, truật mỗi vị 1,5 đ/c, linh 1 đ/c, chích thảo 4 phân) gia Bán hạ nửa phân, câu đằng 3 đ/c, sắc xong pha Trúc lịch, Khương tráp vào mà uống.

42) Chữa trúng phong, miệng mắt méo xéo, hàm răng cắn chặt, dờn dài chảy ra, và các ác chứng của thời khí, trẻ con cấp kinh, co giật đều chữa được, hay như thần thật là phương đệ nhất trong thiên hạ.

Kỳ nam, *Trầm hương*, *Bạch đàn*, *Thần sa*, *Chu sa*, *Nhũ hương*, *một được*, *Hùng*

(1) Nước thượng tri, Núi Biển thuốc nhỏ uống nước ao thượng tri mà soi thấu tìm gan phổi?

hoàng, A ngùy, An tức, thương truật mỗi vị dùng 5 đ/c, Xương bồ, chích thảo, tế tân, Mộc hương, hắc hương, Nam tinh, Bạch phụ tử, Táo giác, Ô dược mỗi vị dùng 3dd/c.

Các vị đều tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu xanh Chu sa làm áo.

Liều uống: Người lớn 2, trẻ em một viên/lần, thang tống với nước gừng, kỵ thai.

43) Chữa đàn ông, bỗng nhiên mắt trông thấy như đèn lửa soi vào, hai mắt trông thấy 10 người, hoảng hốt, muốn chửi mắng, muốn đánh rồi chột biến thành bán thân bất toại, miệng mắt méo xéo.

Tứ vật thang, gia Xương bồ, Phòng phong, Khương hoạt, Hoàng liên, Tân giao, Chi xác, Kinh giới, Gừng tươi, ba lát, sắc cho uống.

44) Chữa thủy hòa bất giao, hay bị co giật nửa mình bên trái.

Thục địa 4 lạng, tục đoạn, liên nhục mỗi vị 2 lạng, Hoài sơn, Phục linh, Trạch tả, Đơn bì mỗi vị 1,5 lạng, Ba kích, Ngưu tất, Mạch môn, Đỗ trọng mỗi vị một lạng, Phá cốt chỉ 6 đ/c, Ngũ vị tử, Viễn chí, Hắc phụ tử mỗi vị 5 đ/c.

45) Chữa phong thấp cước khí đau nhức các khớp, đầu đau.

Thổ phục linh 1 cân, Ô dược, Thục địa, Ngưu tất đều 1 lạng, Dương quy 5 đ/c, Xích Hoa xà(1) 1 lạng (tắm nước vo gạo đêm, các vị sắc tới rồi pha rượu đế vào 100 phần trăm, đun lại tàn hai ba cây nhang, đem hạ thổ, để uống lúc bụng đói.

46) Chữa chứng tê thấp.

Cây the móc 1 lạng, thái nhỏ ngâm với rượu đế ba ấm cho uống sẽ kiến hiệu. Ngoài dùng một cục đất sét, nung đỏ, tán nhỏ, dùng một củ gừng sống giã nhỏ với đất sét ấy mà đắp.

47) Phương chữa tê dệt nửa người, rất hay.

Rau sam, Lá bìm bìm, Nghệ, Lá thần thông Xương bồ, huyết giác mỗi vị 3 đ/c, Quế chi 5 đ/c, Hồi hương, Đinh hương mỗi vị 3 đ/c. Các vị tán nhỏ trộn với một chén rượu đế, 1 chén đồng tiện dùng xoa bóp.

II.- TRÚNG KHÍ

1) Chữa trúng khí, tợ như trúng phong, bất tỉnh nhân sự, mắt nhắm không nói.

Mộc hương tán bột, liều uống 3 đ/c, nấu nước bí đao làm thang cho uống, đờm nhiều quá thì gia Trúc lịch, Khương trấp.

2) Phương pháp cấp cứu: chữa các chứng TRÚNG, thỉnh linh ngá nhào ra như trúng khí, trúng phong, trúng thử, trúng ác, Hoắc hoạn...

Dùng Khương trấp hòa với Đồng tiện cho uống thì lập tức đỡ ngay.

(1) Xích hoa xà. cây đuôi công tím, cũng gọi là cây quý xa, *Plumbago indica* L., chữa tê thấp, hắc tắc phong. Xá bình diên, Ý yên. Hà Nam Ninh chuyên trồng cây quý xa này làm thuốc.

3) Chứa trứng vào huyết mạch, bên ngoài không thấy hình chứng lục kinh, bên trong không có cách trở gì về đại tiểu tiện, chân tay không cử động, miệng không nói được.

Dùng Tứ vật thang gia Mạch môn, Viễn chí, Thạch xương bồ Nam tinh, Bán hạ, trần bì, Phục linh, Chỉ thực, Khương hoạt, Ô dước, Hoàng liên, Phòng phong, Tân giao, Cam thảo, Trúc nhự, Gừng 3 lát sắc cho uống.

4) Chứa trứng vào kinh lạc, miệng mắt méo xéo, dùng Phục chính thang.

Dùng Tứ vật thang, bỏ thực địa, gia Phòng phong, Kinh giới, Tế tân, Hoàng cầm, Ô dước, Thiên ma, Bạch truật, Phục linh, Trần bì, Bán hạ, Chỉ xác, Bạch chỉ, Cát cánh, Cương tâm, Cam thảo, Gừng 3 lát sắc cho uống.

III.- TRÚNG HÀN

Chứa người thể chất hư yếu bị trúng hàn, mê man, rốn bụng lạnh đau, hoắc loạn chuyển gân (vọp bẻ) tất thấy các chứng hư hàn.

Sinh Phụ tử, gọt bỏ vỏ và nủm. Bào khương tức là củ Gừng đem đốt, dùng mỗi thứ 1 lạng, tán nhỏ, cho uống mỗi lần hai đồng cân với nước ấm. IV.- Thương hàn

1) Chứa tất thấy các chứng thương hàn, không kể âm, dương, nặng, nhẹ, người già, trẻ con, đàn bà có thai.

Bạch chỉ 1 lạng Cam thảo nửa lạng Gừng 3 lát, Hành 3 tép Táo 1 quả Đậu sị 10 hạt, sắc cho uống gây đổ mồ hôi, nếu không ra mồ hôi thì uống lần nữa, dù bệnh đã hơn 10 ngày mà chưa ra mồ hôi là có thể cho uống được. Phương khác: kiêm chữa phong hàn sổ mũi.

Bạch chỉ 1 lạng, Kinh giới tuệ 1 đồng cân, tán nhỏ liều dùng 2 đồng cân, dùng lá chè kho nấu nước làm thanh mà uống cho ra mồ hôi dầm dấp.

2) Chứa thương hàn tứ thời cảm mạo

Hương nhu, tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân hòa rượu hâm nóng mà uống cho ra mồ hôi.

3) Chứa thương hàn, thời khí, ôn dịch đau đầu, sốt cao, mạch đi thịnh.

Lá Thuốc cứu khô 3 đồng cân, sắc với một đấu nước, uống cho ra mồ hôi.

4) Thương hàn nói sảng thực nhiệt.

Dùng cốt trùn, hòa với nước lã cho uống.

5) Thương hàn nhức đầu như búa bổ.

Hành cả rễ, dùng nửa cân Gừng sống 1 lạng dùng nấu ra nước cho uống ấm, thực chứng thì hay lắm.

6) Thương hàn đau bụng lạnh toát.

Dùng hạt cải bẹ nghiền nát trộn với nước đem rịt vào rốn.

7) Thương hàn chảy máu cam.

Dùng Hạt thạch tán nhỏ, nhồi với cơm nguội làm viên, liều uống 10 viên, hòa với nước mới mức về cho uống thì bật ngay.

Chứng này vì cần cho ra mồ hôi mà ra không được cho nên sinh ra thề, lúc máu ra thề, lúc máu ra còn tím đen thì không nên cầm mà nên cho uống thuốc ôn hòa, khi máu ra thấy tươi hãy cho uống thuốc này để cầm máu.

8) Thương hàn đánh trống ngực mạch, kết, đại.

Dùng hai lạng *Cam thảo* mỗi ngày sắc cho uống 1 lần.

9) Bệnh dịch thời khí

Không cần hỏi âm dương nam phụ lão ấu, vì cho uống thuốc nhằm nguy kịch gần chết, mạch trầm phục, bất tỉnh nhân sự, đã quá 7 ngày rồi đều có thể uống được, 100 người không sai một.

Dùng Nhân sâm 1 lạng, sắc xong thả xuống mặt nước giếng cho nguội mà uống, giây lát thấy sống muic, có mồ hôi mạch hồi phục, sẽ khỏi.

10) Cảm hàn hơi đưa lên

Tía tô 3 lạng, *Vỏ quít* 4 lạng, nửa rượu nửa nước sắc cho uống 2 lần.

11) Thương hàn suyễn gấp.

Phòng kỷ, *Nhân sâm* đều bằng nhau, tán nhỏ, dùng Tang bạch bì nấu nước làm thang tổng, liều uống 2 đồng cân.

12) Thương hàn thoát dương, tiểu tiện không thông.

Hạt hồi tán nhỏ, trộn nước gừng mà đắp lên bụng.

Trong dùng bột hạt Hồi trộn chung với ích nguyên tán cho uống.

13) Sau cơn bệnh nóng sốt, khô miệng, đau cổ, ham ngủ.

Đại táo 20 quả, *Ô mai* 10 quả giã nát, nhồi với mật ong làm viên bằng hạt Hạnh nhân, mỗi ngày ngậm 1 viên nuốt nước, rất hay.

14) Bệnh dương minh, ho rớt lên, thuốc không khỏi.

Hùng hoàng 3 đồng cân *Rượu* 1 chén, sắc lên đang lúc nóng ngừng hơi để khỏi.

16) Thương hàn nắc cụt, với ủa nhọn không yên.

Dinh hương 1 lạng, *Tai hồng sấy khô* 1 lạng.

Tán nhỏ, nấu nước Nhân sâm làm thang tổng, liều dùng 1 đồng cân.

17) Thương hàn nắc cụt, tiếng nắc to đến nỗi người xung quanh đều nghe.

Thanh bì chế tư (dùng cả ruột lẫn vỏ) nghiền thành bột, liều uống 2 đồng cân, uống với nước sôi để nguội.

18) Thương hàn nhiệt kết cả tuần, cuồng loạn muốn chạy, như thấy quỷ.

Trùn hột bắt lấy chừng nửa cân, lòng hột lột đất, nấu chung với nước tiểu cho uống hoặc vắt lấy nước trùn cho uống.

19) Thương hàn nóng sốt dữ, phát cuồng, vật vạ.

Cho nuốt một quả trứng gà sống.

20) Thương hàn phát cuồng.

Long đóm thảo tán nhỏ nhồi với lòng trắng trứng gà và mật ong làm hoàn, liều uống 2 đồng cân tương với nước người.

21) Thương hàn âm dương bất hoà, bụng đầy trướng

Trần bì Bán hạ Cát cánh mỗi vị dùng 3 đồng cân

Giềng tươi 5 lát sắc cho uống

22) Thương hàn Bạch hạp bệnh (1) ruột đầy, bụng đau.

Bách hạp, sao chế thành bột, liều uống 1 muống cà phê, ngày 2 lần

23) Thương hàn âm chứng, vì cho uống thuốc hạ sớm qua thành chứng bị, bụng đầy mà không đau, ấn vào thấy mềm rỗng.

Chi xác, Bình lang, các vị đều bằng nhau, tán bột, sắc nước Hoàng Liên làm thang mà uống, mỗi lần 3 đồng cân.

24) Thương hàn phiền khát, tâm thần nóng nảy

Tân giao 1 lượng, sữa bò 1 chén to, sắc uống 2 lần.

25) Thương hàn phát bức rút.

Hạ rồi còn phát hãn, ngày không ngủ được, đem thi yện tỉnh, mình không nóng lắm

Cần khương 1 lượng, *Sinh phụ tử* 1 củ, chế làm 8, nước 3 cân sắc cho uống.

26) Thương hàn phiền khát muốn uống nước.

Đam trúc diệp 1 đấu, nước 2 cân, sắc lấy hai lượng cho uống nguội, uống xong cho dùng *Quả lâu căn* 3 lượng sắc chia uống 2 lần

27) Dương độc kết tại lòng ngực, nắn vào rất đau, hoặc thông mà lại kết, suyễn xúc, ráo dữ, phiền loạn.

Trùn đất bắt sống 4 con nghiền nát như bùn, pha vào chút nước gừng, 1 muống mật ong, một xí nước bạc hà, hoà với nước mức vè mà uống, nếu nóng quá già một ít long não, tự nhiên ra mồ hôi, chỉ uống 1 lần

28) Thương hàn kết hung sau khi đã uống thuốc hàn hạ.

Bình lang 2 lượng, *Rượu* 1 chén, sắc chia uống 2 lần.

(1) Bạch hạp bệnh: Bệnh danh thời cổ xuất xứ Kim Quốc yêu hươ. Là một chứng bệnh tâm phế an hui, biệt lier: tim tim ít nơi, nưon ngu không ngu, nưon di không đi được, nưon an không ăn được (xem mục 43 trang

29) Thương hàn đi lý, không ăn được.

Hoàng liên 1 cân, *Ô mai* 20 quả, bỏ hạt, nướng khô làm ra bột, lấy miếng sáp ong to bằng con cờ, mài ong 1 cân, nấu lên, trộn làm viên, hiệu uống 20 viên, ngày uống ba lần, uống với nước gừng.

30) Thương hàn kết bung, bệnh thời khí đã 4-5 ngày, vừa đầy, vừa đau, nóng quá.

Khô sâm 1 lượng, *Đầm* 3 cân, nấu lấy 1 cân, cho uống để gây nôn được là đỡ. Bệnh độc thuộc thiên thời nếu không có sấm và đấm thì không khỏi. Lại đắp ẩm cho ra mồ hôi thì tốt.

31) Thương hàn trùng hô hoặc (1) ăn sứt hạ bỏ, đau ngứa không thôi,

Hùng hoàng nửa lượng, cho vào lọ sành đốt xông dưới hạ bộ.

32) Chữa người bị bệnh Hô trùng (2)

Rang mát sặc, lười trang, ham ngủ, không biết đau ngứa cho nào hoặc đi lý, nên kịp chữa ở hạ bộ. Người không hiểu bệnh này cứ công phạt bên trên mà hạ bộ sinh trùng, an vào hậu môn, lẫn vào ngũ tạng, ắt phải chết.

Đồn lá thuốc cứu với Hùng hoàng vào ống tre, đốt lấy khói xông dưới hạ bộ.

33) Bệnh thương hàn hô hoặc (3)

Mạch sặc, nóng dữ, hơi phiền, lìm lìm chỉ muốn nằm, mồ hôi ngừng đọng, mới bị ba bốn ngày mà mắt như mắt chim Tu hú, 7-8 ngày 4 góc mắt vàng đen, nếu ăn được là đã làm mau rồi.

Đậu đỏ, 3 cân, ngâm nước cho mọc mống, phơi khô, *Đương quy* 3 lượng.

Hai vị tán bột, uống một muống với nước, ngày uống 3 lần.

34) Thương hàn âm chứng rất lạnh, quyết nghịch, vật và đau bụng mạch không còn, bệnh nguy cấp.

Lưu hoàng, nghiền thành bột, dùng lá thuốc cứu nấu lấy nước làm thang tống, uống xong đắp mền mà ngủ, ra được mồ hôi là khỏi.

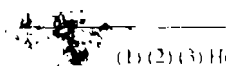
35) Thương hàn âm chứng, chân tay giá lạnh, mình hơi nóng, vật và bỏ mạch đều trầm nhược, đó là âm tốt độ hoá thành tác.

Nhân sâm, dùng nửa lượng, sắc tới dùng 2 đồng can bột *Độn tinh* cho vào hoà tan mà uống.

36) Thương hàn ghé có âm chứng.

Trước vì phòng sự, sau cảm hàn tà dương suy âm thịnh, 6 bộ mạch trầm phục, đau thất lưng dưới, chân tay lạnh toát mồ hôi ra nước trong, phải dùng thuốc này để hồi dương.

Nhan sâm, *Bào khương* mỗi vị dùng một lượng, *Sinh phụ tử* 1 củ, chế làm 8 miếng.



(1) (2) (3) Hô trùng. Trùng do thấp nhiệt sinh ra, ăn dưới hạ bộ gọi là Hô, ăn trên hậu môn gọi là HÔ, AC

Dùng bốn thang nước, sắc lấy một thang cho uống, mạch sẽ hiện ra, mình sẽ nóng lên bệnh sẽ khỏi.

37) Chứng âm thịnh cách dương (1) người bệnh phiền nóng mà không uống nước, mạch trầm chân tay giá lạnh.

Phụ tử 1 củ to, đốt cháy tồn tính, tán nhỏ, hoà với *mật ong* và *nước* cho uống, đổ mồ hôi là khỏi.

38) Âm độc thương hàn, sau khi giao hợp bị cảm hàn, bụng dưới đau đầu lưng nặng, tay chân lạnh toát, mạch trầm tế, hoặc bị nắc.

Phụ tử Can khương đều bằng nhau, thái mỏng sao khô, tán nhỏ, sắc với rượu và nước cho uống ấm, mỗi lần uống 1 đồng can, đổ mồ hôi là đỡ.

39) Thương hàn âm độc, chân tay lạnh ngắt, rất nguy kịch.

Đầu đen, sao khô, *ngâm rượu*, cho uống nóng. bệnh nặng quá phải cay miệng đổ cho uống, nếu mưa ra thì cứ cho uống nữa, ra được mồ hôi thì thôi.

Các phương khác :

- *Bạch hợp* 1 cân, sắc ra nước đặc cho uống.

- *Ngô thù du* 1 cân, tẩm rượu cho ướt, dùng túi nhựa hai lớp mỏng bọc lại, hấp nóng đem chườm hai gan bàn chân, nguội thì lại hấp dới sức nóng thấu vào trong thì khỏi đau.

- *Mai hoa*, *Long não* hai vị bằng nhau, tán bột chấm vào lưỡi thì đỡ, (trường hợp lưỡi thè ra dài 1 tấc).

40) Âm dương dịch (2)

Bị bệnh thương hàn mới khỏi đã giao hợp, âm dương đều bị bệnh, tay chân co rút, bụng dưới nóng dữ dội đầu không ngẩng lên nổi gọi là âm dương dịch phải kịp phát hãn nếu dè quá 4 ngày là khó chữa.

Dùng lá chàm 1 nắm, với 7 hạt cứt chuột dực sắc cho uống để phát hãn.

41) Âm dương dịch

Đàn bà sau khi bị thương hàn chưa quá 100 ngày chớ nên giao hợp, không thì bị co rút, đau bụng muốn chết, đàn bà gọi là âm dịch, đàn ông gọi là dương dịch, phải kịp thời phát hãn, nếu dè quá 4 ngày thì không chữa được.

Can khương 4 lạng, tán nhỏ, liễn uống nửa lạng với nước đun sôi, đắp chân cho ra mồ hôi, chân tay duỗi ra được thì khỏi.

42) Âm dương dịch

Bệnh đàn ông, dương vật sưng, bụng đau quặn thắt đầu nặng, mắt hoa.

(1) *Âm thịnh cách dương* - Chứng âm hàn quá thịnh trong nhân thể nó dồn dưới dương khi ra ngoài xuất hiện chứng hàn bên trong thất tả hàn mà bên ngoài nhiệt giả tạo, gọi là Cách dương.

(2) *Âm dương dịch* - Đàn ông mới ốm dậy đã khởi giao hợp, lay bệnh sang cho đàn bà gọi là dương dịch, trái lại đàn bà mới ốm khỏi đã giao hợp lay bệnh cho đàn ông gọi là âm dịch.

Cắt chuột thứ hai đầu nhọn (thương đầu thêm) 14 hòn sặc với một nam *re he*, cho uống ăm, ra được mồ hôi thì khỏi chưa ra thì lại uống nữa.

Các phương khác :

- *Hành song* 1 nam già nát, hoà với một chén dấm cho uống hoặc thêm một ít tỉnh tre.

- *Cắt chuột* được 20 hòn, dành dành 14 qua, chỉ xác 3 qua, *Đầu vẹ* 30 hạt, *Hành song* 2 tép, sắc cho uống.

43) Thương hàn truyền thành Bách hợp bệnh, không khát nước tựa lạnh mà không lạnh, tựa nóng mà không nóng, muốn nằm mà không nằm, muốn đi mà không đi, muốn ăn mà không ăn, miệng đắng, mà nước tiểu đỏ, thuốc nung vào thì mửa, ra, biến thành bệnh khát lâu không khỏi.

Mẫu hễ nung 2 lạng, *quỉ lâu căn* 3 lạng tán nhỏ hoà với nước *com* cho uống mỗi lần một muỗng cà phê, ngày uống 3 lần.

44) Bệnh bách hợp biến thành chứng phiền nhiệt.

Bách hợp 1 lạng, *Hoạt thạch* 3 lạng tán nhỏ, cho uống, thay hơi lợi tiểu tiện là khỏi.

45) Bệnh bách hợp đã cho hàn cho hạ rồi bệnh phát trở lại.

Bách hợp 7 miếng, ngâm nước một đêm, cho *thỏ chui* vào một lạng *hoạt thạch* 3 lạng sắc cho uống ăm.

46) Lao phục thực phục, nghĩa là bệnh nặng mới khỏi vì lao lực hoặc thương thực mà bệnh tái phát, sập tuyệt!

Yến cửa đình, đốt nghiền ra, *rẻ lau già* vắt lấy nước cốt pha vào uống, hoặc dùng *lá Tía tô*, gừng sống, *đầu si* sắc uống.

47) Lao phục, mình nóng đại tiểu đỏ như máu.

Dùng Hồ hoàng liên 1 lạng, *Chi tử* 1 lạng, *mật ong* nửa lạng, trộn đều rồi đem sao hơi cháy, tán nhỏ, luyên với nước mật heo làm viên, lại tạy 1 lát *Gừng sống*, 1 qua o mai 3 vọc nước tiểu tắm nửa ngày bỏ gừng, o mai, cho uống 10 viên sau lúc ăn.

48) Bệnh lao phục thực sập phục nguy khôn.

Sét sắc pha với nước một tỷ cho uống.

49) Sau khi bị thương hàn, bệnh tà truyền vào kinh lạc mình gầy, da nóng có sự thay cũ đổi mới, hoặc bệnh thời khí, phục thử, người lớn trẻ em đều chữa được.

Sàn hồ 4 lạng, *Cam thảo* 1 lạng, băm nhỏ, liêu uống hai đ/c nước 1 chén sặc cho uống.

IV - TRÚNG THỦ (Sav năng)

1) Chữa trúng thủ chết ngất đi bất tỉnh.

Dùng nước nóng từ từ đổ vào miệng, khẽ nâng đầu lên cho nước trôi vào bụng

Các phương khác

- *Thục địa* vừa đủ ép lấy một chén nước, chờ để nằm chỗ lạnh quá và dùng cho uống thuốc mát quá.

- *Lá bạc hà tươi*, giã vắt lấy nước cho uống là tỉnh ngay.

2) Trúng thử, bất tỉnh nhân sự.

Mùa hè, đi giữa đường bị cảm nắng chết ngất, gập thế, cần dầu nặn nhân vào nơi râm mát, đào bới lấy 1 cục *dầu nóng* giữa đường, đập tan nhào với nước, nặn thành cái khoanh tròn xung quanh rốn, gói trẻ xúm dãi vào đó cho hơi nóng thau khắp thì sống, lại kiếm tòi giã nước cho uống tiếp.

3) Trúng thử đổ mồ hôi, không ngừng. *Đương quy* 1 lạng, *Hoàng kỳ* 2 lạng, *lá dâu tằm* 30 lá sắc cho uống

4) Truyền phương chữa trúng thử, kéo thử, mồ hôi ra như mưa. *Thạch cao*, *Nhân sâm* mỗi vị dùng 4 lạng, *Hoàng liên* 3 đồng cân, sắc cho uống 1 thang là yên ngay.

5) Trúng thử mẩn áo sờ giường như người phát điên.

Nhân sâm 3 lạng, *Hoàng liên* 2 đồng cân, sắc cho uống, hòa tan hết mà khi hơi phục thì yên.

6) Chữa trúng thử đau tim muốn chết. (Rất khó chữa).

Thạch cao 1 lạng, *Hoàng liên* 2 đồng cân, *Phục linh* 5 đồng cân, *Bạch truật* 3 đ/c, *Hương nhu* 1 đ/c, *Hoắc hương* 5 đ/c *Bán hạ* 1 đ/c, sắc cho uống.

V- THƯƠNG THỬ

1) Chữa chứng thương thử vừa thổ vừa tả.

Lưu hoàng, *Hoạt thạch* đều bằng nhau tán nhỏ, hiệu uống 1 đ/c với nước cơm.

2) Chữa thử độc sinh ra chảy kiết lỵ hoặc sốt rét.

Hùng hoàng thủy phi 9 lần rồi cho vào ống tre trụng 7 lần nghiền nát làm viên, liều uống 3 viên với nước *Cam thảo*, ngày uống 3 lần tự nhiên sẽ khỏi.

3) Có phục thử lại bị cảm lạnh

Hai khí giao nhau tức cũng ở vùng trung quan hoặc là ra chảy hoặc ọc, hoặc hoặc loạn chân tay giá lạnh.

Dùng phương thử nhất nói trên, liều uống 50 viên, thang tong bằng nước là đun sôi để nguội.

4) Chữa tất thảy các chứng thương tử.

Mùa hè năm nơi ẩm thấp hồng gió hoặc ăn do sông sít không chừng mực, chính khí với tà khí xung đột nhau gây ra chảy, nôn mửa, kiết lỵ hoặc phát sốt, đau đầu đau

mình, hoặc vấp bể, non khan, hoặc chân tay giá lạnh buốt muốn chết.

Hương nhu 1 cân, *Hậu phác*, tẩm nước gừng sao nửa lạng, *Đậu ván trắng*, sao qua nửa lạng, tán chung thành bột, liều dùng 5 đ/c, sắc với hai chén nước, nửa chén rượu cho uống ngày làm 2 lần, khỏi ngay.

VI - BỆNH NÓNG SỐT

1) Chữa phát sốt, nóng âm ỉ trong xương.

Mang tiêu, tán nhỏ hoà với nước cho uống mỗi lần một muống cà phê, ngày uống hai lần, hay :

2) Nóng quá mà ho .

Thạch cao 1 lạng, *Chích thảo* 1/2 lạng, tán nhỏ, liều uống 3 đ/c, uống với nước Gừng sống có trộn Mật ong.

3) Người già bị phong nhiệt nóng bên trong mắt, mắt đỏ, nhức đầu, mắt trông vật không rõ.

Thạch cao 3 lạng, *Lá tre* 50 lá, sắc lấy nước cho uống bỏ bã mỗi lần 1 lạng nấu với gạo trắng và Đường cát 3 bốc cho ăn.

4) Chữa chứng phiền nóng nhiều trên ngực, khát nước, thuốc này lợi 9 khiếu.

Thạch cao 2 lạng, nghiền nhỏ, cho vào túi vải sắc trước, rồi cho gạo vào nấu cháo mà ăn.

5) Chữa đàn bà vì huyết hư nóng ngoài da.

Bạch truật 1 lạng, *Phục linh* 1 lạng, *Bạch thược* 1 lạng, *Cam thảo* 1/2 lạng, tán nhỏ, liều uống 3 đ/c, sắc Gừng và táo lấy nước làm thang tòng.

6) Chữa tam tiêu có tích nhiệt.

Huyền sâm 1 lạng, *Hoàng liên* 1 lạng, *Đau hoàng* 1 lạng tán nhỏ luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, liều uống 30-40 hoàn, thanh tòng bằng nước sôi để nguội.

7) Chữa chứng nóng âm ỉ trong xương.

Hoàng liên tán bột, nấu quả bí đao lấy nước luyện viên bằng hạt đậu, liều uống 30-40 viên, thang tòng với nước sắc *lúa mạch*.

8) Chữa chứng ngũ lâm phiền nhiệt (âm hư).

Hoàng liên tán bột, liều uống 1 đ/c, thang tòng bằng nước cơm sôi, khỏi ngay.

9) Chữa chứng nóng trong phổi .

Hoàng cầm sao tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn bằng hạt đậu, liều uống 20-30 viên, thang với nước sôi để nguội.

10) Chữa đàn bà phát sốt rét thành bệnh lao, gầy gò kém ăn, kinh nguyệt không đều.

Cần địa hoàng 1 cân, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt đậu, liều uống 50 viên uống với *Rượu*.

11) Chứa chứng nóng âm i trong xương, khi nhẹ khi nặng bất thường (gọi là quý khí).

Cây Thanh hao 5 đấu, băm nhỏ, đổ nước tiểu trẻ con 5 đấu vào sắc lâu 3 đấu, lược kỹ rồi cô đặc lại cho vào một cái *mật heo* rồi cô lại nữa cho đến cạn còn 1 đấu, giục lửa để nguội rồi cho 2-3 lạng bột *Cam thảo* vào luyện làm viên bằng hạt đậu, liều uống 20 viên với nước cơm sôi

12) Chữa đàn bà lao nhiệt trong tâm buồn nóng.

Cần địa hoàng, *Cần thực địa đều* bằng nhau, tán nhỏ, nấu hỏ với nước cội *Gừng* luyện làm viên bằng hạt đậu, liều uống 50 viên, thanh bằng nước trà, ngày uống 2 lần. Nếu thấy lạnh trong bụng thì cho uống xen với *Bát vị hoàn*, và sinh địa tính nó hạn chế hai tỷ, nhưng không dùng bài này thì không thể bổ âm được.

13) Chữa nhiệt bệnh phát cuồng nóng sáng

Đại hoàng 5 lạng, nghiền nhỏ sao đỏ lên, nấu với *Sáp ong* và nước lã 5 cân, nấu đến mức sền sệt, bỏ lỏ để dành vớt nút, mỗi lần dùng nửa muổng.

14) Chữa chứng hư hoá bốc lên, lưng nóng như lửa đốt.

Phụ tử tán bột, liều dùng vừa đủ, trộn với nước miếng đem dán vào huyệt *Dũng tuyền* (ở gan bàn chân).

15) Đa nóng như thiên đốt.

Hoặc cảm mạo ho hen đã lâu vì không kiêng cử mà sinh chứng nóng trong xương, hàng ngày mưa ra dầm, phiền khát, ăn uống được, lục mạch phủ hồng.

Hoàng cầm dùng 1 lạng sắc cho uống thì khỏi.

16) Chữa chứng vì huyết tư mà phát sốt.

Ráo miệng khát nước đòi uống luôn, mặt đỏ gay, đêm ngày không ngủ, mạch hồng đại mà hư ấn chỉ cốt vô lực, đó là chứng hậu huyết hư do đới khổ khó nhọc tựa như chứng *Bạch hổ thang* chỉ khác là mạch không *Trưởng*, thật là nhi! nên cho uống *nhâm Bạch hổ thang* là chết, phải dùng bài này mà chữa

Đương quy 2 d/c, *Chích hoàng kỳ* 1 lạng, sắc cho uống ấm lúc đói.

17) Chữa đàn bà phát sốt, phiền khát.

Cát căn tức củ san dây 4 lạng, *Gạo lứt* nửa cân ngâm nước 1 đêm, vớt ra nấu chín như cơm cho ăn.

18) Nóng quá nóng ra máu.

Hoàng bá tam *Mật ong* nướng kho tán nhỏ, cho uống với nước sắc *Mạch môn*.

19) Bông phát sốt ỉa ra máu.

Dùng 1 khúc *Ruột heo*, rửa sạch ép khô. *Hoa hòe* sao cho chín vào ruột heo cho dầu, ché *Dấm* vào nấu chín như đem sấy khô, tán nhỏ làm viên bằng quả trứng gà, liều uống 1 viên, thanh với nước *Đương quy* và *Rượu*.

20) Phát sốt, khô miệng, tiểu tiện gât đỏ.

Dùng *mía* bóc vỏ, ép lấy nước cho uống.

21) Sau cơn bệnh sốt, vì ăn, vì giao hợp mà bệnh tái phát muốn chết không nói năng gì nhiều.

Danh dành 30 qua sắc uống cho ra chút mồ hôi thì khỏi.

22) Mãnh phát sốt bất cứ người lớn trẻ em.

Dùng 3 quả *trứng gà* hoà với chén con *Mật ong* cho uống.

23) Bệnh sốt mới khỏi, vì ăn những thứ cay cơ mà đen nổi mề con mắt.

Dùng *Củ diếp* làm gỏi cho ăn.

24) Nghiệm phương chữa chứng thuận nóng nói sảng, ho hen kéo dờn với rêu lưỡi, trắng, đỏ.

Liên kiều, Chu tử, Đại hoàng, Phác liên, Hoàng cam, Trúc điệp, Bạc hà, chè Mè thêm sặc cho uống hay vò cùng.

25) Bài thuốc chữa nóng lạnh.

Thường sơn, Hảo qua, Bình lang, Nam sâm, Cam thảo phơi khô tán bột, liều uống 3 đ/c với rượu.

VII - ÔN BỆNH

1) Ôn bệnh nóng ọc vì trong dạ dày có phục nhiệt, khiến ngực đầy hơi xóc lên mà sinh ọc, hoặc vì tả hạ mạnh quá dạ dày hư lạnh cũng thành nôn ọc.

Rễ cỏ tranh, Củ sắn dây mỗi vị đúng nửa cân, tán đập trộn đều liều dùng 1 đ/c sặc cho uống ấm, khỏi bị ọc thì thôi

2) Ôn bệnh thời khí mới bị cảm, nhức đầu sốt cao, mạch dai bị.

Dùng *Củ nén* 4 đ/c giã lấy nước cốt ba vò, cho nóc hết một lần.

VIII - DỊCH BỆNH

1) Chữa bệnh quai bị

Củ trăn, nhào với nước mà đập.

2) Bệnh thời khí, đau đầu, sốt cao.

Hành bốc trắng 20 tép, cho gạo trắng vào nấu cháo, chẻ tí *Đam chua* vào, cho ăn lúc đang nóng để gây đổ mồ hôi, sẽ khỏi.

3) Bệnh thời khí, phiền khát.

Ngó sen tươi, giã lấy nước cốt 1 chén, chẻ thêm 1 chén *Mật ong* vào cho uống khỏi ngay

4) Bệnh thời khí, phát vàng da.

Lá tre 5 cân, *Tiểu mạch* 7 cân (1), *Thạch cao* 3 lượng sắc cho uống

5) Bệnh thời khí phiền táo, 5-6 ngày không đỡ.

Trúc lịch nửa chén, sắc cho uống ấm một vài lần, đập chan cho ra mồ hôi là khỏi

6) Bệnh thời khí độc công ra chân tay, sưng nhức như muốn đứt.

Dùng *Thư trần* đập vào cho đau

7) Thuốc phòng tránh ôn dịch

Các phương

- *Lá thông* nghiền nhỏ, trộn với nước cốt rạo cho uống

- Ngày 1 tháng 1, lấy đất trên mà đựng trong hũ sành, chôn dưới thêm ngoài cửa thì cả nhà không lo ngại gì.

- Gọt móng ngựa, đựng vào cái túi cho trẻ đeo, nam tả hữu nữ

8) Thuốc chữa ôn dịch.

Chú sa 1 lượng, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, chôn sang sớm ngày cơ sao Thái Tục, cả nhà lớn bé chấy lông, cùng ngấm mật về hướng đông mà nuốt trứng 7 viên, không để chạm vào rang.

9) Khi có vụ dịch xảy ra.

Lấy cành đào hướng đông, chắt nhỏ nấu tam, vắn dùng chút ít *Hùng hoàng* gọi lại bang lua đem nhét vào lỗ mũi nam tả nữ hữu, nó có tài trừ ác khí không cho nhuộm vào

IX - CHƯƠNG KHÍ

1) Giúp cho dương khí để tránh chương khí.

Chú sa 3 lượng, thuy phi, liều uống nửa d/c, nấu mật làm hoàn.

2) Chương khí thành hòn cục trong bụng chạng tan.

Triều lợi 1 lượng, *Đại hoàng* 1 lượng, tán nhỏ cho ít bột *Xạ hương* vào, luyện mật làm viên bằng hạt đậu, liều uống 30 hoàn, uống với *ruột nhút*

(1) Căn ? nhưu qua nghĩ là thang

3) bị chứng khí nóng sốt mê man, bất rứt khó chịu, uống nước hoài không chịu thôi, rất nguy.

Củ sinh địa tươi, Bạc hà, hai vị giã vạt lấy nước cốt, cho vào tí Xạ hương và nước gừng mà uống, khi bệnh nhân tự cảm thấy lạnh thì không cho uống nữa.

4) Vì chứng khí mà cảm

Nếu để quá 1-2 ngày là chết, chứng cảm hàn mà cực nhiệt.

Phu tử song 1 cu che làm 4, mỗi miếng dùng 10 lát gừng và một chén nước, sắc cho uống ấm, ý nghĩa dùng thuốc nhiệt công vào bệnh nhiệt

5) Phòng bệnh chứng khí không cho cảm nhiễm.

Dùng lá vắn dày tước, giã vạt nước cốt cho uống chừng một chén thì trừ được nhiệt độc.

6) Chữa thôi khí, chứng dịch.

Trần bách diệu lấy cánh phỉ Tây Nam, phơi khô tán nhỏ hoà với nước một mức, uống mỗi lần 1 d/c ngày uống ba lần.

7) Chữa sơn lam chứng khí.

Le giác, Linh dương giác, đều deco vụn nghiền ra bột, cho uống mỗi lần 1 d/c đề với nước sôi để nguội.

8) Thuốc phòng chổi nước ngửa thuốc độc.

Phèn chua, 1 lạng, Cam thảo sống 1 lạng, hai vị tán nhỏ cứ mỗi sáng sớm cho uống 1 d/c thì khỏi lo gì.

9) Truyền phương giải đủ các thứ độc.

Mộc hương 1 lạng, Đại hoàng 1 lạng, nửa de dùng sống, nửa tẩm rượu sao, tán nhỏ dùng mủ xương tong luyên làm hoàn bằng hạt đậu, liều uống một viên.

X - SỐT RÉT

1) Chữa sốt rét.

Hoạt thạch dơi 1 lạng, Hoắc hương 1 d/c, Đinh hương 1 d/c, Thạch cao một nam đều tán nhỏ cho uống với nước cơm.

Ngoài dùng lá *nutóp* giã nát cho vào tí muối, đun vào mảnh vải mỏng cột tại eo tay chỗ bắt mạch, nam tử nữ hữu để chận cử, phương này rất hay.

2) Chữa sốt rét thiếu âm chứng, nôn mửa.

Phèn xanh 1 lạng, can khương nửa lạng, Bán hạ chế với gừng 1/2 lạng.

Đều tán bột liều uống nửa đồng cân với dấm chua, uống trước khi lên cơn để chận cử

3) Chữa các chứng sốt rét.

Dùng rau *Khúc tần* (*Xích cốc mã lan*) (1) giã vát nước cốt cho vào một ít đường cát trắng, uống chận cử ngày lên cơn.

Phương khác :

Phụ tử 5 đ/c, *Nhân sâm*, *Đem sâm Can khương* đều 1 đ/c, tán nhỏ luyện mật làm viên, liều uống 16 viên để chận cử, nếu sức thuốc vừa dùng là sẽ mưa, chưa mưa thì phải uống nữa.

4) Tỷ vị tự dòn phát ra sốt rét :

Giềng sống 4 lạng, giã vát lấy nước cốt cho vào một chén rượu phơi sương một đêm, đến canh năm ngày sập lên cơn mặt hướng về phía Bắc mà uong hết, khỏi ngay, chưa khỏi lại uống lần hai.

5) Chữa sốt rét khát nước dữ.

Nước tiểu trẻ con hoà với mật ong, nấu sôi qua cho uống.

6) Chữa tỷ hàn ngũ tạng khí hư, âm dương thăng nhau mà sinh sốt rét, lạnh nhiều nóng ít.

Thảo qua 1 quả *phụ tử* 1 củ tẩm nước muối sao đi sao lại 7 lần, chia uong hai lần. *Nước* 1 chén, *tao* 7 quả, *Giềng* 7 lát phơi sương một đêm. Sau lại đem nấu sôi lên, cho uống để chận cử, uống đón trước cơn, chưa khỏi lại làm uống lần nữa.

7) Chữa sốt rét phiên nóng rảo quá với sốt rét rừng.

Trầm ho 4 con (còn sống) đem nghiền nát như bùn cho vào ít nước cốt *Giềng* nước cốt *Bạc hà* và uống *mật ong*, hoà với nước mới mục cho uong, như nóng nhiều giã chút ít *phấn* nào lá vuốt vuốt dưới chón thủy giầy lát, do mồ hôi sẽ khỏi, uống một lần rất hay không được uống hai lần.

8) Chữa sốt rét nóng mà không lạnh với sốt rét kinh niên mà không khỏi.

Xuyên sơn giáp 1 lạng, *Táo* 10 quả đều đốt tồn tính, tán nhỏ, đến canh năm ngày lên cơn, dùng hai đ/c, cho uống với nước giếng ban mai để chận cử.

9) Chữa rét rừng phát sốt, nóng suốt cả lưng gáy.

Hạt hương giã vát lấy nước cho uống.

10) Chữa sốt rét nóng nhiều (ôn ngược) không chữa khỏi.

Xuyên quy 1 lạng, sắc cho uống hai lần/ngày.

11) Chữa ôn ngược nóng nhiều.

Thường sơn 1 đ/c, *Tiểu mạch* 2 đ/c sắc cho uống lúc 5 canh.

12) Chữa ôn ngược chận dòn chỉ nóng mà không lạnh

Thạch cao 1 lạng, *nước tiểu* trẻ em tẩm nửa lạng, *hoàng đằng* tán nhỏ, liều uong 2

(1) *Xích cốc mã lan*

d/c uống với nước sôi để nguội.

13) Chữa các chứng rét rừng, không cử mới hay đã lâu.

Nước tiều trẻ em 1 cân, cho vào hai muống mật ong, quấy đều hớt bột trắng cho nóng vừa được đem ra là tốt, không mưa là không khỏi.

14) Chữa sốt rét người thể chất hư yếu nhiều mọ hôi.

Hoàng đơn thụ phỉ, Bạch thao sương Thường sơn Đều tán nhỏ luyện hồ làm hoàn liều uống 2 d/c, ngày uống hai lần, cho uống lúc trời ngày lên cơn sẽ khỏi.

15) Tỷ hư sốt rét, lạnh nhiều nóng ít, không thiết an uống.

Riêng âm, tằm đàn me sao, Cam khương, mỗi vị dùng một lượng, tán nhỏ luyện với nước mật heo làm viên, liều uống 14 viên bằng hạt đậu uống chạp cử sập lên cơn uống với rượu.

Vì rét phát ra là do dồn kinh cho nên dùng mật heo để dẫn.

Tương khương và Cam khương vào dồn trừ hàn làm ráo da dầy mới hay.

Phương khác cũng dùng Riêng âm và Cam khương nửa de uống nửa sao chui mới vị nửa lượng, thêm *viên sơn giáp* sao cháy 3 d/c, cách làm hoàn và cách dùng như trên.

16) Chữa rét rừng, khí hư, nóng ít lạnh nhiều, hoặc thuần lạnh, hoặc nóng hăm hấp mà không có lạnh.

Thảo khấu nhân, phụ tử chẻ hai vị bằng nhau, gừng 7 lát, *Táo* 1 quả sắc cho uống.

17) Chữa người già vì lao nhọc quá mà sốt rét.

Yếm cua định tam đạm sao, *hùng hoàng* 1 chut, liều uống một muống, cách một đêm cho uống một lần, sáng sớm uống một lần, lúc sập sốt cho uống một lần là khỏi.

18) Chữa sốt rét Hư hàn.

Nấu thịt cho vàng có ướp Ngũ vị hương cho ăn.

19) Chữa sốt rét, lau ngày không khỏi.

Lưu hoàng, thần sa đều dùng bằng nhau, tán nhỏ, ngày lên cơn sốt cho uống từ canh nam, thang tong với nước trà, liều uống 2 d/c, rét nhiều thì bôi dung Lưu hoàng, nóng nhiều bôi dung Thần sa.

Phương khác : Quả ké đầu ngựa, Tằm vôi (Bạch trướng tằm) lấy thịt ngay chít, cắt làm bảy khúc, tán nhỏ luyện hồ làm hoàn, chui sa làm áo, khi mặt trời chưa mọc, ngoanh mặt về hướng đông cho nuốt hết một lần, thang tong bằng nước sắc cánh đào (7 tác)

20) Chữa sốt rét vì lao nhọc quá lâu ngày không khỏi.

Cỏ vước 1 nam, cắt song sắc cho uống ba lần/ngày

21) Sốt rét kinh niên, người khỏe thì dùng tốt.

Thường sơn, hoàng hèn đều dùng một lượng, ngâm rượu 1 đêm, liều uống 5 ớc, uống chạp cử đến lúc lên cơn lại uống nữa nóng, thì thổ ra, lạnh thì lợi đại tiện, không gì là

không khỏi.

22) Chữa năm loại sốt rét không khỏi.

Dạ nình sa, tán nhỏ cho uống 1 d/c với nước trà để nguội

23) Chữa sốt rét kinh niên không khỏi, cách nhất, cách hai ba ngày, lên cơn một lần.

Ngũ linh chi, Gạo trên dau nguội, mỗi vị dùng 1 d/c với đã ở tường thành cỡ 2 d/c, nghiền ra như bột, nhồi với cơm nguội làm viên bằng hạt đậu, lúc canh năm cho uống một viên với nước mưa.

24) Chữa sốt rét do tà khí.

Đuôi con trâu đen, đốt ra tro, cho uống với một muống rượu.

Phương khác : Dùng một cuộn Lịch Tàu đã cũ (cách năm) ngày mùng năm tháng năm âm lịch xé tưa đem đốt lấy tro luyện hồ làm hoàn, cứ sáng sớm ngày lên cơn dùng nước mưa cho uống ba mươi hoàn

25) Sau khi bị chứng quái ngược, trong miệng thở ra có thứ hôi lẩn vẩn không tan rất khó chịu, qua 10 ngày chảy tới vai, ngưng lại thành sặc đen, bám sát với thịt, cứng như đá.

Trạch tả nấu uống ngày ba chén, uống năm ngày liền sẽ khỏi.

26) Sốt rét lâu ngày sưng lách (có báng).

Hạt gấc, Xuyên sơn giáo đốt, đều bằng nhau tán nhỏ liễn uống 3 d/c, uống lúc đói với rượu.

27) Chữa dứt được sốt rét mà nóng nhiều.

Củ trần, Mướp bỏ tán nhỏ, cu tỏi tán nhỏ, ngày ngọ, giờ ngọ luyện làm hoàn, chu sa, làm áo, uống ba hoàn với nước mưa.

28) Triệt dứt nọc bệnh sốt rét.

Nhện một con, quết chung với cơm nguội làm hoàn cho nuốt.

29) Truyền phương chữa sốt rét đã từng kinh nghiệm.

Thường sơn vi quân, Nam sâm vi thần, Bình lang, Thuo quả vi tá, Cam cháo vi sứ, rượu 2 chén và cho thêm nước, sắc uống để chặn cử.

30) Chữa sốt rét cách nhất và bệnh rét rừng.

Thương sơn (tầm rươu) *Trạch lan* (sao) *Chi thiên*, *Tran bị*, *cao bo xo trang*, *sao*, nhồi với cơm nguội làm viên bằng hạt bắp liễn uống 10 viên với rượu. gia *Hoặc hương* sao lên, hoặc sặc cho uống cũng được. Kiêng dam nều lâu không khỏi thì lấy thuốc phối sương 10 đen cho uống, rất chóng khỏi.

31) Chữa chứng chỏi nước thành sốt rét (thủy thở bất phục).

Phục linh 2 lạng, *Trần hồ* 50 con, rửa nước muối 3-4 lần, *Hồ hoàng liên* 1 lạng,

dầu xanh một đầu.

Dùng một quả bí đao, khoét bỏ ruột, dồn tất cả các vị thuốc trên vào, đầy nạp lại, ngoài ràn rịt kỹ, nấu chín, đem ra phơi khô tán nhỏ, luyện với mật làm viên cho uống.

32) Chữa người lớn trẻ em sốt rét đùn sưng lách (thành băng)

Hắc phân 1 lạng, *muối* 3 lạng.

Dùng một cái nồi đất mới, rải muối ở dưới, đặt Hắc phân ngay giữa, lại rải một lớp muối lên trên, đầy nạp, ngoài dùng dây chỉ ràn kỹ lại trét bùn đất kín bên ngoài, vùi trong đống trấu mà nấu nửa ngày mới lấy ra bỏ muối lấy Phèn đen, giã bán nưôm thành viên cho uống.

XI - THƯƠNG THẤP

1) Giao gia hoàn

Cổ tác dùng thang thủy giảng hoà, chữa đủ các bệnh.

Thương truật 1 cân, chia ra làm 4 phần, 1 phần tẩm nước vo gạo sao, 1 phần tẩm nước muối sao, 1 phần chung với *Xuyên tiêu*, 1 phần sao với *Phá cố chỉ*

Hoàng bá 1 cân, cũng chia làm 4 phần, tẩm rượu sao, tẩm dong tỵen sao, 1 phần để sống, 1 phần sao chung với *Tiên ho*.

Sau hết bỏ các tá dược mà chỉ lấy *Thương truật* và *Hoàng bá*, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt đậu, liểu uống 60 viên, uống với nước muối khi đói lòng.

2) Khám lý hoàn.

Từ âm giảng hoà, khai vị tiến thực, lên cường gan xương, khử thấp nhiệt.

Thương truật 1 cân, tẩm nước vo gạo, phơi thật khô, chia làm 4 phần, 1 phần sao *Phá cố chỉ*, 1 phần sao *Xuyên khung*, một phần sao với *Xuyên tiêu*, 1 phần sao với *Ngũ vị tử*

Hoàng bá 3 cân, chia làm 4 phần, 1 phần tẩm sữa người mang nưôm, 1 phần tẩm nước vo gạo mà nưôm, 1 phần tẩm *Rượu* nưôm, 1 phần tẩm *nước tiểu trẻ em* mà nưôm, mọi thứ sao tẩm ba lần thành 12 lần sao tẩm rồi tán thành bột, luyện mật làm viên bằng hạt đậu, liểu uống 30 viên một ngày ba lần, sáng, trưa và chiều tống bằng nước sôi.

3) Bị thương thấp ra mồ hôi nhiều, khát nước nhiều, nói sáng.

Thạch cao, *Chích thảo*, mỗi vị đều bằng nhau, tán nhỏ uống 2 d/c khuấy với nước sôi mà uống.

4) Trúng thấp đau trong cuong.

Bạch truật 1 lạng sắc với 3 chén *Rượu* mà uông, nếu không uông được rượu thì sắc với nước lã.

5) Thấp khí đau nhức, lại kiễm có chứng cước khí và các chứng hư tư

hàn kém sức mà đổ mồ hôi ở âm ho.

Bạch truật 1 cân, sắc cỏ đặc thành cao, rót vào hũ dẽ đựng đan, mọi lần vớt một muỗng hoà với nước sôi mà uống.

Ngoài dùng *Phèn phi* cà nhỏ hoà với nước sôi mà rửa chỗ có ngứa.

6) Phong thấp co đau.

Ké đầu ngựa 3 lạng, sao tán dập, sắc lọc bỏ bã, cho uống từng hợp một.

7) Phong hàn thấp tê, chân tay co quắp, chân không bước xuống đất được.

Hạt tía tô 2 lạng, giã nát vắt lấy nước dùng nấu cháo với *Dâm sị* nêm hành gừng tiêu mà ăn.

8) Phong thấp đau chạy khắp các chỗ.

A giao 1 lạng, nước *Gừng* rửa chén, cùng nấu chảy thành cao có *Nhũ hương*. Một được mọi thứ 1 đ/c, đem phết lên giát dán vào chỗ đau lúc còn đang nóng, người tại thay miếng khác.

9) Lưng chân lạnh đau.

Thảo ô đầu 3 củ, bỏ vỏ và núm, nghiền nát trộn dấm trét vào.

10) Vết thấp trệ mà sưng chan, sớm nhẹ chiều nặng.

Thảo ô đầu 1 lạng, *Gừng sống* 1 lạng, *Thương truật* 1 lạng, *Hành* 1 lạng tằm chung 1 đêm, rồi nghiền chung, trộn lẫn nhau dẽ 1 đêm nữa rồi đem phối sấy khô tán nhè hỏ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều uống 50 viên, thang tống với rượu.

11) Thấp khí đầy bên trong, ống chân hơi sưng, tiểu khó đi, khô khè ho suyễn.

Bột hắc sên 1 lạng, *Hậu phúc* chế nửa lạng, thái nhỏ nửa chung, *Quảng ngưu tất* 2 lạng, *Xu hương* 1 đ/c.

12) Nghiệm phương chữa phong thấp đau chạy các khớp các gân xương, khắp cả mình, ngày nhẹ đêm nặng, uống phương này he mất huyết thì khỏi đau.

Bài Tử vật thang gia, *Mẫu đơn* 2 đ/c, *Không hoạt*, *Tân giao*, *Hoàng cầm* đều 1,5 đ/c *Hong hoa* 1 đ/c

Đau hạ bán thân dữ, gia *Thương truật*, *Hoàng bá*, *Quảng ngưu tất* đều 1 đ/c, *Nhũ hương*, một được, *Ho hình cốt* thấm rượu nước đều 5 đ/c.

Như miệng khô lưỡi ráo, không ngủ được, đại tiện bón là do huyết nhiệt, nên cho uống xen với *Lục vị hoàn*.

14) Chữa cả người khắp xương đau nhức như dùi đâm.

Xương đầu hổ 2 lạng, *Ngưu tất* 4 lạng, *Dương qui* 1,5 lạng, *Phu tử* to cu 7 đ/c, *Nhũ hương* 1,5 lạng. Các vị tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, uống với rượu.

Ngoài dùng *Thuốc cùn*, *gừng sống*, *Xương hổ* sao nóng giã nát, vải mỏng đem dùm

lại đem chườm bóp chỗ đau

15) Truyền phương chữa phong thấp.

Thục địa, 1,5 lạng, Dương quy, Ngưu tất, Khương hoạt, Độc hoạt, Y dĩ, Bạch linh, Tần giao, Tang ký sinh, Tầm tiết, Thương truật, Phong phòng, Thiên ma, nhũ hương, Một dược, Đỗ trọng, Mộc qua, Trần bì, Bán hạ, Bạch thược, Ngũ gia bì, Xuyên khung, Cam thảo, Thảo o, Xuyên o, Hồ hình cốt, Quy bản, các vị bằng nhau

Hoặc tán luyện viên uống với rượu

Hoặc nấu với rượu cho uống cũng được.

16) Hoạt lạc toàn chân phương.

Chủ trị các chứng khí huyết hư yếu, không muốn ăn uống, dương sự không cương, di tinh bạch trọc lưng gối mềm yếu, đi lại không có sức răng trở lên càng nhức.

Thục địa, Câu kỷ Sơn dược, Hoàng bá, Thổ ty tử đều dùng 2 lạng, Tục đoạn, Ngưu tất, mộc qua, Mạch môn, Dương quy, Tang ký sinh, Đỗ trọng, đều dùng 1 lạng, Tần giao 7 đ/c Nhâm sâm 5 đ/c.

Các vị tán nhoe, luyện mật làm viên bằng hạt dau đen, hiệu uống 70 viên uống lúc đói bụng, thang bằng nước muối nhạt hoặc rượu.

17) Hoạt lạc ký sinh phương.

Chủ trị thận tạng hư hàn, hai chân te dui, đi lại không có sức, đầu gối và ống chân mềm xều xạo.

Đương quy 2 đ/c, Phòng phong 2 đ/c, Thạch học, Tần giao, Ngưu tất, Mộc qua, Đỗ trọng, Hoàng Kỳ, đều dùng 3 đ/c, Tang ký sinh, 1,5 đ/c, Thổ ty tử, Quế chi, Hoàng bá (sao rượu) 5 phân.

Gia gừng táo sắc uống, như có mồ hôi gia nhâm sâm 5 đ/c.

18) Chữa tê thấp, hai chân co quắp, chân mềm không có sức và chữa cả chứng, Hạ tất phong thể thực.

Hoàng kỳ, nhâm sâm mỗi vị 2 đ/c, Thang ma, Sài hồ (mỗi vị 7 phân) Thục địa, Tục đoạn, Dương quy, Uy linh tiên, mỗi vị 1,5 đ/c, ngưu tất, Đỗ trọng, Bạch truật, Hoàng bá, Ty giải, Hoàng long sao rượu, mỗi vị 1 đ/c, Xuyên khung, Bạch thược, Tieu hồi, Độc hoạt, đều dùng 8 phân, Cát cánh 5 phân, Ô dược 6 phân, Tần giao, Bạch đàn, Hoàng lục (1) đều dùng 1 phân, Tang ký sinh 1 đ/c nấu với rượu cho uống lúc đói

19) Chữa chứng cước khí mới phát sợ lạnh phát sốt, bí đẫy buồn bực, hai chân sưng to, buồn phiền đau mình.

Bình lang 7 hạt, Đại phúc bì rửa rượu 2 lạng, Lá quít xanh 49 lá sắc cho uống.

Gia giảm :

Đau tăng trên thuộc phong, gia Cát cánh Khương hoạt, Quế chi, Uy linh tiên Đau ở bên dưới thuộc thấp, gia Ngưu tất, Phòng Kỳ, Mộc qua, Hoàng bá, huyết hư gia Khương,

(1) Hoàng lục : Cây trướng Sen vàng Hoàng hồ gọi cây xương Zanthoxylum armatum (Rosa) D.C. là cây lá tán u hoạt huyết, hoạt lạc khu phong

Qui, Đào nhân, Hồng hoa, Quế, Truật.

20) Chứa hai chân tê thấp, mua bàn chân nóng rung iên như lửa đốt, dần dần lan tới đùi về, eo lưng hoặc tê dẹt yếu đuối.

Thương truật 4 lạng, Hoảng bá 2 lạng, Ngưu tất, Quy uý, Tý giải, Phòng kỷ, Quy bản, mỗi vị dùng 2 lạng.

Các vị tán nhỏ luyện viên cho uống với nước gừng.

21) Chứa thấp chạy dồn xuống dưới, hai chân nóng tê dại, như lửa đốt.

Ngưu tất 2 lạng, Hoảng bá 4 lạng (sao rượu), Thương truật 2 lạng tẩm nước vo gạo. Các vị tán nhỏ làm hoàn cho uống với rượu có gừng và muối.

22) Chứa chứng tê trên mặt tê 10 đầu ngón, đó là chứng hư.

Dùng ích khí thang, gia Mộc hương, Mạch môn, Khương hoạt, Phòng kỷ, Ô duối, Phụ tử đều dùng 5 phân sắc cho uống.

23) Truyền phương chứa bán thân bất toại.

Do người miền biển truyền lại hay như thần.

Hạt mã liên nấu với Dầu mè đến khi vàng lấy ra dùng búa dật đập vỡ nát, nghiền thành bột liều uống 3 phân, đồ được mồ hôi thì thôi.

24) Chứa phong thấp các khớp đau nhức.

Kương hoạt, Tang ma mỗi vị dùng 1 lạng, Bán hạ, Thương truật, Phòng kỷ, Uy linh tiên, Bạch truật, Xuyên khung, Dương quy, Phục linh, Trạch tả mỗi vị dùng 5 phân sắc cho uống.

25) Chứa đau cánh tay, do thương tiêu có thấp nhiệt, có dầm chạy khắp kinh lạc.

Thương truật 1,5 lạng, Bán hạ, Nam tinh đều chế, Tẩu cầm, Bạch truật, Hương phụ, đều 1 đ/c, Trần bì, Phục linh mỗi vị 5 đ/c, Uy linh tiên, Cam thảo mỗi vị dùng 3 đ/c. Sắc uống ấm.

26) Bách hiệu tử.

Chứa thấp khí tê dại liệt nửa người chân tay co rút đau nhức, không nhắc bước đi được, chứa mọi chứng đều có hiệu nghiệm lạ kỳ, (Phương gia truyền),

Tỳ giải, Phòng phong, Khương hoạt, Xuyên khung, Tàn giao, Ngưu tất, Hồ cốt (tẩm mật cà sữa sao) Miết giáp, Cương tâm, Câu kỷ, Dương quy, Rễ cây Kê đầu ngựa, Tùng tiết, mỗi vị dùng hai lạng, Rễ cà phơi khô, Đỗ trọng, Gỏi dẫu, Bạch truật, Thương truật, Hoảng bá (tẩm rượu muối sao), Mộc qua, Rễ bưởi bung, Cầm vân, Đại hoàng mỗi vị dùng 1 lạng, Ô duối, Xích hoa xà, Cam thảo, Lá rau mợ, Rễ dây giun, Dây kim ngân, Quế chi, Đơn sâm, Quy bản (tẩm rượu nướng) Lưu ký nô, Tất bát.

Các vị cho nấu với rượu dùng trong uống ngoài xoa.

27) Dương quy niêm thống thanh, Chứa mình mẩy đau nhói như dùi đâm, lưng xương sống cứng ngắt.

Đương quy, Phòng phong, Trư linh, Trạch tả, Phục linh, Trư mẫu, mỗi vị 3 đ/c, Khương hoạt, Nhân trần, Hoàng cầm, mỗi vị 5 đ/c, thăng ma, đông Cát căn, khô sâm, Nhân sâm, Thương truật, Bạch truật, Cam thảo, mỗi vị 1 cân sắc cho uống.

28) Tân giao thang, chữa đau nhức các khớp xương.

Tân giao, Khương hoạt, Độc hoạt, Thạch cao, Xuyên khung, Bạch chỉ, Sinh địa, Đương quy, Bạch thược, Thục địa, Hoàng cầm, Phục linh, Phòng phong, Bạch truật, mỗi vị 1 đ/c, Tế tân, Hồ Hinh cốt, đốt ra tro sắc cho uống.

Nếu ngoài da có ngứa ngáy thì gia Bạc hà, Thuyền thoát.

29) Bài chữa thấp khí.

Rễ lốt, Dây chia vôi, Rễ cỏ xước, Hoàng lực, Độc lực, Quỳ xà, Đom voi, Đom gôi hạc.

Hoặc dùng phương: Rễ chiêng chiêng 10 phần, rễ dây giun, rễ gắm, mỗi vị dùng 5 phần, rễ lốt 5 phần, Hồng hoa, Đậu đen mỗi vị 1 phần, Uy linh tiên 5 phần. Thề mộc 3 phần.

XII - VÀNG DA

Bệnh vàng da có mấy thứ : Tổn thương do rượu thì vàng da, ăn nhấm cứt chuột cũng phát vàng da, do lao nhọc suy yếu quá mà vàng da, nhiều đờm, nước mũi mắt có tia máu đỏ, mặt đỏ, bợn da ... là triệu chứng của bệnh.

1) Chữa 5 loại vàng da :

Hoàng Đan, Cốc dân, Tầm dân, Hoàng hân, Nữ lao dân (chứng hoàng hân sinh ra bởi lúc đang ra nhiều mồ hôi mà dầm mình vào nước, mình hơi sưng, mồ hôi ra vàng như nước hoàng Bá.

Rễ trang tươi 1 nắm, rửa sạch giã nát, Thịt heo, 1 cân (1) nấu xanh cho ăn.

Bài khác :

Tân giao 1 lạng, chia làm 6 gói, mỗi gói tẩm vào 1 thăng Rượu, ép lấy nước cho uống lúc đói, tiểu đi được thì thôi người uống được rượu thì mau khỏi hơn, thường dùng có hiệu nghiệm.

2) Chữa 36 chứng vàng da.

Trông gà 1 quả, để cả vỏ đốt ra tro, nghiền nát hoà với một cốc rượu mà uống, nếu phản ứng trong mũi ngứa như có sâu bò là hay, chứng nặng thì uống ba lần là khỏi.

3) Chữa vàng da do thấp nhiệt.

Sài hồ 1 lạng, Rễ tranh 1 nắm, Cam thảo 2,5 đ/c, sắc cho uống.

Bài khác :

Cứt trâu nghiền nát trộn hồ làm hoàn, cho uống 90 viên với nước sôi để nguội.

Phương khác :

(1) Cam : Rễ tranh 1 nắm thì 100g thịt là vừa, 600g là nhiều quá ?

Dùng *Cua* đốt tán nhỏ, rượu khuấy hồ làm hoàn, liều uống 50 viên nước sôi để nguội.

4) Chữa chứng nữ lao đàn.

Cứ xế chiều thì phát sốt sợ lạnh, bụng dưới căng đầy, đại tiểu tiện lỏng, trên trán cổ sặc đen.

Hoạt thạch, thạch cao, hai vị bằng nhau, tán nhỏ, liều uống 1 muống, thang tổng bằng nước lúa mạch, đi đái được nhiều thì thôi, nếu đái nhiều mà bụng vẫn đầy căng là khó chữa.

Có người cho rằng, nữ lao đàn là bệnh nặng vì sau khi mệt quá, nóng nực quá lại giao hợp, rồi đi tắm nước, đến nỗi bụng đầy nên khó chữa dùng :

Phèn chua, đốt lên, *Hoạt thạch*, đốt cho vàng. Hai vị bằng nhau tán nhỏ, nấu cháo bằng lúa mạch, lấy nước hoà vào thuốc mà uống mỗi lần 1 muống, ngày uống ba lần, độc bệnh sẽ dần thoát theo đường đại tiểu tiện.

Phương khác :

Dùng tóc người sặc cho uống.

5) Chữa bệnh tửu đàn.

Vùng dạ dày đau xót, nước tiểu vàng, khi uống rượu thì ngoài da nổi đỏ, đen, vàng từng đám, vì say rượu quá rồi ra gió hoặc tắm nước mà sinh ra.

Hoàng kỳ 2 lạng, Mộc lan 1 lạng. Hai vị tán nhỏ, hoà với rượu cho uống, mỗi lần 1 muống, ngày uống ba lần.

6) Chữa hoàng đản, khắp người vàng da, nước tiểu đỏ, lòng bản thân miệng khô.

Tân giao 3 lạng, Sữa bò 1 cân, sắc lên chia uống ấm hai lần, hoặc có gia Mang tiêu 6 đồng cân.

7) Chữa hoàng đản suyền đầy, tiểu tiện đi nhiều hoặc khí kết lại không tan được mà chết ngất, cần đắp giữ hơi nóng, đổ thuốc này vào 1 tí là có thể cứu được.

Bén hạ, Gừng sống, mỗi vị đúng nửa cân sắc chia uống hai lần.

8) Chữa chứng cốc đản, vì thức ăn tích trệ mà sinh ra, chứng lao đản vì nhọc mệt mà sinh ra.

Khô sâm 3 lạng, Long đóm thảo tán nhỏ, dùng nước *mật bò* trộn lẫn làm viên bằng hạt đậu, liều uống 50 viên với *nước cơm* trước khi ăn.

Nếu lao đàn thì gai *Long đóm thảo 1 lạng*, Chỉ từ từ 3 đến 7 quả, tán nhỏ trộn với nước mật heo làm viên mà uống.

9) Chữa chứng tửu đản, hoàng đản.

Ốc bươu ngâm vài ngày cho nó nhả hết bùn đất, đem giã nát chế rượu để vào, vài thưa lượt kỹ lấy nước cho uống ngày 3 lần.

10) Chữa hoàng đản, thổ huyết, sau khi ốm mới dậy mình mẩy vàng khè, thổ nhiều huyết.

Bắt 10 con *Ốc buou*, ngâm vào nước để cho nhả hết bùn đất, đem giã nát, lượt lấy nước trong phơi sương 1 đêm cho uống 2-3 lần thì khỏi.

11) Chữa hoàng đản, nước tiểu đỏ.

Tóc rối đốt ra tro, hòa nước cho uống mỗi lần 1 đ/c, ngày uống 3 lần.

12) Chữa hoàng đản thuộc tỳ, tiểu tiện gắt nên dùng:

Thanh phàn 4 lạng, đốt chát thành hạt, *Dương quy* 4 lạng, tẩm *Rượu* 7 ngày, *Lọ nôi* 3 lạng, lấy thuốc đã tẩm rượu luyện hồ làm viên cho uống.

Hoặc dùng: *Tạo phàn* 4 lạng, *Lọ nôi*, *Ngũ bội tử*, *Mộc hương*, mỗi thứ 1 lạng, dùng *Rượu* nấu với *Thần khúc* làm hồ luyện viên, cho uống lúc đói với rượu..

13) Chữa hoàng đản, sắc da vàng kim loại, hay ngủ, mưa ra nước dãi.

Nhân trần cao, *Bạch tiểu bì*, hai vị bằng nhau, sắc cho uống ngày 2 lần.

14) Khấp mình vàng da.

Dùng *Nhân trần* 1 nắm, *Gừng tươi* 1 lát, giã nát ra, ngày đêm dùng xoa xát trên da.

15) Chữa vàng da bệnh thời khí.

Trứng gà vài quả, ngâm rượu và dấm 1 đêm rồi cho nuốt lòng trắng.

16) Chữa vàng da do thương hàn, nóng bên ngoài (biểu nhiệt).

Ma hoàng 1 nắm, bỏ mắt, trùm vào túi vải, nấu với rượu nhạt, cho uống để gây phát hãn, mùa xuân hè thì sắc với nước lã.

17) Chữa vàng da do thương hàn nóng trong mà phát.

Đại hoàng 5 lạng sao, *Nước tuyết tháng chạp* 5 cân, cùng nấu thành cao, liều uống 1 muống với nước lạnh.

18) Thoái đản định thống đơn.

Phương kinh nghiệm chữa người lớn trẻ em, hoặc con gái chưa chồng mà bị vàng da, kinh nguyệt không thông, hoặc huyết khô, huyết bế, hay đau bụng, rất hay.

Phèn đen 10 lạng, *Phèn chua* 1 lạng, *Nghệ* 3 lạng, *Uất kim*, *Nhân trần*, mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ dùng cái nồi đất đổ muối đầy ngang miệng, để thuốc ở chính giữa, lót giấy rồi lại đổ muối lên trên, dây nắp, rồi cột ràn kỹ trét kín bùn đất, cho vào đồng trấu mà hầm, khi tàn đồng trấu thì lấy ra, bỏ muối lấy thuốc tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu, liều uống 30 viên.

Nếu đàn ông, đàn bà đau bụng thì gia *Hồi hương*, *Nga truật*, *Ô dước*, mỗi vị 3 lạng.

HÀNH GIẢN TRẦN NHU

Quyển (51)

I - CƯỚC KHÍ

1) Trị bệnh cước khí đau nhức.

Nấu nước muối cho ngâm rửa.

2) Cước khí sưng đau.

Bạch thuộc 6 lạng, Cam thảo 1 lạng, Táo giác, Xích tiểu đậu giã nát trộn với nước gừng rượu, dấm mà đắp chỗ sưng.

3) Cước khí muốn nôn mửa.

Riềng ấm 1 lạng, sắc cho uống , không có riềng thì dùng *Gừng già* sắc với rượu cho uống.

4) Chứa phong thấp, cước khí.

Hạt tía tô, Riềng ấm, Vò quít đều bằng nhau tán nhỏ, luyện mật làm viên, mỗi lần uống 10 viên với rượu.

5) Trị cước khí sưng đùi, lâu không khỏi.

Một củ *Phụ tử* sống, tán nhỏ, trộn với nước *Gừng* cho sền sệt đem phết vào, hễ tiêu hết thời khỏi.

6) Trị cước khí đau rút hoặc nổi hạch ở háng.

Thảo đầu ô dùng sống, *Dại hoàng*, *hạt gấc* lấy nhân tán nhỏ, trộn với nước gừng mà phết.

7) Trị cước khí đau nhức, ran cả gân xương.

Dây kim ngân, tán nhỏ cho uống 2 đ/c với rượu hâm nóng.

8) Cước khí đau chạy vào bụng gần chết.

Ngô thù du, Móc qua đều bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt đậu, rượu hâm nóng mà uống với nó.

Hoặc dùng *Ô dược* thứ tốt (kỵ sắc) đập vụn ra, ngâm 1 đêm uống ấm lúc đói, hễ đi đại tiện lỏng là khỏi.

Hoặc dùng *Ô dược* nấu chung với trứng gà nửa ngày đem ra ăn trứng và uống nước ấy.

9) Đàn ông đàn bà bị cước khí, vì thấp mà các khớp xương da dẻ đều đau sưng nhức.

Ngũ gai bì tám rượu 4 lạng, Viễn chí 4 lạng 1 ngày nếu mùa xuân, 3 ngày nếu mùa hè, 3 ngày nếu mùa thu, và 4 ngày nếu là mùa đông. Các vị tán nhỏ, dùng rượu ngâm đổ luyện toàn bằng hạt đậu, liều uống 50 hoàn với rượu.

10) Cước khí phiền đầy.

Một con gà trống đen, làm thịt nấu cháo với gạo mà ăn.

11) Cước khí công lên cả mình mẩy.

Ốc bươu, dùng 1 con lớn giã nát đắp vào mé trên hai đùi, thấy lạnh tới chân là khỏi.

12) Cước khí bụng đầy đái gắt.

Dùng Nước dáu con nghé 1 tháng, uống cho tiêu hết thì thôi.

13) Cước khí nề đau.

Dùng 1 chén nước dáu bò, mài một quả cau tâm vung, hầm nóng cho uống khi đói.

14) Cước khí hàn thấp.

Cao da trâu 1 miếng, cắt nhỏ, cho bột gạo vào sao phồng, nghiền nát cho uống với rượu.

15) Cước khí xung tâm đầy trướng mà khó thở.

Uy linh tiên tán nhỏ, liều uống 2 d/c với rượu, hết đỡ đau thì giảm thuốc, đừng uống quá nhiều.

16) Cước khí xung tâm, phiền muộn bất tỉnh

Đầu xanh 1 cân, sắc lấy nước cho uống từ từ, chữa khỏi thì uống thêm nữa.

17) Cước khí xung tâm, hoặc dưới chơn thủy kết cứng trong bụng hư lạnh.

Trần bì 5 cân, Hạnh nhân năm lạng, bỏ vỏ và đầu nhọn nấu đến thành cao làm viên, liều uống 20 viên lúc đói.

18) Cước khí xung tâm buồn bực, rồi rít không biết gì.

Cau tâm vung 12 hạt, (chọn thứ màu trắng) tán nhỏ, dùng vỏ qua nấu lấy nước hoặc dùng nước trà làm thang (tổng liều dùng 2 d/c).

19) Cước khí xung tâm.

Dùng Ngô thù du với sinh khương, nghiền chung với nước cho uống.

Nghệ phẩm khác :

Dùng gỗ the mốc một nam Cau tâm vung 7 hạt cắt ra từng miếng, dùng nước, đái trẻ em với nước lã sắc cho uống, xỏ ra được là vừa.

Phương nghệ phẩm khác :

Trước dùng cái xuyên băng bạc lấy nước cho uống để phòng chất độc, sau dùng *Bù cu* về sắt ra sao vàng cho nước tiểu vào sắc uống.

20) Cước khí phù thũng, ngực bụng đầy, bí đại tiểu tiện, khó thở.

Uế lý nhân 12 hạt, giã như vắt lấy nước, *Ý dĩ nhân* ba vốc nấu cháo mà ăn.

21) Cách triệt hết bệnh cước khí.

Mỗi ngày Dán, vẫn cắt móng tay móng chân, hãy cắt phạm vào phần thịt một tý là trừ được bệnh cước khí.

22) Nghiệm phương chữa cước khí sưng đau với đau xương.

Nhỏ lấy toàn cây cỏ xước, (kỳ sắt) đổ nước nấu ra nước đặc, vớt bỏ bã, lược kỹ rồi cho *mật ong* vào 1/3, cô thành cao, giã ít bột *Đinh hương*, *Hồi hương* trộn đều mà uống khi nấu thuốc phải tránh không cho đàn bà và gà chó thấy.

23) Cước khí xung tâm, ngực bụng đầy trướng, nồn khan, lưng đau như gáy, nằm ngồi không yên.

Ô dược, Mộc qua, mỗi vị dùng 8 đồng cân, Độc hoạt, Tang kí sinh, mỗi vị dùng 6 đ/c. Phên chua, Hạt cau tâm vung, mỗi vị dùng 4 đồng cân, các vị tán nhỏ hoà với nước dãi trẻ con cho uống.

II - BẠI LIỆT

Chữa 5 chứng bại liệt:

Da nóng, Lồng sún, phờ phạc, Huyết mạch khô khan, Thít da mỏng sứt, Gân xương yếu liệt, ăn uống không ngon, chân tay mất sức, móng tay móng chân khô, tóc rụng, mặt tối sẫm, môi se.

Bột sừng nai 1 cân, *tầm rùa* 1 đằm *Phụ tử sống* 1 lượng rưỡi, bỏ vỏ và núm, *Thực địa* 4 lượng, *Gạo lùa mạch* 1 cân.

Cách làm : Một nửa dè dưới đáy nồi, một nửa dè trên, lấy hai mảnh vải phủ kín, cho vào chỗ mà xoi một ngày mới lấy ra, thuốc và gạo đều sấy khô, tán nhỏ, dùng rượu với bột khay hỏ, trộn vào thuốc giã thật kỹ, làm viên bằng hạt đậu, liểu uống 50 viên, ngày ba lần uống với rượu ấm trước bữa ăn, hoặc uống với nước cơm sôi.

III - NĂM CHỨNG TÊ.

1) Chữa các chứng phong tê, dờm trịch trướng đầy.

Phụ tử 1 củ to, nướng xắt ra ngâm rượu, mùa đông xuân ngâm 5 ngày, hè thu ba ngày, mỗi lần uống một chén chung (vốc) khỏi ngay.

2) Chữa chứng phong tê đau đùi về, vỉnh về không lưu hành.

Xuyên ổ đầu tức củ cải của *Phụ tử* (lúc mới trồng có giống như đầu con quạ nên

gọi là phụ tử, cách chế cùng sao lẫn với đậu đen cho đỡ mỡ hôi thì vừa, bỏ đậu sấy khô, thêm *Toàn yết* sấy khô nửa đồng cân, viên với *dấm* liều uống 7 viên, ngày chỉ uống 1 lần, thang tổng bằng rượu ấm.

3) Lưng chân có phong, tê lạnh đau nhức.

Xuyên ô 3 củ, bỏ vỏ và núm, tán nhỏ trộn với *dấm* mà đắp.

4) Cứa chứng bì tê, mạch tê, cơ tê, cốt tê, gân tê, gọi là Ngũ tê, Nội kinh nói: hàn khí thắng thì sinh tê, hàn khí ngấm vào nội tạng thì chết.

Nhân sâm, Bạch truật, Xuyên khung, Đỗ trọng, Tục đoạn, Ngưu tất, Tần giao, Quế chi, sắc uống.

5) Truyền phương chữa các chứng tê đại bại gân.

Ô dược, Địa cốt bì, Dây tơ hồng, Tang ký sinh, Uy linh tiên, Hoàng lục, Đỗ trọng, các vị bằng nhau sắc uống lúc đói thì khỏi ngay.

IV - TÊ ĐẠI (Ma độc bất nhân)

Tham khảo với 5 bệnh tê)

1) Chữa chứng tay chân tê đại.

Lạnh đau, bại liệt lưng gối đau nhức, hoặc bị đòn bị té ngã, tổn thương, bong gân, sai khớp, đau không chịu được.

Xuyên ô dùng sống, *Ngũ linh chi* mỗi vị dùng 4 lạng, *Uy linh tiên* 5 lạng, rửa sạch sấy khô, tán nhỏ, dùng *rượu* khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu đen, liều uống 7 - 10 viên, thang bằng nước muối, kiêng nước trà.

2) Tê đại đã lâu năm, hoặc đau chạy tê đại từ khớp này sang khớp khác.

Thảo ô dầu nửa cân bỏ vỏ, tán bột dùng cái túi đựng *đậu hủ* được nửa túi, cho bột *ô dầu* vào giữa, lại đem *đậu hủ* nhồi đầy vào, ép khô cho vào nồi mà nấu một đêm, thuốc sẽ cứng như đá, lấy ra phơi khô tán nhỏ, liều uống 5 phân, bị gió lạnh khí thấp thì thang với nước *Gừng*, tê đại thì thang với nước hành.

3) Tay chân tê đại cấu không biết đau ngứa.

Sương lang diệp, nấu lên mà rửa.

4) Mình mảy tê đại.

Dùng hạt cải tán nhỏ trộn *dấm* mà bôi khắp, bên trong dùng *Mộc qua, Ô dược, Ngưu tất, Tục đoạn, Đỗ trọng, Xuyên khung, Xuyên quy, Bạc hà, Kinh giới, Gối dâu* sắc uống. Lạnh thì gia *Đinh, Hồi, Quế*.

5) Tay chân tê lạnh do phong lạnh, khí huyết bế tắc, chân tay mình mảy đau nhức.

Ngũ linh chi 2 lạng, *Mộc dược* 1 lạng, *Nhũ hương* nửa lạng, *Xuyên ô* 1,5 lạng, sao

cháy sém, bỏ vỏ, tán nhỏ, viên với nước mỗi lần dùng 1 viên mài ra cho uống, thang với nước *Gừng*.

6) Cước khí tê, cứng.

Cao da trâu, nước *gừng* nấu tan ra trộn bột *Nam tinh*, đem đồ lên rồi lấy vật gì hơi nóng mà chườm.

7) Phong thấp tê dại.

Thảo ô đầu, nghiền sống, *Ngũ linh chi* đều nhau, tán nhỏ mỏng 6 tháng 6 viên với nước sôi to như viên đạn 40 tuổi trở xuống chia uống 6 lần, nặng thì uống nửa viên, thang với nước *Bạc hà*.

Hoặc dùng:

Hà thủ ô, *Xích hoa xà*, *Ngưu tất*, nấu với rượu, trong uống ngoài xoa.

8) Phong hàn thấp, tê dại cấu không biết đau, hoặc chân tay tê liệt.

Phụ tử sống tán nhỏ, *Ý dĩ* tán nhỏ, mỗi lần uống nấu một chén cháo bằng gạo ngon nhiều nhựa, cho thuốc vào 4 đ/c, nhỏ lửa pha một muống nước *Gừng*, 3 muống *Mật ong* vào mà ăn lúc đói.

9) Mười ngón tay tê dại đau nhức ngất không biết đau.

Phụ tử sống, *Mộc hương*, các vị bằng nhau, *Gừng* sống 5 lát, sắc cho uống.

10) Tê thấp chân tay bại liệt.

(Từ đây trở xuống là thuốc gia truyền)

Bồ đề (sao vàng) dùng ít hơn. Hòa các vị vào rượu, nấu cho uống là khỏi ngay.

11) Tê dại tỉnh tỉnh.

Cần làm cho khí huyết lưu thông, thì phương này hay nhất.

Sâm, *Truật*, *Dương quy*, *Ý dĩ* mỗi vị 2 đ/c, *Phục linh* 1,5 đ/c, *Hoàng kỳ*, *Can khương*, *Viễn chí* mỗi vị 1 đ/c, *Trần bì* 7 phân, *Cam thảo* 4 phân, *Gừng* ba lát sắc uống.

V - BỆNH Ở ĐẦU

1) Trên đầu có sinh chấy (chí).

Đồng thanh tức rí xanh đồng với *Phèn chua* tán nhỏ, xát vào.

Hoặc dùng:

Ngân chu tắm dấm hàng ngày chải đầu.

2) Lở đầu có vẩy trắng, mọc nhọt rồi trụi tóc.

Quán chúng, *Bạch chỉ*. Hai vị chung trộn dầu mà xức.

3) Thuốc gội đầu trừ gàu.

Cảo bản, *Bạch chỉ* đều bằng nhau tán nhỏ, ban đêm sát ban ngày chải đầu là hết thôi.

4) Trên đầu có mụn nhỏ mềm.

Lột da ếch nhái mà đắp, độc sẽ bị hút hết mà khỏi.

VI - ĐAU ĐẦU

1) Đau đầu do thận hư

Lưu hoàng 1 lạng tán nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt đậu, lúc đau cho uống với nước lạnh 5 viên.

2) Đau đầu như búa bổ.

Đương quy, 2 lạng, Rượu 1 thăng, sắc uống 2 lần/ngày.

3) Khí huyết đau đầu.

Xuyên khung, Ô dược hai vị bằng nhau, vị tán nhỏ, liều uống 2 đ/c thang bằng nước hành, có thể thêm Bạch truật sắc uống.

4) Khí uất mà đau đầu.

Hương phụ 4 lạng, Xuyên khung 1 lạng, các vị tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, thang với nước trà.

5) Đàn bà huyết uất mà đau.

Hương phụ tán nhỏ, liều uống 3 đồng cân, ngày 3 đến 5 lần, thang bằng nước trà

6) Chảy máu mũi tâm phiền mà đau đầu.

Thạch cao, Mẫu lệ mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ, liều dùng 2 đ/c hoà với nước mới mức cho uống, lại dùng thổi vào mũi nữa.

7) Đàn bà vì phong huyết mà đau đầu.

Thảo o đầu, Chí tử, hai vị đều nhau, tán nhỏ, trộn với nước hành đập hai mang tang và trước trán.

8) Đau đầu đau ran tới mắt.

Sinh phụ tử 1 đ/c, Bạch chỉ 4 đ/c, tán nhỏ trộn với nước trà và dùng một li thổi vào mũi nữa.

9) Ngoại cảm đau đầu phong, nước mắt nước mũi chảy ra, đau mũi không khỏi.

Thạch cao nung 2 lạng, Xuyên khung 2 lạng, Chích thảo nửa lạng, tán nhỏ nấu nước Hành làm thang, liều uống 1 đ/c ngày hai lần.

10) Đầu phong đau thống.

Lưu hoàng, Tiêu thạch (Nitre KNO₃) mỗi vị dùng 1 lạng nghiền nhỏ, viên với nước sôi, liều uống 1 viên, thang bằng nước trà, lúc đói.

Phương khác

Đại phụ tử 1 cân, bỏ vỏ, sao vàng, tán nhỏ cho vào túi vải ngâm rượu cho uống hàng ngày.

11) Đau đầu do phong hàn.

Lưu hoàng 6 đ/c, *Ô dược* 4 đồng cân, tán nhỏ nhồi với bánh chưng làm viên bằng hạt đậu đen, liều uống 5 viên sau bữa ăn, thang với nước trà.

Phương khác :

Hạt *Đinh lịch*, tán nhỏ nấu nước sôi cho vào dùng gội đầu, làm vài lần sẽ khỏi.

12) Đau đầu thuộc kinh thái dương, Thiếu dương không có đau 1 bên hay giữa đầu.

Hoàng cầm tẩm rượu, tán nhỏ liều uống 1 đ/c uống với nước trà.

13) Đau tại hồ mắt, do phong nhiệt, do đờm.

Hoàng cầm tẩm rượu, *Bạch chỉ*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ, liều uống 1 đ/c với nước trà.

14) Đau đầu do phong nhiệt.

Kinh giới tử, *Thạch cao*, hai vị bằng nhau, *Xuyen khung* 1 đ/c, Lá trà 2 đ/c sắc cho uống nóng.

15) Đau phong, đau tai trong mắt.

Hương phụ, *Lá Hoắc hương*, *Cam thảo*, mọi vị dùng 2 đ/c tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, thang bằng nước muối.

Phương khác :

Chữa đau phong, đau nhức lâu ngày *Ngải cứu tươi*, vò làm từng viên cho ngửi, chảy nước và ra là khỏi.

16) Thái dương chứng đau đầu.

Khương hoạt, *Thảo dâm*, *Hong dật*, đều bằng nhau tán nhỏ thổi vào mũi

17) Đau đầu do phong và khí kích nhau, đau không chịu nổi.

Nhân hạt, *Thảo dâm*, *Nhũ hương* hai vị bằng nhau, giã nát nặn thành bánh đem dụi vào thái dương bên có đau, đỡ ngay.

18) Do phong độc chạy lên, đầu mắt choáng váng, đau đầu không chịu được.

Phụ tử chế 1 củ, tán nhỏ dùng *Gừng sống* 1 lạng *Đậu đen* sao 1 vò sắc với nước và *Rượu* đem trộn với bột *Phụ tử* 1 đồng cân, cho uống ấm

19) Chữa 8 loại đau phong :

Bán hạ tán nhỏ, *Lô nôi* mỗi thứ một ít, cuộn vào giấy như điều thuốc đốt lấy khói mà hít vào mũi, miệng ngâm nước có dấm, nhổ ra lại ngâm.

20) Trị tất cả các chứng đau đầu vì phong nhiệt.

Cúc hoa, Thạch cao, Xuyên ô, mỗi thứ 3 đồng cân, tán nhỏ, liều uống 1 đồng cân, thang với nước trà.

21) Chữa các chứng thiên đầu thống, đau nhức một bên hoặc ngay chính giữa và nhức ở huyết Thái dương chỗ giáp trán.

- *Hùng hoàng, Tế tân* mỗi vị một chút, tán nhỏ đem thổi vào mũi, hễ nhức bên này thì thổi bên kia.

Xuyên khung, Bạch chỉ, Phòng phong, mỗi vị bằng nhau, thái nhỏ ngâm rượu cho uống hàng ngày.

- *Hương phụ* sao 1 cân, *Ô đầu* sao 1 lạng, *Cam thảo* 5 đ/c, tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng viên đạn, liều uống 1 viên thang với nước trà và nước hành.

- *Phụ tử* 1 củ để sống, cắt làm 4 miếng, *nước gừng* 1 chén, hầm nướng mãi đến khi hết nước đường là vừa, thêm củ *riềng* vừa bằng *Phụ tử*, tán nhỏ cho uống mỗi bữa 1 đ/c, thang với nước trà.

- *Bạch cương tàm,* tán nhỏ, liều uống chừng một muống, thanh với nước trà và nước hành.

22) Trị chứng não phong đau, không chịu nổi.

- Dùng độc vị *Viễn chí,* tán nhỏ thổi vào mũi.

23) Trị chứng não thống, mi thống (đau trong óc, đau chỗ lông mày).

Cỏ dùi trống (cốc linh thảo) 2 đồng cân, *Trần bì* 3 đồng cân, *Nhũ hương* 1 đ/c, tán nhỏ, mỗi lần dùng nửa đồng cân, đốt lấy khói mà xông vào mũi.

24) Đầu óc đau nhức.

Dùng long não cuộn vào giấy như điều thuốc, đốt lấy khói mà xông vào mũi, mũi được dùm rãi thì khỏi.

25) Trị chứng óc tiết ra chất có mùi hôi thối (Ty uyên, viêm mũi mủ).

Thảo ô đầu nửa lạng, *Xuyên khung* 2 lạng, đều dùng sống, tán nhỏ, luyện hồ làm viên, liều uống 10 viên bằng hạt đậu, uống với nước trà.

26) Chữa mình mẩy, lở chân lòng ra máu và nhức đầu.

Dại hoàng 1 lạng, hạt *Tía tô* sao 5 đồng cân, sắc chung cho uống.

VII - CHÓNG MẶT

1) Chữa chứng thỉnh linh chóng mặt, lâu ngày không khỏi, chân tay gầy tóp da, ăn uống không biết ngon, thích ăn đất sét.

Bạch truật, Thân khúc, mỗi vị 3 đồng cân, giã nát, *Rượu* khuấy hồ, luyện làm viên bằng hạt đậu, liều uống 20 viên, kiêng không ăn đào, mận và cá trắm.

2) Do phong nhiệt bốc lên, khiến đôi mắt choáng váng, trong ngực không khoan khoái.

Xuyên khung, Quả Hòe, mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ, liều uống 3 đ/c hòa với nước mà uống, nếu trong ngực khó chịu thì sắc với nước mà uống.

3) Trị chứng chóng mặt vì đau đầu phong, nhiều mồ hôi, sợ gió, ngực đầy trướng dờm ầm.

Xuyên khung nửa đồng cân, *Thiên ma* 2 lạng, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt đậu, liều uống 10 viên với nước trà.

4) Chữa chóng mặt vì đau đầu phong và chứng thai tiền sản hậu, thương phong nhức đầu, huyết phong ghé nhiệt, gây nổi u hạch.

Bạch chỉ rửa sạch phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt đậu, liều uống 10 viên với nước sắc *Kinh giới*

5) Chóng mặt vì phong dờm, đau đầu vì khí nghẹn, ngực bực tức.

Bạch phụ tử đốt, *Thạch cao* nung, đều dùng nửa đồng cân, *Chu sa* 1,25 lạng, *Long não* 1 đ/c, tán nhỏ luyện *Com nguội* làm hoàn bằng hạt đậu, liều uống 30 hoàn, thang với nước trà.

6) Chữa đau phong, xây bờ bờ.

Xác ve sầu 1 lạng. Sao qua, tán nhỏ, liều uống 1 muỗng canh với nước nóng, lại xúc một ít đem thổi vào mũi.

VIII - BỆNH Ở MẮT

1- Chữa chứng mình nóng mắt có vết đỏ.

Ngân tiết (tức cặn bạc) thường lấy vật ấy sát lên cho nóng, lâu rồi vết sẽ sạch đi.

2) Chữa sạm da mặt.

1 quả *Trứng gà* bỏ lòng đỏ, *Chu sa* 1 lạng tán nhỏ cho vào, dán kín vỏ trứng lại, bỏ vào ổ gà mái ấp, khi đàn gà nở thì lấy trứng ấy đập ra lấy thuốc dùng xoa lên mặt được 5 lần thì mặt sẽ bóng như ngọc.

Phương khác:

Dùng *Bạch truật* ngâm với *Dấm thanh*, hàng ngày dùng của *Bạch truật* ấy đem xoa, kì cọ thì hết quả.

Phương khác:

Bán hạ, sấy khô, nghiền độn *Dấm* đắp, chớ cho gần lửa, không cứ mấy lần, cứ đắp liền liền ba ngày rồi nấu nước *Bồ kết* mà rửa mặt sẽ bóng như ngọc.

3- Da mặt bị gãi cào toạc ra.

Dùng nước cốt *Gừng* trộn đều với *Khinh phấn* mà xúc.

4- Mặt có hột cơm., trứng cá và mình có mụn cóc.

Với đá tắm *Dấm thanh* 1 tuần, dùng nước ấy bôi vào, sẽ khỏi.

5- Mặt có mụn lở, ngú sác.

Dùng bông thấm với nước *muối* mà đắp trên mụn.

6) Chứa mình và mặt có nổi hạch.

Phèn chua, địa phu tử (hạt chó đẻ) hai vị bằng nhau, nấu lấy nước rửa luôn.

7) Chữa các chứng phong ở đầu mắt.

Bạch chỉ cắt ra từng miếng, cho nước củ cải vào ngâm cho nó ngâm đem giã bột, liều uống hai đồng cân, thang với nước nóng, hoặc thổi vào mũi.

8) Chữa đau gỗ xương mày (mí lằng cốt) thuộc phong, nhiệt, đờm.

Bạch chỉ, hoàng cầm sao với rượu đều nhau, tán nhỏ, liều uống hai đồng cân với nước trà.

9) Chữa mặt có nốt đen và phong sang.

Cam tòng, Hương phụ mỗi thứ 4 lạng, nấu nước rửa hàng ngày.

10) Chữa mắt lở ngứa vì phong, chảy nước vàng.

Thuốc cứu 2 lạng. *Đám thanh* một cân, sắc lấy nước, thường lấy giấy mỏng xấp nước thuốc mà đắp, ngày hai ba lần.

11) Mình và mặt có hạt cơm mụn cóc.

Dùng *đám thanh* trộn với bột *Nam tinh* mà xức.

IX - BỆNH HẦU HỌNG

1. Hần họng sưng đau.

Tăng lương tức nhựa thông, *Cam thảo* mỗi vị nửa lạng, *Thanh đại* 1 lạng, tán nhỏ, dùng *đấm* quấy hồ luyện viên, mỗi lần ngâm 1 viên.

Phương khác :

Thổ chu nấu lấy nước mài *Thạch giải* (con cua đá) cho uống, bên ngoài giã thêm *Đơn sa* để đắp cổ họng.

2. Chữa lưỡi sưng họng đau có cục thịt thừa trong họng.

Lấy hòn cân nung đỏ suốt rồi nhúng vào chén rượu, lấy rượu đó mà ngâm nuốt dần.

3. Chữa hầu họng đau sưng.

Ngân chu : *Hải phiêu tiên*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ, thổi vào họng, cho chảy nước dãi ra.

4. Chữa chứng triền hầu phong (tức phong quai nón, hầu phong) đau họng.

Hùng hoàng mài với nước giếng mới gánh về (1 chén) mà uống, hễ mửa ra được thì khỏi.

Phương khác :

Lá cây nọ áo cho vào một tý muối, bọc vào mảnh vải ngâm.

Phương khác :

Lá mướp, lá tòi, giã chung lấy nước cho uống.

5. Trong họng sinh ra miếng thịt.

Lấy cục bông gói xí muối cột đầu đưa thò vào kheu, ngày làm 5-6 lần

6. Trên vòm hàm mọc mụn, (Huyền ung)

Nạo sa nửa lạng, bọc bông cho ngâm và nuốt nước, sẽ yên.

7. Đau hong, cam răng.

Bằng sa tán nhỏ thổi và xát vào, nếu hầu họng sưng đau, lấy quả Bạch mai tròn làm viên mỗi lần ngâm một viên.

8. Chứng mọc mụn thống dài trong vòm hàm khó chịu (Quyên nhũ thủy).

Phèn chua đốt ra tro. Muối rang hai vị bằng nhau, tán nhỏ dùng đầu đũa chấm vào luôn.

9. Phổi nóng, họng đau có đờm.

Cam thảo sao 2 lạng, Cát cánh 2 lạng, tắm nước vo gạo một đêm, liệu dùng hai đồng cân, A giao nửa cân, nước một chén sắc cho uống.

10. Cổ họng tê đau vì khí độc

Dùng 2 lạng cát cánh sắc cho uống.

11. Trong họng nổi bong bóng, sưng đau.

Quất bì dùng ngâm sẽ khỏi.

12. Chữa đau họng ba bốn ngày thuộc thiếu âm chứng.

Cam thảo 2 lạng, cát cánh 1 lạng sắc cho uống.

13. Một bài chữa đau hong.

Thăng ma nửa lạng, sắc cho uống để thở ra, nếu sưng vệt cổ thì dùng ích mẫu thảo tươi giã vắt lấy nước cho uống.

Hoặc dùng :

Viễn chí nhục, tán nhỏ thổi vào chảy nước dãi ra làm chùng.

14. Chữa phong tê hầu họng cấp tính, bất kỳ người lớn trẻ em.

Huyền sâm, Ngưu hoàng 2 lạng, nửa đế sông nửa sao mỗi vị một lạng, tán nhỏ cho uống chén với nước giếng mới múc về là đỡ ngay.

15. Chữa nghẹt họng cảm khản .

Khương hoạt 3 lạng, Ngưu hoàng 2 lạng, sắc lên cho tý phèn chua vào mà cay miệng đỡ vào.

16- Cổ họng tê đau miệng mím chặt.

Mã lan tức là cây Cúc tần hoặc rễ hoặc lá, giã vát lấy nước cho vào một tý dấm đem đổ vào họng, dờm ra sẽ mở miệng được, hoặc giở từng giọt vào lỗ mũi.

17- Họng đau'nghe' tắc không thông.

Hồng hoa giã vát lấy nước cốt cho uống một chén, thiếu thứ tươi thì dùng *Hồng hoa* khô, sắc lấy nước cho uống.

18- Hàu họng, lở sưng.

Tỳ ma tử 1 lạng, *Phác tiêu* 1 đồng cân., *Kinh giới tuệ* 1 đồng cân, tán nhỏ luyện mật làm viên, dùng bông sao lại cho ngậm nuốt dần.

19- Chữa chân đau do khí trệ.

Dùng *Bạch truật*, *Dương quy*, *Phục linh*, *Phụ tử*, *Cam khương*, *Trần bì*, *Chích thảo* sắc cho uống.

20- Sưng hng ăn không được, sưng liên đến cuống lưỡi.

Me 1 nắm giã nát xào nóng đắp vào, nguội thì thay cái khác.

21- Đau yếu hầu do phong nhiệt.

Ngậm ba hộp đồng tiện.

Phương khác:

Dùng *Bạch linh*, *Cát cánh*, *Dương quy*, *Chích thảo*, *Chi tử*, *rễ cây vẩy trắng*, các vị đều bằng nhau sắc uống.

X - BỆNH Ở MIỆNG

Phụ: Hôi miệng

1- Vì ngộ độc khinh phần mà miệng nứt nẻ.

Lấy bột vàng (kim tiết) nấu lấy nước, thỉnh thoảng cho ngậm, có thể trừ được độc khinh phần.

2- Lở miệng nóng vùng cổ họng.

Hàn thủy thạch (nung 3 lạng, *Chu sa*, 3 đồng cân rưỡi, Long não nửa lạng tán bột rắc vào.

Miệng lưỡi bị lở thì ngậm phác tiêu.

3- Miệng lở, sâu ăn răng, sưng đau.

Tế lam sắc lấy nước ngậm nóng hễ lạnh thì nhổ đi, sẽ khỏi.

4- Lở mép.

Dùng vỏ hạt sa nhân, đốt tán nhỏ rắc vào.

5- Dạ dày lạnh, chua miệng, thường chảy nước trong, đau từ vùng thượng vị ran tới rốn.

Tiểu rớt nửa lạng, Hậu phác 1 lạng tán nhỏ, trộn với thịt cá diếc đã nướng chín nghiền nhuyễn làm viên, liều uống 20 viên với nước cơm sôi.

6- Chứa chứng miệng lở đá lâu.

Dùng củ *Phụ tử sống*, nghiền ra trộn với dấm và bột mì đen dán ở gan bàn chân nam tả nữ hữu, mà phải thay luôn.

7- Chứa trong miệng mọc nấm như Mọc nhĩ.

Thanh đại, Ngũ bội tử, hai vị bằng nhau, tán nhỏ, dùng ống trúc mà thổi vào.

Phương khác:

Dùng dấm mà súc miệng, lấy quả cà đốt ra tro và muối rang, hai thứ bằng nhau, trộn với dấm (làm bằng hạt gạo) thỉnh thoảng xús vào.

8- Thuốc làm cho thơm miệng khỏi hôi.

Mật đà tăng 1 đồng cân, mài với dấm dùng súc miệng.

Các phương khác:

-Thảo khấu dầu, Tế tân, Ích tri, Cam thảo cùng tán nhỏ, cho ngậm.

- Hoắc hương, Hương nhu sắc lấy nước mà ngậm hoặc cho thêm quả mơ phơi khô trộn vào mà ngậm.

9- Chứa chứng thối mồm, thở ra hôi hám, (miệng hạm)

Minh phân, Xạ hương, tán nhỏ đem xát trên răng

10) Chứa chứng hư răng mà miệng thối.

Xuyên khung, nấu lấy nước mà uống.

11- Miệng và răng hôi thối.

Bạch chỉ, Xuyên khung đều bằng nhau tán nhỏ sau bữa ăn dùng trộn với mật ong mà uống.

XI - BỆNH Ở MÔI

1- Chứa chứng môi sưng đen, đau ngứa không chịu được.

Dùng tiền cổ, đổ mỡ heo trên hòn đá, mài lấy nước bôi.

2- Môi nứt, khô đau.

Đào nhân giã nát trộn mỡ heo bôi.

3- Môi khô, mọc mụn lở.

Thanh bì đốt ra, nghiền nhỏ, trộn mỡ heo mà bôi.

4- Môi bị nứt lở.

Quả cà na (trám) sao lên, tán nhỏ, trộn mỡ heo mà bôi.

XII - BỆNH Ở RĂNG.

1- Răng gãy, chân răng lòi ra.

Cút trùn trộn với nước vè thành cục đem đốt đỏ, nghiền thành bột, trộn mỡ heo mà xức.

2- Kề răng chảy máu.

Dùng lọ nôi, cà nhỏ chấm vào là khỏi ngay.

Các phương khác:

Dùng *Khổ sâm* 1 lạng, *Khô phân* 1 đồng cân, tán nhỏ xát vào là hết.

Dùng *Nhân sâm*, *Phục linh* và *Mạch môn*, sắc cho uống.

3- Nhức răng vì phong.

Ngân tiết (vẩy bạc vụn) 1 lạng, đốt đỏ lên, đổ vào một chén rượu đỏ, thừa đang nóng cho ngâm nuốt là khỏi ngay.

Các phương khác:

Vôi lâu năm, *Tế tân*, 2 vị bằng nhau nghiền nhỏ mà xát vào răng.

Độc hoạt, nấu với rượu cho ngâm lúc đang còn nóng.

Dùng *Bạch chỉ* với *Ngô thù du*, sắc lấy nước mà ngâm.

4- Nhức răng vì hỏa.

Thạch cao nung 1 lạng, nung đỏ rồi tời vào rượu, rồi tán nhỏ thành bột.

Phòng phong, *Kinh giới*, *Tế tân*, *Bạch chỉ* mỗi vị đều 5 phân, tán bột xát vào răng.

Lại phương khác:

Thăng ma, *Sinh địa*, sắc lấy nước ngâm lúc còn nóng.

5- Răng đau vì có sâu.

Vôi với đường cát trộn lẫn đem nhét vào lỗ mũi.

Phương khác:

Xà sàng và *bác nến* cháy không hết, nghiền với *tiêu lốt* mà xức.

6- Nhức răng do phong do trùng.

Vôi đá lâu năm 4 lạng, *Mật ong* 3 lạng, trộn đều, dùng muối ăn trộn với bùn bọc kín mà nung 1 ngày rồi thành bột để xát răng.

7- Răng trơ ra có sâu.

Thổ chu, *Kinh giới*, *Muối ăn*, tạo giác 2 quả, đốt cháy đỏ nghiền ra là xát răng.

8- Răng đau răng nhức.

Sắc tiêu, Bồ kết, Vò sa nhân, hai vị sắc ra nước **đậm**, hòa tan với phác tiêu đem đổ trên miếng đá, chờ nguội thành phần trắng, cạo lấy đem xúc vào răng.

9- Răng sưng răng đau.

Phèn chua 1 lạng, đốt lên cho khô tán nhỏ, *Xác tàn ong* đã để lâu 1 lạng, nướng qua tán nhỏ, Thạch cao 1 nắm sắc lấy nước hòa tan với hai đồng cân thuốc mà ngậm, súc.

10- Nếu răng chảy máu không cầm.

Dùng 1 lạng phèn chua nấu lấy nước mà ngậm súc.

11- Răng sưng đau bị sâu ăn.

Cát cánh, ý dĩ đều bằng nhau, tán thành bột mà dùng.

12- Đau răng do phong và do trùng, đau ran lên tới óc.

Bồ cốt chỉ sao nửa lạng, *Nhũ hương* 1,5 đồng cân.

tán bột mà xát vsào răng, hoặc chế thành viên nhét vào lỗ răng sâu thì khỏi.

13- Răng đau, ran lên tới đầu.

Ngũ bột tử nửa lạng, *Huyền hồ* 3 đồng cân, *Hùng hoàng* 3 đồng cân, tán bột, trước dùng gừng xát vào cho sạch đái rồi chấm thuốc ấy vào.

14- Chứa sâu răng.

Hẹ 10 cây, *Xuyên tiêu* 20 hạt, *dầu mè* 1 lít, Bùn dưới đáy thùng đựng nước.

Nghiền lẫn, đem xúc trên hàm răng, lúc lâu có sâu bò ra và ngày sẽ khỏi.

15- Đau răng do thận hư.

Cam tông và *lưu huỳnh* bằng nhau, tán nhỏ, nấu lấy nước mà súc miệng, nếu lâu ngày dùng *Bồ cốt chỉ* 1 lạng, *Thanh diêm* 1 lạng sao nghiền để xát răng.

16- Thuốc làm chặt răng trừ phong chứa đau răng, chân răng trơ ra.

Hương phụ sao tồn tính 3 lạng, *Thanh diêm*, *Gừng sống* mỗi vị nửa lạng, tán nhỏ dùng xát răng.

17- Thuốc gia truyền làm bền chắc răng.

Phèn chua, sáp ong, hạt cà, Đại hồi, muối 1 chút, sắc lấy nước cho ngậm.

XIII - BỆNH Ở LƯỚI

Phụ: Bệnh miệng lưỡi

1- Chứa chứng lưỡi sưng lấp cả miệng, không chứa thì chết.

Cam thảo sắc lấy nước mà súc miệng lúc còn nóng.

2- Chứa chứng lưỡi bóng nhiên sưng lớn đầy mồm như cái bong bóng heo.

Dùng Lọ chào, cà nhỏ hòa với rượu mà bôi.

3- Chứa chứng lưỡi to đầy miệng.

Bồ hoàng, Can khương, hai vị bằng nhau, tán nhỏ xát vào.

4- Chứa chứng lưỡi to lấp cả miệng hoặc sưng thè ra ngoài.

Hạt thầu dầu 40 hạt, bỏ vỏ lấy nhân nghiền nát trét trên tờ giấy, đốt lên mà hun, chưa khỏi thì hun nữa, đến khỏi mới thôi.

5- Chứa chứng trên lưỡi chảy máu, có lỗ thủng.

Hương nhu 1 cân, sắc lấy nước mà uống.

Các phương khác:

- Đậu đỗ nửa cân, giã vắt lấy nước cốt cho uống.

- *Ba đậu* 1 quả, với tóc rối đốt cháy nghiền ra mà uống với rượu.

6- Lưỡi có rêu nói ú ớ.

Nước cốt Bạc hà hòa với gừng và mật ong mà bôi.

7- Chứa chứng lưỡi chềnh lại không nói được.

Thuốc cứu tươi hoặc khô, giã lấy nước cốt mà bôi.

8- Chứa chứng lưỡi chềnh (trùng nhiệt) lưỡi cứng đơ (mộc nhiệt) sưng to cả miệng.

Bán hạ nấu với dấm mà ngậm súc miệng lúc còn ấm, thuốc nguội thì nhổ ra, hãm ấm mà lại ngậm.

9- Chứa chứng lưỡi chềnh, thêm nhọt lở.

Nhân quả bồ hoàn, tán nhỏ mà bôi.

10- Chứa lưỡi tưa đen. (nga khẩu)

Đậu đỏ, tán nhỏ hòa với dấm mà bôi.

11- Chứa chứng huyền ung (mọc mụn trong vòm hàm) lưỡi sưng lên mà vướng đau.

Ngũ bội tử, Bạch cương tâm, Cam thảo ba vị đều bằng nhau quết chung với nhân quả xiu muối làm viên cho ngậm nuốt thì tự nhiên mụn ấy tự vỡ ra.

12- Chứa chứng trùng nhiệt, mộc thiệt.

Cương tâm, và Hoàng liên (tẩm mật sao) mỗi vị hai đồng cân, tán bột chấm vào thì trào nước dãi mà khỏi.

13- Chứa chứng trùng thiệt sưng đau.

Ngũ linh chi 1 lạng, rửa rượu cho sạch, tán nhỏ, sắc lên, hòa với dấm mà súc miệng.

14- Chứa miệng lưỡi lở loét.

Trùn com, Ngô thù du nghiền nhỏ trộn với dấm và bột mì mà đắp lòng bàn chân.

15- Chứa miệng lưỡi mọc mụn lở, bên trên ủng trệ, bên dưới hư yếu.

Cát cánh 1 lạng, *Cam thảo* 2 lạng, sắc cho uống ngoài dùng phèn chua nấu nước mà rửa khi còn ấm.

Phương khác:

Thăng ma, Can khương, Hoàng liên, Tế tân, sắc lấy nước mà ngậm.

16- Truyền phương chứa chứng lưỡi vàng trắng đen.

Vỏ cây khế nghiền ra, cho bệnh nhân ngậm vài giờ thì bỏ ra mà đốt đi thì tự khỏi.

Phương khác:

Lưu huỳnh 1 đồng cân, *lọ nôi* 3 đồng cân, tán nhỏ hòa với nước lã trong cho uống.

XIV - BỆNH Ở MŨI

1- Chứa chứng nghẹt mũi, hoặc trong mũi có mọc thịt thừa, hoặc lở mũi có mủ tanh đều dùng bài này.

Lọ nôi, tán nhỏ, cho uống mỗi lần 1 đồng cân với nước lạnh.

2- Chứa lở trong mũi.

Dùng *Mật đà Tăng hương bạch chỉ*, đều bằng nhau tán nhỏ trộn với dầu và sáp mà bôi.

Các bài khác:

- *Huyền sâm* tán bột mà đắp vào.

- *Dại hoàng đế sống, Hạnh nhân* bỏ vào cối giã đều, hòa với mỡ heo mà bôi.

3- Chứa chứng đau mũi nổi mụn. (Ty tra).

Mật đà tăng 2 lạng, nghiền nhỏ, trộn với sữa người, cứ tối đến thì bôi mũi, sáng thì rửa đi.

Các bài khác:

- *Hùng hoàng, Lưu hoàng* mỗi vị dùng 5 đồng cân, *Khinh phán* 2 đồng cân, cà nhỏ trộn với sữa người để còn so mà bôi.

- Dùng *muối ăn*, thường sát vào mũi.

- *Lưu hoàng* nửa lạng, *Hạnh nhân* 2 đồng cân, *Khinh phán* 1 đồng cân, tán nhỏ trộn với sữa người, cứ đêm đến thì bôi.

4- Chứa trong mũi có mọc cục thịt thừa. (Ty trung tức nhục).

Chu sa, Nạo sa, (*Sal ammoniacum*) *Tế tân*, cùng tán nhỏ, điểm vào thì nó sẽ rụng.

5- Chứa đau trên mũi.

Dùng *Lưu hoàng* tán bột, trộn với nước lạnh mà bôi.

6- Mũi đỏ bầm, đó là do phong nhiệt công lên, và kinh lạc kiêm có phong nhiễm vào mà nổi mề đay.

Lưu hoàng và Bạch phàn, hai vị bằng nhau, thêm một xí *Hoàng đơn* vào tán nhỏ trộn với nước miếng mà bôi.

7- Mũi lở chảy nước thối là sâu.

Khô sâm, Khô phàn, mỗi vị một lạng, nước cốt củ *Sinh địa* ba bụm, nước 2 chén sắc sôi lên để nguội nhỏ từng giọt.

8- Mũi chảy ra nước trong gọi là viêm mũi nước. (Ty uyên).

Dùng *Lá lốt* khô tán bột mà bôi vào.

9- Thức ăn bị sặc vào mũi không ra được, lúc ăn thì đau.

Dùng 1 miếng *mỡ bò* to bằng quả táo, nhét vào lỗ mũi rồi hít vào mỡ tan thì vật ấy cũng đi theo.

10- Trẻ em cam loét mũi, dưới mũi có hai vệt đỏ, dịch thị là cam mũi.

Hoàng liên, rửa nước vo gạo cho sạch, nghiền ra bột mà bôi.

XV - BỆNH Ở MẮT

1- Chứa tất thủy các chứng đau mắt.

Lô cam thạch nửa cân, *Hoàng liên* 4 lạng, cát nhỏ bằng hạt đậu, cho vào dụng cụ nấu bằng bạc hay bằng đá, đổ vào hai chén nước, nấu hai giờ vớt bỏ *Hoàng liên* dùng *lô cam thạch*, tán bột cho bột *Long não*, 2,5 đồng cân vào, nghiền thật đều dùng thuốc tra mắt, mỗi lần tra một tý.

Phương khác:

Dùng hạt cây *Giàng xay* tán nhỏ, dùng gan heo, khứa ra dùng thuốc ấy vào mà nướng khô, tán bột cho uống với nước trà mễ làm thang.

2- Chứa đàn ông hay đàn bà vì can huyết kém, phong nhiệt bốc lên sinh ra các chứng đầu mắt mờ tối, chảy nhiều nước mắt, màng mòng và thanh manh.

Hoàng liên tán bột lấy 1 lạng, gan dê 1 cổ, giả như luyện làm hoàn, liều uống 14 viên, thang bằng nước nóng, uống một liều trình là 5 tế thì tốt.

3- Chứa mọi chứng đau mắt vì huyết lao, phong khí, sinh nhức đầu chóng mặt mờ mắt.

Bông kinh giới tán nhỏ, liều uống hai đồng cân với rượu.

4- Chứa chứng mắt mờ di đả lâu năm không trông xa được.

Hạt muồng muồng 2 cân, *gan dê* 1 cổ, lột bỏ màng, tắm nước hành hương sấy khô tán bột cho uống.

5- Chứa mọi chứng đau mắt có màng che tối.

Mật ong nửa cân, cho vào chảo ma thắng đến màu tím thâm cho vào 2 lạng bột *Hoàng đơn* đã phi, nước 1 chén, nhục quả *Kha tử* 4 quả, luyện đều bỏ lọ nút kín, đem chôn dưới đất 21 ngày thì bôi lên, dùng thuốc ấy hoặc giở hoặc dán vào mắt.

HẾT QUYỂN KHÁM

HÀNH GIẢN TRẦN NHU

Quyển bốn (52)

I- BỆNH Ở TAI

1) Chứa chứng tai điếc không nghe rõ.

Dùng xạ hương thối vào, sau đem hành nhét vào lỗ tai thì sẽ nghe được.

2) Chứa chứng tai chảy mủ.

Tóc đốt ra than, tán bột, thối vào sẽ khỏi (ý nghĩa ứt thì làm cho nó ráo).

3) Trị đỉa chui vào tai.

Lấy một chậu bùn ở ruộng để bên tai khi nạn nhân nằm, đỉa người mũi bùn thì nó bò ra.

4) Các thứ sâu bọ chui vào tai.

- Hoàng đơn, eũ, một ong và hạnh nhân đều bằng nhau, nấu thành cao lền, bông gòn bọc lại nhét vào tai, sâu bọ nghe mùi thơm liền bò ra, bắt lấy.

- Phèn xanh hòa nước giở vào.

- Bách bộ sao, nghiền nát bột, trộn với dầu dừa mà nhét vào lỗ tai.

- Ten đồng, trộn với dầu dừa nhỏ vào.

- Hùng hoàng, đốt lấy khói xông vào tai thì khỏi.

- Giời vào tai, dùng phèn xanh rắc vào nó tán ra nước.

5) Thủy ngân lọt vào tai.

Dùng mật vàng (vẩy vàng vụn) gói bên tai thì Thủy ngân tự chảy ra.

6) Vì hơi nóng chạy vào tai sinh điếc.

Lấy thanh sắt, đốt đỏ lên đem nhúng vào rượu, lấy sắt ra mà uống rượu ấy, lại dùng đá nam châm nhét vào tai, ban ngày thay đổi, ban đêm bỏ đi.

7) Chứa chứng bỗng nhiên điếc hẳn một bên.

Đá nam châm nửa đồng cân, cho vào lỗ tai bị điếc, và dùng mật sắt để vào tai bên không điếc, tự nhiên thông.

8) Chảy máu trong tai.

Dùng Bồ hoàng sao hắc, cà nhỏ rắc vào, sẽ khỏi.

9) Chứa tai điếc do thân yếu.

Đá nam châm dùng một cục bằng hạt đậu, đốt lên rồi nghiền nhỏ đem nhét vào tai, miệng ngậm 1 cục quặng sắt thấy trong tai như có gió, thông ngay.

10) Bổng nhiên điếc không nghe gì.

Lưu hoàng, Hùng hoàng đều bằng nhau tán nhỏ, sáp ong nấu chảy và trộn làm viên để nhét lỗ tai, hai lần là khỏi.

Phương khác:

Củ cỏ cú, sao, nghiền nhỏ, nấu nước hột cái củ làm thang mà uống kiêng đồ sát.

11) Bổng nhiên tai đau nhức.

Mài dao lấy nước đặc nhỏ vào là khỏi.

12) Trong tai đau nhức như có sâu bò, chảy máu ra, hoặc đau khan, khó chịu.

Dùng *Xác rắn* (Xà thoát) đốt ra nghiền nhỏ thổi vào.

13) Trong tai thường ù luôn.

Dùng sinh địa cắt ra nhét trong tai, ngày thay vài lần.

Phương khác:

Muối 5 cân, chưng nóng, gói tai lên, nguội lại thay.

14) Tai ra mủ máu lở ướt.

- *Hùng hoàng, Thu hoàng, Lưu hoàng*, đều nhau, tán nhỏ, thổi vào.

- Đá bọt (Hải phù thạch) 1 lạng, *Một dược* 1 đồng cân, xạ hương 1 phân, tán bột thổi vào.

- *Khô phàn* 1 lạng, *Duyên đơn sao* 1 lạng tán nhỏ, hàng ngày cứ thổi vào.

- *Quả táo*, bỏ hột lấy nhục bọc phèn xanh nung lên, nghiền ra trộn với dầu mè mà bôi.

- *Xà sàng tử, Hoàng liên*, mỗi vị 1 lạng khinh phấn 1 đồng cân tán bột thổi vào.

II- BỆNH RÂU TÓC LÔNG MÀY

Phụ: Thuốc trừ chí rận

1- Tóc đỏ, tóc rụng, sỏi đầu.

Ten đồng mài với dầu mè mà bôi, sẽ mọc lại.

2- Rụng lông mày.

Các phương:

- *Hùng hoàng* 1 lạng, hòa với dấm mà bôi.

- *Phèn chua* 10 lạng, đốt nghiền ra làm viên, mỗi lần dùng nước nóng uống 7 viên,

uống tới mức 49 viên thì lại giảm đi một viên hết đợt này lại làm đợt khác, khỏi bệnh mới thôi.

- Hạt cái, bán hạ, đều bằng nhau, tán nhỏ trộn với nước cốt gừng mà bôi.

3) Thuốc nhuộm tóc bạc.

Phèn xanh, Bạc hà, Ô đầu, đều bằng nhau, tán nhỏ ngâm với nước sất, hằng ngày dùng bôi lên.

4) Sau cơn ốm nặng mà rụng tóc.

Cây lở rồng, cành tầm xuân non, nấu lấy nước mà xúc.

5) Tóc vàng, tóc đỏ, tóc không mọc.

Trắc bách diệp nửa cân, *mỡ heo* 1 cân, trộn đều viên mỗi viên bằng nắm tay, mỗi lần dùng 1 viên hòa với nước cho tan mà gội đầu, chỉ dùng một lần thuốc đã đen mượt.

- *Trắc bách diệp* phơi râm, tán nhỏ, trộn với dầu mè mà bôi.

6) Thuốc xông áo trừ chỉ rận.

Tàn giao, *Bách bộ*, tán nhỏ, cho vào cái ống tre, đốt ngùn lên mà xông, chỉ rận đều tự rơi ra, hoặc nấu lấy nước để giặt áo cũng tốt.

III- TAY CHÂN SƯNG ĐAU.

1- Chữa đau nhức cánh tay.

Dương quy 3 lạng, ngâm rượu 3 ngày, hâm nóng cho uống, uống hết lại ngâm nữa, uống đến khỏi mới thôi.

2- Chữa chân tay sưng đau như chặt ra.

Lấy con trùn, ba cân, nước 5 cân, nhồi vát lấy nước cốt 2,5 cân, cho uống.

3- Chữa ngón tay cái đau nhức.

Dùng con trùn cơm, giã nát ra mà dịt.

4- Chữa ngón chân lở ướt.

Dùng bột con sò lông rắc vào.

5- Chữa đau nhức cánh tay ống chân.

Xương ống chân hỏ 2 lạng, ngâm nước muối nóng vàng, *Linh dương* giã deco bột vụn một lạng, *Thuộc dược tươi* 2 lạng, đều thái ra từng miếng ngâm rượu 7 ngày, mùa thu tằm gấp đôi, hằng ngày cho uống một chén lúc đói lòng, nếu muốn mau thì vằn hủ rượu quanh bếp vài ngày.

6) Chữa gót chân sưng đau không thể bước xuống đất.

Cút bò xào với muối cho nóng mà đắp.

7) Chứa eo lưng và chân co quắp lạnh đau khó quay trở.

Xương ống chân hớ 5-6 tấc tẩm dấm sao vàng tán nhỏ cho vào túi lọc bỏ vào hủ đồ rượu một đấu mà ngâm, vắn hủ rượu quanh bếp cho ấm 7 ngày là dùng được, hay lắm.

8) Truyền phương chữa hai chân tê thấp đau nhức như đốt.

Thương truật, Hoàng bá, Ngưu tất, Phòng kỷ, Dương quy, Tỳ giải, Thục địa, tán nhỏ luyện hồ làm viên uống với nước muối.

9) Chứa hạc tất phong, hai gối sưng đau, ống chân khô nứt, bé lại.

Nên uống *Tứ vật thang gia Sâm, Kỳ truật, Phụ tử, Ngưu tất, Đỗ trọng, Phòng phong Khương hoạt, cam thảo* sắc uống.

10) Chứa đau cánh tay do dờm thấp.

Thương truật, Bạch truật Nam tinh, Hương phụ, Hoàng cầm sao rượu Khương hoạt, Uy linh tiên, Cam thảo, Bán hạ gia 1 tí quế mỏng để dẫn Nam tinh bán hạ tới chỗ đau, ba lát gừng sắc cho uống khỏi ngay.

12) Chứa chân đau do huyết trệ.

Dùng *Thục địa, Hoài sơn, Trạch tả, Ý dĩ, Đỗ trọng, Tục đoạn, Mộc qua, Ngưu tất, Khương hoạt, Phụ tử, Can khương*, sắc cho uống.

13) Đàn ông đàn bà tê thấp, chân tay không cử động được, bài do người Hoa kiều truyền cho.

Thương truật 2 lạng, Hồi hương 1 lạng, Quế chi 1 lạng Thuốc cứu 1 lạng, nấu với rượu xoa bóp chỗ đau, từng kinh nghiệm.

IV- LIỆT DƯƠNG (Dương nuy)

1- Chứa liệt dương, âm hành không cương lên, không giao cấu được.

Ngũ vị tử 1 cân, tán nhỏ, uống với rượu, mỗi lần một muống, ngày 3 lần, kiêng thịt heo, cá, tỏi, dấm.

2- Liệt dương đổ mồ hôi ở âm bộ.

Dùng *Dương khởi thạch* nung lên, tán nhỏ, uống mỗi lần hai đ/c với nước muối và rượu.

Các phương khác:

- *Ngải tâm 1 cân*, ngắt bỏ đầu, cánh và chân, sao tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hòn đạn, liều uống một viên.

- *Gan gà trống 1 cổ, Thổ Ty tử một cân*, tán nhỏ. Trứng chim sẻ làm viên, liều uống một trăm viên (bằng hạt đậu) uống với rượu.

- *Thiên hùng, Thổ Ty tử*, tán nhỏ, luyện với trứng chim sẻ làm viên, uống với rượu vào lúc đói.

3- Thuốc bổ thận tráng dương.

Thịt dê trắng 1 cân, thái mỏng, ăn tái với tỏi và hẹ, ba ngày làm ăn một lần.

4) Khởi dương đơn. Phương kinh nghiệm làm cho dương sự cương lên.

Dâm dương hoắc sấy khô, Xuyên tiên mao 2 lạng, Hùng hoàng 1 lạng, chưng với rượu ba lần, Ba kích 2 lạng bỏ lõi, Xuyên ngưu tất, Táo nhân, Phá cố chỉ sao rượu, mỗi vị 2 lạng, Câu tỳ, Mè đen bỏ vỏ, Thỏ tử tư, sao rượu, Dương quy, Bạch phục linh, Thực địa chưng với rượu, Đổ trọng sao với muối, Hoài sơn, mỗi vị hai lạng nấu với rượu để. Trước khi nhập phòng uống 1-2 chén thì giao hợp luôn không biết mệt, rất hay.

5- Chữa liệt dương vì hư yếu, tiểu tiện đi luôn mà đái gắt, mặt tối không sáng sủa.

Lộc nhung 1 lạng cắt ra từng miếng, Bột hoài sơn 1 lạng, cho vào túi lụa đặt trong hủ rượu 7 ngày, đem ra sấy khô luyện viên, lấy rượu đã ngâm ấy hòa tan thuốc viên mà uống, mỗi lần vài chén con.

V. CÁC BỆNH Ở BỘ SINH DỤC

Nam như nữ

1- Dương vật cương mãi không xịu, tinh chảy ra luôn không dứt thỉnh thoảng như kim châm vào, tay cấu vào thì mềm ra, hoặc đau, gọi là Thận lậu.

Phá cố chỉ, hạt bẹ, mỗi vị dùng một lạng, tán nhỏ, liều dùng ba đồng cân, hai chén nước sắc còn 6 phân, ngày uống ba lần khi đói.

2- Tiền âm đỏ mờ hôi, ướt, ngứa.

Có hai phương:

- *Hoàng kỳ tẩm rượu, sao tán nhỏ, lấy tim heo luộc chín thái chấm mà ăn.*
- *Long cốt, mẫu hẹ, tán bột dùng xoa.*

3) Tiền âm lạnh đau, dần dần chạy vào bừu đái sưng to, chết ngay.

Xa tiền sử tán nhỏ, mỗi lần uống một muống canh, ngày uống hai lần.

4- Bừu đái sưng to như cái dấu.

Lông cánh gà, tìm cái nào một lỗ có hai lông thì lấy đốt ra tro cho uống, sưng bừu đái bên này thì lấy cánh gà bên kia, nếu sưng cả hai bên thì dùng cả hai lông cánh gà.

5- Bài của người ngoại quốc truyền, chữa đàn bà ngứa âm hộ.

Đào nhân nấu nát nhừ, dùng bông bọc lại đem nhét vào âm hộ nếu sưng thì sao thơm rồi tán nhỏ cho uống, ngày hai lần.

6- Dưới âm hộ mờ hôi ra ướt.

Hoạt thạch 1 lạng, Thạch cao nung nửa lạng, Khô phèn 1 lạng nghiền nhỏ mà rắc vào.

7- Đàn ông đàn bà sưng âm hộ lạnh chạy vào bụng.

- Dắt lòng bắp, trộn với lòng trắng trứng gà mà bôi.
- *Xà sàng tử* với một tí muối, tán nhỏ dùng vải xanh bọc lại xào nóng mà chườm.
- *Xà sàng*, *Ô mai* sắc lấy nước mà rửa, ngày 5-6 lần.

8- Đàn bà lở âm hộ, hoặc cửa mình cứng mà lạnh.

Lưu hoàng tán nhỏ, rắc lên thì khỏi, bị cứng lạnh thì nấu lấy mà rửa.

9- Đầu âm hộ sinh lở.

Mật ong chưng lên trộn với bột cam thảo thỉnh thoảng tô vào.

10- Dưới âm hộ sinh ướt ngứa.

Cam thảo nấu lấy nước ngày rửa 3-5 lần.

11- Đàn bà ngứa âm hộ.

Xà sàng 1 lạng, phèn chua 2 đồng cân, nấu nước thỉnh thoảng rửa.

12- Đàn ông sinh trưởng đau ở bộ phận sinh dục.

Xà sàng, tán nhỏ, hòa với lòng đỏ trứng gà mà bôi.

13- Đàn bà sưng bộ phận sinh dục.

Mâm non cây cúc, giã ra nấu lấy nước trước xông sau đem ra rửa.

14- Đàn ông sưng bộ phận sinh dục, đàn bà đau sán khí (tiểu trường khí).

Cò roi ngựa giã nát, đắp lên, lại lấy một lạng khác nấu với rượu cho uống.

15- Chứa bừa dái sưng đau.

Hành với *Nhũ hương*, giã nát mà đắp.

Phương khác:

Y phép trên gia thêm gừng nướng và xí muối vào giã ra mà đắp.

16- Chứa ngọc hành lạnh người yếu liệt.

Tàng ong đốt ra tro, tối đến dùng xoa âm khí thì nóng dậy lên.

17- Chứa âm hộ bị lở loét gần hết.

Dùng con cóc, đốt ratro, cắt thỏ, hai vị bằng nhau, tán nhỏ mà bôi lên.

18- Chứa hạ cam, đầu ngọc hành lở loét, và chứa cả cam miệng nữa.

Dùng *cổ lông gà rừng* rửa nước, để lên miếng ngói, đặt lên bếp than mà sấy cho khô lấy ra để tiết bớt hỏa độc rồi tán nhỏ, dùng *nước vo gạo* rửa chỗ lở trước rồi rắc bột này lên.

19) Đàn bà âm hộ bị sâu ăn, sinh ngứa.

Dùng *gan dê* nhét vào để nhử sâu ra, nếu âm môn lòi ra thì lấy *mỡ dê* rán lên, thỉnh thoảng bôi vào.

20) Bìu dái bị lở.

Cút tròn 3 phân, Bột đậu xanh 1 phân, trộn với nước mà bppi, khô thì bôi nữa.

21) Đau đầu ngọc hành.

Ô tặc cốt tán nhỏ rắc vào.

22) Âm jộ lở loét, sưng đau.

Ô tặc cốt đốt lên, tán nhỏ hòa rượu cho uống.

VI- ĐỒI SÁN

1- Chợt bị bệnh sán khí, dạ dưới và hòn dái đau giăng như xoắn toát mồ hôi muốn chết.

Sa sâm 1 lạng, nghiền thành bột, cho uống một muống với Rượu, khỏi ngay.

2- Chứa trứng thiên trụ, tiểu trường sán khí, bất cứ lâu hay mới bị, đau co dưới rốn, đau dóm lại, bần thần khó chịu và dái sưng đau, ngày càng to lên, và bìu dái ướt ngứa thành mụn lở.

Ngô thù du bỏ cuống 1 cân, chia làm 4 phần: tẩm rượu, tẩm nước sôi, tẩm dấm và tẩm nước tiểu, mỗi thứ tẩm một đêm đem sấy khô, lấy hai lạng. Trạch tả, tán nhỏ, dùng rượu khuấy hồ làm biên, uống lúc đói với nước muối, hoặc với rượu, mỗi ngày 50 viên.

3- Chứa chứng thiên trụ, sán khí.

Dùng cái nồi nấu vàng bạc, nghiền thành bột, uống với rượu ấm 2 đồng cân.

4- Hòn dái sưng to như cái dấu, đau không chịu được.

Hùng hoàng, Phèn chua, đều dùng 2 lạng, Cam thảo 1 thước ta, nấu. Lấy nước mà ngâm.

5- Chứa chứng tiểu trường sán khí, ngọc hành co, bìu dái sưng.

Hải phù thạch, Hương phụ đều dùng 2 đồng cân, tán nhỏ. lấy Mộc thông, Xích phục linh, Mạch môn nấu lấu nước làm thang mà uống với thuốc mỗi lần 2 đồng cân.

6- Chứa chứng nguy cấp.

Huyền hồ tẩm nước muối, Toàn yết, cắt bỏ chân cánh để dùng sống, đều bằng nhau, tán nhỏ, liều uống nửa đồng cân và uống với nước muối.

7- Chứa chứng âm nang sưng đau.

Dùng Kinh giới tuệ, sấy khô tán nhỏ, liều uống đồng 2 cân uống với rượu.

Các phương khác:

- Thố chu, nung đỏ, tời với dấm, tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân uống với nước sôi.

-Mộc hương 4 lạng; nấu với rượu, ngày uống 3 lần.

- Lòng đỏ trứng gà, quấy với nước đun sôi mà uống.

8- Chứa trẻ con sưng bộ sinh dục.

Nấu nước hành và Xuyên tiêu mà rửa, dùng Sinh địa tán nhỏ trộn với nước miếng mà đắp, nếu hòn dái nóng thì trộn với lòng trắng trứng gà mà bôi, hoặc gia thêm chút Mắm lẹ.

9- Trị sán khí, sưng 1 hòn dái.

Dùng Cam toại với Hồi hương, hai vị đều tán nhỏ, hòa với rượu cho uống mỗi liều 2 đồng cân.

10- Chứa sưng dái, đau nhói, đau như kim châm.

Dùng củ rễ quạt sống lấy giã nước cho uống, hoặc tán nhỏ luyện viên mà dùng.

11- Chứa chứng sưng đau hòn dái.

Hột cà na (trám), Hột trái vải, hai thứ bằng nhau, đốt cháy tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân thang với nước sắc Hồi hương.

12- Chứa chứng hàn sán, khi đau khi khỏi bất thường.

Ngó thù du 1 lạng, Gừng tươi nửa lạng, nấu với rượu chia uống hai lần ngày.

13- Chứa chứng thiên trụ sưng đau một hòn dái.

Gỗ vang, 2 lạng, sắc với rượu uống thường ngày.

Các phương khác:

- Lá vông nem có thêm tí muối mà đắp bớ.

- Quế, tán nhỏ trộn với nước mà bôi.

- Vôi đã lâu năm sấy kỹ, Ngũ bội tử, Sơn chi tử, đều bằng nhau, Đại hoàng 1 ít.

- Hột gấc, Dấm thanh, Hoàng bá, Phù dung, các vị bằng nhau tán nhỏ xào với dấm mà đắp.

- Dùng Quả mướp đầu mùa, để nguyên trên giàn, chờ đến dây già mới hái xuống đốt ra than, tán nhỏ, luyện với Mật ong thành cao mỗi tối đi ngủ cho uống 1 muỗng canh hòa với rượu ngon, nếu sưng dái bên này thì nằm ngủ nghiêng bên, và trái lại.

14- Nghiệm phương chứa chứng Hoàn lương sán khí (đau ở bụng dưới ngang với xương mu).

Bổ cốt chỉ sao với mè cho chín, tán nhỏ liều uống 1 đồng cân uống với rượu.

15- Chứa chung sa di.

Cỏ mán châu, hột Ích máu, sao lên, tán nhỏ trộn đều dùng uống.

16- Truyền phương chứa sán khí.

Mật chó, 5 đồng cân, Mật vịt 5 đồng cân, Mỡ cá mè 5

đồng cân, Quế tâm 5 lạng, Quế lớn 1 cân.

Đổ một hủ rượu mà nấu với các vị trên, nấu tàn ba cây nhang nhắc xuống hạ thổ một đêm dùng.

VII- SÁN THỐNG (1)

1- Chứa chứng hàn sán đau quanh rốn, chân tay giá lạnh toát mồ hôi, mạch huyền mà khẩn.

Đại phụ tử 5 củ, bỏ vỏ và rốn, *Nước thăng ma*, nấu cạn 2/3 rồi cho *mật ong* 2 đồng cân vào nấu cao lênh, người khỏe thì mỗi lần uống 7 chén con, yếu uống 5 chén.

2- Chứa chứng hàn sán, đau chằng khắp gân sườn, ngực bụng.

Đại Phụ tử 4 củ, chế làm 4 miếng, *Mật ong* 1 đồng cân, nấu đến khi nó ngấm rồi lấy ra sấy khô tán nhỏ lại cho mật đã thắng tới luyện làm viên, mỗi lần uống 20 viên, với nước muối nhạt.

3- Chứa chứng hàn sán, ỉa lỏng, đau bụng sôi bụng, lạnh toát mồ hôi.

Phụ tử chế, *Huyền hồ sao*, mỗi thứ dùng một lạng, *Mộc hương sống* dùng 5 đồng cân, tán nhỏ, liều uống 4 đồng cân, thang với nước gừng sắc 7 lát.

4- Chứa mọi chứng sán thống tiểu trường, bàng quang tỳ vị khí hoặc do phong hàn mà đau bụng co thắt toát mồ hôi chân tay giá lạnh.

Đại phụ tử (sao) 1 củ, *Sơn chi tử* 4 lạng sao tán nhỏ, hòa với *rượu*, *muối* và *nước* cho uống ấm mỗi lần ba đồng cân.

Nếu âm sán bụng dưới sưng đau, gia *Tật lệ*.

Nếu hư yếu gia *Quế chi*, lấy *nước gừng* quấy hồ luyện viên, liều uống 5-6 viên uống với rượu.

5- Chứa bụng đau sán tích.

Dùng da *Nhim* đốt ra tro hòa *rượu* uống.

6- Chứa chứng khí sán đau vùng tim do thấp nhiệt han uất phát ra.

Đại phụ tử, *Sơn chi tử*, mỗi vị dùng một đồng cân, tán nhỏ dùng *nước sông*, pha một muống *nước cốt gừng* mà uống, (vị *Sơn chi tử* giảm thấp nhiệt ộu tử phá được hàn uất, phụ tử dẫn *Sơn chi* đi mau chóng mà không lưu trệ ở dạ dày).

7- Chứa chứng phong sán, do thầy Hà la truyền.

<i>Thong truật</i>	1 đồng cân.	<i>Xuyên khung</i>	5 đồng cân
<i>Hùng hoàng</i>	1 đồng cân	<i>Thần sa</i>	5 -
<i>Tóc đốt ra than</i>	3 -	<i>Dinh hương</i>	4 -
<i>Quan quế</i>	3 -	<i>Cam thảo</i>	3 -
<i>Cát cánh</i>	3 -	<i>Xương bồ</i>	1 -
<i>Tạo giác</i>	1 lạng	<i>Phóng phong</i>	1 lạng
<i>Quý kiến sâu</i>	3 -	<i>A ngưu</i>	3 đồng cân
<i>Xương dầu hổ</i>	5 -	<i>Trầm hương</i>	3 -
<i>Xạ hương</i>	3 -		

Các vị tán nhỏ luyện dầu mè làm viên, *Hùng hoàng* làm áo, thang tổng bằng nước lá trầu không, nếu nóng quá thì thang bằng nước dấm.

VIII- KHÍ THỐNG

1- Chứa chứng khí sán đau về khí, bất cứ nam nữ, lạnh khi, phỉ khí tức bôn, phục lương, bôn đồn khí, hơi xốc vào tim đau như cắt, toát mồ hôi, khó thở, sắp chết.

Ô dược củ bé tẩm rượu 1 đêm, *Hồi hương*, *Thanh bì* cạo bỏ xơ trắng, *Củ riềng*, đều bằng nhau, cùng sao lên tán nhỏ, cho uống với rượu và nước tiểu trẻ em.

2- Chứa chứng tâm tử khí thống.

Người nào có điểm đau tại chỗ thịt mềm trước ngực, phần nhiều do khí và hàn, hoặc đau suốt đời, hoặc mẹ truyền cho con, tục gọi là tâm khí thống là không đúng, đó là do cuồng dạ dày bị trệ, chỉ có bài *Độc bộ* tán này là chữa rất hay.

Hương phụ tẩm dấm sao qua tán nhỏ. *Củ riềng* ầm rửa rượu sao 7 lần tán nhỏ.

Đau vì hàn thì dùng *Riềng ảm* 2 *Hương phụ* 1, Đau vì khí thì dùng *Hương phụ* 2 *Riềng* 1, đau do khí và hàn lẫn lộn thì dùng hai vị bằng nhau, lấy nước cơm cho vào nước gừng và 1 tí muối hòa lẫn uống 7-8 lần thì khỏi hẳn.

3- Phương thuốc làm cho khí thăng giáng (kể ảm thì khí tuyên thông).

Chế Phụ tử 1 củ to, mài với *Trầm hương*, chia uống hai lần.

4- Tất cả chứng khí thống đau chạy khắp nơi khó chịu.

Mộc hương, mài với nước nóng, hòa với rượu chère uống.

5- Thuốc điều trung khái khí, chứa tim bụng đau như châm vào.

Hương phụ sao 20 lạng, *Ô dược* 10 lạng, *Cam thảo* 2 lạng, sao tán nhỏ, thang bằng nước muối, liều uống 2 đồng cân.

6) Chứa tất cả khí lạnh, không thể chữa phong hàn và dờm chạy khắp mình đau đớn.

Hột Tía tô, *Củ riềng ảm*, *Vỏ quýt* đều bằng nhau tán nhỏ luyện mật làm viên, liều uống 10 viên uống với rượu.

7- Thuốc thuận khí lợi ruột.

Hột tía tô. Mè đều bằng nhau, giã nát lọc lấy nước, nấu với gạo thành cháo cho ăn.

8- các phương chữa đau do khí do huyết.

- *Hương phụ* sao 1 lạng, *Hột trái vải* đốt cháy 5 đồng cân. Các vị tán nhỏ, cho uống 2 đồng cân với nước cơm.

- *Ngũ linh chi*, nghiền sống ba đồng cân, rượu 1 chén, sắc lên cho uống.

9- Chứa chứng tâm tỳ khí thống, khí thực có dờm.

Mẫu lệ nung nghiền thành bột, uống với rượu mỗi lần 1 đồng cân.

10- Chứa tâm khí thống.

Bột vỏ sò sao, Hương phụ (bỏ vỏ sao, tán nhỏ uống với nước sôi.

Phương khác:

Trứng gà 1 quả, cho vào 2 ly dấm, hòa lẫn mà uống.

IX- TÂM THỐNG

1) Chứa tất cả các chứng đau tim do khí lạnh phạm vào, khi còn đau chịu không được, với các chứng đau tim, đau bụng đá lâu, lúc phát bệnh dùng đến thì khỏi dứt.

Bồ hóc 2 lạng, tẩm dấm nướng, Mộc hương 1 lạng nướng, các vị tán nhỏ thanh với nước muối nhạt liều uống 2-5 đồng cân.

2) Chứa chứng hàn quyết tâm thống, tiểu trường bàng quang khí thống, đau không chịu được.

Phụ tử chế, Uất kim, Quất hồng mỗi vị 1 lạng tán nhỏ, dấm bột khuấy hồ luyện hoàn Chu sa làm óa, liều uống 1 viên, đàn ông uống với rượu, đàn bà uống với dấm.

3) Chứng nhiệt quyết tâm thống lúc đau lúc không, lâu năm không khỏi, mình nóng chân lạnh.

Huyền hồ bỏ vỏ, Kim linh tử (tức quả sấu đầu vút bỏ hạt) bằng nhau tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân, uống với rượu ấm hàu nước sôi, mỗi lần 2 đồng cân.

Phương khác:

Khố luyện tử, Huyền hồ mỗi vị đều dùng 1 lạng tán nhỏ uống 3 đồng cân, uống với rượu ấm.

4) Đau tim vì lạnh hay vì nóng.

Đất lòng bép, tán bột, liều uống 1 muống canh, uống với rượu ấm.

5) Các phương chứa tâm khí bỗng nhiên đau.

- Mộc ở đáy nồi 2 đồng cân, hòa với nước tiểu mà uống.

- Đào nhân 7 hạt bóc bỏ vỏ, nghiền nát bột hòa với nước uống.

- Can khương, tán nhỏ liều uống 1 đồng cân, uống với nước cơm.

- Cành đào hương đông 1 nắm, nấu với rượu cho uống.

6) Các phương chứa tâm khí thống, bỗng đau dữ dội.

- Ngũ linh chi sao 1,5 đồng cân, Gừng đốt 3 phân tán nhỏ, uống với rượu hâm nóng.

- Bột Đinh hương, sáp vàng hơ trên ngọn đèn cho chảy ra, hòa lẫn vào bột Đinh hương, lọ nghe lán ngoài, làm viên, liều uống 3 viên, uống với nước giếng.

7) Các phương chữa lạnh bụng khi đau đi giữa đường.

- *Vỏ quít* cạo bỏ xơ trắng, sắc uống.

- Vùng chôn thủy đậu nhồi như đấm, dùng *Dương quy* tán nhỏ, liều uống 1 muỗng uống với rượu.

8) Tâm khí thống.

Đậu xanh 20 hạt, *Tiêu ấn* 40 hạt, cùng nghiền nát, hòa nước sôi cho yống khỏi ngay.

9) Đau tim lâu ngày không chịu được.

Tỏi, dùng nấu mà ăn, dùng ăn *muối* hay *lắm*, lâu không tái phát.

10) Ngực bụng đau vì khí lạnh khí nóng không điều hòa.

Sơn chi tử, *Phụ tử* đều bằng nhau, nghiền sống lấy *rượu* khuấy hồ luyện làm viên liều uống 50 viên, uống với nước gừng.

Tiểu trường khí thống thì thêm *Hồi hương* sao, liều uống 20 viên uống với nước hành và *rượu*.

11) Tỳ vị lạnh đau.

Lá Ngải trắng tán bột hòa nước sôi cho uống.

12) Tâm khí thống, tiểu trường khí thống.

Hạt trái vải 1 hạt, đốt cháy nghiền nát hòa *rượu* uống.

13) Chữa đau bụng đau tim trường lên, đoan hơi sắp chết.

Quế 2 lạng, sắc lấy nước mà uống.

X- PHÚC THỐNG.

1- Chữa nam phụ lão ấu đau bụng đau dạ, tiểu trường sản thống, các thuốc đều không hiệu quả, nhất là đàn bà có thai đau vùng tim và đàn bà đẻ đau ngực hay đau dạ dưới, và các chứng đau do khí huyết, phương thuốc này rất hay.

Ngũ linh chi và *Bồ hoàng*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ dùng *rượu* và *dấm* hòa với thuốc này, đun canh cho đặc rồi sắc nước mà uống. Nếu chưa khỏi lại uống lần nữa, hay dùng *dấm* khuấy hồ luyện viên cho uống với nước *tiểu* trẻ con và *rượu*.

2- Chữa đàn bà đau bụng dưới, vừa mới thấy kinh, lưng đau như cát đau vắt tới xương sống như dùi đâm.

Rau má họ (Tích tuyết thảo) khi nở hoa về tháng năm, hái về phơi khô nghiền nát, trộn với *dấm* cho uống mỗi lần hai muỗng canh, cứ mỗi sáng mai cho uống một lần, nếu người vốn tạng hàn thì thêm hai trăm hạt *Đào nhân* (bỏ vỏ và đầu nhọn) cũng tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, cứ mỗi lần uống 30 hoàn, ngày uống hai lần, và uống với *rượu* không

nên mài ra.

3- Chứa chứng bỗng đau bụng dữ dội.

Sơn đậu căn, nghiền nát với nửa chén nước cho uống, khỏi mồm là yên ngay.

4- Chứa dần ông dần bà tâm khí thống, đau dạ dưới, huyết khí thống hết thầy các chứng đau.

Hương phụ hai lạng, *Ngải cứu* nửa lạng, chế *dấm* vào nấu chung đến chín thì bỏ ngải cứu dùng *Hương phụ* đem sao tán nhỏ, dùng *dấm* khuấy bột làm hồ luyện viên bằng hạt đậu, liều uống 50 viên uống với nước sôi.

5- Chứa đau bụng vì hư yếu.

Bạch thuộc 3 đồng cân, *Chính thảo* 1 đồng cân mùa hè gia *Hoàng cầm* 5 phân mùa đông gia *Quế* 1 đồng cân sọ, lạnh gia *Nhục quế* 1 đồng cân sắc cho uống.

6- Đau dạ dưới vì nhiệt mặt xanh đen hoặc đỏ, không thở được.

Khổ sâm 1 lạng, *dấm* 1 cân, sắc còn nửa chén chia uống hai lần.

7- Chứa chứng giữa rốn đau như vận.

Hạt cải bẹ tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, liều uống 7 viên với nước giếng, ngày uống ba lần ở giờ Dần, Thân và Thìn.

8- Thuốc khai vị chứa người hay lạnh bụng vì rốn tạng hàn.

Hương phụ sao, tán nhỏ, nấu gừng và muối hòa ra cho uống mỗi lần hai đồng cân.

9- Chứa lòng bụng lạnh đau.

Củ thiên liên, *Dinh hương*, *Đường quy*, *Cam thảo*. Các vị đều nhau tán nhỏ, *dấm* khuấy bột làm hồ luyện viên, liều uống 20 viên uống với rượu.

10- Chứa chứng giảo trường xa (đau như vận ruột ra).

Nước tiểu trẻ em, cho uống lúc còn nóng là khỏi ngay, hoặc gia thêm nước cốt *Mã lan*, (*Aster trinervus* Roxb, var, *asustus* Maxsim).

11- Vạn bảo đơn chứa đau bụng kinh niên do tích.

TỪ ĐÂY TRỞ XUỐNG LÀ PHƯƠNG KINH NGHIỆM !

Hắc phàn 1 lạng, *Nhũ hương* 5 đồng cân, *Dinh hương* 50, *Dại hồi* 1 lạng, *Bạch phàn* 1 lạng, *Ngó thù du* 5 đồng cân, *Hương phụ* 1 lạng, *Đương quy* 1 lạng, *Tiểu hồi* 1 lạng, *Mộc hương* 1 đồng cân, *Nhục quế* 1 đồng cân, *Uất kim* 2 lạng, *Thảo quả* 3 đồng cân.

Đều tán nhỏ trộn lẫn làm một, riêng *Phèn đen* và *Phèn chua* bỏ chung làm một, dùng cái nồi đất lót *muối* dưới đáy, bỏ thuốc vào đây, trét bùn kín miệng, cho vào lửa đốt cả ngày, rồi cục chỉ lấy thuốc và phèn, vứt bỏ *muối*, luyện viên to bằng ngón tay, liều uống 3 viên thang với nước chanh.

12- Chữa đau bụng kinh niên, nam nữ thông dụng.

Trầm hương, Mộc hương đều 1 đồng cân, *Bình lang* (kỵ lửa) 5 phân, *Ốc cừu khổng* nung chín 4 phân, (lấy gỗ duối đốt thành tre tán bột làm áo).

Thương truật sao hắc 5 phân, đều tán thành bột, dùng *Nhũ hương* và *Một dược* mỗi thứ 2 đồng cân, nấu ra nước làm chất dính để luyện viên bằng hạt đậu xanh, liều uống 12 viên, uống với nước sôi hoặc nước nấu lá *Hoắc hương* cũng tốt, uống kèm chung với *Bổ trung gia hậu* phác là khỏi ngay.

13) Truyền phương chữa chứng bồn đôn, đau từ dạ dưới đau xốc lên dạ dày.

Thiếc trắng 5 đồng cân, *Lưu hoàng* 5 đồng cân. Trước hãy nấu thiếc cho tan đem trộn với *lưu hoàng*, còn các vị *Trầm hương, Quan quế, Ngô thù* (tầm muối sao). *Tiểu hồi* (sao), *Phá cố chỉ* (tầm muối sao), *Ngưu tất, Nhũ hương* mỗi vị 5 đồng cân, *Dinh hương*, 20 nụ đều tán bột, luyện hồ làm viên, liều uống 20 viên, thang với nước gừng.

14- Phương khác chữa các chứng như nói trên mà đi mạch tế, vô lực bởi tiên thiên bất túc, chân âm sắp mất.

Sâm 3 đồng cân, *Thục* 5 đồng cân, *Truật* 3 đồng cân, *Phụ* 1 đồng cân, *Mạch môn* 2 đồng cân, *Ngưu tất* 2 đồng cân, *Quan quế* 1 đồng cân, *Trích thảo* 1 đồng cân, *Ngũ vị tử* 15 hột. Các vị sắc cho uống ấm.

15- Chữa các chứng đau bụng, hoắc loạn.

Xuyên luyện, Trầm hương, Nhân hạt bồ kết, Phèn chua, Cam thảo, các vị tán nhỏ, luyện hồ làm viên, uống với rượu hâm nóng.

- *Qủa bầu khô*, đốt thành than, cà nhỏ, hòa với nước trong cho uống khỏi ngay.

XI- HOẮC LOẠN (Dịch tả).

1- Chữa chứng can hoắc loạn, không thổ, không tả, bụng trướng đau muốn chết.

Nước mới xáo, lấy uống 3-5 chén, kiêng không ăn cơm cháo.

2- Hoắc loạn nôn mửa không ăn cơm, không uống thuốc được rất nguy cấp.

Lấy nước âm dương thủy cho uống vài hớp, khỏi ngay.

3- Hoắc loạn buồn phiền khát nước.

Nhân sâm 5 đồng cân, *Quế tâm* nửa đồng cân, sắc cho uống.

Phương khác:

Dùng vách đất tường hướng đông (Đông bích thổ) nấu với nước cho uống.

4- Chữa can hoắc loạn.

Vòi lâu năm, hòa với nước đường cát cho uống 2 đồng cân, hoặc lấy dấm nhặt làm thang cũng tốt.

5- Chứa hoặc loạn thổ tả.

Phèn phi, dùng một đồng cân hòa với nước đã đun sôi cho uống.

Phương khác:

Nhục đậu khấu, tán bột, nước gừng làm thang cho uống 1 đồng cân.

Hoặc dùng *Nhân sâm* 2 lạng, sắc lấy một chén nước, đập cho vào 1 trứng gà lấy lòng trắng, sắc với *Sâm* rồi mài *Dinh hương* cho uống.

Hoặc loạn thổ tả sắp nguy, dùng *Hoắc hương* lá và *Trần bì* mỗi thứ một lạng sắc cho uống, nếu phiền khát gia *Cát căn*, *Cam thảo*, lại lấy *Hạt cải* nghiền ra hòa với nước mà đắp rốn.

6) Hoắc loạn đầy trướng chưa thổ chưa hạ được.

Các phương:

- *Lá tía tô* sống giã vắt lấy nước cho uống, hoặc lá khô sắc cho uống cũng được.
- *Dinh hương*, *Sinh khương*, *Bình lang* sắc với nước tiểu trẻ con cho uống.
- *Ba đậu* 1 hệt, bóc bỏ vỏ và lõi, nghiền với nước nóng cho uống, mùa hoặc ỉa được thì thôi không cho dùng nữa.

7) Hoắc loạn mùa ỉa không ngừng.

Lá thuốc cứu lấy một nắm sắc cho uống.

8) Hoắc loạn buồn phiền trướng bụng.

Bán hạ chế, *Quế* đều bằng nhau tán nhỏ *Lá Lấu*, *xương Bò* sắc lấy nước làm thang mà uống.

9) Hoắc loạn chuyển gân (vọp bẻ) trướng bụng không ỉa mùa được.

Chi tử 20 quả, *Tóc rơi* 1 nắm đều đốt ra tro nấu nước muối, rượu làm thành hòa uống để mùa.

10) Hoắc loạn chuyển gân,

Bồ kết tán nhỏ, xúc 1 tý thổi vào lỗ mũi cho chảy mũi thì yên.

11) Hoắc loạn sắp chết, uống thuốc này có thể cứu sống.

Long cốt và *Ô tễ giác*, mài nước cho uống khỏi ngay.

12) Chứa 28 chứng hoắc loạn.

Cỏ gà 1 nắm, *gạo* nửa vốc, *muối* 1 tí, cùng giã lẫn, hòa vào nước lọc bỏ bã cho uống hoặc mùa hoặc không mùa sẽ khỏi, nếu có chuyển gân thì thêm ít lá *Tía tô*.

13) Chứa các chứng hoắc loạn, đau bụng thổ tả.

Lá Lấu, lá *Bu cu vè*, lá *Sung*, cùng nghiền chung thành bột làm viên, hoắc sắc cho uống cũng được. Nếu vì phạm phòng thì thay bằng nước trà hoặc nước *Lá Lấu* đều bằng nhau

14) Hoắc loạn nguy cấp.

Trần bì, Hoắc hương, đều bằng nhau, gừng 7 lát, sắc sôi vài đạo mại Mộc hương, Trâm hương, và hột gió cho uống nóng.

XII- CHUYỂN GÂN (Chuột rút - Vọp bẻ)

1) Chữa chứng hoắc loạn chuyển gân vào bụng người bệnh, cánh tay và ống chân ngay chừ, mạch trên dưới đều vi huyền.

Chất trắng trong cút gà trống, tán nhỏ, sắc cho uống. Bên ngoài dùng muối sao cho vào hai túi để chườm ngực và bụng 1 túi, còn 1 túi thì chườm phía sau lưng, nếu khi đã tuyết mà người còn nóng thì lấy muối đắp rốn cứu 7 mồi.

2) Chứng chữa vọp bẻ bắp chuối.

Rết đốt ra than cà nhỏ, trộn mỡ heo mà xức.

3) Chữa hoắc loạn chuyển gân, chân tay giá lạnh, và các chứng đau bụng ỉa chảy.

Dùng 6-7 quả chanh, nếu không có quả thì dùng 7 lá quay về hướng đông, tuốt vỏ cuống, dùng xông sắc uống.

XIII- HIẾP THỐNG (Đen sườn).

1) Trong lòng buồn phiền, sườn đau ran lên ngực, muốn chết.

Hương nhu 1 cân, giã vắt nước cốt cho uống.

2) Dưới sườn đau lói như đâm.

Tiểu hồi 1 lạng sao, Chỉ xác 5 đồng cân, sao với cám, tán chung cho nhỏ nhỏ, liều uống 2 đồng cân, uống với rượu và chút nước muối.

3) Chữa hiệp thống thần hiệu.

Dùng bài Can thận kiêm tư thang, phương này bình can dương thận.

Thục địa 1 lạng, Dương quy 1 lạng, Bạch thược 2 lạng, Bạch giới 3 đồng cân, Cam thảo 3 đồng cân, Chi tử 1 đồng cân sắc uống.

XIV- ĐAU LƯNG

1) Thận khí hư yếu, phong hàn lẩn vào, hoặc khí huyết khích bác nhau, lưng đau như gáy cúi ngửa khó khăn, hoặc làm việc khó nhọc tổn thận, hoặc tê thấp tổn thương, hoặc té ngã tổn thương hoặc phong hàn lẩn vào, hoặc khí trệ không tan, đều làm cho đau lưng cả, hoặc ngang lưng như có đeo vác nặng.

Phá cố chỉ tẩm rượu sao 1 đ/c, Đỗ trọng, cạo bỏ vỏ tẩm nước gừng sao 1 đ/c, Hở

đào nhục bỏ vỏ, 10 quả. Đều tán nhỏ dùng 1 lạng *Tôi* giã nát bét luyện viên, mỗi lần uống 20 viên với *ruợu* lúc đói, dần bà thì uống với *dấm nhạt*, sẽ **manh** khỏe xương, lưu thông mạch máu.

2) Thận đau, lưng đau như bị đâm không cựa được.

Mạt sừng hươu 3 lạng sao càng nghiền ra bột, liều uống 1 muống uống với *ruợu* lúc đói, ngày 3 lần.

3) Các phương chữa đau lưng do thận hư.

- *Phá cổ chỉ* sao 1 lạng, tán nhỏ, *Mộc hương* 1 đ/c tán nhỏ hòa *ruợu* cho uống.
- *Hạt Tiêu hồi* sao, với *cút dẻ*, phơi râm tán nhỏ, cho uống với *ruợu*.
- *Tỳ Xương dẻ*, đập cho vỡ, *Nhục dung* 1 lạng, *Thảo quả* vài quả, cho tương hành vào nấu canh mà ăn.

4) Đau lưng vì lạnh.

Huyền bồ, *Đương quy*, *Quế tán*, đều bằng nhau, tán nhỏ, liều dùng 3-4 đ/c uống với *ruợu* ấm.

5) Đau lưng vì hư hàn.

Lộc nhung khử lông, tẩm *dấm* nướng hơi vàng, *Chế phụ tử*, mỗi vị dùng hai lạng, *Muối rang* ba phân.

Các vị tán nhỏ, dùng *Táo tàu* bỏ hạt quét như trộn làm viên, liều uống 30 viên uống với *ruợu*.

6) Chữa các chứng đau chân.

- *Uy linh tiên*, tán nhỏ, liều uống 1 đ/c, uống với *ruợu* lúc đói hễ hơi lợi tiểu được thì thôi.

7) Lưng đau như dùi đâm.

- *Hột quýt*, *Đỗ trọng*, mỗi vị dùng hai lạng sao, tán nhỏ, cho uống với *ruợu* và *muối*.
- *Hột tiêu hồi*, sao tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, uống với *ruợu* và nước *muối*, ngoài dùng một cân *gạo nếp* sao nóng bọc vào túi đem chườm chỗ đau.

8) Các phương chữa chứng thỉnh thoảng đau lưng.

- *Đậu đen* 2 đ/c, *ruợu* 1 cân nấu cho uống.
- *Mai cua đinh*, nướng giòn nghiền nát cho uống với *ruợu*, mỗi lần một muống, ngoài dùng *đậu xanh* tán nhỏ sao nóng cho vào túi mà chườm chỗ đau.

9) Đàn bà đau lưng.

Sừng hươu sao vàng nghiền nát thành bột, liều uống một muống uống với *ruợu*, này uống năm lần.

10) Lưng và xương sống sưng đau.

Dùng *hột cải*, tán nhỏ trộn với *ruợu* mà đắp.

11) Nghiệm phương chữa đau lưng không được.

Lá thuốc cứu một nắm, giã nát, trộn với nước tiểu trẻ em, lá chuối bọc lại, để lên trên huyết *Thận du* rồi lấy một nắm cơm nóng đặt lên trên, hễ cơm nguội thì thay nắm khác.

12) Rượu thuốc gia truyền chữa đau lưng tê thấp thần hiệu.

Cây quỳ xạ trắng và đỏ hai thứ, *Ngũ gia bì*, *Đậu đen*, sao với nước gừng, rễ cỏ xước, *Bưởi bung*, rễ cây *Rung cúc*, *Cẩm vân đại hoàng*, rễ *Hương đẳng*, *Gỏi dẫu*, nấu với rượu trong uống ngoài thoa, nếu bệnh đã lâu năm thì uống hai tuần có thể khỏi.

13) Chữa ngực và lưng có điểm đau.

Trần bì Bán hạ, *Phục linh*, *Ô dược*, *Chỉ xác*, *Cương tâm*, *Xuyên khung*, *Bạch chỉ*, *Ma hoàng*, *Cát cánh*, *Can khuông*, *Tía tô*, *Hương phụ*, *Thương truật*, *Khuông hoạt*, *Cam thảo* sắc cho uống.

XV- ĐỜM ẨM

1) Nghiệm phương chữa đàn ông đàn bà có đờm mà không ho, khắp mình đau nhức.

Dưới đây là những phương gia truyền:

Đờm phân 5 đ/c nước 1 chén nhỏ, *rượu trắng* 1 chén nhỏ, cùng đổ vào cái chén to, đặt kín đun cách thủy giờ lâu lấy ra cho uống lúc sắp đi ngủ, không nên cử động mà cố ngủ, trong một khắc thì đờm dãi ra mà khỏi đau.

2) Chữa ho đờm chỉ có thể nằm nghiêng bên phải mà không thể nằm nghiêng bên trái, vì hệ nằm xuống thì khí đưa ngược lên bất tuyến thở dốc.

Dùng bài *Nhị trần gia Thanh bì Hương phụ*, *Bạch giới*, *Quy. Thược*, *hột tía tô*, và *hạt cải củ*.

3) Đờm suyễn như kéo cưa.

Dùng *Hoàng đơn*, *Khô phàn* đều một đồng cân thang với nước sắc *Bạc hà*.

4) Chữa ho đờm chỉ nằm nghiêng bên trái mà không nằm nghiêng bên phải được, hễ nằm nghiêng bên phải thì hơi đưa ngược lên mà suyễn thở dốc.

Dùng *Nhị trần* thang gia *Bạch giới*, *La bặc*, *Tô tử*, khí hư gia *Nhân sâm*.

5) Chữa chứng đờm lạnh, lưng bụng đau nhức.

Vỏ cây *Bồ hòn*, róc bỏ chỗ sần sùi ngoài gia rồi thái nhỏ sao qua, *Phèn chí* tán nhỏ, luyện hồ làm viên, liều uống 30 viên uống với nước sắc *Ngũ gia bì*.

6) Chữa chứng đờm lạnh ở trong ngực.

Dùng *Nhị trần* thang gia *Nam tinh*, *Bạch giới*, *Can khuông*, *Phụ tử*, *Dinh hương*,

, *Hồi hương, Quan quế, Sa nhân, Bạch truật.*

7) Chứa do ho phong hàn mà không do phong, và các chứng mới cảm dờm trệ, hơi dờn ngược lên, lên cơn suyễn thở dốc.

Cho ngâm *Bạch giới hoàn*, người lớn trẻ em thể chất khỏe mạnh thì cứ dùng, người già khí hư thì không nên dùng.

8) Truy dờm thần tiên hoàn phương kinh nghiệm, các phương dưới không phương nào hay hơn.

Bồ kết 2,5 lạng, sao bỏ vỏ ngoài, bỏ đầu nướng vàng, bỏ hạt còn 1,6 lạng, *Phèn chua* 2 lạng để sống, *Hắc sủu* 1 lạng, tán nhỏ, luyện hồ làm viên, cho uống với rượu.

9) Thở dờm hoàn.

Dờm phàn 1 đồng cân, *Chu sa* 5 phân, *Ô mai* 3 quả, tán nhỏ luyện hồ làm viên để uống.

Phương khác: cây *Xương rồng* cạo lấy vỏ trắng một chén con, *mật mía nước lã*, chừng một chén nhỏ, nấu sôi vài dạo cho uống lúc dờ một chốc mưa ra hết dờm thì cho ăn cháo đậu xanh để bồi bổ, nặng thì uống hai lần là khỏi, mỗi lần uống là nửa chén con.

10) Dờm ẩm hóa hàn, chứa nam phụ lão ấu đều công hiệu.

Hắc sủu 4 lạng, nửa sao nửa để sống, *Bồ kết* 2 lạng, bỏ nhân sao, *Qua lâu vàng* 1 lạng, ép bỏ dầu, *Bồi mẫu* 5 đồng cân.

Tất cả tán nhỏ, luyện viên bằng hạt đậu, liều uống 30 viên với nước *gừng*, nếu dờm dài ho hen, suyễn thở gấp thì lấy *Hạt sắc* nấu nước làm thang.

11) Dờm khí kết ở ngực, không cứ âm dương hư thực, uống bài này rất hay.

Ngân chu nửa lạng, *Phèn chua* 1 lạng. Nghiền chung đựng vào lọ sành, để lên lửa than cho chảy ra cạo lấy, liều uống một đồng cân, dùng nước trà ngon pha vào tí nước *gừng* cho uống với thuốc, trên ngực thấy có tiếng sè sè là dờm kết tan đi, không hại chỉ đến nguyên khí vì phèn hóa được dờm mà *Ngân chu* thì tan được chất dính.

12) Chứa chứng dờm kết trong ngực không tan.

Mật đà lãg 1 lạng *dấm* và nước mỗi thứ một chén, nấu chảy ra rồi cạn khô, đem tán nhỏ, liều uống hai đồng cân, nấu *rượu* và nước nóng lên làm thang, một chốc sẽ nhỏ dờm ra.

13) Chứa chứng dờm đọng ở dạ dày, khó thở không thông, sắp chết.

Thu hoàng 1 lạng, *Hùng hoàng* 1 đồng cân *rươi*, tán nhỏ nấu sáp ong tan ra trộn lên viên, cứ nửa đêm dùng một viên bỏ vào cháo nếp nóng cho ăn.

14) Chứa chứng dờm tích trong ngực, nhức đầu không muốn ăn.

Phèn chua một lạng, *nước* 2 thăng, sắc còn một thăng, chế mật ong vào một chén con mà uống, chốc lại mưa thốc ra. Nếu chưa mưa ra thì lại uống, dùng nước nóng để dẫn thuốc.

15) Khai vị hóa đờm hoàn.

Chữa người lớn không muốn ăn uống người lớn trẻ con đều dùng được cả.

Nhân sâm sấy giòn 1 lạng, *Bán hạ* tẩm nước gừng sấy khô tán nhỏ, luyện hồ làm viên, liều uống 30-50 viên sau bữa ăn, thang bằng nước gừng, ngày uống ba lần.

16) Để hóa đờm giáng khí, cắt cơn ho, giải uất, tiêu thức ăn, khỏi chứng gầy.

Bối mẫu bỏ lõi chế với gừng 1 lạng, *Hậu phác* nửa lạng, tán nhỏ luyện mật làm viên, liều uống 50 viên với nước sôi.

17) Chứa chứng đờm đọng, nước tích, phong khí công lên, trong ngực vướng tức.

Hương phu, tẩm *Bồ kết*, *Bán hạ chế*, mỗi vị dùng một lạng, *Phèn chua* nửa lạng. Tất cả tán nhỏ, nước gừng quấy hồ, luyện viên, liều uống 30-40 viên uống với gừng.

18) Thuốc tiên đờm chứa phòng nhiệt làm mát bên trên, thông lợi cổ họng và ngực.

Bạc hà phơi khô tán nhỏ, luyện mật làm viên, hoặc trộn với đường cát trắng đã thắng làm viên, ngâm.

19) Chứa chứng đờm đọng, uống nước lạnh thì nôn ói.

Quýt bì, *Bán hạ chế* đều dùng một lạng, và tán nhỏ, *Gừng* 7 lát nấu nước làm thang mà uống lúc ấm.

20) Chứa người già ho đờm khí suyễn.

Hạt cải, *Hạt tía tô*, *Trần bì*, *Nam tinh*, *Hoàng cầm*, *Chỉ thực*, *Xích*, *Phục linh*, *Cam thảo*, *Gừng sống*, 3 lát sắc cho uống.

21) Chứa chứng đồ mũi do đờm, phong hỏa gây nên, dáng như Xích lại phong.

Nam tinh, *Bán hạ*, *Xích phục linh*, *Quất hồng*, *Cam khương*, đều dùng sống và bằng nhau tán nhỏ luyện hồ... làm viên liều uống 50 viên với nước gừng nhạt.

22) Chứa chứng đờm kết ở ngực, khạc không ra, nuốt chẳng vào.

Dau không trở mình được, đầy tức sinh nóng lạnh thờ gập, và các chứng thực tích ho đờm.

Qua lâu, *Chỉ thực*, *Cát cánh*, *Phục linh*, *Bối mẫu*, *Hoàng cầm*, *Trần bì*, *Sơn chi* mỗi vị dùng một đồng cân.

Dương quy, *Sa nhân*, *Mộc hương* mỗi vị 5 đồng cân, *Cam thảo* 2 đồng cân, *Gừng* 3 lát cho vào tí *Trúc tích* hoàn uống.

Nếu đờm mê tâm khiếu, không nói được thì bỏ *Mộc hương* gia *Xương bồ*, *Khí suyễn* gia *Tang bì*, *Tô tử*, ngoài dùng gừng sống, chứng nóng đem xoa chỗ đau.

XVI- ĐÌNH ẨM

(5 chứng ẩm Tỉu tích)

1) Chữa 5 chứng ẩm.

Nước đọng ở vùng thượng vị gọi là Đình ẩm, đọng ở hai bên sườn gọi là Tích ẩm, nước đọng trong ngực gọi là Dầm ẩm, đọng ở trong khoảng 5 tạng gọi là Dật ẩm, đọng ở khoang ruột gọi là Lưu ẩm, đều do lạnh dạ dày ăn uống đồ sống lạnh hoặc uống quá nhiều nước trà mà ra.

Bạch truật 1 lạng, Bào khương, Quế tâm, mỗi vị nửa lạng tán nhỏ, luyện mật viên, uống 20-30 viên nước ấm.

2) Vùng thượng vị có nước đình tích lại

Bạch truật 3 lạng, Trạch tả 5 lạng, sắc xong chia làm 3 lần uống.

XVII- HO

(Khái cấu)

1) Chứa chứng dầm nhiệt ho thở, dầm sôi lên như nước sôi trào.

Thạch cao nung, Hàn thùỵ thạch đều 5 đồng cân, tán nhỏ, liêu uống 3 đồng cân, nấu nước Nhân sâm làm thang uống.

2) Ho xốc hơi đưa ngược lên, nhổ ra nước bọt đục, không nằm được.

Bồ kết nướng bỏ vỏ và hạt, nghiền nhỏ luyện viên với mật ong liêu uống một viên, sắc đại táo lấy nước làm thang, ngày 3 tới 1 viên.

3) Ho có dầm mới bị hay đá lâu, bí tắc dưới chén dừng thức uống đọng ở tạng phủ .

Tri mẫu, Bối mẫu đều một lạng, Ba đậu 30 hạt (gói vào vải đập bỏ bớt dầu) nghiền đều, liêu uống 1 đ/c, nấu ba lát gừng lấy nước mà chiêu đi cầu được thì ho sẽ ngừng, người khỏe dùng được, người già bỏ Ba đậu

4) Chứa chứng ho lâu ngày, hơi đưa lên, lâu năm không khỏi.

Bát con dơi, chặt bỏ cánh và chân, tắm rượu đốt cháy nghiền thành bột liêu uống ngày 1 đ/c, uống sau bữa ăn với nước cơm.

5) Chứa chứng ho lâu ngày khô phổi, chảy nước mũi nước dãi, thường hay nóng lạnh, má đỏ thờ mệt.

Nước tiểu trẻ em, bỏ đoạn đầu và cuối hứng lấy 5 chén, bột Casm thảo 1 đ/c uống lúc sáng sớm mỗi ngày một lần, hoặc Cam thảo thái miếng, tắm nước tiểu đem phơi sương 1 đêm rồi bỏ Cam thảo, uống với nước tiểu càng hay.

Chú ý: Khi muốn lấy nước tiểu của trẻ em nào, phải bảo nó kiêng ăn 5 vị cay, (Năm vị cay là: Tỏi, hành, hẹ, kiệu, rau răm).

6) Trẻ ho tắt tiếng.

Tử uyển, Hạnh nhân bỏ vỏ và đầu nhọn sao, đều bằng nhau, tán nhỏ luyện mật làm viên, liều uống một viên, thang bằng nước sắc *Ngũ vị tử*.

7) Chứa chứng cốt chưng, ho và sốt cơn. (cốt chưng là chứng nóng âm ỉ trong xương).

Cua đinh 1 con, *Tử uyển, Tiên hồ, Tri mẫu, Hạnh nhân* mỗi vị dùng 5 đồng cân, nấu chung đến chín, bỏ mai và xương, ăn cả thịt uống hết nước, còn thuốc đem sấy khô tán nhỏ, dùng mai *cú đinh* nước lấy nước mà viên, liều uống 30 viên, thang với nước sắc *Hoàng kỳ*, uống hết thì dùng *Sâm kỳ* mà điều bổ.

8) Chứa ho nóng phổi.

Dùng *Sa sâm* với *Tử uyển* mỗi thứ nửa lạng, sắc cho uống nóng.

9) Chứa ho sưng phổi.

Ngũ linh chi 2 lạng, *Hồ đào nhục* 8 hột, *Bá tử nhân* nửa lạng, nghiền đều với nước làm viên, liều uống 20 viên, thang với nước sắc *Cam thảo*.

10) Bổng phát cơn ho dữ.

Đất thó trắng (kao lạnh), *Phèn chua* đều dùng một lạng, tán nhỏ, nước *Gừng* khuấy hồ làm viên, liều uống 20 viên, uống với nước gừng.

11) Dờm ẩm sinh ho.

Đinh lịch 1 lạng sao đen, *Trí mẫu, Bối mẫu* mỗi vị 1 lạng tán nhỏ, *Đại táo* nửa lạng, *Đường cát* 1,5 lạng, trộn đều làm viên bằng hòn đạn, mỗi lần lấy bông mới bọc vào mà ngâm 1 viên, nặng lắm thì 2-3 viên.

12) Chứa ho xốc ngực đầy.

Quả hồng để cả tai, *Đinh hương* mỗi vị 2 đồng cân, *gừng tươi* 5 lát sắc cho uống, hoặc làm thành bột cho uống với nước sôi.

Các phương khác:

- Bài trên gia *Bán hạ* và *Sinh khương*
- Bài khác gia *Thanh bì, Trần bì*.
- Gia *Riềng ẩm, Cam thảo*.
- Gia *Nhã sâm* chứa chứng ho xốc ngực do hư.

13) Ho suyễn có dờm.

Vỏ hến lâu năm, đốt tồn tính tán nhỏ, trộn nước cơm mà uống mỗi lần 1 đồng cân, ngày uống 3 lần.

Phương khác:

Dùng *Thiên tiên tử* 1 lạng (hột cà diêng), *Hùng hoàng* 2 đ/c, *Băng phiến, Long não, Cam thảo* mỗi vị 2 đ/c, luyện với nước chanh mà viên dùng để ngâm.

14) Ho xốc hơi đưa lên.

Sa nhân sao tán nhỏ, Gừng tươi đều nhau giã nát, ăn cơm xong dùng rượu nấu uống. Lại lấy Hột tía tô nghiền ra lược kỹ lấy nước nấu cháo với gạo nếp mà ăn.

15) Nghiệm phương gọi Chỉ thẩu hóa dờm hoàn.

Hồe hoa, Ngũ bội, Khoản đông hoa, Bạch hợp, tán nhỏ luyện mật làm viên, uống với nước trà.

16) Các truyền phương chữa ho.

a) Hắt sắc thảo, Bạc hà, Hạch nhân, Táo giác, Hùng hoàng, Khô phàn, Cát cánh, Cam thảo, tán nhỏ luyện viên cho uống với nước sắc Xương sống.

b) Rễ cây dương (dó) lấy toàn bộ rễ và cây 10 phần. Bỏ kết lấy cả quả 6 phần, đều đốt tồn tính, nấu nước Bạc hà trộn làm viên, cho vào mui chanh ngâm nuốt.

c) Bách hạ, nước gừng, Đại táo, Hạnh nhân, Bối mẫu, Sữa, Mật ong nấu thành cao để ngâm, lại chữa được chứng ho.

17) Trị chứng ho.

Đình lịch tử, Phèn phi mỗi vị một lạng, Gừng sống, Xạ can mỗi vị 3 đồng cân, Cam thảo 1 đồng cân luyện hồ làm viên, nước muối gừng làm thang tống.

18) Trị ho về chiều.

Sa sâm, Nhân sâm, Huyền sâm, Tử uyển, Khoản đông Hoa, Mạch môn, Ngũ vị, Thán khương, Hoa phàn, Tri mẫu sắc uống.

19) Gan nóng sinh ho thì sườn bên tả đau.

Hoàng liên 2 lạng, Ngó thù du 1 lạng tán nhỏ, luyện hồ làm viên liều 50 viên, uống với nước nóng.

20) Ho không khỏi hoặc trong dờm có máu người hư yếu rất cần uống bài này.

Bạch hợp, Khoản đông hoa, hai vị bằng nhau tán nhỏ luyện mật làm viên khi đi ngủ uống với gừng nhạt hoặc ngâm cho tan và nuốt.

21) Ho đã lâu, cho uống hai bài thuốc thang, hai bài thuốc hoàn sau đây thì khỏi.

a) Hai bài thuốc thang:

- BÀI 1. Thục địa 5 d/c, Ngưu tất, Phục linh, mỗi vị 2 d/c, Trạch tả, Mạch môn mỗi vị 1,5 d/c, Phụ tử, Huyền sâm mỗi vị 2 d/c, Chích thảo, Ngũ vị mỗi vị 5 phần, gừng ba nhát sắc uống.

- BÀI 2. Dương quy phục linh mỗi vị 2 d/c, Bạch thược, Táo nhân, Ý dĩ, Mạch môn, mỗi vị 1 d/c, Chích thảo 5 phần sắc xong cho Tam thất, Bạch cập, Móng tranh, Tóc rối đốt ra tro hòa vào uống.

b) Hai bài thuốc hoàn.

- BÀI 1. Thục địa 4 lạng, Phá cố chỉ, Câu kỷ, Hoài sơn, Bạch phục linh, Mạch môn mỗi vị 2 lạng. Trạch tả, Ngưu tất mỗi vị 1 lạng, Đơn bì, Ngũ vị, Bạch hộ, mỗi vị 1,5

lạng, *Phụ tử* nửa lạng, tán nhỏ, luyện mật làm viên mà uống, thang với nước *muối* nhạt.

- BÀI 2. *Sinh địa* sao *Rượu*, *Mạch môn* mỗi vị 10 lạng, *Long nhân nhục* 8 lạng, *Trần bì* 3 lạng, *Cát cánh*, *Cam thảo* mỗi vị 2 lạng. Tất cả nấu cao, đến khi cao tới, cho vào bột *Ý dĩ* 8 lạng, *Bối mẫu* với *gạo trắng* đều 2 lạng *Bạc hà* nửa lạng mà trộn cho đều, chóc chóc vớt ngâm cho tan dần.

22) Ho đá lâu, ăn vào lại mưa ra.

Hoa hoạt sắc khô một chén, *Hùng hoàng* 3 đồng tiền xức, *Bồ kết* nửa quả nướng tán bột, ăn một miếng *trầu* nhai nuốt nước cốt rồi lấy thuốc bột trên cho vào xe diều mới, đốt hút và nuốt khói ấy.

Chú ý: vừa mới hút, dù thấy bệnh tăng lên đừng sợ, chỉ làm 2-3 lần là khỏi.

23) Ho lâu ngày nóng âm ỉ trong xương, phát sốt, hoặc mưa hoặc khát, ăn kém mạch phù.

Hoàng cầm 1 lạng sắc cho uống sẽ khỏi.

24) Chứa vì ho lâu mà mất tiếng.

BÀI 1. *Cát cánh* 5 đồng cân, *Cam thảo* 4 đ/c, *kha tử* lấy thịt, *Mạch môn*, *Thanh đại* mỗi vị 3 đ/c, đều tán nhỏ luyện mật làm viên mà ngâm cho tan dần.

BÀI 2. *Cát cánh* 2 đ/c, *Trần bì*, *Cam thảo* mỗi vị 3 đ/c, *Khô phân* 2 đ/c, *Bồ kết* 2 đ/c, tẩm *đấm* và xối phơi chín lần, tán nhỏ trộn *Hùng hoàng* 1 đ/c vào luyện mật làm viên ngâm cho tan.

25) Bệnh thương hàn lâu ngày ho xốc lên nhiều đờm.

Nghệ xa cừ 2 lạng, *Phụ tử* 3 lạng, *Cam thảo* 1 lạng, đều tán bột luyện hồ làm viên, lúc đói cho nuốt một viên.

26) Cấp cứu trường hợp ngộ độc về thuốc mà ho mãi không dứt.

Dùng gà ác cho ăn thịt sống, ngoài ba miếng như lấy côn trùng độc nó ra ăn thịt gà ác rồi khi đói bụng lại lấy một miếng hai phân điểm vị *Hùng hoàng* vào mà ăn đi, một chút mà thấy miếng thịt gà ra, như chưa thấy nó ra mà trông thấy trùng độc theo ra rồi thì ăn *gạo đậu xanh* mà ra, chưa thấy ra thì đừng ăn gạo vào.

27) Chứa chứng ho của đàn ông đàn bà.

Ba đậu 20 hạt, *Mộc hương* 2 đ/c, *Cam thảo* 1 đồng cân, *Thần sa* 3 đồng cân, *Chu sa* 2 đồng cân làm áo. Như trẻ con thì gia *Miết giáp* 4 đồng cân, bỏ *Ba đậu*, nấu nước *Xương rống* làm thang uống.

28) Bệnh ho.

Người già 50 tuổi đã bị ho hơn 4 năm, mỗi lần ho vài mươi tiếng mới thôi, đến mùa thu mình thường sốt nóng.

Thục địa, *Ngưu tất*, *Mạch môn*, *Sơn dược*, *Phục linh*, *Tục đoạn*, *Phá cố chỉ*, *Ngũ vị tử*, *Đại phụ tử*, *Xa liên*, *Trạch tả*, *Bách giới*, *Bách hợp*, *Đơn bì*, nên phân biệt quân thần tá sứ, dùng cho linh động.

29) Ho đá lâu thở khô khè.

Trí mẫu bỏ lông sao cách giấy, *Hạnh nhân* bỏ vỏ và đầu nhọn, sấy khô đều dùng

5 đồng cân sắc uống ấm, rồi uống thuốc hoàn sau đây:

Lá bạc sau, Hạnh nhân đều bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm viên, liều uống 50 viên uống với nước gừng. Nếu thở có đờm thì dùng 3-5 viên nhai nuốt là khỏi ngay.

30) Ho đá lâu hay ợ.

Dùng *nước cốt gừng* nửa chén, cho vào một muống *mật ong*, sắc cho uống từng hớp một, uống ba lần là khỏi.

31) Ho kinh niên.

A giao sao phồng, Nhân sâm, đều dùng 2 lạng, tán nhỏ cho uống 3 đồng cân với nước *Đậu sị* có ít hành, ngày uống ba lần.

32) Chứa ho có nhiều đờm.

Trần bì, Bán hạ, Cam thảo, Hùng hoàng, Ngô thù du, Ô dầu, Xuyên tiêu (một ít) *Thuốc cứu dinh hương* (một ít) tán nhỏ, lấy một tờ giấy trắng phỉ *Phèn chua* cho cháy ra, tráng trên tờ giấy rồi rẩy thuốc bột lên, cuốn lại thành ống, đốt cháy một đầu cho bệnh nhân hút lấy khói ấy.

XVIII- HEN

1) Chứa chứng hen có tiếng như kéo cưa (gầm gào) không nằm ngủ được.

Thổ du tán nhỏ, hòa với *dấm* mà uống.

2) Hen cò cử và ho đờm.

Cút mèo đốt ra tro tán nhỏ, uống với đường cát.

3) Những nghiệm phương sau đây chữa hen rất hay.

- *Con sam* rửa sạch, nướng vàng tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt *đậu xanh*, liều uống 10-15 viên, uống với nước sắc *Tang bạch bì*, (con sam là loài động vật có mai (*Limulus logispinus*) đặc biệt là con cái thường công con đực dù gặp sóng to gió lớn vẫn đeo như sam).

- *Nước chanh, nước cốt gừng, nước dái* tré con sữa mỗi thứ dùng 1 chén con, cùng nấu sôi cho uống, uống đến khỏi thì thôi.

- *Vôi đá lâu năm*, tán nhỏ luyện với *mật cá trắm* viên bằng hạt *đậu xanh*, liều uống một viên, uống với lã trong.

- *Cút heo nái*, đốt ra tro tán nhỏ, liều uống 5 đồng cân, dùng vỏ khế sao vàng nấu lấy nước làm thang.

- *Hùng hoàng, Mật heo, nước chanh*, hòa lẫn nấu lên, làm viên bỏ vào múi chanh cho ngậm.

(HẾT QUYỂN CÀN)

HÀNH GIẢN TRẦN NHU

Quyển chấn (53)

I- SUYỄN.

1) Đờm thở khò khè phát suyễn.

Dùng xương đầu mèo đốt ra tro tán nhỏ, liều uống ba đồng cân với rượu.

2) Vì thất tình xúc động mà nổi cơn suyễn, hơi đưa lên, thổ ứ gấp buồn phiền khó chịu không ăn được.

Nhân sâm, Bình lang, Trầm hương, Ô dước đều bằng nhau mài với nước nóng (gọi là tứ na hoàn) cho uống.

3) Chứng suyễn thở không nằm được hay là phong đờm làm bí lấp.

Bán hạ, Tào giác, Cam thảo mỗi thứ một lạng, gừng sống 3 lát dựng trong túi lụa sắc uống.

4) Dương khí hư mà suyễn, đổ mồ hôi, mồ hôi trộm, hơi thở ngắn, chóng mặt.

Nhân sâm 5 đồng cân Thục phụ tử 1 lạng, chia làm bốn phần, mỗi phần cho mười lát gừng, sắc uống ấm.

5) Chứng suyễn thở sắp dứt hơi, hơi đưa lên khó thở.

Nhân sâm tán bột, hòa vào nước sắc lá hẹ cho uống, uống mười đấu thì khỏi.

6) Ho đờm, suyễn thở.

Cát cánh 4 lạng, tán nhỏ với nước tiểu trẻ em nửa cân, sắc còn 4 chén cho uống.

7) Hơi đưa lên suyễn thở.

Bồng nga truật 5 đồng cân, rượu 1,5 chén sắc còn 8 phân uống.

8) Định suyễn hoàn.

Phương kinh nghiệm chữa suyễn thần diệu.

Phèn chua, Bạch phụ tử các vị bằng nhau luyện riêng với nước gừng, suyễn thì thang với nước sắc hạt Tía tô, hen thì thang với nước sắc Hồi kim sa.

9) Suyễn thở thì ho, chân tay giá lạnh, ra mồ hôi nhiều quá.

Thục địa 3 đồng cân, Mạch môn, Ngưu tất mỗi vị hai đồng cân, Đại phụ tử 1 đồng

cân, *Ngô thù du* 7 phân, *Ngũ vị tử* 10 hạt, *Ngũ bột tử* 4 phân, *Bạch truật*, *Phục linh* mỗi vị 2 đồng cân sắc uống.

10) Suyễn thở sáu lâu năm.

Cút bủ xê trong cây dâu, *La bạch tử*, *Hạnh nhân*, sao một cân, *Cam thảo* 2 lạng, tán nhỏ luyện viên uống 50 viên/lần với nước gừng.

11) Hơi thở khò khè hỗn hển, như thở ra hít vào không thôi, mình mẩy xanh róc, thượng bán thân hơi nóng, hạ bán thân hơi hàn.

Nhân sâm, *Bạch truật*, đều hai đồng cân, *Thục địa* 3 đồng cân *Ngưu tất*, *Mạch môn* đều một đồng cân, nếu đi cầu phàn lỏng gia *phụ tử* 6 đồng cân *Bạch giới tử* 6 phân, *Trầm hương* mài hòa uống.

II- Ở TRONG CỔ

(Nuốt chua - Thôn toan)

1- Từ lòng bụng đưa lên như dấm chua.

Ngô thù du một vốc, nước ba chén sắc cho uống.

2- Ăn rồi ở trong cổ, vị khí hàn lạnh.

Ngô thù du dội nước sôi 7 lần, sấy khô *Bào khương* mỗi vị đều bằng nhau tán nhỏ, cho uống với nước sôi bất cứ lúc nào.

3- Chứng thấp nhiệt sinh ở trong cổ.

Hoạt thạch 6 lạng, *Cam thảo* 1 lạng, *Ngô thù du* tắm nước nóng sao khô một lạng, các vị tán nhỏ hòa với nước *mật* cho uống.

III- XÓT RUỘT

(Cồn cào, lào tạt)

1- Chứa chứng uất đã lâu, ngực bụng đầy anh ách, hoặc có các chứng xót ruột, ở trong cổ hay nghẹn.

Hương phụ, *Hoàng liên*, mỗi vị dùng 4 lạng, tán nhỏ dùng *Thần khúc* khuấy hồ luyện viên, liều uống 70 viên với nước sôi để nguội.

2- Chứa chứng xót ruột mưa ra.

Trần bì bỏ xơ trắng tán nhỏ, mỗi canh năm cho rải năm phân trên lòng bàn tay, liếm mà ăn thì ngủ sẽ yên, nếu không phải *vỏ quít* thì không kiến hiệu.

3- Ngực bụng có ác khí sinh ra xót xáy cồn cào.

Lá thuốc cứu giã vát lấy nước cốt cho uống khỏi ngay.

IV- BỌN DẠ

(Lạm giọng, ác tâm)

1- Chứa chứng lạnh bao tử, bọn dạ muốn mưa.

Bạch đậu khấu 3 quả rượu đế 1 chén, hòa nóng cho uống.

2- Chứa chứng tỳ vị hư yếu, bọn dạ không muốn ăn uống.

Thịt thỏ nửa cân, xát mỏng, ướp hành, tiêu, nước tương, đem nướng chín, cho ăn nguội lúc đói bụng.

3- Đổm lạnh sinh bọm dạ.

Lá lốt 1 lạng, phơi khô tán nhỏ, cho uống nửa đồng cân trước bữa ăn (miền nam dùng *tiểu lốt* rất hay).

4- Bổng bị bọn dạ.

Nhai *Bạch đậu khấu* nhiều thì rất hay.

V- NGHẸN

(Ế cách)

1) Chứa 5 chứng nghẹn, mưa sốc, ngán ngực, khí trệ, buồn phiền, ăn không nuốt xuống được.

Rễ lau 5 lạng, thái nhỏ, đổ 3 chén nước to, sắc còn một chén uống.

2) Chứa ăn nghẹn, ăn vào mưa ra, các thuốc đều vô hiệu.

A nguyền 1 đồng cân, *cút khô* của người lạ ngoài đồng 3 đ/c, đều tán nhỏ, đến canh năm cho ăn với chút *gừng sống*.

3) Chứa người già ăn nghẹn, nuốt không xuống.

Thịt gà mái vàng 4 lạng, *Phục linh* 2 lạng, *Bột mì* ngang 6 lạng, bỏ lẫn vào nước đậu sị nấu mà ăn, từ 3-5 lần là khỏi.

4) Chứa chứng nghẹn, ăn vào liền mưa ra hết.

Nhân sâm 1 lạng, *bán hạ* 1,5 lạng, *gừng sống* 10 lát, nước một đấu, trộn đều chế vào ba chén mật ong nấu uống.

Các phương khác:

- *Phác tiêu* hai đồng cân, đốt qua, *Nhị trà* 1 đồng cân, *Xạ hương* nửa phân tán nhỏ, chia làm ba lần uống với rượu, sẽ khỏi hẳn.

- *Vôi mới* nung 3 đ/c, *Dại hoàng* 1 đ/c, sắc với rượu uống.

5) Chứa chứng nghen, không ăn vào được.

Hồng hoa (thu hái vào ngày Doan ngo) tẩm rượu sấy khô, Huyết kiệt (thứ có hình dáng như quả dưa) đều nhau tán nhỏ, Rượu một chén, đun cách thủy, hòa thuốc bột uống dần, lúc đầu mỗi ngày uống 4 phân, ba ngày sau uống 5 phân.

6) Chứa chứng bóng đang ăn bị nghen.

Quít bì 1 lạng, tẩm nước sôi bỏ sơ sấy khô tán nhỏ, hòa với nước nóng mà uống.

7) Chứa chứng nghen, hơi xốc lên muốn chết.

Dùng Bán hạ với Sinh khương sắc lấy nước uống.

V- NÔN MỬA

1- Chứa chứng bóng nôn mửa thốc lên, không nuốt thức ăn được.

Hoạt sống tán nhỏ, uống với nước nóng, mỗi lần 2 đ/c, ăn bột mì nấu, cho dễ thuốc uống.

2- Vị hư bọt dạ nôn mửa có dờm.

Nhân sâm 1 lạng sắc lên, cho vào một chén Trúc lịch, 3 muống nước gừng, uống ấm đến khỏi thì thôi, bầy thuốc này càng thích hợp đối với người già.

3- Chứa chứng dạ dày lạnh, nôn mửa, không thể làm ngấu nát đồ ăn uống, ăn vào liền nôn mửa ngay.

Nhân sâm, Đinh hương, Hoắc hương mỗi vị 2 đ/c rưỡi, Gừng 3 lát sắc cho uống ấm.

4- Chứa chứng nôn mửa do hư hàn, ăn uống không vào.

Tế tân nửa lạng, Bình hương 2 đ/c rưỡi, tán bột nấu tại Hồng lâm thang mà uống với 1,2 đ/c.

5- Chứa chứng lạnh trong dạ, mửa, nước không nuốt được.

Củ gừng, Thảo đậu khấu 2 quả, Riêng ẩm nửa lạng, sắc lấy nước cho vào một chén nước gừng hòa với, trộn bột gạo quấy lẫn, đem nấu với nước ép thịt dê mà ăn.

6- Chứa chứng nôn ọe, nôn khan, quyết nghịch.

Rễ lau 3 cân, nấu với nước tiểu trẻ em, cho uống ba cân thì khỏi.

7- Ăn liền mửa là trong bụng có hỏa.

Dại hoàng 1 lạng, Cam thảo 1,5 đ/c sắc uống ấm.

8- Dạ dày lạnh, kèm có nôn xốc lên là chứng khí huyết không thông.

Đinh hương 3 nụ, Trần bì 1 cái, cao bỏ xơ, sấy khô, sắc uống nóng.

9- Chứa chứng mửa thốc không thôi.

Hoàng đơn 4 lạng, *dấm* nửa cân, đun cạn cho vào chảo gang đặt lên than hồng mà sấy khô.

Phương khác: Cây *Cần xa* (1), giã vắt nước cốt cho vào tí *muối* mà uống.

10- Chứa chứng thổ ra nước trong.

Dùng *thuốc cứu* khô sắc cho uống.

11- Hai bài chứa nôn khan không ngớt.

- BÀI 1: *Cát căn* giã lấy nước cốt cho uống, uống một cân thì khỏi.

- BÀI 2: *Nước mía*, *nước gừng* hòa lẫn cho uống, uống được nửa cân thì khỏi.

12- Hơi đưa lên nôn mửa.

Bạch giới tử tán nhỏ, luyện mật làm viên liều uống 7 viên, sáng và tối uống với *nước giếng* ban mai.

13- Bụng đầy nôn ọe.

Gừng sống 8 lạng, *bán hạ* 5 vốc sắc chia hai lần uống.

14- Nôn mà ngực đầy.

Ngô thù du một vốc, *Táo tàu* 20 quả, *gừng sống* 1 lạng, *Nhân sâm* 1 lạng, sắc uống ngày ba lần.

15- Nôn ói ra nước chua.

Cút đề mới lã ra, nhặt 10 hòn sắc với *rượu* cho uống.

16- Mửa ói không ngừng mấy ngày trời cơm nước và thuốc men không nuốt xuống được.

Ngũ linh chi tán nhỏ, luyện với mật chó làm viên, cho *rượu* vào nấu lên cho tan mà uống, uống xong , húp một ít cháo nóng.

17- Chứa chứng nôn ói không ngừng, nghiệm phương nam nữ đều dùng.

Nhục quế, *Bạch đàn*, *Trầm hương*, *Mộc hương* tán nhỏ luyện hồ làm viên dùng hoặc *hương* nấu lấy nước mài thuốc này mà uống.

VII- PHIÊN VỊ (Ăn vào là nôn hết)

1) Chứa chứng nôn vị ăn vào là nôn ra hết, (Ba bài).

a) Một con cá chép, tẩm *nước đá* trẻ con một đêm, sáng ra rang dòn, nghiền thành bột, nấu cháo với gạo cho ăn.

b) *Đất thó* (*sét trắng*) nung đỏ, đem nhúng vào chậu có một cân *dấm*, nhúng rồi nung, nung rồi nhúng, làm đến hết một cân *dấm* mới thôi, lấy một lạng đất ấy đem nghiền

(1) *Hỏa ma*, *Dại ma*, là cây cần xa, tiếng Bắc gọi là Gai đầu *Cannabis Stiva* L. Quả nó trần kinh chi khái, tư nhuận chi thông, lá nó là thuốc ma túy, có trồng nhiều ở Tân Châu, An Giang (Tài liệu phòng thông tin Hoa Kỳ, Sài Gòn 1974).

bột cho uống.

c) *Hột cải, vỏ quít*, lấy đất vách tường hướng Tây có mặt trời dọi vào, sao lặn cho thơm, gừng 3 lát, táo 2 quả, sắc uống mỗi lần hai đồng cân.

2) Chứa chứng nôn mửa phiên vị, thức ăn bị nghẹn ở ngực.

Bán hạ 3 lạng, *Nhân sâm* 1 lạng, *mật ong* 4 lạng, sắc xong chia uống trong bốn ngày.

3) Chứa chứng phiên vị, hễ ăn uống vào liền mửa ra ngay, người yếu, mất sức.

Dảng sâm 3 lạng, sắc uống nóng, lại dùng nước *sâm* cho gạo, củ *kiệu* vào nấu cháo chín, súc *Trứng gà* vào mà ăn.

4) Chứa chứng phiên vị, hơi đưa lên, hễ ăn vào liền mửa.

Rễ tranh 2 lạng, cùng *rễ lau* nấu lấy nước cho uống.

5) Chứa chứng bợn dạ, thức ăn cũng như thuốc đều không nuốt xuống được.

Củ U du (*Kinh Tam lăng*) 1,5 lạng sấy khô, *Dinh hương* ba phân, tán nhỏ liều uống một đồng cân, uống với nước sôi.

6) Trong dạ dày có máu xấu đọng lại, ăn vào thì đau, thức ăn bị nghẹn không xuống được, lại mửa ra.

Lá hẹ giã vắt lấy nước, *sữa bò* hai thứ bằng nhau, thỉnh thoảng uống từng hợp một.

7) Hai bài chứa phiên vị, ăn vào mửa ra.

a) *Cút trùn* 1 lạng, *Mộc hương* 3 đồng cân, *Dại hoàng* 7 đồng cân, tán nhỏ, liều uống 5 đồng cân, pha với nước mưa mà uống.

b) Đất trong con ốc, bắt ốc cho được một đấu, ngâm nước cho ốc nhả đất ra rồi đem phơi khô, hòa với rượu nóng, mỗi lần uống một đồng cân.

8) Chứa chứng phiên vị, nôn mửa (hai bài).

a) *Củ cải* nấu với *mật ong* cho ngấm, cho ăn từng tí một

b) *Ốc ao* tức ốc đắng rửa sạch, ngâm với nước muối cho nó nhả hết bùn, vét lấy bùn đó phơi khô, viên lại mỗi lần uống 30 viên, nấu lá *Hoắc hương* làm thang.

9) Chứa chứng phiên vị vì huyết phong.

Bạch chỉ 1 lạng, sao vàng tán nhỏ, ăn với huyết heo luộc chín, 7 lần thì khỏi.

10) Chứa chứng phiên vị vì do tỳ hư.

Bạch đậu khấu, *Sa nhân* mỗi vị hai lạng, *Dinh hương* 1 lạng, gạo trần mế 1 cân, sao với đất sét cho cháy sém, bỏ đất chỉ lấy thuốc nghiền thành bột, trộn nước gừng làm viên, liều uống 100 viên, thang với nước gừng.

11) Chứa chứng phiên vị hơi đưa lên.

Hạt cải tán nhỏ, uống mỗi liều một đồng cân với rượu.

12) Lạnh đá lâu phiền vị.

Dùng Đại phụ tử 1 củ, gừng sống 1 cân, thái nhỏ nghiền nhỏ, luyện hồ làm viên, liều uống một đồng cân với nước cơm.

13) Phiền vị nghẹn hơi không thông.

Đinh hương, Mộc hương mỗi vị 2 lạng, tán nhỏ, liều uống 4 đồng cân, mài một tí đất sét với nước sôi hòa vào thuốc mà uống.

VIII- QUAN CÁCH.

1) Khí tắc nghẹn quan cách chẳng thông, đái rất, tức dưới rốn.

Dùng Hoạt thạch 1 lạng, nghiền thành bột hòa nước uống.

2) Bệnh quan cách không ỉa nữa được, chân tay hơi lạnh mạch trầm.

Nhân sâm, Phụ tử mỗi vị 1 đồng cân, Xạ hương 1 tí tán thành bột, nhồi với cơm nguội làm viên, Xạ hương chút ít bọc ngoài làm áo, mỗi lần uống 7 viên thang bằng nước sắc cỏ Bắc (Dăng tâm).

IX- NẮC CỤT

1) Truyền phương chữa nấc cụt.

Tai hồng, Trầm hương, Bình lang, Ô dược, các'vị đều nhau tán nhỏ, dùng giấy tẩm làm viên, nước mới múc, đặt viên thuốc vào miệng nuốt lấy chai nước thì khỏi.

2) Chữa chứng ho xốc lên thành nấc cụt.

Dùng Lưu hoàng đốt lấy khói cho ngửi rất hay.

3) Chữa mọi chứng nấc ợ vì khí.

Quýt bì bỏ xơ trắng 2 lạng, với Chỉ xác sắc cho uống.

4) Chữa chứng nấc cụt, nấc xốc lên mãi.

Hột trái vải đốt ra tán nhỏ (7 hột dùng cả vỏ) thang với nước sôi.

5) Chữa chứng nấc ợ không ngừng., (nấc liên thanh).

Dùng (Xuyên tiêu) 4 lạng, sao tán thành bột, luyện hồ làm viên, liều uống 10 viên với Dấm.

6) Nấc cụt lâu vì lạnh dạ dày.

Trầm hương, Bạch đậu khấu, Tía tô mỗi vị 1 lạng, tán nhỏ, liều uống 5-7 phân, sắc tai hồng làm thang.

X- BỔ HU

1) Chữa chứng tinh bại mặt sạm đen, cơ thể mỏi yếu.

Nhục thung dung 4 lạng, nấu chín nhừ, đem thái mỏng nghiền với thịt heo, chia làm 4 lần, cho gạo vào nấu cháo mà ăn.

2) Chữa các chứng tỳ vị hư yếu.

Dúng sâm truật nấu cao cho dùng để bổ nguyên khí.

Bạch truật 1 cân, *Nhân sâm* 4 lạng thái mỏng, *Nước dòng sông* 15 chén tẩm một đêm, nấu với củi dâu chắt lấy nước nấu thành cao, mỗi lần uống một ít với nước sôi.

3) Tỳ vị khí hư (dùng Linh chi hoàn bổ tinh tủy tỏ tai sáng mắt).

Thuong truật 1 cân, tẩm nước vo gạo, (mùa xuân hạ 5 ngày, thu đông 7 ngày) mỗi ngày thay nước một lần, dùng dao tre cạo bỏ vỏ, thái mỏng phơi khô, cho vào cối giã nát với *thịt quả táo* làm viên, liều uống 35 viên, thang với nước sắc quả táo.

4) Chữa nam nữ mặt vàng không có màu máu, ít ăn, hay nằm.

Thuong truật 1 cân, *Thục địa* nửa cân, *Bào khương* 1 lạng, tán nhỏ luyện hồ làm viên, liều uống 50 viên uống với nước nóng.

5) Chữa chứng bại thân chân tay nặng nề, đem đồ nhiều mồ hôi trộm, đó là do dâm dục quá độ sinh ra.

Bổ cốt chỉ 4 lạng (sao thơm), *Thố tư tử* 4 lạng, nấu với *rượu Hồ đào nhục* 1 lạng, bỏ vỏ, *Nhũ hương*, *Một dược*, *Trầm hương* mỗi vị một ít luyện mật làm viên, thang với *rượu* hoặc *nước muối*, mỗi lần uống 20-30 viên, từ hạ chí đến đông chí ngày uống một lần.

6) Thuốc định tâm bổ thận, dưỡng huyết bổ tể.

Phá cố chỉ sao 2 lạng, *Bạch phục linh* 1 lạng. *Một dược* 5 đ/c, dùng *rượu* ngon ngâm với *Một dược*, đổ *rượu* lút ngón tay, lại nấu lên cho tan. Hai vị trên tán nhỏ, *rượu* nấu *Một dược* luyện viên, liều uống 30 viên nước sôi.

7) Chữa trường hợp tinh khí không bền, mới chạm tới đối phương đã tiết sớm.

Phá cố chỉ, *Thanh diêm* đều bằng nhau, cùng sao cùng tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, uống với nước cơm.

8) Thuốc bổ ích sự hư tổn, chữa hạ tiêu hư lạnh, đi đại luôn gây mòn kém sức.

Hột sen nửa cân, tẩm *rượu* 1 đêm, dùng 1 cái *bao tử heo* rửa sạch dồn *hột sen* vào, may miệng lại đem hầm chín rồi lấy ra phơi khô tán nhỏ. *Hoài sơn* sao tán nhỏ, nấu với *rượu* làm hồ luyện viên, liều uống 50 viên, uống với *rượu* nóng.

9) Thuốc bổ ích tinh huyết.

Kim anh tử, cạo bỏ vỏ, bỏ hạt, 4 lạng, *Sa nhân* 2 lạng sao, tán nhỏ luyện mật làm viên, liều uống 50 viên uống với *rượu*.

10) Hoàn bổ âm.

Yếm rùa tẩm *rượu* nướng, *Thục địa* chưng với *rượu*, mỗi vị dùng 6 lạng, *Hoàng bá*, *tri mẫu* tẩm *rượu* sao, mỗi vị dùng 4 lạng tán bột, luyện với tủy heo làm viên, liều uống 100 viên uống với *rượu*.

11) Thuốc bổ đối người suy nhược.

Gà trống đen 1 con, làm thịt, dồn *Ngũ vị tử* vào ninh nhừ cho ăn.

12) Chữa người tỳ vị hư yếu, người héo hon vàng gầy.

Thịt gà mái vàng 5 lạng, bột gạo 7 lạng, thái thịt ra trộn vào, nấu lẫn với *Ngũ vị tử* cho ăn.

13) Chữa trường hợp tinh huyết khô cạn, thể hiện tại điếc, miệng khát, lưng đau, dãi đục, thượng nhiệt hạ hàn, bổ mạnh thì không tiếp thu được.

Lộc nhung trưng với *rượu*, *Dương quy*, tẩm *rượu* sấy khô, mỗi vị dùng một lạng, tán nhỏ, *Ô mai* bỏ hạt, nấu cao làm chất dính luyện bột làm viên, liều uống 50 viên uống với nước cơm.

14) Sau khi ăn cơm thì buồn ngủ đó là tỳ hư.

Dùng *Sùng nai* 3 đ/c, đốt tán nhỏ, *Nhân sâm* 1 lạng tán nhỏ, uống mỗi lần 1 muống canh với *nước gừng*, ngày uống 3 lần.

15) Chữa chứng hay nhũ.

Lá dướng phơi khô tán nhỏ liều uống 2 đ/c, uống với nước nóng.

16) Thuốc làm cho người ít ngủ, làm tăng khí lực, thông thần minh.

Sùng nai đeo vụn 10 lạng, *Sinh phụ tử* 3 lạng, đều tán nhỏ liều uống 2 đ/c với *rượu*.

17) Chữa người tỳ vị hư yếu không muốn ăn uống.

Nhân sâm 4 lạng tán nhỏ, *Gừng sống* nửa cân giã lấy nước, mật ong 10 lạng, nấu cao đặc hòa *nước cơm* mà uống, mỗi lần một muống.

18) Chữa người lớn tuổi gầy gò.

Chích thảo 3 lạng tán nhỏ, cứ mỗi sáng sớm lấy *nước tiểu* trẻ con nấu sôi ba đạo mà uống.

19) Chữa nam nữ tỳ hư bụng mỏng ăn không tiêu hóa, trên mặt có điểm đen.

Quả Hồng khô 3 cân, mật ong nửa cân, váng sữa với mật ong nấu đều rồi cho quả hồng khô vào, nấu sôi 10 đạo, bỏ lọ để dành ăn, mỗi lúc 3-5 quả, ăn lúc đói.

20) Chữa các chứng hư yếu của nam nữ sinh buồn phiền sợ sệt, tiêu khát

mặt vàng úa, không ăn uống được, hoặc trước khát sau sinh mụn nhọt, hoặc trước sinh mụn nhọt sau sinh khát.

Hoàng kỳ dùng thứ mềm 6 lạng, một nửa sấy khô một nửa tẩm nước muối, rồi hấp trên nồi cơm ba bốn bận, bột *Cam thảo* 1 lạng, nửa để sống nửa nướng chín, hai vị tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, ngày uống hai lần sáng và trưa, uống với nước sôi.

21) Chữa người thận hư, lưỡi ngọng không nói, chân yếu không đi được.

Thục địa, Ba kích, Sơn thù, Nhục dung rửa bằng *ruợu*, *Thạch học, Đại phụ tử, Ngũ vị tử, Phục linh, Viễn chí, Thạch xương bồ, Quan quế, Mạch môn* đều bằng nhau, *Bạc hà* một tí, thêm gừng tía sắc uống.

XI- HƯ LAO

1) Chữa bệnh hư lao, nóng âm ỉ trong xương, ngoài lạnh trong nóng, nóng thấu trong xương, gốc ở tạng phủ, mặc phải là bởi sau cơn ốm nặng xương thịt tiêu dần, ăn uống không biết ngon, hoặc da khô khan lúc nóng quá chân tay gây dần.

Thạch cao nung nửa lạng nghiền nhỏ mỗi lần 1 muống, cho thêm sữa bột vào hòa nước sôi mà uống, ngày uống hai lần, tùy theo hư hay thực mà chữa.

2) Chữa chứng nóng âm ỉ trong xương, mặt sưng cấu đen, đau sống lưng không đứng được lâu, khí huyết suy bại, tóc rụng, răng khô.

Bột sừng hươu 2 lạng, *Ngưu tất* tẩm *ruợu* sấy khô 1,5 lạng tán nhỏ luyện mật làm viên, liều uống 50 viên, thang với nước muối có pha *ruợu*.

3) Thuốc trị ho lao, đàn ông đàn bà, các chứng ngũ lao thất thương hư lạnh ở hạ bộ, các bệnh phong tê chân tay đau nhức.

Bồ cốt chỉ 1 cân, *tẩm ruợu* 1 đêm, phơi khô rồi dùng *dầu mè*, đem trộn vào mà nấu cho đến khi hết tiếng sôi thì thôi, bỏ dầu lấy *Bồ cốt chỉ* tán bột, đấm với bột khuấy hồ làm viên, liều uống 30 viên lúc đói bụng, thang với *ruợu* và *nước muối* nhạt.

4) Chữa đàn ông đàn bà hư lao chóng lạnh, chân tay mình mẩy đau mỏi.

Hạt thanh hao, ngâm với *nước tiểu* trẻ con 3 ngày, phơi khô tán bột, liều uống 3 đồng cân, thang với nước sắc *Ô mai*.

5) Chữa chứng hư lao, khát nhiều, nóng khớp xương hoặc lạnh.

Tang bạch bì, Địa cốt bì mỗi vị 5 đồng cân, *Mạch môn* 2 đồng cân, *Phù tiểu mạch* 2 cân, đổ nước vào nấu đến lúc *phù tiểu mạch* chín với *bồ bã*, liều uống 1 cân lúc khát thì cho uống.

6) Chữa chứng hư lao phiền nóng với bệnh nặng, nóng âm ỉ trong xương.

Địa cốt bì 2 lạng, *Phòng phong* 1 lạng, *Chích thảo* nửa lạng mỗi lần lấy 5 đồng cân, sắc với 5 lát gừng sống cho uống.

7) Chứa ngũ lao thất thương dương hư vô lực.

Cật dê 1 đôi, *Nhục dung* 1 lạng, *tấm rượu* một dem rồi bóc vỏ đem nấu canh nêm nếm hành muối mà dùng.

Phương khác: Chứa được cả lưng và chân đau nhức.

Cật dê 3 đôi, *thịt dê* 1 cân, lá *Câu kỷ* 1 cân, hành 1 củ, gạo trắng với Ngũ vị dùng nấu cháo cho ăn thì khỏi.

8) Chứa ngũ lao thất thương hư lạnh.

Thịt dê 1 đùi, đập kín, ninh như ép lấy nước cho uống, và cho ăn cả thịt.

9) Chứa chứng lách lao, ăn uống ngày càng kém dần, dần gầy đen.

Đào nhân 500 hạt, *Ngó thù du* 3 lạng, sao, hai vị sao chung khi lên khói thì đổ cả vào hủ mà đập kín để giữ hơi, mỗi ngày dùng 30 hạt, uống với rượu hâm nóng.

10) Chứa chứng hư lao đổ mồ hôi trộm phiền nóng khô miệng.

Thanh hao 1 cân, giã vát lấy nước ngào thành cao, bột *Nhân sâm* và bột *Mạch môn* mỗi thứ 1 lạng cho vào, ngào để đặc có thể làm viên thì nhấc xuống bắt ra làm viên, liều uống 20 viên uống với nước cơm.

11) Chứa chứng lao truyền thì và lao trùng.

Xuyên tiêu sắc đỏ bỏ hạt và nhưng quả không tách miếng, sao cách hai lớp giấy cho hấp hơi ra, đổ xuống đất úp nổi rang dậy lại, lấy than hồng phủ kín xung quanh độ 2 giờ thì lấy ra tán nhỏ, luyện với rượu để mà viên, liều uống 40 viên, thanh với nước muối, uống đến hai tháng mưa ra trùng như rắn thì khỏi, nếu thận lạnh thì cho uống với nước muối làm thang, nếu có các chứng tê thì thang bằng nước Quế, nếu đau eo sau lưng thì thang bằng nước *Hồi hương*.

12) Chứa chứng lao truyền thì nóng âm ỉ trong xương.

Dùng 1 miếng *thịt dê* to bằng nắm tay nấu chín như, một quả *Bồ kết* nướng, một cân *rượu* trong, cho vào cái nồi đồng nấu sôi 5 dao, lọc bỏ bã rồi cho vào 1 thang *thiếc đen*, cho người bệnh thường hay ăn thịt và uống 1 muống nước ấy.

13) Chứa chứng nóng âm ỉ trong xương vì bị lạnh đá lâu.

Thịt dê 1 cân, củ *mài* 1 cân, đều nướng chín rồi bỏ gạo nấu cháo cho ăn.

14) Bệnh lách lao đá lâu.

Bóng sả, *Ngải cứu* 4 lạng, đốt rồi nghiền nhỏ, nhồi với cơm nguội làm viên, lúc đầu uống 20-30 viên, thang bằng nước *Xà sàng*. Chú ý, uống vào có hơi mưa cũng không sao sau dùng *Dại táo* nấu nước làm thang uống.

15) Chứa chứng hư lao phát sốt.

Đảng sâm, *Ngân Sài hồ* mỗi vị dùng 2 lạng, *gừng sống* 3 lạng, sắc cho uống ấm, đến khỏi thì thôi.

16) Hư lao khách nhiệt.

Dùng *Mạch môn* sắc uống.

17) Bệnh nhiệt lao, nóng như lửa đốt.

Địa cốt bì 3 lạng, Sai hồ 3 lạng, tán nhỏ, Mạch môn sắc làm thang mà uống 2 đồng cân mỗi lần.

18) Hư lao phiền nóng cấp diễn.

Đào nhân 3 lạng, Gan heo 1 bộ, nước tiểu trẻ em 5 cân, nấu đến cạn hết đem giã nát làm viên, liều uống 30 viên với nước ấm.

19) Hư hao đái tả tinh khí.

a) *Cao lộc giác hai lạng ngâm rượu cho uống.*

b) *Hột hẹ tươi 2 cân, tháng 10 tiết sương giáng hái về tắm rượu để 1 đêm sáng ra quay mặt về hướng nam giã nát, cho uống với rượu hâm ấm.*

20) Ho lao phổi.

Thu hoàng 1 lạng cho vào nồi đất đáy vung kín, đất đắp dày lên hai tắc, dùng than được đốt cháy 1/3 rồi banh ra cho nó nhả hết khí độc, đem thuốc tán nhỏ luyện với đường, và váng sữa làm viên, liều uống 3 viên với nước Hạc nhân làm thang.

21) Đàn ông dần bà lao gầy.

Cây thanh hao băm nhỏ, nước 3 cân, nước tiểu trẻ em 3 cân, sắc đậm rồi lọc bỏ bã, cô thanh cao rồi luyện thành viên, liều uống 10 viên lúc đi ngủ cho uống với rượu.

22) Bệnh lao sắp tuyệt khí.

Mạch môn 1 lạng, Chích thảo 1 lạng, Gạo trắng nửa vốc, Táo 2 quả, Dot tre 15 dot, sắc tới chia uống âm 3 lần.

23) Hư lao đau mình.

Thiên môn tán bột, uống với rượu mỗi lần một muống, kiêng ăn cá chép.

24) Hư lao khô miệng.

Mỡ dê, dùng 1 miếng to như quả trứng gà, Rượu nửa cân, Táo 7 quả, tẩm 7 ngày uống.

25) Hư lao gầy yếu.

Dùng tùy con trâu, nước ép Củ sinh địa, Mật ong đều nhau sắc cho uống.

26) Lao tổn, uống thuốc này cho nối tiếp khí.

Gân nai nấu cho ăn hàng ngày.

27) Chứng lao.

Rau mero 1 cổ để sống phơi khô, nghiền bột, cứ đến ngày 30 ngày rằm thì hòa với rượu đến canh năm cho uống.

XII- HO RA MÁU

1) Ho ra máu đặc, cổ họng khô, đó là thuộc hư nhiệt không được dùng thuốc mát.

Hoàng kỳ tốt 4 lạng, Cam thảo 1 lạng, tán nhỏ, uống với nước nóng, mỗi liều 2 đ/c.

2) Ho suyễn, ho ra máu với suyễn thở nhỏ ra máu, mạch vô lực.

Nhân sâm 1 lạng tán nhỏ, trộn với lòng trắng trứng gà, dầu canh năm cho uống

3 đ/c rồi ngủ bỏ gối, chỉ nằm ngửa, chỉ uống 1 lần là khỏi. Bệnh lâu năm chỉ uống lần thứ hai. Có chứng khạc ra máu thì chỉ uống 1 lần là khỏi.

3) Vì uống rượu quá nhiều, nóng uất ở hung cách gây nên thổ ra máu và chảy máu mũi.

Hoàng liên, Hoa sán dây đều dùng 4 lạng, *Dại hoàng* chút ít nấu thành cao để luyện viên, hoặc sắc cho uống cũng được.

4) Ho nhỏ ra máu, gây mà nóng âm ỉ trong xương, nóng lạnh về chiều.

Nấu cháo trắng rồi ép nước *Sinh địa* vào khuấy cho đều cho ăn lúc đói mỗi lần 1 chén.

5) Ho rồi thổ huyết, thổ huyết rồi ho.

Tử uyển, Ngũ vị tử, đều sao tán nhỏ làm viên với *Mật* mỗi lần uống 1-2 viên.

6) Ho lao, ho ra máu và mọi chứng thất huyết.

Thịt rùa nấu với hành và nước tương mà ăn, tác dụng bổ âm giáng hỏa, chủ trị các chứng ho lao ho ra máu, nóng lạnh rất thần hiệu.

7) Ho nhỏ ra đờm có vướng máu.

Khoản đông hoa, Bạch hợp sao lên hai vị bằng nhau, tán nhỏ, luyện *mật* làm viên to bằng hạt nhãn, liều uống 1 viên, thang với nước gừng.

8) Ho nhỏ ra máu, hai bài.

- *Nhân sâm, Nhũ hương, Thần sa* đều bằng nhau, tán nhỏ, quết với *Dại táo* làm viên, ngày uống 1 viên, thang với nước sôi...

- *Vỏ dâu tằm, ngâm nước vo gạo ba đêm, cạo bỏ vỏ vàng bên ngoài, cắt nhỏ cho vào nếp cùng sao cho khô 4 lạng, Nhân sâm, Hoàng kỳ, Bột mì* ngang mỗi thứ một lạng, *Bách hợp* 1 đ/c, đều tán nhỏ, nhồi với nước làm viên, liều uống 50 viên, thang với nước cỏ tranh.

XIII- THỔ HUYẾT

1) Chữa chứng thổ huyết hạ huyết do nội thương thất tình, cùng tửu sắc, khí huyết chạy càn miệng mũi đều ra máu, mạch tâm phế nhược, máu chạy vọt mạnh, chỉ trong chốc lát là bất khả cứu.

Nhân sâm sấy khô, *Trắc bá diệp* sao hắc, *Kinh giới tuệ* cũng sao hắc, các vị đều dùng 5 đ/c nấu với 2 đ/c bột mì thanh cháo loãng mà ăn, chỉ làm 1 lần là khỏi.

2) Hư lao thổ huyết quá nặng, người mệt mỏi phải bổ dưỡng để sinh âm.

Nhân sâm 1 lạng, *Táo* 5 quả sắc uống, hễ ngủ say là khỏi, sau nên tùy nghi mà điều trị.

3) Thổ huyết, hạ huyết, bụng ngực đau như giùi dăm.

Đất lòng bếp, Đất vách tường trong bếp đã lâu năm, hai bị bằng nhau tán nhỏ, liều uống 5 đ/c. sắc lên để lắng cho trong cho uống lúc đói, uống xong cho ăn cháo trắng để dè lên.

4) Thổ huyết hai ba ngày không ngừng, ra từng giọt không hết.

Mục tàu mài ra, hòa với nước ép củ Sinh địa mà uống.

5) Thổ huyết, hạ huyết và đàn bà rong kinh.

Hoàng cầm 3 lạng, sắc cho uống nóng.

6) Tự nhiên thổ ra máu 1-2 ngụm, hoặc là tâm nục, hoặc là nội băng. (1).

Lá thuốc cứu 3 nắm sắc uống, hoặc đốt ra tro, liều uống 3 đ/c

7) Thổ huyết hoặc đau bụng đi cầu ra máu.

Quế tâm, Câu kỷ tử, Địa cốt bì, đều tán nhỏ hòa với nước cho uống.

8) Vì huyết chạy càn vào dạ dày, thổ huyết mãi không ngừng.

Ngũ linh chi 1 lạng, Hoàng kỳ 5 đ/c, tán nhỏ liều uống 2 đ/c uống với nước mới mức về.

9) Trị thổ huyết, nục huyết 9 khiêu đều ra huyết.

Long cốt, tán bột dùng thổi vào lỗ mũi.

10) Trị thổ huyết mãi không làm được, sắc huyết tím thâm giống gan ngỗng gan vịt.

Tê giác, Cát cánh tán nhỏ, hòa rượu uống.

11) Thổ huyết thấy mũi nổi sắc đỏ.

Nước tiểu, nước gừng hòa lẫn cho uống đến 1 đ/c.

12) Trị người lớn, trẻ con thổ huyết.

A giao, Cáp phẩn đều dùng 1 lạng., Thần sa chút ít, tán nhorm trộn với ngó sen mà uống.

13) Thổ huyết, ấu huyết.

Ngũ linh chi 1 lạng, Lô hội 2 đ/c, nghiền ra bột, liều uống 2-3 viên. uống với nước tương.

14) Thổ huyết, thóa huyết.

Bồ hoàng sao tán nhỏ, liều uống 2 đ/c với nước lạnh hoặc nước nóng.

15) Trị thổ huyết đau nhói như đâm.

Dại hoàng 1 lạng, tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, thang với nước ép củ Sinh địa với nước sôi nửa chén..

(1) *Tâm nục và nội băng* là do cơ chế bên trong mà phát ra thổ huyết.

16) Nóng trong sinh thổ huyết.

Thanh đại 2 đ/c hòa với nước mới mức mà uống.

17) Thổ huyết, hạ huyết.

Nước ép *Sinh địa* chưng ba chén nấu sôi, cho vào 1 lạng *Cao da trâu* chờ tan hết rồi pha vào nửa chén nước *gừng*, chia hai lần uống thì khỏi, hoặc hơi chuyển uống 1 lần nữa không sao.

18) Vì khí uất mà thổ huyết.

Hương phụ tán nhỏ, *nước tiểu trẻ con* hòa với *Chu sa* và *Cáp phấn* bằng nhau uống.

19) Trị chứng thổ huyết với chóng mặt vì thổ huyết.

Lọ nôi hoặc *lọ chảo* nghiền nhỏ hòa với rượu hoặc nước nóng cho uống.

20) Hai phương trị chứng thổ huyết không cầm được.

- *Bông mồng gà trắng*, tẩm dấm nấu 7 bận, *Bối mẫu* sao tán thành bột, *Rễ tranh* giã vắt lấy nước hòa vào uống.

- *Yếm cua đinh*, bột *vỏ sò lông*, mỗi thứ một lạng sao vàng tán nhỏ nấu nước *A dao*, *Bồ hoàng*, *Sinh địa* hòa vào cho uống.

21) Thổ huyết tổn hại tới phổi.

Chung nhũ thạch, nung lửa luyện thành phân, liều uống 2 đ/c, uống với cháo nếp.

22) Bổng bị thổ huyết dữ dội.

Lấy *Vòi đá* để trên thành giao, đốt rồi nghiền ra, hòa với nước mới mức, cho uống 2 đ/c.

XIV- KHẮC RA HUYẾT

1) Chữa tất cả mọi chứng khác ra huyết.

a) *Trắc bá diệp* phơi khô tán nhỏ, uống với nước *cơm* mỗi lần 3 đồng cân.

b) *Lọ nôi*, sao rồi nghiền, uống với nước *giếng ban mai* mỗi lần 2 đ/c uống 3 lần.

Bạch thược 1 lạng, *Tề giác* 2 đ/c, *Lá sen* sấy khô đều tán nhỏ, hòa với nước *cơm* cho uống, uống đến khỏi thì thôi.

2) Khắc ra máu do phổi bị thương (Xây xát).

Bột hương phụ cho uống với nước *cơm* mỗi lần 2 đ/c, ngày 2 lần.

3) Nghiệm phương chữa các chứng khác ra huyết, thổ huyết, nục huyết, hạ huyết.

Lá sen, *Hoàng cầm*, *Bạch thược*, đều bằng nhau, tán nhỏ, mài sừng 7 *ngưu* lấy nước *hà* lần vào cho uống.

XV- ĐỔ MÁU MŨI

1) Chứa chứng đổ máu mũi ròng ròng, chóng mặt mê man muốn chết.

Mục tàu mài ra 1 lạng, nước ép *Sinh địa* 1 lạng, hai thứ trộn lẫn cho uống.

2) Sau cơn bệnh nặng vì nhọc sức từ lâu, bị chảy máu cam.

Mẫu lệ 10 phần, *Thạch cao* 5 phần, tán nhỏ cho uống với rượu mỗi lần 1 muống.

3) Chảy máu cam cả tháng không khỏi.

Dùng máu dê mới cắt cổ hãy còn nóng cho uống thì khỏi ngay.

Phương khác:

Trắc bá diệp, *Bóng lựu* phơi khô tán bột dùng thổi vào mũi.

4) Trị đổ máu cam không cứ lúc nào.

Thuyết cân (rễ kim lương), *Thuốc cứu* mỗi vị dùng 1 lạng, *Ô mai nhục* 5 đ/c, tán nhỏ luyện với mật ong, liều uống 30 viên, thang với nước sắc *Ô mai*.

5) Chứa chứng đổ máu mũi không dứt được.

a) *Thanh cao*, *Ké dầu ngựa*, *bóng Mã đề*, giã lấy nước uống.

- *Lọ nôi sao*, *Đương quy*, *Bối mẫu*, *Rễ tranh* đều sấy khô tán nhỏ, hòa với nước cơm thêm một chút bột *Hương nhu* mà uống.

c) *Chi tử*, *bèo cái*, tán nhỏ thổi mũi.

6) Chứa chứng đại nục không ngừng, mồm và tai đều ra máu.

A dao sao, *Bồ hoàng* nửa lạng, nước ép *Sinh địa* một chén.

Cùng sắc với 1 chén nước cho uống ấm, ngoài dùng lụa buộc ngang hai vú.

7) Nghiệm phương chứa đổ máu mũi không ngừng.

Mục xạ, mài đặc cho uống với rượu, ngoài dùng *Sơn chi tử* so sắc tán bột thổi mũi.

XVI- THỔ NỤC

(Thổ huyết vừa nục huyết)

1) Thổ huyết và nục huyết bị tổn thương do tửu sắc, khiến huyết chạy ngược lên, nhưng chưa mất tiếng.

Lọ nôi tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, thang bằng nước cháo nếp.

2) Vì kinh sợ quá mà hộc máu, 9 khiếu đều ra máu.

Dùng nước giếng ban mai phun lên nạt thì cầm ngay.

3) Chứa thổ huyết với tiện huyết băng huyết.

Rau má, *Đương quy*, *Bồ Hoàng*, *Hoàng cầm*, *Hoàng tiền* đều sao. *Sinh địa* rửa

rượu, *Hòe hoa* thứ để lâu, sao lên mỗi vị 1 lạng sắc uống, nếu máu ra ở thượng bộ gia nước *Ngó sen* 1 đ/c, ở hạ bộ gia *Địa du* 1 đ/c.

4) Miệng mũi máu tuôn ra như suối, bởi tửu sắc thái quá.

Kinh giới đốt lên nghiền thành bột, nấu nước *Trần bì* làm thang cho uống.

5) Nục huyết, thổ huyết, hạ huyết.

Cát cánh, Tê giác, tán thành bột, cho uống mỗi lần 1 muống, uống với nước.

Phương khác:

Cho uống bài *Tứ vật* có gia *Tam thất* 5 phân.

6) Thổ huyết rồi lại nục huyết.

Thổ chu 1 lạng (nung, tời vào dấm), *Đất lòng bếp* đều tán bột nước m,ới mưa hòa vào tời lọc sạch lại hòa vào với *Mật ong* cho uống.

7) Nục huyết không chỉ.

Uất kim tán bột 1 lạng, uống với nước giếng mới múc mỗi lần 2 đ/c, nặng quá thì uống 1 lần nữa.

XVII- ĐI CẦU RA MÁU.

(Tiện huyết)

1) Chứa chứng đi cầu ra máu.

Mục tàu tán nhỏ 2 đ/c, *A dao* nấu tan rồi hòa lẫn mục tàu vào cho uống, bệnh nóng nhiều thì càng hợp với bài thuốc này.

2) Đi cầu ra máu vì có tích nhiệt, đó là nhiệt ở trong trường vị, hoặc vì độc rượu mà đi cầu ra máu, đau bụng, khát nước, mạch sắc.

Hoàng liên 4 lạng chia làm 4 phần, 1 để sống, 1 sao qua, một ngâm nước sôi, một tẩm nước lã.

Hoàng cầm 1 lạng, *Phòng phong* 1 lạng.

Đều tán nhỏ luyện hồ làm viên, liều uống 50 viên, mùa đông thêm 1 lạng *Chỉ xác*, 1 lạng *Đại hoàng* chưng với rượu.

3) Chứa chứng đi cầu ra máu không cầm được.

Kinh giới tán nhỏ, liều uống 2 đ/c với nước cơm, đàn bà uống với rượu, hoặc trộn với bột mì mà ăn cũng được.

4) Chứa các chứng đi cầu ra máu.

Hương phụ tẩm nước dãi trẻ con 1 ngày rồi sao với *Đấm chua*, *dậu đen* (thứ tia mà nhỏ hạt nấu nước *Bồ kết* tẩm, xối, rồi sao chín bỏ vỏ).

Hai thứ tán nhỏ, luyện với mỡ heo làm viên, cho uống với nước *Trần mễ*.

5) Đi cầu ra phân trước rồi ra máu sau.

La thuốc cứu, gừng tươi nấu lấy nước mà uống vài chén.

6) Đại tiểu tiện đều ra máu.

Lưu ký nó (1), Cỏ mực, Tâm gói đất (2) tán bột, uống mỗi lần 2 đ/c, thang với nước trà.

7) Đi cầu ra máu không khỏi.

Cỏ tháp bút (mộc tặc) 5 đ/c, sắc cho uống ngày 2 lần.

8) Đi cầu ra máu vì hư hàn.

Phụ tử chế 1 củ, gừng sống 2 đồng cân rưỡi, Phèn chua 2 đồng cân, Đậu đen 100 hột, sắc cho uống.

9) Đi cầu ra máu chứng nguy không cứu được.

Mướp 1 trái, đốt tồn tính, Hoa hòe 1/2 sao với mướp.

Hai vị tán nhỏ, cho uống với nước cơm ngày 2 lần là khỏi.

10) Ỉa ra máu cầm được rồi mà nguyên khí ở Đơn điền còn suy kém lưng gối nặng nề, kém sức.

Gửi dẫu tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân uống với nước sôi bất cứ lúc nào.

11) Đi cầu ra máu lâu năm không khỏi.

Quyển bá và Địa du, sấy khô, hai vị bằng nhau, mỗi liều dùng một lượng, sắc với 1 chén nước, sôi vài chục đạo cho uống cả ngày.

XVIII- TIỂU RA MÁU

1) Trị tiểu tiện ra máu, miệng mũi ra máu, tai chảy máu.

Nước cốt Đinh diệp, dùng nửa cân nước cốt Gừng, nửa chén, Mật ong 1 chén trộn lộn cho uống.

2) Các bài chữa tiểu tiện ra máu.

Bài 1: Huyền hồ, Kinh giới, Sa nhân đều bằng nhau tán nhỏ, liều uống 3 đồng cân, thang bang nước cháo nếp, ngày uống 3 lần.

Bài 2: Rễ tranh, Củ cỏ cú, Địa du, các vị đều nhau sắc uống trước 3-5 ngụm, uống hết thuốc mà chưa kiến hiệu thì làm uống lần nữa.

Bài 3: Cỏ ích mẫu, cay Mỡ dê đều giã vắt lấy nước chừng một chén rưỡi cho uống.

1) *Lưu ký nó*: *Hypericum sampsoni* Hance, một cây thuốc có tác dụng cầm máu, trị vết đã tổn thương, ung độc do Lưu Đũ (Lưu ký nó) tức Tòng Cao Tử (TQ) phát hiện cho nên mới đặt tên Ngai.

2) *Tâm gói đất*: Một cây thuốc ở vùng Sơn (Thanh Hóa) có tên cũ là khố và ở Đàng Ngoài là Sơn Bình, gần Lạng Sơn (tức Sơn), dùng Tâm gói mà đun lấy thuốc để chữa thổ huyết, thấp khớp có lợi qua tạng ở tạng của người (Nguyễn Duy Bích).

3) Bổng dưng đi tiểu ra máu không cầm được.

Long đởm thảo 1 nắm, sắc kỹ chia uống 5 lần.

4) Chứng đái ra máu không khỏi.

Uất kim 1 lạng, tán bột, Hành 1 nắm, sắc uống nóng ngày 3 lần.

5) Chứa đần ông đần bà đi tiểu ra máu.

Long cốt, tán nhỏ hòa với nước cho uống, mỗi lần 1 muống.

XIX- BĂNG HUYẾT

1) Băng huyết không ngừng, các thuốc đều vô hiệu.

Diêm Hạnh nhân bỏ vỏ vàng, đốt tán nhỏ, liều uống 3 đồng cân, uống với rượu lúc đói.

2) Làm băng ra huyết bụng đau dữ.

Bạch thược 1 lạng sao vàng, Trắc bá diệp 1 lạng, rượu ngon 1 chén sắc uống.

3) Hạ huyết, băng huyết hoặc như dối lậu ngũ sắc.

Hương phụ sao hắc tán nhỏ, liều uống 2 đ/c với rượu, nếu mê man lắm thì gia thêm Bẹ móc (dùng dính) đốt ra than tán nhỏ mà uống thang bằng nước cơm.

4) Đàn bà bị băng kinh lâu ngày không dứt được.

Lá thuốc cứu 1 nắm, Can khương 1 đ/c, sắc lấy nước, cho vào nửa lạng A đao (đã sao phồng) tán nhỏ chia uống 3 lần.

5) Băng kinh cả ngày đêm không止.

Xuyên khung 1 lạng, Dầu mè 1 chén, nước ép Sinh địa 3 chén, sắc chia ra mà uống.

6) Chứa băng huyết vì nhiệt.

Hương cầm tán nhỏ, liều uống 1 đ/c, uống với rượu Tịch lịch(1).

Hứa học sĩ nói: chứng băng huyết hay dùng thuốc chỉ huyết và bổ huyết để chữa, bài thuốc này chữa dương lẫn âm, giống như trời nắng đất nóng kinh thủy bị trào lên.

7) Con gái bị băng huyết.

Quán chúng dùng nửa lạng sắc cho uống.

8) Chứa băng huyết sắp nguy.

Thịt dê 2 cân, nước 2 đấu, cho vào 1 cân Sinh địa 3 lạng gừng khô 3 lạng Dương quy, nấu lấy 3 cân chia uống 4 lần.

(1) Rượu Tịch lịch: Lấy hòn cân đem nung đỏ rồi tột vào rượu.

9) Các phương chứa đàn bà băng huyết.

Mục tàu đốt cho hết khói, *Sơn khố* đốt lấy 8 đ/c, *Ngũ linh chi* to bằng hạt đậu tán nhỏ cho uống với rượu.

Phòng phong nướng sém, *Bồ hoàng* sao hắc, *Sa nhân*, *Ich trí nhân*, *Quế tâm* đều sao tán nhỏ hòa với nước cơm mà uống.

Củ tam thất nghiền ra bột hòa vào với 2 phân *rượu*. sắc 1 thang từ vật pha vào cho uống.

Bách thảo sương 2 đ/c, tán nhỏ luyện với *Một chó* làm viên nấu *Đương quy* làm thang tống.

10) Chứa băng huyết, rong huyết.

Lá huyết dũ sao vàng sắc uống.

Lá rau dứa sống vò vắt nước cốt cho uống.

XX- RONG HUYẾT

1) Băng huyết rong huyết ra sắc xanh vàng đỏ trá sưng khiến cho người không có con.

Mục tàu tốt (mục xạ) 1 đ/c, *Thạch vi* tán nhỏ, hòa với rượu liều uống 3 đồng cân.

2) Chứa đàn bà rong huyết.

Hồ hoa sao cháy, *đất lòng bếp*, *A dao*. *Phân tầm đều* sao lên tán nhỏ, liều uống 2-3 đ/c, hòa *rượu* mà uống.

3) Chứa con gái bị rong kinh.

Dùng *tóc rơi* đốt thành than, mai cua đinh tẩn dấm nướng, đều tán nhỏ, liều uống một muống, ngày hai lần uống với rượu.

XXI- BỆNH VỀ HUYẾT

1) Chứa tình trạng chín khiếu ra máu.

Dùng *Kinh giới* sắc với rượu cho uống luôn, sẽ khỏi.

2) Chứa đàn bà vì huyết ứ mà mất tiếng.

Dùng cái chìa khóa bằng sắt, *gừng*, *đấm*, *nước tiểu trẻ em* cũng sắc chung lấy nước cho uống người yếu cũng uống được.

3) Trị các chứng thất huyết.

Tía tô bất cứ nhiều hay ít, sắc bỏ bã, canh đến đặc, bột đậu đỏ luyện làm viên, liều uống 35 viên, uống với rượu.

4) Ngoài da ra mồ hôi có máu.

Nhân trung bạch để trên miếng ngói mới có lửa sấy khô *Út lý nhân* bỏ vỏ, đốt nghiền nhỏ 1 đ/c, xạ *huang* một tí, hòa với rượu uống.

5) các khiếu chảy máu và chảy máu mũi.

Tóc rối đốt ra than, uống với một muổng nước, ngày ba lần.

6) Nghiệm phương chữa chảy máu lưỡi.

Hồ hoa sao, nghiền bột dùng xát trên lưỡi.

7) Chữa tình trạng thất huyết, suyễn thổ nôn ra dờm, đầy ứ trong bụng, thổ huyết, hạ huyết, băng huyết, đới hạ.

Bán hạ giã nát dùng nước gừng trộn với bột mà nắm *Bán hạ* đem nướng vàng, nghiền nhỏ, luyện hồ làm viên, uống với nước sôi mỗi lần 30 viên.

XXII- TRƯỜNG PHONG TẠNG ĐỘC ⁽¹⁾

1) Chữa chứng trường phong tạng độc.

Lọ nổi cà nhỏ 5 đ/c, trộn với nước cơm pha sương một đêm sáng sớm cho uống.

2) Bệnh trường phong đá lâu năm.

Thạch yển mài với nước cho uống thường xuyên.

3) Trường phong hạ huyết lâu năm không khỏi người hư yếu.

Phèn xanh 4 lạng, *Thanh diêm*, *Lưu hoàng* mỗi vị một lạng, cũng cho vào cái nồi đất mới, đầy vung kín, ngoài nồi đất bùn với muối trét kín, đặt vào đồng lửa mà hầm cho đỏ suốt rồi lấy ra chờ nguội bốc hết hỏa độc rồi nghiền nát như bột, cho thêm một lạng bột *Phụ tử* vào trộn thật đều luyện hồ làm viên liều uống 30 viên, uống với nước cơm.

Các phương khác:

- *Hoàng kỳ*, *Hoàng liên* đều bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm viên, uống 20 viên với nước cơm.

- *Dái con heo rừng*, đốt cháy nghiền nhỏ cho uống.

- *Thổ chu*, nướng rồi tời vào *dấm*, nghiền bột cho uống.

- *Thương truật* tẩm nước *Bồ kết* một đêm, say khô nghiền nhỏ làm viên mà uống.

- *Bạch chỉ*, *Chỉ xác*, *Hoa hòe* đốt cháy, ba vị đều bằng nhau, tán nhỏ liều uống hai đồng cân với nước mới mức hoặc nước cơm.

- *Mộc hương*, *Hương liên*, đều bằng nhau, tán nhỏ, nhồi vào ruột già con heo, cột chặt lại đem ninh như, lấy ra phơi khô, tán nhỏ luyện viên mà uống.

- *Hoa hòe* 8 đồng cân, *Ô mai* 3 quả, *Sinh địa* 8 đồng cân, *Dương quy* 1 đồng cân,

(1) *Trường phong* là đi cầu ra máu tươi tung tóe như phun, mà nẫu môn chẳng sưng chẳng đau gì đó là do phong tà gây nên.

Tạng độc, do thấp nhiệt gây nên, ở nẫu môn sưng bằng quả táo, dái tiền ní, tiểu tiền đỏ

Kinh giới tuế, Chỉ xác, Bạch thược, Xuyên khung, Địa du, mỗi vị 8 phân sắc uống, bệnh đã lâu thì gia *Nhân sâm, Bạch truật, Phòng phong*, mỗi vị 9 phân.

- *Cá diếc tươi*, làm kỹ bỏ ruột, dồn bột *Ngũ vị tử* vào cho đầy bụng cá, ngoài nám đất bọc kín đem đốt tồn tính, tán nhỏ, liều uống một đồng cân, uống với rượu, hoặc nhồi với cơm làm viên mà uống.

- *Hoài sơn, Quả hòe, Phục linh* mỗi vị ba đồng cân đều tán nhỏ, nhồi vào ruột già heo, nấu thật chín dùng ăn, ăn liều ba lần là khỏi.

- *Bán nguyệt hoa* (tục gọi là nấm cò) sao vàng sắc uống.

4) Bệnh trường phong đã lâu năm đau ngứa không dứt.

Địa du 4 lạng, *Cách thảo* 3 lạng, tán nhỏ chia ba lần uống, sắc 4 quả sa nhân, với một chén nước làm thang.

5) Đại trường hạ huyết.

Bông mồng gà trắng sao lên, tóc rối đốt thành than, *Trắc bách diệp* tất cả tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân với *rượu*.

6) Đại trường hạ huyết vì tửu độc.

Ốc bưu 5 con, đốt cho đến khi vỏ nó trắng thịt nó khô thì đem nghiền nhỏ, hòa rượu cho uống ngày 1 lần.

XXIII- XÍCH BẠCH TRỌC

1) Bệnh đái ra nước đục như nước vo gạo.

Dùng một con *Ốc vặn* đem đốt cho chín, cho vào ba chén *rượu* nấu lên, rồi lể lấy thịt ốc mà ăn và uống cả *rượu* ấy, làm vài lần sẽ khỏi.

2) Bệnh đái ra nước đục như tinh khí.

Dương quy, Mộc hương, Mộc dưộc, ba vị bằng nhau, tán nhỏ, luyện mật làm viên mà uống với nước muối.

3) Chứng tâm hư nước đái nhờn và xích bạch trọc.

Ích trí nhân, Bạch truật, Bạch phục linh đều bằng nhau, tán nhỏ, liều uống hai đồng cân, uống với nước sôi.

4) Chứng thận hư hai sườn đau xuyên ra sau hông.

Ngũ vị tử 1 lạng, sao đỏ, tán nhỏ, dấm bột khuấy hồ luyện viên cho uống 30 viên lần với dấm.

5) Đái đục liên, mặt nước đái lênh lênh như dầu, đọng lắng xuống như cao, đây là chân nguyên bất túc hạ tiêu hư lạnh.

Tỳ giải, Ô dưộc, Xương bồ đều bằng nhau tán nhỏ, uống mỗi lần 7 đồng cân với nước muối.

6) Khi dãi nhĩ ra từng giọt, mà dục dấy là tâm thận khí hư, tinh thần không giữ vững hoặc mộng di tinh bạch trọc.

Phục linh, Xích linh đều bằng nhau, tán nhỏ, thùy phi, rồi dùng nước sôi nấu *Thục địa* luyện làm viên, cho uống với nước muối.

7) Chứng di tinh bạch trọc, do dương thịnh âm hư, cho nên tinh khí tiết ra.

Vỏ con sò lông (nung) 1 cân, *Hoàng bá* (sao trên nồi đất) 1 cân, hai vị đều tán nhỏ luyện viên bằng nước, liều uống một viên thang với rượu. Ý nghĩa: Một vị bổ thận âm, một vị đáng tâm hỏa.

8) Chứng bạch trọc đầy bụng bất cứ đàn ông hay đàn bà.

Ích trí sao với muối, *Hậu phác* tắm nước gừng sao, đều bằng nhau, gừng một lát, tảo một quả sắc uống.

9) Đàn bà bạch dâm, chảy ra đầm dề, hư lạnh.

Sùng hươu, dẻo vụn, sao vàng, tán nhỏ cho uống mỗi lần hai đồng cân với rượu.

10) Tiểu tiện bạch dâm do tâm thận bất túc, mơ tưởng vô vấn mà sinh ra.

Hoàng liên, Phục linh đều bằng nhau tán nhỏ, rượu với bột khuấy hồ làm viên, liều uống 30 viên, ngày uống ba lần với nước sắc *Bồ kết chỉ*.

11) Hư lao bạch trọc.

Mộc nang, xương dê đều tán nhỏ hòa với rượu cho uống mỗi lần một muống, hoặc sắc *mộc thông, Tô mộc* và *Bạch lục* làm thang.

12) Chứng xích bạch trọc đau lậu.

Bột *Đại hoàng* mỗi lần dùng 6 phân, *trứng gà* 1 quả, đập lủng một lỗ trên đầu rồi dồn bột *Đại hoàng* vào lược chín cho ăn ba lần là khỏi.

Các phương khác:

- Cũng làm kiểu trên, nhưng nội dung là bột *Lưu hoàng*.

- *Ích trí, Phục thần* mỗi vị dùng hai lạng, *Viễn chí* (tắm nước Cam thảo) nửa lạng, tán nhỏ dùng bột với rượu khuấy hồ luyện viên, liều uống 50 viên nấu với nước gừng làm thang.

- *Bông mồng gà* màu trắng, *Thăng ma, Mộc thông, Cam thảo* sắc với rượu uống.

13) Chứng thận hư bạch trọc.

Nhục thung dung, Hoài sơn, Phục linh, Lộc nhung, mỗi vị đều bằng nhau tán nhỏ luyện hồ làm viên, liều uống 30 viên, làm thang bằng nước sắc *Đại táo*.

14) Khí hư bạch trọc.

Hoàng kỳ sao với muối nửa lạng, *Bạch phục linh* 1 lạng, tán nhỏ liều uống một đồng cân uống với nước sôi.

15) Lậu tinh bạch trọc.

Muối trắng một lạng, cho vào cái om nhỏ đáy nắp trét miệng

kín, nung trấu một đêm rồi lấy ra để nhá bột hòa độc. *Phục linh*, *Hoài sơn*, mỗi vị dùng hai lạng, đều tán nhỏ, luyện với *Đại táo* và *một ong* làm viên, liều uống 30 viên thang bằng nước sắc đại táo, (bài này chữa vào tỳ và thận).

16) Chứa chứng bạch trọc đá lâu năm, đây là phương kinh nghiệm.

Hoàng bá (tẩm muối và rượu sao) nửa đồng cân, *Hoạt thạch* 3 lạng *Mẫu lệ* 1,5 lạng. *Thạch liên nhục* 8 phân phân, *Xa tiền* 1 đồng cân, *Hải kim sa* 1,5 đồng cân, *Cam thảo* 5 phân, sắc cho uống.

Nếu không khỏi dùng *Tứ vật thang* gia *Hoàng kỳ*, *Mạch nha*, *Tri mẫu*, *Ích trí* lại càng hay hơn.

17) Chứa đàn bà có huyết khí trắng bất kỳ mới hay đá lâu.

Lá bạc sau nhiều hơn, *Bạch đồng nam*, *cây rừng cưa*, *lá hoắc hương* (nhiều) với lâu năm, *Bạch thực linh* đều một đồng cân, sắc cho uống.

XXIV- DI TINH

1) Vì lo nghĩ quá nhiều tâm thận hư tổn, chân dương không bền vững, khiến di tinh lâm lịch bạch trọc mộng mị xuất tinh luôn.

Thố tu từ 5 lạng, *Bạch phục linh* 3 lạng, *Thạch liên nhục* 1 cân, tán nhỏ, dùng *rượu* khuấy hồ luyện viên, liều uống 50 viên với nước muối.

2) Vì tâm hư không yên mà sinh di tinh bạch trọc.

Mát ngó sen, *nhị sen*, *hạt củ súng*, *củ mài*, *Phục linh*, *Phục thần* mỗi vị dùng hai lạng tán nhỏ, dùng *Kim anh tử* 1 cân giã nhỏ nấu cao để luyện viên, cho uống với nước cơm.

3) Tâm hư bị di tinh

Tim heo 1 quả, thái miếng để dính liền nhau, *Chu sa thủy phi* cà nhỏ rắc vào rồi túm lại, dùng dây buộc kỹ, nấu chín cho ăn.

4) Nằm ngủ mơ mộng bị di tinh.

Bán hạ 2 lạng, *Trư linh* 2 lạng cùng thái ra sao vàng, rồi bỏ *trư linh*, gia *Mẫu lệ* đã nung một lạng tán nhỏ, dùng bột củ mài khuấy hồ làm viên, liều uống 30 viên thang với nước sắc *Phục linh*.

Các phương khác:

- *Xương sống mũi chó*, đốt nghiền ra, khi đi ngủ uống một đồng cân với rượu.
- *Phúc bồn tử* sao vàng, nấu nước củ mài làm thang uống.

5) Chứng di tinh Bạch trọc.

Thu thạch 1 lạng, *Phục linh* 5 đồng cân, *Thố tu từ* sắc 5 đồng cân, đều tán nhỏ,

đung một chén nước nấu sôi 100 độ với một chén nước giếng mới mức về khuấy hồ luyện cơm, liều uống 100 viên, thang tổng với rượu và nước muối.

6) Chứng mộng di tinh ăn kém.

Khổ sam trấu ba lạng, *Bạch truật* 5 lạng, *Mẫu lệ* nung 4 lạng đều tán nhỏ dùng một cái bao tử heo rửa sạch cho vào nồi đất nấu nhừ rồi cho vào cối nghiền chung với các vị thuốc trên làm viên, liều uống 40 viên, thang bằng nước cơm, uống lâu sẽ béo người và ăn được thì thôi.

7) Thận hư di tinh.

Ngũ vị tử một cân, ngâm nước sát kỹ, bỏ hạt gan lấy thịt của nó, cho vào nồi đất lọc qua, thêm vào hai cân *mật ong* ngào thành cao để 5 ngày cho tiết hết hỏa độc mới dùng, liều uống một đến 2 muỗng với nước sôi.

8) Chữa mộng di tinh đái đục.

Hột hẹ, hàng ngày khi đói nuốt vài chục hạt, uống với tí nước muối.

9) Chữa chứng tinh tự chảy.

Thạch lựu nhục, *Long cốt*, *Ích tri nhân*, *Bạch phục linh*, đều bằng nhau tán nhỏ, luyện viên khi đói uống 20 viên với nước cơm.

Phương khác:

Phục linh, *Sa nhân* mỗi vị dùng một lạng, tán nhỏ, trộn vào hai đồng cân muối, một miếng *thịt dê* châm thuốc nướng chín mà ăn và uống rượu.

10) Vì lao tâm mà nằm mộng tiết tinh.

Long cốt, *viễn chí*, các vị đều tán nhỏ, luyện mật làm viên, *Chu sa* làm áo, liều uống 30 viên với nước sắc *hột sen*.

11) Chứng hể nằm ngủ thì tiết tinh.

Long cốt 4 phân, *Hột hẹ* 5 vốc, đều tán nhỏ, liều uống một muỗng với rượu khi đói.

12) Vì âm hư mà nằm mộng tiết tinh.

Yến cua dính đốt nghiền nhỏ, liều uống một đồng cân, *rượu* nửa chén, *nước tiểu* nửa chén, *hành* 7 cọng nấu sôi lên thì bỏ hành, giờ Ngọ (giữa trưa) cho uống, ra mồ hôi thì thôi.

13) Chứng mộng tinh di tinh, đại tiện phân loãng.

Mẫu lệ nung tán nhỏ, *dấm* với bột khuấy hồ luyện viên, liều uống 30 viên thang với nước muối.

15) Chứng mộng mị di tinh.

Nhũ hương một cục to bằng ngón tay cái khi đi ngủ dùng ngâm nuốt nước, đến canh ba thì nhai nhỏ và nuốt hết.

16) Nghiệm phương chữa mộng tinh di tinh bách phát bách trúng.

Nhân sâm 5 đồng cân, Liên nhục 5 đồng cân, Thạch xương bồ, Bá tử nhân, mỗi vị 5 phân, Viễn chí phục thần mỗi vị 7 phân, Long cốt 5 đồng cân 5 phân, Liên tu 3 đồng cân, sắc cho uống lúc đói.

XXV- PHẠM PHÒNG

1) Chữa người ốm vốn bệnh cường đại đã khỏi rồi, vì hoạt động buồng the mà bệnh tái phát thận thủy suy mà hỏa bốc nóng, tâm thận không giao nhau.

Đơn sâm, Huyền sâm mỗi vị dùng 1 đồng cân, Đảng sâm 2 đồng cân, Dương quy 1,5 đồng cân, Liên nhục 2 đồng cân, Mạch môn 1,5 đồng cân, Phục linh 2 đồng cân, Ngũ vị tử 7 hột, Tao nhân 2 đồng cân, Chích thảo 5 phân, sắc cho uống nóng.

2) Chữa chứng vì phạm phòng mà nóng lạnh dữ dội.

Cho uống bài Bình vị bội Thương truật, hậu phúc.

XXVI- ĐIÊN CUỒNG.

1) Nghiệm phương chữa diên cuồng thần hiệu.

Toan yết 10 con, Hồ cò độc được 30 hột (nửa sao nửa để sống). Lúa nếp non, đàn ông 7, đàn bà 9 hột, giấy quạt rách một mảnh to, nước mưa dùng nhiều.

Sắc cho uống nóng bệnh khỏi thì thôi, sau chuyển cho uống Thanh thần thang để giải hết độc thuốc.

Thanh thần thang:

Dây rung rúc, lá Kim Cang, Củ sắn dây, Lá dâu da, Đậu ván trắng, lá sung sắc cho uống.

2) Truyền phương chữa bệnh rồ (cuồng).

Thạch tín, nung lửa dây lát, bỏ xuống đất, thấy thuốc thấm ra màu vàng là được, lấy 2 phân.

Thần sa, Chu sa mỗi vị dùng mười phần, Hùng hoàng, Thu hoàng, đều dùng 7 phần.

Tất cả tán nhỏ luyện viên bằng hột đậu đen, liều uống nam 7 nữ

9 viên, nhét vào quả chuối chín cho nướng, sẽ mưa ra chất độc, xong rồi ăn cháo đậu xanh để giải độc là khỏi.

3) Chữa đàn bà vì uất lên mà diên cuồng mà kinh gián.

Phèn chua 3 lạng, Uất kim 7 lạng, tán nhỏ lấy bột khuấy hồ luyện hoàn, liều uống 3 đồng cân với nước sôi. Xưa kia có người đàn bà vì kinh sơ lo lắng, đờm quyết làm mê tâm khiếu thành ra chứng này đến vài năm sau nhờ gặp bậc dị nhân truyền cho phương thuốc này uống 2 lần liền khỏi.

4) Chữa bệnh do thất tình sinh điên cuồng, hát múa, hoặc lúc cười, lúc khóc.

Bạch truật, Bạch thuộc, Dương quy, Táo nhân, mỗi vị dùng 3 đồng cân, *Viễn chí, Thạch xương bồ* mỗi vị dùng 15, *Chi tử* tẩm đồng tiện sao hắc. *Sài hồ, Mẫu đơn bì* mỗi vị dùng 2 đồng cân, *Cam thảo* 1 đồng cân, sắc uống.

5) Chữa chứng vì tà khí phát cuồng lên, sợ nước lửa và lưới trắng.

Thạch cao sống 6 lạng, *Cam thảo* sống 1 lạng, *Chu sa* 2 đồng cân nghiền thành bột, dùng lá *Mã đề* giã vắt lấy nước cốt mà uống mỗi lần 2 đồng cân.

XXVII- ĐỘNG KINH

1) Thần phương kinh nghiệm chữa động kinh.

Xương dầu hổ 4 lạng, (kỵ đồ sắt) *Tóc rối* đốt thành than 1 đồng cân, *Diêm tiêu* 1 lạng, *Uất kim, Xa can, Tam nại, Khương hoạt, Độc hoạt, Bạch tật lê, Xương hồ, Xuyên khung, Ô dầu đều* 1 lạng, *Xạ hương* 5 đồng cân, *Nhữ hương, Một dược đều* 1 lạng, *Angelica* 2 đồng cân, *Lộc nhung* 1 đồng cân, *Chu sa, thần sa* mỗi vị 2 đồng cân, tán nhỏ luyện viên bằng hồ, *Hùng hoàng* làm áo viên to bằng củ súng, liều uống 1 viên, với *ruợu* hoặc *dấm* nóng, mài uống 2 phân xúc vào chỗ đau 1 phần, hoặc cầm nặng thì uống 3 viên với nước *lá trầu*, cầm nhẹ thì uống với nước trà, suyễn thở gấp thì uống với *dầu mè* (1).

2) Truyền phương chữa kinh giãn, mỗi tháng động kinh 1 lần, hoặc ba bốn tháng phát ra một lần, uống hai lần là khỏi hẳn.

Lá cây Khô mộc 3 lạng, *Cau khô, Thảo quả* mỗi vị dùng 5 đ/c, nước 4 chén, sắc còn 5 phân cho uống.

3) Chữa chứng xây xẩm mà tinh thần mê man, từ sáng đến chiều thì hay lên cơn, mê man, ngất liệm, lay gọi cũng không biết gì.

Trước cho uống 1 thang, *Hôi hương gia Ngũ vị*, sao cho uống *Nhân sâm Tam bạch thang* uống ba lần là khỏi (2).

XXVIII- ĐỔ MỒ HÔI

1) Chữa chứng sau khi ốm mới khỏi, vì người yếu mà đổ mồ hôi và chảy (hánh) nước mắt.

Đỗ trọng, Mẫu lệ hai vị bằng nhau tán nhỏ, khi đi ngủ uống 1 muống, nếu chưa khỏi thì uống lần nữa.

(1) *Dầu mè*: Theo nguyên bản chép chỉ có chữ *dầu*, theo ý chúng tôi cho là *dầu mè*? (ND).

(2) *Nhân sâm Tam bạch thang*: *Lúc Sâm hồ Tam bạch* thang của Trương thị y Thông mà bỏ *Sài hồ*, chữa thương hàn quá kinh không giải, nóng rét qua lại, ưa lạnh, tức ngực khó chịu, *Nhân sâm, Sài hồ, Phục linh, Quế bì*, đều dùng 1 đồng cân rưỡi, *Cam thảo* 6 phân. (chích) *Bán hạ* (khương chế). Chỉ thực sau, đều dùng 1 đồng cân, gia ba lát gừng sắc uống.

2) Chứa chứng đổ mồ hôi như nước giọt, gầy còm, tai diếc.

Củ U du ngâm *dấm* (mùa hè 4, mùa đông 6 ngày) yán nhỏ, liều uống 2 đồng cân, uống với *dấm*.

3) Chứa chứng đổ mồ hôi ngực, các chỗ khác thì không, hể nghĩ ngơi nhiều thì đổ mồ hôi ra nhiều, đó là do tâm huyết hư, phải dưỡng tâm huyết.

Phục linh tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, thang bằng nước sắc lá thuốc cứu.

4) Sau cơn ốm khỏi đổ mồ hôi do thương hàn hư yếu, ngày đêm cứ đổ mồ hôi không ngừng, miệng khô họng ráo.

Thịt gà trống vàng 1 con, *Ma hoàng căn* 1 lạng, nấu kĩ lấy nước rồi cho vào 1 lạng *Nhục thung dung* (Tầm rợ), 2 lạng bột *Mẫu lệ* (đã nung chín), nấu lấy 1 chén rượu nước cho uống hết trong ngày.

Phương khác:

Dùng *Thục địa* 5 lạng sắc cho uống.

5) Các chứng hư yếu đổ mồ hôi, đêm nằm càng đổ nhiều mồ hôi, lâu ngày khô gầy.

Chích hoàng kỳ, *Ma hoàng căn* đều dùng 1 lạng, *Mẫu lệ* nung chín rồi tưới nước vo gạo vào, đều tán nhỏ, liều uống 5 đ/c, thang với nước sắc 100 hột tiểu mạch.

6) Lòng bàn chân khó chịu, đổ mồ hôi mê man không biết gì.

Mật ong hòa với nước giếng ban mai đã nấu qua cho uống.

7) Bổng đổ mồ hôi mà đổ máu không ngừng.

Dùng *mỡ dê* *mỡ bò*, hòa tan vào *rượu* hâm nóng cho uống.

8) Vì phong nhiệt mà đổ mồ hôi.

Lá trang (Vân mẫu diệp) nghiền nhỏ hòa với nước cho uống 3 đ/c.

9) Người già trẻ em vì hư yếu mà đổ mồ hôi.

Bạch truật 5 đ/c, *Phù tiểu mạch* một nắm, nấu đến khô bỏ tiểu mạch, dùng *Bạch truật* tán nhỏ liều uống 1 đ/c, thang với nước sắc *Hoàng kỳ*.

10) Vì hư yếu ra mồ hôi nhiều quá.

Ma hoàng căn, *Hoàng kỳ* hai vị bằng nhau, tán nhỏ luyện viên bằng hồ, sắc nước *Phù tiểu mạch* làm thang, mỗi lần uống 200 viên.

11) Chứa chứng đổ mồ hôi không ngớt.

Bạch truật hòa với nước cơm cho uống.

Phương khác:

Dùng *Uất kim*, *Ngũ bội tử*, *Hà thủ ô*, trộn với nước miếng đem đắp vào rốn.

XXIX- ĐỔ MỒ HÔI TRỘM

1) Chữa chứng đàn bà trẻ con bị đổ mồ hôi trộm và sau khi bị bệnh thương hàn đổ mồ hôi trộm mãi không ngưng.

Long đóm thảo nghiền thành bột, liều uống 1 đ/c, dùng nước

Mật heo hòa tan trong *rượu* làm thang.

2) Chữa chứng trẻ em đổ mồ hôi trộm.

Long đóm thảo, Phòng phong, Rễ họ, sắc cho uống.

Phương khác:

Nhân sâm, Phục linh, Táo nhân, đều nhau, tán nhỏ, cho uống 1 đ/c ngày 3 lần, uống với nước cơm.

3) Tỳ hư yếu đổ mồ hôi trộm.

Bạch truật 4 lạng, thái ra từng phiến, 1 lạng sao chung với bột *Mẫu lệ* 1 lạng sao chung với *Thạch斛*, 2 lạng sao chung với gạo trắng rồi chỉ lấy *Bạch truật*.

4) Vì hư lao mà đổ mồ hôi trộm.

Mẫu lệ, Hoàng kỳ, Ma hoàng, các vị bằng nhau tán nhỏ, liều uống 2 đ/c.

5) Vì khí hư mà đổ mồ hôi trộm.

Mẫu lệ. Đổ trong đều bằng nhau tán nhỏ, liều uống 1 muỗng.

6) Các phương chữa chứng đổ mồ hôi trộm không chữa hết.

- *Bạch chỉ, Phục thần, Lá thuốc cứu sao, Ó mai, Thần sa, thêm hai vị Ma hoàng* con với *Dạm đậu s,* sắc cho uống nóng

- *Quả đào héo* (khô dính trên cây) *Bạch mai, củ hành, Dâng tâm, Trần bì, Rễ cây lúa mì,* sắc cho uống

7) Chữa chứng đổ mồ hôi trộm (âm hàn).

Ma hoàng cân và *Mẫu lệ, tán* nghiền thật mịn làm phần xoa.

(HẾT QUYỂN CHẤN)

HÀNH GIÃN TRẦN NHU

Quyển tồn (54)

I- TIÊU KHÁT

1) Chữa chứng hư suy phiền khát, hoặc trước bị khát rồi sau sinh nhọt lở, hoặc trước bị nhọt lở rồi sau sinh khát.

Chích hoàng kỳ 4 đ/c, Cam thảo 1 đ/c, Táo 1 quả, sắc uống.

2) Chữa chứng nóng khát buồn bực.

Nước mới xáo ⁽¹⁾ lấy 1 chén cho uống, hoặc lấy 1 đ/c Hoàng đơn hòa với nước mới múc về cho uống rồi cho ăn cháo mạch ba góc ⁽²⁾ đề lên.

3) Chữa tiêu khát đi đái nhiều.

Hoàng liên tán nhỏ, luyện mật làm hoàn cho uống, hoặc dùng 1 cân Hoàng liên, nửa cân rượu nấu 1 lúc rồi phơi khô, tán nhỏ luyện viên để dùng, mỗi lần uống 1 đ/c.

4) Chữa bệnh tiêu khát lâu năm không khỏi.

Hương phụ 1 lạng, Bạch phục linh nửa lạng, đều tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, uống với nước cơm hoặc dùng Hột tía tô 3 lạng, tán nhỏ sắc nước vò rễ dâu tằm làm thang mà uống.

5) Bệnh tiêu khát không khỏi, hạ nguyên hư tổn.

Ngưu tất 5 lạng, tán nhỏ, Sinh địa già vắt lấy nước 5 thang tẩm bột ngưu tất vào mà phơi khô, lại tẩm lại phơi đến hết nước sinh địa mới thôi, luyện mật làm hoàn cho uống với rượu.

6) Chữa bệnh tiêu khát không khỏi, uống nước ngày cả thạch ⁽³⁾ tiểu tiện dò gát.

Các phương khác:

-Bèo cá già vắt lấy nước cho uống.

- Bèo khô, Qua lâu căn, hai thứ bằng nhau tán nhỏ, luyện với sữa ngựa làm viên

(1) Nước mới xáo (Đĩa tương thủy) đào một cái hố sâu, đổ nước vào phủ lên rồi để nó lắng trong

(2) Mạch ba góc (Kiều mạch - Egepyrum esculentum Moench), 3 góc ở cây Lạc Sơn, Cao Bằng cũng có, người thức phụ ở trấn Xố.

(3) Thạch - Dung cụ đồng tương một cổ, từ đầu vỏ một thạch

cho uống lúc đói.

- *Mật bò* 1 cái, *dầu đen* vào đem phơi râm 100 ngày cho ăn hết là khỏi.

- *Gạo nếp* 3 vốc, *mật ong* 1/3, nấu lấy nước cho uống.

7) Bệnh tiêu khát uống nước không biết chán.

Cải củ 3 củ, rửa sạch thái mỏng phơi khô, tán nhỏ, thang bằng nước luộc thịt heo.

Các phương khác:

- *Nhân sâm* tán nhỏ, hòa với lòng trắng trứng gà mà uống ngày uống ba bốn lần.

- *Nhân sâm*, *Qua lâu căn* sống, hai thứ bằng nhau tán nhỏ, luyện mật làm viên, thang tổng bằng nước sắc *Mạch môn*.

- *Nhân sâm* 1 lạng tán nhỏ, *Bột sắn* 2 lạng, dùng *mỡ heo* với *mật ong* trộn chung với thuốc nấu thành cao, ngâm nuốt.

- *Bạch thược*, *Cam thảo*, hai thứ bằng nhau sắc uống, phải kiêng đủ thứ rượu, mì, đồ chiên, đồ xào...

8) Bệnh tiêu khát uống nhiều nước.

Các phương:

- *Ngũ linh chi*, *dầu đen* sát bỏ vỏ, hai thứ bằng nhau tán nhỏ, nấu vỏ bí đao làm thang mà uống thuốc.

- Dùng *Bát vị hoàn* bỏ *Phụ tử* gia *Ngũ vị* cho uống là khỏi ngay.

- *Mẫu lệ* lấy vào lúc tháng chạp hoặc ngày mùng 5 tháng 5 âm lịch, đất sét bọc kín cho vào lửa nung đỏ rồi lấy ra nghiền nhỏ, nấu *cá diếc* lấy nước làm thang uống.

- *Mật đà tằm*, ba lạng tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt bắp, uống từ 5-30 viên thang tổng bằng nước ngâm tơ có bỏ chút muối hoặc dùng *rượu*. Uống đến khi nào thấy nước trong bụng ọng ọc, bợn giả là được, ngoài ăn đồ khô để dè xuống hôm sau tự khỏi.

9) Bệnh tiêu hóa do thận hư khó chữa.

Đậu đen sao, *Thiên hoa phấn* hai vị đều bằng nhau, luyện hồ làm viên thang tổng bằng nước sắc *đậu đen*.

10) Bệnh tiêu khát nóng trong xương.

Bí đao 1 quả, bỏ ruột dùng bột *Hoàng liên* vào cho đầy, để vào trong hũ đợi bí vừa hết thì đem ra nghiền kỹ làm viên, liều uống 30-40 viên, cũng đun nước bí làm thang tổng.

11) Bệnh tiêu khát có trùng (bệnh này ít ai biết đến).

Vỏ rễ xoan, 1 nắm, thái nhỏ sấy khô, cho vào ít *Xạ hương* sắc với nước mà uống khi đói, dù có khó chịu cũng không sao, trùng tổng ra được thì khỏi khát.

12) Bệnh tiêu khát vì hạ hư (chứng thượng thực hạ hư, âm hỏa bốc lên thận thủy suy hư không tương giao mà trở thành chứng này).

Phục linh 1 cân, *Hoàng liên* 1 cân, tán nhỏ, nấu *Thiên hoa phấn* làm hồ luyện

viên, liều uống 15 viên với nước ấm.

13) Bệnh tiêu khát uống nước bao nhiêu cũng vừa, đi đái luôn.

Ốc bươu 5 cân, ngâm nước một đêm, khát thì cho uống ngay, mỗi ngày thay một lần.

Phương khác:

Gà mái vàng 1 con làm thịt, luộc lấy nước để nguội cho uống và nấu canh ăn cả thịt.

14) Tiêu khát nóng đốt trong tâm tỳ, hạ tiêu hư lạnh, đi đái luôn.

Dùng *sữa bò* hoặc *sữa dê*, cho uống mỗi lần vài chén, khỏi ngay.

II- ƯU UẤT

(Bệnh thần chí, vì lo nghĩ quá nhiều mà phát uất)

1) Chữa chứng ưu uất không được cởi mở, trong ngực khó chịu.

Bối mẫu bỏ lõi, tẩm nước gừng sao, tán nhỏ cùng dùng nước gừng khuấy hồ luyện viên, liều uống 70 viên, dùng cái khuy cài áo giáp của người chiến sĩ (dời nay có thể dùng dây nịt) đun lấy nước làm thang mà uống.

2) Trị chứng tâm khí bị uất kết.

Tim dê 1 quả, dùng *Hồng hoa* tẩm trong chén nước có bỏ xí *muối* bôi dần dần vào quả tim dê ấy, nướng chín cho ăn, làm cho tâm được yên vui.

III- MẤT NGỦ

Phụ: Ngủ nhiều

1) Chữa chứng mất trắng suốt đêm không nhắm được mắt.

Dùng *Tim béc* (Dã tâm) nấu lấy nước cho uống.

2) Chữa mất ngủ:

Đó là vì vị khí đi ở dương phận, dương khí sung mãn không vào được âm phận, âm khí hư, cho nên mất ngủ.

Nước giòng sông (trường lưu thủy) 8 cân, quây lên để lắng lấy 5 cân nước trong bên trên nấu làm nước uống, còn lại dùng củ lâu mà chụm cho sôi lên, cho vào một cân gạo nếp, 5 vốc *Bán hạ*, hễ uống một chai nước thuốc nấu bằng củ lâu đó thì nằm cho ra mồ hôi là khỏi bệnh, bệnh đã lâu uống ba lần cũng khỏi hẳn

3) Chữa chứng phiền muộn không ngủ được.

Táo tàu 40 quả, *Hành bóc trắng* 7 tép, sắc cho uống một lần.

4) Chữa chứng mất ngủ vì đốm hư lòng hay hồi hộp.

Tân nhân 1 lạng, *Sâm* 1 lạng, *Thân sa* nửa lạng, *Nhũ hương* 2 đồng cân, đều tán nhỏ, sắc lá tre lấy nước cho uống với thuốc.

5) Chữa chứng sợ run không ngủ được.

Dùng *Tử quân tử* thang gia gừng táo sắc uống.

6) Chứng nóng trong xương ngủ không được lòng buồn phiền.

Táo nhân nghiền ra hòa với nước, lấy nước ấy hòa 2 vốc gạo vào nấu cháo, rót thêm nước ép *sinh địa* 1 chén vào nấu lên mà uống.

7) Mất ngủ vì đốm hư.

Xương đầu ngựa đốt thành than lấy 1 lạng, *Nhũ hương* 1 lạng, *Táo nhân* 2 lạng, tán nhỏ, uống với rượu ấm.

8) Ngủ nhiều, ngủ không được.

Táo nhân, *Nhân sâm*, *Bạch linh* ba vị đều bằng nhau, sắc uống, ngủ nhiều thì uống nguội, không ngủ được thì uống nóng.

9) Đốm nhiệt sinh ngủ.

Xương đầu ngựa đốt thành than, *Sét sắt* đều dùng một lạng, *Chu sa* nửa lạng, *long não* nửa phân, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, liều uống 30 viên dùng nước lá tre làm thang.

10) Nghiệm phương chữa mất ngủ, nam nữ thông dụng.

Trước dùng *Hội cà diên* (Thiên tiên tử) sao tán nhỏ một đồng cân, nấu nước *Nhân sâm* làm thang mà uống thì ngủ yên ngay. Sau cho uống 30 hột cà diên đã nghiền nát, 9 bóng lúa nếp, dùng một mảnh tro giấy quạt rách, vài que chổi xể đã cùn, sắc chung lấy nước mà uống với thuốc trên, uống đến khỏi thì thôi, sau hết cho uống bài an thần trấn tâm thang.

Phục linh *Viễn chí* *Sơn chi tử* (sao bắc) thiên ma sắc lấy nước để mài với các vị *Hồ phách*, *Trân châu*, *Thiên ma*, *Hùng hoàng* mà uống.

Hoặc cho uống bài An hồn định phách thang.

Hoàng liên, *Phục thần*, *Viễn chí*, *Sơn chi tử* sắc lấy nước rồi cho bột chu sa vào hòa đều uống là khỏi ngay, có thể cho uống với ba Quy tỳ càng tốt.

IV- CHỨNG HAY QUÊN

1) Thần minh mờ đi mà hay quên.

Dùng tim của các vật bò, ngựa, gà, heo, phơi khô tán nhỏ, liều uống một muống với rượu, uống ngày ba lần, có thể nghe một biết mười, một phương khác có thêm tim chó.

2) Thần minh mờ loạn quên nhiều hay lắm.

Viễn chí bỏ lõi, chọn ngày Đinh Dậu...(lược bỏ)...

3) Chứa chứng hay quên, thuốc này uống lâu thời thông minh thêm nhớ.

Bạch long cốt, *Viễn chí* hai vị bằng nhau tán nhỏ, sau bữa ăn cho uống với *ruợu* ngày ba lần.

4) Hay quên mà kinh sợ hồi hộp.

Xương cạp bôi *dấm* nướng vàng, *Long cốt* và *Viễn chí* ba vị bằng nhau tán nhỏ nấu nước gừng cho uống ngày ba lần, uống lâu người sẽ thông minh.

V. HỒI HỢP

(Chính xung)

1) Chứa chứng hồi hộp không ngủ.

Phục thần 2 lạng, *Trầm hương* 5 đồng cân, tán nhỏ cho uống với nước nóng.

Phương khác:

Mật đá tảng, nghiền nhỏ mỗi lần cho uống một ít, với nước nóng.

2) Hồi hộp đổ mồ hôi, đó là tâm lý bất túc.

Sâm quy đều dùng nửa lạng, *cật heo thối* 1 quả nấu nước nóng rửa sạch *cát miếng*, cho *Sâm quy* vào mà nấu, nước thuốc cho uống với quả *cật* khi sôi, bã còn lại sấy khô tán nhỏ, bột củ mài khuấy hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, liều uống 50 viên khi đói bụng, thang bằng nước sắc *Dại táo*, uống hai lần là khỏi ngay.

3) Chứa nôn ọe choáng váng kinh sợ cơm ăn không xuống.

Bán hạ, *Sinh khương* đều dùng nửa cân, *Phục linh* 3 lạng, thái phiến sắc cho uống ấm.

4) Chứa chứng tâm hư kinh sợ gầy nhom.

Nước cây *Ngũ trảo* lấy chừng 2 cân, sắc còn 1/2 chia uống 4 lần, ngày ba đêm một.

5) Chứa chứng khiếp của nam như nữ.

Nam thì dùng *nước tiểu* của nữ, nữ thì dùng *nước tiểu* của nam, khi lấy nước tiểu phải bỏ đợt đầu và đợt cuối, chỉ lấy quãng giữa, ngày cho uống hai lần rồi cho ăn bánh nướng để dè lên, hơn tháng là khỏi.

VI. THƯƠNG THỰC

1) Chứa chứng ăn đồ nóng đồ lạnh không điều hòa, ăn uống quá, đau bụng gần chết.

Dại hoàng, Ba đậu (bỏ vỏ và cán bỏ bớt đầu) *Can khuông*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ, làm viên bằng hạt bắp, liều uống 6 viên, đi cầu được làm chùng.

2) Chứa chứng vì ăn trái cây mà chướng đầy bụng.

Quế chi tán nhỏ nhồi cơm nguội làm viên bằng hạt đậu xanh, liều uống 5-6 viên uống với nước muối.

3) Chứa chứng vì thịt không tiêu.

Cho uống ngay nước nấu thịt ấy là tiêu, hoặc ăn óc của vật ấy cũng tiêu.

4) Chứa chứng thực tích, có đờm hỏa.

Thạch cao nung dấm khuấy hồ luyện viên liều uống 30 viên uống với nước nóng.

5) Chứa chứng tích nghệt ở ngực.

Khiên ngưu 1 lạng, *ba đậu* 3 quả, tán nhỏ luyện viên liều uống 20-30 viên với nước nóng.

6) Chứng ăn nhiều dễ đói.

Đậu xanh, lúa mì vàng gạo nếp đều dùng một cân, nấu dần lấy nước cho uống, bốn năm hôm là khỏi.

7) Chứng thực ăn không biết đói.

Thạch liên nhục, nấu chín, bỏ tim, tán nhỏ nhồi cơm làm hoàn ngày uống 30 hoàn.

8) Bài thuốc này làm khỏe tỳ, ăn ngon chứa chứng đầy hơi, và bệnh ỉa chảy vụ hè.

Thần khúc, Thương truật, đều bằng nhau luyện hồ làm viên liều uống 50 viên, nếu có lạnh thì gia *Can khuông*, hoặc tỳ vị hư yếu bụng đầy tức, lâu ngày chầy thang ăn uống giảm sút, hay nằm miệng không biết mùi vị, gia *Mạch nha* 3 lạng, *Báo khuông* 4 lạng, *Bạch truật, Trần bì*, đều một lạng, *Ô mai* 4 lạng, luyện mật làm viên, liều uống 50 viên với nước cơm.

9) Bài thuốc làm cho trong người dễ chịu và ăn khỏe.

Mạch nha 4 lạng, *thần khúc* 2 lạng, *Bạch truật, trần bì*, đều một lạng, luyện làm viên liều uống 35 viên uống với nước sắc *Nhân sâm*.

10) Những thứ thịt có độc nên kiêng.

Trâu một lá gan, Heo, Dê, trong tim gan có lỗ, *gan ngựa, gan chó chân có móng đeo, thịt lục súc chết mà đầu ngoảnh về hướng Bắc, há miệng.*

11) má phi hoàn, chứa chứng tích thực, hơi đưa ngược lên và những chứng hư khi bệnh mới bình phục tích ở trường vị rất hay.

Cây xương rồng, Tầm gạo trắng (hoặc thay nghệ cũng tốt) cùng làm nhỏ luyện với mù xương rồng làm viên cho uống với *rượu*, hễ đi cầu được là khoan khoái, nếu đi cầu nhiều quá thì dùng *Bạch truật* tán nhỏ hòa nước cho uống, hoặc dùng *Lý trung thang* cũng được.

VII- TÍCH TỰ

1) Chứa chứng tích khối, vàng mà sưng.

Nồi đất Thần sa lâu năm, thủy phỉ tán mịn làm viên, liều uống với *ruợu*.

2) Chứa chứng trưng hà tích cứng.

Tro trong lò vôi, luyện với *ruợu* cho uống.

3) Chứa chứng trong bụng có khối tích hoặc bị bệnh có khối đá lâu.

Chua sa, nghiền cực nhỏ, luyện với *cơm*, dùng một con gà trống cho nhin đói 2 ngày rồi cho nó ăn *cơm* ấy, bố trí theo dõi để lấy cứt nó ra, phơi khô tán nhỏ cho uống với *ruợu*.

4) Chứa chứng bụng sườn có khối, bí đầy.

Hùng hoàng 1 lạng, *Bạch phàn* 1 lạng tán nhỏ, hòa với hồ làm cao dán vào bụng liền khổi lại dán nữa, đợi đi cầu vài mươi bận là khổi.

5) Chứa tất cả các chứng đau vì khí tích lạnh thành khối.

Lưu hoàng, *Diêm tiêu* mỗi thứ 4 lạng sao qua, *Thanh bì*, *Trần bì* cũng đều 4 lạng.

Tất cả tán nhỏ, luyện viên với hồ liều dùng 30 viên, uống với nước *cơ*.

6) Chứa bệnh trưng hà cổ trướng.

Củ U du nước 6 chén, nấu với 5 chén nước to, đến cạn 3 chén thì lọc bỏ bã, cô đặc thành cao cho vào hũ đáy kín, mỗi sáng sớm cho uống 1 muống cá pha *ruợu*, ngày uống 2 lần.

7) Chứa bệnh kết hờn (trưng hà) không khổi, dưới sườn cứng như đá.

Củ U du nướng sém 1 lạng, *Dại hoàng* 1 lạng, tán nhỏ, nấu với *Dấm* đến lênh lênh như cao, mỗi ngày cho uống 1 muống với *nước gừng* và *vỏ quít* sắc, xở được thì thôi.

8) Chứa người già trẻ em bị bệnh khối tích đá lâu đi lại đau đớn.

Hương phụ, *Nam tinh* hai vị bằng nhau, tán nhỏ, *nước gừng* khuấy hồ luyện viên, liều uống 20-30 viên, thang với *nước gừng*.

9) Chứa bệnh khối tích đá lâu, đại tiểu tiện không lợi, đầy trướng không ăn.

Dại hoàng, *Bạch thược*, mỗi thứ hai lạng tán nhỏ luyện viên bằng nước, liều uống 40 viên, uống với nước nóng ngày ba lần, hễ ăn biết đói thì thôi.

10) Chứa chứng trong bụng có tích khối.

Hột gấc 5 lạng dùng hai trái *cột heo*, bỏ ra dồn thuốc vào trong mà nướng chín, già chung với 3 lạng *Hoàng liên* làm viên, liều uống 30 viên, uống với nước sôi.

11) Phương thuốc này làm tan khối tích.

Phèn đen 1 cân, *muối* 5 lạng, *Mẫu lệ* 1 lạng, *Thạch giải* 3 lạng, các vị trên trộn

chung, dùng một cái nồi đất mới, dưới lót nước, rồi đặt một lớp giấy, rải thuốc vào sấy trên lửa, sau đem ra tán nhỏ, cứ mỗi đồng tiền xức làm 1 viên.

- Nóng lạnh, thì nhét thuốc vào chuỗi mà nuốt.
- Sốt rét, có kinh không đều thì nuốt với múi chanh.
- Làm cho vỡ cục máu thì thang với rượu.

12) Chứa bệnh báng đau ngấm ngấm sờ thấy trong da thịt, rất khó chịu.

Cứ nấu canh tôm cho ăn.

13) Chứa chứng đau máu nhà con. (Nhĩ chấm, huyết hà).

Dùng Bồ hoàng tán nhỏ, liều uống 3 đồng cân, thang với nước cơm.

14) Chứa chứng đau máu nhà con. (Huyết hà, Trùng lịch).

Mai rùa, Bồ hoàng, Hồ phách, tán nhỏ uống với rượu, liều uống 2 đồng cân, thấy máu độc ra thì thôi.

15) Chứa chứng báng kết khối tích.

Mai cua dính tấm dấm nướng vàng, nghiền nhỏ, liều uống 1 muống hòa với 1 ly sữa bò mà uống, mỗi buổi sáng.

16) Chứa chứng báng kết ở chơn thủy.

Dùng cái đầu mèo mun, đốt thành than nghiền nhỏ cho uống với rượu, liều uống 1 đồng cân, ngày uống 3 lần.

17) Chứa bụng đầy kết khối, mọi thuốc chứa chưa khỏi.

Cho uống nước tiểu của người mỗi ngày 1 thăng, sẽ ra được máu cục, máu dây, độ vài mươi hôm báng cũng hết.

18) Người ham ăn đồ sanh lạnh, miệng chảy ra nước trong, lâu ngày thành hòn khối gây nhom như lao.

Chất trắng trong phân gà, gạo trắng, mỗi vị 2 vốc, tán nhỏ hòa với nước cho uống, sẽ mưa ra thứ như hạt gạo.

19) Chứa chứng trong bụng đầy kết thành báng.

Dùng 4 lạng thịt bò sát miếng, lấy vôi bột xát vào, nấu chín cho ăn, hòn tích sẽ ra.

20) Chứa tất cả những bệnh khí kết thành hòn nguy hiểm (lạnh kết đá lâu ngày).

Khổ sâm 2 thăng, nước tiểu trẻ em 1,2 đấu, sắc còn 2 thăng trộn với gạo nếp đặt rượu mà uống. Nếu báng tích hai ba năm không tiêu cũng chữa được.

21) Chứa chứng hòn tích ở mạng sườn.

Dùng nửa cân vôi sao trên tấm ngói cho thật nóng, Đại hoàng, tán nhỏ 1 lạng cho vào sao đỏ lên rồi cho vào nửa lạng bột Quế, sao qua trộn với dấm chua thành cao phết lên giấy mà dán, trong cho uống thuốc tiêu khối tích.

22) Chứa chứng trong bụng có hòn bàng.

Ngó thù du 3 thăng, giã nát, nấu với *ruợu* đến chín, lấy vải dùm lại đem chườm lên chỗ có bóng, nguội lại sao nóng nữa mà chườm, thấy hòn bàng chuyển tới đâu thì chườm theo tới đó, đến khi tiêu hết thì thôi.

23) Chứa chứng tích tụ thành khối, hoặc đau vướng, kèm có khí lam chướng phát sốt rét, là phương thuốc thần đá kinh nghiệm.

Rễ cây *Trung*, cạo bỏ vỏ ngoài, cắt nhỏ sao vàng tán bột luyện hồ làm hoàn dùng bạc thếp làm áo (giấy vàng bạc) liều uống 30 viên, uống với nước sắc lá *mãng cầu ta*, thường uống thay nước trà.

24) Lũy hiệu hoàn, chứa tất cả những bệnh khí tích, huyết tích, thực tích, dầm tích, đau trong bụng.

Phèn đen 5 đ/c (cho phèn vào cái chén nhỏ, đập kỹ, dùng đất bùn trét kín, cho vào lửa mà đốt chuyển sắc vàng là tốt).

Hương phụ sao 5 lạng, *Ô dược* 2 lạng, *Hải phù thạch nung* 2 lạng, *Nga truật* chứa huyết dùng 5 lạng, chứa khí dùng 2 lạng.

Uất kim, chứa huyết dùng 2 lạng, chứa khí dùng 5 lạng, *Mộc hương* chứa khí dùng 5 lạng, chứa huyết dùng 3 lạng.

Các vị tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn, liều uống 50 viên, ngày uống 2 lần, bệnh tích huyết thì sắc nước *Hồng hoa* làm thang, khí tích thì tích *vỏ quít* và cây *Sơn dương* làm thang, bệnh nặng uống 2 tể là khỏi.

25) Chứa mọi thứ tích tụ.

Gạo *Trần mễ* 4 lạng, *Ba đậu* 21 hạt, bóc bỏ vỏ đi, sao chung với gạo đến bốc mùi thơm là vừa, nhặt bỏ *Ba đậu* chỉ dùng gạo, *Trần bì* bỏ xơ trắng 4 lạng, hai thứ tán nhỏ luyện hồ làm viên, liều uống 5 viên ngày ba lần, thang với nước *gừng* nóng.

26) Chứa 7 loại bệnh sán (1) đau ở lòng bụng.

Nga truật (sao dấm), *Nam mộc hương* (cạo bỏ vỏ thô), *Hương phụ*, *Phèn đen* (phí) mỗi vị dùng 4 đồng cân, *Cá diếc* 1 con lớn, nướng vàng.

Tất cả đều tán nhỏ, luyện với hồ bột nếp, liều uống 3 đồng cân, lúc đói, dùng *Nam mộc hương* với *Hương phụ* ngâm rượu mà uống với thuốc.

27) Thân cao, chứa chứng dây kết hòn ở bụng.

Hùng hoàng, *Bạch phàn*, tán nhỏ, trộn với hồ bột nếp nấu thành cao sệt, trét lên vài mà dán chỗ kết hòn thì kiến hiệu, chưa khỏi là dán xỏ ra được nhiều lần là khỏi.

28) Chứa các chứng tích với tích lý, phòng tích.

Hắc sừu, 2 lạng, *Hương phụ* 1 lạng, *Dạ minh sa* 1 lạng, các vị tán nhỏ, dùng *dấm* mè khuấy hồ luyện viên, liều uống 50 viên với nước *muối*.

29) Chứa những chứng sản hậu dầm tích, kinh nguyệt không đều, đau bụng báng tích. (Bài thuốc gia truyền có nhiều hiệu nghiệm).

Phèn đen 1 thăng, Thảo quả 1,5 lạng, Đinh hương 20 nụ, (mùa hè dùng ít hơn, mùa đông thì dùng nhiều hơn) Hột liên 1,5 lạng. Quế 5 phần, Cam thảo 3 đ/c, cùng tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 chén rượu mà uống với 3 đ/c thuốc.

Nóng lạnh thì nhét trong quả chuối mà nuốt, các chứng đờm tích khối tích đau bụng, kinh nguyệt không đều thì thang với nước chanh.

VIII- ĐÂY TRƯỞNG

1) Chữa chứng ngực bụng cứng đầy đau, buồn phiền muốn chết.

Dùng 5 vốc muối, chọ vào nước mà nấu sôi cho uống, nửa được là khỏi ngay, thừa nửa lại uống nữa.

2) Chữa chứng ngực đầy mà không đau.

Cát cánh, Chỉ xác hai vị bằng nhau sắc với nước cho uống ấm.

3) Chữa chứng trong ngực buồn bực khó chịu

Bạch truật, tán nhỏ, liều uống 1 muổng xúc uống với nước nóng, người tạng hàn mà yếu thì nên dùng bài này.

4) Chữa tỳ hư đầy trướng, vướng mắc không thông.

Bạch truật 2 lạng, *Trần bì* 4 lạng, tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn, liều uống 30 viên với nước sắc *Mộc hương*, uống trước bữa ăn.

5) Chữa chứng tâm phúc đầy trướng, thở ngắn hơi.

Thảo đầu khấu 1 lạng, tán nhỏ, sắc nước *Mộc qua*, gừng sống làm thang mà uống, nửa đ/c.

6) Chữa tất cả các bệnh về khí, trướng đầy suyễn ho, ợ chua buồn phiền, nên uống thường xuyên và khí sáng sớm đi lên rầy cũng nên uống nhiều để phòng ngừa sơn lam chướng khí.

Hương phụ 40 lạng, *Trầm hương* 1,8 lạng, *Sa nhân* 4,8 lạng, *Chích thảo* 12 lạng.

Tất cả tán nhỏ cho vào tí muối, liều uống 1 đ/c uống với nước sôi.

7) Chữa các loại bệnh về khí, lòng bụng đầy trướng, nghẹn tắc ợ hơi, nuốt chua, ở trong cổ, đờm sôi, nôn ọc và tích rượu.

Hương phụ 1 cân, *Sa nhân* 8 lạng, *Chích thảo* 4 lạng, các vị tán nhỏ cho uống với nước sôi thêm vào ít muối, hoặc sắc cho uống cũng được.

8) Chữa chứng cổ trướng, phiền khát mình khô sắc đen gầy.

Cỏ roi ngựa phơi khô (đừng sao với lửa) rồi sắc với rượu và nước cho uống ấm (lấy thuốc này vào lúc trung tuần tháng 6 có tiếng sấm thì hay lắm).

1) *Bầy chứng sơn*: Dồi sơn, Hồ sơn, Khí sơn, Quyết sơn, Sơn hà, Tỉnh sơn và Long sơn.

9) Chứa người già trẻ em bụng đầy khí huyết ngừng trệ. Bài này có tác dụng khoan trường thuận khí.

Chỉ xác 4 lạng, chia làm 4 phần, 1 sao với 1 lạng *Thương truật*, 1 sao với 1 lạng *Cải củ*, 1 sao với 1 lạng *Can tất*, 1 sao với 1 lạng *Hồi hương*, rồi bỏ 4 vị tá được ấy chỉ dùng *Chỉ xác*, tán nhỏ, sắc 4 vị tá được kia khuấy hồ làm viên, liều uống 50 viên, uống với nước cơm sau bữa ăn.

10) Thần tiên đơn, chữa bệnh cổ độc nan y, với các chứng sản hậu suyễn thở.

Muối ăn 3 lạng, *Muối diêm* 2 lạng, *Phèn đen* 1 lạng, *Thủy ngân* 4 lạng, *Vân mẫu thạch* 2 đ/c, *Phèn chua* 5 phần, *Hồ tiêu* 15 hạt.

Các vị nấu theo cách chế tạo *Khinh phấn* tàn ba cây nhang là vừa chừng.

Cách dùng: Dùng 1 phần cho vào ba lớp giấy vè chặt nhét bột chanh vào, dùng rửu rau dừa nước nấu làm thảng mà uống, canh hai uống thì canh năm xổ hết các thứ độc, uống hai ba lần rồi cho ăn cháo đậu xanh để cầm, bệnh nhẹ uống một lần là khỏi, bệnh nặng thì hơn 10 ngày phải cho uống lần nữa, thường cho uống *Bình vị Nhị trần thang*, lại dùng rễ *Gắm* sắc với rượu mỗi sáng cho uống 1 chén, nửa rượu nửa nước khỏi bệnh thì thôi... (lược)...

11) Thuốc chữa bệnh cổ trướng thần hiệu.

Một cái *Bao tử heo*, 1 con *ếch to sống*, rửa sạch dồn vào bao tử heo ngoài cột chặt miệng, cho vào nồi nổi lửa luộc thật chín, xong đem ra bỏ ếch dùng bao tử heo, phơi sương 1 đêm, hôm sau xắt cho ăn ba lần với 2-3 củ *tỏi*, sẽ khỏi.

12) Chữa bệnh háng hòn, phù thũng cổ trướng, di dái không thông rất hay.

Bắt con *Ban miếu* để dói, chờ nó la hết cứt rồi tắm nó với rượu cùng sao với 1 lạng đất vách tường phía đông sao đến vàng, *Thạch lạnh* 3 đ/c, *Đại hoảng* 1 đ/d, đều tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng hạt đậu, liều uống từ 1 viên dần dần lên 4-5 viên uống với nước nóng, nếu mủn dái mà chưa đi dùng lá *Cóc mẩn* (1) vò với nước cho túi muối cho uống, rất hay.

IX-PHÙ THÚNG

1) Chữa bệnh thủy cổ bụng to tiếng nước chuyển động róc rách da dẻ đen sẫm.

Củ rễ quạt, giã vát lấy nước cốt cho uống thì hạ được ngay.

Phương khác:

Đậu đỏ 3 can, *Rễ tranh* 1 nắm, cho nước vào nấu chung, rồi ăn đậu hể xẹp phù làm chừng.

(1) *Cóc mẩn*: Ngà bắt thực thảo, Thạch hồ tuy. Centipeda minima A và Aschers - tác dụng Thanh nhiệt giải

2) Chữa bệnh thủy thũng mà dễ di cầu.

Ngân chu nửa lạng, *Lưu hoàng* 4 lạng, nung rồi tán nhỏ, luyện hồ làm viên, liều uống 30 viên, uống với nước sôi.

3) Chữa chứng hoàng thũng (phù thũng mà vàng bụng).

Phèn chua 1 lạng, *Phèn xanh* 1 lạng, *Bột gạo* nửa cân sao chung tán nhỏ, khuấy hồ làm viên, liều uống 30 viên, uống với nước sắc *Đại táo*.

4) Chữa chứng tay chân sưng, hư yếu.

Bạch truật 3 lạng, *Đại táo* 3 quả sắc cho uống ấm, lúc nào cũng được.

5) Chữa chứng phong thủy phù thũng.

Khương hoạt sao chung với hạt *cải củ* rồi sàng bỏ hạt *cải củ* lấy *khương hoạt*, tán nhỏ, liều uống 2 đ/c uống với *rượu*.

6) Phù thũng vì rượu, vì hư yếu.

Củ cỏ củ 1 cân, ngâm nước dãi ba đêm ngày rồi đem sấy khô tán nhỏ, luyện viên liều uống 40-50 viên.

7) Chữa thủy thũng dai gât.

Cây Cúc lân, *đậu đen*, *tiểu mạch*, mỗi vị dùng một nắm, sắc cho uống làm năm đến 6 hôm sẽ khỏi.

Phương khác:

Dinh lịch 1 lạng, *Đại táo* 20 quả, bỏ bột sắc đặc có thành cao, vo viên mà dùng, mỗi lần uống 60 hoàn.

8) Chữa tất cả mọi bệnh thũng.

Hồng hoa giã thật nát vắt lấy nước cốt cho uống.

9) Chữa thủy thũng phù khắp cả người, chứng bạo thủy, phong thủy, khí thủy đều chữa được.

Lá hương nhu 1 cân nấu với nước cho nát như rồi lọc bỏ bã, có thành cao, luyện với 7 lạng bột *Bạch truật* làm viên cho uống với nước cơm, mỗi lần hai đồng cân.

Các phương khác:

- *Cây kim châm* dùng cả gốc lẫn rễ lá, phơi khô tán nhỏ liều dùng 2 đ/c, trộn với nửa đồng cân bột dưới chiếu nằm cho uống trước bữa ăn với nước cơm.

- *Khổ dinh lịch* 4 lạng, tán nhỏ, quét với táo nhục làm viên, liều uống 50 viên uống với nước sắc vỏ đậu.

- *Cây sả*, *cỏ bấc*, *Mộc thông*, *diêm tiêu*, *vỏ bưởi*, *hạt bìm bìm*. sắc cho uống.

10) Thủy thũng bụng to đi đại không thông.

Quả kê đầu ngựa đốt cháy, *Dinh lịch*, đều bằng nhau tán nhỏ liều uống hai đồng cân, thang với nước sôi.

Phương khác:

Khổ đĩnh lịch 2 cân, tán nhỏ, hòa với tiết gà trống và gà mái làm viên, cho uống mỗi lần 10 viên.

11) Chữa mình mạt phù thũng.

Cam toại 2 đồng cân, tán nhỏ, dùng 1 trái *Cật heo*, giúi 7 lỗ, nhét bột cam toại vào, ngoài bọc giấy ướt, nướng chín cho ăn.

12) Thủy thũng thờ gấp đại tiểu tiện không thông.

Cam toại, *Đại kích*, *Nguyên hoa* đều bằng nhau tán nhỏ, quét với táo nhục làm viên liều uống 40 viên uống với nước nóng.

13) Bệnh thủy thũng mà lại suyễn đầy.

Sinh phụ tử 1 củ, *Giừng sống* 10 miếng, *Trầm hương*, tán bột 1 đồng cân sắc cho uống nguội, tuy dùng phụ tử sống mà không đáng ngại.

14) Chữa chứng thủy thấp thũng trướng.

Bạch truật, *Trạch tả*, đều dùng 1 lạng, hoặc tán nhỏ uống, hoặc làm hoàn, thang với nước sắc *Phục linh*.

15) Chữa chứng mình và mạt bồng nhiên sưng đầy.

Quả Bồ kết, bỏ vỏ nướng vàng 1 cân, *ruợu* 1 đấu, nấu lên cho sôi vài dạo cho uống mỗi lần 1 cân, ngày uống 3 lần.

16) Chữa chứng thũng đầy thờ dữ nằm không được.

Úc lý nhân 1 vốc to, tán nhỏ trộn bột gạo làm bánh cho ăn, ăn khỏi môm là đi đông được ngay, tiết bớt khí ra thì khỏi.

17) Chữa chứng khắp người chứng đầy tiểu tiện không lợi.

Trư linh 5 lạng, tán nhỏ, cho uống mỗi lần 1 muống với nước nóng ngày 3 lần.

18) Chữa thủy thũng thủy tích.

Gà trống vàng 1 con, làm thịt cắt miếng nhỏ, nấu chung với *Đậu đỏ* 1 cân, cho uống nước ấy, ngày 2 lần đêm 1 lần.

19) Chứng tỳ hư thấp thũng.

Đại phụ tử 5 củ, nấu chung nửa cân *Đậu đỏ* đến chín thì bỏ đậu dùng phụ tử, tán nhỏ dùng bột *Y dĩ* khuấy hồ luyện viên, sắc với nước *Củ cải* cho uống mỗi lần 10 viên.

20) Chữa bệnh khí thủy, cổ trướng, phù thũng.

Thịt chó 5 cân nấu chín cho ăn khi đói ⁽¹⁾

Phương khác: Chứng hàn thì dùng thịt bò, chứng nhiệt thì dùng thịt trâu, luộc chín

(1) *Cách làm thịt chó*: Theo kinh nghiệm cụ Nguyễn An Cư thì khi pha thịt ướp với năm canh rồi cuộn lại, dùng lá cột chặt kiểu bó giò, cho vào chảo đổ nước cốt dừa (phần trái dừa khô, thừa món xé 5 kg thịt chọi nấu cho tới nó bông con, nó thành dầu dừa, rồi dầu dừa đó chần cho thấm vào thịt, cắt hết dầu làm chừng, đem ra cắt từng miếng khoanh mà ăn. Sách tiên Cụ Cư áp dụng bài 20 này chữa thũng nổi danh.

chấm gừng dấm cho ăn khi đói.

21) Thũng trường thũng mẩn tiểu tiện gắt.

Móng chân con trâu dùng 1 cái, cạo sạch lòng hoặc dùng cái đuôi con trâu hấu canh cho ăn với dấm gừng như cách trên.

22) Mặt sưng húp.

Dùng một con *Đế đất*, hai phân *Khinh phôn*, đều tán nhỏ làm thuốc hít, mỗi lần lấy 1 ít để trên miếng giấy, cho hít vào lỗ mũi, nước vàng sẽ chảy ra hết, thật là phương kỳ diệu.

23) Thủy khí phù thũng.

Đậu đỏ 1 cân, *Gà trống nhạn* 1 con, cách làm cách dùng y như bài số 18 nói trên.

24) Thân phương chữa mọi chứng phù thũng.

Thuốc này có tác dụng bồi bổ khí huyết kích thích ăn uống.

Nghệ xa cừ 3 lạng, thái mỏng sao vàng, *Quy bầu* 1 lạng sao vàng, *Trần bì* 3,5 đồng cân sao vàng, đều tán nhỏ, liễn vồng 3 đ/c thang với nước canh cua và rau cải không nêm muối. Lại cho ăn nước canh ấy nếu thấy thũng xẹp đến hai chân thì dùng vỏ bưởi sao tán nhỏ uống với nước cơm rồi mới cho ăn mặn, sau cứ mỗi ngày cho uống 3 lần thuốc tán mỗi lần 3 đ/c với thuốc ngâm rượu như sau:

Xích hoa xà 5 đồng cân, *Cây trướng sao*, *Đậu đen sao*. *Đương quy*, *Hà thủ ô* đều đồng cân, *Phục linh*, *Cam thảo*, *Chi tử*. *Cẩm địa hạ*, mỗi vị 3 đồng cân và cùng đều sao, *Hoàng bá*, *Hồng hoa*, *Tô mộc* đều 1 đồng cân.

Nếu đàn bà thêm *Bạch chỉ* 2 đồng cân, *Hương phụ* 2 đồng cân, *Nhân sâm* 2 đồng cân.

25) Nghiệm phương chữa được tất cả mọi chứng phù thũng.

Diêm tiêu, *Nghệ xa cừ*, *Sả* (lá cà cù), *Mộc thông* đều dùng mỗi thứ một lạng, trước sắc ba vị lọc bỏ bã rồi cho *Diêm tiêu* vào nấu lấy một chén, mỗi lần cho uống nửa chén uống rượu, sau ăn ba khúc mía, kiêng ăn mặn, *Cá diếc*, uống ba thang là khỏi. *Nước mắm thịt heo*, *rau cải* có thể ăn được. Thuốc nấu để dành dùng càng lâu càng tốt.

Các phương khác:

- *Đế ngùi* 5-6 con, nếu khắp mình phù thũng dùng cả con đốt thành than cả nhỏ cho uống với rượu, nếu chỉ phù thũng ở chân tay thì dùng chân cẳng của đế đốt uống như trên.

- *Dại hoàng*, *Trần bì*, *Diêm tiêu* đều dùng 5 đồng cân, *Dang tâm* 1 nắm sắc cho uống với cho ăn vài ba khúc mía.

26) Truyền phương chữa các chứng thủy thũng nam nữ, thai tiền sản lậu sinh hàn tích kinh nguyệt không đều. (của ông Tống ở Phú Nghĩa truyền cho).

a) BAN NGÀY UỐNG.

Cây ích mẫu 5 đ/c, *Vỏ bưởi* 3 đ/c, *Mò hóng bếp*, 1 đ/c, đều tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng tiền xúc, uống với nước cơm.

b) BAN ĐÊM UỐNG.

Diêm tiêu, Phèn chua mỗi vị 1 lạng, *Đinh hương* 10 nũ, *Hồi hương* 3 hoa, *Quan què* 1 đ/c, *Cam thảo* 1 đ/c, *Cỏ roi ngựa* 1 đ/c sao, *Thảo quả* 2 đ/c đều tán nhỏ, cứ nửa đêm cho uống 1 đồng tiền xúc với rượu. Nếu phát sốt cho tắm nước lạnh thì hay. Nếu tâm nhiệt cho uống với nước luộc *Cau*.

27) Phương thuốc chữa phù thũng.

Từ đây trở xuống là thuốc gia truyền.

Phục linh bì, Mộc thông, Xa tiền tử, Hậu phác, Trư linh, Cam thảo.

28) Chữa chứng thấp hóa phù thũng sốt rét có báng.

Cam toại, Mộc thông, Vô bươi, lá Du lông. Lá sả, Đắng tâm sắc cho uống mỗi nước thuốc có pha 1 đ/c *Diêm tiêu*. Nếu người khô hao thì nấu canh của đồng với rau cải nêm nước mắm, không hẳn muối, thịt, và cá.

X- ỈA CHẢY

1) Chữa chứng ỉa chảy vì cảm âm thể. (Phục thử).

Hoạt thạch nung 1 lạng, *Lưu hoàng*, 4 phân, tán nhỏ luyện hồ làm viên cho uống với nước gừng nhát, nhiều ít tùy ý.

2) Chữa chứng cảm âm thử hoặc thổ hoặc tả, hoặc sốt rét phiền khát tiểu tiện đỏ.

Hoạt thạch nung 4 lạng, *Hoắc hương, Đinh hương* đều 1 lạng, tán nhỏ uống với nước cơm.

3) Chữa chứng ỉa chảy té re không ngừng.

Ngẫu cứu lâu năm 1 nắm, *Gừng tươi* 1 củ, sắc cho uống nóng. Ngoài dùng *Hột gấc* bỏ vỏ giã nát với *Đinh hương* (1 nũ) đắp vào rốn lấy thuốc cao dán ngoài.

4) Chữa chứng bỗng nhiên đi tháo ngày đêm không cầm.

Lá gai (gai làm bánh) phơi râm cho khô, tán nhỏ cho uống với nước nguội, (không hết các thức nóng).

5) Chữa chứng ỉa chảy do phong hàn lưu hành ở đường ruột.

Cỏ hy thiêm tán nhỏ, *Dấm* khuấy hồ luyện viên, uống 30 viên mỗi lần với nước lã đun sôi.

6) Chữa chứng thổ tả vì trúng hàn.

Gừng sao vàng và tán nhỏ hòa với cháo cho húp mỗi liều 3 đồng cân.

7) Mùa hè bị đi tả vì lạnh hay bị hoắc loạn.

Hồ tiêu nghiền nhỏ, cho uống mỗi lần 40 viên với nước cơm.

8) Chữa chứng đi cầu ra nước, bụng sôi vì có hỏa.

Thạch cao nung, nghiền nhỏ, nhồi với cơm nấu bằng gạo *Trần mễ*, *Hoàng đơn* làm áo, liều uống 20 viên, uống với nước cơm.

9) Chữa chứng ỉa chảy khát nước nhiều.

Ô mai và *Hồ hoa* sao, nấu nước cho uống thay nước trà.

10) Chữa chứng đau bụng ỉa chảy vì lạnh, do chân dương hư yếu quá.

Lưu hoàng 1 lạng, *Thanh diêm* 2 lạng, tán nhỏ, dùng sáp ong nấu chảy ra luyện viên liều uống 5 viên, uống với rượu hoặc nước mới gạn về.

11) Chữa chứng ỉa chảy không ngừng vì lạnh vì hư tổn

Củ nâu (Vũ dư lương) 4 lạng, nướng rồi tời vào dấm, *Ô đầu* 1 lạng, ngâm nước 1 đêm, gọt bỏ vỏ và núm, sấy khô tán nhỏ, trộn đều, *Dấm* khuấy hồ luyện viên, liều uống 5 viên trước bữa ăn uống với nước ấm.

12) Bài thuốc chữa chứng vì khí hư yếu mà bỗng nhiên đi cầu nhiều lần, bụng đau không ngớt, (bài này khi mùa hè đi đường nên mang theo mình để phòng cấp cứu).

Lưu hoàng 2 lạng, *Khô phân* nửa lạng, tán nhỏ, luyện hồ làm viên *Chu sa* làm áo, liều uống 15 viên với nước muối.

13) Chữa người già bị ỉa chảy không ngừng.

Phen phi 1 lạng, *Kha lê lệ* (*Lộc vững*) nướng 7 lạng, tán nhỏ cho uống với nước cơm.

14) Chữa chứng tỳ hư ỉa ra cứt cò, đó là do tỳ vị hư lạnh, nước đọng khí trệ ngưng tụ thành chất trắng mà ỉa ra.

Lưu hoàng 1 lạng, *Bột mì ngang* 1 phần, sao chung tán nhỏ luyện viên với nước nóng, liều uống 50 viên, với nước cơm.

15) Chữa chứng ỉa chảy vì tỳ hư.

Bạch truật thổ sao 5 lạng, *Bạch thược* sao rượu 1 lạng, mùa đông dùng *Nhục đậu khấu* nướng vàng nghiền nhỏ, luyện hồ làm viên, uống 50 viên với nước cơm.

16) Chữa chứng ỉa chảy lâu sinh tháo cống.

Bạch truật, *Phục linh* đều dùng 1 lạng, *Gạo nếp* 2 lạng, tán nhỏ, quét với *Táo nhục* làm viên cho uống

17) Chữa người già thường ỉa chảy.

Bạch truật thổ sao 2 lạng, *Thương truật* tẩm nước gạo sao 5 lạng, *Phục linh* 1 lạng đều tán nhỏ, luyện hồ làm viên, liều uống 70-80 viên, với nước cơm.

18) Người bụng đầy bồng bị đi tả ngày đêm không ngừng, đó là chứng khí thoát.

Ích trí nhân (quả ré) 2 lạng, sắc cho uống.

19) Người già đi tiêu chảy thuộc chứng hư.

Nhục đậu khấu nướng 2 lạng, Nhũ hương 1 lạng, nghiền nhỏ, luyện với hồ quấy bằng gạo Trần mễ làm viên, liều uống 50-60 viên với nước cơm.

20) Chữa chứng ỉa chảy do tỳ thận hư yếu.

Phá cố chỉ nửa cân sao, Nhục đậu khấu để sống 4 lạng, Mộc hương 2 lạng, tán nhỏ, quét với Táo nhục làm viên, liều uống 50-60 viên với nước cơm.

21) Đi tiêu chảy lâu không khỏi.

Nhục khấu vùi trong nếp 2 lạng, Mộc hương 1 lạng rưỡi, quét với Táo nhục làm hoàn, liều uống 40-50 viên với nước cơm có thêm Thực Phụ tử càng tốt.

22) Vì cảm phải khí lạnh, đi tiêu chảy như thác.

Phụ tử 1 lạng, Mộc hương nửa lạng, tán nhỏ luyện hồ nấu bằng Dấm làm viên, liều uống 20 viên, uống với nước sắc Trần bì.

23) Chữa bệnh ỉa chảy bất cứ già trẻ.

Bạch truật, Hoài sơn, Nhân sâm, đều bằng nhau sao vàng tán nhỏ luyện hồ làm hoàn cho uống với nước cơm.

24) Chữa chứng tỳ hư tiết tả, người già vì trung khí hư yếu, bị ỉa chảy không ngừng.

Nhục đậu khấu nướng 1 lạng, Thực Phụ tử 1 lạng, tán nhỏ luyện với cơm làm hoàn, liều uống 80 viên tháng với nước sắc hạt sen

25) Vị tỳ hư ỉa tóe ra cả cơm, thức ăn không tiêu, sức yếu.

Đại Phụ tử 10 lạng, cho vào nước sau 1 ngày thì vớt ra, mỗi củ xé làm 3 miếng, lại đem nấu nửa ngày với 2 cân Táo, rồi đem sấy khô, tán nhỏ, quét với Táo nhục làm viên, cho uống với nước cơm khi đói lòng.

26) Bị hoắc loạn thổ tả không ngừng.

Phụ tử 7 đ/c, nướng, bỏ vỏ và rốn, tán nhỏ, muối nửa đ/c sắc cho uống ấm.

27) Chữa bệnh ỉa chảy vì tạng hàn, ỉa chảy không ngừng, nhọc mệt kém ăn.

Ngó thù du sao qua, ruột heo nửa khúc, tước bỏ mỡ, luộc kỹ tời cho Ngó thù vào già kỹ vo viên, liều uống 50 viên với nước cơm.

28) Chứng tỳ hư tiết tả.

Hạt sen sao tán nhỏ 1 lạng, Nhục đậu khấu 1 lạng, Thảo quả đốt tồn tính 1 quả, tán nhỏ cho uống với nước cơm nấu bằng gạo Trần mễ.

29) Nghiệm phương chữa thổ tả thuộc thực chứng mới mắc kèm cả hoắc loạn, hoặc chỉ có thổ tả thôi.

Ô duốc, Khổ luyện tử, Mộc hương, 3 vị mài chung với nước trà ấm cho uống là khỏi ngay, sau cho uống Vị linh thang hoặc Hoắc hương chính khí hoàn để tiếp bổ.

30) Chứa chứng đi tả vì chứng khí và chứng sốt rét, kiết lỵ (bài thuốc gia truyền, nhiều kinh nghiệm).

Hoắc hương, Phúc bì, Tía tô, Cam thảo, Cát cánh, Trần bì, Phục linh, Bạch truật. Hậu phác, Bán hạ, Thần khúc, Bạch chỉ, già Lá sung, Lá Duối, lá Cích, Nam mộc hương, Thảo quả, Bình lang, Cỏ Seo gà, cỏ Chỉ thiên, các vị bằng nhau.

XI- KIẾT LỠ

1) Chứa chứng kiết lỵ đi cầu ra máu mủ.

Hạt vừng tủa Dã khổ luyện, mọc ở vùng bờ biển, không cứ nhiều ít, đem sao rồi tán nhỏ, luyện mật làm viên, bằng ba thứ mật, nước và rượu mỗi thứ một nửa sắc mà uống với thuốc.

2) Chứa dịch lỵ, khắp vùng đều bị.

Dùng Bình uy tán 1 lạng, thêm vào nửa lạng Tục đoạn, gạo, rượu sắc cho uống ấm.

3) Chứa chứng ỉa chảy vừa đi lỵ.

Phèn phi tán nhỏ, dùng bột với Dấm khuấy hồ luyện viên, liều uống 20-30 viên, nếu đi lỵ ra chất mũi thì thang với nước gừng.

4) Chứng hòa lỵ, đi cầu ra phân sống.

Xuyên tiêu 1 lạng, Thương truật 1 lạng, Dấm khuấy hồ luyện viên, liều uống 20 viên, uống trước bữa ăn với nước ấm.

5) Chứa những chứng lỵ vì tỳ tiết tạng độc ra máu, thuộc nhiệt chứng.

Xuyên hoàng liên nửa cân, ruột già heo 1 khúc, đồn bột Hoàng liên vào khúc ruột già ấy để vào cái nồi đất, đổ nước với rượu vào mà nấu nát bấy, lấy hoàng liên ra, sấy khô tán nhỏ luyện với ruột ấy làm viên, liều uống 100 viên với nước cơm.

6) Tỳ vị bị thấp đi lỵ bụng đau, thức ăn không tiêu.

Hoàng liên, Ngò thù du, Bạch thực, sao chung nghiền nhỏ, luyện hồ làm viên mà uống.

7) Bệnh đi kiết lỵ lâu không khỏi.

Dương quy 2 lạng, Ngò thù du 1 lạng sao chung, bỏ Thù lấu Quy tán nhỏ luyện mật làm hoàn, uống với nước cơm.

8) Chứa tất cả các chứng lỵ bất cứ nam hay nữ, già hay trẻ.

Hồ hoa, Khổ luyện, (ép bỏ đầu) hai vị bằng nhau, tán nhỏ luyện hồ làm viên, Chu

sa làm áo, nấu quả *chuối xanh* lấy nước làm thang uống tổng, hoặc kiết lý kéo dài thì thang với nước trà.

Phương khác:

Mộc hương 1 khối, *vuông vắn* 1 tấc, *Huỳnh liên* nửa lạng, nước nửa cân sắc chung đến cân bỏ *Liên dùng* *Mộc hương* tán nhỏ, chia 3 cách uống 1 uống với nước sắc *Vỏ quít*, 1 cách uống với nước cơm nấu bằg gạo *Trần nhĩ*, 1 cách uống với nước sắc *Cam thảo*.

9) Chứng đi lý lâu ngày.

Lá thuốc cũu, *vỏ quít* sắc cho uống, hoặc tán nhỏ luyện viên uống với nước muối cũng được.

10) Chứng hoặc loạn trở thành kiết lý

Lưu ký nó ⁽¹⁾ sắc lấy nước cho uống

11) Đi lý miệng khát nước khiến uống nước vô độ.

Mạch môn 3 lạng, *Ô mai* 20 quả, sắc cho uống nhấp nhấp dần.

12) Chữa bệnh lý đá 30 năm.

Lấy 1 đấu *vỏ xanh* ở trên cây *Thông tia*, tán nhỏ hòa với cháo mỗi ngày 3 lần ăn, ăn vài đấu là khỏi.

13) Chứng đi ỉa sống phân (xôn tiết), hoạt lợi lâu ngày không khỏi.

Bạch phục linh 2 lạng, *Mộc hương* nướng 1,5 lạng, tán nhỏ, *Tía tô*, *Mộc qua* sắc làm thang, uống mỗi lần 2 đ/c.

14) Chứng tỳ hư hoạt lý.

Gà mái vàng 1 con, làm thịt rồi nướng rồi muối và *dấm* nấy chín cho ăn.

15) Chứng đi lý trống trường.

Xương dê, đốt thành than, cho uống mỗi lần 1 muống với nước nóng.

16) Chứng hư lý nguy kịch vì khí huyết hư yếu sinh ra.

Lộc nhung, bôi mỡ nướng tán nhỏ, cho vào ít *Xạ hương*, dùng *Cỏ bắc* sắc với *Táo nhuc* luyện viên, liều uống 30 viên uống với nước cơm.

17) Chứng lý ngũ sắc.

Da nhím đốt thành than, tán nhỏ liều uống 1 muống, uống với rượu.

18) Vì cảm nắng sinh đi lý hoặc ỉa chảy.

Hùng hoàng tán nhỏ, luyện hồ làm viên, sắc nước *Cam thảo* cho uống.

19) Chứng lý đi cầu ra máu (kiết máu) đau quanh rốn.

Đậu đen, *Ngô thù du*, hai vị tán nhỏ cho uống.

20) Chứng lý máu đi cầu liên tù tỳ.

(1) Lưu Ký nó, xem chú thích trang 85.

Hột cây cần sa (Đại ma nhân) nghiền với nước, cho Đậu xanh vào nấu cháo mà ăn.

21) Trẻ già máu chứng đi lỵ ra mủi (Kiết đàm).

Thuốc cứu thứ lâu năm, Bào hương đều dùng 3 lạng, tán nhỏ dấm khuấy hồ luyện viên, liều uống 70 viên, uống với nước cơm.

22) Chữa chứng xích bạch nhiệt lỵ.

Cứt Trùn 1 cân, sao đến cháy hết khói, đem rửa nước nửa cân, lọc kỹ cho uống.

Các phương khác:

- *Phụ tử nướng 9 lần, tắm nước tiểu 9 lần, Gừng khô, Mộc hương hai vị bằng nhau và đều sao cả, sắc cho uống.*

- *Quế chi, Cam thảo, lá Thuốc cứu, Gừng tươi, Gạo trắng, nửa rượu, nửa nước sắc cho uống.*

- *Mục tàu, thứ thiệt, Gừng khô đều 5 lạng, Phèn phi tán nhỏ luyện thuốc viên mà uống.*

- *Hồ tiêu, Đậu xanh (cứ mỗi tuổi dùng 1 hột) tán nhỏ luyện làm thuốc viên mà uống, Bạch lỵ thì cho uống nước cơm.*

23) Các phương chữa Kiết lỵ ra mủi, (kiết đàm) lâu ngày.

a) *Phụ tử dùng một củ lớn, chẻ vào lửa mà đốt đến hết khói thì lấy ra hạ thổ lấy chén dầy lại một lúc lâu rồi tán nhỏ, rượu nấu với sáp ong chảy ra mà luyện viên, liều uống 3 viên.*

- *Kiết máu thì thang tổng với nước Hoàng liên, Cam thảo đậu đen.*

- *Kiết đờm thì thang tổng với nước sắc đậu đen Cam thảo.*

- *Nếu đi tả và đau bụng thì thang tổng bằng nước nóng.*

b) *Phèn phi 4 lạng, gạo nếp 1 lạng, sao nghiền nhỏ, luyện với nước cơm làm viên tùy người lớn và trẻ em mà cho uống tùy mức.*

c) *Nhục đậu khấu, Kha tử đều nướng chín. Mộc hương, Hoàng liên tán nhỏ, luyện hồ làm viên, cho uống với nước cơm, (phương gia truyền cổ kinh nghiệm).*

24) Chứng lỵ do thấp, chứng trường phong đi cầu ra đờm máu ngày đêm không chừng và chứng trường phong đi cầu ra máu.

Hoàng liên, Ngô thù du, đều dùng hai lạng, sao tán để riêng nhồi cơm nguội làm viên hễ kiết máu thì uống Hoàng liên, với nước sắc Cam thảo, kiết đờm thì uống Ngô thù du hoàn với nước gừng, kiết đờm kiết máu cùng mắc thì đều dùng mỗi thứ 15 viên, uống với nước cơm.

25) Kiết đờm kiết máu người gãy trơ xương ra.

Địa du một cân, nước ba cân, sắc cạn còn phân nửa, lọc bỏ bã lại canh đặc thành cao cho uống lúc bụng đói.

26) Kiết đờm kiết máu cấp diễn, đi cầu ỉa ra phân như cứt ngỗng cứt vịt đau không chịu được.

Hoàng cầm Hoàng liên đều dùng mỗi thứ một lạng, sắc chia uống ấm ba lần.

27) Kiết dờm kiết máu bụng đau, ăn uống không được.

Vỏ lựu nướng vàng tán nhỏ nhồi với *cơm nguội* và *táo nhục* làm viên, như chứng bán hoạt thì thêm *Phụ tử Xích thạch chỉ* mỗi khi đói bụng cho uống 30 viên với nước cơm.

28) Chữa chứng hàn lỵ chân tay giá lạnh, lục mạch trầm tể.

Nhân sâm, *Phụ tử* mỗi vị dùng nửa lạng gừng 10 miếng *Đinh hương* 10 nụ, gạo trắng một vốc, hoặc sắc uống hoặc chế thành thuốc hoàn cho uống ấm khi đói bụng.

29) Chữa chứng hàn lỵ đi cầu ra nước và kiết lỵ lâu năm.

Phụ tử một củ, nửa để sống nửa nướng chín dùng *đậu đen* nửa vốc, nấu chung đến chín nghiền nát làm viên, liều uống 5 viên với nước sắc *Hoàng liên*

30) Hàn lỵ đi cầu ra sắc xanh.

Can khương tán nhỏ cho uống với nước cơm ngày hai đêm một lần.

31) Đi lỵ hàn lạnh ở đại trường.

Nõ sùng trâu, đốt ra than ngày uống hai lần.

32) Đi lỵ do nhiệt đau dữ.

Hồ hoàng liên, tán nhỏ luyện với cơm làm viên, liều uống 30 viên với nước cơm

33) Chữa kiết dờm lẫn kiết máu.

Lưu hoàng và *Cáp phấn* đều bằng nhau tán nhỏ, luyện với hồ làm viên, liều uống 50 viên với nước cơm

34) Kiết lỵ do tích nhiệt.

Sài hồ Hoàng cầm đều bằng nhau nửa nước nửa rượu sắc cho uống.

35) Chữa chứng lỵ nhiệt quặn đau mót rặn.

Đại hoàng 1 lạng, tẩm rượu qua nửa ngày sắc cho uống.

36) Do nhiệt độc đi lỵ ra máu ra nước.

Dùng *Lá kim ngân*, sắc lấy nước cho uống.

37) Chữa chứng kiết lỵ do khí hư đi máu không dứt.

Phèn phi 1 lạng, nghiền nhỏ mịn, *Cây ốt* sấy khô tán nhỏ nhồi cơm nguội làm viên cho uống với nước sôi, tùy lớn bé mà quy định uống nhiều uống ít.

38) Kiết lỵ do khí hư, vệt đi mót rặn, hoặc đi cầu lỏng.

Hoàng liên, *Sinh khương*, *Mộc hương* đều dùng một lạng, dùng cái nồi đất mới, dưới đáy lót gừng rồi tời hoàng liên, còn mộc hương thì để trên hết, đổ ba chén nước mới mức về, nấu tới cạn rồi hong thật ráo khô, tán nhỏ dầm khuấy hồ làm viên, liều lượng tùy người lớn hay nhỏ.

39) Chứng kiết đi cầu ra máu không ngừng (huyết ly).

Địa du, Tam thất nghiền nhỏ, cho uống với *nước cơm*.

Phương khác:

Khổ sâm, sao cháy tán bột cho uống với *nước cơm*.

40) Chứa chứng cổ lý đi cầu ra máu đen máu đặc.

Trắc bá diệp với *Hoàng liên* sắc cho uống.

41) Chứa chứng thủy lý đi cầu ra nhiều nước không dứt.

Đậu đen xối chín một cân, *Bạch truật* sao một lượng, tán chung cho uống với *nước cơm*.

42) Chứa chứng thủy cốc lý đi cầu ra cả cơm và nước.

Lá hẹ, nấu canh cho ăn thỏa mãn mới thôi, hoặc sao sắc cho uống cũng được.

43) Kiết lý vì tửu tích.

(do nghiện rượu mà ra).

Vôi trắng 5 lượng, trộn với nước làm viên, *dất sét* nắm ngoài đem nung một ngày một đêm, lấy ra bỏ đất tán nhỏ, đem khuấy hồ làm hoàn, cho uống với *nước gừng*.

44) Chứng hưu tức lý, đi lý lâu ngày khỏi rồi lại tái phát.

Bóng cò đuôi chồn (thử vĩ thảo)? Long cốt 4 lượng, đều nghiền nhỏ, sắc cho uống nguội.

45) Hưu tức lý lâu năm không dứt.

Xương còp nướng cháy, tán nhỏ cho uống mỗi liều một muống ngày ba liều với *nước cơm*.

46) Chứa hưu tức lý.

Hạnh nhân bỏ vỏ, sao nghiền nát, *gan heo* một cổ, xắt miếng rửa sạch, lót gan trong nồi xếp hạnh nhân lên trên, đổ nước tiểu vào nấu chín đến cạn khô, cho ăn gan heo ấy.

47) Chứa chứng cấm khẩu lý.

(do kiết lý mà cấm khẩu).

Nhân sâm, *Hạt sen*, hai vị đều bằng nhau, sắc bằng nước giếng ban mai, cho uống từng ngụm một.

Nghiệm phương chữa như trên:

Thạch liên nhục 5 hạt, *cò sọc gà*, *Hoài sơn*, sắc uống, kiết máu gia *Mật ong*, kiết đàm gia *Hoàng liên*, *Chỉ xác*.

48) Lý cấm khẩu và khi đi lý rồi đau ruột.

Củ mài, nửa sao nửa để sống, *Phèn phi* 7 phân, củ mài giã lấy 1 chén nước, 1 chén mật 1 chén nước sắc cho uống, tối uống 100 viên.

49) Người già vì hư yếu mà đi lý không khỏi không ăn được.

Dùng *Từ vật thang*, gia *Đơn bì*, *Bạch truật* để điều chỉnh tỳ vị thì khỏi.

1) *Thử vĩ thảo*: Cỏ đuôi chồn? đây là nguyên bản của Lân Ông. Thử vĩ thảo, theo tài liệu Trung Quốc cao đẳng thực vật đồ giám có tên Thu đơn sâm, *Salvi Japonica Thumb?*

50) Truyền phương chữa kiết lý.

Hoàng liên 5 đ/c, *Mộc hương* 3 đ/c, tán nhỏ cho trộn vào cháo trắng mà ăn, khỏi ngay.

51) Chứa lời trôn trê sau khi bị đi lý rất hay.

Tây dương sâm 3 đ/c. *Ốc cứu khổng* 3 đ/c, *Dạ minh sa* 3 đ/c, củ mài tán nhỏ sắc bằng nước mưa, lọc bỏ bã cho uống.

52) Chữa kiết dâm kiết máu, hoặc máu mũi lẫn lộn, lâu ngày không khỏi.

Khổ luyện tử, *Nha dâm tử*, đều bỏ vỏ đầu, *Ngũ bội tử* sao vàng, *Khô phàn* 1 lạng, *Hoàng liên* 3 phân tán nhỏ luyện viên bằng hạt bắp, khi đói cho uống 10 viên với nước cơm.

Nếu dùng chữa trĩ thì thêm một phân *Xạ hương* dùng như trên, uống với rượu chữa đàn bà trẻ em dùng bài này rất tốt.

XII- LỜI TRÔN TRÊ (LỜI DOM)

1) Chứa chứng lời trôn trê do lạnh.

Với sao nóng, dùng *lúa cũ* gói lại, cho bệnh nhân ngồi lên ngội lại sao nóng ngồi nữa.

2) Lời đầu ruột cùng ra ngoài.

Xà sàng tử, *Cam thảo* đều dùng một lạng tán nhỏ, cho uống với nước đã đun sôi.

Phương khác:

Dùng *Khổ sâm*, *Ngũ bội tử*, đất vách tường lâu năm, nấu sôi để rửa, rồi dùng cỏ *Tháp bút* tán nhỏ rắc vào.

3) Chứa trẻ con lời trôn trê.

Sa nhân tán nhỏ, dồn *cột heo* vào buộc kỹ, luộc chín cho trẻ ăn, rồi cho uống hoàn *Bạch phàn* (1) Nếu nghịch khi đưa lên, phù thũng mà sưng thì khó chữa.

Các vị nghiền nhỏ luyện hồ làm viên bằng hạt bắp, liều uống 30 viên với nước nóng.

4) Chứa người già trẻ con lời trôn trê.

Hương phụ, *Kinh giới tuệ* tán nhỏ cho uống, lại dùng các vị này nấu nước mà ngâm rửa.

(1) *Hoàn Bạch phàn*: *Bạch phàn* 4 lạng, *Phụ tử* 2 lạng, xương đầu chó vàng 4 lạng (đốt thành than).

5) Đì cầu ru máu lòi tròn trê.

Bóng mồng gà trắng, Phòng phong, đều bằng nhau, tán nhỏ luyện với hồ làm viên, liều uống 70 viên, uống với nước cơm.

6) Đì lỵ lâu ngày mà lòi tròn trê.

Long cốt nghiền nhỏ rắc vào.

7) Bị trĩ mạch lươn rồi lòi tròn trê.

Khớp xương ống chân của cạp, đốt cháy tán nhỏ luyện hồ làm viên, uống với rượu ấm, liều uống 20 viên.

8) Hậu môn bồng nhiên lòi ra.

Xương ống chân của cạp, đốt cháy tán nhỏ uống với nước mỗi lần một muống.

9) Có những phương sau đây chữa hậu môn lòi ra không thu vào.

- *Củ gai*, nấu lấy nước xông với lửa.

- *Cỏ tháp bút*, đốt tồn tính, *Long cốt* nghiền nhỏ, rắc mà ém vào thì khỏi ngay.

- *Rễ mơ lông*, nghiền nhỏ luyện với hồ làm viên cho uống, ngoài dùng *Phèn chua* với *Ngũ bội tử* nấu nước mà rửa.

- *Qủa Bồ kết*, giã nát hòa với nước, gạn nước trong dùng ngâm tự nhiên nó thu vào, sau dùng nước ấy mà rửa cả lưng lẫn bụng, khiến khí lực của bồ kết được vận hành, lại lấy vỏ cây bồ kết tẩm váng sữa mà nướng tán nhỏ mà quét với táo nhục luyện viên, liều uống 30 viên với nước cơm.

- Lấy nước ngâm hột xoàn (kim cương) cho uống trong, mài đá nam châm lấy nước bôi ngoài, lại mài sắt lấy nước bôi trên xoáy thượng, chỉ trong chốc lát thì co lên ngay.

HÀNH GIÃN TRẦN NHU

Quyển Ly (55)

I- BÍ ĐẠI TIỆN

1) Chứa đại tiện không thông.

Phèn chua 1 đồng cân, *Ba đậu sượng*, 2 hột, nghiền chung cho đều, bọc giấy ướt nướng chín cho ấm.

Các phương khác:

- *Dương quy*, *Bạch chỉ*, đều nhau tán nhỏ uống với *nước cơm*.

- *Hôi cần xa* (hoặc *hội me* cũng được) nấu cháo với *gạo trắng* đậu sị nêm *muối* hành tiêu cho ăn.

2) Chứa người già đi đồng bị bế tắc.

Hoàng kỳ, *Trần bì* (bỏ xơ) đều dùng nửa lạng tán nhỏ, lấy hột *Cần xa* một vốc nghiền nát, đổ nước nấu sôi, cho vào một muống *mật ong*, lại chụm lửa cho sôi lên, hòa thuốc trên vào 3 đồng cân cho uống khi đói, nặng lắm không quá hai lần, thuốc này hòa bình không lạnh không nóng.

3) Chứa đi cầu thấy bức tức quận đau mót rặn.

Đào nhân 3 lạng, *Ngô thù du* 2 lạng, *muối* 1 lạng, nấu chung đến chín thì bỏ hết chỉ dùng *Đào nhân* mỗi lần nhấm 5-7 hột.

Phương khác:

Bồ kết (sao với cám) *Chỉ xác* (sao) đều bằng nhau, tán nhỏ quét với *cơm nguội* làm bằng bột báp, liều uống 30 viên, uống với *nước cơm*.

4) Chứa đại tiện không thông hơi đưa lên muốn ngất.

Dùng *nước mật dê*, cho thông khoan thì thông ngay.

Phương khác:

Ô mai 10 quả, bỏ hột lấy *cơm*, viên bằng quả táo nhét vào hậu môn thì thông ngay.

II- BÍ TIỂU TIỆN

1) Chữa chứng tiểu tiện không thông.

Nước mài dao 1 chén, Hoàng kỳ 2 đồng cân, sắc cho uống nóng, đối với trẻ con giảm một nửa.

2) Bổng nhiên đi đái dầm.

Mục tàu thứ tốt, dùng một lạng tán nhỏ, uống mỗi lần 1 đồng cân với nước ấm.

3) Đàn bà có thai bí tiểu tiện vì nín đái quá đến nỗi đi đái không thông.

Hoạt thạch tán nhỏ liều uống hai đồng cân với nước hành.

4) Chứng bí tiểu tiện thuộc hư, mạch lưỡng xích trầm vi. Đã dùng thuốc lợi tiểu mà vô hiệu, đó là chứng hư hàn.

Phụ tử 1 củ gọt bỏ vỏ, tắm nước muối, Trạch tả (hoặc xa tiền) dùng 1 lạng, Đương tâm 7 ngọn, hoặc để tán hoặc để sắc cho uống.

5) Tiểu tiện không thông mà lại phát suyễn.

Rễ lúa mạch 2 lạng, Biều súc 1,5 lạng, Đương tâm 100 ngọn sắc với nước sông cho uống.

6) Tiểu tiện không thông đầy trướng bức tức.

Ngà voi dẻo vụn sắc cho uống.

Phương khác: *Thịt voi* luộc lấy nước cho uống.

7) Tiểu tiện không thông bụng căng lên như cái trống.

Bắt 1 con Ốc bươu, giã sống với nửa muống muối đem đắp phía dưới rốn 1,2 tấc là thông ngay.

8) Háng nổi hột xoài mới phát (tiện độc).

Lấy đất trước cửa nhà, gừng sống hòa dấm mài với đất ấy mà đắp.

9) Đàn bà có thai bị chèn ép bong bóng, (gọi chuyển bào) mà đi đái không được.

Hồ phách 1 lạng tán nhỏ, Hành 10 củ sắc lấy nước, cho hai đồng cân bột hồ phách mà uống.

Các phương khác:

- *Ốc lồi (1)* (bối tử) bắt một cặp một con để sống, một con nướng chín, rồi tán nhỏ cho uống với rượu ấm.

- *Cút trùn*, Phác tiêu hai vị bằng nhau, trộn với nước đem đắp dưới rốn.

- *Bù hung* 1 cặp, đốt tán nhỏ, hòa với một chén nước giếng ban mai cho uống.

10) Bí tiểu tiện ra nhiều mồ hôi người già người hư yếu đều làm được.

Các phương sau đây:

1) Di muết Nha Trang, Phan Thiết có gặp loài ốc này, mỗi con nặng ước 200-300g.

- *Cây mã đề* 1 cân nấu chung với *nước bí đao* và nước lã cho uống.
 - *Nhục thung dung* tẩm *rượu* sấy khô, 1 lạng, *Trầm hương* 1 lạng nghiền nhỏ, giã với *hột mè* luyện hồ làm viên uống với nước đun sôi.
 - *Huyền hồ sách*, *Xuyên luyện tử* đều bằng nhau tán nhỏ, dùng nước đun sôi, nhỏ vào vài hạt *đầu mà* uống với thuốc.
 - *Củ gai*, *bột vỏ sò* đều nửa lạng tán nhỏ, hòa với nước mới múc về cho uống khi đói.
- Gốc rễ cây kim châm*, dùng nấu nước cho uống luôn.

11) Truyền nam nữ tiểu tiện trắng hoặc đỏ.

Tiểu tiện nước trắng thì dùng *Bông mỏng gà trắng*, nước đỏ thì dùng *Bông mỏng gà đỏ*, người gầy dùng *Tứ vật thang* người béo dùng *Tứ quân thang*, có đờm dùng *Lục quân thang*, gia thêm các thứ bông ấy làm đầu vị.

III- BÍ ĐẠI TIỂU TIỆN

1) Chứa chứng đại tiểu tiện không thông.

Dùng nửa lạng *hột rau Giền*, tán nhỏ chia ra mà uống với nước mới múc.

Các phương khác:

- *Bồ kết* (bồ vò) tán nhỏ luyện hồ làm viên, liều uống 30 viên, (đã kinh nghiệm)
- *Hột cau khô* tán nhỏ, nấu với *nước tiểu* trẻ em và hành cho uống.
- *Ba đậu*, *Hoàng liên* đều nửa lạng, giã nát nặn thành bánh rưới *nước hành gừng* đem hấp rón rồi cứ 14 liều, thấy lợi thì thôi.

2) Chứa chứng đại tiểu tiện không thông, quan cách đầy trướng, để lâu quá hai ngày có hại.

Hồ tiêu dùng 20 hột, giã nhỏ sắc với một chén nước còn 6 phân cho nửa lạng *Mang tiêu* vào cho hòa tan mà uống, ngoài dùng quả *Bồ kết* đốt lấy khói ngồi lên mà xông.

3) Chứa chứng đại tiểu tiện không thông, đau gò bụng dưới, bất cứ mới bị hay đã lâu đều chữa được.

Kinh giới, *Dại hoàng* đều bằng nhau tán nhỏ, cho uống với nước âm ấm, mỗi lần 2 đồng cân, nếu tiểu không thông thì giảm 1/2 *dại hoàng*, nếu đại tiện không thông thì giảm 1/2 *kinh giới*.

IV- TIỂU TIỆN ĐI LUÔN KHÔNG NÍN ĐƯỢC

1) Chứa chứng thận tiêu (đái đường) đi đái luôn không cầm được.

Hùng hoàng 1 lạng, *Can khương* 1/2 lạng, sao với *muối* tán nhỏ, luyện hồ làm viên,

liều uống 10-30 viên với nước muối nhạt.

2) Chứa chứng đái són bất kỳ nam hay nữ.

Phèn phi, Mẫu lệ đều bằng nhau tán nhỏ, liều uống một muống, ngày uống ba lần với *ruợu* ấm.

3) Chứa chứng đái vật, đó là khí bất túc.

Ích trí nhân (sao muối) Ô dước, hai vị bằng nhau, tán nhỏ dùng bột *Hoài sơn* nấu hồ với *ruợu* luyện hoàn, liều uống 30 viên với nước sôi.

4) Chứa chứng đái vật (thận tiêu).

Sừng hưu nai chẻ vụn, sao vàng tán nhỏ, liều uống một muống ngày hai lần, uống với *ruợu* hâm nóng.

5) Chứa chứng tiểu tiện không nín được, trên nhiệt dưới hàn.

Lộc giác sương tán nhỏ, dùng *ruợu* khuấy hồ làm viên, liều uống 30 viên lúc đói bụng uống với nước nóng.

6) Chứa chứng đi đái vật.

Lộc giác sinh, *Bạch phục linh* đều tán nhỏ, *ruợu* khuấy hồ làm viên liều uống 30 viên với nước muối nhạt.

7) Chứa người già đi đái són mà không biết.

Thảo Ô đầu 1 lạng, ngâm nước tiểu trẻ em 1 tuần, bóc bỏ vỏ sao với muối tán nhỏ, luyện hoàn bằng *ruợu* cho uống với nước muối nhạt.

V- NĂM CHỨNG LÂM (Đi đái rất -đau lậu)

1) Chứa chứng lâm lịch⁽¹⁾ chứng tiểu tiện không thông quá nặng.

Tiểu thạch 1 lạng, thứ trong sáng như tuyết không có bùn đất lẫn vào, nghiền nhỏ, liều uống hai đồng cân tùy chứng dùng thang tổng như sau:

- *lao lâm*. Người nhọc mệt hư tổn, đi đái không được dạ dưới đau nhéo, dùng *hột Qùy* tán nhỏ, nấu lấy nước làm thang mà uống với thuốc trên, sau phải cho uống *Bổ hư hoàn*⁽²⁾.

- *Nhiệt lâm* (lậu nhiệt) Tiểu tiện không ra được, có khi ra máu đau đứn, với nước tiểu nóng đỏ, đau gò dưới rốn, thang tổng bằng nước lạnh.

- *Khí lâm* (lậu khí) khi đi tiểu bụng dưới đầy tức, tiểu ra rồi thường nhỏ giọt, dùng *Mộc thông* nấu lấy nước làm thang.

- *Thạch lâm* (lậu ké) đau trong niệu quản đái không được, đau ran tới dạ dưới,

(1) *Lâm lịch*: tức các chứng bệnh lậu, đái rứt, đái không thông, gọi *Lao lâm*, *Nhiệt lâm*, *Khí lâm*, *Huyết lâm*, *Thạch lâm*.

cứng như cái trống, đau tức đái ra như cát sỏi làm cho người phải ngắt đi, (sỏi bàng quan) đem thuốc tán sao cách giấy đến khô. đem lại nghiền kỹ cho uống với nước âm ẩm.

Nấu tiểu tiện không thông thì dùng *Tiểu mạch* sắc làm thang.

Bổng bị các bệnh lâm chỉ nên dùng nước lã cho uống và cứ hễ đói thì hòa với thuốc cho uống.

- Sa lâm, Thạch lâm, Huyết lâm (đái ra máu) không chịu được.

Dùng *Sâm*, *Kỳ* sao với muối hai vị bằng nhau tán nhỏ, dùng 1 củ cải to thái miếng dày, *mật ong* hai lạng tẩm mà nướng cho hết chỗ để cháy, chấm thuốc mà ăn, thang với nước muối nhạt.

2) Chữa chứng sa thạch tiểu tiện nhỏ giọt.

Hổ phách 1 lạng, tán nhỏ, hành 10 củ nấu lấy nước cho 2 đồng cân *Hổ phách* vào mà uống.

3) Chữa chứng thạch lâm đau buốt.

Dùng *tóc rối* đốt tồn tính nghiền mịn, hòa với nước giếng cho uống mỗi lần 2 đồng cân.

Phương khác: *Cây mã đề* 2 cân, nấu lấy nước cho uống.

4) Chữa chứng Thạch lâm són ra máu.

Sừng trâu, đốt tồn tính, nghiền nhỏ hòa với nước giếng cho uống mỗi lần 1 muống xúc, ngày 5 lần.

5) Chữa chứng khí lâm đại tiểu tiện bí gát.

Bạch chỉ 2 lạng tẩm với dấm, sấy khô tán nhỏ, liều uống 2 đồng cân và cho uống luôn hai lần, dùng *Mộc thông*, *Cam thảo* nấu nước mà thang tổng.

6) Chữa chứng bạch đới kèm sa lâm.

Bông mồng gà trắng, *bầu dồng* đốt cháy tồn tính tán nhỏ sắc với rượu cho uống khi đói bụng.

7) Chữa chứng huyết lâm nóng đau.

Hoàng cầm 1 lạng, sắc với nước cho uống nóng.

8) Chứng huyết lâm đau đốn.

Sinh địa ngâm lấy nước cốt, lá *Mã đề* ngâm lấy nước cốt, sắc uống.

9) Chứng huyết lâm đau không chịu được.

Hương phụ, *Trần bì*, *Xích phục linh* đều bằng nhau sắc uống.

10) Chứng huyết lâm đái mà đau.

Sơn chi, *Hoạt thạch* đều bằng nhau, tán nhỏ, sắc hành lấy nước làm thang.

11) Chứng huyết lâm đau đốn khó chịu.

Tóc rối đốt tồn tính, cho vào ít *Xạ hương* uống với nước cơm làm thang.

12) Chứng huyết lâm với các chứng lâm khác.

Cỏ gai, cây Hàn the (Địa cầm thảo) giã hòa với nước giếng, vắt lấy nước cốt cho uống, ba lần là khỏi.

13) Chữa chứng cao lâm trẻ em.

Xương dê đốt tán nhỏ, nghiền với *vỏ cây du* (Ulm Cortex) sắc cho uống mỗi lần 2 đ/c.

14) Người già bị bệnh lâm mình mẩy nóng lấm.

Hột Mã đề 5 vốc, gói vải nấu nước rồi cho *hạt kê* vào nấu cháo mà ăn.

15) Chữa chứng tiểu tiện đỏ mà đục.

Viễn chí (tắm nước *Cam thảo*) nửa cân, *Phục thần, Ích trí* đều 2 lạng, tán nhỏ, luyện hồ lâm hoàn, sắc nước quả táo làm thang.

16) Bồng bị đái rất.

Tử thảo 1 lạng, nghiền nhỏ, khi sắc ăn cơm cho uống 2 đ/c, với nước giếng mới mức.

17) Tiểu tiện bị 5 thứ lâm.

Xích thược 1 lạng, *Bình lang* 1 quả, (nướng) *Thạch quyết minh*, (bỏ vỏ nghiền, phi) nếu khi đái ra có chất mềm dai thì thêm 1 phân bột cây *The mốc*, mỗi lần uống 2 đ/c với nước nóng.

18) Chữa chứng lâm di tiểu đau buốt, sưng âm hành.

Hành, nửa cân, nướng chín giã nát đắp rốn.

19) Chữa mọi chứng lâm, đau trong ngọc hành, các thuốc đều vô hiệu.

Cỏ xước, Bạch đông nữ kể cả rễ và lá rửa sạch (kỵ sắt), sắc lấy nước hòa với *mật ong*, phơi sương 1 đêm cho uống, rất mau khỏi.

20) Một nghiệm phương chữa lâm lậu huyết trọc, ngọc hành sưng đau, đại tiện bí, tiểu tiện nhói đau.

Rau trai bà giã vắt nước cốt phơi sương 1 đêm, hòa *mật ong* vào uống.

21) Một nghiệm phương chữa người đi đường mệt nhọc, tiểu tiện như nước đá mà bí gắt.

Dùng *Tri bá Bát vị hoàng*, thêm *Hoạt thạch, Thạch liên nhục, Xa tiền tử* cho uống càng hay.

22) Nghiệm phương chữa bạch trọc, lâm lậu vì lao khổ quá mà gây ra.

Lại dùng lá *Lan ô, lá Huyết dũ*, giã vắt nước cốt hòa mật vào cho uống.

VI- NỮ KHIOA

1) Chứa tất cả các bệnh hư yếu của phụ nữ.

Dương quy 4 lạng, *Thục địa* 2 lạng, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn uống với nước cơm trước bữa ăn mỗi lần vài chục viên.

2) Chứa đàn bà có khí chướng đầy dưới rốn, nguyệt kinh không lợi, nôn ọc không ngủ.

Dương quy 4 lạng, *Cần tất* đốt tồn tính, tán nhỏ luyện mật làm hoàn cho uống với rượu.

3) Chứa đàn bà nhức đầu do khí thịnh.

Xuyên khung, *Bạch truật*, *Ô dược* đều bằng nhau, sắc cho uống, hoặc tán nhỏ làm hoàn cho uống nước trà.

4) Chứa tử cung lạnh.

Xà sàng tử tán nhỏ, *Phấn tri* một ít, trộn đều luyện viên đen nhét trong cửa mình thì ấm ngay.

5) Chứa chứng do khí huyết chạy mà phát đau, đau lưng.

Bồ nga truật, *Cần tất*, đều 2 lạng, tán nhỏ cho uống với rượu như đau lưng thì dùng rượu ngâm với *Đào nhân* cho uống với thuốc trên sức người cường tráng thì nên cho dùng bài này.

6) Khí thịnh huyết suy, sinh ra mọi chứng choáng đầu đầy bụng.

Hương phụ 4 lạng, *Quất hồng* 2 lạng, *Phục linh*, *Chích thảo*, đều 1 lạng, tán nhỏ, cho uống với nước nóng.

7) Chứa chứng tiểu tiện bỗng nhiên không đi được với đại tiện ra máu.

Tử thảo 3 vốc, tán nhỏ cho uống với nước giếng mới múc, nếu đại tiện ra máu thì uống ba vốc.

8) Chứa đàn bà huyết khô.

Rễ Cỏ xước rửa sạch xắt nhỏ sấy khô, sắc với rượu cho uống ấm rất hay.

9) Chứa khí huyết không điều hòa.

Cây *Ruột gà*, lấy về băm nhỏ sắc lấy cho uống đêm ba chén.

10) Âm đạo lạnh lâu năm không sinh con.

Ngó thù du, *Xuyên tiêu*, tán nhỏ, luyện mật làm hoàn nhét âm đạo ngày thay hai lần, dạ con sẽ mở ra, có thể thụ thai.

11) Chứa đàn bà bị đái són.

Ổ cào cào đeo râu, tán nhỏ, cho uống 2 đ/c với nước gừng.

12) Chữa chứng âm hộ xuất huyết do giao cấu bị thương.

Ngũ bội tử tán bột rắc vào.

13) Chữa chứng âm xuy của đàn bà trong âm hộ có phát ra tiếng như tiếng trung tiện đó là vị khí hư, khí tiết xuống bên dưới, nếu âm suy mà tiếng phát ra mạnh là do cốc khí thực.

Mỡ heo, dùng nửa cân, *Tóc rối*, vè tròn bằng 2 quả trứng gà cho vào thố chung khi tóc khô quóc hết thì vớt bỏ tóc nhấc xuống để *mỡ heo* nguội cho uống.

14) Chữa chứng huyết phong hư lạnh kinh nguyệt không điều hoặc chân tay nóng hoặc đầu mặt chân tay tê dại, và chữa cả bệnh phong đàm của đàn ông.

Phụ tử 1 cân, *dầu mè* 4 lạng, *muối* 4 lạng, cho nấu lẫn trong nồi, chừng *Phụ tử* nứt ra có màu thâm như quả dâu là vừa, gọt bỏ vỏ và nùm, giã chung với 4 lạng, *Ngũ linh chi* luyện viên cho uống 20 viên/lần mỗi khi đói, thang với rượu hâm ấm.

15) Chữa đàn bà vì nhiều bệnh muốn cai đẻ.

Giấy trứng tằm 1 thước, đốt tán nhỏ cho uống với *rượu* thì suốt đời không sinh đẻ.

16) Cách làm cho người đàn bà không ghen ... (lược) ...

17) Một phương kinh nghiệm chữa chứng âm môn ra cứt như quả vải.

Hồng hoe, *Dương quy*, *Bạch chỉ*, *Nha tào*, *Bà thảo sương*, *Kương hoạt*, các vị đều băng nhau, tán nhỏ, lấy dấm luộc quả trứng gà, trộn với thuốc mà uống, hoặc uống *Ngũ linh tán*, hoặc dùng *Bổ trung ích khí* thang.

18) Nghiệm môn chữa âm môn đau và sưng.

Nhũ hương với củ hành, giã nát đắp vào chỗ đau, có mụn loét lấy mật cá diếc bôi và dùng 1 lạng phèn chua hòa tan với nước mà rửa.

19) Chữa đàn bà khỏe mạnh mà bị bệnh trùng thiệt (hai lưỡi) khát nước lắm.

Trước cho uống: *Hoàng liên*, *Hoàng cầm*, *Cát cánh*, *Phòng phong*, *Cam thảo*.

Sau cho dùng bài: *Nhi trồn khứ* *Bán hạ* gia *Phòng phong*, *Cát cánh*, *Hoàng cầm*, *Hồng hoa*, thấy đau ở đâu thì dùng *Phèn chua* tán nhỏ hòa tan với nước mà rửa.

20) Chữa các chứng huyết trắng khí hư của phụ nữ.

Lộc giác sương, *Phục linh*, *Bạch truật*, *Bạch thược*, *Sơn dược*, *Long cốt* (sao) *Xích thạch chỉ* *Mẫu lệ*, *Bạch chỉ* (đều bằng nhau) *Can kương* giảm 1 nửa, các vị tán nhỏ, luyện với hồ khuấy dấm làm viên, uống với nước cơm khi đói. Lại lấy 1 nắm cỏ chỉ thiên rửa rượu, nửa vốc đậu đen, sắc xong rồi đem phơi sương 1 đêm, cho vào một ít mật mà uống. Nếu lạnh tứ cung thì gia *Gừng*, *Quế*, nóng thì gia *Chi tử*, *Hoàng bá*, *Sài hồ* sắc nước làm thang mà uống.

VII- BỆNH KINH NGUYỆT

1) Chứa chứng nghịch kinh, máu ra đằng miệng mũi.

Hương phụ (tắm nước tiểu sao hắc), *Hồng hoa*, *Đương quy thân và quy vĩ*, đều dùng 3 đ/c sắc với nước rồi lấy *Mục tiêu* thứ tốt mài vào cho uống thì khỏi, xong rồi dùng 1 vị *Đương quy* sắc cho uống riêng thì kinh nguyệt thấy ngay.

2) Chứng kinh nguyệt không đều, hoặc trời hoặc sụt hoặc nhiều hoặc ít với động thai, hậu sản máu hôi không xuống cùng với lạnh nóng ở sống lưng eo lưng đau nhức.

Đơn sâm, rửa sạch, thái mỏng phơi khô tán nhỏ, uống với rượu hâm nóng, mỗi lần 2 đ/c.

3) Kinh nguyệt không đều, lâu ngày không sinh nở, do trong mạch Xung mạch Nhâm có phục nhiệt.

Thục địa nửa cân, *Đương quy* 2 lạng, *Hoàng liên* 1 lạng, ngâm rượu một đêm sấy khô tán nhỏ luyện mật làm hoàn, cho uống với rượu hoặc nước cơm.

4) Người tạng hàn, đau lạnh kinh nguyệt không đều.

Thục địa, *Đương quy*, bằng nhau sắc uống.

5) Kinh nguyệt không đều.

A giao châu, *Thần sa*, đều nửa đ/c, nghiền nhỏ cho uống với rượu nóng.

6) Đàn bà bị trấn huyết.

Quy vĩ, *Một dược*, đều dùng 1 đ/c tán nhỏ, *Hồng hoa*, ngâm rượu quay mặt về phương Bắc mà uống, ngày một lần.

Một nghiệm phương khác:

Cứt chuột sao đỏ, mỗi lần uống 1 đ/c lúc đói lòng uống với rượu ngon.

7) Kinh bế thành hòn bán sưng to chết ngất.

Cỏ roi ngựa lấy cả cây và rễ, sắc đặc lọc bỏ bã có thành cao hòa với rượu mà uống.

8) Kinh bế đến cả năm, bụng rốn lưng gối nặng nề, nóng rét qua lại.

Hạt cải hai lạng, tán nhỏ uống với rượu trước bữa ăn mỗi lần 2 đ/c.

9) Cách thử nghiệm thai khi tắt kinh.

Hết tắt kinh một tháng, muốn thử nghiệm kinh có có thai hay không dùng *Xuyên khung* sống tán nhỏ cho uống với nước đun sôi để nguội hết thấy trong bụng hơi động là có thai không tháy động là không.

10) Kinh nguyệt ra mãi không ngừng.

Bồ hóng sao cho hết khói, *A giao* sao khô, *bông mồng gà đỏ* sấy khô, *Thục*, *Quy hương phụ* (chế) Lá ngải cứu sắc cho uống hoặc tán nhỏ uống với rượu.

11) Thấy kinh không dứt càng ngày càng vàng gầy.

Cánh kiến tán nhỏ, mỗi lần dùng hai đồng cân, khi sôi cho uống với nước đun sôi để nguội.

12) Đàn bà tuổi đã 50 đáng lẽ không hành kinh nữa, vậy mà hàng tháng vẫn thấy kinh không dứt.

Điều cầm tâm 2 lạng, tẩm dấm 1 tuần rồi nướng khô, lại tẩm lại sao 7 lần rồi tán nhỏ luyện hồ làm viên cho uống với rượu.

13) Kinh nguyệt không đều và các chứng khác.

Hương phụ tử chế 2 cân, 1 phần tẩm rượu 1 phần tẩm nước muối một phần tẩm với nước tiểu trẻ em, mùa xuân ba ngày, thu năm ngày, hè 1 đông 7 ngày, rồi rửa sạch sấy khô tán nấu dấm với hồ làm viên, uống với mỗi lần 70 viên, nếu người gầy thì gia Mân tụy, Xích linh đều hai lạng, người khí hư thì hợp với bài Tứ quân, huyết hư hợp với bài tứ vật mà sống.

14) Một nghiệm phương chữa chứng rong huyết 2-3 năm không khỏi.

Trắc bá diệp 1 nắm, Đậu đen 49 hạt, Dăng tâm 7 ngọn, Gừng ba lát sắc với rượu cho uống, gia cỏ roi ngựa với trà để lâu 3-4 năm thì tốt.

15) Nghiệm phương chữa đàn bà béo trắng tắt kinh.

Dùng bài Tứ quân gia Quế phụ cho uống luôn 5-6 thang thì kinh hành vô bệnh.

VIII- BỆNH ĐỐI HẠ

1) Chữa đàn bà bị bạch đới bạch dâm (1).

Vôi bị giã tan ra 1 lạng, Bạch phục linh 2 lạng, tán nhỏ luyện hồ làm viên, khi sôi cho uống 30 viên với nước cơm

2) Chữa bệnh bạch đới phần nhiều do nội thương thất tình hoặc thận hư lạnh gây nên.

Sa sâm tán nhỏ, cho uống với nước cơm mỗi lần 2 đ/c.

3) Bệnh bạch đới do mạch Nhâm mạch Xung hư hàn gây nên.

Lộc nhung, tẩm rượu sấy khô 2 lạng, Kim mao, câu tích, Bạch linh đều một lạng tán nhỏ dùng là Ngải cứu nấu dấm nhồi với cơm nguội làm viên cho uống với rượu.

4) Chữa đàn bà bị bạch đới.

Lọ nồi 1 lạng, mực tàu thứ tốt tốt 3 lạng tán nhỏ, gan heo rạch ra, dồn yhuốc vào trong gói lại nướng chín cho ăn uống rượu.

Phương khác:

Bạch chỉ 4 lạng tẩm với nửa cân vôi da ba ngày rồi bỏ vôi dùng bạch chỉ sao nghiền

nhỏ, *Bông mồng gà trắng* nghiền nhỏ, trộn đều cho uống (nếu xích đới thì dùng bông mồng gà đỏ) với rượu.

5) Chữa các chứng đới hạ ra màu xanh, vàng, đỏ, trắng và chứng băng huyết đá ngừng mà hàng ngày cứ rỉ rỉ ra hoài, khiến cho khó có con.

Vũ dư lương nướng chín nghiền ra, *Ô tặc cốt*, *Phục long can* sao, *Xích thạch chỉ*, *Mẫu lệ* đều nướng nghiền ra và đều bằng nhau, giã *Quế tâm* tán nhỏ cho uống với rượu.

6) Bệnh đới hạ màu sắc đỏ trắng ra không ngừng, người vàng gầy.

Địa du 3 lạng, *dấm chua* một cân, đun kỹ rồi lọc bỏ bã cho uống dần trước khi nấu cơm.

7) Chữa chứng băng huyết rồi cứ ra máu.

Hột xuyên tiêu sao nghiền nhỏ, *trứng dái heo rừng*, lấy cả da sao tòn tính, nghiền cho uống với nước cơm.

Phương khác:

Tóc rối đốt tòn tính, *cỏ chua me*, *lòng trắng trứng gà*, *dầu mè* sắc cho uống.

8) Những phương kinh nghiệm chữa xích bạch đới.

- *Rễ họ* giã vắt lấy nước phơi sương một đêm, pha thêm nước dái trẻ em vào cho uống.

- *Quả hồng nút*, phơi khô giã ra để lên miếng giấy mà sấy khô, tán nhỏ cho uống với nước cơm.

- *Vũ dư lương* (tức củ nâu) nướng chín, tãi vào dấm, giã ra khổ sậm 2 lạng, *Mẫu lệ* 5 phân, tán nhỏ dùng một cái *bao tử heo đực*, nấu cho nhừ, giã chung với thuốc làm viên cho uống với rượu.

- *Ích mẫu*, *Thạch xương bồ*, *Phá cố chỉ*, đều bằng nhau sao tán nhỏ cho uống. Lại dùng xương bồ ngâm *rượu* hòa vào mà uống, ngày một lần.

9) Chữa đàn bà bị bạch đới.

Lá thuốc cứu giã ra lược với trứng gà cho ăn.

Phương khác:

Trước cho uống thuốc bổ khí huyết, rồi dùng *Lá bông bụt* giã lấy nước cho vào chút *phèn phi* (1 đ/c trở lại) cho uống vài lần, như thế là hữu hiệu.

IX- CẦU TỰ... (lược)...

X - THAI NGHÉN

1) Phương thuốc làm thuận khí an thai.

Hương phụ Sa nhân đều tán nhỏ, nấu lá tía tô mà uống với thuốc, liều uống 1-2 đ/c.

2) Chứng thai gãy không phát triển:

Cá chép 1 con, nướng tán nhỏ hòa với *rượu*, cho uống một muống để gây đổ mồ hôi.

3) Phương pháp chuyển thai gái thành trai.

Khi mới đậu thai dùng *hòn phân tằm*, hòa với nước giếng ban mai và cho đeo 1 lạng *Hùng hoàng* bên người.

4) Chữa chứng có thai ốm nghén, thai động chẳng yên, khí không thăng giáng, nôn ọe ra nước chua, đứng ngồi khó khăn, ăn uống ít.

Hương phụ 1 lạng, Hoắc hương, Cam thảo, đều dùng 2 đồng cân, tán nhỏ cho tí muối làm thang tổng.

Phương khác:

Bán hạ, Nhân sâm, Can khương đều bằng nhau, tán nhỏ, sinh địa giả vắt lấy nước hòa làm viên uống 50 viên với nước cơm.

5) chữa chứng động thai.

A giao sao phòng, Lá thuốc cứu, đều dùng hai lạng, *Hành* 1 nắm sắc với nước cho uống.

6) Động thai ra huyết.

Trứng gà hai quả, đập ra hòa với bột gạo hơi loãng cho ăn.

7) Nhân cơ sự xúc động đến thai mà động thai, nguy khốn:

Trích lịch 1 cân sắc cho uống là hết liền.

8) Có thai đã 6 tháng, động thai cấp bách rất nguy.

Hành dùng một nắm sắc cho uống.

9) Có thai 8-9 tháng, hoặc do bị ngã, hoặc vị gặp trâu ngựa làm kinh sợ mà đau bụng.

Tinh tre 5 lạng, *rượu* 1 cân sắc còn 5 phân cho uống.

10) Chứng động thai muốn sinh nhưng chưa đủ tháng.

Bảo bà chứa ấy, tự thân bẻ cành *hòe* phía đông thì yên.

11) Động thai đã thấy ra huyết.

Cuống lá sen khô, nghiền nhỏ hòa với nước cơm nếp cho uống.

12) Động thai ra huyết đau xốc lên ngực.

Dùng cái vật bằng bạc cho vào gạo nấu cháo cho ăn (tất nhiên chỉ ăn cháo).

Phương khác:

Xuyên khung, Hành nấu lấy nước cho uống, thai chưa chết thì yên, chết rồi thì ra ngay, chưa kiêu hiệu lại uống nữa.

13) Thai động chẳng yên.

Tần giao, Chích thảo, Lạc giác giao, đều nửa lạng, gạo nếp 15 hạt sắc uống.

Phương khác:

Sinh địa giã vắt lấy nước cốt nấu sôi, đập một quả trứng gà lấy lòng trắng hòa vào cho uống.

14) Thai động bỗng thấy ra nước vàng hoặc như keo, hoặc như nước đậu dau lưng.

Củ gai (cạo bỏ vỏ đen) 2 cân, *Kim ngân hoa* 1 cân, nửa nước nửa rượu sắc cho uống.

15) Nhân té ngã mà động thai, đau không chịu được.

Sa nhân sao qua tán nhỏ cho uống với rượu hâm ấm.

16) Động thai vì mạch Xung mạch Nhâm hư yếu.

Chỉ nên dùng phép ức dương phù âm.

Thục địa 2 lạng, *Dương quy* 1 lạng, sao qua tán nhỏ luyện mật làm viên, liều uống 30 viên, uống với rượu hâm ấm.

17) Động tahi vì đau lưng, hoặc thương tâm hoặc ra huyết không cầm, hoặc đẻ ngược con chết trong bụng.

Lá thuốc cứu 1 nắm, *rượu* 4 thăng, sắc cho uống, nếu thai động bức bách đau tim thì sắc với dấm.

18) Thai trôi lên và xói vào tim.

Quả nho dùng sắc cho uống hoặc dùng, *càng cua* nấu nước cho uống hoặc lấy hột cà na đốt tồn tĩn tán nhỏ, *củ gai* 1 nắm nấu nước để uống, hoặc *Sa nhân* tán ra hòa với rượu cho uống.

19) Có thai ra huyết mà bụng không đau.

A giao hai lạng, *Lá thuốc cứu* 3 lạng, *Xuyên khung, Cam thảo* đều hai lạng, *Dương quy, Sinh đại* đều 3 lạng, *Bạch thuốc* 4 lạng, nửa rượu nửa nước sắc tới rồi cho *A giao* vào hòa tan, liều uống hai thang, ngày uống 3 lần.

20) Thai lâu ra huyết. (huyết ra hết thì con sẽ nguy).

Lòng đỏ trứng gà 14 quả, *rượu* ngon 2 thăng, nấu đặc cho ăn, chưa khỏi lại làm ăn nữa.

Các phương khác:

Ích tri nhân, Sa nhân, Ngũ bội tử, cùng sao tán nhỏ hòa với rượu hay nước lã đun sôi mà uống, có thể khỏi ngay.

- *Dương quy, Sinh địa*, sắc lấy nước, *A giao* tán nhỏ, *Guang sen* đốt nghiền ra, cho

một tí rượu trắng hòa đều mà uống.

22) Có thai đi đái rất.

Xa tiền, Tru linh đều 5 lạng *rễ qùy* thái nhỏ sắc cho uống ngoài dùng *Hoạt thạch* tán nhỏ sù vào nước như bùn đem đắp dưới rốn 2 tấc.

23) Hoặc cho uống thuốc nhâm, thai động, vật vã không yên, gọi là tử phiền, nằm không được.

Tri mẫu 1 lạng, sấy khô tán nhỏ, quét với *tào nhục* làm viên mỗi lần uống một viên, sắc *Nhân sâm* lấy nước làm thang.

24) Chứng Tử phiền, miệng khô không nằm được.

Các phương:

- *Hoàng liên* tán nhỏ, cho ăn với cháo, hoặc nấu hồ với rượu luyện viên cũng được.

25) Có thai ngất đi gọi là Tử giản.

Sa nhân lấy cả vỏ, tán nhỏ hòa với rượu hay nước cơm cho uống.

26) Có thai mà người nề ra, gọi là tử thũng.

Sơn chi tử, Gừng, sao chung với *hạt cải củ* rồi bỏ hạt củ

chỉ lấy *sơn chi* và *khương*, tán nhỏ cho uống với rượu ấm mỗi lần 2 đ/c, ngày thứ nhất uống một lần, ngày thứ hai uống hai lần, ngày thứ 3 uống 3 lần.

27) Chứng tử thũng do thấp nhiệt.

Sơn chi tử 1 chén, sao tán nhỏ mỗi lần cho uống 2 đ/c với nước cơm.

28) Có thai mà sưng nề từ dưới chân lên tới bụng, tiểu không lợi, hơi khát muốn uống.

Xích phục linh (bỏ vỏ) *Hạt qùy* đều dùng nửa lạng, tán nhỏ hòa với nước mới múc cho uống mỗi lần 2 phân.

29) Có thai ho gọi là Tử khái.

Bối mẫu bỏ ruột sao với bột gạo tán nhỏ, viên với đường cát đã thắng mỗi lúc ngâm một viên.

30) Có thai mà đau lưng.

Sùng nai, cắt lấy 5 lát, đốt đỏ, tắm rượu vài lần, nghiền nhỏ, *đậu xanh* 1 cân, rượu 5 cân, nấu sôi lên, hòa với bột *sùng nai* cho uống.

31) Đau bụng động thai.

Tang kỳ sinh 1,5 lạng sao, *A dao* 1 lạng, lá *thuốc cứu* nửa lạng, sắc với nước cho uống ấm.

32) Đau tim không chịu được.

Muối rang cho đỏ, cho uống với rượu.

33) Trúng hơi độc ngực bụng đau nhức.

Cát cánh 1 lạng, gừng sống 3 lát, sắc cho uống.

34) Có thai chưa tới tháng mà đau bụng giống như muốn đẻ.

Tri mẫu 2 lạng, tán nhỏ luyện mật làm viên, uống với nước cơm.

35) Thai bị tổn thương, huyết kết đau bụng.

Nước tiểu trẻ con mỗi ngày cho uống hai chén, sẽ kiến hiệu.

36) Hạ ly đau bụng.

Trúng gà quạ, dùng một quả, chọc thủng một lỗ, gọt bỏ lòng trắng chỉ dùng lòng đỏ, cho 5 phân Hoàng đơn vào, đánh đều, đất bùn nấp bọc lại, đem nướng, nghiền nhỏ cho uống với nước cơm, mỗi lần hai phân, uống một lần khỏi là trai, uống hai lần khỏi là gái, đã nghiệm.

37) Chứng thai tiền và sản hậu di lý.

Mai rùa, tẩm dấm nướng vàng, tán nhỏ, cho uống với nước mỗi lần một phân.

38) Có thai mà di lý.

A đào 2 lạng, sao phồng tán nhỏ, mỡ dê 1 miếng to bằng quả đào nấu với rượu cho uống.

39) Có thai mà di dái ra máu.

A giao sao vàng tán nhỏ cho uống với nước cơm.

40) Chứng thai tiền và sản hậu đại tiểu tiện ra huyết.

Tóc rơi đốt ra than, móng tay người chồng cũng đốt ra than đều nghiền nhỏ, cho uống với rượu.

41) Chứng chuyển bào dái rất, bí tiểu tiện.

A giao 3 lạng, nấu với nước cho uống.

42) Có thai đi tiểu khó mà ăn uống vẫn như thường.

Bối mẫu, Khổ sâm và Dương quy đều 4 lạng, tán nhỏ luyện mật làm hoàn, liều uống từ 3-10 hoàn.

43) Thái nghén mà bị sốt.

Bùn đáy giếng, hòa với nước trong chõ lã bỏ bùn lấy nước sắc với hai lạng Cát căn cho uống.

44) Lúc có dịch truyền nhiễm khiến thai bất yên.

Đất lòng bép nghiền nhỏ hòa với nước lã lấy nước trong cho uống, còn bã đem rịt giữa rốn.

45) Thuốc an thai thanh nhiệt.

Điều cầm, Bạch truật đều nhau tán nhỏ, gia *Thần khúc* nấu hồ luyện viên, uống với nước cơm.

46) Thuốc điều lý trong lúc mang thai.

Từ vật thang bỏ *Thục địa* gia *Bạch truật*, *Hoàng cầm* tán nhỏ cho uống thường xuyên.

47) Thương hàn sốt cao, ban đỏ biến thành ban đen.

Thuốc cứu 1 nắm, *hành* 1 nắm, nấu với rượu để uống cho ra mồ hôi là khỏi.

48) Có thai mà cảm hàn.

Cá chép, nướng tán nhỏ, uống với rượu cho ra mồ hôi.

49) Có thai vì sốt thương hàn biến thành sốt rét.

Riềng 2 đồng cân, tắm nước *mật heo* 1 đêm, lấy *đất vách* *dòng* sao đen, bỏ *đất dùng* *riềng*. Lại lấy 15 quả *táo* sao tán nhỏ, khi sắp phát cơn sốt rét cho uống 2 phân với nước lã để chặn cử.

50) Có thai mà bị sốt rét.

Phân dơi tán nhỏ, cho uống với rượu khi đói mỗi lần 2 phân.

51) Có thai mà bị ung nhọt.

Ý dĩ nhân, *Ô dước* đều 5 phân, *cao do trâu* 1 miếng, sắc với nước cho uống ấm.

52) Có thai trong bụng gọi là quý khốc.

Hoàng liên, sắc lấy nước cho hít vào mũi.

53) Làm cho dễ đẻ.

Khi thai đã được 8 tháng, lấy *đất ở* cửa chợ dồn vào túi cho đeo bên mình, khi lâm bồn hòa nước cho uống.

54) Những chị em hay sinh ngang dẻ ngược, thai không thuận chiều, cứ đến 9, 10 tháng co uống bài này thì vĩnh viễn không lo ngại nữa.

Hương phụ, *Sa nhân*, *Chích thảo* đều sao tán nhỏ, cho uống với nước cơm, mỗi lần 2 đồng cân.

55) Bệnh nhiệt thai chết.

Hồng hoa nấu với rượu cho uống

56) Thai động hoặc con chết trong bụng, ra huyết, đau nhức, ảm khẩu muốn chết.

Quy 2 lạng, *Khung* 1 lạng, tán giập, sắc với 1 chén rượu cho uống ấm, hoặc cạy miệng đổ thuốc vào, giữ sau cho uống lần nữa chỉ uống độ 5-3 lần, nếu thai chưa chết thì hết đau, nếu chết rồi thì thai phải ra.

57) Sẩy thai ra huyết ào ào.

Mộc tàu thứ tốt 3 lạng, nung lửa tẩm dấm 3 lần, *Mộc dược*, *Đương quy* đều 1 lạng, *Hành* 1 nân, *Rượu* 1 chén, sắc với nước cho uống ấm.

58) Sẩy thai huyết đọng lại không ra, phát diên cuồng nóng rét.

Sừng nai 1 lạng tán nhỏ, nấu *đậu sị* làm lấy nước thang tống mỗi lần uống 1 đồng cân, ngày uống 3 lần thì huyết tự ra.

59) Sẩy thai đau bụng huyết ra không ngừng.

Linh dương giác đốt ra than, nấu *đậu sị* với *rượu* mà uống.

60) Động thai dễ non và bỗng nhiên động, hoặc lưng đau thai chuyển nhói vào tim, ra máu, hoặc chưa đủ tháng mà lại muốn đẻ.

Rễ xương bồ, giã vắt lấy nước cốt, *Bồ hoàng* 2 đồng cân, nấu với nước giếng ban mai cho uống.

61) Người sẩy thai quân tính và hành kinh khi có mang.

Xích tiểu đậu (đậu đỏ tán nhỏ uống mỗi lần 2 đồng cân.

62) Quen dạ sẩy thai, hoặc đến tháng thứ 3, thứ 5 là sẩy ngay thì cứ trước 2 tháng cho uống bài này.

Đỗ trọng 8 lạng, tẩm nước vo gạo nếp rồi sao, *Tục đoạn* 2 lạng tẩm rượu sấy khô. *Hoàng cầm*, *Bạch truật*, đều 4 lạng. *Sơn dược* 6 lạng đều tán nhỏ luyện hồ làm viên mỗi lần uống 50 viên với nước cơm qua thời kỳ hay sẩy thì thôi không uống nữa.

63) Người có bệnh muốn trực thai.

Càng cua 2 vốc, *Quế tâm* 1 lạng, *Cù mạch* 1 lạng, *Ngưu tất* 2 lạng tán nhỏ cho uống với rượu khi đói.

64) Sẩy thai ra huyết:

Đơn sâm 12 lạng, nửa *rượu* nửa nước sắc cho uống, nếu muốn trực thai thì cho vào 1 quả trứng gà, ba muỗng muối uống ngay cho hết.

65) Nghiệm phương chữa bệnh thạch thai (thai cứng như đá) bụng to.

Có một người tên là bà Hữu., mắc bệnh này hơn 10 năm, uống nhiều thuốc mà không khỏi, may gặp người đi đường truyền cho phương này thực có hiệu nghiệm.

Hồi hương, *Mộc hương*, *Hạt vông*, *Mã tiền* đều dùng 3 lạng, lại lấy rễ vông thái nhỏ, sao, sắc với rượu. Bốn vị trên nghiền nhỏ mà uống với rượu ấy, hễ đi đại luôn là khỏi, hạt mã tiền nhỏ tẩm nước gừng 3 ngày đêm.

XI- KHI NẪM CHỖ (ở cũ)

1) Thuốc thôi sinh và xuống nhau.

Đất lòng bép sắc lấy nước cho uống, ngoài dùng *hột đu đủ tía* (bỏ vỏ) nghiền nát

như cao đắp vào gan bàn chân, hễ thai hoặc nhau ra rồi thì lau rửa thuốc ngay đi.

2) Máu đẻ (máu hôi nay gọi là sản dịch) không ra.

Lọ nôi sao nghiền cho uống với rượu nóng.

3) Thuốc trục thai ra, không cứ thai còn sống hay đã chết.

Hột du đủ tía 2 hột, Ba đậu 1 hột, Xạ hương 1 phân, giã nát đem rịt vào rốn, và gan bàn chân.

Phương khác:

Như 1 tháng thì cho nuốt 1 *hột du đủ tía* với *rượu*, cứ theo số tháng mà cho nuốt bao nhiêu hột.

4) Thuốc thôi sinh đẻ đẻ.

Xạ hương 1 phân, nghiền với nước cho uống thì thai ra ngay.

5) Trường hợp đẻ khó.

*Sừng linh dương 1 cái, rửa lấy chỗ đầu ngon, đẽo vụn tán nhỏ cho uống với *rượu* 1 muống xúc.*

Khi thấy chuyển bụng.

- Lấy cái *hàm thiếc ngựa* mà cầm và nấu lấy 1 chén nước cho uống thì đẻ ngay.
- Lấy 1 ổ vò vò, hãm nước sôi cho uống.
- Lấy cây *ích mẫu* giã vắt lấy nước, nấu còn 1/2 thì lấy 1 *tắc mực tàu* thứ tốt nướng ra hòa vào cho uống.
- Dùng *mai rùa*, *mai cua đinh* đều đốt tồn tính, tán nhỏ uống với *rượu* 1 muống là dễ đẻ.

6) Đẻ khó, thai chết, và sinh ngang đẻ ngược.

*Đậu đen sắc với nước sông 2 lạng, Xuyên quy 1 lạng, Xuyên khung 1 lạng tán nhỏ thêm 1 chung *nước tiểu* trẻ em vào hòa với thuốc bột mà uống 2 lần, chưa kiến hiệu thì uống lần nữa.*

7) Khi có thai vì ra huyết sau mới đẻ khó, đó là do huyết khô sít.

Dầu mè nửa lạng, mật ong 1 lạng, hòa lại nấu sôi vài mươi dạo cho uống ấm, huyết . trơn thì đẻ được ngay.

8) Lên giường cử đá 3-5 ngày mà đẻ không được chỉ còn chờ chết, và chữa người phụ nữ thấp bé xương chậu không mở khó đẻ.

*Mai rùa tẩm *dấm* mà nướng, *tóc đàn bà* 1 nắm đốt thành than, *Khung*, *Quy* đều 2 lạng, sắc cho uống, cách 15 phút lại cho uống, dù thai sống hay thai chết đều ra hết.*

9) Chữa tình trạng sinh ngang đẻ ngược.

*Đất lòng bếp, tán nhỏ, liều uống 1 đồng cân, ngoài trộn với *rượu* đem rịt giữa rốn sản phụ.*

Các phương khác:

- *Nhân sâm, Nhũ hương, Lộ nôi* (kiêng nôi đồng) *mò hóng* bếp nhà ngói, hòa với *ruợu* và *nước lã*, đun âm ầm cho uống.

10) Tình trạng sinh ngang đẻ ngược thai gầy, thai tiền sản hậu, hư yếu và kinh nguyệt không đều băng huyết rong huyết.

Lộ nôi, Bạch chỉ, Xuyên khung, Dương quy, Hoạt thạch đều tán nhỏ, *nước tiểu* trẻ em và *dấm* đun nóng lên uống với thuốc.

11) Đẻ ngược số ruột ra.

Hạt du đũ tía, giã nát đắp lên trên xoáy thượng.

12) Đẻ ngược trong chốc lát không cứu kịp.

Xà thoát 1 cái, Thuyền thoái 14 cái, Tóc rơi 1 nắm, đều đốt ra tro cả nhỏ chia uống 2 lần với *ruợu* rồi dùng cái kim nhỏ châm vào gan bàn chân đứa trẻ, xát vào tí muối liền đẻ được.

13) Sinh ngang đẻ ngược không thuận chiều.

Toàn bộ *xác rắn*, bọc bằng bùn nhão, cho vào lửa mà nung, nghiền nhỏ, sắc vỏ *cây dâu ta* cho uống ngoài lấy *muối* xát vào bụng sản phụ và gan bàn chân đứa bé.

Phương khác:

Hột mã đề, hột Tơ hồng, đều bằng nhau sao tán nhỏ, *Mật ong, Dầu mè* nấu sôi hòa thuốc tán cho đều mà uống.

14) Con chết trong bụng.

Cỏ Ích mẫu giã vát lấy nước cốt, *đất lòng bếp, Quế* đều tán nhỏ hòa với ít *ruợu* mà uống.

Các phương khác:

- *Lòng dỏ trứng gà*, hòa với *nước gừng sống* cho uống.

- *Nước tiểu* người chống lấy 2 cân, nấu sôi cho uống.

- *Cật chuột dục 1 đôi, Nhũ hương 1 đồng cân*, luyện viên lấy cái chìa khóa bằng đồng nấu lấy nước hòa thêm tí *ruợu* cho uống.

15) Con chết trong bụng, khí lực sản phụ sắp hết, phương này có khả năng triệt sản.

Đậu nành 3 cân, dùng *dấm*, nấu đặc cho vào ít *nước tiểu* trẻ em uống hết, ngoài dùng *Phụ tử sống* hòa với *ruợu* ngon rịt vào gan bàn chân phải thì dễ đẻ. Thai đã ra thì bỏ thuốc đi.

16) Chứa tình trạng xót nhau.

Cho uống 1 chén *nước tắm trẻ*, dùng cho sản phụ biết.

Các phương khác:

- *Bò hoàng 2 đồng cân*, cho uống với nước giếng ban mai.

- *Hùng hoàng*, nấu với rượu gạo lấy nước, già *Sinh địa* vắt lấy nước hòa đều cho uống.

- *Minh phân* 7 phân hòa với dấm thanh để đánh uống, hễ uống thì trục nhau ra ngay.

17) Nhau đẻ không ra, máu đẻ nhói lên lồng ngực.

Nhũ linh chi nửa sao nửa để sống, nghiền nhỏ hòa với *rượu* ấm mà uống mỗi lần 2 đ/c.

18) Sốt nhau không ra bụng trướng khổ sở.

Để *nhũ* 1 con, nấu cho sôi vài mươi đạo, cho uống khỏi cổ thì nhau bắt ra liền.

Hoặc dùng bột *sùng nai* ba phân cho uống với nước *gừng*, ngoài dùng nước hòa với *dấm* phun vào mặt sản phụ, thần hiệu.

19) Lòi ruột, lòi trôn trê.

Đá nam châm nửa lạng, nung lửa 7 lần, tói vào dấm 7 lần, tán nhỏ cho uống 3 đ/c với nước cơm.

20) Chứa sa sinh dục

Khuong hoạt 2 lạng, sắc với *rượu* cho uống ngoài dùng quả *Bồ kết* nướng bỏ vỏ, nghiền nhỏ, thổi vào mũi.

Phương khác:

Bắt *con bò cạp*, sao tán nhỏ, cho bệnh nhân nằm ngâm ngậm nước, thổi thuốc vào trong lỗ mũi, lại lấy muối đun lên, rửa sạch, đốt *Ngũ linh chi* mà xông.

21) Sa sinh dục, đau không chịu được.

Đá nam châm nửa lạng, tẩm *rượu* rồi nung, *Sét sắt* 2 đ/c rươi, *Quy* 5 đ/c, tán nhỏ cho uống vào sáng sớm. Lại dùng *đá nam châm* tẩm *rượu* nướng nghiền nhỏ, luyện với cơm làm viên, mỗi khi đi nằm cho uống 40 viên với nước sắc *Hoạt thạch*.

22) Sản hậu sa sinh dục.

Đầu cua đinh 5 cái, đốt nghiền nhỏ cho uống với *Nước giếng* ban mai, ngoài dùng *Xà sàng tử*, đựng trong *túi lụa* hơi nóng mà chườm.

Phương khác:

Trước lấy *xà sàng tử*, *Ô mai* nấu nước cho ấm dùng rửa, rồi dùng *Cứt chuột* dục đốt lấy khói để xông.

23) Sản hậu cửa mình không co lại, hoặc sa sinh dục.

Với 1 đấu, nướng vàng hòa với hai đấu nước, đợi lãng trong gạo lấy để rửa.

24) Đến lúc lâm bồn lại bị di lý.

Chi tử đốt nghiền ra lúc đói, cho uống 1 muối với *rượu* ấm ấm.

25) Chứa người đàn bà đẻ lâu, hoặc hai ba ngày mà chưa đẻ được, vì phần

khí người ấy không lưu lợi con chuyển ngang.

Dương quy 3 đ/c, Xuyên khung 2 đ/c, Chỉ xác 2 đ/c, (bỏ ruột) lá Tía tô, củ cỏ cú, Vỏ quả cau đều 1 đ/c, Cam thảo 7 phân, con không ra thì theo y phương thì dùng gấp đôi nếu vì khí huyết khô sấp con không ra được thì gia Đông qùy tử, Bạch giới tử, hai vị sao qua tán nhỏ, cho vào thuốc trước mà uống thì sẽ khỏi.

XII- SAU KHI ĐẸ

1) Đẻ rồi khí huyết công vào tâm, máu đẻ không ra được.

Dắt lòng bếp tán nhỏ, cho uống với rượu, mỗi lần 2 đ/c thì máu đẻ tiết ra hết.

2) Sau đẻ máu ra không thông, đau bụng phát sốt rét, huyết ứ lại thành máu cục, và chứa được chứng kinh nguyệt bế tắc, vàng gầy, ăn ít, nhức đầu.

Ngũ linh chi sao, Bồ hoàng tẩm Dấm đều tán nhỏ mà viên bằng hạt nhãn, liều uống 2 viên, thang bằng nước tiểu trẻ em đun ấm, cho uống thì ra ngay, nếu là chứng nguyệt kinh bế tắc, huyết bị kết hờn thì mài với rượu cho uống.

3) Sau đẻ bị cảm phong hàn đau bụng.

Khuong hoạt hai lạng, nửa nước nửa rượu sắc uống.

Phương khác:

Ngải cứu thứ lâu năm dùng 2 cân, giã nát đắp quanh rốn, dùng lụa đắp kín, hơ cái bàn ủi mà ủi lên.

4) Sau đẻ bị đau máu.

Bông mỏng gà trắng rửa rượu mà uống

5) Máu hờn thành báng đau.

Quế tán nhỏ cho uống mỗi lần 1 muống với rượu.

6) Một thần phương có kinh nghiệm, chữa đau bụng và đau dạ dày con, ứ huyết không ra.

Củ Đinh lăng 1 đấu thái nhỏ sao vàng sắc cho uống rất hay.

7) Máu đẻ xông lên đau tim, khí chẹn tức, muốn chết.

Quế tâm tán nhỏ, luyện với mật chó làm viên to bằng Củ sừng, mỗi lần uống 1 viên với rượu nóng.

8) Người đại hư lòng bụng đau quặn chân tay giá lạnh.

Thịt dê 1 cân, Quy, Thục, Thuộc, Thảo đều 7,5 đ/c, tán nhỏ, Thịt dê nấu cho thật nhừ, hòa thuốc vào cho ăn.

9) Chữa đau dạ con và băng huyết đau bụng.

Mu con cua, đốt tồn tính, cho uống mỗi lần 1 đ/c với nước cơm.

10) Chữa đau dạ con.

Ngũ linh chi, sao tán nhỏ cho uống với rượu, mỗi lần 2 đ/c.

Phương khác:

Dùng Hột bông vải, sao vàng tán nhỏ, sắc lấy 1 chén là khỏi ngay.

11) Chữa máu xâm, lòng bàn thần muốn chết.

Mục tàu thứ tốt, mài với nước đá của chồng cho đặc mà uống thì khỏi.

12) Vì tức giận mà phát sốt, máu xâm, phiền phức hôn mê, hoặc máu lên nhói vào tim, trợn mắt cắn răng.

Bông kinh giới khô nửa sao nửa dùng sống, tán nhỏ, hòa với nước đá trẻ con mà uống. Nếu còn ênh xương sống (uốn ván), thì cho uống với yượu Đậu lâm (1), nếu hàm răng cứng chặt thì cạy miệng mà đổ hoặc đổ vào lỗ mũi, hoặc cho uống cũng được.

13) Chữa sản hậu máu xâm.

Nhân sâm 1 lạng, Tía tô nửa lạng, nửa rượu, nửa nước sắc lên, rồi hòa với nước tiểu trẻ em cho uống.

Phương khác:

Dùng một khúc sừng nai, đốt tồn tính, nghiền nát ra, cho uống với rượu.

14) Vì huyết hư mà sinh ra choáng váng như trứng phong, tinh thần mê muội.

Bông kinh giới 1,3 lạng, Đào nhân sao 5 đ/c, tán nhỏ cho uống mỗi lần 2 đ/c với nước nóng, nếu suyễn thì thêm Hạnh nhân, Chích thảo sao 3 đ/c.

15) Chữa máu xâm lưng lên, tâm khí muốn tuyệt.

Ích mẫu thảo, giã vắt lấy nước cốt cho uống mỗi lần 1 chén.

16) Tâm buồn tức, khí tuyệt.

Hồng hoa 1 lạng, sắc với Rượu và nước tiểu trẻ em cho uống, nếu miệng cắn chặt thì dùng dũa bóp cạy răng mà đổ.

17) Phiền muộn sau đẻ.

Củ nâu 1 củ, chôn xuống đất năm chục phần trăm, còn để 1/2 lên trên, dùng 1 cân lửa than đổ vào mà nung, nung xong cào đất ứt dậy lên để đó 1 đêm rồi lấy lên, gỡ bỏ phần ngoài chỉ lấy phần trong, nghiền năm bảy lần với nước, đem phơi khô rồi nghiền nữa, cho uống với nước sắc Cam thảo.

18) Chữa chứng vú cứng như đá, buồn tức khó chịu.

Mang tiêu, hòa với Mật ong cho uống ngày ba lần.

(1) *Rượu Đậu lâm.* Đậu đen xanh lòng, rang cho cháy thừa lúc đang nóng, chế rượu vào cho uống gọi là Rượu Đậu lâm.

Phương khác:

Bồ hoàng, tán nhỏ, uống với nước chảy về phía đông mỗi lần 1 muống..

19) Chứa chứng mất nhắm tâm phiền.

Đậu đỏ nghiền sống, cho uống một muống với nước chảy về phía đông, chưa khỏi thì uống nữa. Nếu vì đầy tức không uống được thì lấy 20 hột nướng chín nghiền ra cho uống với nước lạnh.

20) Chứa chứng sau đẻ không nói được.

Nhân sâm, Thạch cao, Bồ hoàng, Liên nhục, đều bằng nhau sắc cho uống ấm.

Các phương khác:

- Dùng Thạch xương bồ.

- Dùng Phèn chua sống, hòa nước nóng cho uống, chỉ dùng cho mạch thực mà có lực.

21) Chứa bí tắc máu ra không được nhiều.

Nhân sâm, Hột mè, Chỉ xác, Thần khúc, sao tán nhỏ, luyện mật làm viên, liều uống 50 viên với nước cơm.

22) Sau đẻ huyết ra quá nhiều.

Củ Tam thất tán nhỏ, cho gừng với nước cơm, mỗi liều 2 đ/c.

23) Máu hôi ra chưa hết, bụng đầy, máu xám, nóng lạnh, tâm phiền, chân tay phiền nóng khí lực sắp hết.

Huyền hồ sách, nghiền nhỏ cho uống với rượu mỗi lần 1 đ/c.

24) Máu hôi ra không hết, hoặc kinh nguyệt ra dây dưa kéo dài hàng tháng, đến nửa năm.

Thăng ma 3 lạng, Rượu 5 cân nấu cạn còn hai phần rượu, chia uống 2 lần, hễ mùa được đồ độc địa là khỏi.

25) Máu hôi ra máu không ngừng.

Can địa hoàng sao tán nhỏ, liều uống 1 đ/c với rượu nóng trước bữa ăn ngày uống 2 lần.

26) Ra máu không ngừng.

Từ uyển, Xương bồ đều 1,5 lạng, nửa rượu nửa nước sắc cho uống ba lần uống ấm trước bữa ăn, uống ngay.

27) Bụng đau máu ra không hết.

Lá sen, sao thơm, tán nhỏ, cho uống với nước, hoặc hòa với nước tiểu trẻ em cho uống, hoặc đốt ra than, hoặc sắc cho uống cũng được.

28) Sau đẻ bị băng huyết.

Guang sen 5 cái, đốt tồn tính, Củ cỏ cú sao dấm 2 lạng, tán nhỏ cho uống với nước

cơm ngày ba lần.

29) Vì giận khóc hại can khí, bắt nôn ra nước trong hoặc xanh.

Hẹ, già vắt lấy nước cốt hòa với nước gừng mà uống.

30) Nôn ọe mà không có chứng gì khác.

Bạch truật 1,2 lạng, Gừng sống 1,5 lạng, sắc cho uống, khi uống hòa vào chút bột Sâm.

31) Chứa chứng đau bụng đầy cứng phát thở nằm không được.

Thương lục 3 lạng, Đại kích 1,5 lạng, Cam toại sao 2 lạng đều tán nhỏ, nấu nước mà uống.

32) Chứa nấc cụt.

Độ khấu, Dinh hương đều dùng 5 đ/c, tán nhỏ mỗi lần uống 1 đ/c, thang với nước Đào nhân, uống vài lần kiến hiệu.

33) Chứa diên cuồng do máu xấu hoặc tà khí nhập tâm.

Chu sa 2 đ/c tán nhỏ, bắt con Trùn hổ cho vào nấu với thuốc, nấu sôi ba đạo thì bỏ đạo thì bỏ trùn dùng thuốc, chia uống ba lần.

34) Phát cuồng, ca hát ngê ngô, hay trèo tường leo vách, đó là do huyết làm mê tâm bào lạc.

Tứ vật thang gia Thanh đại sắc uống, hoặc dùng Tiêu giao thang gia Tô mộc, Đào nhân, iễn chí, Sinh địa, Hồng hoa, nhiệt hóa dùng Tiểu Sài hồ thang gia Sinh địa Thần sa, sắc uống.

35) Nói cuồng, máu công lên mà phiền khát không ngừng.

Củ cỏ cú, gừng sống, Đại táo, già giập sắc uống.

36) Nói cuồng như người mất trí như người mất trí vì máu lên.

Cánh kiến 1 lạng, tán nhỏ cho uống với rượu, liều uống 2 đ/c.

37) Chứng huyết táo khát uống nước hoài.

Hoàng cầm, Mạch môn đều bằng nhau sắc cho uống ấm lúc nào cũng được.

38) Chứng khô miệng lưỡi co.

Trứng gà 1 quả đập ra hòa với nước cho uống.

39) Khát nước.

Luyện Mật ong làm viên, pha với nước sôi cho uống là khỏi ngay.

40) Chứng có máu cục.

Đại hoàng 1 lạng tán nhỏ, Dấm thanh nửa cân, cô thành cao rồi viên cho uống 50 viên/ lần với rượu hâm ấm.

42) Chứng huyết ứ huyết bế.

Bồ hoàng 2 lạng sắc cho uống hết 1 lần, huyết bế thì dùng 20 hạt Đào nhân sắc uống.

43) Loạn huyết chạy vào chân tay và huyết trào ra.

Xương đầu chó đốt thành than cho uống mỗi lần 2 đ/c với rượu.

44) Chứng nhức đầu.

Xuyên khung tẩm nước vo gạo, thái mỏng sao, tán nhỏ, cho uống 2 đồng cân với nước trà.

45) Trúng phong, liú lưỡi, chân tay co rút.

Khuong hoạt 2 lạng, nửa nước nửa rượu sắc cho uống.

46) Trúng phong sôi bọt mép chân tay co giật, bất tỉnh nhân sự.

Đương quy, bóng Kinh giới, đều bằng nhau tán nhỏ, một chén nước, một ít rượu, một ít nước tiểu trẻ em, sắc lấy 7 phân hòa với thuốc trên cạy miệng đổ vào là sống.

47) Chứng phong hư.

Dùng Độc hoạt, Bạch tiểu bì đều 3 lạng, sắc với rượu cho uống.

48) Trúng phong đau sườn.

Sinh địa, Gừng sống đều 5 lạng, cùng giã nát ngâm 1 đêm, sao tán nhỏ, liều uống 1 đồng cân với rượu.

49) Trúng phong cứng người chân tay duỗi cứng.

Trúc lịch cho uống 1 vài cân.

50) Sau đẻ bị trúng hàn, khắp người lạnh cứng, miệng cắn chặt, bất tỉnh nhân sự.

Bạch truật, Trạch tả đều 1 lạng, gừng sống 5 đồng cân, sắc uống.

51) Thương hàn máu lên, phát tức, ngất lịm.

Ká sen, Hồng hoa, Khuong hoàng, đều bằng nhau, sao tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước tiểu trẻ em.

52) Chứa các chứng hư yếu phát sốt đổ mồ hôi.

Cật heo 1 quả, bóc bỏ màng, xắt miếng, nước 3 cân, gạo nếp nửa vốc. Hành 2 củ, nấu chín, gạn lấy 1 chén nước, lại dùng Sâm quy đều bằng nhau, nghiền nhỏ, trộn vào sắc lại cho uống ấm trước bữa ăn.

53) Chứa chứng mình nóng như đốt, da nổi mụn như hạt thóc.

Đào nhân, giã nát cho bùn, cùng với sáp ong trộn đều đem rịt vào, thay đổi hàng ngày.

54) Chứng phiền nóng vì hư bên trong, hơi thở ngắn.

Tinh tre 1 cân, Sâm, Linh, Thảo đều 3 lạng, Côm 2 lạng, sắc cho uống 3 lần.

55) Chứng đái gắt, nhỏ từng giọt.

Từ thảo 1 lạng, tán nhỏ, nấu với nước giếng mới gánh sáng sớm nhất, cho uống mỗi lần 2 đồng cân trước bữa ăn.

56) Chứa phù thũng vì huyết hư.

*Màn tươi, Phòng kỷ hai thứ bằng nhau tán nhỏ, dùng dấm làm thang cho uống, mỗi lần 2 đồng cân, nếu vô cơ thấy sung lên dùng hạt *Dáng cay* nấu nước mà rửa.*

57) Phù thũng mà xanh là chứng huyết và nước tích lại.

Cần tất, Mạch nha, đều tán nhỏ, để trong nồi đất mới cần tất phủ lên hết tầng này đến tầng khác, xong lấy bùn nhào với muối bao trét kín, đem hầm cho đỏ suốt, lấy ra nghiền nhỏ cho uống với rượu, chữa được mọi chứng thũng.

58) Chứa mọi chứng di lý.

Rau giền, lá Ké Dầu ngựa, đều giã ra, vắt lấy nước nấu sôi cho uống nóng.

59) Chứng đại tiện ra máu không ngừng.

Lá thuốc cứu khô, sao chín, gừng tươi giã nát đều nửa lạng sắc cho uống 1 lần là khỏi.

60) Lý khát lâu ngày tân dịch khô chân tay phù thũng, lưỡi ráo môi khô và thương hàn lý khát.

Ô mai 20 quả, Mạch môn 2 đồng cân, sắc lấy 1 chén nước. Lại dùng 1 quả bí đao, đất sét nhào bột bọc kín, nướng chín cho uống.

61) Đổ mồ hôi nóng dữ hơi thở đoản, đùi đau không quay trở được.

Quy 3 đ/c, Kỳ, Thuộc đều 2 đ/c, gừng sống 5 miếng, sắc cho uống nóng.

62) Đổ mồ hôi trộm.

Bột mẩu lệ, bột gạo đều sao bằng nhau tán nhỏ, dùng nước luộc thịt heo mà uống với thuốc mỗi lần 2 đ/c.

63) Gai gai sợ rét.

Vỏ Ngô thù du 1 nắm to bằng quả trứng gà, tắm rượu nửa ngày sắc cho uống.

64) Sau đẻ người gầy yếu.

Gà mái vàng 1 con, mổ thịt như cách thông thường, dồn vào 3 củ Bách hợp cân gạo trắng, thêm gia vị hành mắm muối khâu lại, nấu chín cho ăn cả cái lẫn nước.

65) Người gầy yếu bụng đau, khí lạnh không điều hòa trứng phong, mồ hôi tự chảy ra.

Thịt dê dùng 1 cân, cách làm như thường cho ăn, có thể khỏi.

66) Người gầy yếu, cho uống bài sau đây có thể trở thành béo khỏe.

Mô dè 2 cân, Sinh địa 1 cân, giả vát lấy nước, nước gừng 5 chén, mật ong 3 cân, nấu cô lại như kẹo nha, mỗi lần dùng 1 chén có pha rượu hâm ấm mà uống.

67) Nhọt vú mới mọc.

Bạch chỉ, Bối mẫu đều dùng 2 đ/c, Thạch cao nung đỏ đều tán nhỏ uống với rượu ấm.

Phương khác:

Lá ô rô giả nát, chế nước tiểu trẻ em vào trộn đều mà đắp, thần hiệu.

68) Nhọt vú mới mọc vừa đau vừa ngứa.

Nước hành 1 cân cho uống bằng hết, ngoài dùng Bạch chỉ, Đơn sâm và Bạch thược giả nát, tẩm dấm để 1 đêm rồi vát lấy nước cô thành cao mà xức.

69) Nhọt vú mới sưng tấy, cứng mà tím bầm.

Vỏ rễ cây liễu yếu, giả nát xào nóng, cho vào túi lụa mà chườm nguội lại thay.

70) Nhọt vú sưng thũng.

Bồ công anh 1 lạng, dây kim ngân 2 lạng, rượu 1 lít, giả vát lấy nước cốt cho uống trước bữa ăn, ngoài dùng bã ấy mà đắp rịt vào.

71) Nhọt vú do sữa không thông, trong kết lại mà sưng lang, gọi là đố nhũ.

Tàng ong, đốt thành than, nghiền nhỏ, uống với nước ấm mỗi lần 2 đ/c, ngoài dùng Bồ hóng bếp cả nhỏ trộn dấm, mà bôi.

72) Sưng vú, cứng như đá, nhiệt độc tác ghệt, bần thần khó chịu, đầu nhức miệng khô, dai gât.

Dùng Thạch nhũ, tán nhỏ, tàng ong nấu lấy nước trong với thạch nhũ cho uống, khien độc theo đường tiểu mà dẫn thoát.

73) Vú sưng đau, tức sữa với các chứng đing sưng.

Dùng lá tía tô, Dây kim ngân, Cam thảo, Bồ công anh sắc cho uống ngoài cũng lấy mấy thứ trên giả nát mà rịt thì tiêu ngay.

74) Sưng vú cứng như đá, mọc ra phát phiền phát khát nước.

Con ốc đá 5 lạng, nước 1 chén, giả vát lấy nước đặc cho uống hết 1 lần.

Phương khác:

Xuyên sơn giáp, nướng khô tán nhỏ, Mộc thông đều dùng 1 lạng, Tự nhiên đồng dùng sống, nửa lạng, tán nhỏ, trộn đều cho uống với rượu mỗi lần 1 đ/c.

Đây là bài thuốc chữa chứng xuy nhũ.

75) Chữa chứng nhũ huyền, hai bầu vú bóng thông lòng dài và nhỏ như ruột thông qua bụng, đau không chịu được nguy trong chốc lát.

Xuyên quy, Xuyên khung đều dùng 1 cân, một nửa giã giập sắc cho uống không cú nước nào, một nửa thì giã ra bỏ vào mẻ than để dưới giường cho bệnh nhân xông hóp lấy hơi ấy.

Nếu làm hết thuốc mà chưa khỏi hãy làm thêm một lần nữa.

Lại dùng hột *Du đủ*, *tía* giã nát đem ghịt giữa xoáy thượng

76) Vì nịt vú mà sinh ra ung nhọt đau dữ.

Dùng cây *Ích mẫu* giã sống mà đắp.

77) Chứng suy nhũ sưng cứng, đau nhức, nhẹ thì gọi đỡ nhũ, nặng thì gọi ung nhũ.

Trần bì, *Qua lâu* cân đều dùng 1 lạng, *Nhu hương*, *Cam thảo* đều dùng 1 đ/c, tán nhỏ cho uống với *ruợu* hoặc sắc cho uống.

78) Chứng đầu vú nứt nẻ.

Yến chi, với bột *vỏ dỏ*, đều tán nhỏ mà rắc.

79) Vú sưng không tan.

Dây thuốc cá, *Dậu đỏ* hai thứ bằng nhau, tán nhỏ, trộn với *ruợu* mà đắp.

Phương kình nghiệm:

Lấy củ *Thiên môn* sắc cho uống, bã giã chung với *hẹ* có tí muối mà bôi.

80) Chứa bệnh ung thư vú (nhũ nham).

Dậu đen 2 cân, ngâm sát bỏ vỏ vào nồi đồng mà nấu lấy nước cho uống.

81) Mùa thu lạnh, vú nứt nẻ ra:

Dùng quả cà, xắt mỏng, phơi râm, đốt tồn tính, nghiền nhỏ hòa với nước cho uống.

82) Chứng ung thư vú, vì lo mất đá lâu, trong vú kết thành bột, phải chữa ngay, nếu không thấy đau ngứa đá lâu thì không chữa được.

Thanh bì 4 đ/c, *Xuyên sơn giáp* nướng, đều tán nhỏ cho uống với *ruợu* mỗi lần 1 muống xúc, ngoài dùng cái lược mà cào gãi.

Phương khác:

Dùng *Bồ kết* đốt ra than, bột *vỏ sỏ*, hai thứ bằng nhau, *cút chuột* 7 hòn, nhét trong thịt quả táo, đốt tồn tính tán nhỏ cho uống với *ruợu* ấm.

83) Vú cứng như đá khát nước.

Nước ngâm quả trứng gà, lãng trong cho uống, ngoài dùng *nước dái ngựa bạch* mà đổ vào chỗ đau.

84) Chứa vú sưng đá thành mụt.

Cút chuột mới *ỉa* còn đang ẩm, *Hoàng liên*, *Dại hoàng*, đều tan nhỏ hòa với *nước com* mà đắp xung quanh mụt thì tan ngay.

85) Chứng nhũ xuy, sưng tấy, đau.

Cạo lấy *tinh sừng nai*, sao vàng tán nhỏ cho uống với *ruợu* mỗi lần 2 đ/c, ngoài dùng lược mà cào gãi.

86) Chứng sung vú chưa đỡ.

Răng người, đốt nghiền với *sữa người* cho uống.

Phương kinh nghiệm:

Cút chuột đem sao cho hết khói, *sáp ong* đều 2 đ/c nghiền nhỏ, *Bồ công anh*, *Kim ngân hoa*, *Hạ khô thảo*, sắc với *ruợu* và *nước* cho uống.

87) Chứng sữa không chảy ra (tắt tuyến sữa).

Trí mẫu, *Bối mẫu*, *Mẫu lệ*, đều bằng nhau, tán nhỏ cho uống mỗi lần 2 đ/c với *nước* đựng heo.

Phương khác:

Qua lâu cần, *Mạch môn* đều đốt tán nhỏ, mài sừng *Tê ngưu* hòa với *ruợu* cho uống với thuốc.

88) Chứa chứng tắc tuyến sữa.

Nấu *nước Đậu đỏ* cho uống.

Phương khác:

Lấy *Hạt ngô rí khô*, sắc cho uống thì thông ngay.

89) Chứa trường hợp căng tức sữa, vì không con bú nên sữa không ai tiêu thụ, căng tức phát sốt.

Dùng *Lúa Đại mạch* (lúa mì) 5 lạng sao tán nhỏ, cho uống mỗi lần 5 đ/c với *nước* sôi.

90) Sau đẻ có chứng bán thân bất toại.

Rễ cỏ mần chầu sao vàng (kỵ đồ sắt) sắc uống, ngoài dùng *Đinh hương* giã nát nấu với *Dấm* mà bóp.

HÀNH GIẢN TRÂN NHU

(Quyển 56)

I- NHI KHOA

1) Chứa trẻ sơ sinh không khóc.

Dùng nước lạnh tạt vào mặt nó, ngoài dùng tép hành đánh vào dít thì nó khóc nhay.

2) Chứa trẻ sơ sinh không bú.

(Vì trong họng có vật ngăn tắc).

Dùng 1 xí *Thủy ngân* (bằng hạt gạo) nhỏ vào đến họng là bú được ngay.

Phương khác:

Dùng 4 hòn *cút chim sẻ*, nghiền nhỏ trộn với *sữa* mà đổ vào.

3) Trẻ sơ sinh tịt lỗ dít.

Khi mới sinh vì nhiệt độ lâu ở lỗ dít cho nên bế tắc không thông, bảo người mẹ hãy áp mồm mà mút tại chón thủy, sau lưng, giữa hai lòng bàn tay, hai gan bàn chân và rốn, làm 4-5 lần như vậy rồi dùng nửa đồng cân *Khinh phấn*, một ít *Mật ong* đánh tan với nước ấm mà nhỏ dần vào mồm cho bé uống.

4) Chứa trẻ sơ sinh, nơi lười, trong da lười hoặc khắp cuống lười hiện ra màng trắng.

Trước dùng móng tay, cào rách cho chảy máu, dùng *Phèn phi* tán nhỏ mà sát, nếu không tiêu hết sau sẽ bị nổi ngọng.

5) Chứa trẻ sơ sinh bí đại tiện.

Cam thảo, *Chi xác* (nướng qua) đều 1 đ/c sắc cho uống.

6) Cách phòng khỏi thai độc.

Dùng *Hoàng liên* nấu với nước mà tắm, thì không sinh nở ngứa đơn độc.

7) Thuốc tắm để khỏi sinh ghẻ lở.

Dùng *lịch mẫu thảo* 5 lạng, nấu lấy nước mà tắm cho bé.

8) Chứa trẻ bé đái gắt không thông.

Má dề, giã vắt lấy nước, hòa ít mật ong mà nhỏ.

9) Bé mới sinh ba ngày, dùng bài này để khỏi bị phong trừ ác khí.

Ngưu hoàng bằng một hột dẫu, tảo một lít, *mật ong* một ít, nghiền đều mà nhỏ vào cho uống hết trong một ngày.

10) Xử lý chỗ cắt rốn bị ướt không khô.

Dầu mè, tóc rối đốt thành than, trộn *Thạch cao* mà xúc, kiêng nước lã.

11) Trị chứng chàm vĩa.

Dùng *sét sắt* thứ đã rơi ra sắc cho uống.

12) Trị chứng chàm vĩa thối nhiên muốn chết ngất.

Chu sa 1 đ/c, hòa với ba chén *mật ong* cho uống.

13) Trị chứng chàm vĩa không khóc được, hoặc người lớn bị đánh tướt ngã kinh sợ máu dồn vào tim.

Chu sa tán nhỏ, trộn với *máu tim heo* đực mà viên, mỗi lần uống 7 viên, sắc nước tảo mà thang.

14) Trẻ em khóc đêm đau bụng.

Ngưu hoàng dùng một ít hòa với sữa cho uống rồi viết chữ điền vào rốn nó.

Phương khác:

Dùng *vị tiền hồ* tán nhỏ, làm viên với *mật ong*, mỗi lần uống một viên, nấu với nước sôi làm thang.

15) Vì thai hàn bé khóc ngày đêm không nín, riết rồi sinh động kinh (phong xù).

Dùng một ít *Xuyên quy* tán nhỏ, hòa với sữa người mà nhỏ vào miệng bé mỗi ngày ba đến bốn lần.

16) Vì nhiệt tà ở tâm, bé khóc suốt đêm không chịu nín.

Nhũ hương 1 phân, *hoa đèn dầu nam* (thấp bằng vỏ bắc) 1 cái đều tán nhỏ hòa với sữa mà nhỏ vào miệng bé.

Phương khác:

Lấy một tấm ván quan tài đã mục, đốt lên đem soi thì bé nín.

17) Bé không đại được trưởng bụng.

Dùng *muối* bỏ vào rốn bé rồi cứu cho nó mấy liều, nếu thấy quanh rốn có sắc xanh đen và miệng tru lại là không chữa được.

18) Chứa bé đại dầm thuộc âm chứng, cho nên không cầm được.

Phá cổ chó sao tán nhỏ, thêm một tý *Ô dước*, mỗi buổi sắc cho uống 5 phân.

Phương khác:

Quế tán nhỏ, *gan gà trống*, hai thứ bằng nhau, giã làm thuốc viên tới nào cũng cho uống với *Cam thảo*.

19) Chứa đại tiểu tiện không thông với nóng làm kinh, dờm thực, muốn được thông hoạt.

Đại hoàng tẩm *rượu* sao 1 đ/c, *Úc lý nhân* bỏ vỏ 1 đ/c, *Hoạt thạch* 1 lạng, giã ra hoàn đều làm viên bằng hạt gạo tùy bé lớn hay nhỏ mà cho uống nhiều ít, uống với nước sôi để nguội.

20) Chứa bé bị đái ra máu.

Cam thảo 1 lạng, *thăng ma* 5 phân, sắc cho uống, bé một tuổi thì mỗi ngày cho uống một lần.

21) Đại tiểu tiện ra máu.

Nước Sinh địa 1 muống, *rượu* nửa muống, *Mật ong* nửa muống, hòa chung cho bé uống.

22) Bé bú xong liền mửa ra, di bị hàn.

Bạch đậu khấu, *Sa nhân* đều 14 hạt, *Sinh Cam thảo*, *Chích thảo* đều 2 đ/c, các vị tán nhỏ, thường đem thấm vào miệng bé.

24) Chứa bé bị ợ.

Bột sừng nai, *bột Đậu đen*, bằng nhau, hòa với sữa cho bé uống, hoặc chấm vào đầu vú cho bé bú.

25) Chứng ợ do nhiệt.

Sữa bò 2 chén, *nước gừng* 1 chén, cho vào cái ấm bằng đồng mà nấu sôi 5-6 dạo, tùy bé lớn nhỏ mà uống.

26) Bé bị đi tướt lâu ngày tỳ hư ăn bú ít không tiêu.

Bạch truật, *Bán hạ khúc* đều 2 đ/c, *Đinh hương* nửa đ/c tán nhỏ, luyện nước gừng với cơm mà viên, uống với nước *com*.

27) Kiết lỵ đàm hoặc máu lâu ngày, người hư yếu.

Hoàng liên sắc lấy nước hòa với *Mật ong* cho uống, ngày 5-6 lần.

Phương khác:

Dùng *Sừng nai* đốt ra than, tóc đốt ra than, hai thứ bằng nhau tán nhỏ uống với nước nóng.

28) Đi lỵ kèm cả ỉa ra máu.

Trắc bá diệp sắc nước cho uống, thay nước trà.

29) Chứa bé bị trướng bụng.

Bán hạ chế, tán nhỏ hòa một ít *rượu* làm viên, cho uống với nước gừng, ngoài dùng *Bán hạ* nướng tán nhỏ, hòa với nước gừng rịt vào rốn.

Phương khác:

Dùng móng tay cha mẹ nó, đốt ra than đem xát trên vú thì bú được.

30) Chữa tích vì khí mà đau.

Củ U du nấu lấy nước rồi nấu cháo cho người mẹ ăn, cho cá bé ăn nữa, trẻ sơ sinh từ 10 tuổi trở xuống vô luận có những chứng phong xù, phát sốt, báng tích đều chữa được tất cả, rất hay, không tả xiết.

31) Chữa chứng báng trường khí thống (đau bụng qiận ruột do khí hàn lạnh sinh ra).

Nhũ hương, *Một dược*, 2 thứ đều nhau tán nhỏ, lấy *Mộc hương*, mài nước, nấu lấy nước hòa với thuốc cho uống, công hiệu ngay.

32) Chữa đau bụng hoắc loạn.

Dùng cặn nước đãi phơi khô tán nhỏ đem bôi trên núm vú cho bé bú.

33) Chữa chứng hoắc loạn thổ tả.

Ố vò vò, nướng cháy tán nhỏ hòa với sữa cho uống.

34) Chữa thương phong mình nóng, đổ mồ hôi co quắp.

Đơn bì nửa lạng, *Cút chuột* 20 hòn, sao tán nhỏ, cho uống mỗi liều 2 đ/c với nước trong.

35) Chữa ngoại cảm thương hàn, sổ mũi.

Bạch chỉ tán nhỏ, *Hành* giã nát làm viên bằng hạt đậu đỏ cho uống mỗi lần 20 viên với nước trà, lại cũng dùng *Bạch chỉ* mà tán nhỏ, hòa với nước gừng, xoa vào huyết thái dương ăn cháo hành cho ra mồ hôi.

36) Đờm nhiệt sinh ho và kinh sợ.

Bán hạ Nam tinh, 2 thứ đều nhau tán nhỏ, dồn vào trong cái túi *Mật bò* đem treo trước gió cho khô, hoàn với hồ, thang với nước gừng, mỗi lần uống 5 viên.

37) Chữa ho suyễn, nóng lạnh, đổ mồ hôi mưa ra máu, mạch hư vô lực.

Nhân sâm, *Thiên hoa phấn*, hai thứ đều bằng nhau tán nhỏ, hòa với *Mật ong*, uống với nước.

38) Ho sốt.

Cam thảo 2 lạng, tẩm với *Mật heo* 5 ngày đêm rồi đem ra phơi khô nghiền nhỏ, luyện viên, sắc nước *Bạc hà* làm thang cho uống.

39) Sốt cơn qua lại, đổ mồ hôi.

Hồ Hoàng liên, *Nam Sài hồ* đều bằng nhau, nửa rượu nửa nước cho uống.

40) Sốt cao, khát nước, nhức đầu, khó chịu.

Nước *Sinh địa* ba chén, *Mật ong* nửa chén, hòa đều cho uống luôn.

41) Minh nóng trong lòng nóng, nằm ngồi không yên.

Khổ sâm nấu nước mà tắm, dùng *Thạch cao* nung 5 đ/c, *Chu sa* 1 đ/c, nghiền nhỏ, sắc nước *Bắc đèn* cho uống.

42) Chứa nóng lạnh.

Quả Bí đao nướng chín vắt lấy nước cho uống.

43) Sốt nhiều.

Dùng *Úc lý nhân* nấu chín nghiền ra, ngày uống 2 vốc.

44) Chứa sốt rét.

Dùng *Sừng nai* nghiền sống tán nhỏ, khi sắp làm cữ dùng *sữa người* 1 đ/c, cho uống chận cữ.

45) Chứa chứng đờn ngược, sốt dữ mà không rét.

Hoàng đờn 2 đ/c, hòa với nước và mật ong mà uống, lạnh thì hòa với rượu mà uống.

46) Chứa chứng tà (Lược).

47) Chứaq lái dứa miệng chảy nước bọt.

Vỏ rễ *Sầu đâu*, nấu chung với trứng gà đến chín, cho ăn lúc đói.

Phương khác:

Sử quân tử bỏ vỏ tán nhỏ, canh năm cho uống 1 đồng cân với nước cơm.

48) Chứa mí mắt sưng lấn đến con ngươi.

Muối trắng, một ít nấu với bắc đèn mà nhỏ mỗi ngày dăm ba lần khỏi đau khỏi vướng có công hiệu.

49) Chứa chứng mắt nhắm không được hoặc chảy máu.

Thương truật 2 đ/c, tán nhỏ dồn vào túi *Mật heo*, đổ nước vào nấu cho hơi bốc lên đem xông vào mắt, sau nhai mớm cho bé ăn.

50) Chứa mắt nhặm mắt đỏ.

Dùng *Hoàng liên* tán nhỏ, hòa với nước đem đắp ghịt vào gan bàn chân.

51) Chứa chứng não nhiệt thích nhắm mắt hoặc nhức tại huyết thái dương, hoặc mắt sưng đỏ.

Xuyên khung, *Bạc hà*, *Phác tiêu*, đều 2 đ/c, tán nhỏ dùng một ít thổi vào mũi.

52) Chứng đau mắt.

Dùng *Mã đề* giã vắt lấy nước, hòa với *Trúc lịch* mà nhỏ vào.

53) Mắt quáng gà.

Phân dơi, sao nghiền nhỏ hòa với *Mật heo* làm viên, liều uống 5 viên.

Phương khác:

Gia thêm Hoàng cầm đều bằng nhau tán nhỏ hòa với nước cơm và nước Mật heo cho uống.

54) Chứng mắt nhắm vì bị nhiệt tà khí còn trong bụng mẹ.

Tử vật thang gia Cam thảo, Thiên hoa phấn sắc uống, lại lấy một chút Mật gấu hòa vào nước mà rửa mắt, ngày 7-8 lần.

55) Chứng lở miệng.

Dùng Lọ nổi cà nhỏ, thường đem sát vào mồm, lại dùng Tế tân tán nhỏ rịt vào rốn.

56) Chứng lở miệng không bú được.

Mật đà tằm tán nhỏ, trộn với dấm mà rịt vào gan bàn chân, hễ mụn lở khỏi thì rửa đi.

57) Trị đẹn cơm (tưa lưỡi, trắng lưỡi).

Dùng Mang tiêu cà nhỏ, sát vào trên lưỡi ngày 5 lần.

58) Miệng lở loét.

Lưu hoàng, hòa với nước mà đắp vào gan bàn chân bàn tay, thấy kết quả thì rửa đi.

59) Chứng đen khoét, (tưa khắp miệng, trắng và loét).

Phèn phi 1 đồng cân, Chu sa 2 phân, tán nhỏ, mỗi lần lấy một ít mà sát vào miệng, ngày ba lần.

60) Chứng trùng thiệt sắp chết.

Sét sắt, nung đỏ đập cho nó văng ra, nghiền nhỏ hòa với nước cơm 1 đồng cân mà ngậm. Lại dùng than tóc rói, Đốt lông bếp, tán nhỏ, Mang tiêu hòa với rượu mà bôi vào lưỡi ngày 3 lần.

61) Chứng trùng thiệt mọc thiệt, (lưỡi sưng cứng dần dần đầy cả miệng).

Đốt lông bếp tán nhỏ, giã Ngưu bàng vắt lấy nước trộn vào mà đắp vào cuống lưỡi.

62) Chứng mọc thiệt, (lưỡi sưng cứng).

Hàn the tán nhỏ, dùng gừng sống xắt miếng chấm thuốc mà sát một lúc là tiêu hết.

Các phương khác:

- Phèn phi, hòa với bột sừng nai mà súc dưới lưỡi.
- Xác rắn lột, đốt ra tro, hòa với sữa cho uống.
- Thuộc dược thú đỏ, Cam thảo, sắc lấy nước mà ngậm.

63) Chứng trùng thiệt và trùng ngạc: (Hai nướu, sưng m).

Xác rắn lột đốt lấy tro trộn với dấm mà bôi.

64) Chứng trùng thiết chứng đẹn, (tưa lưỡi).

Diêm tiêu, hòa với nước *Trúc lịch* mà súc.

65) Lưỡi lở bú không được.

Phèn chua nghiền nhỏ hòa với *Dấm*, *trúng gà*, cho đều, súc vào gan bàn chân bàn tay.

66) Chứng trùng thiết chứng đẹn.

Diêm tiêu cà nhỏ, hòa với nước *Trúc lịch* mà bôi.

67) Bé sơ sinh cấm khẩu (không bú).

Dùng *Cỏ trâu* đã ăn lại ọ ra vắt lấy nước đổ cho bé uống.

68) Cấm khẩu cả tuần.

Lấy 1 chút *Lưu hoàng*, cà nhỏ, hòa với ít nước *Trúc lịch* mà đắp vào mồm, lại lấy sữa bò nhỏ vào.

69) Chứa chứng uốn ván rốn (tê phong).

Lá thuốc cứu đốt ra tro, đắp vào rốn rồi lấy lụa cột chặt lại hoặc cứu cách tói.

Phương khác:

Bạch cương tâm nghiền nát hòa *Mật ong* mà bôi vào mồm.

70) Chứa chứng chúm miệng, trên lưỡi mọc mụn, hàm răng cắn chặt, không bú được.

Dùng *con rết* đốt tán nhỏ hòa với *sữa heo* nhỏ vào.

71) Chứa chứng chúm miệng cắn chặt lại.

Cam thảo sống 1 đồng cân, nấu lâu nước nhỏ vào, lại bắt *con hai đuôi* (y như) nghiền ra bôi vào đầu vú rồi cho bé bú và nuốt đi, nếu nặng quá thì lấy muối bỏ đầy rốn đặt mối ngải lên mà cứu.

72) Chứa bệnh hen.

Vỏ ốc lấy trên vách tường phía nam lúc mặt trời mọc, tán nhỏ hòa với nước cho uống.

73) Miệng nhều nước dãi.

Lấy nước giải ở miệng *con trâu* đương đi về phía đông, đem bôi vào miệng mép của bé là khỏi.

74) Chứa chứng hầu ung, nga nhú (còn gọi là thông quan).

Phèn chua 3 lạng, cho vào cái nồi đồng, nấu cho tan ra, bốc ba hột *Ba đậu* cho vào nấu đến khô, bỏ đậu, nghiền phèn chua hòa với *Dấm* mà nhỏ vào họng, thuốc đến họng là khỏi.

75) Chứa chứng sưng rốn.

Dùng *Bông Kinh giới*, sắc lấy nước mà rửa, lại dùng *Củ hành* nướng chín bóc bỏ vỏ ngoài đi rồi để nguội, giã nát mà rịt.

76) Chứa chứng rốn ướt, hoặc sưng, hoặc chảy nước.

Xuyên quy, *Hồ tiêu*, tán nhỏ cho vào chút *Xạ hương* trộn đều mà rịt 9Chứng này nếu để dây dưa sẽ trở thành chứng uốn ván mà chết) nếu khỏi rồi mà bị nước tiểu ngấm vào thì lại rịt lần nữa).

77) Chứa chứng rốn sưng loét biến thành uốn ván.

Hạnh nhân, bỏ vỏ nghiền nát bôi vào.

78) Chứa chứng sưng rốn phần nhiều do thấp khí.

Quế tâm hơi nóng đem chườm, ngày 4-5 lần.

79) Rốn ướt không khô.

Lấu *cuống rốn* sau khi rụng, dùng bông bọc lại đem đốt, nghiền lấu 1 d/c, *Đương quy*, 1 đồng cân, đều tán nhỏ, một chút *Xạ hương*, trộn đều rắc vào.

Phương khác:

Phèn chua đốt thành than, cà nhỏ rắc vào.

80) Trẻ bị thối tai chảy mủ.

Lưu hoàng tán nhỏ, trộn với *sáp ong* nặn thành thỏi đem cắm vào lỗ tai ngày ngày thay hai lần.

Phương khác:

Phèn chua đốt thành than, *Trùn con* 1 con, sấy khô tán nhỏ thối vào lỗ tai.

81) Chốc đầu trụi tóc.

Dùng *Tử thảo nẫu* lấy nước mà đắp, hoặc dùng *Hùng hoàng* tán nhỏ, trộn với nước *Mật heo* mà tô vào.

Phương khác:

Dùng *cút chuột* đặt trên ngói trên bếp than mà đốt tồn tính, tán nhỏ cho *Khinh phấn* vào hòa với *Dầu mè* mà bôi.

82) Chứng cào cào ăn tai.

Lấy *Bụi đầu giường* của người quả phụ, trộn *Dầu mè* mà bôi.

Phương khác:

Cút trùn, đốt nghiền nhỏ, trộn với *Mỡ heo* mà bôi.

83) Chứng sẩn ngứa (Phong chẩn).

Phèn phi cho vào rượu, nhét vào quả *táo* đem nướng tồn tính nghiền nhỏ mà rắc vào.

84) Chứng thấp sang.

Dùng *Địa du* nấu lấy nước mà rửa, ngày hai lần

85) Mặt lở tay sưng đau.

Địa du 8 lạng nấu lấy nước mà rửa khi nước còn ấm ấm.

86) Chứng cào cào ăn tai.

Hoàng liên tán nhỏ rắc vào.

87) Chứa ghẻ lở, lác (hắc bào).

Cỏ bân nấu lấu nước mà tắm, lại dùng nước ấy mà giặt áo, rồi dùng Hạt Xà sùng giã nát trộn Mỡ heo mà xức.

88) Chứa mụn lở loét.

Lá thuốc cứu đốt thành than mà rắc.

89) Chứng cam mũi.

Dùng Mật gấu nửa phân, hòa với nước nóng mà xức.

90) Mụn phỏng trái rạ (nhuyễn tiết).

Con ốc trống lấy trên vách tường, đốt thành than dùng Bò hóng bép hai thứ bằng nhau trộn với Dầu mè mà xức.

91) Thích ăn đất sét.

Lấy 1 cục Đất sét tán nhỏ, sắc nước Hoàng liên hòa đều mà uống.

92) Gầy còm.

Cam thảo 3 lạng, nướng kho tán nhỏ, sắc nước Hoàng liên hòa đều mà uống.

93) Chứng hấp nóng, tỳ hư, ăn kém, gầy.

Bạch linh, Bạch thược, Bạch truật, ba vị đều dùng 1 lạng, sao vàng, Chích thảo 1 đ/c, tán nhỏ dùng táo, gừng nấu nước mà uống.

94) Bệnh lao truyền thi, gầy hoặc có khi phát nóng lạnh.

Dầu Cua đinh 1 cái, đốt thành than liều uống 1 đ/c, uống với nước nóng.

95) Bé chậm kín mở ác.

Xuyên ô dầu, phụ tử đều dùng sống 2 đ/c, Hùng hoàng 8 phân, giã với củ hành thành bánh mà rịt vào chỗ lở.

96) Chứng hở mở ác.

Phòng phong, Bạch chỉ, Bá tử nhân đều bằng nhau tán nhỏ, trộn sữa người mà xức mỗi ngày hai lần.

97) Bé ghẻ cổ vì thận hư phong tà chạm vào.

Địa phụ tử, Thiên nam tinh mỗi vị đều dùng 2 đ/c, tán nhỏ hòa với nước gừng mà đắp vào gáy cổ, trong cho uống bài Tả thanh hoàn.

98) Bé bị lưng gù.

Dùng *Hà thủ* ó tán nhỏ, trộn với *nước dãi rùa* (1) mang xúc vào sau lưng.

99) Chứng răng không mọc.

Cút chuột dục (thứ ~~hạt~~ đầu nhọn) 7 hòn, cho vào ít *Xạ hương* mỗi ngày dùng 1 hòn, cà nhỏ đem xát vào răng, kiêng ăn của chua.

100) Chậm mọc tóc.

Hương nhu thứ để lâu ngày dùng 2 lạng, *Mật heo* nửa lạng, nấu *Hương nhu* lấy nước hòa mật heo vào mà xúc lên đầu.

101) Chậm biết nói.

(4-5 tuổi mà chưa biết nói).

Dùng *Đậu đỏ* tán nhỏ, trộn với *ruợu* đem trét dưới lưỡi nó.

102) Chậm biết đi.

Dùng *Ngũ gia bì*, 5 đ/c, *Ngưu tất*, *Mộc qua* đều 2 đ/c rưỡi tán nhỏ cho vào ít *nước cơm*, *Rượu* hòa đều mà uống.

103) Vô cố, bỗng nhiên chết.

Dùng *Hành hương*, giã nát đem nhét vào hạ bộ (tiền hậu âm) và hai lỗ mũi cho khi thông được là sống.

104) Các chứng trúng phải khí độc.

Dùng *đồng tiền cổ* (càng cổ càng hay) nấu lấy nước cho uống.

105) Trúng phải cổ độc sắp chết.

Cam thảo nửa lạng, nấu nước cho uống, mùa ra được là sống.

106) Chứng nhiệt đơn (nổi quầng, sẩn đỏ lên từng đám).

Đất sét trắng 1 phân, *Hàn thủy thạch* nửa lạng,, đều tán nhỏ trộn với nước mới gánh về mà xúc.

107) Đơn độc (1 loại nhiệt độc ngoài da cấp tính).

Cút trùn, *đất lòng bép* (thứ lâu năm) *lòng trắng trứng gà* trộn đều đem đắp, khô lại thay.

108) Đơn độc nổi từng quầng đỏ như lửa cháy.

Vôi, *ten đồng*, *Ngân chu* cà nhỏ trộn với *lòng trắng trứng gà* mà đắp.

109) Đơn độc sưng ngứa.

Dương khởi thạch (nung) nghiền nhỏ trộn với nước mới gánh mà đắp.

110) Chữa mọi chứng đơn nhiệt độc.

Thanh đại, *Thổ chu* đều bằng nhau, *Hoạt thạch*, *Kinh giới* đều dùng bằng phân

(1) *Cách lấy nước dãi rùa* Dùng lá sen lột để rùa lên trên, dùng cái kiềng mà chiếu vào thì nó dãi vãi ra.

nửa mấy vị trên, tán nhỏ, cho uống với nước có pha *Mật ong* mỗi lần 2 đ/c, lại lấy thuốc bột trộn lòng trắng *trứng gà* mà đắp ngoài.

111) Già trẻ bị chứng hòa đơn.

Hoàng cầm tán nhỏ, hòa với nước mà đắp.

112) Chứng nổi mụn, chạy lổm đổm trắng.

Hoàng liên, Hoàng bá, Hoàng cầm, Mộc hương đều dùng 3 đ/c, *Hậu phác, Hột cau tằm vung, Đậu khấu*, cùng mài với nước lã, nấu cách thủy cho uống, ngày là lần.

113) Nổi đơn nổi mụn, chạy chỗ này sang chỗ khác, hể chạy vào bụng là chết.

Khi mới mọc dùng hai vị *Bạch chỉ, Hàn thủy thạch*, tán nhỏ, trộn với nước hành (hành sống giã lấy nước) mà xúc.

114) Đơn độc mọc từ trên xương đùi xuống đầu âm, dò sưng chảy máu.

Dùng *thịt Cá diếc* đốt 5 vốc, *Đậu đỏ* 1 vốc, giã nát, hòa đều với nước mà đắp.

115) Đơn độc ngũ sắc.

Sừng nai đốt cả nhỏ, hòa với *Mỡ heo* mà xúc.

116) Chứng thai kinh.

Hổ phách, Phòng phong đều 2 đ/c, *Chu sa* nửa đ/c, hòa với sữa mà nhỏ vào mồm bé, rất hay, lại dùng *Chu sa* mài với nước lã xoa vào ngực, lòng bàn tay, bàn chân của nó.

117) Chứng kinh khốc.

Hoàng cầm, Nhân sâm đều bằng nhau, tán nhỏ hòa với nước cho uống, mỗi lần 1 phân.
Phương khác:

Tóc rối đốt hành than cả nhỏ hòa với sữa hoặc rượu cho uống.

118) Bỗng nhiên kinh khốc như có chỗ đau mà không biết bệnh trạng thế nào.

Lấy máu *mồng gà* *trống* đem nhỏ vào mồm bé là êm ngay.

119) Bé làm kinh do sốt.

Ngưu hoàng 1 phân, hòa với *Trúc lịch* và *Khuong tráp* cho uống.

120) Bé làm kinh lúc khốc lúc nín không chừng đối.

Xạ hương 1 phân, hòa với nước lã cho uống ngày ba lần.

121) Bé kinh khốc tựa như có vật gì châm chích.

Da nhím 1 miếng 3 tấc, đốt thành than, cả nhỏ bôi vào đầu vú cho bé bú.

122) Chứng kinh phong nội điều. (1)

Hột tiêu, hột gấc, hột bìm bìm bằng nhau, sắc cho bé uống.

1) *Nội điều*: Một thứ bệnh chứng trẻ con do thai hàn hoặc tý vị hư hàn mà sinh ra, chứng trạng chủ yếu là cong lưng, đau bụng kêu khóc, môi thâm tái tím.

123) Chứng kinh phong cấm khẩu.

Lấy máu *mồng gà ác* (trống) với ít dấm bôi lên môi, nước *đái rùa* xát vào ngực và lưng là nói ngay.

124) Chứng cấp kinh

Thanh mông bạch, mài với nước cho uống.

125) Chứng mạn kinh.

Vỏ ốc trắng đốt thành than cà nhỏ, một xí *Xạ hương* hòa với nước cho uống.

126) Chứng mạn kinh thuộc phong.

Thổ chu thủy phi, dùng hai hột *bí đao* nấu với nước hòa với thuốc cho uống.

127) Chứng mạn kinh chân tay co giật.

Huyết kiệt nửa lạng, *Nhũ hương* 1,5 đ/c, đều sao tán nhỏ luyện với hồ làm viên, liều uống một viên, sắc *Bạc hà* lấy nước làm thang tổng, mùa hè thì thang tổng với nước *sâm*.

128) Chứng cấp mạn kinh phong đờm dãi đầy nghẹt, tác cổ họng, chết trong nháy mắt.

Thanh mông thạch 1 lạng, *Diêm tiêu* nửa lạng, cùng đunbg qua, cà nhỏ, liều uống nửa đồng cân.

Cấp kinh có đờm nhiều thì thang với nước *Bạc hà* đánh tan với mật ong.

Mạn kinh do tỳ hư, mài *Mộc hương* lấy nước hòa với *Mật ong* nấu sôi qua cho uống.

129) Chứng cấp mạn kinh phong.

Cứ đến ngày 5 tháng 5 âm lịch, đi bắt *trùn đất* dùng dao tre cắt làm hai đoạn, đoạn nào nhảy nhanh để một bên, đoạn nào nhảy chậm để một bên, nghiền riêng, cho vào một ít *Chu sa*, tán nhỏ trộn đều làm viên và làm dấu ki để dùng.

Cấp kinh, dùng đoạn nhảy nhanh, *Mạn kinh*, dùng đoạn nhảy chậm, liều uống 5 viên, thanh tổng uống với nước *Bạc hà*.

130) Chứng Mạn tỳ phong.

Bạch Phụ tử, *Thiên Nam tinh*, đều nửa lạng, *Bạch Phụ tử* đều gọt bỏ vỏ, tán nhỏ, liều uống 2 đ/c, thang tổng bằng nước *gừng*.

131) Chứng thai gián (tức chứng phong xù phát sinh ở trẻ sơ sinh giai đoạn 100 ngày trở lại).

Hổ phách, *Chu sa* đều dùng 1 ít, *Toàn yết* 1 con, cà nhỏ, quét với *Táo nhục* làm viên, liều uống 1 viên, cho hà với sữa hoặc nước sắc *Mạch môn* mà uống.

132) Động kinh vì thai hàn khốc dữ mà sinh ra.

Phèn phi nửa lạng, quét với táo nhục làm viên bằng hột gạo liều uống 1 viên, uống với sữa.

133) Chứa ba chứng Thiên diếu, (1) Kinh giản (phong xù) và Khách ngổ (chạm vía).

Dùng *rế đầu tâm* về hướng đông, giã vắt nước cốt cho uống.

134) Chứng phong xù (Kinh giản).

Bông Kinh giới 2 lạng, *Phèn chua* 1 lạng, nửa sao nửa dùng sống *Thanh đại* đều tán nhỏ, luyện hồ làm viên, *Chu sa* làm áo, thang tổng với nước gừng.

Bài thuốc gia truyền.

Bông Kinh giới 3 lạng, *Phèn chua* 1,5 lạng, nửa sao nửa để sống, tán nhỏ, luyện hồ làm viên, mỗi lần uống 20 viên, uống với nước *Kinh giới*, bệnh lâu năm các thuốc không khỏi, dùng bài này là khỏi, bách phát bách trúng.

Các bài khác: Chứa phong xù:

- *Yếm cua dinh*, nướng nghiền nhỏ, luyện mật làm viên, liều uống 1 đ/c thang với mật ong hoặc sữa.

- *Lòng đỏ trứng gà*, hòa với sữa cho uống.

- *Gan dê*, rửa sạch, xắt mỏng, hòa với gia vị làm đồ ăn.

135) Chứng phong xù, cắn lưỡi mê man, trứng mắt lên.

Ngưu hoàng dùng 1 tí bằng hạt đậu, hòa với nước và mật nhỏ vào mắt.

136) Chứng phong xù co rút.

Mật cọp, *Mật gấu*, 1 tí xí bằng hai hột đậu, hòa với *Trúc lịch* mà đổ cho uống.

137) Chứng phong xù do phong dờm.

Phèn chua 1 lạng dùng sống, *Búp trà* 5 đ/c, cà nhỏ hòa với *Mật ong*, cho uống với nước trà, uống lâu dờm sẽ ra theo đường tiểu tiện căn bệnh sẽ giải trừ.

138) Chứng phong xù do phong tà.

Bồ kết đốt tồn tính 4 lạng, *Ké dầu ngựa* (rễ và lá) phơi khô 4 lạng, *Mật đà tăng* 1 lạng tán nhỏ luyện mật làm hoàn, *Chu sa* làm áo, liều uống 30-40 viên, uống với nước sắc *Dại táo*, bệnh bớt thì giảm xuống thì còn 20 viên.

139) Nghiệm phương chữa chứng dạ đề (trẻ khóc đêm).

Thần sa, *Chu sa*, *Hùng hoàng*, *Quỳ kiến sầu*, lá rau mơ, lá đào nam 7 nữ 9, giã lẫn làm một ghi ngoài cửa, trong cho uống *Thần sa*, *Chu sa*, *Hoa đèn* 2 cái nghiền ra bôi đầu vú rồi cho bé bú.

Phương khác:

Cút chó lấy ở ngã ba đường hoặc tươi hoặc khô... (lược)...

140) Nghiệm phương chữa chứng bụng đầy, tiểu tiện không thông.

1) *Thiên diếu*: Trẻ nóng dữ, sợ hãi, co giật, móng tay xanh, mắt trợn ngược.

Rau muối, (1) *Da lông*, hai thứ bằng nhau sao vàng , ngoài lấy rau muối tán nhỏ đắp vào rốn là dái được ngay.

141) Nghiệm phương chữa chứng phong dờm kéo sôi sùng sục.

Đỗ kinh 1 lạng, *Lai bạc tử* 5 đ/c tán nhỏ, nấu nước *Bồ kết* thành cao khuấy hồ luyện viên *Chu sa* làm áo, sắc nước *Bạc hà* làm thang tống.

142) Nghiệm phương chữa bé thai nhiệt (nóng từ trong bụng mẹ) khô miệng, mọc nhọt, phát sốt.

Hoạt thạch 1 lạng, *Hàn thủy thạch* nung 8 đồng cân, *Thạch cao* nung 7 đ/c, *Thanh đại* 3 đồng cân, luyện hoàn nước, thang tống bằng nước sắc *Đương sâm*.

143) Truyền phương chữa trẻ em năm chân năm tay.

Thạch nhũ, *Thạch lân*, hạt *Máu chó*, *Phục linh*, *Cam thảo*, *Hạnh nhân*, *Hoàng liên* sắc cho uống.

144) Truyền phương chữa trẻ em phong xù.

Lá Giấp cá, *lá Kinh* (?) hai vị này lấy nước tiểu làm thang, đã kinh nghiệm rất hay.

145) Nghiệm chữa trẻ em trướng bụng.

Hoắc hương, *Gừng sống* nấu sôi lên, rót ra chén đợi nguội bớt, quả chanh tán bột cho vào lọc bỏ bã mài cho uống.

II- CAM TÍCH

1) Chữa chứng cam trùng ăn dất và đồ sống sít.

Phèn xanh tán nhỏ, luyện viên bằng nước *Mật heo* to bằng hạt đậu, liều uống 5 viên uống với nước cơm.

2) Bệnh cam không chữa khỏi.

Phèn xanh nung đỏ tới *Dấm* 3 lần, tán nhỏ, quét với *Táo nhục* làm viên, liều uống 10 viên, thang bằng nước nóng.

3) Cam nóng bụng đầy, sốt cơn, tóc khô kém.

Hồ hoàng liên 6 đ/c, *Ngũ linh chi* 1 lạng tán nhỏ nước *Mật heo* dục luyện viên, thang bằng nước cơm, dùng dùng *Dại hoàng* hại tới dạ dày rồi sinh ra bệnh khác.

4) Chữa chứng cảm béo nóng (phì nhiệt cam).

Hồ hoàng liên, *Hoàng bá* đều nửa lạng, *Chu sa* 2,5 đ/c, tán nhỏ dồn vào cái *Mật heo*, buộc treo vào chiếc dũa để nằm ngang trong nồi đất (đừng để nước tới mật heo), đổ

(1) *Rau muối*: Chữ gọi là (lê hoặc) (có cao lương cũng dụng cao lương dù lê hoặc cùng dùng lê hoặc) tên khoa học gọi *Chenopodium album* L và *viridescens*, thấy mọc nhiều ở đất Bắc, chỗ đất bãi sông Hồng nấu canh ăn được, dùng làm thuốc có tác dụng chỉ tả lý, chống ngứa.

nước tương vào nấu chín, nghiền nát nhừ, cho *Lô hội* và *Xạ hương* mỗi thứ một phân vào, nhồi với cơm nguội làm viên, liều uống 5-7 viên, thang với nước cơm.

5) Chứa cam tích bụng to, vàng gầy trơ xương, đầu sinh chốc lở.

Sau ngày Lập Thu bắt con cóc to, chặt bỏ đầu chân và ruột bỏ dầu mè để vào giữa hai miếng gỗ cặp lại miếng trên miếng dưới đặt trên mẻ than hồng nướng đến chín cho trẻ ăn, các vật ứ tích sẽ tống ra hết, có thể cho trẻ ăn liên tiếp 5-7 con.

6) Chứa 5 chứng cam, 8 chứng lý, mặt vàng người gầy, hay ăn đất mà không tương đến ăn bú.

Cóc to 1 con, đốt tồn tính, *Bồ kết* bỏ vỏ đốt tồn tính 1 đ/c, *Bột Vỡ* sò thủy phi 3 đ/c, *Xạ hương* 1 phân, tán nhỏ luyện hồ làm hoàn khi đói uống 30-40 viên, ngày uống 1 lần, thang với nước cơm.

7) Chứa 5 chứng cam, sốt cơn, bụng to tóc khô sém.

Ngũ linh chi thủy phi 1 lượng, *Hồ hoàng liên* 3 đ/c, tán nhỏ dùng nước *Mật heo dục* luyện viên, cho uống với nước cơm.

8) Chứa tất cả các chứng cam.

Dạ minh sa 3 đ/c, rửa sạch co vào cái nồi đất, *Thịt nạc heo* xắt mỏng bỏ vào, đổ nước nấu thật chín, ăn thịt, uống nước để tống độc ra, dùng *Hoàng tiên* sao với nước gừng luyện hồ làm viên mà uống dần.

9) Chứng cam tích thành hòn bóng.

Ngũ linh chi sao hết khối *A nguyền*, đều bằng nhau tán nhỏ, luyện với *Mật chó vàng*, làm viên, khi đói bỏ mô-th viên vào ngâm rồi nuốt, kiêng ăn thịt dê, dấm, bún tàu.

Các phương khác:

- *Mật heo rừng*, chích lấy nước nghiền với *Táo* cho ăn,
- *Mật gấu*, *Sử quân tử*, đều bằng nhau, tán nhỏ luyện với bánh chưng làm viên, liều uống 30 viên với nước cơm.

10) Chứng tỳ cam.

Sử quân tử, *Lô hội*, đều bằng nhau tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đ/c với nước cơm.

11) Chứng cam lý.

Địa du nấu lấy nước đậm, canh đặc lại như đường nha mà cho uống.

12) Chứng cam lý gần chết.

Lá ích mẫu non, cho gạo vào nấu cháo mà ăn, hoặc dùng cả cây nấu lấy nước cho uống.

13) Chứng cam tả cam lý.

Con nhái đốt tồn tính, nghiền nhỏ cho uống.

14) Chứng cam lý muốn chết.

Cút dê mới là lấy 1 cân, nước 2 cân, ngâm một đêm rồi đem cất lấy nước cốt, cứ đến xế chiều cho uống.

15) Chứng cam lồ không khỏi.

Dá nôi (phù hải thạch) lấy đốt đỏ cho vào dấm, đốt tới như vậy vài lần, *Kim ngân* hoa 2 lạng, tán giập sắc lấy nước cho uống, bệnh phần trên thì ăn xong cho uống, bệnh phần dưới cho uống trước khi ăn..

Phương khác:

Lá thuốc cứu 1 lạng sắc cho uống.

16) Cam lồ thành mạch lươn ra mủ không khô.

Xương dê, đất bùn nhào với muối bọc lại, nung rồi nghiền nhỏ, lấy 5 phân, *Xạ hương, Hùng hoàng* đều 1 phân đem dồn vào mạch lươn ấy, ba ngày sẽ vít được mạch ấy.

17) Chứng cam trùng ăn ở mũi.

Hùng hoàng, Đinh lịch hai thứ bằng nhau tán nhỏ, trộn với *Mật heo* mùa đông, dùng *cánh hộc* quấy đều đem nhỏ vào mũi.

18) Chứng cam miệng cam muối cấp, trùng ăn loét hôi thối.

Muối ăn, bột mì ngang đều bằng nhau tán nhỏ thổi vào.

19) Cam tẩu má, cam miệng ăn hết mất răng.

Hoàng liên, Lô hội đều bằng nhau án nhỏ, liều uống 5 phân với mật ong, ngoài dùng *Nhân trung bạch* (nung), *Hoàng bá* tẩm *Mật ong* nướng, đều bằng nhau tán nhỏ, cho vào ít *Băng phiến*, dùng vải xanh (nhuộm chàm) lau sạch rồi xát vào.

20) Cam ăn miệng mũi sút môi sút mép.

Đồng thanh, Đồng lục, Khô phàn đều bằng nhau, *Nhân trung bạch* 1 đ/c, nghiền ra bột mà xức.

21) Cam răng có phong có trùng, ra máu mủ có sâu.

Hoàng liên, Khinh phấn đều dùng 1 đ/c tán nhỏ dùng rác vào.

22) Các phương chữa cam răng.

- *Hùng hoàng, Đồng lục* đều dùng 1 đ/c, tán nhỏ mà xức.

- *Băng phiến, Mang tiêu, Hoạt thạch, Thạch đại, Hoàng bá, Bạc hà* đều bằng nhau tán nhỏ, dùng que tăm chấm vào.

23) Chứa chứng cam răng thối nát.

Cát cánh, Hồi hương đều bằng nhau đốt nghiền ra mà bôi.

24) Cam răng chảy máu.

Cá diếc 1 con, moi bỏ ruột không đánh vảy, dồn *Dương quy* vào, đất bùn bọc lại đem nung tồn tinh, thêm ít muối rang, trộn đều mà ăn.

25) Tấu mã nha cam.

Dồng thanh, Hạnh nhân, Hoạt thạch, đều bằng nhau, tán nhỏ xắc vào.

III- TRÚNG ĐỘC

1) Trúng thuốc độc ngất ngất muốn chết.

Đất vách tường phía đông, hòa với ba thăng nước cho uống luôn.

2) Giải độc Kinh phần, chân răng ra máu sưng thối.

Quản chung, Hoàng liên, đều nửa lạng, nấu lấy nước cho vào ít Băng phiến uống dần.

3) Giải độc ba đậu đi ỉa không ngừng.

Cát căn, Can khương, Hoàng liên, tán nhỏ uống với nước, một phương khác gia Đậu nành, Xương bồ sắc lấy nước mà uống.

4) Giải độc Ô đầu, Phụ tử, Thiên hùng.

Phòng phong nấu lấy nước cho uống.

5) Giải độc thạch tín.

Nghệ, Bạch chỉ đều tán nhỏ, cho vào ít mật ong, hòa nước lạnh mà uống.

6) Giải độc mũi tên.

Đậu nành sắc lấy nước cho vào xí muối.

Phương khác:

Ốc đá bỏ vỏ cho nuốt thật nhiều.

7) Giải các thuốc độc tuy đá chết nhưng tim còn nóng có thể cứu.

Phòng phong, giã nhỏ hòa với nước lạnh đổ vào.

8) Giải mọi thứ trúng độc.

Thạch cao nửa cân, đốt nửa ngày, tìm nơi sạch sẽ đào một cái lỗ chôn lấp đất một đêm rồi lấy lên tán nhỏ.

Cam thảo, Thiên trúc hoàng, đều dùng hai lạng, Long não 2 phần đều tán nhỏ, trộn tán nhỏ, trộn đều nhồi với cháo nếp làm viên, mài với nước mật cho uống.

Phương khác:

Hoàng liên, Đậu đen, Cam thảo sắc cho uống.

9) Trúng phải trùng độc và các thịt độc của gia súc.

Đất lòng bếp 1 khối bằng quả trứng gà, hòa nước cho uống, ra được thì khỏi.

10) Trúng phải trùng độc và cổ độc.

Hùng hoàng, Phén chua đều bằng nhau, mùng 5 tháng năm Âm lịch đem ra nghiền nát với sáp ong làm viên bằng hạt bắp, liều uống 7 viên, uống với nước ấm... (lược)...

11) Trúng phải cổ độc và độc thuốc.

Cam thảo tiết ngâm *Dầu mè*, lâu năm càng hay hoặc sắc hoặc ngâm nuốt.

12) Trúng độc mửa ra máu, hoặc đi cầu ra máu mủ.

Muối ăn 1 thăng, *Dấm* 1 thăng nấu sôi lên cho uống là mửa khỏi.

13) Trúng phải cổ độc đi cầu ra máu như gan gà, ngày đêm cả thạch (1) 4 tảng đều tổn thương, chỉ tạng tâm là tồn tại, hoặc vỡ ra sắp chết.

Khổ cát cánh, Tế giác, đều bằng nhau tán nhỏ, uống với *rượu* mỗi lần 1 muống, ngày uống ba lần nếu không uống được thì cạy miệng ra mà đổ, trong tim đương phiền được yên ngay. 7 ngày thì thôi, nên cho ăn *gan heo, phổi heo* để trè căn.

14) Giải độc thức ăn.

Hàn the, Cam thảo đều dùng 4 lạng, *dầu mè* 1 cân, ngâm trong hũ để dành, khi có người ngộ độc cho uống 1 chén con.

Phương khác:

Hùng hoàng, Thanh đại đều bằng nhau, tán nhỏ hòa nước mới gánh cho uống.

15) Trúng độc thịt trâu, thịt ngựa.

Cam thảo nấu với *rượu* cho uống để mửa, ỉa vãi ra thì khỏi ngay, nếu có khát cũng không được uống nước, uống thì chết ngay.

16) Trúng độc cá, rau thịt.

Khổ sâm 3 lạng *Dấm* 1 cân sắc cho uống.

17) Trúng độc cua.

Tía tô 2 cân sắc cho uống.

18) Chữa tất cả các chứng trúng độc vì ăn.

Sa nhân tán nhỏ cho uống 2 đ/c với nước lã.

19) Trúng độc ăn uống, trúng độc cua cá.

Đậu nành 1 cân sắc lấy nước cho uống, mửa ra được thì khỏi ngay.

20) Trúng độc trứng gà.

Cho uống một ít *Dấm* là tiêu ngay.

21) Trúng độc chết toi.

Hoàng bá tán nhỏ, cho uống với một muống xúc nước lã yên ngay, chưa khỏi uống nữa.

(1) *Thạch*: Dụng cụ đo lường thời xưa, 10 đấu vỏ 1 thạch.

22) Ăn nuốt nhằm phải tóc nó ngáng trong họng.

Tóc tối của mình tự chải ra với cái lược dày đốt thành than, hòa với *rượu* cho uống với nửa nước nửa *rượu*.

23) Trúng độc các loại trùng vì ăn nhầm phải thuốc độc mà phát ra.

Phèn chua, *Trà tàu* đều tán nhỏ, uống 1-2 đ/c với nước mới gánh, mùa, ỉa ra được là khỏi ngay, chưa mùa thì uống lần nữa.

24) Nuốt nhầm con đĩa, nó hút máu trong tạng phủ, đau ruột, vỏ vàng.

Tiết trâu hoặc *Tiết dê*, cho uống 2 cân khi còn nóng, sáng hôm sau cho uống 1 cân *Mỡ heo* thì đĩa ra ngay.

25) Tắc trùng hoàn, chữa các chứng trúng thuốc độc sinh ra các chứng rất hay.

Tây thương lục mọc bên vệ đường, sáng sớm lấy rễ phía đông, chiều thì lấy rễ phía tây (kiêng dụng cụ bằng sắt) dùng que tre bới đem về rửa phơi tán nhỏ, luyện hồ làm viên bằng quả nhãn, liều uống 2 viên với nước trà hoặc nước nóng.

IV- MẮC XƯƠNG (HÓC).

1) Nuốt nhầm que tre hoặc gỗ.

Hòn cân bằng sắt, đem đốt đỏ rồi nhúng vào ly *rượu*, lấy *rượu* đó cho uống.

2) Trị mắc xương cá.

Hàn the, 1 chút, cho vào miệng ngậm tan nuốt dần, tự nhiên khỏi.

Phương khác:

Dùng *Mật ong* cho uống dần dần, nó xếp xuôi xuống là yên.

3) Trị mắc mọi thứ xương.

Bạch chỉ, *bán hạ* hai vị bằng nhau tán nhỏ, dùng lá *Thuốc cứu nẫu* với *Rượu* và *Nước*, lấy nước đó hòa thuốc cho uống.

4) ... (lược)...

5) Nuốt nhầm vàng bạc hoặc đồng tiền.

Dùng bột *thiếc* 1 lạng, trộn với *mỡ heo*, cho uống hai lần khiến các chất đó nát mà ra.

Phương khác:

Sa nhân, sắc kỹ cho uống là xuống ngay.

6) Nuốt nhầm cây kim bằng sắt.

Dùng *cục đá nam châm* to bằng hạt táo, giùi lỗ buộc dây cho nuốt vào, rồi kéo dây

ra, kim đó phải theo ra.

7) Nuốt nhằm đồng tiền gần chết.

Dọt *thuốc cứu* 1 nắm sắc kỹ cho uống ngay hết.

8) Bị mắc xương cá, xương gà.

Củ gai, giã nhỏ, làm biên, hể mắc phải xương gì thì lấy thứ xương ấy nấu lấy nước làm thang cho uống, hoặc giã lấy nước mà uống cũng được.

9) Mắc xương các loài thú, vướng trong cổ.

- *Xương cop*, tán nhỏ cho uống một muống với nước.

- *Ngà voi*, mài lấy nước cho uống.

V- CÁC BÀI THUỐC RƯỢU

1) Rượu Ngũ gia bì

Chữa tất cả những chứng phong thấp tê bại, làm khỏe gân xương, bổ tinh tủy.

Ngũ gia bì, bỏ hết xương lõi, rửa sạch xắt nhỏ, thêm *Đương quy* và *Ngưu tất* cho đựng vào túi, ngâm rượu để dùng.

2) Rượu ý dĩ

Chữa phong thấp, làm khỏe tỳ vị, mạnh gân xương thêm tinh tủy.

Hốt *Ý dĩ nhân* thứ tốt, đựng vào túi, nấu với rượu cho uống.

3) Rượu Ngưu tất.

Làm khỏe gân cốt, khỏi tê bại, bổ hư tổn, trừ bệnh sốt rét, thủy thũng.

Ngưu tất cắt nhỏ, cho đựng vào túi, ngâm rượu để dùng.

4) Rượu Đương quy.

Hòa huyết mạch, bền gân khỏe xương, chữa mọi chứng điều hòa kinh nguyệt.

Phép làm như trên.

5) Rượu Xương bồ.

Chữa 36 thứ phong, 12 chứng tê, chứng yếu xương, thông huyết mạch, uống lâu sẽ thông mình.

Phép làm như trên.

6) Rượu Câu kỷ.

Bổ hư yếu, thêm tinh khí, cường dương, khỏe lưng chân, chữa phong hàn khỏi chảy nước mắt.

Câu kỷ, giã giập cùng với *Thục địa* cho đựng vào túi, ngâm rượu nấu qua mà dùng.

7) Rượu Hoài sơn.

Chữa mọi chứng phong choáng váng, thêm tinh túy, khỏe tỳ vị.

Dùng *Củ mài, Sơn thù, ngũ vị tử, Nhân sâm*, ngâm rượu nấu mà uống càng tốt.

8) Rượu Hoa cúc (Rượu Cúc).

Chữa chứng đầu phong, tỏ tai sáng mắt khỏi tê liệt, trừ bách bệnh.

Hoa cúc, Thục địa, Dương quy, Câu kỷ ngâm rượu mà uống.

9) Rượu Hồi.

Chữa thận khí đau, thiên trụ, đau ran tới lòng bụng.

Tiểu hồi, ngâm rượu, nấu uống.

10) Rượu Sa nhân.

Tiêu thực, hòa trung, hạ khí, khỏi đau bụng.

Sa nhân sao, nghiền nhỏ ngâm rượu, nấu cho uống.

11) Rượu bách hộ.

Chữa tất cả các thứ ho đã lâu hay mới bị.

Củ Bách hộ, cát nhỏ, sao ngâm rượu dùng.

12) Rượu Lộc nhung.

Chữa tất cả các chứng hư yếu, liệt dương, đái vật và lao tổn.

Lộc nhung với *Hoài sơn*, ngâm rượu dùng.

13) Rượu Hổ cốt.

Chữa chân tay đau nhức, phong ở các khớp xương, thận hư, bàng quang đau lạnh.

Xương ống chân cạp một bộ, nướng vàng, nghiền nhỏ, ngâm rượu mà dùng.

Phụ: CÁC BỆNH VỀ RƯỢU

1) Rượu nóng làm đỏ mặt.

Hứng sương mùa đông cho uống.

2) Uống rượu quá nhiều thành tích độc rượu, đầu choáng, bợn dạ nôn mửa.

Hùng hoàng 6 phân, *Ba đậu* 15 hột, đuôi con *Bù cạp* 15 cái cùng nghiền nhỏ, thêm 5,5 lạng bột mì, luyện nước làm gần khô cho vào bột mà sao cho thơm, lấy một viên bỏ vào thấy nổi là được, nhấc xuống cất đi, khi dùng uống 2 viên với nước nóng.

3) Độc rượu làm mờ mắt, người khỏe mạnh thích uống rượu nóng hại vị khí, trong dạ dày có huyết ứ ô trọc, cho nên bỗng nhiên bị mờ mắt.

Tô mộc sắc lấu nước, cho vào 2 đ/c *Sâm* mà uống, hôm sau mũi và hai bàn tay đều thâm đen, đó là huyết trệ đã vận hành được, lại dùng *Tứ vật thang* gia *Đào nhân*, *Hồng hoa*, *Tô mộc*, *Trần bì*, sắc lấu nước hòa bột *Nhân sâm* vào mà uống, vài hôm sau thì khỏi.

4) Giải độc rượu, khỏi làm tổn thương ngũ tạng.

Rễ cỏ tranh, giã lấy nước 1 cân cho uống.

5) Vì độc rượu mà sinh ung nhọt. (có một người đàn bà nghiện rượu ngực mọc một cái nhọt, mạch khẩn mà sắc).

Nhân sâm, *Dại hoàng*, sao với *rượu*, hai vị bằng nhau, tán nhỏ, hòa nước gừng cho uống 1 đ/c, ngù ra mồ hôi thì khỏi.

Phương khác:

Nhân trần cao 4 cây, *Chi tử* 7 quả, tán nhỏ, *ốc bươu* 1 con lớn, giã nát, cho vào hai vị trên, nấu với một chén *rượu trắng* (chén to) đã nấu sôi *trâm đạo*, hòa vào thuốc cho uống.

6) Tích rượu mà đi cầu ra máu.

Cỏ roi ngựa, *Bạch chỉ* đều đốt thành than 1 đ/c, nhồi bánh chưng làm viên, liều uống 50 viên thang với nước cơm.

7) Chứng tửu dân vàng da, trong lòng bứt rứt khó chịu, ống chân sưng.

Nguyên hoa, *Tiêu mục*, hai vị bằng nhau đốt tán nhỏ, hòa với nước cho uống mỗi lần nửa đ/c, ngày 2 lần.

8) Vì uống rượu sinh dờm, ho, dùng thuốc này để cứu phế.

Qua lâu, *Thanh đại* hai vị bằng nhau, tán nhỏ, nước gừng pha mật luyện viên ngậm, mỗi lần ngậm 1 viên.

9) Vì uống rượu mà phát nóng.

Cũng dùng *Qua lâu*, *Thanh đại* mà nhào thành cao, mỗi ngày cho vớt nuốt 2 muỗng.

10) Trúng độc rượu sinh nôn ọe.

Dùng *Đậu đỏ* nấu nước cho uống dần dần.

11) Vì tửu tích, sinh vàng da, phù thũng.

Ngũ linh chi 1 lạng, tán nhỏ, cho vào ít *Xạ hương*, nhồi với cơm nguội làm viên, liều uống 1 viên, uống với nước cơm.

12) Vì uống rượu thành bệnh đi chảy, gầy ốm kém ăn, hể uống vào là đi ngay.

Hung nai, bôi váng sữa mà nướng, *Nhục dung* nướng 1 lạng, *Xạ hương* 1 phân, tán nhỏ nhồi với cơm nguội làm viên, liều uống 50 viên với nước cơm.

13) Giải người say rượu nặng đến chết.

Dùng nước giếng ban mai tắm vào tóc nạn nhân, ngoài dùng *lụa củ* nhúng nước

đắp ngực, luôn dùng nước ấy nhỏ vào miệng, dần dần đến tỉnh lại mới thôi.

14) Say rượu bất tỉnh.

Bông cúc vàng, ngày 9 tháng 9 hái về phơi khô tán nhỏ, *Củ sắn dây tươi* giã vắt lấy nước cốt, hòa với bột bông cúc trên cho uống 2 tháng.

15) Muốn uống rượu không say.

Trước khi vào tiệc nhậu ăn một muống muối thì sẽ uống được nhiều.

16) Hai phương thuốc cai rượu, chữa rượu.

a) *Hột Kê dầu ngựa* đốt ra than, bỏ vào rượu cho uống.

b) *Rượu 7 cân*, *Chu sa* nửa lạng bỏ vào hũ mà ngâm, trét kỹ đem để trong chuồng heo, cho heo nó giẫm đạp trong một tuần, lấy ra mà uống.

CÁC THỨ CHÁO ĂN NÊN THUỐC

- 1) CHÁO ĐẬU ĐỎ. Lợi tiểu, tiêu phù thũng nước khí, trừ tà dịch.
- 2) CHÁO ĐẬU XANH. Giải thấp nhiệt, khỏi phiền khát.
- 3) CHÁO Ý DỄ. Trừ thấp nhiệt, lợi tràng ly.
- 4) CHÁO HẠT SEN. Mạnh tỳ vị, khỏi tà ly.
- 5) CHÁO BỘT CÚ SÚNG. Bền tinh khí, tỏ tai sáng mắt.
- 6) CHÁO BỘT CÚ ẤU. Bổ ích trường vị, giải nội nhiệt.
- 7) CHÁO CÚ MÀI. Bổ thận tinh, vững trường vị.
- 8) CHÁO CÚ CÁI. Tiêu thức ăn, lợi ngực, tan đờm.
- 9) CHÁO RAU CÁI. Tan đờm, trừ khí ác độc.
- 10) CHÁO LÁ HẺ. Ôn trung khí, ấm hạ tiêu.
- 11) CHÁO PHỤC LINH. Mát thượng tiêu, vững hạ tiêu.
- 12) CHÁO TÁO NHÂN. Chữa phiền nóng, bổ ích đờm khí.
- 13) CHÁO CÂU KỶ. Bổ tinh huyết, tăng thận khí.
- 14) CHÁO GỪNG SỐNG. Ôn trung trừ tà khí.
- 15) CHÁO HÀNH + ĐẬU SỊ. Phát bần giải cơ, giải biểu.
- 16) CHÁO HỒI HUƠNG. Điều hòa vị khí, thông lợi sán khí.
- 17) CHÁO HỒ TIÊU. Chữa đau bụng.
- 18) CHÁO MÈ. Người Hoa hay bán gọi Chí mà phù. Nhuận trường, chữa tê.
- 19) CHÁO HỘT TÍA TÔ. Dưa khí xuống, thông lợi chẹn dừng.
- 20) CHÁO SỮA BÒ. Bổ các chứng hư.
- 21) CHÁO VỊT, CHÁO CÁ CHÉP. Lợi tiểu xẹp phù thũng.
- 22) CHÁO CAO BAN LONG. Bổ mọi chứng thận hư, trợ nguyên dương.
- 23) CHÁO CẬT DÈ, CẬT NAI. Bổ nội chứng thận hư.
- 24) CHÁO GAN GÀ, GAN DÈ. Bổ Can hư, sáng mắt.

HÀNH GIÀN TRẦN NHU

Quyển (57)

I- NGOẠI KHOA

1) Chứa tất cả các chứng ung thư phát bối, nhú ung, đơn độc.

Dùng *Đất lòng bép* tán nhỏ, *Tôi già* nát như bùn, trộn đều mà đắp, hoặc trộn với *trứng gà*, hoặc trộn với *Dấm* cũng được.

2) Ung thư đá vớ mù, quanh thịt kết cục cứng ngắt.

Vòi nửa cân, *Kiêu mạch* nửa cân, *Tro rom lúa nếp* nửa cân, đổ nước vào nấu chín thành màng sương, lấy kim khâu chỗ vỡ rồi đổ thuốc vào thì thít ấy sẽ tiêu hết.

3) Chứa nhọt lở trên đầu.

Vòi trộn với *com nguội*, già nát ra mà đắp.

4) Chứng nữ lao hắc dân.

Người bệnh *Hoàng dân*, buổi chiều hay phát sốt, sợ lạnh, đó là do vấn đề nữ lao mà phát ra, bàng quang đau nhéo, bụng dưới đầy, khắp mình đều vàng, trên trán đen, dưới chân nóng vì vậy thành chứng hắc dân, bụng trướng như có nước, đại tiện phân đen. không phải là bệnh tích nước, trong bụng đầy đầy khó chịu.

Tiêu thạch, *Phèn chua*, hai thứ bằng nhau, tán nhỏ, nấu cháo *lúa mì* hòa vào mà uống mỗi lần 1 muống, bệnh độc theo đại tiểu mà ra, nước tiểu vàng, phân đen là đúng.

5) Chứa chứng thối loét móng tay.

(Hoặc do cát móng phạm vào phần thịt, hoặc do để móng dài hại đến thịt, thành mụn sưng, nước vàng chảy ra, lây lan nhau mà các đầu ngón kia cũng đều loét, dần dần nước tràn 4 phía sưng tấy lên như phòng lửa, ngày đêm hoảng sợ, thầy thuốc cũng khó chữa được).

Phèn xanh 5 lạng, đốt khô, nghiền nhỏ, chjo vào hủ đế dùng, khi dùng lấy nước đun sôi mà rửa rồi bôi thuốc tán trên đây vào, (1) lấy lụa buộc chặt lại, trong ngày thì nước rút hết, chỗ đau khô se lại, mỗi ngày rửa một lần rồi bôi thuốc vào chỗ cứng, chỗ vảy mềm thì chớ sờ vào, hể đau lắm thì dùng ít váng sữa mà bôi cho nó mềm, trong 5 ngày thì đóng vảy lại rửa như các trên, 10 ngày thì hết vảy, nếu những chỗ mềm có mù

(1) Hài này hay vô cùng nhưng khi rắc phèn xanh vào đau rất dữ cần chuẩn bị tư tưởng cho bệnh nhân trước (Nguyễn Trung Hòa).

trắng thì khêu ra mà bôi rửa tự nhiên khỏi hẳn.

6) Chứa chứng đàn bà bị thối móng chân (Trong móng chân sinh mủ, thịt thối lồi ra lâu ngày không khỏi).

Phèn chua 1 lạng, nấu lên, trước hết ngâm mà rửa, lại lấy 1 lạng khác đem phi phơi sương 1 đêm tán nhỏ, cho vào 2 đ/c *Hùng hoàng*, 1 đ/c *Lưu hoàng*, *Nhũ hương*, Một được đều 1 đ/c, nghiền thật đều dùng rắc.

7) Chứa các chứng ung thư.

Chích thảo 3 lạng, *rượu* 1 đấu, ngâm chung trong cái bình lấy 1 thỏi *Chì* nấu chảy tan đem đổ vào bình *rượu* ấy, lại nấu lại đổ vào, Làm như thế đến 9 lần, lấy *rượu* ấy cho uống say rồi nằm ngủ sẽ khỏi.

Một phương gia truyền khác.

Lấy quả cà hoang (1) chín mùi ở ngoài bờ bụi đem về nghiền ra, bỏ vào khăn tay mà vắt lấy nước, *màng tre xanh* 5 cái nhỏ lửa nấu thành cao, cất đi để dùng, khi dùng đem trét ra giấy mà dán, ung nhọt sẽ tiêu ngay.

8) Chứa tất cả ung thư mới phát, uống phòng trước có thể tiêu sưng trừ độc.

Cam thảo 5 cân, đập nát ra, ngâm với nước sông 1 đêm, gạn lấy nước rồi lọc sạch cô thành cao hòa với *rượu* cho uống mỗi lần 1 muống, hoặc la hơi loãng, dùng ngai.

Các phương khác:

Cây cải rừng, nấu lấu một cân nước, cho uống 2 lần, ngoài dùng *Đậu đỏ* tán bột hòa với nước mà đắp.

Cây móng tay, *Đất lòng bếp*, *Củ chuối hột* cho vào tí *muối*, giã nát mà đắp, khô lại thay, bách phát bách trúng.

9) Vị ung thư, bí đại tiện.

Cam thảo sống 2,5 đồng cân, nấu với nước giếng ban mai cho uống có thể đi cầu ra các chất độc.

10) Chứa những mụn nhọt li ti.

Phấn tiết thảo tán bột, khi phát sốt cho uống với *rượu*, nóng 1-2 đồng cân, uống luôn vài lần thì đau và sốt đều khỏi.

11) Chứa mụn nhọt ngứa ở trong cứng nhắc.

Sâm kỳ đều 2 lạng, tán nhỏ, cho vào 1 đồng cân *Long não*, hòa với nước *Ngó sen tươi* mà viên, uống với nước ấm mỗi lần 30 viên.

12) Vị ung thư bí đại tiểu tiện.

Tử thảo, *Qua lâu nhân* đều bằng nhau, nấu với nước mới gánh mà uống.

13) Ung thư thủng độc đá vỡ hay chưa vỡ đều dùng được.

(1) *Cà hoang*. Diên giả. *Solayum surattense* Barmf. rễ lá nó tán ứ chỉ thông trán khái bình suyễn.

Hồ hoàng liên, Xuyên sơn giáp (đốt cháy), Bình lang đều bằng nhau, hòa với lòng trắng trứng gà, mà bôi.

14) Chữa bệnh hột xoài, mọc ở háng.

Bối mấu, Bạch chỉ đều bằng nhau, nấu với *rượu* cho uống nóng còn bã đem đắp và rịt vào.

15) Ung thư nhiệt độc sưng đỏ.

Bạch chỉ, Đại hoàng đều bằng nhau tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đồng cân với nước cơm già rau má tươi mà rịt.

16) Nhọt đá vỡ mà ngứa.

Lấy muối xát xung quanh là khỏi ngay.

17) Chữa những ung thư phát bối sang độc.

Có mấu ứ ở trong thì không đau, rịt vào thì đau, vì lo giận khí lũng lên phát đau rịt vào thì khỏi đau, phát sốt rịt vào thì mát, vỡ không gom miệng rịt vào thì gom miệng ngay, nếu vì thất tình uất ức ở trong bất cứ hư thực hàn nhiệt đều khỏi cả.

Viễn chí nhục, không cứ ít nhiều, ngâm với nước vo gạo, đập giập bỏ lõi, tán nhỏ, mỗi lần lấy 3 đồng cân cho vào *rượu* ấm quấy đều đợi lắng trong cho uống với *rượu*, còn bã đắp vào chỗ đau.

18) Chữa chứng thêch thư chứng ngứa không làm mủ.

Tang Bạch bì hong trong mát cho khô, tán nhỏ, trộn với *rượu* mà bôi thì tiêu ngay.

19) Chữa những mụn dinh râu, phát bối sang lở, sưng.

Tỏi Giã nát như bùn đắp lên đầu mụn rồi lấy *Ngải cứu* mà đốt, làm trước 6 ngày như thế thì rất hay, sau 7 ngày thì không dùng được nữa.

Các phương khác:

- *Sáp ong, Tòng chỉ, Dầu mè, Hoàng đơn* nấu cách thủy dùng bôi.

- *Đá bọt trắng* nửa lạng. Một *duoc* 2,5 đồng cân, tán nhỏ hồ nấu bằng *Dấm* luyện viên cho uống với *rượu*, ngoài dùng đất vách đất tường lâu năm có đóng khói với *Hoàng bá* đều nhau tán nhỏ hòa với nước gừng, một heo mà bôi.

20) Chữa ung thư phát bối không vỡ miệng, đau nhức dữ sắp nguy.

Gai Bồ kết 1 lạng (sao với bột mì) *Hoàng kỳ* nướng 1 lạng, *Cam thảo* nửa lạng, tán nhỏ, *Nhũ hương* nấu với *rượu*, lấy nước hòa với 1 đồng cân thuốc tán uống ấm ấm.

Phương khác:

Kén tâm (đã cắn ố) lấy đốt cho uống với *rượu*, một lúc sẽ tan.

21) Ung thư phát bối nhức dữ, sắp nguy.

Dùng *Quả bí đao*, cắt bỏ khúc đầu đem úp lên mụn, bí sẽ vừa nát thì lại thay, nếu thấy hơi thu lại thì dùng cao mà dán.

22) Ung thư phát bối, nguy khốn gần chết.

Dùng *Cút người* đốt ra tro, trộn *Dấm* mà bôi khô lại thay.

23) Đối khẩu ác sang.

Rau ngó om (1), giã vát lấy một chén nước, cho vào một muống *Nước gừng* hòa với *rượu* cho uống, bã đem đắp rịt vào vài lần thì khỏi.

24) Những dinh nhọt muốn cho phá miệng.

a) Trong cho uống *lông cánh gà ác* (lấy lòng cánh thứ nhất) đốt tán nhỏ, hòa với nước cho uống, hoặc cho nuốt vài hạt *Quý* thì phá miệng được ngay.

b) Ngoài đắp dùng 1 con *Địt lửa* (Ban miêu) đốt tán nhỏ hòa với nước *Tỏi* đem đắp lên thì phá miệng ngay.

25) Ung thư phát bối to như cái đĩa bàn, thối tha không thể gần.

Lá vông đồng nấu với *Dấm* mà đắp lên mụn, sốt sẽ lui, đau sẽ khỏi, thu miệng rất hay.

26) Phương chữa ung thư phát bối.

Lược sừng đã cũ, đem đốt ra than, nhồi với hồ làm viên phơi khô, mỗi lần dùng đem nhét trong *Hạt gấc*, mài với *rượu* mà bôi thì tiêu ngay

Một phương kinh nghiệm.

a) Trong cho uống: *Quy* 6 phân, *Hoàng kỳ* 1,5 đồng cân, *Sâm* 5 đồng cân, *Bạch chỉ*, *Phòng phong* đều 4 phân, *Mộc hương*, *Cam thảo*, *Bình lang*, *Đậu xanh*, *Ô dước*, *Hậu phúc*, *Tía tô*, *Xuyên khung*, *Cát cánh*, đều 4 đồng cân, *Nhục quế*, 2 đồng cân, *Hồi hương* 3 đồng cân, *Kim ngân* 2 đồng cân, sắc với *rượu* và nước cho uống.

b) Ngoài bôi: *Nam Mộc hương*, *lá Huyết dũ*, *Mồ hóng* bóp sắc lấy nước đem mài *Dại hoàng*, *Hạt gấc* mà bôi.

Phương khác:

Quả bìm bìm, *Hạt gấc*, *Bồ hóng* bóp, *Hạt mắt mèo* (vuốt hùm), *Nấm lim*, *Thạch cao* đều tán nhỏ, trộn với *Hoàng đơn* làm viên, mỗi lần dùng 5 viên, lại lấy *Cây chuối*, *Bông Mã đề*, *lá Trường sinh*, *Dưa chuột* đại giã vát lấy nước, mài viên trên mà bôi.

Trong cho uống: *Đậu xanh* tán nhỏ 3 đồng cân, sắc nước *Kim ngân* làm thang mà uống.

27) Bài thuốc kinh nghiệm làm lên da non hút mù.

Lá Canh châu, *lá Lót*, *lá Đuôi chồn*, *Lá Cải hôi*, *lá Mã đề*, *Lá Nghệ* thêm *Dinh hương* vào giã nát đem đắp, khỏi rồi thì dùng *Thịt dê* 4 lạng luộc lấy nước sắc với *Hoàng kỳ* 4 đồng cân, *Kim ngân*. *Quy thân* 3 đồng cân, *Thăng ma* 4 phân, *Táo*, *Gừng* giã lấy nước cho uống.

28) Bài thuốc phá mụn ung nhọt.

Củ ráy ngựa, *Lá sấu dâu*, *ít muối*, giã nát ra mà đắp.

(1) *Ngó om*, tiếng Bắc gọi rau Ngổ. Chiều cúc - Euhydra fructuans Sour họ cúc, tác dụng kiện tỳ, cầm máu.

29) Bài thuốc chữa đinh râu.

Đinh hương, già nát với dọt cây Dứa đắp chỗ đau.

30) ...

31) Chữa nhọt hậu bối.

Liên kiều, Ngưu bàng, Dương quy, Cam thảo, các vị bằng nhau sắc uống.

32) Chữa đầu trun (chín mé - xà đầu định) mọc ở đầu ngón tay.

Bạch linh, Đinh hương, Xuyên khung, Bạch chỉ, các vị tán nhỏ lau kỹ chỗ đau, dùng thuốc này rắc vào, sau khi khô bỏ, thuốc cũ rắc thuốc mới, vài ba lần là khỏi ngay

II- BỆNH SƯNG PHỐI MỦ (PHẾ UNG)

1) Bệnh sùng phối mủ đá thổ ra mủ.

Hàng ngày 2 lạng, sắc nóng uống mỗi ngày 3-4 lần.

2) Sùng phối mủ phát ho, tức ngực rét run khô cổ họng không khát nước, nhổ ra đờm đục, hôi tanh, nhổ ra mủ như cháo mạch sác.

Cát cánh 1 lạng, Cam thảo 2 lạng, sắc chia 2 lần uống sáng sớm và chiều, uống khi thuốc còn nóng, thổ ra được máu mủ là khỏi

3) Sùng phối mủ, thổ ra máu.

Tóc đốt thành than 1 lạng, Dấm 2 chén chung, nước sôi để nguội một chén, hòa lẫn cho uống.

4) Chứng trường ung, đau ở trong ruột.

Yếm cua dinh, đốt tồn tính tán nhỏ, hòa với nước mà uống, liều uống 2 đồng cân, ngày uống 3 lần.

Phương khác.

Gai Bồ kết 1 vốc, xát nhỏ, sắc với rượu, lấy lông trên đầu gà trắng và cút của nó đốt cháy tán nhỏ, khi đói bụng cho uống 1 đồng cân.

III- ĐINH ĐỘC

1) Chữa đinh độc, sưng.

Phèn chua, Bạch chỉ, Gừng sống, Hành, sắc với rượu và nước cho uống.

Các phương khác:

- Bón hạ và với bằng nhau, tán nhỏ đắp vào.

- Gan cóc 3-4 cái, lá Vong đồng 3-4 lá tán nhỏ trộn Mật ong, dùng cái gai tre khâu

dầu nhọt rắc thuốc vào, trong cho ăn một miếng trầu có *Đinh hương* là khỏi.

2) Chứa đinh sang giống như mắt con cá.

Phèn phi tán nhỏ, khuấy hồ trộn đều mà bôi thì sưng sẽ tan mà không làm mủ.

3) Chứa các chứng đinh độc, sang thũng.

Kinh giới 1 nắm sắc, cho uống nguội, lại dùng *Phén chua*, *Hoàng đơn* tán nhỏ lấy kim khâu nặn cho hết mủ mà rịt vào.

4) Chứng đinh sưng gần nguy.

Hoa cúc 1 nắm, giã vắt lấy nước 1 cân, đổ vào mồm là tỉnh ngay, mùa đông không có hoa thì nhỏ cả rễ dùng.

5) Chứa đinh sang cấp mẩn tính.

Ích mẫu thảo, giã vắt lấy nước cho uống, bã đắp rịt vào miệng.

6) Thuốc rút còi đinh độc.

Hoàng đơn, *mủ cóc*, *bột gạo*, trộn nhau cho đều làm viên, khâu vỡ đầu mụn ra mà nhét vào, lấy cao mà dán.

Phương khác:

Đọt thuốc cứu hái lấy 1 nắm, cho vào ống tre tươi mà đốt, chắt lấy nước cốt trộn với vôi như hồ, khâu đầu mụn rồi nhỏ thuốc ấy vào 3 lần, còi sẽ bật ra ngay.

7) Chứa đinh độc mọc ở trên mặt.

Gan cóc sống, nghiền nát ra mà đắp là tiêu ngay, hoặc đinh mọc ở ở chân tóc sau gáy cổ gọi là *Đối khẩu* sang thì rất nguy, lấy máu *Mòng gà trống* thừa đang nóng thường thường phết vào, hễ tan thì thôi.

IV- THÙNG ĐỘC

1) Chứng thùng độc, nóng đau.

Bạch chỉ tán nhỏ trộn với *Dấm* mà đắp.

Phương kinh nghiệm:

Huyết giác tán nhỏ, để trên miếng *Bí đao*, dán lên chỗ đau, hay lạ lùng.

2) Sang thũng không có đầu.

Gai Bồ kết đốt thành than tán nhỏ, uống 3 đ/c với *ruợu* đồng thời cho nhai 3-5 *Hạt qùy*, hễ thấy nơi nào đau như kim chích vào là dầu nhọt tại đó.

3) Thũng độc tại ngón tay cái.

Mang tiêu, *Cam thảo*, *Dại du*, nấu lấy nước mà ngâm, nửa ngày khỏi.

4) Bệnh quai bị, sưng đau.

Vôi bột, trộn với *Dám* mà bôi.

5) Chứng đùi chân sưng đỏ nóng, gọi là xích đu phong.

Sét sắt trộn với nước mà đắp.

6) Phong độc phát ra ở gan bàn tay bàn chân sưng.

Muối ăn, *Hột tiêu* đều bằng nhau tán nhỏ, trộn với *Dám* mà bôi.

7) Chữa tất cả các thứ ác sang, thũng độc.

Lưu hoàng 3 lạng, bột *Kiều mạch* 2 lạng, trộn với *nướng giếng ban mai* làm viên rồi cất đi một nơi, khi dùng lấy ra hòa với nước mới mức về mà bôi, khỏi ngay.

Các phương khác:

- *Củ đại*, nhỏ cả cây, giã nát nấu với *ruợu* cho uống nóng, bã đắp rịt vào.
- *Rễ cây Tía tô*, lá *Thanh yên*, giã nát xào với *Dám* mà đắp khi đang nóng, tiêu ngay.

8) Chữa chứng vô danh thũng độc, đau nhức.

Củ tam thất, mài với *Dám* cho đặc mà bôi thì nó tan ngay, nếu đã phá miệng thì để khô tán bột mà rắc.

9) Cao dán chữa các thứ thũng độc.

Dá Nam châm 3 đồng cân, *dây Kim ngân* 4 lạng, *Hoàng đơn* 8 lạng, *Dầu mè* 1 cân, nấu thành cao mà dán.

10) Cao gia truyền, có tác dụng tiêu các thứ thũng độc.

Rết 1 con to, *Cóc to* 1 con, *Xác rắn* 1 cái, 10 con *Nhện hùm*, *Con rệp tre*, các vị bằng nhau, *Lô hội* 1 đ/c, *Dầu mè* 1 chén, *Tòng chỉ* 1 chén.

Lá sấu đầu, *Gai Bồ kết*, sao vàng, *Đậu xanh* giã nát mà đắp, hễ sưng ở chân thì nên dùng bài này.

11) Cao Thái Huyền. Chữa các chứng nhọt đinh, không cứ đã phá miệng hay chưa, rất có khả năng bạt độc hút mủ, khỏi đau, lên da non rất thần hiệu.

Ba đậu, *Hạt gấc*, đều bỏ vỏ 3 đồng cân, *Hoàng đơn* 5 đ/c, *Cành Hòe*, *Cành Liễu*, *Cành Bồ kết*, *cành Dâu* (đều dùng những cành nhỏ bằng chiếc dũa), dài 7 tấc, giã nát, lấy *Dầu mè* tắm 1 đêm, nấu thành thuốc cao rót vào hũ bịt kín, ngâm nước 3 ngày cho nhà hết hỏa độc, khi dùng trét lên giấy mà dán.

12) Chứng xà đầu đinh (đầu trun, chín mé).

Lấy quả *trứng gà* khoét thủng một lỗ đem trồng vào đầu ngón tay, hễ trứng tan ra nước thì thay trứng khác, hoặc đau thối thì dùng 1 con *Rết*, đốt tan ra hòa với *Mật heo* mà đắp.

13) Chứng loét trắng ở đầu ngón chân. (Tổ đĩa bàn chân).

Lấy *màng chân con ngỗng* đốt thành than tán nhỏ mà rắc, nếu có rỉ nước thì dùng *Hoàng đơn*, *Phấn đá* mà rịt.

(1) *Thanh yên* - Cầu duyên. *Citrus medica* L. Tác dụng mát phổi trừ ho, giải độc, giã đắp nhọt.

Cao gia truyền đã kinh nghiệm chữa mọi chứng đình thũng độc.

Qủa chuối chát, Vỏ bưởi đào, đều đốt thành than, Bỏ hóng bếp, Lọ nồi đều bằng nhau tán nhỏ, vắt lấy nửa chén nước Thuốc cứu nửa chén nước gừng, 5-7 miếng củ ráy ngựa, nấu sôi lên cho thuốc tán vào với 1 chén nhựa thông đúc thành cao dán.

14) Thuốc vây độc, (đã kinh nghiệm).

Dại hoàng, Phù dung, Xích thực, Bạch cập, Bạch liêm, tán nhỏ, hòa với lòng trắng trứng gà mà bôi vây xung quanh, trong cho uống Thục địa, Thổ bối mẫu, Cù mài, gai Bồ kết, Thiên trùng, vẩy Tê tê, Cam thảo, Liên kiều, Kim ngân.

V. TRÀNG NHẠC

1) Chữa dóm hạch sưng đỏ có nóng lạnh, giống chứng tràng nhạc.

Vôi (nung) tán nhỏ, giã chung với *Bạch quả nhục* mà bôi hoặc hòa với *Mật ong* cũng được.

2) Tràng nhạc lâu năm máu mủ không khô.

Tranh lợn nhà đã mục, đất vách ở bếp tán nhỏ trộn với *Khinh phấn* mà bôi, trong nửa ngày thì khô.

3) Tràng nhạc mọc ở gáy cổ.

Thạch tín nghiền nhỏ, mài *Mức tàu* thật đặc luyện viên sao khô, dựng trong ống tre mỗi mụn dùng kim khâu ra lấy một viên huốc nhét vào, thuốc sẽ ăn loét ra, đến khi rụng hết thì thôi.

4) Tràng nhạc kết thành hạch.

Khổ sâm 4 lạng, *Ngưu tất* giã vắt lấy nước mà viên bằng hạt đậu, uống mỗi lần 30 viên với nước nóng.

5) Tràng nhạc vỡ loét lan tới trước ngực, hai nách có hạch, hoặc đến hai vai mới thôi, hai nách có nhân bằng 4-5 năm mụn ở gáy không nhón đầu không ai chữa được, mụn lở loét tràn lan.

Lấy đoạn dưới cây *Kinh giới*, chặt nhỏ lấy nước mà rửa khi âm ỉm xem chỗ loét nào hăm thì dùng kim khâu nặn máu đi, rửa ba bốn lần thì khỏi, dùng *Long não, Hùng hoàng* tán nhỏ trộn với *Dầu mè* mà phết lên chỗ chảy nước, hôm sau lại rửa lại bôi.

6) Tràng nhạc kết nhân hoặc phá miệng hoặc chưa phá miệng.

Bạc hà tươi dùng 1 cân, giã vắt lấy nước, *Gai Bồ kết* 1 bó, ngâm nước bóc bỏ vỏ ngoài, giã vắt nước, hai vị bỏ chung vào cái nồi bằng bạc, nấu cao *Liên kiều, Thanh bì, Trần bì* đều nửa lạng, *Hắc sủu* nửa sớ, nửa sao 1 lạng, *Hột Bồ kết* 1,5 lạng, tán nhỏ trộn đều với thuốc cao trên làm viên, mỗi lần uống 30 viên, thang với nước sắc *Liên kiều*.

7) Tràng nhạc chưa phá nhân.

Hoa và rễ cây cúc đại, giã nát, nấu với rượu cho uống, bã dùng đắp.

8) Tràng nhạc bị nhiễm phong.

Nấu nước *Bồ kết* mà rửa, dùng 2 nắm *Nhân trần* cao nấu rửa lần thứ hai, hàng ngày thực hiện như vậy sẽ đỡ sưng, đỡ đau.

9) Chứa cục u, bướu cổ, nốt ruồi.

Vòi 1 lạng, ngâm với nước *Vỏ dâu* rồi cô thành cao, lấy kim khêu nhân ra, chấm thuốc vào.

10) Chứng đầu, hạch não, tý, mọc sau gáy là hạch dờm, mọc ở chính giữa là não, phía trên là tý.

Dùng *Đá bọt* loại nhẹ mà trắng, đốt tòn tĩnh tán nhỏ, cho vào ít *Khinh phấn*, trộn với *Dầu mè* mà bôi, dùng dùng tay dỉ vào, hễ dỉ vào là sưng ngay lên.

11) Chứa hạch bướu mọc ở đầu.

Dùng phương kế trên mà gia thêm *Cút bò*.

12) Một truyền phương chứa tràng nhạc.

Trong cho uống nước *Kim ngân hoa* mài với *Dinh hương*.

Ngoài bôi cao *Nhân ngôn*, *Lôi hoàn*, *Dinh hương*, *Hồi hương*, *Lá trầu*, *Ba đậu*, (bỏ vỏ và dầu). Các vị tán nhỏ, nấu *Tòng chỉ* với dầu cho thuốc vào quấy đều thành cao dùng bôi.

VI- TRÍ, MẠCH LƯƠN

1) Chứa chứng trí, hình như đuôi chuột.

Băng phiến, *Nhi trà*, *Hùng dóm*, *Xuyên hoàng liên*, *Chu sa* đều tán nhỏ, trộn với *Mật heo* mà bôi, hay *lạ lưng*.

2) Chứa chứng trí hoa sứt (Liên hoa trí).

Hột mã tiền 1,5 đồng cân, *Hùng hoàng* 6 phân, *Rêu xanh* trong nước (để lên miếng ngói sấy cho khô), các vị tán nhỏ hòa với *rượu* cho uống.

3) Trị tất cả những chứng mạch lươn.

Gói *muối* trong miếng giẻ cũ, đốt cho đỏ rồi tán ra, mỗi lần uống 1 đồng cân.

4) Chứa mụn trí sưng đau.

Xad sáng tử, nấu lấy nước xông rửa, rồi dùng *Phèn xanh*, củ *Nghệ*, tán nhỏ trộn với nước *Mật heo*, *Yên chi* mà bôi, 7 lần thì kiến hiệu.

Phương khác:

Dùng *Bồ kết* nấu nước mà xông, rồi dùng *Bạch chỉ*, *Duyên sương*, *Phiến não*, *Hồ*

hoàng liên đều tán nhỏ, hòa với nước mặt ổng và rượu mà bôi, khỏi liền tay.

5) Chứa chứng trường phong trí mạch lươn, lòi trôn trê, đi cầu ra máu sắc vàng lâu năm không khỏi.

Bạch truật thổ sao 1 cân, tán nhỏ luyện hồ thành viên cho uống mỗi lần 10 viên với nước cơm.

6) Vì nghiện rượu thành chứng trí máu.

Hoàng liên, nấu với rượu cho khô, tán nhỏ luyện hồ thành viên mỗi lần uống 30-40.

Lại phương khác:

Lá Thanh hao (dùng lá thì không dùng cành, dùng cành thì không dùng lá tán nhỏ, hể máu ra trước phân thì uống với rượu và nước).

7) Trí mồng gà.

Dùng *Hoàng liên*, *Dậu đỏ* tán ra bột dùng rắc.

8) Bài kinh nghiệm.

Dùng *Thạch lục*, *Hoàng đơn* đều 1 lạng, *Dầu mè* 3 lạng, *Sáp ong* 1 lạng luyện thành cao dán, lấy *Cành liễu non* nấu nước mà rửa.

9) Chứa những thứ trí mạch lươn hoặc ở trên gáy cổ hoặc ở hạ bộ.

Khổ sâm, 5 đồng cân, *Dấm*, 1 đấu, ngâm ba bốn ngày rồi dùng uống.

10) Chứa những độc mạch lươn có tính chạy chỗ này chạy chỗ khác.

Huyền sâm ngâm rượu, ngày ngày thường uống.

11) Chứa năm thứ trí, đỏ sưng lâu ngày không khỏi, biến thành mạch lươn.

Bóng mồng gà, *cỏ seo gà*, đều dùng 1 lạng, nấu nước nâng rửa luôn.

12) Chứa chứng trường phong trí mạch lươn.

Tỳ giải, *Quán chúng* đều bằng nhau, tán nhỏ, khi đói cho uống với rượu ấm, nếu có lòi ra, đứng ngồi bất tiện dùng *Hệ* nấu nước mà rửa, dùng con *Bù hung* đốt tồn tính luyện với *Mật ong* mà dán.

13) Chứa trí mạch lươn sưng đau.

Dùng *Kinh giới* nấu nước thường rửa hàng ngày.

14) Chứa trí mạch lươn chảy máu.

Bạch chỉ tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đồng cân với nước cơm.

15) Trí mạch lươn lâu không khỏi.

Cá diếc 1 con, mổ bỏ ruột dồn bột *Phèn chua* vào cho đầy bụng cá, đem đốt tồn tính rồi tán nhỏ, dùng lông gà chấm thuốc mà phết vào.

16) Mạch lươn ở tiền hậu âm.

Khổ sâm, nấu nước thường rửa hàng ngày.

17) Mạch lươn không thu miệng.

Lô cam thạch (chế với nước tiểu trẻ em), *Mẫu lệ* đều bằng nhau tán nhỏ, ngoài thời nhét thuốc này, trong cho uống.

18) Chứa mạch lươn đá lâu ngày.

Tàn bác đèn, *rau sam*, phơi râm, đều bằng nhau tán nhỏ, dùng *nước vo gạo* rửa sạch trộn với *Mô heo* mà bôi.

19) Chứa trĩ trùng phát ngứa.

Với lâu năm, *Xuyên ô dầu* nướng, đều bằng nhau tán nhỏ, luyện hồ làm viên với cơm nguội, mỗi lần uống 30 viên với nước sôi để nguội, lấy *Thủy ngân* và *Táo tàu* đều 2 lạng, cùng nghiền nát bọc lại đem nhét vào hạ bộ hôm sau sẽ thấy có trùng ra.

20) Mạch lươn không thu miệng.

Lấy *Vôi* mà xây lâu năm nghiền nhỏ đắp đầy vào.

21) Trĩ mạch lươn táo bón.

Hoàng liên, *Chỉ xác* đều bằng nhau, tán nhỏ, luyện hồ làm viên, khi đói uống 50 viên với nước, sẽ nhuận trường.

22) Trĩ nội không lòi ra.

Thảo ô dầu tán nhỏ hòa với nước miếng nhét vào hậu mộ khi nó lòi ra dùng *Khổ tri* tán mà bôi.

22a) Chứa mọi chứng dinh sang, trĩ mạch lươn lâu năm không khỏi.

Bát Con nhái sống, *Tóc rơi*, *Buồng cau cũ*, ba thứ đều đốt thành than, nghiền nhỏ, rửa sạch mà bôi thì có hiệu nghiệm.

Nghiệm phương:

Thạch tín 2 đồng cân nấu qua với *Dậu xanh*, *Nhũ hương*, *Một dược*, *Hùng hoàng* đều 2 đồng cân; *Chu sa* 1 đồng cân, *Cương tâm* 3 đồng cân, *Xuyên sơn giáp* sao 3 đồng cân, *Ngô công* 3 con, *Chế bằng phiến*, *Xạ hương* đều 1 phân, *Sáp vàng* 3 đồng cân, tán nhỏ, nấu nước *Hạt sen* làm thang tổng.

23) Mụn mạch lươn chảy nước, đó là vì thận hư.

Dùng *Khiên ngưu* sao tán nhỏ 2,5 đồng cân, *Cật heo* mổ ra lóc bỏ màng đồn thuốc trên vào, ngoài bọc kín đem vùi trong lửa cho chín mà ăn và uống *ruợu*, sẽ hết chảy nước ra nữa.

24) Mạch lươn, bí tiểu tiện đau đứ.

Hạt hồi 3 hạt, *Long não* 1 miếng bằng đầu ngón tay út, con *Ban miêu*, đàn ông thì dùng con dài và bé, đàn bà thì dùng con mập và ngắn 70 con, tán nhỏ, quét với *Táo nhục* làm viên, uống với nước ấm, khi uất ra dùng *Môn tươi*, *Cam thảo* nghiền nhỏ sắc cho uống để giải độc.

Một truyền phương, chữa mục trĩ, với mục có sâu.

Hùng hoàng, Xá thoát, Tàng ong, Rết, đều đốt thành than, các vị bằng nhau cho vào ít *Hồi hương* tán nhỏ, trộn với *Mỡ gà*, bôi vào chỗ đau.

Một truyền phương chữa mạch lươn.

Lá rau dưa, lá Hoa Thiên lý, lá Tiết dê, sắc cho uống.

VII- DƯƠNG MAI

1) Chữa độc dương mai.

Cỏ roi ngựa nấu cho xông chỗ rửa, sẽ thấy khoan khoái bớt đau nhức.

2) Mụn độc dương mai.

Thổ phục linh 4 lạng, *Bồ kết* 7 quả nấu nước cho uống thay nước trà.

3) Chữa bệnh dương mai thiên pháo.

Thiên hoa phấn, Xuyên khung 4 lạng, *Hoa hòe* 1 lạng, tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn, uống khi đói, thang bằng nước gừng.

4) Mụn độc dương mai, vì dương mai có thấp nhiệt sinh ra.

Hoa hòe 4 lạng, sao hắc, cho vào rượu sắc kỹ, cho uống nóng (người tạng hàn thì kiêng).

5) Dương mai sang và đại phong sang lở nứt.

Quả chim bao, đốt tồn tính tán nhỏ trộn *Dầu mè, Kinh phấn*, nghiền đều mà xức, lại lấy vỏ nó nấu nước mà rửa.

6) Nghiệm phương chữa dương mai sang.

Thổ phục linh 2 lạng, *Thịt heo* (nạc) 4 lạng, *Kim ngân, Dương quy* đều 2 lạng, *Hạnh nhân* 7 phân, *Hồng táo* 7 quả, *Tùng hương* 1 đồng cân, *Bạch chỉ* (bên trên nhiều thì 2 đồng cân, dưới thì 1 đồng cân), *Ngưu tất* (bên trên nhiều thì 2 đồng cân, dưới ít thì 1 đồng cân), *Cam thảo* 1 đồng cân, *Trư di* (1) 1 các sắc uống được 10 thang thì khỏi. Nếu các khớp xương đau nhức thì dùng một cái *Gáo dừa* đốt thành than, nghiền nhỏ, khi dùng sao nóng, bỏ vào chén đập lại, dùng rượu nấu nóng lên hòa cho uống, đắp mền, ra mồ hôi rồi khỏi ngay.

7) Chữa mọi chứng dương mai, (Các phương thuốc hay như sau):

- *Thuốc uống: Liên kiều, Xích thược, Phòng phong, Hòe hoa, Sai hồ, Cam thảo, Cát cánh, Kim ngân, Chi tử, Ngưu bàng, Quy vĩ, Tọa giác thích, Ma hoàng, Kinh giới, Ích mẫu*, tán nhỏ luyện viên, nấu nước *Thổ phục linh* làm thang tổng.

- *Thuốc xông: Thần sa, Chu sa, Thủy ngân, Kinh phấn, Long não, Ngân chu, Bạch ích, Ô tặc cốt, Bã trầu, gia Hùng hoàng, Xạ hương* đều 1 đồng cân tán nhỏ, chia

(1) *Trư di*: Cái lõi trắng trong cật heo.

làm 2 mồi, mỗi mồi dùng 3 nén hương, rắc thuốc vào giấy trắng, cuộn lại, mỗi mồi xông ba lần, đốt hít khói vào mũi nuốt khói xuống, trong miệng ngậm *Rau dừa* và lấy vải bịt lại, nời kia thì tắt dầu đốt xông khắp mình, khói thì thôi ngay, nếu các mụn lở loét thì lấy trong ấy nghiền ra mà rắc vào chỗ đau.

VIII- MỤN NHỌT KHÔNG THU MIỆNG

1) Tất cả các mụn nhọt không vết miệng đều có thể chữa.

Tần giao, Hàn thủy thạch (nung dor0 2 lạng, *Hoàng đơn* nửa lạng tán nhỏ mà rắc, có công sinh da non, khỏi đau khô nước.

2) Ung nhọt không gom miệng.

Bột lưu hoàng, cứ rắc vào miệng nhọt, đến khỏi mới thôi.

Phương khác:

Cút trâu đốt tán nhỏ, trộn với lòng trắng trứng gà mà đắp vào, khô thì thay cái khác.

3) Chứng liêm sang mọc ở bắp chân tay, miệng lạnh không thôi.

Lá thuốc cứu khô đốt lấy khói mà xông, lại lấy nước nấu sôi để nguội mà rửa.

4) Những chỗ vết mụn sùi lên.

Ngói lớp nhà đã cũ, lấy đốt cho nóng đem chườm, ủi vào.

5) Chứng ác sang, không sinh da thịt được.

Tùng chi (Lam quân) *Xương gà* (đốt, làm tá), *Than tóc* (tá) *Hoàng đơn* (thần), *Bồ kết* 1 ít tán nhỏ, cùng nấu thành cao mà xức.

6) Bài thuốc hay, làm ráo nước, không cứ bệnh dương mai, ung thư hậu bối, trĩ, mạch lươn, thũng độc, mụn sâu đã lâu ngày hay mới mắc.

Hòe hoa, Tiêu mục sao *Ngũ bội, Phèn chua* đều 4 đồng cân, *Hùng hoàng* 2 đồng cân, *Mật đà tằm* 4 đồng cân, nhúng qua nước *tiểu tré con* (nặng lắm mới dùng tới chuyện này), tán nhỏ, luyện hồ làm viên, liều uống 40 viên với rượu.

IX- MỤN CÓ SÂU

Phụ: trùng ở trâu bò

1) Những mụn ghè ngứa có sâu.

Vói ngâm lấy nước mà rửa, *Lưu hoàng* tán bột bỏ vào *trùng gà* nướng thơm lên xức.

2. Trùng sang nổi mụn hủi đen.

Bột Hùng hoàng, Dấm, hoàn với lòng đỏ trứng gà mà bôi.

3) Chân bị lở sinh sâu. Người phương Nam hay bị chứng này.

Dùng cái *Bao tử heo* dùng rửa, bỏ phân, đem nghiền nát như bùn, cho vào nửa lạng *Phèn phi*, trộn đều đem trét lên miếng lụa mà dán vào chỗ sang thương, chốc lát ngứa vào tới ruột, lấy thuốc ra hơn chân lên lửa, lấy nước nóng rửa, chỉ làm chừng ba lần, hết sâu sẽ khỏi.

4) Trong mụn lở có sinh giòi.

Phèn xanh nghiền nhỏ rắc vào, trùng sẽ hóa ngay ra nước.

Phương khác:

Dùng *Lá trầu*, *Vôi* cho vào nước ngâm lóng trong nồi dùng *Mỡ gáy heo* thắng lấy nước mỡ, cho thêm *Dầu mè* vào nấu thành cao bôi.

5) Chứa chứng liêm sang (sâu quầng) không khô.

Dùng *Đất sét* nung nghiền dốt ra, hòa với *Dầu mè* mà bôi.

6) Chứa chứng liêm sang (sâu quầng) lâu năm.

Bùn đen lấy ở trong nước phơi khô nghiền nát mà rắc.

7) Sâu quầng lở loét đã lâu ngày.

Đất lòng bép đã lâu năm, *Hoàng bá*, *Hoàng đơn*, *Xích thạch chi*, *Khinh phấn*, đều tán nhỏ, trộn với lòng đỏ trứng gà, phết trên mảnh lụa mà dán.

8) Sâu quầng vì huyết vì phong.

Hoàng đơn, sập vàng đều dùng 1 lạng, *Dầu mè* 5 đ/c, đun thành cao, trước lấy *Xuyên tiêu* với *Hành* nấu nước rửa, rồi bôi cao này.

9) Mụn lở ở trong móng chân không mang giày được.

Phèn chua dốt thành than mà rắc có thể tiêu tan thịt thối mới trong khoảng 10 ngày có thể khỏi.

10) Mụn lở loét ở đùi, ở gối.

Cây Phượng vĩ, cạo lấy tinh mà rắc.

11) Mùa hè bị phỏng nước và dưới nách đỏ sưng.

Bột Vó sò lông, trộn với sương mùa đông mà bôi.

X- CÁC THỦ LỎ

1) Mụn lở ở môi, ở tai.

Đất vách tường hướng đông, tán nhỏ, trộn với *Phấn chì* mà xức.

2) Những mụn ở đầu, mặt, chảy nước vàng.

Đất ở ngã tư đường với Đất lòng bếp đều bằng nhau, trộn lẫn mà xúc.

3) Tay vì gái mà ngứa sưng làm mủ.

Lọ nôi, nghiền nhỏ, trộn Dầu mè mà bôi.

4) Ghẻ lở hắc lào khô hoặc có nước.

Phấn chì, xúc vào.

5) Chốc mép lở miệng.

Phấn chì sao 1 đ/c, Hoàng liên nửa lạng, tán nhỏ mà xúc.

6) Mụn lở vì nhiễm phải nọc độc trong nước dãi loài bọ Quắc sưa.

Dùng Phấn chì trộn với Dấm mà bôi.

7) Bệnh thời khí mọc mụn, trong bụng nóng.

Dùng nước ngâm sát cho uống.

8) Chữa tất cả các chứng ác sang.

Hàn the, Cam thảo, đều 4 lạng, Dầu mè 1 cân, ngâm chung trong cái bình, ngâm càng lâu càng tốt, khi gặp chứng này thì trong cho uống 1 chén ngoài dùng Đất vách tường hướng đông với Đại hoàng tán nhỏ trộn với nước giếng ban mai mà bôi, khô lại thay.

Phương khác:

Lấy Vẩy sặc nấu lên lấy nước cho uống.

9) Chữa những thứ ác sang.

Với lâu năm, nghiền nhỏ trộn với lòng trắng trứng gà nắm lại thành cục nhỏ bỏ vào lửa nung qua rồi lại nghiền nhỏ, trộn với nước gừng mà bôi thì có công hiệu.

10) Sang lở do phong độc khắp mình chảy nước vàng.

Trước dùng Cam thảo nấu lấy nước mà rửa, rồi dùng Hoạt thạch tán nhỏ mà rắc vào.

11) Chứng lịch dương phong, kết mụn sắc trắng, dộp lên từng mảng.

Lưu hoàng, Phụ tử, Phèn chua, tán nhỏ, trộn với Dấm mà bôi.

12) Âm hộ bị thấp ướt thành mụn bọc.

Lưu hoàng tán nhỏ mạ rắc, ngày làm ba lần.

13) Đầu bị ghẻ lở khô hoặc có nước.

Phèn chua nửa đụn, nửa để sống, tán nhỏ hòa với mà bôi.

14) Sang độc hột xoài.

Phèn chua nghiền nhỏ, trộn với bột mù hàn thực bôi lên thì tiêu ngay.

15) Bị mắc cá, đau nhói trong thịt.

Khô phàn, Hoàng đơn, Phác tiêu đều bằng nhau tán nhỏ, cho xác vào vài lần thì khỏi.

16) Mụn nhọt nhiễm lạnh thành mạch lươn.

Phèn chua nửa phi, nửa đế sống, *Ngũ linh chi* thủy phi, đế nửa đ/c, trộn *Dầu mè* nặn thành bánh, cạo chỗ sang thương cho bật máu ra, tùy chỗ lớn nhỏ mà dán vào, tự lên da non là khỏi.

17) Phát cước lở loét 9DDống sang).

Trước dùng *Cam thảo* nấu nước mà rửa, rồi dùng *Tam hoàng* tán nhỏ, cho tí *Khinh phấn* vào trộn với *Dầu mè* mà bôi.

18) Nhiệt bốc ngứa gái.

Dùng *Thăng ma* sắc lên nửa uống, nửa để rửa.

19) Vì phế nhiệt nổi mụn khắp người.

Khô sâm, tán nhỏ, luyện hồ làm viên, khi đói uống 50 viên với nước cơm.

20) Vì đâm sương lạnh bị lở loét.

Lá hoắc hương, Trà vụn hai vị bằng nhau, đốt thành than tán nhỏ, trộn *dầu mè* trét lên lá dán.

21) Chữa tất thảy các bệnh ghẻ lở.

Kinh giới, tán nhỏ vắt lấy nước, Sinh địa đúc thành cao rồi trộn vào, luyện viên, liều uống 20 viên, với nước trà hoặc rượu.

22) Vì hỏa độc hai đùi mọc mụn chảy nước vàng rười rượi.

Dùng *Bạc hà* nấu lấy nước thường bôi vào, có hiệu nghiệm ngay.

23) Cách xông chữa ghẻ lở.

Lá thuốc cứu khô 2 lạng, *Hột gấc* 3 đ/c, *Hùng hoàng* 2 đ/c, *Lưu hoàng* 1 đ/c, Tán nhỏ vò chung vào lá thuốc cứu, chia ra 4 liều. Sau khi đốt xông 1 liều thì cho uống bài *Thông thánh tán*, (*Phòng phong thông thánh*) bỏ vị *Mang tiêu*.

24) Bạch lại phong sang (mụn dộp vẩy trắng, vẩy nến?).

Thuốc cứu khô, (tùy nhiều ít) tắm với ít *Bột mì ngang*, theo phép thường uống hàng ngày, hễ thấy te te là khỏi.

25) Trị tất cả các chứng ung sang ở nam phụ lão ấu, ở đầu, mặt, vú, chày nước vàng rười rượi và chứng trùng ăn loét ở bộ sinh dục.

Ích mẫu thảo 5 cân, cắt nhỏ, nấu lấu nước mà rửa ráy vài ba lần.

26) Mụn lở độc mọc ở quanh đầu ngón tay ngón chân.

Ốc buou, 7 con còn sống, giã nát đem bọc vào là khỏi.

27) Tựa miệng (đen) từ trong mọc ra là để chứa, từ ngoài mọc vào là bắt trị.

Ngổng trổng ăn cỏ nó ỉa ra cứt trong thì lấy về lọc kỹ, cho vào tỳ đường cát mà đắp, nếu thấy mất đào ngược thì dùng cứt ngổng đực đốt thành than, cho vào tỳ *Xạ hương* mà bôi.

28) Trị các chứng ác sang, ghẻ lở, hắc bào và những thứ trĩ mạch lươn.

Vẩy cá chép đốt thành than, cà nhỏ mà rắc, hoặc cho uống với *ruou*.

29) Chứng phong thấp sang, đống sang.

Lá cây thông, giã nát mà đắp.

30) Trị ghẻ lở lâu năm ngứa ngáy.

Dùng *cây Nhân trần*, nấu nước mà rửa.

31) Những vị chứa khối tất cả ghẻ lở.

Thần sa, Chu sa, Thạch tín đều tán nhỏ rắc vào.

32) Truyền phương chữa sang lở.

Tàng ong tán nhỏ, *dầu mè* nấu sôi, cho *tông chỉ* vào, sau hết cho lột *tàng ong* vào đúc vào thành cao để dùng, khi có nhọt lở dùng giấy quạt rách phết cao này vào mà dán.

XI- CÁC LOẠI MỀ ĐAY, LOÁC LỖ KHÁC

1) Chứa mề đay dị ứng.

Bạch truật tán nhỏ mỗi lần uống một muống với *ruou*.

2) Thảng hè mọc rôm sảy.

Mật đà *tàng* 4 đồng cân, *Hùng hoàng* 2 đồng cân, trước dùng *nước gừng* xát cho nóng lên, lại lấy lá *gừng* chấm thuốc xát vào.

3) Bồng bì trái gió (phong chẩn - mề đay dị ứng).

Vôi trộn với *dấm* mà bôi, bôi vào là hết ngay.

4) Mề đay dị ứng, cổ, bụng chỗ kín tê đau khó chịu, nhiều dờm không ngủ được.

Khớ sâm một lạng, *Bồ kết* bỏ hột hai lạng, nắm lấy nước rồi lọc bỏ bã sắc đặc cô thành cao, làm viên cho uống với nước nóng.

5) Dị ứng ngứa.

Bạc hà *Thuyền thoái* bằng nhau tán nhỏ, uống với *ruou* ấm mỗi lần một đồng cân, hoặc người như có sâu bọ đó là *phong nhiệt*, dùng *sinh địa* mài với *dấm* mà bôi.

6) Bệnh dị ứng phát ban đỏ, đen.

Mộc hương một lạng sắc cho uống.

7) Bệnh vẩy nến, (Ngưu bit tiền sang).

Phèn chua, *vỏ lựu* tán nhỏ mà bôi, dùng *dấm* làm cho trùng lặn vào trong.

8) Trị viêm da thần kinh (ngoan tiền sang) chữa không khỏi.

Lưu hoàng một lạng, cho vào lọ sành mà nấu cho cháy ra, nhắc ra để chờ nguội lấy lưu hoàng tán nhỏ xát vào.

9) Trị rôm sảy về mùa hè.

Vôi nung 1 lạng, bột *vỏ sò lông* 2 đồng cân, *cam thảo* 1 lạng nghiền nhỏ mà xoa vào.

10) Ghẻ lở hắc bào mới mọc ngứa ngáy khó chịu.

Dùng *muối* mà nhai, dần dần xát vào.

11) Nổi mề đay khắp người chữa đủ thứ thuốc không khỏi.

Vân mẫu thạch, nung thành vôi hòa với nước trong cho uống, mỗi lần hai đồng cân.

12) Trị chứng phong ngứa.

Nước tiêu nấu lên mà tắm.

13) Lang ben khắp người.

Dùng *nước cộc rào*, *Quế* tán nhỏ trộn vào mà bôi.

14) Lang beng trắng đỏ.

Bối mẫu, *Nam tinh* bằng nhau tán nhỏ hòa với nước gừng mà bôi.

Phương khác: Lấy sét sắc ở gươm đã cũ tán ra hòa với nước chanh chua mà bôi.

15) Trị đầu gối mọc nhọt, ngứa.

Quần chúng phèn chua tán nhỏ trộn với *dầu mè* mà bôi.

Phương khác: Ngâm sắc lấy nước thường rửa luôn.

16) Trị chứng lở ở chỗ kín. (âm sang hạ cam)

Khinh phấn, *Lô cam thạch*, nung với *ruợu* 5 lần, một lạng, *Nhi trà* 3 đồng cân, đều tán nhỏ, hòa với *dầu mè* mà bôi, khỏi ngay.

Các phương khác:

Ốc lồn (*Bối tử* 2 con, *vỏ trứng gà*, đều đốt nghiền nhỏ mà bôi.

-*Hoàng liên*, *Hoàng bá* đều dùng hai đồng cân, *Bàng phiến* 1 đồng cân, có ngứa thì gia *khổ sâm*, tán nhỏ cho nước *mật heo* vào trộn đều sấy khô tán nhỏ dùng bôi.

17) Trị chứng hạ cam thấp sang. (Lở ở hạ bộ)

Tóc rối đốt thành than một đồng cân, *hột láo* 7 hột, đốt nghiền nhỏ, rửa chỗ có bệnh rồi đắp vào.

18) Bệnh cùi, lông mày và tóc rụng hết, người tê tái.

Vũ dư lương 3 cân, phèn phi 1 cân, muối diêm 1 cân, đều tán nhỏ cho vào hũ, đây miệng bịt kín hâm với lửa than một ngày, chờ nguội đem nghiền nhỏ, lại chôn đất ba ngày mới lấy lên, cứ mỗi lạng thuốc lại cho rượu vào nấu phơi phơi nấu chín lần, hột mè đen sao chín tán nhỏ 3 lạng, trộn đều mà dùng. Liều uống hai đồng cân, ngày ba lần, thang bằng nước sắc kinh giới.

19) Bệnh cùi có sâu.

Lưu hoàng tán nhỏ cho vào dầu hạt máu cho (Đại phong tử) pha rượu mà uống.

Phương khác: Hoàng bá sao với rượu, gai bờ kết, đốt ra than tán nhỏ cho uống với rượu, khỏi thì cho ăn cháo trắng làmn vài đợt trùng ra hết thì khỏi.

20) Bệnh cùi phong.

Khổ sâm 5 lạng, cát nhỏ ngâm với 3 đấu rượu trong một tháng, mỗi lần uống một chén chung, ngày uống ba lần không gián đoạn, khi cảm giác tê tê là khỏi bệnh.

21) Bệnh phong cùi nặng với nhiệt độc phong sang.

Khổ sâm lột bỏ vỏ, cát nhỏ, phơi khô tán nhỏ một cân, Chỉ xác sao với bột mì 3 lạng tán nhỏ, hai vị trộn đều luyện mật làm hoàn, mỗi lần uống 30 viên ngày hai đêm một lần uống với rượu hâm nóng.

22) Phong cùi.

Đại hoàng nướng một lạng, gai bờ kết một lạng đều tán nhỏ liều uống một muổng lúc đói bụng với rượu hâm ấm để ra chất độc, giống như óc cá hoặc ra những loại trùng như những loại tóc rối, nếu chưa thấy ra lại cho uống nữa, hễ cho hết thời cho uống các thuốc Hùng hoàng. Hoa xá (rán).

23) Chữa tất cả chứng trạng ác độc của bệnh cùi.

Lá ké đầu ngựa, cứ đến ngày 5 tháng 5 hoặc 6 tháng 6 âm lịch vào khoảng đầu canh năm còn đượm sương thì hái về, giã lấy nước đúc thành thời dài mỗi thời nửa cân, một con cá lóc làm sạch không bỏ ruột, độn một thời thuốc vào nấu với rượu cho chín mà ăn, không ngoài 5-3 con là khỏi mà phải kiêng muối 100 ngày.

24) Phong độc vào thận với chứng tâm nhiệt, tích nhiệt dạ sinh lở ngứa ngứa, thường chảy nước vàng và chứng phong cùi chân tay nứt lở và tất thấy các chứng bệnh phong.

Khổ sâm 31 lạng, bông kinh giới 16 lạng, tán nhỏ luyện viên bằng nước, cỡ bột bắp mỗi lần uống 30 viên với nước trà.

25) Một phương gia truyền chữa bệnh phong cùi rất hay.

Gừng sống 2 cân, Mật ong một cân, giã vắt nước gừng vào mật ong mà đúc thành cao cho uống với rượu. Ngoài dùng đậu đen, tóc rối đốt ra than mà xát lên trên mụn rất thần hiệu.

Hoặc rằng tóc rơi rụng, miệng mũi sút lở nóng lắm dùng: Gai bờ kết 3 cân, đốt

thành than với *ruou*, phơi khô, tán nhỏ, liều uống 5 đồng cân, thang tổng với nước sắc *Đại hoàng*. Trong một thời gian lông mày và tóc lại mọc ra, da thịt nhuận mượt rất có công hiệu.

XII- BỊ THƯƠNG QUÈ GẤY

1) Bị thương vì đâm chém.

Dùng *vôi* mà rắc bó vào, sẽ cầm được máu, khỏi đau mà mau lành. Nếu vết thương sâu thì không nên hàn miệng ngay, nên rắc vào ít *Hoạt thạch*.

2) Bị đâm lòi ruột ra ngoài.

Dùng *Dá nam châm*, *Hoạt thạch* đều 3 lạng, tán nhỏ cho uống một muống với *nước cơm*.

3) Bị đâm chảy máu ròng ròng.

Dá nam châm tán nhỏ rắc vào.

4) Bị đâm bằng giáo mác.

Phèn chua *Hoàng đơn* đều nhau tán nhỏ rắc vào.

Phương khác:

Dùng *vỏ cây độc lực* (*gai bìa tên*) tán nhỏ (kỵ đồ sắt) rắc vào vết thương.

5) Bị đâm chém nước từ trong rỉ ra.

Hùng hoàng một chén bằng hột đậu, tán nhỏ nhét vào miệng vết, lại lấy 5 đồng cân tán nhỏ hòa với *nước tiểu trẻ con* mà uống, máu đọng sẽ hóa ra nước.

6) Chỗ bị dao chém lở loét không mọc da non.

Hàn thủy thạch 1 lạng (nung) *Hoàng đơn* 3 đồng cân, tán nhỏ rửa sạch vết thương rồi rắc vào.

7) Bị đâm chém chảy máu, lòi ruột.

Lấy ngay dầu ta mà phết vào, nấu nước *Nhân sâm* và *Cầu kỷ* mà rưới vào, trong cho ăn cháo *Cật đế* 10 ngày liền sẽ khỏi.

8) Hai phương chữa trường hợp gươm giáo xương vào người.

Thanh cao, *Lá mè*, *vôi trắng* đều bằng nhau, ngày 5 tháng 5 âm lịch thu hái về rửa sạch phơi khô khi lâm sự đem ra tán nhỏ rắc vào.

b) *Bạch cập*, *Thạch cao* (nung) hai vị bằng nhau tán nhỏ rắc vào sẽ liền miệng vết.

9) Giải quyết trường hợp mũi gươm giáo cắm vào kẻ xương không klấy ra được.

Bán hạ, *Bạch liên* đều bằng nhau, tán nhỏ, cho uống với *ritou* mỗi ngày ba muống xúc, uống luôn 20 ngày thì nó tự rơi ra.

Phương khác: Dùng óc chuột giã như cao mà đắp.

10) Bị thương vì gương giáo khốn đốn.

Lấy củt trùn cà nhỏ hòa với nước cho uống một lần một muống, ngày uống 3 lần.

11) Bị thương vì gương giáo hoặc di đánh vì té ngã.

Lấy tro trong lư hương rắc vào thì cầm máu lên da non.

Các phương khác:

- *Lá tía tô giã nát mà đắp.*

- *Lá tâm song, nhai mà rịt vào.*

- *Cây thanh hao, giã nát rít vào để cầm máu là khỏi.*

12) Trúng phải tên có tẩm thuốc độc và mũi nhọn.

Bạch chỉ, nhai nhỏ, nghiền chung với Hùng hoàng mà bôi, ra mồ hôi thì khỏi.

13) Bị mũi nhọn của gỗ đâm vào thịt, nhiễm gió độc mà phát sưng.

Dùng rễ tranh, đốt tán nhỏ, trộn với mỡ heo mà bôi.

14) Bị té từ trên cao xuống, bị gỗ bị đá đâm, máu đọng khí trệ muốn chết.

Dùng đất sét 5 cân sao nóng bỏ vào hai cái túi vải, thay nhau mà chườm dùng để nóng quá, khỏi đau thì thôi.

15) Bị đánh đòn sưng đau.

Đất lòng bếp, Hoạt thạch Xích thạch cho Đại hoàng các vị đều nhau tán nhỏ, nấu nước trà rửa sạch rồi lấy thuốc bột ấy đắp vào.

16) Bị móng tay cào rách da mặt.

Phấn chì trộn với dầu mè mà bôi.

17) Chứa những chứng què gáy, có công năng liền xương nối gân, thông máu, khỏi đau.

Phân chi, Dương quy, đều dùng một đồng cân, hàn the 1,5 đồng cân, đều tán nhỏ liều uống một đồng cân, thang với nước sắc tía mộc.

18) Bị đánh gãy xương văng thịt.

Bạch cập tán nhỏ, cho uống 2 đ/c với rượu, ngoài dùng cái móng chân trước của con trâu có đốt tòn tính, tán nhỏ bôi vào.

19) Bị té ngã gân xương đau như.

Huyền hồ sách, tán nhỏ cho uống một lần 2 đ/c, uống với rượu Đậu lăm, ngày 2 lần.

20) Chứa trường hợp gãy xương kín. (Xương gãy trong thịt không lòi ra ngoài).

Ngó thù du nhai nhỏ mà rịt, xương sẽ nát mà tự ra.

Phương khác: Dùng con chuột đã chết, đốt thành than nghiền nhỏ mà rịt.

21) Bị té gãy xương máu ứ chạy vào trong.

Dùng nước tiểu của người, nấu qua cho uống mỗi ngày hai chén.

22) Bị đâm chém máu chảy ròng ròng.

Bạch thược một lạng, sao vàng tán nhỏ cho uống với rượu hoặc uống với nước cơm mỗi lần hai đồng cân, bên ngoài dùng Lá tía tô, lá dâu tằm giã nhuyễn đắp vào.

23) Bị nhựa cắn thành lở.

Cây Ích mẫu, giã nát trộn với dấm mà rịt.

24) Bị người cắn tổn thương.

Thường lấy nước tiểu để đựng trong bình riêng, khi hữu sự như trên đêm ngâm một đêm thì khỏi, nếu bị loét thì dùng Yến rùa đốt thành than cá nhỏ mà bôi, không thì yếm cua dính cũng được.

25) Bị mũi tên đâm vào xương thịt không ra.

Dùng chung nhũ thạch (thứ rỗng giữa gọi nga quân thạch), tán nhỏ đem đắp quanh vết thương thì mũi tên tự trời ra.

26) Bị dao đâm chém vào vào da thịt gân xương.

Thạch cao (sinh cơ) Lô cam thạch (lên da non) đều nung Lộc giác sương (sinh gân, gom miệng) Long cốt (liên xương khỏi đau) Các vị đều bằng nhau, tán nhỏ tùy chứng gia giảm như:

- Có máu ứ đọng dùng lá cam sành sắc cho uống (đã kinh nghiệm).

27) Cao lên da non (gọi sinh cơ cao).

(Từ đây trở xuống đều là những phương kinh nghiệm).

Thạch cao, lô cam thạch, Lộc giác, Long cốt đều tán lẫn nhau lấy trứng gà mà nấu, cho vào ba miếng ráy đại nấu chung, đúc thành cao dán.

28) Chứa gân cốt gãy sưng, mình mẩy đau nhức.

Hồi hương, Đinh hương, Quế chi, Cam thảo, Long não, Hạt nhót, Hạt tráp, Hạt màu chó, Hạt tiêu, vỏ cây Ngô đồng. Tất cả đều dùng mỗi vị 2 đ/c tán nhỏ, trộn với dấm, xào nóng cho vào túi vải mà chườm (nếu gãy xương thì bỏ bớt Đinh hương, Hạt màu chó, Long não và Hạt nhót).

29) Chứa bong gân sai khớp.

Quế, Hồi, Đinh hương, vỏ Sồi, Hoàng bá, Gừng sống, lá chanh châu, lá đau xương, xương rồng bà (nướng vắt lấy nước) Lá du đủ tía, lá trụng, lá kim cương, lá mua, Huyết giác, Củ nghệ, Hạt giấp, hạt Máu chó, lá tầm gửi, lá bưởi bung, Khế nếu có sưng thịt thì bỏ lá Đau xương, gia thêm dấm giã nát xát nóng cho vào túi mà chườm.

30) Thuốc bó gãy xương.

Củ nâu, vỏ gạo nếp 1 con gà, tất cả giã nát, giã thuốc vào chỗ đau, lấy nếp tre

kết lại buộc cố định.

31) Truyền phương rút đạn ra rất hay.

Gan cóc đốt tồn tính, *vỏ chanh lâu năm* ngâm trong miệng cho nó ra nước trong, lấy ra đốt tồn tính, hai vị đều bằng nhau nghiền chung với gan cóc hòa dầu mè vào nấu cách thủy, đem đắp lên miệng vết, khiến đạn nó trôi lên.

32) Chứa bệnh bị đâm chém vì gươm giáo rất hay.

Lá bà a hai vị thêm chút ít muối, giã nát đem rịt miệng vết, như nặng lắm, trong cho uống *thương truật*, *Phục linh*, *Kinh giới tuệ* sao hắc.

33) Truyền phương chữa bị thương vì gươm giáo đâm chém

Lá tre giã nát, buộc vào kẻ 10 ngón tay ở bên chỗ đau, không nên gần trong thịt.

34) Phương khác. Lá nghệ râm giã nát, cho vào tí muối đem rịt vào chỗ đau.

35) Chứa bị chém bị đánh bị trâu húc.

Cỏ nọ áo, tía tô (dùng nhiều) *Dưa chuột tía*. Các vị cắt nhỏ giã nát, hễ bị thương bên này thì đắp bó bên kia và ngược lại, lại dùng nước lã hòa các vị thêm đường cát hòa đều cho uống.

36) Thuốc rửa.

Dùng nhiều nước giấy dầu kín *sáp ong*, cho vào nồi đất, nhỏ lửa nấu một lúc lấy ra trước hết cho *lá sung* vào nấu rồi để nguội, rửa chỗ đau, ngoài dùng lá *Hải đường* mà bọc lại.

XIII- PHÒNG

1) Bị phỏng nước sôi phỏng lửa.

Dùng *đất sét* và *phèn chua*, tán nhỏ, trộn với *dấm* mà đắp vào, sẽ khỏi đau.

Phương khác:

Dại hoàng, Cam thảo, mài với *mật ong* mà bôi, chẳng những khỏi đau, còn làm lành vết theo thần hiệu.

2) Bị phỏng vì dầu sôi, vì lửa, đau nhức dữ.

Thạch cao, tán nhỏ, trộn với *mật ong* mà bôi.

3) Bị phỏng nước sôi hoặc phỏng lửa, sưng đau.

Bạch cập với *vôi*, tán nhỏ trộn *dầu dừa* mà bôi.

4) Bị phỏng lửa đau ngất, mê man bất tỉnh.

Nước dái trẻ con lấy chừng hơn chén, cho uống hết một lúc. Ngoài cũng dùng bài thuốc trên mà bôi.

5) Bị phỏng lửa nước sôi rất đau sưng đỏ lở loét.

Dùng bài thuốc sau đây, sẽ sinh được da non, giải được nhiệt độc, khỏi đau đớn.

Dương quy 1 lạng, cho vào 4 lạng *dầu mè*, mà nấu đến dương quy biến màu đen, lọc bỏ bã rồi cho *Sáp ong* vào; đúc thành cao mà dán.

XIV- NGẮT LỊM (QUYẾT NGHỊCH)

1) Bị chứng đờm quyết đá tắt thở, sờ vào đầu tìm thấy còn ấm.

Với *đá lâu năm* lấy một vốc, đổ nước nấu đến sôi lên, chắt bỏ nước ấy, lại đổ nước nhĩ vào một chén, nấu sôi rồi *gạn* lấy nước trong, đem nhỏ vào miệng người bệnh, một lúc thì đờm xuối xuống là khỏi.

2) Chứng ngắt lịm bên trong có đờm nghệt.

Bán hạ một cân, rửa sạch sấy khô, cùng *Bột lúa mì* 1 cân, tán nhỏ luyện viên bằng nước, cho uống với nước nóng và uống mãi cho đến hết bệnh, nếu chưa khỏi lại làm như thế.

XV- CẤP CỨU

1) Cứu cấp 5 chứng tuyệt.

(Thất hợng, tường dè, chết đuối, mộc dè, tai nạn sinh dè).

Bán hạ tán nhỏ, luyện viên bằng hạt đậu, nhét vào lỗ mũi, nếu tim còn ấm thì dù cho đến một ngày cũng có thể cứu sống.

2) Chữa chứng thoát dương nguy kịch.

Con người, hễ sau cơn đại thổ, đại tả, chân tay sẽ lạnh ngắt, hết biết trời trăng gì. Hoặc sau khi banh phòng mà ngang lưng, bụng dưới của hôn dái co rút vào mồ hôi lạnh toát, chân tay giá lạnh thì:

Hành hương giã xào nóng đem chườm rốn, lại lấy 12 tép hành khác giã nát vắt lấy nước hòa với *rượu* đem nhỏ vào *mồm nạn nhân* thì dương khí tự nhiên hồi phục.

3) Cứu người bị chết đuối.

Kiểm *muối* để sẵn khi vớt nạn nhân lên, đặt cho nằm cái thế dốc ngược phần dưới mình và hai chân cao lên, dùng muối đem xát vào rồi dội nước bên trong tự nhiên chảy ra (chớ quay ngược) lại dùng vôi bột dìm vào vải đem nhét lỗ đít, nước chảy ra hết thì tự nhiên sống lại.

Phương khác:

Dùng *Bồ kết* tán nhỏ, nhét vào lỗ đít trong giấy lát thì nước tự nhiên chảy ra, khỏi ngay.

4) Cứu người thất cổ gần chết.

Bồ kết, tán nhỏ đem thổi vào lỗ mũi, lại cát lấy tiết gà đem đổ vào mồm là có thể sống lại.

- Lá chàm, giã vắt lấy nước nhỏ vào mồm.

XVI- BỔNG CÂM, MẤT TIẾNG.

1) Mồm bông cam và bông chết khiếp.

Phụ tử, tán nhỏ đem thổi vào mũi.

2) Nóng phổi mà tắt tiếng.

Nhân sâm 2 lạng, Kha tử 1 lạng, tán nhỏ ngâm mà nuốt đi.

3) Bổng cam không nói được.

Sữa người nứa chén chung, rượu ngon nửa lạng, hòa đều cho uống.

Phương khác:

- Đậu sị sắc lấy nước, giã với gừng rượu cho uống.

- Sữa người, nước trúc lịch, đều hai chén chung hòa lẫn cho uống khi ấm.

4) Vì quá sợ tán khí nên mất tiếng.

Mật đà lạng tán nhỏ, hòa với nước trà 1 muống cho uống.

5) Chứa người tắt tiếng đã lâu.

Cam thảo, Cát cánh, Ô mai, Ngũ bội tử, sắc với nước cho uống.

XVII- TRÚNG ÁC

1)... (lược bỏ)...

2) Bổng bị trúng khí độc.

Đất lòng bếp tán nhỏ, cho uống với nước để gây nôn, lại dùng nước he đổ lỗ mũi.

3) Chứng chàm vĩa trúng khí độc.

Bệnh này phần nhiều mắc ở nơi đường xá, cửa ngõ, khiến cho đau bụng quặn thắt, khi xông lên đầy trướng, *Mực tàu* 2 đ/c, mài lấy nước cho uống.

Phương khác:

Hàng đơn 1 muống xúc, pha với mật ong cho uống.

4)... (lược)...

5) Bị trúng phải tà khí.

Hùng hoàng, tán nhỏ thổi vào lỗ mũi, lại dùng rễ xương bồ giã lấy cốt cho ngậm.

6)... (lược)...

7) Chứa chứng thì chú. (vì gần thấy người chết, ác khí nhiễm vào bụng, cả đời không khỏi).

Tóc rối vò lộn bằng quả trứng gà, đốt nghiền nhỏ với Hạnh nhân làm viên, liều uống 30 viên với rượu ấm.

8) Bổng bị chạm vĩa không nói được.

Trân trâu tán nhỏ, hòa với máu mồng gà làm viên bằng hạt đậu cho uống mỗi lần một viên.

9) Trúng phải khí độc mà đau bụng.

Lọ nồi 1 đ/c, Muối 1 đ/c, nghiền đều cho uống với nước nóng.

10) Chứa chứng trúng ác, đau tim, phiền nóng.

Khổ sâm 3 lạng, dấm chua 1 cân, nấu cạn còn ba chén chung chia uống hai lần.

11) Chứa chứng trúng ác, đau tim, sợ lạnh.

Ngô thù du 5 vốc, rượu 3 cân, nấu chia làm 3 lần uống.

12) Chứa chứng trong bụng phiền nóng muốn chết (như bị quỷ đánh).

Hùng hoàng 1 đ/c, hòa với rượu mà uống, ngày làm cho uống ba lần, ác khí sẽ ra theo đường tiểu.

13) Chứa chứng trúng ác như bị quỷ đánh.

Bổng nhiên sườn đau như có dao đâm không thể sờ vào được, hoặc thở ra huyết, hoặc đổ máu cam, hoặc ỉa ra máu.

Lá thuốc cứu vò lại to bằng quả trứng gà, sắc cho uống gấp.

14) Chứa chứng phi thì, quỷ kích bụng dạ trướng đau, bí đại tiện.

Ba đậu 2 hạt, bỏ vỏ sao, Hạnh nhân 2 hạt bỏ vỏ sao, bọc trong túi lụa mà đập nát, hòa với nước sôi vắt lấy nước cho uống.

15) Chứng nằm ngủ bỗng nhiên không thức dậy được.

Dùng dùng lửa mà soi, chỉ cần vào móng tay thật đau, rồi nhổ vào mặt nạn nhân lại dùng họ già vắt lấy nước thổi vào trong mũi thì sống lại ngay, mùa đông dùng rễ họ.

Phương khác:

Lấy quả Bồ kết bỏ hạt nướng vàng hòa với nước đổ vào mồm bệnh nhân

16) Chứa chứng đang ngủ đột nhiên chết ngất:

Đất lòng bép, Lọ nồi đều tán nhỏ dùng 2 đ/c, hòa với nước đổ vào mồm, lại dùng thổi vào lỗ mũi.

17) Bổng nhiên chết quá đột ngột.

Rau mánh bát, giã lấy nhót 1 đ/c, đổ vào mồm rồi lấy rượu hoặc nước đổ thêm cho trôi vào.

18) Bị quỷ kích bồng nhiên chết.

Dùng chút ít *dấm chua*, đổ vào lỗ mũi.

19) Kinh sợ bồng nhiên chết.

Dùng *rượu* hâm ấm đem rưới vào miệng thì tỉnh ngay.

20) Chứng bồng nhiên nói nhảm nhí.

Bát một con *ếch ương*, đốt tán nhỏ, cùng một muống hòa với rượu cho uống ngày ba lần.

21) Vì trúng khí độc mà mê man.

Nhờ người khác đái vào mặt thì tỉnh lại ngay.

XVIII.- TÀ TÍ (lược 18 dòng)

XIX.- QUÁI BỆNH

1) Chữa các thứ bệnh kỳ lạ (như có ma tà).

Tưởng tượng như thân mình thành hai, cùng đi cùng ngồi, cùng nằm, không phân biệt thực hay giả.

Nhân sâm, *Phục thần*, *Thần sa*, sắc với nước mà uống, hằng ngày, bình thật thì thấy sáng khoái, hình giả thì tự hóa đi mất.

Phương khác:

Can khí hư, tà khí lẩn vào, tinh thần không ổn định dùng *Nhân sâm*, *Long xỉ*, *Xích phục linh*, đều 1 đ/c, sắc với nước cho uống có hòa vào 1 đ/c, *Chu sa*, cứ khi đi ngủ thì uống, uống ba đêm sẽ kiến hiệu.

2) Chữa năm loại bệnh thì chú.

Khi phát bệnh thì đau không cứ lúc nào, choáng váng trầm trọng, kết ở tạng phủ, xông lên ngực và cạnh sườn đó là trúng phải thì quỷ trong thân người.

Hùng hoàng, *Tôi to củ*, đều dùng 1 lạng, giã nhỏ, luyện viên bằng viên đạ, mỗi lần uống 1 viên với rượu hâm nóng.

3) Trong gân thịt hóa trùng như có cua bò trong da thịt, đó là gân thịt hóa ra.

Hùng hoàng, *Lôi hoàng* đều dùng 1 lạng, tán nhỏ, bôi lén miếng thịt heo, nướng chín cho ăn hết, tự nhiên sẽ yễn lành.

4) Bệnh quái gở trùng ra.

Khi đi nắng thấy khắp mình có trùng ra ước đến 5 cân, dần dần máu thịt đều hư hoại, mỗi đêm đau ngứa rất khó chịu, chỉ có uống nước, nằm bẹp, ngày đêm kêu khóc, đầu lưỡi bỗng nhiên chảy máu ra không ngừng, mình với răng đều đen, tinh thần đảo đảo, mũi hếch ra.

5) Trong mũi mọc ra sợi lông, ngày đêm có thể dài 1-2 thước dần dần nó to mà tròn như dây thừng, đau không chịu được, đó là do ăn quá nhiều huyết heo huyết dê mà sinh ra, chứng này tuy nhỏ bỏ nó vẫn mọc lại.

Nạo sa (tức nước đá quý a-mô-ni-ác), *Nhũ hương* tán nhỏ, nhồi cơm nguội làm viên, khi đi ngủ cho uống 10 viên với nước nóng nó sẽ tự rụng.

6) Quái chứng nhiệt độc phát ban.

Người bệnh mặt đỏ, phỏng mũi ra mà thô dốc, khắp mình nổi ban, lông tóc cứng như kim, đó là nhiệt độc kết tại hạ tiêu.

Phèn chua, *Hoạt thạch*, đều 1 lạng tán nhỏ, cho uống hết 1 lần, nấu chung với nước cho uống là khỏi ngay.

7) Quái tật ở trong rốn.

Trong bụng như sắt đá, trong rốn chảy nước ra, biến thành trùng bò khắp người, ngứa ngáy khó chịu, lau chùi cũng không hết.

8) Ở chân lên đinh, quái dị.

Hai gan bàn chân lồi lên, mọc mụn cứng ngất như cây đinh, và nó to bằng hạt đậu đen, xương ống chân sinh nhiều lỗ nhỏ, tùy chảy ra, mình phát lạnh run giật, chỉ muốn uống rượu, đó là chứng can thận nóng lạnh không điều hòa.

Dại phụ tử, tán nhỏ rắc vào, xong cho uống nước hạt hẹ.

9) Khắp người nổi mụn to trắng như bông lê, mụn nào cũng vỡ nước ra mà có viên đá như cái móng tay rồi mụn khác lại mọc.

Cu u du, *củ nghệ tím* đều dùng 5 lạng, tán nhỏ chia uống 3 lần với rượu và uống liên tục.

10) Trong bụng hư lạnh không ăn được, ăn thì không tiêu, người gầy yếu sinh bệnh, bài này còn chữa chứng thích ăn gạo sống.

Thương truật 1 cân, *Bột mỳ* 1 cân, sao vàng tán nhỏ, luyện

mật làm viên, liều uống 30 viên với nước cơm.

- Lạnh quá, gia *Can khương* 2 lạng.

- Đau bụng, gia *Bạch thược* 1 lạng, sao *Hoàng cầm* nửa lạng, *Quế chi* 2 đ/c, liều uống 1 lạng, uống với nước ấm.

11) Chứng hể nghe tiếng sấm thời hôn mê ngay, trẻ con phần nhiều có chứng này, vì khí khiếp gây nên.

Nhân sâm, *Dương quy*, *Mạch môn* đều 2 lạng, *Ngũ vị* 5 đ/c, sắc ra nước đậm, lọc bỏ bã rồi canh lại thành cao, mỗi lần dùng vài muống pha nước sôi uống.

12) Đêm nằm mơ thấy diêm gở, suốt đêm không ngủ.

Dùng *Thần sa* tra vào cái túi nhỏ đeo bên mình, khoảng 1 tuần thì hiệu nghiệm.

13) Bệnh khác không thôi.

Thần có dư nên khóc mãi không thôi, thần là tâm hỏa, hỏa gặp phong thì bùng cháy, tượng trưng cho sự khóc.

Dùng *muối hột*, nướng đỏ rồi cho vào nồi nước sông, nấu sôi vài dạo mà uống để mùa hết khí nóng ra thì khỏi.

14) Răng càng ngày càng trơ dài ra, khó ăn gọi là bệnh Tùy dật.

Dùng *Bạch truật*, lấy nước thường cho uống sẽ khỏi.

15) Loại trùng ứng thanh, vật trong ruột nói ra tiếng theo người.

Nước lá Chàm 1 chén, chia 5 lần uống.

16) Chân tay lạnh nứt ra muốn chết.

Phụ tử gọt bỏ óp, tán nhỏ trộn với cháo trắng mà ăn.

17) Bệnh hắc đàn, nguy ngặt.

Rễ Qua lâu 1 cân, giã vắt nước cốt cho uống hết, nước vàng sẽ theo đường tiểu mà ra, nếu không thấy ra lại cho uống nữa.

18) Đàn bà hành kinh, thấy ra như hình muông chim cầm thú, chực đến hại người.

Lấy bông thấm nước nhét vào âm hộ, rồi uống 1 lạng *Một dược* (đã tán sẵn) với nước đã đun sôi.

19) Những mụn thịt trồi ra ngư hình con rắn, dài đến vài tấc.

Dùng 1 lạng *Lưu hoàng* tán nhỏ rắc vào thì nó co lại.

XX- SÊN LÁI

1) Chứa sán xơ mít.

Phấn chì, sao khô tán nhỏ dùng 1 muống, dồn vào thịt cho ăn khi đói bụng.

Phương kinh nghiệm:

Cây chua ngút sao vàng, ngâm trong nước ngựa cái, đừng ăn cơm, lấy thịt mỡ cho ăn trước rồi uống thuốc, sán sẽ ra hết.

2) Sán xơ mít.

Rễ lưu mọc hướng đông, lấy 1 nắm sắc với nước, *Tàng ong* đốt tòn tính cho vào ít rượu mà uống, trùng sẽ chết và bị tống đẩy ra hết, sao cho ăn cháo để bồi bổ lại.

3) Chứng láỉ lòi, nôn ra nước trong.

Long đóm thảo 1 lạng, bỏ cuống sắc lấy nước để cách đêm, không cho ăn uống gì, sáng hôm sau thì uống.

4) Thứ sáu xơ mít nhỏ.

Rau sam nấu lấy 1 chén nước, hòa với dấm cho uống khi đói bụng.

5) Thuốc hay tiêu hết sên lái.

Phèn xanh, Thương truật đều dùng 2 lạng sao, nếu đầy do khí già Mộc hương, Hương phụ, nếu đầy do huyết già Hồng khúc, Thần khúc 5 đồng cân, sắc chung với thang Tử vật cho uống.

XXI- TRỊ NỘC ĐỘC DO TRÙNG THÚ CẢN

1) Trị chó điên cắn.

Rễ tranh nấu nước để thêm Hùng hoàng cho uống.

Trong dùng nước cạo rào, nước sông, đất ngà ba đường, đất đèn chùa trộn lẫn, lấy gan chó tẩm với thuốc nướng cho ăn.

Các phương khác:

- Dùng 1 nắm vỏ cây đào cạo trắng, sắc cho uống, lá tía tô nhai nhỏ đắp rịt vào.
- BẮT con ếch ương sống giã nát ra, cắt chuột đốt tán nhỏ, cắt trùn tán nhỏ trộn đều đắp vào, hề thấy mọc lông ra là thần hiệu.
- Rau giệu, giã lấy nước cho uống.

2) Trị chó điên cắn bất cứ đã hoặc chưa lên cơn ngộp nước, có những phương thuốc gia truyền này rất hay.

- Nấu nước muối rửa vết cắn dùng 30 hột đu đủ tía bỏ vỏ giã nát, nghiền với nước giếng thành cao mà dán.

- Quả bồ hòn tươi giã nát viên với mật ong dùng giấy bạch tẩm lại cho nuốt.

- Vỏ quả bồ hòn, quả bồ kết, nướng thành than nghiền nhỏ hòa với nước cho uống.

3) Bị rắn cắn.

Bạch chỉ tán nhỏ, sắc nước Mạch môn cho uống, ngoài nhai lá Tía tô đắp rịt vào.

Các phương kinh nghiệm:

- Hạt sắc, Hùng hoàng đều bằng nhau, nghiền ra cho uống với rượu, bã đắp rịt vào rất hay.

- Cỏ may, lá dầu mái 2 vị bằng nhau giã nát chế nước vào trộn đều lọc lấy nước cho uống, bã đắp vết cắn.

- Sắc Mộc hương lấy nước cho uống, ngoài dùng cắt ráy, cắt trùn đắp vào, hết chảy nước vàng thì khỏi.

4) Bị rết cắn.

Dùng *Nhân sâm*, *Hương phụ* bỏ vào miệng nhai mà đắp rịt vào.

5) Bị ong đánh.

Với tay lại đằng sau lấy miếng đất lên, trộn dấm mà bôi vào.

Phương khác:

Dùng *cút trâu* đốt ra tro, trộn đều mà bôi.

6) Nuột nhăm con đỉa.

Lấy *bùn giũa ruộng* hòa với rượu cho uống sẽ ỉa ra.

Có những chứng trạng cấm khẩu, chân tay mặt đều đen, vì độc chạy vào bụng.

7) Bị rắn độc, bị con nái cắn phải.

Phèn chua, *Cam thảo* đều bằng nhau, tán nhỏ, hòa 2 đồng cân với nước lạnh mà uống.

8) Bị nhện hùm cắn, chết ngay.

Trong dùng *Phèn chua*, *Cam thảo* tán nhỏ cho uống.

Ngoài dùng bột *Phèn chua* rịt vào.

9) Chứa rắn, nhện và bò cạp cắn.

Bối mấu nửa lạng, tán nhỏ, hòa với rượu cho uống, một lúc lâu nước sẽ chảy ra hết rồi dùng *Bối mấu* nghiền ra đắp rịt vào vết thương.

10) Chứa nọc độc do gấu, hùm cắn.

Dùng quặng sắt sống nấu lên mà rửa, lại dùng *Phèn chua* tán nhỏ, nhét vào miệng vết buộc lại, rất hay.

Phương khác:

Địa du, *Tam thất*, nấy lấy nước, hoặc nghiền nhỏ ra cho uống 3 đồng cân, với nước cơm, lại bỏ vào miệng nhai ra mà đắp, rịt vào, thuốc này chữa được cả rắn cắn.

11) Hổ cắn bị thương.

- *Củ sắn dây tươi*, nấu lấy nước mà rửa rồi lại nghiền nhỏ chắt lấy nước cho uống.

- *Lá hẹ*, giã nát vắt lấy nước cốt cho uống, bã đem đắp vào vết cắn.

12) Bị thằn lằn cắn.

- Lấy cái xe điều thông lấy cái bên trong đem bôi vào vết bị cắn, hoặc dùng *hột cây thuốc Lào* nhai nhỏ đắp vào.

13) Chứa sâu ăn răng rất thần hiệu.

Lá phèn đen, sắc với nước trong, nấu cạn phân nửa, cho thêm ít muối mà ngậm, khi còn âm ỉm, lạnh thì nhỏ đi làm ba lần là khỏi ngay.

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LĨNH

(Bổ di)

HÀNH GIẢN TRÂN NHU

(Bổ di)

HÀNH GIẢN TRẦN NHU BỒ DI

Quyền cần

TRÚNG PHONG (Trang 10)

1) Chứa chứng bại liệt nửa người, đau chạy bên này sang bên khác.

Rán mỗi một con, nướng vàng, *Trần bì* 5 cân, *củ mạch* 1 đ/c, *Cam thảo*, *Nhũ hương*, *Một dược* đều 2 đ/c, tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đ/c, đun lên nóng.

2) Chứa trúng phong bại liệt nửa người.

Ngũ linh chi tán nhỏ, cho vào trong nước để lắng, bỏ lớp trên mặt nước đen đục, và lớp dưới cái sạn, rồi nghiền nhỏ, uống mỗi lần 2 đ/c với *rượu*. Tiếp sau uống *Tiểu lục mệnh thang*, *Phòng kỷ*, *Nhục quế*, *Hạnh nhân*, *Hoàng cầm*, *Cam thảo*, *Nhân sâm*, *Xuyên khung*, *Ma hoàng* đều một đồng cân *Phụ tử chế* 5 phân, *Gừng Táo* sắc uống.

3) Chứa liệt nửa người và mất tiếng không nói.

Dầu thầu dầu 1 cân, chứa vào nồi đồng, đổ *rượu* vào nấu một ngày cho chín, rồi uống ít một.

4) Chứa bệnh phong gỏi hạc đau nhức.

Hoa cúc, *Ngải cứu* để lâu, dùng làm đệm bao đầu gối, đeo lâu thì tự khỏi.

5) Chứa phong gỏi hạc, sưng đầu gối.

Hèm tức bã *rượu* 4 lạng, *Bồ kết* 1 quả bỏ hạt *Mang tiêu* một lạng, *Ngũ vị tử* 1 lạng, *Đường cát* 1 lạng, *nước gừng* nửa âu, nghiền đều bôi hàng ngày, thêm *rượu* cao chữ tức *rượu* đế càng tốt.

6) Chứa đau khớp xương và phong chạy khắp mình nhức như cắn.

Xương ống chân hổ tẩm *rượu* nướng 3 lạng, *Một dược* 1 lạng, tán nhỏ uống mỗi ngày 3 đồng cân với *rượu*.

7) Chứa phong đòn gánh.

- *Con bù cạp khô*, *Xạ hương* đều một phân, bôi vào vết thương thì chóng khỏi.
- *Bù cạp khô* sao *rượu*, *Thiên ma* đều 5 đ/c tán nhỏ, lấy *nhựa cóc* 2 đ/c, luyện với hồ làm viên bằng hạt đậu xanh, uống mỗi lần một đến hai viên với *rượu*; nặng thì uống 3 viên, để cho ra mồ hôi.
- *Con rết* nghiền nhỏ, xát vào chân răng, để cho bọt miệng chảy ra thì khỏi.

PHẠM PHÒNG

8) Chữa bệnh phạm phòng trong khi cảm sốt.

Thạch cao bất kỳ nhiều ít, tán nhỏ, giã với cơm nguội, hay bánh chưng làm viên bằng hột giẻ, phơi khô, dùng mỗi lần một viên đốt hồng lên, tán nhỏ, uống với rượu. Rồi uống *Hành* và *dấm* để cho ra mồ hôi.

9) Chữa âm độc đi cầu ra máu, nhiệt khí vào dạ dày, đau bụng không chịu nổi.

Nghệ 5 củ to, *Ngưu hoàng* một cái, tán nhỏ, mỗi lần dùng một chén nước tương cùng đun sôi vài dạo mà uống lúc còn ấm.

10) Chữa sau khi giao hợp nhọc mệt sưng tinh hoàn, hoặc dái thụt vào bụng gần chết.

Phèn chua 1 phần, *Phác tiêu* 3 phần, tán nhỏ, mỗi lần dùng một nuống hòa với nước cháo mà uống, uống ba lần thì nhiệt độc theo đại tiểu tiện mà ra.

NÓNG RÉT

11) Chữa phong nhiệt gân xương đau nhức:

Thạch cao 2 đồng cân, *Bột mù* 7 đồng cân, tán nhỏ, sao lại nung đỏ lên. để nguội rồi hòa với rượu đun sôi mà uống, đắp mềm cho ra mồ hôi.

12) Chữa bệnh nhiệt sình rận, hạ bộ lở ngứa.

Muối ngào nóng mà chườm.

13) Chữa sốt nóng, nhiệt khát, tiểu tiện gắt.

Ngọc trúc 5 lạng nấu nước uống.

14) Chữa tâm kinh thực nhiệt.

Hoàng liên, 7 đ/c, nước 1 chén rưỡi, sắc uống khi thuốc còn ấm, cách xa bữa ăn, trẻ thì bớt liều dùng.

15) Chữa khớp xương tích nhiệt, dần dần sinh gầy gò vàng vò.

Hoàng liên 4 phần thái miếng, lấy đồng tiền 5 chén con, ngâm một đêm đun sôi ba bốn dạo lọc bỏ bã, chia uống làm hai lần.

NGOẠI KHOA (Quyển đoàn)

16) Chữa da nóng như đốt, hoặc cảm sốt ho lâu ngày, nhân thiếu kiên

khem phòng sự, biến thành nóng âm ỉ trong xương, da như lửa đốt, thường ngày ho dờm, phiền khát kém ăn mất ngủ, mạch phù hồng, nên dùng những thang này để tả phế hòa mình nóng và ho dờm sẽ khỏi.

Hoàng liên một lạng, nước hai bát to, sắc lấy một bát, uống dần dần ít một.

17) Chứa nhiệt độc chân sưng đau như muốn rụng ra.

Khổ sâm sắc với rượu ngâm (hay tắm vào bông đắp).

18) Chứa hư nhiệt; cơ thể nóng khô, khát đòi uống nước nhiều, mặt đỏ mặt hồng ngày đêm không ngủ, mạch hồng đại mà vô lực, đó là chứng huyết hư do đói ăn mà làm lụng nhọc mệt quá độ, tựa như chứng Bạch hổ thang, nhưng khác ở chỗ mạch trường thực, nếu cho uống nhầm Bạch hổ thang thì chết ngay, chủ dùng phương sau đây.

Dương quy rửa với rượu, 2 đồng cân, *Hoàng kỳ* tắm mặt nướng một lạng, làm thang, đổ hai bát nước, sắc lấy một bát, hâm nóng hâm hấp mà uống vào lúc đói.

19) Chứa bệnh lao nhiệt nóng âm ỉ trong xương.

Củ sinh địa ép lấy nước 1 cân giã ba lần vắt cho kiệt hết nước, chia uống làm ba lần, nếu đi ỉa lỏng thì giảm bớt, uống đến khi người mát thì thôi.

20) Chứa bệnh nhiệt mà thổ tả và ỉa chảy, mình lạnh mạch vi, buồn phiền vật vã không ngừng.

Phụ tử nướng một củ, bỏ vỏ rốn, chia làm tám miếng, cho vào một đồng cân muối, nước một cân, sắc lấy nửa cân, uống lúc thuốc còn ấm.

21) Chứa đau đầu phát sốt từng cơn lại bớt.

Quả lâu 1 quả, lấy củi tước nhỏ, đun nóng lên, lấy một chén gội đầu, rồi trùm lại để lâu một lát, sau bỏ bã uống thuốc.

22) Chứa khí đồn lên phát sốt vì sau khi cưỡi ngựa chạy xóc, nhân uống nước lạnh gây nên.

Lá tre 3 cân, *vỏ quít* 3 lạng, nước một đấu (2), sắc lấy 5 cân, uống dần ít một trong ba ngày.

ÔN BỆNH

23) Chứa chứng nất do lạnh, vì nhân ôn bệnh sốt nhiều rồi uống nhiều nước, hoạt bị lạnh rồi nất:

Rễ tranh cát nhỏ, *lá Nhót táy* (chài sạch lông) nướng thơm đều 8 lạng, nước 4 cân, sắc lấy 2 cân, bỏ bã, uống dần dần.

(1) Cân: 16 lạng, mỗi lạng 3,7 g 5. Mỗi cân bằng 600g.

(2) Mỗi lá dâu là 10 thang, mỗi thang là 10 cặp, mỗi cặp bằng một vốc, mỗi đấu bằng 1.400kg gạo.

24) Chứa khí kết ở dưới tim không tan:

Qủa đào héo trên cây 3 lạng, tán nhỏ, uống 2 d/c, với rượu vào lúc đói.

SỐT RÉT CƠN (CHUỐNG NGƯỢC)

25) CHữa sơn lam chướng khí (khí độc của rừng núi).

Dưỡng chính đan: Thương truật, Chỉ xác, Trần bì, Sơn tra, Thần khúc, Hoàng liên, Hoàng cầm, Chi tử bằng nhau tán nhỏ, dùng nước Gừng nhạt quấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng (1) uống mỗi lần 10 viên với nước trắng.

26) Chữa sốt rét cơn do tỳ vị hư, tỳ vị tích đờm.

Gừng sống, 4 lạng vắt lấy nước cốt 1 chén uống rượu, phơi sương một đêm, rồi uống đón trước vào tảng sáng ngày lên cơn nếu chưa dứt cơn thì uống thêm.

27) Chữa sốt rét cơn ở rừng núi, nóng rét qua lại, nhức đầu đau mình, nôn mửa hoặc ra nhiều mồ hôi, khát nhiều hoặc ỉa chảy, phiền táo.

Phụ tử 1 củ to, bỏ làm bốn, mỗi lần lấy một miếng, nước 1 chén, gừng 10 miếng, sắc lấy 7/10, uống lúc thuốc còn ấm.

28) Chữa rét cơn có báng củ rét không nóng.

Thường sơn, Văn mẫu (vẩy trâu) đốt hai ngày đêm, Long cốt đều 2 lạng, tán nhỏ uống vào sáng sớm ngày phát cơn, mỗi lần 5 phân, với nước chua me (Thường sơn phải đồ với dấm, phơi khô, còn chua me thì tinh lạnh, vậy nên thêm nước gừng làm thang và uống xen với phương sau) (ND).

29) Chữa tỳ hàn, ngũ tạng khí hư, phát cơn sốt rét, rét nhiều nóng ít, hoặc chỉ rét không nóng.

Phụ tử 4 củ, ngâm nước muối và bào chế 7 lần, bỏ rốn, chia làm hai, mỗi lần dùng một chén nước, 7 miếng Gừng, một quả Táo, sắc lấy 7/10. phơi sương 1 đêm, sáng ngày lên cơn, hâm nóng lên mà uống. Lại trước khi lên cơn, lấy phụ tử mài với dấm, bôi lên lưng và vai.

30) Chữa sốt rét báng chỉ nóng không lạnh.

Thương sơn chế 1 đồng cân, Ma hoàng 1 đồng cân, Bột mẫu lệ 2 đồng cân, nước 2 bát. Trước sắc Thương sơn, Ma hoàng bỏ bột, rồi cho Mẫu lệ vào sắc, lấy một bát uống ấm trước khi lên cơn.

31) Chữa bệnh ôn ngược chỉ nóng không rét.

Thạch cao 2 lạng, tắm đồng tiện, sấy khô, sắc uống.

(1) Hạt ngô đồng, trong lượng bằng 0,03gam.

PHONG THẤP

32) Chứa chứng thấp.

Dây quả giun 10 phần, *rễ bươm bướm* 9 phần, *Bưởi bung* 8 phần, *rễ trắng* (Hoàng lực), *rễ kim sương* (1) đều 2 phần, *Dây gắm*, *Ô dược* đều ba phần, *Bóng hồng* 5 phần, đều thái miếng, sắc hoặc ngâm rượu uống.

Phụ nữ thì thêm *Hồng hoa* 3 đồng cân, *cây dây trắng* 5 phần, *tầm gửi đầu* mùa hạ dùng 5 phần, mùa đông dùng một phần.

33) Chứa bệnh thấp tay chân co quắp, không thể đi lại vận động, hoặc phát lở ngứa, khớp xương đau nhức, đều là thấp nhiệt dùng.

Dây chìa vôi, bỏ mắt sao vàng, đổ rượu vào đun cách thủy, chôn xuống đất một đêm, để khô hòa độc, rồi sáng sớm uống vào lúc đói lòng. Thuốc này cũng chữa bệnh sản hậu nhức đầu rất hay.

34) Phương thuốc chấp hồ đơn thông trị nam nữ mắc bệnh phong hàn thủ thấp cước khí.

Không để lâu hay mới, nhức nhối chỗ này sang chỗ khác, không thể chịu được. Khi bệnh phát uống một viên vào lúc đói lòng. Nếu mu bàn chân sưng đỏ không tấy thì uống thuốc vào sau bữa ăn, trước khi ngủ với rượu, ra mồ hôi thì ngừng đau.

Xạ hương 2 đồng cân, *Nhũ hương*, *Một dược*, đều 7 đồng 5 phân *Đương quy* rửa với rượu, 7 đồng 5 phân. *Cao ban long*, *Xuyên khung* đều một lạng, *Sinh địa* 7 đồng 5 phân, *Thảo Ô* 1 lạng 5 đồng cân, (bỏ vỏ rốn), *mực tàu*, *Ngũ linh chi* (láng sạch), *Trùn đất* (cạo sạch đất phơi khô) *Hột gấc* (bỏ đầu) đều một đồng cân 5 phân, tán nhỏ viên với hồ bằng hột củ súng, uống với rượu vào lúc đói.

- Như trúng phong bại liệt nửa người, tê dại, tay chân không thể co duỗi, teo cơ nửa người... uống 2 viên, uống liền hai lần.

- Như trúng phong mới phát, hôn mê, cắn răng, thỉ cho uống 2 viên hòa với nước nóng, đồng thời cũng dùng *Tam khí hoạt lạc* làm thuốc xoa bóp *Xuyên tiêu* 5 lạng, *Xuyên ô* 3 lạng, *ngải cứu* một cân, đều tán nhỏ chưng với rượu, dùng xoa bóp chân tay.

35) Chứa phong sưng đau đầu gối.

Thảo ô đầu, *Phòng phong*, *tế tân* bằng nhau, tán nhỏ, làm bao nuộc vào đầu gối và rải vào trong giấy, để trừ phong thấp và đi khỏe kiêm chữa đi xa chân sưng đau.

HOÀNG DÂN

36) Thiên lý mã chữa phụ nữ hoàng dân hay bệnh thũng đều khỏi.

(1) Kim cương, còn gọi là cây ớt rừng nay Mãn chi (*Micromelum falcatum tanaka* họ Cam Rutaceae).

Tỳ giải, Bồ cu vẽ, dấy Chiều, quả Dành dành, quả Nổ, rễ Cau, cỏ seo gà, vỏ Sung, vỏ cây Ngái cả hoa, bằng nhau, sắc uống.

37) Chứa bệnh hoàng đản nguy khốn.

Lấy một con gà giò trống độ nửa cân, mổ dọc lưng, để cả lòng, đem áp vào ngực bệnh nhân cho máu nóng của gà thấm vào, người lạnh thì thay, mỗi ngày ép vài con gà, rút bớt tích độc thì khỏi. (Gà này có độc, người hay chó không thể ăn được).

38) Chứa mọi chứng hoàng đản.

Rau bơ tía, thái nhỏ không (ghi lượng) đổ một bát nước sắc lấy nửa bát, uống không kể lúc nào.

Quyển khám

CƯỚC KHÍ

39) Chứa bệnh cước khí, chân sưng đau, mới bị hay đã lâu.

Huyết kiệt, Nhũ hương đều bằng nhau, cùng nghiền lấy một đoạn gỗ, hoặc một khúc mía, khoét một lỗ rồi cho vào, lấy bột mì dẻo bao trét ngoài, cho vào nồi đất nấu nhừ rồi bỏ cục gỗ, lấy thuốc giã nhuyễn với bột làm viên, uống mỗi lần 30 viên với rượu.

40) Chứa cước khí thành mạch lươn, gót chân có một lỗ sâu rất đau.

Nhân trung bạch tán nhỏ, rắc vào lỗ ấy.

41) Chứa cước khí phong tê, đau khớp xương.

Hột qua thông (hay hoa thông) sắc với rượu, hoặc cất rượu uống.

42) Chứa cước khí độc, chạy vào bụng trưởng thờ gáp.

Uy linh tiên tán nhỏ, uống mỗi lần 3 đồng cân với rượu.

43) Chứa cước khí xung tâm, hoặc dưới tim kết băng cứng.

Trần bì 1 cân, *Hạnh nhân* 5 lạng, (bỏ vỏ và dầu nhon), cho vào ít mật ngào lên, giã nhuyễn làm viên, uống mỗi ngày 20 viên trước bữa ăn.

44) Chứa cước khí xung tâm, phiền loạn không tỉnh.

Hạt cau 12 hạt tán nhỏ, chia uống làm 2 lần vào lúc đói với 5 chén nước tiểu còn nóng, hoặc với nước gừng hòa thêm ít rượu đun nóng.

45) Chứa cước khí bụng đầy, không phải hàn mà không phải nhiệt, hoặc người già yếu, bị bệnh đầy bụng.

Hạt cau tán nhỏ, lấy vỏ quả cau (Đại phúc bì) sắc làm thang, uống mỗi lần 2 d/c. Hoặc dùng nước *Đậu si* hay nước sắc *Tía tở* làm thang cũng được.

46) Chứa cước khí xung tâm.

Ngó thù, Gừng sống, nghiền mài với nước uống. (Hoặc dùng mỗi vị 1-2 đ/c sắc cho uống).

CHÓNG MẮT

47) Do mất máu quá nhiều, hoặc trong khi có thai hay sau khi đẻ, băng huyết, hay bị thương, hoặc nhổ răng chảy máu nhiều đến nỗi chóng mặt, buồn phiền, hôn mê, dùng.

Dương quy 2 lạng, *Xuyên khung* 1 lạng, chia làm 6, mỗi lần dùng 5 đồng cân, sắc với 7 phần nước, 3 phần rượu, lấy 7/10 uống lúc nóng. Mỗi ngày sắc uống 2 lần.

BỆNH Ở MẮT

48) Mắt bị nốt ruồi đen.

Lấy cỏ nhám xát trọt da, rồi tán *ri đồng* xanh bôi vào. Cứ bôi thuốc phủ lên, ba ngày không rửa, vết ruồi sẽ bong ra.

49) Mắt bị nám đen, dùng phấn bôi.

Vân mẫu, Hạnh nhân, bằng nhau tán nhỏ, trộn với sữa bò, chưng qua đêm bôi, ngày thì rửa.

50) Mắt nổi mụn ruồi.

Lưu hoàng hòa với nước bôi luôn luôn.

51) Mắt và mình bị sẹo.

Củ nâu, củ chóc, bằng nhau tán nhỏ, hòa với lòng đỏ trứng gà mà bôi, sau khi đã lấy vải lau hết vết sẹo sạch. Làm 30 ngày sẽ kết quả, kiêng không hóng gió.

HO

52) Chữa ho phong nhiệt họng đau.

Xạ can, Thăng ma, đều 5 đ/c, *Mã bột* 3 đ/c, *Mã nha tiêu* 2 đồng 5 phân, nước 1 bát, sắc lấy 7/10 uống lúc còn ấm.

53) Chữa họng sưng nguy cấp.

Rẻ cây *Thanh yên* mài với nước uống hoặc dùng *Cá trắm* sấy khô, *Mã nha tiêu*, 2 vị hòa đều, dùng lông gà phết thuốc vào trong họng thì khỏi.

54) Chữa họng sưng bế tắc.

Phèn chua 1 đ/c, *Giấm thanh* 2 đ/c, tẩm phèn phơi khô, tán nhỏ, thổi vào họng thì hết đờm dãi. Rồi dùng một ít *Riềng* tán nhỏ hòa với nước súc miệng và nuốt thì khỏi.

Các phương khác:

- *Ích mẫu* giã nhỏ hòa với nước, vắt lấy cốt uống một thôi thì nôn ra sẽ khỏi, (mùa đông thì dùng rễ).

- *Lá chè, cỏ bấc*, đốt thành tro tán nhỏ, thổi vào, *Củ chóc* sống giã nhỏ, nhét vào lỗ mũi, dãi chảy ra thì khỏi.

- Vỏ quả *Sa nhân*, tán nhỏ cho uống 1 đ/c với nước.

55) Mùa đông họng sưng không thể uống được.

Xà sàng tử, chứa vào trong bình tích, đốt cho bốc khói bệnh nhân ngậm với ẩm hút khói vào thì đờm chẩy ra.

56) Trong họng nổi mụn thịt.

Trước khi vỡ mụn ra máu, rồi dùng *Dạm đậu sị* với muối trộn đều giã nhỏ, bôi vào.

BỆNH Ở MIỆNG

59) Trong miệng nóng sinh lở.

Tiên cố 20 đồng đốt đỏ lên, bỏ vào trong rượu tỏi, rồi uống rượu ấy.

60) Tỳ nhiệt sinh lở miệng.

Phèn chua 1 cục bằng hạt giẻ, *Cam thảo* 2 tấc, tán nhỏ ngậm và nuốt nước.

61) Chứa lở miệng.

Nam ngư tất (cỏ xước), sắc nước ngậm.

BỆNH Ở MÔI

62) Lở 2 bên mép liên miên không khỏi.

Lá cham (hái vào tháng 8) 1 cân, giã vắt lấy nước cốt mà rửa., không quá ba lần thì khỏi.

BỆNH RĂNG LƯỖI

63) Phong nhiệt đau răng.

Muối, Cành hòe, sắc đặc hai chén, lại cho vào 2 đ/c muối nấu khô, sao lên, tán nhỏ,

hàng ngày xát vào răng.

64) Sâu ăn răng.

Rau hẹ cả rễ, giã đắp vào chân răng.

65) Bổng đựng lưới sừng to đầy miệng.

Lọ nổi hòa với *rượu* mà bôi.

66) Lưới mọc rêu, nói ngọng nghịu.

Bạc hà giã lấy nước cốt, hòa với *mật ong* và nước gừng mà xát.

67) Lưới thun rứt, răng cắn chặt.

Ngải cứu tươi, giã đắp, *Ngải cứu* khô thì tẩm nước giã đắp cũng được.

68) Lưới sừng tác cả miệng hoặc thè ra ngoài.

Hột thầu dầu 40 hột, bỏ vỏ, nghiền nhỏ, phết lên giấy, cuốn lại, đốt lấy khói xông. Xông cho đến khỏi.

69) Lưới cứng hoặc sừng to lấp cả miệng.

- *Củ chóc* sắc với dấm mà súc miệng.
- *Dậu dỏ* tán nhỏ, hòa với dấm mà bôi.

70) Trong họng có nhọt treo, lưới sừng đau:

Ngũ bội tử tán nhỏ, *Tầm vĩ* tán nhỏ, *Cam thảo* tán nhỏ, đều bằng nhau, *mơ muối*, dùng thịt giã nhỏ, luyện đều làm viên để ngậm nuốt nước thì vỡ.

71) Miệng lưới sinh lở, trên thì nóng dưới thì hư.

Phèn chua nấu nước mà ngâm chân.

72) Miệng lưới lở.

- *Cát cánh* 1 lạng, *Cam thảo* 2 lạng, chóc lại ngâm, nhấp nhấp nuốt.
- *Thăng ma* 1 lạng, *Hoàng liên* 3 phân, tán nhỏ, bọc bông lại mà ngâm.
- *Tế tân*, *Hoàng liên* bằng nhau, tán nhỏ mà bôi.
- *Nhân trung bạch* 7 phân, *Khô phèn* 3 phân, tán nhỏ đều, trộn với nước dãi mà lau chùi lưới, mấy lần thì khỏi.

BỆNH MŨI

73) Trong mũi nổi cục thịt thừa.

Phèn chua đốt, tán nhỏ trộn với *mỡ heo*, bọc bông lại nhét vào mũi, vài ngày thì nó rụng.

Hoặc dùng:

- *Chua sa* tán nhỏ, xát luôn.
- *Tế tân* tán nhỏ thỉnh thoảng thổi vào.
- *Thạch cao*, *Vôi* bằng nhau, nhào thành cao mà bôi, đều có thể rụng.

74) Trong mũi lở

Hoàng liên mài với nước vo gạo mà rửa chỗ lở thì khỏi.

BỆNH MẮT

75) Bổng dương mắt đau ngứa và các bệnh trong mắt.

- *Hoàng liên* ngâm với sữa, giã luôn vào mắt.
- Có phương gia thêm *Dinh hương*.

76) Các bệnh ở đầu mắt và bệnh huyết lao, phong khí sinh đau đầu, đau mắt chóng mặt.

Kinh giới tuệ tán nhỏ, mỗi lần uống 2 đ/c.

77) Mắt sưng đỏ đau.

- *Phác tiêu* để trên miếng *Đậu hũ*, chưng cho chảy nước ra, hứng lấy nước ấy mà nhỏ vào mắt.
- *Uy di*, *Xích thuộc*, *Dương quy*, *Hoàng liên*, đều bằng nhau, nấu lên xông rửa.
- *Phèn chua*, *Cam thảo* mài với nước, bôi lên mí mắt, hoặc dùng *Phèn phi* xát luôn vào trong mí mắt.

78) Bệnh mắt đỏ rất nặng.

- *Cù tam thất* mài với nước, bôi chung quanh.
- *Hoàng liên* thái giã ra, ngâm vào lòng trắng trứng gà, để xuống dưới đất một đêm sang hôm sau lắng trong mà giã vào mắt.

79) Mắt có lông quặm.

- *Đất sét* 1 lạng, *Phèn xanh* 1 lạng, đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 5 - 6 phân sắc nước rửa.

80) Mắt đau sưng đỏ không mở được.

Son đất 1 phần, *Thạch cao* 1 phần, tán nhỏ, trộn với nước mới múc, đắp vào đuôi mắt và vào huyết thái dương.

81) Đau mắt gió sưng đỏ.

Phèn chua, *Cam thảo*, mài với nước, bôi đắp lên trên mí mắt, hoặc dùng *Phèn chua* xát vào trong mí.

82) Mắt đau dò loét.

Phèn xanh cho giũa quả táo đỏ, đem đốt chín, cùng bỏ vào với lõi cây đào, lõi cây liễu, sắc với một nửa nước giếng, lấy nước giở vào trong mi mắt.

83) Mắt dò mờ tối thấy hoa đen.

Uy di sấy, 4 lạng, mỗi lần dùng 2 đ/c, với 1 lá *Bạc hà*, 2 lát gừng và ít mật, đổ nước sắc lấy 7/10, uống trước khi ngủ.

84) Mắt mờ tối sầm.

Thương truật 8 lạng, ngâm nước vo gạo 7 ngày, sấy khô, *Mộc tặc* (cỏ thấp bút) 2 lạng, cùng tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đ/c với nước chè.

85) Mắt tối sầm và chảy nước mắt lạnh.

Bối mẫu 1 củ, *Hồ tiêu* 7 hột, tán nhỏ mà điểm hoặc, sắc lấy nước mà giở vào mắt (ND).

86) Mắt mờ do ở trong hư nhược, thì phép chữa phải bổ khí dưỡng huyết dùng.

Dương quy 6 lạng *Phụ tử* nung lửa 1 thang, tán nhỏ viên với mật bằng hột ngô đồng uống mỗi lần 30 viên với nước ấm.

87) Mắt mờ thấy hoa lóa.

Hoa cúc 1 cân, *Hồng tiêu* (Thục tiêu) 6 lạng, tán nhỏ trộn với *Sinh địa* (2 cân) giã đều làm viên bằng hột ngô đồng, uống mỗi lần 50 viên với nước chè trước khi đi ngủ.

88) Sau khi bị bệnh nặng mắt mờ đi, trông vật không rõ.

Gan dê thái miếng, trụng với nước sôi cho chín tái mà nuốt.

89) Mắt thông manh đến tối thì không thấy gì.

Thạch cao tán nhỏ 1 đ/c, *Gan heo* 1 cái, xát thuốc vào, rồi cho vào nồi đất nấu chín, thái ra mà ăn mỗi ngày 1 lần.

- *Hột thảo quyết minh* 1 cân, *Địa phụ tử* 5 lạng, tán nhỏ viên với cơm bằng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 20 viên.

- *Thương truật* 4 lạng, ngâm nước gạo 1 đêm, hái ra sấy khô tán nhỏ, uống mỗi lần 3 đồng cân.

- Hoặc dùng *Gan heo* 3 lạng, xát bột *Thương truật* vào rồi cho vào nồi đất với 1 nắm gạo, đổ nước bịt kín nồi, nấu chín, trở một lỗ để xông hơi vào mắt, đến lúc đi ngủ thì ăn gan, uống cả nước, bất kỳ người lớn hay trẻ con đều dùng được. Một phương dùng *Gan dê*.

90) Thông manh nội chương.

Gan dê trắng một cổ, *Hoàng liên* 1 lạng tán bột, *Thục địa* 1 lạng, đều giã nhuyễn viên bằng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 70 viên với nước chè sau khi ăn cơm xong, ngày uống 3 lần.

91) Mắt thông manh không thấy gì.

Ngọc trai, 1 lạng, tán nhỏ, *Mật ong* 2 chén, *Mật Cá chép* 2 cái, hòa đều cho cào cái nổi đồng nhỏ, đun cạn còn một nửa, dùng bông mới lọc qua, đựng vào trong lọ, mà nhỏ luôn luôn.

Thuốc rửa mắt: Lấy lá *dậu xanh* nghiền ra, phơi khô, đốt tồn tính, mỗi lần lấy một nhúm, nấu nước để lã trong mà rửa.

92) Bụi bay vào mắt.

Mực tàu mài đặc mà gió vsò thì bụi ra.

93) Con bù mắt vào mắt làm cho trên lưới (?) sưng phồng thành bóng nước.

Lá ha tô nhai nhỏ uống với nước.

94) Dăm tre gỗ vào mắt.

Sùng đất (tề tào) giã ra bôi vào thì dăm ra. Nếu dăm lúc vào mắt thì lấy miếng vải mới để trên tròng mắt, cầm con sùng đất mài xát trên vải thì dăm sẽ bám vào vải mà ra.

95) Bụi cát vào mắt không ra.

Lấy con hai đuôi giã với sữa người, hòa đều bỏ vào thì bụi ra. Hoặc giã nhỏ tra vào cũng được.

96) Mắt mờ lâu năm.

Thảo quyết minh 2 cân sao tán nhỏ, uống mỗi lần một thìa sau mỗi bữa ăn với nước cơm.

97) Mắt cận thị.

Nấu cháo *gan dê* với hành mà ăn.

98) Mắt đau đỏ hoặc sinh màng mọng.

- *Cỏ nụ áo* giã nhỏ với nước ba phần, muối một phần lấy lá tươi hơ lửa, gói thuốc lại, buộc vào ngón tay út, đốt thứ nhất, đốt bên trái thì rịt bên tay phải, và ngược lại. Mỗi ngày đêm thay một lần.

- *Cỏ nụ áo tía*, cành *dâu* cả lá, hai vị bằng nhau thái nhỏ phơi khô, cho vào nồi đất, bịt kín, sắc ỹ, chọc một lỗ để xông hơi vào mắt, cho mắt có mồ hôi thì thôi. Sau lại rót nước thuốc uống 1 bát.

99) Mắt đau đỏ do phạm phòng.

Thì lấy *đọt sung*, *đọt táo non*, nam 7 nữ 9, cho vào ít muối, giã vắt lấy nước cốt uống, ngày cũng dùng nước này mà rửa.

100) Hậu đậu, tức nọc độc chạy vào mắt.

Lá dong nam 7 nữ 9, *Hoàng liên* một đồng cân, *Tiền cổ* một đồng cân, trước lấy lá *dong* hấp trên nồi cơm, giã nhỏ, chế nước trong vào, để ngâm đồng *tiền cổ* với bột *Hoàng liên*, rồi lã trong mà nhỏ mắt.

Quyển Tốn
TIÊU KHÁT (dái đường)

101) Bệnh khát nước uống nhiều và dái nhiều, cùng chứng ăn nhiều mà người gầy róc.

- Qua lấu thái mỏng, tẩm sữa người đồ lên, phơi khô tán nhỏ, viên với mật ong, bằng viên đạn, mỗi lần ngậm một viên, hoặc uống với nước cơm.

- Củ cỏ củ, củ Dưa trời, củ sà, củ Chi thiên, Mã đề sắc, và trúc lịch hòa vào uống.

- Hạt Càn xa 1 cân, (đồ phơi, giã dập, sảy sạch vỏ, lấy nhân) nước ba cân, nấu đun ba bốn đạo, lấy nước uống dần.

- Gạo nếp ba chén, nước năm bát, một một chén, nghiền lấy nước chia uống dần, hoặc đun lên uống.

Ý dĩ nấu cháo ăn.

102) Tiêu khát lâu ngày không khỏi.

- Thỏ ty tử hoặc dây (Tơ hồng) nấu nước uống.

- Củ dưa trời 10 miếng, đổ nước sắc còn 1/3, lỏng trong, cho thêm vào một chén mỡ bò quấy đều, đun nhỏ lửa, cô thành cao, đựng vào lọ, uống một lần một muổng với rượu, mỗi ngày uống 3 lần.

103) Người già bị bệnh tiêu khát.

Dầu hươu 1 cái, cạo sạch lông, nấu nhừ, hòa thêm Ngũ vị tử, ăn vào lúc đói.

Thủy suy hòa động mà tiêu khát, thì dùng Lục vị địa hoàng thang, sắc lên, rồi chế thêm nửa chén sữa người vào mà uống.

104) Bị bệnh tiêu khát, phiền loạn.

Nhộng tâm 2 lạng, rượu nhạt 1 chén, nước 1 bát cùng nấu ăn và uống; thuốc lúc còn ấm.

TÂM THIẬN SUY NHIƯỢC

105) Hư tổn không ngủ.

Táo nhân sao 1 lạng 6 đ/c, Cam khương, Phục long, Xuyên khung, Cam thảo đều 1 đ/c. Trước sắc Táo nhân rồi sao bỏ các vị khác vào sắc tiếp, chia uống dần.

106) Tâm thần hỗn loạn lúc lúc hay quên.

Viễn chí (mua về không cho người bệnh biết tán nhỏ cho uống).

107) Ăn no phiền trướng, chỉ muốn nằm.

Lúa mạch cả bông rang thơm, sắc cho uống.

TÍCH TỤ

108) Các loại tích tụ.

Gạo trần mẻ 4 lạng, lấy 20 hột *Ba đậu* bỏ vỏ, cùng sao với gạo, đến khi gạo vàng thâm, thì bỏ *Ba đậu*, dùng gạo, với *Trần bì* 4 lạng bỏ xơ cùng tán nhỏ, viên với hồ, uống dần với gừng sắc.

109) Hư hàn, tích báng ở hai bên hông sườn, khí nghịch sườn thở, lâu ngày khí huyết ngưng tụ biến thành ung thư, phần nhiều không cứu được.

Hồ tiêu 350 hột, *Bò cạp* 4 con, *Mộc hương* 3 đồng cân 5 phân tán nhỏ viên với cơm bằng hạt thóc, mỗi lần uống 20 viên với nước sắc *Trần bì* làm thang.

110) Trong bụng có báng máu.

Huyết kiệt, *Một dược* đều 1 lạng, *Hoạt thạch*, *Mẫu đơn*, đều 1 lạng tán nhỏ, dùng *Dấm* quấy hồ làm viên bằng hạt ngô đồng mà uống dần.

111) Trong bụng có cục cứng như cục gạch, dướng như con rùa.

Tâm vôi (Bạch cương tâm) tán nhỏ, uống với nước *dái ngựa bạch* thì sẽ mềm.

112) Trong bụng có báng tích tựa con rắn, thường đói mà ăn vào thì nôn.

Rết dỏ chân 1 con, nướng lên, nghiền nhỏ uống với rượu.

113) Tích huyết thành hòn.

Rắn mối một con, sủ bột gạo với trứng gà bóc ngoài, nghiền nhuyễn làm bánh, rang nướng chín mà ăn, thường đi ngoài ra máu, 3-5 lần thì khỏi.

114) báng hơi ở màng treo.

Cua đinh một con to, lấy một đấu *phân tầm* và một bát *than gổ dáu* lọc nước 5 lần, cùng nấu chín nhừ, bỏ xương, lại nấu thành cao, giã nát làm viên, uống mỗi lần 10 viên.

115) Đờm giải tích tụ kết ở chơn thủy, bụng tim đau chói suốt ngày đêm, hoặc ọc khàn, ợ ra thức ăn.

Vỏ trai đốt tán bột 1 lạng, *Ba đậu* 7 hột, cùng sao đỏ, bỏ *Ba đậu* cùng dấm hòa với bột vỏ trai làm viên, uống với nước *gừng* sắc.

116) Nếu là nam giới đau ở bụng rốn.

Thì uống nước trên với nước sắc *Hồi hương* làm thang, nữ giới đau do khí huyết thì uống thuốc trên với *đồng tiện* và *rượu*.

117) Báng hơi như con cua đinh, và trưng tích, hay chột bị máu tụ thành hòn.

Gà trống trắng, nuôi nhốt cho ăn cơm, để hứng lấy *cứt gà* và *nước dái gà* vào trong âu sành, ngào vàng, tán nhỏ, uống mỗi lần một muống xúc với nước ấm, đến khi báng tiêu hết thì thôi.

118) Trong bụng có báng đau.

Thịt bò 4 lạng đến một cân (150g - 600g) cho vào 1 đ/c phân gà đã chế (kể trên) cùng nấu chín nhừ, cho uống chất nước.

119) Khí tích thành hòn.

Óc bò 1 cái bỏ gân, mề gà trống một cái cả màng, đều tẩm rượu một đêm, giã nhừ, cho Mộc hương, Trầm hương, Sa nhân đều 3 lạng tán nhỏ, phác tiêu một bát, để vào dưới, chứa vào nồi đồng, đốt lửa dầu to sau nhỏ, sấy khô, tán nhỏ, trộn với 3 đ/c Khinh phấn, đảo cho thật đều, uống mỗi lần 2 đ/c vào lúc đói với rượu ngon, ngày uống ba lần.

120) Báng hơi dưới tim như con cua dính.

Dầu mè mun một cái, đốt thành than tán nhỏ, uống mỗi lần một muống với rượu, ngày uống ba lần.

121) Chứa tích hòn và báng sốt rét.

Hoàng lục (rễ trứng) tán nhỏ, viên với nước cơm, Chỉ thực sao tán nhỏ lăn ngoài làm áo, uống vào lúc đói với nước nhạt.

- Rễ cây thuốc lao rửa sạch thái miếng sao vào, đổ hai bát nước sắc lấy một bát uống (dùng ít để phòng bị say) (ND).

122) Chứa trong bụng máu ứ tích hòn đau nhức các chứng.

Củ nghệ nấu chín, củ cò củ bằng nửa phần, Cam thảo một ít, đều tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt ngô đồng. Dùng muối 5 phân, gừng 3 miếng, Tía tô 3 lá, nước một bát sắc lấy một nửa, mà uống thuốc {nam 7, nữ 9}.

Nếu sau khi đẻ máu hôi ra ít không thông, thì uống với rượu, nếu không uống được rượu thì dùng một nhúm Hồng hoa với 1 đồng 5 phân muối sắc lấy ít nước mà uống thuốc vào lúc đói.

TRƯỞNG ĐẦY

123) Bụng trướng đầy hơi.

Muối hòa với rượu uống 6 chén (?)

124) Bụng đau trướng đầy.

Hậu phác 8 lạng, Cam thảo, Đại hoàng đều 3 lạng, Táo 10 quả, Chỉ xác 5 quả, Quế 2 lạng, gừng sống 5 lạng, nước 1,5 đấu, nấu còn 4 cân, uống lúc thuốc còn ấm (thuốc thang dùng 1/10 lượng trở lên). Nôn thì gia Bán hạ.

125) Khi kết lại dưới tim cứng, ấn thì như thường, nhưng cảm thấy căng buồn bực, ăn nhiều thì mửa, khí đưa ra trước dằng sau sinh nấc, ợ không khỏi, là do suy nghĩ quá nhiều sinh khí kết trệ

Nhân sâm 4 lạng, Trần bì bỏ xơ trắng 4 lạng, tán nhỏ, viên với mật bằng hạt ngô

đồng, uống mỗi lần 50-60 viên với nước cơm.

Hồng ngực phiền muộn thì dùng *Bạch truật* tán nhỏ uống một muống xíc với nước.

126) Bụng đầy hơi không muốn ăn.

Mộc hương , *Hạt cau* tán nhỏ mà uống, người nhiệt thì uống với sữa trâu.

Phù thũng (trang 106)

127) Sản hậu phù thũng, uống nước nhiều mà tiểu tiện không thông.

Rễ tranh một nắm to, *Đậu đỏ* 3 cân, nước ba cân, nấu đến cạn nước, bỏ rễ tranh, ăn đậu thì đái được.

128) Khấp mình thũng đầy, âm nang cứng thũng:

Sa nhân, để trui 1 con, lượng bằng nhau, nghiền nhỏ hòa với rượu uống.

129) Thủy thũng, phù to.

Hương nhu khô 50 cân, cho vào ấm đổ ngập nước quá 3 tấc, nấu cho chất thuốc ra hết, lọc bỏ bã, đun lửa nhỏ cô đặc làm viên bằng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 5 viên, ngày uống ba lần, sau tăng thêm dần, để lợi tiểu tiện thì khỏi.

130) Thủy thũng mạch trầm là thuộc Thiếu âm thận, mà mạch phù là khí trường là hơi không phải là nước.

Dùng *Ma hoàng* 3 lạng, nước 7 cân, sắc lên, bớt bỏ bọt, cho vào *Cam thảo* 2 lạng, *Phụ tử chế* 1 củ, sắc còn 1/2 nước, uống cho ra mồ hôi.

131) Âm nang thũng nước:

Hành trắng cả rễ, sắc lấy một chén, uống thì nước ra được bệnh khỏi. Nếu bế thì giã hành, ngồi lên trên cho hơi xông vào thì nước ra.

132) Khấp mình phù thũng.

Cải củ, *Phù tiểu mạch* bằng nhau, ngâm rồi sắc uống.

133) Thủy thũng đái ít.

Vỏ cây đào (lấy phần trắng bỏ vỏ ngoài) 3 cân, *Lúa kê* một đấu, *Nữ khước* (gao tiểu mạch thổi cơm ủ lại đợi cho lên men vàng) 1 cân, nước hai đấu, sắc vỏ đào lấy một đấu nước. Một nửa nước vỏ đào dùng để ngâm lúa kê, một nửa ngâm men cơm mạch, rồi cầm rượu uống, mỗi lần một chén, ngày uống hai lần. Thấy trong người nóng lên sẽ đi tiểu được nhiều là khỏi. Kiêng chất sống lạnh, muối mặn và các thức ăn không lành.

134) Thuốc đặt vào rốn.

Ốc bươu 4 con tòi to 4 củ, *hột Mã đề* sao tán nhỏ 3 đ/c, các thứ đều giã nhừ, đem rịt vào rốn.

135) Trị thủy thũng.

Phác tiêu, lá *Nhót*, *Bát lùn*, *Củ cỏ củ*, *Ích mẫu*, *Xuyên khung*, *Dại hoàng*, *Chỉ xác*, *Trần bì*, *Mộc hương*, các vị thái nhỏ, cho vào nồi đất, đổ ngập nước, đun cạn một nửa,

uống lúc đói. Sau khi uống thuốc, ăn 3-4 khẩu mía. Bệnh nhẹ, uống 7 ngày, nặng thì uống 14 ngày là kiến hiệu. Sau khi khỏi, dùng bã thuốc phơi khô, tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đ/c với nước cơm.

ỈA CHẢY

136) Người già lạnh bí, hoặc thổ tả, cùng mọi loại bệnh khí lạnh sinh hạch báng, hột xoài, thì dùng phương này có thể làm ấm nguyên trạng trừ tích lạnh, ôn vị khí, tăng tiêu hóa.

Diêm sinh (Lưu hoàng) dùng chày bằng gỗ liễu nghiền nhỏ, *Bán hạ* đun sôi 7 lần, sấy nghiền đều nước cốt gừng trộn với bánh chưng giã đều 100 chày, viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống ngày 15-20 viên với dấm.

137) Ỉa chảy mùa hè do nắng nóng uất lại.

Phèn phi, viên với hồ, liều lượng tùy nghi, uống với nước sắc *Mộc qua* làm thang.

138) Tiết nắng, ỉa xối do ăn uống gây nên, uống thì ôn vị mạnh tỳ.

Thần khúc sao, *Trương truật* tẩm nước vo gạo 1 đêm, sấy, bằng nhau tán nhỏ, viên với hồ bằng hạt ngô đồng, uống với cơm.

139) Ỉa xối sinh khát nước (mất nước).

Tần giao 2 lạng, *Cam thảo* nướng 5 đ/c, giã dập, mỗi lần 5 đ/c (1/5) sắc nước uống.

140) Tiết nắng thổ tả.

Hoạt thạch 2 lạng sao, *Hoắc hương*, *Đinh hương* đều 5 đ/c tán nhỏ, mỗi lần uống 1-2 đ/c với nước cơm. Như dạ dày nóng, thở hơi thối thì sắc uống luôn sẽ khỏi.

141) Thổ tả không ngừng chân tay giá lạnh, bất tỉnh.

Nam tinh tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đ/c, *Táo* 3 quả, nước 2 chén, sắc lấy 8/10, uống lúc thuốc còn ấm. Chưa tỉnh thì uống nữa.

142) Thổ tả về tiết nắng.

Gạo cũ 2 cân, *Mạch nha* 4 lạng, *Hoàng liên* 4 lạng, thái nhỏ, đồ qua, sấy khô tán nhỏ, làm viên, mỗi lần uống 100 viên với nước chín.

143) Ỉa chảy dữ dội không ngừng.

Thầu khúc sao một lạng, *Ngô thù du* 5 đ/c, tán nhỏ, dùng dấm khuấy hồ làm viên, uống mỗi lần 50 viên với nước cơm.

144) Người già ỉa chảy.

Xuyên tiêu 2 lạng nấu với giấm rồi dùng lửa nhỏ sấy khô, tán nhỏ, đựng vào lọ để uống dần với rượu hay nước cơm.

145) Tỳ hư ỉa chảy.

Gà mái đen một con, Thảo quả 2 lạng, Đậu khấu 1 lạng sao tán nhỏ, dồn thuốc vào bụng gà, buộc lại nấu chín, ăn vào lúc đói lòng.

146) Chữa mọi chứng ỉa chảy.

- Rễ cây lấu, lá Sung, tán nhỏ uống với nước ấm. Sau uống thang Bát hoán kim chính khí, (Hậu phác, Hoắc hương, Thương truật, Trần bì, Cam thảo).

- Hột cải 10 phần, Mai mục 5 phần, viên với hồ uống với nước sắc Rau dừa nước làm thang.

147) Chữa đau bụng, ỉa chảy không ngừng.

Gừng sống, Nghệ vàng mỗi thứ 2 củ, thái miếng sao với muối đến khô, rồi bỏ muối sắc uống.

148) Chữa thổ tả.

Đậu xanh 30 hột, Hồ tiêu 10 hột, tán nhỏ. Giã lá lấu vắt lớp nước trộn với thuốc bột làm viên, uống với nước sắc Hoắc hương và Gừng sống làm thang. Nếu nguy cấp thì lấy Tỏi giã nát như bùn rịt vào dưới lòng bàn chân và rốn.

KIẾT LY

149) Bệnh ly ăn uống không vào, hoặc sau khi bị di ly sinh chứng đau ruột.

Củ mài một nửa để uống, một nửa sao, tán nhỏ uống mỗi lần 2 đ/c với nước cơm. Nếu sau khi bị bệnh ly mà đau ruột, thì thêm phèn phi 7 phần cùng uống.

150) Ly không ăn uống được và chữa cả ỉa chảy.

Con bù hung đốt cháy, tán nhỏ, uống 5 phân với rượu.

151) Ly không ăn uống được.(cấm khẩu ly)

Ốc bươu 1 con giã nát, cho vào 3 phân Xạ hương, dặt mỏng ra hơi nóng dán vào rốn, nửa ngày, khi nóng thấu vào thì ăn được.

152) Chữa ly đi ra máu mũi, phát sốt, đau quặn, mót rặn.

Hoàng liên, Chi xác, tán nhỏ, uống với nước cơm. ỉa chảy thì gia có Seo gà khô tán nhỏ, uống mỗi lần 1 đ/c với rượu. Nếu ỉa chảy hay di ly ra máu thì cùng với Ô dược đốt tồn tính tán nhỏ, viên với cơm bằng hạt ngô đồng, uống mỗi lần 30 viên với nước cơm.

153) Chữa ly.

Lá mơ lông giã vắt lấy nước nấu cháo mà ăn, ngày 1-2 lần.

154) Chữa ly và ỉa chảy.

- Trứng gà 2 cái bỏ lòng trắng, Xuyên khung 1 ít tán nhỏ, Sáp ong nướng chảy, lá mơ lông, 3 thứ đều quấy vào trứng gà, nấu cách thủy, uống vào lúc đói.

- *Hoa cúc bỏ cuống, Rễ seo gà sao vàng, Kim ngân hoa, lá Hàn the sao vàng, sắc uống.*

- *Gạo nếp sao già 7 phân, Phèn phi, Cam thảo, Hạnh nhân đều 3 phân, viên với hồ bằng hột đậu xanh, trẻ con 6 viên, người lớn uống 20 viên. TÁ thì uống với nước chín, lyh mới phải thì uống với nước cơm, ly đã lâu thì dùng lá Mơ lông, cỏ Seo gà và cây Mã đề đều sao qua, sắc làm thang.*

155) Chứa đi ngoài ra máu.

Cây phèn đen, lấy vỏ đỏ một nắm, nước 3 bát, sắc còn một bát uống lúc đói.

156) Chứa người già yếu đi ly.

Thuộc dược, Hoàng liên, Dương quy, Hoàng cầm, Chỉ xác, Hạt cau đều 1 đồng cân 5 phân, Mộc hương, Hoạt thạch, Nam mộc hương, sắc uống.

157) Chứa hạ ly, đau bụng ỉa lỏng, chân tay hơi lạnh và nóng rét.

Thần khúc, Thương truật, Mạch nha, Can khương, Bình lang, Hậu phúc, Trần bì, Bán hạ, bằng nhau sắc uống.

158) Chứa đi ly ra mây.

Nam xuyên luyện tử (Sầu đầu cút chuột) sao đen, Gạo cũ sao đen, Hột Mã đề sao, đều bằng nhau tán nhỏ, viên với hồ, uống với nước sắc Mã đề làm thang uống mỗi lần 3 đ/c.

159) Chứa đi ly bất kỳ lâu hay mới, phân đỏ trắng hay đen trắng.

Bác xuyên luyện tử, Đậu xanh bằng nhau tán nhỏ, viên với cơm bằng hạt đậu đen, uống mỗi lần 3-4 viên vào lúc đói, với nước gừng nhạt

160) Chứa ly đi lầy ngày, thờ hực hơi không nổi tiếp và đại tiện tự chảy, đại nhất.

Nghệ đen, nhục Quả xoan đều 1 lạng, Hàn the 1 đ/c tán nhỏ, uống mỗi lần 3 đ/c với nước cơm nêm muối.

LÒI TRÔN TRÊ

161) Lòi tròn trê.

Bồ kết 2 quả to, nướng lên tán nhỏ, luyện với đất vách đang đông, tán nhỏ, hơ nóng lên mà chườm, nguội thì thay.

- *Ngũ bội tử 3 đồng cân, Phèn chua 1 cục, nước 1 bát nấu lên mà rửa.*

- *Con ốc sên bằm lá Đậu xanh đốt lên tán nhỏ hòa với mỡ heo mà bôi thì tròn trê sẽ thụt vào.*

- *Hột sà sàng, Cam thảo đều 1 lạng, tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đ/c với nước chín, ngày uống 3 lần.*

- Lá rau trai nấu canh mà ăn.

162) Đau ruột già lòi ra ngoài.

Cỏ tháp bút, đốt tồn tính tán nhỏ, thấm vào rồi ấn vào.

163) Trẻ con lòi trôn trê.

Phác tiêu 1 chén, Bồ hoàng, cùng hòa với mỡ heo mà bôi mỗi ngày 3-5 lần.

164) Lòi trôn trê không thu vào được.

- Rễ cây gai (gai làm bánh) nấu nước xông và rửa.

- Hẹ 1 cân, thái nhỏ, giã nát sao lên, gói bông lại mà chườm, nguội thì thay.

- Ngũ bội tử, Lọ nôi bằng nhau, tán nhỏ, chế Dấm vào thành cao mà bôi.

- Dầu con rùa đốt tán nhỏ hòa với Mỡ heo mà bôi.

- Da cóc 1 cân cho vào trong bình đốt lấy khói mà xông hoặc hừng khói mà bôi.

165) Vì hư lạnh bị tích nhân mỗi khi đi ngoài, thì đau ruột già lòi ra.

Con sên 1 lạng đốt thành tro, nghiền nhỏ, hòa với mỡ heo mà bôi thì ruột co vào.

ĐÁI GẮT, ĐÁI KHÔNG THÔNG (LÂM LẬU)

166) Đái són ra rỉ rỉ.

Long cốt, Ổ cào cào đeo râu bằng nhau, tán nhỏ mỗi lần uống 2 đồng cân với nước muối.

167) Đái ra hòn sỏi đau buốt.

Yếm cua dinh tắm Dấm nướng, tán nhỏ, uống với rượu mỗi lần một muống, ngày uống 3 lần, thì bật hòn sỏi thì khỏi.

- Vỏ Con ốc cừu khổng sao tán bột, 2 vị bằng nhau, uống mỗi lần 1 đồng cân với nước sắc Hồi hương làm cân.

168) Đái không thông do thấp nhiệt.

- Lá cỏ gà, rễ cau, Mộc thông bằng nhau, đổ 2 bát, sắc lấy 1 bát, chế thêm mật ong vào uống.

- Củ gai bánh, Lá huyết dũ, râu Dây trắng, Dây dò bằng nhau rồi sắc chế thêm mật vào uống.

169) Lậu đái buốt không thông, đái rỉ rỉ.

Quả dành dành, Ngưu tất, Rễ gai bánh bằng nhau sắc uống.

170) Bệnh lậu, đầu dương vật sưng to, khi đái ỉa thì đau cứng.

Dây Trầu bá, giã vắt lấy nước cốt phơi sương rồi chế thêm mật vào uống.

171) Chữa chứng nhân nhọc mệt quá mà thành lậu.

- Lá huyết dũ giã hoặc sắc lấy nước hòa mật vào uống.
- Dây sữa bò, giã vắt lấy nước cốt, chế thêm mật vào uống.
- Cỏ gà thái sao, *Ích trí nhân*, sắc uống.

BỆNH NỮ KHOA (trang 122).

172) Phụ nữ do khí huyết không điều hòa sinh đau, kinh nguyệt không đều đôi khi ra máu.

Lá nốt tằm nước muối sao, *Bông lác* đun, *cỏ nển*, bằng nhau, tán nhỏ, viên với mật bằng hột ngô đồng, uống mỗi lần 30 viên với rượu vào lúc đói, uống vài lần thì khỏi.

173) Huyết trắng ra dầm dề lâu ngày không khỏi.

Câu dây trắng, *cỏ răng cưa*, *Lá Bạc sau* (sao qua), *Rễ bông bụt trắng*, *Vỏ núc nác* (nướng), sắc uống. Lại dùng *Vỏ bầu nưng* tán nhỏ, lấy giấy bản gói lại 3 đ/c, nhét vào âm hộ, dùng vải đóng khố cho khỏi rơi ra, thì khí hư ngừng chảy.

174) Ra chất như máu cá (huyết bạch).

Rễ cây đậu ván, *rễ cỏ may*, *rễ cối xay*, *Dương quy*, *Hoàng cầm*, *Cam thảo*, sắc uống.

175) Bạch lậu, tiểu tiện không thông, chảy ra chất trắng mà đau.

Dương quy, *Hoạt thạch*, *Mộc hương*, *phân chuột*, *Hoàng liên*, bằng nhau, sắc uống. Và uống xen với thang sau.

Quả ké đầu ngựa, *Lá dâu*, *Hột vông vang*, *Rau Thái lái*, *Lá dưa chuột*, *Lá dành*, đều giã nhỏ, chế nước trong vào vắt lấy nước cốt, phơi sương một đêm, rồi uống.

176) Phụ nữ bạch dâm, dãi ra chất như tinh trong có máu khô, kinh nguyệt không lợi mà ra chất trắng.

Phèn phi, *Hạnh nhân*, đều 1 đồng cân, tán nhỏ luyện với mật làm viên bằng quả táo to để đặt vào âm đạo (cố định như 174 trên) mỗi ngày thay một lần.

ĐỘNG THAI

177) Động thai ra máu, bụng đau xối lên tim.

Hành trắng sắc đặc uống. Chưa kết quả thì uống thêm, hoặc có thể gia

178) Nhân kinh sợ mà động thai ra máu.

Hoàng liên tán nhỏ, uống với *rượu* 1 muống, ngày uống 2 lần.

179) Thai động không yên đau bụng ra nước vàng.

Hoàng kỳ, Xuyên khung đều 1 lạng, *Gạo nếp*, 1 chén, nước 1 cân, nấu nửa cân (một bát to) chia uống làm 2 lần.

180) Động thai ra máu hoặc thai đã chết.

Lọ nồi 1 đồng cân, *Bẹ mót* đốt ra tro, 2 đồng cân, *Đất lòng bép* 5 đồng cân, tán nhỏ uống mỗi lần 2 đồng cân, với nước chín hòa thêm rượu và *đồng tiền*.

181) Thai động không yên, và thai bị tổn thương ra máu không ngừng.

Cá chép 1 con rửa sạch, *A giao* sao 1 lạng, *Gạo nếp* 2 chén, nước 2 cân, thêm *Hành gừng*, *Vỏ quýt*, muối, mỗi thứ một ít, nấu như mà ăn 5-7 ngày.

182) Có thai bị đánh, hay cử động, thai không yên, hoặc con chết trong bụng.

Xuyên khung tán nhỏ, uống 1 muống với rượu, uống từ từ 3 lần nếu thai chết thì ra.

183) Có thai rong huyết.

- *Ích trí nhân*, 5 đ/c, *Sa nhân* 5 đ/c, tán nhỏ, mỗi lần 3 đ/c, uống với nước chín vào lúc đói.

- *Guang sen* sồi thành than, tán nhỏ, viên với hồ, uống mỗi lần 100 viên với rượu (hay sắc uống).

- *A giao* 3 lạng, nướng tán nhỏ, rượu - thăng rưỡi, nấu loãng ra uống.

- *A giao* 2 lạng, sao tán nhỏ, *Sinh địa* 8 lạng, giã vát lấy nước cốt, thêm rượu vào chia làm 3 lần uống với bột *A giao*.

- *Gạc hươu* tán bột, *Đương quy*, đều 5 đ/c. nước 3 chén, sắc lấy một nửa, uống một lần cho hết.

- *Ngũ bội tử* 3 đ/c, tán nhỏ, uống với rượu.

184) Có thai rong huyết liên miên không dứt.

- *Nước cốt củ Sinh địa* 1 cân, rượu 4,5 chén, đun sôi 3-5 dạo uống.

- Hoặc có phương gia thêm *Can khương*.

- *Sinh địa*, *Thục địa* bằng nhau, tán nhỏ, mỗi lần 5 đ/c với nước sắc *Bạch truật* và *Chỉ xác* làm thang uống vào lúc đói, ngày uống 2 lần.

185) Có thai tiểu tiện không thông.

Hoạt thạch tán nhỏ, hòa với nước như bùn, gói lại đặt rịt vào dưới rốn 1 thốn.

186) Có thai đau tim ngực ngạt khó chịu.

Nhân hột cần xa 1 chén, nghiền nhỏ, nước 2 chén, đun lấy 6/10, bỏ bã uống.

187) Có thai di lý.

A giao 2 lạng đun loãng với rượu uống.

188) Vì thai chèn ép bàng quang, tiểu tiện không thông (chuyển bào).

Ổ cào cào đeo đầu nướng tán nhỏ, uống vài muỗng với nước.

189) Có thai vái dái.

Ổ cào cào đeo đầu 12 cái, tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đ/c, với nước cơm.

190) Có thai chột trứng phong hàn, hôn mê bất tỉnh, tựa như trứng phong.

Ngải cứu khô 3 lạng tẩm dấm, sao thật nóng, lấy lụa bọc lại, chườm vào rốn.

191) Có thai bị cảm sốt cao, phiền khát, sợ ảnh hưởng đến thai.

Lá sen non sấy khôa đ/c, *Vỏ sò lông* nung tán nhỏ, uống mỗi lần 1 đ/c.

192) Phụ nữ bị bệnh mới khỏi, lao động nhọc mệt, đến nỗi khí nóng đưa lên ngực, chân tay co giật tựa như trứng phong.

Trúc nhự (tinh tre) 8 lạng, *Thiên hoa phấn* 1 lạng, nước 2 cân, sắc còn 1/3 chia uống làm 2 lần.

193) Các phương trục con chết trong bụng.

- *Trần châu* (ngọc trai) 2 lạng, tán nhỏ uống với rượu.
- *Dạ minh sa* (phân dơi), *Tô mộc* sắc hòa thêm rượu uống.
- *Vỏ bưởi* đốt tán nhỏ uống với nước dấm.
- *Lá đào*, *Cỏ xước*, *Vỏ cây ngô đồng*, sắc rồi chế thêm đồng tiện vào uống.
- *Ích mẫu* giã nhỏ chế nước nóng vào, vắt lấy nước cốt uống hết một lần.
- *Dầu mè* với *Mật* hạng nhau, hòa đều đun sôi lên uống hết một lần.
- *Đậu đen* nấu với dấm uống 3 cân.
- *Quế* tán nhỏ, đổ đồng tiện đun nóng lên hòa vào uống.

SẢN HẬU (Sau khi đẻ)

194) Sau khi đẻ ra máu nhiều quá, tim bụng đau nhói.

Quản chung một củ gọt bỏ lông, thái nhỏ, tẩm dấm nướng (sao) rồi sắc cho uống.

195) Sau khi đẻ huyết trướng đau bụng.

Dương quy 2 lạng, *Cam khương* 5 phân, tán nhỏ, mỗi lần dùng 3 đ/c, nước một chén, sắc lấy 8/10, chế thêm một ít dấm, uống lúc còn nóng.

196) Sau khi đẻ bụng đau quặn.

Dương quy 5 đ/c tán nhỏ, *Mật ong* 1 chén, nước 2 chén, sắc lấy một chén, chia uống làm hai lần, chưa khỏi thì uống thêm.

197) Sau khi đẻ bụng đau và ra máu.

Ma hoàng bỏ mắt, tán nhỏ, sắc với rượu uống. Uống 2-3 lần, máu ra hết thì khỏi.

198) Sau khi đẻ bụng đau có hòn, hoặc sau khi hành kinh bụng đau, kinh nguyệt không đều.

Thục địa một cân, *gừng sống* 3 lạng, cùng sao, tán nhỏ, uống mỗi lần hai đồng cân với rượu ấm.

199) Sau khi đẻ đau tim.

Trứng gà đổ *rượu* vào luộc chín ăn.

200) Sau khi đẻ, các chứng máu xấu vận lên tim buồn bực, phiền nhiệt, lỉm lỉm thở yếu ngắn hơi, tâm thần đau cứng, lúc nóng lúc rét.

Tục đoạn một nắm sắc uống.

201) Sau khi đẻ xây xẩm.

- *Lá hẹ*, chứa vào trong bình tích, tưới *rượu* và dấm vào, đun cho bốc hơi, xông vào mũi thì tỉnh.

- *Lôi cây vang* 3 lạng (3 đ/c) sắc uống.

202) Sau khi đẻ hư nhược buồn bực.

A giao sao, *Chỉ xác sao*, đều một lạng, *Hoạt thạch* 2 lạng 5 đ/c tán nhỏ, viên với mật, uống mỗi lần 5 viên với nước ấm.

203) Sau khi đẻ máu ra nhiều không dứt.

Trứng gà ác 3 quả, hòa với *rượu* nấu chưng lên, chia uống làm bốn lần.

204) Sau khi đẻ huyết xông lên, hay ra máu không dứt, tim buồn bực, mặt, mình lạnh như sắp chết.

Tiết de mỗi chộc một chén, uống 3-4 lần, thật hay.

205) Khi đẻ suyễn thở là do huyết xông vào phổi, nguy cấp.

Nhân sâm 1 lạng tán nhỏ, *Hạt tía tô* 2 lạng, nước hai bát, sắc lấy một bát, hòa bột *sâm* vào uống.

206) Sau khi đẻ, ra máu mũi.

Kính giới sấy, nghiền nhỏ, uống 3 đ/c với đồng tiện.

207) Khi mới đẻ xong, lên giường cứ nên uống một thang thuốc sau đây, để tiêu máu ứ, rồi sau uống thuốc bổ.

Lôi cây vang, *Qui vĩ*, *Màn tươi*, *Quế tâm*, *Nghệ đen*, *Củ cỏ cú*, *Hồng hoa*, sắc rồi chế thêm đồng tiện vào uống.

208) Thuốc bổ.

Nhân sâm, *Bạch truật*, *Phục linh*, *Chích thảo*, *Đương quy*, *Xuyên khung*, *Hoàng kỳ*, *Trần bì*, *Thục địa*, ướ tam sắc uống. (Thập toàn đại bổ)

209) Chứa đau dạ con.

Lá sấu dẫu, giã với nước 1 bát, cho vào chút muối, thổi (bơm thụt) vào.

210) Sau khi đẻ máu hôi vận lên tim, khí nghịch đưa ngược lên, ngày ngật khó chịu.

Củ cỏ củ, Ô được tán nhỏ, uống 2 đ/c với rượu ngâm đậu đen. Nếu máu bốc lên nhức đầu, thì uống với Bạc hà làm thang.

211) Sau khi đẻ, bị sưng gió, tay chân nhức buốt, phiền nhiệt nhức đầu.

Thì dùng Tiêu sài hồ thang (Sài hồ, Hoàng cầm, Sâm, Cam thảo, Bán hạ, Gừng, Táo).

Nếu không nhức đầu thì dùng: Khố sâm 1 lạng, Hoàng cầm 1 lạng, Sinh địa 4 lạng, nước 8 cân, sắc hai cân, chia uống làm mấy lần.

212) Sau khi đẻ bồng dưng ngá ngất, hoặc trúng phong mình mẩy cứng đờ.

Kinh giới tán nhỏ, hòa với đồng tiện uống. Nếu cắn răng thì lấy Ô mai xát vào chân răng, để bệnh nhân há miệng và đổ thuốc vào cho uống được.

213) Sau khi đẻ, đái són hay đái nhất.

Ổ cào cào đeo dẫu 2 đ/c, Long cốt 1 lạng tán nhỏ, cho uống mỗi lần 3 đ/c với nước cơm.

214) Sau khi đẻ thũng xanh là tích huyết, ứ nước, dùng.

Sơn khô, Mạch nha bằng nhau, tán nhỏ, cho vào trong nồi đất mới một lớp sơn thì phủ một lớp Mạch nha cho đầy, lấy muối trộn bùn trét kín, đốt lửa hầm đỏ, rồi tán nhỏ, uống mỗi lần hai đồng cân với rượu.

VÚ SỮA

215) Không có sữa.

Củ u du 2-3 củ, nước hai chén, sắc nước rửa vú, thấy ra mồ hôi thì thôi, rất hay!

- Giò heo đen 1 cái, cạo lông rửa sạch, Mộc thông thái miếng, cùng với gạo nếp cho vào nồi nấu cháo, bỏ Mộc thông, thái giò heo trộn với cháo mà ăn thì sữa chảy ra như nước suối.

216) Ít sữa.

Mè đen rang tán ít muối mà ăn.

217) Sau khi đẻ cương sữa, hay sản phụ không có con bú, sữa không tiêu, phát sinh nóng lạnh.

Mạch nha 2 lạng sao tán nhỏ, uống mỗi lần 2 đ/c với nước.

218) Không có sữa hoặc nhiều sữa quá.

Mỡ heo rừng rán ra mỡ nước hòa với rượu uống ngày 3 lần.

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LĨNH

Quyển thứ 29

ẤU ẤN TU TRI/KIM

(YÊU TRẺ NÊN BIẾT)

LỜI NÓI ĐẦU

Ông Vật thực Linh có nói: Con người, bẩm thụ bởi khí âm dương ngũ hành mà sinh ra, sau khi lọt lòng mẹ thì các xương các khiếu đều đầy đủ, lục dục, thất tình đều sẵn có, từ khi non nớt đến lớn khôn há có phần khác nhau, mà các bộ môn trị liệu chữa bệnh trẻ em thường không theo hết ý nghĩa chữa bệnh người lớn mà đặt ra khó chuyên môn khác sao mà phân biệt phiền phức như vậy. Sách có nói: "chữa 10 người nam không bằng chữa 1 người nữ, chữa 10 người nữ không bằng chữa 1 người già, chữa 10 người già không bằng chữa 1 em bé", người xưa còn gọi là á khoa nghĩa là khoa cầm nũ, vì trẻ em đau đớn thế nào nó không nói được, mà chỉ thấy khóc, chứ không hiểu đau bệnh gì cho nên chẩn trị không gì khó bằng. Riêng Cảnh Nhạc có luận rằng: chữa bệnh trẻ em so với người lớn lại là rất dễ, vì trẻ em bên ngoài khi bị khí lục dâm dâm ngấm lâu ngày, bên trong cũng không bị bảy tình dục dứt trừ các chứng kinh phong cam tích ra hệ trẻ có bệnh thì phần nhiều do ăn bú mà ra, nếu xét rõ nguyên nhân mà điều trị thì đã dễ lại càng thêm dễ, đọc tới đây tôi ngạc nhiên rợn tóc gáy tấm tắc khen rằng, thật là nghe những lời xưa nay chưa từng nghe, nói những lời mà mọi người nói được, từ Hiên Viên, Kỳ Bá đến nay chỉ có ông ấy mà thôi.

Tôi đã khổ sở vì cái nạn muộn con, uống những thuốc âm dương mà sinh nở được 8, 9 đứa mà chết non muốn hết chỉ còn 2, 3 đứa. Và lại khí bẩm của tôi vốn yếu ớt, sinh con càng yếu ớt thêm, nên khi đẻ ra rồi là không lúc nào ngót thuốc thang, cho nên trong sách Vệ sinh chỉ có bộ môn Nhi khoa là phải trải qua bao nhiêu khổ sở đào sâu suy kỹ, mỗi khi nhân chứng xử phương tư mình đã ghì sâu tận trong xương tủy, nên rất đáng tin tưởng vào câu "**biết được cốt yếu, một lời là đủ**" thật không điêu ngoa. Tại sao người đời trị bệnh trẻ em lại không xét cái ý trẻ em là "**thuần dương vô âm?**" nên bổ âm để phối dương, mà cứ cho là thuần dương nên dễ phát nóng, rồi hễ cho thuốc thì cứ bốc những thứ thuốc đắng, lạnh, trẻ bẩm sinh vốn đã không có phần âm mà lại đánh bat mất phần dương, âm và dương đều không có, mà muốn cho mầm mống tươi tốt, thành được cây to sống lâu, chẳng là viễn vông lắm sao?

Từ rất băn khoăn lo ngại về tình trạng này, nên gom góp các bài luận, các phương thang về nguồn gốc và chứng trạng bệnh trẻ em của các nhà Y học thành một tập, nhan đề là **Ấu ấu tu tri** để bổ sung vào các phương pháp lập thành của người xưa, và ở cuối tập lại tiếp thêm một thiên Lạc sinh, đấy là phần âm đặc của tôi tự tay viết ra, là có ý dốc hết sở năng của mình mong muốn cứu sống trẻ em được một phần nào.

LÊ HỮU TRÁC

Biệt hiệu HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG

THỂ LỆ BIÊN TẬP

- Trong tập này trước lấy sách Cẩm nang, thứ đến lấy sách Cảnh nhạc làm đề cương, sách Y học nhập môn thì để rõ thêm, rộng đến các phương thư, góp nhât những phần tinh túy cùng nghiêm phương gì truyền đều tham bổ vào.

- Trong tập chia làm 5 quyển trình bày thứ tự phối với ngũ hành như quyển **kim**, quyển **mộc** v.v... từ mục từ yếu cho đến mục đơn độc gồm 90 mục là phần chuyên môn của nhi khoa, từ mục phát sốt đến mục thai độc... công 38 mục nên xem chung với phần người lớn, trong bộ môn Nhi khoa đã chu đáo đầy đủ những vốn quý tích lũy xưa nay không thêm gì được nữa.

- Trong mỗi mục có phân ra làm 4 phần:

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh.

2- Phân biệt chứng trạng.

3- Cách trị.

4- Xử phương.

Nghĩa lấy rành mạch, hệ thống rõ ràng, làm cho độc giả có thể biết được nguyên nhân mắc bệnh ở trong, rõ ràng chứng trạng biểu hiện ở ngoài, nắm vững được quy tắc trị liệu, phân biệt được chỗ giống và chỗ khác nhau của phương được. Nhưng quyển Kim thì không chia 4 mục, bởi vì lối hành văn mạch lạc không xa nhau, vài câu có thể đầy đủ, nên không cần phải câu nệ.

- Các phương thuốc có quan thiết với chứng bệnh đều xếp vào sau điều mục ấy để có thể xem thấy ngay, còn lại, thì nên xem rộng ra để mà tham khảo, rườm rà nên hợp cả lại mà chép vào quyển "Hỏa".

- Thiển "Lạc sinh" là do tôi thu nhập suy nghĩ lãnh hội sâu sắc đem hết cái bí ẩn, để trình bày ra, làm cho học giả "biết được cái cốt yếu chỉ một lời là đủ" mà không phải tìm hỏi vô vấn.

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LINH

Quyển kim

ẤU ẤN TU TRI

(YÊU TRẺ NÊN BIẾT)

Quyển kim

ẤU ẤN TU TRI

(YÊU TRẺ NÊN BIẾT)

QUYẾN KIM

I- BỐN ĐIỀU CỐT YẾU CỦA THẦY THUỐC

Bốn điều cần thiết của thầy thuốc là Vọng, Văn, Vấn, Thiết tức là *quan sát khí sắc, nghe âm thanh, hỏi bệnh tình, và bắt mạch*, thiếu một là không thể được, sách Nội-kinh có chép: "Trông mà biết được, đó là thần" tức là trông thấy 5 màu sắc thể hiện để biết được bệnh ở chỗ nào; "Lắng nghe mà biết được đó là thánh", tức là lắng nghe 5 thứ âm thanh để phân biệt được bệnh phát sinh ở đâu; "Hỏi mà biết được đó là thầy", tức là hỏi bệnh coi họ thèm muốn ăn gì để biết bệnh khởi từ đâu, ở chỗ nào; "Bắt mạch mà biết được đó là tinh xảo", tức là bắt mạch ở bộ thốn khẩu {1} xem hư hay thực để biết bệnh ở tạng nào phủ nào. Cho nên trước trông rồi lắng nghe, sau hỏi bệnh rồi bắt mạch thật là một ý nghĩa cốt yếu bất di bất dịch, hướng gì trẻ em khí huyết chưa định, khí lớn khí nhỏ khó bằng cứ vào chỗ thốn khẩu, nếu không vận dụng cả bốn điều cương yếu này để cân nhắc, đoán đó thì làm gì thấy được hết tình vi, nếu tôi trân trọng xếp 4 điều cương yếu này ở đầu tiên.

A- QUAN SÁT KHÍ SẮC

- *Mỏ ác*: Mỏ ác lõm sâu, sưng đỏ, nóng dữ, màu đen, là chết.

- *Chính giữa trán*: màu đỏ là tâm kinh có phong nhiệt, nằm ngủ không yên, hay giật mình, nóng táo, nếu thấy màu xanh đen là trong tâm có tà, kinh phong, đau bụng, tay co quắp mà kêu khóc, nếu xanh đen lấm là đau tim và bụng nhiều, nếu màu hơi vàng và da khô là có mồ hôi trộm.

- *Màng tang bên trái*: Màu xanh là kinh phong mà nhẹ, nếu màu đỏ là thương hàn, nghệt mũi, biến chứng {2}, và nóng dữ màu xanh đen là bú không tiêu.

- *Màng tang bên phải*: Màu xanh là kinh phong mà nặng, màu đỏ là phong giân, biến chứng {1}, mắt đen là chết.

- *Hai bên thái âm (sau màng tang)*: Màu đỏ là trong người có nóng, đỏ suốt tới dôi lông mày (vân dài) là nóng dữ, đỏ suốt tới trước lỗ tai (vô dài) là dần dần sẽ có biến chứng.

- *Phong trì*: Màu đỏ là phong và dờm sắp nhân hư mà sinh co giật.

- *Ấn đường*: Màu xanh cũng là bị kinh phong, nếu xanh có cả đen cả tim là bị chạm

(1) *Thốn khẩu* bộ mạch ở cổ tay, sách nói: Thốn khẩu là nơi đại của các mạch.

(2) *Biến chứng*: một thứ bệnh của trẻ em, xem cụ thể ở quyển Mộc, điều XXVII, trang 49.

vía, nếu xanh đen là đau bụng hay khóc, nếu xanh kèm đỏ là kinh nhiệt màu trắng là không bệnh.

- *Sơn căn* (1): Màu xanh cũng là chứng hậu kinh phong, nếu màu tím là bút không tiêu, nếu thấy màu xanh đen là nguy.

Có thuyết nói Ấn đường liền xuống chót mũi đỏ hồng là tích nhiệt ở tam tiêu, nếu đỏ hồng đến sơn căn là tâm cùng tiểu trường bị nhiệt mà tiểu tiện đỏ gắt.

Có thuyết nói: Hệ có sắc đẹp phần nhiều là chứng chết.

Có thuyết nói: Từ gốc mũi đến chót mũi mà thấy màu đỏ là có nóng ở vị quản đái rất, ỉa bón, thấy màu vàng là hoắc loạn, màu đỏ là khóc đêm, màu tím là ăn uống không tiêu.

Trên sống mũi: Màu đỏ là có sốt không muốn ăn uống, nếu màu vàng sẫm là đái không thông, nếu lỗ mũi khô khóc, hơi thở ồ ồ là có chảy máu cam, nếu màu xanh là ọc sữa, màu trắng nhạt là di lỏng, không ăn được. Nếu trong mũi khô ráo là đại tiểu tiện không thông, nếu trong lỗ mũi khô đen mà ngẩng lên là phế đã tuyệt, bàn tay bàn chân không còn chỉ, môi không còn lằn xếp (nhân) đều là chứng bất trị.

Có thuyết nói: Hết trong mũi ngứa quá là khí thịnh mà 5 chứng cam truyền kinh, nếu dưới mũi đỏ loét là cam khí thịnh mà chứng cam thuộc phổi hiện ra, nếu lỗ mũi như ống khói là hỏa đốt sém kim, sinh ra chứng kinh phong, rất nguy.

Hết thấy đầu chót mũi sắc trắng hoặc ngay chính giữa mặt có màu trắng như xương khô hoặc trắng như xoa phấn mốc vào đó là phế tuyệt thì chết.

Lại có thuyết nói: Hoắc trắng mịn như màu phấn hoa mai thì chỉ là bệnh ở phổi, hoặc trùng hàn, ho suyễn là bệnh khí hư mà thôi.

Có thuyết nói: Trên mũi thấy màu vàng khô rang như hình tượng đất đỏ là tỳ khí tuyệt, thì chết.

Có thuyết: Nếu trắng như hoa quế xen có lốm đốm đen chỉ là bệnh về tỳ, ăn uống không ngon, tay chân bại hoại, sinh bụng, buồn bực, di lỏng, nôn mửa.

- *Phương quảng* (2): Sáng bóng là lành, mờ tối là dữ.

- *Phong môn* (3): Màu đen là đái sưng đau, nếu màu xanh là kinh phong, màu đỏ là thổ tả.

- *Khí trì* (4): Màu đỏ là thương phong, có nhiệt tà nhập lý.

- *Hai má*: Màu xanh như chàm là bị chạm vía, màu vàng là có đàm thực, màu đỏ là kinh phong.

- *Hai mép miệng*: Màu đỏ là kêu khóc, kinh phong, nóng sốt, màu đỏ cả màu vàng là bị mửa. Có thuyết nói: Phế nhiệt.

Có thuyết nói: Dưới mép miệng đỏ là thận nhiệt, nếu đổi sắc luôn là thai phong, chạm vía.

Má bên trái: Màu hồng là chủ về gan, phong nhiệt, nếu nơi đỏ cũng là sốt cơn, hoặc

(1) Nhà tướng pháp gọi gốc sống mũi là sơn căn.

(2) Trên phía dưới chân mày (xem hình ở trước).

(3) Trên ngác kéo, dưới mang tai (xem hình ở trước).

(4) Dưới mí mắt (xem hình ở trước).

đại tiện rắn, thờ hồng học, đàm nghệt, nếu xanh trắng là họ, buồn mùa, nếu màu xanh đen là kinh phong muốn phát, hoặc phát lên chứng đau xoắn trong ruột (bàn trường nội diếu) đau bụng v.v...

Có thuyết nói: Hai má xanh là do khóc nhiều sinh mùa.

Có thuyết nói: Má phải xanh là có nhiều đạm, ủa ới.

Có thuyết nói: Hai má đỏ là phong nhiệt cảm vào bất ngờ.

Có thuyết nói: Hai má như màu đất là trong 7 ngày sẽ chết.

Có thuyết nói: Hai má đỏ như mảnh hạt đậu đen là thai thiệt thỉ trong một tháng sẽ chết.

- *Hai chân mày*: Màu đỏ là khóc đêm, nếu chính giữa chân mày trắng nhạt là đi lỏng, phân trắng, ăn không tiêu, những bệnh lâu ngày mà nổi sắc đỏ là chết.

Có thuyết nói: Màu tím là phong nhiệt, nếu mình nóng mà chau mày không thư thái là nhức đầu: Không nóng mà chau mày là đau bụng đi lỵ, hoặc nhiệt động ở tam tiêu, nếu giữa chân mày có màu trắng là hoặc loạn, bụng đau xoắn, màu vàng là tích nhiệt sưng phù, màu đỏ thời cảm phong, nhức đầu, màu xanh là kinh phong có quắp, màu đen là chết trong sớm tối.

- *Hai tai*: Phía trước tai hơi đỏ là tai điếc, như hơi vàng là kinh phong vì thận, nghiêng răng trong khi ngủ, nếu vành tai khô đen (có ý kiến cho khô ráo) là nóng âm í trong xương.

- Có thuyết nói: Chốt tai đen xương sau tai đen, trong lỗ tai đen, trong lỗ mũi như có khối đen, móng tay đen, ngón tay lật ngược, kêu thét lên hoặc như tiếng chim ắc và mất sờ ảo cha mẹ, đều là chứng bất trị.

Có thuyết nói: Hễ thấy màu đen hiện ở lỗ tai hoặc trong ngoài vành tai, ở phong mồm, màu đen giống như bã, như khối than đó là thận tuyệt, là chết, nếu đen huyền như lông chim thì chỉ là thận hư hỏa tà lấn thủy mà thôi.

- *Hai mắt*: Mắt đỏ là tâm và can nhiệt, do phong nhiệt phiền táo, nếu màu vàng là tỳ tích mà miệng hôi, không ăn được, nếu màu xanh là can phong nhiệt mà phát kinh, nếu mí mắt sưng phù là ho lâu ngày buồn mùa, hoặc ăn không tiêu thành cam tích, nếu trông mắt màu vàng đỏ là sớm tối sẽ phát nhiệt, như đuôi mắt nhỏ nheo có tia màu là kinh phong, đau quặn trong bụng, nếu con mắt đỏ tươi lên cũng là kinh phong, nếu gãi mày giụi mắt là muốn sinh phong, nếu mắt lơ mờ là can nhiệt hay biến thành chứng quáng gà, như sưng mí mắt, sớm tối lại sưng mắt là tỳ tích.

Có thuyết nói: Hễ các bệnh mà hai mắt lơ mờ như mắt cá không nhấp nháy là chết, nếu ngoài tuy mờ mà mắt còn có thần sống.

Có thuyết nói: Mắt mắt sưng phù là trường suyễn.

Có thuyết nói: Hễ trông đen nhiều mà mắt sáng là ít bệnh, nếu trông trắng nhiều hơn hoặc vàng hoặc nhỏ, đó là do bẩm thụ yếu đuối, hay nhiều bệnh.

Có thuyết nói: Mắt hồng, bên trong đỏ là tâm nhiệt, hồng nhạt là tâm hư nhiệt, xanh là can nhiệt, vàng là tỳ nhiệt, trông đen không trong sáng là thận hư.

Có thuyết nói: Hễ thấy mắt xanh biếc mà trông lại lơ lơ như mắt cá là đêm sẽ

chết, vì mắt thuộc can, gân tuyệt nên không nhấp nháy được, con ngươi thuộc thận, thận tuyệt thì con ngươi không liệng được là trong một ngày sẽ chết.

- *Niên thọ* (1): Mầu đỏ ứng là hay sinh bệnh về mù máu.

- *Chính giữa miệng*: Thường thấy mầu hồng là vô bệnh, nếu khô ráo là tỳ nhiệt, nếu mầu trắng là hư.

Có thuyết nói: Miệng trắng là có mất máu, mầu xanh vàng là kinh phong do ăn không tiêu, mầu xanh đen là chết, nếu miệng nhiều bọt dãi là do trùng mà đau.

Có thuyết nói: Hễ ở môi miệng thấy hiện ra mầu đỏ và trên dưới 3 âm 3 dương (2) mầu giống như gan ngựa hoặc giống như máu bầm là tâm khí đã tuyệt chết.

Có thuyết nói: Miệng nhỏ bọt trắng mà mặt đen là chết, 4 góc miệng có mầu đen như than cũng chết.

Có thuyết nói: Nếu miệng đỏ như mầu quýt hồng, mầu đuôi ngựa thì chỉ là loại bệnh ở tâm, hoặc có cơn nóng dữ, kinh sợ hồi hộp, đêm nằm không yên, hay quên.

- *Môi*: Môi hồng mặt đỏ là bị thương hàn, nếu môi trắng là có mưa bọt dãi, nôn ọe hoặc mưa ra máu, ỉa ra máu, chảy máu cam, nếu môi đỏ hồng, khô mà nhăn là khát nước, nếu đỏ hồng mà không nhăn là miệng hơi, đại tiện không thông, nửa đêm lòng rạo rức không ngủ được mà kêu là hoảng hốt, nếu môi vàng mà hơi miệng là ăn không tiêu, nếu môi đỏ hồng là có chảy máu cam, nếu môi trắng miệng mấp máy là có sốt làm kinh, nếu môi miệng mầu tím là có nhỏ bọt dãi ra bị đau trùng, môi xanh là tỳ hàn, hoặc thỉnh thoảng đau bụng, ăn bú giảm sút, cũng có khi vì khí huyết hư hàn mà xanh, nếu miệng nước trong là muốn sinh ra chứng trùng thiệt (lưỡi chòng), hoặc lở trong miệng, cũng có cháu do tỳ lạnh mà chảy nước dãi.

Có thuyết nói: Nếu môi có mầu tím là có sên lai cán rút, làm cho đau xóc lên, sinh hoắc loạn; môi hồng thắm là phế hư nhiệt; môi trắng là phế hư. Nhưng trắng mà tươi là có thể trị, còn trắng như xương khô, và các bệnh vừa khỏi lại đột nhiên phát cơn nặng mà môi trắng, đều là chết.

Có thuyết nói: Môi trắng nhạt như kén tằm là bú không tiêu lại bị nhiệt động ở tỳ, thì sôi ruột trường bụng.

- *Lưỡi*: Lưỡi nứt, lưỡi rướm máu, trên lưỡi mọc gai đều là bị nhiệt độc cả, lưỡi lở loét là tâm và tỳ có nhiệt, lưỡi co là kinh phong, lưỡi khô, lưỡi trắng, lưỡi đen, lưỡi ráo, lưỡi có rêu vàng, lưỡi sưng đỏ đều là do đại diện táo bán, nếu như đi ỉa lỏng, đi kiết lỵ lâu ngày rồi mới thấy lưỡi đen, là chết.

Một thuyết nói: Lưỡi vàng là tỳ bị bệnh, rêu lưỡi trắng là bị bệnh tiêu khát, lưỡi mầu tía sù sì như vỏ trái vải là nhiệt động ở tam tiêu, lưỡi nứt, lưỡi nề, lưỡi rướm máu là do tà nhiệt công vào tim quá lắm, có rêu lưỡi xanh, hoặc giống như có nhuộm mầu trắng, đều là bệnh bất trị.

Một thuyết nói: Lưỡi thè ra thụt vào (lộng nhiệt) là tỳ có nhiệt, nếu sau cơn bệnh nặng mà lưỡi thè ra thụt vào là chết.

- *Nhân trung*: Mầu đen là lõi chồi mà đau bụng, nếu lôm đóm đen là mưa và kiết

(1) *Niên thọ*: giữa sống mũi, dưới gốc mũi

(2) *3 dương*: Long giác, Thái dương, Vĩn đài.

3 âm: Nhỏ giác, Thái âm, Vĩn đài

ly, nếu hai bên vàng là bú không tiêu, nếu rạt màu xanh là bú ăn không tiêu, ỉa cứt xanh.

Có thuyết nói: Rãnh Nhân trung nên sâu mà dài, kỵ đầy và phẳng.

Có thuyết nói: Nhân trung thể hiện cho tiểu trường, nó đen là có tả lý, trong 9 ngày sẽ chết.

- *Thừa tương*: Màu xanh là do ăn mà sinh kinh phong, hoặc vất vả khóc đêm.

- *Má*: Màu đỏ là bằng quang nóng tiểu tiện không thông.

*
* * *

B - QUAN SÁT CHUNG BỘ MẶT

Mũi thể hiện cho phế (chủ màu trắng, thịnh về mùa thu), mắt thể hiện cho can, (chủ màu xanh, thịnh về mùa xuân), lưỡi thể hiện cho tâm (chủ màu đỏ, thịnh về mùa hè), môi thể hiện cho tỳ, (chủ màu vàng, thịnh về tứ quý (1) tại thể hiện cha thận (chủ màu đen, thịnh về mùa đông). Nếu bỗng nhiên thấy màu xanh đen là có đau, màu đỏ là có nóng, màu trắng là có lạnh, màu vàng là có tích, năm bộ phận (2) ấy đều xanh là có tích thực không tan, muốn phát chứng phong, (tất nhiên thần sắc không ổn định khi lên khi xuống); đều màu hồng là đàm tích đầy đặc, kinh sợ hồi hộp chẳng yên, (tất nhiên thần sắc không sáng sủa, hoảng hốt luân); đều màu vàng là thực tích thành hòn cục (Tất nhiên tinh thần tán mạn, miên man, chứng hậu thì khi nóng, khi lạnh, ăn uống không điều, hơi thở rục lên, phiền ác ngủ mê mệt uạ ói, hoặc đi tả đi lý), đều màu trắng là phế khí không thông, tháo dạ, sống phần, muốn sinh chứng thổ chứng lý (tất nhiên con người lừ đừ mất hết tinh thần); đều màu đen là chứng truyền kinh không thuận, rất là nguy cấp, (tất nhiên tinh thần mê man bất tỉnh và không còn lâu). Bỗng nhiên như có miếng vải the xanh trùm hết từ mái tóc đến ấn đường, thì không cần hỏi bệnh nặng hay nhẹ chỉ sau mười ngày là chết.

Dến sống mũi thì 30 ngày chết,

Dến nhân trung thì bất qua 10 ngày là chết,

Nếu màu sắc ấy đầy khắp mặt thì chết ngay trong ngày.

- Phàm các bệnh tuy khỏi mà thấy màu đỏ hiện ra ở hai gò má lớn bằng ngón tay cái thì tất nhiên bệnh sẽ trở lại mà chết thành linh,

Màu đen hiện ra ở thiên đình lớn như ngón tay cái, thì tuy không bệnh gì cũng chết thành linh.

Phàm mặt xanh mà môi đen là sẽ chết về ban ngày, tuy rằng tỳ là thuộc thổ, xanh là mộc khắc đến thổ, màu đen là thổ tuyệt thủy tháng là sẽ là chết trong ngày và giờ thuộc mộc.

Phàm mặt thấy vàng mà mắt hoặc xanh hoặc đỏ, hoặc trắng, hoặc đen, đều là không chết, bằng như mặt xanh mắt đỏ, mặt đỏ mắt trắng, mắt đỏ mắt xanh, mặt xanh mắt đen đều là chết, chỉ vì trong màu sắc mà không có màu vàng, là vị khí đã tuyệt.

Phàm màu xanh hiện ra ở thái âm, thái dương và ngư vị, chính giữa mặt, góc miệng mà xanh như màu lá chàm hoặc hình trạng quái ám đầy là can tuyệt, thì chết, nếu xanh

(1) *Tứ quý*: chỉ tháng 3, 6, 9 và 12 trong năm.

(2) *Năm bộ phận*: Mũi, Mắt, Lưỡi, Môi là Tai đại diện cho phế, can, tâm, tỳ, thận.

như lông chim sẻ, như vỏ cây bách, đây là do can tà, tất sẽ có những chứng bệnh giận, bệnh phong, bệnh kinh, bệnh mắt.

Hề trẻ em mới sinh nhan sắc trên mặt hay biến đổi gọi là chứng "Tĩnh tĩnh", là sẽ chết trong 1 tháng.

Hề đen tím khắp mặt mày là bệnh mãn kinh, sẽ chết trong 7 ngày.

Hề thấy màu xanh từ chân mày đến mắt, màu xanh từ mắt chạy vào tai, màu xanh vào miệng mũi, màu đen hiện nhiều xung quanh miệng mũi, màu xanh từ chân mày chạy quanh đến lỗ tai, tai mất miệng mũi nổi màu đen, ở mí tóc nổi một lần gân xanh hoặc xanh tím lung tung, trên dưới mí mắt nổi nhiều đường xanh tím và dưới mắt có một lần gân xanh đen chạy thẳng vào tóc mai, sắc mặt tím như gan gà và môi, miệng, mũi thường thường có màu xanh đen. Các chứng kể trên đây đều là bất trị.

C - NGHE ÂM THANH

Âm thanh là do khí phát ra, cho nên phế là gốc của thanh âm, mà thân là nguồn của thanh âm,

Khí đầy đủ thì tiếng mạnh mà giọng cao bổng,

Khí thiếu thì tiếng yếu mà khô khan, gián đoạn, còn như tiếng nhẹ và trong cũng là do khí yếu;

Tiếng nặng và đục là đau về phong,

Hết to tiếng là có nhiệt bên trong mà muốn phát cuồng,

Nói láu liến là tính thần kinh sợ,

Tiếng nặng là đàm tắc, tiếng nói run là hàn, tiếng nói nghẹn lại là khí không thuận, vừa nói vừa thờ là khí xúc, nhảy mũi là cảm phong, sợ khỏe,

Tiếng trầm không có vang là thận yếu.

Tiếng đục trầm lặng là cam tích.

Như sinh đến nay không kêu khóc to tiếng, khóc i-i (1) là chết non,

Lại như khóc rống từng tiếng mà không ra nước mắt là có đau,

Khóc liên thanh không dứt mà nhiều nước mắt là có động kinh,

Tiếng ồ như nói trong vò (hũ) là cảm phong,

Bỗng nhiên kêu thét lên là hỏa động, phát lên lúc nửa đêm phần nhiều là lở miệng.

D - HỎI BỆNH TÌNH

- *Hỏi cháu sinh ra lúc cha mẹ tuổi trẻ hay tuổi già?* Lúc tuổi trẻ khí huyết đầy đủ thì khí bẩm khỏe, lúc tuổi già khí huyết suy kém thì con sẽ bẩm thụ bạc nhược.

- *Hỏi cha mẹ khỏe hay yếu?* Hỏi được cha mẹ trẻ em bẩm thụ khỏe hay yếu thì có thể biết trẻ khỏe hay yếu, sách xưa có chép: "Mẹ yếu thì con gầy ốm, cha yếu thì con hờ mớ ác, do khí huyết cha mẹ cấu tạo không đủ chất mà ra, còn như cách trị bệnh người giàu có và nghèo hèn cũng khác nữa.

- *Hỏi lúc có mang có bệnh gì chăng?* Khi có thai mà không bệnh thì khí huyết

(1) i i = tiếng khóc nhỏ mà ngắn.

nuôi dưỡng dồi dào, nếu cứ tụt bệnh liên miên thì thai nhi cũng yếu đuối.

- *Hỏi lúc sinh có đủ tháng không?* Mười tháng là đầy đủ, bảy tám tháng là không đủ, để tương ứng với tam tài {(1)} phải đủ mỗi tài là 9, ba lần chín là 27, nên tương ứng là 270 ngày mà sinh, trong đó không kể 1 tháng để ứng với số 10 tháng. Nội kinh có chép: 9 tháng 9 ngày là tốt nhất, 8 tháng 8 ngày là thứ, 7 tháng 7 ngày là thứ nữa, đầy đủ thì khí huyết sung túc, không đủ thì khí huyết thiếu.

- *Hỏi bú mớm nhiều hay ít?* Bú mớm nhiều thì tỳ vị khỏe mạnh, bú ít thì bệnh sẽ sinh.

- *Hỏi đi đại thông không? đi đại tiện phân chặt không?* Đi đại thông thì phế có dự, đi đại tiện chặt thì đại trường khỏe mạnh.

- *Hỏi răng mọc, hỏi mọc ác kín vào năm, tháng nào?* Thận chủ về xương hể bẩm thù khỏe (tiên thiên) thì con gái là 7 tháng mọc răng, 7 tuổi thay răng, con trai thì 8 tháng mọc răng, 8 tuổi thay răng. Giáp năm mọc ác sẽ kín, nếu quá kỳ mà không đủ là bản chất yếu kém.

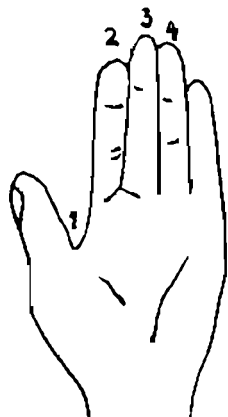
- *Hỏi bao nhiêu tháng nó biết lật, biết ngồi, biết đứng, biết đi?* 100 ngày thì nhâm mạch đã thành, có thể biết lật, 180 ngày thì xương khu cũng có thể ngồi, 240 ngày xương bàn ta thành có thể biết bò, 300 ngày thì xương tủy đủ có thể đứng, 370 ngày thì xương gối vững có thể đi được, nếu mỗi đợt không đúng kỳ nói trên là yếu ớt.

- *Hỏi nằm ngủ có thể yên ổn chăng?* Khi nằm thì dương chạy vào âm, âm đầy đủ thì sinh huyết, tâm thống quản huyết, thần có chỗ tiềm tàng, thì an ổn, trong giấc ngủ mà kinh sợ là âm hư.

E- BẮT MẠCH

Trẻ con 6 tháng trở nên xem mạch ở trán, giáp tuổi trở lên nên xem mạch ở hõ khẩu, trai 5 tuổi, gái 6 tuổi trở lên thì bắt mạch ở thốn khẩu.

Phép xem mạch ở trán: Theo phép thì lấy ba ngón tay (ngón trỏ, ngón giữa, và ngón áp) đặt lên trán (khoảng trên chân mày và dưới mái tóc), ngón áp ở trên, ngón giữa ở giữa ngón trỏ ở dưới, thăm xem ngón nào thấy lạnh, ngón nào thấy nóng, để định được tin tức, phân biệt được bệnh tình.



- 1- Hõ khẩu
- 2- Ngón trỏ
- 3- Ngón giữa
- 4- Ngón áp

- Ba ngón đều thấy lạnh là tạng hàn, có thổ tả.

(1) Tam tài: Trời, đất và người gọi là tam tài.

- Ngón trở nóng là có nóng trong ngực.
- Ngón áp nóng là bú mớm không tiêu.
- Ngón trở nóng, ngón giữ và ngón áp lạnh là trên thì nóng mà dưới thì lạnh.
- Ngón áp và ngón giữa đều nóng là chứng hậu kèm kinh phong.
- Ba ngón đều nóng là cảm mạo hàn là tất nhiên thấy nghẹt mũi tiếng nặng.

Phép xem mạch ở hổ khẩu: Theo phép thì lấy mạch hổ khẩu là ở cạnh ngoài ngón trỏ mỗi một lóng là một *quan*, lóng gốc là *phong quan*, lóng giữa là *khí quan*, lóng ngọn là *mạng quan*, có mạch máu nhỏ như sợi tơ óng ánh ở trong thịt, con trai xem bên trái, con gái xem bên phải, quan sát hình sắc để phân biệt là bệnh gì. Một thuyết nói: bên trái bên phải nên xét đến bên trái tương ứng với tâm can, bên phải tương ứng với tỳ phế.



Hình hạt châu trời: chỉ tay như chấm đỏ, đó là tam tiêu nóng và hoặc loạn, thổ tả, bức rức, kêu khóc.



Hình hạt châu dài: là nóng rét đau bụng hoặc trong bụng có tích.



Hình chỉ cong: là bú không tiêu, đường chỉ nhỏ thì đau bụng, bú mớm không tiêu, nhiều đường chỉ là khí không điều hòa, chỉ rối loạn là bệnh lâu ngày, chỉ cong là phong miệt thịnh.



Hình chỉ thò: Đen mà chạy thẳng đến móng tay là bệnh thương phong nguy hiểm, đen như mực lại càng khó trị.



Hình rần bò đến: Là bệnh ủa khan, tạng phủ có tích trệ về khí, hiện ở tay trái là bệnh can.



Hình rần bò đi: Là bệnh ở tỳ tả chảy ngũ, mê, mồi mẹt.



Hình chỉ hướng vào trong hay ra ngoài: Chỉ tay hướng vào trong là phong, hướng (1) ra ngoài là bệnh cam.



Hình chỉ xiên sang bên trái hay sang bên phải: Chỉ tay xiên bên trái là cảm phong, xiên bên phải là cảm hàn.



Hình hai móc câu: Là do ăn đồ lạnh bị tích, tỳ hư, khí trệ.



Hình cong 3 khúc: Là bị tích vật cứng trong bụng.

- (1) A = bên ngoài C = bên trái
B = bên trong D = bên phải.



Hình trùng rối loạn: Là bệnh cam, sên lải.



Hình giáo mác: Là đàm nhiệt, kinh phong, phát co giật.



Hình chữ "song": Là ăn nhảm đồ độc, phát kinh, sinh tích.



Hình mũi kim treo: Hiện ở trong quan là sợi nước, thấy ở khí quan là cam nhiệt thấy ở mệnh quan là sợ người, hay truyền sang chứng mạn tỳ, triệu chứng xấu.



Hình xương cá: Màu xanh hiện ra ở phong quan là kinh phong, hiện ở khí quan là hư lao.



Hình chữ thủy: Thấy ở phong quan là ho, kinh phong, bệnh cam, đàm ngăn ngực, tích tụ.



Hình chữ át: Thấy ở hai lóng phong quan và khí quan là can đông sinh kinh phong.



Hình con sáu cong: Thấy ở phong quan là bệnh về gan, cam tích, thấy ở khí quan là tích uế ở đại trường.



Hình vòng quanh: Thấy ở phong quan là cam tích, thấy ở khí quan là mưa nhiều.



Hình cung cong vào trong: Là nóng rét, đầu mắt tối tăm, kinh sợ hồi hộp, dải đỏ.



Hình cung cong ra ngoài: Là kinh sợ ăn không tiêu, động kinh, như chỉ tay cong vào trong thì tuy là nặng nhưng có thể trị, cong ra ngoài vào đến móng tay là bất trị.

Lại còn xem gân mạch ứng rõ trong thịt màu tía là phong, màu đỏ là hàn, màu xanh là kinh, màu trắng là cam, màu vàng là tỳ yếu, màu xanh đen mạn kinh, ra ngoài bàn tay là chứng nội diếu (1), vượt qua cả ba lóng tay là chứng nguy kịch. Tay trái có chỉ đỏ giống như sợi chỉ là phát nóng kiêm kinh phong, tay phải có chỉ đỏ giống như sợi

(1) *Nội diếu:* Một chứng phong cảm thu từ trong lòng mẹ, hoặc cảm thụ bên ngoài mà phát. Thể hiện đau bụng, sưng nhiều, mắt thâm đen, dải sưng, uốn ván, dưới mắt đỏ, khi giật lên như cần câu giật.

chỉ là tỳ tích và kiểm cả động kinh. Phong quan không mạng thì vô bệnh có mạch là bệnh nhẹ, có ở khí quan là bệnh nặng, chỉ tay ở mạch quan ngắn nhỏ mà màu đỏ vàng, và chứng ngoài lại nhẹ, thì không can gì, nếu như màu xanh đen chạy suốt ba lóng tay và chứng ngoài lại lạng, là chết. Màu xanh thắm hoặc cong nhiều cong ít là sợ loài bốn chân, màu đỏ cong nhiều cong ít là sợ nước, lửa và loài chim bay, màu hồng cong nhiều cong ít là sợ người, màu xanh kèm màu vàng và vì sợ sấm sét, hoặc màu hồng, màu xanh thẳng như sợi tơ là do mẹ ăn không tiêu mà sinh bệnh, chỉ tay như sợi tơ màu tím màu xanh, hoặc mờ mờ lẫn lộn màu xanh màu xanh màu đen, hình như lộ ra mà không lộ là phong mạn tỳ, màu đỏ màu hồng là thương hàn, đậu, sởi, chỉ màu hồng là đi ỉa lỏng, màu đen là trúng ác.

Mạch thốn khẩu: Trẻ con mình nhỏ, xương ngắn, khí huyết chưa ổn định, làm sao mà phân chia thốn, quan, xích được, chỉ dùng một ngón tay cái mằn mò trên dưới tay trẻ tìm được cao cốt (1) sẽ phân ra được 3 bộ thốn quan xích.

Theo phép thường 8, 9 chỉ là bình hòa, 5, 6 chỉ là mạch chậm (trì), 11, 12 chỉ là mạch nhanh (sắc), mạch phù hoãn là thương phong, mạch hồng khẩn là thương hàn, mạch cấp xúc là kinh phong, mạch trầm trì là hư lạnh, mạch tế, thực là có tích tụ, mạch khẩn và huyền là động kinh, mạch trầm hoãn là bú mớm khó tiêu, trướng đau trong bụng, mạch khẩn mạch huyền, mạch lao, mạch thực là đại tiện bí, mạch trầm mà sắc là có lạnh ngưng đọng trong bụng, mạch khẩn sắc là kinh phong tay chân co quắp, mạch phù hồng là có hỏa nhiệt ở vị khẩu, mạch tế là có cam tích, lao tổn, mạch hồng là trúng cần đau bụng, mạch hư hoặc mạch nhu là khí nghịch kiểm chứng kinh sợ thất thần, mạch huyền mà tương là chạm vía, mạch hoạt là cảm sương lạnh ban đêm, mạch trầm tế là đau bụng, mạch hồng mà trì là đầy tức, mạch phục mà trì là hàn, ủa, mưa, nóng từng cơn, mạch khâu là đi lý có máu, 5 chỉ là hư, 4 chỉ là bệnh, 3 chỉ là thoát, 7, 8 chỉ là bệnh nhẹ, 8, 9, 10 chỉ là bệnh nặng, 11, 12 chỉ là chết. Mạch phù sắc mà mình ấm là thuận, mạch trầm tế mà mình lạnh là nghịch, khóc đêm mà mạch vị, tiểu là thuận, mạch hồng đại là nghịch; chứng mưa và óc sữa mà mạch phù đại mình ấm là thuận, mạch trầm tế mình lạnh là nghịch; chứng cam lao mà mạch khẩn sắc, tạng thực là thuận. Tỳ tiết tả mạch trầm tế là nghịch; chứng trùng mà mạch khẩn hoạt mình ấm là thuận, mạch phù đại môi xanh là nghịch, (các chứng khác thì cũng như người lớn).

*
* *

G- CÁCH XEM TUỞNG ĐỂ BIẾT TRẺ SỐNG LÂU HAY CHẾT YẾU

Phạm thai qua 10 tháng mà sinh, là khí huyết có thừa, 7, 8 tháng mà sinh là khí huyết không đủ, đại khái được vừa chừng mà sinh tức là tốt lành: khí huyết hòa tinh thần vững, tạng phủ đầy, hình thể mạnh. Nhưng muốn biết rõ ràng thì nên xem ở chỗ mỏ ác, phạm trẻ chưa giáp năm mà vùng mỏ ác cứng và kín, mắt đen, tinh thần sáng suốt, miệng vuông lưng dày, xương to dít đầy, lỗ dít mềm, lỗ rốn sâu, con chim nhỏ, trứng dái lớn, răng nhỏ tóc tốt, tiếng nói oang oang giấc ngủ yên, khi mạnh tiếng trong, mình đỏ

(1) Cao cốt: lồi xương qua.

tía, đó là âm thủ được khí tốt, thụ khí có triệu chứng thọ được độ 70 (Trung thọ). Sách nói: "bẩm thụ tốt (thụ khí) có 6 trường hợp là *gân, xương, huyết, thịt, tinh, khí*. Gân khỏe thì có sức mạnh, xương cứng thì sớm biết đi, huyết đủ thì mình gầy mà tóc tốt, thịt chắc thì ít bệnh, tinh đầy đủ thì lạnh lợi hay nói cười, không sợ rét nắng, khí đầy đủ thì tóc thưa mà hình thể béo mập. Như trẻ 2, 3 tuổi mà mỏ ác hầy còn hở, tay chân cong to, răng, tóc chưa mọc, đầu gối to như gối hạc, hoặc 5 tuổi mà chưa đi, tay nhỏ xương sống gầy, sắc trắng mình teo, khí yếu tiếng đục, hoặc người béo trong hư, mặt trắng bệch, trong bụng sôi hơi cuộn, ọc sữa, cửt xanh, đó là bẩm thụ khí không đủ là giáng diệu chết non.

*
* *

II - CÁCH XEM BIẾT CHỨNG VÀ CHỨNG CHẾT

Tôi xét những chứng bệnh này không phải chỉ ở trẻ con mà người lớn cũng nên tham khảo.

Chứng bệnh chắc sống mà chưa được như mặt, mắt đều vàng mà tươi nhuận, mặt vàng mắt đỏ, trông mắt sáng tỏ tươi nhuận, mọi chứng nóng sốt mà tinh thần tươi tỉnh, yên lặng, chứng hư mà chịu bổ, ăn được, thể bệnh dấu nguy, mà mạch thái xung còn động, thần khí không thoát ra, mỏ ác không lõm xuống, nhan sắc và móng tay không mờ tối.

Chứng bệnh chắc chết, không thể trị được như trông mắt không sáng, con người không chuyển động, móng tay móng chân môi và lưng đều đen, khi khóc không có nước mắt, khi không khóc lại thấy chảy nước mắt, ngậm vú không bú, lưỡi thè ra ngoài miệng, mồ hôi ra đọng hột, môi không che kín răng, miệng không có nhút nhao, tay chân xuôi rữ mà lạnh, đi ỉa ra máu bầm, miệng kêu như tiếng quạ, trong học có tiếng khô khè, miệng mũi khô đen, tay chân miệng mũi đều lạnh, mặt đen, cần người, mũi đen, mình nóng, thở ra, con người giữa mồ, lỗ mũi đen như than mò, quầng mắt xanh, chân thẳng, bụng to, má nổi gân xanh, vành tai đen, môi xanh sắc đen, hoặc như xương khô, tía đỏ suốt qua con người, mỏ ác lồi lên và lõm xuống, miệng như cá ngáp, đời lưỡi, không hay kêu khóc, ngực lõm xuống và dô lên, mùa ra lã mình mọc những vết xanh đen, khắp mình không ấm, thở dài thở ra, bị thương hàn uống thuốc liên tục mà không có mồ hôi; oạt xương cổ, mới đẻ trong ngoài 100 ngày lên cơn co giật, khỏi rồi lại phát, mặt đen tinh thần mê mẩn, mắt trắng mặt đen mắt trực thị, bàn tay không có chỉ, miệng môi lật trái, nhân trung không có rãnh, mẩn áo sờ quần, mồ hôi ra không chảy mà lưỡi cuộn, âm kết dương kết (đại tiện không thông thuộc về âm kết hoặc thuộc về dương kết), mất thông tinh thần, hoảng hốt, sồn cút sồn dãi ra mà không biết, răng đen, nói bầy nói xằng, bỗng nhiên sưng phù, mặt lở và sặc đen, tay chân da thịt móng tay móng chân đều đen, thở ra nóng, mắt đỏ, đi tả như nước nhà dột, ấn xuống mạch thì mất gốc, chìm và bùi dãi đều sưng, mặt mắt đều trắng, thần chết; mặt vàng mắt đen, mặt đỏ mắt đen, miệng không ngậm lại được, rên rĩ không thôi. Bệnh lâu ngày mà mình có vết lở nổi nốt lên, tóc đứng thẳng như dây gai, lưỡi sưng phát cơn kinh, thịt không có màu sắc máu, phát co giật, mắt ngó xiên, môi miệng mấp máy, bàn chân dựng ngược, tay như cách ôm lấy

đầu, mình không biết ngứa đầu, miệng chúm như miệng túi, đi tả ra phân đỏ đen, đầu đổ mồ hôi, tay chân lạnh, lưỡi xanh hoặc tím mà sưng, nước uống, nước thuốc, đồ ăn vào cổ họng hay vào trong bụng đến đâu là có tiếng đến đó, lâu ngày không ăn, thốt nhiên ăn lại gấp gấp bội khi thường, mọi chứng bệnh da thịt tiêu mòn, mắt trắng thốt nhiên đỏ như lửa, sau ót sưng đỏ như trứng gà.

*
* *

PHÉP DOÁN NGÀY CHẾT

Tai thuộc thận, mũi thuộc phế, môi thuộc tỳ, lưỡi thuộc tâm, mắt thuộc can. Bộ phận hiện ra chứng bệnh thì kỳ với ngày mậu ngày kỷ và giờ mậu giờ kỷ. Còn các bộ khác cũng như theo thế (1).

*
* *

NĂM CHỨNG NGHỊCH CHẾT NGAY

Một là bụng trướng, bốn đầu tay chân mát, đổi khác hình dáng, ỉa chảy nhiều.

Hai là bụng trướng, đái ra máu, mạch to, có mát mạch

Ba là ho ra máu, đái ra máu, hình thể da thịt tiêu hao, mạch nhảy mạnh.

Bốn là ọc ra máu, ngực đầy, ran ra sau lưng, mạch nhỏ mà nhanh.

Năm là ối ho bụng trướng và ỉa chảy, mạch huyết;

Bất quá một lúc là chết.

*
* *

BỤNG TRƯỚNG, MÌNH NÓNG, MẠCH TO LÀ MỘT;

Bụng sôi mà đầy bốn tay chân mát, đi ỉa chảy, mạch lớn là hai;

Đổ máu cam không thôi, mạch to là ba;

Ho thì đái ra máu, đổi khác hình, mạch nhỏ, cứng là bốn, ho róc người, mình nóng, mạch nhỏ và nhanh là năm;

Bệnh lâu ngày mà mạch xung dương, thái khô không động vào tay, thần khí đã thoát là sáu.

Bất quá 15 ngày là chết

*
* *

(1) Bệnh về phế thì kỳ ngày bình, ngày đinh và giờ đinh, bệnh về tim thì kỳ ngày nhâm ngày quý và giờ nhâm giờ quý, bệnh về can thì kỳ ngày canh, ngày tân, giờ canh, giờ tân, bệnh về tỳ kỳ ngày giáp ngày ất, giờ giáp, giờ ất.

CHỨNG TUYỆT CỦA NĂM TẠNG

Mũi khe đen, miệng ngáp như cá mà hơi thở gấp như hình cá ngáp nước, khóc không ra tiếng là phế tuyết;

Chỗ mở ác sưng lên hoặc sâu lõm xuống, lưỡi thè ra ngoài là tâm tuyết

Bụng to gân xanh, khí không tỏa ra được là tỳ tuyết;

Mắt trông và trông không đảo, móng tay sắc đen là can tuyết;

Mất hay trực thị là 5 tạng đều tuyết;

Tóc trên đầu dựng ngược, hơi trong miệng lạnh, lòng bàn tay lạnh, tay chân bò xuôi xuống bốn phía, nằm như bị trời là hình tuyết.

Đều là chứng chết

*
* *

K - XÉT HƯ THỰC

Phạm các chứng mình lạnh mạch nhỏ, đại tiểu tiện như thường, tất cả mọi tật bệnh sau khi khỏi rồi mà ra mồ hôi không ăn được, sắc mặt sáng và trắng (*đó là khí huyết suy kém*).

Đi tiêu ra phân xanh, (là trường vị hư lạnh); ọc sữa và đồ ăn (là có lạnh trong ngực và dạ dày); sữa và đồ ăn không tiêu hóa được, (đó là tỳ hư);

Mùa đông sợ rét, mùa hè sợ nóng, (là bẩm thụ yếu mà âm dương đều hư) mọi chứng bệnh từ trong ra, bệnh hay nổi, bệnh tới dần dần, bệnh chậm trễ, bệnh ngứa, mọi chứng đau ở trong hay ở ngoài mà ấn vào thì hết đau, đều là chứng hư cả (Phạm ống chân lạnh, bụng trưởng thuộc hư đi tuốt, ọc sữa, mắt xanh, mặt xanh trắng, mạch trầm vi, đó là chứng hư).

Kiêng dùng thuốc hàn lương),

Phạm các chứng mình nóng mạch lớn, đại tiểu tiện không thông, hay ăn mà mê muội, phiền táo, khát nước lắm, mặt đỏ như hoa đào, đó là trong thịnh ngoài thực).

Đại tiện đặc và vàng, tiểu tiện trong và thông lợi, (là âm dương đã chia đều nội tạng thực).

Mùa hè không sợ nóng mùa đông không sợ rét, tay chân ấm áp (là bẩm thụ mạnh, biểu lý thực);

Mọi chứng bệnh ở ngoài vào, không nổi được, bệnh tới cấp bách, bệnh cứng cỏi, bệnh đau mọi chứng mà ấn vào lại càng đau thêm thì *đều là chứng thực*. (Đại khái da bị hư thì sinh nóng, mạch bị hư thì phát cơn kinh, thịt bị hư thì nặng nề, gân bị hư thì căng thẳng, xương bị hư thì đau, tủy bị hư thì lưỡi, ruột bị hư thì đi chảy. Ba kinh dương thực, ba kinh âm hư thì mồ hôi không ra, ba kinh âm thực, ba kinh dương hư thì mồ hôi ra không thôi. Phạm ống chân nóng, hai má đỏ hồng, đại tiện bế, tiểu tiện đỏ, khát không thôi, hơi thở lên gấp, mạch khản sắc, đó là chứng thực, kiêng dùng thuốc nóng).

*
* *

M - ĐẠI LƯỢC VỀ CƠ THỂ CỦA BỆNH

Bệnh của trẻ con quá nửa là thai độc, nửa là bị tích đồ ăn bú bên trong, một phần mười là cảm phong bên ngoài, nhưng đại khái phần lớn do tỳ vị non yếu, ăn bú không tiêu, dờm hóa trệ đọng lại mà thành bệnh. Chứng bệnh không phải chỉ có một, hãy nêu những chứng điển hình mà nói:

Ăn bú hại đến dạ dày thì nôn ói, hại đến tỳ thì đi ỉa lỏng.

Bị thổ tả lâu ngày thì thành chứng mạn kinh, hoặc là chứng cam.

Ăn bú tích đọng lại thì sinh thấp dờm, dờm thì sinh ra hỏa, dờm ra hỏa cùng phát ra thì sinh chứng kinh phong cấp tính, hoặc thành chứng tê cuống họng.

Dờm và hỏa kết trệ thì thành chứng kinh giật, xéch mắt, hoặc sinh suyễn, ho.

Thai nhiệt thai hàn là bẩm thụ cơ bệnh.

Uốn ván đường rốn và méo miệng là nguyên khí trong thai có độc; Đen, lờ, miệng là trong dạ dày bị thấp nhiệt;

Lưỡi chông, lưỡi cứng là tỳ kinh đầy hỏa;

Trong thai bị sợ, khóc đêm, là tà nhiệt lấn vào tim;

Biến chứng phát nóng là thai độc sắp tan.

Đơn độc là hòa chạy ở ngoài:

Nhiệt chứa đọng là hỏa tích ở trong; trúng ác là ngoại tà xâm vào; ngủ mà kinh sợ là hỏa động ở trong; đi lỵ là trong bụng tích thực; bệnh sốt rét là dờm đọng ở trên cách mô;

Ngoại cảm phát sốt là ghệt mũi nặng tiếng;

Nội thương phát sốt miệng đắng, lưỡi khô;

Dau vùng tim là bị trúng can; đau tức đái là bị hàm uất lại;

Tích là thường có chỗ nhất định đó là do huyết đọng cục lại.

Tụ là không có chỗ nhất định đó là do khí đọng lại không thấy rõ.

Dạ dày thù nạp được, tỳ chuyển vận được thì tỳ vị mạnh chắc, mà tay chân lành mạnh;

Tỳ vị hư yếu thì trăm bệnh nổi lên, người chuyên môn về ấu khoa, sao không lấy sự điều hòa và bồi bổ tỳ vị làm trọng yếu.

*
* *

II - ĐIỀU TRỊ BỆNH TRẺ SƠ SINH

A- PHÉP KHAI KHẨU:

Trẻ con mới sinh ra chưa khóc, kẹp dùng miếng lụa mềm bọc đầu ngón tay, nhúng vào nước cam thảo (lấy cam thảo cắt nhỏ chút ít, sắc lấy nước, nên nhạt không nên ngọt

quá) móc cùng khắp miệng bỏ hết máu độc, rồi lấy *Hồ đào nhũ* bỏ vỏ ngoài, nhai cho thật nhỏ, lấy lụa mỏng bọc lại bằng quả táo mà nhét vào trong miệng trẻ cho nó bú lấy nước, không những đã êm dịu mà còn nhét vào trong miệng trẻ cho nó hút lấy nước, không những đã êm dịu mà còn nuôi dưỡng được ngũ tạng. Nếu khi người em vốn là hàn con thì xanh yếu, chỉ nên dùng nước muối nhạt mà lau miệng, rất hay, trừ được hàn trong dạ dày, khỏi mắc bệnh thổ tả.

Một cách: lấy mật ong hòa vào tỳ bột chua-sa mà lau miệng, thì hay làm cho tim trấn tĩnh và an thần. (Một phương gia ngư hoàng, cam thảo) hay trừ được thai độc. Nếu chưa kịp móc miệng mà trẻ đã khóc lên thì cục máu độc nuốt xuống bụng rồi thành ra bệnh sỏi bệnh đậu.

Một thuyết di: "Cục máu độc mà lọt vào tim, gặp phải khí độc thì nhiệt xâm vào tim mà phát ra làm ban, mà lọt vào dạ dày thì phát ra làm sỏi làm lở; mà lọt vào gan thì phát ra làm bệnh lên rạ, mà lọt vào phổi thì phát ra làm nhọt có mủ".

B- CÁCH UỐNG THUỐC:

Trẻ con sinh ra ba ngày thì dùng Ngư hoàng một tỳ bằng bột đậu xanh hòa với mật cho thành cao rồi để sữa vào tan ra mà cho trẻ uống, cho xuống hết thai độc, bởi vì Ngư hoàng bỏ gan mật, trừ được nhiệt, định được tinh thần, ngăn được bệnh kinh sợ hãi, trừ được trăm bệnh, thai nhiệt thì càng nên dùng, hình sắc không thực thì uống ít.

Một phép dùng Dạm đậu sị sắc đặc mà uống để xổ thai độc, độc đã xổ lại hay nuôi dưỡng tỳ khí, tiêu hóa sữa bú.

C- CÁCH HÓT TÓC:

Một phép: trẻ sinh trong tháng lấy sữa heo mớm cho trẻ, thì giải được độc đậu và phong xù và không có bệnh phong cứng miệng, uốn ván rốn.

Ngày hót tóc nên đến nơi ẩm áp để tránh gió, và sau khi hót tóc dùng bạc hà 3 lá, hạnh nhân 3 quả (bỏ vỏ, đầu nhọn) cùng gãi nát, cho vào 3, 4 giọt dầu mè, dầu và phấn rôm quấy đều xát lên trên đầu trẻ, có thể tránh được phong tà và tất cả các thứ ghê lở.

D - CÁCH TẮM TRẺ

Tắm cho trẻ nên dùng nước nấu sôi, để vừa ấm, chớ làm cho trẻ sợ nước. Mùa đông tắm lâu thì cảm phong, mùa hè tắm lâu thì cảm nhiệt. Lúc tắm nên giữa lưng của trẻ cho cẩn thận, vì phong hàn hay nhập và lưng mà thành phong xù và chứng phong.

Thuốc nấu nước tắm thì *kim ngân*, *đơn sa*, *hồ dầu cốt* hay trừ được chứng kinh giản, chứng chàm vicia; dùng những đồ đồng hồ sắt để nấu có thể tránh được kinh độc; *rễ mận*, *rễ dương*, *rễ đào*, *hoàng liên* có thể không sinh lở và đơn độc; *mạch môn*, *kinh giới*, *chì*, *thiếc* có thể yên được tâm khí; *rễ các cây đào*, *liệu*, *mơ*, *dâu*, *hòe* hay trừ được khí

độc, ghê độc và kiểm trừ được mọi thứ không lành, các thứ trên đều nên chọn mà dùng.

Trẻ con đang non yếu, khó chịu nổi những thứ thuốc nóng lạnh quá mức, sai một chút là chứng phong phát hiện ra ngay, cho nên trị lạnh thì nên dùng nóng, lạnh hết mà không nóng, trị nóng thì nên dùng lạnh, nóng hết mà không lạnh, như thế mới gọi là thầy thuốc giỏi. Đại khái bệnh của trẻ con, thuốc về can tỳ là phần nhiều, can chỉ có thừa mà có thừa về bệnh khí, bệnh giống như nhẹ mà khó chữa. Thầy thuốc tự ý công phạt bậy thì chương tích trệ tuy có tạm tiêu, mà tỳ vị trở thành yếu ớt, bình can thanh nhiệt, can mộc chưa bình được mà nguyên khí càng bị hại. Ông Tiết lập Trai thiết tha về việc bổ tỳ, thực là người thầy thuốc giữ tính mệnh cho trẻ con muôn đời vậy.

Trẻ con lúc đang trong thai bị cảm lạnh (là do mẹ cảm lạnh) hoặc sau khi đẻ đang khóc chưa nín mà đã cho bú, làm cho khí động chưa động, tỳ vị mới bị hại, nhẹ thì óc sữa, ỉa phân xanh, nặng thì trong bụng sôi sục, nghịch hơi, sôi bọt miệng. Phép trị nên ráo, hơi ấm ấm trung tiêu, nhất thiết không nên công phạt bậy. Nếu đã bị thổ tả, tân dịch đã tự mất hết, đầu có miệng khát môi khô, cũng không nên dùng bậy thuốc hàn lương.

Nội kinh nói: "Tỳ là ba vàng (hoàng bà), vị là ông vàng (kim ông), tạng phủ khí huyết đều nhờ vào đó. Có cháu vì biến chứng (1), mà môi sưng đầu nóng, nhâm cho là tích thực mà ông phạt thông lợi hoặc cho là cảm chứng kinh mà dùng thuốc mát để trấn tâm, gây cho hại đến tỳ vị, đại tiện sắc xanh trở sữa và đi lỏng không thôi, tỳ thổ càng hư can thịnh, dạ dày lạnh gân rút lại co giật mà còn bảo là nhiệt quá lắm sinh ra phong, lại gia thêm thuốc mát mà không thể cứu vãn được nữa

D - CÁCH LÀM GỐI

Trẻ con nên dùng hoa cam cúc nhồi làm gối cho nó nằm là hay nhất, làm cho nhẹ đầu sáng mắt và không sinh đau mắt.

E - CÁCH GIỮ KHÔNG CẦN UỐNG THUỐC

Trẻ con ngày thường vô bệnh thì kiêng uống thuốc nên không kiêng thì khi gặp bệnh là uống thuốc không công hiệu. (Trẻ con sắc mặt hồng nước da xanh, đó là bên ngoài thực, đại tiện sắc vàng, đặc, nhuận là bên trong thực, đều không cần uống thuốc).

G - CÁCH CẮT RÓN:

Cách cắt rốn lấy đầu gối trẻ làm chùng, quấn giẻ lụa vào mà cắt dứt thì không độc (2) đợi 7 ngày cuống rốn rụng thì lấy bỏ lên trên miếng ngói mới, dùng lửa than mà đốt tồn tính, lấy độ 5 phân, lại dùng *thần sa* (đã phi qua) 2 phân rưới cùng tán nhỏ, lại sắc nước *sinh địa*, *đương quy* trộn đều bôi vào vòm hàm trên của trẻ, và bôi vào đầu nuốm vú người mẹ một lần mà cho trẻ bú hết trong ngày là tốt, ngày hôm sau đi ỉa ra được

(1) *Biến chứng*. - Xem mục XXVII trang sau

(2) Đây là cách cắt rốn đời xưa, bây giờ nên thấy không hợp vệ sinh, cần giữ điều kiện vô trùng.

thứ chất độc thì suốt đời sẽ không có lên đậu và các bệnh khác, đó gọi là "diên sinh bầm" (thuốc sống lâu).

III- CÁCH ĐIỀU DƯỠNG TRẺ SƠ SINH

Trẻ con sinh ra sau 60 ngày thì con người thành mà hay cười, nhận biết người quen lạ, nhất thiết kiêng người bông bế và kiêng cho thấy vật khác thường:

100 ngày, mạch nhâm thành thì biết lật;

180 ngày thì xương đi (xương cùg) thành, thì mẹ nên tập cho con học ngồi;

240 ngày xương bàn tay thành thì mẹ nên dạy cho con tập bò;

300 này xương bánh chè thành, mẹ nên dìu con mà dạy cho tập đứng chững;

360 ngày xương đầu gối thành, mẹ nên dìu con mà dạy cho nó tập đi. Nếu hàng tháng bế bông ôm ấp, áo kép chân bông, không cho ra thấy nắng gió, không cho chạm tới hơi đất, đến nổi gân cốt mềm yếu, vài năm không đi được, một khi thiếu người chăm sóc thì tật bệnh sinh ra, đó đều là tội của người nuôi nấng chiều quá đáng.

Đồ vật cho trẻ chơi, không nên cho chơi bậy như dao, gươm là đồ hung dữ không nên cho cầm.

Không nên để trẻ gần loài khi vượn mà hại đến ý của trẻ;

Chớ có ôm ấp chim quạ chim sẻ là sợ hại mắt;

Con trai đang học nói, chớ cho nói khoác lác;

Ngồi chớ cho ngồi lâu mà lưng còm;

Đi chớ cho đi sớm quá mà yếu gân cốt;

Khi sấm vang trống đánh chớ cho bịt tai;

Nằm ngủ có chừng, nên cho dậy sớm, ăn uống chớ quá no, quần áo chớ quá ấm;

Thường ăn canh rau, chớ ăn đồ ngon và ngọt béo, chua lạnh, gừng tỏi, dưa quả, dầu mỡ, cà sống nhất thiết đừng ăn nhiều;

Ăn đồ ngọt thì sinh cam, ăn nó thì hại khí, ăn đồ chua thì hại tim, ăn đồ cay thì sinh tích, ăn đồ đắng thì hao tinh thần, ăn đồ mặn thì tác khí, ăn đồ cay thì hại phổi, ăn đồ béo thì sinh dờm.

Cho nên trẻ con nhất thiết đừng cho ăn thì sớm quá, không kiêng thì tỳ vị bị thương.

Ăn hạnh hẹ kiệu tỏi thì làm cho khí trong tim uất kết, nước đọng không thông, tam tiêu bị hư và nóng tinh thần và tính tình mé muội.

Ăn thịt chim sẻ thì sinh lở, lác, chốc, ghẻ, táo khát phiền muội.

Ăn ốc, cáy còng, ngao hến, tôm, cua thì ruột, dạ không ngăn giữ được mà sinh ỉa chảy hoặc đi lỵ.

Ăn thịt gà nhiều quá thì sinh ra thứ trùng tựa như rắn.

Đồ ăn của trẻ con, nên ăn đồ nhạt đồ nhẹ thì tỳ vị dễ tiêu, tâm mạch được nhuận,

tạng phù được mát, như củ sừng, hột sen hay thông được tam khí, quả lựu và quả cam hay làm chặt đường ruột; *mứt hồng, một mía cày hay bồ phở, ngó sen luộc, dọ dỏ* có lợi cho can, trong 5 vị chỉ *quả táo* là có ích cho tỳ.

A- KIỀNG ĂN ĐỐI VỚI CÁC BỆNH:

Bệnh tim kiêng ăn muối mặn: bệnh phổi kiêng ăn đồ đắng; bệnh gan kiêng ăn đồ cay; bệnh tỳ kiêng ăn đồ chua, kiêng ăn đồ ngọt, lại như những thứ béo nhờn, ngổng, vẹt, cá, tôm, dầu, giấm, đồ tanh và mặn, thì bệnh phổi nhất thiết nên kiêng. *

B- NGHIỆN BỆNH :

Như bệnh can tất nhiên ham chua, bệnh tâm ham đắng, bệnh tỳ ham ngọt, bệnh phế ham cay, bệnh thận ham mặn, đó là để biết chỗ có bệnh. Như nóng bên trong thì tất nhiên ưa mát, như lạnh bên trong thì tất nhiên ưa nóng, như khi muốn mát khi muốn nóng, đó tất có hư hỏa khí lên khí xuống.

C- KIỀNG KHÁCH LẠ:

Trẻ con nên kiêng khách lạ trong 7 ngày, sợ chạm phải hơi là rồi sinh ra mọi chứng chạm vĩa, phát sốt. Lại nên kiêng đi vào nơi đèn miếu, sợ có những cái nhấp nhোáng mà sinh ra sợ hãi, lại nên cho trẻ đeo *giáng chân hương* để trừ các thứ hơi độc.

D- KIỀNG TẮM

Phạm trẻ con mới trong một năm, thân thể còn non yếu, khí huyết chưa vững vàng, nên gọi là "mảnh non" nhất thiết kiêng tắm gội, để tránh khỏi hơi thấp nhiệt, uất đọng lại không tan, mình sinh đơn độc sưng đỏ cháy khắp (1) như bời *yén chi*, sưng lên má nóng dữ, một khí độc chạy vào bụng, tất nhiên giết chết đứa trẻ. Lại có đứa trẻ sau khi tắm rửa rồi lại được trùm bọc kín đáo, phong tà xâm vào, đến nỗi mình nổi cục u trắng, sưng mà nóng lắm, sợ rét, nghẹt mũi, bức tức, đờm suyễn ho tức, cho nên trẻ con nhất thiết kiêng tắm luôn.

Trong quãng mùa xuân hè, nên cho trẻ nằm đất làm cho không trái cái khí sinh trưởng, như gặp mùa thu màu đông thì nên cho ở chỗ ấm áp, làm cho không trái cái khí thu tàng, ở cửa buồng nên tuốt gương treo bên cửa, cho trẻ con không sợ.

Người mẹ mỗi ngày nên xoa huyết Phong trì chỗ sau cổ, nếu chỗ đó nóng thì nên chườm cho nổ, làm cho ra mồ hôi, là khỏi.

Phạm lúc mùa xuân đừng cho trẻ con đội mũ và mang vớ, làm cho khí dương không thư ra được, do đó mà hay phát lóng, cả đến khi lớn tuổi phía dưới mình cũng chớ nên ấm quá, vì dưới 16 tuổi khí huyết đang mạnh, ví như mặt trời mới lên, chỉ có phần âm thường kém thiếu mà thôi. Bởi vì phía dưới mình chủ về phần âm, được mát lạnh thì

(1) Xích du đơn độc.

phần âm dễ lớn, quá ấm áp thì phần âm sẽ thâm tiêu tan. (Sách Khúc lễ nói: "Trẻ con không cho mặc quần lông cừu").

Trẻ con không nên giốc miệng bầu và miệng bình mà uống nước, nếu không kiêng thì làm cho trẻ hay nói cà lăm.

D- KIÊNG BÚ:

Người ta lấy tỳ vị làm chủ yếu, cho nên bú mớm cần phải điều độ, một khi tỳ vị bị tổn hại thì trăm bệnh sẽ biến sinh. Cho nên ban ngày không nên đặt con xuống đất, để cho bụng nó áp sát đất, đến nỗi tỳ bị hàn, đau bụng đi tả. Còn như bà vú nuôi càng nên cẩn thận, như đang nắng nóng, sau khi bà sinh đi lý dờm lý máu, hoặc khi thấp nhiệt xâm vào tam và tỳ, nhẹ thì sinh ra lở ghẻ.

Sau khi trẻ khỏe chớ nên cho bú ngay, vì hơi đang nghịch lên chưa thuận mà cho bú thì sữa đọng lại mà nghịch lên, biến thành chứng kinh phong. Không nên cho trẻ bú no quá, no quá thì tràn ra, đưa đến vị khí bị hư, biến làm nôn mửa, (cách chữa, chớ chữa vị hàn mà nên làm cho tiêu sữa).

Phàm sữa cũ nên nặn bỏ đi, nước sữa đó nên đổ lên tường phía đông là tốt, nên đổ xuống đất, sáu kiến bu đến ăn, làm cho ít sữa. Mùa hè kiêng bú sữa nóng sinh ưa ngược, mùa đông kiêng bú sữa lạnh sinh ho, đi lỵ.

Trẻ ăn rồi không nên cho bú, bú rồi không nên cho ăn, vì tỳ vị còn yếu, cả ăn và bú một lúc thì khó tiêu hóa, lúc đầu thì sinh tích, lâu ngày thì thành báng thành cam.

Dang mừng mà cho con bú, thì dờm sưng thành cơn kinh nổi điên cuồng lên; đang giận mà cho con bú, thì trái sinh chứng sán khí, giở sinh trướng bụng;

Sữa lạnh mà cho con bú thì con đi tướt xanh mà hay khóc, sữa đông từng mảng không tiêu cũng sinh ra ho; sữa nóng mà cho con bú, thì ấu thổ, mặt vàng không muốn ăn, lại tổn hại đến phế khí thành bệnh gù lưng;

Dang tức giận mà cho con bú thì sắc mặt vàng bệch, đi tả, bụng trướng, bú mớm sút kém, khóc đêm ọc sữa;

Sữa bệnh mà cho con bú thì hay sinh mọi bệnh, vàng, gầy, sốt âm ỉ trong xương, khóc đêm, đổ mồ hôi trộm;

Say rượu mà cho con bú thì hoảng hốt hay sợ, bụng căng thẳng mà đau mình nóng.

Nếu mẹ đang mửa mà cho con bú thì con ngày càng hao mòn; mẹ nó say mà cho con bú thì khí phiền muộn nhập vào trong sữa, làm cho con bị tà nhiệt hại tim, kinh sợ co giật mà thành chứng phong thiếu điều (1).

Dâm dục bấy bạ mà cho con bú, thì thổ tả, mình nóng, kêu khóc, tất nhiên phát kinh giản như tiếng quạ kêu thì bất trị.

E- BA NGUYÊN NHÂN KHÔNG BÚ

Trẻ con mới sinh ra không bú là có ba nguyên nhân: Một là do người mẹ hống mát quá độ, trong khi thai bị lạnh đau bụng; hai là trong thai bị nhiệt độc, làm cho trẻ sinh ra thì thân thể đều vàng, tiểu tiện đỏ, mình nóng, đại tiện bế, hay khóc mà không bú;

(1) Một chứng kinh phong. đầu mắt ngửa lên.

ba là khi đẻ ra bị chất bẩn độc lọc vào trong bụng, làm cho bụng đầy hơi thở ngắn.

G- CÁCH ĐIỀU DƯỠNG

Trẻ con nên nóng lạnh vừa phải, quá lạnh thì khí trệ huyết ngưng, quá nóng thì lỗ chân lông hở mà dễ bị phong hàn. Cho nên lúc cởi áo không nên ra giữa gió, lại nên bồng trẻ đi chơi ở chỗ nắng ấm mà không có gió, ví như cây cỏ ở chỗ âm u, không được nắng gió gội vào, thì chưa bao giờ tốt tươi bền vững được.

Huyết du của năm tạng đều ở sau lưng. Tạng phế non yếu, một khi phong hàn cảm vào thì lông tóc đứng dựng lên, da dễ vít lại mà sinh bệnh, ho hen, suyễn ấu, nóng lắm sợ rét, cho nên trẻ con rất cần giữ lưng cho ấm. bụng là chỗ tỳ vị: vị là bể chứa cơm nước, tỳ là chức năng vận hóa, dễ bị lạnh thì đồ ăn không nấu chín, hay làm cho ruột sôi, bụng đau, ấu thổ, đi tả, cho nên trẻ con càng cần phải giữ cho ấm bụng. chân là dính liú với đường mạch của kinh dương minh vị nên thường gọi là "khí lạnh từ dưới lên" cho nên trẻ cần phải giữ cho ấm chân. Đầu là nơi sáu kinh dương hội lại, và mọi phần dương đều thấu đến, hướng chi nào là bể chứa tủy, lạnh thì đông cứng, nóng thì chảy ra hoặc mở ác sưng lên, khớp xương sọ hở, đau mắt, chốc đầu, cho nên đầu cần phải mát. Tâm thuộc hỏa, nếu ngoài có nhiệt xâm vào thì trong động đến tâm, trong ngoài nhiệt hợp lại, nhẹ thì miệng khô lưỡi ráo, má hồng mặt đỏ, nặng thì kêu khóc, kinh giật, hay táo, khát, bứt rứt, cho nên tim ngực cần phải mát.

Trẻ sơ sinh 3 - 5 ngày, nên bó lại và cho nằm, chớ có bồng dựng đầu lên và hong ra ngoài; lên 6 tháng mới nên cho ăn cháo loãng, mà kiêng vừa bú vừa ăn, lên 5 tuổi mới nên cho ăn đồ tanh hời.

Trong sách nói: "Chịu 3 phần rét, ăn 7 phần no; nên xoa bụng luôn, ít nên tắm rửa; ăn đồ nóng để mềm mà ăn thì không bệnh, ăn đồ nguội, đồ ăn cứng mà ăn nhiều, thì sinh bệnh.

H- MUỐI PHÉP NUÔI CON

- | | |
|-------------------------|---------------------------------|
| 1) Nên ấm lưng | 7) nên ấm tỳ vị luôn |
| 2) Ấm bụng | 8) Khóc chưa yên, khoan cho bú |
| 3) Ấm chân | 9) Thuốc thang chớ nên uống bậy |
| 4) Nên mát đầu | <i>kinh phấn châu sa</i> |
| 5) Nên mát cả ngực tim | 10) Nên ít tắm gội |
| 6) Dừng cho xem vật lạ. | |

Một thuyết nói: "Phải biết dễ năng tắm lạnh bụng là thành chứng uốn ván rốn. Không kiêng người lạ vật lạ thì sinh bệnh chạm vía cấm khẩu, kinh khóc, ăn bú quá no thì thổ tả, đờm nghịch lên; mặc áo quần quá ấm thì miệng lưỡi ghè lở; mặc quá rét thì tạng hàn sinh đau bụng. Phép nuôi nấng trẻ con, nên vừa phải đúng mức mới được.

VI- KHÔNG KHÓC ĐƯỢC

Trẻ sinh ra không khóc được, tất nhiên do khó đẻ rồi dạ dày lạnh mà không khóc, kíp lấy vải bông nít lấy bụng, mà chưa nên vội cắt rốn, mà đem rau thai vùi vào trong tro nóng, mà còn lấy giấy tẩm dầu thấp lên đốt vào cuống rau đốt quanh cho khắp, vì cuống rau liền với rốn của trẻ, được hơi lửa từ rốn vào, lại lấy giấm nấu sôi mà rửa quanh cuống rốn trong giấy lát khi hơi mà khóc lên được như thường, rồi mới tắm rửa, rồi mới cắt cuống rốn.

V- DÁI THỌT

Dái thọt là vì lúc mới đẻ bị lạnh, dùng *lưu hoàng, ngô thù* đều 5 đồng tán nhỏ hòa với nước cốt tỏi đặt lên trên bụng và lấy hột xà sàng đốt lên khói mà xông.

VI- BỌT BÓNG CÁ

Trẻ mới sinh ra khắp mình đầy bọt bóng cá, trong suốt như thủy tinh, phá vỡ thì nước chảy thấm ra đó là vì thai bị hạn thấp, dùng *một đà tăng* tán nhỏ mà xúc vào, và uống thuốc hoàn *To hợp phương* (113). Nếu khắp mình vàng và thũng, mắt nhắm, rên rĩ, bụng trướng, là do lúc mẹ có thai, uống thuốc hàn lương công phạt quá nhiều.

VII - KHÔNG CÓ DA

Trẻ sinh ra khắp mình không có da, đều là thịt đỏ cả, đó là khí của tỳ không đủ, thì dùng bột gạo sớm bôi vào cho đến khi mọc da thì thôi.

VIII- MỘC MỤN TRÊN VÒM HÀM

Trẻ đẻ ra chết ngay, nên kíp xem mụn mọc trong miệng, là trên vòm hàm có bọt bóng thì lấy ngón tay trở khêu vỡ đi, rồi dùng lụa mềm chùi máu cho sạch, nếu để máu ấy lọt vào cổ thì chết ngay.

IX- TỊT LỔ ĐÍT

Trẻ sinh là tịt lỗ đít, là do phế nhiệt mà ra, thì kíp dùng cây trầm vàng, trầm bạc hay trầm ngọc xem đúng chỗ mà châm thủng, hoặc nung trầm mà châm nhưng không nên châm sâu, kíp dùng phép thông khoan bằng mật (146) thắng mật tới thành thối, đút chặt vào rồi lấy giấy tẩm dầu đốt bên ngoài thối ấy. Trong khi cho uống bài Tứ thuận

thanh lương ẩm (*duang quy, đại hoàng, bạch thực, cam thảo*, đều bằng nhau, sắc uống) để cho lỗ đít khô tịt lại lần nữa.

X- KHÔNG ĐÁI

Trẻ sinh ra không đái là vì lúc mang thai người mẹ hay ăn hèm rượu, nhiệt độc xâm vào thai, cho nên lúc con sinh ra bụng trướng to lên, rốn và đái đều sưng nếu thấy bốn bên rốn hiện ra xanh đen và phong cứng miệng, đều là chứng chết. Như chỉ không đái mà không chịu bú, lại cả đại tiện không thông, bụng trướng muốn tụt, đó là vì khiếu tắc khí ngưng, không nên cho thuốc khai tắc thông khiếu, mà nên bảo mẹ ngâm nước ấm mút vào 4 lòng bàn tay chân dăng trước và dăng sau trái tim và lỗ rốn cứ mút mãi cho 7 chỗ trên đều đỏ ra, giấy lát tự đái được, đó là phép kinh nghiệm khai thông ung tắc.

XI- THAI GẦY (MỘT THUYẾT: THAI YẾU)

Thai gầy yếu, mặt vàng mắt trắng hay khóc, mình mát thịt ít, đại tiện sắc trắng phế, nên uống hoàn trường sinh để dự phòng. Đây là không phải sinh ở lúc cha mẹ tuổi già, thì cũng sinh ở người mẹ đẻ nhiều lần lúc đầu thai nguyên tinh đã ít ỏi, sau lúc mang thai khí huyết lại khó bồi dưỡng, cho nên mặt không tươi sáng, mình không sắc máu mắt khôn tinh thần, thường thường nghệt hơi hay ọc. Nếu sau khi sinh mà bồi dưỡng thuốc thang được tốt, thì 10 đứa trẻ có thể nuôi được 1, 2, mà dùng *Điều nguyên tán* là rất hợp.

TRƯỜNG SINH HOÀN

<i>Tân lang</i>	1 lạng
<i>Bán hạ</i>	5 đồng
<i>Chỉ thực</i>	1 lạng (1 thuyết: chỉ xác)
<i>Mộc hương</i>	5 đồng
<i>Sa nhân</i>	2 đồng
<i>Nhục dậu khẩn</i>	2 đồng
<i>Toàn yết</i>	10 con
<i>Đinh hương</i>	2 đồng

Các vị tán bột, hoàn với cơm bằng bột nếp, mỗi lần dùng 50 hoàn uống với nước sữa.

Thuốc hoàn này hay thư thái trên dưới, bổ tỳ, hóa đờm, trừ tả.

ĐIỀU NGUYÊN TÁN

<i>Sơn duợc</i>	<i>Nhân sâm</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Bạch truật</i>
<i>Quất hồng</i>	<i>Dương quy</i>
<i>Cam thảo (nướng)</i>	<i>Trần mễ 3 vốc</i>
<i>Câu kỷ</i>	

Các vị trên đều 2 đồng, cùng tán bột, mỗi lần dùng nước sắc long nhãn mà uống.

XII- THAI BÉO

Thai béo là khắp mình da thịt đầy, huyết đỏ, mặt hồng mắt nhiều tròng đen, thường thường sinh đờm, sau một tháng dần dần gầy mòn, ngũ tâm phiền nhiệt (1), đại tiện khó, hay sinh nước dãi, tròng trắng sắc đỏ, đó là khi con còn ở trong thai, mẹ ăn đồ ngọt béo thấp nhiệt quá nhiều, chảy vào trong bào thai, làm cho hình chất béo bệu, phần huyết động nhiệt, nên trong dùng bài *Dại liên kiều ẩm*, gia giảm mà sắc uống, ngoài dùng phép tắm mà tắm.

ĐẠI LIÊN KIỆU ẨM

<i>Liên kiều</i>	<i>Hoàng cầm</i>
<i>Cù mạch</i>	<i>Kinh giới tuệ</i>
<i>Hoạt thạch</i>	<i>Dương quy</i>
<i>Ngưu bàng tử</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Xa tiền tử</i>	<i>Xích thực</i>
<i>Mộc thông</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Thiên thoái</i>
<i>Chi tử</i>	<i>Trúc diệp 140</i>

Đang tâm 10 sợi, sắc uống.

PHÉP TẮM

<i>Thiên ma</i>	2 đồng cân
<i>Toàn yết</i>	đều 5 phân
<i>Chu sa</i>	
<i>Ô xà nhục (tẩm rượu)</i>	3 đồng

(1) *Ngũ tâm phiền nhiệt*: Chứng trạng thấy nóng hai lòng bàn tay, hay lòng bàn chân và dưới tim, đây là dấu hiệu âm hư.

<i>Bạch phân</i>	3 đồng
<i>Thanh đại</i>	đồng
<i>Xạ hương</i>	1 phân

Các vị đều nghiền nát đều rồi cứ 3 bát nước thì cho uống vào 3 đồng canh đào một nắm, cùng sắc sôi 10 đạo đợi nước ấm mà tắm. (Một thuyết nói chớ tắm lưng, một thuyết nói, thai béo thì tắm lưng cũng được).

XIII- THAI HÀN

Thai hàn lạnh là người mẹ bị cảm hàn tà, hoặc quá ăn đồ sống lạnh mà sinh, tất nhiên bụng đau ruột sôi đi tháo dạ, ra phân xanh, thường phát cơn rết run, nắm tay co chân, không trị thì sẽ thành chứng sổ ruột (bàn trường), đi ỉa chảy, miệng cam, mạn kinh. Nếu thai hàn khí uất mà đau không thối thì dùng *mộc hương* mài với nước, hòa với *nhũ hương*, *một đực* mà ống. Hoặc người mẹ ngày thường bầm khí hàn lạnh, con ở trong thai nhiễm phải, mà khi sinh ra sắc mặt xanh, tay chân lạnh, tiểu tiện không thể nhịn cùng mọi chứng trên, phép chữa nên dùng thuốc ôn nhiệt làm chủ yếu. Dùng thuốc nên dùng đại tể, cho mẹ cùng uống, bị bệnh từ trong thai chữa phải để cho không rời hơi mẹ thì thuốc mới dễ trúng bệnh.

BẠCH THUỘC DƯỢC THANG

Trị thai lạnh mà đau bụng.

<i>Bạch thuộc</i>	1 đồng
<i>Trạch tả</i>	8 phân
<i>Cam thảo</i>	4 -
<i>Quế mỏng</i>	3 -

Gừng và nước sắc uống. Nếu sau khi đã uống nhầm phải thuốc hàn hay thuốc hạ thì gia *nhân sâm*, *mộc hương*, nếu lên cơn kinh thì gia *câu đằng*.

CAO TRỢ VI

Trị thai lạnh sinh nội điều, vị khí hư yếu bụng hông trướng đầy, ọc sữa, đi tuốt ra cứt xanh.

<i>Nhục đậu khấu</i>	bọc cám rồi nướng bỏ dầu, 5 đồng
<i>Bạch đậu khấu</i>	5 đồng
<i>Nhân sâm</i>	5 -
<i>Mộc hương</i>	5 -
<i>Dinh hương</i>	3 -

Hoắc hương

Phục linh

Bạch truật

đều 1 lạng

Sa nhân

Quế

Cam thảo (nướng)

Trần bì

2 lạng

Trầm hương

2 đồng

Sơn dược

2 lạng

Các vị tán nhỏ hoàn với mật bằng hột *khuyến thực* mỗi lần uống một viên với nước gạo rang.

MỘC HƯƠNG QUÂN KHÍ TÁN

Trị sau khi sinh mình lạnh, hơi thở cũng lạnh, sôi bụng đi tả, đi lỵ ra phân đen, bàn trường nội điều, tim bụng quận đau, không nói được.

Bạch khương

Mộc hương

Quan quế

Trần bì

Phân lạng đều nhau

Bình lang

Cam thảo

Như nôn mửa thì *gại mộc qua*, *định hương*, mặt xanh tay chân lạnh thì bỏ *bình lang*, *gia xuyên khung*, *đương quy*, *sắc nước*, xem trẻ lớn nhỏ lấy bông tẩm vào thuốc mà cho uống.

XIV- THAI NHIỆT

Thai nhiệt là lúc con ở trong thai, mẹ ăn đồ nhiệt độc nhiều quá, hoặc uống thuốc nóng, hoặc ham uống rượu, hoặc dâm dục quá độ, hoặc cảm phải phong nhiệt, trong thai bị nhiệt tà tích lại, đến lúc sinh ra đỏ mặt mắt nhám, ngũ tâm phiền nhiệt, miệng nóng như nước sôi, ăn bú hấp tấp, đại tiện vàng, đỏ, mắt đỏ gầy mòn, hoặc sinh nhiều đờm, thường thường kêu khóc, mình phát nóng dữ, sắc như nước trà đợt hoặc khắp mình đều vàng, suyễn thở tức đầy, tinh thần mỏi mệt, ngáp dài có tiếng ạch ạch, mắt có ghèn ướt, đại tiểu tiện không lợi, hoặc lợi mà ra máu, ra nước; thậm chí tay thường nắm chặt, chân thường co rút, mắt thường lăm lét, mình thường giật nảy. Nếu không trị, nặng thì lên cơn kinh, nhẹ thì miệng đầy đen lưỡi chông (trùng thiệt) nổi cục đơn đỏ tía, nên trước dùng phép "gây sữa" rồi sau trị dần, không nên quá dùng thuốc hàn lương mà biến sinh

ra các chứng thổ và tả nguy kịch.

PHÉP GÁY SỮA (MẸ CON CÙNG UỐNG)

<i>Tru linh</i>	<i>Nhân trần</i>
<i>Xích phục linh</i>	<i>Sơn chi (bỏ vỏ)</i>
<i>Thiên hoa phấn</i>	<i>Sinh cam thảo</i>
<i>Trạch tả</i>	<i>Sinh địa</i>
Các vị sắc nước uống.	

CAM ĐẬU THANG

Trẻ từ 2 đến 3 tuổi bị thai nhiệt

<i>Cam thảo</i>	1 đồng
<i>Đậu đen</i>	2 đồng
<i>Lá tre</i>	3 đọt
<i>Dã tâm</i>	7 sợi

Sắc uống.

CHU SA TÁN

Trẻ thai nhiệt có đờm

<i>Chu sa</i>	
<i>Ngưu hoàng</i>	đều 1 phần
<i>Thiên trúc hoàng</i>	
<i>Thiết phấn</i>	
<i>Xạ hương</i>	5 ly

Cùng tán nhỏ, hòa với nước trúc lịch mà uống.

XV- THAI VÀNG

Thai vàng là trẻ ở trong thai, bị nhiễm độc của mẹ mà lúc đẻ ra khắp mình đều vàng, nóng dữ, đại tiện bí, tiểu tiện như nước quả dành, ăn bú kém, kêu khóc luôn, thì nên uống thang *nuong nhu sinh địa hoàng* mà rất kiêng vị thuốc nhiệt độc.

Lại có đứa trẻ ngoài da, mặt mắt đều vàng, đó là bệnh vàng da. Như mình đau đùi và lưng cứng ra, đại tiểu tiện uất bấn, móng tay đều vàng, thân mình mặt mắt cũng vàng, tiểu tiện như sắc bụi nóc nhà, trông thấy mọi vật đều vàng, đó là bệnh hoàng đản,

khát nước thì khó trị. Hai bệnh ấy hay bị sau khi bệnh nặng lại có sau khi đẻ nửa năm hoặc vừa được trăm này, nếu không do sau khi bệnh mà mình hơi vàng đó là do dạ dày nhiệt.

Lại có trẻ mặt vàng mà bụng to hay tích, ăn đất mà khát nước, là tý cam.

Lại có trẻ đẻ ra là mình vàng, đó là thai dân, nhưng mọi chứng dân đều nhiệt, sắc vằn sạm là đúng, nếu vàng nhợt kiem có trắng thì tất nhiên vị yếu hoặc vị không hòa.

NƯỚNG NHŨ SINH ĐỊA HOÀNG

<i>Sinh địa</i>	<i>Trạch tả</i>
<i>Xích thược</i>	<i>Xích phục linh</i>
<i>Thiên hoa phấn</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Nhân trần</i>
<i>Quy thân</i>	<i>Trư linh</i>

(Các vị đều bằng nhau, sắc uống).

TÊ GIÁC TÁN

Trẻ trẻ từ nửa năm đến 2 tuổi khắp mình vàng hết.

<i>Tê giác</i>	<i>Long đờm</i>
<i>Nhân trần</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Quạ lâu nhân</i>	<i>Sinh địa</i>
<i>Thăng ma</i>	<i>Hàn thủy thạch (lùi)</i>

Cùng sắc uống.

XVI- MÌNH ĐỎ NHƯ BÔI SON

Trẻ sinh ra khắp mình như bôi phẩm đỏ, vì do khi có thai, mẹ ăn nhiều đồ nhiệt độc, đến nỗi sinh uất nhiệt mà phát bệnh, thì dùng uất kim tán.

UẤT KIM TÁN

<i>Uất kim</i>	<i>Thiên hoa phấn</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Cát căn</i>
<i>Cam thảo</i>	

Các vị đều bằng nhau tán nhỏ sắc nước bạc hà và cho mật vào mà uống mỗi lần 5 phân thuốc bột, sau lại dùng lá chàm, *béo ván*, *rêu nước*, cùng nghiền nát vát lấy nước hòa *phác tiêu* và *thổ chu* vào rồi xúc vào những chỗ đơ đỏ.

Trẻ sinh ra da thịt đỏ trắng, sau 14 ngày (2 cử) mặt mắt và tiểu tiện đều vàng, đại tiện không thông, gọi là chứng "huyết đản" vì mẹ bị thấp nhiệt, hoặc mặc áo đắp mền ấm quá mà sinh bệnh, nên dùng Tứ vật thang (189) gia *Thiên hoa phấn* phân lạng cùng bằng những vị trên mà sắc uống và lấy *Hoàng bá* nấu nước mà tắm.

XVII- MẮT NHẮM

(Phụ: mắt đỏ, mắt có máu)

Trẻ mới sinh ra mắt nhắm là vì mẹ ăn đồ nhiệt độc nhiều quá làm cho nhiệt uất đọng ở trong ngũ tạng của trẻ, cho nên mắt trẻ sợ sáng mà nhắm lại, đó là do bẩm thụ tính ba không đủ.

Lúc mới sinh tắm rửa không sách nước bắn thấm vào trong khe mắt, làm cho má cũng đỏ loét ra, mãi đến lớn không khỏi, gọi là thai mắt đỏ. Nên kiêng ăn đồ độc, trong uống thuốc thanh giải, ngoài nấu nước mà rửa sạch là được.

Mắt có màu là vì lúc trẻ sắp lọt lòng mẹ đẻ ra, thì bào thai đã phá vỡ, trẻ đã ra thì máu liền ào xuống, máu ứ ép vào khe mắt, nặng thì lấp hết trông đen không thấy con người, nhẹ thì mí mắt sưng đỏ, cả trên dưới đều loét, nếu cho uống thuốc mát, tắt nhiên tạng phủ bị lạnh, nên dùng Sinh địa hoàng thang để cho khí huyết lưu hành, nếu đỏ hồng thì lấy *mật gấu* mà giở vào.

SON NHÂN TRẦN THANG

Trị con mắt nhắm dùng thuốc này để gây sữa mẹ.

Lá nhân trần

Trư linh

Trạch tả

Sinh cam thảo

Qua lâu can

Sinh địa hoàng

Các vị sắc nước, cho mẹ uống sau khi ăn. Hễ uống được 2, 3 tháng thì nặn bỏ sữa cũ, rồi lần sau uống nữa, sẽ cho con bú.

CHÂN KIM TÁN

Trị trẻ ra mắt đỏ

Hoàng liên

Xích thực

Hoàng bá

Hạnh nhân

Dương quy

Tắm sữa một đêm, phơi khô tán bột, dùng nước cổ sinh địa hoàng, hòa thuốc bột vào 2 phần rượu mà luôn luôn nhỏ vào mắt, lại súc nước kinh giới mà thường rửa sạch.

SINH ĐỊA HOÀNG THANG

Trẻ mới sinh mắt không mở được và mắt đỏ như máu.

<i>Sinh địa</i>	<i>Đường quy</i>
<i>Xích thước</i>	<i>Qua lâu cân</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Cam thảo</i>

Các vị đều 1 đồng, tán bột, mỗi lần dùng chút ít nước sắc tim bắc mà uống.

TỊCH TRẦN CAO

Trẻ bụi bay vào mắt, dụi mãi mà sưng lên và nóng, đau nhức mà khóc.

Lấy *mục khô* dầu mài với nước mới *mục* cho đặc, lại cho *huyền minh phấn* nửa đồng cân hòa đều làm thành cao, rồi lấy bút lông sạch nhúng cao điểm vào trong mắt độ 4, 5 lần, kiêng uống rượu và ăn đồ nóng.

XVIII - MẮT ĐỜ

Vì làm việc xây đắp mà nhỡ tay đập phải đầu, mặt, trán, hoặc là bổ ngã, làm cho trẻ con bị kinh phong mới sinh ra trông mắt đứng đờ, hoặc kinh thái dương bị lạnh, mà gân lạnh thì co lại cho nên hai khế mắt kéo căng mà trông mắt đứng đờ.

NGƯU HOÀNG CAO

(Trẻ bị mọi chứng kinh phong mắt đờ)

<i>Ngưu hoàng</i>	5 ly
<i>Bạch phụ tử</i>	(nướng)
<i>Nhục quế</i>	(bỏ vỏ)
<i>Toàn yết</i>	(khử độc)
<i>Xuyên khung</i>	
<i>Hoắc hương diệp</i>	
<i>Thần xa</i>	(thủy phi)
<i>Bạch chỉ</i>	

Mỗi vị dùng 1 phân, *xạ hương* chút ít tán nhỏ ???? bột khiếm thực, nấu nước bạc hà làm thang mà ????

XIX - TẮC RUỘT

Tắc ruột là do lúc trẻ còn ở trong thai, mẹ ăn mọi đồ nóng làm cho trẻ bị nhiệt độc đọng đầy ở trong, kết chặt ở lỗ dít, tắc tại không thông, nếu đến 3 ngày mà không khơi thông ra được, kíp bảo người mẹ ngậm nước nóng súc miệng mà mút vào 3 chỗ

tâm quan (2 lòng bàn tay, 2 lòng bàn chân, trước bụng và sau lưng ngang với trái tim) và dưới rốn, nút chặt cho đỏ ửng lên mới thôi, nếu còn chưa thông, tất nhiên là lỗ đít bên trong cũng bị liên kín lại thì nên dùng đồ vật gì chọc thủng, dùng cây trám bằng vàng và tốt nhất, thứ đến là trám ngọc, nên chọc vào sau độ trong 2 tấc, rồi lấy hoàn *Tô hợp hương* mà nhét vào trong lỗ mới chọc thấu, trong dùng *khinh phấn* 5 phân hoàn với mật rồi uống với nước nóng, cứ đi được phân ra là tốt. Nếu bụng trương to không bú ăn được mà chỉ rên khóc đến 7 ngày thì khó mà sống được.

XX- KHÓC KHÔNG RA TIẾNG

Trẻ con mới sinh, tiếng khóc oang oang, tinh thần vui, nằm ngủ yên, đó là bẩm thụ đầy đủ, tâm và thận không thiếu, thủy hòa hòa hợp với nhau (1). Nếu đứa trẻ khóc không ra tiếng, ăm ức mà thở ạch ạch, khí ở trên dưới không nối tiếp nhau, đó là thai khí không đủ, dầu có cho uống thuốc hàng ngày, cũng là vô ích, chỉ có cảm phải nhiệt, phải phong mà mất tiếng là không quan hệ đến cái của của tiếng nói) thủy (thận là nguồn gốc của tiếng nói) đều bị hại, thì con (thận thủy) và mẹ (phế kim) đều khốn cả.

XXI- NUỐT PHẢI HUYẾT Ứ

Nuốt phải huyết ứ là vì lúc đẻ khó, sinh ra chậm trễ, đến nỗi dạ dày bị lạnh mà nuốt phải huyết ứ. Chứng bệnh tay chân rét run, khóc không ra tiếng, mắt má xanh tím, trên lưỡi mọc rêu trắng, hàm răng cắn chặt, tay chân co quắp, ọe luôn, hay khóc là đúng chứng. Nên dùng *dạm đậu sị, củ hành* để ấm dạ dày mà sơ giải làm chủ yếu. Nếu lâu ngày không khỏi, ọe ra sữa, nuốt không xuống, tay chân có lúc co quắp lại thì chết.

XXII- QUÁI THAI

Quái thai là vì tinh cha không đủ, khí mẹ suy yếu, nuôi nấng không điều độ, thần hư khí yếu, có người 7, 8 tháng đã đẻ hoặc có người hơn 10 tháng mới đẻ. Cái gọi là quái thai, là thai khí yếu ớt, vinh vệ không đủ, hao mòn, ốm yếu, bẩm thụ thiếu kém thường hay chết non, chứ không phải chịu lấy quý khí mà thành thai đau! Nhưng trong đó có cháu hình thể tuy không đủ, mà gân cốt mạnh cứng, lại được khéo cho bú mớm, cũng có thể nuôi được thành người.

XXIV-

(1) Thủy hỏa ký tể.

XXIII- BỆNH CHÚ (1)

Bệnh chú hoặc vì bị bệnh ở trong thai, hoặc vì khi sinh ra nuôi nấng không điều độ mà sinh bệnh, bỗng nhiên phát bệnh thì hiện ra chứng quyết nghịch, giống những chứng trúng ác, trúng phong, kinh phong, đờm súc lên, nghèo cổ mặt xanh như chàm, miệng sùi bọt miếng nói mê sáng dần dần mặt má khô sáp, như bệnh truyền thi của người lớn. Nếu thấy ác mặt xám đen, một bên có quắp, trán xanh, răng cần, môi mất đều run lập cập, khắp đầu sưng đỏ, là không trị được

XXIV- TRÚNG ÁC

Trúng ác là bỗng nhiên tay chân quyết lạnh, đầu mặt sắc xanh, nói nhăng nói bậy, hay sợ, thấy ma, miệng cam, răng cắn chặt, tim bụng nhói đau, vật vã muốn chết. Mạch khẩn tế mà vi thì trị được, khẩn đại mà phù tất là nguy, lại có người bỗng nhiên chết, cũng vào loại trúng ác. Phàm người chí yếu ớt, tim khiếp sợ thì tinh thần không vững, nhân gặp năm vận hạn thảng hạn lại mất sự điều hòa của thời tiết, thì gọi là ba điều hư, gió độc ngang trái nhân đó mà xâm vào làm cho khí âm khô kiệt ở trong, khí dương ngăn cách ở ngoài, hai khí âm dương bị ứng tác không lên xuống được, bụng dạ đau dữ, khí dương tán loạn mà không biết ai là ai, nếu khí hồi phục thì sống lại, nếu khí không hồi phục thì chết, nên dùng bài Chí-bảo-đơn làm chủ yếu.

CHÍ BẢO ĐƠN

Trị bỗng nhiên trúng ác, chàm vĩa, mọi chứng phong xù, cấp kinh phong.

An túc hương 1 lạng 5 đồng (tán nhỏ dùng rượu ngon phi qua, lóng bỏ sạn đá đi, lấy độ 1 lạng, nhỏ lửa ngào thành cao mà cho vào thuốc).

Hổ phách nghiền

Hùng đại mao tiết (mạt vấy đồi mồi sống)

Chu sa các vị trên đều 1 lạng

Bạc thếp 50 lá

Long não 2 đồng rưỡi

Xạ hương 2 đồng rưỡi

Sinh ô tề giác 1 lạng (sừng tê đen)

Ngưu hoàng 5 đồng (đều nghiền nhỏ)

Vàng thếp 50 lá (một nửa làm áo, một nửa cho vào thuốc)

Dùng sừng tê sống và đồi mồi sống nghiền cho rất nhỏ, trộn đều với thuốc khác,

(1) Một loại bệnh truyền nhiễm.

đưa cao An tức hương nhúng vào nước sôi cho tan ra mà làm tể nếu khô thì gia thêm mật làm hoàn bằng bột củ sừng, sắc nước nhân sâm mà uống mỗi lần 1 đồng cân.

XXV- MẤT ĐỒ CHƠI SINH BỆNH

Vật trẻ con thích mà cướp lấy làm cho trẻ tức giận, rồi tình thần theo vật mà tan đi, không ăn không nói, tình thần hôn mê như người say rượu, chân tay xuôi rũ, giống như chứng trạng bệnh nặng mà không biết vì duyên cớ gì, thì nên hỏi lại người cha mẹ mà làm cho trẻ thỏa thích cái nó muốn rồi lấy thuốc mà điều trị an thần là bệnh khỏi, nên dùng Trầm-hương-thuận-khí tán làm chủ yếu.

TRẦM HƯƠNG THUẬN KHÍ TÁN

Trầm hương

Nhân sâm

Phục linh

Cam thảo (nướng)

Tô diệp

Các vị đều bằng nhau, tán nhỏ, dùng canh tía tô sắc nước điều với thuốc bột mà uống.

XXVI- KHỐC ĐÊM (DẠ ĐỀ)

Phân biệt chứng trạng:

Trẻ con khóc đêm, chứng trạng mặt xanh chân tay đều lạnh, không muốn bú, đến đêm là khóc, dỗ trăm cách vẫn không nín, đó là chứng thai hàn. Bởi vì ban đêm thuộc âm, phần âm thắng thì trạng tỳ lại càng lạnh. Tỳ là cực âm, ham nóng mà ghét lạnh, lạnh thì trong bụng sinh đau, cho nên oằn lưng mà khóc, đó là do tỳ lạnh mà sinh ra, nên dùng *Câu đẳng ẩm* (1), nếu hàn lắm thì dùng *Lý trung hoàn* (216).

Một thuyết nói: "Trẻ mới sinh trong tháng, hay khóc là tốt, trẻ khóc có nghĩa là hát, vì thai nhiệt, thai kinh, thai độc đều được tiêu tan, và lại cũng không có bệnh gì khác lạ, mà chỉ khóc thì cũng không đến nặng nên cứ để tự nhiên".

Có cháu vì thai nhiệt núp trong tim, hễ về phần âm thì nó chống nhau với dương, về phần nóng thì nó hơn với dương; ban đêm thì dương suy, âm mới cùng dương cấu kết, tạng với khí cùng chơi nhau cho nên sinh đau mà khóc đêm. Chứng hiện ra môi hồng mặt đỏ, hoảng hốt nóng dữ, tiểu tiện sắc đỏ, khua tay múa chân, miệng mở ra ngậm lại, lưỡi thè ra thụt vào, nóng nhiều, người nóng nẩy buồn bực, nặng nửa thì ngực đỏ lên đầu nghèo lại.

Có cháu vì thai kinh mà khóc, chứng hiện ra một cơn khóc như ngắt đi, mà mặt tím lại tay chân quyết lạnh chợt tỉnh chợt khóc, nhưng mình hơi mát, đại tiện xanh biếc

là chứng thuộc âm; nếu mình phát nóng, tinh thần không tỉnh táo, đang ngủ khóc thét lên, đại tiểu tiện đều vàng, là chứng thuộc dương; nếu mình nóng mà đại tiểu tiện xanh trắng hoặc mình mát mà đại tiểu tiện đỏ vàng là chứng thuộc về bán âm bán dương.

Lúc khóc thì trong miệng nhiều bọt dãi, vận lưng co quắp, mặt xanh, đi tả xanh, là đờm lạnh mặc ở trong.

Lúc khóc hay co giật, tay chân run rẩy ôm chặt lấy cha mẹ, dòm quanh sợ hãi, đó là vì trông thấy vật lạ thường và chạm vĩa.

Có cháu hình như trông thấy gì mà khóc thét lên (lược)... Chứng hiện ra chỗ hở khẩu không có chỉ, sắc mặt biến đổi không thường. Đại khái, kêu mà không kêu là kinh sợ, cho nên khóc mãi mà nhiều nước mắt. Có đờm nhiệt thì hãy ươn mình ra lúc nửa đêm về trước. Có mồ hôi mà kêu, mặt đỏ, tim khô ráo, tiểu tiện đỏ gắt, trong miệng cùng bụng lưng đều nóng, nửa đêm về sau vận lưng mà kêu, tất là thuộc hư hàn.

Xử phương:

Như vận lưng kêu khóc không có nước mắt phần nhiều là do đau bụng, thì dùng *Mộc hương quân khi tán* (12), *Ôn vị ẩm* (125) gia mộc hương:

Tỳ thận lạnh lắm mà kiềm trệ sinh đau thì dùng *Trần Thị Thập nhị vị dị công tán* (114).

Bú no quá tích đọng lại sinh đau, tả đầy thuộc thực chứ không hư mà khóc dùng *Bảo hóa thang* (115) *Hòa vị ẩm* (116) gia giảm làm chủ yếu. Nặng lắm thì nên dùng *Tiểu thực hoàn* (117).

Như âm thịnh dương suy, tâm khí không đủ, đến đêm thì tinh thần lại không an mà kêu khóc, dùng *Tứ quân tử thang* (188), *Ngũ vị dị công tán* (117) *Thất phúc ẩm* (119) (*Bỉ chỉ an thần hoàn* 120).

Như mặt xanh tay lạnh, khí dương hư lạnh, tâm thần kinh khiếp mà khóc thì dùng *ngũ quân tử tiến* (121) *Lục vị dị công tiến* (122) nặng lắm thì *Thất phúc* (117) *Gia can khuông, nhuc quế*, kiềm đi tả, không bú, tỳ thận hư yếu thì *Lục thần tán* (123), nặng lắm thì *Dương trung tiến* (55), *Vị quan tiến* (124) kiềm thổ tả, ít ăn, tỳ vị hư hàn thì *Ngũ quân tử tiến* (125) hoặc *Lục vị dị công tiến* (122) gia mộc hương (nướng).

Như sắc mặt trắng, trông đen ít, đếm về âm phần thì dương bị hư mà kêu khóc, đó là can thận không đủ thì nên dùng bài *Lục vị hoàn* (186) *Bát vị hoàn* (187) bài *Lý âm tiến* (26).

Như thấy đèn lửa càng khóc là tâm nhiệt, tâm thuộc hỏa, thấy lửa thì trong sinh phiền nóng, hai phần dương cùng cấu kết cho nên ươn mình mà khóc. Chứng hiện ra mặt đỏ và bụng đều ấm, trong miệng hơi nóng là đúng, hỏa mà nhẹ thì nên dùng *Sinh mạch tán* (127) hỏa mà nặng thì nên dùng bài *Chu sa an thần hoàn* (128) *Nhân sâm hoàng liên tán* (129). Như can đờm nhiệt lắm, thủy hỏa cùng cấu kết thì bài *Sài hồ thanh can tán* (130).

Như vị thổ tả trong mất hết tân dịch hoặc bẩm thụ thận âm không đủ, không tư dưỡng được can mộc hoặc mẹ vú tức giận, can hỏa xâm vào phế, đều dùng thang *Lục quân tử* (131) bổ tỳ thổ để sinh phế kim, bài *địa hoàng hoàn* (186) mạnh thận thủy để sinh can mộc.

Như bà mẹ do uất ức buồn bực mà sinh bệnh thì dùng *Gia vị Quy tỳ thang* (132), mẹ bỗng nhiên giận mà sinh bệnh thì dùng bài *gia vị Tiểu sài hồ thang* (133), người mẹ tâm can bị nhiệt kể lại thì dùng bài *Sài hồ thanh can ẩm* (134).

Nếu trong tháng khóc mà hoảng sợ co giật là vì trong thai bị sợ sinh bệnh thì nên dùng bài *Trừ nhũ cao* hoặc *Bảo mạng đơn* (135) *Kim lạc trấn tâm hoàn* (xem môn Ngũ giản).

Như đại tiện ra không tiêu hóa, ăn kém bụng trướng là do tỳ khí hư yếu thì dùng bài *Ngũ vị dị công tán* hoặc bài *Ngũ quân tiến gia mộc hương*.

CAO SỮA HEO

(Trư nhũ cao)

Hổ phách

đều 1 đồng

Phòng không

Chu sa

5 phân

Đều tán bột dùng sữa heo hòa với thuốc bột độ 2 phân rưới mà trét vào trong miệng trẻ.

Nếu tả nhiệt tâm thường mà khóc đêm thì dùng 2 cái hoa đèn, tán nhỏ, hòa với nước tim bắc mà trét vào trong miệng trẻ rồi lấy nước sữa mà uống mỗi ngày 2 lần.

Nếu khóc đêm mà khí hư thì dùng thang *Tứ quân* (188) gia *Son dược, biển đậu, nhiệt* thì gia *hoàng liên, trúc diệp*; huyết hư mà khóc đêm thì dùng *Dương quy* tán bột hòa với nước sữa mà uống; nếu khí huyết đều hư sinh bụng đau mà khóc đêm thì dùng:

Hoàng kỳ

Mộc hương

Dương quy

Cam thảo

Xích thước

Đều bằng nhau, tán bột, trét chút ít vào đầu nướm vú cho trẻ bú.

Nếu thai lạnh và chân áo mặc quá lạnh đến nỗi tạng hàn sinh chứng *Bàn trường nội diệu* (1), bụng dạ trước đau mà khóc, thì mắt trong lên, tay chân co giật, bởi vì ban đêm thì âm thịnh, lạnh thì sinh đau, nặng lắm thì âm thịnh sinh khô ráo cho nên khóc đêm, nên dùng *Bảo Mạng đơn* (135), nhẹ thì dùng *ích hoàng tán* (136), ngoài lấy cám rang mà chườm (phần nửa đêm về sáng uốn lưng mà khóc, mặt mắt trắng, sờ bụng thấy lạnh, tất là dạ dày lạnh, bụng đau). Nếu tích sữa mà đau thì dùng *Tiêu thực hoàn* (117). Nếu muốn bú, nhưng ngậm tới vú là khóc, mình và trán đều nóng, thì xem ngày trong miệng, nếu không có nổi gai thì tất là lưỡi bị sưng đau thì dùng *Truật mai hoàn* (137) sắc nước bạc hà mà uốn.

NHỊ HOẠT TÁN

Nếu vì kinh phong mà khóc thì dùng bài *Nhị hoạt tán* :

(1) *Bàn trường nội diệu* : trẻ mới sơ sinh tắm rửa bị cảm phong lạnh, đau bụng vặn lưng, khóc khan không nước mắt, sắc mặt xanh trắng, môi đen, tay chân lạnh, ỉa cứt xanh.

<i>Khuong hoạt</i>	Dầu 2 đồng
<i>Độc hoạt</i>	
<i>Binh lang</i>	
<i>Thiên ma</i>	Dầu 1 phân
<i>Ma hoàng</i>	
<i>Cam thảo</i>	

Sắc nước uống, hoặc gia *Nam tinh* tán bột hòa với mật mà dán và mổ ác.

VẠN KINH TÁN

(Trị tạng hàn khốc đêm)

<i>Dương quy</i>	<i>Nhân sâm</i>
<i>Trầm hương</i>	<i>Nhũ hương</i>
<i>Dinh hương</i>	<i>Ngũ vị</i>
<i>Bạch trật</i>	<i>Nhục quế</i>
<i>Xích thược.</i>	

Sắc nước uống vào sau bữa ăn.

Một phương có thêm *hồi hương*, *cam thảo*.

Một phương trị tâm kinh tích nhiệt mà khốc đêm.

<i>Mạch môn</i>	Dầu một đồng
<i>Sinh địa</i>	
<i>Viễn chí</i>	7 phân
<i>Phục thần</i>	7 -
<i>Xa tiền</i>	6 -
<i>Câu dăng</i>	
<i>Mộc thông</i>	đều 5 phân
<i>Cam thảo</i>	3 phân

Gia tìm bắc, sắc nước uống.

THIÊN THOÁI HÓA TÁN

(Trị trẻ con khốc đêm không nín)

Thiên thoái (dùng nửa phần dưới 7 con, vì nửa phần trên hay làm cho khốc đêm).

Tán nhỏ sắc nước bạc hà cho vào tý rượu, hòa vào cho uống.

CAO HOA ĐÈN

<i>Hoa đèn</i>	7 hoa
<i>Chu sa</i>	2 phân rưỡi

Nghiền nhỏ hòa với mật, đợi con ngủ, bôi vào môi và miệng.

XXVII- THAI KINH

Trẻ ở trong bụng mẹ, người mẹ hoặc tức giận, kinh sợ có hai đến tám, tám chủ huyết mạch, nên cảm ứng đến thai, lúc trẻ đẻ ra tất nhiên tinh thần không như thái, sắc mặt trắng đỏ. Chứng trạng mới phát nóng hầm, sau mới đỏ mà hay sợ, có tiếng động là sợ, tiếng vang là hồi hộp, nghiêng răng đỏ mép, tay chân co quắp, thường giật mà phiền muộn, có cơn khóc chết ngất, khắp mình đều tím, có lúc lạnh ngắt, hoặc ấn đường sắc xanh, nóng dữ, ọc sữa, nằm ngủ hay sợ, tay chân co giật, 10 ngón tay co duỗi như đếm, thân mình cứng đờ, mắt lác liên, tay nắm, tròng liệng, mắt xanh, khóc thét, trào nước dãi, nôn mửa, hở mồm ác, má nhợt, miệng mửa, cắn răng chúm miệng, bụng sưng rốn lồi, trán nổi gân xanh, mặt sưng bụng trướng, đó là chứng trạng rất hiểm ác, khó chữa. Hễ thấy đã có chứng thái kinh thì nên sớm trị, nếu đã thành chứng phong, thế tất khó trị. Nếu quầng lông mi đỏ hồng hoặc biếc tươi và chỉ tay ở hõ khẩu mà cong vào mé trong thì còn trị được, nếu quầng lông mi xám đen xanh biếc, chỉ tay ở hõ khẩu cong ra ngoài, chỗ ấn đường {(1)} nổi lên và tím, đờm sôi nhở bọt có lúc co giật đều là chứng nguy hiểm. Lại có cháu đầu mặt sinh mụn, lớn bằng nắm tay, đó gọi là chứng kinh khí, nên phá vỡ ra, rồi sau sẽ bít lại, chớ nên bôi thuốc độc vào, nếu không thì nát da hại thịt, độc vỡ sâu thì hại càng sâu, nếu trên chân lở như lở loét, thì biết trước là đứa trẻ sống không đầy 5 năm.

CHI THÁNH BẢO MẠNG DAN

Trị thai kinh, mắt lườm lườm, tay chân co quắp, cấp kinh phong hay mạn kinh phong.

Toàn yết 14 con (khử độc)

Phòng phong

Thiên ma

Bạch phụ (nướng)

đều 5 đồng

Thiên thoái

Nam tinh

Cương tằm

Chu sa

1 đồng (phi nước, nghiền riêng cho nhỏ)

Xạ hương

5 phân

Vàng thép

10 lá

Cùng tán nhỏ, lấy cơm gạo tẻ làm hoàn bằng hột khiếm thực, mỗi lần uống 1 hoàn thay với nước bạc hà.

Một phương :

Trị trẻ ở trong thai bị kinh sợ, đẻ chưa đầy tháng mà lên kinh.

(1) Chính giữa, chỗ hai đầu lông mày giao nhau.

Chu sa

Ngũ hoàng

mỗi thứ đều chút ít

Xạ hương

Tán nhỏ hòa với sữa heo cho uống.

THANH KIM HOÀN

Tiêu đờm dài, trấn được cơn kinh và giải được thai nhiệt.

Nhân sâm 2 đồng

Thiên mã (nướng) 2 -

Phục thần 2 -

Bạch phụ (nướng) 2 -

Dâm tinh (sạo) 2 -

Cam thảo (nướng) 1 đồng rưỡi

Thanh đại 2 đồng

Chu sa (thủy phi) 5 phân

Đều tán bột hoàn với mật bằng hột ngô đồng, sắc nước câu đằng làm thang mà uống.

XXVIII - THAI GIẢN

Thai giản là vì trong thai bị kinh sợ hoặc vì ăn đồ độc mà cảm nhiễm, chứng trạng mình nóng mặt xanh tay chân co giắt, hàm răng nghiến chặt, lưng thẳng mình cứng, tròng mắt xiên, mắt nhắm, hay khóc không bú, nhiều lần khỏi lại nhiều lần lên cơn, với chứng thai kinh thì tên gọi khác mà thực cũng giống nhau, phép trị nên cùng xem với chứng thai kinh.

ĐỊNH PHONG CAO

Toàn yết đủ cả đầu đuôi 49 con, khử động, mỗi con dùng là bạc hà tươi bọc lại, lấy sợi tơ buộc chặt, nướng khô nghiền nhỏ, cho *chu sa* và *xạ hương* mỗi thứ chút ít vào hoàn với mật bằng hột ngô đồng, sắc nước câu đằng, nghiền nát viên thuốc mà cho uống vào lúc đó.

XXIX- THAI PHONG

Lúc trẻ ở trong thai, vì mẹ ham muốn, tức giận hoặc kinh sợ, bỏ ngủ, hoặc thất tình làm tổn hại bên trong, hoặc kêu la to tiếng, làm kinh động đến tâm thần của con,

kiêm cảm phong tà từ ngoài vào hại đến thai, con mới cảm nhiễm khí mẹ, khi đẻ ra là bị bệnh nôn mửa, co giật, miệng mắt méo lệch, khóc thét tiếng ngất, má nhợt, hở mồm ác hoặc má đỏ hoặc mắt xanh, miệng cam, răng cắn, mắt nhắm, sùi bọt miêng, gân cốt co quắp, mình mẩy cứng đờ, bụng thủng, rối lồi, đờm tắc, nóng dữ, cũng cùng một chứng với cảm miệng chúm mồm, nhưng chứng thai phong thì nhắm mắt có khác với chứng mạn tỳ, không nên dùng bảy thuốc ôn. Xem khí sắc ở chỗ lông mi mà hồng, tía, đỏ tươi biếc, trai nắm ngón tay cái ra ngoài, gái nắm ngón cái vào trong là thuận tươi biếc, trai nắm ngón tay cái ra ngoài, gái nắm ngón cái vào trong là thuận thì trị được, nếu khí sắc xanh, xám, đen, mà nắm trái hoặc co giật một bên, mình lạnh mà mềm, cong lưng uốn ván, mặt xanh, môi run lập cập thì đều là không trị được. Chứng trị được thì nên giải tán phong tà, lợi kinh hóa đờm.

THIÊN MA HOÀN (Trị thai phong)

<i>Thiên ma</i>	Cương tâm
<i>Bán hạ</i>	Toàn yếu
<i>Khương hoạt</i>	Phong phong
<i>Đờm tinh</i>	

Các vị đều nhau tán nhỏ, hoàn với hồ bột mì bằng hột khiếm thực, *chư sa* làm áo, sắc nước *câu đằng* mà uống.

THÁI ẤT TÁN

<i>Thiên tương tử</i>	2 đồng
<i>Nam tinh</i>	2 -
<i>Bạch phụ</i>	2 -
<i>Thiên ma</i>	2 -
<i>Phòng phong</i>	2 -
<i>Phục linh</i>	2 -
<i>Toàn yết</i>	1 -
<i>Chu xa</i>	1 -
<i>Xạ hương</i>	chút ít

Tán bột, mỗi lần 4 phân hòa với sữa, cho uống.

XXX - UỐN VÁN RỐN

Chứng uốn ván rốn là vì sau khi cắt rốn, nước dãi và sữa tắm ướt, gió lạnh xâm vào lỗ rốn, đồn vào tâm tỳ mà sinh bệnh. Chứng trạng là rốn sưng nặng nửa thì co giật, chúm miệng cam mồm, đó là chứng co giật ở trong (nội súc) thì không trị được. Phàm

oên rốn xanh đen, móng tay chân xanh đen là đều chết, và kêu khóc không ngớt, chung quanh rốn xanh đen lồi lên, ngực ưỡn ra, cổ mềm oặt, sữa không nuốt xuống, tay chân đều quyết lạnh, cổ nghẹn, trào nước dãi, miệng khô, co giật ở trong, tay nắm, miệng căm, càng là chứng chết.

Như nhiệt ở trong ngực, đưa hơi phồng lên, cũng làm cho rốn thũng, nếu trong rốn không khô mà thường chảy ra nước vàng là chỉ hại đến phủ thì nên dùng thuốc mà bôi, (lấy tán lục nhất hoặc tro bông, hoặc bột phèn khô mà bôi là khỏi ngay). Nên xem ở vòm hàm trên, như có nốt mụn trắng thì dùng kim bạc khêu nhẹ nhàng cho vỡ ra, nếu có chảy máu thì hỏi được, nhưng là chứng rất nguy, 10 người khó sống được 1, 2. nên chuẩn bị sẵn vải mềm bọc đầu ngón tay để thường chùi trong miệng, trên lợi răng mà có hai đường gân nổi lên thì đưa dao tre nhẹ tay cắt đứt, lấy sữa heo nhỏ vào. Lại nên xét xem trên rốn, nếu có đường mạch đỏ chạy thẳng lên, thì kịp tìm chỗ tận đầu đường mạch, dùng nải nhung đốt luôn 3 mỗi đốt đều là phép dự phòng tốt. Phàm có chứng chết thì nên dùng bài *Dại lợi kinh hoàn* (138) làm chủ, hoặc là dùng phép thổi vào lỗ mũi ở mục Cấm khẩu, hắt hơi được là trị được. Nặng lắm thì bài *kim ô tán*.

THUỐC THỐI VÀO MŨI

<i>Ngó công</i> (con rết)	1 con
<i>Yết sào</i> (đuôi bò cạp)	4 đuôi
<i>Cương tà</i>	7 con
<i>Cù mạch</i>	5 phân

Đều án nhỏ, mỗi lần dùng 2 phân rưới thổi vào trong lỗ mũi, có hắt hơi là trị được, mà vẫn sắc nước bạc hà hòa vào mà uống.

KIM Ô TÁN

<i>Kim dầu ngó công</i> (Rết dầu vàng)	nửa con
<i>Ô tiêm</i> (Chốt nhọn ô đầu)	3 cái
Sinh xạ hương (Xạ hương sống)	chút ít

Dầu tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 phân 2, sắc nước kim ngân hòa vào mà uống hoặc dùng bài Ngoại khoa trại mạng đơn (139), bài *Nhất năm kim* (114) đều hay.

Nếu phong giật đã hơi yên mà còn hay khóc và phiền táo thì dùng bài *Dại ôn kinh hoàn* (141). Như nóng trong lòng ngực, đưa hơi phồng lên cũng làm cho rốn sưng thì dùng *Thiên kim long đóm thang* (142), *Tiểu lương kinh hoàn* (143).

PHÉP RỬA RỐN SƯNG

Sắc nước kinh giới rửa sạch rồi lấy là hành nướng qua trên lửa, đợi nguội lấy móng tay bóc ra cho mỏng rồi đặt vào chỗ sưng ngày hôm sau hết sưng, mới uống bài *Thông tâm ẩm*.

THÔNG TÂM ẤM

<i>Mộc thông</i>	3 phân
<i>Liên kiều</i>	3 phân
<i>Cù mạch</i>	3 phân
<i>Sơn chi</i>	3 phân
<i>Đảng tâm</i>	chút ít
<i>Hoàng cầm</i>	3 phân
<i>Cam thảo</i>	3 -
<i>Mạch môn</i>	chút ít

Sắc nước uống có thể thông tâm khí, lợi tiểu tiện, lui cơn sốt, phân chia cơn nước ta.

CẤP CỨU THANG (trị uốn ván rốn)

Cút khí, giống khí ở trong núi mới tốt, không cứ nhiều ít, sắc nước mà uống (khí nhà nuôi, thì không dùng).

NHỊ ĐẬU TÁN (trị rốn sưng lõi lên)

<i>Xích tiểu đậu</i>	1 đồng
<i>Dạm đậu sị</i>	-
<i>Thiên nam tinh</i>	1 - (bỏ vỏ rốn)
<i>Bách liễm</i>	1 -

Các vị tán nhỏ, dùng nước cốt cây chuối hòa với bột thuốc đắp bốn bên rốn, đi tiểu được thì khỏi.

PHÉP THƯỜNG DÙNG CHỮA RỐN

Trị nước hoặc máu trong rốn chảy ra hoặc rốn sưng đỏ mà đau.

Dương quy tán nhỏ hoặc *Bạch thạch chi* tán nhỏ, *Châu chàng* {(1)} đốt ra tro, rồi hòa với tro tóc rối, đến có thể xúc vào.

Phàm trẻ con lúc mới sinh xem rốn mềm là không có chứng phong lở rốn, nếu rốn cứng thẳng là nhất định có chứng phong lở rốn, thì kíp dùng kim bằng bạc lẻ 1, 2 chỗ ở bên cuống rốn, cho tý bột xạ hương vào, để ngai lên mà cứu 3 mồi, rất hay.

LONG CỐT TÁN

<i>Long cốt</i> (nung đỏ)	1 đồng
<i>Kinh phấn</i>	5 phân
<i>Hoàng liên</i>	1 đồng
<i>Bạch phàn</i> (phi)	5 phân

(1) *Châu chàng*: 1 loài ếch ương ở Miền Bắc mà sống ở ao hồ, cũng gọi chẵn chuột.

Đều tán bột, rắc khô vào lỗ rốn.

Lại một phương

Dùng vải nhung đỏ đốt ra tro, tán nhỏ, rắc một mình nó là công hiệu.

XXXI - PHONG CHÚM MIỆNG (TOÁN KHẨU) (1)

Phong chúm miệng là vì thai đã bị phong nhiệt, lúc mới sinh lại cảm phải phong tà xâm vào rốn, độc chạy vào tâm và tỳ mà sinh ra. Nhưng mọi chứng thai phong và tê phong đều làm cho hơi rộn lên, lưỡi cứng miệng chúm lại như miệng túi mà không bú. Nguồn gốc bệnh giống nhau, chứng trạng cũng giống nhau. Lúc phát bệnh thì mặt mắt vàng đỏ, chúm miệng không bú, hơi rộn lên thở gấp, mắt nhắm miệng cắn, khóc như tiếng quạ khóc hoặc không ra tiếng, lưỡi cứng môi xanh hoặc trên lưỡi như hột lúa, hoặc miệng thổ ra bọt trắng, nặng hơn thì mặt cứng lưỡi xanh, bụng trương gân xanh ruột thất lại đau ran, trong một trăm ngày bệnh nặng hơn là bất trị, và miệng ra bọt trắng, tay chân giá lạnh, độ 7 ngày hiện ra tất là chết.

Cảnh - Nhạc nói : uốn ván rốn và phong chúm miệng cũng đều là một bệnh, chưa khi nào uốn ván rốn mà không phong chúm miệng, cũng chưa khi nào phong chúm miệng mà không có uốn ván, bị bệnh này thì 9 phần chết chỉ một phần sống. Vì rốn là căn bản của mạng người, rốn mà bị phong tà xâm nhập là căn bản mạng người đã tuyệt. Hai chứng đều thuộc về kinh tâm và tỳ, mở miệng là thuộc tâm, ngậm miệng là thuộc tỳ. Phong nhập vào rốn, trước hết chạy vào tỳ, do tỳ truyền lên đến tâm. Tâm bị tà ngoại xâm vào, cho nên miệng không mở được mà chúm lại luôn nếu phát co giật là do phong làm ra. Xét đến nguồn gốc bệnh này thì nguyên nhân trong và nguyên nhân ngoài khác nhau, bởi vì cuống rốn liên hệ với bào thai, tất nhiên lúc mới đẻ ra, mẹ trước đã cảm phải tà khí, truyền đến cho con gọi là thai phong mà chứng kinh giật gọi là thai kinh, đây là bệnh do nguyên nhân trong; vì sau lúc cắt rốn rồi đắp điểm không kín đáo, bị gió lùa vào rồi nước ướt với phong tà xâm nhập, chưa đến 6, 7 ngày mà cuống rốn đã rụng tất nhiên thành chứng này, đó là bệnh do nguyên nhân ngoài. Còn như phép trị, đờm thịnh thì nên trị đờm trước, hỏa thịnh thì nên thanh hỏa trước, không hỏa không đờm thì nên ôn bổ tỳ vị.

Một thuyết nói: "trẻ con sơ sinh, khí nó còn mạnh và lại có bệnh thì bệnh chịu. Phàm thấy có chứng hiểm ác lại cứu vào rốn, chỉ là làm khổ mà thôi chứ không có ích gì. Muốn tìm một phần sống trong muôn phần chết thì chỉ dùng phép hạ mà thôi.

Phàm cắt rốn chưa lại không đủ 1 thước (2) thì hay bị chứng uốn ván rốn. Chân răng có nổi nốt như hột lúa thì lấy vải bọc ngón tay, nhúng vào nước ấm mà khảy cho vỡ ra thì mở được miệng không phải dùng thuốc (Trong 7 ngày mà bị chứng này, 100 trẻ không sống một).

Phàm vì buộc rốn không cẩn thận, hoặc chuyển động gió nhập trong vào rốn, hoặc vì dao sắt cắt rốn khí lạnh truyền vào kinh lạc của tỳ, đến nổi rốn bị đau kíp lấy móng

(1) Theo các tài liệu hiện nay của Trung Quốc thì chứng tê phong, toát khẩu chỉ là một chứng uốn ván rốn

(2) Thước ta bằng 40cm

tay phá vỡ cho ra nước độc, rồi lấy nải mà cứu giữa rốn, cũng có cháu sống được, phép trị thì nhiều nhưng không gì bằng phép cứu.

Nếu vì bà mẹ nuôi khi can tỳ bị uất giận, hoặc vì ăn uống đồ sống lạnh mà con sinh đau, thì nên chưa cho người mẹ. Như chứng chúm miệng là vì khi tắm rồi lau rốn, phong ta xâm vào mà sinh bệnh, nên dùng ich hoàng tán mà bỏ vào (136); xem nước răng nổi nốt lên thì xác vỡ ra, miệng đã mở được thì dùng cương tâm nung qua tán nhỏ xúc vào trong miệng.

Phạm trẻ con trong 100 ngày mà bị uốn ván rốn và nổi nốt ở nướu răng (mã nha) nên ch là thai độc, dùng thuốc mà tả hỏa của kinh túc dương minh và dùng kim khâu vết nốt phòng trong nướu rồi lấy mù cây dâu mà bôi vào.

Loại một phương

Dùng *Thiên nam tinh* tán nhỏ, gia *phiến* nào chút ít, lấy ngón tay nhúng ngược gừa và thuốc xát vào nướu răng, là mở miệng ngay.

Lại một phương

Lấy *Ngưu hoàng* hòa với nước *Trúc lịch* độ 2 phân rưới rồi lấy *Sữa heo* nhỏ vào trong miệng, như chúm miệng, nhân mặt, muốn bú không bú được thì dùng cương tâm 2 con sao qua tán nhỏ hòa với mật bôi vào trong mồm, hoặc uống *Dại lợi kinh hoàn* (138) hoặc dùng *Yết sảo tán*.

YẾT SẢO TÁN

Trị tất cả các chứng thai phong và trong 100 ngày uốn ván rốn, nếu thai hư lạnh thì gia *xuyên ô*, nhiệt thì sẽ dùng *cao thần xa*.

Yết sảo (đuôi bò cạp) 19 cái, mỗi cái dùng lá bạc hà tứ vị quán chặt buộc lại, bỏ vào nồi rang sao chung, hễ bạc hà kho hết nhựa là được.

Lại cho *cương tâm* 49 con, *phiến* nào, *xạ hương* đều chút ít.

Các vị tán nhỏ dùng gan gà trống 2 cái, nấu nước hòa với thuốc mà uống. Nếu chúm miệng mà khí không hào thì thấy hơi thở gấp, nên dùng *Bảo mạng đơn* (135) *ích hoàng tán* làm chủ.

THẦN SA CƯƠNG TÂM TÁN

Trình phong chúm miệng và uốn ván rốn, đau gò bụng.

Thần sa (phi nước) 5 phân

Cương tâm (sao) 1 đồng

Thiên trúc hoàng 5 đồng

Trân châu 3 phân

Xạ hương 1 đồng

Điều tán nhỏ, mỗi lần dùng chút ít hòa với mật, trét vào miệng trẻ cho nó tự nhai nuốt.

LONG ĐORM THANG

Trị phong chúm miệng kiêm trị thai kinh, nóng lúm, uốn ván rốn.

Long đorm 5 phân

Câu đằng 5 -

Sài hồ 5 -

Hoàng cầm (sao) 5 -

Cam thảo 5 -

Xích thược 5 -

Cát cánh 5 -

Phục linh 5 -

Dại hoàng 1 - (gói giấy nướng)

Thêm táo và nước sắc uống (phương xưa có thêm bọ hung 2 con mà bỏ cát cánh).

Một phương (trị phong chúm miệng)

Ngưu hoàng 1 phân (nghiền nhỏ) hòa với nước Trúc lịch giở vào trong miệng.

Lại một phương

Thần lân 1 con, bỏ vào bình, dùng *Châu sa* nghiền nhỏ, cũng bỏ vào bình, trét kín miệng bình lại, để hơn 1 tháng cho nó ăn hết *Châu sa* rồi lấy ra, mình nó đỏ, phơi râm tán bột, mỗi lần dùng 1, 2 phân hòa với rượu cho uống.

Lại một phương

Xuyên sơn giáp dùng vảy ở dưới 3 miếng tấm mỡ dê nướng vàng.

Duối bò cạp 7 cái

đều tán bột, hòa với sữa bôi lên vú cho trẻ bú, lấy áo ấm đắp cho trẻ một lúc, mồ hôi ra là khỏi.

XXXII - PHONG CẨM KHẨU

Cẩm khẩu là vì thai bị nhiệt độc chạy vào tâm tỳ, khi sinh ra lại bị phong tà xâm lấn vào mà sinh bệnh. Chứng trạng mắt nhắm, miệng cam, tiếng khóc nhỏ dần mà không bú, trên lưỡi nổi thịt lên như hột lúa hột gạo, miệng thổ ra bọt trắng, sắc thịt đỏ, mũi vàng đại tiểu tiện đều thông, nếu thấy quyết nghịch, co giật cam miệng, trong rốn chảy máu ra không thôi thì chết.

Phạm trẻ sinh ra 7 ngày, hiện ra chứng này là nguy, trong 100 ngày hiện ra chứng này mà tay chân co dúm lại cũng bất trị. Cho nên trẻ sơ sinh nên phòng ngừa 3 bệnh là *cấm khẩu, chúm miệng, uốn ván rốn*, mà cấm khẩu là nguy hơn, như sinh được quá 7 ngày, mới tránh khỏi 3 chứng nguy trên. Cho nên hễ hơi thấy hàm răng cắn chặt, bú không được, tiếng khóc nhỏ dần, miệng thổ bọt dãi, là tức tốc trị ngay, phải theo phép mà xem trong miệng và lưỡi rồi sau cho uống thuốc.

Xem trong miệng lưỡi thấy vòm hàm trên có nổi nốt trắng, dùng móng tay khà nhẹ nhàng cho vỡ ra, rồi lấy mực tàu bôi vào. Nếu miệng há ra có vật như con sên hoặc giống thứ sâu trắng đầu vàng, thì bên trong nên cho uống loại thuốc *Trúc lịch, ngư hoang* như nhiệt độc chạy vào tâm tỳ, nên hiện ra ở cổ họng, ở lưỡi, hoặc khi sinh ra lại bị phong tà công vào mà sinh bệnh, nên dùng *Tả hoàng tán* (201), hay *Châu ngân hoàn* (45).

Trẻ mới sinh cấm khẩu không mở được, không bú được thì dùng thứ *rết vàng đầu đỏ chân 1 con* nướng cháy tán nhỏ, mỗi lần dùng 5 phân lấy sữa heo 2 chung hòa đều chia làm 3, 4 lần cho uống, hoặc dùng nước *Trúc lịch* hòa với *Ngư hoàng* mà đổ, lại lấy nước mật heo nhỏ trong miệng.

Chứng *cấm khẩu* cùng chứng *chúm miệng, uốn ván rốn* cùng là một giống, vì ở trong uất bế thì nên trước dùng *Khống đờm tán* cho thở dờm ra.

KHỐNG ĐỜM TÁN

Duôi bò cạp (Yêu sào)

đều 1 đồng

Xanh đồng (đồng thanh)

Chu sa

Nhị phấn (phấn chì)

1 đồng tiền xúc

Xạ hương Chút ít

Đều tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng tiền xúc, uống với nước trà hoặc sắc nước cam thảo làm thang, cho vừa được càng tốt, lại lấy nước mật heo điểm vào trong miệng là khỏi. Rồi sau điều bổ vị khí, thì dùng thang *Nhân sâm dương vị* (147) bổ vị *phục linh, bán hạ gia mộc hương, tô tử*, cho bà mẹ nuôi cùng uống. Lại dùng *cao thần sa* (148) để lợi kinh thì khỏi, cùng phép *thối lỗ mũi* (xem mục *uốn ván rốn* trước kia).

BAO SINH THANG

Trị cấm khẩu kiêm trị uốn ván rốn, tị lỗ dít

Phòng phong 7 phân

Chỉ xác (sao) 5 -

Quất bì 4 -

Phục thần 3 -

Giới tuệ 3 -

<i>Viễn chí</i>	4 -
<i>Nam tinh</i> (sao gừng)	5 -
<i>Cát cánh</i>	3 -
<i>Cam thảo</i>	2 -

GIA TIM BẮC SẮC UỐNG.

Định mạng tán

Trị cấm khẩu không bú.

Thiên thoái (bỏ mồm, chân) 27 cái xác

Toàn yết (bò cạp) (khử độc) 7 con

Tán nhỏ, cho *khinh phấn* chút ít hòa đều rồi uống với sữa.

XXXIII - PHONG THIÊN ĐIẾU (1)

(Sách Cẩn nang cho là mắt trợn ngược nên gọi thiên điếu, Cảnh - Nhạc nói : "hai mắt trợn giộc lên mà không sập xuống được". Sách Y học nói "Giống hình như cá mắc câu, nên gọi là thiên điếu").

Chứng thiên điếu là trúng phải khí ác quỷ mà thuộc về dương. Chứng trạng: mặt trắng hơi xanh hoặc như màu đất, hoặc móng tay móng chân xanh xám trông mắt trợn ngược mà trững đảo, nóng lấm mà kinh sợ co giật, tay chân co quắp, mình lạnh như băng giá, hoặc kêu hoặc khóc, mừng giận không thường, giống như chứng kinh phong, đó là vì thai khí không đủ tinh thần không giữ vững. Trong mình đã hư yên thì tà tất xâm vào, nên tâm hư thì thần thoát, phế hư thì phách loạn, can hư thì hồn mất, tỳ hư thì ý chí rối, thận hư thì thần khí thiếu, do đó tà khí mới xâm phạm vào được.

Một thuyết nói: "do bà mẹ nuôi say rượu, ham muốn quá độ, khí phiền độc nhập vào sữa, làm cho tâm phế sinh nhiệt, đờm tắc, khí trệ không được tuyên thông, gia dĩ ngoài kèm thêm phong tà, nhiệt ở trong không phát tiết ra được (có đủ mọi chứng trên) cùng kinh sợ hồi hộp, nóng dữ, môi thường hay dộp lên, mạch phù, thực mà hồng, đại, mà lúc mới phát bệnh, tất nhiên ngáp luôn là đúng chứng. Chứng này thuộc dương, trị nên giải nhiệt tiêu phong thì khỏi được.

Một thuyết nói : "Bà mẹ nuôi uống rượu, ăn đồ sào nướng, mặn chua quá độ, khí độc vào trong sữa, nhiệt và đờm uất trệ lại, gia dĩ phong tà phạm vào làm cho mắt trợn thì, mình cứng đờ giống như cá trên lưỡi câu, nên dùng *Câu đằng tán*, nóng nhiều thì *Đảo mạng đơn* (135), đờm thịnh *Bảo long hoàn* (xem môn kinh phong) nhiệt đờm thì *Cổn đờm hoàn* (155), có tích mà bị giật kinh, bụng nóng trướng căng, nằm ngủ bụng giật nảy, thì nên dùng bài *Khoan nhiệt ẩm* (115) đi tả ra được chất độc thối, rồi sau mới trị bằng thuốc điều hòa tỳ vị, bệnh này không nên nhận lầm là bệnh kinh phong.

(1) *Thiếu điếu* - 1 loại kinh phong trẻ em, do tâm phế tích nhiệt gây nên triệu chứng trợn hơi dật, co nắm, gáy cứng sồi dờm, hai mắt trợn ngược, móng tay xanh.

CÁN ĐẰNG TÁN

<i>Nhân sâm</i>	5 phân	<i>Toàn yết</i>	2 phân
<i>Tê giác</i>	5 -	<i>Thiên ma</i>	2 -
<i>Câu đằng</i>	5 -	<i>Cam thảo</i>	1 -

THIÊN TRÚC HOÀNG TÁN

Trị chứng thiên điều trông con mắt xéch lên, tay chân co quắp.

<i>Thiên trúc hoàng</i>	2 đồng
<i>Cam, thảo chích</i>	2 -
<i>Lạp trà</i>	2 -
<i>Toàn yết</i>	7 con (bọc lá bạc hà nướng)
<i>Giới tuệ</i> (sao)	5 phân
<i>Luc đậu</i>	40 hạt (nửa sống nửa sao)
<i>Bạch phân</i>	5 phân (phi khô)
<i>Hùng hoàng</i>	5 phân (phi trước)

Tán bột hòa vào nước nhân sâm mà uống, như thấy chỗ hàm kéo dó thì dùng nước bạc hà làm thang mà uống.

XXXIV - PHONG NỘI ĐIẾU (ĐAU BỤNG BẠO)

Chứng nội điều, nguyên nhân vì hàn tà uất kết, kiềm kinh phong mà phát ra, Chứng trạng : đau bụng hay khóc, môi đen, dái thũng, phân xanh, mồ hôi ra, cán vú, chảy nước miếng, còm lưng, uốn ván, mắt trũng lên, chỉ tay ở hõ khẩu chạy vào bàn tay, trông mắt có gân đỏ và vết máu giống như chứng kinh, nhưng cũng có phân biệt ra âm chứng dương chứng, âm chứng thì phát ra sau lúc ọc sữa, vị khí hư yếu, tinh thần mê muội, hoảng hốt không yên, tay chân co quắp, kêu la nặng nhọc; dương chứng thì phát ra, thân thể phát nóng, sợ run khóc to, tinh thần hoảng hốt, hoặc ngủ hoặc thức, đờm sôi thờ mạnh, tay chân có giật từng cơn, kinh sợ mắt xéch khóc kêu. (Sách nói : "Thiên điều thộc dương, nội điều thuộc âm, nhưng tóm lại đều không phải dương chứng cả hai chứng đều là chứng dương ở trong âm). Phép trị không ngoài cách ôn tạt trấn kinh, thuận khí hóa đờm mà thôi. (Chứng đau bụng lại cũng giống như chứng nội điều, nhưng chứng đau bụng lại thì phạm vào tim kêu khóc nhắm mắt, ọc ra bọt dãi, tay chân gầy mòn mặt xanh vàng nóng lạnh, thăm lạng không hay biết, lên cơn có lúc là khác mà thôi).

Một thuyết nói: có thổ tả, tay chân co giật, mắt xanh tay chân lạnh, nội tạng co quắp, bụng đau, tức là chứng "điều trường khí", nhưng chứng này phần nhiều giống chứng kinh, chỉ trong mắt có gân đỏ vết máu là có thể nghiệm được.

MỘC HƯƠNG HOÀN

Trị kinh phong, nội diều, đau bụng, kinh sợ kêu khóc

Một đượ	1 đồng	Câu đằng	1 đồng
Mộc hương	1 -	Toàn yết	5 phân
Hồi hương	1 -	Nhũ hương	5 -

Nhũ hương, một đượ nghiền riêng rồi trộn lẫn với các bột thuốc khác giã tòi nấu hồ làm hoàn bằng bột ngô đồng, mỗi lần uống 2 hoàn dùng câu đằng và Đằng tâm làm thang mà uống.

NGŨ HƯƠNG HOÀN

Trị kinh phong, nội diều, đau bụng, khóc đêm.

Nhũ hương	5 phân	Yết sảo	7 con
Một đượ	5 -	Tân lang	1 đồng
Trầm hương	5 -		

Tán nhỏ, hoàn với mật làm viên bằng hột ngô đồng, mỗi lần dùng 2 viên, sắc nước xương bồ, câu đằng mà uống.

HỔ PHÁCH HOÀN

Trị nội diều, co quắt, uốn ván, đau bụng, khóc đêm không yên, kiêm trị cấp kinh phong, mạn kinh phong, đờm dãi, sốt cơn, mê man, trờng mắt.

Thần sa	1 đồng	Cường tâm	1 đồng (sao)
Hổ phách	1 -	Bạch ph	1 - (nướng)
Ngưu hoàng	1 -	Đại giả thạch	(giã nấu 7 lần)
Dòm tinh	1 -		
Nhũ hương	1 -	Toàn yết	1 đồng (bỏ độc sao)
Xạ hương	1 -	Thiên ma	1 - (nướng)
Thiên thoái	1 -	Bạch truật	1 - (sao đất)
		Long não	2 phân rưỡi.

CÂU ĐẰNG CAO

Trị kinh phong, nội diều, trong bụng rất đau, nằm khóc mặt xanh, tay chân lạnh, dãi ra như nước vo gạo.

Nhũ xương	3 đồng	Khương hoàng	4 đồng
Một đượ	3 đồng	Mộc biết nhục	11 hột
Mộc hương	4 -		

Tán nhỏ, luyện mật làm hoàn, cất kín vào bình sành, xem trẻ lớn nhỏ mà cho dùng nhiều hay ít, uống nước cân bằng hoặc thang Tứ ma (151) sắc lên rồi uống với thuốc tể trên.

NGŨ VỊ MỘC HƯƠNG TÁN

Xuyên luyện nhục 7 hột, (dùng ba đậu 35 hột, bỏ vỏ cùng sao đậu vàng thì bỏ đậu mà lấy xuyên luyện).

Mộc hương 1 đồng Huyền hồ sách 1 đồng

Sử quân tử 1 - Hồi hương 1 -

Tán nhỏ, liệu trẻ lớn nhỏ mà thêm hay bớt, uống với nước cơm.

CỔ KHUNG QUY THANG

Trị chứng nội điều lạnh đau :

Cần khương 2 đồng Dương quy 3 đồng

Nhục quế 1 đồng Xuyên khung 2 -

Đinh hương 5 phân Thanh bì 5 phân

Trầm hương 5 - Tiểu hồi -

Sắc uống.

NGŨ THUẬT TÁN

Nga truật 5 đồng A ngũ 1 đồng

Trước dùng nước nóng làm cho tan *a ngũ* rồi ngâm *nga truật* vào một ngày đêm, sấy khô tán nhỏ, mỗi lần dùng 2 phân rưỡi uống với nước *tía tô* hoặc nước cơm.

NGŨ HƯƠNG HOÀN

Trị chứng nội điều, đau bụng khốc tiết.

Nhũ hương 5 phân Yết sào 14 con

Một duột 1 đồng Tán lang 1 đồng rưỡi

Trầm hương 1 đồng

Tán nhỏ, hoàn với mật bằng hột ngô đồng, mỗi lần dùng một, hai viên, sắc nước *xương bồ, câu đằng* mà uống, nếu chứng nội điều mà sưng bộ sinh dục thì dùng *Quy ngưu tán*. Từ bài câu đằng tán trở xuống đều là thuốc điều khí sơ phong, nếu cơn kinh nặng nên dùng *Đinh phách* hoàn (153) để mà trấn cơn kinh.

XXXV - CHỨNG BÀN TRƯỜNG THỐNG (1)

Khí thuận thì điều hòa trên dưới, khí nghịch thì uất kết lại. Chứng bàn trường không phải bỗng chốc mà sinh ra, đều là vì khí uất tích lâu ngày, tạng phủ không thư thái, quang ruột và dạ dày teo hẹp lại khí xông lên tận tim mà đau nhói. Chứng trạng: trên rốn như hình con rắn, có tiếng ọc ọc nổi lên liên tiếp như tiếng mèo ọc mửa, háo miêng khóc than tay chân đều lạnh, trong ruột trệ kết, đi đại vật, môi trên khô, đầu ra nhiều mồ hôi, mặt xanh hoặc đen, đầu nghéo lưng oằn, không ăn không bú, bụng đau mây giật, hoặc có lúc lịm đi, người lạnh mồ hôi nhiều, thậm chí móng chân xanh đen. Chứng này do lúc mới sinh ra tám lâu mà bị cảm hàn, hoặc đàn bà lúc có nghén lo buồn suy nghĩ, khí trong tim uất kết, đến lúc sinh ra cảm phải hàn lạnh có cấu kết với khí mà thành bệnh. Bệnh này cũng có 2 chứng âm và dương âm chứng thì uồn mình mà ỉa ra bọt xanh, dương chứng thì mình khom xuống thét to mà ỉa ra phân xanh, khóc than không nước mắt, đánh đấm, sôi bụng; nếu cả hai chứng cùng phát thì là chứng nửa âm nửa dương. Phép trị nên thuận khí hóa đờm, ôn hành tuyến tiết mà thôi. Còn khắp mình giá lạnh, môi má xanh, run, bụng đầy, khóc khan, đau nhói tận tim, móng tay chân đều đen, khí lạnh, mồ hôi toát ra nhiều, là chết.

Một thuyết nói: "Chứng Bàn trường là vì khí lạnh uất ở tiểu trường, nên đau bụng hay khóc cùng giống chứng nội điếu, nhưng chứng bàn trường thì oằn lưng khóc than, đổ mồ hôi trán là có khác".

Chứng hàn trường, chứng giun, chứng trùng phong, 3 loại bệnh ấy đều giống chứng nội điếu, nhưng trùng phong không nói được là khác mà thôi.

ĐIỀU TRUNG TÁN

Trị trẻ con bàn trường khí đau quận trong bụng.

<i>Thanh mộc hương</i>	5 phân
<i>Xuyên luyện tử</i>	5 - (bỏ vỏ và hột)
<i>Một dược</i>	5 -
<i>Nhân sâm</i>	5 -
<i>Phục linh</i>	5 -
<i>Nhục quế</i>	5 -
<i>Bạch khiên ngưu</i>	25 hột (nửa sống nửa sao)

Dùng hành bóc tắng 2 tấc, muối 1 nắm, sắc uống trước lúc ăn.

Lại một phương: Trị hàn trường khí điếu

Hành 1 nắm nấu với nước mà rửa chỗ bụng trẻ, lại lấy hành chườm vào rốn trẻ hồi lâu đại ra là hết đau.

(1) *Bàn trường*: Chứng bàn trường nội điếu vì trẻ mới sinh tám lâu, cảm phải gió lạnh mà sinh ra. Chứng trạng: bụng đau lưng oằn. Khóc khan không nước mắt, sắc mặt xanh trắng, môi đen, tay chân lạnh, đi ỉa phân xanh. (Trung Quốc Y-học Đại-Từ điển, tr.3.991).

Lại một phương: Trị bàn trường khí điều

Nhũ hương

Mộc hương

Một được

Sắc nước uống trước bữa ăn.

Lại một phương :

Trị đau bàn trường, oằn lưng khốc khan; đổ mồ hôi trán.

Bạch đậu khấu

Hương phụ

Sa nhân

Nga truật

Thanh bì

Cam thảo

Đều bằng nhau. tán bột, sắc nước tía tô làm thang mà uống.

TRẦM HƯƠNG CẨM ỨNG HOÀN

Trị tất cả mọi chứng đau tích, bàn trường khí, đau bụng lại đi lỵ đều được

Trầm hương 1 đồng

Đinh hương 1 đồng

Nhũ hương 1 -

Nhục đậu khấu 1 -

Hạnh nhân 1 -

Bách thảo sương 1 phân

Mộc hương 1 -

Ba đậu 14 hột

Tán nhỏ, nấu với rượu, hào với sáp vàng làm viên bằng hột đậu xanh, mỗi lần dùng 4 viên, uống với nước gừng hoặc nước cau đắng.

XXXVI - CHỨNG CHẠM VÍA

Chạm vía không phải là trúng phải ác quỷ đầu, vì trẻ con khí huyết mềm yếu, thần khí chưa hoàn chỉnh, tâm khí không đủ, xấy thấy người lạ, hoặc vật lạ mà sinh chứng khốc thét, miệng xùi bọt xanh vàng, lộn lẩn cả đồ ăn, sắc mặt biến đổi, bụng đau thờ gập, trảo trở co quắp, mạch thì huyền, cấp mà sắc, kêu khóc không thôi, tâm chí rối loạn hoảng hốt, nghe tiếng vang thì giật nảy mình, thường muốn trốn tránh, giống như chứng kính gián, nhưng chứng này mắt trông xuống, chứ không liếc lên. Cách trị nên dần cơn kinh xuống, đuổi tà ngoài đi, bố tâm ấm khí, chờ nhận làm là kinh phong mà dùng thuốc đại hàn để hạ mạnh đến nổi thành chứng mãn kinh.

Nên xem cả hai bên trong miệng nếu có mọc lên nốt nhũ thì liền lấy que tre nhọn châm vỡ ra, nên kíp trị nếu để đến lúc tay chân rù mồi, mặt đen, mắt không ánh sáng, nước dãi chảy ròng, răng cắn khí lạnh là bất trị.

HÙNG HOÀNG TÁN

Trị tỳ tạng lạnh mà đau, hay khốc đêm

Hùng hoàng 1 đồng

Xạ hương 2 phân rưỡi

Nhũ hương 5 phân

Tán bột, mỗi lần dùng 2 phân rưỡi, châm lấy máu mào gà hòa vào mà đổ cho uống, rồi lấy áo người mẹ đắp lên mình trẻ là khỏi, hoặc dùng *câu đằng tán* (154) *Thiên kim long đơn* (124) *Bảo mạng đơn* (135).

Ngoài dùng đất lòng bếp, *trùn đất*, 2 vị bằng nhau, tán nhỏ hòa với giấm làm hàn mà xát trên đầu trẻ và 5 chỗ tâm (2 lòng bàn tay bàn chân và dưới tim) gọi là Hoàng thổ tán, trị bỗng nhiên bị chàm vicia.

XXXVII - BỔNG NHIÊN KINH SỢ LẮM

Trẻ con bỗng nhiên bị kinh khủng sợ hãi, khí huyết chia lìa, âm dương tan rã, kinh lạc lạnh ngắt, đường mạch không thông, lại còn thực tà đầu nữa, không thể theo lẽ thường mà cho là cấp kinh mạn kinh. Vì hai chứng cấp mạn kinh, một là do phong nhiệt, hai là do tỳ vị hư thì đều không phải do kinh sợ mà sinh ra, mà chứng này là do kinh khủng mà sinh bệnh, khí của tâm và đờm bị thương mà làm ra bệnh thần khí rời rã, nguyên nhân không giống nhau, cho nên chứng bệnh cũng khác.

Trị bệnh kinh hãi quá khí tán, thì nên thu hồi thần khí lại làm chủ yếu nên dùng *Bí chỉ an thần hoàn* (120). *Thất phúc ẩm* (119), bài *Đoàn sâm tán* (156) bài *Độc sâm thang* (157) ia kim ngân vào sắc uống cùng bài *Phục thần thang* (158) càng hay.

XXXIII - ĐÊM NGỦ KHÓC THÉT

Trẻ con can khí chưa đầy đủ, đờm khí rất yếu ột phàm tai chợt nghe tiếng động, mạnh, mắt chợt thấy sắc lạ, tuy không kinh khủng nhưng cũng có thể uy hiếp thần hồn, lúc thức đã bị sợ, lúc ngủ kinh sợ, rồi hoặc giật mình không yên, hoặc bỗng nhiên kêu khóc đều là chứng tinh thần khủng khiếp không yên.

Kinh sợ khóc nhiều nước mắt, chợt khóc chợt nín, đó là bị kinh khủng, kêu khóc không nước mắt, tiếng dài không cao giọng, đó là đau bụng, cách chữa cũng nên yên thần dưỡng khí làm chủ yếu, như *Độc sâm thang* (157), *Đoàn sâm tán* (156), *Thất phúc ẩm* (119), *Bí chỉ an thần hoàn* (120) v.v... Nếu hơi nóng thì *Sinh mạch tán* (127), nhiệt lắm thì *Châu sa an thần hoàn* (128) *Đạo xích tán* (159) làm chủ.

HẾT QUYỂN KIM

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LINH

Quyển thứ 30

ẤU ẤN TU TRI/MỘC

(YÊU TRẺ NÊN BIẾT)

I- KINH PHONG

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Về nguyên nhân gây bệnh của ba chứng kinh phong của trẻ con tóm lại không ngoài tạng can, nhưng cũng có thấy chứng hậu ở tạng tỳ, tạng thận, tạng tâm và tạng phổi. Sách Nội-kinh có chép: Phạm các chứng nóng táo, phát cuồng, chạy nhảy đều thuộc về tâm hỏa, các chứng phong choáng váng xây xẩm, đều thuộc về can mộc, không hòa thì phong không thể động, không phong thì hỏa không thể phát, phong, và hỏa kích bác với nhau mà phát ra chứng kinh phong, vì phong hòa đã thịnh thì phế kim bị hại, thận thủy mất chỗ dựa thì hỏa không phải kiêng dè, và lại can mộc không có gì ức chế mà tỳ thổ lại bị thương, hướng hồ trẻ con chân âm không đầy đủ, (đây là chân âm của thiên quý không phải âm huyết hữu hình) tính nhu không thể giúp cho tính cương, cho nên can tá dễ động, can tá động thì mộc có thể sinh ra phong, phong và hỏa kích bác với nhau thì huyết hư, huyết hư thì gân co rút, gân co rút thì làm cho choáng váng xây xẩm, uốn ván, co giật, cứng đờ và nhếch mắt không chừng, hoặc mặt mày đều xanh, trợn mắt nên gọi là bát hậu (1).

B- Phân biệt chứng trạng:

Phong hòa giao tranh là do "đàm" sinh ở tỳ, "phong" sinh ở can, "kinh", xuất từ tâm, "nhiệt" xuất từ phế gọi là "tứ chứng" *kinh, phong, đàm, nhiệt*, căn bản đều do can cả, đến như truyền chuyển bệnh cho nhau là: mộc là bại thổ thì tỳ sinh bệnh mà làm cho sắc mặt vàng nhạt, sinh đàm, sinh mưa, ỉa, mất ăn, đổ mồ hôi, hay ngủ, thở rọc lên, uống nước; mộc thịnh kim suy thì phổi sinh bệnh mà làm cho sắc mặt trắng nhợt, suyễn thở, hơi thở yếu; mộc hỏa bốc lên thì tâm sinh bệnh mà làm cho kinh sợ gào thét, sinh ra phiền nóng, mặt đỏ má ửng, sợ sệt khóc đêm; mộc hỏa hại âm thì thận sinh bệnh mà làm cho tân dịch khô, làm cho huyết táo, khô họng khát nước, không ra mồ hôi, mặt đen kêu két, cắn vú, nghiêng răng, nghiêng răng trong giấc ngủ, làm ơn co giật, làm ra bệnh kinh (2), đại khái bệnh kinh phong của ngũ tạng là vậy, nhưng không phải chỉ ngũ tạng mà không truyền vào các kinh thác, như khóc đêm đến sáng là kinh phong đã nhập vào tiểu trường, trong họng khô khè như kéo cửa là kinh phong đã nhập vào đại trường, mặt nửa trên xanh, nửa dưới trắng là kinh phong đã nhập vào đờm, kéo hen, uống nước không chừng đối, ọ ọ khan là kinh phong đã nhập vào vị; trong giấc ngủ mà giật mình khóc là bệnh ở tam tiêu; nếu như móng tay móng chân đen là can tuyệt, ỉa ra máu đen là tâm tuyệt, quanh miệng xanh đen là tỳ tuyệt, bỗng nhiên tiếng kêu như quạ là phế tuyệt, mắt nửa nhắm nửa mở là thận tuyệt, cắn người là vị tuyệt, mặt đóng ghèn đổ mồ hôi trộm là vệ tuyệt, con trai co tay trái, tròng mắt trái lộn lên, con gái co tay phải, tròng mắt phải lộn xuống, con trai nắm tay để ngón cái ra ngoài, con gái nắm tay để ngón cái vào trong, năm ngón tay quặp lại như ánh gừng là chết. Con trai vươn tay, tay trái ngay, tay phải cong, con gái vươn tay phải ngay tay trái cong, bấy nhiêu kể trên là thuận, trái lại là nghịch. Cũng là khi trước cong tay trái rồi sau cong cả hai tay, nhưng cong thuận chiều

(1) *Bát hậu*: Tám chứng hậu về phong: co giật, nắm mở, dần vai co rút; run, uốn ván, giường cánh tay, trợn mắt, tròng mắt trướng dờ (xem trang 72)

(2) *Bệnh kinh* (xí bệnh) thân thể cứng thẳng, nhúc nhích, cứng khớp, uốn ván.

thì không có tiếng kêu, chỉ tay cong vào phía trong là thuận, cong ra ngoài là nghịch, nửa ra nửa vào là khó lạnh.

Một thuyết nói: trẻ con nguyên khí chưa đủ, thần hồn chưa định, hoặc thấy người khác lạ hoặc nghe tiếng vang dội, kinh sợ vào tâm bào bạc, hỏa bốc lên chỗ trống không mà tụ đàm, đàm sinh nhiệt, nhiệt sinh phong, đó là bệnh ở tâm, can, tỳ. Lại có tích nhiệt ở tâm mà sợ sệt, sinh phong ở gan mà phát co giật, đàm lên chặn nghẹt, phong nhiệt cùng bốc lên một lúc, cho nên bệnh phát một cách dữ dội, gắt rứt là bệnh thuộc về tâm và can, vì tâm chủ nhiệt, tỳ chủ đàm, can chủ phong, cùng tếu nhau mà phát, gọi là *kinh phong đàm nhiệt* cũng được, gọi là *kinh nhiệt phong đàm* cũng được. .

C- Cách trị:

Đại để cách trừ kinh phong là *phong hỏa* với *dầm dương hư* với *âm hư* xét được chứng nào hoàn chứng nào cấp trong các chứng đó là đủ.

Cái gọi là "Phong" bởi chỗ cứng đờ, choáng váng xây xẩm đều thộc về can mộc, phong và mộc đồng khí với nhau nên gọi là kinh phong, mà kỳ thực không phải là chứng ngoại cảm, vì người đời nay không hiểu nghĩa đó, nên chỉ trị phong mà dùng thuốc phát tán, không biết ngoại phong có thể phát tán, mà nội phong không thể phát tán, cho nên các loại thuốc trị ngoại phong như *kinh giới*, *phòng phong*, *khương hoạt*, *độc hoạt*, *tế tân*, *cát cân*, *sài hồ*, *tía tô*... có thể tạm dùng với trường hợp bệnh thật có ngoại tà, phát sốt không mồ hôi... mà nếu không bởi ngoại tà thì là điều tối kỵ.

Cái gọi là *dầm hỏa* là dầm ngưng thì khí bế, hỏa thịnh thì âm suy, đó là căn bản do thực tà gây bệnh, còn như đàm do hỏa động thì trước tiên phải trị hỏa, hỏa do đàm động lại thì trừ đàm là chủ yếu, hỏa nhiều lắm thì dùng các thứ: *long đóm thảo*, *son chi*, *hoàng liên*, *hoàng bá*, *thạch cao*, *dại hoàng*, hỏa ít thì dùng các thứ *hoàng cầm*, *trì mẫu*, *huyền sâm*, *thạch hộc*, *địa cốt bì*, *thiên ma*, *mộc thông* v.v... Dầm nhiều lắm thì dùng *ngưu hoàng*, *dầm tĩnh*, *bán hạ*, *bạch giới tử*, v.v... dầm ít thì dùng *trần bì*, *tiền hồ*, *bối mẫu*, *thieu hoa phân*....

Phạm thực tà của chứng kinh phong, chỉ đàm hỏa là chủ yếu mà phong là thứ yếu, cách trị thực tà chỉ thế là đủ, nhưng thực tà thì dễ trị mà nguyên khí hỏng thì nguy. chỉ vì dương hư thì âm ta không tan mà nguyên khí không hồi phục, âm hư thì doanh khí không lưu hành mà tinh huyết không sinh. Cho nên trị chứng hư thì dương hư nên làm cho táo, làm cho mạnh, âm hư nên làm cho ôn, làm cho nhuận. Người dùng dương được giới là trong khí được tự nhiên có lòng huyết được, dùng âm được giới là trong huyết được tự nhiên có lòng khí được. Giả như có người cho đây không phải thuốc kinh phong, không phải thuốc trẻ con, thì bệnh kinh phong há chẳng thuộc về âm dương và thể xác trẻ con há chẳng do khí huyết mà ra sao?

D- Xử phương:

Trị co quắp trước phải trị phong, trị phong trước phải trị kinh, trị kinh trước phải trừ đàm, trừ đàm trước phải giải nhiệt, nếu 4 chứng đều có cũng nên kiêm trị cùng một lúc, hoặc còn một chứng nào sót thì tắt sinh ra chứng khác. Như động kinh phát nóng thì dùng *Chu sa an thần hoàn* (128) (1) *Long não an thần hoàn* (160) nóng lắm

(1) Các số thứ tự và bài thuốc này nằm trong tập Hòa Ấu (Ấu tu trí).

thì dùng *Luang kinh hoàn* A(34)E, *hư thì dùng Ôn kinh hoàn* (33) đàm nhiều dùng bài *Thần sa hóa đờm hoàn* (161) bài *Bảo long hoàn* (215) đàm nhiệt dùng bài *Cổn đàm hoàn* (155) có cả kinh đàm và nhiệt, dùng bài *Thiên ma phòng phong hoàn* (162), bài *Thanh mông thạch hoàn* (xem mục mạn kinh). Trẻ con kinh phong cũng ỉa chảy đều nên dùng bài *Ngũ linh tán* (92) để tả tâm hỏa, thẩm tỳ thấp vì trong đó có *nhục quế* có thể ức chế can mà phù trợ tỳ.

Lại có chứng kinh tích do bị kinh phong lâu ngày tích lũy mà ra, chứng hậu là đỏ mờ hơi trán, trở thành, phiền khát, sốt cơn, nóng trong bụng, khi ngủ thấy trong bụng có vật nháy động, ỉa ra như mỡ trắng như thần sa là đúng, cách trị thì tùy mà cho *Thần sa cao* (148) để sơ thông, nhưng vẫn cùng điều khí, hòa tỳ vị nữa là khỏi.

Lại có co quắp, uốn ván, mắt lườm lườm mà hàm răng không cắn chặt, miệng không đờm dãi, thì phần nhiều là do ngoại cảm phong hàn, nội thương ẩm thực, kèm theo chứng kinh phong mà ra, gọi là co quắp giả không phải co quắp thật, mà trong sinh động kinh, như nội thương ẩm thực, mà uất nhiệt hoặc vì động kinh sau bữa ăn, gọi là "thương thực kèm theo chứng kinh", mình nóng ẩm nhiều, hoặc mưa, không muốn ăn, đi ỉa hơi mùi chua, trước dùng *Nhân sâm khuông hoạt tán* (98) thêm vị *thanh bì*, *tía tô* để giải biểu, tiêu tích, kế dùng *tả thanh hoàn* (93) thêm vị *thần sa*, *toàn yết* để khu phong trấn kinh, như ăn không tiêu kèm theo chứng kinh nhiệt thì cho uống *Khoan nhiệt ẩm* (150), đàm tích thì dùng *Bạch ngọc bình* (94) động kinh và thương thực đều nặng cả, tay chân co quắp đờm lên chận nghẹt, thì trước cho uống *Lợi kinh hoàn* để tiêu đạo, rồi uống *Khải tỳ hoàn* để điều hòa tỳ vị, ngoại cảm vì kinh, hư phong tà khí xâm vào hai kinh tâm và can, hoặc trong có tích nhiệt, ngoài có cảm phong, đều gọi là "thương phong kèm với chứng kinh", tinh thần mờ tối, đau đầu, hơi thở thô và nóng, trước dùng *Tĩnh tĩnh tán* (96), *Sâm tở ẩm* (97), *Nhân sâm khuông hoạt tán* (98), hoặc *Dại thanh cao* (99) chọn dùng để giải biểu nhẹ, rồi dùng *Thiên ma phòng phong* (162), thông dụng *Dạo xích tán* (159), *Ngũ phúc hóa độc đơn* (100) *Tả thanh hoàn* (93) *Thận khí hoàn* (101). Bốn chứng kinh, phong, đàm, nhiệt, nhẹ thì chỉ co quắp chân tay mà thôi, nặng thì tám chứng hậu đều thể hiện, cho nên hể ở mí tóc, ấn đường nổi gân xanh, chỉ tay ở tam quan (1) và hõ khẩu (2) đỏ tím đều là chứng hậu của kinh phong, nên phòng ngừa, mà cho uống thuốc đối chứng với kinh phong, đã có hiệu quả thì thôi, như chưa thấy đỡ lắm thì có thể cho uống một hai hoàn "*Lai phục*" (102) dùng *bạc hà* nấu làm thang mà uống, thông lợi được thì có thể khỏi.

Trẻ con trúng phong rồi cầm không nói được thì dùng *mộc hương*, *trần bì*, *cam thảo* sắc sôi để uống với "*Phì nhi hoàn*" (xem môn thuốc cam) trong ấy có vị *Hoàng liên* có thể trừ được huyết độc trong tâm khiếu.

Có chứng kinh phong vì phổi, thở rọc lên, mắt ngó lườm lườm sôi bọt mép, dùng *A giao*, *tía tô*, *ô mai*, *nhân sâm* sắc mà uống, vì *A giao* có thể dưỡng thần sau cơn kinh phong con người mất lẹch rất nên dùng thuốc ấy.

BẢO LONG HOÀN

(*Bảo* là bảo vệ, *long* là can, can ứng với Thanh long mọc ở phương đông mọc sinh hỏa, ý nói "Tạng này sinh ra tạng khác là cha mẹ" là gan là mẹ, tim là con, mẹ an thì

(1) Tam quan: Phong, khí, mạng: ở ba đốt (lóng) ngón tay trỏ.

(2) Hõ khẩu: chỗ đường chỉ cuối ngón tay trỏ là cung đản (đản là hõ) nên gọi đó là hõ khẩu.

con an, vì tâm tàng thần, can tàng hồn, thần hồn yên định thì làm gì mà sinh động kinh, vì ý nghĩa vậy mà đặt tên là Bảo Long).

Phổ phách

Nhân sâm mỗi vị

Thiên trúc hoàng 1 lạng rưỡi

Đàn hương

Phục linh

Chích thảo (bỏ đốt) 3 lạng

Chỉ xác

Chỉ thực mỗi vị 1 lạng

thần sa 5 lạng

Sơn dược 1 cân (6 lạng)

Đóm tinh 1 lạng

Vàng thép 100 miếng (lá)

Các vị tán nhỏ hòa với nước mới mức làm viên lớn bằng hạt nhãn, phơi râm, nấu hành trắng hoặc bạc hà làm thang mà uống, như đàm nghệt, ho quá thì nấu sinh khương làm thang, tim hồi hộp không yên thì dùng tim bắc làm thang, thêm một trăn chân mà uống.

TÍCH LỊCH TÁN

Nha tạo

Bạch chỉ

Tế tân

Trịch xúc hoa

Xuyên khung

Tán nhỏ, dùng tim bắc thấm nước thuốc mà điểm vào trong lỗ mũi, nhảy mũi được là khỏi, thuốc này kỵ sấy lửa.

THANH ĐƠN BẠCH HOÀN TỬ

Trị kinh phong đờm sôi, nôn mửa bọt dãi, miệng mắt méo lệch, tay chân tê liệt, trẻ con kinh phong và sôi đờm, ỉa chảy, thuốc này trị phong đàm hay nhiệt, song nếu nhiệt đàm làm mê tâm khiếu thì không nên dùng.

Bạch phụ tử sống

mỗi vị 2 lạng

Nam tinh sống

Bán hạ

7 lạng, ngâm nước để nguyên vỏ dùng sống.,

Xuyên ô

bỏ vỏ và rốn, dùng sống, 5 đồng.

Tán nhỏ đựng vào túi lụa, quấy vào trong nước cho ra hết bọt thì thôi, để trong chậu sứ ngày phơi nắng tối phơi sương, mùa xuân 5, hè 3, thu 7, đông 10 ngày, khô rồi làm viên với hồ bột nếp, cỡ hạt đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên, thang bằng nước gừng, tê liệt thì thang bằng rượu, kinh phong thì thang bằng bạc hà, uống 5, 3 viên.

TIÊU KINH HOÀN

Trị trẻ con kinh phong, trấn tâm, long đờm và giải nhiệt

Nhân sâm

Thiên ma

Phục linh

Chu sa

Toàn yết (khử độc) (sao)

Cương tằm (sao)

Sừng linh dương

Sừng tê (mỗi vị một đồng)

Xạ hương 1 phân

Đờm tinh 4 đồng

Tán nhỏ, thắng mặt làm viên bằng hạt củ sừng, nấu nước xương hổ nghiền cho hòa tan, uống sau bữa ăn.

CHÍ THÁNH MINH TÂM ĐƠN

Trị bệnh anh nhĩ (1) an thần, lui chứng kinh, dứt chứng khóc, ngủ yên.

Nhân sâm

Thiên ma

Phòng phong

Duôi con toàn yết

Long não (nung)

Phục thần

Chích thảo

Tảo nhân, mỗi vị một đồng (thủy phi) 5 phân

Chu sa một tí

Xạ hương

Nghiền thật mịn hoàn với cơm, làm viên bằng hạt củ sừng nấu nước mạch môn làm thang, nghiền cho hòa tan mà uống, cách xa bữa ăn.

BẢO LONG XẠ HƯƠNG HOÀN

Trị ho đàm kinh phong, thỉnh thoảng phát sốt từng cơn.

Đờm tinh 1 lạng

Thiên trúc hoàng 5 đồng

Thần sa mỗi vị 1 đồng rưỡi

Hùng hoàng

(1) Trẻ con: từ 6 tháng đến 2 tuổi = anh nhĩ, 3 - 4 tuổi = hải nhĩ, 5 - 6 tuổi = tiểu nhĩ, 7 - 8 tuổi = trung nhĩ.

Xạ hương

1 đồng (nghiền riêng)

Tán nhỏ, cam thảo sắc đặc khuấy hồ với bột mì làm viên bằng hạt củ sừng, mỗi lần dùng 1 viên, nấu nước bạc hà làm thang mà uống.

AN THẦN TÁN: trị co quắp

Toàn yết 4 con, tắm nước đường một đêm.

Nam tinh to 1 củ

Khoét nam tinh thành 1 lỗ, nhét toàn yết vào, lấy bột nam tinh lấp miệng lại, bọc bột mì mà lùi đến thấy màu đỏ thì lấy ra, vùi xuống đất một đêm, bỏ nam tinh lấy toàn yết tán nhỏ, mỗi lần uống một đồng tiền xúc, lấy nước mài dao làm thang mà uống.

VƯƠNG LAM KINH MẶC HOÀN

Trị đàm nhiệt, kinh, tích

Thanh đại

Sử quân tử (lùi chín)

Lư hội

Mục tàu

Đờm tinh

Nhị phần (mỗi vị 2 đồng)

Xạ hương (mỗi vị 5 phân)

Long não (2 phân rưỡi)

Tán nhỏ, khuấy hồ bột mì làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi liều dùng một viên, nấu lấy nước bạc hà mài thuốc mà uống.

Ông Vương Lam ở Sờ-châu có bài thuốc này nổi tiếng, rất hay với các chứng đờm nhiệt, kinh tích và cam tích.

BẢO MẠNG HOÀN

An thần, định phách, trấn kinh, hết khóc.

Tê giác

Hổ phách mỗi vị 2 đồng

Chích thảo

Nhân sâm

Thiên ma (lùi) mỗi vị 3 đồng

Phục thần

Toàn yết (chế) 12 con

Cương tâm

Tán nhỏ, giã với cơm làm viên, nấu nước mach môn làm thang mà uống.

- *Tiêu thực, khứ trệ*: Sơn tra, Chỉ thực, Chỉ xác, Mộc hương, Trần bì, Phúc bì, Đại hoàng, Phác tiêu.

- *Trấn kinh an thần*, Thiên ma, Phục thần, Viễn chí, Táo nhân, Câu dăng, Xương bồ, Đơn sâm, Mạch môn, Dương quy, Thược dược, Chu sa, Trân châu, Hoa đèn, Long não, Vàng thép, Long xỉ, Xạ hương, Đàn hương, An túc hương, Tô hợp hương, Hồ phách, Đại giả thạch.

- *Trục đàm không khí*: Quít hồng, Bạch phụ, Bạch giới tử, Tô tử, la bạc tử, Cương tâm, Dầm tinh, Bán hạ, Thiên ma, Bối mẫu, Uất kim, Khương hoàng, Hạnh nhân, Tiền hồ, Thiên trúc hoàng, Hùng hoàng, Ngưu hoàng, Trân châu, Khinh phấn, Thanh mông thạch, Ba đậu sương, Ngô công.

- *Ôn bố tỳ vị*: Nhục quế, Tử hà xa, Bạch truật, Bào cương, Ôi khương, Dinh hương, Trần mễ, Chích thảo, Hoắc hương, Phục linh, Hoàng kỳ, Nhân sâm, Phụ tử, Nhục quả, Sơn dược, Liên nhục, Mộc hương, Sa nhân, Biển đậu.

Ngoài ra, như Chu sa màu sắc đỏ, thể nặng nên có thể nhập vào tâm để trấn kinh, trong ấy có chất thủy ngân nên có thể thấu đến kinh lạc, hạ được đàm, giáng được hỏa; Hùng hoàng thì khí vị mạnh mẽ, cho nên có thể phá kết khai trệ thông ngang thông dọc; Băng phiến, xạ hương là thuốc chủ yếu để khai khiếu; Hồ phách, thanh đại cũng giúp phân thanh lợi mà thôi; còn như các vị cương tâm, thiên thối, toàn yết v.v... đều cho là thuốc trị phong, vì cương tâm khí vị mạn, cay, công năng có thể thông đàm dãi, phá khí uất, dùng để tá trợ cho các loại thuốc trục đàm có thể đuổi được tà ở can và tỳ, tà bị đuổi thì can sẽ bình hòa, cho nên gọi là trị phong; toàn yết màu xanh thuộc hành mộc, cho nên hay chạy về kinh quyết âm (can), cho thêm muối vị mạn mà giáng đờm, đấy cũng là loài đồng khí vị, nên nói rằng toàn yết trị phong, so với Cương tâm thì nó là bậc thứ vậy; Thiên-thối tính vị đều nhẹ, ý nghĩa bất quá chỉ đúng cái *thanh, hư, khinh, thoát* mà không có thực tế, không đủ trông cậy.

Phạm bệnh kinh phong dùng thủy ngân khinh phấn, ba đậu, Mang tiêu sương, Long não, Xạ hương, Thiêm tô, ngô công v.v... thường thường vì đầy mà biến thành mạn kinh khó chữa; hướng hồ động inh, co rút, phát nhiệt nếu như vị nội thương ngoại cảm, lên đầu mà phát bệnh, thì hại càng nhanh, thà dùng các thứ tể-tân, Khương hoạt, Càn khương, Kinh giới... để phát tán thay cho long não xạ hương, dùng độc hoại, sài hồ, Sơn chi tử, Chỉ xác, Đại hoàng v.v... để thông lợi thay cho thủy ngân, Khinh phấn, ba đậu, Mang tiêu, chỉ vì bài Tả thanh hoàn trị được các chứng bệnh thuộc gan như màn quần màn áo, ngổ trực thị, hoặc co giật hoặc không co giật, hoặc di lỏng... mọi thứ thuốc không cầm được. Như kinh nhiệt phát từ tâm phế thì nên dùng tang bì, đình lịch, xích phục linh, xa tiền tử, sơn chi tử, cam thảo, sắc với gừng táo mà uống thì đường tiểu sẽ thông, bài Đạo xích tán có thể tả can phong giáng tâm hỏa, trị kinh nhiệt rất hay hoặc thêm sơn chi tử, khương hoạt, đại hoàng, còn như vừa kinh vừa sốt rét, vừa kinh vừa đi lý v.v... và tất cả các tạp chứng linh tinh khác nên lĩnh hội mà tham dụng các môn thuốc trên cũng được.

PHẦN PHỤ

BÀI BÌNH LUẬN VỀ "KHÔNG CÓ CHỨNG KINH PHONG"

của Dụ-Gia-Ngôn

Chứng kinh phong là do người xưa bịa đặt tầm bậy, làm cho trẻ con đời sau bị hại không biết ức triệu nào mà kể. Vì trẻ con lúc mới sinh âm khí chưa đủ, bẩm tính đơn thuần là dương, tức là âm không đủ mà dương có thừa, cho nên trong mình dễ phát nhiệt, nhiệt thịnh lắm thì sinh đàm, sinh phong mà sinh kinh cũng rất thường thấy, rồi mới đặt tên cho là kinh phong, khi có một trong 8 chứng hậu (bát hậu). Nhưng trẻ con lỗ chân lông thưa hơ dễ cảm mạo hàn tà, hàn tà trúng vào thì trước hết ở kinh thái dương, vì mạch kinh thái dương khởi đầu từ trong khoeo mắt lên trán třeo nheo, lên đỉnh đầu vào đường lạc ở não rồi rẽ ra, xuống gáy, qua bảp vai, dọc theo xương sống xuống giữa eo lưng, bởi vậy cho nên bệnh ở kinh thái dương thì gân mạch bị co bóp mà sinh ra co giật, uốn ván dù thứ, không rõ là tên bệnh gì rồi dùng bướng những thuốc kim, thạch, long não, xạ hương để khai khiếu, trấn kinh, đó là dẫn giặc vào sâu trong tạng phủ, chết 100%, cứ theo cái thuyết nói "tám tuổi trở lên không có thương hàn" mà lập ra một môn kinh phong, sao không hiến trẻ con vì không quen chịu đựng bệnh thương hàn, cho nên bệnh mới cảm vào kinh thái dương đã bắt đầu cứng mình, đổ nhiều mồ hôi, gân mạch co giật bất tỉnh nhân sự, bệnh thể đã nguy, thuốc thang lại cho uống tầm bậy, chết như tờ bần tay còn đâu được sống đến lúc truyền kinh phát tán cho nên mới nói rằng "trẻ con không chứng thương hàn"?

Trẻ con dễ bị ngoại cảm nên phần nhiều là bị hơng hàn mà người ta gọi tầm bậy là kinh phong. Bởi vậy, trẻ con bị thương hàn cần được khởi trong 3 ngày là quý, bằng đến lúc truyền kinh thì không đủ sức chịu đựng, và lại trong môn thương hàn chứng cương xí (1) không có mồ hôi, chứng nhu xí (2) có mồ hôi, mà trẻ con mắc chứng nhu xí nhiều cương xí ít, người thầy thuốc tầm thường chỉ thấy mồ hôi ra không ngót, mê man bất tỉnh bèn cho là chứng mạn kinh, rồi dùng tầm bậy những *sâm, kỳ, truật, phụ*, làm cho bế tắc lỗ chân lông, nhiệt tà không thoát được ra ngoài, cũng là mối hại to, nhưng so với loài kim thạch thì hại còn ít hơn; ch onên khi trẻ còn phát hiện, cần phải xét guồn gốc hư thực, ngoại tà nặng nhẹ, hoặc âm hoặc dương, hoặc biểu hoặc lý, nhưng chỉ cần đuổi hết ngoại tà ra ngoài không nên để cho nó nhập lý. Trong Cảnh vốn cho phép Quế chi (phát biểu) thì bỏ mà không dùng lại trị nội thương theo phép Lý Đông Viên, sai một lý, đi một dặm, cần phải xét kỹ.

II - CẤP KINH PHONG

Phụ: Tỏa dương cam

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Bệnh phong chỉ là một, ở người lớn gọi là trúng phong, ở trẻ con gọi là kinh phong, người lớn không kinh (phong) sợ nên chỉ nói là trúng phong, trẻ con dễ sợ lại dễ gây ra

1. *Cương xí*: Bệnh ở kinh thái dương, phát nóng không mồ hôi, sợ rét.

2. *Nhu xí*: Cũng bệnh ở kinh thái dương, chỉ khác nhau ở chỗ có mồ hôi, không sợ rét.

phong, nên gọi tên là "kinh phong", *kinh* là có cấp kinh có mạn kinh cũng như *phong* có trúng phủ tạng, *cấp kinh* cùng *trúng phủ* cùng gọi là dương chứng, mà chứng trạng chỉ ở biểu, *mạn kinh* cùng với *trúng tạng* cũng gọi là âm chứng, mà chứng tạng chỉ ở lý, đại để kinh thuộc ở tâm, phong thuộc ở can, tâm hỏa động nên rung động không thể ngăn lại, can phong phát nên co quắp không thể tự giữ được, hai kinh ấy cấu kết nhau, thế tất mạnh, tâm có dư nên hỏa bùng mà phong càng mạnh (lửa cháy gió mạnh), vậy phong là do hỏa mà ra, can có dư thì phong dữ dội mà hỏa càng vượng, ấy là hỏa tùy phong mà cháy bùng (lửa có gió lửa), phong và hỏa cùng phát một lúc nên bệnh đáng sợ, đây chỉ nói về cấp kinh, cổ nhân gọi cấp kinh, mạn kinh là "*âm dương gián*". Trẻ con dương thường có dư, âm thường chẳng đủ, nên dễ phát sốt, sốt lắm thì sinh phong, sinh đàm, sinh kinh. Sách Nội kinh chép: "Đột nhiên mừng hai dương, đột nhiên giận hai âm", sách chép: Hai âm thì đi ỉa lỏng, hai dương thì làm kinh, trẻ con đột nhiên mừng thì bị tích sữa, vì sữa ngọt đọng ở ngực lại còn bị ngoại cảm hàn tà, thì đàm lên chặn nghẹt, uất trệ nung nấu, bên trong bị nhiệt vì ăn, bên ngoài bị cảm và phong tà nên tâm bị nóng quá thì phát kinh, can bị phong mạnh thì sinh co rút, can phong, tâm nóng 2 tạng giao tranh với nhau thì đàm sinh ở tỳ, phong sinh ở can, kinh xuất ở tâm, nhiệt xuất ở phế là đủ cả 4 chứng kinh, phong, đàm, nhiệt mà sinh ra 8 chứng hậu căn bản.

B- Phân biệt chứng trạng:

Thực nhiệt làm cấp kinh thuộc can mộc, phong tà có dư là thuộc dương chứng, và chứng hậu thì mình phát nóng dữ, mắt thường mở, nhlờn lườm lườm, uốn ván tay chân khuỷa động, đầu cổ cứng đờ, đàm lên chặm nghẹt hàm răng cắn chặt, hơi trong miệng nóng mà đỏ, môi đỏ, kêu là khóc lóc, bức rức chẳng yên, ham muốn nước lạnh mà đại tiện táo bón, mạch phù, hồng, sắc, đây là chứng âm hư dương thịnh, can bị phong nhiệt vậy. Lại như mạch huyền, sắc, phù, hồng, chỉ tay màu đỏ mà thấy ở phong quan, khí quan là nhẹ, thấy ở mệnh quan là nặng, như ra máu mũi đó là nhiệt đã tiết ra thì dễ trị, bằng trong miệng ra máu khóc trong nước mắt, mẩn quần mẩn áo, miệng mũi khô đen, từ đầu đến chân một bên rụn rẩy không ngừng, chỉ tay màu xanh tím đen chạy suốt 3 đốt, hoặc chỉ chạy đến móng tay, đều là chứng bất trị.

Tám chứng hậu căn bản:

1. *Co giật* (súc): Cánh tay và khuỷu tay co giật (can có phong thì sinh co giật).
2. *Nắm mở* (nịch): mười ngón tay xò xếp hoặc nắm chặt (con trai nắm tay chừa ngón cái ra ngoài là thuận, để ngón cái vào trong là nghịch, con gái thì trái lại, nửa ngoài nửa trong là khó lành).
3. *Đầu vai co rút* (xiết): Vai đầu chặm nhau hoặc cả mình giật nảy lên.
4. *Run* (chiếc): Hoặc đầu, mình, tay chân, miệng mắt, một bên run rẩy không ngừng.
5. *Uốn mình*, uốn (phản): Mình uốn ngược về đằng sau giống như cái đòn gánh.
6. *Giương tay*(trương): Cánh tay như giương cây cung, (con trai co tay phải, ngay tay trái là thuận, chẳng vậy là nghịch, con gái thì trái lại).
7. *Trợn mắt* (thoán): Mắt trợn giộc tuồng như giận dữ, con trai lườm lên là thuận, lườm xuống là nghịch, con gái thì trái lại).
8. *Tròng mắt trương dờ* (thị): Con trai liếc sang trái là thuận là không tiếng động, liếc sang phải là nghịch là có tiếng động, bên trái thuộc can, liếc nhìn bên trái là chứng

hậu về can, không tiếng động là thuận, bên phải thuộc phế trông mắt liếc sang bên phải là mộc lẫn kim, kim muốn khắc mộc nên đấu tranh với nhau, có tiếng động là nghịch, lại còn phiền muộn ở tam tiêu, luôn hết hoảng, tiếng to là dễ trị, tiếng nhỏ không rõ ràng là khó lành.

Bằng hàm răng không cắn chặt, trong họng không đàm sôi sục, đây là chứng hậu lên đầu mà không phải động kinh, cấp kinh thì đủ 8 chứng hậu còn thêm chứng ửng mặt đỏ môi, khắp mình nóng dữ, hơi trong miệng cũng nóng, khát nước đòi uống, bí ỉa, nước đái đỏ đỏ là do bên trong có nhiệt và kèm theo phong tà bên ngoài, phong nhiệt cùng đẩy một lúc, khi tán loạn, đờm nghẹt tắc, cho nên các mạch đều ngừng trệ, ngũ quan cửu khiếu đều không thông, lúc lên cơn thì dữ dội, hết cơn lại như cũ. Trong trăm ngày thấy phát chứng này 2,3 lần mà không dứt, cũng chết.

C- Cách trị:

Dại để thuộc dương chứng thì nên trị gấp, dùng để trị hoãn, nên kịp triệt phong (triệt phong không nên quá dùng phòng phong và thuốc có vị cay, vì cay hay làm cho nhiệt thịnh, cũng không nên quá dùng long não xạ hương... làm cho dương kém âm thịnh rồi biến thành chứng mạn kinh) long đờm, sơ thông, thuận khí, mát tạng, trấn kinh, tùy chứng gia giảm mà thôi, cho nên trị chứng co quắp trước phải triệt phong, chứng co quắp là can có phong, gân không duỗi được mà sinh co, duỗi được phong thì co tự nhiên dứt; trị phong trước phải lợi kinh, kinh còn thì nhiệt thịnh, nhiệt thịnh thì sinh phong, tán được kinh thì phong tự nhiên khỏi; trị kinh trước phải trục đàm, đàm chặn khí nghẹt thì các mạch ngừng trệ, mà phát tán vào chỗ nào? trị đàm trước phải giải nhiệt, vì đàm thăng là do hỏa, lui được nhiệt thì đàm tự nhiên hết.

Cần thiết nhất là nên biết rõ chứng và xử phương, ngoại cảm thì giải biểu (phát tán) nội thương thì điều hòa bên trong, trừ được tật bệnh thì chứng kinh khí vô hình sẽ tiêu tan, bằng như chỉ biết trấn kinh mà dùng *ngưu hoàng, long não, xạ hương, chu sa* thì lại dẫn tà lẫn vào, gây hại lại càng tệ hơn vậy! (Phà gặp chứng cấp kinh, nhất thiết không nên đè bóp, chờ tĩnh lại, chỉ vì sức của phong chạy được khắp, kinh lạc tự nhiên dừng lại thì không hại, bằng dùng sức để bóp thì kinh lạc bị phong tà và đàm khí, bế tắc lại, khí huyết không thăng bằng mà thành cố tật, đến già thì khó trị).

D- Xử phương:

1. Trị cấp kinh phong, kèm trị mạn kinh phong, sôi bọt mép, mê man, mắt trợn ngược, co giật, bụng đau thắt, nên dùng bài:

HỒ PHÁCH TÁN

(Cũng gọi là bài cấp mạn kinh phong hoàn).

Thần sa

Hồ phách

Ngưu hoàng

Cương tằm

Toàn yết

mỗi vị

Đờm tỉnh

1 đồng

Bạch phụ

Thiên ma

Đại giải thạch

Nhũ hương

Thiên thoái

Xạ hương

5 phân

Long não

2 phân rưỡi

Tán nhỏ, lên 3 tuổi uống nửa đồng tiền xúc thang với nước sắc bạc hà kim ngân mà uống, chứng mạn kinh gia phụ tử.

2. Trị cấp mạn kinh phong.

Trùn hổ 1 con, vuốt bỏ bùn, đứng dựng vào nước, cấp kinh thì dùng nửa khúc đầu, mạn kinh thì dùng nửa khúc đuôi, hùng hoàng tán nhỏ làm viên, chu sa làm áo, mỗi lần uống 1 viên, thang với nước vỏ gừng (khuông bì).

Cấp kinh là thuộc về dương chứng, thực chứng, tức là can tà có dư mà phong sinh nhiệt, nhiệt sinh đàm, đà và nhiệt lọt vào trong tin ngực, thời phong hòa cấu kết với nhau cho nên thể hiện chứng trạng khẩn cấp dữ dội mà đàm hóa cao độ là chứng cấp kinh, bệnh này cần trước trị ngọn rồi sau mới trị gốc, bằng như đàm suyễn lảm thì dùng Hồ phách tán (xem ở trên), Bảo long hoàn (xem môn kinh phong), Thanh cách tán (104) Mai hoa âm (105). Hỏa thịnh mà phiền nhiệt dùng Lương kinh hoàn (34), Ưc thanh hoàn (106), hoặc Hoàng liên an thần hoàn (107) Ngưu hàng tán (108) và các loại sơn chỉ, hoàng liên, long đởm thảo, hỏa hử táo nhiệt mà đại tiện táo bón, dùng Tả thanh hoàn (92), Lợi kinh hoàn (138), ngoại cảm phong hàn, mình mẩy phát động kinh, nên dùng thuốc giải biểu như Ức can tán (109), Bội dung sài hồ, hoặc Sâm tô ẩm (97), Ngũ tích tán (110), Tinh tô tán (111) để giải biểu, bằng biểu tà chưa giải được mà bên trong vẫn nóng thì dùng Tiền thị Hoàng long thang (165), như kinh khí tạm lui mà hỏa chưa thanh thì dùng An thần trấn kinh hoàn (112).

Trên đây đều là theo phép "gấp thì trị ngọn", nhưng khi đàm hỏa hơi lui thì phải điều bổ khí huyết để phòng hư hại, đại để chứng này phần nhiều thuộc về tý, thận, can, đờm, âm hư, huyết táo, phong hòa cấu kết với nhau mà ra thể, bằng không củng cố chân âm mà dùng thuốc khu phong trừ đàm quá nhiều thì tý càng hư, huyết càng táo, tà khí đây đưa thời thành mạn kinh vậy.

Cấp kinh là phong mộc vượng, phong mộc thuộc can, can tân thịnh thì truyền khắc về tý, muốn trị can trước phải trị tý rồi sau mới tả phong mộc, như phong cấu kết với hỏa mà phát nhiệt, phát kinh, co rút, mấp mấp máy, gân rút, đàm nhiều thì dùng Lục vị hoàn (186) để tư dưỡng thận thủy, Tứ quân tử thang (188) gia thực được để bổ tý thổ, còn như thể kim khắc can mộc thì dùng Địa hoàng hoàn (186) để bổ can huyết, gia thực được, mộc hương để bình phế kim, thường dùng thuốc kinh phong mà tý vị hư hàn thì dùng Lục quân tử thang (131) để bổ tý thổ, gia đình hương, mộc hương để bồi bổ dương khí, bằng như tý thổ hư hàn, thận thủy trở lại thổ mà gây ra những chứng trúng hàn, đau bụng, ỉa mửa, kém ăn v.v... nên dùng Ích hoàng tán (139) để bổ tý thổ mà tả thủy thì không gây ra mạn kinh. Như chứng co, đàm nhân khi uất, khí thuận thì đàm sẽ tiêu, mà chứng co cũng khỏi thì trước nên dùng Tô hấp hương hoàn (130) thang với bạc hà,

nước cốt gừng mà uống, để thuận khí hạ đàm, không khiêu, hoặc dùng Tinh hương tán {(1)}, như muốn thông quan thì dùng phép thổ lộ mũi (xem môn thai phong), hoặc dùng nam tinh, phiến thảo tán nhỏ sủi với nước cốt gừng, đem thuốc xát vào bên trái bên phải mướu răng cấm, răng nóng thì thông.

3. Trị kinh phong, đàm, co quắp nên dùng bài.

TRIỆT PHONG HOÀN

Thiên ma	
Nam tinh	mỗi vị 2 đồng
Cương Tàn	
Ngô công	1 con
Bạch phụ	
Phòng phong	mỗi vị 1 đồng
Chu sa	
Toàn yết	
Xạ hương	một ít

Tán nhỏ viên luyện mật làm viên bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống một hoàn thang với bạc hà.

DỊNH SÚC TÁN

Trị cấp kinh, chận đứng chứng co giật.

Ngô công	một con
Ma hoàng	
Nam tinh	
Bạch phụ	
Cương tàn	
Khuong hoạt	(mỗi vị 1 đồng)
Đại giả thạch	
Duôi con toàn yết	
Khuong hoàng	
Chu sa	
Xạ hương	5 phân

Tán nhỏ, liều dùng 1 đồng tiền súc, thang với Kinh giới, Tía tô mà uống.

Như không chận được chứng co giật thì thêm thịt rắn ô-xà vào hoặc dùng Ngưu hoàng thanh tâm hoàn (2)

BẢO LONG HOÀN

Trị chứng co giật đã yên mà đàm nhiệt không lui.

Dâm tính	1 lạng
----------	--------

<i>Thiên trúc hoàng</i>	5 đồng
<i>Thần sa</i>	
<i>Hùng hoàng</i>	đều 2 đồng rưỡi
<i>Xạ hương</i>	1 đồng

Tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt củ sung liều dùng 1 viên, thang với nước cam thảo, bạc hà mà uống, đàm nóng ho nhiều thì thang bằng nước gừng, trong tâm sợ sệt thì thang bằng nhân sâm, hổ phách.

Xét chữ bảo là bảo vệ, chữ long là can, can tương ứng với đông phương thanh long mộc, chủ quản việc tàng hờn, hờn yên thì hết làm kinh, các chứng kinh của trẻ con, tứ thời cảm mạo, ôn dịch, thấp đàm, tà nhiệt mà gây ra phiền táo chẳng yên, ho đàm, thở gấp, đậu sởi muốn mọc sinh ra co giật, mà thường uốn sẽ khử phong hóa đàm, trấn kinh giải nhiệt, hòa tỳ vị, bổ ích tinh thần, nó còn trị được chứng cổ độc, trúng thử, và gái chưa chồng bị bạch đới, thì nhai nhỏ một hai hoàng uống với nước mới mủ.

NGŨU HOÀNG BẢO LONG HOÀNG

Trị tất cả các chứng cấp mạn kinh phong và phong nhiệt, phòng ngừa đại,

<i>Đờm tinh</i>	8 đồng
<i>Hùng hoàng</i>	
<i>Nhân sâm</i>	đều 1 đồng rưỡi
<i>Phục linh</i>	
<i>Thần sa</i>	1 đồng 2 phân
<i>Cương tâm</i>	3 phân
<i>Câu đằng</i>	1 đồng rưỡi
<i>Thiên trúc hoàng</i>	2 phân
<i>Ngũu hoàng</i>	2 phân
<i>Xạ hương</i>	5 phân

Tán nhỏ, dùng 4 lạng cam thảo sắc đặc, cô thành cao trộn làm viên bằng hạt củ sung, làm áo bằng vàng thép, phơi râm rồi cắt kỹ dùng cho mát hơi thường để gần bên lửa nhỏ, mỗi lần uống 1 hoàn hoặc nửa hoàn, mài với nước bạc hà (nấu) mà uống. Như cơ sốt thì dùng Lương kinh hoàn (34) kỵ Ba đậu và các thứ thuốc nóng, như té ngã bất tỉnh dùng phép tẩm (xem môn thai phì), như kinh sợ hồi hộp, đàm dính khạc không ra thì dùng bài Ôn đờm thang (3) Gia vị toàn táo nhân thang hoặc Chu sa an thần hoàn (128)

ĐINH PHÁCH HOÀN

Trị kinh phong đã lui mà thần phách và đờm chỉ chưa ổn định.

<i>Nhân sâm</i>	
<i>Hổ phách</i>	
<i>Phục linh</i>	
<i>Viễn chí</i>	
<i>Chu sa</i>	(mỗi vị đều nhau)

*Thiên ma
Xương bồ
Thiên môn
Táo nhân
Cam thảo*

Tán nhỏ, viên với mật bằng hạt bồ kết, chu sa làm sáo, liền dùng 1 viên, sắc nước bạc hà và đẳng sâm làm than mà uống.

TÍNH TỶ TÁN

Trị đàm sinh kinh phong tỷ vị khó chịu, lạnh lẽ không ăn, ỉa mùa không ngớt.

*Nhân sâm
Bạch truật
Phục linh
Chích thảo
Bạch phụ
Cương tâm
Thiên ma
Mộc hương
Toàn yết* (mỗi vị 5 phân)
2 phân rưỡi

Thêm hành, gừng sắc uống hoặc làm viên.

Phụ: CHỨNG CAM TÒA HUƠNG. Như mình phát phong nhiệt, âm miệng, nghiêng răng tựa như kinh phong, như lên cơn không kể mấy lần, lại giống như sốt rét, gọi là chứng cam tòa dương, là chứng chết vậy.

III- MẠN KINH PHONG

(*Phụ:* chứng thử phong)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh.

Tâm lấy phần lân chủ tri, thần lấy phần dương làm sở dụng, có bệnh vì ỉa mùa lâu ngày, có bệnh vì đi tháo dạ quá, tỷ vị hư nhược, vong dương (1) mà sinh ra; có bệnh bị cấp kinh, dùng nhiều thuốc làm lương quá làm cho dương hư âm thịnh, tâm thần bị nén xuống mà ra, có bệnh vì mắc bệnh thương hàn mà cho xổ sớm quá, biểu tà chưa đuổi mà nguyên khí đã hư, phong tà tiềm phục ở trong rồi đàm ngăn khí ngẹt mà ra, có bệnh vì ho lâu ngày không khỏi phế khí bị thương, can mộc không ức chế được mà ra, cũng có bệnh vì trẻ con vốn yếu tỷ hoặc bị phong hàn mà mắc phải, thì không thể cho là vì sau lúc bệnh dùng thuốc được, sách chép rằng: Chứng mạn kinh mạn tỷ mà có kèm theo chứng nóng lạnh thì tuy hơi nhẹ mà trái lại là nặng,

B- Phân biệt chứng trạng.

(1) *Vong dương:* Do độ mồ hôi quá nhiều hoặc thổ tả dữ quá dương khí đốt nhiên suy kiệt xuất hiện tương đối mồ hôi đầm dề, mồ hôi hôi mà dính, sợ lạnh, tay hàn lạnh, thổ yếu, mắt xanh lét, mạch vi muộn tuyệt.

Hư nhiệt là mạn kinh, thuộc về trung khí của tỳ thổ không đủ, tức là âm chứng. Cho nên nói: "Mạn kinh vốn không có nhiệt, sở dĩ có nhiệt là do hư mà ra" chứng hậu là môi, mày xanh, đỏ mà lờ mờ, mặt trắng nhạt nổi chỉ tia đỏ trong gò má, hoặc mình mát mình nóng từng cơn, nóng sườn, tròng mắt thường hé mở hoặc mình mấy tay chân buốt lạnh, hoặc tay chân đều lạnh, hơi trong miệng mũi bà ra cũng lạnh, mười ngón tay xòe ra, tay chân co giật, hoặc hơi co giật khí kém, tinh thần mỏi mệt, người như ngầy, ngủ mê mau mà mắt mở trao tráo, đàm khô khè, hơi thở gát, kinh giật, co quắp, khi phát khi thôi, đi lỏng, mạch di trầm, hoãn, hoặc tế, sắc, chỉ tay màu đỏ có hơi pha xanh, tia, dưới ngón ra thì thấy, co lại thì không, ở đốt phong quan là hơi nhẹ mà ở đốt khí quan là nặng. Con trai và ỉa mà sinh bệnh, con gái vì mửa mà sinh bệnh là nặng.

Bằng móng tay xanh đen là can tuyệt, tròng mắt sụp xuống, tròng đen như mất tinh thần là thận tuyệt, mình và trán đỏ nỏ hôi như đọng hạt mà không chảy đó là vệ khí đã mất, tâm khí mồn tuyệt, cần người là răng ngứa, là thận tuyệt, nôn mửa luôn, ỉa són vô độ, sắc mặt như màu đất, thở gấp, bụng đầy, nổi lên từng đám tím đen, miệng hôi, môi cứng, quanh miệng xanh đen là tỳ vị tuyệt, hơi thở gấp, đàm kéo khô khè, trong lỗ mũi đen, miệng như cá ngáp, tiếng như quạ kêu là phế tuyệt, lưỡi đen, ỉa máu bầm, trán và má đỏ ửng như bôi son đỏ là tâm huyết, thổi vào lỗ mũi không nhảy mũi, đổ thuốc không vào họng, có đàm dính nghet ở ngũ tạng đều hồng, lại co thụt lưỡi, thọt dái, khóc không ra nước mắt, dưới mắt có đường chỉ xanh, phát đau trong bụng, tay chân mềm luội, mắt nhắm mắt thần, oặt xương cổ, môi xanh, mắt đỏ, lòng bàn chân không biết đau, ngứa, nghiêng răng, lắc đầu, nắm chặt tay, dò ngực, tâm lồm xuống, kéo khô khè, tròng con mắt sắc tố, cần môi không thôi, tia máu đỏ xuyên qua tròng mắt, chỉ tay ở đốt phong quan màu xanh đen, hoặc đen cả, chạy suốt đến đốt mệnh quan, hoặc chỉ tay chạy đến móng tay cũng là bất trị.

C- Cách trị:

Mạn kinh là âm chứng, là hư chứng, đây là tỳ vị đều hư, can tà không bị ức chế nhân đó lẫn tỳ mà sinh phong, là chứng bệnh không có dương, cho nên về hình khí (1), bệnh khí (2) đều không đủ, ấy là mạn kinh nên chú ý tỳ vị để cứu nguyên khí. Sách chép: Từng kinh qua thổ tả mới là mạn kinh, nhân thổ tả mà sinh ra mạn kinh thì là khó trị.

- Nếu thật không có dương chứng, thì nên kịp dùng thuốc ôn hoãn kèm với thuốc triệt phong, long đờm, sơ thông, thuận khí, trẩu tâm, định pháp để sinh vị khí hồi dương, nhưng phải tùy chứng hậu mà gia giảm, như bí ỉa thì làm cho hết bí, không nên khinh suất dùng thuốc tấn công; đi lỏng thì làm cho không đi lỏng, chỉ vừa làm phân lợi âm dương (phân lợi trong đục); bằng mình nóng là hư nhiệt gây nên, như chứng do cấp kinh truyền biến, tay chân nóng mà thực có dương chứng thì không nên dùng nhiều thuốc ôn noãn táo nhiệt, chỉ vì trẻ con dễ hư cũng dễ thực, nên liệu lượng mà dùng thuốc, sao cho âm dương thăng bằng thì thôi. Chứng mạn kinh cũng có hư nhiệt mà bí dái bí ỉa, đàm nghet, hơi uất làm cho ngộ nhận là thực nhiệt rồi dùng bảy những ba đậu, đại hoàng để xổ đàm thông đại tiện, hoặc cho uống long não, xạ hương để thông khiếu, mát tạng, mà làm cho "âm khí càng thịnh, dương khí càng suy" nếu may không chết thì thành chứng

(1) Tinh thần về thể chất.

mạn tỳ phong.

D- Xử phương:

ĐIỀU TRUNG THANG

Trị chứng mạn kinh nên chữa qua loa về chứng phong co giật mà chú trọng đến tỳ vị làm đầu, nên dùng thang này để điều hòa tỳ vị, chân đứng thổ tả, chính được khí, ấm được trong.

*Nhân sâm
Bạch truật
Phục linh
Chích thảo
Bạch chỉ
Mộc hương
Bán hạ
Hoắc hương
Thạch liên tử (bỏ tim)
Thiên ma
Quít bì
Biến đậu (sao nước gừng)*

Mỗi vị năm phân, sắc với gừng táo, mà uống

LÝ TRUNG THANG

Trị thổ tả, tay chân móp lạnh (quyết lạnh)

*Nhân sâm
Bạch truật
Bào cường
Chích thảo*

Thêm gừng và táo, sắc uống, ôn lạnh thì thêm vị phụ tử.

PHÉP GÂY SỮA

Trị mạn kinh ngủ mê hay khóc, mặt xanh, hể mạch tế là khó trị.

*Nhân sâm
Mộc hương
Hoắc hương
Trầm hương
Trần bì
Thần khúc (sao)
Mạch nha
Đinh hương*

Mỗi vị đều nhau, thái nhỏ, tán bột, mỗi lần dùng 3 đồng, gừng 10 lát, tía tô 10 lá, táo 3 quả sắc lên, sau bữa ăn bá nhũ mẫu mạn bỏ sữa đi rồi uống thuốc ấy, uốn xong,

nằm giữa giấy lát rồi cho trẻ bú qua loa không nên cho bú no quá, cũng là phép hay vậy.

SINH PHỤ TỬ TỬ QUÂN THANG

(trợ bị hồi dương)

Bài Tử quân có gia phụ tử sống 1/4, móp lạnh thì gia gừng sống, cứ mỗi đồng cân phụ tử dùng 3 lát gừng mà sắc, sắc tối, lấy muống mức đổ.

DỊ CÔNG TÁN

Ấm bên trong hòa khí, trị ỉa mưa, không muốn ăn uống và bệnh hư lạnh.

Nhân sâm

Phục linh

Bạch truật

Chích thảo

Quít bì

Mộc hương (mỗi vị đều nhau)

Thái, tán nhỏ, liều dùng 7 phân rưỡi, sắc nước gừng, tảo làm thang mà uống, (một phương không dùng vị mộc hương).

Phàm tỳ thổ hơi yếu đi tả chút ít mà bên trong không thấy lạnh thì nên bình bổ, dùng Lục thân tán (123) Tứ quân tử thang (188), hoặc Ngũ vị dị công tán (118), tỳ thận đều hư yếu mà các tạng bình hòa không lạnh, nên dùng Ngũ phúc ẩm (4) và lại âm huyết sinh là do tỳ thổ, nên dùng Tứ quân thêm vị Dương quy, táo nhân. Tỳ khí hư, phần dương hơi lạnh, dùng lải Ôn vị ẩm (125), Lý trung thang (xem ở trên) Ngũ quân tử tiến (121) tỳ khí hư hàn, nhiều đàm, dùng Lục quân tử thang (131), Kim thủy lục quân tiến (6), tỳ thận âm dương đều hư mà hàn thì chỉ dùng Lý âm tiến (126) là rất hay, tỳ thận hư hàn đã lảm hoặc thổ tả không ngớt thì dùng Phụ tử Lý âm tiến (7) lại thổ tả hơn nữa thì dùng bài Lục vị hồi dương ẩm (8), Tứ vị hồi dương ẩm (9). Tỳ vị hư hàn, đi lỏng không ngớt nên dùng Vị quan tiến (124). Chứng cấp kinh vì thường dùng thuốc công, hạ nên tỳ thổ phải hao mòn, rồi biến sinh ra chứng mạn kinh, thì nên bổ tỳ dưỡng huyết kèm theo thuốc an tam thanh phế, chế mộc (ức chế gan), tỳ vị suy kém, can mộc sẽ lấn át, ngoài già nhiệt mà trong thực là hàn thì dùng Ngũ vị dị công tán (118), thêm vị dương quy, kèm với cau đắng ẩm (10) để bổ tỳ thổ, bình can mộc, bằng không ứng nghiệm, dùng bài Lục quân tử thang thêm vị bao cương, mộc hương để ôn bổ tỳ thổ, nếu không ứng nghiệm thì kịp thêm vị phụ tử để hồi dương, (tối kỵ thuốc trục phong khu đàm).

Xét thấy vị phụ tử có tác dụng "ôn trung hồi dương" là thuốc thánh của chứng mạn kinh, như nguyên khí chưa thoát dùng nó lúc nào cũng hay, nguyên khí thoát lảm thì kịp nên chế mà dùng, nguyên khí hư tổn mà đến lúc mê man nên kịp cứu ở huyết Bách hội, bằng chờ xổ đàm không khỏi rồi mới cứu thì nguyên khí đã thoát mất khó mà cứu chữa. Như chứng mạn kinh thuộc âm, từ chứng cấp kinh thuộc dương truyền sang, chỉ có kinh qua thổ tả mới thực là mạn kinh, phàm do thổ tả mà phải bệnh thì dùng bài Lý trung thang (xem ở trên) gia mộc hương hoặc bài Ngũ linh tán (92), tỳ yếu không ăn được thì dùng bài Tĩnh tỳ tán (xem môn cấp kinh), thổ tả tỳ hư biến thành mạn kinh, vận minh,

tốc dựng đứng, ọc sữa, mồ hôi nhiều, ham ngủ, thì dùng Gia vị truật thang (trị sau khi bị chứng thổ tả đã khỏi).

Phụ tử

Bạch truật

(Mỗi vị 1 lạng)

Nhục đậu khấu

Định hương

(Mỗi vị 5 đồng)

Cam thảo

Sắc với gừng, táo mà uống, đây là thuốc ôn hàn, táo thấp, hành khí, kiện tỳ.

Vì xở mà phải bệnh thì trước cho dùng bài Mộc hương quân khí tán (12) vì ngoại cảm hàn tà mà phải bệnh thì trước cho dùng Quế chỉ giải cơ thang (13), vì mùa hè tỳ vị phục nhiệt (1) phát sinh thổ tả dữ dội nên giải thử nhiệt, không phải chỉ lo hồi dương, còn như những húng ho dai dẳng, đi lỵ lâu ngày, thương hàn nhập lý, uống thuốc, hàn quá nhiều... Có thể theo đó mà suy rộng ra, xưa truyền còn có 8 chứng hậu thuộc dương chứng, nhưng nên trong thuốc sinh vị khí kèm thêm thuốc triệt phong, chặn co giật như toàn yết, hoa xà, cương tâm, bạch phụ, thiên hoa, nam tinh, v.v... lạnh cũng được, nóng cũng được, làm cho âm dương thăng bằng, không phải chỉ dùng bài hồi dương của chứng truyền mạn kinh đầu.

THIÊN YẾT TÁN (Phương truyền trị)

Toàn yết

7 con

Thiên thoái

20 con

Nam tinh

1 củ

Cam thảo

2 đồng rưỡi

Sắc với gừng, táo uống, bất tỉnh nhân sự thì dùng Bảo mệnh đơn (135), là mùa đàm chận nghẹt thì dùng Lai bạch đơn (102) đã truyền sang chứng mạn kinh, chỉ là mùa không ngừng mà bên ngoài không có 8 chứng hậu cần bàn thì dùng bài Ô yết tán (truyền trị).

Toàn yết

7 con

Nhân sâm

Bạch truật

Phục linh

Chích thảo

Xuyên ô

Nam tinh (mỗi vị 1 phân)

Sắc với gừng táo mà uống, như uống lần sau thì bỏ vị xuyên ô.

LƯU PHỤ HOÀN

Trị móp lạnh, hồi dương, kiêm trị phong mạn tỳ, tay chân lạnh.

Sinh phụ tử (thứ nhọn đầu)

3 cái,

Duôi ioàn vết

7 con

(1) Tức là tả phục, nhân cảm nắng khí một ít vị sức mạnh mà lướt đi, gọi là phục nhiệt

Thục lưu hoàng

1 đồng (1)

Tán nhỏ, làm viên với nước gừng bằng hạt đậu xanh uống với nước cơm mỗi lần 10 viên.

THANH MÔNG THẠCH HOÀN

Trị phong đàm chận nghệt.

Thanh mông thạch giả nhỏ 1 lạng cùng diêm tiêu 5 đồng cho vào nồi đất nung trên lửa than cho đỏ (2), chờ nguội sẽ tán nhỏ, quét với bánh chưng làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 2 viên, thang với Bạc hà, kinh giới mà uống. Chứng mạn kinh mạn tỳ thì thay với mộc hương.

Nhưng thanh mông thạch tuy có thể long đàm mà tỳ vị không ưa nên dùng mộc hương giúp sức có thể quét đàm theo đường đại tiện mà ra toàn đờm chứ không thấy cứt, và không động dạ dày gì đến tạng phủ, mới biết là thuốc hay.

LINH CHI HOÀN

Trị tích đàm mà kỵ dùng thuốc xổ, nên dùng bài này.

Ngũ linh chi

Bạch phụ tử

Mộc hương

Cương tàm

(mỗi vị 1 phân)

Toàn yết

nửa phân

Chu sa

1 đồng

Nam tinh

5 đồng

Tán nhỏ, khuấy hồ bằng bột bán hạ sống và giấm mà làm viên bằng hạt mè, mỗi lần uống 3 viên, thay bằng nước gừng.

AN THẦN TÁN

Trị mạn kinh, cũng trị được co giật.

Toàn yết 4 con ngâm nước đường một đêm.

Dùng 1 củ nam tinh, khoét 1 lỗ, nhét toàn yết vào trong, lấy bột nam tinh trét bít miệng lại, đắp bột bao ngoài đem lùi trong lửa cho đỏ lên, chôn dưới đất 1 đêm cho khử hỏa độc rồi lấy ra, bỏ nam tinh, dùng toàn yết, tán nhỏ, mỗi liều dùng 1/4 đồng tiền xúc hòa với nước mài dao mà uống.

BẠCH NGỌC BÌNH (99)

Trị hôn mê có đàm. Trong bài này có xạ hương để khai khiếu, long não, khinh phấn để hạ đờm, chu sa để mát tim, đều là thuốc trị chứng thuần dương thực nhiệt, còn bệnh hư thì nên châm chước mà dùng.

(1)- Lưu hoàng đã chế chín

(2)- Theo kinh nghiệm của chúng tôi, nồi phải đáy nấp, lấy giấy bần nhưng nước vắt kỹ, rán giấy kềm lại mới nung (N.D).

Phụ: CHỨNG THỦ PHONG

Cảm nắng mà tay chân hơi giật, mắt nhắm, ngủ mê, mình nóng, đau đầu, mắt đỏ, khác nước dữ, chứng hậu giống như mạn kinh, gọi là chứng thủ phong, cần phải giải cảm nắng, đừng nên cho uống tầm bậy những thuốc trị về kinh phong.

IV- MẠN TỖ PHONG

Phụ: Luận về kinh cam thổ tả

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chứng mạn kinh thuộc về Mộc, Hỏa, Thổ đều hư cả, mộc hư thì co giật kém sức, Hỏa hư thì hơi trong miệng và mình đều lạnh, Thổ hư thì thổ tả dờ con mắt, chữa cho ấm là đủ rồi.

Còn như chứng mạn tỳ là âm khí thịnh lắm, vì khí suy lắm, bệnh truyền đã quá lắm, đều là hư chứng hậu cực hư, trước kia không phải có một tên bệnh riêng. Trẻ con kinh động trong giấc ngủ, vì tạng phủ non nớt, huyết khí chưa đầy, thần khí bốc ra ngoài, và lại phần nhiều là do tâm thận không đủ mà gây nên, chỉ vì thần khí của trời thể hiện ở mặt trời mặt trăng, thần khí của người thể hiện ở hai con mắt. Lúc tỉnh thì dồn vào tim, lúc ngủ thì quay về thận, tâm và thận đã hư, thì thần không chỗ dựa, khí không chỗ về, không thể yên dưỡng được, nên trong giấc ngủ hay kinh động. Năm tạng đều có âm dương: như can khí là dương là hỏa, can huyết là âm là thủy, can khí thịnh thì can huyết càng suy, hỏa động xằng bậy thì thủy bị nấu có lại quá lắm, hỏa thịnh âm tiêu thì tất nhiên sẽ đến, huống gì trẻ con phần nhiều bẩm thụ thận âm không đủ, hư hỏa động bên trong, nhiệt lắm thì sinh phong, phong từ hỏa mà ra, không phải chứng bên ngoài. Chứng hậu là tay chân không động đây, khắp mình đều lạnh, hoặc có nóng, hai mắt thường nhắm, tiếng nói thầm, nhỏ, không kêu khóc được, mặt xanh, lưỡi thụt, hoặc nôn mửa luôn, cúi đầu thè lưỡi, cảm miệng nghiêng răng, trong giấc ngủ lắc đầu, hoặc chân tay hơi co giật, lạnh mà không thu, đàm dãi ngưng trệ, thần chí hôn mê, đổ mồ hôi trán nhiều, tay sờ mớ bằng quơ người lim lim muốn ngủ... chứng đến như thế thì không còn gì nặng hơn. Vì từ chứng cấp kinh truyền sang mạn kinh, mạn kinh rồi sau thành mạn tỳ phong, tứ là chứng thuần âm. Hoặc có người nói: đó là chứng hư phong, vì ỉa mửa lâu ngày, phong là nhập ở tràng vị nên đi ỉa mãi, sắc mặt hư vàng, tỳ khí đã thoát, nguyên khí đã kém, kể đấy lại phát sốt tức là chứng mạn kinh, không nhất thiết là tất do chứng cấp kinh truyền sang, mạch thì trầm vi, tri hoãn, chỉ tay hiện màu đỏ tía ở đốt phong quan là nhẹ, bằng hiện màu xanh, màu tía, màu đen, lơ mờ lộn nhau ở đốt phong quan là nặng, ở đốt khí quan là càng nặng hơn.

Trong miệng ra máu hoặc đi ỉa ra máu bầm đen, kêu khủng khiếp 2,3 tiếng là tâm tuyệt.

Trong con mắt lộn ngược, móng tay móng chân xanh đen, là can tuyệt;

Đi ỉa mãi không thôi là tỳ tuyệt.

Mùa mới dứt lại mùa nữa là vị tuyết,

Hai con mắt không nhắm không mở, bỗng kêu lên tiếng quạ kêu là phế tuyết;

Miệng mùa nước dãi trắng là thận tuyết, đó đều là chứng chết.

Lại có chứng, mình, trán đổ nhiều mồ hôi, mùa mùi hôi tanh, la ra phân đen hơi thở gấp khác thường, đó là tỳ vị đã tuyết, đều là nhng chứng không thể trị được.

B- Cách trị:

Mắc phải chứng mạn tỳ mà trực phong thì phong đầu mà trực, chặn kinh thì kinh đau mà chặn? Đây là chứng rất nặng, mười người khó chữa được một, phương châm chữa thì chỉ sinh vị, dưỡng tỳ, hồi dương, ích khí, trấn tâm, định phách, hóa đờm, thuận khí mà thôi, bằng mắt nửa nhắm nửa mở, tay chân không lạnh, đại tiểu tiện đều khó, đây là dương chứng, thì nên ôn hòa mà hóa đờm, điều khí, không nên dùng ngay thuốc hồi dương, mà cũng không nên vì có dương chứng mà dùng thuốc thanh lương, đây mới là hư hỏa vãng lai hợp thành như dương chứng. Trẻ con lúc bình thời nghe tiếng âm vang thì giật mình rồi lúc ngủ kinh khóc, là do can phế có kém, hồn phách bị thương, tinh thần không tự chủ, nên bổ can phế, không nên dùng thuốc kinh phong mà chữa. Kỵ thuốc phong là vì thuốc hàn lãnh có hại đến vị khí; kỵ thuốc phong là vì nó hay tảo huyết, mùi cay hay trợ nhiệt; trị thuốc cay nồng là vì nó hay tan mất chân âm; kỵ thuốc phạt can là vì can chưa bình mà tỳ đã bị hại trước. Kỵ thuốc tả phế, là vì khi con (phế) hư thì khí mẹ (tỳ) càng hư hơn.

... Đại để, ấm quá thì tiêu mất nguyên âm, lạnh quá thì hại đến chân khí, nên vừa phải mới được.

Chứng cấp kinh ban đầu còn là thực chứng, hoặc vì kinh động, hoặc vì phong nhiệt, hoặc vì đàm nhiệt, hoặc vì ăn bị uất, tùy nguyên nhân từng bệnh mà cho thuốc, kèm theo các loại thuốc kinh phong mà giải trừ từ ngọn ngành thì được. Còn như chứng mạn kinh, mạn tỳ là chữa chưa đúng, rồi do bệnh phụ cấp lụy đến bệnh chính, đuổi khách ta thì còn khó, mà nguyên khí mong manh thì chẳng có bao nhiêu. Cho nên phải chiếu cố căn bản để trừ tà, nếu tỳ hư thì gắng bổ mạnh vào tỳ, nguyên âm hư thì tư nhuận nhiều vào chân thủy, hư hỏa thịnh thì dùng thuốc cam ôn để đuổi nó, hư hàn lâm thì ôn bổ để bảo vệ. Chính khí đủ sức thì tà khí tự nhiên giải trừ.

TRUẬT PHỤ THANG

Trị mạn tỳ phong, vận mình, dựng tóc, ọc sữa, ham ngủ, đổ mồ hôi không ngớt.

<i>Dại phụ tử</i>	1 củ sống
<i>Bạch truật</i>	1 lạng
<i>Nhục đậu khấu</i>	1 quả, bóc bột mịn, lùi
<i>Chích thảo</i>	đều 5 đồng
<i>Mộc hương</i>	

Cán xé ra, mỗi lần dùng 2 đồng, sắc với gừng và táo. Như vì bị mạn kinh rồi là mùa, phạt tỳ đã lắm, cho nên nói rằng tỳ phong, Thế mà trong tỳ phong có hư nhiệt qua lại: mắt nhắm thì tỳ khốn, thần mê, đàm dãi ngưng trệ, là khó trị, cũng không phải do chứng cấp mạn kinh phong truyền lại mà ra, như chứng mạn tỳ mới truyền, dương khí

chưa thoát lăm thì nên dùng bài:

BACH CƯƠNG TÂM HOÀN

Nam tinh 2 đồng

Cương tâm

Giun đất (đều 1 đồng)

Toàn yết

Ngũ linh chi

Tán nhỏ nấu hồ bột bán hạ khúc làm viên lớn bằng hạt mè, mỗi lần 5 viên, uống với nước gừng.

HẮC PHỤ TỬ THANG

Trị phong thịnh tay chân móp lạnh.

Phụ tử 3 phân

Mộc hương 1 phân rưỡi

Bạch phụ tử 1 phân

Cam thảo Nửa phân

Thêm gừng sắc uống, uống đến khi tay chân ấm lại, tỉnh lại làm chừng, rồi cho uống Tứ quân tử thang (188) thêm vị phụ tử hoặc Dị công tán để cho ấm bên trong, như tỳ hư chẳng ăn được thì dùng Tĩnh tỳ tán, ỉa mửa dùng bài gia vị truật phụ thang (xem môn mạn kinh) bệnh nặng thì dùng Lai Bặc đơn (217), Kim dịch đơn (15) tay chân lạnh dùng Lưu phụ hoàng (xem môn mạn kinh).

Phụ:

BÀN VỀ KINH, CAM, THỔ, TÀ

Kinh, Cam, Thổ, Tà, chứng tuy có bốn mà nguồn gốc chỉ có một. *Kinh* là hỏa lẩn phong mộc của can, *Cam* là nhiệt lẩn thấp thổ của tỳ, *Thổ* là hỏa lẩn dạ dày mà vọt lên, *Tà* là hỏa lẩn tỳ và đại trường mà dồn xuống.

Sữa tức là máu hòa theo màu sắc của phế (trắng) mà lạnh lắm, trẻ con bú vào thì cơ nhục đầy đủ nhưng nó là thể nước cho nên bị tích sữa nhiều thì trở lại hóa thấp (nước), đã thấp lại nhiệt đi đôi thì sinh ra mửa ỉa. Thấy thuốc quá dùng thuốc tảo nhiệt để công cho mạnh, thì đuối được thấp mà để lại nhiệt, rồi sinh ra bệnh nhiệt, hoặc cho trẻ con là thể chất thuần dương, rồi dùng nhiều thuốc hàn lương để chữa là không đúng, vì con gái 14, con trai 16 tuổi thì thiên quý đến, thiên quý tức là âm khí, trẻ con âm khí chưa đến nên gọi là thuần dương. Căn bản là không phải nói dương khí có dư, mà chỉ là dương non mà thôi. Phần dương của dương non đã có bao nhiêu? Nếu như dương non đã có bao nhiêu? Nếu như dương non đó vốn không phải thực, mà dùng nhảm thuốc hàn lương thì âm đã không đủ mà lại hại dương, thì hay làm cho cả âm và dương đều hư hỏng, cả tỳ và thận đều bị hại cả, còn dựa vào đâu mà mong sinh trưởng thành? Vậy nên xét bầm thụ âm dương chênh lệch thế nào mà cứu chữa cho bình hòa, thế là không hại.

V- MÃ TỶ PHONG

Phân biệt chứng trạng:

Chứng mã tỷ phong là do hàn tà đọng ở vùng phế du, hỏa nhiệt cũng sinh ra đàm, kéo hen, nấc cụt lên, phổi sưng thở khô khè, (tục gọi Mã tỷ phong), bằng không trị nhanh thì nguy ngay, nên dùng Bảo long hoàn (xem môn Cấp kinh phong) hoặc Mỹ tỷ phong tán.

MÃ TỶ PHONG TÁN

<i>Thần sa</i>	2 đồng rưỡi
<i>Cam thảo</i>	5 phân
<i>Cam toại</i>	1 đồng rưỡi

Tán nhỏ mỗi 2 phân rưỡi dùng chút ít nước cơm rượu ấm, trên thì nhỏ 1 giọt dầu mè quấy thuốc trên cho chìm xuống, lắng bỏ nước cơm rượu, còn lại thuốc và dầu thì đổ cho uống, bằng chỉ ho đàm sấp phát co giật, trước nên dùng Tĩnh tinh tán (96), Sâm tở ẩm (97), Nhân sâm khương hoạt tán (98) rồi uống bài Bảo mệnh đơn.

BẢO MỆNH ĐƠN

Trẻ mới sinh bị chứng uốn ván rốn, cứng miệng, khóc đêm, thai kinh, nội điều {(1)} bụng đại cứng ngắc, mắt trợn ngược, tay chân co giật, uốn ván, đàm sôi chân nghệt, tất cả các chứng cấp mạn kinh phong còn có dương chứng, thường cho uống thì an thần.

<i>Toàn yết</i>	14 con
<i>Phòng phong</i>	
<i>Nam tinh</i>	
<i>Thiên thoái</i>	mỗi vị 2 đồng
<i>Cương tàm</i>	
<i>Thiên ma</i>	
<i>Hổ phách</i>	
<i>Bạch phụ</i>	
<i>Thần sa</i>	đều 1 đồng
<i>Xạ hương</i>	5 phân

Có nóng gia thêm ngư hoàng, phiến thảo, (1 phương thêm khương hoạt).

Tán nhỏ, quét với cơm nguội làm viên bằng hạt bồ kết, làm áo với 10 miếng vàng thép. Trẻ sơ sinh uống nửa viên, uống với sữa, 10 tuổi trở lên uống 2 viên, nấu nước câu đắng, tim bắc hoặc bạc hà kim ngân làm thang mà uống. Như chứng thiên điều {(1)} thì thêm vị tê giác, nước cộc rào làm viên với nước mật heo đực, hòa tan 1 viên với nước giềng. Đổ vào mũi gây nháy mũi rồi lấy câu đằng nấu sôi, hòa với thuốc mà uống.

Phàm chứng ngoại cảm kèm kinh phong cũng nên dùng phép này để đề phòng.

(1) *Nội điều*: Một chứng bệnh đau bụng, nổi suyền...

VI- LÊN CƠN CO GIẬT

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phạm trẻ con khí huyết chưa đủ, không thể chịu đựng được mới lên cơn co giật, hoặc có người nói: co giật trong 100 ngày cũng có do tình chí và ăn uống hậu vị của người nhũ mẫu mà con sinh cơn go giật, đã nói rõ ở trên rồi, lại có đứa trẻ rằm ngày co giật cũng là thuộc về kinh phong, bệnh nhẹ mà hoàn là co giật, co giật không chữa dần dần cũng sẽ thành kinh phong vậy.

B- Phân biệt chứng trạng:

Do phong mà lên cơn thì mặt xanh, mắt đỏ, do kinh mà lên cơn thì kêu la co quắp, do bú mớm mà lên cơn thì ợ ủa hơi chua, do tỳ phế hư mà lên cơn thì sinh đờm đặc, trong họng kéo khô khề, đó là vì tâm hỏa không thể sinh tỳ thổ, tỳ thổ không thể sinh phế kim, làm cho phế không chủ trị được phần khí, tỳ không liễm được phần đàm dãi, nên khi đờm dãi tràn lên mà trong họng khô khề. Bằng co giật không thuận cũng là bất trị. Nếu trong 100 ngày mà lên cơn co giật thật thì phong sinh từ trong ra (trong sinh co giật) 2, 3 lần lên cơn thì chết, lên cơn co giật giả thì phong sinh từ ngoài vào (ngoại cảm phong hàn) tuy lên cơn mãi cũng không chết, chứng giả thì trong miệng hơi nóng, mạch hồng mà không trầm, tể, mặt đỏ mà không xanh đen là đúng.

C- Cách trị:

Khi lên cơn co giật giả thì nên trị bằng cách phát tán, bằng tỳ phế hư, đờm nghệt kéo suyễn, thì không nên dùng thuốc khu phong trị đàm mà làm cho khí tán âm tiêu rồi nguy sẽ đến. Nếu bệnh do thất tình hay ăn uống hậu vị của bá vú nuôi thì nên kiêm trị người vú nuôi, lấy việc củng cố tỳ vị làm trước tiên, không nên trị tắt ngang, còn như trẻ con lên cơn co giật thuộc về chứng thực là do mọc thực thì sinh hỏa, sinh phong mà phát nhiệt, phát kinh; thổ thực thì sinh thấp sinh trệ, mà thành ra đàm ra tích, đầy, biết được 2 điểm này thì mới biết được phép trị chứng thực. Phép trị chứng thực nên nói chữ thực theo chứng cấp kinh, tức thực về tà khí, không phải thực về chính khí, trị bệnh này nhất thiết không nên phạm đến nguyên khí, bằng bệnh đã lâu, lại càng nên chú ý về tỳ thận, căn bản được củng cố thì bệnh gì lại chẳng khỏi. Còn như hư là can hư thì gân căng, huyết khô thì co quắp, cứng rần thì ngổ xiêng, giương mắt, tâm hư thì kinh sợ chẳng yên, tỳ hư thì ủa mưa, thì ỉa té re, thì không ăn, thì bí mần (2) nằm ly bì, thì cắn răng chảy nước dãi, thì tay chân vật vã. Phế hư thì hơi thở rục lên, đổ nhiều mồ hôi; thận hư thì ỉa dãi không cầm được, làm cho tân dịch khô kiệt, làm cho tác tiếng, làm cho trợn mắt, làm cho mình mẩy tay chân móp lạnh, làm cho hỏa chẳng liễm về nguồn. Biết được 5 điểm này thì mới biết được phép trị hư.

Dàm dãi nhập vào tâm tỳ thì không nói được, nên dùng thuốc lương tâm (mát tâm) trấn kinh, hạ đờm, bằng vị phong tà uất bên trong, phát nhiệt mà biến ra các chứng thì nên trị phế kim, đuổi phong tà; bằng ngoại tà đã giải mà bệnh trong chưa hết thì nên trị bế bổ tỳ; bằng phế kinh hao tổn mà gây nên cơn kinh cơn giật thì nên bổ tỳ phế để bình

(1) Thiên điều: một chứng kinh phong, ngửa mặt, trợn mắt.

(2) BT: Tích tụ mà không thành khối, tích ở ngực. Mẩn: tích tụ mà có vật chất, tích ở bụng.

can, tâm, thì cơn kinh cơn giạt tự nhiên hết, cần phải biết ngũ tạng truyền biến đều do đàm gây nên, chỉ vì đàm là đường phong, nước êm thì lắng ở tỳ, hòa động thì nghet ở phổi đàm hỏa cùng nổi lên thì sinh ra cấp kinh, hoặc thành ra chứng tê cuống họng, đàm hỏa kết trệ thì sinh ra động kinh, hoặc sinh ho hen; đàm hỏa vãng lai thì đi ỉa ra bọt xanh, đều do tỳ thấp mà ra, cho nên chứng kinh phong kỵ dùng thuần nhất thuốc phong, là việc không cần hỏi cấp hay mạn kinh, cứ dùng huyết được làm sứ.

D - Xử phương:

Trị chứng lên cơn co quắp nên dùng bài "An thần tán" (xem môn kinh phong), phạm chứng thương phong lên cơn co giật, hơi nóng trong miệng, ngáp dài, tay chân động đậy gọi là chứng co giật giả, dùng bài Đại thanh cao (99) để phát tán phong tà;

Thương phong lên cơn co giật hơi trong miệng không nóng, tay chân mình mẩy mỗi mẩy, dùng bài Dị công tán (xem môn mạn kinh) để bổ tỳ thổ, Câu đằng ẩm (10) để thanh can mộc;

Bằng vì ăn không được, lên cơn co giật, ọc sữa, thì dùng Tiêu thực hoàn (117), bằng bị tích ăn, rồi lên cơn co giật mình nóng, ngủ mê man, ủa mưa, không biết bú mớm, thì trước nên chặn đứng chứng co giật rồi dùng "Bạch bình tử" (18) để cho xổ.

Bằng ăn đã tiêu tan, mà chứng trước vẫn phát lên hoặc biến thành chứng khác là tỳ thổ bị thương mà can mộc lấn vào, thì nên dùng Lục quân tử thang (131) gia câu đằng, để kiện tỳ, bình can.

Như chân tay lạnh, đổ mồ hôi, giật chân mày, giật bụng ngày đêm không ngừng gọi là cơn co giật thực, dùng Nhân sâm thang (19) thêm vị xuyên ô, toàn yết... để bình hòa vị khí;

Nếu lên cơn co giật vào lúc 5, 6 giờ sáng mà phát sốt khát nước, uống nước lạnh đi ỉa phân rắn, thuộc về can đờm kinh bị hư nhiệt thì dùng Sài thực sâm linh tán (22),

Nếu khát quá phải uống nước nhiều, tự đổ mồ hôi, đổ mồ hôi trộm là thuộc về can đờm kinh bị huyết hư thì dùng Địa hoàng hoàn (186)

Nếu môi miệng chảy nước dãi thuộc về can mộc khắc tỳ thổ, dùng Lục quân tử thang (131), nếu lên cơn co giật lúc 11,12 giờ trưa mà kèm cả chứng khát phải uống nước, thuộc về phong và hỏa kích bác với nhau thì dùng Địa hoàng hoàn (186) để bổ can, Đạo xích tán (159), Lương kinh hoàn (34) để trị tâm, khát nước uống nước nóng, người mệt, bỏ bú, đây là thổ hư mà mộc vượng, dùng Địa hoàng hoàn (186) để bổ thận, Lục quân tử thang (131) để bổ tỳ; nếu lên cơn co giật vào lúc 5 giờ đến 8,9 giờ, hơi co giật mà nổi hen, mắt ngó hơi xiêng, mình như nóng, ngủ mà mắt mở, đi ỉa cứt vàng nhạt là thuộc về tỳ hư phế nhiệt dùng bài Dị công tán (xem môn mạn kinh), bằng tay chân hư lạnh, hoặc suyễn, ỉa không ăn là thuộc về tỳ phế hư hàn dùng Lục quân tử (131) gia bào khương, mộc hương, bệnh lâu ngày rồi nguyên khí hư dùng Lục quân tử thang (131), Lục vị hoàn (186), lên cơn nhẹ lúc 11, 12 giờ khuya, hơi co giật, mình nóng, tròng mắt nháy luôn, ỉa mưa, bỏ bú, móp lạnh, ngủ nhiều lá thuộc về hàn thủy lấn thổ, dùng Ích hoàng tán (136) chưa hiệu quả thì dùng Lục quân tử thang (131) thêm vị can khương, nhục quế; lên cơn lúc 5, 6 giờ sáng là can mộc thịnh dùng Thận khí hoàn (110) để bổ thận, Tả thanh hoàn (93) để tả can; lên cơn lúc 11, 12 giờ trưa là tâm hỏa thịnh dùng Thận khí hoàn (110)

để bổ can, Đạo xích tán (159) Lương kinh hoàn (34) để tả tâm; lên cơn lúc 5, 6 giờ tối là phế kim thịnh, dùng ích hoàng tán (136) để bổ tỳ, Đạo xích tán để ức chế tâm, Tả thanh hoàn (93) để ức chế can. Lên cơn lúc 11, 12 giờ khuya là giờ thịnh vượng của tỳ thận, mà thận hư không vượng nổi chỉ có tỳ vượng, nên dùng ích hoàng tán (136) để bổ tỳ, Đạo xích tán (159), Lương kinh tán (24) để ức chế tâm.

VII - BÚ SỮA CHẾ (KỲ BỆNH)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Trẻ con gần giáp tuổi tới người mẹ lại có nghén, con bú sữa chế mà thành bệnh này, hoặc vì mẹ mắc bệnh khác rồi con bú sữa ấy mà sinh bệnh, giống như bệnh người mẹ. Chỉ vì khí huyết của người mẹ điều hòa thì bú vào sẽ nuôi dưỡng được tinh thần, một khi khí huyết có bệnh thì bú vào sẽ sinh bệnh khác, mẹ đã nghén thì tinh ba tập trung che chở xuống dưới, khí thì uất mà sinh nóng, huyết thì đọng mà sinh độc, thần khí trẻ con chưa đủ nên dễ cảm động, lại có người cho rằng trong lúc có mang hoặc bị bệnh thực quá, hư quá, no, đói, làm nhọc, nắng quá, lạnh quá, gió mưa, sấm sét, và âm dương bất hòa v.v... mà phạm vào cũng sinh bệnh này.

B- Phân biệt chứng trạng:

Chứng trạng thì thoát nóng thoát lạnh, kiệt lý đôi chút, lông tóc rối nùi, ý chí không vui, thậm chí sắc mặt héo don, bụng nổi gân xanh, ỉa cứt xanh, mửa nhiều, ngày càng gầy mòn, bú và ăn kém sút, hình héo khô, xương bày ra, rồi thành chứng cam, tục cho là vì trẻ bên ngoài bú hết sữa, vía trẻ bên trong thai ghen ghét mà trẻ ngoài sinh bệnh, nên cũng gọi là chứng thai đố (thai ghen ghét), nghĩa là hai trẻ ghen ghét với nhau.

C- Xử phương:

Như bệnh bú sữa chế vì tà độc hoành hành trong bụng người đàn bà có nghén làm cho trẻ đi lý, thoát nóng thoát lạnh, lông tóc khô rom không màu mỡ, nên dùng Thiên kim long đờm thang (30), mà vẫn lấy phân dơi dùm vào vải the dỏ cho trẻ đeo.

VIII - NÓNG ÂM Ỉ TRONG XƯƠNG

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Bệnh nóng âm ỉ trong xương phần nhiều là bắt đầu phát bệnh từ kinh lúc dương minh, hỏa xông lên mà ăn được, hỏa thiêu đốt mà hay đói, vì dạ dày là cái bể chứa huyết khí, huyết khí không đủ thì hỏa tà đốt hết cơm nước, tinh ba của cơm nước không đủ để chu cấp thì sinh ra nóng âm ỉ trong xương.

Hoặc vì bệnh mới khỏi, bồi dưỡng thiếu thốn, nguyên khí chưa khôi phục mà thành ra chứng cam, như vóc trẻ tuy béo mà hơi bên trong nóng như lửa hay đói hay khát, nước đái đỏ, đó là bệnh nóng âm ỉ trong xương, kể đó là chứng sớm mất tối nóng rồi sinh chứng cam.

B- Phân biệt chứng trạng:

Tinh ba của cơm nước không đủ, dần dần sinh ra chứng hôi miệng, phiền táo, tối nóng, sớm mát, lông khô queo, khát nước, thở hơi lên, đổ mồ hôi trộm, thân hình ốm như chim hạc, gọi là chứng *tiểu dân*, (1) bằng như đi la ngày có hơn 10 lần, tay chân gầy, bụng to, ăn mãi vẫn đói, lại điều trị nhằm thì tà hỏa không lui, truyền biến với nhau, tỉnh hoa nước cạn, ngũ tạng đều bị nguy khốn, như: truyền về gan thì hay nổi giận, hay e sợ, đau hai bên góc hàm, chuyển gân; lên cơm lúc 6, 7 giờ sáng hoặc 6, 7 giờ tối thì hơn nặng; truyền về tỳ thì tinh thần uể oải, thịt sưng, chân lạnh, sôi ruột, phát nóng lúc 2, 3 giờ khuya, 8, 9 giờ sáng thì hơi nặng; truyền về phổi thì ho hen trướng ngực, đau lưng, ớn lạnh, phát sốt về buổi chiều thì hơn nặng; truyền về tâm thì nóng hầm ở các lòng bàn tay, lòng bàn chân và dưới tim (ngũ tâm phiền nhiệt), môi khô miệng đắng phát nóng lúc đúng Ngọ thì hơi nặng (truyền về thận thì trùng ăn vào xương tủy mà xương cốt phơi bày ra, phát lúc chiều, tối (âm phân) thì hơi nặng.

C- Cách trị:

Đây là tà hỏa gây hại rồi tinh huyết bị hao tổn mà gây bệnh, còn như tuổi đã lớn, tình dục phát triển, lửa dục nung nấu tổn thương tinh huyết mà sinh ra chứng nóng âm ở trong xương (cốt chung). Đây cũng là vì tinh huyết bị thương nên bắt mối từ nguồn gốc nó là thận là cái bể chứa tinh huyết mà trị, như vì sau cơn bệnh nặng sinh nóng âm ở trong xương mà hư nhược vinh vệ thì nên tư dưỡng khí huyết, hoặc người bẩm thụ yếu đuối thì nên kiêng tránh gió lạnh để bảo vệ bên ngoài và ăn uống điều độ để bồi bổ bên trong.

D- Xử phương:

Bổ tinh huyết không gì hơn lục vị, bát vị, có thêm các vị Lộc nhung, tử hà xa (rau thai nhi), rồi cho dùng thuốc bổ khí huyết (hậu thiên) như Bát trân, Thập toàn, Quy tỳ mà cho uống xen.

TAM TÀI CAO

Trị nóng âm ở trong xương, mà người vàng vọt và béo

Thiên môn

Địa hoàng

Nhân sâm

Đều nhau, sắc nước rồi cô thanh cao, hòa với nước sôi mà nóng, như nóng lãm nên dùng Sinh tễ tán, Tam quân thang hoặc bài Tứ quân thang (188) gia giảm mà trị.

IX - CHỨNG VÀNG HÉO (NUY HOÀNG)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chứng vàng héo là ví như cây không đủ nhựa sống nên khô héo rồi toát ra màu vàng, gây bệnh ở người vốn vì tỳ vị có bệnh nên màu vàng tự bày ra.

(1) *Tiểu dân*: Một chứng bệnh tiêu khát. ý nói nóng quá rồi cơ nhục tiêu mòn.

B- Phân biệt chứng trạng:

Tỳ vốn là sợ thấp, nên có khi bị thấp nhiệt thì bụng ngực bành trướng, tay chân phù sưng, trong màu vàng có pha mau đen, môi khô, miệng hôi, có khi bị bệnh lâu ngày thì lông queo, mình nóng, bủ dãi trong bóng, mắt vàng, ống chân sưng, ăn hoài mà vẫn đói, vàng quá như bệnh hoàng đản, lại có khi bị cảm phong nhiệt, rồi hơi thở yếu, tinh thần mệt mỏi, trong màu vàng có pha màu trắng, như màu lông ngỗng trắng mới mọc, có khi bị ăn không tiêu thì ợ chua, sưng hàm, trắng môi, trong màu vàng có pha màu đỏ, phiền khát, hơi miệng.

C- Cách trị:

Trị thấp nhiệt thì nên dùng loại thuốc Thương truật, Bán hạ, Trạch tả; trị bệnh lâu ngày thì nên dùng loài thuốc Phục linh, Bạc quế, Hậu phác; trị phong nhiệt thì nên châm cho chảy máu ở đầu ngón tay, ngón chân, vì ngón trỏ là kinh lạc thuộc hệ thống đại trường đây là ý nghĩa xoi lỗ mũi, phá chỗ lấp, bên trong cho uống thuốc trợ tỳ khai vị, lợi thủy làm chủ yếu. Trị chứng ăn không tiêu nên dùng loại Nga truật, Chỉ xác, Giới tử, Sơn tra...

X - NHIỀU MỒ HÔI

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phàm trẻ con nguyên khí chưa đủ, chân lông thứ thịt thưa hờ, cho nên rất dễ đổ mồ hôi, phàm khí ăn uống quá nóng, mặc áo quần quá ấm đều có thể đổ mồ hôi. Hoặc cho rằng: đây là sự thường của trẻ con, chẳng cần phải trị, nhưng nguồn gốc của mồ hôi là do vinh khí, mồ đóng của mồ hôi là do vệ khí, bằng trẻ con nhiều mồ hôi tức là vệ khí không mật chẽ, mồ hôi đã ra nhiều thì vinh vệ khí huyết càng thêm tổn hại, dần dần đến chỗ suy mòn, vệ tất không bởi vậy sao?

B- Cách trị:

Trẻ con ra mồ hôi nhiều không thể không trị, đại thể phép trị căn bản về mồ hôi là lấy phương châm "ích khí" làm chủ, làm cho dương khí cố thủ lại thì âm dịch tàng trữ bên trong mà mồ hôi hết ra.

C- Xử phương:

Phàm trẻ con thường vô cơ có mồ hôi trộm hoặc tự ra mồ hôi nên dùng Đoàn sâm tán (156). Sâm linh tán (22) Tứ quân tử thang (188) Ngũ vị dị công tán (118) Bạch truật tán (23) ra nhiều quá thì dùng Tam âm tiến (24) Nhân sâm dưỡng vinh thang (25) Thập toàn đại bổ thang (191), bằng tâm kinh có hỏa mà thấy phiền khát sinh ra mạch tán (127) thì dùng Nhất âm tiến (27), bằng hỏa hư ở can tỳ, nóng bên trong hầm hầm, huyết nhiệt mà đổ mồ hôi máu, mạch thì đi hồng hoạt, chứng trạng nóng nhiều nên dùng Dương quy lục hoàng thang (28) Gia giảm nhất âm tiến (29) bằng dương minh chứng thuộc về thực đổ mồ hôi, khát nước quá, dùng bài Trúc diệp thạch cao thang ở Trọng Cảnh, hoặc

nhân sau khi bệnh hoặc sau khi đại thổ đại tả hoặc uống bảy những thuốc khác phạt làm cho khí hư, khí thoát mà mồ hôi ra nhiều quá đến nổi vong dương thì dùng Sâm phụ thang (31) Lục vị hồi dương ẩm (8) Kỳ phụ ẩm (32) hoặc lúc còn trong địu mà nhiều mồ hôi, thì dùng Nhân sâm 1 đồng cân, pha nước sôi cho uống thì hết, bằng lâu ngày không uống sâm rồi lại ra mồ hôi, thì lại uống nữa lại sẽ hết, hay như thần. Đại phàm ra mồ hôi nhiều, mà vong dương, thì thường hay gây nên uốn ván, gáy cứng, trợn tròng v.v... đây là tinh huyết ở hai kinh tái dương thiếu âm hao tán, âm hư huyết táo mà nên thế, kịp dùng Đại dinh tiền (184) Nhân sâm dương vinh thang (25) Thập toàn đại bổ thang (191), bằng trị theo lối trị bệnh phong thì muốn bệnh không một người sống. Như dạ dày yếu ớt mà đổ mồ hôi, đến trên cổ, đến dưới rốn thì dùng Ích hoàng tán (136) hoặc vì tâm hư, kinh sợ mà sinh ra tỳ yếu, ăn không được, đổ mồ hôi nhiều ở tâm dịch, dùng Đại ôn kinh hoàn (141), lên cơn kinh phát nóng thì dùng Tiểu lương kinh hoàn (143) đều dùng mẩu lệ và ma hoàng căn nấu nước làm thang mà uống, nếu chỉ do kinh sợ mà đổ mồ hôi trộm thì dùng Cổ chỉ sa tán (35), tỳ vị hư nhược thì dùng Bạch truật tán của họ Tiền (36), như đổ mồ hôi trộm không ngớt, hơi thở yếu, mình gầy, tức là tâm huyết đầy tràn thành mồ hôi là không phải hư đâu, nên dùng nhâm sâm, dương quy mỗi thứ 1 đồng, tìm heo một miếng to sắc uống để thu liễm tâm huyết; như lòng bàn tay ra mồ hôi nhiều uống cũng hay, như khắp mình ra mồ hôi là đàm nhiều, nên dùng bài Hương qua hoàn:

HƯƠNG QUA HOÀN

Hồ hoàn liên	Hoàng bá
Dại hoàng	Hoàng liên
Sài hồ	Lô hội
Miết giáp	Thanh bì

Điều bằng nhau, tán nhỏ, dùng 1 quả dưa leo to cắt bỏ đầu cuống, moi hết ruột, bỏ thuốc bột vào cho đầy, đậy kín miệng lại, lấy que củi cắm vào quả dưa mà nướng lửa cho chín dưa, thì lấy ra giã nát, nấu hồ bột mì làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống từ 3 đến 5,7 hoàn sau bữa ăn, thang với nước cơm rượu.

Như trong nách, lòng bàn tay lòng bàn chân đổ mồ hôi thì sắc địa cốt bì làm thang mà rửa, rồi dùng phèn phi tán nhỏ rắc vào.

Như đổ mồ hôi đầu, đổ đến khắp đầu thì hết, đó vốn là dương hư, nhưng trẻ con thuần dương, hoặc vì mặc áo đắp chăn quá nhiều mà đổ mồ hôi đầu hoặc đổ mồ hôi trộm trong giấc ngủ, thì lấy quạt củ bằng lác đốt ra tro tán nhỏ mỗi lần dùng 3 đồng hòa với rượu nóng uống, nhẹ thì không cần thuốc vẫn khỏi, như sinh lở đầy miệng và bệnh lâu ngày, đổ mồ hôi trán như dầu, là bất trị.

MẪU LỆ TÁN

Trị trẻ con tự đổ mồ hôi	
Mẫu lệ	(nung)
Hoàng kỳ	tẩm mật, nướng
Sinh địa hoàng	

Sắc với Phù tiểu mạch và Ma hoàng căn cho uống trước bữa ăn.

CHỈ HÂN TÁN

Nhân sâm

Hoàng kỳ

Bạch truật

Dương quy

Phục linh

Chích thảo

Mỗi vị một đồng, cùng sắc với một lát gừng mà uống.

PHỐC HÂN TÁN

Mẫu lệ

Ma hoàng

mỗi vị 1 lượng

Bột nếp

Long cốt (nung)

mỗi vị 5 đồng

Xích thạch chi

Tán nhỏ, lấy bông tẩm lại đem xoa trên mình.

XI- NƯỚC ĐÁI ĐỤC

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Nước đái đục tức là tỳ vị bị thấp nhiệt, phạm ăn uống không đều độ thỉ hay mắc chứng này nhưng cũng có khi vì khí hư hạ hãm mà sinh ra, một thuyết nói là tỳ kinh có tích lâu ngày thành cam, cũng kiêm có chứng phục nhiệt ở tim ngực mà ra.

B- Phân biệt chứng trạng:

Chứng trạng là: thấy nước đái đục như nước vo gạo, hoặc đựng nước đái để giấy lát nó biến sắc đục, một thuyết nói lúc bình thời nước đái biến sắc hoặc vàng, đỏ, hôi hám, đau lậu, đái không được, đục ngầu như nước vo gạo, đó là chứng đái đục.

C- Cách trị:

Bệnh nay mà trị nhằm thỉ âm dương rối loạn mà làm thành tả, thành lý, thấp nhiệt không khô thì sinh sốt rét, sinh lậu, mà thành chứng cam tích, bằng thấy nước đái đục mà không thấy mạch và chứng có phiền nhiệt thì bớt ăn đồ sống ít, nước lạnh, quả xanh và bánh ngọt v.v... không thấy lâu thì sẽ tự khỏi không nên vì đái đục mà quá dùng loại hoang cầm, hoàng liên, chi tử hay làm cho phát tỳ rồi sinh ỉa mùa... dẫn đến gây mòn.

Phạm mạch chứng kiêm hòa nên dùng Thanh lợi Đoạn xích tán (159) Tứ vị phi nhi hoàn (37), bằng ăn uống nhiều quá sinh hại kiêm chứng trướng trệ dùng Bảo hòa hoàn (115) Đại an hoàn (38). Bằng hình thể và khí phách kém, hoặc vàng gầy, hoặc ỉa mùa dùng Ngũ vị dị công tán (118) Tứ quân thang (188) Bồ trung ích khí thang (39) bằng hòa thịnh ở can thận đưa xuống bằng quang thỉ thấy đau gắt, phiền nhiệt, dùng Thất vị long đởm tả can thang (40) bằng tỳ vị vốn hư mà kiêm chứng thấp nhiệt thùng

Tứ quân tử thang (188) thêm vị hoàng liên sao, bằng chỉ thấy đái đục mà không có uất nhiệt lắm thì chỉ dùng thuốc thanh lương cũng được, như vì phục nhiệt mà nước đái đục như nước vo gạo thì nên dùng:

PHỤC LINH TÁN

<i>Xích phục linh</i>	
<i>Tam lăng</i>	đều 5 đồng
<i>Nga truật</i>	
<i>Sa nhân</i>	
<i>Thanh bì</i>	
<i>Trần bì</i>	
<i>Hoạt thạch</i>	đều 2 đồng rưỡi
<i>Cam thảo</i>	

Tán nhỏ, thang với mạch môn đông, tim bắc mà uống.

Mười tuổi trở lên, vì sau khi cơm kinh mà tâm khí trệ, tiểu tiện dầm dề, ngày đêm 3, 4 mươi lần, ngày càng vàng héo thì nên dùng:

THUẬN KINH TÁN

<i>Hột hẹ (phủ tử)</i>	
<i>Hổ phách</i>	
<i>Ích trí nhân</i>	đều 5 đồng
<i>Kim mao cầu tích</i>	
<i>Bạch phục linh</i>	
<i>Thạch yển</i>	
<i>Thạch vi</i>	1 đồng

Tán nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, nấu nước hột hẹ làm thang hòa lại, ngày uống hai lần.

XII - MỐI SINH ĐÁI KHÔNG THÔNG

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Tiểu trường là cái kho của tâm, thủy khí lưu thông thì nó theo khí mà thông lợi, bằng tâm khí bị nghẹt thì tiểu tiện cũng không thông, tâm khí lạnh thì tiểu tiện nhỏ giọt, tâm khí hàn thì tiểu tiện đi nhiều, tâm khí như nhiệt thì tiểu tiện đi ít, tâm khí tích nhiệt tiểu tiện trước đỏ sau trắng; Lại thận chủ về thủy mà bàng quang là phủ của nó, nước đầy ở bàng quang mà chảy thông đến tiểu trường, lại còn tương ứng với tâm, chỉ vì âm không thể không có dương, thủy không thể không có hỏa, thủy hỏa ký lệ thì trên dưới giao thông, vịnh vệ lưu hành, thì dòng nước chảy đều đặn, bằng như tâm thận bất giao thì trong ngoài trở ngại, chuyển vận thất thường mà dòng nước chảy thất thường nóng thì đái không thông lạnh thì đái không ngăn lại, như trong 7 ngày mà đái đã teo cũng là do thụ hàn lúc mới sinh mà ra.

B- Xử phương:

TRỊ KHÔNG BÚ, KHÔNG ĐI DÁI

Hành tráng 2,3 tép.

Mỗi tép xắt làm 4 miếng, sắc với nửa chén còn sữa giấy lát, chia làm 4 lần uống thì không, như không bú, uống vào sẽ bú.

MỘT BÀI TRỊ DÁI BÍ GẮT

Xích phục linh

Tim bác

Mạch môn

Xa tiền

Sắc uống.

- *Một phương trị tim lạnh lại tích nhiệt ở tiểu trường, kíp dùng vài con trùn đất sống nghiền với ít mật ong cho đều đặt ở trên ngọc hành, rồi sắc mạch môn, tim bác cho uống.*

CÁCH BUỘC RỐN

Trị trẻ em bí đại bí la

Hành củ rế

1 củ (bỏ đất)

Giàng sống

1 củ

Dạm đậu sị

21 hạt

Muối

1 thìa con

Cũng nghiền nát nặng thành bánh đặt trên rốn, lấy lụa buộc chặt lại, giậy lâu hơi thâu vào thì thông, chưa thông thì làm nữa.

- *Một phương dùng xác tằm đốt cháy ra tro tán nhỏ với chút ít xạ hương long não, chu sa.*

ĐẠO TIỂU XÍCH TÁN

Trị trẻ con trong tâm kinh yếu, ta nhiệt nhân đó xâm vào, phiền táo bức rức truyền đến hạ bộ đường tiểu đỏ, gắt có ké, đau từ dưới rốn.

Sinh địa

Cam thảo

Mộc thông

Sắc với lá tre mà uống, một phương khác có thêm vị hoàng cầm.

XIII - MỐI SINH ỈA KHÔNG THÔNG

A - Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phần tinh ba của ngũ vị trong thì đem nuôi ngũ tạng, phần cặn bã đục thì đưa về đại trường.

B- Phân biệt chứng trạng:

Chứng hậu có mấy ngày không đi ỉa, bụng trướng lên, đau quặn, tức ngực, muốn mửa, cổ họng khô và tác hơi nóng như đốt, đây là nhiệt tà tụ tập bên trong, tân dịch khô kiệt, đại trường khô rít mà sinh khí trệ.

C- Phép trị:

Phải lập tức xổ ngay, không thì nội nhiệt càng thêm uất kết, hơi không thông rồi trệ lại mà không hóa được sẽ sinh ra bệnh phong.

D- Xử phương:

THÔNG MẬT THANG

Trị trẻ con bí ỉa vì hư

Hàng lang

3 tép

Sắc sôi, vớt bỏ hành, cho a dao (dã sao) vào, và mật sống hòa tan mà uống trước bữa ăn.

CAM CHỈ THANG

Cũng trị trẻ con bí ỉa vì hư.

Cam thảo

Chỉ xác

Mỗi vị 1 đồng, sắc uống trước bữa ăn.

TAM HOÀNG TÊ GIÁC TÁN

Trị nhiệt bí trong tạng phủ

Tê giác đèo vụn

Chỉ từ

Đại hoàng (nấu rượu)

Cam thảo

Câu đằng

Hoàng cầm

Mỗi vị bằng nhau tán nhỏ, uống với nước đã nấu sôi

XIV - MỐI SINH ĐÁI, ỈA ĐỀU KHÔNG THÔNG

A- Phân biệt chứng trạng:

Như mới sinh mà mặt đỏ, hơi thở gấp, chảy nước mắt, ngáp dài ngáp ngắn, đại tiểu tiện không thông hoặc đại ra máu, nặng lắm thì tay chân co giắt, mắt ngổ xiên, mình giắt nẩy, nên dùng Liên kiều ẩm, (xem mục phỉ nhi) Ngũ phúc hóa độc đơn (100)...

B- Xử phương:

Khi sinh rồi mặt nhảm, mặt đỏ, đại tiểu tiện không thông, không bú nên dùng phép gây sữa.

PHÉP GÂY SỬA

<i>Trư linh</i>	2 phân	<i>Xích phục linh</i>	
<i>Trạch tả</i>	5 phân	<i>Thiên hoa phấn</i>	
<i>Sinh địa</i>	4 phân	<i>Nhân trần</i>	mỗi vị 2 phân
		<i>Cam thảo</i>	

Sắc xong, bảo bà vú nuôi nặn bỏ sữa cũ rồi uống, đây lâu cho trẻ bú.

XV - MỐI SINH TRƯỞNG BỤNG

Cách trị:

Dại tiện không thông, trướng bụng gần chết, bảo sản phụ lấy nước nóng súc miệng rồi mút ở trước và sau quả tim, dưới rốn, 2 lòng bàn tay, 2 lòng bàn chân của bé, mút được 5,3 lần cho đỏ lên là được, đái ỉa được thì hết trướng bụng, trẻ mới sinh không đái được cũng dùng cách này mà làm cho đái.

XVI - CHỨNG TRÙNG THIẾT

(hai lưỡi chổng nhau)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Đây là do tâm tỳ có nhiệt, vì tâm chủ quản phần huyết mà thể hiện bệnh ở lưỡi đường mạch của tỳ chạy ngang dưới lưỡi, (tâm) và (tỳ) có quan hệ mẹ con với nhau, cho nên có nhiệt thì làm cho khí và huyết đều thịnh.

B- Phân biệt chứng trạng:

Chứng trạng của nó phụ thuộc ở dưới lưỡi, gần cuống lưỡi có mọc 1 vật như cái lưỡi ngắn, nhỏ mà sưng lên, như hai cái lưỡi chổng nhau (trùng nhiệt)

C- Cách trị:

Nên chích lễ cho ra máu, lại mọc ra thì lại chích lễ nữa, không thể thì sưng đầy mà tắc cổ họng, có hại cho việc bú mớm.

D- Xử phương:

DƯƠNG QUY LIÊN KIỀU THANG

Trị tâm tỳ có nhiệt, lưỡi đen.

<i>Quy vị</i>	3 đồng	<i>Dại hoàng</i>	1 đồng
<i>Liên kiều</i>	3 -	<i>Cam thảo</i>	1 -
<i>Bạch chỉ</i>	2 -		

Sắc uống

THIÊN KIM PHƯƠNG: TRỊ SƯNG LƯỠI

Hoàng bá:

Tán nhỏ, ngâm với nước măng tre non (trúc lịch) 1 đêm đem nhỏ trên lưỡi, nặng lắm thì thêm vị phác tiêu, bạch diêm. Chứng trùng thiệt, mộc thiệt ⁽¹⁾ thường hay lấy lọ nổi, mang tiêu, hoạt thạch tán nhỏ hòa với rượu mà súc, thì không sinh ra nóng, cái gọi là: Hàn đây không có nghĩa là làm cho giá lạnh, chỉ làm cho thường ấm hơn không đến nóng thôi, hễ ấm lạnh vừa phải thì làm gì có chứng trùng thiệt, chứng nga khẩu ⁽²⁾, cách trị nên cho uống trong thuốc tả tâm, thanh nhiệt, bên ngoài súc thuốc mát thì hai lưỡi chõng nhau có thể mất, mép trắng cũng có thể lui,

XVII - CHỨNG LỘNG THIẾT

(lưỡi thè ra rút vào)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Đây là tỳ tạng hơi nóng, đường kinh lạc của lưỡi hơi căng làm cho lưỡi thè ra rút vào luông, dù có uống nước được cũng là tỳ hư, tân dịch không đủ mà thôi, bằng sau cơn bệnh nặng mà lưỡi thè ra rút vào là nguy.

B- Phân biệt chứng trạng:

Thè ra dài mà rút vào chậm gọi là thư thiệt ⁽³⁾ mới thè ra thì rút vào ngay mà lưỡi khô, sưng, rít gọi là lộng thiệt, bằng trên lưỡi có rướm máu gọi là thiệt nục, đều là chứng hư nhiệt ở tâm tỳ vậy.

C- Xử phương:

Trị chứng này chờ quá dùng thuốc mát, nên dùng Tả hoàng tán (211) cho uống dần, bằng mặt vàng, da thịt gầy, ngũ tâm phiền nhiệt ⁽⁴⁾ dùng Hồi hoàng liên hoàn (43).

THANH VỊ TÁN

Trị chứng thư thiệt và lộng thiệt.

Phòng phòng

Chỉ xác

Hoàng cầm

Hoàng liên

Thiên hoa phấn

Trần bì

Hậu phác

Cam thảo

Thạch cao

Các vị sắc uống.

Một phương, trị lưỡi thè ra dài mấy tấc, lấy băng phiến tán nhỏ bôi vào.

(1) *Mộc thiệt*: thỉnh linh lưỡi sưng cứng như gỗ

(2) *Nga khẩu sọc*: đẹn, miệng có ghê đóng trắng như mép con ngỗng.

(3) *Thư thiệt*: lưỡi thè ra dài mà thụt vào chậm.

(4) *Ngũ tâm phiền nhiệt*: nóng ở dưới tim và 2 lòng bàn tay, 2 lòng bàn chân và chún thủy (âm hư)

XVIII - CHỨNG LỰU THIỆT

A- Phân biệt chứng trạng:

Trẻ mới sinh dưới lưỡi có một lớp màng như bột bạch lựu, liền với cuống lưỡi, làm cho trẻ khóc không ra tiếng.

B- Cách trị:

Nên kíp cạo cho chảy máu, lấy tóc đốt cháy ra tro mà rắc vào.

XIX - CHỨNG TRÙNG NGÂN TRÙNG NGẠC

(Chồng nướu chồng hàm)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Trùng ngân là mọc thêm một nướu nữa, trùng ngạc là trẻ con mới sinh trên hàm có vật mọc nhô lên như mụn nhọt treo (huyền ung) đây là tỳ vị nóng quá, khí huyết không thu liễm được rồi thai độc công lên mà thành bệnh, nên cấp tốc dùng kim dài quấn chỉ xung quanh, chừa đầu mũi mà lể chỗ sưng, như cách trị chứng trùng thiệt.

B- Xử phương:

THANH DỊCH TÁN

Trị chứng trùng thiệt kiêm trị chứng nga khẩu sang, chứng thùy ung (mụn ở lưỡi).

Long não 1 phân

Thanh đại

Phác tiêu mỗi vị 1 đồng.

Các vị tán nhỏ, hòa với mật, lấy lông ngỗng chấm mà phết chút ít lên trên chỗ đau
- Một phương có ngư hoàng.

ĐƠN ĐẠI TÁN

Trị chứng trùng thiệt kiêm trị trứng sưng lấp cổ họng.

Hoàng liên mỗi vị 1 đồng

Hoàng bá

Thanh đại

Nha tiêu mỗi vị 2 phân

Thân sa

Hùng hoàng

Ngưu hoàng mỗi vị 1 phân

Bàng sa

Phiến thảo 2 ly

Các vị tán nhỏ, trước dùng nước bạc hà lau miệng sạch rồi lấy thuốc bột chút ít mà phết vào.

THIÊN NAM TINH TÁN
Trị chổng nướu chổng hàm

Thiên nam tinh bỏ vỏ, rốn, nghiền thật nhỏ hòa với giấm bôi lòng bàn chân (nam tả nữ hữu) lấy giấy dày rịt chặt, hể khô thì tắm giấm vào cho ướt mà rịt lại.

TIÊU ĐỘC TÊ GLÁC ẨM

Trị nóng quá sinh chứng trùng thiệt, mộc thiệt và tất cả các chứng nhiệt độc.

<i>Ngưng bàng tử</i>	4 đồng, sao
<i>Kinh giới</i>	
<i>Cam thảo</i>	mỗi vị 1 đồng
<i>Hoàng cầm</i>	
<i>Phòng phong</i>	5 phân.
<i>Tên giác</i>	5 phân

Sắc uống.

Phần phụ

BÀN VỀ CÁC CHỨNG TRÙNG THIẾT VÀ NGÀ KHẤU

Trùng thiệt là dưới lưỡi sưng lồi lên giống như thêm một lưỡi nữa, ngà khẩu là khắp miệng đều trắng như trong miệng con ngỗng, tục gọi là "Tuyết khẩu". Trùng thiệt thuộc tâm, ngà khẩu thuộc tý mà sao chỉ nói tóm là tâm nhiệt? Vì tâm thì chủ quản tý, tý là con của tâm, tâm nhiệt thì truyền nhiệt đến tý nên tâm thể hiện bệnh ở miệng. Vậy, nếu không phải vì tâm nhiệt, thì miệng tuy trắng mà lưỡi vẫn đỏ, chứ sao mà lưỡi lại cũng trắng? Vì, lưỡi là cái mầm của tâm, tâm là quán hòa, thể chất nó vốn là nhiệt, hưởng hồ trê con thân thể thuần dương, trước đã thụ nhiệt ở bào thai, còn cảm nhiệt ở trong, lại mẹ quá nung niu, chỉ sợ con lạnh mà mặc thêm nhiều áo, đấy cũng là do mẹ làm cho con sinh mệnh. Người xưa có nói: "*Muốn cho con bình thường thì nên tập cho nó đói rét rét đói chút, vì đói không đến hại tý, mà rét cũng không đến hại huyết*".

XX - CHỨNG MỘC THIẾT

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh.

Nhân vì tạng phủ tắc nghẽn, tâm tý tích nhiệt, hơi nóng bốc lên mà sinh ra sưng lưỡi to lấp đầy cả miệng, nếu không sớm trị thì có thể hại người. Lại cũng không nên lấy tay đè, đè thì cuống lưỡi bị hại, khi lớn lên sẽ nói tiếng không đúng. Nếu kêu khóc không ra tiếng mặt biến sắc luôn mà kinh sợ đau đớn là bất trị, nên dùng Dương quy liên kiều thang, Thiên kim phương (Hai phương này xem trong mục trùng thiệt).

XXI- CHỨNG MÃ NHA

A- Phân biệt chứng tạng.

Mọc mụt trắng ở chân răng và khắp trong miệng, gọi là chứng mã nha, chứng này ăn không được, khác với chứng nga khẩu, cũng gọi là "khẩu mé thất tinh sang".

B- Cách trị.

Nếu hăm một chút là không thể cứu, kịp lấy kim mà chích lỗ, nặn ra máu, dùng mực tàu mài với nước bạc hà, lấy tóc mượt của người mẹ quấn ngón tay chấm mực xáp khắp trong miệng chớ cho bú, để trẻ ngủ một giấc thức dậy hãy cho bú, rồi xát lần nữa thì khỏi.

C- Xử phương.

Như có chứng đi lỏng, tỳ yếu không thể tiếp nạp, âm hỏa ở hạ tiêu lấn lên sinh ra ở miệng, rất kỵ thuốc mát, nên dùng Lục quân tử thang (131) Lý trung thang (xem mục mạn kinh), như tích nhiệt ở tim phổi và dạ dày thì nên thanh hỏa, dùng Đại liên kiều ẩm (xem mục phỉ nhĩ), Ngũ phúc hóa độc đơn (100).

XXII - CHỨNG NGA KHẨU SANG (ĐẸN)

A- Phân biệt chứng trạng.

Chứng nga khẩu là thai nhiệt chưa động ở tâu tỳ, bốc lên miệng lưỡi, mọc những lớp trắng quanh miệng giống như mồm con ngỗng.

B- Xử phương.

NAM KIM TÁN

Trị chứng nga khẩu sang.

Hùng hoàng	3 đồng
Bằng sa (Hàn the)	1 đồng
Long não	chút ít
Cam thảo	5 phân

Tán nhỏ, đem xát vào chỗ đau hoặc hòa với dầu mà xức.

Một phương lấy tóc quấn đầu ngón tay chấm nước cốt bạc hà xát cho sạch, như không tróc thì dùng.

BẢO MỆNH TÁN

Khô phàn	mỗi vị 1 đồng
Chu sa	
Mã nha tiêu	5 đồng

Tán nhỏ mỗi lần dùng 1 đồng tiền cắt ngỗng quấy lấy nước trộn đều mà xúc trên lưỡi trong hàm và trong má.

XXIII - CHỨNG LỞ MIỆNG

(Cùng nghiên cứu với mục môi miệng ở sau)

A- Cách trị và sử phương:

Đây là do tích nhiệt ở tâm trạng mà gây nên, lấy giấm hòa với bột *nam tinh* dán ở 2 lòng bàn chân và cho bà vú nuôi uống thuốc mát tim như Tẩy tâm tán (45). Bệnh nhẹ thì dùng *hoàng liên* hoặc *chè đầu xuân* (tế trà) tán nhỏ, thêm chút ít *cam thảo* và *mật* trộn đều bôi vào, bệnh nặng lắm thì dùng *hoàng bá*, *thanh đại*, *phiến thảo* tán nhỏ hòa với nước măng tre, hoặc sắc thang Bảo mạng tán (xem trên) cho uống, bỏ bột vị *cứt ngỗng* cũng hay.

Như lở loét khắp miệng, dùng *hoàng bá*, *tế tân*, *thanh diêm* tán nhỏ mà ngâm, nhổ ra nước dãi 3 ngày thì khỏi, người lớn dùng cũng được.

Như miệng lở không thể bú sữa, lấy 2 hạt ba đậu, cho *hoàng đơn*, *chu sa*, *thổ sa* chút ít, cũng giá nát, cắt tọc ở mô ác trẻ mà dán vào, như xung quanh có nổi bong bóng như hạt thóc thì dùng nước nóng mà rửa, sợ sinh lở thì dùng xương bồ nấu lấy nước rửa nó sẽ khỏi:

HẮC SÂM HOÀNG, TRỊ Ở MIỆNG LƯỚI.

Huyền sâm

Thiên môn

Mạch môn

Đều nhau, tán nhỏ viên với mật, lấy bông bọc lại mà ngâm chắp ra nước nuốt dần.

XXIV - MỤN Ở LƯỚI ⁽¹⁾ (THÙY UNG)

A- Phân biệt chứng trạng:

Mọc mụn ở trên lưỡi (thùy ung), mọc mụn ở vòm hàm trên (Huyền ung) giống như bẹ lau đựng nước (hạt nước đọng trên tàu lau).

B- Xử phương:

Cách trị nên để cho ra hết máu xanh, vàng, đỏ, lấy nước muối rửa sạch, rồi lấy mật hòa với chút ít thuốc Nhất tự tán (46) để xúc vào, mọc nữa thì để nữa cũng được.

(1) - Trẻ con mới sinh 6, 7 ngày sau, có mọc mụn ở lưỡi.

XXV - NHỮNG NƯỚC DẼI

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chất dịch của tỳ hóa ra nước dãi, vì tỳ vị hư hàn không thể tiếp thu cho nên nước dãi nhiều đỏ mép. Sách Nội kinh chép: Lưỡi thè xuống nhiều nước dãi, đều thuộc về nhiệt, nên khám cả mạch tượng cho rõ ràng lại còn như luôn luôn nhiều nước dãi là do tiên thiên bẩm thụ thận thì không đủ nên thận không thể thu rút tinh ba mà nhiều nước dãi.

B- Cách trị:

Tỳ lạnh thì nên làm cho tỳ ấm và thu rút được làm chủ yếu; thận hư thì nên bổ thận, dùng Địa hoàng hoàn (186).

C- Xử phương:

Như nước dãi nóng mà dính đặc do hỏa ở dạ dày bốc lên, nên dùng Thông tâm ẩm (199), hoặc Tả hoàng ẩm (47) để gia giảm mà dùng, như nước dãi lạnh tự nhiều xuống tức là vị hư không thể thu rút được, nên dùng Mộc hương bán hạ hoàn (48).

ÔN TỶ ĐỒN

Trị tỳ lạnh ở mép do huyết Liêm tuyền không thể thu rút mà gây bệnh.

Dinh hương

Mộc hương

(mỗi vị 1 lạng)

Bán hạ

1 lạng

(Chế bán hạ 1 lạng thì dùng 6 lạng gừng sống giã nhỏ cùng sao cho vàng rồi bỏ gừng lấy Bán hạ)

Vỏ quít xanh

Bạch truật

mỗi vị 5 đồng

Can khương sao

Tán nhỏ, khuấy hồ bột mì luyện viên, uống với nước cơm.

Một phương có thêm vị *nhân sâm*, *nhục đậu khấu*, *cam thảo*.

Một phương nữa thì thêm vị *ích trí nhân*.

THANH TỶ ẨM

Trị tỳ tạng tích nhiệt mà huyết Liêm tuyền dưới lưỡi không thể thu rút mà nhiều nước dãi.

Nhân sâm

4 phân

Hoàng liên

4 phân

Phục linh

8 phân

Hoài sơn

6 phân (hấp trên nồi cơm đến chín, đem sao vàng)

Gạo sao vàng

1 đồng

Thạch斛

5 phân

Thạch cao

1 đồng

Bán hạ

4 phân

Thêm 7 hạt sen, 7 cọng tim bắc, sắc uống xa bữa cơm.

XXVI - CHỨNG NÃO LẠNH, NÃO NÓNG

A- Phân biệt chứng trạng:

Có chứng nước trong óc chảy qua lỗ mũi mà ra (không phải là nước mũi), lâu ngày không khỏi, hơi thở rất khở sở, đó là não lạnh, còn như xương ốt ở não đau, mắt nhắm không mở được hoặc đau ở huyết thái dương, chau mày kêu khóc, sưng đỏ hai mắt, đây là não nhiệt.

B- Cách trị:

Não do tủy, tủy do tinh nên chi bệnh ở trên mà trị ở dưới. Não lạnh thì nên ôn bổ tinh huyết; não nhiệt thì nên thanh đầu mắt, mát gan mật, nên nói rằng: Hàn thì phải ôn, ôn tức là bổ, nhiệt thì phải lương, lương tức là tả.

C- Xử phương:

THẦN TIÊN NHẤT HOÀNG TÁN

Trị trẻ con não lạnh

Lưu hoàng

Bạch chỉ

Hoàng đơn sao

Các vị đều nhau, tán nhỏ dùng chút ít thổi vào lỗ mũi chừng 10 lần thì thôi.

THẤU DÍNH TÁN

Trị trẻ con não nhiệt

tán bột

Bạc hà

Xuyên khung

tán bột

Phác tiêu

Đều nhau, nghiền đều dùng chút ít thổi vào lỗ mũi.

XXVII - BIẾN CHỨNG

(Có phụ thêm lời bàn về đi đứng nằm ngồi ở Linh - Khu)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Biến là biến sinh ngũ tạng, *chung* là ung đúc nuôi dưỡng lục phủ, cho nên biến thì hơi bốc lên, chung thì nóng cả mình. Chỉ vì trẻ con mới sinh hình thể tuy đủ mà khí huyết tạng phủ còn chưa hoàn chỉnh, tinh thần hồn phách ý chí cũng chưa đầy đủ, cho nên 32 ngày một lần biến, 64 ngày một lần chung.

Hễ một lần biến là biết được tính tình có thay đổi hơn trước, 32 ngày một lần biến vì tương ứng với người có 32 cái răng, trong người có 365 đốt xương trừ 45 đốt ở tay và chân ra thì chỉ còn 320 đốt, sinh một ngày chủ về 10 đốt, 10 ngày 100 đốt, 32 ngày 320 đốt là một lần biến, phần hơi thừa của xương từ não vào nướu mà mọc răng, cho nên lấy 32 cái răng tương ứng với chu kỳ 32 ngày là một lần biến, 64 ngày (2 lần biến) là một lần chung.

Biến lần đầu sinh Quý thủy, biến lần thứ hai tức chung lần thứ nhất sinh Nhâm thủy, biến lần 3, sinh Đinh hỏa, biến lần 4 tức chung lần 2 sinh Bính hỏa biến lần 5 sinh Ất mộc, biến lần 6 tức chung lần 3 sinh Giáp mộc, biến lần 7 sinh Tân kim, biến lần 8 tức chung lần 4 sinh Canh kim, biến lần 9 sinh Kỷ thổ, biến lần 10 tức chung lần 5 sinh Mậu thổ, đây là theo cái lý "Trời 1 sinh thủy, đất 2 sinh hỏa, trời 3 sinh mộc, đất 4 sinh kim, trời 5 sinh thổ từ dưới lên trên" vậy.

Lại lấy cái nghĩa về "Phương đông thuộc Giáp Ất hành mộc là đầu tiên, biến lần đầu là can, lần 2 là dõm, lần 3 tâm, lần 1 tiểu trường, lần 5 tỳ, lần 6 vy, lần 7 phế, lần 8 đại trường, lần 9 thận, lần 10 bàng quang đây là ý nghĩa mẹ con sinh với nhau, kế thừa với nhau, còn như 2 kinh tâm bào lạc và tam tiêu đều là vật vô hình, cho nên không có biến.

Lại như sách Tố Vấn cho mùa xuân tương ứng với hành mộc, lấy can tạng làm đầu thì biến lần đầu là can, lần 2 là phế, 3 tâm 4 tỳ và 5 thận, đây là ý nghĩa vợ chồng tương khác với nhau cho nên phải xử lý với nhau, đại để là ý nghĩa ngũ hành tương sinh là thuận.

Tính 320 ngày thì đủ 10 lần biến, 5 lần chung, lại có 3 chu kỳ chung lớn, mỗi chu kỳ là 64 ngày (theo số trước) là 192 ngày thì đủ 3 kỳ chung lớn, cộng với chu kỳ biến chung trước là 512 ngày mới hết, 10 lần biến 5 lần chung trước ấy đủ ứng với số trời đất để sinh thành, rồi sinh ra ý chí hay nói năng, biết mừng giận, cho nên mới được toàn vẹn. Sau 1 lần chung lớn đủ thì kinh mạch tay chân bèn trưởng thành, nên tay nhờ huyết mà biết cầm nắm, chân nhờ huyết mà biết đi đứng được, đủ hai lần chung lớn thì nói năng ý chí có khác hơn trước, đủ ba lần chung lớn thì có thể học, nói, đứng chững, bò men, ăn được, huyết mạch gân cốt đều khỏe. (Theo sách Cẩm nang: sau 3 kỳ chung lớn lại thêm 1 kỳ chung 64 ngày, cộng thành 576 ngày, biến chung mới đủ.

B- Phân biệt chứng tạng:

Người bẩm thụ khỏe thì mặc nhiên phối hợp mà không thể biện chứng trạng bên ngoài, người bẩm thụ yếu thì khi có biến chứng, nhẹ cũng phát sốt, rịn mồ hôi, giống như động kinh, năm ngày thì khỏi; nặng thì nóng lắm, mạch loạn, nhanh, hoặc mưa, hoặc đổ mồ hôi, hoặc tui khốc, khô khan khát nước, 7,8 ngày mới khỏi. Chứng hiện ra: giữa môi trên có một đốm trắng là chính nó vậy, (đốm trắng hình như mắt con cá).

Lúc sau 32 ngày tạng thận khí sinh, chủ mình nóng mà dái tai lạnh, môi nổi bóng trắng.

64 ngày bàng quang khí sinh, chủ nóng rét cùng phát mà thường nhảy mũi, ọc sữa, hay giận, môi trên hơi sưng.

96 ngày thì tâm khí sinh, chủ thể nhiệt, đổ mồ hôi, e sợ, hư kinh,

128 ngày tiểu trường khí sinh chủ nóng khắp thân người,
 160 ngày can khí sinh chủ thành xương bàn tay, vững mạnh biết bò, can tàng chứa
 hồn phách mà hay cười,
 192 ngày khí ở đờm khi sinh, chủ tâm thần mờ mịt mắt nhắm không mở mà trông
 con mắt đỏ.
 224 ngày phế khí sinh, chủ tính tứ buồn rầu mà hay khóc,
 256 ngày đại trường khí sinh, chủ thông lợi, sôi ruột, da nóng mà đổ mồ hôi.
 288 ngày tỳ khí sinh, chủ mình nóng, ỉa mửa,
 320 ngày vị khí sinh, chủ về không ăn, đau bụng, ọc sữa, rịn mồ hôi.

Trên đây, gồm 320 ngày là đủ số 10 lần biến 5 lần chung, lại sau 192 ngày sinh 3
 lần chung lớn, chủ về môi miệng khô táo ho hen suyễn thở, buồn loạn nghẹn hơi, đau
 bụng, mình mẩy khớp xương đều đau hoặc mất đứng trông, nhiều kinh sợ hãi hớp.

Dại để chứng hậu biến chung là: trong trắng hơi đỏ, nhẹ thời mình nóng có mồ hôi
 mà hơi kinh và lạnh trái lại; nặng thì nóng lấm hoặc đổ mồ hôi hoặc không ra mồ hôi,
 mạch loạn, không ăn được mà ụa ói; như mình và dái tai đều nóng thì tại kiềm có chứng
 khác nữa.

Biến kiềm chung thì môi trên hơi sưng giống như con tằm nằm, mình mẩy nóng
 lấm đầu trán và thóp nóng hoặc là thoát nóng thoát mát, môi miệng, mũi khô, nghẹt hơi,
 ụa ngược, mà mạch nhảy loạn, đổ mồ hôi hoặc không có, không ăn, thường kinh giật,
 khóc nhiều, ọc sữa, nhược bằng không có cơn kinh không phát sốt và không các chứng
 khác là vì bầm thụ khỏe mà mặc nhiên biến thôi.

C- Cách trị:

Phàm thấy trẻ có mầm mống phát bệnh, nên xét qua chu kỳ biến chung lúc ấy mà
 cho uống nhằm những thuốc men, thì sinh khí của ký chung để mà lớn bị mất hết, nên
 có bệnh trong kỳ biến 7 ngày, chỉ năng hà hơi vào mớ ác bé đừng cho uống thuốc bậy bạ,
 như nóng mà không đổ mồ hôi thì cho ra chút mồ hôi, nếu ụa mửa thì nên cầm vừa thôi,
 đừng trị tam bậy.

D- Xứ phương:

Trị trẻ con biến chung phát nóng ho hen kéo đờm nghẹt mũi tiếng nặng nên dùng:

TINH TINH TÁN

Nhân sâm

Bạch thược

Bạch truật

Hoa phấn

Phục linh

mỗi vị 5 đồng

Cát cánh

Chích thảo

Tế tân

1 đồng rưỡi

Tán giập, mỗi lần uống 2 đồng, thang với 1 lát gừng, 1 lá bạc hà cùng sắc chung
 mà uống.

Phàm trị chung này, bình thường thì giải biểu chút ít, thực nhiệt thì không lợi một

cách nhẹ là dùng Tử sương hoàn (94) Hắc tử tán (50) Sái hồ tán (51) có lạnh không nóng lại kiêm thổ tả, không bú, khóc nhiều nên dùng bài Dương quy tán (52) Điều khí tâu (53).

Cảnh - Nhạc có nói: Khi thai nhi đủ tháng lọt lòng mẹ, tuy khí chất chưa vững chắc nhưng tạng phủ đều là đầy đủ, các xương đều có, một hơi thở cũng không ngừng há có lẽ 32 ngày 1 cơn biến ru! Theo sự trông thấy và sự chữa bệnh của tôi phạm khi khó ở không phải vì ngoại cảm thì tất do nội thương chưa từng nghe không có nguyên nhân gì mà sinh bệnh được, như là chứng hậu của biến chứng thì không nên trị bậy, chỉ nên dùng:

BÌNH HÒA ẤM TỬ

<i>Phục linh</i>	1 đồng rưỡi	<i>Nhân sâm</i>	
<i>Thăng ma</i>	2 phân	<i>Cam thảo</i>	đều 5 phân

Nếu bẩm thụ yếu thì thêm vị bạch truật 1 đồng, sắc uống.
Nếu là mùa không bú được, hay khóc thì dùng:

HÒA KHÍ TÁN

<i>Mộc hương</i>	<i>Trần bì</i>
<i>Hương phụ</i>	<i>Hoắc hương</i>
<i>Hậu phúc</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Nhân sâm</i>	

Các vị đều nhau thêm gừng và táo sắc uống.

Tích sữa thì dùng Tử sương hoàn (94) Chứng đàm nhiệt dùng Tĩnh tình tán (96).
Nóng ẩm ỉ trong xương, buồn bực, kêu khóc nên dùng:

SÀI HỒ ẤM

Sài Hồ	
<i>Nhân sâm</i>	mỗi vị 2 đồng
<i>Mạch môn</i>	
<i>Chích thảo</i>	
<i>Long đóm thảo</i>	
<i>Phòng phong</i>	mỗi vị 1 phân

Sắc uống, không có rét không nóng, thì uống được.

DƯƠNG QUY THANG

<i>Dương quy</i>	4 phân
<i>Mộc hương</i>	
<i>Quế cay</i>	
<i>Nhân sâm</i>	mỗi vị 2 phân
<i>Cam thảo</i>	

Thêm ngừng táo sắc uống.

Nóng quá thì dùng Tử dương hắc tán (54) bị tích mà nóng rét giống như sốt rét thì dùng Lê tương ẩm (xem môn phát nhiệt).

Phần phụ

BÀN VỀ ĐI ĐÚNG NĂM NGỒI

Sách Linh-Khu chép: Người sinh ra 10 tuổi thì ngũ tạng đã ổn định, huyết khí đã thông, khí ở vùng dưới nên ham chạy.

20 tuổi thì huyết khí mới thịnh, cơ nhục mới trưởng thành, nên ưa đi nhanh.

30 tuổi thì ngũ tạng cả định da thịt rắn chắc huyết mạch đầy đủ nên ham đi bộ.

40 tuổi ngũ tạng lục phủ 12 kinh mạch đều cả thịnh đã bình định, lỗ chân lông bắt đầu thưa hở, vẻ đẹp kém sút, tóc bạc hoa râu, nhưng bình yên không lay động, nên ham ngồi.

50 tuổi thì can khí bắt đầu suy, lá gan bắt đầu mỏng, nước mắt bắt đầu lưng, mắt bắt đầu kém.

60 tuổi tâm khí bắt đầu suy, hay lo buồn, huyết khí uế oải, cho nên ham nằm.

70 tuổi tỳ khí kém, da dễ khô.

80 tuổi phế khí suy, khí phách rời cho nên nói hay nhầm lẫn.

90 tuổi thận khí khô, kinh mạch của 4 tạng kia cũng trống rỗng.

100 tuổi ngũ tạng đều như hồng thần khí đều hết, hình hài trơ trọi mà chết.

XXVIII - HỖ MỎ ÁC

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chứng hờ mỏ ác là mỏ ác trên đầu hờ không khít lại được, sách chép "mẹ yếu thì con gầy ốm, cha yếu thì con hờ mỏ ác đây là do bẩm thụ yếu, tiên thiên tức nguồn gốc thận kém quá, thận chủ cốt tủy, thận kém thì não khí thiếu, nên mỏ ác hờ ra. Người mà không não tủy ví như cây không rễ, bất quá ngàn ngày (3 tuổi) là thành phế nhân.

B- Phân biệt chứng trạng:

Có người cho rằng: tinh khí của người cha kém thì con hờ mỏ ác, mắt nhiều trông trắng, máu của người mẹ hư nhiệt quá thì con hay buồn mà ít vui, mắt nhiều trông trắng, sắc mặt trắng bệnh nếu mà phát bệnh là rất nguy; cũng có người có mang 5 tháng bỗng bị mưa to gió lớn sấm sét mà kinh động đến thai, rồi gây ra con hờ mỏ ác.

C- Xử phương:

Nên uống cho nhiều Địa hoàng hoàn (186) bên ngoài dùng Nam tinh, Bạch liễm tán nhỏ, trộn với giấm, trét trên vải lụa mà dán, hoặc lấy xương đầu lừ đốt ra tro hòa

với dầu mà bôi vào chỗ hở, bên ngoài băng vải để cho, Cha mẹ nó nên buống bài Thận khí hoàn (101) bài Hổ tiềm hoàn (56) cho tinh huyết đầy đủ thì sau đẻ con cái sẽ không có chứng này.

ĐIỀU NGUYÊN TÁN

Trị chứng do bẩm thụ yếu hờ mỗ ác, cơ nhục gầy mòn, chậm biết nói, chậm mọc răng, chậm biết đi, v.v...

Hoài sơn

Nhân sâm

Phục linh

Phục thần

Bạch truật

mỗi vị 5 phân

Bạch thược

Dương quy

Hoàng kỳ

Thục địa

Xuyên khung

Cam thảo

mỗi vị 3 phân

Thạch xương bồ

4 phân

Thêm gừng táo, sắc uống.

NHÂN SÂM ĐỊA HOÀNG HOÀN

Trị chứng thận khí kém, thận chủ xương tủy, mà não là cái bể chứa tủy, thận khí kém nên mỗ ác mới hờ.

Nhân sâm

2 đồng

Thục địa

4 đồng

Lộc nhung

Hoài sơn

Phục linh

mỗi vị 3 đồng

Mẫu đơn

Sơn thù

Tán nhỏ luyện mật viên bằng hạt củ sừng, nước sâm làm thang hòa với thuốc cho đều mà uống xa bữa ăn.

THUỐC CỦA HỌ TRẠNG

(Trị hờ mỗ ác)

Sơn nhân trần

Xa tiền tử

mỗi vị 5 đồng

Bách hợp

Tán nhỏ hòa với sữa bò hóng (tức giống bò đen) bôi ở lòng bàn chân và chỗ hờ, lấy lụa trắng rịt chặt, 3 ngày một lần thay.

Các phương khác

Xương dầu lùa, bất kỳ nhiều ít...

Dốt cháy nghiền nhỏ hòa dầu mè mà xúc chỗ hờ.

Xương dầu chó, nướng vàng...

Tán nhỏ hòa với tròng trắng trứng gà mà xúc.

XXIX - SƯNG MỎ ÁC

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Tỳ chủ về cơ nhục, bằng bú mớm không chừng, đói no vô độ hoặc lạnh lặn vào tỳ tạng gây nên tạng phủ không điều hòa, hơi bốc lên mà sinh sung mủ ác.

B- Phân biệt chứng trạng:

Chứng hậu là mủ ác sưng cao lên như vật chất đồng, lông tóc ngắn, vàng, nóng ẩm ở trong xương, tự đổ mồ hôi. Lại có phong nhiệt hại can mủ bị uất muốn thông mà sinh ra sung mủ ác. Lại có vì phế nhiệt sinh phong, phế phủ lông da, cũng sinh ra sung mủ ác, lông khô quéo. Cũng có do thụ nhiệt từ trong thai mà sinh ra. Cũng có vì nguyên nhân khách quan bên ngoài như đắp ủ quá ấm, dương khí không thoát được ra ngoài, cũng sinh ra sung đỏ. Hễ khí lạnh bốc lên mà sinh thũng thì mủ ác cứng rắn bền chặt, khí nóng bốc lên mà sinh thũng thì mủ ác mềm nhũn sắc đỏ.

C- Xử phương:

Cách trị là: Lạnh thì làm cho ấm, nóng thì làm cho mát, bên ngoài thì dùng "Phong tín tán (67) là được rồi, như cam thịnh mà phong nhiệt cùng công phá rồi, mủ ác lồi lên thì dùng Tả thanh hoàn (93).

TOÀN SINH THANG

(Trị cảm nhiệt mủ ác bằng nhiên sừng)

Thiên ma

Thiên thoái

Phòng phong

mỗi vị 5 phân

Khuong hoạt

Viễn chí

Cam thảo

1 phân

Xuyên khung

Cát cánh

đều 5 phân

Ngưu bàng

Thâm tim bắc sắc uống.

XXX - HƯNG MỎ ÁC

A- Phân biệt chứng trạng:

Hưng mỏ ác là có cháu vì tình cha huyết mẹ hư suy, nguyên khí bẩm thu không đủ cho nên hình dung gầy khô, âm dương suy kém hai mặt không lúc nào ấm và mạnh nên mỏ ác hững xuống. Có cháu thì tạng phủ bị nhiệt, miệng khát, uống nước nhiều sinh ra tả lỵ lâu ngày thì khí huyết hư nhược, không thể bồi đắp lên cho tủy não được, cho nên mỏ ác hững như cái hang, đấy là tỳ vị hư yếu đến cực điểm. Có cháu vì tính nhiệt không giải trừ, dẫn đến mình gầy, tóc rụng, chân tay co rút, da khô, gổisưng (hạc tất) hết máu, suy gân mà sinh ra hững mỏ ác.

B- Cách trị:

Tỳ vị hư lảm, mà hững mỏ ác như cái hang nên kíp bồi bổ nguyên khí, bằng mỏ ác và xương gáy đều hững cả thì trăm bệnh khó chữa được một. Vì xương gáy lõm còn nặng hơn là hững mỏ ác, chẳng phải riêng cho trẻ con đâu, phạm sau lỗ tai, vuông vức 1 tấc là thuộc về thuận, mà hững xuống là nguyên khí của thận đã hỏng rồi, nên đều theo chứng mà điều trị

C- Xử phương:

ANH NINH THANG

Trị sau cơn thổ tả, cảm hàn mà hững mỏ ác

<i>Nhân sâm</i>	5 phân
<i>Phụ tử</i>	3 phân
<i>Mộc thông</i>	
<i>Phục linh</i>	mỗi vị 7 phân
<i>Thăng ma (lùi)</i>	3 phân
<i>Xuyên khung</i>	
<i>Táo nhân</i>	mỗi vị 4 phân
<i>Chích thảo</i>	1 phân

Thêm gừng sắc uống.

CAO Ô PHỤ

(Trị hững mỏ ác)

<i>Miên xuyên ô</i>	(dùng sống)
<i>Hùng hoàng</i>	2 đồng
<i>Phụ tử</i>	dùng sống 2 đồng

Các vị tán nhỏ, dùng hành trắng cả rễ và lá, giã nát lộn với thuốc bột mà dán lên trên mỏ ác lúc bụng đói.

Lại một phương:

Lấy xương đầu chó vàng đốt cháy tán nhỏ hòa với lòng trắng trứng gà mà xức.

XXXI - OẠT XƯƠNG CỔ

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Gọi xương cổ là xương Thiên trụ vì cho đầu ví như "Trời", là ngôi nguyên thủ, chịu trách nhiệm nặng của trời nên nói rằng Thiên trụ, Thiên trụ tức là xương chông lên mà gân bó lại, can thận đều thuộc ở đó, các phần dương đều thông qua đó, nên nó là một bộ vị quan trọng bậc nhất, mà đến oạt xương cổ thì triệu chứng đã nguy, há là việc nhỏ sao!

B- Phân biệt chứng trạng:

Có những trẻ con vóc béo, dáng khỏe, không phải khô gầy, ai ngờ hình vóc quá béo thì nguyên khí càng yếu, đây là thịnh bên ngoài mà suy bên trong bỗng nhiên cổ mềm oạt nghiêng xuống nên đều do can thận khí hư, tà khí bên ngoài xâm nhập vào huyết phong phủ, chuyển vào gân cốt, gân thuộc về can, cốt thuộc về thận, can thận đã hư, gân cốt đều yếu, cổ đứng không nổi cho nên nó oạt. Tóm lại, đây là các chứng do nguyên dương đại bại, mà có 3 nguyên nhân:

1) Do thô tả lâu ngày mà nguyên dương suy sút;

2) Do tạng can bị phục nhiệt.

3) Do thương hàn mà bế tắc và nóng lắm. Gân nóng thì xuôi lơ mà không sảng, đại để năm chứng mềm (ngũ nhuyễn), 5 chứng cứng (ngũ ngạnh) phần nhiều là do tiên thiên, mà oạt xương cổ thì gốc bởi tiên thiên mà bệnh biến sinh ra ở hậu thiên vậy.

C- Cách trị:

Bệnh này rất là khó điều trị, phải tùy chứng mà chữa. Do thô tả là chứng nguyên dương hư nguy nên kịp bổ vị khí để vãn cứu. Do phục nhiệt thì nên uống thuốc nhẹ mát gan. Do thương hàn mà trị nhầm không phát tán, phong tà nhập vào can, làm cho gân xuôi, hoặc là can dorm bị phục nhiệt gân mạch xuôi lơ, còn có thể sơ phong thanh nhiệt, vẫn tư nhuận can thận làm chủ; căn bản ở can thận không lay chuyển thì gân cốt có sức mà có thể khỏi được bệnh.

D- Xử phương:

SINH CAN TÁN

Trị gân mềm không sức, oạt xương cổ.

Mộc biếc tử

6 hạt (hột gấc)

Tỳ ma tử

60 hạt (hột thầu đầu)

Đều bỏ vỏ, nghiền nhỏ trước nâng đầu dậy, chà xát trên xoay thượng cho nóng rồi hòa thuốc bột với nước miếng mà bôi vào.

MỘT PHƯƠNG THUỐC LẤN CHỮA CỔ MỀM

Phụ tử bỏ da, rốn 2 đồng

Thiên nam tinh bỏ rốn 2 đồng.

Tán nhỏ, hòa với nước cốt gừng cho sền sệt, dán vào chỗ đau.

NGŨ GIA BÌ TÁN

Trị cổ mềm, chậm biết đi

Ngũ gia bì

Tán nhỏ, hòa với rượu đem bôi trên xoáy thượng lại hòa liều khác với rượu mà uống.

HỔ CỐT HOÀN

Cũng trị chân mềm yếu (xem môn chậm biết đi).

XXXII - DÔ NGỰC

A- Nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chứng dô ngực phần nhiều do người đàn bà khi có thay hay ăn đồ chiên xào cay nóng ngấm ngấm trong nội tạng mà sinh bệnh, hoặc mùa hè rạo rực sữa nóng, cho con bú sữa cũ. Vì phế khí rất trong, nó là cái dù để che các tạng khác, hễ thủy khí đầy tràn thì phổi sẽ bị nổi lên, lâu ngày đàm trệ thì sinh phong nhiệt, mà chạm phải mùi cay thì phế khí sẽ rối loạn.

B- Phân biệt chứng trạng:

Bệnh này do phế kinh bị nhiệt, cử động thì đoản hơi. Hễ gặp phải phong hàn, ăn nhiều thì phát ho có đàm, hơi thở gấp, hồng hển, thân thể gầy mòn, môi đỏ, mặt đỏ, tháo dạ, nóng hằm, do đấy mà thành chứng cam, do chứng cam mà sinh ra dô ngực, thời ngực nhô cao lên hình như bàn tay úp; Nếu như sau khi uống thuốc lại biến ra chứng khác, mắt ngó trực thị, đờm sôi chận nghẹt, hoặc phát co giật là khó trị.

C- Xử phương:

Lâu mà không chữa được, sẽ thành chứng "cam lao" nên dùng "*Bách hợp đơn*" mà chữa:

<i>Dại hoàng</i>	3 phân
<i>Thiên môn</i>	
<i>Hạnh phân</i>	
<i>Bách hợp</i>	
<i>Mộc thông</i>	mỗi vị 6 phân
<i>Tang bạch bì</i>	
<i>Dinh lịch</i>	
<i>Thạch cao</i>	

Tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 50 viên, uống với nước chín, sau bữa ăn lúc đi ngủ.

XXXIII - GÙ LƯNG

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chứng gù lưng phần nhiều vì chưa được nửa năm đã sớm bắt ép trẻ ngồi, không bảo vệ xương sống cho trẻ để cho gờ dọc thối thấu tận xương tủy, lạnh thì thể chất bảo đi nên truyền thành chứng này.

B- Phân biệt chứng trạng:

Ngũ tạng đều quan hệ với lưng, phạm ngũ tạng chịu đựng quá sức thì thành 5 chứng can lâu ngày thì sên lải ăn vào tủy, xương sống lưng tựa như gãy, mà gù cao như mu con rùa. Sách chép rằng: *má sưng đau vẫn còn mạnh, xương sống gù sức đã suy, thận không sinh khí xương không cứng cáp*, cho nên nó là ác chứng.

C- Xử phương:

Trị bệnh này nên cứu huyết phế du, huyết cách du, đốt 5, 3 mỗi ngài cứu bằng hạt thóc, thì kiến hiệu. Trong uống.

TÔNG DIỆP ĐƠN

Tùng hoa (hoa thông)

Chỉ xác

mỗi vị 1 lạng

Phòng phong

Độc hoạt

Ma hoàng

Tiền hồ

Đại hoàng

mỗi vị 5 phân

Quế tâm

Tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt bắp, mỗi lần uống từ 10 đến 20 viên với nước cháo, liệu trẻ lớn nhỏ mà thêm hay bớt để cho uống, ngoài lấy nước đá rửa qua (đen) nhỏ vào kẽ khớp xương sống, rất hay. (?)

XXXIV - NĂM CHỨNG MỀM (Ngũ nhuyển)

Sách thuốc có 5 chứng lạnh, 5 chứng co, 5 chứng uốn ván, 5 chứng căng, 5 húng lổm, 5 chứng sưng, 5 chứng mù, tóm lại đều là bệnh nặng (ác hậu) cả, nhưng cũng không ngoài phạm vi mây chứng *chậm, mềm và cứng* nên lược bớt đi.

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Năm chứng mềm là do thai yếu đuối. Có cháu vì tính cha huyết mẹ suy kém mà sinh ra. Có cháu vì huyết người mẹ đã lạnh cố dùng thuốc bổ vào mà có thai. Có cháu vì khi thụ thai, người mẹ bệnh nhiều đàm, hoặc nhiều tuổi mà có con, hoặc sinh thiếu tháng, hoặc uống thuốc phá thai, thai không phá mà chân khí bị hại cho nên sinh con ra yếu

đuối, không chịu đựng được nóng lạnh, chứ ít hay bị khí lục dâm xâm phạm, mà làm cho đầu cổ mềm, tay chân mềm, mình mềm, miệng mềm và da thịt mềm gọi là 5 chứng mềm (ngũ nhuyễn).

B- Phân biệt chứng trạng:

Dầu cổ mềm là đầu không thể ngay được, cổ oặt nghiêng, vì can chủ gân, thận chủ xương, can thận hư mà sinh bệnh. Có bệnh vì thổ tả lâu ngày mà yếu, có bệnh vì bị thương hàn không kịp phát tán, có bệnh vì can đởm phục nhiệt, mặt đỏ, môi đỏ, da nóng v.v...

Tay chân mềm là tứ chi không có sức mà tay buông xuôi, nhác ằm nắm vật gì, chân mềm nhỏ xíu, 4,5 tuổi mà không đi được. Hai bệnh trên đây là can yếu gân rút mà tay không thư thái, xương tủy không đầy, khí huyết thiếu thốn, mà chân không đi được.

Còn mình mềm là vì dương hư tùy kém yếu, khí lục dâm dễ xâm vào, khắp mình đều gầy yếu.

Miệng mềm là lưỡi thè ra khỏi miệng vì lúc trong thai bồng có kinh sợ xâm vào bào lạc làm cho lưỡi không mạnh.

Da thịt mềm là thịt ít da nhão nhệch, da thịt không phát triển, ăn uống không bỏ gì cho da dẻ.

C- Cách trị

Trẻ con vì bẩm thụ thận khí kém mà sinh ra 5 chứng mềm và 5 chứng chậm, hờ mớ ác, sưng đầu gối (hạc tất)... nên dùng Lục vị hoàn gia thêm Lộc nhung mà bổ là thuốc thánh, kẻ không biết gì cho trẻ con là không nên bổ thận, nào có biết các nội tạng đều có hư có thực mà chỉ thận tạng thì có hư mà không có thực. Huống chi trẻ con âm khí chưa sinh ra, tức là còn ở thời kỳ thận hư, hoặc cha mẹ nhiều tình dục mà bẩm thụ là kém lại là thời kỳ thận kém vậy; Âm khí đã không đủ mà không biết bổ vào thì âm bị tuyệt dương khí lẻ loi cũng tiêu diệt sao lại cho là không thể bổ thận.

Tiên sư có nói: Trẻ con vì tiên thiên bất túc mà sinh bệnh rất nhiều, nên chứng tiên thiên bất túc không thể chỉ cho là âm hư làm định lặn. Tôi thường dùng bài Lục vị, Bát vị để cứu trẻ con chứng bẩm thụ kém, âm hư, dương hư đều sống rất nhiều, há chỉ là âm khí không đủ mà thôi đâu! Phàm trẻ con mặt xanh trắng dợt, khi lên đậu thì chỉ gom ở trong mà chẳng mọc ra, tất là bẩm thụ nguyên dương không đủ, uống hoàn Bát vị lâu ngày mới có thể vẫn hồi được, nhược bằng cứ cho uống bài Phì nhĩ hoàn thì lại mau chết vậy.

D- Xử phương:

Nếu như ỉa mửa lâu ngày yếu đuối thì nên bổ tỳ vị, thương hàn không phát biểu là khó trị nên đầu cổ mềm tức là chứng khó trị. Như đầu cổ mềm và gan mật bị phục nhiệt, mặt môi đỏ, da nóng, thì nên dùng:

DƯƠNG GIÁC TÁN

<i>Sừng linh dương</i>	<i>Quế tán</i>
<i>Bạch linh</i>	<i>Thục địa</i>
<i>Xương ống chân hổ</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Toan táo nhân</i>	<i>Cam thảo</i>

Đều nhau, tán nhỏ, mỗi lần dùng 1 đồng hòa với rượu mà uống.

Hoặc dùng bài:

LƯƠNG CAN HOÀN

(Kiêm trị chứng sau bệnh đậu, mắt đỏ sưng nhức)

<i>Phòng phong</i>	3 đồng
<i>Nhân sâm</i>	mỗi vị 1 đồng rưỡi
<i>Xích phục linh</i>	
<i>Hoàng cầm</i>	
<i>Hạt ích cầm</i>	
<i>Hắc sâm</i>	mỗi vị 1 lạng
<i>Đại hoàng</i>	
<i>Trị mẫu</i>	

Các vị tán nhỏ, viên với mật bằng hạt đậu xanh, liệu trẻ lớn nhỏ mà cho uống với nước chè xanh sau bữa ăn. Như có phong độc nhập vào can, mà gân xụi, đầu cổ mềm, nên dùng:

THIÊN TRỤ HOÀN

<i>Xà hàm thạch</i>	1 cục nung lửa, tãi vào giã, 7 lần
<i>Uất kim</i>	
<i>Xạ hương</i>	

Mỗi vị chút ít, tán nhỏ, quyết cõm làm viên bằng hạt long nhãn, mỗi lần uống 1 viên, thang với nước sắc kinh giới hoặc kim ngân, bạc hà mà uống, lại nên dùng bài.

KIỆN CỐT TÁN

Trị bệnh can lâu ngày, thể hư ăn không được, và sau bị bệnh rời xương cổ oặt nghiêng.

Cương làm sao.

Tán nhỏ, mỗi lần uống từ 3 đến 5 phân, hòa bạc hà với rượu mà uống, ngoài dùng Sinh cân tán dán vào và bài "Niêm hạng phương" (đều xem ở mục oặt xương cổ, đều hay, như tay mềm thì dùng:

Ý DỊ HOÀNG

<i>Ý dĩ</i>	
<i>Đương quy</i>	
<i>Toan táo</i>	mỗi vị 1 lạng
<i>Phòng phong</i>	
<i>Khương hoạt</i>	

Tán nhỏ luyện mật làm viên bằng hạt củ sùng liêu dùng từ 1 đến 2 viên, sắc xạ hương và kinh giới làm thang mà uống, như châm mềm thì dùng Thận khí hoạn (101)

thêm vị ngưi tất, ngưi gia bì, lộc nhung, 5, 6 tuổi mà đi không được thì dùng Hạc tiết Hoàn cũng dùng Thận khí hoàn (101)

Linh giác hoàn

Sừng linh dương

Xương ống chân hổ

Toan táo nhân

mỗi vị 2 đồng

Sinh địa

Bạch phục linh

Quế tâm

Phòng phong

Đương quy

mỗi vị 2 đồng rưỡi

Hoàng kỳ

Tán nhỏ, viên với mật bằng hạt bồ kết, liều dùng 1 hoặc 3 viên, uống với rượu ấm, như 3 tuổi chưa đi được thì dùng:

Ngũ gia bì

1 lạng

Mộc qua

mỗi vị 5 đồng

Ngưu tất

Tán nhỏ, liều dùng 2 đồng cân, nước cơm sôi hòa chút rượu mà uống.

Như có ngón chân co quắp không có sức, không thể mở ra, duỗi ra được thì dùng:

HẢI ĐỒNG TÁN

Hải đồng bì (vỏ vông nem)

Mẫu đơn bì

Dương quy

mỗi vị 2 phân

Thục địa

Ngưu tất

Sơn thù

Bổ cốt chỉ

mỗi vị 1 phân

Thêm gừng sắc uống.

Như mình mềm, thị mềm nên dùng Tứ quân tử (188), Khẩn bì hoàn (58). Gân mềm khắp mình thì dùng Lộc nhung từ cân hoàn (59) thêm đương quy, thanh diêm cân lạng bằng nhau.

Như miệng mềm, 4,5 tuổi vẫn chưa nói được nên dùng:

XƯƠNG BỒ HOÀN

Thạch vương bồ

Nhân sâm

Viễn chí

mỗi vị 2 đồng

Mạch môn

Xuyên khung

Đương quy

Nhũ hương

mỗi vị 1 đồng

Chu sa

Tán nhỏ, viên bằng mặt cỡ hạt mè, mỗi lần dùng 10 viên uống với nước cơm sôi.

Như sau các chứng bệnh nói năng không được dùng bài Khê đầu hoàn.

KÊ ĐẦU HOÀN

Đầu gà trống

1 cái

Ve kêu

3 con (đốt cháy)

Dại hoàng

Xuyên khung

mỗi vị 1 lạng

Cam thảo

Nhân sâm

Mộc thông

mỗi vị 5 đồng

Dương quy

Hoàng kỳ

Viễn chí

mỗi vị 3 phân

Mạch môn

Tán nhỏ, luyện mặt làm viên bằng hạt đậu đỏ, liều dùng 5 viên, uống với nước cơm sôi khi bụng đói, uống lâu ngày mới kiến hiệu.

XXXV - NĂM CHỨNG CỨNG (NGŨ NGẠNH)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Sách Nội kinh chép: "Tỳ chủ tay chân" lại còn chép rằng: "Tỳ chủ các phần âm, tay chân lạnh mà cứng là triệu chứng chỉ có âm mà không dương vậy". Năm chứng cứng là ngắc đầu để hít thở khó, bởi vì lay động thì khí tắc, nhức nhối suốt trong ngực, lòng bàn tay lòng bàn chân lạnh như giá mà cứng, đây là dương khí không nuôi khắp tứ chi vậy.

B- Xử phương:

Bệnh này rất là khó trị vì gân bụng xanh và cứng là Mộc lấn thổ (mộc khắc thổ) kíp dùng Lục quân tử thang (131) thêm vị bào khương, nhục quế, thăng ma, sài hồ để bổ tỳ bình can, bằng mặt xanh mà bụng dưới cứng lên, thì khó bảo toàn tính mạng, như đầu cổ tứ chi ngay đơ, giá lạnh là bị phong tà, nên dùng Tiểu tục mạng thang (60), Ô dược thận khí tan (61) để trị nó.

Như bụng to xương đau không khoan khoái thì dùng bài "Ngũ tích tán" (110) thêm Ô dược, Cương tằm, đề tiêu tích, hòa khí thì khỏi, bằng tim và bụng đều cứng, mặt xanh là chết.

XXXVI - CHẬM MỘC RĂNG

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Sách Nội kinh chép: "Con trai 8 tuổi thì thay răng, dài tóc, con trai là khí của thiếu dương theo lẽ phải số 7 mà lại số 8, là âm chứa ở trong, nên lấy thiếu âm mà phối hợp, thiếu âm tức là thận, thận chủ xương, khí của xương đầy đủ cho nên 8 tháng thì mọc răng, 8 tuổi thì thay răng; con gái 7 tuổi thì thay răng, dài tóc. Con gái là khí của thiếu âm là thuộc về số 8 (chẵn) nay lại lấy số thiếu dương là số 7 (lẻ) cũng vì phần dương chứa ở trong, cho nên đến số của thiếu dương thì khí chứa bên trong mới động, thận khí mới thịnh, cho nên 7 tháng thì mọc răng, 7 tuổi thì thay răng.

Như có chậm mọc răng là do bẩm thụ (thận khí) kém mà tủy không khỏe răng là phần dư của xương, xương là phần chủ của thận, hệ thống của xương là tủy, tủy không đủ nên không thể nuôi dưỡng tới vùng trên, mà chậm mọc răng vậy.

B- Phân biệt chứng trạng:

Lại có trẻ em 2, 3 tuổi hoặc cho bú và cho ăn đắp đối nhau, hoặc say sưa nhập phòng rồi cho con bú mà thành ra chứng thận cam, khi khóc máu ra đầy miệng gọi là chứng "Tuyên lộ", hoặc răng đen vỡ nát, gọi là chứng "Băng sa" (cát lở) để lâu thì hơi lấm, chân răng đều rụng gọi là chứng "Hủ ngân" (mục chân răng), cũng có vì phong và nhiệt kích bác với nhau, giận hờn, phiền lao, răng sưng nhức là vì kinh mạch thủ dương minh và túc thái dương có quan hệ với răng cho nên chân răng sưng nhức, gọi là "vũ xỉ" (răng có mọt), có đứa vì ưa ăn đồ ngọt béo mà sinh trùng gọi là "Trùng xỉ" (sâu ăn răng), bằng vì vấp té gãy răng, hoặc cam xỉ tẩu mã mà rụng, thì khó mà mọc lại được.

C- Xử phương:

KHUNG HOÀNG TÁN

Trị chậm mọc răng.

Xuyên khung 4 đồng

Hoài sơn

Dương quy

Thuộc dược mỗi vị 3 đồng

Cam thảo

Thục địa 1 lạng

Tán nhỏ, hòa với nước sôi mà uống sau bữa ăn, lấy thuốc bột xát vào chân răng.

CỐ XỈ CAO (cao bên răng)

Trị chân răng lung lay:

Hà thủ ô

Sinh địa đều nhau

Ngưu tất

Cỏ mực giả vát lấy nước.

Sắc sôi trăm đạo, sắp thành cao thì cho muối vào, mỗi ngày dùng để súc miệng.

MỘT PHƯƠNG TRỊ RĂNG RỤNG KHÔNG MỘC

Đậu đen 30 hạt

Lấy củt bò đập bên ngoài, lùi trong lửa than đến khi hết khói, lấy hột đậu ra cho vào chút xạ hương cùng tán nhỏ, khêu các răng lung lay cho ra máu rồi súc vào.

Như chậm mọc răng là bẩm khí kém, thận khí không đầy đủ nên dùng bài Thận khí hoàn (110) hoặc Thập toàn đại bổ thang, bên ngoài thì dùng:

Bạch thược *Dương quy*

Xuyên khung *Hoài sơn*

Trầm hương *Cam thảo*

Mỗi vị đều nhau, tán nhỏ đem xát trên chân răng.

Lại một phương:

Củt chuột dục 20 hạt

Mỗi ngày dùng một hạt, chùi trên chân răng, đến 21 ngày thì mọc.

XXXVII - CHẬM MỌC TÓC

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Tinh ba của kinh túc thiếu Âm thể hiện ở tóc, tóc chậm mọc là do bẩm thụ kém, huyết khí suy, không thể tư dưỡng được tới vùng trên, nên sinh bệnh chậm mọc tóc.

B- Cách trị:

Bên ngoài nên dùng thuốc xúc để chữa ngọn, bên trong nên dùng thuốc tư bổ để chữa gốc là được.

C- Xử phương:

HƯƠNG PHẤN CAO

Hương nhu 1 lạng

Hồ phấn (phấn chì) 5 đồng cân

Mật heo 1 đồng rưỡi

Trước sắc hương nhu còn 3 phân rồi cho phấn chì và mật heo vào, xúc lên dầu, ngày 3 lần, như tóc chậm mọc là do khí huyết không thể tư dưỡng lên trên, nên dùng:

THUNG DUNG HOÀN

Nhục thung dung *Dương quy*

Xuyên khung *Bạch thược*

Thục địa

Mỗi vị đều nhau, phấn chì giảm phân nửa, tán nhỏ, luyện mật làm viên bằng hạt bắp, mỗi lần dùng 10 viên, thang với nước nấu đậu đen, cũng có thể mài để xúc trên đầu

XXXVIII - CHẬM BIẾT NÓI (Xem chung với mục mềm miệng)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Tiếng nói là âm thanh của tâm. Có cháu vì lúc người mẹ có thai, bỗng bị kinh khủng bên trong động tới thai, cho nên khiến tâm khí không đủ, gốc lười không thông mà không thể nói được, cũng có do thận khí của bố cháu hao tổn, bẩm thụ khí thanh dương không thăng lên được mà có chứng không nói được này.

B- Phân biệt chứng trạng:

- Như mặt vàng, bấp thịt nhão, ham uống, hay đi chảy, lòng bàn tay bàn chân nóng, tóc khô như... là bệnh ở tỳ, mà kèm có cam tích, má đỏ hay kinh sợ ngũ lâm quyết nhiệt phiền, khóc không chừng đổi là bệnh ở tâm,

- Như mặt xanh, nhiều lần gân, mắt nheo lại, tóc dựng ngược, miệng thối, tay chân bé, là bệnh ở can.

- Như mắt nhiều trông trắng, mắt hàm bóng trắng, bấp thịt nhão, lông khô cháy, thỉnh thoảng ho ỉa chảy là bệnh ở phế,

- Như chân tay mềm sác đen, răng chậm mọc, trông mắt trắng, hơi thở đoản, tinh thần bạc nhược là bệnh ở thận.

Còn như sau cơn ốm nặng mà mất tiếng không nói được, không phải thận hư là không thể nối tiếp lên khí thanh dương, tức là khí thanh dương tự bệnh vậy.

C- Xử phương:

1) *Bổ tâm xương bồ hoàn*, chữa chậm nói vì tâm khí hư,

<i>Sâm</i>	5 đ/c,	<i>Thạch xương bồ</i>	2-
<i>Dan sâm</i>	2-	<i>Xích thạch chi</i>	1-
<i>Thiên môn</i>	3-	<i>Mạch môn</i>	3-
<i>Viễn chí</i>	3-		

Các vị tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng hạt bắp, liều uống 30 hoàn cách xa bữa cơm.

Phương khác, có Dương quy, Nhũ hương, Xuyên khung, Chu sa.

2) *Xương bồ đơn*, trị trẻ em mấy năm chưa nói được.

<i>Xương bồ</i> (9 đốt là tốt)	dùng 1 tấc.
<i>Viễn chí</i>	<i>Nhâm sâm</i>
<i>Quế âm</i>	<i>Hoàng liên</i>
<i>Táo nhân</i>	đều 5 đ/c

Các vị tán nhỏ, luyện mật làm hoàn bằng quả táo, cho uống với nước chín.

HẾT QUYỂN MỘC

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LINH

Quyển thứ 31

ẤU ẤN TU TRI/THỎ

(YÊU TRẺ NÊN BIẾT)

I- MẤT TIẾNG

A- Phân biệt chứng trạng:

Bỗng nhiên mất tiếng, có người do khí lạnh xâm vào lưỡi gà hoặc phong nhiệt động ở tâm và ngực; (lưỡi là mầm của tâm); lại có người do đờm sục lên (trong họng tiếng khan) đồ ăn tích và ách lên (khí thanh dương không thăng lên được); lại có người do trúng ác khí, hoặc mắc hơi, hoặc chết ngất hoặc cục đờm tắc nghẹn mà thành mất tiếng. Còn như bị các chứng: kinh phong, xùi bọt mép, hai phía sau mép đỏ, trán xanh, mắt trợn thị, tròng mắt trắng bệch, và sau khi bị bệnh lâu ngày mà bỗng nhiên không nói được đều là chứng bất trị.

B- Xử phương:

XƯƠNG BỒ THANG

Trị trùng ác khí, kinh phong co giật, mất tiếng.
(một phương gia thêm bạc hà)

<i>Thạch xương bồ</i>	<i>Nhân sâm</i>	<i>Thiên ma</i>
<i>Chích thảo</i>	<i>Toàn yết</i>	<i>Viễn chí</i>
<i>Cương tàm</i>	<i>Kinh giới</i>	<i>Phụ tử (chế)</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Khương hoạt</i>	
Các vị đều bằng nhau, sắc nước uống.		

TRÚC LỊCH CAO

Trị chứng hàm răng cắn chặt, mất tiếng không nói được.

<i>Trúc lịch</i>	mỗi vị đều nửa vốc
<i>Sinh địa</i> (lấy nước)	cùng quấy lộn nhau.
<i>Mật ong</i>	
<i>Quan quế</i> (tán bột)	mỗi vị đều 1 lạng
<i>Thạch xương bồ</i> (tán bột)	

Năm vị trên quấy đều, đun nhỏ lửa, cô thành cao, khi uống lấy nước quả lê hòa vào với cao cho tán ra mà uống.

PHƯƠNG CỦA CÁT - THỊ

Trị sau khi bệnh mà mất tiếng.

<i>Táo nhân</i> (sao)	1 đồng
<i>Bạch phục linh</i>	5 phân
<i>Chu sa</i> (tán bột)	2 đồng

Các vị đều tán nhỏ, làm thành viên, sắc nước nhân sâm làm thang mà uống.

II - CHẬM BIẾT ĐI

(Xem cùng với mục chân mềm)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Trẻ con đầy 350 ngày thì xương đầu gối vững, là thời kỳ biết đi được. Có đứa trẻ mấy tuổi còn chưa đi được là do bẩm thụ thận khí không đủ. Xương là thuộc thận, mà nhờ tủy để nuôi xương, thận khí kém thì không thể đầy đủ trong xương được, cho nên đầu gối mềm yếu không thể đi được.

B- Phân biệt chứng trạng:

Chứng này chủ yếu do ở thận hư, nhưng cũng do sự ăn ở màn vẩy kín mít, nắng gió không lọt vào, hoặc suốt ngày bồng bế, gân cốt không thư thái cho nên khô mà đi được. Lại có đứa trẻ đẻ ra nhiều bệnh, can thận đều hư, can hư thì gân yếu, thận hư thì xương mềm mà không đi được. Lại có đứa ăn nhiều đồ ngọt béo, có hại đến tỳ vị, mà tuyệt mất nguồn *tiêu hóa*, làm cho thành chứng cam, khí, huyết ngày suy kém dần rồi không đi được. Nên tùy theo chứng trạng mà chữa, cũng có ngày có thể lành bệnh được.

C- Xử phương:

HỖ CỐT HOÀN

Trị chứng chậm biết đi.

<i>Hổ hỉnh cốt</i>	bôi mỡ mà nướng vàng.
(Xương ống chân trước của hổ)	Cạo bỏ vỏ ngoài
<i>Nhục quế</i>	
<i>Bạch phục linh</i>	
<i>Phòng phong</i>	
<i>Dương quy</i>	Mỗi vị
<i>Can địa hoàng</i>	đều 5 đồng
<i>Toan táo nhân</i>	
<i>Ngưu tất</i>	
<i>Xuyên khung</i>	

Các vị tán bột luyện mật làm hoàn to bằng hạt gạo, mỗi lần đúng 30 viên, sắc nước Mộc qua mà uống trước khi ăn. Một phương gia *Linh dương giác*, *Hoàng kỳ*.

NGŨ GIA BÌ TÁN

<i>Ngũ gia bì</i>	
<i>Xuyên ngưu tất</i>	Mỗi vị đều nhau
<i>Mộc qua</i>	

Các vị tán bột, hòa vào nước cơm mà uống.

III- SÚNG GỐI HẠC

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Trẻ con bị đau đầu gối là vì bấm thụ thận hư, khí huyết không đủ, đến nỗi da thịt gầy mòn, hình dáng như đầu gối con bạc.

B- Phân biệt chứng trạng:

Chứng này màu sắc ngoài da không biết đổi, trong đầu gối đau nhức, co duỗi khó khăn.

C- Cách trị:

Nếu đầu gối sắc đỏ sưng phù mà nung mủ là nguyên nhân ngoài thì chữa được, nếu sưng cứng sắc trắng mà không nung mủ, là thuộc về nguyên nhân trong thì khó chữa.

D- Xử phương:

Chứng đau thuộc về nguyên nhân ngoài thì dùng bài Kinh phong làm chủ, thêm vào những thứ thuốc bổ khí dưỡng huyết; thuộc về nguyên nhân ở trong, thì dùng thang Lục vị gia thêm lộc nhung để bổ tinh huyết, mà còn cần điều bổ tỳ vị để giúp cho nguồn sinh hóa.

IV - BỆNH CAM

(Phụ: cam mắt)

Chữ "Cam" có nghĩa là ngọt, vì tỳ ưa ngọt, phạm những vị ngọt đều thuộc vào tỳ, do chỗ bệnh của tỳ, do chỗ vị ngọt của tỳ cho nên gọi là bệnh "Cam". Phạm người 20 tuổi trở xuống mà bị bệnh gọi là cam, 20 tuổi trở lên bị bệnh gọi là lao, nói chung đều do khí huyết hao tổn, tân dịch ở tỳ vị khô khan mà cùng sinh bệnh nhưng gọi khác tên.

Có người vì lúc thơ ấu bú sữa được ít, trường vị chưa đầy đủ mà ăn cơm sớm quá, chân khí bị hao tổn mà thành bệnh.

Có người vì thích đồ ngon ngọt, ăn uống quá nhiều, tích trệ lâu ngày, mặt vàng mình yếu mà thành bệnh.

Có người vì mẹ nuôi nóng lạnh không điều hòa, hoặc sau khi mừng giận hay sau khi giao cấu rồi cho con bú mà thành bệnh.

Có người vì sau khi khỏi bệnh chưa bồi bổ, nguyên khí chưa được hồi phục mà thành bệnh.

Lại như người thân thể tuy béo đầy mà khí trong mình nóng như lửa, hay đói hay khát, tiểu tiện sắc đỏ, đó là nóng âm ỉ trong xương kể đó sớm mất tối nóng mà thành bệnh cam.

Lại như người ngày thường đi tiểu khi vàng khi đỏ, mũi khai ngấy, hoặc dầm dề

hoặc bế tắc, hoặc đái kho, hoặc đái đục như nước vo gạo, nếu không trị thì âm dương không phân biệt mà sinh đi tả đi lý, thấp nhiệt không trừ mà sinh sốt rét sinh lâm lậu rồi cũng thành ra bệnh cam.

Lại có người bị sỏi đậu hoặc bị những chứng lật vật, mà cho uống bảy hạ thuốc thổ thuốc hạ vào, làm cho trong mình mất hết tân dịch mà thành bệnh cam.

Tóm lại đều do tỳ vị hư yếu, khí huyết khô trệ, sinh tích, sinh nhiệt, sinh đờm, nhân khi tạng khí hư hào mà truyền vào làm thành bệnh cam, cho nên gọi "bệnh cam là bệnh khô ráo". Nếu bị sốt cơn mà dùng phác tiêu, đại hoàng để xổ, bị tích báng mà dùng ba đậu, bàng sa để tả hạ, thì cũng đều thành ra bệnh cam cả.

A- Phân biệt chứng trạng:

Mình thường nóng, hình dung vàng gầy, bụng to tướng, nước tiểu như nước vo gạo, lông tóc vàng xoắn, má nhiều khoang trắng, bợn dạ muốn mửa, ăn uống không ra da thịt, dầu mặt hay sinh chốc lở, bệnh cam đại khái là như thế, có những chứng trên đều là bệnh ở tỳ cả.

Chứng cam lúc đầu bị đầy trong bụng, lâu ngày thì sinh tích báng; lúc đầu thì nóng ở trong mình lâu ngày thì khô ráo ở ngoài, làm cho da thịt vàng gầy, hoặc lở tai mũi hoặc lở khắp mình, ưa ăn bùn đất, than, gạo, đồ chua, đồ mặn, đồ quả, ăn không tiêu hóa, tiểu tiện không trong, đại tiện lại lỏng. Đại khái cam nhiệt thì hay hiện ra các chứng bên ngoài, cam hàn thì hay hiện ra các chứng bên trong. Cam ở trong thì mất sừng, bụng trướng, đi tả đi lý ra chất xanh trắng, thân thể dần dần gầy yếu, cam ở ngoài thì dưới mũi đỏ, loét, hay mẩn mớ vào mũi và tai luôn, hoặc tay chân mình mẩy sinh lở tuy nhiên chứng bệnh đều do ngũ tạng mà ra cả.

Những chứng bệnh như chán ăn hay là chảy, gan bàn chân không biết đau ngứa, đồ ăn và sữa ăn vào lại đi ra, nướu răng đen loét, đầu cổ oặt nghiêng lưỡi trắng suyền thổ, tay chân quyết lạnh, mửa khan, nghẹn lạnh, đi lý mà sưng phù, nhói đau hơn thổ đoạn, tai quân vai dốc, sắc mặt trắng bệch như bạc, bụng cứng như đá, da mọc nốt lở tia, sưng gối hạc, mỗ ác hờ, lỗ đít trống như cái ống, da thịt xanh đen, miệng lưỡi thốt loét, miệng thổ ra màu đen, mửa ỉa ra lẫn nước dãi chảy ra hôi hám, đều là chứng bất trị.

B- Cách trị:

Phàm chứng cam là chứng khô, là gầy mòn, ít huyết, ở trẻ con là ngũ cam, ở người lớn là ngũ lao, đã gọi là cam, lại gọi là lao, há không phải là chứng tình khô huyết kiệt hay sao? Sách nói: "Các chứng Cam đều theo nhiệt mà trị, phần nhiều dùng thuốc thanh lương", dầu chứng này thật nhiệt vốn có nhiều, nhưng nguyên khí đã hư hỏng thì giả nhiệt cũng không ít. Phàm khí huyết đều hao tổn, không đại bổ là không được, âm hư giả nhiệt, tỳ thận đều hư kém, không ôn bổ là không xong, cốt ở lúc lâm sàng châm chước tùy nghi, nên lấy phép bổ hư trị hao mà dùng xen vào mới là tốt.

Tích là mẹ của cam, do tỳ hư mà sinh ra tích thì đều nên điều bổ vị khí làm chủ yếu, và lại cam cũng là lao thì thứ thuốc hoàn "đại phỉ nhĩ" và "tiểu phỉ nhĩ" rất là đáng sợ. Tiết lập Trai nói: "Bệnh cam hoặc do mồm cơm sớm quá, hoặc ham ăn đồ béo ngọt, hoặc uống phải thứ thuốc mạnh quá, làm mất tân dịch, hư hỏa bốc mạnh, hoặc do bầm

thụ yếu ớt, hoặc do mẹ nuôi ăn bậy đồ ngon, đông bậy thất tình mà trẻ em sinh ra bệnh, thì đều nên điều trị bên trong, nhất thiết không nên quá dùng thuốc hàn lương, hễ thấy hơi no ấm, mà trong mình phiền muộn không yên, người hư tất phải bồi bổ giúp vị khí mà kiêm tiêu thông, người thực thì trước phải thông lợi mà sau điều hòa vị khí, không nên dây dưa đến nổi tích tụ lâu ngày thành ra bệnh cam,

Sau cơn bệnh nặng, tỳ vị hư tổn, không thể tiêu hóa được chất sữa và đồ ăn, trong mình mất hết tân dịch, hư hỏa động bay lên mà thành bệnh, thì nên chiếu cố đến tỳ vị làm chủ yếu, mà phải kịp chữa cho sớm, thì không đến nỗi biến chứng trầm trọng, trong đó có chứng nhiệt cũng là hư nhiệt thôi, cho nên trị nhiệt không nên dùng thuốc giải xằng hoặc quá lạnh, trị hư không nên dùng thuốc ôn mạnh hay vội bổ. Nếu chứng nhiệt chưa quá lắm mà cho uống những thuốc hại vị như Lô hội, Hồ hoàng liên, Long đởm, Khổ sâm thì trở lại sinh bệnh nặng.

Dại khái trị hàn thì dùng thuốc ôn, trị nhiệt thì dùng thuốc lương, đó là phép chữa thường dùng. Nhưng nào biết đã bị bệnh cam là đều do hư mà sinh ra, tức như bệnh thuộc nhiệt cũng là nhiệt ở trong hư, bệnh thuộc hàn cũng là hàn ở trong hư, bệnh thuộc tích cũng là tích ở trong hư, cho nên trị tích không nên ôn mạnh, trị nhiệt không nên quá lạnh. Dấu tích là mẹ của cam, trị bệnh cam trước phải trừ tích, những gặp bệnh rất hư mà công mạnh vào thì tích chưa trừ mà cam càng nặng, cho nên người mạnh thì trước trừ tích rồi sau giúp cho vị khí, người yếu thì trước giúp cho vị khí rồi sau tiêu tích. Sách nói: "Người mạnh không bị tích, người yếu mới bị tích". Cho ta thấy người hư yếu là nguồn gốc ở bệnh tích, trái lại bệnh tích là ngành ngọn của bệnh hư yếu.

C- Xử phương:

Bàn về chứng của tạng thì có 5 chứng cam, mà trước hết tỳ bị bệnh rồi truyền sang các tạng khác, cho nên có tên gọi 5 chứng cam. Thành chứng cam lại có 5 chứng trạng khác nhau (phong cam, kinh cam, thực cam, khí cam, cấp cam). Ngoài 5 chứng trạng cam lại còn 22 loại cam nữa gọi là: cam lạnh, cam nhiệt mà béo, cam khát, cam khô, cam tả, cam ly, phụ thêm cam phong, cam xương sống, cam óc, cam to bụng nổi gân xanh (vô cổ cam), cam to trướng bụng, (đỉnh hễ cam), cam bụng to ỉa té có lã (bộ lộ cam), cam nhiệt, cam tẩu mã, là phụ thêm cam thận, cam lao. Cam phong là can tạng bị nhiệt sinh ra (cũng gọi là cam gan) như mùa xuân mất hay đau, mùa, ỉa chảy luôn, đi tả đi lỵ tanh hôi cam trùng, màng trắng che trong mắt, gân xanh, não nhiệt, thậm chí thịt róc xương lồi, mắt thành quáng gà, hồng bên trái cứng ngắc, nhỏ nước bọt luôn, khoe mắt có khí đen là chết, (trích trong Cầm nang ra).

Lắc đầu, dụi mắt, màng trắng che mắt, ấn vào nhiều nước mắt, mắt có sắc đen, khắp mình ghẻ lở, lông quăn tóc dựng đó là vì cam phong mà sinh ra. (Trích trong Phương - thư).

Bệnh này cũng gọi là cam gân, màng trắng che trong mắt hoặc đi tả ra máu mà gầy còm thì nên dùng Địa hoàng hoàn (186) để sinh thận thủy. Nếu ngoài lỗ mũi sinh lở, mắt đỏ loét, tay chân mình mẩy giống như lở, phía trước phía sau hai tai sụt lõm vào, hai nách nổi bạch hoặc ra nước trắng hoặc cắn móng tay, lắc đầu mắt hiếng mắt, màng trắng che trong mắt, mắt chói sợ ánh nắng, bụng to gân xanh, miệng khô ra máu, đó là bệnh cam trong cam ngoài do kinh can thì nên dùng Địa hoàng lô hội hoàn (62) làm chủ

yếu, trích trong Cảnh - Nhạc).

Nếu lác đầu dụi mắt, màng trắng che trông mắt hoặc mắt đỏ chảy nước mắt sống, toét mắt đau ngứa, quáng gà tối tăm; thậm chí mắt nhăm tí hàng mấy tháng (cũng gọi là cam mắt). Chảy mồ hôi, che mặt mà nằm, da thịt xanh vàng, trên tóc nổi gân xanh, não nóng, gầy yếu. Bởi vì nhân thai bị phong lại thêm bú, ăn không đều mà tạng gan bị nhiệt, hoặc mẹ nuôi bị ngoại cảm, nội thương, tà khí chưa tan đã vội cho con bú mà sinh ra bệnh thì nên dùng Sinh thực địa hoàng hoàn (63) gia đương quy hoặc dùng Hoàng liên phi nhĩ hoàn (64) sắc nước sơn chi làm thang mà uống (trích trong Y-học).

PHỤ: CAM MẮT

Trẻ con ăn nhiều đồ ngọt béo, nóng lạnh không vừa chừng, đồ sống lạnh béo lờn hại tỳ, đồ đường miến chiên xào giúp hỏa, tích đọng lại dần dần gây thành bệnh cam. Khát nước mà hay dỗi, ham ăn mà người gầy, đứng tức, ỉa lỏng, bụng trướng mũi khô, lâu ngày mà không trị, tỳ yếu, gan mạnh, nguồn tiêu hóa đã tuyệt thì chân âm tự suy, mộc không được nuôi dưỡng thì can hỏa tự cháy mất khiếu mới thành chứng mắt mù, hay sinh ghèn sinh mây màng, lông quặm không mở được, nước mắt dính trệt như nước hồ đó là tỳ vị yếu, mà khí thanh dương không thăng lên, can hỏa thịnh mà trọc âm không giáng xuống mới sinh bệnh. Cách trị nên đưa khí trong lên đẩy khí đục xuống, lấy bạch truật, nhân sâm trước bổ tỳ vị làm chủ yếu (quần), sài-hồ chỉ-xác sơ can ức khí làm thứ yếu (thần), thương truật, phục linh, trạch tả thẩm thấp làm phụ tá (tá) khương hoạt, mạn kinh, thăng ma, xuyên khung, bạc hà mọi thứ thuốc phòng, đã tan phong hỏa lại mượn cái tính thông suốt lên trên để làm sai khiến (sứ), như thế thì bệnh cam cùng chứng đau mắt đều, được công hiệu (trích trong Cẩm-nang).

Nếu người nóng lắm, thân thể gầy, hông đau nhức mà nước tiểu xanh thì nhất thiết là bệnh về gan, nên dùng (trích trong Y-học):

PHONG CAM HOÀN

<i>Thanh đại</i>		<i>Long đởm thảo</i>	1,5đ
<i>Hoàng liên</i>		<i>Phòng phong</i>	1,5đ
<i>Thiên ma</i>		<i>Thuyền thoái</i>	1,5đ
<i>Ngũ linh chi</i>	đều 2 đồng	<i>Toàn yết</i>	2 con
<i>Dạ minh sa</i>		<i>Dầu cóc khô</i>	3 con
<i>Xuyên khung</i>			
<i>Lô hội</i>			

Các vị tán bột, trộn với mật heo làm hoàn, to bằng hột mè, mỗi lần uống 10 viên, sắc nước bạc hà làm thang. Nếu hông cứng đờ, khoe mắt thấy khí đen, thì bất trị.

CAM KINH

Bệnh cam kinh vì tâm bị nhiệt sinh ra (cũng gọi là tâm cam). Nếu nóng lắm, má đỏ, môi hồng, lưỡi lở, mắt đỏ, bên trong nóng mà phiền táo, ngực bức rút, đổ mồ hôi trộm,

hay khát nước, tiểu tiện đỏ gắt miệng đắng và ráo là đúng chứng, thậm chí nóng làm cạn hết tân dịch, uống nước không chán, cho ăn thì sợ mà khóc, trên lưỡi đen tối, hình dung khô khan là chết (trích trong Cẩm nang).

Khấp mình nóng cao độ, chân tay không có sức, mặt vàng, má đỏ, sợ lạnh ưa ấm, miệng mũi khô ráo, đó là vì sợ và vấp ngã mà sinh bệnh (trích trong các Phương-thư).

Phàm mặt vàng má đỏ, thân thể sốt cao, nên dùng "Chu sa an thần hoàn" (128) để trị về tâm. Nếu miệng lưỡi lở loét, thân thể sốt cao độ, mà môi đều đỏ, hoặc sưng phù, bụng ngực bứt rứt, hoặc bàn tay nóng, cổ họng khô, miệng khát, uống nước lạnh, tiểu tiện đỏ, mồ hôi trộm, nghiêng răng, giạt mình, đó là chứng cam trong ngoài tâm kinh, nên dùng các loại An thần hoàn (82) làm chủ yếu. (Trích trong Cảnh-Nhạc).

Nếu má đỏ môi hồng, miệng lưỡi sinh lở, vùng ngực bức tức, tiểu tiện đỏ gắt, ngũ tâm phiền nóng, mồ hôi trộm, khát nước, nghiêng răng, kinh sợ hồi hộp, là do tâm hư huyết yếu, thần không giữ vững lại thêm ăn bú không đều tâm trạng tích nhiệt mà sinh bệnh, nên dùng Phục linh hoàn (26), nhẹ thì dùng Hoàn Chu sa an thần hoàn (128) Đại ôn kinh hoàn (141) (trích trong Y-học).

CAM ẪN

Tỳ bị tích mà sinh ra lại gọi là cam tỳ) cam hỗn độn, cam béo, cam sữa). Nếu mặt vàng tạng nhiệt, đại tiện ra mùi chua khắm, kém ăn, ăn dất, bụng to, chân teo, ọc mửa, trong đầy, cơm nước không tiêu, trông vàng, mắt sưng, che mặt ngũ mê man là đúng chứng, thậm chí ăn dất không thôi, đi tả đi lý luôn, đồ ăn khó tiêu, ăn uống không kích thích, mặt vàng, da thịt teo mòn môi trắng bệch, bụng cao, nhân trung đầy lên là chết. (Trích trong Cẩm nang).

Đồ ăn khó tiêu, ham ăn bùn dất, bụng to gân xanh, tóc thưa ít, suyễn gấp, ngáp dài, không vui, muốn khờ, đi lý hay chua thối, đó là do tích đồ ăn mà thành bệnh (trích trong các Phương-thư).

Phàm thân thể vàng bấp thịt gầy róc, da khô nhám mà lở ghẻ, bụng to ham ăn dất, là đúng chứng cam. Trị nên dùng bài Tứ vị phi nhi hoàn (37) để cho sinh thổ; dùng bài "Ngũ vị di công tán", hoặc bài "Ích hoàn tán", nếu đầu mọc tóc hoặc mọc nốt lở, hoặc tóc xoắn từng mui, hoặc nhân trung và đầu mép đỏ và lở loét, đau bụng nôn mửa, ăn bú không tiêu hóa, miệng khô, ham ăn dất, ỉa ra chua thối, đại ra trắng đục, hoặc nhám mắt ngũ mê man, không chịu được tiếng gõ khua đó là chứng cam trong ngoài tỳ kinh. Cách trị nên dùng bài Phi nhi hoàn (trích trong Cảnh-Nhạc) sẽ xem, dưới đây:

Phàm da vàng người gầy, bụng trướng, hơi rợn lên, ỉa hôi, mắt nhám, ăn kém sút, ăn dất đó là do tích sữa và đồ ăn tỳ khí bị cô lập và yếu, hoặc người nhũ mẫu ăn nhiều đồ sống lạnh béo lờn, hoặc sau bữa cơm rượu no say liền cho con bú, lâu ngày hóa ra báng sữa, bụng hông đóng cục, gọi là cam sữa, thì nên dùng Ích hoàng tán (136), Tiêu nhũ thực hoàn (65) hoặc Phi nhi hoàn (xem dưới đây) gia Nga truật, Trần bì, Thanh bì. Như bụng to gân xanh thì dùng bài Tiểu hồ liên hoàn (trích trong Y-học, xem dưới đây).

CAM KHÍ

Chứng này do nhiệt động lại hại đến phế mà sinh ra, lại gọi là cam phổi. Như mùa thu phát sốt ớn lạnh, 2 bên dưới mũi bị thấp, lở đỏ và ngứa, ho không ngừng, cổ họng cam

và đau, lông cháy khí trưởng, suyễn gấp hay đới là đúng chứng. Thậm chí sắc mặt như xương khô, ho tức hơi xúc lên, thường ỉa chảy bột trắng, trên mình rung mọc nốt đen là chết (trích trong Cẩm-nang).

Hay khóc ho rước lên, mũi và cổ sinh lở, mê man ham ngủ, thân thể gầy, ruột trơn chảy chân tay mềm yếu, mặt hơi trắng, ỉa ra mù, mửa ra huyết, đó là vì cảm phong mà thành bệnh (trích trong các phương thư).

Phàm ho suyễn khi xúc lên, miệng mũi sinh lở, nên dùng thang Nhân sâm thanh phế thang (67) để trị phổi, Ích khí thang (68) để sinh kim (phế). Nếu ngoài mũi sinh lở, tắc cưỡng họng, sưng cổ, đau răng, ho nóng lạnh, da dễ nhăn nheo, ngáp, vươn vẹo, ít hơi, mũi ngứa chảy nước mũi, đổ máu cam, mắt vàng, đi đại vật, đó là chứng cam trong ngoài phế kinh, nên dùng Sinh địa thanh phế ẩm (69), Ty sang lan hương tán (7), Chu sang bạch phấn tán (71) (trích trong Cảnh-nhac).

Phàm hai bên dưới mũi lở ngứa mà không đau, hoặc mũi chảy nước hôi, trong mọc cục thịt thừa, hoặc nước mũi chảy đến đầu lỗ đến đáy gọi là cam mũi. Thỉnh thoảng ho, hơi rước lên, nóng rét, nhổ ra máu, ỉa chảy, hay khóc, vuốt mũi, cắn móng tay, giống như chứng lao, là do cảm hàn cảm phong, sau khi đổ mồ hôi thì nhọc mệt trở lại, lại thêm ăn bú không đều, làm cho phế khí bị thương tổn, nên trước uống Thanh phế thang (xem dưới đây) kế uống Hóa thốc hoàn (xem dưới đây). Nơi lỗ mũi thì thường dùng mật gấu hòa vào nước sôi, lấy ngón bút lông tắm nước mát mà rửa trong lỗ mũi, đợi nước thuốc trước uống được vài lần rồi lại dùng Thanh đại, Dương quy, Xích tiểu đậu, Qua đế, Địa du, Hoàng liên, Lô hội đều bằng nhau, Hùng hoàng chút ít, đều tán bột rồi xúc vào mũi để thu liễm cam lở, Nếu bị cảm không nói ra tiếng thì dùng Hoàng liên phỉ nhi hoàn (64) (16 viên) Tô hợp hương hoàn (103) (1 viên), châu sa, ngũ linh chi đều chút ít tán bột, sắc nước xương bồ làm thang cho uống khi đang nóng. Chứng cam lở đầu mũi mà không đóng vẩy lở dần quanh ra tai thì nên dùng Bạch cập, Kinh phấn, mỗi thứ 2 phân, Ô-tặc-cốt 3 phân, tán bột, trước lấy nước cơm rượu rửa sạch lau khô, hoặc dưới mũi đỏ loét tự gãi ra thì dùng lá hương lan 2 phân đốt ra tro, teng đồng nửa phân, Kinh phấn chút ít tán bột mà xúc khô vào.

Chứng cam khắp mình sinh lở không hết, là vì có trùng làm hao tinh tủy ở trong, ăn da thịt ở ngoài, thì nên dùng Liên đồ hoàn (xem ở dưới đây) mà vẫn lấy Xuyên khung, Sinh địa, Phục linh, Phục thần cho uống xen vào để điều huyết mát tim, hoặc dùng Lô hội hoàn, Phỉ nhi hoàn (đều xem ở dưới đây) bài Sinh tề tán cũng chọn dùng mà uống xen vào. Bên ngoài thì Đại phúc bì, Khổ sâm, Bạch cập sắc nước rửa rồi dùng Kha - tử để cả vỏ đốt ra tro, cho chút ít Xạ hương và Kinh phấn vào đều tán nhỏ mà xúc (trích trong Y - học).

CAM NGUY CẤP

Thận tạng bị hao tổn lâu ngày mà sinh ra, lại gọi là cam thận, cam xương như.

Chứng bên trong thì bộ óc nóng, bụng dạ đau nhức, nóng lạnh từng chập, ỉa chảy luôn luôn, miệng hôi, khô và khát nước, trong tai lở chảy mù;

Chứng bên ngoài thì thân mình nóng lắm, chân lạnh như giá, mặt nám, móng tay

chân đen lở ghê, da thịt hao mòn, răng gãy miệng lở, tục gọi là cam tẩu mã.

Vì răng thuộc thận, khí đã kém thì hư hỏa động ở thượng tiêu, cho nên miệng hôi thối, gọi là "xú tức" kể đó rồi đen gọi là "băng sa", nếu răng lại bị thủng vỡ, gọi là "hội tào" thậm chí răng rụng hết gọi là "hủ căn" chân răng đã mục nát, nếu chữa khỏi bệnh thì răng rụng hết gọi là "hủ căn" chân răng lại bị thủng vỡ, gọi là "hội tào" thậm chí răng rụng hết gọi là "hủ căn" chân răng đã mục nát, nếu chữa khỏi bệnh thì răng cũng không mọc lại nữa, nếu nóng mà huyết chạy ngược trào ra gọi là "tuyên lộ", đó đều là chứng cam nguy cấp. Thậm chí ham uống nước mặn, nước đá như sữa, tai sém, răng đen, xương khô là chết (trích trong Cẩm-nang).

Tả ly cùng phát với nôn mửa, lời tròn trệ, mình nóng dữ, tay chân lạnh một bên, ăn uống không tăng, tiến, Bệnh nhiệt đã nguy cấp là khó lành, vì thận thủy bất túc, thổ lại khắc thủy. Nói tóm lại, bệnh đều khởi đầu ở tỳ, tỳ thổ mà hư thì không thể sinh khí ngũ tạng, cho nên truyền biến ra mà bệnh đến nặng như thế, phép chữa chỉ làm vững mạnh tỳ, tiêu tán tích và giết hết trùng là hay nhất, (trích trong các Phương thư).

Phàm cơ thể tay chân gầy mòn, biến sinh ra lở ghê, ưa nằm chỗ ướt thì nên dùng Địa hoàng hoàn (186). Nếu gầy yếu mùa ra dờm, tay chân lạnh ngắt nóng lạnh từng cơn, bụng đau ỉa chảy, miệng hôi khát nước, nướu răng nát bết, móng đen, mặt xám, mình và tai sinh lở hoặc trong tai chảy nước hoặc tóc bị trùng cam ăn, đó là chứng cam trong và ngoài thận kinh, nên dùng Địa hoàng hoàn (186) trích trong Cảnh-Nhạc).

Như óc nóng, thịt róc, tay chân lạnh như giá, móng đen mặt xám mình nhiều ghê lở, nóng rét có lúc nổi lên, bệnh nặng thì xương cổ oặt nghiêng hoặc vì nọc độc còn rút lại sau khi bệnh đau chưa hết, lại thêm ăn bú không đều, vị ngọt vào tỳ mà sinh trùng, bệnh trạng giống thương hàn, trùng hồ hoặc ⁽¹⁾ ăn lên lợi răng thì miệng lở chảy máu ra hôi thối, đều nên dùng Thận khí hoàn (101) gia Sứ quân tử, Xuyên luyện nhục (trích trong Y học).

PHỤ: CAM TẨU MÃ

(xem cùng với bệnh răng ở dưới)

Cam tẩu mã là răng bị ăn loét nó thuộc về thận. Thận hư bị dờm nhiệt bốc lên, làm cho miệng hôi răng đen, nặng thì nướu nát bết răng lòi chân, thì nên súc thuốc ("Trà nha" tán (72), Mã ô tán (73) trong uống bài Thiềm thù hoàn (74); nhẹ thì răng nướu nát loét, môi mồm sưng đau còn trị được, nếu như răng ăn rụng, mô ác và má loét thủng thì bất trị (trích trong Cảnh-Nhạc).

Như nướu răng nát loét, răng đen và rụng, má sưng thì gọi là cam tẩu mã, nghĩa là khí nóng của kinh dương minh chạy lên như ngựa. Nhưng trùng ăn xuống đến trường vị thì sinh đi lý loét dạ dày, tức là chứng cam lý. Chứng hiện ra nóng dữ da thịt gầy róc, tay chân như giá, móng đen, mặt xám, mình nhiều ghê lở, nóng rét có lúc nổi lên nặng nữa thì xương cổ oặt xuống nên dùng Thận khí hoàn (101) gia Sứ quân tử. Xuyên luyện, bên ngoài dùng bài Niệu bạch tân (75) mà súc vào, hoặc dùng:

Bạch chỉ

5 đồng

Mã nha liêu

1 đồng

(1) - *Hồ hoặc*: cam răng là hoặc, cam hạ âm là hồ, hồ hoặc làm ra bệnh giống như thương hàn, lìm lìm buồn ngủ, âm thầm muốn ngủ mà mắt không nhắm được, nằm ngồi không yên.

Đồng thanh 5 phân *Xạ hương* 2 phân rưỡi.
Đều tán bột, bôi khô vào mép miệng và xát trên răng, rất hay (trích trong Y-học)

CHỨNG CAM LẠNH

Cam lạnh thì khát nước, đi ngoài phân sệt, ưa nằm nơi đất lạnh, kém ăn, ho tức, mắt sưng húp, mặt đen, thân thể mềm oặt, môi cứng, bụng to, gân xanh, mắt có màng, chói ánh sáng, mình gầy, tay chân lạnh là đúng chứng (trích trong Cấm-nang).

Bệnh cam lâu ngày thì mắt sưng, mặt đen, mình gầy, buồn bực, khát nước, nhiều mồ hôi, bụng trướng, ỉa chảy không có thương độ nào hoặc xanh, hoặc trắng, hoặc như chất mỡ nhờn là chứng cam lạnh, thì nên dùng Chỉ thanh hoàn (trích trong Y-học, xem sau đây).

Chứng cam nhiệt thì thân thể nóng dữ khát nước lắm, tự đổ mồ hôi, rất ưa đưa quả, bụng trướng ruột sôi, nước tiểu trắng, ỉa lỏng và chua, hay ngủ, hay khóc thích ăn những thứ tro, đất bếp, than, gạo (trích trong Cấm nang).

Bệnh cam mới phát, người chưa gầy yếu, nhưng má đỏ miệng hôi, môi khô, phiền khát, cơn nóng như lửa, đại tiện bí sấp, thì nên dùng Hồ liên hoàn (xem ở sau đây). Nếu vàng và gầy, mắt quáng gà ban đêm không trông thấy gì hoặc sinh lở thì nên dùng Ngũ phúc hóa độc đơn (100 rất hay (trích trong Y-học).

CAM NÓNG LẠNH

Hai chứng nóng lạnh giao lẫn nhau, không phải là mới phát, không phải là lâu ngày, không vì nguyên nhân trong, không vì nguyên nhân ngoài thì nên tiêu tích hòa vị, nhuận huyết điều khí, ăn uống đạm bạc, lâu ngày thì tự nhiên vững chắc, nên dùng Như thánh hoàn (xem ở sau đây) làm chủ yếu, lại thường uống Bạch trạch tán của họ Tiền để sinh tân dịch, bởi vì chứng cam vốn là thấp nhiệt mà lâu ngày thì hàn thấp, cốt lấy ý tứ mà hiểu chứng bệnh lúc lâm sàng.

Có bệnh, bên ngoài thì nằm đất mà phiền táo, bên trong thì đi ỉa chảy không chừng độ, da thịt ngày hao mòn, ăn uống càng giảm sút là đúng chứng (trích trong các Phương-thư).

CAM KHÁT

Chứng này do tinh dịch đã hao, tạng phủ khô ráo, ngày thì miệng khô khát nước không ngớt (trích trong Cấm-nang).

Ham uống nước mà không ăn không bú, ban đêm thì hết khát, đó là do bầm thụ mà sinh bệnh (trích trong Cảnh-Nhạc).

Trong tạng vốn có cam khí thêm vào đồ ăn, bú không đều, người mẹ ăn nhiều vị thứ cay, đồ xào, nướng, rượu, mỳ, làm cho bụng dạ của trẻ con bị nhiệt đọng, ban ngày thì phiền khát, uống nước nhiều, ăn, bú không kích thích, ban đêm thì hết khát, nên dùng bài Liên đàm hoàn (xem ở dưới) nếu uống nước luôn không ngừng, lưỡi đen là chết.

CAM KHÔ

Cam khô là tân dịch của 5 tạng khô kiệt.

Cam ở tim thì lưỡi khô hay khốc;

Cam ở gan thì khác nhau, trông mắt không được liệng;

Cam ở tỳ thì mất dời miệng cứng, miệng khô khát nước;

Cam ở phổi thì tiếng khan, da khô, đại tiện khô bón,

Cam ở thận thì mình nóng tay chân lạnh, nước đái khô rít thì thường dùng Liên đởm hoàn (xem ở sau đây). Nếu 5 chứng khô (lưỡi khô, tiếng khốc khô khan, miệng khô, đại tiện khô, tiểu tiện khô) đều hiện ra, trên mình mọc ốc, nổi ban đêm là chết (trích trong Y-học).

CAM TÁ

Lông khô, môi trắng, trán nổi gân xanh, bụng trướng ruột sôi, ỉa ra sống phẩn, đó là khí trung tiêu không đủ, sức vận hóa thất thường, kiêng dùng thuốc nhiệt để ngăn lại, mà nên dùng bài Hương khấu hoàn (xem ở sau đây). Nếu ỉa chảy, lòi trôn trê, nấc cụt thì chóng chết (trích trong Y-học).

CAM LY

Thấy có bệnh cam, lại thêm vào chứng tích thực, ứ đọng tích trệ, cơm nước không tiêu hóa và cảm phải nóng lạnh không điều hòa, sinh ra đi lý năm sắc và các chất độc, mót rặn ỉa không được, thì nên dùng Hương sa hoàn (xem ở sau đây). Nếu nhân trung đầy phảng là chết.

CAM THÙNG

Chứng này là vì trong hư có tích, cho nên làm cho bụng dạ trướng căng, tỳ lại bị thấp, nên tay chân đầu mặt đều sưng phù (trích trong Cẩm-nang). Đó là nhân trong hư có tích, tích độc với tỳ khí cùng kết hợp mà sinh hư phù, nên dùng bài Thoái-hoàng hoàn (76), bài Phỉ nhĩ hoàn (xem dưới đây). Như trướng lấm thì dùng bài Hát hoàn tử (xem ở sau đây).

CAM TRƯỚNG

Chứng này là da bụng căng thẳng, nên dùng bài Đại dị hương tán, (77) gia Ngũ linh chi tán bột, sắc Tía tô lấy nước mà uống, lại uống chút ít bài Tử sương hoàn (49).

CAM TỰ NHIÊN

Chứng này khởi đầu do lý lâu, tả lâu, nóng lâu, rét lâu, thổ lâu, sốt rét lâu, ho lâu, ra huyết lâu, lâm lậu lâu ngày mà thành bệnh (trích trong Cẩm-nang).

CAM HỒ

Ngũ tâm phiền nhiệt, lông tóc và da khô, xương ngực nhô lên, thường thường ho hắng là đúng (trích trong Cẩm-nang).

CAM LÃI DỪA

Chứng này là vì cho bú sớm không đều cho bé ăn thịt sớm quá, ứ đọng lại trường vị mà sinh ra trùng. Chứng trạng nhán mày hay khóc, đau bụng nhỏ nước bọt, bụng trướng gân xanh, môi miệng tím đen, ngứa ở đầu ruột, nhưng chứng giống như cam tỳ (trích trong Cẩm-nang).

Vì thiếu sữa, ăn cháo sớm quá, chất ngọt chất béo hóa ra lãi, hay khóc mưa nước dãi, đau bụng, môi tím, đầu ruột và răng hay ngứa. Lãi dưa là loại trùng ăn mà không thể động, lãi chồi ngược lên theo miệng mũi mà ra là khó trị. Phàm chứng cam tích lâu ngày, không chứng nào là không có trùng mà hình dáng không giống nhau, thứ lãi sắc vàng, trắng hoặc đỏ thì trị được, mà sắc xanh, đen là chết (trích trong Cẩm-nang).

CAM TRÙNG

Giống trùng này hoặc như tóc như tơ hoặc như lông đuôi ngựa, mọc ra ở quầng đầu, cổ bụng lưng, sắc vàng trắng đỏ là sống, sắc đen xanh, là chết (trích trong Cẩm-nang).

CAM XƯƠNG SỐNG

Chứng này là trùng ăn trong xương sống, thân thịt, mình nóng mặt vàng, gầy còm, phiền đau, di lý, răng cắn móng tay, gõ vào lưng như đánh trống, xương sống như răng cưa, 10 ngón tay mọc mụn lở, chứng trạng giống chứng cam gan (trích trong Cẩm-nang). Các chứng giống như trên, lại thêm 10 ngón tay mọc mụn lở thì nên dùng Lô hội hoàn (xem dưới đây, trích trong Y-học)

CAM ỐC

Da đầu sáng bóng thẳng căng, đầu lở như màng bánh, nóng như lửa, tóc xoắn như bông lúa, mỏ ác sưng cao, đó là vì trong não vốn bị phong nhiệt, hoặc do người mẹ khó đẻ hoặc lúc gần đẻ nhiều tính dục mà sinh ra, nhưng chứng trạng giống chứng cam tim (trích trong Cẩm-nang)

CAM VÔ CÔ

Chứng này vì giạt áo đem phơi sương bị chim vô cô bay qua rơi cánh xuống làm bẩn, trẻ con mặc vào làm cho thân thể phát nóng, da ngày vàng dần và gầy, di lý ra máu mù. Sách Tâm-giám nói: "Bên cổ sau gáy có ọc hạch như hòn đạn, ấn vào thì di chuyển mềm mà không đau, trong đó có trùng nhỏ như bột gạo, nếu không chóng làm cho vỡ cục hạch mà trừ hết trùng thì trùng theo khí nóng chảy tỏa ra khắp thân thể sinh lở, hễ trùng vào tạng phủ thì di lý ra máu mù, nên phải lấy kim bạc mà lẻ vỡ ra rồi dán thuốc

cao lên là được, (trích trong Cẩm-nang).

Nếu áo đỏ mà mang hơi lên lửa thì không sinh bệnh. Nên dùng Nguyệt thiềm hoàn, (trích trong Y-học, xem ở sau đây).

CAM ĐINH HỀ

Chứng này tay chân bé hoắt, cổ ngắc, xương nổi cao, đít tóp lại, mình gầy teo, bụng to tướng, rốn lồi ra, hay kêu khóc, ngực lõm xuống, mà sinh chứng tích cơm, ham ăn gạo sống. "Đinh" nghĩa là tay chân và cổ rất nhỏ (xem ở ngắc nghiu heo hoắt, "hề" nghĩa là bụng to tướng. Nên dùng Phỉ nhi hoàn sau đây), Đại lộ hội hoàn (84).

CAM BỘ LỘ ⁽¹⁾

Nóng suông từng cơn, xương đầu tách đôi ra, ứa đồ ăn ra và mưa ra lã, phiền khát nôn ọe, xương bày ra như củi khô, là đều do tỳ vị hư yếu không thể đưa đồ ăn đi để nuôi tinh huyết, cho nên tinh huyết khô khan, da thịt khô xám mà thành bệnh (trích trong Cẩm-nang). Nếu mình gầy mà lộ xương ra từng góc từng lớp là chết, vì cam đinh hề và cam bộ lộ đều do tỳ vị hư yếu lâu ngày không thể tiêu hóa được cơm nước đến nỗi vinh vệ khí yếu, da thịt hao mòn, thận khí không đủ, lại bị phong hàn xâm vào, thân hình gầy lòi xương, cũng có trẻ trong thai bị độc, thân hình và tạng phủ thiếu huyết mà sinh bệnh, đều là loại bệnh vô cô thì khó trị, nên dùng Thập-toàn đan (xem ở sau đây) mà cứu chữa (trích trong Y-học).

CAM LAO

Bụng trướng, rốn lồi, thịt tiêu róc xương lòi ra, nóng rét từng cơn, ngũ tâm phiền nhiệt, mồ hôi trộm, ho suyễn, nóng âm ỉ trong xương, khô héo trong sinh lỗ ghé (trích trong Cẩm-nang).

Mọi chứng như trên, lại có ỉa chảy, bụng cứng như đá, sắc mặt như bạc, quyết không đi được. Dùng cổ phương Bát-vật thang (189), trong cổ phương bỏ Bạch truật gia Hoàng ký, Sài hồ, Bán hạ, Trần bì, Sứ quân tử, Hà-mô khô (chấu chàng đốt ra tro) miết giập yếm cua đinh, các vị đều bằng nhau, gừng và táo sắc uống, hoặc dùng Liên dầm hoàn (xem sau đây) Hương liên trừ đở hoàn (78) gia Hà-mô-khô mà cứu chữa, nếu hơi thở giốc lên là chết, (trích trong Y-học).

ĐẠI PHỈ NHI HOÀN

Trị 5 chứng cam, tỳ hư ỉa chảy, nóng âm ỉ trong xương, (Đây trở xuống đều là phương trong Cẩm-nang).

Nhân sâm

Bạch thược

Sơn tra

Địa cốt bì

Bạch truật

Trạch tả

(1) Cam bộ lộ, chứng cam ăn vào lại mưa ra và đi ỉa lỏng không ngừng, mà trong phân có trùng

<i>Trần bì</i>	<i>Nhục đậu khấu</i>
<i>Hậu phác</i>	<i>Tán lang</i>
<i>Thần khúc</i>	<i>Xuyên khung</i>
<i>Hoàng liên</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Hồ hoàng liên</i>	<i>Sử quân tử</i>
<i>Thanh bì</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Cam thiêm (cóc khô nung cháy)</i>

Các vị trên đều 5 phân. Tán nhỏ luyện mật làm hoàn to bằng hòn đạn, uống với nước cơm.

HƯƠNG KHÁU ẤM (TRỊ CAM TÁ)

<i>Hoàng liên</i>	<i>Kha tử (nướng bỏ vỏ)</i>
<i>Mộc hương</i>	<i>Súc sa nhơn</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Sinh đậu khấu nhục dùng sống.</i>

Sắc với gừng và nước mà uống.

KIỆT THÁNH HOÀN

Thông dùng trị bệnh cam trẻ con

<i>Lô hội</i>	<i>Thanh bì</i>
<i>Ngũ linh chi</i>	<i>Nga truật (lùi)</i>
<i>Dạ minh sa (sấy khô)</i>	đều 1 đồng
<i>Sa nhơn</i>	<i>Sử quân tử (lùi)</i>
<i>Trần bì</i>	<i>Mộc hương</i>

Hà mô (phơi nắng khô rồi nướng sém)

Hoàng liên hai vị đều 3 đồng.

Các vị tên đều tán bột, dùng mật heo đục 2 cái trích lấy nước hòa với bột thuốc làm hoàn, viên bằng hột mè, mỗi lần uống 15 viên với nước cơm.

TRƯ CAN TÁN

Tri chứng cam mắt, ghen có màng và trông ánh sáng bị chói.

<i>Dạ minh sa</i>	
<i>Cáp phấn</i>	đều 1 lạng
<i>Cốc linh thảo</i>	

Các vị tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, 5 - 7 tuổi trở lên thì 2 đồng, dùng gan heo đục một miếng bằng cái muỗng, mở ra cho thuốc bột vào, lấy dây gai buộc lại, nấu với nửa bát nước vo gạo khi gan heo chín thì gấp ra, còn nước đổ vào bát mà xong mắt, gan thì chia ra mà ăn làm 3 lần cũng dùng nước nấu đó mà uống ngày 3 lần không cứ lúc nào. Người lớn mắt quáng gà thì uống vào lúc đói, đến đêm sẽ trông thấy, nếu đau lâu không lành thì ngày uống hai lần.

KÊ CAN TÁN

(Phương thuốc bí truyền rất hay trong Cẩm-nang, trị chứng cam tích, mắt bị hồng sinh màng trắng, uống một lần là mắt đỏ lại, uống hai lần là lui bệnh).

Thấu minh Hùng hoàng (1 đồng 5 phân, nghiền nhỏ (hùng hoàng thứ trong sáng)

Tang bạch bì 5 - 6 đồng, sấy khô già hơi nhỏ

Kê nội kim 1 cái, để lên ngồi nướng khô già nát.

Lấy thuốc bột bôi vào gan gà trống, cho rượu vào nấu chín, bỏ hết thuốc mà ăn gan, kiêng đồ sắt.

HÒA MY CAO

Chi tử 3 cái đốt tồn kính

Hùng hoàng

Khinh phán đều chút ít

Thần sa

Các vị trên tán bột, trộn đều với dầu mè đợi cho trẻ ngủ say xúc đầy cao vào hai lông mày, khi trẻ thức dậy tự nhiên không muốn bú, nếu chưa công hiệu thì làm lại

CÁC PHƯƠNG KHÁC trị cam mắt rất hay:

Hoa phù dung 4 lạng phơi dâm

Nhục quả 1 cái nướng lùi

Hồ hoàng liên 5 đồng

Dùng gan gà trống 1 cái (cái mềm), nấu với rượu trắng, bỏ gân và màng, nhào trộn với thuốc trên làm hoàn, chia ra 3, 4 lần, mà uống với rượu trắng,

Trị chứng cam thân, chân răng mục nát và bị lở ra mà loét và hôi thối.

Hùng hoàng 4 hột to bằng hột đậu xanh

Dại táo 7 quả, bỏ hột

Mỗi hạt hùng hoàng bỏ vào trong quả táo, dùng giấy chỉ buộc chặt, đốt trên ngọn đèn, hể ngoài đen trong khô là được, để cho biết hơi lửa rồi tán nhỏ mà xát vào chân răng, trẻ ngủ chảy hết nước giải và chỉ máu thì khỏi.

TRUY TRÙNG HOÀN (THUỐC TRỪ GIUN)

Khổ luyện căn

(rễ xoan)

Quan chúng đều 1 đồng

Mộc hương

Đào nhân (bỏ vỏ, bỏ

dầu nhon, sao)

Hạt trám bầu(sao)

Hạt cau khô

Cóc khô (bỏ đầu chân,

tầm mở sữa nướng 2 vị này

Hoàng liên đều 1 đồng

Sử quân phục 25 hột

đều 1 đồng rưỡi

Dương quy

Hạt sắt sao

Đều tán bột làm hoàn viên nhỏ, luộc thịt lấy nước làm thang mà uống (Từ đây trở xuống là phương trong Cảnh-Nhạc).

Phâm bệnh mới phát là cam nhiệt, nên dùng Hoàng liên hoàn (79); bệnh lâu ngày là cam lạnh nên dùng Mộc hương hoàn (80); kiêm cả nóng lạnh thì dùng Như-thánh hoàn (xem dưới); nếu tân dịch thiếu kém, nên dùng Thất vị bạch truat tán (81).

LIÊN ĐỔ HOÀN

Trị khắp mình sinh lở ghê không khỏi.

(Dây trở xuống đều là phương trong Y-học).

Hoàng-liên 7 lạng, ngâm nước cho ngấm vào tận trong rồi dồn vào trong cái bao tử heo, dùng chỉ khâu lại, hấp trên nồi cơm cho chín nhừ, lấy ra, cho vào ít cơm hấp đó, mà cũng giã nát làm hoàn bằng hạt đậu mỗi lần uống 23 viên thang với nước cơm.

HỒ LIÊN HOÀN (trị cam nhiệt)

Hồ hoàng liên

Xuyên hoàng liên

Thần sa

đều 5 phân

1 đồng phân

Các vị tán nhỏ dồn vào trong mật heo buộc chặt treo vào trong nồi hông (chỗ) đổ nước rượu nếp loãng vào mà nấu độ chín nồi cơm là lấy ra, cho vào bột lô hội 2 đồng, chút ít xạ hương, hoàn với cơm tẻ, to bằng hột mè, mỗi lần uống 5 - 7 viên với nước chè. Một phương có thêm thanh đại, Hà mô khô đều 2 đồng.

CHÍ THÁNH HOÀN (trị cam lạnh)

Dinh hương

Thanh bì

Mộc hương

Hậu phác

đều 2 đồng

Sử quân tử

Trần bì

Nhục đậu khấu

Các vị tán bột, nấu hồ với Thần-khúc làm hoàn viên bằng hột mè, mỗi lần uống 7 - 10 viên với nước cơm.

NHU THÁNH HOÀN (trị cam lạnh nóng)

Hồ hoàng liên

Xuyên hoàng liên

Sử quân tử

Xạ hương

đều 1 lạng

5 phân

Các vị tán bột dùng châu chàng 5 con giã nát cho rượu vào ngào thành cao rồi hòa với bột thuốc trên làm viên bằng hột mè, mỗi lần dùng 5 - 7 viên hoặc 20 viên, sắc nước nhân sâm làm thang mà uống.

PHỤC THẦN HOÀNG (trị cam kinh)

<i>Phục thần</i>		<i>Viễn chí nhục</i>	
<i>Lô hội</i>	đều 3 đồng	<i>Câu đằng bì</i>	đều 2 đồng
<i>Hổ phách</i>		<i>Hà mô khô</i>	
<i>Hoàng liên</i>		<i>Xương bồ</i>	1 đồng
<i>Xích phục linh</i>	3 đồng	<i>Xạ xương</i>	chút ít
Các vị tán nhỏ hoàn với cơm tẻ, to bằng hạt mè mỗi lần uống 10 viên với nước bạc			

hà.

PHONG CAM HOÀN (trị cam mắt)

<i>Thanh đại</i>		<i>Long đóm thảo</i>	
<i>Hoàng liên</i>		<i>Phòng phong</i>	đều 1 đồng rưỡi
<i>Thiên ma</i>		<i>Thuyền thoái</i>	
<i>Ngũ linh chi</i>	đều 2 đồng	<i>Toàn yết</i>	
<i>Dạ minh sa</i>		<i>Đầu cóc sấy khô</i>	đều 3 con
<i>Xuyên khung</i>			
<i>Lô hội</i>			

Các vị tán bột, hòa với nước mật heo làm hoàn, to bằng hạt mè, mỗi lần uống 10 viên, sắc nước bạc hà làm thang mà uống.

TIỂU HỒ LIÊN HOÀNG (trị cam ăn)

<i>Hoàng cầm</i>		<i>Sinh địa</i>	
<i>Dương quy</i>		<i>Tử tô</i>	
<i>Mạch môn</i>		<i>Cam thảo</i>	
<i>Phòng phong</i>	đều 5 đồng	<i>Tiền hồ</i>	
<i>Xích phục linh</i>		<i>Tang bạch bì</i>	
<i>Cát cánh</i>			
Sắc mà uống.			

HÓA THÁC HOANG (trị cam khí)

<i>Lô hội</i>	<i>Bạch chỉ</i>
<i>Thanh đại</i>	<i>Hồ hoàng liên</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Xuyên hoàng liên</i>
	<i>Chấu chàng đốt ra tro</i>

đều bằng nhau

Các vị trên, tán bột, tẩm nước mật heo, trộn với bánh đúc làm hoàn, to bằng hạt mè, mỗi lần uống 20 viên với nước sắc hạnh nhân, uống vào sau khi ăn rồi và khi đi nằm.

LIÊN DỖM HOÀN

Hoàng liên	5 đồng, tấm mật heo
Quạ lâu cân	
Ô mai	
Liên nhục	đều 2 đồng
Hạnh nhân	

Các vị tán bột, tẩm nước mật bò, hoàn với bánh đúc, to bằng hột mè, mỗi lần dùng 5 viên, sắc nước ô mai hòa với nước gừng và mật ong mà uống.

HƯƠNG KHẤU HOÀN (trị cam tả)

Hoàng liên	3 đồng
Mộc hương	
Nhục đậu khấu	
Kha tử	đều 1 đồng
Sa nhân	
Phục linh	

Tán bột nhồi với cơm nguội làm viên to bằng bột gạo nếp, mỗi lần uống 5 viên với nước cơm.

HƯƠNG SA HOÀN (trị cam lý)

Hoàng liên	3 đồng		
Mộc hương			
Hậu phác	đều 2 đồng	Sa nhân	2 đồng
Dạ minh sa		Kha tử	1 đồng

Tán nhỏ nhồi với cơm nguội làm viên to bằng hột mè, mỗi lần uống 15 viên, với nước gừng sắc.

HẠT HOÀN TỬ (trị cam thũng)

Hột la bặc tử	1 lạng
Trần bì	
Thanh bì	
Tân lang	
Ngũ linh chi	đều 5 đồng
Hắc sùu	
Xích phục linh	
Nga truật	
Mộc hương	2 đồng 5

Các vị tán bột, luyện hồ làm hoàn, to bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 15 viên với nước sắc tang-bạch-bì, tử-lô hoặc nước cái củ. Trị trẻ con ăn bú không tiêu, ngực bụng đầy trướng, nôn mửa thờ gấp, bụng sôi, tả chảy trong bụng lạnh, đau, đồ ăn, sữa tích

báng, bụng nổi cục hạch, tích đọng ở trường vị, hoặc ỉa táo, hoặc ỉa chảy, đầu mặt sưng phù, kèm trị 5 chứng cam, 8 chứng lý, da gầy bụng to, công hiệu rất hay. Một phương có thêm Hồ tiêu, Hoàng liên, Tam lăng, khổ luyện cân đều 2 đồng rưỡi.

LONG ĐÔNG HOÀN (trị cam ọc)

<i>Long đom thảo</i>	<i>Xích phục linh</i>
<i>Thăng ma</i>	<i>Lô hội</i>
<i>Khổ luyện cân</i>	<i>Tro tóc rối</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Thanh đại</i>
	<i>Hoàng liên.</i>

đều bằng nhau

Các vị tán bột, tẩm nước mật heo, hoàn với bánh dúc, to bằng hột mè, mỗi lần uống 20 viên với nước sắc bạc hà, tử tô, uống vào sau khi ăn, lại lấy bột lô hội bôi vào lỗ mũi.

NGUYỆT THIỀM HOÀNG (trị cam vô cô)

Bắt 2 con cóc đánh chế bỏ vào nồi nước dãi mà ngâm, xúc lấy một mớ giò cầu tiêu bỏ vào để cho giò ăn trong một ngày đêm, lấy ra bỏ vào túi vải buộc ở giữa dòng nước chảy ngâm 1 đêm, rồi đem lên để trên miếng ngói sấy khô, cho vào 2 phân rưỡi xạ hương, cùng tán nhỏ, hoàn với cơm, to bằng hột mè, mỗi lần uống 30 viên, với nước cơm, uống 1 lần thì hết buồn bực, uống 2 lần thì hết khát; uống 3 lần thì chỉ tả, và cũng trị cả mọi chứng cam.

NGŨ CAM BẢO ĐỒNG HOÀN

(Trị mọi chứng cam, tại chứng cam khô ngũ tạng).

<i>Đầu cá thiết linh</i>	<i>Long đom thảo</i>
<i>Đầu cóc</i>	<i>Thanh đại</i>
<i>Một gấu</i>	<i>Thanh bì</i>
<i>Xạ hương</i>	<i>Ngũ bội tử</i>
<i>Cứt dơi</i>	<i>Khổ luyện cân</i>
<i>Hoàng liên</i>	<i>Hùng hoàng</i>
<i>Nước coc ráo</i>	<i>Lô hội</i>
	<i>Hồ hoàng liên</i>

đều bằng nhau

Các vị tán bột, luyện hồ làm hoàn to bằng hột mè, mỗi lần uống 10 viên với nước cơm.

NGŨ CAM TIÊU THỰC HOÀN

(Tiêu cam, sát trùng, trừ nóng tiêu tích, ngon ăn).

<i>Sử quân tử</i>	<i>Vu di</i>
<i>Mạch nha</i>	<i>Thần khúc</i>

Trần bì

Long đóm thảo

Hoàng liên

Sơn tra.

Các vị bằng nhau, tán bột hoàn với cơm gạo trần mế, to bằng hột gạo nếp, mỗi lần uống 10 viên với nước cơm.

PHÌ NHI HOÀN

(Trị da vàng, bụng cần thẳng, có cục băng, ỉa chảy, gầy yếu và tất cả mọi chứng cam).

Hoàng liên

Tân lang

Thần khúc

đều 1 lạng

Mộc hương

đều 2 đồng

Mạch nha

Nhục đậu khấu

đều 5 đồng

Sử quân tử

Các vị tán bột tẩm nước mật heo hoàn với bánh đúc, to bằng hột mè, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm.

Một phương bỏ tân lang, nhục đậu khấu, mộc hương mà gia Vu di, Thanh bì, gọi là Hoàng liên phỉ nhi hoàn, trị mọi chứng cam và cam mắt.

LÔ HỘI HOÀN

(Tiêu cam, sát trùng, hòa vị chĩ tả)

Hồ hoàng liên

Mộc hương

Lôi hoàn

đều 1 lạng

Thanh đại

Lô hội

Hạc sắt

Vu di

Hoàng liên

Thuyền thoái

20 cái xác

Xạ hương

1 đồng

Các vị tán bột, tẩm nước mật heo, hoàn với bánh đúc, to bằng hột mè, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm.

THẤP TOÀN ĐƠN

(trị những chứng: đình hê, vô cô, bộ lộ).

Trần bì

Ngũ linh chi

Thanh bì

Bạch đậu khấu

Nga truyệt đều

5 đồng

Tân lang

Xuyên khung

Lô hội

Một hương

Sử quân tử

đều 1 đồng

Chấu chàng đốt ra tro

Các vị tán bột, lấy nước mật heo hòa với bánh chưng mà làm hoàn, to bằng hạt

mè, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm, nếu nóng thì sắc nước bạc hà mà uống với thuốc viên.

BỔ ĐẠI HOÀN

Trị mọi chứng cam bụng to đầu nhỏ, mặt vàng đau bụng giun, ăn uống không ra da thịt.

Dạ minh sa

Lô hội

Vu di đều 2 lạng

Nhân sâm

Sử quân tử

Bạch trật

đều 5 đồng

Phục linh

Cam thảo

Các vị tán nhỏ, tắm nước nóng hoàn với bánh chưng, to bằng hòn đạn, mỗi một viên đựng vào bao lụa rồi dùng thịt heo nạc cùng nấu, chờ thịt chín nhừ, lấy bao thuốc ra, treo nơi gió mà phơi râm, chỉ dùng thịt hòa với nước luộc cho trẻ ăn, ngày hôm sau cũng nấu và ăn như thế, cho hết số thuốc thì thôi.

DẠ MINH SA PHƯƠNG (trị các chứng cam)

Dạ minh sa, sao tán nhỏ, bỏ vào trong đồ ăn uống mà ăn hoặc uống.

Lại có bệnh sữa ché, vì đàn bà chữa bị các vật ác độc dẫn dụ vào trong bụng, làm cho đi lỵ, nóng rét từng cơn, lông tóc không mọc, hoặc đàn bà có con, lúc con chưa biết đi, lại có chữa, để cho con bú phải sữa ché, cũng thành bệnh này, thì nên dùng bài Thiên kim long đàm thang (20) lại lấy tỳ vài đo đựng dạ minh sa cho trẻ đeo.

THUỐC CHỦ YẾU VỀ BỆNH CAM (Trích trong Cẩm nang)

(Đều nên tùy theo chứng trạng mà chọn dùng)

Làm mát chứng cam nhiệt. Xuyên hoàng liên, Thạch học, Hồ hoàng liên, Ngũ cốc trùng, (tức giới cầu tiêu) Hoàng cầm, Thanh đại, Chi tử, Hoạt thạch, Địa cốt bì.

Tiêu cam, hóa tích sát trùng. Long đởm thảo, Lô hội, Quán chúng, Cóc sấy khô, Tam lăng, Nga truật, Chỉ thực, Sơn tra, Sử quân tử, Hạnh nhân, Bình lang, A ngù, Vu di, Thạch quyết minh, Thần khúc, Hương phụ, Thanh bì, Mộc hương.

Tư âm, dưỡng huyết như:

Sinh địa, Thục địa, Dương qui, Bạch thược, Đan bì, cốt bì, Tri mẫu, Hoàng bá, Trạch tả.

Kiện tì, khai vị, bồi bổ nguyên khí, như:

Sơn dược, Phục linh, Bạch truật, Sa nhân, Trần bì, Bạch đậu nhân, Trần mễ, Khiếm thực, Nhân sâm, Cam thảo, Mễ nhân, Nhục quả, Liên nhục.

V - ĐƠN ĐỘC

(Phụ: Lở vì thai độc)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Đơn cục đỏ tía, đều do tâm hỏa uất ở trong mà phát ra, đỏ như đan sa cho nên gọi là đơn. Đó là do nhiệt độc xâm vào trong da, cấu kết với khí huyết, mà rồi phong lẩn vào làm cho âm trệ vào trong dương, thì phát ngay ra đơn độc, mà nhiệt quá sinh phong, chỉ trong giây phút chạy cùng khắp mình. Trong sách tuy có phân biệt ra 5 sắc, 10 chứng đơn khác nhau, nhưng cũng không ngoài vì huyết nhiệt mà thuộc ở tâm, tâm hỏa đốt nóng ở trong, phong tà ở ngoài lẩn vào, trong thắng thì mọi vật đều lay chuyển, cho nên làm cho chứng bệnh di động rất mau.

Như đơn độc là chứng hỏa do thai nhiệt mà sinh ra, sau khi bà mẹ có thai mà không kiêng những loại đồ ăn, như năm giống cay, đồ chiên xào, rán, nướng, rượu miến, hoặc cảm phong nhiệt hoặc không kiêng phòng dục, đều hay giúp cho hỏa, hỏa tà công ở trong, thai bị phải hỏa độc mà truyền khí vào đứa trẻ, cho nên sau khi thai đã ra rồi hay có chứng này. Hoặc cũng vì áo trẻ dái ướt, mang bơ vào lửa, nhân khi còn nóng hoặc chưa khô thật mà mặc ngay cho trẻ, khí thấp nhiệt gấm dầm tâm hỏa bùng lên, đến nỗi khí độc cùng huyết cấu kết, mà phong nhân đó lẩn vào, cho nên sưng đỏ chạy lan khắp mình không định chỗ.

B- Phân biệt chứng trạng:

Gọi là đơn, là ứng với tâm hỏa mà sắc đỏ.

Đơn sắc hồng là sống, sắc trắng là khí hư kèm có đờm, sắc tía là độc thịnh, sắc đỏ gọi là "Xích du đơn" (đơn chảy) do nhiệt độc cảm vào rất sâu.

Hình dáng nó sưng đỏ từng đám, như trét sáp đỏ vào, hoặc phát ở tay chân hoặc phát ở đầu, mặt, ngực, lưng, làm cho trẻ buồn phiền vật vã, bụng trương lên, mà nóng như lửa, đau không thể chịu được, nó chạy đi khắp mình rất là nhanh chóng.

Đơn sắc trắng gọi là "Bạch du phong" là chứng phong thấp cảm nhẹ, chứng trạng thì nổi lên từng đám sinh ngứa, nóng dữ, ớn lạnh, nghẹt mũi, bực tức ho hen, bợn dạ muốn mửa. Như dưới cằm nổi lên cục hạch, sắc đỏ mà sáng bóng, gọi là *bướu đỏ*, hoặc khắp mình nổi nốt đỏ như rắc hạt châu, gọi là *đơn sỏi*, hoặc khắp mình sưng đỏ, khí nóng như nung nấu, gọi là *đơn hỏa* (đơn lửa) hoặc những chỗ bụng dưới trong háng bẹn dái, bồng nhiều sưng hồng như ráng, chạy đi không nhất định gọi là *xích du đơn*.

Đơn sắc xanh như rêu là chết, và tất cả mọi đơn độc nhập vào tạng, rốn lõi chảy nước, mặt má tía phù, nghẹn hơi không bú, tay chân nắm chặt, đại tiểu tiện bế, ngực và lưng có vết máu, lưỡi sinh nốt lờ đen, tím, ngực sưng tím là bất trị.

Lại nói: "hỏa đốt nào nốt lở là nhiệt độc của tiên thiên. Hỏa chạy tới các khiếu, nên những nơi miệng, mũi, mắt, bẹn dái, lỗ đít hiện ra vết hồng như ghẻ lở, dần thành ra nốt đỏ, hôm sau thì vỡ ra, sắc đỏ không có da, như hình vết bỏng rất là đau khổ, nằm ngủ không yên, khoảng 1,2 ngày, khắp mình thối loét, nếu đến chỗ mủ ác sưng lên, bẹn dái sưng bóng, là bất trị.

C- Cách trị:

Đơn đỏ chạy rất nhanh thì nên trị gấp, nếu chạy vào bụng, vào thận thì không cứu được. Nên dùng thuốc thanh lương giải độc, nặng thì lễ nặn máu độc, rồi lấy thuốc xúc vào.

Đơn trắng thì chỉ sơ tán, thăm thấp mà thôi. Nhưng tạng phủ trẻ còn non yếu, phạm tất cả mọi đơn độc là trước hết trong phải cho uống thuốc giải độc, rồi mới nên dùng thuốc xúc ngoài, bởi vì độc dễ vào khó ra, da thịt bị thương thì hại mẹ, tạng phủ bị thương thì hại con.

Mọi thứ đơn độc, chỉ xích đu đơn là nguy cấp nhất nếu thấy trẻ con hay khóc kém bú, phải xem ngay khắp mình nó hể có sắc đỏ là phải trị gấp, nếu xem xét không xem khắp cả, khi độc ở mình trẻ mà ta không biết, thì độc đã nhập vào trong bụng trẻ, cứu chữa cũng không kịp nữa.

Có thuyết nói: "Đơn độc là chỉ chứng nổi cục đỏ, xanh là bất trị, vì mẹ ăn đồ nóng lâu ngày, để nhiệt lại cho thai, thì không có thuốc gì mà cứu được. Cho nên phạm đơn độc biến đổi không phải là nhẹ, như kinh qua 3 ngày thì bất trị, công vào tạng phủ tất là chết.

Tên bệnh thì rất nhiều, gọi chung là đơn độc. Độc nhập vào bụng thì bụng trướng mà không bú, hoặc nhập vào bụng dưới, búi dái như bị thương là chết. Trong lúc đơn chưa vào bụng, phải kịp uống thuốc mát để thoát độc, ngoài dùng dao nhọn chích để nặn máu độc, rồi dùng Cao hạt độc mát da mà xúc vào, may còn sống được.

Đơn đã chạy vào trong bụng, không gì bằng cho tả hạ, cũng có đứa trẻ tả hạ mà sống, như trong trăm nghìn đứa mới được một.

D- Xử phương:

KINH GIỚI ẨM (trị đơn đỏ, chạy khắp mình)

<i>Kinh giới</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Ngưu bàng tử</i> (sao già dập)
<i>Đan bì</i>	<i>Huyền sâm</i>
<i>Hoa phẩn</i>	<i>Xích thực</i>
<i>Quất hồng</i>	<i>Khương hoạt</i>
<i>Liên kiều</i>	<i>Kim ngân</i>
Các vị bằng nhau, sắc với nước mà uống.	

LỤC BẢO TÁN

<i>Đậu xanh</i>	5 đồng
<i>Đại hoàng</i>	2 đồng

Các vị tán bột dùng bạc hà tươi giã nát, vắt lấy nước cốt, cho vào tỳ mật cùng trộn lẫn với thuốc bột mà xúc vào.

Lại từ đây trở xuống là các phương trong Cẩm-nang:

- Dùng nước cốt bèo ván xúc vào.

- Dùng nước cốt củ chuối xúc vào.

- Dùng nước cốt rễ cây Ngưu bàng xúc vào, nếu phát ban thuộc phong nhiệt kèm đờm, mà từ trong phát ra ngoài, thì nên dùng bài Phòng phong thông thánh tán (85) cho tan đi, bỏ phác tiêu, đại hoàn lại càng tổn đáng hơn, vì cho hạ lợi là vô lý.

Từ đây trở xuống là các phương trong các Phương thư:

Nếu bị nội thương mà phát ban, vị khí rất hư, bao nhiêu hỏa trong mình bốc hết ra ngoài, thì nên bổ vào để giáng hỏa, dùng Huyền sâm thang ma thang (86). Vì huyền sâm có thể tả cái hỏa không căn cứ, mà hay chạy, đã bổ mà lại có thể giáng, thích hợp với chứng này. Nếu thương hàn phát ban thì ban không có nốt đen mà cũng không có đầu, là đúng chứng, thì nên theo phép của Trọng - Cảnh mà trị. Phàm ban sởi sắc đen mà chạy vào bụng rất là hại người, phát từ tay chân mà vào bụng cũng thế.

Từ đây trở xuống là các phương ở Y-học:

- Ban phát từ đầu cổ thì dùng hành trắng.

- Phát từ lưng thì dùng tang bạch bì tán nhỏ trộn mỡ dê mà xúc.

- Phát từ đầu cổ sưng đỏ mà đau, thì dùng đậu đỏ tán bột hòa với lòng trắng trứng gà mà xúc.

- Phát từ trên mặt sưng đỏ, thì dùng đất lòng bếp tán nhỏ hòa với lòng trắng trứng gà mà xúc.

- Phát từ eo lưng và lưng, chỗ sưng đỏ, mà sắc người vàng thì dùng cành cây liễu đốt ra tro hòa vào nước mà xúc.

- Phát sưng từ eo lưng mà sưng đỏ thì dùng cánh cây liễu tán nhỏ hòa với giấm thanh mà xúc.

- Phát từ 2 hông sườn mà sưng lên thì dùng mặt sất tán nhỏ trộn với nước cốt heo mà xúc.

- Phát từ 2 chân mà sưng đỏ thì dùng nhũ hương tán nhỏ trộn với mỡ dê mà xúc.

- Phát từ âm hộ thì dùng cục đất chỗ nhà dột nhỏ nước xuống, tán nhỏ trộn với mỡ dê mà xúc.

- Phát từ 2 chân hoặc trắng hoặc đỏ, thì dùng cục đất ở dưới chuồng heo tán nhỏ trộn với dầu dê mà xúc.

Tiền-Ất ⁽¹⁾ thường dùng phác tiêu, son đất tán nhỏ, lá chàm, bèo cái rêu nước cùng giã nát vắt lấy nước cốt, trộn lẫn cả mấy thứ mà xúc. Hoặc dùng phác tiêu 1 lạng, đại hoàng 5 đồng tán bột, lấy nước mới múc ở giếng hòa vào mà xúc, hơi khô lại xúc, nếu

(1) Tiền Ất (1035 - 1117) 1 chuyên gia nhi khoa hạng cổ, 1 nhân tài kiệt xuất của Trung y, các sáng tạo của ông là:

- *Thăng ma cầu căn thang* chữa đau sởi mới mắc.

- *Đạo xích tán* chữa trẻ con tâm nhiệt.

- *Tả bạch tán* chữa trẻ con ho suyễn khó khê.

- *Đĩa hoàng hoàn* chữa thận hư mất tiếng.

- *Đi công tán* chữa trẻ con tiêu hóa kém.

- *Bách hó hoàn* chữa ho hắng do lạnh phổi.

- *Bách thảo tán*, để thúc sởi mọc.

- *An trĩnh tán*, *Sử quán tử hoàn* trị sởi lâu trẻ con.

Bài Lục vị địa hoàn là của ông cải biến từ Kim quý thận khí hoàn của Trọng Cảnh, trở thành thánh dược của nhi khoa.

Ông còn sáng tạo cách biện chứng theo ngũ tạng, lối dùng thuốc nhu nhuận, để lại cho đời sau gần 10 thế kỷ vẫn còn có giá trị.

khí độc xâm vào trong, bụng trướng lên thì chết, chỉ dùng bài Hồng nội tiêu tán mà cứu chữa.

HỒNG NỘI TIÊU TÁN

<i>Hồng nội tiêu</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Khuông hoạt</i>
<i>Quả cà thái lát,</i>	<i>Hoàng cầm</i>

hoặc dùng cuống quả cà

Các vị đều 5 đồng, xạ hương 5 phân, cùng tán bột, mỗi lần dùng 2 đồng, sắc nước sinh địa hoàng làm than mà uống.

Nên dùng bài Ngũ phúc hóa độc đan (100), Tê giác tiêu độc ẩm (87), Nhân sâm bại độc tán (88) gia thêm Tử thảo, hoặc Thăng ma cát căn thang, gia bạch truật, phục linh, mộc hương, chỉ xác. Đại khái để mát tâm hỏa, trừ thấp nhiệt làm chủ yếu, chớ nên làm cho độc hãm vào, có người không uống được thuốc mát thì dùng Tĩnh tình tán (96) cũng hay.

PHỤ: LỖ VÌ THAI DỐC

Như trẻ con 1,2 tuổi mà khắp mình sinh lở thì nên trước uống Ngũ phúc hóa độc đan (100). Tê giác tiêu độc ẩm (87).

PHƯƠNG CHỮA NGOÀI

Dùng nước tiểu của cha cháu, lấy lông cánh ngỗng chấm nước tiểu phết vào chỗ đau, Nếu bị thấp mà lở thì lấy bột thanh đại rắc vào, lại xem chung với mục Đơn độc mà dùng.

VI - CHỨNG PHÁT SỐT

(Cảm phong, cảm hàn và mọi cảm nhiệt)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh.

Trẻ con khí bẩm thuần dương mà khí huyết của kinh thiếu âm thực và bế tắc, tạng phủ hơi sai trái thì rất dễ phát nóng, vì âm không thể phối hợp được với dương, huyết không thể phối hợp được với khí. Cho nên bệnh phát phần nhiều thuộc hỏa, nếu nhiệt bế tắc lại không tan, chứa đọng ở lồng ngực, thì nhiệt sinh ra phong và sinh ra hồi hộp.

PHỤ: LỜI BÀN VỀ NGOẠI CẢM KIÊM NỘI THƯƠNG CỦA CÁC SÁCH

Chứng thương hàn của trẻ con, sáu kinh đều bị cảm, cũng chẳng khác gì người lớn, nhưng người lớn thì nguyên khí đã hao mòn, thiên chân ⁽¹⁾ không đầy đủ, hướng chỉ có thất tình giao cảm, lại kèm nhiều chứng nội thương, nhiều đờm, cho nên bị cảm mà đứng

(1) Thiên chân: tức là chân nguyên, cũng tức là thần khí hay tính khí (xem Thượng cổ thiên chân luận trong

chứng thương hàn thì rất khó chữa. Trẻ con thì thiên chân chưa hư hại, thất tình lại cũng ít, chứng tạng cảm phải, so với người lớn có nhẹ hơn. Nhưng rét nhiều sốt ít, là bệnh ngoại cảm đã sâu, sốt nhiều rét ít là bệnh nội thương tất nặng; ngoại cảm thì khắp mình nhức xương, nội thương thì bụng trướng đau phát ách. Trị bệnh trẻ con thì thuốc trị ngoại thường kiêm cả thuốc trị trong, mà làm phép phát hãn phép công hạ, so với người lớn cũng nên làm nhẹ hơn. Chứng cảm phong, đầu đau người nóng, mũi nghẹt, thở to, nhảy mũi, ngáp vặt, rên rĩ không thôi, thấy gió là sợ, run rẩy hơi rét, cùng bệnh thương hàn người lớn không khác, nếu kèm tích thực là thổ ra đồ ăn, kèm tích đờm thì thổ ra đờm, cho uống thuốc so với người lớn nên dùng bớt một nửa, mà không kể có chứng tích đờm hay chứng tích thực thường nên kiêm trị cả hai. Vì trẻ con dễ bị tích thực, mà nhiệt thì dễ sinh đờm, cho nên trong thang thuốc nên dùng kiêm cả, nhưng chỉ sơ giải nhẹ nhẹ cho hơi ra mồ hôi, không nên dùng mạnh quá, mạnh quá thì chân nguyên cũng lại bị hại. Như thế là ta không có chỗ làm lỗi.

B- Phân biệt chứng trạng:

Chứng phát sốt, vì nhiều nguyên nhân, trị bệnh nên xét đoán mà phân tích cho rõ để cho khỏi sự lầm lẫn bệnh một đường trị một nẻo.

- Can nhiệt thì má đỏ, mắt trợn lên, mẩn áo, co quắp, hay kinh sợ, mắt đỏ đau.
- Tâm nhiệt là buồn phiền, kêu la, môi đỏ tươi, mắt lườm lên, nghiêng răng, ngoài da đau, tâm chí loạn, miệng lở, ngọc hành sưng.
- Phế nhiệt thì thở gấp, bí kết, tay sờ vào mào mát, mũi nghẹt, lông khô quăn.
- Tỳ nhiệt thì chảy nước dãi, mắt vàng, bụng to, phân tiện rắn, ham nhắm mắt.
- Thận nhiệt thì bị cam, tai nhiều mù hôi, mắt lườm xuống, sợ sáng,
- Tâm tỳ đều nhiệt thì sinh lưỡi chông, lưỡi cứng.
- Vị nhiệt thì hơi miệng hôi.
- Năm tạng chứa nhiều phong nhiệt và khí độc thì mặt đỏ như máu hồng nhạt.
- Can nhiệt thì má bên trái đỏ trước, phế bị nhiệt thì má bên phải đỏ trước, tâm bị nhiệt thì trên trán đỏ trước, thận bị nhiệt thì chỗ bên mép đỏ trước, tỳ bị nhiệt trên mũi đỏ trước.
- Cam nhiệt thì mình gầy, hay khát, nóng hầm trong xương, đồ mồ hôi trộm, chốc đầu, quần tóc, ăn bùn, ăn than, 5 tạng đều nhiệt.
- Phong nhiệt thì tâm và phế vốn đã có nhiệt đến lúc phong tà xâm ngoài da rồi nhập vào tạng mà mắt rít, trông mờ, ngực buồn, sợ gió, nóng dữ có mồ hôi.
- Màng ngực nhiệt thì mặt đỏ đầu nhức môi khô, nuốt đau, lưỡi sưng mắt đỏ, dưới mép cứng, miệng lở, đờm mũi đặc dính, ngủ giật mình nói mê sáng.
- Thai nhiệt vì lúc có thai uống thuốc nóng và chất nhiệt độc vào trong bào thai, sau khi sinh thì mình trẻ con vàng, đỏ, mắt nhắm, rên rĩ, mình nóng, miệng nhiệt sinh lở ngứa.
- Kinh phong mà sốt thì cần vú, xùi bọt miến mắt trông lên; sợ khóc mà 8 chứng hậu hiện ra.
- Bệnh dịch độc mà sốt là cảm phải khí độc của 4 mùa rồi nhức đầu nóng dữ cũng

giống như bệnh người lớn.

- Chứng tích thực mà sốt là phát nóng mà nôn chua miệng hôi, đầu ngả lên không nằm, trên nóng dưới lạnh, đổ mồ hôi trán, ngực bụng đầy hơi, hay khóc, lòng bàn tay nóng lấm, mạch nhân nghinh thực, đầu nhức, mạch sắc.

- Chứng thấp nhiệt mà phát sốt thì thân thể nặng nề đau đớn, mặt vàng,

- Chứng đờm nhiệt thì ớn rét nóng dữ, sợ gió, tự đổ mồ hôi, mạch phù, ngực tức đầy.

- Bệnh ôn nhiệt nóng dữ là do tạng phủ không điều hòa, hoặc trong có nhiệt ẩn núp hoặc trong vẫn có hàn lạnh (Đại tiện vàng mà hôi là có nhiệt ẩn núp, đại tiện trắng mà mùi chua là vẫn có hàn) cấu kết với vị khí, cho nên làm cho không điều hòa, khí huyết ngừng tác chưa động mình nóng. Một thuyết nói nóng lấm là thường nóng không thôi, nặng thì phát làm kinh.

- Vinh bị nhiệt là lúc có thai, mẹ ăn đồ cay nóng, nhiệt công vào huyết mạch, vào kinh lạc, rồi sinh con phát chứng đơn lở, hoặc đầu trán nổi hạch hoặc phát ra ung nhọt to vỡ loét da thịt, là nguy.

- Vệ bị nhiệt là lúc có thai khi đới khí no khí khô nhọc quá khi thì nghĩ ngợi lo buồn, chân khí hao kém, hư tà phạm vào thần hồn, thai nhi nhiễm vào nên sau lúc sinh thường hay mê mệt, bụng cân thẳng hơi thở to, nặng thì thở gấp, kêu thét, hoảng khóc thảm thiết, mình gầy lở ghẻ, sớm tối phát nóng.

- Chứng dân ngược là mình nóng mà mạch huyền sắc, run rẩy mà không sợ rét.

- Hòa lẫn thổ thì tay chân phát nóng, miệng đắng họng khô phiền táo rối loạn.

- Thấp với nhiệt cùng kích bác nhau thì rối loạn phiền táo mình nặng nề, đi đứng đau đớn, đó là do phong thấp uất lại mà không vươn ra được.

- Chứng sốt ban đêm thì chiều phát sáng thôi, có 3 nguyên nhân: huyết nhiệt, tích thực và cam lao.

- Chứng khách nhiệt (nóng ngoài da) thì qua lại không định.

- Chứng hàn nhiệt (sốt thuộc hàn) thì phát như chứng nhiệt.

- Chứng huyết nhiệt (sốt do huyết) thì giờ thìn giờ tỵ (từ 7 đến 10 giờ) phát nóng).

- Chứng kinh nhiệt (sốt do kinh sợ) thì kêu thét mà hoảng hốt.

- Chứng thực nhiệt (sốt do tích ăn) thì bụng dạ nóng trước.

- Chứng tích nhiệt (sốt do tích tụ) thì má đỏ miệng lở, khát nước luôn.

- Chứng hư nhiệt (sốt do hư yếu) thì nhọc mệt, không có sức.

- Chứng phiền nhiệt (sốt do bức tức) thì khô ráo không yên mà hay khóc.

- Chứng tích nhiệt (sốt do tích báng) thì hay ho ra nước dãi và hay uống nước lạnh.

- Chứng đậu sởi mà sốt thì ngón tay giữa, đầu sống mũi và dái tai đều lạnh, không muốn bú, mắt đỏ và cứ nhắm nghiền, sau tai nổi chỉ máu đỏ, buồn bực rối loạn, tâm phiền, hình trạng thường như người ngủ, hoặc có lúc nóng rét, là đúng.

- Chứng biểu chưa giải mà bệnh tà lại truyền vào lý, tức là hai kinh đều cảm, nếu xem mạch nâng tay thấy thực, mắt vàng, má đỏ, môi khô, hơi mũi nóng, tiểu tiện đỏ gắt,

dại tiện cứng rắn, đó là biểu lý đều nhiệt. Cho nên phát sốt sợ lạnh, là phát ở dương không sốt mà sợ lạnh là phát ở âm, ở biểu chứng mà sốt gọi là chứng biểu, không phải biểu mà sốt gọi là chứng lý.

- Di tả chảy luôn, môi khô, họng ráo, là hư dương phù vượt lên, mà mạch xích mạch thốn đều hồng là hai lần thực (trùng thực) mạch xích mạch thốn đều nhược là hai lần hư (trùng hư). Mạch hồng đại hoặc hoãn mà hoạt, hoặc sắc mà nhảy mạnh, đó là nhiệt lắm, mà cách-âm ⁽¹⁾ dù húng trạng giống như hàn mà thật không phải hàn; nhiệt mà mạch sắc, ấn vào không nhảy mạnh, đó là hàn thịnh, mà cách dương ⁽²⁾ dù chứng trạng giống như nhiệt mà thật không phải nhiệt.

Cách xét đoán chứng trạng cổ nhân có chia ra 80 loại nhưng không thể chép đủ được, nay tập hợp những loại trong các Phương thư, hợp với mắt thấy tai nghe cộng được 42 mục chép ra để xét rõ chứng trạng:

CÁCH SỜ NẤU

Như chứng nóng dữ, lấy tay ấn lâu ấn mạnh vào má không nóng lắm, là nhiệt ở ngoài lông da, nhiệt ở biểu

Nếu ấn mạnh ấn vào lâu, mà càng nóng, ấn nhẹ vào mà không nóng lắm, đó là nhiệt ở gân cốt, nhiệt ở lý.

Nếu ấn vào không nặng không nhẹ mà thấy nóng đó là nhiệt ở cơ nhục, thuộc khoảng nửa biểu nửa lý.

Lại ấn vào giữ lòng bàn tay mà thấy nóng là trong bụng nhiệt, thấy lạnh là trong bụng hàn.

Một mình cùi tay nóng là eo lưng trở nên nhiệt.

Một mình bàn tay nóng là eo lưng trở xuống nhiệt; sau cùi tay trở xuống 3,4 tấc mà nóng là trong ruột có sên lải.

Lại nói: dạ dày ở trên rốn, hễ dạ dày nhiệt thì rốn trở lên thấy nóng, bụng ở dưới rốn, trong bụng nhiệt thì rốn trở xuống thấy nóng;

Gan và mật ở bên hông, thấy hông nóng là can dờm nhiệt;

Phổi ở khoảng giữa ngực và lưng, thấy lưng nóng là phế nhiệt;

Thận ở chỗ eo lưng, thấy eo lưng nóng là thận nhiệt.

HƯ, THỰC

Hư nhiệt tất nhiên sắc mặt xanh, trắng, mình thì hơi nóng, hơi trong miệng lạnh mà đại tiểu tiện lợi, lòng bàn tay bàn chân đều lạnh, tinh thần mê man hoảng hốt, hơi thở yếu ớt đổ mồ hôi sợ lạnh, im lặng, ọe mửa run sợ, ôm bụng thích xoa, chợt lạnh chợt ấm, nằm ngủ thì co mình mà mắt trao trao mạch hoãn, nhược. Phàm nóng dữ mà sợ gió

(1) - Cách âm: vì dương khí thịnh quá mà ngăn cách khí âm ra, nên ngoài hiện ra âm chứng, mà sự thật là dương chứng ẩn nấp ở trong.

(2) - Cách dương: vì âm thịnh quá mà ngăn cách dương ra nên ngoài thấy dương chứng mà trong thật là âm chứng.

sợ lạnh là nguyên khí không đầy đủ, tức là hư nhiệt ở biểu; nếu nóng dữ mà ham uống nước nóng, là tân dịch kém ít, tức là hư nhiệt ở lý. Đó đều là chứng hư rất nên điều bổ hoặc kiêm giải tà, tuy có hừng ngoài phát nóng nhưng không nên dùng bậy thuốc hàn lương, thuốc tiêu tán công phát.

Thực nhiệt thì mặt đỏ, hơi thở to, miệng nóng khát nước, môi sưng đại tiện khó cởi áo mở chân, phiền táo kêu khóc, miệng lở ưa uống, nước nguội lạnh, tiếng nói to, mạch chạy mạnh, nằm duỗi thẳng mình, ngủ không lộ tròng mắt, ngón tay nóng. Phàm nóng dữ mà không sợ gió rét, là nhiệt tà ở ngoài xâm vào, tức là chứng thực nhiệt ở biểu; nếu nóng dữ mà ham uống nước lạnh, là hỏa nung đốt ở trong, tức là chứng thực nhiệt ở lý. Đó đều là chứng thực, tà khí có thừa, hoặc có thể tiêu tán tà hoặc nên thanh hỏa.

C- Cách trị:

Như mạch thốn vi là dương hư âm lấn vào mà sợ lạnh; mạch xích nhược thì âm hư dương lấn vào mà phát sốt. Vì dương thịnh thì nóng, dương hư thì lạnh, âm thịnh thì lạnh, âm hư thì nóng. Nhiệt là thuộc dương, thuộc biểu, hàn là thuộc âm thuộc lý, tà tranh với dương thì biểu hàn, tà tranh với âm thì lý nhiệt, tà ở nửa biểu nửa lý thì nóng rét cùng phát. Nếu ngày an tĩnh mà đêm nóng, là dương hãm vào âm, ngày nóng mà đêm an tĩnh là dương vượng hơn âm, đêm ngày đều nóng là toàn dương (trùng dương) mà không có âm, nên kíp tả dương, bổ mạnh vào âm, cho nên nói ban ngày bệnh ở khí, ban đêm bệnh ở huyết. Mọi chứng sốt đều thuộc về hình tượng của tâm hỏa, khi sốt ít thì hòa giải bằng thuốc mát, khi sốt nhiều thì tiêu trừ bằng thuốc hàn, khi sốt dữ quá thì làm cho phát hãn, phát hãn không phải được thì dùng cách nghịch trị mà chế ngăn đi, chế ngăn cũng không hết thì tìm cái loại thuốc của nó mà làm cho nó suy yếu đi. Vị đáng để trị tạng, vị cay để trị phủ, tạng thuộc âm ở trong, phủ thuộc dương ở ngoài; bên trong thì công hạ, bên ngoài thì phát tán sau đó nên dưỡng huyết bổ âm, thì sốt tự khỏi.

Nói tóm lại, các bệnh không bệnh gì là không sốt mà sốt là đều do hòa trong mình phát hiện ra thì phải tìm nguyên nhân tại đâu mà điều trị, chớ thấy sốt là dùng thuốc hàn lương, mà thêm hại cho dương khí trong mình. Sốt có phân biệt nặng nhẹ, như sốt hãm hấp là sốt ở phần biểu là phong hàn xâm vào khí dương bị uất lại, thì nên phát hãn mà tán đi; sốt bùng bùng là nóng ở phần lý, do khí dương hãm xuống vào trong phần âm, thì nên hạ mà tẩy sạch đi; nếu đã hãn và hạ rồi mà vẫn không hết bệnh, đó là biểu lý đều hư, khí không trở về chỗ gốc mà dương vượt ra ngoài, thì không nên lại dùng thuốc mát và lại hãn, hạ nữa phải nên điều hòa vị khí, làm cho khí dương thu liễm vào trong, thì sốt tự hết.

Sốt cơn về buổi chiều là dương minh thực nhiệt, thực là tà thực thì nên thông lợi đại tiện, nhưng bệnh lâu ngày là hư, không bổ thổ (tỳ vị) để tàng nạp khí dương, thì phải bổ phần âm để lui hỏa, hoặc sau bệnh thương hàn, sốt còn sót lại chưa giải hết, hoặc do khối uất tích mà âm dương không thăng bằng, hoặc do tích báng, ăn đồ lạnh, tỳ vị không điều hòa hoặc do tạng phủ hư yếu, âm dương không điều hòa, hoặc bị thử khí thấp khí, thì nên phân biệt ra từng chứng trạng mà trị.

Phàm sốt nóng mà thuộc hư thì không nên công mạnh, vì công mạnh hết sốt thì rét dễ nổi lên; lại không nên đại bổ, vì sốt còn sót lại, được bổ, vào thì sốt lại phát trở lại; tất phải tìm loại thuốc thì thuốc không vào được. Nếu phát sốt sợ lạnh khát lắm không

thối, người phiền táo, da nóng không muốn mặc áo, sáu mạch hồng đại, ấn xuống vô lực, hoặc kiem mũi khô mắt đau, tức là âm huyết bị hư mà phát tảo nhiệt, trị nên bổ huyết, nếu không ăn được, mình nóng tự đổ mồ hôi tức là khí hư, trị nên bổ khí. Phàm các chứng sốt đều phải kiêng uống rượu, nếu không kiêng thì không khác gì chữa cháy mà bỏ củi thêm, rút cục không thành công. Nếu mạch âm dương đều hư mà sốt không ngừng, và đi lỵ, phát sốt, hoặc phát hãn rồi mà không hết sốt, hoặc sau phát hãn rồi sốt trở lại mà mạch tảo và nói điên hoàng, không ăn được, đều là chứng trạng xấu cả.

D- Xử phương:

THĂNG MA CÁT CĂN THANG

Chủ trị người lớn trẻ con bị thời khí ôn dịch, nhức đầu phát sốt, tay chân mình mẩy buồn bực đau nhức, và còn nghi ngờ nốt sởi còn nấp trong chưa phát ra. (Đây trở xuống là phương trong Cẩm nang):

<i>Thăng ma</i>	1 đồng	
<i>Bạch thuộc</i>	1 -	Sắc nước uống
<i>Cam thảo</i>	1 -	
<i>Cái căn</i>	2 -	

NHÂN SÂM TIỀN HỒ THANG

Chủ trị trẻ con cảm mạo phát sốt

<i>Tiền hồ</i>	1 đồng 4 phân	<i>Nhân sâm</i>	7 phân
<i>Sài hồ</i>	7 phân	<i>Cát cánh</i>	7 -
<i>Bán hạ</i>	7 -	<i>Cam thảo</i>	7 -
<i>Hoàng Cầm</i>	7 -		

Các vị trên sắc với gừng tía, uống khi còn ấm.

THẤT BẢO TÁN

Chủ trị cảm hàn, đầu ỉu, mình nóng, con và người mẹ vú cùng uống.

<i>Tô diệp</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Quất bì</i>	<i>Bạch chỉ</i>
<i>Cam thảo</i>	<i>Xuyên khung</i>
<i>Hương phụ</i>	

Các vị đều bằng nhau, sắc với gừng tía, uống khi còn nóng.

Một phương nữa, gia thêm Ma-hoàng.

THANH LƯƠNG ẤM TỬ

Chủ trị trẻ con khí huyết ứng tắc, tạng phủ sinh nóng, má đỏ, nhiều nước mắt, ngũ tâm phiền phiệt, cổ họng tắc đau, bú mớm không ra bữa, bóng rết không chùng, sốt cơn

trở đi trở lại, nằm ngồi không an, tay chân máy động, muốn sinh chứng phong.

<i>Nhân sâm</i>	2 đồng	<i>Dại hoàng</i>	1 đồng
<i>Xuyên khung</i>	2 -	(bọc cám mà nướng)	
<i>Phòng phong</i>	1 -	<i>Cam thảo</i>	nửa phân
<i>Quy vĩ</i>	1 đồng rưỡi	<i>Đặng tâm</i>	7 sợi
<i>Xích thược</i>	1 đồng	<i>Mạch môn</i>	1 đồng

Cùng sắc uống không cứ vào lúc nào.

PHỤC LINH THANG

Chủ trị trẻ con phát sốt cơn.

<i>Sài hồ</i>	<i>Nhân sâm</i>
<i>Mạch môn</i>	<i>Xích phục linh</i>
<i>Hoàng cầm</i>	

Gia thêm *tiểu mạch* 20 hột, *lá tre* 3 lá sắc uống.

TƯ THÂN HOÀN

<i>Hoàng bá</i> (chế)	3 đồng
<i>Tri mẫu</i>	2 -
<i>Quế</i>	5 phân

Các vị tán bột, hoàn với nước sôi và uống với nước đun sôi 100 dạo

THỦY GIẢI PHƯƠNG

Chủ trị trẻ con mới đẻ được 100 ngày bỗng phát sốt rét, cho uống thuốc hàn thì nôn ra sữa, mà cho uống thuốc nhiệt thì bệnh lại nặng thêm. Có phương thuốc trong Thạch-thất bí thuật:

<i>Hoa đào phơi râm</i> , (tán nhỏ)	1 đồng
<i>Cam thảo</i> (tán nhỏ)	4 phân
<i>Hoa châm</i> (tán nhỏ)	5 -

Hai vị trên, sắc nước cam thảo rồi bỏ thuốc bột vào trộn đều mà cho uống, vào miệng là công hiệu ngay.

Cách trị chủ yếu cho chứng ngoại cảm phát sốt:

(Dây trở xuống là phương trong Cảnh-Nhạc)

Phàm trẻ con tự nhiên phát sốt, phần nhiều do cảm phải phong hàn bên ngoài, nếu hàn tà ở biểu chưa giải thì tất nhiên có phát sốt nhức đầu, hoặc đau mình mẩy không có mồ hôi, hoặc nghẹt mũi sổ mũi, sợ rét, co quắp, mạch khẩn sắc là đúng chứng.

Phàm bỗng cảm bệnh thì rất dễ giải tán, chỉ cho ra mồ hôi một lần là khỏi, nhưng xét xem khí huyết hòa bình, không hề có những chứng sốt thuộc thực, hoặc chỉ uể oải ngủ mê man thì chỉ uống *Tứ sài hồ ẩm* (90) hoặc *Ngũ sài hồ ẩm* (163) làm chủ yếu. Thuốc này trước hết giữ vững trung tiêu, sau đến giải biểu, như thế nguyên khí không hại mà

tà dễ tan.

Nếu vị khi hơi thấy hư hàn thì nên dùng Ngũ quân tiến (121) gia sài hồ hoặc Lý âm tiến (126) gia giảm mà dùng.

Nếu nguyên khí vẫn mạnh mà ăn được thì dùng Chính sài hồ ẩm (164) hoặc Hoàng long thang của Tiểu-Át (166).

Nếu hàn khí thịnh, thì nên dùng Nhị sài hồ ẩm (167). Nếu hàn tà thịnh mà khí trong mình hư, thì nên dùng Ngũ tích tãn (110).

Nếu thương hàn sợ gió, mình nóng kèm ho mà khí trong mình không hư thì nên Sài trần tiến (168).

Nếu khí trong mình không đủ mà kèm nóng kèm ho thì nên dùng Kim thủy lục quân thang (131).

Cách trị chủ yếu cho chứng nóng trong thuộc hư hay thực:

Phẩm chứng nóng trong cùng chứng nóng ngoài có khác nhau: nóng trong là hỏa nhiệt trong 5 tạng, do bên trong sinh ra, bệnh ở phần âm; cho nên nên dùng thanh lương mà không thăng tán, vì thăng tán thì hỏa trong càng mạnh, đó là nghĩa hỏa ở chỗ trống thì phát;

Nóng ngoài là tà ở ngoài da, do phong hàn ở ngoài lấn vào, bệnh ở phần dương, cho nên nên thăng tán mà không nên thanh giáng, vì thanh giáng thì nhiệt ở biểu càng đọng lại, đó gọi là tà trong và ngoài cùng hợp lại. Nhiệt ở ngoài xâm vào thì gấp, nhiệt ở trong sinh ra thì hoãn. Phải xét xem nếu hoàn toàn không có chứng biểu mà chỉ ở khoảng tạng phủ, 7 khiếu, 3 tiêu, 2 âm, gân xương, da thịt, đều là chứng *nhiệt* trong, nhưng chứng *nhiệt* trong cũng có hư thực: nhiệt thuộc thực, thì nên sơ thông và cho hạ xuống, nhiệt thuộc hư thì nên điều hòa và bổ vào.

Phẩm chứng nhiệt trong thuộc thực, phép xưa có chia ra 5 tạng, nên theo cách chính trị; như: Tâm nhiệt thì nên Tả tâm thang (169), hoặc Đạo xích tán (159), An thần hoàn (28), Can nhiệt thì nên tả thanh hoàn (93), hoặc Sài hồ ẩm tử (117), Long đởm thang (xem mục toát khẩu); Tỳ nhiệt thì nên Tả hoàng tán (201); Phế nhiệt thì nên tả bạch tán (200), Dạ cốt bì tán (172), nặng thì Lương cách tán (73); Thận nhiệt thì nên Tư thận hoàn (174); Lục vị hoàn (186) để tư nhuận phần âm; tay chân và cơ thể sốt nhẹ thì nên Tĩnh tình tán (96), nặng thì Nhân sâm khương hoạt tán (68).

- Đại tiểu tiện ra huyết thì nên Bảo âm diễn (175)
- Chứng sốt còn sót lại không lui, thì nên Dạ cốt bì tán (1727).
- Huyết nhiệt chạy bậy thì nên Thanh hóa ẩm (178)
- Do Tam tiêu hỏa thịnh mà trên dưới nóng lắm thì nên Trừu tán ẩm (179).
- Đại tiện bí thì dùng bài Nhị hoàng tề giác tán (176), hoặc Tứ thuận thanh lương ẩm (177).
- Di dãi nóng mà đau thì dùng bài Đại phán thanh ẩm (179).
- Do dương minh bị nhiệt ở trong nhà phiền khát nhức đầu; đại, tiểu tiện bí, thì dùng bài Ngọc tuyến tán (181).
- Dương minh hỏa thịnh, kèm Thiếu âm thủy suy thì nên Ngọc nữ tiến (182).

- Phàm nguyên khí hư mà phát sốt, đều là chứng thuộc hư mà giả nhiệt, thì nên chữa theo cách phân trị.

- Tâm, tỳ, phế, bị khí hư mà giả nhiệt thì nên Ngũ quân tử tiến (121) hoặc Nhân sâm kiến trung thang (183).

- Khí huyết của 5 tạng đều hư mà giả nhiệt thì nên Ngũ phúc ẩm (4).

- Chân âm của can thận không đủ mà sinh giả nhiệt, nhẹ thì Lục vị địa hoàng hoàn (186), nặng lắm thì Lý âm tiến (175).

- Can thận huyết hư mà giả nhiệt thì nên Đại dinh tiến (184) hoặc Ngũ vật tiến (185).

- Can thận âm hư, trên nóng dưới lạnh thì dương không có chỗ nương tựa mà thành cách dương làm ra nóng thì nên Lục vị hồi dương ẩm hoặc Bát vị địa hoàng thang (187).

- Can huyết hư, sinh ra phong mà nhiệt thì nên Tứ vật thang (189) gia Thiên ma, Câu đằng.

- Sau khi phát hãn, âm bị hư, dương không chỗ dựa mà phát sốt thì nên Tứ vật thang (189) gia Hoàng kỳ, Nhân sâm.

- Sau khi phát hãn huyết bị hư mà nóng thì nên Lục thần tán (123) gia gạo tẻ.

- Sau khi phát hãn khí bị hư mà ôn lạnh phát sốt thì nên Bồ trung ích khí thang (39).

- Sau khi phát hãn, dương bị hư, âm không chỗ dựa mà phát sốt thì nên Tứ quân thang (188) gia xuyên khung, Dương quy.

- Nếu uống theo ôn bổ lâu ngày mà chứng sốt cơn không lui, mạch hiện ra hoạt đại, thì nên Ngũ phúc ẩm (4) gia Địa cốt bì, Tri mẫu.

Trẻ con bị thương hàn cũng không khác người lớn, chỉ khác chỗ kém tích thực và kèm kinh phong mà thôi, còn các bệnh khác cũng giống nhau thôi.

- Như trán bên trái hiện chỉ xanh, tay chân lạnh không có mồ hôi mà người buồn thâm đó là thương hàn; tay chân ấm có mồ hôi sắc mặt sáng mà phát sốt đó là thương phong; gò trán bên phải có gân xanh, phát sốt, đầu trán bụng ruột đều nóng lắm hoặc kèm miệng mưa bụng đau là tích thực (trích trong Y-học).

- Như thương hàn kèm tích thực thì nên dùng Nhân sâm khương hoạt tán (98) gia thanh bì, tử tô hoặc Hoắc hương chính khí tán (xem mục thổ tả) hợp với Bại độc tán (206) đại tiện bí gia Đại hoàng.

Đây trở xuống là trích mục cảm mạo sách "Phương thư"

- Trong bị tích đồ ăn sống lạnh, ngoài cảm phong hàn, nóng rét như sốt rét, bợn da, ăn ít thì nên "Nhân sâm dưỡng vị" thang (144).

- Giữa trán xanh, sắc mặt xanh hồng, lòng bàn tay bàn chân có mồ hôi, thường hay kinh sợ, đêm ngủ không yên, lạc mạch hơi đông mà phát sốt là kinh nhiệt, thì dùng Thoát giáp tán (193), Hồng cầm tán hoặc Nhân sâm khương hoạt tán (98) gia Cương tâm, Thuyền thoái, Nam tinh, Toàn yết, Bạch phụ, Ma hoàng, như đại tiện bí thì gia Đại hoàng, sắc lên rồi điều thêm vào Chu sa an thần hoàn (128) hoặc Ôn kinh hoàn mà uống, để trước phát biểu mà sau an tâm thần là được.

- Minh nóng, ho nặng tiếng, nghệt mũi, thờ giấc, minh yếu, tự đổ mồ hôi, sợ gió, đó là chứng thương phong, nên dùng Tinh tinh tán (96), ho nhiều thì nên Sâm tô ẩm (97), nóng dữ thì nên Nhân sâm khương hoạt tán (98) hoặc Thiên ma phòng phong hoàn (195) nóng mạnh quá thì nên Thăng ma cát căn thang (xem trên), đó là thuốc giải biểu về thương phong không nên dùng bảy ma hoàng. Còn bệnh vào lý thì cũng giống như thương hàn, nhưng thương phong thì có khác là ăn được. Như phiền muộn khát nước đại tiện đỏ vàng thì nên dùng Tứ thuận thanh lương ẩm (77) hợp với Tiểu sài hồ thang (196), đại tiểu tiện bế thì nên Đại sài hồ (197), cảm phong nhiệt mà bên trong thực thì dùng Đại hoàng hoàn (198). Trên đây đều là phương thuốc trị ngoại cảm.

Bệnh sốt thuộc thực, mặt đỏ, thờ mạnh, miệng khát, môi sưng, khóc thét, cời vứt áo quần, giống như chứng thương hàn thuộc dương thì nên dùng Nhân sâm khương hoạt tán (98) Sâm tô ẩm (97) Thông tâm ẩm (199) Đạo xích tán (195) Tả bạch tán (200) Tả hoàng tán (201) Liên kiều ẩm (xem dưới) Cam lộ ẩm (203) Sinh tề tán (xem dưới) Lương cam hoàn (202) Tứ thuận thanh lương ẩm (177) Bát chính tán (204). Nên tùy chứng chọn dùng.

Phạm bệnh sốt thuộc hư, mặt đỏ, sắc xanh trắng. Tinh thần lơ đãng, miệng lạnh, ỉa chảy, hay đái, đêm đổ mồ hôi, giống chứng thương hàn thuộc âm thì nên Tinh tinh tán (96) hư phiền tự ra mồ hôi thì dùng Bảo nguyên thang (205) bỏ Bạch truật, gia Bạch thược, phù tiểu mạch, gừng, táo. Như mùa trên nóng bức rút kinh sợ không yên, nửa dưới lạnh ỉa chảy không thường thì dùng Bại độc tán (206) gia Dương quy, Mộc hương, còn như đưa âm lên, giáng dương xuống thì dùng Lai bạch đan (207) sắc nước bạc hà mà uống, mỗi lần 3 viên.

Phạm phát sốt mà biểu ý đã giải, bỗng nhiên khí dương bốc ra ngoài rồi nổi phiền nóng dữ, thì nên điều hòa vị khí làm cho khí dương thân liễm lại mà trở về chỗ gốc, thì thân thể tự được mát mẻ, nên chọn dùng Sâm linh bạch truật tán (208) Bạch truật tán của Tiền-Ất (36) cùng Thái ất hoàn (209). Nhân sau khi bệnh nặng mà vinh vệ (khí huyết) hư yếu, thì nên bổ dưỡng khí huyết, hoặc người bẩm thụ yếu ớt, thì nên tránh phong hàn để bảo vệ bên ngoài, điều hòa ăn uống để bồi dưỡng bên trong, thì đều nên dùng Sinh tề tán (21) hoặc gia giảm Tứ quân tử thang (188). Nhân ăn uống mà sinh bệnh, trong bụng có tích báng, sắc mặt nhợt vàng, sốt cơn đau bụng, thì nên tiêu tích, điều tỳ, chỉnh lý tam tiêu cho thuận, là sốt tự lui, nên dùng Chỉ truật hoàn (210) Phỉ nhĩ hoàn (xem mục cam). Đã thành bệnh cam thì dùng Lô hội hoàn (84), nhân tích mà sinh nóng sinh dờm thì dùng Nhị trần thang (211) gia Thăng ma, Cát căn, Bạch thược, Nhân sâm, Ngũ vị, gừng, sắc lên mà uống, hoặc dùng Chỉ truật hoàn (210) gia Trần bì, Bán hạ, Hoàng liên, Sơn tra, thần khúc làm hoàn. Thông dùng Lê tương ẩm rất tốt, hoặc dùng Thanh cao ẩm cũng công hiệu.

LÊ TƯƠNG ẨM

Chủ trị nóng cơn, tích nhiệt, sốt nóng và tỳ tích sinh nóng rét.

<i>Sài hồ</i>	1 phân	<i>Thanh cao</i> (tắm nước tiểu	
<i>Nhân sâm</i>	1 -	trẻ con một đêm, phơi khô	1 phân
<i>Hoàng cầm</i>	1 -	<i>Cam thảo</i>	1 -
<i>Tiền hồ</i>	1 -	<i>Lê tươi</i>	1 -

<i>Tân giao</i>	1 -	<i>Ngó sen tươi</i>	1 -
<i>Bạc hà</i>	2 lá	<i>Địa hoàng</i>	1 tấc

Sắc với nước uống.

TIỂU SINH TÊ TÁN

Chủ trị nóng âm ỉ trong xương, da nóng, môi mết má đỏ, miệng khát, nóng về buổi chiều, đổ mồ hôi trộm, bên trong nóng mà phiền táo.

<i>Tê giác</i>	<i>Sái hồ</i>
<i>Địa cốt bì</i> đều 1 lạng	<i>Cát căn</i>
<i>Xích thược</i>	<i>Cam thảo</i>

Mỗi lần dùng 3 đồng, sắc lên mà uống.

LIÊN KIỀU ẨM

(Tức là Bát chính thanh gia giảm)

Trị các chứng nóng sốt của của trẻ con, ở phần biểu hay phần lý đều dùng được cả.

<i>Liên kiều</i>	
<i>Cù mạch</i>	<i>Sơn chi tử</i>
<i>Hoạt thạch</i>	<i>Mộc thông</i>
<i>Hoạt thạch</i> 11 vị mỗi vị đều nửa phân	<i>Thuyền thoái</i>
<i>Xa tiêu</i>	<i>Dương qui</i>
<i>Ngưu bàng</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Xích thược</i>	
<i>Hoàng cầm</i> Mỗi vị đều 1 phân rưỡi	
<i>Kinh giới</i> 1 phân	
<i>Cam thảo</i>	

Sắc với nước uống

- Nếu can nhiệt, đại trường nhiệt, lên sởi nhiệt, thì gia mạch-môn.
- Nếu đơn độc nóng sốt thuộc thực, hoặc huyết nhiệt tam tiêu nhiệt, tiểu trường nhiệt, thì gia Đại hoàng, Đẳng tâm.
- Nếu lên sởi lên đậu sốt rồi mà sởi chưa mọc ra được, thì gia Tử thảo, Đẳng tâm.
- Nếu độc còn lại phát sốt, thai nhiệt phế nhiệt sau thương hàn phát sốt, sau bệnh lở ghẻ độc còn lại phát sốt thì gia bạc hà.
- Như nơi cổ nổi bạch phát sốt, ung nhọt nhiệt độc thì gia Đại hoàng, Phát tiêu.

VII- NÔN MỬA

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Kinh nói: Các chứng nôn ói lên đều thuộc về hỏa, các chứng nôn mửa ra chưa, đều

thuộc về nhiệt". Lại nói: Khi lạnh lấn vào trường vị (ruột, dạ dày) khí huyết (lạnh toái) nghịch lên nên đau mà mửa, do là khí dương mình không được thuận trở xuống, mửa nghịch lên mà nôn mửa, là do có hàn hoặc có nhiệt, có tích ăn hoặc tích sữa mà sinh ra".

Phàm nôn mửa mà có tiếng, có vật, há miệng mà mửa, gọi là ấu, chỉ có vật mà không có tiếng gọi là thổ, chỉ có tiếng mà không có vật gọi là ọc. Lại có chứng miệng ọc sữa ra là sữa tự trào ra như hình nước máng vọt ra. Nghịch là trên dưới vùng tim, khí nghịch lên uất đọng lại, ọc là hoành cách mô bị hư, dạ dày bị hàn, có tiếng ọc ọc mà không có vật ra. Như sữa ào ra mãi không thôi tức thành thổ, thổ mãi không thôi tức thành ấu, ấu mãi không thôi tức thành ọc. Đến ọc thì vị khí đã suy yếu lắm, tinh thần đã thoát dần rồi, có đứa trẻ vì người mẹ bị tích đờm, nhiễm vào trong thai mà sinh bệnh, có đứa trẻ vì khí sinh móc miệng không sạch, nuốt nước độc xuống mà sinh bệnh, có đứa trẻ vì lúc ăn uống bỗng nhiên bị kinh sợ, vì kinh bị tổn hại rồi sinh ra nhợn mửa, đau dạ dày.

B- Phân biệt chứng trạng:

- Da thịt gầy róc, tinh thần mỏi mệt, mồ ác giạt không ngừng, không muốn ăn bú, đó là vị khí hư yếu không thể tiêu nạp được, tức là chứng **thổ thuộc hư**.
- Mặt xanh môi trắng, thổ ra nước dãi trong lẫn sữa, ưa nóng ghét lạnh, tay chân mát lạnh, đó là chứng **thổ thuộc hàn**.
- Dạ dày có thực hỏa, thì thổ ra nước vàng mà đắng, trước ngực phiền táo, nếu tà xâm vào kinh quyết âm mà vào can thì thổ ra chua và thổ nghịch lên, hay giận, hờn và khóc, đó là **thổ thuộc nhiệt**.
- Ho hơi thở gấp, thổ nước trong mà ngực phiền muộn, là dạ dày có hàn tà trong có đờm đọng quánh, rồi thành ra nhiệt, đó là **thổ thuộc đờm**.
- Ăn uống không tiêu hóa, mùi chua xông lên, không muốn ăn, không khát nước, dạ dày đau, sốt cơn, đó là **tích ăn, tích lạnh**.
- Đờm vàng đặc, thở dài, nôn mửa, đều là triệu chứng của **hỏa nhiệt**.
- Mặt trắng, lông khô cháy hoặc mặt có khoang trắng chấm đen, môi đỏ hoặc tía, hôn mê, môi mệt có lúc thổ ra, bất tỉnh nhân sự dạ dày lúc đau lúc không mà nôn ra nước trong, tức là chứng **thổ thuộc về trùng**.
- Môi đen hay khóc, thổ ra sữa lẫn đờm, tức là **tỳ vị tổn hại**.
- Minh phát sốt, ho sục đờm, ban đêm phiền táo, mũi xanh nôn sữa, là **phong lấn vào hại phế**.
- Sớm chiều phát sốt, sống mũi sắc xanh, nôn mà không ngủ, tức là chứng **nôn thuộc về kinh sợ**.
- Sau tai nổi chỉ đỏ hai má đỏ tía hơi thở to nôn mửa đó là **chứng trạng sinh dậu sỏi**.
- Như nôn mửa không thôi, ngày càng nặng thêm, mồ ác lổm xuống hoặc sưng lên, gân xanh nổi to, nôn luôn mà không ăn, hôn mê tác tiếng, thở gấp, nóng dữ, thường nôn ra chất tanh hôi là **chết**.

C- Cách trị:

Cách trị nôn nên phân biệt, chứng mới phát hay lâu ngày, hàn hay nhiệt, như mới nôn, thì nên dùng cách dẫn đạo cho khí thuận đi xuống; nôn đã lâu ngày thì nên phòng dạ dày bị hư sinh ra phong. Cho nên trị chứng nôn, cốt giúp vị khí làm chủ yếu. Nếu nôn mãi không ngừng, có thể dùng cách ngăn bớt lại, dùng để tiết mất nhiều vị khí, chỉ có bệnh phong và nôn có lẫn đờm là không nên vội ngăn lại, nếu ngăn lại thì phong không có chỗ ổn định, lại thêm phong ngoài lọt vào và đờm nhiệt cùng sinh ra, tất nhiên thành chứng kinh, còn các chứng nôn khác, khi mới phát, và hơi thấy ọc sữa, thì nên điều trị ngay cho hết bệnh.

Lại có trẻ vị khí yếu lạnh, không vận hành được tân dịch mà sinh ra, thì nên ôn bổ vị khí.

Lại có trẻ nôn hay nhổ vật luôn luôn là phiền nhiễu do thận khí yếu lạnh, không tàng trữ được tân dịch để tưới nhuần tim và phổi, để lâu ngày tất nhiên dần dần vàng da và gầy còm, thì nên sắc địa-hoàng mà cho uống nhiều vào.

Lại có đứa trẻ tỳ uất nhiệt. Nội kinh nói: "*Luôi thuật ra, nước miếng chảy xuống, đều thuộc về nhiệt*" thì nên làm cho mát. Bệnh thuộc thận hay thuộc vị hay thuộc tỳ, mà là hư hay là hàn, hay là nhiệt, thì nên lấy mạch và sắc mà biện biệt.

D- Xử phương:

BẤT HOÁN CHÍNH KHÍ TÁN

Trị thương phong, nôn mửa, bụng trướng.

Đây trở xuống là những bí phương trong Cẩm nang:

Hoắc hương

Hậu phác điều 1 đồng rưỡi

Chích thảo 1 đồng rưỡi *Phục linh* 3 đồng

Thương truật 4 đồng *Mộc hương* 1 -

Nhân sâm 2 - *Bán hạ* 2 -

Các vị trên gia thêm gừng, táo rời sắc uống.

SÂM LINH BẠCH TRUẬT TÁN

Trị tỳ vị hư yếu, ăn uống không ngon hoặc mửa hoặc đi tả.

Nhân sâm 4 lạng *Cát cánh* 1 lạng rưỡi

Phục linh 3 - *Ý dĩ* 3 lạng

Bạch truật 4 - *Liên nhục* 3 -

Cam thảo 1 - *Sa nhân* 1 lạng rưỡi

Bạch biển đậu 4 -

Các vị trên tán bột, sắc với gừng và táo mà uống.

BẢO HÒA HOÀN

Trị tỳ vị không điều hòa mà nôn mửa.

<i>Sơn tra</i>	6 lạng	<i>Phục linh</i>	2 lạng
<i>Thần khúc</i>	2 lạng	<i>Liên kiều</i>	1 -
<i>Bán hạ</i>	2 -	<i>Lai bạc tử</i>	2 -

Các vị trên tán bột, luyện với bánh nếp làm hoàn, uống với nước sôi.

TRỊ TRUNG THANG

Trị tỳ khí nghịch lên sinh ra nôn mửa.

<i>Nhân sâm</i>	<i>Tiêu truật</i> (bạch truật sao cháy)
<i>Chích thảo</i>	<i>Thanh bì</i>
<i>Bào khương</i>	<i>Trần bì</i>

Đều bằng nhau.

Sắc nước cho uống lúc còn ấm, nôn lắm thì gia Bán hạ.

TIÊU NHŨ THỰC ĐƠN

Trị trong tích ăn bú không tiêu, mặt vàng bụng trướng, đi ỉa ra phân nhưng trứng gà ung mà lại ọc sữa.

<i>Dinh hương</i>	<i>Nhục đậu khấu</i>
<i>Mộc hương</i>	<i>Tam lăng</i>
<i>Thanh bì</i>	<i>Nga truật</i>

Các vị trên đều bằng nhau tán bột luyện hồ làm hoàn, to bằng bột mè, mỗi lần uống 50 viên, uống với nước cơm.

- Như đau bụng ọc sữa ra thì dùng Bình vị tán (213) hợp với Tô hợp hương hoàn (113) hòa với nước cơm mà uống.

- Như đau bụng ọc sữa mà lần có đờm thì dùng Nhị trần thang (211) gia sơn tra, mạch nha, bạch truật, ô mai, nhiệt thì gia hoàng liên, hàn thì gia can khương, như nguy lắm thì dùng Thiêu-châm hoàn.

THIÊU CHÂM HOÀN

Thuốc này mát dịu và trấn tĩnh, chủ trị chứng ợ ngược và đi tả, người lớn cũng nên dùng.

<i>Hoàng đơn</i>	1 lạng
<i>Khô phân</i> (phèn phỉ)	1 -

Hai vị trên tán bột quết với thịt quả táo làm hoàn to bằng hạt cù súng mỗi lần uống 1 hoàn, dùng kim cắm vào viên thuốc, hơ vào ngọn đèn. đốt cháy tồn tính, hóa vào nước sữa hoặc nước cơm cho bé uống.

- Như trong bị tích sữa và đồ ăn, sắc mặt xanh trắng, mà phát nóng tay chân lạnh ngắt, bụng lại trướng lên, thì nên dùng "đơn tiêu nhũ thực", có thể tiêu được tích tụ, khoan khoái được lồng ngực, như nôn lắm thì chỉ dùng Bạch đậu khấu, Sa nhân, hai vị

bằng nhau, Cam thảo bột một nửa, tán nhỏ, bôi bột thuốc vào trong miệng trẻ. Phàm trẻ con bú sữa hay ăn đồ ăn gì và uống nước không nuốt xuống được, thì dùng phương này rất hợp hoặc dùng thiêu châm hoàn cũng hay.

TỬ QUÂN THANG

Trị khí lạnh vào dạ dày mà nôn mửa.

<i>Nhân sâm</i>	1 lạng	<i>Phục linh</i>	5 đồng
<i>Bạch truật</i>	1 -	<i>Cam thảo</i>	1 -

Các vị trên gia thêm bạch đậu khấu, sa nhân, nhục đậu khấu, sơn dược, tán bột hoặc dùng mật ong làm hoàn, trẻ lên 1 tuổi uống 1 đồng, sắc nước mộc qua, tử tô làm thang.

- Tỷ vị hư yếu, đờm nghịch lên, đang ăn hay bú mà khóc, sữa, đồ ăn tích đọng lại không tan, bụng đầy, nôn mửa, và lại ọc ra sữa thì gia thêm Nam tinh, Sa nhân, Đinh hương, Hoắc hương, hột bí đao và gừng, sắc uống, hoặc dùng Khôi-tỳ hoàn (214).

- Nôn mửa không thôi, đờm dãi vương ở cổ họng có tiếng sò sè, chực lên cơn kinh, thì dùng Nhị-trần thang (211) gia Đinh hương, Hoắc hương, hoặc Bảo long hoàn (215) làm chủ yếu.

- Mửa đờm dãi thuộc về chún nhiệt thì dùng Bạch ngọc bích (94) mà hạ đờm xuống.

- Nhân cơn kinh mà nôn ói lên và mửa ra thì dùng Đại-ôn-kinh hoàn (141).

- Mửa mà thuốc hoặc nước nước đổ vào không xuống thì dùng Ngũ linh tán (92).

- Mửa ra bọt hoặc nước trắng xanh, là dạ dày bị lạnh, thì nên dùng Lý - trung hoàn (216), hoặc dùng Ban hạ, Trần bì đều bằng nhau và thêm gừng sắc uống.

- Mửa ra nước dãi đặc có lẫn máu là phế nhiệt, lâu ngày thì phế nhiệt, phế hư, nên dùng A-giao tán (217) gia giảm làm chủ yếu.

AN TRÙNG HOÀN

Trị chứng chảy nước dãi ra, tất nhiên cũng là bệnh do lã.

<i>Càn tất</i>	2-phân	<i>Hùng hoàng</i>	
		<i>Ba đậu sương</i>	đều 1 đồng

Các vị trên tán bột, luyện hồ làm hoàn, bằng hột gạo nếp, mỗi lần uống 5 - 7 hoàn. Lúc phát bệnh, đào lấy rễ lựu mọc trở về hướng đông, sắc làm thang, tùy trẻ lớn nhỏ mà cho uống.

- Như chứng ọc sữa kinh niên, mắt loét đỏ, có màng gân, là do lúc cha mẹ giao cấu rồi, con bú sữa mà sinh bệnh, thì nên dùng Ích hoàng tán (136) hoặc Ngũ cam bảo đồng hoàn (xem mục bệnh cam). Phàm chứng ọc sữa vì kinh, vì tích, vì khí trệ, vì ngoại cảm thì trị cũng giống như trị chứng thổ.

VIII - ỈA CHÁY (TIẾT TẢ)

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Nội kinh nói: "Tỳ hư thì đi tả, tỳ là gốc của toàn thân, là nguồn của trăm mạch,

tỳ bị bệnh thì 12 kinh đều bị bệnh. Cho nên nói tỳ hư, thận hư, can hư, gọi là "ba hư" mà chứng thì có vì thấp, vì hỏa, vì đờm, vì hư, vì nắng, vì tích, vì phong, vì lạnh gọi là "tám chứng". Nhưng bệnh là chảy bệnh kiết lỵ, bệnh sốt rét, đều cùng một nguồn gốc, đều do về tháng nắng tỳ bị tích mà sinh bệnh, do ăn uống mà đờm đầy ở lồng ngực thì sinh ra sốt rét, đồ ăn uống tích quanh vào ruột vào dạ dày thì sinh ra kiết lỵ. Đồ ăn uống mới bị tích mà đi tả là nhẹ, mà đình trệ lâu ngày, sinh ra sốt rét hoặc đi lỵ thì là nặng, đi tả thuộc hàn, thì sắc phân tất trắng, đi tả thuộc nhiệt thì sắc phân tất vàng, đỏ, hoặc phân bọt bắn ra xa là do tính hỏa nhanh chóng, nguyên dương (mệnh môn hỏa) chạy thẳng tuột xuống, chớ lên xem thường. Nhưng có bệnh thì sau khi bị hàn lâu ngày rồi do hư mà sinh ra hỏa, có bệnh thì do nhiệt quá mức mà sinh hàn, có bệnh thì do thực mà đến hư, có bệnh thì do hư không vận hóa được mà giống như thực, có bệnh thì do đau rồi lại đau luôn luôn, mà đi tả sắc trắng giống như hàn, có bệnh thì do đau lâu ngày rồi khô sấp đi tả sắc vàng, tân dịch hao mất sinh khát mà giống nhiệt, có bệnh thì do mộc (can) tới khắc thổ (tỳ) đi tả sắc xanh giống như kinh.

B- Phân biệt chứng trạng.

Thuộc của chứng là chảy có 5 loại:

1. Là chảy do dạ dày (vị tiết) ăn uống không tiêu hóa mà sắc phân vàng;
2. Là chảy do tỳ (tỳ tiết) bụng đầy trướng mà là chảy như dội xuống, ăn vào tất nôn ới.
3. Là chảy do đại trường (đại trường tiết) ăn vào thì bức tức, đại tiện ra sắc trắng, sôi bụng quặn đau;
4. Là chảy do tiểu trường (tiểu trường tiết) nước tiểu ngắn mà đại tiện ra máu mủ, bụng dưới tất là đau;
5. Là chảy do huyết tích khối (đại hà tiết) đi tiểu luôn mà không là được, trong ngọc hành cũng đau.

Chứng là chảy có 5: là lỏng (đường), là chảy (tiết), là nguyên thức ăn (hoạt), là như dội xuống (động), là dễ (lợi).

Chứng là lỏng (đường) giống tả mà không phải tả, chất căn bã không tụ lại, sắc giống như mủ đặc;

là chảy (tiết) là bất kỳ lúc nào đi tả ra mà không biết;

là nguyên thức ăn (hoạt) là cơm nước đi thẳng tuột qua trường vị mà không tiêu hóa;

là như dội xuống (động) là dội tuột xuống như giốc thùng tan nát không đọng lại;

là dễ (lợi) là bán thẳng ra chất phân hơi lỏng, hơi từ trong dạ dày mà ra. Nên lấy mạch và chứng mà phân biệt hư thực.

Phàm đi tả ra nước mà bụng không đau, da thịt sưng phù, thân thể nặng nề thấp.

- Đi tả sống phần là thuộc về **khí hư**.

- Bụng đau ruột sôi, thốt nhiên đau một trận, lại đi tả một trận là **thuộc về hỏa**.

- Mê mẩn, nhiều đờm, khi tả khi ngừng hoặc nhiều hoặc ít là **thuộc về đờm**.

- Đau bụng lăm mà đi tả, tả rồi thì bớt đau là thuộc về tích ăn.
- Mặt xạm phiền táo, khát uống nước, lưng lạnh, tự đổ mồ hôi, đầu nóng, nôn mửa là thuộc về cảm nắng.
- Ợc sữa, đi tả vàng là bị tích sữa nóng.
- Ợc sữa đi tả xanh, là bị tích sữa nguội.
- Phân giống trứng gà ung mà bụng căng lên chỉ tay sắc tía mà mình nóng, là cam tả.
- Phân xanh, khóc đêm hoặc có khi kinh sợ hồi hộp, là thuộc về kinh tả.
- Lúc đầu đi tả hơi vàng, lâu thì sắc xanh, là thuộc về tạng lạnh.
- Đi tả xanh mà kèm theo mù, dính đặc như nước dãi, có cùng là ruột bị lạnh, lâu ngày thì làm cho trẻ đau bụng kêu khóc, mặt trắng người xanh, dần thành chứng âm gián ⁽¹⁾.

C- Cách trị:

Chúng tả vốn thuộc thấp hoặc ăn uống lại đến tỳ, cách trị không ngoài mấy cách thấp thấp, tiêu đạo, phân lợi, bổ tỳ mà thôi, nhưng càng nên phân biệt hàn hay nhiệt, mới bị hay bị đã lâu. Như đi tả lâu mà nguyên khí hãm xuống thì nên *thăng đề lên*.

Dường ruột đã hư, là tháo ra không nín lại được, thì nên làm cho *thu sáp lại*.

Sau đi tả lâu ngày, *không nên dùng cách lợi thủy*, cũng như lúc bệnh mới phát *không nên thu sáp*;

Chứng tả mặt đỏ và khát nước, nên kiêng *uống thuốc nóng*: chứng cả lâu ngày khát nước, nên *kiêng dùng thuốc mát*;

Thốt nhiên đi tả *không phải là âm chứng*, đi tả lâu ngày *không phải là dương chứng*;

Khát nước nên làm cho khỏi khát, vì nhiệt tả trừ hết thì tỳ khí trở lại mạnh, tân dịch sinh ra.

Không khát năn làm cho hơi khát mới khỏi, vì tích trệ tiêu hết thì âm dương điều hòa.

- Lúc tả lúc ngừng thì nên làm cho khí thấp ở vùng tỳ phát tán đi rồi sau hãy nâng đỡ đến tỳ mới được. Nếu lúc đầu giờ dần (3 giờ sáng) mà đi tả, gọi là thần tả (là lúc tờ mờ sáng), thì nên ôn bổ thận dương, vì theo nghĩa thận khai khiếu ở nhị âm tức lỗ đái, lỗ là mà hai đường âm đã sai mất cái chức trách bế làng (đóng chứa).

- Vì tích thực mà đi tả, thì tích tụ đọng nước, trong hoành cách mô tức đây, ngực hông đau nhức, đêm mất, ngày nóng, miệng lạnh, mửa chua, về chứng mạch thực thì *trước thông lợi rồi sau bổ*; về chứng mạch hư thì *trước bổ rồi sau thông lợi*.

- Mùa xuân cảm phong bị ho mà đi tả, là biểu lý đều hư, mộc thịnh, thổ suy, thì *nên bổ tỳ để bình can*.

- Mùa đông bị lạnh mà đi tả, nếu không trị thì sẽ thành chứng mạn tỳ.

(1) Âm gián: chứng gián tức phong xù thuộc về âm tính minh lạnh mạch trầm, tế, bệnh vào tới ngũ tạng, cốt tủy, khó chữa khỏi được.

D- Xử phương:

MỘC HƯƠNG TÁN

Trị đi tả lâu ngày tỳ hư và biến ra chứng mạn-kinh-phong.

(Đây trở xuống là phương ở Cẩm nang).

<i>Mộc hương</i>		<i>Phục linh</i>	
<i>Cam thảo (sao)</i>		<i>Cam khương</i>	
<i>Hậu phác</i>		<i>Xa tiền</i>	
<i>Nhục quả</i> (bọc giấy	đều 5 đồng	<i>Quảng bì</i>	đều 1 lạng
loại giã nát bỏ đầu)		<i>Bạch truật</i>	
<i>Thương truật</i>		<i>Mộc thông</i>	
<i>Kha tử</i> (nướng chín) (hong)			
<i>Trư linh</i> (sao)	2 lạng	<i>Nhục quế</i>	3 đồng

Các vị trên tán bột, sắc nước gừng và sa nhân làm thang, tùy người lớn nhỏ liệu mà cho uống.

GIÀ VỊ BÌNH VỊ TÁN

Trị đi tả ra nước rất hay.

<i>Quảng trần bì</i>		<i>Thương truật</i>	3 lạng 2 đồng
(để xơ trắng)	đều 2 lạng	<i>Hậu phác</i>	1 -
<i>Bạch biển đậu</i>		<i>Cam thảo</i>	1 -
<i>Mộc thông</i>	3 đồng		

Cách vị tán bột, sắc nước gừng làm thang, tùy người lớn nhỏ mà cho uống.

GIÀ GIẢM NGŨ LINH TÁN (mới chế trong Cẩm nang)

Trị tỳ hư thấp nhiệt đi tả rất hay.

<i>Quảng trần bì</i>	2 lạng	<i>Phục linh</i>	6 lạng
(để nguyên xơ trắng)		<i>Chính thảo</i>	2 -
<i>Thương truật</i>	4 lạng	<i>Bạch biển đậu</i>	6 lạng
<i>Bạch truật</i>	5 -	<i>Trạch tả</i>	2 -

Các vị tán nhỏ, mỗi lần dùng hòa lẫn với đường cát mỡ gà, sắc nước gừng nướng làm thang, tùy trẻ lớn nhỏ mà cho uống.

TỠ TIẾT PHƯƠNG (đi la chày do tỳ)

<i>Thỏ ty tử</i>	1 cân
<i>Can khương</i>	1/2 cân
<i>Đại táo</i>	1 cân

Hai vị trên tán bột, còn đại táo thì bỏ hột giã nát làm hoàn, mỗi sáng nước cơm.

THỤ GIANG TÁ

<i>Trần bì</i>	1/2 cân
<i>Liên nhục</i>	1/2 -
<i>Hoa tiêu</i>	2 lạng (sao, nghiền nhỏ)

Các vị trên tán bột, mỗi sáng sớm khi đói bụng hòa lẫn với đường phèn rồi sắc nước gừng mà uống không cứ nhiều ít.

VỊ LINH THANG

Thương truật 1 đồng rưỡi

Hậu phác

<i>Trần bì</i>	<i>Phục linh</i>	1 đồng 2 phân
----------------	------------------	---------------

<i>Bạch truật'</i>	đều 1 đồng	<i>Cam thảo</i>	5 phân
--------------------	------------	-----------------	--------

<i>Trạch tả</i>	<i>Nhục quế</i>	4 phân.
-----------------	-----------------	---------

Tru linh

Gia thêm gừng, và táo, sắc với nước mà uống khi còn ấm.

NHỊ THẦN HOÀN

Trị đi tả hư hàn

<i>Phá cố chỉ</i>	4 lạng
-------------------	--------

<i>Sinh nhục khấu</i>	2 lạng
-----------------------	--------

Cùng tán bột, lấy đại táo 40 quả, gừng sống 4 lạng cùng nấu cho táo chín nhừ, bỏ gừng lấy thị của táo quyết với thuốc làm hoàn, liều uống 20 viên, uống với nước muối.

TIÊU PHỤ HOÀN

Trị đi tả lâu ngày và nặng, người rất hư.

Tiên hồng sao sao

<i>Phụ tử</i>	đều 5 đồng
---------------	------------

<i>Son thù</i>	2 lạng
----------------	--------

<i>Tang phiêu liêu</i>	3 đồng (nướng)
------------------------	----------------

<i>Lộc nhung</i>	3 đồng (chưng với rượu sấy khô)
------------------	---------------------------------

<i>Long cốt</i>	3 đồng.
-----------------	---------

Các vị trên tán bột luyện hồ làm hoàn to bằng hạt đậu xanh, liều uống 50 viên với nước cơm vào lúc đói.

DƯƠNG QUI HẬU PHÁC THANG

Trị can kinh bí hàn sắc mặt xanh và buồn rầu, người lạnh mà đi tả, đi lỵ.

<i>Hậu phác</i>	2 lạng
-----------------	--------

<i>Quan quế</i>	3 lạng
-----------------	--------

<i>Riềng ấm</i>	5 -
-----------------	-----

Các vị trên, giã nát đập, mỗi lần dùng 3 đồng, sắc lấy nước uống.

HƯƠNG NHUNG HOÀN

Trị chứng đi tả thuộc hàn và lâu ngày.

Lộc nhung (tắm rượu nướng) 5 đồng

Nhũ hương 2 -

Nhục khấu 1 lạng

(mỗi quả bỏ đôi ra, cho nhũ hương vào giữa, bọc bột bên ngoài nướng chín mà dùng).

THÙ DU ĐOẠN HẠ HOÀN

Trị tạng phủ hư hàn đi tả.

Ngó thù (sao) 2 lạng

Súc sa nhân 1 lạng

Xích thạch chi 1 lạng

Ngài điệp 1 -

Can khương 1 -

Nhục quả 1 -

Chế phủ tử 1 -

Các vị tán bột luyện hồ làm hoàn liều uống 3 đồng với nước cơm.

(Đây trở xuống là phương trong Y học):

Chứng hoạt tả hoặc đi sồn ra không biết, hoặc đi sống phần bắn tung tóe, hoặc đi xuống như giốc, thùng chảy loang ra, thì nên chọn dùng Tứ quân thang (188) gia Kha tử, Mộc hương, Trần bì, Nhục khấu, thêm gừng sắc uống, và kiêm uống Cố-trường hoàn (218) hoặc Chân-nhân-duơng-tạng hoàn (219) hoặc Một thạch tử hoàn (xem ở môn thổ tả) gia nhũ hương hay nhục quả.

- Di tả ra sắc xanh là kèm có cơn kinh (là một khắc thổ), nên dùng Ích hoàng tán (136), Đại ôn kinh hoàn (141) mà chữa.

- Chứng tả lúc mới phát đi phân vàng rồi biến ra xanh hoặc đi thẳng tuột ra nước thuốc càng là chứng hàn tả, chỉ đi 3 - 5 lần là mỗi mẹt ngay, phải kịp dùng Phụ-tử lý trung thang (xem mục thổ tả), hoặc tay chân lạnh, hơi ở mũi ở miệng cũng lạnh, chực gây ra chứng mạn kinh, mạn tý, thì nên Quan âm tán (221) gia Toàn yết, Thiên ma, Phòng phong, Khương hoạt, nặng lăm thì dùng Kim-dịch-dân (15) tán bột, sắc nước gừng, nước cơm hòa lẫn đổ vào, cho uống nhiều lần mới có hiệu quả; đợi vị khí đã hồi phục, tay chân ấm dần. Nếu còn chứng co rút, thì lại dùng Kim-dịch-dân hợp với Thanh châu bạch hoàn tử (xem môn kinh phong) chia ra mà uống, kiêm dùng Di công tán (xem môn mạn kinh), hoặc Lý-trung hoàn (216), Câu đằng tán (154) Chuyển kinh hoàn, (222), dầu ngụy lăm cũng thường thường đã cứu sống lại được ở trong bệnh chết, Kim-dịch-dân có lẽ là thứ thuốc hay về trị bệnh thổ tả của trẻ con.

IX - THỔ TẢ

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phạm tý hư thì đi tả, vị hư thì thổ, cả tý vị đều hư thì cả thổ lẫn tả đều phát. Sắc

phân vàng đỏ hồng là nhiệt trắng là hàn, xanh là đau. Nhưng thổ thì hại khí, tả thì hại huyết; khí hư thì phát quyết lạnh, huyết hư thì phát nóng, khí huyết đều hư thì mình nóng mà tay chân quyết lạnh rồi tất nhiên thành chứng mạn kinh phong, phải nên cẩn thận mới được. Chỉ có cam tả (tả thuộc về cam) thì không thành chứng phong, nhưng lâu ngày thì cũng thành chứng cam vô cơ, rút cụt cũng là chứng hư.

B- Phân biệt chứng trạng.

Trước thổ sau tả là khí ở trung tiêu không hòa không có thể tiêu nạp, tất nhiên mặt môi đỏ hồng, phiền khát đại ít mạch thì hồng sắc, đó là triệu chứng bị nhiệt; trước tả sau thổ hoặc ăn uống không tiêu, đêm ngủ bụng lạnh, hoặc hàn thấp hại tỳ, do tỳ hại vị yếu mà thành bệnh, tất nhiên mặt trắng thần mệt mỏi, không nóng không khát nước, mạch thì trăn, như đó là triệu chứng hư hàn.

Lại có bệnh ở vụ hệ ngoài thì cảm nắng, trong thì tích ăn, âm dương không thăng giáng được, mới bị ngăn cách sai trái mà phát bệnh.

Lại có bệnh dương khí không phấn chấn được mà thổ tả không ngừng.

Lại có bệnh do người mẹ vú nuôi dĩ nắng về, con bú phải sữa nóng mà sinh bệnh.

Trẻ con lúc mới sinh ra thổ tả, mặt vàng, đi tả ra xanh trắng, thổ ra mùi hôi tanh, là trong bị thương vì sữa lạnh, hoặc ngoài bị cảm gió lạnh; mình nóng mặt đỏ, đi tả ra sắc vàng đỏ, thổ ra vị chua mùi hôi, là trong bị thương vì đồ ăn nóng, hoặc ngoài bị cảm nắng nóng.

C- Chứng chết:

- Phàm đi tả như rút nước mà mạch phù, đại, sắc là chết.
- Đi tả mà bụng trướng, mạch huyền là chết.
- Môi đỏ và mọc mụn lở, mất nhiều đường mạch đỏ là chết.
- Đi lý lâu ngày rồi sinh nôn, có tiếng mà không có vật chất (đồ ăn), môi tươi khát nước mà khí nghịch lên là chết.
- Đi tả như dội xuống không ngừng là chết.
- Khát nước lắm và khát mãi là thậm bại đều là chứng chết.
- Đi tả như nhà dội không thôi, ăn vào là nôn ra, mắt trợn, miệng mũi tay chân đều lạnh là chết.
- Lưỡi đen và mọc mụn như chông gai, đó là âm đã kiệt mà cô dương nổi lên, thì nên tham khảo với mục ấu thổ tiết tả ở trên mà chữa.

D- Cách trị.

Phàm trẻ con thổ tả, đều nên ôn bổ, nếu đã hư tổn, càng nên kịp làm cho vị khí hồi phục chỉ có chứng tả do thời khí mà nhẹ thì không nên vội cho uống thuốc nóng, còn thổ tả và kiệt lý lâu ngày thì tất nhiên phải ôn bổ. Nếu sang lở mà đi tả ra phân xanh, đó là ra được chất độc không có hại gì, không cần cho uống thuốc.

Đ- Xử phương.

(Từ đây trở xuống là phương trong Cẩm-nang)

BẢO ANH CHÍ BẢO ĐỊNH TỬ

Bí phương trong Cẩm nang, trị bệnh trẻ con phong đờm phát sốt cam kinh, thổ tả, tích trệ, mọi chứng rất thần hiệu. Đây là thuốc di truyền rất lâu đời, Phùng-triệu-Trương có lòng tốt đem truyền ra.

<i>Trần bì</i> (để nguyên cùi trắng) sao	1 lạng
<i>Tam lăng</i> (sao)	1 lạng
<i>Mạch nha</i> (sao)	1 -
<i>Hệ phác</i> (sao gừng)	1 -
<i>La bạc tử</i> (thứ đồ nhuận, sạch, khô)	1 -
<i>Thương truật</i>	1 - (sao vàng sậm)
<i>Hương phụ</i>	1 - (sao)
<i>Sơn tra nhục</i>	1 lạng rưỡi
<i>Thảo đậu khấu</i>	1 lạng (sao) thứ hột khô.
<i>Thần khúc</i>	2 - để khuấy hồ đóng thành thối.

Chỉ thực (thứ mất ngỗng) 1 lạng sao.

Các vị trên theo phép chế đúng rồi tán bột, lấy thần khúc khuấy hồ, đóng thành từng thối, mỗi thối chừng nặng 4 phân, trẻ con mỗi tuổi mài nửa thối cho uống, không cử bệnh gì đều dùng nước gừng mài tan ra mà uống.

Lại một Phương gia thêm bông Nga truật 1 lạng (sao).

PHỤ TỬ LÝ TRUNG THANG

Trị các chứng tý hư hàn, ăn uống không tiêu hóa, tay chân quyết lạnh, ruột sôi đau quặn, hoặc khí đờm không thông lợi, miệng lưỡi sinh lở, nôn mửa, tiết ra.

<i>Nhân sâm</i>	1 lạng	<i>Cần quế</i>	1 lạng nướng
<i>Cống truật</i>	2 lạng	<i>Chỉ thảo</i>	1 lạng
(tẩm đất sét sao)		<i>Phụ tử chế</i>	1 củ

Mỗi lần dùng 8 đồng sắc với nước mà uống. Bỏ phụ tử thì gọi là Nhân sâm lý trung thang.

THẤT KHÍ THANG

Trị bệnh thất tình uất kết, thổ tả hoặc loạn.

<i>Bán hạ</i>		<i>Quế tâm</i>	
<i>Hệ phác</i>	đều	<i>Tử tô</i>	đều
<i>Bạch thược</i>	2 đồng	<i>Quất bì</i>	1 đồng
<i>Phục linh</i>		<i>Nhân sâm</i>	

Các vị trên thêm gừng, táo sắc uống.

NHÂN SÂM AN VỊ THANG

Trị chứng tý vị nóng thuộc hư, nôn mửa, tiết tả, không ăn.

<i>Nhân sâm</i>	1 đồng	<i>Phục linh</i>	4 phân
<i>Hoàng kỳ</i>	2 -	<i>Bạch thược</i>	7 -
<i>Sinh thảo</i>	5 phân	<i>Trần bì</i>	3 -
<i>Chích thảo</i>	5 phân	<i>Hoàng liên</i>	2 - (sao).

Các vị trên sắc với nước má uống.

HOẮC HƯƠNG CHÍNH KHÍ TÁN

Trị ngoại cảm, nội thương nóng rét, hoắc loạn, thổ tả.

Cách cánh

<i>Đại phúc bì</i>		<i>Chích thảo</i>	5 phân
<i>Hậu phác</i>	đều	<i>Hoắc hương</i>	1 đồng rưỡi
<i>Thăng ma</i>	1 đồng	<i>Tử tô</i>	1 đồng

Phục linh

Các vị trên thêm gừng táo sắc với nước mà uống.

CHU SA HOÀN

Trị trẻ con mới sinh, thổ tả không ngừng.

Từ đây trở xuống là phương trong Y học.

Chu sa

Nam tinh

đều bằng nhau

Ba đậu sượng

Các vị tán nhỏ, luyện hồ làm hoàn, to bằng hạt gạo nếp mỗi lần cho uống 2 viên với nước sắc bạc hà, sau khi uống rồi lại dùng chu-sa-tiên mà cho uống.

CHU SA TIÊN

<i>Chu sa</i>	2 đồng	<i>Hoạt thạch</i>	5 đồng
<i>Hoắc hương</i>	2 -	<i>Dinh hương</i>	14 nũ

Các vị trên tán nhỏ, lấy 1 chén nước mới mức ở giếng lên, nhỏ dầu mè vào chỗ nổi thành sao, rồi xúc 5 phân thuốc bột rắc lên trên, một chốc thì thuốc chìm xuống, gạn đổ hết nước, rồi dùng thử nước nóng khác cho vào mà uống.

Trẻ con mới sinh bị thổ tả, nóng dữ, không muốn bú, đại diện ra sắc trắng hoặc không thông là tích sữa, trước hết dùng Tử sương hoàn (49) cho hạ xuống rồi sau dùng Quất bì bình.

QUẤT BÌ BÌNH

Trị hết thấy các chứng lạnh tích đi tả.

Mộc hương

Thần khúc

Quất bì

Mạch nha

Thanh bì

Sa nhân

Hậu phác

đều 5 phân

Các vị tán nhỏ luyện mật làm hoàn, to bằng hột củ sừng, mỗi lần cho uống 1 viên với nước sắc tía tô và nước cơm, hoặc gia thêm Nhục đậu khấu, Kha tử. Phàm chứng tích lạnh thì dùng phương này rất hợp.

Từ đây trở xuống là cổ phương

Chứng thổ tả mà mình mát thì dùng Quan âm tán (221), thổ tả mà mình nóng khát nước thì dùng Bạch truật tán của Tiền-Át (63). Thổ tả mà mình ẩm hoặc chột rét chột nóng, không muốn bú hoặc bú vào mà không tiêu hóa, đại tiện ra xanh trắng, đó là trên thực dưới hư, trước nên dùng Ích hoàng tán (136), sau nên dùng Từ quân thang (188) tùy chứng gia giảm mà dùng.

- Như thổ tả tay chân lạnh, mủ ác hũng xuống, thì gia Hoắc hương, Đinh hương.
- Di lý đờm hay lý máu thì gia Dương quy, Bạch thực và Cù-túc-mễ (nhân quả thuốc phiện).
- Tỳ hư sinh phong nhiều đờm, thì gia Bán hạ, Một thạch tử và Đông qua tử chút ít.
- Khóc kinh hoàng, co giật, nằm ngủ không yên, thì gia thêm Toàn yết Câu đằng, Bạch phụ.
- Ly ra đờm (bạch ly) thì gia Can khương.
- Tiết tả thì gia Trần-bì, Hậu phác.
- Cảm gió thì gia Xuyên khung, Phòng phong, Khương hoạt, Tế tân.
- Khát nước nhiều thì gia Can khương, Tỳ bà diệp, Mộc qua.
- Cảm gió mà sinh thổ tả nhiều, vì phong mộc (can) xâm vào tỳ thổ, chứng ngoài tất nhiên nóng rét, ho, nóng hoàng hốt nóng thì nên trước uống Đại thanh cao (99) hoặc Câu đằng tán (154) để cho phát ra, rồi sau uống Ích hoàng tán (136) để bổ tỳ. Tỳ lạnh thì nên trước uống Ích hoàng tán sau uống Đại thanh cao hoặc Câu đằng tán để phát ra.
- Bổng nhiên mưa hoặc đi tả ra sống phần là cảm gió nặng thì dùng Đại bán hạ thang (xem môn ấu thổ).
- Thổ tả khát nước mà đi dãi sền, dùng Ngũ linh tán (92).
- Mùa rét thổ tả ra sắc trắng mà không khát thì dùng Ích hoàng tán (136); đau bụng thì dùng Lý trung hoàn (216), tay chân lạnh thì gia phụ tử.

MỘT THẠCH TỬ HOÀN

Kiểm trị chứng kinh giản gây nên đi tả.

<i>Một thạch tử</i>	1 cái	<i>Mộc hương</i>	1 đồng
<i>Bạch đậu khấu</i>	5 quả	<i>Hoàng liên</i>	1 -
<i>Kha tử</i>	2 -		

Các vị trên tán bột quét với cơm làm hoàn, to bằng hột mè, mỗi lần uống 15 viên với nước cơm.

- Như mùa nắng thổ tả ra sắc trắng, uống nước nhiều thì nên dùng Du hành hoàn (225) hoặc Ngọc lộ hoàn.

NGỌC LỘ HOÀN

<i>Thạch cao</i>	1 lạng
<i>Hàn thủy thạch</i>	1 -
<i>Cam thảo</i>	5 đồng.

Các vị trên tán bột luyện hò làm hoàn, to bằng bột đậu ván, mỗi lần uống 1 viên, với nước nguội, như môn không ngừng, thì uống với nước gừng.

LIÊN BÁ HOÀNG

<i>Hoàng liên</i>	1 lạng
<i>Hoàng bá</i>	1 -

Hai vị trên tán bột, dồn vào trong cái mật heo, nấu chín làm viên, to bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm.

- Phàm chứng thổ tả, hay phát hiện ở mùa hạ, nhưng nếu sau tiết lập hạ mà khí hậu thấp nhiệt, bỗng chốc phát ra thổ tả thì nên dùng Tộc át thang (226);

- Sau tiết Hạ chí thổ tả mình nóng hoặc bị tích sữa, đi tả ra vàng sẫm, nên dùng Ích nguyên tán (227) hợp với Tứ linh tán (240), gia thương trạch tán nhỏ, hòa với nước nóng mà uống.

- Sau ngày nắng to thổ tả mình nóng hoặc bị tích sữa mà đi tả ra vàng trắng, thì uống Ích hoàng tán (136) vào trước bữa ăn, và uống Ích nguyên tán (227) vào sau bữa ăn.

- Sau tiết lập thu, thổ tả mình mát không ăn hay ợ hay ngủ không khát thì uống Ích hoàng tán (136) luôn luôn, mà uống Ích nguyên tán (227) ít thôi.

- Sau tiết lập thu, thổ tả mình mát không ăn hay ợ hay ngủ không khát thì uống Ích hoàng tán (136) luôn luôn, mà uống Ích nguyên tán (227) ít thôi.

- Sau tiết Thu phân bị thổ tả mình lạnh, không ăn, đi tả ra xanh thì dùng Ích hoàng tán.

- Chứng thổ tả, 5 tạng đều hư lại mất tiếng là do thận yếu nên dùng thận khí hoàn (101) làm chủ yếu, thuốc này cũng chữa được cho người ốm dậy mất tiếng.

- Thổ tả lâu ngày không ngừng, là khí trong mát hãm xuống dưới, phần dương trong dạ dày bị hư, ăn uống kém sút, tay chân yếu đuối thì nên dùng Thăng dương ích vị thang (228) làm chủ yếu, hoặc Dĩ công tán (xem môn mãn kinh), hư mà khát thì dùng Bạch trạch tán của Tiên-Ất (36)

X- CÁC CHỨNG TÍCH

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phàm các chứng tích đau bụng trướng bụng mà đau lắm, kết tích, bằng đầy, phù thũng, hoàng đản, đến nổi lâm vào chứng lý, đều do tích làm hại cả.

B- Phân biệt chứng trạng:

- Tích hơi là đau bụng kêu khóc, đi tả máu như gạch cua, hoặc phát sốt bụng trướng căng, người gầy ốm, đều do xúc phạm trái khí mà vinh vệ không hòa dai dẳng lâu ngày mà sinh bệnh.

- Tích thực là bụng cứng, kêu khóc, người nóng, khát nước, đi tả hoặc ấu mà sắc vàng, đều do ăn uống không chừng độ, hoặc ăn uống quá no mà ngủ ngay rồi sinh bệnh.

- Như mặt đen, đi tả phân đen, đi tả lâu ngày, hơi thốc lên, lòng bàn tay sinh lở, da mềm xấu là bất trị.

C- Hư, thực:

- *Chứng hư* là khắp mình hơi nóng hoặc ban đêm thì nóng, ăn ít, tinh thần mỏi mệt, bẽ dẫy cũng như ngủ.

- *Chứng thực* là nóng dữ, bụng căng nóng lắm, đại tiện bế, má sưng cổ họng tắc nghẹn, đờm dãi sò sè ngừng đọng, nhiệt độc sinh lở.

D- Cách trị:

Phàm trẻ con có tích, trường vị mềm yếu, kiêng dùng thuốc có độc để công kích, lâu ngày thì tỳ hư ăn kém, hoặc thổ hoặc tả lỏng, biến sinh ra chứng khác. Phép trị chứng tích thì điều tỳ hòa vị, theo thứ tự hoãn cấp mà chữa, nhất thiết chớ nên làm hại đến vị khí, có trẻ vì hạ tích mà hại tỳ, trở lại sinh sốt cơn, rồi biến ra chứng mạn kinh

Đ- Xử phương:

Bệnh tích hư hay thực, đều nên dùng Mộc hương hoàn (18), hư thì dùng ít mà thực thì dùng nhiều thêm.

KHÍ HÀNH HOÀN (Trị tích hơi)

<i>Mộc hương</i>		<i>Mạch nha</i>	2 đồng rưỡi
<i>Tân lang</i>		<i>Tam lăng</i>	
<i>Đinh hương</i>		<i>Nga truyệt</i>	
<i>Chỉ xác</i>	đều 2 đồng T	<i>hanh bì</i>	đều 5 đồng
<i>Cam lung</i>		<i>Trần bì</i>	
<i>Sử quân tử</i>		<i>Hương phụ</i>	
<i>Thần khúc</i>		<i>Hồ hoàng liên</i>	1 đồng

Các vị tán bột, luyện với bánh chưng làm hoàn to bằng hạt gạo nếp, mỗi lần uống 20 viên với nước cơm.

- Như có mồ hôi thì bỏ Thanh-bì hoặc dùng Thanh mộc hương hoàn (235) cũng hay.

TIÊU THỰC HOÀN (TRỊ TÍCH BÙ TÍCH ÁN)

<i>Sa nhân</i>		<i>Thần khúc</i>	5 đồng
<i>Trần bì</i>	đều	<i>Mạch nha</i>	5 -
<i>Tam lăng</i>	5 đồng	<i>Hương phụ</i>	1 lượng
<i>Nga truyệt</i>			

Các vị tán bột luyện hồ làm hoàn với hồ, to bằng bột mè mỗi lần uống 20 viên, với nước sắc tử tô.

Như bệnh nặng thì dùng Tiêu tích hoàn (229) hoặc Cảm ứng hoàn (241), Hồng hoàn tử (230) mà hạ.

XI- BỆNH TÍCH BẢNG

A- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh.

Trẻ con bệnh bảng cũng giống như người lớn bị tích tụ, hay tích những hòn bảng ẩn núp, trong chỗ hông sườn và bụng thường thường sinh đau. Phàm trẻ con không ăn, chỉ bú sữa mà lại ho thổ ra đờm, tất nhiên trong bụng có cục bảng, do có bảng nên hay sốt nóng từ cơn, nguyên nhân vì ăn bú không điều độ, đến nỗi nước đọng ở dạ dày không thông hành mà sinh ứ sinh đờm, rồi cấu kết với khí lạnh mà thành ra tích, cho nên sốt rét lâu ngày hay có bảng.

B- Xử phương.

Bệnh nhẹ thì dùng Mộc hương hoàn (80)

Bệnh nặng thì dùng Thủ tích hoàn.

THỦ TÍCH HOÀN

<i>Cam toại</i>	<i>Thanh bì</i>
<i>Nguyên hoa</i>	<i>Mộc hương</i>
<i>Khiên ngư</i>	<i>Đào nhân</i>
<i>Lạt quế (quế cay)</i>	<i>Ngũ linh chi</i>
<i>Nga truật</i>	

Mỗi vị đều 2 đồng.

Các vị trên tán bột, cho vào 1 đồng ba đậu có dầu, trộn đều nấu hồ bột làm hoàn, to bằng hạt mè, mỗi lần uống 1 - 2 viên, với nước sắc gừng và mật. Sau khi ỉa được rồi, cho ăn cháo nguội bổ lại, và điều hòa vị khí.

BÍ TRUYỀN BẢO AN HOÀN

Trẻ con bị 5 chứng cam rồi đi lỵ, thổ tả, bụng to, nổi gân xanh, mặt vàng, gầy mòn cam tích.

<i>Bạch truật</i>	3 lạng	<i>Trần bì</i>	đều
<i>Thần khúc</i>		<i>Chỉ thực</i>	1 lạng
<i>Mộc hương</i>		<i>Nhân sâm</i>	rưỡi
<i>Đinh lăng</i>		<i>Nga truật</i>	
<i>Phục linh</i>		<i>Hoàng liên</i>	
<i>Sử quân tử</i>	đều	(tẩm mật heo)	

<i>Tam lăng</i>	1 lạng	<i>Sa nhân</i>	
<i>Hậu phác</i>		<i>Mạch nha</i>	đều
<i>Dinh lịch</i>		<i>Ích trí</i>	5 đồng
<i>Cam thảo</i>		<i>Nhục khấu</i>	
<i>Thương truật</i>	2 lạng	<i>Hoắc hương</i>	
		<i>Bạch khấu</i>	

Các vị tên tán bột luyện mật làm hoàn to bằng bột long nhãn, mỗi lần uống 1 viên với nước cơm.

- Nôn mửa thì hòa nước gừng với nước sôi mà uống.
- Tích thối thì gia Sơn tra
- Suyễn thì gia La-bạc-tử.
- Đi tả thì gia Trạch tả, Trư linh, đều 1 lạng.

HÓA BỈ HOÀN

Trị cam, tiêu tích, ngon ăn, hết tả, hòa vị, sát trùng.

<i>Mộc hương</i>		<i>Miết giáp</i>	
<i>Nhân sâm</i>		<i>Dạ minh sa</i>	đều
<i>Hoàng kỳ</i>		<i>Lục phân</i>	1 lạng
<i>Dương qui</i>	đều	<i>Chỉ thực</i>	
<i>Cát cánh</i>	1 lạng	<i>Sử quân tử</i>	8 đồng
<i>Hoàng liên</i>		<i>Bột rế khố luyện</i>	3 -
<i>Tam lăng</i>		<i>Kha tử</i>	1 lạng
<i>Nga truật</i>		<i>Cóc đốt ra tro</i>	1 đồng 1/2

Các vị tán bột, hoàn với mật, to bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm, kiêng ăn đồ sống lạnh và thứ quả không tốt có hại tỳ. Người lớn bị chứng trướng hà thì bỏ dạ minh sa, hà mô, hoàng liên.

QUA TỶ TÁN

<i>Hải cáp phấn</i>	
<i>Hoàng đơn</i>	đều bằng nhau
<i>Lưu hoàng</i>	

Các vị trên sao chế tán bột, dùng giấm chua trộn lẫn thành cao, phết vào trong nôi đất, phơi khô tán nhỏ, trẻ 1 tuổi uống 1 phần với nước cơm vào lúc đói, hễ đi ra được vật dơ bẩn của tỳ như nước chàm là công hiệu.

CAO DÁN CỤC BẢNG

<i>Băng hồng hoa tử</i>	2 đồng	<i>Sơn chi</i>	1 đồng
<i>Dại hoàng</i>	1 -	<i>Vôi</i>	1 -
<i>Phác tiêu</i>	2 -		

Dùng 1 bánh mèn rượu to bằng quả trứng gà, cùng giã nhỏ với những thuốc trên và hòa thanh cao, phết cao vào miếng vải dán lên chỗ cục báng, lại dùng chai nước nóng vừa chườm vừa tay vỗ vào lá cao thuốc, sau 3 ngày bóc lên trông đen như mực là công hiệu.

XII - BỤNG TRƯỞNG

A- Xử phương:

Bụng trướng là do khí ở trống thân thể mà ra, nếu có tích, suyễn thổ, tức đầy là bệnh thực, thì nên dùng Tử sương hoàn (49) Bạch ngọc bình (94) Tiêu tích hoàn (229) Hạt hoàn tử (xem môn thuốc cam) để tiêu lợi tích tụ. Nếu hơi đoản suyễn gấp thì nên dùng Phân khí tở tử ẩm, không tích không suyễn là chứng hư thì có thể ôn tán, nên dùng Lục quân thang (131) gia bạch thực, Cán khương, Hậu phúc, hoặc Đại dị hương tán (77) gia Ngũ linh chí, tán bột, sắc nước tử tở mà uống, hoặc Ngũ linh tán (92) để cho trên dưới chia nhau mà tiêu tan khí uất, không nên hạ bậy, lại phải kiêng thứ thuốc nhiệt thơm ráo, nếu bụng trướng phù thì nên dùng Thấp khí hoàn làm chủ yếu.

THẤP KHÍ HOÀN

Hồ tiêu 1 lạng

Yết sáo (tức đuôi con bò cạp) 5 đồng

Các vị trên tán nhỏ luyện hồ làm hoàn, to bằng hạt đậu, mỗi lần uống 5 - 7 viên với nước cơm.

- Bụng sưng lấm thì gia La-bạch-tử.

- Bụng trướng mà to, hơi thở giốc, đó là thận hư khí nước lẩn vào phổi là chứng nguy, thì nên dùng Ích hoàng tán (136) hoặc Thấp khí hoàn ở trên.

XIII - CHỨNG BÍ TẮC

A- Xử phương.

Phạm trướng lên không thông mà thành ra trong ngực tích đọng, vì tích kết nhân nhiệt tụ lại trong bụng không tuyên thông được, công lên hông ngực, ấn vào thì đau, có lúc phát nóng dữ, thì nên dùng Cầm tiên chỉ cánh thang.

CẦM LIÊN CHỈ CÁNH THANG

Chỉ xác đều 5

Bán hạ

Cát cánh phân

Hoàng cầm đều

Sinh khung

Qua lâu nhân

3 phân

Mạch môn

Hoàng liên

Các vị trên sắc uống, nếu đi đại tiện lỏng, thì bỏ vị Hoàng liên là tự yên, nếu nhiệt lắm thì gia chút ít Đại hoàng.

Khí hư và tích kết bế tắc, ngực động nước, tụ lại ở bụng và hông sườn hoặc thêm trướng đầu, tay không để gần vào được, thì nên dùng Chỉ thực Lý trung hoàn (231) bỏ sâm, khát nước thì gia qua lâu căn, đi tả thì gia mẫu lệ.

XIV - HOÀNG ĐÁN

A- Xử phương.

Thũng lâu ngày bụng hư yếu, động thấp sinh ra nhiệt, nhiệt sinh ra vàng, gọi là hoàng đán, cách chữa giống như người lớn, có nóng thì nên dùng Tiểu sài hồ thang (196) gia Mạch nha, Chỉ thực, Sơn chi Nhân trần, dạ dày yếu thì nên dùng Tứ quân thang (188) hoặc Lý trung thang (17) gia Nhân trần, thường dùng Vạn kim hoàn.

VẠN KIM HOÀN

Chủ yếu làm tiêu mòn tích và trừ hết vàng da.

Trần bì

Thương truật 2 lạng

Hậu phác

đều 1 lạng

Dạ minh sa

Các vị trên tán bột, dùng phen xanh 1 lạng làm cho tan ra nước, lại cho vào ít giấm nấu hồ làm hoàn hoặc nấu táo tàu (bỏ hạt) giã nát làm hoàn to bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 50 viên với nước cơm.

Một phương gia Sử quân tử 1 lạng, Chỉ thực, Hoàng liên, Kha tử đều 5 đồng, dùng Ba đậu 10 hạt cũng sao cho lên màu tía, rồi bỏ Ba đậu, cho tro cóc đốt 5 đồng vào, và vỏ rễ xoan 2 đồng rưới mà làm hoàn.

Trị cam, tiêu tích báng, ăn nhiều, thêm chỉ tả, điều hòa dạ dày, trục sán lãi.

XV- SƯNG ĐÁI

A- Xét Nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phạm trứng đái khí hết sưng to, hoặc chạy thọt lên bụng gọi là đồi sán (bụng dưới thót trứng đái lên màu đau xoắn). Có chứng vì ngồi trên hòn đá, khí lạnh ngừng lại, hoặc ngồi gần đất, cảm nhiễm phải phong thấp, hoặc vì khóc nhiều quá, làm cho âm khí hết xuống, nước đọng lại không chảy đi, hoặc do người mẹ khi mang thai khóc nhiều quá mà tổn thương, làm cho con trong thai sinh ra thì khí tiểu trường bế tắc, huyết và nước ngừng đọng lại, rồi nước lẩn lên phổi, cho nên trước suyễn rồi sau thũng đau, dài có khi

sưng mà mềm, có khi sưng mà cứng.

B- Cách trị:

Như bị lạnh hay thấp thì nên thấm lợi, như bị tích huyết và nước thì nên tuyên thông. Chỉ thông tâm khí, dưới bệnh tà trong thận và thông lợi đại tiểu tiện, chứ không có phép bổ.

C- Xử phương:

Ngồi trên đá bị lạnh thì nên dùng Ngũ linh tán (92), có phong nhiệt mà dải sưng đi dải bế tắc thì nên dùng Tam bạch tán (233) bệnh vì huyết thì dùng Đào nhân hoàn.

ĐÀO NHÂN HOÀN

Đào nhân 3 đồng

Lại quế (quế cay)

Dại hoàng

Khiên ngu

đều

Tật lệ

2 đồng

Mẫu đơn bì

Các vị tán bột hoàn với mật, to bằng hột mè mỗi lần uống 5 - 7 viên với nước sắc hành trắng, mộc thông, thanh bì, cho vào ít muối mà uống, hoặc sắc Lưu-khí-ấm-tử (234) mà uống với thuốc Thanh mộc hương hoàn (235).

PHƯƠNG TRỊ BÊN NGOÀI

Blu dải sưng to, ngọc hành sáng bóng, thì dùng mẫu đơn tán bột, trước hết nhỏ nước miếng mà xúc vào chỗ sưng, sau dùng thuốc khô đắp vào.

Như ngồi đất bị gió thổi hoặc sâu kiến bám vào mà dải sưng lên thì dùng xác ve sào nấu nước mà rửa luôn, hoặc hành trắng với đất trùn dùn (cứt trùn) giã nát, sắc nước cam thảo hòa vào mà xúc.

Như bị phong nhiệt, dải bóng nhiên sưng cứng hoặc sinh lở thì dùng sinh địa tán nhỏ, trước lấy hành, hột tiêu sắc nước, tới chỗ kín gió mà rửa sạch, rồi nhỏ nước miếng nhào với thuốc bột trên mà xúc vào, như hòn dải nóng thì hòa với lòng trắng gà mà xúc hoặc gia mẫu lệ chút ít, (bài này cũng trị chung với môn bệnh sán người lớn).

HẾT QUYỂN THỔ

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LÍNH

Quyển thứ 32

ẤU ẤN TU TRI/THỦY

I- DÁI SƯNG ĐAU

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phân các chứng đau trứng dái, đều do thận hư, tà khí hàn thấp lẩn vào bàng quang, ngừng lại mà không tan được, cho nên trứng dái sưng cứng xệ xuống sinh bệnh.

2- Phân biệt chứng trạng:

Chứng này phần nhiều do người cha đứa trẻ uống nhiều thuốc nóng, đến nỗi trệ khí, cho nên hiện ra các chứng: hòn dái tê cứng (mộc thận), phù thận, ung thận, hòn dái một bên sa xuống (thiên trụ), blu dái sưng đau (đồi sản), bồn đôn ⁽¹⁾ và sản hà ⁽²⁾.

3- Phép chữa:

Bắt đầu dùng cách sơ tán, thông lợi; sau dùng thuốc trực hàn, làm cho tạng ấm lại, xét đúng huyết mà cứu. Duy chứng hòn dái tê cứng (mộc thận), khí độc vào thận kinh, lâu rồi thành mù. Bên ngoài dùng thuốc bạt độc dán vào chỗ đau, bên trong uống các vị thuốc tiêu tán ung độc, trừ mù, tiêu thủy, dẫn trệ v.v...

4- Xử phương:

QUY NGƯU TÁN

Trị chứng đau từ blu dái đến bụng dưới, tiểu tiện bí, khóc đêm.

<i>Nhục quế</i>		<i>Dương qui</i>	
<i>Khiên ngư</i>	đều 5 đồng	<i>Dại hoàng</i>	đều 2 đồng rưỡi
<i>Toàn yết</i>	1 đồng	<i>Đào nhân</i>	

Tán bột, mỗi lần uống cho một đồng thuốc vào mật, sắc lên cho uống, sau khi đại tiện thông lợi, sắc các vị thanh bì, trần bì, phục linh, mộc hương, sa nhân, cam thảo, gừng sống cho uống, để làm cho dạ dày điều hòa. Nếu môi xanh là chết.

KIM LINH TÁN

Trị các chứng hiện ra trước khi đau hòn dái, như còng lưng, khóc khan, chân lạnh, môi khô, đổ mồ hôi trán, hoặc hòn dái co lên, blu dái một bên sưng to.

<i>Kim linh nhục</i> ⁽¹⁾	1 lạng	<i>Tất trùng già</i>	5 đồng
<i>Sa nhân</i>	7 đồng rưỡi	<i>Mộc hương</i>	5 đồng.

Các vị trên tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, trẻ em lớn thì uống 2 đồng với ít muối hòa nước nóng hoặc hòa rượu. Thường hay dùng các bài câu-đẳng-cao và ngũy-truật-tán (xem chứng nội-diệu).

PHƯƠNG THUỐC CHỮA NGOÀI

Bệnh nặng mà tiểu tiện giắt, blu dái sưng đau thì dùng nước cam thảo hoa với cứt

(1) *Bên đôn*: khởi từ bụng dưới, lẩn lên tim, hoặc xông lên yếu hầu giống như heo con chạy.

(2) *Sản hà*: đau bụng do tụ khí thành khối.

trùn mà bôi vào. Nếu phong nhiệt mà hôn dãi sưng đỏ và đau, ngày đêm khóc thét, chùng mẩy hòm, lột lớp da như vỏ trứng gà, khỏi rồi lại đau, thì dùng gỗ the mốc già, đốt ra tro, cho vào phần mịn hoặc dầu mè mà đắp, rất hay.

II- DAU BỤNG

1- Phân biệt chứng trạng:

Phàm trẻ con đau bụng, phần nhiều do tích, do hàn, do nhiệt, do giun sán, nên chia ra từng loại mà chữa.

2- Xử phương:

a) *Đau bụng do tích*, thì bụng đau mặt vàng, miệng thở hơi ấm, hay ngủ, ngại ăn, đại tiện hôi thối, thì dùng bài Tiểu-tích-hoàn (229), nặng nữa thì dùng bài Bạch-ngọc-bính (94) để làm cho hạ xuống, rồi lấy bài Bạch-truật-tán của họ Tiền (36) cho uống để làm cho dạ dày điều hòa.

Nếu đau xoàng thì chỉ dùng bài Bình-vị-tán (213) gia Sơn tra, mạch nha, sa nhân, thanh bì, cam thảo, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng với nước vo gạo. Nhiệt thì gia hoàng cầm, hàn thì gia ngô thù.

b) *Đau bụng do cảm nhiệt* thì mặt đỏ, nóng dữ, chân tay nóng nhiều, hơi miệng nóng, nên dùng bài Tứ-thuận-thanh lương-ấm (177), gia thanh vi, chỉ xác, hoặc hoàng cầm, thực được thang (220).

c) *Đau bụng do sên lải*, thì tim bụng đều đau, sắc mặt trắng nhợt, miệng xùi bọt miếng, giống như chứng kinh (gián) hoặc chứng phong (điếu), mà mắt không nhìn lệch, tay không có, thì nên dùng bài Hóa trùng hoàn (192) làm chủ yếu.

III- HO

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Ho có tiếng không có đờm là do phế khí bị thương; ho có đờm không có tiếng là do tỳ thấp động lên; ho có cả đờm và tiếng là do tỳ và phế đều bị bệnh. Sáng sớm ho là do đờm hỏa; buổi sáng ho là do hỏa ở dạ dày; buổi chiều ho là do âm hư; chập tối ho là do hỏa bốc lên phổi; gần sáng ho là do ăn tích trệ ở tam tiêu. Đại khái, tỳ - khí bất túc thì không sinh ra phế khí được, mà dễ cảm phong tà, cho nên bị chứng phế hàn, đều do tỳ hư gây ra, bị sưng phế nhiệt, đều do tỳ thực gây ra.

Phàm trẻ con ho, phần nhiều do phong nhiệt, còn hàn thì ít, hoặc thỉnh thoảng mới có, vì thân thể con thuần dương, khí thường hay nóng mà không sợ lạnh. Những em nào da thịt béo trắng thì dễ cảm phong, những em nào màu da đỏ mà rần rức thì dễ cảm nhiệt, chỉ có em nào yếu ớt gầy còm, mặt xanh bệu, mới dễ cảm hàn.

(1) Kim linh nhục tức thị quả sầu dầu.

2- Phân biệt chứng trạng:

Cảm phong mà ho, tất là mũi nghẹt, hơi thở to, duy trong miệng nóng, lưỡi ráo, phiền khát, mặt đỏ, ho ra đờm đặc. Cảm hàn mà ho thì gầy gầy sợ lạnh hen suyễn khó chịu, cứ đến mùa đông là phát.

Phế nhiệt mà ho, tất là đờm tanh mà đặc, mình nóng, sưng, đầy, mũi khô, mặt đỏ, tay sờ vuốt lông mày, mắt, mặt, mũi. Phế hàn mà ho, tất là ho nhiều, đờm lỏng, mặt trắng mà sưng, lông quăn, ruột sôi, sợ gió, nhiều nước mũi.

Phế thực mà ho, tất là mỗi lần ho phải ồm ồm đầu mà ho, mặt đỏ, ăn vào lại nôn ra. Phế hư mà ho, tất là khí nghịch lên, ruột sôi, mặt trắng, là sống phân.

Ho sữa là: hoặc do con khóc chưa nín, mẹ đã cho bú, hoặc cho bú no quá, đến nỗi ngừng đọng ở trong lồng ngực và cuống dạ dày, hơi tức lên phổi, cho nên sinh ra ho và nấc, là do phổi và dạ dày đều bị bệnh. Trẻ em nào mới sinh trong 100 ngày mà hiện ra chứng này, là chứng nguy.

Chứng chết:

Thấy hiện ra các chứng môi co dúm, ngực lõm xuống, cổ họng có tiếng như tiếng kéo cưa, mũi khô đen xám, ho, hơi thở to, tim và bụng đầy căng đau, là chết.

Ho lâu, không nói được, nhìn trợn ngược, tay co, tiếng như quạ kêu, bụng đầy căng, thờ gáp, hay sợ hãi, tất nhiên sẽ biến chứng phong mà chết.

Tiếng gáy khô khô, tiếng thở sưng như kéo cưa, môi mặt đều xanh, chung quanh gáy lõm xuống, nước dãi ra đọng như keo sơn, miệng có mùi tanh hôi, cơn sưng gáp, môi co dúm lại, là chết.

3- Phép chữa:

Những chứng này của trẻ em, cách chữa không khác gì với chữa người lớn; mà nguyên nhân cảm bệnh có hơi khác nhau: người lớn kiêng cả chứng bệnh về thất tình làm hại, hoặc làm việc nhọc mệt mà uống rượu say gây nên bệnh. Còn trẻ em không có những nguyên nhân ấy, cho nên không thể nào giống nhau được. Thuốc chữa các em cốt lấy những vị có tính chất nhẹ mát là tốt, mà uống thuốc cũng không nên vội, tùy lúc mà cho uống dần, cũng không nhất thiết phải uống hết thang trước.

Chứng đờm, ngọn ở tỳ, mà gốc ở thận, cho nên có chứng nên dùng thuốc táo để tiêu đờm, có chứng nên dùng thuốc nhuận để đờm hóa đi.

Đối với trẻ con, phần nhiều do phong hàn, do bú sữa mà mắc bệnh, nên dùng vị táo để tiêu đờm, vị cay để long đờm, như loại bán-hạ, trần-bì, tiền-hồ. Nhưng ho sinh ra bệnh, tuy chủ ở phế, mà thực từ ở tâm, tâm khí quá thịnh thì khác hại phế, nên ức chế tâm, tư nhuận phế. Nếu tỳ khí hư lạnh thì không thể sinh phế được, phế khí bất túc mà phong tà lấn vào, đờm thấp sinh ra, nên bổ cả tỳ, phế. Nếu tỳ thực tích lại ở trung tiêu, thì nhiệt khí bốc lên, nên tả tỳ làm mát phế.

Phàm mới ho một tiếng mà đờn ra ngay, là tỳ hư sinh đờm thấp mà đờm trơn long ra. Có khi ho luôn mười lăm tiếng mà đờm không ra, là phế ráo, làm ráo đờm thấp. Đờm trơn long thì dùng loại nam-tinh, bán hạ, để làm cho tỳ được ráo, mà nên kiêng thứ thuốc làm cho khí không lợi. Sát đờm, thì nên dùng loại chỉ xác, tô tử, hạt nhân, để làm cho

phế khí thông lợi, mà nên kiêng thứ thuốc làm ráo tỳ.

Phàm do đờm mà ho, thì đờm là chủ yếu, chủ chữa ở tỳ, do ho mà động đến đờm thì ho là chủ yếu, chủ chữa ở phế. Còn trẻ con mới đẻ trong trăm ngày mà ho, họ là ho sữa, là phổi còn rất non, rất dễ thương tổn, càng nên kịp chữa, vì để lâu thì mạch máu suốt lên trông mắt, 2 quầng mắt tím đen, hoặc trông trắng mắt đỏ hồng như máu, gọi là đau mắt đỏ, thì nên dùng sinh địa, đậu đen, cùng nghiền thành cao, đắp lên dính mắt, thì quầng mắt đen tự nhiên tiêu đi, huyết theo nước mắt mà ra là bệnh khỏi.

4- Xử phương:

Nếu do tứ thời cảm mạo mà ho, thì nên dùng loại Sâm-tô-ấm (97) và Tinh tỳ tán (96) mà phát tán nhẹ thôi.

Nếu kém nhiệt ho dữ, mặt đỏ, nóng dữ, bí đại tiện, thì dùng đình lịch, ngư hoàng mà thông lợi xuống.

KHOẢN ĐÔNG NGŨ VỊ THANG

(Chữa trẻ con ho dai dẳng)

<i>Khoản đông hoa</i>	2 đồng
<i>Ngũ bì</i>	2 -
<i>Ma hoàng</i>	2 -
<i>Mã đầu linh</i>	2 -
<i>Hạnh nhân</i> (bỏ vỏ gai)	2 -
<i>Chích thảo</i>	1 -

Sắc mà uống.

NHUẬN PHẾ HÓA ĐỜM CAO

<i>Nước quả bạch lê to</i>	1 cân
<i>Phục linh</i> (tắm sữa nghiền bột)	4 lạng
<i>Mạch đông</i> (sắc lấy nước)	4 -
<i>Mật ong</i>	1 cân
<i>Xuyên bối mẫu</i> (nghiền bột)	2 lạng
<i>Hồ đào nhục</i> (bỏ vỏ giã nát)	4 -

Trước hết đem nước lê nấu thành cao, sau đem mật nấu chín, cho thuốc trên vào với mật, lại nấu thành cao. Nếu đờm có máu thì cho 4 lạng nước tiểu trẻ con vào trong thuốc, mỗi buổi sớm, khi đói dùng nước sôi hòa vào nửa chén (chén uống nước chè) mà uống hết.

THIÊN KIM PHƯƠNG

(Chữa trẻ con mới đẻ được 10 ngày bỗng nhiên bị ho nghịch lên, ọc sữa)

<i>Gừng sống</i>	7 miếng	<i>Cam thảo</i>	
<i>Quế tâm</i>	2 đồng	<i>Khoản đông hoa</i>	đều 3 đồng

<i>Hạnh nhân</i>		<i>Từ uyển</i>	
<i>Mật ong</i>	đều 1 đồng	<i>Sơn chí</i>	1 đồng rưỡi

Các vị trên đun nhỏ lửa cho đặc như keo, bôi vào môi cho nuốt xuống.

BỘ PHẾ A DAO TÁN
(Chứa phế hư ho lâu thành suyễn)

<i>Nhân sâm</i>	1 lạng 3 đồng
<i>A dao (sao phồng)</i>	1 lạng 3 đồng
<i>Phục linh</i>	5 đồng
<i>Mã đầu linh (bỏ cành già)</i>	5 đồng
<i>Gạo nếp</i>	5 đồng
<i>hạnh nhân (chế)</i>	21 hột
<i>Chích thảo</i>	4 đồng

Các vị trên, giả dập, mỗi lần 2 đồng sắc mà uống.

IV- SUYỄN

1. Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh

Bệnh suyễn là khi bị hỏa làm cho uất mà tích đờm ở phổi ở dạ dày. Người ăn đồ cao lương, bồi dưỡng quá lắm, và trẻ con quá nuông chiều, đều có thể tích nhiệt ở dưới mà gây thành suyễn ho. Kinh nói: "phế thịnh quá thì suyễn ho xốc lên, đều do hỏa ở mạch xung bốc lên ngực mà gây ra, chứng này thuộc về hạ tiêu, không phải thuộc thượng tiêu".

Phàm ăn uống, lao động, mừng giăt quá chừng, ăn uống khi nóng khi nguội, rồi bị cảm, thì hại đến lục phủ, đều do khí trung tiêu bất túc, cho nên bụng trướng đầy, ho suyễn, nôn ra đồ ăn.

2- Phân biệt chứng trạng:

Do phong đờm ủng tắc mà suyễn, thì tất kiem nóng nhiều và ho, nhức đầu, nghẹt mũi.

Do đậu chần chưa mọc hết mà suyễn, thì tất kiem kinh hải, quyết lạnh, vật vã, mình nóng, chân lạnh.

Do đình trệ, trướng đầy mà suyễn thì tất kiem nôn mửa, ngán ăn, ợ hơi, bụng đau.

Do động kinh đờm nhiệt mà suyễn, thì tất kiem chứng co giăt, co quắp, mặt xanh, kêu khóc.

Do kéo đờm lên mà hen suyễn to, thì tất phát về lúc đột nhiên lạnh trong mùa thu, mùa đông, há miệng so vai.

Suyễn với trướng đầy, 2 chứng cùng làm nguyên nhân cho nhau, và đều tiểu tiện không thông lợi, cho nên suyễn thì tất trước đầy, trướng đầy thì tất suyễn. Trước suyễn mà sau trướng đầy, thì chủ ở phế, trước trướng đầy mà sau suyễn thì chủ ở tỳ, vì tỳ khí vận chuyển lên phế, phế chủ thông điều đường thủy.

3- Hư thực:

Mạch âm ở thốn khẩu thực là phế thực, thì phế tất trướng đầy, khí xúc, suyễn nghịch lên, họng tắc như dáng buồn nôn, tự ra mồ hôi, đều là chứng phế thực. Mạch âm ở thốn khẩu bên hữu hư là phế hư, thì tất họng khô không có tân dịch, ít hơi không đủ để thở. Nhưng thực là tà khí trong phế thực, hư là chính khí trong phế hư.

Chứng chết

Nếu vô cổ tiếng suyễn nổi lên như tiếng kéo cửa, mình không nóng mà mắt trợn ngược.

Lỗ mũi, sườn, gân, tim, ngực, đều trướng nở ra.

Bụng rắn nổi gân xanh, miệng xù bọt miếng, sắc mặt không có thần môi trắng.

Sau khi các chứng bệnh hơi đỡ, bỗng nhiên lúc trưa và nửa đêm suyễn nổi lên.

Suyễn xóc lên, mắt bỗng nhiên xạm đen, đổ mồ hôi; ấn đường có sắc xanh.

Mạch hoạt mà tay chân ấm là sống; mạch sáp, tay chân lạnh là chết. Kinh nói: "Suyễn thở so vai là mạch thực và đại, hoãn thì sống, cấp thì chết".

4. Phép chữa:

Đại khái, chứng suyễn mới phát, phần nhiều do nguyên nhân bên ngoài, nên theo ngọn mà chữa, Hoa-Dà nói: "Phế thịnh là chứng suyễn, phế kém là chứng khó". Sách Hoạt-nhân nói: "phát ra suyễn là khí thái quá" không phải là nói phế khí thịnh và thái quá, mà là nói hỏa trong phế thịnh và hỏa thái quá, cho nên dùng thuốc vị đắng tính lạnh để tả hỏa không phải là tả phế, tả hỏa trong phế mà thực là bổ phế.

Nếu do tích nhiệt thì dùng thuốc vị ngọt, tính lạnh.

Nếu do nội thương thì dùng thuốc vị rất ngọt, cay, tính nóng.

Sách Kim quỹ nói: "Suyễn do tà thực là phế thực, khí thịnh, hô hấp không thông lợi, các khiếu ở phế bị ứng tắc, mạch thôn trầm, thực, chữa nên tả phế. Suyễn do chính khí hư, là khí kém thận hư, hô hấp ít hơn, hai sườn trướng đầy, bộ xích tay trái thấy mạch "đại" mà hư, nên bổ thận, chớ bảo là trẻ con không có tình dục thì thận thực, nếu nắm chất tiên thiên bất túc, thì càng là chân khí "bị hư" cho nên suyễn thực thì, làm cho mát phần trên suyễn hư thì ổn bổ phần dưới, đó là bệnh ở trên mà chữa ở dưới.

Nếu do sau khi khỏi bệnh, thì dù không phải là phế làm cho tỳ hư, tất cũng là cả tỳ và phế đều yếu, nên theo gốc mà chữa. Hướng chi đoàn hơi, ít hơi, giống suyễn không phải suyễn. thì có thể nào cùng chữa với chứng suyễn được.

Các chứng suyễn lâu không khỏi, thì trước hết mạnh dặn uống thuốc cướp đờm 1, 2 lần là cắt cơn suyễn ngay. Sau khi cắt được cơn suyễn rồi, nhân đờm trị đờm, nhân hỏa trị hỏa, có thể được.

Phàm suyễn mà tiểu tiện không thông lợi, là do phế khí bị tà làm mất công năng dụ lắng, đến nỗi nước tràn ra bì phu mà thũng đầy, thì suyễn là gốc mà thũng là ngọn, nên làm cho mát phổi, giáng khí là chủ yếu, mà làm cho thủy vận hành là thứ yếu. Còn như tỳ chủ về hấp thụ, sợ thấp, khắc thủy, tỳ hư thì thủy thấp lan tràn bên ngoài xâm phạm vào da thịt, bên trong ứng tắc tràn lên, làm cho phế khí không dẫn xuống được mà

suyễn gây ra, thì thũng là gốc mà suyễn là ngọn, nên làm cho tỳ yếu mà thủy vận hành là chủ yếu, mà làm cho mát phổi là thứ yếu. Cho nên chứng bệnh phế mà dùng thuốc ráo tỳ, thì phế gặp ráo mà suyễn càng tăng, chứng bệnh tỳ mà dùng thuốc làm mát phế thì tỳ gặp lạnh mà thũng càng nặng.

5- Xử phương:

NHÂN XÂM NINH PHẾ THANG

(Chữ trẻ con phế vị đều lạnh, đờm suyễn, hơi thở gấp, ngủ không yên).

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch truật</i>
<i>Ngũ vị</i>	<i>Trần bì</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Cam thảo (nướng)</i>

Đều 2 đồng. Thêm gừng, táo sắc uống.

HẠNH NHÂN

(Chữa trẻ con suyễn gấp, ho mãi không khỏi)

<i>Hạnh nhân</i> (bóc vỏ bỏ đầu nhọn, sao)	<i>Xích linh</i>	
<i>Tô tử</i> (sao)	<i>Tang bì</i>	
<i>Trần bì</i> (bỏ xơ trắng)	<i>Phúc bì</i>	Đều 1 đồng
<i>Chích thảo</i>	<i>Bán hạ</i>	

Các vị trên, cho gừng và nước vào sắc mà uống.

THANH HÓA HOÀN

(Chữa phế uất đờm suyễn)

Bối mẫu
Hạnh nhân
Thanh đại

Các vị đều nhau, tán bột, hoàn với mật hoặc với nước gừng khi dùng ngâm cho tan ra.

ĐỊNH SUYỄN THANG

(Chữa phế hư cảm hàn, khí nghịch lên, hàng cách mô nóng mà thành hen)

<i>Bạch quả</i> (bỏ vỏ, thái vụn, sao vàng)	12 quả	<i>Vỏ rễ dâu</i> (sao mật)	
<i>Ma hoàng</i>		<i>Tô tử</i>	
<i>Bán hạ</i> (chế gừng)	đều 3 đồng	<i>Hạnh nhân</i>	1 đồng
<i>Khoản đông hoa</i>		<i>Hoàng cầm</i>	1 đồng rưỡi
		<i>Cam thảo</i>	1 đồng

Cho 3 chén nước to, sắc còn 2 chén, chia đôi mà uống, không cử giờ nào.

Nếu trẻ còn nhân lúc dương khốc chưa nín, mà cho ăn đồ mặn chua, đến nổi khí

ngịch lên không hạ xuống, hoặc nhân bú sữa no quá, lại kèm có phong hàn hại đến phế mà suyễn, khô khè nấc nghịch lên, thì nên dùng *Từ-tô-tử-mang*.

TỪ TÔ TỬ THANG

Hột tia tò

Kha tử

Hột cái cũ

Các vị bằng nha

Hạnh nhân

Mộc hương

Nhân sâm

Cam thảo

đều bột một nửa

Trần bì

Các vị trên, sắc mà uống.

V- HEN

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh.

Hen là theo tiếng thở mà gọi tên, suyễn thì theo hơi thở mà định nghĩa. Phế là cửa ngõ của thanh âm, thận là gốc rễ của thanh âm phát khí ra ở phế, nạp khí vào ở thận. Tóm lại là trong thì hỏa của đờm uất lên, ngoài thì khí lạnh của phong thúc vào mà gây ra. Cũng có khi do quá ăn đồ mặn, chua, tà vào thớ thịt mà gay ra.

2- Phân biệt chứng trạng:

Hen có trong cổ họng có tiếng nhw kéo cưa, cà hức như tiếng con gà nước. Nếu ho xốc lên luôn luôn không thành từng hơi, thì gọi là suyễn. Trong họng như tiếng gáy là hư, như tiếng gà nước là thực.

3- Phép chữa:

Đạm khê nổi : "chữa hen tất dùng vị ăn thanh, đạm, chuyên chủ ở đờm, nên dùng nhiều vị thuốc gây nôn, nhất là giấm chua, không thể dùng thuần thuốc lạnh, lại nên kèm thêm thuốc phát tán nữa, vì đó là hàn bao bọc lấy nhiệt. Cũng có khi hư thì không thể cho nôn ra được, phải cẩn thận. Cách chữa phải biết chứng bệnh mới phát hay đã lâu, chứng hư hay chứng thực.

4- Xử phương:

Sách Cẩm-nang chữa một trẻ em lên cơn hen suyễn dữ dội, do dùng nhầm thuốc Cồn-đàm-hoàn để xổ đờm, đến nổi mồ hôi phá ra, rất nguy kịch, phải dùng Nhân sâm (1 đồng) mạch môn (1 đồng), ngũ vị (7 hột), nhục quế (3 phân) sắc để nguội cho uống, bệnh bớt ngay, nhưng lại phát, đó là âm chưa phối hợp với dương. Lại dùng Bát-vị gia mạch-môn, ngưu-tất, ngũ-vị, mỗi thang dùng bột thực địa 5 - 6 đồng, quế, phụ tử (4 phân), sắc để nguội cho uống, bệnh yên. Nhưng hễ vận động lao lực thì tiếng suyễn còn hơi có, đó là do chưa hoàn phục được nguyên khí. Lại dùng Sinh mạch ẩm điều trị 3, 4

ngày, tinh thần mới hoàn toàn bình phục.

BỐI-MẪU-CAO

(Chữa chứng hen do phong nhiệt)

<i>Huyền sâm</i> (sấy)	<i>Quất bì</i>
<i>Sơn chi</i> (sao)	<i>Bách bộ</i> (sấy)
<i>Ho phán</i> (sấy)	<i>Hoàng cầm</i>
<i>Xuyên bối mẫu</i>	<i>Hạnh nhân</i>
<i>Chỉ xác</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Phấn thảo</i>	

Đều 5 đồng

Lá bạc hà (sấy) 7 đồng.

Các vị tán bột luyện mật làm hoàn như hòn đạn, dùng bắc đèn hoặc lá dạm-trúc nấu lấy nước làm thang mà uống.

Lại một phương

(Chữa chứng hàn bao bọc lấy nhiệt mà hen suyễn tất phải dùng thuốc *phán tán*).

<i>Quất bì</i>	<i>Tử tô</i>
<i>Bán hạ</i>	<i>Ma hoàng</i>
<i>Chỉ xác</i>	<i>Hạnh nhân</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Hoàng cầm</i>	

Đều bằng nhau

Sắc mà uống, trời lạnh thì gia *quế chi* chút ít.

ĐÀM HAO PHƯƠNG

<i>Thanh qua lâu</i>	2 chiếc
<i>Bạch phèn</i> (phèn chua tán nhỏ)	5 đồng

Đem vị qua lâu đập nát, cho bột *phèn chua* vào trong, đặt trên hòn ngói mới, phơi râm, hòa với ít nước lạnh, sau khi ho, ngâm cho tiêu xuống, khỏi ngay.

VI- NĂM CHỨNG KÍNH

(Ngũ giản) ⁽¹⁾ phong xù

1- Nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chứng kinh là chứng bệnh độc ác, nói chung là vì khí huyết không thư liễm, thần chí chưa hoàn toàn, hoặc bị phong tà làm hại, hoặc do khí người mẹ mang thai, thất tình kinh hải, hoặc do khí ở trong bụng mẹ, thần khí còn yếu hoặc nghe tiếng to, hoặc gặp sự

(1) *Chứng kinh* (giản) tức là phong xù. Khi lên cơn, ho mê bất tỉnh bỗng nhiên ngã lăn ra. nặng quá thì chân tay co quắp, mắt trợn ngược, hoặc miêng mắt méo lệch, hoặc kêu rú như tiếng lục súc, lúc sắp tỉnh thì miêng sùi bọt dãi, tỉnh rồi lại phát có khi hàng ngày lên cơn. có khi 3, 5 ngày lên cơn, đều do thận hỏa và can hỏa gây ra.

kinh hải quá, thì thần khí tán ra, đờm dải kéo đến, hoặc do sau khi đẻ, bù mớm không chừng, đình trệ ở kinh lạc, tích thành đờm, đều có thể gây nên chứng bệnh này. Sách nói: "Khí động lại mà sinh chứng co giật, khí kết lại mà thành chứng kinh (giản)". Lại nói: "Vì nôn mửa mà hư yếu, thì thành chứng mạn kinh, vì tiết tả mà hư yếu, thì thành chứng mạn tỳ; vì cả thổ và tả mà hư yếu thì sinh ra chứng kinh thuộc âm (âm-giản). Nếu nóng dữ, kinh hải, co giật thì là chứng kinh thuộc dương (dương giản), cho nên bệnh phát, tắt vào sau khi làm việc mệt nhọc, hay vì giận dữ mà hỏa bốc lên, bỗng nhiên ngã vất ra. Tâm tuy là chủ linh khôn, nhưng đến lúc có tà đình trệ, thì khí linh khôn cũng không có tác dụng nữa". Do đó đủ rõ hóa bát gốc ở thận, mà tà trệ lại ở tâm. Tà đây tức là hỏa bốc lên thủy tràn ra, chứ không phải ở bên ngoài vào. Người chữa bệnh nên làm cho thận bền vững, tâm điều hòa, là đường lối cốt yếu.

2- Phân biệt chứng trạng:

Chứng kinh ở trẻ con là "giản", ở người lớn gọi là "diên", gọi chung là "diên-giản". Nằm ngửa thuộc dương, nằm sấp thuộc âm, bệnh này lúc mới phát, mình đã nóng rồi, tay chân co giật gào khóc, sắc mặt sáng, mạch "phù" là chứng kinh thuộc dương, chứng bệnh ở phủ, dễ chữa. Nếu mình không nóng, miệng không gào khóc, sắc mặt tối mờ, tay chân xanh mà lạnh, không có giật, mạch "trầm" là chứng kinh thuộc âm, chứng bệnh ở tạng, khó chữa. Sách nói: "Mạn kinh mất ất mở, mạn tỳ mất ất nhắm, chứng kinh thuộc âm, mất ất nửa nhắm nửa mở, chứng kinh thuộc dương mất ất nửa tươi nửa xanh mà trông lờm lờm".

Chứng này chia ra làm 5:

1- Chứng kinh do kinh hải (kinh giản), bệnh ở tâm, thuộc về **hình tượng dê**, (dương giản) mặt đỏ, mắt trợn, lưỡi thè, vật vã, kêu hoảng, mạch hồng khẩn.

2- Chứng kinh do phong (phong giản), bệnh ở gan, thuộc về **hình tượng chó** (cẩu giản) mặt xanh, mắt trông lờm lờm, tay chân co giật, bầm đốt ngón tay như đếm, đờm nhiệt sục lên, môi mặt đều xanh, mạch "hồng huyết".

3- Chứng kinh do bú sữa (thực giản), bệnh ở tỳ, thuộc về **hình tượng trâu** (ngưu giản) mặt vàng, bụng trướng, buồn bực mất tực thị, chân tay rời rã mạch "phù hoãn".

4- Chứng kinh do phế (diên giản) bệnh ở phế, thuộc về **hình tượng gà**, (kê giản) mặt như xương khô, miệng xùi bọt, trông trắng mắt trông lờm lờm, tâm thần hôn mê, rối loạn, vật vã, mạch "vi sắc".

5- Chứng kinh do thận (thi giản) bệnh ở thận, thuộc về **hình tượng heo** (trư giản), mặt đen tối, mắt gương nhìn người, miệng xùi bọt trong, nằm trơ như thầy chết, mạch "trầm".

Một thuyết nói: "những chứng tạng: trông mắt đứng, mắt xếch, miệng cầm, nước dãi trào ra, bụng phình, co giật, gáy lưng uốn ván, eo lưng cứng đờ, hình như người chết, nếu một ngày không tỉnh, thì là bệnh kinh (xí); nếu sắc mặt biến đổi không thường, trông thấy người như hổ thẹn, đó là kèm chứng tà quái. Chân tay mềm nhũn, bệnh phát từng cơn rồi lại tỉnh, gọi là chứng kinh (giản). Nếu chân tay cứng rần, một ngày không tỉnh, đó là bệnh kinh (xí), không phải là bệnh kinh.

3- Phép chữa:

Nếu chỗ lồng mày xám đen, hoặc nồn mửa và ỉa lỏng, mãi không khỏi, hoặc ngực lồi, mất tiếng, hoặc dưới tâm trướng đầy, đều không chữa được.

Nếu các chứng kinh mất tiếng không nói được, đó là phong làm hại khí; đến nỗi che lấp mất tiếng; hoặc huyết trệ ở tâm, khí không thông đất, nên chia âm, dương, hàn, nhiệt, phân biệt tạng phủ hư thực mà chữa.

Chứng kinh mới phát, nên xem chỗ xương hiện ra những vân xanh rối loạn như sợi chỉ, kíp nên châm vỡ cho ra máu, làm cho đứa trẻ khóc lên vài tiếng, để được thông hơi là tốt.

Trẻ con nếu có đờm nhiệt trong lồng ngực buồn phiền, không muốn bú mớm, ngủ mê mẩn mà không yên, thường hay giật mình, tức là triệu chứng sắp phát kinh, cần phải chữa trước.

Năm chứng kinh đều tiên thiên bất túc mà gây nên, nên theo chỗ căn bản mà điều hổ, không nên dùng bảy thuốc khác phạt, làm mát thì nóng, tiêu đờm, trở lại tổn hai nguyên khí, thì tất nhiên có lúc phát bệnh, rồi biến thành chứng nguy, phần nhiều không cứu được.

Chứng kinh do kinh hải là chứng thuộc dương, nguyên là tâm có tà khí, khiếu tâm có huyết trệ chứa chất thành chứng kinh, nên trước hết làm cho kinh mạch tâm lưu thông, huyết ở tâm được điều hòa, khí được thuận xuống, đờm được tiêu đi.

Chứng kinh do phong là chứng thuộc dương, hoặc do khi mồ hôi ra cởi áo, gió nhân hư lọt vào, nên thành các chứng trạng co giật, nên trước hết làm cho phong tán đi. Một thuyết nói:

Chứng kinh do phong là tại hòa ở đờm gây ra, vì nhiệt lắm mà kiêm cả phong và táo", tức là nhiệt thì sinh phong, phong sinh táo.

Chứng kinh do bú sữa, cũng là chứng thuộc dương, do ăn bữa bái không dè dặt, hoặc bú mớm không chừng, rồi ứ đọng chất uế tạp, kết thành tích sữa ở kinh lạc, tỳ vì tổn thương không thể tiêu hóa được ngũ cốc, tất nhiên đại tiện chua hôi, trước phát rét, sau phát nóng, nên được hết làm cho đồ ăn tiêu đi, và bổ dưỡng cho tỳ, sau dùng các tễ thuốc dẹp chứng kinh làm chủ yếu. Nếu chữa không sớm, tất truyền bệnh qua 5 tạng mà gây thành các chứng kinh khác nữa.

Lại chứng kinh thuộc dương, thì mình nóng, co giật, khóc thét, nằm ngửa, mặt trong bóng, mạch phù, bệnh ở phủ, dễ chữa, rất kiêng dùng thuốc ôn. Nếu khi bệnh phát mặt xám chân tay lạnh, mạch trần trì, là chứng kinh thuộc âm, bệnh tạng, khó chữa.

Các chứng kinh do phế, kinh do thận, đều thuộc chứng âm, không nên dùng xằng thuốc mát.

Chứng kinh do phong, là tiên thiên bất túc, nên chú trọng vào nguồn gốc thủy hỏa mà chữa là tốt nhất.

Chứng kinh thuộc âm thì mình lạnh không giật, không khóc, nằm sấp, bệnh ở tạng, khó chữa, rất kiêng thuốc mát.

4- Xử phương:

Chữa các chứng kinh, là những chứng bệnh nặng do thủy hỏa tiên thiên kém mà sinh ra, nên dùng Hà xoa hoàn (208), Bát-vị-hoàn (187), uống lâu mới khỏi, hoặc dùng xen bài *Thập toàn thang* (191), kiêm chữa khí huyết của hậu thiên, nhất thiết không nên dùng xằng thuốc khác phạt, mà tự làm cho thất bại.

CÂU ĐĂNG THANG
(Chứa các chứng kinh)

<i>Quất bì</i>	<i>Nhân sâm</i>
<i>Cao đằng</i>	<i>Viễn chí</i>
<i>Đờm tinh</i>	<i>Tê-giác</i>
<i>Thiên ma</i>	<i>Thạch xương-bồ</i>
<i>Tầm vôi</i>	<i>Bắc đẹn.</i>

Các vị bằng nhau, sắc uống, gia thêm bột ngưi-hoàng và trân châu.

Phạm chữa các chứng kinh, tùy theo từng tạng mà chữa, mỗi tạng đều có một hình tượng con thú, tường dùng bài Ngũ-sắc-hoàn (224), lại dùng xen thuốc của các kinh vào nữa.

Nếu mặt đỏ, mắt trùng, lưỡi thè, cần môi, tim phiền, hơi ngắn, tiếng như tiếng dê, thì gọi là chứng kinh thuộc tâm (tâm gián) mà huyết hư, thì dùng bài dưỡng tâm thang (5); phát (nóng uống nước lạnh là thực nhiệt, nên dùng bài Hổ-tĩnh-hoàn (89); phát nóng uống nước nóng là hư nhiệt, dùng bài Thần-sa-diệu-hương-hoàn (140).

Nếu mặt xanh, môi xanh, hai mắt lườm lườm, chân tay co giật, uốn ván, tiếng kêu như tiếng cho, gọi là chứng kinh thuộc can (can gián), can hư, thì nên dùng bài Địa-hoàng-hoàn (63), co giật mà có lực là thực tà, nên dùng bài Sài-hồ-thanh-can-tán (130); nếu đại tiện không thông, nên dùng Tả thanh hoàn (93).

Nếu mặt đen, mắt giật, xùi bọt mép, người trơ như cây chết, tiếng kêu như tiếng heo, gọi là chứng kinh thuộc thận (thận giả tức thì gián), nên dùng bài Địa hoàng hoàn (185), bài Hà-xa-hoàn (108), vì thận không nên tả, cho nên theo chứng hư mà chữa.

Nếu mặt như xương khô, mắt trắng nhìn lườm, sợi hải, giật nảy người uốn ván, lắc đầu, xùi bọt mép, tiếng kêu như tiếng gà, thì gọi là chứng kinh thuộc phế (phế gián tức diên gián) phế khí hư, thì nên dùng bài Bồ-phế-thang (16); sắc mặt còm vàng là tỳ thổ không sinh được, nên dùng bài Ngũ-vị-dị-công-tán (118); sắc mặt đỏ là tâm hỏa xông lên phế, nên dùng bài Địa-hoàng-hoàn (63).

Nếu mặt xanh còm vàng, trông trắng đùng, bụng đầy, phân tự vãi ra, tay chân rời rã, tiếng kêu như tiếng trâu, thì gọi chứng kinh thuộc tỳ (tỳ gián), nên dùng bài Ngũ-vị-dị-công-tán (118); nếu mặt vàng ỉa lỏng, ăn uống kém, thì nên dùng bài Lục-quân-tử-thang (131) gia mộc hương, sài hồ. Nếu chứng kinh do kinh hải (kinh gián) thì dùng các loại Bắc-kim-hoàn (91), Phục-thần-hoàn (26), Dưỡng tâm thang của họ Tiền (5). Thần sa diệu hương tán (140) Thanh thần hoàn (44) và Hổ tĩnh hoàn (89).

Chứng kinh do phong (phong gián) thì dùng Ngưi-hoàng-hoàn của họ Tiền (171), Tiêu-phong-hoàn (236) Tĩnh tó tán (111).

Chứng kinh do bú sữa (thực gián) thì nên dùng bài Điều-thanh-tán (xem ở dưới).

Phạm lúc lên cơn, phong đờm nổi lên, mé mệ, một chốc lại tỉnh, cứ hàng năm lên cơn luôn như thế, thì dùng cái rau thai nhi thứ béo mập để sống nghiền nát ra, cho vào bột nhân sâm, đương-qui, giã lẫn cho nhuyễn, làm thuốc hoàn, to bằng hạt bắp, mỗi lần uống 35 viên, mỗi ngày uống 3 hoặc 5 lần, dùng sữa bò thuốc vào cho tan mà uống, lại dùng thêm bài Bát-trân (190).

Phâm lên cơn kinh do kinh hải, cho uống thật nhiều sữa người, sau đó lên cơn thua dần mà nhẹ đi. Nếu lại lên cơn, cũng dùng bài Từ-hà-sa-hoàn (208), tùy khi dùng mà gia giảm Bát-vị-hoàn (187). Nếu lại lên cơn nữa, tay chân quyết lạnh, lại dùng cách trước mà uống thêm Bát-vị-hoàn (187) Thập toàn đại-bổ-thang (191) để giúp sức.

Phâm bị các chứng này, đều do nguyên khí bất túc, nên dùng Từ-hà-a-hoàn (208) làm chủ yếu, mà lấy thuốc bổ thêm vào, như loại Bổ-trung-ích-khí thang (39), Lục quân tử thang (131) Lục vị hoàn (186), Bát vị hoàn (187). Nếu khắc phạt làm bừa, lại hại đến nguyên khí, thì bất thần cơn kinh lại phát, lâu rồi thành chứng nguy.

Nếu chứng thuộc về 20 thứ kinh, nên dùng tam giản hoàn.

TAM GIẢN HOÀN

<i>Kinh giới tuệ</i>	2 lạng
<i>Phèn chua</i> (bạch phèn nửa sống nửa khô)	1 lạng

Hai vị trên tán bột, viên với hồ, to bằng hạt gạo, chu xa làm áo, mỗi lần uống 20 viên, với nước gừng.

Nếu chứng kinh do tâm (tâm giản), mất dò, mất trợn, lưỡi thè, tâm phiền hồi hộp, nên dùng bài Kinh-bạc-trấn-tâm hoàn hoặc bài Trấn-tâm-hoàn (237).

KIM BẠC TRẤN TÂM HOÀN

<i>Viễn chi</i>	<i>Hồ phách</i>
<i>Hùng hoàng</i>	<i>Thần sa</i>
<i>Thiết phán</i>	

đều 2 đồng

<i>Xạ hương</i>	5 phân
-----------------	--------

Các vị trên tán bột, dùng táo nhục luyện làm hoàn to bằng hạt đậu, vàng thép làm áo, mỗi lần dùng một viên, sắc mạch môn đông làm thang mà uống.

Nếu chứng kinh thuộc cam (cam giản), mặt xanh, mắt trợn ngược, tay chân nắm, co giật, uốn ván, nên dùng bài Tán phong đan.

TÁN PHONG DAN

(Kiềm trị bệnh kinh (xí))

<i>Dâm tinh</i>	2 đồng	
<i>Khuông hoạt</i>		<i>Nhân sâm</i>
<i>Độc hoạt</i>		<i>Kinh giới</i>
<i>Phòng phong</i>		<i>Tế tân</i>
<i>Thiên ma</i>		<i>Xuyên khung</i>
		<i>Sài hồ</i>

đều 1 đồng

Các vị trên tán bột, viên với mật, bằng hạt ngô, mỗi lần uống 2 viên đưa trẻ lớn thì 3, 4 viên, sắc nước tía-tô làm thang mà uống.

Nếu chứng kinh thuộc tỳ (tỳ giãn), mặt vàng, mắt trọc thị, bụng đầy, đại tiện vãi phân ra, nên dùng Diệu-thánh-dan.

DIỆU THÁNH DAN

Đại-giải-thạch

Hùng-hoàng

Yết-sảo

Các vị bằng nhau

Thần sa

Hạnh nhân

Ba đậu

20 hột

Các vị trên tán bột, dùng táo nhục luyện làm hoàn, to bằng hạt ngô. Mỗi lần uống 1 viên với nước sắc hạnh nhân.

Nếu chứng kinh thuộc phế (phế giãn), mặt trắng, tròng lườm, sợ hãi, co giật, sùi bọt miếng, dải trào ra, dùng Thiên-tinh-hoàn.

THIÊN TINH HOÀN

Thiên ma

1 đồng rưỡi

Phòng phong

đều

Dâm tinh

Bạch phu tử

2 đồng

Toàn yết

đều 2 đồng

Tầm vôi

1 đồng rưỡi

Xác ve sầu

Xạ hương

5 phân

Các vị trên tán bột, luyện với táo nhục làm hoàn, to bằng bột đậu xanh, mỗi lần uống 3 viên, với nước sắc kinh giới và gừng sống.

Nếu chứng kinh thuộc thận (thận giãn), mặt đen hốc hác, gương mắt trông người, miệng sùi bọt trong, nằm dờ như thầy chết, nên dùng Thận-giãn-thang.

THẬN GIÃN THANG

Độc hoạt

Đại hoàng

Ma hoàng

Cam thảo

Xuyên khung

đều 6 phân

Sắc với gừng mà uống.

Nếu chứng kinh do phong (phong giãn) trẻ con khí huyết chưa liễm, khí với xương không tụ với nhau, bị phong tê cầm vào, nóng tay bấm đốt nhau như đếm, do nhiệt, sinh đờm, trước hết nên dùng bài sơ phong tiễn, sau dùng bài sơ-phong-tán. Có nhiệt dùng An-thần-hoàn, co giật dùng Tán-phong-dan (xem ở trên).

Nếu chứng kinh (giãn), vì sợ hãi tích dần lại mà gây nên, khóc kêu hoảng hốt, nên trước chữa chứng sợ hãi, rồi làm mát tam-tiêu, trừ nhiệt tiêu đờm, nên dùng Tử thạch tán (11) hoặc Định-phách-hoàn.

Nếu đờm hỏa gây thành chứng kinh, nên cho thổ đờm, tả hỏa, yên sợ hãi, dùng

Từ-sương-hoàn (49), uống nước sắc yết sảo hoặc dùng Tĩnh-tỳ-tán (xem mục cấp kinh) làm hoàn mà uống.

CẤP KINH TAM GIẢN DAN

<i>Rét</i>	1 con	<i>Toàn yết</i>	
<i>Nam tinh</i>	2 đồng	<i>Phòng phong</i>	
<i>Xạ hương</i>	2 phân rưỡi	<i>Viễn chí</i>	đều
<i>Vàng thép</i>		<i>Bạch phụ tử</i>	1 đồng
<i>Bạc thép</i>	đều 3 miếng	<i>Lô hội</i>	
		<i>Thần sa</i>	

Các vị trên, tán bột, viên với hồ, to bằng hạt bắp, mỗi lần uống 1 viên, thang với nước tía-tô xương bồ.

Chữa chứng âm dương gián.

Dại giả thạch (nung, tôi giấm, tán bột), mỗi lần uống 5 phân, sắc nước kim-ngân hòa vào một ít vàng thép mà sống.

Nếu huyết động vào tâm khiếu, và tà khí xâm vào tim, kinh sợ lại thành chứng kinh, cho nên dùng cách điều hòa khí huyết ở tâm kinh và thông đờm làm chủ yếu, thường dùng Trư-tâm hoàn (23) hoặc Trúc-lich-hoàn, mỗi lần uống một viên với nước nóng khi đói bụng.

TRÚC LỊCH HOÀN

<i>Bạch truật</i> (sao với mật)	đều 2 đồng rưỡi
<i>Hậu phác</i> (nhất với nước cam thảo)	
<i>Phụ tử đều</i>	
<i>Tê giác</i>	1 đồng
<i>Toàn yết</i>	7 con (mỗi con gói vào lá bạc hà, ngâm vào nước sôi, rồi nướng vàng, tán bột).

Các vị trên, tán bột, hòa nước trúc lịch, làm hoàn, to bằng hạt đậu đen, mỗi lần uống một viên, tùy trẻ lớn, bé mà cho ống nhiều hay ít.

Sau khi chứng kinh khỏi, mà bị cảm không nói được, thì dùng nam-tinh (bọc vào miếng giấy ướt nướng thơm), tán bột, mỗi lần uống 2 phân rưỡi, hòa với nước mật heo dục.

Sau khi chứng kinh khỏi rồi lại phát, dùng Đoạn-giản-dan (149).

Chữa chứng kinh lâu ngày, khí huyết bất túc, nên dùng Hoạt hổ đan (21).

VII. BỆNH KÍNH = CO CỨNG ⁽¹⁾ (Cũng đọc là xỉ chứng)

1- Xét nguyên và cơ chế của bệnh:

Bệnh kinh tuy giống chứng kinh, mà thực lại nặng hơn chứng kinh Kinh nói: "công năng của dương khí: sinh hóa chất tinh vi để nuôi tinh thần và sinh chất mềm nhũn để nuôi gân", mồ hôi ra quá thì vong dương, vong dương thì không thể nuôi được gân mà thành bệnh co cứng.

Kinh nói: "phế chuyển nhiệt sang thận, lâu ngày biến thành chứng kinh thuộc âm (nhu-xí)". Phế chủ khí, thận chủ xương, có lúc do thương hàn 4, 5 ngày, hàn đã phục ở trong mà gây thành nhiệt, nhiệt chuyển sang phế, truyền sang thận, lại truyền sang can (vì phế là mẹ thận, thận là mẹ can), cho nên gân, xương bị nhiệt, mới bong dẫn ra, không co lại được, tay chân không có lực mà gây thành chứng co cứng thuộc âm.

2- Phân biệt chứng trạng:

Chứng này chia làm hai:

1. Lúc bệnh phát nổi nhâm, mắt đỏ, mắt đỏ đầu lác, gân mạch co quắp, răng rắn chặt tay sờ ra, gáy lưng cứng thẳng, đờm dãi tắc đầy, miệng khô, mê man, phiền khát, tiểu tiện đỏ giắt, mình nóng không mồ hôi, sợ lạnh gọi là chứng co cứng thuộc dương (cương xí).

2. ỉa, táo dạ, không nói, không khát, tay chân lạnh mà mình nóng, mồ hôi ra mà không sợ lạnh, suốt ngày không tỉnh, gọi là chứng co cứng thuộc âm (nhu xí).

Phạm nói nhâm, miệng khô, đờm dãi, phiền khát, ỉa táo dạ, tay chân hơi lạnh, đó là chứng thuộc dương hay âm không phân biệt được. Phạm khắp mình cứng thẳng, nói nhâm ngủ mê, uốn ván, suốt ngày không tỉnh đó là chứng thuộc dương. Nếu tay chân giá lạnh, mà không có lực, ỉa táo dạ, không nói, không khát, đó là chứng thuộc âm, đều là chứng rất nặng, 10 bệnh khó cứu được một.

3- Phép chữa:

Kinh nói: "Các chứng thốt nhiên cứng thẳng đều thuộc về phong; các chứng kinh gáy cứng đều thuộc về thấp), những chứng đó không có thể dùng cách tán phong phát hãn mà chữa được.

Phạm các chứng kinh không phân biệt được là thuộc dương hay thuộc âm, cách chữa nên làm cho thận khí tiêu đờm, đờm tiêu thì phong tán, khí thuận thì tinh thần tươi tỉnh. Lại như phát nóng không mồ hôi, đó là phần biểu thực, chữa nên cho ra mồ hôi; phát nóng có mồ hôi, đó là phần biểu hư, thì không nên cho ra mồ hôi nữa; nếu cho ra mồ hôi thì tắt đến vong dương.

Chữa các bệnh kinh, nên dùng Câu-đẳng-thang (xem mục 5 chứng kinh).

Nếu trước nổi nhâm rồi sau lên cơn là cương xí nên cho ra mồ hôi, dùng Ma-hoàng cát-cân-thang (153).

Nếu trước lạnh chân tay, rồi sau lên cơn là nhu xí, nên làm cho khoan lợi thứ thiệt, dùng bài Lý-trung-thang (17), Tam-sinh-ấm (103), thường dùng Doan-giản-dan (149), Tiểu tục mệnh thang (60).

(1) *Bệnh kinh*: đó là bệnh chứng vận lưng uốn ván cứng khớp (co cứng) xuất hiện trong quá trình sốt ngoại cảm. Biểu hiện chủ yếu là mình nóng chân lạnh (khi ở hàn cảm thấy nóng đầu đỏ mặt, đỏ mắt) cổ gáy căng cứng. Vận lưng uốn ván, hồng cứng khớp chỉ còn cái đầu thì lúc lắc, mạch trầm tế hoặc căng gấp.

Bệnh này do lục đâm xâm nhập, hóa táo, hóa phong mà gây nên. Kim quý phân tích rằng:

- Phát sốt không mồ hôi lại ở hàn là cương xí.
- Phát sốt đỏ mồ hôi mà không ở hàn là nhu xí.

VIII - ĐIÊN CUỒNG

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Sách nói: "hay mừng là điên, hay giận là cuồng". Lại nói: "trùng âm ⁽¹⁾ là điên, trùng dương ⁽²⁾ là cuồng". Điên cuồng giống như chứng kinh (giản) mà không phải chứng kinh (giản), giống như chứng bệnh kinh (xí) mà không phải bệnh kinh (xí), khi lên cơn thì khác thường.

2- Phân biệt chứng trạng:

Điên là hoặc kêu hoặc khóc, bồng mưng, bồng buồn. Cuồng là nói xằng, không ăn được mà hay hát, muốn cửi áo ra mà chạy, cắn lưỡi, xùi bọt miếng, hoặc kêu như tiếng heo tiếng dê, khi lên cơn thì mình mềm luột cơ lúc lại tỉnh, đó cũng là chứng kinh (giản) không phải chứng cuồng. Vì chứng cuồng cùng với chứng kinh (giản) giống nhau.

3- Phép chữa:

Các chứng kinh (giản) bệnh kinh (xí), điên cuồng, tên tuy khác nhau, mà căn bản thì giống nhau, đều nên chữa gấp, nếu hơi chậm, thì phong đờm tràn đọng ở kinh lạc mà không ra được, tất gây tổn hại tâm kinh, tâm kinh tổn hại thì thần thoát, thần thoát ra thì chết. Nếu máy mà cứu vớt được phần nào, thì tất cũng thành ra người vô dụng. Những chứng này phần nhiều ở người ở người lớn, còn trẻ con thì ít có.

4- Xử phương:

THIỆT PHẤN HOÀN

(Trị chứng điên phát ra bất thần, buồn phiền, xùi bọt miếng).

<i>Long xỉ</i>		<i>Ngưu hoàng</i>	1 đồng
<i>Kinh phấn</i>	đều 3 đồng	<i>Một dược</i>	2 đồng
<i>Thiên ma</i> (nướng)		<i>Xạ hương</i>	5 phân
<i>Đờm tinh</i> (sao)			

Các vị trên, chọn vào những ngày lập (các ngày tết âm lịch) hoặc đoan-ngọ (ngày 5 tháng 5 âm lịch) mà tán bột, hoàn với nước, sắc lấy nước kinh giới làm thang mà uống. Lúc hợp thuốc lại và lúc lấy nước, tuyệt đối đừng để cho đàn bà và các giống mèo, chó, gà trông thấy.

(1) *Trùng âm*: 2 loại thuộc âm tính đồng thời xuất hiện như:

a. Một ngày đêm thì đêm là Âm, nửa đêm là Âm trong Âm, cho nên gọi là trùng Âm.
b. Mạch lạnh, mạch vi muốn tuyệt, chứng và mạch đều là Âm thịnh gọi là trùng Âm, nói lên Âm hàn dữ quá.
c. Lấy khí hậu tự nhiên liên hệ với bệnh biến của người mà nói thì như mùa đông thuộc Âm, hàn lạnh là Âm tà, mùa đông lại cảm hàn tà cũng gọi là trùng Âm.

(2) *Trùng dương*: 2 loại thuộc dương tính đồng thời xuất hiện như:

a. Một ngày đêm thì ban ngày là dương, giữa trưa là dương trên dương, cho nên gọi là trùng dương.
b. Mạch nóng, mạch hồng đại, chứng và mạch đều là dương thịnh, gọi là trùng dương, nói lên dương nhiệt dữ quá.
c. Xem khí hậu tự nhiên liên hệ với bệnh của người như mùa hè thuộc dương, thử (nắng) là dương mà cho nên mùa hè cảm nắng cũng gọi là trùng dương.

IX - CÁCH LÀM CHO TRẺ CON THÔI BÚ

(cai sữa)

Phạm trẻ con khi 2, 3 tuổi, vì mẹ có bệnh, hoặc vì mẹ có thai, hoặc vì con bị bệnh, muốn cho thôi bú nên dùng phép họa-mi-cai, có thể thôi được.

HỌA MI CAI (thuốc vẽ lông mày)

Son chi tử (sao đen)

3 quả

Hùng hoàng

Chu sa

đều chút ít

Khinh phấn

Các vị trên, tán bột, hòa với dầu mè, đợi khi đứa trẻ ngủ chấm bột đặc vẽ lên trên 2 bên lông mày nó, khi tỉnh dậy, tự nhiên nó không bú nữa. Nếu chưa kiến hiệu, lại lấy mực bôi vào đầu vú.

X- TÊ THẤP

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chứng này là vì nhiễm phải sương mù hơi sương ướt đọng ở lỗ chân lông, cho nên thấy đau nhức, do hàn quá sinh ra nhiệt cho nên phiền, thấp khí không tán được nên buồn bực.

2- Phân biệt chứng trạng:

Thấp tê, chứng trạng giống như bệnh kính (xí) mạch trầm tế, khớp xương đau nhức mà thấy buồn phiền, là đúng bệnh. Lại có khi đại tiện lỏng mà tiểu tiện bế, lưỡi có rêu trắng, đó là do thấp khí đi xuống, cho nên đại tiện lỏng, âm dương không phân, cho nên tiểu tiện bế, đan điền ⁽¹⁾ có nhiệt, trong ngực có hàn, thấp nhiệt hung bốc, cho nên lưỡi có rêu trắng.

3- Cách chữa:

Nên làm cho lợi tiểu tiện để phát tiết cái thấp - Khí ở trong bụng ra. Nếu nhầm cho hạ thì trên trán ra mồ hôi, nổi cơn suyễn ọc mà chết.

4- Xử phương:

NGŨ LINH TÁN

(1) *Đan điền*. Có 2 cách giải thích:

a) Giới tu tiên (Đạo gia) cho rằng Đan điền tại chỗ dưới lỗ rốn 3 tấc, đó là chỗ chứa Âm tinh (nam) và là nữ tử bào (nữ).

b) Giới luyện khí công cho rằng Đan điền là chỗ tập trung ý thức (ý thủ đan điền) có 3 chỗ:

- *Đan điền thượng*: Chỗ giữa 2 lông mày.
- *Đan điền trung*: Chỗ vùng tim (chốn thủy)
- *Đan điền hạ*: Chỗ dưới rốn.

(Chủ việc phân hóa trong đục để lợi thấp khí).

Phục linh

Trư linh

Trạch tả

Bạch truật

Nhục quế

Các vị đều nhau

(bớt nửa phần)

Sắc mà uống

XI- CHỐC ĐẦU

(Phụ: Sói đầu)

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Chốc đầu, là do khí không điều hòa của tạng phủ xông lên, độc của huyết nhiệt dồn lên, trẻ con âm khí chưa đầy đủ, dương khí quá thịnh, cho nên hay mắc chứng này.

2- Phép chữa:

Trong nên cho uống thuốc thanh lương giải độc, lương huyết, như Liên-kiều, kinh giới, phòng phong, thiên-hoa-phấn, bôi mấu, huyền sâm, sinh địa, ngư bang, xích thược, đợi khi đã giải được khí độc chút ít, mới có thể dùng thuốc ngoài mà đắp, nhất thiết không nên vội dùng thuốc hàn lương ngăn trở lại, để đến nỗi nhiệt độc công vào trong mà không cứu được. Vì trẻ con tạng phủ non yếu, chất độc dễ vào mà khó ra.

3- Xử phương

LIÊN SÀNG TÁN

(Chữa trẻ con đầy đầu lở loét và tay, chân, mồm, bộ sinh dục, bít dái bị gãi loét dầm dìa).

Hoàng liên

Xà sàng tử

Ngũ bội tử

Khinh phấn

5 đồng cân

2 đồng cân rưỡi

1 đồng cân 2 phần

5 phần.

Các vị trên, tán bột, trước hết lấy kinh giới, hành tía trắng sắc làm thang, rửa, lau, đợi khô, trộn dầu mè với bột thuốc xúc vào.

HƯƠNG NHU TIẾN

(Chữa trẻ con sói đầu không mọc tóc, khô rất)

Trầm hương nhu (hương nhu lâu năm)

Hồ phấn⁽¹⁾

Mỡ heo

2 lạng

1 -

5 đồng

Một chén nước to sắc hương nhu, lấy 3 phân nước, bỏ bã cho hồ phấn ⁽¹⁾, mỡ heo hòa đều bôi lên, hàng ngày bôi luôn.

XII- BỆNH VỀ MẮT

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh.

Nội Kinh nói: "Mắt là tinh ba của ngũ tạng lục phủ, là nơi thường trú của sinh, vệ, hồn, phách". Lại nói: "Các mạch đều thuộc về mắt, mắt được huyết vận hành đến mới có thể trông nhìn được".

TRONG MẮT THUỘC GÌ VÀ NGŨ SẮC CỦA MẮT THUỘC GÌ?

Tròng trắng thuộc phế, tròng đen thuộc can, con người thuộc thận, hai mí mắt trên và dưới thuộc tỳ, 2 khế mắt thuộc tâm, khế mắt trong thuộc đờm và tam tiêu, vành mí mắt trên thuộc thái dương, bàng quang, tiểu tràng, vành mí mắt dưới thuộc dương-minh đại tràng.

Tâm chủ sắc đỏ (mắt đỏ lắm là thực nhiệt, hơi đỏ là hư nhiệt), can chủ sắc xanh (mắt xanh lắm là thực nhiệt, xanh nhạt là hư nhiệt), tỳ chủ sắc vàng (mắt vàng lắm là tỳ nhiệt, vàng nhạt là tỳ hư).

Nếu mắt không có tinh sáng, tròng trắng nhiều, tròng đen ít, là can, thận đều bất túc. ngày trông sáng, đêm trông tối, là dương suy. Đêm thuộc âm, đến đêm âm thịnh, dương càng suy, cho nên không trông được.

Nếu mạch đỏ kép màng từ trên xuống dưới là thuộc túc thái dương; từ dưới lên trên là thuộc túc dương minh. Nếu từ mí mắt trên đi xuống hiện ra màng đen trắng, là thuộc thái dương hàn thủy, từ ngoài đi vào trong là thuộc thiếu dương phong nhiệt; từ dưới lên trên mà sắc xanh, là túc dương minh và phế, thận cùng bị bệnh.

2- Phân biệt chứng trạng :

Mắt quáng gà là buổi sáng có thể trông thấy, tới buổi chiều thì mắt sáng, đó là can khí suy yếu. Vì mộc sinh ở giờ tỵ, vượng ở giờ mao, tuyệt ở giờ thân. Và lại mắt nhờ huyết mới trông được, sau giờ ngo (trưa) can khí đã suy dần rồi.

Cam mắt là do can hỏa thấp nhiệt xông lên, tỳ khí suy kém không thể đưa thanh khí lên được, cho nên sinh màng trắng, lông quặm cắm vào không mở được, ghèn và nước mắt đặc như mù, gây nên tổn hại cho mắt.

Mắt bù lạch là do gió, là hoành cách mô có nhiệt.

Mắt thường hay ngứa mà đỏ ghèn là mắt sinh sâu.

Mí mắt cứ nhăm liền, là phong nhiệt ở can kinh.

Trẻ con mới đẻ mắt vàng, sốt cao, đại tiểu tiện bí, mắt đỏ, mắt nhăm, đó là thai nhiệt.

Bệnh đậu, tinh huyết đã vơi kém, độc sốt lại lẫn lên và vết lở dầy vào mắt, có khi

(1) Hồ phấn: tức duyên phán (phấn chi chế ra).

nhìn vật không rõ, không sưng không đau, chỉ thấy mờ đen mà không có sáng rõ, đó là can thận đều hư.

Lại có khi vì nhiệt độc có khi vì tích độc mà mắt đỏ: có khi vì thời khí lưu hành mà mắt sưng đỏ.

Sau khi chứng thổ tả khỏi, mà mí trên mắt không mở ra được và không có tinh sáng, đó là tinh dịch đã thoát, nguyên thần đã tan, là chứng không chữa được nữa.

3- Phép chữa:

Phàm chữa cam mắt trẻ con, nên dưỡng huyết kiêm điều lý vị làm chủ yếu.

Có khi do uống quá nhiều thuốc hàn lương mà mắt nhắm không mở, đó là dương khí bị hãm ở dưới, thì phải làm cho thăng đề lên.

Có khi do vị khí suy tổn, mí mắt không có sức, cũng nên làm cho thăng đề dương khí và bổ ích cho vị khí. Lại có khi mắt bỗng nhiên đỏ, sưng đau, là do phong hỏa bốc mạnh; thì nên sơ phong tán hỏa có khi do can tâm tích nhiệt, nước mắt nhiều, mắt đỏ sáng, thì nên Thanh can lương huyết.

Còn như ngoài không có màng, trong có lớp che như mây, trông vật không thấy, tục gọi là thông manh. Nếu không phải là thận thủy khô ráo thì cũng là bệnh lâu thành cam mắt mạch hồng đại, thì dùng thuốc dưỡng huyết là trước tiên, mạch trầm tế là bổ dương là trên hết, ví như trời không có ánh mặt trời, dù có kính loupe, cũng không thể nào làm cho bóng sáng chiếu soi xuống được.

Về cách chữa, nói chung kiêng dùng thuốc hàn lương, và không nên chỉ phát tán, vì hàn thì ngừng động, nhiệt thì vận hành, mà phong thì ráo. Hướng chi bệnh mắt ty do hỏa nhiệt, nhưng phần nhiều do phong hàn, mới cam, lỗ chân long đóng kín, hỏa nhiệt không tiết ra ngoài được, chạy lên khiêu mắt mà gây thành bệnh. Nếu phát biểu ngoại cảm thì hỏa nhiệt được tiết ra mà chứng đau tự khỏi, kiêm thêm các bài thuốc lương huyết dưỡng huyết, triệt mâu màng, nhất định phải dùng thêm phong được mới có thể đạt lên tới đầu tới mắt.

Lại có người cho bệnh đau mắt là huyết ứ huyết nóng mà cho uống những bài phá huyết lương huyết, hoặc cho uống các bài hàn lương tổn hại đến tỳ, đều là không nên. Vì tỳ là chí âm ⁽¹⁾ là nơi làm cho mắt sáng, hướng chi mắt được huyết mới trông thấy, huyết ít thì nhiệt, hỏa càng động thì mắt càng mờ. Vậy huyết là tinh mạch của mộc (cam), tinh quang là hoa lá của mộc, tỳ vị là căn bản của mộc, cho nên không gì bằng dùng phương thuốc bệnh ở trên chữa ở dưới (như Bát vị địa hoàng), uống vào trước bữa ăn, bổ mạch vào can thận, thì khí trọc âm hạ xuống mà nhiệt ở trên tự nhiên tiêu trừ, âm ở dưới đầy đủ mà tinh quang của mắt tự nhiên trở lại, màng hãm bên trong tự nổi lên, màng trắng bên ngoài tự nhiên tiêu tang. Nếu mây màng che quá dày, thì chỉ dùng cách trong thuốc dưỡng vinh, thêm thuốc sơ phong tiêu mây màng làm tá, uống vào lúc sau khi ăn cơm. Như thế thì gốc ngọn đều được công hiệu, trên dưới đều được bổ ích.

4- Xử phương:

(1) Chí âm; Có 3 cách giải thích.

1. Chí nghĩa là "đến" chí âm tức là đạt tới phần âm, như nói Thái âm là đầu tiên của tam âm, cho nên thái âm lại cũng có thể gọi là chí âm. Thái âm thuộc tỳ, chí âm thường là tiếng thay cho tỳ. Nội kinh, Kim quỹ chân ngôn luận nói "Bụng là âm, phần chí âm trong âm, đó là tỳ vậy"

(2) Chí là rất, là cùng tột chí âm là chỗ cùng tột của âm Nội kinh/Thủy nhiệt huyết luận chép: Thận là chỗ cùng tột của âm, nổ nhiều nước.

(3) Tén huyết, Tinh huyết của Kinh Bàng quang, tại chỗ góc ngoài móng của ngón chân út 1 phần.

SINH TÊ TÁN

(Chữa trẻ con trong mắt đỏ nhọt là tâm hư nhiệt)

<i>Tê giác</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Địa cốt bì</i>	<i>Cát căn</i>
<i>Xích thược</i>	<i>Cam thảo</i>

Sắc nước, uống sau khi ăn cơm.

HOÀN MINH TÁN

<i>Thảo quyết minh</i> (sao)	2 đồng
<i>Bạch tật lê</i> (sao, bỏ gai)	4 đồng
<i>Phòng phong</i>	2 đồng

Các vị trên, tán bột, dùng một miếng gan heo, lấy dao tre phanh mỏng ra, cho thuốc vào trong, để trên nồi cơm hấp chín, rồi bỏ thuốc đi mà ăn.

LONG ĐỜM ẨM

(Chữa trẻ con cam mắt chảy mù kéo mây, đó là thấp nhiệt gây thành bệnh).

<i>Khuong hoạt</i>	đều	<i>Xà thoát</i>	5 phân
<i>Long đờm</i>	2 đồng	<i>Ma hoàng</i>	2 đồng rưỡi
<i>Thạch-cáp-phấn</i>	5 đồng	<i>Cốc tinh thảo</i>	5 phân
<i>Hoàng cầm</i> (sao)	2 đồng		

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước tã.

Một phương nữa:

Chữa mắt bỗng nhiên phát đỏ sưng đa:

<i>Khuong hoạt</i>	<i>Bạc hà</i>
<i>Kinh giới</i>	<i>Qui vĩ</i>
<i>Thăng ma</i>	<i>Xích thược</i>
<i>Hoàng cầm</i>	<i>Liên kiều</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Xuyên khung</i>
<i>Cam thảo</i>	

Các vị đều bằng nhau, sắc với nước cho uống.

Nếu huyết nhiệt bế tắc sinh đau, thì gia Long đờm thảo, Thạch cao. Nếu tròng trắng có màng đỏ, thì gai Tanh bạch bì, Cúc hoa, sắc uống.

TÂY NHÂN THẦN PHƯƠNG

<i>Hoàng liên</i>	7 phân	<i>Hạnh nhân</i> (bỏ vỏ gai)	7 hạt
<i>Dương qui</i>	1 đồng	<i>Phòng phong</i>	1 đồng
<i>Úc lý nhân</i> (đập nát)	1 đồng	<i>Đớm phân</i> đều	3 phân
<i>Kinh giới</i>	8 phân	<i>Minh phân</i>	

Các vị trên, sắc với nước, uống lúc còn ấm, rửa mắt, kiêng gió.

Các phương khác:

- Chữa trẻ con đau mắt, mắt kéo mây màng trắng, đều khỏi.

Phác tiêu 1 đồng

Lục phân 1 phân

Dùng hồng táo 7 quả, bỏ hạt, cho vào thuốc, và cho nước vào một bát to, nước trong nồi cũng một bát to đun cách thủy, khi nước trong nồi cạn thì thôi, rồi phơi sương một đêm mà dùng.

- Chữa chứng con người khuếch tán

Sơn thù *Thục địa* 4 lạng

Kỳ tử đều 2 lạng *Trạch tả* 5 đồng

Sơn dược *Ngũ vị* 7 đồng

Mẫu đơn vị 1 lạng *Đương quy* 2 lạng

Các vị trên tán bột, luyện mật làm viên to bằng quả nhãn, uống với nước nóng.

- Chữa mắt có lông quặm

Dùng kim tam lăng chích cho rau máu là khỏi ngay.

Dùng hạt gấc, bỏ vỏ, tán bột, bọc vào bông nhét lỗ mũi, mắt bên tả có lông quặm thì nhét lỗ mũi bên hữu, và ngược lại.

TRƯ CAN TÁN

(Bí phương trong sách Cẩm nang, chữa chứng cam tích, mắt nhắm không mở, mây mang che lấp trông đen.

Cốc tinh thảo (cỏ dùi trống) 4 phân

Thạch yển (nung, tằm giã, đập nhỏ) 4 -

Tử khẩu cáp lý (sò tía miệng, nung, nghiền nhỏ) 1 đồng

Dùng gan heo luộc không cho dính vào nước, lấy dao trẻ rạch phanh ra, cho thuốc vào trong, để trên nồi cơm hấp chín, rồi bỏ thuốc đi, chỉ ăn gan.

HÙNG KẾ CAN TÁN

(Bí phương trong sách Cẩm nang, chữa cam mắt tới kéo mây màng dò)

Hùng hoàng 1 đồng

Thạch cao (nung) 1 lạng.

Hai vị, trên, cùng tán bột, một cổ gan gà trống nấu với rượu cho chín, chấm với thuốc trên hơn một đồng mà ăn.

Tiên sư Phùng Triệu Trương nhân bị chứng đau mắt, trước khi ăn, nuốt Bát vị hoàn gia ngư tất, ngũ vị, ngoài dùng hoàng liên hơn một đồng, cho một chút ten đồng vào, nấu nước đặc, rửa vào mắt 3, 4 lần, đợi màng đỏ hơi nhạt, lại cho 2, 3 đồng nhân sâm vào với thuốc trên nấu nóng rửa mắt là khỏi.

XIII - BỆNH TAI

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Tai là nơi tổng mạch tụ lại, và là nơi thận khí thông ra. Trẻ em có đờm vì thận khí thực nhiệt xông lên tai, làm cho tân dịch tắc nghẹt mà thành mù, hoặc thành nước trong. Thế thì chứng này gây nên, do các kinh túc quyết âm túc dương minh, thủ thiếu âm với túc thái dương, lại càng tệ hơn.

2- Phân biệt chứng trạng:

Chứng bệnh ở tai hiện ra có 5 chứng là: tai ù, tai đau, tai điếc, tai sưng, tai ra mù. Nhưng chứng tai ra mù lại chia ra 5 thứ (do ở thực nhiệt, thận khí thịnh quá, nhiệt tích lại rồi xông lên, tân dịch tắc nghẹt ngừng kết, cho nên tai có mù):

1. Tai có mù vàng (đỉnh nhĩ), thường ra mù vàng.
2. Tai có mù đỏ (nung nhĩ) thường ra mù đỏ.
3. Tai thối (hàng nhĩ), trong tai cam hôi thối.
4. Tai có mù trắng (triền nhĩ) thường ra mù trắng.
5. Tai ù ra mù xanh (nang nhĩ) trong tai có tiến ve kêu thường chảy mù xanh.

Nguồn gốc thì có 6 nguyên nhân: do âm hư, do đờm, do hỏa, do khí bế tắc, do can bị phong nhiễm vào, do nguyên khí từ trong thai.

Âm hư thì chứng trạng hiện thế, lòng bàn chân bàn tay nóng, mình gầy sắc đen, miệng khát ruột ráo mạch ở 2 bộ xích thấy mạch "dại", có lúc gây nên ngứa ngáy, tai điếc và tai ù.

Đờm thì chứng trạng hiện ra khi ứng tắc, miệng ráo, không đau mà ngứa, thân thể nặng, mạch "huyền", tai ù, tai ra mù.

Hỏa thì hoặc bỗng nhiên giận dữ, hoặc tình dục buông thả, hoặc do hỏa mạnh quá, hoặc do hỏa kém, cho nên tai thấy điếc và đau.

Khí bế tắc, thì có khi vì giận hại đến Can, rồi hỏa sinh ra đờm, hoặc do một lúc bỗng nhiên mắc bệnh, hoặc bị bệnh đã lâu khí hư, cho nên tai điếc

Can phong có khi vì hỏa ứng tắc ở thượng tiêu bỗng nhiên gây thành đau dữ, hoặc chạy lan ra, hoặc sưng trướng lên, hoặc vì ăn bữa bãi những đồ béo ngọt, giận dữ quá, uống rượu nhiều quá, thấp với nhiệt cùng lẫn nhau, cho nên tai sưng và đau.

Nguyên khí từ trong thai, vì cha mẹ bất cẩn, cho nên hỏa độc của tiên thiên xông lên, nước mù thối chảy đến đầu lỗ đến đó, 4 bên sưng đỏ, lúc phát ra, lúc lại khỏi.

Lại có 3 nguyên nhân ngoài:

Do phong vào óc, đình trệ ở kinh mạch thủ thái dương, làm cho khí ứng tắc mà tai điếc.

Do phong thấp thì làm cho tai lở.

Do tai sưng cứng, (đóng nhĩ), trùng tắc hại rồi kêu ngoáy mà lở. Do trở ngón tay lên mặt trắng, mà 2 mang tai bị lở (?), gọi là "nguyệt-thực-sang" (cào cào ăn tai).

3- Phép chữa:

Chứng tai ra mù, tên gọi tuy khác nhau, tóm lại, là do nhiệt tích lại mà ùng tác lên, hoặc do gió nước vào tai mà gây nên, nếu không chữa ngay, lâu thì thanh biếc. Cách chữa nên làm cho thanh hỏa, dưỡng huyết, trừ thấp, tiêu độc.

Âm hư, thì nên làm cho can khí sơ tán, và tư nhuận phần âm.

Do đờm, thì nên dùng các bài nhĩ trần, trúc lịch.

Do hỏa, thì nên dùng các loại hoàng cầm, hoàng liên, dương qui, bạch thược.

Do can phong, thì nên bình can, trừ nhiệt, sơ tán phong.

Do khí bế tắc, thì nên làm cho khí uất được thư thái, huyết được điều hòa và bên ngoài dùng thuốc đạo dẫn và tuyên thông.

Do nguyên khí từ trong thai, thì nên dùng cách tiêu độc và tư nhuận phần âm.

Chứng thuộc ngoại nhân, thì theo cách chữa bên ngoài mà giải quyết.

Lại có khi kê mang tai và nướu sưng đau, là thuộc phong nhiệt ở thượng tiêu, 2 kinh dương minh và thiếu dương bị bệnh, thì nên thanh vị nhiệt, gia thêm thuốc cay mát cho ta đi.

Thực nhiệt mạnh quá, thì dùng đại hoàng chung với rượu là làm cho thông lợi đi một chút.

Nếu sau khi bệnh mới khỏi mà tai điếc, là do huyết khô khí yếu, nên dùng bài Lục vị hoàn (186).

Nếu trong tai bỗng như có sâu bò ở trong mà đau, hoặc chảy máu, hoặc chảy nước, hoặc đau khan không thể nhìn được, thì dùng xác rắn đốt tồn tính, tán bột, cho vào ống lông ngỗng mà thổi vào tai, là khỏi ngay (dùng xác rắn là có ý nghĩa tính rắn hay lột, có thể giải tán uất hỏa).

4- Xử phương.

LONG CỐT TÁN

(Chú trị viêm tai có mủ)

<i>Khô phàn</i>		<i>Yên chi</i>	1 đồng
<i>Long cốt</i> (nung)	đều 1 đồng	<i>Xạ hương</i>	chút ít
<i>Hoàng đơn</i>	2 đồng	<i>Hải phiêu tiêu</i>	5 phân

Các vị trên, tán bột, lấy bông gót nhỏ bỏ nước mù, rồi dùng 2 phân rượu rắc vào tai trong, mỗi ngày rắc 2 lần, dùng để cho gió lọt vào.

TÊ GIÁC ẤM

(Chữ chứng phong nhiệt ùng tác ở lỗ tai, sưng đau, chảy nước mù).

<i>Xương bồ</i>	<i>Mộc thông</i>
<i>Tê giác</i>	<i>Huyền sâm</i>
<i>Xích tiêu đậu</i>	<i>Cam cúc</i>

Xích thước

đều 1 đồng cân

Cam thảo

5 phân

Các vị trên, sắc với nước gừng mà uống.

TƯ ÂM THẬN KHÍ HOÀN

Thục địa

Sài hồ

Ngũ vị

Phục linh

Quy vị

Trạch tả

Mẫu đơn bì

Sinh địa

Sơn dược

Các vị đều nhau.

Tán bột luyện mật làm hoàn, thần sa làm áo, uống với nước sôi.

ÍCH THẬN TÁN

(Chữa thận hư tai điếc)

Tứ thạch (chế)

Ba kích (bỏ lõi)

đều 1 lạng

Xuyên tiêu (chế)

Trầm hương

Thạch xương bồ

đều 5 đồng

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng cân, dùng 1 quả cật heo thái nhỏ, trộn với hành muối chút ít, bọc giấy ướt 10 lần, đem vùi trong lửa cho chín, khi bụng đói ồng rượu đưa xuống.

DINH NHĩ PHƯƠNG

(Chữa chứng phong nhiệt, phạm vào tân dịch kết thành hạch tác lấp lỗ tai).

Mỡ heo sống

Trùn đất

Hai vị nghiền nhỏ, trộn với nước hành, viên như hột táo, bọc lông nhét vào tai, làm cho ướt nhặn lỗ tai, rồi kêu ra.

Các phương khác

- *Hột quả trám*

(đốt ra tro)

Xạ hương

chút ít

Thối vào trong tai, nếu tai lở mà cóng (đống nhĩ) hòa với dầu mè mà đắp vào.

- *Hạt thủy thạch* (nung)

tán bột

Xạ hương

chút ít

Thối vào trong tai.

- Chữa viêm loét tai.

Bối mẫu

tán bột

Kinh phấn

Mỗi vị đều chút ít, để nguyên bột kho mà xúc vào tai.

- Chứa trẻ con bị cào cào ăn tai.

Hoàng liên

Hồ phấn

Khô phàn

Xà sàng tử

Các vị đều bằng nhau, tán bột, đắp vào.

- Chứa các chứng sâu bọ vào tai.

Bột hồ tiêu

1 đồng

Giấm

nửa chén

tắm ít lâu giỗ và tai dần dần một ít một, tự nhiên sâu bọ cũng ra.

- Dầu mè chút ít. Giỗ vào trong tai, sâu bọ phải tự ra.

- gừng sống, hành sống, hẹ sống, mỗi thứ đều một ít, giã nát vắt lấy nước cốt, giỗ vào tai, đều có thể được. Nếu rệp chiu vào tai, thì dùng nước đại mào giỗ vào, rệp phải tự bò ra.

XIV- BỆNH MŨI

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh;

Mũi là khiếu của phế. Kinh nói: "Khí trời thông vào ở phế. Nếu trường vị không có đờm hỏa tích nhiệt, thì bình thường đưa lên đều là khí trong". Phế có bệnh thì mũi không thông lợi, như cảm nhiệt không tán được, hoặc cảm hàn lâu uất lên thành nhiệt, đều có thể uất tắc mà không thông. Kinh nói: "dương khí điều hòa thông lợi, chứa đầy ở tim, phát ra ở mũi, cho nên thành nhầy mũi". Phàm ngứa mặt lên mà nhảy mũi là kim sợ hỏa; cảm phong nhảy mũi nhiều là hỏa uất phế; ngoáy lỗ mũi mà lập tức nhảy mũi ngay, là như loài kim gõ ào thì có tiếng kêu.

2- Phân biệt chứng trạng:

Sổ mũi (ly cừu) là do phong tà phạm vào da lông, tân dịch không thu liễm, làm cho mũi chảy nước trong, đầu nhức như cưa cắt.

Não rỉ nước ra (não lậu) là chứng: mũi chảy nước trong mà không đau là hàn; mũi chảy nước vàng là mũi hôi mà đau là nhiệt.

Mũi khô (ty can), là kim không sinh thủy, hư hỏa của 6 kinh dương bốc lên.

Mũi chảy nước luôn (ty uyên) là đờm đưa nhiệt lên ở não, não nhiệt động ở trong trán, làm cho mũi trán đau nhức, nước mũi chảy ra không ngừng, tựa như nước suối.

Mũi nghẹt (ty ung) là do hàn tà chưa hết, hư nhiệt dần dần bốc lên, mủ máu kết tụ lại, không thấy mùi thơm, mũi thối.

Mũi đỏ hoặc tím đen (ty tra) là do nhiệt huyết vào phế, bị hàn ngăn cản mà chất nhơ đục ngưng trệ lại.

Mũi cam (ty cam) là do khí phong thấp ủng tắc, sinh chứng nhiệt ở trong, hoặc nhân chứng khí cam, cho nên hai bên dưới mũi lở ướt ngứa loét không đau, nước chảy đến đâu, lập tức gây thành lở loét, tục gọi là ty nặc (tức cam mũi).

Mũi mọc mụn đỏ như nốt sởi gọi là ty-phế-phong.

Mũi đỏ máu cam (ty nhục) là do tâm, phế, vị tích nhiệt quá lắm, bức bách huyết chạy tràn lên lỗ mũi.

Mũi mọc nhánh (tị chuế) là do khí thấp nhiệt bên ngoài uất kết ở da lông, bên trong ứng vào kinh thái âm, cho nên hỏa ở tam tiêu bốc lên, thành chứng mũi mọc thịt thừa, như lửa bếp bốc lên mà thành mỡ hống.

Mũi mọc nốt trĩ (ty tức - trĩ mũi) là do trong dạ dày tích đồ ăn, đờm nhiệt dồn động, xông đốt lên trên mà mũi mọc nốt trĩ, ví dụ như chỗ đất ẩm thấp gặp được nhiệt mà mọc nấm lên.

Người nữ mầu đêm nằm ngủ thở hơi vào nhò ác tré thì hơi lạnh ngừng ở mỗ ác, tân dịch ở trong mỗ ác không thu liễm mà sinh ra nhiều nước mắt. Nếu lạnh lâu không tán ra được, thì nước mũi đặc kết đọng lại, làm cho mũi không ngửi thấy mùi gì.

3- Phép chữa:

Nếu người bình thường mà nhiều nước mũi, hoặc vàng, hoặc trắng, hoặc lơ lơ như hình mù, đều là thận hư gây nên, không nên dùng nhiều thuốc mát.

Chữa chứng trị mũi phải làm cho thông lợi hoành cách mô, trừ nhiệt, tuyệt đối không nên thấy vướng ngại mà đâm chọc vào làm cho bị thương, phải cẩn thận.

Nếu là chứng nào lậu thì bên trong uống thuốc làm cho mát và thông lợi đờm nhiệt; bên ngoài cứu vào hai huyệt Tín-hội và Thông-thiên.

4- Xử phương:

CÚC HOA TÁN

(Chữa chứng nghẹt mũi)

<i>Cam cúc</i>		<i>Tế tân</i>	đều 2 đồng
<i>Phòng phong</i>	đều	<i>Quế tâm</i>	rưỡi
<i>Tiền hồ</i>	5 đồng	<i>Cam thảo</i>	1 đồng rưỡi
<i>Bạch chỉ</i>			

Các vị trên tán bột, khi đi nằm, sắc nước kinh giới làm thang mà uống.

TUYÊN MINH PHÒNG PHONG TÁN

<i>Hoàng cầm</i>	<i>Xuyên khung</i>
<i>Chích thảo</i>	<i>Mạch môn đông</i>
<i>Nhân sâm</i>	

đều 5 đồng

Phòng phong 2 đồng rưỡi

Các vị trên tán bột, mỗi lần uống 2 đồng với nước đun sôi 100 đạo.

THIÊN CÁN TÁN

(Chữa chứng đỏ máu mũi không cầm lại được).

A dao (sao với cáp phẩn)

<i>Thiếu căn</i> ⁽¹⁾	đều
<i>Hoàng cầm</i>	1 lạng
<i>Sinh địa</i>	
<i>Trắc bạch diệp</i>	
<i>Chích thảo</i> ...	5 đồng

Sắc mà ớng.

Các phương khác:

- Chữa chứng mũi đỏ máu cam.

Hoa sơn-trà ⁽²⁾ tán bột, hòa với nước tiểu trẻ con, nước gừng và rượu mà uống.

- *Phương khác* gia thêm củ nghệ.

- Tỏi giã nhừ, tùy theo bên tả hoặc bên hữu, dịt vào gan bàn chân.

- *Lại cách nữa*: Mũi bên trái đỏ máu cam, thì lấy chỉ buộc ngón tay giữ bên trái, mũi bên phải đỏ máu cam cũng làm như thế. Hai mũi đỏ máu cam thì buộc cả hai ngón tay giữa của hai tay.

KHINH HOÀNG TÁN

(Chữa chứng trĩ mũi)

<i>Khinh phấn</i>	1 đồng	<i>Hạnh nhân</i> (bóc vỏ bóc đầu nhọn)	1 đồng
<i>Thu hoàng</i> ⁽³⁾	5 đồng	<i>Xạ hương</i>	chút ít

Trước hết đem hạnh nhân giã nát bét như bùn, các vị thuốc kia thì nghiền nhỏ, bỏ lọ dây kín, đem nằm lấy ít chừng bằng hột gạo chấm vào trong mũi, mỗi đêm một lần.

Các phương khác

- Trị chứng đỏ mũi.

Hoàng bá

Khổ sâm

Tân lang

đều bằng nhau

Tán bột, hòa với mỡ heo đắp vào.

- Làm tiêu chứng trĩ mũi.

<i>Qua để</i> (sao)	<i>Khô phân</i>	
<i>Cam toại</i> đều 4 đồng	<i>Loa thanh</i> (tức thanh đại)	đều
	<i>Đầu nhọn thảo ô</i> (thảo ô	5 phân
	tiên) (sao)	

Các vị trên, tán bột, trộn dầu mè làm hoàn, to vừa nhét được vào lỗ mũi, đưa thuốc tra vào tới chỗ trĩ mũi, nó sẽ tan thành nước, mỗi ngày tra một lần.

- Chữa chứng dưới mũi có một đường đỏ, gọi là nặc (cam mũi), lấy một *hoàng liên* đắp vào.

(1) *Thiếu căn*: *Rubia Cordifolia*. Có tác dụng lương huyết, hành huyết, khí ứ chi huyết.

(2) *Sơn trà* *Camellia Japonica* L., vùng hoa, thu liễm chỉ huyết

(3) *Thu hoàng*... *Risulfur*, *Arsen* thiên nhiên $Rs2s2$ nếu màu đỏ - đó là khoáng vật kết tinh ở phía Tây núi (Xem *Phương Dược cổ truyền* trang 215).

KHAI QUAN TÁN

(Chứa nghet mũi)

Hương phụ	Kinh giới tuệ	
Xuyên khung	lá tế tân	đều
Trư nha tạo giác	Tầm vôi	5 đồng

Các vị tán bột, cho hành trắng vào giã thành cao, đặt vào miếng lụa đỏ, ban đêm dán lên chỗ ác.

XUYÊN KHUNG CAO

(Chứa trẻ con mũi tắc, khi mũi tắc thì không bú được, nên kẹp chữa gấp)

Xuyên khung	Bạch chỉ
Tế tân	Ma hoàng
Cao bản	Cam thảo
Long não	Xạ hương chút ít.

Các vị đều nhau.

Các vị trên tán bột, luyện mật làm viên, to bằng hạt bắp lấy lông bọc một viên nhét vào lỗ mũi, nam tả nữ hữu.

NGƯU HOÀNG TÊ GLÁC HOÀN

(Chứa trẻ nhỏ phải nghet (mũi, khô mũi)

Ngưu hoàng	Thăng ma	Ma hoàng
Tê giác	Cam thảo	Chu sa
Xuyên khung	Tế tân	Long não
Xạ hương		

Tán bột viên với mật, to bằng hạt sừng, uống với nước sắc kinh giới.

XV- BỆNH MÔI, MIỆNG

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Môi vốn là biểu hiện bên ngoài của tỳ. Kinh Mạch Túc-dương-minh cũng bắt đầu ở mũi mà vòng xuống quanh môi.

2- Phân biệt chứng trạng:

Phàm môi sưng là do tích trện hại tỳ, tất thể hiện hơi thở to, môi cứng mà phát sừng.

Môi nổi cộm như kén tằm là do sau bệnh thương hàn hoặc động kinh, cho nên trên gờ xương may (mi-lăng-cốt) đầu nhức, nhiệt xâm vào âm kinh choáng váng, buồn bực, hơi bọt dạ, mép phù hoặc lưỡi tua hoặc nghiến răng hoặc phát hoàng thì lại môi sức trắng, ngủ nhiều.

Dạ dày loét, môi thối loét là do dạ dày bị thương quá lắm mà môi lở loét, nóng dữ

hôi thối lấm. Nếu hiện ra chứng đậu nữa, thì chứng này mười trẻ chỉ cứu được 1,2.

3- Phép chữa:

Nếu phong hàn bỗng lấm vào, môi mát, sắc hơi trắng, thì nên ôn vỹ và trục phong.

Nếu sau khi nôn mà môi trắng, thì nên dưỡng vỹ, hòa khí.

Nếu vì khí giận dữ xông lên mà môi xanh, thì cách chữa nên làm cho thuận khí, bình can, hòa vỹ.

Nếu môi miệng mấy giạt là tỳ hư không thể thu liễm được. Nếu làm chữa theo dờm, thì tân-dịch càng khô, gân mạch mất chỗ nuôi dưỡng thì các chứng trạng co giạt sẽ hiện ra.

Nếu miệng lở là tâm tỳ tích nhiệt, hun bốc lên trên má thành miệng lở. Cách chữa nên tả tâm tiêu độc, dùng thuốc mát làm chủ yếu. Nếu trẻ sơ sinh trong tháng, sinh ra các bệnh, mà miệng không bọt dãi, là xấu.

4- Xử phương

THIÊN KIM PHƯƠNG

(Chữa hết thấy các chứng lở ở miệng và lưỡi)

<i>Thang ma</i>	
<i>Xạ can</i>	đều 3 lạng
<i>Đại thanh</i> ²	lạng
<i>Nước huyền sâm sống</i>	3 chung
<i>Bạch diệp</i>	1 cân
<i>Khổ trúc diệp</i>	đều 5 chung
<i>Nước địa hoàng</i>	
<i>Vỏ trắng rễ cây tầm xuân</i> ⁽¹⁾	đều 5 lạng
<i>Rễ lau tươi</i>	
<i>Mía mật</i>	8 chung

Nước 4 thăng, trước hết đem thuốc sắc còn 1 thăng, lược kỹ, cho nước huyền sâm vào lại sắc, và cho nước địa-hoàng vào lại sắc, lại cho mật vào sắc đặc, đặt vào trên lưỡi, nhai kỹ nuốt xuống.

Các phương khác.

(Chữa trẻ con do tâm có nhiệt lở miệng).

- *Thiên nam tinh*, tán bột, trộn với *giấm*, đắp gan bàn chân.

- *Ngô thù du*, tán bột với *con mè* mà đất đều hay.

(Chữa chứng lở mép)

- *Tóc rối* đốt tồn tính, tán bột, trộn với *mỡ heo* mà bôi.

XVI- BỆNH CỔ HỌNG

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

(1) *Tầm xuân*: tức Trường vi, *Rosa multiflora* thurb là đắp chữa thũng độc.

ở họng là nơi quan trọng của cả một thân thể, là đường ra vào của cơm nước. Nếu khoảng vực hoành cách mô tích kết nhiệt độc, gây thành phong đờm ủng tắc ngừng trệ không tan ra được, thì phát ra bệnh ở cổ họng.

2- Phân biệt chứng trạng:

Chứng này hoặc bên trong mọc mụn, hình trạng như thịt thối, bế tắc không thông, nhổ ra nuốt vào không được.

Nếu trong họng phát viêm 1 bên là độc đao, viêm cả 2 bên là song đao và sưng má (quai bị) sưng trướng, nặng lắm thì trong ngoài đều sưng, công lên đầu, mặt, mà cổ họng tê, tức là phong quai nón (triền hầu phong). Chứng trạng đó, mặt đỏ, thờ to, cuống họng sưng tắc, là do tích nhiệt sinh phong, tích tụ đờm độc mà gây nên.

Lại có khi tạng hàn, làm cho họng tắc mà nuốt vào thổ ra không thông lợi, thì đại khái sưng tắc không có hình đau họng; sưng tắc có hình là hạch.

Phạm đau họng, đến nổi một khối bướu thịt (nhục lỵ) tắc ở bên trong; hơi tắc không thông được. Nếu đến khi mũi mặt xanh đen, tắc nghẹn, đầu ngoéo xuống, đờm đặc kẹo, tiếng như kéo cửa thì không chữa được.

3- Phép chữa.

Phép chữa nên trước phải gây nôn, cho nôn ra hết phong đờm để thông cổ họng và hoành cách mô, rồi sau mới giải nhiệt độc, làm mát phổi và dạ dày, nếu chậm thì không cứu được.

Chữa chứng độc đao (đơn nhũ nga) song đao (song ngũ nga) có thể chậm thì cứ châm ngay, nếu không thể châm được thì cũng dùng cách thổi, hoặc châm thứ thuốc có sức mạnh cướp bệnh vào, làm cho thổ phong đờm ra để tính cách chóng khỏi đã, rồi sau sẽ sắc thuốc thang mà uống, vì chứng cấp bách, khó mà đợi lâu được.

Chữa chứng quai bị, nặng thì dùng kim châm chích cho ra máu độc; nhẹ thì hoặc bôi hoặc chấm thuốc. Sau cho uống thuốc thang, tán phong, thanh nhiệt, giải độc, tiêu đờm, là bệnh tự khỏi. Vì các chứng, hễ dưới lạnh quá lắm, thì trên nóng càng dữ, không những một chứng này. Còn về chứng đau họng cũng giống như chứng độc đao song đao nói trên; nhưng cách chữa có khác nhau, gấp thì chữa hiện tượng, hoãn thì chữa bản chất. Còn như trên nhiệt dưới hàn, thì dùng thuốc nhiệt, để nguội mà uống trước khi ăn, không nên uống lắm thuốc hàn lương vào.

4- Xử phương:

NGUY BÀNG TỬ THANG
(Chữa chứng đau họng)

Ngưu bàng

Tê giác

Huyền sâm

Hoàng cầm

Thăng ma

Mộc thông

Cát cánh

Cam thảo

Các vị đều bằng nhau. Sắc mà uống.

HÓA-ĐỘC-THANG

(Giải trừ phong nhiệt công lên cương họng bị sưng đau)

<i>Cát cánh</i>	2 đồng rưỡi	<i>Nha tiêu</i>	(đều kiềng
<i>Bạc hà</i>	(đều sao	<i>Bàng sa</i>	lửa nghiền
<i>Kinh giới</i>	tán bột)	<i>Phác tiêu</i>	bột) đều
<i>Cam thảo</i>	(đều 1 đồng	<i>Hùng hoàng</i>	1 đồng
<i>Sơn đậu càn</i>	rưỡi)	<i>chu sa</i>	

Các vị trên, tán bột, hòa đều, để khô rắc lên trên lưỡi, hoặc trộn với nước chè nóng đặc mà bôi, nuốt chút ít xuống cũng được.

HÙNG HOÀNG GIẢI ĐỘC TÁN

(Chữa các chứng đờm nhiệt công lên họng mọc tơ hồng, họng tã, viêm 2 tuyến hạnh nhân, sưng cằm, dùng thuốc uống để gây nôn.

<i>Hùng hoàng</i>	1 lạng
<i>Ba đậu</i> (bỏ đầu)	14 hột
<i>uất kim</i>	1 đồng

Các vị trên, tán bột, nấu hồ với giấm làm hoàn, to bằng hột gạo, uống với nước chè nóng mỗi lần uống từ 7 đến 10 viên, thổ ra đờm đặc là tỉnh ngay. Nếu cấm khẩu, thì dùng dưa bếp cạy miệng ra, đổ thuốc vào. Chứng họng mọc tơ hồng và chứng đau họng cấp tính, chữa chậm thì chết. Hùng hoàng có thể phá khí kết, uất kim tán huyết độc. Ba đậu hạ đờm đặc, uống không khỏi họng, là cứu sống lại được.

Một phương nữa: (chữa chứng đau họng)

Quả mơ muối lâu năm, cho *ốc sen* vào ngâm với mơ cho ốc tan ra nước, mỗi khi bị các chứng họng tã, lấy quả mở ấy ngâm vào trong miệng rất hay.

XVII - BỆNH RĂNG

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Bệnh đau răng nhẹ, là do dương minh vị tích kết thành bệnh, cũng có khi khí hư, tỳ vị bất túc, hoặc uống thuốc hàn lương quá nhiều, uất lấp dương khí ở trong tỳ thổ, cho nên thân lại phát nhiệt mà sinh ra đau răng. còn như răng bị cam tẩu mã, phần nhiều do khí hư gặp hàn, uất nhiệt ở trong, hoặc ăn đồ ngọt, chua, mặn, béo, tích trệ lâu ngày, uất nhiệt xông lên, rung cháy đến và lở loét, thường khi chảy máu loãng, máu tụ lại thành mù, mù thối sinh ra sâu, sâu ăn lấn vào miệng và răng, đến nổi má mép thủng lát, ăn, bú yếu kém, hơi suyễn, nhiệt bốc lên, mà dần dần đi tới chỗ nguy hiểm.

2- Cách chữa:

Nếu đau răng nhẹ, thì bên trong cho uống thuốc thanh vị bên ngoài dùng thuốc xia để tiêu tán hỏa độc.

Nếu tỳ hư, uống quá nhiều thuốc hàn lương, phát ra chứng nhiệt, thì nên dùng bài

Hào-ất-thang, hoặc bị Bỏ trung ích khí thang (39), nếu không khỏi, thì dùng bài Bát vị địa hoàng hoàn (187), hoặc làm bát vị địa hoàng thang mà gia thêm ngũ-tất, ngũ vị để dẫn xuống. Vì rằng là chất thừa của xương, cho nên rằng cơ bệnh phần nhiều thuộc về hư hỏa của thận gây nên.

Nếu cam tẩu mã, thì cách chữa nên bên trong uống thuốc thanh giải, trước hết trừ tích nhiệt; bên ngoài dùng nước muối nóng rửa sạch, dùng thuốc trừ đờm bạt nhiệt thổi vào, nhất thiết không nên dùng thuốc hàn lương thu liễm ngăn trở, để đến nỗi uất nhiệt không có lối phát tiết ra được, thì vỡ loét lại càng sâu. Gọi là tẩu mã, vì rằng thuốc thận, thận khí một khi hư, thì hư hỏa nhiệt độc chạy thẳng lên thượng tiêu, thế nhanh như ngựa phi vậy.

3- Xử phương:

NGƯU HOÀNG TÁN

(Chữa cam miệng)

<i>Ngưu hoàng</i>	1 phân	<i>Trân châu</i> (tẩm sữa nướng)	7 hột
<i>Nhân trung bạch</i>	4 -	<i>Móng ngựa bạch</i> (đốt thành than)	4 phân.
<i>Thanh đại</i>	4 -	<i>Hồ hoàng liên</i>	4 -
<i>Băng phiến</i>	1 -	<i>Huyết kiệt</i>	4 -
<i>Rắn voi</i> (đốt thành than)	4 -	<i>Xạ hương</i>	chút ít.

Tán bột, nước chè nguội rửa sạch chỗ đau, dùng ống trúc xúc thuốc thổi vào.

THẮNG DƯƠNG THANH VỊ THAN

(Chữa cam rân, đau răng)

<i>Thăng ma</i>	6 phân	<i>Mẫu đơn bì</i>	8 phân
<i>Thạch cao</i> (nung)	đồng 2 phân	<i>Cát cánh</i>	
<i>Liên kiều</i>	1 đồng	<i>Cam thảo</i>	đều 3 phân
<i>Kinh giới tuệ</i>			
<i>Sinh địa</i>	1 đồng 2 phân	<i>Bạc hà</i>	đều 4 phân
<i>Ngưu bàng</i> (nghiên)	1 đồng.		

THANH LƯƠNG TÁN

<i>Thanh đại</i>	<i>Hoàng bá</i>
<i>Lô hội</i>	<i>Nhi trà</i>
<i>Hoàng liên</i>	<i>Băng sda</i>

đều 5 phân

<i>Băng phiến</i>	1 phân
-------------------	--------

Các vị trên, tán bột, dùng nước chè nguội, súc sạch miệng, thổi thuốc vào

Một phương nữa:

(Trị ung xỉ tẩu mã, trong 1 lúc thổi nát chết ngay, phương này rất hay).

<i>Cận nước dãi trong thùng nước dãi</i>		<i>Xạ hương</i>	1 phân
<i>Củ đàn bà (nướng chày đỏ)</i>	1 đồng	<i>Băng phiến</i>	1 phân
<i>Rỉ xanh đồng (đóng lúc)</i>	2 đồng	<i>Ngưu hoàng</i>	1 -

Các vị trên, tán bột, bôi vào răng, khỏi ngay.

Một phương nữa:

(Trị cam tẩu mã)

Can khương

đều đốt tồn tính

Táo ta

Khô phàn

Các vị đều nhau

Tán bột, bôi vào, khỏi ngay

XVIII- THỔ HUYẾT

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Nội kinh nói: "đinh là tinh vi của cơm nước, do tỳ sinh hóa ra, do tâm cái quán, do can tàng trữ, do phế phân bố, và do thận điều tiết ra, thấm nhuần thống suốt, không bộ phận nào là không do ở đó: Còn như thổ huyết là khí dinh vệ nghịch lên, hoặc do khí lực dâm bên ngoài phạm vào, hoặc do thần tình bên trong gây ra, rồi khí ngừng đọng không vận hành, huyết bị tắc mà không thấm nhuần, trong và ngoài bị ngăn sông đón chợ cách bức không lưu thông, nóng quá thì chạy càng, bị uất, lâu thì đi ngược lên, khổ mà ngăn được, vì máu huyết cũng như nước, tháo sang đông thì chảy sang đông, tháo sang tây thì chảy sang tây, huyết do khí điều khiển, tình thế cũng tất sẽ đến thế. Bởi vậy, khí nghịch lên thì huyết cũng nghịch lên, mà sinh ra thổ huyết.

2- Phân biệt chứng trạng:

Có khi vì ăn uống no quá, dạ dày lạnh không tiêu hóa được mà thổ ra đồ ăn và huyết.

Có khi do khí huyết cùng xung động nhau, tổn thương đến vị khẩu cũng làm cho thổ huyết, vì dương minh chủ huyết, huyết uất thì chạy càng, cho nên trẻ con thổ huyết, 10 đứa thì có đến 7, 8 em là do bị khí nghịch.

Lại có khi trẻ còn mang trong địu mà thổ huyết, phần nhiều là do cahun màn dầy kín, buồng ở nóng bức, khí nóng hun bốc mà gây nên.

Hoặc do người mẹ quá ăn thứ cay nóng, ngấm chảy vào tia sữa, con bú vào ngừng trệ không tan ra được, tích lại thành nhiệt, nhiệt quá huyết mới trào lên, cho nên thổ huyết, hoặc thổ máu cam, hoặc dãi ra máu.

Nếu do lâu khí nghịch lên, mặt mắt phù thùng mà ho và thổ huyết, là do phế hư tổn, nên chia ra từng chứng mà chữa.

3- Xứ phương:

THẦN DAO TÁN

(Chữa trẻ con thổ huyết, tiện huyết).

A dao (sao)

Cáp phần

đều 1 đồng

Thần sa (thủy phi)

Các vị đều nhau, tán bột, dùng nước ngó sen và mật ong hòa với thuốc mà uống.

Lại phương nữa:

(Tiêu ứ chỉ huyết)

Đốt ngó sen, phơi khô, tán bột, nhân sâm và mật ong cùng sắc làm thang hòa với thuốc mà uống.

TÊ GIÁC ĐỊA HOÀNG THANG

(Chữa các chứng huyết hư, hỏa thịnh, thổ huyết, nục huyết, niệu huyết, tiểu huyết).

Tê giác (cạo bột)

Bạch thược

Sinh địa hoàng

Mẫu đơn bì

đều 1 đồng rưỡi

Các vị trên, sắc với nước cho tới lọc bỏ bã, cho bột tê giác vào rồi uống. Nếu vì tức giận mà thổ huyết thì gia sơn chi, sài hồ.

DƯƠNG QUY BỔ HUYẾT THANG

(Chữa khí huyết hư nhiệt, mặt đỏ, phiền khát, mạch đại mà hư).

Hoàng kỳ (nướng)

1 lạng

Dương quy

2 đồng cân

Sắc với nước, uống khi bụng đói.

SONG HÀ TÁN

(Chữa chứng bồng nhiên thổ huyết dữ)

Ngó sen

7 mắt

Chót lá sen

7 chót

Cùng với mật nghiền nhỏ, sắc với nước, bỏ bã, uống lúc còn ấm

THIÊN ĐỒNG THANG

(Chữa chứng lo nghĩ hại đến tâm, sinh thổ huyết, đổ nục cam).

Nhân sâm

5 đồng

A giao (so với cáp phần)

Viễn chí

Một dược

đều 1 lạng

<i>Bạch thược</i>		<i>Ngó sen</i>	đều
<i>Thiên môn</i>	đều	<i>Dương quy</i>	1 lạng
<i>Mạch môn</i>	1 lạng	<i>Sinh địa</i>	
<i>Hoàng kỳ</i>		<i>Chích cam thảo</i>	5 đồng

Các vị trên tán nhỏ, mỗi lần dùng 4 đồng cân, sắc với nước gừng, cho uống nóng.

XIX - BỆNH LÝ

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh.

Chứng lý, đời xưa gọi là chứng "trệ hạ". Nội kinh gọi là chứng "trường tích". Ông Trương khiết Cổ nói: "Người khỏe mạnh không có tích, người hư thì có tích". Do đó ta thấy: tích là do hư gây ra, đều bởi tỳ vị đã hư, lại ăn uống không chừng mực, thất tình dồn ép trường vị tỳ, uất kết, khí huyết thương tổn, gây thành mủ máu mà sinh ra chứng lý.

CÓ 5 NGUYÊN NHÂN GẦN: gây thành chứng lý là:

- Ăn uống không điều hòa, tỳ vị bị thương.
- Do cảm nắng mà phát bệnh.
- Do cảm phong hàn mà phát bệnh.
- Do thổ tả không được điều trị mà thành lý.
- Ăn làm đồ lạnh đồ độc, lại bị sợ hãi lẫn vào mà mắc bệnh.

CÓ 7 NGUYÊN NHÂN XA: gây thành chứng lý là:

- Do đồ ăn tích lâu ngày
- Do phế hư kèm lạnh.
- Tỳ bị thương lâu mà đại tiện ra máu.
- Do thấp nhiệt hại tỳ
- Do dương khí hãm xuống
- Do đồ bé bỏ chiền xào mà tích nhiệt
- Do ứ độc bệnh lịch truyền nhiễm.

2- Phân biệt chứng trạng:

CHỨNG LÝ CÓ 8 CHỨNG:

- Chứng lý hàn: ra phân sắc trắng.
- Chứng lý nhiệt: ra phân sắc đỏ.
- Chứng lý cam, ra phân vừa vàng vừa trắng, đi không chùng độ.
- Chứng lý do kinh: ra phân sắc xanh.
- Chứng lý hàn nhiệt không điều hòa: ra phân đỏ trắng lẫn lộn.

6- Chứng lý khởi rồi lại phát (hưu tức lý) ra phân đen như ruột cá, khởi rồi lại phát.

7- Chứng lý ra máu mủ (nùng lý): bụng to động tích và nửa mình dưới gầy, hơi hôi, đại tiện bí tắc.

8- Chứng lý trúng độc (cổ độc lý): ra phân sắc tím đen.

Lại có *chứng lý âm hư*, lỗ đít rất đau, làm do nhiệt dồn xuống dưới.

Cấm khẩu ⁽¹⁾: do cửa dạ dày nóng quá, hoặc uế độc của bệnh dịch truyền vào tạng phủ, khí độc xông lên.

Ngũ sắc: do tỳ vị là bể chứa cơm nước, kiểm tư bố cho 4 tạng kia, cho nên 4 tạng bị nhiệt độc, thì 5 dịch của 5 tạng đều cùng đi xuống mà đại tiện mới thấy 5 sắc.

Chứng lý đi luôn như nạo ruột ra (quất trường lý): do khí độc lấn vào dạ dày, ăn uống không tiêu, lỗ đít rộng to, bầm đen đáng sợ, bụng trên đau quặn, đại tiện mót rặn mà không đi được, luôn luôn nhả ra máu tươi.

Chứng lý trống tràng (hoạt trường lý): ngày đêm đi luôn luôn, cả đồ ăn uống cũng đi tuột ra.

Đại khái các chứng lý: lý không ăn uống được, lý 5 sắc, lý đi luôn như nạo ruột ra, lý trống tràng, đều là chứng nguy cả.

MẠCH SỐNG, CHẾT

Kinh nói: "Chứng lý địa là ra má, mạch trầm, tế, chạy liên tiếp là sống, sắc, tạt (nhanh) và đại mà có nhiệt là chết, và tay chân quyết lạnh không có mạch, cứu ngải vào không thấy nóng, mạch đi không trở lại, là chết".

CHỨNG CHẾT

Môi đỏ như son hồng

Đại tiện ra toàn máu cả.

Đại tiện ra như óc cá.

Đại tiện ra như nước nhà dột.

Đại tiện ra như màu bụi bặm.

Đại tiện đi như ống giới nước.

Không ăn, đi lý nhiều, tay chân lạnh.

Đi lý lâu mà mình nóng, ra mồ hôi.

Ruột đau, khát nước, thở xốc hơi lên, mình thũng như thổi phồng.

Chứng lý lâu năm nôn mửa, hôn mê phiến táo, róc người.

Đi tả lâu biến thành lý, đó là tỷ truyền sang thận.

Đầu ấm, chân lạnh, miệng hơi sinh dờm.

Nghiên rượu, chứng lý nhiều, da bụng lõm sát xương.

Đi lý ra phân đen, bụng trướng, thở xốc hơi lên, môi khô, mắt trng, con người mắt mở to ra, và mắt sinh mây màng, tia máu.

Sắc mắt xanh đen, đi tả như mù ung nhọt, hoặc như hơi trứng gà ung, hôn dái co rút, môi xanh dộp đỏ.

(1) *Cấm khẩu*: Chứng lý không ăn uống được.

Mồ hôi ra như mưa, nhắm mắt không mở, thở dài, tiếng quả kêu, mặt như giấy đỏ, bụng lõm vào, miệng há hốc, móng tay móng chân đen, miệng nôn ra rãi hoặc bọt trắng, mẩn loảng, gáy mềm oặt, miệng ngáp như miệng cá, bụng sôi như sấm, đi tả ra ứ huyết mà mùi tanh hôi, và chứng lỵ lâu ngày mà lưỡi đen (5 tạng bị thương) lưỡi vàng tỳ bại), đều là chứng bất trị.

3- Phép chữa:

Cách chữa, nhất định phải xét rõ hàn hay nhiệt, hư hay thực. Nếu nhiệt thì có thể chữa theo chứng thực; nếu hàn thì nên chữa như chứng hư.

Sánh nói: "Khí bị thương thì sắc trắng, huyết bị thương thì sắc đỏ, khí huyết đều bị thương thì trắng đỏ lẫn lộn. Còn sắc vàng là thương thực, sắc xanh là thương thấp. Nhưng nói chung thì phần nhiều nhân ở thấp nhiệt, do mù sinh ra ung thũng. Chứng lỵ ty có phân tả sắc đỏ sắc trắng, nhưng thực không phân biệt hàn với nhiệt. Về lý luận và cách chữa cũng giống như chứng khí hư đỏ hoặc trắng (xích, bạch đới) của đàn bà.

Nếu chứng lỵ cầm khẩu thì chữa bệnh nên dùng các loại hoàng liên, thạch liên nhục và kim ngân hoa v.v... để thông tâm giải độc.

Nếu đại tiện mót cặn mà do phế khí uất ở đại tràng, thì dùng khổ cái cánh để khai ra.

Phạm chữa chứng lỵ, tuy nói là hòa huyết thì đại tiện máu mù tự khỏi, hành khí thì đại tiện mót rặn tự trừ, đó có thể chữa cho chứng nguyên khí của người già và trẻ con. Còn như người khỏe mạnh mà tích nhiều thì ngay lúc mới phát bệnh, phải nên hạ ngay, tức như trong Nội kinh gọi là 'đón đầu mà tống đi'. Bệnh đến ngày thứ năm về sau, thì tỳ vị dần dần hư kém lại nên dùng cách tiêu đạo, thăng tán, hành khí và hòa huyết. Bệnh lâu kèm hư, thì nên tư bổ khí huyết, thu sáp chứng hoạt thoát.

Chứng lỵ ngũ sắc, nếu chứng thực thì dùng cách thông lợi làm trước tiên; nếu chứng hư thì điều khí hòa huyết làm chủ yếu.

Đại khái: Chứng thực nhiệt nên hạ, khí hư nên thăng đề, huyết hư nên điều huyết, mót rặn nên hạ, đau nên hòa, thân thể nặng nên trừ thấp, mạch huyết nên trừ phong, mù máu đặc dính, nên dùng thuốc mạnh trừ cho hết; thân thể lạnh, tự ra mồ hôi, nên dùng thuốc nóng là ôn ấm lại; phong ta động ở trong thì nên phát hãn, ỉa lỏng như cứt cò, thì nên gây ôn ấm. Bệnh ở biểu thì nên phát biểu, ở lý thì nên công hạ, ở trên mà chưa thành chứng tích thì nên cho thổ ra; ở dưới mà đã thành chứng lỵ, thì làm cho hết đi; biểu nhiệt thì nên khơi thông ở bên trong; tiểu tiện sền, thì nên phân hóa trong đục để thông lợi; chứng đang thịnh thì nên điều hòa; bế tắc thì nên tống đi; hoạt thoát thì nên ngăn lại; đó đều là những câu cách ngôn chữa chứng lỵ.

4- Xử phương:

HẮC-LINH-DAN

(Bí phương trong sách Cẩm-nang, chữa chứng lỵ hay lảm).

Quảng trần bì (sao)

Tam lang (-)

đều 2 lạng

<i>Nga truật</i>	(sao)	
<i>Thanh bì</i>	(-)	đều 2 lạng
<i>Liên kiều</i>	(sấy)	
<i>Hắc sủu</i>	(sao, chọn lấy thứ bột nhỏ)	đều 1 lạng

<i>Cam khương</i>	(sao đen)	
<i>Bình lang</i>	(sáy)	7 đồng cân 5 phân
<i>Bách thảo sương</i>		1 lạng
<i>Sa nhân</i>	(sấy)	2 đồng
<i>Nhục quả</i>	(bọc bột nướng, bỏ dầu)	5 đồng
<i>Nhục quế</i>		5 phân

Các vị trên, tán bột, dùng đường cát, đem hòa đều; chứng bạch lý thì gừng sông sắc làm thang mà uống; chứng xích lý thì xa nhân hoặc cam thảo sắc làm thang mà uống. Người lớn 3 đồng cân, trẻ con từ 8 phân đến 2 đồng cân.

HƯƠNG LIÊN HOÀN

(Chữa xích bạch lý, bụng đau không khoan khoái, mót rặn, ỉa không được)

<i>Mộc hương</i>	(kiếng lửa mái vào uống)	4 đồng
<i>Hoàng liên</i>	(sao chung với 1 lạng ngô thù rồi bỏ ngô-thù đi)	2 lạng

Tán bột, viên luyện hồ dấm làm hoàn, to bằng hạt tiêu, thang với nước vo gạo mà uống.

DẠI HOÀNG HOÀN

(Chứng lý, mồi phát, nóng lắm thì dùng được)

<i>Dại hoàng</i>	1 lạng 6 đồng	<i>Bình lang</i>	4 đồng
<i>Bạch thược</i>	6 -	<i>Mộc hương</i>	1 -
<i>Chích thảo</i>	3 -	<i>Chỉ xác</i> (sao)	4 -

Tán bột, viên với mật, to bằng hột đậu đỏ, mỗi lần uống 3 đồng dùng hột cái củ nấu nước làm thang mà uống.

ĐÀO KHÍ THANG

(Chữa chứng đi lý ra mũi máu, mót rặn ỉa không được, ngày đêm đi luôn vô kể)

<i>Bạch thược</i>	1 lạng	<i>Hoàng cầm</i>	1 đồng rưỡi
<i>Đương quy</i>	5 đồng	<i>Mộc hương</i>	1 đồng
<i>Dại hoàng</i>	1 đồng rưỡi	<i>Bình lang</i>	1 đồng
<i>Hoàng liên</i>	1 đồng		

Mỗi lần dùng 1 lạng, sắc với nước, uống lúc còn nóng trước khi ăn.

Các phương khác:

(Chữa lý cấm khẩu)

Hoàng liên

nửa cân

Gừng sống (thái lát)

4 lạng

Hai vị trên sao chung, đợi khi gừng vàng thì bỏ gừng lấy hoàng liên tán bột, dùng cơm trần mễ làm viên, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 70, 80 viên. Chứng xích lý thì thang với trần-mễ; chứng bạch lý thì dùng thang với trần-bì; chứng xích bạch lý lẫn lộn thì thang với trần-mễ và trần-bì mà uống.

Thạch liên nhục (phơi khô tán bột)

Mỗi lần uống 2 đồng, hòa với nước trần-mễ mà uống, thì thấy muốn ăn, lại dùng vỏ quýt sao vàng với đất vách tường phía đông rồi tán bột, sắc nước gừng, tảo mà uống để giúp thêm vào.

- Chữa chứng lý hư và hoạt lắm.

Xuân căn bạch bì (lấy rễ mọc về phương đông, tắm nước 1 ngày bỏ vỏ vàng ⁽¹⁾).

Mỗi lạng phối hợp với nhân sâm 1 lạng, mộc hương 2 đồng, gạo tẻ 3 đồng cùng sắc mà uống

XX- ỈA RA MÁU

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phạm trẻ con mới đẻ trong 7 này, có chứng ỉa ra máu, là do mẹ uống rượu, ăn mì miễn chiền xào quá nhiều, khi ở trong thai mắc phải, con gái thì nhiệt độc vào tim, đại ra máu, con trai thì nhiệt độc vào phổi ỉa ra máu.

Còn như đứa trẻ lớn mà ỉa ra máu, thì nhân tạng khí suy yếu, phong tà lọt vào, cho nên hoặc tích hàn, tích nhiệt, hoặc thấp độc truyền vào trường vị lạnh nóng chống nhau làm tổn hại khí huyết, thấm vào trong ruột mà ỉa ra máu. Cũng có khi tâm phế ở thượng tiêu tích nhiệt dồn xuống đại tràng mà đi ỉa ra máu.

2- Phép chữa:

Cách chữa nên chia ra: hoặc hàn, hoặc nhiệt, hoặc thấp, hoặc phong, hoặc hư, hoặc thực và bệnh mới cảm hay đã lâu, để mà chữa, không thể đơn thuần dùng thuốc hàn lương và đơn thuần thông hành hay đơn thuần ngăn chặn, vì dùng thuốc hàn lương thì làm cho huyết ngừng đọng, dùng thuốc thông hành thì huyết trôi chảy không ngừng, dùng thuốc nãn ngăn chặn, thì huyết không về kinh được. Cho nên dùng thuốc mát nhất định phải gia thêm thuốc cay làm tá được, uống lâu không hồi thì nên dùng thuốc ôn như loại hắc-khuông, nhân sâm, bạch truật, đương quy, bạch thược, làm cho tỳ có thể thống nhiếp huyết, thì huyết có chỗ về, kiêm dùng nhiều thuốc chua sáp, là muốn làm cho hơi liễm lại. Các vị thuốc phần nhiều sao rượu là muốn làm cho đưa bốc lên. Sau khi thu sáp, chỉ tác rồi, tất phải điều hòa khí huyết bởi bỏ trường vị, làm cho đường của kinh không bị thương tổn trở lại nữa.

(1) *Xuân*: Một thứ cây sống lâu nên thường ví như cha mẹ để phòng cha mẹ sống lâu như cây xuân - có người đọc *Thung* là sai.

HÒE HOA TÁN

(Chữa chứng trường vị có thép, trướng đầy là ra máu)

<i>Thương thật</i>		<i>Hòe hoa</i>	2 lạng
<i>Hậu phác</i>			
<i>Trần bì</i>	đều 1 lạng	<i>Cam thảo</i>	đều 5 đồng
<i>Dương quy</i>		<i>Ô mai</i>	
<i>Chỉ xác</i>			

Các vị trên, sắc với nước, mỗi lần dùng 5 đồng cân, uống lúc bụng đói.

TỤ KIM HOÀN

(Chữa chứng trường vị tích nhiệt hoặc có độc rượu mà đại tiện ra máu)

<i>Hoàng liên</i> , 4 lạng	<i>tầm rượu sao</i>	1 lạng.
	<i>tầm gừng sao</i>	1 -.
	<i>lúi vào lửa</i>	1 -.
	<i>dùng sống</i>	1 -.

Hoàng cầm

Phòng phong đều 1 lạng

Các vị trên, tán bột, nấu hồ bột làm viên, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, uống với nước vo gạo có ngâm chỉ-xác.

THƯỢC DUỘC HOÀNG LIÊN THANG

(Chữa chướng sau khi đi là ra máu mà trong bụng đau gọi là nhiệt độc hạ huyết)

<i>Thược dược</i>		<i>Đạm quế</i> ⁽¹⁾	5 phân
<i>Hoàng liên</i> đều	5 đồng	<i>Chích thảo</i>	2 đồng
<i>Dương quy</i>		<i>Đại hoàng</i>	1 đồng.

Các vị trên, mỗi một lạng lại sắc với nước mà uống, nếu đau bụng lắm, gia mộc hương, bình lang.

TIÊN HỒNG HOÀN

(Chữa chứng tạng phủ hư hàn, đại tiện ra máu không ngừng, sắc mặt ulla rừ và vằn, lâu ngày gầy mòn).

<i>Bách diệp</i> (sao vàng)	
<i>Lộc nhung</i> (nấu với giấm)	
<i>Chế phụ tử</i>	
<i>Tục đoạn</i>	đều 1 lạng
<i>A đao</i> (sao với cát phẩn)	
<i>Hoàng kỳ</i> (tẩm mật sao)	
<i>Dương quy</i> (tẩm rượu sấy)	
<i>Khô phàn</i>	5 đồng

(1) *Đạm quế*: quế lát không cay.

Các vị trên tán bột, dùng giấm nấu bồ làm viên, to bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 70 viên, với nước cơm khi đói bụng. Vì chứng mất máu là do hỏa gây ra, nên là hư thì được, nói là hàn thì không được. Nhưng bệnh lâu thì khí hao đã kém, nên tạng phủ kiểm cả hư và hàn. Đan-Khê nói: "Đại tiện ra huyết lâu không khỏi thì sau dùng thuốc ôn".

Các phương khác:

Chữa chứng ỉa ra máu, không cứ bệnh đã lâu hay bệnh mới phát.

Phèn chua (nghiên bột) 7 phân

Người lớn dùng 1 đồng 5 phân, hòa vào trong trứng gà, nấu chín, thái thành từng miếng nhỏ, nuốt với nước sôi khi đói bụng.

XXI- LÒI TRÔN TRÊ (THOÁT GIANG)

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phế với đại-tràng cùng tương quan biểu lý với nhau, hậu môn là cửa của đại tràng, phế thực thì ôn, ôn thì khí bên trong đầy đủ mà nổi sáng lại, hư thì hàn, hàn thì khí bên trong thiếu mà không thu liễm được, cho nên đầu ruột lòi ra ngoài.

Phàm tả lý phần nhiều mắc bệnh ở phong, thử, thấp, nhiệt làm hại tỳ, tỳ lui thì phế khí yếu, đại tràng cũng hư, thổ (tỳ) là mẹ kim (phế), thổ hư không thể sinh kim, cho nên hơi bị phong hàn thì đầu ruột lập tức bị hư mà lòi ra.

Phàm chứng lòi tròn trê phần nhiều do đi lý lâu ngày không khỏi, mót rặn không đi được, mà cổ sắc rặn, hậu môn mở ra, gió ngoài thổi vào mà gây nên, hoặc chứng phục thử⁽¹⁾ bỗng nhiên đi tả xổ ra, mà đầu ruột không ngăn cấm lại được, hoặc bẩm tính yếu ớt đã bị lạnh, khốc thiết lên mà đại tràng bị hư lòi ra. Trẻ con khí huyết chưa vững mạnh, người già khí huyết đã suy yếu, đều có chứng này.

Nếu lòi tròn trê bị trùng ăn, lâu ngày thì chân răng biến sắc, trên lưỡi trắng bệch, chân tay mỏi mệt, nhả ra máu như hột thóc. Trong tâm buồn bực mà thành chứng nguy.

2- Cách chữa:

Nếu chứng hư thoát thì nên chữa bằng cách: ôn bổ tỳ, vị, để sinh kim (phế), kim vượng thì thăng lên, rồi sau cho uống thuốc làm cho ruột cố sáp lại, bên ngoài dùng các thứ thuốc xông và thuốc đắp. Nếu lòi ra đã lâu mà nổi đã cứng, thì trước hết dùng nước nóng ngâm rửa cho mềm rồi ấn dần dần vào.

Nếu đầu ruột sinh ngứa, là phần nhiều do đại tràng thấp nhiệt sinh trùng ăn vào hậu môn, bắt đầu chữa, nên uống bài Hóa nặc hoàn. Bên ngoài dùng lá ngải cứu tươi, rễ xoan đầu nấu nước xông rồi rửa. Nếu trùng ăn suốt vào trong hậu môn thì không chữa được.

Dam Khê nói: "lòi tròn trê do khí hư huyết hư vẫn là nhiều hơn, nhưng cũng có

(1) *Phục thử*: Một thứ bệnh trước do cảm nắng, kể rồi bị phong hàn, phong bế lại dần dần vào trong, ấn núp trong trường vị, tam tiêu.

khi do huyết nhiệt khí nhiệt, khi nên xét vào mạch cho kỹ. Khí hư thì dùng loại sâm, kỳ, truat thảo, thăng ma chế; huyết hư thì dùng bài Tứ vật thang (189); huyết nhiệt thì dùng bài lương huyết từ vật thang gia hoàng bá (sao); khí nhiệt thì dùng loại điều cầm, thăng ma, v.v... đều nên làm cho thăng đề lên".

3- Xử phương:

LONG CỐT TÁN

(Chữa trẻ con đại tràng hư, hậu môn lòi ra)

<i>Long cốt</i>	2 đồng 5 phân
<i>Kha tử</i> (nướng, bỏ hột)	2 đồng
<i>Một thạch tử</i>	2 hột
<i>Xích thạch chỉ</i>	2 đồng
<i>Cù túc xác</i> (bỏ cuống, tãi, rế, tẩm giấm sao)	

Tán bột, hòa tan với nước cơm, uống trước khi ăn.

PHỤC LONG CAN TÁN

(Chữa trẻ con lòi trong trẻ thuộc âm chứng)

<i>Phục long can</i> (đất lòng bếp)	1 lạng
<i>Xương dầu của đình</i>	5 đồng
<i>Bách duộc tiền</i>	2 đồng rưỡi.

Các vị trên tán bột dùng tía tô sắc đặc, dọi ngòi bột, trộn, với dầu mè mà đắp.

Các phương khác:

- Ngũ bột tử tán bột, mỗi lần dùng 2 đồng cho vào nước phèn chua nấu lên mà rửa.
- Mộc tặc, đốt tồn tính, tán bột, xát vào trên lỗ hậu môn, ấn vào; khỏi ngay.
- Bèo ván, tán bột, rắc cho dính vào, hoặc dùng đất vách lâu năm nấu nước, trước xông sau rửa.
- Hoa hòe, quả hòe, đều bằng nhau, sao vàng tán bột, dùng thịt dê chấm thuốc nước chín mà ăn, dùng rượu làm thang uống, hoặc lấy thịt thăn heo, bỏ da, chấm thuốc nướng chín ăn cũng được.

XXII- BỆNH TRÍ

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phạm trẻ con có bệnh trí, đều do người mẹ uống rượu, ăn mĩ miến xào nướng mà con mắc phải khi còn ở trong thai, hoặc do hậu thiên mất điều dưỡng, trong tim chứa nhiệt, nhiệt truyền sang phổi, dồn xuống đại tràng mà gây nên bệnh.

2- Phân biệt chứng trạng:

Chứng này, xung quanh hậu môn sinh lở sưng đau. Cũng có khi chỗ lở có chỗ, nước vàng rỉ ra là đỡ.

3- Phép chữa:

Cách chữa thì bên trong nên uống thuốc lương huyết giải độc, bên ngoài dùng cách xông, rửa.

Nếu thấy hậu môn ngứa đau, phần nhiều do thấp nhiệt sinh trùng muốn thành chứng trĩ mạch lươn, nên dùng bột hùng hoàng trộn lẫn với lá ngải cứu đốt lấy khói mà xông, hoặc dùng một cân lá đào, cho đầy cái phễu, kê đít ngồi xông, sâu tất chết.

Phàm chứng trĩ mạch lươn mới mắc, nên dùng loại thuốc hoàng cầm, hoàng liên để mát đại tràng, chỉ xác để nới lỏng đại-tràng; làm cho cổ sấp khiếu thì dùng loại xích-thạch-chỉ, bạch-thạch-chỉ, khô-phần, hoàng-đơn, băng-phiến.

3- Xử phương:

GLA VỊ HÒE GLÁC HOÀN

(Thông dụng chữa trĩ mạch lươn và trường phòng hạ huyết).

Hòe giác (quả hòe)		Hoàng liên	
Sinh địa hoàng	đều	Điều cầm	
Quy thân	2 lạng	Chỉ xác	
Hoàng kỳ		Tần giao	đều
Xuyên khung	đều	Phòng phong	1 lạng
A dao	5 đồng	Liên kiều	
Bạch chỉ		Địa du	
		Thăng ma	

Các vị trên tán bột, viên với mật, to bằng hạt ngô đồng mỗi lần uống 50 viên, dần dần đến 70 - 0 viên, 100 viên, uống lúc đói với rượu hoặc nước cơm.

Các phương khác: (Chữa bệnh trĩ mạch lươn)

- Ốc bươu 1 con

Bóc mày ốc ra, cho 1 phân băng phiến vào trong miệng ốc, để qua một đêm, lấy nước trong ốc ấy xát vào chỗ đau, trước khi xát hãy dùng cuống bí đao sắc nước mà rửa sạch đã.

- Mật gà trắng (lấy nước) 2, 3 chiếc

Mật gấu 2 phân rưỡi

Băng phiến nửa cân

Các vị trên, nghiền chung một chỗ để vào trong lọ đậy nút kín, khi dùng lấy tay xát vào chỗ đau, lập tức khỏi.

THUỐC XÔNG RỬA TRÍ

Hòe hoa

Lá ngải cứu

Kính giới

Chỉ xác

Các vị liều lượng đều bằng nhau, sắc với nước cho phèn chua vào, trước xông sau rửa.

Lại phương nữa, gia thêm 7 hột gấc.

XXIII- THŨNG TRƯỞNG

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Phâm chứng thũng trướng gốc ở tỳ hư, trẻ con tạng phù non nớt, bú, ăn không có chừng mực, tỳ một khi bị thương, không thể ngăn giữ được nước mà tràn khắp ra lớp da. Sách thuốc có phân ra 10 thứ thũng, nhưng tóm lại mà bàn, thận hư không thể vận hành được thủy, tỳ hư không thể ngăn giữ được thủy, dạ dày là bể chứa cơm nước, hư thì không thể truyền đạt tiêu hóa được, cho nên tràn làn ra, lại dầm thấm sang tỳ thổ, đọng lại ở tam-tiêu, ứng tác ở kinh lạc, khí dồn vào tạng mà thành trướng, nước tràn ra ngoài da mà thành thũng.

Dải khái: do thủy do thấp, thì phần dưới thân thể thũng trước; do hỏa do phong, thì phần trên thân thể thũng trước; thũng thuộc dương (dương thủy), thì mạch trầm sắc, thũng thuộc âm (âm thủy) thì mạch trầm trĩ.

2- Phân biệt chứng trạng:

Bú hoặc ăn không chừng mực mà thũng, chia làm 3 chứng: thũng do cam (cam thủy), thũng do tích (tích thủy) và thũng do kinh (kinh thủy).

1- Chứng thũng do cam làm tâm, tỳ hư tổn, mặt vàng chân thũng.

2- Chứng thũng do tích, là 5 thứ tích ở bụng kết lại hóa thành thũng.

3- Chứng thũng do kinh là nhiều lần bị kinh, tâm hỏa ráo và khát, uống nước nhiều quá mà ngừng tích lại.

Ngoài 3 chứng này lại có 9 chứng nữa:

1- Thũng do thấp (thấp thũng), vì tỳ vị bị thấp, không thể vận hóa được, thì phù ra, chân tay, đầu, mặt đều thũng.

2- Thũng do khí độc vì chất độc đồ ăn và các khí độc ngừng chứa ở vị quản, cho nên đi vào bụng gây thành thũng.

3- Thũng do thương hàn, vì chứng thương hàn uống thuốc hạ quá sớm, cho nên tà nhân hư lẫn vào bụng gây thành thũng.

4- Thũng do hư (hư thũng), vì sau khi bị bệnh khỏi, cả khí và huyết đều hư thì trung tiêu không bền vững, đều có thể phù ra ngoài mà thành phù thũng, cho nên sáng sớm ngủ dậy thì mặt phù, buổi chiều thì chân phù.

5- Thủy thũng, vì tỳ hư bị thấp, vinh vệ ngừng đọng, tỳ không vận hóa được mạnh, phế không chuyển vận xuống được, thủy khí xông lên, mí mắt phù, bụng to mặt trắng nhợt, chân phù mà lạnh như băng, tay ấn vào lõm xuống rồi nổi lên ngay, phù thũng bóng như bong bóng nước.

6- Bìu dái thũng là do khí tụ ở bàng quang.

7- Cổ trướng là do tim và bụng trướng đầy, ăn bữa sáng thì bữa chiều không ăn được, da căng như da trống, sắc xanh vàng, bụng nổi gân, lại gọi là chứng đơn cổ ⁽¹⁾, bên ngoài tuy rắn, nhưng bên trong trống rỗng không có vật gì.

8- Trướng đầy do tim bụng tích trướng, nghẹn hơn, khó nuốt đồ ăn, hơi ngắn phiền khát, mà vàng da mỏng và bóng, tay chân gầy, bắp thịt run và ho, dái ít và sền là tỳ hư quá lắm.

9- Da trướng căng do tỳ vị bỗng nhiên bị thương, phong hàn cảm nhiễm, thấp khí tràn khắp, toàn thân đều trướng căng, ấn vào bụng thì lún xuống mà không nổi lên, nhấc nới, biếng ăn, ợ chua, lợm mửa.

MẠCH SỐNG CHẾT

Bệnh thũng mà mạch phù, đại, hoạt, thực, thì sống, vì còn ở ngoài biểu mà chưa hư lắm, mạch trầm, tế, hư, vi, thì chết, vì ở lý mà kiêm hư quá, thì dương hư không thể hóa được âm.

CHỨNG CHẾT

Bệnh thũng, bắt đầu từ bụng mà tán ra chân tay thì chữa được, từ chân tay mà thu về bụng thì khó chữa khỏi.

Kiểm chứng cổ trướng mà bụng nổi gân xanh, trướng đầy mà ỉa chảy, mặt xanh nổi suyển lên.

Chỉ riêng bụng trướng (đơn phúc cổ) mà mặt mắt tay chân thì rắn.

Trai phù thũng từ chân trở lên, gái phù thũng từ mình trở xuống.

Chứng phù thũng môi đen là tổn thương can, hõm vai đầy lên là tổn thương tâm, rốn lồi lên là tổn thương tỳ, gan bàn chân đầy là tổn thương thận, lưng đầy lên là tổn thương phế.

Hoặc thịt cứng hoặc bàn tay đầy, hòn dái sưng tấy, bìu dái và ngọc hành sưng loét vàng, rốn xanh đen, suyển cấp phiền khát, mình phù sắc xanh tía, hoặc mình như sắc quá dành dành, khắp mình nổi ban, ỉa lỏng, mà sọ ăn, môi khô nhâm dúm, dái không nín giữ được, và mọc nốt ban đen tía, dần dần như những đám mây, đều là chứng bất trị.

3- Phép chữa:

Chứng thũng trướng như: tỳ hư khí chưa xuất, bụng trướng không thũng không suyển, hoặc lấy bồ làm tiêu, hoặc mượn tiêu làm bồ, cần làm thế nào cho tỳ có thể vận hóa được, thận có thể tàng nạp được, thì tỳ khí vững chắc, thận khí có căn bản, còn lo gì thũng trướng nữa. Nếu không chữa mau thì hư khí đã xuất, dựa vào phế khí mà đi ra chân tay, mặt, mắt, làm cho thũng khắp cả, như thế thì khó chữa, vì chứng ngọn, hình như thịnh quá mà chứng gốc thì thực không đầy đủ.

(1) Đơn cổ: bụng trướng căng mà tay chân vẫn như thường.

Chứng thũng do hư mà nguyên khí chưa hao, nên kịp nuôi vị khí, điều hòa tỳ khí, thì không cần chữa thũng mà thũng tự khỏi.

Chứng thủy thũng nếu mà chữa sai, thì da loét nước chảy. Nếu khắp mình lở loét thì có thể chữa được, nếu nốt lở không phá ra được thì khó chữa.

Khí đầy nước tràn ra thành phù thũng, trước hết nên bổ khí bổ trung tiêu, tuyệt đối không nên chuyên về thẩm lợi bài tiết.

Nếu trường đầy thì nên bổ mạnh vào khí tỳ vị gia thêm thuốc tiêu trừ thấp khí, hoặc uống Bổ trung ích khí (39), Kim-qui-thận-khí-hoàn (101).

Nếu da trường căng thì nên làm cho khô ráo khí thấp, điều hòa ??? tiêu.

Phạm phù thũng từ eo lưng trở lên, thì nên cho ra mồ hôi; từ eo lưng trở xuống, thì nên cho lợi tiểu: mình nóng là bệnh phần biểu, nên cho ra mồ hôi; mình không nóng, là bệnh ở phần lý, nên cho thông lợi tiểu tiện. Đó là cách thông thường chữa bệnh phù thũng. Nhưng không nên dùng đại kích, cam toại, vì nể hơi nước nhân hư lẫn vào, thì không lấy gì để chữa được.

Có khi chữa thũng, trường do tích mà mắc bệnh, nếu trừ hết tích mà chứng thũng lại phát ra, và tiểu tiện không thông lợi, lúc ấy lại dùng thuốc thông lợi thì tiểu tiện càng bé lại, các thầy thuốc phần nhiều chịu bó tay.

Về chứng ấy do khí trung tiêu không thăng không giáng được, nên bị hàn ngăn cách mà thủy bế tắc không vận hành được, duy chỉ dùng bài Trầm-phụ-thang, thì tiểu tiện tự thông mà chứng suyễn tự lui.

4- Xứ phương:

KIM QUI THẬN KHÍ HOÀN

(Chữa chứng tỳ, thận đều hư, khắp mình thũng trường, tiểu tiện không thông lợi, dờm sục lên, không dùng thuốc này thì không cứu được).

<i>Phục linh</i> (tẩm sũa)	3 lạng
<i>Phục tử</i>	5 đồng
<i>Ngưu tất</i> (tẩm rượu sao)	1 lạng
<i>Nhục quế</i>	1 lạng
<i>Trạch tả</i> (tẩm rượu sao)	
<i>Xa tiền</i> (sao)	
<i>Sơn thù</i> (tẩm rượu sao)	đều 1 lạng
<i>Sơn dược</i> (hấp trên nồi cơm sao)	
<i>Mẫu đơn bì</i> (tẩm rượu sao)	
<i>Thục địa</i> (nấu với rượu)	4 lạng

Các vị trên, tán bột, viên với mật, to bằng hạt ngô, mỗi lần uống 4 đồng vào lúc đói với nước sôi.

VŨ CÔNG TÁN

(Chữa chứng bùi dái sưng bóng (thủy sán) do hàn thấp, tiểu tiện không thông lợi).

<i>Hắc khiên ngưu</i>	4 lạng
<i>Hôi hương</i> (sao)	1 lạng

Cùng tán bột, mỗi lần uống 1 đồng hòa với nước gừng.

Các phương khác: (Chữa chứng thủy thũng)

- Vịt xanh đầu (hoặc vịt trắng)

Làm vịt thỉ làm như cách thường, thái nhỏ hòa lẫn với gạo cùng đồ gia vị mà nấu cháo, ăn khi bụng đói có thể tiêu chứng thủy thũng.

- Cá chép to, nặng 1 cân, nấu nhừ lấy nước, hòa lẫn với bí đao, ??? trắng, nấ canh mà ăn.

NGŨ LINH TÁN

(Chữa chứng thũng từ eo lưng trở xuống)

Bạch truật

Trạch tả

Phục linh

Nhục quế

Trư linh

đều bằng nhau.

Gia mộc hương, nhân trần, các vị trên đều tán bột, hòa với nước sôi mà uống.

CẨM NANG BÍ PHƯƠNG

(Dội rửa bļu dái thũng, rất hay)

Hành trắng (cả rễ không rửa)

21 gốc

Xuyên tiêu

1 lạng

Mạch nha (sao cháy)

1 lạng

Địa-phu-tử

1 lạng

Bốn vị trên, nấu nước, dội rửa trên bļu dái chừng lúc lâu, ngày hôm sau lại rửa, đến khi tiêu hết thì thôi.

CAO BÔI RỐN

(Chữa chứng thủy thũng, tiểu tiện gắt mà ít)

Trư linh

Chu sa (nấu vôi giấm)

Địa long (nghiền sống)

Cam loại Các vị đều bằng nhau

Tán bột nghiền lẫn với hành trắng thành cao, đắp giữa rốn dầu một tấc, lấy băng buộc lại, mỗi ngày thay hai lần, tới khi nước theo tiểu tiện ra hết thì thôi.

NHÂN SÂM BẠCH TRUẬT THANG

(Chữa bệnh cổ trướng, 1 lần tả, 3 lần bổ, không bệnh nào là không ứng nghiệm)

Nhân sâm

Hoàng kỳ

Bạch truật đều 2,5 d/c

Dương quy đều 2 đồng

Phục linh

Sinh địa

Binh lang

Sắc với nước, uống trước khi ăn cơm.

XXIV- ĐÁI DẦM (Phụ: Bạch trọc)

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Trẻ con đái dầm là do thận và bàng quang đều hư mà khí lạnh lấn vào, cho nên truyền tống ra không có hạn đo; cũng có khi bẩm thụ dương khí bất túc mà bàng quang lạnh không có giữ lại mà nước tiểu ra không nản cầm được. Cũng có khi do bên trong hư vì thấp nhiệt, cho nên khôn ngăn cầm được nước tiểu rỉ, mà sinh ra đái dầm.

2- Phân biệt chứng trạng:

Nước tiểu sắc đỏ là huyết nhiệt, sắc trắng là khí hư, lại có khi trong lúc ngủ nước tiểu tự vãi ra thì gọi là "đái dầm", đó cũng là thận và bàng-quang hư lạnh, ban đêm thuộc về âm, cho nên trong lúc ngủ nước tiểu tự chảy ra không ngăn giữ được.

Bệnh bạch trọc là nước đái đục như nước vo gạo, là do bú mớm không có chừng độ tỳ bị tổn thương, cho nên chất trong chất đục không phân chia ra, lâu ngày thì thành chứng cam; nước đái trước đỏ sau trắng là tâm nhiệt; đi ra thuần trắng là cam.

Nếu trẻ con đã lớn mà đi đái nước đỏ đục hoặc trắng đục, thì sắc nước đái tuy khác nhau, nhưng tóm lại đều gốc ở hỏa. Nước đái đỏ đục là thấp nhiệt lấn vào phần huyết, nước đái trắng đục là thấp nhiệt dồn xuống mà gây nên. Lại có khi thận khí hư hàn không thu hút được chất tinh ba, cho nên nước đái trắng như dầu, màu sắc không nhất định, đông đặc như mỡ, như hồ, lâu ngày thì thận hư thành chứng lao.

3- Phép chữa;

Hư mà kém nhiệt, thì trước nên làm cho nước đái trong và thông lợi; hư mà kém hàn, thì chỉ nên ôn bổ, cần xem mạch cho rõ ràng.

4- Xử phương:

KẾ TRĂNG TÁN (Chữa đái dầm)

Ruột ra (traị dùng mái, gái dùng trống, đốt tồn tính) 1 bộ

Mẫu lệ 1 đồng rưỡi

Phục linh 1 đồng rưỡi

Ố cào cào deo dâu (tang phiêu tiêu) (sao) 5 đồng

Nhục quế

Long cốt đều 1 đồng rưỡi.

Các vị trên tán bột, riêng dùng một cổ lòng gà đốt tồn tính, nghiền bột mỗi lần dùng 1 đồng hòa lẫn vào rượu hâm ấm má uống.

XXV - TRÚNG HÀN

(Chỉ chép hàn, thử, thấp, không chép phong, táo, hỏa, vì phong đã có môn kinh phong, táo, hỏa đã chép đủ ở mục phát nhiệt, phương pháp chữa chung với nhau).

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Những khí lạnh do mùa đông giá rét, do gió mưa trái thời trong bốn mùa, và những khí lạnh vốn có trong thân thể, trong đồ ăn chất lạnh, đều có thể gây nên bệnh trúng hàn.

Người lớn thể chất mạnh thì tích lũy lâu mới phát bệnh, trẻ con thể chất yếu thì mới cảm phải là phát bệnh ngay.

Sách Linh - khu nói: "Xương nhỏ thịt mềm thì hay bị bệnh nóng rét" (cách xét xương lớn hay nhỏ, thịt cứng hay mềm: xương gò má là gốc của xương, chỗ gò má lớn thì xương lớn, gò má nhỏ thì xương nhỏ. Da mỏng thì thịt không nhuần vì thịt không chia thớ thì cánh tay yếu đuối. Muốn biết tủy voi hay đầy thì lại xem cẳng tay dày hay mỏng, cho nên cẳng tay mỏng thì xương tất nhỏ, tủy không đầy. Não là chỗ chứa tủy; huyết phong tri, phong phù thông nên não, não không đầy đủ thì ta để vào mà sinh bệnh).

2- Phân biệt chứng trạng:

Chứng trúng hàn, tay chân lạnh ngắt, rét run, cấm khẩu, miệng xùi bọt dãi, không kêu khóc được.

Lại có trẻ bị hàn từ khi còn ở trong thai, khi sinh ra, sắc mặt xanh bợt, chân tay lạnh ngắt, khí nghịch lên, đau bụng oằn lưng, cấm khẩu không há miệng, tạng lạnh bụng đau mà sinh ra chứng thai hàn, đó là tích bệnh quá sâu. Nhưng chứng hàn rất giống như chứng nhiệt, do hàn ở trong đối kháng với dương ở ngoài,

cần nên xét kỹ. Nếu mạch sắc, ham uống nước, phiền khát,

vật vã, là bệnh nhiệt. Nếu mới ho, đờm trong suốt, nước dãi không gắt, chân tay lạnh ngắt, ỉa sống phân, mình mát không khát, mạch trì, đều thuộc về chứng hàn. Nhưng chân tay lạnh ngắt, cố nhiên phần nhiều thuộc hàn trong đó cũng có chứng âm dương mất thăng bằng, không tuyên thông vận hành được, dương khí ứ đọng ở trong, không thể vận chuyển ra chân tay, thì nên theo cái lý "nhiệt cao độ quyết cũng cao độ" (nhiệt thâm quyết diệc thâm) mà xét kỹ. Sách nói: "hàn với nhiệt như nước với lửa, chứa nhâm là giết người".

3- Cách chữa:

Theo Chu Đan Khê chữa bệnh hàn, thì cho uống thuốc nhiệt, nhưng trong thuốc nhiệt cần gia thêm thuốc mát để hướng dẫn, hoặc thuốc nhiệt mà uống vào lúc nguội, khiến cho cùng loại thuốc hướng ứng nhau dễ dàng. Tức như Nội kinh gọi là: "bệnh cấp thì chữa theo chứng bện, dù có trái với chính khí" .

4- Xử phương:

LÝ TRUNG THANG

(Gia Phụ tử gọi là phụ tử lý trung thang chữa chứng tạng phủ trúng hàn, tay chân lạnh ngắt).

Nhân sâm

Can khương

Bạch truật

Chích thảo

Các vị sắc cho uống.

Các phương khác.

<i>Can khương</i>	<i>Hậu phác</i>
<i>Quất bì</i>	<i>Phục linh</i>
<i>Bán hạ</i>	<i>Quế tâm</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>cam thảo</i>
các vị sắc cho uống.	

- Muối ăn và ngô thù cùng sao lẫn, lấy lụa bọc rồi chườm vào rốn và bụng đứa trẻ.

XXVI- TRÚNG THỦ

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Trẻ con về mùa hạ mùa thu, rất hay bị trúng thủ vì tháng 6 (trường hạ) là lúc hỏa và thổ vượng, cũng chính là lúc kim và thủy bị tổn thương, dương non, âm nhỏ, đã mất hòa khí thiên nhiên, gia thêm khí nóng của nắng, rồi dương khí bốc ra ngoài, đồ ăn sống lạnh làm hại ở trong, tháng 6 thuộc thổ mà mất khí bồi dưỡng thì không thể sinh kim mà phát bệnh khi mùa thu đến. Và lại nắng có thể làm hao khí, khí hao thì mạch hư mà tán không có lực, cứ yên tĩnh mà mắc bệnh là trúng nắng, hoạt động mà mắc bệnh là trúng nhiệt, vào tâm thì mình nóng, đầu nhức, tâm phiền, miệng khát, hoặc suyễn, hoặc đầy, mà không nhận biết được ai cả; vào can thì chóng mặt tối tăm, vào tỳ thì hay nằm; vào phế thì suyễn đầy, vào thận thì tiểu khát. Lại có khi mất bản, mê mõi, lông đứng dựng, sợ lạnh, nôn mửa, ỉa lỏng, phiền và khát, chứng trạng giống như thương hàn; đầu nhức, mình nóng, chân tay lạnh ngắt, chỉ mình không đau là khác thôi.

Lại có khi cảm nắng, đến nổi bên trong nóng mà buồn bực vật vờ, đầu trán cũng nóng, nước tiểu vàng đỏ, nằm sấp dưới đất, khí nắng tổn thương tim, che lấp tâm khiếu, cho nên hôn mê bất tỉnh, chân tay co giật, uốn ván, mình nóng, chân tay lạnh, chứng trạng giống như chứng kinh, gọi là phong do nắng (thủ phong), hoặc có khi thổ tả không ngừng, tính hòa nhanh gấp, hỏa mệnh môn (nguyên dương) bỗng bị mất mà biến thành chứng mạn kinh. Có khi bị cảm nắng bỗng đi tả như tháo. Có khi bị cảm nắng gây nên nôn mửa ra nước chua. Kinh nói: "các chứng nôn mửa ra nước chua, bỗng nhiên đi tả cấp bách, đều thuộc về nhiệt" cho nên dương lúc tháng 6 (trường hạ) mà thực ra đã là lúc khí âm phục ở trong, cách điều dưỡng có lẽ nào không cần thận hay sao?

2- Xử phương:

LỤC HÒA THANG

(Chữa chứng khí không thăng giáng được, hoặc loạn vọp bẻ, nôn mửa, ỉa chảy nóng rét nối tiếp nhau).

<i>Sa sâm</i>	<i>Hoắc hương</i>
<i>Bán hạ</i>	<i>Biến đạ</i>
<i>Hạnh nhân</i>	<i>Mộc qua</i>
<i>Nhân sâm</i>	<i>Hương nhu</i>

Chích thảo
Xích phục linh

Hậu phác
Phu

Sắc với gừng, táo mà uống.

THANH CÁCH ẨM TỬ

(Chữa trẻ con có chứng nhiệt phục trong mình, nôn mửa phiền khát, bên trong nóng mà buồn bực vật vã, nước tiểu đỏ mà ít).

<i>Hương nhu</i>	3 đồng	<i>Cam thảo</i>	1 đồng
<i>Đạm trúc điệp</i>	đều 2 đồng	<i>Phục linh</i>	3 đồng
<i>Nhân sâm</i>		<i>Gạo tẻ</i>	5 đồng

Bán hạ

Bạch đàn hương

Các vị trên, cùng sắc với gừng, táo tàu, uống lúc nguội vào sau bữa ăn đã lâu.

LỤC NHẤT TÁN

(Chủ yếu chữa chứng cảm nắng)

<i>Hoạt thạch</i> (thủy phi)	6 lượng
<i>Cam thảo</i>	1 lượng

Cùng tán bột, uống với nước mới gánh hoặc đun nước bắc đèn để nguội mà uống.

TỨ LINH TÁN

(Chữa trẻ con bị nắng phục trong mình sinh khát nước, hoặc đi tả khát nước, tiểu tiện không thông lợi).

<i>Bạch truật</i>	5 đồng	<i>Tru linh</i>	5 đồng
<i>Phục linh</i>	5 đồng	<i>Trạch tả</i>	7 đồng

Cùng tán bột, sắc, nước hột xa tiền và bắc đèn, rồi hòa với thuốc mà uống. Nếu thổ mại không ngừng, thì gia thêm nước cốt gừng sống.

XXVII - TRÚNG THẤP

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Người ta cứ im lặng mà mắc bệnh, đó là bệnh thấp chăng? Tỳ là chủ thân thể, rất khó về thấp khí, chỉ vì rất khó thể mới dễ mắc bệnh. Nhưng thấp vốn là hơi đất ẩm thấp, mà tỳ nhiệt cũng có thể gây cho đất ẩm, cho nên mùa hạ nhiệt thì muôn vật ẩm thấp, mùa thu mát thì khí ẩm thấp lại khô ráo đi. Bệnh thấp vốn không tự sinh ra được, phần nhiều do hỏa nhiệt làm uất kết lại mà chất nước không thể lưu thông được, thì đình trệ mà sinh ra thủy thấp, tuy là bệnh thấp, mà lại kiêm cả chứng nhiệt, cho nên gọi là "thấp nhiệt", tức là nghĩa cùng làm nguyên nhân cho nhau đó.

2- Phân biệt chứng trạng:

Phạm chứng thấp, bộ phận trên có tích mà gặp thấp thì thành dờm, bộ phận dưới có tích mà gặp thấp thì thành ly. Như gặp năm thái âm thấp thổ tư thiên ⁽¹⁾, đó là thấp do khí hóa ra.

Nếu mưa dầm, hơi ẩm thấp nhân hư lẫn vào, hoặc nằm ngủ chỗ ẩm thấp mà bị đất bốc hơi thấp nhiễm vào, hoặc mồ hôi ướt thấm vào lâu, hoặc xông pha đêm sương, đó là thấp do ngoại cảm.

Nếu do thích ăn quả sống, các loại sữa, uống các thứ rượu, ăn đồ sống lạnh, đó là chứng thấp do nội thương.

Nếu vì người mẹ có bệnh thấp, hoặc thân thể béo mà nhiều thấp, đó là bẩm thụ khí thấp của tiên thiên. Theo đạo lý chung khí khinh thanh là tượng trời, trọng trọc là tượng đất, cho nên bị bệnh về thấp thổ ⁽²⁾ thì mình mẩy nhất định nặng nề ⁽³⁾, đó là kinh nghiệm.

3- Cách chữa:

Cách chữa, chỉ nên thấm thấp mà lợi tiểu, không thể phát hãn; và kiêng sưởi lửa, làm cho chứng thấp ngấm vào trong, mà biến sinh bệnh khác.

4- Xử phương:

TIÊU TRỪ THẤP THANG

Bạch truật

Bán hạ

Cam thảo

Trần bì

hậu phác

Thương truật.

Sắc với gừng mà uống.

SÂM TRUẬT TÁN

(Chữa trẻ con mới bị chứng thấp, mình nặng đầu nhức, phát sốt sợ gió, nhiều mồ hôi, mặt phù, nôn mửa, tiêu tiện không lợi).

Nhân sâm

Phục linh

Bạch truật

Trư linh

Trạch tả

Bào khương

Mộc thông

Bắc đẹn Xa tiền

Các vị đều nhau. Sắc mà uống

(1) Thái âm thấp thổ tư thiên (vận khí): 5 năm Sửu, 5 năm Mùi thì chủ khí trong những năm ấy gọi là Thái âm tư thiên. Theo ngũ hành thì Thái âm thuộc thổ mộc, thổ hay ẩm thấp, cho nên cũng gọi là Thái âm thấp thổ tư thiên.

(3) và (3) - Tỳ thuộc thổ hay ẩm thấp; bắp thịt thuộc tỳ, cho nên bệnh thấp thì mình mẩy nặng nề.

TRỪ THẤP THANG

(Chứa chứng trúng thấp thổ tả, trợ tỳ, trừ thấp, gồm tất cả các chứng thấp khí hạt gân, tay chân mềm yếu, không thể cất nhắc và nhức đau).

Nhân sâm

Dại phúc bì

Quất hồng

Phục linh

Hoắc hương

Bán hạ

Thương truật

Bạch truật.

Đều 1 đồng. Sắc mà uống.

XXVIII- CÁC CHỨNG LỖ DO THAI ĐỘC

1- Xét nguyên nhân và cơ chế của bệnh:

Các thai độc phát ra do hậu thiên để hiểu, các thai độc phát ra do tiên thiên khó rõ, cho nên phát ra thành lỗ, bắt đầu như nốt sởi (phong ấn), dần dần thành nhọt nhỏ (tế loa).

Hễ gãi ngứa thì lập tức da sày ứt mà loang ra từng đám như ghẻ lở, từ đầu lan khắp ra, trên và dưới thân thể tùy chỗ cảm độc mà phát ra. Tóm lại thấp và hỏa cùng làm nguyên nhân cho nhau, huyết nhiệt, độc mạnh, lỗ chân lông càng mở thì thấp độc ngấm vào càng mạnh, ngứa là khí hư, đau là huyết hư, chứng thuộc về phủ, lâu dần cả khí và huyết đều hư, rồi do nhiệt mà mọc lên, lại do nhiệt nhân hư mà công vào trong, như lúc mới phát thì mọc ở đỉnh đầu là thai độc động lại nhiều lần lên phần dương. Còn lúc khỏi mà kết tụ ở đỉnh đầu, là triệu chứng các chất độc của lục dương⁽¹⁾ xông lên, và hỏa độc bốc lên.

2- Phân biệt chứng trạng:

Chứng lỗ do kinh phong kinh hải vốn không có hình chất gì, chỉ do ở khí huyết tổn thương, ở tạng thì thành tích, ở phủ thì chảy tràn ra lớp da mà thành mụn lở.

Lỗ lông mày: mọc mụn ở khoảng lông mày, đó là tỳ nhiệt.

Lỗ do phong: cũng mọc ra ở khắp thân thể, hình rất nhỏ, tục gọi là "ghẻ lở".

Lỗ có sâu cũng gọi là trùng bào, nghĩa là từ trong bào thai mà ra, hình như con bọ nhỏ trong phân.

Chốc đầu tóc mọc thưa mà da đầu có vẩy trắng, rất lâu ngày không khỏi.

Cam chốc đầu: đầu chốc trọc trụi không mọc tóc, vì tinh hoa của tóc thiếu âm thận kinh thoát ra ở tóc, do cam và nhiệt khí thiếu kém, không thể làm cho tóc tốt. Có khi ở chân tay cũng bị chứng này, đó là lâu ngày tỳ hư, thấp độc cảm nhiễm vào.

3- Cách chữa

Phàm cách chữa các chứng lỗ loét, nếu đau ngứa không thể chịu được, hoặc người tính nóng, mặt đen mà huyết nhiệt, thì nên dùng thuốc vị đắng tính lạnh, như loại hoàng

(1) Lục dương: 3 kinh dương tay và 3 kinh dương chân.

cầm, hoàng liên, tri mẫu, hoàng bá, khổ sâm. Người thân thể béo mập thì nên trừ phong, làm ráp thấp và làm mát hòa là chủ yếu.

Nếu sau khi bệnh đã lâu, thấp bốc ra ngoài, thì chỉ nên bỏ cho thúc đẩy ra, nhất thiết đừng tắm gội, bôi đắp nhiều để làm ngăn trở, sẽ gây thấp độc công vào trong.

Các chứng lở, tuy thuộc tâm hỏa, nên dùng thuốc hàn lượng, nhưng nhiệt thì vận hành, hàn thì ngừng đọng, ngừng đọng thì độc trở lại trệ mà khó khỏi, cho nên không gì bằng cách làm cho bắp thịt khai thông, giả độc, điều hòa huyết, bổ âm, thì phong hỏa sẽ dập tắt mà ráo và ngứa cũng trừ hết. Và lại khí huyết đầy đủ thì các thứ độc không thể làm hại được.

Nếu sau khi các chứng đậu sởi khỏi rồi lại sinh ra lở, là độc còn lại chưa hết, cũng nên tiêu độc và điều hòa huyết.

Còn như trước khi lở phát chứng kinh và sau khi lở phát chứng kinh, đều là do chứng lở mà gây nên, đều nên chữa chứng lở mà chủ yếu. Tất cả những chứng thai độc, đều nên dùng thuốc mát huyết, mát nhiệt giải độc mà phát tán ra ngoài tuyệt đối đừng coi thường mà chỉ chữa ở ngoài da, để đến nổi nhiệt độc công vào trong, rồi đến không cứu được, vì tỷ vị trẻ con còn non, độc dễ vào mà khó ra. Nếu tính sắc chỗ lở khô cháy, da bụng xanh đen, có nốt lở mà không có nước mủ, hoặc khắp mình đều bị bốc lở phát ra ở gân hoặc ở bụng dưới, hoặc ở thóp mà sưng phù lên đều không chữa được.

4- Xử phương:

LIỆU ĐỘC THANG

(Chữa tất cả các chứng lở lâu ngày đau ngứa).

<i>Hồ ma (mè đen)</i>	<i>Kinh giới</i>
<i>Uy linh tiên</i>	<i>thạch xương bồ</i>
<i>Hà thủ ô</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Khổ sâm</i>	<i>Độc hoạt</i>
	<i>Cam thảo</i>
Các vị trên đều bằng nhau. Sắc với rượu mà uống.	

LIÊN KIỀU GIẢI ĐỘC THANG

(chữa các chứng lở, chân tay thấp thũng)

<i>Mẫu đơn bì</i>	<i>Mộc hoa</i>
<i>Ngưu tất</i>	<i>Kim ngân</i>
<i>Đào nhân</i>	<i>Cam thảo tiết</i>
<i>Liên kiều</i>	<i>Tắm vôi (cương tâm)</i>
<i>Thiên hoa phấn</i>	<i>Ý dĩ nhân</i>

Các vị đều nhau. Sắc mà uống

CÁC PHƯƠNG CHỮA BÊN NGOÀI:

- Chữa chứng ghẻ mủ.

Bình lang mài với dầu lái, gia thêm bột lưu hoàng mà đắp vào.

- Chữa chứng lở cảm ngứa.

Dại phong tử 49 bột

Hải phiêu tiêu 5 phân

Khô phân 3 đồng

Thủy ngân chế 2 đồng

Phiên mộc biết 3 -

Hùng hoàng 5 phân

(mã tiền)

Xuyên tiêu 3 -

Các vị trên, tán bột, dùng dầu hồ đào, giã lẫn làm viên, khi dùng nghiền ra.

Thủy ngân 2 đồng

Dại phong tử 4 đồng

Long não 3 -

Kinh phân 3 -

Khô phân 3 -

Dyên phân 3 -

Hùng hoàng 4 -

Đông đan ⁽¹⁾ 2 -

Dầu lai nấu chín, hoặc nếp sếp củ hòa với thuốc cho lan nhỏ ra mà bôi vào.

CHỮA TRÊN MẶT SINH LỖ

Hồ phân

Kinh phân

Tùng hương

Cùng tán bột, trứng gà nấu dầu hòa với thuốc bột mà bôi vào.

CHỮA CHỨNG CÀO CÀO ĂN TẠI

Hoàng liên

Khô phân

Cùng tán bột, hoặc hòa với dầu mà xức hoặc xác khô.

- **Một phương nữa:** chữa trên mặt, mang tai, thường thường ra nước vàng, thấm dầm không khô, gọi là hương-biện-sang:

Lông bôm dẻ dục

Kinh giới

đều 2 đồng

Can tảo (tảo khô, bỏ hạt)

Đều đốt tồn tính, nghiền bột, cho thêm vào 5 phân phấn mịn, mỗi lần dùng chút ít, hòa với dầu, trước hết lấy nước nóng rửa sạch, lau khô, rồi bôi lên.

CHỮA CHỐC ĐẦU

Đất lòng bếp (nung đỏ)

4 lạng

Bách khảo sương 1 lạng

Đơm phân

6 đồng

Kinh phân 1 đồng

Du bì (vỏ dâu da)

3 -

Cùng tán bột, trộn với mỡ heo, sau khi cạo đầu rồi, xức vào, rất hay.

CHỮA CHỨNG LỖ DO HUYẾT NHIỆT ĐỘC

Tùng hương (cho vào ống hành, hấp trên nồi cơm, đợi nguội bỏ hành dùng) 2 đồng

(1) *Đông đan*: Xét các sách tính được, từ điển đều không có vị đông đan, nghi là hoàng-dan.

<i>Phấn chì</i>	2 -
<i>Đông đan</i>	8 phân
<i>Khô phân</i>	1 đồng

Cùng nghiền bột rất nhỏ, trộn với dầu mè nấu chín, mà xức.

Các phương khác:

- Chữa chứng dịch phỏng rạ (thiên hành ban sang), phết chốc khắp mình, đều chứa nước trắng, đó là khí ác độc.

Lá rau qùi luộc chín, thêm tỏi, hẹ cùng ăn, khỏi ngay.

- Chữa chứng (đơn bông = thiên bào sang).

Dùng thông thánh tán và đất giun đùn (cứt trùn), sao qua, nghiền bột, hòa với mật, đắp vào chỗ đau rất hay.

- Dùng quả chuối hột giã lấy nước đắp vào.

- Dùng lúa tiều mạch sao cháy, tán bột, hòa với dầu trẩu sống đắp vào, rất hay.

- Chữa kẻ ngón chân lở loét, lấy da vàng chân ngỗng, đốt tồn tính, tán bột, xát vào.

- Chữa chứng chai chân mắt cá lấy chất đồ ăn còn thừa trong điều gà, lấy đá mà ép vào, có hiệu nghiệm ngay lập tức.

- Chữa chứng đau đầu trun (chín mé), dùng phân người và bột hùng hoàng cùng giã lẫn, đắp kín vào chỗ đau, khỏi ngay.

HẾT QUYỂN THÙY

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH

Quyển thứ 33

ẤU ẤN TU TRI/HỎA

(YÊU TRẺ NÊN BIẾT)

THƠ LẠC SINH THIÊN

*Trời kia hậu đãi loài người,
Lòng lành phú giữ, coi đời vui tươi.
Khi thái nghén, lúc sinh, nuôi,
Hóa sinh hình thể, tái bồi khuôn thiêng
Nếu mà trái lẽ thiên nhiên,
Khí tà xâm phạm, bệnh liền phát ngay.
Nay tôi có phép môn này,
Tài sơ học thiên, dám bày nổi riêng.
Thuận theo sinh ý tự nhiên.
Chứng thâm, bệnh chữa, giúp nên mọi phần.
Chỉ mong đời sống nhân dân,
Sống lâu, mạnh khỏe, gió xuân tài bồi.
"Lạc sinh" soạn thế mấy lời,
Hình dung tả chút cuộc đời "sống vui".*

LÊ HỮU TRÁC

Biệt hiệu HẢI THUẬN LÂN ÔNG

Soạn

I- TỔNG LUẬN

Tôi bẩm thụ ở lúc cha mẹ tuổi già, do khí thực thừa kế rất mỏng manh, bệnh tật phát ra luôn, nên mới bỏ nghề học mà tập làm thuốc. Tới lúc lớn, đường con cái cũng khó khăn, họa có nuôi được, cũng phần nhiều là nhờ thuốc thang, mới có thể nuôi khôn lớn được. Cho nên tôi đối với sự học thuốc, chỉ có một môn Nhi-khoa là khẩn thiết nhất. Lúc đầu gặp chứng bệnh này, chỉ khu khu chữa theo phép cổ không dám làm sai trái chút nào. Nhưng tôi nghĩ trẻ con chất non yếu, không khác gì hạt sương đầu ngọn gió, nếu có thực tà, cũng không nên quá công phạt. Đến sau, lịch duyệt kinh nghiệm đã lâu, thấy những người nghèo khó, dải gió dầm sương, khi họ mắc bệnh, dù có công phạt được, cũng chỉ 1, 2 phần trăm, tôi mới bỗng nhiên tỉnh ngộ lại: đời xưa đời nay không giống nhau, khí trời đất mỗi ngày một kém dần, thì người ta bẩm thụ cũng mỗi ngày một kém. Nếu chỉ bắt chước phương thuốc hàn lương khác phạt của người xưa, như các bài Phì-nhi-hoàn, Lô hội hoàn, là những phương thuốc tiêu hao, mà muốn đem lại để làm thân cho thân thể lành mạnh, thì không thể được. Sách nói: "trẻ con thuần dương vô âm". "Thuần dương" đây có nghĩa là khí "Thiếu dương" mới sinh. "Thiếu" là dương khí non yếu, không phải như "thuần" là hữu dư. "Vô âm" đây có nghĩa là "chân âm" (phần thân âm chất tạo hình), thiên-quỳ ⁽¹⁾ chưa đến, không phải là "âm huyết có hình". Cho nên phạm có cảm bệnh, để sinh sốt nóng, sốt dữ thì hại khí, sốt lâu thì hại huyết, một khi sốt là âm, dương đều tổn hại, tại sao người đời làm cho "thuần dương" là chất đầy đủ thịnh vượng, để chữa bệnh trẻ con là dùng thuốc hàn lương khác phạt. Ôi! một chút dương khí được bao nhiêu, mà âm khí chưa đầy đủ, lại làm hư hỏng nấy lộc được, chưa bao giờ có. Huống chi thể chất người ta, bẩm thụ ở tinh khí ngày một kém dần, nếu thể chất cha mẹ không đầy đủ, mà lại sinh được con khỏe mạnh, thì cũng hiếm có. Người nghèo khó cũng là người hư trong thực, người giàu sang lại là người hư trong hư. Thường thấy trẻ con ngày nay, mắc bệnh đậu do thận hư, có tới 60 - 70 phần trăm. Như thế thì chữa bệnh trẻ con mà không biết cứu căn bản, để chữa sống cho người, thì rất thiếu sót.

Dại khái, hỏa mạnh quá là do thủy không đầy đủ, tuyệt đối không nên phạt hỏa, mà phải làm cho thủy mạnh lên, để ức chế sức nóng của hỏa, thủy hỏa thăng bằng, dương gốc ở âm, âm gốc ở dương, nguyên khí phát sinh không bị hại, hỏa được yên chỗ, thì mọi chứng trạng đều yên cả.

II- BÀN VỀ NGUỒN GỐC HÓA SINH

Sách nói: "Người ta sinh ra, bẩm thụ theo hình thể âm dương, gồm đủ công dụng của ngũ hành, trong mọi thân người tượng trưng đủ cả mọi bầu trời, chín tạng ⁽¹⁾ tượng

(1) *Thiên quí*: Xem chú thích trang 192 tập III, về phụ đạo xán nhiên.

trưng chín châu ⁽²⁾, tinh cha huyết mẹ, kết hợp thành thai, âm không thắng dương thì thành trai, dương không thắng âm thì thành gái. Lúc thành thai, một tháng như giọt sương, 2 tháng nở như hoa đào, 3 tháng trai gái mới phân biệt (trai sườn và thận bên tả mọc trước, gái thì trái lại), 4 tháng hình thể đầy đủ, 5 tháng gân xương thành, 6 tháng lông tóc mọc, 7 tháng hồn xuất ra, có thể động tay trái, 8 tháng phách xuất ra, có thể động tai phải, và tạng phủ gồm đủ, 9 tháng 3 lần xoay chuyển mình, nhờ khí đồ ăn ở bụng mẹ vào dạ dày, 10 tháng hình hài đầy đủ, tinh thần hoàn bị mà sinh ra. Nhưng xét theo sự thực, tính gộp số tam tài ⁽³⁾, mỗi phần đều được số 9, cộng thành: $9 \times 3 = 27$. Người ta ứng với số ấy. Cho nên 270 ngày ⁽⁴⁾ thì sinh ra, trong đó có tính đôi một tháng, để cho đủ nghĩa thừa trừ, cho nên 8 ngày là thứ (240 ngày sinh) 7 tháng 7 ngày là thứ nửa (210 ngày sinh), cho nên đầy đủ số tháng mà sinh là khi huyết có thừa, 7, 8 tháng mà sinh là khí huyết bồi dưỡng không đủ.

Dại khái, người ta hể được số ngày thai sinh vào bậc trung là tốt, cho chên xem xét trẻ con bẩm thụ khỏe hay yếu để điều trị, thì trước hết nghiệm xem chỗ mô ác có thể đủ hết (bẩm thụ khỏe thì mô ác hẹp nhỏ, bẩm thụ yếu thì mô ác hờ rộng); sau nữa, xem cha mẹ đưa trẻ khỏe hay yếu, đưa trẻ sinh vào lúc cha mẹ tuổi trẻ hay tuổi già; thời trẻ đứng chậm, trông mắt đen, tóc mượt, răng như hạt lưu, tự có thể đoán biết được.

III- BÀN VỀ CƠ NĂNG HÓA SINH

Sách nói: "Mệnh môn ở giữa, hai thận ở hai bên tả, hữu, là thái cực trong thân thể người ta, là nguyên khí tiên thiên của toàn thân, động thì sinh khí dương tức là hóa tính thì sinh khí âm tức là thủy; thủy là tinh, lập lên hình thể của nguyên khí, hòa là thần, thì hành công dụng của nguyên khí. Cho nên mệnh môn gọi là "thần môn", là căn bản của nguyên khí, là chỗ dựa của tinh thần. Nói về mạch thì: bộ xích bên tả thuộc thận thủy (tức là âm), sinh ra can mộc ở bộ quan bên tả, can mộc sinh ra tâm hỏa ở bộ thốn bên tả; bộ ra xích bên hữu là mệnh môn (tức chân dương), sinh ra tỳ thổ ở bộ quan bên hữu, tỳ thổ sinh ra phế kim ở bộ thốn bên hữu. Từ dưới đi lên trên, là nguyên khí tiên thiên. Còn nguyên khí hậu thiên, thì hóa sinh thổ, thổ sinh kim, kim sinh thủy, thủy sinh mộc, từ trên đi xuống dưới. Nguyên khí tiên thiên, do vô hình mà xây dựng nên ngũ hành, nguyên khí hậu thiên, theo ngũ hành hữu hình, mà xoay vần khí dương vô hình của tiên thiên, âm dương giao hợp, sinh ra tính linh hoạt của hồn ⁽⁵⁾ phách ⁽⁶⁾ thần ⁽⁷⁾ chí ⁽⁸⁾, ý ⁽¹⁾, mới có đủ tình cảm về mừng, giận, lo, nghĩ, buồn, sợ, kính hãi. Vậy tinh thần của

(1) *Chín tạng*: 4 tạng tạng vật có hình là: Vị, đại-tràng, tiểu-tràng và bàng-quan. 5 tạng tạng thần là: tâm tạng thần, can tạng hồn, tỳ tạng ý, phế tạng phách, thận tạng chí.

(2) *Chín châu*: Trung-Quốc thời cổ chia ra chín châu, xem chú thích trang 74 tập 1.

(3) *Tam tài*: trời, đất và người.

(4) 270 ngày: tức là 9 tháng.

(5) *Hồn*: tinh thần người ta.

(6) *Phách*: một thứ tinh thần không trong sáng.

(7) *Thần*: Chủ tế các hiện tượng sự sống như thần thái, tri thức, vận động. nó có cơ sở vật chất do tinh tiên thiên mà ra. được tinh khí ăn uống hậu thiên dinh dưỡng mới có thể duy trì và phát huy công năng của nó đóng vai trò chủ yếu ở con người. Khi thần khí sung túc, thì thân thể cường tráng, cơ năng các tạng phủ thịnh vượng nhịp nhàng, khi thần khí tan tác thì các cơ năng hoạt động bình thường đều bị phá vỡ.

(8) *Chí*: Dễ ý chuyển chủ về sự vật gì.

trẻ con chưa hoàn toàn, thì phạm những loài vật quái lạ, những tiếng vang hình sắc khác thường, tuyệt đối không nên gần. Nếu phạm vào, thì sinh bệnh về tinh thần và tính chí, khó chữa.

IV- BÀN VỀ NGUYÊN NHÂN CƠ CHẾ CỦA BỆNH

Về khoa Nhi. người xưa chia đặt ra từng môn, từng mục, tên gọi và ý nghĩa rất phiền phức, há phải cầu kỳ, để làm rối loạn tâm chí người ta đâu, cốt để cho người học thuốc, xét được tận nguồn gốc, để sáng tỏ được ý nghĩa sâu sắc. Nhưng theo ý kiến của tôi, thì nguồn gốc đó, không ngoài tỳ với thận. Vì thận là căn bản của tiên thiên, mà tiên quý chưa vượng, thì thân thể còn là vô âm; tỳ là nguồn gốc hóa sinh của hậu thiên, ăn uống dễ tác hại, phần nhiều do không vận hóa được mà gây ra. Phạm người ta có bệnh, không do thận thì do tỳ, nếu có nguyên nhân bên ngoài, cũng chẳng qua chỉ là nguyên nhân sinh bệnh mà thôi. Cần biết rằng; chính khí không hư, thì tà khí không thể xâm phạm vào được. Trẻ con nhờ hơi cơm nước trong đồ bú, mới để bổ dưỡng nhưng cơm nước trong tỳ vị, cũng nhờ có âm dương vô hình của tiên thiên, mới có thể hóa sinh ra khí huyết hữu hình được. Trái lại, tỳ vị một khi bị tổn thương, hơi cơm nước không đủ, cũng lại càng không làm mạnh được thận thủy (chân âm), không bổ ích được mệnh môn hỏa (chân hỏa), lấy gì để cho huyết mạch được tiếp tục không ngừng. Rồi sinh ra (chân hỏa), lấy gì để cho huyết mạch được tiếp tục không ngừng. Rồi sinh ra các chứng, như: phát sốt kinh phong, cấp kinh, co giật, mặt trợn ngược, là do vô âm, thì thủy suy kém, tướng hỏa bốc lên, rồi sinh ra phong, vì can mộc chủ về gân, không được thận thủy tư dưỡng cho nên gân khô mà co rút lại. Các chứng phát kinh, thai kinh ⁽²⁾, thai gián ⁽³⁾, khóc thét là thận thủy tổn thương, mà tinh thần không tự chủ được. Chứng khốc không ra tiếng, mất tiếng, do phế tủy là chỗ phát ra thanh âm, thực ra vì "thận" của đứa trẻ bẩm thụ rất kém, nên mới có chứng trạng này. Các chứng hở mỗ ác, hủn mỗ ác, oặt xương cổ, nóng ẩm ở trong xương, đau ngực, gù lưng, răng mọc chậm, tóc mọc chậm, là do thận chủ xương tủy, mà thận thủy và mệnh-môn-hỏa không đầy đủ cho nên sinh bệnh, đó đều là chứng trạng thuộc về tiên thiên. Còn như: da dầy hư thì nôn mửa, tỳ hư thì đi tả, da dầy và tỳ đều hư, thì da thịt gầy mòn, vàng bủng, tỳ bị nhiệt uất thì sinh chứng lưỡi mọc chông (trùng thiệt), lưỡi sưng cứng (mộc thiệt); khí huyết không đầy đủ, vĩnh vệ không điều hòa, thì đứng chậm, đi chậm, và sinh chứng sưng gối hạc, 5 chứng mềm ⁽⁴⁾, 5 chứng cam ⁽⁵⁾, đều là chứng trạng thuộc về hậu thiên. Cho nên các bài Lục vị lá vị, Tứ quân, Tứ vật, Lý trung, Quy tỳ, chuyên dùng làm thuốc chữa bệnh nhi khoa rất hay.

(1) Ý: Trong tâm có tưởng nhớ cái gì.

(2) *Thai kinh*: trẻ con mới đẻ mà bị chứng kinh ngay.

(3) *Thai gián*: trẻ con sau khi đẻ được 100 ngày bị chứng động kinh (phòng xú).

(4) *5 chứng mềm*: Dầu mềm, gầy mềm, chân tay mềm, da thịt mềm, miêng mềm.

(5) *5 chứng cam*: Tâm cam, tỳ cam, can cam, phế cam, thận cam.

V- Ý NGHĨA CHÂN CHÍNH VỀ TRIỆU

Phạm các bệnh trẻ con, do từ vô âm mà để phát chứng sốt, sốt thì tinh thần hôn mê, mà kinh hải kêu khóc; sốt thì hại âm, huyết khô, gân co rút như các chứng thai kinh, thai giản, thai phong⁽¹⁾, phong lỗ rốn, thiên diêu⁽²⁾, chàm vĩa, kinh phong⁽³⁾, cấp kinh phong⁽⁴⁾, mạn kinh phong⁽⁵⁾ và mạn tỳ phong⁽⁶⁾, các tên bệnh trên đây, về chứng trạng của nó, không chứng nào là không kinh hải co quắp. Đến khi dùng thuốc thì toàn dùng các loại ngô công, toàn yết, long não, xạ hương, ngư hoàng, tô hợp, nam tinh, xuyên khung, bạch phụ tử, kinh phấn, ba đậu sương đại hoàng và phác tiêu v.v... vì xác nhận rằng chứng trạng đầu lắc, mắt quáng, là triệu chứng bệnh phong rồi quả quyết cho các phương pháp khu phong tiêu đờm, giáng hỏa là cái cần dùng cho đối chứng. Nhưng than ôi! đem đứa trẻ mới sinh, mà cho uống thứ thuốc tổn thương sinh mệnh, sao mà thâm hại thế! Nếu có người bàn dùng thuốc bổ thì lại nói: tỳ thổ là chỗ nuôi sống mọi vật, rồi cho các vị nhân sâm, phục linh, bạch truật, cam thảo là thứ thuốc ổn định của nhi khoa và coi như của báu hàng tháng. Áo không biết: phục linh thẩm thấu, bạch truật ráo khô, làm cho ráo huyết hại âm, chất dịch của ngũ tạng khô kiệt gây thành bệnh cam, bệnh lao. Nếu có biết coi trọng ở âm, thì cách chế phương điều thuốc, cũng không ngoài phần khí huyết hữu hình về hậu thiên, mà hoàn toàn không nhìn nhận gì đến chỗ căn bản của tính mệnh, nên không biết chỗ chân âm chân dương là cái gì. Có người nói: "trẻ con không có phép bổ thận". Nào có biết các tạng khác có hư có thực, mà tạng thận thì có hư không có thực. Hưởng chỉ trẻ con âm khí chưa thành, tức là lúc ấy thận hư, hoặc do cha mẹ tình dục nhiều, hoặc gặp lúc cha mẹ tuổi già yếu kém, hoặc do cha mẹ hiếm con, nhờ bồi bổ rồi sau mới sinh được đứa trẻ đó, vốn bẩm thụ đã suy kém, lại càng là một trạng thái thận hư Âm khí không đầy đủ mà không biết bổ thêm vào, thì âm kiệt mà một mình dương (cô dương) cũng sẽ bị tuyệt hết, sao lại bảo là không có lý bổ thận! Cho nên phạm trẻ con bẩm thụ tiên thiên bất túc thì khi có bệnh phải chú trọng ở tiên thiên, lại càng nên phân biệt sắc mặt, mạch lạc, hình thể và chứng trạng, do đó những phương thuốc làm mạnh thủy, bổ thêm hỏa, quả thực là phương rất quý báu để chữa bệnh, phòng bệnh, và là tể thuốc rất hay về Nhi khoa.

VI- TRIỆU CHỨNG RÕ RỆT VỀ ÂM HƯ

Chân âm vô hình về tiên thiên, bẩm thụ ở khí căn bản của thận tinh mà tàng sâu trong khiếu đen ở thận bên tả à vận chuyển lạng lẽ trong tinh thần. Phạm thấy trẻ con tinh thần hay hôn mê, đêm ngủ không yên, dễ kinh hải, lo sợ chói mắt, sợ ánh sáng mặt trời, ưa yên tĩnh, sợ náo động, đó đều do cha mẹ tình dục nhiều, thận khí vốn đã tổn

(1) *Thai phong*: Trẻ con sau khi đẻ ra bị chứng phong.

(2) *Thiên diêu*: Chứng kinh phong đầu, mắt trông ngửa lên.

(3) *Kinh phong*: Trẻ con bị chứng phong kinh hải hoàng hốt.

(4) *Cấp kinh phong*: Trẻ con bị chứng phong nghiêng rặng, co quắp, uốn ván.

(5) *Mạn kinh phong*: Chứng phong hôn mê, giá lạnh, ỉa lỏng sống phần.

(6) *Mạn tỳ phong*: Chứng phong đầu ngoẹo, mắt nhắm, cắn khẩu, tay chân lạnh.

thương, hoặc nhân lúc giao cảm bên ngoài, bỗng tổn thương đến thất tinh mà hao tổn chân âm, cách chữa nên bổ mạnh vào chân âm, thì hỏa tự phải giáng xuống, chỉ nên dùng Lc vị hoàn gia giảm, rất kiên nhẫn sâm, bạch truật, hoàng kỳ, vì những vị ngọt lạnh, có thể bổ chân âm của ngũ tạng, những vị ngọt ôn, có thể bổ dương khí của ngũ tạng. Và lại cứu dương hỏa dễ, mà cầu âm thủy thì khó, cho nên thận thủ là phần âm tiên thiên mà không đầy đủ, cần phải có công trình bồi bổ hàng tháng hàng năm thì mới khỏi được.

VII- NGUỒN GỐC BỆNH TỖ THẬN

Phàm nguồn gốc các bệnh của trẻ con, phần nhiều do tỳ vị non yếu, vị không thu nạp được, tỳ không vận chuyển được, thì tân dịch ngừng lại sinh ra đờm, khí bị uất sinh ra hỏa, đờm và hỏa kết tụ lại, thì phát sinh ra nhiều bệnh, như hại vị thì nôn mửa, hại tỳ thì đi tả, bệnh lâu không khỏi thì tất thành chứng mạn kinh, hoặc kiệt hết dịch mà sinh ra các chứng cam lao ⁽¹⁾, trong dạ dày kết nhiệt thì sinh ra chứng nga khẩu sang ⁽²⁾, kinh mạch tỳ có thực hỏa thì sinh chứng lưỡi chùng (trùng thiệt), lưỡi cứng (mộc thiệt), đồ ăn tích lại thì sinh chứng ỉa, đờm đọng ở chỗ hoành cách mỗ, thì sinh ra chứng sốt rét, đờm và hỏa cùng nổi lên, thì sinh ra chứng cấp kinh, hoặc sinh chứng đau họng đờm voi hỏa kết đọng lại, thì sinh chứng động kinh (giản) và chứng phong co gân (điếu) hoặc là chứng suyễn, chứng ho, hỏa đi ở bên ngoài thì sinh chứng toàn thân nổi đơn độc, hỏa động ở bên trong, thì sinh chứng ngủ mê hay giật mình, hỏa lấn vào tâm, thì sinh chứng thai kinh, khóc đêm, hỏa tích ở trung tiêu thì sinh chứng nóng âm ỉ trong xương, hỏa và đờm ấy đều do ở tỳ vị hư yếu mà sinh ra, nếu tỳ vị vững mạnh, thì việc vận chuyển thu nạp thừa sức đâu có bị đờm và hỏa làm hại nữa? Cho nên người phụ trách nhi khoa, không thể nào không chú trọng đến tỳ vị được. Nhưng đối với bệnh nhẹ bệnh ngắn ngày, càng phải coi trọng ở chân dương, chân âm trong thận: chân âm vượng thì thủy thăng, hỏa giáng, chứng nóng dữ dội, không thể nào bốc lên được, chân dương sinh thì dương mạnh không ngừng, đờm đục ở phần âm không thể kết đọng được. Tuyệt đối không nên chỉ chú trọng ở tỳ mà quên "thận", cái công dụng sinh thành thận và nuôi dưỡng tỳ, nên phải toàn vẹn cả hai.

VIII- DÙNG THUỐC, XỬ PHƯƠNG

Sách nói: "Chữa 10 người già, không khó bằng chữa một trẻ con". Ý nói là trẻ con đau khổ, không thể nói với người khác bệnh tình sâu hay nông do đó khó xét được, cho nên người xưa phân biệt chứng trạng chia riêng danh mục, đặt ra cách chữa, chuyên về một môn hơn 70 điều, dùng thuốc lập phương, cũng tới hàng nghìn, đó đều là việc nhân từ tế độ, khổ tâm tới việc cứu đời, còn gì bằng nữa. Kinh nói: "Biết đâu cốt yếu, thì chỉ một lời là đủ hết". Tôi suy nghĩ càng sâu, lĩnh hội được càng nhiều, bỏ điều rườm rà, đem

(1) Cam lao: lao do ở cam sinh ra.

(2) Nga khẩu sang: miệng mọc mụn trắng vòng quanh.

lại chân lý, cầu cho biết được điều cốt yếu, bỗng như trong giấc mơ tỉnh dậy, mới biết các chứng bệnh của trẻ con, cốt yếu không ngoài tỳ thận, tuy nghìn ngành, muôn ngả, nhưng nguồn gốc thì có một mà thôi. Thực thì tả, hư thì bổ, trệ làm cho vận hành, tán thì thu liễm lại, uất thì phát tiết ra, hoạt thì cố sáp lại, đó là lẽ thường trong việc trị liệu. Nhưng trẻ con phải sốt là vô âm, kinh hải là huyết hao tổn, co quắp là thủy suy kém, tỳ hư thì nhiều đờm, bên trong hàn thì thổ tả, không vận hóa thì trưởng trệ. Nếu có ngoại cảm hay nội nhân cũng do tà đờm thấy tỳ và thận không có năng lực gì, cho nên chúng dám lấn vào mà gây tai hại. Tôi quyết ý cầu cho được thành công, soạn chế thành 4 phương thuốc, nhan đề là:

- 1- "*Tiếp tục vô âm*", để làm mạnh phần thận thủy của tiên-thiên.
- 2- "*Tu bồi trí dương*", để bổ thêm phần hỏa bình thường của tiên thiên.
- 3- "*Vinh dương tâm can*", để tưới nhuận phần âm huyết của hậu-thiên.
- 4- "*Điều bổ tỳ phế*", để giúp đỡ dương khí của hậu-thiên.

Bốn phương trên đây, dùng để chữa mọi bệnh thông thường của trẻ con, lại theo loại mà suy rộng ra, theo nguyên nhân bệnh mà thêm hoặc bớt, dùng mười thang có thể khỏi được trăm bệnh, dùng trăm thang có thể khỏi được vạn bệnh, không khác gì đạo quân chính nghĩa, đánh đâu thắng đấy.

IX- TIẾP TỤC VÔ ÂM PHƯƠNG

(Tục Lục vị địa hoàng thang gia giảm)

Thực địa: 2 đồng, âm hư, khô ráo gia tới 3, 4, đồng.

Sơn dược: 1 đồng rưỡi, hấp trên nồi cơm, sấy 2 lần, sao 3 lần, vàng sẫm là được.

Phục linh: 8 phân, có chứng miệng khô và khát, thì tẩm sữa, thượng tiêu nóng thì 1 đồng.

Sơn thù: 1 đồng, hay khốc, mặt đỏ, dùng 5 phân, chưng với rượu, sao.

Mấu đơn vị: 1 đồng, tẩm rượu sao, vị khí yếu, giảm một nửa, nếu yếu quá thì bỏ đi.

Trạch tả: 5 phân, tẩm muối và rượu, sao, âm nhiệt lắm thì dùng 1 đồng, không khát, đi đại luôn, thì bỏ đi.

Mạch môn: 1 đồng, trộn với gạo lâu năm, sao vàng phồng lên, dĩa dày mạnh thì dùng sống.

Ngũ vị: 3 phân, phế khí suy, đập nhỏ tẩm mật nướng vàng, để nhuận phế muốn thu nạp chậm thì nghiền qua.

Chữa hết thấy các bệnh nóng bệnh mới cảm của trẻ con, không nơi nào là không thích hợp, thực là phương thuốc rất hay về nhi khoa, dùng để bổ mạnh vào chân âm, hể thủy mạnh thì hỏa đẹp xuống, âm tư nhuận thì hỏa tự phải giáng xuống, hỏa không hao tổn thì nguyên khí không bị tổn thương, hỏa yên vị trí của nó, thì mọi chứng trạng đều yên cả.

GIÀ GIÀM
(Cộng 17 điều)

Chứng đơn nhiệt ⁽¹⁾, nhiệt lâu ngày, hình sắc xạm khô, thịt hao mòn, tinh thần hôn mê, là triệu chứng vong âm ⁽²⁾ rõ rệt, thì gia gấp bội thực địa, bỏ trạch tả, gia thêm ngưư tất, cao ban long, hòa lẫn mà uống.

Nóng hầm hấp, hoặc nóng về ban đêm, hoặc nóng về buổi chiều, cho gấp bội thực địa, gia ngưư tất để liễm phần âm hàn, có mồ hôi, bỏ trạch tả, không mồ hôi, gia gấp bội mẩu đơn, hoặc gia sài hồ để phát hãn.

Mình nóng ngoài sợ lạnh là đúng chứng biểu. (Có chứng âm hư cũng sợ lạnh) nếu không có mồ hôi, thì gia sài-hồ, để bình can phong, gia quế-chi để tán hàn uất và phát mồ hôi.

Chứng đơn độc ⁽³⁾ nóng dữ mà tình hình bệnh không thể dùng thuốc hàn lương được, thì cho bội thực địa, gia huyền-sâm để phạt tà hỏa, gia kim-ngân-hoa để tiêu nhiệt độc.

Chứng thai nhiệt đã lâu ngày, hình thể gầy yếu, gia cao Ban-long để bổ tinh huyết, gia Nhân-sâm (sắc riêng, hòa lẫn màu ống) để bổ mệnh-môn hỏa nguyên dương trong dạ dày, bội sơn-được để cứu tỳ, bỏ bớt trạch-tả, vì sợ hại huyết.

Đa nóng dữ sờ bỏng tay, hơi thở ngắn, tinh thần mệt mỏi, bội nhục địa để bổ chân âm; tân dịch khô phát ban, gia cao ban long để bổ thận tinh, gia nhân sâm (sắc riêng, hòa lẫn màu ống) để bổ mệnh-môn hỏa nguyên dương trong dạ dày, bội sơn-được để cứu tỳ, bỏ bớt trạch-tả, vì sợ hại huyết.

Đa nóng dữ sờ bỏng tay, hơi thở ngắn, tinh thần mệt mỏi, bội thực địa để bổ chân âm; tân dịch khô phát ban, gai sao ban long để bổ thận tinh, gia nhân sâm (sắc riêng, hòa lẫn màu ống) để nâng đỡ nguyên khí.

Nóng lắm hại huyết, tâm không có huyết nuôi thì tinh thần không yên chỗ mà phát chứng kinh, nhiệt quá hại âm, thì thủy (thân) không nuôi mộc (can) mà gân căng thẳng phát chứng co, thì bỏ trạch tả (hại âm), bội thực địa để bổ thủy, gia cao ban long để bổ mạnh vào thận tinh, khiến cho nó bồi bổ lên trên để yên thần, gia dương quy để hòa can huyết, gia bạch thược để liễm can âm, gia tần giao, câu đằng để thư dẫn cân lạc, để trừ chứng phong ở bên trong (do huyết sinh ra). Nhưng không có dương thì không vận hóa mà khí ùng trệ, gia mộc-hương hấp cơm để đạo dẫn, khí vận hành thì đờm tiêu, tự nhiên không có giật nữa (phàm trẻ con bị các chứng cấp kinh phong, thai phong, động kinh mà phát có quắp, thì không chứng nào là không do tướng hỏa bị nhiệt làm hại âm, tổn huyết mà sinh ra).

Đêm ngủ mà khóc thét là do âm hư, tướng hỏa bốc lên, và do kinh hải mà mắc bệnh, cũng đều vì phần âm của tâm, thận bị hư, nên cho bội thực địa, bỏ trạch tả, gia ngưư tất, để giáng âm hỏa.

Chứng nóng hầm trong xương mà người héo vàng, bắp thịt gầy, bụng nóng, đó là

(1) Đơn nhiệt: chứng nhiệt đơn thuần không lúc nào mát.

(2) Vong âm: mồ hôi ra nhiều, hại âm dịch, khát nước, thích uống nước lạnh.

(3) Đơn độc: mình nóng da nổi nốt đỏ như son.

tỳ âm thân âm bị hư, nên cho bội dụng sơn-dược, phục linh, để làm mạnh tỳ và thẩm thấp.

Biến chứng ⁽¹⁾ mà sốt không lui, đó là chân âm hư quá lắm, thì cho bội thực địa, gia ngư tất, đồ trọng, lộc nhung, câu kỷ, bổ mạnh vào tỳ, huyết, để sinh gân xương.

Nhiều mồ hôi mà mình nóng là do hỏa đốt làm cho âm hư, âm hư không thể giữ được mồ hôi, thì cho: bội thực địa để bổ thủy, và mấu đơn để làm mát lõi hỏa (tức thận hỏa), gia thêm ban long để bổ tỳ huyết.

Dái ra nước trắng, là do thấp mạnh mà mác phải, nếu thấy nóng lắm, thì cho bội nhục địa, gia thêm ngư tất để dẫn hỏa hạ giáng, cho gấp bội phục linh, trạch tả để thấp tà thẩm tiết ra.

Chứng thai-hoàng ⁽²⁾ khắp mình đều vàng, nóng dữ, bí đại tiện, nước tiểu vàng có thể nhuộm được, thì cho bội dụng phục linh, trạch tả để thẩm thấp, và ngư tất để giáng chất đục bấn gia hoàng bá, thương truật, để chữa thấp, gia nhân trần để thoái hoàng.

Hồ lâu không ngừng, là kim (phế), thủy (thận) bị thương, cho bội phục linh để tiêu đờm, và mạch môn, ngũ vị để bảo vệ phế, ngư tất để giáng chất lạnh, đục, hàn lâm thì gia nhục-quế để tán hàn ra.

Cuống họng do hỏa mà sinh đau, thì dùng Lục vị bội thực địa, gia ngư tất, do hỏa hư sinh đau, thì dùng bát bị ngư tất, đồ trọng.

Thổ huyết, đổ máu cam, không chứng nào không do hỏa: như hư hỏa, thực thì cho bội thực địa, ngư gia tất; thể hỏa bốc lên găng quá, thì gia tri mẫu, hoàng bá để nén xuống, hư và mệt mệt quá, thì gai ban long.

Dại tiện ra máu lâu không khỏi, thì chân âm tất tổn thương, và sự bế tàng càng trở nài, phải gia thăng ma (tẩm rượu, sao), để nâng lên, và gia phá cố (tẩm muối sao), để giữ kín lại.

X- TƯ BỒI TRÍ DUƠNG PHƯƠNG

(Tức là bát-vị-địa-hoàng thang gia giảm)

<i>Thực địa</i>	2 đồng	<i>Ngư tất</i>	1 đồng
<i>Sơn dược</i>	1 -	<i>Đồ trọng</i> (dùng sống)	1 -
<i>Sơn thù</i>	1 -	<i>Dại phụ tử</i>	3 phân
<i>Mấu đơn</i>	7 phân	<i>Nhục quế</i> (bỏ vỏ)	2 -
<i>Phục linh</i>	1 đồng	<i>Trạch tả</i>	7 -
<i>Ngũ vị</i>	5 phân		

Chữa các chứng trẻ con ngoài giả nhiệt mà trung thực hàn, cùng với các chứng lâu ngày, bệnh nặng và mệnh môn hỏa rất hư, thì bổ mạnh vào mệnh môn hỏa, lại kiêm tư bổ phần âm, để làm cho đầy đủ nguồn tỳ huyết. Trẻ con tiên thiên bẩm thụ yếu đuối,

(1) *Biến chứng*: biến là biến đổi tình chí, chứng là nung nấu huyết mạch, là một chứng bệnh của trẻ con thường có khi phát thì mình nóng dữ, khi khỏi lại tỉnh táo như thường.

(2) *Thai hoàng*: trẻ con mới đẻ ra, khắp mình bị vàng như vàng thau.

thì phương thuốc này thực là phương thuốc rất hay giữ cho trẻ con được mạnh khỏe sống lâu.

GIA GIÀM
(Công 22 điều)

Mỏ ác hở to, là tiên thiên rất hư, khớp xương đầu hở, là chứng trạng rất nguy, thì bỏ mẩu đơn, trạch tả, gia câu kỷ lộc nhung, hoặc làm thuốc hoàn uống mãi cho đến có kết quả.

Mỏ ác lõm xuống là do tinh huyết bẩm thụ không đầy đủ, hoặc do chứng thổ tả mà hư quá, cái cốt yếu là dùng bồi bổ đầy đủ xương tủy, thì bội dùng thực địa, bỏ mẩu đơn, gia lộc nhung, thăng ma (tầm rươi, sao).

Oạt xương cổ, là do can thận hư, gân xương không có tác dụng, thì dùng bội thực địa, sơn thù, gia lộc nhung, bỏ mẩu đơn, trạch tả.

Năm chứng mềm (đỉnh đầu; tay, chân; miệng; thân thể; da thịt đều mềm), do đứa trẻ bẩm thụ vào lúc cha mẹ tinh hao huyết kém, cho nên gân xương, cơ thể bị mềm yếu, nên có bội thực địa, bỏ mẩu đơn, giảm bớt trạch tả, gia lộc nhung, câu kỷ tiếp tục cho uống, hàng tháng hàng năm để bồi bổ vào.

Chậm mọc răng là do thận hư, xương tủy thiếu mà không mọc được, nên bội thực địa, bỏ mẩu đơn, trạch tả, gia lộc nhung, bội nhục quế.

Tóc mọc chậm, ty nói là huyết hư, nhưng thực thì gốc ở kinh túc thiếu âm, mà tinh ba phát ra ở tóc, gia ban long.

Nổi chậm, là vì thanh âm gốc ở thận thì bỏ trạch tả, phụ tử, bội thực địa, gia ban long, củ khỉ, để bổ phế, và thận.

Đứng chậm, đi chậm, nên trách ở gân, xương, mà bổ vào gan, thận, cho bội thực địa, bỏ trạch tả, gia lộc nhung, câu kỷ, tục đoạn, vì tục đoạn có thể làm vững chắc gân xương.

Bệnh dò ngực tuy gốc ở phế khí, nhưng thu nạp khí để tàng trữ vào nguồn, lại do thận thì gia mạch môn, lộc nhung, câu kỷ để bổ vào thu liễm lại.

Bệnh gù lưng thì lưng là du huyết của thận, tuy có nguyên nhân của nó, nhưng cũng trách ở thận, bỏ trạch tả, bồi sơn thù, gia lộc nhung, câu kỷ.

Kêu khóc không ra tiếng, phát ra tiếng ừ ừ ạch ạch, hơi thở thoi thóp, là triệu chứng xấu lắm, cho bội thực địa, bỏ trạch tả, gia mạch môn, ban long.

Kêu khóc không có nước mắt, là tân dịch khô kiệt, cũng không phải triệu chứng tốt, thì bội thực địa, gia mạch môn, câu kỷ, ban long, lộc nhung.

Các chứng thai kinh, thai gián, thai phong, tuy chứng trạng có phân biệt, mà nguồn gốc thì cũng như nhau; chứng trạng thấy mình mát, hoặc ấm, mà phát nóng, thì bỏ trạch tả, gia ban long, tần giao, mộc qua.

Chứng Mạn-tỳ-phong hoặc mình mát, mình ấm, nhưng hai mắt không mở, tiếng nói thâm nhỏ, đó là tý truyền sang thận, là chứng hư quá, phải cho bội sơn dược, giảm bớt trạch tả, gia mộc hương.

Bệnh hen suyễn, không bệnh nào là không do khí hư, không có sức trở về nguồn gốc, thì gia mạch môn, cho bội ngũ vị, ngưư tất, đều thu liễm lại.

Bệnh ở tai, do hỏa bốc lên mà sinh đau chảy mủ, thì cho hội thực địa, gia ban long, nếu hỏa mạnh quá, thì gia huyền sâm (nấu với rượu) để tạm cho tiêu đi.

Bệnh ở răng mà không liên can gì đến vị hỏa, thì cho bội thực địa, gia mạch môn, lộc nhung.

Bệnh ly lâu ngày không khỏi, thì nên trách ở thận, để giúp việc bế tàng, nên cho bội sơn dược, bỏ ngưư tất, gia phá cố chỉ, (tắm gừng và muối, sao).

Sau khi bệnh khỏi bị mất tiếng đó là thận yếu, nên cho bội thực địa, gia mạch môn, ban long.

Năm bệnh cam, cam tức là "can" (khô) và chứng tinh, huyết suy tổn, chứng này có nhiệt, cũng chỉ là chứng giả nhiệt, nên cho bội thực địa, bỏ trạch tả, gia mạch môn, cây kỳ, lộc nhung; bên trong nóng lắm, thì cho bội mấu đơn, gia thêm ban long.

Các chứng tích lâu ngày, dùng thuốc chữa tỳ không công hiệu, thì cho bội ngưư tất, ngũ vị, sơn dược, phục linh, gia thêm trầm hương. Đó là cách "thêm củi đốt đáy nồi" để giúp đỡ sức vận hành.

Chứng đầy tức do ở khí hư không trở về nguồn gốc, thì cho bội ngũ-vị, ngưư-tất, nhục-quế, để dẫn khí.

XI- VINH DƯỠNG TÂM CAN PHƯƠNG

(Túc Tú-vật thang gia giảm)

<i>Thực địa</i> (tắm rượu một đêm)	2 đồng
<i>Dương quy</i> (rửa rượu)	1 đồng
<i>Bạch thuộc</i> (rửa rượu, sấy khô)	8 đồng
<i>Sa sâm</i> (rửa rượu)	1 đồng
<i>Can khương</i> (sao đen)	3 phân
<i>Gia thêm bác đên</i>	10 sợi sắc mà uống.

Chữa các chứng trẻ con bỗng nhiên nóng dữ (là tà nhiệt mới xâm vào) nóng vừa, vì nóng thì hại huyết, phải bồi dưỡng tâm là nơi thông huyết và can là nơi tàng huyết, để cứu lại âm huyết của hậu thiên.

GIÀ GIẢM

(Cộng 13 điều)

Cầm mao phát nóng dữ, cho bội xuyên khung, gia tử tô, phòng phong, để hòa huyết cho phát mồ hôi.

Nếu mồ hôi chưa giải được, thì gia hành trắng, bỏ can khương, gia gừng sống.

Chứng thai độc uất nóng, khắp mình lở nhọt, thì cho bội dương quy, sinh địa, gia phòng

phong, kinh giới, huyền sâm, thăng ma; nước mù dầm địa, thì gia bạch chỉ.

Chứng thai nhiệt ⁽¹⁾ mình đỏ như bôi son thì cho bội sinh địa, gia hoàng cầm, hoàng bá và huyền sâm.

Mồ hôi nhiều, mình nóng, cho bội sinh địa, gia phòng phong, hoàng kỳ (tẩm mật, nướng), hoàng bá (tẩm nước tiểu trẻ con, nếu âm hư không ngừng thì sao đen), và gia ban long, ngũ vị.

Mồ ác sưng, cho bội đương quy, bạch thược, gia thiên ma, phòng phong.

Bệnh co cứng, cho bội sinh địa, đương quy, gia tần giao, cân đằng, thiên ma, nhục quế; nếu không khỏi, thì dùng Lục vị gia mộc hương, nhục quế.

Hàn à hại vinh, phát sốt sợ lạnh, không mồ hôi, gia khương hoạt, tía tô, quế chi.

Chứng biến chứng mà nóng không giải được, là thuộc về âm hư, nên bội sinh địa, gia nhân sâm, tể tân; có kèm phong hàn, thì gia phòng phong, khương hoạt.

Nấm chứng ngành ⁽³⁾, thì cho bội dương quy, sinh địa, sa sâm, gia đan sâm, quế chi (mình ấm hồ môi nhiều, mới nên dùng, nếu mình mát, thì dùng tứ quân).

Chứng đơn độc đỏ sưng chảy chỗ này chỗ khác, thì cho bội sinh địa, bỏ bạch thược, gia hoàng liên, huyền sâm, thăng ma, hồng hoa, thêm chút ít bỏ hoàng (sao đen).

Chứng thổ huyết cho bội sinh địa, bạch thược (dùng sống), bỏ xuyên khung, gia huyền hồ, hoàng bá, ngư tấ, huyết không chỉ thì kíp dùng Lục vị gia ngư tấ và ngũ vị.

Đổ máu cam, thì cho bội sinh địa, bạch thược, gia mạch môn, ngư tấ; không khỏi thì dùng Lục vị gia ngư tấ, ngũ vị.

XII- ĐIỀU BỔ TỖ PHẾ PHƯƠNG

(Tức là Tử quân tử thang gia giảm)

<i>Nhân sâm:</i>	2 đồng, hóa thịnh thì 1 đồng.
<i>Bạch truật:</i>	3 đồng, thấm thấp, so với đất, tỳ yếu sao vàng, âm hư, tẩm rửa, sao.
<i>Phục linh:</i>	1 đồng rưỡi, tẩm sữa.
<i>Chích thảo:</i>	8 phần, của dạ dày khô, tẩm mật nướng.
<i>Thục địa:</i>	1 đồng, nướng cho thơm, hòa tỳ âm, kiêm chế bớt tính ráo của bạch truật.
<i>Liên tử:</i>	1 đồng, bỏ vỏ, bỏ ruột, sao thơm.

Giã gừng nướng 3 bát, đại táo 2 quả, sắc với nước uống.

Chữa chứng tỳ hư thấp trệ, không thể vận hóa được, vị hư không thể thu nạp được, và phần dương của vị hư mà vệ khí kèm thiếu, phần âm của tỳ hư mà vinh khí hao tổn, biến sinh các bệnh, đó là điều bổ tạng tỳ chuyển xấu làm tốt, để bổ nguyên khí ⁽¹⁾ của hậu thiên và bồi thêm nguồn gốc sinh hóa.

(1) *Thai nhiệt*: trẻ con mới đẻ, khắp mình nóng đỏ, tinh thần mê mết.

(2) *Kinh vệ*: bệnh thân thể và cổ gáy cứng thẳng, co rút.

(3) *Nặng*: chứng bệnh thịt và lòng bàn chân bàn tay cứng rắn.

GIA GIÀM
(Cộng 14 điều)

Nón mưa, cho bột trạch truat, gia thêm trần bì và nước gừng.

Ỉa lỏng, cho bội phục linh, kèm cảm năng gia biển đậu; do thường thực, gia sa nhân, hậu phác, thấp nhiều gia trư linh, trạch tả; ỉa chảy nhiều, gia kha tử đậu khấu; đi chảy lâu không cầm được kíp dùng bát vị hoàng gia thêm phá cố, để cùng cố vị khí.

Trên thổ dưới tả nổi tiếp nhau phát ra, thì cho bội bạch trật, phục linh, gia gừng nướng, ngũ vị; chân tay lạnh gia phụ tử; đi tả lắm thì gia kha tử, đậu thấu; nôn mưa lắm, gia đình hương, nước gừng; kèm thường thực thì gia sa nhân, hoắc hương, hậu phác; kèm ngoại cảm, thì gia hoắc hương tử tô; nếu mãi không chỉ, mình ấm mạch hồng, thì kíp dùng bát-vị, gia ngũ vị, phá-cố, để kíp cứu âm dương.

Mạn tý phong thì mình mát, phần nhiều do sau khi đi tả, tý vị rất hư, nếu có nhiệt, cũng chỉ là giả nhiệt, tuyệt đối không nên uống thuốc mát, nếu thấy có đờm, và co quắp, không có thể coi thường mà cho uống thuốc phong, đờm, nên cho bội nhân sâm, bạch truật gừng nướng, mộc hương hấp cơm mài mà uống; nếu 4 chân tay dần dần quyết lạnh, thì gia phụ tử, đình hương. Sau khi khỏi, gia thực địa nướng thơm, để bảo vệ tý âm. Nếu tinh thần còn yếu, thì dùng Bát vị hoàn, gia lộc nhung, bỏ mẫu đơn, trạch tả.

Chứng thai hàn ⁽²⁾ bụng đau, bụng sôi, đi tướt xanh, hoặc đi lỵ toàn đờm mũi, mỗi lúc dần dần phát co quắp, thì cho bội bạch truật, gia đình hương, nhục đậu khấu, sơn dược (sao vàng sẫm). Sa khi khỏi, nên dùng Bát vị hoàn, gia thổ tư tử, để bổ thêm.

Chứng thai gầy, hình mát, thịt nhão, kêu khóc không ngừng, đi tướt xanh, cho bội nhân sâm, bạch trật, bỏ phục linh gia thực địa nướng thơm, đại táo gừng nướng. Sau khi khỏi, nên dùng Bát vị hoàn, bỏ mẫu đơn, trạch tả, gia lộc nhung, để bồi bổ.

Năm chứng mềm là chứng trạng không có dương, cho bội nhân sâm, bạch truật, gia đình hương, nhục quế, dương quy, nướng lấm gia phụ tử, can khương sao đen. Sau khi khỏi, dùng bát vị hoàn, gia ngư tấ, đồ trọng, lộc nhung, để bồi bổ thêm.

Mồ hôi nhiều, mình mát, vệ khí không cùng cố, cho bội nhân sâm, gia hoàng kỳ nướng mật, nếu chưa khỏi, thì sắc nước phòng phong tẩm hoàng kỳ rồi sao lên mà dùng.

Môi miệng bị bệnh hỏa hư thì giảm nhân sâm, gia chi tử, thăng ma (tẩm rượu, sao).

Cảm phong phát nóng, nên giảm bạch truật, hoặc dùng bạch truật sống, mà già phòng phong, tể tân; không có mồ hôi, già gừng sống, hành trắng để phát mồ hôi. Nếu nhiệt mạnh, gia thực địa nướng khô, để điều hòa.

Các chứng uốn ván rồn, phong chúm miệng, nguyên do mắc phải phong thấp, chứng trạng của nó cũng kinh hải co rút, cho bội phục linh, bạch truật, gia quan quế, mộc hương, tần giao, câu đằng.

Chứng thũng trương cho bội phục linh, bạch truật, gia trạch tả, đại phúc bì, đình hương nướng; không khỏi thì dùng Bát vị, gia ngư tấ, xa tiền, giảm bớt thực địa.

Chứng hoàng đản cho bội phục linh, bạch truật, gia can khương sao đen, mạch môn, ngũ vị.

(1) *Nguyên khí*: tinh khí trong thân người.

(2) *Thai hàn*: trẻ con khi ở trong thai, người mẹ cảm phong hàn, thai bị thương, khi sinh ra, nặng đờ kém, sinh chân tay quyết lạnh, run và co quắp v.v...

Bốn phương trên đây, khi dùng thuốc gia giảm, đều là những kinh nghiệm của tôi, tạm trình bày qua ra đây, để làm khuôn mẫu, nếu nhân đó theo loại suy rộng ra, thì bệnh nào chữa cũng được. Đại khái, bệnh về âm phận, nhẹ thì dùng bài Tứ vật, nặng thì dùng bài Lục vị Bệnh về dương phận, thì dùng bài Tử quân, nặng thì dùng bài Bát vị. Nội kinh nói: "biết được ngọn, chỉ chữa ở gốc thì chữa nghìn người, không tổn thương một người nào", người làm thuốc thông suốt lẽ đó, thì thuật chữa bệnh không hối hận gì về sau.

Hoặc có người hỏi: "về môn nhi khoa, người xưa xét nguyên nhân, phân biệt chứng trạng, lập phép chế phương, rành rành từng mục, há là lời nói suông, mà tôi lại cứ chăm chú vào hai tạng tỳ và thận, dùng thuốc lập phương, chỉ đặt ra 4 điều, mà nói có thể chữa được hết các bệnh của trẻ con, sao lại giản dị như thế nhỉ?" Tôi nói: việc làm thuốc là cốt đúng lẽ, tán ra thì muôn mối mà hợp lại thì chỉ rút về một lẽ. Nội kinh nói: "biết cái cốt yếu thì một lời là đủ hết", vì thận chủ tiên thiên, là cơ sở lập mạng, tỳ chủ về hậu thiên, là đầu nguồn hóa sinh, nhờ có tiên thiên hậu thiên, hình thể mới hóa sinh và trưởng thành. Người ta sinh ra, chỉ lấy tỳ thận làm căn bản, tuy có phân biệt ra tạng phủ, kinh lạc, cũng ví như cây to có cánh, có thân, cành và thân bị thương, thì theo nơi gốc rễ mà tưới bón, thì cây tươi tốt ngay. Nếu chỉ biết cành, thân, không chăm nom đến gốc rễ, mà lại mong cây tươi tốt, thì chưa bao giờ có.

Trăm bệnh của người ta, không bệnh nào là không do âm dương chệch lệch; khí huyết là âm dương hữu hình, thủy hỏa là âm dương vô hình, hàn nhiệt là tính chất của âm dương. Bệnh nhẹ, không do khí thì do huyết, bệnh nặng không do thủy thì do hỏa, triệu chứng bệnh không hàn thì nhiệt, cách chữa bệnh không bổ thì công, hàn và nhiệt là gốc hư thực, công và bổ là then chốt trị liệu. Như thế thì biết bệnh có nghìn bình muôn trạng, cũng không ngoài được trong vòng âm dương, thủy hỏa, khí huyết, mà thầy thuốc có thể cải tử hồi sinh, cũng chẳng vượt qua được cái lẽ hàn, nhiệt, hư, thực.

Tôi dùng thuốc chỉ đặt 4 phương 2 phương bổ thủy, hỏa của tiên thiên, và 2 phương bổ khí, huyết của hậu thiên, để làm đường lối tìm căn bản. Trong đó hoặc có nói nhân hay ngoại nhân thì cũng là lúc bệnh mới phát, nên chia ra nội nhân ngoại nhân. Bệnh lâu ngày, đều thuộc về chứng hư cả; thì lại cứ theo loại bệnh mà gia giảm, trong số tổng cộng 66 điều mục đó. Nếu cho đây là chưa đầy đủ, vì thì các bệnh trẻ con ngoài cái quan hệ khí huyết, âm dương lại còn có cái bí ẩn ở trong đó nữa sao? (Ngoài 4 phương trên, tôi có chế thêm Bồi-thở-cổ-trung-phương, có thể làm phương cần dùng lâu dài cho nhi khoa, vì nó bổ vị dương mà không ráo, ích tỳ âm mà không trệ, thực là đúng đắn không thiên lệch, cũng nên xem dùng xen vào phương này) xem ở tập Hiệu phòng).

XIII- CÁC BÀI THUỐC CHỮA BỆNH TRÉ CON (gồm 237 bài)

1- TINH HUƠNG TÁN

Nam tinh	4 đồng
Mộc hương	5 phân
Gừng 10 lát, sắc với nước, uống lúc nóng	

2- NGƯU HOÀNG THANH TÂM HOÀN

<i>Ngưu hoàng</i>			
<i>Sài hồ</i>		đều 1 đồng	
<i>Cát cánh</i>			
<i>Bạch linh</i>		2 phân rưỡi	
<i>Hạnh nhân</i>			
<i>Xa hương</i>		<i>Bồ hoàng</i>	
<i>Long xỉ</i>	đều 1 đồng	<i>Nhân sâm</i>	đều 2 đồng
<i>Linh dương giác</i>		<i>Thần khúc</i>	
<i>Dương quy</i>		<i>Hùng hoàng</i>	8 phân
<i>Bạch thược</i>		<i>Cam thảo</i>	5 -
<i>Phòng phong</i>	Đều 1 đồng	<i>Bạch liễm</i>	7 - 12
<i>Bạch truật</i>	rưỡi	<i>Tế giác</i>	2 đồng
<i>Hoàng cầm</i>		<i>Can khương</i>	7 phân
<i>Mạch môn</i>		<i>Sơn dược</i>	7 đồng
<i>Xuyên khung</i>		<i>Kim bạc (vàng thép)</i>	130 miếng
<i>Nhục quế</i>	đều 1 đồng	<i>Dại táo (nấu chín 10 quả nghiền nát)</i>	
<i>Giá đậu đen</i>	7 phân rưỡi		
<i>A giao</i>			

Các vị trên, tán bột, viên với mật, mỗi lạng 10 viên, vàng thép làm áo, mỗi lần uống 1 viên, dùng nước ấm mà uống.

3- ÔN DỖM THANG

<i>Bán hạ (chế)</i>		<i>Bạch phục linh</i>	5 phân
<i>Chỉ thực (sao)</i>		<i>Trần bì (bỏ xơ trắng)</i>	1 đồng
<i>Táo nhân (ngâm</i>	đều 2 đồng	<i>Cam thảo</i>	4 phân
nước nóng, bỏ vỏ).			

Các vị trên thái và tán, mỗi lần uống 1 đồng cân, cho thêm một ít tinh tre (trúc nhự) và gừng, táo vào, sắc lấy nước mà uống.

4- NGŨ PHÚC ÁM

<i>Nhân sâm (bổ tâm)</i>	2 thứ đều tùy bệnh	<i>Dương quy (bổ can)</i>	2 - 3 đồng
<i>Thục địa (bổ thận)</i>	mà định liều lượng	<i>Bạch truật (bổ phế, sao)</i>	1 đồng
			rưỡi
		<i>Chích thảo (bổ tỳ)</i>	1 đồng

Nước 2 chén to, sắc còn 7 phân, uống ấm và lúc xa bữa ăn.

5- TIỀN THỊ DƯƠNG TÂM THANG

<i>Hoàng kỳ</i>	5 phân	<i>Quế cai</i>	2 phân rưỡi
-----------------	--------	----------------	-------------

<i>Phục linh</i>		<i>Ba-tử-nhân</i>	
<i>Phục tạng</i>	đều	<i>Toan táo nhân</i>	đều 2 phần
<i>Bán hạ khúc</i>	5 phần	<i>Ngũ vị</i>	rưỡi
<i>Dương quy</i>		<i>Viễn chí</i>	
<i>Xuyên khung</i>		<i>Cam thảo (sao)</i>	4 phần
Gừng, táo, sắc uống.			

6- KIM THUY LỤC QUÂN TIẾN

<i>Dương quy</i>	2 đồng	<i>Chích thảo</i>	1 đồng
<i>Thục địa</i>	2 - 5 đồng	<i>Bán hạ</i>	đều
<i>Trần bì</i>	1 đồng rưỡi	<i>Phục linh</i>	2 đồng
Nước 2 chén to, gừng sống từ 3 đến 7 lát, sắc còn 8 phần, ăn lâu rồi uống lúc còn ấm.			

7- PHỤ TỬ LÝ ÁM TIẾN

<i>Thục địa</i>	từ 3 đến 7 đồng, hoặc 1 - 3 lạng
<i>Dương quy</i>	2 đến 3 đồng, hoặc 5 - 7 đồng
<i>Chích thảo</i>	1 đến 2 đồng
<i>Can khương (sao vàng)</i>	1 - 2 đồng
<i>Phụ tử</i>	1 - 2 đồng
Nước chén to, sắc còn 7 - 8 phần, uống lúc còn nóng.	

8 - LỤC VỊ HỒI HƯƠNG ẤM

<i>Nhân sâm</i>	1 - 2 lạng, hoặc vài đồng	<i>Gừng nướng</i>	2 - 3 đồng
<i>Phụ tử chế</i>	2 - 3 đồng	<i>Chích thảo</i>	1 đồng
<i>Thục địa</i>	1 đồng hoặc 1 lạng		
<i>Dương quy</i>	1 đồng, nếu tiết tả hoặc động huyết thì lấy đông-truật ⁽¹⁾ thay vào, càng nhiều càng hay.		
Nước 2 chén to, dùng lửa đun to sắc còn 7 phần, uống khi còn ấm.			

9- TỬ VỊ HỒI DƯƠNG ẤM

<i>Nhân sâm</i>	1 - 2 lạng	<i>Gừng nướng</i>	2 - 3 đồng
<i>Phụ tử</i>	2 - 3 đồng	<i>Chích thảo</i>	1 - 2 đồng

10 - CẦU DẰNG ẤM

<i>Cầu dăng</i>	<i>Xuyên khung</i>
<i>Phục thần</i>	<i>Dương quy</i>

(1) Đông-truật: tức là Bạch-truật để đến mùa đông mới đào thì củ nó béo đầy, mà tự nhiên không khô ráo.

Phục linh

Bạch thược

Mộc hương

đều 1 đồng

Cam thảo

5 phân

Các vị trên tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, dùng gừng, táo sắc với nước thang mà uống (nếu tâm kinh nhiệt, má đỏ, lưỡi trắng, tiểu tiện đỏ sền rít, dùng Câu đằng ẩm, bỏ mộc-hương gia bột chu sa 1 đồng, dùng mộc thông sắc nước mà uống).

11- TỬ THẠCH TÁN

Tử thạch anh

Hàn-thủy-thạch

Hoạt thạch

Bạch thạch chi

Xích thạch chi

Thạch cao

đều 6 lạng

Cam thảo

Dại hoàng

Quế tâm

đều

Long cốt

đều

Mẫu lệ

5 lạng

Can khương

4 lạng

Chế thành bột thô đựng vào túi da thuốc, treo ở chỗ cao mát, khi muốn dùng lấy 1. 2 ngón tay dúm bốc, dùng nước mới mức 3 chén, sắc còn 2 phần chén, người lớn uống cả một lần, trẻ con dưới 100 ngày, uống một chung, còn thì lấy bông dán miệng chén lại. Nếu nhiệt nhiều thì uống thêm lên 4, 5 lần.

12- MỘC HƯƠNG QUÁN KHÍ TÁN

Mộc hương

Lá hoắc hương

Đinh hương

đều 2 đồng

Cam thảo

đều 8 đồng

Đàn hương

Sa nhân

4 đồng

Bạch đậu khấu

Một phương nữa

Theo phương trên có thêm trầm-hương, tán bột mỗi lần uống 2 đồng, cho một ít muối vào đun làm thang, hòa lẫn mà uống.

13- QUẾ CHI GIẢI CÔ THANG

(Trong bản chữ Hán không kê tên vị thuốc)

14- GIA VỊ TRUẤT PHỤ THANG

Phụ tử

Mộc hương

Bạch truất

đều 1 lạng

Cam thảo

đều 5 đồng

Nhục đậu khấu

1 quả

Mỗi lần 2 đồng cân, gừng, táo sắc uống.

15- KIM DỊCH DAN

Dùng lưu hoàng cho vào cái môi sắt, đem nấu tan hành nước, đổ vào trong nước giếng hoặc dầu mè sau dùng tro củi dâu, bỏ vào lã mà lọc rồi nấu trên than thay nước 7, 8 lần, bỏ hết váng đỏ đi, tán bột, viên với bánh chưng to bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 20 viên, khi còn bụng đỏ (Thương hàn thuộc âm chứng thì không cầu nê ở số viên).

16- BỐ PHỄ THANG

<i>A giáo</i> (sao)	1 lạng rưỡi	<i>Gạo nếp</i>	1 lạng
<i>Bạch phục linh</i>		<i>Hạnh nhân</i> (bỏ vỏ vào đầu nhọn 20 hột	
<i>Mã đầu linh</i> (bỏ vỏ rần)	nửa lạng	<i>Cam thảo</i>	4 đồng cân

Các vị trên, thái ra, mỗi lần uống 2 đồng cân, cho 2 chén nước, sắc đến khi còn 7 phần, uống ấm, không cứ lúc nào.

17- LÝ TRUNG THANG

<i>Nhân sâm</i>		<i>Can khương</i> (nướng)	đều 1 đồng
<i>Bạch truật</i>	đều 1 lạng	<i>Chích thảo</i>	5 phân

Các vị trên, thái, nướng tán bột, mỗi lần uống nửa đồng cân, hoặc 1 đồng dùng nước nóng làm thang, hòa uống khi bụng đói.

18- BACH BÍNH TỬ

<i>Hoạt thạch</i>		<i>Kinh phấn</i>	chút ít
<i>Bán hạ</i>	đều 1 đồng	<i>Ba đậu</i> (bỏ vỏ, mang dùng	24 hột
<i>Đóm tinh</i>		nước 1 cân, nấu khô, nghiền nát).	

Ba vị trên nghiền bột, rồi cho 2 vị ba đậu, khinh phấn vào nghiền đều, viên với cơm to bằng hột đậu xanh, mỗi lần uống 3 - 5 viên với thang tử tô. Kiêng đồ nóng, tùy theo lứa trẻ mà thêm bột.

19- NHÂN SÂM THANG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Kương hoạt</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Ma hoàng</i> (cắt bỏ rễ, mặt)
<i>Hoàng cầm</i>	<i>Thục tiêu</i> (bỏ mắt và hột ngậm miệng, sao cho đỏ mờ hôi)

đều 1 đồng cân rưỡi.
Sắc với nước, uống sau bữa ăn.

20- THIÊN KIM LONG ĐỒM THANG

Long đóm thảo
(sao đen)

<i>Câu đằng</i>	8 vị	<i>Bọ hung</i> (bò cánh, chân)	1 con
<i>Sài hồ</i>	(đều		
<i>Hoàng cầm</i> (sao)	1 đồng	<i>Dại hoàng</i> (nướng)	1 phân
<i>Cát cánh</i>	rưỡi)		
<i>Bạch thược</i>			
<i>Phục linh</i>			
<i>Cam thảo</i>			

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 1, 2 đồng, sắc với nước, liệu tùy theo đứa trẻ mà thêm bớt.

21- HOAT HỔ DAN

Lấy một con thần lân, cắt bỏ móng ở 4 chân, nghiền nhỏ, cho thêm chu-sa, băng-phiến, xạ hương (mỗi thứ một ít) vào, nghiền đều. Trước uống thanh-mông-thạch-tán để trừ đờm dãi, sau dùng nước bạc hà đun sôi, hòa với những vị thuốc nói trên uống một lần cho hết.

22- SÂM LINH TÁN

<i>Nhân sâm</i>		<i>Cam thảo</i>	
<i>Phục linh</i>	đều	<i>Bạch thược</i>	nửa lạng
<i>Xuyên khung</i>	1 lạng	<i>Hoàng kỳ</i>	
		<i>Thanh bì</i>	2 đồng
		(bỏ xơ trắng)	rưỡi

Các vị trên, tán bột nhỏ, mỗi lần uống 1 đồng, dùng nước 1 chén con, sắc đến khi còn 5 phân, lược kỹ, uống lúc còn ấm.

23- BẠCH TRUẬT TÁN

<i>Bạch truật</i>	3 lạng
<i>Tiểu mạch</i> (sao	1 cáp

Hai vị trên, dùng nước một chén rưỡi (chén to), nấu cạn khô, bỏ tiểu mạch, tán bột, dùng hoàng kỳ sao sắc làm thang, liệu tùy theo đứa trẻ lớn, bé, hòa lẫn cho uống, kiêng các loại củ cải, cay nóng, đồ xào nướng, người mẹ cho bú càng kiêng kỹ.

24- TAM ÂM TIẾN

<i>Đương quy</i>	2 - 3 đồng	<i>Bạch thược</i>	2 đồng
<i>Thục địa</i>	3 - 5 đồng		(tẩm rước sao)
<i>Chích thảo</i>	1 đồng	<i>Nhân sâm</i> (tùy bệnh định liều lượng)	
<i>Táo nhân</i>	2 đồng		

Nước 2 chén to, sắc còn 7 phân, uống sau khi ăn đã làm.

25- NHÂN SAM DƯỠNG VINH THANG

Nhân sâm	2 đồng	Trần bì	
Bạch thược (sao)	1 rưỡi	Hoàng kỳ	
Thục địa	đều 7 phần	Quế tâm	đều
Ngũ vị (sao già nát ra)	rưỡi	Dương quy	1 đồng
Phục linh		Bạch truật	
Viễn chí	1 đồng (nướng)	Cam thảo	

Các vị trên, thêm gừng, táo, sắc mà uống.

26- PHỤC THẦN HOÀN

Phục thần		Viễn chí (tắm nước đậu đen bỏ lõi)	
Lô hội		Câu đằng (bỏ vỏ)	đều
Hồ phách	đều	Chấu chàng đốt ra tro	2 đồng
Hoàng liên	3 đồng	Xương bồ	1 đồng
Xích phục linh		Xạ hương	1 chút ít

Tán bột, dùng hồ gạo làm hoàn, to bằng hạt mè mỗi lần dùng 10 viên, sắc than lá bạc hà mà sống.

27- NHẤT ÂM TIẾN

Sinh địa	2 đồng	Cam thảo	1 đồng
Thục địa	3, 5 đồng	Ngưu tất	1 - rưỡi
Bạch thược	2 -	Đan sâm	2 đồng
Mạch môn	2 -		

Nước 2 chén to, sắc còn 7 phần, uống khi còn ấm vào lúc ăn đã lâu.

28- DƯƠNG QUY LỤC HOÀNG THANG

Dương quy	Hoàng bá	
Thục địa	Hoàng cầm	(từ đây trở xuống
Hoàng kỳ (sao)	Hoàng liên	các vị đều sao đen)
Sinh địa	các vị đều bằng phân nhau.	
Mỗi lần uống 2 đồng cân, sắc mà uống.		

29- GIA GIẢM NHẤT TIẾN

Sinh địa		Thục địa	3 - 5 đồng cân
Bạch thược	đều	Chích thảo	5 - 7 phần
Mạch môn	2 đồng	Tri mẫu	đều
		Địa cốt bì	1 đồng

Nước 2 chén to, sắc, uống.

30- TRÚC DIỆP THẠCH CAO THANG (TRỌNG CẢNH)

<i>Bán hạ</i>	5 phân	<i>Cam thảo</i>	7 phân
<i>Thạch cao</i>	5 đồng	<i>Đạm trúc điệp</i>	14 lá
<i>Nhân sâm</i>	1 đồng	<i>Gạo tẻ</i>	1 nắm to
<i>Mạch môn</i>	1 đồng		
(bỏ lõi)	rượu.		

Sắc với nước, cho 2 muống nước gừng hòa lẫn vào mà uống

31- SÂM PHỤ THANG

Nhân sâm

Phụ tử (nướng, bỏ vỏ, rốn) đều 5 đồng.

Mỗi lần uống một đồng, sắc với nước gừng mà uống, nếu không ứng nghiệm, thì uống gấp bội lên.

32- KỲ PHỤ THANG

Hoàng kỳ

Phụ tử (nướng) 2 vị đều bằng nhau.

Mỗi lần uống một đồng cân, sắc với nước gừng mà uống.

33- ÔN KINH HOÀN

<i>Đảm tinh</i>	4 lạng	<i>Thiên trúc hoàng</i>	5 đồng
<i>Chu sa</i>	1 đồng	<i>Long não</i>	
	cân rưỡi	<i>Sáp bôi môi</i> (từ yên chỉ).	

Các vị trên, đều nghiền riêng thành bột, dùng nước mật bò làm hoàn, to bằng hạt củ súng, mỗi lần uống nửa viên, dùng nước đường cát làm thang mà uống.

34- LƯƠNG KINH HOÀN

<i>Hoàng liên</i>	5 phân	<i>Câu đằng câu</i>	2 đồng
<i>Long não</i> (nghiên)	1 phân	<i>Ngưu hoàng</i>	1 phân
<i>Phòng phong</i>	5 -	<i>Xạ hương</i>	1 -
<i>Thanh đại</i>	3 đồng	<i>Long đờm thảo</i>	
(nghiên)	(trộn với rượu, sao đen)		

Các vị trên nghiền riêng thành bột, dùng hồ bột gạo làm hoàn, to bằng hạt gạo, mỗi lần uống từ 3 - 5 viên đến 10, 20 viên, dùng kim ngân sắc làm thang mà uống.

35 - CỔ CHỈ SA TÁN

<i>Bạch chỉ</i>	1 lạng
<i>Chu sa</i>	5 đồng

Tán bột, mỗi một đồng, dùng phục thần, mạch môn đông sắc làm thang mà uống.

36- TIỀN THỊ BẠCH TRUẬT TÁN

<i>Bạch truật</i>		<i>Cát căn</i>	8 phân
<i>Nhân sâm</i>		<i>Chỉ xác</i>	
<i>Phục linh</i>	đều	<i>Ngũ vị</i>	đều
<i>Cam thảo</i>	4 phân	<i>Mộc hương</i>	2 phân
<i>Hoắc hương</i>		<i>Sài hồ</i>	
Sắc mà uống lúc còn ấm.			

37- TỬ VỊ PHÌ NHI HOÀN

<i>Hoàng liên</i>	<i>Thần khúc</i> (sao)
<i>Vụ di</i> (sao)	<i>Mạch nha</i> (-)

Các vị trên tán bột, viên với hồ, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 10 - 20, vào lúc đói với nước đun sôi.

38- ĐẠI AN HOÀN

Bảo hòa hoàn gia thêm bạch truật, tức là đại an hoàn.

39- BỔ TRUNG ÍCH KHÍ THANG

<i>Nhân sâm</i>	đều	<i>Thang am</i>	đều 2 phân
<i>Hoàng kỳ</i>	8 phân	<i>Sài hồ</i>	
<i>Bạch truật</i>		<i>Đương quy</i>	1 đồng
<i>Cam thảo</i>	đều		
<i>Trần bì</i>	5 phân		
Sắc với gừng, táo mà uống			

40- THẤT VỊ LONG ĐỒM TÁ CAN THANG

<i>Long đóm</i>	đều 1 đồng
<i>Trạch tả</i>	
<i>Xạ tiên</i>	<i>Quy vĩ</i>
<i>Mộc thông</i>	<i>Sơn chi</i>
<i>Sinh địa</i>	<i>Hoàng cầm</i>
	<i>Cam thảo</i>

đều 5 phân. Sắc uống.

41- LIÊN KIỀU ẤM

<i>Liên kiều</i>	<i>Xích thược</i>	<i>Hoạt thạch</i>
<i>Cù mạch</i>	<i>Đương quy</i>	<i>Xác ve</i> (huyết thoái)
<i>Kinh giới</i>	<i>Phòng phong</i>	<i>Cam thảo</i>

Mộc thông

Sài hồ

Sơn chi

Hoàng cầm

Các vị đều bằng phần nhau.

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, gia thêm tử thảo, sắc mà uống.

42- CẨM ỨNG HOÀN

Bách thảo sương

Hạnh nhân

49 hột

Dinh hương

đều

Nhục đậu khấu

21 quả

Can khương

1 lạng

Ba đậu sương

72 hột

Một phương nữa: theo phương trên mà thêm hoàng đơn, nhũ hương.

Các vị trên tán bột, dùng sáp vàng lọc rửa bỏ cặn, lại dùng rượu nấu cho tan ra nước, lấy chất nổi lên là 4 lạng. Khi dùng nếu là mùa xuân mùa hạ, thì dùng dầu mè 1 lạng, nếu là mùa thu mùa đông thì dùng 1 lạng rượu, đem nấu chín, cho sáp vàng trên vào, nấu cho tan ra nước, đợi khi còn ấm, cho thuốc bột trên vào hòa đều, dùng giấy dầu bọc lại rồi viên to bằng hột ngô đồng; trẻ con viên to bằng hột mè, cứ mỗi liều là 20 viên, khi bụng đói dùng thang nước cơm hoặc thang gừng mà uống.

43- HỒ HOÀNG LIÊN HOÀNG

Hồ hoàng liên

đều

Chu sa

2 đồng

Hoàng liên

5 phân

(nghiên riêng)

Các vị trên tán bột, nhồi vào trong mật heo, lấy chỉ bọc thả trong nồi, cho nước rượu nếp loãng (đạm tương tùy) vào, đun sôi vài lần, lấy ra nghiền, cho lò hội, xạ hương vào (đều 2 đồng cân), viên với cơm, to bằng hột mè, mỗi lần uống 10, 20 viên, hòa vào con cơm sôi mà uống.

44- THANH THẦN HOÀN

.....

45- TẤY TẮM TÁN

Sinh địa

Cam thảo

Kinh giới tuệ

Hoàn cầm

Phòng phong

Khương hoạt

Xích thược

Các vị đều bằng nhau

Các vị trên tán bột, mỗi lần uống 1 đồng dùng thang bắc đền, bạc hà mà uống.

46 - NHẤT TỰ TÁN

Xác ve (sao qua)

Nam tinh (sao chế) nửa lạng

Bọ cạp

đều 1

Bạch cương tàm

phân

Các vị trên giã ra, rây lấy bột nhỏ, sau cho vào một phân bột kiều mạch ⁽¹⁾, dùng một quả thạch lựu tẩm giấm, đem các vị thuốc trên cho vào trong vỏ quả thạch lựu, lấy đất lẫn tỷ muối đắp kín lại, đặt trên bếp, đốt nhỏ lửa cho đến khi đất khô là được, rồi lấy ra nghiền lại cho đều. Mỗi lần uống 2 phân rượu, với rượu ấm.

47- TẢ HOÀNG TÁN

<i>Bạch chỉ</i>	<i>Bán hạ</i>	(tâm nước	
<i>Thăng ma</i>		gừng 7 lần)	1 phân
<i>Chỉ xác</i> (sao với bột mì) đều 1 đồng	<i>Thạch học</i>		2 phân
<i>Hoàng cầm</i>	rưỡi	<i>Cam thảo</i>	7 phân
<i>Phòng phong</i>			
Gừng 3 lát, sắc với nước, uống sau xa khi ăn.			

48- MỘC HƯƠNG BÁN HẠ HOÀN

<i>Mộc hương</i>		<i>Tâm với</i>	
<i>Bán hạ</i>	đều 4	<i>Bạch truật</i>	đều 2 đồng
<i>Dinh hương</i>	đồng	<i>Thanh bì</i>	rưỡi
		<i>Trần bì</i>	

Các vị tán nhỏ viên với bánh chưng, to bằng hạt mè, trẻ con 1 tuổi, 10 viên, 2 tuổi thì cho gấp đôi, uống với nước cơm.

49- TỬ SƯƠNG HOÀN

<i>Đại gài thạch</i> (nung đỏ tới gấm 7 lần)	đều 1 phân
<i>Xích thạch chi</i>	
<i>Hạnh nhân</i> (sao với bột mì)	50 hạt
<i>Ba đậu</i> (bỏ màng, đầu, lõi)	30 hạt

Các vị trên, trước hết đem hạnh nhân, ba đậu nghiền thành cao, rồi cho bột đại-giã-thạch, thạch chi vào nghiền đều nhau, viên với bánh nhúng nước sôi, to bằng hạt gạo, mỗi lần uống 5 viên, với nước cơm.

50- HẮC TÁN TỬ (KHUYẾT)

.....

51- SÀI HỒ TÁN

<i>Nhân sâm</i>		<i>Long đờm thảo</i>	
<i>Cam thảo</i> (nướng qua)	đều 2 đồng	(tẩm rượu, sao đen)	đều
<i>Mạch môn đông</i> (bỏ lõi)		<i>Phòng phong</i>	1 đồng
<i>Sài hồ</i>	5 phân		

(1) *Kiều mạch*: tức mạch 3 góc, *Fagopyrum esculentum* Moench, lương thực phụ ở LX, Cao Bằng, Lạng Sơn

Các vị trên, mỗi lần dùng 1 đồng, sắc mà uống.

52- DƯƠNG QUY TÁN

<i>Dương quy</i>		<i>Cam thảo</i> (nướng)	2 phần
<i>Bạch thược</i>	đều 2 đồng	<i>Cát cánh</i>	
<i>Nhân sâm</i>		<i>Quất bì</i> (bỏ cùi trắng)	đều 1 đồng

Các vị trên, tán bột, đổ nước vào sắc lấy nửa chén, thỉnh thoảng cho uống.

53- ĐIỀU KHÍ TÁN

<i>Mộc hương</i>	<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoắc hương</i>
<i>Hương phụ</i>	<i>Quất bì</i>	<i>Cam thảo</i> (nướng)

Các vị trên, tán bột mỗi lần dùng 1 đồng, thang gừng, táo, sắc mà uống.

54- TỬ DƯƠNG HẮC TÁN

<i>Ma hoàng</i> (không bỏ mắt)	2 lạng
<i>Đại hoàng</i>	nửa lạng
<i>Hạnh nhân</i> (bỏ đầu nhọn, nghiền nát)	2 đồng rưỡi.

Dem hai vị trên trộn lẫn với nhau, đập nát rồi đốt tồn, sau hòa lẫn với cao hạnh nhân, dùng vào đồ kín, mỗi lần dùng chừng bằng một hột đậu hòa với sữa cho uống.

55- DƯỜNG TRUNG TIẾN

<i>Nhân sâm</i>	1 - 2 đồng	<i>Chích thảo</i>	1 đồng
<i>Sơn duộc</i>	2 đồng	<i>Phục linh</i>	2 -
<i>Biến đậu</i> (sao)	2 - 3 đồng	<i>Cam khương</i>	
		(sao vàng)	1 - 2 đồng.

Nước 2 chén to, sắc còn 7 phần. uống khi còn ấm vào lúc xa bữa ăn.

56- HỒ TIÊM HOÀN

<i>Hoàng bá</i>	nửa cân	<i>Thục địa</i>	
<i>Trĩ mẫu</i>	3 lạng	<i>Trần bì</i>	đều 1 lạng
<i>Quy bản</i>	4 -	<i>Bạch thược</i>	
<i>Tôa dương</i>	1 - rưỡi	<i>Hồ cốt</i>	1 lạng.

Các vị trên, tán bột, dùng tùy xương sụn heo làm hoàn, to bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 50, 60 viên, uống lúc đói, với nước muối, và dùng đồ khô ăn đè lên.

57- PHÒNG TÍN TÁN

<i>Xạ hương</i>	2 phần rưỡi
<i>Duôi bò cạp</i> (bỏ độc)	3 phần
<i>Bạc hà</i>	3 phần

Con rết (ngô công)

Thanh đại

đều 2 phân rươi

Ngưu hoàng

Các vị trên, cùng nghiền bột, dùng táo nấu chín giã nát làm cao, quện lên miếng vải mới trộn đều với thuốc bột, dán lên trên mủ ác, chung quanh dán dãi quá mủ ác độ một ngón tay, rồi tay họ lên lửa mà chườm luôn. Trẻ con để được trong ngoài 100 ngày, (hơn 3 tháng) mới có thể dùng cách này.

58- KHẨN BÌ HOÀN

Tất trùng già 3 đồng

Sơn khô 2 -

Chỉ xác 4 lạng

Thương truật *Nga truật*

Hồng đậu khấu

Ô dược *Mộc hương*

Thảo quả

Tam lạng *Sa nhân*

Phục linh

đều 2 lạng

Tán bột, viên bằng hồ giấm, sau khi chứng thũng xẹp rồi, uống ngay.

59- LỘC NHUNG TỬ CÂN HOÀN

Nhục thung *Dung thổ ty* *Đỏ trọng*

Thiên ma *Ngưu tất* *Lộc nhung*

Thục địa *Mộc qua*

đều nửa cân

Các vị trên, tán bột, viên với mật, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, vào lúc đói, dùng thang nước cơm hoặc rượu mà uống.

60- TIỂU TỤC MỆNH THANG

Ma hoàng *Xuyên khung* *Hành nhân* (bóc vỏ,
bỏ đầu nhọn, sao)

Nhân sâm *Bạch thược*

Hoàng cầm (sao) *Cam thảo* *Phòng kỷ*

đều 8 phân.

Quan quế (bỏ vỏ) 8 phân

Phòng phong 2 đồng rươi

Phụ tử (chế) 4 phân.

Thêm gừng, táo, sắc uống

61- Ô DƯỢC THUẬN KHÍ TÁN

Chỉ xác 5 phân. *Ô dược* 1 lạng

<i>Cương tằm</i> (tằm vôi)		<i>Quất hồng</i>	đều 1 đồng
<i>Xuyên khung</i>	đều	<i>Sơn khước</i>	1 phân rưỡi
<i>Bạch chỉ</i>	5 phân	<i>Cam thảo</i>	5 phân
<i>Cát cánh</i>		<i>Muối hồng</i>	1 đồng rưỡi

Thêm gừng, táo sắc uống lúc hơi ấm

62- ĐẠI HOÀNG LÚ HỘI HOÀN (KHUYẾT)

63- SINH, THỰC ĐỊA HẠNG HOÀN

<i>Sinh địa</i>	
<i>Thực địa</i>	đều 1 lạng
<i>Huyền sâm</i>	
<i>Trạch học</i>	

Các vị trên, tán bột, viên với mật, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, vào lúc đói, với nước trà

64- HOÀNG LIÊN PHÍ NHÌ HOÀN

<i>Hoàng liên</i>	đều	<i>Vu di</i>	đều
<i>Thần khúc</i>	1 lạng	<i>Thanh bì</i>	2 đồng
<i>Mạch nha</i>			
<i>Sử quân tử</i>	5 phân		

Các vị trên, tán bột, nấu nước mật heo, thành cao làm viên, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 30, 40 viên với nước cơm.

65- TIÊU NHŨ THỰC HOÀN

<i>Sa nhân</i>		<i>Nga truật</i> (nướng lùi)	
<i>Trần bì</i>		<i>Thần khúc</i> (sao)	
<i>Tam lăng</i> (nướng lùi)		<i>Mạch nha</i> (sao)	
	đều nửa lạng		
<i>Hương phụ</i> (sao)	1 lạng		

Các vị trên, tán bột, viên với hồ bột mì, to bằng hạt mè, mỗi lần uống 2 - 3 viên, sắc nước tử mà uống.

66- THANH CAN TÁN

<i>Xuyên khung</i>	đều	<i>Sài hồ</i>	8 phân
<i>Dương quy</i>	1 đồng	<i>Sơn chi</i>	
<i>Bạch thược</i>	1 đồng rưỡi	<i>Mẫu đơn bì</i>	4 phân

Sắc với nước mà uống.

67- NHÂN SÂM THANH PHẾ THANG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Đại cốt bì</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Ô mai</i>	<i>Tri mẫu</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Tang bạch bì</i>	<i>A giao</i>	<i>Cù túc xác</i>
		<i>Hạnh nhân.</i>

đều bằng nhau.

Sắc với gừng, táo, cho một muống mật vào, lọc trong, uống khi còn ấm.

68- ÍCH KHÍ THANG (KHUYẾT)

.....

69- SINH ĐỊA THANH PHẾ THANG

<i>Tang bạch bì (sac) nửa lượng.</i>	<i>Dương quy</i>
<i>Tử tô</i>	<i>Thiên môn</i>
<i>Sài hồ</i>	<i>Liên kiều</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Xích phục linh</i>	<i>Sinh địa</i>
<i>Hoàng cầm</i>	<i>Cam thảo</i>

đều 3 đồng rưỡi.

Các vị trên, thái, tán thô mỗi lần dùng 2 đồng cân, sắc với nước giếng, uống sáu bữa ăn.

70- LAN HƯƠNG TÁN.

<i>Lá lan hương (đốt ra than)</i>	<i>2 đồng</i>
<i>Ten đồng</i>	<i>đều 5 phân</i>
<i>Khinh phấn</i>	

Các vị trên tán bột, trước dùng nước cơm rượu rửa, chùi khô, rồi rắc thuốc bột vào.

71- BẠCH PHẤN TÁN

<i>Hải phiêu tiên</i>	<i>3 phân</i>
<i>Bạch cập</i>	<i>2 -</i>
<i>Khinh phấn</i>	<i>1 -</i>

Các vị trên tán bột, trước hết dùng nước cơm rượu rửa, chùi khô, rồi rắc thuốc bột vào.

72- TRÀ NHA TÁN

<i>Ten đồng</i>	<i>Khô phàn</i>
<i>Hùng hoàng</i>	<i>Hoàng liên</i>
<i>Ngũ bội tử</i>	<i>Tế tân.</i>

đều bằng nhau

Ô mai (dùng con bò cạp bọc vào cho kín rồi đốt tồn tính).

Các vị trên, tán bột, xát vào.

73- MÃ MINH TÁN

- Nhân-trung-bạch (cận trắng ở đáy nồi nước đá, cạo lấy, đặt trên mảnh ngói mới, nướng lên lửa, trắng như muối là tốt).

- Mã-minh-thoái (tức giấy xác trứng tằm, đốt qua lửa) 2 đồng phân.

- Ngũ- bội-tử, dng sống 1 đồng, lại dùng 1 đồng sao với muối.

- Bạch phân 1 đồng (đập nát nhỏ, lại dùng 1 đồng Ngũ-bội-tử, cho phèn vào trong, đốt lửa nung khô).

Các vị trên, tán bột rất nhỏ, dùng nước vo gạo đặc mà rửa, rồi đem thuốc này đắp vào.

74- THIÊM THỦ HOÀN

Cóc 1 con (tháng hè, tìm trong ngòi rãnh, bắt lấy con nào bụng to, không nhảy, không kêu, mình nhiều mọt).

Bắt một số giòi cầu tiêu, bỏ vào thùng, đổ nước tiểu ngâm, rồi đem con cóc đập chết, bỏ vào thùng cho giòi ăn một ngày đêm, bắt giòi bỏ vào túi vải, ngâm xuống giếng nước chảy một đêm, bắt giòi ra để trên miếng ngói, sấy khô, tán bột, cho xạ hương 2 phân rưỡi vào, viên với cơm gạo tẻ, to bằng hạt mè, mỗi lần uống 30 viên, thang bằng nước cơm, công hiệu rất hay.

75- NIÊU BẠCH TÁN ⁽¹⁾

Dùng 5 đồng cân cận trắng trong tháng nước tiểu của đàn bà, 2 đồng cân phèn phỉ, 2 đồng mơ muối đốt tồn tính, cùng tán bột; sắc nước rễ bẹ, chè cũ, lấy nước đặc; đang nóng nhúng lông gà mà rửa sạch hết thịt thối, cho chảy máu tươi rồi đắp thuốc vào mỗi ngày 3 lần. Nếu loét đến cuống họng, thì dùng ống tre nhỏ mà thổi nước vào.

76- THOÁI HOÀNG HOÀN

2 lạng thanh nhân, cho vào nồi đun cho tan ra nước, cho 4 cân gạo trần mễ vào, dùng giấm quấy đều, sao bằng lửa nhỏ, đến khi khói thì thôi cho thêm 6 lạng Bính vị tán vào cùng sao một lát, bỏ hỏa độc, thủy thũng thì hợp với một liều Tư liên tán cùng sao, tán bột, viên với hồ giấm, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 70 viên, vào lúc đói trước khi ngủ, dùng trần mễ (gạo lâu năm) nấu nước làm thang.

Một phương nữa, chỉ dùng phèn xanh và thương truật đều bằng nhau, sao và làm hoàn, cũng thay.

(1) - Niêu-bạch-tán: Nguyên văn bài thuốc này không nói rõ là trị bệnh gì. Nhưng theo Trung-Quốc Y-học-dại-tư-diễn thì bài này trị chứng cam tẩu mã do nọc độc chứng đầu gây ra trong Nhi-khoa.

77- ĐẠI DI HƯƠNG TÁN

<i>Tam lăng</i>	<i>Hoắc hương</i>
<i>Nga truật</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Thanh bì</i>	<i>Ích trí</i>
<i>Trần bì</i>	<i>Hương phụ</i>
<i>Bán hạ</i>	<i>Chỉ xác</i>

đều 5 đồng

Cam thảo nửa phần.

Sắc với gừng, tào mà uống

78- HƯƠNG LIÊN TRƯ TANG HOÀN

<i>Mộc hương</i>	5 đồng cân	<i>Ngân sài hồ</i>
<i>Hoàng liên</i>		<i>Miến giáp</i>
<i>Sinh địa</i>		(mai của đinh)
<i>Thanh bì</i>		

đều 1 lượng

Tán bột, cho vào bao tử heo dùng dây buộc chặt thả vào trong nồi đất nấu nhừ, lấy ra giã tán bột nhỏ làm hoàn, to bằng hạt gạo, cứ mỗi lần 30 viên uống với nước cơm.

79- HOÀNG LIÊN HOÀN

<i>Hoàng liên</i> (tắm nước mật lợn phơi nắng)	5 đồng
<i>Qua lâu căn</i>	<i>Hạnh nhân</i> (tắm, bỏ vỏ, sấy)
<i>Ô mai nhục</i>	<i>Thạch liên nhục</i>

đều 2 đồng

Tán bột, dùng nước mật heo khuấy hồ làm viên, to bằng hạt mè, mỗi lần uống 1, 2 viên, dùng thanh ô mai gừng làm mật mà uống.

80- MỘC HƯƠNG HOÀN

<i>Mộc hương</i>	<i>Tục tùy tử</i> (bỏ đầu)	1 lượng
<i>Thanh đại</i>	<i>Châu chàng</i> (đốt tồn tính)	3 con
<i>Bình lang</i>	đều 1 đồng rưỡi	
<i>Nhục đậu khấu</i>		
<i>Xạ hương</i>		

Các vị trên tán bột viên với mật, to bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 3 - 5 viên, sắc nước bạc hà làm thang.

81- THẦN VỊ BẠCH TRUẬT TÁN

<i>Hoắc hương</i>	<i>Bạch phục linh</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Mộc hương</i>	<i>Nhân sâm</i>

đều bằng nhau

Cát cát gấp bội

Tán bột mỗi lần uống 2 đồng với nước đun sôi

82- AN THẦN HOÀN

Mạch môn (bỏ lõi) sấy

Sơn được

Nha tiêu

Hàn thủy thạch

Bạch phục linh

Cam thảo

đều 5 đồng

Chu sa

1 lạng

Phục linh

1 phân rưỡi.

Các vị trên, tán bột, luyện mật làm hoàn, to bằng hạt củ súng, uống với nước đường phèn.

83 TỬ LINH TÁN

Tru linh

Bạch truật

Phục linh

Trạch tả

đều 1 đồng rưỡi.

Tán bột, mỗi lần 2 đồng cân, hòa với nước sôi mà uống.

84 ĐẠI LÔ HỘI HOÀN

Hồ hoàng liên

Mộc hương

Hoàng liên

Thanh bì

Bạch vu di (bỏ vỏ sao)

Bạch lõi hoàn (bỏ ra ma đỏ thì không dùng)

Lô hội

Hạc sắt (sao qua) nửa lạng

Xạ hương 1 đồng

Tán bột, viên với cơm, to bằng hạt gạo.

85- PHÒNG PHONG THÔNG THÁNH TÁN

Bạch thuộc

Sơn chi

Mang tiêu

Bạch truật

Hoạt thạch (nung)

Xuyên khung

Đại hoàng (nướng) đều 4 phân

Liên kiều

Cát cánh rưỡi

Ma hoàng

Hạch cao (nung)

Đương qui đều 8 phân

Kính giới

Bạc hà

Cam thảo

Phòng phong

Hoàng cầm

Tán bột, mỗi lần uống 3 đồng cùng sắc với gừng, hành trắng mà uống.

86- HUYỀN SÂM THẮNG MA THANG

<i>Hyền sâm</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Xích thước</i>	<i>Quán chúng</i>
<i>Thăng ma</i>	<i>Hoàng cầm</i>

Tê giác (cưa, tán bột) đều 1 đồng.
Cam thảo nửa đồng cân.

Bốc làm cho một thang, nước 2 chén to sắc còn 8 phân, hòa bột tê giác vào mà uống sau khi ăn.

87- TÊ GLÁC TIỂU ĐỘC ẨM

<i>Ngưu bàng</i>	1 đồng 2 phân	<i>Phòng phong</i>	
<i>Kinh giới</i>	2 phân	<i>Thăng ma</i>	đều 3 phân
<i>Cam thảo</i>	4 phân	<i>Tê giác</i>	
		<i>Hoàng cầm</i>	đều 1 phân

88- NHÂN SÂM ĐẠI ĐỘC TÁN

<i>Nhân sâm</i>	<i>Độc hoạt</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Tiền hồ</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Sài hồ</i>
<i>Kương hoạt</i>	<i>Chỉ xác</i>
	<i>Cát cánh</i>

đều 1 lạng

Cam thảo 5 phân

Các vị trên, mỗi lần 1 lạng. gia thêm gừng sống, bạc hà, sắc sống.

89- HỒ TÌNH HOÀN

<i>Hồ tình</i> (trồng mất con hồ nghiên nhỏ)	<i>Dại hoàng</i> (bọc giấy ướt mà nướng)
<i>Viễn chí</i>	<i>Thạch xương bồ</i>
<i>Tê giác</i>	<i>Mạch môn</i>

đều bằng nhau

Bò hung (bỏ chân, cánh, sao) 3 cao.

Tán bột, viên với hồ, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 2, 3 viên sắc nước lá tre, hoặc nước kim ngân, bạc hà làm thang.

90- TỬ SÀI HỒ ẨM

<i>Sài hồ</i>	1 - 2 đồng	<i>Gừng sống</i>	7 lát
<i>Chích thảo</i>	1 -	<i>Dương quy</i>	3 đồng

(đi tả thì dùng ít)

Nhân sâm 2 - 3 đồng, hoặc 5 - 7 đồng, tùy liệu mà dùng. Sắc mà uống.

91- BẮC KIM HOÀN

<i>Nhân sâm</i>	<i>Chu sa</i>
<i>Hổ phách</i>	<i>Thiên ma</i>
<i>Bạch phục linh</i>	<i>Thạch xương bồ</i>
<i>Viên chí (chế với gừng,</i>	<i>Xuyên khung</i>
<i>lấy thịt nó luyện lại, sao)</i>	<i>Nam tinh</i>
	<i>Thanh đại</i>

đều 1 đồng

Xạ hương 1 phân.

Các vị trên tán bột, viên với mật, to bằng bột ngô đồng, mỗi lần uống 1 - 2 viên, sắc nước kim ngân, bạc hà làm thang.

92- NGŨ LINH TÁN

<i>Phục linh</i>	<i>Nhục quế</i> bột đi một nửa
<i>Trư linh</i>	Đều bằng nhau
<i>Bạch truật</i>	
<i>Trạch tả</i>	

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 4 đồng hòa với nước sôi mà uống

93- TÁ THANH HOÀN

<i>Long đờm thảo (sao)</i>	<i>Đị hoàng (sao)</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Khuông hoạt</i>
<i>Phòng phong</i>	<i>Chi tử</i>

đều bằng nhau.

Tán bột, viên với mật, to bằng hạt củ súng, mỗi lần uống một viên, với nước đường phèn.

94- BẠCH-NGỌC-BÍNH

<i>Bạch phủ tử</i>			
<i>Nam tinh</i>	đều		
<i>Hoại thạch</i>	1 lạng	<i>Ba đậu sượng</i>	19 hột
<i>Kinh phấn</i>			

Các vị trên, tán bột, viên với hồ, to bằng hạt đậu xanh, nén thành bánh, trẻ em 3 tuổi ăn 1 bánh, dùng nước hành lam thang.

95- KHAI TỶ TÁN

<i>Liên nhục</i>	1 lạng	<i>Nhân sâm</i>	
<i>Bạch truật</i>		<i>Trư linh</i>	
<i>Phục linh</i>	đều 5	<i>Trạch tả</i>	
<i>Sơn duộc</i>	đồng	<i>Hoặc hương</i>	đều 3 đồng

<i>Thần khúc</i>		<i>Mộc hương</i>
<i>Sơn tra</i>		<i>Dương quy</i>
<i>Nhục đầu khấu</i>	3 quả ⁽¹⁾	<i>Bạch thược</i>
<i>Trần bì</i>	2 đồng	<i>Sa nhân</i>
<i>Cam thảo</i>	1 đồng	

Chứng kinh phong, gia thêm thần sa, hoạt thạch đều 2 đồng, tán bột, khi uống tùy ý định liều lượng hòa với nước gừng mà uống. Trẻ con mới đẻ bôi trên đầu vú mẹ cho bú 100 ngày. Sau khi khỏi, đều dùng thuốc này để điều hòa tỳ làm chủ yếu.

96- TINH TINH TÁN

<i>Cát cánh</i>	5 phân	<i>Qua lâu căn</i>
<i>Tế tân</i>	1 phân	<i>Xuyên khung</i>
<i>Nhân sâm</i>		<i>Bạch thược</i>
<i>Phục linh</i>		<i>Bạch truật</i>

đều 5 phân.

Bạc hà nửa phân
Nước 1 chén, gừng 3 lát, sắc mà uống

97- SÂM TÔ ẨM

<i>Tiền hồ</i>		<i>Chỉ xác</i>	
<i>Nhân sâm</i>		<i>Trần bì</i>	
<i>Tô diệp</i>	đều 7	<i>Chích thảo</i>	7 phân
<i>Can cát căn</i>	phân rượu	<i>Cát cánh</i>	
<i>Bán hạ</i>		<i>Mộc hương</i>	
<i>Phục linh</i>			
<i>Sắc mà uống</i>			

98- NHÂN SÂM KHƯƠNG HOẠT TÁN

<i>Nhân sâm</i>	<i>Cát cánh</i>
<i>Khuông hoạt</i>	<i>Phục linh</i>
<i>Độc hoạt</i>	<i>Chỉ xác sao với bột mì</i>
<i>Tiền hồ</i>	<i>Xuyên khung</i>
<i>Sài hồ</i>	

đều 5 phân.

<i>Thiên mã</i>	đều 2		
<i>Dị cốt bì</i>	phân rượu	<i>Cam thảo</i>	1 đồng

(1) Nhục đầu khấu 3 quả, theo chúng tôi nghĩ thì nhiều quá, chỉ nên 1 đồng là vừa (dịch giả).

99- ĐẠI THANH CAO

<i>Thiên ma</i>	đều
<i>Thanh đại</i>	1 đồng

<i>Bạch phụ tử</i> (nướng)	<i>Đuối bò cạp</i>
<i>Ô xà</i> (tẩm rượu, lấy thịt, sấy)	<i>Thiên trúc hoàng</i>
	<i>Xạ hương</i>

đều 5 phân

Các vị trên, tán bột, viên với mật, to bằng hạt đậu, mỗi lần uống nửa đồng cân, với nước bạc hà.

100- NGŨ PHÚC HÓA ĐỘC ĐÀN

<i>Sinh địa</i>	đều	<i>Cam tiêu</i> ⁽¹⁾	đều
<i>Thục địa</i> (sấy)	5 lạng	<i>Huyền sâm</i>	2 lạng
<i>Thiên môn</i>	đều	<i>Cam thảo</i> (nướng)	
<i>Mạch môn</i>	3 lạng	<i>Thanh đại</i>	1 lạng rưỡi

(bỏ lõi)

Sáu vị trên, tán bột nhỏ, rồi cho cam tiêu và thanh đại vào, luyện với mật làm hoàn, to bằng đầu gà, mỗi lần uống nửa viên, hoặc một viên vào sau khi ăn với nước đun sôi.

101- THÂN KHÍ HOÀN

<i>Phục linh</i> (tẩm nưã)	3 đồng	<i>Xạ tiên</i> (sao)	
<i>Phụ tử</i>	5 đồng	<i>Sơn thù</i> (tẩm rượu sao)	
<i>Ngưu tất</i> (tẩm rượu, sao)	1 lạng	<i>Sơn duộc</i> (hấp cơm, sao)	
<i>Nhục quế</i>	1 lạng	<i>Mẫu đơn bì</i> (tẩm rượu, sao)	đều 1 lạng
<i>Trạch tả</i> (tẩm rượu, sao)		<i>Thục địa</i> (nấu với rượu)	4 lạng

Các vị trên tán bột, viên với mật, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 4-5 đồng vào lúc đói với nước sôi.

102- LAI BẮC HOÀN

(Ở bản in chữ Hán không biên vị thuốc)

(*Cam tiêu*: Phác tiêu màu thanh thiên)

103- TAM SINH ẤM

<i>Nam tinh</i>	2 đồng cân	<i>Phụ tử</i>	1 đồng
<i>Xuyên ô</i> (bỏ vỏ và đầu nhọn)		<i>Mộc hương</i>	2 đồng 5 phân

Các vị trên thái ra, gừng sống 10 lát làm thang, sắc uống khi còn ấm.

104- THANH CÁCH ÂM

<i>Trần bì</i>	nửa đồng	<i>Đóm tinh</i>	3 đồng
<i>Bối mẫu</i>	2 đồng	<i>Hải thạch</i>	2 -
(sao qua đập vỡ)		<i>Bạch giới</i>	5 -
		<i>Mộc thông</i>	2 -
Sắc mà uống			

105- MAI HOA TÁN

<i>Bàng sa</i>		<i>Nhân sâm</i>	2 đồng
<i>Mã nha tiêu</i>	đều	<i>Hải thạch</i>	2 -
<i>Mang tiêu</i>	1 phân	<i>Phiến nào</i>	nửa phân
<i>Thần sa</i>		<i>Xạ hương</i>	1 -

Các vị trên tán bột, chứa vào trong đồ sành, mỗi lần uống nửa muống, đun nước mạch muôn mà uống, hoặc nước bạc hà cũng được.

106- ÚC THANH HOÀN

<i>Sài hồ</i>		<i>Dương quy</i>	
(loại mềm)	đều	<i>Bạch truật</i>	đều
<i>Cam thảo</i>	5 phân	<i>Phục linh</i>	1 đồng
		<i>Câu đằng</i>	

Các vị trên tán bột, viên với mật.

107- HOÀNG LIÊN AN THẦN HOÀN

<i>Hoàng liên</i>	6 đồng	<i>Sinh địa</i>	đều 1 đồng
(rửa rượu)		<i>Dương quy</i>	rưỡi
<i>Cam thảo</i>	6 -	<i>Chu sa</i> (phi qua)	5 đồng

Các vị trên tán bột, viên với hồ côm, to bằng quả ngô đồng, mỗi lần uống 15 viên, vào khi đói, với nước sôi. Nếu 2, 3 lần uống không ứng nghiệm, nếu uống bài Quy tỳ.

108- NGUU HOÀNG TÁN

<i>Ngưu hoàng</i>		<i>Sài hồ</i>	
(nghiêng)	đều	<i>Chi tử</i> (tẩm rượu, sao)	đều 2
<i>Cam thảo</i>	nửa lạng	<i>Long đờm thảo</i>	đồng
(tẩm rượu, sao)	rưỡi		
		<i>Hoàng cầm</i> (sao)	

Các vị trên tán bột, mỗi lần uống nửa đồng, với nước Kim ngân, bạc hà.

109- ÚC CAN TÁN

<i>Sài hồ</i>	đều	<i>Dương quy</i>	
<i>Cam thảo</i>	5 phân	<i>Bạch truật</i>	đều
<i>Xuyên khung</i>	8 phân	<i>Phục linh</i>	1 đồng
		<i>Câu đằng</i>	

Các vị trên, sắc với nước, con và mẹ cùng uống. Gia thêm mật làm hoàn, gọi là *Úc can hoàn*.

110- NGŨ TÍCH TÁN

<i>Bạch chỉ</i>		<i>Hậu phác</i> (chế)	đều
<i>Xuyên khung</i>		<i>Can khương</i> (nướng)	4 phân
<i>Bạch thược</i>		<i>Cát cánh</i>	1 phân rưỡi
<i>Cam thảo</i>	đều	<i>Chỉ xác</i>	5 phân
<i>Dương quy</i>	3 phân	<i>Bàn hạ</i> (bào chế)	2 phân
<i>Nhục quế</i>		<i>Thương truật</i>	7 phân rưỡi
<i>Nhục quế</i>			
<i>Trần bì</i>	đều	Thêm gừng, táo, sắc uống	
<i>Ma hoàng</i>	6 phân		

111 - TINH TÔ TÁN

Nam tinh (nướng qua, thái ra)

Mỗi lần uống, 5 đến 7 phân, gừng 4 lát, tía tô 5 lá, sắc với nước, cho một ít mật heo vào, uống lúc còn ấm.

112- AN THẦN TRẦN KINH HOÀN

<i>Táo nhân</i>		<i>Bạc hà</i>	
<i>Mạch môn</i>	đều	<i>Mộc thông</i>	
<i>Dương quy</i>	3 đồng	<i>Hoàng liên</i> (tắm nước gừng sao)	
<i>Sinh địa</i>		<i>Sơn chi</i>	đều
<i>Xích thược</i>		<i>Thần sa</i> (nghiên riêng)	2 đồng
<i>Thanh đại</i>		<i>Đông Ngưu hoàng</i> (nt)	
(nghiên riêng)		<i>Long cốt</i> (nung)	

Các vị trên, tán bột, viên với mật, to bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 2 viên, liệu tỳ theo lứa trẻ mà thêm bớt, với nước gừng nhạt.

113- TÔ HỘP HƯƠNG HOÀN

<i>Xạ hương</i> (nghiên)	1 đồng cân
--------------------------	------------

<i>Kha tử</i> (nướng, bỏ hột)	Đều
<i>Huân lục hương</i> (tức nhũ hương, nghiền riêng)	1 đồng

<i>Long não</i>	<i>Chu sa</i> (nghiền phỉ với nước)
<i>Mộc hương</i>	<i>Trầm hương</i>
<i>Bạch truật</i>	đều 2 đồng
<i>Bạch đàn hương</i>	<i>Hương phục</i>
<i>Đinh hương</i>	<i>Ô tễ giác</i>
	<i>Tát bát</i>

An tức hương (tán bột riêng, dùng thữ rượu ngon, nấu cao)

Dầu tô hợp hương 1 đồng (cho vào trông cao an tức hương).

Tán bột, nghiền đều, dùng cao an tức hương và mật hòa làm hoàn, to bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 1 - 2 viên với nước giếng.

114- THẬP NHỊ VỊ DỊCH CÔNG TÁN CỦA HỌ TRẦN

<i>Mộc hương</i>	3 phân	<i>Nhân sâm</i>	
<i>Quan quế</i>	2 phân	<i>Phục linh</i>	
(bỏ vỏ thô)		<i>Trần bì</i>	đều
<i>Dương quy</i>	3 phân	<i>Hậu phác</i>	2 phân
<i>Nhục đậu khấu</i>	2 phân	<i>Bạch trệt</i>	
<i>Phu tử</i>	1 -	<i>Bán hạ</i>	
(bạc chế, bỏ vỏ).			
<i>Đinh hương</i>	4		

Các vị trên tán bột, mỗi lần dùng 3 - 5 đồng, gừng 3 lát, táo 3 quả, sắc với nước, tùy đứa trẻ lớn hay bé mà cho uống. Thuốc nay gia truyền 5 đời, kinh nghiệm nhiều công hiệu.

115- BẢO HÒA THANG

<i>Sinh địa</i>	<i>Sơn tra</i>
<i>Nhân sâm</i>	<i>Xuyên khung</i>
<i>Hồng hòa</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Tứ thảo</i>	<i>Mộc thông</i>
<i>Cát cánh</i>	<i>Gạo nếp</i>

Bắc đèn 10 sợi, gừng 3 lát, sắc uống.

116- VỊ HÒA TÁN

<i>Trần bì</i>	đều 1	<i>Hậu phác</i>	1 đồng rưỡi
<i>Chích thảo</i>	đồng cân	<i>Can khương</i> (nướng)	1,2 đồng

Nước một chén rưỡi (chén to), sắc còn 7 phần, uống khi còn ấm.

117- TIÊU THỰC HOÀN

<i>Sa nhân</i>	<i>Nga truật</i>
<i>Quất bì</i>	<i>Thần khúc</i>
<i>Tam lăng</i>	<i>Mạch nha</i>

đều nửa lượng.

Hương phụ (sao) 1 lượng.

Các vị trên, tán bột, viên với hồ thần khúc, to bằng hột mè, uống với sôi, tùy đứa trẻ mà thêm bớt.

118- NGŨ VỊ DI CÔNG TÁN

<i>Nhân sâm</i>	<i>Bạch truật</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Cam thảo</i>
	<i>Trần bì</i>

Các vị đều bằng nhau.

Tán bột, mỗi lần uống 2-3 đồng sắc với gừng cho uống.

119- THẤT PHÚC ẨM

<i>Nhân sâm</i>	đều tùy theo bệnh	<i>Chích thảo</i>	1 đồng
<i>Thục địa</i>	mà định liều lượng	<i>Táo nhân</i>	1 - 2 đồng
<i>Dương quy</i>	2 - 3 đồng cần	<i>Viên chi</i>	3-5 -
<i>Bạch truật</i>	1 đồng rưỡi.		

Nước 2 chén, sắc còn 7 phần, uống lúc ấm vào xa bữa ăn.

120- BÍ CHỈ AN THẦN HOÀN

<i>Nhân sâm</i>		<i>Dương quy</i>	
<i>Bán hạ</i>	đều 1	<i>Quất hồng</i>	đều 5
<i>Táo nhân</i>	đồng	<i>Xích thược</i> (sao)	phân
<i>Phục thần</i>		<i>Ngũ vị</i>	5 hột
		<i>Cam thảo</i> (nướng)	3 phân.

Các vị trên, tán bột, viên với hồ nước gừng, to bằng hột củ sừng, mỗi lần uống một viên với nước gừng.

121- NGŨ QUÁN TỬ TIẾN

<i>Nhân sâm</i>	3 đồng	<i>Chích thảo</i>	1 đồng
<i>Bạch truật</i>	đều	<i>Can khương</i>	1 -
<i>Phục linh</i>	2 đồng		

nước một chén rưỡi, sắc uống.

122- LỤC VỊ DI CÔNG TIỀN

<i>Nhân sâm</i>	2 - 3 đồng	<i>Bạch truật</i>	
<i>Trần bì</i>	1 -	<i>Phục linh</i>	đều
		<i>Chích thảo</i>	2 đồng
		<i>Can khương</i>	

Nước 2 chén rưỡi, gừng 3 lát, táo 2 quả, sắc uống khi còn ấm.

123- LỤC THẦN TÁN

<i>Nhân sâm</i>		<i>Chích thảo</i>	3 đồng
<i>Son đước</i>	đều	<i>Phục linh</i>	đều
<i>Bạch trệt</i>	5 đồng	<i>Biến đậu (sao)</i>	1 lạng

Các vị trên tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, sắc với gừng, táo mà uống.

Một phương nữa, có thực đước, dương quy, nhân sâm (đều 2 đồng 5 phân), cam thảo, cát cánh, trần bì, nhục quế, đều 2 đồng.

124- VỊ QUAN TIỀN

<i>Thục địa</i>	3 - 5 đồng hoặc 1 lạng.		
<i>Son đước (sao)</i>		<i>Tiêu khương</i>	1 đồng
<i>Biến đậu (-)</i>	đều	<i>Ngó thù</i>	5-7 phân
<i>Chích thảo</i>	2 đồng	<i>Bạch truật</i>	2 - 3 đồng

125- ÔN VỊ ẤM

<i>Nhân sâm</i>	2 - 3 đồng hoặc 1 lạng	<i>Tiêu khương</i>	1, 2, 3 đồng.
<i>Biến đậu (sao)</i>	2 đồng	<i>Chích thảo</i>	1 đồng
<i>Bạch truật</i>	2-3 đồng hoặc 1 lạng	<i>Dương quy</i>	2 đồng, đi lỏng
<i>Trần bì</i>	1 - hoặc không dùng.		đừng dùng

Nước 2 chén to, sắc khi còn 7 phần, uống khi còn ấm vào xa bữa ăn.

126 - LÝ ẤM TIỀN

<i>Thục địa</i>	3 - 7 đồng hoặc 1 lạng	<i>Tiêu khương</i>	1 - 3 đồng
<i>Dương quy</i>	3 đồng hoặc 5 - 6 đồng	<i>Chích thảo</i>	1 - 2 đồng

Hoặc gia thêm *Nhục quế* 3 đồng.

Nước 2 chén to, sắc còn 7 phần, uống khi còn ấm. Phương này gia phụ tử gọi là Phụ tử lý ấm tiền.

127 - SINH MẠCH TÁN

<i>Nhân sâm</i>	5 đồng
<i>Mạch môn</i>	2 -
<i>Ngũ vị</i>	1 -

Sắc với nước mà uống, nếu không ứng nghiệm, thì dùng gấp bội.

128 - CHU SA AN THẦN HOÀN

<i>Chu sa</i>	4 đồng	<i>Lá hương lan</i>	2 đồng
<i>Hoàng liên</i>	đều	(đốt thành than)	
<i>Sinh địa</i>	nửa đồng	<i>Ten đồng</i> (đồng thanh)	đều
<i>Cam thảo sống</i>	2 đồng rưỡi	<i>Khinh phấn</i>	1 phân

Các vị trên tán bột, đắp lên.

129 - NHÂN SÂM HOÀNG LIÊN TÁN

<i>Sài hồ</i>	1 đồng rưỡi	<i>Hoàng liên</i> (sao)
<i>Lá tre</i>	20 lá	<i>Chích thảo</i>

Các vị trên sắc với nước gừng mà uống.

130- SÀI HỒ THANH CAN TÁN

<i>Sài hồ</i>	1 đồng rưỡi	<i>Xuyên khung</i>	1 đồng
<i>Hoàng cầm</i> (sao)	1 đồng	<i>Liên kiều</i>	8 phân
<i>Nhân sâm</i>	1 đồng	<i>Cát cánh</i>	
<i>Sơn chi</i>	1 - 5 phân	<i>Cam thảo</i>	5 phân

Sắc uống

131- LỤC QUÂN TỬ THANG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Chích thảo</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Trần bì</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Bán hạ</i>

đều bằng nhau

Thêm gừng, táo, sắc uống dần dần.

132- GIA VỊ QUY TỶ THANG

Tức là bài Quy tỳ gia:

<i>Mẫu đơn</i>	đều 1 đồng
<i>Sơn chi</i>	

Sắc với nước mà uống.

133- GIA VỊ TIỂU SÀI HỒ THANG

Tức là tiểu sài hồ thang sơn chi, mẫu đơn. Thêm gừng sắc mà uống.

134- SÀI HỒ THANH CAN TÁN

(Đã chép ở trên).

135 - BẢO MỆNH DAN

<i>Toàn yết</i>	14 con	
<i>Phòng phong</i>		<i>Thiên ma</i>
<i>Nam tinh</i>	đều 1 đồng	<i>Hổ phách</i>
<i>Thuyền thoái</i>		<i>Bạch phụ tử</i>
<i>Cương làm</i>		<i>Thần sa</i>
<i>Xạ hương</i>	5 phân.	

Có nhiệt gia thêm ngư hoàng, phiến nào

Một *phương*, gia thêm hoạt thạch tán bột, cơm gạo tẻ giã làm hoàn, to bằng hột bồ kết, vàng thép 10 là làm áo, trẻ con mới sinh uống nửa viên với sữa, trẻ 10 tuổi trở lên uống 2 viên với nước câu đằng, bắc đèn, hoặc nước bạc hà, kim ngân.

136 - ÍCH HOÀNG TÁN

<i>Trần bì</i>	1 đồng	<i>Kha tử</i> (tẩy nước sôi bỏ vỏ)	
<i>Đinh hương</i>	2 phân	<i>Thanh bì</i>	đều 5 phân
		<i>Cam thảo</i>	

Các vị trên, tán bột, mỗi lần dùng 2 đồng sắc mà uống.

137- TRUẬT MAI HOÀN

<i>Nam tinh tươi</i>	25 củ	<i>Bồ kết</i>	
<i>Bán hạ tươi</i>	50 -	<i>Thạch phàn</i>	đều 4 lạng
<i>Cát cánh</i>	2 lạng	<i>Muối ăn</i>	
<i>Quả mơ</i>	100 quả	<i>Phòng phong</i>	
<i>gân chín</i>		<i>Phác tiêu</i>	

Trước hết đem nước muối dầm quả mơ cho nát ra, sau mới đem các vị thuốc kia nghiền nhỏ, cho vào nước khuấy đều, mới cho quả mơ vào trong thuốc ngâm đều 3 trên là được, rồi đem phơi cho khô hết nước, bỏ vào cái thố đáy cất kín, nếu meo trắng nổi lên càng tốt. Khi dùng lấy cái túi lụa bọc lại, rồi ngâm vào miệng, cho thấm nước miếng mà nuốt dần xuống.

138- ĐẠI LỢI KINH HOÀN

<i>Nam tinh</i>	2 đồng	<i>Bạch phụ tử</i>	
<i>Khinh phấn</i>	5 phân	<i>Nha tiêu</i>	đều
<i>Ba đậu sượng</i>	2 phân rưỡi	<i>Thiên ma</i>	1 đồng
		<i>Ngũ linh chi</i>	
		<i>Toàn yết</i>	

Các vị trên, tán bột, viên với hồ, to bằng hột mè mỗi lần uống 1 viên, với nước bạc hà và gừng.

139- TRAI MỆNH DAN

<i>Thiêm tô</i>		<i>Tế tân</i>	
<i>Chu sa</i>		<i>Toàn yết</i>	
<i>Hùng hoàng</i>	đều	<i>Thuyền thoái</i>	đều 6
<i>Đỏm phân</i>	3 đồng	<i>Xuyên sơn giáp</i>	đồng
<i>Huyết kiệt</i>		<i>Cương làm</i>	
<i>Nhũ hương</i>		<i>Nha tạo</i>	
<i>Một được</i>			
<i>Ngô công</i>	đều	<i>Bạch phân</i> (dùng một ít ngũ bội	đều 5
<i>Xạ hương</i>	5 phân	cùng trộn rồi bỏ ngũ bội đi)	đồng
		<i>Phiến não</i>	

Tán bột, vào ngày Doan-ngọ, uống rồi thì ăn cháo hoa, nếu hồ với rượu làm hoàn, to bằng hạt đậu xanh, mỗi lần uống 3 viên, dùng 1 chén con rượu, hành nuốt xuống, rồi đắp mềm nắm cho ra mồ hôi, hoặc thổ, hoặc không ra mồ hôi, lại uống thêm 1 viên, uống rồi thì ăn cháo trắng, kiêng dưa bở, cà nước (thủy giả) ⁽¹⁾ và hết thấy những thứ có thể gây chứng kinh phong.

140- THẦN SA ĐIỀU HƯƠNG HOÀN

.....

141- ĐẠI ÔN KINH HOÀN

<i>Nhân sâm</i>	<i>Thần sa</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Mạch môn</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Mộc hương</i>
	<i>Dại giả thạch</i>

đều 5 đồng

<i>Cam thảo</i>	đều	<i>Toàn yết</i>	5 con
<i>Táo nhân</i>	1 lạng	<i>Vàng thấp</i>	đều
<i>Cương tâm</i>	đều 2	<i>Bạc thép</i>	6 phân
<i>Cát cánh vĩ</i>	đồng rưỡi		

Tán bột, viên với mật, to bằng hạt đậu xanh, tùy đứa trẻ lớn bé mà cho uống.

142- THIÊN KIM LONG ĐỎM THANG

(Đã chép ở bài số 20).

143- TIỂU LƯƠNG KINH HOÀN

<i>Uất kim</i> (tắm nước hồ kết)	2 củ	<i>Hoàng liên</i>	
		<i>Nha tiêu</i>	đều 5 đồng

(1) - *Thủy giả*: thứ cà quả tròn và dài, trồng ở dưới nước, giống cà này sản ở Trung-quốc nhiều.

<i>Toàn yết</i>	6 con	<i>Mộc hương</i>	đều 5 đồng
		<i>Hoắc hương</i>	
		<i>Long đóm thảo</i>	

Tán bột, viên với hồ, to bằng hột mè, hùng hoàng, xạ hương, Chu sa, vàng, bạc thép làm áo, mỗi lần uống 5 - 7 viên. Tùy theo chứng dùng thang mà uống.

144- NHÂN SÂM DƯỠNG VỊ THANG

<i>Nhân sâm</i>	5 đồng	<i>Hoắc hương</i>	đều
<i>Hệ phác</i>		<i>Thảo quả nhân</i>	5 đồng
(chế với gừng)		<i>Phục linh</i>	
<i>Thương truật</i>	đều	<i>Cam thảo nướng</i>	2 đồng
(sao)	1 lạng	<i>Quất hồng</i>	5 phân
<i>Bán hạ</i> (chế)			

Mỗi lần dùng 5 đồng, gừng ba lát, Ô mai một quả, sắc uống lúc còn nóng.

145- CHÁU NGÂN HOÀN

<i>Thủy ngân</i>		<i>Thiên tương tử</i>	
<i>Đại táo</i> (chưng	đều	<i>Ngưu hoàng</i>	đều nửa
nghiên nát như bùn)	1 đồng	<i>Lô hội</i>	phân
<i>Toàn yết</i>		<i>Xạ hương</i>	
<i>Bạch phụ phụ tử</i>	2 đồng rưỡi		
<i>Nam tinh</i>	đều	<i>Duyên sương</i> (đi chỉ)	
<i>Chu sa</i>	2 phân	(hòa với thủy ngân, nghiền)	5 đồng
<i>Phiến thảo</i>	rưỡi	<i>Cương tâm</i>	7 con

Các vị trên, tán bột, viên với hồ gạo, to bằng hột cải, mỗi lần uống một viên, với nước bạc hà, uống đến khi đi hết nhiệt độc tính đọng trong thai thì thôi, nếu đại tiện chưa dễ dàng, thì lại uống thêm.

146- CÁCH THÔNG KHOAN BẰNG MẬT

Dùng 2 lạng mật ong đựng vào trong cái môi đồng, đun lửa nhỏ, giở vào nước không tan là được, cho 2 đồng cân bột bồ kết và một ít muối vào khuấy đều, vắt thành quả táo con dài chừng một tấc, hai đầu tẩm dầu vừng, dút vào trong lỗ dít, hễ đi đại tiện được thì lập tức bỏ đi. Nếu chưa đi được thì lại đổi cái khác, lấy vải che ngoài lỗ dít, nên dè vào cho chặt, đợi khi phân ra, mới bỏ miếng vải che.

147- NHÂN SÂM DƯỠNG VỊ THANG

(Đã chép ở bài số 144)

148- THẦN SA CAO

<i>Thần sa</i>	3 đồng	<i>Huyền minh phán</i>	đều
<i>Bàng sa</i>	đều 1 đồng	<i>Toàn yết</i>	1
<i>Nha tiêu</i>	5 phân	<i>Trân châu</i>	đồng
		<i>Xạ hương</i>	chút ít

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống chừng bằng một hột đều, các chứng kinh, thì uống với nước bạc hà, sốt cơn, thì uống với nước cam thảo; đứa trẻ sinh mới non một tháng, lấy sữa hòa bôi đầu vú, cho bú.

149- DOAN GIẢI DAN

<i>Hoàng kỳ</i>		<i>Xác rắn</i>	2 tấc
(tẩm mật nướng)	đều	(tẩm rượu nướng)	
<i>Mẫu câu dăng</i>	nửa lạng	<i>Xác ve</i>	4 con
<i>Tế tân</i>	Nửa lạng	<i>Ngưu hoàng</i>	2 phân
<i>Cam thảo</i> (nướng)		(nghiền riêng)	rưỡi

Tán bột, nấu củi quả táo làm hoàn, to bằng hột mè, sắc nước nhân sâm cho uống, mỗi lần uống vài viên, tùy đứa trẻ mà thêm bớt.

250- KHOAN NHIỆT ẤM

<i>Chỉ xác</i> (ngâm nước, bỏ ruột)	1 lạng		
dùng 49 hột ba đậu, cùng sao vàng, rồi bỏ ba đậu đi.			
<i>Dại hoàng</i>	1 lạng	<i>Cam thảo</i>	1 đồng
<i>Phác tiêu</i>	5 đồng		

Tán bột, mỗi lần dùng 3 - 5 phân sắc nước bạc hà cho uống.

151- TỬ MÀ THANG

<i>Nhân sâm</i>	<i>Trầm hương</i>
<i>Bình lang</i>	<i>Ô dược</i>

Các vị trên đều bằng nhau, mài lấy nước đặc 1 chén, sắc sôi lên, uống vào sau bữa ăn.

152- QUY NGƯU TÁN

<i>Nhục quế</i>	đều	<i>Dương quy</i>	đều 2
<i>Khiên ngư</i>	5 đồng	<i>Dại hoàng</i>	đồng rưỡi
<i>Toàn yết</i>	1 đồng	<i>Đào nhân</i>	

Mỗi lần dùng 1 đồng, cho mật vào sắc mà uống, đi đại tiện được lợi rồi thì dùng các vị thanh bì, trần bì, phục linh, mộc hương, sa nhân, cam thảo, sinh khương sắc uống để điều hòa tỳ vị.

153- MA HOÀNG CÁT CẦN THANG

<i>Hành trắng</i>	7 củ	<i>Ma hoàng</i>	3 đồng
<i>Đậu sị</i>	1 vốc	<i>Cát cần</i>	1 đồng rưỡi
		<i>Bạch thược</i>	3 đồng

Thêm gừng 5 lát, sắc, uống.

154- CẦU DẮNG TÁN

<i>Mẫu câu đằng</i>	<i>Mộc hương</i>
<i>Phục thần</i>	<i>Phục linh</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Dương quy</i>

đều 1 đồng

Cam thảo 5 phân

Các vị trên, tán bột mỗi lần uống 2 đồng, gừng, táo làm thang sắc uống.

155 - CỐN DÀM TOÀN

<i>Dại hoàng</i>	đều	<i>Mông thạch</i>	đều
<i>Hoàng cầm</i>	1 lạng	<i>Diêm tiêu</i>	1 lạng
<i>Trầm hương</i>	5 đồng		

Trước hết đem 2 vị mông thạch và diêm tiêu, cùng cho vào cái lọ sành, đập nắp lại, lấy dây thép buộc chặt, và dùng đất bùn lẫn muối trát kỹ phơi khô, nung đỏ, đợi nguội, lấy ra, cùng với thuốc trước tán bột, viên với nước, to bằng hạt ngô đồng, hoặc gia thêm chu-sa 2 lạng làm áo, mỗi lần uống 40-50 viên, tùy đứa trẻ mà thêm bớt, sau khi ăn, sắp đi nằm, dùng nước chè loãng và ấm mà uống.

156- ĐOÀN SÂM TÁN

<i>Sâm Cao ly</i>	đều 2 đồng
<i>Xuyên quy</i>	

Các vị trên thái nhỏ, dùng một cái tim heo đực, thái thành 2 miếng; mỗi lần dùng 2 đồng cân, thuốc và nửa tim heo, cho nước vào một chén rưỡi, sắc lên, uống làm 2 lần và trước bữa ăn.

157- ĐỘC SÂM THANG

Nhân sâm 1 lạng

Gừng 10 lát, táo 10 quả, sắc mà uống.

158- PHỤC THẦN THANG

<i>Phục thần</i>	<i>Quế tâm</i>
<i>Táo nhân</i>	<i>Thục địa</i>

Hoàng ký
Bá tử nhân
Bạch thực

Nhân sâm
Chích thảo
Ngũ vị

đều 1 lạng
Mỗi lần 2 - 3 đồng, sắc mà uống.

159- ĐẠO XÍCH TÁN

Sinh địa
Mộc hương
Cam thảo

đều bằng nhau

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng, sắc nước lá tre làm thang.

160- LONG NÃO AN THẦN HOÀN

<i>Phục thần</i>	3 lạng	<i>Ngưu hoàng</i>	5 đồng
<i>Nhân sâm</i>	2 -	<i>Long não</i>	đều
<i>Địa cốt bì</i>	đều	<i>Xạ hương</i>	3 đồng
<i>Cam thảo (nướng)</i>	1 lạng	<i>Chu sa</i>	đều
<i>Mạch môn</i>	2 lạng	<i>Mã nha tiêu</i>	2 đồng
<i>Tang bạch bì</i>	đều		
<i>Bột tể giác</i>	1 lạng		

Tán bột, viên với mật, to bằng hòn đạn, vàng thép 15 lá làm áo; mỗi lần uống một viên; mùa đông dùng nước ấm, mùa hè dùng nước nguội mà uống, trẻ con tùy lớn nhỏ mà cho uống.

161- THẦN SA HÓA ĐÀM HOÀN

<i>Thần sa</i>	đều	<i>Nam tinh</i>	1 đồng
<i>Khô phàn</i>	5 đồng	<i>Khúc bán hạ</i>	3 lạng

Tán bột, nấu hồ với nước gừng làm hoàn, to bằng quả ngô đồng, dùng thần sa làm áo, mỗi lần uống 10 viên với nước gừng.

162- THIÊN MA PHÒNG PHONG HOÀN

<i>Thiên ma</i>		<i>Hùng hoàng</i>	đều 2
<i>Phòng phong</i>	đều 1 lạng	<i>Chu sa</i>	đồng rưỡi
<i>Nhân sâm</i>		<i>Ngưu hoàng</i>	1 đồng
<i>Toàn yết</i>	7 con	<i>Xạ hương</i>	5 phân
<i>Cương tằm</i>	đều		
<i>Phấn thảo</i>	5 đồng		

Tán bột, viên với mật, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 1 viên, với nước bạc hà.

163- NGŨ SÀI HỒ ẤM

Sài hồ	1, 2, 3 đồng	Bạch truật	2 - 3 đồng
Dương quy	2 - 5 đồng	Bạch thược	1 đồng rưỡi
Thục địa	3 - 5 -	Chích thảo	1 đồng

Trần bì châm chước mà dùng hoặc không dùng,
Nước một bát rưỡi, sắc còn 7 phần, uống lúc còn ấm và cách xa bữa ăn.

164- CHÍNH SÀI HỒ ẤM

Sài hồ	1 - 3 đồng	Trần bì	1 đồng rưỡi
Phòng phong	1 đồng	Bạch thược	2 đồng
		Cam thảo	1 -

Gừng sống 3 - 5 lát, nước một bát rưỡi, sắc còn 7 phần, uống lúc còn nóng.

165- HOÀNG LONG THANG CỦA TIỀN ẮT

Sài hồ	
Hoàng cầm	đều 2 đồng cân
Nhân sâm	

Cam thảo sắc uống.

166- SÀI CẦM TIỀN

Sài hồ	2 - 3 đồng	Hoàng cầm	
Chỉ xác	1 đồng 5 phân	Chi tử	đều
		Trạch tả	2 đồng
		Mộc thông	

Nước hai chén to, sắc còn 8 phần, uống khi còn ấm.

167- NHỊ SÀI HỒ ẤM

Trần bì	1 đồng rưỡi	Tế tân	1 - 2 đồng
Bán hạ	2 đồng	Hậu phác	1 đồng rưỡi
Gừng sống	2, 5, 7 miếng		
Sài hồ	1 đồng rưỡi hoặc 2 - 3 đồng		
Cam thảo	8 phân		

Sắc mà đồng.

168- SÀI TRẦN TIỀN

Sài hồ	2-3 đồng	Phục linh	2 đồng
Trần bì	1 đồng rưỡi	Cam thảo	1 đồng
Bán hạ	2 đồng	Gừng sống	3-7 lát.

169- TẢ TÂM THANG

Hoàng liên tán bột, mỗi lần uống 5 phân vào khi sắp đi nằm uống với nước ấm.

170- SÀI HỒ ẨM TỬ

Sài hồ	Dương quy
Nhân sâm	Hoàng cầm
Bạch thược	Dại hoàng
	Cam thảo

đều nửa lạng

Các vị trên, nhai ra, tùy theo trẻ lớn bé mà thêm bột, sắc với gừng mà uống.

171- NGƯU HOÀNG HOÀN CỦA HỌ TIỀN

Hùng hoàng (nghiên ra phi với nước)	
Thiên trúc hoàng	2 đồng
Khiên ngư (tán bột)	1 -

Các vị trên, cùng nghiền lại, hồ bột mì làm hoàn, to bằng hạt gạo, mỗi lần uống từ 3 viên đến 5 viên, với nước bạc hà.

172- ĐỊA CỐT BÌ TÁN

Địa cốt bì	Tiền hồ
Phục linh	Bán hạ
Cam thảo	Nhân sâm
Sài hồ	Tri mẫu

Các vị trên, đều bằng nhau tán bột, mỗi lần uống 2 - 3 viên, với nước đun sôi.

173- LƯƠNG CÁCH TÁN

Liên kiều	1 đồng	Sơn chi	
Phác liêu	2 phân rưỡi	Dại hoàng	đều
Cam thảo	1 đồng rưỡi	Hoàng cầm	5 phân
		Lá tre	
		Bạc hà	

Sắc với nước, cho ít mật vào hòa lẫn mà uống.

174- TƯ THẬN HOÀN

Hoàng bá (tẩm rượu, sao)	2 lạng
Tri mẫu (sao)	3 lạng
Nhục quế	3 đồng

Các vị trên, tán bột, viên với hồ nước, to bằng hạt vừng, mỗi lần uống từ 30 đến 50 viên, với nước nóng, hoặc với nước nguội mà uống cũng được.

175- BẢO ÂM TIẾN

(Nước 2 bát sắc còn 7 phần, uống vào lúc xa bữa ăn).

<i>Sinh địa</i>	đều	<i>Sơn dược</i>	
<i>Thục địa</i>	2 đồng	<i>Xuyên tặc đoạn</i>	đều 1
<i>Bạch thược</i>		<i>Hoàng cầm đồng</i>	rưỡi
<i>Cam thảo</i>	5 phân	<i>Hoàng bá</i>	

176- NHỊ HOÀNG TÊ GIÁC TÁN

<i>Bột tê giác</i>	<i>Chi tử</i>
<i>Dại hoàng</i> (chưng với rượu)	<i>Cam thảo</i>
<i>Câu đằng</i>	<i>Hoàng cầm</i>

Các vị trên, đều nửa lang tán bột, mỗi lần uống 5 phân, với nước nóng tùy đứa trẻ mà thêm bột.

177- TỨ THUẬN THÀNH LƯƠNG ẤM

<i>Xích thược</i>	
<i>Đương quy</i>	đều bằng nhau
<i>Cam thảo</i>	
<i>Dại hoàng</i>	

Mỗi lần một đồng, sắc uống.

178- THANH HÓA ẤM

<i>Bạch thược</i>	đều	<i>Mẫu đơn</i>	
<i>Mạch môn</i>	2 đồng	<i>Phục linh</i>	đều 2 - 3
<i>Thạch lộc</i>	1 đồng	<i>Hoàng cầm</i>	đồng
		<i>Sinh địa</i>	

Sắc uống.

179- TRỪU TÂN ẤM

<i>Hoàng cầm</i>		<i>Chi xác</i>	
<i>Thạch hộc</i>	đều 1 đồng	<i>Trạch tả</i>	5 phân
<i>Mộc thông</i>	cán 2 phân	<i>Tế cam thảo</i>	2 phân
<i>Chi tử</i>			
<i>Hoàng bá</i>			

180- ĐẠI PHÂN THANH ẤM

<i>Phục linh</i>	<i>Trư linh</i>
<i>Trạch tả</i>	<i>Chi tử</i> (gấp bội)
<i>Mộc thông</i>	<i>Chi xác</i>
	<i>Xa tiền</i>

đều 1 đồng

Nước 1 bát rưỡi, sắc còn 7 phần, uống lúc còn ấm và cách xa bữa ăn (trừu tân thang, cách uống cũng như thế).

181- NGỌC TUYỀN TÁN

Thạch cao (dùng sống) 6 lạng

Phấn thảo 1 -

Các vị trên, tán bột rất nhỏ, mỗi lần uống 1 - 3 đồng, với nước mới múc hoặc nước nóng, hoặc nước nhân sâm. Phương này gia thêm 3 đồng chu sa cũng tốt.

182- NGỌC NỮ TIẾN

Thạch cao (đề sống) 3 - 5 đồng *Ngưu tất*

Thục địa 3-5 đồng hoặc 1 lạng *Tri mẫu* đều 1 đồng rưỡi

Mạch môn 2 đồng

Nước bát rưỡi, sắc còn 7 phần, uống ấm hoặc uống nguội.

183- NHÂN SÂM KIẾN TRUNG THANG

Chích thảo *Kẹo mạch nha* 1 lạng

Quế chi đều 3 lạng *Gia thêm:*

Gừng sống *Nhân sâm* 2 lạng

Táo tàu 12 quả *Thuộc dược* 3 lạng

Sắc lửa nhỏ, chia ra mà uống.

184- ĐẠI DOANH TIẾN

Dương quy 2 - 3 hoặc 5 đồng *Chích thảo* 1 đồng

Thục địa 3 - 7 đồng *Đỗ trọng* 2 -

Câu kỷ 2 đồng *Ngưu tất* 1 - rưỡi

Nhục quế 1 - 2 đồng

Nước 2 chén to, sắc còn 7 phần, uống khi còn ấm cách xa bữa ăn.

185- NGŨ VẬT TIẾN

Dương quy 3 - 7 đồng *Xuyên khung* 1 - 3 đồng

Thục địa 3 - 4 đồng *Nhục quế*

Bạch thược 2 đồng

Nước một bát rưỡi, sắc, uống.

186- LỤC VỊ HOÀN

Thục địa 8 lạng *Mẫu đơn*

Sơn thù 4 - *Trạch tả* đều 3 lạng

Sơn dược 4 - *Phục linh*

Các vị trên, đều tán bột riêng, hòa với cao địa hoàng, thêm mật, luyện hoàn, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 79-80 viên vào trước khi ăn với nước sôi.

187- BÁT VỊ HOÀN

<i>Thục địa</i>	8 lạng	<i>Mẫu đơn</i>	
<i>Son thù</i>		<i>Trạch tả</i>	đều 3 lạng
<i>Son dươc</i>	đều 4 lạng	<i>Phục linh</i>	
		<i>Nhục quế</i>	
		<i>Phụ tử</i>	đều 1 lạng

Các vị trên đều tán bột riêng, hòa với cao địa hoàng, gia thêm mật, luyện hoàn, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 70 - 80 viên vào trước khi ăn với nước sôi.

188- TỨ QUÂN TỬ THANG

<i>Bạch truật</i>	<i>Phục linh</i>
<i>Nhân sâm</i>	<i>Chích thảo</i>

Nước một chén sắc đến 7 phần, uống lúc còn ấm và cách xa bữa ăn.

189- TỨ VẬT THANG

<i>Thục địa</i>	<i>Bạch thược</i>
<i>Dương quy</i>	<i>Xuyên khung</i>

Nước một bát rượu, sắc đến 7 phần, uống, khi còn ấm cách xa bữa ăn.

190- BÁT TRẦN THANG

<i>Bạch truật</i>	<i>Dương quy</i>
<i>Nhâm sâm</i>	<i>Thục địa</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Bạch thược</i>
<i>Chích thảo</i>	<i>Xuyên khung</i>

Nước 2 chén, sắc còn một chén, bỏ bã, uống khi còn ấm, cách xa bữa ăn.

191- THẬP TOÀN ĐẠI BỔ THANG

<i>Bạch truật</i>	<i>Xuyên khung</i>	
<i>Phục linh</i>	<i>Thục địa</i>	
<i>Nhân sâm</i>	<i>Hoàng kỳ</i>	
<i>Chích thảo</i>	<i>Nhục quế</i>	
<i>Dương quy</i>	<i>Gừng</i>	3 lát
<i>Bạch thược</i>	<i>Táo</i>	2 quả

Nước 2 chén, sắc còn một chén, uống khi còn ấm.

192- HÓA TRÙNG HOÀN

<i>Dại hoàng</i>		<i>Bình lang</i>	
<i>Đậu đen</i>	đều 1 lạng	<i>Dại phục bì đều</i>	4 đồng
<i>Sơn tra</i>		<i>Lối hoàN</i>	
<i>Nga truật</i>	đều 6 đồng	<i>Đường cát</i>	đều 3 đồng
		<i>Mộc hương</i>	2 -
		<i>Bồ kết</i>	1 -

Tán bột, đun nước sôi hòa thuốc, liệu tùy người lớn nhỏ thực hư mà uống.

193- THOÁT GIÁP TÁN

<i>Ma hoàng</i>		<i>Nhân sâm</i>	
<i>Sài hồ</i>		<i>Xuyên khung</i>	đều 2 phân
<i>Dương quy</i>	đều 3 phân	<i>Phục linh</i>	2 phân rưỡi
<i>Tri mẫu</i>		<i>Cam thảo</i>	4 phân

Long đởm thảo

Chữa chứng sốt nóng nhức đầu, lâu ngày không khỏi, (biểu nhiệt không giải gia thêm ma hoàng, lý nhiệt không giải, gia thêm đại hoàng), gừng, táo làm thang, sắc, uống).

194- HỒNG MIÊN TÁN

<i>Bạch cương tàm</i> (sao)	2 lạng
<i>Thiên ma</i> (dùng sống)	1 miếng
<i>Nam tinh</i> (thái lát, tẩm dầu sao vàng)	2 lạng
<i>Đốt tó mộc</i> (nghiên riêng)	1 lạng rưỡi.

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 1 đồng cân, nước 1 chén con, cho một ít tơ dò (thứ tơ nhuộm son tó mộc) vào, cùng sắc đến khi còn 6 phần, uống lúc còn ấm.

195- TIỂU KHIẾN TRUNG THANG

<i>Bạch thuộc</i>	5 đồng	<i>Cam thảo</i>	2 đồng
<i>Nhục quế</i>	3 -	<i>Kẹo mạch nha</i>	nửa chén

Gừng 3 lát, táo 4 quả, sắc với nước, bỏ bã, cho kẹo mạch nha vào nấu tan ra nước, uống khi còn ấm.

196- TIỂU SÀI HỒ THANG

<i>Sài hồ</i>	3 đồng cân	<i>Nhân sâm</i>	
<i>Cam thảo</i>	7 phân	<i>Hoàng cầm</i>	đều 1 đồng
		<i>Bán hạ</i>	

Gia thêm gừng sống 3 lát, sắc, uống khi còn ấm.

197- ĐẠI SÀI HỒ THANG

<i>Sài hồ</i>	đều 2 lạng	<i>Xích thược</i>	1 lạng 8 đồng
<i>Chỉ thực</i>	2 đồng	<i>Đại hoàng</i>	3 lạng 7 đồng 5 phân
<i>Bán hạ</i>	1 lạng 5 đồng	<i>Hoàng cầm</i>	2 lạng.

Các vị trên, sắc với gừng sống, đại táo hồng, uống vào lúc nào cũng được.

198- ĐẠI HOÀNG HOÀN

<i>Thanh khiên ngưu</i>	(nửa sống, nửa sao)
<i>Xuyên khung</i>	đều nửa lạng
<i>Cam thảo</i>	1 đồng
<i>Đại hoàng</i> (rửa rượu, hấp cơm)	1 lạng.

Các vị trên, tán bột, viên với hồ, to bằng hạt mè, mỗi lần uống vài đồng, với nước mật ấm, uống cho đến khi đi đại tiện lỏng và không lợi thì thôi. Liệu tùy trẻ lớn, bé mà dùng.

199- THÔNG TÂM ẨM

<i>Mộc thông</i>	<i>Sơn chi</i>
<i>Liên kiều</i>	<i>Hoàng cầm</i>
<i>Cỏ mạch</i>	<i>Cam thảo</i>
đều 3 phân	

Bắc đèn, mạch môn mỗi thứ một ít làm thang, sắc mà uống.

200- TÁ BẠCH TÁN

<i>Địa cốt bì</i>	
<i>Tang bạch bì</i> (sao)	đều 2 đồng
<i>Cam thảo</i>	1 đồng

Các vị trên, tán bột, mỗi lần dùng 1, 2 đồng, cho vài chục hạt gạo tẻ vào sắc mà uống.

201- TÁ HOÀNG TÁN

<i>Hoắc hương</i>	7 lá	<i>Phòng phong</i>	đều
<i>Thạch cao</i> (nung)	5 đồng	<i>Sơn chi</i> (sao)	1 lạng
<i>Cam thảo</i>	3 đồng		

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng sắc với nước cho một ít mật vào, trẻ đang bú (anh nhi), thì do người mẹ ch bú uống.

202- LƯƠNG CAN HOÀN (KHUYẾT)

.....

203- CAM LỘ ẨM

<i>Sinh địa</i>	<i>Lá tỳ bà</i>
<i>Thục địa</i>	<i>Chỉ thực</i>
<i>Nhân trần</i>	<i>Hoàng cầm</i>
<i>Thiên môn</i>	<i>Thạch học</i>
<i>Mạch môn</i>	<i>Cam thảo</i>

đều bằng nhau. Sắc mà uống.

204- BÁT CHÍNH ẨM

<i>Dại hoàng (chưng với rượu)</i>	<i>Cỏ mạch</i>
<i>Xa tiền</i>	<i>Biến súc</i>
<i>Sơn chi</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Mộc thông</i>	<i>Hoạt thạch (nướng)</i>

đều 1 đồng

Các vị trên, tán bột, mỗi lần uống 2 đồng sắc mà uống.

205- BẢO NGUYÊN THANG

<i>Hoàng kỳ</i>	1 đồng rưỡi
<i>Nhân sâm</i>	1 đồng
<i>Cam thảo</i>	5 phân

Sắc mà uống.

206- BẠI ĐỘC TÁN

<i>Sài hồ</i>	<i>Khuong hoạt</i>
<i>Tiền hồ</i>	<i>Độc hoạt</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Phục linh</i>
<i>Chỉ xác</i>	<i>Cát cánh</i>
	<i>Nhân sâm</i>

đều 1 lạng

Cam thảo nửa lạng

Các vị trên, mỗi lần uống 2 đồng, với nước nấu gừng sống và bạc hà.

207- LAI BẮC DAN

Lưu hoàng, tiêu thạch, đều 1 lạng, tán bột, cho vào trong cái xanh con đụn lửa nhỏ, sao ẩm, dùng cành liễu quấy không ngừng tay, làm cho khí âm dương cùng hút vào nhau, lại nghiền nhỏ ra, cho các vị ngũ linh chi, thanh bì, quất hồng, trần bì vào, mỗi vị 2 lạng, tán bột, sau cho 1 lạng bột huyền thạch hòa đều với bột lưu hoàng, tiêu thạch, viên với hồ giấm, to bằng hạt đậu Hà lan, mỗi lần uống 30 viên, vào khi đói, với nước cơm, nếu quá lắm thì dùng 50 viên, trẻ con 3 - 5 viên, hoặc 1 viên.

208- HÀ XA HOÀN

Tử hà xa tức là cái rau thai, lấy cái béo tốt 1 chiếc, rửa sạch, nấu kỹ cho nhừ, nghiền tan ra, cho bột nhân sâm và đương quy vào hòa đều làm hoàn, to bằng hạt khiếm thực, mỗi lần uống 5 - 6 viên, với sữa.

209- THÁI ẤT HOÀN

<i>Cát cánh</i> (sao)	1 lạng	<i>Bạch chỉ</i>	
<i>Lá hoắc hương</i>		<i>Xuyên khung</i>	đều 2 đồng
<i>Biển đậu trắng</i> (sao)	đều nửa lạng		

Tán bột, viên với mật, to bằng hạt củ súng, thần sa làm áo, mỗi lần uống một viên, mài với nước nấu bạc hà, đại tiện ra phân xanh trắng thì uống với nước táo; khốc đêm, thì uống với nước bắc đền và câu đắng, gia thêm bạch truật, bạch thược, phục linh càng tốt.

210- CHỈ TRUẬT HOÀN

<i>Bạch truật</i>	4 lạng
<i>Chỉ thực</i>	2 -

Tán bột, bọc lá sen đem nướng cho như bết, viên với cơm, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 40 - 50 viên, vào khi đói, với nước đun sôi.

211- NHỊ TRẦN THANG

<i>Bán hạ</i>	1 đồng	<i>Phục linh</i>	3 đồng
<i>Quất bì</i>	5 đồng	<i>Cam thảo</i>	1 - 5 phân

Các vị trên mỗi lần uống 2 - 3 đồng gia thêm ô-mai 1 quả, và gừng táo sắc uống.

212- THANH HAO ẤM

<i>Thanh hao</i>		<i>Hành trắng</i>	
<i>Cành đào</i>	đều một nắm	<i>Cam thảo</i>	đều 3 tác

Dùng 2 bát tiểu tiện trẻ con, sắc đến khi còn 1 bát rượu, lọc bỏ bã, cho 1 phân 1-ngũy vào, lại đun sôi 2, 3 dạo, chia làm 2 phần, tới khi uống, cho 5 đồng bột bình lang vào hòa lẫn mà uống; nếu sau khi tim buồn bực chực nôn, thì làm cho tim yên đã, sẽ lại uống thêm 1 lần nữa. Giống trùng định ra, người đưa thuốc không nên cùng đứng với người có bệnh, sợ rằng giống trùng làm hại đến người. Nếu đàn ông bị bệnh thì đàn bà sắc thuốc, đàn bà bị bệnh thì đàn ông sắc uống, kiêng thấy gà, chó và loài ác vật. Người bị bệnh đều nên cho uống 3 lần, trong 1 năm nên uống 5 lần, thì căn bệnh sẽ trừ hết.

213- BÌNH VỊ TÁN

<i>Hậu phác</i> (tẩm nước gừng)	1 đồng
<i>Trần bì</i>	1 đồng
<i>Cam thảo</i>	8 phân
<i>Thương truật</i> (tẩm nước cơm, sấy)	2 đồng

Thêm gừng sống 3 lát, sắc uống.

214- KHÁI TỶ HOÀN

<i>Nhân sâm</i>		<i>Trần bì</i>	
<i>Bạch truật</i>		<i>Trạch tả</i>	đều
<i>Phục linh</i>	đều	<i>Sơn tra</i>	5 đồng
<i>Sơn duộc</i>	1 lạng	<i>Cam thảo</i>	
<i>Liên nhục</i>			

Tán bột, viên với mật, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 1 viên, vào khi đói.

215- BẢO LONG HOÀN

<i>Dâm linh</i>	1 lạng	<i>Hùng hoàng</i>	đều 2
<i>Thiên trúc hoàng</i>	5 đồng	<i>Thần sa</i>	đồng rưỡi
		<i>Xạ hương</i>	chút ít.

Các vị trên, tán bột dùng cam thảo 1 lạng nấu cao làm viên, to bằng hạt khiếm thực uống với nước bạc hà hoặc bắc đèn.

216- LÝ TRUNG HOÀN

<i>Nhân sâm</i>	<i>Tiêu khuông</i>
<i>Bạch truật</i>	<i>Chích thảo</i>

Các vị trên, tán bột, viên với hồ bột mì, to bằng bột đậu xanh, mỗi lần uống 10 viên với nước cơm, hoặc 1-2 viên, bất kỳ lúc nào uống cũng được.

217 - A GIAO HOÀN

<i>Minh-a-giao</i> (sao với bột mì, có thể bỏ khi bất túc)	1 lạng
<i>Mã đầu linh</i> (chủ chữa phế nhiệt, ho, làm cho mát phổi bổ phổi)	5 đồng
<i>Gạo nếp</i>	1 lạng
<i>Chích thảo</i>	1 đồng
<i>Hạnh nhân</i> (bỏ vỏ và đầu nhọn, dùng chữa suyễn là đề trị khí)	7 phân
<i>Thủ niệm tử</i>	2 đồng 5 phân
Tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, sắc mà uống.	

218- CỐ TRƯỞNG HOÀN

<i>Long cốt</i>	đều	<i>Xích thạch chi</i>	đều
<i>Phụ tử</i>	3 lạng	<i>Dinh hương</i>	1 lạng
<i>Khô phàn</i>	đều		
<i>Kha tử</i>	3 lạng	<i>Bạch đậu khấu</i>	đều 6
<i>Luang khuông</i>	1 lạng	<i>Sa nhân</i>	đồng rưỡi
<i>Mộc hương</i>	5 đồng		

Tán bột, viên với hồ giấm, to bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 30 viên với nước cơm.

219- CHÂN NHÂN DƯƠNG TẠNG THANG

<i>Cù túc xác</i>	1 đồng 8 phân	<i>Nhục đậu khấu</i>	2 đồng rưỡi
<i>Nhân sâm</i>	đều	<i>Mộc hương</i>	7 phân
<i>Dương quy</i>	3 phân	<i>Bạch thược</i>	8 -
<i>Bạch truật</i>		<i>Can khương</i>	đều
<i>Kha tử</i>	6 phân	<i>Nhục quế</i>	4 phân.

220- HOÀNG CẦM THUỘC DƯỢC THANG

<i>Hoàng cầm</i>	3 đồng
<i>Thuộc dược</i>	2 -
<i>Cam thảo</i>	5 phân
<i>Táo</i>	2 quả. Sắc mà uống.

221- QUAN ÂM TÁN

<i>Nhân sâm</i>	1 đồng	<i>Bạch truật</i>	
<i>Liên nhục</i>	đều	<i>Hoàng kỳ</i>	đều
<i>Thần khúc</i>	2 phân	<i>Mộc hương</i>	1 phân
<i>Phục linh</i>	1 phân rưỡi	<i>Biển đậu trắng</i>	
		<i>Cam thảo</i>	

222- CHUYỂN KINH HOÀN

<i>Nhân sâm</i>		<i>Nam tinh</i>	đều
<i>Phòng phong</i>	đều	<i>Thiên ma</i>	2 đồng
<i>Bạch phụ tử</i>	1 đồng		
<i>Cương tằm</i>			
<i>Toàn yết</i>			

Các vị trên, tán bột, nấu hồ bột mì làm hoàn, to bằng hột ngô đồng, mỗi lần uống 10 viên, với nước gừng.

223- THƯ TÂM HOÀN

Dùng một quả tim heo đực, lấy 3 tia máu chỗ đầu ống tim, hòa với 1 đồng cân cam toại cho vừa đều, đem chiếc tim heo trên thái lấy một bên, cho bột cam toại trên vào trong, dùng chỉ buộc chặt, bên ngoài lấy giấy ướt và lá sen gói lại, dùng lửa nhỏ nướng chín, không nên để chín quá, rồi lấy bột cam toại ra, cho 5 phân chu-sa vào cùng nghiền, rồi viên thành 4 viên, mỗi một viên, dùng nửa tim lợn nướng lên rồi nấu nước mà uống. Còn 3 viên sau, mỗi viên cũng dùng riêng nửa tim lợn nấu nước mà uống như trên. Bệnh nặng thì chỉ giữ nguyên phương này, bệnh nhẹ thì gia thêm 1 viên tô hợp hương, uống quá nửa ngày không thấy chuyển bệnh, lại uống thêm 1 lần nữa, nếu đại tiện đã ra được chất độc, thì thôi ngay.

224- NGŨ SẮC HOÀN

<i>Ngưu sa</i>	đều	<i>Thủy ngân</i>	đều
<i>Chân sa</i>	5 đồng	<i>Hùng hoàng</i>	1 đồng
<i>Hắc duyên</i>	3 lạng (cùng với thủy ngân kết thành sỏi).		

Các vị trên, tán bột, luyện với mật làm viên, to bằng hột mè, mỗi lần uống 3 - 4 viên, với nước sắc kim ngân và bạc hà.

225- DỤ HÀNH HOÀN

<i>Mạch môn</i>	<i>Cát căn</i>
<i>Ô mai</i>	<i>Nhân sâm</i>
	<i>Cam thảo</i>

Viên với mật mỗi lần cho ngậm 1 viên, cho tan ra chớ uống nước nguội, vì uống thì bụng sẽ bị đầy trướng.

226- TÔ CÁT HOÀN

<i>Hương phụ</i>	<i>Cam thảo</i>
<i>Trần bì</i>	<i>Cát căn</i>
<i>Tử tô</i>	<i>Xích thược</i>
	<i>Thăng ma</i>

đều 5 phân. sắc nước gừng, hành, uống khi còn nóng.

227- ÍCH NGUYÊN TÁN

<i>Hoạt thạch</i>	6 đồng
<i>Cam thảo</i>	1 -

Mỗi lần uống 5 - 6 phân, hòa với nước đun sôi mà uống.

228- THẮNG DƯƠNG ÍCH VỊ THANG

<i>Hoàng kỳ</i>	2 đồng	<i>Bạch truật</i>	3 phân
<i>Nhân sâm</i>	1 -	<i>Trần bì</i>	4 -
<i>Cam thảo</i>	1 -	<i>Sài hồ</i>	3 -

Gia khương hoạt, độc hoạt, phòng phong (đều 5 phân), phục linh, trạch tả (khát thì dùng dùng), bán hạ, 1 đồng hoàng liên, (1 phân) bạch thược (5 phân), sắc với gừng táo mà uống.

229- TIÊU TÍCH HOÀN

<i>Sử quân tử</i>	5 quả	<i>Ba đậu</i> (bỏ vỏ, lõi, màng)	2 hột
<i>Đinh hương</i>		<i>Ô mai</i>	3 quả.
<i>Súc-sa-nhân</i>	đều 12 hột		

Các vị trên, tán bột, viên với hồ bột mì, to bằng hột gạo, mỗi lần uống 3 viên, với nước quất bì.

230- HỒNG TỬ HOÀN

<i>Nga truật</i>	đều	<i>Thanh bì</i>	đều
<i>Tam lăng</i> (nấu với giấm)	2 lạng	<i>Trần bì</i>	5 lạng
<i>A ngù</i>	3 phân	<i>Cam khương</i>	đều
		<i>Hồ tiêu</i>	2 lạng

Các vị trên, tán bột, viên bằng hồ bột gạo cũ to bằng hạt ngô đồng, phèn đỏ làm áo mỗi lần uống 100 viên, với nước gừng sống và cam thảo.

231- CHỈ THỰC LÝ TRUNG HOÀN

<i>Chỉ thực</i>	10 lạng	<i>Phục linh</i>	
(sao với bột mì)		<i>Nhân sâm</i>	đều
		<i>Bạch truật</i>	2 lạng
		<i>Can khương</i>	
		<i>Cam thảo</i>	

Các vị trên tán bột, luyện mật làm viên, to bằng quả nhãn, mỗi lần uống 1 viên, với nước đun sôi uống luôn 2 - 3 lần, thì trong bụng khoan khoái. Khát thì gia Qua lâu căn 1 lạng. Tự đổ mồ hôi thì gia mấu lệ 2 lạng (nung qua). Di lý cũng gia.

232- ĐẠI THẤT KHÍ THANG

<i>Tam lăng</i>	<i>Hoắc hương</i>
<i>Nga truật</i>	<i>Cát canh</i>
<i>Thanh bì</i>	<i>Quan quế</i>
<i>Trần bì</i>	<i>Ích tri</i>

đều 1 đồng

<i>Cam thảo</i>	7 phân rưỡi
<i>Hương phụ</i>	1 đồng rưỡi.

Sắc với gừng, táo mà uống.

233- TAM BẠCH TÁN

<i>Phục linh</i>	2 lạng	<i>Tang bạch bì</i>	
		<i>Bạch truật</i>	đều
		<i>Mộc thông</i>	5 đồng
		<i>Trần bì</i>	

Tán bột, mỗi lần uống 2 đồng, với nước gừng.

234- LƯU KHÍ ẤM TỬ

<i>Tử tó</i>	
<i>Ô dược</i>	đều
<i>Thanh bì</i>	5 phân
<i>Cát căn</i>	

<i>Trần bì</i>	<i>Hoàng kỳ</i>
<i>Phục linh</i>	<i>Chỉ thực</i>
<i>Đương quy</i>	<i>Bán hạ</i>
<i>Bạch thược</i>	<i>Phòng phong</i>
<i>Xuyên khung</i>	<i>Cam thảo</i>

đều 7 phân

Dại phúc tử 1 đồng.

Mộc hương 2 phân rưỡi.

Một phương nửa có Chỉ thực, bình lang mỗi vị 5 phân, sắc với gừng táo mà uống.

235- THANH MỘC HƯƠNG HOÀN

<i>Hắc sừ</i>	<i>Thanh mộc hương</i>	1 lạng
<i>Bổ cốt chi</i>	đều	
<i>Tất trùng già</i>	2 lạng	
<i>Bình lang</i>		

Nếu lạnh thì bỏ hắc sừ bình lang, gia ngô thù, hương phụ tán bột, viên với nước, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 50 viên, vào lúc đói, với nước mỗi.

236- TIÊU PHONG HOÀN

<i>Dâm tình</i>	2 đồng	<i>Nhân sâm</i>
<i>Khuong hoạt</i>		<i>Kinh giới</i>
<i>Độc hoạt</i>		<i>Xuyên khung</i>
<i>Phòng phong</i>		<i>Tế tân</i>
<i>Thiên ma</i>		

đều 1 đồng.

Các vị trên tán bột, viên với mật, to bằng hạt ngô đồng, mỗi lần uống 1 viên, với nước bạc hà, tử tô.

237- TRẦN TÂM HOÀN

<i>Nha tiêu</i> (thú trắng)	đều 1	<i>Sơn duộc</i>	đều
<i>Nhân sâm</i> (bỏ đầu núm)	lạng	<i>Phục linh</i>	2 lạng
<i>Hàn thủy thạch</i> (nung)	đều 1	<i>Chu sa</i>	
<i>Cam thảo</i>	lạng rưỡi	<i>Băng phiến</i>	đều 1
		<i>Xạ hương</i> (ba vị)	đồng
			đều nghiền ra)

Các vị trên tán bột, viên với mật, to bằng cái đầu gà. Nếu ăn màu đỏ thì dùng 2 đồng sáp bôi môi (yên chi) cho vào nguyên chất thuốc trên kia, uống từ nửa viên đến một hoặc hai viên, với nước ấm vào lúc sau bữa ăn.

HẾT QUYỀN HÒA

HẢI THUẬN Y TÔNG TÂM LĨNH

(Quyển cuối)

THƯỢNG KINH KÝ SỰ

(KỂ CHUYỆN LÊN KINH)

TỰA *

Trong nước ta, không ai là không nghe nói đến Hải Thượng Lãn Ông. Nhân dân thường gọi tắt là cụ Hải Thượng hay cụ Lãn Ông. Trong cách gọi thân mật này bao hàm ý nghĩa biết ơn đối với con người lỗi lạc.

Hải Thượng Lãn Ông là hiệu của Lê Hữu Trác. Ông sinh năm 1720, con quan Thượng (1) người làng Liên Xá, huyện Đường Hào, tỉnh Hải Dương (nay thuộc huyện Yên Mỹ tỉnh Hải Hưng). Vì là con thứ bảy nên người đương thời gọi là "cậu Chiêu Bảy".

Chúng ta biết rằng trong thời Lê末, xu thế chung của tầng lớp sĩ phu là chạy theo khoa cử, như Lê Quý Đôn nói: "Người ta đạp nhau chết ở cổng trường thi". Xu thế này lôi cuốn tất cả mọi người. Nhưng tại sao "cậu Chiêu Bảy" lại có thể trở thành một "Lãn Ông" một "ông già lười biếng" đối với danh lợi? Có nhiên sự biến đổi này không phải là xảy ra trong một buổi sáng, mà phải có một quá trình.

Lê Hữu Trác lớn lên thì gặp cảnh nước nhà rối loạn. Thời Lê末 đang bước vào giai đoạn khủng hoảng trầm trọng. Lê Duy Mật nổi lên ở Thanh Hóa, quận he, quận hẻo nổi lên ở Hải Dương, Sơn Tây. Sau khi cha mất, Lê Hữu Trác học tập binh thư với xử sĩ họ Vũ ở Đặng Xá, tỉnh Hải Dương và sau đó từng quân lập nhiều thành tích rất được thống tướng tin yêu. Nhưng được nhìn tận mắt, những cảnh chiến tranh vô nghĩa, ông đã thấy chán. Nhân có tin người anh ở quê mẹ đã mất, không có ai nuôi mẹ già đã ngoài 70, ông vội vàng về quê mẹ để nuôi mẹ ở Hương - Sơn. Nhưng chỉ khi tung hoành cũng vẫn chưa hết. Người ta kể lại gặp lúc rảnh ông lại đem binh thư ra xem, cầm gương ra múa. Bấy giờ ông có làm bài thơ:

Thập niên ma nhất kiếm
Phong nhấn chính quang mang.
Sát khí hoành ngư đấu,
Nghiêm uy động tuyết sương
Nhập Tàn kỳ bất khả
Quy Hán diệc vị hoàng
Hồ hải không phiêu đẳng,
Tràng chi thành đại cường.

Dịch:

Mười năm mài chiếc kiếm
Sắc bén rực hào quang
Sát khí xông ngư đấu,
Hùng uy động tuyết sương.
Vào Tàn đã không phải,
Về Hán còn phân mang.

* Lần in này chúng tôi có chỉnh lý một vài chỗ nhỏ (Nxb).

(1) Lê Hữu Mưu đỗ tiến sĩ, làm thị lang bộ Công, truy tặng thượng thư.

Hồ hải lưỡng trời dật,
Chỉ mạnh hóa ngồng cuồng (1).

- Trong bài thơ này thấy rõ cái công danh vẫn chưa hết. Nó vẫn làm ông day dứt khổ sở. Nhưng một việc xảy ra, thay đổi tất cả cuộc đời của ông. Nó khiến nhà thơ cất hẳn "thanh gươm đã mài mười năm". Ông về quê mẹ chẳng bao lâu thì mắc bệnh nặng, không thuốc gì chữa khỏi, phải sang huyện Thanh Sơn nhờ Trần y cứu chữa. Bệnh kéo dài mấy năm. Nhưng cũng do đó mà ông chú ý đến các sách thuốc. Dần dần, ông thấy trên đời ngoài việc luyện câu văn cho hay, mài thanh gươm cho sắc, lại còn việc đem hết tâm lực ra chữa bệnh cho người cũng là một việc nên làm. Vốn tư chất thông minh, lại được Trần y sĩ là một danh nho và một danh y sẵn lòng chỉ bảo, chẳng bao lâu ông thành một thầy thuốc có tiếng. Lại bản tính kiên nghị khác thường, cho nên một khi đã dốc hết tâm trí vào y đạo, thì ông gác bỏ tất cả, cho lợi danh là phù vân, suốt ngày học tập, không sách thuốc nào không học. Năm Cảnh Hưng thứ 17, ông lặn lội lên Kinh để tìm thầy học thuốc, nhưng không gặp được bậc cao minh, đành phải trở về Hương Sơn.

Khác mọi thầy thuốc xem việc làm thuốc là một cái nghề kiếm ăn, mưu sống, ông muốn nghề thuốc của ông phải có phần đóng góp với đời, xây dựng được một sự nghiệp đối với nền y học nước nhà: "Mình đã trót làm ông thầy thuốc thì phải làm cho hết cái sức của mình, dựng lên một lá cờ trong y giới". Ông bền quyết tâm kết hợp tất cả các sách thuốc của Trung Hoa, khảo sát tình hình các dược liệu ở Việt Nam, phong thổ và người Việt Nam mà viết ra một bộ sách thích hợp với nhân dân Việt Nam. Bộ sách ấy là một công trình đồ sộ gồm 28 tập, 66 quyển nhan đề "Lân Ông tâm tỉnh" (2). Ông viết nó trong 26 năm lao tâm tiêu tứ. Đó là sự nghiệp của cả cuộc đời chuyên tâm vào y học với một mục đích cao quý: xây dựng cho kỳ được một nền y học thực sự thích hợp với dân tộc. Muốn đánh giá ông, phải đánh giá ở sự đóng góp to lớn của ông vào khoa học nước nhà. Ông là một người ẩn sĩ nhưng không phải là một ẩn sĩ "độc thiện kỳ thân". Ở ẩn đối với ông trong hoàn cảnh ấy là một phương tiện, phương tiện duy nhất. Có thoát khỏi xiềng xích của lợi danh phong kiến, thì mới có thể xây dựng được nền y học của nhân dân. Nếu mắc phải một chức quan trong triều đình, thì một đời phải ra vào luồn cúi, còn thì giờ đâu lo đến học thuật. Đó là ý chính cần chú ý khi đọc tập ký sự của ông. Không nên xem "Lân Ông" chỉ là một cụ già lười biếng tầm thường. Mà trong phạm vi hoàn cảnh bấy giờ, việc lui về kiên quyết chối từ mọi tước lộc cũng là một việc làm của một người có nhân cách cao thượng.

Bộ "Tâm lĩnh" của ông chưa in thì đã có người chép tay từng phần truyền nhau cho học, có người đã lập bàn thờ sống để tỏ lòng biết ơn đối với tác giả. Xem thế đủ biết nó có giá trị và được hoan nghênh như thế nào.

(1) Diễn xuôi: mười năm mài một lưỡi gươm.

Mũi nhọn sắc tỏa hào quang,

Sát khí xông lên sao ngưu, sao đầu,

Nghiêm uy lộng đến tuyết sương,

Vào Tần đã là một việc không nên.

Về Hán cũng còn phân vân chưa tiện (ý nói theo Trình thì không phải mà theo Lê thì chưa tiện)

Luống phiêu bạt nơi giang hồ,

Chỉ mạn hóa ra một người rất ngồng cuồng.

(2) Túc Hải Thượng y tông tâm lĩnh.

Ngoài việc soạn sách, ông còn mở trường dạy thuốc để truyền bá y đạo. Năm ngoài 60 tuổi, ông được chúa Trịnh triệu lên Kinh. Ông ở Kinh ngót một năm rồi lại trở về Hương Sơn. Quyển Thượng kinh ký sự chính là chép lại câu chuyện ông lên Kinh này. Về sau quyển này được in phụ vào bộ Tâm lĩnh.

Ông mất thọ 70 tuổi, sau khi để lại một sự nghiệp lớn về y học có một không hai trong lịch sử ta ngày trước. Công hiến của ông về y học rất nhiều và rất lớn. Nhưng nó ở ngoài phạm vi bài giới thiệu này.

Ở đây chúng tôi chỉ nói về văn sĩ Lãn Ông, tác giả tập "Thượng kinh ký sự".

Như ta đã thấy, Lãn Ông không chỉ là một thầy thuốc lỗi lạc. Ông còn là một nhà thơ và một nhà văn xuất sắc bậc nhất của thời Lê mạt.

Tập "Thượng kinh ký sự" này giới thiệu một cách rất sinh động thi sĩ Lãn Ông, đồng thời nó nói đến cái xã hội quý tộc thời Lê mạt trước khi xảy ra những biến động lớn: cuộc nổi dậy của Kiều binh và những hậu quả của nó.

Như cái tên của tác phẩm, nó là một tập ký sự khá đơn giản. Tác giả kể lại cuộc hành trình của mình lên Kinh để chữa bệnh cho thế tử Trịnh Cán và chúa Trịnh Sâm, kể lại thời gian sống ở kinh thành Thăng Long, giao du với các công khanh nho sĩ, kể lại mọi sự cố gắng của mình để thoát khỏi vòng danh lợi và cuối cùng được quay về núi cũ.

Nhưng tập ký sự có vẻ vắn tắt này lại có một giá trị khá lớn với đối với văn học và sử học.

Giá trị của văn học của nó là ở chỗ nó làm ta thấy một cách sâu sắc con người Lãn Ông.

Con người Lãn Ông trước hết là một con người kiên nghị. Ông kiên quyết đem tất cả cuộc đời cống hiến cho sự nghiệp y học, muốn đem sở đắc của mình truyền bá với đời. Chính vì vậy ông xem công danh như mây nổi, nghe đến việc làm quan thì "lạnh cả gáy". Trước sau ông chỉ muốn làm một người bình thường và có ích. Tuy chân bước lên kinh, nhưng lòng vẫn nhớ quê nhà, núi cũ. Đối với núi cũ, cũng như đối với người xưa bao giờ ông cũng chân thành. Chính cái chí kiên nghị và cái lòng chân thành của ông đã cảm hóa được nhiều người đương thời và ngày nay đọc lại ta vẫn thấy ông rất gần chúng ta.

Con người Lãn Ông là một nhà thơ ẩn dật. Thơ của ông rất hay. Không trách những văn nhân công khanh đương thời ai được họa thơ với ông cũng đều cho là một vinh hạnh lớn ở đời. Lời thơ mới mẻ, từ thơ man mác, ngó thì đạm bạc nhưng ý vị vô cùng. Có cái vẻ đẹp của bóng trăng lên trên núi, cái khí thanh của gió trên sóng. Đọc lên, nhắc người ta nhớ tới Lý Bạch. Phải có một tình yêu thiên nhiên sâu sắc, phải là một tâm hồn chân thành mới có những bài thơ như thế.

Con người Lãn Ông lại là một nhà văn có giá trị. Ngày xưa, học chuộng về từ chương không mấy ai viết văn tự sự kể những việc hàng ngày. Quyển này gần như là quyển duy nhất trong nghề văn học cổ. Ở đây người thực chép việc thực. Văn của Lãn Ông là một lối văn tỉnh tế. Ngó qua thì hơi lạt nhìn kỹ thì rất sinh động. Nó cũng như con người Lãn Ông, ngó qua tưởng đâu là một kẻ tu hành muốn trốn việc đời. Lúc nhìn kỹ lại là một người hồn nhiên, vui vẻ rất tha thiết với cuộc sống, rất yêu đời. Xếp quyển

sách lại, đồ ai quên các nhân vật. Đoạn tác giả thăm bệnh quan Tham tụng tả binh, đoạn tác giả về làng, đoạn tác giả vào phủ chữa bệnh cho chúa Trịnh chẳng như vẽ đó sao?

Nhưng đối với đời sau, nó lại còn quý giá ở chỗ nó vẽ lại những sự thực của lịch sử. Nó làm ta thấy lại một cách sinh động cuộc sống của chúa Trịnh, sinh hoạt giao du của tầng lớp công khanh, nho sĩ, nó miêu tả lại những con người có một vai trò nhất định trong lịch sử thời Lê mạt: Trịnh Sâm, Trịnh Cán, Hoàng Đình Bảo, nó làm ta thấy lại thành Thăng Long cách đây hai trăm năm, trong đó có nhiều di tích nay không còn nữa. Đó là những điều không thể có được trong một quyển sử cũ.

Ở các nước, những quyển ký sự của người đương thời là những tài liệu rất quý báu để người đời sau có một cái nhìn sinh động về thời đã qua. Tương không nên xem như là một câu chuyện phiếm của thầy thuốc Lân Ông.

Được sự ủy thác của Nhà xuất bản Văn hóa, chúng tôi cố gắng dịch lại tập ký sự này. Tự trung có một vài điểm cần trình bày:

Sách gồm có phần ký sự, phần thơ và các đơn thuốc.

1. Phần ký sự thì chúng tôi dịch hết.

2. Phần thơ gồm những bài thơ của tác giả và những bài thơ người đương thời học lại. Những bài thơ của tác giả có thể làm người đọc thấy thi tài, tâm sự của nhà thơ và những bài thơ có giá trị của người đương thời chúng tôi đều dịch. Còn những bài thơ chỉ có tính chất từ tạc của người đương thời, nếu không được hay và những bài thơ của tác giả nghĩa không được rõ thì chúng tôi không dịch.

3. Về phần các đơn thuốc, chúng tôi chỉ cố ý dịch những đơn thuốc chính liên quan đến câu chuyện lên Kinh mà thôi.

Trong nguyên bản không chia ra các chương, chỉ viết một mạch từ đầu đến cuối. Chúng tôi chia ra các chương để bạn đọc theo dõi cho tiện.

Nhưng dù thêm hay bớt, chúng tôi cũng cố hết sức cung cấp một bản dịch trung thành với nhà thuốc, nhà văn và thi sĩ Lân Ông. Việc làm của chúng tôi cố nhiên không thể khỏi thiếu sót rất mong các bạn bổ chính cho.

Cuối cùng, chúng tôi cảm ơn cụ Bùi Kỳ đã duyệt lại bản dịch.

NGƯỜI DỊCH

GIẤ NHÀ LÊN KINH

Tháng giêng, năm Nhâm dần, niên hiệu Cảnh Hưng thứ 43 (1), gặp lúc trời xuân sáng láng, hoa cỏ tốt tươi mấy cây ở trước sân nhà U trai của tôi nở hoa, kết quả, tuyết rủ hương bay... Trong cái ao ở mé tây vườn, đàn cá tung tăng ra dớp nhưng vành trăng nhấp nhô trên sông. Chim oanh qua lại, vun vút như thoi đưa, bay vào lùm cây mát rượi. Tôi thường dắt tiểu đồng lên núi. Tha hồ ngắm cảnh khói mây để tiêu khiển: hoặc ngồi ở đình Nghênh phong (2) mà buông câu; hoặc ngồi ở lầu Tị Huyền (3) mà gảy đàn; hoặc ngồi ở đình Tối Quảng (4) mà đọc sách; hoặc ngủ trước bàn cờ ở nhà Di chân (5). Tha hồ vui thú! Thường ngà ngà say mới về nhà.

Ngày 12, thấy quan Thự trấn (6) cho hai người sai nhân đến nói:

- Quan lớn tôi có lời mừng cụ.

Tôi chẳng biết việc gì, bóc thư xem. Thấy có hai cái giấy. Một cái là bản sao lời chỉ truyền:

"Quan nội sai Bình phiên Trạch trung hầu vâng lời chỉ, truyền cho quan Thự trấn Nghệ - an là Côn Linh hầu phải tìm một người quê ở xa Liêu Xá huyện Đường Hào, con quan Thượng thư họ Lê, tên là Lê Hữu Trác, tục gọi là ông Chiêu Bầy. Hiện nay ông ta ngụ cư ở quê mẹ, xã Tĩnh Diệm, huyện Hương Sơn.

Tìm được người này, phải sai lính ở trấn hộ vệ đưa ngay lên Kinh đợi mệnh.

Nay chỉ truyền

Ngày 29 tháng 11 năm Cảnh Hưng thứ 42

Một cái nữa là thư do chính tay quan Thự trấn viết, đại lược nói:

Một anh học trò nơi thôn xóm, bỗng nhiên tiếng tăm động đến Cửu trùng tiền đồ rất có triển vọng, mừng khôn xiết kể".

Lại nói:

"Có vương lệnh thì phải đi gấp. Lên đường ngay hôm nay. Đến trấn Vinh Dinh đã có lính trấn ở đấy sẵn sàng cùng lên đường".

Người sai nhân nói thêm:

(1) 1781.

(2) Đình Nghênh phong: đình đón gió.

(3) Lầu Tị huyền: lầu tránh ồn ào.

(4) Đình Tối quảng: đình rất rộng.

(5) Nhà Di chân: nhà vui thú tự nhiên. Nhà Nho xưa thường đặt tên những nơi mình ở để ngụ ý mình.

(6) Quan Thự trấn: đời Lê gọi tỉnh bằng trấn. Bấy giờ huyện Hương Sơn thuộc về tỉnh Nghệ An. Thự trấn đời Lê cũng như Tổng đốc đời Nguyễn là thủ hiến một tỉnh.

- Đây là quan Chánh đường (1) thấy Đông cung Vương thế tử (2) mắc bệnh đã lâu nên cử cụ vào chữa. Việc này không phải việc thường! Phải đi gấp không kể ngày đêm mới được.

Tôi thấy sự việc quan trọng như thế, lo sợ vô cùng người cứ như ngẩn như ngờ mất nửa giờ. Người nhà biết việc nhà này, xôn xao bàn tán. Kẻ hiểu cho thì lo thay cho tôi. Kẻ không hiểu cho thì mừng thầm cho tôi.

Nguyên 4, 5 năm trước đây, quan Chánh đường làm quan ở Hoan Châu (3) có mời tôi chữa bệnh. Ông đãi tôi vào bậc khách quý: ngồi kê sát chiếu, ăn uống rất trọng hậu. Sau đó, ông dẹp giặc biến thành công, về triều làm đến tam công, được tin dùng không ai bằng. Được tin này, mấy năm nay trong lòng tôi vẫn cứ áy náy lo nghĩ một mình. Tôi thường nói với học trò:

- Thế nào ta cũng phải lên Kinh một chuyến, đàn phải bận rộn ở chốn phồn hoa đô hội mà phụ phàng với cỏ hoa nơi núi cũ.

Cơ sự hôm nay đã như thế rồi. Riêng tôi, tôi chỉ ân hận: sao mình đã đi ở ẩn mà còn chưa ẩn cho kín? Nhưng ông ta vốn có cái tài của Chu công ngày xưa, thường rất khiên tốn đối với kẻ sĩ trong thiên hạ nữa là đối với mình. Có người an ủi tôi, nói:

- Cụ xưa nay tinh thâm về cái học về tính và mệnh, nếu không làm được một ông lương tướng thì cũng làm được một ông lương y. Bấy lâu nay, cụ mai anh ẩn tích, cái đó đành là cao thượng. Nhưng nay cứu trùng đã biết, bốn bề nghe danh, đó chẳng phải là một việc kẻ trượng phu mong mỏi hay sao?

Tôi bùi ngùi trả lời:

- Cây kia có hoa nên bị người ta hái; người ta có cái hư danh nên phải lụy về chữ danh. Ví bằng trốn cái danh đi có thú hơn không?

Vì vậy, tôi cứ cánh cánh bên lòng không sao ngủ được, thao thức suốt đêm. Sau lòng lại nhủ lòng:

- Mình thuở trẻ mài gương, đọc sách. Mười lăm năm phiêu bạt giang hồ, không có cái gì là sở đắc. Mình đã xem công danh là vật bỏ, về núi Hương Sơn dựng lều, nuôi mẹ, đọc sách, mong tiêu dao vui thú trong cái vườn đạo lý của Hoàng Đế, Kỳ Bá (4), lấy việc giữ thân mình, cứu giúp người cho là đắc sách lắm. Nay không ngờ lại bị cái hư danh làm lụy đến nông nỗi này.

Rồi tôi lại tự an ủi:

- Mình lao tâm tiêu tứ về đường y học đã ba mươi năm nay mới viết được một bộ "Tâm lĩnh" (5), mình không dám truyền thụ riêng cho ai, chỉ muốn đếm ra công bố cho mọi người cùng biết. Nhưng việc thì nặng, sức lại mỏng, khó mà làm được. Quý thần hiểu thấu lòng mình, chuyến này đi có chỗ mách mẫn đây, cũng chưa biết chừng!

(1) Chánh đường: chức quan cao nhất của chúa Trịnh phong. Đây là Hoàng Đình Bảo, sau này Hoàng Đình Bảo bị kiêu binh giết chết.

(2) Vương thế tử: tức là Trịnh Cán con của Trịnh Sâm và Đặng Thị Huệ.

(3) Hoan Châu: Nghệ An.

(4) Hoàng Đế và Kỳ Bá theo truyền thuyết là hai vị tổ sư của y học đã làm ra bộ "Nội kinh".

(5) Tâm lĩnh: bộ sách thuộc "Tân Ông tâm lĩnh" của Hải Thượng, tức Hải Thượng y tông tâm lĩnh.

Nghĩ như thế, bất giác thấy vui hẳn lên. Bèn tiếp đãi hai người sai nhân và viết thư trả lời quan Thự trấn. Vì ông ta là chỗ quen thân, ông muốn viết hộ tôi một tờ khai nói rõ tôi đã già yếu để xin miễn đi.

Hôm sau, quan Thự trấn lại sai lính đem một lá phiếu đến, ở trong nói:

"Bản chức đã sai một chiếc thuyền đưa cụ theo đường sông đến trạm. Xin cụ đi ngay cho. Dùng dằng sợ có liên lụy".

Con cái trong nhà cũng hết sức van nài. Tôi biết tình thế không đi không được. Bèn viết giấy báo các học trò học thuốc đến họp.

Ngày 14, làm lễ tiên thánh, tiên hiền rồi hát một chiều.

Ngày 16, bọn học trò thấy tôi sắp đi xa, lại bày một bữa tiệc hát nữa.

Ngày 17, tôi chỉnh đốn hành lý: một bên nửa gánh đồ thư, một bao đàn, kiếm. Tôi cho người đem xuống thuyền đi đường thủy đến Vĩnh Dinh. Bấy giờ khách khứa đầy nhà. Người thì xin đơn, kẻ thì đến tiễn, dùng dằng mãi đến khi mặt trời sắp lặn, thuyền mới nhổ sào.

Tôi ngồi trong thuyền ngắm cảnh sinh tình. Lòng khách chứa chan không sao nguôi. Bèn ứng hầu một bài thơ:

Thủy lưu hà thái cấp?
Hành nhân ý dục trì.
Quầy sơn phân ngạn tẩu,
Nhất trạo phách yên phi.
Sa nhận nhân hư tổng,
Du ngư cấp dục truy.
Vân gian Hương lĩnh thụ,
Thái bán dĩ tà huy.

Dịch:

Nước chảy sao quá gấp,
Người đi ý muốn chầy.
Chia bờ, bày núi chạy,
Rẽ khúc, chiếc buồm bay.
Tiễn khách, chim gần đó,
Đuổi thuyền, cá lội đây.
Trong mây cây núi cũ,
Quá nửa bóng chiều đây (1).
Đêm ấy, thuyền đi dưới trăng.

(1) Diễn xuôi: Nước chảy sao nhanh quá,
Người đi ý muốn chầy.
Đẩy núi ở hai bên bờ chạy,
Một mái chèo vạch khúc bay.
Con nhạn trên bãi cát ở gần ta như tiễn chân,
Cá lội gấp như muốn đuổi theo ta.
Lùm cây dãy núi Hương Sơn ở trong đám mây,
Bóng chiều đã dọi vào quá nửa.

Hai bên bờ vắng ngắt. Chỉ nghe tiếng chớ sửa theo.

Một vầng trăng sáng vàng vạc lòng sông. Hai bên bờ, nước lên chờ khách sang sông. Chuông chùa xa vắng vắng; sương che cây cỏ mịt mù. Mấy ngọn đèn chài hiu hắt; một đôi cò trắng đuổi nhau. Những người tùy tùng đều mượn chén tiêu sầu. Tôi cũng nhân đó ngâm một bài thơ để bày tỏ nỗi lòng:

Nhất giang yên thủy tĩnh,
Khách tứ mẫn quan hà.
Phong trọng, chinh phàm cấp,
Sương thâm, khứ nhạn tà.
Hàn sơn lai dạ khánh,
Viễn phố xuất ngư ca.
Kim tịch do như thử,
Minh triều thả lại hà?

Dịch:

Êm dềm một dải nước mây,
Quan hà man mác, khôn khây nổi lòng.
Chiếc buồm thuận gió thẳng bong,
Giọt sương gieo nặng, cánh hồng thướt tha.
Rừng sâu, tiếng khánh thoảng qua,
bến xa vắng vắng khúc ca bạn chài.
Đêm nay ta thấy như vậy,
Ngày mai rồi nữa, chẳng hay thế nào (1)?

Gà gáy thì đến Vinh Dinh. Nghỉ ở bến sông một lát.

Sáng ngày 18, tôi rời thuyền lên bờ, yết kiến quan Thự trấn. Luôn mấy hôm, ông chờ tôi, nhưng hôm này cố gở ông cụ thân sinh nên đã về quê. Chỉ còn lại những người gia thuộc. Ông đã dặn họ sắp sẵn mấy người đi lính, đem năm quan tiền làm tiền án đường và nói: quan lớn cố gở phải về nhà, không được đem gặp mặt, chỉ có chút lễ mọn để tỏ tình. Ông lại sai quan Văn thư (2) đem hai mươi người lính trong đạo, có đủ lương thực để theo hộ tống.

Ngày 20, quan Văn thư sửa sang hành lý lên đường. Vì bọn lính đi theo vẫn chưa mang đủ lương thực, còn phải đi vay tạm; cho nên đến quá trưa, chúng tôi mới khởi hành. Buổi chiều, đến nghỉ ở trạm xã Kim Khê (gọi là quận Me). Quan văn thư làm lễ vào yết trong miếu của xã ấy, bày ra một tiệc hát và mời tôi cùng dự. Bấy giờ Thánh mẫu đang nhập vào cô đồng. Cô ta đang ngồi lác lác và đang nói, có người bảo tôi:

(1) Diễn xuôi: Một con sông mây nước lặng lẽ,
Lòng khách man mác đầy chôn quan hà.
Gió nặng, buồn đi gấp,
Sương dày, con nhạn bay sa xuống.
Tiếng thác ban đêm từ hòn núi trọc đưa lại,
Tiếng hát bạn chài từ bến xa vắng đến.
Đêm nay còn như thế.
Ngày mai không biết còn thế nào?

(2) Quan Văn thư: ngang hành với Tri phủ.

- Thánh mẫu linh thiêng lắm, báo ứng không sai điều nào. Cụ lần này lên Kinh có muốn cầu gì thì lại mà cầu.

Tôi nói:

- Có mong được gì thì mới cầu chứ! Lòng tôi đã không mong được gì, vậy cầu để làm gì?

Cô đồng nghe nói mỉm cười. Quan Văn thư nhìn tôi cười khanh khách. Nửa đêm, tiệc tan, mọi người về trạm nghỉ.

Ngày 21, chúng tôi ra đi từ sáng sớm. Bấy giờ mưa rơi tầm tã, cả đoàn đều rét mướt. Trước mắt hàng ngàn ngọn núi lởm chởm, đường sá gồ ghề. Tôi thấy đường đi lận lộn khó khăn, buột miệng ngâm:

Nam vọng thiên sơn như đại sắc,
Sâu quân khách lộ tại kỳ trung.

Dịch:

*Trời nam rộng núi xanh xanh,
Đường trường khách buồn tênh nỗi lòng (1).*

Chúng tôi đi về phía núi cấm. Qua dò Cẩm, đến Kênh - sát. Bấy giờ, hơi biển bốc lên mù mịt, núi trùng trùng điệp điệp, nom không thấy đường. Thực là:

Một trăm sáu ngọn núi cao,
Chẳng hay sư cụ néo nào tới đây?

Cách năm bước là đủ không nom thấy gì. Chỉ nghe tiếng chim kêu,

vượn hú, như ở trong mây. Nhìn những ngọn núi khói mịt, có nhiều thú vị. Ngắm cảnh sinh tình, trong lòng tôi bồi hồi xúc cảm. Thăm nghĩ đã ba mươi năm nay, mình xem cái trò danh lợi như ngọn nước chảy xuôi; chỉ lơ vui chơi nơi rừng, suối, tự cho thế là đắc sách! Ai ngờ lòng mình đã không màng danh lợi, mà cái thân lại mắc vào chốn lợi danh! Cũng vì mình thực không phải một ẩn sĩ chân chính cho nên mới gặp nông nỗi này. Bèn làm một bài thơ cảm hoài để bày tỏ ý mình:

Độn thế tông y dưỡng nhất chân,
Bất tri vi phú, khởi tri bần.
lâm tuyền dục liễu tam sinh đạo,
Luận bột (2) nau từ vạn lý thân.
Bán đảm yên hà lao dịch mã,
Mãn sơn viên hạc tống chinh nhân.
Hư danh tự hủy về tha bí.
Hoàng khủng sơ cuồng đối thánh quân.

(1) Diễn xuôi:

Nhìn về phía nam ngàn ngọn núi xanh màu chàm,
Buồn cho người đang đi trên đường ở trong ấy.

(2) Luận bột: Nghĩa đen sôi tở (luân) xe lại (bột) ý nói vua nói thì nhỏ sau thành quan trọng. Lễ ký: vương ngôn như tứ kỳ xuất như luân, Vương ngôn như luận kỳ xuất như bột. Lời nói của nhà vua như sợi tơ đưa ra thì hóa thành sợi chỉ, lời nói nhà vua như sợi chỉ, lúc đưa ra thì như dây thào. ở đây ý nói chiếu chỉ.

Dịch:

*Trốn đời học thuốc xì xằng,
làm giàu chẳng biết, nghèo chẳng cũng đành!
Lâm tuyền hẹn ước ba sinh,
Chiếu vua khôn chối, bằng mình làm xa.
Loi thoi nửa gánh yên hà,
Đầy rừng vượn hạc đưa ta lên đường.
Nghỉ mình tiếng cả tài thường,
Sơ cuồng đối với thái hoàng sợ thay (1)!*

Đêm ấy, đến chợ Đông Lũy thì nghỉ lại... Tôi cho người tùy tùng nói với quan Văn thư để cho chúng tôi đi trước, hẹn gặp nhau ở trạm chợ Hoàng Mai. Ông này việc quan chưa xong, cũng muốn lưu lại đây nên bằng lòng ngay.

Ngày 22, tôi đem tùy tùng đi trước. Phía tây, núi non trùng trùng điệp điệp, khi ẩn khi hiện trong đám mây trắng. Trên đường, có mấy ngọn núi nhỏ đứng tách riêng. Buổi chiều, nơi trắng nơi vàng làm cho cánh đồng thêm vẻ đẹp. Tôi đến núi Long Sơn, thấy một nơi quanh co, cổ thụ um tùm, thật là mát mẻ. Đá xếp như bàn, dàn ra thăm thẳp có vẻ ngay ngắn lắm. Tôi bảo người khiêng cáng dừng lại để du ngoạn một lát. Tôi ngâm một bài thơ và đề thơ lên vách đá.

*Y sơn cương tác tự,
Bạng thạch giá sơn chung.
tế vũ miêu xuân thảo,
Minh hà lạc văn tùng.
Nhàn ngâm tàn chiếu lý,
Điều ngữ loạn lâm trung.
Phụng chiếu xu hành dịch,
cần lao tiểu Lãn Ông!*

Dịch:

*Cạnh rừng chùa dựng gò cao,
Kề bên vách đá, chuông treo để dành.
Cỏ xuân mưa móc điểm trang,
Ráng hồng chiều lại xuyên ngang cội tùng.
Bóng tàn gợi hứng ngâm ông,
Lú lo chim nói trong vùng rừng sâu.*

(1) Diễn xuôi:

Trốn đời, theo nghề thuốc để giữ cái mặc của mình.

Không biết làm giàu có biết nghèo đâu.

Muốn làm trọn cái ước hẹn ba sinh với rừng rúi (ở đây chữ "đạo" trong "tam sinh đạo" có lẽ là "chữ nguyệt" viết (âm)). Vàng lời chiếu chỉ, thần này khó từ chối việc đi ngân đặng. Nửa gánh khói mây làm cho con ngựa trạm mệt (ý nói hành lý không có gì).

Đầy núi, vượn hạc đưa tiễn người đi đường.

Tự mình nghĩ rằng chỉ có hu danh không biết được cái gì màu nhiệm.

*Dặm dài vầng chiếu rười mau,
Lân Ông nay cũng cần lao nức cười (1)!*

Đề xong, tôi rào bước. Đến chợ Hoàng Mai nghỉ lại. Vẫn chưa thấy quan Văn thư đến. Sáng hôm sau, tôi ra lệnh cho lính cứ đi. Quá trưa, ông ta mới đến. Ông nói:

- Tôi sợ lính đi đường không đủ. Số lính quan Thự trấn bảo lấy ở các huyện vẫn còn thiếu, tôi muốn lấy thêm ít người giúp việc gánh gồng để đi cho nó trọng thể.

- Tiền nong, lương thực mang đi chẳng bao nhiêu, ông lo gì cho mệt!

Sáng ngày 23, đến cầu Kim Lan. Mọi người nhìn cái đền thờ ở ven biển, đứng xa mà vái. Quan Văn thư hỏi:

- Ở đây thờ vị thần thiêng nhất Nghệ An. Tôi ở xa không biết rõ lắm.

- Lúc tôi còn nhỏ, tôi đã đi qua đây. Tôi hỏi các cụ già: Tuy sự tích truyền miệng có sai lạc, nhưng trong Tổng sử có kể lại: Sau khi đánh nhau với quân Kim (2), bị thất bại, Trương Thế Kiệt đem Đế Bính chạy ra biển trốn, cả hai gặp sóng to chết đuối. Hoàng hậu (3) và hai người con gái bám lấy ván trôi dạt vào bờ biển. Một người trong thôn thấy thế liệu mình ra cứu. Sau người này có lòng ám muội, hoàng hậu nghiêm nét mặt cự tuyệt. Người kia xấu hổ quá nhảy xuống biển chết. Hoàng hậu than: ta nhờ có anh ta mà sống, anh ta lại vì ta mà chết! Lẽ nào ta lại sống một mình! bèn cũng nhảy xuống biển chết. Hai cô gái khóc than thảm thiết rồi cũng nhảy xuống biển chết theo (4). Về sau rất linh thiêng, nên người ở ven biển thờ làm thần, đến nay vẫn còn hương khói.

Quan Văn thư than thở mãi. Tôi đọc một đôi câu đối:

Dại Tổng cơ đồ thiên có hậu,
Nam thiên vũ trụ tứ thời xuân,

Dịch:

Cơ đồ đại Tổng hơn nghìn thừa,
Vũ trụ trời Nam xuân bốn mùa.

Ngắm xong, mọi người lại đi. Đến khe Nước lạnh là nơi giáp giới Thanh Hóa và Nghệ An, tôi thấy một tốp người đi đường đang đứng bên vệ đường. Trông thấy tôi, họ đều vái chào. Hỏi ra, thì đó là những người ở làng gần đó ở Kinh về. Tôi cũng dừng cẳng, **hỏi thăm một lát rồi mới đi.** Bấy giờ miền quê, nổi khách ngổn ngang, tôi cũng ứng khẩu **một bài thơ để bày tỏ nỗi lòng:**

(1) Dựng chùa trên gò, bên núi,
gác chuông lên giá ở bên đá.
Mưa phùn lỏ điểm cho cò mùa xuân,
Ráng sáng rơi trên cây tùng buổi chiều.
Người ngâm thơ trong bóng mặt trời tàn.
Chim nói trong rừng rậm.
Vầng chiếu rào bước đi nhanh,
Nức cười cho Lân Ông (nghĩa đen: ông lười) cũng khó nhọc.

(2) Kim: nên đổi là Nguyên.

(3) Nên đổi là Hoàng thái hậu.

(4) Đây là sự tích của vị thần Dền Cờn ở huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An.

Hoan, Ai phân cương địa
 Quần sơn hổ tống nghinh.
 Tiều ca, vân lộ xuất,
 Diều ngũ, cốc phong sinh.
 Phục thạch đương đồ lập,
 Giao thiên đoạn bích hoành.
 Hành nhân thuyết hương tử,
 Duy ngã thương thần kính.

Dịch:

*Nghê, Thanh phân giới từ đây,
 Đón đưa, núi nọ, non này gần xa.
 Đường mây văng vẳng tiều ca.
 Lú lo chim nói, gió hòa hiu hiu.
 Nhấp nhò, đá dựng giữa đèo,
 Trời Nam mảnh biếc một chiều dằng ngang.
 Người ta nói chuyện về làng,
 Riêng mình còn phải dậm trường lên Kinh (1).*

Hôm ấy, trời xuân ấm áp, đi đường thành thơi. Buổi chiều, đến chợ Thổ Sơn nghỉ lại. Trong chợ, có đồn lính. Họ là lính Thanh hóa phái vào canh phòng, mang nhiều khí giới. Họ muốn giữ chúng tôi lại xét. Khi biết chúng tôi đi có lệnh trên, họ đều xúm lại xin lỗi rồi đi.

Ngày 24, tôi lên đường từ sáng sớm. sức nhớ đến việc Tần Thủy Hoàng, Hán Vũ Đế ngày xưa đem hết tâm lực để tìm thần tiên, thế mà rốt cục chẳng thấy tăm hơi chốn bồng lai là đâu, thật là sai lầm hết sức. Người xưa đã ví cái cảnh làm quan là cái biển, lênh đênh chìm nổi hiểm nghèo. Tôi nhìn cảnh khói sóng mênh mông, nhân tiện ứng khẩu một bài thơ.

Hải ngạn kinh hành khách,
 Thương mang vạn lý thu.
 Ba đào chấn ngao cực,
 Vân vụ khởi thiên xu.
 Dục nhật thiên trùng lãng,
 Tùy phong nhất điệp chu.
 Cổ nhân ta hoạn hải,
 Thâm ý tại trầm phù.

(1) Diễn xuôi:

Đây là nơi phân giới giữa Hoan Châu (Nghê An) và Ái châu (Thanh Hóa).
 Những dãy núi đưa đón lẫn nhau.
 Tiếng hát của người tiều phu trong đường mây văng ra,
 Trong khi chim nói gió hóa thổi.
 Đá nằm ngang đường cái.
 Một mảnh mây xanh dằng ngang ở phía trời xa.
 Người đi đường nói đến tình về làng,
 Riêng ta, ta lại lên Kinh.

Dịch:

*Khách đi, bờ biển hải hùng,
Cảnh thu muôn dặm trùng trùng mộng mênh.
Sóng lay cốt đất rung rinh,
mây mù cuốn cuộn xung quanh cột trời.
Ác vàng nghìn lớp sóng đời,
Thuyền con một lá ra vời gió đưa.
Cho hay "bể hoạn" lời xưa,
Vị chùng chìm nổi, nguy cơ bất thường (1).*

Quan văn thư sai lấy ba chiếc thuyền chờ qua biển Tự Nham. Chúng tôi lên bờ nghỉ lại.

Ngày 25, chúng tôi lên đường trên mã đi. Đường dưới dẫn đến cửa biển Thần phủ. Máy chỗ đi qua các lăng, tôi đều xuống cáng đi bộ. Buổi chiều, đến chợ ngủ.

Sáng ngày 26 ra đi. Quá trưa, qua dò Đại Liên, đến nghỉ ở chợ huyện. Đang ăn cơm trưa, chợt gặp một người mặc áo thầy tu, chống gậy trúc đến, có vẻ ung dung như một tiên ông. Tôi ngạc nhiên hỏi chủ hàng, Chủ hàng nói:

Đó là ông sư ở chùa này, thạo về nghề bói toán.

Tôi sai tiểu đồng mời ông vào hàng. Mời ngồi xong, tôi hỏi:

- Nghe nói cụ thạo về dịch lý, tôi muốn nhờ cụ bói cho một quẻ, không biết có được hay chăng?

Nhà sư không từ chối đáp:

- Năm nay cụ bao nhiêu tuổi. Cụ muốn bói việc gì thì cứ thành tâm mà cầu là linh ứng ngay.

Tôi kể rõ đầu đuôi. Nhà sư suy nghĩ một lát rồi nói lớn:

- Quẻ tốt lắm, phải là một việc phi thường!

- Người quân tử hỏi điều dữ chứ không hỏi điều lành, xin tiên sinh chớ giấu.

- Quẻ này là quẻ "nguyên thủ", có cái tượng vua sáng tôi hiền..., "quý nhân lâm bản mệnh", "dịch mã lai hành niên". Quả là có điềm được triệu vời! Thực là cá gặp nước, giao long gặp mưa, toàn là điềm lành cả. Chỉ có một điều đáng ngại: "sao bạch hổ" vào tù lên Kính sẽ mắc bệnh.

Tôi nghĩ thầm: ông này học thuật tinh vi, hình dung trang trọng, chắc có kiến thức hơn người. Chỉ tiếc gặp nhau quá muộn, không sao dò hết cái thâm thúy của người ta.

(1) Diễn xuôi:

Bờ biển làm hành khách đi đường phải sợ.

Cảnh thu muôn dặm mộng mênh.

Sóng lay cốt đất (ngao cực: theo "Sơn hải kinh" ngày xưa có mấy con cá ngao lớn đội mấy ngọn núi ở ngoài biển).

Mây, mù nổi lên bên cột trời.

Nghìn lớp sóng lấp mắt trời.

Một lá thuyền trôi theo gió.

Người đời xưa than "bể hoạn",

Ý sâu ở chỗ chìm nổi không nhất định.

Tôi bèn kể câu chuyện đầu đuôi một lượt và hỏi:

- Chỗ tôi tuy là nơi núi non heo lánh, chỉ được cái nhàn hạ, tịch mịch: mây đầu non, trăng mặt biển, lòng tôi lưu luyến không nở rời. Ngày nay, không biết bao giờ tôi mới được trở về vui chơi với hươu nai, nói chuyện với bạn chài, người hái củi dưới bóng trời chiều!

Nhà sư nghe vậy, cũng ngậm ngùi mà rằng:

- Xưa nay cái bệnh cao lương đã ăn vào xương tủy của người ta rồi! Tại sao mọi người đều mê mà riêng cụ thì lại tỉnh như vậy? Tuy vậy, quẻ này xem ra "chủ khách vui vầy", "trên dưới hòa hợp", cho nên chưa đoán được bao giờ sẽ về.

Tôi nghe vậy, thở dài mấy tiếng rồi sai tiểu đồng đem tiền hậu tạ. Nhà sư một mực chối từ, cười mà rằng:

- Cụ đi chuyến này, bàn tăng chỉ xin mấy chén rượu Kinh là đủ.

Tôi bảo người đến ngay hàng mua một bầu rượu ngon đem lại. Nhà sư vui mừng giơ hai tay đỡ lấy. Và chẳng cần thức nhắm gì hết, ông rót đầy một chén tống, há miệng làm một hơi, như rồng hút nước, húp một cái là cạn rồi nói to:

- Sướng quá!

Và vái chào từ biệt.

Tôi cười, đáp:

- Ông quá khen làm cho tôi hổ thẹn, người xưa tài cao học rộng kinh luân chứa sẵn, ở ẩn thì giấu tâm che tiếng, ra làm quan thì giúp vua cứu dân. Chư tôi đây, học hành lổm bổm, trí cạn tài hèn, đã là vô dụng với đời. May được chút nghề mọn giặt lung, không ngờ bỗng chốc lại đến thế này. Đức không xứng với cảnh ngộ, không thể gọi là may được.

- Tôi nghe quan lớn tôi nói cụ là bậc cao ẩn, mượn tiếng thầy thuốc đó thôi.

- Đau có thể!

- Lòng cụ như sắt đá. Tôi đâu dám nhiều lời! Tôi nghe nói cụ ngậm vịnh rất nhiều, muốn nghe lời vàng ngọc để họa lại mua vui, không biết có được chăng?

- Tôi cười đáp:

- Người đánh đàn chỉ khổ một nỗi là không có tri âm. Khúc "cao sơn" "lưu thủy" thế nào chắc ông đã rõ.

Tôi bèn sai tiểu đồng lấy bút, mực đến. Tôi viết một bài thơ:

Nhất bách lục phong lam vụ mê,
Nhân tông tam cấp thượng vân thê.
Yên hoàn trầm lục hoành thiên bắc,
Loa kế phù thanh phố hải tề (tây).
Chữ đánh, sương hoa khinh phấn hân,
Ngâm thi, u điệu hướng nhân đề.
Mối phùng thắng cảnh vi thi lụy,
Khiến quyển thời dư thủy quá khe.

Dịch:

*Mù che trăm sáu hần cao,
Người lần ba cấp bước vào thang mây.
Ngang trời, mái lục, dăng bày,
Chóp xanh thẳng tới biển tây xa vời.
Quạt trà, hoa lạnh phấn rơi,
Ngâm thơ, chim chóc trước người kêu vang.
Nhà thơ vì cảnh vẩn vương,
Hành giờ, rồi mới đánh đường qua khe (1).*

Tôi bèn lên thuyền đi. Đêm ấy, đến trạm nghỉ, quan Văn thư đến chỗ tôi trọ nói với tôi:

- Chuyến này đi, việc công rất gấp. Thế mà chúng ta mỗi ngày chỉ đi được 50 dặm! Lệnh xuống, mồng mười đến Vĩnh Dinh, 11 đến nhà cụ. Thế mà đến nay đã nửa tháng rồi vẫn còn 6, 7 ngày đường nữa mới đến, tôi ngại lắm. Xin cụ hiểu cho. Bảy giờ phải chọn người khỏe mạnh, đi suốt cả ngày đến khuya mới nghỉ. Tên lính nào yếu đuối thì cho ở lại...

Tôi cười mà rằng

- Ông không phải quá lo về việc ấy. Tuy mồng 10 lệnh xuống nhà tôi, nhưng tôi còn đi mất mấy ngày. sau đó, dọc đường gặp mưa gió cản trở chậm thêm mấy ngày. Cứ thế mà xem thì hôm nay dù có lộc cánh cung không sao lên Kinh được.

Quan Văn thư cười:

- Cũng phải nói như thế mới xong!

Nói chuyện, uống trà xong, ông ta trở về nhà trọ.

Ngày 27, gà gáy sáng, chúng tôi đã ra đi. Trên đường, toàn là núi non bao bọc, Khói mây mù mịt, hươu nai thấy khách đi đường hoảng chạy. Chim đêm nghe tiếng người bay vụt ra. Đây là Ba Dội. lên đến đỉnh núi, mặt trời mới nhô lên, sương đêm chưa tan hết. Người đi đường áo quần ướt át. Tôi bảo nghỉ chân trong một cái trạm trên núi. Trong quán không có người. Chúng tôi đốt lửa hơ áo quần. Tôi bảo một người lau tảng đá phẳng. Tôi ngồi lên trên tảng đá bên cạnh cây cổ thụ. Tiểu đồng đun nước pha trà, nấu cơm sáng, mời quan Văn thư cùng ăn. Dứng trên cao nhìn ra xa, trong lòng man mác, tôi định ngâm câu thơ cổ để giải buồn. Không ngờ buột miệng ngâm:

Vân hoành Tàn lĩnh gia hà tại?

Tuyết ủng Lam quan mã bất tiền.

(1) Diễn xuôi:

Một trăm linh sáu ngọn núi bị mù che khuất,
Người ta lần theo ba bậc lên thang mây,
Mái núi màu lục bị khói che ngang phía bắc trời,
Chóp núi xanh lượn xoáy ốc chạy ra phía tây biển.
Pha trà, cái hoa khi còn sương rơi phấn.
Ngâm thơ, chim ở trong bụi rậm hỏi về phía người ngồi.
Gặp cảnh nên thơ trong lòng vẩn vương,
Quyển luyến hơn một giờ mới qua khe.

Dịch:

Mây che Tàn lĩnh nhà đâu rồi?

Tuyết phủ Lam quan ngựa muốn chùn (1).

Ngâm xong, trong lòng như cảm thấy xúc động, tôi lặng yên không nói. Quan Văn thư thấy vẻ mặt tôi buồn rầu, cười mà rằng:

- Nơi đây, trăm hoa đua nở, một cõi càn khôn. Thật chẳng khác cái thú Hương sơn. Cự ngắm cảnh sinh tình nên có vẻ không vui.

Rồi nói tiếp:

- Cự làm rồi! Người quân tử trên đời có hai con đường: hoặc ra giúp đời, hoặc ở ẩn. Ở ẩn thì lấy đạo làm nguồn vui, ra giúp đời thì lấy đạo để cứu đời. Cự bấy lâu ẩn náu trong núi sâu, nay được cử trùồng biết tiếng, quan đại thần lấy lễ tiếp đãi, thật là việc gặp gỡ nghìn năm có một. Sao cự lại buồn như thế!

Viết xong, tôi đưa cho ông, yêu cầu họa lại. Ông xem đi xem lại bốn năm lần rồi nói:

Thơ của cự là thứ thơ tuyệt diệu, khó họa lắm. Xin để tôi vắt ruột, suy nghĩ vài đêm, may ra mới có thể mua cười.

Chúng tôi dắt nhau xuống núi.

Đêm ấy đến trạm ở chợ Văn sàng thì nghỉ lại.

Ngày 28, đến trạm cầu Khương kiều.

Ngày 30, đến trạm cầu Thịnh liệt.

Quan Văn thư bàn với tôi:

- Trong tờ khai đưa lên có nói rõ ngày nào được lệnh, ngày nào lên đường, ngày nào đến, thể thức ra sao, xin cự xem qua để vào hầu cho tiện.

Ông đưa tôi tờ khai và cười:

- Tất cả đều y đúng như lời cự nói ở dọc đường. Chiều mai chúng ta đến dinh quan Chánh đường xem công việc ra sao.

Bàn định xong, mọi người đi ngủ.

Hôm sau, quan Văn thư đi theo con đường bên tả qua làng Nhân mục, thẳng qua Hoàng Mai, theo cầu Triều mà vào thành. Bấy giờ có một học trò, tên là Tống Thuận, nói với tôi:

- Năm xưa con có một người bạn thân tên là Sự, là con một người Khách. Anh ta về quê mẹ ở Lai Triều tức là Hiếu Nam Cung, nay dời nhà đến cửa tây ở Khương Đình; làm nghề bốc thuốc. Con thấy anh là người hiếu hữu, nên có cho anh ta bộ Tâm lĩnh của thầy. từ đó, anh ta ngày đêm học tập, tay không rời sách, học thuật mỗi ngày một tiến, nổi tiếng ở Kinh đô. Anh ta thường than rằng mình ở xa ngàn dặm không được cập môn, chỉ

(1) Diễn xuôi:

Mây che ngang núi Tàn Lĩnh, nhà ta ở đâu rồi?

Tuyết phủ cửa Lam quan ngựa không đi được nữa.

(Đây là hai câu thơ của Hàn Dũ đời Đường khi bị trích ra làm quan ở Triều châu).

ngưỡng mộ suông mà thôi. Anh ta cũng muốn về quê thầy yết kiến, nhưng ngặt một nỗi ở nhà còn mẹ già, không sao đi xa được. Anh ta có lập một bàn thờ, thờ sống thầy, sớm chiều hương khói để báo ơn thầy. May sao, trời cũng chiều người khiến anh ta có dịp bài tiếp. Và lại, từ nhà anh ta vào thành chỉ có vài dặm từ đây vào thành cũng bằng từ cầu Triều vào thành thôi. Để con đến báo cho anh ta biết. Không biết thầy có cho phép không?

Tôi thấy anh ta là người có nghĩa nên ưng thuận. Thuận được lệnh đi trước. Tôi theo đường bên tả mà đi. Đi được vài dặm, đã thấy anh ta đón ở bên đường. Gặp tôi, anh vui mừng khôn xiết, mời vào nhà lạy tạ, kể lại nỗi lòng khao khát bấy lâu. Anh ta giữ tôi lại một đêm, đối đãi rất hậu. Tôi nói:

- Dừng làm thế! Tôi và quan Văn thư đã hẹn nhau hôm nay cùng đến quan Chánh đương hội họp Công việc rất gấp, trên đường lại bị gió mưa cản trở. Nay đã đến đây, lẽ nào dám trì hoãn, Nhưng tôi là người sơn dã, đường sá trong Kinh như thế nào, tôi đã quên hết. Ông làm ơn dẫn đường giúp tôi.

Uống trà xong, tôi đứng dậy báo sự dẫn đường. Đi qua cửa Vũ quan vào thành. Chỉ thấy một cái thành đất, không cao lắm. Bên cạnh là một cái tường nhỏ, trên mặt tường là đường xe ngựa đi, ở mé ngoài là hàng rào tre kín mít. Dưới chân tường là hào sâu. Trong hào thả chông, xem ra rất kiên cố. Thành có ba vọng canh, nơi nào cũng có lính sắp hàng, súng sáng quắc. Lính giữ cửa thấy chúng tôi có mang theo khí giới nên hỏi rất kỹ. Khi đã rõ đầu đuôi, nhận ra dấu hiệu áo quần của lính ở trấn Nghệ An, họ mới cho đi.

Nơi này xưa kia tôi đã từng du học, ở trọ ở đây. Tôi chống gậy đi bách bộ bốn phía để ngắm xem cảnh cũ. Tuy núi, hồ vẫn như cũ, nhưng điện Phật, đình, đài, chỗ ở các quan và các trại lính đều khác ngày xưa. Tôi càng thêm cảm khái, làm một bài thơ để tỏ lòng mình:

Lạc phách giang hồ tam thập niên.
Ngẫu tùy đàn phượng nhập Trường Yên (an).
Y quan, văn vật sinh trung thổ,
Lâu quán, đình đài tiếp viễn thiên.
Thô xuất nhiệm thành sơn dã tính,
Xu bồi tu đối ngọc đường tiên.
Thiếu thời lịch lịch hy du xứ,
Kim nhật trùng lai bán bất nhiên.

Dịch:

Ba chục năm giang hồ phiêu bạt
Vàng chiều trời vào đất Tràng An.
Trung châu văn vật y quan,
lâu, đài, đình, quán tột làn mây xanh.
Tính sơn dã dã thành thơ tục,
Tiên ngọc đường then lúc xu bồi;

*Kìa nơi tuổi trẻ đùa chơi,
Ngày nay phần khác thời năm xưa (1)!*

Ngâm xong tôi lên cẳng đi. Đi qua cửa cung Khánh Thụy, qua dinh

Quảng minh, qua cửa Đại hưng, rẽ qua đường bên phải đi hơn nửa dặm thì đến dinh quan Chánh đường, cửa dinh cao lớn, voi có thể vào lọt. Hai bên đặt điểm thường trực, bày binh khí, xem rất chỉnh tề. Quân sĩ ngày đêm thay thế nhau xét hỏi những ai ra vào. Tôi vào hàng cơm nghỉ, chuẩn bị mũ áo. Lúc vào nhà sảnh, trống lâu đã điểm canh tư. Trước sân quân sĩ qua lại như chợ. Tôi đứng đợi hồi lâu, hỏi người canh. Anh ta nói:

- Cự lớn ở trong nhà trong, tôi không dám vào bẩm.

Tôi hỏi người giữ cửa, anh ta nói:

- Cự có phải là cự Lân Ông làm thuốc ở Hương Sơn đấy không?

- Vâng. tại sao bác biết tôi?

- Tôi thường nghe cự lớn nói, lại nghe thánh chỉ triệu cự vào Kinh nên biết... Xin cự hãy đợi một lát. Khi nào cự lớn vào châu đi qua đây, cự cứ ra yết kiến thì rất tiện.

Tôi nghe lời, ngồi đợi một lát. Quả thấy quan Chánh đường ra. Mọi người chạy rạt ra, nín thở. Giữa sân có một cái kiệu, những người cầm nghi trượng đứng đằng trước và đằng sau, trông rất chỉnh tề. Tôi chạy đến trước sân bái yết. Trên tòa có lệnh. Lính tráng bảo nhau:

- Cự lớn truyền miễn lạy và bảo đến gần.

Quan Chánh đường cười:

- Ra đi ngày nào? Lên Kinh hôm nào thế?

Tôi kể hết đầu đuôi. Quan Chánh đường quay lại bảo thăm một viên quan trẻ tuổi mấy câu, rồi lên xe vào triều.

Tôi đang ngơ ngác, thì viên quan trẻ tuổi mời tôi vào tư thất. bấy giờ tôi mới biết đó là cậu cả, tuổi trên dưới 20, người rất đẹp trai. Quận hầu mời tôi cùng ngồi một chiếu, tôi hai ba lần từ chối. Ông vẫn không nghe. Chủ, khách ngồi xong. Quận hầu hỏi trước:

- Tôi nghe nói cự học rộng tài cao, mấy lâu ở ẩn trong chốn núi non, lấy chén rượu tiếng đàn làm vui, lòng chỉ lo nghĩ đến việc cứu người. Thầy tôi vẫn thường khen: trong y đạo ngày nay không ai hơn cự. Tôi mấy lâu mong ước, nay được gặp thật là may mắn vô cùng,

Tôi từ tạ, nói:

(1) Diễn xuôi:

Ba mươi năm lưu lạc giang hồ

Ngẫu nhiên vãng vào Tràng An (dan phượng: ngày xưa chiếu của nhà vua bỏ vào cái bao hình con phượng sơn son).

Ở chỗ trung châu là nơi văn vật y quan.

Lầu, quán, dinh, đài chạy đến gần xa.

Mình ở sơn dã nên đã nhiễm thành cái tính thô suất.

Nay mình châu hầu thấy then với bề trên ở Ngọc đường (ngọc đường: nơi quyền quý)

Những nơi lúc còn trẻ mình đi chơi,

Ngày nay trở lại phần nửa đã khác xưa.

- Tôi là một kẻ quê mùa đại dốt ở nơi sơn dã, dám dẫu so sánh với đời! Quận hầu quá khen như vậy, tôi thật lấy làm sợ.

Quận hầu bảo một tên lính đến dinh quan Trung kiên, sai quân lính dọn dẹp, quét tước, bày giường trái chiếu rồi về báo tin ngay. Anh ta đi một lát trở lại bẩm:

- Mọi việc đã xong.

Quận hầu nói:

- Ở trong dinh ồn ào bất tiện. Nhà chủ tôi tuy không rộng rãi nhưng được cái yên tĩnh, thích thú. Hiện nay chủ tôi có việc quan đi trấn Sơn Tây, cái dinh để trống. Mời cụ qua đây nghỉ.

Nói xong, đứng dậy mời tôi cùng đi. Qua nhà trong đi độ vài chục bước vào một cái cửa nhỏ, thấy nhà ngoài, nhà giữa, phòng ăn, phòng ngủ rất chỉnh tề. Quận hầu mời tôi vào nhà giữa, cùng ngồi nói chuyện. Lúc đầu, tôi tưởng ông ta là hạng vương tôn, công, sinh trưởng nơi phú quý, quen cái thói phồn hoa. Nhưng khi thấy ông ta học vấn sâu rộng, hiểu mọi lẽ phải chăng, biết việc xưa nay, nhân tình, thế thái chẳng khác một người đã trải việc đời, đã thế, lại khiêm tốn, không có vẻ kiêu căng tự phụ, nên tôi lại càng kính phục. Trời gần tối. Quận hầu cáo từ ra về. Tôi bảo những người tùy tùng cất dọn hành lý và cho những người lính ở trấn trở về Nghệ An.

VÀO TRỊNH PHỦ

Mồng 1 tháng 2 Sáng tinh mơ, tôi nghe tiếng gõ cửa rất gấp. Tôi chạy ra mở cửa. Thì ra một người đầy tớ quan Chánh đường vừa nói vừa thở hổn hển:

- Có thánh chỉ triệu cụ vào! Quan truyền mệnh hiện đang ở nhà cụ lớn con, con vâng lệnh chạy đến đây báo tin. Lính ở dinh đã đêm cáng đến đón cụ ở ngoài cửa. Xin cụ vào phủ chiều ngay.

Tôi bèn sửa sang áo mũ chỉnh tề, lên cáng vào phủ. Tên đầy tớ chạy đằng trước hết đường. Cáng chạy như ngựa lồng, tôi bị xóc một mẻ, khổ không nói hết. Chunsch tôi đi cửa sau vào phủ. Người truyền mệnh dẫn tôi qua mấy lần cửa nữa, theo đường bên trái mà đi. Tôi ngẩng đầu lên: đâu đâu cũng là cây cối um tùm, chim kêu riu rít, danh hoa đua thắm, gió đưa thoang thoảng mùi hương. Những dãy hành lang quanh co nối nhau liên tiếp. Người giữ cửa truyền báo rộn ràng, người có việc quan qua lại như mắc cửi. vệ sĩ canh giữ cửa cung, ai muốn ra vào phải có thẻ.

Tôi nghĩ bụng: mình vốn con quan, sinh trưởng ở chốn phồn hoa, chỗ nào trong cấm thành mình cũng đã từng biết. Chỉ có những việc ở trong phủ chúa là mình chỉ mới nghe nói thôi. Bước chân đến đây mới hay cái cảnh giàu sang của vua chúa thực khác hẳn người thường! Bèn ngâm một bài thơ để ghi nhớ việc này:

Kim qua vệ sĩ ứng thiên môn,
Chính thị Nam thiên đệ nhất tôn.
Họa các trùng lầu lẫm bích hán,
Châu liên ngọc hạm chiếu triên đồn.

Cung hoa mỗi tống thanh hương trần,
Ngự uyển thời văn anh vũ ngôn.
Sơn dã vị trí ca quân địa,
Hoàng như ngư phủ nhập đào nguyên.

Dịch:

*Linh nhàn của vách đồng nghiêm nhật,
Cả trời Nam sang nhất là đây!
Lầu từng gác vẽ tung mây,
Rèm châu, hiên ngọc, bóng mai ánh vào.
Hoa cung thoảng ngạt ngào đưa tới,
Vườn ngự nghe vệt nói dòi phen;
Quê mùa, cung cấm chưa quen,
Khác gì ngư phủ đào nguyên thừa nào (1)!*

Đi được vài trăm bước, qua mấy lần cửa mới đến cái điểm "Hậu mã quân túc trực". Điểm làm bên một cái hồ, có những cái cây lạ lùng và những hòn đá kỳ lạ. Trong điểm, cột và bao lơn lượn vòng, kiểu cách thật là xinh đẹp. Chánh đường mỗi khi ở triều ra thì nghỉ ở đây. Thấy tôi, ông bảo quan truyền chỉ:

- Chiều qua, tôi đã tâu lên. Thánh thượng cho phép cộ vào để hầu mạch Đông cung thế tử.

Ông cùng vào với quan truyền chỉ, bảo tôi đi theo cùng mấy người tiểu hoàng môn (hoạn quan). Đi bộ đến một cái cửa lớn, thị vệ, quân sĩ thấy tôi ăn mặc có vẻ lạ lùng, muốn giữ lại. Quan truyền chỉ nói:

- Có thánh chỉ triệu.

Họ bèn cho đi. Qua dãy hành lang phía tây, đến một cái nhà lớn thật là cao và rộng. Hai bên là hai cái kiệu để vua chúa đi. Đồ nghi trượng đều sơn son thiếp vàng. Ở giữa đặt một cái sập thiếp vàng. Trên sập mắc một cái võng điều đỏ. Trước sập và hai bên, bày bàn ghế, những đồ đạc nhân gian chưa từng thấy. Tôi chỉ dám liếc mắt nhìn rồi lại cúi đầu đi. Lại qua một cửa nữa, đến một cái lầu cao và rộng. Ở đây, cột đều sơn son thiếp vàng. Tôi hỏi nhỏ quan truyền chỉ, ông ta nói:

- Ta vừa đi qua nhà "Đại đường". Nhà ấy gọi là "Quyển bông", cái gác này gọi là "gác tía". Vì thế tử "dùng trà" ở đây, cho nên gọi nó là phòng chè. (Số là ở đây kiêng danh từ "thuốc" nên gọi thuốc là "chè").

Bấy giờ trong "phòng chè" có 7, 8 người. Thấy quan Chánh đường đến, tất cả đều đứng dậy. Quan chánh đường ngồi ghế trên. Mọi người ngồi theo thứ tự. Quan Chánh

(1) Diễn xuôi: Linh vệ sĩ cầm giáo giữ cung điện (thiên môn: nghĩa đen là nghìn cửa. Hán Vũ Đế xây dựng cung Kiến Chương "thiên môn, vạn hộ" nghìn cửa nhỏ, vạn cửa lớn. Vì vậy cung điện về sau gọi là thiên môn).

Chính là nơi tôn quý nhất ở trời Nam.

Gác vẽ, lầu từng tầng thẳng lên trời xanh.

Rèm châu, bao lơn ngọc, ánh sáng mai chiếu vào.

Hoa trong cung mỗi lần đưa trần gió thơm vào ngào ngạt.

vườn ngự uyển thỉnh thoảng nghe vệt nói.

Mình quê mùa chưa được biết nơi đàn hát,

Kính ngọc như người phượng chải lạc vào chốn đào nguyên.

đường bảo tôi ngồi vào giữa. Lúc đầu tôi không hiểu, sau mới biết đó là các vị lương y của sáu cung, hai viện được dự vào việc hầu trà ngày đêm châu chực ở đấy. Thấy tôi, họ đều nhìn nhau. Có người cúi xuống hỏi nhỏ. Quan Chánh đường cười:

- Ông này là con cụ Liêu xá ở Đường hào vào cư ngụ trong Hương Sơn, làm thuốc hay có tiếng, nay vâng thánh chỉ vào Kinh.

Bấy giờ có một người chít khăn lượt tàu, cười và bảo tôi:

- Cụ có biết tôi không?

- Tôi là một kẻ ở nơi quê mùa, làm sao biết được các vị ở nơi triều đình đông đúc như thế này?

- Tôi là người An Việt, huyện La Sơn, ở Nhà, tôi vẫn nghe tiếng cụ như sấm động bên tai nhưng chưa hề được gặp.

Bấy giờ mới biết ông ta làm giáo quan ở An Việt, tên là Chúc, được ông Nguyễn Kiêm người Tiên Điền làm Thụ trấn đề cử làm thầy thuốc châu chực ở đây. Sau đó, lại được làm thuốc ở bộ binh, giữ chức Tham đồng. Tôi nói:

- Chỗ ở của tôi không xa chỗ của ngài bao nhiêu. Tôi mấy lần muốn đến thăm, nhưng phiền một nỗi là không có dịp.

Dang dở câu chuyện thì quan truyền mệnh đến nói nhỏ với quan Chánh đường. Quan chánh đường đứng dậy, bảo tôi:

- Ta hãy vào ăn cơm sáng một lát đã.

Tôi theo ông, đi theo con đường cũ trở về điểm "Hậu mã". Ông nói:

- Thánh thượng đang ngự ở đấy, xung quanh có phi tần châu chực, nên chưa thể yết kiến. ta hãy tạm ra ngoài.

Ông san mâm cơm cho tôi ăn. Mâm vàng chén bạc, đồ ăn toàn là của ngon vật lạ, tôi bấy giờ mới biết cái phong vị của bậc đại gia. Ăn xong, thấy một viên quan hầu cận chạy lại mời quan Chánh đường vào và bảo tôi đi theo. Dột nhiên, thấy ông ta mở một chỗ trong màn gấm rồi bước vào. Ở trong tối om, không thấy có cửa ngõ gì cả. Đi qua độ 5, 6 lần trước gấm như vậy, đến một cái phòng rộng, ở giữa phòng có một cái sập thiếp vàng. Một người ngồi trên sập độ 5, 6 tuổi, mặc áo lụa đỏ. Có mấy người đứng hầu hai bên. Giữa phòng là một cây nến to cắm trên một cái giá bằng đồng. Bên sập đặt một cái ghế rồng sơn son thiếp vàng, trên ghế bày nệm gấm. Một cái màn là che ngang sân. Ở trong có mấy người cung nhân đang đứng xúm xít. Đèn sập chiếu sáng, làm nổi màu mặt phấn và màu áo đỏ. Xung quanh lấp lánh, hương hoa ngào ngạt. Xem chừng Thánh thượng thường vẫn ngồi trên ghế rồng này, nay người rút lui vào màn để tôi xem mạch Đông cung cho thật kỹ.

Tôi nín thở đứng chờ ở xa. Quan Chánh đường truyền lệnh cho tôi lay bốn lay. Thế tử cười:

- Ông này lay khéo!

Quan Chánh đường lại truyền mệnh.

- Cụ già yếu, cho phép cụ ngồi hầu mạch.

Tôi khúm núm đến trước sập xem mạch. Xem xong, nghe trong màn có tiếng nói nhỏ:

Cho ông ta xem cả thân hình nữa!

Một viên quan nội thần đứng chầu đến bên sập xin phép thế tử. Thế tử đứng dậy, cởi áo, đứng bên giường cho tôi xem. Tôi xem kỹ tất cả lưng, bụng và chân tay một lượt. Quan Chánh đường lại truyền lệnh bảo tôi lay tạ rồi đi ra. Tôi đứng dậy lay bốn lay. Thấy quan Chánh đường bảo một tiểu hoàng môn đưa tôi ra "phòng chè" ngồi. Một lát sau, ông đến hỏi:

- Cụ xem mạch như thế nào? nên dùng thứ thuốc gì, thì cụ cứ viết ra một tờ trình lên.

Rồi ông lại tiếp:

- Bệnh đã nửa năm nay. Trước kia gầy lắm, nay đã hơi có da, có thịt, bản chất yếu, bệnh đã lâu mà không bố được, vì dùng dương được thì nóng mà dùng âm được thì trệ. Có khi phải dùng những vị phát tán mới xong!

Ông bảo quan Tả viện đem những đơn thuốc đang dùng đến cho tôi xem. Nguyên khi ông đề cử tôi và nói mấy câu này là cũng có ý muốn tôi biết chừng. Ông cũng có biết thuốc, tuy kiến thức về thuốc chưa sâu, nhưng hề bàn đến thuốc là cứ muốn dùng thứ thuốc công phạt. Ông thường nói: có bệnh thì trước hết là phải đuổi bệnh. Khi đã đuổi cái tà đi rồi hãy bổ, thì mới là cái phép đúng đắn nhất. Nhưng theo tôi, đó là vì thế tử ở trong chốn màn che trướng phủ, ăn quá no, mặc quá ấm nên tạng phủ yếu đi. Và lại, bệnh mắc đã lâu, tinh khí khô hết, da mặt khô, rốn lồi to, gân thời xanh, tay chân gầy gò. Đó là vì nguyên khí đã hao mòn, thương tổn quá mức. nếu chỉ lo dùng thứ thuốc công phạt khắc tước mà không biết rằng nguyên khí càng hao mòn dần thì chỉ làm cho người thêm yếu. Bệnh thế này không bố thì không được. Nhưng sợ mình không ở lâu, nếu mình làm có kết quả ngay thì sẽ bị danh lợi nớ ràng buộc, không làm sao về núi được nữa. Chỉ bằng ta dùng thứ thuốc hòa hoãn, nếu không trúng thì cũng không sai bao nhiêu. Nhưng rồi nghĩ lại: cha ông mình đời đời chịu ơn nước, ta phải dốc hết cả cái lòng thành, để nối tiếp cái lòng trung của cha ông mình mới được. Nghĩ đi nghĩ lại một hồi, tôi mới nói:

- Tôi thấy thánh thể gầy, mạch lại tế, sắc. Thế là âm, dương đều bị tổn hại, nay phải dùng thuốc thật bổ để bồi dưỡng tỳ và thận, cốt giữ cái căn bản tiên thiên và làm nguồn gốc cho cái hậu thiên. Chính khí ở trong mà thắng thì bệnh ở ngoài sẽ tự nó tiêu dần, không trị bệnh mà bệnh sẽ mất.

Ông tỏ ý kiến nói đi nói lại mấy lần, nhưng tôi vẫn cứ giải thích mãi. Ông nói:

- Cụ đã có chủ ý như thế thì cụ cứ viết ra thành phương thuốc để dâng lên.

Tôi vâng lệnh viết tờ khai rằng:

Chầu mạch, thấy sáu mạch tế sắc và vô lực, hữu quan yếu, hữu xích lại càng yếu hơn. Ấy là tỳ âm hư, vị hỏa quá thịnh, không giữ được khí dương, nên âm hỏa di căn. Vì vậy, bên ngoài thấy cổ trướng, đó là tượng trưng ngoài thì phù, bên trong thì trống. Nên bổ tỳ thì yên. Nay phòng dụng: bạch truật (một lượng), thực địa (ba đồng), can khương (hai đồng), ngũ vị (một đồng). Sắc cho đặc, mỗi một lần uống một muống với nước sâm sắc đặc. Uống khi lưng bụng.

Tiểu thần Lê Hữu Trác phụng kê.

Tôi viết xong đưa lên. Ông nhìn kỹ một hồi, xem có ý ngại. Các thầy lang ngồi đấy cũng muốn xem. Ông không cho, dứt giấy vào túi áo, cười:

- Phương thuốc và lập luận của cụ khác chúng ta nhiều.

Ông bảo một nội thân mang tờ giấy vào. Một lát sau, ông đứng dậy bảo tôi đi theo, trở về điểm "hậu mã". Uống trà một lát, ông nói với tôi:

- Cụ đi xa xôi vất vả, giờ hãy tạm về nghỉ. Có bà con bạn bè mời mọc cũng không được đi đâu. Để chờ thánh chỉ xem như thế nào.

Tôi giả từ, lên cang về dinh Trung Kiên. Trong vòng mười ngày, bạn bè trong Kinh đều đến thăm hỏi, thường tình như thế.

NHỚ QUÊ NHÀ

Từ hôm ấy, quan Chánh đường cứ phải châu chực trong phủ, không có lúc nào rảnh mà về nhà. Tôi cũng không biết đơn thuốc tôi dâng lên kết quả ra sao, Quận hầu thường đến chỗ tôi trọ, nói chuyện chơi suốt ngày, có khi đến khuya mới về nhà, tình nghĩa rất là thâm thiết.

Một hôm, có người sai nhân của Chánh đường đến nhà trọ tôi truyền mệnh:

Tôi liền đến dinh Quận hầu lấy bốn người lính khiêng cang đến trạm "Hậu mã" ngồi đợi. Một giờ qua, vẫn không thấy tin tức gì. Một lát, thấy một tiểu hoàng môn là người nhà quan Chánh đường ở trong cung đi ra, tay cầm nến. Anh ta vào bếp dọn cơm chiều và cùng ăn với tôi. Anh ta nói:

- Cụ lớn bảo cụ hãy về nhà trọ, ngày mai hãy vào châu.

Và ghé miệng vào tai tôi nói khẽ:

- Con xin mừng cụ! Thánh thượng đã chuẩn ban cho cụ mười suất tùy hành quân, bổng lộc thì như quan "hộ phiên câu kê" (1). Ngày mai cụ sẽ nghe truyền mệnh.

Tôi thấy thế, thở dài:

- Tôi được đề cử là lý làm sao?

Ăn xong, anh ta lấy một cái thẻ đi đêm trong cung cấm, thẻ dài năm thước, hai đầu bịt bạc, khắc hai chữ "nội sai". Anh ta dẫn tôi ra cổng phủ.

Cả đêm, tôi cứ băn khoăn, không sao chợp mắt. Trong lòng tự nghĩ: được đề cử như thế này thì người ta không tha mình đâu. Đã chịu mệnh thì sau này muốn từ chối cũng không được nữa. Chi bằng ta cáo ốm không vào.

Sáng mai, tôi bảo tiểu đồng mang thư đến, xin Quận hầu cho người vào trong phủ, thưa lại với quan Chánh đường: đêm qua thấy tôi cảm hàn, đầu đau, mình nóng không thể vào châu.

Một lát sau, Quận hầu đến hỏi thăm sức khỏe.

Quận hầu nói:

(1) Một chức quan lớn đời Hậu Lê.

- Việc này đã đưa vào phủ. tôi đã thưa với thầy tôi. Xin cụ đừng ngại, cứ giữ mình cho khỏi bệnh để vào châu. Thế nào cũng được khen thưởng đặc biệt.

- tại sao lại biết?

- Hôm trước có việc quan, tôi vào trong phủ. Thầy tôi nói: đơn thuốc cụ dâng bị các ông viện y bàn ra tán vào nên vẫn chưa dùng. Nhưng thánh thượng xem thì khen: hiểu sâu y lý và đã chuẩn y ban tử.

Tôi thấy thế, lo lắng hiện ra nét mặt. Ông vốn biết ý tôi có ý muốn về nhà, cười mà rằng:

- Cụ là bậc đại tài, không muốn đem cái thân thiên mã để thõ xe muối, cho nên không vui chứ gì?

Tôi toan đứng dậy đến trước mặt toan lạy. Quận hầu vội vàng đứng dậy, nói:

- Từ khi cụ lên Kinh đến nay, tôi được sớm hôm hầu tiếp cũng được tiến bộ rất nhiều. Có việc gì thì cụ cứ nói thực. Tôi xin hết lòng giúp.

- Tôi từ nhỏ vốn có cái chí cao cả nhưng gặp thời, nên về nương nấu chốn sơn cùng thủy tận, mong được nhân hạ. Năm nay, tuổi đã 60; tai điếc, mắt hoa, dăm đầu câu mong tiến thủ. Vả lại tôi là người lẩm bệnh, nên mới phải học thuốc. Không ngờ cụ lớn lại bỗng chốc đề bạt tôi như thế! Nếu Quận hầu thật tình thương tôi thì xin giúp tôi, làm sao cho tôi, nếu chưa được về ngay nơi núi cũ, thì cũng được thoát khỏi vòng danh lợi. Nếu thế thì thực may cho tôi lắm.

Quận hầu cười:

- Bệnh nhiệt của cụ thực không có thuốc nào chữa được. Trừ phi trong uống chén nước Hương Sơn, bên ngoài thoa đám mây Hương Sơn thì sẽ khỏi ngay!

Tôi cười:

- Quả thực Quận hầu đã uống ao Thượng tri (1) nên thấy tất cả gan ruột của người ta chăng?

Nói xong, cả hai đều cười rồi từ biệt.

Hôm sau, Quận hầu sai người đem đến cho tôi một bức thư nói: đã bẩm với cụ lớn rồi, nhưng cụ chỉ cười mà không nói gì. Lại bí mật báo cho cụ biết: hãy cứ nằm yên dưỡng bệnh, không được thư từ, đi lại với ai cả. Tôi cũng trả lời : xin vâng.

Vài hôm sau, thấy Quận hầu đến, nét mặt tươi cười hơn hờ. Tôi biết chắc thế nào công việc cũng xong. Quận hầu nói:

- Tôi đã mấy lần thưa với thầy tôi., nhưng thầy tôi có vẻ ngần ngại. sau đó, tôi phải thực tình van nài cụ giúp. Thầy tôi nói: "Ta không ngờ ông ta lại vô tâm với công danh như thế. Ta đã trót trình bày cái học thuật của ông ta rồi, bây giờ muốn nói ngược lại cũng không được. Chỉ còn một cách cáo giả xin về mà thôi. Ta vào châu, còn mày thì đến báo với ông ta ngày mai phải đến phủ".

Tôi nghe mừng rỡ vô cùng, cười và bảo Quận hầu:

- Chắc bây giờ cụ lớn cũng hiểu thấu tình tôi.

- Tôi xem cách nói năng của thầy tôi thì biết thế nào cụ cũng được giữ trọn lời thề

(1) Xưa Trung Quốc có vị y thánh Biển Thuộc uống nước ao Thượng Tri, nên soi thấy tạng phủ người ta.

với hạc cũ, vườn xưa. Xin cụ dừng ngại.

- Nhờ có Quận hầu giúp đỡ cho, chắc thế nào công việc cũng xong.

Nói chuyện một lát, Quận hầu từ biệt.

Sáng hôm sau, tôi đến phủ đợi mệnh. Không thấy quan chánh đường ở đấy. Hỏi bọn lính canh, họ nói:

- Thánh thượng đang ở Đông cung, cụ lớn đang chầu ở đấy.

Tôi nhờ một người lính dẫn đường, qua cửa bên phải rồi đi. Quanh co hơn một dặm, đầu đầu cũng là lầu, đài, đình, gác, cửa ngọc, rèm châu, long lanh chiếu xuống đáy nước, cao vút tận trời xanh. Hai bên đường toàn là hoa thơm cỏ lạ, những loài thú lạ, những con chim đẹp bay, nhảy, hót vang, từ dưới đất bằng nhô lên một ngọn núi cao; cây cổ thụ, bóng che dâm mát. Một cái cầu sơn bắc ngang qua dòng nước uốn quanh, đá hoa làm lan can. Tôi vừa đi vừa ngắm: thực không khác gì một cảnh tiên.

Đến cửa Đông cung, tôi gặp quan Chánh đường đi ra. Ông bảo tôi về nhà. Pha trà, uống nước xong, ông nói:

- Cụ ở chốn lâm tuyền, xưa nay đã quen thành thói vui thú. Từ ngày lên Kinh vào chầu đến nay, ngày đêm chạy vạy chắc là mệt nhọc lắm nhỉ!

Tôi đứng dậy từ tạ:

- Tôi vốn ốm bệnh; tuổi đã già, sức lại yếu, xin cụ lớn rủ lòng cứu giúp cho.

- Hôm qua, tôi đã đem ý của cụ tâu lên, xin cho cụ được ở bên ngoài chầu chực. Điều đó đã được chuẩn y. Cụ cứ việc về nhà trọ chờ đợi, không được đi chơi đâu xa. Nếu có đi đâu cũng chỉ đi những chỗ quen biết, sợ có triệu cụ vào một cách đột ngột.

Nói chưa dứt lời, đã thấy một viên nội thần đến mời quan Chánh đường vào. Tôi bèn từ giả về nhà trọ, Quận hầu đến hỏi thăm, tôi kể lại một lượt. Quận hầu vui vẻ nói:

- Tục ngữ có câu "Vào cửa công hầu sâu tựa biển", không gì hay hơn nữa, thầy tôi với cụ là chỗ quen biết, việc cụ ở hay về, thầy tôi nói cũng không tiện. Bây giờ làm thế nào?

- Quận hầu là núi Thái sơn, che chở cho tôi. Biết ,,,, một mình Quận hầu mà thôi,,,,, ta có thể thay được số trời, tương lai chưa đoán trước được thế ,,,,,,

Nói chuyện một lát, hai người từ biệt nhau.

Vài ngày sau, quan Chánh đường đương thoái triều về,,,,,. Lúc ấy có mấy ông quan ngồi ở giữa hầu tiếp. Cũng có người... gia đình tối. Chánh đường đem việc của tôi ra kể. Một viên quan nói:

- Người đời lấy việc được làm quan làm vui, ông lại lấy việc từ việc quan làm may, thật là khác người. Người xưa có câu: "..... hầu không ở nơi rừng núi", ý nói cái phong lưu nơi rừng núi,,,,,, gì phú quý của nhà công hầu.

Tôi nghe nói, khép nép từ tạ:

+ Tôi là kẻ học trò hèn mọn nơi ,,,, được cụ lớn tiến cử, khiến cho phút chốc được cưỡi trùng biết đến ,,,, cuộc gặp gỡ nghìn năm có một, cái may mắn ba sinh. Ngặt một nỗi,,, già yếu, đi đứng khó khăn, cho nên không dám làm uống phí lộc ,,,, chịu ít phúc,

(1) Ý nói: vào cửa công hầu,,,,, được.

hối tiếc cũng không được.

Một viên quan nói:

- Thấy cụ còn tráng kiện, khí tiết,,, như cây trúc, cây bách, không sợ gió sương, chắc là chỗ tu dưỡng,,, phần sở đắc, cụ tiếc cái thú thanh u, nên lánh đời đây thôi.

Một viên quan khác lại nói:

- Nếu ai cũng làm Y Doãn, Chu Công,,, thì còn ai ở ẩn để làm Sào Phủ, Hứa Do nữa.

Chanh đường cười:

- Mỗi người đều có cái chí cả,,

Một chốc, mọi người lui ra.

Bấy giờ tôi đã ở dinh quan Trung kiên hơn một tháng. Bạn bè thân thích lui tới thăm hỏi, bận bịu suốt ngày. Họ thường bị lính giữ cổng của quan Chánh đường giữ lại, phải có người ra nhận mặt, họ mới được vào. Tôi nghĩ bụng: ở trong dinh thì việc vào ra rất khó khăn. Mình ở đây lâu thì cơm gạo, củi nước tốn nhiều. Cả thầy lẫn trò hơn mười người, lấy đâu mà cung cấp mãi! Hôm trước, Quận hầu có hỏi mình có tất cả bao nhiêu người tùy tùng. Ý quan Chánh đường muốn cấp lương. Nhưng mình đã không chịu lệ thuộc vào người ta, thì mình phải kiên quyết chối từ mới được. Bây giờ mình phải tìm một nơi trọ ở ngoài dinh để bạn bè đến chơi cho tiện. Lại phải làm thuốc để có tiền tiêu dùng hàng ngày.

Trù tính xong, tôi nói với Quận hầu:

- Tôi lưu lạc giang hồ hơn ba mươi năm nay. Ngày nay đột nhiên về Kinh, bạn bè bà con đến chơi bởi thăm hỏi là việc thường tình. Ngày đêm họ ra vào luôn phải tiếp đãi họ luôn. vậy cho phép tôi ra ở trọ ở ngoài. Nhờ Quận hầu thưa lại với cụ lớn cho tôi được tự do thu xếp.

Lúc đầu, Quận hầu không cho tôi đi xa. Tôi phải xin đi xin lại, ông mới đồng ý. Tôi bảo người nhà đi tìm. Tìm được chỗ ở quán doanh đội Kinh hữu. Chủ nhà tên là Biện Đồng, tuy đã có tuổi nhưng muện màng về đường con cái. Ông ta được tin cho là lòng trời xui khiến. Bèn thân hành đến mời tôi. Tôi bảo người gồng gánh sang nhà ông ở trọ. Hai vợ chồng đón tiếp rất niềm nở, cung phụng hết sức chu đáo. Từ dinh quan Chánh đường đến đó cũng gần. Quận hầu cứ ba ngày một, hoặc năm ngày một lại đến chơi. Tình thân của tôi đối với ông không cần phải nói.

Tôi ở kinh chưa được nửa tháng mà các quan trong kinh cho đến lính tráng, những người ngoài đường, nhiều người biết tiếng. Kẻ đến xin đơn, người nhờ bắt mạch, rất ồn ào.

Tôi nghĩ bụng: lúc đầu mình cũng chỉ muốn kiếm đủ tiêu thôi. Không ngờ, nay lại được nhiều gấp mấy lần. Nhưng lần này phú quý mình còn chẳng thiết nữa là cái lợi. Đã vậy, thì hơi đâu mà thù tiếp người ta, đến nỗi phải mất ăn mất ngủ như thế này! Tôi lại muốn dời đi nơi khác, nhưng chưa tìm ra nơi nào. Bấy giờ, có ông Hàm xuyên hầu làm Nội thị tá cơ. Lúc nhỏ, ông cũng có theo đòi cử nghiệp, đã đỗ quận trường (1). Sau đó, theo cha, dẹp giặc có công được làm quan võ. Ông vốn lắm bệnh nên hay đến tôi xin

(1) Quận tướng: tú tài.

thuốc. Ông thấy tôi không chữa bệnh mà bệnh lại thôi, thì cho là kỳ lắm. Mỗi khi có bệnh hiểm nghèo, ông lại đến nhờ tôi cứu chữa. Ông lại xin học thuốc với tôi. Tôi thấy ông rất thành tâm nên đồng ý.

Ông biết tôi không thích ở chỗ ồn ào, bèn lẳng lặng dọn dẹp một cái dinh cũ cạnh cái hồ của dinh ông. Ở đây có đủ nhà ngoài, nhà trong, nhà bếp và rất yên tĩnh. Sau đó, ông đến mời tôi. Tôi mừng rỡ lắm, dọn sang. Vợ chồng Biện Đồng cũng không muốn để tôi đi nơi khác. Vì cái nhà tôi mới dọn đến và cái nhà sau của Biện Đồng cách nhau chỉ vài trăm bước, tôi bèn bảo trở một cái cửa nhỏ để đi lại. Hàm xuyên hầu tiếp đãi tôi rất ân cần, không nói cũng rõ.

Từ khi dọn sang ngôi nhà mới này, tôi mới được rảnh rang một chút. Một đêm, trăng sáng như ban ngày, tôi ngồi ngất ngưỡng trước lan can, trong lòng từ nghĩ: Mình lên Kinh đã vài tháng nay, muốn về làng cũng không được mà đi đâu một bước cũng không xong. Bấm đốt tay tính lại, đã ba mươi năm nay, mình tưởng đâu không sa vào cái vòng danh lợi, thế mà nay lại đến nông nổi này, chẳng khác như một người tù. Đang băn khoăn suy nghĩ, đột nhiên buột miệng thở dài. Tôi sai tiểu đồng pha trà uống. Đang nằm thiu thiu, chợt thấy bên kia hồ có tiếng kêu lạnh lạnh, réo réo, véo von, thanh thiết, như ve đang uống sương, khi dứt thì nổi, trong vát như sương sa mùa thu. Tôi giật mình đứng dậy ra sân lắng nghe. Mới biết có tiếng sáo ở nhà phía tây. Lòng buồn lại lắng khôn cầm, tôi ngâm một bài thơ để kể nỗi lòng:

Ngọc địch thanh du du,
Thanh tiêu hứng chuyển u.
Xuy lai thiên lý nguyệt,
Tán tác mẫn thành thu.
Lạc cực thù gia thú?
Tình đa lữ khách sầu.
Tiên tiên thiên lại phát,
Cấm cổ xuất tiêu phu.

Dịch:

Tiếng sáo ngọc vì vu đầu tới,
Giữa đêm thanh, hứng lại càng thanh:
Mảnh trăng nghìn dặm thênh thênh,
Thổi đồn, đưa khắp đầy thành cảnh thu.
Nhà ai đó! Xiết bao vui thú,
Khách đa tình ở ngụ thêm sầu;
Hiu hiu gió thổi từ đâu,
Chú tiêu nghe tiếng trống lâu ra đi. (1)

(1) Diễn xuôi:

Tiếng sáo ngọc nghe vắng vắng,
đêm thanh, hứng càng thanh u.
Thổi trong khi mặt trăng chiếu sáng nghìn dặm,
làm cho cả thành đầy những thu tứ.
Nhà ai đó mà vui quá thế?
Khách đa tình ở ngụ thêm buồn.
Bỗng đâu gió thổi hiu hiu (thiên lại: nghĩa đen sáo trời tức là gió).

Ngâm xong, tôi đi bách bộ đến trước thềm đến khuây mới ngủ. Đêm nằm mơ thấy núi cũ, mãi khi mặt trời chiếu vào cửa sổ vẫn còn chưa dậy. Tiểu đồng vội vàng vào đánh thức:

- Quận hầu đợi ngoài cửa đã lâu.

Tôi vội vàng chạy ra mời vào phòng khách. Quận hầu nói:

- Hôm trước, cụ có mấy gian phòng chật hẹp, cửa sát đường cái thật là ồn ào. nay cụ ở đây yên tĩnh, nhàn hạ. Chắc bậc cao nhân tĩnh dưỡng ở đây cũng được vừa ý.

- Dó là nhờ chủ nhà có lòng tốt.

Hàm xuyên hầu biết Quận hầu đến cũng sang chơi. Tôi đưa bài thơ "Ban đêm nghe tiếng sáo" để hai người phê bình. Cả hai đều khen ngợi.

Quận hầu nói:

- Cái câu "Lạc cục thù gia" là trong lòng có điều xúc cảm đây!

Tôi đáp:

- Phải đấy.

Hàm xuyên hầu nói:

- Có "thái" thì có "bĩ", khi nào thịnh lắm thì cũng suy nhiều. Cho nên thánh nhân có câu "Tồn doanh ích khiêm" là như thế.

Nói chuyện suông một lát, mọi người về nhà.

Sáng hôm sau, mấy người dịch mục của Quận hầu đem năm người lính mạnh khỏe đến, khăn áo chỉnh tề. Tôi thấy thế, tưởng có việc phải đi xa. Người dịch mục báo:

- Quan tôi thấy cụ đến ở nơi vắng vẻ. Ở đây có rất nhiều tay đào tường khoét vách, quan tôi sợ có việc gì xảy ra nên đã bẩm với cụ lớn. Cụ lớn sai lấy năm người lính tiền quân ở trong dinh ra đây, ban ngày phục dịch, ban đêm thì canh giữ.

Tôi thở dài mà rằng:

- Thân của tôi đã được cụ lớn chiếu cố nhiều quá, tôi xin ghi lòng tạc dạ. Nhờ anh nói lại với cụ lớn rằng tôi xin từ tạ.

Anh ta vẫn không chịu, cứ để bọn lính đóng ở ngoài nhà. Trước đây, mỗi khi đi đâu, tôi lại mượn lính của Quận hầu. Các quan đến xin thuốc cũng cho lính đến hầu, tất cả độ 7, 8 người. Thị nội - Tả quân cho hai người, Trung kình quân cho một người, Hậu dũng quân cho một người v.v... Phần lớn đều nhắc phớn, hay trốn việc, chỉ có năm người này là biết sợ pháp luật, sai việc gì cũng được vừa ý, tôi thấy thế là đủ, bèn gửi lời từ tạ các quan và cho những người lính khác về. Tôi chỉ giữ lại một người của Tiền ninh quân, một người của Trung kình quân, và năm người của Tiền dũng quân, phát lương cho họ và cho họ làm việc ở dưới bếp.

Bấy giờ ở Kinh đô, nhiều người nghe tiếng tôi, đến chơi. Họ bảo nhau nên biết tôi là người được quan đại thần đề cử, thánh chỉ triệu mời. Họ cho tôi là "một bậc kỳ tài" ở ẩn trên núi non, còn cái nghề làm thuốc của tôi thì chẳng qua là chút nghề mọn không đáng kể. Vì vậy con các quan, các bậc nho học ngày nào cũng kéo nhau đến hỏi thăm, nói hết chuyện cổ kim bàn lễ thấp cao trong y đạo. Thật là: trà không cạn chén, khách khứa đầy giường. Những hôm này tôi rất bận rộn, phải lo thù tiếp luôn.

Một hôm, có bốn người đến. Một người tên là Bật Trục, người An toàn là Hình quan; một người tên là Hàng, người Nộn Liễu, Giám sinh; một người tên là Dự; một người tên là Vụ, cả hai anh em là người Đồng Lũy, làm huấn đạo. Bốn người này cũng mấy người dật sĩ nữa, một người quê ở Sơn Tây, Giám sinh hiệu là Thanh Hồ, một người thuộc thị xa Sơn Nam hiệu là Thúy Anh. tất cả đều mang rượu và thức nhắm đến nhà trọ cùng tôi đánh chén.

Họ hỏi tôi:

- Chúng tôi nghe nói cụ không những tinh thâm và cái "tính" và "mệnh", mà thơ lại có cái thi tứ của Lý Bạch, Đỗ Phủ. Chắc là cụ có nhiều bài. Xin cụ đừng tiếc lời vàng ngọc, cho bọn hậu bối chúng tôi xem với, không biết có được hay không?

Tôi đáp:

- "Thơ là để nói lên cái chí của mình". Chí của con người như thế nào, thì thơ cũng như thế. Tôi có làm được đôi bài nhưng chẳng qua chỉ là lời lẽ quê mùa, đầu dăm mùa riu qua mắt thợ để mua lấy tiếng cười!

- Cụ không nên khiêm tốn quá! Cùng ý hợp tâm đầu, cần gì phải khách sáo.

Tôi bèn lấy bài "Cảm hoài ở dọc đường khi phụng chỉ lên Kinh" đưa cho họ xem. Viên hình quan nói:

- Thơ này đậm mà có vị, hòa mà kiêu, không nói quí mà nói phú, thực là ý ngoài lời văn. Nghe ra hàm súc vô cùng.

Mấy người kia nói:

- Toàn khí vị khối mây, thực là một vị ẩn giả.

Đến chiều tiệc tan, tất cả đều ra về. Hôm sau, họ đều cho người nhà đem thơ đến. Tôi giờ ra xem thì đều là lời thơ thù tạc...

Lược bỏ mấy bài thơ họa chỉ giữ một bài.

Bài thơ của quan Thiêm binh họa lại:

Hạnh lâm, quất tỉnh dưỡng thiên chân,
Đáo để phương tri đạo vị bần.
Nhĩ mục bất cô huyền tạo dự,
Phát phu di hạ tề quan thân.
Diệt đường nùng đậm chỉ gian sắc,
Tiện thị Hy Hoàng dĩ thượng nhân!
Thặng hỷ phong vân tao tế hội,
Cao, Quí vị tá, Thuấn vi quân.

Dịch:

Rừng trồng hạnh, giếng chằm trồng quýt,
Đạo chưa nghèo mới biết là đây;
Thông minh nào phụ cao đầy,
Tuổi môn chính thức xưa nay con dòng.
Mùi thế vị, nhạt nồng nếm trái,
Cối Hy Hoàng xưa hãy còn đây;

*Mừng nay gặp hội gió mây,
Giúp vua Nghiêu Thuấn, sân đầy Quý, Cao (1)*

Một hôm, Thị nội tá quan đi châu về đến nhà tôi nói chuyện ông nói:

- Cụ nức tiếng ở Kinh đô, không những người đến xin đơn thuốc, kẻ đến chữa bệnh mà cả đến hạng con cái các quan có danh tiếng, không ai là không quý mến cái phong thái cao thượng của cụ. Nhiều người muốn yết kiến. Hôm nọ, trong dinh Tiền hùng tá quan, người ta nói thơ của cụ ai xem cũng phải khen là hay. Tôi tuy là quan võ, không có học nhưng biết lấy làm thích, nên cũng xin họa một bài để mua vui.

Phú dữ nguyên lai đắc tính chân,
Đạo dung vì phú bất vì bần.
Huyền hoàng tiểu ngạo thư song nhãn,
Thương xích an nguy hệ nhất thân.
Chỉ vị luân âm vinh dã sắc.
nan tương lãnh khán thời nhân.
Hành tàng dụng xả tu như thử.
Đáo để phương tri ngã diệc quân.

Dịch:

*Thật thà bẩm tính từ lâu,
Giàu vì đắc đạo, cụ đâu có nghèo.
Kiên khôn cặp mắt ngêu ngạo,
Một mình, tính mạng đồng bào cậy trông.
Thôn quê, vâng chiếu bề rồng,
Với đời lo lắng cầm lòng sao đang?
Cho hay "dụng xả hành tàng" (2),
Hai ta rút cục một phường như nhau (3).*

(1) Diễn xuôi:

Rừng hạn, giếng quít đi dưỡng tính trời (Rừng hạn: Đồng Phụng có thần phương chữa bệnh, bệnh nhân khỏi rồi, bệnh nặng trồng năm cây hạnh, bệnh nhẹ trồng một cây, về sau thành rừng hạn). Giếng quít: Tô Tiên sắp lên tiên nói với mẹ: sang năm sẽ có bệnh dịch, nên bảo người ta hái một lá quít với một bát nước múc ở giếng là khỏi. Sau quả thối. Rừng hạnh giếng quít là điển cổ chỉ thầy thuốc).

Đến đó mới hay đạo chưa là nghèo.

Không phụ ơn trời đất đã phú cho tai mắt thông minh.

Quả thật là di thể của quan tể tướng xưa.

Mùi đời mặn lạt đã từng lần lượt nếm rồi,

Quả là người thời Phục Hy trở về trước (Đào Tiềm ở ẩn đời Tấn tự gọi mình là người Đời trước vua Phục Hy).

Mừng nay gặp hội gió mây.

Cụ cũng như Cao Dao và Iậu Quý là những tối hiền ngày xưa đã giúp vua Thuấn.

(2) Dụng xả, hành tàng. Dùng chữ "Luận ngữ": dùng thì ra làm, nếu không dùng thì ở ẩn.

(3) Diễn xuôi:

Vốn được tính chân thật tự trời cho,

Đạo đức đầy đủ, ấy là giàu, cụ nào có nghèo đâu.

Hai con mắt ngênh ngang giữa trời đất,

Tính mạng nhân dân quan hệ ở mình cụ.

Chỉ vì chiếu vua làm cho đồng nội được về vang,

Lẽ nào lo lắng đối với người đời?

Dùng thì làm, bỏ thì ở ẩn vốn như thế cả.

Tôi đọc đi lại bài thơ và nói:

- Không ngờ Quân hầu thơ hay như thế này! Từ nay, tôi học thêm được một cái phép làm thơ.

Đang nói chuyện thì thấy Hùng tả quân đẩy cửa vào, cười và nói:

- Hai vị ngâm nga thực là cao hứng! Tôi cũng có một bài xin mua vui. Bèn lấy trong tay áo ra một bài thơ. Hàm xuyên hầu cầm lấy xem trước.

Nguyên Hùng tả quân là con nuôi Ngô hoàng giáp người Lai Thạch, làm thụ trấn ở Lạng Sơn vừa mới qua đời. Khi tôi còn ở Hoan Châu, ông có thư từ qua lại với tôi mấy lần, nhưng chưa bao giờ gặp nhau. Ông đã đi thi, được đỗ giám sinh trường Quốc tử giám. Sau có việc tâu lên được vừa ý, nên đặc ban cho chức Hùng tả quân. Lúc tôi lên Kinh, tôi đã có đến tìm nhưng ông dợ việc quan phải đi, đến nay ông mới lại, Hàm xuyên hầu xem thơ xong, khen nức nở. Tôi cầm bài thơ xem, thấy lời dẫn và bài thơ thì giật mình:

- Ông thấy bài thơ của tôi ở đâu?

Hùng tả quân cười:

- Tiếng tăm của tôn thúc lừng lẫy cả trong triều ngoài nội, trẻ con ở Kinh đô còn thuộc bài thơ ấy nữa là tôi.

Vì tôi với cụ Hoàng giáp là chỗ quen biết nên ông gọi tôi là "tôn thúc", tôi cười:

- Quân hầu nói thế làm tôi dâm thẹn.

Tôi nghĩ bụng: ông này có tiếng hay thơ, cho nên lời lẽ thanh tao, mới mẻ, thật là có phong vị nhà thơ.

Sau khi câu chuyện đã vãn, ấm trà đã cạn, lò hương đã nguội, khách đều ra về... Tôi chép lại bài thơ.

Bài thơ của Hùng tả quân họa:

Lời dẫn: từ khi cách biệt chân trời góc biển, hơn hai mươi năm nay trong lòng nhớ mong không lúc nào khuây, nhưng đường xá cách trở không sao được gặp, xin theo nguyên văn họa lại.

Tự thiếu thần giao ý khí chân,
Niên lai đồng bệnh hựu đồng bàn.
U hoài chỉ giải thâu nhân xứ,
Họa bính ninh tri ngộ thử thân.
Tường nhận lâm huy công thị phượng,
Thừa hiên thiết lộc ngã như nhân.
Hà duyên trùng đỉnh Hương Sơn hội,
Thần tịch tương tương chúc thánh quân.

Dịch:

*Tuổi xanh ý khí thần giao,
hai ta vừa bệnh vừa nghèo bấy nay.
Tìm nhân được ần là may,
Hu danh khéo để thân này dở dang.
Lượn cao, cụ tượng phượng hoàng,*

*Tôi như chim hạc kiếm lương theo người.
Hương Sơn ước kết hội chơi,
Cùng nhau chúc thánh, hôm mai một niềm (1).*

Một hôm, có người quê nhà hiện làm huấn đạo ở Hà Hoa đến chơi. Ông từ già tôi để về Hương Sơn. Nhân tiện, tôi nhờ ông đem về hộ một phong thư và ít món quà ở Kinh thành. Ông nói:

- Tôi làm một chữ quan nhỏ, tôi cho vay vài chục quan tiền. Ông mừng rỡ cảm ơn khôn xiết.

Đêm hôm ấy, tôi ngồi một mình buồn bã. Lòng lại nhớ đến vàng trắng sáng ở quê nhà nên tôi ngồi ở cửa sổ mà vẫn băn khoăn, không sao ngủ được. Nghe tiếng chim bay, đột nhiên tôi tỉnh dậy thì ngọn đèn vẫn còn trơ trơ bên vách. Tôi bảo tiểu đồng cầm đèn lại. Tôi lên dây rồi gảy đàn một hồi lâu. Thấy tiếng đàn lạnh lẽo, tôi lại dừng. Sai tiểu đồng pha trà uống, nhưng uống được vài chén lại cảm thấy nhạt thêch.

Tôi ra trước sân đi bách bộ, ngâm gượng hai bài thơ để tự an ủi.

Tĩnh hậu vị qui khứ,
Giai tiền, nguyệt hựu sinh.
Bình hồ khởi thu sắc,
Độc điều tác ly thanh.
Mối đặc du sơn mộng,
Y nhiên tại đế thành.
Nhược ngu nguyên thả trí,
Hà ngã lộng hư danh!

Dịch:

*Tĩnh giác dậy đi về chưa toại,
Trước thềm nhà trăng lại mọc ngay;
Hồ bằng thu sắc rạng đầy,
Một chim réo rắt tiếng bay là đàn,
Chơi núi cũ mơ màng nằm thấy,
Nơi đế thành mình hãy còn đây!
Kìa ai khôn giả làm ngây,
Hư danh quý mãi thân này làm chi?*

(1) Diễn xuôi:

Từ lúc trẻ, thần giao ý chí chân thật,
mấy lâu nay cả hai đều nghèo nàn bệnh hoạn như nhau.
Lòng ưa ở ẩn chỉ biết tìm nhân.

Biết đâu hư danh như hành vẽ (không thể ăn được) làm cho thân này mang lụy.

Cụ như chim phượng hoàng lượn trên nghìn tầng xem có nơi nào đức sáng thì xuống đỗ (đời xưa ví người quân tử như chim phượng hoàng lượn trên nghìn tầng trông có mình quân đức sáng thì mới xuống đỗ).

Tôi như con hạc đi xe kiếm lương ăn như mọi người (Vệ ý công đời Xuân thu thích hạc, cho hạc đi xe, ăn lương).

Duyên gì được kết hội Hương Sơn (bách cự Di đời Đường khi về hưu, nhóm họp được chín vị lão thành làm hội ở Hương Sơn làm thơ uống rượu. Vì Lân Ông huyện Hương Sơn mà Hùng tá quân cũng người Hoan Châu nên dùng điển này). Sớm hôm cùng nhau chúc thọ thánh quân.

Dạ tọa thiên sầm tịch,
Vân biên thính nhận qua.
Hồ minh thâm đặc nguyệt,
Thu cổ cường khai hoa,
Trà biết, thi hoa thiếu,
Cầm dư khách tứ đa.
Lân kê minh thất độ,
Tĩnh đầu mãn quan hà.

Dịch:

*Đêm ngồi vắng vẻ xiết bao!
Xa nghe tiếng nhận bay vào bên mây.
Hồ quang gương thõng rạng đầy,
Cây xưa nay cũng có ngày trở hoa.
Hết trà, thơ nghĩ không ra,
Buông đàn nỗi khách lại là chúa chan!
Gà ai bên xóm gáy càn,
Quan hà trông vẫn đầy tràn bóng sao.(1)*

Một hôm, đã đến canh hai, tôi vừa đi nghỉ thì lính hầu vào báo:

- Ngoài cửa có hai đèn lồng đưa một cái võng rất sang đến đây, không biết có vị quan nào.

Tôi vội vàng đứng dậy đợi. Thì ra Quận hầu vào. Tôi giật mình mời ngồi, hỏi:

- Đêm hôm như thế này, Quận hầu đến chơi có việc gì?

- Thầy tôi cho tới đến hỏi cụ một vị thuốc. ban ngày có người dâng lên một đơn thuốc trong có vị "thần thảo" (2). Thầy tôi không biết khí vị nó như thế nào nên đã cho tra khắp sách bản thảo mà vẫn không thấy. Vì vậy, thầy tôi cho tôi đến hỏi cụ để biết cách về bào chế.

Tôi bèn lấy giấy bút viết cặng kẻ rồi đưa cho Quận hầu. Quận hầu cầm giấy, không

(1) Diễn xuôi:

Sau khi tĩnh, chưa được về,
Trước thềm nhà, mặt trăng lại mọc,
Mặt hồ phẳng sắc thu hiện lên,
Một con chim lẻ loi kêu lên tiếng lia đàn.
Thường nằm thấy chiêm bao chơi nơi núi cũ.
Nhưng người vẫn còn ở Kinh đô.
Những người xem như ngu chứng thực ra không,
Sao ta lại bí cái hư danh quá rồi?

Diễn xuôi:

Đêm ngồi một mình vắng vẻ.
Nghe tiếng nhận qua bên mây,
Hò sáng bóng trăng chiếu đầy,
Cây già miễn cưỡng ra hoa.
Trà hết, thi tứ cũng ít,
Buông đàn, lòng khách man mác.
Gà bên xóm gáy mất chừng.
Sao đầy quan hà.

kip uống nước, cáo từ ra về. Tôi nghĩ bụng: từ khi mình lên Kinh đến nay, lần nào vào yết kiến quan Chánh đường thì ông ấy cũng lấy lễ đối đãi với mình. Hối một vị thuốc là việc nhỏ, thế mà ông ta bắt con đối đãi với mình một cách kính trọng như thế. Xem thế đủ thấy không biết đến bao giờ mình mới được về!

Tôi bèn đưa hai bài thơ tới mới làm cho Quận hầu xem để Quận hầu biết nỗi lòng của người lữ khách nhớ quê hương, may ra Quận hầu có nơi hộ giúp tôi được chăng. Nguyên từ khi tôi được phép ra ở nhà trọ để chờ mệnh, thì tôi thường nhờ Quận hầu nói với quan Chánh đường giúp. Quận hầu cũng cố hết sức tìm mọi cách để giúp mà không được.

Quận hầu đem những bài thơ của tôi trình quan Chánh đường và cố xin một lần nữa. Quan Chánh đường cầm thơ xem đi xem lại rồi chỉ mỉm cười.

Bấy giờ đã đến tháng năm. Nhà tôi có giỗ thầy tôi. Tôi xin phép về làng nhưng vẫn không được bởi vì lúc này tuy đơn thuốc của tôi không được dùng, nhưng khi thế tử dùng đơn thuốc nào thì cũng giao cho tôi xem xét. Độ rày, bệnh thế tử lại nặng thêm, tôi không thể rời khỏi nhà trọ để đi đâu cả. Tôi đành phải sấm sửa hương đèn, làm lễ cúng ở nhà trọ.

Một hôm có một bà chúa mắc bệnh lâu thai. Người chồng là phò mã Cung, con Quán quân công, là người cùng huyện. Bà cho người mời tôi vào lại kể tình cảm xót giềng. Tôi xem mạch. Bà có ý muốn giữ tôi lại vài ngày để chữa. Tôi nói:

- Quan Chánh đường có ra lệnh cho tôi không được rời nhà trọ để chờ thánh chỉ triệu.

Tôi nói vậy nên bà cũng đành chịu, không nói sao được. Quận Chúa bèn ngầm sai một thị tỳ vào phủ xin phép cho tôi ở lại chữa bệnh cho bà. Ngự phán: "người này già yếu không dùng được". Chúa bèn sai ông Tán làm Hữu viện thủ phiên đến chữa. Phò mã đem việc này nói thực cho tôi. Tôi nghe vậy, biết rằng quan Chánh đường đã đem lời mình tâu lên rồi; nhưng vì ông ta vốn lắm bệnh, không muốn thả mình ra nên mượn việc công để giữ mình lại đó thôi. Tôi liền đến nhà Quận hầu, kể lại đầu đuôi câu chuyện, Quận hầu nói:

- Thầy tôi vốn lấy lòng thành đối đãi với mọi người, chứ không có ý gì khác. Thầy tôi quý mến cụ hết sức, cho nên không nỡ rời đây thôi. Nay cụ đã không có bụng ở lại, lẽ nào thầy tôi chẳng nghe? Những bài thơ cụ làm hôm nọ, thầy tôi tuy ngoài miệng không nói ra, nhưng trong bụng vẫn có ý tiếc. Việc cụ về nhà nhất định là xong.

Tôi mừng rỡ nói:

- Người xưa ngâm thơ kích động đến quý thần. Thơ của tôi ngày nay cũng làm cho bậc vương hầu cảm động. Thì ra thơ có ích thực chứ không phải chơi.

Tôi bèn đem bài thơ "*Nhà trọ đêm mưa cảm hoài*" tôi cùng làm với ông bạn Viên hình quan và bài "*Thấy trăng nhớ nhà*" đọc cho Quận hầu nghe. Cả hai ngâm nga, bộc lộ cái chí của mình. Giờ đây tôi như say như dại, Quận hầu có biết mà thương đến cho chăng?

NHÀ TRỌ ĐÊM MƯA CẢM HOÀI

Cường phong sậu vũ hốt nhiên sinh,
Khách xá tiêu tiêu vạn lữ tình.

Viễn thụ hàm yên vân ngoại ám,
 Bình hồ xuy lãng thủy trung minh.
 Qui sào mộ điển phân quần khứ,
 Hà xứ sơ chung báo hiệu minh.
 Bất vị khổ trà năng khước thụ,
 Ứng tri thử dạ mộng man thành!

Dịch:

*Mưa sa gió táp thành linh,
 Dầu hiu quán trọ mối tình ngón ngang.
 Cây xa, mây khói mơ màng,
 Hồ bằng, ặt nước sáng choang sông đôi.
 Chim chiều về tổ loi thôi,
 Chuông mai vắng vắng mấy hồi nghe xa.
 Đừng rằng: không ngủ vì trà!
 Cái đêm như vậy khó mà ngủ ngon (1).*

THAY TRĂNG NHỚ NHÀ

Nhận đặc Hương Sơn nhất phiến nguyệt,
 Như hà dạ dạ chiếu thần kinh?
 Ý lâu ca quần thiên hồi túy,
 Cận thủy đình dài vạn sắc sinh..
 Dẫn giác thanh thêm diên thượng khúc,
 Ứng tri đạm bức lữ trung tình.
 "Di chân đường" thượng kim tiêu hội,
 Mạc cố giao cầm tác oán thanh.

Dịch:

*Ấy mảnh nguyệt Hương Sơn đó thật,
 Sao đêm đêm soi đất thần kinh?
 Nương lâu đàn hát rập rình,
 Muôn vàn màu sắc, dài đình gần sông.
 Ca trên tiệc, trăng trong càng dạm,*

(1) Diễn xuôi:

Gió bỗng chốc thổi mạnh, mưa rơi ào ào.
 Nhà trọ dầu hiu, mối tình man mác.
 Cây xa, khói lồng ngoài mây trông mờ mờ,
 Hồ phẳng, sóng gợn mặt nước sáng.
 Chim buổi chiều về tổ, lia bạn đi,
 Tiếng chuông thưa ở nơi nào báo buổi sáng.
 Đừng nói rằng trà đắng làm cho không ngủ được.
 Nên biết rằng cái đêm như vậy ngủ không yên giấc được.

*Tình khách xa trong dặm càng gầy.
"Di chân đường" hội đêm nay,
Khúc cầm ai oán ngừng ngay mới là (1)!*

- Quận hầu hỏi:

- Nhà "Di chân đường" ở đâu?

- Đó là một cái nhà của tôi. Ở đấy cây cối um tùm rất mát mẻ. nhân hạ. Khi nào trăng sáng, tôi họp con cháu ở đấy, uống rượu, chơi đàn.

Quận hầu cười:

- Người xưa có kẻ nhớ đến rau nhút, cá vược nên bỏ quan về nhà. Nay cái thú thanh nhàn vui sướng của cụ còn gấp rau nhút, cá vược đến mấy mươi lần.

Thảo nào cụ cứ nằng nặc đòi về!

Lại nói:

- Cụ nên viết tình hai bài thơ này, cho tiểu đồng mang đến cho tôi. Khi nào tiện tôi sẽ trình lên.

Tôi bèn từ giã về nhà trọ, vội vàng lấy giấy bút viết, rồi cho tiểu đồng đưa đến cho Quận hầu.

Tôi có người anh làm Thực trấn Lạng Sơn, người em con chú làm Đốc đồng ở Lạng Sơn. Hai người đều hẹn với tôi sẽ gặp nhau ở quê nhà nhưng đã lâu không được gặp mặt. Cả hai đều phải về nhà sửa lại nhà thờ, nên chưa lên Kinh. Hôm ấy cả hai đều lên Kinh tìm tôi. Lại có anh em con cháu họ cũng lên chơi. Anh tôi thấy trên bàn có mấy tập thơ, nên cùng ông Đốc đồng xem. Xem một hồi lâu, anh tôi nói:

- Thực là một cuộc gặp gỡ lý thú! Lẽ nào chúng mình lại không có câu gì sao?

Những người cháu họ của tôi cũng đều xin họa nguyên vận. Mọi người về nhà trọ. Vài hôm sau, họ đóng thành một tập đưa cho tôi. Tôi cầm xem, sung sướng vô cùng... (lược mấy bài thơ họa).

Người vợ Quận hầu có bệnh mời tôi xem mạch. Tôi đoán là có mang con trai đã ba tháng. Tôi bốc một vài chén thì yên. Từ đó cả nhà quan Chánh đường ai cũng xin thuốc tôi. Trong số này có một người làm thự trấn Quảng Yên. Ông ta và tôi là chỗ rất thân tình. Mẹ và con gái ông có bệnh, tôi hết sức cứu chữa nên đều khỏi. Các quan như Tiền ninh, Hậu dũng, Nhượng trung đều có đi lại chơi bởi xin thuốc men, song đó là chuyện thường không kể ở đây.

Một hôm, tôi hỏi Quận hầu:

- Bao giờ tôi được về?

- Sắp có cơ hội rồi đấy!

- Tôi đã đệ trình hai bài thơ ấy lên rồi, không biết cụ lớn có thương cho không?

(1) Diễn xuôi:

Nhân ra một mảnh trăng Hương Sơn (tức huyện Hương Sơn quê ngụ của Lân Ông)

Tại sao đêm nào nó cũng chiếu ở Kinh đô?

Cà hát, đàn sáo, nường lầu say một nghìn lần.

Các đình, đài gần bến nước sinh ra muôn vẻ.

Chỉ biết mặt trăng thanh thời đàn hát ở trên tiệc thêm thú.

Nên biết mặt trăng nhạt làm cho người khách lữ thú tình thêm thôn thức.

Trên nhà Di chân đêm nay hội khách,

Dùng gảy đàn cầm làm tiếng ai oán.

- Thầy tôi xem đi xem lại hai ba lần, cứ khen mãi và nói: lòng sở thích của cụ thực không phụ với lời thề ước cũ ở chốn núi rừng. Cũng không nên ép người ta nữa. Rồi ta sẽ liệu.

Tôi nghe câu ấy như người bắt được của báu, nở mày nở mặt. Bèn cùng uống trà với Quận hầu.

Bỗng có một người áo mũ chỉnh tề, đứng bên cạnh tôi, mắt cứ nhìn tôi chòng chọc. Quận hầu cả cười lấy tay chỉ vào anh ta, rồi lại lấy tay chỉ vào tôi, rồi lại lấy tay đặt lên trán. Anh ta cũng lấy tay chỉ vào tôi rồi lại lấy tay đặt lên trán, hai tay đập phành phạch như con chim vừa bay vừa kêu, hai chân nhảy nhót như ngựa chạy. Tôi giật mình hỏi:

- Tại sao người này chẳng khác gì người ngầy!

- Anh ta câm. Sấm đánh không nghe, chữ nhất cũng không biết, không biết nói một tiếng nào, mà cũng không biết viết một chữ nào. Không hiểu có triệu mệnh gì mà anh ta lại đến đây.

- Anh ta hoa tay như thế nghĩa là thế nào?

- Anh ta chỉ tay lên trán nói là vua, chỉ vào miệng nói là triệu, tay hoa lên là nói đến, chân tay nhảy túc là đi đấy.

Tôi nghe vậy cười vang.

Bấy giờ có tri huyện Cẩm giảng cũng ngồi đấy. Quận hầu bảo ông ta cùng làm với tôi một bài thơ để ghi chuyện này. Tôi nhân lúc cao hứng, không cần nghĩ ngợi, làm ngay một bài:

Tạo vật dữ nhân phú dĩ tuyền (toàn),
Như hà thử bối đắc kỳ thiên?
Khả đồng Dự Nhược trung quân nhật,
Hà dị Hàn hầu dẫn thọ niên.
Vạn lý lời đình tâm tự nhược,
Bách ban thế sự ý nhưng thiên.
Thử sinh nhất mục vô dư sự,
Thử chỉ di truyền bí chỉ tuyền.

Dịch:

Tạo vật sinh người cho đầy đủ,
Sao mà lũ này lại bất cụ.
Cũng như Dự Nhược lúc trung quân,
Nào khác Hàn hầu khi lên thọ.
Sấm sét muốn dậm, trong bụng nhàn,
Coi đời trăm sự, ngoài tay bỏ.
Cả đời chỉ liếc mắt xem,
Trò tay, nhếch mép, bí mật lộ (1).

(1) Diễn xuôi: tạo hóa cho người có đầy đủ tất cả, tại sao lũ này lại bị tàn tật?

Cũng như Dự Nhược khi trung với chúa (Dự Nhược ngậm than giả làm câm mưu giết Triệu tướng Tử đề trả thù cho chú là Tri Bá).

Nào khác hàn hầu khi lên thọ (Hàn hầu: điểm chưa rõ).

Muôn dậm sấm sét, trong bụng vẫn tự nhiên,

Trăm sự trên đời, ý vẫn bình tĩnh.

Suốt đời chỉ cần lấy con mắt xem,

Trò tay, nhếch mép đủ tỏ những điều bí mật.

Tri huyện Cẩm Giàng nói:

- Tài làm thơ của cụ thực là nhanh, không mấy ai sánh kịp. Tôi không dám múa rìu qua mắt thợ.

Quận hầu cũng im lặng. Mọi người đều khen ngợi.

Một lát thấy tiểu đồng vào nói nhỏ:

- Có một ông gọi là quan Tri phủ, cùng hơn mười người tùy tùng đến nhà trọ đợi cụ đã lâu.

Tôi bèn từ biệt về nhà.

Lúc mới nhìn, tôi chưa nhận ra là ai. Sau mới biết là người quen biết từ lâu. Tôi mời vào cùng ngồi kể chuyện tâm sự. Ông nói:

- Tôi có một chứng bệnh mắc đã lâu, muốn nhờ cụ cho thuốc.

Tôi hỏi tường tận, bốc cho mấy thang và nói:

- Bệnh này còn dở chứng, uống thử ít chén xem thế nào đã, sau sẽ điều bổ.

Nói chuyện, cười nói mãi đến chiều mới về.

Nguyên ông ta là cậu của nhà tôi, người Nguyễn Xá, huyện Hoài An, làm tri phủ Tiên Hưng. Tôi với ông ta là bạn kính yêu nhau từ thuở còn nhỏ. Mấy hôm sau, ông cho người nhà đem đến một bài thơ và bảo:

- Uống được mấy chén thì mười phần đã bớt được đến tám, chín; nhưng còn chưa ăn được. Xin cho thuốc để bổ.

Tôi bèn kê cho đơn làm cao hoàn và phép sao chế.

Một hôm, có hai người lính đến phòng ngoài của nhà tôi ở trọ, hỏi những người lính hầu:

- Các bác có biết có "cụ lang" người Nghệ, phụng chỉ lên Kinh, nay trọ ở đâu không?

Tôi nghe vậy, gọi đến hỏi:

- Các anh ở đâu đến?

- Chúng tôi là lính Cẩm y vệ, vâng lệnh quan lớn chúng tôi hỏi thăm "cụ lang Nghệ", không biết cụ ở đâu?

Tôi cười:

- Ông lang ấy là tôi đây. Nhưng không biết quan lớn về đây đã bao lâu?

- Đã được năm hôm nay.

- Nhờ các ông về bẩm lại với quan lớn rằng "ông lang" mời quan lớn đến chơi ngay.

Họ vâng dạ ra về. Ông quan này chính là bạn chí thân của tôi từ khi còn nhỏ. Đến nay xa cách, đã ba mươi năm, chưa gặp mặt. Lúc tôi lên Kinh, tôi đã cho người đến tìm hỏi nhưng ông có việc quan phải đi nơi khác chưa về. nay ông về Kinh, nghe tin nên tôi cho người đi hỏi khắp.

Mấy người lính đi được một lát thì thấy ông ta đến. Tôi ra cửa đón, dắt vào nhà. Ông hơn tôi một tuổi, tuy tóc đã bạc mất một nửa, răng đã rụng hết, nhưng tinh thần vẫn tráng kiện. Chúng tôi ngồi tâm sự, hàn huyên, mừng mừng tủi tủi, tình cảm chưa chan nói không kể xiết. Hỏi đến những việc ngày xưa thì mười phần đã thay đổi đến tám, chín. Người xưa có câu:

"Anh hùng bất lệ ly biệt gian, nại ư từ sinh hà?"

(Anh hùng khi biệt ly không rơi nước mắt nhưng đến chỗ từ sinh thì thế nào?)

Cả hai đều sùi sụt. Thực là buồn bã vô cùng! Tôi đem những bài thơ vịnh ở dọc đường và những bài thơ bạn bè họa lại đọc cho ông nghe để giải buồn.

Đêm ấy, hai chúng tôi cùng ngồi bên ngọn đèn tàn, uống mấy chén trà, bàn chuyện xưa nay mãi đến gà gáy sáng mới nhắm được mắt. Sáng sớm ông dậy nói:

- Tôi làm Quan quân ở vệ nên có lệ phải vào chầu.

Bèn từ biệt ra đi. Đến chiều, ông cho đem thức nhắm đến và một phong thơ. Mở ra, đó là bài họa bài lên Kinh của tôi.

Từ đó, có khi ông đến nhà tôi chơi, có khi tôi lại đến dinh ông ta. Hai bên người nhà đi lại, thường biếu nhau đồ ăn, thức nhắm.

LÀM THUỐC VÀ LÀM THƠ

Một hôm, từ sáng sớm đã thấy tri huyện Cẩm giăng cùng mấy người tùy tùng đến nhà tôi trọ nói:

- Có Vĩ khiêm công, người Hoan châu, làm quan Hiến sứ ở Kinh bắc, nhân về Kinh nghe tiếng cụ, muốn đến hầu cụ ở đây. Nhưng sợ cụ quấy ở nơi nhà trọ, cho nên cho tôi đưa tùy tùng đến để đưa cụ về nhà chơi. Lại có một bài thơ xin đệ trình cụ.

Bài thơ như sau:

Lương y đối lương tướng,
Dung dị khở tu lai.
Dĩ chúc cố cựu thính,
Thử ý khởi tương xai?
Giang sơn hữu "Chuyết ông",
Sải phi bất hư khai.
Hải thượng hữu Lân ông,
Hạc giá dữ loan hải,
Lân lai diệc Chuyết thính,
Ấm trác đồ an bài.

Dịch:

*Lương y sánh lương tướng,
Đau dâm khinh để mời!
Đã nhờ người giới thiệu,
Chứng cụ đã rõ rồi.
Giang sơn có "Chuyết ông" (1),
Cửa chống vẫn thường cài,
Hải thượng có "Lân ông".
Cùng hoan lạc đùa chơi.*

(1) Giang sơn Chuyết ông:hiếu ông huy Khiêm (?)

*"Chuyết" mời, "lân" sẽ đến,
Tiền định hán không sai (1)*

Ông Cẩm Giàng lại nói:

- Quan tôi có nói: xin cụ nghỉ tình đồng quận đến chơi, chứ đừng ngại.

- Quan lớn đã là người đồng quận, chỗ ở của tôi cũng không xa gì nhưng chưa có dịp yết kiến. Nay quan lớn đã hạ cố, tôi xin vâng.

Tôi bèn cùng đi với tri huyện Cẩm Giàng. Đến cửa, đã thấy ông chấp tay ở sân đón tiếp. Tôi vội vàng xuống cang, cúi mình đi vào. Ông ta ngồi ghế chủ, tôi và ông Cẩm Giàng ngồi ghế khách ở hai bên. Ông nói:

- Tôi có một cái bệnh từ lâu, chữa khắp các thầy vẫn không khỏi. Tuy tôi với cụ là chỗ đồng quận, xưa nay tôi vẫn nghe tiếng cụ, nhưng không được may mắn như cụ. May sao ý trời run rủi, tôi được gặp cụ ở đây. Chẳng phải tất cả mọi việc cho đến cả việc ăn, việc uống, cũng là do tiền định đó sao!

- Tôi là kẻ quê mùa dốt nát ở chốn núi non, chẳng qua biết chút nghề mọn, đâu dám nhận những lời khen quá đáng như vậy?

Một lát sau, dưới bếp bưng cơm lên. Tiểu đồng pha trà uống. Uống trà xong, tôi xem mạch. Tôi thấy mạch của ông sáu bộ như tơ, hai bộ xích như không có, trong lòng kinh sợ, nghĩ: đáng tiếc! Ông này khó lòng sống lâu! Tôi bèn căn cứ theo mạch mà đoán bệnh. Cũng may, tôi nói đúng hết. Ông thở dài, than:

- Thực là danh hư bất truyền! Tiếc thay, gặp nhau quá muộn.

Ông hỏi xin đơn. Tôi nói:

- Viết đơn, thì phải suy nghĩ cho chín mới được. Bây giờ đang vội. Sáng mai tôi xin đưa.

Ông Cẩm Giàng nói:

- Hôm trước, tôi đến lấy thuốc, cụ cũng xem mạch hai lần ba lần rồi mới bốc. Làm cẩn thận như thế không trách mà thuốc hay!

Bỗng có Hoàng giáp làm Đỗ lâm. Mọi người đứng dậy chào và mời ngồi. Hoàng giáp Đỗ hỏi:

- Vị này là ai?

Quan hiến sứ nói:

Hương Sơn ẩn giả là cụ này đây!

Hoàng giáp Đỗ nói:

- Tôi vẫn nghe danh cụ nhưng chưa được gặp. Tôi bị một chứng nguy hiểm, muốn cho người đến mời cụ nhưng cụ không chịu đi xa. Nay may mắn được gặp cụ ở đây. Xin cụ kê cho một bài thuốc để điều bổ.

(1) Diễn xuôi:

Địa vị người lương y cũng ngang với người lương tướng.

Đâu dám mời một cách dễ dàng.

Đã nhờ một người giới thiệu mới,

Ý này chừng cụ đã rõ cho.

Giàng sơn có ông "Chuyết ông",

Cửa chống thường không mở cho khách lạ thường vào.

Hai thuốc có "Lân ông",

Vui chơi với loan, hạc.

Lân tới vì Chuyết mời,

Tiền định đã xếp đặt sẵn.

- Thầy thuốc thì phải lo đến tính mạng người ta. Sự khó nhọc trong việc làm là cái không thể nào từ chối được. Làm đâu nói chuyện trẻ nài.

Ông Cẩm Giàng cũng nói:

- Ông cụ thân sinh tôi lâu nay mắc một chứng bệnh, nhưng tôi không dám quấy cụ. Nay nhà tôi ở liền bên trái đây nếu cụ hạ cố sang chơi thì may mắn quá.

Mọi người đều cáo từ ra về. Tôi sang nhà ông Cẩm giàng. Cha ông làm tá binh quan sứ đoan, bấy giờ đã về hưu, còn ở lại trong kinh thành. Tôi xem mạch xong, những người con mời tôi ra chơi nhà thủy tạ bên bờ hồ để uống trà, chuyện tán. Trông ra, hồ rộng

Ướt nghìn mẫu. Những con chim đang nô giỡn trên nước. Cá đang tung tăng đớp những lá rụng dưới nước. Lòng hồ sóng gió rau bợ nổi, bên bãi hoa nở suốt đêm ngày đêm. Trước hồ đắp con đê hình bán nguyệt. Trong đê trồng độc một thứ sen trắng. Bên đê cỏ thụ um tùm, danh hoa đa thắm. Trước sân nhà thủy tạ, mấy cây mai già nghiêng mình trên ghế đá. Ngoài cửa sổ, mấy hàng trúc xanh, bóng rợp cả vào án sách, con đã hạc đứng một mình. Trăm hoa như đang nhỏ to cùng nhau. Càng ngắm càng xinh, nói không sao hết cái thú thanh nhàn ở đây. Các công tử đều mời tôi làm thơ. Tôi nói:

- Các ông xướng lên trước, tôi xin họa sau.

Không ai chịu làm trước. Tôi bèn cầm bút đề một bài thơ:

Lão tướng sùng lương cảnh,
Dinh đài hướng thủy biên.
Song minh đa đắc nguyệt,
Thu lão thượng khai liên
Diệp lạc du ngư được,
Hoa từng đã hạc miên,
Danh trà yêu khách ẩm,
Dầm tiếu xuất hương yên.

Dịch:

*Tướng công cảnh mát thích tình,
Kê ngay bến nước, dựng dinh bài chơi.
Song thưa, trăng gội sáng ngời,
Thu già, sen vẫn hoa tươi khoe màu.
Lá rơi, lá nhày lao xao,
Lùm hoa, hạc nội ghé vào ngủ say.
Trà ngon mời khách chén đầy,
Nói cười thoảng khói hương bay ít nhiều (1)*

Bản y, họ Lê hiệu Hải Thượng Lãn Ông đề.

(1) Diễn xuôi:

Vị lão tướng ưa cảnh mát
Làm dinh đài ở ven nước,
Cửa sổ sáng được bóng trăng soi nhiều.
Mùa thu già, hoa sen còn nở.
Cá bơi nhày nơi lá rụng,
Chim hạc nội ngủ nơi lùm hoa.
Mở khách uống thú trà ngon.
Nói cười thoảng hương bay.

Dề xong, vị hữu quan cho người lấy vào. Cụ xem xong nói?

- Thật là thanh lịch, mới mẻ, đầy hứng thú.

Rồi sai dán ở vách nhà thủy tạ.

Ông Cẩm Giăng cũng họa một bài và viết mấy lời dẫn:

Tiên sinh là bậc cao tuổi, đức dày, có cái tài làm thuốc của Hiên Viên, Kỳ Bá, có cái tài làm thơ của Lý Bạch, Đỗ Phủ. Lại có cái chí nhân dật, cái tình phong nhã của một bậc cao sĩ. Bao nhiêu văn nhân tài tử muốn xin theo hầu. Tạng nhân này làm quan ở một ấp xa, đến yết kiến tiên sinh quá muộn. May tiên sinh rù lòng thương, nào tặng thơ, nào cho thuốc, nghĩa sâu tình nặng, ơn đức đâu dám quên. Vậy xin thuật mấy lời quê mùa để họa lại:

Chiếu yêu văn hạc lữ,
Nhân thích thủy vân biên
Hào khách thủy thanh nhân,
Trùng ba thường bạch liên.
Kỳ phương điều tích dạn,
Hào cú khởi cao miên.
Nhã ập xuân phong tọa,
Thu sinh ngũ sắc yên.

Dịch:

*Bạn bè cùng hạc mây chơi,
Nước mây hứng thích những nơi êm dềm.
Mắt xanh, với khách tri âm.
Ngắm hoa sen trắng giữa đầm nước trong.
Cứu người sẵn thuốc thần thông.
Nghe câu tuyết xương, khó lòng ngủ say.
Gió xuân hầu tiếp những ngày,
Khởi lòng năm sắc, trong đây vẽ thu (1):*

Văn sinh Tăng, bái phục.

Đến chiều, tôi từ giả về nhà trọ. Các công tử đưa tôi ra cổng có ý tần ngần, không nỡ chia tay.

Một hôm, quan Trung hùng cho người đến xin tôi một bài thơ, và nói:

- Quan tôi có một cái thuyền nhẹ, đi trên nước nhanh như ngựa chạy, nhưng hễ bước lên thì nó chông chênh như người say. Quan tôi thích cái vẻ lắc lư của nó nên đặt

(1) Diễn xuôi:

Làm bạn với mây và hạc mà chơi,
Nhân thích bên nước mây.
Dư mắt xanh đối với khách quý,
Chơi sen trắng giữa dòng nước trong.
Có thuốc hay điều trị bệnh kinh niên,
Có câu thơ hay làm cho người ngủ say vùng dềm.
Từng được hầu tiếp nơi gió xuân,
Mùa thu sinh muôn năm sắc.

tên là "Túy ông thuyền" (thuyền người say). Trước kia đã được một nhà thơ vịnh cho một bài. Nay xin cụ cho một bài nữa. Anh ta đưa bài ấy cho tôi xem. Bài thơ như sau:

Nhiệm thị cư gia đảo dữ điên,
Túy nhi bất túy ái ngô thuyền.
Thị gian khảng hứa thời nhân hội,
Thủy thượng tàng linh tục vật thiên.
Mỗi đắc thú thời kham tái nguyệt,
Ư cuồng ngâm nhật khả vi tiên.
Ngang tàng tự hữu thao trỉ xứ,
Hà bá phong cuồng sậu vũ niên.

Dịch:

*Mặc kệ nhà ai đảo điên hoài,
Dở say dở không, thích thuyền tôi.
Buổi chợ không cho người thường họp,
Trên sông từng khiến kẻ tục đời.
Lúc đắc thú, hay chờ nguyệt sẵn.
Khi cuồng ngâm, khá làm tiên chơi.
Ngang tàng dầu vậy gìn giữ vững,
Gió táp, mưa sa cũng kệ đời. (1)
Tôi xem xong hỏi người đó:*

- Ai làm bài này?
 - Thưa cụ, ông Đỗ giám sinh ở Kinh Bắc.
 - Thơ này chưa nói rõ được cái ý chính của chiếc thuyền.
 - Quan tôi cũng bạo nó chưa tả được cái tên của thuyền nên lạc mất chủ ý của đầu đề.
- Nhưng lúc bấy giờ tôi không có hứng nên nói:
- Anh về nói với quan, hôm nào thư thả tôi xin đưa lại.
- Vài hôm sau tôi làm xong, sai tiểu đồng đưa đến. Bài thơ như sau:

Bất vị cuồng tan tác đảo điên,
Túy ông ngộ dĩ mệnh ngô thuyền.
Truyền bơi phiếm dật chung nan mẫn,
Khởi vũ sa đà bộ lũ thiên.
Trọng tải chỉ kham giang thượng nguyệt.
Giao ngâm hà phụ tửu trung tiên.
Ngang tàng tự thị sơ thời tháo.
Thạch trụ hồi khan tại văn niên.

(1) Diễn xuôi:

Mặc kệ ai đảo cùng điên, say mà không say ta ưa cái thuyền của ta!
Buổi chợ không cho người thường họp.
Trên sông từng khiến tục khách đời.
Lúc đắc thú có thể chờ mặt trăng.
Khi cuồng ngâm có thể làm tiên được.
Mặc dầu ngang tàng, nhưng vẫn có chỗ gìn giữ.
Không sợ gì khi gió táp mưa sa.

Dịch:

*Nào bởi sông còn diên đảo hoài,
Tùy ông tôi gọi cái thuyền tôi.
Chén đưa ập nắp đầy là khó,
Múa dấy thung thăng bước nhưng đời.
Trăng giữa dòng sông đành chờ nặng,
Tiên trong tiệc rượu cứ ngâm chơi.
Lúc dấy ra bộ ngang tàng vậy,
Trụ thạch sau này sẽ thử coi (1).*

Vài hôm sau có Đặng tiểu thư đến chơi. Thấy trên bàn có bài thơ, cô ta hỏi: - Thơ của bác nói rõ được chủ ý của đầu đề, thật là mới mẻ và thanh tao, phóng khoáng không ai bằng. Nhưng cái thuyền và cái nhà đều là những đồ vật để người ta ở mà lại đem so sánh với sự đảo diên thì cháu sợ không tốt. Cháu xin họa một bài có được không? Tôi nói:

- Cháu thử làm xem.

Trong chớp mắt cô ta làm xong một bài thơ và đưa tôi xem (2).

Tôi nói:

- Bài thơ của cháu thật là hay. Thật không phụ cái công dạy dỗ của thầy cháu:

Nguyên Đặng tiểu thư là con gái Hậu mã công. Lúc ông ta con sống ông ta với Trung chính công và tôi ba người kết nghĩa làm anh em khác họ. Sau Trung chính công đi bình nam bị giết, Hậu mã công mắc bệnh mất ở Kinh. Khi tôi lên Kinh có đến chỗ hai anh ở rót chén rượu nhạt và khước để tỏ mối tình. Cô ta xem tôi như cha. Ngày ngày đi lại, chăm nom rất chân tình.

Một hôm, Hàm xuyên hầu đến nhà tôi chơi. Trong lúc nói chuyện, tôi thấy ông ta có ý ngần ngại, hai ba lần định nói chuyện gì nhưng rồi lại thôi. Tôi kinh ngạc hỏi:

- Quận hầu với tôi ngang cang thân, tình nghĩa trước sau, có sao lại có vẻ ngần ngại như thế? Hay là tôi có phạm điều gì trái, mà Quận hầu không nỡ nói chẳng?

- Làm gì có việc ấy! Tôi được cái may mắn giao du với cụ, thường vẫn giữ cái lễ của con em, đã có điều gì trái đạo lý, lễ nghĩa đâu? Chỉ hiềm một nỗi phòng này là phòng riêng của anh tôi, nhân có việc về quê nên bỏ trống. Vì vậy tôi mời cụ đến tạm ở đây cho tiện đường khi nào có phải vào châu. Sau thấy cụ chắc chắn không về quê, chỉ trong một thời gian thì sẽ được ban cấp binh dân, bấy giờ sẽ xin đất mà làm nhà. Đã hơn tháng nay, tôi cho dựng một cái nhà riêng ở khoảng đất trống gần hồ trước nhà tôi. Tôi định

(1) Diên xuôi:

Không phải bởi sông dữ mà nghiêng ngửa hoài.
Tùy ông tôi gọi cái thuyền tôi.
Thuyền rượu rót đầy rót cục cũng khó đầy được.
Dấy múa thung thăng phải đời bước luôn.
Chỉ có thể chờ nặng trăng trên sông trôi,
Tiên trong tiệc rượu tha hồ ngâm.
Chỉ có lúc đầu xem ra ngang tàng vậy thôi.
Thử xem sau này sẽ vững vàng như cột đá.

(2) Được bài thơ.

làm xong nhà rồi sẽ mời cụ sang đây nghỉ và mời anh tôi về nhà cũ. Không ngờ, tôi lại có lệnh đi giám khảo việc quân sĩ thi bắn. Công việc rất bận rộn. Không có thì giờ rảnh nên không thể nào làm xong nhà, bây giờ cái nhà ngoài của tôi cũng rộng rãi. Xin mời cụ sang đó. Dời cái nhà mới bên hồ vài ngày nữa xong, thì sẽ sang. Nếu không thì dinh quan An Quảng cũng rất yên tĩnh, không biết ý cụ nghỉ như thế nào?

Tôi cười mà rằng:

- Đại trượng phu đối đãi với nhau, có kể gì cái nhỏ nhặt ấy. Để tôi sẽ liệu. Xin ông đừng ngại.

Ông ta nghe vậy có vẻ mừng rỡ.

Tôi nghĩ bụng: Nhà ngoài của ông ta thì lính tráng qua lại rầm rập, không thể ở được. Còn dinh An Quảng thì có đủ nhà trong, nhà ngoài, nhưng bốn bên không có tường, ở đây lại có nhiều kẻ trộm, ở càng không yên. Ta có một người mới quen là ông Hậu trạch quan, ông ta có mấy ngôi nhà ở liền nhau cạnh bờ hồ. Chỗ ấy cao ráo, nước trong. Ta phải báo tin gấp cho ông ta để ta dọn một chỗ ở và ta dọn sang đây. Tôi bèn viết một bức thư từ già Hàm xuyên hầu. Hàm xuyên hầu thấy thế lấy làm áy náy vô cùng, cho người đưa lại tôi một bức thư và một bài thơ:

Bức thư nói: Đã lâu nghe danh tiên sinh như sấm động bên tai, vẫn lấy làm việc không được gặp mặt làm ân hận, bỗng đâu tiên sinh hạ cố đến đây, làm cho tôi được nghe những lời dạy dỗ, thực là may lắm. Tôi vẫn mong sớm chiều được đón tiếp gió xuân, để khỏi phụ cái duyên gặp gỡ, dầu tôi còn kém tuổi cụ nhiều. Hôm nọ anh tôi đi vắng có để lại một cái nhà tranh ở đây, có thể tạm làm nơi cho phượng đậu. Tiên sinh không chê nên tôi cũng được ở với tiên sinh, tình nghĩa thật là thâm thiết. Chỉ vì nay anh tôi về Kinh, tôi không biết nói sao. Tiên sinh muốn dọn đi, thực không phải lòng tôi muốn thế, trong lòng cứ cánh cánh không sao xa tiên sinh được. Nếu như ở An Quảng trống trải không tiện, thì xin dời đến ở nhà ngoài của tôi. Đó cũng có thể là nơi trú chân. Cần gì phải vượt qua cái hồ sen kia khiến lòng tôi bàng hoàng như ngầy như dại, đó là tôi nói thực tình. Tiên sinh nghỉ lại một chút, trong hai nhà này tạm chọn lấy một, tạm chờ ít hôm. Trong tuần nhật tôi sẽ làm xong cái nhà mới để tiên sinh nghỉ. Nói không hết, mượn lời thơ để tả nỗi lòng thành" (1).

Tôi xem cũng động lòng, ra đi không dứt. Và chẳng việc này là bất đắc dĩ, chứ không phải do bản tâm ông ta. Tôi bèn viết một bức thư và họa lại bài thơ: Lần tôi được triệu vào Kinh, nửa gánh hành lý nay quảy đi nơi này mai quảy đi nơi khác. May sao được Quận hầu lấy lòng thành đối đãi. Đã được hơn mười tuần nay, gió che mưa chở đã nhiều, Lần tôi tưởng đâu nay mai sẽ xong việc, lại mang đàn mang kiếm quay về núi. Ngờ đâu cứ bị ràng buộc mãi đến nay. Lần này tuy cách nhau chỉ trong gang tấc mà tôn hầu lại bắn khoãn khôn xiết, biểu lộ trong lời thơ khiến Lần tôi càng thêm cảm thán. Vậy xin có một bài thơ để đáp lại:

Thâm tình cao nghị xuất thiên chân,
Hàm kết vô do chí dũ bần.
Mộ cổ thần chung thời lữ mộng,
Đồng kiếu tây ngọ lụy nhàn thân.

(1) Lựa bài thơ.

Thanh sơn cự ước hà vô phận,
Tứ các tiền trình khổ cáo nhân.
Tứ hải tân bằng tuy mãn tọa,
Tâm tri hoàn hữu kỳ như quân.

Dịch:

*Tình sâu nghĩa nặng chân thành,
Để mà kết cỏ ngậm vành được nao!
Hồn quê chuông sớm, trống chiều,
Thân nhân trở lại bọt bèo lênh đênh.
Nguyên xưa phụ với non xanh,
Bước đường gác tía tỏ tình với ai?
Bạn bè bốn bể khắp nơi,
Trí tâm để được mấy người như ông (1)?*

Ồ sát vách nhà trọ tôi là dinh quan Trạch ưu Hữu. Ông ta mắc chứng lạnh bụng, tôi chữa đã sắp khỏi. Bà vợ cũng mắc một cái cổ tật đã mười năm nay, tôi chữa sau hai tháng thì lành. Ông ta nghe nói tôi tìm chỗ trọ thì hỏi lại Hàm xuyên hầu rồi không nói gì cho tôi biết trước, cứ lảng lạng dọn dẹp luôn ba gian nhà nữa, nhà này mái ngói tường vôi. Ông ta sai kê giường, đặt ghế gọn gàng đầu vào đó. Trước sân có cây kỳ, đá lạ, hoa cỏ tốt tươi thơm ngát. Ngoài ba gian nhà khách, một gian nhà bếp quét dọn sạch sẽ, bốn phía ngăn lại làm cửa trong, cửa ngoài để ra vào cho tiện. Ông ta thụ xếp đầu vào đấy rồi cho người đến mời tôi. Tôi cũng không hiểu sao, cứ sợ quấy nhiễu người ta, chỉ cảm ơn mà không đến ở. Hai vợ chồng nằn nì mãi:

- Thật là cụ không nghĩ đến cái lòng thành thực của vợ chồng tôi. Xin cụ quá bộ qua xem.

Tôi đến. Quả thấy nhà cửa trong ngoài đã chỉnh đốn rồi. Tôi nghĩ: vợ chồng người ta tốt với mình như thế, mình từ chối sao nên. bèn dời sang ở Hàm xuyên hầu biết chuyện ấy mừng lắm cũng sang chơi.

Nguyên quan Trạch ưu là ông chú họ của Hàm xuyên hầu. Tiên triều ban cho một khu đất công nên cả họ đều ở đấy, hai dinh liền nhau. Trạch ưu quan lại trở một cái cửa nhỏ để hàm xuyên hầu qua lại cho tiện. Tình ân ở của tôi với hai người mỗi ngày một sâu sắc, sáng đào tối mặn, thật là thân thiết. Trạch ưu quan cấm ngặt người nhà không ai được bén mảng đến chỗ tôi ở trọ, dù biết ông ta đối đãi với tôi kính cần như thế nào.

Từ khi tôi được chỗ này, tôi lấy làm vừa ý.

Một tối, trăng chiếu ngoài hiên, trông ra gió đưa cành trúc, bóng nhạt lơ thơ, sương

(1) Diễn xuôi:

Tình sâu, nghĩa cao, do lòng chân thật mà ra,
Không thể nào kết cỏ ngậm vành, chỉ càng thêm nhụt.
Trống chiều, chuông sớm giục giấc chiêm bao người lữ thứ.
Kỷ niệm nay đây mai đó, làm lụy cho thân nhân.
Ước cũ với non xanh sao mà vô duyên thế!
Bước đường đi đến chỗ giàu sang, khó mà bày tỏ với người ta.
Bạn bè trong bốn bể tuy đầy cả chỗ ngồi.
Nhưng ít có người biết lòng ta như ông.

động trên hoa, hương đưa thoang thoảng, thật là một cảnh đáng yêu. Tiểu đồng pha trà. Tôi ngồi tựa bao lơn uống trà một mình. Bỗng có người em rể là quan Viên hình công đến nói mấy chuyện tâm sự. Tôi mừng quá, hai người cùng uống trà vui vẻ. Viên hình công nói:

- Đêm trăng trong gió mát đẹp đẽ như thế này, có phụ gì với chúng ta! Chúng ta nở lòng nào lại phụ lại.

Tôi nói:

- Ông nói phải lắm. Tôi với ông, chúng ta cũng làm thơ chơi. Bèn lấy đầu đề là "Đêm trăng uống trà nói chuyện cũ", lấy vần "canh, thanh, nhanh, kình" Tôi xướng lên trước...(1). Ông Viên hình họa lại...(1). Ngâm xong, chúng tôi đem ngâm những bài thơ cổ. Rồi bình thơ mãi đến khuya. Sáng sau, ông Viên hình có việc phải đi. Ông ta vừa ra thì ông Giám sinh người Nội liễu đến chào để về Hoan Châu. Tôi nói:

- Ông với tôi đều là khách lạ ở đất Kinh đô này, ông thì vào Nam ra Bắc, mà tôi thì như con chim trong lồng, cất mình không nổi, nay kẻ về người ở, thương nhớ biết bao.

Tôi bèn ngâm một bài thơ để tặng. Ông cũng cầm giấy bút đến, ngồi họa ngay...(2). Hai chúng tôi cầm bài thơ của nhau mà xem đi xem lại ba bốn lần, hết sức cảm động. Tuy trong khi nói chuyện cũng gượng làm vui, nhưng cái lòng buồn rầu chan chứa lộ cả ra bên ngoài. Uống vài chén trà xong, ông ta cáo từ.

Một hôm, ông Viên hình lại đến nhà trọ tôi nói chuyện thuốc men. Trò chuyện một lát, ông ta nói:

- Hôm nọ tôi bị bệnh, không có hứng nên bài thơ họa làm qua quýt cho xong, xin cụ đừng cười.

- Thơ của ông liền nhau như dây núi không chỗ nào đứt, mới mẻ như vàng trắng trên không, thực là cái hay kín đáo của bậc thi gia, tôi còn nói vào đâu được.

- Xin cụ đừng quá khen. Xin cụ làm lại một bài nữa.

- Lấy gì làm đầu bài bây giờ? Tôi xin lấy cái ý của bài thơ họa của bác để làm đầu bài. và tôi đọc ... (3). Ông Viên hình xem xong nói:

- Thơ cụ thực là có cái khí vị của nơi rừng suối, trong thơ thấy ngàn dặm khói mây, càng xem càng lạ.

Vừa lúc ấy thấy một nho sinh, xinh đẹp như ngọc, áo mũ dịu dàng,

mang theo một người tùy tùng mang một cái quả và một bài thơ đưa cho tôi. Tôi hỏi thì nho sinh nói:

- Tôi là con quan tri phủ Hạ hồng người Đông ngạn, phủ Từ Sơn ở Kinh bắc. Phụ thân tôi có bệnh nên thôi làm quan về nhà làm thuốc. Nhân có tìm được một vài quyển "Tâm lĩnh" của cụ mà biết được cái nguồn gốc sâu xa của đạo lý. Phụ thân tôi vẫn mong đến tận nơi để thăm cụ nhưng chưa tiện đường. Mới đây, được tin cụ lên Kinh, phụ thân tôi lấy làm mừng lắm. Đã mấy lần định ra yết kiến, không ngờ bà nội tôi đau nặng cho nên không dám đi xa. Vì vậy, có cho tôi đem đến chút vật mọn gọi là thay mặt ra yết kiến trước. Còn thầy tôi thì sẽ ra sau.

(1) Lược bài thơ.

(2). (3) lược bài thơ.

Tôi giật mình, nghĩ thầm: ta với ông ta thực chưa quen biết nhau bao giờ! Cách xa nhau hàng ngàn dặm, thế thì sách của mình soạn ra đi lối nào mà đến tay ông ta được? Việc này phải đợi khi nào gặp mặt sẽ hay.

Tôi giờ thơ ra xem và đưa cho ông Viên hình cùng xem. Đại khái thơ cũng nói như ý nho sinh, lại có ý mừng cho tôi được gặp thời tốt và gặp được vua hiền...(1).

Ông Viên hình xem xong chỉ cười, không nói gì.

Tôi nói:

- Thơ này ý tứ thật là cao xa, phải không ông?

Ông Viên hình biết ý nói:

- Thực là như bóng trăng lồng nước, hoa chiếu trong gương, đáng yêu làm sao!

Tôi biết ông ta chê thơ toàn nói những lời vu vơ.

Tôi cũng cười với ông ta và nói.

- Nhờ ông trả lời hộ tôi có được không?

- Lại còn bắt tôi múa rìu qua mắt thợ để mua lấy tiếng cười sao?

Tôi bảo nho sinh hãy về nhà trọ, sáng mai đến, tôi sẽ có lời thưa lại. Nho sinh về, ông Viên hình nói.

- Tức như thế thì còn biết thơ với thần gì nữa!

- Nhân phẩm có người hay, kẻ dở, chứ có phải ai cũng như chúng mình cả đâu?

Ngày hôm sau, nho sĩ đến, tôi gửi một bài thơ họa và mấy lời khiêm tốn đáp lại.

ĐI LẠI VỚI CÁC CÔNG KHANH

Một hôm, có hai người đem nhiều lính tùy tùng đến. Hỏi ra thì một người làm trợ giáo trường Quốc tử giám, một người trước kia làm tri phủ Tiên hưng. Hai người nói:

- Quan Tham tụng tâu bình cho chúng tôi đến mời cụ.

Tôi mời vào trong nhà khách ngồi. Hai người nói:

- Cụ lớn tôi mắc bệnh nặng, đã hơn một tháng nay, mời các thầy vẫn không khỏi. Bệnh bây giờ nguy cấp lắm, xin cụ nghỉ tình bạn đồng niên mà đến thăm (ông ta là bạn đồng khoa với anh tôi làm thự trấn ở Lạng Sơn).

Tôi nói:

- Cụ lớn với anh tôi là chỗ đồng khoa tôi đâu giám từ chối.

Tôi liền mặc áo lên vớng đi. Đến nhà ngoài, đã thấy quan Tham nghị Hải Dương ra mời vào nhà trong cùng ngồi.

Ông kể đầu đuôi chứng bệnh cho tôi nghe. Được một lát, ông mời tôi vào phòng ngủ. Tôi thấy ông ta nằm trên vớng. Người nhà vực xuống giường Xem mạch thì thấy "tam bộ" bên trái rất yếu, "hữu xích" như muốn đứt, "tam bộ" bên hữu còn vượng, nhưng

(1) Lược bài thơ

nhấn tay thì tán, nhấn mạnh nữa thì toàn không có mạch. Đến gần bên thì hơi xông ra cả người. Sờ vào thì chỉ còn hơi ấm ấm. Hai chân lạnh. Thình thoảng ợ hơi lên: Hời ra thì nói rằng mình như ngồi trong đám khói đặc, mắt cay lăm lăm cứ phải nhắm nghiền, trong ngực nhiệt uất lại nên phải ợ hơi ra. Đại tiện táo kết. Tiểu tiện đỏ và hồng tủa, ăn không được.

Cụ bảo:

- Tôi với ông là chỗ bạn bè một lứa, một nhà, số mệnh của tôi không biết sớm tối ra sao. Nếu tôi mà qua được thì cái ơn tái sinh này tôi xin khắc vào xương.

Tôi từ tạ:

- Bệnh này là bệnh thường, không có gì đáng ngại. Xin cụ cứ yên lòng. Trong tuần nhất có thể khỏi.

Cụ nghe nói mừng lắm. Tôi xin phép ra ngoài. Quan Tham nghị hỏi khế:

- Bệnh cụ lớn ra sao?

- Chân âm ở trong đã kiệt, dương không còn biết dựa và đâu để thoát..., cũng đến ngày rồi.

Tôi hỏi xem những bài thuốc đã uống. Ông Tham nghị lấy sổ đưa cho tôi xem thấy toàn dùng những thứ thanh hòa, hóa đàm và trừ thấp. Và lại, cụ đã nhiều tuổi mà cô hầu lại nhan nhán. Người già thì cái chân âm đã hao tổn rồi. Lại thêm bệnh hao sắc nữa, tinh khí mất đi thì chân âm phải kiệt. Đã thế, lại không biết dùng thuốc để bổ mà lại cứ lo dùng thuốc tiêu, thế thì không nguy sao được? Tôi nghĩ bụng: Mạch còn hòa hoãn là nhờ vị khí chưa mất, cái này quả là do thuốc gây ra chứ không phải do bệnh gây ra. Ta phải đem hết tâm lực cứu chữa thì may mới gỡ được. Tôi bèn nói với quan Tham nghị:

- Nguy lắm rồi, tôi không dám chắc, nhưng cũng xin bốc một thang. Hay dở thế nào, tôi không dám nói trước, nhưng có một điều tâm sự, cụ lớn có ưng thuận thì tôi mới dám bốc.

- Có việc gì xin cụ cứ nói. Lẽ nào cụ lớn tôi lại không nghe?

Vì tôi già yếu, không thể vào chầu, nên đã nhiều lần dâng phải xin cáo về nhà mời được ra ở ngoài lo thuốc thang. Các nhà giàu có và các quan có việc đến tìm, tôi đều chối từ là già yếu. Nay cụ lớn là chỗ đồng khoa với anh tôi, tôi đâu dám từ chối. Nhưng Thánh thượng ngày nào cũng cho quan đến hỏi thăm sức khỏe của cụ lớn. Nếu Thánh thượng hỏi ai chữa, thì xin dấu họ tên tôi, nói tên người khác.

Quan Tham nghị vào bẩm. Cụ sai trợ giáo ra nói:

- Xin cụ cứ hết lòng điều trị. Việc ấy tôi đã liệu rồi, không phải lo ngại.

Tôi bèn bốc một "Đại tế tư âm", dùng thực địa với ban long, mỗi vị đến ba bốn lượng, dặn sắc đặc, uống cho kỳ hết. Rồi tôi cáo từ ra về.

Sáng hôm sau, thấy trợ giáo đến, mặt mày hớn hờ:

- Thật là thuốc thần! Uống một nước là thấy mát ngay! Uống hai nước thì các chứng mười phần giảm đến ba bốn. Cả nhà mừng rỡ. Cụ lớn cho tôi đến xin thuốc.

Tôi cứ theo đơn ấy mà gia thêm nhân sâm. Hôm sau, cụ lại cho mời tôi đến thăm mạch lại. Hời ra, thì mười phần đã giảm đến bảy tám. Đến bữa cơm cụ đãi tôi rất hậu,

cầm tay tôi mà rằng:

- Tôi thật vô duyên bị bọn thầy thuốc tồi làm khổ, suýt nữa gỡ không được. Chỉ giận cái bác Lạng trấn thường vẫn đến thăm mà không nói đến cụ.

- Chỗ anh em, nói ra không tiện, xin cụ miễn thứ cho.

- Khi cử người hiền, cha cử con cũng được nữa là anh cử em.

Hai người cùng cười. Tôi bèn xin ra ngoài để chế thuốc. Tôi thấy bệnh cụ hư hỏa còn thịnh, nên tiếp tục dùng tang bồ hỏa, dẫn hỏa và gia những thứ thuốc để giữ vị khí. Cụ biểu tôi rất hậu. Từ đó, qua lại biểu xén không biết bao nhiêu mà kể.

Được độ mười ngày, các bệnh lại phát. Tôi nghe nói, không hiểu vì sao. Hỏi ra, thì người kia nói:

- "Ngộ phòng" chứ chẳng có gì khác!

Tôi đến thăm, dặn:

- Mắc bệnh nặng và lâu ngày thì khí huyết khô kiệt. Sơ suất một chút là bệnh lại phát. Xin cụ lớn chú ý đến điều đó để giữ cái thân vàng.

- Từ nay, nhất nhất xin tuân theo y huấn, không dám sai trái.

Tôi lại bốc các vị thuốc cứu bản điều bổ. Các chứng lại đỡ. Lúc về nhà trọ, có người bảo:

- Dừng mất công chữa cho ông ta! Ông ta khỏi bệnh chỉ tổ "tổn âm đức"!

Trong bốn, năm ngày, mấy người cùng nói với tôi như thế. Tôi cho đó là thói thường trong việc ăn oán. Ông ta thì làm quan coi việc bổ quan, mà họ thì không thấy cái lỗi của mình. Kể ra cũng nực cười!

Lại được nửa tháng, bệnh cụ lại phát ra như trước. Cụ lại cho người đến mời. Tôi hỏi ra, thì là vì ăn cơm nếp mà hóa ra như thế. Trợ giáo nói thầm:

- Vị tất đã vì ăn cơm nếp! Bệnh phát ra, không cho mời cụ ngay, lại cứ nghe nói ông này nào "thần y" thì uống thử một chén, ông kia nào "thuốc giỏi" lại uống thử một chén. Mới một ngày một đêm mà đã thay đổi đến bốn năm ông lang! Có lẽ là nhầm thuốc cũng nên. Xin cụ để ý điều trị cho.

Tôi chữa được một, hai ngày, bệnh tuy giảm một phần nhưng lại biến sang chứng tả. Tôi sợ nó biến ra chứng khí thoát, nên phải giữ ngay lấy vị khí. Tôi cất bài "tư âm" để cho nhuận. Bấy giờ bệnh mới đỡ. Tôi về nhà trọ năm, sáu ngày không thấy cụ cho người ra lấy thuốc nữa. Hỏi người ngoài, thì họ nói:

- Thánh thượng đã cho ngự y ra chữa. Đã mấy ngày rồi nhưng chẳng ăn thua gì. Nay mời tất cả các thầy đến họp nhau để cùng chữa.

Tôi nghĩ đi nghĩ lại than rằng: Ông này muốn lấy thân làm vật thí nghiệm cho các vị thuốc, các thầy lang lại muốn lập dị tranh công. Số mệnh đến nguy mất. Đó là vì con người không cẩn thận chứ có phải là tại số mệnh đã hết đâu!

Hôm sau, lại thấy trợ giáo đến mời. Rồi lại thấy quan Tham nghị cũng cho con đến mời và tạ lỗi vì nghe người ngoài, cứ khẩn khoản nài xin tôi chữa cho kỳ được. Tôi nghĩ bụng: Hôm nay mình có chữa đỡ, thì ngày mai cũng đổi ngay mà thôi. Tôi không chịu đi. Họ cố mời mãi, tôi mới kê một bài "cứu dương". Vài hôm sau nghe tin cụ qua đời. Tôi than tiếc mãi. Bèn nối câu thơ cổ làm thành một bài thơ:

Vô dược khả y khánh tướng mệnh.
Hữu tâm ứng đối quý thần tri.
Thế gian duy hữu phương danh tại,
Phú quý, phù vân bốn tự khi.

Dịch:

*Thuốc gì chữa được mạng, khánh tướng,
Lòng khá tau lên với quý thần.
Chỉ có tiếng thơm đời để mãi,
Giàu sang giả đối vớ phù vân (1).*

Khi tôi ở núi, thường tưởng rằng ở Kinh đô có những bậc quốc y, quốc thú, học thuật đầy đủ, tinh diệu nhập thần, tôi vẫn thường than rằng mình không có điều may mắn được gặp lại. Đến khi lên Kinh thấy các thầy thuốc trị bệnh không nói phong hỏa, thì nói thấp đàm, còn như nói hư và bổ thì chỉ nói khí huyết qua loa mà thôi. Còn đến chân thủy chân hỏa, đến cái gốc của tính mệnh thì tuyệt nhiên không chú trọng chút nào. Sao mà y đạo lại khó như thế!

Tôi còn nhớ một bậc tiên chính ngày xưa có nói: Những người làm thuốc trong nước ta mà không tinh thông là vì hai cái bệnh: Một là bọn nho học ra làm thuốc, cầm quyển sách thuốc xem qua, từ đầu đến cuối không có chỗ nào mắc mủu, tài tướng dẫu rằng không có gì là khó cả. Một là bọn chữ nghĩa nhấp nhem, có học thuốc cũng không khi mơ hồ. Chẳng khác gì giương không nổi cung thì cho cung cứng. Nói như vậy thực đúng quá! Ôi! không đủ cũng không được mà thừa lại cũng không xong, thế có khó không! Nhân ngâm một bài thơ:

Cổ vận dụng được như dụng binh,
Sinh, sát quan đầu hệ phải khinh.
Quốc thủ do đa khuy phạm xứ,
Lấn dư cơ lậu lý nan minh.

Dịch:

*Xưa rằng: "Dùng thuốc như dùng binh"
Tính mạng con người trách nhiệm mình.
Quốc thủ hãy còn nhiều thiếu sót,
Hướng mình cơ lậu lý khôn tinh (2).*

Một hôm, trời sắp tối, có một vị tân khoa tiến sĩ họ Vũ, người Hà hoàng đến thăm. Nguyên ông ta là con quan Hiến phó. Khi tôi đến Kinh ông vẫn lấy tình cháu nuôi đến thăm. Tôi hỏi:

(1) Diễn xuôi:

Không có thuốc nào có thể chữa được mạng các vị khánh tướng.
Lòng này có quý thần biết cho.
Trong thế gian chỉ có tiếng thơm là để được lâu.
Phú quý do sự giả dối làm nên, thì cũng như đám mây nổi lên một chốc là tan.

(2) Diễn xuôi:

Người xưa nói rằng lương y dùng thuốc như người tướng dùng binh,
Người ta sống chết là ở mình gánh không phải nhẹ.
Những bậc quốc thủ (thầy thuốc giỏi nhất nước) hãy còn nhiều chỗ thiếu sót.
Lấn dư cơ lậu lý khôn hết y lý.

- Trời tối, ông đến chơi có việc gì?
- Cụ lớn quốc sư Tào quốc công bị bệnh lý cho tôi đến mời cụ.

Tôi đang nói chuyện thì thấy một bà người quê tôi là vợ quan Tri phủ Duy tiên trước đến mời, bà ta có họ ngoại với tôi:

- Phu nhân quốc sư Nguyễn Thượng thư bị bệnh đã lâu, cho tôi đến mời cụ.

Tôi cười bảo hai người:

- Đại phạm địa vị thì có bên cao bên thấp, lẽ thì có kẻ trước người sau. Nay hai vị đều là bậc đại thần ở trong nước, tôi không biết đi bên nào trước bên nào sau. Xin ông tân khoa và bà phủ quyết định giúp.

Ai cũng bênh cho chủ của mình. Tôi nói:

- Như thế không được! Nhà làm thuốc chỉ biết theo thứ tự gấp hay chậm. Hiện nay cụ Quận Tào bệnh tình trầm trọng, cần phải đi thăm trước. Còn phu nhân của Văn quốc sư bệnh tình lại dai dẳng đã lâu, có thể hoãn được. Sáng mai, tôi xin đến cụ Quận Tào trước, ngày kia sẽ đến nhà Văn quốc sư.

Tôi lại bảo bà phủ:

- Bà về bấm lại đầu đuôi như thế chứ không phải tôi dám trễ nải đâu.
- Thế thì ngày kia tôi sẽ cho lính mời cụ tới.

Bà từ ra về. Tôi bảo ông tân khoa:

- Dinh của Quốc sư xa lắm, độ rày trời lại nóng nực, sáng mai phải đi từ gà gáy mới được.

Ông vâng lời đi ra định đến đêm đưa năm người nhà đến đón. Nói chưa dứt lời, đã thấy một nhân viên đem năm người lính tráng kiệu cầm thẻ "quan phủ đi đêm" đến rước tôi đi.

Tôi lên đường, đến Trấn vũ, theo mé tả ngạn Hồ Tây mà đi. gần đến trưa thì đến nơi. Lính canh bảo bấm rồi mời tôi vào phòng ngủ xem mạch. Tôi đoán Quốc sư ăn phải đồ lạnh nên mắc bệnh. Tôi biện chứng bốc thuốc. Quốc sư than:

- Cụ đoán bệnh thực không sai một ly. Bài thuốc rất thích đáng (cụ cũng biết thuốc). Quan Chánh đường thực là biết người, không phụ người mình đề cử. Cụ lang hiếu sâu y lý như thế, nay được cử trùng biết đến, thực cũng không phụ với điều mình đã học.

Tôi từ chối không dám nhận lời khen ấy. Người em là Kiên hữu quan mời tôi đến phòng riêng hậu đãi rồi tiễn về. Tôi xin vào cảm ơn thì cụ truyền cho được miễn. Bấy giờ người em họ là cụ Bàn quận công lại mời tôi đến hỏi thăm bệnh tình của anh. Tôi nói:

- Mạch không còn vị khí, tình thế này chẳng được lâu.

Cụ nghe tôi nói chỉ thờ dài. Khi tôi về, thấy trước cửa dinh có mấy chiếc thuyền công cắm bên Hồ Tây. Tôi nói với Bàn quận công.

- Hôm nay trời nóng lắm, đi bộ rất vất vả. Xin cho một chiếc thuyền công để về cho tiện.

Cụ sai lấy sáu người lính thủy chèo thuyền cho về. Tôi từ già cụ xuống thuyền. Thuyền ra khỏi cái núi đá ở giữa hồ. Trông ra, nước biếc trời xanh, long lanh sóng gợn. Từng đàn cò trắng bay lượn, uyên ương từng cặp rập rờn ở bên kia bờ. Ở mé đê bóng cây Ly cung (1) um tùm phát phơ, khi ẩn khi hiện. Trên cái bãi cỏ ở giữa hồ, một dãy lau dài nổi lên. Có hoa đua thắm tiếng ca chài vang lên dưới bóng trời chiều. Chuông

(1) Ly cung: cung của nhà vua khi rảnh rỗi ở, không ở thường xuyên.

chùa vang lên giục mặt trời lặn. Tôi ngồi trong thuyền lấy làm khoan khoái vô cùng. Nhìn ra, cung điện càng nguy nga, cây cối xanh tốt. Tôi cho thuyền chèo đến gần. Đó là chùa Trấn Quốc. Tôi bảo người lái chèo sào vào bờ.

Tôi lên bờ ngồi một mình dưới gốc cây cổ thụ, trên một phiến đá. Trông khắp mọi nơi, trong lòng thốn thức. Đột nhiên hai hàng nước mắt rờn rờn. Những người tùy tùng hỏi vì sao. Tôi đáp:

- Lúc còn bé, tôi ở trong Kinh cùng mấy anh em kết bạn thành một thị xã. Chúng tôi hẹn nhau mỗi năm hai lần vào mùa xuân và mùa thu đến Hồ Tây đem đủ rượu và đồ nhắm thuê ba bốn chiếc thuyền buồm chèo ra giữa hồ du ngoạn. Tiếng đàn hát vang cả bốn phía đêm khuya, chúng tôi về chùa Trấn vũ ngủ. Có khi đến chơi đến bốn năm ngày mới về. Than ôi! Tôi đau lòng nhớ đến các bạn tôi ngày nay đã là người thiên cổ. Ngày hôm nay ngắm cảnh, tôi bỗng sinh tình. Mấy cây cổ thụ kia ở phía tây, dây bụi tre bên bờ nước, đằng trước là cái hồ phẳng, đằng sau là cái gác chuông, vẫn y nguyên như cũ. Nay chợt trông thấy cảnh mà luống nghĩ đến người. Ruột gan tôi có là sắt đá đi nữa thì cũng phải mềm.

Nói xong, tôi gạt ước mắt bước xuống thuyền. Nhưng mối sầu dặc dặc không sao dứt được. Tôi ngâm một bài thơ để tỏ nỗi lòng:

Tây hồ nhất biệt tam thập xuân,
Phục khóa khinh thuyền quá lãng tàu.
Cách ngạn lâu đài sơn thượng lập,
Thượng phương tiểu ngữ thủy trung vân.
Ly cung thu sắc phân tàn chiếu,
Trấn vũ chung thanh loạn xuất tần.
Phong cảnh y y tiền dạng tại,
Không ta bất kiến cựu thời nhân.

Dịch:

Ba mươi năm Tây hồ cách biệt,
Nay thuyền con lại lướt sóng qua;
Lâu đài trên núi mấy tòa,
Trong chùa, cười nói vang ra giữa dòng.
Cây ban chiều Ly cung bóng rủ,
Chuông từng hồi Trấn vũ tiếng rền,
Kìa phong cảnh cũ còn in,
Người xưa chẳng thấy luống phiền lòng ta (1)!

Đến Trấn vũ quán, tôi lên bộ về nhà. Hôm sau, từ sáng sớm, đã thấy Văn Quốc sư cho người đến mời. Tôi bảo anh ta đi trước dẫn đường. Tôi đi qua mấy dinh cũ của thầy

(1) Dịch xuôi:

Xa cách Tây hồ đã ba mươi năm,
Nay lại cười thuyền lướt qua sóng.
Bên bờ lâu đài dựng trên núi,
Tiếng cười nói trên chùa vang xuống dòng sông.
Màu cây ở Ly cung bóng chiều tàn gợi vào,
Tiếng chuông chùa Trấn vũ điểm từng hồi.
Phong cảnh vẫn còn in như cũ,
Luống than không thấy người xưa.

tôi và chú tôi ngày xưa. Thấy quang cảnh thế lương, tôi xuống võng xem. Núi hồ vẫn như cũ nhưng cỏ hoa ngày trước, nay đã thuộc về ai. Tôi bèn ngâm bốn Câu thơ hoài cổ:

Phú quý giai vi huyễn,
Huân danh bản tự chân.
Bách niên lưu tỉnh tự.
Duy hữu khuẩn bi văn.

Dịch:

*Giàu sang đều già cả,
Công danh mới thật là.
Trăm năm để tỉnh tự.
Bia miệng chữ không lừa.(1)*

Di độ một quãng đường đất nửa thì đến dinh Quốc sư. Lính vào bẩm. Cụ cho người con là Thiêm bình quan ra tiếp, mời vào nhà khách rồi mời vào phòng của phu nhân để xem mạch. Xem xong, ra nhà ngoài yết kiến Quốc sư. Tôi kể căn nguyên chứng bệnh. Cụ nghe rất vừa ý, tặng rất nhiều rồi cho về.

Một hôm, quan Thư trấn An quảng đến nhà trọ mời tôi về làng thăm bệnh cho bà mẹ. Ông ta vốn có cố tật không thể về Kinh, nên đã mấy lần cho người đến mời tôi. Bây giờ tôi đang bận chữa bệnh sản cho người cháu dâu ở Kinh. Tôi có nói thực với ông nên ông cũng không cho mời nữa. Đến nay, bệnh người cháu dâu của tôi không chữa được nữa. Tôi giao cho người học trò trông nom hộ và báo tin cho ông biết (bấy giờ ông có việc lên Kinh, còn ở lại vài thang nữa mới về trấn). Ông mừng lắm, vội vàng đến mời. Tôi nói:

- Di thì cũng được, nhưng còn có một việc, không biết đi có được không.

Ông ngạc nhiên:

- Việc gì thế?

- Quan Chánh đường vẫn dặn tôi không được đi đâu xa. Tôi lên Kinh đã năm tháng nay, đường về quê chỉ mất nửa ngày, thế mà mãi không được về thăm. Hướng gì lần này vừa đi vừa về mất đến ba bốn ngày đường. Vậy ông phải nói với quan Chánh đường, mượn cố là có việc gấp, van nài xem.

Ông bèn ra đi. Một hồi lâu, trở lại, vẻ mặt hớn hờ nói:

- Xong rồi! Cụ lớn cho bốn ngày cả đi cả về. Mời cụ sắp đặt hành lý. Tôi đã cho em đem lính ở dinh đi theo hầu. Hiện nay, họ đang đợi ngài cửa.

Tôi bèn dặn người nhà và học trò giữ nhà rồi từ giả ông lên đường. Sang dò Nhị hà, đến bến Bát tràng thì trời đã tối mịt, khó đi lắm. Sang canh hai, đến làn Kinh Ky, lính tráng xem chừng đã mỗi mội, tôi cho nghỉ lại, sáng mai lại đi. Đến trưa, đến Nha thôn. Trông ra, trong lòng bỗng nhiên đắm ra nghỉ ngơi: hình như mình quen biết nơi này đã từ lâu!

Tôi bảo tùy tùng dừng lại nghỉ. Tôi chống gậy nhìn quanh. Dân làng vẫn y như cũ.

(1) Diễn xuôi:

Giàu sang đều già đối,

Công danh mới là thật.

Trăm năm để tên họ,

Chỉ có cái bia ở cửa miệng người ta.

Trước đó, có một cái vụng lấu, trước vụng lấu là một ụ đất lớn. Đó là nơi quân lính đóng đồn. Qua cái cầu bắc ngang ngòi, đến một cái cồn cao. Một con đường bắt đầu từ đầu cầu chạy ngang qua. Đó là dấu vết thành lũy ngày xưa. Tôi hỏi các cụ già, các cụ đều bảo vậy.

Nguyên lúc trước, giặc Tàu sang làm loạn. Thân hữu của tôi phụng mệnh dẹp giặc, đóng quân ở đây. Đang đêm giặc đến bao vây thành. Thân hữu của tôi nghĩ rằng: quân giặc thì đông và mạnh, quân mình thì ít lại yếu. Nhưng chúng ở xa đến chưa yên chỗ. Nó đang mệt, ta đang khỏe, cần phải đánh ngay. Chạm một chút, thì một bên đông, một bên ít, khó lòng đánh lại. Ông bèn chia quân ra bốn ngả, nhân lúc trời tối đánh sập vào. Hai bên hỗn chiến. Chết và bị thương ô số.

Tôi nhớ ngày xưa ở đây là đồng cỏ, nay là chùa miếu huy hoàng. Trong làng, tiếng chó sủa, tiếng gà gáy ran. Tiếng hát những người nông dân vang bốn phía. Sao mà khôi phục lại chóng thật! Sức nhớ lại quê tôi bình lửa hai mươi năm trời, cảnh vật điêu tàn, nhân dân tan tác. Nghe đâu bây giờ cũng đã đông đúc hơn. Tôi đứng một mình, cảm tình chan chứa không sao ngăn được. Bèn ngâm một bài thơ:

Ức tích Hồng châu khởi chiến qua,
Kim đôi hồn đấu huyết thành hà.
Dương niên bộc cốt lưu thanh trùng,
Cổ lũy đồi ngấn xuất bạch sa.
Oán quý nại thời vân dạ khốc,
Hành nhân kim nhật thích nông ca.
Cổ hương suy tụ giai như hủ,
Duy hữu Văn thôn bản ngã gia.

Dịch:

Hồng châu trước nổi binh đao,
Kim đôi chiến đấu máu đào thành sông!
Xương phơi vùi, mồ mả chập chồng,
Lũy xưa cát trắng một vùng còn ghi.
Xưa đêm quý khóc đòi khi.
Nay nghe nông hát lúc đi qua đường.
Xóm làng suy thịnh chẳng thường,
Nhà ta chính ở góc làng Văn thôn (1).

Hôm ấy chúng tôi đi gấp. Đến canh tư, đến dinh quan Thự trấn Hàm giang. Tôi còn nghỉ lại ở ngoài, sáng ngày mới vào dinh xem mạch. Tôi nghĩ đến tình quen biết nên

(1) Diễn xuôi:

Nhớ ngày xưa Hồng châu nổi cuộc chiến tranh.
Nơi vùng Kim đôi đánh lộn nhau máu chảy thanh sông.
Xương phơi lúc bấy giờ còn để nơi mả xanh,
Dấu tàn lũy xưa ở nơi cát trắng.
Ngày xưa ban đêm nghe tiếng quý cầm hồn kêu khóc,
Ngày nay người đi đường nghe tiếng hát của người nông phu.
Nơi cổ hương, khi suy, khi thịnh đều như thế cả,
Chỉ có làng Văn thôn gốc nhà ta ở đó.

lúc từ già có vào làm lễ chào phu nhân là vợ quan Thự trấn Hưng hóa. Phu nhân từ chối không dám nhận và muốn giữ lại. Tôi nói:

- Đi lần này có hạn; không dám lưu lại.

Phu nhân hậu tặng và cho về. Tôi từ già đi ra gặp người em họ của quan Thự trấn Hưng hóa. Trước kia ông ta ở Vĩnh dịch có biết tôi. Ông mừng rỡ, dắt tôi về nhà, nhất định không cho đi. Tôi nghỉ lại nhà ông một đêm. Sáng mai, tôi từ già về Kinh. Tôi bảo những người tùy tùng:

- Hôm trước phải đi suốt ngày là vì sợ bị triệu. Nay trở về thì cứ vừa đi vừa nghỉ, thông thả cũng được.

Họ nghe vậy mừng lắm, đi ung dung mất hai ngày về đến nhà trọ. Quan trấn nghe tin, đến hỏi.

Tôi nói:

- Mạch của bà cụ hòa bình, dễ chữa, xin đừng lo.

Ông mừng lắm, bảo tôi:

- Cả nhà tôi đều ở cụ. Nếu mẹ tôi chóng khỏi thì dù ngàn vàng cũng không thể giá ơn được. Tôi xin hết lòng hết sức báo cái ơn tri ngộ.

Nói cười với nhau một lúc rồi về .

Một hôm, tôi đến chơi nhà Đặng tiểu. Tôi thấy trong tráp của cô có một quyển thơ bằng quốc âm. Tôi xin hết lòng hết sức báo cái ơn tri ngộ.

Nói cười với nhau một lúc rồi.

Một hôm, tôi đến chơi nhà Đặng tiểu thư. Tôi thấy trong tráp của cô có một quyển thơ bằng quốc âm. Xem ra thì là ba mươi bài cung oán. Tôi hỏi:

Nói cười với nhau một lúc rồi về.

Một hôm, tôi đến chơi nàng Đặng tiểu thư. Tôi thấy trong tráp của cô có một quyển thơ bằng quốc âm. Xem ra thì là ba mươi bài cung oán. Tôi hỏi:

- Ai làm những bài này?

- Quan Tiên ninh soạn đấy!

- Cháu xem thế nào?

- Lời và điệu cũng thanh nhã, kỳ lạ những thứ thơ cũng còn gò ép, chưa thực là hay.

- Cháu nói đúng đấy. Thơ cốt ở ý, ý có sâu xa, thơ mới hay. Phải làm cho người đọc phải suy nghĩ mới hiểu được thì mới hay. Không phải bất cứ điều gì cũng phải nói ra bằng lời. Như thế mới là thơ có giá trị.

- Thế mà trong Kinh đã có nhiều người chép lại, thơ này đã được đưa vào nhạc phù rồi đấy. Cháu xin bác nghĩ cho một bài thực là hay, thực là thú, không lẽ để cho họ hơn ta. Không biết thế có được không?

Tôi cười:

- Cũng chưa chắc! Nói thì dễ mà làm mới khó. Cháu xướng trước đi rồi bả họa.

Cò vâng lời, xướng lên một bài. Tôi nói:

- Thơ của cháu tử hay và tự nhiên, thực không thẹn là con một thi gia.

(Đáng tiếc bài thơ này thất lạc mất, nên không chép vào đây được).

Tôi cũng họa một bài: (1)

Sáu cung thăm thăm, lộn (2) ngày nhân,
Một tiếng cầm ve nhặt lại khoan,
Mây ruổi chẳng kinh vầng nhật xế,
Xuân về thêm tiếc cánh hoa tàn.
Xiêm nghệ lưỡng buộc quên đường nhạc,
Khúc phụng ngừng tay lẫn dịp đàn.
Tự nghỉ thượng dương mai mấy (3) tuyết,
Rạng còn mừng tượng về dung nhan.

- Thơ của bác ý ngoài lời, có thể xem là gương mẫu của các nhà

thơ. Ngày xưa thầy con thường nói thế, thực là đúng vậy.

- Chú nay tuy không được xướng họa với tiên huynh, nhưng được xướng họa với cháu, thì cũng khuấy khỏa đôi phần tắc lòng vĩnh biệt.

Tôi lại nói:

- Lúc thầy cháu còn sống, thầy cháu chán cái cảnh giàu sang quá mức, muốn bỏ quan về cây ruộng để được vui chơi núi non, rừng suối, an dưỡng tuổi già. Thầy cháu có bảo chú làm mấy bài thơ. Để chú đọc cho cháu nghe.

Tôi bèn đọc:

I

Tạm khước ô cân, lý thảo hài,
Mang huề cầm kiếm, cổ sơn lai.
Bể môn chùng thái anh hùng thủ,
Diều nguyệt canh văn khoáng dật hồi.
Chước tửu tri biên, song nguyệt khuyến,
Phú cầm song hạ, bách hoa khai.
Kỵ lư mỗi quá từ dương lĩnh,
Mục địch thời văn xướng "lạc mai".

Dịch:

Cất khăn thăm, dẹp mo chân xỏ,
Mang guơm, đàn, núi cũ về mau;
Anh hùng cài cửa trồng rau,
Cày mây, câu nguyệt, một bầu thanh cao,

(1) Bài này nguyên văn bằng quốc âm.

(2) Trộn.

(3) Mấy: với.

*Chén bên ao, trăng mờ hai ngả.
 Dàn cạnh song, hoa nở trăm màu;
 Cuối là, ác xế ngàn dâu,
 "Lạc mai" khúc dịch nghe đâu từng hồi (1)!*

II

*Phàm sĩ các hữu chí,
 Tâm nhân thân tự vinh.
 Văn chương thiên cổ trọng,
 Khứ tỵ nhất thân khinh
 Tửu mỹ hoa tiền sắc,
 Cầm tăng nguyệt hạ thanh.
 Ứng tri u dật thú,
 Nặng tạ thế gian danh.*

Dịch:

*Chí kẻ sĩ mỗi người một khác,
 Tâm thanh nhân thân được vẻ vang;
 Ngng xưa trọng giá văn chương,
 Một thân lui tới, đôi đường thành thoi,
 Trước cảnh hoa càng tươi sắc rượu,
 Dưới vầng trăng thêm dọi tiếng đàn;
 Cho hay cái thú u nhân,
 Khiến cho danh lợi thế gian chẳng màng (2).*

Cô nói:

- Thưa bác, bác ở trong chốn lâm tuyền đã lâu, trong lòng chứa chan cái vị khí của

(1) Diễn xuôi:

Tâm cõi khấn thâm, xỏ chân vào dép mo,
 Vội cầm gương, đàn, về nơi núi cũ.
 Trai anh hùng đóng cửa về trồng rau,
 Cầu nguyệt, cây mây, thừa lòng khoáng đạt.
 Rời rượu bên ao, hai vầng trăng khuyến ta uống rượu.
 gầy đàn dưới song, trong khi trăm hoa đua nở.
 Mỗi lúc cuối lửa qua núi khi bóng xế,
 Thính thoảng nghe tiếng người chăn trâu thổi khúc "lạc mai".

(2) Diễn xuôi:

Kẻ sĩ mỗi người có một chí khác nhau.
 Lòng nhân, tự nhiên thân vinh.
 Nghìn xưa trọng cái giá của văn chương,
 Khi lui khi tới, một thân nhẹ nhàng.
 Trước cảnh hoa sắc rượu càng xinh,
 Dưới bóng trăng tiếng đàn thêm dịu.
 Mới biết cái thú u dật.
 Có thể làm cho người ta quên cái danh lợi trên đời.

khỏi mây nên lời thơ thanh tao, nhân đạt, đẹp đẽ. Không hiểu thầy con hiện nay ở dưới suối vàng có biết hay không?

Hai chú cháu đang bình từng bài, cân nhắc từng vần. Chợt thấy người nhà đến báo:

- Có quan Vũ hiến phó đưa đến nhà trọ một bài thơ.

Tôi cho người về lấy thì đó là một bài thơ tặng tôi.

Tôi đưa cho cô xem và nói.

- Cháu xem thế thế nào?

- Thơ phóng khoáng, mềm mại. Thực là một nhà thơ lão luyện.

- Ông ta là một bậc danh nho ở đất Hoan Châu, thơ rất hay. Người con thứ tư vừa mới đỗ tào sĩ (1), nên lên Kinh đón con về vinh quy. Ông quen thân với quan Chánh đường. Mỗi lần chú đến yết kiến quan Chánh đường chú thường cùng Quận hầu nói chuyện với ông. Vì vậy, ông gửi tặng chú bài thơ này.

Tôi lại bảo:

- Chú mấy lần nhờ Quận hầu giúp sức sao để được về núi. Thế mà mãi đến nay vẫn chưa được. Nay ta cứ theo nguyên văn bài thơ này mà họa một bài để gửi.

Tôi bèn đọc:

Hà nhật đắc quy, yên thủy môn!
mang hải, trúc trượng xuất đồ môn.
Thư hoài, ngâm phá tam canh nguyệt.
Nhập mộng, thời vân vạn lý ngôn.

Dịch:

Bao giờ về xóm nước mây,
Dép mo, gậy trúc ra ngay đồ thành.
Thơ ngâm vầng nguyệt ba canh,
Mơ nghe muôn dặm dinh ninh những lời (2).

Mới ngâm được vài câu, tôi bảo:

- Chú cứ mơ ước cái thú khỏi mây, không ngờ nay phải lận đận như thế này, thành ra hết mất hứng, chẳng còn nghĩ được gì nữa. Cháu cứ theo vần này, làm nốt bốn câu nữa hộ chú.

Trước cô còn khiêm tốn chối từ, sau đọc nốt bốn câu:

Phương tiện tế nhân chu dữ tiếp,
Hàm hoăng tái tướng đức duy khôn.
Hàm hoàn kết thảo nan vi báo,
Địa cứu thiên trường đại nghĩa tồn.

(1) Tào sĩ bên võ ngang hàng với tiến sĩ bên văn.

(2) Diễn xuôi:

Bao giờ về xóm nước mây,

Dép mo gậy trúc, ra khỏi cửa Kinh đô.

Ngâm thơ tả tình trong lúc canh khuya trăng rằm.

Nằm chiêm bao thường thấy tiếng nói ở nơi vạn dặm.

Dịch:

*Nhờ thuyền phương tiện chở người,
Đúc dầy chở nặng xem tày thế khôn.
Ngậm vành, kết cỏ tác son,
Còn trời còn đất hãy còn ghi ơn (1).*

- Thơ của cháu lời và nghĩa gắn với nhau lắm.
Bèn bỏ vào phong bì đưa đến cho Quận hầu.

TÌNH CỜ GẶP NGƯỜI CŨ

Một hôm có hai bà sư đến nhà trọ tôi nói:

- Chùa Huê cầu có đúc một quả chuông to. Công quả vẫn chưa xong. Chúng tôi đến đây để khuyến hóa cụ.

Một bà nói mình trụ trì ở chùa Yên tử sơn, một bà nói mình là con gái quan Tá thừa tư ở Sơn nam, người làng Huê cầu. Tôi giật mình, mời vào nhà ngoài. Tôi hỏi nhỏ một ni cô trẻ tuổi cùng đi theo. Thì ra bà sư già này chính là người có ước hẹn với tôi ngày trước. Tôi bèn nghĩ thầm: bà ta không biết mình nên đến đây. Việc thực là lạ. ta thử nói rõ họ tên xem ý của bà như thế nào!

Tôi bèn nói:

- Tôi là người ở Liêu xá, tị loạn vào quê mẹ ở Hương Sơn, đất Hoan Châu. Chẳng có chiếu triệu về Kinh. Tôi ở nhà trọ này cũng tiêu điều lắm, tuy có hằng tâm cũng không làm sao được.

Bà sư già chùa Huê cầu có ý thẹn. Bào bà sư chùa yên tử:

- Chúng ta đi thôi.

Tôi cố giữ lại nhưng bà không chịu. Tôi đưa ít tiền để cúng và hỏi:

- Hai vị sẽ nghỉ ở đâu?

Hai bà đáp:

- Chưa định nghỉ ở đâu cả.

Rồi từ giã đi ra. Tôi gọi một người nhà lanh lợi bảo anh ta đi theo và dặn:

- Anh đến chỗ các bà ấy trọ hỏi những người xung quanh xem các bà đến đây từ bao giờ, còn ở lại đây mấy ngày nữa. Nhưng phải giữ kín đừng cho các nà biết.

Người nhà vâng dạ ra đi. Hai giờ sau, anh ta trở về, nói:

- Hai bà ở trọ trong chùa Liêu tôn. Họ mới đến được vài hôm thôi, còn ở Kinh khuyến hóa lâu.

(1) Diễn xuôi:

Nhờ phương tiện giúp người như thuyền cùng lái.
Đúc như què khôn (tượng với đất) rộng dung chở mọi vật.
Ơn ấy kết cỏ ngậm vành khó lòng trả được.
Nghĩa lớn để mãi, trời đất lâu dài.

Hôm sau, tôi gọi một người học trò tên là Tài đến và bảo:

- Ta có một việc này lạ lắm, anh cố hết sức giúp ta.

- Dem hết lòng hết sức của mình là bốn phần kể học trò, con đâu dám từ.

- Lúc ta còn nhỏ, nhà có đám cô con gái con quan Thừa tư tham chánh ở Sơn Nam.

Đã làm lễ vấn danh và cho đồ rồi. Nhưng có việc trở ngại, ta phải từ hôn về ở luôn Hương Sơn. Năm, sáu năm sau, ta lên Kinh, nghe tin quan Thừa tư tham chánh đã qua đời. Còn người con gái thì đến nay ta vẫn làm lạ. Ta hỏi thăm, thì có người nói: Cô ta thật là kỳ! Nghe nói trước kia có một công tử nào đó đã hỏi, đã đủ lễ rồi nhưng sau không thành. Cô ta nói: Mình đã có người đem hỏi, tức là đã có chồng. Nay vô duyên vì chồng bỏ, còn mặt mũi nào mà lấy chồng nữa. Bèn thề suốt đời không lấy ai. ta nghe vậy trong lòng hoảng hốt nói: Mình thu xếp công việc không chu đáo, có trước chẳng có sau, khiến cho cô ta ôm hận. Mình thật là người bạc hạnh! Tội này đeo đuổi lấy mình, không biết có cách nào gỡ được. Ta bèn chạy về làng Huế cầu hỏi khắp. Thì trong mười người đã có tám, chín người kể lại câu chuyện xưa. Lại có người nói: Khi người cha mất đi, người anh ép gả cho một anh đồ ở trong làng để lấy tiền lo tang lễ, nhưng cô không nghe. Có người nói: Con gái nhà quan khi đã lỡ lứa, trên không dòm xuống, dưới không với lên, cho nên đến nay cô vẫn ở vậy. Ta nghe thế, mới hơi yên lòng. Sau đó ta lại về Hoan Châu. Đến nay lại gặp nhau. Ta thấy bà cô độc, khổ sở như vậy, không biết bà còn tình nghĩa hay không; nhưng việc đến thế này chẳng phải ta gây ra đó sao? Nay chỉ còn một cách: nuôi dưỡng bà cho trọn tuổi trời, để mong chuộc cái tội ngày xưa. Hiện nay ta đương ở Kinh thì việc phụng dưỡng, chu cấp còn dễ. Nhưng nếu nay mai ta được trở về nơi núi cũ, thì đường xá xa xôi làm sao mà giúp đỡ được. Ví bằng, bà bằng lòng về Hoan châu với ta, thì trong vườn của ta cũng có một nơi thanh u tịch mịch, có một ngôi chùa do anh ta dựng, có thể cung phụng đèn nhang. Còn việc lo lắng ăn mặc thì ta xin chịu hết. Như thế một phần mong báo đáp cái tiết hạnh cao quý của bà, một phần để chuộc cái tội của ta. Anh hãy hỏi chuyện xưa rồi nói vậy xem bà có thuận không, để cho ta định liệu.

Anh ta vâng lời đi. Đến tối, anh ta trở về, nói:

- Con đã đến chùa Liêu Tôn. Nhân lúc rảnh, con có thưa lại, bà sụt sùi đáp: Cám ơn cụ có lòng tốt. Tôi không gặp được chồng, phải cô độc, khổ sở như thế này cũng là bởi cái số mệnh của tôi, chứ có dám trách ai đâu? Cái thân tàn này nào có tiếc gì! Chỉ hiềm một nỗi, nhìn quanh nhìn quẩn, thân thích chẳng còn ai, phần mộ của cha ông không có người coi sóc. Tôi dám đâu tìm đường ám no một mình, đi xa lánh quê người. Xin ông về thưa với cụ. Tôi chưa được ân huệ của người, nhưng tấm lòng của người đã hiểu cho như thế, cũng là đủ an ủi cái cảnh lênh đênh cô độc của tôi rồi.

Tôi thương cảm vô cùng, bèn làm một bài thơ để bày tỏ lòng mình:

Vô tâm sự xuất ngộ nhân đa!
Kim nhật tương khan khổ tự ta.
Nhất tiểu tình đa, lưu lãnh lệ,
Song mâu xuân tận, hiện hình hoa.
Thử sinh nguyệt tác càn huynh muội,
Tái thế ưng đồ tổn thất gia.
Ngã bất phụ nhân nhân phụ ngã,
Túng nhiên như thử nại chi hà?

Dịch:

*Làm người, sự bởi vô tâm.
Nhìn nhau, nay những luống thồ than!
Một cười, giọt lệ chứa chan,
Mất trông, xuân hết hoa tàn thương thay.
Anh em kết nghĩa kiếp này,
Kiếp sau cầm sắt bên dây họa là
Trót vì người phụ lòng ta,
Ôi thôi, đành vậy, biết là làm sao? (1)*

Từ đó, chúng tôi thường đi lại hỏi thăm nhau. Bà cười nói: nghe nói trong Nghệ có nhiều cổ áo quan tốt, muốn mua một cổ. Tôi cho đi tìm nhưng chưa mua được. Lúc tôi được về làng, tôi có nhờ gửi 5 quan tiền để mua hộ một cổ áo quan tặng bà. Nhưng đó là việc sau, ở đây không nói đến.

NGÂM THƠ, THUỞNG NGUYỆT.

Một đêm, nhân lúc rảnh rang, tôi bày một tiệc rượu cùng học trò uống rượu. Trên không, vầng trăng chiếu sáng như bạc, hoa cỏ trước sân hạt sương trĩu nặng, hương đưa ngào ngạt. Tôi tuy từ lượng không cao, cũng uống mấy chén để thêm hứng. Rượu đã ngà ngà say, tôi ra đầu đề "Đêm thu sáng trăng, uống rượu, bày tỏ ý mình", lấy vần "ngân" để cùng xướng họa với học trò, Tôi xướng:

*Phiến nguyệt bạch như ngân,
Phù không sắc sắc tân.
Bồi trung hàm quế ảnh,
Túy hậu hân hương văn.
tương đối nhất tôn tửu,
Thương khan thiên lý thân.
lữ hoài tuy lão thảo,
Giai hứng động thi thần.*

Dịch:

*Guơng nga một mảnh lâu lâu,
Giữa trời vàng vạc mọi màu mọi tươi.
Chén quỳnh bóng quế sáng ngời,*

(1) Diễn xuôi:

Thường vì vô tâm mà làm thiệt hại cho người ta.
Ngày nay trông nhau luống thồ than một mình.
Một nụ cười đa tình chảy nước mắt.
Trông trông cặp mắt mùa xuân đã hết, đến lúc hoa tàn.
Kiếp này xin làm anh em kết nghĩa.
Kiếp sau sẽ đẹp duyên vợ chồng.
ta không phụ người, người phụ ta.
Nếu như thế thì biết làm thế nào?

*Say rồi, nghe thoảng khắp người hương bay.
Cùng nhau trước chén rượu này,
Nhìn nhau: đều khách xa đây dặm nghìn!
Nỗi niềm lữ khách liên miên,
Đêm thanh này hứng tỉnh liền hồn thơ (1).*

Học trò họa lại.

Tôi bảo người nhà:

- Chỉ được nói chuyện trong kinh mà thôi, cấm không được hé răng nói chuyện cảnh vật quê nhà làm ta mất hứng!

Đến gần sáng tôi mới đi ngủ.

Một hôm, quan Vũ hiến phó thấy người con đồ tạc sĩ chưa được phép về nhà vinh quy, còn phải lên Kinh chờ đợi, nên ông nhớ nhà cho người soạn sửa hành lý để về trước, ông có gửi tôi hai bài thơ.

Lời mở đầu như sau:

Đề định đến mừng hai tháng sau thì cả nhà dọn về làng. Nhân lúc ban đêm gió thu hiu hiu hát, lá chuối rì rào, trong lòng dề dột nhiên nghe tiếng mùa thu, nhớ đến canh nhút, gói cá vược ở quê nhà. Lòng này biết nói cùng ai? Nhấn có mấy bài quê kệch để tặng" (2):

Ngô huynh thiếu dữ lộc vi quần,
Nhất đán phiên nhiên, dịch thử thân!
Áp vũ dĩ thâm tân lục trúc,
Nham Khê do mật cụ thời vân.
Tòng lai lợi tỏa danh cương khách,
Không tác lâm tàm giản quý nhân.
Tảo tảo hời tiên dinh biệt nghiệp,
Nhân hoa dã thảo hữu dư xuân.

Đệ: Lộc nam đặt tửu, tự Dĩ phác bái thượng

Dịch:

*Bác từng bạn với hươu nai,
Một mai chỉ hướng đổi thay bạn mình!
Thôn quê, trúc đã thêm xanh,
Núi khe cũng vẫn xung quanh mây lồng.*

(1) Diễn xuôi:

Mảnh trắng trắng như bạc,
Nổi giữa trời mọi vẻ mọi tuổi.
Trong chén rượu bóng quế giọt vào.
Sau khi say, nghe mờ hơi có mùi thơm.
Nhìn nhau, trước chén rượu,
Ngó nhau, đều là người từ nghìn dặm đến đây.
Ở nơi lữ thứ mặc đầu sơ sài,
Cái hứng tốt trong đêm thanh làm cho hồn thơ sức tỉnh.

(2) Nguyên ba bài, đây trích dịch một bài.

*Xưa nay danh lợi mắc vòng,
Làm cho hổ thẹn núi sông bao người.
Trở về vườn cũ cho rồi!
Cỏ hoa thôn dã vui chơi có thừa (1).*

Dịch: Ông già Lạc Nam tự là Dĩ phác kinh dâng.

Tôi cảm bài thơ ngâm nga mãi, trong lòng buồn rầu: thực mình không nghĩ gì đến danh lợi, thế mà cứ mắc mãi vào trong cái vòng cương tỏa, chỉ tổ để cho bạn bè chê cười. Sao cảnh ngộ của mình trắc trở như thế? Tôi bèn đem bài thơ cho Quận hầu xem để ông ta thấy cái cảnh cô đơn phiêu bạt của tôi.

Ngày tháng đi mau như tên bắn, thấm thoát đã đến tiết Trung thu. Trong kinh nhà nào nhà nấy sắm sửa cỗ bàn, tiệc tùng. Mọi người sắm sửa áo hồng áo tía đi chơi. Tôi nghĩ: Mình ở nhà trọ người ta, nếu có mấy chén rượu nhạt thì nơi nhà trọ cũng không phải là nơi cung cấp. Tôi bảo người cháu là Hào có nhà ở cạnh chùa Quán sứ làm hộ tôi mấy mâm cỗ.

Đến chiều, tôi đến nhà anh ta, bày biện hương đèn, cáo với gia tiên, mời những thân nhân và học trò mới học, tất cả 20 người, cùng dự tiệc, cùng uống rượu. Tôi cảm thấy khoan khoái, hồn thơ phơi phới, tôi lấy đầu đề "Trung thu uống rượu thuật hoài". Tôi xướng trước:

*Nguyệt sắc dâng quang mãn để thành,
Kim ngô (2) bất cấm hứa nhân hành.
Hy du sĩ nữ phân quần xuất,
Ca quán lâu đài trực địa sinh.
Lữ thứ bôi bàn hà túc đạo,
Thân bằng hoan ẩm hữu dư vinh.
Thu phong mặc khởi tam canh lại,
Thiên lý nhân đa thiên lý tình.*

Dịch:

*Đầy thành trăng rạng đèn soi.
Kim ngô tha phép mặc ai bộ hành.
Tung bừng gái lịch trai thanh,
Lâu đài, đàn hát, rập rình khắp nơi.
Kế chi mâm chén quê người,
Thân bằng ăn uống chơi bời, sướng sao!*

(1) Dẫn xuôi:

Bác lúc còn trẻ làm hạn với hươu nai,
Một sáng đổi chí hướng làm cho cái thân phải phiến luy.
Nhà ở thôn quê, bụi trúc xanh đã xanh thêm,
Mấy ngày trước còn đứng ngang nơi khe núi.
Xưa nay những khách ở trong xiềng xích của danh lợi,
Luống làm con người để thẹn cho khe núi.
Mau mau trở về sửa sang biệt thự,
Cỏ hoa thôn dã có vẻ tươi tốt dồi dào.

(2) Kim ngô: tức chấp Kim ngô, quan coi việc về kinh thành.

*Đêm thu gió chó thổi vào,
Đậm nghìn người những nặng đeo mối tình (1).*

Ngâm xong, tôi bảo:

- Những người trong bữa tiệc ai biết làm thơ thì họa lại!

Mọi người vâng lời, cầm bút ngâm nga. Một lát trắng đã xế mà một chữ vẫn chưa xong. Lúc hỏi đến thì đều mượn cớ thoái thác. Có người chỉ thở dài.

Tôi cười vang. Lại ngâm thêm một bài:

Tha hương vị đặc khứ,
Cổ quốc bất năng quy.
Thử dạ phùng giai tiết,
Khuynh hồ đáp cố tri.
Huyền đặng thiên vạn điểm,
Chiếu ngã sổ hàng thi,
Dắc túy hà cầu tỉnh,
Tĩnh lai không tự tri.

Dịch:

*Tha hương ở mãi chưa đi,
Trông vời cố quốc biết khi nào về?
Hôm nay giai tiết gặp thì.
Nghiêng bầu cùng bạn cố tri gọi là.
Đèn treo nghìn điểm sao xa,
Rạng soi mấy vạn thơ ta rành rành.
Được say, say mãi cũng đành,
Tĩnh ra mới biết rằng mình có say (2)!*

Bấy giờ canh đã tàn, tiệc đã xong. Mọi người đi ngủ. Tôi nằm một mình không sao ngủ được, tựa hồ như nghĩ ngợi điều gì. Tôi đứng dậy, ra đi bách bộ trước chùa, làm mấy bài thơ cho đỡ buồn.

(1) Diễn xuôi:

Ánh trăng và ánh đèn đầy cả kinh thành,
Quan Kim ngô cho phép người ta đi lại.
Trai thánh gái lịch vui chơi lũ lượt,
lâu dài, đàn hát mọc khắp nơi.
Mâm chén nơi quê người không đủ kể,
Bạn bè thân thích chề chén rất là vui.
Gió thu chó có thổi lúc canh khuya.
Người nghìn dặm nặng đeo mối tình nghìn dặm.

(2) Diễn xuôi:

Nơi tha hương chưa thể lìa bỏ được,
Không thể về nơi cố quốc,
Đêm nay gặp tiết vui.
Nghiêng bầu đáp bạn quen,
Ngàn vạn ngọn đèn treo,
Giới mấy hàng thơ của ta.
Được say cần tỉnh làm gì.
Tĩnh ra biết là mình say.

I

Nguyệt lạc đăng tàn, nhân dĩ tịch,
Ngã do đài túy hà nan miên?
Lương bằng tiểu vị-vị tri kế,
Ý dĩ thâm tri lý vị thiên.

Dịch:

*Trăng lặn đèn tàn, người vắng teo,
Ta còn hơi say sao khó ngủ?
Bằng tiểu vị, bằng vị tri kế,
Biết rõ ý ta lý chưa rõ (1).*

II

Tiền lâu cấm cố thôi tàn lậu.
Tán bộ bồi hồi thương vị miên,
Hữu khách khuyến dư an sở ngộ,
Cập văn diên mật hựu thương nhiên.

Dịch:

*Trống lầu đồn đập giục canh chày,
Đạo bước bồi hồi khó ngủ ngay.
Có kẻ khuyên ta đành chịu vậy,
Khi nghe gốc ngọn lại chau mày (2)*

Sáng hôm sau, tôi về nhà trọ chép lại những bài thơ này và đưa cho Quận hầu xem để ông ta thấy rõ cái tâm trạng của tôi mà thương hại tôi. Đồng thời cũng để cho ông biết không thể nào ép tôi được và xin phụ thân cho tôi được về. Bấy giờ có một ông bạn khuyên tôi cứ trốn về, cần gì phải xin xỏ như thế cho khổ. Nhưng tôi lại nghĩ: ông ta là một vị đại thần, cầm quyền bính trong cả nước. Nếu mình trốn về, ông chỉ cần cho một cái công văn bảo quan Thự trấn bắt, thì có khó gì. Vì vậy, tôi đành phải quy lụy, cầu xin cho được. Ông bạn cũng gật đầu cho là phải.

Một hôm Quận hầu vừa mới dựng xong một cái nhà thủy tạ, có đủ phòng khách, nhà ngoài. Ông đến xin tôi mấy câu đối. Ý ông muốn có những câu đối theo lối phù hoa

(1) *Diễn xuôi:*

Trăng xế, đèn tàn, người đã vắng,
Ta vẫn còn say sao mà khó ngủ?
Bằng tiểu vị bằng vị tri kế,
Ấy đã biết ý ta nhưng mà lý chưa phải như thế.

(2) *Diễn xuôi:*

Trống canh nơi lầu cao giục canh khuây.
Rảo bước bồi hồi còn chưa ngủ được.
Có người khuyên ta gấp sao chịu vậy.
Khi nghe ta kể đầu đuôi lại búi ngủi cho ta.

nhưng tôi thì đã quen với cái thú khói mây, cái cảnh nhàn dật rồi, không biết làm thế nào. May có quan Thự trấn Lạng Sơn nhân việc Khâm mạng về Kinh dự tế (1). Nhân lúc ông đến chơi, tôi nhờ ông làm hộ. Ông nhận lời ngay. Vài hôm sau, ông cho người đưa đến (2).

Tôi nhận được mấy câu đối này mừng lắm, đem đến nhà Quận hầu. Ông xem khen ngợi:

- Chữ nào cũng trong sáng, mới mẻ, thực là nhả ngọc phun châu, cầm tâm tú khẩu ít ai sánh kịp.

Tôi cười mà rằng:

- Không phải tôi làm đâu! Ông cứ xét lời văn và mạch văn thì thấy rõ ngay.

Quận hầu kinh ngạc hỏi:

- Còn ai vào đây nữa.

- Đó là người anh đường huynh của tôi.

- Ông làm gì?

- Ông làm Thự trấn Lạng sơn, sau được về, hiện nay chỉ lo dạy học trò.

- Người tài hoa như thế này, chắc tài năng phải khác thường. Hiện nay thánh thượng muốn dùng những người tài, phụ thân tôi đã phụng chỉ để cử những người hiền. Việc này dễ lắm.

- Anh tôi tự thấy mình tuổi đã già, chỉ mong sao được nghỉ ngơi, không muốn làm quan nữa.

Sau đó, anh tôi đến chơi, hỏi chuyện về những câu đối. Anh tôi nghe vậy, rất lấy làm ân hận, nói:

- Nhà ta mấy đời khoa giáp, theo lời dạy bảo của cha ông, lấy việc xu phụ nơi quyền quý làm xấu hổ. Lúc bấy giờ tôi cao hứng làm thay chủ. Không ngờ muốn khéo hóa vụng, thành ra mình cầu mong người khác biết đến, mang cái tiếng khoe tài mua danh để được tiến dụng.

Tôi nghĩ lại cũng thấy mình có lỗi xin lỗi mình sơ suất không còn cách nào khác.

VỀ THĂM CỔ HƯƠNG

Một hôm, anh tôi và bà con họ hàng ở Kinh bàn việc cải táng một ngôi mộ tiên nhân. Định ngày xong, họ báo cho tôi biết. Tôi đến xin phép quan Chánh đường để về quê. Ông nghĩ, sợ tôi từ biệt để luôn tiện về Hoan châu, nên tới đến mấy lần, ông vẫn không cho gặp mặt. Tôi rất lấy làm buồn rầu không biết làm thế nào. Quận hầu bảo:

- Cụ cứ vào trong phủ mà chào.

Tôi vào phủ, đến Hậu mã trú sở đợi nửa ngày mới thấy quan Chánh đường ở trong phủ về. Tôi đem chuyện này nói. Lúc đầu ông không cho. Tôi nói:

- Tôi xa quê hương, xa mồ mà cha ông đã 20 năm nay, vì nghèo khổ, tôi không làm sao về nhà thăm viếng. Nay đợi ơn được triệu về Kinh, đã được hơn nửa năm, nhưng

(1) Phụng chỉ du di tế một vị thần nào quá cố.

(2) Vì những câu đối này có tính chất khuôn sáo thông thường lán tung phong cảnh xinh đẹp nơi nhà cả quyền, nên ở đây lược.

vẫn chưa được về. Làm con như vậy thực không đành tâm, xin cụ lớn thương cho.

Lời nói và sắc mặt của tôi có vẻ nghiêm nghị. Quan Chánh đường nói:

- Nay việc thuốc thang cứ hỏi đến luôn, có mệnh triệu vào thì làm thế nào?

- Quê tôi cách Kinh đô chỉ có nửa ngày đường. nếu có việc gì gấp thì đi về quê trong một ngày thôi, có gì đáng ngại?

- Cụ phải làm một tờ khai nói xin phép về quê. Trong tờ khai nói vì việc cải táng, xin mười lăm ngày, sau đó lại lên Kinh châu chực thuốc thang.

Tôi xin đi một tháng. Ông nói:

- Mười lăm ngày cũng đủ thu xếp việc nhà, thăm hỏi bà con rồi.

Tôi cố van nài mãi. Ông cho thêm năm ngày nữa.

Tôi biết cưỡng cũng không được. Bèn làm tờ khai dâng lên. Rồi từ biệt về nhà trọ, lòng mừng khôn xiết.

Tôi sửa hành lý, mượn thêm mấy người lính tùy tùng còn năm người lính trước thì để lại coi nhà. Ngày mùng 10 tháng 9, từ sáng sớm còn trắng, tôi đi ra cửa ông mặc. Cửa thành chưa mở. Lính canh thấy có thể "hành quân phù" bèn mở cửa cho đi. đến bến Thanh trì thì trời mới sáng. Tôi lên thuyền qua sông. Ngồi trong thuyền cảm thấy trong lòng man mát, tôi ngâm một bài để tỏ nỗi lòng:

Lạc phách giang hồ tam thập niên,
Như kim phục thưởng Nhị hà thuyền.
Thiên lưu hợp phái hoành trung thổ,
Tam đảo kinh vân lập viễn thiên.
Cảm tích hứng kim do vị dĩ,
Hương hoài khách tứ khước dụ nhiên.
Hạnh thừa chiếu mệnh lai Kinh quốc,
Đắc dữ thân bằng tiểu nhất phiên.

Dịch:

Lưu lạc giang hồ ba chục niên,
Bằng nay sông Nhị lại lên thuyền.
Nghìn dòng đất bằng tuôn nước xuống.
Tam đảo trời xa tung mây lên.
Thú mới tình xưa còn man mát,
Lòng quê nỗi khách bỗng liên miên.
Nay vâng chiếu mệnh về Kinh quốc,
Được cùng thân bằng cười một phen (1).

(1) Diễn xuôi:

Phiêu bạt giang hồ ba mươi năm,
Nay lại được lên thuyền sông Nhị hà.
Nghìn dòng tuôn nước xuống nơi đất bằng,
Núi Tam đảo tung mây đứng ở phía trời xa.
Cảm việc xưa, vui việc nay lòng còn man mát,
Lòng quê nỗi khách bỗng miên man.
May được chiếu mệnh lên Kinh đô,
Được cùng thân bằng vui cười một phen.

Thuyền đỗ ở bến Bát tràng. Tôi rời thuyền lên bộ. Hai bên đường, làng mạc sầm uất, đình chùa mái ngói đỏ san sát, hàng quán bán rượu bán nước liên nhau. Cứ đi một dặm, tôi lại cho những người tùy tùng dừng lại nghỉ, tôi lại chống gậy dạo chơi. Đi rồi lại dừng, chẳng bao lâu đã sắp đến Liêu xá là quê hương tôi. Qua cái cầu gạch, đi vào làng. (Trước làng có một con sông chảy ngang, có một cái cầu gạch).

Tôi vào nghỉ ở đình của thầy tôi. Người anh của tôi làm Thự trấn Lạng Sơn, có một cái dinh ở làng. Chỉ có bà chị dâu trưởng là vợ anh Tiền thống nhất ở đây để lo hương khói. Bà đã ngoài 70, tóc bạc như tơ, nhưng tinh thần vẫn còn tráng kiện. Thấy tôi, bà mừng tủi tủi, sụt sùi nói chuyện. Tôi sống trong cảnh lữ thứ cũng buồn rầu khôn xiết.

Hôm sau, tôi đi dạo chơi trong vườn, để ý tìm xem những di tích ngày xưa. Tôi đến một cái cây lớn, đây là phòng ngủ của thầy tôi ngày xưa. Vườn cam này xưa là nhà khách, nhà sảnh. Đằng sau là nhà trong. Bên tả là nhà bếp, bên hữu là nhà học. Di tích móng nhà cũ, gạch ngói vẫn còn, đều có thể tìm ra dấu vết. đến một nơi nào tôi cũng băn khoăn suy nghĩ.

Thực sự đời biến đổi càng thêm buồn! Nhớ mấy câu thơ của bài "Thử lý" (1) tôi càng dùng dằng không nỡ rời chân. Nửa giờ sau tôi mới về đến nhà, chào bà con thân thích. Sau đó sửa soạn một cái lễ cáo yết nhà thơ. Người trong làng cũng đem lễ đến mừng. Trong số những người già lẫn những người trẻ hơn, mấy chục người nhưng tôi chỉ biết mặt có vài người. Tôi tặng tiền, mời uống rượu qua loa, và cùng ngồi nói chuyện. Từ hôm ấy người đến chơi cũng có người phải nói đến tên cúng cơm của cha ông, nói đến họ hàng thân thuộc như thế nào, và nghĩ mãi tôi mới nhận ra. Thấy cái cảnh xa cách như thế, tôi bỗng khóc òa lên.

Tôi xa cách quê nhà đến nay băm dốt đã ba mươi năm. Nay về thăm nhà thì vật đổi, sao dời, bà con đông đủ, nhưng tôi không biết họ tên ai. Quả thực tôi là một người vô tình. Bèn cảm hứng là một bài thơ.

Cố hương nhất qui tỉnh,
Khế khoát âm nhiên sinh,
Lịch lịch hy du địa,
Du du cảm động tình.
Tùng thu tân sáng tự,
Hoa thảo cựu thời đình,
Tương kiến nhi đồng bối,
Hàm hồ nhận nhụ danh.

Dịch:

Chợt về thăm viếng cố hương,
Bỗng đứng trăm nỗi ngổn ngang bời bời.
Kìa nơi thửa trước đùa chơi,
Xiết bao nỗi khách cảm hoài khôn khuây!

(1) Thử lý: Bài thơ trong "Kinh thi". Một người đi qua cố đô nhà Chu thấy cung điện xưa đã thành ruộng lúa, cảm xúc làm bài này.

*Này chùa dựng cạnh lùm cây,
Này nơi đình cũ đã đầy cỏ hoa,
Cùng đàn em nhỏ lân la.
Kể tên hồi trước nhận ra mặt mờ (1).*

Hôm sau, tôi sắm sửa vàng hương, tiền giấy, đi thăm mộ và lễ ở các nhà thờ và các vị thần ở miếu làng.

Công việc xong, tôi rủ mấy người em họ ra chơi, nói chuyện ở cái cầu làng.

Nguyên làng tôi có một cái đầm nhỏ hình cái bầu. làng có hai xóm: một xóm trong, một xóm ngoài. Ở giữa bắc một cái cầu để hai bên đi lại. Trên mặt cầu, dựng một cái nhà ngói, hai bên bắc ván. bên ngoài có đóng bao lơn bằng gỗ để người đi chơi nghỉ ở đấy. Dân bà trong làng đến đấy ngồi bán nước chè, bán rượu, bánh trái, nem chả. Lúc còn bé tôi thích ra đấy chơi, ngày nào cũng vậy. Đầu mùa hạ, mưa to, nước sông lớn chảy vào mạnh, tôi thường cùng anh tôi (bây giờ là Thụ trấn Lạng Sơn) ra đấy tắm, nào hụp nào lặn, đến đêm khuây mới về. Tôi còn nhớ Thụ trấn Lạng Sơn có bảo tôi:

- Chúng mình còn nhỏ, nên chơi bởi thỏa thích. Mai sau lớn lên làm quan, xa cách giang hồ, làm gì có dịp ngày ngày vui đùa với nhau ở đây nữa.

Nay anh tôi quả nhiên thi đỗ, còn tôi thì phiêu bạt giang hồ, há chẳng phải một câu sấm của trẻ con đó sao? Tôi kể chuyện xưa cho mấy người nghe. Lòng hoài cổ bỗng nổi dậy, tôi ngâm một bài thơ.

*Thiếu thời du ngoạn xứ,
Mỗi vọng, mỗi tư ta.
Kỷ độ phỉ hoàng diệp,
Trùng lai vọng bạch ba
Hoàng kiều y cựu khác,
Doàn thụ chí kim tà.
Tuế nguyệt thời nhân khứ,
Thân bằng kỷ tại gia?*

Dịch:

*Những nơi tuổi du chơi
Càng trông thì lại càng khơi nỗi buồn.
Lá vàng mấy độ bay đồn,
Trở về, trông thấy sóng cồn trắng phau.*

(1) Diễn xuôi:

Chợt về thăm cố hương
Lòng cảm thấy buồn ngón ngang.
Những nơi chơi bởi ngày trước còn đó,
Đặc đặc mối tình cảm động.
Chùa mới dựng cạnh cây tùng cây thu,
Hoa cỏ ở đình hồi trước.
Gặp những em nhỏ.
Nhận tên cúng cơm hồi trước một cách mập mờ.

*Cầu ngang in cũ quanh queo,
Cây xưa nay vẫn đứng nao tà tà.
Tháng ngày giục khách đi xa,
Thân bằng còn ở quê nhà mấy ai (1)?*

- Chùa Từ vân trong thôn ta được quan Thự trấn Lạng Sơn, quan đốc đồng bỏ tiền ra xây dựng, thực là tráng lệ. Trước chùa, có một cái hồ. Năm ngoái, không biết ở đâu bay đến mà trong hồ mọc lên những chồi xen đỏ. Năm nay, hoa, lá tỏa ra khắp cả mặt hồ, hương thơm ngào ngạt, thực là một cái diễm ít có. Chúng tôi cho rằng trong làng thế nào cũng có người thi đỗ. Nay thấy bác về làng, có lẽ ứng vào diễm lành này.

Tôi cười:

- Phàm con người nào ở ẩn thì giữ được đạo, ra đời thì cứu được dân, người ấy mới là hạng người có sự nghiệp. Chứ như tôi là hạng người bỏ đi, tình cờ mà được chỉ triệu, trong lòng rất lấy làm xấu hổ, đâu dám ứng vào cái diễm lớn kia.

Bác không nên coi thường việc thân ứng!

Chúng tôi dắt nhau lên gác chuông ngắm cảnh. Các công tử giục tôi làm thơ. Đang lúc cao hứng, tôi đọc:

*Tiêu điều loạn hậu cảnh,
Kim nhật thủy trùng quang.
Cổ tỉnh trùng lưu nguyệt,
Phi liên thủy thổ hương.
Lâu cao hưởng chung cổ,
Tùng tĩnh vận sinh hoàng.
Phi điều ưng tri quyet,
Khuynh sào tại dị hương.*

Dịch:

*Cảnh sau hồi tiêu điều,
Ngày nay lại mới có chiều phong quang.
Giếng xưa, trăng rạng in gương.
Sen đâu bay đến, mùi hương ngạt ngào!
Lâu cao, chuông trống vang thâu,
Ngon từng, tiếng sáo vì vu từng hồi,*

(1) Diễn xuôi:

Những nơi du ngoạn lúc còn trẻ.
Mỗi khi nhìn thì lại thở than
Lá vàng bay đã mấy lần
Bây giờ trở lại trông thấy sóng trắng.
Cầu ngang còn cong như xưa.
Cây gần nay đã nghiêng tà tà.
Tháng ngày giục ta ra đi,
Thân bằng ở còn bao nhiêu người nữa?

*Chim bay chùng đã mới rồi,
Cũng đành làm tổ xa nơi quê nhà (1)!*

Các công tử cười:

- Thế ra "con chim đã biết mới" rồi vậy!
- Kẻ đi xa ai khỏi buồn khi nhớ quê nhà. Hướng nữa, cái vui nơi quê cha, đất tổ, đến nay đã muộn rồi. Đường thì có câu:

*Mạch thượng qui tâm vô sản nghiệp,
Thành biên chiếu cốt, hữu thân tri.*

*Trên đường nhớ nhà, không sản nghiệp (2),
Bên thành chết trận có bà con.*

Câu này thực trúng vào bệnh của ngu huynh.

Đang trò chuyện, chợt nghe tiếng chuông lanh lảnh. Tôi nói:

- Tiếng chuông ở đâu mà khéo trêu người ta vậy?
- Chuông chùa Liên xuyên đấy!
- Ai tu ở đấy?
- Thiếu sư họ Thủy.

Tôi mừng rỡ:

- Ngày xưa, anh cũng có quen ông ta qua loa.

Bên cùng các công tử đến chùa. Mới đến cửa tung đã thấy nhà sư chống gậy đứng cạnh san đàm hoa (hoa sung). Thấy tôi, nhà sư mừng rỡ khôn xiết, mới vào phòng, pha trà, nói chuyện. Sư cụ nói:

- Bần tăng vẫn nghe ngài cao ngạo ở một nơi nước trong núi mát cảnh trí u nhàn, vượn hạc đi từng đàn, khói mây đầy cả cửa. Bần tăng muốn du phương đến đó, nhưng không có cách nào đi.

- Người gặp được cảnh nên người vẽ vang, cảnh gặp được người nên cảnh càng thú. Cái cảnh núi, vườn của tôi cũng dễ chịu. Anh tôi thích nơi nhàn hạ, tịch mịch nên có một mái chùa con ở dưới bụi cây rậm. Bên ngoài có một cái gác chuông. Sáng, chiều thỉnh dăm ba hồi chuông cho sạch lòng trần.

Sư cụ nghe vậy, chấp tay nói lớn:

(1) Diễn xuôi:

Cảnh tiêu điều sau khi gặp loạn,
Ngày nay mới khôi phục lại.
Giếng xưa phẳng lặng rặng in mặt trăng,
Hoa sen bay ngát mùi hương chỉ diễm tốt.
Lầu cao tiếng chuông trống vang dội,
Ngon thông phẳng lặng, tiếng sáo nhịp nhàng
Chim bay chùng đã biết mới,
Làm tổ ở nơi quê người.

(2) Ý nói không phải vì tài sản mà nhớ quê nhà. Xương hà con chết trận, chôn bên thành.

- Thảo nào! Thanh nhàn tự tại, thú vị như thế nên công danh không thay đổi được lòng cũng phải.

Mặt trời sắp lặn. Các công tử thấy tối định từ biệt, nói:

Vườn này tuy ở nơi thôn dã, nhưng hoa cỏ u nhân, cũng đáng vịnh một bài thơ. Sao bác không làm?

Tôi nói:

- Xin đề một bài thơ ở phòng thiền để lưu biệt!

Sư cụ nói:

- Ngài có lòng như thế thì còn gì bằng!

Bèn đưa giấy mực đến. Tôi viết ... (1)

Đề xong, tôi từ giả sư cụ ra về. bây giờ là ngày giỗ Thượng thư là chú tôi. Ông Đốc đồng tuy đi làm quan ở xa, nhưng đến ngày ấy cũng về. Cũng xong, hôm sau ông đặt tiệc ở chùa Từ vân, cho mời tôi và các công tử đến dự. đến chiều, các công tử đem mấy bài thơ của tôi ra bình phẩm... bấy giờ các cháu ngồi đông đủ cả. Quan Đốc đồng nói:

- Các cháu còn nhỏ không thấy mặt cụ thượng nhà ta. Muốn thấy thì cứ nhìn mặt bác đây là rồi!

Tôi cười:

- Tôn thúc lòng mảy rậm, mái tóc dày, tôi giống thế nào được?

các công tử nói:

- Nhìn kỹ, thực không sai chút nào.

Chuyện trò, uống rượu say tí, đến đêm khuya mới giải tán về nhà.

Các ông cho tôi mới về quê, không có gì. Ông Đốc đồng đưa giấy báo em rể là ông Viên hình chuẩn bị một chiếc thuyền. Rồi hẹn với ông Thự trấn Lạng Sơn, ông Viễn lễ (tức là em họ tôi) sắm sửa rượu và đồ nhắm để cùng đi thuyền với tôi, định chèo thuyền ra giữ đầm Hồ lô mà thưởng trăng, ngâm thơ, thuận dòng nước mà đi suốt một tuần. Lại có người làng đến nói

- Nay nhân đình vừa dựng xong, có làm một bữa tiệc, có cả ca hát, xin cụ định ngày đến dự.

Tôi cũng đem ba quan tiền hương đến cúng. Bấy giờ có quan Phủ doãn Thừa thiên đến xem mạch. Nguyên ngày tôi lên Kinh, ông có bệnh đã lâu, có cho người đến xin thuốc. Khi biết tin tôi về quê, thì bệnh ông đã suy nhược lắm. Tôi bảo làm một tể thuốc cao, một tể thuốc viên dùng xen với nhau. Ông thấy tôi về làng, hết lòng chữa bệnh nên có làm thơ cảm tạ...

Đến ngày hẹn, ông Viên hình cho người chèo hai chiếc thuyền đến. Ông Đốc cho người sắm sửa hành lý để xuống thuyền.

(1) Lược bài thơ.

VÀO PHỦ CHỮA BỆNH

Nhưng vừa mới quá trưa đã thấy người dịch mục của quan Chánh* đường đem sáu người lính đến. Tôi ngạc nhiên hỏi:

- Có việc gì thế?

- Có thánh chỉ triệu cụ về. Cụ lớn truyền cho chúng tôi đi từ nửa đêm. gà gáy, chúng tôi sang dò, đi một mạch đến đây. Xin cụ về Kinh ngay, việc này không thể trì hoãn được.

Tôi nghe vậy than thầm: Mình thực làm tội cho xác thịt. Rõ tiếc! Mất cả hứng. Như thế này thì làm thế nào bây giờ?

Tôi không còn thì giờ từ biệt các công tử, chỉ đến chào bà chị dâu rồi búi ngủi lên đường.

Tôi phải đi gấp. Đến chiều, đến trạm nghỉ. Ăn cơm xong, lại đốt đuốc đi ngay. Trống canh hai đèn Bát tràng. Bấy giờ gió thổi rất mạnh, sóng nổi cuộn cuộn. Tôi bảo người dịch mục:

- Đi dò nhỏ qua sông thì khó lắm. Nếu đi thuyền buôn thì cũng không được vào cửa phủ đâu. Ta hãy tạm nghỉ lại. Sáng mai, chúng ta ra đi thực sớm cũng kịp chán.

Tôi bèn vào hàng cơm, cho quân lính nghỉ ngơi.

Gà gáy, chúng tôi qua sông. Cuối giờ thìn, đến dinh quan Chánh đường. Tôi sửa sang áo mũ, vào trong phủ.

Bấy giờ Thánh thượng đang ngồi nghỉ ở Đông cung. Chánh đường còn nghỉ ở ngoài cung Thập tự. Thấy tôi, ông mừng rỡ, cười:

- Sao về chóng thế?

- Chúng tôi đi suốt đêm.

Chánh đường đuổi tả hữu, gọi tôi đến gần bảo thầm:

- Tuần nay Thánh thượng ra cung Vọng hà xem thủy quân chèo thì bị cảm gió. Đã 5, 6 năm nay người mắc một chứng cố tật, nguyên khí ngày một hao mòn, cho nên mới cảm đã trầm trọng ngay. Cụ nên châu chực ở đây nhé.

Nói xong, ông vào cung.

Tôi ngồi đợi đến lúc trời xẩm tối. Quan Chánh đường ra bảo thầm:

- Người đang lên cơn sốt âm nhiệt, không vào được. Cụ ngủ lại đây, sáng mai vào thăm châu.

- Tôi đi đêm gió nhiều. Xin cho về nhà trọ điều dưỡng. Sáng mai, sẽ vào thực sớm.

Tôi được phép về nhà trọ. Sáng hôm sau, tôi lại vào. Trong lúc đi, người đi gọi đến ba lần. Bọn lính khiêng cang chạy thật lực, hạ ai bất kể sang hèn cũng dẫm xỏ vào. Đến cửa phủ đã thấy quan Chánh đường đứng đợi ở dưới thềm. Ông bảo tôi đi theo. Đến cửa cấm, ông bảo:

- Cụ đứng đây đợi mệnh.

Ông vào. Một lát thấy quan Nội sai Trạch trung hầu ra truyền mệnh sai đưa tôi

vào. Qua một cái hành lang độ mười bộ, lên một cái nhà cao. Sau nhà, có một cái phòng rộng. Đó là nơi ngự tẩm. Quan Nội sai kéo ống áo tôi và vén trướng gấm lên. Đi qua mấy lần màn nữa, thấy Thánh thượng ngồi trên một cái võng điều, mắc ngang trên một cái sập thiếp vàng. Trên sập trái nệm gấm. Bên phải là ngự sàng (giường ngự). Trên giường, quay một cái mùng sa thêu kim tuyến. Ông Chánh đường và ông Tham đồng (ông này người Việt an, nhờ nghề thuốc mà đắc dụng) đang châu ở bên trái. Bấy giờ chỉ có Trạch trung hầu đang châu chực ở đấy. cạnh chỗ ngự tọa có một cái trướng gấm. Trong trướng, có tiếng thì thảo. Có lẽ cung tần thấy có khách nên lánh vào đây. Trước sập, thấp một cây đèn sập to cắm trên cây nêu bằng đồng.

Tôi đứng yền trước sập ngự, cách sập ngự chừng mười bước. Tôi giơ tay lên trán định lay. Chánh đường truyền lệnh:

- Cho miễn lay!

Thấy tôi, Thánh thượng nghoảnh lại bảo quan Chánh đường:

- Trông giống thầy Liêu lắm!

"Thầy Liêu" tức là chú (1) của tôi. Chánh đường bảo tôi đến bên sập hầu mạch. Tôi khúm núm đến. Tham đồng bảo tôi ngồi giữa. Tôi đi lách vào ngồi giữa. Chánh đường và Tham đồng ngồi hai bên. sau lưng là tường, cách sập chừng hai thước, ngồi nép vào bên sập.

Thánh thượng xuống võng, ngồi lên đệm gấm, quay về phía bên trái, đặt tay lên cái gối bằng gấm, bảo quan Chánh đường xem mạch, rồi đến tôi xem mạch. Xem xong, đến quan Tham đồng. Bấy giờ tôi chỉ cách mặt người độ vài thước. Tôi cứ phải cúi gằm xuống không dám ngẩng mặt lên. Quan Chánh đường bảo tôi:

- Cụ thấy như thế nào thì cứ tâu thực.

Tôi tâu:

- Thần cảm ấn mạch: hai bên tả hữu bộ quan và bốn thốn đều to, nhanh và huyền, tả xích trầm, nhanh, hữu xích nhỏ và nhanh, đề tay vào thấy nó yếu.

Thánh thượng hỏi hai vị kia thấy như thế nào, có ý kiến gì khác. Hai người tâu:

- Chúng tôi cũng thấy như thế nhưng không "huyền".

Thánh thượng bảo hai ông ra ngoài rồi truyền tôi kê phương thuốc để dâng lên. Tôi cùng hai người ra cửa cung ngồi ở "Thị kỵ điểm" Quan Chánh đường kề cận kê nguồn bệnh và các chứng rồi hỏi nhỏ:

Bệnh ấy thế nào?

Tôi nghĩ bụng: Minh gầy, da khô, nước tiểu vàng và đục, đại tiện không tiêu, bụng đầy, thỉnh thoảng ợ hơi. Lại có cơn sốt, miệng khát, lưỡi nê, ho thất thanh. Những chứng này đều là do tình khô, huyết kiệt, mạch nhanh quá. Chỉ sợ vị khí yếu quá. Có lẽ các thầy điều trị không biết bổ chứ không phải do bệnh gây ra. Nếu thế thì họa chẳng có thể cứu vãn được. Tôi nói:

- Cha dám nói khó dễ thế nào, chỉ xin một chén thuốc. Nếu thấy sáu mạch hòa hoãn thì mới khỏi lo.

(1) Lê hữu Kiều đỗ tiến sĩ, làm thượng thư bộ Lễ.

Hai ông giục tôi kê đơn.

Tiểu thần giục kê đơn.

Tôi viết:

Tiểu thần Lê Hữu Trác xin trình:

Xin phòng dùng thang "bát vị" gia giảm làm cao: Thục địa 5 lạng, Sơn thù 2 lạng, Mấu đơn 1 lạng 5 đồng, Bạch linh 1 lạng 5 đồng, Mạch môn 1 lạng 2 đồng, Ngũ vị 8 đồng, Chế phụ tử 5 đồng, Nhục quế 5 đồng.

Đổ vào nồi đất nấu thành cao. Điều với cao Lộc nhung 2 lạng, cao Câu kỷ 1 lạng, trộn bột Nhục quế cắt kín. Dâng ngự mỗi lần muổng hóa với nước sâm đặc, Thần cần khai.

Đến chiều, lại thấy quan Nội sai Trạch trung hầu ra triệu quan Chánh đường, quan Tham đồng và tôi vào. Tôi cũng xem mạch như lần trước. Xem xong, Thánh thượng hỏi:

- Mạch hồng, sắc sao lại còn dùng quế, phụ?
- Thần trộm thấy ngự mạch không có sức thì dù có nóng sốt cũng chỉ là giả nhiệt. Nay xem lại quả thấy mạch thượng thực, hạ hư. Bài thuốc ấy tiên lên là ổn đáng.

- Đã nhiệt sao bụng lại đầy mà cơm không tiêu?
- Thần trộm thấy trong phương thư nói: xem mạch mà "vô thần" thì đó là cái hỏa nó ra ngoài da, bên ngoài thì nhiệt mà bên trong thì hàn. Vì thượng thực, hạ hư nên bụng mà ăn lại không tiêu.

- Ở trong hàn sao nước tiểu lại vàng và đục?
- Thần thấy Nội kinh có câu: "trung khí không đủ thì đại tiện bất thường". Không phải trung "thực" thì mũi nhiệt.

- Ông này kiến quyết như thế, tất là có định kiến. Cứ y theo bài thuốc ấy bốc thử một chén xem sao.

Hai ông kia cũng nói:

- Bài thuốc này ổn đáng lắm.

Ba người cùng ra "Thị kỵ điểm" ngồi. Quan Chánh đường có ý ngần ngại, nói:

- Mạch đã hồng, sắc lại dùng quế, phụ cho nó nóng thêm. Ngộ nhỡ không phải hỏa hư thì thế nào? Cụ cứ cố chấp như thế, tôi sợ lắm.

Thăm đồng nói:

- Lửa cháy, đổ dầu thêm. Nếu không biết đích xác, thì ai dám liều.
- Búa rìu trước mặt, tôi phải đâu không biết sợ họa phúc hay sao? Và lại, trước đây đã tiến thuốc mát mà nhiệt không bớt, lại còn dày thêm, thì đích là trung, hàn, chứ còn ngại gì nữa.

Tham đồng khen:

- Có lý lắm.

Chánh đường cười:

- Thì bốc ngay đi.

Chánh đường sai quan Hữu viện thủ phiên đem hòm ngự dược đến. Chúng tôi cân từng đồng, từng lạng thực đúng rồi giao cho Thị dược quan sắc. hai ông về nhà. Tôi ngồi

lại nói chuyện với quan Hữu viện y. Bỗng hấy một hoạn quan đứng cạnh cái non bộ gần nhà "Quảng đường" các tôi vài chục bước, lấy tay vẩy tôi. Tôi đứng dậy. Ông bảo:

- Thánh mẫu truyền: mời cụ vào xem mạch, nặng, nhẹ thế nào cụ cứ nói thực.

Tôi suy nghĩ một lát rồi đáp:

- Tôi là kẻ quê mùa. Nay bỗng chốc được vào triều yết kiến thiên nhan, lòng tôi rất sợ hãi, mười phần không nói ra được một. Tuy đã biết mạch tình, nhưng còn nhận xét chưa đúng. Xin cho dâng một chén thuốc, sau đó sẽ rõ. Nhờ ông xét cái tình thực của tôi mà bẩm hộ cho.

Ông vào trong cug cấm. Tôi quay lại hỏi quan thầy thuốc trực nhật ở đó. Ông nói:

- Đó là quan Nội sai Thân trung hầu.

Tôi ra cung Thập tự xin phép về nhà trọ. Chánh đường nói:

- Sáng mai phải vào hầu sớm.

Tôi ra về. đêm hôm ấy, nửa canh năm tôi đã đến phủ. Cửa phủ chưa mở, tôi chờ cửa mở mới vào. Thấy tôi, Chánh đường có vẻ mừng rỡ. Tôi cũng mừng thầm: chắc quế, phụ, không nhiệt rồi! Chánh đường nói:

- Thuốc của cụ tiến một nước thỉ êm, bớt ho. Đến gà gáy lại theo đơn uống một nước nữa thì nước lợi tiểu, bớt vàng, nhiệt cũng giảm.

Ông bảo tôi đi theo. Đến cửa cấm, ông dặn tôi đứng ở ngoài đợi. Ông vào trước. Độ nháy mắt, có lệnh truyền cho tôi vào. Lại cho xem mạch. Thánh thượng hỏi:

- Uống thuốc này đã hơi dễ chịu. Đã hơi muốn ăn. Bây giờ làm gì?

- Sức thuốc còn ít, chưa có công hiệu. Xin cho chế một bài nấu thành cao, để cho khí được thuần, sức của nó được đầy đủ, thì mới nhuận bổ được.

Thánh thượng bảo quan Chánh đường chế thuốc nấu thành cao ngay. Chánh đường cùng tôi ra "Thị kỵ điểm". Ông về nhà ăn sáng, dặn tôi:

- Cụ sẽ được "ban" cơm ở đây.

Một lát, thấy lính hầu bếp bưng ra một mâm cơm. Có nhiên toàn là thức ăn ngon. cứ đấy, ngày ba bữa tôi được ban cơm. Ăn xong, đến chiều, Chánh đường đến "Thị kỵ điểm" bảo tôi, cân thuốc chế cao. Tôi chọn những vị thuốc tốt. Lọc nhưng chỉ dùng nhưng bắc mới huyết còn ngưng, 10 lạng nấu thành cao được 2 lạng. Lại lấy đại nhân sâm 1 cân hạng 4, 5 chi, nấu làm thang. Chế xong, Chánh đường bảo giao cho quan "Thị trà" trong coi việc nấu cao.

Lại thấy ông Thân trung hầu hôm trước đến bảo tôi:

- Thánh mẫu truyền tôi nói cho cụ biết. Người thấy Thánh thượng "ngự chề" đã được thanh thái nên rất mừng. Người lại "ban" hỏi cụ; người thường có cái bệnh đau tức ở hông đã hơn năm nay. Nay "ban cho" cụ điều trị thì có chóng khỏi không?

- Đó là bệnh thường. Lẽ ra thì không khó gì. Còn chóng hay chầy thì phải chờ xem mạch rồi mới biết được.

Thân trung hầu đi. Lại thấy Trạch trung hầu từ trong cung cấm ra. Ông vào Thị kỵ điểm nói:

- Phụng chỉ ra ban thường cho cụ đây.

Chánh đường bảo tôi:

- Cự quỳ xuống.

Trạch trung hầu xưng:

- Kính mừng: vâng lời thánh chỉ, ban khen lão sư vào châu đối đáp minh bạch rõ ràng lại hiểu mạch. Nay ban thưởng một cái "thái ngư". Lại sẽ ban áo mát, áo ấm để tiện khi vào châu.

Chánh đường bảo tôi đứng dậy rồi lại bảo Trạch trung hầu:

- Xin bác "chiếu lệ" cho!

Trạch trung hầu vào cung cấm. Tôi không hiểu đầu đuôi ra sao, hỏi Nội viện nhất thủ phiên:

- "Chiếu lệ" là gì?

- "Chiếu lệ" nghĩa là theo lệ. Phàm khi nào ban tứ cho người khác xong thì mình phải lấy.

- "Thái ngư" là gì?

- "Một cái thái ngư" là cho mười quan tiền!

Tôi cứ hỏi vặn mãi vì không hiểu công việc ra sao, thật là buồn cười.

Có một người khách là Chú Bảy đến xem tôi chế thuốc. Chú nói:

- Thánh thượng giàu có bốn bể. Sáu, bảy năm nay dùng thuốc chẳng qua độ 3, 4 tiền. Một tể có hết một ngàn quan thì mới là bậc vương giả dùng thuốc chứ!

Chú vốn được nuông chiều, nên cứ bạo miệng chẳng kiêng sợ gì. Từ đó, tôi với chú chơi thân với nhau. Vì tôi là cậu cháu Bảy, chú cũng tên là Bảy, mà hai lần bảy là mười bốn, nên trong cung xuất hiện danh từ "mười bốn". Tôi với chú cùng ăn một mâm, cùng ngồi một chiếu, chơi bởi rất là thân thiết. Nguyên chú có học thuốc theo trường phái vương đạo (1), trước kia chú thấy Thánh thượng dùng toàn lương dược và các thứ tiêu đạo, thường cố sức xin uống bổ. Nhưng vì trái ý mọi người, nên không được dùng. Chú vẫn lấy làm bực mình, không nói với ai được. Nay thấy tôi bốc thuốc bổ cho nên cố nhiên tâm đầu hợp ý, đối xử nhau hết sức thân mật.

Quam Chánh đường bảo tôi:

- Cự phải về nhà ngay để sửa áo mũ mai sáng vào châu. Ban tứ là việc quan trọng, không thể coi thường. Nếu ngày mai vào châu mà còn như thế này, thì tức là coi thường ân huệ của nhà vua, tội đáng chết đấy.

Tôi sắp đi, ông còn dặn đi dặn lại hai ba lần.

Tôi nói:

- Xin vâng.

Rồi ra về Hình như Chánh đường biết bụng tôi không lấy việc được ban lộc làm vinh, cho nên phải dặn dò như thế. Tôi cũng nghĩ thầm: mình tuy không phải đã bỏ quên việc ở ẩn, nhưng nay hãy tạm nhận, rồi sau vứt đi cũng được.

(1) Vương đạo: Người làm thuốc Đông y có chia 2 phái vương đạo và Bá đạo. Bá đạo thì thiên về công phạt thấy hàn trị hàn thấy nhiệt trị nhiệt. Vương đạo thì chữa vào căn bản, bao giờ cũng bám giữ chân nguyên. (Xem tập II trang 180 và tập 3 trang 35).

Tôi bèn sai người đến chỗ bạn bè mượn áo mũ.

Chiều hôm ấy, thấy người dịch mục của quan Chánh đường đem đến nhà trọ mười quan tiền. Đến canh hai, lại thấy lính bưng mâm cơm "ngự soạn" đến ban tử. Họ đều có vẻ sợ hãi, nói:

- Chúng con tìm khắp mọi nơi, cho nên mới chậm đến giờ. Xin cụ tha lỗi cho.

Tôi cũng theo lệ cho tiền, nhưng họ từ tạ ra về, không dám nhận, vì họ cho mình có lỗi, không dám nhận thưởng.

Sáng hôm sau, tôi mặc áo, đội mũ vào trong phủ. Quan Chánh đường thấy tôi ra vẻ quan dạng, vui vẻ nói:

- Chiều qua, Thánh thượng đã hết cơn sốt, bụng đỡ đầy, nước tiểu đã trong. Đêm nay đã "ngự tiến" ba lần thuốc cao.

Tôi nghe vậy, cũng mừng thầm. Tôi cùng ông vào châu mạch. Lúc ấy, Thánh thượng ngự trên võng, trái nệm gấm. Người cười bảo quan Chánh đường và quan Tham đồng,

- Hôm nay cử động đã nhẹ nhàng, dễ chịu. Có lẽ nhờ sức quế, phụ chuyển vận mạch. Bụng đã thấy đói. Nếu cứ dùng lương được, chẳng hóa làm sao?

Chánh đường tâu:

- Chúng con thấy dùng quế, phụ thực là hoảng sợ. Bây giờ mới biết giá nhiệt gặp quế, phụ thì mát.

- Chắc ông ta dùng đã quen, nên mới dám dùng chứ?

Chánh đường tâu:

- Con vốn lắm bệnh nên lo kiếm thuốc, mời khắp các thầy. Khi con phụng mệnh vào Hoàn Châu thì gặp được người này. Ông ta là người quê ẩn nói vụng về, nhưng về mặt hiểu sâu sắc trong y lý, thì tưởng thầy thuốc trong thiên hạ không ai hơn được.

Tôi nghe quan Chánh đường nói vậy mà dựng cả tóc gáy: chuyển này thì mắc vào vòng, trời cứu cũng không thoát được!

Sau đó mọi người lại đưa nhau ra "Thị kỵ điểm", ông Tri bình quan cầm tay tôi:

- Hôm nay tôi mới nở từng khúc ruột!

Ông Hầu điểm là Tri hộ quan trách quan Chánh đường:

- Có người như thế sao mãi đến giờ mới tiến vào?

- Đã cử vào hầu Thế tử hai tháng trước nhưng không được dùng đấy chứ.

Tiếng tâm của tôi bấy giờ vang khắp phủ. Lúc ngồi, thường thấy có người nhìn trộm. Đến quá trưa thấy Nội sai gọi tôi vào châu Thế tử và truyền cho Chánh đường.

- Từ nay chỉ cho lão sư được châu thuốc, không được dùng một ly thuốc nào của ai nữa.

Chánh đường vâng mệnh đưa tôi vào cung, đến phòng ngủ của Thế tử. Tôi thấy lâu, gác trùng trùng. Phòng ngủ của Thế tử ở bên trái phòng ngủ của Thánh thượng. Tôi theo quan Chánh đường vào châu mạch. Thế tử bấy giờ đã gầy gò lắm. Bụng to, da bóng, gân xanh, rốn to hơn một tấc, hơi thở thoi thóp, mạch trầm, tế, vô thần!

Tôi nghĩ, lúc mình thấy lần đầu thì nom còn có da, có thịt, mạch còn hồng, huyền.

Nay đã đến thế này, thực không còn cách gì cứu chữa! Người xưa nói "tứ chứng nan y" là nói chứng này đây. Người ta chỉ nói "bệnh cam" mà không nói "bệnh cổ" vì kiêng, không dám nói.

Xem xong, tôi từ tạ lui ra. Chánh đường bảo tôi ra cung Thập tự. Ông ghé tai tôi hỏi nhỏ:

- Cụ xem thế nào?

- Tinh thần suy kiệt lắm rồi! Không thể qua được đâu!

Ông nghe vậy, thở dài một tiếng, nằm vật xuống sập. Tôi hiểu Thánh thượng cất nhắc ông, đãi ông làm phúc, lấy ông làm vậy cánh là muốn thác cổ đó thôi. Đột nhiên, nghe tôi nói thế cho nên ông mới đến nỗi như vậy. Ông hỏi:

- Nếu cụ đem hết sức mình cứu chữa thì còn có hy vọng gì không?

- Hoặc giả vì uống những thuốc khác phạt, nên tinh, khí khô kiệt. Đó là vì thuốc gây ra chứ không phải vì bệnh. Nay dùng thuốc bổ thì cũng như hạn hán lâu ngày gặp mưa, trong vài ngày có thể biết tính mạng ra sao.

- Thế thì chế thuốc ngay!

Tôi theo bài thuốc đã dâng ngày trước mà bội thêm lên, lại thêm một ít trầm hương.

Bạch truật 4 lạng, tằm sao, Thục địa 1 lạng, nướng, Can khương 6 đồng, sao đen, ngũ vị 4 đồng, sinh trầm hương 2 đồng. Nấu thành cao, điều với nước bắc sâm sắc đặc mà uống.

Chế xong, Chánh đường bảo Phò a bảo Tri hộ quan theo phép sức thành cao. đến chiều, tôi xin về. Quan A bảo nói:

- Cụ thạo cách chế thuốc thì phải ở đây mà châu chực.

Tôi nói dối có bệnh yếu dạ, ở đây không tiện việc đi ngoài. A bảo nói:

- Thầy thuốc mà kêu có bệnh, thì a để cho mình chữa. Đây có nhà xí ở châu thành vắng vẻ, sạch sẽ. Đằng trước có một cái ao, rất tiện.

Tôi cứ xin về, để lại học trò là Hồ Tuy coi việc nấu thuốc. A bảo mới chịu.

từ đấy, mỗi khi vào thăm mạch Thánh thượng, tôi lại đến thăm Thế tử đã sắc thành cao, nhưng vẫn chưa được dùng, vì có người thưa với bà Chánh cung: xưa thuốc Thế tử "ngự" dùng không bao giờ dám dùng bạch truật và thục địa, vì truật thì bế khí mà thục thì trệ tỳ. Nay dùng đến 3, 4 lạng thì đáng sợ lắm. Uống vào, đại tiểu tiện đều bí cả chứ chẳng chơi.

Chánh cung cho triệu chú Bảy vào hỏi. Chú vốn là gia thần của bà, vợ chú là một cô thị tỳ rất được tin yêu, được tự do ra vào trong cung cấm. Vì vậy, bà mới triệu chú vào hỏi. Chú thưa:

- Mấy lâu nay dùng thuốc tiêu mà bụng lại càng to, thì quả là mắc bệnh phúc trưởng rồi. Dùng thuốc bổ tức là theo phép lấy bổ để tiêu đấy chứ. Cứ xin tiến ngự, không ngại gì. Nếu có việc gì xảy ra, cả nhà con xin chịu tội.

Chánh cung nghe chú nói vậy mới dám dùng. Chú đến "Thị kỵ điểm" kể lại câu chuyện cho tôi nghe. Tôi cũng bực mình, găt các thầy thuốc trong viện:

- Thế tử thực là người trời, gan vàng dạ sắt! Một năm nay không biết bao nhiêu

thuốc mà thần sắc vẫn như thường. Nếu là con nhà thường dân thì không thọ được một ngày! Phải biết rằng: phạm bệnh không thực thì hư, thuốc chữa bệnh không công thì bỏ. Một năm nay cứ công phạt mãi mà không bớt thì rõ rệt là hư rồi. Đã hư thì phải bỏ. Công phạt đã không nên trò trống gì, lại không chịu bỏ, thì còn chữa bằng cách gì? Và lại, một năm nay, sức các ông đã kiệt rồi, không còn cách gì cứu chữa nữa, sao còn tranh công, gièm pha, cản trở người khác? làm thuốc thì phải nghĩ đến việc cứu người chứ? Cái lòng trung của kẻ làm tôi ở trong nghề thuốc ở đâu?

Các thầy lang nghe tôi nói chỉ cười nhạt. Nguyên kẻ nịnh hót này xưa nay vẫn cậy thế mình được nuông chiều, thường không xem ai ra gì. Nay y tôi thấy tôi hơi khá một chút, thì sinh ghen sinh ghét, khinh miệt lời nói của tôi. Mọi người đều oán. Chú Bảy nói:

- Tôi nghe Thánh thượng có ý hối vì những thứ thuốc hàn lương. Chuyến này cụ chữa được thì những kẻ bốc thuốc khác phạt sẽ phải tội chết.

Tôi và chú đều nói:

- Đến thế cũng chưa biết chừng!

Chú Bảy nói:

- Thế tử hôm nay uống thuốc cao. Đại tiện, tiểu tiện đã thông, lợi bụng mềm, đã biết đói, nói chuyện vui vẻ, ở ngoài cũng nghe.

Chú đắc ý, hớn hở, toàn đem cái giọng châm chọc ra nói. Người kia có vẻ thẹn lắm, cáo bệnh không vào châu nữa. Chú nói thầm với tôi:

- Chánh cung mừng lắm, định ban trọng thưởng cho cụ đấy!

Tôi sợ bệnh không vượng được, chưa chắc đã thành công, đành phải nói thực với chú:

- Nhờ chú bấm huyệt: khi nào công hoàn toàn, tôi mới dám nhận trọng thưởng.

Thánh thượng dùng thuốc cao đã được sau, bảy ngày. Các bệnh đều hết, nhưng vẫn không ăn được. Tay chân rã rời. Chánh đường hỏi thăm:

- Bệnh lui rồi, sao tinh thần lại càng mỏi mệt như thế!

Tôi cứ ậm ừ, không nói ra. Ông hỏi gặng hai ba lần. Tôi nói:

- Cứ bảy ngày thì ngũ tạng truyền biến, khắp một lần; nguyên khí hồi lại. Đáng lý phải khỏe lên. Nay lại thấy suy yếu đi. Có lẽ vì thuốc công phạt trước kia dùng nhiều quá nên nguyên khí bại mất rồi. Sách có nói: "Vị khí đã bại, thuốc nào cũng chịu".

Chánh đường nghe nói, sợ hãi rụng rời:

- làm sao bây giờ?

- Giờ phải tạm hoãn thuốc cao, cứu ngay lấy vị khí.

Ông giục tôi kê đơn, tôi viết:

Bắc sâm 2 lạng, bạch truật 1 lạng 5 đồng, Đại phụ 8 đồng, Sắc đặc uống lần lần.

Được mấy hôm, bệnh vẫn thế. Hai hôm nữa là hôm 11 tháng 9, Thánh thượng về trời.

Tôi cứ theo lệ vào châu thuốc Đông cung Thế tử. Hôm sau, Thế tử lên ngôi ra thị triều ngoài phủ đường. Các quan văn võ lạy mừng. Tôi cũng được vào hàng thị tụng để

điều trị. Thế tử mắc bệnh sợ gió. Nay lại phải ra ngoài nên bị cảm gió. Lúc vào cung gai rét. Cho triệu tôi vào châu mạch. Tôi dùng thang "bát vị", bỏ mấu đơn, bớt trạch tả, thêm mạch môn, ngũ vị, ngư tấu. Ngự dùng, các chứng đỡ. Lại sinh ra bệnh suyễn nặng. Các bệnh cũ lại phát.

Tôi biết thế không làm sao được bèn xưng bệnh không vào châu. Được ba ngày, ngự lại sai người khác đến hỏi thuốc.

Bấy giờ may có một người tiến cử một thầy lang ở Sơn Tây vào châu. Tôi mới hơi được rảnh rang một chút. Tôi tự nghĩ: mình phải biết mà đi trước mới được. Bèn đến quan Chánh đường mượn có nói có thư ở quê nhà nói trong nhà có bệnh nguy cấp giục về, nhưng không dám hé răng. Công việc nay đã như thế rồi, xin cù lớn thương tình cho. Chánh đường có ý ngần ngại. Tôi lại nói:

- Xin cho tạm về thăm xem sự thể thế nào, rồi sẽ ra ngay.

- Bấy giờ không phải như xưa. Phải vào phủ xin tất cả các quan thụ mạng rồi bái tạ Hoàng thượng. Sau đó mới được về.

Tôi nghe lời, vào xin phép tất cả các quan thụ mạng. Có người cho, có người không. Tôi nghĩ, số người cho đã quá nửa, thôi ta cứ về.

Bèn vào trong cung lạy tạ. đến cửa cung, gặp chú Bảy. Chú cầm tay tôi:

- Cù về quê xa, khiến tôi sớm hôm buồn bã.

Rồi chú lại nói:

- Bọn thầy thuốc xoàng kia làm ăn cái gì! Chúng ta phải cố sức họa chăng có vãn hồi được!

- Tôi về rồi lại ra ngay mà.

Chú cười.

- Đã đi còn trở lại gì nữa.

Tôi cũng cười:

- Nói gì bây thế!

Chúng tôi dắt tay nhau vào. Thấy Phò a bảo đang bế ông vua con trong lòng. Tôi sụp lạy bốn lạy. Ông vua con nói:

- "Trà" của cù ngon lắm, ta thích uống.

Tôi than thầm: chỉ vì cứ dùng mãi thứ thuốc khổ hàn, cho nên mới tai hại như thế này.

Tôi rảo bước về, từ biệt Chánh đường, ông phát cho tôi 50 quan tiền làm tiền lộ phí. Tôi chỉ nhận 10 quan. Tppi lại đến chào quan hầu. Cả hai kẻ nể nhớ nhưng. Ông đem tiền, thuốc và lễ vật ra tặng. Chuyện xong, trà cạm, tôi đứng dậy cáo từ. Ông bước xuống nơi bùn lầy đưa tôi ra cửa dinh. Ông biết tôi không trở lại, cầm tay tôi mà rằng:

- Tôi với cù bao giờ lại gặp nhau?

Chúng tôi nhìn nhau dăm dăm, nước mắt giàn.

TRỞ VỀ QUÊ CÚ

Tôi sợ lần này đi về có gì trở ngại, nên về nhà trọ chào gia chủ là quan Trạch ưu rồi dọn sang nhà người cháu là Hào. Hành lý chuẩn bị xong, tôi mượn mấy người lính của những người bạn để đi hộ vệ. Những bạn thân nào ở trong Kinh, tôi không đến thăm được, tôi đều viết thư xin lỗi. Tôi lại phao tin tôi đi đường bộ. Kỳ thực, tôi sai ngầm một người thuê một chiếc đò dọc đón tôi ở bến Tràng tín. Các bạn ở trong Kinh như quan Trạch trung, quan Kiên hữu, quan Trạch ưu, quan tá nhuệ v.v..., biết tôi đã dọn sang nơi khác, đều thân hành đến tiễn.

Ngày 12 tháng 10, từ sáng sớm, chúng tôi đi bộ ra Đình ngang. Có lính của Thị nội tả quan đóng ở đấy để coi thành. Tôi vào chào ông, ông búi ngùi tặng tôi một bao trà ngon và một bài thơ..., (1)

Tôi đi bộ đến Tràng tín, rồi xuống thuyền xuôi. Ngồi trong thuyền ta trông ra, nhìn cảnh vật bốn bề, vừa uống trà vừa nói chuyện thoải mái chẳng khác gì chim sổ lồng, cá thoát lưới. Lòng về như mũi tên, cứ muốn đi nhanh. Phía tây ngàn núi xanh nha chàm. Mỗi khi thấy sắc xanh đậm, tôi lại tưởng đâu là núi của quê mình. bèn ngâm một bài thơ để tỏ nỗi lòng:

Bái biệt lòng lâu cừu lục hàn,
Mang huê cầm kiếm xuất đồ quan.
Mã am cựu lộ, hồi trình dị,
Chu khứ trung lưu phản trạo nan.
Vân nhưc đa tình lai khước thử,
Sơn như hữu ý vị khai nhan.
Tây biên vạn tự giai thương thúy,
Duy hữu song phong tự ngã sơn.

Dịch:

*Lên đường, từ già long lâu,
Guom dân nửa gánh, ra mau đô thành.
Ngựa quen đường cũ về nhanh,
Quay thuyền khó lúc lênh dênh giữa dòng!
Mây qua đường để bớt nồng,
Núi non mở mặt như lòng vì ai.
Xanh xanh một dải non đoài,
Giống non ta cũ chỉ vài hòn thôi (2).*

(1) Lược bài thơ.

(2) Diễn xuôi: từ già lâu rồng lên đường.

Vội vàng mang gươm, dân ra khỏi cửa Kinh đô.

Ngựa quen đường cũ đi về dễ dàng.

Thuyền ra giữa dòng, trở chèo khó.

Mây như đa tình che cho hơi nắng.

Núi như hữu ý mở mặt đón chào.

Về phía tây, những hòn núi đều xanh ngắt,

Chỉ có hai hòn núi giống như núi của ta.

Bấy giờ nước sông chảy xiết, thuyền nhẹ, buồm xuôi đến quá trưa thì đến Tuần lãnh. Tôi rời thuyền lên bộ, vào chơi Chùa Nguyệt đường. Chùa ở trên núi. Cửa tùng ở bên đường cái. Qua cửa đến cái ao bán nguyệt. Xung quanh bờ ao, cây cối um tùm.

Dường trước, có một cái cửa thông vào trong chùa. Hai bên sân, phía đông và phía tây, có hai quả núi đất. Trên mỗi núi dựng một cái gác chuông. Ở giữa là cung Phật. Diện rộng, nhà cao, nào lầu, nào gác, đầu đầu cũng huy hoàng tráng lệ. Lan can quanh co, hoa thơm đua nở. Đi quanh qua thềm ghép đá trắng, nghìn cửa đối nhau, có một đường đi nối liền. Tôi du ngoạn một hồi lâu, than: quả thực danh bất hư truyền! Cảnh chùa không đâu hơn được. Nhưng sức người có hạn, làm sao bằng cảnh thiên nhiên kia vô cùng. Cho nên các bậc tao nhân, mặc khách đều say mê cái cảnh núi rừng. Tôi một bài thơ lên vách... (2). đề thơ xong, tôi đến dinh Hiến nam chào quan Thư ký. Ông này người Hoan châu, với tôi là chỗ quen biết. Trước ông đã làm việc với quan Chánh đường ở Hoan châu. Tôi ở đây vài ngày để làm thuốc bắc, sắm ít đồ tàu, rồi mượn 6 người lính trấn binh đưa đường.

Ngày 16, tôi về làng Nguyễn xá, huyện Hoài an để thăm hỏi họ hàng bên vợ.

Ngày 18, buổi sáng tôi đến Nguyễn Xá. Tôi sắm một con sinh đem vào cáo yến ngoại đường, rồi chuyện trò với bà con thân thuộc. Quan tri phủ tiên hưng cũng ở nhà. Thấy tôi đến, ông mừng rỡ vô cùng, kể mọi chứng bệnh. Tôi lại cho thuốc bổ, tặng thêm nhục quế 1 lạng. Ông cảm tạ khôn xiết.

Lúc này người nhà của tôi và lính hộ vệ đã đến 20 người. từ Kinh đến đây, chỉ mất một ngày đường. Nhưng tôi sợ bị cản trở, nên phải đi quanh mất 7, 8 ngày. Tiền lương sắp cạn, không thể ở lâu.

Ngày 19, tôi từ biệt lên đường. Núi sông trên con đường này, tôi đã từng đi xem khắp khi tôi về quê cha nuôi ở vùng này. Nào các động phía nam như Hương tích, Giải oan, Tiên nam, Tuyết sơn; các động phía tây như Hương đài, hương trấn, Vân mộng đều là những nơi danh lam, thắng cảnh tuyệt trần tôi đã từng bước chân đến cả. nếu đi đường thủy thì xem được hết. Tôi bèn mượn một chiếc thuyền công của quan phủ đi thuyền từ Nguyễn xá xuôi về Hà xá. Đây là làng bên ngoại của phụ thân tôi. Ngày nay con cháu đã suy đồi, tôi có đến cũng không biết nói chuyện cùng ai. Tôi đành đỗ thuyền ở bến đình, vọng về phía phần mộ của người xưa mà vái mấy vái.

Tôi lại xuống thuyền đi từ xã Trinh tiết đến xã Phù ước 4, 5 dặm. hai bên bờ sông san sát những cảnh xinh, chùa đẹp, Những nơi lúc trẻ tôi đã đi qua, thì nơi tỏ nơi mờ, tôi còn nhận ra hết.

Ngắm cảnh sinh tình, nhớ lại những người ngày nọ ngày nay ai khuất ai còn? Đang thở than, bỗng nghe tiếng chuông chùa Mãn nguyệt buông một hồi. Tôi càng bùi ngùi ngâm một bài thơ ... (1)

Tối hôm ấy đến làng Chân kiều. Tôi lên bờ nghỉ. Hôm sau lại ra đi. Từ hôm ấy, cứ sáng đi, tối nghỉ, vài ngày đã đến Vinh dinh. Tôi vào yết kiến quan Thự trấn kể nỗi xa cách lâu ngày. Lính tùy tùng đều mỏi mệt, tôi mượn thêm mấy người để về.

Mồng 2 tháng 11 về đến nhà.

(1) Lược bài thơ.

Vợ con mừng rỡ, kể lễ tâm tình. Hôm sau, tôi cho lính hộ vệ tùy tiện về nhà hay lên Kinh. Rồi sửa một con sinh làm lễ cáo gia đường. Bà con thân thích trong làng đến hỏi mừng, cố nhiên là tâm sự, hàn huyên không cần phải bàn.

Được vài hôm, nghe tin cả nhà quan Chánh đường bị hại (2).

Tôi nghe tin thở dài.

Than ôi! Giàu sang như đám mây bay! Đến vũ tạ, thú ca lâu phút chốc thành nơi hoang phế.

Tôi lại mừng thầm, nói:

- Mình ẩn thân nơi rừng suối chẳng đoái hoài đến lợi danh. Bỗng chốc bị triệu, phải chống gậy lên Kinh ngót một năm trời. Xin xỏ năm lần bảy lượt mới được buông tha. Vạn nhất mình không kiên quyết, mang lấy một chức quan thì bây giờ danh lợi đã chẳng thành, mà cái thân lại bị nhục, hối thì đã muộn.

May sao, lời thế núi cũ không quên, tuy thân mắc vào vòng danh lợi, nhưng vẫn không bị danh lợi mê hoặc. Ra đi thung dung, trở về ngắt ngưỡng. Lại về núi cũ, lại nằm yên trên đá, lại ngủ dưới hoa. Đang khi mơ màng, lại nghe đến việc xảy ra, giật mình bừng tỉnh. Tôi nghĩ bụng: mình không đến nỗi bị thiên hạ chê cười, chỉ nhờ "không tham" đó thôi!

Nhân khi nhân rồi, uống rượu gầy dần, chép lại đầu đuôi việc cũ để ghi nhớ lại. Khiến cho con cháu ở đời biết tùy duyên, thủ phận, biết tri túc tri chỉ, lấy việc "không tham" làm vinh, xem đó làm gương.

HOÀNG TRIỀU CÁNH HUNG

Năm thứ 44, tháng 11 năm Quý Mão

(2) Trịnh Sâm nghe lời Đặng Thị Huệ, bỏ con trưởng là Trịnh Khải, lập con của Đặng Thị Huệ là Trịnh Cán làm Thế tử. Trịnh Sâm chết. Trịnh Cán làm chúa được ít lâu thì bị lính Tam phủ nổi dậy, giết các quan đại thần có mệnh đặc biệt cả nhà Hoàng Đình Bảo, phế Trịnh Cán mà lập Trịnh Khải. Bệnh của Trịnh Cán càng nặng thêm, chẳng bao lâu thì chết.

MỤC LỤC

HẢI THUỘNG Y TÔNG TÂM LĨNH LÊ HỮU TRÁC

	<i>Trang</i>
<i>Lời nhà xuất bản</i>	3
Ban dịch duyệt bộ "HẢI THUỘNG Y TÔNG TÂM LĨNH"	5
HÀNH GIẢN TRẦN NHU	6
Hành giản trần nhu (<i>Quyển Càn 50</i>)	8
- Trúng Phong	8
Hành giản trần nhu (<i>Quyển Khôn 51</i>)	37
- Cước khí	37
Hành giản trần nhu (<i>Quyển Cấn 52</i>)	55
- Bệnh ở tai	55
Hành giản trần nhu (<i>Quyển Chấn 53</i>)	80
- Suyễn	80
Hành giản trần nhu (<i>Quyển Tốn 54</i>)	109
- Tiêu khát	109
Hành giản trần nhu (<i>Quyển Ly 55</i>)	133
- Bí Đại tiện	133
Hành giản trần nhu (<i>Quyển 56</i>)	162
- Nhi khoa	162
Hành giản trần nhu (<i>Quyển 57</i>)	185
- Ngoại khoa	185
Hành giản trần nhu (<i>Quyển Càn</i>)	217
- Trúng phong	217
Ấu Ấu Tu Tri (<i>Quyển Kim 29</i>)	242
- Lời nói đầu	243
- Bốn điều cốt yếu của thầy thuốc	246
Ấu Ấu Tu Tri (<i>Quyển 30</i>)	297
- Kinh Phong	298
Ấu Ấu Tu Tri (<i>Quyển Thố 31</i>)	357
- Mất tiếng	357
Ấu Ấu Tu Tri (<i>Quyển Thủy 32</i>)	413
- Đái sưng đau	413

Ấu Ấu Tu Tri (<i>Quyển Hòa 33</i>)	471
- Tổng luận	473
Thượng kinh ký sự (<i>Kể chuyện lên kinh</i>)	534
- Tựa	535
- Giã nhà lên kinh	539
- Vào Trình phủ	553
- Nhớ quê nhà	557
- Làm thuốc và làm thơ	573
- Đi lại với các Công khanh	582
- Tình cờ gặp người cũ	594
- Ngâm thơ, Thưởng Nguyệt	596
- Về thăm cố hương	601
- Vào phủ chữa bệnh	608
- Trờ về quê cũ	617
<i>Mục lục</i>	620

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LĨNH
NHÀ XUẤT BẢN Y HỌC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN
Dược sĩ: HOÀNG TRỌNG QUANG

Biên tập: Bác sĩ NGUYỄN THẾ VŨ
Sửa bản in: NGUYỄN THẾ VŨ
Trình bày bìa: TRẦN ĐẠI THẮNG

In 1000 cuốn, khổ 19x27cm, tại Xưởng in NXB VHDT.
Số Giấy phép: 717-97/XB-QLXB
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2005

HẢI THƯỢNG LÂN ÔNG
LÊ HỮU TRÁC

HẢI THƯỢNG Y TÔNG TÂM LINH

II

TẬP 3 - TẬP 4



GIÁ TRỌN BỘ: 400.000Đ